

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Giảng Kinh Vô Lượng Luân Thứ XI

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Tập 121

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi một, dòng thứ sáu. Chúng ta đọc một đoạn kinh văn:

(Kinh) Đắc vô sanh vô diệt chư Tam Ma Địa, cập đắc nhất thiết đà-la-ni môn, tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội. Trụ thâm Thiên Định, tất đở vô lượng chư Phật, u nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ.

(經) 得無生無滅諸三摩地。及得一切陀羅尼門。隨時悟入華嚴三昧。具足總持百千三昧。住深禪定。悉睹無量諸佛。於一念頃，遍遊一切佛土。

(Chánh kinh: Đắc các Tam Ma Địa vô sanh vô diệt và đắc hết thấy đà-la-ni môn. Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, đầy đủ tổng trì trăm ngàn tam-muội, trụ Thiên Định sâu, tất thấy vô lượng chư Phật. Trong khoảng một niệm, dạo khắp hết thấy các cõi Phật).

Đây là một đoạn kinh văn, đoạn kinh văn này nói đến đức tự lợi của các vị Bồ Tát tham dự pháp hội. Chúng ta vừa xem kinh văn liền hiểu: Đây chẳng phải là những vị Bồ Tát bình phàm, mà vị nào cũng đều là Pháp Thân đại sĩ minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Các Ngài có trọn đủ các đức tướng, chẳng khác gì những vị đã chứng rốt ráo Phật quả. Chúng ta đọc đoạn kinh văn này, cảm thấy vô hạn ngưỡng mộ, mà đồng thời cũng là vô hạn an ủi, vì sao? Sở chứng của hết thấy chư Phật chính là Tánh Đức của chúng ta. Kinh Đại Thừa thường nói: “Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm”. Những pháp này đều là pháp môn đạt đến quả địa rốt ráo, hết thấy các pháp!

Trước hết, chúng ta xem chú giải. Đầu tiên, cụ Hoàng Niệm Tổ chỉ ra Tam Ma Địa là gì? Tam Ma Địa (Samādhi) là một thuật ngữ, “*Phạn ngữ, cựu xưng Tam Muội, Tam Ma Đề, Tam Ma Đế đặng*” (là tiếng Phạn, xưa kia gọi là Tam Muội, Tam Ma Đề, Tam Ma Đế v.v...) Trong kinh văn, hoặc trong các bộ luận, hoặc trước thuật của tổ sư đại đức, chúng ta thường thấy những danh từ ấy, phải có lý giải chánh xác danh từ này! Đây là tiếng Phạn, dịch sang ngữ tiếng Hán là Định. “*Phiên vi Định, Chánh Định, Chánh Thọ, Điều Trục Định, Chánh Tâm Hành Xứ, Đẳng Trì*” (dịch là Định, Chánh Định, Chánh Thọ, Điều Trục Định, Chánh Tâm Hành Xứ, Đẳng Trì), những danh từ ấy đều dịch từ danh tướng Tam Ma Địa, những danh tướng ấy đều có nghĩa giống nhau. Kế đó, cũng có giải thích: “*Trí Độ Luận viết: Thiện tâm nhất xứ trụ bất động, thì danh tam-muội*” (Trí Độ Luận giảng: “Thiện tâm nhất xứ, trụ bất động, thì gọi là tam-muội”). Giải thích theo ý nghĩa này rất thay. Trong những người hiện diện chúng ta, các đồng học chẳng học Phật thì thôi, chứ các đồng học học Phật đều chẳng ra ngoài lệ này: Hễ biểu lộ tính tình bộp chộp, hời hợt, tức là chẳng có Tam Ma Địa; nói theo kiểu người Hoa là “*thiếu định lực, không có công năng Thiền Định*”. Nếu không có thì có liên quan gì đến sự tu hành của chúng ta hay không? Quan hệ khá lớn! Không có định lực, bất luận dùng công phu gì, bất luận dùng pháp môn gì, Phật pháp nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, cho đến pháp môn Niệm Phật phương tiện thì thắng không sánh đều chẳng thể thành tựu! Nguyên nhân chẳng thể thành tựu là gì? Tâm quý vị tán loạn, vấn đề này nghiêm trọng. Tâm tán loạn không chỉ là tu đạo chẳng thể thành tựu, mà bất cứ điều gì trong thế gian cũng chẳng thể thành tựu, nên mới biết [không có định lực] có quan hệ to lớn. Vì thế, xếp câu này lên phía trước, nhằm nói lên đức thành tựu thứ nhất của hết thảy các vị Pháp Thân đại sĩ tham dự pháp hội. Chúng ta phải học, không học chẳng được! Có tam-muội thì mới có thể khai trí tuệ. Quý vị xem câu tiếp theo là: “*Đắc nhất thiết Đà-la-ni môn, tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội*”.

Nếu chúng ta truy cứu nguyên nhân vì sao tâm chúng ta chẳng thể định? Tôi nghĩ các vị đồng học tu tập đã lâu, nhất định thấu hiểu: Những người tu học Đại Thừa nhất định chẳng thể rời khỏi Lục Ba La Mật của Bồ Tát; Định được tu thành bằng cách nào? Tinh tấn! Quý vị thấy tâm quý vị tán loạn, tức là quý vị chẳng tinh tấn. Vì sao chẳng thể tinh tấn? Quý vị chẳng có kiên nhẫn, chẳng có Nhẫn Nhục Ba La Mật! Chẳng thể nhẫn, chúng tôi quý vị chẳng trì giới. Trì giới chẳng tốt đẹp, chúng tôi quý vị chẳng buông xuống. Bồ thí là buông xuống. Quý vị xem nhé: Trụ Tam Ma Địa là tầng thứ năm trong Lục Ba La Mật. Không có bốn tầng công phu phía trước, làm sao quý vị có thể đắc tam-muội cho được? Đồng học niệm Phật đạt được môn Định có tên là Niệm Phật tam-muội. Chỉ cần đắc Niệm Phật tam-muội, vãng sanh bèn nắm chắc. Tuy công phu không sâu, tu các pháp môn khác chưa chắc có thể thành tựu, nhưng do một chút công phu này, có thể thọ dụng khá lớn trong pháp môn Tịnh Tông, sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư, há còn có vấn đề gì hay chẳng? Điều này có quan hệ to lớn với chúng ta. Chúng ta hiểu: Nếu muốn đắc Niệm Phật tam-muội, đầu tiên là phải biết tinh tấn. Chân tinh tấn nhất định phải do

Nhẫn Nhục Ba La Mật mà có. Quý vị chẳng thể nhẫn nại chịu đựng thì không được, chẳng thể định! Do vậy, trước đó là trì giới và bố thí, bố thí là buông xuống. Thứ gì vẫn mong tham đắm, vẫn muốn không chế, vẫn muốn chiếm hữu, người như vậy tu hành trong Phật môn, nói dễ nghe một chút là “tu một chút phước báo nhân thiên”. Nói như vậy là tán thán kẻ ấy, nói lời giả, chẳng nói thật. Nói lời thật sẽ rất khó nghe, nói lời thật thì là gì? Cổ đại đức có nói một câu rất hay: “*Trước cửa địa ngục, tăng, đạo đông!*”, đó là nói lời thật! Vì sao? Vì quý vị không hiểu Phật pháp mà cứ tự cho là đã hiểu, chẳng chân tu mà ngỡ mình là chân tu! Nếu quý vị hộ trì đạo tràng, nhưng tri kiến bất chánh, sẽ chẳng thật sự làm chuyện hoằng dương, hộ trì, mà ngược lại trở thành gây chướng ngại. Chướng ngại người khác tu hành, nhân quả ấy quý vị chẳng có cách nào tránh né, vấn đề bền nghiêm trọng! Người ta tu hành chẳng thể thành tựu. Đoạn dứt Pháp Thân huệ mạng của người khác, tội còn nặng hơn giết hại thân mạng của người ta! Thân mạng bị mất đi, họ lại đầu thai chuyển thế rất nhanh, lại có được [thân mạng mới]! Nhưng huệ mạng chẳng vậy, dẫn lại đầu thai chuyển thế trong vòng người, có cơ hội gặp gỡ Phật pháp hay không? Kinh giáo có nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”, đúng vậy, chẳng giả!

Nhiều năm qua, các đồng học chúng ta thường cùng nhau học tập, cùng nhau niệm Phật, cùng nhau chia sẻ, có mấy người thật sự thành tựu? Có mấy người thật sự được thọ dụng? Đừng nói ai khác, trước hết hãy quay về xét lại chính mình, chính mình có thật sự thọ dụng hay không? Trong cảnh giới, bất luận là hoàn cảnh vật chất hay trong hoàn cảnh nhân sự, quý vị có thể chẳng bị ngoại cảnh ảnh hưởng, tâm được tự tại hay không? Tự tại gì vậy? Chẳng sanh phiền não, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó là đắc tự tại. Nếu thấy chuyện chẳng vừa ý, trong tâm rất khó chịu, còn có oán hận; gặp chuyện vừa lòng, vẫn sanh tâm hoan hỷ, vẫn sanh tham ái, quý vị là phàm phu, phàm phu chính cống, chưa được thọ dụng do tu hành Phật pháp. Hằng ngày chúng ta phải biết phản tỉnh, phải kiểm điểm chuyện này! Pháp thế gian có thể gạt gẫm người khác, dối gạt chính mình, nhưng học Phật thì chẳng thể! Mục đích học Phật là gì? Thành Phật! Trong pháp môn Tịnh Tông, vãng sanh là thành Phật, phải nhận biết rõ ràng điều này: Người [vãng sanh] ấy thật sự thành Phật, lại còn quyết định thành tựu trong một đời! Pháp môn này thù thắng khôn sánh, đời này gặp gỡ, chẳng dễ gì có được! Giống như trong bài kệ Khai Kinh đã nói: “*Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*”, [thế mà] chúng ta đã được gặp gỡ! Gặp gỡ mà ngay trước mặt lại bỏ lỡ, tổn thất quá to. Gặp được thì phải nắm lấy, đời này quyết định được sanh về Tịnh Độ, quý vị đã thành tựu, công đức từ vô lượng kiếp tới nay đã viên mãn. Có thể vãng sanh hay không? [Điều này tùy thuộc] quý vị có còn tham luyến thế giới này hay không? Quý vị có thật sự buông xuống hay không?

Phản kinh văn phía trước nói đức Thế Tôn thị hiện tám tướng thành đạo, trong đó, tướng Chuyển Pháp Luân được nói nhiều nhất, cặn kẽ nhất. Đức Như Lai thị hiện trên thế gian, đã thành Phật từ bao kiếp lâu xa, nêu gương cho chúng ta thấy, chúng ta phải học như thế nào

thì mới có thể thật sự thoát ly tam giới lục đạo, thật sự vượt thoát mười pháp giới, điều này trọng yếu, nên phải thật sự hành. Thật sự hành thì chư vị nhất định phải nhớ kỹ: “*Siêng tu Giới, Định, Huệ; dứt diệt tham, sân, si*”. Trong Phật môn, câu này là lời nói thông thường quá quen thuộc, nhưng nó có đạo lý rất sâu, lợi ích rất to. Tu hành có thể thành tựu hay không là do hai câu nói như vậy. Nay chúng ta chẳng dám nói “*dứt diệt*”, dứt diệt là ai? Mức độ thấp nhất là A La Hán, hoặc địa vị Thất Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, dứt diệt tham, sân, si. Trong tam giới lục đạo có Kiến Tu phiền não, thành tựu Tam Học Giới, Định, Huệ là bậc tiểu thánh, tiểu thành tựu. Chúng ta là người trong lục đạo có thể chứng đắc cảnh giới này, lên cao hơn thì căn cơ của chúng ta chưa chắc đạt tốt đẹp như vậy, không nhất định có thể chứng đắc, nhưng địa vị tiểu thánh thì có thể chứng đắc. Chưa chứng Tứ Quả, nhưng chứng Sơ Quả thì cũng khá lắm! Có thể chứng Sơ Quả, sanh về thế giới Cực Lạc, chẳng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, mà sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Tiểu Thừa Sơ Quả là thánh nhân, chẳng phải là phàm phu, chúng ta tối thiểu phải đặt mục tiêu ở chỗ này. Đời này chưa làm được, chưa làm được thì hạ thấp hơn một bậc, vẫn có thể sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, phải dùng mục tiêu trên đây! Cổ nhân nói rất có lý, nếu định mục tiêu ở mức độ thấp nhất, chưa chắc quý vị đã có thể đạt được, phải đặt tiêu chuẩn cao hơn một chút, đó là chánh xác!

Do vậy, chúng ta thật sự mong tu tập, những năm qua, chúng tôi cũng rất nghiêm túc suy xét: Vì sao Tam Học Giới, Định, Huệ và giới luật cơ bản là Thập Thiện Nghiệp Đạo chẳng làm được? Sa Di Luật Nghi của giới xuất gia chẳng làm được? Vấn đề này nghiêm trọng lắm! Nếu chúng ta xem xét tình trạng của khá nhiều người tại gia và xuất gia, sẽ có sự cảnh giác rất lớn, mấy người vắng sanh? Lúc mất, đầu óc tỉnh táo, tướng lành hy hữu, người ta thật sự ra đi, thật sự đến thế giới Cực Lạc. Nếu lúc mất, chẳng sáng suốt, vẫn mê hoặc, điên đảo, nếu ra đi như vậy sẽ có phần trong tam đồ, chúng ta có nên cảnh giác hay chẳng? Đời người rất ngắn ngủi, nhất là từ lứa tuổi trung niên trở đi, ngạn ngữ thường nói: “*Trên đường hoàng tuyền, chẳng phân biệt già trẻ*”. Người đến độ tuổi trung niên nhất định phải nâng cao cảnh giác, đang dần dần tiến đến tuổi già, cũng có nghĩa là có thể ra đi bất cứ lúc nào! Thuở Ấn Quang đại sư lão nhân gia tại thế, mỗi ngày đều nhìn một chữ, tức là chữ Chết, lão nhân gia tự viết, dán sau lưng tượng Phật. Mỗi ngày lay Phật, niệm Phật, đều trông thấy, răn nhắc chính mình: Chẳng còn chấp trước “hãy còn nhiều thời gian”, chẳng có ý niệm ấy; mỗi ngày đều coi ngày ấy như là ngày cuối cùng trong đời mình! Cảnh giác cao như thế thì mới có thể nghiêm túc đối với Tam Học Giới, Định, Huệ. Chẳng có sự cảnh giác cao như thế, quá nửa sẽ sơ sót, cuộc sống mỗi ngày sẽ tùy thuận tập khí phiền não của chính mình; đó là chẳng đối gạt ai khác, mà là lừa gạt chính mình.

Chúng ta thấy những người tu hành trong quá khứ, thuộc thế hệ trước, thế hệ chúng tôi đã không được rồi, chúng ta nhìn lên thế hệ trước đó nữa, lại nhìn lên một thế hệ cao hơn nữa, họ thật sự nêu gương tu hành. Thế hệ chúng tôi chẳng đáng làm thầy người khác, mà cũng

chẳng thể nêu gương tu hành tốt đẹp cho người khác. Kể ra tôi vẫn còn rất may mắn, gặp gỡ ba vị thầy tốt đẹp là giáo sư Phương Đông Mỹ, Chương Gia đại sư, và lão cư sĩ Lý Bình Nam, kể cả lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng có thể là tấm gương cho chúng ta. Người ta tu thành công ra sao? Đặt vững vàng nền tảng! Nền tảng là giới luật, là cội rễ của tam-muội. Chư vị phải ghi nhớ, “do Giới đắc Định, do Định khai Huệ”. Trí Huệ tuyệt đối chẳng là quý vị học bao nhiêu thứ, nhớ bao nhiêu kinh sách, những điều ấy chẳng khai trí Huệ! Không có Giới và Định, những điều quý vị học được là Phật học, là tri thức, chẳng phải là trí Huệ. Phải hiểu rõ tri thức và trí Huệ là hai chuyện, trí Huệ là thành tựu do Giới và Định, tri thức chẳng cần đến Giới và Định, cũng có nghĩa là trong tri thức chẳng có Giới và Định. Có Giới và Định, tri thức liền biến thành trí Huệ.

Chúng tôi suy nghĩ sâu xa, rốt cuộc do nguyên nhân nào, vì sao người hiện thời chẳng bằng cổ nhân? Người hiện thời coi nhẹ vun bồi giáo dục. Chuyện này chẳng thể trách quý vị, mà cũng chẳng thể trách cha mẹ quý vị, cũng chẳng thể trách ông bà quý vị, đúng như đức Thế Tôn đã nói trong bộ kinh này: “Tổ tiên vô tri, chẳng biết đạo đức, chẳng có ai nói, thật chẳng đáng trách”. Chẳng thể trách quý vị vì có nhân tố lịch sử. Sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, đến nay là chín mươi chín năm, sang năm vừa đúng một trăm năm, tức là một thế kỷ. Trong thế kỷ này, cả nước Trung Hoa là cục diện động loạn, chẳng được an định. Thuở đầu, quân phiệt cát cứ, tiếp đó là kháng chiến chống Nhật suốt tám năm. Trong tám năm Kháng Chiến, tổn thất lớn nhất là sự giáo dục trong nền văn hóa truyền thống bị bỏ sót. Lớp tuổi tôi, sanh trưởng tại nông thôn, còn dính líu đôi chút văn hóa truyền thống, ở đô thị chẳng có. Ở nông thôn còn có trường tư thục, chúng tôi được dính líu đôi chút, chứ ở thành thị chẳng có, đã đổi thành học hiệu, chẳng học những thứ xưa cũ trong truyền thống Trung Quốc, mà những thứ truyền thống vun bồi giáo dục chính là những thứ cũ kỹ! Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, và Thập Thiện Nghiệp là ba căn cội của Nho, Thích, Đạo. Vào thời cổ, trẻ nhỏ vừa lọt lòng đã được cha mẹ dạy. Không phải là dạy trẻ học, mà là làm cho chúng nó thấy. Trẻ thơ từ thuở lọt lòng cho đến ba tuổi là một ngàn ngày, những gì chúng nó thấy, nghe, tiếp xúc, chúng nó đều học toàn bộ, trở thành thân căn cốt để. Trong quá khứ, không chỉ là cha mẹ, mà trước mặt trẻ con, người lớn luôn nêu gương tốt, và dạy hư trẻ nhỏ. Phàm là những thứ phản diện, sẽ trọn chẳng cho trẻ thơ tiếp xúc, đó là yêu thương thế hệ kế tiếp. Sau thời Kháng Chiến, rốt cuộc cũng chẳng thấy chuyện ấy nữa. Không chỉ là chẳng nhìn thấy, mà cũng không có ai nói tới, chẳng nghe thấy nữa, làm sao quý vị biết được? Đó là căn cội để thành thánh, thành hiền thế gian và xuất thế gian, thành Phật, thành Bồ Tát.

Hiện thời, chúng ta biết những thứ ấy trọng yếu, căn cơ chỗ này. Do vậy, muốn có thành tựu, chẳng thể không học bổ sung những môn công khóa

ấy, tức là ba căn cội của Nho, Thích, Đạo. Ba căn cội ấy, nói theo Phật pháp là “căn bản đại giới”. Đệ Tử Quy là căn bản đại giới của chúng ta, Cảm Ứng Thiên là căn bản đại giới, Thập

Thiền Nghiệp Đạo là căn bản đại giới của Phật. Vun bồi ỏn thỏa ba căn bản ấy, người xuất gia học Sa Di Luật Nghi rất thoải mái, nhẹ nhàng, vì sao? Căn cớ đã được đặt vững rồi! Tôi tin tưởng: Nếu đã vun bồi tốt đẹp ba căn bản ấy thì công khóa Sa Di Luật Nghi tôi đã hai tháng đã tốt nghiệp! Sau đây, phải tuân thủ giáo huấn của tổ sư đại đức: “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, không ai chẳng thành tựu. Đối với kinh luận, trong thời đại này, tốt nhất là chúng ta chọn lựa kinh điển Tịnh Tông. Điển tịch Tịnh Tông chẳng nhiều lắm, chỉ có năm kinh, một luận. Chọn lựa một môn, khiến cho tâm định, định vững nơi một môn thì là Tam-muội, hay là Tam Ma Địa. Tôi thiểu làm mười năm chẳng thay đổi, tâm phải định lâu dài như thế, mười năm không thay đổi, thâm nhập một môn. Cách học như thế nào? Thí dụ như đối với bộ kinh Vô Lượng Thọ này, quý vị bèn chuyên môn niệm kinh Vô Lượng Thọ. Mỗi ngày tôi thiểu niệm hai lần, coi như là công khóa sáng tối, sáng sớm niệm một lần, buổi tối niệm một lần. Phải tận hết sức tìm thời gian để nghe giảng. Hiện thời đĩa CD giảng kinh rất nhiều, hãy nghe nhiều, nghe mỗi ngày. Mỗi ngày tôi thiểu chẳng thiếu hơn bốn giờ! Nghe kinh mỗi ngày, suốt mười năm chẳng gián đoạn một bộ kinh này, xin chúc mừng quý vị. Nếu quý vị thật sự có thể làm như vậy, đại khái là từ ba năm đến năm năm, quý vị đắc Tam Ma Địa, liền chứng đắc, đó là Niệm Phật tam-muội, đã đắc Niệm Phật tam-muội! Lại còn hai, ba năm sau, quý vị liền khai ngộ. Khai ngộ thì quý vị tự nhiên quán thông ý nghĩa trong kinh này, quý vị giảng bộ kinh này, chỗ nào cũng hợp đạo! Đã vun quén vững vàng căn bản, một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông. Quý vị chưa từng học, nhưng chỉ cần cảm đến, vừa thấy liền hiểu rõ, nghe người khác niệm, vừa nghe liền hiểu rõ, quả thật là giống như năng lực của Lục Tổ Huệ Năng đại sư. Ngài chẳng biết chữ, quý vị thấy Ngài nghe người khác niệm kinh. Nghe xong, bèn giảng giải cho người khác, khiến kẻ ấy khai ngộ. Đó là gì? Trí huệ đã khai, trí huệ khai như thế. Do vậy, học Phật chẳng khó! Khó ở chỗ có tâm, có tâm thường hằng, có lòng kiên nhẫn, khó ở chỗ này. Vì thế, vun bồi tốt đẹp ba căn, tâm quý vị liền định, chẳng bộp chộp, xáo động, ngôn ngữ, cử chỉ sẽ rất tôn trọng, có thể hiện ra được, giống như Trí Độ Luận đã nói: “*Thiền tâm nhất xứ, trụ bất động*”. Tâm quý vị là Đệ Tử Quy, là Cảm Ứng Thiên, là Thập Thiền Nghiệp, khởi tâm động niệm đều chẳng tách rời mà luôn tương ứng với những căn bản ấy, đó là “*thiền tâm nhất xứ*”, “*xứ*” là căn bản giới. Phải ghi nhớ, phải khẳng định ba thứ ấy là giới luật căn bản. Chẳng có những căn bản ấy, chẳng sanh ra giới luật. Năm giới, mười giới đều lấy những điều này làm cơ sở. Không có những cơ sở ấy, năm giới hay mười giới đều thất bại!

Tiếp đó, [sách Chú Giải] lại nói: “*Hựu, nhất thiết Thiên Định diệt danh Định, diệt danh tam-muội*” (Lại nữa, hết thấy Thiên Định còn gọi là Định, còn gọi là tam-muội). Chữ Tam trong tiếng Phạn dịch là Chánh, Muội dịch là Định, nên nó có nghĩa là Chánh Định, chẳng phải là tà định, mà là chánh định. Bất luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Hiền Giáo hay Mật Giáo, trên thực tế, tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều là tu Tam Ma Địa. Nếu tu hành Phật pháp mà tách rời Tam Ma Địa, chẳng tương ứng với Tam Ma Địa, đó chẳng phải là Phật pháp. Hễ là Phật pháp, nhất định tương ứng với Tam Ma Địa. Niệm Phật đắc Niệm Phật tam-muội, đó

là Chánh Định. Kinh Di Đà có nói: “*Nhất tâm bất loạn*”. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật*”. Những điều ấy đều là “*thiện tâm nhất xứ, trụ bất động*”. Chúng ta thấy rất nhiều ông già bà cả niệm Phật vãng sanh, niệm bao lâu? Ba năm! Thời gian trọn chẳng dài, lúc mất, người ta chẳng ngã bệnh, đứng mất, ngồi mất, biết trước lúc mất, rất tiêu sái. Hơn bốn mươi năm trước, tôi dạy học tại Phật Quang Sơn Đông Phương Phật Giáo Học Viện, khi ấy, trên núi có một vị công nhân dài hạn, cũng là người nông thôn, kể với tôi: Nhà ông ta ở làng Tương Quân, cách Phật Quang Sơn không xa lắm, đại khái chỉ có hai mươi, hoặc ba mươi dặm đường. Ông ta kể một năm trước đó, nói đến chuyện một năm trước đó, ông ta có một người hàng xóm, là một bà cụ. Bà cụ ấy hết sức thiện lương, lay thân, bái Phật, thần Phật chẳng phân biệt, lay rất siêng năng, hăng hái. Ba năm trước, bà cư sĩ dâu. Con dâu học Phật, hiểu đạo lý nhà Phật đôi chút, khuyên mẹ chồng đừng đi khắp nơi lễ bái, hãy thờ Tây Phương Tam Thánh trong nhà, khuyên mẹ ở nhà niệm Phật, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bà cụ ấy thiện căn sâu dày, nghe con dâu khuyên cáo, không tới đền miếu nữa, ở nhà niệm A Di Đà Phật, niệm ba năm. Ngày cụ vãng sanh, lúc dùng cơm chiều, bảo con trai và con dâu: “Các con cứ ăn cơm trước, đừng đợi mẹ”. Cụ bảo cụ muốn tắm rửa. Thật sự đi tắm, nhưng con trai và con dâu thật sự hiểu thuận, vẫn đợi cụ. Đợi thật lâu, chẳng thấy cụ ra, bèn đi tìm, thấy cụ thật sự đã tắm xong, thay quần áo, nhưng gọi thì cụ chẳng trả lời. Kết quả là sau đó thấy cụ đứng trong Phật đường, đứng ở đó, mặc áo hải thanh, tay cầm tràng hạt, gọi cụ, cụ chẳng trả lời. Xem kỹ, cụ đã vãng sanh. Quý vị thấy cụ tiêu sái lắm, biết trước lúc mất, nhưng không cho người nhà biết, sợ người nhà động cảm tình, chướng ngại cụ. Quý vị thấy cụ tắm gội sạch sẽ, thay quần áo mới, đã sớm chuẩn bị kỹ càng để ra đi như thế đó! Vị công nhân dài hạn ấy bảo tôi: Thật đấy! Chính mắt ông ta thấy, bà cụ niệm Phật chẳng giả, ba năm thôi! Chúng tôi nghe nói hoặc chính mình thấy, tôi thiểu cũng có mười mấy người, chẳng giả chút nào. Đó là “*thiện tâm nhất xứ, trụ bất động*” liền thành công.

Do vậy, tâm không định, suy tưởng Lục Ba La Mật của Bồ Tát, vì sao chẳng định được? Không buông xuống được! Bồ thí hãm bảo quý vị buông xuống, Bồ thí là xả. Xả những gì là trọng yếu nhất? Không phải là tiền tài, những thứ ấy là “lông gà, vỏ tỏi”. Bồ vọng tưởng, Bồ vương mắc, Bồ u lự, Bồ phiền não, Bồ sạch những thứ ấy, tâm thanh tịnh của quý vị mới có thể hiện tiền. Tâm thanh tịnh trì giới, sanh ra công đức, chẳng phải là phước đức. Do vậy, chúng ta phải học kỹ Đệ Tử Quy, dùng gì để học? Dùng tâm thanh tịnh để học. Học kỹ Cảm Ứng Thiên, Cảm Ứng Thiên là nhân quả, trong ấy giảng “*thiện nhân, thiện quả; ác nhân, ác báo*”, giảng tổng cộng một trăm chín mươi lăm điều, phải học thuộc. Mỗi ngày nên phản tỉnh một lượt, đối với một trăm chín mươi lăm điều ấy, điều thiện ta có làm hay không? Điều bất thiện ta có sửa đổi hay không? Mỗi ngày thật sự đổ công sức phản tỉnh, sửa đổi, đó là gì? Là thật sự sám hối, sám trừ nghiệp chướng. Sau đấy, đối chiếu với Thập Thiện Nghiệp, chúng ta làm được bao nhiêu điều trong Thập Thiện Nghiệp Đạo? Thập Thiện Nghiệp chỉ là mười cương lĩnh; nếu triển khai thì Tiểu Thừa triển khai thành ba ngàn oai nghi, Đại Thừa Bồ Tát triển khai

thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Triển khai thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, mỗi điều quý vị đều làm được, chẳng thiếu một điều nào, đó là người nào? Thành Phật! Thập Thiện Nghiệp Đạo viên mãn thành Phật.

Chúng ta thấy tượng Phật, đặc biệt là tượng Phật bằng hình vẽ, thông thường vẽ viên quang của tượng Phật, trên đỉnh viên quang có ba chữ là Án, A, Hồng, đó là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Án (Aum) là thân nghiệp, A (Ah) là khẩu nghiệp, Hồng (Hūm) là ý nghiệp. Ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, ba nghiệp viên mãn, tức là Thập Thiện Nghiệp Đạo viên mãn. Do đó, nếu có người hỏi quý vị: “Phật pháp là gì?” Có đại đức cần nêu khuôn mẫu, Phật pháp là gì? “*Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tự tịnh ý mình, đó là pháp của chư Phật*”. Không chỉ làm một vị Phật, mà tất cả hết thảy chư Phật Như Lai đều dùng những điều này để giáo hóa chúng sanh, thành tựu chính mình. Quý vị thấy “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*” là Thập Thiện Nghiệp Đạo viên mãn. “*Tự tịnh ý mình*” là Tam Ma Địa và hết thảy đà-la-ni môn, có ý nghĩa này. Do vậy, chúng ta muốn học Phật thì học ở chỗ nào, điều này rất trọng yếu! Nếu không, công phu đời này đều uổng phí, rất đáng tiếc! Vun bồi căn bản tốt đẹp, một bộ kinh Vô Lượng Thọ đảm bảo quý vị thành Bồ Tát, thành Phật đạo.

“*Hựu, chư hạnh hòa hợp, giai danh vi tam-muội*” (Lại nữa, các hạnh hòa hợp, đều gọi là tam-muội). Hòa và hợp vô cùng trọng yếu, nên đức Phật dạy chúng ta tu Lục Hòa Kính, phải đối xử hòa thuận, phải hỗ trợ hợp tác, đó cũng là tam-muội. Tam-muội là gì? Tâm chúng ta an định nơi hòa thuận và hợp tác. Vì sao phải hòa? Vì sao phải hợp tác? Vì hết thảy chúng sanh và chính mình là một Thể. Mắt và tai có cần hòa thuận, có cần hợp tác hay không? Đặc biệt là chúng ta trong khóa học này, mắt phải chú ý nhìn, tai phải lắng nghe, quý vị mới thật sự nghe hiểu, xem hiểu, [mắt và tai] chẳng thể không hợp tác. Hiểu đạo lý này, chúng ta và bất luận kẻ nào, cùng hết thảy chúng sanh đều phải biết đối xử hòa thuận, hỗ trợ hợp tác, tâm phải định ở chỗ này. Thật sự làm được, điều kiện đầu tiên là phải vong ngã, phải vô ngã thì mới được. Có ta, có người, liền đối lập; đối lập sẽ bất hòa, sẽ chẳng hợp. Phải tiêu trừ đối lập, Phật pháp gọi đối lập là Biên Kiến, Nhị Biên, phải biết [vạn pháp vạn sự] là một Thể. Kinh Hoa Nghiêm giảng đạo lý ấy rõ ràng nhất; đặc biệt là trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, đó chính là tổng cương lãnh tu học kinh Hoa Nghiêm. Bài luận văn này của Ngài có tựa đề là Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, giảng thấu triệt, minh bạch về mối quan hệ giữa vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hủ không giới và chính mình. Từ chỗ này, chúng tôi mới thật sự thấu hiểu “*vô duyên Đại Từ, đồng thể Đại Bi*” trong Đại Thừa giáo, chúng tôi mới thật sự thông hiểu. Trước kia, tôi luôn nghĩ đó là một hình dung từ, chẳng phải là thật sự, nay mới biết nó hoàn toàn là chân thật, chẳng phải là hình dung từ. Hết thảy chúng sanh và chúng ta có quan hệ giống như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, cùng một đạo lý. Phạm phu chúng ta mê mắt tụt ánh, chẳng biết chân tướng sự thật, chư Phật, Bồ Tát đã giác ngộ, các Ngài

thấu hiểu. “*Chư hạnh hòa hợp*”, xác thực là Pháp Thân Bồ Tát mới có thể làm được. Tiểu Thừa, A La Hán, Bích Chi Phật mạnh hơn chúng ta một chút, nhưng vẫn kém Bồ Tát rất xa!

“*Nhất thiết Thiền Định nhiếp tâm, giai danh vi Tam Ma Đề, Tàn ngôn Chánh Tâm Hành Xứ*” (Hết thầy Thiền Định nhiếp tâm, đều gọi là Tam Ma Đề, tiếng Hán dịch là Chánh Tâm Hành Xứ). Thiền Định là một, vì sao nói “*hết thầy?*” “*Hết thầy*” là [nói tới] phương pháp, gọi là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp (法) là phương pháp, Môn là “môn kính” (門徑: cửa ngõ), tu gì? Toàn là tu Thiền Định. Nay chúng ta chọn phương pháp trì danh niệm Phật, chúng ta dùng phương pháp này để tu Thiền Định, lấy pháp này làm chủ, mỗi ngày dùng thời gian dài nhất. Ngoài cách này ra, chúng ta dùng phương pháp đọc kinh cũng là tu Thiền Định, cũng là nhiếp tâm, vì quý vị không đọc kinh, sẽ suy nghĩ loạn xạ. Khi đọc kinh, tâm đặt nơi kinh, dùng phương pháp này cũng là tu Định, cũng là tu tam-muội. Đọc kinh Hoa Nghiêm bèn là Hoa Nghiêm tam-muội. Đọc kinh Pháp Hoa bèn là Pháp Hoa tam-muội. Đọc kinh Vô Lượng Thọ bèn là Niệm Phật tam-muội. Nếu chúng ta đọc kinh chẳng chuyên tâm, đọc kinh còn có tạp niệm xen tạp trong ấy thì toàn bộ Tam Ma Địa bị phá hoại, tức là chẳng có Tam Ma Địa. Đọc kinh từ “*như thị ngã văn*” cho đến “*tín thọ phụng hành*”, đọc trọn một bộ kinh này, chẳng có một vọng niệm nào, đó là Tam Ma Địa chân chánh. Nếu có mấy vọng niệm, chỉ cần chưa nhiều hơn năm vọng niệm thì vẫn kể như còn khá lắm, công phu khá lắm. Nếu nhiều hơn năm vọng niệm, tức là chẳng có công phu. Vì thế, khi đọc kinh, tốt nhất là nên đóng cửa lại, phải rút điện thoại ra để khỏi bị bên ngoài quấy nhiễu. Niệm một giờ là ta tu Định một giờ, ta tu Niệm Phật tam-muội. Niệm hai giờ là ta tu Niệm Phật tam-muội hai giờ, phải hiểu điều này. Bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu, tức là bị phá hoại, công phu bị phá hoại, chẳng tính! Chân tu là gì, giả tu là gì, từ chỗ này quý vị biết ngay!

“*Nhất thiết Thiền Định nhiếp tâm, giai danh vi Tam Ma Đề, Tàn ngôn*”, Tàn (秦) là Trung Quốc. Phải biết kinh văn này thuộc thời nào? Khi đại sư Cưu Ma La Thập dịch kinh, lúc ấy, quốc chủ là Diêu Hưng, nên chúng ta thấy La Thập đại sư dịch kinh ghi là “*Diêu Tàn Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch*”. Vì các triều đại tại Trung Quốc dùng chữ Tàn quá nhiều. Sớm nhất là Tàn Thủy Hoàng, sau đó có Phù Tàn, cuối cùng có Diêu Tàn. Có tới mấy vị đế vương dùng chữ này làm quốc hiệu, nên phải ghi thêm họ [của nhà vua] vào trước [chữ Tàn] thì mới biết là thời đại nào. “*Tàn ngôn Chánh Tâm Hành Xứ*” (tiếng Hán dịch là Chánh Tâm Hành Xứ), hãy chú trọng “*chánh tâm*”. Nếu tâm có vọng tưởng thì bất chánh, có phân biệt thì cũng bất chánh, có chấp trước thì cũng bất chánh. Lại vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bèn gọi là “*chánh tâm hành xứ*”, đó là “*Thiền Định nhiếp tâm*”. Tâm là chúa tể của vạn sự, vạn pháp. Kinh Hoa Nghiêm nói khắp pháp giới hư không giới do đâu mà có? Tâm hiện, thức biến. Tâm hiện, chánh tâm hành xứ, nhưng thức biến bèn trật, vì sao? Thức là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Vì sao không phải là chân tâm? Thức có khởi tâm động niệm, có phân biệt, chấp trước, nên thức có thể biến. Tâm có thể hiện, nó không thay đổi; do không thay đổi, nên chúng ta gọi nó

là Nhất Chân pháp giới, cũng chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, người trong cõi ấy là “*chánh tâm hành xứ*”, vì họ đều có thể chuyển thức thành trí.

Pháp Tướng Tông nói chuyển thức thứ sáu, tức Ý Thức thành Diệu Quán Sát Trí. Thức thứ sáu, tức ý thức, là phân biệt. Chẳng phân biệt là Diệu Quán Sát. Chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí. Thức thứ bảy là chấp trước, chấp trước bèn chẳng bình đẳng. Vì thế, chuyển thức thứ bảy, Bình Đẳng Tánh liền hiện tiền; chuyển thức thứ sáu tức phân biệt, Diệu Quán Sát liền hiện tiền. Chỉ cần chuyển hai thứ ấy, vì hai điều này là chuyển nơi nhân, những thứ khác sẽ liền đổi chuyển theo, A Lại Da tự nhiên liền chuyển thành Đại Viên Kính Trí; năm thức trước, tức [các thức nơi] mắt, tai, mũi, lưỡi, thân cũng tự nhiên chuyển biến thành Thành Sở Tác Trí. Trong cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai, chuyển tám thức thành bốn trí, là cảnh giới như thế. Vì thế, chúng ta gọi nó là Nhất Chân pháp giới. Trong ấy bất biến, con người vĩnh viễn trường sanh bất lão, giống như đức Thế Tôn đã giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới: Cây cối, hoa, quả vĩnh viễn thường xanh tươi, chẳng có héo tàn, rơi rụng. Vì sao? Bất biến! Chẳng giống như cõi này của chúng ta, Xuân sanh thành, Hạ tăng trưởng, Thu thu hoạch, Đông gặt tàng. Có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, hoa, cỏ, cây cối biến hóa theo thời tiết từng mùa, vô thường! Thế giới Tây Phương chẳng có Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đó là nói đến tâm hiện, chẳng có thức biến. Trong mười pháp giới, đều có tâm hiện, thức biến, đều có hiện tượng ấy. Chỉ trong cõi Thật Báo mới không có hiện tượng ấy. Chúng ta biết “*chánh tâm hành xứ*” là cõi Thật Báo, cõi Phương Tiện là tương tự, chẳng phải là thật sự.

“*Hựu, Pháp Hoa Huyền Tán viết: Phạn vân Tam Ma Địa, thủ vân Đẳng Trì, bình đẳng trì tâm nhi chí ư cảnh, tức thị Định dã*” (Lại nữa, sách Pháp Hoa Huyền Tán giảng: “Tiếng Phạn là Tam Ma Địa, cõi này dịch là Đẳng Trì. Giữ tâm bình đẳng nơi cảnh, tức là Định”). Đẳng Trì là Định, Đẳng (等) là bình đẳng, Trì (持) là bảo trì (保持: gìn giữ). Nói cách khác, vĩnh viễn gìn giữ sự bình đẳng. Đối với gì để nói? Đối với cảnh giới mà nói, [đó là ý nghĩa của câu] “*chí ư cảnh*”. Trong cảnh giới, có hai thứ: Một là hoàn cảnh nhân sự, hai là hoàn cảnh vật chất. Bất luận đối với người hay đối với sự, tức là đối với hết thảy vạn vật, vĩnh viễn gìn giữ sự bình đẳng, điều ấy được gọi là Tam Ma Địa, hoặc Tam-muội. Ở đây, dùng danh từ Đẳng Trì, “*bình đẳng trì tâm nhi chí ư cảnh*” (giữ tâm bình đẳng đối với cảnh). Chúng ta phải học, học chẳng được? Dầu học chẳng được, vẫn phải học! Kẻ khác có phân biệt, ta chẳng phân biệt. Người khác có chấp trước, ta chẳng chấp trước. Người khác có thiên, ác, ta chẳng có thiên, ác, dùng tâm bình đẳng. Quý vị tu Tam Ma Địa, phải vận dụng trong cuộc sống hằng ngày thì mới được. Nếu chẳng thể sử dụng, Tam Ma Địa của quý vị là giả, chẳng thật. Thật sự thì mới biến thành cuộc sống, sẽ là một thứ hưởng thụ. Đối với Niệm Phật tam-muội, chúng ta thấy có những ông già bà cả tu pháp môn Niệm Phật, khi nào công phu của họ sẽ chín muồi, đại khái là bao lâu? Sau khi niệm Phật một năm; do đó, người ta ba năm liền vắng sanh. Có phải là thọ mạng của họ đã hết hay không? Chẳng phải! Công phu của họ thành tựu, chẳng

muốn ở trong thế gian này nữa! Dầu còn thộm, nhưng chẳng cần nữa, ra đi trước. Họ có thể ra đi, thật sự có bản lãnh! Quý vị thấy họ xử sự, đấng người, tiếp vật, tâm và miệng như một, bất luận gặp ai, bất luận gặp chuyện gì, quý vị thấy họ, họ đều chấp tay, cười hi hi, “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”. A Di Đà Phật là Đấng Trì, trong tâm người ấy trừ A Di Đà Phật ra, chẳng có gì khác, thật sự hữu dụng! Đối với hết thảy mọi người đều “A Di Đà Phật”, thật sự là A Di Đà Phật, đối với hết thảy sự cũng đều là A Di Đà Phật, người ấy niệm Phật thành công, vì sao? Vạn vật trong trời đất chẳng có gì không phải là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật có nghĩa là gì? A Di Đà Phật cũng là một câu tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Lượng Giác. Vô Lượng Giác là gì? Tự tánh. Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, người ấy thấy Phật tánh của hết thảy chúng sanh, há chẳng phải là A Di Đà Phật? Hết thảy vạn vật đều có Pháp Tánh, Pháp Tánh là A Di Đà Phật. Do đó, bất luận đối với người, đối với sự, đối với vật, người ấy luôn một câu A Di Đà Phật, đó là Niệm Phật tam-muội, người ấy đã trụ trong Niệm Phật tam-muội. Chúng ta thấy quý vị quan sát cẩn thận, thông thường làm một năm người ấy đặt đến cảnh giới này, hai năm thuần thục, ba năm ra đi. Chúng ta phải học tập điều này, chớ nên nghĩ chính mình thông minh, chúng ta thua kém những bà cụ quá xa, người ta ba năm bèn đến thế giới Cực Lạc làm Phật, chúng ta vẫn tiếp tục luân hồi trong lục đạo, vẫn tạo nghiệp, làm sao có thể sánh bằng người ta cho được? Người ta buông xuống vạn duyên.

“*Thiên Thai viết*” (ngài Thiên Thai nói), tông Thiên Thai thường nói, “*nhược dĩ Không Huệ, chiếu chư Thiên Định chủng chủng pháp môn, xuất sanh nãi chí vô lượng tam-muội. Kim kinh u ‘nhi hiện diệt độ’ hạ, kế ngôn ‘đắc vô sanh vô diệt chư Tam Ma Địa’, biểu chư đại sĩ tuy thị Niết Bàn chi tướng, nhi thật thị bất sanh, bất diệt, bình đẳng thường trụ chi Như Như Pháp Thân. Thị chư đại sĩ hàm thị đức tuân Phổ Hiền, tòng quả hướng nhân giả dã*” (“Nếu dùng Không Huệ để chiếu các Thiên Định, các thứ pháp môn, xuất sanh cho đến vô lượng tam-muội”. Nay kinh này từ câu “mà hiện diệt độ” trở đi, kế đó nói “các Tam Ma Địa vô sanh vô diệt”, biểu thị các đại sĩ tuy thị hiện tướng Niết Bàn, nhưng các Ngài thật sự là Pháp Thân Như Như bất sanh bất diệt, bình đẳng thường trụ. Các vị đại sĩ này đều là đức tuân Phổ Hiền, từ quả hướng đến nhân vậy). Cụ Hoàng Niệm Tổ dùng câu nói của tông Thiên Thai để tổng kết đoạn nói về Tam Ma Địa, ý nghĩa rất viên mãn. “*Thiên Thai gia*”, cũng chính là “tông Thiên Thai” như chúng ta thường gọi, họ tu hành lấy Không Huệ làm Tông, tự tánh vốn trọn đủ trí huệ Bát Nhã, chiếu các thứ Thiên Định và các thứ pháp môn. Vì tám vạn bốn ngàn pháp môn, không pháp môn nào chẳng phải là tu Thiên Định; nếu chẳng tu Thiên Định, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Mấu chốt tu hành trong Phật pháp là Thiên Định, do Giới đắc Định. Giới là tiền phương tiện, là công phu dự bị để tu Định. Giới khiến cho chúng ta buông xuống vạn duyên, hai bên thiện và ác đều không trụ, nhưng về mặt hiện tướng, nhất định là “đoạn ác, tu thiện”. Đoạn ác tu thiện cũng chẳng chấp tướng thì Định Huệ mới có thể hiện tiền. Nếu đoạn ác mà chấp tướng đoạn ác, tu thiện bèn chấp tướng tu thiện, sẽ biến thành phước báo nhân thiên; đó chẳng phải là Phật pháp, mà là pháp thế gian. Hai bên đều chẳng trụ thì mới là

Phật pháp, mới tương ứng với Giới, Định, Huệ. Dùng Không Huệ để chiếu các pháp môn Thiên Định, quý vị thấy Không Huệ là Huệ, Thiên Định là Định, “*chúng chúng pháp môn*” là Giới, Tam Học Giới, Định, Huệ trọn vẹn, xuất sanh cho đến vô lượng tam-muội. Cổ đại đức thường bảo: “*Một môn đã thông, hết thảy các pháp môn đều thông*”. Đạt được một môn tam-muội, chúng ta dùng pháp môn Niệm Phật, đạt được Niệm Phật tam-muội thì vô lượng tam-muội đều hiện tiền.

Nếu chúng ta gặp một bà cụ niệm Phật, nếu cụ chẳng biết chữ, suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật thiêu, tay chẳng rời tràng hạt, Phật thiêu chẳng rời miệng, cụt thật sự đắc Niệm Phật tam-muội. Nếu quý vị hỏi cụ về Hoa Nghiêm tam-muội hay Pháp Hoa tam-muội, quý vị thấy cụ có hiểu hay không? Có lẽ bà cụ chẳng nói với quý vị, bà cụ chỉ là “A Di Đà Phật”, bảo quý vị niệm A Di Đà Phật, nhưng cụt thật sự hiểu. Vì sao chẳng nói với quý vị? Nói với quý vị thì quý vị chẳng hiểu, thật vậy, chẳng giả tí nào! Vì sao quý vị không hiểu? Quý vị tập khí phiền não quá nặng! Không nói với quý vị, mà khuyên quý vị niệm Phật, đó là thật sự từ bi, là trí huệ chân thật. Lờ là thật? Thật đấy! Tôi có lý do để tin tưởng, vì sao? Dưới tòa Ngũ Tổ, Lục Tổ Huệ Năng đại sư giảng đại ý kinh Kim Cang, giảng đến câu “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” bèn hoát nhiên khai ngộ, ngộ ấy là gì? Tam Học Giới, Định, Huệ viên mãn. Trên đường lánh nạn, Ngài gặp tỷ-kheo-ni Vô Tận Tạng, vị tỷ-kheo-ni này rất dụng công, suốt đời thọ trì kinh Đại Niết Bàn. Kinh Đại Niết Bàn có hai bản dịch, đều rất dài, một bản gồm bốn mươi cuốn, loại kia gồm sáu mươi cuốn. Huệ Năng đại sư giảng bà ta niệm kinh, sau khi bà ta niệm xong, Huệ Năng đại sư giảng ý nghĩa cho ni sư nghe, ni sư nghe xong, vô cùng hoan hỷ. Do vậy, chúng ta quyết định chớ nên xem thường những bà cụ chỉ biết niệm A Di Đà Phật, đừng như chuyện gì cũng không biết, [thật ra], họ không muốn nói cho quý vị biết, vì sao? Đúng là quý vị nghe không hiểu. Nếu quý vị đạt tới trình độ như tỷ-kheo-ni Vô Tận Tạng, họ sẽ thật sự nói với quý vị, vì sao nói? Nói với quý vị sẽ hữu dụng, quý vị khai ngộ! Nếu quý vị chẳng khai ngộ, người ta chẳng nói với quý vị, chẳng giảng cho quý vị, giảng để làm gì? Lời lẽ thừa thãi! Phật, Bồ Tát giảng kinh kệ cơ, kệ lý, Lý là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh, họ đã chứng đắc Lý ấy. Kệ cơ là phù hợp với trình độ của bản thân quý vị. Đến khi nào sẽ giảng cho quý vị? Khi quý vị mập mé khai ngộ, khi quý vị sắp ngộ mà chưa ngộ được, bèn chỉ điếm một chút, quý vị liền hoát nhiên đại ngộ. Chẳng phải lúc quý vị sắp ngộ mà chưa ngộ được, bèn chẳng dùng phương pháp này, dùng phương pháp này sẽ phí công, chẳng có hiệu quả, nên bảo là “nói lời thừa”, nói lời chẳng nên nói. Vì thế, các Ngài quán sát căn cơ. Do pháp môn Tịnh Tông thù thắng khôn sánh, khi người ta thành tựu bèn đạt tới cảnh giới ấy, pháp sư giảng kinh, thuyết pháp hướng về người ấy thỉnh giáo, họ sẽ khách sáo “A Di Đà Phật”, chẳng nói với quý vị, vì sao? Quý vị vẫn chưa đạt đến cảnh giới ấy! Nếu quý vị thật sự đạt đến cảnh giới ấy, quý vị thấy người ấy có giảng hay không?

Chúng ta liễu giải chân tướng sự thật này, hiểu đạo lý này, có dám khinh mạn chúng sanh hay không? Không dám! Đối với hết thảy chúng sanh, phải có tâm tôn kính, tâm cung kính, đó là chánh xác. Khinh mạn người khác chính là khinh mạn chính mình. Quý vị thấy chư Phật Như Lai, quý vị thấy thánh hiền thế gian như Khổng Tử, Mạnh Tử, theo kinh sách ghi chép, họ khiêm nhường với người khác dường ấy, chư Phật, Bồ Tát lại càng chẳng cần phải nói nữa! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, khi khát thực, có lúc gặp kẻn mảy, kẻn mảy đáng thương lắm, biết chính mình chẳng tu phước, do trong đời quá khứ chẳng tu phước, đời này mới bần cùng, biến thành kẻn mảy. Kẻn thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, vô cùng hoan hỷ, vì sao? Phật là đấng có đại phước đức. Kẻn ở bên ngoài xin được một chút cơm, bèn cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật món cơm ấy để tu phước! Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật rất cung kính họ, chẳng xem thường họ, đúng là tâm bình đẳng, tâm từ bi đối đãi hết thảy chúng sanh, tiếp nhận cúng dường, khai thị cho họ, chỉ dạy, giúp đỡ họ. Phật, Bồ Tát là như vậy đó. Đó là những điều chúng ta phải học trong cuộc sống hằng ngày, phải dùng tâm bình đẳng để đối đãi hết thảy chúng sanh. Chúng sanh có phân biệt, chúng ta phải học theo Phật, Bồ Tát chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không có cao, thấp, thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát, đó là đúng. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất nhiều lần: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”*.

Ở đây, cụ Niệm Tô dùng câu này của ngài Thiên Thai, *“kim kinh u nhi hiện diệt độ hạ”* (kể từ câu “mà hiện diệt độ” trong kinh này trở đi), tức là sau phần tám tướng thành đạo, chúng ta thấy câu kinh văn đầu tiên là *“đắc vô sanh vô diệt chu Tam Ma Địa”*, chẳng phải là đắc một môn Niệm Phật tam-muội, mà là đắc *“chu Niệm Phật tam-muội”*. Ở đây là biểu thị pháp, biểu thị các đại sĩ đại đức tham dự pháp hội thuyết pháp thuở ấy của đức Thế Tôn đều là Pháp Thân Bồ Tát. Tuy thị hiện tướng Niết Bàn, trong thập phương thế giới, nên dùng thân Phật để đắc độ thì họ đều có năng lực hiện thân Phật để thuyết pháp. Hiện thân Phật chắc chắn đều là hiện tám tướng thành đạo. Do vậy, tuy thị hiện tướng Niết Bàn, nhưng thật ra bất sanh, bất diệt, bình đẳng thường trụ Như Như Pháp Thân. Giống như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói: *“Thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng lãnh hội của họ”*. Các Ngài thị hiện trên thế gian vì muốn giúp đỡ chúng sanh, chẳng phải vì chính mình, chính mình đã thành tựu viên mãn. Trong phần trước, chúng ta đã học rất nhiều, các Ngài xác thực đã minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là bất sanh, bất diệt, bình đẳng thường trụ Như Như Pháp Thân. Pháp Thân là gì? Chẳng còn coi nhục thân này là thân của chính mình, mà lấy vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới làm thân của chính mình. Bởi lẽ, Pháp Thân thường trụ, thân này chẳng thường trụ, có sanh, có diệt. Vũ trụ chẳng có sanh diệt, khắp pháp giới hư không giới bất sanh, bất diệt, Pháp Thân bất sanh, bất diệt, pháp tướng cũng bất sanh, bất diệt. Nhưng phải hiểu: Pháp Thân là thật, pháp tướng là giả. Pháp Thân là có thể sanh, có thể hiện; pháp tướng là cái được sanh, cái được hiện. Năng và Sở là một, không hai. Trong phần trước, chúng ta đã

học rất nhiều. Trong kinh Hoa Nghiêm còn học càng nhiều hơn nữa. Tánh và tướng như nhau, tánh và tướng chẳng hai, có sao chúng có sanh diệt? Đạo lý bất sanh, bất diệt rất là sâu!

Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học, đây là một ngành khoa học tiên phong, họ đã phát hiện bản chất của vật chất, vật chất rốt cuộc là gì, đó là phát hiện gần đây nhất. Thừa cùng quý vị, phát hiện gần đây nhất của họ đã được Đức Phật nói rất rõ ràng trong kinh điển từ ba ngàn năm trước, nhưng các nhà khoa học đến nay mới phát hiện, nói giống như Đức Phật, chúng tôi Phật làm một đại khoa học gia, đi trước họ ba ngàn năm. Phát hiện mới mẻ của họ vẫn chẳng thể trình bày rõ ràng như Đức Phật! Họ phát hiện bản chất của vật chất chẳng tồn tại, điều này giống như trong kinh Phật đã nói. Kinh có nói Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, hai vị đối đáp để cho chúng ta nghe, chúng ta phải hiểu điều này! Đức Phật hỏi “*tâm hữu sở niệm*”, chúng ta khởi lên một niệm tâm, [đó là] “*hữu sở niệm*”, đây lên một ý niệm. Chúng ta biết ý niệm mấy, chúng ta đây lên thiện niệm, hoặc là đây lên ý niệm. A Di Đà Phật, “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, trong ý niệm mấy có bao nhiêu tế niệm, tức lấy niệm vi tế? Có bao nhiêu tướng? Tướng là hiện tượng, là vật chất; có bao nhiêu thức? Nay chúng ta gọi thức là hiện tượng tinh thần, tướng là hiện tượng vật chất. Đức Phật nêu câu hỏi như thế, Di Lặc Bồ Tát trả lời “*một cái khảy ngón tay*”. Thời gian của một cái khảy ngón tay rất ngắn, trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu tế niệm? “*Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”. Trăm ngàn là mười vạn, đó là đơn vị; ba mươi hai ức nhân với mười vạn thành ba trăm hai mươi triệu, một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu. Các vị khảy thử xem, trong một giây có thể khảy bao nhiêu lần? Tôi khảy khách sạn, tôi tin tưởng đại khái là nhất định có người khảy nhanh hơn tôi, khảy được năm lần, tôi có thể khảy bốn lần, một giây khảy được bốn lần. Khảy năm lần thì hiện thời dùng giây làm đơn vị, trong một giây khảy năm lần thì trong một giây ấy có bao nhiêu niệm? Một ngàn sáu trăm triệu, tức là một ngàn sáu trăm triệu niệm. Bồ Tát nói: “*Niệm niệm thành hình*”, “*hình*” là hiện tượng vật chất; “*hình đều có thức*”, “*thức*” là hiện tượng tinh thần. Nói cách khác, hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời, do đâu mà có? Từ ý niệm mà có!

Hiện thời, chuyện này đã được các nhà khoa học phát hiện. Các nhà Lượng Tử Lực Học nói trong vũ trụ chẳng có vật chất tồn tại, vật chất là chuyện như thế nào? Lấy niệm của con người, tức là “*niệm đầu*”; ý niệm tích lũy liên tục sanh ra huyền tướng. Nó là tích lũy, quý vị thấy trong một giây là bao nhiêu? Theo lời giảng của Di Lặc Bồ Tát, trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu, tích lũy mà! Trong một giây, chúng ta có thể thấy rõ ràng, có thể trông thấy [huyền tướng tích lũy của] một ngàn sáu trăm triệu niệm. Đối với mỗi tế niệm trong một ngàn sáu trăm triệu ấy, chúng ta không có cách nào trông thấy, vì nó quá nhanh, ắt phải là hiện tượng liên tục thì chúng ta mới có thể thấy. Nếu chẳng phải là hiện tượng liên tục, về căn bản, chúng ta sẽ chẳng cảm thấy nó tồn tại. Đây mới là thật sự hiểu rõ vật chất rốt ráo là gì, hiểu rõ vật chất do đâu mà có. Họ nói vật chất là từ trong Không sanh ra Có. Tốc độ lại còn hết sức nhanh, nhanh hơn tốc độ của ánh sáng và dòng điện, tốc độ của ánh sáng hay tốc độ của

dòngđiệndềuchẳng thể sánh bằng.Ánh sáng vàđiện cũng đều là hiện tượng vật chất. Họ tổng kết,những thứ khác nhau muôn hình muôn vẻ nhiều ngàn này trong vũ trụ hoàn toàn do tần số [dao động] khác nhau. Họ nêu thí dụ: Tần số dao động chậm nhất biến thành đá, biến thành các kim loại nặng, đó là tần số dao động chậm. Đối với cái được họ gọi là “chậm” ấy, chúng ta không có cách nào nhận biết, vì cái được họ gọi là “chậm” ấy vẫn nhanh hơn điện và ánh sáng, chúng ta phải biết “chậm” là như thế đó. Nhanh hơn một chút liền biến thành hoa, cỏ, cây cối, biến thành da thịt của động vật chúng ta, tương đối mau hơn một chút, chẳng giống như đá hoặc kim loại nặng. Nhanh hơn thì giống như cái gọi là “sóng điện” trong hiện thời, tức là sóng vô tuyến điện, sóng ánh sáng càng nhanh hơn. Đều là tần số dao động khác nhau mà tạo thành các hiện tượng [khác nhau]. Các hiện tượng ấy toàn là huyễn tượng, có cùng một ý nghĩa như kinh Phật đã nói: “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”. Các khoa học gia hiện thời đã hiểu phần nào ý nghĩa kinh văn kinh Kim Cang, thật sự liễu giải ý nghĩa lời Phật dạy, liễu giải chân tướng sự thật, toàn là do ý niệm biến hiện.

Vì thế, đối với những câu nói ấy trong kinh Phật, chúng ta vĩnh viễn ghi nhớ, thời thời khắc khắc ghi nhớ: “Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng”, “tâm tướng” là ý niệm. Ý niệm của chúng ta là thiện, hết thấy cảnh giới chẳng có thứ gì bất thiện, đều là thiện. Ý niệm của chúng ta bất thiện, chẳng có thứ gì là thiện. Chúng ta phải nghĩ, đầu tiên là nghĩ thân mình đúng như đức Phật đã nói: “Tướng do tâm sanh”, tướng của chúng ta giống như Bồ Tát, Kim Cang bất hoại thân. Vĩnh viễn chẳng có phiền não, chẳng có vọng niệm là tướng Bồ Tát. Chỉ cần dứt diệt niệm máy là được rồi, vọng niệm vầy niệm bất thiện đều dứt hết, hoàn toàn giữ thiện niệm, thân tâm khỏe mạnh, trăm bệnh chẳng sanh. Có đồng học đã hạ tải (download) một bản tin từ Internet đưa cho tôi xem: Ở Ấn Độ, gần đây đã phát hiện một loại virus gây bệnh truyền nhiễm, đã truyền tới Úc. Nghe nói tại Hương Cảng đã có một trường hợp, tức một ca bệnh. Dự đoán căn bệnh truyền nhiễm ấy có thể lan truyền khắp thế giới, không có chất kháng sinh nào hữu hiệu để ngăn ngừa. Nói cách khác, không có thuốc trị. Mắc phải bệnh này, ước chừng ba, bốn giờ sẽ chết, nhanh như thế đó, rất đáng sợ! Năm ngoái, tổ chức Y Tế Thế Giới đã loan tin này, chúng tôi đã thấy bài báo ấy. Nhưng cũng có tin tức cho biết có thể là chúng ta sẽ không bị lây nhiễm, người như thế nào? Người tâm thái tốt đẹp, người niệm Phật, ăn chay, người tâm địa thiện lương sẽ không bị lây nhiễm. Chúng ta có thể tin tưởng hay không? Có thể! Kinh Phật có nói đạo lý sau đây: “Tà chẳng thắng chánh”. Loại virus đó là tà, là tà ác, tâm quý vị chánh, nó sẽ chẳng thể xâm phạm quý vị. Hiện thời, y học nói tới “khả năng miễn dịch” thì khả năng miễn dịch là gì? Tâm địa thanh tịnh, thiện lương, ăn chay, không sát sanh, không kết oán cừu với các chúng sanh. Loại virus ấy đến báo cừu! Hiện thời, niệm Phật thì phải thật sự niệm Phật, thật sự học Phật thì mới được. Nếu giả dối sẽ không xong. Khi giả dối, quý vị vẫn có thể bị virus lây nhiễm. Nếu quý vị thật sự là người học Phật, tâm địa thiện lương, giống như người niệm Phật chúng

ta niệm niệm đều là A Di Đà Phật, Ngoài A Di Đà Phật ra, chẳng có niệm thứ hai, virus sẽ chẳng thể lây nhiễm người như vậy được!

Vì thế, khoa học đã chứng minh, Phật, Bồ Tát đã chứng minh, điều trọng yếu là chúng ta cũng phải học theo các vị đại sĩ “*đức tuân Phổ Hiền*”. Từ quả hưởng đến nhân chúng ta chưa làm được, chúng ta vẫn chưa chứng quả, nhưng chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực học tập “*đức tuân Phổ Hiền*”. Học tập Phổ Hiền Bồ Tát thì điều đầu tiên là “*lễ kính chư Phật*”, đối đãi hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật phải có tâm cung kính, đó là chánh xác. Vì sao? Pháp Tánh của vạn sự vạn vật là chân Phật, nơi hữu tình gọi là Phật Tánh, nơi vô tình như thực vật và khoáng vật thì gọi là Pháp Tánh. Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh, chẳng có chút sai biệt nào. Chúng ta lễ kính là đối với Pháp Tánh. Ngay trong pháp thế gian cũng nhấn mạnh [lễ kính]. Quý vị thầy Lễ Ký, mở ra xem, câu đầu tiên là “*Khúc Lễ viết, vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”), không có thứ gì chẳng phải là lễ kính. Bất luận đối với người, đối với sự, đối với vật, tâm cung kính quan trọng hơn bất cứ gì khác! Trong Đệ Tử Quy, câu đầu tiên là “*phụ mẫu hô, ứng vật hoãn*” (cha mẹ gọi, liền thưa ngay, đừng trì hoãn). Có rất nhiều đồng tu nói thẳng với tôi: Cha mẹ đều mất cả rồi, cha mẹ cũng chẳng gọi họ, vậy là có thể không cần phải đáp lời. Tôi nói quý vị đã hiểu ý nghĩa này một cách cứng nhắc mất rồi, cha mẹ [nói trong câu ấy] là một thí dụ, tức là người thân thiết nhất của ta, họ gọi quý vị, lễ nào quý vị chẳng đáp ứng? Mở rộng ra, bất luận ai gọi quý vị, quý vị đều phải trả lời, đó là gì? Lễ phép, là “*lễ kính chư Phật*” của Phổ Hiền Bồ Tát. Khi có ai đó gọi, dấu nghe mà giả vờ chẳng nghe thấy, chẳng quan tâm đến, đó là thiếu lễ phép, sai mất rồi! Học sống động, vận dụng sống động, chớ nên học chết cứng. Không chỉ là đối với cha mẹ, mà anh em của quý vị gọi cũng chớ nên không đáp ứng, bằng hữu càng lại chẳng nên không đáp ứng, há có đạo lý ấy? Quý vị học ở chỗ nào? Sống động, hoạt bát, học sống động, vận dụng sống động. Đệ Tử Quy chỉ nêu lên tổng cộng một trăm mười ba chuyện làm gương. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chỉ nói mười điều, quý vị thấy người ta biết vận dụng, người Tiểu Thừa biết dùng, biến mười điều thành ba ngàn điều. Đại Thừa Bồ Tát càng linh hoạt hơn, biến mười điều thành tám vạn bốn ngàn điều, há có khô khan dưng dưng! Giáo huấn của thầy là nêu ra cương lĩnh, nêu lên những hướng dẫn tổng quát, để vận dụng trong cuộc sống, chính mình phải có trí tuệ mở rộng, triển khai nó, triển khai thành vô lượng vô biên. Điều chính mình sau khi học xong phải thật sự lý giải, dung hội, quán thông, có thể ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, ứng dụng trong công việc, ứng dụng trong xử sự, đối người, tiếp vật, vận dụng toàn bộ.

Do vậy, phải học sự lễ kính của Phổ Hiền Bồ Tát, đối đãi với bất cứ ai đều cung kính, không dám giải đãi, khinh mạn, [mà phải đối đãi] giống như thầy Phật. Thậm chí trong thấy các tiểu động vật đều phải cung kính, đối với muỗi, trùng, kiến, chúng ta đều chấp tay, gọi chúng nó là Bồ Tát, “Bồ Tát kiến, Bồ Tát muỗi”, đối xử hòa thuận với chúng, đối đãi bình đẳng, quyết định chớ nên giết hại chúng. Chúng cũng là Phật, vốn là Phật, biến thành hình dạng ấy là do lúc

làm người đã tạo nghiệp quá nặng, nên mới biến thành hình dạng gậy. Chúng ta đã biết, lễ nào chẳng tôn trọng chúng nó? Chúng nó có linh tánh, chúng ta tôn trọng chúng, chúng sẽ tôn trọng chúng ta. Chúng ta chẳng tổn hại chúng, chúng cũng chẳng tổn hại chúng ta, đối đãi hòa thuận, hỗ trợ hợp tác. “Xưng tán Như Lai”, quý vị thấy không dùng “chư Phật”, mà dùng “Như Lai”. “Lễ kính” dùng chữ “chư Phật”, “xưng tán” dùng chữ “Như Lai”, đó là vì trong xưng tán có sai biệt, tức là: Xưng tán tương ứng với Tánh Đức. Chẳng tương ứng với Tánh Đức thì chẳng xưng tán; do lấy Tánh Đức làm tiêu chuẩn. Lễ kính thì bình đẳng, lễ kính đối với thiện nhân, đối với ác nhân cũng lễ kính, chẳng có phân biệt, nhưng xưng tán thiện nhân, chẳng xưng tán ác nhân, mà cũng chẳng hủy báng kẻ ấy, phải bao dung, chớ nên phê bình, chớ nên hủy báng. Nhất định phải liễu giải vì sao kẻ ấy tạo những nghiệp bất thiện ấy? Do kẻ ấy nghiệp chướng rất nặng, tập khí rất sâu, chẳng gặp thiện hữu đến dạy họ. Phải có tâm đồng tình, chớ nên có tâm chỉ trích, như vậy là tốt. “Quảng tu cúng dường”, cúng dường là bình đẳng, cúng dường thiện nhân, đối với ác nhân cũng cúng dường. Chớ nên nói thấy kẻ ác không có cơm ăn, chúng ta có cơm, nhưng chẳng cho kẻ ấy ăn! Thấy họ rét mướt, chúng ta có quần áo, nhưng chẳng cho họ mặc, chẳng thể được! Vì thế, cúng dường là bình đẳng, lễ kính là bình đẳng, chỉ có xưng tán là sai biệt. Những điều này đều phải học, học rồi phải hữu dụng thì mới được! Do lẽ đó, các vị Bồ Tát dự hội đều đã sớm thành Phật, lúc Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ ở đây, các Ngài đến làm thính chúng, làm ảnh hưởng chúng, có ý nghĩa như vậy đó. Do vậy, [các vị Bồ Tát ấy] là từ quả hương tới nhân. Tam Ma Địa học tới đây, đoạn tiếp theo sẽ học về Đà-la-ni. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này.

Tập 122

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi hai, dòng thứ ba.

“*Hựu Đà-la-ni, Phạn ngữ, thủ phiên vi Trì, Tổng Trì, Năng Trì, Năng Giá*” (Lại nữa, Đà-la-ni (Dhāraṇī) là tiếng Phạn dịch là Trì, Tổng Trì, Năng Trì, Năng Giá), có nhiều ý nghĩa như vậy. Từ chỗ này trở đi là giải thích câu kinh văn thứ hai, tức câu “*cập đấc nhất thiết đà-la-ni môn*” (và đấc hết thảy các môn đà-la-ni), giải thích câu kinh văn này. Câu trước là “*đấc vô sanh vô diệt chư Tam Ma Địa*”, chúng ta đã học xong. Tam Ma Địa hết sức trọng yếu, chúng ta thường gọi nó là Tam-muội, cũng gọi là Định. Khiến cho tâm trụ một chỗ thì gọi là Tam-muội. Không chỉ đấc Tam Ma Địa, mà các Ngài đồng thời còn đấc đà-la-ni. Những danh từ này đều là tiếng Phạn, “*đấc nhất thiết đà-la-ni môn*”. Trì là bảo trì (gìn giữ). Đối với chữ Tổng Trì, thông thường để giải thích chữ đà-la-ni, quá nửa chúng ta dùng cách nói theo ý nghĩa Tổng Trì này. Tổng Trì (總持) có nghĩa là gì? Bao gồm hết thảy pháp, nắm giữ hết thảy nghĩa. Ý nghĩa này hết sức hay, mà cũng là nói: Đã nắm vững tông cương lãnh, tông nguyên tấc của hết thảy các pháp thì gọi là “*đấc đà-la-ni*”. Chữ Đà-la-ni trong tiếng Phạn có ý nghĩa là “*năng trì*” (có thể gìn giữ). “*Năng giá*” (có thể ngăn che), tức là ngưng dứt, nay chúng ta nói là “không chế”, có ý nghĩa ấy.

Tiếp đó, [sách Chú Giải] dẫn kinh luận, đó là những lời giải thích của Phật và các vị tổ sư đại đức. “*Trí Độ Luận viết: Đà-la-ni giả, Tần ngôn Năng Trì, hoặc Năng Giá*” (Trí Độ Luận giảng: “Đà-la-ni, tiếng Hán là Năng Trì hoặc Năng Giá”). Trí Độ Luận được dịch vào thời Diêu Tần, nên nói là “*Tần ngôn*”, “*Tần ngôn*” nghĩa là tiếng Hán. Dịch sang nghĩa tiếng Hán, [Đà-la-ni] là Năng Trì, hoặc Năng Giá. Năng Trì là gì? Tiếp đó có giải thích: “*Năng trì giả, tập chủng chủng thiện pháp, năng trì linh bất tán, bất thất. Thí như hoàn khí thịnh thủy, thủy bất lậu tán*” (Năng Trì là nhóm họp các pháp lành, có thể giữ cho chúng chẳng tán mát, chẳng mất mát. Ví như đồ đựng hoàn thiện có thể chứa nước, nước chẳng bị rỉ mát). Tiếp đó là tỷ dụ, “*khí*” (器) là dụng cụ, giống như chén trà [chẳng hạn]. Chén trà hoàn hảo, chẳng bị hư vỡ, có thể đựng nước, nước chẳng bị chảy mát. Đà-la-ni cũng có ý nghĩa ấy, nó có thể gom góp, nắm giữ các thứ thiện pháp. Những thiện pháp ấy sau khi đạt được sẽ chẳng bị mất đi. Những thứ nào? Trong Phật pháp, chẳng hạn như Thập Thiện Nghiệp Đạo. Sau khi đạt được Thập Thiện Nghiệp Đạo, sẽ chẳng mất đi, quý vị có thể trong một thời gian dài thậm chí đời đời kiếp kiếp đều có thể gìn giữ. Vì vậy, Đà-la-ni có ý nghĩa Trì.

Tiếp đó, nói: “*Năng Giá giả*”, Giá(遮) là gì? Giá là đối với pháp bất thiện. “*Ác bất thiện căn tâm sanh, năng giá linh bất sanh*” (đối với những tâm ác, bất thiện căn sanh khởi, có thể ngăn che, khiến cho chúng chẳng sanh). Vì quý vị có thiện pháp, pháp bất thiện sẽ chẳng thể sanh. Thí dụ như trong Thập Thiện, quý vị biết chẳng sát sanh là tốt đẹp, [vì] chẳng kết oán thù với hết thảy chúng sanh. Không giết trộm là tốt. Chẳng sát sanh là không nợ mạng kẻ khác, chẳng trộm cắp là không nợ tài vật của người ta. Những điều ấy tốt lắm, cho nên chúng có thể ngăn che hết thảy các điều bất thiện. Thật sự có thể nắm giữ Thập Thiện Nghiệp Đạo, sẽ chẳng có ý niệm hại người, mà cũng chẳng có ý niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác. Vì ý niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác, tuy không trộm cắp, nhưng kẻ ấy có tâm trộm cắp, ý niệm ấy chẳng tốt, vẫn muốn chiếm một chút tiện nghi, đó là tâm trộm cắp chưa dứt! Hễ có ý niệm ấy, rất có thể sẽ có hành vi bất thiện. Chúng ta phải hiểu: Đối với người trong thế gian này, cổ nhân có nói: “*Suốt đời đều là mạng, chẳng nỡ điếm do người*”. Mạng do đâu mà có? Chẳng phải do ông trời ban cho quý vị! Có rất nhiều người hiểu lầm vận mạng do Thượng Đế ban cho chúng ta. Vì sao có người thăng quan phát tài, có người bần cùng hạ tiện? Chẳng phải là ông trời rất thiếu công bằng? Há có loại ông trời như vậy! Vì thế, phải hiểu: Chẳng dính líu gì đến trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát, vận mạng của mỗi cá nhân chúng ta do chính mình chịu trách nhiệm. Có vận mạng hay không? Có! Vận mạng do đâu mà có? [Chủng tử] của những điều thiện và bất thiện do quý vị đã tạo trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, chúng ở trong A Lại Da Thức, được gọi là vận mạng của quý vị. Trong quá khứ, quý vị làm việc thiện, đời này phú quý, hưởng thụ, hưởng lạc. Trong đời quá khứ tạo nghiệp bất thiện, quý vị sẽ sống cuộc đời nghèo khổ. Đạo lý là như thế đó. Do vậy, sau khi đã hiểu, chúng ta chẳng oán trời, hờn người; sau khi đã hiểu rõ, bèn an phận giữ mình, xã hội liền hòa hài, an định. Chúng ta muốn phú quý, muốn phát tài, có được hay không? Được chứ! “*Trong cửa nhà Phật, có cầu tất ứng*”, quý vị cầu trong cửa nhà Phật, đức Phật giúp đỡ quý vị như thế nào? Đức Phật giảng đạo lý và phương pháp phát tài cho quý vị nghe, quý vị đã hiểu rõ, nương theo đạo lý và phương pháp ấy để tu học, sẽ có tiền của đưa đến, chẳng giả tí nào. Cổ thánh tiên hiền bảo là “*sanh tài hữu đại đạo*” (có đạo lý to lớn để sanh sôi tiền của).

Thờ chúng tôi còn trẻ, thầy rất cao minh, thầy xem tướng của tôi, nghe giọng tôi nói, nhìn tư thái hành động của tôi, liền biết sự phú quý, cùng quẫn hay hanh thông suốt một đời, thầy nhìn ra được! Thấy đứa học trò này mạng vận chẳng ra gì, suốt đời vất vả, nghèo hèn, có lúc thầy còn giúp đỡ trò, vì sao? Nó còn có thiện căn, nói cách khác, còn có cách cứu vớt, giúp đỡ nó! Thầy dạy chúng tôi đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, bộ sách hay lắm, đọc xong mới hiểu điều gì? Nguyên lai mạng do chính mình tạo, chính mình có thể sửa đổi số mạng. Sửa như thế nào? Đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, có thể sửa đổi vận mạng. Tiên sinh Viên Liễu Phàm được Khổng tiên sinh đoán mạng. Khổng tiên sinh là đạo gia, là thầy tướng số, là cao thủ

xem tướng và xem Phong Thủy, thật sự là cao thủ. Không tiên sinh tính lưu niên bát tự [1] cho ông Viên, tiên đoán vận mạng cả một đời. Tiên sinh Liễu Phàm mỗi năm so sánh [vận mạng trong năm ấy] với lời đoán Bát Tự, chẳng sai lệch tí nào. Ông Viên là một người đọc sách, hàng năm đi thi, đậu hạng thứ mấy, mạng đã được tính sẵn. Thời quá khứ, sau khi đỗ Tú Tài, quốc gia liền ban cho quý vị một phần tiền lương, nhằm khuyến khích quý vị học hành. Quý vị chẳng cần phải đi làm, quốc gia nuôi quý vị, hàng năm cấp cho bao nhiêu thạch gạo, quý vị đủ sống, mà cũng có thể nuôi người nhà. Tuy chẳng giàu có, nhưng có thể sống được. Quốc gia bồi dưỡng nhân tài, thi đậu Tú Tài được hưởng bổng lộc của quốc gia. Mỗi năm ông Viên được quốc gia cấp gạo, [ông Không] đều tính sẵn là bao nhiêu thạch, bao nhiêu đấu, chẳng sai tí nào! Suốt hai mươi năm như vậy, chẳng năm nào sai! Ông Viên bèn ngộp lạnh cõi lòng, chẳng còn dấy vọng tướng nữa. Vì sao? Vọng tướng vô dụng, đúng là trong mạng đã định sẵn rồi!

Có một lần, ông ta đến thăm một người xuất gia là thiền sư Vân Cốc, vị này cũng làm một cao tăng, Sư học Thiên. Tiên sinh Liễu Phàm cùng ngồi với Sư trong Thiền đường suốt ba ngày ba đêm, chẳng dấy lên một vọng niệm. Thiền sư Vân Cốc thấy người này đúng là rất khó có, kẻ bình phàm chẳng có khả năng ấy, vì sao mà suốt ba ngày ba đêm chẳng dấy một vọng niệm? Do vậy, Sư liền hỏi ông ta: “Ông công phu khá lắm, ba ngày ba đêm chẳng khởi một vọng niệm, chuyện này kẻ bình phàm chẳng thể làm được!” Hỏi ông ta tu như thế nào? Tiên sinh Liễu Phàm rất thật thà, thưa cùng Sư: “Mạng của con đã được người ta tính sẵn rồi. Suốt hai mươi năm, nghiêm nhiên chẳng sai chạy tí nào, nên con ý niệm gì cũng chẳng có”. Sau khi ông Phàm thưa lời ấy, thiền sư Vân Cốc bèn ha hả cười to: “Tôi ngỡ ông là thánh nhân, nguyên lai ông vẫn là phàm phu”. Ông Viên hỏi: “Vì sao thầy bảo con là phàm phu?” Sư bèn giải thích: “Phàm phu lẽ đâu chẳng có vọng niệm?” Sư giảng đạo lý vận mạng: “Mạng do chính ông tạo, đương nhiên bản thân ông có thể sửa. Vận mạng trong hai mươi năm của ông đã được người ta đoán sẵn, chẳng đoán trật tí nào, ông chẳng phải là phàm phu thì ai là phàm phu?” Ngay đó, Sư nhắc nhở ông Viên: “Vận mạng có thể sửa”. Cách sửa như thế nào? Dạy ông ta đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức, dạy cho ông Viên [thực hành] Công Quá Cách. Nội dung của Công Quá Cách là gì? Là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Chiếu theo những điều đã nói trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, thiện nhân thiện quả nhất định phải hành; ác nhân ác báo quyết định phải tránh, dùng điều này làm tiêu chuẩn để đoạn ác tu thiện.

Ông Viên thật sự phát tâm. Vừa phát tâm bèn sửa lỗi, thật sự hành, phát tâm làm ba ngàn việc thiện. Tâm vừa phát, đến năm thứ hai, đi thi thứ tự đỗ đạt đã khác. Trong mạng, nhất định là đậu hạng ba, nhưng ông ta đỗ đầu, nên tin tưởng, nghe theo giáo huấn của thiền sư Vân Cốc.

[1] “Lưu niên” là một danh từ trong bói toán, chỉ vận mạng trong từng năm. “Lưu niên bát tự” là cách đoán vận mạng trong từng năm (thường là dùng Tử Vi hay Tử Bình) dựa theo tám chữ, tức can và chi của năm, tháng, ngày, giờ sinh.

Do trong mạng chẳng có công danh, ông ta đạt được công danh, nay chúng ta gọi công danh là “học vị”. Học vị Thạc Sĩ, học vị Tiến Sĩ, ông ta không có, trong mạng chỉ có Tú Tài, kết quả là về sau ông ta đỗ Cử Nhân, đậu Tiến Sĩ, nhưng trong mạng không có. Trong mạng chẳng có con cái, ông ta phát thiện nguyện để cầu con, quả nhiên sinh được một con, trong mạng chẳng có! Không có mà đạt được, đó là thật sự cầu được, có cầu ắt ứng. Thọ mạng chỉ có năm mươi ba tuổi, ông ta cũng chẳng cầu trường thọ, nhưng sống đến bảy mươi bốn tuổi mới qua đời, tăng thọ hai mươi một năm. Người Hoa nói là “thất”, [tăng thọ] ba thất thì ba thất là hai mươi một năm. Chẳng giá tí nào! Vì vậy, quý vị phải hiểu đạo lý, cầu giàu có được giàu có, cầu công danh được công danh, cầu con cái được con cái, cầu trường thọ được trường thọ, há có chuyện cầu chẳng được! Cầu không được là vì quý vị không hiểu đạo lý, không hiểu phương pháp, đó là chánh pháp. Vì thế, trong Phật pháp có rất nhiều thứ, nếu quý vị khéo học, thọ dụng cả đời chẳng hết. “Giá” là có thể ngăn che khiến cho các căn ác, bất thiện chẳng nảy sinh. “*Nhược dục tác ác tội, trì linh bất tác, thị danh Đà-la-ni*” (nếu muốn làm tội ác bèn giữ cho chẳng làm được, nên gọi là Đà-la-ni). Đó là Năng Giá. Chẳng để cho quý vị nảy sinh ý niệm bất thiện, chẳng để cho quý vị phạm tội ác, những điều ấy đều thuộc về pháp môn Tổng Trì.

Tiếp đó lại nói: “*Hựu vân*” (lại nói), [nghĩa là] vẫn là những điều được nói trong Trí Độ Luận: “*Bồ Tát đắc thị nhất thiết tam thế vô ngại minh đẳng chư tam-muội, u nhất nhất tam-muội trung, đắc vô lượng A-tăng-kỳ đà-la-ni, như thị đẳng hòa hợp, danh vi ngũ bách đà-la-ni môn. Thị vi Bồ Tát thiện pháp công đức tạng*” (Bồ Tát đắc hết thấy các tam-muội: Tam thế vô ngại minh v.v... ấy thì với mỗi một tam-muội sẽ đắc vô lượng A-tăng-kỳ đà-la-ni. Các thứ ấy hòa hợp, [thành ra] danh xưng năm trăm đà-la-ni môn. Đây là thiện pháp công đức tạng của Bồ Tát). Trước hết, chúng tôi giải thích đại lược đoạn văn này một chút. Trong câu “*Bồ Tát đắc*”, chữ Thị là “*như thị*” (như thế), “*nhất thiết vô ngại minh đẳng chư tam-muội*”, chẳng phải là phạm nhân, chúng ta xem câu này liền biết các Ngài là Pháp Thân Bồ Tát. Bồ Tát trong mười pháp giới, thậm chí Phật [trong mười pháp giới] đều chưa đạt đến cảnh giới này. Trong giáo pháp Đại Thừa, cảnh giới này thường nói là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*” thì mới có thể đắc tam-muội như vậy. Nó khởi tác dụng, “*u nhất nhất tam-muội trung*” (trong mỗi tam-muội), đây là từ Định khai Huệ, tam-muội là Định, Định khởi tác dụng khai trí Huệ. Trong trí Huệ là pháp môn Tổng Trì, là Đà-la-ni, vì Huệ chẳng bị mất đi, “*đắc vô lượng A-tăng-kỳ đà-la-ni*”. Vô lượng tam-muội khởi tác dụng là vô lượng đà-la-ni. A-tăng-kỳ (Asankhya) cũng có nghĩa là “*vô lượng*”. “*Như thị đẳng hòa hợp*” (hòa hợp như thế), sự “*hòa hợp*” ấy chính là Định và Huệ, được gọi là “*Định Huệ đẳng trì*” (giữ cho Định và Huệ bình đẳng), Định có thể trì Huệ, Huệ cũng có thể giúp Định, khiến cho Định chẳng bị mất đi. Pháp Thân Bồ Tát đạt được tam-muội sẽ vĩnh viễn chẳng bị mất đi. Trong đoạn trước, chúng ta đã thấy nói là “*bát sanh, bất diệt Tam Ma Địa*”.

Định trong mười pháp giới đều có xuất, nhập. Từ kinh Địa Tạng, chúng ta thấy bậc A La Hán, A La Hán là pháp giới Thanh Văn trong mười pháp giới. Mẹ của cô Bà La Môn qua đời, ở đây đã ban cho chúng ta một khái thị rất lớn: Cô Bà La Môn tin theo Bà La Môn giáo, là một người có niềm tin tôn giáo, nhưng cô cũng học Phật. Học Phật có mâu thuẫn với tôn giáo của cô ta hay không? Chẳng mâu thuẫn. Vì sao? Phật giáo chẳng phải là tôn giáo, Phật giáo là giáo dục, bất luận quý vị tín ngưỡng tôn giáo nào, quý vị đến trường học để học hành đều chẳng có trở ngại gì! Quý vị thấy các sinh viên đại học hiện thời, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, cùng học một lớp. Phật giáo là sư đạo, chẳng phải là tôn giáo, nên cô Bà La Môn cũng là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, tiếp nhận sự giáo dục của đức Phật. Đức Phật trọn chẳng dạy cô ta phải từ bỏ tôn giáo của chính mình thì mới có thể học Phật, đức Phật chẳng có ý nghĩ này. Vì thế, trong Phật môn có nhiều người tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, theo Thích Ca Mâu Ni Phật học Định Huệ. Cô ta gặp một vị A La Hán, thỉnh giáo A La Hán, mẹ cô ta lúc sống tạo rất nhiều nghiệp bất thiện, cô ta nghĩ: “Chỉ sợ sau khi [mẹ cô ta] đã chết, bị đọa trong ác đạo”, thỉnh A La Hán giúp đỡ, giúp cô tìm kiếm. A La Hán nhập Định, trong Định có thể đột phá các chiều không gian, có thể thấy mẹ cô ta ở chỗ nào. Sau khi Ngài xuất Định, cho biết: Mẹ cô ta sanh vào chỗ bất thiện. Ngài nhập Định bèn có thể thấy, chẳng nhập Định bèn không thấy. Sau khi nhập Định đã thấy, mới có thể kê chân tướng sự thật với cô Bà La Môn. Lại còn dạy cô ta giúp mẹ như thế nào, bà ta đang chịu khổ trong địa ngục, khuyên cô hãy niệm Phật. Thuở ấy, vị thành Phật trong thế gian là Giác Hoa Định Như Lai, vận dụng Niệm Phật tam-muội. Cô ta là hiếu nữ, vì muốn cứu mẹ, bèn toàn tâm toàn lực cầu Phật, Bồ Tát giúp đỡ. Quý vị thấy cô ta ở trong Định suốt một ngày một đêm, nhập Định, từ trong Định cũng thấy địa ngục. Định này là Niệm Phật tam-muội, giúp cô ta trông thấy cảnh giới địa ngục. Quý Vương đến đón tiếp, gọi cô ta là Bồ Tát, hỏi cô có chuyện gì mà đến nơi đây? Cô bảo cô đi tìm mẹ. Mẹ cô tên là gì? Duyệt Đê Lợi. Quý Vương liền cho biết, ông ta nói bà Duyệt Đê Lợi nhờ hiếu nữ tu tập, tích lũy công đức, nên đã sanh lên trời Đạo Lợi từ ba ngày trước, chẳng ở chỗ này.

Chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này, liền liễu giải, liền hiểu rõ, cô ta dùng pháp gì để siêu độ? Dùng công đức niệm Phật của chính mình, cô niệm Phật công phu đạt tới tam-muội. Nói theo pháp môn Niệm Phật, tam-muội ấy tối thiểu là SỰ HẤT TÂM BẤT LOẠN. Lý nhất tâm bất loạn rất khó, cô ta là SỰ HẤT TÂM, nên có thể đến thăm viếng địa ngục. Vì sao trong một ngày một đêm cô ta có thể đắc nhất tâm bất loạn? Vì sao? Vì cứu mẹ. Nếu cô ta không liều mạng, không dụng công, mẹ cô chẳng thoát khỏi địa ngục. Cô ta niệm Phật đạt được nhất tâm bất loạn là do mẹ cô giúp đỡ. Nếu mẹ cô chẳng đọa địa ngục, cô ta sẽ không thể tu hành nghiêm túc như vậy. Vì thế, mẹ cô ta có công đức, có lợi ích. Luận định từng điểm cá biệt, quý vị mới hiểu rõ vì sao mẹ cô ta có thể sanh lên trời? Do mẹ cô ta tạo duyên, nên cô ta mới niệm Phật tới mức nhất tâm bất loạn, họ làm nhân duyên cho nhau, thành tựu của con gái giúp cho mẹ sanh lên trời, làm nhân duyên lẫn nhau, có đạo lý như thế trong đó, phải hiểu rõ ràng, chẳng mê tín tí nào! Trong câu chuyện của cô Quang Mục thì [Quang Mục] còn kém công phu của cô Bà La

Môn này một bậc, vì Quang Mục là cảnh giới trong mộng, còn người ta (cô Bà La Môn) là trong Định, Định cao hơn cảnh giới trong mộng rất nhiều. Vì vậy, trong mộng, nhờ vào mộng [để thấy cảnh giới] thì như chúng ta thường nói “công phu thành phiền” đã có thể làm được, nhưng nếu tự mình đến thăm địa ngục, nếu chẳng phải là Sự nhất tâm, chắc chắn chẳng làm được. Sự nhất tâm là cảnh giới của A La Hán. Vì thế, chúng ta phải hiểu Lý, phải biết tu học như thế nào!

Hiện thời chúng ta cũng gặp phải khó khăn, khó khăn là tai nạn quá nhiều. Tôi không tiếp xúc các phương tiện thông tin, ngay cả báo chí cũng chẳng xem, đã đoạn tuyệt mấy chục năm. Quý vị hằng ngày xem TV, đọc báo, nên quý vị thông hiểu tin tức rõ hơn chúng tôi nhiều. Một số đồng học ở đây, nghe các tin tức từ các phương tiện truyền thông, đến nói với tôi: Chỗ nào đó lại có tai nạn, nơi đó lại có tai nạn! Tôi nghe xong, hiểu rõ, tôi biết tai nạn phát sinh ra sao, tôi cũng biết hóa giải tai nạn như thế nào, nhưng con người phải tin tưởng thì mới được. Quý vị thật sự tin tưởng Phật, thật sự có phương pháp giải quyết, nhưng quý vị không tin, chẳng có cách nào cả! Lúc tôi hai mươi mấy tuổi cũng chẳng tin tưởng, gặp tiên sinh Phương Đông Mỹ dẫn dắt tôi vào Phật môn, nhập Phật môn để làm gì? Học triết học. Thuở ấy, đối với chuyện cảm hứng như trong Phật giáo đã nói, tôi không tin. Lúc đó, tôi học Phật, cho rằng trong Phật giáo có một phần là triết học cao cấp, phần khác là mê tín, chúng ta phải gạt bỏ phần mê tín ấy, phải nghiêm túc học kỹ lưỡng phần triết học. Tôi chia nó thành hai phần. Sau khi đã học được mấy năm, cảm thấy [cách nghĩ trước kia của chính mình] chẳng đúng. Đối với phần trước kia chúng tôi cảm thấy là mê tín, phát hiện trong đó có đạo lý, đạo lý có thể còn cao sâu hơn triết học; do vậy, sau đó, chẳng có tâm phân biệt nữa. Không có tâm phân biệt thì là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh mới có thể học những thứ ấy. Sự hiểu lầm này phổ biến nơi những kẻ trẻ tuổi. Kẻ trẻ tuổi noi theo khoa học, bài xích tôn giáo, tôi là kẻ đã trải qua [tình cảnh ấy], hiểu rất rõ. Phật pháp nói chuyện vãng sanh, lúc tôi hai mươi sáu tuổi, tôi [bắt đầu] học Phật, đại khái khi ngoài bốn mươi tuổi mới thật sự nhận biết, tin tưởng, quý vị mới biết chẳng dễ dàng, đúng như cổ nhân đã nói là “*pháp khó tin*”. Nếu không dùi mài chẳng bỏ nơi kinh giáo, học tập hằng ngày, chẳng dễ gì đột phá cửa ải này!

Tôi học Phật đến năm nay là năm mươi chín năm, sang năm là đúng một giáp tý (sáu mươi năm), giảng kinh, giáo học năm mươi hai năm. Bản thân tôi cũng chẳng có thọ mạng dài như vậy. Thầy có dạy tôi, nhưng tôi cũng chẳng cầu kéo dài tuổi thọ, thế mà thọ mạng thật sự kéo dài, thọ hơn ông Viên Liễu Phàm. Ông Viên Liễu Phàm mới tăng thọ hai mươi một năm, tôi tăng thọ hơn bốn mươi năm. Thọ mạng của tôi [theo thầy tướng số nói] là bốn mươi lăm tuổi, rất khó có! Tăng tuổi thọ rất có ích cho tôi, tôi có thời gian dài như vậy, dần dần hiểu rõ ràng, minh bạch những thứ trong Phật pháp. Nếu không có thời gian dài như vậy, sẽ chẳng thể nào [hiểu được]. Do đó, thọ mạng dài cũng có lợi. Thật sự hiểu rõ, minh bạch thì vãng sanh thế giới Cực Lạc mới nắm chắc. Niệm Phật mà chẳng nắm chắc vãng sanh là do chẳng hiểu rõ,

chẳng minh bạch. Muốn hiểu rõ ràng minh bạch chuyện này, kinh giáo vô cùng quan trọng! Đối với kinh giáo, lại càng phải coi trọng “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, vì sao? Nhất định là Tam Học Giới, Định, Huệ mới có thể thành tựu. Giữ quy củ là trì giới, thâm nhập một môn là giữ quy củ, huân tu lâu dài sẽ đắc tam-muội, khai trí huệ. Do vậy, thời gian [tu tập một môn] ngắn ngủi sẽ rất khó, [muốn thành tựu] phải mất một thời gian dài, lại còn phải chuyên tâm.

Bí quyết trong Phật pháp là buông xuống, đầu tiên là buông xuống tự ngã. Người thế gian hoàn toàn hiểu lầm Ngã, thân này chẳng phải là ta, mà cứ coi nó là ta, cả một đời này vì ai? Vì ta! Vì ta mà tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp, đời đời kiếp kiếp trôi giạt luân hồi, thật đáng thương! Sau khi học Phật, bèn biết có Chân Ngã, [thân này] là Giả Ngã. Phải vứt bỏ Giả Ngã, tìm được Chân Ngã thì sẽ thành Phật. Chân Ngã là thân như thế nào? Pháp Thân! Buông bỏ Giả Ngã thì mới có thể chứng đắc Chân Ngã, tìm lại Chân Ngã. Chân Ngã bất sanh, bất diệt, Chân Ngã tương ứng với tự tánh, trọn đủ viên mãn trí huệ và đức tướng như đức Phật đã dạy trong kinh Hoa Nghiêm và trong các kinh Đại Thừa. “*Định Huệ đẳng trì*” cũng là “*như thị đẳng hòa hợp, Định Huệ hòa hợp*” đang nói ở đây. “*Danh vi ngũ bách Đà-la-ni môn*” (gọi là năm trăm môn Đà-la-ni), “*năm trăm*” cũng là biểu thị pháp, chẳng phải là một con số cố định, [hàm nghĩa] vô lượng môn Đà-la-ni. Đó là công đức thiện pháp tạng của Bồ Tát, chữ Tạng (藏) hàm nghĩa “chẳng mất”. Thiện pháp chẳng bị mất đi, công đức chẳng bị mất đi. Đà-la-ni là công đức thiện pháp tạng của Bồ Tát.

Câu kế tiếp là lời chú giải của Hoàng lão cư sĩ: “*Cáitam-muội Định đã. Định lực pháth uế sở đắc, thuyết vi Đà-la-ni*” (Bởi lẽ, tam-muội là Định. Cái đạt được do trí huệ khai phát bởi định lực thì gọi là Đà-la-ni). Ý nói: Đạt được Tổng Trì do trí huệ khai phát bởi định lực thì gọi là Đà-la-ni. Bao gồm hết thấy các pháp, nắm giữ hết thấy các nghĩa, “*nghĩa*” là đạo lý, nghĩa lý, hết thấy pháp đạo lý quý vị đều hiểu rõ ràng toàn bộ. “*Như Trí Độ Luận viết: Thítam-muội tu hành, tập cứu hậu, năng thành Đà-la-ni*” (Như Trí Độ Luận đã nói: “Tu hành tam-muội ấy, sau khi tu tập đã lâu, bèn có thể thành Đà-la-ni”). Tam-muội là Định, là Đẳng Trì, tức là bình đẳng gìn giữ một thời gian dài thì sẽ có thể đắc Định. Hôm nay tôi còn được một đồng tu cho biết: Ở Tứ Xuyên, có một vị cư sĩ học Phật, năm nay đã ngoài bảy mươi tuổi, công phu tu hành rất khá, cũng là “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Hôm nay, tôi nói với vị đồng học ấy: “Có thể mời người ấy đến Hương Cảng cho chúng tôi gặp gỡ hay không”. Trước kia, chúng tôi đã phát hiện cư sĩ Lưu Tố Vân, năm mươi lăm tuổi [bà ta mới bắt đầu] học Phật, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Phật hiệu, suốt mười năm chẳng gián đoạn bèn thành tựu, thành tựu tam-muội, thành tựu Đà-la-ni. Vị đồng học này cũng giống như vậy, họ kể với chúng tôi: Người ấy cũng là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, cũng là mười mấy năm chẳng gián đoạn. Có người thứ hai nêu gương thật tốt cho người tu hành chúng ta. Chúng tôi giảng kinh mỗi ngày, khuyên kẻ khác mỗi ngày, nhưng chẳng có người nêu gương, rất khó

tin tưởng! Chỉ cần đã đăctam-muội, chuyện gì chúng ta cũng đều có thể lý giải. Nếu đúng là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, buông xuống vạn duyên, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, chỉ có kinh Vô Lượng Thọ, tu học như vậy, phải biết là ba hay bốn năm bèn đăctam-muội. Người ấy có thể đạt được Tam Ma Địa như chúng tôi đã nói trong phần trước đã nói. Sau khi đăctam-muội, lại chùng ba, bốn năm, khẳng định là khai trí huệ, ở đây gọi “khai trí huệ” là Đà-la-ni. Chúng ta nói thông thường thì Đà-la-ni nên giảng như thế nào? Một kinh thông, hết thầy các kinh đều thông. Đà-la-ni là hết thầy các kinh đều thông. Một pháp môn đăc đăc, hết thầy các pháp môn thầy đều đăc đăc, đó là Đà-la-ni. Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ con người chẳng có tâm thường hằng, vọng niệm quá nhiều, hôm nay muốn học cái này, ngày mai muốn học cái khác, học rất nhiều, rất tạp. Đó là gì? Đó là tập khí phiền não. Kinh giảng những gì, Phật, Bồ Tát mỗi ngày khuyên quý vị, quý vị vẫn không tin, vẫn cứ tin vào tập khí phiền não của chính mình, sai mất rồi! Nếu thật sự chịu nghe lời Phật, ai nấy đều thành Phật, thật đấy, chẳng giả tí nào, nói theo Tịnh Độ Tông thì “không một ai chẳng thành tựu”. Thời gian mười năm chẳng dài, trôi qua rất nhanh, quý vị có thể nắm giữ [một pháp môn, một bộ kinh] trong mười năm, quý vị sẽ thành tựu. Chúng ta thấy hai người ấy đều là dùng thời gian [lâu dài] để nắm chắc, chẳng lãng phí một ngày nào!

Vì thế, đối với chuyện tu hành, có người hỏi tôi, người ấy nói tôi thường nói đến ba căn bản, nhưng họ (cư sĩ Lưu Tố Vân và một vị lão cư sĩ Tứ Xuyên) chẳng học ba căn bản ấy, có sao thành tựu? Họ thật sự có thể buông hết thầy xuống, nhất tâm nhất ý nơi một bộ kinh, một câu danh hiệu, ba căn bản liền viên mãn. Họ có thể làm được, quý vị có thể làm được hay không? Quý vị chẳng bằng họ. Xét theo hình thức, ba căn bản ấy là giới luật, họ chẳng học, nhưng người ta có Định Cộng Giới. Tam-muội là Định Cộng Giới, [tức là] trong Định có Giới. Không có Giới, làm sao có thể có Định cho được? Trong Đà-la-ni có trí huệ, trí huệ đã khai thì gọi là gì? Gọi là Đạo Cộng Giới. Người bình phàm sơ sót những điều này, chỉ điểm họ, họ liền hiểu rõ. Họ có, mà còn rất cao minh, chúng ta nên học theo điểm này. Chúng ta thấy những tấm gương tốt đẹp ấy, tín tâm của chính mình phải nên kiên định. Quý vị thấy Lưu cư sĩ năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu học, sáu mươi sáu tuổi bèn thành công. Vị lão cư sĩ Tứ Xuyên, tôi còn chưa gặp mặt, tôi rất muốn gặp cụ, năm nay cụ đã ngoài bảy mươi tuổi, cũng là lúc tuổi già mới gặp gỡ, cụ đã thành công. Chúng ta là những kẻ còn chưa đến sáu mươi tuổi, hãy nên có tín tâm. Sáu mươi tuổi bắt đầu học tập, bảy mươi tuổi bèn thành công. Trước lúc bảy mươi tuổi, chẳng ai biết đến Ấn Quang đại sư, Ngài lặng lẽ, không ai biết đến, trụ trong lầu Tàng Kinh núi Phổ Đà, cũng là Tam Học Giới, Định, Huệ tăng thượng. Năm bảy mươi tuổi, Ngài bị người khác phát hiện, có những vị tại gia cư sĩ toàn là giáo sư đại học, đến thăm Phổ Đà Sơn, đến lễ Phật, gặp pháp sư Ấn Quang, hầu chuyện Ngài, những vị học giả ấy vô cùng kinh ngạc, gặp được vị thiện tri thức chân chánh, bèn viết bài tuyên dương Ngài trên các báo chí và tạp chí, Ấn Quang đại sư bèn nổi tiếng. Lão nhân gia hoàng pháp lợi sanh bằng văn tự, vì Ngài là người Thiểm Tây, nói giọng địa phương rất nặng, giảng kinh ở phía Nam mọi người nghe

không hiểu, nên Ngài rất ít dùng ngôn ngữ để giảng kinh mà dùng văn tự. Bao nhiêu người nêu ra câu hỏi thỉnh giáo lão nhân gia, sau này, những thư trả lời của Ngài được tập hợp lại, trở thành bộ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, thuở ấy những lời Ngài phát biểu đăng trên báo chí và tạp chí, mọi người đều hiểu. Ngài viên tịch lúc tám mươi tuổi. Quý vị thấy thời gian Ngài hoằng pháp chỉ có mười năm, nhưng ảnh hưởng của mười năm hoằng pháp ấy, trong một trăm năm tại Trung Quốc, chẳng có ai có thể vượt qua Ngài, thù thắng khôn sánh! Cổ nhân Trung Quốc gọi điều này là “*hậu tích, bạc phát*” (tích lũy sâu dày, phát lộ trong thời gian ngắn), Ngài đã tích lũy quá đầy. Trước khi học Phật, Ngài học Nho, lấy Nho làm cơ sở, dùng cơ sở Nho gia sâu dày để nhập Phật môn, có công lực vài chục năm, nên khi phát, bền vững như cổ nhân đã nói: “*Không kêu thì thôi, hễ kêu sẽ khiến chomọi người kinh hãi*”. Những vị ấy đã thị hiện nhằm nêu gương cho chúng ta, để nhằm dạy chúng ta, phải dùng phương pháp gì và tâm thái gì để tu học thì quý vị mới có thể thành tựu.

Còn khó có hơn nữa, suốt đời tổ Ấn Quang coi trọng giáo dục nhân quả. Ngài đề cao ba bộ sách, yêu cầu thế hệ chúng ta và những kẻ học Phật trong mai sau, bắt luật tại gia hay xuất gia đều phải đọc, phải nghiêm túc học tập để làm căn cơ. Ba thứ ấy chính là Liễu Phàm Tứ Huấn, An Sĩ Toàn Thư, và Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, đặc biệt coi trọng giáo dục nhân quả. Nay chúng tôi mới hiểu: Hiện thời, muốn cứu vớt xã hội này, muốn hóa giải tai nạn, muốn cứu vớt địa cầu, dùng gì? Dùng nhân quả. Mỗi người tin tưởng nhân quả, thiên hạ đại trị, các tai nạn trên địa cầu chẳng dấy lên, chẳng có tai nạn. Luân lý, đạo đức có lúc chẳng chống nổi danh cao, lợi nhiều, cảnh giới ấy hiện tiền, người ta biết rõ mà vẫn cố phạm. Nhưng thật sự hiểu nhân quả thì danh cao tới đâu, lợi to đến mấy, quý vị chẳng dám động tâm, vì sao? Hiện thời đạt được chỗ tốt đẹp và lợi ích, nhưng sau khi đã chết thì sao? Tâm hạnh bất thiện, chết đi, chắc chắn堕 địa ngục. Bất hiếu với cha mẹ, bất trung với quốc gia, không tôn trọng trưởng bối, không yêu thương thế hệ sau, những nghiệp ấy đều là nghiệp trong A Tỳ địa ngục. Địa ngục rất dễ dàng, thoát khỏi địa ngục chẳng đơn giản như vậy, có dám làm hay không? Chẳng dám! Vì thế, ông Châu An Sĩ nói: “*Mỗi người tin tưởng nhân quả, đó là đạo để thiên hạ được bình trị to lớn*”. Chúng ta biết, không chỉ là thiên hạ đại trị, mà còn là trên địa cầu, tai nạn gì cũng chẳng có! “*Mỗi người không tin nhân quả là đạo khiến cho thiên hạ đại loạn*”, tai nạn gì trên địa cầu cũng đều phát sanh, đạo lý là như thế đó! Mỗi người chúng ta sống trên thế gian này, trên thực tế, hết sức đơn giản, mỗi ngày chỉ cần ăn, mặc, có nơi nấp, có thể tránh gió đút mưa là đủ rồi, sung sướng hơn bất cứ gì khác. Cổ nhân dạy: “*Người đạt đến mức vô cầu, phẩm hạnh tự cao*”. Dục vọng càng nhiều càng khổ, con người buông dục vọng xuống sẽ đắc đại tự tại. Buông tham, sân, si xuống, Giới, Định, Huệ liền thành tựu. Vì thế, “*tu hành tam-muội, tu tập lâu ngày có thể thành Đà-la-ni*”, lời ấy là thật, chúng ta có thể tin tưởng. Chữ Tập (習) này có nghĩa là quý vị thực hiện những điều đã học trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong xử sự, đối người, tiếp vật, học xong bền thật sự có tác dụng, không phải là học rồi chẳng có tác dụng, mà là học đến mức hữu dụng.

“*Thị chư tam muội, cộng chư pháp Thật Tướng trí huệ, năng sanh Đà-la-ni*” (Các tam-muội iấy cùng với Thật Tướng của các pháp và trí huệ, có thể sanh ra Đà-la-ni); đây là nói do đâu mà có Tổng Trì? Do tam-muội mà có. Các tam-muội, tám vạn bốn ngàn pháp môn thấy đều là tam-muội, tam-muội làm mẫu chốt tu hành trong Phật pháp. Giới, Định, Huệ, hễ đạt được một điều thì hết thấy đều đạt được. Nay chúng ta tu tam-muội, dùng phương pháp nào? Dùng phương pháp niệm Phật, trì danh niệm Phật. Dùng phương pháp này để đạt tam-muội, nhưng trong Tịnh Độ Tông không gọi là tam-muội, mà gọi là “nhất tâm”. Nhất tâm là tam-muội, tam-muội là nhất tâm; danh từ khác nhau, ý nghĩa như nhau. Chúng ta dùng trì danh niệm Phật để đạt nhất tâm, thật sự đạt đến nhất tâm, ứng dụng nhất tâm vào cuộc sống, tự tại! Vận dụng lâu ngày, càng dùng càng có trí huệ, toàn bộ trí huệ hiện tiền, trí huệ ấy chính là đà-la-ni. Trí Độ Luận giảng ý nghĩa này hay lắm, giảng thật hay, “*cộng chư pháp Thật Tướng trí huệ*”, đó là gì? Trong tự tánh vốn sẵn có trí huệ Bát Nhã. Vì thế, có thể sanh ra Đà-la-ni, Đà-la-ni là trong hết thấy các pháp, quý vị đều có thể dễ dàng nắm vững tổng cương lĩnh và tổng nguyên tắc.

“*Hựu tam-muội đản thị tâm tương ứng pháp dã. Đà-la-ni diệc thị tâm tương ứng, diệc thị tâm bất tương ứng*” (Lại nữa, tam-muội chỉ là pháp tương ứng với tâm. Đà-la-ni và tương ứng với tâm, mà cũng chẳng tương ứng với tâm). Đà-la-ni và tam-muội có một chỗ khác nhau. Đà-la-ni và tương ứng với tâm, mà cũng chẳng tương ứng với tâm, chẳng giống như tam-muội, tam-muội chỉ là tương ứng, chẳng có ý nghĩa không tương ứng. Tiếp đó, có giải thích: “*Đà-la-ni thị tâm bất tương ứng giả, như nhân đắc Văn Trì đà-la-ni, tuy tâm sân khuyển diệc bất thât, thường tùy nhân hành, như ảnh tùy hình. Cái Trí Độ Luận chi nghĩa tam-muội giả, chỉ tại tâm tương ứng thời hiện tiền. Như bình phơi vị thiêu, tuy hữu bình tướng, bất năng thịnh thủy. Đà-la-ni như kinh hỏa thiêu thành hậu chi bình khí, cố năng trì Bồ Tát vô lượng công đức. Tuy tâm bất tương ứng thời (lệ như tâm sanh phiền não), diệc thường tùy nhân hành, như ảnh tùy thân*” (“Đà-la-ni lại chẳng tương ứng với tâm là nếu như có người đắc Văn Trì Đà-la-ni, tuy tâm nóng giận, Đà-la-ni cũng chẳng tan mất, thường theo hành nhân như bóng theo hình”. Như vậy thì theo ý nghĩa trong Trí Độ Luận, tam-muội phải do tâm tương ứng thì mới hiện hữu; như bình gốm chưa nung, tuy có hình dạng bình, nhưng chẳng thể đựng nước. Đà-la-ni như bình, chén đã qua lửa nung, nên có thể gìn giữ vô lượng công đức của Bồ Tát. Tuy có lúc tâm chẳng tương ứng (chẳng hạn như khi tâm sanh phiền não), đà-la-ni vẫn thường theo hành nhân như bóng theo thân). Tỷ dụ này rất hay, nói rõ tương ứng là gì, không tương ứng là gì? “*Tương ứng với tâm*”, chúng ta phải nhớ, tối tiên có nói một câu rất hay: “*Nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành), tâm là tánh, tâm tánh vốn lành, đó là tương ứng; bất thiện thì sao? Bất thiện bèn không tương ứng. Nói cách khác, “*tương ứng*” là tương ứng với thiện pháp, “*không tương ứng*” là chẳng tương ứng với thiện pháp, nó tương ứng với ác pháp, tức là chẳng tương ứng với thiện pháp. Vì thế, ở đây nêu lên một thí dụ. Quý vị nói tam-muội, tâm là định, nhưng khi người ta nổi giận, liền chẳng có Định. Đây là như

kinh thường nói: “*Hỏa thiêu công đức lâm*” (lửa thiêu rừng công đức), nổi nóng là lửa thiêu. Hễ nổi giận liền chẳng có Định, Định liền mất đi, nhưng Đà-la-ni chẳng mất, Đà-la-ni là trí huệ. Tuy nổi nóng, trí huệ chẳng mất, đó là trí huệ. Tâm tương ứng với thiện pháp, nó khởi tác dụng; tâm tương ứng với bất thiện pháp, nó vẫn khởi tác dụng, chẳng do phiền não mà bị mất đi! Nó chẳng như vậy. Đó là chỗ khác nhau giữa Đà-la-ni và tam-muội. Tam-muội là Định, Đà-la-ni là Huệ. Nếu lên tỷ dụ này cũng rất dễ hiểu, chẳng khó hiểu.

“*Hựu Trí Độ Luận viết: Đà-la-ni thế thế thường tùy Bồ Tát, chư tam muội bất nhĩ, hoặc thời dịch thân tắc thất*” (Trí Độ Luận lại nói: “Đà-la-ni đời đời thường theo Bồ Tát, còn các tam-muội chẳng được như vậy, hễ khi nào đổi thân liền bị mất đi”). Quả thật, đà-la-ni đời đời thường theo Bồ Tát, tức là trí huệ có thể mang theo được, nhưng công phu định lực thì không được. Công phu định lực có thể bị mất đi, [chẳng hạn như] sanh phiền não, Định bị mất đi, hoặc là khi đổi thân liền bị mất. Đổi thân bèn sanh phiền não, tham, sân, si dấy lên, tam-muội bèn mất đi. Thế nhưng, tuy Đà-la-ni không mất, khi nó tương ứng thì trí huệ giúp quý vị làm chuyện tốt, khi tham, sân, si, mạn hiện tiền thì trí huệ giúp quý vị làm chuyện xấu, quý vị có rất nhiều ý nghĩ xấu, chúng ta chớ nên không biết điều này. “*Cố tri Đà-la-ni nhất đắc vĩnh đắc, thắng tam-muội dã*” (Vì vậy, đà-la-ni một phen đã đạt được là vĩnh viễn đạt được, hơn hẳn tam-muội.). Thật vậy, tam-muội rất dễ mất đi, còn Đà-la-ni chẳng mất dễ dàng, không dễ dàng bỏ lỡ, các vị Bồ Tát đều chứng đắc.

(Kinh) Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội. Cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội.

(經) 隨時悟入華嚴三昧。具足總持百千三昧。

(Chánh kinh: Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, trọn đủ tổng trì trăm ngàn tam-muội).

Những câu này đều nhằm tán thán đại đức của các vị Bồ Tát dự hội. Tiếp đó, giải thích cho chúng ta biết Hoa Nghiêm tam-muội là gì. “*Hoa Nghiêm tam-muội, nãi Phật Hoa Nghiêm tam-muội chi dị xưng*” (Hoa Nghiêm tam-muội là tên gọi khác của Phật Hoa Nghiêm tam-muội), cũng là gọi giản lược, lược bớt chữ Phật, nên gọi là Hoa Nghiêm tam-muội. Tam-muội nghĩa là gì? Tiếp đó, [sách Chú Giải] giải thích, “*dĩ Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi vi lý thú*” (dùng Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi làm lý thú). Nói theo cách hiện thời, nó chẳng dùng mười pháp giới, mà dùng Nhất Chân pháp giới, nói là cạn hay sâu là do chỗ

này. Học thuật hiện thời, trong giới học thuật, bắt luận là Trung Quốc hay ngoại quốc, đều nương theo mười pháp giới. Quý vị nhìn từ chỗ này, Phật pháp tự nhiên cao hơn người khác một bậc, vì sao? Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói: *“Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trên toàn thế giới”*. Giải thích câu này như thế nào? Phật pháp dùng Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi làm lý thú. Học thuyết thế gian chưa hề dùng điều này, toàn là dùng mười pháp giới, dùng mười pháp giới vẫn được coi là rất cao. Hiện thời, Vật Lý Không Gian và Lượng Tử Học đã nói đến A Lại Da, A Lại Da ở trong mười pháp giới, chẳng nói đến Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. [Khoa học] chưa nói đến tầng này, nhưng nói đến mười pháp giới thì cũng đúng là rất giỏi, chẳng phải là chuyện đơn giản. Một mới là chân, hai là vọng, một là chân. Một là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chúng ta đều có thể buông xuống, Nhất Chân pháp giới liền hiện tiền, ở ngay trước mắt, không cần tìm kiếm khắp nơi. Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, không gì chẳng phải là Nhất Chân pháp giới. Vì sao chúng ta chẳng thấy? Chúng ta khởi tâm động niệm thì Nhất Chân liền mất đi, lại có phân biệt, chấp trước, đối với Nhất Chân càng mê sâu hơn, sâu đến nỗi chẳng thể quay về, coi lục đạo luân hồi là thật! Trong kinh điển đã dạy: *“Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, chúng ta đều biết đọc [lời này], mà cũng nói rành rẽ hợp lý, nhưng đó chẳng phải là cảnh giới của chính mình, vẫn mê luyện lục đạo luân hồi y như cũ, làm sao quý vị có thể hiểu được? Đó đều là chân tướng sự thật. Hễ mê, liền biến Nhất Chân pháp giới thành mười pháp giới. Đức Phật chẳng dạy chúng ta điều gì khác, mục tiêu chung cực là giúp chúng ta trở về Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là quê nhà của chúng ta, chúng ta từ Nhất Chân đi ra, Phật giúp chúng ta trở về. Nhất Chân pháp giới mới thật sự đặc đại tự tại, trong ấy có trí huệ viên mãn, có đức năng viên mãn, có tướng hảo viên mãn, như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã dạy: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, đó là chuyện thuộc về Nhất Chân pháp giới.

“Vô tận duyên khởi”: Nói đến duyên khởi thì *“duyên”* (緣) là nhân duyên, tức là nói đến nhân quả, *“khởi”* (起) là sanh khởi. Sanh khởi gì vậy? Sanh khởi vô lượng vô biên các pháp, dùng từ ngữ này (duyên khởi) làm một đại danh từ chung. Nay chúng ta thấy trong toàn thể vũ trụ, vô lượng, vô biên, vô tận, vô số tinh hệ, tinh cầu ở trong không gian, nay chúng ta nói là Vật Lý Không Gian, tức là thế giới vĩ mô. Quay đầu nhìn lại, nhìn cái nhỏ nhất là vi trần. Trong kinh Phật nói đến vi trần, còn trong khoa học nói đến tế bào. Tế bào có thể chia nhỏ hơn, nó do những gì hợp thành? Các phân tử. Phân tử là do các nguyên tử hợp thành. Nguyên tử do các điện tử hợp thành. Điện tử do các tiểu lập tử (hạt cơ bản) hợp thành. Các hạt do các khoa-khắc (quark) hợp thành. Hiện thời, [khoa học] nói khoa-khắc do các tiểu quang tử hợp thành, tìm đến vật chất nhỏ nhất. Tiểu quang tử còn có thể chia nhỏ nữa hay không? Hiện thời còn chưa biết. Tiểu quang tử được gọi là lượng tử, thế giới vi mô đấy! Khoa học hiện thời phát triển theo hai phương hướng, hai cực đoan này. Hai cực đoan này có thể thống nhất hay không? Thống

nhất trong Phật pháp là “lớn, nhỏ chẳng hai, tánh và tướng như nhau”, liền phát hiện sự kỳ diệu. Trong một vi trần có thể giới vĩ mô, có vũ trụ, trong một tiểu quang tử có vũ trụ, vũ trụ viên mãn. Trong vũ trụ lại có tiểu quang tử, trong tiểu quang tử đó lại có vũ trụ, trùng trùng vô tận. Kinh Phật nói như vậy, các nhà khoa học vẫn chưa phát hiện sự trùng trùng vô tận. Đó là vô tận duyên khởi, là chân lý.

“*Lý thú*” (理趣), Thú là hướng đến, quay về, [Lý Thú] là chỗ quy kết của chân lý, trong Phật pháp gọi điều này là “tự tánh”. Tự tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng không phải là tinh thần, bất cứ thứ gì cũng đều chẳng phải, chẳng có diện mạo bên ngoài, lục căn của chúng ta chẳng tiếp xúc được, mắt quý vị chẳng thấy, tai cũng chẳng nghe được, tâm cũng chẳng nghĩ được! Nó là thật, là bản thể của vạn vật trong vũ trụ, vạn hữu trong vũ trụ nương vào nó mà sanh, nên mới xuất hiện. Bất cứ gì cũng chẳng phải là nó, nhưng hết thấy các pháp đều chẳng thể rời khỏi nó. Chúng tôi giảng đến đây, thông thường có rất nhiều đồng tu đang cùng học tập với chúng ta qua màn hình TV hoặc computer, tôi bèn dùng màn hình để tỷ dụ tự tánh. Pháp giới vô tận duyên khởi có thể ví như những hình ảnh trên màn hình. Quý vị thu được rất nhiều băng tần, bình thường có thể thu tới hơn một trăm băng tần. Hơn một trăm băng tần ấy giống như vô tận duyên khởi đang nói ở đây. Quý vị bắt trúng băng tần, hình ảnh bèn hiện ra. Quý vị chẳng bắt trúng thì chẳng có hình ảnh. Như vậy là trong màn hình thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng thứ gì nó cũng đều có thể hiện; dùng màn hình tượng trưng cho Pháp Tánh, sánh ví những hình ảnh trong mỗi băng tần như pháp tướng. Pháp Tánh có thể sanh, có thể hiện, pháp tướng là cái được sanh, được hiện, năng-sở là một, chẳng hai. Còn đối với sự biến hóa thì biến hóa là thức, tánh chẳng có biến hóa. Do vậy, đức Phật nói: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, các thức biến hóa là thức. Thức là gì? Là phân biệt, chấp trước. Chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, sẽ chẳng khởi biến hóa. Chúng ta biết: Nếu chúng ta phân biệt, chấp trước rất ít, biến hóa cũng rất nhỏ. Nếu phân biệt, chấp trước rất lớn, nó sẽ biến hóa to lớn, đạo lý là như vậy đó. Người ấy nhập Định, nhập Định là gì? Nhập Định là buông phân biệt, chấp trước xuống; người ấy chẳng phân biệt, không chấp trước, quý vị sẽ có thể thấy bản lai diện mục của rất nhiều hiện tượng, chúng tôi thường nói là “chân tướng sự thật”. Dùng tâm phân biệt, dùng tâm chấp trước, quý vị chỉ thấy pháp tướng dấy lên sự biến hóa, giống như sóng thiên biến vạn hóa, hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng. Sau khi đã hiểu đạo lý này, con người phải nên định tâm, tâm phải thiện lương, đó là chân tâm. Trở về tự tánh, trong tự tánh một niệm chẳng sanh, chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là trở về. Khởi tâm động niệm là đi ra bên ngoài, càng đi càng xa, chớ nên không biết đạo lý này.

“*Đạt thủ lý thú*” (thông đạt lý thú ấy), “đạt” là thông đạt. Đối với đạo lý này, phải thật sự hiểu rõ, phải minh bạch. “*Niep giải nhi khởi vạn hạnh*” (liền từ liễu giải khởi ra vạn hạnh). Thông đạt, hiểu rõ, Giải (解) là liễu giải. Sau khi thông đạt, hiểu rõ, sẽ biến thành hành vi

của chính mình, biến những Lý ấy thành tư tưởng của chính mình, biến những Thuyết thành những hành vi trong cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật. Đó là gì? Đó là sở hành của chư Phật Như Lai. Chúc mừng quý vị, quý vị sống cuộc đời gì? Sống cuộc đời của chư Phật Như Lai, trong nhân gian chẳng có, mà trên cõi trời cũng chẳng tìm được, cuộc sống ấy là [cuộc sống trong] thế giới Cực Lạc. Do vậy, người trong thế giới Cực Lạc, ai nấy đều đắc Hoa Nghiêm tam-muội. “*Trang nghiêm Phật quả vị chi Hoa Nghiêm*” (trang nghiêm Phật quả gọi là Hoa Nghiêm), quý vị thấy đó, dùng gì để trang nghiêm? Dùng Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi để trang nghiêm Phật quả, đó là thế giới Cực Lạc, còn thù thắng hơn thế giới Hoa Tạng. “*Nhất tâm tu chi vị chi tam-muội*” (do nhất tâm tu tập nên gọi là tam muội). Nếu chúng ta chẳng biết thì là mê, là phạm phu; sau khi đã biết, bèn buông xuống vạn duyên, nhất tâm chuyên tu, đó là Hoa Nghiêm tam-muội. Người nào tu? Pháp Thân Bồ Tát tu, chẳng phải là kẻ bình phàm, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: Sau khi minh tâm kiến tánh, các Ngài tu Hoa Nghiêm tam-muội. Chưa kiến tánh thì sẽ không được. Chưa kiến tánh, làm sao quý vị có thể dùng Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi? Quý vị chẳng dùng được.

“*Tịnh Ảnh Sớ viết: Như Hoa Nghiêm thuyết*” (Tịnh Ảnh Sớ nói: “Như Hoa Nghiêm nói”), như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, “*bình tất tam-muội, thống nhiếp pháp giới nhất thiết Phật pháp, tất nhập kỳ trung*” (môn tam-muội ấy thống nhiếp hết thảy Phật pháp trong pháp giới, đều bao gồm trong đó). Tam-muội ấy là Hoa Nghiêm tam-muội, quý vị thấy Hoa Nghiêm tam-muội là gì? Trong Hoa Nghiêm tam-muội, thống nhiếp hết thảy Phật pháp trong pháp giới. Vào thời Tùy - Đường, các vị đại đức trong Phật môn thuở ấy cũng đã nghiên cứu vấn đề này: Suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật, hết thảy các pháp do Ngài đã nói trong bốn mươi chín năm, giảng hết thảy kinh, bộ kinh nào có thể làm đại biểu, thống nhiếp hết thảy các pháp do Ngài đã nói trong bốn mươi chín năm? Rất nhiều vị đại đức đồng ý, công nhận kinh Hoa Nghiêm; do vậy, kinh Hoa Nghiêm được gọi là “*căn bản pháp luân*”. Giống như một đại thụ, Hoa Nghiêm là cội rễ, hết thảy các kinh khác là cành, lá, hoa, quả trên cái cây ấy, giống như vậy đó. Hoa Nghiêm được coi là căn bản. Tiên sinh Phương Đông Mỹ cũng có cách nhìn này, cụ coi kinh Hoa Nghiêm là khái luận của hết thảy kinh giáo do đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong một đời. Thuở ấy, tôi theo cụ học triết học từ kinh Phật, cụ giới thiệu kinh Hoa Nghiêm, bảo đấy là khái luận triết học trong kinh Phật. Bất luận Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Giáo, Mật Giáo, Đại Thừa, Tiểu Thừa trong Phật môn đều được bao gồm trong bộ sách này, chẳng sót một pháp nào. Hoa Nghiêm là Đại Tổng Trì Môn, thật sự thống nhiếp hết thảy Phật pháp trong pháp giới. Chỗ quy túc cuối cùng trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta gọi là Lý Thụ, tức là chỗ mà đạo lý đến cuối cùng sẽ quy hướng, chỗ quy hướng cuối cùng là kinh Vô Lượng Thọ. Vì sao nói vậy? Thành tựu cuối cùng trong kinh Hoa Nghiêm là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, đoạn khai thị này vô cùng quan trọng! Hoa Nghiêm cuối cùng quy về đâu? Quy về thế giới Cực Lạc. Do vậy, một phẩm này, vẫn là phần Chứng Tín

Tự. Quý vị thấy tựa đề của phẩm này là Đức Tuân Phổ Hiền. Nói thật ra, thế giới Cực Lạc là thế giới của Phổ Hiền Bồ Tát, vô tận hạnh môn của Phổ Hiền Bồ Tát đều được thực hiện trong thế giới Cực Lạc. Nếu quý vị muốn thấy vô lượng, vô biên, vô tận công đức thù thắng của Phổ Hiền Bồ Tát, hãy đến thế giới Cực Lạc để xem. Chỗ ấy làm mô hình kiểu mẫu của Phổ Hiền hạnh, quý vị tới đó, liền có thể trông thấy. Như vậy là [kinh Hoa Nghiêm] quy vào kinh Vô Lượng Thọ. Trong niên hiệu Càn Long đời nhà Thanh trước kia, cư sĩ Bành Nhị Lâm đã nói: “*Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bản Hoa Nghiêm*”, nói rất hay! Nói cách khác, kinh Hoa Nghiêm là Đại Bản Vô Lượng Thọ Kinh, nội dung giảng giải như nhau, trong một đàng nói giản lược, một đàng nói tỉ mỉ. Nói cặn kẽ, kinh Vô Lượng Thọ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Nói đại lược thì Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là kinh Vô Lượng Thọ; do vậy [hai kinh] là một, không hai. Còn có một tiểu bản, Phật Thuyết A Di Đà Kinh là Tiểu Bản Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm gọi là Đại Bản, Đại Bản A Di Đà Kinh hay Đại Bản Vô Lượng Thọ Kinh đều được!

Từ cách nói này của các vị cổ đức, chúng ta lại nghiên cứu, nghiên cứu gì? “*Binh nhất tam-muội, thống nhiếp pháp giới nhất thiết Phật pháp, tất nhập kỳ trung*” (môn tam-muội ấy thống nhiếp hết thấy Phật pháp trong pháp giới đều bao gồm trong ấy). Tìm ra môn tam-muội này. Chúng ta lại tìm trong kinh Vô Lượng Thọ, bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư chia thành bốn mươi tám phẩm, phẩm nào có thể đại diện toàn bộ bản kinh, tức [phẩm nào] là trung tâm của cả bộ kinh? Chúng ta biết, cổ đại đức nói: Phẩm thứ sáu tức phần nói về bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện là cốt lõi của kinh Vô Lượng Thọ, mà phẩm kinh ấy do chính A Di Đà Phật tự nói, Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ thuật lại. Bốn mươi tám nguyện gồm bốn mươi tám điều, điều nào là trung tâm? Cổ đại đức nói “nguyện thứ mười tám”. Nguyện thứ mười tám là “*mười niệm tất vãng sanh*”, quy về chỗ nào? Quy về một câu Nam-mô A Di Đà Phật. Chúng ta đã tìm ra: Bốn mươi tám nguyện là triển khai của nguyện thứ mười tám, nguyện thứ mười tám triển khai thành bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện lại triển khai thành kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ lại triển khai thành kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm triển khai thành hết thấy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Vì thế, chúng ta hiểu “*binh nhất tam-muội*” (môn tam-muội ấy) là gì? Là một câu danh hiệu, một câu Nam-mô A Di Đà Phật sáu chữ! Sáu chữ ấy thống nhiếp hết thấy Phật pháp trong pháp giới, chẳng phải là ý nghĩa này hay sao? Chúng tôi truyền một câu Phật hiệu tức là đã truyền hết thấy Phật pháp trong pháp giới cho quý vị.

Rất nhiều người biết niệm A Di Đà Phật, nhưng A Di Đà Phật nghĩa là gì, chẳng ai biết! Ở đây, chúng ta mới hiểu, một câu A Di Đà Phật là cốt lõi của Phật pháp do mười phương ba đời hết thấy chư Phật đã nói. Bất luận giảng pháp môn nào, đều chẳng có cách vượt thoát, nó là đỉnh cao nhất trong hết thấy Phật pháp, nó là chỗ rốt ráo trong hết thấy Phật pháp. Do vậy, thứ gì cũng đều chẳng hiểu, thứ gì cũng chưa từng học, nhưng niệm một câu A Di Đà Phật này,

niệm mấy năm, người ấy biết trước lúc mất, tự tại vắng sanh. Đó là gì? Người ấy thật sự buông xuống vạn duyên, nắm được tổng cương lĩnh của hết thảy các Phật pháp, đã tìm được. Tổng cương lĩnh là một câu A Di Đà Phật, tuyệt diệu thay! Chư Phật Như Lai, tổ sư đại đức từ bi đến cùng cực, đã đem bí mật này truyền cho quý vị, nhưng quý vị không biết. Quý vị thật sự đạt được một câu Nam-mô A Di Đà Phật này, quý vị bèn đạt được toàn bộ tất cả hết thảy Phật pháp. Ở đây nói là Niệm Phật tam-muội, thảy đều đạt được. Vì sao? Nó là tự tánh, tự tánh viên mãn. Do vậy, một câu danh hiệu này là đức hiệu của tự tánh. “Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” trong Tông Môn còn chưa phải là thấy A Di Đà Phật? A Di Đà Phật có nghĩa là gì, quý vị phải hiểu, quý vị sẽ không hoài nghi. Vô Lượng Giác, đó là tiếng Phạn dịch [chữ A Di Đà Phật] sang nghĩa tiếng Hán. A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Vô Lượng Giác là thống nhiếp Phật pháp trong hết thảy pháp giới.

“Bát Thập Hoa Nghiêm viết: ‘Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ Tát nhập quảng đại tam-muội, danh Phật Hoa Nghiêm’. Hựu Lục Thập Hoa Nghiêm viết: ‘Phổ Hiền Bồ Tát Chánh Thọ tam-muội, kỳ tam-muội danh Phật Hoa Nghiêm’. Pháp Giới Ký vân: ‘Ngôn Hoa Nghiêm tam-muội giả, giải vân, Hoa giả, Bồ Tát vạn hạnh dã. Hà giả? Dĩ hoa hữu sanh thật (chỉ quả thật) chi dụng. Hành hữu cảm quả chi năng. Tuy phục nội ngoại lưỡng thù, sanh cảm lực dụng tương tự. Kim tức dĩ pháp thác sự, cố danh Hoa dã. Nghiêm giả, hạnh thành quả mãn, khế hợp tương ứng, cấu chương vĩnh tiêu, chứng lý viên mãn, tùy dụng tán đức, cố xưng vi Nghiêm dã. Tam-muội giả, lý trí vô nhị, giao triệt dung dung, bỉ thử câu vong, năng sở tư tuyệt, cố vân tam-muội dã” (Kinh Bát Thập Hoa Nghiêm nói: “Lúc ấy, Phổ Hiền Bồ Tát nhập tam-muội rộng lớn tên là Phật Hoa Nghiêm”. Kinh Lục Thập Hoa Nghiêm lại chép: “Phổ Hiền Bồ Tát chánh thọ tam-muội, tam-muội ấy tên là Phật Hoa Nghiêm”. Sách Pháp Giới Ký viết: “Hoa Nghiêm tam-muội được giải thích như sau: Hoa là vạn hạnh của Bồ Tát, vì sao? Do công dụng của hoa là có thể kết trái (chỉ quả, hạt), hạnh có khả năng cảm được quả. Tuy là pháp nội, ngoại khác nhau, nhưng lực dụng sanh và cảm tương tự. Dùng sự để tỏ bày pháp nên gọi là Hoa. Nghiêm là hạnh thành, quả mãn, khế hợp tương ứng, cấu chương vĩnh viễn tiêu trừ, chứng lý viên mãn. Dựa trên Dụng để khen ngợi Đức, nên gọi là Nghiêm. Tam-muội là lý trí vô nhị, triệt để dung hội, đây, kia đều chẳng còn, năng, sở dứt bật, nên nói là tam-muội”). Đoạn này trước hết trích dẫn kinh Bát Thập và Lục Thập Hoa Nghiêm, nói lên các ý nghĩa như nhau, đều là nói tới Phổ Hiền Bồ Tát. Ngài đạt được môn tam-muội tên là Phật Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm tam-muội nghĩa là gì? Trong sách Pháp Giới Ký 2[2] có giải thích: Hoa là vạn hạnh của Bồ Tát, biểu thị ý nghĩa này. Vì thế, chúng ta cúng hoa trước

2[2] Sách này có tên gọi đầy đủ là Hoa Nghiêm Du Tâm Pháp Giới Ký do ngài Pháp Tạng soạn vào đời Đường. Nội dung trình bày những giáo nghĩa trọng yếu trong kinh Hoa Nghiêm, chia các giáo nghĩa thành các môn Pháp Thị Ngã Phi, Duyên Sanh Vô Tánh, Sự Lý Hồn Dung, Ngôn Tận Lý Hiện, Thừa Giáo, Thi Giáo, Chung Giáo, Đôn Giáo, Viên Giáo, và giảng giải tương trạng sâu cạn của các môn ấy.

bànPhật, phải hiểu hoa chẳng phải để cho Phật ngắm, mà nhằm biểu thị pháp, hoa tượng trưng cho hạnh môn. Ở đây giải thích, hoa có [tác dụng] “*sanh thật*” (kết quả), “*Thật*”(實) là quả hạt. Thực vật trước khai hoa, sau kết quả. Hoa nở đẹp để chúng ta biết quả nhất định trở tốt đẹp. Lục độ vạn hạnh của Bồ Tát có thể cảm quả. Lục độ vạn hạnh lành nhân, quý vị tu nhân, trong tương lai nhất định có quả báo. Lục độ vạn hạnh cảm quả là Phật Hoa Nghiêm. Tuy trong và ngoài khác nhau, nhưng lực dụng của sanh và cảm tương tự. Hoa là nói theo bề ngoài, dùng thực vật làm tỷ dụ. Bồ Tát tu hành là bên trong, tu Lục Độ vạn hạnh sử dụng công phu bên trong. Tuy trong và ngoài khác nhau, nhưng đạo lý tu nhân cảm quả tương thông, nên lực dụng của sanh và cảm là tương tự. Nay mượn sự để biểu thị pháp, nên gọi là Hoa; vì vậy, Hoa là tỷ dụ.

“*Nghiêm*”: Nghiêm là trang nghiêm. Nói theo quả, hạnh thành, quả mãn, [nghĩa là] tu hành thành tựu, quả báo liền hiện tiền. Bồ Tát thiện tâm thiện hạnh. Bồ Tát tâm là đại Bồ Đề tâm, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, đó là Bồ Tát tâm. Chúng ta thường nói Bồ Tát hạnh là Tam Học (Giới, Định, Huệ), Lục Độ, Lục Hòa Kính, mười nguyện Phổ Hiền, đều là trong lành, triển khai ra bên gọi là vạn hạnh. Hạnh thành, quả mãn, phù hợp tương ứng, phù hợp với Tánh Đức, tương ứng với vô tận duyên khởi. “*Câu chướng*”, Câu (垢) là phiền não, Chướng (障) là nghiệp chướng, “*vĩnh tiêu*” (永消) là vĩnh viễn tiêu trừ, chẳng còn nữa! “*Chứng lý viên mãn*”, lý ấy là tâm tánh, minh tâm kiến tánh. “*Tùy dụng tándức*”, Dụng là khởi dụng, khởi lên tác dụng gì? Hóa độ hết thấy chúng sanh, triển hiện vô tận đức hạnh của Bồ Tát. Sách Hoàn Nguyên Quán nói đến bốn loại lớn: “*Tùy duyên diệu dụng, oai nghi có pháp tắc, nhu hòa chất trực, chịu khổ thay cho chúng sanh*”, triển hiện những điều ấy, nên gọi là Nghiêm. Lại giải thích tam-muội là “*Lý Trí bất nhị*”. Lý là Thể, Trí là Dụng. Lý là tự tánh, Trí là trí huệ. Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh. “*Giao triệt dung dung, bỉ thử câu vong*” (triệt để dung hội, đây kia đều mất), khi Bồ Tát khởi dụng, không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, đây - kia đều mất, năng-sở đều dứt thì gọi là tam-muội, đó chẳng phải là tam-muội bình phàm. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 123

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi ba, dòng thứ sáu từ dưới đếm lên.

“*Hoa Nghiêm kinh hựu vân*” (kinh Hoa Nghiêm lại nói), xem từ chỗ này, “*nhất thiết tự tại nan tư nghị, Hoa Nghiêm tam-muội thế lực cố*” (Hết thấy tự tại khó nghĩ bàn là do thế lực của Hoa Nghiêm tam-muội). “*Hựu Hợp Tán viết: -Pháp giới duy tâm, danh Phật Hoa Nghiêm. Dĩ nhân hạnh hoa, nghiêm quả đức tướng, linh hiển trước cố. Nhập thử tam-muội, hiện kiến thập phương Phật cập Phật độ*” (Sách Hợp Tán lại nói: “Pháp giới duy tâm gọi là Phật Hoa Nghiêm. Dùng hoa nhân hạnh trang nghiêm khiến cho tướng trạng của quả đức được hiển hiện. Nhập tam-muội này sẽ thấy mười phương Phật và các cõi Phật trong hiện tại”). Vẫn là dùng kinh luận để giải thích Hoa Nghiêm tam-muội. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải bộ đại kinh này, trích dẫn một trăm chín mươi ba bộ kinh luận, nên chúng ta đọc bản chú giải của cụ, cũng giống như xem hơn một trăm bộ kinh luận. Những văn tự có liên quan đến kinh Vô Lượng Thọ ở đây đều là tiếng Việt, cốt lõi, ở chỗ này chúng ta có thể thấy được! Ở đây, trích dẫn kinh Hoa Nghiêm để nói, hai câu sau đây là kinh văn: “*Nhất thiết tự tại nan tư nghị, Hoa Nghiêm tam-muội thế lực cố*”. Trong phần trước, chúng ta đã học Hoa Nghiêm tam-muội dùng Nhất Chân pháp giới làm duyên khởi vô tận, đó là lý luận và chỗ quy thú của nó. Thông đạt, hiểu rõ, nương theo đó để thực hiện, nương theo lý luận, phương hướng, và mục tiêu để xử sự, chúng ta thường nói là “tu hành”. Đó là tam-muội, [tam-muội ấy] được gọi là Hoa Nghiêm tam-muội. Do đó, đặc biệt Hoa Nghiêm tam-muội thì hết thấy tự tại, vì sao? Thế của Hoa Nghiêm tam-muội là Nhất Chân pháp giới, là vô tận duyên khởi, nói theo cách hiện thời là toàn thể vũ trụ. Bất luận tánh, tướng, lý, sự, nhân, quả, không gì chẳng thông đạt, chẳng có gì không hiểu rõ, nên người ấy mới đắc tự tại. Vì vậy, chúng ta có thể biết: Chẳng tự tại là vì đâu? Do mê mất tự tánh.

Lục đạo phàm phu chúng ta, cho đến các vị tiêu thánh trong tứ thánh pháp giới, đều chưa khai ngộ. Hoa Nghiêm tam-muội là cảnh giới đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Chưa khai ngộ là phàm phu, ở trong lục đạo; trong pháp Đại Thừa, những người ấy được gọi là “*nội phàm*”, do còn ở trong lục đạo. Tứ thánh pháp giới được gọi là “*ngoại phàm*”, ở ngoài lục đạo. Vì sao gọi họ là phàm phu? Chưa kiến tánh, vẫn dùng vọng tâm y như cũ. Vọng tâm là A Lại

Da, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Bất quá, họ sử dụng [vọng tâm] thù thắng hơn chúng ta. Chúng ta mê mà bất giác, lại không tin lời Phật, Bồ Tát, hoàn toàn cậy vào phiền não tập khí của chính mình để xử sự; trên thực tế, xử sự kiêu đố bèn tạo nên oan nghiệt. Tứ thánh pháp giới tuy dùng vọng tâm, nhưng họ tin Phật. Tôi dùng chữ này, các đồng học phải lưu ý, tức là chúng ta không tin Phật, họ tin Phật. Vì sao? Họ nghe theo giáo huấn của đức Phật, thật sự hành. Còn chúng ta hằng ngày nghe Phật dạy, nghe cũng đã nhàm tai, chẳng thật sự hành. Dẫu có hành thì cũng bớt xén rất lớn! Ví dụ như điều cơ bản nhất là Thập Thiện Nghiệp Đạo, đây là giáo huấn cơ sở của đức Phật, học Phật là học từ chỗ nào? Học bắt đầu từ chỗ này, chúng ta có làm được hay không? Đức Phật dạy chúng ta đừng sát sanh, chúng ta có làm được hay không? [Quý vị khoe] “ta không sát sanh”, nhưng muốn đến chích quý vị, chẳng phải là quý vị đập nó chết tươi? Nếu quý vị đánh chết nó thì chẳng phải là đã sát sanh rồi hay sao? Lại hỏi chúng ta có ăn thịt hay không? Ăn thịt cũng là sát sanh. Chúng ta có ý niệm tổn hại kẻ khác hay không? Có ý niệm tổn hại người khác chính là ý niệm sát sanh, tức là quý vị chẳng đoan dứt sát tâm, còn có ý niệm làm tổn hại người khác. Đối với trộm cắp, chúng ta không trộm cắp, nhưng có ý niệm chiếm tiện nghi hay không? Quốc dân đóng thuế cho quốc gia là nghĩa vụ, là chuyện đáng nên làm, chúng ta có hy vọng phải nộp thuế ít hơn một chút, tìm văn bản pháp luật xem có chỗ nào để có thể trốn thuế hay không để chúng ta đóng thuế ít hơn một chút, tâm niệm ấy là tâm trộm cắp. Tuy chẳng trộm cắp, nhưng quý vị có tâm trộm cắp, có ý niệm trộm cắp. Vì thế, mỗi điều đều rất vi tế, chúng ta dường như không làm, nhưng suy nghĩ kỹ, tất cả đều phạm, đó là gì? Đó là lục đạo phạm phu.

Những vị trong tứ thánh pháp giới thật sự làm được. Không chỉ làm được, mà còn làm vô cùng vi tế. Thánh nhân Tiểu Thừa, chúng ta thấy A La Hán và Bích Chi Phật, hai loại trước trong tứ thánh pháp giới là Tiểu Thừa, hai loại sau là Đại Thừa, tức Bồ Tát và Phật, Tiểu Thừa có thể triển khai Thập Thiện Nghiệp Đạo thành ba ngàn điều, chẳng phải là mười điều. Mười điều triển khai thành ba ngàn điều, tức ba ngàn oai nghi. Bồ Tát pháp giới và Phật pháp giới càng thù thắng hơn, các Ngài triển khai thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh^{3[1]}. Đó là trong mười pháp giới, chưa thoát khỏi mười pháp giới, là ngoại phạm, nhưng các Ngài làm được. Tứ thánh pháp giới thật sự là đệ tử của đức Phật. Do vậy, có thể biết: Trong Nhất Chân pháp giới, ở đây nói là “Nhất Chân pháp giới”, các vị Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới đều đắc Hoa Nghiêm tam-muội. Thập Thiện Nghiệp Đạo được triển khai không phải là tám vạn bốn ngàn, mà là vô lượng, vô biên, vô số, vô tận, đạt tới viên mãn rốt ráo. Vì thế, “nhất thiết tự tại nan tư nghị”

3[1] “Tám vạn bốn ngàn tế hạnh” chỉ là cách nói tượng trưng nhằm tiêu biểu vô lượng oai nghi, tế hạnh. Nếu hiểu theo Pháp Tướng (như cách giải thích trong bộ Tam Tạng Pháp Số) thì đối với 250 giới của hàng tỳ-kheo, mỗi giới đều bao gồm bốn oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi nên $250 \times 4 = 1.000$. Phối hợp một ngàn tế hạnh ấy với Tam Tụ Tịnh Giới thành $1.000 \times 3 = 3.000$. Lại phối hợp ba ngàn hạnh ấy với bảy điều giết, trộm, dâm, dối, lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngữ, ý ngữ thành $3.000 \times 7 = 21.000$, lại phối hợp với tham, sân, si, đẳng phân thành $21.000 \times 4 = 84.000$ tế hạnh.

(hết thầy tự tại khó nghĩ bàn), chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng. Đó là gì? “*Hoa Nghiêm tam-muội thế lực cố*” (do thế lực của Hoa Nghiêm tam-muội). Các Ngài chứng đắc Hoa Nghiêm tam-muội, nên mới có sự thù thắng như vậy. Tự tại là giải thoát, trong Phật quả nói đến ba đức là Bát Nhã, Pháp Thân, Giải Thoát, [các Ngài] đều chứng đắc ba thứ ấy viên mãn.

Trong sách Hợp Tán có nói khá cặn kẽ: “*Pháp giới duy tâm, danh Phật Hoa Nghiêm*” (pháp giới duy tâm gọi là Phật Hoa Nghiêm). Pháp giới là hết thầy các pháp, hết thầy các pháp do đâu mà có? Kinh Hoa Nghiêm đã dạy chúng ta: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tánh-Tướng nói theo cách hiện thời thì Tánh là hiện tượng tinh thần, Tướng là hiện tượng vật chất. Trong kinh Phật, thường dùng Ngũ Uẩn để hình dung và thuyết minh. Ngũ Uẩn gồm năm điều, tức năm pháp. Thứ nhất là Sắc, Sắc là nói tới vật chất. Bất luận trong tình huống nào, dù là chất rắn, chất lỏng, hay chất khí, nói chung, nó là vật chất, đều là Tướng Phần của A Lại Da. Hiện tượng tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nó cảm thụ, nó có cảm nhận. Cũng có thể nói là nó có các thứ cảm nhận khổ, lạc, ưu, hỷ. Vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng thể tách rời, chúng kết hợp cùng một chỗ, nên hiện tượng vật chất nào cũng đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Quý vị thấy tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, nước là khoáng vật, thật sự thí nghiệm thấy nước có thể nhìn, nghe, và hiểu ý nghĩ của con người. Chúng ta đối xử tốt đẹp với nó, nó có thể cảm nhận, nó rất vui sướng, rất hoan hỷ. Chúng ta đối xử với nó không tốt, nó rất khổ não, nó có thể hiện ra hình tướng cho chúng ta thấy. Chúng ta xử tốt với nó, nói: “Chúng tôi rất ưa thích người, rất mến người”, nó phản ứng vô cùng đẹp đẽ. Chúng ta nói “tao ghét mày, tao chẳng ưa mày”, nó phản ứng rất xấu xí. Điều này cho thấy nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nói theo kiểu của người hiện thời, toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ, sống động, chẳng chết cứng! Trong bất cứ hiện tượng vật chất nào, cũng đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Pháp giới duy tâm, đó là “*Phật Hoa Nghiêm*”.

“*Dĩ nhân hạnh hoa*” (do coi hạnh trong lúc tu nhân là hoa), Hoa tượng trưng cho cái nhân, Nghiêm biểu thị cái quả. Đây là dùng thực vật để tỷ dụ, quý vị thấy thực vật nở hoa trước, kết quả sau. Trong sự cúng dường của chúng ta, tức là sự cúng dường trong Phật pháp, hương và hoa thường được dùng nhất. Kẻ bình phàm chỉ biết thắp hương, dùng hoa tươi cúng Phật; thật ra, phải hiểu ý nghĩa của nó. Chẳng hiểu ý nghĩa của nó, sẽ là chỉ có hình thức, chẳng có thực chất. Thực chất quan trọng hơn hình thức, chúng ta phải biết điều này! Phật pháp, trọng thực chất, chẳng trọng hình thức. Do vậy, cá nhân chúng ta tu hành, hãy nên trọng thực chất, đừng trọng hình thức, nhưng ở chung với đại chúng, hình thức rất quan trọng, vì sao? Biểu thị pháp. Chúng ta cùng đại chúng cộng tu trong Phật đường, trước hình tượng Phật, Bồ Tát, phải cúng hương, hoa, chú riêng mình tu hành thì chẳng cần thiết. Một nén hương là đủ rồi, hương, đèn, nước, một chén nước, khi bản thân chúng ta tu học [chỉ cần như vậy] là được rồi. Hương tượng trưng cho Tín, tín hương, đại biểu Giới, Định. Quý vị thấy trong bài Hương Tán có câu “*Giới Định chân hương*”, biểu thị điều này. Do vậy có thể biết: Hương là

hình tướng, thực chất là gì? Thực chất là Giới, Định. Nếu chúng ta chẳng có Giới, chẳng có Định, chỉ làm một nén hương suông, tức là chỉ có hình thức, chẳng có thực chất. Hương nhắc nhở chính mình phải tu Giới-Định, và cũng nhắc nhở người khác, nó có ý nghĩa ấy. Cúng hoa, hoa biểu thị sự tu nhân, nhân gì vậy? Lục Độ là nhân, bổ thí, trì giới. Trong trì giới, Thập Thiện là nhân. Do vậy, chúng ta chú trọng tu nhân. Chẳng cúng hoa không sao cả, chúng ta thật sự tu hành là tu nhân, tu Thập Thiện, tu Lục Độ, đó là ý nghĩa của việc cúng hoa. Không cúng hoa, nhưng chúng ta đã đạt được ý nghĩa ấy, tức là có thực chất, chẳng có hình thức; điều này rất trọng yếu, hình thức chẳng trọng yếu. Chúng ta cúng trái cây, trái cây biểu thị phương hướng và mục tiêu tu hành, trái cây tượng trưng điều gì? Tượng trưng Bồ Đề, tượng trưng Niết Bàn. Chúng ta tu Tịnh Độ, quả ấy biểu thị Tây Phương Cực Lạc thế giới, niệm niệm chẳng quên, mang ý nghĩa này. Do vậy, hương và hoa là nhân, hoa nhân hạnh cảm quả đức, “*trang nghiêm*” là quả đức. Đối với tự thân, quả đức là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” như trong kinh đã nói, đó là quả, nâng cao cảnh giới của chính mình, trang nghiêm quả đức. “*Linh hiển trước cổ*” (khiến cho hiển hiện), cổ nhân Trung Quốc nói: “*Tồn u nội, nhi hình u ngoại*” (chất chứa bên trong, sẽ thể hiện ra bên ngoài). Trong tâm quý vị có thanh tịnh, bình đẳng, giác, liền hiện ra ngoài. Trong tâm người ta hoan hỷ, quý vị sẽ thấy vẻ mặt tươi cười. Người mang nỗi âu lo, quý vị thấy sắc mặt họ rất khó coi, đó là biểu hiện ra ngoài. Do vậy, nếu tâm địa quý vị thanh tịnh, tướng thanh tịnh liền hiện tiền; bình đẳng thì tướng bình đẳng cũng sẽ hiện ra, đó là “*quả đức hiển trước*” (quả đức hiển lộ).

“*Nhập thữ tam-muội*” (nhập tam-muội này), “*nhập*” là khế nhập, quý vị chứng đắc, tu thành. Quả là “*hiện kiến thập phương Phật cập Phật độ*” (thấy thập phương Phật và cõi Phật trong hiện tại). “*Hiện*” (現) là hiện tiền (現前). Trong hiện tiền, quý vị thấy mười phương chư Phật, thấy Phật. Quý vị cũng thấy các cõi nước của mười phương chư Phật. Mười phương Phật là thầy của chúng ta. Mười phương cõi Phật là đạo tràng tu hành của chúng ta. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, lão nhân gia suốt đời chẳng kiến lập đạo tràng, vì sao chẳng dựng đạo tràng? Nơi nơi chốn chốn đều là các cõi nước của mười phương chư Phật, chính mình cần gì phải tự xây đạo tràng? Chính mình dựng đạo tràng, tam-muội rất khó hiện tiền, vì sao? Quý vị có phân biệt, có chấp trước, tâm quý vị không thanh tịnh, tâm quý vị bất bình đẳng, chẳng buông tập khí phiền não xuống được. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta một chiêu này vô cùng cao minh, bỏ sạch hết thảy, chẳng mảy may lưu luyến thế gian này. Tự hành, hóa tha, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, nơi nào có duyên bèn đến đó, kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh. Nghĩa lý trong kinh văn rộng lớn, chẳng có ngần mé, đâu đâu cũng đều có thể thấy. Ở chỗ này, chúng tôi nói đến đây, phía sau còn bổ sung rất nhiều điều.

“*Hựu Gia Tường Sớ viết: Thử tam-muội giai sức Pháp Thân, cố vân Hoa Nghiêm*” (Gia Tường Sớ lại giảng: “Tam-muội này đều dùng để trang hoàng Pháp Thân, nên gọi là

Hoa Nghiêm”). Trong chữ Hoa Nghiêm (華嚴), Hoa là hoa lệ (華麗: rực rỡ, lộng lẫy), Nghiêm là trang nghiêm. Quý vị thấy bọn chúng ta tham dự tiệc tùng, mặc lễ phục, đeo chuỗi châu ngọc. Đó là trang nghiêm, vậy thì Hoa Nghiêm là dùng tỷ dụ. Dùng gì để trang nghiêm? Dùng tam-muội, dùng Hoa Nghiêm tam-muội để trang hoàng Pháp Thân, đó là Hoa Nghiêm. Chúng ta xem câu tiếp theo, câu này do cụ Niệm Tổ giảng: “*Nhân thử tam-muội, trang nghiêm Pháp Thân có, dĩ thượng chư thuyết, giai minh Hoa Nghiêm tam-muội chi nghĩa*” (Do tam-muội này trang nghiêm Pháp Thân, nên các thuyết như trên đều giảng rõ ý nghĩa của Hoa Nghiêm tam-muội), đều là ý nghĩa của Hoa Nghiêm tam-muội, tam-muội này có thể trang nghiêm Pháp Thân. Pháp Thân là gì? “*Kỳ trung Hợp Tán sở vị ‘pháp giới duy tâm, danh Phật Hoa Nghiêm’; thử biểu Nhất Chân pháp giới duy thị tự tâm, vu thử liễu đạt, tức Hoa Nghiêm tam-muội*” (Trong đây, thuyết “pháp giới duy tâm gọi là Phật Hoa Nghiêm” của sách Hợp Tán biểu thị: Nhất Chân pháp giới chỉ là tự tâm. Thấu đạt được điều này thì đó chính là Hoa Nghiêm tam-muội). Cách giảng này rất hay. Nhất Chân pháp giới, nói thật với quý vị, Chân là gì? Theo định nghĩa trong giáo pháp Đại Thừa, hễ nói tới Chân thì nó là tồn tại vĩnh hằng, bất sanh, bất diệt, vĩnh hằng bất biến, đó là Chân. Chúng ta hãy suy nghĩ, vạn sự vạn vật trong vũ trụ, thứ gì là bất biến? Con người chúng ta, người sống trong thế giới này có sanh, lão, bệnh, tử, biến đổi trong từng sát-na. Con người già đi, chẳng phải là mười năm sau già hơn mười năm trước, chẳng phải vậy, mà là mỗi năm một già hơn! Nếu quý vị xét kỹ, mỗi tháng một già hơn, mỗi ngày một già hơn. Nói thật với quý vị, mỗi giây một già hơn, giây trước còn trẻ trung, giây sau đã già khom. Sát-nachẳng trụ, chẳng ngưng nghỉ, luôn biến hóa, đó là giả, chẳng thật. Đức Phật dạy chúng ta đạo lý này, [hễ thứ nào] có hiện tượng ấy (hiện tượng sanh diệt, biến hóa), quý vị liền biết nó là giả, chẳng thật!

Chúng ta thấy hoa cỏ, cây cối bên ngoài, hoa, cỏ, cây cối cũng là vô thường. Hoa nở, hoa tàn, Xuân sanh thành, Hạ tăng trưởng, mùa Thu lá cây úa vàng, mùa Đông trút lá. Vì thế, nó cũng là vô thường, chẳng thật, là giả. Lại nhìn đến khoáng vật, núi, sông, đại địa cũng là vô thường, cũng biến hóa trong từng sát-na; vì thế, biển xanh nương dâu! Quý vị chú tâm quan sát, [sẽ thấy] toàn thể vũ trụ đều biến hóa. Ban đêm chúng ta thấy, lúc trời quang đãng nhìn lên không trung, vô lượng, vô số tinh cầu, bằng mắt thường, chúng ta có thể thấy ước chừng hơn sáu ngàn ngôi sao. Nếu dùng loại viễn vọng kính thông thường, ước chừng có thể thấy khoảng mười mấy vạn. Viễn vọng kính thiên văn thấy càng nhiều hơn. Những tinh cầu ấy có thành, trụ, hoại, không. Quan sát từ viễn vọng kính của đài thiên văn, ta thường thấy có những ngôi sao bùng nổ. Sau khi bùng nổ, chẳng còn thấy chúng nữa, chẳng còn nữa, đã tiêu mất rồi. Ta cũng phát hiện những ngôi sao mới xuất hiện, ở chỗ này vốn chẳng có ngôi sao nào, đột nhiên sáng bùng, có ngôi sao mới xuất hiện. Đó là tinh cầu có sanh, có diệt. Thông thường, qua viễn vọng kính thiên văn, chẳng phải bằng dụng cụ tinh vi, chúng ta đã thấy tinh cầu sanh diệt. Vì thế, đức Phật nói thành, trụ, hoại, không, nói thế giới thành, trụ, hoại, không. Thứ gì bất biến? Dường như trọn chẳng tìm thấy!

Trên thân chúng ta, trên thân thể, thật sự có thứ bất diệt như vậy, nếu Đức Phật không dạy rõ, chúng ta đều bỏ sót. Trong hội Lăng Nghiêm, Đức Phật đã nói với vua Ba Tư Nặc, vì vua Ba Tư Nặc hết sức đau đớn, tuổi mỗi năm một già hơn, già rồi sẽ chết, cảm nhận nỗi khổ vô thường. Đức Phật khai thị, hỏi nhà vua: “Bệ hạ mấy tuổi bèn thấy sông Hằng và thấy nước sông Hằng lần đầu?” Sông Hằng của Ấn Độ giống như Trường Giang (sông Dương Tử) hoặc Hoàng Hà của Trung Quốc, là một con sông rất lớn. Vua thưa: “Lúc ba tuổi”, mẹ dẫn nhà vua đi qua sông Hằng, biết đó là nước sông Hằng. Đức Phật liền hỏi nhà vua: “Khi bệ hạ mười ba tuổi, già hơn lúc ba tuổi phải không?” “Đúng thế!” “Lúc mười ba tuổi, cái thấy của bệ hạ so với cái thấy lúc ba tuổi có biến hóa hay không?” Vua thưa: “Chẳng biến hóa. Người già đi, nhưng theo trăm thấy, dường như chẳng có hiện tượng lão hóa”. Sau đó, hỏi vua từng mười năm một, hai mươi ba tuổi so với mười ba tuổi, ba mươi ba tuổi so với hai mươi ba tuổi, cuối cùng hỏi đến sáu mươi hai tuổi; năm đó, nhà vua sáu mươi hai tuổi. Sáu mươi hai tuổi đã già rồi. “Tuy đã già, tánh Thấy của bệ hạ có già hay không?” Chẳng già! Nay chúng ta nói là tuổi tác đã cao, mắt đã kém rồi, mắt già, hoa mắt là gì? Đó là công cụ của quý vị có vấn đề, chẳng phải là tánh Thấy có vấn đề! Đeo cặp kính vào, lại thấy rõ ràng. Do vậy có thể biết: Cái Thấy và tánh Thấy chẳng liên quan với nhau! Đó là [vấn đề nơi] công cụ, công cụ bị lão hóa, đeo mắt kính vào liền giống như thuở tuổi trẻ, chữ rất nhỏ vẫn có thể nhìn thấy. Đức Phật liền nói: “Thân thể của bệ hạ có lão hóa, nhưng tánh Thấy chẳng bị lão hóa”. Mỗi năm một già hơn, nhưng tánh Thấy chẳng bị lão hóa. Cái chẳng già là thật, nơi mắt gọi là Thấy, tánh Thấy; nó chẳng có sanh diệt, chẳng có hiện tượng lão hóa. Nơi tai gọi là Nghe, tánh Nghe. Căn tánh của sáu căn là thật; căn tánh của sáu căn là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. Nó có sự liễu biệt, nhưng chẳng phân biệt. Liễu (了) là hiểu rõ, [liễu biệt là] thấy rất rõ ràng, nghe rất rõ ràng, chứng tỏ căn tánh của sáu căn là thật. Sau khi thấy, bèn phân biệt, chấp trước, đó là vọng tâm. Vọng tâm thuận theo chân tâm, đồng thời khởi tác dụng, nhưng vọng là vọng, chân là chân. Vọng có sanh diệt, chân chẳng có sanh diệt. Đoạn kinh văn ấy nói rất dài, vua Ba Tư Nặc nghe hiểu, hết sức hoan hỷ, biết trong cái thân sanh diệt này của chính mình vẫn có một thứ bất sanh bất diệt tồn tại. Cái chẳng sanh diệt ấy là cái ta thật sự, được gọi là Pháp Thân. Pháp Thân là căn tánh của sáu căn, Pháp Thân là chân tâm, bất sanh, bất diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng đến, chẳng đi.

Do vậy, ở đây nói là “*Nhất Chân pháp giới chi là tự tâm*”, tâm hiện mà! Các tướng được hiện bởi tâm, phải hiểu tướng là giả, và cái tâm có thể hiện (năng hiện) ấy là thật, tướng được hiện là giả. Chân và vọng tuy hòa hợp, nhưng chân chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân, nhất định phải hiểu rõ điều này. Kinh Đại Thừa lại nói chân và vọng chẳng hai, có nghĩa là gì? “Chân và vọng chẳng hai” là nói hai thứ đều chẳng tồn tại. Chân chẳng phải là hiện tượng vật chất, mà cũng không phải là hiện tượng tinh thần, lục căn chẳng tiếp xúc được! Có tánh Thấy hay không? Có, khẳng định là có! Nếu chẳng có, làm sao nó có thể thấy được? Nó ở chỗ nào? Chẳng thấy được! Chuyện này cũng rất khó hiểu, nhưng cũng chẳng phải là rất khó hiểu, chúng tôi dùng tỷ dụ thích vị có thể hiểu được. Chúng tôi sánh ví chân

tâm với điện đang được dùng trong hiện tại, mọi người bèn dễ hiểu. Điện là một vật, mà cũng là một thứ hiện tượng vật chất, nhưng trong các vật dụng khác nhau, nó khởi tác dụng khác nhau. Nơi TV, nó có thể hiện ra hình ảnh, giống như mắt thì chúng ta có thể thấy, ở tai bèn có thể nghe. Nơi điện thoại, nó có thể nghe âm thanh, vẫn là một thứ điện. Điện chẳng có hai, nhưng ở mỗi loại máy [bèn khởi tác dụng] mỗi khác; vật dụng khác nhau, nó khởi tác dụng khác nhau. Khi nớ chỗ máy lạnh, nó còn tỏa gió mát để hưởng thụ. Nơi lò nướng, nó có thể nấu nướng này nọ, hâm nóng thức ăn cho ta ăn. Công cụ khác nhau, nó sẽ khởi tác dụng không giống nhau. Chúng ta sánh ví điện như chân, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là những công cụ khác nhau. Ở mắt, nó liền sanh ra tác dụng thấy, có thể thấy. Ở tai, nó có thể nghe, ở mũi, nó có thể ngửi, ở lưỡi, nó có thể nếm, nơi ý, nó có thể biết. Nơi các căn khác nhau, tức lục căn, nó khởi tác dụng khác nhau, thật ra, nó là một. Thứ này bắt sanh, bắt diệt, thứ này là thật. Cây vào giá để tu chân, hết tu thì phải tu chân tâm, chỉ là tự tâm. Liễu đạt điều này bèn gọi là Hoa Nghiêm tam-muội. Quý vị thật sự hiểu rõ, thật sự thông đạt chân tướng sự thật này, liền định ở nơi ấy. Tam-muội là ở chỗ này, chúng ta đã học trong phần trước, “*nhất tâm chỉ trụ*” (an trụ nơi nhất tâm) là tam-muội.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy người ta “bỏ thức dùng căn bèn thành Phật”. Vì sao phàm phu chẳng thành Phật, mà thành phàm phu? Họ dùng thức, chẳng biết dụng tâm. “*Dụng tâm*” là gì? Dụng tâm là dùng căn tánh của lục căn, căn tánh là tâm. Tâm và thức sai khác ở chỗ nào? Tâm chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, bắt sanh, bắt diệt; thức có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, sanh diệt trong từng sát-na. Dùng căn, chẳng dùng thức, là ai? Pháp Thân Bồ Tát, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, các Ngài thành Phật như thế nào? Các Ngài dùng căn, chẳng dùng thức, bèn thành Phật. Các Ngài dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Do chúng sanh trong mười pháp giới đều dùng thức, tức là nói họ có phân biệt, có chấp trước, có khởi tâm động niệm, lục đạo phàm phu có trọn vẹn những thứ ấy, toàn bộ ba thứ phiền não đều có. A La Hán và Bích Chi Phật đã đoạn Kiến Tư phiền não, tức là chẳng chấp trước. Do không chấp trước, nên đắc thanh tịnh tâm, nhưng chưa đạt được bình đẳng, chưa đạt được giác. Tiến cao hơn, Bồ Tát, Phật đoạn Trần Sa phiền não, cao hơn A La Hán, nhưng các Ngài còn có khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm là Vô Minh phiền não. Lại có thể đoạn trừ Vô Minh phiền não, tức là chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước; khi ấy, các Ngài dùng gì? Các Ngài dùng căn tánh của sáu căn, chẳng dùng thức, đó là thành Phật, vượt thoát mười pháp giới. Các Ngài trụ nơi đâu? Các Ngài trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, cõi ấy gọi là Nhất Chân pháp giới. Chúng ta cúng trái cây trước Phật, trái cây tượng trưng Nhất Chân pháp giới, chúng ta hy vọng có thành tựu như vậy trong một đời. Vì vậy, nó biểu thị pháp, nhắc nhở chính mình, mà cũng nhắc nhở người khác, nhằm biểu thị pháp. Nói theo sách Hợp Tán, Hoa Nghiêm tam-muội là nhân quả trong tự tánh, chẳng phải là nói đến gì khác.

“*Như Gia Tường Sớ vân: Thử tam-muội giai sức Pháp Thân*” (Như Gia Tường Sớ nói: “Tam-muội này trang hoàng Pháp Thân”), Pháp Thân là tự tánh, “*cái vị thử tam-muội tất trang nghiêm Pháp Thân*” (có ý nói là tam-muội này tất trang nghiêm Pháp Thân). Tiếp đó, nói rất hay, “*Pháp Thân tức bốn diệu minh tâm, tức thị tự tâm*” (Pháp Thân chính là tâm diệu minh vốn có, tức là tự tâm), đây là chân tâm của chính mình, chẳng phải là vọng tâm. Vọng tâm là A Lại Da. Trang nghiêm Pháp Thân, ở đây là tự tâm, là Pháp Thân, là tự tánh. Đức Phật nói ra mấy chục danh xưng, nhưng đều là một chuyện. Vì sao là một chuyện mà Đức Phật nói nhiều danh xưng như vậy? Đây là sự khéo léo trong giáo học, Đức Phật dạy chúng ta chớ nên chấp trước tướng danh tự, vì sao? Tướng danh tự là giả, chẳng thật. Quý vị chấp tướng danh tự thì sai mất rồi. Chớ nên chấp trước tướng danh tự. Chớ nên chấp trước tướng ngôn thuyết, ngôn thuyết cũng là giả, cũng chẳng thật. Trong những giả danh, giả tướng ấy, nếu quý vị có thể ngộ nhập nghĩa lý thật sự của chúng thì là đúng, đó mới là học Phật. Chấp trước giả danh, giả tướng là sai mất rồi, vĩnh viễn chẳng thấy tự tánh; ở đây, gọi tự tâm là tự tánh. “*Có trìn hất thiết pháp, vô bất tưng thử pháp giới lưu xuất*” (Vì vậy biết, hết thấy các pháp, không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất), “*pháp giới*” là tự tánh, còn gọi là Pháp Thân, cũng gọi là tự tâm, bốn diệu minh tâm, từ chỗ này lưu xuất, cuối cùng là như thế nào? “*Phục hựu hội quy thử pháp giới dã*” (rồi lại trở về pháp giới này), đến cuối cùng vẫn phải quy hoàn pháp giới này, trở về pháp giới ấy bèn thành Phật.

Trong Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, câu này đã được giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, vũ trụ do đâu mà có? Vạn sự vạn vật trong vũ trụ do đâu mà có? Buổi tối, chúng ta nhìn lên không gian, vô số các tinh hệ, tinh cầu do đâu mà có? Hiền Thủ quốc sư đã căn cứ trên những điều được dạy trong kinh Hoa Nghiêm, bảo chúng ta: Từ một Thể, Thể ấy là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Nói một danh từ dài như thế đó, đây là gì? Là tự tâm như chúng ta vừa mới học. Tự tâm là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Nói nhiều như thế, ý nghĩa trong ấy cũng rất phong phú; chúng ta nói “*tự tâm*” thì cũng chẳng dễ hiểu cho lắm. Tự tánh là tự tâm, trong tự tánh có trí tuệ viên mãn, có đức năng viên mãn, đức năng là gì? Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết) là Tánh Đức vốn sẵn có trong tự tánh. Khi giác ngộ, khi minh tâm kiến tánh giác ngộ, nó liền hiện tiền, kiến văn giác tri hiện tiền. Nói thực tại là như trong phần trước đã nói, trong hội Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã bảo “*bỏ thức dùng căn*”, kiến văn giác tri là căn tánh của sáu căn, là chân tánh. Trong tự tánh có tướng hảo viên mãn; tướng hảo viên mãn là ý báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, thấy đều trọn đủ. Do vậy, thứ gì nó cũng đều chẳng có, nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là linh thần. Quý vị chẳng thể nói nó là Vô (không có gì), trong Phật pháp nói nó là Không, dùng Không để hình dung nó. Nó không hiển lộ, nhưng trọn đủ. Khi có duyên, nó có thể sanh ra vạn pháp, nó bèn hiện, bèn tỏ lộ. Vì vậy, khi nó chẳng hiện, không thể nói nó là Vô; [khi nó] hiện ra, chẳng thể nói nó là Hữu, vì sao? Cái hiện ra là huyền tướng, chẳng thật. Tôi vừa mới nói, hiện tượng được hiện ra đều là tướng sanh diệt. Tướng sanh diệt chẳng phải là thật, bất sanh, bất diệt là thật.

Quý vị thấy cáctướng được hiện há có phải là bất sanh, bất diệt? Toàn là tướng sanh diệt. Do vậy, nhất định phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, chẳng sanh chấp trước đối với hết thảy cáctướng cảnh giới, vì sao? Tướng là giả, nó không tồn tại, hễ quý vị chấp trước là trật rồi, không chấp trước là đúng. Có thể dùng nó, [nhưng phải là] diệu dụng, tức là tùy duyên diệu dụng. Diệu dụng là khi dùng bèn chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có khởi tâm động niệm, khởi tác dụng hoàn toàn giống như chư Phật Như Lai, đạo lý là như thế đó. Chúng ta chớ nên không biết điều này.

Quý vị thấy: Từ một Thể khởi hai tác dụng, một Thể là pháp giới này, từ pháp giới này mà lưu xuất. Vì sao có thể khởi hai tác dụng? Trong kinh giáo Đại Thừa thường nói “*nhất niệm bất giác*”. Nhất niệm bất giác thì trong tự tánh liền khởi tác dụng, biến thành A Lại Da, tức là vọng tâm. Thể của vọng tâm là chân tâm. Chẳng có chân tâm, vọng do đâu mà có? Giống như chúng ta đứng dưới mặt trời sẽ có bóng, bóng do đâu mà có? Bóng do người mà có, người là chân tâm, bóng là vọng tâm. Nhưng hình và bóng chẳng tách rời, vì sao? Chúng tách rời nhau, sẽ chẳng thể tồn tại. Chúng chẳng thể tách rời, nên nói “*chân và vọng như một*”; nhưng chúng là hai chuyện, chẳng phải là một chuyện, quý vị nhất định phải hiểu rõ ràng. Chúng ta mê là vì mê muội, không hiểu rõ, quên mất chân, ngỡ vọng là chân!

Sáu căn của mỗi người chúng ta đều có căn tánh, ai biết căn tánh của sáu căn? Đức Phật dạy, chúng ta mắt thấy, tai nghe, niệm thứ nhất là chân tâm, là kiến văn giác tri khởi tác dụng. Niệm thứ nhất quý vị còn chưa khởi niệm, ta nhìn, trông mắt nhìn, vẫn chưa có phân biệt, còn chưa có chấp trước, tâm giống một tấm gương, soi bên ngoài rành rẽ, chẳng khởi phân biệt. Niệm thứ hai liền dấy lên phân biệt, dấy lên phân biệt là trật rồi, đó là vọng tâm. Vọng tâm sẽ phân biệt, chấp trước. Phân biệt là thức thứ sáu, tức ý thức. Chấp trước là thức thứ bảy, nó khởi tác dụng. Chúng tử in dấu trong A Lại Da, nay chúng ta nói là “*lưu ảnh tượng*”, ghi ảnh tượng nơi kiến văn giác tri của quý vị. Ảnh tượng ấy giống như được chép vào kho dữ liệu. A Lại Da là kho dữ liệu, vọng tâm khởi tác dụng, kho dữ liệu ghi lại ảnh tượng, bèn gọi là Nghiệp. Nghiệp gặp duyên, quả báo liền hiện tiền. Vì vậy, niệm thứ nhất, một niệm bất giác chẳng có nguyên nhân. Niệm ấy có thật hay không? Chẳng thật, nếu là thật, nó sẽ có nguyên nhân thật sự, nhưng nó chẳng có nguyên nhân, nên chẳng thật; [do đó] gọi là vọng niệm, hoặc vọng tưởng. Phải chú ý chữ Vọng. Vọng là về căn bản chẳng có, dấy lên một niệm như thế. Nếu niệm ấy dừng lại, đình chỉ, bèn trở về tự tánh, lập tức trở về tự tánh. Nếu là từng niệm tiếp nối nhau, bèn chẳng thể quay về, nó liền lưu xuất. Từ pháp giới này lưu xuất cõi Thật Báo. Từ cõi Thật Báo lại lưu xuất cõi Phương Tiện. Chư vị phải biết: Cõi Phương Tiện là tứ thánh pháp giới. Từ cõi Phương Tiện lại lưu xuất cõi Phạm Thánh, cõi Phạm Thánh là lục đạo luân hồi, mê hết sức nghiêm trọng. Phật, Bồ Tát từ bi chỉ dạy, giúp chúng ta quay đầu, chúng ta từ lục đạo trở lại tứ thánh pháp giới, từ tứ thánh pháp giới lại trở về cõi Thật Báo, từ cõi Thật Báo lại trở về tự tánh, lại trở về chỗ phát xuất. Có người

hỏi: Sau khi trở về, có thể mê nữa hay không, lại lưu xuất hay không, lại biến thành luân hồi ư? Đức Phật dạy: Vĩnh viễn sẽ không! Sau khi đại triệt đại ngộ, vĩnh viễn chẳng mê lần nữa. Trong kinh Lăng Nghiêm đã giảng vấn đề này rất rõ ràng. Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa, kinh Lăng Nghiêm được gọi là “*khai huệ Lăng Nghiêm*”, nghĩa là kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ, “*thành Phật Pháp Hoa*”. Hai bộ kinh ấy cũng hết sức nổi tiếng trong Đại Thừa. Từ pháp giới lưu xuất, là từ tự tánh lưu xuất; cuối cùng, vẫn trở về tự tánh, trở về tự tánh liền viên mãn thành Phật.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo, tức là đoạn Tổng Trì. Tổng Trì là đà-la-ni, tiếng Phạn là Đà-la-ni, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tổng Trì, [hàm ý] bao gồm hết thảy các pháp, nắm giữ hết thảy các nghĩa. Nếu nói thông thường, quý vị nắm được tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc, bèn gọi là Tổng Trì. “*Cụ túc giả, sở cụ mãn túc, cái vân nhất thiết đà-la-ni môn vô sở bất cụ dã*” (“cụ túc” là đầy đủ, trọn vẹn, ý nói: Hết thảy các đà-la-ni, không môn nào chẳng đầy đủ). Tôn giả A Nan đắc Văn Trì đà-la-ni, đắc pháp môn Tổng Trì này, đối với hết thảy các kinh do đức Phật đã nói, dầu Ngài chưa nghe, nhưng vừa tiếp xúc đều hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ. Từ Lục Tổ Đàn Kinh, chúng ta cũng thấy, khi Huệ Năng đại sư khai ngộ cũng đạt được [Tổng Trì]. Chúng ta biết: Huệ Năng đại sư chưa từng đi học, không biết chữ, hai mươi bốn tuổi khai ngộ, hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn bèn truyền y bát cho Ngài. Vì sao chúng ta biết Ngài đắc đà-la-ni? Từ những ghi chép trong Đàn Kinh, chúng ta có thể thấy. Khi Ngài lánh nạn, trên đường qua thôn Tào Hầu, gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Đó là lúc Ngài vừa mới nhận được y bát, Ngài bèn trốn đi, giữ đường gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Vị tỳ-kheo-ni này thọ trì kinh Đại Niết Bàn, cũng là hằng ngày đọc tụng, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài! Cổ nhân khó có; vì thế, người hiện thời chẳng bằng cổ nhân, từ chỗ này, ta thấy được thiện căn của cổ nhân, ni sư thật sự hành! Kinh Đại Niết Bàn phân lượng rất lớn, hiện thời từ Đại Tạng Kinh, quý vị có thể thấy kinh ấy có hai bản dịch, một bản gồm ba mươi sáu cuốn, bản kia gồm bốn mươi cuốn. Do vậy, kinh rất dài, nhưng bà ta niệm hằng ngày. Thuở ấy, Huệ Năng đại sư mang thân phận cư sĩ, chưa xuất gia, người bên ngoài đều chẳng nhận biết Ngài. Ni sư niệm kinh ở đó, Ngài ở bên cạnh nghe. Sau khi niệm một đoạn, bà ta ngừng lại, Huệ Năng đại sư liền giảng cho tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng đại ý của đoạn kinh văn Ngài vừa nghe niệm. Bà ta nghe xong, hết sức kinh ngạc, Ngài giảng hay quá, bèn cầm kinh bồng hướng về Ngài thỉnh giáo. Huệ Năng đại sư nói: “Ta không biết chữ”. Bà ta hỏi: “Ngài không biết chữ, vì sao giảng hay dường ấy?” Ngài đáp: “*Chuyện này chẳng liên quan đến biết chữ hay không biết chữ*”. Đắc đà-la-ni, sẽ nắm được tổng cương lĩnh thuyết pháp của hết thảy chư Phật, nên bất luận kinh giáo gì, Ngài vừa nghe liền hiểu toàn bộ. Không chỉ là hiểu Phật pháp, mà pháp thế gian thứ gì cũng đều hiểu rõ, chẳng có gì Ngài không hiểu. Vì đó là tự tánh của quý vị, trí huệ Bát Nhã trong tự tánh của quý vị khởi tác dụng, đạo lý là như vậy đó!

Pháp môn Đại Tổng Trì, hết thấy chúng sanh ai nấy đều có. Chỉ vì chúng ta đang mê, cũng có thể nói là lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, lập tức tiếp theo sẽ là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, cùng nhau đẩy lên. Vì vậy, trí huệ và đức tướng trong tự tánh đều không thể hiện tiền. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, rất dễ hiểu, phạm phu thành Phật phải mất bao lâu? Trong một niệm! Một niệm giác, phạm phu thành Phật. Một niệm mê, quý vị thành phạm phu, chuyện là như vậy đấy! Giác là gì? Buông xuống liền giác. Buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống liền giác, quý vị và hết thấy chư Phật chẳng khác gì nhau! Vì sao không chịu buông xuống? Chúng ta thường nói là “nghiệp chướng”, phiền não tập khí quá nặng! Câu nói ấy đúng lắm, nghe hợp lý! Chúng ta mê đã lâu, mê quá sâu, đức Phật đi điểm rạch ròi, nhưng chúng ta chẳng có năng lực quay đầu. Muốn quay đầu, nhưng không quay về được! Nói thật ra, thuở ấy, Chương Gia đại sư đã từng nhắc nhở tôi về chuyện này. Tôi đã cùng lão nhân gia thảo luận vấn đề sau đây; đó là một vấn đề trọng yếu trong triết học: “Rốt cuộc là biết khó, hành dễ, hay là biết dễ, hành khó?” Thầy bảo tôi: “*Phật pháp là biết khó, hành dễ*”. Nói chung, chúng tôi cảm thấy: Biết chẳng khó, quý vị vừa nói, tôi hiểu ngay, nhưng hành quá khó, vì sao tôi không thể buông xuống? Vì sao chẳng chuyển được? Thầy nói: “*Anh chẳng hiểu biết thật sự! Nếu anh thật sự biết, sẽ buông xuống ngay!*” Câu ấy khiến tôi chới với, chúng ta biết gì? Hiểu biết nửa vời, biết chẳng thấu triệt, biết chẳng viên mãn. Thật sự biết thấu triệt, há lẽ nào chẳng buông xuống được? Thầy nêu tỷ dụ để giảng cho tôi dễ hiểu. Thí dụ như chúng tôi ngồi ở cái bàn này, thầy nói: “Ở trên cái bàn này đặt một đồng vàng, bên kia đặt một đồng đồng thau. Nay muốn tặng cho anh một trong hai thứ ấy, anh hãy tự chọn lựa, anh chọn vàng hay đồng thau? Đương nhiên muốn lấy vàng, vì sao? Anh biết nó có giá trị rất cao, nên chọn lấy. Làm như vậy tức là anh đã Thủ (giữ lấy), rất dễ dàng. Anh biết thứ ấy là quý báu, rất hiếm có”. Thầy bảo tôi: “*Phật pháp là biết khó, hành dễ*”.

Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm là “*biết khó*”. Thành Phật rất dễ dàng, như tôn giả Ca Diếp [chẳng hạn], Thích Ca Mâu Ni Phật cầm cành hoa mỉm cười. Khi tôn giả Ca Diếp thấy Thích Ca Mâu Ni Phật cầm cành hoa, bèn nhìn Phật cười, Thích Ca Mâu Ni Phật liền truyền pháp cho Ngài, Ngài đã khai ngộ rồi! Do vậy, chúng ta thấy Lục Tổ Huệ Năng đại sư ở trong phương trượng thất, nghe lão hòa thượng giảng đại ý kinh Kim Cang, Ngài chẳng biết chữ, chắc chắn chẳng có kinh bản, giảng đến câu “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, Ngài liền đại triệt đại ngộ. Chẳng cần giảng nữa! Không chỉ kinh Kim Cang chẳng cần giảng, mà tất cả hết thấy các kinh Ngài đều hiểu toàn bộ, đó chẳng phải là “*một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông*” ư? Phật pháp đã thông đạt, pháp thế gian cũng thông đạt, quý vị nói có dễ dàng lắm hay không? Vì thế, một câu Khẩu Đầu Thiên trong Tông Môn là “*hiểu không?*” Chữ Hiểu ấy tuyệt diệt tột bậc! Hễ hiểu, quý vị liền khai ngộ. Chẳng hiểu thì vẫn mê hoặc. Do vậy, hễ buông xuống liền hiểu, khởi chỗ chúng ta không buông xuống được. Không buông xuống được là gì? Những gì đức Phật đã

giảng đều là giả, nhưng chúng ta vẫn coi là thật; do chẳng coi nó là giả, vẫn y như cũ coi là thật, nên chẳng buông xuống được!

Người có thể buông xuống những thứ ấy, thật sự thấy chân là giả, chẳng coi thân thể là thật, đó là cửa đầu tiên. Cửa đầu tiên là thân, tức Thân Kiến. Quý vị thấy [trong việc] đoạn phiền não, đức Phật xếp thứ này đầu tiên, Thân Kiến! Thứ hai là Biên Kiến, thứ ba là Kiến Thủ Kiến, [thứ tư là] Giới Thủ Kiến, và [thứ năm là] Tà Kiến; trước hết, buông những thứ ấy xuống. Buông năm thứ kiến giải sai lầm xuống, trong Phật pháp, quý vị được gọi là “*nhập môn*”, là đệ tử thật sự của Thích Ca Mâu Ni Phật. Hễ buông năm cách nhìn sai lầm ấy xuống, bèn là học trò lớp dự bị trong ngôi trường của Thích Ca Mâu Ni Phật, chưa phải là học trò chánh thức, buông xuống [toàn bộ Kiến Tư Hoặc] mới là chánh thức. Địa vị Sơ Tín trong Thập Tín Vị Bồ Tát của kinh Hoa Nghiêm đã buông xuống; tuy địa vị ấy rất nông cạn, giống như lớp Một Tiểu Học, nhưng chúng ta chớ nên xem thường họ. Họ là thánh nhân, chẳng phải là phàm phu. Tuy họ còn ở trong lục đạo, chưa thoát khỏi lục đạo, nhưng quyết định chẳng đọa trong ba ác đạo, người ta có bản lãnh ấy! Trong lục đạo, qua lại tới đă bảy lần trong cõi trời hay nhân gian, liền vượt thoát lục đạo luân hồi. Người ta đã học lớp Một, chẳng lui sụt, chỉ có tiến cao hơn. Bảy lần qua lại bèn học tới lớp Bảy, lớp Bảy là A La Hán, lớp Tám là Bích Chi Phật, lớp Chín là Bồ Tát, lớp Mười bèn thành Phật, họ là Phật [trong mười pháp giới], được bảo đảm. Bất quá, tốc độ tiến triển của mỗi người khác nhau. Có người lợi căn, tốc độ tiến triển nhanh chóng. Có người căn tánh chậm lụt hơn một chút, tốc độ tiến triển chậm, nhưng họ tuyệt đối chẳng thoái chuyển, chúng đặc Vị Bất Thoái. Nay chúng ta ngay cả địa vị thánh chúng nhỏ nhoi ấy vẫn chẳng đạt được, nguyên nhân là vẫn chưa thấy thấu suốt Thân Kiến, cửa đầu tiên khó nhất. Sau khi phá được cái này, những cái sau đó liền dễ dàng. Biên Kiến, nếu nói theo cách bây giờ, sẽ là chẳng còn có quan niệm đối lập nữa! Chúng ta đối lập với kẻ khác, đối lập với sự, đối lập với hết thảy vạn vật, đó là quan niệm sai lầm. Đối lập nếu nâng cao hơn, chúng ta nói là “*có mâu thuẫn*”. Mâu thuẫn nếu nâng cao hơn bèn có xung đột. Xung đột lại nâng cao hơn nữa, sẽ là đấu tranh. Đấu tranh nếu nâng cao hơn nữa thì là chiến tranh. Vì thế, rất nhiều phiền não, tai nạn có cội nguồn là do đối lập mà ra. Chẳng có đối lập sẽ hòa hài, thật sự hòa hài, bình đẳng đối đãi, cư xử hòa thuận. Do vì đối lập, họ biết đây là chuyện tốt đẹp, nhưng vẫn chẳng làm được, bị quan niệm sai lầm quấy phá, tạo thành chướng ngại.

Tiếp đó nói: “*Đà-la-ni hữu tứ chủng*” (Đà-la-ni có bốn thứ), kinh giáo thường nói như vậy. Thứ nhất, “*Pháp Đà-la-ni, hựu danh Văn Đà-la-ni, u Phật chi giáo pháp văn trì nhi bất vong dã*” (Pháp Đà-la-ni, còn gọi là Văn Đà-la-ni, đối với giáo pháp của Phật, nghe rồi vâng giữ chẳng quên). Đây là loại thứ nhất. Tôn giả A Nan đặc Văn Trì chẳng quên, nên kết tập Kinh Tạng, mọi người đều tôn sùng A Nan, Ngài nhắc lại lần nữa các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng thuở tại thế. Năm trăm vị đồng học, các vị ấy đều là A La Hán, năm trăm vị A La Hán làm chứng cho Ngài, nghe Ngài nói. Nếu có chỗ nào nói sai, sẽ nêu ra, câu ấy của A Nan

phải gạt bỏ, vì có người phản đối. A Nan phức giảng (trùng tuyên), năm trăm người đều chấp thuận, đều đồng ý, mới ghi chép lại, cách làm này khiến cho người đời sau sanh tín tâm đối với kinh điển. Vì thế, ngài A Nan mở đầu [bằng câu]: “*Như thị ngã văn*”, nói rõ những điều được nói sau đó hoàn toàn do Thích Ca Mâu Ni Phật nói, tôi đích thân nghe Thích Ca Mâu Ni Phật nói, giữ chữ Tín với đời sau. Đó cũng là như người Hoa nói “có trí nhớ mạnh mẽ”, học rộng, nhớ dai, trí nhớ tốt, sau khi Ngài nghe xong, có thể ghi nhớ. Ngài A Nan thật khó có, nghe xong, vĩnh viễn chẳng quên mất, phàm nhân chúng ta chẳng thể! Thuở tôi còn trẻ, cũng có năng lực nghe rộng, nhớ dai, đại khái là trước năm bốn mươi tuổi. Sau bốn mươi tuổi, dần dần thoái hóa, năng lực ấy dần dần kém hẳn. Khi tôi theo thầy Lý học Giáo, năng lực ấy rất mạnh, gần như tôi nghe lão nhân gia giảng kinh một giờ, tôi phức giảng, tức là giảng lặp lại một lần, tôi có thể giảng tối thiểu chín phần mười, có năng lực ấy. Hơn nữa, có thể ghi nhớ không quên, có thể nhớ suốt một tuần, trong vòng một tuần tôi có thể giảng tới chín phần mười. Do vậy, thuở ấy học kinh giáo cũng rất thuận tiện, tiến bộ hết sức mau, đúng là “pháp hỷ sung mãn”.

Thứ hai là “*Nghĩa đà-la-ni, u chư pháp chi nghĩa tổng trì nhi bất vong dã*” (Nghĩa đà-la-ni, đối với ý nghĩa của các pháp bèn tổng trì chẳng quên). Loại trước là nhớ kỹ mỗi câu, là nói đến giáo, giáo pháp; ở đây là nói tới lý luận, nghĩa lý. Phía trước là trí nhớ mạnh mẽ, ở đây là sức lý giải mạnh mẽ. Thật sự nghe hiểu, thật sự minh bạch. Đối với nghĩa lý bèn hiểu rõ, tổng trì, chẳng quên. Trong một thời gian dài, có thể nói là suốt đời chẳng quên mất. Thời gian nhớ ngôn ngữ sẽ ngắn hơn.

Thứ ba, “*Chú đà-la-ni, u chú tổng trì nhi bất vong dã*” (Chú đà-la-ni, tổng trì các chú chẳng quên mất). Chú trong đời khó nhớ hơn, vì sao? Rất nhiều chú không phải là ngôn ngữ trong nhân gian. Theo cách nói của chúng ta trong hiện thời, chú là ngôn ngữ ngoài không gian, thuộc về chiều không gian khác, chúng ta thường nói là “ngôn ngữ của thân linh”. Khi đức Phật giảng kinh, họ cũng đến nghe. “*Đức Phật dùng một âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy theo từng loại đều hiểu*”. Do vậy, đức Phật thuyết pháp chẳng có chương ngại, bất luận kẻ nào đến nghe, đều nghe thấy đức Phật nói bằng ngôn ngữ của chính mình, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật có năng lực ấy, nhưng đức Phật rất từ bi, thấy [trong tính chúng] có những chúng sanh chúng ta không nhìn thấy, đức Phật giảng nói xong, dùng ngôn ngữ của họ nói mấy câu. Tuy nói mấy câu, không nhiều lắm, nhưng đã nêu hết những cương lĩnh và nguyên tắc trọng yếu mà đức Phật đã giảng trong bộ kinh này. Do những câu ấy chẳng phải là ngôn ngữ trong nhân gian, người Ấn Độ nghe cũng không hiểu. Đó là đối với mật chú [mà nói]. Chúng ta hiểu: Những vị đại đức tu Mật Tông cũng chẳng phải là có thể thành tựu ngay trong một đời. Sự thật này khiến cho chúng ta liễu giải: Bất cứ ai, bất luận quý vị học pháp môn nào, pháp thế gian hay Phật pháp, đều là nhiều đời nhiều kiếp tích lũy trí huệ, kỹ thuật, nên quý vị mới có thể thông thạo, mới có thể có thành tựu rất thù thắng, chẳng phải là một đời, mà đều là đời đời kiếp kiếp tích lũy. Cùng một đạo lý như vậy, trong đời này, sự phú quý bần

tiện của mỗi người đều do quả báo. Quả ác có nhân, nhân đều do đời trước tích lũy. Mỗi người có thành tựu đặc thù hoặc có công hiềm đặc thù trên một phương diện nào đó, nếu chẳng tích lũy từ năm đời trở lên, họ chẳng thể đạt tới thành tựu này. Qua Từ Bi Tam Muội Thủy Sâm, chúng ta thấy câu chuyện của Ngô Đạt quốc sư, Ngài được coi là một vị xuất gia có thành tựu, làm thầy của đế vương, được phong làm Quốc Sư. Trong Từ Bi Thủy Sâm, tôn giả Ca Nặc Ca nói nhân duyên của Sư. Sư tu hành mười đời, lại còn là mười đời liên tiếp, mười đời đều được làm người, đều xuất gia, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Do vậy, chúng ta hiểu: Người trong thế gian địa vị càng cao, thời gian tu hành càng lâu. Tu tốt đẹp mới có thể đạt được, chẳng phải là người bình phàm có thể đạt được, của cải cũng do nhiều đời nhiều kiếp tu được, chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, chúng ta sẽ chẳng hâm mộ những người phú quý, vì sao? Người ta trong đời quá khứ tu hành tốt đẹp, ngày nay quả báo hiện tiền. Chúng ta nếu muốn giống như họ, hãy khéo hành, chúng ta có thể tích lũy, nói không chừng đời sau còn thù thắng hơn họ, đó là đạo lý nhất định. Nhưng học Phật phải giác, chớ nên mê, học Phật cầu vinh hoa phú quý trong lục đạo, đó là mê chứ chẳng giác. Quý vị địa vị cao, của cải to lớn, rất dễ tạo nghiệp. Nếu trong đời này, quý vị mê trong ngũ dục, lục trần, khẳng định đời sau quý vị bị đọa lạc. Sai mất rồi! Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện, quý vị thấy Ngài sanh trong nhà đế vương, vứt bỏ ngôi vua. Ngôi vua là thứ mọi người ai tranh giành; người Trung Quốc nói: *"Thiên tử sang quý, giàu khắp bốn biển"*, phú quý tốt đỉnh, đó là làm Hoàng Thượng. Đức Phật đã có ngôi vua trong tay, nhưng từ bỏ. Quý vị thấy Ngài lợi hại lắm, mười chín tuổi liền từ bỏ, bỏ ngôi vua, đi ra ngoài học đạo. Ba mươi tuổi thành đạo, đại triệt đại ngộ thành đạo; sau khi thành đạo, suốt đời giáo học giống như Khổng lão phu tử. Nhưng Khổng lão phu tử còn thu một chút học phí, đức Phật chẳng thu học phí. Mỗi ngày đi khát thực, giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây, sống cuộc đời của một vị Tăng khổ hạnh. Đó là biểu diễn cho chúng ta xem, khiến cho chúng ta suy nghĩ, vì sao Ngài chọn lựa [con đường] ấy? Nhất định còn cao minh hơn làm quốc vương! Làm quốc vương, rất ít kẻ không thoát đọa, rất ít, đó là gì? Các vị "cổ thánh tiên vương" nhưng người Trung Quốc đã nói, tuy làm quốc vương nhưng chẳng thoát đọa, giống như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương, Châu Công trong lịch sử Trung Quốc, đó là quốc vương thánh hiền. Những vị ấy đời sau có thể sanh lên trời làm thiên vương, họ thăng lên cao, chẳng bị đọa lạc, họ làm quá nhiều chuyện tốt, đúng là vì nước, vì dân, chẳng vì chính mình, chẳng biết đến chính mình. Sau Văn Vương, Võ Vương, Châu Công, chưa từng nghe nói có những vị thánh vương như vậy. Vì thế, những điều này đều đáng cho chúng ta suy nghĩ sâu xa, đáng cho chúng ta học tập. Nay chúng tôi mới thật sự hiểu rõ, con đường tu học Phật pháp là đại đạo quang minh thù thắng khôn sánh. Đặc biệt là Tịnh Tông dạy chúng ta không chỉ có thể vượt thoát lục đạo trong một đời này, mà còn vượt thoát mười pháp giới. Nhất là bộ kinh này bảo đảm chúng ta trong một đời có thể sanh về thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng

giống như là nói đảm bảo quý vị chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo ngay trong một đời, trong tất cả các pháp môn, chẳng tìm thấy pháp thứ hai! Chúng ta phải thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, đối với chính mình, [quả thật là] hết sức may mắn, đời này đúng là khó có, thật sự chẳng dễ dàng!

Chúng ta lại thấy phía dưới còn có giải thích, giải thích về chú ngữ. “*Chú giả, Phật, Bồ Tát từ Thiên Định sở phát chibí mật ngôn cú, hữu bất trắc chi thần nghiệm, danh vi Chú đà-la-ni*” (Chú là câu nói bí mật, có oai lực thần dị khôn lường do Phật, Bồ Tát từ Thiên Định phát ra, nên gọi là Chú đà-la-ni), đây là nói về thần chú. Trong đoạn trước, tôi đã nói thần chú là ngôn ngữ của quý thần, đó là một loại. Ở đây nói [tới một loại khác], không phải là ngôn ngữ của quý thần, mà là những câu nói bí mật của chư Phật, Bồ Tát từ Thiên Định rất sâu phát ra, chỉ có Phật, Bồ Tát biết, giống như là mật mã của các Ngài. Có thể giao tiếp với chư Phật, Bồ Tát, trong một thời gian rất ngắn có thể chuyển giao tin tức không ngần ngại, nội dung bao hàm hết sức phong phú, phạm phủ chúng ta chẳng thể tưởng tượng được! Do vậy, có oai lực thần dị khôn lường nổi, chẳng có cách nào tưởng tượng loại cảm ứng ấy. Đó là Chú đà-la-ni. “*Nghĩa phiên chi danh, hữu tứ*” (dịch theo ý nghĩa, thành ra bốn tên), tức là nói đến Chú thì Chú có bốn ý nghĩa. Thứ nhất là Minh (明), thứ hai là Chú (咒), thứ ba là Mật Ngữ (密語), thứ tư là Chân Ngôn (真言). Đây đều là những tên gọi khác của Chú, là tên riêng của Đà-la-ni. “*Bí Tạng Ký vân: Phạm phu Nhị Thừa đều chẳng thể biết, nên nói là Mật Ngữ*”, (Bí Tạng Ký 4[2] chép: “Phạm phu, Nhị Thừa đều chẳng thể biết, nên nói là Mật Ngữ”), cũng chẳng có giải thích. “*Như Lai ngôn chân thật vô hư vọng, cố viết Chân Ngôn*” (Chân ngôn của Như Lai chân thật, chẳng hư vọng, nên gọi là Chân Ngôn). Trên thực tế, Chú vẫn có ý nghĩa, nhưng Thượng Sư Mật Giáo không giảng cho quý vị, chỉ dạy quý vị niệm. Đây cũng là một pháp môn rất thù thắng trong Phật pháp. Vì sao? Nếu giảng cho quý vị, quý vị liền phân tâm. Chẳng giảng cho quý vị, do không biết ý nghĩa, quý vị một mực niệm là được rồi, dễ đắc tam-muội, dễ đắc Định. Định có thể khai trí huệ, đó cũng là pháp môn rất xảo diệu.

Nhưng gặp phải căn tánh giống như tôi thì không được! Nếu tôi không hiểu nghĩa, tôi không chịu học, có sự chấp trước như thế, đó là tật xấu của thành phần tri thức. Do vậy, thuở ấy, tôi theo Chương Gia đại sư học Phật pháp, Ngài cũng dạy một bài chú, bảo tôi niệm. Bài chú ấy rất thông dụng, rất phổ biến, người theo Mật Giáo đều biết niệm, tức là Lục Tự Đại Minh Chú của Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngài dùng tiếng Tây Tạng dạy tôi, niệm “*Án, ma-ni bát-mê-hông*”, tôi liền hỏi lão nhân gia [bài chú ấy] có nghĩa là gì? Ngài liền giảng cho tôi, thông thường Ngài chẳng giảng, Ngài dạy tôi ý nghĩa khiến cho tôi hết sức hoan hỷ. “*Án*” (Aum) là

4[2] Bí Tạng Ký là tác phẩm giảng về giáo nghĩa Mật Giáo do sơ tổ Đông Mật Nhật Bản là Hoàng Pháp Không Hải đại sư biên soạn, ghi lại những lời dạy khẩu truyền của tổ Huệ Quả thuộc Đông Mật Trung Hoa giảng về các pháp tác thực hiện nghi lễ Mật Tông cũng như những giáo nghĩa bao hàm trong ấy. Hiện thời, sách này có hai phiên bản, tức là Lục Bồn một quyển và Quảng Bồn gồm hai quyển.

thân thể, Ngài giải thích từng chữ một. “Ma-ni” (Maṇi) là hoa sen, “Bát-mê” (Padme) là gìn giữ, “Hồng” (Hūm) là ý. Quý vị thấy “thân, hoa sen, gìn giữ, ý”, đó là ngữ pháp Ấn Độ. Nếu đọc theo người Trung Quốc sẽ là “Gìn giữ thân tâm (ý là tâm) giống như hoa sen”, Ngài giải thích cho tôi như vậy. Ý nghĩa này hay lắm, khiến cho quý vị thời thời khắc khắc nghĩ tưởng, gìn giữ thân tâm giống như hoa sen, sanh từ bùn lầy, nhưng chẳng như bùn, mang ý nghĩa này! Bùn lầy tượng trưng cho lục đạo, hoa sen và nước tượng trưng tứ thánh pháp giới, tức là tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới. Hoa nở trên mặt nước, cho thấy nhiệm và tịnh thủy đều chẳng nhiễm. Không chỉ lục đạo bất nhiễm, mà pháp giới thanh tịnh cũng chẳng nhiễm, đó là tịnh chân thật! Vì thế, trong chú ngữ có rất nhiều điều vẫn cần phải nói. Nói ra, sẽ giúp cho người tu hành. Tu hành trong Mật Tông nhân mạnh Tam Mật Tương Ứng, [tức là] miệng niệm chú, tay kết ấn, trong tâm quán tưởng. Nếu quý vị không hiểu ý nghĩa, chẳng có cách nào quán tưởng. Khi không có cách nào quán tưởng, họ quán tưởng gì? Quán tưởng một câu chú ngữ ấy, họ nghĩ đến câu ấy, nhưng ý nghĩa của chú ngữ thì không biết. Giống như chúng ta hiện thời niệm A Di Đà Phật, trong tâm chúng ta nghĩ đến A Di Đà Phật, có ý nghĩa như vậy. Do vậy, sau khi thầy truyền dạy chú ngữ ấy, tôi mới hiểu: Trong chú ngữ có rất nhiều điều thật sự giống như cái mà chúng ta gọi là “cách ngôn”, quá hay! Thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình.

Ý nghĩa thứ tư là “*Nhẫn đà-la-ni, an trụ u pháp chi Thật Tướng, vị chi Nhẫn. Trì Nhẫn danh vi Nhẫn đà-la-ni*” (Nhẫn đà-la-ni: An trụ trong Thật Tướng của pháp bèn gọi là Nhẫn. Giữ cái Nhẫn đó thì gọi là Nhẫn đà-la-ni). Trong giáo pháp Đại Thừa, Nhẫn có ý nghĩa khẳng định, thừa nhận, nên nói “*nhẫn khả*” (忍可), có nghĩa là “đồng ý”. Đối với kinh giáo và giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức, có thể hiểu rõ, có thể khẳng định, chẳng hoài nghi, hành theo lời dạy, đó là Nhẫn. Ở đây nói “*an trụ u pháp chi Thật Tướng*”, câu này nói rất cao. Thật Tướng là gì? Thật Tướng là pháp tánh, tướng là giả, tánh là chân. Ví như trong phần trước, chúng ta dùng những lời đức Thế Tôn dạy vua Ba Tư Nặc trong kinh Lăng Nghiêm nhằm khiến cho vua đừng chấp trước nhục thân này. “*Căn thân*”: Mắt, tai, mũi, lưỡi và thân là Căn Thân; chớ nên chấp trước những thứ ấy, phải an trụ trong căn tánh của sáu căn, căn tánh là Thật Tướng. Thân thể của mỗi người chúng ta là giả tướng, căn tánh của sáu căn là Phật tánh, chẳng phải là linh hồn! Căn tánh và linh hồn có gì khác nhau? Đồng mà bất đồng, bất đồng mà đồng. Mê thì gọi là linh hồn, chẳng mê bèn gọi là tánh, là cùng một chuyện. Sau khi chúng ta đã giác, thường gọi nó là “linh tánh”, chẳng gọi là “linh hồn”, mà gọi là “linh tánh”. Linh hồn chẳng thoát khỏi lục đạo, vì nó mê, nó luôn đi tìm cái thân trong lục đạo, đi đầu thai, đó là lục đạo luân hồi. Nó giác ngộ, A La Hán giác ngộ, buông xuống chấp trước, mà cũng chẳng chấp trước thân thể này, biết thân thể chẳng phải là Ngã, căn tánh trong lục căn nơi thân thể là Ngã, sáu thức không phải là Ngã! Chấp trước sáu thức, đó là linh hồn, tướng sáu thức là Ngã. Triết gia ngoại quốc đã nói: “*Tôi suy nghĩ, nên tôi tồn tại*”. Đó là chấp trước linh hồn, người ấy chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì sao? “*Tôi nghĩ*” thì Nghĩ là gì? Thứ thứ

sáu, tức ý thức. Người ấy biết thân chẳng phải là Ta, Ta có thể suy tưởng, đó là ta, cái có thể suy nghĩ chính là ta! Thân chẳng phải là ta, cao minh hơn những kẻ bình phàm một bậc, rất khó có, nhưng không thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Do vậy, an trụ trong Thật Tướng của pháp là đứng. Trong hết thủy vạn vật, an trụ trong Pháp Tánh; nơi thân thể chúng ta, bên an trụ trong tự tánh của chúng ta, hoặc là [an trụ trong] căn tánh của sáu căn thì đúng. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Lìa hết thủy tướng, tức là hết thủy tánh*”. Chỉ cần chẳng chấp tướng, chẳng chấp trước thân tướng của chính mình, đối với vạn vật cũng chẳng chấp trước hình tướng của chúng, biết chúng đều do một “tự tánh thanh tịnh viên minh thể” biến hiện. Ở đây, “tự tánh thanh tịnh viên minh thể” được gọi là “Thật Tướng của các pháp”. Chúng ta giữ cho tâm an trụ nơi đây thì gọi là Nhẫn. “*Tri nhẫn*”, “*tri*” là gìn giữ vĩnh viễn, đó cũng là tam-muội. Tâm quý vị định ở chỗ này, bên gọi là Nhẫn Đà-la-ni. Đà-la-ni để đặc liền vĩnh viễn đặc, chẳng giống như tam-muội! Tam muội có thể mất đi, chứ Đà-la-ni chẳng bị mất. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

Tập 124

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi bốn, xem từ dòng thứ tám, xem từ chỗ “*bách thiên tam-muội*” trong dòng thứ tám.

Trong đoạn kinh văn “*cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội*”, trong phần trước đã học về Tổng Trì, nay xem tới phần “*bách thiên tam-muội*”: “*Hội Sớ viết: Bách thiên tam-muội giả, chúng sanh vô lượng, tâm hạnh bất đồng, hữu lợi, hữu độn, v chư kết sử, hữu hậu, hữu bạc, thị cố Bồ Tát hành bách thiên chúng tam-muội, đoạn kỳ trần lao*” (Sách Hội Sớ giảng: “Trăm ngàn tam-muội là vì chúng sanh vô lượng, tâm hạnh bất đồng, có kẻ lợi căn, có kẻ độn căn. Đối với các kết sử, có kẻ sâu dày, có kẻ mỏng nhẹ. Vì vậy, Bồ Tát thực hành trăm ngàn loại tam-muội để đoạn trừ trần lao cho họ”). Trước hết, chúng ta xem chỗ này, đây là một đoạn ngắn. Tam-muội là Thiên Định, dịch sang nghĩa tiếng Hán thì thường dịch là

Chánh Thọ, tức là sự hưởng thụ chánh đáng, đúng mực, bèn gọi là tam-muội. Tiêu chuẩn chánh đáng, đúng mực ở chỗ nào? Xa lìa tập khí phiền não thì sự hưởng thụ của chúng ta là chánh đáng, đúng mực. Nói cách khác, có tự tư tự lợi là chẳng chánh đáng, đúng mực, có đúng - sai, ta - người là không chánh đáng, đúng mực, có tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, đều là chẳng chánh đáng, đúng mực. Do điều này có thể biết, người thật sự tu hành có công phu sẽ đạt được sự hưởng thụ chánh đáng, đúng mực. Trong tựa đề kinh, chúng ta thấy nửa đoạn [trước] giảng về quả đức. Quý vị tu hành thành tựu, quả đức hiện tiền, đó là “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm”. Chúng ta suy nghĩ cái quả ấy, quả đương nhiên có nhân. Quả ấy rất thù thắng, nhân đương nhiên thù thắng. Nhân là gì? Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, đó là tiêu chuẩn của tam-muội hiện tiền. Nếu chúng ta đắc thanh tịnh tâm, bèn gọi là đắc tam-muội; tâm không thanh tịnh, bèn chẳng có tam-muội. Nếu tâm là tâm bình đẳng, đó là tam-muội càng sâu hơn. Giác chứ không mê, đó là tam-muội nơi quả địa của chư Phật. Vì thế, năm chữ ấy là sở tu của A La Hán, Bồ Tát và Phật.

Vì sao có trăm ngàn tam-muội? Trên thực tế, không chỉ là trăm ngàn, mà là vô lượng, vô biên. Vì sao? Chúng sanh vô lượng. Chúng sanh có phạm vi bao quát vô cùng rộng, không chỉ là nhân loại. Đối với hai chữ “chúng sanh”, các hiện tượng do các duyên hòa hợp sanh khởi đều gọi là “chúng sanh”. Vì thế, chúng sanh được hiểu theo nghĩa rộng, trừ con người ra, tất cả thực vật và động vật đều là chúng sanh. Thực vật cũng là chúng sanh, khoáng vật cũng là chúng sanh. Hiện tượng tự nhiên cũng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi. Chúng ta thấy mây trên hư không, đó là do các duyên hòa hợp mà sanh, nên cũng gọi là chúng sanh. Vì thế, “chúng sanh” có phạm vi rất rộng. Trừ những thứ này ra, còn có những loài chúng ta không thấy, các chúng sanh thuộc những chiều không gian khác biệt, đều có ý báo và chánh báo trang nghiêm, ý báo và chánh báo quả thật vô lượng vô biên. Tâm hạnh của hết thảy chúng sanh bất đồng. “Tâm” là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là tâm. “Hạnh” là tạo tác, tạo tác cũng khác nhau. Phân chia đại lược, tức là như kinh Phật thường nói thì có hữu tình chúng sanh, căn tánh có lợi và độn. Lợi (利) là thông minh, độn (鈍) là ngu độn, do nguyên nhân nào? Hai câu kệ tiếp đã nói rõ: “U chur kết sử”, Kết (結) là phiền não, Sử (使) cũng là phiền não. Thông thường, chữ Sử chỉ Thập Sử, tức là Kiến Tư phiền não. “Hữu hậu, hữu bạc” (có dày, có mỏng) Nếu là kẻ phiền não dày bèn ngu độn, nếu phiền não mỏng nhẹ liền tỏ lộ sự thông minh, mức độ dày mỏng khác nhau. Trong nhà trường, cùng học một cấp lớp, chúng ta thường nói là cùng một cấp lớp thì trình độ không chênh lệch cho lắm, nhưng khi thi cử, thứ tự vẫn khác nhau, từ đứ đạu hạng nhất đến đứ đạu hạng bét, quý vị thấy đó, vẫn chẳng giống nhau. Nói cách khác, nói theo tâm hạnh, tuyệt đối chẳng tìm thấy hai người hoàn toàn giống nhau, chẳng thể được! Đến khi nào bèn giống nhau? Thành Phật sẽ giống nhau, hoàn toàn như nhau. Vì sao? Phiền não đều đoạn hết, đoạn sạch cả rồi! Do vậy có thể biết: Đẳng Giác Bồ Tát cũng bất đồng, mọi người đều là Đẳng Giác Bồ Tát, nhưng trong các vị Đẳng Giác Bồ Tát, phiền não tập khí vẫn dày, mỏng khác nhau, chúng ta có thể lý giải điều này. Chỉ có đạt đến Phật quả rồi

ráo mới là thật sự giống nhau, may mắn phiền não tập khí đều chẳng có. Chính vì tình hình này, nên “*Bồ Tát hành bách thiên chúng tam-muội*” (Bồ Tát hành trăm ngàn loại tam-muội).

Bồ Tát trong hét thầy cảnh duyên, hoàn cảnh bất đồng, “*cảnh*” là hoàn cảnh vật chất, hoàn cảnh khác nhau, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự. Hoàn cảnh vật chất bất đồng, hoàn cảnh nhân sự bất đồng, tâm các Ngài định một chỗ. Tam-muội là tâm định một chỗ, tương ứng với Tánh Đức. Nói cách khác, trong hét thầy cảnh duyên, “*cảnh duyên*” là hai chữ thường dùng trong nhà Phật, tức là hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự, chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu, trong tâm có chú ý, đó là tam-muội. Do vậy, tam-muội cũng được gọi là Vi (làm), trong phần trước chúng ta đã học, tâm chúng ta định ở một chỗ. Người học Phật định ở chỗ nào? Nhất định phải định trong Tam Học Giới, Định, Huệ, chúng ta sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu, cũng chẳng còn mê trong cảnh giới, tạo các điều lành, bất thiện nghiệp là mê. Nếu giác chứ không mê, trong tâm sẽ có chủ thể. Nói nông cạn, tuy chúng ta là kẻ mới học Phật, nếu thiện căn của chúng ta sâu dày, cảnh giới hiện tiền, chúng ta biết phải đối phó như thế nào, biết cư xử rất viên mãn trong cảnh giới, lại chẳng tạo nghiệp. Đó là “*hành Bồ Tát đạo*”. Còn có thể giúp đỡ người khác, lợi ích chúng sanh, đó là Bồ Tát hạnh, là trăm ngàn tam-muội của Bồ Tát khởi tác dụng. “*Đoạn kỳ trần lao*” (đoạn trần lao cho họ), trong tâm hạnh, đầu tiên là đoạn trần lao của chính mình, “*trần lao*” (塵勞) là phiền não; sau đó, giúp đỡ người khác, giác ngộ chúng sanh.

Tiếp đó, nêu tỷ dụ để nói, “*thí như vị chư bản nhân dục linh đại phú, đương bị chúng chủng tài vật, nhất thiết bị cụ, nhiên hậu năng tế chư bản giả*” (ví như vị muốn giúp cho người khác được giàu to, hãy nên chuẩn bị đầy đủ các món tài vật. Đã chuẩn bị đầy đủ hết thầy rồi thì mới có thể giúp đỡ những người nghèo). Đây là nêu tỷ dụ để nói. Bồ Tát vì muốn giúp những kẻ nghèo ấy, nay gọi là “*thoát nghèo, xóa sổ đời nghèo*”, đạt được của cải to lớn, vị Bồ Tát ấy nhất định có năng lực, đã chuẩn bị khá nhiều tài vật, hết thầy đều chẳng thiếu khuyết; có như vậy thì mới có thể cứu giúp hết thầy chúng sanh bản khổ. Chữ “*bản khổ*” có ý nghĩa rất sâu, rất rộng. Những kẻ sơ học bình phàm chúng ta thấy nói “*bản khổ*”, bản tưởng là bản trong bản phú (nghèo, giàu), đều nghĩ đến tài vật. Phật pháp có ý nghĩa sâu xa! Tài vật nghèo khổ chẳng tính là bản khổ, thật sự bản khổ là gì? Chẳng có đạo! Chẳng có đạo mới là nghèo thật sự. Cũng có thể nói, người chẳng có Giới, Định, Huệ là kẻ thật sự nghèo. Dầu trong hiện tại, kẻ ấy có rất nhiều của cải, có địa vị rất cao, chúng ta thường nói kẻ ấy là người phú quý, phú quý là quả báo. Vì sao mà có? Trong đời quá khứ, tu tập, tích lũy phước đức; do tích phước nên kẻ ấy giàu có, do tích đức nên kẻ ấy sang quý, kẻ ấy vùi raga giàu, vừa sang. Nếu suốt đời này hưởng phú quý, chẳng hề tích đức tu phước nữa, kẻ ấy thật sự là bản khổ. Vì sao? Hưởng hết phước báo ấy, sau khi hưởng hết phước báo, khổ nạn liền đưa tới, phải biết thời gian trôi qua rất nhanh, chớp mắt đã thấy ngay! Trong kinh Phật, chúng ta thường thấy các trường hợp như vậy rất

nhieu. Bậc đại phú trưởng giả tu tập, tích lũy cái nhân tối thiểu từ ba đời trở lên. Trong nhân gian, làm đế vương, nay gọi là người lãnh đạo quốc gia, phước báo to lớn, tối thiểu người ấy tích lũy công đức đã mười đời. Chẳng có mười đời [tích lũy công đức], sẽ không thể đạt đến địa vị ấy. Do vậy, đây là chuyện kẻ bình phàm chẳng thể làm được. Quý vị chẳng có phước báo ấy mà quý vị đạt được, tai họa liền xảy tới, hoặc là quý vị ngã bệnh, hoặc có thể quý vị mắc bệnh chết ngóm. Quý vị thấy đạt được địa vị, nhưng chẳng hưởng phước, vì chẳng có phước báo to lớn ngàn ấy. Ngoài ra là những tai họa ngang trái, tức là tai nạn ngoài ý muốn. Những nghiệp nhân quả báo đều ở trước mặt chúng ta, quý vị chú tâm quan sát rành mạch, [sẽ thấy] chẳng sai mấy may! Chúng ta hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, mới biết tu tập, tích lũy công đức trọng yếu dường ấy. Đức Phật dạy chúng ta tu công đức, không khuyên chúng ta tu phước đức, vì sao? Phước đức chỉ ở trong nhân thiên, quả báo ở trong cõi trời người, chẳng thể vượt thoát tam giới. Đức Phật dạy chúng ta tu công đức, Công là gì? Công là công phu. Công phu là gì? Công phu là tam-muội, Tam Học Giới, Định, Huệ. Giới là phương pháp, do Giới đắc Định, Định là tam-muội, do Định khai Huệ, Định-Huệ có thể vượt thoát tam giới lục đạo. Định - Huệ nếu gặp Tịnh Tông, quyết định được sanh về Tịnh Độ, phước báo ấy quá lớn. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phước báo bình đẳng với chư Phật Như Lai, thế giới ấy là một thế giới bình đẳng. Phước báo thứ nhất là thọ mạng vô lượng. Chư vị phải biết: Ở trong thế gian này, thọ mạng rất hữu hạn. Bao nhiêu người hăm mộ một trăm tuổi; thật ra, một trăm tuổi cũng chỉ làm một cái khay ngón tay mà thôi. Trên Đạo Lợi Thiên là một ngày, một ngày trong Đạo Lợi Thiên là một trăm năm trong nhân gian chúng ta, các đồng học học Phật chớ nên không biết điều này.

Do vậy, chúng ta bình thường phải đổ công đổ sức tu luyện, công tu như thế nào? Cổ thánh tiên hiền đã nêu ra rất nhiều hạng mục và đức mục. Trong những năm qua, chúng ta cùng nhau học tập Đệ Tử Quy, đó là giới luật. Không chỉ là giới luật, mà còn là căn bản giới. Nói cách khác, chẳng làm được Đệ Tử Quy, những thứ khác đều chẳng thể thành tựu, nó là căn bản của căn bản. Đệ Tử Quy học được thì [những thứ khác] đều có thể làm được. Nếu tiến cao hơn một bước, bèn học Cảm Ứng Thiên. Cảm Ứng Thiên là giáo dục nhân quả; Ấn Quang đại sư hết sức coi trọng, suốt đời toàn tâm toàn lực đề xướng. Vào đời Thanh trước kia, cư sĩ Châu An Sĩ có hai câu danh ngôn, ông nói: *“Ai nấy đều tin nhân quả, đó là đạo khiến cho thiên hạ đại trị”*. *“Đại trị”* là đời thái bình thịnh trị, cũng là nói nhân dân nơi ấy hạnh phúc mỹ mãn, mỗi người tin nhân quả đều có thể làm được. Ông ta nói: *“Ai nấy không tin nhân quả, đó là đạo khiến cho thiên hạ đại loạn”*. Hiện thời thiên hạ đại loạn, vì sao? Mọi người không tin nhân quả. Vì sao không tin nhân quả? Chẳng có Đệ Tử Quy, cũng có nghĩa là quy củ làm người chẳng có, tiêu chuẩn làm người chẳng có. Nếu con người rời khỏi tiêu chuẩn làm người, cổ nhân nói rất hay, con người và cầm thú có khác gì nhau? Sở dĩ, con người khác cầm thú ở chỗ con người biết lễ, con người hiểu lễ. Đệ Tử Quy thuộc loại lễ giáo, nên nó là căn bản. Nếu chúng ta muốn học giáo dục nhân quả, trước hết phải làm người cho tốt, điều này rất trọng yếu, sau đó

mới có thể thực hiện giáo dục nhân quả. Vun bồi hai căn bản ấy, Thập Thiện Nghiệp Đạo của nhà Phật cũng rất dễ thực hiện, chẳng khó khăn tí nào. Đó là giáo dục truyền thống mấy ngàn năm của Trung Quốc, căn bản to lớn. Vì thế, chúng ta phải đặc biệt coi trọng.

Trăm ngàn tam-muội, vô lượng tam-muội, đều sanh từ căn bản này! Nếu chẳng có căn bản này, quyết định chẳng đạt được tam-muội, cũng tức là chúng ta không đạt được sự hưởng thụ chánh đáng, đúng mực. Học Nho thì sự hưởng thụ chánh đáng, đúng mực là “*bất diệc duyệt hồ*” (cũng chẳng vui sao), kẻ ấy sung sướng. Sự hưởng thụ chánh đáng, đúng mực trong Phật pháp là “*thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn*”. Sự hưởng thụ ấy chẳng liên can gì đến địa vị và của cải. Người học Phật dẫu nghèo hèn, chẳng được phú quý, cũng vẫn vui sướng, pháp hỷ sung mãn giống như Bồ Tát. Giống như thầy Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, quý vị thấy trong Tăng đoàn, trong kinh chúng ta thường thấy Thường Tỳ Chúng của đức Thế Tôn làm một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, mỗi ngày ra ngoài khát thực, nghỉ dưới gốc cây, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, nhìn vào bất cứ ai đều thấy vẻ mặt họ tươi cười, trên thân chẳng có thứ gì, nhưng họ sung sướng khôn sánh. Vì sao sung sướng, hạnh phúc như vậy? Họ đắc tam-muội, đạo lý ở chỗ này, người đắc tam-muội hưởng thụ chánh đáng. Người bình phàm chúng ta hưởng thụ chẳng chánh đáng, đúng mực, người bình phàm thì sao? Có năm loại Thọ, tức là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, những cảm thụ ấy đều chẳng bình thường. Thân có khổ, lạc, tâm có ưu, hỷ, nên không chánh đáng, đúng mực. Thân chẳng có khổ, lạc, tâm chẳng có ưu, hỷ, tâm thanh tịnh hiện tiền, đó là chân lạc. Do vậy, đức Phật nói lục đạo phàm phu có năm thứ Thọ, là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Xả Thọ khá lắm, Xả Thọ là khi nào? Trong một thời gian ngắn ngủi, thân chẳng có khổ hay lạc, tâm chẳng có ưu, hỷ, tốt lắm! Đó là Chánh Thọ. Vì sao nó chẳng thể được coi là Chánh Thọ? Vì thời gian quá ngắn; chẳng giống như người thật sự tu hành, vĩnh viễn giữ được Xả Thọ, chẳng bị mất đi. Xả Thọ là tam-muội.

Do vậy đối với sự tu hành, mấu chốt tu hành là gì? Nguyên lý và nguyên tắc trọng yếu nhất trong tu hành là gì? Là buông xuống. Bắt đầu từ chấp trước, buông chấp trước xuống, đối với hết thầy người, sự, vật, chẳng còn chấp trước, quý vị sẽ hết sức sung sướng, đắc thanh tịnh tâm. Lại buông phân biệt xuống, không chỉ chẳng chấp trước, mà ngay cả niệm phân biệt cũng chẳng dấy lên, đó là Bồ Tát, cao hơn A La Hán nhiều lắm. Vì buông xuống thuộc về Định, Định thì nhất định là đến một lúc nào đó sẽ hoát nhiên đại ngộ, trí huệ mở mang, đó là giác. Giác là khai trí huệ, bèn thành Phật. Trí huệ đã khai, chẳng thấy mười pháp giới nữa, quý vị vượt thoát mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Thật ra, cõi Thật Báo của Phật là cõi Thật Báo của chính mình; khi ấy, tự và tha bất nhị, chính mình và Phật là một, chẳng hai. “*Nhập pháp môn Bất Nhị*” như trong giáo pháp Đại Thừa thường chính là nghĩa này, quý vị chứng đắc pháp môn Bất Nhị. Pháp môn Bất Nhị là quý vị thấy Pháp Thân, khẳng định, thừa nhận nó, chẳng có tí hoài nghi nào. Vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, người ta thường gọi nó là “*sanh mạng cộng đồng*”

Thế”. Thế ấy là gì? Trong Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, Thế ấy được gọi là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thế*”. Do vậy, học Phật hãy nên thường nghĩ tới Giới, Định, Huệ, phải ghi nhớ những điều này trong tâm, niệm niệm đều có thể tương ứng với Giới, Định, Huệ thì chúng ta đang hành Bồ Tát đạo.

“*Nhất thiết cụ bị*” (hết thầy chuẩn bị đầy đủ), vô lượng tam-muội đã đầy đủ, vô lượng pháp môn đã đầy đủ thì mới có thể giúp đỡ hết thầy chúng sanh. “*Nhiên hậu năng tế chư bản giả*” (sau đây mới có thể giúp các người nghèo), dạy hết thầy chúng sanh vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, thoát khỏi nỗi khổ trong lục đạo, vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới. Trong đại vũ trụ, nhà Phật nói khắp pháp giới hư không giới, nơi nào thù thắng nhất? Hết thầy chư Phật khác miệng cùng lời bảo: “*Thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật*”. Chẳng phải riêng một mình Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu, quý vị thấy bản kinh Di Đà chúng ta thường đọc là bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập, [trong ấy] sáu phương Phật khuyên dạy chúng ta. Trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, mười phương chư Phật khuyên chúng ta vãng sanh. Phật quyết định chẳng nói dối, Phật mong mỗi chúng ta, Ngài chỉ có một mong mỗi là mong ước chúng sanh mau chóng thành Phật. Đó là bốn nguyện của chư Phật Như Lai. Vì sao? Vì hết thầy chúng sanh và các Ngài là một Thế, chúng sanh thành Phật là công đức của các Ngài viên mãn. Chúng sanh còn chưa thành Phật thì công đức của các Ngài còn có phần khiếm khuyết, đạo lý là như vậy đó. Chúng ta cũng hết sức khó có, đã hiểu rõ ràng, minh bạch, bèn hạ quyết tâm nhất định phải thành tựu trong một đời này. Thoát ly biên khổ tam giới lục đạo, đó là thật sự thoát khỏi nghèo khổ, sanh về thế giới Cực Lạc bèn đắc đại phú quý.

Tiếp đó, lại nói: “*Hựu như dục trị chư bệnh*” (Lại như muốn chữa các bệnh), chúng ta mong chữa trị rất nhiều thứ bệnh khổ trong thế gian, người bệnh rất đáng thương, “*đương bị chủng chủng chúng dược*”, [nghĩa là] chúng ta nên chuẩn bị đầy đủ các món dược phẩm. Trong Trung Y, sử dụng dược vật đại khái hơn một vạn thứ. Trong hơn một vạn thứ, tám mươi phần trăm là thảo dược, tức thực vật. Động vật và khoáng vật cũng đều có, nhưng số lượng ít hơn, dược thảo chiếm tuyệt đại đa số, có thể trị hết thầy bệnh. Nói tới chỗ này, hiện thời rất nhiều người tin tưởng Tây Y. Thuở còn trẻ, chúng tôi cũng vậy, đau ốm toàn là chữa trị theo Tây Y trong bệnh viện. Tôi theo thầy Phương học Triết Học, thầy nói tới văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Có một hôm nói đến y thuật, thầy bảo: “Trung Y có năm ngàn năm lịch sử”. Thật vậy, chẳng giả, từ lúc vua Thần Nông nếm trăm loại cỏ, đúng là năm ngàn năm, từ Hoàng Đế đến thời đại chúng ta là bốn ngàn năm trăm năm. Từ Thần Nông đến Hoàng Đế là năm trăm năm, đúng là năm ngàn năm lịch sử. Chúng tôi tin tưởng trước thời Hoàng Đế đã có Trung Y, con người biết dược thảo có thể chữa bệnh, chúng tôi có lý do để tin tưởng chuyện này. Trước thời Thần Nông là Phục Hy Thị, Phục Hy cách Thần Nông tôi thiểu cũng hơn năm trăm năm, coi như là nguyên khởi của lịch sử Trung Quốc, ít nhất là từ năm ngàn năm trăm năm trở lên. Xa xưa hơn nữa là truyền thuyết, có lịch sử dài như thế, có trí huệ, phương pháp,

kinh nghiệm và hiệu quả chữa trị. Thầy nói Tây Y chỉ có ba trăm năm, từ Đệ Nhị Thế Chiến phát minh nên Tây Y chữa trị bằng chất kháng sinh. Vì thế, thầy hỏi tôi: “Anh tin tưởng ba trăm năm, hay tin tưởng năm ngàn năm?” Đương nhiên chúng tôi tin tưởng năm ngàn năm, lịch sử quá phong phú. Hiện thời, quý vị đọc tin tức, thấy có báo cáo cho biết đã phát hiện loại virus mới, tên gọi của loại virus mới này tôi không nhớ, tất cả các chất kháng sinh đều vô hiệu đối với nó. Tổ chức Y Tế Thế Giới cảnh cáo, mong chúng ta phải đặc biệt cẩn thận đề phòng, vì sao? Chưa có thuốc để chữa trị. Nếu bị lây nhiễm, đại khái chỉ chừng ba, bốn giờ là chết, rất nhanh. Đối với loại virus như vậy, Trung Y có phương pháp trị liệu hay không? Nay chúng ta vẫn chưa nghe thấy, nhưng chúng tôi có lý do để tin tưởng là có thể! Vấn đề là hiện thời Trung Y dần dần thất truyền, người học quá ít. Hơn nữa, ở Trung Quốc vào thời xưa, Trung Y luôn là đời đời truyền thừa, thầy lang tối thiểu là ba đời, [hành nghề Y] từ ba đời trở lên. Họ bắt đầu học Y từ lúc nào? Ba, bốn tuổi liền bắt đầu học, người già chữa bệnh, họ bên cạnh xem, có thể nhận biết thuyết đạo. Trẻ bắt đầu đã có thể chỉ huyệt đạo rành mạch, họ hiểu biết; chẳng phải là học trong viện Y Học dăm bảy năm, chẳng phải vậy! Trung Y là của báu, có thể dưỡng sanh, có thể trị bệnh, chúng ta hãy nên coi trọng nó. Đó là quốc bảo của Trung Hoa, nội dung rộng lớn, tinh tường, sâu xa. Chữa bệnh thì phải chuẩn bị đầy đủ các món thuốc.

Chúng ta thấy Thái Thượng Lão Quân của Đạo Giáo đã nói tới một trăm thứ bệnh, và cũng nhắc tới một trăm món thuốc. Chúng ta hãy xem những căn bệnh này, chúng ta có vướng phải hay không? Trước hết, nói tới một trăm thứ bệnh.

Thứ nhất là “*hỷ nộ vô thường là một bệnh*”, chúng ta có phạm phải hay không? Hỷ nộ vô thường, nếu phạm phải thì phải có tánh cảnh giác, bệnh này là gì? Là nguyên do khiến chúng ta nhiễm bệnh. Phạm là người ngã bệnh thì là không bình thường, đúng mực, chẳng thể không chế tâm tình. Bản thân chúng tôi đã chính mắt trông thấy một trường hợp: Trong quá khứ, Hàn Quán Trường hộ trì chúng tôi ba mươi năm, con gái bà ta hai mươi tám tuổi qua đời, để lại hai đứa con thơ. Nửa năm trước khi bà qua đời bệnh hỷ nộ vô thường; trước kia, bà ta chẳng như vậy. Do vậy nên nói đây là điềm báo bệnh tật nảy sanh, tỏ lộ tâm tình đặc biệt nóng nảy, bộp chộp. Nếu chúng ta có tình hình này, cần phải đi khám sức khỏe. Người học Phật phải nên bình lặng, nên niệm Phật nhiều cho nhiều, lạy Phật cho nhiều hồng ân nghiệp chướng.

Thứ hai, “*quên nghĩa háms lợi là một bệnh*”, lợi là thứ con người hiện thời rất phải tranh giành. Không chỉ có nên tranh, mà còn phải suy nghĩ ta có nên giữ lấy [món lợi đó] hay không? Nếu đáng nên được thì có thể lấy, chẳng đáng nên được thì đừng nên lấy! Vì sao? Nếu quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ biết. Trong Liễu Phàm Tứ Huấn có nói, trong cuộc đời của bất cứ một ai, “*một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định sẵn*”. Nói cách khác, trong mạng quý vị có, chắc chắn quý vị sẽ đạt được, chỉ là thời gian có sớm hay muộn khác nhau. Trong mạng chẳng có, quý vị nghĩ trọn mọi phương cách, vẫn chẳng cầu được. Nếu cầu

được, quý vị chẳng ngã bệnh thì cũng có tai nạn xảy đến. Nói cách khác, quý vị chẳng có cách nào hưởng thụ, do chẳng có số mạng ấy! Những chuyện này đều bày ra trước mặt chúng ta, nếu chú vị chú tâm quan sát sẽ hoảng nhiên đại ngộ. Lúc tôi mới xuất gia, tôi vừa xuất gia bèn bắt đầu giảng kinh. Ở Đài Bắc có một người cũng có thể coi như là bậc đại phú trưởng giả, nay ta gọi là “xí nghiệp gia”, cất một tòa biệt thự lộng lẫy tại núi Dương Minh, dựng một căn biệt thự, tôi từng ở đó một ngày, [vì] người thân thích của ông ta dẫn tôi đi chơi, nên ở đó một ngày. Sau này, tôi nghe nói, vị xí nghiệp gia ấy qua đời, qua đời khi tuổi đã rất cao, nghe nói suốt đời ông ta cũng chỉ ở trong tòa biệt thự ấy một tối. Bình thường cũng chẳng có ai đến, họ dùng ba người đầy tớ trông nom tòa biệt thự, quét dọn sạch sẽ, ban người ấy hưởng phước ở đó, sống nhiều năm ở đó. Quý vị thấy: Suốt đời ông ta chỉ ở một hôm, quyền sở hữu tài sản thuộc về ông ta, nhưng quý vị thấy ông ta chẳng có cách nào hưởng phước! Ban người hầu có quyền sử dụng, họ hưởng phước, đó là do mạng vận đã định. Chuyện như vậy có thể thấy khắp mọi nơi trên cả thế giới.

Cổ nhân nói rất hay: “Cả đời đều là mạng, nửa điểm chẳng do người”. Cần gì [phải khổ sở như vậy]? Quý vị là một cá nhân, toàn là do tham dục, dục vọng [chi phối], xây một tòa biệt thự to như vậy, nhưng chẳng có thời gian để hưởng thụ, suốt đời chỉ có một ngày! Tôi tin tưởng còn có những người suốt cả một đời cũng chưa ở một ngày, sao mà khổ thế? Sao không dùng món tiền đó để làm một ít chuyện tốt, giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn, họ chẳng nghĩ tới điều này. Công đức giúp chúng sanh khổ nạn có thể mang đi được, chứ tòa biệt thự ấy đâu thể mang theo! Đức Phật có trí huệ, thường xuyên cảnh tỉnh chúng ta, chuyện có thể mang theo được thì làm nhiều, chuyện chẳng mang theo được, chẳng cần làm! Do vậy, chúng ta hãy nghĩ, điều gì có thể mang theo, điều gì chẳng mang đi được. Trong thế giới hiện thời, chuyện tốt đẹp bậc nhất là gì? Chuyện tốt gì vậy? Dạy hết thầy chúng sanh làm người tốt, đây mới là chuyện tốt lành to lớn nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật thực hiện suốt đời, kể từ sau khi Ngài khai ngộ liền giảng kinh, dạy học, khuyên người khác không chỉ làm người tốt, mà còn là người tốt nhất trong những người tốt, làm Phật, làm Bồ Tát. Đức Phật là người tốt đạt đến rốt ráo viên mãn, chẳng có khiếm khuyết. Bồ Tát là hữu tình chúng sanh giác ngộ, tuy phiền não tập khí còn chưa đoạn sạch, nhưng giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, Ngài làm được. Do vậy, chúng ta phải lấy Phật Thích Ca làm gương, đối với chuyện lấy - bỏ, nhất định phải chú tâm cẩn thận, [xét coi] có hợp với đạo nghĩa hay không? Nói thông thường, “nghĩa” là hợp tình, hợp lý, hợp pháp, điều này có thể giữ lấy. Nếu trái nghịch tình, lý, pháp, chớ nên giữ lấy. Bất cứ chuyện gì cũng có nhân quả, chúng ta hãy cẩn thận nhân quả, quả báo liền thù thắng, tránh khỏi khổ quả!

“Háo sắc, hoại đức là một bệnh”, bệnh này hết sức phổ biến trong xã hội hiện thời. Con người không hiểu, Thái Thượng Lão Quân coi trọng nhân quả. Quý vị thấy trong ba căn bản của chúng ta, có Thái Thượng Lão Quân Cảm Ứng Thiên, câu đầu tiên đã nói rất hay:

“*Họa phúc không có cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy*”. Không ai cai quản quý vị, mà do chính quý vị tự mình cảm lấy quả báo, thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo, nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may, bất luận kẻ nào trong một đời đều chẳng thể tránh khỏi! Trong xã hội hiện thời, quan hệ nam nữ rất hỗn loạn, mỗi ngày có bao nhiêu kẻ phá thai? Phá thai là sát nhân. Luật nhân quả thường cảnh tỉnh chúng ta, đó là chuyện thật! Thiếu mạng phải đền mạng, thiếu nợ phải đền tiền. Đức Phật dạy cha con có bốn thứ duyên; chẳng có duyên, quý vị sẽ chẳng trở thành cha con, sẽ chẳng trở thành người một nhà. Trong bốn thứ duyên này, thứ nhất là báo ân. Đứa con này ngoan ngoãn, dễ dạy, hiếu tử hiền tôn là nợ đến báo ân. Trong đời quá khứ, quý vị có ân đối với nó. Loại thứ hai là báo oán, kiếp trước có hiềm khích, có oán hận, kẻ ấy đến báo cừ, lớn lên sẽ khiến cho quý vị tan cửa, nát nhà. Loại thứ ba là đòi nợ, đòi xong bèn ra đi. Loại thứ tư là trả nợ. Chẳng có những duyên này, sẽ không trở thành người một nhà. Trong kinh, đức Phật đã dạy rõ chuyện này, người một nhà có quan hệ gì. Vì thế, gia đình phải có đạo, phải có quy củ. Nếu chẳng có đạo, chẳng có quy củ, gia đình ấy bèn rối loạn. Phá thai đáng sợ lắm! Tôi nghe một đồng tu kể, không phải là người ấy, mà là một người khác. Người ấy có một người bạn dường như đã phá thai hơn hai mươi lượt. Có người thông linh thấy theo sau cô ta là một bầy tiểu quỷ; vì thế, bản thân cô ta khổ chẳng thể nói nổi, thân thể hết sức tệ, bệnh tật rất nhiều. Bệnh tật là gì vậy? Bệnh tật là do oán thân trái chủ gây rối cô ta. Do vậy, người hiểu nhân quả quyết định chẳng dám làm chuyện này, vì sao? Tương lai phải đền mạng! Quý vị đời này giết một người, đời sau phải đền mạng cho kẻ ấy. Quý vị giết hại [hơn] hai mươi người, phải đền hơn hai mươi cái mạng! Chẳng phải là giỡn chơi đâu nhé! Vì thế, chuyện sát hại tánh mạng há có nên làm? Háo sắc, phá thai chính là sát nhân, tội ấy nặng lắm! Không chỉ là bại hoại đức hạnh, con người hiện thời chẳng nói đến đạo đức, nhưng hiểu theo lẽ nhân quả thì phải đền mạng, quý vị có dám làm hay không? Đó là bệnh. Chúng ta thấy chứng bệnh ấy, thân thể suy bại, đau khổ khôn kham, nhưng chính cô ta chẳng biết nguyên nhân, người mắt sáng thấy rõ ràng, rành rẽ.

“*Chuyên tâm yêu thương mê mết là một bệnh*”, nay chúng ta gọi “*chuyên tâm yêu thương mê mết*” là “*sủng ái*”. Quý vị sủng ái một ai thì người ta thường nói là “*thiên vị*”. Nếu trong một gia đình, quý vị yêu thương một ai đó quá lễ, kẻ khác có phục hay không? Khiến cho người khác ganh tỵ, thậm chí khiến cho kẻ khác báo thù, phiền não liền xảy đến. Vì thế, chuyện này rất đáng sợ.

“*Thù ghét, mong cho kẻ khác chết đi là một bệnh*”. Oán hận kẻ ấy, không ưa, mong cho kẻ ấy chết ngay lập tức. Điều này thuộc loại oán hận, thuộc loại nguyên rủa, tự nhiên kết thù chuốc oán. Cổ thánh tiên hiền khuyên dạy chúng ta, người trong thế gian oan gia hãy nên cởi gỡ, đừng nên trói buộc. Oán thì phải nghĩ cách hóa giải, chớ nên kết oán. Vì sao? Sau khi oán đã kết, sẽ oan oan tương báo chẳng xong! Đời này là oan gia, đời sau có thể làm oan cừ càng sâu, quý vị nói có phải là phiền phức lắm không? Đời bên đều đau khổ. Do vậy, sau khi

giác ngộ, hãy nên buông xuống, đôi bên chỉ cần một bên giác ngộ, mỗi oán cừuấy liền hóa giải. Bên giác ngộ luôn nghĩ đủ mọi cách để hóa giải, hoặc là trên phương diện vật chất, hoặc trên phương diện tinh thần, bồi hoàn, bù đắp, chẳng còn kết oán nữa, điều này rất quan trọng. Chẳng hạn như kẻ khách chủy bóng, lãng nhục, thậm chí hãm hại chúng ta, chúng ta gặp phải những chuyện này, trong tâm phải giác ngộ, vì sao họ chẳng đối xử với kẻ khác như vậy, mà làm như thế đối với ta? Người học Phật chúng ta hiểu rõ, nhất định là trong đời quá khứ, ta có lỗi với kẻ ấy. Nay kẻ ấy đối đãi ta như vậy, ta cam tâm tình nguyện nhận lãnh, chẳng có tâm báo thù, chẳng có tâm oán hận, vậy là tốt, tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình. Chúng ta chẳng có oán hận, chẳng báo thù, đối phương dần dần cũng nhạt bớt. Chúng ta thấy đối phương có những người điếm bèn tán thán họ; đối phương có khuyết điếm, chúng ta chẳng phê bình, một mực dùng thiện ý để đáp trả, thời gian lâu sau, mỗi oán kết tất bị hóa giải. Quyết định đừng nên báo thù, quyết định chớ nên oán hận, phiền phức rất lớn, chẳng thể giải quyết vấn đề, mà còn tạo ra tranh chấp, gieo gốc họa đời đời kiếp kiếp, sai lầm quá rồi! Chính mình bồi dưỡng những đức hạnh bằng cách nào? Đọc sách thánh hiền, đọc sách Phật, quý vị đọc nhiều sẽ có trí huệ, biết nên xử sự ra sao. Bồ Tát có trí huệ và đức hạnh như vậy thì mới có thể trong một đời hoàn toàn xóa tan, hóa giải [nỗi bất bình của] oán thân trái chủ từ trong vô lượng kiếp. Bồ Tát sanh tâm đại từ bi, giống như chư Phật Như Lai bỏ mình vì người, thành tựu hết thảy chúng sanh, nêu gương tốt cho hết thảy chúng sanh, giúp đỡ người khác phá mê khai ngộ, là khổ được vui, đó là trí huệ hạnh.

“Tham dục phóng túng, ẩn giấu lỗi lầm là một bệnh”, tham dục đã là làm lỗi, lại còn phóng túng thì còn gì để nói nữa? Tham lam không bờ bến, càng bị hãm sâu hơn. Có lỗi phải sám hối, phải sửa đổi, không thể che giấu. “Té” (蔽) là che giấu. Che giấu lỗi lầm chẳng cho người khác biết, đó là bệnh. Quý vị càng tích lũy càng sâu hơn, đầu tiên là lỗi nhỏ, dần dần biến thành lỗi to, sai mất rồi! Ta có làm lỗi, kẻ khác phê bình, đó là chuyện tốt, vì sao? Báo đền xong! Nay đã báo đền xong xuôi, chúng ta phải sanh tâm cảm tạ kẻ phê bình, đó là đúng. Nếu oán hận, sẽ có phiền phức to lớn, đến đời sau giải quyết chưa xong. Chỗ tốt đẹp lớn nhất trong học Phật là tán cảnh giác cao, có tầm nhìn xa, chẳng phải chỉ nhìn một đời này, mà càng phải thấy đời sau và những đời sau đó nữa, biết nhân quả, biết họa phúc vì sao mà có!

“Chê người, khen mình là một bệnh”, chuyện này cũng thường nảy sanh. Quan trọng nhất là bản thân chúng ta có phạm hay không? Có hủy báng kẻ khác hay không? Có tán thán chính mình hay không? Chính mình có một chút tốt lành, cứ sợ kẻ khác chẳng biết đến. Trong Phật pháp, điều này được gọi là *“tự tán, hủy tha”* (khen mình, chê người), ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Trong Bồ Tát Giới, *“tự tán hủy tha”* là một trọng giới, đức Phật nghiêm khắc ngăn cấm, chẳng chấp thuận. Đối với người khác phải tán thán, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta *“lễ kính chư Phật, tán thán Như Lai”*. Người khác có ưu điếm, chúng ta phải tán thán. Người khác có khuyết điếm, có chỗ bất thiện, quyết định đừng nên phê bình. Hễ có trách

nhiệm khuyên răn bạn thân thì phải làm khi nào? Khi chẳng có kẻ thứ ba trông thấy hoặc nghe thấy, bèn khuyên nhủ, chỉ dạy, khuyênlonkếáysửa đổi, ăn năn hối lỗi. Lại còn khuyên dạy tốiđã là hai lượt, chớ nên ba lượt; khuyênhai lần không nghe thìđừng nói nữa. Nói nữa sẽ biến thành oán cừu, điều này rất quan trọng. Hễ[kếáy]hoan hỷ nghe người khác khuyên cáo, sau khi nghe, có thểthậtsự sửa đổi, quý vị hãy nên khéo chiều cố người ấy,phải thường xuyên khuyên răn kếáy, ngõ hầu kếáy có thể trởthành thánh, thành hiền. Kẻ bị người khác phê bình, trong tâm bực bội thì chớ nên nói nữa, chẳng cần kếpáoán cừuvới kếáy,đó là đạo nghĩa bạn bè. Giữa các bạn học [là như thế], mà giữa thầy trò cũng là như thế. Thuở trước, tôi theo thầy Lý học Giáo, các bạn họccủa chúng tôi trong lớp kinh giáodều là học tập kinh giáo, hơn hai mườingười học giảng kinh. Có mấy bạn học dường như từ trướcđến nay thầy chưa hềtrời cười với họ, cóđánh, có chửi. Học trò giỏi có thể tiếp nhậnđánh chửi mà vẫn cảm tạ thầy, cảm ơn thầy, thầythậtsự dạy bảo. Còn có hai ba vịđồng học,thầyđóixử với họ rất tốt, chẳng bao giờ nói nàynóino, do nguyên nhân gì? Lầndầu tiên thầy phê bình họ, về mặt họ rấtkhó coi, rất bực bội, từđó về sau, thầy chẳng phê bình họ nữa, xem họ như học trò dự thính,hoan nghênh quý vị đến nghe, tuyệtđối chẳngphê bình quý vị.Thuởấy, chúng tôi tuổi trẻ, trong tâm nghi hoặc thầyđóidãđồng học chúng tôi chẳng công bằng, một thời gian lâu sau, thầy cũng nhìn ra. Có một hôm, thầy gọi tôi vào phòng, nói rõ vì sao có nhữngngườiithầy giáo huấn nghiêm ngặt, khắt khe: “Nhữngngườiấy có thể tiếp nhận, nếu tôi không dạy họ như vậy, tức là có lỗi với họ.Vì sao có mấy đồng học chẳng thể nói, chưa bao giờnóidộng tới họ? Họ chẳng thể tiếp nhận,cần gì pháikếpáoán cừu?” Tôi mới hiểu rõ. Trong khi giáo học, thầy cũng dạy tôi cách làmngườinhư thế nào. Vì lẽđó, trong cuộc sống hằng ngày,chúng ta xử sự,đãingười, tiếp vậtđều phải có chừng mực.

Điều tiếp theo, “*tự tiện thay đổi là một bệnh*”, vấnđề nàycũnghết sức nghiêm trọng! Cổ thánh tiên hiền đãlập ra quy củ, chính chúng ta sửađổi, cóphải gánh trách nhiệm nhân quả hay không?Khẳng định phải chịu. Cổ thánh tiên hiềnđã lập ra những phép tắcấy, thườngđược các tôn giáo hiện thời gọi là “*chân lý*”, không thểthayđổi!Tám câuđầu trong Tam Tự Kinh chính là nguyên lý và nguyên tắc giáo học của tổ tiên và cổ thánh tiên hiềnđối với người sau trong suốt mấy ngàn năm qua, có thể sửađổi hay không? Hễ sửađổi, toàn bộ các vấnđề sẽ xuất hiện. Tự tiện thay đổi là một căn bệnh nặng củangườihiện thời. Nguyên tắc chỉđạo giáo học cao nhất của cổ nhân là “*quý dĩ chuyên*” (chú trọng chuyên nhất), người hiện tại chẳng làm theo nguyêntắccấy, học quá nhiều, học quá tạp.Đặc biệt là những vị làm phụ mẫu tuổi trẻ, chẳng có kinh nghiệm dạy dỗ trẻ thơ, tâm mong con trở thành kẻ tài năng quá mạnh, hy vọng con mình có thể vượt trội kẻ khác, thứ gì cũng biết, thứ gì cũng học,đưa béấy rấtđáng thương, chẳngthểchịuđựng nổi, học hành rấtđau khổ.Hiện thời, chúng ta thường nghe nói học trò Tiểu Học tự sát, trong quá khứ, chưa hề có chuyện này. Vì sao chúng tự sát? Chúngquá đáng thương, quá khổ!Đó là gì? Lỗi làm của cha mẹ, khôngbiết dạy con! Thời cổ, trẻ nhỏđi học chỉ học một môn, “*quý dĩ chuyên*” mà! Mấyngàn năm quatrều là như vậy. Học một môn này chưa

xong, chẳng thể học môn thứ hai. Nay thì có thể học đồng thời bảy, tám môn, thế thì sao? Chẳng được rồi! Cổ nhân Trung Quốc học gì cũng là học một môn, học chu đáo một môn xong rồi mới có thể học môn thứ hai.

Chúng tôi theo học kinh giáo trong lớp dạy kinh giáo của thầy Lý, thầy quy định cũng là một môn, bảo rõ ràng cùng quý vị: “Các vị chắc chắn không thể học cùng lúc hai môn!” Nếu nói rất khó nghe thì ý thầy là: “Quý vị chắc chắn chẳng có sức học hai môn”. Thầy nói hết sức khẳng định. Một môn học tốt đẹp rồi, tốt đẹp đến mức độ nào? Phải được thầy công nhận, thầy nói “có thể” thì mới được phép học môn thứ hai; nhưng tiêu chuẩn của thầy cũng trọn vẹn nghiêm ngặt lắm, mà cũng rất khoan dung. Tiêu chuẩn của thầy là thí dụ như học một bộ kinh, quý vị có thể lên bục giảng, thầy ngồi dưới nghe, gật đầu, được lắm, coi như thông qua bộ kinh ấy. Nhưng lúc tôi theo thầy, tôi đặt tiêu chuẩn cho chính mình nghiêm khắc hơn một chút. Tôi cảm thấy giảng một lần không đủ, tối thiểu phải giảng mười lần, tôi mới học bộ kinh thứ hai. Mười lần thì đến giảng ở đâu? Đến nhà đồng học hoặc đồng tu. Thứ Hai đến nhà Trương cư sĩ, thứ Ba đến nhà Vương cư sĩ, thứ Tư đến nhà Lý cư sĩ. Đều là giảng một thứ, tức là với mỗi bài học, mỗi tuần tôi tìm tối thiểu ba nhà hay bốn nhà [để tập giảng], cách giảng của tôi là như vậy. Thính chúng một, hai, ba người đều được, học giảng mà! Số lượt luyện giảng càng nhiều, càng thuần thực, quen tay hay việc! Không quen thì làm sao được? Do vậy tôi nói “một lần không được”, tôi đặt tiêu chuẩn cho chính mình, tôi nói “mười lượt”. Kinh Vô Lượng Thọ tôi đã giảng mười lần, lần này đặc biệt chọn giảng chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng ta cùng nhau học tập, cùng nhau chia sẻ.

Do vậy, quý vị tuân thủ quy củ của cổ thánh tiên hiền định, nhất định có lợi. Nếu quý vị sửa đổi, chắc chắn sẽ nảy sinh phiền phức. Quý vị thấy tại Trung Quốc mấy ngàn năm qua, chẳng có ai dám sửa đổi. Tổ tiên định ra điều gì? Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, chẳng nhiều lắm. Giáo dục thời cổ nhằm dạy gì? Dạy bốn thứ ấy. Bốn thứ ấy nhằm dạy tiêu chuẩn giáo dục làm người. Đều có thể làm được thì quý vị mới giống như con người. Ngũ Luân là nói về quan hệ giữa con người với nhau, điều này rất trọng yếu, chớ nên không biết! Cha con có tình thân, vua tôi có nghĩa, vợ chồng sai khác ([có nghĩa là] nhiệm vụ khác nhau), lớn nhỏ có tôn ty trật tự, bạn bè giữ chữ tín. Cốt lõi của nền giáo dục Trung Quốc là cha con có tình thân, tức là thân ái. Vì thế, giáo dục Trung Quốc nhằm giáo dục tình thân ái. Những thứ sau đó như Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức đều là tình thân ái mở rộng, từ lòng thân ái khuếch trương, cốt lõi là tình thân ái. Ngũ Thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nhân là yêu thương con người. Nghĩa là tuân theo lý, tức hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Lễ là chừng mực, xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải có chừng mực, chớ nên quá lộ, mà cũng chớ nên quá bãi buôi, nhất định phải là chừng mực. Cư xử giữa con người với nhau chớ nên vô lễ. Trí là lý trí, không thể xử sự theo cảm tình! Trong cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật phải dùng lý trí, dùng tình cảm. Phải nói đến tín nhiệm. Con người thiếu chữ tín, sẽ chẳng thể

tồn tại trong xã hội. Chữ Tín hết sức quan trọng. Tứ Duy là lễ, nghĩa, liêm, si. Bát Đức là hiếu, đễ, trung, tín, nhân, ái, hòa, bình. Cương lĩnh lành như vậy, do tổ tiên đặt ra, chẳng thể thay đổi. Hễ biến đổi, toàn thể trật tự xã hội rối loạn, nhà chẳng ra nhà, nước chẳng ra nước. Quy củ của tổ tiên được thi hành tại Trung Quốc suốt mấy ngàn năm. Thái Thượng Lão Quân nói tới một trăm chứng bệnh, chúng tôi chỉ nêu mấy điều này là đủ rồi!

Lại xem Ngài nói về thuốc chữa, đối với điều đầu tiên, Ngài nói: *“Thể nhược, tánh nhu là một loại thuốc”*, chẳng phải là Thái Thượng Lão Quân bảo thân thể chúng ta phải suy nhược, chẳng phải là ý nghĩ đó! *“Nhược”* là đối diện với cái gì mạnh mẽ, nếu chúng ta biểu hiện rất kiên cường sẽ không tốt, đây cũng là như hiện thời chúng ta nói *“hòa hài”*, tánh tình phải mềm mỏng. Nói thật ra, trong Phật pháp, quý vị đọc phần Tứ Đức được giảng trong Hoàn Nguyên Quán, điều thứ ba là *“nhu hòa, chất trực”*. *“Thể nhược”* nghĩa là chất trực, đã người, tiếp vật phải mềm mỏng. Chất trực là chân thành, phải có thành ý đối với người khác. Chớ nên dùng thái độ cường bạo để đối xử với người khác, phải dùng thái độ mềm mỏng khiến cho người khác hoan hỷ. Nói theo cách bây giờ, trong tư thế xử sự, đã người, tiếp vật, chúng ta phải biết hạ mình một chút, *“nhược”* có ý nghĩa như vậy. Chớ nên dùng ngôn ngữ cứng cõi, đùng chạm, ra lệnh, khiến người ta nghe rất ngứa tai! Dầu là thuộc hạ của chính mình, nếu quý vị có thể khiêm hạ, người khác sẽ thực hiện công việc tốt đẹp hơn. Kỳ nhất là lớn tiếng la lối, chẳng tốt! Người khác ngoài mặt phục tùng quý vị, trong tâm không phục. Nếu quý vị có thể khiến cho trong tâm người ta cảm phục quý vị, đó gọi là *“tâm phục, khẩu phục”*, sẽ thành công!

“Hành vi phải khoan dung, tâm hòa hoãn là một loại thuốc”. Nói thật ra, loại thuốc này đối với chúng ta sẽ hữu ích trong việc tu thân. Tu thân, dưỡng tánh, thân tâm khỏe mạnh, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi. Loại thuốc này đều có thể giúp quý vị, xã hội hòa hài, thế giới hòa bình, nó rất tốt. *“Hành”* phải khoan, tức là khoan hậu, *“hành”* là hành vi, phải khoan hồng, độ lượng, tâm phải hòa hài, đó gọi là *“hòa bình”*. Bình đẳng thì mới hòa, bình là nhân, hòa là quả. Đối đãi với kẻ khác chẳng bình đẳng, chắc chắn chẳng thể đạt được hòa.

“Động tĩnh hữu lễ là một loại thuốc”. Lễ hết sức trọng yếu. Có lễ, người khác tôn kính, kính mến quý vị, thật sự đạt được lợi ích, người được lợi là chính mình.

“Sống theo nề nếp là một loại thuốc”: Cuộc sống có quy luật là một loại thuốc, đó là đường lối để sống lâu, khỏe mạnh.

“Gần đức, xa rời sắc là một loại thuốc”, thân cận người có đức hạnh, tránh xa sắc. Nam đối với nữ phải xa cách một chút, nữ đối với nam cũng phải xa cách một chút, đó là Thuốc.

“*Trừ khử dục tâm là một loại thuốc*”. Dục là dục vọng. Mọi người đều có dục vọng. Nếu chẳng có dục vọng, quý vị chẳng sanh trong nhân gian. Trong Phật pháp, gọi cõi nhân gian là Dục Giới; do vậy, kẻ chẳng có dục sẽ chẳng đến Dục Giới, họ tới Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Đối với dục thì nên như thế nào? Càng nhạt bớt càng tốt. Dục vọng trọng yếu của con người là cuộc sống. Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta mà biểu diễn, ngày ăn một bữa, tối nghỉ dưới cội cây, đúng là giảm dục vọng đến mức độ thấp nhất, vắng giữ bất động, suốt đời chẳng thay đổi. Giảng kinh, giáo học bốn mươi chín năm, bảy mươi chín tuổi viên tịch trong rừng, chẳng phải là trong nhà, quây quần, bầu bạn với thiên nhiên.

“*Lúc phân chia bèn nhường nhịn hòng tăng trưởng đạo nghĩa là một loại thuốc*”, hay lắm! Đặc biệt là đối với tài vật, khi phân chia tài vật, hãy nên lùi bước, nhường bộ, chẳng cần phải tranh giành. Hiện thời, chúng ta thấy rất nhiều người già cả qua đời, con cái đông đảo, anh em, chị em chia chác gia tài thường lộn nhau ra tòa, đó là bất nghĩa, lẽ nào chẳng có lỗi đối với người già? Người già nếu trông thấy tình cảnh này, lẽ đâu chẳng đau lòng? Cổ nhân từ nhỏ đã hưởng sự giáo dục tốt đẹp, giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, khi chia gia tài ai nấy đều khiêm nhường, đều mong người khác được nhiều hơn một chút, chính mình được ít hơn một chút. Tuy ở riêng, vẫn là thân tình, vĩnh viễn đoàn kết với nhau, tốt đẹp thay! Do vậy, cổ nhân khi phân chia tài sản chẳng tham tài, cốt sao cho anh chị em ruột thịt của mình đều được chăm sóc tốt đẹp. Ai có năng lực mạnh mẽ thì tài sản chia phần ít một chút, họ có năng lực làm việc mà! Kẻ năng lực kém cỏi thì mong chia cho họ nhiều hơn một chút. Họ có đạo nghĩa, có tâm yêu thương, chiếu cố lẫn nhau, đó là đúng.

“*Chẳng lấy thứ gì phi phận là một loại thuốc*”, “*phi phận*” là gì? Thứ gì chẳng nên lấy thì quyết định chớ nên lấy. Tiền tài phi phận cũng gọi là “*tiền tài bất nghĩa*”. Nếu quý vị tham lam những thứ này thì sẽ gặp tai nạn, trước mắt chẳng thấy tai nạn, nhưng đã gieo gốc họa. Nói theo luật nhân quả, hiện thời do quý vị có phước, nên tuy đã gieo những nhân ác này, nhưng chẳng có quả báo trong hiện tiền. Đến khi quý vị hưởng hết phước, tai nạn liền hiện tiền. Nói thật ra, ai nấy đều có oán thân trái chủ, oán thân trái chủ do đâu mà có? Kết từ trong đời quá khứ, nay chúng ta chẳng nhớ, họ chẳng bỏ đi, cứ theo sau ta. Đối với những tạo tác trong một đời, Phật pháp đã cảnh cáo rất nhiều, rất nghiêm trọng! Quý vị ăn người khác tám lượng, trong tương lai phải đền trả nửa cân. Chúng ta ăn thịt, chẳng thể không gánh trách nhiệm nhân quả, nhất là chính mình giết chóc. Động vật bị giết cũng là một cái mạng, nó có cam tâm tình nguyện cúng dường thịt nó cho quý vị hay chẳng? Chẳng có chuyện cam tâm tình nguyện! Nếu chẳng cam tâm, chẳng tình nguyện, nó có thể nào chẳng có tâm báo thù? Chúng tôi đã từng thấy, thỏ bé, tôi sống ở nông thôn. Nhà nông nuôi dưỡng gia súc, nuôi gà, nuôi lợn là con vật thông thường nhất. Quý vị thấy tét đến giết gà, gà có tình nguyện hay không? Nó chạy lung tung, chạy trôi chết! Khi giết lợn, quý vị nói xem có phải là tiếng lợn rú rất thảm thiết, rất đáng thương! Đó là gì? Chẳng hiểu nhân quả báo ứng, làm những chuyện xuẩn

ngốc. Đức Phật biết chúng sanh chẳng bảon thịt được; vì thế, khuyên kẻ khác hãy ăn ba thứ tịnh nhục, đó là chuyện bất đắc dĩ! Tam tịnh nhục nghĩa là gì? Chẳng thấy giết, tức là khi con lợn này bị giết, ta chẳng trông thấy, cũng chẳng nghe tiếng nó kêu, thứ ba là chẳng phải vì ta mà giết. Đó là tam tịnh nhục. Chúng ta ra chợ mua về, đều thuộc loại tam tịnh nhục, trợn chẳng [do chính ta, hay ta sai người khác] giết mổ. Thời cổ, người đọc sách ở Trung Quốc thường nói: “*Văn kỳ thanh, bất nhãn thực kỳ nhục*”, tức là khi nghe nó bị giết, nghe âm thanh kêu gào thê thảm của nó, nở lòng nào làm thịt nó? Vì thế, “*chẳng lấy thứ gì quá phận là một món thuốc*”. Đó là điều nên làm, đối với tài vật trái phận đều chớ nên tùy tiện chiếm hữu, cho đến không chế, đều chớ nên!

Câu tiếp theo là “*tuy ghét nhưng vẫn thương yêu là một loại thuốc*”. Tuy ghét kẻ ấy, chán ngán họ, nhưng vẫn yêu thương kẻ ấy, đó là tâm từ bi, tâm thương xót. Một người chẳng được người khác ưa thích thì trong ấy có nhiều nhân tố, quan trọng nhất là nghiệp báo. Nghiệp báo đã tạo rồi thì người hiểu rõ, người có tu dưỡng phải biết tha thứ. Phàm những kẻ trong xã hội chẳng được người khác giúp đỡ là vì không khiến cho người khác ưa thích. Do vậy, người thật sự nhân từ, trông thấy không đành lòng, vẫn thương xót họ, giúp đỡ họ, chăm sóc họ, đó là đức hạnh. Người bình phàm chúng ta thường nói là tích đức rất trọng yếu, phải biết học tập. Thiên sách ấy (Thái Thượng Lão Quân Thuyết Bách Bệnh) có thể nói là bổ sung cho Cảm Ứng Thiên, khiến cho Cảm Ứng Thiên càng viên mãn, chúng ta tu học sẽ được lợi ích chân thật. Trong thiên văn ấy, đối với câu “*dục trị chư bệnh, đương bị chủng chủng chủng dược*” (muốn trị các bệnh, hãy nên chuẩn bị đầy đủ các món thuốc) [trong sách Hội Sớ đã được cụ Hoàng Niệm Tổ trích dẫn ở đây], chúng tôi đọc thiên văn chương này của Thái Thượng Lão Quân bèn cảm xúc sâu đậm. Đối với những lời dạy của Lão Quân, chúng ta có thể dùng bài văn ấy để phản tỉnh, chúng ta có bệnh hay không? Lại xem tới một trăm thứ bệnh do Ngài đã nói, chúng ta có hay không? Lại xem một trăm loại thuốc, chúng ta có những thuốc cây hay không? Một trăm loại ấy đều giúp cho thân tâm chúng ta khỏe mạnh, giúp chúng ta gia đình hạnh phúc, công việc mỹ mãn, lợi ích quá nhiều, hãy nên học tập! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 125

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang, Trịnh Lộc và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi bốn, hàng thứ tư đếm từ dưới lên, chúng ta xem từ câu thứ hai:

“Hựu Trí Độ Luận viết: ‘Tùng Thủ Lăng Nghiêm tam-muội nãi chí Hư Không Tế Vô Sở Trước Giải Thoát tam-muội, hựu như Kiến Nhất Thiết Phật tam-muội, nãi chí Nhất Thiết Như Lai Giải Thoát Tu Quán Sư Tử Tần Thân đẳng, vô lượng A-tăng-kỳ Bồ Tát tam-muội’. Như thị đẳng chư tam-muội vô bất cụ túc, cố vân cụ túc thành tựu bách thiên tam-muội” (Lại nữa, Trí Độ Luận chép: “Từ Thủ Lăng Nghiêm tam-muội cho đến Hư Không Tế Vô Sở Trước Giải Thoát tam-muội, lại như Kiến Nhất Thiết Phật tam-muội, cho đến Nhất Thiết Như Lai Giải Thoát Tu Quán Sư Tử Tần Thân v.v..., vô lượng A-tăng-kỳ tam-muội của hàng Bồ Tát”. Các tam-muội như thế không gì chẳng đầy đủ, nên nói là “thành tựu đầy đủ trăm ngàn tam-muội”). Tam-muội (Samādhi) là tiếng Phạn, tức là ngôn ngữ của Cổ Ấn Độ, thường được dịch là Định, hoặc dịch là Chánh Thọ, có nghĩa là Thiền Định. Trong kinh có dịch thành một câu dễ hiểu hơn: *“Thiền tâm nhất xứ trụ”*, cũng giống như trong kinh Di Giáo có nói: *“Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”* (chế ngự tâm trụ tại một chỗ, không gì chẳng hoàn thành). Đó là ý nghĩa của hai chữ Tam Muội. Vì thế, trong Phật pháp, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, chữ Định này được nói đến nhiều nhất. Phạm điều gì được nói đến nhiều nhất, nhất định là rất quan trọng. Chẳng phải là rất quan trọng, cần gì phải rườm rà? Thường xuyên nói, lúc nào cũng nói, chỗ nào cũng nói, điều ấy rất quan trọng. Quả thật, tam-muội là mấu chốt trong sự tu học Phật pháp. Trong Tam Học Giới, Định, Huệ, tam-muội là Định. Có sao có nhiều loại Định ngàn ấy, trăm ngàn tam-muội? Đó là các phương pháp tu Định khác nhau, phương pháp vô lượng vô biên, nhưng mục đích đều nhằm tu Định, đều mong thu cái tâm về một chỗ.

Quý vị thấy Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta niệm Phật, chúng ta phải niệm như thế nào thì mới có thể vãng sanh Tịnh Độ? Lão nhân gia dạy chúng ta tám chữ *“đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế”* (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Quý vị thấy đó có phải là tam-muội hay không? *“Nhiếp trọn sáu căn”* tức là thâm hồi vọng niệm. Mắt thấy sắc liền khởi phân biệt, chấp trước, tai nghe tiếng cũng vậy, cho đến ý duyên pháp, không gì chẳng như vậy! Tâm ấy là tâm phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, rong ruổi theo bên ngoài. Nay chúng ta muốn tu hành, ắt phải thâm hồi cái tâm lại, thâm hồi mắt từ Sắc Trần, thâm hồi tai từ Thanh Trần. Thật ra, Mạnh phu tử cũng đã từng nói, trong thời đại Mạnh Tử, Phật giáo chưa

truyền đến Trung Quốc, nhưng Mạnh Tử đã từng nói: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*” (đạo học vấn chẳng có gì khác, chỉ cầu sao thấu hồi cái tâm buông lung mà thôi), cũng mang ý nghĩa này. [Ngài nói] đạo lý trong sự học vấn chẳng có gì khác, chỉ là thấu hồi cái tâm, do tâm quý vị buông lung theo bên ngoài. Nhà Phật nói “sáu thức nơi sáu căn rong ruổi bên ngoài, hãy thấu hồi chúng”, Mạnh Tử gọi chuyện đó là “*cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*”. Đại Thế Chí Bồ Tát nói “*nhiep tron sáu căn, tinh niem tiep noi*”, tâm liền thanh tịnh, mắt không duyên sắc, tai không duyên thanh, lục căn chẳng phan duyên bên ngoài, tâm liền định, đó là tịnh niệm.

Phải giữ gìn cho tịnh niệm tiếp nối, chớ để cho nó đoạn dứt. Chúng ta biết ý niệm là niệm trước diệt, niệm sau liền sanh. Niệm niệm đều là tịnh niệm thì sẽ thành công. Chúng ta dùng phương pháp gì? Dùng trì danh niệm Phật, đó là một loại phương pháp trong vô lượng pháp môn. Trong Tịnh Độ Tông, tuy đức Phật cũng dạy rất nhiều phương pháp niệm Phật, nhưng phân chia tổng quát thì có bốn loại như Thập Lục Quán Kinh đã nói: Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật, có bốn loại ấy. Trong bốn loại lớn đó, mỗi loại còn có thể chia ra thành rất nhiều loại. Chúng ta dùng chấp trì danh hiệu [là phương pháp mà] kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà đều nói, trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói “*nhiep tron sáu căn, tinh niem tiep noi*” là nói đến Trì Danh Niệm Phật. Nói cách khác, giữ cho tâm chúng ta định trong câu Phật hiệu, khiến cho câu Phật hiệu niệm niệm tiếp nối, đó là Niệm Phật tam-muội. Kinh luận Tịnh Tông lại nói “*Niem Phật tam-muội, tam-muội trung vương*” (Niệm Phật là vua trong các tam-muội), câu này rất quan trọng. Ở đây, cụ Niệm Tổ dùng Trí Độ Luận để nói, trong Trí Độ Luận nói “*bách bát tam-muội*”, tức là nói đến một trăm lẻ tám loại, đều là nói quy nạp. Một trăm lẻ tám loại triển khai sẽ thành trăm ngàn tam-muội, vô lượng tam-muội, có ý nghĩa này.

Cụ nhắc đến Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, [chúng ta] thấy chữ Thủ Lăng Nghiêm (Śūraṅgama) liền nghĩ tới Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh. Thủ Lăng Nghiêm là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Kiện Tướng (健相), Kiện là chữ Kiện trong Kiện Khang (健康), Tướng là chữ Tướng trong Pháp Tướng (法相), đó là nói Phật đức kiên cố. “*Phật đức*” là đức tướng vốn sẵn có trong tự tánh, vì sao nói là kiên cố? Hết thấy tà ma đều chẳng thể phá hoại. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: “*Tà chẳng thắng chánh*”, tự tánh vốn trọn đủ chánh pháp. Nhất Thiết Sự Thành Tựu (hết thấy các sự đều thành tựu) cũng là ý nghĩa được giảng trong kinh Lăng Nghiêm, hình dung Phật đức rất ráo, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian không có gì chẳng thể thành tựu. Không chỉ là thành tựu, mà trước đó còn có ý nghĩa kiên cố, tức là “*kiên cố thành tựu*”, đó là những ý nghĩa được bao hàm trong danh từ Thủ Lăng Nghiêm. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có một đoạn như thế này: “*Bồ Tát đắc Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, năng dĩ tam thiên đại thiên thế giới nhập giới tử trung*” (Bồ Tát đắc Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, có thể bỏ tam thiên đại thiên thế giới vào trong hạt

cải). Giới tử (芥子) là hạt cải; đại khái, hạt cải to chừng bằng hạt mè. Tam thiên đại thiên thể giới nhét vào hạt cải, hạt cải chẳng phình to, tam thiên đại thiên thể giới chẳng rút nhỏ. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú, núi, sông, đại địa trong tam thiên đại thiên thể giới vẫn vận hành y như cũ, chẳng có mây may trở ngại nào; đó là ý nghĩa “*tự tánh lớn - nhỏ bất nhị*”. Trong tự tánh chẳng có lớn hay nhỏ, cũng có thể nói là “trong tự tánh chưa hề có đối lập”. Nó chẳng có thời gian, chẳng có thời gian là chẳng có trước - sau. Nó chẳng có không gian, chẳng có không gian là chẳng có lớn, nhỏ, chẳng có xa, gần. Đó là Tánh Đức trong tự tánh, thành tựu hết thảy kiên cố chẳng thể nghĩ bàn! Bồ Tát biểu diễn điều ấy cho bọn chúng sanh chúng ta trông thấy, khiến cho chúng sanh hiểu tự tánh vốn định, có thần lực chẳng thể nghĩ bàn như thế.

Cho đến “*Hư Không Tế Vô Sở Trước Giải Thoát tam-muội*”, loại này dễ hiểu. Hư không là pháp giới, vô lượng, vô biên, vô số, vô tận. Cổ nhân Trung Quốc có hai câu để hình dung nó, tức là “*đại nhi vô ngoại*”, quý vị nói nó là lớn thì lớn như thế nào? Chẳng có gì ở ngoài nó. Cũng có nghĩa là nó chẳng có ngăn mé, thật sự lớn. Nhỏ thì nhỏ như thế nào? “*Tiểu nhi vô nội*” (nhỏ nhưng chẳng ở trong). Cổ thánh tiên hiền nói hai câu ấy chẳng phải là sau khi Phật giáo đã truyền đến Trung Quốc, có ý nghĩa hoàn toàn giống với cảnh giới trong tam-muội. Phật giáo chưa truyền đến Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền, tổ tiên đã nói ra cảnh giới chẳng khác chư Phật Như Lai; há quý vị có thể nói những người ấy chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai ư? Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, học Hoàn Nguyên Quán, những mối nghi hoặc ấy chẳng còn nữa, biết chư Phật, Bồ Tát hiện thân trong khắp pháp giới hư không giới, cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh, hiện thân thuyết pháp. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận lãnh của họ*”. Chúng sanh mong Phật hiện thân gì, Phật liền hiện thân ấy. Phật tùy thuận chúng sanh, trước nay chưa hề có ý nghĩ của riêng mình. Xét theo hoàn cảnh của Trung Quốc, người Hoa hết sức tôn trọng thánh hiền, Ngài liền hiện thân thánh hiền. Người Ấn Độ ngưỡng mộ Phật Đà, Ngài liền hiện làm thân Phật, hay thân Bồ Tát. Cho đến ở phương Tây, họ sùng kính Thượng Đế, liền hiện thân Thượng Đế. Đối với kẻ ngưỡng mộ Ma Tây (Moses) hoặc Gia Tô (Jesus), liền hiện thân Ma Tây hoặc Gia Tô, không gì chẳng tự tại. Năm xưa, tôi sang thăm Nhật Bản, đến thăm một vị lão hòa thượng người Nhật là cụ Trung Thôn Khang Long (Nakamura Kōryū)5[1]. Lúc tôi đến thăm, cụ đã một trăm tuổi. Cụ biết tôi [làm công tác] đoàn kết tôn giáo, thực hiện công tác “tôn giáo trên thế giới là một nhà”, nên rất hoan hỷ. Chúng tôi gặp mặt, cụ bảo tôi: “*Tất cả những vị sáng lập tôn giáo trên toàn thế giới đều là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ*

5[1] Thôn Trung Khang Long (1906-2008), đạo hiệu Tâm Dự, là cao tăng thuộc Tịnh Độ Tông Nhật Bản, là môn chủ đời thứ 86 của tông đàn (tổng bản sơn) Tri Ân Viện (Chion-in Sōhonzan), từng đảm nhiệm vai trò Đại Tăng Chánh, kiêm Hội Trưởng Hội Phật Giáo Nhật Bản. Tác phẩm quan trọng nhất của Ngài là Bàn Về Các Phương Diện Trong Phật Giáo Dân Gian (Bukkyō minzoku no ryōiki).

Tát”. Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai ứng thân, nên dùng thân gì đặc độ bèn hiện thân ấy. Chúng tôi nghe nói hết sức hoan hỷ, vị lão hòa thượng này chẳng đơn giản! Khi tôi chia tay, đồ đệ của cụ tiền tôi đến tận cổng chùa, bảo tôi: “*Lời hòa thượng nói hôm nay, dường như cả đời từ trước đến nay, chưa hề nghe Ngài nói như vậy*”. Tất cả những vị sáng lập tôn giáo đều là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, chưa hề nghe nói! Đúng vậy, chẳng giả! Người bình phàm cũng chẳng thể thốt ra câu ấy! Vì vậy, người thật sự buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, trở về “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, tâm đạt được thanh tịnh, tâm đạt được bình đẳng, tâm đạt được giác, giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó là Giải Thoát tam-muội.

Kế đó là “*Kiến Nhất Thiết Phật tam-muội*”. Có thể nói người thật sự đắc tam-muội, tam-muội có sâu hay cạn khác nhau, thấy Phật, thấy hết thấy Phật, đây là loại tam-muội thuộc cấp bậc nào? Cao hơn Bồ Tát một bậc! Bồ Tát thấy Phật, nhưng chưa thấy hết thấy Phật. Chúng ta thấy danh từ Kiến Nhất Thiết Phật được kinh Vô Lượng Thọ gọi là A Duy Việt Trí Bồ Tát, các Ngài đắc Kiến Nhất Thiết Phật tam-muội. Tầng cấp này là Pháp Thân Bồ Tát, nói theo kinh Hoa Nghiêm, địa vị thấp nhất sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo thì mới đạt được. Trong pháp Đại Thừa, những vị ấy được gọi là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện đại giác kiến tánh dưới cội Bồ Đề thuộc về tầng cấp này. Ở Trung Quốc, vào đời Đường, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư nghe hòa thượng Ngũ Tổ Nhân giảng kinh Kim Cang, nghe đến câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm) cũng khế nhập cảnh giới này, Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài. Đó là Kiến Nhất Thiết Phật tam-muội, địa vị vượt ngoài mười pháp giới. Nói cách khác, người trong mười pháp giới chẳng đạt được. Trong mười pháp giới, cao nhất là Phật pháp giới, vị Phật ấy có thể thấy Phật hay không? Có thể thấy Phật, nhưng chẳng thấy hết thấy chư Phật, chúng ta phải biết điều này. A Duy Việt Trí Bồ Tát mới có thể thấy hết thấy chư Phật. Cũng có nghĩa là Pháp Thân Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, thuộc về địa vị này.

Chúng ta biết địa vị này vô cùng khó đạt được, nhưng nay chúng ta hết sức may mắn, gặp được pháp môn thù thắng khôn sánh trong các pháp của chư Phật, vượt trội tám vạn bốn ngàn pháp môn, tức là pháp môn Niệm Phật của Tịnh Tông, hy hữu khó gặp. Đã gặp gỡ mà có thể tín, có thể giải, có thể hành, có thể chứng, chứng là gì? Vãng sanh tức là chứng. Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng là chứng. Sự chứng ấy cũng chẳng đơn giản. Nguyên hai mươi trong bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ do chính A Di Đà Phật đã nói: “*Phàm người nào sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát*”, tuyệt diệu thay! Có phải thật sự là A Duy Việt Trí Bồ Tát? Nói theo Lý thì không thông, chẳng có lẽ ấy! Vì sao? Quý vị đời nghiệp vãng sanh, Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não đều chẳng phá, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh vào

cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu A Duy Việt Trí Bồ Tát sanh về Tịnh Độ thì trụ nơi đâu? Các Ngài trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng ở trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. A Di Đà Phật nói lời này chẳng phải là nói hư giả, mà là nói thật. Vì sao có thể gọi quý vị là A Duy Việt Trí? Do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì quý vị, chẳng phải là trí huệ, thần thông, đạo lực của chính quý vị. Phật Di Đà tăng thêm trí huệ, thần thông, đạo lực cho quý vị, nên quý vị giống như A Duy Việt Trí Bồ Tát. Do đó, thế giới Cực Lạc là một thế giới bình đẳng, thật sự bình đẳng. Thế giới ấy cũng có bốn cõi, nhưng bốn cõi như nhau, bốn cõi bình đẳng! Điều này chẳng thể nghĩ bàn, không có cách nào tưởng tượng được! Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có bốn cõi, nhưng bốn cõi chẳng ở cùng một chỗ! Nay chúng ta đang sống trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật, thánh nhân trụ trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, chúng ta chẳng thấy bốn thánh pháp giới. Các Ngài có thể thấy chúng ta, nhưng chúng ta chẳng thấy các Ngài, cõi Thật Báo lại càng chẳng cần phải nói nữa! Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta vãng sanh, chắc chắn sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nhưng trong cõi Đồng Cư, nhưng chúng ta thấy cõi Phương Tiện, và cũng thấy cõi Thật Báo, chẳng tách biệt, chẳng có giới hạn!

Đây thật sự là một nhân duyên hiếm có, khó gặp, chúng ta chớ nên không biết. Đã biết thì phải chịu hướng về thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc chẳng khó đến, trong kinh Vãng Sanh, kinh Vãng Sanh chính là kinh luận Tịnh Độ, tức ba kinh, một luận, đều dạy: Nếu muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ cần đầy đủ ba điều kiện là Tín, Nguyện, Hạnh. Quý vị tin tưởng, quyết định chẳng hoài nghi, tín tâm kiên định. Thứ hai là phải có nguyện, thật sự muốn vãng sanh. Có thể vãng sanh hay không? Tùy thuộc quý vị có tín tâm hay không, có nguyện vọng ấy hay không. Có tín tâm, có nguyện vọng, chẳng có ai không thể đến đó! Hạnh là thật sự hành. Phương pháp để hành là nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật. Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh của bộ kinh này, kinh văn có nói “*nhất hướng chuyên niệm*”, một phương hướng là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong tâm phải thật sự buông xuống, buông xuống sạch sành sanh, trong tâm chỉ có một vị Phật là A Di Đà Phật. Phải niệm đến cái mức độ nào? A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật, cảnh giới ấy được gọi là “*nhất tâm bất loạn*”, không ai chẳng vãng sanh! Công phu niệm đến mức như vậy, vãng sanh thế giới Cực Lạc phẩm vị liền cao. Công phu chưa đến [mức đó], vẫn được! Vẫn có thể vãng sanh, vãng sanh như thế nào? Kinh luận đã nói rất rõ ràng: Vãng sanh thế giới Cực Lạc, mấu chốt là một niệm cuối cùng trong lúc lâm chung, niệm ấy là A Di Đà Phật bèn vãng sanh. Vì lẽ đó, người trong lục đạo, đầu thai trong một đường nào thì quý vị phải biết là do một niệm cuối cùng [quyết định], một niệm ấy là mấu chốt. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, cũng do một niệm cuối cùng. Vì thế, thật sự có người như thế này: Suốt đời chưa hề tiếp xúc Phật pháp, lúc lâm chung, gặp một người bạn niệm Phật, dạy kẻ ấy niệm A Di Đà Phật vãng sanh, kẻ ấy nghe xong hoan hỷ, chẳng cự tuyệt, thật sự tin tưởng, bèn niệm, thật sự vãng sanh. Có [trường hợp như vậy], thật sự có,

nhưng chẳng nhiều lắm. Chúng ta cũng chớ nên coi thường người vãng sanh kiểu ấy, vì sao? Tội thiếu, người ấy hội đủ ba điều kiện, ba điều kiện ấy đều rất khó đạt được! Điều kiện thứ nhất là khi lâm chung, đầu óc sáng suốt, chẳng mê hoặc. Lâm chung mà đầu óc mê hoặc, sẽ chẳng có một tí biện pháp nào cả! Người ấy sáng suốt chính là phước báo, người Hoa thường nói Ngũ Phước, đây là phước cuối cùng, [tức là] khi lâm chung, ra đi trong sáng suốt, tỉnh táo. Người mất như vậy, dầu chẳng học Phật, chẳng niệm Phật, chẳng cầu vãng sanh, khẳng định đều sanh lên trời. Vì sao? Người ấy lâm chung tỉnh táo, sẽ tự có thể chọn lựa đường nào [để sanh vào]. Trong lục đạo, thù thắng nhất là thiên đạo, nhất định chọn thiên đạo. Người đến lúc lâm chung hề mê hoặc, sẽ chẳng thể làm chủ, chính mình không thể làm chủ bèn lưu chuyển theo nghiệp, đáng sợ lắm!

Trong một đời này, nghiệp do chúng ta tạo tác có thiện nghiệp, có ác nghiệp, nghiệp lực nào mạnh mẽ sẽ lôi kéo, dẫn quý vị đi đầu thai trước. Chúng ta biết trong một đời này là Thập Thiện, sức tu thiện rất mạnh mẽ bèn là thiên đạo. Sức Thập Thiện chẳng mạnh, nhưng vẫn có thể, đại khái thuộc bậc trung, bèn là nhân đạo. Trung Phẩm Thập Thiện là nhân đạo, Thượng Phẩm Thập Thiện là thiên đạo. Chúng ta đối chiếu khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác [của chính mình] với Thập Thiện một phen, làm được bao nhiêu? Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chỉ nói đại cương, chẳng nói cận kề. Nói cận kề là trong giới luật và kinh Tiểu Thừa. Cổ nhân Trung Quốc từ giữa đời Đường trở đi, trong Phật môn, hai chúng đệ tử bất luận xuất gia hay tại gia, Căn Bản Giới đều dùng Nho và Đạo làm cơ sở. Hơn một ngàn bảy trăm năm qua, các đồng tu tại gia và xuất gia học Phật có thành tựu hết sức khả quan, chứng minh cổ thánh tiên hiền đã chọn lựa chánh xác. Hiện thời, chúng tôi đề xướng dùng Đệ Tử Quy của Nho gia và Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo gia làm cơ sở để y giáo tu hành, rồi học Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ chẳng khó. Đã đặt vững vàng ba căn bản, rễ sâu, cội chắc, chúng ta mới có thể thành tựu. Ba căn bản ấy là tất yếu, có ba căn bản ấy mới là thiện nhân. Ba căn bản ấy đều làm được, sẽ là *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”* như kinh đã nói. Chư vị phải biết Tây Phương Cực Lạc thế giới là chỗ các vị thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ. Nói cách khác, chẳng phải là bậc thượng thiện, sẽ chẳng thể đến thế giới Cực Lạc. A Di Đà Phật rất từ bi, mong tiếp độ quý vị, nhưng người trong thế giới Cực Lạc chẳng đồng ý, vì quý vị bất thiện! Phải hiểu rõ những đạo lý này, chẳng phải là niệm Phật không linh, mà là do chúng ta không hội đủ điều kiện!

Ta có Tín, Nguyện, Hạnh, vì sao vẫn chẳng thể vãng sanh? Còn có điều kiện kèm theo, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói rõ ràng: *“Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà sanh về cõi ấy”*. Chúng ta thiện căn ít ỏi, phước đức ít ỏi, chẳng đến đó được! Thiện căn và phước đức là gì? Thiện căn là có thể tin, có thể hiểu, đó là thiện căn. Phước đức là gì? Là có thể hành, có thể chứng. Nói cách khác, người thật sự khẳng khẳng một mực niệm A Di Đà Phật, người ấy có phước, đại phước báo! Kẻ bình phàm chúng ta không biết, tưởng phú quý

trong thế gian này là phước báo, chẳng phải vậy! Quý vị có thể hưởng phú quý trong thế gian này bao nhiêu năm? Dầu quý vị sống đến một trăm tuổi, cũng là một cái khay ngón tay liền xong! Vì thế, chúng ta chớ nên không biết điều này. Phước đã hưởng hết, trong đời này quý vị có tiếp tục tu phước hay không? Nếu chẳng thật sự tu phước, đời sau phước báo kém đời này rất xa! Nếu trong khi hưởng phước lại tạo mầm tội, cũng rất dễ dàng đọa vào ba ác đạo, quý vị nói xem có đáng sợ lắm hay chẳng? Người ấy niệm Phật vãng sanh, sanh về thế giới Cực Lạc bèn là vô lượng thọ, sanh về thế giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, thấy hết thấy Phật, quý vị nói xem: Ai có phước? Có thể niệm Phật sanh về thế giới Cực Lạc là những bà già, ông lão, cũng chẳng biết chữ, nghèo túng. Người nghèo hèn, có thể nói là trong xã hội chẳng có tài sản gì, mà cũng chẳng có địa vị, đến thế giới Cực Lạc để làm Phật, há có thể sánh bằng họ ư? Những điều này đều là sự thật chân chánh, Phật pháp chẳng nói những điều hư giả. Chẳng gặp được tức là chẳng có duyên phận, chẳng có cách nào hết!

Đối với ba điều kiện “thiện căn, phước đức, nhân duyên”, quý vị thấy chúng ta có nhân duyên, vì chúng ta gặp gỡ [pháp môn này], được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, gặp gỡ Đại Thừa, gặp Tịnh Độ, duyên đầy đủ. Có thể thành tựu hay không, tùy thuộc thiện căn và phước đức của chính mình. Ba điều kiện thấy đều đầy đủ, chẳng có ai không thành tựu. Thiện căn và phước đức tu trong đời quá khứ. Quá khứ đã có cái nhân, dầu chúng ta thiện căn và phước đức chẳng đủ, nếu đời này duyên thù thắng, rất dễ dàng bỏ túc, đó gọi là “*bỏ tập*” (học tập bỏ sung), đều có thể học tập bỏ sung [thiện căn và phước đức], duyên là nghe kinh, nghe pháp. Duyên ấy thật ra chẳng nhiều. Hiện thời, người giảng kinh giáo học ngày càng ít! Ngày một ít đi chẳng phải là không có nguyên nhân, do hoàn cảnh sống hiện tại của chúng ta tạo ra, chớ nên không biết điều này. Giáo dục trong xã hội hiện thời do ai phụ trách, nắm giữ? Chúng ta phải biết giáo dục trong xã hội hiện đại do các phương tiện truyền thông, TV, và Internet thao túng. Quý vị thấy trong xã hội hiện thời, có ai không xem TV, người nào chẳng lướt Internet? Nội dung trong Internet là gì? Bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, dạy những chuyện ấy, dạy đến nỗi mỗi người đều mê hoặc, điên đảo, tâm bộp chộp, hời hợt. Do vậy, giáo dục của thánh hiền chẳng thể dính dáng, Phật, Bồ Tát đến dạy đều chẳng có cách nào dạy vì người ta chẳng thể tiếp nhận! Họ phiền não quá nặng, tham, sân, si, mạn, năm món phiền não, tham, sân, si, mạn, nghi, hoài nghi những thứ của cổ thánh tiên hiền, chẳng có tâm thành kính. Ấn Quang đại sư đã nói rất hay, đối với giáo huấn của thánh hiền khẳng định là “*một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Chẳng có tâm thành kính, Phật, Bồ Tát đến dạy quý vị cũng chẳng đạt được lợi ích.

Chúng ta biết: Điều phổ biến là [người hiện thời] chẳng có tâm tôn trọng sự giáo dục của thánh hiền, chẳng để vào mắt, nên thánh giáo suy vi, mà Phật giáo cũng suy vi! Đúng là rất ít người trong đời quá khứ có thiện căn sâu dày, có nguyện lực, nương theo nguyện trở lại,

phát nguyện đến thế gian này để truyền thừa thánh giáo. Quý vị thấy những người ít ỏi ấy gặp nhiều nỗi gian nan! Nếu chúng ta có thể nhìn thấu suốt chân tướng sự thật, liễu giải các thứ nhân duyên, chúng ta mới biết quý tiếc cơ duyên này, rất khó có! Chúng ta chẳng gặp một vị thầy tốt chỉ dạy, làm sao biết trong sách cổ có lắm thứ tốt đẹp ngàn ấy? Nay mọi người coi sách cổ như giấy lộn đáng thiêu sạch, ngỡ những thứ ấy cũ kỹ, lỗi thời, chẳng cần đến nữa, chẳng biết bảo vật ở trong ấy. Phật pháp được gọi là Pháp Bảo trong Tam Bảo, dùng danh từ này, hy vọng thời thời khắc khắc nhắc nhở quý vị phải coi trọng, chớ nên khinh dễ, bỏ luống qua! Đó là cổ nhân dụng tâm khổ sở, người đời sau nếu có thể hiểu thấu, hãy nghiêm túc phát nguyện khéo học tập, thành tựu chính mình, mà cũng giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi lạc chúng sanh hữu tình, hữu duyên. Đã thật sự giác ngộ, phải toàn tâm toàn lực giúp đỡ thế hệ sau thành tựu, đạt được một hai điều đều là thứ quý báu, tức là Bảo trong Tam Bảo, đó cũng là chúng ta gieo phước, duyên phận vô lượng vô biên phước đức. Tích lũy đại đức, gieo đại phước, thật sự nhận thức, thật sự hiểu rõ, đã giác ngộ!

“*Nãi chí*” (cho đến) có nghĩa là tính lược những điều ở giữa, vì Trí Độ Luận nói một trăm lẻ tám môn [tam-muội], ở đây chỉ nêu đại lược vài điều. “*Nhất Thiết Như Lai Giải Thoát Tu Quán Sư Tử Tần Thân*”, Sư Tử Tần Thân là tỷ dụ, Sư Tử là vua các loài thú, Tần Thân (頻呻) là sánh ví Ngài tự tại, hết thảy chư Phật Như Lai đạt được tam-muội này. Tu Quán là như trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ đại sư đã nói Ngũ Chi, Lục Quán, nhập Ngũ Chi, khởi Lục Quán. “*Vô lượng A-tăng-kỳ Bồ Tát tam-muội*”, ở đây, chúng ta thấy không chỉ là trăm ngàn, mà thật ra là vô lượng. Ngài [Long Thọ trong Trí Độ Luận] còn thêm vào chữ A-tăng-kỳ, tức là bao quát toàn bộ các phương pháp và đường lối tu học của hết thảy Bồ Tát trong tận hư không khắp pháp giới, chẳng bỏ sót điều nào, có ý nghĩa này! “*Như thị đẳng chư tam-muội vô bất cụ túc*” (các tam-muội giống như thế không gì chẳng trọn đủ). Chỉ cần kiến tánh liền trọn đủ, “*cố vân cụ túc thành tựu bách thiên tam-muội*” (nên nói thành tựu đầy đủ trăm ngàn tam-muội). Người niệm Phật chúng ta coi mình tâm kiến tánh là chuyện sau khi đã vãng sanh, đến thế giới Cực Lạc lại tu, vì trong thế gian này có rất nhiều chướng duyên, rất khó thành tựu. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đầu tiên là thọ mạng vô lượng; thứ hai là quý vị gặp thiện tri thức thật sự. A Di Đà Phật là thầy, gặp được đồng tham đạo hữu thật sự tốt đẹp, tức là các vị Đẳng Giác Bồ Tát. Kinh dạy: “*Các vị thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ*”, cổ đại đức chú giải chữ “*thượng thiện*” là nói đến hàng Đẳng Giác Bồ Tát. Cao nhất trong các vị thiện nhân là Đẳng Giác. Trong thế giới Cực Lạc, Đẳng Giác Bồ Tát đông lắm! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta nghe bộ kinh này, đặc biệt chỉ ra hàng tại gia cư sĩ chúng đặc địa vị Đẳng Giác. Quý vị thấy nêu tên mười sáu vị thì hàng xuất gia chỉ nêu tên ba vị, đối với hàng tại gia nêu tên mười sáu người. Điều này cũng nhằm nói lên ý nghĩa: Pháp môn này thích hợp cho hàng tại gia cư sĩ tu hành. Tại gia cư sĩ tu hành chứng quả chẳng kém hàng xuất gia, phải biết điều này! Phật pháp là pháp bình đẳng.

“*Luận trung phục vân: U nhất nhất tam-muội trung, đắc vô lượng đà-la-ni*” (Trong luận lại nói: “Trong mỗi một tam-muội, đắc vô lượng đà-la-ni”). Câu này hết sức quan trọng! Đà-la-ni dịch là Tổng Trì, [nghĩa là] bao gồm hết thảy các pháp, nắm giữ hết thảy các nghĩa. Nói theo cách hiện thời, đà-la-ni là nắm được cương lĩnh. Người ấy đối với các kinh luận do mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đã nói, những chỗ quan trọng người ấy đều nắm được, nắm vững toàn thể nguyên lý, nguyên tắc, và cương lĩnh. Do đó, cổ nhân thường nói: “*Một kinh thông*”, thật sự thông hiểu bộ kinh này, “*hết thảy các kinh đều thông*”, [những kinh luận] quý vị chưa từng học cũng thông suốt toàn bộ. Thông đạt một pháp môn thì môn nào cũng đều thông đạt, vì sao? Kiến tánh; không chỉ là quý vị thông đạt Phật pháp, mà tất cả hết thảy các pháp ngoài Phật pháp đều thông đạt toàn bộ, tuyệt diệu chẳng thể diễn tả được! Trong tôn giáo có một câu ca ngợi Thượng Đế, ca ngợi Chúa là “*toàn trí toàn năng*”. Trong Phật pháp, hai câu “*không gì chẳng biết, không gì chẳng thể*” nhằm tán thán người minh tâm kiến tánh. Bất cứ ai cũng đều có ngày minh tâm kiến tánh, ngày ấy rất cuộc là ngày nào, tùy thuộc chính mình quyết định! Quyền lực ấy chẳng thuộc vào người khác, mà do chính mình. Nếu chính mình dũng mãnh, tinh tấn, nếu nói theo pháp môn Niệm Phật thì có thể đạt được trong một đời, chẳng cần đến đời sau, một đời có thể đạt được, một đời có thể thành tựu. Nếu tu các pháp môn khác, sẽ khá khó khăn, vì sao? Các pháp môn khác nhất định phải đoạn phiền não thì mới có thể chứng Bồ Đề. Pháp môn Tịnh Tông chẳng cần đoạn phiền não, chỉ cần khuất phục, không chế phiền não. Phiền não chưa đoạn, nhưng nó chẳng khởi tác dụng là được rồi, có thể vãng sanh. Tôi vừa mới nói, sau khi vãng sanh, được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị liền biến thành A Duy Việt Trí, tuyệt vời lắm! Đắc A Duy Việt Trí là đạt đến cấp bậc của những người minh tâm kiến tánh, trí huệ, thần thông, đạo lực đều bằng với họ. Nói cách khác, thật sự vượt thoát mười pháp giới.

Tiếp đó, sách viết: “*Đà-la-ni tức thị Tổng Trì. Thị cố kinh vân: Cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội*” (Đà-la-ni chính là Tổng Trì. Vì thế, kinh nói: “*Đầy đủ tổng trì trăm ngàn tam-muội*”). Hai hôm nay, đồng học báo tin cho tôi biết có những nơi đang lan truyền tin đồn pháp sư Tịnh Không có thần thông, biết trước lúc mất. Tôi nói cho quý vị biết: Những tin ấy là giả, chẳng thật! Có những lời tôi nói bị lan truyền sai lạc, càng truyền càng sai lạc! Nói đến “*cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội*” (đầy đủ tổng trì trăm ngàn tam-muội), chúng tôi nói rõ lời này một chút. Thế giới hiện thời có tai nạn, quý vị đều biết rõ hơn tôi, vì quý vị xem TV, đọc báo, mỗi ngày đều xem. Mọi người biết tôi không xem TV, mà cũng chẳng đọc báo, những tin tức tôi biết đều do một số đồng học, đại đa số là những bài báo quan trọng hạ tải (download) từ Internet đưa cho tôi xem, tôi mới biết chuyện gì phát sanh. Không ai kể cho tôi biết thì đối với tôi mỗi ngày đều sống thái bình. Quý vị hỏi tôi về thế giới này, rất tốt! Chẳng có chuyện gì! Mỗi ngày thiên hạ thái bình, vô ưu, vô não. Kể cho tôi nghe những chuyện ấy, đối với một người thật sự tu hành thì chẳng phải là chuyện xấu, mà là chuyện tốt. Trong Phật pháp, đầu tiên là phải phá Biên Kiến, cái được gọi là Biên Kiến chính là đối lập. Họa và

phước là nhị biên (hai bên). Trong Phật pháp, nhị biên là bình đẳng, chẳng có đối lập. Chúng sanh và Phật bình đẳng, chúng sanh và Phật bất nhị. Nói cách khác, sanh - tử bất nhị, phàm - thánh bất nhị, cát - hung, họa - phước cũng là bất nhị. Thật vậy, chẳng giả! Vì thế, là họa hay phước do một niệm của chính mình, chẳng do cảnh giới bên ngoài, đều do một niệm của chính mình, một niệm giác là phước, một niệm mê bèn là hung. Cát, hung, họa, phước do giác hay mê quyết định.

Chúng ta học Phật, nhất định phải giác. Nghe nói có tai nạn, tâm chúng ta phải đề cao cảnh giác, nghiêm túc học Phật, buông xuống vạn duyên, chuyên tu Tịnh Độ. Tai nạn thuộc về cộng nghiệp, ta trốn chẳng khỏi cộng nghiệp ấy, nhưng ta cũng chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng hoảng loạn, hiểu rõ ràng, rành rẽ, chẳng phải là đến thế giới Cực Lạc sớm hơn ư? Chuyện tốt mà! Do đó, có người nói tới cuốn phim 2012, tôi cũng đi xem. Tôi cũng từng nói với các đồng học, chúng ta nhất định phải hoàn thành công phu niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ vào cuối năm 2012, đó là chuyện tốt. Nếu chúng ta thuộc trong số đó, bèn vãng sanh. Nếu chúng ta chẳng thuộc trong số đó, phải phát tâm cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn, phải giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lia khổ được vui! Chúng ta dùng phương thức gì để làm? Dùng giáo học. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài đã dạy suốt một đời. Sau khi khai ngộ vào lúc ba mươi tuổi, Ngài dạy đến lúc bảy mươi chín tuổi bèn viên tịch. Kinh ghi chép đức Phật giảng kinh, dạy học bốn mươi chín năm, chẳng gián đoạn! Giúp chính mình bằng dạy học vì “*giáo học tương trưởng*” (dạy học khiến cho chính mình tốt đẹp hơn, tiến bộ hơn), giúp người khác cũng bằng dạy học, tự hành và hóa tha dùng cùng một phương pháp. Vì thế, thân phận vai trò của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vị thầy, chúng ta phải nhận thức rõ ràng! Ngoài dạy học ra, suốt đời Ngài chẳng làm chuyện gì khác, chúng ta phải nên học tập lão nhân gia điều này. Do vậy, trọn chẳng phải là biết trước lúc mất, mà là chúng ta có duyên phận như thế ấy. Hãy nên biết: Hạn định kỳ hạn cầu chúng thì thời hạn ấy do chính chúng ta ước định, trong khoảng thời gian ấy, chúng ta phải thực hiện công phu tốt đẹp, cũng là thật sự triệt để buông xuống, thật sự niệm Phật sao cho tương ứng với Phật. Nói đơn giản thì công phu ấy là trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, điều gì cũng chẳng có. Niệm đến công phu này, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong trạng huống bình thường có thể đi bất cứ lúc nào, muốn đi lúc nào bèn đi lúc ấy, muốn trụ mấy năm cũng chẳng trở ngại chút nào, vì sao chúng ta không làm? Chẳng có mấy may lưu luyện thế gian này! Ở trong thế gian này một ngày bèn giúp đỡ chúng sanh, phục vụ họ một ngày. Sự phục vụ ấy chính là dạy học. Dạy học có thể giữ cho chính mình chẳng đọa lạc, mà cũng là bảo vệ chính mình chẳng sanh vọng tưởng, chẳng sanh phiền não. Thật sự bảo vệ chính mình, mà cũng có thể lợi ích chúng sanh, quả là một phương pháp tốt đẹp trọn vẹn đôi bề.

Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới, “*trụ thâm Thiên Định, tất đồ vô lượng chư Phật*” (trụ trong Thiên Định sâu, ắt thấy vô lượng chư Phật), Thiên Định sâu là tam-muội, “*tất đồ vô*

lượng chư Phật” là thấy hết thấy chư Phật. “*Trụ thâm Thiên Định giả, an trụ u thâm diệu chi Thiên Định. Hội Sơ viết: - Thâm định giả, sở trụ tam-muội vi thâm u huyền, phi Nhị Thừa cập sơ tâm Bồ Tát sở năng vi*” (“trụ trong Thiên Định sâu” là an trụ trong Thiên Định sâu mầu. Sách Hội Sơ nói: “Thâm định là an trụ trong tam-muội vi diệu, sâu xa, u huyền, Nhị Thừa và Sơ Tâm Bồ Tát chẳng thể làm được”). Nhị Thừa là A La Hán và Bích Chi Phật, kinh Lăng Nghiêm nói họ trụ trong tam-muội có tên là Cửu Thứ Đệ Định, con số Chín do đâu mà có? Chín là từ Tứ Thiên Bát Định mà có. Trong phần sau, [người đắc] Tứ Thiên Bát Định được gọi là Sơ Tâm Bồ Tát. Sơ phát tâm vẫn là phàm phu, chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi. Công phu tu Định của họ nông cạn, gọi là Tứ Thiên Bát Định. Họ tu đến Sơ Thiên, còn có năng lực sanh lên Sơ Thiên Thiên. Tu đến Nhị Thiên, họ có thể sanh lên Nhị Thiên Thiên. Do đó, đắc Tam Thiên, Tứ Thiên [bèn sanh trong Tam Thiên Thiên, Tứ Thiên Thiên], lên cao hơn nữa là Tứ Không Định trong Vô Sắc Giới Thiên. Vì thế, Tứ Thiên hợp cùng Tứ Không Định gọi là Bát Định. Tứ Thiên Bát Định trên thực tế chỉ có Bát Định, trọn chẳng phải là ngoài Tứ Thiên còn có Bát Định, chẳng phải vậy, trong Bát Định đã bao gồm Tứ Thiên. Những môn này là Thiên Định thế gian, vì sao? Họ chưa thoát ly lục đạo luân hồi. Môn cao nhất trong Bát Định do Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên tu thành; đắc Định ấy, sức của Định ấy rất mạnh, thời gian cũng rất dài, thời gian họ nhập Định là tám vạn đại kiếp. Địa cầu, tinh hệ, và Thái Dương Hệ thành, trụ, hoại, không tám vạn bốn ngàn lần; một lần thành, trụ, hoại, không là một đại kiếp. Quý vị thấy thành, trụ, hoại, không, tám vạn lần thì công phu định lực của họ mới tiêu mất, rất phi phàm! Chúng ta gọi những người ấy là thánh nhân, tức là bậc đại thánh trong lục đạo.

Thế nhưng, tám vạn đại kiếp thì vẫn có thời hạn. Thời hạn đã tới, họ đánh mất công phu định lực, vẫn phải luân hồi, vẫn phải lưu chuyển trong lục đạo, chẳng rốt ráo! Vì thế, người thông minh lại vượt cao hơn, tu Thiên Định sâu hơn, đến Đệ Cửu Định. Đệ Cửu Định bèn vượt thoát lục đạo luân hồi, chứng quả A La Hán, chứng quả Bích Chi Phật. Công phu định lực của Bích Chi Phật sâu hơn A La Hán một bậc, vượt thoát lục đạo, nhưng chẳng vượt thoát mười pháp giới, vẫn ở trong mười pháp giới. Trên Bích Chi Phật là Bồ Tát, trên Bồ Tát là Phật, đó là tứ thánh pháp giới, là cõi Phương Tiện Hữu Dư của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tuy đã thành Phật trong mười pháp giới, nhưng chưa kiến tánh, chư vị phải biết điều này! Nếu vị ấy kiến tánh, [tức là] minh tâm kiến tánh, sẽ chẳng trụ trong mười pháp giới, mười pháp giới chẳng còn, vị ấy liền trụ trong Nhất Chân pháp giới. Vì thế, Thiên Thai đại sư nói Phật trong mười pháp giới được gọi là Tương Tự Tức Phật trong Lục Tức Phật, rất giống Phật, nhưng chưa phải là chân Phật, cần phải đoạn sạch vô minh [thì mới là Chân Phật]. Phật trong mười pháp giới vẫn chưa đoạn vô minh; hễ vô minh đoạn sạch bèn là Chân Phật, chẳng phải là giả Phật. [Đối với Ngài], mười pháp giới chẳng còn nữa, Ngài trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình, duy tâm sở hiện, nhưng chẳng có duy thức sở biến! Mười pháp giới là duy thức sở

biến; trong Nhất Chân pháp giới chỉ có tâm hiện, chẳng có thức biến, nên trong cảnh giới, hết thấy đều bảo trì vĩnh hằng, con người vô lượng thọ, hoa, cỏ, cây cối đều là vô lượng thọ. Con người chẳng có sanh, lão, bệnh, tử; hoa, cỏ, cây cối cũng giống như thế. Trong kinh, đức Phật thường nói mười pháp giới chẳng thật, biến hóa trong từng sát-na. Hữu tình động vật có sanh, lão, bệnh, tử, cây cối, hoa, cỏ có sanh, trụ, di, diệt, núi, sông, đại địa có thành, trụ, hoại, không, đều chẳng chân thường, mà là vô thường. Nhưng Nhất Chân pháp giới là chân thường, vì người trụ trong ấy đã chuyển tám thức thành bốn trí, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có khởi tâm động niệm, nên hiện tượng là vĩnh hằng, bất biến. Cái gọi là “*sống đời đời*” được nói trong tôn giáo chính là nói về nơi này, đó là thiên đường thật sự, Phật pháp gọi nó là thế giới Cực Lạc, mang ý nghĩa này!

Tiếp đó, [sách Chú Giải] viết: “*Hựu Chân Giải viết: Đường dịch vân Nhất Thiết Chủng thậm thâm Thiên Định*” (Lại nữa, sách Chân Giải nói: “*Bản Đường dịch ghi là ‘Thiên Định Nhất Thiết Chủng rất sâu’*”). Tiếp đó, có giải thích, “*Nhất Thiết Chủng giả, vị Nhất Thiết Chủng Trí, toàn Lý chi Sự, cố vân thậm thâm*” (Nhất Thiết Chủng là Nhất Thiết Chủng Trí, toàn thể Lý là Sự, nên nói là “*rất sâu*”). Giải thích chữ Nhất Thiết Chủng: Nhất Thiết Chủng là Nhất Thiết Chủng Trí. Đối với ý nghĩa của chữ Phật, chữ Phật dịch từ tiếng Phạn của Ấn Độ, tức Phật Đà Da (Buddhaya); trong từ ngữ này có hai ý nghĩa chủ yếu, thứ nhất là ý nghĩa Giác, ý nghĩa thứ hai là Trí. Trí là Thể, Giác là Dụng. Có Trí thì mới có Giác. Chẳng có Trí bèn mê, chẳng giác. Trí có ba loại. Loại thứ nhất là Nhất Thiết Trí, loại thứ hai là Đạo Chủng Trí, loại thứ ba là Nhất Thiết Chủng Trí. A La Hán và Bích Chi Phật chứng đắc Nhất Thiết Trí, biết tất cả hết thấy hiện tượng trong khắp pháp giới hư không giới đều là giả, chẳng thật. Kinh Bát Nhã nói “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Nói “*vạn pháp đều là Không*”, đó là Nhất Thiết Trí, biết hết thấy vạn pháp đều là “*tướng có, tánh không*”. A La Hán biết chuyện này, nên A La Hán chẳng lưu luyến lục đạo, không còn phân biệt, chấp trước, vượt thoát lục đạo. Nhưng vì sao có hết thấy các pháp mà các Ngài không biết, A La Hán không biết, chỉ biết những thứ ấy là giả. Vì sao Giả lại có thể hiện? Các Ngài chẳng hiểu đạo lý này, Bồ Tát biết, Bồ Tát cao hơn A La Hán. Cái biết của Bồ Tát được gọi là Đạo Chủng Trí, Đạo (道) là đạo lý, Chủng (種) là hết thấy các pháp. Các pháp do đạo lý nào phát sanh? Vì sao có? Vì sao có lục đạo? Vì sao có mười pháp giới? Vì sao có nhân quả báo ứng? A La Hán chẳng biết những đạo lý ấy. Vì thế, trí huệ của Bồ Tát cao hơn A La Hán, Bồ Tát có Đạo Chủng Trí. Phật chứng Nhất Thiết Chủng Trí, Nhất Thiết là Nhất Thiết Trí, Chủng Trí là Đạo Chủng Trí. Nhất Thiết Trí và Đạo Chủng Trí là một, không hai, nhưng Bồ Tát vẫn tách nó thành hai, nên có Thể và có Dụng. Nhất Thiết Trí là Thể, Đạo Chủng Trí là khởi dụng. Bồ Tát còn có Thể và Dụng [tách rời], chẳng biết Thể và Dụng là một, không hai. Đạt đến địa vị Phật thì mới biết, thật sự hoàn toàn hiểu rõ: Tánh và tướng như một, Sự - Lý bất nhị, vạn sự vạn vật trong vũ trụ là một Thể, đó là Nhất Thiết Chủng Trí do Phật chứng đắc, cũng có nghĩa là người minh tâm kiến tánh chứng đắc [trí này], biết hết thấy các pháp là một

Thê. Vì thế, tâm họ bình đẳng, lòng từ bi trọn khắp, chẳng đối xử nồng hậu với kẻ này, xử sự bạc bẽo với người khác, đây mới là đạt đến viên mãn rốt ráo. Đó gọi là “*toàn Lý là Sự, toàn Sự là Lý*”, Lý và Sự là một, không hai, nên bảo là “*thậm thâm*”, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều chẳng thể chứng đắc, chỉ có Phật mới có thể chứng đắc.

“*Có tri thâm định, thật thị Lý Định, phi căn Sự Định dã*” (do vậy biết thâm định thật sự là Lý Định, chẳng phải chỉ là Sự Định). Nói đơn giản, đối với hết thầy mọi người, đối với hết thầy sự vật, Phật thật sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là “*thành Phật*”. Hết thầy chúng sanh đều cùng có chuyện này, chẳng có gì hiem hoi, lạ lùng, nên trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói “*hết thầy chúng sanh vốn là Phật*”, chỉ cần quý vị buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị là Phật! Quý vị buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thầy người, sự, vật nữa, quý vị là A La Hán, liền chứng đắc A La Hán, vượt thoát lục đạo. Do nguyên nhân nào mà có lục đạo? Do chấp trước mà có! Chẳng có chấp trước nữa, bèn chẳng có lục đạo. Chẳng có phân biệt, không phân biệt nữa thì ba tầng cấp thấp trong bốn thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chẳng còn nữa, chẳng phân biệt bèn chẳng có. Không khởi tâm động niệm, Phật trong mười pháp giới cũng chẳng có, đó là minh tâm kiến tánh, trở về tự tánh. Do vậy, kiến tánh là thật sự trở về tự tánh, trở về tự tánh bèn gọi là Lý Định. Tự tánh là Lý Thê, hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian đều từ Lý Thê biến hiện. Quý vị đã hoàn toàn hiểu rõ, bèn đối với hết thầy các hiện tượng, đối với y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới, chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. Khởi tâm động niệm đã chẳng có, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước.

Nếu chúng ta hỏi: Những vị ấy ứng hóa trong thế gian, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật ứng hóa, chúng sanh có cảm, Ngài bèn ứng, ứng hóa trong thế gian này, vì chúng ta thị hiện tám tướng thành đạo, Ngài có khởi tâm động niệm hay không? Thừa cùng quý vị, thật sự chẳng có. Thuở ấy, Ngài thị hiện trong nhân gian, sống cùng một chỗ với chúng ta, chẳng khác gì. Đức Phật có lúc rất hoan hỷ, có lúc cũng cau mày ưu tư, đó có phải là khởi tâm động niệm hay chẳng? Chẳng phải. Đó là gì? Đó là cảm ứng, khi chúng sanh hoan hỷ, Phật liền hoan hỷ; khi chúng sanh ưu lự, Phật cũng ưu lự. Đối với chuyện này, từ thí nghiệm với nước của tiên sĩ Giang Bồn Thắng người Nhật, chúng ta có thể biết được tin tức. Ông ta làm chuyện này mười mấy năm, tôi đã đến thăm phòng thí nghiệm của ông ta hai lần. Đó là thật, chẳng giả tí nào! Nước là khoáng vật, quý vị thấy một chén nước, một chén nước như thế là khoáng vật, thông qua thí nghiệm khoa học, đã chứng tỏ nước có thể thấy, nghe, và hiểu ý nghĩ của con người. Nó có năng lực mạnh mẽ hơn chúng ta, vì sao? Nó có thể nhận biết các thứ văn tự khác nhau, chúng ta vẫn chẳng có cách nào! Bất luận văn tự nước nào, quý vị đưa cho nó xem, nó đều nhận biết. Bất luận ngôn ngữ của quốc gia nào, nó đều nghe hiểu, [khả năng nghe, đọc của nước] mạnh hơn chúng ta, chúng ta không bằng nó. Hết thầy khởi tâm

động niệm của chúng sanh nó đều biết. Tôi khởi tâm động niệm nó biết, quý vị khởi tâm động niệm nó cũng biết. Lại nói cho quý vị biết, muỗi, trùng, kiến khởi tâm động niệm, nó đều biết. Chúng ta hoan hỷ, nó cũng hoan hỷ, hiển lộ sự kết tinh hết sức đẹp đẽ. Trong tâm chúng ta ưu sầu, lo nghĩ, nó cũng ưu lự, hiện ra hình dáng rất khó coi. Chúng ta nói đó là “*phản ứng tự nhiên*”, chúng sanh có cảm, nước có phản ứng. Lũ chúng sanh chúng ta có cảm, Phật, Bồ Tát cũng có phản ứng. Nhưng phản ứng của nước, nhất định là phải dùng phương pháp khoa học mới có thể thấy được, còn phản ứng của Phật, Bồ Tát trên thế gian khiến cho chúng ta trực tiếp cảm nhận. Các Ngài thật sự chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, hoàn toàn là cảm ứng đạo giao.

Hiện thời, chúng ta cuối cùng cũng hiểu rõ chân tướng sự thật là “vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng tách rời”. Vì trong vật chất có tinh thần, nên bất luận vật chất nào cũng đều có thấy, nghe, hay, biết. Thấy, nghe, hay, biết là Tánh Đức vốn sẵn có trong tự tánh, đức Phật dạy: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, đó là tự tánh. Do đó, mỗi cá nhân đều có trí huệ giống hết như chư Phật Như Lai. Phật có [trí huệ ấy], mỗi cá nhân chúng ta cũng đều có. Phật có năng lực, vạn đức vạn năng, chúng ta cũng có. Chữ Vạn trong “*vạn đức*” là để hình dung, chẳng phải là con số, đó là vô lượng, vô biên, vô tận, vô số đức năng, chúng ta thấy đều có. Thứ ba là tướng hảo, chúng ta cũng là vô lượng, vô biên, vô tận, vô số tướng hảo. Nhưng hiện thời chúng ta thứ gì cũng đều chẳng có, trí huệ cũng chẳng có, đức tướng cũng chẳng có, do nguyên nhân nào? Phật đã nói toạc một lời, “*chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chứng đắc*”. Nói cách khác, vì chúng ta có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, thôi rồi, ba thứ chướng ngại ấy ngăn trở trí huệ và đức tướng của chúng ta, khiến chúng chẳng thể hiện tiền. Ý nghĩa này nhằm nói với chúng ta, chỉ cần chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, vì sao? Chúng là giả, những thứ ấy vốn chẳng có. Quý vị chịu buông xuống, trí huệ và đức tướng của quý vị liền khôi phục, Nhất Thiết Chủng Trí bèn hiện tiền. Đối với vạn sự vạn vật, quý vị thật sự chẳng khởi tâm động niệm, đó là Lý Định, còn gọi là Tánh Định, tự tánh vốn là Định. Khi Huệ Năng đại sư minh tâm kiến tánh đã nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn chẳng dao động*”, đó là Lý Định. Trong hết thảy các pháp, tự tánh chẳng hề dao động, nên tự tánh vốn Định. Học Phật chẳng có gì khác, trở về tự tánh mà thôi, trí huệ và đức tướng viên mãn trong tự tánh đều có thể hiện tiền.

Tiếp đó, lại dẫn nhận định trong Tịnh Ảnh Sớ: “*Trụ thâm Định môn, khởi hạnh sở y, vô tâm vãng lai, trực dĩ tam-muội pháp môn lực khởi, cố tu trụ Định*” (Trụ môn Định sâu, chỗ y cứ để khởi hạnh là xử sự bằng vô tâm, dùng ngay sức của pháp môn tam-muội để khởi hạnh, nên cần trụ nơi Định). Trước hết giảng vì sao phải trụ nơi Định? Điều kiện tiên quyết để trụ nơi Định là “*khởi hạnh sở y, vô tâm vãng lai*”. “*Khởi hạnh*” là gì? Hạnh là lực độ vạn hạnh, cũng như nay chúng ta nói là “*khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác*”, bao gồm tất cả các hành vi của chúng ta trong một đời suốt từ sáng đến tối, phải nương vào đâu? Phải nương

vào vô tâm. “*Vô tâm*” là chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có khởi tâm, chẳng có động niệm, phải nương vào điều này. Ai có thể làm được? Pháp Thân Bồ Tát làm được. Nói cách khác, người trong mười pháp giới chẳng làm được. Hễ người minh tâm kiến tánh bèn vượt thoát mười pháp giới, toàn bộ những vị ấy đều làm được, đều là như vậy. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta thị hiện như vậy, Lục Tổ Huệ Năng đại sư cũng là như vậy. Theo Phật giáo sử Trung Quốc ghi chép, mấy ngàn người trong Tông Môn, Giáo Hạ, chẳng phải là một số ít, đều ở trong cảnh giới này. Chúng ta phải học tập điều này, phải học gì? Trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, trong xử sự, đãi người tiếp vật, học chẳng dùng vọng tâm. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước đều là vọng tâm. Nếu quý vị chẳng dùng vọng tâm thì dùng gì? Dùng vọng tâm, hãy dùng chân tâm. Chân tâm là gì? Chân tâm là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. Chúng ta dùng vọng tâm, chân tâm chẳng hiển lộ, chẳng tỏ lộ ra được. Chẳng dùng vọng tâm, chân tâm sẽ hiển lộ. Vọng là giả, chẳng thật!

Có cần phải trừ khử vọng tâm hay không? Không cần! Quý vị trừ nó thì vẫn là vọng. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nêu tỷ dụ, chúng ta đứng dưới mặt trời, coi chúng ta như chân tâm, cái bóng do thân ta bị nắng chiếu là vọng tâm, quý vị có cần trừ bỏ cái bóng ấy hay không? Quyết định chẳng xóa được cái bóng. Quý vị trừ khử cái bóng chỉ mắt công, càng làm càng hồng bết, đã vọng lại càng thêm vọng! Đối với vọng tâm thì như thế nào? Mặc kệ nó! Không dùng đến nó thì thôi, hết chuyện, đừng ngó ngang tới nó! Nó có gây trở ngại hay không? Chẳng trở ngại! Quý vị ngắm xem, quý vị ở dưới ánh đèn hay dưới ánh mặt trời, bóng dáng có chướng ngại hay không, có trở ngại chuyện của quý vị hay không? Cần gì phải bận tâm tới nó? Vì thế, sử dụng chân tâm. Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta thị hiện dùng chân tâm, dùng ngay trong cuộc sống hằng ngày, dùng trong mặc áo, trì bát, khát thực, dùng trong tọa Thiền, dùng trong giảng kinh, dạy học, dùng trong ứng đối, Ngài dùng rất tự tại! Chúng ta phải học điều này, học Phật phải học từ chỗ này: Chẳng có vọng tâm, chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc. Vì sao? “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp*”. Đó là nói về căn bản thì mộng, huyễn, bọt, bóng chẳng tồn tại, quý vị bận tâm đến chúng để làm gì? Hơn nữa, chúng chẳng gây chẳng trở ngại. Chẳng trở ngại thì sao lại biến thành trở ngại? Hễ quý vị phân biệt, chấp trước trong ấy, liền bị trở ngại. Chẳng tăng thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chuyện gì cũng chẳng bị trở ngại, vì sao? Chúng là giả, đúng là giống như bóng dáng. Có thể thấy là trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta đã hoàn toàn sử dụng sai cái tâm, sử dụng vọng tâm, chẳng biết dùng chân tâm. Chư Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm là dùng chân tâm. Dùng vọng tâm bèn chẳng thấy chân tâm, phải chú tâm thì mới thấu hiểu đạo lý này. Vì thế, quý vị thấy đó, “*trực dĩ tam-muội pháp môn lực khởi*”, [nghĩa là] dạy [hành nhân] dùng dùng vọng tâm, hãy trực tiếp dùng sức của pháp môn tam-muội hồng khởi hạnh. Đó là chân tâm khởi tác dụng, trí huệ và đức năng vốn sẵn có trong tự tánh khởi tác dụng. Do vậy, phải

trụ trong Định, quý vị không trụ nơi Định sẽ không được. Trụ Định, trí huệ hiện tiền. Do đó, nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Trí huệ đã khai thì giới hạnh ấy gọi là Huệ Hạnh, tâm ấy gọi là Huệ Tâm, hạnh là Huệ Hạnh.

“*Hạ minh khởi hạnh*” (tiếp đó, nói về sự khởi hạnh), quý vị thấy đây là hạnh của chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát, “*tất đồ hiện tại vô lượng chư Phật, nhiếp hạnh khoan quảng*” (đều thấy hiện tại vô lượng chư Phật, nhiếp hạnh rất rộng). Chúng ta hãy xem trang sau sẽ thấy ý của ngài Tịnh Ảnh [đã được cụ Niệm Tổ giảng giải như sau]: “*Tịnh Ảnh sư chi ý vi: ‘Tất đồ chư Phật’ thị hạnh môn, khởi thử hạnh môn, y thâm Thiên Định, bất đãi khởi tâm động niệm, trực tùng tam-muội pháp môn chi lực khởi hạnh, cố tu trụ u thậm thâm Thiên Định*” (Ý của ngài Tịnh Ảnh là: “Ắt thấy chư Phật” là hạnh môn, khởi lên hạnh môn ấy, nương vào sức Thiên Định sâu. Chẳng đợi khởi tâm động niệm, mà thẳng tùng từ sức của tam-muội pháp môn để khởi hạnh, nên cần trụ trong Thiên Định sâu). Đối với ý nghĩa của câu này, tôi hé lộ cho các vị đồng học một ít tin tức, “*tất đồ hiện tại vô lượng chư Phật*” (ắt thấy vô lượng chư Phật trong hiện tại) là người ấy thấy những ai vậy? [Chính là] hết thấy chúng sanh trong hiện tại. Trong kinh, đức Phật thường nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”, nay người ấy đã thấy. Vì sao người ấy thấy? Thấy bằng chân tâm! Dùng vọng tâm sẽ chẳng nhìn ra! Dùng vọng tâm, sẽ thấy mọi người toàn là phàm phu. Dùng chân tâm để nhìn, sẽ thấy mọi người toàn là chư Phật. Điều này đúng như đức Phật đã dạy trong kinh: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Tâm của quý vị là chân, quý vị thấy Nhất Chân pháp giới. Tâm của quý vị là vọng, sẽ thấy mười pháp giới, thực tế là lục đạo. Cảnh giới chẳng biến đổi, nhưng tâm quý vị biến đổi. Do tâm quý vị đang biến đổi, nên cảnh giới liền biến đổi theo cái tâm ấy. Vì lẽ đó, đức Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật, phàm phu thấy Phật cũng là chúng sanh, cũng là phàm phu, đạo lý là như thế đó. Có Phật hay chẳng? Có chúng sanh hay chẳng? Chẳng có! Không có Phật, không có chúng sanh, thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó mới là sự thọ dụng chân thật trong pháp Đại Thừa. Do đó, ngài Tịnh Ảnh cũng nói rất hay, Ngài chỉ ra rất rõ ràng, “*tất đồ chư Phật*” (ắt thấy chư Phật) là hạnh môn, thật sự trông thấy.

Khởi hạnh môn ấy, nương vào Thiên Định sâu. Thiên Định sâu là gì vậy? Không khởi tâm, không động niệm, không đợi khởi tâm động niệm. Chúng tôi diễn tả điều này là “*không khởi tâm, không động niệm*”, mọi người sẽ dễ hiểu hơn. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước. Phân biệt, chấp trước do khởi tâm động niệm mà có. Chẳng có khởi tâm động niệm, bèn chẳng có phân biệt, chấp trước, nên nó trực tiếp từ sức tam-muội pháp môn khởi hạnh. Tam-muội pháp môn là định lực, định gì vậy? Tự tánh vốn định, vì trước đó có chữ Trụ. “*Trực tùng*” thì phải là tự tánh vốn định. Hoàn toàn là tự tánh khởi tác dụng, ở trong ấy chẳng có thức, thức là gì? A Lại Da, Mạt Na, và ý thức; ý thức là phân biệt, Mạt Na là chấp trước, A Lại Da là khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước là chuyển tám thức thành bốn trí, cảnh giới

này chẳng thuộc trong mười pháp giới. Trong mười pháp giới chẳng có [cảnh giới này]. Cảnh giới này thuộc về cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm có [cảnh giới ấy], đó là Nhất Chân pháp giới, chứ trong mười pháp giới chẳng có. Vì thế, phải trụ trong Thiền Định rất sâu. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta chỉ có thể học tới đây. Được rồi! Ngày mai chúng ta sẽ học tiếp.

Tập 126

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảng dạy: Huệ Trang, Trịnh Lộc và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi lăm, dòng thứ năm, xem từ câu cuối cùng.

“*Tịnh Ảnh sư ý vi*” (ý của ngài Tịnh Ảnh), xem từ chỗ này, “*tất đồ chư Phật thị hạnh môn, khởi thử hạnh môn, y thâm Thiền Định. Bất đãi khởi tâm động niệm, trực từng tam-muội pháp môn chi lực khởi hạnh, cố tu trụ ư thậm thâm Thiền Định*” (“*ắt thấy chư Phật*” là hạnh môn, khởi lên hạnh môn ấy, nương vào sức Thiền Định sâu. Chẳng đợi khởi tâm động niệm, mà thẳng thừng từ sức của tam-muội pháp môn để khởi hạnh, cho nên cần trụ trong Thiền Định rất sâu). Hôm trước chúng ta đã học tới đây. Câu này có ý nghĩa hết sức quan trọng, tuy nói là những vị Pháp Thân đại sĩ tham dự pháp hội Vô Lượng Thọ của đức Thế Tôn, nhưng các Ngài chẳng phải là phàm nhân. Nói thông thường, một vạn hai ngàn người ấy đều là Phật, Thiên Thai đại sư gọi họ là Phần Chứng Tứ Phật, kinh Kim Cang gọi họ là “*chư Phật Như Lai*”. Chúng ta xem bộ [Kim Cang Kinh] Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông, ông ta đã giải thích chữ “*chư Phật*” trong kinh [Kim Cang] chỉ bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Do có bốn mươi một địa vị nên gọi là Chư, những vị ấy đều là Phật, thường gọi là Phần Chứng Tứ Phật. Trong hội Hoa Nghiêm, chúng ta đã học chuyện này rất nhiều, những vị ấy không chỉ là Kiến Tư và Trần Sa phiền não đều đoạn, mà vô minh cũng đoạn, vô minh là khởi tâm động niệm. Nói cách khác, lục căn của họ tiếp xúc cảnh giới sáu trần, thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm, há chẳng phải là đã thành Phật ư? Đại Thừa tại Trung Quốc thường nói [những vị ấy] là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, một vạn hai ngàn người ấy đều đã minh tâm kiến tánh.

“*Tịnh Ảnh*” là chùa Tịnh Ảnh, chẳng phải là tên pháp sư, mà là tên ngôi chùa Ngài trụ. Do tôn trọng Ngài, dùng tên chùa để thay thế, nên gọi là “*Tịnh Ảnh sư*”. Ngài có pháp danh là Huệ Viễn, có tên hoàn toàn giống với tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Tông là Huệ Viễn đại sư. Trong lịch sử [Phật giáo Trung Hoa], Ngài được gọi là Tiểu Huệ Viễn. Huệ Viễn đại sư ở Đông Lâm Niệm Phật Đường tại Lô Sơn vào thời Đông Tấn được gọi là Đại Huệ Viễn, còn vị này thuộc vào đời Tùy - Đường, được gọi là Tiểu Huệ Viễn. Ngài có chú giải kinh Vô Lượng Thọ, trong chú giải của Ngài có ý nghĩa được giảng theo cách như thế này “*tát đồ chư Phật*” (ắt thấy chư Phật) là hạnh môn. Trong cảnh giới ấy, mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai người ấy đều trông thấy, đều nhìn thấy. Khởi lên hạnh môn này, nương vào Thiên Định sâu, nhưng chẳng được phép khởi tâm động niệm trong ấy, vì sao? Khởi tâm động niệm là vô minh. Người ta đã phá vô minh, chẳng còn nữa. Họ trụ nơi đâu? Trong Nhất Chân pháp giới. Nếu khởi tâm động niệm, trụ xứ của họ là tứ thánh pháp giới, chẳng phải là Nhất Chân pháp giới. Tứ thánh pháp giới còn gọi là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nhất Chân pháp giới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật, mà cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình. Giống như chúng ta trong hiện thời, nay chúng ta là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước một phẩm cũng chưa phá. Nói cách khác, trọn đủ vô lượng vô biên tập khí phiền não, nay chúng ta đang ở nơi đâu? Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lục đạo luân hồi là cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta sống ở nơi đây, cũng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư của chính mình, nhất định phải hiểu điều này. Quý vị thấy “*sanh Phật bất nhị*”, nghĩa là chúng sanh và Phật chẳng khác nhau. Bản thân chúng ta ở trong giai đoạn nào, liền trụ trong Phật Báo Độ ấy, có nghĩa là thuộc loại Báo Độ nào của Phật, nhất định phải biết điều này!

Một vạn hai ngàn vị Bồ Tát ấy đã đoạn hết vô minh, chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là “*thậm thâm Thiên Định*”. Trong phần trước, tôi đã thưa trình cùng quý vị, Thiên Định này là tự tánh vốn định. Khi Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiên Tông kiến tánh, lão nhân gia đã nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn chẳng dao động*”, đã nói câu ấy. Câu ấy nói về tự tánh vốn định, chẳng do tu được. Tự tánh vốn bất động; bất động là chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Khởi tâm động niệm là vô minh phiền não, phân biệt là đại phiền não, chấp trước là phiền não nghiêm trọng nhất. Quý vị thấy: Có chấp trước thì mới có lục đạo luân hồi. Chẳng có chấp trước, sẽ chẳng thấy luân hồi. Luân hồi là giả, chẳng thật. Phân biệt cũng chẳng thật. Nếu buông phân biệt xuống, chẳng có phân biệt, mười pháp giới đều chẳng có, cũng có nghĩa là cõi Phương Tiện Hữu Dư của chư Phật bèn chẳng có. Vĩnh Gia đại sư đã nói: “*Giác rồi ba cõi rộng toang hoang*”, đại thiên thể giới chẳng có. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, rành rẽ Lý và Sự. Tu hành là tu gì? Học sao cho trong cảnh giới chẳng động niệm, đó là cao minh nhất. Học chẳng khởi tâm, không động niệm, vĩnh viễn giữ cho tâm chính mình thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó là công phu, quý vị bèn thành Phật.

Đền Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật là thành gì? Tựa đề kinh đã nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đó là công phu của chính mình. Đối ứng của công phu, tức là công phu [thành tựu sẽ] hiện ra tướng gì? Hiện thành Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, đó là thế giới Cực Lạc. Đại Thừa là trí huệ, trên thực tế câu này đúng như đức Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Đại Thừa là trí huệ, Vô Lượng Thọ là đức, Trang Nghiêm là tướng. Quý vị thấy trong tựa đề của kinh này, câu này nói đến quả báo. “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là nhân hạnh, quý vị có nhân thì mới có quả; có quả, nhất định có nhân. Chúng ta bèn hiểu Tịnh Tông tu điều gì? Tu “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Dùng phương pháp gì để tu? Nay chúng ta chọn lựa, trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta trì danh niệm Phật, “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”, mục tiêu là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Nói chung, phải niệm cho ra cái tâm thanh tịnh, tâm ở trong cảnh giới nào cũng chẳng bị quấy nhiễu: Trong thuận cảnh, chẳng khởi tham luyến; trong nghịch cảnh, chẳng sanh sân khúe, tâm quý vị nhập Định. Định ấy chính là Niệm Phật tam-muội, chẳng bị cảnh giới lay động. Vì sao? Về Lý, quý vị đã giác ngộ “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, chúng là giả, chẳng thật!

Trong quá trình tu hành, tất cả các hiện tượng là gì? Nhằm biểu thị pháp cho chúng ta! Vì sao Thiện Tài đồng tử thành Phật viên mãn trong một đời? Thiện Tài đồng tử và chúng ta có mối quan hệ rất chặt chẽ, vì quý vị thấy phẩm này là Đức Tuân Phổ Hiền, học nhân Tịnh Tông tu pháp môn gì? Tu pháp môn Phổ Hiền. Pháp môn Phổ Hiền tu thanh tịnh, bình đẳng, giác. Năm mươi ba lần tham học là chuyện như thế nào? Học rồi phải biết dùng, học sống động, vận dụng sống động. Năm mươi ba lần tham học là chúng ta từ sáng đến tối, quý vị sáng sớm thức dậy, mở mắt ra, thấy cảnh giới bên ngoài, quý vị sống, làm việc từ sáng đến tối, xử sự, đãi người, tiếp vật, quý vị thấy đó chính là năm mươi ba lần tham học. Năm mươi ba vị Bồ Tát đại diện cho nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề đều biểu diễn trước mặt quý vị. Quý vị ở trong ấy tu gì? Tu như như bất động. Cách tu như thế nào? Giữ lấy một câu A Di Đà Phật, trong tâm ta chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng đều chẳng có, cảnh giới bên ngoài đều biến thành A Di Đà Phật, thiện nhân là A Di Đà Phật, ác nhân cũng là A Di Đà Phật, súc sanh cũng là A Di Đà Phật, ngạ quỷ cũng là A Di Đà Phật, địa ngục cũng là A Di Đà Phật, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa đều là A Di Đà Phật, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. Nội tâm là A Di Đà Phật, toàn bộ cảnh giới bên ngoài đều biến thành A Di Đà Phật, cảnh chuyển theo tâm mà! Vì sao chúng ta chẳng thể chuyển? Ta ưa thích cái này, chán ghét cái kia, chẳng chuyển được, quý vị vẫn là phàm phu! Thật sự biết học, ai nấy đều là Thiện Tài, mỗi người đều thành Phật viên mãn trong một đời, nhất là Tịnh Tông, tuyệt diệu lắm! Chớ nên không hiểu đạo lý này!

Thiền Tài đồng tử dạy chúng ta học sống động, vận dụng sống động. Kinh Hoa Nghiêm có lý luận viên mãn, có phương pháp chu đáo, chặt chẽ. Những lý luận và phương pháp ấy vận dụng trong cuộc sống như thế nào, dùng trong công việc như thế nào, dùng để đãi người tiếp vật như thế nào? “*Tiếp vật*” là đãi đãi cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa, đãi đãi các chúng sanh thuộc những chiều không gian khác nhau, vận dụng toàn bộ, người ấy đã thật sự hiểu. Giống như các vị thầy trong Tông Môn thường sát hạch học trò bằng câu hỏi “*hiểu không*”? Đã hiểu thì dùng được toàn bộ. Nếu không, học thì có học, nhưng chẳng dùng được! Cuộc sống hằng ngày vẫn là tập khí phiền não nắm quyền làm chủ, như vậy thì chẳng có cách nào hết! Chẳng có cách nào thì cứ từ từ, nói chung, sẽ có một ngày quý vị học hiểu. Người có thể học hiểu trong hiện tiền, nói thật ra, cũng chẳng phải là học Phật trong một đời. Học Phật chỉ một đời, há có thể mau chóng dường ấy? Há lẽ nào vừa học liền dùng được ngay? Tối thiểu là mười đời trở lên, mười đời là tối thiểu! Trong đời quá khứ, quý vị đã học Phật mười đời, nên mới có một chút thiện căn, có đôi chút phước đức như thế. Học rồi, hiểu rồi, thật sự hiểu, biết sử dụng, vận dụng vào cuộc sống, lẽ đâu chẳng sung sướng? Pháp hỷ sung mãn! Thường sanh tâm hoan hỷ, đạo lý là như vậy đó. Học Phật là như vậy, mà học pháp thế gian cũng là như vậy. Pháp thế gian của Trung Quốc lấy Không Mạnh làm đại biểu. Không Tử và Mạnh Tử cũng lỗi lạc: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (học rồi luyện tập, cũng chẳng vui ư). Họ biết vận dụng toàn bộ những điều đã học, “*tập*” (習) là làm được, cũng như chúng ta nói thực hiện trong công việc, thực hiện trong cuộc sống, thực hiện trong xử sự, đãi người, tiếp vật, họ làm được, nên họ vui sướng. “*Duyệt*” (悅) là hỷ duyệt. Hỷ duyệt chẳng phải từ bên ngoài mà có, mà do từ trong nội tâm sanh ra, tức là tự tánh hỷ duyệt, là thật, chẳng giả. Do đó, đoạn này có ý nghĩa rất sâu, họ chẳng cần phải khởi tâm động niệm.

Thắng thùng từ sức tam-muội pháp môn để khởi hạnh, từ ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật đã ra đời trong thế gian này, biểu diễn cho chúng ta thấy. Tại Ấn Độ, khá nhiều vị tổ sư, Bồ Tát cũng biểu diễn cho chúng ta thấy. Tại Trung Quốc, hai ngàn năm qua, Phật pháp chánh thức truyền đến Trung Quốc là do đế vương Trung Quốc phái đặc sứ sang Tây Vực cung kính lễ thỉnh [các vị tỳ-kheo] đến Trung Quốc. Lịch sử ghi chép điều này rất rõ ràng: Năm Vĩnh Bình thứ mười đời Hán Minh Đế, tức năm 67 Công Nguyên. Năm nay là năm 2010 Công Nguyên, Phật pháp truyền đến Trung Quốc vào năm 67 Công Nguyên. Chúng ta thường tính tròn số, nói là hai ngàn năm. Thật ra, phải tới năm 2067 Công Nguyên mới thật sự là hai ngàn năm. Hai ngàn năm qua, trong lịch sử Trung Quốc, trải các đời, những vị tổ sư đại đức, kể cả các cư sĩ là những người đạt tới cảnh giới này. Quý vị đọc Cao Tăng Truyện, hoặc đọc Ngũ Đẳng Hội Nguyên, trong các sách vở ấy chép khoảng chừng hai ba ngàn người. Hai, ba ngàn vị Phật xuất thế tại Trung Quốc, nơi này phước báo to lắm, có một không hai trên đời, ngay cả Ấn Độ còn kém Trung Quốc. Phật giáo Trung Quốc suy vi vào thời cận đại, sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, Dân Quốc thành lập, tuân hành chế độ

dân chủ, coi rẻ giáo dục truyền thống, xem nhẹ tu học Phật pháp, đó là nguyên nhân khiến cho Phật giáo suy vi. Đương nhiên là có quan hệ đến phước báo của người trong thế hệ này. Thật sự có phước báo, Phật, Bồ Tát liền hiện ra, liền ngự đến, [chúng ta] chẳng có phước báo ấy! Quý vị thấy người hiện thời tận lực hưởng phước, làm sao mà chẳng có phước báo cho được? Đúng vậy! Chúng ta thấy họ hưởng phước, chẳng thấy họ tu phước, nên họ chẳng có phước báo. Hưởng phước mà lại tu phước, phước báo ấy mới có thể vĩnh viễn tiếp tục phát triển. Nếu chỉ hưởng phước không tu phước, phước ấy sẽ bị hưởng hết. Hưởng hết thì sao? Hưởng hết thì chẳng còn nữa! Chúng ta chẳng cần đợi đến khi hưởng hết phước mới thấy kẻ đó chẳng có phước, thấy kẻ ấy ngay đang trong lúc hưởng phước mà chẳng biết tu phước, đã biết kẻ ấy chẳng có phước. Họ có phước báo to như thế là do tu ở nơi đâu? Đều là do đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tu nơi Phật môn. Chẳng phải là [tu tập phước báo trong] Phật môn thì làm sao có thể tu phước báo lớn ngàn ấy? Trong sách vở của cổ nhân, những đạo lý và chân tướng sự thật này đã được ghi chép rất nhiều, đâu đâu cũng đều có thể thấy. Người hiện thời chẳng đọc cổ thư, không có cách nào hết. Nếu quý vị đọc sách cổ thì điển tịch của ba nhà Nho, Thích, Đạo đều nói rất rõ ràng, lại còn giảng rất nhiều!

Những người hữu tâm hãy nên lưu ý điều này, phải phát tâm, phải nối tiếp huệ mạng của Phật, “phải vì [kế tục] cái học tuyệt diệu của các vị cổ thánh, phải vì mở ra nền thái bình cho muôn đời”, tâm ấy là Bồ Đề tâm. Những lời trên đây là cách nói của Nho gia, trong Phật pháp bèn gọi [tâm nguyện ấy] là “*thật sự phát Bồ Đề tâm*”. Chẳng vì chính mình, mà vì quốc gia, vì dân tộc, vì chúng sanh khổ nạn trong thế giới, chúng ta phải phát tâm nỗ lực thực hiện. Học Nho phải thành thánh, phải thành hiền, học Đạo phải thành thần tiên, học Phật phải giống như Phật, Bồ Tát. Được không? Được chứ! Chẳng có thầy tốt! Chẳng có thầy tốt vẫn được! Gần đây, chúng ta phát hiện hai người, tôi tin tưởng là không phải chỉ có hai người, nhất định còn có rất nhiều, nhưng chúng ta không biết. Họ học thành công, chúng ta đã biết, đã phát hiện hai người ấy. Tôi gặp mặt một người, còn một người chưa được gặp mặt. Họ học bao lâu? Mười năm mà thôi, mười năm bèn thành công. Học như thế nào? Nương theo giáo huấn của tổ tiên mà học thành. Tổ tiên dạy chúng ta: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (đạo lý dạy học là chú trọng chuyên nhất). Đạo lý dạy học là phải chú trọng “chuyên”, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, họ bèn thành công. Hai người ấy, chưa từng gặp mặt nhau, một ở Đông Bắc, người kia ở Tứ Xuyên. Hai người ấy chưa hề gặp nhau, cũng chẳng quen biết nhau, nhưng đôi bên có cùng một cái tâm học tập, phương pháp giống nhau, tức là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Nam-mô A Di Đà Phật, họ chuyên! Mỗi ngày nghe giảng giải kinh Vô Lượng Thọ, nói chung đều là đĩa CD do tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ trong quá khứ, mỗi ngày nghe mười giờ, thời gian còn lại bèn niệm A Di Đà Phật. Mười năm mỗi ngày đều hết như nhau, chẳng bỏ luống ngày nào, họ bèn thành công. Mỗi người chúng ta đều bỏ lỡ vài chục năm, chẳng nắm lấy thời gian. Người ta rất may mắn, nắm bắt thời gian, mỗi ngày tâm đặt nơi đạo mười mấy giờ. Ngoài thời gian ngủ mất bốn, năm giờ ra, những thời

gian khác, nếu chẳng nghe kinh bèn niệm Phật. Người tại gia còn làm chuyện nhà, làm chuyện nhà chẳng ít, chẳng trở ngại. Khi nghe kinh phải chuyên tâm, chớ nên phân tâm. Khi làm chuyện nhà thì có thể niệm Phật hiệu, trong tâm có Phật, trong miệng có Phật, chẳng trở ngại công việc! Tôi tin tưởng không chỉ có hai người ấy, khẳng định còn nhiều hơn, nhưng nay chúng ta chưa biết. Những người ấy nêu gương tốt nhất cho đồng tu tu Tịnh Độ niệm Phật chúng ta, họ thật sự thành tựu. Chúng ta có lý do để tin tưởng họ sẽ vãng sanh tự tại. Nay họ vẫn chưa đi, nói cách khác, họ có nhiệm vụ, có nghĩa vụ giúp chúng sanh khổ nạn trong thế gian này. Nơi họ ở, tuy là nhà của chính họ, nhưng căn nhà ấy là đạo tràng thật sự, là đạo tràng của Phật. Đạo tràng của Phật ở nơi đâu, nơi ấy rất ít tai nạn, nhất định là nơi ấy có rất nhiều người học tập theo họ. Họ là tấm gương tốt cho đại chúng. Sách Hoàn Nguyên Quán nói đến Tứ Đức, chú tâm quan sát sẽ thấy họ trọn đủ [Tứ Đức], tùy duyên diệu dụng, oai nghi đúng chuẩn mực, biểu hiện thành tám gương tốt, nhu hòa, chất trực, đó là “dạy người khác làm người”. Thái độ làm người phải nhu hòa, tâm địa phải chân thành, chịu khổ thay cho chúng sanh, đó là Tứ Đức của Bồ Tát. Quý vị hãy cẩn thận quan sát, [sẽ thấy] họ đều trọn đủ. Vì thế, tâm địa của họ an trụ trong Niệm Phật tam-muội rất sâu.

Chúng ta xem đoạn kế tiếp: “*Nhược y bốn kinh*” (nếu dựa trên kinh này), dùng kinh văn của kinh này để giải thích, “*tắc Định trung kiến Phật, chánh thị Di Đà đệ tứ thập ngũ Định trung cúng Phật đại nguyện*” (thì “trong Định cúng Phật” chính là đại nguyện thứ bốn mươi lăm “trong Định cúng Phật” của Phật Di Đà). “*Tứ thập ngũ*” chính là nguyện thứ bốn mươi lăm trong bốn mươi tám nguyện, tức là nguyện “*Định trung cúng Phật*”. Lời giải thích này cũng hết sức hay, vì sao? Có quan hệ rất chặt chẽ với chúng ta. Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật dùng bốn mươi tám nguyện gia trì chúng ta. Nếu chẳng vậy, quý vị làm sao có thể biến thành A Duy Việt Trí Bồ Tát? Quý vị được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Kế đó, lời nguyện được trích lục như sau: “*Nguyện văn viết: Thập phương Phật sát chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh dĩ, giai tất đắc thanh tịnh, giải thoát, phổ đẳng tam-muội, chư thâm tổng trì, trụ tam-ma-địa. Chí u thành Phật, Định trung thường cúng vô lượng vô biên nhất thiết chư Phật, bất thất định ý*” (Nguyện văn là: “Các vị Bồ Tát trong mười phương cõi Phật, nghe tên ta đều đạt đến thanh tịnh, giải thoát, phổ đẳng tam-muội, các môn tổng trì sâu, trụ trong tam-ma-địa, cho đến khi thành Phật, trong Định thường cúng vô lượng vô biên hết thảy chư Phật, chẳng đánh mất định ý”). Đến thế giới Cực Lạc bèn thực hiện, mười phương cõi Phật có phạm vi quá lớn, không chỉ là các đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới Sa Bà, hoặc người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chỉ đến từ một cõi, mà là mười phương ba đời vô lượng, vô biên, vô số, vô tận cõi Phật. Chúng ta đến Cực Lạc thế giới bèn hỏi, quý vị từ thế giới nào đến? Người kia từ thế giới nào đến? A Di Đà Phật chẳng cần hỏi, Ngài hoàn toàn biết, quý vị liền biết thế giới Cực Lạc rất náo nhiệt. Hơn nữa, người trong thế giới Cực Lạc đều là các vị thượng thiện nhân, những người ấy không chỉ chẳng có hành vi ác hèn, mà ý niệm hèn ác cũng chẳng có, thượng

thiện mà! Không phải là thượng thiện, làm sao đến đó được? Đều là Bồ Tát, đều phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm thì mới có thể vãng sanh. Do vậy, các vị Bồ Tát “*văn ngã danh dĩ*” (đã nghe tên ta), tức là nghe danh hiệu A Di Đà Phật, đều đạt đến thanh tịnh, giải thoát, phổ đẳng tam-muội, thấy đều đạt được. Quý vị thấy chữ “*thanh tịnh*”, tựa đề kinh này có “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, ở đây, không nói bình đẳng, chẳng nói giác, chỉ nói thanh tịnh, dụng ý rất sâu. Đạt được thanh tịnh, chúng ta chia Niệm Phật tam-muội thành ba phẩm thượng, trung, hạ: Thanh tịnh là hạ phẩm, bình đẳng là trung phẩm, giác là thượng phẩm. Hạ phẩm đã là như thế, huống hồ trung phẩm và thượng phẩm? Chẳng cần phải nói nữa! Đây là sự khéo léo trong việc nêu thí dụ, họ đều đạt được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chính là Niệm Phật tam-muội, là công phu định lực do niệm Phật.

Chữ Giải trong Giải Thoát, đọc như chữ Tạ (Xiè) [trong tiếng Quan Thoại], hiểu theo nghĩa động từ, tức là giải khai, giải trừ. Giải trừ gì vậy? Giải trừ phiền não, Giải là giải trừ phiền não. Giải trừ Kiến Tư phiền não, giải trừ Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não cũng giải trừ. Thoát là thoát luân hồi, thoát mười pháp giới, thoát ly hai thứ sanh tử, Thoát là thoát ly. Giải là nói theo nhân, Thoát là nói theo quả. Quý vị có phiền não thì còn có luân hồi, tức là có chấp trước. Chấp trước là Kiến Tư phiền não, đó là cái nhân của luân hồi. Buông hết thấy chấp trước xuống, luân hồi chẳng còn nữa. Do vậy, lục đạo là giả, chẳng thật. Nay chúng ta thấy lục đạo tồn tại, do nguyên nhân gì? Chúng ta chưa buông chấp trước xuống. Hễ buông chấp trước xuống, lục đạo bèn chẳng có. Lục đạo chẳng có, tứ thánh pháp giới hiện tiền. Cảnh giới này là tứ thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cảnh giới này được gọi là cõi Phương Tiện Hữu Dư, cảnh giới này hiện tiền. Cảnh giới này do Vô Minh và Trần Sa phiền não biến hiện. Nếu chúng ta cũng thật sự có thể buông Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não xuống, tứ thánh pháp giới cũng chẳng có; khi ấy, quý vị mới biết mười pháp giới là giả, mười pháp giới chẳng thật. Mười pháp giới chẳng có, cảnh giới xuất hiện là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong phần trước, chúng tôi đã thưa trình cùng quý vị, cõi Thật Báo của A Di Đà Phật cũng là cõi Thật Báo của chính mình hiện tiền. Chính mình và A Di Đà Phật là một, không hai. Đúng như trong Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm, thiền sư Trung Phong đã nói: “*Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta. Phương này là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính phương này*”, có ý nghĩa ấy. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói: “*Cảnh chuyển theo tâm*”. Vốn chẳng có cảnh giới, cảnh giới sanh từ ý niệm. Niệm thanh tịnh, cảnh giới hiện ra là cõi nước thanh tịnh. Niệm như bản, giống như hoàn cảnh ô nhiễm trên địa cầu hiện thời, là do ý niệm biến hiện. Phải biết cảnh giới tùy thuộc ý niệm của chính mình, chẳng tùy thuộc kẻ khác. Tùy thuộc người khác thì chúng ta làm sao có thể giải thoát cho được? Chúng ta làm sao thành tựu cho được? Nhất định phải biết: Chính mình làm chủ tề!

Trong khi chúng ta học tập Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, tôi đã đặc biệt nhấn mạnh, đặc biệt nhắc nhở các đồng học, y báo và chánh báo phải hiểu như thế nào? Chánh báo là chính mình, trừ chính mình ra đều là y báo. Y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta, ta là chánh báo. Thích Ca Như Lai, Di Đà Như Lai là y báo của ta, là hoàn cảnh của ta, nhất định phải hiểu rõ điều này. Đứng về phía Thích Ca Như Lai, bản thân Ngài là chánh báo, chúng ta trở thành y báo của Ngài, phải hiểu điều này. Quý vị hiểu đạo lý này, mới biết cách chuyển ra sao, chuyển từ chính mình, chẳng phải là chuyển hoàn cảnh bên ngoài. Ta đã chuyển, toàn bộ hoàn cảnh bên ngoài đều chuyển theo ta. Nếu ta chẳng chuyển, sẽ bị hoàn cảnh bên ngoài chuyển, tức là nói hoàn cảnh ảnh hưởng quý vị. Nếu chính mình có thể chuyển, hoàn cảnh chẳng thể ảnh hưởng ta, ta có thể ảnh hưởng hoàn cảnh. Kinh dạy: “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai*”. Nếu quý vị có thể chuyển cảnh giới, quý vị là Như Lai; nói cách khác, quý vị thành Phật. Do vậy, chúng ta phải học tập chuyển hoàn cảnh, trọn chớ nên vẫn bị hoàn cảnh ảnh hưởng, nói rõ điều gì? Nói rõ chúng ta học tập công phu chưa đắc lực. Công phu đắc lực chẳng sợ hoàn cảnh; hoàn cảnh gì đưa đến, ta cũng chuyển được. Ta dùng năng lực gì để chuyển? Ta không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, liền chuyển được. Vì thế, chư vị hãy suy ngẫm, chúng ta vẫn bị hoàn cảnh ảnh hưởng, vẫn bị nó chuyển, ta vẫn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, có đáng tin cậy hay không? Học Phật là phải học bản lãnh này thì mới có thể thật sự giải thoát, đắc tự tại.

Tiếp đó nói đến “*phổ đẳng tam-muội*”, tức là Niệm Phật tam-muội. Phổ (普) là phổ biến, Đẳng (等) là bình đẳng. Nói cách khác, lục căn của quý vị tiếp xúc vạn sự vạn vật toàn là bình đẳng, đó là thành Phật. Vì sao? Quý vị chẳng có phân biệt liền bình đẳng, có phân biệt bèn chẳng bình đẳng. Có chấp trước bèn không thanh tịnh. Không chấp trước, tâm bèn thanh tịnh. Chẳng phân biệt, tâm đạt đến bình đẳng. Bình đẳng là Bồ Tát tâm, thanh tịnh là Nhị Thừa tâm. A La Hán và Bích Chi Phật tâm địa thanh tịnh, nhưng còn có phân biệt, nên bất bình đẳng. Tâm Bồ Tát bình đẳng, giác là Phật tâm, giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Câu này cũng là như trong kinh có nói: “*Phổ cập nhất thiết bình đẳng trụ*” (trụ trong sự bình đẳng phổ cập hết thảy), tâm quý vị trụ trong hết thảy các pháp bình đẳng. Vì sao hết thảy các pháp bình đẳng? Pháp Thân Bồ Tát biết, Phật trong mười pháp giới chưa biết, nhưng Phật trong mười pháp giới đúng là học sinh tốt của Phật, rất nghe lời, thật sự thật thà, thật sự hành. Tuy tám thức còn chưa chuyển, nhưng các Ngài khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chẳng khác gì Phật. Ngài rất biết học, học giống Phật như đúc; chỗ thua kém là tâm chẳng giống, tâm chẳng như tâm Phật. Có nghĩa là tâm Phật (Cứu Cánh Phật) là Định, chẳng khởi tâm, không động niệm, còn Phật trong mười pháp giới (Tương Tự Tức Phật) vẫn khởi tâm động niệm. Tuy chẳng có phân biệt, chấp trước, nhưng vẫn còn khởi tâm động niệm, khác [Cứu Cánh] Phật ở chỗ này. Hễ buông khởi tâm động niệm xuống, vị ấy bèn thành [Cứu Cánh] Phật, thật đấy, chẳng giả đâu! Phổ đẳng quan trọng lắm!

Phương pháp tu phổ đẳng của chúng ta cao minh hơn các pháp môn khác, nên pháp môn Tịnh Tông tuyệt diệu, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta mới có đôi chút chấp trước thì đã mê mất rồi, phiền não đã dấy lên hiện hành. Cổ đại đức nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Vì sao? Chúng ta là phàm phu, lăn lộn trong sanh tử luân hồi vô lượng kiếp, làm sao có thể chẳng khởi phiền não? Đương nhiên là kẻ ấy khởi phiền não; do đó, khởi phiền não là một hiện tượng bình thường, nói “*không sợ niệm khởi*” vì đó là hiện tượng bình thường. Sợ điều gì? Quý vị giác quá chậm, phải giác mau! Giác là gì? A Di Đà Phật là giác, niệm vừa mới dấy, liền lập tức giác ngộ “A Di Đà Phật”, dùng một câu A Di Đà Phật để hóa giải, thấy đều trụ trong Phổ Đẳng tam-muội của A Di Đà Phật. Thuận cảnh, thiện duyên, A Di Đà Phật! Nghịch cảnh, ác duyên, vẫn là A Di Đà Phật, chẳng phải là xóa bằng rồi ư? Điều này khiến cho tất cả các pháp môn đều chẳng thể sánh bằng niệm Phật! Niệm Phật giác mau chóng, niệm trước vừa mê, tâm vừa động, chúng ta thường nói là “*phiền não dấy lên, tập khí hiện tiền*” bèn A Di Đà Phật, trở về nẻo chánh. A Di Đà Phật là đức hiệu của tự tánh; niệm một câu A Di Đà Phật là trở về tự tánh, tự tánh là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Huệ Năng đại sư đã miêu tả tự tánh: Đầu tiên là thanh tịnh, “*nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”. Thứ hai là “*bất sanh, bất diệt*”. Thứ ba là “*trọn đủ vô lượng vô biên trí huệ và đức năng, vốn tự đầy đủ*”. Thứ tư là “*vốn chẳng có dao động*”. Thứ năm là chúng sanh có cảm, các Ngài có thể ứng. Khi các Ngài ứng, “*có thể sanh ra vạn pháp*”. Điều thứ năm là lợi tha. Trong năm câu, bốn câu đầu là tự lợi, câu cuối cùng là lợi tha, chúng sanh có cảm, các Ngài bèn có ứng. Tuy ứng, các Ngài vẫn như như bất động, đó gọi là “*trong Định thấy Phật*”.

“*Chư thâm tổng trì*”, trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh hoàn toàn hiện tiền. Trí huệ hiện tiền, trí huệ sống động là phương tiện thiện xảo, vô lượng, vô biên phương tiện thiện xảo, vẫn trụ trong Tam-ma-địa. Ở đây, hãy chú trọng chữ Trụ. Có nghĩa là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, ứng hóa trong lục đạo, chưa hề khởi tâm động niệm, nên gọi là “*trụ tam-ma-địa*”. Chúng ta hãy nên học điều này, đây mới thật sự là học đến mức, học viên mãn, vì sao? Trong động mà chẳng động, có ý nghĩa này. Do đó, trong Phật pháp, khi đức Phật tại thế đã dùng hình tròn gọi là “*pháp luân*”, pháp luân có hình tròn, dùng tiêu chí (logo) này, vì chỉ có hình tròn biểu thị “*trong động có bất động*”. Luân cũng là hình tròn, chu vi hình tròn ấy là động, tâm hình tròn không động. Động là gì? Động là ứng hóa, chúng sanh có cảm, Phật có ứng. Phật, Bồ Tát có ứng thì “*nên dùng thân gì đắc độ, liền hiện thân ấy*”. Phật chẳng có khởi tâm động niệm, chẳng nói “*quý vị yêu cầu ta giúp quý vị, ta phải nên giúp quý vị*”, chẳng khởi ý niệm ấy. Nếu động ý niệm ấy, tức là phàm phu, chẳng phải là Phật, Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Thậm chí như chúng ta đã đọc trong phần trước, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trên thế gian, tám tướng thành đạo, trụ thế tám mươi năm, Ngài chẳng hề khởi tâm, động niệm, vì sao? Ngài trụ trong tam-ma-địa.

Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, mà biểu diễn cho chúng ta suốt tám mươi năm, biểu diễn như thế nào? Thí nghiệm với nước của ông Giang Bồn Thắng đã biểu diễn, chứng tỏ đạo lý này. Nước có khởi tâm động niệm hay không? Chẳng có. Vì sao chúng ta đối với nó bằng một thiện niệm, nó hiển thị cấu trúc kết tinh đẹp đẽ như vậy? Chúng ta khởi ác niệm đối với nó, nó hiển thị cấu trúc kết tinh xấu xí ngàn ấy, thiên biến vạn hóa! Một người làm thí nghiệm, hằng ngày làm thí nghiệm, thí nghiệm suốt mười năm, chẳng tìm được hai cấu trúc kết tinh giống nhau, đạo lý là như thế đó. Vì thế, thoát đầu tôi tiếp xúc đoạn kinh văn này, nghĩ chẳng ra, sau này bỗng nghĩ đến thuở nhỏ chơi kính vạn hoa, [thuở ấy, kính vạn hoa] chẳng được đẹp đẽ như thế, hiện thời làm kính vạn hoa rất xinh đẹp. Quý vị thấy [bên trong] kính vạn hoa là mấy mảnh vụn, màu sắc khác nhau. Quý vị xoay chuyển, chuyển suốt một tuần, suốt một tháng, chẳng có hai mẫu hoa giống nhau, mỗi mẫu hoa đều hết sức đẹp đẽ, đạo lý là như thế đó. Ngay cả kính vạn hoa cũng hiển thị đạo lý sau đây: “*Tự tánh vốn đầy đủ*”. Thật vậy, chẳng giả!

Học Phật nhằm mục tiêu gì? Trở về tự tánh. Chúng ta từ tự tánh lưu lộ, cuối cùng lại trở về tự tánh là đúng. Hoàn Nguyên Quán đã giảng Lý và Sự này rất rõ ràng, rất rành rọt. Đó là vấn đề cao tột nhất trong giới học thuật khoa học và triết học hiện đại. Vũ trụ do đâu mà có? Sanh mạng do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Mãi cho đến hiện thời chẳng thể kết luận chắc chắn được, những đường lối lý luận do các vị đại triết học gia hoặc đại khoa học gia nói ra chẳng thể khiến cho người nghe tâm phục khẩu phục, do nguyên nhân gì? Nguyên nhân là họ chẳng thấy tự tánh! Nói chung, họ dựa vào trí tưởng tượng, cậy vào suy lường, [những điều họ đưa ra] cách biệt sự thật rất xa, chẳng thể thuyết phục kẻ khác được! Đức Phật đã trông thấy, vì sao đức Phật thấy? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đã buông xuống, bèn thấy! Vì sao các nhà khoa học và triết học chẳng thể nói hoàn toàn? Họ chẳng buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, họ giống hệt như chúng ta, cậy vào các dụng cụ tinh vi để quan sát. Trong kinh điển, đức Phật đã nói rất hay, chúng ta dùng phân biệt, chấp trước, dùng cái tâm ấy, tức là dùng A Lại Da, dùng phân biệt, chấp trước. Đặc biệt là cái tâm phân biệt, tức thức thứ sáu (ý thức) có công năng hết sức to. Trong Bách Pháp, nó (ý thức) tương ứng với năm mươi một Tâm Sở, chẳng có gì không tương ứng. Đức Phật nói, đối ngoại, nó có thể duyên đến vũ trụ, nó có năng lực ấy. Đối nội, nó có thể duyên đến A Lại Da. Hai câu này của đức Phật nay đã được khoa học hiện đại chứng minh. Đức Phật nói nó chẳng thể duyên tự tánh, câu này cũng được chứng tỏ, đúng là nó không thể duyên đến tự tánh. Vì sao? Đối với tự tánh, ắt phải buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, sẽ liền thấy tánh. Vì sao mê? Do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên quý vị mê. Nay quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, liền giác ngộ, liền kiến tánh. Do các khoa học gia, triết học gia chẳng buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, nên họ vĩnh viễn chẳng thấy chân thật, trong Phật pháp gọi [sự chân thật ấy] là “*Thật Tướng của các pháp*”, tức là họ chẳng thấy chân tướng của hết thảy các pháp. Vì lẽ đó, Phật pháp trở thành triết học tột đỉnh, khoa

học tốt đỉnh, đạo lý ở chỗ này! Chúng ta cũng nên đem tin tức này truyền đạt cho những nhà khoa học trên khắp thế giới biết tới: “Hy vọng quý vị giải quyết mục tiêu chung cực. Vạn pháp trong vũ trụ rốt cuộc là chuyện như thế nào [đã được giảng rõ] trong kinh Phật”, hy vọng họ sẽ quay lại tìm kiếm trong kinh Phật, họ sẽ tìm được.

Các tông trì sâu vốn sẵn có trong tự tánh, chính là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. Trụ tam-ma-địa là tánh định trong tự tánh. Đối với chuyện thành Phật thì thành Phật chính là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Quý vị thấy trong Định, thường cúng vô lượng vô biên hết thảy chư Phật, đó là [tình hình] trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đức Phật dạy: Người trong thế giới Cực Lạc hằng ngày đến các thế giới phương khác cúng Phật, nghe pháp. Kinh Di Đà cho biết mỗi ngày họ đến cúng dường bao nhiêu đức Phật? Mười vạn ức! Trong chú giải, cổ đại đức cho biết: “Mười vạn ức” là biểu thị pháp. Vì sao nói là “mười vạn ức”? Trong kinh, đức Phật nói Tây Phương Cực Lạc thế giới cách thế giới Sa Bà chúng ta mười vạn ức cõi Phật, nơi ấy là thế giới Cực Lạc. Sở dĩ đức Phật nói như vậy, vì biết chúng ta rất lưu luyến thế giới Sa Bà, ở nơi này, người nhà, quyến thuộc, bạn bè rất đông, do ta một đi không trở lại, nên rất lưu luyến họ! Tình cảm con người đặt ở nơi đây, Thích Ca Mâu Ni Phật do biết rõ, nên nói gì? Khoảng cách là “mười vạn ức cõi Phật”. Nếu quý vị đến thế giới Cực Lạc, mỗi ngày đều có thể đến xem người nhà, quyến thuộc của quý vị, có ý nghĩa như vậy đó. Trên thực tế, không phải chỉ như vậy. Mười vạn ức quá ít, quý vị thấy ở đây nói là “vô lượng, vô biên”, há chỉ mười vạn ức! Do đó, trong kinh văn, chúng ta nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng rất lọt tai, Ngài luôn dẫn dụ chúng ta đến thế giới Cực Lạc, tốt lắm, hằng ngày đều có thể quay về xem, muốn lúc nào trở về xem bèn đến ngay lúc ấy, rất thuận tiện, có ý nghĩa như vậy đó. Nói “mười vạn ức”, trên thực tế là vô lượng vô biên hết thảy chư Phật. Quý vị thấy hoạt động to lớn ngàn ấy, đến mười phương thế giới, hóa thân đến! Họ có thể hóa vô lượng vô biên thân, vô lượng vô biên chư Phật giảng kinh, thuyết pháp bên kia, họ đều tới đó, đích thân nghe, có bản lãnh ấy, phân thân mà! Cúng Phật là tu phước, nghe kinh là tu huệ, phước huệ song tu, nên đến thế giới Cực Lạc thành tựu rất mau, đạo lý ở chỗ này. Ở nơi đây, chúng ta tu phước và tu huệ đều hết sức khó khăn, chỉ có tạo nghiệp rất dễ dàng. Tu phước và tu huệ đều chẳng dễ dàng. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể tạo nghiệp nữa, chuyện quý vị làm mỗi ngày đều là tu phước, tu huệ. Phước huệ thảy đều tương ứng với tự tánh, chẳng lìa tự tánh. Quý vị thấy “bất thất định ý” (chẳng mất định ý), tuy hoạt động như vậy, họ vẫn chẳng khởi tâm động niệm y như cũ. “Bất thất định ý” chính là không khởi tâm, không động niệm, tuyệt lắm thay! Vì thế, chúng ta đọc những câu kinh văn này, biết chư Phật Như Lai chẳng nói dối. Câu nào cũng đều là chân thật, Như Lai là thật ngữ, chân ngữ, như ngữ, chúng ta chân thành ngưỡng vọng, tin tưởng, ngưỡng mộ, tin sâu chẳng ngờ, há lẽ nào chẳng vãng sanh? Cơ hội này trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, nay đã gặp. Cư sĩ Bàn Tế Thanh nói nhân duyên rất khó gặp gỡ, ông ta nói “một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng

kiếp đến nay”. Ngày nay chúng ta đã gặp, nếu đời này chẳng vãng sanh Tịnh Độ, quý vị thật sự sai lầm mất rồi!

“*Chân Giải viết*” (sách Chân Giải chép), đây là pháp sư Đạo Ân của Nhật Bản nói, “*Phổ đẳng tam-muội, viết thâm định môn. Thử tam-muội Di Đà trí nguyện chỉ sở thành*” (Phổ đẳng tam-muội gọi là “định môn sâu xa”. Môn tam-muội này do trí nguyện của Phật Di Đà thành tựu). Do trí huệ và bốn nguyện của A Di Đà Phật thành tựu. “*Thậm thâm vô nhai để, cố vân thâm Thiên Định*” (rất sâu không ngần ngại, nên gọi là “Thiên Định sâu”). Nó khởi tác dụng, “*tất đồ châu biến, thị kỳ nghiệp dụng*” (ắt thấy trọn khắp, đó là nghiệp dụng của nó). Tiếp đó, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có giải thích, chúng ta hãy đọc tiếp: “*Do nguyện văn khả kiến, hội trung chư Bồ Tát giai mông Di Đà trí nguyện chi lực, nhân đắc văn Di Đà danh hiệu, giai đắc phổ đẳng tam-muội đẳng thậm thâm Thiên Định, cố mông nguyện lực gia trì, Định trung cúng vô lượng chư Phật. Ký vãng cúng Phật, tất định kiến Phật, cố vân tất đồ vô lượng chư Phật dã*” (Từ nguyện văn, có thể thấy các vị Bồ Tát trong hội đều nương nhờ sức trí nguyện của Phật Di Đà. Do được nghe danh hiệu của Phật Di Đà, nên đều đắc Thiên Định rất sâu như phổ đẳng tam-muội v.v... Vì thế, được nguyện lực gia trì, trong Định cúng dường vô lượng chư Phật. Do đã đến cúng Phật, nhất định là thấy Phật, vì thế nói là “ắt thấy vô lượng chư Phật”). Quý vị cúng dường Phật, đương nhiên thấy Phật. Lại còn chẳng phải là thấy một hai vị Phật! Trong thế gian này, chúng ta đáng thương quá, thấy một vị thiện tri thức còn chẳng dễ gặp. Vị thiện tri thức ấy là thật hay giả chẳng biết, muốn thấy một vị mà trọn chẳng thấy. Đến thế giới Cực Lạc, mỗi ngày thấy vô lượng vô biên chư Phật, phước báo ấy to cỡ nào! Tu phước báo làm đế vương trong nhân gian, làm thiên vương trên cõi trời, hoặc làm bậc đại phú trưởng giả trong cõi trời người, có của cải ngàn ức vạn ức, phước báo to lớn ngàn ấy do tu từ đâu? Toàn là tu trong Phật môn, lìa khỏi Phật môn, làm sao quý vị có thể tu phước báo to lớn ngàn ấy! Vì thế, ngạn ngữ mới nói: “*Người học Phật có phước báo*”. Ý nghĩa trong câu nói ấy rất sâu, rất dài, thật sự có phước báo. Trong thế gian này, nhân gian, cõi trời, đúng là chẳng phải bất cứ ai cũng có thể làm đế vương! Chẳng có đại phước báo, làm sao kẻ ấy có địa vị đó? Trong xã hội, địa vị của quý vị vượt trội phước báo, quý vị sẽ chẳng ngồi yên nơi địa vị ấy được! Trước khi tôi học Phật, từng phục vụ trong quân đội, tôi thấy một vị tướng quân, từ Thiếu Tướng được thăng lên Trung Tướng. Văn kiện đã phê chuẩn rồi, còn chưa công bố, nhưng tin tức từ những người thân cận của cấp trên đã lộ ra, chúc mừng người ấy: “Ông đã lên Trung Tướng”. Ông ta nghe tin, hết sức sung sướng, mời mọc thân thích, bạn bè đến dùng cơm. Bữa cơm ấy còn chưa ăn xong, ông ta chết gục trên bàn, chết ngay trên bàn ăn. Vì thế, người ta có thể đoán biết ông ta chẳng có vận mạng ấy. Quý vị thấy đó, một hai ngôi sao liền đè chết tươi. Thật đấy, chẳng giả đâu! Trong mạng chẳng có tài sản to lớn như vậy, đột nhiên phát tài, sẽ chuốc lấy tai họa. Chẳng mắc bệnh nặng thì cũng là chết bất ngờ, chết vì tai nạn, do quý vị chẳng có số hưởng!

Vì thế, người thật sự hiểu được đạo lý này, tâm bình lặng, điềm tĩnh, thật sự có thể “*chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời*”, vui sướng lắm, hạnh phúc lắm! Vì thế, tuyệt đối chẳng phải là cạnh tranh bèn có thể tranh được. Nếu thật sự có thể tranh được, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng cạnh tranh, Khổng lão phu tử cũng cạnh tranh, các Ngài đã từng nói, chẳng tranh được! Đã tranh không được thì ta cần gì phải bận lòng? Chẳng thà không tranh! Vì thế, xã hội hiện thời đề xướng cạnh tranh, hai chữ ấy hại chết người, hai chữ ấy khiến xã hội loạn lạc! Kẻ tranh được đều là vì trong mạng sẵn có. Trong mạng chẳng có, nghĩ bất cứ phương pháp gì để tranh, đều chẳng tranh được! Điều này chẳng sai tí nào! Quan sát cẩn thận hết thấy mọi người, mọi sự, mọi vật chung quanh ta, quý vị đều có thể thấy đạo lý này, chẳng giả tí nào! Do đó, một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định sẵn! Trong mạng đã định bèn có, trong mạng chẳng có, sẽ chẳng thể cầu được! Nhưng trong Phật môn đã nói: “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Cái “*có cầu ắt ứng*” là thứ mà trong mạng quý vị chẳng có. Thứ trong mạng quý vị chẳng có bèn có thể cầu từ trong Phật môn. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát ban cho quý vị! Quý vị phải hiểu: Phật, Bồ Tát dạy quý vị tu nhân, quý vị có thể tu nhân, quả báo liền hiện tiền. Phật, Bồ Tát dạy quý vị như vậy, chẳng phải là giả, chẳng phải là mê tín. Người phát tài thì tài do đâu mà có? Tài do bố thí mà có, càng thí càng nhiều. Kẻ chẳng chịu tu tài bố thí, tiền tài trong mạng hữu hạn. Bố thí vô hạn lượng sẽ đạt được chẳng hạn lượng, cũng chẳng giả tí nào. Pháp bố thí được thông minh trí huệ, vô úy bố thí được khỏe mạnh, sống lâu. Trong kinh giáo đã nói những điều này rất rõ ràng, rất minh bạch. Quý vị có thể tu ba thứ bố thí ấy, ba thứ quả báo quý vị đều đạt được. Ông tu, ông đắc, bà tu, bà đắc, không tu, không đắc, quý vị phải thật sự hành.

Vì thế, đối với các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị hãy quan sát cẩn thận: Thế giới ấy rất đặc thù, thế giới ấy chẳng phải là một quốc gia. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có quốc vương, chẳng có tổng thống, cũng chẳng nói chỗ nào có thị trưởng đô thành chi cả, đều chẳng có! Thế giới ấy rất ư là lớn, to hơn địa cầu của chúng ta rất nhiều. Trên tinh cầu ấy, chỉ có hai hạng người: Một là thầy, hai là trò. A Di Đà Phật là thầy, những người khác đều là trò. Nói rõ điều gì? Phật giáo là giáo học. Quả thật, có thể nói Tây Phương Cực Lạc thế giới là một đại học Phật giáo do hết thầy chư Phật chung sức tạo lập, A Di Đà Phật là hiệu trưởng, mười phương chư Phật Như Lai đều là giáo sư trong thế giới Cực Lạc. Học sinh thường được bốn nguyện và oai thần của Phật Di Đà gia trì, ai nấy đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí là từ Thất Địa trở lên. Quý vị thấy trong thế giới Cực Lạc lên lớp dễ dàng. Chư Phật đến đó, hoặc quý vị muốn đến theo học với các Ngài trong các thế giới chư Phật ở phương khác, rất đơn giản, mỗi ngày đều có thể đi, chẳng cần đến phương tiện giao thông, chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có máy bay, có xe hơi, chẳng nghe thấy, họ đi bằng cách nào? Ý niệm vừa nghĩ thì đã đến nơi rồi. Vì sao? Thế giới Cực Lạc chẳng có thời gian, chẳng có không gian. Chẳng có không gian là chẳng có khoảng cách, dầu quốc độ xa xôi cách mấy, vừa động niệm bèn ở ngay trước mặt, đã đến nơi rồi! Do chẳng có thời

gian, nên họ có thể trở lại quá khứ, mà cũng có thể tiến nhập vị lai, mấy ngàn năm hay mấy vạn năm trong vị lai đều có thể tiến nhập. Quá khứ mấy ngàn năm, mấy vạn năm đều có thể quay trở lại, trở lại được, đều có thể đến hiện trường, thù thắng dường ấy! Hãy nhớ, có đôi chút tham luyến thế giới này, quý vị sẽ chẳng đi được! Thế gian này rất đáng sợ, thứ gì cũng đều giống như đất sét, dính một chút chẳng bỏ đi được, đời đời kiếp kiếp phải luân hồi, đáng thương thay! [Chúng sanh trong thế gian này] là những kẻ đáng thương xót! Phải đoạn sạch tham, sân, si, mạn, nghi, những thứ ấy là chướng ngại, là giả, chẳng thật, đều do hiểu lầm tạo thành, chẳng thật. Thấy Phật là đại phước báo, phước huệ đầy đủ.

“*Hựu Bát Châu kinh vân: Thị Bồ Tát bất trì Thiên Nhãn triệt thị, bất trì Thiên Nhĩ triệt thính, bất trì Thần Túc đáo kỳ Phật sát, bất ư thử gian chung, sanh bỉ gian, tiện ư thử tọa kiến chi*” (Lại nữa, kinh Bát Châu nói: “Các vị Bồ Tát ấy không dùng Thiên Nhãn mà thấy thấu suốt, chẳng dùng Thiên Nhĩ mà nghe thấu triệt, chẳng dùng Thần Túc mà đến cõi Phật ấy, chẳng chết nơi cõi này, sanh sang cõi kia, mà là ngồi ở nơi đây trông thấy”). Chúng ta xem trước mấy câu do đức Thế Tôn đã nói trong kinh Ban Châu. “*Thị Bồ Tát*” là các vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc, các Ngài chẳng cần dùng Thiên Nhãn mà thấy thấu suốt. “*Triệt thị*” (徹視): “*Triệt*” là triệt để, chẳng có gì không nhìn thấy, mười phương sát độ vi trần thế giới các Ngài đều thấy, chẳng cần dùng Thiên Nhãn. Thật ra là dùng gì? Các Ngài dùng Phật Nhãn để thấy, các Ngài đều đã thành Phật, A Duy Việt Trí Bồ Tát là Phật. Kinh Đại Thừa nói “*ngũ nhãn viên minh*”, có thể thấy thấu triệt, nghe thấu suốt. Dao động tốt bậc vi tế, các Ngài đều cảm nhận rất rõ ràng. Những dao động vi tế ấy là nguyên khởi của vũ trụ. Di Lặc đã nói “*trong một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm*”, một cái khảy ngón tay đấy nhé! Khoa học hiện thời dùng giây làm đơn vị, trong một giây có bao nhiêu niệm? Một ngàn sáu trăm triệu, quý vị nói xem có vi tế lắm hay không? Các Ngài có thể thấy, có thể nghe! Chẳng cần dùng Thần Túc Thông, A La Hán đều dùng Thần Túc Thông, [các vị Bồ Tát trong cõi Cực Lạc] không cần. Vì sao không cần? Tôi vừa mới nói đấy thôi, thời gian và không gian chẳng có! Thời gian và không gian chẳng có, nên trong Tam Thời Hệ Niệm, thiền sư Trung Phong đã nói: “*Phương này chính là Tịnh Độ*”. Tịnh Độ là thế giới Cực Lạc, cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật, ở chỗ nào? Ở ngay nơi đây! “Không gian chẳng có” tức là chẳng có xa, gần, mười phương cõi nước của chư Phật ở chỗ nào? Ở ngay trong hiện tại. Người nào có thể thấy? Người minh tâm kiến tánh trông thấy, người niệm Phật đến Lý nhất tâm bất loạn trông thấy. Lý nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh, cũng là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” như trong tựa đề kinh đã nói thì mới có thể thấy, chứ “thanh tịnh, bình đẳng” chưa thấy! Phía sau [thanh tịnh và bình đẳng] phải có Giác, giác ấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Người ấy đã thấy, toàn bộ các chiều không gian [sai khác] chẳng còn nữa! Chẳng có một pháp nào không do tự tánh biến. Chỉ cần quý vị kiến tánh, quý vị tìm được căn nguyên của hết thảy các pháp, sẽ đắc đại tự tại trong hết thảy các pháp, chẳng có chút chướng ngại nào. Vì thế, chẳng chết nơi đây, sanh nơi kia, A La Hán là như vậy. Diệt độ ở nơi này,

sanh ở nơi kia, [đó là] linh hồn đầu thai! Chết ở nơi này, lại đầu thai để sanh nơi kia, chỗ này chết, chỗ kia sanh. Bồ Tát trong cõi Cực Lạc chẳng cần, chẳng có lăm nổi phiền phức như vậy, ngồi ở nơi đây, mà thứ gì cũng đều hiểu rõ ràng, chẳng có gì không hiểu rõ. Đó là hoàn cảnh trong thế giới Cực Lạc.

Chúng ta lại xem tiếp phần sau: “*Phật ngôn: Bồ Tát u thử gian quốc độ*” (Phật dạy: “Bồ Tát trong cõi nước nơi đây”). Thích Ca Mâu Ni Phật bảo chúng ta: Những vị Bồ Tát ấy là ai? Chính là nói đến chúng ta, nay chúng ta vừa mới phát Bồ Đề tâm, phát Bồ Đề tâm là Bồ Tát; nhưng chính mình phải khiêm hư một chút, chớ nên rất ngạo mạn. Quý vị vừa là Sơ Phát Tâm Bồ Tát, hễ ngạo mạn bèn chẳng còn là Bồ Tát nữa, lại biến thành phàm phu. Quý vị thấy “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”, quý vị ở trong cõi nước nơi đây “*niệm A Di Đà Phật, chuyên niệm cố đắc kiến chi*” (niệm A Di Đà Phật, do chuyên niệm nên trông thấy). Nói thật ra, A Di Đà Phật thấy chúng ta, chúng ta chẳng thấy Ngài. Vì sao Ngài thấy chúng ta? Vì tâm Ngài thanh tịnh, tâm Ngài là thanh tịnh, bình đẳng, giác, nên thấy chúng ta rành rẽ, rõ rệt. Chúng ta niệm Ngài, vì sao chẳng thấy Ngài? Trong tâm chúng ta vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên tuy chúng ta niệm Ngài, vẫn chẳng có cách nào thấy Ngài. Đến lúc nào mới có thể thấy Ngài? Chúng ta có thể buông phân biệt, chấp trước xuống liền trông thấy. Chẳng cần vọng tưởng. Nếu buông vọng tưởng xuống, sẽ dung hợp thành một Thể với Phật. Chỉ cần buông phân biệt, chấp trước xuống, quý vị liền thấy A Di Đà Phật. Vì thế, chỉ cần chúng ta chuyên niệm. Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói rất rõ ràng: “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật*”. “*Hiện tiền*” là hiện tại, trong đời này thấy A Di Đà Phật, trong tương lai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp mặt hàng ngày, vĩnh viễn sống cùng nhau, trong tâm quyết định chẳng dấy lên phiền não, đó là thế giới thanh tịnh, đó là thế giới Cực Lạc.

Tiếp theo đó: “*Tức vấn*” (liền hỏi), chẳng phải là quý vị đã thấy rồi hay sao? Quý vị hỏi A Di Đà Phật, “*trì hà pháp đắc sanh thử quốc?*” (trì pháp gì bèn được sanh về cõi này), tu pháp môn gì mới có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới? “*A Di Đà Phật báo ngôn: Dục lai sanh giả, đương niệm ngã danh*” (A Di Đà Phật bảo: “Kẻ muốn sanh về đó, hãy nên niệm danh hiệu ta”). Chẳng phải là quý vị muốn đến đó ư? Niệm danh hiệu A Di Đà Phật có thể đến đó, dạy chúng ta trì danh niệm Phật. Nếu quý vị thật sự muốn vãng sanh, hãy dẹp trừ tạp niệm trong tâm quý vị. Nếu nay trong tâm trừ ý niệm A Di Đà Phật ra, niệm gì cũng đều chẳng có, khi nào quý vị có thể vãng sanh? Một ngày bèn có thể vãng sanh. Kinh Di Đà nói “*hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày*” cho đến “*hoặc bảy ngày*”. Cũng có thể nói là khi nào quý vị niệm đến mức trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, ý niệm gì cũng đều chẳng có, khi ấy là lúc quý vị sanh về thế giới Cực Lạc. Chẳng khó! Ta bèn nghĩ, Căn Bản Giới ta còn chưa tu, làm sao có thể vãng sanh cho được? Có thể! Vì sao có thể? Đạo Cộng Giới! Trong một câu A Di Đà Phật, Giới, Định, Huệ thấy đều đầy

đủ. Quý vị nghĩ xem, trong tâm quý vị toàn là A Di Đà Phật, có còn tạo giết, trộm, dâm nữa chẳng? Chẳng thể nào! Gọi là Đạo Cộng Giới, một câu A Di Đà Phật, pháp gì cũng đều viên mãn. Đạo lý là như vậy đó.

Nay lại khuyên quý vị phải đặt vững ba căn là vì lẽ nào? Hiện thời, quý vị chưa đạt được công phu ấy, chưa buông xuống được! Quý vị không buông xuống được thì phải giữ quy củ. Ba căn cội ấy là quy củ căn bản, nhất định phải giữ cho tốt. Nếu trong tâm quý vị nhất tâm niệm Phật, chỉ có một câu Phật hiệu, vậy thì thứ gì quý vị cũng chẳng cần! Bởi lẽ đó, công phu tốt đẹp, một ngày bèn thành công. Nghiệp chướng sâu nặng, khẳng định bảy ngày bèn thành công. Từ vô thì kiếp đến nay, nghiệp chướng gì đi nữa, một câu A Di Đà Phật hoàn toàn tiêu sạch. Vấn đề là quý vị có thật sự hành hay không? Thật sự hành sẽ thật sự hữu hiệu, quyết định chẳng giả. Do đó, tai nạn xảy đến, có thể vãng sanh hay không? Có thể! Một tí hoài nghi cũng chẳng có! Quý vị hãy ngẫm xem, do công phu một ngày bèn có thể vãng sanh, quý vị có chịu làm hay không? Vì sao muốn làm, nhưng lại chẳng làm được? Chẳng làm được là gì? Quý vị chẳng đúng pháp. Nếu niệm Phật mà chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, quý vị có thể đạt được chẳng gián đoạn. Quý vị có hoài nghi, còn có xen tạp, công phu của quý vị chẳng thuần, không phải là Phật hiệu chẳng linh, mà vấn đề xuất hiện từ chính quý vị, chẳng do phương pháp. Đạo lý và phương pháp vĩnh hằng bất biến, quý vị phải hiểu rõ ràng, minh bạch, chuyện này quá quan trọng, là mấu chốt thành bại trong một đời này!

“*Thị dĩ Niệm Phật tam-muội, xưng vi Bảo Vương tam-muội*” (Do vậy, Niệm Phật tam-muội được gọi là Bảo Vương tam-muội), trong kinh nói “*Niệm Phật tam-muội, tam-muội trung vương*” (Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội). Đó là Bảo Vương tam-muội. Pháp môn Niệm Phật thù thắng, chẳng có pháp môn nào có thể sánh bằng, thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp trọn vẹn lợi căn và độn căn. Thiền tiếp dẫn bậc thượng thượng căn, Tịnh Độ tiếp dẫn, thâm nhiếp từ thượng thượng căn đến hạ hạ căn, chẳng như Thiền. Thiền chỉ thâm nhiếp thượng thượng căn, chứ thượng, trung, hạ căn đều chẳng có phần. Tịnh Tông chẳng như vậy. Chỉ cần quý vị chịu niệm, giống như trong kinh này đã dạy, quý vị thấy ba bậc vãng sanh đều là cùng một câu nói: “*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”. Chẳng tu pháp môn Tịnh Độ, mà tu các pháp môn khác, nhưng khi lâm chung, chính mình đem công đức đã tu hành hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, cũng có thể vãng sanh, pháp môn này to tát quá! Chẳng có phân biệt! Từ câu kinh văn này, chúng ta có thể thấu hiểu, tu các tôn giáo khác có vãng sanh được không? Cơ Đốc giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo có thể vãng sanh hay không? Có thể! Cùng một đạo lý! Quý vị đem công đức đã tu hành hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, bèn có thể vãng sanh. Nho gia thì sao? Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức đều tu rất khá, ta đem công đức ấy hồi hướng niệm Phật cầu vãng sanh có được không? Được chứ! Pháp môn này quá lớn! Chẳng có bất cứ điều kiện gì, chỉ cần là hết thấy thiện pháp, chẳng có một ai không vãng

sanh! Thậm chí làm ác pháp như thế nào đi nữa, chỉ cần quý vị buông hết ác niệm xuống, thật sự sám hối, sửa đổi tu thiện, một niệm hay mười niệm vẫn vãng sanh. “*Buông dao đồ tể xuống, ngay lập tức thành Phật*”, người ấy là đại thiện nhân, là thượng thiện, triệt để sám hối. Con người tánh vốn lành, buông xuống tập tánh, bản thiện hiện tiền. Bản tánh hiện tiền, lẽ nào người ấy chẳng vãng sanh? Người ấy vốn là Phật, lẽ nào không vãng sanh?

Vì thế, chúng ta hiểu rõ ràng, rành rẽ đạo lý này thì mới có thể đoạn hết hoài nghi, mối nghi trong tham, sân, si, mạn, nghi liền đoạn hết, tín tâm vẹn mười! Nếu quý vị chẳng hiểu rõ ràng, rành rẽ đạo lý, quả thật, nỗi nghi sẽ sanh ra chướng ngại rất lớn. Do đó, đức Phật xếp chữ Nghi này vào loại Căn Bản phiền não; quý vị thấy sau tham, sân, si, mạn là nghi. Phiền não là gì? Chướng ngại! Chướng ngại quý vị kiến tánh, chướng ngại quý vị thành Phật, chướng ngại quý vị khai ngộ, chướng ngại quý vị niệm Phật vãng sanh, quý vị nói xem có phiền toái lắm hay chẳng? Vì thế, chúng ta học Phật phải dụng công trong lúc bình thường, tức là “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”. Bồ Đề tâm là tâm gì? Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, khởi tâm động niệm quyết định tương ứng với những điều ấy, quý vị sẽ là “*trụ Bồ Đề tâm*”. Trái nghịch những thứ ấy, Bồ Đề tâm của quý vị chẳng phát ra được! Chẳng phát Bồ Đề tâm, niệm Phật sẽ chẳng thể vãng sanh, niệm Phật chỉ là gieo căn lành! Thật sự niệm Phật vãng sanh, Bồ Đề tâm nhất định trọn đủ, chớ nên không hiểu đạo lý này. Biết pháp môn này thù thắng ở chỗ nào? Thật sự đảm bảo chúng ta thành tựu viên mãn trong một đời này! Vì thế, đừng mãnh tinh tấn chẳng có gì khác! Đừng mãnh tinh tấn là triệt để buông xuống, khởi tâm động niệm chẳng vì chính mình nữa! Vì chính mình là gì? Vì chính mình tức là quý vị tham luyến luân hồi, vẫn chẳng rời khỏi lục đạo luân hồi, quý vị vì bản thân!

Chúng ta muốn sanh về Tây Phương Tịnh Độ, đầu tiên là phải buông chính mình xuống, chẳng cần cái thân này, chẳng cần chấp trước cái thân này là ta nữa, phải buông những thứ ấy xuống. Chẳng buông những thứ ấy xuống, đời đời kiếp kiếp niệm Phật vẫn chẳng vãng sanh, vì nguyên nhân nào? Chính vì đạo lý này: Đời đời kiếp kiếp chẳng chịu bỏ Ngã! Chỉ cần có Ngã, cả một đống lớn phiền toái ủa tới, người nhà, quyến thuộc, đất đai, nhà cửa, tài sản của ta, phiền toái lắm! Toàn là của quý vị, nên thứ gì cũng đều chẳng bỏ được, những thứ ấy có mang theo được hay không? Quý vị hãy ngẫm xem, ngay cả cái thân còn chẳng mang theo được, huống hồ vật ngoài thân? Do đó, người niệm Phật thường phải có tâm thái: Ta đến thế gian này là lữ du, nơi ta trụ trong thế gian này là quán trọ, sau hai ngày bèn rời đi, thứ gì cũng chẳng phải là của ta, ta chẳng may may lưu luyến nó. Ta trụ một ngày, bèn dùng một ngày, dùng rất tự tại, dùng rất thoải mái, hôm sau ra đi, chẳng có ý niệm gì cả! Thật vậy, đến trụ trong khách sạn, lữ du, đến nơi đây vẫn cảnh, khảo sát, xem xét thế giới này, tăng trưởng trí huệ, tăng trưởng tam-muội. Thấy thế giới này tình trạng ra sao, quý vị bèn hiểu, đó là tăng trưởng trí huệ. Sau khi đã thấy, như như bất động, đó là công phu định

lực. Chẳng có thứ gì muốn chiếm hữu, chẳng có thứ gì suy lường, cũng chẳng có thứ gì mong không chế, ý niệm gì cũng đều chẳng có, người ấy vãng sanh rất dễ dàng, trong Phật môn, người ấy được gọi là “*người có đại thiện căn*”. Cái này cũng muốn, cái kia cũng muốn, người ấy chẳng có thiện căn, chẳng có phước đức. Trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật đã khai thị như vậy, đâu đâu cũng đều có thể thấy.

Vì thế, ở đây, cụ Niệm Tô nói Niệm Phật tam-muội là Bảo Vương tam-muội, “*thâm thâm Thiên Định, tất đồ chư Phật, đồ tiêu quy Niệm Phật tam-muội dã*” (Thiên Định rất sâu, ắt thấy chư Phật, đều quy về, hòa lẫn trong Niệm Phật tam-muội). Dẫu nói nhiều đến mấy đi nữa, vẫn chẳng lìa khỏi Niệm Phật, vì sao? Niệm Phật là căn bản của căn bản. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng. Tâm hiện, thức biến*”. Đức Phật đã dạy chúng ta tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc, nên niệm Phật bèn thành Phật, sanh từ tâm tưởng mà! Ta niệm Phật chẳng thành Phật, [là vì] ta niệm Phật đã xen tạp những thứ bản thiu trong ấy. Xen tạp tự tư tự lợi, xen tạp danh văn, lợi dưỡng, xen tạp tham, sân, si, mạn, nên quý vị công phu chẳng đắc lực. Nếu trong câu Phật hiệu của quý vị chẳng có hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, lẽ đâu chẳng thành công? Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta “*nhiep trọn sáu căn*”, nhiếp trọn sáu căn là chẳng xen tạp, không hoài nghi. Không hoài nghi là nhiếp ý căn, không xen tạp là nhiếp năm căn trước, tức mắt, tai, mũi, lưỡi và thân. Công phu tinh thuần, hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn! Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Niệm Phật là niệm như thế đó! Nhà Phật trọng thực chất, chẳng đặt nặng hình thức, hình thức chẳng quan trọng! Thực chất là gì? Tương ứng là thực chất, tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác, tương ứng với nhiếp trọn sáu căn, tương ứng với tịnh niệm tiếp nối, người ấy được gọi là biết niệm, thật sự niệm Phật, biết niệm Phật.

Do đó, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sau khi quý vị thật sự hiểu rõ, liền biết thật sự dễ dàng, chẳng khó tí nào, máu chột là buông xuống! Vì sao nó trở nên khó khăn, chẳng nắm chắc như thế? Biến thành khó khăn dường ấy, có kẻ niệm suốt đời, nhưng chẳng nắm chắc vãng sanh? Chẳng nắm chắc là nói thật, chẳng giả. Vì sao chẳng nắm chắc? [Do] trong câu Phật hiệu có xen tạp, có hoài nghi. Có nỗi hoài nghi “ta có thể vãng sanh hay không?” Có nỗi hoài nghi ấy! Làm thế nào để trừ mối nghi ấy? Làm thế nào để trừ xen tạp? Biện pháp duy nhất là nghe giáo, nghe kinh. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, nhằm dạy chúng ta đoạn nghi hoặc, đoạn xen tạp. Kinh giáo giảng điều gì? Giảng rõ ràng, minh bạch chân tướng sự thật. Quý vị cũng thật sự hiểu rất rõ ràng, minh bạch, bèn triệt để buông xuống. Vì sao? Biết những thứ ta ưa thích là rỗng tuếch, đúng như kinh Đại Bát Nhã đã nói: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, trọn chẳng thể được*”, ngay cả thân thể cũng trọn chẳng thể được! Thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, cũng chẳng còn dấy vọng niệm, công phu của quý vị liền thuần, niệm Phật đắc lực, chẳng cần

lâu lắc, quý vị niệm Phật bảy ngày liền cảm thấy khác hẳn. Lại hỏi quý vị có nắm chắc vãng sanh hay không? Quý vị có thể dám nói “ta nắm chắc vãng sanh”.

“*Thị cố trì danh công đức bất khả tư nghị, Nhất Thừa nguyện hải bất khả tư nghị*” (Vì vậy, công đức trì danh chẳng thể nghĩ bàn, Nhất Thừa nguyện hải chẳng thể nghĩ bàn). Công đức trì danh là tu nhân, Nhất Thừa nguyện hải là quả báo, nhân và quả đều chẳng thể nghĩ bàn! Hiện thời, thế giới có nhiều tai nạn ngàn ấy, người học Phật nghe những tin tức ấy, có bị ảnh hưởng hay không? Người thật sự niệm Phật chẳng bị ảnh hưởng mảy may! Nghe tin tức ấy, người đó lập tức buông xuống, nghiêm túc niệm Phật, biết chúng ta nay đang ở cùng một chỗ, [ắt phải chia sẻ] cộng nghiệp! Nếu ta có phần trong cộng nghiệp, ta cũng có thể vãng sanh trong cộng nghiệp. Đó là chuyện tốt, ra đi sớm mà! Cộng nghiệp là mọi người gặp nạn, nhưng mỗi người đi đến mỗi nơi khác nhau. Người nhất tâm niệm Phật đến Tịnh Độ, đến thế giới Cực Lạc, người tâm địa thiện lương sanh lên trời, đến thiên đạo, kẻ tạo tác bất thiện vào trong ba ác đạo. Mỗi người đến một nơi khác nhau, rất công bình, chẳng có mảy may oan uổng. Người học Phật hiểu rõ ràng, minh bạch “*nhân như thế nào, quả như thế ấy*”, đều bày ra trước mặt, chính mình hiểu rõ ràng, rành rẽ, như như bất động. Hiểu rõ ràng, rành rẽ là trí huệ, như như bất động là tam-muội, quý vị nói có tự tại lắm hay không, có hạnh phúc lắm hay không, viên mãn dường ấy! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học đến đây!

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 127

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi sáu, xem từ hàng thứ tư.

“*U nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ*” (Trong khoảng một niệm, đạo khắp hết thấy các cõi Phật), câu này là kinh văn. Kế đó là lời giải thích: “*Nhất niệm, chỉ cực đoan xúc chi thời khắc, đản kỳ thời hạn, chư thuyết bất nhất*” (Chữ “một niệm” chỉ thời khắc hết sức ngắn ngủi, nhưng thời hạn ấy có nhiều thuyết [giải thích] khác nhau). Chữ “*nhất niệm*” được kinh nói đến rất nhiều, nhưng giải thích khác nhau. Chúng ta biết thuở đức Phật tại thế, Ngài giảng kinh, thuyết pháp có nguyên tắc. Nguyên tắc chung là “chẳng rời khỏi Nhị Đế”, Nhị Đế là Chân Đế và Tục Đế. Cái gọi là Chân Đế chính là nương theo cảnh giới do Phật đã chứng để nói, đó là Chân Đế. Loại thứ hai (Tục Đế) là tùy thuận bọn chúng sanh chúng ta, thuận theo cõi tục, nên gọi là Tục Đế, nghĩa là thuận theo kiến thức thông thường của chúng ta để nói, rất dễ hiểu, chúng ta vừa nghe bèn hiểu ngay. “*Nhất niệm khoảnh*” (trong khoảng một niệm) thì quả thật cũng có Chân Đế và Tục Đế, nên sẽ có các cách nói khác nhau. Tục Đế là lục đạo, mười pháp giới. Nói cách khác, nếu chúng ta giảng [Tục Đế] theo mỗi pháp giới thì tối thiểu có mười cách giảng. Đối với mười cách giảng ấy, chẳng thể nói cách nào sai, mà cũng chẳng thể nói cách nào hoàn toàn đúng; chúng ta phải hiểu đạo lý này! Một niệm, nếu dựa theo cuộc đối thoại giữa Di Lặc Bồ Tát cùng Thích Ca Mâu Ni Phật, hãy nên biết [những điều được nói trong cuộc đối thoại ấy] là Chân Đế, thời gian một niệm dài bao lâu? Là một phần trong một ngàn sáu trăm triệu phần của một giây, cũng tức là một phần ngàn sáu trăm triệu giây. Đúng là thời khắc vô cùng ngắn ngủi, kinh Phật dạy như vậy. Những cách giải thích khác cũng đều xuất phát từ kinh Phật. “*Như Nhân Vương Bát Nhã*”, [nghĩa là] theo như kinh Nhân Vương Bát Nhã giảng, “*dĩ cửu thập sát-na vi nhất niệm*” (coi chín mươi sát-na là một niệm), tức là một niệm có chín mươi sát-na. “*Nhất niệm trung chi sát-na, kinh cửu bách sanh diệt*” (trong một sát-na của một niệm, trải qua chín trăm lần sanh diệt), kinh Nhân Vương nói như vậy. Kinh Nhân Vương chẳng phải chỉ có một bản dịch⁶[1]. Theo bản chúng

⁶[1] Hiện thời, theo mục lục của Đại Tạng Kinh, kinh Nhân Vương Bát Nhã, danh xưng đầy đủ là Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Kinh, gồm có bốn bản dịch:

ta thường đọc là Nhân Vương Bát Nhã Ba La Mật Kinh có cách nói như thế này: Trong một cái khảy ngón tay có chín mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Theo cách nói này, chín mươi sát-na là một niệm, trong một niệm có chín trăm lần sanh diệt, tức là một niệm có chín mươi sát-na. Cách này không nói theo [thời gian] khảy ngón tay, [trong các] kinh [khác] cũng nói theo cách khảy ngón tay. Lại nữa, trong quyển thượng của bộ Vãng Sanh Luận Chú, “*đĩ bách nhất sanh diệt vi nhất sát-na*” (coi một trăm lần sanh diệt là một sát-na), trong một sát-na có một trăm lần sanh diệt. “*Lục thập sát-na danh vi nhất niệm*” (Sáu mươi sát-na được gọi là một niệm), [khoảng thời gian] ấy được gọi là “*niệm khoảnh*”. “*Lưỡng giả quân dĩ nhất niệm trung cụ đa sát-na dã, đản Trí Độ Luận dĩ nhất đàn chỉ khoảnh hữu lục thập niệm, Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký thập bát*” (hai thuyết này đều coi một niệm gồm nhiều sát-na, nhưng Trí Độ Luận nói trong khoảng thời gian khảy ngón tay có sáu mươi niệm. Quyển thứ mười tám sách Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký), tức là quyển thứ mười tám, “*vi sát-na tư vân niệm khoảnh, nhất đàn chỉ khoảnh hữu lục thập sát-na*” (nói một sát-na được gọi là “*niệm khoảnh*”, trong khoảng một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na). Hai bộ luận này đều coi một niệm là một sát-na. Do đó, đối với chuyện này, kinh luận có nhiều cách giảng, đó là giảng giải thuận theo thế tục.

Nói theo Chân Đế, chúng tôi nghĩ điều được nói trong kinh Bồ Tát Xử Thai^{7[2]} phải là thật, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng học điều này. Đức Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, “*tâm*

- Nhân Vương Bát Nhã Kinh, một quyển, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào năm 267 (tức năm Thái Thi thứ ba đời Tấn Vũ Đế).

- Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Kinh, hai quyển, do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm 401 (tức năm Hồng Thi thứ ba nhà Hậu Tần).

- Nhân Vương Bát Nhã Kinh, một quyển, do ngài Chân Đế dịch vào năm 554 (tức năm Thừa Thánh thứ ba đời Lương Nguyên Đế).

- Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh, hai quyển, do ngài Bất Không dịch vào năm 756 (tức năm Vĩnh Thái nguyên niên đời Đường Đại Tông).

Hiện thời chỉ còn lại hai bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập và Bất Không. Phật môn Trung Hoa thường dùng ba kinh Nhân Vương Hộ Quốc, Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh và Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bản Nguyên Công Đức Kinh làm “tam kinh hộ quốc” mỗi khi cầu quốc thái dân an.

7[2] Kinh này có tên gọi khác là Bồ Tát Tùng Đâu Thuật Thiên Giáng Thần Mẫu Thai Thuyết Quảng Phổ Kinh, hoặc chỉ gọi tắt là Xử Thai Kinh, gồm ba mươi tám phẩm, chia thành bảy quyển, do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào đời Hậu Tần. Trong kinh này, đức Phật vì ngài A Nan thuật lại quá trình Bồ Tát giáng thần từ thiên cung Đâu Suất vào thai mẹ, Bồ Tát ở trong thai mẹ như cung điện, mười phương Bồ Tát đều vân tập trong thai mẹ để nghe pháp không cảm thấy chật chội, mà mẹ cũng chẳng cảm thấy bị trở ngại gì. Điểm đặc biệt trong kinh này là cuối kinh (từ phẩm ba mươi lăm trở đi), đức Phật phó chúc Di Lặc Bồ Tát hộ trì kinh này, cũng như dự ngôn tám đại quốc vương sẽ phân chia xá-lợi, dựng tháp sau khi Phật nhập diệt, cũng như dự ngôn tôn giả Ca Diếp sẽ thống lãnh đại chúng kết tập Kinh tạng.

hữu sở niệm”, tức là nói đến một niệm, phàm phu, tức phàm phu trong lục đạo, hễ trong tâm dấy lên một niệm, trong một niệm ấy, đức Phật hỏi “*hữu kỳ niệm, kỳ tướng, kỳ thức?*” Hỏi rất cặn kẽ, trong một niệm ấy có mấy tướng, mấy thức? Di Lặc Bồ Tát trả lời: “*Nhất đàn chỉ hữu tam thập nhị ức bách thiên niệm*” (trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm), nay chúng ta nói ba mươi hai ức trăm ngàn là ba trăm hai mươi triệu, trong một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu tế niệm. “*Niệm niệm thành hình*”, “*hình*” (形) là tướng. Đức Phật hỏi “*mấy thức*”, ngài Di Lặc đáp là “*hình*”, hình là tướng, là hiện tượng vật chất. Ngài nói mỗi niệm có hình, niệm niệm đều có hình. “*Hình giai hữu thức*” (hình đều có thức), Thức là gì? Thức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Kinh Phật nói tới Ngũ Uẩn thì “*hình*” là Sắc Uẩn, trong Sắc có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nói cách khác, Ngũ Uẩn vĩnh viễn chẳng tách rời nhau, chẳng thể nào tồn tại độc lập, mà luôn hòa hợp thành một Thể, thời gian [chúng tồn tại] lại còn vô cùng nhanh chóng. Quý vị thấy một cái khảy ngón tay là ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, cách nói này rất gần gũi với cách nói của Lượng Tử Lực Học trong hiện thời. Tôi nghĩ trong một giây có người khảy nhanh hơn tôi, nếu một giây có thể khảy năm lần, [tức là] khảy ngón tay năm lần trong một giây, sẽ là như tôi đã nói trước đó: Một ngàn sáu trăm triệu, trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm. Hãy nhớ, mỗi niệm đều có hiện tượng vật chất, đều có hiện tượng tinh thần. Vậy thì vật chất rốt cuộc là như thế nào? Các nhà Lượng Tử Lực Học hiện đại đã nói: Trên thực tế, về căn bản là không có những thứ vật chất! Hiện tượng vật chất là gì? Hiện tượng vật chất là ý niệm, trong khoảng một niệm, ở đây gọi là một “*niệm khoảnh*”, tích lũy lại! Quý vị thấy trong một giây có bao nhiêu niệm? Một ngàn sáu trăm triệu, tích lũy nhiều ngàn ấy trong đây, quý vị thấy dường như có hiện tượng vật chất tồn tại, nhưng trên thực tế, nó là một hiện tượng dao động vô cùng nhanh chóng. Hiện tượng vật chất rất phức tạp, các nhà khoa học đã chia chúng thành ba loại lớn, vật chất có thể đặc, thể lỏng [và thể hơi]. Lấy nước làm tỷ dụ, nước là chất lỏng. Dưới không độ, nó có thể đóng băng, biến thành chất rắn. Ở nhiệt độ cao, nó có thể biến thành hơi nước, biến thành thể hơi. Khoa học cho biết: Do tần số dao động chậm, nên biến thành chất rắn, nhanh hơn một chút biến thành chất lỏng, nhanh hơn nữa biến thành chất hơi; càng nhanh hơn nữa, liền biến thành sóng điện từ. Vô lượng vô biên các hiện tượng trong vũ trụ, các hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần toàn là do tần số dao động khác nhau mà hiển hiện những thứ ấy. Cách giảng về “*Thật Tướng của các pháp*” trong khoa học hết sức gần với kinh Phật. Kinh Phật nói: “*Hết thủy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, chẳng thật, không có thứ gì là thật! Hiện tượng vật chất chẳng thật, hiện tượng tinh thần cũng chẳng thật, đều sanh từ tâm tưởng. Khoa học hiện tại nói đến “*tâm thái*”, các hiện tượng sanh từ tâm thái là như thế đó. Vì vậy, “*niệm*” là cội nguồn của tất cả hết thủy các pháp, chúng đều sanh từ niệm. Ý niệm thiện thì chẳng có pháp nào không tốt đẹp. Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật được nói trong kinh Hoa Nghiêm đều do thiện niệm thanh tịnh hiển hiện.

Đối với địa cầu chúng ta đang sống trong hiện tại, tuy chúng ta chẳng thấy thời đại thượng cổ, nhưng thật ra, chúng ta đã từng trải qua. Khổng Tử thường tán thán, hoài niệm thời bình trị của cổ thánh tiên vương thuở thượng cổ, tức là thời bình trị đại đồng! Đại đồng chẳng phải là chuyện lý tưởng, thời Nghiêu - Thuấn đã làm được, sử sách Trung Quốc đã chép như vậy. Khổng Tử sống vào đời Châu, từ giữa đời Châu trở đi, nhà Châu suy vi, từ đại đồng đã biến thành “tiểu khang”^{8[3]}. Khổng Tử sống trong thời đại tiểu khang, Ngài thường hoài niệm thời đại thịnh trị “đại đồng” thời Nghiêu - Thuấn. Người trong thuở đại đồng thịnh trị chỉ có tâm yêu thương, chẳng có tâm riêng tư. Người thuộc các tầng lớp, các ngành nghề biết giúp đỡ người khác, đều biết phục vụ người khác, đó là thời “đại đồng thịnh trị”! Thời đại tiểu khang bèn vì chính mình, nhưng vì chính mình mà cũng vì người khác, xã hội thời đó tốt đẹp! Cho tới hiện tại đã hơn hai ngàn năm trăm năm, lấy Khổng Tử để nói thì hai ngàn năm trăm năm trước, thời Khổng Tử là thời tiểu khang. Đại khái là tại Trung Quốc, mấy ngàn năm qua, đều duy trì cục diện tiểu khang như vậy. Vào những năm cuối đời Mãn Thanh, chẳng còn thấy [tình trạng] tiểu khang nữa, đời loạn xuất hiện, xã hội hỗn loạn. Cho đến hiện tại, cục diện hiện thời đã loạn lạc đến tột bậc. Có thể hóa giải những tai ương, loạn lạc hay không? Các tai biến trên địa cầu, xã hội hỗn loạn, có thể hóa giải hay không? Có thể khôi phục thuở tiểu khang hoặc thời “đại đồng thịnh trị” trước kia hay chẳng? Câu trả lời là khẳng định, có thể! Đều do con người! “*Nhân chi sở dĩ dị u cầm thú*”, nghĩa là con người khác cầm thú ở chỗ con người có thể tiếp nhận giáo dục, chứ cầm thú khó lắm! Con người có thể giác ngộ!

Báo độ của chư Phật Như Lai đều là đại đồng thịnh trị. Người niệm Phật chúng ta tâm luôn hướng tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là thế giới của A Di Đà Phật, thế giới ấy là thế giới đại đồng, xã hội ấy là đời thịnh trị đại đồng, còn thù thắng hơn những điều được nói trong thiên sách Lễ Vận Đại Đồng^{9[4]}, cõi nước của chư Phật là như vậy đó! Làm thế nào

8[3] Tiểu Khang là quan niệm của Nho gia về một thời đại thịnh trị, nhân dân an lạc, giàu có, chánh trị ổn định. Tuy có những biến động hoặc loạn lạc nhỏ, nhưng nhìn chung cuộc sống ổn định, hòa bình, vua biết thương dân, sử dụng vương đạo để cai trị, quan lại đa số thanh liêm, phong tục thuần phác, lễ nghĩa, trừ một số ít, đại đa số dân chúng đều nhường nhịn, tuân thủ pháp luật. Nho gia thường đánh giá các đời vua Thành Thang, Châu Văn Vương, Châu Vũ Vương là Tiểu Khang. Ở đây, hòa thượng dùng chữ “tiểu khang” với ý nghĩa tương đối bình trị, nhân tâm thế đạo không đến nỗi quá mức tệ hại.

9[4] Đây là một thiên sách (một tiểu đoạn) trong chương Lễ Vận của sách Lễ Ký. Lễ Ký gồm 49 chương, Lễ Vận là chương thứ chín. Phần đầu của chương Lễ Vận nói về thế giới Đại Đồng, nên gọi là Lễ Vận Đại Đồng Thiên. Không rõ ai là tác giả của bộ Lễ Ký. Theo truyền thống, sách này được coi là do các môn đệ ghi chép những lời dạy về Lễ của Khổng Tử. Sách bị hủy diệt dưới thời Tần Thủy Hoàng, đầu đời Hán, học giả Lưu Hưởng thu thập những thiên sách cũ còn sót lại, hợp thành sách Lễ Ký gồm 130 chương. Sau đó, Đới Đức giản hóa thành 85 chương, bộ này được gọi là Đại Đới Lễ Ký. Về sau, cháu Đới Đức là Đới Thánh lại giản hóa bộ Đại Đới Lễ Ký lần nữa thành 46 chương, thêm các chương Nguyệt Lệnh, Minh Đường Vị và Nhạc Ký, thành 49 chương, gọi là Tiểu Đới Lễ Ký. Đây chính là bộ Lễ Ký lưu hành hiện thời. Sách Đại Học trong Tứ Thư là một chương trong Lễ Ký.

mới có thể đến được? Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, kinh Di Đà nói rõ ràng, đây là một bộ kinh được lưu thông vô cùng rộng rãi, phổ biến nhất. Kinh dạy người trong thế giới ấy là thiện nhân, “*giai thị thượng thiện chi nhân câu hội nhất xứ*” (các vị thượng thiện nhân đều cùng nhóm họp một chỗ). Điều này nói rõ: Muốn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta phải tu thượng thiện, “thiện” ấy là Thập Thiện Nghiệp Đạo, phải thực hiện Thượng Phẩm Thập Thiện. Thượng Phẩm Thập Thiện là tâm thiện, niệm thiện, ý niệm thiện, ngôn hạnh thiện, [tức là] ngôn ngữ và hành vi đều thiện. Tâm niệm và ngôn hạnh là thượng thiện. Thượng Thiện mà nếu chẳng học Phật, không cầu vãng sanh, thì Thượng Thiện sẽ đến nơi đâu? Thượng Thiện bèn sanh lên trời, làm chư thiên. Trung Phẩm Thập Thiện là nhân đạo, Hạ Phẩm Thập Thiện là A Tu La và La Sát. Ba phẩm Thượng, Trung, Hạ được phân định ra sao? Thượng Phẩm là thuần tịnh, tâm địa thuần tịnh; Trung Phẩm là tâm địa thuần thiện; Hạ Phẩm xen tạp phiền não, xen tạp tập khí. Tuy tâm địa rất thanh tịnh và cũng rất tốt lành, nhưng kẻ ấy có ngạo mạn, có hiếu thắng, có ganh tỵ, liền biến thành Hạ Phẩm, do người ấy đã xen tạp những tạp niệm, nên biến thành Hạ Phẩm. Nói với chúng ta điều kiện này rất rõ ràng, đó là điều kiện tiên quyết.

Muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn phải có thêm [điều kiện] nữa, thêm gì vậy? Đức Phật dạy: “*Không thể do chút thiện căn, phước đức nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”. Quý vị có thiện căn và phước đức, thiện căn là gì? Đối với pháp môn Tịnh Độ này, đối với những kinh luận Tịnh Độ, quý vị có thể tin tưởng, có thể lý giải, đó là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là thật sự làm, tức là như kinh dạy chúng ta “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”, quý vị bèn thật sự hành, thật sự phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm đã phát khởi, rất tuyệt diệu! Bồ Đề tâm đã phát, người ấy là Bồ Tát. Bồ Đề tâm là gì? Là tâm chân thành, [tức là] trong tâm chẳng có hư ngụy, không có tạp niệm. Trong bút ký đọc sách của Tăng Quốc Phiên, ông ta đã định nghĩa chữ Thành, Thành là gì? “*Một niệm chẳng sanh là Thành*”. Tiêu chuẩn này và tiêu chuẩn trong kinh giáo Đại Thừa giống nhau. Chúng ta biết tiên sinh Tăng Quốc Phiên từng đọc kinh Phật, ông thông hiểu, chẳng phải là không hiểu. Nói theo kinh Phật, quý vị có phân biệt, có chấp trước, tâm sẽ chẳng Thành, chẳng có Bồ Đề tâm! Cơ sở của Bồ Đề là buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đó mới là Bồ Đề tâm. A La Hán và Bích Chi Phật chỉ buông xuống chấp trước, còn vọng tưởng và phân biệt vẫn chưa buông xuống, nên A La Hán chẳng phát Bồ Đề tâm, được gọi là Tiểu Thừa. Phát Bồ Đề tâm là Đại Thừa.

Hiện tại, rất nhiều đồng học học Phật nầy sanh hiểu lầm, cứ tưởng “ta đã thọ Bồ Tát giới, ta là Bồ Tát”. Sai rồi! Quý vị là Bồ Tát gì vậy? Bồ Tát bằng đất sét, gặp nước là thôi rồi, đúng như vậy đó! Bồ Tát há dễ dàng ư? Bồ Tát thì điều thứ nhất là chân thành, quý vị còn dối gạt chính mình, gạt gẫm người khác, làm sao có thể gọi là Bồ Tát cho được? Là một thiện nhân trong lũ phàm phu mà quý vị còn chưa đủ tư cách, làm sao có thể xưng là Bồ Tát cho

được? Nếu quý vị xưng là Bồ Tát, đó là đại vọng ngữ. Chư vị phải hiểu: Theo kinh Phật, quả báo của đại vọng ngữ là A Tỳ địa ngục. Quý vị dám mạo nhận là Phật, Bồ Tát hay không? Giả mạo đều nhằm mục đích danh lợi. Nếu quý vị thật sự hiểu nhân quả, sẽ chẳng dám làm theo cách như vậy. Từ tâm chân thành mới có thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là Tự Thọ Dụng, tức là Tự Thọ Dụng của tâm chân thành. Đại từ đại bi là Tha Thọ Dụng của tâm chân thành, tức là đối với người ngoài, đãi người tiếp vật bằng đại từ đại bi. Tâm ấy phát khởi bèn là Bồ Đề tâm. Dùng cái tâm ấy để một mực chuyên niệm, một phương hướng là Tây Phương Cực Lạc thế giới, một câu Nam-mô A Di Đà Phật niệm đến cùng, suốt đời chẳng biến đổi, đó là “*một mực chuyên niệm*”, người ấy quyết định được sanh về thế giới Cực Lạc. Niệm Phật có thể vãng sanh hay không, mấu chốt ở chỗ này!

Quý vị chớ nên nói kinh Phật chẳng linh, chính quý vị có lỗi, đức Phật chẳng nói sai, kinh điển chẳng nói sai. Quý vị phải thấy rõ ràng, thấy rành rẽ, tâm của chính quý vị có tương ứng với kinh hay không? Tâm hạnh tương ứng, quý vị là chánh tu, chân tu. Nếu tâm hạnh chẳng tương ứng, chẳng có thành ý, trong tâm có nhiễm ô, sẽ chẳng thanh tịnh. Nhiễm ô là gì? Phiền não là nhiễm ô, tự tư tự lợi là nhiễm ô, tiếng tăm, lợi dưỡng là nhiễm ô, tham, sân, si, mạn là nhiễm ô. Hễ nhiễm ô, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Hễ phân biệt, tâm quý vị bất bình đẳng. Hễ tranh cường, hiếu thắng, tâm bèn bất bình đẳng. Trong kinh, đức Phật đã dạy rất nhiều. Tâm hiếu thắng, tâm khoe khoang tài năng, tâm cạnh tranh, đều thuộc về A Tu La hoặc La Sát! A Tu La có tâm thái như vậy. Bồ Tát tâm bình khí hòa, sạch lầu như nước, chẳng nổi sóng gió, nước tĩnh lặng như gương, giống như một tấm gương soi cảnh giới bên ngoài rõ rệt, rành mạch, vắng vặc, phân minh, đó là trí huệ hiện tiền, [điều này] được gọi là Chiếu Kiến, chẳng phải là cái thấy do phân biệt, mà là Chiếu Kiến. Chiếu Kiến có nghĩa là chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Chẳng có phân biệt là Bình. Nước là bình đẳng, chẳng có chấp trước, nó sạch lầu, thanh tịnh. Điều này trọng yếu lắm, thật sự tu, thật sự hành! Trong cuộc sống hằng ngày, gìn giữ sự thanh tịnh và bình đẳng chính là thật sự học Phật. Trong công việc gìn giữ sự thanh tịnh, bình đẳng, trong đãi người tiếp vật đều phải gìn giữ thanh tịnh, bình đẳng.

Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, Ngài làm chuyện này cho chúng ta thấy. Năm mươi ba lần tham học là phương tiện thiện xảo của Phật, chia hoàn cảnh nhân sự thành năm mươi ba loại, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp. Thiện Tài đồng tử đều đến tiếp xúc, kết giao với họ, nhưng vẫn giữ được thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, thành tựu chân thành và từ bi, đãi người tiếp vật từ bi chân thành. Đó là học Phật, thành Phật, chúng ta học Phật chớ nên không biết. Nếu sơ sót cương lĩnh trọng yếu này, trong cuộc sống hằng ngày chẳng tương ứng, chúng ta chẳng phải là đang học Phật, mà là đang tạo nghiệp. Tạo nghiệp bèn là lục đạo phàm phu. Quý vị tạo thiện nghiệp, tương lai đến thọ báo trong ba thiện đạo, thiện nghiệp ấy cũng phải tiêu trừ. Bởi lẽ, trong tự tánh, thiện và bất thiện đều không có. Tạo tác

bất thiện nghiệp, tiêu nghiệp trong ba ác đạo, đều là tiêu nghiệp! Sau khi tiêu hết nghiệp, lại trở vào nhân gian. Trở vào nhân gian, nói thật ra, đúng như đức Phật đã nói “*gặp duyên khác nhau*”, nhân duyên mà! Người Hoa nói về sự dạy học: “*Tánh tương cận, tập tương viễn*” (xét về bản tánh thì gần như nhau, xét về tập tánh thì khác nhau). Đó là “*ngộ duyên*” (gặp duyên). Nếu quý vị gặp thánh hiền, gặp Phật, Bồ Tát, chúc mừng quý vị, quý vị sẽ thành thánh, thành hiền, thành Phật, thành Bồ Tát. Nếu gặp ác duyên, tạo tác tham, sân, si, mạn, nhậu nhẹt, chơi bời, cờ bạc, quý vị sẽ đến chốn ngạ quỷ, địa ngục. Đó là “*gặp duyên khác nhau*”. Cổ nhân nói hai câu rất hay: “*Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen*”. Đó là ngộ duyên.

Nay chúng ta gặp duyên khá lắm, được làm thân người, nghe Phật pháp, đó là duyên tốt đẹp. Trong Phật pháp, lại được nghe Đại Thừa, lại nghe Tịnh Độ, có thể nói là duyên ấy thù thắng khôn sánh! Gặp gỡ, có thể tin tưởng hay không? Có thể lý giải hay không? Đó là thiện căn của quý vị. Quý vị đầy đủ thiện căn, có thể tin, có thể hiểu; nhưng quý vị tin chẳng sâu, còn có hoài nghi; giải chẳng thấu triệt, [tức là] thiện căn chẳng đủ. Chân tín, chân giải, nhưng chẳng làm được, đó là thiếu phước; quý vị có thiện căn, nhưng không có phước báo. Phước là gì? Thật sự hành là phước đức! Vì thế, đức Phật nói: “*Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy*”. Quý vị hội đủ cả ba điều kiện ấy, quý vị thấy thiện căn đầy đủ, phước đức đầy đủ, nhân duyên đầy đủ, há lẽ nào chẳng vãng sanh? Chúc mừng quý vị, khẳng định quý vị thành Phật trong đời này. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là thành Phật. Chuyện này chẳng phải là chuyện tầm thường! Chúng ta đã gặp, tuy gặp, nhưng thiện căn và phước đức không đủ thì làm thế nào? Phải nghiêm túc cố vũ, khích lệ chính mình, nhất định phải bỏ túc, dừng mãnh tinh tấn, phải bỏ túc thiện căn và phước đức. Bỏ túc từ chỗ nào? Bỏ túc từ kinh giáo. Đối với kinh giáo, ta chẳng gặp thầy giỏi, bản thân ta học tập gặp khó khăn, làm cách nào? Cổ nhân có chú giải để giúp đỡ quý vị, người hiện thời càng có phước báo hơn cổ nhân. Vì sao? Hiện thời có đĩa CD, có Internet, có [truyền hình] vệ tinh, quý vị có thể học tập tại nhà, lên lớp mỗi ngày, phước báo này quá to tát! Quý vị phải học mỗi ngày thì mới được. Nếu quý vị không lên lớp mỗi ngày, phước báo vẫn bị luống uổng!

Tôi gặp hai người mà tôi rất bội phục. Hai người ấy đúng là nắm được cách bỏ sung thiện căn và phước đức, tức là mỗi ngày nghe kinh mười giờ. Một năm ba trăm sáu mươi ngày, mỗi ngày chẳng bỏ suốt một buổi học nào. Thật ra, nếu có chuyện gì, không có cách nào khác, họ không ngủ cũng nghe đủ bốn giờ. Nghe bốn giờ là trong tình huống bất đắc dĩ, bình thường là mười giờ. Họ thật sự có trí huệ, thật sự nghe lời. Tổ sư đại đức dạy chúng ta “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, họ đã nắm được, nên nghe kinh bèn nghe một bộ kinh. Nghe một bộ kinh thì họ cũng chẳng nghe rất nhiều! Nghe rất nhiều thì sao? Chẳng nhớ được! Mỗi ngày nghe mười giờ, có thể ghi nhớ hay không? Không có trí nhớ và sức lý giải mạnh như vậy, họ còn gặp khó khăn. Do đó, họ dùng phương pháp rất xảo diệu, mỗi ngày họ

chỉ nghe đĩa ghi âm lời giảng trong một tiếng đồng hồ. Mỗi đĩa CD là một giờ, nghe [đĩa âm] một giờ giảng ấy mười lượt, họ nghe giảng mười tiếng đồng hồ là nghe theo kiểu ấy. Một giờ giảng được nghe lặp đi lặp lại mười lần, họ nhớ được, nghe hiểu. Mỗi ngày nghe một đĩa, cứ mỗi đĩa là một giờ, làm theo cách ấy, ngày hôm sau mới nghe đĩa thứ hai. Nghe xong một bộ kinh, bèn nghe lại từ đầu. Nghe bao lâu? Nghe suốt mười năm. Thừa cùng quý vị, do mười năm ấy, họ đắc Niệm Phật tam-muội. Đắc Niệm Phật tam-muội là đắc Định, khai trí huệ. Trí huệ đã khai thì kinh chưa từng học, người ấy chẳng cần phải học, giống như Lục Tổ Huệ Năng đại sư, quý vị đọc cho người ấy nghe, người ấy bèn hiểu, và cũng có thể giảng cho quý vị nghe. Đó là gì? Một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông. Con người chớ nên làm quá nhiều, làm nhiều thì đúng là “*tham nhiều, nhai không nát*”, sai mất rồi! Con người chớ nên học làm bậc đại thông gia, “*ta thứ gì cũng đều hiểu*”, sai mất rồi! [Thật ra] quý vị chẳng hiểu thứ gì! Quý vị thật sự có thể chuyên ròng, thông suốt một bộ kinh, sẽ bất tri bất giác trở thành bậc đại thông gia, thứ gì cũng đều hiểu! Do vậy, một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông, mười năm! Ai nấy đều có thể làm được, vấn đề là quý vị có chịu làm hay không! Đặc biệt là người xuất gia, vì sao? Người xuất gia không cần phải đi làm, có đồng tu cúng dường quý vị, thời gian mỗi ngày là của chính mình. Mỗi ngày nghe kinh mười tiếng, niệm Phật tám tiếng, quý vị có thể làm được thì mười năm bèn thành tựu, quý vị đi giáo hóa chúng sanh, là bậc đại sĩ, chẳng phải là người tầm thường!

Vì thế, bao nhiêu người tập khí phiền não rất nặng, chẳng đầy đủ thiện căn và phước đức, chẳng tin tưởng, phí uổng thời gian, quá đáng tiếc! Nay đã giác ngộ thì hiện thời vẫn còn kịp! Tôi thấy có người sáu mươi tuổi mới bắt đầu, thật sự hành, bảy mươi tuổi thành tựu. Bảy mươi tuổi bắt đầu làm, tám mươi tuổi thành tựu, hạng người ấy đáng để kẻ khác bội phục. Tôi nghe nói có đồng học đã ngoài sáu mươi tuổi mới bắt đầu hành, nay đã bảy mươi mấy tuổi, mười năm bèn thành tựu. Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Nam-mô A Di Đà Phật. Người như thế, tại gia bèn là cư sĩ Duy Ma, là Phật tại gia; xuất gia bèn là tổ sư đại đức, chẳng giả! Ai nấy đều làm được, chỉ cần quý vị thật sự nắm lấy cơ hội. Nếu hiện thời quý vị vẫn chưa đầy năm mươi tuổi, bắt đầu làm, mười năm sau quý vị thành tựu. Thứ nhất là chính mình thành tựu, nắm chắc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị tu thành công. Quý vị phải chịu phát nguyện, ta trụ trong thế gian này thêm mấy năm nữa, hòng giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, giúp cho chánh pháp trụ thế lâu dài, giúp họ phá mê khai ngộ. Quý vị có thể làm chủ thọ mạng, muốn trụ thế bao nhiêu năm liền trụ bấy nhiêu năm, sanh tử tự tại. Do đó, phải thật sự làm, chớ nên làm giả; hễ làm giả thì trật mất rồi!

Tiếp đó, Hoàng lão cư sĩ nói: “*Tư vi giản đơn, dị ký, cố tòng hậu giả, dĩ nhất niệm khoảnh tức nhất sát-na*” (Nay nhằm đơn giản, dễ nhớ, nên từ nay trở đi, coi “trong khoảnh một niệm” là một sát-na), cách nói này khá đơn giản. “*Chỉ ư sát-na nhất niệm chi gian, tức*

năng biến du chư Phật quốc độ giả” (còn như trong khoảng một niệm, liền có thể dạo khắp các cõi Phật), đây là một câu trong kinh, chính là nguyện thứ mười một của A Di Đà Phật. Lời nguyện trong nguyện thứ mười một là: “*Ư nhất niệm khoảnh, bất năng siêu quá ức na-do-tha bách thiên Phật sát, châu biến tuần lịch cúng dường chư Phật giả, bất thủ Chánh Giác*” (trong khoảng một niệm, chẳng thể vượt qua ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, lần lượt cúng dường trọn khắp chư Phật, chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác). Quý vị thấy A Di Đà Phật phát nguyện, Ngài nói người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong khoảng một niệm, tức là một sát-na, trong thời gian ngắn ngủi dường ấy, trong khoảng thời gian một niệm, có năng lực dạo khắp các cõi Phật, vượt qua ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, năng lực ấy do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Trong lời nguyện ấy, chẳng hề nói người vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư là ngoại lệ, Ngài chẳng hề nói lời ấy. Ngài chẳng hề nói lời ấy, tức là cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng có phần, tuyệt diệu thay! Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư có ba bậc, chín phẩm, đức Phật chẳng nói hạ hạ phẩm vãng sanh thuộc vào ngoại lệ, chẳng hề nói như vậy. Nói cách khác, người hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, sanh vào thế giới Cực Lạc, nếu “*chẳng thể vượt qua ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, lần lượt cúng dường trọn khắp chư Phật*”, A Di Đà Phật sẽ chẳng thể thành Phật. Nay A Di Đà Phật đã thành Phật, thành Phật trong thế giới Tây Phương, đến nay đã là mười kiếp, nguyện gì của Ngài cũng đều được thực hiện, lời này chẳng giả tí nào!

Nếu chúng ta tu hành trong thế gian này, đạt đến cảnh giới như vậy, đó là thần thông, tức Thần Túc Thông, có thể trong một niệm dạo khắp các cõi Phật, đi bằng cách nào? Chư vị ngẫm xem, trừ phân thân ra, chẳng thể nào “*dạo khắp các cõi Phật*”! Do điều này có thể biết, họ có thể trong một sát-na, phân thành ức na-do-tha trăm ngàn thân, mỗi thân đến cõi nước của một vị Phật. Vì lẽ đó, trước vô lượng vô biên cõi Phật đều có người ấy, người ấy đều ở nơi đó, [hiểu như vậy] là có lý, đó phân thân. Đến các cõi Phật để làm gì? Lễ Phật! Chư vị phải nhớ: Phật là vô thượng phước điền trong thế gian và xuất thế gian, tu phước thì phải đến lễ Phật, cúng Phật, đó là tu phước. Cúng Phật, chắc chắn Phật sẽ thuyết pháp cho quý vị. Quý vị cúng dường Phật là Tài Bồ Thí, Tài Bồ Thí được của cải. Đây là đại đạo lý thiên kinh địa nghĩa. Phật đáp lễ bằng Pháp Bồ Thí, nên Phật thuyết pháp cho quý vị. Thuyết pháp cho quý vị, quý vị liền khai trí huệ. Do đó, cúng dường Phật là phước huệ song tu. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới phước huệ tăng trưởng mỗi ngày, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng mức độ tăng trưởng ấy, tăng trưởng quá nhanh chóng! Vì sao? Họ có thể sử dụng vô lượng vô biên thân đến cúng vô lượng vô biên Phật, họ có năng lực ấy, bọn chúng sanh luân hồi trong lục đạo như chúng ta chẳng thể làm được điều này!

Chúng ta biết Tam Quả, tức Tam Quả A Na Hàm của Tiểu Thừa có thể phân thân, Ngài có thể đồng thời phân thành năm trăm thân. Từ truyện ký, chúng ta thấy vào thời đại Tùy - Đường, quả thật có những vị xuất gia như vậy. Trong Thần Tăng Truyện có chép câu

chuyện ấy, chắc chắn chẳng phải là giả. Cao Tăng Truyện cũng có, nhưng tôi không nhớ tên vị pháp sư ấy, chỉ nhớ câu chuyện này. Ngài là pháp sư Ấn Độ, đến Trung Quốc truyền giáo, ở đó mười mấy năm, quay về nước. Pháp duyên của pháp sư vô cùng thù thắng. Tín đồ tại Trung Hoa đều rất yêu mến Ngài. Pháp sư phải quay về, mọi người đều muốn thỉnh Ngài dùng cơm để cúng dường. Pháp sư từ bi, đều nhận lời. Người nào mời, Ngài cũng đều nhận lời. Đến bữa ăn ngày hôm sau, Ngài đến nhận cúng dường trọn khắp. Ngày thứ ba, Ngài ra đi, tiễn đến chỗ cái đình mười dặm, [đại chúng] hết sức hoan hỷ, [khoe]: “Pháp sư rất coi trọng tôi, ngày hôm qua đến ứng cúng tại nhà tôi”. Người khác nói: “Sai rồi! Ngày hôm qua rõ ràng là thầy ở nhà tôi”. Nói một hồi như vậy mới biết Ngài đã phân thành năm trăm thân, cùng một lúc đến dùng cơm với năm trăm gia đình. Ngày hôm sau, những người ấy đều tiễn đưa, mới liên kết lại, hiểu rõ ràng chuyện này: Pháp sư có bản lãnh phân thân, phân thành năm trăm thân. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạ hạ phẩm vãng sanh có thể phân vô lượng vô biên thân, có thể cúng mười phương thế giới hết thầy chư Phật. Chuyện này do chính A Di Đà Phật nói ra, Thích Ca Mâu Ni Phật kể lại cho chúng ta, chúng ta có tin hay không? Nếu tin tưởng, có muốn về nơi ấy hay không? Đi ngay lập tức, chẳng thể đợi thêm nữa. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu là chân thật, chẳng giả!

Vì thế, cúng Phật rất trọng yếu. Cúng Phật là cầu học, cầu phước, cầu huệ. Thành Phật là phước huệ viên mãn, phước huệ viên mãn thì quý vị mới có thể phổ độ chúng sanh. Có huệ, chẳng có phước, chẳng thể độ chúng sanh. Có phước, chẳng có huệ, cũng không thể độ chúng sanh, nhất định phải là phước huệ viên mãn. Chúng ta ở trong thế gian này, hiểu chuyện này rất rõ. Học Phật nhằm thành tựu chính mình, thật sự nắm lấy thời gian, chẳng bỏ uổng ngày nào, mười năm thành công, đúng như cổ nhân Trung Quốc đã nói: “*Mười năm quạnh quẽ, thi đỗ thành danh*”. Người đọc sách trong thế gian tốn mười năm để thành tựu, tu hành trong Phật pháp cũng là mười năm. Mười năm ấy căn sâu, cội chắc, thành tựu Giới, Định, Huệ của chính mình. Thừa cùng chư vị, Giới là đức hạnh, Định là tam-muội, Huệ là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Dầu chưa thể đại triệt đại ngộ, mười năm cũng chắc chắn là đại ngộ, chẳng triệt ngộ thì cũng là đại ngộ. Vì thế, đối với những thứ chưa từng học, nhưng hãy tiếp xúc bèn thông suốt. Thật sự vâng theo phương pháp này để tu hành, mười năm chẳng thể nào không thành tựu. Nếu chẳng có thành tựu, chính quý vị hãy suy xét kỹ, quý vị đã dùng sai cái tâm! Trong mười năm. tuy là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, nhưng công phu của quý vị nhất định có xen tạp, tâm quý vị chẳng thanh tịnh, tâm quý vị bất bình đẳng, nên sự thành tựu của quý vị chẳng thù thắng. Nếu tâm địa thật sự giữ được thanh tịnh, bình đẳng, thành tựu ấy là chân thật, thành tựu ấy đáng để người khác tán thán. Hy vọng các đồng học thật sự có chí làm thánh, làm hiền, làm Bồ Tát, làm Phật, hãy ghi nhớ: Khéo học trong mười năm sẽ thành công! Hiện thời có đĩa CD giúp đỡ quý vị, có chú giải giúp đỡ quý vị, chớ nên hành quá nhiều, chỉ có thể hành một môn, phải tin tưởng “*một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông*”. Nếu muốn thứ gì cũng đều hiểu, hãy bắt đầu từ một môn, đặt nền

tảng vững vàng nơi một môn, chớ nên học quá nhiều. Học quá nhiều sẽ thành học tạp, tư tưởng rối bời, quý vị chẳng thể đắc tam-muội, không thể khai trí huệ. Tuân thủ giáo huấn của cổ nhân, quý vị sẽ thành công. Nếu quý vị cậy mình thông minh, mười năm sẽ uổng phí, thứ gì cũng đều chẳng đạt được!

“*Thượng văn dĩ viết*”, [nghĩa là] trong phần trên đã nói: “*Thị chư đại sĩ, tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội*” (các vị đại sĩ ấy tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội). Câu “*thị chư đại sĩ*” là nói trong phần trước, kinh văn đã liệt kê một vạn hai ngàn người tham gia pháp hội giảng kinh Vô Lượng của Thích Ca Mâu Ni Phật lần này, thính chúng đông ngàn ấy! Những người ấy được gọi là Đại Sĩ, đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, chúng ta thường gọi họ là Ma Ha Tát, tức là Đại Bồ Tát. Họ tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, Hoa Nghiêm tam-muội đã được giới thiệu trong phần trước, cũng là “*một ngộ, hết thấy đều ngộ*”. Tiếp theo đó là lời giải thích đơn giản: “*Thử tam-muội cử quả nhi ngôn, diệc danh Hải Ấn tam-muội*” (nếu xét theo quả để nói, tam-muội này còn gọi là Hải Ấn tam-muội). Chúng ta đọc Hoàn Nguyên Quán, thấy: Hải Ấn là tỷ dụ. Quý vị thấy [cụ Hoàng viết] “*danh vi Ấn giả*” (gọi là Ấn), lấy con dấu trong thế gian làm tỷ dụ. “*Ấn thượng văn tự năng đồng thời đốn hiện, nhi vô tiền hậu chi sai*” (Những chữ và nét khắc trên quả ấn có thể cùng một lúc nhanh chóng hiện ra, chẳng có sai biệt trước hay sau). Trên một quả ấn có khắc rất nhiều văn tự, trong Phật môn chúng ta thường thấy kinh văn được khắc thành con dấu. Bốn câu kệ rất nổi tiếng trong kinh Kim Cang: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng; như swong, cũng như chớp, hãy nên quán như thế*”. Khắc bốn câu kệ gồm hai mươi chữ này thành con dấu, đóng dấu một cái, hai mươi chữ ấy đồng thời xuất hiện, chẳng phải là từng chữ một, đó là Ấn. Ấn có ý nghĩa là “đồng thời”, tức là “cùng hiện một lúc, chẳng có trước sau”. “*Cử Thê tè chương, diệc vô hoặc ấn chi xứ*” (toàn bộ Thê đều cùng phô bày, cũng chẳng có chỗ nào ẩn tàng), “*chương*” (彰) có nghĩa là phô bày rõ ràng, rành rành, chẳng sót một chữ nào, toàn bộ đều in ra, đồng thời in ra.

Phật dùng chữ này nhằm bảo chúng ta: Toàn thể vũ trụ xuất hiện cũng giống như vậy. Trong quá khứ, các nhà khoa học đã nói tới thuyết Tiến Hóa Luận trong sự xuất hiện của vũ trụ, nhưng nói theo Phật giáo thì Tiến Hóa Luận chẳng thông! Phật pháp bảo vũ trụ chẳng phải là tiến hóa, mà là xuất hiện cùng một lúc. Thông thường, khi nói về chuyện này, chúng tôi dùng phim ảnh làm tỷ dụ, vì những kiến thức thông thường về phim ảnh chẳng khó hiểu, chỉ là các tấm phim được chiếu lên màn bạc. Chúng ta bỏ phim vào máy chiếu phim, nhấn nút một cái, tấm phim ấy bèn chiếu ngay lên màn bạc, [các hình ảnh] đồng thời xuất hiện, trọn chẳng phải là từng bộ phận một, chẳng có thứ tự trước, sau, mà là đồng thời xuất hiện. Điện ảnh sử dụng nguyên tắc chiếu phim, tức là dùng tốc độ rất nhanh để chụp thành phim, sau đó, dùng cùng một tốc độ để chiếu, nên chúng ta thấy giống hệt như người thật, động tác giống y hệt, đạo lý là như vậy đó. Toàn thể vũ trụ xuất hiện cũng giống như thế, lại còn là y

báo và chánh báo đồng thời xuất hiện. Chuyện này rất sâu, đạo lý rất sâu, quý vị phải tham cứu dần dần mới có thể chứng đắc. Đức Phật đã chứng đắc, nói rõ chân tướng sự thật này với chúng ta. Tuy Ngài đã nói minh bạch, chúng ta cũng hiểu rõ ràng, nhưng chuyện ấy vẫn là chuyện của Ngài, chẳng phải là chuyện của chúng ta! Đức Phật yêu cầu chúng ta cũng phải chứng đắc thì [cảnh giới ấy] mới là của chúng ta. Vì thế, đức Phật thường nói “*chỉ có chúng mới biết*”, đó là quý vị đã thật sự biết. Quý vị chưa chứng đắc, do thấy nghe mà biết, do đọc sách, hoặc do nghe giảng mà biết, đó chẳng phải là thật, vì là sự chứng đắc của người khác, chẳng do chính mình chứng đắc; đức Phật yêu cầu: Phải do chính mình đích thân chứng đắc. Vì vậy, Phật pháp là khoa học, chẳng phải là huyền học, mà là khoa học, đòi hỏi học trò phải đích thân chứng đắc. Quý vị chưa vãng sanh thế giới Cực Lạc, làm sao biết thế giới Cực Lạc? Trong bộ kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu thế giới Cực Lạc, đó là Ngài đã đích thân chứng đắc. Chúng ta nghe xong, có thể tin, có thể hiểu, thật sự hành, sẽ có thể đến đó, cuối cùng chúng ta cũng chứng đắc. Lời Thích Ca Mâu Ni Phật nói chẳng giả, những gì đã nói trong kinh, quý vị đến thế giới Cực Lạc xem, sẽ thấy toàn bộ. Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện nào cũng đều được thực hiện, thật sự gia trì, khiến cho quý vị thật sự được thọ dụng. Đây là chỗ khiến cho Phật pháp thù thắng khôn sánh hơn bất cứ học thuật nào trong thế gian này!

Tiếp đó, [cụ Hoàng] giải thích Hải, Hải là gì? Biển cả, “*do như đại hải, đồng thời ảnh hiện chủng chủng sai biệt chi tướng. Hình tượng thiên sai, thủy thể vô biệt*” (giống như biển cả, cùng lúc hiện bóng các tướng sai biệt. Hình tượng muôn ngàn sai khác, nhưng thể chất của nước chẳng khác), dùng biển cả làm tỷ dụ. Dù sao thì tỷ dụ vẫn là tỷ dụ, chẳng có cách nào tỷ dụ khít khao, chúng ta phải thấu hiểu [điều này]. Bởi lẽ, nước phẳng lặng như gương, nên nó mới có thể chiếu thấy. Thông thường, chúng ta dùng hồ [làm tỷ dụ]. Hồ nhỏ, chẳng lớn, khi chẳng có gió, hồ chẳng có sóng, không nổi sóng, nước cũng rất sạch, chẳng bị ô nhiễm, đúng là giống như một tấm gương, phong cảnh bên bờ đều phản chiếu trong đó. Trong biển có sóng, sóng rất lớn, có thể in bóng rõ ràng như vậy hay không? Cũng có, nhưng chẳng in bóng rõ ràng như vậy. Khi chúng ta sắp đến bờ biển, cũng có thể thấy [bóng phản chiếu của] núi và các kiến trúc bên bờ, đó là kinh nghiệm đích thân từng trải của chúng ta. Tuy có, nhưng chẳng rõ ràng như cảnh được hiện trong hồ, [rõ rệt] giống như soi vào gương. Phật dùng biển cả làm tỷ dụ. Nếu biển cả gió êm, sóng lặng, chẳng cuộn sóng, khi đó sẽ là “*ảnh hiện chủng chủng sai biệt chi tướng, hình tượng thiên sai, thủy thể vô biệt*” (hiện bóng các tướng sai biệt, hình tượng ngàn muôn sai khác, nhưng thể chất của nước chẳng khác), nước có thể chiếu là một. “*Vạn tướng phồn hưng, nhi thủy trạm nhiên*” (muôn tướng khởi lên đầy đầy, nhưng nước vẫn trong lặng). “*Vạn tướng*” là những hình ảnh thiên sai vạn biệt trong ấy, nhưng nước chẳng động. Giống như chúng ta xem TV, [hình ảnh] biểu diễn trong TV, màn ảnh chẳng động, màn ảnh bình thản, tĩnh lặng, lại còn chắc chắn chẳng nhiễu trước. “*Uyển nhiên vạn tướng, uyển nhiên vô tướng*” (rành rành vạn tướng, rành rành vô tướng).

Vạn tướng hiển hiện nơi màn bạc [của rạp chiếu phim], vạn tướng hiển hiện trên màn hình TV, “*uyển nhiên vô tướng*” là bản thân màn hình, màn hình thật sự vô tướng, chẳng có to hào nhiệm trước nào! Vạn tướng là những cái được sanh, được hiện, được biến bởi tự tánh của chúng ta, còn vô tướng là tự tánh có thể hiện, có thể biến. Tự tánh giống như nước, trong ấy chẳng có thứ gì, vạn tướng là huyễn tướng.

Vì lẽ đó, tướng chẳng thật, đó mới là chân tướng sự thật. Tướng là Giả Hữu, tánh là Chân Không. Chân Không và Giả Hữu là một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Giống như chúng ta xem TV, màn hình là Chân Không, khi hình tướng xuất hiện trên băng tần, đó là Giả Hữu, Huyễn Hữu. Huyễn Hữu chẳng trở ngại Chân Không, Chân Không chẳng trở ngại Huyễn Hữu, chúng có thể đồng thời tồn tại, đó là nói về chân tướng của hoàn cảnh hiện thực. Tuy đồng thời tồn tại, chúng ta phải hiểu thật rõ ràng, thật rành rẽ chân và vọng. Chớ nên chấp trước vọng, chớ nên phân biệt, nắm vững chân là đúng. Khi huyễn tướng dấy lên thì bồi, tâm vẫn định, chẳng động, đó là đúng. Nếu tâm chúng ta động theo cảnh giới bên ngoài, sai mất rồi, sẽ sanh phiền não. Trong tâm quý vị có tham ái, còn có sân khuê, sai mất rồi! Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế, đã vì chúng ta thị hiện tám tướng thành đạo, trụ thế tám mươi năm, chúng ta chẳng thấy, nhưng người minh tâm kiến tánh trông thấy, thấy gì vậy? Thấy đức Phật suốt tám mươi năm chẳng khởi tâm động niệm, nên gọi là Phật. Chẳng khởi tâm, không động niệm, chư vị nghĩ xem: Ngài còn có phân biệt, chấp trước hay chẳng? Phân biệt do khởi tâm động niệm mà có, chấp trước do phân biệt mà có. Người có chấp trước, chắc chắn khởi tâm động niệm; phân biệt, chấp trước, chính là phàm phu, lục đạo phàm phu mê chứ không giác. A La Hán giác ngộ, chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, nhưng còn có phân biệt, còn có khởi tâm động niệm. Tuy các Ngài chưa phải là rốt ráo, nhưng đã vượt thoát lục đạo, lục đạo chẳng còn nữa. Do điều này, có thể biết lục đạo do chấp trước biến hiện!

Chúng ta ở trong lục đạo là do nghiệp lực biến hiện. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong lục đạo, nhưng chẳng do nghiệp lực biến hiện, mà là gì? Do chúng sanh có cảm, Phật bèn ứng hiện; bởi lẽ, Ngài chẳng có khởi tâm động niệm. Phật biết chân và vọng chẳng trở ngại, cảnh giới hư huyễn chẳng trở ngại chân tâm, chân tâm chẳng trở ngại cảnh giới hư huyễn xuất hiện, chẳng chướng ngại, không sao cả! Vì tâm của Phật vĩnh viễn thanh tịnh, chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, đó là công phu. Tâm chúng ta chuyển theo cảnh, rất đáng thương, vì sao? Cảnh giới là giả, chẳng thật. quý vị bị ngoại cảnh xoay chuyển, bị hư vọng lay chuyển, rất khổ! Cái bị chuyển là vọng tâm, lại chẳng phải là chân tâm, quý vị thấy có oan uổng hay không? Chân tâm xác thực là như như bất động. Phàm phu và Phật sai biệt [ở chỗ] Phật dùng chân tâm, phàm phu dùng vọng tâm, sai biệt ở chỗ này! Vọng tâm là tâm sanh diệt, còn chân tâm thì bất sanh, bất diệt. Vọng tâm là ý niệm. Quý vị thấy ý niệm của chúng ta, niệm trước diệt, niệm sau liền sanh, từng niệm nối tiếp nhau. Chân tâm chẳng có

hiện tượng này, chân tâm chẳng có sanh diệt. Huệ Năng đại sư kiến tánh là thấy chân tâm, Ngài bảo chúng ta: Chân tâm là thanh tịnh; chân tâm bất sanh, bất diệt. Chẳng có hiện tượng sanh diệt, cũng là trong khoảng một niệm chẳng có hiện tượng sanh diệt. Trong khoảng một niệm, động tâm tức là khởi tâm động niệm. Tuy không có hiện tượng trong khoảng một niệm, nhưng chẳng trở ngại, chẳng liên can gì đến khoảnh khắc một niệm ấy. Giống như nước, nước thanh tịnh, chẳng bị ô nhiễm, nhưng có thể do gió mà dậy sóng. Gió nhỏ, sóng nhỏ; gió lớn, sóng to, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên.

“*Thời vô tiên hậu, cố diên xúc đồng thời*” (chẳng có thời gian trước sau, nên rút ngắn hay kéo dài đồng thời), chẳng có thời gian, mà cũng chẳng có không gian. Vì thế, quý vị nói thời gian rất dài hay thời gian rất ngắn, đối với Ngài là như nhau, bình đẳng. Do đó, trong kinh Phật, đối với thời gian, chỉ nói hai chữ “*nhất thời*”. Nhất Thời có ý nghĩa là thời gian chẳng có trước hay sau. Chư vị phải hiểu, “thời gian không có trước hay sau” đã cho chúng ta biết chuyện gì? Cho chúng ta biết con người chẳng có sanh tử. Sanh tử chẳng phải là trước hay sau ư? Có trước sau bèn có sanh tử, không có trước sau, lấy đâu ra sanh tử? Chẳng có quá khứ, chẳng có hiện tại, chẳng có vị lai. Kinh Kim Cang nói “*tam tâm bất khả đắc*” (ba tâm chẳng thể được). Đó là cảnh giới gì? Đó là vô lượng thọ trong thế giới Cực Lạc, vô lượng thọ là chẳng có sanh tử. Do kéo dài và rút ngắn đồng thời, quý vị có thể trở lại quá khứ, mà cũng có thể tiến nhập vị lai, thấy một ngàn năm sau thế giới có tình trạng như thế nào, quý vị đều trông thấy. Hai ngàn năm sau, tình hình thế giới sẽ như thế nào? Một ngàn năm, hai ngàn năm trong quá khứ, quý vị thấy toàn bộ, người và sự vật vẫn còn tồn tại, siêu việt thời gian! Không gian cũng chẳng tồn tại, thời gian và không gian đều chẳng có, nên kinh Phật thường nói “*tức tại đương hạ*” (ngay trong lúc này), nói lời thật với quý vị. Chúng ta chẳng hiểu “*đương hạ*”, dường như hiểu, nhưng trên thực tế chẳng hiểu! “*Đương hạ*” (當下) là gì? Ở đây, “*đương hạ*” là nói tới “*nhất niệm khoảnh*” (一念頃: trong khoảng một niệm), tức là một phần của một ngàn sáu trăm triệu phần trong một giây, bèn gọi là “*đương hạ*”. “*Tam thế cổ kim, bất ly u đương niệm*” (ba đời xưa nay chẳng rời một niệm ngay trong hiện tại), câu này chỉ ra, “*đương niệm*” tức là “*đương hạ nhất niệm*” (một niệm ngay trong hiện tại). “*Tam thế*” là nói đến thời gian, “*cổ kim*” là nói đến không gian. “*Tề hiện thủy trung, cố quảng hiệp tự tại*” (đều cùng hiện trong nước, nên rộng hẹp tự tại), đây là tỷ dụ Hải Ấn. “*Thập phương thế giới bất ly u đương xứ*” (mười phương thế giới chẳng lìa khỏi chỗ này), ba đời xưa nay, mười phương thế giới ở ngay tại nơi đây, ở ngay trong một niệm này, đó là chân tướng sự thật. Các vị Bồ Tát dự hội chứng đắc chuyện này, mà cũng có nghĩa là những người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh cũng đã chứng đắc [chuyện này]. Đạt được công phu như vậy, xác thực là chẳng dễ dàng!

Trong quá khứ, pháp sư Đàm Hư đã ở Hương Cảng rất nhiều năm, tuổi già, Ngài vãng sanh tại Hương Cảng. Tôi chưa từng gặp lão nhân gia, năm 1977, tôi đến Hương Cảng lần

đầu tiên, lúc ấy, Ngài đã vãng sanh mấy năm rồi. Tôi nghe Ngài giảng kinh, thuở ấy là [nghe qua] băng thâu âm, nghe băng thâu âm lời Ngài khai thị. Lão nhân gia đã nói: Trong thời ấy, đã chẳng có người tham Thiền đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngài chưa từng thấy qua, mà cũng chưa hề nghe qua. Ngài đã thấy người đắc Định, tuy đắc Định, chẳng khai ngộ! Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ở Bắc Kinh bảo tôi: “Trong thời đại hiện tiền, ngay cả tham Thiền đắc Định cũng chưa nghe nói tới!” Do đó, bản thân cụ vãng sanh, niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Cụ Hoàng đã từng học Thiền, học Mật, vào lúc trọng yếu nhất, cụ đổi lại, đổi thành niệm Phật. Cụ bảo tôi, mỗi ngày cụ niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu, trong giai đoạn ngã bệnh, mỗi ngày là mười bốn vạn câu Phật hiệu, cụ niệm Phật vãng sanh. Khi viết bộ chú giải này, cụ đã bị bệnh, thân thể đã chẳng khỏe lắm! Sau khi cụ viết xong bản chú giải này, tôi mới quen biết cụ. Khi đó, đã viết xong, còn chưa lưu thông, cụ tặng tôi một quyển in bằng ronéo, trước kia in ronéo bằng stencil. Chúng tôi biết, trước kia chúng tôi đã dùng stencil, in bằng stencil, đại khái in được hơn một trăm bản, từ một trăm hai mươi cho đến một trăm ba mươi bản. Sau khi in tới bản một trăm năm mươi, sẽ chẳng thấy rõ ràng lắm, [chữ in] bị mờ nhòe. Có thể thấy rõ là khoảng chừng một trăm hai mươi, một trăm ba mươi bản! Vì thế, số lượng bản in bằng ronéo không nhiều lắm, cụ tặng cho tôi một quyển. Khi ấy, tôi trông thấy rất hoan hỷ, thỉnh giáo lão nhân gia: “Cụ có giữ bản quyền hay không?” Cụ bảo: “Không có”. Tốt quá! Không có bản quyền thì tôi in lại, lưu thông bản ấy. Cụ hết sức hoan hỷ. Tôi nói: “Nếu có bản quyền, tôi chẳng dám động đến tác phẩm của cụ”. Do cụ nói “không giữ bản quyền”, tôi liền đem bản chú giải của cụ, khi ấy tôi đang ở Mỹ, giao cho các đồng học tại Đài Loan in thành một vạn cuốn, tức là một vạn cuốn đóng bìa cứng, cụ thấy vậy rất hoan hỷ.

Thân thể cụ đã chẳng khỏe lắm! Do đó, trong thời gian ấy, hằng năm tôi tới Bắc Kinh tới thiếu hai lần, có lúc sang đó đôi ba lượt, đến làm gì? Đến gặp lão nhân gia. Cụ ra [ngoại quốc] chẳng dễ dàng, còn tôi đến thăm cụ dễ dàng, thật sự là chí đồng đạo hợp! Tại hải ngoại, chỉ có một mình tôi học và giảng bộ kinh này, trong nước cũng chỉ có mình cụ Hoàng, chẳng có ai khác! Bộ kinh này do lão cư sĩ Lý Bình Nam giới thiệu cho tôi, chính cụ đã từng giảng một lần, có viết lời “*mi chú*” (眉註), tức là viết chú giải ngay trên bản kinh, viết bằng bút lông. Hình như lúc đó lão cư sĩ sáu mươi bảy, sáu mươi tám tuổi, cụ đã giảng một lần! Hết sức khó có. Tôi đã giảng bộ kinh này, thuở ấy còn chưa gặp bản chú giải này của cụ Hoàng, tôi hoàn toàn dùng chú giải của thầy Lý, dựa theo lời mi chú. Trông thấy bản chú giải này, tôi hết sức hoan hỷ, cụ thật sự dụng tâm, không cô phụ lời thầy giáo huấn. Thầy của cụ là lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Cụ Hạ hội tập đại kinh, tự mình đã giảng bộ kinh này, cụ Hoàng Niệm Tổ luôn hết sức dụng tâm nghe giảng. Vì vậy, bộ chú giải này là một sự thành tựu hết sức gian nan, vất vả! Lần này chúng tôi đặc biệt chọn giảng, nhằm học tập những điều tâm đắc được chia sẻ trong bản chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ, mà cũng nhằm kỷ niệm một phen quen biết giữa lão cư sĩ và chúng tôi lúc tuổi già!

Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Nhất thiết tự tại nan tư nghị, Hoa Nghiêm tam-muội thể lực cố*” (hết thấy tự tại khó nghĩ bàn, là do thể lực của Hoa Nghiêm tam-muội), điều quan trọng ở đây là “hết thấy tự tại”. Tự tại là không có chướng ngại; “*nan tư nghị*” là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có cách nào tưởng tượng. Quý vị thấy trong phần trước đã nói: Một thân có thể phân thành vô lượng thân, mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật, ở trước mặt mỗi vị Phật đều có thân của chính mình tham gia pháp hội, đó là đặc đại tự tại! Nếu quý vị hỏi, nói theo lý thì chuyện này có thể nói xuôi rọt hay không? Nói xuôi rọt! Đạo lý gì vậy? [Đạo lý ấy] đã có trong kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm quá to, thiên luận văn Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư không dài, nhưng đã giảng đạo lý này rất rõ ràng, rất minh bạch. Chẳng phải là giả, mà là có căn cứ lý luận. Lý là tự tánh chẳng thể nghĩ bàn, khoa học hiện thời cũng đề xướng “*năng lực của ý niệm cũng to lớn chẳng thể nghĩ bàn*”. Tức là nói ý niệm của chúng ta to đến mức độ nào? Kinh Phật thường nói, nhưng chúng ta xem, đọc, đều là sơ ý, vô tâm, chẳng nghiêm túc, xem lướt qua. Thuở đức Phật tại thế giảng kinh, thuyết pháp, cũng thường nói Bồ Tát có năng lực như thế này: Cầm quả cầu lửa mặt trời trên tay, có thể ném nó tới một góc trời rất xa, rồi lại nhặt về. Đó là gì? Niệm lực. Các tinh hệ vận hành trong vũ trụ, ta khiến chúng thay đổi quỹ đạo, chúng nó rất nghe lời. Kinh Phật thường nói chuyện này: Bồ Tát thần thông du hí, oai đức chẳng thể nghĩ bàn. Đức Phật nói lời thật, chẳng giả, chúng ta có lý do để tin tưởng. Vì sao? Khấp pháp giới hư không giới do đâu mà có? Do niệm lực biến hiện. Nếu niệm lực đã có thể biến hiện, vì sao nó chẳng thể thay đổi niệm lực?

Nếu chúng ta thật sự hiểu rõ ràng, thông hiểu đạo lý này, trên địa cầu hiện thời có lắm tai nạn dường ấy, có thể hóa giải hay không? Hóa giải dễ dàng! Hễ ý niệm chánh đáng, tai nạn chẳng còn. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã dạy, vì sao có thủy tai? Tham lam. Chúng ta sống ở nơi đây, dứt trừ tâm tham, sẽ chẳng còn thủy tai nữa. Hỏa tai do đâu mà có? Vì sao nhiệt độ địa cầu tăng cao? Sân hận! Nếu cư dân trên địa cầu buông sân hận xuống, nhiệt độ địa cầu sẽ khôi phục bình thường. Cảnh chuyển theo tâm mà! Ngu si cảm ứng phong tai, ngạo mạn cảm ứng động đất; trong kinh, đức Phật đã nói trọn hết. Cái gọi là “*thiên tai*” chẳng phải là tự nhiên, mà là phản ứng [của thiên nhiên] đối với tâm tình và ý niệm của con người chúng ta, đạo lý là như thế đó! Xã hội hỗn loạn, nhưng lòng người chánh đáng, thì toàn bộ đều chánh đáng, vạn vật đều chánh đáng. Do vậy, khi học tập kinh giáo trong những năm qua, tôi cũng thường nói: Địa cầu này và Tây Phương Cực Lạc thế giới có khác biệt hay không? Chẳng hề khác biệt mây may, hoàn toàn bình đẳng. Vì sao thế giới của người ta tốt đẹp như vậy? Cư dân của người ta tâm tánh thiện lương, đều là thượng thiện, nên hoàn cảnh cư trụ chẳng phát sanh khuyết điểm! Hiện thời, cư dân trong thế giới chúng ta hoàn toàn điên đảo, chúng ta là thượng ác, tức là ác đến tột bậc, nên hoàn cảnh trên địa cầu này cũng băng hoại. Ý niệm trọng yếu lắm, trong kinh đức Phật đã nói điều này quá nhiều! Vô cùng khó có là hiện thời Lượng Tử Lực Học cũng nói như thế, nói giống như đức Phật, cũng có nghĩa là

những đạo lý và chân tướng sự thật đã giảng trong kinh Phật có thể dùng khoa học hiện thời để chứng minh.

Xã hội thời cổ tốt đẹp hơn hiện thời, lòng người thuần hậu, đạo lý ở ngay chỗ này. Tư tưởng, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, và tạo tác của con người đều tuân theo khuôn mẫu luân lý và đạo đức. Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, thật sự làm được bốn điều mục ấy, sẽ là thời thịnh trị thế giới đại đồng, thế giới này sẽ là thế giới Cực Lạc. Hiện thời đã hoàn toàn vi phạm, chẳng có Ngũ Luân; Ngũ Thường cũng không có, Tứ Duy và Bát Đức hoàn toàn không có, nên xuất hiện vấn đề, xã hội là một khối động loạn, khắp nơi trên địa cầu đều gặp tai nạn là do nguyên nhân này. Trong Phật pháp có nói biệt nghiệp và cộng nghiệp, tuy chúng ta sống trên địa cầu này là cộng nghiệp, nhưng trong cộng nghiệp còn có bất cộng nghiệp. Chúng ta có thể tuân thủ luân lý đạo đức, Tứ Duy và Bát Đức, tuy có tai nạn, chúng ta vẫn có thể tránh khỏi. Khi tai nạn xảy đến, thí dụ như đại địa chìm xuống, chúng ta có thể chẳng chết hay không? Chúng ta cũng chết. Vậy thì có khác gì đâu? Khác chứ! Sau khi chết, chúng ta về thế giới Cực Lạc, làm sao có thể giống nhau cho được? Sẽ đến chỗ khác nhau. Khi tai nạn xảy đến, chúng ta chẳng kinh hoàng chút nào, tâm định, vì sao? Liễu giải chân tướng sự thật, chúng ta ra đi tự tại, ra đi an tường, chẳng có một tí kinh hoàng nào! Những kẻ bình phàm do bị kinh hãi, đã bị kinh hãi nên chết trong kinh hoàng, sẽ đến chỗ chẳng tốt đẹp, chẳng tốt lành, chẳng thoát khỏi lục đạo, vẫn tiếp tục tạo quả báo trong tam đồ. Vì thế, làm sao mà có thể giống nhau cho được?

Tiếp theo đó, *“hựu Chân Giải viết: Nhất niệm chi khoảnh, châu biến vô lượng Phật độ giả, sở đạo Nhất Thừa thanh tịnh vô lượng thọ thế giới cố, kết quy Niệm Phật tam-muội dã”* (Sách Chân Giải lại nói: “Trong khoảng một niệm trọn khắp vô lượng cõi Phật, do đã đạt đến thế giới Nhất Thừa thanh tịnh vô lượng thọ, bèn kết quy Niệm Phật tam-muội”), câu này nói rất hay. Sau đó, cụ Hoàng cũng có giải thích: *“Thử thuyết thậm diệu, dĩ niệm Phật cố, đắc sanh Cực Lạc, tức khả thừa A Di Đà Như Lai Nhất Thừa nguyện hải trung đệ thập nhất nguyện”* (thuyết này rất sâu sắc, do niệm Phật, được sanh về cõi Cực Lạc, bèn có thể nương vào nguyện thứ mười một trong biển nguyện Nhất Thừa của A Di Đà Như Lai). Nguyện thứ mười một là nguyện *“cúng khắp chư Phật”*, do được nguyện lực ấy gia trì, nên xuất hiện thần thông diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn như thế, *“u nhất niệm khoảnh, biến du Phật độ, phi Nhị Thừa sở năng trức”* (trong khoảng một niệm, đi trọn khắp các cõi Phật, hàng Nhị Thừa chẳng thể suy lường được). Chúng ta phải cùng nhau khéo học tập điều này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta lại học tiếp đoạn ngắn này.

Tập 128

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi bảy, hàng thứ hai, xem từ câu thứ hai:

“*Hựu Chân Giải viết: Nhất niệm chi khoảnh, châu biến vô lượng Phật độ giả, sở đạo Nhất Thừa thanh tịnh vô lượng thọ thế giới cố, kết quy Niệm Phật tam-muội dã*” (Sách Chân Giải lại nói: “Trong khoảng một niệm trọn khắp vô lượng cõi Phật, do đã đạt đến thế giới Nhất Thừa thanh tịnh vô lượng thọ, bèn kết quy Niệm Phật tam-muội”). Đây là một đoạn trong sách Vô Lượng Thọ Kinh Chân Giải nhằm giải thích câu “*ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ*” (trong khoảng một niệm, đạo khắp hết thảy các cõi Phật). Nói “*trong khoảng một niệm*” thì thời gian này rất ngắn ngủi, tạm bợ, trong phần trước chúng ta đã học, [các vị Bồ Tát tham dự pháp hội Vô Lượng Thọ] có thần thông năng lực như thế này, “*đạo khắp vô lượng cõi Phật*”. Kinh nói “*hết thảy các cõi Phật*” tức là vô lượng vô biên các cõi Phật. “*Sở đạo Nhất Thừa thanh tịnh vô lượng thọ thế giới*” (đạt đến thế giới Nhất Thừa thanh tịnh, vô lượng thọ). Nói theo thực tế, y báo và chánh báo của hết thảy các cõi Phật đều bình đẳng, chẳng khác gì Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chỗ thù thắng của thế giới Tây Phương so với những cõi Phật khác là do nguyện lực của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn. Nguyện lực ấy đã phát ra khi Ngài tu nhân, trong phần sau chúng ta sẽ đọc đến. Khi chư Phật hành Bồ Tát đạo, đã phát nguyện khác với một đại nguyện chung^{10[5]}, [đại nguyện chung ấy] tức là Tứ Hoảng Thệ Nguyện thường được nhắc đến trong kinh giáo. Tứ Hoảng Thệ Nguyện là tổng cương lĩnh, mỗi vị Phật đều có, nhưng tế hạnh sẽ khác nhau. Chúng ta có thể nói là A Di Đà Phật đã phát ra các nguyện đạt tới viên mãn rốt ráo, vô cùng vi tế, chẳng tìm thấy khiếm khuyết nào! Nguyện to tát, bi tâm khẩn thiết, nguyện dùng phương pháp bình đẳng phổ độ hết thảy chúng sanh, đối với các thứ căn tánh bất đồng đều có thể dùng một phương pháp xảo diệu để độ, phương pháp ấy là danh hiệu sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Đó là chỗ đặc biệt thù thắng của Di Đà Tịnh Độ. Nếu không có nguyện lực của A Di Đà Phật gia trì, thần thông của các Bồ Tát tuy cũng to lớn, nhưng chẳng viên mãn, chắc chắn chẳng viên mãn. “*Châu biến*” cũng là vô lượng. [Nếu như] trong vô lượng mà cũng có số lượng [thì đó là vô lượng hữu hạn], trong vô lượng chẳng có số lượng thì mới

^{10[5]} Đây là nói tới bốn nguyện của mỗi vị Phật, chư Phật và chư Bồ Tát có đại nguyện chung, chính là Tứ Hoảng Thệ Nguyện (đó là tổng cương lĩnh, tổng nguyện tác). Nhằm thực hiện Tứ Hoảng Thệ Nguyện, các Ngài phát ra những nguyện riêng biệt, những nguyện ấy được gọi là Bốn Nguyện.

là vô lượng thật sự. Trong kinh Đại Thừa, chúng ta thường thấy khu vực giáo hóa của một đức Phật [tối thiểu] là một tam thiên đại thiên thế giới, đó là một đại thiên thế giới. [Có vị Phật, khu vực giáo hóa là] hai, ba đại thiên thế giới, có vị là mười mấy đại thiên thế giới. Quý vị thấy các Ngài làm Phật, duyên giáo hóa chúng sanh khác nhau, đúng là “do gặp duyên khác biệt”. Chỉ riêng A Di Đà Phật kết thiện duyên với tất cả chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới, thật sự làm được. Vì lẽ đó, quốc độ của Phật Di Đà vô lượng vô biên, chẳng có cùng tận, chỗ nào cũng đều là [quốc độ của Ngài]. Cõi nước Cực Lạc ở đâu? Ở ngay nơi đây cũng là [Cực Lạc], chẳng có ngoại lệ! Vấn đề là chúng ta chẳng thấy! Chẳng thấy là do bản thân chúng ta có nghiệp chướng [ngăn trở]. Nếu chúng ta diệt trừ nghiệp chướng, [nơi đây] sẽ lập tức là [Cực Lạc]. Lại còn “*một chính là hết thấy, hết thấy chính là một*”, đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, nói đạt đến Nhất Thừa, Nhất Thừa là nhất Phật Thừa, chẳng phải là Bồ Tát Thừa. “*Thanh tịnh vô lượng thọ thế giới*” là nói đến quả, chúng đắc bằng cách nào? Niệm Phật tam-muội.

Lão cư sĩ nói “*thử thuyết thậm diệu*”, [nghĩa là] thuyết này rất hay, “*dĩ niệm Phật cố, đắc sanh Cực Lạc, tức khả thừa A Di Đà Như Lai Nhất Thừa nguyện hải trung đệ thập nhất nguyện chi gia bị lực*” (do niệm Phật mà được sanh về Cực Lạc, liền có thể nương vào sức gia bị của nguyện thứ mười một trong biển nguyện Nhất Thừa của A Di Đà Như Lai). Nguyện thứ mười một là “*cúng khắp chư Phật*”, do nguyện này, “*nhĩ xuất hiện như thị bất khả tư nghị thân thông diệu dụng, ư nhất niệm khoảnh, biến du Phật độ*” (bèn xuất hiện thân thông diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn như thế, trong khoảng một niệm, dạo khắp các cõi Phật). Trong phần trước, chúng tôi đã chỉ ra, một người sống trong thế gian chẳng thể thiếu phước báo. Trong kinh, chúng ta thấy chư Phật Như Lai, có những vị Phật giáo hóa quốc độ rất to lớn, phước báo to lớn. Cũng có vị quốc độ giáo hóa rất nhỏ, [chỉ là] một đại thiên thế giới, phước mỏng! Vì sao phước có dày, mỏng? Do lúc tu nhân tích lũy công đức khác nhau! Giống như nay chúng ta sanh vào nhân gian, sống cùng một thời gian, được làm thân người trong khu vực này, sống chung với nhau, “*dẫn nghiệp*” như nhau, đó là do cái nhân lành trong đời quá khứ đã tu Ngũ Giới, Thập Thiện; nhưng “*mãn nghiệp*” khác nhau! Mãn nghiệp là gì? Trong đời quá khứ, mỗi người tu phước huệ khác nhau, có người phú quý, có kẻ nghèo hèn, khác nhau, chẳng phải là ông trời thiếu công bằng, mà do chúng ta mỗi người tu khác nhau. Do vậy, nói chung, trong khắp pháp giới hư không giới, y báo và chánh báo của tất cả hết thấy chúng sanh, không có gì chẳng phải là tự làm, tự chịu! Thật sự lãnh hội sẽ hiểu rõ ràng, chẳng còn oán trời hờn người! Đời quá khứ [chính mình] đã thiếu sót, chẳng nghiêm túc tu tập, nay đã hiểu rõ, nay nghiêm túc tu thì có còn kịp hay không? Vẫn kịp, vĩnh viễn còn kịp! Nay chúng ta mong mỏi của cải, hãy tu, tu nơi cái nhân. Tu Tài Bồ Thí, chắc chắn có của cải. Chúng ta mong thông minh và trí huệ, phải tu Pháp Bồ Thí. Mong khỏe mạnh, trường thọ, phải tu Vô Úy Bồ Thí, chẳng có gì không đạt được! Sẽ đạt được rất nhanh, chỉ cần quý vị thật sự làm. Mọi người đều tu, nhưng đạt được kết quả khác nhau, là do nguyên

nhân nào? Tín tâm khác nhau, nguyện lực khác nhau. Có người tu mà bán tín bán nghi: “Có đúng hay không? Thử xem!”, nên sẽ đạt được đôi chút. Có người chẳng hoài nghi tí nào, vừa tu bèn được đại phú, đại quý. Dụng tâm khác nhau! Tâm ấy là niệm, ý niệm khác nhau trong mỗi niệm!

Do đó, quý vị thầy tiến sĩ Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm với nước, ông ta nói với tôi: Trong mười năm làm thí nghiệm trăm vạn lần, chẳng thấy có hai kiếu mẫu nước kết tinh hoàn toàn giống nhau! Nói lên điều gì? Cho thấy ý niệm của chúng ta trong mỗi niệm chẳng giống nhau! Đây là nói tới “*niệm khoảnh*”. Mỗi “*niệm khoảnh*” đều khác nhau, nên quả báo khác nhau. Nói tóm lại, chẳng thể thiếu phước, chẳng thể thiếu huệ. Vì vậy, bất luận trong Đại Thừa, hay Tiểu Thừa, Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Giáo, hay Mật Giáo, đức Phật đều dạy chúng ta phải phước huệ song tu. Đức Phật hết sức thương yêu mỗi người chúng ta, nhưng chẳng có cách nào ban phước huệ cho chúng ta, Ngài chẳng có khả năng ấy! [Những gì] Ngài đã tu vĩnh viễn thuộc về Ngài, dầu Ngài có tốt với chúng ta đến mấy đi nữa, vẫn chẳng có cách nào ban cho, phải hiểu đạo lý này. Đức Phật dạy cho chúng ta phương pháp và lý luận tu hành nơi nhân địa, quý vị tu hành đúng lý, đúng pháp, tự nhiên đạt được quả báo. Thế giới này là y báo, thân thể chúng ta là chánh báo, cũng biến hóa trong từng sát-na, kinh gọi sát-na là một “*niệm khoảnh*”. Chánh báo là trạng huống thân thể, bất luận là nhục thể hay tinh thần, mỗi ngày đều khác nhau. Y báo là hoàn cảnh, hoàn cảnh hiện thời chẳng tốt đẹp, rất tệ, do nguyên nhân gì? Nhất định phải hiểu điều này, hoàn cảnh do nghiệp lực cảm vờ, cảnh chuyển theo tâm. Đa số loài người chúng ta tâm chẳng tốt lành, tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm đều vì tiếng tăm, lợi dưỡng, đều là ngũ dục, lục trần, ý niệm chẳng tốt lành. Toàn là ý niệm tự tư tự lợi, tổn người, lợi mình, các ý niệm ấy tạo thành sự hỗn loạn trong xã hội, tai biến nơi y báo, tạo thành tình hình này. Con người trước kia, chẳng cần nói xa xôi, [chỉ nói tới] người Trung Quốc sáu mươi năm trước; hoàn cảnh cư trú của chúng ta trong sáu mươi năm trước tốt hơn hiện thời, nhân dân thuần phác, tâm tự tư tự lợi chẳng nghiêm trọng như hiện tại, phổ biến là [ai nấy] còn có tâm yêu thương, thấy người khốn khổ đều có thể chìa tay giúp đỡ bất cứ lúc nào, thật sự giúp đỡ, con người vẫn còn có chút tình nghĩa. Hiện thời chẳng còn nữa, đó là gì? Chẳng tu phước. Con người hiện thời có phước hay không? Thật sự có phước, họ đang hưởng phước mỗi ngày, nhưng phá hỏng phước báo, hưởng thụ quá lớn! Người xưa kia khác hẳn, họ tu phước, cố nhân tu phước, nên thời gian hưởng phước lâu dài trải nhiều thế hệ. Con người hiện thời hưởng phước, chẳng tu phước, hưởng hết sạch phước thì sẽ như thế nào? Hiện thời là lúc phước báo sắp hưởng hết, hưởng hết thì tai họa bèn hiện tiền. Chẳng có phước nữa, vì đã hưởng hết phước rồi!

Tu phước thì tu nơi đâu? Trong kinh giáo đã nói: Chư Phật Như Lai là phước điền bậc nhất. Chúng ta phải gieo phước, đến đâu để gieo phước? Cúng dường Phật, cúng dường Phật phước báo to lớn. Dùng gì để cúng dường? Dùng tài cúng dường ư? Chẳng phải vậy, Phật

chẳng cần tài vật! Chúng ta nghĩ xem, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài sống rất đơn giản, giữa trưa ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây, tất cả tài sản là ba y một bát, nên chẳng cần tài cúng dường! Vậy thì dùng gì để cúng dường? Dùng pháp cúng dường. Pháp cúng dường là như thế nào? Vâng theo lời dạy để tu hành là cúng dường. Nếu quý vị vâng theo giáo huấn của đức Phật, nghiêm túc tu tập, phước báo của quý vị khá lớn, Phật chẳng gạt người! Phước báo ấy có phải do Phật ban cho quý vị hay không? Chẳng phải! Phật chẳng ban cho chúng ta gì cả! Chúng ta đạt được phước báo do đâu? Trong tự tánh vốn có đầy đủ! Huệ Năng đại sư kiến tánh bèn nói một câu: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ*”, câu ấy đã chứng minh lời đức Phật dạy trong kinh: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Do Pháp Bồ Thí, quý vị đạt được trí huệ từ trong tự tánh, nó vốn sẵn có, nhưng chưa khai phát. Bồ Thí là công cụ, là phương pháp để khai phát; quý vị dùng công cụ ấy, phương pháp ấy để khai phát trí huệ và đức năng trong tự tánh. Đức năng là năng lực, nay chúng ta gọi nó là tài nghệ; phước báo khai phát. Trong phần sau có nói đến tướng hảo, tướng hảo là phước báo, nay chúng ta nói đến phú quý, toàn là vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh. Chúng ta mê mất tự tánh, khởi tâm động niệm, hết thấy tạo tác đều tùy thuận tập khí phiền não, hồng mất rồi! Tập khí phiền não trái nghịch Tánh Đức. Tánh Đức là thiện, tánh con người vốn thiện, tập khí phiền não bất thiện! Bởi lẽ đó, giáo dục trở nên hết sức quan trọng, cổ thánh tiên hiền hết sức coi trọng [giáo dục], Phật, Bồ Tát càng coi trọng hơn.

Trong tâm mục của Phật, Bồ Tát, chỉ có một ý tưởng, một nguyện vọng: Hy vọng hết thấy chúng sanh đều có thể lìa khổ được vui. Phật, Bồ Tát là như vậy, chẳng tự tư tự lợi. Các Ngài đã đắc đại tự tại, đã lìa khổ, được vui viên mãn, nên các Ngài đến giúp đỡ chúng ta; nhưng khổ hay lạc rốt cuộc là tự làm, tự chịu, quý vị tạo nhân lành sẽ được vui sướng. Đó là chánh xác, Phật, Bồ Tát cổ vũ khích lệ quý vị. Quý vị tạo tác hết thấy những sự bất thiện, sẽ gặp phải tai nạn, bị Khổ Thọ. Phật, Bồ Tát thương xót quý vị, giúp cho quý vị thoát khổ, được vui như thế nào? Chư Phật Như Lai từ bi đến cùng cực, yêu thương hết thấy chúng sanh còn hơn cha mẹ, thật đó! Chúng ta phải có tâm cảm ơn, phải nghiêm túc nỗ lực học tập. Hiện thời tai nạn hiện tiền, làm thế nào để có thể hóa giải các tai nạn ấy? Người thế gian nói đến chuyện làm thế nào trốn tránh tai nạn? Phật pháp không nói đến chuyện trốn tránh, mà nói đến chuyện hóa giải. Người thật sự có Định Huệ, có sức hóa giải to tát. Người chẳng đủ Định, Huệ, sẽ được Phật, Bồ Tát gia trì, như trong kinh đã nói, chắc chắn là Phật, Bồ Tát gia trì. Nhưng đối với sự gia trì của Phật, Bồ Tát, chúng ta phải hiểu, trong quá trình học tập nhiều năm như vậy, chúng tôi biết chư Phật, Bồ Tát gia trì chúng ta, bất luận là trí huệ hay đức tướng, các Ngài có thể gia trì toàn là tương đối. Cũng có nghĩa là chúng ta có một phần tu trì, được Ngài gia trì thêm một phần, cảm ứng là như vậy đó! Chúng ta có mười phần tu trì, sẽ được chư Phật Như Lai gia trì mười phần. Chẳng phải là Phật có ý đối xử tốt với kẻ này, đối xử kém hơn đối với kẻ kia, chẳng phải vậy! Quý vị hành nhiều, Phật gia trì nhiều; hành ít, Ngài gia trì ít. Đối ứng theo tỷ lệ thuận, chuyện là như thế đó! Hành nhiều, chẳng thể

gia trì ít; hành ít, cũng chẳng thể gia trì nhiều. Chúng ta liễu giải chân tướng sự thật, sẽ nghiêm túc nỗ lực tu tập. Tu là làm, tu là sửa đổi, sửa đổi những sai lầm, đó là Tu! Do đó, nhất định phải hiểu rất rõ ràng, hiểu rất rành rẽ hai chữ “tu hành”, nó chẳng phải là mê tín. Tu tưởng của chúng ta sai lầm, bèn tu chỉnh tư tưởng. Ngôn ngữ và tạo tác của chúng ta sai lầm, hãy nương theo tiêu chuẩn do đức Phật đã nói để tu chỉnh, đó mới là tu hành. Tu hành chẳng phải là niệm kinh, chẳng phải là bái sám, mà là thật sự thực hiện, tu ở chỗ nào? Tu nơi khởi tâm động niệm, đó là gì? Đó là tu từ căn bản, hiệu quả vô cùng to lớn.

Vì lẽ đó, tu hành phải tìm được cội rễ. Không tu từ cội rễ, hiệu quả chẳng lớn, dùng bất cứ đường lối nào cũng đều chẳng [có hiệu quả] to lớn. Cội rễ là gì? [Cội rễ của] pháp thế gian và xuất thế gian đều là hiếu đạo, hiếu thuận cha mẹ; vì thế, chúng ta là người tu hành chân chánh thì phải khởi sự từ chỗ này! Người nếu chẳng hiếu thảo với cha mẹ, cũng giống như là đức hạnh của quý vị thiếu căn bản. Trong hai câu đầu của Tịnh Nghiệp Tam Phước, đức Phật dạy chúng ta: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”, vì sao? Chúng ta có được thân mạng từ cha mẹ, do cha mẹ ban cho chúng ta. Huệ mạng của chúng ta do thầy mà có, thầy giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Quý vị thấy một đấng là hiếu, hiếu thảo với cha mẹ; một đấng là kính, kính trọng thầy, tôn sư trọng đạo. Người Hoa rất coi trọng thầy, coi thầy chẳng khác gì cha mẹ của chính mình. Quý vị có thể đọc điều này từ sách Nghi Lễ 11[6] và Lễ Ký. Trong xã hội, nếu ai nấy đều là hiếu tử, mỗi người đều là học trò ngoan, xã hội sẽ an tường, hòa bình, nơi ấy chẳng có tai nạn. Đúng là mưa hòa, gió thuận, trúng mùa, nhân dân an lạc, nhà nhà hạnh phúc mỹ mãn, thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Chỉ cần tu tốt đẹp hai cội rễ ấy! Phật, Bồ Tát, thánh hiền đã nêu ra giềng mối ấy, thực hiện lòng hiếu thảo đối với cha mẹ như thế nào? Chúng ta có thể thực hiện tốt đẹp Đệ Tử Quy thì không chỉ là có thể hiếu thân, mà còn là tôn sư tốt đẹp. Nếu lại có thể thực hiện Cảm Ứng Thiên, cội rễ càng sâu hơn! Cảm Ứng Thiên giúp cho cội rễ của quý vị sâu hơn. Thập Thiện Nghiệp có thể giúp cho cội rễ ấy trở thành căn bản để thành Phật, căn cội càng sâu hơn. Chúng ta suy nghĩ sẽ thấy [các cội rễ đó] trọng yếu dường ấy! Trung Quốc từ xưa tới nay đã mấy ngàn năm đều vun bồi ba cội rễ ấy..... Nho, Thích, Đạo là tinh thần lập quốc của Trung Hoa. Nếu chúng ta bỏ mất, tai nạn sẽ lập tức hiện tiền. Nếu nói theo chánh báo, tức là thân thể của chúng ta, thì [tai nạn là] bị

11[6] Nghi Lễ là sách ghi chép các thứ nghi lễ tại Trung Hoa thời Tiên Tần (trước khi Tần Thủy Hoàng gồm thu lục quốc, thống nhất Trung Hoa), chủ yếu chép về nghi lễ của hàng sĩ đại phu. Không rõ nguyên thủy sách gồm bao nhiêu chương. Bản lưu hành hiện thời do Cao Đường Sanh tìm được và biên tập vào đời Hán gồm mười bảy thiên, bao gồm phần Quan Hôn, Triều Sính (giạm hỏi), Tang Tế v.v... Tương truyền sách này do Tử Hạ (môn nhân của Khổng Tử) biên soạn. Vào thời Hán, kinh Lễ trong Ngũ Kinh chính là sách Nghi Lễ, nhưng từ đời Đường trở đi, hễ nói tới kinh Lễ thì phải hiểu là sách Lễ Ký do Tiểu Đới (Đới Thánh) biên tập. Sách Nghi Lễ cùng với Lễ Ký và Châu Lễ hợp thành Tam Lễ trong Thập Tam Kinh của Nho Gia. Sách này được các đời chú giải khá nhiều, nhưng chỉ có các bộ Nghi Lễ Chú Sớ (do Trịnh Huyền viết vào thời Đông Hán), Nghi Lễ Sớ (do Giả Công Ngạn viết vào đời Đường) và Nghi Lễ Chiết Nghi (do Phương Bao soạn vào đời Thanh) là được sử dụng rộng rãi.

bệnh tật. Tai nạn của cá nhân chúng ta là đau khổ, tai nạn nơi xã hội là bất an, tai nạn nơi núi, sông, đại địa là tai biến. Hôm nay, tôi nghe nói núi lửa ở Tô Môn Đáp Lạp (Sumatra) của Ấn Nê (Indonesia) bùng nổ, cũng khá nghiêm trọng. Động đất, sóng thần, hạn hán, lụt lội, ôn dịch toàn bộ đều xuất hiện, chúng ta đã vi phạm giáo huấn của thánh hiền! Giáo huấn thánh hiền toàn là Tánh Đức trong tự tánh. Vi phạm Tánh Đức, thì tai nạn gì cũng đều xuất hiện.

Do đó, chẳng thể không tu phước, chẳng thể không tu huệ. Ba nhà Nho, Thích, Đạo đều dạy chúng ta cầu phước, cầu huệ. Cuối cùng, phải cầu sanh Tịnh Độ thì phước huệ của quý vị mới có thể viên mãn. Chẳng cầu sanh Tịnh Độ, phước huệ chẳng viên mãn. Được oai thần của Phật gia trì, nên mới xuất hiện thần thông diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn như thế, đúng là chẳng thể nghĩ bàn, thần thông diệu dụng chân thật. “*Ư nhất niệm khoảnh, biến du Phật độ*” (trong khoảng một niệm, dạo khắp các cõi Phật), dạo khắp các cõi Phật là tu huệ và tu phước chân thật. Vì quý vị đến gặp Phật, cúng dường Phật, dùng gì để cúng dường? Tâm cung kính, tâm chân thành, dùng những tâm ấy để cúng dường. Quý vị được Phật lực gia trì, bèn có phước báo; cung kính nghe Phật giảng kinh, thuyết pháp, y giáo phụng hành, trí huệ mở mang, đó là cầu huệ. Vì thế, vô lượng phước huệ, phước huệ lớn nhất tu nơi đâu? Tu trong Phật môn. Rời khỏi Phật môn, làm sao quý vị có thể tu phước báo như thế? Làm sao có thể thành tựu trí huệ to lớn như thế?

Phật giáo ở Ấn Độ, thuở ấy, tổ tiên, tức đế vương của quốc gia là Hán Minh Đế, theo lịch sử ghi chép, đã phái đặc sứ sang Tây Vực tìm kiếm, nghe ngóng khắp nơi, nơi nào có cao tăng, có đại đức, bèn lễ thỉnh họ đến Trung Quốc. Đã tới Trung Quốc, đế vương bèn bái họ làm thầy, đế vương làm đệ tử, nên [tăng sĩ] đến Trung Quốc với thân phận quốc sư, giúp đỡ đế vương giáo hóa chúng sanh, nên người Hoa mới có phước báo to như thế, chớ nên không biết điều này. Đến thế giới Cực Lạc, phước báo ấy viên mãn, vì sao? Người ấy có thể dạo khắp các cõi Phật. Trong thế gian này, gặp một vị Phật rất vất vả; đến thế giới Cực Lạc, mỗi ngày quý vị đều có thể dạo khắp vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật; quý vị nói xem mỗi ngày tu phước báo to cỡ nào! Trong thế gian này, chúng ta tu ngàn vạn năm, đều chẳng bằng tu một ngày trong thế giới Cực Lạc. Nếu chúng ta mong tu đại phước, đại huệ chân chánh, chớ nên coi thường, bỏ qua thế giới Cực Lạc. Trước kia không biết thì còn có thể dung thứ, nay đã biết, đây là thật, chẳng giả! Câu cuối cùng là “*phi Nhị Thừa sở năng trức*” (chẳng phải là Nhị Thừa có thể suy lường được), Nhị Thừa là A La Hán và Bích Chi Phật, là Tiểu Thừa. Đối với các vị Bồ Tát, tức là các vị đại Bồ Tát dự hội, hàng Nhị Thừa chẳng có cách nào suy lường trí huệ và phước đức của các Ngài, rốt cuộc to cỡ nào họ chẳng biết. Kinh văn đến chỗ này là nói về đức tự lợi của các vị đại sĩ, chúng ta học tới đây.

Phần kinh văn tiếp theo là lợi tha. Quý vị thấy đã tự lợi rồi mới có thể lợi tha, chính mình chưa đạt được thì làm sao có thể giúp đỡ người khác? Đối với đoạn kinh văn này, đây

là một đoạn lớn, trong một đoạn lớn này có rất nhiều đoạn ngắn, khi chúng tôi đọc đều đọc ra hết. Đây là phần lợi tha, trong các đức lợi tha có tất cả sáu đoạn, đoạn thứ nhất là “*diệu hạnh hiển Thật*”. Kinh văn như sau:

Đức Phật biện tài, trụ Phổ Hiền hạnh, thiện năng phân biệt chúng sanh ngữ ngôn, khai hóa hiển thị chân thật chi tế, siêu quá thế gian chư sở hữu pháp.

得佛辯才。住普賢行。善能分別眾生語言。開化顯示真實之際。超過世間諸所有法。

(Đức biện tài của Phật, trụ trong hạnh Phổ Hiền, khéo có thể phân biệt ngôn ngữ của chúng sanh, khai hóa phô bày lẽ chân thật, vượt trội tất cả các pháp thế gian).

Đến đây là một đoạn, đoạn này là Diệu Hạnh Hiển Thật. Dưới đây là đoạn thứ hai:

Tâm thường để trụ độ thế chi đạo, w nhất thiết vạn vật tùy ý tự tại, vị chư thứ loại tác bất thỉnh chi hữu.

心常諦住度世之道。於一切萬物隨意自在。為諸庶類作不請之友。

(Tâm thường trụ chắc nơi đạo trụ thế, đối với hết thảy vạn vật tùy ý tự tại. Vì các loài làm bạn chẳng thỉnh).

Đây là đoạn thứ hai “làm bạn chẳng thỉnh”, đoạn thứ ba tiếp theo là “hộ trì chủng tánh của Phật”.

Thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng, hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt.

受持如來甚深法藏。護佛種性常使不絕。

(Thọ trì pháp tạng rất sâu của Như Lai, hộ trì chủng tánh của Phật khiến cho thường tồn tại, chẳng dứt).

Dưới đây là đoạn thứ tư “bi diễn tế độ”.

***Hưng đại bi, mãn hữu tình, diễn từ biện, thọ pháp nhãn. Đổ ác thú, khai thiện môn.
U'chư chúng sanh, thị nhược tự kỷ, chứng tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn.***

興大悲。愍有情。演慈辯。授法眼。杜惡趣。開善門。於諸眾生。視若自己。
拯濟負荷。皆度彼岸。

(Dấy lòng đại bi, thương xót hữu tình, diễn Từ Biện Tài, trao pháp nhãn, lập đường ác, mở đường lành, coi các chúng sanh giống như chính mình, cứu vớt, gánh vác [khiến các chúng sanh] đều lên bờ kia).

Câu dưới đây là “đức huệ tề Phật” (đức và huệ bằng Phật). Quý vị thấy đức là phước đức, trí huệ gần như bằng với Phật. Tề (齊) có nghĩa là bằng nhau.

Tát hoạch chư Phật vô lượng công đức. Trí huệ thánh minh, bất khả tư nghị.

悉獲諸佛無量功德。智慧聖明。不可思議。

(Át đạt được vô lượng công đức của chư Phật, trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn).

Câu sau đây là tổng kết.

Như thị đẳng chư đại Bồ Tát, vô lượng vô biên, nhất thời lai tập.

如是等諸大菩薩。無量無邊。一時來集。

(Các vị đại Bồ Tát như thế, vô lượng vô biên, cùng lúc nhóm đến).

Ở đây đã nói lời chân thật. Các vị Bồ Tát đến tham gia pháp hội không chỉ là một vạn hai ngàn! Một vạn hai ngàn là [những vị] nhân gian chúng ta trông thấy. Mất thịt của chúng ta chẳng thấy các vị đại Bồ Tát nhiều vô lượng vô biên, từ mười phương thế giới đến, đều tham dự sự kiện này. Sự kiện lớn lần này chính là Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta diễn nói kinh Vô Lượng Thọ, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Tiếp theo đây là lời chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Câu đầu tiên trong kinh văn là “*đắc Phật biện tài, trụ Phổ Hiền hạnh*”: “*Biện tài giả, thiện xảo tuyên thuyết pháp nghĩa chi tài năng*” (Biện tài là tài năng khéo léo tuyên nói pháp nghĩa), giải thích Biện Tài là gì. Nay chúng ta nói Thiện là hết sức tốt đẹp, rất xảo diệu, có thể nói nghĩa lý Phật pháp rất rõ ràng, nói rất minh bạch, khiến cho mọi người đều có thể nghe hiểu, đều có thể sanh khởi tín tâm, đó là Biện Tài, chẳng phải là biện tài tầm thường, mà là biện tài của Phật!

Chúng ta xem lão cư sĩ trích dẫn kinh luận, “*thử tắc Tịnh Ảnh Sớ sở vị: Ngôn năng biện liễu, ngữ năng tài xảo*” (đây chính là như Tịnh Ảnh Sớ đã nói: “Ngôn thì biện luận rành rẽ, ngữ thì khéo léo”). “*Ngôn năng biện*” tức là biện định, “*liễu*” (了) là hiểu rõ. [Xét theo] ngôn ngữ thì lời lẽ có năng lực phô bày sự tài hoa, hay khéo của người ấy. Đây là tán thán sự giảng kinh, giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tuy chúng ta chẳng đích thân tham gia pháp hội này, nhưng đọc những kinh điển đã được phiên dịch, có thể hiểu đại lược các ý nghĩa ấy. Thuở ấy, đức Thế Tôn thuyết pháp, giảng kinh, dạy học suốt bốn mươi chín năm, chư vị nhất định phải biết Ngài chẳng có sách giáo khoa, chẳng có kinh bản, thứ gì cũng chẳng có. Hằng ngày đối diện đại chúng, lão nhân gia liền giảng, giảng suốt bốn mươi chín năm chẳng trùng lặp. Ngài giảng gì? Chúng ta dùng một câu để nói rõ, Ngài giảng chân tướng của vũ trụ và nhân sinh! Vì sao Ngài giảng hay như vậy, giảng có thứ lớp như vậy, ghi chép lại thành văn chương hay khéo như vậy? Đó là gì? Những điều Ngài đã chứng đắc. Ngài giới thiệu thế giới Cực Lạc với chúng ta. Chẳng biết Ngài đã đến thế giới Cực Lạc bao nhiêu lần, rất quen thuộc, Ngài giảng giải có cần dùng bài giảng soạn sẵn hay không? Chẳng cần! Trong pháp hội này liền đặc biệt giới thiệu thế giới Cực Lạc.

Nguồn gốc của kinh điển là sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, tức là sau khi lão nhân gia đã khuất bóng, các học trò đã dựa theo ký ức viết ra, truyền lại cho hậu thế, trở thành kinh điển. Những thứ đã giảng trong bốn mươi chín năm rất nhiều, trong các phần trước, tôi đã từng giới thiệu, ngài A Nan là nhân vật chủ yếu kết tập kinh điển, vì Ngài đảm nhiệm việc trùng tuyên, có trí nhớ tốt, những gì Ngài đã nghe đều có thể ghi nhớ, chẳng quên mất. Nói theo cách bây giờ, Ngài cũng là một bậc thiên tài, chẳng phải là người bình phàm. Phụ trách chủ trì chuyện này là tôn giả Đại Ca Diếp, là vị chịu trách nhiệm chánh yếu của hoạt động này. A Nan là chủ giảng, năm trăm vị A La Hán đều là đồng học, đều là học trò đức Phật, các Ngài đến chứng minh, đến nghe mỗi ngày. Nghe lời A Nan nói, nếu không có

ai phản đối, bèn ghi lại. Nếu có một vị phản đối, liền gạt bỏ câu ấy, nhằm giữ chữ tín với đời sau: Lời A Nan đã nói là thật, chẳng giả. “*Như thị ngã văn*” (ta nghe như thế này), những điều tôi nói đều do tôi đích thân nghe Thích Ca Mâu Ni Phật nói, chẳng dám thêm hay bớt chút nào lời Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng có! Hoàn toàn nói đúng như thế. Đức Phật nói như thế nào, Ngài liền nói như thế ấy, ghi chép lại, trở thành kinh điển, chúng ta phải hiểu rõ chuyện này. Vì thế, [kinh điển của] đức Phật là giáo dục, chẳng giống các tôn giáo khác, kinh văn từ trên trời giáng xuống, người hiện thời chẳng tin điều ấy, vì sao? Hiện nay trên trời chẳng rót kinh văn xuống, rất khó tin tưởng! Phật pháp chẳng hề nói như vậy, lời thầy nói được kết tập thành kinh tạng. Người học đời sau, từ đời thứ ba trở đi, thứ ba sau này đều là chiếu theo kinh điển để học tập, nghe người thuộc thế hệ trước chỉ dạy, đời đời lưu truyền, chánh pháp tồn tại lâu dài trong thế gian. Phật pháp hưng vượng dựa vào điều này; chẳng cậy vào tạc tượng Phật, xây chùa miếu, chẳng phải vậy, chẳng dính dáng đến những điều ấy. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, một đạo tràng cũng không có, ngay cả một túp lều tranh cũng không nghe nói tới, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này thì học Phật mới có thể học được này nọ.

“*Hựu Gia Tường Pháp Hoa sơ viết*” (lại nữa, bộ Pháp Hoa Sớ của ngài Gia Tường có nói), tức là trong chú giải kinh Pháp Hoa của Gia Tường đại sư, Ngài đã giải thích Biện Tài như sau: “*Tốc tạt ứng cơ danh Biện, ngôn hàm văn thái viết Tài. Thử tặc dĩ năng tẩn tốc ứng cơ, phương danh Biện Tài dã*” (“Đáp ứng nhanh chóng từng căn cơ là Biện, lời lẽ bóng bẩy là Tài”). Như vậy thì có thể nhanh chóng thích ứng với từng căn cơ thì mới được gọi là Biện Tài). Nói theo cách này, nay chúng ta gọi điều này là “*năng lực ứng biến*”, người khác nêu ra câu hỏi, bèn chẳng cần suy tư, lập tức giải đáp. Nói rõ người ấy có trí huệ, có học thức phong phú, cho nên mới có năng lực như vậy, biện tài mãn tiệp. “*Hội Sớ viết*” (sách Hội Sớ nói), sách Chú Giải trích dẫn Hội Sớ rất nhiều, “*ngôn âm khai Hoặc vi Biện, tùy cơ xảo diệu vi Tài, vô bất giai xuất u thánh trí*” (ngôn âm dứt Hoặc (phiên não, mê hoặc) là Biện, tùy cơ hay khéo là Tài, không điều gì chẳng phát xuất từ thánh trí), cách giải thích này rất hay. “*Tam sớ chi trung, thử thuyết vi thượng*” (Trong [các thuyết của] ba bộ sớ, thuyết này hay nhất). Mỗi câu, mỗi chữ do đức Phật nói ra đều nhằm giúp chúng ta khai trí huệ. “*Khai Hoặc*”: Hoặc (惑) là mê hoặc; “*khai Hoặc*” là phá mê hoặc, điều này được gọi là Biện (辯), khéo léo tùy thuận căn cơ là Tài (才). Căn tánh của chúng sanh khác nhau, trong kinh Phật thường dùng từ ngữ “*thượng, trung, hạ tam căn*”. Thượng căn là lợi căn, người này rất thông minh, vừa chỉ điểm liền ngộ, hiểu rõ. Trung hạ căn kém hơn một chút. Vì thế, đức Phật dạy học cũng dùng ba loại phương pháp: Chỉ dạy kẻ thượng căn, họ hiểu ngay; đối với kẻ trung căn, quý vị chỉ dạy họ chẳng hiểu, ắt phải giảng giải rõ ràng, rành mạch, họ mới hiểu. Người hạ căn dẫu giảng nhiều đến mấy, họ chẳng tin tưởng, hạng hạ căn là như vậy. Làm thế nào? Đưa ra chứng cứ. Đó gọi là “*tam chuyển pháp luân*”, tức thị chuyển, khuyến chuyển, tác chứng chuyển, [khiến cho] họ tin tưởng. Nếu đã nêu chứng cứ mà họ vẫn không tin, chẳng có

cách nào hết, như vậy là kẻ ấy chẳng có duyên với Phật, Phật chẳng có cách nào độ kẻ ấy. Vì vậy, đức Phật dùng ba thứ phương pháp ấy để tiếp dẫn ba thứ căn cơ bất đồng, đó là biện tài của Như Lai. Bất luận là thị chuyển, khuyến chuyển, hay tác chứng chuyển đều nương cây trí huệ; không có trí huệ sẽ chẳng thể làm được! Từ kinh điển, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật cùng đại chúng đối đáp. Quý vị thấy người ta nêu lên câu hỏi, đức Phật giải đáp như thế. Đặc biệt là trong hội Lăng Nghiêm, gần như từ đầu đến cuối đều là biện luận, người nêu câu hỏi rất hay, đức Phật trả lời càng khéo léo hơn nữa. Do đó, cổ nhân gọi kinh Lăng Nghiêm là “*khai trí huệ Lăng Nghiêm*” rất có lý. Quý vị nghe các Ngài biện luận bèn khai trí huệ.

Cụ Hoàng Niệm Tổ nói đối với ba thứ trên đây, tức là đối với ba cách nói trong ba bộ chú giải, cách nói của Hội Sớ hay nhất. Nói cách khác, trọng yếu nhất trong Phật pháp, chúng ta phải ghi nhớ, là phá mê khai ngộ. Hội Sớ nói đến chỗ này, phá mê khai ngộ! Không thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ, sẽ chẳng phải là biện tài giỏi, nhất định phải giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Mỗi ngày đều có một chút tiểu ngộ, ngày hôm ấy chẳng lường uống. Cổ nhân nói “*tích tiểu ngộ thành đại ngộ*”, lại tích lũy đại ngộ thành đại triệt đại ngộ. Giáo Hạ gọi [đại triệt đại ngộ] là đại khai viên giải. Đại khai viên giải và “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” của Thiền Tông có cùng một cấp bậc. Một đằng là từ tham Thiền mà kiến tánh, một đằng là do nghe Giáo mà kiến tánh. Minh tâm kiến tánh do nghe Giáo được gọi là “đại khai viên giải”. Niệm Phật hoặc niệm chú cũng có thể đạt đến đại triệt đại ngộ, nên trong Tịnh Độ Tông gọi chuyện này là Lý nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn là đại triệt đại ngộ. Do đó, quý vị thấy Tông, Giáo, Tịnh Độ danh xưng khác nhau, nhưng cảnh giới là cùng một chuyện, đều là minh tâm kiến tánh. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật; trước hết, phải suy xét căn tánh của chính mình là gì. Tham Thiền đòi hỏi căn tánh thượng thượng thừa, căn tánh thượng thượng thừa là gì? Đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thấy rất đậm bạc, cũng có nghĩa là người ấy chẳng có phân biệt, chấp trước gì, người như vậy mới có thể tham Thiền. Người phân biệt, chấp trước, so đo rất nhiều, chắc chắn là tham Thiền chẳng thể khế nhập. Học Giáo là phổ biến nhất, tuyệt đại đa số mọi người, đó là hạng căn tánh bậc trung; do đó, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, giáo học bốn mươi chín năm. Phương pháp giáo học của nhà Thiền chỉ truyền cho ngài Đại Ca Diếp, rất ít người đạt được. Đại đa số là học Giáo, căn tánh của chúng ta trong xã hội hiện tại cũng là như thế. Còn có những người đối với họ, Giáo quá rắc rối, quá nhiều, nên cổ nhân có tỷ dụ “*vào biển đếm cát*”, quá phiền phức, có thể đơn giản hơn hay không? Đơn giản hơn một chút là Tịnh Độ, Mật và Tịnh Độ tương đối đơn giản đôi chút. Mật và Tịnh Độ đều tu nhất tâm bất loạn. Chúng ta nói tới Giác, Chánh, Tịnh, thì chỉ có Thiền Tông là giảng về Giác, tức giác ngộ, Giáo Hạ giảng về Chánh, tức chánh tri chánh kiến, Tịnh Độ và Mật giảng Tịnh, tu tâm thanh tịnh.

Nhưng Tịnh Độ Tông còn thù thắng, còn thuận tiện hơn Mật Tông. Nghi quỹ của Mật Tông quá nhiều, học cũng rất phiền phức. Chẳng giống như Tịnh Độ Tông là một câu Nam-mô A Di Đà Phật, quý vị thấy thuận tiện lắm, lúc nào cũng đều có thể niệm, niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm trong tâm đều được, đó là một phương pháp thuận tiện nhất, học dễ dàng nhất, thành tựu cao nhất. Niệm thì chớ vị phải ghi nhớ, phải dùng một câu A Di Đà Phật này để thay thế tất cả hết thảy vọng niệm của chúng ta. Mục tiêu thật sự của niệm Phật ở chỗ này. Không niệm Phật liền suy nghĩ loạn xạ. Ta thay thế những ý niệm tạp loạn bằng một câu Phật hiệu, đó là niệm Phật. Niệm niệm đều là A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra, chẳng có vọng niệm khác. Vọng niệm khác mới dấy lên, bất luận là thiện niệm hay ác niệm, chẳng sao cả, đều chẳng cần quan tâm đến nó, ngay lập tức đổi thành A Di Đà Phật, khéo là khéo ở chỗ này! Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật như thế nào? Niệm Phật thành Phật, chính Ngài nói như thế, hoàn toàn tương ứng với đạo lý như trong Giáo Hạ đã nói. *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tướng”*. Tâm ta muốn thấy Phật, bèn thành Phật. Trong tâm muốn thành Bồ Tát bèn thành Bồ Tát. Trong tâm mỗi ngày mong phát tài, không tốt! Vì sao? Quả báo của [tâm niệm mong] phát tài là ngã quý đọa. Tham tài là tâm tham, tâm tham đọa ngã quý, sân khuê đọa địa ngục, ngu si đọa súc sanh. Quý vị thấy đó là chánh báo của chúng ta, đó là Tam Độc phiền não. Nếu chúng ta niệm niệm ứng với Tam Độc, tương ứng với tham, sân, si, tiền đồ của quý vị là một bầu hắc ám, đi vào trong tam ác đạo. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta phương pháp này màu nhiệm lắm, bất luận là tham niệm, sân niệm, hay si niệm, hễ niệm vừa dấy lên bèn A Di Đà Phật. Niệm đến mức chẳng dấy niệm vẫn là A Di Đà Phật. Trong tâm trừ A Di Đà Phật ra, điều gì cũng đều chẳng có, quý vị bèn thành công, đắc Niệm Phật tam-muội. Đắc Niệm Phật tam-muội, há lẽ đâu chẳng vãng sanh!

Người bình thường chẳng niệm Phật, hoặc công phu niệm Phật rất kém, kém là sao? Xen tạp quá nhiều! Trong Phật hiệu, xen tạp rất nhiều vọng tưởng tạp niệm, cuối cùng gặp thiện duyên thù thắng, vẫn có thể vãng sanh. Có những người thấy vậy, [cảm thấy] dường như rất thiếu công bằng! Tôi dụng công hơn kẻ ấy, niệm Phật hằng ngày, suốt đời chẳng thiếu công khóa sáng tối, vì sao tôi chẳng vãng sanh? Vì sao kẻ ấy có thể vãng sanh? Phải hiểu đạo lý này. Phạm phu chúng ta chỉ biết một đời này, chẳng biết đời quá khứ; người vãng sanh ấy có thể là đời này chẳng siêng năng như vậy, nhưng đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tích lũy thiện căn sâu dày, nên lúc lâm chung mới gặp thiện duyên, một niệm cuối cùng thanh tịnh. Thật sự có thể vãng sanh hay không là do một niệm cuối cùng. Trong khoảng một niệm, niệm cuối cùng khi quý vị tắt hơi là A Di Đà Phật, chắc chắn vãng sanh! Kinh đã giảng chuyện này rõ ràng, nguyện thứ mười tám, *“lúc lâm chung, một niệm hay mười niệm quyết định được vãng sanh”*, đó là bản nguyện của A Di Đà Phật. Vì thế, ai may mắn dường ấy? Lúc lâm chung, gặp gỡ thiện duyên ấy? Rất khó! Quá khó khăn, còn khó hơn mua vé số trúng giải đặc biệt! Do vậy, trong lúc thường ngày, chúng ta vẫn phải cố gắng, chăm chút vun bồi, để đến lúc lâm chung, thật sự nắm chắc. Mấu chốt đều là lúc thường ngày có thể buông

xuống, điều này rất quan trọng! Nếu bình thường chẳng thể buông xuống được, đó là chướng ngại lớn nhất của chúng ta. Bình thường điều gì cũng đều phải xem nhẹ, thật sự có thể làm giống như cổ nhân đã nói: “*Chẳng tranh với người, không cầu nơi đời*”, đó là tốt đẹp. Suốt đời tùy duyên sống qua ngày, chẳng có gì không tốt đẹp, dưỡng thành [thái độ] không có gì chẳng hoan hỷ, chúng ta mới nắm chắc vãng sanh! Đối với hết thầy người, sự, vật trong thế gian này, chúng ta tôn trọng, lễ kính, quyết định chẳng tham luyến, quyết định chẳng oán hận. Tu gì? Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, chứ giác rất khó! Chỉ cần tu hai thứ này, quyết định được vãng sanh! Vĩnh viễn giữ gìn sự thanh tịnh và bình đẳng của chính mình, đó là gì? Đó là công đức. Phật môn thường nói “*trì giới có công*”, trì giới tốt đẹp, “*tam-muội là đức*”, quý vị đặc tam-muội, tam-muội là Định. Vì vậy, do Giới đắc Định. Giới đã có công, Định phải đạt được. Tu Định rất khó, tu Định là công, trí huệ đã khai, khai huệ là đức, đó là công đức. Công đức khác phước đức; phước đức chẳng thể liễu sanh tử, không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, nhưng công đức có thể. Vì thế, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đòi hỏi công đức, kinh đã giảng rất rõ ràng, chẳng phải là phước đức! Kinh Di Đà đã dạy: “*Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy*”, thiện căn cộng với phước đức liền biến thành công đức chân thật. Nếu chỉ có phước đức, chẳng có thiện căn, sẽ chẳng thể vãng sanh, chẳng thoát ly lục đạo, chúng ta chớ nên không hiểu rõ điều này!

Chúng ta xem câu tiếp theo: “*Hựu Tịnh Ảnh Sớ vị Như Lai đắc Tứ Vô Ngại Trí*” (Tịnh Ảnh Sớ lại nói Như Lai đắc bốn món vô ngại trí). Bốn món vô ngại trí ấy còn gọi là Tứ Vô Ngại Biện Tài. “*Như Lai do vô ngại chi trí, hưng vô ngại chi tứ biện*” (Như Lai do trí vô ngại mà hưng khởi bốn món Vô Ngại Biện Tài). Phật mới có bốn thứ biện tài vô chướng ngại, nên bốn thứ biện tài đều xuất phát từ trí. Nếu chúng ta muốn đắc bốn thứ Vô Ngại Biện Tài, phải học từ đâu? Từ trí. Trí do đâu mà có? Trí từ Định [mà có]. Định do đâu mà có? Định từ Giới. Quý vị liền biết trì giới là căn bản. Do Phật giáo hiện thời suy vi, đúng là suy đến tận đáy; nếu chúng ta thật sự phát tâm mong làm đệ tử Phật, chúng ta có nghĩa vụ, có sứ mạng, có trách nhiệm hưng khởi Phật giáo. Như thế nào thì mới có thể hưng vượng? Nhất định phải y giáo phụng hành, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta thật thà làm theo, thật thà nghe lời, đúng là thật thà, nghe lời, thật sự làm theo thì được, sẽ có thể hưng khởi Phật giáo! Khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, tôn giả A Nan hỏi bốn chuyện, trong ấy có một chuyện là: “*Thuở Phật tại thế, mọi người chúng con đều nương vào Phật làm thầy, nay Phật đã khuất bóng, chúng con nên nương vào ai làm thầy?*” Điều này có quan hệ rất lớn với chúng ta. Đức Phật chẳng chỉ định người nào, chỉ nói hai câu: “*Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”. Có thể trì giới, có thể chịu khổ, liền giống như ở bên cạnh Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng khác gì! Trước kia theo Phật, đúng là phải chẳng sợ khổ, phải trì giới. Vì thế, từ kinh điển, chúng ta thấy Tăng đoàn của đức Phật gồm một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, là một đoàn thể khá lớn, có thể sống hòa thuận, đối đãi bình đẳng, chiếu cố lẫn nhau,

quan tâm lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, cậy vào gì? Giới luật! Mỗi cá nhân đều nghiêm túc tuân thủ lời răn dạy của đức Phật, chẳng vi phạm, đoàn thể ấy là đoàn thể Lục Hòa Kính. “*Kiến hòa đồng giải*” là mỗi ngày nghe kinh, kiến lập trên điều này, “*giới hòa đồng tu*”. Hai điều này là cơ sở của Lục Hòa Kính; chẳng có hai điều này, sẽ chẳng có cách nào đối xử hòa thuận. Mỗi ngày nghe kinh có thể nghe đến tám tiếng đồng hồ hoặc mười tiếng đồng hồ, chúng ta có lý do để tin tưởng Tăng đoàn thuở ấy mỗi ngày nghe kinh mười tiếng đồng hồ. Đức Thế Tôn suốt bốn mươi chín năm đều như một ngày, chẳng bỏ sót ngày nào! Chính Thích Ca Mâu Ni Phật dẫn đầu “giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây một đêm”, học trò đều giống như thầy, đúng là buông xuống vạn duyên, tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, giác. Chúng ta hãy nên thường nghĩ đến, mỗi ngày chúng ta cúng dường Phật, nhìn thấy tượng Phật, nghĩ tới hành trạng thuở Ngài tại thế đã nêu gương cho chúng ta nhìn vào.

Nay chúng ta đang nhằm thời kỳ Mạt Pháp, chẳng có giới luật; người hiện thời chẳng thể chịu khổ, có điều gì chẳng nhân mạnh hưởng thụ? Hơi có một chút chẳng vừa ý, trong tâm liền bực bội, quý vị thấy tham, sân, si, mạn đều dấy lên. Có thể thấy là một chút công phu học Phật cũng chẳng có, cũng có nghĩa là chẳng có công đức, chẳng có một mảy công đức! Những gì đã tu là tu một chút phước đức, hiện thời đức còn chẳng có, tu một chút phước báo. Trong nhà Phật có một danh từ là “*si phước*”, do ngu si [nên là] si phước. Đức là trong phước còn có một chút trí huệ. Trong phước báo hiện thời chẳng có trí huệ, toàn là tham, sân, si, mạn, nghi, nên nói là “*si phước*”. Chúng ta muốn thật sự làm, chỉ có cách học từ Đệ Tử Quy, chẳng thể không học, không học không được! [Bắt đầu] từ Đệ Tử Quy, trong Đệ Tử Quy có một trăm mười ba chuyện. [Sách] nêu ra một trăm mười ba chuyện ấy, nhưng người học phải có năng lực “*nêu một góc, suy ra ba góc kia*”, cổ nhân gọi năng lực ấy là “*nghe một, biết mười*”, cũng là như người hiện thời nói là “*học sống động, vận dụng sống động*”. Quý vị thực hiện những điều đã học trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong đời người, tiếp vật, thật sự đạt được thọ dụng, đó là gì? Đó là cơ sở của giới luật. Lại học Cảm Ứng Thiên, vun bồi căn cội vững vàng, ổn thỏa. Cảm Ứng Thiên là nhân quả giáo dục, sách này cũng chẳng dài, trong đó nói “*thiện nhân, thiện quả; ác nhân, ác báo*”, nêu tổng cộng một trăm chín mươi lăm trường hợp. Chúng ta cũng phải giống như Đệ Tử Quy, vận dụng [Cảm Ứng Thiên] trong cuộc sống hằng ngày, học sống động, vận dụng sống động. Lại học Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật môn sẽ chẳng khó khăn. Vun bồi vững vàng ba căn cội, giới sẽ có cội rễ. Đức Phật dạy chúng ta lấy giới làm thầy, chúng ta có thể làm được, Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Giới, tại gia Bồ Tát Giới, xuất gia Tỳ-kheo Giới đều có thể làm được, chẳng phải là giả dối. Do Giới đặc định, trì giới thì học kinh sẽ khai trí huệ. Nay chúng ta nghiên cứu kinh giáo, vì sao chẳng khai trí huệ? Không có giới làm cơ sở! Có nền tảng là giới, tâm sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, điều này quan trọng lắm! Trí huệ đã khai sẽ hữu dụng, chúng ta liền lìa khổ được vui. Khổ do đâu mà có? Khổ do mê hoặc, điên đảo mà có. Lạc do đâu mà có? Lạc do giác ngộ mà có, nên trí huệ vừa khai, liền lìa khổ được vui.

Đó gọi là tâm khai ý giải, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, tánh, tướng, Lý, Sự, nhân, quả, quý vị đều thông đạt, hiểu rõ, lẽ đâu quý vị chẳng vui sướng? Y báo và chánh báo trang nghiêm biến hóa vô cùng, quý vị biết vì sao chúng có thể biến, chúng biến hóa theo cách nào, quý vị đều biết toàn bộ. Quý vị biết, hiểu rõ, nên mới có thể nắm giữ, có thể giúp đỡ người khác. Họ mê, giúp đỡ họ khai ngộ, giúp họ quay lại. Đầu tiên là dùng thân giáo, nêu gương cho họ thấy, khiến cho họ đưa ra câu hỏi, quý vị bèn giải đáp, hiệu quả liền hiện tiền. Do Phật có trí huệ, chúng ta biết trí huệ do đâu mà có, căn cội của trí huệ chúng ta đều vốn có, nó ở trong tự tánh, vốn sẵn trọn đủ. Đức Phật dạy chúng ta khai phát trí huệ trong tự tánh như thế nào, những phương pháp ấy chính là Giới, Định, Huệ.

Từ trí huệ liền hưng khởi bốn thứ Vô Ngại Biện Tài, thứ nhất là “*Nghĩa Vô Ngại Biện, vị liễu tri nhất thiết chư pháp nghĩa lý, thông đạt vô trệ cố*” (Nghĩa Vô Ngại Biện là biết rõ nghĩa lý của hết thấy các pháp, thông đạt chẳng úng trệ). “*Liễu*” là hiểu rõ, “*Tri*” là giác ngộ. Lý của hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian được gọi là nghĩa lý, nay người thế gian thường gọi lý này là chân lý. Nghĩa lý như cổ nhân đã nói đều là chân lý như trong hiện tại thường nói, chân thật, chẳng dối! Hết thấy các pháp do đâu mà có? Hết thấy các pháp do tự tánh mà có. Từ chỗ nào của tự tánh mà phát sanh? Từ một niệm bất giác mà phát sanh. Một niệm bất giác là một niệm mê, bất tri bất giác nổi lên một niệm. Niệm ấy tuy mê, nhưng nó vẫn chưa có phân biệt, chấp trước, dấy động một niệm ấy mà thôi. Giáo pháp Đại Thừa gọi niệm ấy là Vô Thi Vô Minh, tức là căn bản phiền não, tất cả vô lượng vô biên phiền não đều sanh từ nó, tức là sanh từ một niệm bất giác. Nếu quý vị một niệm giác, Vô Thi Vô Minh Căn Bản Phiền Não đoạn trừ, hết thấy đều giác ngộ, chuyện là như thế đó. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn cho chúng ta thấy, quý vị thấy chẳng phải là Ngài thông đạt hết thấy các pháp ư? Hết thấy các pháp Ngài chưa từng học, không ai dạy Ngài. Ngài tu học mười hai năm, lúc mười chín tuổi ra ngoài tham học đến ba mươi tuổi, sở học trong mười hai năm đó chẳng phải là những gì Ngài sẽ giảng sau khi thành Phật. Nếu nói theo thuật ngữ hiện thời, sở học trong mười hai năm của Ngài là tri thức. Lão nhân gia giảng kinh, thuyết pháp là trí huệ, chẳng phải là tri thức, tri thức vô dụng! Làm thế nào để có thể có Vô Ngại Biện Tài? Nó vốn sẵn có trong tự tánh. Một niệm giác, trí huệ vốn có trong tự tánh đều lưu lộ toàn bộ. Một niệm mê, trí huệ vẫn tồn tại, nhưng nó chẳng khởi tác dụng; hoặc có thể nói nó khởi tác dụng, nhưng là khởi tác dụng phản diện, tác dụng phản diện là gì? Là vô lượng vô biên phiền não, là tập khí phiền não. Vì thế, nói đến chuyện “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*”, không thể chuyển từ phiền não, mà phải chuyển từ đâu? Chuyển từ ý niệm. Một niệm giác liền chuyển, một niệm bất giác thì làm thế nào cũng chẳng thể chuyển được! Mấu chốt là một niệm giác, chớ nên không biết điều này. Làm thế nào để trở lại một niệm giác? Đây là một vấn đề lớn!

Để dạy chúng ta, đức Phật mở ra nhiều pháp môn như thế, bốn mươi chín năm nhọc nhằn khổ sở nói kinh giáo nhiều như thế, chỉ có một mục đích: Không gì chẳng nhằm dạy

chúng ta tìm ra một phương pháp khiến cho quý vị mau chóng trở lại một niệm giác. Chúng sanh căn tánh khác nhau, yêu thích, ham muốn khác nhau, nên đức Phật mở ra rất nhiều pháp môn. Quý vị thích pháp môn nào cũng đều được, môn nào cũng đều thành Vô Thượng Đạo. Vì lẽ đó, đức Phật đã nói rất tuyệt diệu: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, do chính quý vị chọn lựa. Chọn lựa như thế nào sẽ thành công? Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, bèn thành công. Nếu quý vị đồng thời học rất nhiều pháp môn, hỏng rồi, xen tạp, rối beng! Chuyện tối kỵ, đáng sợ nhất trong tu hành là tạp loạn, hễ tạp loạn thì toàn bộ đều coi như hỏng hết rồi! Dầu tâm tốt đẹp cách mấy, dầu nỗ lực đến thế nào đi nữa, vẫn là tu một chút phước báo nhân thiên, chẳng có mấy may tác dụng nào đối với liễu sanh tử, đoạn phiền não! Quý vị thấy đó, đáng tiếc quá! Nay trong hết thảy kinh giáo do đức Thế Tôn đã nói trong suốt bốn mươi chín năm, chúng ta rốt cuộc tìm được một pháp môn, nay đã hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ, pháp môn ấy là gì? Nam-mô A Di Đà Phật. Đối với những kẻ trẻ tuổi, những ai là kẻ trẻ tuổi? Những người trẻ tuổi là từ năm mươi tuổi trở xuống, hãy chăm học Giới, Định, Huệ, thật thà niệm Phật. Người ngoài năm mươi ở Trung Quốc gọi là “lão nhân”, chẳng còn kịp, hãy chuyên niệm A Di Đà Phật. Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên đều chẳng cần niệm, có được hay không? Được chứ! Có thể dùng một câu A Di Đà Phật, để thay thế tất cả vọng tưởng, tập khí, quý vị sẽ thành công, đó là gì? Đó là Đạo Cộng Giới. Trong một câu Phật hiệu, đầy đủ Tam Học Giới, Định, Huệ. Quý vị chẳng cần tìm phiền phức, cứ một câu Phật hiệu sẽ thành tựu viên mãn Giới, Định, Huệ của quý vị, tuyệt diệu tột bậc! Phật pháp là gì? Nam-mô A Di Đà Phật là Phật pháp. Thật sự có thể niệm mười năm, mười năm bèn khai ngộ. Từ năm mươi tuổi đến sáu mươi tuổi bèn khai ngộ. Đã khai ngộ, hễ quý vị hãy còn thọ mạng bèn giáo hóa chúng sanh, lại phát tâm giảng kinh, thuyết pháp chẳng khó, kinh gì quý vị cũng giảng được. Đến khi ấy, trí huệ của quý vị đã mở mang, quý vị bèn đại từ đại bi giảng cho hết thảy chúng sanh kinh gì? Chẳng định là quý vị giảng kinh Vô Lượng Thọ. Vì sao? Thời kỳ Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật là chín ngàn năm, chỉ có bộ kinh này có thể độ chúng sanh. Các kinh khác đều là dễ nghe, nhưng chẳng làm được. Bộ kinh này có thể làm được. Trong chín ngàn năm thời Mạt Pháp, kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất, kinh A Di Đà là kinh bậc nhất!

Đối với người đã ngoài năm mươi tuổi, tôi khuyên mọi người học kinh hãy nên học một bộ kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác này. Quý vị học bộ kinh này, một bộ kinh, một câu Phật hiệu, khiến cho tâm định, quyết định chẳng dao động, quyết định chẳng biến đổi, khi nào có thể thành công? Mười năm. Thật sự định thì thứ gì cũng đều chẳng nghĩ tới, thật sự có thể làm như vậy, chúng ta đối chiếu với các hiệu quả thông thường, nhìn vào hiệu quả tu học thì phải biết là bốn hay năm năm quý vị sẽ đắc tam-muội. Tam-muội là như thế nào? Tâm thanh tịnh. Quý vị đạt được sự thanh tịnh như kinh Vô Lượng Thọ thường nói, chẳng còn Kiến Tư phiền não. Lại chừng hai ba năm, quý vị đắc định, nhất định khai trí huệ. Trí huệ ấy chẳng phải là đại triệt đại ngộ, nhưng là đại ngộ, chẳng phải là tiểu ngộ. Là đại ngộ thì quý vị có thể thông hiểu một phần trong hết thảy các

pháp, chẳng phải là thông suốt toàn bộ, quý vị có thể hiểu thấu suốt một phần. Chẳng hạn như nói đến Tịnh Độ Tông thì những kinh luận có liên quan đến Tịnh Độ Tông, quý vị đều thông suốt toàn bộ. Trong thế gian này, lại tiếp tục nỗ lực, sẽ triệt ngộ. Đại triệt đại ngộ thì sẽ thông suốt toàn bộ. Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, kinh nói thân phận và địa vị của quý vị là đại sĩ, Pháp Thân đại sĩ, có thể chứng đắc trong một đời hay không? Có thể chứ! Có gương nào hay không. Có một tấm gương như Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm là một thí dụ, hãy học theo, Ngài nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Thiện Tài rèn luyện chính mình như thế nào? Quý vị thấy Ngài ở nơi thầy, thầy Ngài là Văn Thù Bồ Tát, đã đại triệt đại ngộ trong hội của thầy, tức là đã tốt nghiệp, thầy chẳng giữ lại, bảo Ngài đi tham học. Trong hội của thầy, đại triệt đại ngộ là Căn Bản Trí, minh tâm kiến tánh, thầy bảo Ngài hãy tham học Hậu Đắc Trí. Năm mươi ba lần tham học, pháp môn khác biệt, hoàn cảnh khác biệt, văn hóa khác biệt, nhóm người khác biệt, nghề nghiệp khác biệt, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, Ngài đều đến xem xét, phỏng vấn, nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết, hễ tiếp xúc bèn hiểu rõ.

Tuy tham học, nhưng trong suốt quá trình tham học, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, Ngài đều có thể không khởi tâm, không động niệm, luyện công phu ấy. Công phu ấy là gì? Công phu ấy là Định Huệ chân thật, như như bất động là Định, hiểu rành mạch, rõ ràng là Huệ, không gì chẳng biết. Định lẫn Huệ học cân bằng thì mới thật sự thành Phật, chẳng giả! Ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, sở học chẳng phải là vô dụng, thật sự hữu dụng! Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, đó là Phật pháp chân thật, vận dụng nơi thân của chính mình sẽ là thân tâm khỏe mạnh, vui sướng khôn sánh, trong Phật pháp nói là “*pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ*”, chính mình đạt được điều này. Giúp đỡ người khác, chúng ta nói là “ảnh hưởng”, ảnh hưởng là gì? Quý vị ở nơi đây bèn có thể chuyển cảnh giới nơi này. Người nơi này tạo tội nghiệp, cảnh giới chẳng tốt đẹp, giống như hiện thời trên địa cầu có nhiều tai nạn ngán ấy, quý vị ở nơi đây chẳng có tai nạn, [các tai nạn] đều bị hóa giải, đó là chúng sanh được phước. Vì sao hóa giải? Vì phước báo của quý vị. Quý vị còn dạy họ. Nếu quý vị chẳng dạy họ, trong tương lai, quý vị đến nơi khác, tai nạn sẽ hiện tiền, nên quý vị phải dạy họ kỹ càng. Giáo dục là căn bản, trị tận gốc, ta đã giác ngộ, mọi người thấy đều giác ngộ; ta đã hiểu, mọi người đều hiểu rõ, thế giới này liền biến thành thế giới Cực Lạc. Thật sự hữu dụng, chẳng mê tín tí nào. Do vậy, vô lượng vô biên trí huệ, vô lượng vô biên phước báo, học từ đâu? Học trong Phật môn, học trong Tịnh Tông. Những thứ tốt đẹp như vậy, chúng ta có thể chẳng cần đến ư? Hôm nay đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu học từ phần Tứ Vô Ngại Biện Tài.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 129

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải Trạng một trăm bốn mươi tám, dòng thứ tư, xem từ câu thứ ba:

“*Hựu Tịnh Ảnh Sớ vị Như Lai đắc Tứ Vô Ngại Trí. Như Lai do vô ngại chi trí, hưng vô ngại chi tứ biện*” (Lại nữa, Tịnh Ảnh Sớ nói Như Lai đắc Tứ Vô Ngại Trí. Do trí vô ngại, Như Lai hưng khởi bốn món vô ngại biện tài). Trong bản chú giải này, ngài Huệ Viễn đã nói rất hay, Ngài nói Như Lai đắc bốn thứ trí huệ vô ngại. Từ trí huệ vô ngại, sanh khởi bốn thứ vô ngại biện tài. Do điều này có thể biết: Phương tiện trọng yếu nhất trong hạnh lợi tha là vô ngại biện tài. Chúng ta cũng đều mong có thể tu thành năng lực như vậy, nhưng vô ngại biện tài là trí huệ khởi tác dụng, mỗi người đều vốn sẵn có, chẳng khác gì chư Phật Như Lai! Nay vì sao chúng ta khác biệt Phật lớn dường ấy? Đức Phật dạy: Nguyên nhân là do chúng ta mê mắt tạt ánh, cũng lờn như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chứng đắc*”. Quý vị thấy một câu nói này của đức Phật đã nói toạc căn bệnh của chúng ta. Vì sao chúng ta đánh mất trí huệ và đức tướng? Do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nói cách khác, nếu chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, trí huệ và đức tướng vốn sẵn có trong tự tánh liền hiện tiền. Đó là lý luận, buông xuống là được rồi! Chúng sanh và Phật sai biệt ngay trong một niệm; thật sự buông xuống một niệm, trí huệ liền hiện tiền. Chúng ta phải ghìnhớ, đức Phật nói “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”; tuy [trong câu kinh Hoa Nghiêm vừa dẫn trên đây] Ngài chỉ nói “*vọng tưởng, chấp trước*”, nhưng đó là do Ngài đã tỉnh lược “*phân biệt*”. Chấp trước là Kiến Tư phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, vọng tưởng là Vô Minh phiền não. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta đã học những điều này rất nhiều và cũng đều rất quen thuộc. Buông Kiến Tư phiền não xuống, liền chứng quả A La Hán. Buông Trần Sa phiền não xuống là Bồ Tát. Phá Vô Minh phiền não bèn thành Phật, kinh nói [người như vậy] là Pháp Thân đại sĩ, đã thành Phật. Trong Kim Cang Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông đã giới thiệu [từ ngữ] “*chư Phật Như Lai*” [được dùng trong kinh Kim Cang] chính là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Do có bốn mươi một tầng cấp khác biệt, nên gọi là “*chư*”. Pháp Thân đại sĩ là Như Lai, là Phật.

Nói theo lý luận, phàm phu thành Phật trong một niệm, kinh nói là “*nhất niệm khoảnh*”. Chúng ta không buông xuống được; vì sao chẳng buông xuống được? Chẳng có trí huệ, nên quý vị chẳng thấy thấu suốt. Trong cuộc sống hằng ngày, dù học tập Phật pháp Đại Thừa, chúng ta luôn dùng vọng tâm, chẳng dùng chân tâm. Vọng tâm được Tướng Tông (Duy Thức học) gọi là “*tám thức, năm mươi một Tâm Sở*”. Không riêng gì chúng ta dùng tâm này, mà hai mươi tám tầng trời, cho đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật (Phật trong mười pháp giới) cũng dùng cái tâm này. Nếu chúng ta có thể “*chuyển tám thức thành bốn trí*” như Tướng Tông đã nói, thì được! Chẳng dùng tám thức, mà dùng bốn trí. Bốn trí là gì? Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quan Sát Trí, Đại Viên Kính Trí, và Thành Sở Tác Trí; đó là bốn trí. Kinh này nói Như Lai do trí vô ngại, nên mới có thể phát khởi bốn thứ vô ngại biện tài. Vì vậy, cảnh giới được nói ở đây chẳng phải là cảnh giới của phàm nhân. Chuyển tám thức thành bốn trí thì mới có bốn thứ năng lực ấy, giáo hóa trọn khắp hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới.

Chúng ta học Phật thì học Phật chẳng phải là ôi kinh điển rặt tụng niệm, làm như vậy chẳng có tác dụng to lớn gì, chỉ có thể nói là tốt hơn không niệm. Vì sao? Khi niệm, bèn gieo chủng tử vào trong A Lại Da, chủng tử ấy tốt đẹp. Muốn thành tựu, ắt cần phải trọn đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên thì mới có thể thành tựu trong một đời này. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên chẳng đủ, lại tu dần dần. Tu chẳng phải là thành tựu ngay trong một đời, vẫn phải là đời đời kiếp kiếp tích lũy thiện căn, phước đức, nhân duyên, chừng nào [những thứ ấy] chín muồi thì sẽ thành tựu. Vì lẽ đó, trí huệ là trọng yếu. Trí huệ do đâu mà có? Do Thiên Định mà có. Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy: Bồ Tát nhằm tự lợi, tu Thiên Định rất sâu, Định có thể sanhra Huệ. Làm sao để có Định? Định do trì giới mà có, lại truy ngược lên trước. Do điều này có thể biết, Phật pháp chẳng có gì khác, Tam Học Giới, Định, Huệ mà thôi! Giới là phương tiện, là phương pháp, Định là mấu chốt, Trí Huệ là mục tiêu. Chúng ta dùng phương pháp trì giới để đạt tới tâm thanh tịnh, điều này trọng yếu. Có những kẻ trì giới dường như vô cùng nghiêm ngặt, cẩn thận, nhưng chẳng đắc Định. Vì sao? Giới hạnh của chính mình khá lắm, Ngũ Giới và Thập Thiện đều tu rất tốt đẹp, nhưng thấy người khác chẳng trì giới bèn sanh phiền não, khinh mạn người khác! Chư vị nghĩ xem, người thật sự biết tu Thiên Định sẽ đắc gì? Đắc tâm thanh tịnh, đắc Định; còn một vị tu giới luật, người trì giới, đắc gì? Người ấy đắc kiêu căng, ngạo mạn, coi thường kẻ khác, đạt được những điều ấy, đắc phiền não! Quý vị thấy đó, không trì giới thì chẳng có phiền não, trì giới bèn đắc phiền não, sai mất rồi! Chẳng trì giới thì còn cung kính người khác. Hễ trì giới bèn chẳng có chút xíu tâm cung kính nào đối với người khác, [luôn nghĩ] những kẻ đó chẳng bằng ta. Có phải là Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy sai hay không? Đức Phật dạy chẳng sai, mà là bản thân chúng ta dụng tâm sai quấy, chẳng biết dụng tâm!

Vì thế, thật sự trì giới, nhất định phải thực hiện từ Đệ Tử Quy, trước hết là tu lễ kính. Quý vị thấy mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, trong phần sau, kinh sẽ dạy chúng

ta, tức là trong đoạn “*trụ Phổ Hiền hạnh*”, điều thứ nhất Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta là tu lễ kính, “*lễ kính chư Phật*”. Ai nấy đều là Phật, hết thấy vạn vật không gì chẳng là Phật thì mới có thể tu viên mãn sự lễ kính này. Phải học theo Thiện Tài đồng tử! Trong sự cảm nhận của Thiện Tài đồng tử, “tất cả hết thấy chúng sanh đều là chư Phật Như Lai, chỉ có mình ta là phàm phu”, nên Ngài tu thành công. Nay chúng ta tu chẳng thành công là vì lẽ nào? Ý niệm sai lầm! Ta tôn kính Phật; trừ Phật ra, tất cả đều là phàm phu, chẳng khác ta cho mấy, còn có rất nhiều kẻ chẳng bằng ta! Do tâm thái đó, tu hành suốt đời vẫn chẳng thành công, thua xa Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài đồng tử dùng chân tâm, chẳng phân biệt, không chấp trước; nay chúng ta tu Giới, Định, Huệ, dùng vọng tâm, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên tu kiểu nào cũng đều tu chẳng thành công, đạo lý ở chỗ này. Vì sao? Chẳng cung kính kẻ khác, tức là thiếu lễ kính đối với chính mình! Vì sao? Tự và tha không hai. Coi người khác đều như Phật, Bồ Tát, tức là cung kính chính mình, trong đời này, bản thân chúng ta mới có thể đạt được thành tựu. Tiểu thành tựu là A La Hán, thành tựu bậc trung là Bồ Tát, thành tựu tối thượng thừa, quý vị thành Phật. Ấn Quang đại sư nói rất hay: “*Một phần thành kính đạt được một phần thành tựu, mười phần thành kính đạt được mười phần thành tựu*”. Tâm chúng ta chỉ có một phần thành kính, chỉ có thể chứng tiểu quả. Tiểu quả khá lắm, rất khó có. Tiểu quả là gì? Tu Đà Hoàn, tức Sơ Quả, hoặc địa vị Sơ Tín trong các địa vị thuộc hàng Thập Tín Bồ Tát. Nếu kiên cố, ngạo mạn, xem thường người khác, ngay cả địa vị này cũng chẳng đạt được!

Trong hai mươi, ba mươi năm gần đây nhất, khi sống ở Mỹ, tôi thường cùng các đồng học cùng nhau học tập một chỗ, tôi thường nói “*hãy buông xuống mười sáu chữ*”. Mười sáu chữ ấy chính là “*tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn*”, tôi nói mười sáu chữ ấy. Tôi lại còn nói rất rõ ràng: Thật sự làm được mười sáu chữ ấy, quý vị thật sự buông xuống, tôi nói quý vị đạt đến địa vị gì, đạt đến nơi nào? Quý vị đến cửa ngõ của Phật, chưa tiến vào. Tiến vào thì sao? Để tiến vào, phải dùng tiêu chuẩn của Phật, chứ tiêu chuẩn của tôi chưa được. Tiêu chuẩn của tôi chỉ có thể dẫn quý vị đến cửa ngõ chánh yếu. Tiêu chuẩn của Phật là phải thật sự buông chấp trước, phân biệt, vọng tưởng xuống. Buông chấp trước xuống, quý vị chứng A La Hán là địa vị cao nhất trong Tiểu Thừa, vượt thoát lục đạo luân hồi, chứng đắc Thanh Văn, Duyên Giác. Lại tiến cao hơn, sẽ buông xuống phân biệt, trở thành Bồ Tát, quý vị thành Phật, tức là địa vị Phật trong mười pháp giới. Cuối cùng, có thể buông vô minh phiền não, kinh Hoa Nghiêm gọi [vô minh phiền não] là vọng tưởng, chẳng khởi tâm, không động niệm, quý vị thành Phật. Khi ấy, mười pháp giới chẳng còn nữa. Vượt thoát mười pháp giới, quý vị ở nơi nào? Quý vị trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Điều phải dùng chân tâm, không thể dùng vọng tâm. Hãy ghi nhớ, trong chân tâm chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, phải luyện tập trong cuộc sống thường ngày. Phật, Bồ Tát trong kinh giáo, tổ sư đại đức trong học tập và chia sẻ, các tác phẩm chú giải của các Ngài đều là học tập, chia sẻ, đều chân thành bảo ban chúng ta như thế này: Tùy duyên, đừng phan duyên, “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Chúng

ta phải học kỹ càng, nghiêm túc học tập hai câu ấy, có thể tùy thuận chúng sanh. Thứ gì cũng đều tốt đẹp, chớ nên so đo, chỉ cần họ chẳng có tà tri tà kiến thì tốt lắm rồi. Mỗi người có hạnh nghiệp khác nhau, nghiệp nhân, quả báo đời đời kiếp kiếp khác nhau, đức Phật biết chuyện này, nên Ngài mở ra tám vạn bốn ngàn pháp môn, mở ra vô lượng pháp môn, đó là gì? Hằng thuận chúng sanh. Nếu chẳng hằng thuận chúng sanh, một pháp môn là được rồi, đức Phật mở ra nhiều như vậy để làm gì? Đức Phật mở ra nhiều pháp môn ngàn ấy, chẳng có gì khác, chính là vì hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, ý nghĩa ở chỗ này. Chúng ta phải hiểu dụng ý của lão nhân gia thì mới có thể học những thứ này nọ. Do đó, thật sự tu hành là tu trong cuộc sống hằng ngày, trong sinh hoạt, trong công việc, trong đãi người, tiếp vật, hãy sửa đổi những ý tưởng sai lầm, sửa đổi cách nhìn sai lầm, ngôn luận sai lầm, sửa đổi hành vi sai lầm; đó là tu hành. Tu hành bậc cao là Bồ Tát. Bồ Tát chẳng tu hạnh Phổ Hiền, sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Vì thế, quý vị hiểu mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát chính là cương lĩnh tu hành của các Pháp Thân Bồ Tát, chúng ta phải hiểu chỗ này!

Pháp môn Tịnh Tông có duyên với Phổ Hiền Bồ Tát quá sâu, vì sao? Tịnh Tông là pháp môn Phổ Hiền. Quý vị thấy kinh này, vẫn còn đang trong Tự Phần, phần Chứng Tín Tự là Đức Tuân Phổ Hiền. Quý vị thấy đề mục của phẩm này là Đức Tuân Phổ Hiền. Do đó, Tịnh Độ chẳng thể rời khỏi Phổ Hiền Bồ Tát. Vào đời nhà Thanh trước kia, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, là một vị đại thiện tri thức trong Phật môn, đã đặc biệt lấy ra quyển cuối cùng của Tứ Thập Hoa Nghiêm, tức là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm của kinh Hoa Nghiêm, ghép vào sau Tịnh Độ Tam Kinh, đặt tên là Tịnh Độ Tứ Kinh, có lý lắm! Nói rõ chuyện gì? Nói rõ Tịnh Độ là tu Phổ Hiền hạnh, chẳng khác gì Hoa Nghiêm. Thuở trước, vào thời Càn Long, cư sĩ Bành Nhị Lâm là người đầu tiên đã nói kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bản Hoa Nghiêm, ông Bành Nhị Lâm nói như thế. Ngụy Mặc Thâm đã có hành động như thế này: Dem phẩm Hạnh Nguyện “mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”, tức là dem một đoạn kinh văn lớn này ghép vào sao Tịnh Độ Tam Kinh. Chúng ta tu Phổ Hiền hạnh. Tịnh Tông Học Hội thành lập, chúng tôi đề ra các công khóa mà các đồng học Tịnh Tông bắt buộc phải tu gồm năm môn, không nhiều lắm. Nhiều quá, sẽ thành quá rắc rối, phiền phức, hạnh môn càng đơn giản càng hay! Trong năm khoa ấy, thứ nhất là Tịnh Nghiệp Tam Phước xuất phát từ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh (Thập Lục Quán Kinh). Đoạn kinh văn này là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong Tịnh Tông, quý vị chớ nên không biết! Phương hướng và mục tiêu của Tịnh Tông ở ngay trong một đoạn kinh văn ấy. Trong ba điều của Tam Phước, điều đầu tiên là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”. Chúng ta có làm được hay không? Vãng sanh Tịnh Độ mà nếu chẳng làm được điều này, sẽ chẳng thể vãng sanh; chẳng có tâm hiếu thuận đối với cha mẹ là không được rồi!

Kể suốt đời làm ác, lúc lâm chung gặp thiện tri thức khuyên dạy kẻ ác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, kẻ ấy thật sự nghe lời. Thật sự nghe lời là sám hối chân thật trọng yếu nhất. Nghiệp

chương từ vô thi và trong đời này, do sự sám hối ấy liền tiêu trừ. Tâm hiểu thuận thật sự dấy lên. Tuy kiếp đã mạng chung, ngay lập tức vãng sanh, là do cái tâm hiểu thuận cha mẹ, tâm tôn sư trọng đạo thật sự dấy lên. Nếu cái tâm ấy chẳng dấy lên, kẻ đó sẽ chẳng thể vãng sanh, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Do đó, lâm chung gặp gỡ bạn lành, [nói] kẻ ấy có thiện căn hay không, chính là nói kẻ ấy có thật sự sám hối hay không. Thật sự sám hối, A Di Đà Phật tiếp nhận, sẽ tiếp dẫn kẻ ấy vãng sanh. Do sự sám hối ấy, sẽ đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện, có thể thành tựu hết thấy điều thiện trong một niệm. Chẳng phải là chuyện may mắn! Trong khi ấy mà có thể thật sự sám hối, chắc chắn là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ người ấy đã tu hành khá lắm, nhưng đời này mê hoặc, chẳng gặp bạn lành, nên học theo những điều xấu! Khi lâm chung, có người cảnh tỉnh, thiện căn tức thể bèn phát hiện, sức mạnh sám hối ấy rất lớn, [kẻ ấy] thật sự quay đầu. Cổ nhân nói “*lãng tử hồi đầu, kim bất hoán*” (lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi). Kẻ ấy thật sự quay đầu, thật sự là người tốt; do điều kiện này, nên mới có thể vãng sanh. Vì lẽ đó, kinh Di Đà dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy), đó là thiện căn. Suốt đời làm ác, thiện căn có thể hiện tiền, liền gặp được thiện hữu. Duyên này rất quan trọng, gặp được thiện hữu chỉ dạy, người ấy hoá nhiên minh bạch. Trong Phật pháp, chắc chắn chẳng có chuyện may mắn; toàn bộ đều là công đức chân thật, vì chúng ta thấy loại người như vậy vãng sanh rất nhiều. Khi xưa, chúng tôi không hiểu rõ giáo lý cho lắm, nên có nghi hoặc. Do được huân tu nhiều năm ngàn ấy, cuối cùng chúng tôi vỡ lẽ: Khi ấy là do thiện căn chẳng thể nghĩ bàn trong đời trước phát hiện.

Đối với phước thứ nhất trong ba phước, nay chúng tôi đề xướng học tập *Đệ Tử Quy*. Vì sao học *Đệ Tử Quy*? *Đệ Tử Quy* là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*” được nói cặn kẽ. Chúng ta hiếu dưỡng phụ mẫu và phụng sự sư trưởng như thế nào? Làm được một ngàn lẻ tám mươi chữ của *Đệ Tử Quy*, quý vị liền làm được “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”, quý vị có thể chẳng làm được? Nếu quý vị chẳng thể làm được, tức là chỉ niệm suông hai câu ấy! “*Từ tâm chẳng giết*”, chúng ta thực hiện câu này bằng Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Cảm Ứng Thiên giảng về thiện ác nhân quả tổng cộng một trăm chín mươi lăm điều. Chớ nên không hiểu giáo dục nhân quả! Chớ nói [chỉ có] ngôn ngữ, tạo tác thì mới có quả báo, [phải biết, ngay cả] khởi tâm động niệm cũng có quả báo, nói rất vi tế. Câu cuối cùng là “*tu Thập Thiện Nghiệp*”; đó là cội rễ trong Phật môn. Do đó, tôi nói: Câu này đã giảng về ba cội rễ. Cội rễ của Nho là *Đệ Tử Quy*, cội rễ của Đạo là *Cảm Ứng Thiên*, cội rễ của Phật là *Thập Thiện Nghiệp*. Vừa mở đầu, phải đặt vững ba cội rễ này thì quý vị sẽ có phước thứ nhất trong *Tịnh Nghiệp Tam Phước*.

Còn người hiện tại thiếu phước, tuy thiếu phước nhưng thoát nhìn lại dường như là hưởng thụ khá lắm? Đúng vậy, họ hưởng phước, phước của họ do đâu mà có? Đã tu trong đời quá

khứ, đời này được làm thân người, hưởng phước báo. Họ hưởng phước báo, do chẳng có ai dạy, nên họ chẳng biết tu phước. Chẳng giống như trong quá khứ! Trong xã hội cũ thời quá khứ, quả thật là bất luận quý vị có phước hay vô phước, người già đều biết tu phước; cũng có thể nói là những người bình phàm trong xã hội đều biết phải học tập ba căn bản ấy. Trung Quốc cổ đại gọi ba căn bản ấy là vun bồi cõi rể giáo dục, học vào lúc nào? Trẻ thơ từ lúc vừa sanh ra cho đến ba tuổi làm một ngàn ngày. Cách học như thế nào? Cha mẹ nêu gương cho con thấy. Quý vị thấy trẻ thơ chưa biết nói, nhưng nó biết nhìn, biết nghe, đã biết bắt chước. Do đó, một ngàn ngày ấy là thâm căn, cội rễ; ở trong nhà, cha mẹ phải thực hiện cho con thấy ba căn bản ấy. Gia đình thời cổ là đại gia đình, người hiện thời không có cách nào tưởng tượng loại gia đình kiểu ấy. Trong thời quá khứ là năm đời cùng sống trong một nhà; nhìn lên, quý vị có cha, có công, có cụ cố, cụ sơ, năm đời. Nhìn xuống, bèn có con, cháu, chắt, chít, nên nói là “chín đời”. Thời cổ, quý vị nói đến gia đình là nói đến chín đời, chín đời cùng sống trong một nhà, gia đình to như thế đó! Thông thường, một nhà có bao nhiêu người? Nói chung, thường có khoảng ba trăm người. Chín đời sống cùng một nhà, nếu trong nhà chẳng có quy củ thì chẳng phải là rối loạn tít mù? Đáng sợ lắm! Do đó, hễ tề gia bèn có thể trị quốc, trị gia và trị quốc chẳng khác gì nhau! Có khả năng và trí huệ để trị gia, sẽ có thể trị quốc. Đó là xã hội trước kia, quý vị thấy: Rất coi trọng giáo dục, coi trọng vun bồi cõi rể.

Vun bồi cõi rể là trì giới. Phật môn nói đến chuyện trì giới, có cơ sở như vậy thì mới có thể nhập Phật môn. Do đó, phước thứ nhất trong ba phước là phước thế gian, chẳng phải là xuất thế gian. [Thực hiện trọn vẹn phước thứ nhất] thì đối với “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” như trong kinh Phật đã nói, quý vị mới đạt tư cách ấy, quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Thiện nam tử, thiện nữ nhân mới có thể nhập Phật môn, tôn Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy, theo Phật học kinh giáo, nâng cao đức hạnh và định huệ của chính mình. Vì lẽ đó, đối với điều thứ hai trong ba phước, quý vị thấy “*thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”, đó là pháp xuất thế. Thọ trì Tam Quy, thật sự bái sư, bái Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy, tiếp nhận giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy những gì? Dạy Tam Quy, Phật dạy quý vị điều này, Tam Quy là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong việc học Phật. Quý vị làm thế nào mới có thể thành Phật? Phương pháp thành Phật vô lượng, vô biên, nên [đức Phật nói] vô lượng pháp môn. Vô lượng pháp môn xét đến cuối cùng, đến khi thật sự thành Phật, quy nạp lại thì chỉ có ba môn, bất luận theo một môn nào trong ba môn này, quý vị chỉ cần đạt được một môn sẽ thành Phật. Vô lượng pháp môn ví như vô lượng đường lối, bất luận quý vị từ đâu đến, hễ đến đại diện của Phật, đại diện này chỉ có ba cửa, theo bất cứ cửa nào để bước vào! Hễ vào được một môn, môn nào quý vị cũng đạt đến, các pháp môn bình đẳng! Các pháp môn chính là ba môn Giác, Chánh, Tịnh được dạy bởi Tam Quy. Quy y Phật, Phật đại diện cho Giác môn, có thể thành Phật, giác chứ không mê. Môn thứ hai là Pháp, Pháp là Chánh môn, chánh tri, chánh kiến. Môn thứ ba là Tịnh môn, tâm địa thanh tịnh, tịnh mà bất nhiễm. Ba môn này là “*thành Phật chi môn*”.

Theo môn nào để vào? Căn tánh của mỗi người khác nhau. Nói thông thường, Giác môn khó nhất. Người thượng thượng căn và Thiên Tông đi theo môn này, Tánh Tông đi theo môn này, thượng trung hạ tam căn đều chẳng có phần! Vậy thì làm sao? Ba căn thượng, trung, hạ thường theo Chánh môn, tức là quy y Pháp, Pháp là chánh chứ không tà. Môn này giống như cách tổ chức trong nhà trường, có Tiểu Học, có Trung Học, có Đại Học, có nghiên cứu sinh. Quý vị có thể tiến dần dần, học tập dần dần. Giác môn chẳng có [chuyện này]; Giác môn là một bước lên trời, chẳng có tầng cấp, có thể tiến lên bèn thành Phật. Chẳng thể đi lên thì bất cứ đi lên cũng đều chẳng thể thành. Giống như lên cầu thang, thử chúng tôi còn trẻ, học Phật, thầy bảo chúng tôi, Giác môn là gì? Giác môn giống như đi thang máy, sau khi bước vào, thang máy chạy đến tận tầng cao nhất mới mở cửa cho quý vị bước ra. Nếu quý vị chẳng có năng lực ấy, chẳng có năng lực ấy tức là ba căn thượng, trung, hạ, sẽ như thế nào? Trèo cầu thang! Pháp môn theo Chánh môn là trèo cầu thang; quý vị có thể trèo lên từng tầng một, cũng có thể tiến đến đỉnh. Pháp môn thứ ba tương đối đặc thù, tức là Tịnh môn chuyên tu tâm thanh tịnh, tâm địa thanh tịnh cũng có thể lên tới đỉnh. Hai tông phái thuộc Tịnh môn: Tịnh Độ Tông đi theo hạnh môn này, Mật Tông cũng theo hạnh môn này, Mật Tông là tu tâm thanh tịnh. Đều là tu tâm thanh tịnh, nhưng phương pháp tu hành khác nhau. Tịnh Tông như thế nào? Xa lìa nhiễm ô, nên tu Tịnh Độ tương đối dễ dàng. Mật chẳng lìa nhiễm ô, nên Mật đặt được thanh tịnh chắc chắn là phải cao hơn Tịnh, vì sao? Tu thanh tịnh trong nhiễm ô, đó là chân thanh tịnh. Chuyện này kẻ bình phàm cũng chẳng thể làm được, nên hiện thời, người tu Mật pháp thành tựu tôi. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cho tôi biết cụ học Mật, thầy Lý cũng học Mật, họ đều bảo tôi “quá ư là khó!”

Tôi học Phật, thân cận [vị thiện tri thức] đầu tiên là Chương Gia đại sư, Ngài là bậc đại đức trong Mật Tông. Vị này là người tốt, là thiện tri thức thật sự, vì sao? Ngài chẳng dạy tôi học Mật, mà dạy tôi học Hiền Giáo, học Giáo. Vì sao không cho tôi học Mật? Ngài nói rất rõ ràng. Ngài nói đối với Mật, lấy trường học để tỷ dụ thì Mật thuộc giai đoạn nào? Là lớp tiến sĩ, là lớp tiến sĩ thuộc viện nghiên cứu. Giáo là gì? Giáo là Đại Học, Trung Học, và Tiểu Học. Quý vị phải học bắt đầu từ Tiểu Học, tiến lên dần dần. Học xong Tiểu Học bèn học Trung Học. Học xong Trung Học bèn học Đại Học, học Đại Học xong bèn học nghiên cứu sinh, học xong nghiên cứu sinh rồi cuối cùng mới học lớp Tiến Sĩ. Do đó, lão nhân gia bảo tôi: “Người thật sự học Mật là ai? Từ Sơ Địa trở lên. Chưa chứng đắc Sơ Địa, quý vị chẳng đủ tư cách để học Mật!” Giống như các lớp nghiên cứu sinh và tiến sĩ, phải thoả điều kiện gì thì mới có thể theo học lớp Tiến Sĩ. Tôi mới hiểu rõ, Tịnh [trong Mật Tông] là thanh tịnh thật sự, chẳng giống như trong Tịnh Độ Tông. Tịnh Độ Tông là xa lìa nhiễm ô, xa lìa tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, để đặt được thanh tịnh. Mật chẳng giống như vậy, chẳng cần xa lìa!

Hiểu những đạo lý này, chúng ta là căn tánh gì, phải nên đi theo con đường nào, bản thân chúng ta chẳng nhận biết. Thầy là bậc cao nhân, nếu chúng ta chẳng nghe lời thầy, chẳng tôn trọng thầy, chẳng y giáo phụng hành, vậy thì quý vị phải tự gánh lấy trách nhiệm, tự gánh lấy nhân quả trong sự tu học. Chúng ta y giáo phụng hành, hoàn toàn vâng theo thầy, trong tương lai tahọc chẳng thành tựu, trách nhiệmmấy thầy phải gánh chịu. Thầy bảo ta làm như thế nào, ta liền làm như thếấy, ta noi theo đường lối của thầy, chẳng sai! Vì thế, nếu chính mình có ý kiến, chẳng nghe lời thầy, thì cổ ngạn ngữ có câu: “*Chẳng nghe lời người già, chịu thua thiệt trước mắt*”, thật sự thua thiệt, thua thiệt to lớn! Khi nào mới biết? Khi bị thua thiệt, bị lừa gạt rồi mới biết, hồi chẳng kịp! Tôi nghe lời thầy, thưa cùng chư vị, tôi luôn hết sức tiếc nuối, tôi nghe lời thầy mấy phần? Khoảng chừng bảy phần, còn ba phần là gì? Hoài nghi, nên đời này tôi thành tựu rất hữu hạn. Nếu tôi nghe lời thầy một trăm phần trăm, sẽ chẳng phải là tình trạng như hiện thời, tôi thiếu là có thể sánh bằng tổ sư, đại đức, có thể đạt đến [cảnh giới] giống như Ấn Quang đại sư, Liên Trì đại sư, có thể đạt đến cảnh giới của các Ngài. Tôi học Phật sáu mươi năm, rất đáng tiếc, tôi chẳng hoàn toàn nghe lời, chỉ nghe bảy phần. Tôi dạy người khác, [họ] có thể hoàn toàn nghe theo, bèn vượt trời tôi, tôi hoan hỷ, chẳng ganh tỵ, đúng là phải nên như thế! Cổ nhân nói: “*Thanh xuất u lam, nhi thắng u lam*” (màu xanh phát xuất từ màu chàm, nhưng trời vượt màu chàm). Đó là sự thành tựu trong giáo học. Hy vọng duy nhất trong giáo học là hy vọng học trò vượt trời chính mình, thế giới này mới được cứu. Từ nay trở đi, mỗi thế hệ sau mạnh mẽ hơn thế hệ trước. Nếu thế hệ sau chẳng bằng thế hệ trước, đáng thương quá! Chúng sanh phải chịu tội, phải gặp nạn! Mỗi thế hệ sau phải vượt trời thế hệ trước, đó là chánh xác. Trong quá khứ, chúng ta học tập đã phạm phải những lỗi lầm nào, mong thế hệ kế tiếp chẳng phạm cùng một lầm lỗi, họ phải vượt trời chúng ta.

Nguyên tắc chỉ đạo rành rẽ, minh bạch là trước hết, phải vun bồi giới luật vững vàng, đó là đức hạnh. Không Tử giáo học, điều thứ nhất là dạy đức hạnh, thứ hai là ngôn ngữ, thứ ba mới là chánh sự^{12[1]} và văn học. Chẳng có đức hạnh thì làm sao được? Mà cốt lõi, cội nguồn của đức hạnh là “*hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy*”. Xã hội hiện tại khuyết thiếu điều này, bất hiếu với cha mẹ, chẳng có ý niệm tôn sư trọng đạo, làm sao có thể học thành công cho được? Học trò chẳng biết tôn sư trọng đạo, chẳng biết hiếu thuận với cha mẹ, Phật, Bồ Tát đến dạy kẻ ấy cũng vô dụng, chẳng dạy được! Kẻ ấy chẳng thể tiếp nhận. Căn bản nhất định phải được vun bồi từ bé. Từ nhỏ, chúng ta đã sơ sót, chẳng vun bồi căn bản này; nay đã hiểu rõ, sau khi đã hiểu rõ bèn phát phần, nỗ lực, học tập bổ sung khóa trình trọng yếu này thì được! Chẳng phải là không được, hãy bổ sung thật nhiều, bổ sung bằng Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên

^{12[1]} Hiểu theo nghĩa thông thường, “chánh sự” là những việc liên quan đến việc cai trị, nhưng chánh sự ở đây được dùng theo nghĩa là những kỹ năng và kiến thức cần thiết mà Nho sĩ phải học để có thể làm quan hoặc ứng phó trong cuộc sống.

vàThập Thiện Nghiệp. Nhất định phải biết: Chẳng có nhữngcăn bản ấy, dầu quý vị tiếp tục nỗ lực cho đến ba trăm năm, coi như quý vị sống trường thọ,có thể sống tới năm trăm năm, thì năm trăm nămcũngchẳng thể thành tựu! Vì sao?Thiếucăn bản! Thậtđây, chẳng giảđâu!Chúng ta thấy nhữngngườicó thành tựu, có thành tựukhác thường, nhữngngười ấy là ai? Làngườithật sự hiếu thuận vớicha mẹ, tôn kính sư trưởng,chẳng có chútphân biệt nào,chẳng có chút hoài nghi nào! Một trăm phần trămđễ bảo, người ấy thành tựu rất nhanh chóng. Ngườiấy trigrời tốtđẹp, do giới màđắcĐịnh, đắctam-muội, nói thôngthườnglà bao nhiêu năm?Ba năm! Sẽ chẳng nhiều hơnnăm năm, người ấyđãđắcĐịnh. Sau khi đắctĐịnh hai, ba năm, trí huệ liền mở mang. Khi trí huệ đã mở mang, người ấy học tậptất cả hết thầy các pháp môn dễ dàng, đó là “*một môn thông, hết thầy các môn đều thông*”.

Nhưng trong quá trìnhhọc tập,chỉ có thể học một môn, không thể học hai môn. Thầy cũng dạy chúng tôinhư vậy, nhưng như thế nào? Chúng tôi chẳng tuân phụcý thầy, nên thầy mới bắt đắcdĩ nói một câu như thế này: “*Học kỹ càng một môn rồi mới học môn thứ hai*”. Thầy bắt đắcdĩ nói như thế, chúng tôingỡ là thật. Học kỹ càng một môn xong bèn học môn thứ hai. Tôi tin tưởngthầy bảy phần, tôi học gì cũngđều là học một môn, mônấychẳng phải là học một lần, mà là họcmườilần rồi tôi mới học môn thứ hai. Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta “*suốt đời học một môn*”, chúng ta chẳng cam tâm, chẳng muốn vậy, luôn mong học nhiều một chút, sai bét rồi!Phải biết là cả đời học một môn thì từ mônấy có thể đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.Suốt mộtđờiquý vị chẳngthay đổi, chắc chắn sẽ minh tâm kiến tánh, trong Giáo Hạ goidó là “*đại khai viên giải*”. Đại khai viên giải làkinh điển chưa từng học, nhưng quý vị vừa giờ ra, chẳng có câu nào không hiểu rõ,thông suốt toàn bộ, đã khai huệ mà!Chúng tôidùng giáo huấn củacổ thánh tiên hiền để khuyênnngườikhác, cóngười thật sự làm,thật sự thâm nhập một môn,suốtđời chẳng thay đổi,người ấy cóthành tựu cao hơn tôi. Ngườiấy rất khiêm hư,đó làđạo lý nhất định. Cổ nhân Trung Quốc nói: “*Khi học vấn sâu xa, ý khí bình lặng*”.Đức hạnh và học vấn càng cao, càngkhiêm hư, càngcung kính, chẳngcó chút tập khí ngạo mạn nào, học vấn chân thật mà!Chúng ta trông thấy bènhoan hỷ, cóngườiduy trì chánh pháp, chánh phápsetồn tại dài lâu trong cõiđời. Chỉ cần sau này cóngười,đó là mộtđại sự khiến cho chúng ta vô cùng an ủi, vô cùnghoan hỷ.Ai có thể thành công? Ai nấyđều có thể thành công, vấn đề làquý vị có chịu làm hay không? Quảnhiên thật thà nghe lời,thật sự làm, chẳng có ai khôngthành tựu. Ai nấyđều có thể thành tựu, ai nấyđều làngười kếthừaThích Ca Mâu Ni Phật, nối tiếp huệ mạng củaphật, phổđộ chúng sanh, đều là [nhữngngười như vậy], chúng ta có chịu làmhay không? Vì thế,đầu tiên làquyết định chớ nên coi thường giới luật, nó là căn bản của mọicăn bản.

Đối với vấn đề này, lúc tôi còn trẻ, vì tôi do học Triết Học mà tiến nhậpPhậthọc, nên chẳng tin tưởnggiới luật. Tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, lão nhân gia đứng làphương tiện thiện xảo, nay tôimới biếtlão nhân gia từ bi, chỉ dạy tôi,dụng tâm nhọc nhằn. Ngài biết

chúng tôi là kẻ trẻ tuổi trong thời hiện đại, chẳng tin tưởng giới luật, làm trưởng giới luật là khuôn phép sinh hoạt của người Ấn Độ trong ba ngàn năm trước, chúng ta có nên học theo hay không? Chúng ta học Phật có phải là trở lại ba ngàn năm trước hay không? Thời đại vĩnh viễn tiến lên phía trước, sao chúng ta lại thụt lùi? Cớ sao thụt lùi về ba ngàn năm trước? Chúng ta là người Hoa, vì sao phải học theo người Ấn Độ? Tuy chúng tôi không nói ra quan niệm sai lầm ấy, nhưng thầy có trí huệ, thấy rất rõ ràng. Thầy chẳng quở trách tôi, mà cũng chẳng phê bình. Vì sao? Nếu thầy quở trách, phê bình, tôi sẽ không theo thầy học nữa, sẽ rời xa thầy! Thầy vô cùng thương yêu và quan tâm tôi. Tôi chỉ có một hai lần chẳng đến gặp thầy, thầy liền gọi điện thoại, hoặc sai người hầu gọi điện thoại cho tôi, hỏi tôi sức khỏe ra sao, vì sao không đến? Đúng là yêu thương giống như cha mẹ đối với con cái, tôi bị thầy làm cho cảm động. Đối với chuyện giới luật, thầy rất xảo diệu. Mỗi tuần chúng tôi gặp mặt một buổi, thưa trình cùng thầy những điều đã học trong một tuần, lại còn đem các vấn đề thỉnh giáo thầy. Mỗi lần học xong, khi tôi rời đi, thầy đều tiến đến tận cửa, nhẹ nhàng bảo một câu: “*Giới luật rất trọng yếu*”. Nói một câu như vậy, tôi nghe ước chừng mấy chục lượt, mỗi lần thầy đều nhắc tôi câu ấy!

Tôi theo thầy ba năm, lão nhân gia viên tịch. Ở chỗ hỏa táng, có đặc biệt tạo dựng một cái tháp nhỏ, dành riêng cho thầy. Lúc đó, có Cam Châu Hoạt Phật và mấy người nữa dựng lều bên cạnh, canh giữ tòa tiểu tháp hỏa táng. Họ ở được chừng từ một tuần cho đến mười ngày, tôi ở trong lều ấy ba ngày. Trong ba ngày, tôi hết sức nghiêm túc phản tỉnh: Tôi theo lão nhân gia ba năm, thầy dạy tôi những gì? Tôi học được những gì? Tôi nghiêm túc phản tỉnh. Vừa phản tỉnh, [bèn nhận thấy], điều đầu tiên là giới luật rất trọng yếu. Vì sao thầy bảo tôi câu ấy nhiều lượt như vậy, nhưng chẳng nói tỉ mỉ, mà cứ dùng một câu như vậy? Tôi liền nghiêm túc suy nghĩ vấn đề ấy. Suy nghĩ suốt hai tuần bèn vỡ lẽ, tôi đã sai mất rồi! Vì chúng ta học Phật, đã học Phật thì phải dùng tiêu chuẩn của Phật, chẳng thể dùng tiêu chuẩn của con người. Trước kia, trong quá khứ, chúng tôi có học Lễ, tức là Lễ nói theo văn hóa truyền thống của Nho gia Trung Quốc. Lễ của Tam Đại (Hạ, Thương, Châu) khác nhau. Ba triều đại Hạ, Thương, Châu có lúc hưng thịnh, có lúc suy vi; vì thế, Lễ có chỗ phải tu chỉnh, có chỗ phải thay đổi, giống như hiến pháp và pháp luật của quốc gia, cứ trải qua một khoảng thời gian lại cần phải tu chỉnh. Nay chúng ta học Phật, học Phật mong thành Phật, nhưng hiến chương và pháp luật thành Phật chẳng thể sửa đổi. Hễ sửa đổi, sẽ chẳng thể thành Phật. Tôi đã nghĩ thông đạo lý như vậy, mới biết Tam Quy, Ngũ Giới và những thứ trong Luật Tạng là đạo thành Phật, chẳng phải là pháp luật thế gian, nên chẳng thể sửa đổi. Tôi nghĩ thông suốt đạo lý ấy, quan niệm sai lầm về giới luật mới được sửa đổi đúng đắn.

Chương Gia đại sư dùng [thời gian] ba năm, lại còn thị hiện viên tịch, khiến cho tôi nghiêm túc phản tỉnh, hiểu rõ. Nếu thầy chẳng viên tịch, tôi sẽ chẳng thể phản tỉnh đạo lý ấy, vĩnh viễn giữ mãi quan niệm sai lầm về giới luật. Người hiện thời phạm lỗi lầm như tôi quá

lành, chẳng kiếm được người nào không phạm! Lại còn có kẻ có quan niệm sai lầm nghiêm trọng hơn tôi; tôi có thể phản tỉnh, họ chẳng thể phản tỉnh. Tôi phản tỉnh là do Chương Gia đại sư thị hiện. Thầy không thị hiện như vậy, tôi sẽ chẳng phản tỉnh, mới biết do Giới đấng Định, nhân Định khai Huệ. Đầu tiên, quý vị chẳng coi trọng Giới, làm sao đấng Định cho được? Làm sao có thể khai trí huệ cho được? Quý vị học suốt đời, dẫu học tốt đẹp cách mấy, chớ có thể làm một nhà Phật học, hiện thời có thể giành được mảnh bằng tiến sĩ Phật học, học được gì? Kiến thức về Phật pháp, chẳng phải là trí huệ. Vì Huệ do Giới và Định mà có. Quý vị chẳng có Giới và Định, sẽ chẳng có trí huệ. Những gì quý vị học là thường thức, tri thức. Tri thức có thể giải quyết vấn đề hay không? Không thể giải quyết vấn đề. Quý vị có tri thức ấy, xác thực là có thể giành được học vị Tiến Sĩ, có thể làm một vị giáo sư, phương Tây gọi quý vị là một nhà Hán học, hoặc nhà Phật học, quý vị có thể đạt được những điều ấy, nhưng chẳng có mảy may liên quan gì đến việc sanh tử, khai trí huệ và chứng quả của chính mình. Quý vị thấy những thứ ấy rất trọng yếu. Nói chung, chúng ta phải nhận thức rõ rệt giữa pháp thế gian và xuất thế gian. Do đó, nếu chúng ta học Phật, quý vị chẳng thể không coi trọng giới luật. Nếu quý vị coi trọng giới luật, chẳng thể không thực hiện từ ba căn bản là Đệ Tử Quy, Cấm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Nếu quý vị chẳng thực hiện từ ba căn bản ấy, chẳng thể đạt thành tựu, thật đấy, chẳng giả đâu!

Tôi cả đời này chẳng có phước báo, do trong đời quá khứ chẳng tu phước, nên suốt cuộc đời lên đên, chẳng ở chỗ nào cố định, chẳng có một hoàn cảnh định để học tập, từ đầu đến cuối chẳng có duyên phận ấy. Thường muốn ở cố định, nhưng quý vị thấy tôi đến nay đã tám mươi bốn tuổi, vẫn chưa ổn định được. Chuyện này khiến cho tôi thường cảm thấy tiếc nuối. Bốn ba khắp nơi, nói cho dễ nghe là “*rộng kết pháp duyên*”, nhưng đối với sự vun bồi cơ sở Định Huệ của chính mình, xác thực là có chướng ngại rất lớn. Vì lẽ, người hiện thời phải tu phước, loại phước báo nào lớn nhất? Giúp đỡ, tạo cho người học một hoàn cảnh an định, khiến cho người ấy thật sự học tập mười năm hoặc hai mươi năm trong hoàn cảnh ấy, người ấy sẽ thành tựu. Giúp một người thành Phật, phước báo to lắm! Còn to hơn cả trời nữa. Tôi tin tưởng người có khả năng ấy rất nhiều, cũng có người có cái tâm ấy! Nhưng họ hỏi tôi: “Pháp sư Tịnh Không! Thầy hãy thay tôi tìm một người”. Tôi bảo họ: “Tôi tìm chẳng ra, chưa từng thấy”. Người nào có thể hạ quyết tâm, trụ tại một nơi trong mười năm hoặc hai mươi năm chẳng ra khỏi cửa, hồng thành tựu Tam Học Giới, Định, Huệ của chính mình? Hiện thời, chẳng tìm thấy một người như vậy! Quý vị thấy đó, khó lắm! Người thật sự mong tu phước, tìm một người có phước như vậy chẳng ra! Muốn tìm một người thật sự tu hành, tìm hoàn cảnh tu hành ấy cũng chẳng ra, duyên khác nhau! Đó là gặp duyên khác nhau! Chúng tôi nói những lời này, đều nhằm nói: Biện tài do trí huệ mà có, trí huệ do Giới và Định mà có. Chẳng có Giới và Định, sẽ chẳng có trí huệ. Chẳng có trí huệ, bèn chẳng có biện tài. Chẳng có biện tài, sẽ chẳng thể giáo hóa chúng sanh. Chớ nên không biết điều này!

Nay chúng ta thấy trong kinh nói bốn thứ Vô Ngại Biện Tài. Loại thứ nhất là “*nghĩa vô ngại biện*”. “*Nghĩa*” là nghĩa lý, tức là đạo lý, nguyên lý, và nguyên tắc được nói trong ấy đều thuộc về loại Nghĩa Vô Ngại Biện. “*Vị liễu tri nhất thiết chư pháp nghĩa lý, thông đạt vô trệ cố*” (ý nói biết nghĩa lý của hết thảy các pháp, thông đạt chẳng trệ ngại). “*Liễu*” (了) là hiểu rõ, “*tri*” (知) là biết, quý vị thấy nghĩa lý của hết thảy các pháp. Vấn đề này đang được các triết gia trong thế gian nghiên cứu, các nhà khoa học cũng đang nghiên cứu vấn đề này, còn có các nhà tôn giáo [cũng thế]. Trọng yếu nhất, thậm chí nhất trong các nghĩa lý là gì? Vũ trụ do đâu mà có? Vạn sự, vạn vật do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Quý vị do đâu mà có? Người khác do đâu mà có? Vì sao có những chuyện ấy phát sanh? Sau khi phát sanh, những chuyện ấy diễn biến như thế nào, cuối cùng lại có kết quả như thế nào? Những điều ấy đều là các câu hỏi lớn, đều là nghĩa lý. Ai biết? Nay chúng ta có thể nói, đức Phật biết chuyện này! Người Hoa bình phàm thường nói “trời biết”. Câu nói “trời biết” hàm ý “chẳng ai biết”, có ý nghĩa ấy. Sau khi chúng ta học Phật, [liền hiểu] trời cũng không biết! Trời là phàm phu! Dục Giới Thiên không biết, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên cũng không biết. Không chỉ bọn họ không biết, ngoài hai mươi tám tầng trời ra, Thanh Văn, Duyên Giác, Tiểu Thừa cũng không biết. Lại lên cao hơn, Quyền Giáo Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới, các Ngài có biết hay không? Không biết! Nếu các Ngài biết, sẽ chẳng mê! Nhưng trong Phật pháp, học điều gì? Chính là học ý nghĩa này, hiểu rõ ràng, rành mạch hết thảy vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ, kể cả bản thân chúng ta, tánh, tướng, Lý, Sự, nhân, quả. Đó là Phật.

Phật cũng có tầng cấp. Các Ngài tuy đều biết, nhưng trong ấy cũng có cạn, sâu sai khác, chẳng giống nhau. Kinh Hoa Nghiêm nói bốn mươi hai tầng cấp. Những người thuộc bốn mươi hai tầng cấp ấy, tức là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác có biết những điều ấy hay không? Đều biết cả! Tuy đều biết, nhưng có sâu hay cạn sai khác bất đồng. Thí dụ như Thập Trụ tuy biết, nhưng Thập Trụ phải kém hơn Thập Hạnh một bậc. Tuy đều biết, Thập Hạnh sẽ giảng giải rõ ràng hơn Thập Trụ. Thập Hồi Hướng lại hiểu rõ hơn Thập Hạnh, coi như đạt đến Thập Địa mới có thể nói là hiểu rõ rất ráo. Vì sao? Các Ngài đích thân thấy, sáu căn trông thấy, thấy nguyên khởi của vũ trụ, hết thảy chúng sanh kể cả chính mình phát sanh như thế nào, các Ngài cũng trông thấy, nhưng chẳng thấy rõ ràng cho lắm! Nếu chẳng thể hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ những nghĩa lý ấy, làm sao các Ngài có thể nói được? Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy, nói rõ ràng, minh bạch chuyện này. Ngài nói chuyện này trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm nói gì? Những vấn đề đang được khoa học và triết học thảo luận trong hiện thời như vũ trụ vĩ mô, to vô hạn, thế giới vĩ mô, Lượng Tử Lực Học, “nhỏ nhưng chẳng ở trong”, vĩ mô là “lớn mà chẳng ra ngoài”. Quý vị thấy hai câu thành ngữ ấy, từ hai ngàn năm trăm năm trước, nhằm thời đại Khổng Tử, đã có câu nói: “*Lớn mà chẳng ra ngoài, nhỏ mà chẳng vào trong*”. [Câu nói ấy] chẳng do người hiện thời nói, mà do cổ nhân nói. Hai câu ấy nói đến chuyện gì? Nói thật ra, đó chính là kinh Hoa Nghiêm.

Lúc đó,Phật pháp chưa truyềnđến Trung Quốc, vì sao ngườiTrung Quốc có thể nóiđược?Có thể nói cổ thánh tiên hiềnchẳng phải làPhật, Bồ Tát tái lai ư? Tôi không tin. Kinhđã dạy rất rõ ràng, nên dùng thân giđểđộđược, bèn hiện thânấy. Người Hoa tin tưởng thánh hiền, nên Phật, Bồ Tát đến Trung Quốc bèn thị hiện thân thánh hiền. Nên dùng thânthánh nhân để hóađộ, các Ngài bèn hiện làmthánh nhân. Nên dùngthânhiền nhân để hóađộ, các Ngài bèn hiện làmhiền nhân. Thuở trước, khi học kinh giáo với thầy Lý, tôi đã có cách nhìn này, tôi thỉnh giáo thầy Lý. Tôi nói: “Cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương, Châu Công,những vị như Không Tử, Mạnh Tử, nhữngngườinhư Lão, Trang, có phải làchưPhậtNhu Lai ứng hóaởphương Đông, hiện ra cáchthânấy hay không?” Thầy cười, bảo tôi: “*Nói theo Lý thì suông, nhưng xét theo Sự, chưa có chứng cứ*”. Về mặt Sự, các vị ấy chẳng nói họ làBồ Tát nàotái lai. Họ chưa từng nóiđến, chưa từng nêu ra, nên chẳng có chứng cứ; nhưng xét theo Lý, chắc chắn là thông suốt. Sau này, tôi qua lại cùngrất nhiều tôn giáo, tôi cũng thườngđọc các kinh điển của những tôn giáoấy, tôi cũng có mộtcách nghĩ như thế này: Những vịthần thánh, tiên tri, sứ giả trong tất cả các tôn giáo cũngđều là hóa thân củaPhật, Bồ Tát, chẳng thể nào giảđược! Nóiđến mức tuyệt diệu nhất vẫn là tám chữ “*lớn mà chẳng ra ngoài, nhỏ nhưng chẳng vào trong*”. Hai câu này tuyệt diệu, bao gồm trọn hết tất cả khoa học và triết học hiện tại.ĐứcPhậtnói hay quá!Theo báo cáo mới nhất của khoa học hiện tại, họ nói nhân loại hiện thời có thể quan sát, tức là dùng những dụng cụ tinh vi để quan sát vũ trụ, toàn thể không gian, chỉ có thể thấyđược mười phần trăm,cònchín mươi phần trăm chẳngthấy! Họ thấy hiện tượng vũ trụ là hiện tượng bành trướng^{13[2]},chín mươi phần trăm chẳngthấy!Đôi với lờiấy, chúng ta làngười đã đọc kinh Hoa Nghiêm, thật sự khế nhập Hoa Nghiêmđôi chút, nghe câuấy bèn hiểu rõ: Họthật sự chẳng thấy!Đếnđâuđể thấy, họ chẳng biết, nhưngchúng ta biết, đến nơi đâu để thấychín mươi phần trăm? Trở về tự tánh. Trở về tự tánh,quý vị chẳng tìm thấy. Trở về Thường Tịch Quang,quý vị đến noidâuđểtìm? Đúng là như thếđó! Vì thế, các nhà khoa học có thể nói ra câu này chẳngđơn giản!

TrongPhậtpháp, chúng ta tu hành, tiến cao hơn từng cấp một.Đoạn Kiến Tu phiên não,lục đạo chẳng còn, quý vị tiến cao hơn. Trong lục đạo chẳng thấy quý vị. Tiến cao hơn,ở noidâu? Trong bốn thánh pháp giới. Vô minh đã phá,bốn thánh pháp giới chẳng còn nữa,tìm chẳng thấy muờipháp giới, đến noidâu?ĐếnNhất Chân pháp giới, là cõiThật Báo của chưPhật.Đoạn sạchập khí căn bảnvô minh,cõi Thật Báo chẳng còn.Cõi Thật Báo cũng chẳng thật. Phàm những gì có hình tướngđều là hư vọng.ĐứcPhậtchẳngnóicõi Thật Báo

^{13[2]} Đây là một hiện tượng thường được gọi là Cosmic Inflation, hoặc Cosmological Inflation. Theo đó, các nhà khoa học nói vũ trụ tiếp tục phình to sau vụ nổ nguyên thủy (Big Bang) hình thành vũ trụ. Cho đến giai đoạn này, vũ trụ giãn nở gấp 10 lũy thừa 78 lần khối lượng ban đầu. Khái niệm này do nhà khoa học Alan Harvey Guth đề xướng vào năm 1980.

của chu Phật Như Lai là ngoại lệ. Chẳng hề nói, vì thế, cõi Thật Báo vẫn là hư vọng. Đoạn sạch vô thi vô minh, bao lâu sẽ đoạn sạch? Trong kinh giáo, đức Phật bảo là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Chư vị phải biết: Ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng phải là nói về thời gian chúng ta tu hành. Thời gian chúng ta tu hành thành Phật là vô lượng kiếp. Tính từ ngày đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, quý vị phá vô minh, nhưng tập khí vô minh chưa đoạn. Tập khí vô minh rất khó đoạn. Chẳng cần quan tâm đến tập khí vô minh, dần dần tự nó sẽ chẳng còn, thời gian dài bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Đến khi đó, tập khí hoàn toàn chẳng có, cõi Thật Báo cũng chẳng có, đó chính là “*phân vũ trụ chẳng thấy được*” như các nhà khoa học đã nói, trở về Tịch Quang, trở về tự tánh. Trở về tự tánh, có khởi tác dụng hay không? Khởi tác dụng. Trong tự tánh, tuy thứ gì cũng đều chẳng có, hiện tượng tinh thần chẳng có, hiện tượng vật chất chẳng có, nhưng nó có thể hiện. Vì sao nó có thể hiện? Chúng sanh có cảm, nó bèn hiện, nó có thể cảm ứng đạo giao cùng tất cả hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới. Khoa học chẳng có cách nào lý giải sự cảm ứng đạo giao ấy, vì sao? Nó tương ứng với Thường Tịch Quang, tương ứng với tự tánh, chẳng tương ứng với mười pháp giới; nó cũng chẳng tương ứng với cõi Thật Báo. Vì lẽ đó, phát hiện của các nhà khoa học rất có lý, dùng Phật pháp để giải thích sẽ giải thích thông suốt. Điều họ còn đang nghi vấn, chúng ta đã hiểu rất rõ rệt.

Ở chỗ nào có thể nhìn ra chân tướng sự thật này? Tự tánh vốn định. Khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng dao động*”, câu này nói “tự tánh vốn định”. Tự tánh vốn định ắt phải là sáu căn ở trong cảnh giới sáu trần mà chẳng khởi tâm, không động niệm, tự tánh vốn định bèn lộ ra, quý vị mới có thể thấy chân tướng sự thật. Quý vị thấy thế giới vi mô càng thấu triệt hơn Lục Tự Lực Học hiện thời. Phát hiện của Lục Tự Lực Học còn kém những điều được nói trong kinh Phật rất lớn. Trong thế giới vĩ mô, họ nói chín mươi phần trăm chẳng thấy, thì như chúng tôi vừa mới báo cáo cùng chư vị, trở về tự tánh. Hết thảy các pháp lưu lộ từ tự tánh, cuối cùng vẫn trở về tự tánh. Các hiện tượng ấy là tự nhiên, trong kinh Phật có một thuật ngữ là “*pháp nhĩ như thị*”, [có thể hiểu là] quy luật tự nhiên vốn là như vậy. Đó là một sự đại tuần hoàn, trở về tự tánh mới thật sự viên mãn. Do đó, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm chưa phải là thật sự viên mãn; trở về Thường Tịch Quang mới là thật sự viên mãn. Chúng ta thấy bốn loại vô ngại biện tài này, hàng Pháp Thân đại sĩ mới có, kẻ bình phàm há có năng lực ấy? Nay chúng ta liễu giải các hiện tượng này do dựa vào kinh Hoa Nghiêm. Đọc kinh Hoa Nghiêm mới biết, lý luận là như vậy đó!

Loại thứ hai, “*Pháp Vô Ngại Biện. Vị đạt nhất thiết chư pháp danh tự, phân biệt vô trệ có*” (Pháp Vô Ngại Biện, nghĩa là thông đạt danh tự của hết thảy các pháp, phân biệt chẳng trệ ngại). Loại thứ hai và loại thứ ba nói đến phương pháp. Đầu tiên nói về pháp, “*pháp*” là hết thảy các pháp, [ở đây là] nói theo pháp tướng, phần trên là nói theo Lý, tức Lý của hết thảy các pháp. Ở đây là tướng của hết thảy các pháp, hiện tượng, quý vị có thể biết danh tự của hết thảy các pháp. Danh tự do đâu mà có? Danh tự do con người đặt ra. Bất luận là ai, bất luận

làngười nước nào,hiện nay nói làngười thuộc bất luận tinh cầu nào,bất luận là chúng sanh thuộc không gian bấtđồng nào,đềuđặt tên cho các pháp. Quý vịđều biết, chẳng cần học mà biết toàn bộ. Có thật hay không?Thậtđấy. Có chứng cứ! Quý vị thấy tiến sĩGiang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước. Nước có năng lực như thếđó, nó chưa hề học, nhưng chúng ta viết chữ Hán, nó nhậnbiết. Quý vị viết tiếng Anh, nó cũng nhận biết. TiếngTây Ban Nha nó cũng nhận biết. Có rất nhiều văn tự của thổ dânđối với nóđềuchẳng có chương ngại, chúng ta biếtđó là năng lực sẵn có trong tự tánh.Trong các chiều không gian khác nhau ngoàikhông gian, họđặt tên cho vạn sự vạn vật, người minh tâm kiến tánhđều biết toàn bộ,đều nhận biết. Vì vậy,nước có thể thấy, nghe những ngôn ngữ,âm thanh ấy chẳngchương ngại; lại còn hiểuý nghĩ của con người. Chẳng cần nói chuyện, quý vị khởi tâm động niệm, nó liền biết toàn bộ.Ý niệm củaquý vị thiện, quý vị thấy nó sẽđáp trả bằng kết tinh vô cùngđẹpđẽ, quý vị thấy ngay!Ý niệm củaquý vị bất thiện,nó kết tinh rấtxấu xí, rấtkhó coi. Tiến sĩ Giang Bồn Thắng thí nghiệm mười mấy năm, mỗi ngàyđều làm thí nghiệm cả ngàn lần. Họ có một nhóm nhỏ, tôiđến thăm phòng thí nghiệm củaông ta hai lần, là thật, chẳng giả,khoa học gia thừa nhận.Dođó, Tánh Đức chẳng thể nghĩ bàn.

Thứ ba, *“Từ Vô Ngại Biện. Ư chư pháp danh tự nghĩa lý, tùy thuận nhất thiết chúng sanh thù phương dị ngữ, vị kỳ diễn thuyết, năng linh các các đắc giải có”* (Từ Vô Ngại Biện:Đối với danh từ, nghĩa lý của các pháp, thuận theo ngôn ngữ khác biệt của hết thầy chúng sanh ở các nơi khác nhau mà vì họ diễn nói, khiến cho ai nấy đều được hiểu). Từ(辭) là ngôn ngữ. Quý vị có năng lực hằng thuận chúng sanh. Bất luận ngôn ngữ hoặc văn tự nào, quý vị chẳng cần học mà thông hiểutoàn bộ.Hễ tiếp xúc liền thông hiểu,vì sao?Hết thầy các pháp chẳng lìa tự tánh.Trong kinh Đại Thừa,đứcPhậtthường dạychúng ta: Những phápấy do đâu mà có?Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Tự tánhlàchân tâm,ngoàitâmchẳng có pháp, ngoài phápchẳng có tâm. Chỉ cần chân tâm trông thấy, chân tâm hiện ra vạn pháp. Toàn thể vũ trụ,Phậtpháp nói là “khắp pháp giới hư không giới”,quý vị hiểu rõ toàn bộ,chương ngại gì cũngđềuchẳng có. Chẳng có gì không biết, chẳng có gì không nóiđược, vô ngại biện tài mà!

Thứ tư, *“Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện,vị tùy thuận nhất thiết chúng sanh căn tánh sở nhạo văn pháp nhi vị thuyết chi, viên dung vô trệ có”* (Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện, nghĩa là thuận theo căn tánh và pháp muốn được nghe của hết thầy chúng sanh mà vì họ diễn thuyết viên dung chẳng trệ ngại). Loại thứ bốn này là đại đức trong tứ biện tài. Đức lớn ấy là hoan hỷ nói, chẳng cần quý vị phải thỉnh giáo, rất nhiệt tâm, hễ gặp quý vị liền bảo ban. Đức Phật có thể quán cơ, [tức là] xét căn tánh củahết thầy chúng sanh, nóipháp tương ứng với cãntánh của quý vị, nên quý vị có thể nghe, hiểu, có thể lý giải. Những thứ quý vị nghe chẳng hiểu, Ngài sẽ không nói. Những thứquý vị chẳng cần biết, Ngài chẳng nói.Ứng cơ thuyết pháp, hoan hỷ thuyết pháp.Đó là *“nhạo thuyết”*. Nhạo (樂) là vui vẻ.Ởđây, chữ này khôngđọc là Lạc, Lạclàvui sướng, phảiđọc là Nhạo. *“Nhạo”* là ưa thích, mến chuộng, yêu thích, mang ý

nghĩa ấy, [nên nói là] “*nhạo thuyết*”. Vì thế, điều này là đức. Nếu người ấy chẳng nói, tuy có những biện tài trước đó, chúng sanh chẳng đạt được lợi ích. Chúng sanh được lợi ích là do người ấy đại từ đại bi, ưa thích nói, chủ động nói với chúng ta. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật ưa thích nói, hề gặp kẻ khác bèn nói. Có người, Phật nhất định chờ kẻ ấy lên tiếng hỏi, nêu lên câu hỏi rồi Phật mới nói. Có những người chẳng hỏi han gì, đức Phật vẫn nói với họ. Bộ kinh này do A Nan hỏi, đức Phật mới nói. Kinh Di Đà chẳng ai hỏi, do chính đức Phật tự nói. Ai có thể hỏi, ai chẳng thể hỏi, đức Phật đều biết, chẳng có gì không biết. Do đó, nên dùng thân gì để đắc độ, Ngài bèn hiện thân ấy. Phải nên thuyết pháp nào, lúc này, chỗ này, quý vị hiện đang thuộc vào giai đoạn nào, quý vị cần biết pháp gì, đức Phật đều có thể nói, đều có thể giúp đỡ, giải quyết hết thảy những nghi nan tạp chủng hiện tiền, lòng từ bi đầy!

Trong ấy, quan trọng nhất là giúp quý vị phá mê khai ngộ. Đây mới là nghĩa chân thật trong vô lượng biện tài của đức Phật, dụng ý chân chánh là giúp quý vị phá mê khai ngộ. Rất cụ thể là mục tiêu như thế này: Giúp quý vị đại triệt đại ngộ, giúp quý vị minh tâm kiến tánh, giúp quý vị viên thành Phật đạo, đó là Phật giáo. Chỉ có người thật sự đạt được lợi ích chân thật do sự giáo hóa của đức Phật thì mới biết cảm ơn. Chưa đạt được lợi ích chân thật, tâm cảm ơn ấy đều chẳng phải là chân thật. Nói ân đức của Phật thì như thế nào, kẻ ấy chẳng biết. Kẻ ấy mê hoặc, điên đảo, làm sao biết được? Ngày nào kẻ ấy giác ngộ thì mới hiểu, mới sám hối. Đức Phật đời đời kiếp kiếp quan tâm, nhưng [chúng sanh] chẳng biết cảm ơn. Tuy họ chẳng biết cảm ơn, đức Phật vẫn quan tâm, chăm sóc, trọn chẳng nói “các ngươi chẳng cảm ơn, ta sẽ không bận tâm đến các ngươi nữa”. Thậm chí quý vị khinh lờn, nhục mạ Phật, Bồ Tát, hủy diệt Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát vẫn quan tâm, chăm sóc. Quý vị thấy các Ngài từ bi đến mức ấy, chẳng phải là tri kiến phàm phu! Vì sao? Vì các Ngài biết hết thảy vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới và các Ngài làm một Thể, do cùng một tự tánh hiện ra, do cùng một tự tánh sanh ra, là “cùng một tự tánh, cùng một Thể”. Sách Hoàn Nguyên Quán gọi cái Thể ấy là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Chư Phật Như Lai sanh từ tự tánh ấy, mà lũ chúng sanh đông đảo chúng ta cũng sanh từ đó. Súc sanh, ngựa quý, địa ngục, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa đều sanh từ nó, cùng một Thể. Quý vị làm chuyện sai trái, làm chuyện xấu xa, làm lỗi gì, các Ngài chẳng bận lòng. Trong tâm quý vị có thứ này thứ nọ, chứ tâm các Ngài sạch lâu, hoàn toàn chẳng có [vướng mắc gì]. Đó chính là chân tâm, tự tánh của quý vị, nhưng chính quý vị đã mê mất. Nay quý vị đang sử dụng vọng tâm, sử dụng vọng niệm. Vì lẽ đó, Phật có thể viên dung vô ngại, vì hết thảy chúng sanh thị hiện, thuyết pháp.

“Thượng biểu chư Đại Sĩ khế u thánh trí, đắc vô ngại chi biện tài, thiện ứng căn cơ, quảng tuyên diệu biện, cố viết: Đắc Phật biện tài” (Các thuyết trên đây cho rằng các bậc Đại Sĩ khế hợp thánh trí, đắc vô ngại biện tài, khéo thích ứng căn cơ, giảng giải rộng rãi, bàn luận khéo léo, nên bảo là “đắc Phật biện tài”). Do đó, chúng ta học Phật, hiểu đạo lý này, biết do công phu Giới, Định, Huệ cao hay thấp thì mới có thể khôi phục vô ngại biện tài nơi tự tánh

của chính mình. Nếu không từ Giới, Định, Huệ, mà nương vào học rộng nghe nhiều kinh giáo, thì dường như cũng có biện tài vô ngại, nhưng đó có phải là biện tài như kinh đã nói hay không? Chẳng phải! Vì quý vị chẳng có trí huệ, quý vị vẫn bịt mắt khí phiền não nắm quyền làm chủ, lấy đâu ra biện tài? Biện tài kiêu đó gặp người ta đưa ra câu hỏi, quý vị vẫn chẳng có cách nào giải đáp. Sau khi trí huệ đã khai, chẳng thể nào có hiện tượng ấy, [bất cứ câu hỏi nào cũng] đều có thể giải đáp.

Đoạn cuối cùng: “*Chân Giải phục tán nhất giải viết*” (Sách Chân Giải lại còn giải thích rộng thêm như sau). Vị đại đức Nhật Bản này rất giỏi, những câu nói ấy đều xuất phát từ kinh Phật. “*Nhược y Căn Bản Giáo, dẫn thuyết nhất tự, diệc vi đặc Phật biện tài, truyền Như Lai như thật ngôn cố. Bất dẫn thử Bồ Tát ngữ, phạm phu thuyết diệc đồng chư Phật biện tài. Tán dương Phật huệ công đức, khai hóa thập phương hữu duyên nhi dĩ*” (Nếu nương theo Căn Bản Giáo, chỉ nói một chữ cũng là đặc Phật biện tài vì truyền lời chân thật của Như Lai vậy. Không chỉ những Bồ Tát này được như thế, mà lời của phạm phu nói cũng giống như biện tài của chư Phật. Tán dương công đức Phật huệ chỉ nhằm để khai hóa kẻ hữu duyên trong mười phương mà thôi). Lời này nói rất hay, sách Chân Giải đúng là nói rất hay, “*nương vào Căn Bản Giáo*”. Căn Bản Giáo là gì? Không khởi tâm, không động niệm là Căn Bản Giáo; khởi tâm động niệm chẳng phải là Căn Bản Giáo. Không khởi tâm, không động niệm, chỉ nói một chữ mà có thể hiển thị biện tài trong tự tánh, chữ nào vậy? Nói thông thường thì là chữ Phật. Chỉ nói một chữ Phật này là được rồi, toàn bộ đều được biểu thị. Nếu nói theo ý nghĩa càng sâu hơn, bất cứ chữ nào, không nhất định phải là chữ Phật, bất cứ chữ nào [cũng được], vì sao? Một chính là hết thảy, hết thảy chính làm một, nó lưu lộ từ tự tánh. Bất cứ chữ nào cũng đều từ tự tánh lưu lộ, đều trở về tự tánh. Ý nghĩa này quá sâu, quá mầu nhiệm! Quý vị hiểu đạo lý này, quý vị mới biết trong Thiền Tông có một loại ứng đối gọi là “*Thiền cơ*”. Họ nói chuyện, chúng ta ở bên cạnh, nghe không hiểu, chẳng biết nghĩa là gì. Những điều đó đều thuộc loại “*nương vào Căn Bản Giáo*”, nói một chữ, nói hai chữ, nói một câu, nói hai câu đều chẳng sao cả. Đó thật sự là biện tài của Phật. Thật sự hiểu, người ấy cũng nhập cảnh giới. Nếu người ấy chẳng nhập cảnh giới này, sẽ không hiểu. Cũng có nghĩa là nếu người ấy chưa đắc Căn Bản Trí, người ấy cũng không hiểu. Người đắc Căn Bản Trí thì đôi bên có thể thông hiểu lẫn nhau, có thể thấu hiểu. Chưa đắc Căn Bản Trí mà dùng phương pháp này thì sai mất rồi, vẫn phải dùng phương pháp thế gian thì người thế gian mới hiểu. Đó là thuyết pháp thích chúng căn cơ, đối với loại người nào nên dùng phương pháp nào. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

Tập 130

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi tám, dòng thứ sáu đếm từ dưới lên, xem từ câu thứ hai:

“*Chân Giải phục tẩn nhất giải viết: Nhược y Căn Bản Giáo, dẫn thuyết nhất tự, diệc vi đắc Phật biện tài, truyền Như Lai như thật ngôn cố. Bất dẫn thử Bồ Tát nhĩ, phạm phu thuyết diệc đồng chư Phật biện tài. Tán dương Phật huệ công đức, khai hóa thập phương hữu duyên nhi dĩ*” (Sách Chân Giải lại còn giải thích rộng thêm như sau: “Nếu nương theo Căn Bản Giáo, chỉ nói một chữ cũng là đắc Phật biện tài vì truyền lời chân thật của Như Lai vậy. Không chỉ những Bồ Tát này được như thế, mà lời của phạm phu nói cũng giống như biện tài của chư Phật. Tán dương công đức Phật huệ chỉ nhằm để khai hóa kẻ hữu duyên trong mười phương mà thôi”). Ngày hôm qua chúng ta học đến câu này. Trong ấy có ý nghĩ rất sâu, rất đáng cho chúng ta học tập. Nương vào Căn Bản Giáo: Căn bản là tự tánh, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều lưu lộ từ tự tánh, cuối cùng vẫn là trở về tự tánh. Đó là pháp căn bản, giống như Hiền Thủ quốc sư đã nói trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. “*Dẫn thuyết nhất tự*” (chỉ nói một chữ): Chúng ta nêu ra một chữ, nêu ra một chữ Phật; trên thực tế, một chính là hết thấy, hết thấy chính là một. Bất cứ chữ nào cũng đều được, bất cứ pháp gì cũng đều được, vì sao? Nó chẳng lìa tự tánh. Chúng ta là phạm phu, chưa đạt đến tầng cấp này, chẳng đạt đến cảnh giới cao như thế. Dùng tỷ dụ để nói, chúng ta sẽ dễ tiếp nhận hơn. Phật có nghĩa là gì? Kinh điển đã dạy: [Phật có] ý nghĩa giác ngộ. Dựa vào đâu để giác ngộ? Trí huệ. Có ý nghĩa hoàn toàn giống như Giới, Định, Huệ đã nói trong các phần trước. Huệ sẵn có trong tự tánh, Định thì sao? Giới luật thì sao? Đều là sẵn có trong tự tánh. Lìa khỏi tự tánh thì tìm đâu ra Giới, Định, Huệ? Do đó, chúng ta phải biết: Giới, Định, Huệ là Tánh Đức, tự tánh vốn sẵn có trí huệ và đức tướng, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất nhiều.

Trong hết thấy các pháp chân, vọng, tà, chánh, Lý, Sự, nhân, quả, đều có thể giác liễu minh đạt, đều giác ngộ, đều hiểu rõ, đều thông đạt, chẳng bị chướng ngại. Do đó, trong Phật môn có một câu: “*Pháp nào chẳng phải là Phật pháp?*” Đức Phật dạy: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”, ý nghĩa bao hàm trong từ ngữ “*hết thấy chúng sanh*” rất rộng. Người bình phạm chúng ta có thể biết đến toàn là người, [nên thường nghĩ] dường như hết thấy chúng sanh đều là người. Hết thấy mọi người vốn là Phật, súc sanh có phải là Phật hay không? Ngạ quỷ có phải là Phật hay không? Quỷ thần có phải là Phật hay không? Hoa, cỏ, cây cối có phải là Phật hay không? Núi, sông, đại địa có phải là Phật hay không? Gió, mây, mưa, tuyết, các hiện tượng tự nhiên có phải là Phật hay không? Tất cả đều là! Vì sao? Chúng do các duyên hòa

hợp mà sanh ra, nên được gọi là “*chúng sanh*”. Vì thế, “*chúng sanh*” không chỉ là nói về nhân loại chúng ta. Nói theo khoa học hiện thời, theo cách phân loại của khoa học, hết thảy vạn sự vạn vật được chia thành ba loại lớn: động vật, thực vật, khoáng vật. Phật pháp phân chia càng tỉ mỉ hơn, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Chánh báo là chính mình, y báo là hoàn cảnh. Trong hoàn cảnh có hoàn cảnh nhân sự, có hoàn cảnh giữ chúng ta và hết thảy động vật, hoàn cảnh cùng hết thảy thực vật, hoàn cảnh cùng hết thảy khoáng vật, núi, sông, đại địa, cho đến với các hiện tượng tự nhiên. Tiến hơn bước nữa, các nhà khoa học cho biết, hết thảy sanh vật trong các chiều không gian khác biệt đều là hoàn cảnh của chúng ta. Đức Phật phân loại [cặn kẽ] hơn các nhà khoa học rất nhiều, phân loại khá tỉ mỉ.

Trong “hết thảy [các thứ ấy]”, hết thảy vốn là Phật, chẳng có gì không phải là Phật. Một đóa hoa, một chiếc lá vốn là Phật, một hạt bụi, một hạt cát vốn là Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình và vô tình, cùng viên thành Chung Trí*”. Quý vị thấy một chữ Phật biểu thị [toàn bộ những điều ấy]. Phải là người nào? Phải là người thông đạt; người chẳng thông đạt sẽ không được. Người thông đạt tùy tiện lấy bất cứ pháp nào đều đắc biện tài của Phật. Điều này là thật, chẳng giả tí nào! Nếu phàm phu chúng ta mê mắt tạt ánh, không chỉ chẳng biết chính mình vốn là Phật, mà còn quyết định chẳng thể nào nhận biết hết thảy vạn sự vạn vật vốn là Phật. Chắc chắn họ sẽ không thể tin tưởng, một đóa hoa, một chiếc lá, làm sao có thể là Phật cho được? Họ chẳng hiểu rõ. Trong mắt Phật, [vạn sự vạn vật] đều là Phật. Trong tầm mắt của phàm phu, nhà Phật lại có một câu: “Có pháp nào là Phật pháp?” Quý vị thấy đối với người giác ngộ, có pháp nào chẳng phải là Phật pháp? Nói theo bọn phàm phu chúng ta, có pháp nào là Phật pháp? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cũng không phải là Phật pháp; kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ chúng ta đang học ở đây cũng không phải là Phật pháp. Vì sao? Mê chứ chẳng giác! Phật có nghĩa là “giác”. Đã giác thì hết thảy đều là [Phật pháp], chẳng giác thì hết thảy đều chẳng phải [là Phật pháp]. Phật pháp nói rất tuyệt diệu! Chúng ta phải biết đạo lý và chân tướng sự thật này, cũng như “*đắc Phật biện tài*” đang được nói ở đây đều là thật, chẳng giả!

“*Truyền Như Lai như thật ngôn cố*” (vì truyền lời chân thật của Như Lai vậy). Kinh giáo là lời “như thật” (đúng với sự thật) của Như Lai. “*Thật*” (實) là chân thật. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, giáo hóa suốt bốn mươi chín năm, những lời Ngài nói đều là lời chân thật. Không chỉ hàng Bồ Tát là như thế, tức là một vạn hai ngàn vị Bồ Tát tham gia pháp hội này là như thế, mà những gì phàm phu nói cũng giống như biện tài của chư Phật. Đó là nói theo Lý, chẳng phải là nói theo Sự. Người chứng đắc nghĩa lý biết điều này. Người chưa chứng đắc, nhưng đọc kỹ kinh Đại Thừa cũng biết. Họ nghe Phật nói, nghe các vị Bồ Tát nói, nghe quá nhiều, đã quen tai, cũng có thể chấp nhận, nhưng chính người ấy chẳng phải là tự mình chứng đắc. Người ấy có thể khẳng định, có thể tiếp nhận, đó gọi là “giải ngộ”; còn chính mình thật sự chứng đắc thì là “chứng ngộ”, cảnh giới sai biệt rất lớn. Giải ngộ mà nếu không tu hành, sẽ chẳng thể thành tựu, chỉ có thể ở trong thế gian này, đúng nhưng người hiện

tại đã nói: Người nào đó làm Phật học, người ấy có thể được gọi là một nhà Phật học. Học rộng nghe nhiều kinh giáo, nhưng tập khí phiền não chưa đoạn, một phẩm Kiến Tu Hoặc vẫn chưa phá, tuy là một nhà Phật học, chẳng có mấy may liên quan đến liễu sanh tử xuất tam giới, phải biết điều này! Trong Phật học, người ấy chẳng có Giới, Định, Huệ; Phật học là pháp thế gian, không phải là pháp xuất thế gian. Thật sự có Giới, Định, Huệ, nhưng chẳng có Phật pháp, giống như kẻ không biết chữ, chưa từng học hành, cũng chưa hề nghe kinh ngày nào, người ấy như thế nào? Người ấy thật sự có Phật pháp, khách hẳn! Vì vậy, công phu chân thật chẳng là Giới, Định, Huệ. Có Giới, Định, Huệ là thật, chẳng có Giới, Định, Huệ là giả. Do đó, tôi khuyên các đồng học chớ nên coi nhẹ Giới, Định, Huệ. Niệm Phật vãng sanh mà chẳng có Giới, Định, Huệ thì cũng chẳng thể vãng sanh. Bất quá Tây Phương Cực Lạc thế giới rất đặc thù, hễ có chút phần Giới, Định, Huệ bèn có thể vãng sanh, chẳng giống các pháp môn khác. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, Giới, Định, Huệ nhất định phải vẹn toàn, thật sự đạt tiêu chuẩn thì mới có thể thành tựu. Có chút phần, sẽ thất bại, sẽ chẳng thể thành tựu.

Chúng ta biết, trong kinh giáo, đức Thế Tôn thường giới thiệu sáu tầng trời Dục Giới. Chỉ cậy vào tu phước, Thượng Phẩm Thập Thiện chỉ có thể sanh đến Đao Lợi Thiên. Phía trên Đao Lợi Thiên là Dạ Ma Thiên, chỉ cậy vào Thập Thiện sẽ chẳng đến được, còn phải tu gì? Còn phải tu Định, có một chút công phu định lực thì mới có thể sanh vào tầng trời thứ ba trong Dục Giới là Dạ Ma Thiên. Tầng trời thứ tư, Định sâu hơn chút nữa, tầng thứ năm, tầng thứ sáu, Định càng sâu hơn. Nhưng các thứ Định sâu hơn ấy đều chẳng gọi “chưa đắc Định”, chưa đạt mức! Ví như học hành trong nhà trường, sáu mươi điểm là đạt tiêu chuẩn. Trường học hiện thời [ấn định điểm số như thế nào] tôi không biết, hỏi tôi đi học thì sáu mươi điểm là đạt tiêu chuẩn. Xét theo công phu định lực của họ, đối với công phu định lực của trời Dạ Ma, đại khái là hai mươi điểm có thể sanh vào Dạ Ma Thiên, ba mươi điểm liền sanh trong Đâu Suất Thiên, bốn mươi điểm bèn sanh trong Hóa Lạc Thiên, năm mươi điểm bèn sanh trong Tha Hóa Tự Tại Thiên. Sáu mươi điểm bèn đạt tiêu chuẩn, không ở trong Dục Giới, mà đạt đến Sơ Thiên. Trong Tứ Thiên Thiên, đạt đến Sơ Thiên, đạt tiêu chuẩn, mới gọi là “thật sự đắc Thiên Định”; còn mức Thiên Định trong bốn tầng trời ấy của Dục Giới được gọi là “Định chưa đến nỗi đến chốn”. Nói theo cách hiện thời, sẽ là “chẳng đạt mức”, mọi người sẽ dễ hiểu, người ấy chưa đạt đến công phu đó. Vì thế, quý vị đắc Sơ Thiên, bèn sanh trong Sơ Thiên Thiên, thuộc vào Sắc Giới, chẳng phải là Dục Giới. Công phu Thiên Định sâu hay cạn khác nhau, chia thành bốn đẳng cấp: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên. Lại lên cao hơn nữa là đắc Tứ Không Định, càng cao hơn Tứ Thiên Định, cũng chia thành bốn đẳng cấp, nên gọi chung là Bát Định. Trong Phật học thường nói là Tứ Thiên Bát Định, nhưng trên thực tế là Bát Định, tức là Tứ Thiên Định cộng thêm Tứ Không Định, chẳng thuộc trong Dục Giới. Chẳng có công phu ấy sẽ không được, phải đạt công phu thật sự.

Định là gì? Trong cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, có thể giữ gìn tâm thanh tịnh bình đẳng của chính mình, chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài khuấy nhiễu. Trong kinh, đức Phật thường nói “*tùy duyên bất biến*”, hằng thuận chúng sanh, tâm thanh tịnh bình đẳng chẳng bị khuấy nhiễu. Bất luận thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, đều dùng tâm bình đẳng để đối đãi, đó là Định. Vì sao? Vì người ấy biết hết thấy chúng sanh, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới và chính mình có cùng một tự tánh, cùng một thanh tịnh viên minh thể, do là một Thể, tâm người ấy liền định. Không hiểu rõ đạo lý này, hoặc liễu giải đạo lý này chưa đủ sâu, liễu giải chẳng thấu triệt, hằng cảnh giới hiện tiền, tâm luôn bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng. Nay chúng ta còn bị ảnh hưởng như vậy thì phải nâng cao tánh cảnh giác của chính mình. Vì sao? Công phu quá kém! Cảnh giới bên ngoài tốt hay xấu? Tốt! Luôn luôn là cảnh giới tốt. Giống như thầy đến khảo hạch, trò hỏng thi, còn có sai biệt khá lớn thì phải nỗ lực, phải tinh tấn. Phạm phu cũng có thể có biện tài giống như chư Phật; điều này thuộc về giải ngộ, chưa phải là chứng ngộ. Cũng như vậy, có thể tán dương công đức của Phật huệ, cũng có thể khai hóa chúng sanh hữu duyên trong mười phương. Trong các chúng sanh hữu duyên, có rất nhiều kẻ hờ dờ nhất thời, mê hoặc nhất thời, mê rất nghiêm trọng, nhưng phải hiểu, trong đời quá khứ, người ấy đã tu tập, tích lũy thiện căn rất sâu dày, có khi được chúng ta dẫn phát, sẽ phát hiện điều gì? Phát hiện người ấy cao hơn ta rất nhiều, chúng ta hãy hoan hỷ, cung kính, chớ nên ghen tỵ, chướng ngại. Hễ chướng ngại, ghen tỵ, quý vị đã sai mất rồi! Phải hoan hỷ, cung kính.

Tới sau mào trước, cổ nhân nói: “*Màu xanh phát xuất từ màu chàm, nhưng vượt trội màu chàm*”. Học trò được thầy chỉ dạy; sau này, trò vượt trội thầy, tâm thầy hoan hỷ. Vì sao? Thế hệ sau khá hơn thế hệ trước, đó là cảnh giới tốt đẹp. Nếu thầy dạy học trò mà trong tương lai thành tựu của họ đều thua kém thầy, thầy đau buồn; nói theo phương diện dạy học, thầy chẳng có thành tựu. [Trò thành tựu] giống như thầy thì vẫn chưa kể là thành tựu, nhất định phải cao hơn quý vị. Dụng tâm của cổ nhân chẳng giống người hiện thời! Cổ nhân thật sự hy vọng thế hệ kế thừa tốt đẹp hơn thế hệ của chính mình. Người làm cha mẹ hy vọng con cái vượt trội chính mình. Bất luận đức hạnh, trí huệ, hay phước báo, đều mong cho con cái vượt trội chính mình, xứng đáng với tổ tông, xứng đáng với gia tộc, trong gia đình mới xuất hiện nhân tài. Tâm tình của thầy chẳng khác gì tâm tình của cha mẹ đối với con cái, thầy mong mỗi học trò vượt trội chính mình. Trong xã hội, bất luận cơ cấu của chánh phủ hoặc cơ cấu của tư nhân, người lãnh đạo hy vọng những kẻ được lãnh đạo sẽ vượt trội chính mình. Vì sao? Sự nghiệp phải có người thừa kế, mỗi thế hệ sau giỏi hơn thế hệ trước. Nếu chẳng có người kế tục, quý vị mất đi, hết thấy đều tiêu tan. Trên phiếu thành tích, chỉ chấm điểm zero, quý vị chẳng có may mắn thành tựu gì! Nếu chư vị hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, quý vị có thể thấu hiểu cổ nhân yêu thương thế hệ kế tiếp như thế nào, thật sự dụng tâm bồi dưỡng thế hệ kế tiếp, đó là một đại sự bậc nhất trong sự nghiệp của cả đời họ. Vì thế, trong xã hội của người xưa, người tiền cử hiền tài được cấp trên ban thưởng. Quý vị có thể thay quốc gia

tuyển lựa, đề bạt nhân tài, nhân tài ấy trong tương lai thật sự vượt trội chính mình, quốc gia bèn ban thưởng cao nhất. Do vậy, cố nhân dụng tâm, niệm niệm thường nghĩ vì người khác, chẳng nghĩ đến chính mình.

“*Lợi ích tha đức*” (đức hạnh lợi ích người khác), câu đầu tiên là nói đến biện tài. Biện tài là trí huệ, là phương tiện thiện xảo, thuộc loại năng lực, sau đó phải có công phu tu hành chân thật. Chẳng có công phu tu hành chân thật, sẽ là giả. Thứ giả đó nhất định bị kẻ khác vạch trần. Khi bị vạch trần, sẽ chẳng đáng một đồng! Do đó, tiếp theo chữ Chân là gì? “*Trụ Phổ Hiền hạnh*”. Hãy chú trọng chữ Trụ. “*Trụ*” (住) là an trụ, vĩnh viễn chẳng rời khỏi. “*Thượng văn dĩ ngôn chư đại sĩ hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức, kim văn vân trụ Phổ Hiền hạnh, biểu chư đại sĩ hàm an trụ u Phổ Hiền đại sĩ chi đại hạnh, các các dĩ thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc*” (trong phần trước, kinh nói các Đại Sĩ “đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền Đại Sĩ”. Ở đây, kinh chép “trụ Phổ Hiền Hạnh”, ý nói các Đại Sĩ đều an trụ đại hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ. Mỗi vị đều dùng mười đại nguyện vương dẫn dắt quy về Cực Lạc). Đây là thật sự hành, “*trụ Phổ Hiền hạnh*” là thật sự hành. Phía trước chỉ nói mọi người đều tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ, còn trong câu này là thật sự hành. Bồ Tát không tu Phổ Hiền hạnh, sẽ chẳng thể thành Phật. Cùng một đạo lý giống như vậy, người học Tịnh Độ chúng ta không tu Phổ Hiền hạnh, sẽ chẳng thể vãng sanh. Tuy chưa tu Phổ Hiền hạnh, nhưng đã phát cái tâm ấy, tâm ấy là gì? Là tâm Bồ Đề. Thật sự phát Bồ Đề tâm, nhưng ta còn chưa thể làm được, vẫn có thể vãng sanh. Pháp môn Tây Phương Cực Lạc thế giới quá to, chỉ cần khi nào có được vài điểm [trong Phổ Hiền hạnh], đều có thể vãng sanh. [Tức là] nếu điểm số Phổ Hiền hạnh càng cao, quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ không ở trong cõi Đồng Cư. Thật sự đạt tiêu chuẩn, đạt tiêu chuẩn nơi Phổ Hiền hạnh, quý vị sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Công phu kém hơn một chút, chưa đạt tới mức độ ấy, sẽ sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Đã phát tâm, phải nghiêm túc thực hiện, đương nhiên sẽ có phần sanh về cõi Đồng Cư.

Chúng ta phải đọc Phổ Hiền hạnh mỗi ngày, tổ sư đã xếp hạnh này vào khóa tụng sáng tối. Tịnh Tông Học Hội thành lập, chúng tôi đề ra năm khoa hạnh môn để tu hành. Năm khoa mục ấy, mỗi ngày chúng ta phải nghiêm túc thực hiện. Năm khoa mục không nhiều lắm, dễ nhớ! Quá nhiều, nhớ không nổi, quý vị tu bằng cách nào? Trong năm khoa mục ấy, khoa mục thứ nhất là Tịnh Nghiệp Tam Phước. Đây là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc chỉ đạo sự tu hành trong Phật pháp, bất luận tu tông phái nào, tu pháp môn nào đều phải tuân theo nguyên tắc chỉ đạo này. Đức Phật nói rất hay, Tịnh Nghiệp Tam Phước là “*chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật*”. “Tam thế Phật” là quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật, toàn bộ chánh nhân tịnh nghiệp là ba câu ấy. Quý vị nói xem có quan trọng lắm hay không? Câu đầu tiên gồm mười sáu chữ, “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”, chúng ta thực hiện nơi ba căn bản của Nho, Thích, Đạo. Nếu chẳng có ba căn

bản ấy, hết thầy đều thất bại, thứ gì cũng đều chẳng có. Quý vị suốt đời nghiêm túc nỗ lực nghiên cứu kinh giáo, cũng chỉ trở thành một nhà Phật học, thành một vị học giả trong Phật môn. [Nói tới] nhân vật tiêu biểu, khi tôi mới học Phật, chưa xuất gia, theo thầy Lý học kinh giáo; khi đó, còn chưa xuất gia, thầy Lý nêu ra hai nhân vật tiêu biểu, cổ nhân là Tô Đông Pha, người thời nay là Lương Khải Siêu, họ đều là danh nhân, là nhà Phật học, đọc kinh điển rất nhiều, có tài hoa, có thể diễn thuyết, có thể viết lách, nhưng chẳng liên can gì đến chuyện sanh tử. Vì thế, thầy cảnh cáo tôi: “*Cổ nhân đừng học theo Tô Đông Pha, người thời nay chớ học Lương Khải Siêu*”. Thầy Lý cảnh cáo tôi đừng đi theo đường lối của họ, họ là Phật học, chẳng phải là học Phật!

Học Phật và Phật học hoàn toàn khác nhau. Học Phật có Giới, Định, Huệ; trong Phật học chẳng có Giới, Định, Huệ, phải biết điều này. Chẳng có Giới, Định, Huệ, là Phật học, quý vị ở trong thế gian này cũng có thể thành danh, [trở thành] bậc đại gia về Phật học, là Phật học đại sư, người ta sẽ gọi quý vị bằng danh hiệu ấy. Quý vị cũng có thể đạt được học vị Tiến Sĩ, giảng đến nổi hoa trời rơi tán loạn, trước tác rộng khắp, nhưng vẫn phải luân hồi trong lục đạo y như cũ, theo nghiệp chịu báo, chớ nên không biết điều này. Do đó, ba căn bản của Nho, Thích, Đạo vô cùng trọng yếu. Khi quý vị vứt bỏ các căn bản ấy, quý vị sẽ suốt đời làm chuyện thuộc về Phật học, chớ nên không biết! Có ba căn bản ấy thì mới thật sự có thể học Phật, làm đệ tử tại gia của Phật, tức Ưu-bà-tắc hay Ưu-bà-di, mà cũng có thể xuất gia. Phước thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là cơ sở, đạt được điều kiện học Phật cơ bản, coi như quý vị nhập Phật môn.

Phước thứ hai là “*tho trì Tam Quy, trọn đủ chúng giới, chẳng phạm oai nghi*”. Đó là điều thứ hai. Điều thứ hai là phước Tiểu Thừa, điều thứ nhất là phước báo nhân thiên. Do đó, gọi là Tam Phước.

Điều thứ ba, tức câu thứ ba là “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*”. Khuyến tấn hành giả là lợi ích người khác, tức lợi tha. Những điều trước đó đều là tự lợi. Sau khi tự lợi mới có thể lợi tha, chúng ta nói là “*hoằng pháp, lợi sanh*”, điều này trọng yếu lắm!

Xuất gia nhất định phải học Sa Di Luật Nghi. Trong mười điều của Sa Di Giới, phần trước giảng về Ngũ Giới, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Trong “*không vọng ngữ*”, đặc biệt chú thích rõ ràng, [không vọng ngữ] bao gồm không nói dối chiều, không nói thêu dệt, không ác khẩu. Năm điều ấy được gọi là Căn Bản Đại Giới. Có lúc kinh luận đặc biệt giảng Căn Bản Đại Giới chỉ có bốn điều, tức là không tính điều “*chẳng uống rượu*”. Bốn điều trước đó là “*giết, trộm, dâm, dối*” là Căn Bản Giới. Không chỉ là Căn Bản Giới trong Phật pháp, mà gần như đối với tất cả các tôn giáo đều là Căn Bản Giới. Chúng ta đọc kinh Cổ Lan (Koran) [của Hồi giáo], xem Tân

Cựu Ước của Cơ Đốc Giáo; mấy năm nay, chúng tôi biên soạn một quyển sách nhỏ, trích lục kinh điển của mười tôn giáo tương đối lớn trên thế giới, có những giáo điều liên quan luân lý, đạo đức, nhân quả, giới luật, chúng tôi đều trích lục, thấy [tôn giáo nào] cũng đều có: Mỗi tôn giáo đều giảng “giết, trộm, dâm, dối”, chẳng thể không vâng giữ!

Phần sau của Sa Di Luật Nghi còn có năm điều. Điều thứ nhất là không ngồi giường to cao rộng. Năm điều sau, nói thật ra, đều thuộc loại “*lấy khổ làm thầy*”, năm điều trước là Ngũ Giới, [tức là] “*lấy giới làm thầy*”. Lấy khổ làm thầy thì Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời đã nêu gương cho chúng ta. Do đó, giường ngủ của người xuất gia rất hẹp, rất thấp. Theo kinh điển, [giường của tăng sĩ] không vượt quá sáu tấc, giường gãy nhỏ lắm. Vì sao? Không thể ngủ rất thoải mái; hãy quá thoải mái, quý vị liền tham ngủ. Thời thời khắc khắc cảnh giác, giường rất hẹp, quý vị trở người liền ngã xuống đất. Khi ngủ, phải ngủ đúng quy củ. Năm xưa, tôi giảng kinh ở Ôn Ca Hoa (Vancouver), lúc ấy, mỗi năm đều sang Ôn Ca Hoa giảng kinh, giảng một tháng. Ở Ôn Ca Hoa, ngẫu nhiên thấy một cái giường nhỏ như thế, tôi liền mua ngay. Rất nhiều người hỏi tôi: “Cớ sao giường hẹp như thế?” Giường chỉ có hai thước rưỡi 14[3], thông thường, giường đơn lớn hơn ba thước rưỡi một chút. Cái giường gãy là hai thước rưỡi, đại khái to hơn cái bàn này đôi chút. [Giường rộng] hai thước rưỡi, cái bàn này khoảng chừng hai thước. Vì thế, đức Phật nói rất có ý nghĩa.

Điều thứ bảy là quyết định không được phép đeo vòng hoa, đồ trang sức, chẳng được phép dùng những thứ giống như đồ hương trong hiện tại. “*Đồ hương*” giống như nước hoa, kem bảo vệ da v.v... Không thể, chẳng thể dùng những thứ ấy. Đó là một điều.

Điều thứ tám là không được phép ca hát, khiêu vũ. Những nơi vui chơi cũng chẳng được phép đến, ngay cả xem, nghe cũng chẳng cho phép, kể cả TV trong hiện tại: Nếu TV chiếu [các tiết mục] ca múa, tuồng hát, đều chẳng thể nghe, chớ nên xem nghe.

Điều thứ chín là trên tay và thân chẳng được giữ tiền bạc, hoặc có tài vật. Điều này cũng vô cùng nghiêm ngặt, nhằm dưỡng thành [thói quen] không tham tài.

Điều cuối cùng, đức Thế Tôn thọ tại thế ngày ăn một bữa, Sa Di quyết định phải tuân thủ “*không ăn phi thời*”. Tức là trước Ngọ, có thể ăn này nọ, sau giữa trưa trở đi, chỉ có thể uống nước. Hễ trong nước có những thứ trầm lắng giống như sữa bò hoặc sữa đậu nành thì chẳng thể ăn vì chúng có chất trầm lắng. Có thể ăn mật ong, vì mật ong không trầm lắng. Đó là mười

14[3] Thước ở đây là dịch chữ Xích (尺). Một Xích nhỏ hơn một thước Tây (một mét) rất nhiều. Một Xích tính theo đơn vị ở Trung Hoa là 0,33 mét. Ở Hương Cảng, sử dụng một đơn vị khác cũng gọi là Xích, nhưng viết là “呎” (tức là một foot), chỉ có 0,3048 mét. Như vậy, nếu tính theo Xích của Trung Hoa Đại Lục, cái giường hai thước rưỡi rộng khoảng 0,825 mét, rất hẹp!

giới của Sa Di. Hai mươi bốn môn oai nghi, rất nhiều oai nghi đã có trong Đệ Tử Quy, nên Đệ Tử Quy là giới luật cơ bản. Khi chúng ta học Phật, thật sự muốn học Phật, thật sự muốn tu thành tựu, tốt nhất là ngay cả mười giới của Sa Di đều nên tuân thủ, phù hợp lời răn dạy cuối cùng của đức Thế Tôn. Đức Phật chẳng còn tại thế, chúng ta dựa vào ai để làm thầy? Đức Phật bảo: “*Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”. Quý vị thấy mười giới Sa Di, năm điều trước là giới luật, Ngũ Giới, năm điều sau là khổ hạnh. Chúng ta có cơ sở ấy thì mới có thể học Phổ Hiền hạnh.

Điều thứ nhất trong Phổ Hiền hạnh là học giữ lòng cung kính đối với hết thảy chúng sanh. “*Lễ kính chư Phật*”, quyết định chẳng phân biệt. Cung kính thiện nhân, mà đối với ác nhân cũng cung kính. Ta cung kính nhân nhân, mà đối với kẻ tổn hại ta, ta vẫn cung kính họ. Vì sao? Họ vốn là Phật, bản tánh vốn lành. Họ làm những chuyện không tốt là do mê mất tự tánh, suốt đời này chẳng gặp được bạn lành, học theo thói xấu. Đó là tập tánh, chẳng phải là bản tánh, nhất định phải biết điều này. Đức Phật dạy chúng ta nhìn vào bản tánh của hết thảy chúng sanh, đừng nhìn vào tập tánh, tâm cung kính của chúng ta có thể sanh khởi. Nhìn vào tập tánh của chúng sanh, tâm cung kính chẳng sanh khởi được! Mười nguyện trong hạnh Phổ Hiền, nếu nguyện thứ nhất chẳng làm được, toàn bộ những nguyện sau đều chẳng có. Nó và Sáu Ba La Mật giống nhau ở chỗ mỗi điều sau đều sâu hơn điều trước. Giống như cao ốc mười tầng, lễ kính là tầng thứ nhất. Chẳng có tầng thứ nhất, há có tầng thứ hai? Phần trên bao gồm phần dưới, nhưng phần dưới chẳng bao gồm phần trên. Nhất định phải biết điều này. Do đó, lễ kính rất trọng yếu. Lễ kính là gì? Nhằm khai phát Tánh Đức của chúng ta. Điều thứ nhất là tâm yêu thương. Quý vị thấy trong Ngũ Luân, câu đầu tiên cổ nhân nói: “*Phụ tử hữ thân*”. Đó là sự thân ái trong tự tánh. Bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, đối với kẻ hủy báng, lăng nhục, làm thương tổn ta, vẫn có tâm yêu thương như nhau, tâm yêu thương chân thành. Đó là gì? Đó là Phật tâm, là chân tâm của quý vị. Nếu quý vị có phân biệt, có ý kiến đối với họ, sai mất rồi! Họ làm ác ngàn ấy thì phải như thế nào? Phải dung thứ kẻ đó.

Quý vị thấy làm chuyện xấu, chúng ta hãy nghĩ khi Thích Ca Mâu Ni Phật tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, đó là khi Ngài tu Bồ Tát đạo trước khi thành Phật, bị vua Ca Lợi cắt chặt thân thể, tổn thương rất nghiêm trọng. Nhà vua lăng trì xử tử Nhẫn Nhục tiên nhân, [tiên nhân] gặp nạn ngàn ấy. Vua Ca Lợi cũng rất tức tối, rất cáu kỉnh! [Nhà vua hỏi tiên nhân]: “Ngươi tu gì?” “Tôi tu Nhẫn Nhục”. Được rồi, ta xem ngươi có thể nhẫn hay không, từng đao một cắt xẻo ngươi. Khi cắt đến gần chết, hỏi tiên nhân: “Ngươi có tâm sân khuê hay không?” “Không có!” Lại xẻo, xẻo đến cuối cùng, [tiên nhân] vẫn chẳng có [tâm sân khuê]. Tôi hậu, khi lâm chung, [tiên nhân] bảo vua Ca Lợi: “Ta thành Phật, người được độ đầu tiên sẽ là ông”. Quý vị thấy Ngài tu Nhẫn Nhục Ba La Mật viên mãn. Vua Ca Lợi tạo tội nghiệp rất nặng; do thành tựu viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật cho Thích Ca Mâu Ni Phật, nên vua đã tạo công đức! Trong thế gian, chẳng có gì tuyệt đối đúng hay sai, tùy thuộc quý vị làm người như thế nào. Quý vị thấy

[vua Ca Lợi]đổidãi với một người tu hành bằng lòng sân hận như thế mà lại là chuyện tốt đẹp, [bởi lẽ, vua đã] khiến cho người tu hành viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật. Tuy bản thân nhà vua bị đọa địa ngục, vẫn hưởng phước trong địa ngục. Vì sao? Vua đã thành tựu một người làm Phật, nên vua hưởng phước trong địa ngục. Đức Phật nói: Sự hưởng thụ của người ấy trong địa ngục và sự hưởng thụ trong Đạo Lợi Thiên chẳng khác nhau cho mấy. Điều này rất có lý. Vì quý vị làm chuyện ác, nên quý vị đọa địa ngục. Quý vị thành tựu một người, [tức là giúp] một vị Bồ Tát thành Phật; phước báo ấy to lớn tuyệt diệu, nên mới hưởng phước trong địa ngục.

Hưởng hết phước xong, tội báo trong địa ngục cũng mãn, thoát ra, lại sanh trong nhân gian, lại xuất gia. Xuất gia bèn gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự độ ông ta đầu tiên. Tiền thân của tôn giả Kiều Trần Như là vua Ca Lợi. Đức Phật nói sao bèn làm vậy, ngài Kiều Trần Như chứng quả A La Hán đầu tiên. Hai vị biểu diễn cho chúng ta xem, chỉ dạy chúng ta tu Nhẫn Nhục Ba La Mật phải biết tu như thế nào, thực hiện điều nguyện “*lễ kính chư Phật*” ra sao? Đối với hết thầy chúng sanh, chúng sanh làm tổn thương ta nghiêm trọng, tâm đều chẳng có oán hận mảy may. Phải học điều này. Vào lúc then chốt, bèn thấy Tánh Đức của quý vị có thể biểu lộ ra ngoài hay không? Quý vị lưu lộ phiền não, nghiệp chướng, hay lưu lộ trí huệ và đức tướng trong tự tánh, đều thuộc trong một niệm. Vì lẽ đó, một niệm giác, phạm phu thành Phật; một niệm mê, lại vào trong lục đạo. Vì thế, chúng ta chớ nên không biết chuyện này. Kẻ này tổn thương ta, ta cần gì phải cung kính hẳn? [Nghĩ như vậy] là sai mất rồi. Dẫu kẻ ấy có làm lỗi to tát cách mấy, chớ nên trách móc. Kẻ ấy rất đáng thương, vì sao? Nhân quả của mỗi người phải do chính kẻ ấy gánh chịu, chẳng có cách gì hết!

Con người bắt luận làm chuyện sai quấy gì, điều đầu tiên là bắt hiếu với cha mẹ. Quý vị thấy có cha mẹ nào hy vọng đứa con mình làm hại người khác, trái nghịch lương tâm, vi phạm đạo đức? Chẳng có cha mẹ nào đối với con cái lại [trông mong] như vậy! Bởi lẽ, hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy là đức hạnh căn bản, thầy chẳng mong mỗi học trò của chính mình phạm lỗi. Bắt luận làm chuyện sai trái nào, đứng đầu là bắt hiếu với cha mẹ, bắt kính sư trưởng, khiến cho cha mẹ, sư trưởng hổ thẹn, có sao dạy ra một đứa học trò như vậy? Có sao nuôi thành một đứa con như vậy? Người trong xã hội chỉ trích cha mẹ của quý vị, khiển trách thầy của quý vị. Chỉ riêng tội này đã là tội địa ngục, tuy chưa phải là A Tỳ địa ngục. Địa ngục có rất nhiều chủng loại, kinh điển đã nói hơn bảy mươi loại. Làm chuyện tốt đẹp cỡ nào cũng đều chẳng có cách nào bù đắp [tội bắt hiếu cha mẹ, bắt kính sư trưởng]. Chúng ta chớ nên không biết điều này. Không chỉ là chuyện bất thiện chớ nên làm, mà ý niệm bất thiện cũng chớ nên dấy lên! Khởi ý niệm bất thiện là tâm tạo, thân chưa tạo, nhưng tâm đã tạo, vẫn kết tội, nhưng kết tội nhẹ hơn một chút. Nếu ba nghiệp thân, miệng, ý đều tạo, tội ấy sẽ nặng nề. Vì thế, lễ kính trọng yếu lắm! Pháp thế gian cũng chẳng phải là ngoại lệ. Tại Trung Quốc, câu đầu tiên trong sách Lễ Ký là “*Khúc Lễ viết: Vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”). “*Vô*

bất kính” là gì? Chẳng có gì không lễ kính, vạn sự vạn vật đều phải dùng cái tâm cung kính để đối đãi, đó là lễ kính chư Phật trong Phổ Hiền hạnh. Tập, tích lũy công đức chân thật phải thực hiện từ chỗ này, phải học từ đây, học tôn trọng người khác.

Điều thứ hai, “*xưng tán Như Lai*”. Kẻ khác và ta chẳng thuận thảo, làoan gia đối đầu, nhưng kén làm một chuyện tốt, có phải ca ngợi hay không? Phải! Chuyện này có lợi ích, có điều tốt đối với xã hội và đại chúng thì phải biết khen ngợi. Quyết định chớ nên xen tạp oán hận cá nhân. [Nếu xen tạp] là sai mất rồi! Khi đáng khen ngợi thì phải khen ngợi. Kén làm chuyện vì tự tư tự lợi, chẳng có gì tốt đẹp cho xã hội và đại chúng, bèn không khen ngợi, không phê bình, trưởng dưỡng đức hạnh của chính mình. Vì thế, khen ngợi và lễ kính khác nhau. Lễ kính là bình đẳng, khen ngợi bèn có chừng mực. Vì sao? Nó có ảnh hưởng. Kén chẳng phải là thiện nhân thật sự, là giả thiện nhân. Nếu quý vị khen ngợi hẳn, sẽ có nhiều người bị lừa, chúng ta phải chịu trách nhiệm nhân quả. Người ấy là thiện nhân thật sự, ngay cả khi người ấy là oán gia đối đầu của ta, ta cũng phải ca ngợi người ấy. Vì sao? Có lợi ích cho xã hội và đại chúng. Chúng ta niệm niệm phải nghĩ tới quang đại quần chúng, đặc biệt là trong hiện tại, phải nghĩ tới chúng sanh khổ nạn trên toàn thế giới, trọn chẳng thể đặt sự lợi hại của chính mình vào đó. [Nếu xen lẫn vào đó], sai mất rồi! Đối với người, đối với sự, phải đại công vô tư, đó là đúng. Vì thế, gọi là “*khen ngợi Như Lai*”.

“*Quảng tu cúng dường*” cũng là bình đẳng. Người ta cần giúp đỡ, chúng ta có một phần sức lực bèn tận hết một phần sức lực, tận tâm tận lực giúp đỡ người ấy, giúp người ấy giải trừ các khó khăn trong cuộc sống trước mắt, hoặc trong công việc, hoặc là những chuyện khác, chúng ta phải giúp đỡ người ấy. Người học Phật chớ nên quên, quan trọng nhất là giúp cho người ấy giác ngộ, giúp người ấy quay đầu là bờ, đó là điều quan trọng. Thích Ca Mâu Ni Phật, chư Phật, Bồ Tát xuất hiện trên thế gian, chẳng có chuyện gì khác, mà vì chuyện này: Giúp mọi người chúng ta quay đầu là bờ, giúp chúng ta phá mê khai ngộ, tự nhiên tai tiêu, phước tới. Mê đã phá, tai ương liền tiêu. Thật sự giác ngộ, phước liền đưa đến. Phước báo thật sự do giác ngộ mà có, chớ nên không biết điều này. Sau đây, quý vị mới biết vì sao nói phước báo trong Phật môn to lớn. Thế gian và xuất thế gian muốn vun bồi phước, gieo phước trong Phật môn sẽ là to lớn bậc nhất. Phật là vô thượng đại phước điền, cúng dường Tam Bảo; nhưng quý vị phải nhớ, cúng dường Tam Bảo chẳng phải bằng tài vật. Dùng tài vật để tu cúng dường, phước báo không lớn. Quý vị thấy kinh Đại Thừa hay nói: Quý vị dùng bảy báu trong đại thiên thế giới để cúng Phật, ai có thể làm được? Thiên vương trong một đại thiên thế giới là Ma Hê Thủ La (Maheśvara) thiên vương 15 [4], đại khái chỉ có ông ta là có thể

15[4] Vị thiên vương này đứng đầu cõi Sắc Giới, và có nhiều danh hiệu như Mạc Ha Ca La, Ma Hê Thập Phật Niết, Y Tà Na Thiên, Thương Yết La Thiên, Y Xá Na Thiên, Ấn Độ giáo thường gọi ông ta là Thập Bà (Śiva, Shiva), Vị đại hộ pháp Đại Hắc Thiên (Mahākāla) rất được Mật giáo Tây Tạng tôn trọng chính là một hóa thân của Ma Hê Thủ La Thiên. Đại Thừa Phật giáo nói Ma Hê Thủ La Thiên thường là Thập Địa Bồ Tát hóa thân, Mật Tông lại nói vị thiên vương này là hóa thân của Đại Nhật Như Lai.

làm được, người khác há phước báo to ngàn ấy! Đức Phật nói [phước báo ấy] vẫn thu phước báo nói cho chúng sanh bốn câu kệ. Đây chính là đức Phật nhân mạnh tầm quan trọng của Pháp Bồ Thí. Vì sao? Do vô lượng trân bảo, quý vị có thể làm cho họ giàu có, thoát khỏi nghèo khổ, trở thành phú quý, giàu lên, nhưng họ thiếu trí huệ. Giàu mà thiếu trí huệ chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Kiếm mỗi ngày đều làm ác, đâm ra khiến cho kiếm đạo địa ngục. Đây chẳng phải là thật sự giúp đỡ kẻ ấy, mà là làm hại. Thật sự giúp đỡ là dạy kẻ ấy, giúp kẻ ấy giác ngộ, giúp kẻ ấy quay đầu, giúp kẻ ấy hiểu rõ lý, liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Đó là thật sự cúng dường. Vì vậy, trong kinh, đức Phật nhiều lượt dạy chúng ta: “*Trong hết thảy các loại bố thí, pháp bố thí là bậc nhất*”. Hàng đầu trong Pháp bố thí là tu hành, dùng tu hành để cúng dường. Cúng dường chân thật chẳng phải là dùng tiền tài, mà dùng tu hành, tu hành đúng như lời dạy, dùng điều này để cúng dường Tam Bảo, cúng dường Phật, Bồ Tát. Trong kinh điển, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta, chúng ta thật sự thi hành, biến đạo lý trong kinh điển thành tư tưởng của chúng ta, biến giáo huấn trong kinh điển thành hành vi trong cuộc sống của chúng ta. Đó là cúng dường chân thật, chư Phật tán thán, vô lượng vô biên phước báo. Phật lực gia trì quý vị, khi quý vị thật sự tu hành, phước báo trong tự tánh bèn hiện tiền, phước báo nơi tự tánh và phước báo của chư Phật Như Lai chẳng hai, chẳng khác. Do đó, quý vị phải hiểu: Cúng dường phải bắt đầu bằng thay đổi tâm thái của chính mình.

Điều thứ tư là “*sám hối nghiệp chướng*”. Từ vô lượng kiếp đến nay phải luân hồi trong lục đạo, nghiệp chướng sâu nặng. Đây là lời thật, chẳng giả! Nghiệp chướng chẳng tiêu trừ, chẳng thoát li luân hồi! Nghiệp chướng chẳng tiêu trừ, không thể vãng sanh. Tịnh Độ tuy là đời nghiệp, nhưng cho phép quý vị mang theo nghiệp cũ, chẳng thể mang theo nghiệp mới. Nghiệp mới là gì? Nay chúng ta vẫn làm (tạo nghiệp), không được rồi, chẳng thể mang theo nghiệp ấy! Trong quá khứ, trước khi học Phật đã tạo nghiệp, hoặc là học Phật, trước khi khai ngộ, ta đã tạo nghiệp, [những nghiệp ấy] đều có thể mang theo. Sau khi giác ngộ, chẳng được phép tạo nghiệp; hễ còn tạo nghiệp, nghiệp ấy sẽ chướng ngại quý vị vãng sanh, thậm chí chướng ngại chúng ta khai ngộ. Chúng ta nghe kinh không hiểu, hoặc hiểu sai ý nghĩa trong kinh, do nguyên nhân nào? Nghiệp chướng! Quý vị biết chuyện này phiền lắm! Vì thế, đức Phật dạy chúng ta phải phát lộ sám hối, [tức là] tuyên bố trước đại chúng những nghiệp do chính mình đã tạo, chân thành sám hối, sau này chẳng còn tạo nữa. Nghiệp chướng ấy bèn tiêu trừ. [Hôm nay] đã sám hối, ngày mai vẫn làm y hệt, đó là lừa mình, dối người, lừa gạt Phật, Bồ Tát, nghiệp ấy càng nặng hơn. Thật sự sám hối là thật sự chẳng tạo nữa. Phải phát tâm giống như Phật, Bồ Tát, dùng thân thể của ta để biểu thị pháp, nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội xem, công đức ấy cũng rất to. Dùng thân làm gương, đệ tử Phật như vậy, mọi người nhìn vào, đầy lòng tôn trọng quý vị, đầy tâm tôn trọng Phật giáo. Trong hành vi của chúng ta, trong cuộc sống hằng ngày, có thể khiến cho đại chúng tôn trọng Phật giáo, tôn trọng Phật, Bồ Tát, công đức ấy to lắm. Nếu chúng ta chẳng làm tốt, [khiến cho] người ta phê bình Phật giáo, nói quý vị làm chuyện mê tín, tức là chúng ta đã phá hoại hình tượng Phật giáo,

tội này cũng rất nặng. Tiêu chuẩn là gì? Tiêu chuẩn là bản căn bản như chúng tôi đã nói, Đệ Tử Quy, Cấm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, Sa Di Luật Nghi, bản căn bản ấy. Đồng tu tại gia đều có thể học bản căn bản ấy, hết sức tốt đẹp! Quý vị thật sự muốn học, càng học càng vui vẻ, quý vị mới có thể thật sự ném pháp vị. Cổ nhân nói rất hay: “*Vị thế gian há nồng đậm như pháp vị*”. Quý vị chưa ném pháp vị, tâm hoan hỷ chẳng sanh khởi. Khi thật sự ném trái pháp vị, sanh khởi tâm hoan hỷ, không thời khắc nào chẳng hoan hỷ, xử sự, đãi người, tiếp vật là một bầu chân thành từ bi.

Thứ năm là “*tùy hỷ công đức*”; nhằm phá điều gì? Phá ganh tỵ, chướng ngại. Vì ganh tỵ, chướng ngại là bệnh chung của hết thầy phàm phu, ai nấy đều có, lại còn vô cùng nghiêm trọng! Nếu là kẻ ganh tỵ bậc hiền năng, sẽ chướng ngại, phá hoại người ta, tội ấy khá nặng! Người tốt ấy có thể làm rất nhiều chuyện tốt trong xã hội, lợi ích xã hội, lợi ích quần chúng, lợi ích quốc gia. Quý vị chướng ngại người ấy, đối với người ấy là chuyện nhỏ, người ấy chẳng oán hận quý vị, đối với người ấy chẳng có chuyện gì, nhưng tội kết ở chỗ nào? Khá nhiều người không thể được người ấy tạo lợi ích, xã hội không thể đạt được lợi ích, quốc gia không thể đạt được lợi ích, kết tội từ chỗ này! Chớ nên không hiểu đạo lý này, đạo lý này rất sâu. Tổn hại một người, phá hoại một người, chuyện này rất nhỏ, chẳng có gì ghê gớm, nhưng quý vị phải biết: Sức ảnh hưởng của người ấy to cỡ nào, tội lỗi của quý vị lớn cỡ đó! Sức ảnh hưởng của người ấy sâu cỡ nào, ảnh hưởng rộng ngàn nào, đó là những điều kiện để kết tội quý vị. Thời gian ảnh hưởng lâu dài, trong tương lai, thời gian quý vị đọa trong địa ngục sẽ dài. Ảnh hưởng rất rộng, quý vị sẽ chịu tội trong địa ngục càng nhiều. Đạo lý là như vậy đó, chúng ta chớ nên không biết điều này. Vì vậy, đức Phật dạy chúng ta tùy hỷ công đức. Thấy người khác tốt đẹp, bèn toàn tâm toàn lực giúp đỡ, thành tựu người ấy, quyết định chẳng thể gây chướng ngại. Chẳng có sức để giúp đỡ, bèn khen ngợi, hy vọng người có sức nghe chúng ta khen ngợi bèn phát tâm giúp đỡ, thành tựu người ấy, đó là chúng ta tùy hỷ công đức. Tức là nói trong tương lai, người ấy có công đức lớn cỡ nào, người tùy hỷ có công đức to bằng cỡ đó. Người ấy có thể làm chuyện lợi ích quốc gia, dân tộc, chuyện lợi ích hết thầy chúng sanh, người ấy làm nhiều chuyện, có ảnh hưởng lớn cỡ nào, ảnh hưởng lâu cỡ nào, người tùy hỷ bèn được một phần công đức giống hết như người ấy. Người ấy còn phải sót sáng tu tập, người tùy hỷ chẳng cần tu, chỉ là phát tâm, quý vị liền thấy đã đạt được công đức. Trái lại, ganh tỵ, chướng ngại, quý vị liền tạo tội nghiệp to lớn. Quý vị tùy hỷ, khi có niệm tùy hỷ, toàn bộ công đức của người ấy biến thành của quý vị. Do đó, đức Phật đã xếp chuyện này, quý vị thấy điều này được xếp vào trong mười nguyện Phổ Hiền có nghĩa rất sâu, công đức ấy vô lượng vô biên.

Có thể tùy hỷ thì mới có thể “*thỉnh chuyển pháp luân*”. Thưa cùng quý vị, làm công đức thì công đức bậc nhất là gì? Thỉnh thiện tri thức giảng kinh. Giảng kinh thỉnh chúng rất đông, trong số đó, có một, hai người giác ngộ, hiểu rõ, quay đầu, đoạn ác, tu thiện, công đức ấy thù

thắng khôn sánh.Đại chúng bình phàm trong xã hội hiện thời thường nghĩ công đức làm pháp hội rất lớn, tức là pháp hội siêu độ, pháp hội Thủy Lục.Chúng ta vừa mới hoàn tất Tam Thời Hệ Niệm suốt bảy ngày; nhưng còn có chuyện có công đức to lớn hơn nữa là thỉnh pháp sư giảng kinh bảy ngày, càng lớn hơn, càng thù thắng hơn [công đức làm pháp hội], cõi âm lẫn dương gian đều lợi lạc. Người nghe kinh giác ngộ, chúng ta chẳng thấy chúng sanh vô hình nghe kinh cũng giác ngộ giống hệt. Vì thế, những pháp hội Phật sự thông thường thuộc loại cầu nguyện trong tôn giáo, chẳng phải là không có hiệu quả, nó có hiệu quả, hiệu quả hoàn toàn do tâm chân thành! Cổ nhân đã nói rất có lý: “*Hễ thành bèn linh*”. Nếu quý vị làm pháp sự, tâm chẳng chân thành, sẽ bị giảm bớt, hiệu quả bị giảm bớt. Phật, Bồ Tát vô cùng từ bi, trong đạo tràng, Phật, Bồ Tát giúp sức, đạo tràng gồm mấy trăm người tham gia, chúng ta là phàm phu mắt thịt, trong ấy có Phật, Bồ Tát hay không? Khẳng định là có, thường là có mấy vị. Mấy người ấy thành tâm thành ý, thậm chí vị hòa thượng chủ pháp chẳng có thành ý, nhưng bên cạnh có mấy người tham dự pháp hội thành tâm thành ý, pháp hội ấy bèn thành công. Đó là gì? Đó là Phật, Bồ Tát gia trì. Pháp hội giảng kinh cũng thế. Trong thánh chúng, thật sự có mấy vị Phật, Bồ Tát làm Ảnh Hưởng Chúng, gia trì đạo tràng ấy, gia trì mọi người, thật sự có, chẳng giả! Từ chỗ này, chúng ta mới thật sự hiểu rõ chư Phật, Bồ Tát từ bi vô tận, chúng ta cảm ơn bất tận.

Nhưng hiện thời thỉnh pháp sư giảng kinh ngày càng khó khăn, vì sao? Người học tập kinh giáo ngày càng ít. Vì sao người học tập kinh sám Phật sự đông ngần ấy, người học tập kinh giáo không có ai thỉnh giảng kinh? Con đường [kinh giáo] suy vi. Chúng ta học Phật, là những người đã hiểu rõ, đã thông suốt, phải phát tâm thỉnh chuyên pháp luân. Có sức thì chuyện tốt lành bậc nhất là bồi dưỡng pháp sư. Thật sự gặp người trẻ tuổi phát tâm, đầu tiên là dành ra một năm để người ấy vun bồi vững vàng bốn căn bản, đó là căn bản. Có thể nói là thiếu bốn căn bản ấy thì chắc chắn chẳng thể học thành công! Vì sao? Chẳng có thành ý, chẳng có tâm thành kính! Tổ Ấn Quang dạy rất hay: “*Mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”, thành kính hoàn toàn do bốn căn bản. Nhìn vào bốn căn bản để biết quý vị có mấy phần thành kính, rồi mới biết quý vị sẽ có mấy phần thành tựu. Chẳng có thành kính, bèn chẳng có thành tựu. Người càng có thành tựu, tâm địa càng chân thành, thái độ càng khiêm hư, càng cung kính người khác. Cổ nhân nói: “*Khi học vấn đã sâu thì ý khí bình lặng*”, chắc chắn chẳng thô phù, bộp chộp. Thô phù, bộp chộp tức là chẳng có một chút công phu nào!

Do đó, tìm được một người thật sự phát tâm chẳng dễ dàng! Trong quá khứ, thầy Lý đã từng bảo tôi, thầy nói rất cảm thán: “*Có vị thầy nào chẳng mong có truyền nhân? Đến đâu để tìm? Học trò tìm được thầy đã khó, mà thầy tìm được trò càng khó hơn! Đến đâu để tìm? Chuyện này chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu!*” Nhưng thật sự phát tâm muốn học, chính mình có thể học ở nhà thành công, chẳng cần tìm ai. Người tại gia học theo Mạnh Tử, hàng xuất gia học theo Ngẫu Ích đại sư. Các Ngài suốt đời chẳng tìm được thiện tri thức chân chánh, bèn làm như thế nào? Lấy cổ nhân làm thiện tri thức. Mạnh Tử học theo Khổng Tử, Khổng Tử

chẳng còn tại thế, Mạnh Tử bèn đọc sách của Khổng Tử, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Hễ gặp chỗ nghi nan, bèn tìm học trò của Khổng Tử, lúc đó còn có không ít học trò của Khổng Tử còn sống, Ngài thỉnh giáo họ. Ngài học được, học thành công, vượt trội tất cả các học trò thân cận Khổng Tử thuở ấy. Quý vị thấy hậu thế hễ nói tới Nho gia, bèn nói Khổng Mạnh, chẳng nhắc tới người khác. Điều này chứng tỏ Mạnh Tử học thành công. Người Trung Quốc gọi Khổng Tử là Chí Thánh, gọi Mạnh Tử là Á Thánh. Chí Thánh là bậc nhất, Á Thánh là bậc nhì. Trong Tịnh Độ Tông chúng ta, Ngẫu Ích đại sư là tổ sư đời thứ chín. Ngài vô cùng ngưỡng mộ vị tổ sư đời thứ tám là Liên Trì đại sư, Liên Trì đại sư đã vãng sanh, nhưng trước tác của Liên Trì đại sư vẫn còn, Ngài bèn chuyên học theo trước tác của Liên Trì đại sư, cũng học hết sức thành công, nên sau này Ngài là tổ sư đời thứ chín của Tịnh Tông. Những vị này đều là trước mắt không có ai chỉ dạy, bèn tìm cổ nhân. Nay quý vị nói chẳng có thầy giỏi, quý vị học kinh Vô Lượng Thọ, trong kinh Vô Lượng Thọ, ai là thầy? A Di Đà Phật là thầy, Vô Lượng Thọ Phật, quý vị học theo Ngài, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, quý vị có thể dùng làm tài liệu tham khảo để học tập, cụ là trợ giáo của A Di Đà Phật. Quý vị đã có thầy, lại có trợ giáo, chỉ cần quý vị thật sự hành, không ai chẳng thành công. Thâm nhập một môn, mười năm huân tu, lẽ nào chẳng thành công!

Nay chúng tôi chính mắt trông thấy ha người, người thứ nhất có lẽ mọi người đều biết là cư sĩ Lưu Tô Vân ở miền Đông Bắc. Bà lúc năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu học, nay đã sáu mươi lăm tuổi, mười năm, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, ngoài những thứ ấy ra, thứ gì cũng chẳng có. Mười năm giống như một ngày. Mỗi ngày nghe kinh mười tiếng đồng hồ, nghe suốt mười năm, nghe một bộ kinh này! Thông thường, người bình phàm nếu dụng công như vậy, phải là bốn năm năm, nếu là người công phu tốt đẹp thì khoảng chừng ba năm liền đăc tam-muội, Niệm Phật tam-muội. Năm sáu năm chắc chắn khai ngộ; người căn tánh kém hơn một chút, tôi tin là năm năm có thể đăc tam-muội, bảy, tám năm có thể khai ngộ. Hễ ngộ bèn thông suốt toàn bộ, tất cả các kinh giáo chưa học qua, chỉ cần quý vị tiếp xúc liền thông suốt toàn bộ. Một kinh thông, hết thấy kinh đều thông. Cổ nhân nói chẳng sai tí nào! Chúng ta không tin cổ nhân mà tin vào chính mình thì thôi rồi, đó là “*không nghe lời người già, thua thiệt ở trước mắt*”. Người ta mười năm có thành tựu to lớn như thế. Gần đây, tôi nghe nói ở Tứ Xuyên có một vị lão cư sĩ, đã ngoài bảy mươi tuổi, đại khái cũng là bắt đầu học lúc năm, sáu mươi tuổi, cũng là mười năm, cũng là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật. Tôi hết sức mong mỗi cụt đến Hương Cảng cho chúng tôi gặp mặt. Cụ rất giỏi, đã nêu gương tốt nhất cho những người trẻ tuổi trong hiện thời, thật sự phát tâm tiếp nối huệ mạng của Phật, xa là tiếp nối Như Lai, gần là làm cho đại pháp rạng rỡ, nêu tấm gương tốt nhất. Chỉ cần quý vị thật sự phát tâm, chỉ cần quý vị vâng theo quy củ đã thành lập của tổ tông, quyết định chẳng thể thay đổi, quý vị hãy khéo học, chắc chắn sẽ thành tựu. Thời gian mười năm chẳng dài, giống như đối với lứa tuổi của tôi, đúng là chớp mắt đã qua mười năm. Phạm phu mười năm thành Phật, chẳng giả! Phải biết tinh chuyên pháp luân, thật ra là

thỉnh không được, bèn tự mình phát tâm ra giảng kinh, dạy học, thỉnh chính mình, thỉnh người khác khó quá. Tự mình phát tâm thỉnh chính mình. Phương pháp này do Chương Gia đại sư dạy tôi vào thuở trước. Lão nhân gia dạy tôi học Thích Ca Mâu Ni Phật, tôi nghe lời. Bí quyết thành công chẳng có gì khác, là nghe lời, thật sự làm, sống một ngày bèn làm một ngày. Chẳng vì chính mình, mà vì chánh pháp tồn tại lâu dài, vì chúng sanh khổ nạn, biến hai câu ấy thành mục tiêu để ta sống suốt đời trên thế gian này! Mục tiêu cuối cùng là cầu sanh Tịnh Độ, chẳng có chuyện gì khác.

Tiếp theo là điều thứ bảy, “*thỉnh Phật trụ thế*”. Tôi nói câu này có nghĩa là bồi dưỡng thế hệ kế tục. Phải biết toàn tâm toàn lực bồi dưỡng thế hệ kế tiếp, khiến cho Phật pháp chẳng đến nỗi đoạn tuyệt, công đức ấy vô lượng vô biên. Có thể có mười người, hay tám người thật sự học Phật, chẳng có ai vì chính mình, chắc chắn Phật pháp có thể hưng vượng. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ở Lộc Dã Uyển, sáu người lập nghiệp, bản thân đức Phật là một, ngoài ra là năm vị tỷ-kheo, sáu người khởi sự. Nay có đến bảy, tám người, lẽ nào giáo pháp chẳng thể hưng khởi cho được? Đương nhiên chẳng có vấn đề gì! Vì thế, chuyện này (thỉnh Phật trụ thế) mới được gọi là “đại sự nghiệp, đại nhân duyên”. Suốt đời này, tôi cũng biểu diễn pháp với mọi người, nêu gương cho mọi người, suốt đời chẳng làm chuyện gì khác, tức là giảng kinh, giáo học, bắt đầu kể từ ngày xuất gia, suốt năm mươi hai năm chẳng nghỉ ngơi. Chẳng có đạo tràng, nhưng tôi cũng chẳng đổi, cũng chẳng rét mướt, tuy chẳng có thứ gì, nhưng đắc đại tự tại như kinh Phật đã nói. Đại tự tại là thân lẫn tâm đều chẳng có chuyện gì! Con người hiện thời nói đến áp lực (stress) chi đó, tôi rất khó hiểu được, tôi chưa hề có áp lực gì, áp lực nơi thân và tâm đều chẳng có. Chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc, tùy duyên sống qua ngày. Trong tâm chỉ có kinh giáo. Tôi giảng một bộ kinh, trong tâm chỉ nghĩ đến bộ kinh ấy. Một bộ kinh đại khái phải giảng từ một năm đến hai năm, sống một ngày, giảng một ngày. Vui sướng lắm, tự tại lắm!

Câu thứ tám là “*thường tùy Phật học*”, câu này rất trọng yếu. Thuở trước, thầy Lý thường bảo tôi: Chỉ nghiên cứu kinh giáo suông thì vẫn chưa được, nhất định phải có gương mẫu. Chương Gia đại sư dạy tôi học Thích Ca Mâu Ni Phật, thầy Lý dạy tôi học theo pháp sư Ấn Quang. Đức Phật xuất hiện từ ba ngàn năm trước, pháp sư Ấn Quang khá gần chúng ta, ước chừng sáu, bảy mươi năm trước lão nhân gia tại thế. Tuy Tổ Ấn Quang đã vắng sanh, sách vở của Ngài hãy còn, tức là bộ Văn Sao của đại sư. Thuở ấy, thầy Lý tặng cho tôi một bộ Văn Sao, khuyên tôi học Ấn Quang đại sư, đó là vị chân thiện tri thức thời cận đại. Đọc Văn Sao bèn tiếp nhận giáo huấn của Ngài, hiểu rõ, thông hiểu đạo lý, biết phương pháp, y giáo phụng hành, là học trò thật sự của pháp sư Ấn Quang, là tư thực đệ tử của Ngài. Học Phật, đọc kinh chẳng hiểu rõ nghĩa trong kinh là không được, nhưng đã hiểu rõ nghĩa kinh mà chẳng thực hiện cũng không được, phải thật sự thực hiện thì quý vị mới có thể khế nhập cảnh giới.

Khế nhập cảnh giới là Chúng, tức [Chúng trong] “tín, giải, hành, chúng”, thật sự được thọ dụng.

Câu thứ chín là “*hằng thuận chúng sanh*”, điều này rất trọng yếu. Điều này là công phu tu hành. Công phu nhìn từ đâu? Nhìn từ hằng thuận chúng sanh, thuận hay nghịch đều tùy thuận. Trong tùy thuận, quý vị phải có lòng kiên nhẫn, phải có trí huệ, phải khéo léo quan sát căn cơ, dẫn dắt họ “quay đầu là bờ”, hướng dẫn họ đoạn ác hướng thiện, hướng dẫn họ phá mê khai ngộ, đó là lợi tha, chẳng phải là tự lợi. Toàn bộ năm câu sau câu “*thỉnh chuyển pháp luân*” đều là lợi tha. Năm câu trước là tự lợi, từ “*lễ kính chư Phật*” đến “*tùy hỷ công đức*” đều là tự lợi, thành tựu chính mình. Bởi lẽ, thành tựu người khác mà chẳng thuận thảo với họ, làm sao có thể độ họ? Làm sao quý vị có thể giúp đỡ họ? Đó là thật sự tu hành, là công phu thật sự. Trong Tứ Nhiếp Pháp, điều này là điều cuối cùng trong Tứ Nhiếp, tức Đồng Sự Nhiếp, [khiến cho] người khác hoan hỷ. Đồng Sự: Quý vị thấy kẻ khác đang mê, quý vị chẳng mê, quý vị làm thế nào giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ quay đầu là bờ. Đúng là “*Phật độ kẻ hữu duyên*”. Trong xã hội hiện tại, trong các nghề đều có Bồ Tát, ngay cả trong sòng bạc cũng có Bồ Tát làm đồ vương (vua cờ bạc), vì sao? Đánh bạc đến cuối cùng, thua sạch, nhọc nhằn cả đời toàn bộ đều thua sạch, tự mình nêu gương cho mọi người, quyết định chớ nên cờ bạc, vạch trần bản tướng của sòng bạc. Chúng ta không chỉ gọi người ấy là Đồ Vương Bồ Tát, mà còn là bậc hiện thân thuyết pháp! Sau khi quý vị đã hoàn toàn hiểu rõ, cũng chẳng còn đến nơi đó nữa, nơi ấy là hồ lừa, không phải là chỗ tốt lành. Quý vị thấy trong thế gian này, xưa, nay, trong ngoài nước, có ai dựa vào cờ bạc mà phát tài? Tìm chẳng thấy một gương như thế. Vì thế, có sự biểu thị pháp nơi nghề nghiệp, quý vị chỉ cần quan sát cẩn thận, sẽ đều có thể nhận biết.

Hằng thuận chúng sanh, phải tùy thuận trong cuộc sống hằng ngày, thế gian chẳng có gì quyết định là đúng hay sai, chẳng có gì tuyệt đối là tốt hay xấu. Nói thật ra, những thứ đối lập thấy đều chẳng tồn tại, hoàn toàn tùy thuộc ý niệm của quý vị. Ý niệm của quý vị là tốt lành, chẳng có gì là không tốt. Ý niệm bất thiện, chẳng có gì là thiện. Vì thế, đức Phật nói rất hay: “*Cảnh chuyển theo tâm*”, lời này nói rất tuyệt diệu! Chúng ta là Phật tử thì quý vị thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới tất cả đều là Phật, Bồ Tát đang biểu diễn trong ấy, đang khuyến dụ, giáo hóa chúng sanh nơi ấy. Nếu khi chúng ta dùng tâm tự tự lợi để nhìn, dùng phân biệt, chấp trước để nhìn, ngay trong Phật pháp giới, quý vị cũng chẳng vừa lòng. Quý vị vẫn còn thấy có thứ gì đó chẳng thuận mắt. Ngay cả đấng thế giới Cực Lạc nói với quý vị, quý vị vẫn bới ra cả đống khuyết điểm to đùng, chẳng phù hợp ý nghĩ của quý vị! Đúng vậy, hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, tâm hiện, thức biến, đức Phật giảng quá tuyệt! Người học Phật chẳng có gì khác, phải thật sự nhìn ra, phải thật sự hiểu tâm hiện như thế nào, thức biến như thế nào. Bất luận biến hóa như thế nào, tánh và tướng như một, pháp giới một Thể, vĩnh viễn ở trước mặt quý vị. Vì thế, vô lượng vô biên biến hóa, trong ấy có một thứ chẳng biến đổi, hãy quý vị tìm được nó, liền giác ngộ. Đã tìm được, quý vị liền viên mãn mười

nguyện Phổ Hiền, liền thật sự giống những vị đại sĩ được nói trong kinh này, cùng trụ Phổ Hiền hạnh, xác thực là quý vị an trụ trong Phổ Hiền hạnh.

Cuối cùng, “*phổ giai hồi hương*”, câu này càng tuyệt diệu, câu này là gì? Là như chúng ta thường nói: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”, chia sẻ trí huệ chân thật và vô lượng đức tướng (đức năng, tướng hảo) của chính mình với hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới cùng hướng, đó là “*phổ giai hồi hương*”, hoàn toàn phơi bày chúng sanh và chính mình là một Thể, là một, không hai.

Chúng ta lại xem đoạn văn này, “*trụ Phổ Hiền hạnh*” biểu thị các đại sĩ đều an trụ trong đại hạnh của Phổ Hiền đại sĩ, ai nấy đều dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, hãy chú trọng chữ “*ai nấy*”. Trong kinh Hoa Nghiêm chỉ có một Phổ Hiền, “*căn nhất Phổ Hiền, như tuxướng đạo*” (chỉ có mình ngài Phổ Hiền đề xướng, xướng suất như vậy), Ngài đề xướng, Ngài hướng dẫn. “*Kim kinh tắc vô lượng vô biên*” (nay kinh này có vô lượng vô biên), nay Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, trong pháp hội này có bao nhiêu Phổ Hiền Bồ Tát? Vô lượng vô biên. “*Đức như Phổ Hiền chi Pháp Thân đại sĩ, hàm lai tập hội, đồng hoằng Tịnh Tông*” (Pháp Thân đại sĩ có đức hạnh giống như ngài Phổ Hiền, đều đến nhóm họp, cùng hoằng dương Tịnh Tông). Quý vị thấy tình hình nhôn nhặng khôn ngoan! Vô lượng vô biên Phổ Hiền Bồ Tát, các vị Bồ Tát ấy đều tu mười đại nguyện vương. Chư vị nhất định phải biết, cội rễ của mười đại nguyện vương là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, Sa Di Luật Nghi, chớ nên không biết, mười đại nguyện vương là khai hoa kết quả, đặc đại viên mãn. Hãy ghi nhớ căn bản của nó. Nếu chẳng có căn bản ấy, mười đại nguyện vương thuộc về chư Phật, Bồ Tát, thuộc về các vị Pháp Thân đại sĩ, chẳng dính dáng gì đến chúng ta! Nếu chúng ta vun bồi ba căn cội ấy, nhất định sẽ đạt được mười đại nguyện vương của Phổ Hiền, điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác.

Câu cuối cùng “*hàm lai tập hội, đồng hoằng Tịnh Tông*” (cùng đến nhóm họp, cùng hoằng dương Tịnh Tông), quý vị có thể thấy trong hết thảy các pháp môn, pháp môn Tịnh Tông thù thắng khôn sánh, trang nghiêm khôn sánh. Chúng ta đời này được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, có thể cùng nhau tu học Tịnh Tông, học tập kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, phước báo to lắm! Dẫn cho chư Phật Như Lai cùng nhau khen ngợi, đều khen chẳng trọn! Nhất định phải nhận biết, duyên phận này rất khó đạt được, nhất định phải nắm chắc. Trong một đời này, thứ gì đáng nên buông xuống, hãy nên buông xuống, quyết định cầu sanh Tịnh Độ, quyết định nương theo một bộ kinh Vô Lượng Thọ này, một câu A Di Đà Phật, quyết định được sanh về Tịnh Độ, chúng ta bèn thành công. [Như vậy thì] đức Phật giảng kinh chẳng phí công, Hạ lão cư sĩ chẳng uổng công hội tập, cụ Hoàng Niệm Tổ dẫn bệnh tật vẫn viết Chú Giải chẳng phí công viết. Chúng ta vừa phát tâm, Phật hoan hỷ, các vị đại đức ấy không vị nào

chănghoan hỷ, chẳng có vị nào không gia trì chúng ta, lẽ nào chẳng thành công? Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tới chỗ này.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 131

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi tám, xem từ hàng cuối cùng:

“Thiện năng phân biệt chúng sanh ngữ ngôn” (khéo có thể phân biệt ngôn ngữ của chúng sanh). Trong các bản dịch gốc, câu kinh văn này trích từ bản Đường dịch; kinh văn trong bản Ngụy dịch ghi là *“nhập chúng ngôn âm, khai hóa nhất thiết”* (hiểu ngôn âm của đại chúng, nhằm khai hóa hết thảy). Ý nghĩa như nhau, nhưng văn tự được phiên dịch khác nhau. Chúng ta đọc phần chú giải dưới đó: *“Tịnh Ảnh Sớ viết: Nhập vị giải dã, vị giải chúng sanh chủng chủng ngôn âm, dụng chi khởi thuyết. Hội Sớ dẫn Mật Tích kinh vân: Thử tam thiên đại thiên thế giới hữu bát thập tứ ức bách thiên cai chúng sanh chi loại, ngôn từ các dị, kế thị nhất thiết giai quy nhất nghĩa chí chân chi huệ, Bồ Tát ứng thù xướng dị ngôn, thuyết pháp khai hóa. Mật Tích kinh phục vân: Thử Bồ Tát năng nhập chúng chủng ngôn âm, năng thuyết pháp khai hóa”* (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Nhập có nghĩa là hiểu; hiểu biết các ngôn âm của chúng sanh, dùng đó để khởi lên các lời nói”. Hội Sớ dẫn lời kinh Mật Tích như sau: “Tam thiên đại thiên thế giới này có tám mươi bốn trăm ngàn cai loại chúng sanh, ngôn từ đều khác biệt” (Cai là một trăm triệu). Xét ra, hết thảy đều quy về trí huệ nhất nghĩa chí chân. Bồ Tát thuận theo các loại chúng sanh sai khác mà nói những lời khác nhau để thuyết pháp, khai hóa. Kinh Mật Tích cũng chép: “Bồ Tát này có thể nhập các thứ ngôn âm, nên có thể thuyết pháp, khai hóa”). Chúng ta xem đến chỗ này.

Đây là [câu kinh văn được ghi trong] bản dịch của ngài Khang Tăng Khải: “*Nhập chúng ngôn âm, khai hóa nhất thiết*”. Tịnh Ảnh Sólátác phẩm chú giải bản Ngụy dịch. Bản chú giải này được lưu thông rất rộng tại Trung Quốc, người đọc rất nhiều. Tịnh Ảnh là ngài Tiểu Huệ Viễn, tức là pháp sư Huệ Viễn đời Tùy. Ngài chú giải chữ Nhập (入), Nhập có nghĩa là Giải (解), tức là lý giải. Không chỉ lý giải, mà còn lý giải ở một mức độ khá sâu, nên dùng chữ Nhập, chẳng dùng chữ Giải. Ý nghĩa là “*vị giải chúng sanh chúng chủng ngôn âm, dụng chi khởi thuyết*” (có nghĩa là hiểu các thứ ngôn ngữ, âm thanh của chúng sanh, dùng điều đó để khởi lên các lời nói). Câu này nói theo cách hiện thời sẽ là “*thiên tài ngôn ngữ*”, trong Phật pháp gọi là Vô Ngại Biện Tài. Người ấy có thể hiểu ngôn âm, ngôn ngữ của hết thảy chúng sanh. Người ấy đã có thể hiểu, lại còn có thể sử dụng ngôn ngữ giống hệt như họ để thuyết pháp, chỉ dạy họ, giúp họ khai ngộ. Chữ Nhập này có ý nghĩa sâu xa! Nếu chẳng tinh thông ngôn ngữ cùng loại với chúng sanh, làm sao quý vị có thể dạy họ cho được? Bồ Tát chẳng thể thiếu năng lực ấy. Nếu thiếu, sẽ chẳng thể phổ độ chúng sanh. Chúng sanh có bao nhiêu? Quá nhiều! Đứng là vô lượng vô biên, chẳng có cùng tận!

Trong đoạn kinh Mật Tích được sách Hội Sớ trích dẫn, đã nói đến khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật, ở ngoài khu vực giáo hóa của Phật Thích Ca bèn chẳng nói đến, chỉ nói một khu vực giáo hóa này. Khu vực giáo hóa này là một tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới (Trisāhasra Mahāsāhasra Lokadhātu), thừa cùng chư vị, là một đại thiên thế giới. Vì sao nói một đại thiên thế giới là tam thiên? Nó được kết hợp bởi tiểu thiên (Sāhasra Cūḍika Lokadhātu), trung thiên (Dvisāhasra Madhyama Lokadhātu), và đại thiên thành một đại thiên thế giới, những điều này trong phần trước đã có nói rồi. Lấy núi Tu Di (Sumeru) làm trung tâm, vây quanh núi Tu Di là bốn đại bộ châu, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, đó là một đơn vị thế giới (tiểu thiên thế giới). Trước kia, rất nhiều người trong chúng ta hiểu lầm, tôi cũng chẳng phải là ngoại lệ, đều nghĩ Thái Dương Hệ là một đơn vị thế giới. Sau này, gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cụ là một người học khoa học, dạy môn vô tuyến điện trong nhà trường, cụ dạy môn ấy. Cụ cũng tu trì Phật pháp rất tốt đẹp, có thể nói là “*thông Tông, thông Giáo, Hiểu, Mật viên dung*”, chẳng phải là một vị cư sĩ bình phàm. Chúng tôi thường nói cụ phải thuộc vào đẳng cấp Bồ Tát. Cụ bảo tôi: “Đức Phật nói một đơn vị thế giới, trên thực tế là một hệ Ngân Hà như trong khoa học hiện tại đã nói”. Tôi nghe cụ nói lời ấy, suy nghĩ cũng thấy rất có lý, vì sao? Trung tâm của một đơn vị thế giới là núi Tu Di, quý vị thấy mặt trời cũng xoay quanh lưng chừng núi Tu Di. Thái Dương Hệ đúng là xoay quanh bên ngoài hệ Ngân Hà. Trung tâm của hệ Ngân Hà là Lỗ Đen (Black Hole), các khoa học gia hiện thời cho biết [trung tâm của hệ Ngân Hà] là một lỗ đen rất lớn.

..... Chính giữa Ngân Hà là lỗ đen có sức hút quá lớn, ngay cả ánh sáng cũng chẳng thoát ra được, đều bị hút vào đó! Sức hút mạnh dường ấy! Nếu sức hút ấy trực tiếp đối diện với mặt trời, [sẽ tạo thành] những cơn bão trên bề mặt của mặt trời. Chúng ta biết mặt trời là một quả cầu lửa, là một khối lửa to, hoặc biển lửa. Dường như mặt trời to hơn địa cầu một

trăm ba mươi vạn lần. Thể tích ấy so với địa cầu to dường ấy, là một biển lửa. Sức hút ấy tạo thành cơn bão mặt trời, bão mặt trời có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến địa cầu..... Cũng có người nói điều này sẽ khiến cho địa cầu nảy sinh vấn đề, vấn đề gì vậy? Trên địa cầu có rất nhiều núi lửa, sức hút ấy khiến cho núi lửa trên địa cầu bùng nổ, vấn đề bèn nghiêm trọng. Nếu các núi lửa trên địa cầu đều bùng nổ, sẽ gây nên động đất nghiêm trọng. Dưới đáy biển cũng có rất nhiều núi lửa, sẽ gây ra sóng thần rất lớn, phiền phức to lớn.

Chúng ta chớ nên chẳng nghiêm túc niệm Phật. Niệm Phật sẽ không sợ, sẽ thấy [những tai nạn vừa nói trên đây] như một công nghiệp, do công nghiệp cảm vùi..... Chính vì người trên địa cầu vứt bỏ luân lý đạo đức, vứt bỏ giáo huấn của tổ tiên và thần thánh, tạo tác hết thảy ác nghiệp chẳng kiêng dè may mắn! Chẳng đáng sợ ư? Nói theo thời cổ, người tạo nên tội nghiệp bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, trời đất chẳng dung, tai nạn hiện thời là do trời đất chẳng dung! Có phải là chuyện trùng hợp hay không? Tôi nghĩ cũng có thể là như vậy! Nếu mọi người trên địa cầu đều có thể tuân thủ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, vâng giữ luân lý, đạo đức, thông đạt, hiểu rõ chân tướng sự thật nhân quả, mỗi người trên thế gian này đều là người tốt, đều là thượng phẩm Thập Thiện, sẽ chẳng xảy ra tai nạn ấy. Nói như vậy có hợp lý hay không? Nói theo Phật pháp thì cũng hợp lý, vì sao? Trong kinh, đức Phật đã dạy rất nhiều lần: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Tâm địa thuần thiện thuần tịnh, có thể khiến cho sức mạnh của tai nạn giảm nhẹ..... Do trong kinh đức Phật đã nói: *“Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt”*. Thiện tâm, thiện hạnh của chúng ta kết hợp lại, tai nạn là *“chúng sanh”*, vì do các duyên hòa hợp mà sanh ra hiện tượng ấy. Trong ba điều ấy, do có thiện tâm và chúng sanh kết hợp lại, sẽ thành hai phần ba, chắc chắn là hai điều ấy trội hơn một phần ba. Chúng ta liên tưởng đến vấn đề lý luận như thế, bèn có lý do để tin tưởng vấn đề này có thể khắc phục được. Điều trọng yếu là nhân loại chúng ta phải quay đầu..... Đối với chúng ta mà nói, chuyện này cũng không phải là chuyện xấu, mà là chuyện tốt, nhắc nhở chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực tu hành.

Theo kinh dạy, [khu vực giáo hóa của] Thích Ca Mâu Ni Phật là một tam thiên đại thiên thế giới; trong một tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức. Nếu chúng ta coi một hệ Ngân Hà trong vũ trụ là một đơn vị thế giới thì tam thiên đại thiên thế giới có tất cả mười ức đơn vị thế giới. Phạm vi to lớn như vậy là khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật. Khu vực giáo hóa của lão nhân gia to dường ấy, thế giới ấy có tên là thế giới Sa Bà. Trong thế giới này, có bao nhiêu chủng loại chúng sanh? *“Hữu bát thập tứ ức bách thiên cai chúng sanh chi loại”* (có tám mươi bốn ức trăm ngàn cai loại chúng sanh). *“Cai”* (垓) là tên một số đếm của Trung Quốc vào thời cổ, giống như hiện thời chúng ta nói đơn vị, mười, trăm, ngàn, vạn, mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn. Một vạn vạn là Ức (億), một vạn Ức là Triệu (兆) 16[1], đây là một con số lớn, mười Triệu là Kinh (經),

16[1] Xin lưu ý cách tính theo lối cổ này khác với cách hiểu thông thường về chữ Triệu (million) hiện thời. Theo cách hiểu hiện thời, Triệu là một trăm vạn, tức sáu số 0 sau số 1, còn Triệu trong cách tính

giống như chữ Kinh trong kinh điển. Mười Kinh là một Cai, con số to như vậy đó. Các loài chúng sanh nhiều ngàn ấy. Những chúng sanh ấy ngôn ngữ mỗi loài mỗi khác, [tức là] nói đến ngôn ngữ thì mỗi loài có ngôn ngữ riêng. Chúng ta chẳng cần nói tới súc sanh, ngựa quý, chẳng bàn tới những loài ấy, chỉ nói về nhân loại chúng ta, chẳng nói tới ngoại quốc, chỉ nói Trung Quốc thì phương ngôn (ngôn ngữ địa phương) của Trung Quốc có bao nhiêu loại? Có đến một vạn loại hay không? Chúng tôi tin là có thể như vậy. Đối với các dòng họ tại Trung Quốc, nay chúng ta lập Vạn Tánh Tiên Tổ Kỷ Niệm Đường, các dòng họ tại Trung Quốc có hơn hai vạn bốn ngàn. Sống trong cùng một cuộc đất mà ngôn ngữ khác nhau. Hiện thời, giao thông thuận tiện, nhanh chóng, thông tin phát triển, có Internet và các phương tiện truyền thông, TV phát sóng mỗi ngày, tiếng Phổ Thông biến thành một ngôn ngữ chung [của người Trung Hoa]. Trừ tiếng Phổ Thông ra, còn có phương ngôn của các địa phương, khác hẳn nhau. Thuở bé, tôi sống ở Phước Kiến, nên tôi biết tiếng Phước Kiến rất phức tạp, người ở trong thành và người ngoài thành nói năng khác nhau. Sau khi ra khỏi thành, nghe người ngoài thành nói chuyện, có rất nhiều câu chúng tôi nghe chẳng hiểu, thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Bồ Tát không đơn giản, Ngài thông thạo toàn bộ các loại ngôn ngữ. Ngài có cần phải học hay không? Chẳng cần học! Chẳng cần phải học mà có thể thông suốt, nay chúng ta có lý do để tin tưởng. Từ thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, chúng ta đã thấy tin tức này. Nước là khoáng vật, chẳng phải là sinh vật, mà có thể hiểu các thứ ngôn ngữ khác nhau, có thể nhận biết các thứ văn tự khác nhau. Hết thấy chúng sanh khởi tâm động niệm, nước đều biết toàn bộ. Dựa vào gì? Câu kệ tiếp [trong sách Chú Giải] đã nêu bày: “*Kế thị nhất thiết giai quy nhất nghĩa chí chân chi huệ*” (xét ra, hết thấy đều quy về trí huệ nhất nghĩa chí chân). “*Huệ*” (惠) ở đây là trí huệ. Thời cổ, hai chữ này (tức là 惠 và 慧) được dùng lẫn lộn, nhưng hiện thời [hễ nói đến “trí huệ”], chúng ta luôn viết là Huệ (慧) như trong chữ trí huệ. “*Chí chân chi huệ*” (trí huệ chân thật tốt bậc) là trí huệ sẵn có trong bản tánh. Chỉ cần quý vị kiến tánh, vấn đề liền được giải quyết. Chưa kiến tánh thì phải học; đã kiến tánh, chẳng cần học! Hễ kiến tánh, quý vị liền biết toàn bộ, bất luận loài chúng sanh nào nói ngôn ngữ nào, quý vị đều nghe hiểu, vì sao? Hết thấy các pháp chẳng lìa tự tánh, trí huệ trong tự tánh chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta học Phật, mục tiêu chung cực là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Nói theo lý luận, chuyện này rất đơn giản, mỗi người chúng ta đều có tự tánh. Đã thế, tự tánh là một, chẳng phải là rất nhiều. Kinh Phật thường tỷ dụ “*tánh hải*” (性海) [tức là] tự tánh giống như biển cả. Mỗi cá nhân chúng ta giống như một bọt nước trôi lên trong biển cả, có rời khỏi biển cả hay không? Chẳng rời khỏi! Nhưng khi bọt nước chưa vỡ, dường như mỗi bọt nước

này là một vạn ức, mà Ức là một vạn vạn, tức là Ức = 10.000 x 10.000, như vậy Triệu ở đây là 10.000 x 10.000 x 10.000 (12 số 0 sau số 1; như vậy triệu của Trung Hoa bằng một triệu triệu thông thường). Mười Triệu là một Kinh, mười Kinh là một Cai. Do đó, Cai là 10 x 10 = 100 Triệu, tức là 1à mười bốn số 0 sau số 1.

độc lập, có cái này, cái kia. Bọt nước vỡ tan, trở về tự tánh, bèn là một tánh, chẳng có chướng ngại, chẳng có đây kia, chẳng có đối lập. Trở về tự tánh bèn gọi là “thành Phật”, Bồ Tát vẫn chưa trở về tự tánh, Phật đã trở về tự tánh. Vì lẽ đó, phàm một phẩm vô minh, chúng một phần Pháp Thân, Pháp Thân là biển cả. Trong kinh, đức Phật đã dạy: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”. Chưa chứng Pháp Thân, mỗi người chúng ta đều giống như bọt nước, đây kia chẳng liên can gì với nhau. Sau khi đã chứng Pháp Thân, bèn biết chúng ta là một Thể. Một Thể thì chẳng phải vấn đề gì cũng đều giải quyết ư? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước toàn bộ đều chẳng có, quét sạch sành sanh! Do đó, “*hết thấy*”, “*hết thấy*” ở đây là tám mươi bốn ức trăm ngàn cai các loại chúng sanh vừa nói trong phần trên, nói “*hết thấy*” là nói tới điều này, hết thấy đều quy vào một nghĩa, nghĩa ấy là Đệ Nhất Nghĩa. “*Trí huệ chỉ chân*” trong tự tánh chính là trí huệ Bát Nhã vốn có trong tự tánh.

Bồ Tát ở đây là Pháp Thân Bồ Tát, Pháp Thân Bồ Tát là chư Phật Như Lai, chẳng phải là Bồ Tát trong mười pháp giới. Các Ngài là các vị Bồ Tát nơi cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong hội Hoa Nghiêm. Tuy các vị Bồ Tát đều đã khai ngộ, đều đã phá vô minh, nhưng tập khí vô minh dày mỏng khác nhau. Vì thế, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói ra bốn mươi một địa vị, [tức là] Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, nói các địa vị nhiều ngàn ấy. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều kiến tánh, đều minh tâm kiến tánh, nên các Ngài đều có năng lực ấy. Quý vị thấy “*ứng thù xướng dị ngôn*” (ứng với các loài khác nhau mà nói ngôn ngữ khác nhau). “*Thù*” (殊) là khác nhau, “*dị*” (異) cũng là chẳng giống nhau. [“*Dị ngôn*”] là ngôn ngữ âm thanh khác nhau. “*Xướng*” (唱) là phát ra âm thanh. Chữ *Dị* kế sau đó nhằm nói tới ngôn ngữ, mỗi ngôn ngữ có âm thanh khác nhau, Bồ Tát có thể ứng [theo từng loài như vậy]. “*Thuyết pháp khai hóa*”: “*Khai*” (開) là khai thị, “*hóa*” (化) là giáo hóa, giúp đỡ các chúng sanh, giúp chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc. Duyên giữa Bồ Tát và chúng sanh vô cùng vi diệu, chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh có cảm, Bồ Tát liền ứng. Sự cảm ấy, có trường hợp chính mình biết, có khi chính mình về căn bản là chẳng biết. Bản thân chúng ta cũng không biết, nhưng Phật, Bồ Tát biết, các Ngài nhất định ứng đến. Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn!

Cảm có bốn loại, ứng cũng có bốn loại. Có hiển cảm hiển ứng (cảm và ứng đều rõ rệt): Chúng ta cầu Phật, Bồ Tát rõ rệt. Giống như chúng ta là những người niệm A Di Đà Phật, hết sức rõ ràng, tự mình biết chính mình đang làm gì, niệm Phật cầu Phật tiếp dẫn chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc thế giới; đó là “*hiển cảm*”. A Di Đà Phật đối với chúng ta cũng là “*hiển ứng*”. Ngài thật sự đến tiếp dẫn chúng ta, nhưng vào khi nào? Khi chúng ta đã hết nghiệp báo ở nơi đây. Nghiệp báo chưa hết, chúng ta mong cầu, A Di Đà Phật biết rõ, Ngài chờ đợi bên đó, nhìn ngó, đến khi nào quý vị đã hết nghiệp báo, Ngài liền đến, chẳng phải là không đến. Đó gọi là “*hiển cảm hiển ứng*”. Còn có hiển cảm minh ứng (cảm rõ rệt, ứng ngầm ngầm), [tức là] chúng ta cầu A Di Đà Phật rất rõ rệt, A Di Đà Phật chẳng ứng rõ rệt, nhưng đã ngầm ngầm chiếu cố, luôn luôn giúp đỡ chúng ta, thế mà chính chúng ta trọn chẳng hay biết. Chúng

ta công phu học tập càng cao, [chẳng hạn] như đã đắc tâm thanh tịnh, hoặc đắc tâm bình đẳng, bèn biết, biết Phật đang âm thầm gia trì chúng ta. Nay chúng ta tâm trí xáo động, hời hợt, Phật ứng ngầm ngầm, chúng ta chẳng có cách nào cảm nhận, nguyên nhân là như thế đó. Còn có một loại nữa là minh cảm hiển ứng. Dường như chúng ta chẳng sanh khởi ý niệm cầu Phật, nhưng trên thực tế là có, mà chính mình cũng chẳng biết. Phật, Bồ Tát tiếp nhận tin tức ấy, bèn biết, Ngài cũng có khi ứng rõ rệt, hoặc ứng ngầm ngầm.

Nói tổng quát một lời, một người thật sự niệm Phật, không chỉ là A Di Đà Phật biết, chiếu cố quý vị, mà còn có nhiều vị thần hộ pháp, cũng như các vị Phật, Bồ Tát có duyên với chúng ta trong đời quá khứ, các Ngài đều chiếu cố. Chúng ta có một phương pháp đắc thể trực tiếp trao đổi với các Ngài, cô đại đức gọi phương pháp ấy là “*thành tác linh*” (hễ thành ắt linh), câu ấy vô cùng trọng yếu!

Một hiện tượng phổ biến trong dân gian là siêu độ, chúng ta luôn hy vọng siêu độ người nhà, quyến thuộc đã mất [được sanh] về một nơi tốt đẹp thì mới an tâm. Tìm người nào đến siêu độ? Phải tìm người thật sự tu hành, người có công phu tu hành thì mới có năng lực siêu độ. Công phu là gì? Thừa cùng chư vị, Giới, Định, Huệ là công phu. Chẳng có công phu ấy thì đều là giả, đều chẳng trông cậy được! Chúng ta đọc cuốn Ảnh Trần Hồi Úc Lục của pháp sư Đàm Hư. Đó là tự truyện của lão pháp sư, lão nhân gia kể chuyện đời Ngài, học trò ghi lại thành một quyển sách như vậy. Tôi chưa từng gặp mặt lão hòa thượng, nhưng người viết cuốn sách ấy tôi rất thân quen, đó là pháp sư Đại Quang, Sư cũng đã vãng sanh. Năm xưa, tôi đến Hương Cảng, mỗi lần sang đó, chúng tôi nhất định gặp mặt. Cuốn Ảnh Trần Hồi Úc Lục do Sư viết; trong ấy có một câu chuyện hết sức rõ rệt, là một tấm gương, chúng ta hãy nên ghi nhớ. Câu chuyện ấy có tiêu đề là “*tám năm chuyên gắng đọc kinh Lăng Nghiêm*”. [Nhân vật chính trong câu chuyện ấy] là Lưu cư sĩ, về sau, ông ta cũng xuất gia. Những người ấy hiện thời đã mất, đại khái là người vào thời đó cao hơn chúng tôi hai thế hệ. Lão hòa thượng Đế Nhân là sư phụ của lão pháp sư Đàm Hư. Thuở còn tại gia, pháp sư Đàm Hư quen biết Lưu cư sĩ. Pháp sư Đàm Hư và Lưu cư sĩ là bạn bè, trước khi họ xuất gia, ba người (tức pháp sư Đàm Hư, Lưu cư sĩ và một người bạn nữa) hùn vốn mở một tiệm thuốc Bắc. Thuở ấy, Lưu cư sĩ đã học Phật, mỗi ngày đọc kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm phân lượng cũng khá đáng nể, mười cuốn, văn tự rất dài. Mỗi ngày đọc một lần cũng phải mất vài giờ, chẳng dành ra năm sáu giờ [mỗi ngày] sẽ không thể niệm xong bộ kinh này. [Ông Lưu làm như thế suốt] tám năm! Có công phu Thiền Định hay không chúng ta chẳng biết, nhưng chúng ta có thể biết ông ta tâm địa thanh tịnh! Tám năm một bộ kinh, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài.

Có một hôm, vào giữa trưa, chẳng có ai đến tiệm mua bán, họ ngủ gục nơi quầy thuốc. Lưu cư sĩ mộng thấy có hai người, trong mộng thấy hai người ấy vào tiệm. Ông ta trông thấy [có khách đến] bèn đứng lên, thoát nhìn thì ra hai người ấy là oan gia đối đầu, hai người đó

đã chết. Thuở họ còn sống, vì chuyện tiền bạc mà lôi nhau ra tòa, Lưu cư sĩ được quan tòa xử thắng kiện, hai người ấy bị xử thua. Chẳng ngờ, hai người ấy thất cổ chết, nên Lưu cư sĩ cũng vì chuyện này mà cảm thấy rất áy náy. Quý vị nghĩ xem: Vì tranh chấp món tiền nhỏ nhoi ấy mà khiến cho hai người mất mạng, ông Lưu cũng thường cảm thấy khó chịu, [cảm thấy] mình đã sai quấy, chẳng nên làm chuyện ấy. Nay thấy hai con quý ấy đến, thoát đầu, ông ta rất sợ hãi, có phải là họ đến báo thù hay chẳng? Nhưng quý đã đến rồi, còn có cách nào nữa? Ông ta thấy hai quý hồn quỳ ngay xuống đất trước mặt ông ta, dường như chẳng có ác ý, liền hỏi họ: “Các vị đến làm gì?” “Đến cầu siêu độ”. Lưu cư sĩ bèn yên tâm, họ không tìm đến gây rối, mà đến cầu siêu độ. Ông ta hỏi: “Dùng phương pháp gì để siêu độ quý vị?” Họ đáp: “Chỉ cần Ngài đáp ứng là được rồi”. Ông Lưu nói: “Được! Tôi chấp thuận”. Ông ta thấy quý hồn đáp lên đầu gối, đáp lên vai rồi ra đi. Hai người ấy siêu thăng như vậy đó. Họ biến mất chưa được mấy chốc, lại có hai người đến, là một phụ nữ dắt theo một đứa nhỏ. Ông ta thấy chính là người vợ trước kia dẫn con đến, hai người ấy đều đã chết. Thấy hai người họ cũng đến trước mặt cầu siêu độ, cũng là cùng một phương pháp giống hệt: “Chỉ cần Ngài đáp ứng là được rồi”. Ông ta đáp: “Tôi chấp nhận”. Thấy hai người ấy cũng bò từ đầu gối lên đến vai, liền thăng thiên, biến mất. Quý vị thấy siêu độ là thật, chẳng giả, chẳng có bất cứ nghi thức gì, chỉ là đáp ứng. Nhờ vào gì để siêu độ? Nhờ vào công đức tám năm chuyên gắng đọc kinh Lăng Nghiêm. Quý vị thật sự đắc điều gì thì mới có thể siêu độ người khác; chẳng có thứ gì chân thật sẽ chẳng được! Vì thế, cổ nhân nói “*Thành tắc linh*”. Chúng ta niệm một bộ kinh hồi hướng cho người ta, quý vị có phải là tâm chân thành niệm bộ kinh ấy hay không? Tâm chân thành là gì? Niệm bộ kinh ấy từ đầu đến cuối, trong tâm chẳng có một tạp niệm. Nếu dấy lên một vọng tưởng, công phu của quý vị đã bị phá hoại. Một vọng niệm chẳng có thì được! Quý vị nói xem: Chúng ta làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm, trong những người tham gia đông đảo ngàn ấy, có được một hai người chẳng khởi một vọng niệm đối với nghi thức Hệ Niệm hay không? Pháp hội ấy thành công, không nhất định do chủ pháp hòa thượng. Chủ pháp hòa thượng khởi vọng tưởng, nhưng trong những người tham gia, chỉ cần có một người chẳng dấy vọng tưởng, pháp hội ấy thành công do dựa vào công đức của một người ấy! Nếu pháp hội ấy rất đông người, mà chẳng có được một người nào như vậy, công đức ấy sẽ chẳng hoàn chỉnh, bị giảm bớt rất lớn. Chúng ta phải hiểu đạo lý này!

Quý vị thấy trong sách Liễu Phàm Tứ Huán đã nêu một thí dụ: Đạo sĩ vẽ bùa. Đạo bùa ấy vẽ rất linh, dán ở cửa, quỷ thần đều chẳng dám bước vào, thật sự thiêng! Vì sao? [Để vẽ] đạo bùa ấy, người đó sau khi vạch một nét [đầu tiên] bèn một mực vẽ cho đến lúc xong xuôi, chẳng có một vọng niệm, đạo bùa ấy bèn linh. Nếu có một vọng niệm, đạo bùa ấy chẳng linh. Vì lẽ đó, vẽ bùa phải được thường xuyên luyện tập. Luyện rất nhuần nhuyễn, động tác rất nhanh, rất nhanh thì thời gian vẽ ngắn ngủi, dễ dàng chẳng khởi vọng niệm, thời gian dài bèn khó hơn. Khó hơn [mà làm được] thì hiệu quả càng to. Chúng ta hiểu nguyên lý sau đây: “*Thành tắc linh*”. Niệm chú cũng giống như vậy! Vì sao người ta nói chú Lăng Nghiêm công đức to lớn? Chẳng sai! Chú Lăng Nghiêm dài, mấy ngàn chữ. Niệm chú xong, ước

chừng phải mất hai mươi phút, không khởi một vọng niệm, công phu ấy to lắm! Quý vị niệm chú Vãng Sanh chẳng khởi vọng niệm, dễ dàng! Chú Lăng Nghiêm chẳng dễ dàng, đều do đạo lý này. Công đức niệm kinh càng thù thắng hơn nữa, kinh còn dài hơn chú. Đơn giản nhất là một câu Phậthiệu “A Di Đà Phật” bốn chữ. Trong bốn chữ ấy, chẳng có vọng niệm khấđễ dàng! Nhưng bảo quý vị niệm một chuỗi, chúng ta lần tràng hạt niệm một trăm lẻ tám câu. Trong một trăm lẻ tám câu ấy, chẳng có một vọng niệm, đó là công phu! Nếu quý vị niệm mười chuỗi, đối với một ngàn lẻ tám mươi câu Phậthiệu, trong ấy chẳng dấylên một vọng niệm, công phu đấylên! Dùng điềunày để hồi hướng, quý vị hồi hướng công đức ấy cho người chết, họ sẽ thật sự được lợi ích. Tuyệt đối chẳng phải là ta niệm một bộ kinh bèn có thể siêu độ họ, niệm bao nhiêu biến chú bèn có thể siêu độ! Chẳng phải là như vậy, quý vị đã hiểu sai ý nghĩa! Dùng tâm chân thành để niệm. Tâm chân thành là không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Chúng ta hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ chẳng bị kẻ khác lừa gạt. Quý vị thỉnh người đến siêu độ cho người nhà, quyền thuộc của chính mình, hãy ở bên cạnh quan sát, kẻ ấy có thành ý hay không, quý vị có thể nhìn ra. Vì vậy, chẳng có công phu chân thật, làm sao có thể siêu độ chúng sanh? Các vị Phật, Bồ Tát đều minh tâm kiến tánh, đương nhiên chẳng có vấn đề, trọn đủ thanh tịnh, bình đẳng, giác.

“*Mật Tích kinh phục vân*” (kinh Mật Tích lại nói): “*Thử Bồ Tát năng nhập chủng chủng ngôn âm, năng thuyết pháp khai hóa*” (Vị Bồ Tát ấy có thể nhập các thứ ngôn ngữ, âm thanh, có thể thuyết pháp, khai hóa). Dùng ngôn ngữ cùng loại với ngôn ngữ của chúng sanh để giảng kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh. Chưa kiến tánh sẽ chẳng có năng lực ấy; hễ kiến tánh, năng lực ấy thấy đều trọn đủ. “*Hựu Xưng Tán Đại Thừa Công Đức Kinh vân: Bàn sanh, quý đẳng, diệc văn Như Lai dĩ tùy loại âm nhi thuyết pháp*” (Lại nữa, kinh Xưng Tán Đại Thừa Công Đức 17[2] nói: Các loài bàn sanh, ngạ quỷ v.v... cũng đều nghe Như Lai dùng âm thanh tùy theo từng loại để thuyết pháp). “*Bàn sanh*” (傍生) là súc sanh, súc sanh có ngôn ngữ của súc sanh. Quỷ đạo, địa ngục đạo cũng có ngôn ngữ của họ, họ cũng có thể nghe Phật, Bồ Tát vì họ khai thị. Phật hóa độ chúng sanh, phổ độ hết thảy hữu tình trong mười pháp giới, sự cảm ứng ấy chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh có cảm, [bất luận là] súc sanh đạo hay ngạ quỷ đạo, kinh Hoa Nghiêm còn bảo: “*Tinh dữ vô tình, đồng viên Chủng Trí*” (Hữu tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí), đó là nói hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, vô tình chúng sanh, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa thấy đều có linh tánh. Vì thế, chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm: Thần cây, thần hoa, thần thảo mộc, trong núi, sông, đại địa có sơn thần, thổ thần, biển cả có hải thần, sông ngòi có thủy thần. Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng trông thấy toàn bộ, xác thực là “*tinh dữ vô tình, đồng viên Chủng*

17[2] Kinh Xưng Tán Đại Thừa Công Đức do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường. Trong kinh ấy, khi đức Phật ngự tại điện Bảo Hoa, Đức Nghiêm Hoa Bồ Tát bèn thưa hỏi: “*Thế nào là bạn ác của Bồ Tát, Bồ Tát mới học cần phải biết để xa lìa?*”. Đức Phật bèn dạy các phương pháp để phân biệt, cũng như nói rõ tội hủy báng Đại Thừa, giảng giải các danh nghĩa Đại Thừa.

Trí". Vì sao? Chúng ta đã đọc Hoàn Nguyên Quán, bất cứ hiện tượng vật chất nào cũng đồng thời trọn đủ hiện tượng tinh thần; chẳng hề là trong thuần vật chất chẳng có hiện tượng tinh thần, chẳng tìm thấy [một trường hợp nào như vậy]!

Ngay như một hạt vi trần cực nhỏ, trong Phật pháp gọi nó là đơn vị vật chất cơ bản, nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy được, nó rất u là nhỏ. Trong Phật pháp gọi nó là "*cực vi chi vi*", nó có phải là "*tiểu quang tử*" như khoa học Lượng Tử vừa phát hiện trong hiện tại hay không? So với hạt cơ bản được nói trong quá khứ, nó còn nhỏ hơn nữa. Một hiện tượng vật chất nhỏ nhoi ngàn ấy có đủ Thọ, Tướng, Hành, Thức. Thọ là cảm nhận, có cảm nhận mừng, giận, buồn, vui. Nó có Tướng, có Hành, có Thức. Hành là tương tượng tục (liên tục), chúng ta thường dùng một danh từ là Tương Tự Tương Tục Tướng (相似相續相), vì nó hoàn toàn chẳng phải là liên tục, mà là tướng liên tục tương tự (bề ngoài trông giống như liên tục), sống động! Nói theo cách hiện thời, toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ, sống động, chẳng chết cứng, nên nó có linh tánh, chúng ta thường gọi [điều ấy] là "*thần linh*". Để giảng các hiện tượng trong y báo, đức Phật đã dùng năm chữ, dùng rất tuyệt diệu, tức là Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức, đó là y báo. Y báo và chánh báo bất nhị, chánh báo là chính mình, thân thể của chính mình cũng là Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. Bên ngoài, bất luận là hoàn cảnh như thế nào đi nữa, thay đều chẳng rời khỏi Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. To thì như tinh cầu, tinh hệ; nhỏ thì như "*cực vi chi vi*", chẳng có gì không phải là Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. Vì lẽ đó, chúng nó có thể nghe Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp. Vậy thì vì sao chúng nó vẫn phải luân hồi trong lục đạo? Hãy hỏi chính mình liền hiểu rõ ngay, chúng nó có phiền não, có nghiệp chướng. Thực vật có phiền não còn nghiêm trọng hơn chúng ta, phiền não của khoáng vật còn nghiêm trọng hơn thực vật. Nếu con người chấp trước kiên cố, sẽ biến thành tảng đá, ta biết nó là hiện tượng do tập khí phiền não tạo thành. Bởi lẽ đó, Phật, Bồ Tát thuyết pháp, khắp pháp giới hư không giới đều có thể nghe, nhưng vì sao người ấy chẳng nghe được? Tánh Nghe của người ấy bị mê, biến thành Nhĩ Thức, do Nhĩ Thức có mê hoặc nghiêm trọng, nên chẳng linh! Âm thanh thuyết pháp của đức Phật giống như sóng vô tuyến điện, khắp pháp giới hư không giới chẳng có chỗ nào không hiện diện, nhưng bộ máy của chúng ta chẳng thấu nhận được. Tai tuy nghe, nhưng chẳng tiếp nhận được thì gọi là "nghiệp chướng". Nếu diệt trừ nghiệp chướng, quý vị không chỉ có thể nghe, mà còn có thể trông thấy. Trong phần trước, chúng ta đã đọc rồi đó: Chẳng cần phải đến thế giới Cực Lạc, ở ngay nơi đây mà trông thấy A Di Đà Phật, nghe âm thanh thuyết pháp của A Di Đà Phật. Thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay nơi đây, điều này chẳng giả! Trong tự tánh chẳng có thời gian và không gian. Chẳng có thời gian là chẳng có trước sau, chẳng có không gian là chẳng có khoảng cách, ngay nơi đây chính là [Cực Lạc]. Cổ nhân đã nói rất hay: "*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*" (Có chuyện gì làm không được, hãy trách chính mình). Vấn đề chẳng ở bên ngoài, vấn đề ở nơi chính mình, bên ngoài thật sự chẳng có vấn đề! Nếu chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, chẳng phải là "*đương hạ tự thị*" ư? [*"Đương hạ tự thị*" là]

quá khứ và vị lai chẳng lìa hiện tại, các cõi Phật ở phương khác chẳng lìa ngay chỗ này. Kinh Phật thường bảo ban, chỉ dạy chúng ta, chúng ta phải có năng lực cảnh giác.

“*Do thượng chúng sanh vô biên*”, [nghĩa là] từ những kinh, số trên đây, chúng ta biết chúng sanh vô lượng vô biên, “*chúng sanh ngữ ngôn diệc thị đa chủng, đản Pháp Thân đại sĩ tất năng giải liễu, tùy kỳ bốn loại ngôn âm, nhi vị thuyết pháp, ứng cơ tùy duyên, phổ tác nhiều ích*” (chúng sanh vô biên, nên ngôn ngữ của chúng sanh cũng có nhiều thứ, nhưng Pháp Thân Đại Sĩ đều hiểu rành rẽ, thuận theo ngôn ngữ của từng loại mà thuyết pháp, thuận theo căn cơ để tùy duyên làm lợi cho khắp tất cả). Chữ “*Pháp Thân*” trọng yếu lắm, phải như thế nào thì mới có thể chứng đắc Pháp Thân? Buông phân biệt và chấp trước xuống vẫn chưa được. Buông phân biệt và chấp trước xuống, quý vị ở trong mười pháp giới, chưa vượt thoát, chưa thể khôi phục năng lực như vậy. [Tuy vậy, người buông xuống như thế] thông minh hơn người thế gian chúng ta, chẳng còn phải bàn cãi gì nữa! Vì buông chấp trước xuống, quý vị là A La Hán, hay là Bích Chi Phật. Buông phân biệt xuống, quý vị là Bồ Tát, Quyền Giáo Bồ Tát, chưa kiến tánh. Nếu công phu nâng cao hơn một tầng, buông vọng tưởng xuống, vọng tưởng là gì? Khởi tâm động niệm. Chuyện này vô cùng vi tế, gần như là bản thân chúng ta chẳng thể nhận biết. Chấp trước phát hiện dễ dàng, phân biệt cũng dễ dàng nhận biết, nhưng khởi tâm động niệm chẳng dễ nhận biết. Vì lẽ đó, buông xuống cũng là có tầng lớp. Đức Phật dạy chúng ta: Đầu tiên là buông chấp trước xuống. Thật sự buông chấp trước xuống, chẳng thấy lục đạo. Do đó, chúng ta phải biết: Ta có phải là đã buông xuống chấp trước hay không? Thật sự buông chấp trước xuống, lục đạo bèn chẳng còn nữa, quý vị đã vượt thoát lục đạo luân hồi.

Nhưng thân thể vẫn ở trong lục đạo, chẳng sao cả, chẳng trở ngại tí nào! Khi chúng sanh cần đến quý vị, thân thể này của quý vị có thể trụ trong thế gian thêm vài năm nữa! Có sao nói là “*chẳng sao cả*”? Chẳng có mấy may lưu luyến thế gian này, quý vị thật sự buông xuống. Buông xuống nhưng quý vị chẳng đi, thân thể vẫn ở trong thế gian này, đó là gì? Đó là Bồ Tát, ở lại nơi đây để làm gương mẫu, nêu gương biểu diễn pháp cho hết thảy chúng sanh. Chẳng vì chính mình, mà vì chúng sanh, dạy chúng sanh tu hành như thế nào? Dạy chúng sanh thành tựu như thế nào? Nhìn vào gương ấy là được rồi. Đó là điều thứ hai trong Tứ Đức như sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng: “*Oai nghi hữu tắc*” (oai nghi đúng khuôn phép), [nghĩa là] nêu gương cho chúng sanh. Thân hành ngôn giáo nhằm độ chúng sanh; hết duyên, tự nhiên ra đi. “*Hết duyên*” là gì? Người có thể tiếp nhận [sự giáo hóa của] quý vị đều đã đạt được lợi ích, còn sót lại những kẻ chẳng thể tiếp nhận, không tin tưởng, quý vị bèn ra đi, Phật chẳng độ kẻ vô duyên. Không tin tưởng, không lý giải, không tiếp nhận chính là “*chẳng có duyên*”, lúc ấy có thể ra đi. Nếu đạt đến chẳng phân biệt thì càng cao hơn, cao hơn A La Hán và Bích Chi Phật; đó là Phật và Bồ Tát trong mười pháp giới, phải thuộc tầng cấp ấy thì mới biết sự khởi tâm động niệm của chính mình. Có thể buông khởi tâm động niệm xuống, liền vượt thoát mười pháp giới, đạt đến Nhất Chân pháp giới, ngự trong cõi Thật

Báo Trang Nghiêm của chư Phật, Bồ Tát, đạt đến đó. Đó là Pháp Thân đại sĩ; những vị Bồ Tát ở đây đều là Pháp Thân đại sĩ.

Giống như trong kinh luận đã nói, các Ngài “*tất năng giải liễu*” (thầy đều có thể hiểu rõ), có thể tùy thuận ngôn ngữ và thói quen của chúng sanh, vì họ thị hiện, vì họ giảng kinh, thuyết pháp. “*Ứng cơ tùy duyên, phổ tác nhiều ích*” (tùy theo căn cơ, tùy duyên, tạo lợi ích trọn khắp). Các chúng sanh ấy rất ưa chuộng chỗ này, Bồ Tát bèn thuận theo chúng sanh: “Quý vị thích chỗ này à? Được rồi, tôi liền giúp cho quý vị thường trụ ở nơi đây”. Quý vị ưa chuộng nhân gian, liền giảng cho quý vị nhân đạo (人道). Nhân đạo là gì? Đạo lý để đời đời kiếp kiếp chẳng đánh mất thân người, “*đạo*” là đạo lý và phương pháp. Đời sau, sau khi bỏ thân này, lại sanh trong nhân gian, [đạo lý và phương pháp để thành tựu điều ấy] được gọi là “nhân đạo”. Nhân đạo là gì? Thập Thiện, Ngũ Giới, Phật có thể dạy quý vị chuyện này, dạy quý vị về giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, quý vị sẽ chẳng mất thân người, lại còn sống mỗi đời một tốt đẹp hơn, sống hạnh phúc hơn, quý vị ưa chuộng nơi này. Nếu quý vị cảm thấy nhân gian chưa đủ tốt đẹp, nghe nói cõi trời tốt lành, đức Phật liền giảng thiên đạo, tức là đạo lý và phương pháp sanh lên trời. Thật sự giác ngộ, giác ngộ luân hồi trong lục đạo quá khổ, tôi muốn thoát ly lục đạo luân hồi, Phật liền giảng cho quý vị Tiểu Thừa đạo; Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát đều thuộc về đạo Tiểu Thừa vì thoát ly lục đạo luân hồi, sanh vào tứ thánh pháp giới. Khi nào ở trong tứ thánh pháp giới, bỗng giác ngộ tứ thánh pháp giới chẳng rốt ráo, luân hồi khổ sở, tứ thánh pháp giới có lạc, đúng là ly khổ đắc lạc, nhưng tứ thánh pháp giới vẫn là mê hoặc tự tánh y như cũ, vô lượng trí huệ và đức năng trong tự tánh chẳng thể hiện tiền. Do đó, đức Phật hiện thân trong tứ thánh pháp giới, nêu gương tốt đẹp khiến cho các vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát trong tứ thánh pháp giới trông thấy, sanh khởi tâm ngưỡng mộ, cũng mong đắc đại tự tại, đắc vô lượng trí huệ giống như các vị Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát có thể dạy họ hồi Tiểu hướng Đại, chuyển phàm thành thánh. Tuy các vị ấy là tiểu thánh, nhưng vẫn là phàm phu, được gọi là “ngoại phàm”, tức phàm phu ở ngoài lục đạo. Từ chỗ này, chúng ta thấy Phật, Bồ Tát hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, chúng ta phải học điều này. Có sao Phật, Bồ Tát tâm bình khí hòa dường ấy? Chúng ta đạt được một chút tốt đẹp gì, thường hận chẳng kịp dạy mọi người đều học theo, nhưng thường dẫn đến phản tác dụng, chẳng giống như Phật, Bồ Tát ôn trọng dường ấy, vĩnh viễn là thuận lợi, chẳng khởi phản tác dụng. Chúng ta phải học điều này, chớ nên không biết!

Lại xem phần tiếp theo: “*Ác thú chúng sanh, diệc văn Như Lai chi tùy loại âm, nhi đắc văn pháp đắc độ*” (chúng sanh trong đường ác cũng nghe âm thanh của đức Như Lai tùy theo từng loài mà được nghe pháp, đắc độ). Đối với gì? Đối với ba ác đạo! Chúng sanh trong súc sanh đạo, ngạ quỷ đạo và địa ngục đạo cũng nghe âm thanh thuyết pháp do đức Như Lai tùy loại hiện thân mà cũng đắc độ, chúng ta cũng thường nghe những tin tức này. Trong mỗi lần làm pháp hội Tam Thời Hệ Niệm, có chúng sanh trong địa ngục và ngạ quỷ đạo vắng sanh hay không? Có, nhưng không nhiều lắm, chỉ là thiểu số. Đa số sanh lên trời, người sanh vào Tứ

Vương Thiên, hoặc sanh trong Đạo Lợi Thiên rất nhiều, cũng có người lại sanh vào nhân đạo. Nhưng trong số ấy, đại khái là một nửa vẫn ở trong ngã quỹ đạo, chúng sanh tội nghiệp nặng nề chẳng phải là một lần, hai lần bèn có thể siêu độ. Do đó, đối với loại pháp hội siêu độ này, hai năm trước, chúng tôi lập một pháp hội siêu độ Tam Thời Hệ Niệm suốt bốn mươi chín ngày tại Thập Tế Thiên Tự ở Lu Giang, nhằm siêu độ chúng sanh các giới ở nơi ấy; bèn có tin tức báo cho chúng tôi biết: “Sẽ có tai nạn rất lớn, thời gian rất dài, [làm pháp hội] bốn mươi chín ngày chẳng thể giải quyết vấn đề ấy”. Tôi liền hỏi người ấy: “Thời gian có tai nạn sẽ dài bao lâu?” “Tôi thiếu là ba năm”. Chúng ta làm pháp hội này như thế nào? [Quý thần] mong chúng tôi làm pháp hội một trăm thất. Một trăm thất là bảy trăm ngày! Khi ấy, tôi liền thương lượng với phương trượng lão hòa thượng, lão hòa thượng rất từ bi, dứt khoát đáp ứng ngay. Do đó, pháp hội bảy trăm ngày chưa bao giờ có, trong quá khứ, chưa có ai từng làm; chúng ta mở ra lệ này, mỗi ngày làm một hội Tam Thời Hệ Niệm, suốt bảy trăm ngày chẳng gián đoạn.

Chuyện này do chúng sanh trong linh giới khái thỉnh, có hiệu quả hay không? Có, tôi biết rất rõ; nhưng đó vẫn là trị đặng ngọn, chẳng phải là trị tận gốc. Nền giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật trị cả gốc lẫn ngọn, đó là công phu thật sự. Chuyện “*đau đầu trị đầu, đau chân trị chân*” có hữu hiệu hay không? Hữu hiệu, nhưng là hữu hiệu tạm thời. Làm bảy trăm ngày, hai năm, nếu chỉ có ba tháng, hoặc nửa năm bèn dừng, ắt bệnh cũ lại phát, chẳng dứt tận gốc. Chúng ta cũng thấy trong các tôn giáo làm lễ cầu nguyện, pháp hội Phật sự của chúng ta có ý nghĩa giống như cầu nguyện. Họ cầu nguyện rất thành khẩn, mỗi ngày sáng tối đều cầu, tuy thời gian chẳng dài, nhưng khi họ cầu nguyện bèn nhất tâm, nguyên lý hoàn toàn giống nhau: Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, chẳng phải là không khởi tác dụng. Vì sao xã hội hiện thời vẫn hỗn loạn dường ấy? Vì sao tai biến trên địa cầu vẫn dày đặc ngàn ấy? Chúng ta bèn thấu hiểu cách làm ấy là trị đặng ngọn, chẳng trị tận gốc! Hãy nên làm như thế nào? Tôi kiến nghị tất cả các tôn giáo trên thế giới, mong họ đều có thể trở về giáo học, nghiêm túc giảng giải kinh điển rõ ràng, minh bạch, thực hiện đúng theo giáo huấn trong kinh điển. Những gì kinh điển chỉ dạy, chúng ta đều có thể thực hiện, biến chúng thành tư tưởng và hành vi của bản thân chúng ta. Nhà Phật nói ba nguyên tắc lớn là Giới, Định, Huệ, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều hữu hiệu, đều cần phải tuân thủ. Do Giới đặc Định, do Định khai Huệ; chỉ cần thực hiện Giới, xã hội liền an định, tai nạn trên địa cầu sẽ được hóa giải trên một mức độ lớn, có thể khôi phục bình thường. Nếu có thể đạt được tam-muội như trong tựa đề kinh này đã nói, quý vị thật sự đạt được tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, lục đạo luân hồi sẽ chẳng còn nữa. Lục đạo biến thành gì? Lục đạo biến thành Tịnh Độ, biến thành tứ thánh pháp giới, chúng ta thường nói là “thiên đường xuất hiện trong nhân gian!” Nếu đại triệt đại ngộ, thế giới này liền biến thành thế giới Cực Lạc, biến thành thế giới Hoa Tạng. Phải biết: Kinh dạy chẳng sai tí nào! Tức là “*cảnh chuyển theo tâm*”, hoàn cảnh cư trụ của chúng ta chuyển biến theo tâm. Tâm chúng ta tốt lành, chẳng có điều gì không tốt lành!

Do vậy, nói theo lý, địa cầu và Tây Phương Cực Lạc thế giới có sai biệt hay không? Chẳng có sai biệt mảy may! Bất đồng ở chỗ nào? Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là thượng thiện nhân, chẳng có một ác niệm. Ý niệm chẳng có, lấy đâu ra ác ngôn, ác hạnh? Những thứ đó đương nhiên chẳng có, nên thế giới ấy là thuần tịnh, thuần thiện, là thế giới Cực Lạc. Thế giới hiện tại của chúng ta đúng là ngũ trược ác thế, “trược” (濁) là nhiễm ô. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ đều là nhiễm ô; Thập Ác, giết, trộm, dâm, dối, nói dối, lừa dối, nói thêu dệt, ác khẩu, lại còn tham, sân, si. Cảnh chuyển theo tâm, nay chúng ta có tâm thái như vậy, đó là một tâm thái cực bất thiện, nên xã hội và địa cầu của chúng ta có khuyết điểm, khuyết điểm chính là tai nạn hiện tiền. Thật sự thông đạt những đạo lý ấy, liễu giải chân tướng sự thật, tai nạn gì cũng đều có thể hóa giải, tai nạn là gì? Biến đổi theo lòng người. Lòng người thiện, hết thảy đều chuyển theo. Chúng sanh trong nẻo ác nghe pháp đặc độ có mối quan hệ rất lớn với chúng ta, vì sao? Nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy những chúng sanh ấy, nhưng họ thật sự tồn tại, tâm hạnh của họ bất thiện sẽ nhiễu loạn từ trường của chúng ta. Không gian sống của chúng ta chẳng thanh tịnh, khí phận chẳng tốt, khiến cho con người có cảm nhận không tốt, đó chính là họ ảnh hưởng đến chúng ta. Ảnh hưởng nặng hơn một chút, sẽ khiến cho đầu óc chúng ta chẳng sáng suốt, mê hoặc, dẫn phát tập khí phiền não, đạo lý ở chỗ này! “*Thử minh hội trung chư đại sĩ, giai hữu như thị trí huệ biện tài dữ công đức oai lực dã*” (Đoạn kinh này chỉ rõ: Các Đại Sĩ trong hội đều có trí huệ biện tài và công đức oai lực như thế), các vị đại sĩ ấy đang âm thầm giúp đỡ chúng ta. Tuy chúng ta chẳng có ý niệm cầu các Ngài rõ rệt, nhưng các Ngài biết; chúng ta có tâm mong giải quyết những khó khăn ấy, các Ngài biết ý niệm ấy, đó gọi là “*minh cảm*” (冥感: cảm ứng ngầm ngầm), các Ngài ứng cũng có hiển (rõ rệt) hoặc ẩn (âm thầm). Nếu chúng ta phiền não nhẹ nhàng, tâm tương đối thanh tịnh, bèn có năng lực cảm nhận rất rõ rệt các Ngài đang giúp đỡ chúng ta. Nếu chúng ta phiền não nặng nề, sẽ chẳng thể cảm nhận được!

Chúng ta lại xem câu kinh văn kế tiếp: “*Khai hóa hiển thị chân thật chi tế*”. Trước hết, phải hiểu rõ ràng, rành rẽ ý nghĩa nơi văn tự; thời cổ gọi chuyện này là “*tiêu văn*” (消文). “*Khai hóa giả, tức Pháp Hoa kinh chi khai Phật tri kiến. Hiển thị giả, tức thị Phật tri kiến*” (Khai hóa chính là “*khai Phật tri kiến*” trong kinh Pháp Hoa. Hiển thị là “*thị Phật tri kiến*”); dùng ý nghĩa trong kinh Pháp Hoa để giải thích. Chư vị phải biết: Trong tự tánh của mỗi cá nhân chúng ta đều trọn đủ Phật tri kiến, Phật tri kiến là gì? Là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Câu kinh Hoa Nghiêm ấy chính là Phật tri kiến, hết thảy chúng sanh đều có. Đều có, nhưng như thế nào? Đã mê, chúng ta mê mất tự tánh, nên chẳng thấy Phật tri kiến. Hiện thời là tri kiến gì? Hiện thời là tri kiến của chúng sanh, lại còn là tri kiến rất bất thường của chúng sanh. Người thời cổ, chúng tôi nói đến người Hoa, thuở ấy có bậc thánh hiền giáo huấn. Thiên Lễ Vận Đại Đồng được chép trong sách Lễ Ký là thời đại nào? Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, đặc biệt là Nghiêu, Thuấn, Vũ. Khổng Tử khẳng định xã hội thuở ấy là một thế giới đại đồng. Khổng Tử nhận định

các đời Hạ, Thương, Châu từ sau Vương Khải^{18[3]} trở đi là thời Tiểu Khang, cũng còn khá lắm. Khổng Tử ra đời nhằm khi ấy, Ngài sanh vào thời Xuân Thu, Mạnh Tử sanh nhằm thời Chiến Quốc^{19[4]}, họ nghĩ thời ấy đã nhằm thời loạn. Bất quá, đời loạn thuở đó, quân vương tuy là tự tư tự lợi, vẫn còn có chút bóng dáng nhân nghĩa, khởi tâm động niệm còn có luân lý, đạo đức, nhân quả bó buộc. Cũng có thể nói là tuy chẳng làm được điều gì ra hồn, nhưng vẫn còn chưa chệch choạc quá mức; càng về sau, đúng là mỗi thế hệ sau kém hơn thế hệ trước. Dẫu trong đời Hán, xuất hiện thời thịnh trị Văn Đế và Cảnh Đế, nhà Đại Đường xuất hiện các thời Trinh Quán đời Đường Thái Tông, thời Khai Nguyên dưới đời Đường Minh Hoàng, được gọi là “*thịnh thế*” (thời thịnh trị). Tới thời gần đây, chúng ta thấy những vị đế vương khai quốc các triều đại Minh, Thanh hầy còn khá lắm, vẫn có thể gọi là “*thịnh thế*”, có thể gọi là thời Tiểu Khang hay không? Vẫn chưa thể nói được! Chúng ta xét xem thánh nhân dựa theo tiêu chuẩn nào?

Tình hình này được tạo thành như thế nào? Nói theo Phật pháp thì là “*tùy nghiệp lưu chuyển*” (do nghiệp mà lưu chuyển), chúng sanh tạo nghiệp khác nhau, nên chịu khổ, hưởng vui khác biệt. Trung Quốc mấy ngàn năm duy trì cục diện như vậy, gần như là cục diện Tiểu Khang, dựa vào đâu? Cây vào công đức của nền giáo dục. Có thể nói lịch đại đế vương của Trung Hoa, xét theo lịch sử, theo ngành khảo cổ phát hiện, vào thời Hoàng Đế mới có văn tự ghi chép, trước thời Hoàng Đế chẳng có văn tự. Nhưng theo phát hiện của ngành khảo cổ,

^{18[3]} Vương Khải, tức là Hạ Khải (2197-2188) trước Công Nguyên, là vị vua thứ hai trong vương triều nhà Hạ, là con vua Vũ. Ông tính tình lạnh lùng, cương nghị, nhưng tiết kiệm, kính lão, tôn hiền, chăm chỉ nên được mọi người kính trọng. Khi còn sống, vua Hạ Vũ tính truyền ngôi cho Cao Dao, nhưng Cao Dao mất sớm, nên truyền ngôi cho Bá Ích. Do mọi người kính trọng Hạ Khải, nên Bá Ích bèn nhường ngôi cho Hạ Khải. Việc Hạ Khải nối ngôi Hạ Vũ đã mở đầu truyền thống cha truyền con nối, chấm dứt chế độ “truyền hiền” của các triều đại trước đó. Theo dã sử, Hạ Khải đã đánh nhau với Bá Ích để giành ngôi vua, cũng như chinh phạt bộ lạc HỮU HỘ, cũng như đánh dẹp các con nối loạn vì họ muốn giành ngôi với thái tử Thái Khang. Hạ Khải đã lưu dầy đứa con út hung hăng nhất là Vũ Quan đến Tây Hoàng Hà. Do đó, từ thời của Hạ Khải trở đi, không còn là thời đại thế giới đại đồng nữa, mà chỉ gọi là Tiểu Khang (hàm ý tạm được, khá an ổn, tuy có chiến tranh, loạn lạc, nhưng chưa đạt đến mức khốc liệt dữ dội như thời Chiến Quốc, quân vương chưa đến nỗi quá sức bạo ngược).

^{19[4]} Xuân Thu là giai đoạn từ năm 770 đến 476 trước Công Nguyên, tức là kể năm đầu của triều đại Châu Bình Vương cho đến năm bốn mươi ba đời Châu Kính Vương (khi ba gia đình quý tộc tiêu diệt hoàng tộc nước Tấn, tách Tấn ra thành ba nước Triệu, Ngụy, Hàn). Trong giai đoạn này, thế lực nhà Châu suy sụp, các vua chư hầu lần lượt nổi lên tranh hùng xưng bá, đặc biệt là Ngũ Bá (Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công, Sở Trang Vương). Tên gọi này xuất phát từ bộ sử Xuân Thu của Khổng Tử (thường gọi là kinh Xuân Thu).

Thời Chiến Quốc kể từ năm 476 đến năm 221 trước Công Nguyên (tức là kể từ thời nước Tấn tách thành ba nước cho đến khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Nguyên). Do các nước liên tục đánh nhau không ngừng, nên gọi là Chiến Quốc.

truy ngược về Toại Nhân Thị²⁰[5], tức là còn là trước thời Phục Hy, [các triều đại tiếp theo Toại Nhân là] Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, từ Toại Nhân Thị đến Hoàng Đế ước chừng một ngàn năm, từ Hoàng Đế đến thời đại hiện tại là bốn ngàn năm trăm năm, tính gộp chung toàn thể là hơn năm ngàn năm trăm năm. Thuở đó coi trọng giáo dục, nên Trung Quốc được gọi là “*lễ nghĩa chi bang*”, có nguyên do lâu dài như vậy. Lễ nghĩa chi bang đã được tiến hành ở Trung Quốc tối thiểu là hơn năm ngàn năm; nhưng trong một thế kỷ gần đây đã bỏ sót [giáo dục], chúng ta chớ nên không biết chuyện này. Nếu chẳng có giáo dục luân lý, luân lý là nói đến mối quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa con người và hết thảy chúng sanh, quan hệ với động vật, quan hệ với hoa, cỏ, cây cối, quan hệ với núi, sông, đại địa; nếu quý vị hiểu rõ, minh bạch [các mối quan hệ ấy], tâm từ bi sẽ sanh khởi, chúng ta thường nói là “*ái tâm*” (tâm yêu thương). Hiểu rõ các mối quan hệ, quý vị sẽ yêu thương gia tộc, yêu thương cha mẹ, yêu thương dòng họ. Hiểu rõ sinh vật, phải học chuyện này, quý vị sẽ có ái tâm đối với hoa, cỏ, cây cối. Hiểu rõ hoàn cảnh địa lý, quý vị sẽ có ái tâm đối với núi, sông, đại địa. Ái tâm vốn sẵn có trong bản tánh của quý vị; nhưng nếu chẳng học, nếu chẳng dạy và chẳng học, tuy có, nó chẳng khởi tác dụng, giống như kinh Phật đã dạy: Quý vị có Phật tánh, quý vị vốn là Phật, nhưng nếu quý vị không học, sẽ vĩnh viễn là phàm phu, vĩnh viễn luân hồi trong lục đạo, chẳng thành Phật! Do đó, giáo học quá trọng yếu! Chỉ có nghiêm túc học tập thì chúng ta mới có thể trở về tự tánh.

Tại Trung Quốc, mục tiêu chung cực của nền giáo dục truyền thống là gì? Nhằm sanh lên trời. Sống trong nhân gian một đời này, nếu làm người tốt, đời sau sẽ được sanh lên trời. Đó là mục tiêu của giáo dục truyền thống Trung Quốc. Thực hiện luân lý, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều chẳng rời khỏi tiêu chuẩn ấy, kinh Phật nói đó là “*nhân đạo*” (đạo làm người), thực hiện [nhân đạo] tốt đẹp là thiên đạo. Đời này, chúng ta may mắn được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, gặp được kinh Vô Lượng Thọ, nay mục tiêu của chúng ta được mở rộng trên một mức độ lớn, mục tiêu ở chỗ nào? Nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là đạo thù thắng khôn sánh trong Phật đạo, phải nắm vững cơ hội! Đọc kinh Vô Lượng Thọ là tu học Phật đạo viên mãn rốt ráo. Bởi lẽ, chúng ta có Phật tri kiến, nhưng nếu chẳng được thiện tri thức khai thị, Phật tri kiến của chúng ta vĩnh viễn bị phủ lấp, chẳng khởi tác dụng. Mục tiêu giáo học trong Đại Thừa Phật pháp là “*khai Phật tri kiến*”, đó là ngôn giáo (dạy bằng lời lẽ). Hiện thị là “*thị Phật tri kiến*”, là thân giáo (giáo dục bằng cách chính mình làm gương). Quý vị thấy đó, các Ngài không chỉ dùng ngôn giáo, mà

20[5] Theo truyền thuyết, Toại Nhân là người đầu tiên phát hiện ra lửa, dạy cho nhân dân dùng lửa nấu chín thức ăn; đôi khi Toại Nhân được coi là một trong Tam Hoàng. Theo phát hiện của ngành khảo cổ, Toại Nhân Thị chính là một thị tộc cổ Trung Hoa theo chế độ mẫu hệ, sống chủ yếu bằng săn bắn, biết dùng gỗ lấy lửa, hoặc đập đá cho xẹt ra lửa. Hiện thời, vùng Ân Khư vẫn còn di tích của họ. Toại Nhân được coi là thời vua đầu tiên của Trung Hoa. Sau Toại Nhân là Phục Hy và Thần Nông (theo Thượng Thư). Sau họ Thần Nông là các đời vua Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn (gọi chung là Ngũ Đế). Toại Nhân, Phục Hy và Thần Nông thường gọi chung là Tam Hoàng.

còn phải làm cho chúng ta thấy, đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, vì sao? Suốt một trăm năm đã vứt sạch những thứ truyền thống, thời gian ấy chẳng kể là dài, nhưng cũng chẳng ngắn! Từ bốn thế hệ đến năm thế hệ, vứt bỏ đã lâu ngần ấy, tìm lại nó, nhất định gặp khó khăn!

Trong quá khứ, chúng tôi đề xướng toàn dân học tập Đệ Tử Quy, tạo được một chút thành tích, cũng sanh ra ảnh hưởng, thậm chí chúng tôi có thể nói là ảnh hưởng tới toàn thế giới. Hiện thời, ở khắp nơi trên cả thế giới có rất nhiều nơi học tập Đệ Tử Quy rất nghiêm túc. Tôi thấy đã có bản dịch [Đệ Tử Quy bằng] tiếng Anh, bản dịch bằng tiếng Mã Lai, bên Nam Dương đang học tập phổ biến. Chúng tôi giải tán trung tâm Lu Giang, nhưng ở Mã Lai, họ thành lập một trung tâm ở Cát Long Ba (Kuala Lumpur) để tiếp tục làm, ảnh hưởng tới Mã Lai, Thái Lan, Tân Gia Ba và Nam Dương, lại còn ảnh hưởng tới Úc Châu ở phương Nam. Đây là một chuyện tốt đẹp, chánh phủ Mã Lai duy trì, nhân duyên hiếm có! Vì nếu chẳng nêu gương, tuyên truyền trong hiện tại, chúng ta thấy có nhiều người làm, lập các khóa giảng khác nhau, đều nhằm tuyên dương Đệ Tử Quy, mà chẳng có một thí điểm cho mọi người nhìn vào, tin tâm sẽ chẳng thể kiên định. Nếu có một nơi giống như trung tâm Lu Giang tiếp tục thực hiện, nếu nói mà quý vị chẳng tin tưởng, hãy đến đó xem. Vừa xem, sẽ có ấn tượng hết sức sâu đậm. Sanh ra ảnh hưởng đối với người ngoại quốc vì rất nhiều người ngoại quốc đến thăm Lu Giang, tin tưởng, họ còn ở lại trung tâm ấy vài hôm, nghiêm túc phỏng vấn, khảo sát ở đó. Vì thế, trong xã hội hiện thời, nhất định phải nêu gương, người Hoa nói là “*làm mẫu*”, vô cùng quan trọng! Dùng một tiểu trấn để làm thí nghiệm. Hiện thời ở Đài Loan có hai chỗ, một chỗ ở miền Bắc và một chỗ ở miền Nam, đang thí nghiệm. Sau khi đã thành lập thí điểm, người trên cả thế giới đều muốn đến xem, đều muốn học tập. Nay Mã Lai cũng đang tích cực thực hiện, dùng một tiểu hương trấn để làm thí điểm, sau đây mới có thể thật sự mở rộng. Đó là gì? Thị Phật tri kiến, phải làm ra cho người ta thấy, chỉ nói suông sẽ không được! Ngôn thuyết là tuyên truyền; nêu gương thì người ta sẽ nghiêm túc học tập.

Do đó, “*khai hóa hiển thị chân thật chi tế*” thì Tế (際) có nghĩa là “*cứu cánh biên tế*” (bờ mé rớt ráo), rớt ráo là bờ mé, bờ mé là rớt ráo. “*Chân thật chi tế giả, Phật chi tri kiến dã*” (Chân Thật Tế chính là tri kiến của Phật). Mục tiêu chung cực của kinh Pháp Hoa là “*khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến, ngộ Phật tri kiến, chứng Phật tri kiến*”, khai, thị, ngộ, nhập; “*nhập*” là chứng. Phật tri kiến là gì? Phật tri kiến là tự tánh. Mục tiêu chung cực là trở về tự tánh, trong Thiên Tông nói [chuyện này] là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Minh tâm kiến tánh là Chân Thật Tế, là “*tri kiến của Phật*” như kinh Pháp Hoa đã nói. Trí huệ và đức tướng trong tự tánh của chúng ta đều tỏ lộ, trong Phật pháp gọi điều đó là “*thành Phật*”. Nay chúng ta mê mất tự tánh, tức là mê mất Phật tri kiến, hiện thời biến thành tri kiến của chúng sanh. Tri kiến hiện thời của chúng ta rất bất hảo! Quý vị hãy suy nghĩ, tri kiến phổ biến trong xã hội hiện tại là gì? Dùng hai chữ để biểu thị, quý vị có thừa nhận hay không? Một là tài, hai là sắc. Tri kiến của con người hiện thời, trừ tài và sắc ra, họ còn biết điều gì nữa? Hiện thời, khắp nơi trên địa cầu, tri kiến này là phổ biến. Quý vị hỏi họ, họ yêu thích nhất, rất mong đạt

được điều gì? Một là của cải, hai là sắc, hai thứ ấy, niệm niệm chẳng quên các thứ ấy. Trong kinh, đức Phật đã nói về hai thứ ấy rất hay, “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ”. Đức Phật bảo năm thứ ấy được gọi là “năm cội rễ của địa ngục”. Hễ nói đến tài sắc, chắc chắn sẽ liên quan ba điều sau. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là tri kiến phổ biến trong xã hội hiện tại, chính là những thứ đó! Trong Phật pháp, chúng được gọi là gì? Năm loại dục vọng! Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ được gọi là Ngũ Dục, đáng sợ quá! Đó là năm cội rễ của địa ngục, hễ có một điều là không được rồi. Trọn đủ cả năm điều, quý vị hãy nghĩ xem tương lai sẽ đi về đâu? Phiền phức khá lớn! Chúng ta chẳng học Phật bèn không biết, học Phật mới biết rõ ràng, rành rẽ, đầu tiên là phải cứu chính mình. Chúng ta ắt phải hãy rời khỏi hố sâu Ngũ Dục, tự cứu rồi sau đó mới có thể cứu người khác. Chính mình chẳng cứu bản thân được, làm sao có thể cứu chúng sanh? Câu này vẫn chưa giảng xong ý nghĩa mà đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây, ngày mai chúng tôi lại tiếp tục. Cám ơn mọi người.

Tập 132

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi chín, dòng thứ bảy từ dưới đếm lên, xem từ “*khai hóa hiển thị Chân Thật chi Tế*”, xem từ chỗ ấy.

Tiểu đoạn này giảng về hạnh lợi tha của Bồ Tát. Phần trước giảng về tự lợi, đoạn này giảng về lợi tha. Trong đoạn Diệu Hạnh Hiển Thật của phần lợi tha, câu này là chủ yếu. Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh, quan trọng nhất là giúp chúng sanh khai ngộ, giúp chúng sanh thành Phật, “*Chân Thật chi tế*” là thành Phật. Nay chúng ta nói “*khai hóa hiển thị*” là “*thân hành, ngôn giáo*”, “*khai hóa*” là ngôn giáo, “*hiển thị*” là thân hành. Không chỉ là phải giảng giải, mà còn phải nêu gương cho người khác thấy. Nêu gương gì? Chân Thật Tế chính là dáng vẻ của Phật, nêu dáng vẻ của Phật cho mọi người thấy, bảo ban mọi người: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”. Các đồng học học Phật nhất định phải thừa nhận câu này, chúng ta vốn đều là Phật, vì sao biến thành nông nổi này? Chênh lệch với Phật lớn như thế? Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chứng đắc*”, chúng ta liền hiểu rõ: Sở dĩ chúng ta biến thành phàm phu là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chúng ta phải quay về địa vị Phật, quay về làm Phật. Chỉ cần buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống là được. Nói rất đơn giản, một câu nói là đã có thể nói xong, nhưng thực hiện nhất định khó khăn. Chúng ta xem phần chú giải tiếp theo, ngày hôm qua đã học hai câu đầu: “*Khai hóa giả, tức Pháp Hoa kinh chi khai Phật tri kiến. Hiển thị giả, tức thị Phật tri kiến*” (Khai hóa là “*khai Phật tri kiến*” trong kinh Pháp Hoa. “*Hiển thị*” là “*thị Phật tri kiến*”). Trong kinh Pháp Hoa, sau đó còn có hai câu nữa: “*Ngộ Phật tri kiến*”, khai, thị, ngộ, nhập. Câu cuối cùng là “*nhập Phật tri kiến*”, câu cuối cùng là chúng quả, quý vị thật sự thành Phật. Ba câu trước, mỗi câu sau sâu hơn câu trước. Đầu tiên là giảng cho quý vị hòng quý vị hiểu, biết có chuyện như thế: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”. Bồ Tát nêu gương cho chúng ta thấy, tấm gương ấy được nói trong bộ kinh này.

Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời nêu gương cho chúng ta thấy, tấm gương ấy chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Đức Phật hoàn toàn biểu hiện trong cuộc sống, biểu hiện trong giáo học. Công việc của đức Phật là giáo học, bốn mươi chín năm giống hệt như một ngày. Chúng ta biết: Sau khi ngộ, ngộ là gì? Thật sự hiểu, thật sự minh bạch. Sau khi hiểu, phải nhập cảnh giới này, phải nghiêm túc học tập, học sao cho giống hệt như đức Phật. Ở đây, các vị Bồ Tát dự hội, kinh nói là một vạn hai ngàn người; trên thực tế, nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy vô lượng vô biên Bồ Tát đều tới tham dự pháp hội này, đến

trang nghiêm đạo tràng. Các đồng học trong đạo tràng trình độ không đều, phàm phu chẳng thấy các Ngài, nhưng Nhị Thừa có thể thấy. Nhị Thừa là Thanh Văn và Duyên Giác. Hàng Sơ Quả trong chúng Thanh Văn có thể thấy, bậc Tu Đà Hoàn như vậy rất nhiều. Một ngàn hai trăm năm mươi lăm [vị Thanh Văn đều] là đại Bồ Tát tái lai, các Ngài đến biểu diễn pháp. Tiểu Thừa thì Tứ Quả lần Tứ Hướng đều có, Đại Thừa thì có các Bồ Tát thuộc những địa vị Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng đều hiện diện. Có thể thấy pháp hội này vô cùng trang nghiêm. Chữ Tế trong “*chân thật chi tế*” chính là “*cứu cánh biên tế*” (究竟邊際: bờ mé rất ráo). Trên thực tế, “*chân thật chi tế*” chính là Phật tri Phật kiến. Tri kiến của Phật chẳng có ngần mé. Đối với chuyện này, kinh điển Đại Thừa có đến mấy chục danh từ đều đề nói về chuyện này. Nếu giải thích theo cách hiện thời, sẽ là “*chư pháp Thật Tướng*” (Thật Tướng của các pháp). Tướng chân thật ấy chính là chân tướng của hết thảy các pháp, quý vị đều hiểu, đều rõ ràng, đó là Phật tri Phật kiến. Chân tướng là gì? Chân tướng là giả tướng, tướng là giả, Thể là không, vạn pháp đều là Không. “*Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, đó là Phật tri Phật kiến. Chúng ta đăm mê, hoàn toàn chẳng biết chân tướng sự thật, ngỡ nó là thật sự có, nên trong các cảnh giới bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là tri kiến phàm phu. Trong cảnh giới, Phật tri Phật kiến liễu giải, nên Ngài chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước, như như bất động trong cảnh giới. Đó là Chân Thật Tế.

“*Nhất bộ Tịnh Độ diệu pháp*” (một bộ Tịnh Độ diệu pháp): Chữ “*nhất bộ*” chỉ kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đang học tập. Một bộ Tịnh Độ diệu pháp này “*cử thể thị Phật chi tri kiến*” (toàn thể là tri kiến của Phật). Thể tánh của kinh này từ trong tự tánh lưu lộ, từng câu, từng chữ đều xứng tánh, nên nói là “*cử thể*”. Từng câu từng chữ trong kinh đều nói về cảnh giới Hoa Nghiêm, nên cổ nhân gọi kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm, có lý lắm, chẳng phải là nói tùy tiện. “*Cổ thử kinh trung, tất thị khai hóa hiển thị chân thật chi tế, hàm vị khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến dã*” (Vì thế, trong kinh này, ắt phải khai hóa, hiển bày Chân Thật Tế, đều vì khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật vậy). “*Khai, thị, ngộ, nhập*” là điều được nói trong kinh Pháp Hoa, quy hồi bản kinh này, toàn bộ những điều được nói trong kinh này đều là “*khai hóa hiển thị chân thật chi tế*”. Do đó, câu nói này vô cùng trọng yếu! Chư Phật Như Lai ứng hóa trong mười pháp giới, ứng hóa trong nhân gian, giúp đỡ hết thảy chúng sanh đạt được mục tiêu chung cực. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói “*trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”, chữ “*một ai*” chẳng phải chuyên chỉ một loại người nào, mà là nói đến tất cả hết thảy chúng sanh. Vì sao? Hết thảy chúng sanh vốn là Phật, làm sao có thể vứt bỏ được? Chỉ vì họ đăm mê, do đăm mê rồi nên Phật, Bồ Tát chờ đợi, khi nào cơ duyên của quý vị chín muồi, Phật, Bồ Tát sẽ thị hiện. Khi chưa chín muồi, bèn âm thầm giúp quý vị chín muồi; đã chín muồi, nhất định tiếp dẫn quý vị, giúp quý vị ngộ nhập. Từ chỗ này, chúng ta thật sự lãnh hội lòng từ bi của Phật, Bồ Tát, vĩnh viễn chẳng thể báo trọn ân đức của Phật, Bồ Tát. Dùng phương pháp gì để báo ân Phật? Chỉ có giống như Phật, Bồ Tát, học theo Phật, Bồ Tát “*khai hóa, hiển thị chân thật chi tế*”, đó là báo ân Phật. Nghĩ tưởng Phật, Bồ Tát giúp ta ra sao, ta

hãy nên giúp người khác như vậy, đó là báo ân. Trừ chuyện này ra, ta chẳng thể [có cách nào khác để] báo ân Phật. Giống như trong kinh Pháp Hoa đã nói “*khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến*”. Một câu gồm tám chữ ấy trong kinh Pháp Hoa và câu “*khai hóa, hiển thị chân thật chi tế*” hoàn toàn tương đồng, có cùng một ý nghĩa, cùng một cảnh giới.

“*Trí Độ Luận viết*”, [nghĩa là] như trong Đại Trí Độ Luận có nói: “*Như, Pháp Tánh, Thật Tế, thị tam giai thị chư pháp Thật Tướng dị danh*” (Như, Pháp Tánh, Thật Tế, ba danh từ ấy đều là tên gọi khác của Thật Tướng các pháp). Ba danh từ ấy đều nói về Thật Tướng của các pháp. Trong kinh Bát Nhã, đức Phật nói danh từ “*chư pháp Thật Tướng*” nhiều nhất. Thông thường, chúng ta có thể nói như vậy. Nếu có ai hỏi chúng ta: “Phật pháp nói những gì? Kinh Phật giảng những gì? Quý vị học Phật là học điều gì?” Quý vị có thể dùng câu ấy trả lời là được rồi, “*chư pháp Thật Tướng*”; đó là từ ngữ trong kinh văn. Họ hỏi Thật Tướng của các pháp là gì? Chân tướng của tất cả vạn sự vạn vật trong vũ trụ, kinh Phật dùng danh từ “*chư pháp Thật Tướng*”. Suốt bốn mươi chín năm, đức Phật giảng chuyện này, kinh điển cũng nhằm dạy chuyện này, mỗi ngày chúng ta học tập cũng là chuyện này. Hiểu rõ chân tướng thì gọi là giác ngộ. Chẳng liễu giải chân tướng sự thật bèn làm mê hoặc. Mê là phàm phu, ngộ là Phật, Bồ Tát, chuyện lành như thế đó! Nay chúng ta hãy suy ngẫm, cái được gọi là khoa học và triết học mỗi ngày đang học những gì? Vẫn chẳng phải là Thật Tướng của các pháp hay sao? Họ đều đang nghiên cứu chuyện này. Có hiểu rõ ràng, minh bạch Thật Tướng hay không? Chẳng hiểu rõ ràng, mà cũng chẳng minh bạch. Trong kinh điển, đức Phật thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch chuyện này. Đức Phật dùng phương pháp nào? Đức Phật dùng Giới, Định, Huệ. Do Giới đắc Định, do Định khai Huệ. Trí Huệ vừa khai liền hiểu rõ, bèn ngộ nhập Thật Tướng của các pháp. Những nhà khoa học và triết học thế gian nghiên cứu, nhưng vì sao chẳng thấy rõ ràng, chẳng minh bạch? Vì họ chẳng có Giới, Định, Huệ, đấy là sự thật. Nếu các khoa học gia cũng dùng phương pháp Giới, Định, Huệ, họ sẽ là Phật, Bồ Tát. Các nhà khoa học nghiên cứu nói chung chẳng tách rời Toán Học, họ coi Toán Học là mẹ của Triết Học. Từ Toán Học đạt được những thông tin rồi mới lại dùng khoa học kỹ thuật để chứng minh. Khoa học kỹ thuật hiện tại đã giúp đỡ những người nghiên cứu rất lớn.

“*Chân Giải vân: Thật Tướng diệu xứ tận lý chí cực*” (diệu xứ Thật Tướng tận lý tột bậc), nên xưng gọi nó là Tế. Tế là “*biên tế*” (邊際). Thật Tướng diệu xứ bất luận Sự hay Lý đều vi diệu đến cùng cực, nên dùng chữ Tế để hình dung. “*Chuân thượng lưỡng thuyết*”, tức là dựa theo hai cách nói trên đây, “*tức Chân Thật tức Thật Tướng chi dị danh*” (Chân Thật chính là tên gọi khác của Thật Tướng). Chân Thật được nói trong kinh văn chính là Thật Tướng, là Thật Tướng như kinh Pháp Hoa và Trí Độ Luận đã giảng. “*Chân thật chi tế giả, nãi Thật Tướng diệu lý cứu cánh chí cực giả dã*” (Chân Thật Tế chính là diệu lý Thật Tướng rốt ráo đến tột bậc), rốt ráo đến tột bậc bèn gọi là Chân Thật Tế, “*diệc chánh thị Phật chi tri kiến*” (mà cũng chính là tri kiến của Phật). Tri kiến của Phật thấy diệu lý Thật Tướng, chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ tri kiến của Phật. Trong tri kiến của chúng ta,

có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xen tạp trong ấy. Trong tri kiến của Phật, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên Ngài trông thấy. Chúng ta đang bị vọng tưởng và chấp trước nhiễu loạn, nên chẳng thấy chân tướng, những gì chúng ta trông thấy toàn là giả tướng, chẳng phải là chân tướng.

“*Hội Sớ viết: Khai hiển chân thật vi hiển thị, vị hội thập giới quy Nhất Thừa, khắc thành Bồ Đề cố*” (Sách Hội Sớ nói: “Khai hiển chân thật là hiển thị, nghĩa là đem mười pháp giới quy về Nhất Thừa, quyết định thành Bồ Đề”). Chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ, dùng những phương pháp để giúp hết thảy những chúng sanh còn chưa khai ngộ. Ở đây, nêu lên nguyên lý, nguyên tắc và cương lĩnh trọng yếu của các Ngài, chúng ta phải nên học tập. Tuy chúng ta vẫn chưa thấy diệu lý Thật Tướng, nhưng do đọc kinh điển rất nhiều, cũng biết đại lược một phần. Cái “biết” ấy là giải ngộ, chưa phải là chứng ngộ. Trong giải ngộ cũng có tầng lớp cạn sâu khác nhau, chúng ta ắt phải nâng cao cảnh giới của chính mình, phải nghiêm túc nỗ lực; nhưng quý vị thật sự liễu giải chẳng phải là do niệm nhiều! Niệm là một biện pháp, phải ghi nhớ điều này, nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích buông xuống. Khi chúng ta không niệm kinh, trong tâm có rất nhiều vọng niệm. Khi chúng ta niệm kinh, vọng niệm tạm thời ngưng dứt, đó là buông vọng niệm xuống, buông phân biệt, chấp trước xuống. Thời gian chúng ta niệm càng dài, nói cách khác, thời gian buông xuống cũng càng dài. Nếu niệm kinh mà xen tạp phân biệt, chấp trước, sẽ giống như người bình phàm trong thế gian đọc sách, tăng trưởng kiến thức, nhưng chẳng tăng trưởng Định Huệ, chẳng liên can gì đến Định Huệ; chúng ta nói người ấy làm chuyện thuộc về Phật học, chẳng phải là học Phật. Học Phật chẳng tách lìa Giới, Định, Huệ. Tách lìa Giới, Định, Huệ là Phật học! Học Phật và Phật học khác nhau ở chỗ này!

Sở dĩ gom mười giới (mười pháp giới) về Nhất Thừa, là do mười pháp giới là giả, là huyễn tướng, Nhất Thừa là thật. Nhất Thừa là gì? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai là Nhất Thừa. “*Khắc thành Bồ Đề*” (quyết thành Bồ Đề), Bồ Đề được nói ở đây chính là Vô Thượng Bồ Đề, quý vị mới có thể chứng Vô Thượng Bồ Đề. Chúng tôi dùng một câu rất nông cạn để giảng câu này để chư vị dễ ghi nhớ, và cũng dễ dàng nắm được phương pháp dụng công. “*Hội thập giới*” là quý vị phải coi y báo và chánh báo trang nghiêm và hết thảy các pháp trong mười pháp giới như là Nhất Chân pháp giới. Câu này có ý nghĩa như vậy đó, quý vị sẽ thành Bồ Đề. Lúc chúng ta mới học bèn coi chúng như Nhất Chân pháp giới, đến cuối cùng, nó thật sự là Nhất Chân pháp giới, quý vị bèn chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Trước hết bèn coi nó giống như vậy, dần dà, lâu ngày, quý vị sẽ nhận thấy nó là thật, chẳng giả, đạo lý gì vậy? Chúng ta đều đã học đạo lý này rồi, chẳng phải là kinh thường nói “*cảnh chuyển theo tâm*” đó chứ? Tâm chúng ta mỗi ngày coi những cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới, lâu ngày chày tháng, chúng thật sự biến thành Nhất Chân pháp giới. Xã hội hiện tiền có phải là biến chất hay không? Chẳng biến chất, nhưng cách nhìn đúng là khác biệt. “Lâu ngày chày tháng” là sao? Tâm quý vị đã định, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng có, quý

vị thấy là thật. Một điều đã chân, hết thấy đều chân. Một điều vọng, hết thấy đều vọng. Quý vị sử dụng chân tâm thì hết thấy là thật; quý vị dùng vọng tâm, hết thấy đều là vọng. Có mười pháp giới hay không? Có Nhất Thừa hay không? Thừa cùng chư vị, hoàn toàn chẳng có! Nếu nó là thật sự có, quý vị nghĩ xem vì lẽ nào nó biến thành tình trạng ấy? Nó chẳng phải là thật sự có. Chẳng có pháp nào không phải là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tâm của ai, thức của ai? Của chính mình. Tâm của chính mình, thức của chính mình; tâm là chân tâm, thức là vọng tướng, vọng tâm.

Chúng tôi rất bội phục các nhà khoa học hiện đại, họ cũng phát hiện niêm lực. Sức mạnh của ý niệm vô cùng to lớn. Bản thân chúng ta chẳng biết, chính mình chẳng thể vận dụng. Nếu biết vận dụng, tập trung ý niệm một chỗ, sức mạnh ấy sẽ chẳng thể nghĩ bàn, năng lượng ấy vĩnh viễn dùng chẳng hết. Vì sao chúng ta chẳng thể cảm nhận? Vì ý niệm của chúng ta tán loạn, rất phức tạp, nên niêm lực chẳng tập trung. Do đó, trong kinh, đức Phật đã dạy: “*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện*” (Chế ngự tâm một chỗ, không chuyện gì chẳng hoàn thành). Câu này rất quan trọng! Cũng có nghĩa là nếu ý niệm của quý vị có thể chuyên nhất, năng lượng ấy sẽ phát hiện. Năng lượng vô cùng to lớn, đối với chính mình bèn có thể biến đổi thân thể, có thể trị liệu những bệnh tật nơi thân thể hoặc sức khỏe, chẳng cần dùng thuốc. Ý niệm có thể tiêu trừ và hóa giải bệnh tật. Nếu quý vị hiểu đạo lý được giảng trong Phật pháp, quý vị sẽ thấy điều này chẳng lạ lùng, mà là hiện tượng bình thường. Vì sao Phật, Bồ Tát chẳng ngã bệnh? Ý niệm của các Ngài chánh đáng, chẳng có tà niệm. Trong ý niệm của chúng ta, trong A Lại Da Thức có tham, sân, si mạn, nghi, ngũ độc phiền não; trong Mạt Na Thức có oán, hận, não, giận, phiền bức; cảnh giới bên ngoài có những thứ dụ dỗ mê hoặc như tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Ba loại ấy hợp lại, bệnh liền nảy sanh, quý vị bèn mắc bệnh. Quý vị phải biết: Trong ba thứ ấy, chỉ cần thiếu một thứ, cái nhân gây bệnh chẳng có duyên, bệnh vẫn chẳng sanh khởi được. Ba thứ ấy đều đầy đủ, bệnh tật liền hiện tiền, nguyên nhân là như thế đó. Đây chính là bệnh lý được giảng trong giáo pháp Đại Thừa, [bệnh lý] là nguyên lý gây ra tật bệnh. Câu kế tiếp là: “*Chân thật chi tế giả, dĩ nhất Phật thừa vi pháp nhai tế cố*” (Chân Thật Tế lấy một Phật Thừa làm pháp tối hậu). Trong giáo pháp Đại Thừa, Chân Thật Tế có tiêu chuẩn là nhất Phật thừa, nói theo thực tế thì nó chẳng có ngần mé.

Kế đó là “*hựu Chân Giải viết*” (sách Chân Giải lại nói), sách Chân Giải giảng khá tỉ mỉ. Sách giảng: “*Nhược y Tiểu Thừa*” (nếu theo Tiểu Thừa), Chân Thật Tế tức là đã tu học hoàn tất khóa trình cuối cùng, chúng ta thường nói là “*tốt nghiệp*”, có ý nghĩa này. Người Tiểu Thừa, “*Thiên Chân Niết Bàn vi Thật Tế*” ([coi] Thiên Chân Niết Bàn là Thật Tế). Họ đạt tới mục đích này, liền chứng đắc quả vị rốt ráo [trong Tiểu Thừa], chẳng còn tiến lên nữa. Do đó, họ chứng đắc quả vị rốt ráo là quả vị A La Hán, trong Tứ Quả và Tứ Hướng, quả vị này cao nhất. “*Nhược y Tiệm Giáo, dĩ ly Nhị Biên vi Chân Thật Tế*” (nếu theo Tiệm Giáo thì coilia hai bên là Chân Thật Tế). Tiệm Giáo là Quyền Giáo Bồ Tát chư kiết ánh, thông thường là giống như trong Thiên Tông đã nói, ba căn thượng trung hạ đều thuộc về Tiệm Giáo. Trái

ngược với Tiệm Giáo là ĐônGiáo, đôn siêu. Đôn Giáo thì phải là bậc thượng thượng căn mới là đương cơ; thượng, trung, hạ đều chẳng phải là đương cơ, cũng có nghĩa là quý vị chẳng hội đủ điều kiện tu học pháp môn ấy. Tiệm Giáo thì ba căn thượng, trung, hạ đều có phần, họ là Nhị Biên. Nhị Biên là gì? Nay chúng ta nói là “*đôi lập*”. Giáo này cũng thuộc loại Đại Thừa, khởi đầu của Thật Giáo trong Đại Thừa. Thường nói là “*Nhị Biên bất lập, Trung Đạo dã bất tồn*” (Hai bên chẳng lập, Trung Đạo cũng chẳng còn), thật sự rời khỏi Nhị Biên. Nhị Biên có ý nghĩa vô cùng rộng rãi, Phật pháp thường nói: Chân - vọng là Nhị Biên, có - không là Nhị Biên, lớn - nhỏ là Nhị Biên, mê - ngộ là Nhị Biên, sanh tử và Niết Bàn là Nhị Biên. Phạm phu luôn chấp trước một bên. Trong Nhị Thừa có người chấp trước Có, mà cũng có người chấp trước Không, có thể thấy là chấp trước chư pháp. “*Hai bên Có và Không ta đều chẳng chấp trước*” [nói như vậy tức là] quý vị vẫn còn chấp trước một cái “*hai bên đều chẳng chấp trước*”, tức là vẫn còn chấp trước. [Nếu thấy] Nhị Biên đều chẳng có, tức là quý vị còn có “*Nhị Biên đều chẳng có*”, quý vị thấy có phiền phức hay không? Khi nào thật sự là Nhị Biên đều chẳng có? Trong hết thảy các pháp, đoạn hết tâm phân biệt; về căn bản, chẳng có tâm phân biệt, quý vị mới có thể nhập cảnh giới này.

“*Nhược y thánh đạo Thật Giáo, chư pháp Thật Tướng vi Chân Thật Tế*” (nếu nương theo thánh đạo Thật Giáo, Thật Tướng của các pháp là Chân Thật Tế). “*Thánh đạo Thật Giáo*” là Đại Thừa, Thật là chân thật, chẳng hư vọng. Đại Thừa Thật Giáo dùng gì làm Chân Thật Tế? Dùng chư pháp Thật Tướng, tức là chân tướng của hết thảy các pháp. Chân tướng là “*tâm hiện, thức biến*”, Thể của hết thảy các pháp là Thật Tánh, còn gọi là Pháp Tánh, còn gọi là Tự Tánh, còn gọi là Bản Tánh, rất nhiều danh từ! Hết thảy hiện tướng (tướng hiện ra) là huyễn tướng, những hiện tướng ấy và hết tánh vĩnh viễn chẳng tách rời. Tánh và tướng bất nhị, tánh và tướng như một. Trong Thể, thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng thứ gì nó cũng đều có thể hiện. Thể là Không, Chân Không. Chân Không chẳng phải là trống rỗng, nên có thể hiện tướng. Tướng là huyễn tướng; tuy có, trên thực tế là “*đương Thể tức Không*” (ngay nơi bản thể chính là Không), trọn chẳng thể được! Xét theo hiện thời, mọi người mỗi ngày đều xem TV, lấy chuyện này để tỷ dụ thì cũng rất dễ hiểu. Chúng ta tỷ dụ màn hình TV như Thể, hoặc tỷ dụ nó như tự tánh. Những hình ảnh hiện ra trên màn hình TV là tướng. Quý vị hãy nghĩ xem, hình ảnh và màn hình vĩnh viễn kết hợp cùng một chỗ. Chẳng có màn hình, tướng chẳng thể hiện. Tuy hiện tướng, vọng tướng là vọng tướng, thật thể là thật thể, chẳng liên quan mảy may, nhưng lại chẳng tách rời, đúng là “*bất tức, bất ly*” (chẳng phải chính là lẫn nhau, nhưng chẳng tách lìa). Quý vị hãy quan sát cẩn thận, nếu hiểu rõ, ngộ được thì đó cũng là tu hành, cũng là chứng quả, xem TV cũng có thể thành Phật. Biết điều gì? Không và Hữu bất nhị, chân và vọng bất nhị. Quý vị chẳng chấp trước Nhị Biên. Thể là Không, quý vị chẳng còn khởi tâm động niệm. Tướng là giả, cũng chẳng còn khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, không động niệm, quý vị bèn thành Pháp Thân Bồ Tát, khai thị ngộ nhập Thật Tướng của các pháp, đã ngộ nhập. Đó là thánh đạo Thật Giáo, là Đại Thừa giáo thật sự. Sách Chân Giải trước hết dùng Tiểu Thừa và Đại Thừa [để giải thích Chân Thật Tế],

có thể nói thánh đạo Thật Giáo là Nhất Thừa. Đây là nói theo lối thông thường, là cách nói bình thường.

“*NhượcyTịnh Độ*”(nếu theo Tịnh Độ), chúng ta quay lại [xem xét theo khía cạnh Tịnh Độ] vì chúng ta tu Tịnh Độ, học Tịnh Độ. Trong Tịnh Độ giáo, giảng như thế nào? “*Quang xiển đạo giáo vi quyền phương tiện, thệ nguyện nhấtPhật thừa vi Chân Thật Tế, nhất thật Chân Như hải cố*” (quang xiển đạo giáo là quyền phương tiện, thệ nguyện nhất Phật thừa là Chân Thật Tế, là biển nhất thật Chân Như vậy). Chúng ta nói mấy câu này trước. “*Quang xiển đạo giáo vi quyền phương tiện*”, Quyền(權) là quyền xảo (權巧), có lợi cho chính mình, mà cũng có thể giúp đỡ người khác, chúng ta thường nói là “*phương tiện thiện xảo*”. “*Quyền phương tiện*” là phương tiện thiện xảo, vô cùng hay khéo, có thể giúp cho chính mình thành tựu, mà cũng có thể giúp người khác thành tựu. “*Quang xiển*” (光闡) là trí huệ, phải ghi nhớ điều này. Phật pháp từ đầu đến cuối chẳng lìa trí huệ. “*Đạo*” (道) là trong hết thảy các pháp đều có đạo lý, đều có phương pháp. “*Giáo*” (教) là đức Phật chỉ dạy chúng ta, Bồ Tát dạy bảo chúng ta; thông thường, [Giáo được dùng để] chỉ tám vạn bốn ngàn pháp môn, đều là “*quang xiển đạo giáo*”. Tám vạn bốn ngàn [pháp môn] là đạo, là đường nẻo, phương pháp, đạo lý. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện có nói: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”; tức là không chỉ tám vạn bốn ngàn, mà là vô lượng vô biên. Phật, Bồ Tát có trí huệ, chúng ta vừa tiếp xúc các Ngài, các Ngài vừa nhìn đã biết rõ chúng ta là căn cơ như thế, đáng nên tiếp nhận loại Phật pháp nào. Vì thế, quý vị gặp Phật, Bồ Tát, gặp Pháp Thân đại sĩ, rất may mắn, giống như mắc bệnh mà gặp được bác sĩ giỏi cho quý vị uống thuốc liền khỏi bệnh. Nay chúng ta thấy kinh điển đều là các toa thuốc, căn bệnh chúng ta mắc phải có tương ứng với toa thuốc hay không, chính mình không biết! Nếu chúng ta dùng sai toa thuốc, không chỉ chẳng trị hết bệnh, mà còn ngược ngạo khiến cho bệnh nặng hơn! Trong xã hội này, người học Phật biến thành nông nổi như vậy rất là nhiều! Quý vị mở kinh điển ra, sẽ thấy những vị đương cơ được chép trong kinh, đức Phật giảng kinh ấy, có người còn chưa nghe xong, mới nghe một nửa bèn khai ngộ, liền chứng quả, đó là gì? Đương cơ! Họ bị bệnh cần phải uống thuốc ấy!

Nay chúng ta chẳng biết chính mình đang mắc bệnh gì. Đức Phật nói nhiều pháp môn như thế, kinh điển lắm như thế, cũng chẳng biết bộ kinh điển nào có thể hữu dụng đối với chính mình. Chúng ta tìm thiện tri thức, chẳng biết ai là thiện tri thức, tìm không thấy, làm như thế nào? Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã biết tình hình ấy, chúng ta cách xa đức Phật ba ngàn năm, từ ba ngàn năm trước, Ngài đã biết xã hội hiện tiền. Ngài cũng biết chúng ta là một đám người cùng nhau học Phật vào ba ngàn năm sau, Ngài thật sự từ bi, biết chúng ta chẳng thể tìm thiện hữu. Do đó, trong kinh Đại Tập, lão nhân gia đã dạy chúng ta đạinguyên tắc, chúng ta có thể tuân thủ thì sẽ chẳng có chuyện gì, có thể thành tựu. Nguyên tắc ấy là gì? Ngài nói thời kỳ Chánh Pháp giới luật thành tựu. Chánh Pháp là gì? Sau khi đức Phật diệt độ một ngàn năm, khéo học giới luật có thể chứng quả, có thể khai ngộ, có thể chứng quả. Thời kỳ Tượng Pháp, Thiên Định thành tựu, trì giới không được. Căn tánh của con người chẳng bằng thời

Chánh Pháp, phải tu Thiền Định. Vì thế, Phật pháp truyền đến Trung Quốc, nhằm đúng khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ một ngàn năm, Phật giáo truyền đến Trung Quốc, một ngàn năm thứ hai chẳng phải là thời Tượng Pháp ư? Đó đó, Thiền đặc biệt hưng vượng tại Trung Quốc, một ngàn năm! Sau một ngàn năm ấy là thời kỳ Mạt Pháp, Mạt Pháp làm một vạn năm. Hiện tại, một ngàn năm thứ nhất đã trôi qua, nay chúng ta đang ở trong một ngàn năm thứ hai của thời Mạt Pháp. Trong một vạn năm ấy, đức Phật nói Tịnh Độ thành tựu. Chúng ta sanh nhằm thời đại này, chính mình chẳng hiểu căn tánh của chính mình! Nếu quý vị nghe hiểu lời Thích Ca Mâu Ni Phật dạy, quyết định chẳng ngờ vực, ta chọn Tịnh Độ, nghe lời mà! Nói thật ra, bí quyết thành tựu là thật thà, nghe lời, thật sự làm, bèn thành tựu. Thật sự nghe lời bèn thật sự hành. Có rất nhiều tấm gương! Chúng ta thấy người niệm Phật vãng sanh được ghi chép rất nhiều trong lịch sử. Trong Phật môn, thường thấy nhất là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, từ thời Huệ Viễn đại sư lập Niệm Phật Đường đầu tiên dưới đời Đông Tấn, mọi người cùng nhau cộng tu niệm Phật vãng sanh mãi cho đến nhà Thanh, [hành giả tu Tịnh Độ] tra các đời niệm Phật vãng sanh được mọi người biết đến đều chép trong bộ sách này.

Những bộ Vãng Sanh Truyện trong thời cận đại, đặc biệt là chúng tôi học Phật nhiều năm ngàn ấy, đích thân thấy, chính tai nghe những người niệm Phật vãng sanh, biết trước lúc mất, chẳng bị bệnh khổ, tự tại vãng sanh, là thật, chẳng giả. Đối với chúng ta mà nói, thành tựu của những người ấy chính là Chứng Chuyển trong Tam Chuyển Pháp Luân, họ đã chứng minh cho chúng ta: Thời kỳ Mạt Pháp, dùng pháp môn này thật sự thành tựu, xác thật là hy hữu, khó gặp! Vì lẽ đó, lần này, cũng do trên cả địa cầu có lắm tai nạn, mà chúng tôi tạm dừng kinh Hoa Nghiêm lại, chọn giảng bộ kinh này. Đặc biệt chọn giảng chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng ta cùng nhau học tập, chia sẻ, kiên định tín tâm đối với Tịnh Độ, thật sự phát nguyện cầu sanh, chẳng có ai không thành tựu! Bộ kinh này và tác phẩm chú giải này trong tám ngàn năm sau, sẽ do rất nhiều người về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta phải quý trọng duyên phận này. Duyên phận này hiếm có, khó gặp! “*Quang xiển đạo giáo*”: Trong Phật giáo, Đại Thừa tại Trung Quốc có tám tông phái, Tiểu Thừa gồm hai tông phái. Hai tông phái ấy [hiện thời] chẳng còn nữa, tám tông phái Đại Thừa cũng có một số hữu danh vô thực, phổ biến đều là ở trong một câu này. “*Thệ nguyện nhất Phật thừa*” chính là tu Tịnh Độ, học Hoa Nghiêm, học Tánh Tông, vãng sanh Cực Lạc là thành Phật, là Nhất Phật Thừa, là “*Chân Thật Tế, nhất thật Chân Như hải cổ*”.

“*Thánh đạo thủ lý nhi phi duy lý, Tịnh Độ dĩ sự nhi phi duy sự*” (Thánh đạo thủ Lý nhưng không duy lý, Tịnh Độ dùng Sự nhưng chẳng chỉ biết có Sự), có nghĩa là gì? “*Thánh đạo*” ở đây chính là Phật pháp, là Đại Thừa. [“*Thủ lý nhi phi duy lý*”] là giảng lý cho quý vị, nhưng quý vị đừng chấp trước Lý. Hễ chấp trước là sai mất rồi. Tịnh Độ giảng Sự cho quý vị, nhưng quý vị cũng chớ nên chấp trước Sự, hễ chấp trước liền sai! Nhất định phải tuân thủ lời dạy của Mã Minh Bồ Tát trong Khởi Tín Luận về thái độ tốt nhất để học Phật, đọc kinh, nghe giáo, “nghe giáo” là nghe giảng:

1) Đừng chấp trước tướng ngôn thuyết: Chớ chấp trước ngôn ngữ của người giảng giải, chớ nên chấp trước.

2) Đọc kinh đừng chấp trước tướng văn tự, đừng chấp trước tướng danh tự, [đừng chấp trước] danh từ thuật ngữ. Cũng chớ nên chấp trước tướng tâm duyên. Ta niệm đến câu này, bèn nghĩ câu này có nghĩa gì, sai mất rồi! Vì sao? Nó chẳng có ý nghĩa. Vạn pháp đều là Không, nó có ý nghĩa gì? Đó là ý nghĩa của chính quý vị, chẳng phải lấy nghĩa của Phật, Bồ Tát. Phải hiểu điều này.

Do đó, quý vị có thể tuân thủ [các nguyên tắc ấy], liả tướng ngôn thuyết, liả tướng danh tự, liả tướng tâm duyên, quý vị mới thật sự hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, tức là trí huệ và đức tướng sẵn có trong tự tánh bèn lộ ra, đó là nghĩa chân thật của Như Lai. Nếu chúng ta rớt vào trong phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm, nghĩa chân thật của Như Lai sẽ chẳng có, toàn bộ đều lấy nghĩa của chính mình. Phật pháp khó là khó ở chỗ này, mà Phật pháp dễ cũng là dễ ở chỗ này. Đức Phật dạy chúng ta buông khởi tâm động niệm xuống, buông phân biệt, chấp trước xuống, quý vị có thể thật sự làm, quý vị là học Phật thật sự! Bất luận nói Lý, nói Sự, nói Tánh, nói Tướng, nói nhân, nói quả, thấy đều chẳng chấp trước, nheo rành mạch, hiểu rõ ràng, rành rành phân minh, chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, quý vị đã thật sự nghe lọt, đó là “biết nghe”. Người biết nghe sẽ có thể khai ngộ. Kẻ chẳng biết nghe sẽ càng nghe càng mê hoặc, càng nghe càng lăm vẩn đê!

Ngay sau đó có một chú thích nhỏ: “*Tức Sự tức Lý, Sự Sự vô ngại*” (Lý chính là Sự, Sự chính là Lý, Sự Sự vô ngại). Đây là đạt đến cảnh giới Hoa Nghiêm, mây may chướng ngại cũng đều chẳng có, vì sao? Toàn là tự tánh. Giống như khi khai ngộ, Huệ Năng đại sư đã nói: “*Toàn là tự tánh*”, tự tánh là như thế nào? Tự tánh thanh tịnh, chưa hề nhiễm dính, vĩnh viễn chẳng nhiễm ô. Nay có bị nhiễm ô hay không? Chẳng có! Nhiễm ô là A Lại Da, là ý thức. Tự tánh chẳng bị nhiễm ô, tự tánh bất sanh bất diệt, tự tánh viên mãn trọn đủ, chẳng có mây may khiếm khuyết, giống như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói: Trí huệ, đức năng, tướng hảo, chẳng có thứ gì khiếm khuyết. [Tự tánh] vốn chẳng dao động, có thể sanh vạn pháp. Tuy có thể sanh ra vạn pháp, nhưng giống như các băng tằm TV: Chúng ta nhấn nút [chọn] một băng tằm, hình ảnh liền xuất hiện. Tuy hình ảnh hiện ra, chúng ta biết chúng chẳng thật, nên khi đối diện các hình ảnh, quý vị chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là bị hình ảnh bên ngoài làm mê, quý vị là phạm phu. Đối trước hình ảnh chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, quý vị đang học Phật. Quý vị nói xem: Có pháp nào chẳng phải là Phật pháp? TV mỗi ngày phát hình những gì? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Đáng tiếc là quý vị chẳng hiểu, mê muội nơi hình ảnh, nên tạo nghiệp, chẳng phải là học kinh Hoa Nghiêm, quý vị học kinh địa ngục. Vì thế, trong cảnh giới chẳng có chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác, chẳng có! Chân, vọng, đúng, sai, thiện, ác đều ở trong tâm quý vị. Chỉ cần quý vị không động tâm, chuyện gì cũng

đều chẳng có, thiên hạ thái bình, là cảnh giới Hoa Nghiêm. Khởi tâm động niệm liền biến thành mười pháp giới, liền biến thành lục đạo tam đồ. Vì lẽ đó, cổ nhân từng nói: “Có pháp nào chẳng phải là Phật pháp?” Tôi lại nói phỏng theo: “Có pháp nào chẳng phải là Phật Hoa Nghiêm? Có pháp nào chẳng phải là Đại Phương Quảng?” Toàn bộ đều là. Vấn đề là quý vị có hiểu hay không? Đó là thật, chẳng giả. Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại.

“*U chúng sanh sở nhập, tắc tuy hữu Sự, Lý, Không, Hữu bất đồng, nhi tòng chư Phật tu ta kiến chi*” (Nếu theo cách hiểu của chúng sanh thì có Sự, Lý, Không, Hữu sai khác, nhưng nếu đứng trên quan điểm chư Phật tám tác ngợi khen). Đây là trong khi chư Phật, Bồ Tát diễn thuyết, thị hiện, đã hé lộ tin tức. Ở đây, cụ Hoàng cũng đặc biệt vạch ra: “*Chỉ thập phương Như Lai tán thán Tịnh Tông*” (ý nói mười phương Như Lai tán thán Tịnh Tông). Nếu Tịnh Tông chẳng phải là thật sự thù thắng, làm sao được mười phương Như Lai tán thán? Chúng ta đọc Tiểu Bản Di Đà Kinh thấy sáu phương Phật tán thán, đó là khi phiên dịch, Cưu Ma La Thập đại sư đã tinh lược. Chúng ta xem bản dịch của Huyền Trang đại sư, thấy ghi là mười phương; bộ kinh [Vô Lượng Thọ] này cũng là mười phương Phật tán thán. “*Tắc duy thử thế nguyện nhất Phật Thừa, Nhất Thật Chân Như hải vi chân thật chi tế. Khả kiến Hội Sở dĩ Chân Giải quân dĩ thử Tịnh Tông Nhất Phật Thừa, vi chân thật chi tế, diệc tức Phật chi tri kiến dã*” (chỉ có thế nguyện nhất Phật thừa, biến nhất thật Chân Như này là Chân Thật Tế. Có thể thấy sách Hội Sở và Chân Giải cùng xem Nhất Phật Thừa của Tịnh Tông là Chân Thật Tế và cũng là tri kiến của Phật vậy). Nói hay lắm, chúng ta chẳng cần tìm tòi trong giáo pháp Đại Thừa, một bộ kinh này là được rồi! Bộ kinh này do đức Như Lai xuất hiện trên thế gian từ ba ngàn năm trước, vì mọi người chúng ta giảng bộ kinh này, là một bộ kinh để thành Phật rốt ráo viên mãn trong một đời. Vì thế, cảm được mười phương chư Phật tán thán. Mười phương chư Phật đều khuyên dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; nếu chúng ta chẳng thể tin tưởng, vẫn muốn làm chuyện khác, đó là gì? Thiện căn, phước đức, và nhân duyên của quý vị quá mỏng. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên dày, nếu sâu dày, chắc chắn sẽ là một bộ kinh này, chẳng cần đến bộ thứ hai. Thật sự mong học rộng nghe nhiều thì phải nên làm như thế nào? Trước hết, hãy niệm kinh Vô Lượng Thọ mười năm. Trong vòng mười năm không xem bộ kinh thứ hai, chuyên tu một bộ kinh này, quý vị sẽ đắc định, chuyên tu là trì giới. Nghe kinh mỗi ngày, nghe kinh sẽ càng hữu ích cho quý vị. Thời cổ chẳng thuận tiện như vậy, ai giảng cho quý vị? Không ai giảng cả! Hiện thời thuận tiện, hiện thời có đĩa CD.

Đĩa CD cũng là vô thường! Quý vị thấy trong mấy chục năm qua, thuở đầu chúng ta thấy là máy thu âm, dùng băng cuộn thành một đĩa tròn. Vài năm sau liền biến thành băng cassette, băng cassette thuận tiện. Sau này, biến thành CD, nay biến thành VCD, ngày càng tiến bộ, thường xuyên biến hóa. Chúng ta phải nắm vững cơ hội, dùng thời gian mười năm để chuyên nghe kinh Vô Lượng Thọ, nghe suốt mười năm. Mỗi ngày tốt nhất là có thể dành ra mười tiếng đồng hồ, nghe kinh mười giờ, vì sao? Xóa sạch phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Quý vị chẳng nghe kinh thì chẳng phải là suy nghĩ loạn xạ đó sao? Nghe kinh sẽ chẳng thể suy

nghe loạn xạ. Phương pháp dụng công lành như vậy, chẳng nghe kinh bèn niệm A Di Đà Phật, suốt ba năm hoặc năm năm, chúc mừng quý vị, quý vị thật sự có thể đắc Niệm Phật tam-muội. Cũng có thể nói là tâm thanh tịnh hiện tiền, vọng niệm ít đi, kinh Phật thường nói là phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, quý vị đạt hiệu quả này. Sau bảy năm, tám năm, quý vị có thể khai ngộ; chưa thể đại triệt đại ngộ thì tối thiểu cũng có cảnh giới đại ngộ. Sau mười năm, quý vị lại xem đọc hết thấy các kinh điển Đại Tiểu Thừa rất dễ dàng, học rộng, nghe nhiều. Quý vị phát tâm hoằng pháp lợi sanh, liền thật sự được Phật, Bồ Tát gia trì, vì sao? Quý vị có công sức cúng Phật, Bồ Tát gia trì tỷ lệ thuận với công sức của quý vị. Quý vị có một phần công sức, Phật gia trì một phần. Quý vị có mười phần công sức, Ngài bèn gia trì mười phần. Bất luận học gì cũng đều nhanh chóng; đó mới là con đường tắt thật sự. Vì thế, mười năm đáng giá lắm! Chẳng làm như vậy, suốt đời bất luận học pháp môn nào, muốn thành tựu đều hết sức khó khăn, chúng ta chớ nên không biết điều này!

Chúng ta lại xem tiếp: “*Kim chú đại sĩ, vị chú chúng sanh tuyên diễn*” (nay các vị đại sĩ, vì các chúng sanh tuyên diễn), “*tuyên*” (宣) là tuyên giảng, “*diễn*” (演) là biểu diễn. “*Tuyên*” là ngôn giáo, “*diễn*” là thân giáo. “*Thập phương chú Phật đồng tán chi thệ nguyện nhất Phật thừa, cổ vân: Khai hóa hiển thị chân thật chi tế*” (thệ nguyện Nhất Phật Thừa được chú Phật mười phương cùng khen ngợi, nên nói: “Khai hóa hiển thị Chân Thật Tế”). Câu này nói rất hay, chuyện này cũng là sự thật. Một đời này, tôi giảng kinh năm mươi hai năm, trạng huống pháp duyên khi giảng các kinh luận nhiều ngàn này đều chẳng thù thắng bằng pháp duyên của kinh Vô Lượng Thọ. Giảng bộ kinh này, thính chúng đặc biệt đông, đặc biệt thù thắng. Chẳng phải là một lần! Tôi giảng mười lần, lần này là lần thứ mười một. Một lần, hai lần là ngẫu nhiên, nhưng mỗi lần đều thù thắng như vậy, cho thấy pháp hội này đích thực được mười phương Như Lai tán thán, mười phương Như Lai gia trì. Học tập bộ kinh này, đương nhiên cũng chẳng có ngoại lệ. Quý vị thường đọc tụng kinh điển ở nhà, nếu chú tâm sẽ thấu hiểu. Đọc kinh Vô Lượng Thọ và đọc kinh khác, quý vị có cảm xúc khác biệt. Đối với chuyện này, tôi tin sâu, chẳng ngờ. Chúng ta cầu mong Phật, Bồ Tát gia trì, cầu Phật, Bồ Tát xoa đầu, thọ ký cho chúng ta, quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ sẽ đạt được. Quý vị niệm một lần được Phật, Bồ Tát gia trì quý vị một lần, xoa đỉnh đầu một lần.

Kế đó: “*Nhược viên hội Tông Hạ*” (nếu dung thông với Tông Hạ), Tông Hạ (宗下) ở đây là Thiên Tông. Phần trước giảng về Tịnh Tông, nay nói về Thiên Tông. Thiên Tông thì “*Như Bồ Đại hòa thượng viết: Chỉ giá tâm tâm tâm thị Phật... Nhất thiết vô như tâm chân thật*” (Như Bồ Đại hòa thượng nói: “Chỉ có cái tâm này, tâm tâm là Phật, hết thấy không có gì chân thật bằng tâm”). Tâm ở đây chẳng phải là trái tim thịt. Quả tim thịt chẳng có bản lãnh ấy, tâm cũng chẳng phải là niệm của chúng ta. Vọng niệm không được! Vọng niệm chẳng có năng lực to tát dường ấy! Mà là chân tâm của chúng ta, chân tâm là gì? Có thể hiện vạn pháp. Khi khai ngộ, trong câu cuối cùng, Huệ Năng đại sư đã nói: “*Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”, nên nói hết thấy không có gì chân thật bằng tâm, đều do chân tâm hiện. Chân tâm ở

chỗ nào? Hết thấy vạn pháp đều là chân tâm. Điều này nêu rõ Thể và Dụng bất nhị, tánh và tướng như một. Chúng ta thấy hiện tượng, chân tâm chẳng thấy. Cái Thể của hiện tượng có khả năng hiện ra hiện tượng, cái Thấy là chân tâm, nên Tánh, Tướng, Thể, Dụng chẳng hai! Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Tâm này chẳng thể nghĩ bàn*”. Kinh Kim Cang nói “*ba tâm chẳng thể được*”. “*Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được*”. Những câu ấy trong kinh Kim Cang đã xếp chân tâm và vọng tâm cùng một chỗ, chân tâm là như thế, mà vọng tâm cũng là như thế, đều là bất khả đắc, nói lời chân thật với chúng ta. Phật là gì? Chân tâm là Phật, do quý vị chưa từng rời khỏi chân tâm, lẽ nào quý vị chẳng phải là Phật? Đức Phật nói hết thấy chúng sanh vốn là Phật, chẳng nói sai tí nào, chỉ vì chính quý vị không biết. Chân tâm ở chỗ nào? Thân này do chân tâm hiện, nên thân là chân tâm. Thân của ta do chân tâm của ta hiện; thân quý vị cũng do chân tâm của ta hiện. Cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa đều do chân tâm của ta hiện, có thứ gì chẳng phải! Chỉ vì tâm chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Do chẳng phải là vật chất, nên mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của chúng ta chẳng tiếp xúc nó được. Nhìn chẳng thấy, cũng chẳng nghe được, chúng ta cũng chẳng sờ được. Do chẳng phải là tinh thần, nên chúng ta nghĩ tới nó cũng chẳng được, nên nói là “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Khi nào quý vị có thể thấy nó? Quý vị thật sự đạt đến chẳng nghĩ, chẳng bàn, liền thấy nó. Đức Phật bảo chúng ta: Đối với hết thấy vạn sự vạn vật chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, nó liền hiện tiền, quý vị liền thấy. Từ tướng quý vị thấy tánh, quý vị thấy giống hết như Huệ Năng đại sư đã nói, nó là thanh tịnh. Hiền Thủ quốc sư bảo “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, người thật sự kiến tánh nói như vậy.

“*Có tri chân thật chi tế tức thị tự tâm. Minh tự bản tâm, kiến tự bản tánh*” (Vì thế, biết Chân Thật Tế chính là tự tâm. Hiểu rõ bản tâm, sẽ thấy bản tánh của chính mình). Đây là như Thiền Tông nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, thành Phật gì vậy? Thành bản lai Phật (vị Phật sẵn có, Thiên Chân Phật), quý vị mới phát hiện chính mình và mười phương hết thấy chư Phật Như Lai chẳng hai, chẳng khác, và Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ, cùng do một tâm hiện! “*Tức vị khai hóa hiển thị chân thật chi tế*” (chính là nhằm để khai hóa, hiển bày Chân Thật Tế). “*Đản Niệm Phật pháp môn, diệc phục bất nhị*” (nhưng pháp môn Niệm Phật cũng chẳng hai), phải hiểu đạo lý này: “*Tâm này là Phật, tâm này làm Phật*”. Điều quan trọng nhất là cốt sao quý vị thật sự hiểu rõ, thật sự biết “*tâm này là Phật*”, đó lấy nghĩa trong Thiền Tông. “*Chỉ giá tâm tâm tâm thị Phật*”: Cái tâm ấy chính là chân tâm của chính mình, nay chúng ta đã mê nên biến thành phàm phu. Do đó, nghe Phật khai thị, chúng ta phải tin tưởng, chớ nên hoài nghi, hoàn toàn tiếp nhận, hoàn toàn khẳng định, tâm ta là Phật, là chân Phật, Phật chẳng nói lời giả. Nay nếu muốn cho chân tâm của chúng ta hiển hiện, làm cách nào? Tiếp theo là “*tâm này là Phật*”, làm Phật như thế nào? Niệm Phật là làm Phật. Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng. Khi tâm quý vị tướng Phật, quý vị đang làm Phật. Khi tâm tướng Bồ Tát, quý vị đang làm Bồ Tát. Tâm tướng danh lợi, quý vị đang làm [chúng sanh trong] địa ngục. Vì sao? Trong giáo pháp Đại Thừa, Đức Phật dạy tài,

sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là năm cội rễ của địa ngục, vậy thì [kẻ mơ tưởng danh lợi] chẳng phải là đang ở địa ngục ư? Niệm gì liền biến thành nấy! Cảnh giới bên ngoài chẳng thật, hai mươi tám tầng trời chẳng thật. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, tứ thánh pháp giới cũng chẳng thật. Tướng có, tánh không, Sự có, Lý không, nên chúng ta chẳng thể nói nó là có, mà cũng chẳng thể nói là nó không có. Đối trước y báo và chánh báo trang nghiêm trong pháp giới, phải học theo chu Phật, Bồ Tát, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là đúng, quý vị có Phật tri Phật kiến. Sau đó, quý vị sống trong thế gian này, Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại, quý vị tự nhiên có thể nêu gương tốt giúp chúng sanh giác ngộ, đó là hành Bồ Tát đạo.

“*Có niệm Phật chi bốn tâm, chánh thị chân thật chi tế*” (Vì thế, bốn tâm niệm Phật chính là Chân Thật Tế), thưa thật cùng quý vị: Tuy quý vị niệm Phật, nhưng chính quý vị không biết, vì quý vị chẳng biết bốn tâm, chỉ biết vọng tâm. Phải biết chân và vọng chẳng hai, gốc và ngọn chẳng hai, vọng tâm niệm Phật, nhưng chân tâm cũng chẳng tách lìa! Buông vọng xuống sẽ là chân tâm. “*Có vân nhất thanh Phật hiệu, nhất thanh tâm. Hựu kinh vân: Nhược nhân đản niệm A Di Đà, thị danh Vô Thượng Thâm Diệu Thiên*” (Vì thế nói: “Một tiếng Phật hiệu, một tiếng tâm”. Kinh lại nói: “Nếu ai chỉ niệm A Di Đà thì gọi là Vô Thượng Thâm Diệu Thiên”). Đức Phật nói hai câu kinh văn ấy trong kinh Đại Tập, lời chân thật đây nhé! “*Đản niệm A Di Đà Phật*” là chuyên niệm A Di Đà Phật. Trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta: “*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”. Nói đơn giản, Bồ Đề tâm là chân thành tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, chánh giác tâm, từ bi tâm, mười chữ ấy. Chúng ta phải phát cái tâm đó, trong cuộc sống hằng ngày, công việc, đấng người, tiếp vật, đều chẳng lìa tâm Bồ Đề, đó là phát [Bồ Đề tâm] thật sự. Nếu chỉ là niệm Phật và lạy Phật bèn phát cái tâm ấy, nhưng trong cuộc sống hằng ngày bèn quên bẵng, đó chẳng phải là thật sự phát Bồ Đề tâm. Thật sự phát sẽ tốt lắm! Thật sự phát, công đức to lớn. Thật sự phát, sẽ giúp cho chính mình nâng cao cảnh giới, tăng cao phẩm vị cầu sanh Tịnh Độ của chính mình. Vì Tây Phương Cực Lạc thế giới là pháp Đại Thừa. Trong cảnh giới Đại Thừa, lấy Bồ Đề tâm làm cơ sở, nên chẳng thể không có Bồ Đề tâm. Thể của Bồ Đề tâm là chân tâm, chân thành, Tự Thọ Dụng là thanh tịnh, bình đẳng, giác, tức là tự đề của kinh này. Từ bi là Tha Thọ Dụng, xử sự, đấng người, tiếp vật một mực từ bi, thực hiện trong cuộc sống hằng ngày. Nói là “*phát*” thì phát mà chẳng làm được, tức là giả, chẳng thật, nhất định phải thật sự làm được, đi, đứng, ngồi, nằm chẳng lìa Bồ Đề tâm.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Hựu đệ tam phẩm trung*” (lại nữa, trong phẩm thứ ba), phẩm thứ ba vẫn thuộc Tự Phần, tức phần Phát Khởi Tự, “*đại giáo duyên khởi*” (duyên khởi thành lập giáo). “*Như Lai dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi*” (Như Lai vì muốn cứu vớt chúng sanh, ban cho cái lợi chân thật): “*Chứng*” (拯) là chứng cứu (拯救: cứu vớt), “*quần manh*” (群萌) là lục đạo chúng sanh, tức các chúng sanh trong lục đạo. A Di Đà Phật, Thích Ca Như Lai niệm niệm chẳng quên các chúng sanh đang khổ nạn, giúp đỡ họ

bằng cách nào? Dùng lợi ích chân thật để giúp họ. “Huệ” (惠) là bố thí, cúng dường, ban ân huệ. “Chân thật chi lợi”, lợi ích chân thật là gì? Như đã nói trong phần trên, chỉ niệmA Di Đà Phật đã làChân Thật Tế,đó là lợi ích chân thật.NiệmPhậtvãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, bất luận phẩm vị nào, trong mộtđờiquyết định chứng đắc Phật quả viên mãn.Đấy mới là lợi ích chân thật, trọn chẳng phải là bảo quý vị lại luân hồi trong lục đạo, cũng chẳng bảo quý vị làm Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chẳng phải vậy! Thẳng chóng, ổn thỏa, thích đáng giúp đỡ quý vị thành Phật, lợi ích chân thật là như thế đó. “Đệ bát phẩm trung”, trong phẩm thứ tám là phẩm Tích Công Lũy Đức, “Pháp Tạng tỳ-kheo trụ chân thật huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ” (Tỳ-kheo Pháp Tạng trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, một mực dốc chí trang nghiêm cõi nước mầu nhiệm). Câu kinh văn này hết sức hay khéo chân thật khôn sánh, tỳ-kheo Pháp Tạng là tiền thân của A Di Đà Phật. Lúc Ngài còn tu nhân đã “trụ chân thật huệ, dũng mãnh tinh tấn”. Chân thật huệ chính là Chân Thật Tế, dũng mãnh tinh tấn làm gì? Vì giúp lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật khắp hư không trọn pháp giới viên thành Phật đạo trong một đời, nên dũng mãnh tinh tấn. Họ thành Phật sớm một ngày thì các chúng sanh trong mười pháp giới đắc độ sớm một ngày. Họ thành Phật trễ một ngày, tức là chúng sanh trong mười pháp giới phải chịu khổ thêm một ngày. Pháp Tạng Bồ Tát chẳng phải vì chính mình, mà vì chúng sanh.

“Nhất hướng chuyên chí”, một phương hướng, “chuyên chí” là chuyên tâm kiến tạo thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc được kiến tạo như thế nào? Trong phần sau, chúng ta sẽ đọc đến. Trong ấy có một phẩm giảng về lịch sử của thế giới Cực Lạc được kiến tạo như thế nào. Ngài đi thăm hết thảy các cõi Phật trong khắp pháp giới hư không giới; nói theo cách hiện thời, Ngài đi khảo sát, học tập, chọn lấy các ưu điểm và những chỗ tốt đẹp trong hết thảy các cõi Phật, xa lìa các khuyết điểm trong các cõi Phật. Vì vậy, thế giới Cực Lạc tập trung tinh hoa của hết thảy các cõi Phật để tạo dựng. Những điều tốt, thiện, đẹp của hết thảy các cõi Phật đều hoàn toàn có trong thế giới Cực Lạc. Những điều không tốt, khiếm khuyết như lục đạo thì thế giới Cực Lạc chẳng có. A Di Đà Phật chẳng dựa vào tướng tượng vu vơ! Chúng ta đọc những đoạn kinh văn này thấy hợp tình, hợp lý, Ngài đi tham quan, khảo sát, thu thập các tài liệu, nên khi thế giới Cực Lạc thành tựu, hết thảy chư Phật Như Lai đều tán thán! Kinh nói ba thứ chân thật là Chân Thật Tế, chân thật lợi và chân thật huệ, nói ra ba thứ ấy. “Chân thật chi tế, chân thật chi lợi, chân thật chi huệ, thật vi nhất kinh chi cương. Tương u hạp lưỡng phẩm văn trung tường luận chi” (Chân Thật Tế, Chân Thật Lợi, Chân Thật Huệ thật sự là cương lĩnh của kinh này. Trong phần kinh văn của hai phẩm kế tiếp sẽ luận định cặn kẽ). Trong hai phẩm sau, chúng ta sẽ đọc đến, [tức là hai phẩm] Đại Giáo Duyên Khởi Độ Tam và Pháp Tạng Nhân Địa Độ Tứ; Pháp Tạng Nhân Địa Độ Tứ là Chánh Tông Phần.

“Siêu quá thế gian chư sở hữu pháp. Tịnh Ảnh Sở viết: Vị quá Phần Đoạn, Biến Dịch thế gian nhất thiết pháp dã” (Vượt trội các pháp vốn có trong thế gian”. Tịnh Ảnh Sở giảng: “Nghĩa là vượt qua Phần Đoạn, Biến Dịch, hết thảy các pháp thế gian”). Tiểu Huệ Viễn đại sư

đời Tỳđã giải thích câu “*siêu quá thế gian chư sở hữu pháp*”. Nó đến Quá (過) thì Quá là vượt qua. Vượt khỏi hai thứ PhầnĐoạn và Biến Dịch sanh tử. Hai thứ sanh tử ấy bao gồm hết thấy các pháp trong thế gian. Thế gian này có PhầnĐoạn sanh tử. Do có từng giai đoạn một, nên gọi là PhầnĐoạn. Rõ rệt nhất là chúng ta sanh vào thế giới này, vài chục năm sau tử vong, đó là một giai đoạn. Sanh tử thì chư vị phải biết: Thân sanh tử, nhưng linh tánh bất tử. Thân chẳng phải là ta, linh tánh là ta, linh tánh bất sanh, bất diệt. Khi mê, chẳng gọi là “linh tánh” mà gọi là “linh hồn”. Gọi nó là “linh hồn” là nói khách sáo, ca tụng nó. Trên thực tế, nó chẳng linh, mà là mê hoặc, điên đảo! Do đó, tại Trung Quốc, kinh Dịch gọi nó là “*du hồn*” (遊魂), rất có lý, vì sao? Nó có tốc độ rất lớn, hết sức bất ổn định, trôi nổi khắp nơi, nên gọi là “*du hồn*”. Kinh Dịch nói “*du hồn vi biến*”, “*biến*” (變) là đầu thai trong lục đạo, nó lại tìm một thân thể khác. Vì thế, chúng ta liễu giải chân tướng sự thật này, [sẽ biết] vinh hoa phú quý trong đời này là giả, chẳng cần chụp bắt nó, vì sao? Chẳng phải là thứ tốt đẹp. Phải nghiêm túc tu hành, hy vọng đời sau thù thắng hơn đời này, điều này rất trọng yếu. Thù thắng bậc nhất, thù thắng khôn sánh là đến thế giới Cực Lạc làm Phật, đó là thù thắng chân thật, chẳng có gì quan trọng hơn! Điều gì trong thế gian này cũng đều là giả, luân hồi rất khổ sở, chẳng có ý nghĩa gì. Hễ luân hồi thì chúng ta nhất định phải biết: Như trong kinh đức Phật đã nói, quyết định là thời gian trong ba cõi dài đằng dặc, thời gian trong ba thiên đạo ngắn ngủi!

Vì sao? Đừng hỏi ai khác, chính mình suy ngẫm sẽ biết. Quý vị nghĩ xem: Ngày hôm nay, từ sáng đến tối, ta khởi tâm động niệm là thiện niệm nhiều hay ác niệm nhiều? Nếu ác niệm nhiều hơn thiện niệm, chẳng phải là vào trong tam đòu? Thiện niệm nhiều hơn ác niệm, khẳng định quý vị chẳng đọa tam ác đạo, chẳng cần phải hỏi ai khác. Khởi tâm động niệm vì chính mình là sai lầm, vì chính mình là tự tư tự lợi, căn bản là chẳng có ta, quý vị coi thân này là ta, vì nó phục vụ, vì nó tạo tội nghiệp, sai bét rồi! Thân này chẳng phải là ta, mà là một công cụ ta có, chúng ta phải lợi dụng công cụ này để “nhờ vào giả mà tu chân”, nhờ cái thân giả này để tu Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là đúng. Do đó, nhất định phải nhận thức rõ ràng chân tướng sự thật, nắm lấy thời gian quý báu trước mắt. Thứ gì quý báu nhất? Thời gian quý báu nhất. Chúng ta dùng thời gian ấy để học niệm Phật, học kinh Vô Lượng Thọ, đó là chuyện lớn nhất trong một đời này. Hiểu rõ ràng, mình bạch kinh, khẳng khái một mục niệm một câu Phật hiệu này, chẳng có ai không thành tựu, chẳng có ai không thành công. Không chỉ vĩnh viễn thoát ly lục đạo, mà còn thoát ly mười pháp giới, thật sự phát tâm làm một đệ tử ngoan của A Di Đà Phật. Khởi tâm động niệm chẳng li kinh giáo, chẳng li Phật pháp. Pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng thật, cần gì phải nghĩ đến chúng? Thật sự buông xuống là đúng. Trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị phương pháp, bỏ ra mười năm công phu nhằm thành tựu chính mình; mười năm quý vị sẽ khai ngộ, sau đó mới xem những kinh luận khác để thành tựu Hậu Đắc Trí của chính mình. Hậu Đắc Trí là gì? Không gì chẳng biết. Cần Hậu Đắc Trí để làm gì? Cần Hậu Đắc Trí hồng giúp đỡ chúng sanh; chúng sanh phẩm loại khác biệt, chẳng phải là ai này đều có thể tiếp nhận cùng một phương pháp. Quý vị môn nào cũng đều

thông, môn nào cũng hiểu, nhưng chẳng có mười năm công phu, [dầu] học rộng nghe nhiều, nhưng quý vị chẳng làm được, [sẽ chẳng thể giúp đỡ chúng sanh]. Trước hết, phải thành tựu chính mình, sau đây mới có thể giúp đỡ người khác. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này.

Tập 133

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi, xem từ dòng cuối cùng.

“*Siêu quá thế gian chư sở hữu pháp*” (vượt trội các pháp vốn có trong thế gian). Trong hạnh lợi tha của Bồ Tát, vừa mở đầu liền nói: “*Đặc Phật biện tài, trụ Phổ Hiền hạnh, khai hóa hiển thị chân thật chi tế*” (Đặc biệt tài của Phật, trụ trong hạnh Phổ Hiền, khai hóa, hiển bày Chân Thật Tế). Ở đây, chúng ta lại tiếp tục xem tới câu “*siêu quá thế gian chư sở hữu pháp*”. Mấy câu này là một đoạn ngắn. “*Diệu hạnh hiển Thật*”: Nơi phần nói về Tứ Đức trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, điều thứ nhất là “*tùy duyên diệu hạnh*”, mấy câu này đều thuộc về đức ấy. Đặc biệt là trong câu này, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, nên dùng thân gì để độ được, liền hiện thân nấy, nên dùng phương pháp gì để giúp đỡ chúng sanh, bèn dùng phương pháp ấy. Chẳng có phương pháp nhất định, mà cũng chẳng có hình tướng nhất định, thấy đều là “*thuận theo tâm chúng sanh, ứng theo khả năng lãnh hội của họ*” như kinh Lăng Nghiêm đã nói, đúng là “*đắc đại tự tại*”.

Hoàng lão cư sĩ đã trích dẫn lời giải thích của mấy vị tổ sư đại đức. Trước hết, cụ trích dẫn Tịnh Ảnh Sớ. Pháp sư Huệ Viễn đời Tùy đã giải thích câu này như sau: “*Vị quá Phần Đoạn, Biến Dịch thế gian nhất thiết pháp giả*” (ý nói vượt qua Phần Đoạn, Biến Dịch, hết thảy các pháp thế gian). “*Quá*” (過) là vượt qua. Vì Phần Đoạn sanh tử và Biến Dịch sanh tử bao quát mười pháp giới, trong mười pháp giới có lục đạo. Hai thứ sanh tử ấy lục đạo đều có,

cũng tức là Biến Dịch và Phần Đoạn thủy đều có. Phần Đoạn (分段) là từng đoạn một, loài người chúng ta từ lúc sanh ra cho đến tử vong, khoảng thời gian ấy gọi là một đoạn (giai đoạn). Biến Dịch (變易) là gì? Biến hóa mỗi ngày, loài người chúng ta sanh, già, bệnh, chết. Chẳng phải là bỗng dưng già, mà là mỗi ngày một già hơn, biến hóa mỗi ngày, đó là Biến Dịch. Trong bốn thánh pháp giới, tức là các giai tầng cao trong mười pháp giới, bốn thánh pháp giới là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật chẳng có Phần Đoạn sanh tử, nhưng có Biến Dịch. Vì thế, nói Phần Đoạn và Biến Dịch, bèn gồm trọn mười pháp giới trong ấy. Chư vị phải biết: Vượt thoát mười pháp giới, nếu sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, Biến Dịch chẳng còn nữa, Biến Dịch sanh tử cũng đoạn; trong cõi ấy là vĩnh hằng bất biến, do nguyên nhân gì? Vì các Ngài chẳng dùng Thức. Đức Phật bảo chúng ta: Hết thủy các pháp thế gian và xuất thế gian “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Chỉ cần còn có duy thức, sẽ còn có Biến Dịch sanh tử. Các Ngài chẳng có thức, đã chuyển thức thành trí, [tức là] chuyển tám thức thành bốn trí, Biến Dịch sanh tử sẽ chẳng còn nữa. Vì thế, hai thứ sanh tử đều chẳng có; đó là thành Phật, minh tâm kiến tánh. Đã thành Phật thì hai thứ sanh tử đều chẳng còn! Theo kinh Hoa Nghiêm, đó là từ Sơ Trụ trở lên, thuộc vào bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Những vị Bồ Tát ấy trí huệ và đức tướng chân thật, trí huệ và đức tướng hoàn toàn hiện tiền.

Tiếp đó, cụ Hoàng trích dẫn ba lời chú giải đều của [các vị đại đức] Nhật Bản. Sách Hợp Tán do pháp sư Quán Triệt (觀徹) người Nhật soạn, đây chính là tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ. “*Hợp Tán vân: Siêu quá Phần Đoạn, Biến Dịch nhị tử, an trụ xuất thế Nhị Không chi trí, thử tức thành tựu Trí Đoạn nhị đức dã*” (Sách Hợp Tán viết: “Vượt qua hai thứ sanh tử Phần Đoạn và Biến Dịch, an trụ trong hai Không Trí xuất thế. Đây chính là thành tựu Trí Đức và Đoạn Đức”). Lời chú giải này tỉ mỉ hơn bản trước. Câu đầu giảng “*vượt qua Phần Đoạn, Biến Dịch sanh tử*” giống như Viễn Công đã nói, nhưng phần sau lại còn nói thêm: An trụ trong hai Không Trí xuất thế, đây chính là thành tựu Trí Đức và Đoạn Đức; giảng cặn kẽ hơn cách trước. “*Trí*” là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh, minh tâm kiến tánh. Trí huệ ấy hiện tiền, đó là Trí Đức. Đoạn Đức là hai thứ sanh tử đều đã đoạn; đó là Đoạn Đức.

Chúng ta lại xem Hội Sớ; sách này của pháp sư Tuấn Đế (峻諦) người Nhật: “*Tam giới hư vọng, giai bất thường trụ, tổng danh thế gian*” (ba cõi hư vọng, đều chẳng thường trụ, gọi chung là “thế gian”). “*Tam giới*” (三界) là nói về lục đạo, chẳng bao gồm tứ thánh pháp giới. Trong lục đạo có Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, đó là tam giới. Tam giới hư vọng, trong kinh thường nói là “*đều chẳng thường trụ*”. Nói thật ra, nó sanh diệt trong từng sát-na. Không chỉ lục đạo là như thế, mà bốn thánh pháp giới cũng chẳng phải là ngoại lệ, cũng chẳng phải là thường trụ, nên [cả mười pháp giới] đều có thể gọi là “*thế gian*”. “*Chúng sanh, quốc độ, tạng phủ vạn sai, thị danh chư sở hữu pháp*” (Chúng sanh, cõi nước, hoàn cảnh tốt xấu muôn vàn sai khác, đó gọi là “chư sở hữu pháp”), đây là lời giải thích câu kinh trong phần sau [của đoạn Diệu Hạnh Hiện Thật, tức câu] “*siêu quá thế gian chư sở hữu*

pháp”. Chúng sanh và cõi nước, trong tam giới cũng rất phức tạp. Đối với tam giới, trong phần trước, chúng ta đã thấy khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật là một tam thiên đại thiên thế giới, gọi chung là “tam giới”, kể cả tam giới đang được nói đến ở chỗ này. Một khu vực lớn ngàn ấy bao gồm Sa Bà thế giới tam thiên đại thiên thế giới, như Hoàng lão cư sĩ đã nói thì tổng cộng là mười ức hệ Ngân Hà; đối với một nơi to lớn như thế, nhìn từ tam giới, địa cầu vô cùng bé nhỏ! Trong mười ức hệ Ngân Hà, địa cầu thắm vào đâu? Vô cùng nhỏ bé! Trong các tinh cầu, có nơi rất tốt đẹp, cũng có nơi rất tệ, giống như địa cầu của chúng ta hiện thời rất tệ. Hiện tại, xã hội động loạn, tai nạn trên địa cầu nhiều ngàn ấy, ở đây, những điều ấy được [su Tuân Đế] diễn tả là “*tạng phủ vạn sai*” (臧否萬差). “*Tạng*” (臧) là hoàn cảnh tốt đẹp, tức là hoàn cảnh cư trụ trên tinh cầu ấy tốt đẹp. Đời sống trên quả địa cầu này đã từng tốt đẹp. Cổ thư Trung Quốc đã ghi chép thời “*thịnh trị đại đồng*” được Khổng Tử tán thán, người thời nào vậy? Trong các thời của Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, thì các thời đại Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn là thời thịnh trị đại đồng. Thời vua Vũ vẫn còn khá; kể từ sau khi vua Vũ truyền ngôi cho con, Hạ Khải lên ngôi Thiên Tử trở đi, cho đến thời Văn Vương, Vũ Vương, Châu Công, Khổng phu tử đánh giá những thời đại ấy là thời “*thịnh trị tiểu khang*”. Nhìn vào lịch sử Trung Quốc, đời Hán có “*Văn Cảnh chi trị*”, tức thời thịnh trị của Hán Văn Đế và Hán Cảnh Đế, đời Đường có thời thịnh trị Trinh Quán và Khai Nguyên, đều là thời thịnh trị. Nhà Thanh có các đời vua Khang Hy và Càn Long, đều có thể coi như thời thịnh trị trong lịch sử, nhưng đều thuộc loại tiểu khang, chẳng phải là đại đồng.

Khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật là tam thiên đại thiên thế giới, trong các tinh cầu nhiều ngàn ấy, có thời thịnh trị đại đồng hay không? Khẳng định là có! Cũng có nơi là đời loạn giống như chúng ta trong hiện tại, đã loạn đến mức không thể loạn hơn nữa; hiện thời có rất nhiều người nói đến tận thế. Vì thế, “*tạng phủ vạn sai*” (vạn muôn tốt xấu sai khác) được nói ở chỗ này là nói theo quả. Xét theo nhân, luôn có mối quan hệ nhân quả với cư dân trên tinh cầu. Nếu họ giữ tấm lòng thiện lương, tâm và hạnh đều thiện, tinh cầu ấy là đời thịnh trị, là thời thịnh trị đại đồng. Tâm hạnh bất thiện, nhưng có thể có được giáo huấn của thánh hiền, tuy chẳng thể nói là tất cả mọi người đều tuân theo, nhưng sẽ biến thành thời đại đồng do một số ít người. “*Số ít*” là bao nhiêu? Cổ nhân thường nói là một phần trăm, tức là trong một trăm người, có một thiện nhân, một người tốt lành, [cõi đời ấy] luôn có thể trở thành thời tiểu khang, một người trong trăm người đấy nhé! Từ lịch sử Trung Quốc, chúng ta có thể thấy điều ấy. Nếu trong một trăm người, chẳng có một thiện nhân nào, sẽ là chuyện rắc rối, sẽ biến thành đời loạn. Trong xã hội hiện tại, giữa một trăm người, chẳng tìm được một thiện nhân, có thể là trong một ngàn người vẫn tìm chẳng thấy! Đại khái là trong một vạn người, may ra tìm thấy! Một phần vạn, một phần mười vạn thì xã hội loạn rồi! Một trăm người bất thiện, có một người thiện, xã hội còn có thể duy trì. Cổ nhân nói “*tà chẳng thể thắng chánh*”, có một người tâm hạnh thuần chánh, người ấy sẽ ít nhiều có thể cảm hóa chín mươi chín người kia. Chúng ta có thể tin vào cách nói này. Đó gọi là “*chư sở hữu pháp*”. “*Bồ Tát thâm dĩ đại trí huệ*” (Bồ Tát do đại trí huệ sâu xa); thời cổ, chữ Huệ (惠) trong ân

huệ (恩惠) và chữ Huệ (慧) trong trí huệ (智慧) được sử dụng lẫn lộn, “đạt tánh không, vô tướng, cố vân siêu quá” (thấu đạt tánh Không, vô tướng, nên gọi là “vượt qua”). Những vị Bồ Tát ấy minh tâm kiến tánh, trí huệ Bát Nhã trong tự tánh hiện tiền, liễu giải tất cả hết thảy hiện tượng, tướng có, tánh không. “Tướng có” là Huyền Hữu, “tánh không” là Chân Không. Vì thế, trong hết thảy các hiện tượng, các Ngài chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, đó là “siêu quá”, vượt trội các pháp vốn có trong thế gian. Sách Hội Sớ giải thích cặn kẽ hơn hai sách trước.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Chân Giải* (do pháp sư Đạo Ẩn (道隱) của Nhật Bản nói, Sư nói rất hay) *chi thuyết sảo dị u tiên, bỉ viết: Thế gian chư sở hữu pháp giả, hữu vi khả phá hoại, danh thế gian*” (Thuyết của sách Chân Giải hơi khác với các sách trên, sách viết: “Tất cả các pháp vốn có trong thế gian, hữu vi có thể phá hoại, nên gọi là thế gian”). [Cách nói này] đã bao quát cả mười pháp giới trong ấy, vì sao? Chúng đều là pháp hữu vi. Pháp hữu vi có sanh, có diệt. Tuy trong bốn thánh pháp giới chẳng có Phần Đoạn sanh tử, nhưng có Biến Dịch sanh tử, nên vẫn là pháp hữu vi. Nhất định phải đạt đến Nhất Chân pháp giới mới là pháp vô vi. Chúng ta không có cách nào tương tượng cảnh giới ấy, nên thông thường kinh Phật dùng một câu là “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Chúng ta chẳng thể tương tượng, nói thực tại là có nói cũng chẳng diễn tả được! Nói không được mà đức Phật nói với chúng ta, đó là phương tiện thiện xảo của đức Phật. Tuy nói ra, nhưng người thật sự có thể lãnh hội, thật sự có thể thấu hiểu, nói thật ra, trọn chẳng nhiều! Chúng ta chỉ hiểu ý nghĩa thô thiển được diễn tả bởi danh từ ấy, chứ tánh, tướng, lý sự, nhân quả chân thật trong ấy chúng ta đều chẳng có cách nào liễu giải. “*Y, chánh, thiện, ác, nhân, quả đẳng, nhất thiết hữu vi chư pháp*” (Y báo, chánh báo, thiện, ác, nhân, quả v.v... hết thảy các pháp hữu vi). Sư (pháp sư Đạo Ẩn) nói đến thế gian, lại nói đến pháp hữu vi như y báo, chánh báo, thiện, ác, nhân quả... Trong khi đó, sách Hội Sớ trong phần trước chỉ dùng bốn chữ là “*tạng phủ vạn sai*”, còn sách Chân Giải giảng rất rõ ràng, chúng ta rất dễ hiểu. [Chân Giải] dùng y báo, chánh báo, thiện, ác, nhân, quả v.v... đó là những pháp hữu vi, để giải thích từ ngữ “*sở hữu pháp*”. “*Bồ Tát năng tri nhất thiết tam giới hư vọng, nhi hành thế gian bất xả, cố vân siêu quá*” (Bồ Tát biết hết thảy tam giới hư vọng, nhưng đi trong thế gian, chẳng bỏ, nên gọi là “vượt qua”). Câu này nói rất hay, [các vị Bồ Tát] biết [“*chư sở hữu pháp*”] là giả; dấu giả, các Ngài vẫn chẳng bỏ. Các Ngài vẫn đến thị hiện trong thế gian này, đến giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê, khai ngộ, đó là đại từ đại bi. “*Dĩ thượng chư thuyết giai thị*” (các thuyết trên đây đều đúng), đều nói chẳng sai, “*đản Chân Giải di khế bốn kinh*” (nhưng thuyết của sách Chân Giải hết sức phù hợp kinh này). [Cụ Hoàng] tán thán cách giải thích của sách Chân Giải vô cùng phù hợp với giáo nghĩa của kinh này.

A Di Đà Phật chẳng bỏ hết thảy chúng sanh khổ nạn, chúng ta phải biết, phải cảm ơn. Báo ân như thế nào? Để báo ân, chỉ có y giáo tu hành, thật sự hành. Trong một đời này, có thể thành tựu hay không? Xác thực là chỉ có sáu chữ, làm được sáu chữ ấy, quý vị quyết định

thành Phật trong một đời này! Sáu chữ ấy là “*thật thà, nghe lời, làm thật*”, quý vị sẽ thành công. “Thật thà” là gì? Nhất tâm nhất ý, đó là thật thà. Trong một đời này, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, suốt đời chẳng thay đổi, đó là thật thà. “Nghe lời” là đối với những đạo lý được nói trong kinh này, chẳng hoài nghi chút nào, biến [các đạo lý ấy] thành tư tưởng của chính mình, tiếp nhận trọn vẹn tất cả những giáo huấn trong kinh, biến chúng thành hành vi của chính mình, đó là thật sự nghe lời. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát đã nêu gương tốt cho chúng ta thấy, chúng ta có thể học tập các Ngài thì gọi là “nghe lời”, là “thật sự làm”, há có lẽ nào chẳng thành Phật? Phải hành bao lâu? Hoàn toàn tùy thuộc tâm thái của quý vị. Nếu quý vị thực hiện một trăm phần trăm sáu chữ vừa nói, đúng một trăm phần trăm, chẳng giảm thiểu một chút nào, thật sự thật thà, nghe lời, thật sự hành, kinh Di Đà dạy “*nhuợc nhất nhật*”, một ngày bèn thành công. Kinh Di Đà dạy “*nhuợc nhị nhật, nhuợc tam nhật, nhuợc tứ nhật, nhuợc ngũ nhật, nhuợc lục nhật, nhuợc thất nhật*”, chẳng khó, thật sự có thể thành công!

Trong quá khứ, thật sự có người tu [thành công như thế]: Pháp sư Oánh Kha đời Tống. Chúng ta thấy Vãng Sanh Truyện có chép truyện của Sư, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục cũng thấy chép. Sư chỉ niệm Phật ba ngày, sáu ngày bèn vãng sanh. Theo truyện ký ghi chép, Sư là người xuất gia, nhưng là một người xuất gia phá giới, phạm giới. Ưu điểm của vị này ở chỗ nào? Sư tin sâu nhân quả. Nghĩ chính mình vì tập khí phiền não mà phá giới, nghe những lời dạy trong kinh Phật, đối chiếu với hành vi của chính mình, trong tâm nghĩ mình quyết đọa địa ngục. Nghĩ tới tương lai phải đọa địa ngục, Sư kinh sợ, thật sự sợ hãi, chẳng phải là giả, bèn thỉnh giáo đồng tham đạo hữu: “Có phương pháp gì có thể cứu tôi hay không?” Các đồng học cũng khá lúng túng, tặng Sư một quyển Vãng Sanh Truyện; Sư đọc xong, thật sự cảm động. Sau khi xem xong, Sư ngồi yên trong liêu phòng của chính mình, đóng chặt cửa, chuyên niệm A Di Đà Phật, không ngủ nghỉ, không ăn cơm, chẳng uống nước, niệm một câu A Di Đà Phật suốt ba ngày ba đêm. Đúng là “*chân thành bèn linh*”. Vấn đề là con người phải thành tâm, do chân thành bèn linh, niệm cảm A Di Đà Phật hiện đến. A Di Đà Phật bảo Sư: “Ông còn có mười năm thọ, hãy khéo tu hành. Mười năm sau, khi ông mạng chung, ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Pháp sư Oánh Kha biết căn bệnh tập khí của chính mình rất nặng, chẳng có cách nào vượt qua, bèn xốt xa cầu xin A Di Đà Phật: “Con chẳng cần mười năm thọ mạng! Con ra đi ngay bây giờ có được hay không? Nay con xin đi theo Ngài”. A Di Đà Phật cũng đáp ứng: “Được rồi! Ba hôm sau ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Quý vị thấy niệm ba ngày cảm được A Di Đà Phật hiện đến, ước hẹn cùng A Di Đà Phật: Ba ngày sau, Phật đến tiếp dẫn. Vì thế, Sư mở cửa liêu phòng, bảo mọi người: “Ba ngày sau, tôi sẽ vãng sanh”. Chẳng có ai tin tưởng Sư, há có chuyện đơn giản ngàn ấy? Ai nấy đều biết Sư là kẻ phá giới, là người xuất gia chẳng tuân thủ Thanh Quy, có sao đóng cửa phòng [niệm Phật] ba ngày mà ba hôm sau sẽ vãng sanh? Cũng may là thời gian ba ngày chẳng dài, mọi người đợi xem, xem thử Sư vãng sanh là thật hay giả!

Ba ngày sau, khi lên chánh điện, Sư bảo mọi người: “Hôm nay, xin mọi người niệm Phật trên chánh điện, niệm A Di Đà Phật đưa tôi đi vãng sanh”. Khi đó, mọi người tốt đẹp, ai nấy đều rất tử tế, cũng rất nghe lời: “Được rồi, hôm nay chúng tôi tiễn thầy vãng sanh”. Mọi người niệm Phật cho Sư, niệm chưa đến một khắc, một khắc là nửa tiếng đồng hồ hiện thời. Vào thời cổ, “*thời thần*” tính bằng Tý, Sửu, Dần, Mão..., dùng cách tính ấy, chẳng giống như hiện thời. Hiện nay, chúng ta dùng cách tính hai mươi bốn giờ theo ngoại quốc. “*Thời thần*” của Trung Quốc là mười hai giờ, nên một khắc là nửa tiếng đồng hồ hiện thời. Chưa đến một khắc, đại khái gần nửa tiếng đồng hồ, pháp sư Oánh Kha bảo mọi người: “Tôi đã thấy rồi, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn tôi”, hướng về mọi người từ biệt, Sư bèn tịch. Đúng là đã vãng sanh, cũng chẳng ngã bệnh, thật sự vãng sanh. Thị hiện cho chúng ta biết: Kinh Di Đà dạy “*hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày*” chẳng giả, là thật. Quý vị thật sự chịu làm, A Di Đà Phật thật sự đến! Quý vị nói chính mình niệm suốt mười mấy năm, chẳng niệm A Di Đà Phật hiện đến được, đó là gì? Tâm quý vị chẳng chân thành, chẳng khẩn thiết! Quý vị niệm Phật, A Di Đà Phật ở bên đó cười: “Hư tình giả ý, chẳng thật!” Hễ là thật, Phật thật sự tới! Nhất định phải hiểu đạo lý này! Chúng ta thật sự hành, quyết định có thể thành tựu, pháp sư Oánh Kha đã nêu gương rất tốt cho chúng ta. Còn như [các trường hợp] niệm Phật ba năm công phu thành tựu vãng sanh thì quá nhiều. Từ xưa tới nay, chúng ta thấy Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện ghi chép, tuyệt đại đa số là ba năm. Trong quá khứ, đã có người hỏi tôi: “Có phải là thọ mạng của họ chỉ còn ba năm, nên niệm Phật ba năm bèn vãng sanh?” Sau khi nghe xong, tôi nghĩ chẳng có khả năng ấy cho lắm! Há có chuyện trùng hợp khéo léo như vậy? Người thọ mạng chỉ còn ba năm có lẽ cũng có, nhưng tôi nghĩ tuyệt đại đa số chẳng phải là như vậy. Công phu của họ đã đạt, cũng giống như pháp sư Oánh Kha hãy còn có thọ mạng, nhưng chẳng cần, cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh. Phật tùy thuận tâm chúng sanh, cho chúng sanh mãn nguyện. Quý vị đã cầu, lẽ nào Ngài chẳng đáp ứng? Ra đi là như vậy đó. Chuyện này là thật, chẳng giả, chúng ta phải ghi nhớ kỹ càng. Vì sao quý vị niệm Phật chẳng có cảm ứng? Quý vị còn lưu luyến thế gian này. Chỉ cần có mấy may lưu luyến, Phật bèn chờ đợi quý vị, đợi đến ngày nào, quý vị thật sự nghĩ chẳng cần đến thế gian nữa, buông xuống toàn bộ, Phật liền đến tiếp dẫn quý vị. Chân tướng sự thật là như thế, nhất định phải có trí huệ, thế gian này là giả, chẳng thật!

“*Trí Nhị Không*”: Tướng là Không, Tánh cũng là Không. Vì thế, Tướng được gọi là Huyền Hữu, Tánh được gọi là Chân Không, đều chớ nên chấp trước. Không chỉ đừng nên chấp trước, mà khởi tâm động niệm đều sai, phải nên dùng thái độ gì? Không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Đối với hết thảy các pháp, pháp thế gian là như thế, mà đối với pháp xuất thế gian cũng là như thế, tâm quý vị mới sạch lầu, “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” chính là chân tâm đều hiện tiền. Thanh tịnh, bình đẳng, giác hiện tiền, A Di Đà Phật liền hiện tiền. Trong bộ kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu minh bạch: “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là A Di Đà Phật; lẽ nào tự tánh Di Đà và Tây Phương Cực Lạc thế giới Di Đà chẳng tương ứng? Vì lẽ đó, ở đây, sách Chân Giải nói rất

hay, chúng ta phải ghi nhớ, [hãy hành] giống như Bồ Tát: Tuy hết thấy tam giới hư vọng, nhưng vẫn đi trong thế gian, chẳng bỏ. Tuy chẳng bỏ, nhưng chẳng chấp trước mảy may; khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thấy đều chẳng có. “Chẳng bỏ” thì là có hay không có? Chẳng bỏ, nhưng chẳng có khởi tâm động niệm, đó là đại từ đại bi trong tự tánh tự nhiên lưu lộ, chẳng có chút gì dính líu đến khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước; cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn! Đoạn này giảng về chân tướng của việc Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, [cũng như] Thật Đức, tức đức hạnh chân thật của các Ngài.

Trong đoạn tiếp theo, chúng ta lại xem sự ứng hóa của các Ngài. Người hiện thời nói là “*tâm thái*”. Tâm thái như thế nào? Dùng phương thức gì để ứng hóa? Điều là tùy thuận phàm tình của chúng ta để nói. Vì sao? Nếu tùy thuận Phật, Bồ Tát, quý vị sẽ chẳng thể mở miệng được! “*Tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ dứt bật*” mà! Đây là đức Thế Tôn phương tiện thiện xảo, vì chúng ta nói ra sự ứng hóa của Phật, Bồ Tát trên thế gian. Quý vị xem nhé: “*Tâm thường để trụ độ thế chi đạo. Để giả, an dã. Độ giả, xuất dã. Có bản cú chi đại nghĩa vi tâm thường an trụ u xuất thế vô vi chi đạo*” (Tâm thường trụ chắc nơi đạo xuất thế. Để (諦) là an. Độ (度) là thoát ra. Vì thế, ý nghĩa chánh yếu của câu này là “tâm thường an trụ nơi đạo vô vi xuất thế”). Ý nghĩa này được giảng rất hay, cũng đúng như kinh Kim Cang đã nói: “*Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), có ý nghĩa ấy. “*Tịnh Ảnh Sớ vân: Để vị an để*” (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Để nghĩa là ở yên chắc chắn”), cũng có nghĩa là An. “*Vị thường an trụ chân thật vô vi độ thế chi đạo*” (ý nói thường an trụ nơi đạo chân thật vô vi độ thế). “*Chân Giải viết: Xuất hữu vi, chứng vô vi, nhi bất trước vô vi, cố vân để trụ*” (Sách Chân Giải giảng: - Thoát khỏi hữu vi, chứng vô vi, nhưng chẳng chấp vào vô vi, nên nói là “để trụ”), có ý nghĩa này. Câu kế tiếp là: “*Thử Bồ Tát tâm thường trụ vô trụ xứ Niết Bàn, vân tâm thường trụ*” (Tâm của các vị Bồ Tát ấy thường trụ trong Vô Trụ Xứ Niết Bàn, nên nói là “tâm thường trụ”). Chúng đắc Đại Bát Niết Bàn, nhưng các Ngài chẳng trụ trong Niết Bàn, chúng ta cũng nói là “*vô trụ Niết Bàn*”. Ở đây, Sư còn thêm chữ “*xứ*” (處), tức Vô Trụ Xứ, chúng ta thường lược chữ Xứ này, nên nói là Vô Trụ Niết Bàn. Chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ trong Niết Bàn. Nói rõ các vị Bồ Tát ấy khác A La Hán và Bích Chi Phật. A La Hán và Bích Chi Phật trụ Niết Bàn, chẳng trụ sanh tử. Sanh tử là lục đạo, các vị ấy chẳng trụ trong lục đạo, nhưng trụ trong Niết Bàn. Các vị Bồ Tát ấy đã chứng Niết Bàn, nhưng chẳng trụ Niết Bàn, thời thời khắc khắc vào trong lục đạo, ở lẫn lộn với chúng sanh trong lục đạo, hòa quang đồng trần. Ở lẫn lộn với chúng sanh, biểu hiện chẳng khác chúng sanh cho mấy, không ai có thể nhận ra Ngài là Phật, hay Bồ Tát thật sự.

Ở đây, có một câu phải nói rõ cùng quý vị. Mọi người phải nhớ: Những vị Phật, Bồ Tát thị hiện trong nhân gian, nếu thân phận bị bộc lộ Ngài là vị Bồ Tát nào đó thị hiện, giống như Di Lặc Bồ Tát, tôi lấy Ngài làm thí dụ. Bồ Đại hòa thượng đời Tống, Cao Tăng Truyện có chép truyện ký của Ngài. Ngài xuất hiện vào thời Tống Cao Tông, họ ngoài đời là gì, sống ở đâu, quê quán là đâu, không ai biết. Vì người thưở ấy cũng chẳng có ai coi trọng Ngài. Vị

xuất gia ấy rất tùy tiện, cũng chẳng chú trọng dáng vẻ, rất nhếch nhác, điên điên khùng khùng, là một người như vậy đó, nên cũng chẳng có ai coi trọng Ngài. Hằng ngày, Ngài xách một cái túi vải to ra ngoài hóa duyên, bất luận người ta cho thứ gì đều bỏ vào túi, vác lên vai, bỏ đi. Đã có người hướng về Ngài thỉnh giáo Phật pháp: “Phật pháp là gì?” Ngài bỏ túi xuống bên cạnh, buông thõng hai tay. Mọi người thấy vậy bèn hiểu là “buông xuống”. Phật pháp là gì? Buông xuống! Người ta thấy được điều ấy, hiểu ý Ngài. “Sau khi đã buông xuống, nên làm như thế nào?” Ngài quảy túi lên, bỏ đi, chẳng đoái hoài [người hỏi nữa], biểu thị ý nghĩa gì? Sau khi buông xuống, phải nâng lên được. Buông xuống được, nâng lên được! “Buông xuống” là buông phiền não sanh tử xuống, “nâng lên” là gì? Phổ độ chúng sanh. Thấy các chúng sanh sanh tử luân hồi trong lục đạo, nhất định phải có lòng thương xót, tâm từ bi, niệm niệm giúp đỡ họ. Chúng sanh căn cơ chín muồi thì phải thành tựu họ. Họ đã đạt đến một mức độ nhất định, phải giúp họ giác ngộ, giúp họ minh tâm kiến tánh. Người đã có thiện căn, nhưng còn chưa đạt đến mức độ ấy, phải giúp người ấy tăng trưởng. Kẻ chưa phát tâm, phải giúp cho kẻ ấy phát tâm. Bất luận đối với ai, Bồ Tát vừa trông thấy liền biết căn khí của họ, tận tâm tận lực chiếu cố. Lúc往昔 sanh, Bồ Đại hòa thượng nói với mọi người, công khai nói Ngài là Di Lạc Bồ Tát hóa thân. Nói xong bèn tịch, đó là thật. Nếu Ngài nói xong, vẫn chẳng tịch, thì đó là gạt người, giả trá! Vì vậy, trong xã hội hiện thời, có rất nhiều người nói: “Kẻ nào đó là Bồ Tát hay Phật nào đó tái lai”, nói xong, kẻ ấy vẫn chẳng tịch. Đó là bịa chuyện đồn thổi!

Như Bồ Đại hòa thượng là tự mình nói ra, còn có những vị bị người khác nói ra thân phận. Thiên Thai Sơn Chí có ghi chép Hàn Sơn, Thập Đắc, hòa thượng Phong Can, ba vị này là Văn Thù, Phổ Hiền, và A Di Đà Phật; ngài Phong Can là A Di Đà Phật tái lai. Ba vị này chẳng tự mình nói ra, mà do người khác nói. Sau khi nói ra, mọi người biết đến, ba vị ấy đều đi mất. Đó là thật, trong lịch sử tại Trung Quốc, những trường hợp như vậy rất nhiều. Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ cũng là A Di Đà Phật tái lai. Sau này, nếu chúng ta gặp những kẻ nói như vậy, nếu kẻ ấy nói xong vẫn chẳng tịch, hãy khéo khuyên cáo kẻ ấy: “Người là giả, chẳng thật. Nếu là thật, người phải tịch, vì sao vẫn chẳng tịch? Chúng tỏ người giả trá, sau này đừng nói nữa. Hễ còn nói sẽ là gì? Là đại vọng ngữ! Người chưa chứng đắc, nhưng tự nói chính mình chứng đắc. Ngay cả trong trường hợp đã đắc Thiên Định, khai trí huệ, đều chớ nên nói. Người chẳng đắc Thiên Định mà nói chính mình đã đắc Thiên Định, chẳng khai trí huệ mà nói chính mình đã khai trí huệ. Người nói những lời lẽ đó nhằm mục đích nào? Toàn là vì tiếng tăm, lợi dưỡng, gạt gẫm chúng sanh! Trong giới luật của Phật pháp, đó là đại vọng ngữ. Kẻ đại vọng ngữ đều đọa địa ngục. Trước mắt, người có thể đạt được một chút lợi ích, lợi ích nhỏ nhất, nhưng lừa gạt kẻ khác, sau khi chết, sẽ đọa địa ngục, muốn thoát ra rất phiền! Huống hồ khi đã thoát ra, đã chịu hết tội trong địa ngục, sẽ biến thành súc sanh để trả nợ. Người đã lừa gạt những người đó nên đều phải đền nợ!” Do đó, người hiểu sâu nhân quả, chẳng dám làm chuyện phi pháp. Không chỉ chẳng dám làm, mà nghĩ cũng chẳng dám nghĩ! Vì vậy, đối với đạo hạnh và tu dưỡng của một cá nhân, nhân quả có sức mạnh vượt xa luân

lý, đạo đức. Người tu dưỡng đạo đức khá, nhưng gặp phải những thứ gọi là “danh cao, lợi trọng”, vẫn chẳng thể chống nổi sự dụ dỗ, mê hoặc, vẫn có thể phạm lỗi! Chỉ có người tin sâu nhân quả, tuy thấy những thứ đó, tâm vừa động, nhưng nghĩ đến quả báo trong tương lai sẽ là như thế nào, bèn chẳng dám làm!

Trung Quốc từ xưa tới nay, xã hội ổn định vững bền mấy ngàn năm dựa vào gì? Điều chủ yếu nhất là dựa vào giáo dục nhân quả; ba nhà Nho, Thích, Đạo đều có giáo dục nhân quả. Trong xã hội, giảng nhân quả nhiều nhất, nói thật ra, Đạo gia còn giảng nhiều hơn Phật. Nhà Phật cũng giảng không ít, nhưng thường là khi giảng kinh chẳng chuyên nói về nhân quả, chỉ nói kèm theo. Do đó, giáo dục nhân quả phổ cập thì Đạo gia xếp hàng đầu. Quý vị thấy Đạo gia có Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, và Tâm Kinh của Lữ Tổ²¹[1], những thứ ấy đều là của Đạo gia, lưu thông phổ biến trong xã hội. Tốt lắm! Chư vị đã đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, thiền sư Vân Cốc trao cho tiên sinh Liễu Phàm sách Công Quả Cách²²[2], đó là [tác phẩm được biên soạn dựa theo những giáo huấn trong] Cảm Ứng Thiên. Vì thế, tam giáo, tức tam giáo Nho, Thích, Đạo tại Trung Quốc, suốt mấy ngàn năm đã giúp đỡ quốc gia, giúp đỡ xã hội, xác thực là làm rất nhiều chuyện tốt đẹp, giúp cho xã hội an định và hòa hài. Nay chúng ta nếu muốn thành tựu đạo nghiệp của chính mình, ba căn bản ấy trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Chúng ta phải nghĩ, phải nhớ Ấn Quang đại sư lão nhân gia suốt đời đề xướng giáo

21[1] Đây là một bài kinh giảng về cái Tâm được coi là do Lữ Thuần Dương (Lữ Động Tân) giảng cơ trong đàn cầu tiên của Đạo gia, không phải là tác phẩm chú giải Tâm Kinh (mạo danh Lữ Tổ) với nội dung xuyên tạc Tâm Kinh để đề cao phép luyện đan của bọn đạo sĩ. Bài Tâm Kinh này khá ngắn, xin trích một đoạn như sau: *“Thiên sanh vạn vật, duy nhân tối linh. Phỉ nhân năng linh, thật tâm thị linh. Tâm vi chủ tế, nhất thân chi quân, dịch sử bách hài khu xứ, quần tình; vật vô kỳ vật, hình vô kỳ hình, bảm thụ ư thiên, lương tri, lương năng, khí câu dục tế, nhật thất kỳ chân. Thủ tâm tức thất, thủ thân diệc khuynh. Dục thiện kỳ thân, tiên trị kỳ tâm. Trị tâm như hà, tức tâm trị tâm. Dĩ lão lão tâm, trị bất hiếu tâm. Dĩ trưởng trưởng tâm, trị bất hiếu tâm. Dĩ ỷ trí tâm, trị bất trung tâm. Dĩ thành khác tâm, trị bất tín tâm. Dĩ cung kính tâm, trị vô lý tâm...”* (trời sanh vạn vật, chỉ có con người là linh thông nhất. Chẳng phải là con người có thể linh thông, mà thật sự là do cái tâm linh thông. Tâm làm chúa tể, là vua của thân, sai khiến cái thân gồm hình hài xác thịt và các mối tình cảm. Tâm dường như là vật, nhưng chẳng phải là vật, tâm dường như có hình dáng, nhưng chẳng có hình dáng, được bảm thụ từ trời, nên có lương tri và lương năng. Do bị dục vọng huân tập, che lấp, nên dần dần đánh mất tánh thiên chân. Cái tâm này đã mất, cái thân cũng lệch lạc theo. Muốn cho cái thân tốt lành, trước hết phải trị cái tâm. Trị tâm như thế nào? Hãy dùng tâm để trị tâm. Dùng cái tâm tôn kính người già của kẻ khác như người già của chính mình để trị cái tâm bất hiếu. Dùng cái tâm coi người bề trên của kẻ khác như bề trên của chính mình để trị cái tâm chẳng cung kính tôn trưởng. Dùng cái tâm tận tụy để trị cái tâm bất trung. Dùng cái tâm thành khẩn để trị cái tâm bất tín. Dùng cái tâm cung kính để trị cái tâm vô lý...)

22[2] Công Quả Cách do đạo sĩ Tịnh Minh Đạo biên soạn vào đời Tống, với nội dung phân loại những điều ác và điều thiện để tự xét nhằm chấm điểm hành vi của chính mình hằng ngày. Nội dung các hạng mục dựa theo quan điểm tích thiện của Đạo giáo, luân lý Nho gia, cũng như thuyết nhân quả báo ứng của Phật giáo, nhưng các hạng mục chủ yếu đều lấy những điều đã được nêu trong Âm Chất Văn làm chuẩn.

dục nhân quả. Trong những kinh luận và thiện thư do Hoàng Hóa Xã^{23[3]} lưu thông, số lượng lớn nhất là Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, và An Sĩ Toàn Thư. Thuở Ấn Quang đại sư sinh tiền, trong hoàn cảnh thuở ấy, kỹ thuật ấn loát chưa phát triển cho lắm, mà Ngài có thể in ba loại sách ấy nhiều hơn một trăm vạn bản, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Vì sao Ngài phải làm như vậy? Nay chúng ta hiểu rõ, nhìn vào xã hội động loạn, thấy tai ương trên địa cầu nhiều ngàn ấy, chúng ta mới nhớ tới Ấn Quang đại sư suốt đời cực lực tuyên dương giáo dục nhân quả, chúng ta mới hiểu rõ đạo lý ấy! Nay chúng ta muốn cứu chính mình, trong đại kiếp nạn như thế, tránh né bằng cách nào? Tin sâu nhân quả, quý vị có thể tránh khỏi tai nạn này. Tin sâu nhân quả, chẳng có mấy may hoài nghi, điều này rất trọng yếu!

Học theo Bồ Tát chúng vô vi, nhưng chẳng chấp trước vô vi. Nay chúng ta ngay cả chúng còn chưa chúng; chúng ta biết có pháp vô vi, cũng đừng nên chấp trước pháp vô vi. [Hễ chấp là] trật rồi, biến thành Tiểu Thừa. Nhất định phải học theo các vị Bồ Tát, tâm thường an trụ vững vàng nơi đạo độ thế, niệm niệm mong mỗi chánh pháp tồn tại lâu dài. Bắt đầu làm từ chỗ nào? Bắt đầu thực hiện từ chính mình, ắt phải y giáo phụng hành, chánh pháp mới có thể tồn tại lâu dài. Giúp xã hội hóa giải xung đột, giúp xã hội khôi phục hòa hài, đều phải làm từ chính mình, đừng đòi hỏi người khác, đó là đúng. Chính mình làm tốt, chắc chắn sẽ có thể ảnh hưởng những người chung quanh quý vị. Niệm niệm suy nghĩ vì chúng sanh khổ nạn, chính mình phải nêu gương cho người khác nhìn vào. Chính mình chẳng nêu gương

23[3] Hoàng Hóa Xã là một cơ sở lưu thông kinh sách Phật giáo. Thuở đầu, vào năm 1930, do Ấn Quang đại sư đề xướng, Giác Viên Tịnh Nghiệp Xã được thành lập tại Thượng Hải, pháp sư Minh Đạo thuộc chùa Thái Bình chịu trách nhiệm điều hành. Trước tiên, Tịnh Nghiệp Xã chỉ lưu thông những kinh sách do các nơi đã in. Sau đó, dưới sự giúp sức của các cư sĩ Hoàng Hàm Chi, Vương Nhất Đình, Quan Quỳnh Chi v.v..., một tiểu tổ của Tịnh Nghiệp Xã đặc trách ấn hành kinh sách mang tên là Hoàng Hóa Xã được thành lập để tự ấn loát kinh sách. Tổ Ấn Quang chịu trách nhiệm giáo duyệt, tu đính, trình bày, pháp sư Minh Đạo và các vị cư sĩ nói trên chịu trách nhiệm quyên góp, liên lạc với xưởng in, ấn định giá thành, phân phối sách... Về sau, mọi người chỉ biết đến Hoàng Hóa Xã, không còn danh xưng Tịnh Nghiệp Xã nữa. Năm 1931, Hoàng Hóa Xã dời về chùa Báo Quốc ở Tô Châu là nơi Ấn Quang đại sư bế quan. Năm 1935, pháp sư Minh Đạo qua đời, không có người giao phó, tổ Ấn Quang phải đích thân trông nom Hoàng Hóa Xã mãi cho đến khi Tổ viên tịch. Sau khi Tổ vãng sanh vào năm 1940, Hoàng Hóa Xã lại chuyển từ Tô Châu về chùa Giác Viên ở Thượng Hải (trong giai đoạn này, Hoàng Hóa Xã do pháp sư Đức Sâm đảm nhiệm. Sau khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, pháp sư Diệu Chân tiếp tục chủ trì, nhưng chỉ được phép hoạt động cầm chừng). Trong giai đoạn đầu sau khi tổ Ấn Quang mất, Hoàng Hóa Xã dốc sức tái bản các bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Chánh Biên, Tục Biên, Gia Ngôn Lục, Tinh Hoa, và xuất bản tờ Hoàng Hóa Nguyệt San (tờ báo này thoát đầu do ông Chung Cát Ninh chủ biên, về sau do Du Hữu Duy chủ trì và Vương Vĩnh Nguyên làm tổng biên tập) cho đến khi Mao Trạch Đông chiếm lãnh toàn bộ Hoa Lục, các hoạt động ấn loát và lưu thông kinh sách Phật giáo của các chùa bị cấm ngặt, nội dung báo chí Phật giáo hoàn toàn bị cán bộ văn hóa chỉ đạo. Năm 1956, Hoàng Hóa Xã được lệnh kết hợp với Thượng Hải Phật Học Thư Cục và Đại Pháp Luân Thư Cục, đổi tên thành Thượng Hải Phật Giáo Thư Điểm (tiệm sách Phật giáo Thượng Hải, do nhà nước quản lý); Hoàng Hóa Xã biến mất. Mãi cho đến thập niên 1990, khi chùa Báo Quốc ở Tô Châu được chính quyền Hoa Lục cho mở cửa lại, tăng chúng bèn tái lập Hoàng Hóa Xã trong khuôn viên viện bảo tàng Phật Giáo Tô Châu.

tốt, quý vị chẳng thể khuyến hóa chúng sanh. Người hiện thời nhất định phải nhìn thấy tấm gương tiêu biểu, quý vị tu tập rất khá, quý vị thực hiện rất tốt, người khác sẽ tôn kính quý vị, học tập theo. Quý vị nói được, nhưng làm chẳng ra gì, chẳng có ai tin tưởng, quý vị chẳng thể giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Nếu con người mang ý niệm vì chính mình thì tu hết thấy thiện pháp, quả báo đều là si phước trong lục đạo, chẳng phải là công đức, chẳng có may mắn dính líu đến chuyện liễu sanh tử, thoát tam giới của chính mình! Niệm niệm chẳng vì chính mình, niệm niệm vì chúng sanh khổ nạn, niệm niệm mong cứu vớt địa cầu, đó là công đức, toàn bộ hết thấy những việc thiện do quý vị đã làm đều là công đức. Chỉ cần có tự tư tự lợi, đặt danh lợi vào trong ấy, sẽ là chẳng đúng. Chớ nên không hiểu đạo lý này!

Câu cuối cùng: “*Hựu Hội Sớ viết: Bi trí tương án, dĩ vi thê thần chi trạch, cố vân đế trụ*” (Sách Hội Sớ lại viết: “Bi trí in vào nhau để làm chỗ nương náu cho thần trí, nên gọi là Đế Trụ”). Câu này có ý nghĩa: Tâm này trụ tại đâu? Trụ trong trí huệ, trụ trong đại từ đại bi. Bi là thương xót hết thấy chúng sanh khổ nạn, Từ là giúp chúng sanh lìa khổ được vui. Trong thế gian này, vào thời cổ, chúng ta nói là “xã hội”, người ta thường kính phục nhất hai loại người:

1) Một là người dạy học. Thời cổ, họ được gọi là “*phu tử*”. Quý vị làm nghề gì? Làm phu tử là dạy học, giúp người khác phá mê khai ngộ. Người dạy học rất vất vả, vì sao? Chính mình phải nêu gương cho người khác thấy. Nếu quý vị chẳng làm được những gì đã nói, ai nghe lời quý vị? Vì lẽ đó, luân lý, đạo đức, nhân quả họ đều làm được. Cuộc sống rất kham khổ, nhưng người trong xã hội rất tôn kính họ. Trước kia, dạy học là sự nghiệp thánh hiền. Gia cảnh học trò nghèo khó, chẳng cúng dường thầy, thầy có dạy hay không? Vẫn dạy y hệt. Quả thật, gia đình [học trò] rất thanh bần, có lúc thầy còn giúp đỡ trò. Chẳng nói “phải thu học phí”, há có lẽ ấy? [Nếu làm như vậy], đã biến thành hành vi buôn bán mất rồi! Vào thời cổ, tại Trung Quốc, thương nhân có địa vị thấp nhất. [Các giai cấp trong xã hội là] sĩ, nông, công, thương, người đọc sách có địa vị cao nhất, nhưng người đọc sách thường rất kham khổ, chẳng có thâm nhập. Thương nhân giàu có nhất, nhưng địa vị trong xã hội thấp nhất.

2) Một loại người khác là thầy thuốc. Thầy thuốc cứu người, học y để làm gì? Học y để cứu người. Vì thế, thầy giáo cứu huệ mạng của người khác, thầy thuốc cứu thân mạng.

Hai loại người này đều chẳng phải là thương nhân, đều chẳng đòi hỏi tiền bạc, mà là cứu người. Hiện thời, hai loại người này cũng biến thành hành vi buôn bán, cỗ nhân chẳng thể nào tưởng tượng được! Người tu hành được người trong xã hội tôn kính vì sao? Đạo giáo cũng thế, mà Phật giáo cũng vậy, đều là giáo học, chư vị phải biết điều này! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, dạy học cả đời suốt bốn mươi chín năm. Ba mươi tuổi khai ngộ, vừa khai ngộ liền bắt đầu giáo học, suốt bốn mươi chín năm chẳng gián đoạn ngày nào. Có thâm học phí hay không? Chẳng thâm! Cuộc sống trong Phật môn theo hình thức khát thực, chẳng

nhận một đồng nào. Trong giới luật đã nói rất rõ ràng, chẳng có hành vi thương nghiệp, chẳng có ý niệm thương nghiệp. Chúng ta chớ nên không biết điều này!

Sau khi Phật giáo được truyền đến Trung Quốc do đế vương Trung Hoa thỉnh [tăng sĩ] từ Tây Vực, hoặc từ ngoại quốc đến. Sau khi đã thỉnh đến Trung Quốc, qua trao đổi, mới biết Phật pháp hoàn toàn tương ứng với truyền thống giáo dục Trung Quốc, chẳng có mảy may mâu thuẫn, nên người Hoa bèn tiếp nhận, tiếp nhận trọn vẹn. Phật giáo truyền đến Trung Quốc vào năm Vĩnh Bình thứ mười đời Hán Minh Đế, tức là năm 67 Công Nguyên. Hiện thời là năm 2010 Công Nguyên. Năm 67 Công Nguyên, Phật giáo được chính thức mời đến Trung Quốc, hoàng đế phong hai vị pháp sư (Trúc Pháp Lan và Ca Diếp Ma Đằng) làm quốc sư. Giáo dục nhà Phật do hoàng đế đích thân cai quản, còn giáo dục truyền thống do Tể Tướng cai quản. Dưới Tể Tướng có một bộ, nói theo kiểu hiện thời là bộ Giáo Dục, xưa kia gọi là bộ Lễ. Lễ Bộ Thượng Thư chuyên cai quản nền giáo dục quốc dân và giáo dục xã hội, cai quản chuyện này. Giáo dục nhà Phật do hoàng thượng quản trị, nên giáo dục nhà Phật được thúc đẩy với sức mạnh vượt trội giáo dục truyền thống của Trung Quốc, được triển khai rất nhanh trên cả nước, đẩy lên tác dụng rất lớn. Vì thế, điểm đặc biệt và đặc sắc trong văn hóa truyền thống Trung Quốc là ba nhà Nho, Thích, Đạo đã giúp nhau thành tựu, tạo thành văn hóa Trung Quốc. Tiến sĩ Thang Ân Tử (A. Toynbee) của Anh đã nói rất hay. Ông ta tán thán cổ nhân Trung Hoa có tâm lượng rất lớn, chẳng ganh tỵ, chẳng bài xích, có thể bao dung văn hóa dị tộc, ý nói Phật giáo. Phật giáo từ Ấn Độ truyền tới, mà [dân Trung Hoa] có thể bao dung, Phật pháp lại phong phú hóa nền văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Chúng ta gọi điều này là “*tương phụ tương thành*” (giúp đỡ lẫn nhau cùng thành tựu).

Đức Phật nói điều gì? Dùng một câu để trả lời. Kinh Bát Nhã đã nói: “*Chư pháp Thật Tướng*”, trong phần trước, chúng ta đã từng đọc thấy Chân Thật Tế là Thật Tướng của các pháp. Nói rõ hơn một chút, đó là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Đó chẳng phải là mê tín, mà là triết học, là khoa học. Do đó, thuở sinh tiền, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật giáo cho tôi, đã bảo: “*Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên cả thế giới. Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi vào Phật môn là như vậy. Học Phật năm mươi chín năm, sang năm là sáu mươi năm, đúng một giáp tý²⁴[4], phát hiện thầy Phương chỉ nói đến triết học, chưa nói đến khoa học. Trong kinh Hoa Nghiêm, trong các kinh luận Đại Thừa có khoa học, nói theo kiểu của thầy, lại còn là đỉnh cao nhất trong khoa học cả thế giới. Không chỉ là đỉnh cao nhất trong triết học, mà còn là đỉnh cao nhất trong khoa học. Khoa học hiện thời phát triển theo hai cực đoan: Một là hướng theo vật lý không gian, tức thế giới vĩ

24[4] Do người Hán tính năm theo Thiên Can (Giáp, Ất, Bính, Đinh...) và Địa Chi (Tý, Sửu, Dần, Mão...), nên mỗi năm có tên gọi lần lượt là Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần v.v...hợp thành sáu mươi danh xưng như thế. Cứ sau sáu mươi năm, tên gọi lại trở về danh xưng khởi điểm là Giáp Tý nên chu kỳ sáu mươi năm thường được gọi là “một giáp tý”.

mô; hai là theo hướng Lượng Tử Lực Học, tức là thế giới vi mô. Hai loại này trong kinh Hoa Nghiêm đều có cả, thật sự chẳng thể nghĩ bàn, lại còn giảng hay hơn khoa học và triết học hiện thời. Khoa học và triết học hiện thời còn có những vấn đề gây tranh luận, cho đến hiện thời chưa thể giải quyết, nhưng trong kinh Phật [những vấn đề ấy] đều được giải quyết. Đại học vấn, đại đạo lý! Những thứ tốt đẹp như thế không có ai kế thừa, không có ai muốn học, quá đáng tiếc! Đã thế, Đại Thừa Phật pháp bị người ta chê bai là tôn giáo, chê bai là mê tín, khiến cho người bình phàm chẳng mong tiếp xúc, quá đáng tiếc nuôi!

Vì lẽ đó, tôi cảm tạ thầy Phương, niệm niệm đều chẳng quên. Nếu tôi không gặp thầy, cũng sẽ có kiến giải giống như mọi người, nghĩ Phật giáo là mê tín, như vậy thì sẽ vĩnh viễn chẳng thể tiếp xúc. Sau khi tiếp xúc, Phật giáo đã cứu tôi, khiến cho tôi sống trong xã hội như vậy mà rất hạnh phúc, rất tự tại, chẳng có ưu lự, chẳng có phiền não, Đại Thừa Phật pháp đã ban cho tôi những điều ấy. Dần dần hiểu biết những sự lý, tánh tướng, nhân quả trong vũ trụ, biết chúng là chuyện như thế nào. Hy vọng người thiện căn sâu dày, các đồng học trẻ tuổi hãy nghiêm túc học tập. Đầu tiên, quý vị phải nhận biết bản chất Phật giáo. Sau khi đã nhận biết, quý vị mới ưa thích, quý vị mới có thể dùi mài chẳng bỏ, sẽ có thể đạt thành tựu trong một đời này, xác thực đem lại cho quý vị hạnh phúc mỹ mãn. Đã thế, tương lai sẽ càng mỹ mãn hơn, hạnh phúc hơn, đạt đến rốt ráo. Kinh Vô Lượng Thọ là được rồi, có thể khiến cho chúng ta chứng đắc cảnh giới giống như Phật, Bồ Tát ngay trong một đời.

Câu kệ tiếp: *“U nhất thiết vạn vật, tùy ý tự tại”* (tùy ý tự tại trong hết thảy vạn vật). Quý vị đọc kinh văn này, càng đọc, càng thù thắng. Câu này chính là niềm kỳ vọng của bao nhiêu nhà triết học, khoa học, thần học, hy vọng có thể có ngày này! Thật sự có thể đạt được trong Phật pháp Đại Thừa, chẳng phải là nói giả dối, thật sự có thể đạt được tự tại tùy ý. Chữ *“vạn vật”* (萬物) chỉ hết thảy các pháp, chỉ vạn pháp. *“Vạn”* ở đây chẳng phải là một con số, mà nhằm biểu thị ý nghĩa cực nhiều, vô lượng, vô biên, vô số, vô tận; vạn sự vạn vật trong vũ trụ. *“Tự tại giả, thông đạt vô ngại dã”* (tự tại là thông đạt vô ngại). Quý vị hoàn toàn liễu giải, chẳng có chướng ngại, tự tại lắm. Lấy chuyện trước mắt để xem, vì sao ta sống trong thời đại này? Vì sao sống cuộc đời như hiện thời? Ta biết, hiểu rõ ràng, rành mạch, vì sao quý vị chẳng thể tự tại? Vì sao quý vị khổ như vậy? Vì quý vị chẳng biết, chẳng liễu giải. Do chẳng liễu giải, nên hằng ngày suy nghĩ loạn xạ, đau khổ lắm! Trong ấy là nhân quả, nếu quý vị biết tiền nhân, hậu quả, trong hoàn cảnh nào, quý vị cũng đều rất sung sướng. Vì sao? Tự làm, tự chịu, chẳng thể oán trời, chẳng thể trách người. Vì sao? Chẳng liên quan gì đến những điều ấy! Vì thế, quý vị bèn giải thoát. Hiện thời, tai nạn trên địa cầu nhiều ngàn ấy, nếu quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ, hiểu rõ rệt các tai nạn ấy do đâu mà có, hoàn toàn liễu giải cách hóa giải các tai nạn ấy như thế nào, lẽ nào quý vị chẳng được tự tại! Các vị Bồ Tát dự hội đều có năng lực ấy. Do có năng lực ấy, nên mới có thể giúp đỡ người khác.

Trong phẩm Tự của kinh Pháp Hoa có hai câu như sau: “*Tận chư hữu kết, tâm đắc tự tại*” (hết sạch những thứ phiền não trong ba cõi, tâm được tự tại), hai câu này nói hay quá! “*Chư hữu*”, “*hữu*” (有) gì vậy? Hữu kết, kết là gì? Kết (結) là phiền não. Giống như tôi nhớ trước kia có bộ phim, tôi chưa xem phim ấy, chỉ là trên đường đi thấy biển quảng cáo “*tâm hữu thiên thiên kết*” (tâm vẫn vương ngàn mối), rất đáng thương, rất đáng buồn! Hữu là gì vậy? Hữu là nói tới tam hữu, tức Dục Giới Hữu, quý vị có phiền não và quả báo trong Dục Giới, Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu. Hữu là có nhân, có quả. “*Tận chư hữu kết*” là quý vị buông hết những phiền não ấy xuống, chẳng còn nữa. Trong tam giới thì Dục Giới ba thứ phiền não đều có, Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não và Kiến Tư phiền não toàn bộ đều có. Quý vị có thể đoạn Kiến Tư phiền não; nói thật ra, các món Hữu Kết ấy, nói nông cạn là Kiến Tư phiền não, thuộc trong tam giới. Đã đoạn Kiến Tư phiền não, tâm đắc tự tại. Tự tại là gì? Vượt thoát lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi giống như một cái lồng to, kinh Phật sánh ví nó như lao ngục. Tam giới là lao ngục, quý vị chẳng thoát khỏi nhà tù ấy. Đoạn sạch các Kết trong Tam Hữu, tức là đoạn Kiến Tư phiền não, quý vị bèn vượt thoát. Sau khi vượt thoát, hãy còn bốn thánh pháp giới. Bốn thánh pháp giới rất khó vượt thoát. So với người trong lục đạo như chúng ta thì người ở trong ấy (trong bốn thánh pháp giới) là đắc đại tự tại, nhưng nếu so với Phật, Bồ Tát, họ thua kém rất xa. Vì không gian hoạt động của họ chỉ có thể là trong tam thiên đại thiên thế giới, chưa thể vượt thoát. Vì thế, họ phải đoạn hết Trần Sa phiền não, đoạn hết Vô Minh phiền não, sẽ đắc đại tự tại. Các vị Bồ Tát ở đây là Pháp Thân Bồ Tát, đã vượt thoát mười pháp giới. Tuy vượt thoát mười pháp giới, nhưng chẳng lìa mười pháp giới, khéo là khéo ở chỗ này. Vượt thoát lục đạo luân hồi, nhưng cũng chẳng rời khỏi lục đạo luân hồi. Quý vị phải biết: Các Ngài ở trong lục đạo, nhưng chẳng tạo nhân lục đạo, cũng không thọ báo lục đạo. Tâm các Ngài trụ nơi đâu? Trong phần trước đã nói, tâm các Ngài thường trụ trong đạo độ thể, trụ trong đại trí huệ, trụ trong từ bi, chúng ta nói là “một bầu từ bi”. Từ bi do đâu mà có? Do trí huệ mà có. Chẳng có trí huệ, lấy đâu ra từ bi?

Tiếp theo đó, sách giải thích chữ Tự Tại: “*Hựu, tự tại giả, thi vi vô ứng, thần thông tự tại. Phù tâm hữu câu luy, tùy vật nhi chuyển. Cố vị phiền não sở phược*” (tự tại còn là việc làm không bị úng tắc, thần thông tự tại. Hễ tâm có vướng mắc thì bị vật chuyển, nên bị phiền não trói buộc). Giải thích chữ “*tự tại*”, những điều này đều được nói trong kinh Đại Thừa. “*Thi vi*” (施為) là tạo tác. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chẳng có chướng ngại. Vì sao chẳng có chướng ngại? Hiểu rõ ràng, rành rẽ hết thấy các pháp. Đối với hết thấy các pháp trong vũ trụ, hỏi quý vị Thái Dương Hệ do đâu mà có? Hệ Ngân Hà do đâu mà có? Hết thấy các cõi Phật do đâu mà có? Chẳng có gì quý vị không biết, lại còn biết chánh xác, thật sự biết, tuyệt đối chẳng phải là hư vọng. Đối với Thể của hết thấy các pháp, Thể là Tánh. Những hình tượng được hiện của hết thấy các pháp, [được gọi chung là] “pháp tướng”. Rốt cuộc, Tánh và Tướng là đạo lý như thế nào? Đối với Lý, vì sao có Sự, tức là các hiện tượng xuất hiện nhiều ngàn ấy? Quý vị đều hiểu. Trong ấy, có thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác quả. Không chỉ hoàn toàn hiểu rõ tam thiên đại thiên thế giới của Phật Thích Ca, mà các cõi

Phật trong mười phương, chẳng có cõi nào quý vị chẳng hiểu rõ. Sau khi đã hiểu, quý vị muốn tới đâu bèn tới đó, thuận theo ý niệm của quý vị xoay chuyển. Trong cảnh giới ấy, chẳng có thời gian, chẳng có không gian. Chẳng có thời gian, bèn chẳng có trước, sau. Chẳng có không gian, bèn chẳng có khoảng cách. Thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Thế giới Cực Lạc ở ngay trong hiện tiền. Thật đấy, chẳng giả! Công đức viên mãn trong tự tánh mà! Mười phương ba đời chẳng lìa gang tấc, “gang tấc” là nhất niệm, chẳng lìa gang tấc! Đó là tột đỉnh của khoa học lẫn triết học, là đỉnh cao nhất như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói. “*Thần thông tự tại, thông đạt vô ngại*”, tám chữ trong hai câu này là nói về các vị Bồ Tát ấy. Phàm phu thì sao? “*Tâm hữu câu lự*”, [nghĩa là] trong tâm quý vị có những thứ câu thúc, ràng buộc, vướng bận. Chúng tôi nói là trong tâm quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ưu lự, vướng mắc, phiền não. “*Tùy vật nhi chuyển*” [nghĩa là] bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, nên quý vị khổ khôn kể xiết! Vì sao? Cảnh giới bên ngoài là “giả tượng” (những hiện tượng hư giả), có sao quý vị coi chúng là thật? Quý vị biết chúng là những hiện tượng hư giả, nên có thể thương thức nó, nhưng chẳng có ý niệm chiếm hữu, hay khống chế, liền tự tại. Nếu quý vị muốn khống chế, muốn chiếm hữu nó, quý vị phải chịu tội. Tội ấy là gì? Chính quý vị tự chuốc lấy, tự làm, tự chịu. Về căn bản, nó chẳng có, nên chịu tội là oan uổng chịu! Vì lẽ đó, quý vị bị phiền não trói buộc, phiền não giống như sợi dây thừng trói chặt quý vị!

“*Phàm phu trước Hữu*” (phàm phu chấp Có), lục đạo phàm phu chấp vào bên Có, người Nhị Thừa thì sao? Đức Phật dạy họ “*vạn pháp đều là Không*”, Không ư? Được rồi, họ chấp vào Không, “*giai đọa tình chấp trung*” (đều đọa trong tình chấp). Chấp Có là tình chấp, mà chấp Không vẫn là tình chấp. Vì lẽ đó, Nhị Thừa chẳng thoát khỏi mười pháp giới, vì họ chấp trước Không. Người nào thoát khỏi mười pháp giới? Hai bên Có và Không đều chẳng chấp, ngay cả “chẳng chấp” cũng không có, mới thật sự thoát ra ngoài. Hễ còn “hai bên Có và Không đều chẳng chấp”, quý vị đã chấp vào “hai bên Có và Không đều chẳng chấp”, vẫn chẳng thể thoát ra được! Tâm người ấy vẫn chưa thanh tịnh. Phải biết rằng: Trong chân tâm, thứ gì cũng đều chẳng có! Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói chuyện này quá nhiều, phải thường xuyên nhắc nhở mọi người: Trong chân tâm, chân tâm chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, quyết định chẳng có mười pháp giới, huống gì lục đạo. Mười pháp giới, lục đạo là huyền tướng, nên trong kinh có tỷ dụ “*mộng, huyền, bọt, bóng*”, chúng chẳng phải là thật. Vì sao không buông xuống được? Quý vị chẳng biết chúng là giả, cứ ngỡ chúng là thật, nên quý vị chấp trước, chịu khổ. Chịu khổ, chấp trước đúng là oan uổng! Quý vị muốn chiếm hữu, nói thật ra, ngay cả thân thể này cũng chẳng thể chiếm hữu! Quý vị có thể chiếm hữu cái gì? Nếu thật sự liễu giải chân tướng sự thật, giống như các nhà Lượng Tử Lục Học hiện thời đã nói, vật chất là gì? Họ đã phát hiện bản chất vật chất vốn là do ý niệm tích lũy liên tục, sanh ra huyền tướng. Nói cách khác, họ cảm nhận: Về căn bản, chẳng có vật chất tồn tại. Phát hiện ấy và cách nói ấy hoàn toàn giống như kinh Hoa Nghiêm đã dạy. Kinh

Hoa Nghiêm nói A Lại Da có ba phần là Tự Chứng Phần, Kiến Phần, và Tướng Phần²⁵[5]. Tướng Phần là vật chất. Do đâu mà có Tướng Phần? Do Kiến Phần biến hiện. Vì thế, nhà Phật thường dùng năm chữ để làm đại biểu, [tức là] Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, gọi chung là Ngũ Uẩn, nói thật hay! Ngũ Uẩn là vạn sự vạn pháp mà chúng ta tiếp xúc, Ngài đã nói ra chân tướng. Sắc trong Ngũ Uẩn là hiện tượng vật chất; Thọ, Tưởng, Hành, Thức là ý niệm. Thọ là cảm nhận, Tưởng là tư tưởng, Hành là hiện tượng tích lũy liên tục như các nhà khoa học đã nói, Thức là kho tài liệu (database) tồn trữ những ý niệm ấy, giống như các linh kiện điện tử (chips) trong computer, toàn là giả, chẳng có thứ gì là thật. Tâm Kinh đã nói rất hay: *“Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị”*. Quý vị đối với mười pháp giới trong vũ trụ này, còn có gì để lưu luyến? Quý vị đã hoàn toàn hiểu rõ, minh bạch, tự nhiên sẽ triệt để buông xuống.

Triệt để buông xuống có lợi ích gì? Chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, chẳng có vương mắc. Lại nói cho quý vị biết: Thân thể quý vị sẽ không suy, không già, quý vị đạt được thân Kim Cang bất hoại, sẽ chẳng còn ngã bệnh nữa. Bệnh do đâu mà có? Nguyên nhân gây bệnh là tham, sân, si, mạn, nghi, [chúng được gọi chung là] Ngũ Độc. Đó là nguyên nhân gây bệnh. Duyên gây bệnh có nội và ngoại. Bên trong là oán, hận, não, nộ, phiền, đó là nội duyên. Duyên bên ngoài là gì? Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Ba thứ ấy kết hợp lại, bệnh nặng liền phát tác, đòi mạng quý vị! Không thoát khỏi những thứ ấy, quý vị vĩnh viễn phải luân hồi trong lục đạo, đúng là đáng thương. Vì sao? Toàn là giả! Nếu chúng là thật, Phật, Bồ Tát chẳng thể nói quý vị là “kẻ đáng thương xót”, nói những lời ấy sẽ thành quá lỗi, biến thành mĩa mai, Phật làm sao có thể nói như vậy được? Chúng là giả, toàn là giả, giống như gặp ác mộng. Mỗi ngày gặp ác mộng, kinh hoàng mướt mồ hôi lạnh, chẳng có bệnh mà bị dọa sợ cũng đổ bệnh! Vì thế, nếu quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ, thân tâm sẽ chẳng có bệnh tật, chính mình vui sướng lắm! Quý vị ở nơi đâu, núi, sông, đại địa đều chẳng có tai nạn. Phong tai, thủy tai, hỏa tai gì gì đi nữa, những thứ ấy đều chẳng có, ngay cả khí hậu biến đổi đột ngột cũng chẳng có, mà cũng đều chẳng thể! Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm. Tâm thái của quý vị bình thường, núi, sông, đại địa, cảnh giới bên ngoài cũng đều bình thường. Tâm chẳng bình thường, nó cũng chẳng bình thường, bên ngoài đều chẳng bình thường, đạo lý là

²⁵[5] Tướng Phần (còn gọi là Thủ Tướng Phần), chính là đối tượng của nhận thức (khách thể), tức là cái sẽ được nhận thức bởi tâm thức, tức là vật chất, sắc tướng.

Kiến Phần (còn gọi là Năng Thủ Phần), chủ thể của sự nhận thức. Hiểu thô thiển thì khi mắt ta nhìn bông hoa, bông hoa là Tướng Phần, mắt tiếp nhận hình ảnh bông hoa thì sự tiếp nhận đó là Kiến Phần.

Tự Chứng Phần còn gọi là Tự Thể Phần, là tác dụng nhận biết của tâm thức khi Kiến Phần duyên với Tướng Phần. Như trong thí dụ trên, khi mắt nhìn thấy bông hoa, tiếp nhận hình ảnh bông hoa, Duy Thức gọi chuyện đó là “Kiến Phần duyên Tướng Phần”, tâm thức khởi tác dụng nhận biết hoa có màu gì, thơm hay không, tên hoa là gì, hoa có mấy cánh, hoa còn tươi hay đã héo, ưa thích hay chán ghét bông hoa ấy v.v... Những tác dụng tâm lý ấy thuộc về Tự Chứng Phần.

như vậy đó! Vì thế, để biến đổi những tai biến dị thường trên địa cầu thì phải biến đổi từ tâm chúng ta. Tâm chúng ta cảm ứng cảnh giới bên ngoài. Tâm đã sửa đổi thì tai nạn bên ngoài cũng chẳng có! Đó là đạo lý to lớn! Những vấn đề khoa học chẳng thể giải quyết thì đã hoàn toàn được giải quyết trong Phật pháp. Đây là nói về Nhị Thừa, phàm phu chấp Có, Nhị Thừa vương mắc nơi Không, đều đọa trong tình chấp. “*Hàm thị tâm tùy vật chuyển, cố ư vạn vật bất đắc tự tại*” (đều là tâm chuyển theo vật, nên chẳng đạt được tự tại trong vạn vật), vì sao? Tâm quý vị bị cảnh chuyển! Hễ đắc đại tự tại thì vật chuyển theo tâm. Gạt bỏ được chuyện “tâm chuyển theo vật”, vật sẽ chuyển biến theo tâm, vấn đề liền được giải quyết.

“*Đại sĩ thâm đạt Pháp Tánh*” (đại sĩ thông đạt Pháp Tánh sâu xa), những vị này được gọi là “đại sĩ”, đều có thể gọi là bậc minh tâm kiến tánh, hoặc chúng ta có thể nói như thế này: Họ là những người công phu niệm Phật đến nơi đến chốn. Công phu đến nơi đến chốn là Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn có cùng cấp bậc, cùng một tầng cấp với minh tâm kiến tánh trong Thiền Tông, đều vượt thoát mười pháp giới, đều chứng đắc Nhất Chân pháp giới. Đó là pháp giới chẳng có hai thứ sanh tử, hiện tượng Phần Đoạn và Biến Dịch hoàn toàn chẳng có, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Những vị Bồ Tát ấy không chỉ thông đạt, mà còn “*thâm đạt*”. Nếu nói “đại sĩ thông đạt Pháp Tánh” thì đó là Sơ Trụ trong Viên Giác. Sơ Trụ Bồ Tát đã thông đạt; từ Nhị Trụ trở lên, có thể nói là “*thâm đạt*”. “*Dương tướng ly tướng, bất tùy vật chuyển, cố vô phược hệ*” (từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, chẳng bị vật chuyển, nên chẳng có trói buộc), chúng ta phải học điều này. “*Dương tướng*” (當相) là tướng ở trước mặt ta, “*ly tướng*” (離相) là như thế nào? Ta đối với tất cả những tướng đã hiện đều chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, sẽ chẳng có chuyện gì nữa, liền lìa tướng. Nếu quý vị ngỡ tướng là thật, nếu thấy hiện tướng bày ra trước mặt, bất luận là hiện tướng gì, bèn ngay lập tức nghĩ hiện tướng ấy là do ý niệm liên tục tích lũy phát sanh huyễn tướng. Quý vị có thể có cách nhìn như vậy thì được rồi, nó đã bị quý vị nhìn thấu suốt, [nó là] hư huyễn, chẳng thật, tự nhiên buông xuống, ngay lập tức quý vị đắc tự tại. Vì sao quý vị chẳng buông xuống được? Nói thật ra, quý vị đã mê quá sâu, đã mê quá lâu, từ vô thủy kiếp tới nay, luân hồi sanh tử trong lục đạo, quý vị thấy thời gian ấy lâu dài như thế nào? Vì thế, mê đã lâu lắm rồi! Loại mê hoặc, điên đảo, loại tập khí ấy được gọi là tập khí vọng tướng, quá ư là sâu. Nay vừa mới nghe Phật pháp, do nghe Phật pháp chẳng sâu, nên cảnh giới hiện tiền, vẫn y như cũ, chẳng thể chuyển được! Nghe trên mười năm, hai mươi năm, sẽ hiểu rõ hơn, nhưng vẫn chẳng chuyển được! Do nguyên nhân nào? Nguyên nhân thật sự là do quý vị chẳng thật thà, chẳng nghe lời, chẳng thật sự hành. Nếu thật thà, nghe lời, thật sự hành, chẳng cần tốn thời gian rất dài! Trong lịch sử Trung Quốc, bất luận Tông Môn, Giáo Hạ, Hiền Giáo, hay Mật Giáo, người ba năm hoặc năm năm khai ngộ rất nhiều, vì họ buông xuống. Người mười mấy năm, hai mươi năm bèn buông xuống cũng chẳng ít!

Chúng ta xem những ghi chép lịch sử trong Phật môn, tôi ước đoán, trong hai ngàn năm qua, kể từ khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, người thật sự tu hành đạt tới cảnh giới này, tôi ước đoán tối thiểu là ba ngàn người. Họ có thể làm được, vì sao chúng ta không làm được? Tình chấp! Phải luyện tập, rèn luyện trong cuộc sống hằng ngày. Đầu tiên là luyện đoạn hết thầy ác, tu hết thầy thiện. Chư vị phải biết: Công phu ấy luyện thành, chỉ là quý vị quyết định chẳng đọa trong ba ác đạo, có thể đảm bảo quý vị sẽ sanh trong cõi trời người của lục đạo, đó chưa phải là pháp rốt ráo. Thật sự luyện chẳng thành, chính mình chẳng nắm chắc, chẳng thể từ ngay nơi tướng mà liả tướng, chẳng bị vật chuyển. [Nếu] không thể làm được như vậy, hãy thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoàn cảnh sẽ khác hẳn. Vì sao? Nói thật thà, hoàn cảnh bên kia là hoàn cảnh sống của chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ, [thế mà] bọn phàm phu chúng ta cũng tiến nhập, chẳng thể nghĩ bàn! Vì vậy, đúng là pháp khó tin! Vì sao chúng ta có thể tiến nhập? Đó là do A Di Đà Phật đại từ đại bi giúp đỡ chúng ta. Quý vị thấy trong một đời sanh về thế giới Cực Lạc, đều thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Ở đây, A Duy Việt Trí được gọi là “đại sĩ”. [Các vị đại sĩ] thông đạt sâu xa Pháp Tánh, từ ngay nơi tướng mà liả tướng, chẳng bị vật chuyển. Vì thế, quý vị đến thế giới Cực Lạc, bốn mươi tám nguyện, bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật hoàn toàn gia trì quý vị, quý vị thật sự được thọ dụng, sẽ chẳng chấp tướng! Tướng dẫu thù thắng cách mấy, chẳng dẫn khởi ái niệm. Tướng dẫu xấu đến mấy, như A Tỳ địa ngục [chẳng hạn], cũng chẳng dẫn khởi ý niệm oán hận. Những ý niệm ấy đều chẳng dấy lên được! Hàng phàm phu chỉ có phương pháp này để sử dụng; vì thế, phương pháp này được mười phương chư Phật tán thán. Các Ngài chẳng tùy tiện tán thán, mà là do có đạo lý nên mới tán thán. Vì thế mới nói: Chỉ cần quý vị học pháp môn Tịnh Độ này, thật sự hành, chẳng có ai không vãng sanh! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ là Pháp Thân đại sĩ; tuy chính mình vẫn chưa chứng đắc, nhưng chỉ cần vãng sanh liền đạt được, phải cảm ân đức của A Di Đà Phật, do lão nhân gia gia trì, nên quý vị thật sự được thọ dụng. Sự thọ dụng ấy chẳng giả, đây cũng là ý nghĩa của bốn câu được nói ở đây: Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới liền chứng đắc, thông đạt sâu xa Pháp Tánh, từ ngay nơi tướng mà liả tướng, chẳng bị vật chuyển, nên chẳng bị trói buộc. “Phược hệ” (縛繫: trói buộc) là phiền não; sang bên đó bèn đoạn sạch phiền não.

“*Tông Môn vân: Dẫn tự vô tâm ư vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiều*” (Nhà Thiền nói: “Chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh”). Nói thật ra, trong nhà Thiền cũng là nói đến cảnh giới này; nhưng câu vừa trích dẫn trên đây quan trọng, vì đối với hết thầy vạn vật, quý vị phải vô tâm thì mới được. Tâm ấy là tâm gì? Tâm vọng tưởng, tâm phân biệt, tâm chấp trước, quý vị có các tâm ấy là không được. Những tâm ấy thầy đều chẳng có, chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, chẳng khởi tâm động niệm; đó là Pháp Thân Bồ Tát. Các Ngài hòa quang đồng trần, cùng ở chung, cùng sống với chúng ta. Trên thực tế là sống trong hai kích thước không gian khác nhau. Các Ngài biết chúng ta, chúng ta chẳng biết các Ngài. Có người như vậy hay chẳng? Có chứ! Đòi Tổng, chúng ta

thấy một vị là Tế Công. Thừa cùng quý vị, Tế Công là người có thật, chẳng giả! Nhưng quý vị đọc [các sách tiểu thuyết mang tên là] Tế Công Truyện được bán ngoài đời thì chẳng đáng tin, trong ấy chép rất nhiều thứ bịa đặt. Nếu muốn đọc, hãy đọc Cao Tăng Truyện. Trong Cao Tăng Truyện, truyện của Tế Công phân lượng đúng là chẳng ít, dường như là có bốn quyển! Truyện ký về Ngài đặc biệt nhiều, [tiểu truyện của] những người khác chỉ chép một chương, truyện ký về Ngài gần như chiếm hết bốn quyển. Cao Tăng Truyện đáng tin cậy, Ngài xác thực là “*vạn vật thường vây quanh mà chẳng trở ngại*”.

Trong thời đại này của chúng ta, cũng là nói về thời trước một chút, tức là vào bảy mươi năm trước, tại chùa Kim Sơn huyện Trấn Giang tỉnh Giang Tô, có một vị pháp sư tên là Diệu Thiện, tức là pháp sư Diệu Thiện. Hành trì của lão nhân gia chẳng khác Tế Công cho mấy. Ngài thị hiện, đúng là chẳng giả. Hai câu nói ấy (“*chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh*”) đúng là để hình dung Ngài. Ở Đài Loan, tôi đọc hai quyển sách, tác giả tôi đều quen biết cả. Một vị là pháp sư Chử Vân. Sư chưa từng gặp gỡ pháp sư Diệu Thiện, nhưng biết có vị ấy, nên đi khắp nơi hỏi thăm. Có người đã từng gặp mặt Ngài, biết chuyện Ngài, Sư biên soạn [những lời kể] thành một quyển sách, đặt tựa đề là Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn). Pháp sư Diệu Thiện mất khi cuộc Kháng Chiến [chống Nhật] sắp kết thúc, Ngài tịch tại Miên Điện. Vị này suốt đời mặc một bộ quần áo, bên trong là quần đùi, bên ngoài là áo dài. Suốt đời mặc bộ quần áo ấy, trời Đông cũng chẳng lạnh, trời Hạ cũng chẳng nóng. Quý vị thấy lạ như thế đó! Mời Ngài dùng cơm, Ngài cho chúng sanh thỏa nguyện. Quý vị xới một chén cơm đưa cho Ngài, Ngài ăn ngay trước mặt quý vị; [người dâng cơm khoan khoái]: “Pháp sư rất thích tôi”. Tín đồ khá đông, mỗi người đều xới một chén đưa cho Ngài. Trong chốc lát, Ngài ăn hai mươi mấy chén; bên cạnh có người nói: “Các vị chớ nên hại thầy, sao lại đối đãi với pháp sư như thế?” Ngài bảo người vừa mới nói: “*Bất tăng, bất giảm*”. Ngài cũng có thể suốt tuần không uống nước, không ăn cơm, cũng có thể một ngày ăn mấy chục chén, bất tăng, bất giảm mà! Chuyện của Ngài rất nhiều, là thật, chẳng giả. Ngài cách chúng ta không xa. Hiện thời đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng tôi lại tiếp tục kể chuyện cho mọi người nghe. À! Cảm ơn mọi người!

Tập 134

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi một, câu cuối cùng nơi hàng cuối cùng.

“*Tông Môn vân: Đản tự vô tâm ư vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiều*” (Nhà Thiền nói: “Chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh”). Thiền Tông thường nói chuyện này, đó là cảnh giới giác ngộ. Thật sự giác ngộ thì cũng có thể nói là sẽ thật sự liễu giải khá nhiều hiện tượng trong vũ trụ, hiểu rõ chúng rốt ráo là chuyện như thế nào, hiểu rõ ràng, rành rẽ thì gọi là “*thông đạt chư pháp Thật Tướng*”. Cái hay của thông đạt là chẳng còn mê nơi huyễn tướng, đó là điều tốt đẹp thứ nhất. Điều tốt đẹp thứ hai là trên thực tế, quý vị chẳng còn tạo nghiệp. Nói cách khác, không tạo nghiệp, quý vị sẽ không lãnh quả báo, tự nhiên vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới. Chúng ta học tập Phật pháp cũng nhằm mục đích này. Vì sao phải học tập? Cuộc sống mê hoặc, điên đảo rất khổ. Nói thật ra, những nỗi khổ ấy rất oan uổng, vì sao? Căn bản là những chuyện ấy chẳng tồn tại, đúng là giống như nằm mộng. Trong mộng cũng tạo nghiệp ư? Cũng hiển thị “*thiện có thiện quả, ác có ác báo*”. Chuyện ấy có thể chẳng giả! Chỉ cần quý vị có chấp trước, chuyện ấy bèn trở thành có thật, có những huyễn tướng ấy. Ngày nào giác ngộ, những hiện tượng ấy vốn giống như kinh Phật đã nói: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Quý vị thật sự hiểu rõ, thật sự giác ngộ, trong các hiện tượng ấy, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, tâm quý vị đều bất động, trí huệ và từ bi thật sự sanh khởi từ nội tâm nhằm giúp cho mọi người giác ngộ. Vậy thì cuộc sống hiện tiền của quý vị xác thực là chẳng hai, chẳng khác với cuộc sống của các vị Pháp Thân Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm. Đây mới là cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn mà người thế gian mơ tưởng, quý vị đã đạt được. Sau đây, mới chứng thực “*liạ khổ, được vui*” như kinh Phật đã nói, vì quý vị thật sự liạ khổ, thật sự đạt được lạc. Quý vị đã chứng thực câu nói “*liạ khổ, được vui*”. Câu nói ấy chẳng phải là lời hư giả!

Vì vậy, đối với các bậc đại đức trong Tông Môn, tức là các vị đại đức trong Thiền Tông, hai câu nói ấy rất hay, điều quan trọng nhất là đối với vạn vật, quý vị phải vô tâm. Cái tâm ấy là tâm gì? Tâm chấp trước, tâm phân biệt, cũng có nghĩa là: Chúng ta đối với hết thấy vạn sự vạn vật chớ nên có phân biệt, chớ nên có chấp trước, vì khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể. Chúng ta đã học Hoàn Nguyên Quán, những điều được giảng trong ấy còn rõ ràng hơn những gì khoa học hiện đại đã nói. Khoa học hiện đại phát hiện: Tất cả hết thấy hiện tượng, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần do đâu mà

có? Từ trong Vô sanh ra Hữu. Phát hiện ấy cũng rất tuyệt diệu, nhưng vì sao từ trong Vô sanh ra Hữu, họ chẳng nói rõ ràng! Nhưng Hoàn Nguyên Quán đã giảng rất rõ ràng “vì sao từ trong Vô sanh ra Hữu?” Vì trong cái Vô ấy là tự tánh. Đối với tự tánh, nếu chẳng phải là người thật sự khai ngộ, quý vị sẽ chẳng có cách nào cảm nhận sự tồn tại của nó. Vì nó chẳng phải là hiện tượng vật chất, nên năm thức trước (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) chẳng khởi tác dụng. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đều chẳng thể tiếp xúc, vì nó chẳng phải là vật chất. Nó cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần, nên thức thứ sáu là ý thức cũng chẳng cảm nhận được, thức thứ sáu lẫn thức thứ bảy đều chẳng thể cảm nhận. Nó thật sự tồn tại, lại còn là không lúc nào chẳng tồn tại, không đâu chẳng tồn tại. Nó là bản thể của vạn sự vạn vật, nói theo triết học sẽ là “bản thể của vạn vật”, còn nói theo Phật pháp sẽ là “tự tánh của vạn sự vạn vật”. Danh xưng tuy khác nhau, nhưng nói về cùng một chuyện. Vì lẽ đó, các nhà khoa học và triết gia không thể kiến tánh, nguyên nhân là do họ chẳng buông phân biệt, chấp trước xuống! Bất quá, các khoa học gia cận đại cũng nói là phải buông phân biệt, chấp trước xuống, nhưng họ chẳng nói “không khởi tâm, không động niệm”. Nếu thật sự có thể buông phân biệt, chấp trước xuống, những người ấy sẽ sanh vào đâu? Sanh trong bốn thánh pháp giới, họ là Phật hoặc Bồ Tát trong bốn thánh pháp giới, thuộc cảnh giới ấy. Cao lắm, đích xác là rất cao, nhưng phải biết: Họ chưa kiến tánh, nên chẳng thoát khỏi mười pháp giới. Họ chẳng biết tình hình cuộc sống trong cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai. Họ có thể biết, có thể hiểu Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát trong bốn thánh pháp giới. Điều đó đã là rất khó có, rất chẳng dễ dàng! Do đó, buông xuống là trọng yếu, nay họ cũng dạy người khác buông xuống. Ở đây, buông xuống được gọi là “vô tâm”. Vô tâm đối với vạn vật, tức là quý vị chớ nên chấp trước, chớ nên phân biệt đối với vạn vật, nhất định phải biết chúng nó và chính mình có cùng một Thể. Kinh Kim Cang nói “*nhất hợp tướng*”, ý nghĩa này rất sâu! Vì thế, hết thảy vạn vật vây quanh chúng ta chẳng có mảy may chướng ngại. Hư không chẳng trở ngại muôn hình tượng rạng ngời, muôn hình tượng rạng ngời cũng chẳng có mảy may chướng ngại hư không tồn tại. Đó gọi là “*Thật Tướng của các pháp, chân tướng của nhân sinh và vũ trụ*”.

Quý vị chưa triệt để giác ngộ, nên chẳng đạt được cuộc sống mỹ mãn. Từ kinh giáo Đại Thừa, chúng ta lãnh hội chân tướng sự thật này. Trong Phật môn, điều ấy được gọi là “giải ngộ”, hoặc “tín giải”, nhưng mức độ hiểu cạn hay sâu khác nhau. [Hễ thấu hiểu “*chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh*”], đó là lý giải ở mức độ khá sâu. Sau khi đã hiểu, điều quan trọng nhất là chúng ta phải mong thực hiện, nghiêm túc thực hiện, đó gọi là Hành. Hành đã được kinh Hoa Nghiêm đã giảng rất thấu triệt qua năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Trong Khoa Phán, Thanh Lương đại sư đã đặt tiêu đề cho phần ấy là “*lịch sự luyện tâm*” (trải qua sự việc để luyện tâm), thật sự hành, phải thật sự hành! Trong phần trước, chúng ta đã đọc về chuyện trải qua sự việc để luyện tâm như sau: “*Đương tướng ly tướng, bất tùy vật chuyển*” (từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, chẳng bị vật chuyển), luyện điều này. Đó là gì? Thật sự tu hành. Lục căn ở trong cảnh giới sáu trần, đó là

“*đương tướng*”. Các phàm phu cũng như vậy, đối trước tướng, họ chẳng lia tướng, mà giữ lấy tướng. “Giữ lấy tướng” là gì? Họ chấp trước tướng ấy, phân biệt tướng ấy, trật rồi! Đối với hiện tướng, họ muốn không chế, muốn chiếm hữu, muốn chuyển biến, đều sai cả! Chư Phật, Bồ Tát ly tướng như thế nào? Đối với hiện tướng hiện tiền, về căn bản là chẳng quan tâm đến nó, mặc cho nó qua đi. Đối với hiện tướng, xác thực là chẳng dùng tới tâm, [tức là] chẳng dùng cái tâm chấp trước, chẳng dùng cái tâm phân biệt, mà cũng chẳng dùng cái tâm thay đổi. Vì sao? Vì tướng là giả, chẳng phải là thật, có gì tự mình chuốc phiền? Đạo lý ở chỗ này. Quý vị sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, cảnh giới bên trong chuyển theo ý niệm của quý vị.

Kể đó, sách viết: “*Tán nhi, vật tùy tâm chuyển*” (Tiên hơn nữa thì vật bị tâm chuyển), “*vật*” (物) là hoàn cảnh bên ngoài. Vì thế, cảnh chuyển theo tâm. Do cảnh chuyển theo tâm, “*cố năng tùy ý tự tại*” (nên có thể tùy ý tự tại), người ấy chẳng có chướng ngại. Hôm qua, chúng tôi nói đến đây, có nhắc đến thời cổ, vào đời Tống, dưới triều đại Tống Cao Tông có một vị là Tế Công, Ngài là một tấm gương tốt đẹp. Nói thật ra, cùng thời đại ấy, Bồ Đại hòa thượng cũng là một gương tốt đẹp. Tế Công là Bồ Tát hóa thân; Bồ Đại hòa thượng là Di Lặc Bồ Tát tái lai. Đọc các truyện ký trong Cao Tăng Truyện, chúng ta thấy truyện ký của hai vị này có phân lượng khá đáng kể. Đặc biệt là truyện Tế Công có phân lượng rất lớn. Quý vị đọc truyện ký, sẽ biết Ngài sống tự tại lắm, xác thực là phương tiện thiện xảo đã đạt tới tột bậc, giúp chúng sanh khai ngộ, giúp chúng sanh quay đầu, khuyên dạy chúng sanh đoạn ác tu thiện. Sách Hoàn Nguyên Quán đúng là đã giảng thấu triệt những đạo lý ấy. Loài người chúng ta do đâu mà có? Từ nhất niệm bất giác mà có. Khi nào có một niệm bất giác ấy? Nói lời thật cùng quý vị, sẽ là “*đương hạ*” (ngay trong lúc ấy), kinh nói là “*vô thi*”. Đừng hiểu lầm ý nghĩa của “*vô thi*”. [Người ta thường hiểu lầm “*vô thi*” là] đã rất lâu, chẳng tìm thấy lúc khởi đầu, nên gọi là “*vô thi*”, những kẻ mới học thường giải thích như vậy, đã giải thích sai mất rồi! Ý nghĩa thật sự của “*vô thi*” rất đơn giản, ý nghĩa nằm ngay trong mặt chữ: Nó chẳng có khởi đầu, nên gọi là vô thi. Thật sự chẳng có khởi đầu, ở ngay trong lúc này, ngay trong một niệm hiện tại. Một niệm ngay trong hiện tại dấy lên, niệm niệm tiếp nối, vấn đề xuất hiện ở ngay ở chỗ này! Nếu niệm niệm tiếp nối mà vẫn giữ được nhất niệm, sẽ là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nếu là hai niệm thì hai niệm bên có phân biệt, ba niệm bên có chấp trước. Chẳng giữ được một niệm, hai niệm sẽ dấy lên, ba niệm bên tiếp theo. Có hai niệm bên có bốn thánh pháp giới. Có ba niệm bên có lục đạo luân hồi. Ngay trong lúc ấy, ba niệm gần như đồng thời, tốc độ quá nhanh.

Vì sao có hiện tượng phát sanh? Sách Hoàn Nguyên Quán bảo: Đó là bản năng (đức năng sẵn có) trong tự tánh. Trong tự tánh có trí huệ và đức tướng viên mãn. Huệ Năng đại sư kiến tánh, đã tiết lộ những tin tức ấy: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ*”, Ngài nói ra câu ấy! Khi chẳng có duyên, tức là nói khi chẳng có một niệm bất giác, thứ gì nó (tự tánh) cũng chẳng có, bởi tự tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Khi có một

niệm ấy phát sanh, nó có thể sanh ra vạn pháp. Vạn pháp xuất hiện đồng thời, chẳng có trước sau, quả thật giống như hiện thời chúng ta sử dụng máy chiếu phim: Những tấm phim được đặt vào máy chiếu, rơi lên màn bạc. Quý vị bật máy lên, toàn bộ hình ảnh bèn xuất hiện đồng thời, chẳng phải là có trước sau, chẳng có thứ tự. Hiện thời, cách nói này trong kinh Phật dần dần đã được những nhà Lương Tử Lực Học thừa nhận. Vì thế, hiện thời khoa học phát triển ngày càng gần với kinh Phật. Đó là chuyện tốt! Đầu tháng này, cư sĩ Chung Mậu Sâm đã tham dự [hội nghị] nghe báo cáo của mấy nhà khoa học ở Tất Nê (Tuyết Lê, Sydney), có ghi tóm tắt những điểm tinh túy, trọng yếu đã nghe, và có viết một báo cáo. Ngày mốt, chúng ta có thể in ra, đặt ở quầy thông tin để kết duyên. Chư vị hãy đọc kỹ, sẽ thấy cách nói [của giới khoa học] hết sức gần với kinh này. Bất quá, họ chẳng biết có tự tánh; vì thế, vẫn dùng chữ Thần. Họ nói có một vị “chân thần”, dùng chữ ấy để biểu thị, [họ cho rằng vạn sự trong vũ trụ] đều là ý nghĩ của chân thần, do chân thần xếp đặt. Thật ra, chẳng phải vậy, tự tánh vốn là như thế. Kinh Phật giảng rất có lý, nó vốn sẵn là như vậy, đó là sự biểu lộ của Tánh Đức. “Thần” như họ nói chính là “tự tánh” trong kinh Phật.

Quý vị thấy từ một Thể, Thể ấy là nói tới tự tánh, “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Hiện Thủ quốc sư dùng danh xưng ấy, ý nghĩa rất hay, nói rất hoàn chỉnh. Tự tánh viên, “*viên*” (圓) là viên mãn, chẳng khiếm khuyết. “*Thanh tịnh*” (清淨) là vĩnh viễn chẳng có ô nhiễm. Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, làm sao ô nhiễm cho được? Chẳng ô nhiễm được, đó là Tánh Thể. “*Viên*” là nói tới đức tướng trong ấy, nay chúng ta gọi [đức tướng] là năng lượng và thông tin. Phật pháp gọi những thông tin ấy là Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chữ “*minh*” (明) là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh, đó là đã nói trọn hết. Vì thế, khi chẳng có duyên, nó (tự tánh) tồn tại, nhưng chẳng có dấu vết. Cho đến khi một niệm bất giác, một niệm bất giác là hiện tượng dao động cực kỳ vi tế, sự dao động ấy quả thật chẳng có nguyên nhân; từ sự dao động ấy, hiện tượng bèn xuất hiện, nên khởi ra hai tác dụng. Hai tác dụng ấy, một là chánh báo, hai là y báo. Chánh báo là chính mình, y báo là vũ trụ. Dù dao động cực kỳ vi tế, hai thứ hiện tượng đều xuất hiện. Hai thứ hiện tượng ấy đều có ba đặc tánh, phải biết điều này: Hiện tượng chánh báo là chính mình, y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta. Nói cách khác, tất cả hết thảy hiện tượng, bất luận là tinh thần hay vật chất, đều có ba đặc tánh:

1) Thứ nhất là “*châu biến pháp giới*”, [nghĩa là] niệm niệm đều trọn khắp pháp giới. Ý niệm là ba tế tướng của A Lại Da, vật chất là tướng cảnh giới của A Lại Da, đều do dao động sanh ra. Do sự dao động ấy trọn khắp pháp giới, nên mới biết toàn thể vũ trụ và chính mình là một Thể.

2) Thứ hai là “*xuất sanh vô tận*”. Xuất sanh vô tận là nói A Lại Da Thức có phân biệt, có chấp trước. Thức thứ sáu và thức thứ bảy khởi tác dụng, xuất sanh vô tận, giống như kính vạn hoa.

3) Hiện tượng thứ ba là “*hàm dung Không Hữu*” (bao hàm Không và Có), chúng ta thường nói là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Bất luận hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, vốn đều là trọn khắp hư không, bao trùm pháp giới. Vì lẽ đó, tâm lượng chúng ta nhỏ nhất sẽ là sai lầm; chẳng thể bao dung sẽ là sai lầm to lớn quá đỗi! Đó là gì? Cội nguồn của tất cả hết thảy phiền não và tội nghiệp. Nếu chúng ta hỏi vì sao có hiện tượng ấy? [Câu trả lời sẽ là] do quý vị chẳng biết vạn vật và chính mình là một Thể, đó là mê, là Hoặc, tức mê hoặc! Vì thế, trong cảnh giới, bất luận vật chất hay tinh thần, quý vị bèn khởi tham, sân, si, mạn là do đạo lý này!

Sau khi đã liễu giải, tuy lục căn đối trước cảnh giới sáu trần bên ngoài, người ta có bản lãnh ấy, họ liễu giải, đã biết, nhưng chẳng dấy lên phân biệt, chấp trước. Đó là Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, gọi là “*du hý thần thông*”, đến giúp đỡ hết thảy đại chúng. Chúng tôi tin tưởng: Trong Phật môn Trung Quốc, các Ngài hiện tượng để giúp đỡ người khác, thì trong những quốc gia, những nơi chốn khác, các Ngài cũng sẽ thị hiện. Ở Trung Quốc, đất đai rộng lớn dường ấy, dân số đông đảo ngàn ấy, tôi tin các Ngài cũng thường xuyên thị hiện, nhưng lũ phàm phu mắt thịt chúng ta chẳng nhận biết. Nói thật ra, các Ngài cũng chẳng cần chúng ta nhận biết. Vì sao? Người ta chẳng tìm kiếm danh lợi, cần [kẻ khác] nhận biết để làm gì? [Các Ngài thị hiện] đều nhằm giúp đỡ các chúng sanh hữu duyên. Ai có duyên với các Ngài, chúng ta không biết, nhưng các Ngài biết, vì tâm các Ngài thanh tịnh. Chư vị phải biết: Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, các Ngài có vô lượng đức năng, trong Phật pháp gọi chuyện này là “*thần thông tự tại*”. Các Ngài chẳng có chướng ngại. Những chướng ngại trong quá khứ, hiện tại, vị lai, các Ngài đều hoàn toàn chẳng có. Chúng ta cảm thấy dường như một đời này, một kiếp sống này, đời đời kiếp kiếp, thời kiếp rất dài; đối với các Ngài thì sao? Các Ngài thấy quý vị đang nằm mộng, liên tục mơ mấy giấc mộng. Các Ngài thấy rất rõ ràng, [quý vị] đồng thời liên tục nằm mơ khá nhiều giấc mộng. Khi quý vị có ý tưởng giác ngộ, ý niệm ấy rất trọng yếu. Ý niệm ấy là duyên phận; trong tâm thật sự mong giác ngộ, các Ngài sẽ thật sự giúp quý vị giác ngộ. Trong tâm chẳng mong giác ngộ, các Ngài chẳng thể giúp đỡ quý vị. Vì sao? Quý vị chẳng có ý niệm ấy, các Ngài giúp đỡ quý vị, quý vị sẽ chẳng thể tiếp nhận. Quý vị có ý niệm ấy, ý niệm ấy rất mạnh, cảm ứng vô cùng thù thắng, [nên các Ngài] thật sự có thể giúp đỡ quý vị.

Đối với những chuyện thần kỳ của người trong thời cận đại, ngày hôm qua tôi đã thừa cùng chư vị truyện trường lão Diệu Thiện chùa Kim Sơn. Ở Đài Loan, có hai người viết truyện truyền kỳ của Ngài. Một vị là pháp sư Chử Vân, vị kia là pháp sư Lạc Quan. Chúng tôi muốn tìm cuốn sách ấy, in ra hai ngàn bản để các đồng học đều được đọc. Vị này là người hiện đại, thật sự có chuyện ấy, chẳng giả tí nào! Pháp sư Lạc Quan kể với tôi: Sư có duyên với Ngài, từng ở chung với Ngài bốn tháng, hai lần, mỗi lần hai tháng. Hai lần ở chung một chỗ, có thời gian dài như thế. Đối với sự tích thần thông diệu ứng của Ngài, pháp sư Lạc Quan đích thân chứng kiến. Ngày hôm qua, tôi đã kể với quý vị khi Kim Sơn Hoạt Phật ăn

com, người ta cúng dường, từng chén dâng lên Ngài, mỗi người đều dâng một chén, pháp sư Lạc Quan ở ngay bên cạnh, thấy Ngài ăn đến mười mấy chén, sắp tới hai mươi chén. Pháp sư Lạc Quan bảo mọi người: “Quý vị chớ nên làm như vậy, làm như vậy sẽ khiến cho pháp sư chịu không nổi”. Kim Sơn Hoạt Phật bèn bảo pháp sư Lạc Quan: “*Bất tăng, bất giảm!*” Pháp sư Lạc Quan nghe nói sững sờ, “*bất tăng, bất giảm*”, mới biết Ngài chẳng phải là người bình phàm. Người bình phàm làm sao có thể chịu đựng được! Thật vậy, về sự tích thần thông thì quý vị nghĩ đến Ngài, nhớ đến Ngài, Ngài liền từ bên ngoài lác lác bước vào. Chẳng phải là ngẫu nhiên! Rất nhiều lần đều là như vậy, đang trò chuyện, Ngài bèn tiến vào! Vì vậy, kinh Phật nói sáu thứ thần thông, Ngài thật sự thị hiện cho quý vị thấy!

Sáu thứ thần thông là bản năng của mỗi người chúng ta, chúng ta có đánh mất hay không? Chẳng đánh mất! Chỉ vì chúng ta đã mê, nên chúng chẳng khởi tác dụng. Khi mê, ba thứ phiền não chướng ngại chúng. Đương nhiên chướng ngại nghiêm trọng nhất là phân biệt, chấp trước. Chúng ta có tâm phân biệt, tâm chấp trước, nên sáu thứ thần thông chẳng khởi tác dụng. Nếu chúng ta có thể buông phân biệt, chấp trước xuống, sáu thứ thần thông bèn khôi phục, tối thiểu cũng phải có công phu giống như trưởng lão Tế Công. Quý vị thấy hòa thượng Diệu Thiện suốt đời ăn mọi thứ tùy duyên, cho gì ăn nấy. Ngài còn có một thói quen, thật đấy, chẳng giả đâu! Hễ Ngài thấy trên mặt đất có rác rưởi, những thứ gì vậy? Đồng nát, sắt vụn, Ngài liền lượm lấy nuốt luôn, người thường có thể làm được hay không? Đồng, sắt đã han rỉ, Ngài cũng chẳng cần lau chùi, cứ nhặt lên, ăn luôn. Còn có người cúng tiền cho Ngài, tiền giấy! [Tiền] dơ bẩn khôn cùng, tay [bao nhiêu người] chạm vào, quý vị đưa cho Ngài, Ngài nuốt luôn! Ngài là người như vậy đó! Quý vị thấy cả đời Ngài chẳng tắm rửa, suốt đời là một bộ quần áo, cổ áo cẩu ghét (hòm) bám đen thui, cổ áo đầy nhé! Nhưng quý vị nghĩ, có mùi hoa sen; còn lạ lùng hơn nữa là gì? Còn có thể chữa bệnh. Có những người nhức đầu, chẳng thoải mái, hễ nghĩ liền khỏi, bệnh chẳng còn nữa. Ngài có năng lực ấy. Vì thế, thoát đầu pháp sư Lạc Quan ở chung với Ngài, mấy hôm đầu thấy Ngài điên điên, khùng khùng, trong tâm hơi coi thường Ngài. Trong tâm có ý niệm ấy, Ngài bèn nói toạc ý niệm ấy ra. Từ đó về sau, pháp sư cũng không dám khởi tâm động niệm nữa. Ngài biết toàn bộ, mới biết Ngài chẳng phải là phàm nhân. Đó là gì? Đã đạt cảnh giới “*cảnh chuyển theo tâm, tùy ý tự tại*”.

Chúng ta đọc phần kinh văn này rất hâm mộ. Phật, Bồ Tát bảo chúng ta: Rất đơn giản, chỉ cần quý vị buông phân biệt, chấp trước xuống, sẽ có thể giống như Ngài. Vì sao? Đó là bản năng của quý vị, quý vị vốn sẵn có, chẳng hiếm hoi, lạ lùng tí nào! Quý vị cũng vốn sẵn có trí huệ của Phật, Bồ Tát, chỉ cần buông những thứ ấy xuống là được! Công phu chân chánh chẳng phải là điều gì khác, chỉ là buông xuống! Chúng ta niệm kinh, niệm kinh sẽ có thể khai trí huệ ư? Đúng vậy! Biết niệm sẽ khai trí huệ; không biết niệm sẽ tăng trưởng phiền não. Biết niệm là gì? Khi niệm kinh, buông phân biệt, chấp trước xuống, đó là “*biết niệm*”. Khi niệm kinh, hễ còn có phân biệt, chấp trước thì là chẳng biết niệm. Niệm kiểu đó, không

chỉ chẳng thể đoạn phiền não, mà còn sanh ra phiền não. Phiền não gì vậy? Sở Tri Chương. Quý vị đã có Phiền Não Chương, nay lại có thêm Sở Tri Chương, sai mất rồi! Do đó, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta ba nguyên tắc trong niệm kinh, chúng ta phải ghi nhớ. Niệm kinh, thính giáo (tức là nghe giảng), đều phải tuân thủ các nguyên tắc ấy: Nghe giảng đừng chấp trước tướng ngôn thuyết, đừng chấp trước tướng danh tự, đừng chấp trước tướng tâm duyên. Trong tâm quý vị chớ nên có phân biệt, chớ nên chấp trước, đừng suy nghĩ, hãy nhất tâm nghe kinh, quên sạch những ý niệm khác, đều buông xuống, đó gọi là “*biết nghe*”. Nghe kinh như vậy có thể đắc Định, có thể khai ngộ. Kẻ chẳng biết nghe chính là lũ phàm phu chúng ta mong nghe giảng, nghe người ta giảng nói như thế nào, bèn nhớ kỹ từng câu trong lòng. Hễ thuận với ý mình, bèn sanh tâm hoan hỷ; hễ trái với ý nghĩ của mình, bèn phê bình. Đó gọi là “*sanh phiền não*”. Quý vị nghe giảng hoặc đọc xong, tâm sanh mừng, giận, buồn, vui, sanh khởi những thứ ấy. Người thật sự biết nghe, sẽ đạt được gì? Đạt được thanh tịnh, bình đẳng, giác, đạt được những điều ấy, đó là biết nghe! Nói cách khác, nghe kinh liả tướng ngôn thuyết, liả tướng tâm duyên, liả tướng danh tự, đó là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Khi đọc kinh, chớ nên chấp trước tướng văn tự! Văn tự là phù hiệu ngôn ngữ. [Mã Minh Bồ Tát] dạy chúng ta đừng chấp trước tướng ngôn thuyết. Chúng ta cũng đừng nên chấp tướng văn tự, mà cũng đừng chấp trước tướng danh tự, cũng chớ nên phân biệt, chẳng cần suy nghĩ câu này có ý nghĩa gì, câu kia có ý nghĩa gì, chẳng cần phải suy nghĩ! Đọc kinh như vậy, sẽ có thể đắc Thiền Định, sẽ có thể khai ngộ. Vì thế, biết và không biết có quan hệ rất lớn. Thứ gì quý vị cũng đều hiểu, hãy nắm lấy nguyên lý và nguyên tắc của chúng.

Vì sao ta nghe kinh? Vì sao ta đọc kinh? Nhằm khai ngộ, nhằm tu tâm thanh tịnh. Chúng ta cùng nhau cộng tu hai tiếng đồng hồ, cùng nhau chia sẻ, có phải là trong hai tiếng đồng hồ ấy tâm địa thanh tịnh, chẳng có tạp niệm xen vào đó, nhất tâm nơi kinh giáo hay không? Nếu như thế thì đúng. Nghe kinh giáo mà chẳng chấp trước kinh giáo thì đúng, hoàn toàn đúng. Đến khi thuần thực, xác thực là cảnh chuyển theo tâm, công phu của quý vị sâu xa. Công phu sâu là gì? Ý niệm thật sự tương ứng với tự tánh, phiền não, tập khí dần dần nhạt mỏng, dần dần tiếp cận trí huệ và đức tướng trong tự tánh, tự tánh khởi tác dụng. Nay chúng ta chẳng khởi tác dụng, vì sao? Chúng ta rất gần với phiền não tập khí, nên Tánh Đức chẳng khởi tác dụng. Chuyện này không quan trọng cho lắm, thời gian chúng ta nghe kinh quá ít, công phu chẳng đủ! Vì thế, thật sự có hoàn cảnh tu học, mỗi ngày có thể nghe kinh mười tiếng đồng hồ, tôi tin tưởng là ba tháng hay nửa năm, quý vị sẽ biến đổi. Phương pháp ấy hết sức hữu hiệu đối với người căn tánh trung hạ, nay chúng ta gọi họ là “phần tử trí thức”. Phần tử trí thức tu học [phương pháp ấy] đặc biệt có hiệu quả. Quý vị bảo phần tử trí thức tham Thiền không được, vì họ chẳng thể định; bảo họ niệm Phật cũng không được, họ chẳng niệm được, vọng tưởng, tạp niệm quá nhiều. Vì thế, người bình phàm có hai căn bệnh lớn, một là hôn trầm, hai là lao chao.

Hôn trầm là gì? Tinh thần chẳng thể phân chân được, ngồi lâu bèn ngủ gà ngủ gật, ngủ mất tiêu! Không chỉ ngồi mới ngủ, mà đứng cũng ngủ. Thuở chúng tôi còn trẻ, xuất gia, công khóa sáng tối lên chánh điện tụng kinh, mọi người xếp hàng đứng vào chỗ, liền nghe có người ngáy, đứng ngay ở đó mà ngáy, hôn trầm mà! Lão hòa thượng dùng hương bản đập người ấy, người ấy cứ đứng đó mà ngủ! Còn có người công phu giỏi hơn nữa! Vừa đi vừa ngủ, đi nhiều Phật, khi đi nhiều Phật họ ngáy o o, rất lợi hại! Do đó, đấy là tật xấu!

Một căn bệnh khác là gì? Tâm chẳng thể định! Chẳng ngủ gục, tinh thần tốt lắm, vọng niệm rất nhiều, đó gọi là “*trạo cử*” (掉舉: điệu cử, lao chao). Phật môn nói hai thứ tập khí phiền não ấy rất nặng, đều khiến cho tâm chẳng định được. Đối với kẻ chẳng thể định tâm, đức Phật dùng phương pháp tu Định để giúp đỡ họ. Đối với kẻ chẳng thể phân chân tinh thần, hôn trầm, có một cách là bảo kẻ ấy nhiều Phật, kinh hành. Khi kinh hành, kẻ ấy vẫn ngủ gà ngủ gật thì còn có một cách nữa là bảo kẻ ấy lạy Phật. Vì thế, trong Phật môn, đối với hạng người đó, lão hòa thượng quy định công khóa của họ là mỗi ngày ba ngàn lạy. Ba ngàn lạy thì gần như là bảy tám tiếng đồng hồ. Đúng vậy! Làm như thế có thể chữa khỏi tật xấu của kẻ ấy.

“*Như Tịnh Ảnh Sớ vân: Do thành thắng thông, ư nhất thiết vật biến hóa tùy ý, cố năng lợi vật, danh vi tự tại*” (Như Tịnh Ảnh Sớ nói: “Do thành tựu thần thông thù thắng, nên trong hết thảy các vật có thể biến hóa tùy ý. Vì thế, có thể lợi vật, gọi là tự tại”). Trong bản chú giải, ngài Huệ Viễn đã nói như vậy. “*Do thành thắng thông*”, [nghĩa là] các Ngài (các vị Bồ Tát dự hội) đã thành tựu thần thông thù thắng. “*Thắng thông*” (勝通) là nói tới thành tựu của Bồ Tát, cao hơn A La Hán, trong hết thảy các vật có thể biến hóa tùy ý, thật sự có thể làm giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng tiếp nhận của họ*”, tùy vật (隨物: tùy thuận chúng sanh) mà biến hóa, trọn chẳng phải do chính mình khởi tâm động niệm, mà là tự nhiên, thuận theo ý niệm của chúng sanh mà biến hóa. Trong kinh Tiểu Thừa, trong tám tướng thành đạo có tướng hàng ma, trong kinh Đại Thừa chẳng có. Kinh Đại Thừa dạy: Vì Ngài chẳng phân biệt, nên chẳng có Phật, mà cũng chẳng có ma. Phật và ma chẳng có sai biệt, hoàn toàn do chính mình dụng tâm. Tâm của chính mình thanh tịnh, thiện lương, ma cũng là Phật. Tâm của chính mình chẳng thanh tịnh, bất thiện, Phật cũng là ma. Nói thật ra, hiện tượng bên ngoài chẳng có đúng, sai, thiện, ác, mà cũng chẳng có chân, vọng, tà, chánh. Đúng, sai, thiện, ác, chân, vọng, tà, chánh đều do tâm của chính chúng ta, tâm chúng ta phản ứng, điểm này rất quan trọng! Nếu chúng ta muốn thấy Phật, quý vị thật sự tu tâm thanh tịnh, tu một bầu thiện tâm, thiện tâm là gì? Trong mỗi niệm, tâm luôn vì hết thảy chúng sanh khổ nạn thì là thiện tâm. Hễ có một niệm vì chính mình, tâm ấy bất thiện, trong một niệm ấy, hễ có nhân tố của vô lượng phiền não xen lẫn, sẽ là ô nhiễm, bất thiện. Vì thế, điều quan trọng đối với chúng ta là phải sửa đổi ý niệm.

Trước kia, chẳng dễ gì sửa đổi ý niệm; nay đã dần dần hiểu, hiểu điều gì? Vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới do tâm tánh của chính mình biến hiện, có cùng một Thể với chính mình, nên chẳng còn chấp trước thân này là ta. Ta là gì? Khắp pháp giới hư không giới là ta. Chẳng phải là coi người khác giống như chính mình, mà là người khác và ta thật sự là một Thể. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật giảng, tự tánh của chúng ta giống như biển cả, nên gọi là “*tánh hải*”, dùng tỷ dụ ấy. Quý vị, tôi, người khác, do đâu mà có? Là bọt nước trôi lên trong biển cả! Nếu quý vị giác ngộ, bọt nước dẫu nhiều đến đâu đi nữa, vẫn là một biển cả, là một với chính mình. Đã ngộ, biển cả là chính mình; hễ mê, ngõ bọt nước là chính mình, quý vị, tôi và người khác biến thành đôi lập, đó là mê. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, chúng ta cũng niệm rất thuần thực, nhưng chẳng liễu giải ý nghĩa thật sự. Chẳng hạn như kinh dạy: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”, một thân đây nhé! Thân gì vậy? Thân ấy là chân thân, tức Pháp Thân! Vì thế, Giáo Hạ mới thường nói: “*Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”. Vô minh đã phá, liền chứng đắc Pháp Thân. Vô minh là gì? Khởi tâm động niệm. Vốn chẳng khởi tâm, không động niệm, Pháp Thân liền hiện tiền. Pháp Thân là gì? Khắp pháp giới hư không giới là chính mình, đó là Pháp Thân. Pháp Thân bất sanh, bất diệt, Pháp Thân chẳng đến, chẳng đi. Những câu ấy trong kinh điển rất khó hiểu, vì sao là bất sanh, bất diệt? Vì sao chẳng đến, chẳng đi? Trung Quán Luận nói tám chữ Bất26[6]. Đọc Hoàn Nguyên Quán rồi mới coi như hiểu rõ. Vì thế, [hiểu rõ] vạn pháp trong vũ trụ và chính mình là một Thể, tâm từ bi bèn sanh khởi. Trí huệ hiện tiền, tâm từ bi sanh khởi. Thật sự yêu thương hết thấy chúng sanh, trông thấy chúng sanh trong lục đạo, sanh khởi tâm thương xót: “Ta rất may mắn, ở trong lục đạo mà giác ngộ. Suốt một đời này, nhất tâm nhất ý không chỉ mong thoát khỏi lục đạo, mà còn muốn thoát khỏi mười pháp giới”. Phương pháp có thể nắm chắc nhất, đáng tin cậy nhất là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Sanh vào Tịnh Độ, liền vượt thoát mười pháp giới, sanh Tịnh Độ bèn thành Phật, phải biết điều này. Do đó, trong vô lượng pháp môn, đây là pháp môn thù thắng khôn sánh. Hơn nữa, chỉ cần phát tâm học, chẳng có ai không thành tựu!

Chỉ có đạt đến thành tựu ấy thì mới có thể giống như Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh trong mười pháp giới thuộc mười phương các cõi Phật trọn khắp pháp giới hư không giới. Chính chúng ta chưa vượt thoát, làm sao có thể giúp họ cho được? Chính mình vượt thoát, cách duy nhất để nắm chắc, để có thể thành tựu trong một đời, Phật, Bồ Tát đều sẽ giúp đỡ, chiếu cố chúng ta, là phải nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật. Chớ nên so đo phẩm vị vãng sanh, không cần thiết! Ngẫu Ích đại sư đã vì chúng ta thị hiện, lão nhân gia nói: “*Chỉ cần hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, tôi đã thỏa ý rồi*”. Ngẫu Ích đại sư chẳng phải là phạm nhân, bộ Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngài tuyệt hay! Theo lời Bạt ở cuối sách ấy,

26[6] “Tám chữ Bất” là nói đến một chủ đề chánh yếu trong Trung Quán Luận của Long Thọ Bồ Tát qua bài kệ mở đầu Trung Quán Luận: “*Bất sanh, diệt bất diệt, bất thường diệt bất đoạn, bất nhất diệt bất dị, bất lai diệt bất xuất*”.

Ngài viết xong bộ Yếu Giải trong chín ngày! Pháp sư Ân Quang đã tán thán cuốn sách nhỏ ấy tốt bậc. Trong Văn Sao, khi nhắc tới Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngài đã viết: “*Dẫu cổ Phật tái lai trong thế gian này để viết chú giải kinh Di Đà, cũng chẳng thể hay hơn bản ấy được!*” Quý vị thấy Ân Quang đại sư tán thán như vậy, lời tán thán ấy tuyệt diệu thay! [Tổ đã] coi Ngẫu Ích đại sư như chư Phật Như Lai. Nói cách khác, bản chú giải Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư giống như A Di Đà Phật tự mình trước tác. Rất nhiều người biết Ân Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Đại Thế Chí là Đẳng Giác Bồ Tát, Ngài tán thán Ngẫu Ích đại sư như vậy, thân phận của Ngẫu Ích đại sư đã bị bộc lộ. Từ câu nói ấy của Ân Quang đại sư, chúng ta có thể liên tưởng nếu Ngẫu Ích đại sư chẳng phải là Phật Di Đà tái lai, chắc chắn cũng là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai.

Chúng ta học Tịnh Độ, nếu ngại kinh Vô Lượng Thọ phân lượng còn quá nhiều, rất khó tiếp nhận, hãy học Yếu Giải, được lắm! Quá hay! Tám ngàn năm trong thời Mạt Pháp sau này, vô lượng chúng sanh hữu duyên đặc độ, tôi tin là do nhờ vào hai bản kinh sách, một là Di Đà Yếu Giải, hai là bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của Hạ lão cư sĩ. Thật sự có năng lực để chuyên tu, chúng xuất gia trong đạo tràng hãy nên lấy Yếu Giải làm khóa sáng, lấy kinh Vô Lượng Thọ làm khóa tối, hoặc lấy kinh Vô Lượng Thọ làm khóa sáng, Yếu Giải làm khóa tối, đều được, khế cơ mà! Trong hiện thời, khóa bản trong các chùa miếu do cổ nhân ấn định, thời ấy thì được, chứ trong thời đại này sẽ chẳng khế cơ. Vì thế, khi Tịnh Tông Học Hội thành lập, các đồng học muốn tôi biên soạn một bản khóa tụng. Lúc đó, tôi ở Mỹ, liền chọn bản này, tức là bản kinh Vô Lượng Thọ: Khóa sáng niệm phẩm thứ sáu gồm bốn mươi tám nguyện, [đó là] kinh văn đề tụng niệm trong khóa sáng. Khóa tối cũng dùng bản này, từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy. Đoạn kinh văn ấy khá dài, đó là gì? Giới luật, Ngũ Giới, Thập Thiện, dạy chúng ta đoạn ác, tu thiện, thật sự sám hối, thật sự được thọ dụng. Khóa sáng gồm bốn mươi tám nguyện nhằm nhắc nhở chúng ta; khóa tối là một đoạn lớn kinh văn sám hối, sám trừ nghiệp chướng. Kinh văn như vậy chẳng thể coi là rất dài, học dễ dàng. Bản này cũng được lưu thông rất rộng, rất thích hợp cho các đồng học hiện thời tu học.

Tiếp đó, sách viết: “*Đại sĩ thần thông tự tại, u nhất thiết vạn vật tâm vô câu thúc, tùy duyên biến hóa, nhiều ích chúng sanh*” (Đại sĩ thần thông tự tại, trong hết thầy vạn vật, tâm chẳng bị câu thúc, tùy duyên biến hóa lợi ích chúng sanh). Tiếp đó là nêu một tỷ dụ: “*Nạp Tu Di u giới tử, chuyển tứ hải nhập mao đoạn, tùy ý lợi tha, cố vân tự tại*” (Bỏ núi Tu Di vào trong hạt cải, chuyển bốn biển vào trong một đầu lông, tùy ý lợi người, nên bảo là “tự tại”). Nói về sự tự tại, tự tại đến mức độ nào? Nêu lên tỷ dụ ấy. “*Tu Di*” là núi Tu Di, tức là quả núi cao nhất, to nhất trên thế gian này. Bỏ quả núi ấy vào đâu? Đặt trong hạt cải, hạt cải rất nhỏ, giống như hạt mè. Bỏ núi Tu Di vào trong hạt cải, hạt cải chẳng phình to, núi Tu Di chẳng rút nhỏ, mà có thể bỏ vào được! Bốn đại hải còn lớn hơn nữa. “*Tứ đại hải*” là các đại dương trên địa cầu. Dem các đại dương bỏ vào trong đầu sợi lông. [“*Mao đoạn*” (毛端)] là sợi lông, bỏ [bốn đại hải] trong một sợi lông! Nói lên điều gì? Lớn và nhỏ chẳng hai, thật

vậy, chẳng giả! Nay chúng ta không buông xuống được, chẳng có cách nào buông xuống được, do nguyên nhân nào? Chúng ta chấp trước có cái lớn, cái nhỏ. Chỉ cần quý vị có chấp trước, nó liền khởi tác dụng: Lớn có thể dung nạp nhỏ, nhưng nhỏ chẳng thể dung nạp lớn. Nếu chúng ta buông chấp trước xuống, sẽ làm được chuyện ấy.

Công phu tu hành chẳng có gì khác, buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà thôi. Đó là tu hành nghiêm túc. Người thượng thượng căn buông gì xuống? Khởi tâm động niệm, người ấy buông khởi tâm động niệm xuống, đương nhiên phân biệt, chấp trước đều chẳng còn. Chúng ta biết phân biệt sanh từ khởi tâm động niệm, chấp trước sanh từ phân biệt. Không khởi tâm, không động niệm, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, bậc thượng thượng căn dùng công phu ấy. Bất luận trong cảnh giới nào, họ đều có thể tiếp xúc, nào ngại vạn vật thường vây quanh. Họ đều tiếp xúc, nhưng chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là công phu của Pháp Thân Bồ Tát. Khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, đó là công phu của Bồ Tát. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chẳng có chấp trước, đó là công phu của A La Hán và Bích Chi Phật. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước toàn bộ đều có, đó là lục đạo phàm phu. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn nhằm tu gì? Tông Môn nói: Tu không động tâm. Tu vô tâm trong vạn vật. Tu điều ấy, tu vô tâm trong vạn vật. Tu ngay trong vạn vật, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là tu hành thật sự. Người tu hành tâm vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, đó là Tự Thọ Dụng, đối với người, đối với vật đại từ đại bi. Đại từ đại bi là gì? Người ấy dùng cái tâm bình đẳng, đối với hết thảy chúng sanh, chẳng có lòng yêu thương thiên vị, ưa chuộng riêng một ai, chẳng có! Hoàn toàn là bình đẳng, cùng với chính mình là một Thể, đó là chân tu.

Trong thời đại hiện tiền, tai nạn hiện tiền cũng có lợi. Chúng tôi cũng thường nói: “Đại tai nạn hiện tiền, khơi gợi nhiều người giác ngộ”. Chúng ta phải từ mê hoặc, điên đảo quay lại, quyết định chớ nên làm chuyện tự tư tự lợi, phải đối đãi bình đẳng, phải cư xử hòa thuận, [phải có thái độ coi hết thảy chúng sanh là] những người đồng hội đồng thuyền với ta, hãy nên giúp đỡ lẫn nhau. Hiện thời, trên khắp địa cầu xuất hiện rắc rối, địa cầu giống như một chiếc thuyền trong vũ trụ, chúng ta ngồi cùng thuyền phải giúp đỡ nhau, chớ nên còn phân biệt anh, tôi, người khác. Vạn vật là một Thể, vạn vật là một nhà, phải thành tâm thành ý hỗ trợ hợp tác. Chúng ta sửa đổi ý niệm như thế, chư vị phải biết, tai nạn sẽ hóa giải. Vì sao? Vật chuyển theo tâm, hoàn cảnh liền chuyển theo tâm. Hoàn cảnh hiện thời rối ren đến mức độ này là vì sao? Mỗi cá nhân tự tư tự lợi, chỉ biết có chính mình, chẳng nghĩ đến người khác, thậm chí khởi tâm động niệm đều là tổn người, lợi mình, nên mới biến địa cầu thành nông nổi này! Các khoa học gia cho biết: Vật chất trong vũ trụ là giả, chỉ có ý niệm. Ý niệm là gì? Ý niệm là thức. Nhà Phật nói “*tâm hiện, thức biến*”, tự tánh có thể sanh, có thể hiện, nhưng nó chẳng biến đổi, còn thức sẽ biến. Thức là gì? Ý niệm, chuyển biến theo ý niệm. Ý niệm là chúng sanh trong mười pháp giới, chúng sanh trong lục đạo. Tâm địa của chúng sanh

trong bốn thánh pháp giới đều thanh tịnh, vì họ chẳng có phân biệt, chấp trước. A La Hán và Bích Chi Phật chẳng có chấp trước, cao hơn nữa là Bồ Tát và Phật chẳng có phân biệt. Vì thế, các Ngài thanh tịnh; đó chính là Tịnh Độ; Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lục đạo luân hồi là uế độ; chúng sanh luân hồi trong lục đạo có phân biệt, có chấp trước, lại còn [phân biệt, chấp trước] vô cùng nghiêm trọng. Hiện thời, toàn thể phân biệt, chấp trước đều là sai lầm, đều bất thiện, vi phạm toàn bộ mười điều lành do đức Phật đã dạy.

Do đó, thế giới hiện thời là thế giới Thập Ác, giết, trộm, dâm, dối, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, tham, sân, si, toàn là những thứ ấy, toàn bộ! Ngược lại, những người thật sự tu Thập Thiện Nghiệp, chẳng giết, chẳng trộm, chẳng dâm, chẳng nói dối, chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng ác khẩu, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, quá ư là ít! Đúng là trong một vạn người, khó tìm được một kẻ! Sở dĩ thế giới biến thành như vậy, sở dĩ xã hội biến thành như vậy, chúng ta phải biết: Chẳng do nguyên nhân nào khác, mà là do ý niệm của cư dân trên địa cầu, do ý niệm của chúng sanh trên địa cầu. Chúng ta có thiện niệm, địa cầu ngay lập tức khôi phục bình thường. Nếu vẫn chẳng biết quay đầu, tai nạn còn nghiêm trọng hơn! Tai nạn trong hiện thời vừa mới khởi đầu, chẳng phải đến mức này là xong. Hiện thời mới vừa bắt đầu, sau này sẽ còn nhiều rắc rối to lớn! Vì thế, chúng tôi hy vọng các đồng học học Phật, bất luận là học từ [truyền hình] vệ tinh, hay học từ Internet, chúng ta cùng học một bộ kinh Vô Lượng Thọ, cùng niệm câu A Di Đà Phật, hãy noi theo lý luận trong kinh giáo, biến lý luận thành tư tưởng của chúng ta, biến giáo huấn trong kinh điển thành hành vi của chúng ta. Tôi tin tưởng các đồng học chúng ta số lượng chẳng ít, các đồng học Tịnh Tông trên toàn cầu đều có thể làm như vậy, sẽ có công hiến rất lớn đối với thế giới, văn minh kiếp vận. Các nhà khoa học nói chỉ cần có tám ngàn người là đủ, tôi tin tưởng chúng ta chắc chắn không chỉ có tám ngàn người, mà còn vượt xa số đó. Chúng ta phải có tín tâm, phải có đại nguyện, nhất định thực hiện từ chính mình, toàn tâm toàn lực thực hiện.

Điều quan trọng nhất là biết chân tướng sự thật, thân chẳng phải là ta, linh tánh là ta. Thân có sanh diệt, linh tánh chẳng diệt. Biết linh tánh chẳng diệt, quý vị sẽ coi trọng định luật nhân quả. Chúng ta chưa vượt thoát mười pháp giới, chắc chắn không thoát khỏi định luật nhân quả. Trong mười pháp giới, thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo. Chúng ta quyết định chẳng kết ác duyên, quyết định chẳng tạo nhân ác. Chúng ta chỉ có một mục tiêu, một phương hướng, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Đã thành tựu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là như kinh đã dạy, chúng ta phải báo ân cha mẹ. Cha mẹ sanh ra thân thể này, chúng ta mới có duyên tiếp xúc Phật pháp. Phải báo ân Phật, Bồ Tát; nếu Phật, Bồ Tát chẳng giáo huấn, đời này chúng ta làm sao có thể thành tựu cho được? Dùng phương pháp gì để báo ân? Chính mình thành Phật, sau đây phỏng theo chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ cũng trụ trong khắp pháp giới hư không giới, giống hệt như kinh đã dạy, dùng vô lượng trí huệ, vô lượng thân thông, đạo lực để ứng hóa trong mười pháp giới,

giúp đỡ hết thảy chúng sanh còn chưa giác ngộ. Đó là báo ân chân chánh, báo ân cha mẹ đời đời kiếp kiếp, báo ân Phật Như Lai và ân thầy.

Chúng ta xem hai câu cuối cùng: *“Vị chư thứ loại, tác bất tỉnh chi hữu”* (Vì muôn loài, làm bạn chẳng tỉnh). Quý vị thấy phía trước toàn là nói về tự độ, câu này là độ tha. Sau khi tự độ, nhất định phải độ tha. Hy vọng Pháp Thân của chúng ta vĩnh viễn khỏe mạnh, hễ còn có mê, bất giác, còn đọa trong lục đạo, tức là Pháp Thân của chúng ta còn có chút bệnh tật, vẫn chưa hoàn toàn khôi phục, chúng ta phải chỉnh sửa chút bệnh vặt ấy. Tiếp đó, [cụ Hoàng] giảng: *“Thứ giả, phạm thứ”* (Thứ (庶) là bình phạm), chúng ta thường nói là phạm phu, chỉ lục đạo chúng sanh. *“Loại giả, phạm loại”* (loại (類) là phạm loại), tức các loại. *“Hữu thứ giả, chúng dã, thứ loại chỉ chúng sanh”* (Thứ còn có nghĩa là Chúng, chữ “thứ loại” chỉ chúng sanh), đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo. *“Bất tỉnh chi hữu giả, Hội Sơ vân: Chúng sanh bối giác”* (Sách Hội Sơ giảng về “bạn chẳng tỉnh” như sau: “Chúng sanh trái nghịch giác”), *“giác”* là giác ngộ, cũng chính là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” như trong tựa đề kinh đã nói. Vốn là giác, giác là Phật. Vì lẽ đó, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật thường dạy: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật, vốn đã thành Phật”* đều là nói theo giác. Trong tựa đề kinh này, thanh tịnh là A La Hán, là Bích Chi Phật, các Ngài đắc thanh tịnh tâm; bình đẳng là Bồ Tát; giác là Phật. Nay lục đạo phạm phu chúng ta trái nghịch toàn bộ, không chỉ là bất giác, mà còn là bất bình đẳng. Bất bình đẳng là gì? Có phân biệt. Lại còn chẳng thanh tịnh; chẳng thanh tịnh là có chấp trước. Có chấp trước sẽ không thanh tịnh, có phân biệt sẽ không bình đẳng, bất giác là mê. Vì vậy, chúng sanh trái nghịch giác, vi phạm thanh tịnh, bình đẳng, giác. *“Trầm mê phiêu lưu”* (chìm đắm, mê muội, phiêu giạt), mấy câu này hình dung sự trầm mê trong lục đạo, mê rất sâu, trôi giạt trong lục đạo, hình dung họ phải theo nghiệp chịu báo mà luân hồi trong lục đạo. Ý nghĩa được bao hàm trong câu này vô cùng sâu.

Con người hiện thời chẳng biết nhân quả đáng sợ, dám tạo tội nghiệp. Xã hội hiện thời loạn như thế, nguyên nhân chủ yếu nhất là sát sanh. Phạm là các chúng sanh có sanh mạng, chúng ta thường gọi là “động vật”, quý vị giết nó, nó có oán hận hay không? Nó chẳng có khả năng chống cự, bị quý vị giết, bị quý vị ăn, nó có cam tâm tình nguyện hay không? Nếu chẳng cam tâm, không tình nguyện, nó có báo thù hay không? Nhất là giết người, hiện thời mỗi ngày giết người bao nhiêu? Ví dụ rõ ràng nhất là phá thai. Phá thai là sát nhân, chẳng phải là giết ai khác, mà chính là giết con cái của chính mình. Trên thế giới mỗi ngày có bao nhiêu [trường hợp phá thai]? Đáng sợ quá! Mỗi năm giết bao nhiêu? Nó có duyên với quý vị, đến làm con cái của quý vị. Nếu là báo ân, quý vị giết nó đi, sẽ biến thành cừu nhân. Nó đến báo oán, quý vị giết nó, cừu hận càng sâu! Oán khí ấy kinh khủng lắm! Nó đến đòi nợ, hoặc trả nợ, nợ nần còn đang tranh chấp, nay biến thành sát nghiệp, lại biến thành nợ mạng, đáng sợ quá! Người hiểu nhân quả quyết định chẳng dám làm chuyện này, rất đáng sợ! Hiện thời, không khí ô nhiễm, mỗi ngày quý vị thấy bầu trời xám mù mịt. Đó là gì vậy? Oán khí đấy,

chẳng phải là thứ gì khác! Những chuyện con người đang làm hiện thời còn thua cả súc sanh! Súc sanh như sư tử, cạp chẳng ăn con cái của chính mình, sẽ không tổn hại chúng! Con người hiện thời ngay đến súc sanh mà vẫn chẳng bằng, đáng sợ quá! Oan oan tương báo chẳng dứt, chẳng xong, phiền phức to lắm! Ăn thịt hết thấy các động vật lại chẳng cần phải nói nữa. Chẳng có động vật nào cam tâm tình nguyện đem thân thể của chính mình dâng lên cúng dường quý vị. Quý vị giết nó, muốn ăn thịt nó, nó biết, tìm mọi cách chạy trốn chết, nhưng trốn chẳng thoát! Bị quý vị giết, bị quý vị ăn. Trong hết thấy ác nghiệp, sát sanh xếp hàng đầu. Trong Ngũ Giới, điều đầu tiên là chẳng sát sanh. Trong Thập Thiện, điều đầu tiên cũng là không sát sanh. Vì thế, trong giới luật Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, điều được khẳng định đầu tiên là không sát sanh. Đó là chư Phật Như Lai đại từ đại bi, thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta, quyết định chớ nên tạo tội nghiệp ấy. Muỗi, trùng, kiến đều có sanh mạng, chớ nghĩ chúng là nhỏ nhoi, mỗi con cũng là một mạng. Kẻ thường sát sanh, điều thứ nhất, chắc chắn là thân thể chẳng tốt, nhiều bệnh, lắm tai ương, nhiều bệnh tật, đời sau là quả báo trong tam đồ, làm sao có thể trốn thoát cho được! Trong một đời này, bất cứ lúc nào đều có oán thân trái chủ theo bên thân quý vị, quý vị có dễ sống hay chẳng? Những lời này chẳng phải là nói láo nghe chơi, mà là chân tướng sự thật.

Vì lẽ đó, lão pháp sư Ấn Quang suốt đời đề xướng nhân quả là có lý. Để cứu vớt xã hội hiện thời, luân lý và đạo đức hữu dụng hay không? Nói thật ra, chẳng hữu dụng! Thứ gì hữu dụng? Giáo dục nhân quả hữu dụng, dùng giáo dục luân lý đạo đức để phụ trợ giáo dục nhân quả. Chúng ta nhất định phải biết: Người được giáo dục luân lý, đạo đức, xấu hổ vì làm ác. Cổ nhân nói: Họ cảm thấy làm chuyện bất thiện sẽ là chuyện mất mặt, chẳng muốn làm; nhưng người được giáo dục nhân quả không dám làm ác, sức mạnh ấy mới to lớn. Người được hưởng giáo dục luân lý đạo đức rất tốt đẹp, nhưng gặp phải tình cảnh “danh cao, lợi dày” như cổ nhân đã nói, vẫn có thể bị động tâm, vẫn là biết rõ mà cố phạm, vì thấy lợi ích to tát trước mắt mà làm. Nếu hiểu nhân quả, người ấy sẽ chẳng dám làm. Vì thế, trong An Sĩ Toàn Thư có hai câu nói rất hay: *“Ai nấy tin nhân quả là đạo đại trị trong thiên hạ. Ai nấy chẳng tin nhân quả là đạo khiến cho thiên hạ đại loạn”*. Ấn Quang đại sư lão nhân gia giới thiệu An Sĩ Toàn Thư, nói bộ sách ấy là “kỳ thư bậc nhất trong thiên hạ”, toàn bộ đều giảng về nhân quả. Cả bộ sách ấy chia làm bốn phần, phần thứ nhất là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, khuyên con người tích âm đức, đoạn ác tu thiện, đó là tích âm đức. Phần này có phân lượng rất lớn, gần như chiếm nửa bộ sách. Nửa còn lại của bộ sách gồm có ba thiên, Vạn Thiện Tiên Sư khuyên kiêng giết, Dục Hải Hội Cuồng khuyên kiêng dâm. Trong các tội nghiệp, hai điều này nặng nhất. Thiên cuối cùng là Tây Quy Trục Chỉ, khuyên quý vị niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ấn Quang đại sư suốt đời vì chúng ta thị hiện, tôi có cảm giác thật sâu đậm là Ngài đến thị hiện giáo dục nhân quả cho chúng ta, nhằm mục đích gì? Cứu vớt xã hội hiện tiền!

Trong xã hội hiện tiền, nếu mỗi người trên thế giới đều tin nhân quả, thế giới này còn được cứu. Nếu ai nấy chẳng tin nhân quả, thế giới này hết cách cứu! Tin nhân quả, luân lý đạo đức liền có tác dụng, sẽ biến thành đất nước lễ nghĩa, xã hội hòa hài sẽ xuất hiện. Dầu chưa thể đạt đến thời thịnh trị đại đồng, thì cũng có thể thấy là thời tiểu khang. Không tin nhân quả, chẳng thể được! Nhân quả là thật, chẳng giả, ở ngay trước mắt, ở ngay chung quanh. Quý vị chú tâm quan sát đôi chút, kẻ làm ác sẽ bị báo ứng hiện tiền rất nhanh, quý vị còn có thể chẳng tin ư? Ở Đài Loan, tôi biết cảnh sát hình sự cũng như y tá và bác sĩ trong bệnh viện đều tin tưởng, vì sao? Họ đã trông thấy. Trước kia, tôi có một bạn học là tổ trưởng của bác sĩ nội trú trong bệnh viện Vinh Dân tại Đài Loan. Ông ta nói họ hết sức tin tưởng quý thân, vì sao? Đã trông thấy! Trong Phật pháp có nói vô thường đại quý, bạch vô thường, hắc vô thường. Nếu ở cửa phòng bệnh nhân, chỉ cần thấy có quý vô thường, liền biết người bệnh ấy tối đa ba ngày là chết. Vì bác sĩ lẫn y tá đều trông thấy, nên họ tin tưởng. Cảnh sát hình sự tin tưởng. Có mấy vị sĩ quan cảnh sát cao cấp đều học Phật, vô cùng kiên thành. Họ kể với tôi: Những vụ án hình sự tại Đài Loan, tức là các án sát nhân, tám mươi lăm phần trăm trở lên, phá án bằng cách nào? Đều do những oan hồn bị sát hại giúp cảnh sát hình sự tìm thấy thi thể mà phá được án. Nếu chẳng có những người thuộc linh giới đến giúp đỡ, rất nhiều vụ án chẳng có cách nào phá được! Những linh quý ấy, có lúc báo mộng, đôi khi nhập vào người khác, hướng dẫn cảnh sát hình sự phá án. Vì thế, cảnh sát hình sự ở Đài Loan hễ phá án không được, liền thắp hương, vái lạy, lạy linh quý: “Ngươi hãy lập tức giúp ta, chúng ta đang gặp khó khăn”, họ sẽ thật sự giúp đỡ quý vị. Vì thế, quý vị hỏi họ, chẳng có ai không tin. Đúng là oan gia có đầu, nợ nần có chủ. Do vậy, “trầm mê phiêu lưu” có ý nghĩa rất sâu, đó là lục đạo chúng sanh.

“*Sanh manh vô mục, vô hy xuất tâm*” (sanh manh không có mắt, không có lòng mong được thoát), câu này là tỷ dụ. “*Sanh manh*” (生盲) là sanh ra, mắt liền mù, chẳng nhìn thấy. Đây là tỷ dụ chúng sanh chẳng có trí huệ, chẳng có tâm hoặc ý niệm mong mỗi thoát khỏi lục đạo luân hồi, chẳng có ý niệm ấy. “*Bồ Tát mãn chi, vô bì yém niệ, thường vi bất thỉnh chi hữu, tùy trực ái hộ*” (Bồ Tát thương xót họ, không có ý nghĩ mỗi nhàm, thường làm bạn chẳng thỉnh, thường yêu thương, che chở). Quả thật rất khó có, lòng từ bi của Bồ Tát vượt xa cha mẹ. Cha mẹ yêu thương, che chở con chỉ một đời, Phật, Bồ Tát yêu thương, che chở chúng sanh đời đời kiếp kiếp, vĩnh viễn theo sát quý vị, đơi quý vị quay đầu, đơi cho quý vị giác ngộ, tâm chẳng mỗi nhàm, chẳng mệt, chẳng chán! Các Ngài thường theo quý vị, thường làm “*bạn chẳng thỉnh*”. Quý vị chẳng cần tìm đến các Ngài, chẳng mời mọc, các Ngài vẫn tìm đến quý vị. Vì sao? Vì Bồ Tát biết chúng sanh và các Ngài là một Thể, có thể nào chẳng chiếu cố ư? Dầu cho chúng sanh thật sự trầm mê chẳng ngộ, chẳng tin tưởng, không quan tâm, thậm chí phá hoại Phật, Bồ Tát, các Ngài vẫn chiếu cố quý vị. Quý vị tạo tác các nghiệp nặng nề ấy, [các Ngài] vẫn chẳng từ bỏ quý vị, từ bi đến cùng cực. Chẳng phải là quý vị không tin tưởng, lãng nhục, hủy hoại chư Phật, Bồ Tát thì chư Phật, Bồ Tát sẽ chẳng gia hộ quý vị. Chẳng phải vậy! Chẳng có lẽ ấy! Nếu chư Phật, Bồ Tát tức giận, chẳng gia hộ quý vị,

đó là ma quỷ, chẳng phải là Phật, Bồ Tát. Nhưng quý vị tạo tác tội nghiệp, chắc chắn có báo ứng, quý vị phải tự gánh chịu chuyện ấy. Chẳng phải là do tạo tác những tội nghiệp ấy, Phật, Bồ Tát chẳng quở trách quý vị, vì sao? Tội có tánh tội, chính cái tâm của quý vị chẳng thiện lương, quý vị đáng phải nhận lãnh sự trừng phạt, sự trừng phạt ấy là tam đồ. Quý vị đọa lạc trong tam đồ, chẳng phải là Phật, Bồ Tát đẩy quý vị vào đó. Phật, Bồ Tát cũng chẳng muốn thấy quý vị đọa tam đồ, nhất định phải biết điều này. Do quý vị tạo tác tội nghiệp ấy, chẳng thể không đi vào đó. Nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may, chẳng liên quan gì đến Phật, Bồ Tát, mà cũng chẳng dính dáng gì đến Thượng Đế, cũng chẳng có liên quan gì đến vua Diêm La, hoàn toàn là tự làm, tự chịu. Nếu còn oán trời, hờn người, tội sẽ nặng thêm một cấp, đã có tội lại còn đèo thêm tội, rất đáng thương!

“*Cổ Niết Bàn kệ viết: Thế cứu yếu cầu nhiên hậu đắc, Như Lai bất thỉnh nhi vi quy*” (Vi vậ kinh Niết Bàn có bài kệ rằng: “Thế gian muốn được cứu thì phải cầu xin rồi sau đây mới được cứu. Như Lai chẳng được thỉnh mà thường làm chỗ về nương”). Giải thích ý nghĩa câu kệ trong kinh Niết Bàn cũng nhằm nói lên ý nghĩa này. “*Thế gian phải cầu rồi sau đó mới được [cứu giúp]*”, chúng sanh có cảm, Phật mới có ứng, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh chẳng yêu cầu Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát vẫn đến, đó gọi là “*Như Lai chẳng thỉnh vẫn đến*”. “*Quy*” (歸) là trở về. Trong quá khứ, Phật, Bồ Tát cũng là phàm phu, đã từng sống trong lục đạo, nay các Ngài đã thành Phật, thành Bồ Tát, hiểu rất rõ chúng sanh trong lục đạo. Quá khứ đã trụ rất lâu trong đó, biết chúng sanh phiền não tập khí rất nặng, chỉ cần duyên chín muồi, các Ngài bèn đến. Duyên chín muồi là gì? Quý vị có thể tin tưởng, các Ngài sẽ đến. Quý vị có thể lý giải, các Ngài cũng tới. Nếu quý vị không tin tưởng, chẳng thể lý giải, các Ngài cũng không đến, nhưng âm thầm giúp đỡ, quý vị thấy đó: Các Ngài vẫn chẳng bỏ quý vị! Nếu quý vị tin tưởng, có thể tiếp nhận, các Ngài liền đến giúp quý vị rõ rệt, hiện thân thuyết pháp. Nếu quý vị hỏi: Vì sao từ bi dường ấy? Một Thể mà! Hãy ghi nhớ: Hết thấy chúng sanh trong trọn khắp pháp giới hư không giới và ta có cùng một Thể, cùng một Thể với Phật, chúng ta không biết, nhưng các Ngài biết. Vì thế, lòng từ bi của các Ngài được gọi là “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*”, “*vô duyên*” là chẳng có điều kiện. Đối với con cái, cha mẹ [yêu thương] vô điều kiện, vô tư dâng hiến. Phật, Bồ Tát đối với chúng sanh cũng giống như thế, nên gọi là “*đồng thể đại bi*”. Trong kinh Phật thường có câu này, đức Phật đã nói từ ba ngàn năm trước.

“*Hựu bất thỉnh chi hữu, kiến Duy Ma Kinh viết: Chúng nhân bất thỉnh, hữu nhi an chi*” (Kinh Duy Ma lại giảng chữ “*bất thỉnh chi hữu*” như thế này: “Mọi người chẳng thỉnh mà vẫn làm bạn để giúp cho an ổn”). Người Hoa nói bằng hữu là một trong Ngũ Luân, “*bằng*” và “*hữu*” khác nhau. “*Bằng*” (朋) là bạn học, bạn học thì gọi là Bằng; “*Hữu*” (友) thân mật hơn Bằng, có cùng chí hướng mới gọi là Hữu. Vì thế, Hữu là đồng chí, Bằng là bạn học; bạn học chưa chắc đã có cùng chí hướng, nên đồng chí thân thiết hơn. Mọi người không thỉnh, quý vị thấy đó, [chư Phật, Bồ Tát vẫn] đến làm bạn để giúp cho họ được an ổn! “*Triệu*

Công viết” (ngài Tăng Triệu nói), vị này là Tăng Triệu (僧肇) đại sư, “*chân hữu bất đãi thính, thí từ mẫu chi thú anh nhi*” (bạn chân thật chẳng đợi thính, ví như mẹ hiền luôn hướng về con thơ). Tỷ dụ này rất hay, chư vị phải biết: Bạn chân thật là Phật, Bồ Tát. Nói cách khác, người thế gian là bạn chân thật rất ít, bạn bè giả dối rất nhiều, đến khi chúng ta thật sự gặp khó khăn, họ lánh thật xa, chẳng dám gặp quý vị. Chỉ có Phật, Bồ Tát là chân hữu, khi chúng ta gặp khó khăn, các Ngài quyết định đến giúp đỡ, giống như mẹ hiền đối với con thơ, thời thời khắc khắc canh cánh bên lòng. “*Tịnh Ảnh viết: Sở hóa chúng sanh vô cơ cảm thánh, danh vi bất thính*” (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Chúng sanh được hóa độ chẳng có căn cơ cảm chư thánh, nên gọi là bất thính”). Nêu lên ý nghĩa này hay quá! Giáo hóa chúng sanh, nhưng trong chúng sanh chẳng có hạng người đầy động ý niệm để cảm Phật, Bồ Tát, chẳng có hạng người ấy, nên nói là “*bất thính*”. “*Bồ Tát cương hóa vi tác nhân duyên, danh hữu an chi*” (Bồ Tát cương hóa nhân duyên, xưng là bạn để an ổn chúng sanh), nhưng Bồ Tát vẫn miễn cưỡng đến giáo hóa, vẫn đến giúp họ, điều đó gọi là “*hữu nhi an chi*” (làm bạn để an ổn chúng sanh). [Lý do] thứ hai, “*sở hóa chúng sanh tuy hữu đạo cơ, vô kỳ nhạo dục, bất tri cầu thánh, danh vi bất thính*” (chúng sanh được hóa độ tuy có đạo cơ, nhưng chẳng có sự ưa thích, mong muốn ấy, chẳng biết cầu thánh, nên gọi là “*chẳng thính*”). Đó là nói: Dẫu giáo hóa chúng sanh đã có thiện căn trong đời quá khứ, có cơ duyên tu đạo, nhưng nay họ đang mê, mê suốt đời này. Khi mê, họ mê trong ngũ dục, lục trần, chẳng khởi tâm động niệm muốn học đạo, nên họ chẳng biết cầu Phật, Bồ Tát. Hạng người ấy rất nhiều, nên gọi là “*chẳng thính*”. Nhưng Bồ Tát biết, Bồ Tát biết trong đời quá khứ những kẻ ấy đã từng học Phật, có thiện căn ấy, nên Phật vẫn chẳng bỏ họ. Khi họ có thể tin tưởng, có thể chẳng bài xích, có thể tiếp nhận, Bồ Tát liền chủ động đến giúp đỡ, giáo hóa, thành tựu họ. Đó gọi là “*bất thính chi hữu*”. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 135

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi hai, hàng thứ tư từ dưới đếm lên.

Xem từ câu “*thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng*” (thọ trì pháp tạng rất sâu của Như Lai). Đối với câu kinh văn này, cụ Niệm Tổ nói: “*Thử hữu nhị giải, nhất Tịnh Ảnh Sơ viết: Minh tu thắng giải Như Lai Tạng Tánh, thị Như Lai thậm thâm pháp tạng. Âm chương ký trì, minh hiện kỹ tâm, cố viết thọ trì. Thị dĩ minh tâm vi thọ trì thậm thâm pháp tạng*” (Câu này có hai cách giải thích. Một là như Tịnh Ảnh Sơ đã giảng: “Tu cho hiểu rành rẽ Như Lai Tạng Tánh là pháp tạng rất sâu của Như Lai. Âm chương đã trừ, tâm của chính mình hiện rõ, nên gọi là thọ trì”. Thuyết này cho rằng minh tâm là “thọ trì pháp tạng rất sâu”).

“*Pháp tạng*”: Trước hết, phải hiểu rõ ràng “*thậm thâm pháp tạng*” là gì! Pháp là Phật pháp, Tạng (藏) là chỗ có lưu giữ Phật pháp. Nơi nào có Phật pháp, cất chứa Phật pháp? Nhất là nói “*Như Lai thậm thâm pháp tạng*” thì phải là Phật pháp rất ráo viên mãn mới được gọi là “*thậm thâm pháp tạng*”. Nói theo Sự, tôi nghĩ các đồng học nhất định cũng biết Phật pháp rất ráo viên mãn [là gì]. Cổ đại đức nói Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là pháp căn bản của hết thầy Phật pháp. Hết thầy Phật pháp không pháp nào chẳng lưu xuất từ kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm giống như biển cả, Phật pháp như sông ngòi, những con sông ấy đều chẳng tách rời biển cả.

Tịnh Ảnh Sơ là [tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ] của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, Ngài giải thích câu kinh văn này như sau: “*Minh tu thắng giải Như Lai Tạng Tánh*” (tu cho hiểu rành rẽ sự thù thắng của Như Lai Tạng Tánh). Vì hết thầy các pháp của Như Lai đều lưu xuất từ Như Lai Tạng Tánh. Như Lai Tạng Tánh chính là tự tánh, còn gọi là Pháp Tánh, đây chính là pháp tạng rất sâu của Như Lai. “*Âm chương ký trì, minh hiện kỹ tâm*” (Âm chương đã trừ, tâm của chính mình hiện rõ): Đây là chân tâm của chính mình, điều này được gọi là “*thọ trì*”. Âm (闇) là mê hoặc, là phiền não, vô minh phiền não. Chương (障) cũng là phiền não, [“*âm chương*”] tức là Phiền Não Chương và Sở Tri Chương. Nếu chúng ta dùng hai chữ ấy để nói hai thứ chương ngại ở đây, thì Chương là Sở Tri Chương, Âm là Phiền Não Chương, tức vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Những thứ ấy đều bị diệt trừ, đều buông

xuống, đều chẳng còn, người ấy là gì? Pháp Thân Bồ Tát, đã minh tâm kiến tánh. Âm chướng chưa trừ thì là lục đạo phàm phu. Sau khi đã diệt trừ, [lời Sớ] bèn viết tiếp: “*Minh hiện kỹ tâm*”, nghĩa là tâm của chính mình liền hiển hiện, điều đó được gọi là “*thọ trì*”. Vì vậy, ý nghĩa trong đoạn này là: Coi minh tâm là thọ trì tạng pháp rất sâu. Minh tâm là kiến tánh, thấy bản tánh của chính mình. Trong Thiền Tông thường nói: Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, sẽ thấy bản tánh của chính mình. Tông Môn gọi chuyện này là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Đó là “*thọ trì thậm thâm pháp tạng*”. Thật vậy, chẳng giả!

Một người sau khi đã khai ngộ, đối với hết thảy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, hễ tiếp xúc liền hiểu rõ toàn bộ. Đúng như trong bài Kệ Khai Kinh đã nói: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, ai có thể làm được? Pháp Thân Bồ Tát có thể làm được, thật sự hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, nhưng những kẻ trong mười pháp giới vẫn chẳng làm được! Tứ thánh pháp giới càng lên cao càng tiếp cận, nhưng vẫn luôn cách biệt một tầng, vì chưa kiến tánh. Sau khi kiến tánh, trí huệ và đức tướng đều thuộc về Tánh Đức vốn sẵn có trong tự tánh. Chưa kiến tánh, trí huệ và đức tướng của chúng ta là Tu Đức, do quý vị tu được, tu từ tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi mà đạt được. Cũng có thể tu rất giống Phật, Bồ Tát, nhưng do vô minh phiền não chưa phá, nên còn kém một bậc. Những đạo lý này chúng ta đều hiểu rất rõ ràng, cũng hiểu phương pháp tu học, nhưng chẳng thật sự hành. Rất mong thật sự hành, nhưng nói chung là làm chẳng giống, nguyên nhân ở chỗ nào? Tập khí phiền não quá nặng. Các khoa học gia nói đến tiềm ý thức (tiềm thức, subconscious), họ chia ý thức thành hai loại. Một loại là rõ rệt, tức hiển ý thức (consciousness), chúng ta nhận biết [loại này]. Chúng ta khởi tâm động niệm, nghĩ tới điều gì đó. Đây là ý thức rất rõ rệt. Tiềm ý thức thì chính mình chẳng biết, nhưng nó thường khởi tác dụng. Ví như chính mình chẳng suy nghĩ, bỗng dung có một ấn tượng hiện tiền. Ấn tượng quá sâu, chẳng nghĩ tới mà nó cũng hiện tiền. Nhiều người thở trước sống trong thời đại chiến tranh, ý niệm và ký ức rất sâu, đêm thường nằm mộng thấy đang ở trong thời xảy ra chiến tranh, gần như là Đệ Nhị Thế Chiến vẫn chưa kết thúc. Chẳng nghĩ tới nó, [mà nó vẫn hiển hiện], đó là gì? Thuộc về tiềm ý thức, nó khởi tác dụng, rất đáng sợ!

Chúng ta huấn luyện những thứ thuộc về tiềm ý thức trên đây, thay đổi những thứ bất thiện, khiến cho khởi tâm động niệm của chúng ta đều là Phật, Bồ Tát, khởi tâm động niệm đều là thế giới Cực Lạc, chắc chắn sẽ vãng sanh. Quả thật là bất tri bất giác, chẳng cố ý nghĩ tới các Ngài, nhưng Phật, Bồ Tát thường hiện tiền, lũ bình phàm chúng ta thường nói là “ở trong đầu óc”, chính quý vị biết rất rõ, người khác chẳng biết. Cách nói này cũng chẳng sâu lắm, ai nấy đều hiểu được. Chuyện này là thật, chẳng giả. Cũng có thể nói là trong ký ức của chúng ta, ký ức thuộc về tiềm ý thức, tức A Lại Da Thức ghi lại ấn tượng rất sâu đậm, chẳng có cách nào diệt trừ. Nó khởi tác dụng, dẫn dắt quý vị. Những ảnh hưởng bất thiện sẽ gây ảnh hưởng, khiến cho quý vị bất tri bất giác làm những chuyện bất thiện, chẳng phải là quý vị muốn làm, thế mà vẫn làm. Đó là tiềm ý thức phát sanh sức mạnh. Hiểu đạo lý này, liễu giải

sự thật này, chúng ta rèn luyện chính mình trong cuộc sống là chuyện quan trọng hơn bất cứ điều gì khác! Hãy nên thời thời khắc khắc ghi sâu ấn tượng về Phật trong A Lại Da. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta “*ức Phật, niệm Phật*”. “*Ức*” (憶) là nghĩ, trong tâm tưởng Phật, miệng niệm Phật, “*hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật*”. Hiện tiền sẽ thấy trong Định, hoặc thấy trong mộng, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng còn lìa khỏi Phật. Do vậy có thể biết: Đại sự bậc nhất đối với người tu hành là phải biến đổi ký ức trong A Lại Da thành A Di Đà Phật. Đối với bất luận thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên trong quá khứ, đều phải dùng A Di Đà Phật, dùng kinh Vô Lượng Thọ để thay thế nó. Cũng vì những ấn tượng trong quá khứ quá sâu, duyên quá sâu, nay chúng ta phải làm cho ấn tượng về Phật, về kinh Vô Lượng Thọ, về A Di Đà Phật sâu đậm hơn. Mỗi ngày đều làm việc này, thật sự niệm Phật, trong tâm quý vị thật sự có Phật. Phật ở trong tâm quý vị, đó mới đại sự bậc nhất trong một đời này. Tu thành công đại sự này, xin chúc mừng quý vị, quý vị đã thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới, nhất định vãng sanh Tịnh Độ. Đó là ý nghĩa thứ nhất.

Ý nghĩa thứ hai càng hay hơn. “*Chân Giải viết: Tức văn trì tam thế nhất thiết Như Lai pháp tạng*” (Sách Chân Giải chép: “Chính là nghe, trì pháp tạng của ba đời hết thảy các đức Như Lai”), nói đến điều gì? Chưa nói tới quá khứ và vị lai chư Phật, chỉ nói kinh tạng do hiện tại Thích Ca Mâu Ni Phật để lại cho chúng ta, nói đến pháp tạng ấy, “*đa văn quy nhất văn*”, câu này hết sức quan trọng. “*Nhất văn*” là gì? “*Nhất văn tức thị văn kỳ danh hiệu*” (nhất văn chính là nghe danh hiệu này). Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nhiều lần nói tới chuyện này: Cổ đại đức đã quy nạp, đối với hết thảy các kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm trong lúc Ngài tại thế, bộ kinh nào có thể đại diện cho hết thảy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm? Các vị tổ sư đại đức các tông phái trong thời đại Tùy - Đường hầu như nhất trí công nhận bộ kinh ấy là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, gọi kinh ấy là “*căn bản pháp luân*”. Hết thảy các kinh là cành lá của kinh căn bản. Đây là dùng một cội cây to để tỷ dụ, Hoa Nghiêm là gì? Hoa Nghiêm là rễ cây, là gốc cây, hết thảy các kinh đã nói trong bốn mươi chín năm là cành lá của Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là pháp tạng của hết thảy các đức Như Lai. Hoa Nghiêm đạt đến chỗ viên mãn cuối cùng là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc thì Hoa Nghiêm mới viên mãn. Câu này quan trọng, là thật, chẳng giả. Chương cuối cùng ấy chính là tổng kết của kinh Hoa Nghiêm. Nếu chẳng có chương ấy, Hoa Nghiêm sẽ chẳng độ chúng sanh viên mãn, vì chỉ độ bậc thượng thượng căn, kẻ trung hạ căn chẳng có phần! Có chương ấy, sẽ là thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp lợi căn lẫn độn căn, hết thảy chúng sanh đều có thể nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, [bởi lẽ], Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới Hoa Nghiêm. Vì lẽ đó, cổ nhân mới nói: “*Hoa Nghiêm và Pháp Hoa cũng đều nhằm dẫn đường cho kinh Vô Lượng Thọ*”, có nghĩa là: Kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa dẫn dắt quý vị tiến nhập kinh Vô Lượng Thọ, nhập thế giới Cực Lạc. Chúng ta chớ nên không hiểu ý nghĩa này! Không chỉ phải hiểu, mà còn phải thừa nhận rất sâu, thì nguyện tâm của chúng ta mới chẳng bị thoái chuyển, mục tiêu

và phương hướng tu học của chúng ta mới chẳng bị biến đổi. Bất luận trong hoàn cảnh nào, chúng ta vẫn giữ một phương hướng, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc. Chuyện này trọng yếu lắm!

Kinh Hoa Nghiêm quy vào Vô Lượng Thọ. Nay bản kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đang dùng do Hạ lão cư sĩ hội tập gồm có bốn mươi tám phẩm, nói là “bốn mươi tám chương” cũng được, phẩm nào quan trọng nhất? Tìm ra phẩm bậc nhất, phẩm nào là bậc nhất? Cổ đại đức đã nói từ sớm, phẩm thứ sáu là bậc nhất, vì phẩm thứ sáu là bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện gồm bốn mươi tám điều, nguyện nào lại là bậc nhất? Truy cầu không ngừng, truy đến cuối cùng thì nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện mười tám nói gì? Mười niệm ắt vãng sanh, [tức là] khi lâm chung, mười niệm quyết định sanh về thế giới Cực Lạc, đó chính là công đức chẳng thể nghĩ bàn của danh hiệu này! Vì thế, quy vào “*nhất văn*”. “*Nhất văn*” là nghe danh hiệu này, tức là [nội dung của] nguyện thứ mười tám. Vì vậy, tại Nhật Bản có một chi phái chuyên tu nguyện thứ mười tám, chẳng cần đến các nguyện khác, gọi là Bản Nguyện Niệm Phật. Được không? Chẳng thể nói là không được, mà cũng chẳng thể nói là được. Phải nên nói ra sao? Nếu họ thật sự là một câu A Di Đà Phật, vạn duyên khác đều buông xuống thì được! Nếu kẻ ấy chỉ niệm một câu A Di Đà Phật, nhưng muôn duyên khác vẫn chẳng buông xuống thì không được! Kẻ ấy có quá nhiều chướng ngại, nghiệp chướng, tập khí chẳng đoạn hết, vẫn bị những thứ ấy khuấy nhiễu, vậy thì không được rồi. Thật sự thấy thấu suốt, thật sự buông xuống, đúng là [chỉ] một câu A Di Đà Phật đã được rồi, chẳng phải là không được, không sai! Sự thành tựu trong Tinh Tấn Niệm Phật Đường có đạo lý như vậy đó, chúng ta phải hiểu. Hiện thời, có nhiều người thành tựu, niệm Phật, niệm một câu Phật hiệu đến cùng, thêm gì vào để phụ trợ? Thêm kinh A Di Đà, hoặc thêm kinh Vô Lượng Thọ. Nếu mỗi ngày đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, hoặc đọc tụng kinh A Di Đà, chẳng khuất phục phiền não, nghiệp chướng vẫn hiện tiền, khi ấy, công phu niệm Phật của quý vị chẳng đắc lực, phải làm như thế nào? Nhất định là phải tu pháp môn sám hối, trì giới sám hối, phải trừ hết ám chướng thì mới được. Quý vị chẳng trừ hết ám chướng, tuy có tín tâm, nhưng tín tâm chẳng kiên cố, có nghi hoặc trong ấy, nhưng chính quý vị chẳng biết, nguyện lực chẳng thiết tha.

Thiên Thân Bồ Tát có ba anh em. Anh cả là Vô Trước Bồ Tát, anh hai là Sư Tử Giác, Thiên Thân Bồ Tát là em thứ ba. Cả ba vị đều tu Di Lạc Tịnh Độ. Anh hai vãng sanh trước, ba anh em đã ước định sẵn, họ sanh về Di Lạc Tịnh Độ, thân cận Di Lạc Bồ Tát: “Sau khi sanh về đó, bèn lập tức trở về báo tin cho chúng tôi”. Anh hai là Sư Tử Giác sau khi vãng sanh bèn chẳng có tin tức, đợi bao nhiêu năm chẳng thấy tin tức. Ngài Vô Trước vãng sanh, ba năm sau mới quay lại báo tin cho Thiên Thân Bồ Tát. Ngài Thiên Thân nói: “Anh đi ba năm mới quay về, sao không quay về ngay lập tức?” Ngài Vô Trước nói: “Ta về ngay đó chứ! Thời gian trên Đâu Suất Thiên vốn khác biệt chúng ta. Một ngày trên Đâu Suất Thiên bằng bốn trăm năm trong nhân gian”. Ngài nói: “Ta gặp Di Lạc Bồ Tát xong lập tức quay về

nói cho người biết, trong nhân gian đã ba năm trôi qua”. Quả thật là ở trên Đâu Suất Thiên đại khái chưa đến một tiếng đồng hồ, thời gian chỉ chừng mấy phút mà nhân gian đã là ba năm. Ngài Thiên Thân liền hỏi: “Anh hai ở đâu?” “Anh hai đã đến ngoại viện của Đâu Suất Thiên, thấy ngoại viện rất đẹp, rất lưu luyến, còn chưa vào nội viện, đến đó hưởng phước rồi”. Hoàn cảnh nơi ấy vô cùng tốt đẹp, ngài Sư Tử Giác vừa trông thấy bèn khởi tâm tham. Câu chuyện này thật sự có thể cảnh tỉnh mọi người. Vì lẽ đó, chúng tôi liền hoảng nhiên đại ngộ vì sao đức Phật dạy chúng ta “*lấy khổ làm thầy*”. Trong thế gian này, cuộc sống khổ sở một chút, tốt lắm. Cuộc sống khổ sở, sẽ chẳng có ý niệm lưu luyến. Nếu cuộc sống trong thế gian này quá an nhàn, sung túc, quá xa xỉ, sẽ chẳng nở rời khỏi. Đối với phước báo trong nhân gian mà còn như thế, nếu quý vị lên đến cõi trời, thấy chư thiên, dấy lên một niệm [tham luyến]. Khởi lên một niệm như vậy, sẽ ngay lập tức đọa xuống, sẽ chẳng có phần trong thế giới Cực Lạc, quý vị thấy đáng sợ lắm!

Do đó, chớ nên hưởng phước! Cổ nhân thường nói “*trong phước có họa*”, chữ Họa (禍) và Phước (福) viết theo tiếng Hán rất giống nhau, cho thấy họa và phước rất khó phân định rạch ròi, rốt cuộc là phước hay họa, ai biết! Phước rất dễ dàng biến thành họa, nhưng họa cũng chẳng dễ gì biến thành phước! Cho thấy phước chẳng có sức mạnh to lớn như họa. Tổ tiên chúng ta có trí huệ, có tâm cảnh giác rất cao, tạo ra văn tự, khiến cho chúng ta thấy hình tượng của những chữ ấy bèn có thể nâng cao tâm cảnh giác của chính mình. Trên cả thế giới, trong bất cứ quốc gia hay dân tộc nào, cũng đều chẳng có chuyện này. Văn tự tiếng Hán là phù hiệu trí huệ. Ân trạch của tổ tiên đối với hậu thế sâu dày, báo đáp bằng cách nào? Con người hiện thời ngày càng chẳng nhận biết tổ tông, càng ngày càng chẳng tôn kính tổ tông, tai họa liền xảy tới. Chẳng biết báo ân, chẳng biết ân đức. Chuyện này không thể trách chúng ta! Kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất hay: “*Tiên nhân bất thiện (vô tri), bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã*” (Kẻ trước bất thiện (vô tri), chẳng biết đến đạo đức, chẳng có ai nói với họ, trọn chẳng đáng trách). Nói rất hay! Chúng ta sanh nhằm thời chiến tranh, loạn lạc, suốt đời sống trong cảnh chiến tranh tao loạn, hằng ngày sống cuộc đời lưu lạc, cha mẹ chẳng dạy dỗ chúng ta, thầy cũng chẳng dạy chúng ta, làm sao chúng ta có thể biết được? Một đời tôi, lúc nhỏ đặc lực nhờ cha mẹ dạy tôi tôn sư trọng đạo, những tao ngộ trong suốt một đời có quan hệ hết sức to lớn với chuyện ấy. Lúc hai mươi mấy tuổi, tôi gặp ba vị thầy, thầy nhiệt tâm dạy dỗ tôi vì lẽ nào? Tôi chẳng có sở trường gì! Đại khái là các thầy nhìn vào thái độ tôn sư trọng đạo ấy. Thầy thật sự dạy tôi, tôi cũng thật sự chịu học tập, quay trở lại như vậy, học tập văn hóa truyền thống.

Tôi biết ba căn bản Nho, Thích, Đạo rất trọng yếu, đặc lực là do Chương Gia đại sư suốt ba năm nhắc nhở tôi bằng một câu nói: “*Giới luật rất trọng yếu*”. Tôi vốn cũng sơ sót điều ấy, lão nhân gia đã khuất bóng, tôi mới khởi tâm cảnh giác: Thầy đã mất rồi! Thầy còn sống, tôi có nơi nương tựa. Thầy đã khuất, nương tựa ai? Thân cận thầy ba năm, thầy dạy tôi những gì? Bèn nghiêm túc phản tỉnh sâu xa. Trong lần phản tỉnh đó, ý niệm ấy liền hiện tiền,

giới luật rất trọng yếu! Vì thầy bảo tôi câu ấy mấy chục lần, ấn tượng hết sức sâu đậm! Vì sao thầy cũng chẳng nói câu ấy cặn kẽ, chỉ nhẹ nhàng nhắc nhở như vậy? Nhắc tới mười mấy lần, mấy chục lần! Tôi cũng dùng thời gian mười năm, hai mươi năm để thường xuyên hồi tưởng chiêm nghiệm, lại nhìn vào tình trạng xã hội hiện tại, hoảng nhiên đại ngộ! Hiện thời, chúng ta sai sót ở chỗ nào? Sai sót ở chỗ thiếu cội rễ! Chẳng phải là không dụng công, chẳng phải là không nỗ lực, mà là thiếu cội rễ, chẳng tu từ căn bản, luôn tu nơi cành lá. Vì lẽ đó, bất luận tu như thế nào, tu suốt đời vẫn chẳng thể thành tựu! Đã tìm được nguyên nhân, mới thật sự hiểu Đệ Tử Quy của Nho Gia, Cảm Ứng Thiên của Đạo Gia, những năm xưa đều đã học, lại còn đã từng giảng, Thập Thiện Nghiệp Đạo của nhà Phật, người xuất gia nhất định phải tu Sa Di Luật Nghi. Những thứ ấy chẳng để niệm suông, chẳng phải để nói suông, mà là cuộc sống, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của chính mình! Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác có tương ứng với giới điều cơ bản hay không? Hễ tương ứng thì là thiện, chẳng tương ứng là ác; tiêu chuẩn đoạn ác tu thiện ở chỗ này. Tiêu chuẩn ấy do thánh nhân trong Tam Giáo định ra, do Tánh Đức tự nhiên lưu lộ, chẳng do người nào sáng chế, chẳng do một ai sáng tạo, chẳng phải vậy. Chúng là Tánh Đức trong tự tánh lưu lộ. Nói cách khác, bản tánh của con người vốn lành. Vì sao nói là vốn lành? Họ vốn là như vậy! Nay tư tưởng, lời nói và việc làm của quý vị biến đổi, chẳng giống với Tánh Đức, đó là gì? Quý vị đã học theo cái xấu, đó là tập tánh. “*Tánh tương cận, tập tương viễn*” (bản tánh gần giống như nhau, nhưng do huân tập mà khác xa nhau), đó là tập tánh. Quý vị đã học theo cái xấu, chẳng ai dạy dỗ quý vị đàng hoàng, nguyên nhân là như thế đó. Có những căn cội này, tôi thiếu là có ba căn cội, cộng thêm Sa Di Luật Nghi thành bốn căn cội thì một câu Phật hiệu [là đủ rồi], chẳng cần gì nữa, do một câu A Di Đà Phật mà quyết định được sanh về Tịnh Độ. Hơn nữa, phẩm vị vãng sanh hoàn toàn phụ thuộc vào công phu, tức công phu trì danh của quý vị. Nếu trì danh mà niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn, đắc Niệm Phật tam-muội, quý vị sẽ sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Quý vị niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn, sẽ sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, do một câu danh hiệu này. Vì thế, “*nhất văn*” chính là nghe danh hiệu này!

“*Thị dĩ văn Phật danh hiệu, vi thọ trì thậm thâm pháp tạng dã, di hợp Tịnh Tông*” (Do vậy, nghe danh hiệu Phật là thọ trì pháp tạng rất sâu, rất phù hợp với Tịnh Tông), hoàn toàn tương ứng với tông chỉ của Tịnh Tông. Từ giáo nghĩa này, chúng ta nghĩ lại, trong một đời này, đặc biệt là trong xã hội hiện tại, đang nhằm thời đại địa cầu xảy ra tai nạn liên tiếp, chúng ta buông xuống vạn duyên, buông xuống tất cả hết thảy các kinh luận trong Phật môn, hết thảy các pháp môn đều buông xuống, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu danh hiệu A Di Đà Phật, có phải là thọ trì pháp tạng rất sâu của Như Lai hay không? Thừa cùng chư vị, đúng vậy, chẳng sai tí nào! Câu kinh văn này viết về đức lợi tha của Bồ Tát: Bồ Tát có thể dạy người khác như vậy, dạy người khác thọ trì pháp tạng rất sâu của Như Lai; nhưng những kẻ ấy chẳng nghe. Vì sao chẳng nghe? Họ chẳng nhận biết giá trị. Tam Tạng mười hai phần giáo minh mông như hơi khói trên mặt biển, [thế mà] quý vị nói pháp này là bậc nhất, ai tin tưởng? Tôi theo thầy Lý mười năm, lão nhân gia khuyên tôi suốt mười năm, tôi đều chẳng

tiếp nhận, quý vị nói xem tin pháp này có khó hay không? Vì thế, cổ đức nói pháp môn này là pháp khó tin, tôi lãnh hội sâu xa. Thầy khuyên như thế nào, tôi có thái độ như thế nào? Chẳng phản đối pháp môn này, tôi cũng rất tôn trọng pháp môn này, nhưng kẻ tuổi trẻ ham chuộng học rộng, nghe nhiều, quý vị dạy tôi học pháp này, tôi chẳng đành lòng, chẳng tình nguyện. Vì thế, sách vở các tông các phái tôi đều học, nay biết là học tạp, học loạn, đối với mỗi tông phái đều hiểu võ vẽ bề ngoài, đều chẳng thể thâm nhập. Tuy tôi cũng biết, kinh luận, tổ sư đều dạy “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, tôi cũng biết nói [như vậy], tôi cũng nói cho kẻ khác nghe, nhưng bản thân tôi chẳng làm được. Đây là gì? Pháp khó tin!

Tới khi nào tôi mới quy hướng, mới tin tưởng Tịnh Độ? Gần như là ba mươi năm. Tôi học Phật đến năm nay là năm mươi chín năm, nửa thời gian đầu là giảng kinh Hoa Nghiêm, đúng là ba mươi năm. Lần đầu tiên tôi giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Loan, tôi nhớ khi ấy là năm Dân Quốc 60 (1971), năm nay là năm Dân Quốc 99 (2010). Vào năm Dân Quốc sáu mươi mấy, kinh Hoa Nghiêm đã giảng được một nửa, bỗng dưng có một ngày nghĩ: Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử học pháp môn gì? Tôi còn chưa giảng đến phần sau của bản kinh, mới giảng một nửa, bèn lật tới phần sau, lật đến cuối cùng, phát hiện Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc. Lại quan sát cẩn thận sự tu học của Thiện Tài đồng tử bèn hiểu. Quý vị thấy tôi giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm đã được một nửa mà chưa phát hiện, nay cố ý tra duyệt, tìm tòi, mới phát hiện: Thiện Tài là môn sanh đặc ý của Văn Thù Bồ Tát, đương nhiên là tu cùng một pháp môn với thầy. Thầy tu pháp môn Niệm Phật, trò còn có thể ra ngoài lệ ấy hay chẳng? Xem kỹ, quả nhiên chẳng sai! Thầy bảo Ngài đi tham học, giới thiệu một vị thiện tri thức, bảo Ngài đến gặp vị ấy. Vị thiện tri thức ấy là tỳ-kheo Cát Tường Vân, tu pháp gì? Tu Bát Châu tam-muội, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Người Hoa nói “*tiên nhập vi chủ*” (điều gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chủ yếu), người Ấn Độ cũng nói kiểu ấy. Biết Thiện Tài tu pháp gì thì mới hiểu rõ. Lại xem vị [thiện tri thức] cuối cùng, vị cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, đó là gì? Thiện Tài đồng tử từ đầu đến cuối là niệm A Di Đà Phật. Tôi mới hiểu mật nghĩa rất sâu trong Khoa Phán của Thanh Lương đại sư: Năm mươi ba lần tham học, đối với mỗi vị thiện tri thức, đến cuối cùng Thiện Tài đồng tử đều là “*luyến đức lễ từ*”, Thanh Lương đại sư viết khoa phán như vậy. Bốn chữ ấy có ý nghĩa rất sâu, “*luyến đức*” (戀德) là cảm ơn, cảm tạ quý vị đã chỉ dạy, “*lễ từ*” (禮辭) là gì? Chẳng học pháp môn này, pháp môn này tôi đã biết, đã hiểu, nhưng tôi vẫn niệm Phật. Từ chỗ ngài Cát Tường Vân học tập pháp môn Niệm Phật, một mực chẳng biến đổi, cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Do vậy, ai là người tiếp dẫn tôi về pháp môn Tịnh Tông? Hai vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền trong kinh Hoa Nghiêm đã tiếp dẫn tôi, nên mới khẳng khẳng một mực quy y Tịnh Độ, mới nghiêm túc học tập kinh luận Tịnh Tông. Không dễ dàng, hết sức chẳng dễ dàng, từ Giáo Hạ quay đầu quy y Tịnh Độ. Vì vậy, [thọ trì] một câu Phật hiệu, một bộ kinh Vô Lượng Thọ xác thực là thọ trì pháp tạng rất sâu của Như Lai.

Chúng ta lại xem phần tiếp theo, câu kế tiếp là “*hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt*” (hộ trì chủng tánh của Phật khiến cho thường chẳng đoạn dứt). Câu này nếu nói theo cách hiện thời [sẽ là]: Nếu người học Phật muốn thành tựu, trước hết phải học yêu thương chính mình, câu này là yêu thương chính mình. Yêu gì vậy? Yêu mến chủng tánh Phật của chính mình. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Thế Tôn thường nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, đó là chủng tánh của Phật. Chúng ta đọc phần chú giải kế đó: “*Hộ giả, duy hộ. Phật chủng tánh giả, hữu đa thuyết*” (Hộ (護) là bảo vệ. Đối với chủng tánh của Phật, có nhiều thuyết). Có rất nhiều cách nói, đều được nêu lên ở đây:

1) “*Thám Huyền Ký thập nhất viết: Bồ Tát sở hạnh, danh vi Phật chủng*” (Sách Thám Huyền Ký, quyển thứ mười một giảng: “Các hạnh của Bồ Tát được gọi là chủng tánh của Phật”). Sở hạnh của Bồ Tát là gì? Lục Ba La Mật, hoặc Thập Ba La Mật. Lục Ba La Mật là Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã. Thập Ba La Mật là sau đó còn thêm Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí như được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Tịnh Tông chúng ta tu học năm khoa mục là Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ, Phổ Hiền Bồ Tát thập nguyện; đó là những điều được đề xướng bởi Tịnh Tông Học Hội. Đó là Phật chủng. Thông thường, chúng tôi giới thiệu một cách đơn giản nhất đối với các bạn đồng tu sơ học bằng hai mươi chữ “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*”, đó là chủng tánh của Phật. Niệm đâu nghĩ đấy, niệm niệm chẳng quên, tâm hạnh tương ứng, bất luận tu học pháp môn nào cũng đều có thể thành tựu.

2) “*Tịnh Ảnh Sớ viết: Pháp giới chư độ, thị Phật chủng tánh*” (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Các độ trong pháp giới là chủng tánh của Phật”). Hai cách nói này giống nhau. “*Quân dĩ Bồ Tát sở hành chi lục độ vạn hạnh vi Phật chủng tánh*” (đều cùng lấy lục đạo vạn hạnh do Bồ Tát đã hành làm chủng tánh của Phật). “*Chư độ*” là Lục Độ và Thập Độ. Giáo pháp Đại Thừa nói Lục Độ, kinh Hoa Nghiêm nói Thập Độ. “*Sở vi độ giả, tức độ sanh tử lưu, đăng Niết Bàn ngạn, cố dĩ độ vi Phật chủng tánh dã*” (Nói là “độ”, tức là vượt dòng sanh tử, lên bờ Niết Bàn. Vì thế, coi “độ” là chủng tánh của Phật). Quý vị có thể thoát ly hai thứ sanh tử hay không? Trong phần trước chúng ta đã học, [hai thứ sanh tử là] Phần Đoạn sanh tử và Biến Dịch sanh tử. Quý vị có năng lực vượt thoát lục đạo luân hồi, đã giải quyết Phần Đoạn sanh tử, chẳng còn nữa! Ở ngoài lục đạo thì Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát có Biến Dịch sanh tử, [đối với hai thứ sanh tử ấy] cũng hiểu rõ, cũng đã liễu, cũng thoát ly. Đó là thoát ly mười pháp giới. Vì thế, “độ” hai thứ sanh tử, bèn thoát ly mười pháp giới. Thoát ly mười pháp giới, thông thường là sẽ đến nơi đâu? Đến thế giới Hoa Tạng, người niệm Phật đến thế giới Cực Lạc. Kinh giáo Đại Thừa nói Cực Lạc và Hoa Tạng là một, không hai. Thuở trước, tôi giảng kinh ở Tân Gia Ba, ở bên đó mấy năm, có chẳng ít đồng học hỏi tôi: Hoa Tạng và Cực Lạc khác nhau và giống nhau như thế nào? Có sai khác hay không? Tổ sư có nói “Hoa Tạng và thế giới Cực Lạc chẳng hai”, vì sao nói là hai thế giới? Tôi sống ở Tân Gia Ba, nên

dùng ngay Tân Gia Ba để tỷ dụ. Tôi nói Hoa Tạng giống như Tân Gia Ba, thế giới Cực Lạc giống như con đường Ô Tiết (Orchard). Tân Gia Ba có một con phố phồn hoa nhất có tên là đường Ô Tiết, là khu vực tốt nhất. Từ tỷ dụ ấy, đại khái có thể hiểu rõ. Vì vậy, sanh về Cực Lạc chính là sanh trong Hoa Tạng, sanh trong Hoa Tạng chưa chắc đã sanh về Cực Lạc. Quý vị sống ở Tân Gia Ba, chưa chắc sống trên đường Ô Tiết, sống trên đường Ô Tiết, đương nhiên ở tại Tân Gia Ba! Do đó, Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là Báo Thân của Tỳ Lô Giá Na, Thích Ca Mâu Ni Phật là Ứng Thân của Tỳ Lô Giá Na, một tức là ba, ba tức là một, thấy đều quy về một pháp. Đa văn quy vào nhất văn, nhiều pháp quy vào một pháp.

Trong Phật môn thường nói “*vạn pháp quy nhất*”, kinh Kim Cang nói thế giới là “*nhất hiệp tướng*”, điều này có ý nghĩa hoàn toàn khẳng định khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, sự nhận biết này hết sức đáng quý. Kinh Đại Thừa nói đến pháp môn Bất Nhị, Bất Nhị là một, chúng sanh và Phật bất nhị, chúng sanh và Phật là một, không hai. Chúng sanh và Phật đã là một, không hai, làm sao có thể nói A Di Đà Phật và Tỳ Lô Giá Na là hai, há có đạo lý ấy? Chúng ta đã học Hoàn Nguyên Quán nên biết: Hết thấy các pháp, chư Phật, Bồ Tát, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do tự tánh biến hiện, chẳng có một pháp nào lìa khỏi tự tánh. Vì thế, kinh dạy: “*Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”, nói rõ điều gì? Một Thể. Một Thể thì tâm đại từ bi trong tự tánh mới lưu lộ, tâm đại từ bi chính là tâm yêu thương thanh tịnh bình đẳng, là thật, chẳng giả. “Thật” có nghĩa là gì? Vĩnh hằng bất biến, đó là thật. Khi người thế gian nói đến yêu thương, quý vị phải hiểu: Đó là hư tình giả ý, chẳng thật. Nếu quý vị ngỡ là thật, sẽ chịu khổ, phải biết nó là giả, sẽ biến đổi. Chỉ có từ bi từ tự tánh lưu lộ, [mới là] vĩnh hằng, bất biến, bất luận trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, đều luôn chân thành như vậy, người hiện thời nói là “*nhật ái*” (tình yêu thương nồng nhiệt). “*Độ sanh tử lưu, đặng Niết Bàn ngàn*” (vượt dòng sanh tử, lên bờ Niết Bàn), “*Niết Bàn ngàn*” là bất sanh, bất diệt. Nói theo Sự, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật, Bồ Tát. Nói theo Lý, chính là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Trở về tự tánh, chính là thật sự lên bờ Niết Bàn. Vì thế, dùng Độ để gọi chúng tánh của Phật!

“*Hựu Hội Sớ cứ chư kinh luận, tiêu cử Phật chủng tánh chi tứ nghĩa, kim dẫn cử kỳ tam*” (lại nữa, sách Hội Sớ dựa theo các kinh luận, nêu ra bốn nghĩa của “chủng tánh Phật”, nay chỉ dẫn ba điều). Sách Hội Sớ giảng bốn ý nghĩa, ở đây chỉ nói ba điều.

1) Thứ nhất là “*chúng sanh sẵn có Phật Tánh*”. Kinh nói chuyện này rất nhiều. Hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh. Phật Tánh và tự tánh là một tánh, nhưng chúng có sai biệt, sai biệt ở chỗ nào? Phật nghĩa là giác, cũng có thể nói là [Pháp Tánh] chuyên chỉ trí huệ và đức tướng trong tự tánh. Nếu chỉ nói đến một thứ là trí huệ thì trí huệ là Phật Tánh. Nếu nói Pháp Tánh, sẽ bao gồm toàn bộ, trí huệ, đức năng, và tướng hảo thấy đều được bao gồm. Nói là tự

tánh hoặc Pháp Tánh sẽ đều gồm trọn, nói Phật Tánh tức là chỉ nói đến trí huệ. Tác dụng của trí huệ là giác, giác tánh. “*Chúng sanh tâm trung cụ Như Lai Tánh, bốn lai bất biến, năng sanh quá hằng sa công đức, dẫn vị vô minh sở tế, tuy hữu đồng vô. Bồ Tát vị hưng giáo hóa, khai phát bí bốn cụ chi Như Lai Tạng, danh vi thiệu long Phật chủng*” (trong tâm chúng sanh trọn đủ Như Lai Tánh, vốn chẳng thay đổi, có thể sanh ra hằng sa công đức, nhưng bị vô minh che lấp, nên tuy có mà cũng như không. Vì hưng khởi sự giáo hóa, Bồ Tát bèn khai phát Như Lai Tạng sẵn có, đó gọi là “tiếp nối hưng thịnh giòng giống Phật”). Đây là ý nghĩa thứ nhất, là căn cứ để kết luận tổng hợp những điều đã được nói trong kinh luận. Trong tâm chúng sanh có Như Lai Tánh chân thật, đó là thật, chư vị phải ghi nhớ, nó vĩnh hằng bất biến, là thật. Đó gọi là “*tại thánh chẳng tăng, nơi phàm chẳng giảm*”. Trong tương lai, quý vị thành Phật, Như Lai Tánh của quý vị chẳng tăng thêm chút nào! Quý vị tạo tội nghiệp đọa trong A Tỳ địa ngục, nó cũng chẳng giảm tí nào! Nó vĩnh viễn chẳng thay đổi. Quý vị thấy đó: Nó vốn chẳng thay đổi, nếu gặp duyên, nó có thể sanh ([sách Hội Sớ viết là] “*quá*”, Quá là vượt qua), vượt trội hằng sa công đức. “*Hằng sa*” là tỷ dụ vô lượng vô biên, vô cùng, vô tận, có thể xuất hiện công đức như vậy. Gặp duyên có thể sanh ra công đức ấy. Hết sức đáng tiếc! Nay quý vị bị vô minh chướng ngại; tuy có, nó chẳng khởi tác dụng, nên tuy có mà cũng như không!

Vô minh là gì? Chúng ta phải ghi nhớ: Khởi tâm động niệm là vô minh. Phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là “*vô minh*”, tức là đã bao gồm các phiền não ấy. Chúng ta có Vô Minh, có Trần Sa, có Kiến Tư, nên tuy có [Như Lai Tánh] mà vẫn như không! Phải đoạn cả ba thứ phiền não này, toàn bộ đều buông xuống thì Như Lai Tạng sẵn có tức Như Lai Tánh chân thật trong tâm chúng ta mới hiện tiền, sẽ giống như Huệ Năng đại sư đã nói. Ngài khai ngộ, khai ngộ là tình trạng như thế nào? Ngài nói năm câu, “*nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, phải ghi nhớ câu này, chưa hề bị nhuốm bẩn, vì nó là thật. “*Vốn chẳng sanh diệt*”: Vốn chẳng sanh diệt là Đại Bát Niết Bàn, nên minh tâm kiến tánh được gọi là “*đăng Niết Bàn ngạn*” (lên bờ Niết Bàn). Quý vị đã kiến tánh, thật sự chứng đắc bất sanh bất diệt. Câu thứ ba là “*vốn tự trọn đủ*”, nó trọn đủ trí huệ và đức tướng. “*Đức*” ở đây là nói đến hằng sa công đức, “*Tướng*” là vô lượng tướng hảo, người hiện thời gọi là “*phước báo*”. Phạm vi của tướng hảo còn lớn hơn phước báo! Hết thấy đều trọn đủ trong tự tánh, chẳng cần cầu từ bên ngoài. Hai câu cuối cùng là: “*Vốn chẳng dao động*”, đó là tự tánh vốn định, cuối cùng là “*có thể sanh ra muôn pháp*”, khắp pháp giới hư không giới đều do tự tánh sanh và hiện. Ý báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do A Lại Da biến ra. Sau khi đã mê mới biến; đã giác ngộ, sẽ chẳng biến. Do chẳng thay đổi, nên gọi là Nhất Chân, cái bị biến là mười pháp giới.

“*Bồ Tát vị hưng giáo hóa, khai phát bí bốn cụ chi Như Lai Tạng, danh vi thiệu long Phật chủng*” (Bồ Tát vị hưng khởi sự giáo hóa mà khai phát Như Lai Tạng vốn sẵn có, đó gọi là “tiếp nối hưng thịnh giòng giống Phật”). Nói rất hay! “*Hưng*” (興) là hưng khởi, kiến

lập; nói theo cách hiện thời sẽ là sáng lập Phật giáo, “*hung*” chính là sáng lập. Vì sao phải hung khởi sự giáo hóa? Khi Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện, vì sao Ngài phải kiến lập nền giáo dục của Phật Đà để giáo hóa chúng sanh? Mục đích là khai phát Như Lai Tạng mà chúng sanh vốn sẵn có, đó là mục tiêu giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật trong bốn mươi chín năm. Như Lai Tạng vốn sẵn có là gì? Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dịch sang tiếng Hán sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng sanh vốn sẵn có. Quý vị thấy kinh nói rất rõ ràng, rất minh bạch: Quý vị buông chấp trước xuống, Chánh Giác liền hiện tiền. Chấp trước chướng ngại Chánh Giác của quý vị, hãy buông xuống! Điều gì cũng chẳng chấp trước, pháp thế gian và xuất thế gian ta đều chẳng chấp trước, Chánh Giác hiện tiền. Buông phân biệt xuống, phân biệt vi tế hơn chấp trước. Không chỉ chẳng chấp trước, mà tâm phân biệt cũng chẳng có, quý vị liền thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Cuối cùng, không chỉ chẳng có phân biệt chấp trước, mà khởi tâm động niệm cũng chẳng có, quý vị liền chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là Như Lai Tạng viên mãn, đã thành Phật. Ba thứ phiền não ấy thấy đều trọn đủ, thứ gì cũng chẳng đoạn, quý vị là lục đạo phàm phu, luân hồi trong lục đạo. Vì thế, đức Phật xuất hiện trên thế gian này, sáng lập nền giáo dục của đức Phật, mục đích là giúp đỡ hết thảy chúng sanh “*hộ Phật chủng tánh, thường sử bất tuyệt*” (bảo vệ chủng tánh của Phật, khiến cho thường còn chẳng dứt), ý nghĩa ở chỗ này. Chủng tánh của Phật ở chỗ nào? Chủng tánh của Phật ở ngay trên thân quý vị, chẳng ở nơi người khác! Quý vị chỉ cần buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, nó liền hiện tiền.

Chuyện là như thế đó, quý vị thấy đức Phật tồn thời gian bốn mươi chín năm, có thành tích hay chẳng? Có! Quả thật là trong các đệ tử Phật, có không ít người chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, người thành Chánh Đẳng Chánh Giác nhiều hơn, người thành Chánh Giác nhiều nhất, tức là A La Hán. Người chứng quả A La Hán chẳng tính nổi số. Phật giáo truyền đến hiện thời, chiếu theo cách nói của người Hoa, đến nay là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm. Ở Trung Quốc, thành tựu thế nào? Hết sức khả quan! Trong Tông Môn, quý vị có thể xem Ngũ Đẳng Hội Nguyên và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục của Tông Môn có ghi chép những vị thật sự chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trải các đời, đó cũng là những vị được Thiên Tông gọi là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Phải biết là có tới cỡ hai ngàn người, hoặc hơn hai ngàn người. Người chứng đắc Quyền Giáo Bồ Tát, chứng A La Hán đông đảo, người vãng sanh Tịnh Độ càng nhiều hơn, quá ư là nhiều! Trong một trăm năm gần đây, chẳng nghe nói có người khai ngộ, cũng chẳng nghe nói có vị nào chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Người đắc Định thì có, cũng có nghĩa là có những vị là Tứ Quả La Hán hoặc Quyền Giáo Bồ Tát thì có, mỗi đời một ít hơn. Trong thời đại hiện tiền, nói chung là hoàn toàn chẳng có! Đừng nói là A La Hán, tôi thấy ngay cả Tu Đà Hoàn cũng chẳng thể, làm thế nào đây? Chỉ có Tịnh Độ, đời nghiệp vãng sanh. Vì vậy, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu hồng danh sáu chữ này; trong thời Mạt Pháp từ nay về sau hãy còn tám ngàn năm nữa, [kinh Vô Lượng Thọ và danh hiệu A Di Đà Phật] sẽ phổ độ

hết thấy chúng sanh, vô lượng công đức. Mục tiêu đều là một: Khai phát Như Lai Tạng sẵn có nơi chúng sanh. Trong Tịnh Tông, do nơi đây nghiệp chướng quá nặng, hoàn cảnh không tốt, quý vị chẳng có cách nào thành tựu, nên giúp quý vị di dân đến thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc hồng thân cận A Di Đà Phật, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề trong hội Di Đà. Vì vậy, mục tiêu chung cực giống nhau, điều ấy được gọi là “*thiệu long Phật chủng*”. Thiệu long Phật chủng chẳng phải là [nói tiếp hưng thịnh] giòng giống Phật của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng chẳng phải là giòng giống Phật của A Di Đà Phật, mà là giòng giống Phật của chính mình! Điều này quan trọng, đây là Tự Phật, chẳng phải là Tha Phật. Tha Phật chẳng thể giúp ta, chính mình thành Phật mới được. Từ chỗ này, quý vị liền hiểu: Phật giáo chẳng phải là tôn giáo. Trong tôn giáo có thần, cá nhân chẳng thể giống như thần, chẳng thể nào! [Trong tôn giáo] có Thượng Đế, chẳng thể là ai cũng đều làm Thượng Đế, Thượng Đế chỉ có một, chân thân chỉ có một. Trong Phật giáo, chẳng phải là như vậy! Trong Phật giáo, tất cả chúng sanh, ai nấy đều là Phật. Hiện thời có phải là Phật hay không? Là Phật! Chỉ vì chính quý vị chẳng thừa nhận, chính quý vị mê hoặc, điên đảo, chẳng thừa nhận chính mình là Phật. Thế nhưng, Phật và Pháp Thân Bồ Tát thấy quý vị là chân Phật, chẳng phải là giả Phật, vì sao? Có Phật Tánh.

2) Thứ hai, “*dĩ Bồ Đề tâm vi Phật chủng*” (coi Bồ Đề tâm là Phật chủng). Trong điều thứ nhất trên đây, nói theo Lý, nói theo Tánh, hết thấy chúng sanh đều là Phật. Điều thứ hai nói theo Sự, quý vị chẳng phát Bồ Đề tâm, sẽ chẳng thành Phật. Vì thế, coi Bồ Đề tâm là Phật chủng. “*Hoa Thủ kinh viết: Thí như vô ngưu, tắc vô đề-hồ. Nhược vô Bồ Tát phát tâm, tắc vô Phật chủng. Nhược hữu ngưu, tắc hữu đề-hồ. Như thị nhược hữu Bồ Tát phát tâm, tắc Phật chủng bất đoạn*” (Kinh Hoa Thủ nói: “Ví như không có bò, sẽ chẳng có đề-hồ. Nếu chẳng có Bồ Tát phát tâm, sẽ chẳng có Phật chủng. Nếu có bò, sẽ có đề-hồ. Cũng giống như vậy, nếu có Bồ Tát phát tâm, ắt Phật chủng chẳng đoạn”). Ngài dùng tỷ dụ để nói. Đề-hồ là gì? Kinh Phật thường nói đó là một chế phẩm từ sữa, từ sữa tinh luyện thành. Luyện đến mức cao nhất, tốt nhất thì người Ấn Độ gọi là đề-hồ. Sữa, lạc, tô, luyện tới mức cao nhất là đề-hồ, đó là những danh xưng từ ba ngàn năm trước. Hiện thời rất cuộc đó là gì? Thuở trước, lão pháp sư Đạo Nguyên, khi tôi thọ giới, lão nhân gia là Đắc Giới hòa thượng. Giới kỳ kéo dài một tháng mấy, chúng tôi ở cùng một chỗ. Lão hòa thượng mỗi ngày đều khai thị cho chúng tôi, kể chuyện xưa. Ngài nói: Có lần theo một đoàn lữ hành sang Ấn Độ chiêm bái thánh tích. Ngài là pháp sư giảng kinh, có hai chuyện từ đầu đến đuôi Ngài chẳng thể nói rõ ràng, một là Am Ma La quả, kinh Phật thường nói tới, rốt cuộc Am Ma La quả là gì? Nói chẳng rõ ràng, mà chú giải cũng chẳng chú thích rõ ràng. Thứ khác là đề-hồ. Lần này có cơ hội đến Ấn Độ, hỏi người Ấn Độ, có quả Am Ma La hay không? Có. Lấy ra cho chúng tôi xem, vừa nhìn, người Đài Loan gọi là Ba Lạc (trái ổi)^{27[1]}, mới biết Đài Loan có thứ ấy. Đề-hồ thì sao?

27[1] Chúng tôi nghĩ ở đây có sự sai lầm trong sự phiên dịch giữa người Hoa và người Ấn Độ trong chuyến du hành ấy. Vì theo từ điển Sanrit-Anh và Phật Môn Từ Điển, Am Ma La là phiên âm của chữ Āmalaka trong tiếng Phạn, và tên tiếng Anh tương ứng của nó là Emblic Myrobalan, nay người Ấn Độ

Cũng lấy đề-hồ ra, nay là sa lạp (salad), mới hoảng nhiên đại ngộ. Xác thực là vào thời cổ những thứ này ăn rất ngon.

Nói theo tỷ dụ, nếu chẳng có bò, sẽ chẳng có đề-hồ, quý vị lấy gì để tinh luyện? Giống như Bồ Tát nếu chẳng phát tâm, sẽ chẳng có Phật chủng. Có bò, bèn có đề-hồ, giống như nếu có Bồ Tát phát tâm, ắt Phật chủng chẳng đoạn. Bồ Đề tâm là gì? Cũng có rất nhiều cách nói. Chúng tôi phải tìm một cách đơn giản nhất để mọi người dễ hiểu, rất rõ ràng, ngõ hầu chúng ta biết học tập như thế nào? Bồ Đề tâm có Thể và Dụng, kinh dạy: Thể của Bồ Đề tâm là chí thành tâm, chân thành đến mức cùng cực là chí thành tâm. Chí thành tâm khởi tác dụng, đối với chính mình, cổ nhân nói là “*háo thiện, háo đức*”, tức là thích điều thiện, ưa chuộng đức, ưa thiện chuộng đức; đối với người khác từ bi. Từ bi đối với người khác chính là Tha Thọ Dụng. Tha Thọ Dụng của tâm chân thành là đại từ đại bi, Tự Thọ Dụng là ưa thiện, chuộng đức.

Tôi giảng kinh đã nhiều năm như thế, kể từ khi thầy giao cho tôi bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, tôi rất ưa thích bộ kinh này, vì tựa đề kinh quá hay, trong tựa đề kinh, nhân quả trọn đủ. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, nửa phần tựa đề kinh này là trí huệ và đức tướng của Như Lai. Trí huệ của Như Lai là gì? Đại Thừa. Đức là gì? Vô Lượng Thọ. Tướng là gì? Trang Nghiêm. Quý vị thấy Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm là quả, chính là như đức Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Nay chúng ta mê, vì quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên chúng (trí huệ và đức tướng) không thể hiện tiền, đã mê rồi. Nửa phần sau của tựa đề kinh nói về sự tu nhân, chỉ cần quý vị tu “*thanh tịnh bình đẳng giác*”, Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm liền hiện tiền. Quý vị thấy có nhân, ắt có quả. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là Tự Thọ Dụng. Cổ nhân gọi Tự Thọ Dụng của Bồ Đề tâm là “*ưa thiện, chuộng đức*”. Quý vị thấy tựa đề kinh này nói rất rõ ràng! Thiện là gì? Đức là gì? Thanh tịnh, bình đẳng, giác là thiện, là đức. Tâm chân thành đối với chính mình là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, giác tâm. Đối với người khác là từ bi, đại từ đại bi, chân thành từ bi. Nói cách này, mọi người vừa nghe đều thấy rất dễ hiểu, đều ở trong tựa đề kinh. Quý vị biết thọ trì Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh là Bồ Tát phát tâm, là Phật chủng chẳng dứt. Đó là cách nói thứ hai.

thường gọi là Amala, Amilika, Amla, hoặc Dhatrik, và thường được biết với tên Indian Gooseberry. Đây là một loại trái có thịt mọng, nhỏ chừng bằng trái cà pháo, có màu xanh vàng, ở giữa có một hạt cứng, da mịn, khi còn xanh rất cứng, có sáu rãnh, có vị chua, đắng. Khi chín, trái đổi sang màu nâu tím hơi giống trái bồ quân. Lá cây này giống như lá me. Hơn nữa, trái ổi gọi theo tiếng Sankrit sẽ là Bijabura. Người Ấn Độ thường đem muối trái Am Ma La với muối và nghệ, dùng làm thức ăn mặn như ta ăn dưa muối. Riêng đối với chữ Đề Hồ, hòa thượng nói là Salad, nhưng chúng tôi nghĩ Ngài muốn nói loại sốt (dressing) để ăn với rau xà lách thường chế từ phó mát.

3) Cách nói thứ ba: “*Dĩ xưng danh vi Phật chủng*” (coi xưng danh là Phật chủng), tức là niệm Phật. Có thể nói thông suốt hay không? Có thể! Không chỉ nói thông suốt, mà còn nói hết sức hay! Vì trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, trong tâm quý vị tưởng Phật, trong tâm niệm Phật, đương nhiên là lẽ nào Phật chủng chẳng hiện tiền? Điều này rất hợp lý, nói theo tâm thái, coi xưng danh là Phật chủng rất có căn cứ. Kinh Bảo Vân có nói: “*Thí như chủng thụ, hữu kỳ chủng tử, ly ư hủ bại, cụ túc sanh nha nhân duyên*” (Ví như trồng cây, có hạt giống của nó, chẳng bị hư nát, đầy đủ nhân duyên nảy mầm). Nảy mầm do có hạt. Giống như cây cối, trồng cây, [chẳng hạn như trồng] cây đào, hạt đào là chủng tử. Có chủng tử của nó, chủng tử chẳng hư nát, quý vị gieo xuống, nó sẽ nảy mầm, dần dần mọc thành cây nhỏ. Ba năm sau, nó liền sanh trái đào, mọc thành cây to. “*Văn Phật danh hiệu, như đắc chủng tử, tín nguyện trì danh, tức thị cụ túc nhân duyên, tất đắc thọ ký tác Phật, cố vân trì danh vi Phật chủng*” (Nghe danh hiệu Phật, như được chủng tử. Tín nguyện trì danh tức là trọn đủ nhân duyên, ắt được thọ ký làm Phật, nên nói “trì danh là Phật chủng”). Trì danh là Phật chủng, hoàn toàn chiếu theo cách nói của Tịnh Độ Tông.

Hoàng lão cư sĩ giải thích câu kinh này, đã lựa chọn những kinh luận do các vị tổ sư đại đức từ xưa đã trích dẫn, dần dần đều quy về Tịnh Độ, lại còn quy vào Trì Danh Niệm Phật. Từ chỗ này, có thể hiểu trí huệ, lòng từ bi, và phương tiện thiện xảo của lão cư sĩ, chúng ta hãy nên học tập, chẳng cô phụ tấm lòng cụ yêu thương chúng ta.

Nghe danh hiệu Phật, chúng ta đạt được chủng tử vắng sanh thế giới Cực Lạc. Nếu nghe xong hoài nghi, chẳng nghĩ đến thế giới Cực Lạc, sẽ giống như chủng tử hư nát, tuy có chủng tử, chẳng thể thành tựu. Nếu quý vị có duyên tiếp xúc kinh điển này, pháp môn này, nghe danh hiệu, có thiện hữu giới thiệu, giải thích, giảng rõ với quý vị, giúp quý vị đoạn nghi sanh tín, quý vị thật sự tiếp nhận, thật sự tin tưởng, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật sự từ hôm nay trở đi, quý vị niệm A Di Đà Phật, có thể buông xuống vạn duyên. Nay chúng tôi khuyên dạy người khác, đều là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Di Đà, quý vị quyết định có thể thành tựu trong một đời này, suốt đời vĩnh viễn chẳng thay đổi. Bất luận công việc bận rộn như thế nào, đều niệm Phật chẳng gián đoạn. Hễ cần dùng đầu óc, bèn buông niệm Phật xuống để làm việc. Làm xong, Phật hiệu liền hiện tiền, như thế cũng là liên tục chẳng dứt, tịnh niệm tiếp nối. Vì thế, pháp môn này thật sự thù thắng, bất luận làm loại việc gì cũng đều chẳng có trở ngại, đều có thể giúp quý vị thành tựu. Trong hết thấy các pháp môn, pháp này thuận tiện khôn sánh. Đó là trọn đủ nhân duyên. Giống như quý vị có hạt giống, có đất, phân, nước, ánh sáng mặt trời, lại còn có người chăm sóc kỹ lưỡng, nhất định sẽ tăng trưởng vô cùng tốt đẹp.

Căn cứ trên ý nghĩa của Hội Sớ, “*dĩ Bồ Đề tâm dĩ xưng Phật danh hiệu vi Phật chủng tánh, tức chứng bốn kinh dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi Tông, chánh thị hộ*

Phật chúng tánh thường sử bất tuyệt dã” (lấy Bồ Đề tâm và xưng danh hiệu Phật làm chúng tánh của Phật, đủ chúng tỏ kinh này lấy “phát Bồ Đề tâm, một mục chuyên niệm” làm Tông, chính là thường bảo vệ chúng tánh của Phật khiến cho chẳng đoạn tuyệt). Đây là nói trong kinh này, trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh, chúng ta thấy bất luận thượng bối, trung bối, hạ bối đều là dùng “*phát Bồ Đề tâm, một mục chuyên niệm*”, lấy câu này làm Tông. Tông nghĩa là gì? Cương lĩnh chỉ đạo chủ yếu, là nguyên tắc tu học trọng yếu, chẳng thể không phát Bồ Đề tâm. Nếu tôi nói Bồ Đề tâm theo tựa đề kinh này, nhất định phải phát tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi. Chân thành là Thê, đối với bất luận kẻ nào, đều phải dùng chân tâm để đối xử. Họ lừa gạt ta là chuyện của họ, ta phải dùng chân tâm đối với họ. Có thể cảm hóa họ thì tốt quá; chẳng thể cảm hóa họ, vẫn dùng chân tâm! Phải biết: Một đời này chẳng thể cảm hóa họ, đời sau họ sẽ bị cảm hóa. Ta quyết định chẳng vì kẻ ấy hư tình giả ý, mà ta cũng hư tình giả ý đối với kẻ đó. [Nếu hư tình giả ý] là sai mất rồi, quý vị đâu phải là người học pháp môn Tịnh Tông! Người học pháp môn Tịnh Tông tuyệt đối chẳng nói lời giả, mà dùng cái tâm chân thành để đối xử với kẻ khác. Đối xử với chính mình thì sao? Đối với chính mình thì phải thanh tịnh, quyết định chớ nên nhuốm bản! Nhuốm bản là gì? Tự tư tự lợi là nhuốm bản, tiếng tăm, lợi dưỡng là nhuốm bản, ngũ dục, lục trần là nhuốm bản, tham, sân, si, mạn là nhuốm bản. Tôi thiểu phải lìa khỏi những thứ nhuốm bản ấy, tâm ta sẽ thanh tịnh. Tâm bình đẳng chẳng có cao thấp, đối đãi với bất luận kẻ nào cũng đều nhất loạt bình đẳng. Ta đối đãi với Phật và đối đãi với hết thảy chúng sanh như một, không hai, cùng một tâm là tâm bình đẳng. Ta đối với Phật cung kính, đối với người khác thiếu lễ kính thì sự cung kính Phật là giả trá, chẳng thật! Ta cung kính Phật, đối với muỗi, trùng, kiến chẳng cung kính thì sự cung kính đối với Phật vẫn chẳng thật, vẫn là giả trá! Cho đến đối với hoa, cỏ, cây cối, núi, sông, đại địa, đều học theo Phổ Hiền Bồ Tát lễ kính chư Phật, bình đẳng. Giác chẳng cần cầu, thật sự đạt được thanh tịnh, bình đẳng, sẽ tự nhiên giác ngộ. Phải biết thanh tịnh do Giới mà có, bình đẳng đạt được từ Định, Giác là khai trí huệ. Công phu Thiền Định sâu, tất nhiên sẽ có một ngày quý vị đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Vì thế, thanh tịnh, bình đẳng, giác là Tam Học Giới Định Huệ, mà cũng là Tam Tạng. Thanh tịnh là Luật Tạng, bình đẳng là Kinh Tạng, Chánh Giác là Huệ Tạng (Luận Tạng), Giới, Định, Huệ [tương ứng với] Tam Tạng là Kinh, Luật, Luận. Nó cũng tương ứng với Tam Bảo, thanh tịnh là Tăng Bảo, bình đẳng là Pháp Bảo, Chánh Giác là Phật Bảo, Phật, Pháp, Tăng, đương nhiên đó là chúng tánh của Phật. Vì thế, chúng ta biết kinh dạy chúng ta phát Bồ Đề tâm, một mục chuyên niệm, một phương hướng, một mục tiêu, suốt một đời quyết định chẳng dao động. Phải học theo Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, tiếp xúc rất nhiều pháp môn, hết sức cảm tạ [các vị thiện tri thức] đã khiến cho tôi liễu giải, hiểu rõ. Đó là Huệ, là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết; nhưng tâm quyết định là định, chẳng bị các pháp môn ấy quấy nhiễu, tôi vẫn thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Dầu pháp môn thù

thắng đến mấy đi nữa, tôi muốn học thì đến thế giới Cực Lạc hãy học, hiện thời chẳng học. Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, đó là đúng.

“*Thường sử bất tuyệt giả, Gia Tường Sớ: Dục sử Như Lai pháp chủng bất đoạn cố dã*” (Gia Tường Sớ giảng “thường sử bất tuyệt” là vì muốn cho pháp chủng của Như Lai chẳng dứt). Trong Phật môn thường nói là chánh pháp tồn tại lâu dài (chánh pháp cửu trụ), đó là trách nhiệm của mỗi kẻ đệ tử Phật như chúng ta. Như thế nào thì mới có thể khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài? Nhất định phải thực hiện từ bản thân ta, chẳng thể đòi hỏi kẻ khác. Chánh pháp tồn tại lâu dài, chẳng phải là nói kinh điển hãy còn trên thế gian. [Kinh điển tuy còn, mà] chẳng có ai tu hành, chánh pháp liền diệt. Khuyên người khác tu hành, người ta có bằng lòng, có thể tiếp nhận hay không? Chẳng đáng tin cậy! Vì thế, khuyên chính mình y giáo tu hành, khuyên chính mình chứng A La Hán, chứng Bồ Tát, thành Phật, đó là chánh pháp tồn tại lâu dài. Hãy thật sự làm! Chính mình làm, chẳng phải là bảo người khác làm. Chính mình thật sự làm, sẽ ảnh hưởng người khác, ảnh hưởng những ai? Chúng sanh căn cơ đã chín muồi! Chúng sanh thiện căn, phước đức, nhân duyên đã chín muồi thấy quý vị bèn rất hâm mộ, sẽ học theo quý vị, vậy là quý vị dẫn thêm được một người. Quý vị có thể độ rất nhiều chúng sanh, nhưng chúng sanh căn cơ chín muồi ít ỏi, tức là người thấy quý vị như vậy sẽ thật sự làm giống như quý vị ít lắm, nhưng người được gieo thiện căn sẽ đông đảo. Họ trông thấy quý vị bèn tôn kính, tán thán quý vị, thấy đều là gieo thiện căn!

“*Tịnh Ảnh Sớ viết: Hộ sử ly chương, khởi thiện vô gián, danh thường bất tuyệt*” (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Giữ gìn khiến cho li chương, dấy lên điều thiện chẳng gián đoạn, thì gọi là thường bất tuyệt”). “*Hộ*” (護) thì phải bảo vệ chính mình, bảo vệ những gì của chính mình? Bảo vệ thanh tịnh bình đẳng giác của chính mình. Nói cách khác, quý vị nhất định phải xa lìa nhuốm bần. Tôi vừa mới nói, phải xa lìa tự tư tự lợi, phải xa lìa tiếng tăm, lợi dưỡng, phải xa lìa ngũ dục, lục trần, phải xa lìa tham, sân, si, mạn, đố kỵ chính là nguyên do Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta trì giới, chịu khổ. Ngài dặn dò bọn chúng ta là những người thuộc thế hệ sau hãy nên lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy, như vậy thì quý vị mới có thể li chương. Học tập cũng phải biết giữ quy củ. Tổ sư đại đức dạy chúng ta “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Đó là giới, quý vị phải tuân thủ. Ba căn bản đã vun bồi tốt đẹp, nếu đều làm được, quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân, quý vị trọn đủ điều kiện học Phật. Cách học như thế nào? Một bộ kinh, một pháp môn, đó gọi là “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Vì thế, tôi khuyên các đồng học Tịnh Tông, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Phật hiệu cứ niệm mãi. Nếu trong tâm vẫn chưa ổn thỏa, còn có nghi hoặc, thì hãy nghe giảng. Nghe giảng kinh Vô Lượng Thọ, cứ lần lượt nghe từng lần một, nghe không hiểu cũng chẳng sao, lại nghe nữa, cứ nghe lần lượt từng lần một. Cổ nhân nói rất hay: “*Đọc sách ngàn lượt, tự thấy ý nghĩa*”, nếu quý vị thật sự nghe đĩa giảng kinh Vô Lượng Thọ này từ đầu đến đuôi một ngàn lượt, quý vị sẽ khai ngộ. Vì sao? Một ngàn lần đã khiến tâm quý vị định lại, Định sanh Huệ, Định có thể khai ngộ, đạo lý là như thế đó. Trong ấy, chẳng có gì là thần kỳ hay mê tín. Là

chương, khởi tâm động niệm chẳng có gì bất thiện, quý vị khởi tâm động niệm đều tương ứng với tâm thanh tịnh, đều tương ứng với Thập Thiện Nghiệp Đạo, đó là “*bất tuyệt*”, là “*thường sử bất tuyệt*”.

“*Hựu Chân Giải viết: Đại Luận vân: U vô Phật xứ, tán thán Tam Bảo âm*” (Sách Chân Giải lại chép: “Đại Luận viết: Ở nơi không có Phật, khen ngợi danh từ Tam Bảo”). Đó là thường niệm Phật, Pháp, Tăng. “*Tức thọ trì, tuyên thuyết Phật pháp tạng đã, chúng sanh do chi thực thiện, phát trí, thành đức khế lý, cố Tam Bảo chủng tử, truyền truyền tương kế, thường sử bất tuyệt. Dĩ thượng tam thuyết chánh hảo hợp tham*” (tức là thọ trì, tuyên nói pháp tạng của Phật. Chúng sanh do đây sẽ gieo căn lành, phát sanh trí, thành tựu những phẩm đức khế Lý, nên hạt giống Tam Bảo được liên tục lưu truyền, thường chẳng bị đứt mất. Cả ba thuyết trên đây đều có thể gộp lại để tham khảo). Ba loại trên đây đều có thể gộp lại hồng tham khảo. Kinh luận nói rất hay, nơi chẳng có Phật giáo, bèn tán thán nền giáo dục của đức Phật, giảng giải, nói rõ với người khác, khiến cho chúng tử Tam Bảo được gieo vào A Lại Da Thức của mọi người, khiến cho họ có cơ duyên trông thấy tượng Phật, nghe âm thanh Phật hiệu, vừa thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Họ đã có thiện căn ấy, trong tương lai sẽ khởi tác dụng, đó là gì? Gieo chủng tử. Đối với chúng sanh căn cơ đã chín muồi, bèn giúp họ thành Phật, giúp kẻ căn cơ chưa chín muồi trở thành chín muồi. Đối với kẻ chưa có chủng tử, bèn gieo thiện căn cho họ, gieo chủng tử Phật cho họ, thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật, đều gieo chủng tử vào A Lại Da. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

Tập 136

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi bốn, xem từ hàng thứ ba.

“*Hưng đại bi, tùng thử cú trực chí chứng tế phụ hà, giai độ bi ngạn thập cú, biểu chư đại sĩ đồng thể đại bi, vô duyên đại từ chi đức hạnh*” (Cả mười câu từ câu “*hưng đại bi*” cho đến câu “*cứu vớt, gánh vác cho họ đều vượt lên bờ kia*” đều nói về đức hạnh đồng thể đại bi, vô duyên đại từ của các vị Đại Sĩ). Trước hết là giới thiệu ý nghĩa trọng yếu trong khoa mục nhỏ này. Tâm từ bi của các vị Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ dự hội lưu lộ. Đồng thể đại bi, vô

duyên đại từ là nhìn Bồ Tát từ góc độ của lũ phàm phu chúng ta. Nếu nhìn từ phía bản thân các vị Bồ Tát, hai câu này chẳng có ý nghĩa chi cả! Vì sao? Các Ngài xác thực là đã chứng đắc “khấp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể”. Kinh Phật diễn tả điều này là “*phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”. Pháp là hết thấy vạn pháp. Câu nói cuối cùng [trong năm câu do] Huệ Năng đại sư [đã thốt ra khi] khai ngộ là: “*Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp*”. Đó chính là “hết thấy các pháp trong khấp pháp giới hư không giới và chính mình đều do cùng một thể tánh hiển hiện”. Sách Hoàn Nguyên Quán nói tự tánh thanh tịnh viên minh thể, hiển nhất Thể, khởi nhị Dụng, thị tam biến (phô bày ba thứ trọn khắp). Lời văn tuy không dài, nhưng đã viết rất rõ ràng, rất minh bạch. Đây là một chủ đề đang được tất cả các khoa học gia và triết gia trên thế giới điều tra, cho đến nay, vẫn chưa thể đạt đến kết luận dứt khoát, nhưng kinh đã nói rành mạch, nói rõ ràng. Các Ngài chứng đắc như thế nào? Đức Phật dạy: Chính quý vị vốn sẵn có trí huệ và năng lực ấy. Chẳng phải là tưởng tượng, chẳng phải là chúng ta nhất định phải tưởng như vậy, hoặc nhất định phải niệm như thế, chẳng phải vậy, nó vốn sẵn là như vậy! Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta: Vì sao nay chúng ta và chư Phật Như Lai sai khác to lớn như vậy? Vốn là một Thể, thể mà có sai khác to lớn ngàn ấy, đức Phật cho biết: “*Chỉ vì vọng tưởng và chấp trước, nên không thể chứng đắc*”, một lời đã nói toạc ra! Do vậy, chúng ta hiểu: Chỉ cần chúng ta buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị vốn sẵn là Phật, giác ngộ vạn sự vạn vật trong vũ trụ và ta thật sự là một Thể.

Trong kinh, đức Phật thường nói: “*Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”, tâm và pháp là một, chẳng hai. Tâm là tự tánh, có thể hiện, có thể sanh. Pháp là vạn pháp, là cái được sanh, được hiện. Trong Phật pháp nói tới y báo và chánh báo, chánh báo là chính mình, ngoài chính mình ra đều gọi là y báo. Vì vậy, trong y báo có hoàn cảnh nhân sự, có hoàn cảnh vật chất, còn có hoàn cảnh hiện tượng tự nhiên, tức là bao quát toàn thể vũ trụ. Cổ nhân nói hai câu: “*Lớn mà chẳng ra ngoài, bé mà chẳng ở trong*”, nói lên ý nghĩa gì? Lớn mà chẳng ra ngoài là chẳng có ngăn mé, lớn vô cùng. Trong khoa học hiện đại, các nhà khoa học cho biết phần vũ trụ nhân loại biết đến thật ra chỉ là một phần mười, hãy còn chín phần mười chúng ta không biết. Cũng có nhà khoa học nói: Chín mươi phần trăm vũ trụ ta không thấy, nay chúng ta dùng dụng cụ khoa học có thể thăm dò mười phần trăm, vì sao? Họ vẫn chẳng biết do nguyên nhân nào! Thế nhưng trong kinh Phật đã có nói, câu nào trong kinh Phật? Trở về tự tánh. Bồ Tát tu hành đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát, đó là địa vị Bồ Tát cao nhất. Đẳng Giác Bồ Tát nếu lên cao hơn một cấp, sẽ hồi quy tự tánh, là Diệu Giác. Cũng có thể nói Ngài đã đoạn sạch tập khí vô thi vô minh, hoàn toàn chẳng có; do vậy, chẳng còn thấy cõi Thật Báo. Nay chúng ta kể như đã hiểu rõ, cõi Thật Báo do đâu mà có? Cõi Thật Báo do tập khí vô thi vô minh biến hiện; khi tập khí đã đoạn, cõi ấy cũng chẳng tồn tại, tức là do “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, nên cõi Thật Báo cũng là hư vọng. Mười pháp giới hư vọng thì chúng ta dễ hiểu, nhưng cõi Thật Báo Nhất Chân pháp giới cũng là hư vọng [thì

khó hiểu], thứ gì là chân thật? Chân thật là Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang thì thứ gì cũng đều chẳng có, chẳng có hiện tượng vật chất, mà hiện tượng tinh thần cũng chẳng có!

Trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật dạy: Tất cả các hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều sanh từ A Lại Da, A Lại Da [sanh khởi] ba tế tướng. Ba tế tướng ấy được sanh khởi theo thứ tự, nhưng chúng có tốc độ quá nhanh, nên chúng ta cũng có thể nói là chúng phát sanh đồng thời. “*Một niệm bất giác, bèn có vô minh*”, vô minh ở đây chính là A Lại Da. Đối với Nghiệp Tướng của A Lại Da thì Nghiệp Tướng là do một niệm bất giác. Giác tâm bất động, Huệ Năng đại sư đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng dao động*”, đó là Thường Tịch Quang, bất động. Đột nhiên có một niệm ấy phát sanh, niệm ấy được gọi là vọng niệm, vô minh ấy được gọi là vô thi (無始). Vô thi là chẳng có khởi đầu, thật sự chẳng có khởi đầu. Đức Phật bảo cho chúng ta biết hiện tượng ấy thật sự là gì? Là vọng tưởng, vọng (妄) là chẳng thật, nên tướng ấy được gọi là vọng tướng. Nếu thật sự có niệm dấy lên, sẽ chẳng gọi là vọng tướng. Vì thế, phải hiểu ý nghĩa của chữ Vọng do đức Phật đã nói, nó chẳng thật, Tướng có, Thể không. Chúng ta quan sát những sự thật trước mắt, đều thừa nhận các hiện tượng vật chất trước mắt chúng ta, ngỡ chúng là thật, nhưng đức Phật dạy chúng là giả, chẳng thật, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, chúng ta không hiểu. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học cho biết: Vật chất chẳng thật. Họ dùng phương pháp khoa học để thấy hiện tượng vật chất là gì? Là ý niệm. Ý niệm chẳng phải là niệm u? Niệm tích lũy liên tục, sanh ra huyền tướng. Vì sao có các loại vật chất khác nhau? Do tần số [dao động] khác nhau, chúng ta sẽ thấy các hiện tượng khác nhau. Tần số chậm, quý vị sẽ thấy là chất rắn, tần số mau hơn sẽ biến thành chất lỏng. Như hoa, cỏ, cây cối, da dẻ, huyết dịch trên thân chúng ta đều thuộc loại có tần số mau hơn một chút. Mau hơn nữa sẽ biến thành thể hơi, thành các thể hơi lưu động trong không khí. Lại nhanh hơn nữa, sẽ biến thành sóng điện, ánh sáng, hoặc sóng điện từ. Vì thế, bất cứ vật chất gì cũng đều có thể quy hồi hiện tượng dao động. Nó (hiện tượng dao động) là hiện tượng nguyên thủy nhất, trong ấy, quý vị chẳng thấy vật chất.

Như vậy là các nhà Lượng Tử Lực Học thấy tình hình ấy, đúng như từ ba ngàn năm trước, trong cuộc đối thoại giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát: Phàm phu chúng ta khởi lên một niệm, “*tâm hữu sở niệm*”, [nghĩa là] đức Phật hỏi ngài Di Lặc, phàm phu khởi lên một niệm thì trong ấy có mấy tế niệm? Có mấy tướng? Có mấy thức? Di Lặc Bồ Tát trả lời đức Thế Tôn, thật ra là nói với chúng ta: “*Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”. Ba mươi hai ức nhân với một trăm ngàn, một trăm ngàn là mười vạn, [sẽ thành] ba trăm hai mươi triệu. Trong một cái khảy ngón tay, có ba trăm hai mươi triệu [tế niệm]. Tôi tin là có người động tác rất nhanh nhẹn, rất lẹ làng, trong một giây có thể khảy tới năm lần. Nếu nói một giây khảy năm lần, sẽ là trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu [tế niệm], tần số dao động là một ngàn sáu trăm triệu lần, một giây đầy nhé! Di Lặc Bồ Tát nói “*niệm niệm thành hình*”, “*hình*” là hiện tượng vật chất. Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi về tướng, tức hiện tượng vật chất, tức Cảnh Giới Tướng của A Lại Da. Mấy thức? “*Hình đều có thức*”.

Từ câu nói này, chúng ta hiểu vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng tách rời. Ngay như các nhà khoa học Lượng Tử hiện thời đã phát hiện tiểu quang tử, tức lượng tử, còn nhỏ hơn hạt cơ bản như đã nói trước kia, trong tiểu quang tử có hiện tượng vật chất, và cũng có hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần trong tự tánh là “thấy, nghe, hay, biết”, trong A Lại Da liền biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đối với Thọ, Tưởng, Hành, Thức, bất luận là Thọ hay là Tưởng, trong ấy hoàn toàn có thấy, nghe, hay, biết. Trong Thọ có thấy, nghe, hay, biết, trong Tưởng có thấy, nghe, hay, biết. Trong Hành và Thức đều có thấy, nghe, hay, biết. Đó là Chân Ngã. Ngay cả một hạt tiểu quang tử cực nhỏ vẫn có thấy, nghe, hay, biết, lại còn biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nên nó có thể thấy, có thể nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Chúng ta khởi tâm động niệm, nó biết toàn bộ. Chúng ta hãy suy nghĩ, cái tạo thành thân thể của chúng ta, tức là thân chánh báo, trong ấy có bao nhiêu tiểu quang tử? Chẳng có cách nào tính toán thân thể này của chúng ta có bao nhiêu tiểu quang tử! Trong mỗi hạt tiểu quang tử đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trong Tứ Uẩn là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, mỗi Uẩn đều có thấy, nghe, hay, biết, do đâu mà có hiện tượng này? Pháp nhĩ như thị, [nghĩa là] nó vốn là như vậy, tự tánh là như vậy. Tự tánh xác thực là lớn mà chẳng ở ngoài, nhỏ chẳng ở trong, là một vấn đề triết học.

Đẳng Giác Bồ Tát chứng Diệu Giác, trở về Thường Tịch Quang, sẽ không thấy [có cõi Thường Tịch Quang]. Vì sao khoa học gia nói có những phân vũ trụ ta chẳng thể thấy được? Chúng đã trở về Thường Tịch Quang, nên quý vị tìm chẳng thấy. Chúng chẳng phải là hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần, nên sáu căn chẳng thể tiếp xúc. Do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, quý vị có thể cảm nhận hiện tượng vật chất, ý căn cảm nhận hiện tượng tinh thần, nhưng Thường Tịch Quang chẳng phải là vật chất, chẳng phải là tinh thần, nên quý vị chẳng có cách nào cảm nhận! Nhưng nó tồn tại, bất sanh bất diệt, ở nơi đâu? Không lúc nào chẳng tồn tại, không nơi nào chẳng tồn tại, nhưng lục căn chẳng thể tiếp xúc. Khi nào có thể tiếp xúc? Đức Phật dạy: Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị liền hiểu rõ, liền chứng đắc. Vì thế, phải biết: Căn bệnh nặng nề của chúng ta là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chưa thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống; nói thật thà, quý vị chưa nhập Phật môn, vẫn là kẻ đứng ngoài cửa nhà Phật, chưa thể gọi là Phật giáo, gọi là Phật học như người hiện thời nói thì được, chẳng phải là học Phật. Người thật sự học Phật, tối thiểu là phải biết buông xuống, buông xuống từ chỗ nào? Nói thật thà sẽ là buông xuống từ chính mình, luôn phải bắt đầu từ chính mình. Buông gì xuống? Buông cái Ngã xuống, biết đó chẳng phải là Ngã. Kinh Kim Cang nói “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, bắt đầu từ đó, phá Tứ Tướng thì gọi là học Phật. Phá Tứ Tướng là tầng cấp gì? Sơ Quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, còn xét theo Đại Thừa, theo kinh Hoa Nghiêm, sẽ là Sơ Tín Vị Bồ Tát trong Thập Tín. Thập Tín là Tiểu Học, [Sơ Tín] là lớp Một Tiểu Học, quý vị nhập Phật môn. Hãy còn có ta, có người, có chúng sanh, có thọ giả, quý vị là lục đạo phàm phu. Quý vị nói chính mình là đệ tử Phật, được thôi! Danh tự đệ tử, hữu danh vô thực! Đối với Lục Tức như Thiên Thai đại sư đã nói, quý vị thuộc Danh Tự Tức.

Buông Ngã xuống, Thân Kiến trong năm thứ Kiến Hoặc bị phá. Biên Kiến đã phá, chẳng còn đối lập do Biên Kiến. Ta chẳng có, kẻ khác cũng chẳng có, phá Tứ Tướng, chúng sanh tướng cũng phá. Thọ giả là thời gian, chúng ta có thể nói chúng sanh là không gian. Cảnh giới này là thật sự nhập Phật môn.

Người như vậy niệm Phật vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thuộc tầng cấp nào? Thừa cùng chư vị, người ấy sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, chẳng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Do vậy, tu hành khó khăn, trong một đời có thể tu đến mức độ này, chẳng dễ dàng! Tu đến mức độ này, quý vị liền siêu phàm nhập thánh, chẳng còn thuộc cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Điều này cho thấy tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất luận tu pháp môn nào đều phải đi theo con đường này! Con đường này, bao người đã học Phật suốt một đời, có mấy ai thành tựu? Chúng ta nghĩ đến chỗ này, chẳng thể không cảm ơn, chẳng thể không cảm kích A Di Đà Phật đã từ bi mở ra pháp môn đặc biệt, tiếp dẫn chúng ta là những kẻ chẳng có năng lực phá Kiến Hoặc, cũng có thể sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Cũng có nghĩa là người trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư chưa phá Tứ Tướng, phải đời nghiệp vãng sanh. Càng khó có hơn nữa, tuy đời nghiệp, nhưng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ giống như cõi Thật Báo, tuyệt diệu thay! Vì sao? Nguyên thứ hai mươi trong bốn mươi tám nguyện có nói: *“Sanh về thế giới Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát”*. A Duy Việt Trí là đẳng cấp nào? Theo kinh Hoa Nghiêm thì là từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên. Những người ấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nay chúng ta một phẩm phiền não chưa phá, chỉ cần thật sự giữ vững tín tâm kiên định, chẳng hoài nghi tí nào, một phương hướng, một mục tiêu, *“phát Bồ Đề tâm, một mục chuyên niệm A Di Đà Phật”*, quyết định cầu sanh Tịnh Độ, sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Dầu hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, do được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị đến thế giới Cực Lạc, trí huệ, thần thông, đạo lực và hết thảy sự thọ dụng đều bằng với hàng Bồ Tát trong cõi Thật Báo. Phải ghi nhớ: Các pháp môn khác trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng có chuyện này. Chỉ riêng một cõi Tịnh Độ là Di Đà Tịnh Độ [là có chuyện này], trong Di Lạc Tịnh Độ chẳng có! Gặp gỡ pháp môn này chẳng dễ dàng, đã gặp gỡ pháp môn này mà bỏ lỡ thì quá đáng tiếc. Chúng ta chẳng có cách nào buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, chỉ có con đường này. Trừ con đường này ra, chẳng có con đường thứ hai, há chúng ta còn nên chẳng quý trọng ư? Còn có thể chẳng thật sự hành theo ư? Từ vô lượng kiếp tới nay, phải luân hồi trong sanh tử, chẳng thoát ra được!

Đời này gặp được duyên phận này, quý vị có cơ hội vĩnh viễn thoát ly luân hồi trong một đời này, vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới, cơ hội này khó thể gặp gỡ ngàn ấy, đúng như bài kệ Khai Kinh đã nói: *“Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”*, vậy mà chúng ta đã gặp. Cư sĩ Bàn Tế Thanh nói: *“Một ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay”*. Chúng ta đã gặp gỡ. Lại còn gặp gỡ trong xã hội hiện tiền, trên địa cầu có lắm tai nạn xảy ra liên tiếp như thế,

ngay trong lúc này mà được gặp gỡ, chúng ta cảm thấy an ủi to lớn không gì bằng! Gặp gỡ trong lúc này, khi nào tai nạn sẽ phát sanh? Chẳng có điềm dự báo. Nói cách khác, chúng ta ở bất cứ nơi nào trên quả địa cầu này đều cảm thấy chẳng an toàn, gặp được pháp môn này, tâm bèn định, tâm đã an rồi, vì sao? Thời gian đến thế giới Cực Lạc đã tới rồi! Khá nhiều vị Bồ Tát trong mười phương mơ tưởng chuyện này, nhưng các Ngài chẳng có duyên gặp gỡ! Chúng ta có thể lý giải: Nếu các Ngài gặp được, sẽ chẳng hoài nghi mảy may, lập tức nắm lấy. Đối với những người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chúng ta mà nói, những tai biến trên quả địa cầu là chuyện tốt, chẳng phải là chuyện xấu, chúng khiến cho chúng ta cảnh giác cao độ, niệm niệm hướng về mục tiêu “*một mục chuyên niệm*”, nhắc nhở chúng ta niệm niệm chẳng lìa A Di Đà Phật. Hiện thời chẳng lìa, dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác để niệm Phật, toàn bộ những thứ tấp nham trong thế gian này đều buông xuống, còn có gì chẳng buông xuống được? Người như vậy quyết định sanh về Tịnh Độ.

Bồ Tát “*hung đại bi, mẫn hữu tình*” (dây lòng đại bi, thương xót hữu tình), đúng là đồng thể đại bi, vô duyên đại từ, “*vô duyên*” là chẳng có điều kiện. Sau khi minh tâm kiến tánh, đức hạnh tự nhiên lưu lộ. Hai câu này được giải thích: “*Hung đại bi, mẫn hữu tình giả, Mẫn giả, ai niệm dã. Bồ Tát bi mẫn chúng sanh, phổ linh xuất khổ*” (“dây lòng đại bi, thương xót hữu tình”: “Mẫn” là thương xót nghĩ đến. Bồ Tát thương xót chúng sanh, làm cho tất cả đều được thoát khổ). “*Phổ*” (普) là phổ biến, chẳng có phân biệt. Đối đãi bình đẳng với hết thảy chúng sanh, giúp chúng ta thoát ly luân hồi; luân hồi là biển khổ. Tứ thánh pháp giới chịu khổ nhẹ hơn lục đạo, nhưng chẳng đạt đến chân lạc. Lòng Bi ấy “*phi Nhị Thừa phàm phu ái kiến chi bi*” (chẳng phải lòng Bi do ái kiến của Nhị Thừa và phàm phu). Vì thế, trước đó thêm vào một chữ, thành Đại Bi. Dây lên lòng đại bi, thương xót hữu tình. Đại bi là chẳng có điều kiện, chẳng có tình chấp ái kiến, chẳng có thứ ấy, tâm Ngài thanh tịnh, bình đẳng, giác chứ không mê. “*Hựu Hội Sớ viết*” (Sách Hội Sớ lại nói), hãy xem cổ đức giải thích, “*bạt khổ vi bi*” (đẹp khổ là bi), nghĩa là thấy chúng sanh đau khổ, bèn giúp họ lìa khỏi thống khổ. Sanh, lão, bệnh, tử là khổ, chỉ có Phật, Bồ Tát là có thể cứu. Trong thế gian, cầu chẳng được [thỏa ý] sẽ là khổ, yêu thương phải chia lìa là khổ, oán ghét mà cứ phải gặp gỡ là khổ. Trong kinh giáo có dạy chúng ta đạo lý và phương pháp lìa khổ như thế nào, đó là trong Phật môn. Trong các tôn giáo khác, trong thế gian hiện thời, rất phổ biến chuyện [ma quỷ] dựa vào thân, đó gọi là “*chúng sanh có duyên bèn dựa vào thân*”. Chúng sanh có duyên chính là gì? Đều là những kẻ đến đòi mạng hoặc đòi nợ, hiện tượng này khắp nơi đều trông thấy. Đối với vấn đề này, dùng Phật pháp để hóa giải hoặc điều giải rất hữu hiệu. Khá nhiều bệnh tật đều do oán thân trái chủ giáng họa, họ đến báo thù. Trong quá khứ, quý vị đã nợ mạng họ, nên họ đến đòi mạng. Quý vị thiếu nợ nên họ đến đòi nợ. Chỉ cần tâm địa chúng ta lắng trong, phiền não ít, vọng niệm ít, quý vị sẽ có thể nhìn ra được. Có người hỏi tôi: “*Vì sao hiện thời có nhiều trường hợp [quỷ dựa thân] như vậy?*” Người ấy hỏi rất hay. Nếu người ấy chẳng hỏi, chúng tôi chẳng nghĩ đến chuyện này; vừa hỏi, tôi liền hiểu. Xã hội thuở trước có giáo dục luân lý và đạo đức, có giáo dục nhân quả, nên con người có chánh khí, những oán thân trái chủ

chẳng dám đến gần quý vị, vì quý vị có chánh khí. Nếu quý vị tạo nhiều ác nghiệp, sẽ chẳng có chánh khí. Khi chánh khí chẳng có, tà niệm sẽ xuất hiện. Đó là bất thiện khí, họ cũng rất dễ tới gần, ngự trên thân quý vị.

Người học Phật trì giới, niệm Phật, tu Định, có thần hộ pháp thủ hộ, họ chẳng dám thân cận quý vị. Quý vị xem câu chuyện trong Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, chẳng phải là rất rõ rệt ư? Ngô Đạt quốc sư là cao tăng mười đời. Quý vị thấy oan gia của Ngài, thâm cừ đại hận chẳng thể báo, đời đời kiếp kiếp chờ đợi, đợi cho tới đời thứ mười, Sư làm thầy của hoàng thượng, tức quốc sư. Hoàng thượng tặng Sư một chiếc ghế Thái Sư. Chiếc ghế ấy chạm trở bằng trầm hương, trầm hương đắt lắm, bán ở tiệm thuốc là từng lượng một. Sư tiếp nhận, vua là đệ tử của Sư, cúng dường Sư bảo tọa trầm hương ấy, Sư sanh khởi tâm ngạo mạn, cảm thấy [chính mình] rất vinh diệu: “Người xuất gia trong thiên hạ đông ngàn ấy, chẳng có ai sánh bằng ta!” Vừa dấy lên niệm ấy, thần hộ pháp bỏ đi, oán thân trái chủ tìm tới bên thân, Sư bị ghê hình mặt người, gần như mất mạng! Tôn giả Ca Nặc Ca điều đình, oán thân trái chủ chấp thuận, lìa khỏi. Đó là một thí dụ sống động, chúng ta phải ghi nhớ: Nếu trong tâm chúng ta còn có tà niệm, còn có tà tư, quý vị biết là oán thân trái chủ dễ tìm tới bên thân. Chúng tìm tới bên thân như vậy, quý vị sẽ mắc bệnh khổ. Điều giải cùng oán thân trái chủ như thế nào? Nói thật ra, trong thế gian này, mỗi người có cả một đống lớn oán thân trái chủ! Bất luận là trong quá khứ hay trong kiếp này, quý vị cố ý giết, hay vô tình giết chết, họ đều chẳng bỏ qua cho quý vị! Còn có những kẻ bình phàm chẳng hiểu chân tướng nhân quả, trong gia đình ăn thịt đã thành thói quen. Mỗi ngày quý vị ăn chúng nó, mà chẳng có cảm giác! Thế nhưng những chúng sanh bị ăn thịt ấy chẳng cam lòng, chẳng tình nguyện để cho quý vị ăn. Trong kinh Phật có nói: “*Ăn kẻ khác nửa cân, đền hấn tám lượng*”, hấn sẽ đến đòi nợ quý vị. Chúng ta học Phật, hiểu đạo lý này, không còn dám ăn thịt chúng sanh nữa! Đó là chuyện tốt. Nhưng có những kẻ ta đã kết oán [trong đời quá khứ hay trong hiện tại], để hóa giải những oán thân trái chủ ấy, mỗi ngày chính mình làm các công đức hồi hướng cho họ, mình và người đều được lợi, hy vọng họ sẽ chẳng quấy nhiễu chúng ta tu hành. Chúng ta tu hành thành công, nhất định độ họ trước hết. Nếu nguyện tâm ấy, điều kiện ấy là chân thật, họ sẽ tiếp nhận. Nếu quý vị giả dối, lừa gạt họ, họ sẽ lại bám lên thân quý vị, kiếm quý vị gây khó dễ. Chuyện này chẳng phải là mê tín, chuyện quỷ thần này là sự thật.

Chúng tôi đọc một câu chuyện có tựa đề là Khải Tát Quân Đoàn Đông Chinh Trung Quốc Chi Mê (bí ẩn về đoàn quân đông chinh đánh Trung Quốc của Caesar), chuyện này là [chuyện quỷ thần] dựa thân. Chuyện này [xảy ra] từ hơn hai ngàn một trăm năm trước. Đại đế Khải Tát (Gaius Julius Caesar) của đế quốc La Mã phái một đoàn quân hơn mười vạn người, thống soái của quân đoàn là con trai thứ ba của nhà vua, đến xâm lược Trung Quốc, mong cưỡng chiếm Trung Quốc. Nơi ấy rất xa, từ La Mã đến Tân Cương^{28[2]} mất một năm

28[2] Tân Cương vốn là tên gọi sau này của vùng được coi là Tây Vực (đúng ra là phần lớn của Tây Vực cổ), bao gồm địa bàn của các vương quốc cổ đại (như Nhục Chi, Lô Lan, Hung Nô, Khố Xương, Tây

hai tháng, đều là kỵ binh và bộ binh. Trên đường đi, do không hợp thủy thổ, binh sĩ chết rất nhiều. Vì thế, đến Trung Quốc, từ Tân Cương đi đến hành lang Hà Tây²⁹[3], tiếp xúc với người Hoa tại Tân Cương, đánh nhau một trận. Cuộc chiến ấy hết sức dữ dội, lần đại chiến ấy họ tổn thất chín ngàn người, đã chết mất chín ngàn quân, niềm tin chinh phục Trung Quốc bị chôn vùi! Khi đến được hành lang Hà Tây, chỉ còn sót lại mấy ngàn người, một vạn người chẳng đến nơi, cuối cùng toàn quân bị tiêu diệt ở Trung Quốc. Quý vị thấy các quý thần từ hơn hai ngàn một trăm năm ấy, các con quý ấy, tức quân đoàn ấy đến nay vẫn còn rất tích cực, họ dựa vào thân của hai mẹ con nơi vùng ấy. Tam vương tử thống soái dựa thân người đàn bà, còn quân sư của ông ta dựa vào thân con gái bà ta. Thời gian dựa thân khá lâu, suốt hai mươi bảy năm. Vì thế, bọn họ giống như bị bệnh thần kinh, điên điên khùng khùng nói năng lung tung, kể ra chuyện xưa. Người viết cuốn sách ấy là một khoa trưởng thuộc Thống Chiến Bộ³⁰[4] của chính phủ tại vùng ấy. Ông ta nghe chuyện này hiểu kỳ, chẳng tin tưởng. Sau nhiều lần tiếp xúc, ông ta bèn tin tưởng, là thật, quyết định chẳng giả. Chuyện này nói lên điều gì? Cho thấy con người chết đi thì thân thể chết, chứ linh hồn chẳng chết, vẫn đang chịu khổ, chịu nạn. Những linh quý ấy chẳng có tín ngưỡng tôn giáo, vào thuở hơn hai ngàn một trăm năm trước, vẫn chưa có Cơ Đốc Giáo. Tại Trung Quốc, họ gặp một vị Bồ Tát, tức Lợi Tân Bồ Tát³¹[5], thấy bọn họ đáng thương, là một lũ oan hồn vất vưởng, nên thường bố

Liêu, Tinh Tuyệt v.v...), phần nhiều sống du mục, đã bị diệt quốc. Kể từ đời Hán, nhà Hán đã đặt Tây Vực Đô Hộ Phủ để khống chế các sắc dân này. Tây Vực hoàn toàn bị Trung Hoa biến thành thuộc địa dưới đời Càn Long. Trong niên hiệu Quang Tự thứ mười (1884), khi Tả Tông Đường thành công đuổi quân xâm lăng A Cổ Bách ra khỏi vùng này, bèn tâu xin nhà vua đặt vùng này thành tỉnh mới, đặt tên là Tân Cương (cương vực mới). Tân Cương hiện thời nằm lọt giữa các tỉnh Cam Túc, Thanh Hải, khu tự trị Tây Tạng và khu tự trị Nội Mông. Dân tộc chủ yếu sống trong vùng này là Hồi Hộ, Mông Cổ, Cáp Tát Khắc (Kazakh), Duy Ngô Nhĩ (Uigur) v.v...

29[3] Hành lang Hà Tây (Hà Tây Tẩu Lang), còn gọi là Cam Túc Tẩu Lang là một giải bình nguyên hẹp nằm giữa các vùng núi cao, phía Đông kể từ Ô Tiêu Lãnh, phía Tây từ Ngọc Môn Quan, phía Bắc giáp ranh Kỳ Liên Sơn và A Nhĩ Kim Sơn, dài đến 900 km, bề ngang chỉ có mấy cây số, giống như một hành lang hẹp, lại nằm ở phía Tây Hoàng Hà, nên mới có tên gọi là Hà Tây Tẩu Lang. Đây là tuyến đường trọng yếu để từ Trung Nguyên ra vào vùng Tân Cương.

30[4] Thống Chiến Bộ là tên gọi tắt của Trung Quốc Cộng Sản Đảng Trung Ương Ủy Viên Hội Thống Nhất Chiến Tuyến Công Tác Bộ, thường được gọi tắt là Trung Cộng Trung Ương Thống Chiến Bộ, là một tổ chức ngoại vi của đảng Cộng Sản Trung Quốc, nhằm liên kết, thống nhất tư tưởng và hành động các thành phần trí thức, viên chức, tôn giáo, quân dân không phải là đảng viên Cộng Sản trong xã hội (thực chất là kiểm soát), nhằm đảm bảo họ sẽ trung thành và ủng hộ mọi đường lối của chính phủ. Tổ chức này còn đồng thời chủ trì công tác Hoa vận để nối dài quyền lực kiểm soát nơi các cộng đồng Hoa Kiều hải ngoại. Điều này thường được gọi châm biếm là “expand soft power” trong các sách báo ngoại quốc. Nói cách khác, đây chính là một tổ chức tương đương với cơ cấu Mặt Trận Tổ Quốc của chính quyền Việt Nam hiện thời, nhưng có quyền lực lớn hơn.

31[5] Theo A Dục Vương Tự Chí, Lợi Tân Bồ Tát chính là sư Huệ Đạt, tổ khai sơn A Dục Vương Tự. Theo đó, vào năm Thái Khang thứ ba (282) đời Tây Tấn, Lưu Tát Ha là người xứ Ly Thạch, Khai Châu, tỉnh Sơn Đông. Do cầu xá-lợi, ông Lưu đến vùng núi Kê Mậu, kết lều tranh trên Ô Thạch, thấy tháp xá-lợi từ dưới đất vọt lên, bèn dựng lều, xây thảo am tu hành tại đó, lâu ngày thành chùa. Sư lấy đạo hiệu

thí thức ăn cho họ, bảo họ: “Trung Quốc chẳng phải là đất của quý vị, quý vị đến làm gì?” Câu nói ấy rất quan trọng, chúng ta là người biết nghe, sẽ ngay lập tức giác ngộ. [Câu ấy] nói rõ gây chiến tranh đoạt được đất đai đều là do trong mạng quý vị có; nếu mạng quý vị chẳng có, sẽ đoạt chẳng được, chẳng phải là của quý vị mà!

Vì thế, đối với môn học vấn nhân quả, chớ nên không biết chân tướng sự thật này. Con người phải hiểu vận mạng là có nhất định, trong mạng đã có, chắc chắn sẽ đưa đến. Trong mạng chẳng có, chớ nên cưỡng cầu, lòng người bèn định, chẳng tạo nghiệp. Trong mạng đã có, chẳng dùng đến thủ đoạn mà vẫn đạt được. Người Hoa hiểu đạo lý này, thời cổ, giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả hết sức phổ cập tại Trung Quốc. Có thể nói là trên từ đế vương, công hầu, dưới đến kẻ bán hàng thuê, gã chạy việc vặt, chẳng có ai không hiểu..... Chúng tôi liên tưởng người Nhật Bản phát động chiến tranh xâm lược Trung Quốc, mong chiếm lãnh Trung Quốc, đúng như Lợi Tân Bò Tát đã nói: “Trung Quốc chẳng phải là của quý vị”. Đánh nhau tám năm, cuối cùng đầu hàng vô điều kiện, trao trả toàn bộ lãnh thổ đã chiếm, chẳng phải là của bọn họ mà! Oan uổng quá! Nay tôi thấy một tin tức, vừa mới thấy [từ một tờ báo đặt] trên bàn, nước Mỹ rút quân khỏi Y Lạp Khắc (Iraq). Iraq chẳng phải là của nước Mỹ! Đánh nhau nhiều năm như thế, quân dân [Iraq] tử thương hơn một trăm vạn người, quân đội của chính mình (Hoa Kỳ) cũng chết hơn bốn ngàn người, tiêu dùng quân phí hơn một ngàn ức [Mỹ Kim]. Chẳng phải là của quý vị! Hiểu nhân quả sẽ hiểu rõ ngay. Trong cuộc chiến tranh ấy, nước Mỹ chẳng đạt được mục đích chánh trị, mà mục đích kinh tế cũng chẳng đạt được, hy sinh uổng phí! Giết lăm người như thế, người tử vong nhiều ngàn ấy, những kẻ ấy chẳng oán hận ư? Oan oan tương báo thuở nào xong, quý vị nói chuyện này có đáng sợ lăm không? Trong một đời này, chúng ta có thể gặp được nền giáo dục của đức Phật. Trong tất cả các nền giáo dục, giáo dục của đức Phật thù thắng khôn sánh, giúp chúng ta giải quyết hết thảy vấn đề. Chuyện thế gian là vấn đề nhỏ nhất trước mắt, là những vấn đề lụn vụn, vật vãnh, vấn đề to lớn là làm thế nào để có thể liễu sanh tử, làm thế nào để có thể vượt thoát tam giới, vượt thoát mười pháp giới, làm thế nào để trở về tự tánh, cũng giống như chư Phật Như Lai phổ độ chúng sanh. [Bởi lẽ], kẻ mê rớt cuộc vẫn là đa số. Vì thế, tâm đại từ bi vốn sẵn có trong tự tánh của chính mình sau khi giác ngộ bèn tự nhiên lưu lộ. Trong phần trước đã nói “*bất thình chi hữu*”, các Ngài chủ động đến giúp các hữu tình chúng sanh.

“*Hội Sớ viết: Bạt khổ vi bi*” (Sách Hội Sớ giảng: “Đẹp khổ là bi”), giúp họ lìa khổ, “*nãi chí bi thị chân thật bình đẳng chi bi, cố vị đại bi*” (cho đến bi là bình đẳng chân thật, nên nói là “đại bi”). Quý vị thấy đó, bình đẳng chân thật. Bình đẳng là chẳng có phân biệt liên bình đẳng, từ trong tâm chân thành lưu lộ. “*Hựu Niết Bàn Kinh thập nhất viết*”, [nghĩa là] quyển thứ mười một của kinh Niết Bàn có chép: “*Tam thế chư Thế Tôn, đại bi vi căn bản*.”

là Huệ Đạt. Về sau, tăng đông, đất hẹp, mới chọn vùng đất thuộc Cận Châu để lập chùa. Trong vùng đất cũ của A Dục Vương Tự vẫn còn tháp thờ cốt ngài Huệ Đạt.

Mật Bộ Đại Nhật Kinh nhất viết: ‘*Bồ Đề tâm vi nhân, đại bi vi căn bản*’. *Cổ chú đại sĩ hàm phát đồng thể đại bi chi tâm*” (Các đức Thế Tôn trong ba đời, [đều lấy] đại bi làm căn bản. Trong Mật Bộ, kinh Đại Nhật, quyển một, có nói: “Tâm Bồ Đề làm nhân, đại bi làm căn bản”. Vì thế, các vị đại sĩ đều cùng phát tâm đồng thể đại bi). Con người hiện tại chẳng dễ độ. Nếu quý vị đối đãi với họ bằng thiện tâm, chân tâm, ngay lập tức họ sẽ hoài nghi quý vị có mưu đồ gì đó! Quý vị có dụng tâm gì? Lập tức đề phòng. Quý vị có thể trách họ được chăng? Chẳng thể! Vì sao? Hết thầy chúng sanh trong toàn thể xã hội hiện thời đều đánh mất tín tâm! Không chỉ chẳng tin tưởng, hoài nghi kẻ khác, mà đối với chính mình cũng chẳng tin tưởng! Chúng sanh khó độ lắm! Hiện thời, Bồ Tát phát tâm trước hết là độ chính mình, chính mình đã được độ thì quý vị mới có thể quán cơ (xem xét căn cơ), mới có phương tiện thiện xảo, đối với hết thầy chúng sanh chẳng có mưu đồ, chẳng có mục đích. Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Cũng không nhất thiết phải nói với họ, họ đâu có hiểu! Quý vị nói quý vị đồng thể với họ, về căn bản là họ không tin: “Người ăn nói nhảm nhí, ai đồng thể với người?” Không thể tiếp nhận, khó khăn lắm!

Đồng thể phải nói với ai? Nói với người khai ngộ, họ sẽ hiểu. Nói chuyện đồng thể với lục đạo chúng sanh, làm sao họ có thể tiếp nhận? Không chỉ nhân gian khó khăn, ngay cả cõi trời cũng chẳng dễ dàng, vì sao? Thiên chúng mãi cho đến tầng trời thứ hai mươi tám đều chưa phá Thân Kiến. Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến thầy đều còn nguyên, há dễ dàng ư? Vì thế, Bồ Tát thị hiện trong lục đạo, gặp người bèn nói bằng tiếng người, gặp quý bèn nói bằng tiếng quý, chẳng có hình thức nhất định, mà cũng chẳng có phương pháp giáo học nhất định. Đúng là tùy cơ ứng biến, vô cùng linh hoạt, chúng ta hãy nên học những điều này. Chúng ta phải phát tâm, phải phát Bồ Đề tâm, những chuyện này đều thuộc trong Bồ Đề tâm. Do đó, Bồ Đề tâm là nhân. Tâm đại bi trong tâm Bồ Đề là động lực căn bản để độ chúng sanh. Chẳng có tâm đặc biệt, sẽ chẳng có động lực ấy, chẳng mong làm. Vì có tâm đại bi, nên dẫn chúng sanh hoài nghi quý vị, thử thách quý vị lắm nỗi, quý vị vẫn chẳng buông bỏ, vẫn hết sức nghiêm túc nỗ lực thực hiện. Đó là gì? Đó là do lòng đại từ bi thúc đẩy. Kẻ chẳng học Phật, chẳng thâm nhập Phật pháp sẽ chẳng biết, họ sẽ nghĩ người như vậy (người có lòng đại từ bi) rất ngốc nghếch, chẳng biết vì chính mình, chỉ biết vì chúng sanh, người như vậy quá đần độn! Khéo sao tổ tiên có một câu nói: “*Kẻ ngốc hưởng phước của kẻ ngốc*”, khá lắm, vẫn còn thật sự tu phước báo.

“*Diễn từ biện, từng từ tâm khởi thuyết dã. Tịnh Ảnh Sớ viết: Y từ khởi thuyết, danh diễn từ biện*” (“*Diễn từ biện*”: Do từ tâm mà thốt lên. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Nương lòng Từ mà nói ra thì gọi là diễn từ biện”). “*Diễn*” (演) là biểu diễn, giáo dục con người bằng hành động gương mẫu, [chính mình] làm được. “*Biện*” (辯) là ngôn giáo. Chúng ta thường nói là “*thân hành, ngôn giáo*”. Diễn là gì? Biện là gì? Nói theo cách hiện thời là một tấm lòng yêu thương (ái tâm). Nhà Phật nói từ bi, kẻ bình phàm chúng ta nói là “tâm yêu thương”. Ái tâm và từ bi có cùng một ý nghĩa, nhưng trong đó có chút bất đồng. Trong ái tâm có tình, chẳng

có trí; trong từ bi có trí, chẳng có tình, khác nhau ở chỗ này. Vì thế, từ bi đúng là chân ái. Ái như người thế gian đã nói chính là hư tình giả ý, chẳng thật, đó là giả ái. Quý vị thấy trong xã hội hiện tại, nam nữ kết hợp, kết hôn, đó là ái. Họ chẳng yêu nhau, làm sao kết hôn cho được? Kết hôn chưa được vài ngày lại ly hôn, [nên tình yêu thương] đó là giả, chẳng thật. Vì thế, người thế gian nói “tôi yêu em”, ngàn muôn phần đừng bị mắc lừa, giả trá, chẳng thật. Được vài ngày liền trở mặt! Chỉ có lòng yêu thương của Phật, Bồ Tát là thật, vĩnh hằng, vĩnh viễn chẳng biến đổi, nên gọi là từ bi. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thọ tại thế, đã biểu diễn tám mươi năm, từ lúc hạ sanh liền biểu diễn cho chúng ta thấy, mãi cho đến lúc lão nhân gia viên tịch. Chúng ta học Phật đã lâu bèn hiểu, lão nhân gia diễn tuồng, diễn cho chúng ta xem, diễn gì vậy? Diễn đại từ đại bi. Ngài trụ thế tám mươi năm để biểu diễn từ bi, để làm gì? Chính vì thương xót hữu tình. Chúng ta có thể thấu hiểu thì mới có thể biết bắt chước Ngài, học theo lão nhân gia, học tập xác thực là thiện căn, phước đức, nhân duyên của chúng ta. Ngài có phương pháp vô cùng hay, khéo, thiện căn thật sự sâu dày, chúng tôi thường nói là “*thật thà, nghe thời, thật sự làm*”. Người như vậy thiện căn thuần hậu; nếu người ấy tiếp nhận Phật pháp, sẽ thành tựu nhanh chóng hơn người khác. Căn tánh thông thường sẽ chẳng thể tiếp nhận hoàn toàn, luôn xen tạp ý nghĩ của chính mình vào trong ấy, đối với giáo huấn của thầy, ngay cả đối với giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật luôn nảy sanh hoài nghi!

Nhất là chúng ta cách Ngài đã hơn ba ngàn năm. Chúng ta luôn nghĩ những gì lão nhân gia đã nói tương ứng với xã hội trong hơn ba ngàn năm trước, cách làm ấy vẫn còn đúng cho hiện tại hay sao? Còn có thể sử dụng hay không? Chúng ta đều tự ngỡ chính mình thông minh, hiện tại là xã hội gì; vì thế, dẫu là kính ngưỡng tiếp nhận, nhưng cũng bị giảm bớt rất lớn. Đến ngày nào thật sự ngộ nhập, mới biết chính mình đã đi đường vòng rất nhiều, đi sai chỗ rất nhiều, đó là “*chẳng nghe lời người già, chịu thua thiệt trước mắt*”. Vẫn kể như là còn khá lắm, quý vị còn thoát ra được. Có nhiều kẻ đã đi mà chẳng thoát ra được, cứ đi loanh quanh mãi, chẳng biết đi đến nơi đâu, số này chiếm đại đa số. Một số ít coi như rất may mắn, còn thoát ra được. Sau khi đã thoát ra, bội phục giáo huấn của Phật năm vóc sát đất. Vì thế, chúng ta phải biết: Ta cũng từng đi đường vòng. Chúng ta biết điều gì? Kinh dạy “*Phật Phật đạo đồng*”, chẳng phải là một mình Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta như vậy, mà mười phương ba đời hết thầy chư Phật đều nói theo cách này: Trì giới, tu định, khai trí huệ. Trì giới là gì? Giữ quy củ, đức Phật nói như thế nào, quý vị liền làm đúng như thế ấy, chớ nên giảm bớt, chớ nên biến đổi! Ngài là bậc từng trải, là bậc từ phạm phu đã tu thành Phật, Ngài hiểu rõ. Chúng ta vô tri, chưa từng đi theo con đường ấy, đang sờ sẫm, thế mà quý vị chẳng nghe theo người khác chỉ điểm, vẫn mong lươn lẹo, trí trá, [luôn mơ tưởng]: Chắc là trong ấy còn có con đường tắt, chúng ta hãy tìm xem, không chừng Phật cũng chưa phát hiện! Chúng ta luôn có ý tưởng ấy, đó là gì? Hiện thời gọi [kiểu suy nghĩ đó] là cách nhìn khoa học! Chẳng biết phương pháp của người ta là đúng. Quý vị thấy người ta chẳng dùng tới khoa học hiện tại, chẳng sử dụng những dụng cụ khoa học tiên tiến nhất, chẳng dùng những thứ đó, cũng chẳng dùng Toán Học cao sâu, đều chẳng cần, mà tu Thiền Định. Chúng ta chẳng tin vào

Thiền Định, cứ tin vào khoa học, [cứ nghĩ] khoa học thấy được, chứ Thiền Định không thấy. Người tu Thiền Định biết: Thật sự đặc Định thì kích thước của thời gian và không gian bị đột phá, từ Thiền Định rất sâu thấy được nguyên khởi của vũ trụ, vũ trụ hình thành như thế nào?

Đức Phật đã thấy [những chuyện đó] từ ba ngàn năm trước ư? Chẳng phải vậy! Thích Ca Mâu Ni Phật đã sớm thành Phật. Kinh Phạm Võng nói Ngài đến thế gian biểu diễn tám tướng thành đạo lần này chính là lần thứ tám ngàn. Kinh Phạm Võng nói như vậy, hé lộ một chút tin tức. Đúng là “*diễn từ biện*”! Đức Phật thật sự đang biểu diễn, biểu diễn Ngài tu thành Phật như thế nào? Ngài thị hiện cũng rất có ý nghĩa. Thị hiện là một người trẻ tuổi hiếu học, thích học rộng, nghe nhiều, mười chín tuổi đi tham học. Gần như đối với các vị cao nhân trong tất cả các tôn giáo và tất cả các học phái tại Ấn Độ, Ngài đều từng thân cận, đều đến tham học, nhưng chúng ta phải chú ý: Đây là chỗ học tập thật sự! Học nhiều đường ấy, đến cuối cùng, buông xuống toàn bộ, trở lại đường xưa. Đường xưa là gì? Nhập Định. Nhập Định bên sông Hằng, dưới cội Tất Bát La, trở lại đường xưa, sở học trong mười hai năm đều buông xuống. Chẳng buông xuống, sẽ chẳng thể khai ngộ, đó là gì? Sở Tri Chướng. Trong hai thứ chướng, một là Phiền Não Chướng, tức là tham, sân, si, mạn, những thứ ấy là Phiền Não Chướng. Học một đồng lớn như vậy là Sở Tri Chướng, thấy đều chướng ngại quý vị tu Định, chướng ngại quý vị khai ngộ. Tuy vậy, kinh Phật cũng nói đến chuyện học rộng, nghe nhiều! Chúng ta đọc kinh đều rất hời hợt, đều chẳng chú tâm! Học rộng, nghe nhiều nói ở chỗ nào? Trong Tứ Hoàng Thệ Nguyện, đầu tiên là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, đây là bảo quý vị phát tâm, phát tâm đại Bồ Đề mong phổ độ chúng sanh. Muốn độ chúng sanh, ắt phải có đức hạnh, có học vấn, nên chuyện đầu tiên là thành tựu đức hạnh của chính mình, tức là “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”. Giai đoạn tu hành đầu tiên là đoạn phiền não, trì giới và tu Định đều là đoạn phiền não, tức là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não, Phiền Não Chướng, Sở Tri Chướng, toàn bộ đều phá, toàn bộ đều buông xuống. Sau đấy mới học pháp môn: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”. Phiền não thấy đều đoạn sạch, trong Phật pháp nói là quý vị đắc Căn Bản Trí, Căn Bản Trí là như thế nào? Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Căn Bản Trí là vô tri, “*Bát Nhã vô tri*”, có nghĩa gì? Căn Bản Trí là Định, nó khởi tác dụng không gì chẳng biết.

Long Thọ Bồ Tát đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Ngài chứng đắc Sơ Địa Bồ Tát, kể như là Sơ Địa trong Biệt Giáo, đấy cũng chính là Sơ Trụ trong Viên Giáo, là bậc “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” như trong Thiền Tông đã nói, cảnh giới hoàn toàn giống như Thích Ca Mâu Ni Phật dưới cội Bồ Đề và Huệ Năng đại sư trong phương trượng thất của Ngũ Tổ. Đã đại triệt đại ngộ, đó là Căn Bản Trí. Đạt được Căn Bản Trí rồi mới lại học hết thầy Phật pháp. Quý vị thấy Long Thọ Bồ Tát chỉ dùng thời gian ba tháng để học thông suốt toàn bộ hết thầy các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, ba tháng thôi nhé! Ngài chẳng giống như chúng ta, tầm chương trích cú phiền phức như vậy. Ngài chẳng phải vậy, chúng ta có thể tưởng tượng, Ngài giống như Huệ Năng đại sư.

Ngài Huệ Năng không biết chữ, nhưng quý vị niệm kinh cho Ngài nghe, Ngài liền hiểu. Trong Đàn Kinh đã chép một thí dụ hết sức điển hình: Thiên sư Pháp Đạt đọc kinh Pháp Hoa ba ngàn lượt, cổ nhân đã nói: “*Đọc sách ngàn lượt, tự thấy ý nghĩa*”. Sư niệm kinh ba ngàn lượt, rất khó có, kể ra tâm Sư rất thanh tịnh. Đến gặp Lục Tổ, lễ bái Lục Tổ, đầu chắp sát đất, lễ ba lạy đầu chắp dập đầu sát đất. Khi Sư đứng dậy, Lục Tổ liền hỏi Sư: “Ông vừa mới lễ bái, đầu chắp sát đất, có gì đáng để kiêu ngạo ư?” Sư liền nói Sư niệm kinh Pháp Hoa ba ngàn lượt. Đúng là chẳng dễ dàng! Lục Tổ liền hỏi đại ý của kinh Pháp Hoa là như thế nào? Sư chẳng nói được, hướng về Lục Tổ thỉnh giáo. Lục Tổ nói: “Kinh này ta chưa nghe qua, ông đã niệm nhuần nhuyễn như thế, hãy niệm cho ta nghe thử”. Kinh Pháp Hoa hai mươi tám phẩm, Sư niệm đến phẩm thứ hai, tức phẩm Phương Tiện, chưa niệm xong, Lục Tổ bảo: “Được rồi! Phần sau chẳng cần niệm nữa, ta đã biết toàn bộ”. Ngài học như vậy đó! Một bộ kinh có phân lượng to dường ấy, Ngài chỉ nghe mấy câu liền hiểu rõ, thông đạt.

Chúng ta biết Long Thọ Bồ Tát ba tháng học xong các kinh do đức Thế Tôn đã giảng trong bốn mươi chín năm, đó là chuyện hết sức có thể xảy ra. Dùng phương pháp giống như ngài Huệ Năng là được, một ngày có thể học mấy chục bộ kinh, vừa nghe liền hiểu rõ. Tổ giảng đại ý kinh Pháp Hoa cho thiên sư Pháp Đạt nghe, Sư khai ngộ, đã khai ngộ bèn lạy dập đầu sát đất. Đó là thật, chẳng giả, vì sao? Hết thấy các pháp đều lưu xuất từ tự tánh; chỉ cần quý vị kiến tánh, làm sao có thể không biết cho được? Làm sao quý vị có chứng ngại cho được! Vì thế, Nhất Thiết Trí, Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí thấy đều xuất hiện.

Cổ nhân Trung Quốc và người Ấn Độ học tập nhằm đạt mục đích là cầu trí huệ, chẳng phải là cầu tri thức. Đối với các trường đại học nổi tiếng trên cả thế giới hiện nay, tại Luân Đôn, tôi đến thăm đại học Nguru Tân (Oxford), đại học Kiếm Kiềm (Cambridge) và đại học Luân Đôn, tôi đến thăm hai lần, [nhận thấy] đều là học tri thức, chẳng phải là trí huệ. Tri thức có thể giải quyết vấn đề cục bộ, có hạn cuộc, lại còn để lại tác dụng phụ, chẳng giống như trí huệ. Trí huệ giải quyết bất cứ vấn đề nào, mà cũng chẳng để lại tác dụng phụ. Từ chỗ này, quý vị có thể hiểu chỗ khác nhau giữa người phương Đông và người phương Tây. Cả thế giới nay đang xuất hiện phiền phức, những thứ của phương Tây đã chứng thực là chẳng thể giải quyết vấn đề. Vì thế, hiện thời có nhiều người phương Tây tìm đến Trung Quốc, tìm đến Ấn Độ để tìm gì? Tìm trí huệ.

Vì vậy, chúng ta phải có tín tâm đối với tổ tiên, ngàn vạn phần đừng hoài nghi. Hễ hoài nghi là sai mất rồi. Những thứ của tổ tiên có thể lưu truyền mấy ngàn năm, trong mấy ngàn năm, chúng đã được không ít người xem đến, nếu chẳng phải là những thứ tốt đẹp, chúng đã bị đào thải từ lâu, há còn có thể truyền tới hiện thời ư? Truyền tới hiện thời vẫn còn tồn tại, hãy còn có lắm người học tập ngàn ấy, thì chúng là thứ chân thật, tuyệt đối chẳng giả. Chúng ta hãy nên thật sự liễu giải, thật sự nhận thức, coi chúng là của quý báu, y giáo phụng hành, chắc chắn sẽ được lợi ích. Cây vào ý kiến của chính mình để thực hiện, trái nghịch giáo huấn

của cô nhân, chắc chắn sẽ đi lòng vòng, đi theo rất nhiều con đường oan uổng! Có thể thoát ra thì kể như quý vị may mắn lắm. Chẳng thể thoát ra, lại quay về lục đạo, lại phải luân hồi! Chúng ta chớ nên không biết chuyện này. Do nói từ lòng Từ nên gọi là “*diễn từ biện*”.

“*Thọ pháp nhãn*” là trao cho chúng ta pháp nhãn. “*Pháp nhãn giả, Như Lai ngũ nhãn chi nhất*” (Pháp nhãn là một trong năm mắt của Như Lai). Kinh Kim Cang nói rất tỉ mỉ: “*Ngũ nhãn giả, nhất nhục nhãn, nhị thiên nhãn, tam huệ nhãn, tứ pháp nhãn, ngũ Phật nhãn*” (Ngũ Nhãn: Một là nhục nhãn, hai là thiên nhãn, ba là huệ nhãn, bốn là pháp nhãn, năm là Phật nhãn). Pháp nhãn là [mắt của] Bồ Tát. “*Pháp nhãn giả, nãi Bồ Tát vị độ chúng sanh chiếu kiến nhất thiết pháp môn chi trí huệ*” (Pháp nhãn là trí huệ của Bồ Tát chiếu soi hết thấy các pháp môn để độ chúng sanh), đó gọi là Pháp Nhãn.

Pháp nhãn chiếu Chân Không, thấy hết thấy các pháp, Tướng có, Tánh Không, Sự có, Lý không, nghiệp nhân quả báo rõ ràng như lòng bàn tay, đó là pháp nhãn. Vì thế, Bồ Tát dùng pháp nhãn để độ chúng sanh, trong lục đạo nên dùng thân gì để độ liền hiện thân ấy, hoàn toàn chẳng có chướng ngại. Giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, Thiện Tài đồng tử biểu hiện sự học tập, giống như chương trình tu học trong nhà trường, năm mươi ba lần tham phòng là thực tập. Bồ Tát độ chúng sanh là đã tốt nghiệp, rời khỏi trường, quả thật là ngũ nhãn viên minh giống Như Lai.

Nói thông thường, nhục nhãn là lục đạo phàm phu, thiên nhãn là từ Dục Giới Thiên trở lên, đó là thiên nhãn có được do quả báo. Nói theo cách hiện thời, trong thế gian hiện tại, mắt con người có thể thấy được một phần rất nhỏ của sóng ánh sáng, những ánh sáng có bước sóng (wavelength) dài, chúng ta chẳng thể thấy được. Sóng ánh sáng ngắn chúng ta cũng chẳng thấy, bị hạn chế to lớn như thế đó! Nếu thiên nhãn mở mang, các thứ ánh sáng khác nhau quý vị đều trông thấy toàn bộ, thế giới này ngay lập tức biến đổi hình dạng! Giống như tia X, hoặc tia tử ngoại; [sử dụng] tia tử ngoại có thể thấy rõ trong chỗ tối tăm. Tia X có thể chiếu xuyên qua vật thể, nó có thể chiếu thấu, thiên nhãn [có thể hình dung như vậy đó]. A La Hán chứng đắc huệ nhãn, đó là mắt của A La Hán và Bích Chi Phật. [Mắt của] Bồ Tát là pháp nhãn. Phật nhãn thấy đều trọn đủ. Những vị này (các vị Bồ Tát tham dự pháp hội Vô Lượng Thọ) đều là Pháp Thân Bồ Tát, toàn bộ đều là ngũ nhãn viên minh, nên các Ngài có thể biểu diễn, chẳng có chướng ngại.

“*Hội Sớ viết: ‘Phật đạo chánh kiến, danh vi pháp nhãn’*. *Tịnh Ảnh Sớ viết: Trí năng chiếu pháp, cố danh pháp nhãn*” (Hội Sớ giảng: “Chánh kiến của Phật đạo gọi là pháp nhãn”. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Trí có thể chiếu pháp, nên gọi là pháp nhãn”). “*Do thượng khả kiến*” (Từ những điều trên đây có thể thấy), trong chú giải của các vị tổ sư đại đức, “*Pháp nhãn giả, liễu đạt chúng sanh chủng chủng căn khí, thiện tri nhất thiết cứu độ chi pháp*” (pháp nhãn là hiểu rõ thông đạt các thứ căn khí của chúng sanh, khéo biết pháp cứu độ hết thấy). Quý vị có năng lực thấy căn khí của chúng sanh, căn khí ấy là gì? Quý vị có thể thấy

kiếp trước, thấy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ của họ, họ có từng học Phật pháp hay chưa? Đã từng học các tôn giáo khác hay chưa? Trong đời quá khứ, kẻ ấy đã tích lũy, chủng tử được tích lũy trong A Lại Da, loại chủng tử nào nhiều, có sức mạnh, Phật, Bồ Tát liền thuận theo thiện căn của người ấy để dạy dỗ, nên họ rất dễ dàng tiếp nhận, rất dễ dàng nâng cao cảnh giới của họ, cho thuốc đúng bệnh mà! Phàm phu chúng ta không biết, chẳng có năng lực này. Vì thế, hai câu kệ tiếp là nói về cách ứng dụng: “*Ứng cơ thí dữ, nhi độ thoát chi*” (thuận theo căn cơ để ban bố hồng độ thoát).

Chẳng có ngũ nhãn, quý vị chẳng có cách nào ứng cơ, trong tình hình ấy, quý vị làm như thế nào? Nếu quý vị có thể tiếp nhận Tịnh Độ, sẽ là thù thắng khôn sánh. Vì sao? Pháp môn Tịnh Độ có thể ứng với hết thảy các căn cơ bất đồng, nên nói là “*thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp lợi căn lẫn độn căn*”. Trong pháp môn Tịnh Độ, vô lượng căn cơ, không có căn cơ nào chẳng tương ứng, toàn bộ đều có thể thích ứng. Vì vậy, bất luận là căn cơ trong quá khứ đã học gì, chỉ cần tiếp xúc pháp môn Tịnh Độ, quý vị bèn thành công ngay trong một đời, có thể đắc độ. Nghĩa là gì? Hết thảy các pháp môn đều quy vào Tịnh Độ, tới lúc cuối cùng đều quy vào Tịnh Độ, chúng ta lý giải điều này.

Các vị tổ sư đại đức từ xưa đã nói, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, hết thảy các pháp môn đều quy vào Hoa Nghiêm. Sau khi tu thành công, sau khi đã phá vô minh, thấy đều đến thế giới Hoa Tạng. Trong thế giới Hoa Tạng, hai vị đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền là trợ giáo của Tỳ Lô Giá Na Phật, hai vị ấy dùng mười đại nguyện vương của Phổ Hiền dẫn [các vị Pháp Thân Bồ Tát trong Hoa Tạng] về Cực Lạc, thấy đều dẫn họ sang thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy thù thắng lắm, đó là cảnh tượng như thế nào? Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng biểu lộ mảy may đố kỵ hay chướng ngại, chẳng chỉ trích Văn Thù và Phổ Hiền: “Các ông là đệ tử nhập thất trước mặt ta, cơ sao có thể đem toàn bộ người của ta đi?” Nếu đối với người thế gian chúng ta thì chuyện này không thể được, còn ra thế thống chi nữa? Quý vị thấy Phật là tâm lượng gì? Đức Phật không chỉ chẳng tức giận, không chỉ chẳng đố kỵ, mà còn vỗ tay, hoan hỷ, các ông làm đúng lắm, vì sao? Đến thế giới Cực Lạc thành tựu nhanh chóng hơn thế giới Hoa Tạng. Trong thế giới Hoa Tạng, tu hành thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đến thế giới Cực Lạc bèn rút ngắn thời gian rất nhiều.

Chư Phật Như Lai chẳng có vị nào không mong mỗi chúng sanh sớm thành Phật hơn, sớm có ngày trở về tự tánh. Tuy Phật Phật đạo đồng, nhưng trong đồng vẫn có bất đồng, hiển thị Di Đà thù thắng khôn sánh. Cũng chính vì đạo lý này, do chân tướng sự thật này, nên tôi tạm ngưng giảng kinh Hoa Nghiêm. Nhìn vào tốc độ tiến triển trước mắt, bộ kinh này đại khái phải giảng hai năm mới viên mãn được! Tôi vốn tưởng giảng một năm là được, nhưng một năm chưa được, kinh này có bốn quyển, chúng tôi còn giảng chưa xong quyển thứ nhất.

“*Như thượng chi trí huệ, tức danh pháp nhãn. Tịnh Ảnh hựu viết: Giáo pháp sanh giải, danh thọ pháp nhãn*” (Trí huệ như trên đây, gọi là pháp nhãn. Ngài Tịnh Ảnh lại nói:

“Truyền dạy pháp khiến hiểu biết, thì gọi là trao pháp nhãn”). “*Thọ*” (授) là trao cho, ban cho, dạy cho phương pháp, “*sanh giải*” (生解) là khai ngộ. Dạy cho họ phương pháp ấy, họ dùng phương pháp ấy để khai ngộ. Sự khai ngộ ấy chẳng phải là tiểu ngộ, chẳng phải là đại ngộ thông thường, mà là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó gọi là “*thọ pháp nhãn*”.

“*Cái giáo đạo chúng sanh, ư Phật pháp sanh chánh giải, như đồng dĩ pháp nhãn thọ dữ chúng sanh dã*” (là vì chỉ dạy chúng sanh khiến cho họ đối với Phật pháp sanh hiểu biết đúng đắn thì cũng giống như đem pháp nhãn trao cho chúng sanh vậy). Đây là ý nghĩa mở rộng, là nói phương tiện thiện xảo. Tổ sư đại đức dạy bảo chúng sanh, diễn nói kinh luận, khiến cho đại chúng dự hội đều có thể nghe hiểu, nghe rõ ràng, điều này cũng giống như Như Lai trao pháp nhãn cho Bồ Tát, trao cho chúng sanh, họ hiểu rõ, nói như thế nào? Chúng ta thường nói là giải ngộ, chẳng phải là chứng ngộ. Ví như vì sao chúng ta sanh trong nhân gian? Vì sao phải hứng chịu những quả báo ấy? Vì sao người với người chẳng giống nhau? Nếu hiểu rõ, thông đạt những lý luận và đạo lý ấy, cũng hiểu chân tướng sự thật, tâm chúng ta bèn định. Đó là giải ngộ, tức là đã lý giải.

Phải tu hành như thế nào thì mới có thể vượt thoát, nay chúng ta đều đã hiểu. Đức Phật khác với chúng ta ở chỗ nào? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là Phật. Lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần, bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là phàm phu. Đức Phật dạy chúng ta: Nếu chúng ta có thể không chấp trước, sẽ là A La Hán. Lại có thể chẳng phân biệt thì là Bồ Tát, cuối cùng chẳng khởi tâm, không động niệm, chúng ta sẽ thành Phật. [Những điều ấy chúng ta] đều hiểu, nay thì như thế nào? Nay thì thật sự chẳng thực hiện! Chúng ta biết người thật sự hiểu sẽ thật sự thực hiện. Nếu chẳng thực hiện triệt để thì đối với một trăm phần trăm người ấy chỉ thực hiện một hai phần, còn kém rất xa!

Thực hiện ở chỗ nào? Thực hiện ở chỗ sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần thì mới là thật sự thực hiện. Mắt thấy sắc, biết sắc tướng là giả, chẳng thật. Nghe tiếng cũng biết tiếng là giả, cũng chẳng phải là thật. Căn, trần, thức đều chẳng thật, thường xuyên cảnh tỉnh như vậy, chúng ta sẽ chẳng chấp trước, phải dưỡng thành thói quen này. Thật sự chẳng chấp trước hết thảy các pháp như vậy, hãy sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta liền sanh trong cõi Phương Tiện, chẳng sanh trong cõi Phàm Thánh, được nâng cao hơn với một mức độ lớn. Vì thế, chớ nên không biết điều này: Tu hành từ giải ngộ, sau khi đã ngộ, bắt đầu tu bèn là thật học. Khi tu hành, kinh điển này làm chứng minh cho chúng ta. Chúng ta khế nhập cảnh giới, bèn đối chiếu với kinh điển. Nếu đúng với những gì kinh điển đã nói, chúng ta biết chính mình chẳng đi lạc đường, nó làm chứng cho chúng ta. Khi chẳng có công phu, nó dẫn dắt chúng ta. Sau khi đã có công phu, kinh ấn chứng cho chúng ta: Chúng ta tu hành chẳng lạc đường!

Câu tiếp theo là “*đỗ ác thú*” (ngăn lấp nẻo ác). “*Đỗ giả, tắc dã*” (Đỗ là ngăn lấp), ngăn chặn. “*Ác thú giả, súc sanh, quý, địa ngục tam ác thú dã*” (Ác thú là ba đường ác súc sanh, ngựa quý, địa ngục). [*“Đỗ ác thú”*] là ngăn lấp ba ác đạo. “*Ác thú cực khổ, dục linh xuất ly, giáo nhân ly ác, tắc bế tắc thông vãng ác thú chi đạo*” (Đường ác rất khổ, muốn cho họ được thoát khỏi, nên dạy người khác là ác thì chính là đóng lấp con đường dẫn đến nẻo ác). Vì sao dạy người ta đoạn ác tu thiện? Phải hiểu ý nghĩa này, đây là giáo dục nhân quả. Quý vị tu thiện, tiêu chuẩn thiện ác là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Quý vị tu Thập Thiện, quả báo là nhân thiên. Nếu quý vị tu Thập ác, quả báo trong tam đồ; trong tương lai, sau khi chết, linh hồn của quý vị sẽ đi về đâu? Súc sanh, ngựa quý, địa ngục, tới những nơi đó. Vì thế, Phật giáo dạy chúng ta Thập Thiện, Thập Thiện là pháp căn bản, trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Không sát sanh, chẳng nợ mạng người. Không trộm cắp, chẳng nợ kẻ khác tiền của. Chẳng có hai loại đại oan gia ấy. Hễ có hai loại đại oan gia ấy, đời đời kiếp kiếp trả nợ chẳng xong. Quý vị nói có phiền phức lắm hay không? Không có dâm dục, sẽ chẳng sanh trong thế gian này. Chúng sanh trong lục đạo, tức Dục Giới, do dâm dục mà có tánh mạng của chính mình. Vì sao quý vị sanh đến đây? Do có dâm dục. Hễ có ý niệm ấy thì không được rồi, quý vị chẳng thoát khỏi Dục Giới. Dục Giới khổ nhất. Sắc Giới và Vô Sắc Giới tốt đẹp hơn Dục Giới rất nhiều, ba ác đạo khổ nhất.

“*Kim kinh Di Đà đại nguyện viết: ‘Lai sanh ngã sát, bất phục cánh đọa đọa ác thú’, thị chân thật chi đỗ ác thú dã*” (trong kinh này, đức Di Đà có đại nguyện: “*Sanh về cõi ta, chẳng bị đọa trong đường ác nữa*”, thật đúng là ý “*lấp nẻo ác*”). Thật vậy, chẳng giả! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vĩnh viễn chẳng còn đọa trong ba ác đạo. Nếu chúng ta chẳng vãng sanh, vẫn ở trong lục đạo, chắc chắn thời gian trụ trong ba ác đạo dài, thời gian trụ trong ba thiện đạo ngắn ngủi. Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Chính quý vị hãy khéo suy nghĩ, từ sáng đến tối, quý vị khởi tâm động niệm, thiện niệm nhiều, hay ác niệm nhiều? Quý vị biết ngay! Trong mỗi niệm, ác niệm nhiều hơn thiện niệm, ích kỷ mà! Bao nhiêu niệm nghĩ vì chính mình, có mấy niệm nghĩ cho người khác? Nghĩ đến chính mình đều là ác, nghĩ vì người khác là thiện. Chúng ta có bao nhiêu thiện niệm lợi ích chúng sanh? Có bao nhiêu niệm lợi ích chính mình? Quý vị sẽ biết, trong thế gian này, thời gian chúng ta trụ trong ba thiện đạo dài lâu hay thời gian trụ trong ba ác đạo dài lâu? Hiểu thật rành mạch!

“*Hựu khai thiện môn giả, Hội Sớ viết: Đại từ đức dã, thiện môn tắc Bồ Đề Niết Bàn chi môn dã*” (Sách Hội Sớ lại giảng chữ “*khai thiện môn*” như sau: “*Là đại từ đức. Thiện môn là cửa Bồ Đề Niết Bàn*”). Chân thiện, chí thiện, Bồ Đề là giác ngộ, phá mê khai ngộ, vãng sanh Tịnh Độ. “*Bốn kinh Thọ Lạc Vô Cực phẩm viết*” (Phẩm Thọ Lạc Vô Cực của kinh này nói), đây là phẩm thứ ba mươi hai, “*tất đắc siêu tuyệt khứ, vãng sanh vô lượng thanh tịnh A Di Đà Phật quốc. Thị vi chân thật chi khai thiện môn dã*” (“*Ắt được siêu tuyệt, vãng sanh cõi vô lượng thanh tịnh của A Di Đà Phật*”, đúng là đã mở cửa lành một cách chân thật vậy). Mở như thế nào? Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật đã mở toang một

cánh cửa to lớn thông sang thế giới Cực Lạc, chẳng giả tí nào! Quý vị mỗi ngày niệm kinh chính là học tập hằng ngày, dần dần sẽ bất tri bất giác tiến vào cửa ấy.....

Dùng phương pháp gì để cứu vớt [những tai nạn]? Biến đổi tâm thái. Đây là một công hiến do các nhà khoa học Lượng Tử đề ra; năng lực của ý niệm vô cùng to tát, mạnh mẽ. Nếu là ý niệm tập thể, rất nhiều người có ý niệm tốt đẹp. Ý niệm tốt đẹp, chính là ba căn bản của Nho, Thích, Đạo như chúng tôi đã nói và kinh Vô Lượng Thọ. Ý niệm ấy vô cùng tốt đẹp, càng đông người càng hay, sức mạnh càng lớn, có thể hóa giải những tai biến trên địa cầu. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta như thế. Điều khó có là trong lúc hết sức khẩn yếu, các nhà Lượng Tử Lực Học đã phát hiện, phát hiện của họ hoàn toàn tương ứng với những điều kinh Phật đã nói, họ đã chứng minh Phật pháp. Vì vậy, chúng ta nhất định phải tu Thập Thiện Nghiệp Đạo.

[Đề tu học] Thập Thiện Nghiệp Đạo thì phải dùng Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên để làm nội dung học tập, cũng có nghĩa là thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo bằng Đệ Tử Quy, thực hiện bằng Cảm Ứng Thiên, bằng Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, thực hiện bằng những thứ ấy. Quý vị đã thực hiện hai món kia thì Thập Thiện Nghiệp Đạo đã làm được. Sau đây, sẽ *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*. Một môn ấy chính là pháp môn Tịnh Độ, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, những thứ khác đều buông xuống. Vì thời gian chỉ có ba năm, còn chưa đến ba năm, hy vọng chúng ta có thể vượt qua cửa ải khó khăn này, giảm nhẹ tai nạn, rút ngắn thời gian tai nạn. Trong quá khứ, khá nhiều thứ đều ứng nghiệm, nhưng lần này nghiêm trọng hơn so với quá khứ, chúng ta tận tâm tận lực, mọi người đồng tâm đồng đức, dùng thiện niệm và thiện nguyện của chúng ta để hóa giải kiếp nạn này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây!

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 137

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi lăm, xem từ hàng thứ năm:

“*U chur chúng sanh, thị nhược tự kỷ*” (đôi với các chúng sanh, coi như chính mình), hai câu này là kinh văn. Kế đó là lời chú giải: “*Biểu đồng thể chi bi. Nhân sở bảo ái, mạc quá tự thân, linh thị chúng sanh như đồng tự kỷ, cố năng cứu độ quần sanh tâm bất tạm xả*” (biểu thị lòng đồng thể đại bi. Cái được người đời yêu mến nhất không gì bằng thân mình. Vì xem chúng sanh như thân mình, nên có thể chẳng tạm bỏ cái tâm cứu độ quần sanh). Chúng ta xem câu này, đây là tâm thái lợi tha của Bồ Tát, chúng ta phải nên học tập. Thấy hết thấy chúng sanh và chính mình là cùng một Thể, cùng một tự tánh, cùng một Pháp Thân, cùng một thanh tịnh viên minh thể, sự thừa nhận này vô cùng trọng yếu. Vì sao? Đây chính là “*Phật tri Phật kiến*” như kinh Pháp Hoa đã nói. Thật vậy, chẳng giả, tất cả hết thấy hiện tướng (hình tướng được biến hiện) trong khắp pháp giới hư không giới chẳng thật, giả trá, chỉ có sự thừa nhận này là thật. Nếu quý vị đã thật sự nhận biết, xin chúc mừng quý vị, quý vị đã minh tâm kiến tánh, đã thành Phật.

Nay chúng ta tập khí phiền não rất nặng, xác thực là biết chính mình đang thuộc địa vị phàm phu, có giải ngộ, nhưng chẳng chứng ngộ, đã biết cách tu hành như thế nào, nhưng công phu chẳng đắc lực, vì sao không đắc lực? Không buông phiền não tập khí xuống được! Câu này nói dễ dàng, làm thật khó khăn! Vì chẳng buông tự tư tự lợi xuống được, chẳng buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống được, chẳng buông lòng tham luyến ngũ dục, lục trần xuống được, chẳng buông tham, sân, si, mạn xuống được. Tu hành thời cổ dễ hơn hiện thời, vì sao? Căn cội luân lý, đạo đức, nhân quả đã được vun trồng sâu chắc từ bé, có thể nói: Người nào trong xã hội cũng đều là người tốt. Vì sao? Giáo dục thuở ấy là giáo dục vun bồi căn cội, ai nấy đều được học. Chuyện này chẳng dính dáng gì đến biết chữ hay không, mà cũng chẳng dính dáng đến chuyện có đi học hay không! Từ lúc được sanh ra, cha mẹ, người lớn trong nhà luôn biểu diễn trước mặt quý vị những điều ngay thẳng, chẳng có gì sai trái. Vì thế, từ nhỏ đã được học kỹ lưỡng. Xã hội thuần phác, chẳng có nhiều thứ dụ dỗ, mê hoặc như trong hiện tại, đều rất thật thà, đều khiến cho [mọi người] thành thật, bền vững, nên tu hành

dễ dàng. Trong xã hội hiện thời, tu hành hết sức khó khăn, trong tâm có tham, sân, si, mạn, nghi. Đây là những cội rễ phiền não tập khí nghiêm trọng hơn bất cứ những điều nào khác, Phật pháp sánh ví những phiền não ấy như năm cái rễ của địa ngục. Tham, sân, si, mạn, nghi là năm cội rễ của địa ngục. Trong tập khí thì có oán, hận, não, nộ, phiền. Bên ngoài thì có tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ du đỗ, mê hoặc. Nói gộp lại, sẽ là “*ma chường*” (bàn tay ma), quý vị có thể nhảy ra khỏi [bàn tay ma ấy] hay chẳng? Nếu chúng ta chẳng học tập kinh giáo hằng ngày, thời thời khắc khắc đề cao cảnh giác, một chút công phu bé tẹo ngần ấy còn chẳng thể giữ được, nói chi đến tăng tấn? Vì thế, nhận biết đồng thể đại bi vô cùng quan trọng! Chúng sanh và ta có cùng một Thể. Biết là một Thể, điều này được gọi là luân lý, tức là luân lý trong nhà Phật. Đạo gia cũng nói: “*Trời đất và ta cùng một căn, vạn vật và ta cùng một Thể*”, đó là luân lý của Đạo gia.

Kể đó, [cụ Hoàng] nói: “*Nhân sở bảo ái, mạc quá tự thân*”, [nghĩa là cái được] con người yêu mến nhất là thân thể của chính mình. Nay thấy hết thấy chúng sanh và chính mình là một Thể, chẳng khác gì nhau! Thân thể chúng ta chẳng khỏe mạnh, không thoải mái, chắc chắn là thời thời khắc khắc luôn nghĩ tới, thời thời khắc khắc mong được chữa lành, khôi phục sức khỏe nhanh hơn một chút. Trong xã hội hiện thời, bao nhiêu người đánh mất sức khỏe, nhất là sức khỏe nơi phương diện tinh thần. Đánh mất như thế nào? Do mê hoặc tự tánh bèn đánh mất. Phật, Bồ Tát từ bi, đến giúp đỡ chúng ta, giúp chúng ta trị lành, dùng phương pháp gì? Giáo học, phá mê khai ngộ, đó là cứu độ hết thấy chúng sanh. Đã giác ngộ thì đều là Phật, đều là Bồ Tát, hễ mê hoặc thì là chúng sanh. Chúng sanh khó thành Phật dường ấy, vấn đề ở chỗ chẳng thể triệt để buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, khởi tâm động niệm chẳng lia khỏi tiếng tăm, lợi dưỡng. Có thể nhạt hơn người khác một chút thì được, nhưng mức độ đậm nhạt hết sức bất ổn định! Nhìn bề ngoài có vẻ khá nhạt nhẽo, nhưng hễ danh lợi vừa hiện tiền, ngay lập tức nảy sanh biến hóa, chẳng thể giữ được! Do nguyên nhân nào? Nay chúng tôi kể như đã hiểu: Do chẳng có căn cội! Chúng ta tu hành mà chẳng có căn cội, nên mới có hiện tượng này. Làm sao để có thể giống như bị vua Ca Lợi cắt chặt thân thể mà vẫn chẳng động tâm thì mới có thể thành tựu. Chẳng có may mắn hoài nghi, chẳng có may mắn ích kỷ, chẳng có may mắn ganh tỵ nào! Vì sao? Hết thấy chúng sanh và ta là một, không hai, người khác là chính mình. Người khác chiếm được một chút tiện nghi của ta, ta chẳng oán hận, mà mang lòng hoan hỷ. Đó là Bồ Tát, chẳng phải là phạm nhân. Người khác hủy báng, tổn hại, hãm hại ta, ta vẫn hoan hỷ, chẳng có may mắn oán hận, vì sao? [Những người ấy đến giúp ta] nâng cao [cảnh giới] của chính mình, đến khảo nghiệm chính mình. Đúng là một Thể, ta mong giúp họ tăng cao cảnh giới, họ cũng thường tăng cao cảnh giới của ta, bất luận là hữu ý hay vô ý. Có khi làm quá lố, nhưng nếu quý vị là người tu hành thật sự, sẽ chẳng cảm thấy kẻ đó quá lố, mà còn cảm thấy kẻ ấy làm chưa đủ. Do đó, trong cảnh giới, chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác, thấy đều chẳng tồn tại, một bầu thanh tịnh, bình đẳng, giác, chân tâm hoàn toàn hiển lộ. Nếu vẫn là chưa buông tự tư tự lợi xuống, chưa buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, cái này nhìn cũng không quen, cái kia nhìn cũng chẳng quen, vậy là tu uống

công mất rồi, may may tăng trưởng hay tiền bộ đều chẳng có! Trên thế gian, tôi đa là quý vị tăng trưởng một chút học vấn do hỏi han, ghi nhớ, nhưng sau đó, phải thông thêm một câu “*chẳng đáng làm thầy người khác*”. Quý vị học được một chút kiến thức Phật pháp thông thường bề ngoài, chẳng học được Phật pháp thật sự! Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói rất hay: “*Phật pháp thật sự chẳng liên quan đến văn tự, ngôn thuyết*”. Nói theo cách hiện thời, [học Phật] hoàn toàn là chuyển biến tâm thái, quay tâm thái trở về. Tổ tiên đã nói rất hay: “*Con người tánh vốn lành*”, trở về cái Bản Thiện là tu hành thật sự, công phu ấy được gọi là thật sự đắc lực.

Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật có nói: Hết thảy chúng sanh đều do tâm hiện, thức biến. Tâm là tự tánh của chính mình. Thức là vọng tâm của chính mình. Chân và vọng cùng một Thể. Những khai thị ấy trong giáo pháp Đại Thừa, câu nào cũng đều là nói tới Thật Tướng của các pháp. Chúng ta nhận biết từ chỗ này thì mới coi như chánh xác. Thực hiện ở nơi đâu? Thực hiện bằng chẳng hề tạm bỏ tâm cứu độ chúng sanh. Quý vị đã thật sự giác ngộ, chắc chắn là như vậy, niệm niệm thấy những chúng sanh khổ nạn, bèn chẳng nghĩ đến chính mình, toàn tâm toàn lực giúp đỡ những chúng sanh ấy quay đầu, giác ngộ. Dùng phương pháp gì để giúp họ quay đầu? Thực hiện từ chính mình. Quý vị dạy người khác, dạy người khác trong hiện thời thì phải sử dụng thân giáo. Thuở đức Phật tại thế, Ngài giáo dục người ta bằng thân giáo, tức là nêu gương cho quý vị thấy. Con người hiện thời suy nghĩ sai lầm, khởi tâm động niệm luôn luôn là tổn người, lợi mình, chúng ta nêu gương, khởi tâm động niệm đều là tổn mình, lợi người, dần dần mới có thể khiến cho họ giác ngộ, khiến cho họ quay đầu. Chứ nếu quý vị chẳng làm được [những gì mình đã nói] thì còn làm sao được nữa! Xã hội hiện thời là cạnh tranh, chúng ta phải nêu gương lễ nhượng. Không chỉ là khiêm nhượng, mà còn là lễ nhượng, chỗ nào cũng đều nhường nhịn. Chúng sanh niệm niệm đều mong cầu có được, chúng ta niệm niệm mong bố thí, bỏ ra. Chúng sanh chẳng biết vâng giữ luật lệ, cậy vào thông minh, tài trí của chính mình để lách theo lỗ hổng pháp luật, mong mỗi chiếm đôi chút tiện nghi. Đó là cái tâm trộm cắp! Chúng ta vâng giữ luật lệ nghiêm ngặt, nêu gương cho họ thấy. Họ sợ bị thua thiệt, chúng ta thích chịu thiệt thòi, có thể hứng chịu thiệt thòi. Đó là việc làm của Bồ Tát, việc làm của Phật. Việc làm của Phật, Bồ Tát luôn là tốt nhất, hoàn toàn tương ứng với Tánh Đức, chẳng tương ứng với chuyện nhân tình âm lạnh của người thế gian, mà hoàn toàn trái nghịch, vì sao? Người hiện thời đã lìa khỏi tiêu chuẩn đức hạnh quá ư là xa! Đối với thời cổ mà nói, tuy có lầm lỗi, vẫn chưa đến nỗi hoàn toàn lệch lạc, kể như vẫn chẳng cách xa tiêu chuẩn cho mấy. Hiện thời [cách biệt] quá xa, nay gần như chẳng thấy tiêu chuẩn đâu nữa. Hiện tượng này đáng sợ lắm; do đó, tai nạn dấy lên. Chúng ta có thể tự mình làm, không chỉ nâng cao [cảnh giới] chính mình, mà còn thật sự giúp đỡ đại chúng, cứu độ quần sanh, và cũng là giúp đỡ quả địa cầu này.

Các nhà khoa học cận đại cho biết: Vật chất dẫu nhỏ đến mấy, [ngay như] các hạt căn bản đều có thấy, nghe, hay, biết, đều biết ý nghĩ của chúng ta, giống như trong thí nghiệm với

nước của ông Giang Bồn Thắng [đã chứng tỏ điều ấy]; nhưng chúng ta đã nhận được tin tức này rất sớm! Trong kinh Đại Thừa đã nói rất nhiều, điều khó có là nó đã được khoa học chứng minh. Mấy năm trước, tiến sĩ Giang Bồn Thắng đã dùng nước để chứng minh và đã chứng minh được! Các nhà khoa học hiện thời cho biết: Mỗi hạt cơ bản đều có thấy, nghe, hay, biết, khiến cho chúng ta thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch Ngũ Uẩn tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức như kinh Bát Nhã đã nói. Không riêng gì hạt cơ bản nhỏ nhoi ngàn ấy có trọn đủ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nó có sắc tướng, đó là vật chất, nó lại có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, [đó là tinh thần, nên nó trọn đủ] Ngũ Uẩn. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học cho biết: Tiềm quang tử tuy nhỏ hơn hạt cơ bản nhưng cũng trọn đủ Ngũ Uẩn. Trí huệ của Quán Thế Âm Bồ Tát, Bát Nhã vốn trọn đủ trong tự tánh, “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”. Tâm Kinh đã dạy: “*Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như thế*”. Nếu quý vị thật sự hiểu chân tướng sự thật này, còn có gì chẳng thể buông xuống? Thứ gì cũng đều buông xuống được. Vì sao buông xuống? Năm xưa, khi tôi ở Mỹ, đọc kinh Đại Bát Nhã. Kinh ấy có phân lượng rất lớn, tôi nhớ bản đóng bìa cứng gồm hai mươi bốn quyển. Tôi xem xong một lượt, bèn viết mười hai chữ để làm báo cáo tâm đắc: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Trong tâm quý vị còn có gì chẳng thể buông xuống được? Còn có gì vướng mắc? Còn có gì ưu lự? Quét sạch trơn! Đó là Thật Tướng của các pháp, là pháp được cùng chứng đắc bởi hết thầy chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát, tâm khai ý giải.

Bát Nhã Tâm Kinh còn nói hai trăm sáu mươi chữ, tôi dùng mười hai chữ để tổng kết. Thế nhưng phiền não tập khí đúng là nặng nề, chẳng giả! Tôi chẳng đạt được sự đại tự tại như trong kinh Phật đã dạy, đó là gì? Phiền não, tập khí nhiều loạn, tập khí khó đoạn. Nguyên nhân khiến khó đoạn, nguyên nhân khiến chẳng đoạn được là gì? Đối với chuyện này, chúng tôi thừa nhận trình độ vẫn chưa đủ! Năm xưa, Chương Gia đại sư đã dạy tôi: “*Tu học Phật pháp là biết khó, hành dễ*”. Tôi tin tưởng câu ấy. Quý vị thầy Huệ Năng đại sư ở trong phương trượng thất của hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn, trong thời gian ngắn ngủi như vậy, chúng tôi ước tính tối đa là hai tiếng đồng hồ, Ngũ Tổ giảng cho Ngài nghe đại ý kinh Kim Cang, giảng đến câu “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, Ngài liền khai ngộ. Khai ngộ là gì? Ngài đã buông xuống. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều cùng buông xuống, trong Phật pháp gọi điều này là “*đốn xả, đốn đoạn, đốn ngộ, đốn chứng*”. Khi ấy, Huệ Năng đại sư hai mươi bốn tuổi, chúng ta chẳng thể không bội phục, Ngài đã thành Phật! Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện dưới cội Bồ Đề cũng là tình hình như vậy. Đức Phật thị hiện vào lúc ba mươi tuổi. Vì sao chúng ta chẳng thể bỏ? Do chẳng thấu suốt. Chẳng thấu suốt kinh giáo. Chẳng thấu suốt là vì chúng ta huân tập chẳng đủ!

Đối với sự huân tập, nhìn từ gương cổ thánh tiên hiền, [ta thấy] thâm nhập một môn là tuyệt đối chánh xác. Các Ngài chẳng có tạp niệm. Hễ lan man quá nhiều thứ, chắc chắn bị phân tâm, chẳng thể tập trung ý chí, chẳng thể tập trung tinh thần, hiệu quả bị giảm bớt rất

lớn! Tuy nhiên, nhìn theo pháp thế gian, học rộng nghe nhiều thì người ấy có kiến thức thông thường hết sức phong phú, sách vở thế gian và xuất thế gian đều đọc qua, chẳng có gì không biết, dường như là khá lắm, vấn đề xuất hiện ở chỗ nào? Người ấy chẳng kiến tánh, chẳng đắc tam-muội. Nếu đắc tam-muội sẽ khai ngộ, há còn phải học ư? Chẳng cần phải học! Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đã thông suốt toàn bộ. Giống như Long Thọ Bồ Tát, trong thời gian ba tháng, thông suốt toàn bộ hết thấy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Đây chính là sự giáo dục chân chánh của đức Phật. Sự giáo dục của đức Phật là dạy quý vị triệt để quán thông, thông đến tận tánh, khiến cho quý vị thành Phật, chẳng phải là khiến cho quý vị học rộng nghe nhiều. Chẳng phải là làm chuyện ấy, mà là dạy quý vị thâm nhập tam-muội, đại triệt đại ngộ, quý vị mới có năng lực giống như Phật “*tâm cứu độ quần sanh chẳng hề tạm bỏ*”. Quý vị đã thông đạt vô lượng pháp môn, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có gì không thông đạt. Cầu điều này! Hoàn toàn bảo quý vị hãy quay về nhập Thường Tịch Quang, thật sự “quay đầu chính là bờ”. Vì thế, thái độ này chính là khẳng định “chúng sanh và quý vị là một Thể”. Hiện thời, chúng sanh trên địa cầu gặp lắm tai nạn ngàn ấy, bản thân địa cầu có tai nạn, [những chuyện này] đều là bất bình thường, quý vị phải có tâm cứu độ và hành vi cứu độ tích cực hơn bất cứ ai khác!

Tiếp đó, [sách Chú Giải] nêu tỷ dụ, [tỷ dụ ấy] được nói trong kinh Niết Bàn: “*Như Niết Bàn Kinh kệ viết: Nhất thiết chúng sanh thọ dị khổ, tất thị Như Lai nhất nhân khổ*” (Kinh Niết Bàn có bài kệ rằng: “Hết thấy chúng sanh hứng chịu các nỗi khổ khác nhau thì cũng đều như chính bản thân Như Lai chịu khổ”). Mê, ngộ, thiện, ác, họa, phước, chúng sanh và Phật cùng một Thể. Do đó, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có thể giống Như Lai, thấy người khác có lầm lỗi tức là chính mình có lầm lỗi hay không? Vì sao? Ta chẳng nêu gương tốt để ảnh hưởng đến người ấy, ta làm chưa đủ viên mãn. Cũng chính là như cổ đại đức đã nói: “*Điều gì làm chẳng được, bèn quay lại xét mình*”, trọn chẳng có ý niệm chỉ trích lỗi lầm của kẻ khác, luôn [tâm niệm] chính mình chưa làm tốt đẹp đủ mức, nên chẳng thể thật sự cảm hóa kẻ khác, khích lệ chính mình hãy thêm gắng công ra sức tu tập. Đối với hai câu kinh Niết Bàn ấy, [xét ra] cổ thánh tiên hiền như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang đều có tâm thái ấy, thấy dân chúng khổ sở, thấy nhân dân khổ sở, bèn thời thời khắc khắc tự trách, chẳng trách móc người khác. Quý vị nói xem họ chẳng phải là hóa thân của Phật, Bồ Tát ư? Thuở đó, Phật pháp chưa truyền đến Trung Hoa, có thể là Thích Ca Mâu Ni Phật chưa xuất thế. Thích Ca Mâu Ni Phật sanh nhằm năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, gần như là cách thời Nghiêu, Thuấn, Đại Vũ, Văn Vương một ngàn năm. Những điều các Ngài nói, những hành vi biểu hiện đều là “*hết thấy chúng sanh chịu những nỗi khổ khác biệt, đều là một mình Như Lai chịu khổ*”.

“*Cổ phổ nguyện chứng tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn*” (Vì vậy, phổ nguyện “cứu vớt, gánh vác cho đều vượt lên bờ kia”). Vì sao phải làm như vậy? Trong kinh Phật đã có một câu: “*Pháp nhĩ như thị*”, [nghĩa là] hết thấy các pháp vốn là như vậy, chẳng có lý do, chẳng

có suy tưởng, mong cầu, một Thê mà! “*Chứng giả, cứu trợ dã. Tế giả, độ dã, thành dã, ích dã*” (Chứng (拯) là cứu giúp, Tế (濟) là độ, làm cho hoàn thành, tạo lợi ích). Có nhiều ý nghĩa như vậy, cứu vớt chúng sanh, lợi ích chúng sanh, hướng dẫn chúng sanh lìa khổ được vui. “*Cổ chứng tế tức thị cứu độ chi nghĩa. Phụ giả, đảm hà dã. Đại Pháp Cự Đà La Ni Kinh Phật ngôn: Bồ Tát đảm giả, thế nguyện hà phụ nhất thiết chúng sanh xuất ly thế gian. Thí như trưởng giả, gia nội phong nhiêu, đa chư trân bảo, duy hữu nhất tử, dĩ ái niệm cố, tài bảo, lạc cụ tất cấp dữ chi, vô hữu bì quyện. Bồ Tát diệc phục như thị, nhất thiết lạc cụ tận giai dữ chi, nãi chí linh nhập Vô Dư Niết Bàn, thị cố danh vi hà phụ trọng đảm*” (Do đó, “chứng tế” có nghĩa là cứu độ. Phụ (負) là gánh vác. Trong kinh Đại Pháp Cự Đà La Ni 32[1], đức Phật dạy: “Trách nhiệm của Bồ Tát là thế nguyện gánh vác hết thảy chúng sanh xuất ly thế gian. Ví như trưởng giả trong nhà giàu có, dư dật, nhiều của cải quý báu, chỉ có một con. Vì thương yêu con, nên của cải, vật yêu thích đều trao hết cho con, chẳng hề một nhọc. Bồ Tát cũng lại giống như vậy: Hết thảy vật yêu thích đều trao hết cả cho, cho đến khiến cho chúng sanh nhập Vô Dư Niết Bàn. Vì vậy, gọi là gánh vác gánh nặng”). Trong phần kinh văn này có nói đến một câu chuyện nhỏ, nhằm khai thị người thật sự học Phật hành Bồ Tát đạo. Từ chỗ này, chúng ta thấy được nguyện hạnh của Bồ Tát. Phát nguyện dễ dàng, nhưng thực hiện nguyện ấy chẳng đơn giản. Thực hiện là thật, chẳng giả. Cha mẹ yêu thương con cái, vào thời cổ ta thấy chuyện như vậy rất nhiều, nhưng trong xã hội hiện thời chẳng thấy. Vì nguyên nhân gì? Chẳng có giáo dục luân lý. Chẳng có giáo dục luân lý thì cha con chẳng có tình thân. Cha mẹ chẳng yêu thương con cái, làm sao con cái dấy lên lòng yêu thương cha mẹ cho được? Vì sao chẳng yêu thương? Từ nhỏ đã chẳng vun bồi tốt đẹp đức hạnh cho con, đó là chẳng yêu thương! Chăm sóc áo, cơm, những trò vui chơi cho con, súc sanh cũng có thể làm được những chuyện ấy! Quý vị thấy người hiện thời, kẻ giàu có nuôi thú vật cung, quả thật có những trường hợp chăm bẵm những con vật cung còn hơn cả con cái của chính mình, chẳng đối xử tốt đẹp và quan tâm con cái bằng những con vật cung!

Xã hội hiện tại thật sự nảy sanh những vấn đề mà cổ nhân chẳng thể nào tưởng tượng được! Trong xã hội hiện tại, đâu đâu cũng là như vậy, khắp mọi nơi đều trông thấy, mà cũng chẳng biết giáo dục là gì! Cái nghĩa gốc của chữ Giáo (教) trong tiếng Hán là “*trưởng thiện, cứu thât*” (tăng trưởng điều thiện, bỏ cứu những khuyết điểm), hiện thời chẳng có ai nói tới. Giáo là gì, mấy ai có thể hiểu được? “*Thât*” (失) là làm lỗi. Bỏ cứu những làm lỗi như thế nào? Tăng trưởng thiện tâm, thiện hạnh của quý vị ra sao? Đó là giáo dục; trên hành, dưới bất chước theo. Phương thức thực hiện trọng yếu nhất vẫn là thân giáo (giáo dục con người bằng hành động gương mẫu). Một đứa trẻ từ bé đã được quý vị nêu gương tốt, nó trông thấy liền

32[1] Đại Pháp Cự Đà La Ni Kinh gồm 20 quyển, 52 phẩm, do ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy. Do Thiện Oai Quang thiên tử thỉnh vấn pháp Đà La Ni, đức Phật bèn nhập Đại Lực Trang Nghiêm Tam Muội, thuật lại chuyện chư Như Lai đã phóng quang nói kinh này trong đời quá khứ, và cách hành trì các pháp Đà La Ni.

hiểu, học theo. Điều này thật sự chẳng liên quan đến chuyện biết chữ, chẳng liên quan đến học hành. Trẻ thơ từ lúc lọt lòng cho đến khi ba tuổi, còn chưa có năng lực học chữ, mà cũng chẳng có năng lực biết chữ, đó chính là lúc vun bồi, đặt vững cơ sở giáo dục, luân lý, đạo đức, nhân quả. Một trăm năm trước, tức là một thế kỷ trước, người Hoa nhà nào cũng đều biết chuyện này. Sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, ảnh hưởng của nền giáo dục truyền thống đại khái còn kéo dài hai mươi lăm năm. Nó được gìn giữ đầy đủ nhất ở nông thôn. Tại nông thôn, giữ được khoảng hai mươi lăm năm, nhưng tại đô thị [giữ được nền giáo dục truyền thống] đại khái ít hơn mười năm [so với nông thôn], cũng có nghĩa là: Thông thường, tại đô thị, trong vòng mười lăm năm, vẫn còn có thể thấy [ảnh hưởng của nền giáo dục truyền thống]. Sau mười lăm ấy, [ảnh hưởng đó] dần dần nhạt mờ đi. Kể từ thời chiến tranh giữa Trung Hoa và Nhật Bản, sau tám năm kháng chiến, tại nông thôn chẳng còn [ảnh hưởng ấy nữa]. Do đó, nay chúng ta hiểu biết tầm trọng yếu [của nền giáo dục truyền thống], nhưng khôi phục nó rất ư là khó! Khôi phục bằng cách nào? Nền giáo dục truyền thống chẳng thể khôi phục thì xã hội vĩnh viễn chẳng thể nào an định, đây là đạo lý nhất định. Vì thế, cổ nhân hiểu chuyện này, nhưng người hiện thời rất thờ ơ, mà cũng chẳng tin tưởng!

Trong kinh giáo, Phật, Bồ Tát đã dùng tỷ dụ để nói rõ, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh đã dốc trọn công sức, chẳng có mảy may ý niệm đòi hỏi, mong mỗi chúng sanh báo đáp các Ngài chút gì, chẳng có ý niệm ấy. Người hiện thời có thể làm chuyện này hay không? Người nhất tâm mong thành Phật sẽ làm được, nhưng kẻ còn tham luyến thế gian này sẽ quyết định chẳng làm được. Chỉ có người nhất tâm mong làm Phật là có thể làm được. Vì sao? Người ấy biết hết thảy các pháp đều là Không, ngay cả thân thể của chính mình cũng là rỗng không, vật ngoài thân chẳng có gì là của chính mình. Người ấy đã hiểu chân tướng sự thật này, nên dần dần bèn phóng khoáng, sẽ có thể làm được. Nếu chẳng thật sự liễu giải, [tức là] chẳng liễu giải thấu triệt chân tướng sự thật này, sẽ rất khó! “Rất khó” cũng có nghĩa là vượt thoát lục đạo luân hồi khó lắm! Chẳng thể buông xuống, sẽ không thoát khỏi luân hồi. Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh, mục tiêu thật sự là gì? Khiến cho họ nhập Vô Dư Niết Bàn. Vô Dư Niết Bàn là địa vị gì? Dư (餘) là tập khí. Tập khí vô thì vô minh đều đoạn hết sạch thì gọi là Vô Dư Niết Bàn, thuộc địa vị Diệu Giác, trở về Thường Tịch Quang viên mãn. Vì thế, điều này được gọi là “*hà phụ trọng đảm*” (荷負重擔: gánh vác gánh nặng). Bốn chữ ấy danh phù hợp thực, giúp đỡ bất cứ chúng sanh nào đều phải giúp họ trở về Đại Bát Niết Bàn thì nguyện tâm cứu độ của Bồ Tát mới xem như viên mãn.

“Thượng dẫn kinh văn, thâm hiển ‘chứng tế phụ hà’ chi nghĩa. Độ giả, đáo dã. Bỉ ngạn giả, Niết Bàn dã. Đại Luận thập nhị viết” (Đoạn kinh vừa dẫn trên đã hiển thị sâu sắc ý nghĩa “cứu vớt, gánh vác”. “Độ” (度) là đến nơi. “Bỉ ngạn” (彼岸: bờ kia) là Niết Bàn. Đại Luận, quyển mười hai đã nói), Đại Luận là Đại Trí Độ Luận. *“Nhược năng trực tiến bất thoái, thành biện Phật đạo, danh đáo bỉ ngạn, biểu đại sĩ phổ độ, tất linh nhất thiết chúng sanh chứng nhập Vô Dư Niết Bàn nhi hậu dĩ dã”* (“Nếu có thể thẳng tiến chẳng lui, hoàn

thành Phật đạo thì gọi là đáo bỉ ngạn (đạt đến bờ kia)”, ý nói: Đại Sĩ phổ độ, làm cho hết thầy chúng sanh chứng nhập Vô Dư Niết Bàn rồi chính mình mới chứng Niết Bàn). Trong thế gian, Bồ Tát chẳng làm chuyện gì khác, mà làm chuyện như vậy đó, chẳng mệt, chẳng ngán, vĩnh viễn chẳng ngơi nghỉ!

Chúng ta lại xem mấy câu kinh văn kê đó: “*Tất hoạch chư Phật vô lượng công đức, trí huệ thánh minh bất khả tư nghị*” (Điều đạt được vô lượng công đức của chư Phật, trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn). [Hai câu ấy] được chú giải như sau: “*Dĩ thượng nhị cú, biểu chư đại sĩ cụ túc phước trí nhị nghiêm*” (hai câu trên đây biểu thị các vị đại sĩ phước trí nhị nghiêm), “*ng nghiêm*” (嚴) là trang nghiêm (莊嚴). [Phước trí nhị nghiêm là] phước trang nghiêm và huệ trang nghiêm. “*Vị tề quả vị, nãi tùng quả hướng nhân chi đại Bồ Tát, hàm đắc Như Lai chi phước đức trang nghiêm. Trí huệ thánh minh bất khả tư nghị, minh đại sĩ hàm đắc Như Lai chi trí huệ trang nghiêm*” (Là bậc Bồ Tát có địa vị ngang với quả vị, nhưng từ quả hướng nhân, đều đã đắc phước đức trang nghiêm của Như Lai. “Trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn” là nói các Đại Sĩ đều đã chứng đắc trí huệ trang nghiêm của Như Lai), chúng ta xem đoạn này. Đây là gì? Thành tựu người khác vốn là thành tựu chính mình. Chính mình đã thành Phật, sau khi đã thành Phật, phước huệ sẽ đạt tới viên mãn rất ráo, quý vị phải phổ độ chúng sanh. Nếu chẳng thể phổ độ chúng sanh, phước huệ của quý vị sẽ chẳng thể viên mãn. Phước huệ viên mãn là chuyện tự nhiên, không nhất định do tâm ta mong muốn; quả thật là trong cảnh giới, Bồ Tát chẳng khởi tâm, không động niệm. Chúng ta biết, đối với bốn mươi một phẩm vô minh, tức là tập khí vô minh, Ngài chưa đoạn bốn mươi một phẩm tập khí vô minh, nhưng Ngài có mong đoạn hay không? Ngài cũng chẳng mong! Nếu Ngài nghĩ tưởng, mong muốn, liền bị đọa lạc, vì Ngài lại khởi tâm động niệm. Pháp Thân Bồ Tát chẳng khởi tâm, không động niệm, lẽ đâu Ngài mong đoạn [tập khí vô minh], hay là mong muốn, hy vọng phước huệ viên mãn? Chẳng có ý niệm ấy, thế mà bốn mươi một phẩm vô minh tự nhiên đoạn sạch viên mãn. Do đó, sau khi đã đại triệt đại ngộ, sau khi minh tâm kiến tánh, các Ngài trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chúng ta thường gọi cõi ấy là Nhất Chân pháp giới. Trụ bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Vì sao phải trụ lâu như thế? Phải qua thời gian dài như thế thì mới chẳng còn tập khí. Ngài trụ trong cõi Thật Báo lâu như thế để làm gì? Tánh Đức tự nhiên lưu lộ, mười phương thế giới, khắp pháp giới hư không giới, bất cứ chỗ nào chúng sanh có cảm, Ngài bèn có ứng. Chúng sanh cảm thì có hiển cảm (顯感: cảm rõ rệt) và có minh cảm (cảm ngầm ngầm). Minh cảm (冥感) là chúng sanh có cầu Phật, Bồ Tát, nhưng chính họ chẳng biết, vì ý niệm rất vi tế, chính họ chẳng cảm nhận được, nhưng Phật, Bồ Tát nhận biết, nhận được tin tức ấy. Hễ nhận được, các Ngài liền đến giúp đỡ quý vị, vì sao? Quý vị có duyên với các Ngài. Do đó, phải biết: Nay chúng ta kết duyên với hết thầy mọi người, kết duyên với hết thầy chúng sanh, thiện duyên cũng thế, mà ác duyên cũng vậy, duyên bình đẳng, bất luận thiện hay ác, chỉ cần là có duyên, khi thành Phật, họ nhất định đến độ quý vị. Quý vị có duyên với họ, nên quý vị vừa phát ra tin tức, họ sẽ nhận được ngay lập tức!

Chưa đoạn tập khí phiền não, sẽ có thiện duyên và có ác duyên. Nếu đoạn sạch tập khí phiền não, thiện duyên và ác duyên thấy đều biến thành pháp duyên. Trong tự tánh, chẳng thể tìm được thiện hay ác. Không chỉ là chẳng có thiện, ác, mà chân, vọng cũng chẳng có, tà, chánh cũng chẳng có, đó là nói theo Nhất Chân pháp giới. Trong mười pháp giới thì có, trong mười pháp giới có những thứ thật, giả, tà, chánh, thiện, ác rất rõ ràng, nhưng cõi Thật Báo Trang Nghiêm chẳng có chuyện ấy, chúng ta phải biết điều này. Đây là nói trí huệ viên mãn trong tự tánh thấu lộ, mà cũng là như đức Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Như Lai là tự tánh, trí huệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tánh chẳng có mây may chướng ngại nào, thấy đều hiển thị. Hiển ở nơi đâu? Hiển lộ khi người ấy ứng [theo sự cảm] của chúng sanh. Chúng sanh có cảm, người ấy bèn có ứng, nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy, nên dùng pháp môn gì để giáo hóa, bèn dùng pháp môn ấy, quyết định chẳng có suy xét. Trong khoảng thời gian ấy, chúng ta giả thiết [khoảng thời gian ấy] là ba đại A-tăng-kỳ kiếp như kinh đã nói, vị ấy trọn chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, há có phân biệt, chấp trước? Toàn là tự tánh, tự nhiên. Chúng ta dùng danh từ gì để hình dung nó? Tự nhiên vận hành, chẳng do ai làm, chẳng có bất cứ sức mạnh nào thao túng, chẳng có! Hoàn toàn là tự nhiên, nên chúng ta chỉ có thể nói là Tánh Đức tự nhiên lưu lộ. Trong kinh Phật có một danh từ rất đơn giản [để diễn tả điều này]: “*Pháp nhĩ như thị*”. Từ ngữ ấy rất hay, pháp vốn là như vậy.

Điều này biểu thị các vị Pháp Thân đại sĩ trọn đủ phước huệ nhị nghiêm. Chúng ta ca ngợi Phật, quý vị thấy khi quy y Phật, trong lời thề, chúng ta đọc: “*Quy y Phật, Nhị Túc Tôn*”. Ai này đều đã đọc cả rồi. Nhị Túc là gì? Là huệ và phước, tức phước trí, chính là “*phước trí nhị nghiêm*” ở chỗ này. Đạt đến quả vị rốt ráo, phước viên mãn, trí viên mãn, thì gọi là Lương Túc Tôn, chẳng khiếm khuyết mây may. Đẳng Giác Bồ Tát còn có chút khiếm khuyết, vẫn chưa đạt tới viên mãn, nhưng địa vị Diệu Giác đã viên mãn. Địa vị ngang với Phật quả thì địa vị ấy đã đạt đến Diệu Giác, tức là quả vị Phật rốt ráo. Những vị ấy tuyệt diệu, chính là hàng đại Bồ Tát từ quả hướng đến nhân, các Ngài chẳng ứng hóa từ cõi Thật Báo, mà từ đâu ứng hóa? Các Ngài ứng hóa từ cõi Thường Tịch Quang. Ý nghĩa này hay lắm. Nếu không, rất nhiều người hoài nghi: Trở về Thường Tịch Quang bèn chẳng khởi tác dụng. Cõi Thường Tịch Quang đã chẳng phải là tinh thần, mà cũng chẳng phải là vật chất, há chẳng phải là không có tác dụng gì hay sao? Được rồi! Tôi nói cho quý vị biết: Trong Thường Tịch Quang có ứng. Thường Tịch Quang là Nhị Túc Tôn viên mãn rốt ráo, tức Diệu Giác! Theo định nghĩa trong Phật pháp, chữ Diệu (妙) thường được giảng là “chẳng phải có, chẳng phải không”. Quý vị chẳng thể nói nó là có, mà cũng chẳng thể nói là “chẳng có”. Đó là Thường Tịch Quang. Quý vị thấy khi Huệ Năng đại sư kiến tánh đã nói năm câu chẳng phải có, chẳng phải không: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, tự tánh chưa hề bị ô nhiễm. Chỉ cần có hiện tượng, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, đều có thể bị ô nhiễm. Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nên nó chưa hề có hiện tượng ô nhiễm, vốn tự thanh tịnh. Câu thứ hai là “*vốn chẳng sanh diệt*”, đây là Đại Bát Niết Bàn,

chẳng có sanh diệt. Trong tôn giáo của ngoại quốc có nói “sống đời đời”, nhưng điều này còn cao hơn chuyện sống đời đời vì chẳng có sanh diệt. Câu thứ ba là “*vốn tự trọn đủ*”, nó chẳng khiếm khuyết mảy may. Bất luận là trí huệ, đức năng, hay tướng hảo, hết thảy đều hoàn toàn trọn đủ. [Câu thứ tư là] “*vốn chẳng dao động*”, nói rõ: Vọng tâm của chúng sanh trong mười pháp giới đều là động. Khoa học hiện đại nói là hiện tượng dao động. Hiện tượng dao động thì [từ địa ngục giới] cho đến Phật pháp giới trong mười pháp giới đều có hiện tượng này, nhưng trong cõi Thật Báo chẳng có hiện tượng này. Câu cuối cùng là “*có thể sanh ra vạn pháp*”. Một niệm bất giác sẽ có thể hiện ra A Lại Da. A Lại Da có thể biến. Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, còn A Lại Da có thể biến. Tự tánh là chân tâm của chính mình, A Lại Da là vọng tâm của chính mình. Vọng sanh từ chân, điều này đã được các khoa học gia hiện thời phát hiện. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất do đâu mà có? Trong Không sanh ra Có, được gọi là “*vô trung sanh hữu*”. Vô là gì? Vô là tự tánh, vì tự tánh thật sự chẳng phải là vật chất, chẳng phải là tinh thần, nên lục căn của quý vị chẳng thể duyên được! Vật chất thì nằm căn trước có thể duyên đến, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có thể duyên đến, tiếp xúc được [vật chất]. Tinh thần thì ý căn có thể tiếp xúc được. Nhưng nó (tự tánh) chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nên Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức của chúng ta đều không duyên được. Vì vậy, nói là “*vô trung sanh hữu*”. Các khoa học gia đã có thể phát hiện cảnh giới này, điều này rất khó có! Chúng tỏ lời Phật nói chẳng giả, ba ngàn năm sau các khoa học gia đã giúp Ngài chứng thực; nhưng các khoa học gia chẳng thể kiến tánh, nguyên nhân vì sao? Do họ chẳng buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống! Hễ buông xuống liền kiến tánh. Sau khi đã buông xuống, trí huệ và đức tướng bèn hiện tiền. Vì thế, trong Phật pháp, các nhà khoa học ấy được gọi là giải ngộ, chưa chứng đắc, [chỉ là] giải ngộ. Giải ngộ bèn đạt tới cảnh giới rất cao ấy, nhưng nếu lại tiến cao hơn thì chẳng thể, vì tiến cao hơn sẽ là kiến tánh. Kiến tánh thì phải thật sự buông xuống. Chẳng buông xuống, chẳng thể kiến tánh. Do đó, câu “*từ quả hướng đến nhân*” có ý nghĩa rất sâu, nói cho chúng ta biết: Thường Tịch Quang là một thể hữu cơ, sống động, chẳng phải là chết ngắc, nó có thể hiện hết thảy các tướng. Nó thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng có thể hiện hết thảy các tướng, có thể sanh ra muôn pháp.

Những vị đại Bồ Tát này đều đắc Như Lai phước đức trang nghiêm. “*Trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn*” là nói rõ các vị đại sĩ đều đắc trí huệ trang nghiêm của Như Lai. Trên đây là phước đức trang nghiêm và trí huệ trang nghiêm, “*trang nghiêm*” ở đây là nói đến sự viên mãn. Chúng ta biết, theo kinh Hoa Nghiêm, từ Sơ Trụ trở lên đều chứng đắc [phước trí nhị nghiêm]. Tuy chưa viên mãn, nhưng đã sử dụng được, chẳng có chút chướng ngại nào. Do trí huệ và đức tướng đều chẳng có chướng ngại, nên Sơ Trụ Bồ Tát có thể hiện thân Phật, nên dùng thân Phật để độ được, liền hiện thân Phật để thuyết pháp, Sơ Trụ đã làm được. Kế đó, sách viết: “*Tịnh Ảnh dữ Chân Giải, Hợp Tán chư gia, giai đồng thử thuyết*” (ngài Tịnh Ảnh và tác giả các sách Chân Giải, Hợp Tán đều cùng nói như vậy). Đối với điều này, tổ sư đại đức đều cùng nói giống như nhau.

“*Thánh giả, chánh dã*” (Thánh là chánh), đây là giải thích chữ Thánh. “*Hựu Triệu công viết: Trí huệ, Thễ; thánh minh, Dụng. Vô sự bất chiếu vị chi Thánh. Bồ Tát quyền thật linh chiếu, bất khả dĩ ngôn tư nghĩ kỳ hình dung, cố vân bất khả tư nghĩ*” (Ngài Tăng Triệu nói: “Trí huệ là Thễ. Thánh minh là Dụng. Không sự gì chẳng chiếu là Thánh. Bồ Tát Quyền Thật linh chiếu, chẳng thể dùng ngôn ngữ và suy nghĩ để suy đoán, bàn luận hình dung của nó, nên bảo là bất khả tư nghĩ”). Tiếp đó, [cụ Hoàng] giải thích: “*Triệu công chi ý vi: Trí huệ thị bản thể, thánh minh thị diệu dụng. Nhất thiết sự giai năng chiếu liễu thông đạt, danh chi vi Thánh. Bồ Tát chi Quyền Trí dữ Thật Trí, sở sanh chi linh minh chiếu dụng, chúng sanh phàm tình tuyệt bất năng giải, cố viết bất khả tư, nhất thiết ngữ ngôn bất năng biểu đạt, cố viết bất khả nghĩ*” (Ý của Triệu công là: Trí huệ là bản thể, thánh minh là diệu dụng, đều chiếu rõ, thông đạt được hết thấy sự, nên gọi là Thánh. Thật Trí và Quyền Trí của Bồ Tát phát sanh diệu dụng sáng tỏ vắng vặc để chiếu soi. Chúng sanh do phàm tình nên trọn chẳng thể hiểu nổi [diệu dụng ấy], nên bảo là “bất khả tư”. Vì hết thấy ngôn ngữ chẳng thể diễn đạt nổi, nên nói là “bất khả nghĩ”), chúng ta xem tới đây. Theo Tăng Triệu đại sư^{33[2]}, trí huệ là Thễ. Đối với tầng cấp này, tức là tầng cấp của hàng đại Bồ Tát, Định và Huệ là một, chẳng hai. Huệ là Thễ, Định là Dụng, [hoặc nói cách khác], Định là Thễ, Huệ là Dụng, sống động, chẳng khô khan. Thễ và Dụng dùng lẫn cho nhau, quý vị nói kiểu nào cũng thông suốt. Không sự gì chẳng chiếu, đó là trí huệ. Do vậy, kinh Bát Nhã nói “*chiếu kiến*”, danh từ này được nói rất nhiều, người thế gian chúng ta nói là “*khán kiến*”, tức là thấy bằng mắt, hoặc quán kiến (quan sát thấy). Trong giáo pháp Đại Thừa nói là “*chiếu kiến*”, Tâm Kinh nói “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không*”. Câu này đã được các nhà khoa học hiện đại chứng minh, Ngũ Uẩn đúng là rỗng không, các nhà khoa học đã nói rất hay! Vật chất là gì? Ý niệm tích lũy liên tục sanh ra huyền tướng, nói rất hay! Trước kia, chúng tôi học Duy Thức, trong Duy Thức nói tới Kiến Phần và Tướng Phần: Nếu Kiến Phần trông thấy, ngay khi đó, sẽ phát sanh Tướng Phần. Cách nói này khiến cho chúng ta chẳng hiểu rõ từ ngữ. Cổ nhân nói như thế, chúng tôi cũng nói như thế thì chẳng rõ ràng. Kiến thì nhất định là phải thấy, đã thấy bèn có huyền tướng. Ví như quý vị tròng mắt nhìn, trong hư không chẳng có thứ gì, nhưng quý vị

33[2] Thích Tăng Triệu (394-414) là đệ tử đặc ý và nổi danh nhất của La Thập đại sư. Ngài họ Trương, người xứ Kinh Triệu (Trường An), nổi tiếng là một nhà lý luận và tư tưởng của Đại Thừa Phật giáo tại Trung Hoa. Ngài được coi như đã có công bản địa hóa tư tưởng Trung Quán của Bát Nhã và mạnh dạn dùng những khái niệm sẵn có trong triết học Trung Hoa để diễn đạt tư tưởng Bát Nhã. Trước khi học Phật, Ngài từng học Nho, đặc biệt yêu thích Lão Trang, nhưng vẫn chưa cảm thấy thỏa mãn. Đến khi đọc kinh Duy Ma Cát, tỉnh ngộ, bèn xuất gia, nghiên cứu Phật học càng tinh thâm, chưa đầy hai mươi tuổi mà danh tiếng đã vang rền khắp nước. Về sau, nghe ngài La Thập đến xứ Cô Tạng (nay thuộc huyện Vũ Oai, tỉnh Cam Túc), Sư tìm đến, vô cùng ngưỡng mộ, tận lực theo hầu. Khi ngài La Thập đến Trường An, Ngài xin tham gia dịch trường, cùng với các vị Đạo Dung, Tăng Duệ và Đạo Sanh được gọi là Quan Trung Tứ Kiệt. Ngài đặc biệt tinh thông Trung Quán, nên được người đương thời tôn xưng là bậc Giải Không Đệ Nhất. Ngài cũng tham gia dịch trường của ngài Phật Đà Da Xá để dịch Tứ Phần Luật và Trường A Hàm Kinh. Tiếc là Ngài mất rất sớm. Pháp sư Ấn Thuận hết sức ngưỡng mộ ngài Tăng Triệu, tôn xưng Ngài là đệ nhị tổ của Tam Luận Tông.

nhất định muốn thấy. Trùng mắt nhìn hồi lâu, mỗi mắt, [sẽ thấy] trong không trung thật sự hiện ra tướng [hoa đốm lăng xăng]. Dùng phương pháp ấy để nói thì chẳng hợp khoa học^{34[3]}, cách nói của các nhà khoa học hay hơn. Sau này, hễ chúng ta nói đến chuyện này (Kiến Phần sanh ra Tướng Phần), bèn có thể dùng cách nói của các nhà khoa học thì sẽ chính xác. Có thể thấy là cổ nhân dùng tỷ dụ ấy vì họ chưa kiến tánh, nên cũng chẳng thấy. Nếu họ đã kiến tánh, sẽ nói rõ ràng, [họ nói lời mờ] vì chính họ chưa kiến tánh. Trí huệ khởi tác dụng là thánh minh.

Không sự gì chẳng chiếu thì gọi là Thánh, năng lực thấy rất rộng: Trọn khắp pháp giới hư không giới. Vì thế, nếu nói thật sự, nói chân thật, tức là nói chân thật theo giáo pháp Đại Thừa, hoàn toàn là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát. Các Ngài chẳng có thời gian, phải biết điều này: Tuyệt đối chẳng có quá khứ, mà cũng chẳng có vị lai, chỉ có ngay trong hiện tại. Không chỉ chẳng có thời gian, mà còn chẳng có không gian; không gian cũng chẳng tồn tại. Không gian chẳng tồn tại thì khoảng cách chẳng còn nữa, [nói tới] không gian là [nói tới] khoảng cách. Tây Phương Cực Lạc thế giới ở nơi đâu? Ngay tại nơi đây. Thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật ở chỗ nào? Ngay tại nơi đây. Do vậy, nói chân thật cùng quý vị, sẽ là ngay trong lúc này, mười đời xưa nay chẳng lìa một niệm. Một niệm hiện hữu, niệm niệm đều là một niệm ngay trong lúc này. Đây là nói lời chân thật, nói ra chân tướng với chúng ta, một niệm là thật. Do đó, quý vị thấy kinh Phật mở đầu bằng: “*Như thị ngã văn, nhất thời*”, đức Phật nói lời chân thật, “*nhất thời*” là thật. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, giảng kinh Vô Lượng Thọ, có “*tại*” hay không? Có, nhất thời! Nếu chúng ta đạt tới nhất thời, sẽ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh. Thời gian chẳng có, ba ngàn năm trước hay ba ngàn năm sau chi nữa đều chẳng có, ở ngay trong lúc này, quý vị thấy núi Linh Thứu ở ngay nơi đây! Đồi Đường, Trí Giả đại sư niệm kinh Pháp Hoa, niệm đến phẩm Dược Vương, lão nhân gia nhập Định, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu, thấy vẫn còn có chỗ trống, bèn ngồi nơi đó nghe giảng một buổi. Sau khi xuất Định, kể với mọi người: Hội Linh Sơn chưa giải tán, Ngài tham gia, nghe giảng ở đó một buổi.

Do vậy, trong kinh, đức Phật thường nói: “*Hết thấy các pháp chẳng lìa tự tánh*”. Lại nói “*ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*” đều nhằm tiết lộ chân tướng này.

^{34[3]} Câu này hơi khó hiểu nên chúng tôi mạn phép vẽ rằn thêm chân như sau: Theo Duy Thức Học, Tướng Phần (vật chất) phát sanh từ Kiến Phần (cái tâm phát sanh tác dụng nhìn thấy). Luận điểm này được diễn tả bằng câu: “Kiến thì nhất định phải thấy, hễ trông thấy bèn có huyễn tướng”. Tiếp đó, cổ nhân dùng một tỷ dụ giả thiết như sau: Trùng mắt nhìn hồi lâu, do mắt mỗi, sẽ thấy các đốm sáng chao lượn trước mắt”. Tức là do từ cái nhìn đó mà có huyễn tướng xuất hiện. Hòa thượng nói tỷ dụ này không phù hợp lắm (vì mắt mỗi mà có tướng hoa đốm, chẳng liên quan đến vọng tâm), vẫn chưa giải thích rõ vì sao từ Kiến Phần sanh ra Tướng Phần, nên mới bảo là: “Dùng cách ấy để nói thì không khoa học”. Hòa thượng cho rằng: Do Kiến Phần (tác dụng của tâm thức, tức là vọng tâm), vọng tâm thường sanh khởi ý niệm, vật chất do ý niệm tích lũy tạo thành. Đây chính là đã nói rõ Kiến Phần sanh ra Tướng Phần.

Chúng ta nghe chẳng hiểu, dường như hiểu mà chẳng hiểu, nửa tin, nửa ngờ. Nếu thật sự hiểu, không khẩn yếu chi! Nếu chẳng hiểu, không sao cả! Hãy cứ nghe hằng ngày, cổ nhân nói: “*Đọc sách ngàn lượt, tự thấy ý nghĩa*”. Chúng ta ngốc hơn người khác, người ta nghe một ngàn lượt, chúng ta nghe một vạn lượt bèn hiểu, vì sao? Huân tập thành chùng tử, huân tập thành căn, căn ấy sẽ sanh ra sức mạnh. Huân tu lâu dài, phải huân tập nó thành chùng tánh của ta, nó sẽ khởi tác dụng. Đó cũng là một phương pháp để minh tâm kiến tánh trong tám vạn bốn ngàn pháp môn. Phải biết: Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là các phương pháp để minh tâm kiến tánh, phương pháp nào thích hợp với ta, ta bèn dùng phương pháp ấy. Học rộng nghe nhiều cũng là một phương pháp, căn tánh mỗi người khác nhau. Trong xã hội hiện tiền, nay là thời Mạt Pháp, lại còn là lúc Phật pháp suy vi đến cùng cực. Khắp thế giới sơ sót giáo dục luân lý, đạo đức. Có thể nói luân lý đạo đức tương ứng với giáo dục tự tánh, nhưng đã bỏ mất. Nhà Phật có một thuật ngữ là “*xứng tánh*”, nhưng hiện thời đã hoàn toàn mê mất tự tánh. Mê gần như nghiêm trọng đến mức một trăm phần trăm, cho nên học Phật đặc biệt khó khăn! Phương pháp này của Tịnh Tông được mười phương chư Phật giới thiệu, chẳng riêng gì một mình Thích Ca Mâu Ni Phật, mà là mười phương chư Phật giới thiệu. Trong hoàn cảnh khó khăn đến tột cùng, các pháp môn khác đều bị chương ngại trùng trùng, rất khó học tập, pháp môn này đơn giản. Thậm chí quý vị chẳng cần đọc kinh, chỉ là một câu Phật hiệu.

Chúng ta đang ở Hương Cảng. Năm xưa, tôi nghe lão pháp sư Đệ Nhàn thường kể với mọi người: Lão hòa thượng Đệ Nhàn có một người đồ đệ làm thợ vá nôi. Người này là bạn cùng chơi đùa thuở bé của pháp sư Đệ Nhàn, tuổi tác chẳng chênh lệch cho mấy, ở trong thôn trang. Sau khi trưởng thành, gia cảnh nghèo hèn, chẳng có cơ hội đi học, bèn học một nghề thủ công là vá nôi, vá chén, dùng nghề mọn ấy để kiếm sống hết sức khổ sở. Thuở bé tôi thường thấy thợ vá nôi gánh một gánh nhỏ đi rảo trong làng vá nôi, vá chén. Vì thế, khi Ngài (pháp sư Đàm Hư) nói chữ ấy, tôi hiểu ngay, ông ta sống bằng nghề đó. Ông ta cảm thấy cuộc đời quá khổ, thấy bạn xuất gia, xuất gia cũng khá, bèn tìm đến, thưa với ngài Đệ Nhàn, ông ta cũng muốn xuất gia, bái ngài Đệ Nhàn làm sư phụ. Pháp sư Đệ Nhàn nói: “Không được! Ông cứ làm nghề của mình đi, xuất gia há phải dễ dàng! Ông xuất gia, chậm lụt như vậy, mà cũng chẳng biết chữ, đầu óc chậm chạp, đoán chắc là học kinh sám, Phật sự, gõ pháp khí, xướng niệm đều học không nổi, tay chân vụng về! Học giảng kinh thì lại chẳng biết chữ”. Vì thế, cự tuyệt ông ta. Nhưng ông ta vẫn một mực nằn nì, chẳng chịu đi, không cho ông ta xuất gia cũng không được. Cụ Đệ Nhàn chẳng còn cách nào, bèn đặt điều kiện với ông ta. Sư nói: “Nếu ông thật sự muốn xuất gia, tôi có mấy điều kiện, ông có thể làm được thì cho phép ông xuất gia”. Ông ta thưa: “Được! Nếu tôi bái thầy làm sư phụ, thầy dạy tôi điều gì, tôi cũng đều làm theo”. Lão pháp sư Đệ Nhàn bắt đắc dĩ cho ông ta xuống tóc. Chẳng ở trong chùa được, vì ở trong chùa có rất nhiều quy củ. Ông ta cũng đã bốn mươi mấy tuổi rồi, những tật xấu, tập khí chẳng dễ gì sửa được. Vì thế, đến vùng quê, tìm cho ông ta một ngôi chùa nhỏ, chẳng có ai ở, là một ngôi chùa hư nát, cho ông ta ở đó. Dạy ông ta niệm một câu Nam-

mô A Di Đà Phật. Dạy gì khác ông ta cũng không hiểu, bèn dạy ông ta niệm: “*Ông hãy niệm câu này, suốt ngày niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật. Niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe khoắn rồi lại niệm tiếp*”. Làm như vậy sẽ nhẹ nhàng, thông dong, chẳng có áp lực gì. Chẳng phân biệt ngày, đêm, hễ niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi, hễ nghỉ đã khỏe, bèn lập tức tiếp tục niệm. Trong làng quê, Sư tìm một bà cụ học Phật, ở gần đó, mỗi trưa đến nấu cơm trưa và cơm chiều, nấu hai bữa cơm, còn bữa điểm tâm do ông ta tự nấu, tự lo. Bà cụ giặt giũ quần áo cho ông ta để ông ta chuyên tâm niệm Phật.

Niệm suốt ba năm, đến một hôm, ông ta bảo bà cụ hộ trì: “Ngày mai bà không cần nấu cơm, tôi vào thành gặp bạn bè”. Trên thực tế, ông ta biết trước lúc mất, sắp vãng sanh, nên quay về từ biệt thân thích, chào hỏi, thăm viếng. Hôm sau trở về, khi trở về, bèn nói với bà cụ: “Ngày mai chẳng cần nấu cơm cho tôi”. Bà cụ lại tưởng ông ta đến thăm bạn bè, chẳng biết người bạn nào sẽ mời ông ta ăn cơm. Đến bữa sau, cụ ra chùa xem, coi sư phụ có nhà hay không? Kết quả là thấy sư phụ ở trong Phật đường, đứng trước tượng Phật, gọi thì chẳng ừ hử gì, đến trước mặt xem kỹ, thấy ông ta đã mất, đứng mất! Liên vội vã quay về báo tin, vì còn có mấy đồ đệ quy y với cụ Đệ Nhân ở vùng phụ cận, thấy đều báo tin cho họ biết, gọi họ đến xem. Trước nay chưa từng thấy người đứng mất, rất hiếm hoi, lạ lùng! Những người ấy sau khi tìm đến, bèn vội đến Quán Tông Tự^{35[4]} thưa trình. Từ nông thôn đến thành thị chẳng có phương tiện giao thông, phải đi bộ, đi một ngày mới đến nơi, thưa chuyện với hòa thượng Đệ Nhân. Hòa thượng Đệ Nhân chuẩn bị, sắp xếp, đến hôm sau mới trở lại, đi về mất ba ngày. Ông ta đứng sững suốt ba ngày, chờ lão pháp sư Đệ Nhân đến lo liệu hậu sự. Cụ Đệ Nhân thấy tình hình ấy, rất tán thán: “*Ông rất lỗi lạc! Thật sự có thành tựu. Bất cứ trụ trì hay phương trượng chùa miếu nào nơi danh sơn bảo sát đều chẳng bằng ông. Những pháp sư thông Tông, thông Giáo, giảng kinh cũng chẳng sánh bằng ông!*” Một câu A Di Đà Phật mà thôi! Người ấy chưa từng nghe kinh ngày nào, nhưng nghe lời, đúng là thật thà, thật sự làm. Trừ một câu A Di Đà Phật ra, điều gì ông ta cũng chẳng hiểu, [thế mà] biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh, lại còn đứng sững suốt ba ngày. Coi như lão pháp sư Đàm Hư và người thợ vá nồi là đồng học, đều cùng là học trò của lão hòa thượng Đệ Nhân, Ngài thường kể chuyện này để khích lệ người niệm Phật. Quý vị thấy thời gian không dài, ba năm đã đến thế giới Cực Lạc làm Phật, có công phu như vậy chẳng đơn giản. Lời cụ Đệ Nhân nói là thật, chẳng giả!

35[4] Chùa Quán Tông ở thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, được sáng lập vào năm 1081 bởi pháp sư Giới Nhiên, ngài Giới Nhiên là đồ tôn đời thứ năm pháp sư Tri Lễ (tổ thứ mười bảy của tông Thiên Thai), thoát đầu chùa mang tên Thập Lục Quán Đường trực thuộc chùa Diên Khánh. Chùa gần như hoang phế dưới thời Quang Tự, ngài Đệ Nhân đã trùng tu chùa này, khôi phục tông phong Thiên Thai. Chùa trải qua nhiều nỗi thăng trầm: Năm 1951 bị nhà nước tịch thu biến thành trường huấn luyện cán bộ, rồi trường Đảng vào năm 1958, phá bỏ rất nhiều kiến trúc trong chùa. Đến năm 1993, mới được trả lại cho Phật giáo, và đưa về trực thuộc chùa Diên Khánh như cũ.

Do vậy, vấn đề là chúng ta có chịu tin tưởng hay không, chịu phát nguyện hay không, buông xuống vạn duyên, phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm, bèn thành công. Người thợ vá nồi ba năm thành công. Mấy năm trước, tại Thâm Quyển, ông Hoàng Trung Xương ba mươi tuổi mới lộ diện. Ông ta nghe tôi giảng kinh thường dẫn ra những câu chuyện bèn rất hoan hỷ, cũng rất muốn học theo, dùng ba năm để làm thử xem [chính mình] có thể làm được hay không. Bà Hướng Tiểu Ly hộ quan cho ông ta. Ông ta bế quan ba năm, còn thiếu hai tháng là đầy ba năm, tức là hai năm mười tháng, cũng biết trước lúc mất, A Di Đà Phật tiếp dẫn ông ta về thế giới Cực Lạc. Hai năm mười tháng! Làm cho chúng ta thấy, ông ta thử xem rốt cuộc là thật hay giả, bèn thành công. Niệm Phật vãng sanh là chuyện ngàn vạn phần xác đáng, chẳng giả tí nào, vấn đề là quý vị không chịu làm thì chẳng có cách nào cả! Sanh về thế giới Cực Lạc là đi làm Phật, kinh đã nói hết sức hay: “*Dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, hễ đến thế giới Cực Lạc bèn là A Duy Việt Trí Bồ Tát*”. A Duy Việt Trí là ba món Bất Thoái. Vị Bất Thoái thì A La Hán làm được, Hạnh Bất Thoái, Bồ Tát làm được; nhưng Niệm Bất Thoái thì phải là Pháp Thân Bồ Tát, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, cũng là vượt thoát mười pháp giới. Theo kinh Hoa Nghiêm, từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên mới là Niệm Bất Thoái. Cổ đại đức cũng có thuyết cho rằng: Từ Thất Địa trở lên [mới là Niệm Bất Thoái]. Chúng ta chẳng tính từ Thất Địa trở lên, chỉ tính từ Viên Giáo Sơ Trụ trong Hoa Nghiêm trở lên thì đã rất lỗi lạc, [Niệm Bất Thoái] sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong thế giới Cực Lạc, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư, do được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, cho nên người vãng sanh ấy cũng hưởng thụ sự đỗi ngộ của A Duy Việt Trí Bồ Tát, tức là sự đỗi ngộ do ba món Bất Thoái. Có sự đỗi ngộ ấy, giống như trong phần trên đã nói, người ấy có năng lực ứng hóa: Chúng sanh có duyên với người ấy trong khắp pháp giới hư không giới hễ nhận tin cho người ấy, người ấy liền có thể ứng hóa. Cung cấp tin tức cho người ấy là cảm, người ấy bèn ứng, nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy, nên dùng pháp gì để hóa độ người ấy bèn dùng pháp đó. Cũng có thể nói là [người ấy đã] thông suốt toàn bộ mười phương ba đời tất cả Phật pháp và pháp thế gian vì chẳng lìa tự tánh. Chỉ cần quý vị kiến tánh bèn thông suốt toàn bộ.

Do vậy, tôi nói những người ấy là người thật sự thông minh, tốn thời gian ba năm bèn thông suốt, đạt được toàn bộ, há có nhiều nỗi phiền phức [như trong các pháp môn khác]! Pháp môn hy hữu, khó gặp, mà chúng ta có duyên gặp gỡ. Đã gặp gỡ mà chẳng thể nắm vững, hãy còn hoài nghi, vẫn chưa thể hoàn toàn tin tưởng pháp môn này, đó là nghiệp chướng của chính mình! Trước mắt đã có lắm chứng cứ ngàn ấy, những người như ông thợ vá nồi hoặc Hoàng Trung Xương đã làm Tác Chứng Chuyển trong ba thứ chuyển pháp luân, chứng minh cho chúng ta, chứng minh pháp môn này, chứng minh thế giới Cực Lạc, chứng minh niệm Phật vãng sanh chẳng giả tí nào. Do đó, trí huệ chiếu kiến. Chúng ta cũng phải dùng trí huệ để soi thấu suốt thế gian này, đối với bất cứ tai nạn nào, cũng đều chẳng có mấy may sợ hãi gì, biết tai nạn do nguyên nhân nào phát sanh, và cũng biết phương pháp gì để có thể hóa giải. Hiềm rằng chúng sanh chẳng tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận, đó là do cộng

nghiệp cảm vùi. Tai nạn xảy tới giống hệt nhau, nhưng mỗi người đi về một chỗ khác nhau, người niệm Phật chúng ta có chỗ để người niệm Phật sanh về. Vì thế, hiện thời phải đặt chuyện này lên đầu, tức là xếp niệm Phật vắng sanh hàng đầu. Người thật sự có công phu ấy, giống như ông Hoàng Trung Xương, nếu chẳng đến thế giới Cực Lạc, ở thêm [trong thế gian này] mấy năm nữa có được hay không? Được chứ! Chẳng phải là không được, đến đi tự do. Người thợ vá nồi trụ thêm mấy năm cũng được. Vì sao phải ra đi như vậy? Dùng phương pháp ấy để độ chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, đó là đại từ đại bi, nêu gương tốt cho chúng sanh, khiến cho mọi người kiên định tín tâm, nghiêm túc học tập, tương lai ai nấy đều vắng sanh. Vì thế, chúng ta phải nói rộng tầm mắt, nhìn cho xa, thấy cho sâu, quý vị sẽ liễu giải hành động của những người ấy là công đức chân thật!

Tiếp đó, [cụ Hoàng] nói ý của ngài Tăng Triệu là: Trí huệ là bản thể, thánh minh là diệu dụng. Hết thấy mọi sự đều có thể soi tỏ thông đạt bèn gọi là Thánh. Người Hoa gọi là thánh nhân, ở Ấn Độ gọi là Phật. Quyền Trí và Thật Trí của Bồ Tát: Quyền Trí là phương tiện thiện xảo, Thật Trí là Căn Bản Trí. Thật Trí là Định, thanh tịnh, bình đẳng, giác, Quyền Trí là phương tiện thiện xảo, ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, tự hành, hóa độ người khác. Sanh ra tác dụng chiếu soi linh minh, chúng sanh do phạm tình trọn chẳng thể hiểu được. Vì sao? Chúng sanh có phân biệt, chấp trước, vì thế, họ chẳng thể hiểu, đó gọi là “*bất khả tư*”, tức là chẳng thể suy tưởng. Hễ suy tưởng bèn rớt vào ý thức, sai mất rồi! Hết thấy ngôn ngữ chẳng thể biểu đạt, nên là “*bất khả nghị*”, “*ng nghị*” (議) là nghị luận, là thảo luận, nói năng. “*Phi ngôn ngôn phân biệt chi sở năng tri, cố kỳ hình kỳ dụng vô pháp nghị nghị*” (Do ngôn ngữ, phân biệt chẳng thể biết được, nên không có cách nào mô tả, bàn luận hình tướng của trí huệ ấy), tìm không ra phương pháp thích đáng để tỷ dụ. Do đó, đến cuối cùng, đức Phật nói: “*Duy chứng phương tri*” (chỉ có chứng mới biết), quý vị thật thà tu hành, đạt đến cảnh giới này, sẽ tự nhiên hiểu rõ.

“*Hựu bất khả tư nghị hữu nhị chủng, nhất giả Lý Không*” (“*chẳng thể nghĩ bàn*” lại có hai loại, một là Lý Không). Chữ Không này chẳng dễ hiểu! Không chẳng phải là Vô (không có gì), mà Không là Có! Vì sao chẳng nói là Có, lại nói là Không? Vì lực căn của quý vị chẳng duyên được! Lý là gì? Lý là tự tánh, tự tánh là Lý Thể. Tất cả hết thấy các pháp đều sanh từ nó, nó có thể sanh, có thể hiện. Thức có thể biến, thức là phân biệt, chấp trước. Phân biệt, chấp trước có thể sanh ra biến hóa, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do thức biến. Nhất Chân pháp giới, cõi Thật Báo của chư Phật do tâm hiện, chẳng có thức biến, mà do tâm hiện. Tâm sanh, tâm hiện, mười pháp giới là thức biến, đó là Lý. Lý Thể là tự tánh, nên chẳng phải là “*hoặc tình*” (感情: tình chấp do phiền não tạo thành). Hoặc (惑) là vô minh phiền não, là khởi tâm động niệm, Tình (情) là phân biệt, chấp trước. Quý vị có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng có cách nào, chắc chắn chẳng đạt được [*“bất khả tư nghị”*]. Chỉ cần quý vị đoạn hết Hoặc Tình, chân tướng liền ở ngay trước mặt, bèn hoàn toàn hiểu rõ.

Loại thứ hai là “*thần kỳ*”. “*Thần kỳ*” (神奇) là Bồ Tát ứng hóa, khởi tác dụng, “*phi thiên thức sở lượng*”, [nghĩa là] người kiến thức kém cõi, nông cạn sẽ chẳng biết. “*Hựu Trí Độ Luận viết: Tiểu Thừa pháp trung vô bất khả tư nghị sự, duy Đại Thừa pháp trung hữu chi, như lục thập tiểu kiếp thuyết Pháp Hoa Kinh vị như thực khoảnh*” (Trí Độ Luận lại nói: “Trong pháp Tiểu Thừa, chẳng có chuyện chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có pháp Đại Thừa là có, như sáu mươi tiểu kiếp nói kinh Pháp Hoa mà nói là như trong khoảng một bữa ăn”). Đó là gì? Thời gian là giả, chẳng thật. Trong pháp Tiểu Thừa đều là có thể nghĩ, có thể bàn, có thể thảo luận, có thể nghiên cứu, pháp Đại Thừa thì không được. Trong pháp Đại Thừa có chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, luận lý, biện chứng pháp (dialectic), lý tắc học (logic), áp dụng những phương pháp luận khoa học đó vào kinh Tiểu Thừa thì được, nhưng vô dụng đối với kinh Đại Thừa, vì kinh Đại Thừa vượt ngoài lý luận.

Tôi nhớ thuở trước, lúc mới xuất gia chưa được bao lâu, pháp sư Đạo An dùng danh nghĩa của hội Phật giáo Trung Hoa tổ chức một hoạt động là Đại Chuyên Phật Học Giảng Tòa, cũng làm được vài năm. Lão hòa thượng muốn tôi đảm nhiệm vai trò tổng chủ giảng trong giảng tòa, tôi nhớ đã đảm nhiệm chức vụ ấy ba năm mấy. Khi đó, tôi mời tiên sinh Phương Đông Mỹ giảng phương pháp luận cho chúng tôi. Phương pháp luận trong khoa học là Lý Tắc Học, trong Phật pháp gọi là Nhân Minh, dùng kinh bản Phật pháp để giảng [Lý Tắc Học] thì gọi là Nhân Minh, mời thầy mở khóa học ấy. Thầy bảo tôi: “Tiểu Thừa thì có thể dùng, sơ cấp thì có thể dùng, chứ tiến cao hơn, toàn bộ chẳng dùng được”. Lần đầu tiên, tôi nghe thầy Phương nói chân tướng sự thật ấy: [Phương pháp luận khoa học] chẳng thể áp dụng cho pháp Đại Thừa. Quý vị thấy sáu mươi tiểu kiếp, thời gian ấy dài lắm! Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, sáu mươi tiểu kiếp là ba trung kiếp, đức Phật giảng gì? Giảng kinh Pháp Hoa giống như trong một “*thực khoảnh*” (食頃), tức là thời gian một bữa cơm. Đó là nói về thời gian. Có thể thu gọn sáu mươi tiểu kiếp thành một “*thực khoảnh*”, tức là thời gian một bữa cơm, thời gian một bữa cơm có thể triển khai thành sáu mươi tiểu kiếp. Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm càng chẳng thể nghĩ bàn, kinh nói là “*nhị thất nhật trung*”, nhị thất (二七) là mười bốn ngày. Ngài giảng bao nhiêu? Tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần^{36[5]} phẩm. Trong long cung, Long Thọ Bồ Tát thấy địa cầu chẳng thể chứa đựng toàn bộ nguyên văn kinh Hoa Nghiêm! Trong mười bốn ngày, có thuyết nói là hai mươi một ngày, sao lại có thể làm như vậy được? Nếu quý vị niệm bộ kinh ấy một lượt, nói theo trạng huống trong nhân gian chúng ta hiện thời, quý vị niệm một trăm năm cũng chẳng xong, niệm một bộ cũng chẳng xong. Vì sao tôi biết? Tôi nhìn vào Tứ Khố Toàn Thư, quý vị mỗi ngày đọc Tứ Khố Toàn Thư tám tiếng đồng hồ, đọc suốt một trăm năm vẫn chưa xong. Kinh Hoa

^{36[5]} Tứ Thiên Hạ là danh xưng khác của Tứ Bộ Châu (Đông Thắng, Tây Ngưu, Diêm Phù và Bắc Câu). Gọi là Tứ Thiên Hạ vì tầng trời ngay trên Tứ Bộ Châu là tầng trời của bốn vị Thiên Vương (Đa Văn, Quảng Mục, Trì Quốc, Tăng Trưởng). “Tứ thiên hạ vi trần” nghĩa là số vi trần trong một tứ thiên hạ.

Nghiêm to hơn bộ sách ấy nhiều lắm. Đúng là vô lượng kiếp cô đọng thành mười bốn ngày, thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Như thị đẳng chư đại Bồ Tát, vô lượng vô biên, nhất thời lai tập.

(經) 如是等諸大菩薩，無量無邊，一時來集。

(Kinh: Các vị đại Bồ Tát như thế vô lượng vô biên, cùng một lúc nhóm họp).

Những vị Bồ Tát cùng một đẳng cấp, tức là Pháp Thân Bồ Tát, vô lượng vô biên! Nói rõ: Chẳng phải là một vạn hai ngàn người cùng một lúc nhóm họp. “*Tổng kết dĩ thượng đức tuân Phổ Hiền chi chư đại Bồ Tát, vị thánh văn, tán dương Tịnh Tông diệu pháp cố, vị quảng hoằng Phổ Hiền nguyện vương cố, vị phổ độ thập phương tam thế nhất thiết hữu tình, vãng sanh Tịnh Độ cứu cánh Niết Bàn cố, đồng đức, đồng tâm, nhất thời lai hội. Tịnh Ảnh Sớ viết: Vị pháp tâm đồng, cố lai nhất thời*” (Tổng kết: Các vị đại Bồ Tát trên đây đều là đức tuân Phổ Hiền, do nghe giảng, khen ngợi diệu pháp Tịnh Tông, do hoằng truyền rộng rãi nguyện vương Phổ Hiền, vì phổ độ mười phương ba đời hết thảy hữu tình vãng sanh Tịnh Độ, [đạt đến] Niết Bàn rất ráo, đồng đức, đồng tâm, nên cùng một lúc nhóm đến. Tịnh Ảnh Sớ viết: “Vì pháp và tâm giống nhau, nên cùng lúc nhóm đến”). Đoạn này là tổng kết. Đoạn tiếp theo cho biết trong đại hội này còn có những người như dưới đây.

(Kinh) Hựu hữu tỳ-kheo-ni ngũ bách nhân.

(經) 又有比丘尼五百人。

(Kinh: Lại có tỳ-kheo-ni năm trăm vị).

Đây là nữ chúng xuất gia.

(Kinh) Thanh tín sĩ thất thiên nhân.

(經) 清信士七千人。

(Kinh: Thanh tín sĩ bảy ngàn người).

Đây là cư sĩ, ưu bà tắc.

(Kinh) Thanh tín nữ ngũ bách nhân.

(經) 清信女五百人。

(Kinh: Thanh tín nữ năm trăm người).

Đây là nữ cư sĩ. Còn có:

(Kinh) Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, chư thiên Phạm chúng, tất cộng đại hội.

(經) 欲界天。色界天。諸天梵眾。悉共大會。

(Kinh: Trời Dục giới, trời Sắc giới, chư thiên Phạm chúng đều cùng tới trong đại hội).

Đoạn giải thích sau phần này của lão cư sĩ chúng ta đọc qua là được rồi. “*Thanh tín sĩ tức Ưu Bà Tắc, thanh tín nữ tức Ưu Bà Di. Dĩ thượng kinh văn, độc kiến Hán dịch. Ngụy dịch tắc căn hữu Bồ Tát dữ tỳ-kheo chúng. Tổng dịch kinh mặt viết: ‘Tịnh thiên long bát bộ nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ’, quân quảng u Ngụy dịch*” (“Thanh tín sĩ” là Ưu-bà-tắc (Upāsaka). “Thanh tín nữ” là Ưu-bà-di (Upāsikā). Đoạn kinh trên chỉ thấy trong bản Hán dịch, bản Ngụy dịch chỉ chép chúng Bồ Tát và tỳ-kheo. Cuối bản Tổng dịch chép: “Cùng trời, rồng, tám bộ, hết thấy đại chúng, nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ lớn”, như vậy đều là phần nói rộng của bản Ngụy dịch vậy). Trên đây là Tự Chứng Phần, chúng ta học tới chỗ này. Hôm nay vừa khéo đã hết thời gian, ngày mai chúng ta sẽ xem phần Đại Giáo Duyên Khởi Đệ Tam, tức là Biệt Tự, Biệt Tự của bản kinh này.

Tập 138

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi bảy, “*Thứ Biệt Tự*” (kể đến là Biệt Tự), xem từ chỗ này.

“*Hạ nhất phẩm vi Biệt Tự, diệc vi Phát Khởi Tự. Tự trung Như Lai hiện thụy, phóng quang, A Nan hỷ duyệt thỉnh vấn, Thế Tôn chánh đáp sở nghi, diễn xuất nhất bộ quảng đại, viên mãn, giản dị, trực tiếp, phương tiện, cứu cánh, đệ nhất hy hữu, nanùng pháp bảo Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Đại Giáo Duyên Khởi đệ tam*” (Phẩm tiếp theo đây là Biệt Tự, cũng là Phát Khởi Tự. Trong phần này, Như Lai hiện tướng lành, phóng quang, A Nan hoan hỷ thưa hỏi, Thế Tôn đáp thẳng vào điều nghi, diễn xuất một bộ pháp bảo quảng đại, viên mãn, đơn giản, dễ dàng, nhanh tắt, phương tiện rất ráo, hy hữu bậc nhất, khó được gặp gỡ là kinh Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Đại Giáo Duyên Khởi, phẩm thứ ba).

Mấy câu mào đầu này của cụ Niệm Tổ nhằm nêu bày nhân duyên thù thắng của bộ kinh này, quả thật là hy hữu khó gặp khôn sánh. Học Phật phải thâm nhập Kinh Tạng. Kinh Tạng ở đây chẳng phải là nói đến Đại Tạng Kinh. Ý nghĩa thật sự của “*thâm nhập Kinh Tạng*” là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Chúng ta biết đức Thế Tôn thuở tại thế, giảng kinh, giáo học không gì chẳng phải là ứng cơ thuyết pháp (thuyết pháp thuận theo căn cơ). Nói cách khác, một người chẳng thể học rất nhiều kinh điển và pháp môn. Quý vị có nghi hoặc, hướng về đức Thế Tôn thỉnh giáo, Ngài chỉ dạy quý vị một phương pháp, quý vị có thể tu tốt đẹp phương pháp ấy, sẽ đạt được toàn bộ hết thảy các pháp, đó mới gọi là “*thâm nhập Kinh Tạng*”. Bất luận là bộ kinh điển nào, pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp. Vì thế, một bộ kinh thông, hết thảy các kinh đều thông. Nếu quý vị nói “hết thảy các kinh đều thông, hãy còn có một hai bộ chưa thông”, đó là giả!

Trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, có rất nhiều ví dụ như vậy. Năm xưa, tôi mới học Phật, thầy chỉ định công khóa ấy cho tôi tự học tập. [Theo Văn Sao], từng có một người tu Thiền, đổ công sức tu tập chẳng ít năm, trong bộ Ngũ Đẳng Hội Nguyên của Thiền Tông có một ngàn bảy trăm công án, nói theo cách hiện thời, đó là những gương khai ngộ, [bộ sách ấy chép] gương khai ngộ của hơn một ngàn bảy trăm người, phương pháp mỗi người mỗi khác. Người ấy rất thích Thiền, tốn vài chục năm [nghiên cứu], viết thư gửi Ấn Quang đại sư, nói gần như một ngàn bảy trăm công án ông ta đều tham thấu triệt, đều hiểu rõ, chỉ có vài công

án hãy còn vương mắc. Ân Quang đại sư viết thư trả lời: Đặc biệt là những thứ trong Tông Môn, hễ một ngộ thì hết thủy ngộ. Nếu trong một ngàn bảy trăm công án mà ông tham thấu triệt, hiểu rõ một công án, sẽ hiểu được toàn bộ. Ông nói ông gần như đều hiểu trọn, nhưng còn một hai công án chẳng tham thấu triệt, tức là ông hoàn toàn chẳng hiểu công án nào cả! Người ấy sau đó chẳng còn học Thiền, buông Thiền xuống, theo Ân Quang đại sư niệm A Di Đà Phật. Giả trát, khi thật sự kiến tánh, há còn có thứ gì chẳng hiểu? Chẳng có lẽ ấy! Nay chúng ta hiểu lý này, vì sao? Hết thủy các pháp chẳng lìa tự tánh. Chỉ cần quý vị kiến tánh, bất luận quý vị đã học rồi hay chưa, dầu là Phật giáo, hay là các tôn giáo khác, thậm chí tất cả học thuật thế gian như khoa học kỹ thuật hiện thời, chẳng có một điều nào quý vị không biết. Nếu có điều gì quý vị chẳng biết, tức là quý vị chưa kiến tánh, kiến tánh chẳng phải là giống như vậy. Chư vị chớ nên không biết chuyện này.

Vì sao? Người thế gian mê mất tự tánh rất sâu, nhưng trọn chẳng biết. Họ cũng chẳng phải là cố ý lừa gạt người khác. Trong Phật pháp có một danh từ là Tăng Thượng Mạn. Sự ngạo mạn ấy chẳng phải là thật sự mong gạt người! Kẻ ấy chưa chứng đắc, nhưng cứ tưởng chính mình đã chứng đắc. Chẳng ngộ nhập kinh giáo, cứ tưởng chính mình đã ngộ nhập. Năm xưa, tôi còn gặp một người, người ấy là vợ của một người bạn thân thiết của tôi. Người bạn ấy còn kẻ như là cấp trên của chúng tôi, nhưng không trực tiếp cai quản chúng tôi, ông ta là một vị tướng quân trong cơ quan của tôi. Vợ ông ta cũng học Phật. Tôi vừa học Phật, bà ta rất hoan hỷ. Có một hôm mời tôi đến nhà bà ta, kiên quyết nói bà đã chứng đắc quả A La Hán. Tôi nói cách nào bà ta cũng lắc đầu: “Tôi đã thật sự chứng đắc, chẳng giả”. Đến cuối cùng, tôi hết cách, liền bảo bà ta: Đối với sáu thứ năng lực, Sơ Quả Tu Đà Hoàn khôi phục hai thứ, còn A La Hán thì cả sáu thứ đều khôi phục, [các năng lực ấy] được gọi là Lục Thần Thông, hay Lục Thông. Tôi nói: Sơ Quả Tu Đà Hoàn có năng lực là Thiên Nhãn Thông và Thiên Nhĩ Thông. Thiên Nhãn Thông là gì? Bà ta sẽ có thể thấy [những vật] ở ngoài vách tường. Nhà bà ta ở cạnh một con sông nhỏ, hai bên là một con đường. Tôi nói: Chúng ta ngồi ở chỗ này, vừa khéo chỗ bà ta ngồi đối diện cửa lớn, chẳng có cửa sổ. Tôi nói: “Người bên ngoài làm này nọ, bà có thể thấy hay không?” Bà ta đáp: “Chẳng thấy”. Tôi nói: “Vậy là giả, chẳng thật! Cách một bức tường mà bà đã chẳng có năng lực nhìn xuyên qua, lấy đâu ra Thiên Nhãn Thông?” Tôi nói A La Hán có Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thần Túc Thông, Lậu Tận Thông, đó là A La Hán thật sự. Nói như vậy, bà ta mới phục. Vì thế, chẳng phải là bà ta lừa gạt chúng tôi mà là hiểu lầm.

Người như vậy xưa nay rất nhiều, không chỉ là kẻ tại gia, người xuất gia cũng chẳng phải là ngoại lệ. Trong câu chuyện Dã Hồ Thiền thời thiền sư Bách Trượng, [nhân vật chính] là người xuất gia, chẳng phải kẻ tại gia, cũng là một vị pháp sư. Có người hướng về vị ấy thưa hỏi, vị ấy tùy tiện đáp, vì cũng tưởng chính mình đã thông suốt. Người ta hỏi câu gì? Người đại tu hành có còn rơi vào nhân quả hay không? Sư trả lời “không rơi vào nhân quả”. Vị pháp sư ấy, tức vị pháp sư trả lời câu hỏi ấy, sau khi chết liền đọa làm thân chồn, nên gọi là “dã hồ

thân” (thân chồn hoang), [mang thân chồn] suốt năm trăm đời, do nói sai một chữ. Vì sao? Hướng dẫn người khác sai lầm! Vấn đề này nghiêm trọng lắm! Con chồn ấy xem như trong đời quá khứ có tu hành, là pháp sư trong Phật môn, trong năm trăm đời cũng tu luyện thành thân người, chẳng dễ dàng. Thị hiện thành một cụ già, râu tóc đều trắng toát, cụ già mà! Bách Trượng đại sư hằng ngày giảng kinh, cụ già đều đến nghe, là một thánh chúng rất kiên thành. Người khác đều không biết, chỉ có Bách Trượng đại sư biết cụ già chẳng phải là người, mà là hồ ly tinh, nhưng ông cụ chẳng có ác ý, chẳng hại người. Có một hôm, ông cụ hướng về Bách Trượng đại sư nói chính mình có câu hỏi: “Làm thế nào để thoát thân súc sanh?” Bách Trượng đại sư nói: “Được rồi, ngày mai ông đến đây. Trong quá khứ, người ta hỏi ông như thế nào, ông cứ hỏi tôi [như vậy]”. Đến hôm sau, Bách Trượng đại sư thăng tòa, ông cụ liền quỳ xuống thỉnh giáo, thưa hỏi: “Bậc đại tu hành có còn rót trong nhân quả hay không?” Bách Trượng thiên sư sửa một chữ, thành “*bắt muối nhân quả*” (chẳng làm nhân quả). Quý vị thấy trước kia cụ già nói “chẳng rơi vào nhân quả”, nay [ngài Bách Trượng nói] “chẳng làm nhân quả”, cụ liền giác ngộ, ngày hôm sau liền thoát khỏi thân chồn. Lão hòa thượng biết: “Đi thôi! Chúng ta đến sau núi, cầm theo ky và cước”. Đại sư nói: “Chúng ta đến lo liệu hậu sự cho ông ta, ngày hôm qua cụ già ấy đã vãng sanh”. Đến sau núi, quả nhiên thấy một con chồn, bèn dựa theo lễ tiết dành cho người xuất gia để mai táng, chôn cất. Đại sư liền nói người xuất gia này đời quá khứ là một vị đại pháp sư [bị đọa thân chồn vì] đã nói sai một chữ.

Nói năng chẳng thể không gánh trách nhiệm, nếu viết thành sách lại càng chẳng được. Viết thành sách thì đến khi nào quý vị mới có thể thoát tội? Khi nào quyển sách do quý vị viết bị tiêu diệt trong thế gian này, chẳng còn một quyển nào, quý vị mới có thể thoát khỏi. Nếu thế gian này, hãy còn một quyển sách chưa mất, quý vị sẽ chẳng có cách nào thoát lìa tội ấy, quý vị nói xem có đáng sợ lắm hay không? Những vị đại đức giảng kinh, thuyết pháp thời cổ chịu trách nhiệm, viết thành sách càng đáng ngại hơn. Các Ngài như thế nào? Các Ngài sợ nhân quả. Người hiện thời chẳng tin nhân quả. Nhân quả chẳng phải là nói “hễ tin bèn có, chẳng tin thì không”, chẳng phải vậy! Không tin thì nó vẫn có y hệt, phiền phức ở chỗ này! Chúng ta chưa khai ngộ, có dám giảng kinh hay không? Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chưa khai ngộ có dám chú giải kinh hay không? Chúng ta đọc bản chú giải của cụ, chẳng phải là lời chú giải của chính cụ. Cụ đọc một trăm chín mươi ba loại kinh luận, tham khảo tài liệu, toàn là trích lục những lời chú giải, nên cụ có căn cứ. Chẳng phải là tôi sai. Quý vị nói tôi sai thì là trong kinh luận của họ đã phạm sai lầm, chứ tôi chẳng phạm lỗi. Đó là gì? Nhầm thị hiện cho người trong thời đại này. Chúng tôi học giảng kinh, khi ấy, đã biết một chút đạo lý này, chẳng dám! Thầy khuyên dạy chúng tôi: “Nếu chờ đến khai ngộ rồi mới giảng kinh, chẳng biết đợi tới năm nào. Nếu suốt đời này, anh chẳng khai ngộ, tức là suốt đời này chẳng thể giảng kinh! Vậy là chẳng có ai giảng kinh, Phật pháp sẽ bị diệt trên thế giới này”. Giải quyết vấn đề này như thế nào? Do đó, thầy dạy chúng tôi. Chính bản thân thầy cũng khiêm hư. Thầy nói: “Không chỉ quý vị chẳng dám, mà chính tôi cũng chẳng dám. Nay chúng ta giảng

kinh là giảng gì? Giảng chú giải!” Câu nói ấy đã cảnh tỉnh chúng tôi, chúng ta chọn lọc chú giải của cổ nhân, diễn dịch chú giải thành lời văn Bạch Thoại để nói, chắc chắn chẳng thể nói sai ý nghĩa. Chúng ta giảng theo cách như vậy, nếu nảy sinh vấn đề, họ (những vị chú giải) chịu trách nhiệm, chúng ta chẳng lãnh trách nhiệm. Do hiểu chỗ này, chúng tôi mới dám làm.

Vì thế, lúc mới học giảng kinh, tôi tìm [chú giải] của những vị lão pháp sư trong hiện thời, tôi nói đến những bản chú giải bằng văn Bạch Thoại. Về sau, dần dần tương đối thâm nhập, mới tìm chú giải của cổ đại đức. Thầy còn dặn dò, ắt phải lấy chú giải của cổ đại đức làm chủ. Vì sao? Các Ngài đã thật sự khai ngộ. Thời cổ, chưa khai ngộ, chẳng ai dám viết lách. Hơn nữa, sách cổ gần như đều đã trải qua tra xét nghiêm ngặt, người tra xét là ai? Những vị cao tăng đại đức thuở ấy. Các Ngài tra duyệt, nhận định là chẳng có vấn đề rồi mới tâu trình Hoàng Thượng. Hoàng Thượng phê chuẩn cho nhập tạng (đưa vào Đại Tạng Kinh). Vì thế, Đại Tạng Kinh đáng tin cậy nhất, vì đã được kiểm tra nghiêm ngặt. Quý vị nói chú giải, vậy thì bản chú giải ấy có trong Đại Tạng Kinh hay không? Hễ trong Đại Tạng Kinh mà có thì [bản chú giải ấy] rất đáng tin cậy. Hiện thời chẳng có hoàng đế, đã đổi thành Dân Quốc. [Chánh quyền] Dân Quốc gạt chuyện này sang một bên, mặc cho nó tự sinh tự diệt. Vì thế, xã hội Dân Quốc động loạn to lớn so với thời đại đế vương trước kia, thật sự là có mối quan hệ nhân quả. Vì sao? Đế vương hộ pháp, đế vương học Phật, đế vương cung kính Tam Bảo, nên quốc thái dân an, Phật là phước điền lớn nhất của hết thầy chúng sanh. Do đó, người đại phú đại quý trong thế gian, quá nửa là đã gieo phước nơi Phật môn trong đời quá khứ, nay họ hưởng phước. Hưởng phước mà không biết gieo phước lần nữa, nên hưởng hết phước thì làm như thế nào? Chẳng phải là lại xuất hiện vấn đề ư? Cổ nhân tin tưởng, kính trọng tổ tông, tín ngưỡng bậc thánh hiền. Hiện thời, tổ tông cũng chẳng kính, cũng chẳng ngó ngang tới hiền nhân, tuyên bố Phật, Bồ Tát là mê tín. Xã hội hiện tại trở thành nông nổi này, địa cầu lắm tai nạn ngàn ấy, rốt cuộc là do nguyên nhân gì, người thâm nhập kinh tạng bèn hiểu rõ.

Do vậy, thâm nhập kinh tạng thì phải hiểu: Thâm nhập một bộ kinh, chẳng phải là thâm nhập mỗi bộ kinh, chẳng có ý nghĩa ấy. Chẳng phải là bảo quý vị đọc rất nhiều kinh luận, học rộng, nghe nhiều, chẳng phải vậy. Học rộng nghe nhiều vào lúc nào? Thật sự giáo hóa chúng sanh, đó là khi nào? Sau khi chính mình đã minh tâm kiến tánh mới lại học rộng, nghe nhiều, nhất định phải hiểu rõ thứ tự. Tứ Hoàng Thệ Nguyễn đã nói rõ thứ tự tu học ấy. Học Phật đầu tiên là phải phát Bồ Đề tâm, Bồ Đề tâm là gì? Tâm độ chúng sanh, chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Quý vị thấy trong lục đạo đông đảo chúng sanh đang khổ sở! Làm thế nào để giúp họ lìa khổ được vui? Quý vị phải phát đại tâm ấy! Muốn giúp đỡ người khác, nhất định là phải thành tựu chính mình trước! Chính mình chưa thành tựu, làm sao giúp đỡ người khác cho được? Do đó, nguyện thứ nhất là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Nói theo sự tu học của chính mình thì đó là một động lực thúc đẩy quý vị phải thật sự làm. Muốn giúp đỡ chúng sanh, nhất định là quý vị phải thành tựu đức hạnh và học vấn của chính mình. Đức hạnh thứ nhất là “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”, thành tựu đức hạnh. Thâm nhập

một môn, huân tu lâu dài, mục đích là gì? Nhằm mục đích đoạn phiền não. Quý vị thấy nhé: Đã đoạn Kiến Tư phiền não, quý vị bèn thành Chánh Giác, chứng quả A La Hán. Đoạn Trần Sa phiền não, quý vị là Bồ Tát, chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác. Phá vô thi vô minh, quý vị thành Phật, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những chuyện này đều phải cật vào thâm nhập một môn, phải cật vào đại định rất sâu. Từ tu Định trở về tự tánh vốn định. Sau khi triệt ngộ, tự tánh vốn định hiện tiền, được gọi “*Tánh Tu bất nhị*” (Tánh và Tu chẳng hai). Chưa kiến tánh bèn tu Định, đó là “*tu công*” (công phu tu hành). Sau khi đã kiến tánh, bèn là tánh định. Tu Định nhằm mục đích khai phát tánh định. Đã đạt công phu ấy rồi mới học rộng nghe nhiều: “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Hiểu rõ thứ tự này, nếu hai điều trước vẫn chưa có, mà toan pháp môn vô lượng thế nguyện học, học suốt một đời, học cũng khá lắm, rất dụng công, sẽ học được gì? Phật học, tức là kiến thức thông thường về Phật học, người hiện thời gọi là “tri thức”, chẳng phải là trí huệ, sai biệt quá ư to lớn! Người hiện thời có ai hiểu trí huệ? Toàn là một mực noi theo hướng tri thức, đi theo con đường ấy. Trí huệ và tri thức hoàn toàn khác nhau! Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, tri thức chẳng được! Trí huệ có thể quán thông hết thảy, có thể hoàn toàn quán thông hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Vì vậy, [đi theo con đường tri thức] chính là đã nhận lầm toàn bộ phương hướng và mục tiêu, hy vọng các đồng học chúng ta đều có thể hiểu điều này.

Phật luôn mong mỗi chúng ta đi theo con đường tắt, hy vọng chúng ta có thể thành tựu rất nhanh chóng. Do vậy, học Phật thì đầu tiên là chúng ta phải tự mình nghiêm túc kiểm điểm, phản tỉnh xem chính mình là căn tánh gì, chúng ta chọn lựa pháp môn nào, điều này rất trọng yếu. Chọn đúng pháp môn, đời này quyết định thành tựu. Chọn sai pháp môn, đời này rất khó thành tựu, chẳng có kẻ nào thành tựu do may mắn cả! Trong thiện căn, nói tới những điều quan trọng nhất, sẽ là ngộ tánh, công phu định lực, thành kính. Ấn Quang đại sư đã nói rất hay: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Chúng ta đối với chính mình có thành kính hay chẳng? Đối với khóa trình tu học của chúng ta, đối với các kinh luận, có lòng tin chân thành hay không? Đối với thầy, thầy là Thích Ca Mâu Ni Phật, có lòng tin chân thành hay không? Đối với các vị tổ sư truyền thừa nhiều thế hệ đều phải có tín tâm chân thành thì mới có thể thành tựu. Vì lẽ đó, người học đông đảo ngàn ấy, kẻ thành tựu ít dường ấy, quý vị phải hiểu đạo lý này, biết đó là chuyện tự nhiên, họ chẳng trọn đủ những điều kiện ấy. Thích Ca Mâu Ni Phật là một vị thầy gương mẫu, tôn giả A Nan là một người học trò ngoan.

Trong những phần trước, chúng ta đã học xong phần Chứng Tín Tự, hôm nay là Phát Khởi Tự, tức “*đại giáo duyên khởi đệ tam*”. Trước hết, chúng ta đọc kinh văn một lượt, trong kinh văn có rất nhiều đoạn ngắn, Chúng ta xem từng đoạn một.

(Kinh) Nhĩ thời, Thệ Tôn, oai quang hách dịch, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ảnh swóng biểu lý, hiện đại quang minh, số thiên bách biến.

(經) 爾時世尊。威光赫奕。如融金聚。又如明鏡。影暢表裡。現大光明。數千百變。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thệ Tôn oai quang rạng rỡ như khối vàng nung, lại cũng như gương sáng trong ngoài sáng tỏ, hiện quang minh lớn, biến hiện ra mấy trăm ngàn thứ).

Đoạn này “*quang thụy phát khởi*” (dùng quang minh và tướng lành để phát khởi). Đức Phật phóng quang, hiện thụy tướng, dùng phương pháp này khiến cho đại chúng có cảm xúc hy hữu. Lại xem phần kế tiếp:

(Kinh) Tôn giả A Nan tức tự tư duy: “Kim nhật, Thệ Tôn sắc thân chư căn, duyệt dự thanh tịnh, quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm. Tùng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến”, hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm.

(經) 尊者阿難。即自思惟。今日世尊色身諸根。悅豫清淨。光顏巍巍。寶剎莊嚴。從昔以來。所未曾見。喜得瞻仰。生希有心。

(Kinh: Tôn giả A Nan liền tự suy nghĩ: “Hôm nay, đức Thệ Tôn sắc thân, các căn vui swóng thanh tịnh, quang nhan vòi vọi, cõi báu trang nghiêm, từ xưa đến nay, ta chưa từng thấy”, mừng rằng mình được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu).

Ngài A Nan đại biểu cho đại chúng. Ngài trông thấy thụy tướng của Phật, trong tâm cảm động. Thụy tướng ấy quá hy hữu. Ngài A Nan là thị giả của đức Phật, chưa từng thấy tướng mạo trang nghiêm của đức Phật như ngày hôm nay, trong tâm hoan hỷ. “*Duyệt dự thanh tịnh*” là tâm hoan hỷ hy hữu khôn sánh do trông thấy [thụy tướng ấy]. Kế đó là...

(Kinh) Tức tùng tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên, trường quy hiệp chưởng.

(經) 即從座起。偏袒右肩。長跪合掌。

(Kinh: Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, quỳ thẳng, chấp tay).

Đây là hành lễ. Trước hết, hướng về thầy hành lễ rồi mới thỉnh pháp.

(Kinh) Nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn, kim nhật nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo”.

(經) 而白佛言。世尊今日入大寂定。住奇特法。住諸佛所住導師之行。最勝之道。

(Kinh: Mà bạch Phật rằng: “Đức Thế Tôn ngày nay nhập đại tịch định, trụ pháp kỳ đặc, trụ hạnh đạo sư của chư Phật trụ, là đạo tối thắng”).

Đây chính là điều ngài A Nan thấy và cảm nhận, nên thưa trình, mà cũng là đại diện cho đại chúng trong pháp hội [thưa trình]. “Tối thắng chi đạo”, đạo tối thắng là gì? Dưới đây sẽ cho biết.

(Kinh) Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm. Vị niệm quá khứ, vị lai chư Phật da? Vị niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà cố oai thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ. Nguyện vị tuyên thuyết.

(經) 去來現在佛佛相念。為念過去未來諸佛耶。為念現在他方諸佛耶。何故威神顯耀。光瑞殊妙乃爾。願為宣說。

(Kinh: Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật nghĩ đến nhau. Ngài nghĩ đến quá khứ vị lai chư Phật hay chẳng? Ngài nghĩ đến chư Phật hiện tại ở phương khác hay chẳng? Vì sao Ngài lại oai thần sáng đẹp, tướng lành trong quang minh tuyệt vời đến mức như thế? Xin tuyên nói cho).

Theo Phật đã nhiều năm, hằng ngày nghe Phật giảng kinh, thuyết pháp, huân tập cũng khá đáng kể, nên biết pháp thù thắng khôn sánh trong hết thầy các pháp là Niệm Phật, có phải là hôm nay đức Thế Tôn đang niệm Phật? Niệm Phật thì là niệm quá khứ Phật, hay niệm vị lai Phật, hay là niệm chư Phật trong hiện tại ở các thế giới phương khác? Vì sao hôm nay thị hiện “oai thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ” (oai thần sáng đẹp, tướng lành trong

quang minh tuyệt vời đến mức như thế), trước nay chưa hề thấy dáng vẻ như thế này? Thật ra, đức Thế Tôn đang niệm A Di Đà Phật, muốn tuyên thuyết và giới thiệu pháp môn nhiếp thọ chúng sanh của A Di Đà Phật với mọi người. Một đoạn này bao hàm những ý nghĩa gì? Pháp môn này là pháp môn thù thắng khôn sánh, [nên để giảng nói pháp môn ấy, đức Phật] hiện thụy tướng hy hữu, ngay cả ngài A Nan cũng cảm thấy hết sức đặc biệt, lạ lùng. “*Trụ kỳ đặc pháp*” (trụ trong pháp đặc biệt, lạ lùng), hết sức hiếm lạ, hết sức đặc thù, đều nhằm biểu thị pháp môn này. Nay chúng ta hiểu rất rõ, rất minh bạch, thời Mạt Pháp kể từ đây về sau hãy còn hơn tám ngàn năm, chỉ có bộ kinh này là có thể giúp đỡ chúng sanh thành tựu trong thời Mạt Pháp. Mọi người có thể tự mình thí nghiệm các pháp môn khác, cách thí nghiệm như thế nào? Quý vị chiếu theo pháp môn ấy để tu, coi thử phiền não tập khí có thể đoạn được hay không? Chẳng cần phiền não tập khí quá sâu, rõ rệt, nông cạn nhất là năm thứ Kiến Hoặc, tức Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến, quý vị hãy thử [đoạn trừ] những phiền não ấy. Vì sao? Nếu đã đoạn hết những thứ ấy, quý vị liền chứng quả Tu Đà Hoàn. Trong Tiểu Thừa, đó là Sơ Quả, trong Đại Thừa, xét theo Thập Tín Vị Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, sẽ là Sơ Tín. Quý vị hãy thử xem, dùng thời gian trọn hết một đời, xem quý vị có thể làm được hay không. Thừa cùng quý vị, Sơ Quả thì hai thứ thần thông sẽ hiện tiền, [tức là] Thiên Nhãn hiện tiền, Thiên Nhĩ hiện tiền, quý vị hãy thử xem. Nếu không được, hãy vội vã quay đầu thì hãy còn kịp. Nếu cứ một mực mê chấp, sẽ làm lỡ một đời này, trong tương lai chẳng biết lại gặp pháp môn này trong đời nào, kiếp nào! Thật đấy, chẳng giả đâu! Do đó, quý vị thấy [kinh này chép] phóng quang minh, hiện tướng lành, hãy so sánh với các kinh khác, [sẽ thấy] trong các kinh khác chẳng có cách nói này! Từng câu từng chữ trong kinh giáo đều bao hàm vô lượng nghĩa, chớ nên khinh dễ đọc lướt qua!

Chúng ta hãy xem chú giải của lão cư sĩ: “*Thích Tôn tương dục diễn thuyết vô thượng thù thắng Tịnh Độ pháp môn, cố hiện thụy, phóng quang*” (đức Thích Ca sắp diễn nói pháp môn Tịnh Độ vô thượng thù thắng, nên hiện tướng lành, tỏa quang minh), thị hiện tướng lành, phóng quang để dẫn khởi. Nay chúng ta nói “*hưng khởi*” (興起) là dẫn khởi (引起), nhằm dẫn dụ ngài A Nan nêu câu hỏi. “*Tịnh linh văn giả sanh hy hữu tướng*” (và khiến cho người nghe sanh ý tưởng hy hữu), người tham dự hội này cũng rất đặc thù, đặc biệt đông đảo. “*Sanh nan tao tướng*” (sanh ý tưởng khó gặp gỡ), pháp môn này rất khó gặp gỡ. “*Y giáo phụng hành, cầu sanh Tịnh Độ*”, thành tựu trong một đời này. Sự thành tựu này là bảo đảm, là chân thật. Trên thực tế, chúng ta chưa đoạn một phẩm phiền não nào, công phu niệm Phật chỉ là chế phục phiền não. Đối với bất cứ pháp môn nào [ngoài Tịnh Độ], chế phục phiền não là chưa được, chẳng thể thành tựu, phải đoạn phiền não! Đối với pháp môn này, hễ chế phục phiền não, bèn có thể vãng sanh. Nếu đã đoạn phiền não vãng sanh, tối thiểu là [sanh trong] cõi Phương Tiện Hữu Dư, có công phu Tiểu Thừa. Trong giáo pháp Đại Thừa, nói theo kinh Hoa Nghiêm, quý vị có công phu của địa vị Thập Tín, từ Sơ Tín đến Thập Tín đều sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Trong cõi Phương Tiện Hữu Dư có ba bậc, chín phẩm. Người chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, thông thường đều sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Địa

cầu này là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, [đây là cõi Đồng Cư của] Thích Ca Mâu Ni Phật, có lục đạo luân hồi. Cõi Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có hai đường, chẳng có lục đạo, ba bậc chín phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư là nhân thiên đạo. Thế giới Cực Lạc chẳng có súc sanh, chẳng có naga quỷ, chẳng có địa ngục.

Lại còn hết sức kỳ đặc, đúng là “*trụ kỳ đặc pháp*”, kỳ đặc là gì? Người vãng sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư, thuộc phẩm thấp nhất, tức là người vãng sanh hạ hạ phẩm, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát thì địa vị thấp nhất sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, bằng với gì? Bằng với người tu hành minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật trong thế giới này, bằng với công phu ấy. Trong hết thảy các kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, chẳng có lời này, chỉ riêng kinh này có, đó là pháp kỳ đặc. Nói cách khác, người hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư bèn thành Phật. Có phải là người ấy thật sự thành Phật? Chẳng thật. Vì lẽ đó, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất hay: Những người vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nếu quý vị nói người ấy đã thành Phật, thì Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh một phẩm chẳng đoạn, họ là phàm phu chánh cống! Nếu quý vị nói họ là phàm phu, thì trí huệ, thần thông, đạo lực của họ bằng với A Duy Việt Trí Bồ Tát, kỳ diệu thay! Trong các cõi Phật khắp mười phương, chẳng tìm thấy điều này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là có, nên mới gọi là hiếm hoi, lạ lùng! Đối với bọn chúng ta, điều này có sức hấp dẫn rất lớn, vì sao? Phiền não tập khí rất nặng, biết rất khó, gặp gỡ pháp môn này thì chúng ta còn được cứu, vui sướng lắm! Nhưng quý vị thật sự mong thành tựu trong một đời, thành tựu trí huệ, đức năng, tướng hảo, thì đối với những điều kinh dạy mà giảm bớt một phần [chẳng thực hiện] cũng không được! Kinh dạy chúng ta tu như thế nào? Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm A Di Đà Phật. Quý vị xen tạp những thứ khác sẽ chẳng được, công phu sẽ bị phá hủy. Ấn Quang đại sư khuyên dạy chúng ta, khuyên người niệm Phật, tốt nhất là trong thời khóa sáng tối hãy niệm thêm một ngàn câu danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, như vậy thì có tính là xen tạp hay không? Chẳng tính! Vì sao? Một ngàn câu Phật hiệu ấy chẳng vì chính mình, mà vì chúng sanh khổ nạn trong thế gian này, vì bọn họ mà niệm, đó là tâm từ bi. Chẳng phải là cầu Quán Thế Âm Bồ Tát gia hộ cho ta, chẳng phải vậy, mà là cầu Quán Thế Âm Bồ Tát gia hộ chúng sanh khổ nạn trên địa cầu này, và cũng gia hộ [diệt trừ] các tai biến hiện thời trên địa cầu, hy vọng địa cầu khôi phục bình thường, chẳng nên có các tai nạn nữa, đặc biệt vì họ mà niệm. Do đó, quý vị vẫn là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, phù hợp với “*một mực chuyên niệm*” như trong kinh đã dạy.

Chúng ta tiếp tục xem phần kế tiếp: “*Án viên đốn chư kinh, cụ thuyết Bốn Sư Thích Tôn phóng quang chi tướng, kim kinh diệc nhiên*” (Xét ra, các kinh Viên Đốn đều có nói tướng Bốn Sư Thích Tôn phóng quang, nay kinh này cũng như vậy). Đức Phật giảng những kinh ấy, trong các kinh Đại Thừa gần như đều có phóng quang. Phóng quang cũng nhằm biểu thị pháp. Chúng ta hãy xem đoạn kinh văn này được nói [như thế nào] trong năm bản dịch gốc của kinh Vô Lượng Thọ: “*Hán dịch viết: U thời Phật tọa, tư niệm chánh đạo, diện hữu*

ngũ sắc quang, số thiên bách biến, quang thậm đại minh. Hiền giả A Nan, tức từng tòa khởi, cánh chánh y phục, khể thủ Phật túc” (Khi ấy, đức Phật đang ngồi, nghĩ đến chánh đạo, mặt Ngài có ánh sáng năm màu biến hiện mấy trăm ngàn thứ. Ánh sáng hết sức sáng rực. Hiền giả A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, dập đầu lễ dưới chân Phật). Ngài A Nan sau khi sanh tâm hy hữu, từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn quần áo, rồi mới hướng về Phật hành lễ. “*Tiền bạch Phật ngôn: - Kim Phật diện mục quang sắc, hà dĩ thời thời cánh biến, minh nãi nhĩ hồ? Kim Phật diện mục quang tinh số bách thiên sắc, thượng hạ minh triệt, hảo nãi như thị? Ngã thị Phật dĩ lai, vị tăng kiến Phật thân thể quang diệu, nguy nguy trùng minh nãi nhĩ*” (Bạch trước đức Phật rằng: “Nay về mặt của Phật rạng rỡ, có sao mỗi lúc lại biến đổi sáng rực đến thế? Nay về mặt đức Phật rạng ngời tinh thuần có hơn trăm ngàn sắc, trên dưới sáng tỏ, đẹp đẽ đến thế. Con từ khi hầu Phật đến nay, chưa từng thấy thân thể Phật rực sáng, sáng vàng vạc bội phần đến như thế ấy”). Kinh văn trong bản Hán dịch, tức Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, đã miêu tả như trên đây, nói tỉ mỉ hơn phần kinh văn [trong bản hội tập] ở đây. Ngài A Nan trông thấy quang minh năm màu, lại còn biến hiện mấy trăm ngàn thứ, quang minh rất lớn. Trong quá khứ, ngài A Nan chưa hề thấy chuyện này, lần đầu tiên thấy thân tướng của Phật tốt đẹp dường ấy! “*Ngã vị tăng kiến Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác*” (con chưa từng thấy đấng Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác), Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác là từ ngữ ngài A Nan dùng để ca ngợi đức Phật. “*Quang minh oai thần, hữu như kim nhật*” (quang minh oai thần giống như hôm nay), “*Ngô dịch đồng chi, duy văn tự sảo giản*” (Bản Ngô dịch cũng ghi giống như vậy, chỉ có điều văn tự hơi đơn giản hơn), còn những bản khác thì “*tắc ngữ nhi vị tường*” (các bản dịch khác có đề cập đến điểm này, nhưng không ghi tỉ mỉ).

“*Ngụy dịch trung lưỡng độ vân: ‘Quang nhan nguy nguy’, hựu vân: Oai thần quang quang*” (Bản Ngụy dịch hai lượt ghi: “Về mặt rực sáng vôi vôi”, lại còn ghi: “Oai thần rạng rỡ”). Bản Ngụy dịch chính là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải được lưu hành rộng nhất. “*Đường dịch vân: Oai quang hách dịch, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ngưng chiếu quang huy*” (Oai quang rạng rỡ như khối vàng nung, lại như gương sáng tĩnh lặng, tỏa chiếu sáng ngời). Ở đây, [cụ Hoàng đã trích dẫn] để cho quý vị thấy các bản dịch gốc khác nhau, và cũng có thể khiến cho chúng ta tham chiếu bản hội tập của Hạ lão cư sĩ, [sẽ thấy] từng câu, từng chữ trong bản hội tập của cụ đều có căn cứ, chẳng phải là viết tùy tiện. Bản Tống dịch ghi là: “*Diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm*” (về mặt viên mãn, cõi báu trang nghiêm). Vì thế, “*ngữ dịch hợp tham*”, [nghĩa là] gộp lại cả năm bản để xem, “*tiện tri Hán Ngô lưỡng dịch tối tường, dư dịch nãi kỳ giản lược. Duy Tống dịch trung bảo sát trang nghiêm*” (liền biết hai bản dịch đời Hán và đời Ngô tường tận nhất, các bản dịch khác chỉ nói giản lược. Chỉ có bản Tống dịch có câu “bảo sát trang nghiêm”), trong các bản khác chẳng có, [chỉ riêng bản này] có một câu như thế. Vì thế, câu này cũng được chép trong bản hiện tại (bản hội tập), có câu “*bảo sát trang nghiêm*”. “*Hiển quang trung hiện sát chi nghĩa*” (hiển thị ý nghĩa “trong quang minh hiện ra cõi nước”). Trong các bản khác, chẳng có câu này, câu này [có nghĩa] là

trong Phật quang thấy mười phương các cõi Phật. “*Khả bỏ cổ dịch chi bất túc, do thị diệc khả kiến hội tập chư dịch chi tất yếu*” ([Câu này] có thể dùng để bỏ túc chỗ thiếu sót của các bản dịch cũ. Do điểm này, cũng có thể thấy việc hội tập các bản dịch là điều tất yếu). Vì thế, hiện nay chúng ta dùng bản hội tập, giống như năm bản dịch gốc đều đọc trọn hết.

“*Hựu cổ chú kinh gia, đa vị Bốn Sư thuyết thử kinh thời vị tăng phóng quang, cái vị tường khảo Hán Ngô cổ dịch chi cố nhĩ*” (Hơn nữa, đa số các nhà chú thích kinh thời xưa cho rằng khi đức Bốn Sư nói kinh này chưa từng phóng quang. Đó là do họ chưa đọc kỹ tường tận các bản dịch cổ đời Ngô và Hán vậy). Trong năm bản dịch, có mấy bản tinh lược chuyện phóng quang, nhưng cũng rất khó nói, vì đức Thế Tôn đã nhiều lần tuyên thuyết bộ kinh này, chẳng phải chỉ giảng một lần. Xét theo nội dung của năm bản dịch gốc, tối thiểu đức Phật đã giảng ba lần; nhưng tại Trung Hoa, kinh Vô Lượng Thọ có mười hai bản dịch, từ mục lục của Đại Tạng Kinh có thể thấy bảy bản trong số đó bị thất truyền. Đối với bảy bản ấy, có thể là còn có những sai biệt rất lớn so với những bản chúng ta trông thấy, không chỉ là tuyên giảng ba lần. Điều này rất đặc thù, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh trước nay chưa hề trùng lặp, chỉ có bộ kinh này được trùng lặp nhiều lần, điều này cũng nhằm tuyên nói pháp môn này hết sức thù thắng, hết sức trọng yếu. Trong tương lai cho đến khi Phật pháp diệt, pháp vận của đức Thế Tôn là một vạn hai ngàn năm, khi kinh pháp đã diệt, kinh Vô Lượng Thọ còn lại trên cõi đời một trăm năm, bị diệt mất cuối cùng. Những tin tức này đều đáng để cho chúng ta tham khảo, tăng trưởng tín tâm và nguyện lực của chúng ta.

Kể đó, cụ Hoàng mới giải thích từng câu. Trước hết là giải thích chữ Thế Tôn, “*chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật. Tịnh Ảnh Sớ viết: Phật cụ chúng đức, vị thế tôn trọng, cố hiệu Thế Tôn*” (chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Đức Phật đầy đủ các đức, do được cõi đời tôn trọng, nên hiệu là Thế Tôn”). Phật đoạn sạch vô minh phiền não tập khí, kinh Hoa Nghiêm nói Phật thuộc địa vị Diệu Giác, đã chứng đắc Diệu Giác, trở về tự tánh viên mãn. Đạt đến Diệu Giác, chúng ta hiểu cõi Thật Báo Trang Nghiêm chẳng tồn tại. Vì sao cõi Thật Báo tồn tại? Do vô thi vô minh phiền não tập khí chưa đoạn sạch, nhưng tập khí ấy chẳng trở ngại sự, chẳng trở ngại quý vị xứng tánh phát huy trong mười phương thế giới, phát huy trí huệ và đức tướng trong tự tánh của quý vị để ứng với hết thầy chúng sanh. Hễ chúng sanh có cảm, Ngài bèn có ứng. Vì thế, nói thật ra, Bồ Tát ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm chẳng khác Thường Tịch Quang, vận dụng trí huệ, thần thông, đạo lực bình đẳng, chẳng có sai biệt. Điểm sai biệt là một đằng đã đoạn tập khí, một đằng chưa đoạn. Chưa đoạn thì ở trong cõi Thật Báo, đoạn hết thì ở trong cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Do Thường Tịch Quang tuy chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nên lục căn chẳng duyên được, nhưng nó tồn tại, khởi tác dụng, chẳng phải là không khởi tác dụng. Hiện thời, chúng ta nghe các nhà khoa học báo cáo, họ cảm thấy rất lạ lùng. Đối với vũ trụ, tức là nói đến toàn bộ không gian, vũ trụ vĩ mô, họ nói là dùng những dụng cụ khoa học thì có thể quan sát đại khái mười phần trăm của toàn thể vũ trụ. Nói cách khác, còn có chín mươi phần trăm vũ trụ không

thấy, họ cảm thấy rất kỳ quái, [có sao] chẳng thấy được! Họ nói điều này, trong tâm chúng tôi liền hiểu rõ: Vì sao chẳng thấy? Đã trở về Thường Tịch Quang. Trở về Thường Tịch Quang thì lục căn chẳng có cách nào tiếp xúc, chẳng phải là nó không tồn tại. Nó tồn tại, nhưng đã trở về Thường Tịch Quang. Do đó, sự phát hiện của khoa học giúp cho chúng ta tiến thêm một bước trong việc lý giải kinh điển, càng biết những điều ấy là chân thật, chẳng giả.

“*Phật cụ chúng đức*” (Phật đầy đủ các đức), Tánh Đức viên mãn, “*vị thế tôn trọng*” (được thế gian tôn trọng). “*Thế*” ở đây là mười pháp giới, tức lục phàm tứ thánh, chẳng có pháp giới nào không tôn trọng Phật, nên hiệu là Thế Tôn. Kính Phật, lễ Phật, niệm Phật là phước huệ song tu. Chúng ta tu hằng ngày, dường như phước huệ chẳng tăng trưởng, có phải là Phật chẳng linh? Chẳng phải vậy! Phước huệ chẳng tăng trưởng là vì quý vị chẳng tu đúng pháp. Có sao chẳng tu đúng pháp? Quý vị chẳng có tâm thành kính! Vẫn là như pháp sư Ấn Quang đã nói rất hay: Quý vị có mười phần thành kính sẽ được mười phần phước huệ, quý vị có một phần sẽ được một phần phước huệ. Vẫn phải đánh dấu hỏi trong ấy, phước huệ chẳng thể hiện tiền, đạo lý là như thế đó. Thế hệ hiện thời đối với Phật pháp, đối với Thích Ca Mâu Ni Phật hoặc hết thầy chư Phật mà thật sự có thể sanh khởi lòng thành kính rất u là khó. Vì sao? Vì từ bé chúng ta đã tiếp nhận nền giáo dục thông thường, luôn nói tôn giáo là mê tín, tôn giáo gạt người. Quý vị thấy nhé, những điều này đã mọc rễ trong tâm chúng ta, thâm căn cố đế, nay tiếp xúc [Phật pháp], muốn gột sạch những quan niệm cũ trước đây, tái lập tâm chân thành mới mẻ, há dễ dàng ư? Người thời cổ niệm Phật, lễ Phật, xưng tán Phật, vì sao có hiệu quả to lớn như vậy? Nếu chẳng có hiệu quả, làm sao họ có thể tin tưởng được? Vì sao trước kia có hiệu quả rõ rệt như vậy? Chẳng có gì khác! Từ bé, họ đã được tiếp nhận sự giáo dục hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, tôn sư trọng đạo. Vì lẽ đó, Phật pháp truyền đến Trung Hoa, Phật là thầy, ý niệm tôn sư trọng đạo bèn nảy sanh rất tự nhiên, cho nên hiệu quả rất rõ rệt. Hiện thời, học Phật thật khó, vô cùng chẳng dễ dàng, chẳng thể không nhấn mạnh thiện căn, phước đức, nhân duyên. Quý vị thật sự có thiện căn, thật sự có phước báo, hãy nói ra bèn thật sự tin tưởng, thật sự có thể sanh khởi tâm kiên thành, cung kính, đạt được phước huệ, những điều này đều là sự thật ngàn vạn phần xác đáng.

Tiếp đó lại nói: “*Phật thị thế gian cực tôn, cố xưng Thế Tôn*” (Phật là đấng tôn quý nhất trong thế gian, nên gọi là Thế Tôn). Đấng tôn quý nhất trong thế gian ai biết? Bồ Tát biết, A La Hán biết, thánh hiền thế gian cũng có thể biết. Vì sao nói Phật là cực tôn? Ngài đã chứng đắc viên mãn tự tánh, đạo lý là như thế đó. Chúng ta khế nhập Hoa Nghiêm đôi chút, bèn hiểu đạo lý này. Trong những người tu hành Bồ Đề đạo, hoặc có thể gọi là “đạo thành Phật”, có các đẳng cấp, tức là năm mươi hai đẳng cấp, đức Phật thuộc giai vị thứ năm mươi hai, tôn quý cùng cực. So với năm mươi một địa vị, Ngài còn ở trên Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát được gọi là tôn quý, Phật còn cao hơn Đẳng Giác, nên gọi là “cực tôn”. Từ Đẳng Giác trở xuống, chẳng có ai không tôn trọng Phật. Thông thường [chữ Thế Tôn được liệt kê] trong

mười hiệu, phẩm tiếp theo sẽ giảng chuyện này, giáo pháp Đại Thừa cũng thường nói, [do Phật] trọn đủ mười hiệu nên gọi là Thế Tôn. Trong Phật pháp, có một chuyện vô cùng tuyệt diệu: Phật chẳng phải là độc tôn, “đáng cực tôn quý trong thế gian chỉ là một mình ta”, chẳng phải vậy. [Nếu độc tôn] thì chẳng phải là Phật pháp. Phật đã nói như thế nào? Đối với địa vị cực tôn quý trong thế gian, quý vị cũng có phần! Ai nấy đều như vậy, chẳng phải là một mình Phật riêng có! Quý vị có thể đoạn sạch tập khí vô minh phiền não từ vô thủy, chẳng phải là quý vị trở thành cực tôn ư? Điều này khác với các tôn giáo. Trong các tôn giáo, thần (Chúa, Thượng Đế, Allah) là cực tôn, bất cứ ai cũng chẳng thể sánh bằng thần, [trong Phật giáo] chẳng có lẽ ấy! Phật giáo là ai nấy đều là Phật, những vị đã thành Phật đều khẳng định “hết thảy chúng sanh vốn sẵn là Phật” .

Do đó, hiện thời nói dân chủ, tự do, cởi mở, [những điều đó] hoàn toàn thuộc về Đại Thừa Phật pháp. Dân chủ, tự do, cởi mở chẳng dễ dàng, chúng ta hãy quan sát cẩn thận. Thế giới Hoa Tạng dân chủ, tự do, rộng mở. Thế giới Cực Lạc dân chủ, tự do, rộng mở. Dân chủ, tự do, cởi mở, nhân dân phải như thế nào thì mới hòng thật sự hưởng thụ lợi ích chân thật của dân chủ, tự do, cởi mở? Ai nấy đều minh tâm kiến tánh, quý vị sẽ đạt lợi ích. Nếu đều là mê hoặc, điên đảo thì dân chủ, tự do, cởi mở sẽ có rất nhiều vấn đề, chưa chắc đã là một chuyện tốt đẹp. Cổ nhân nói tới chế độ, hiện thời nói là chế độ, người thuở trước gọi [chế độ] là “pháp”. Pháp là căn cứ quan trọng để quản trị quốc gia, nhưng pháp chẳng sống động, mà chết cứng. Nếu người tốt vận dụng pháp, pháp ấy là tốt đẹp. Nếu gặp kẻ bất hảo vận dụng pháp, vận dụng pháp tốt nhất để tự tư tự lợi thì đối với nhân dân sẽ là hữu hại vô lợi, mà đối với chính mình là hữu lợi vô hại, biến thành tình trạng như vậy. Vì thế, cổ nhân nói đến đạo cai trị thì trong đạo cai trị, nhân tài là cội nguồn, phải xét xem pháp được vận dụng bởi người nào. Nói như vậy rất có lý. Do đó, quy về cội nguồn thì chính là giáo dục. Người dân trong nước đều tiếp nhận sự giáo dục của thánh hiền về luân lý, đạo đức, nhân quả; trong tuyển cử, sẽ bầu ra người tốt thật sự. Nếu chẳng có chuẩn mực ấy, lá phiếu có thể mua được, giống như buôn bán, chuyện tuyển cử giống như buôn bán: Mua lá phiếu, mua cho đến khi chính mình có thể đắc cử, nhất định sẽ là quơ về một vốn vạn lợi! Ai thua thiệt? Dân chúng bị thua thiệt! Vì thế, chế độ dân chủ [phải được thực hiện] ở chỗ nào? Trước hết, thực hiện giáo dục cho tốt thì chế độ dân chủ sẽ nảy sinh tác dụng. Chẳng thực hiện giáo dục tốt đẹp, chưa chắc dân chủ đã là chuyện tốt đẹp.

Cổ nhân nói đúng lắm, pháp tùy thuộc kẻ nào sử dụng. Chế độ chẳng tốt đẹp, nhưng con người tốt đẹp thì vẫn có thể làm ra chuyện tốt. Pháp tốt nhất, vô cùng nghiêm mật, nhưng con người chẳng tốt, sẽ là một mực làm chuyện xấu, cổ nhân nói như vậy. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: “*Chẳng nghe lời cổ nhân, bị thua thiệt trước mắt*”, lời cổ nhân có đạo lý to lớn trong ấy. Vì thế, Trung Hoa mấy ngàn năm bền vững, theo chế độ đế chế, Trung Hoa có lúc nào là dân chủ, cởi mở hay chẳng? Có! Chính là thời thịnh trị đại đồng, [điều đó] lại còn được thực hiện tại Trung Hoa. Khổng Tử khẳng định Trung Hoa vào thời đại Nghiêu, Thuấn,

Vũ là thời thịnh trị đại đồng. Vua Vũ chẳng có tâm riêng tư, truyền ngôi cho con. Vì sao? Con trai ông ta quá tốt đẹp, mọi người đều đề cử người ấy. Nào ngờ truyền cho con, sau đây, con ông ta lại truyền ngôi cho con mình, biến thành độc chiếm thiên hạ. Khi vua Vũ truyền ngôi cho Hạ Khải³⁷[6], chẳng có tâm ấy! Do vậy, từ thời Hạ Khải trở về sau, chẳng còn là thời đại đồng thịnh trị nữa, mà biến thành thời Tiểu Khang. Vì thế, Khổng Tử nói: Từ sau thời Hạ Khải, là các triều đại Thang (Thương Thang³⁸[7]) và Châu, Khổng Tử sanh vào thời Xuân Thu nhà Châu, Ngài sanh vào thuở đó, gọi thời đó là đời loạn. Trước thời Ngài, phải là trong khoảng thời gian một ngàn năm, Trung Hoa thuộc vào thời đại Tiểu Khang. Xuân Thu Chiến Quốc là đời loạn. Trong tâm tưởng, [Khổng Tử] thường hoài niệm thời đại đồng thịnh trị, cũng thường nghĩ đến thời Tiểu Khang. Như vậy thì chúng ta thấy qua kinh điển, đức Thế Tôn đã giới thiệu tỉ mỉ nhất không gì bằng thế giới Hoa Tạng và Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là thời đại đồng thịnh trị, ai nấy đều ngưỡng vọng. Vãng sanh thế giới Cực Lạc chính là tiến nhập cõi đời đại đồng!

Đối với câu “*oai quang hách dịch*”, [sách Chú Giải] đã giới thiệu chữ Oai [như sau]: “*Oai giả, hữu uy khả úy vị chi Oai*” (Oai (威) là có uy đáng sợ, nên gọi là Oai). Chúng ta thường nói là “*oai nghiêm*”. Đức Phật có oai nghiêm, ở đây [chữ Oai] chỉ “*oai thần*”, thần thông diệu dụng. Đối với năng lực của lục căn, mắt của chúng ta có thể thấy xa đến tận bờ mé của vũ trụ, đó là nói theo phương diện to lớn, nhìn theo thế giới vĩ mô. Nếu nhìn theo phương diện vi tế, sẽ có thể thấy hạt cơ bản. Các nhà khoa học hiện thời còn nói có cái nhỏ hơn nữa là lượng tử, còn gọi là tiểu quang tử, có thể thấy được! Vì thế, năng lực của cái Thấy là chẳng có số lượng. Người Hoa nói “*lớn mà chẳng ra ngoài, nhỏ mà chẳng ở trong*”, đều có thể thấy, còn cặn kẽ hơn khoa học hiện thời. Khoa học chẳng thể nào sánh bằng Phật pháp, Lượng Tử Lực Học vẫn chưa phát hiện: Trong một hạt lượng tử còn có thế giới, thế giới trong ấy và thế giới bên ngoài chẳng khác nhau. Kinh đã dạy: Phổ Hiền Bồ Tát thường tiến vào thế giới bên trong vi trần, thế giới trong vi trần lại có vi trần, trong vi trần ấy lại có thế giới, trùng trùng vô tận, các nhà khoa học chẳng phát hiện điều này. Vì thế, hai câu nói ấy

³⁷[6] Vua Vũ họ Tụ, thị tộc Hạ Hầu, tên là Vũ, tự Văn Mạng, là cháu đời thứ tám của Hiên Viên Hoàng Đế, được phong tước Hạ Bá đời vua Nghiêu, nên sử thường gọi ông là Bá Vũ hay Hạ Vũ. Cha vua Vũ là Cỗn, được vua Nghiêu phong thái ấp ở Tung Sơn, sai trị thủy (chống nạn lụt). Ông Cỗn dùng biện pháp đắp đê ngăn nước, nào ngờ lụt dữ dội hơn, bị phạt. Vua lại sai ông Vũ đảm nhiệm. Ông Vũ trị thủy thành công, được vua Thuấn nhường ngôi, lập ra vương triều Hạ, đóng đô ở Dương Thành, sau đổi sang Âm Thành. Khải là con của Hạ Vũ và Đồ Sơn Thị. Do chồng bận rộn trị thủy đến nỗi ba lần đi qua nhà, không ghé vào thăm, bà Đồ Sơn Thị sáng tác ra khúc hát Hầu Nhân Hề Y để tỏ lòng nhớ chồng. Khải thiên đô sang Dương Địch, và truyền ngôi cho con là Thái Khang. Nhà Hạ truyền được mười chín đời.

³⁸[7] Thương Thang là tên vị vua sáng lập nhà Thương, ông họ Tử, tên Lữ (Lý), ông là thủ lĩnh của bộ tộc Thương. Do vậy, khi lật đổ vua Kiệt nhà Hạ, ông đã đặt tên cho vương triều mới là Thương. Sách cổ chỉ ghi ông được gọi với nhiều tên như Vũ Thang, Thiên Ất, Thành Thang, Thành Đường, Đại Ất, Cao Tổ Ất v.v... nhưng không giải thích vì sao Thương Thang có các tên gọi đó.

của cô nhân khiến cho chúng ta cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn. “*Lớn mà chẳng ra ngoài*” là nói đến điều gì? Nói đến Thường Tịch Quang, khi đạt đến bờ mé của thế giới sẽ trở về Thường Tịch Quang. “*Nhỏ mà chẳng ở trong*”, tức là bên trong còn có cái bên trong nữa, bên trong của cái bên trong ấy lại có cái bên trong khác, chẳng cùng tận. Trong hiện tượng nhỏ nhất ngàn ấy, nghiêm nhiên chứa đựng thông tin của khắp pháp giới hư không giới, chẳng thiếu thứ gì!

Vì vậy, có khi chúng tôi nói tới khoa học kỹ thuật hiện thời, dùng tinh phiến (晶片: chip điện tử), một con chip to bằng cái móng tay, rất nhỏ. Một con chip to bằng móng tay út có thể chứa cả một bộ Đại Tạng Kinh, đúng là phi thường! Nhưng kinh Phật đã dạy chúng ta, một hạt vi trần, tức là một quang tử, bé tí xíu như thế, chẳng thấy bằng mắt thường, lại chứa đựng viên mãn tin tức của khắp pháp giới hư không giới. Quý vị nói xem: Khoa học hiện thời làm sao có thể sánh bằng, thua kém rất xa! Khi tôi học Phật, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã giới thiệu cho tôi biết Phật pháp, [cụ đã nói] Phật pháp là đỉnh cao nhất trong triết học của toàn bộ thế giới. Chúng tôi học Phật đã nhiều năm ngàn ấy, nay phát hiện, trong Phật pháp có khoa học đạt đến tột đỉnh so với khoa học của toàn thể thế giới. Những vấn đề mà khoa học và triết học chẳng thể giải quyết đều được giải đáp trong Phật pháp, kỳ diệu thay! Phật pháp dùng phương pháp gì để giải quyết? Thiên Định. Thiên Định là gì? Buông xuống là được! Phật pháp dạy quý vị buông xuống, buông chấp trước xuống, buông phân biệt xuống, buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị liền kiến tánh. Tánh là một thứ hết sức vi diệu, điều gì cũng chẳng phải là nó, nhưng nó có thể biến ra hết thảy vạn vật. Y báo và chánh báo trang nghiêm như kinh Phật thường nói, đều do nó biến hiện, biến hiện như thế nào và quá trình biến hiện đều được giảng trong kinh rất cặn kẽ, rất minh bạch.

Do vậy, xét từ những phương diện này, chúng ta chẳng thể không bội phục cô nhân. Người hiện thời xem thường cô nhân, vì hiện thời khoa học tiên bộ, người thời cổ chẳng có khoa học, sai mất rồi! Người hiện tại thua kém cô nhân rất xa! Khoa học kỹ thuật hiện tại phải dùng Toán Học, phải sử dụng các dụng cụ khoa học tiên tiến, cô nhân chẳng cần, cô nhân dùng Thiên Định. Hiện tượng đầu tiên sau khi nhập Định là thời gian và không gian chẳng có. Trong Định, có thể thấy quá khứ, mà cũng có thể thấy vị lai, có thể thấy cõi này, có thể thấy phương khác. Do chẳng có thời gian, nên chẳng có trước sau. Do chẳng có không gian, nên chẳng có khoảng cách. Quý vị thấy cả khoa học lẫn triết học đều hướng tới những điều này, nhưng chẳng làm được! Phật pháp cho biết: Từ trong Thiên Định, sẽ có thể làm được. Phật, Bồ Tát có thể làm được. Phật, Bồ Tát bảo mỗi người chúng ta đều có thể làm được. Do đó, quý vị chẳng làm được là vì chính quý vị chẳng chịu buông xuống. Điều đầu tiên quý vị chẳng thể buông xuống là chấp trước. Nói cách khác, quý vị chẳng đạt được mức Thiên Định sơ cấp. Thiên Định cao cấp thì không chỉ buông chấp trước xuống, mà phân biệt cũng buông xuống. Thiên Định cao nhất là Thiên Định của Pháp Thân Bồ Tát, ngay cả khởi tâm động niệm đều buông xuống, thật sự đạt tới trình độ lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần

mà không khởi tâm, chẳng động niệm. Cảnh giới ấy chính là tình huống chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian; đó là oai thần của Phật, Bồ Tát.

Tiếp đó, [cụ Hoàng] trích dẫn: “*Thắng Man Bảo Quật viết: Ngoại sử vật úy, mục chi vi Oai. Nội nan trắc độ, xung chi vi Thân*” (sách Thắng Man Bảo Quật 39[8] giảng: “Ngoài thì khiến cho chúng sanh kiêng sợ, nên gọi là Oai, trong thì khó thể dò lường bèn gọi là Thân”), giảng giải hai chữ Oai Thân. Chữ Vật (物) chỉ chúng sanh trong mười pháp giới. Sở dĩ Ngài (Gia Tường Cát Tạng đại sư) không dùng chữ Nhân (người), mà dùng chữ Vật; vì nếu nói là “người”, sẽ chỉ có nhân đạo trong mười pháp giới, chẳng bao gồm những pháp giới khác. Dùng chữ Vật sẽ có phạm vi to lớn, trên là tứ thánh, dưới là lục đạo. Hữu tình chúng sanh trong tứ thánh lục đạo đều có cảm giác kính sợ, nên gọi là Oai, “*mục chi vi Oai*” [có nghĩa là như vậy]. Chúng ta kém xa Ngài về trí huệ và đức năng, nên tâm kính sợ tự nhiên nảy sanh. “*Nội nan trắc độ*” [nghĩa là], đối với trí huệ, thần thông, và đạo lực của Ngài, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng là cao bao nhiêu, sâu cỡ nào! Thật ra, đức Phật đã giảng đạo lý này rất rõ ràng, đối với oai thần của Phật như đã được hiển hiện, biểu hiện, mỗi người chúng ta có [oai thần ấy] hay không? Có, chẳng thua kém Phật, nhưng chẳng thể hiển hiện. Vì sao chẳng hiển hiện được? Do bản thân chúng ta có chướng ngại, [chướng ngại] chính là vì có phiền não, tập khí. Phiền não, tập khí khiến chúng ta mê mất cái tâm thanh tịnh. Chúng ta bộp chộp, hời hợt, khiến cho cái tâm bình đẳng bị chôn vùi, do vậy mà mê muội, chẳng giác.

Thật ra, nếu chúng ta đã học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, Ngài đã giảng rất rõ ràng: Bất luận hiện tượng vật chất hoặc hiện tượng tinh thần, đối với chánh báo bèn lấy một sợi lông. Lông trên thân, chót đầu sợi lông, [được gọi] là “*mao đoan*” (毛端). Đối với y báo, bèn lấy một vi trần, vi trần quá nhỏ, chẳng thấy được, một hạt cát thì quý vị thấy được, một hạt cát, cát rất mịn, giống như bột mì. Một hạt cát thì quý vị trông thấy, nhưng hiện tượng dao động của nó, chúng ta chẳng nhìn thấy. Nó có [hiện tượng dao động hay không]? Có! Hiện tượng dao động có ba tính chất đặc biệt:

1) Thứ nhất là “*trộn khắp pháp giới*”. Sợi lông trên thân chúng ta là thật, chẳng giả. Dao động mà bất động, tức là không lay động, thì hiện tượng ấy sẽ chẳng tồn tại. Rất khó có là hiện thời, điều này đã được các nhà khoa học Lượng Tử Lực Học khẳng định, họ nói hiện

39[8] Sách Thắng Man Bảo Quật do ngài Cát Tạng viết vào đời Tùy, là tác phẩm chú giải Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện Phương Quảng Kinh tường tận nhất. Đầu tiên, Ngài dùng Ngũ Trùng Huyền Nghĩa để giải thích tựa đề, thuật duyên khởi, biện định tông chỉ v.v... Kế đó, tán thán công đức của chân thật nghĩa, giảng giải vô biên thánh đế, tự tánh thanh tịnh, xiển dương tông chỉ, yếu nghĩa trong kinh Thắng Man. Để tăng tính thuyết phục trong lập luận, Ngài đã dẫn hơn mười mấy bộ kinh luận như Pháp Hoa, Duy Ma, Đại Trí Độ Luận v.v... và các điển tịch khác như Tượng Pháp Quyết Nghi Kinh, Xà Vương Sám Hối Kinh v.v... (Sở dĩ gọi các bộ này là điển tịch vì chúng không nằm trong Đại Tạng Kinh), cũng như biện luận các nhận định của những bộ chú giải khác như Thắng Man Kinh Chú Sớ Yếu Nghĩa...

tượng vật chất là gì? Họ đã hiểu rõ bản chất của vật chất, [khẳng định]: Chẳng có vật chất! Vật chất là do ý niệm tích lũy liên tục sanh ra huyền tượng. Vì thế, chẳng có hiện tượng dao động ấy thì thứ gì cũng đều chẳng có, vật chất lẫn tinh thần đều chẳng có. Hết thấy hiện tượng toàn là do dao động sanh ra. Dao động vừa mới động, liền trọn khắp pháp giới, tốc độ ấy nhanh lắm! Đối với chuyện “trọn khắp pháp giới”, chúng ta hãy nghĩ xem: Ánh sáng có tốc độ đi từ mặt trời đến địa cầu, khoảng cách ấy chẳng đáng kể là xa, [nhưng phải mất thời gian] khoảng hơn tám phút, nhưng hiện tượng ấy (hiện tượng dao động của một sợi lông) vừa mới động bèn trọn khắp pháp giới. Đó là đặc tánh thứ nhất.

2) Đặc tánh thứ hai: “*Có thể sanh ra vạn pháp*”. Nó là cơ sở và căn bản của hết thấy vạn pháp. Tất cả hết thấy vạn pháp do hiện tượng dao động tạo thành. Lại còn chẳng có trước, sau, do tốc độ quá nhanh, ánh sáng chẳng thể sánh bằng, thua kém rất xa! Gần đây nhất, chúng tôi thấy một tin tức, các nhà khoa học phát hiện một thái dương hệ ngoài không gian. Họ quan sát, có người nói là nó gồm năm hành tinh, có người nói là bảy hành tinh, xoay quanh mặt trời, rất giống địa cầu, cách chúng ta một trăm hai mươi bảy năm ánh sáng (quang niên). Ánh sáng [từ bên đó chiếu đến địa cầu] phải mất một trăm hai mươi bảy năm, tốc độ ánh sáng đấy nhé! Sợi lông của chúng ta vừa động, liền trọn khắp pháp giới, tốc độ ánh sáng chẳng thể sánh bằng! Chư vị hãy suy nghĩ đi!

3) Điều sau đây rất quan trọng, đó là đặc tánh thứ ba: “*Hàm dung Không Hữu*” (chứa đựng Có và Không). Chúng ta thường nói “*hàm dung Không Hữu*” là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Hàm (含) là gì? Là hư không. Bao trùm cả hư không, trong ấy chứa đựng cả hư không, dung nạp vạn hữu. Toàn thể vũ trụ đều ở trong đó. Tâm lượng trong một sợi lông của chúng ta lớn ngần ấy, nay tâm lượng của chúng ta biến thành nhỏ hẹp ngần này, ngay cả một người còn chẳng thể dung nạp, quý vị nói có đáng thương xót hay chẳng? Tâm lượng trong một lỗ chân lông hay một sợi lông của chúng ta đều to dường ấy, đều có thể bao trùm hư không pháp giới. Quý vị hãy nói xem: Chúng ta làm người mà đã làm thành cái dạng gì mất rồi? Rất khó chấp nhận, chẳng thể bào chữa được! Khoa học cận đại ngày càng liên quan mật thiết với Phật pháp, đó là chuyện tốt đẹp, đó là gì? Đó là những chỗ rất khó hiểu. Do vậy, chúng ta bội phục cổ nhân, cổ nhân chẳng có căn cứ khoa học, thế thì họ hiểu bằng cách nào? Từ chỗ này, chúng ta có thể nghĩ: Tâm cổ nhân định. Cổ nhân dùng phương pháp gì để tin sâu chẳng ngờ những cảnh giới trong kinh Phật? Từ trong Định, họ thấy được. Tâm thanh tịnh là định, tâm thanh tịnh sanh trí huệ, có đạo lý, chẳng phải là vô lý!

“*Quang giả, quang minh dã. Tự oánh vị chi Quang, chiếu vật vị chi Minh, tức phóng quang chiếu diệu chi nghĩa*” (Quang là quang minh. Tự tỏa sáng là Quang, chiếu soi vạn vật là Minh, cũng có nghĩa là phóng quang chiếu rạng ngời). Đó là “*oai quang hách dịch*”, “*hách dịch*” (赫奕) có nghĩa là hình trạng rất lớn. “*Tự oánh*” (自瑩) là bản thân có ánh sáng. Điều này là thật. Do Lượng Tử được gọi là Tiểu Quang Tử, nên có thể thấy chính nó có ánh

sáng. Ánh sáng ấy giống như ánh chớp, mau hơn tia chớp. Thật ra, ánh chớp quá chậm, nên mắt thường có thể trông thấy. Còn ánh sáng của Lượng Tử quá nhanh, mắt thường chẳng thể nhìn thấy, ắt phải nhờ vào dụng cụ, máy móc tinh vi quý vị mới có thể phát hiện. Nhưng chúng tôi đã nói, trong kinh đức Phật thường nói đến điều này, đối với bản năng (năng lực sẵn có) của chúng ta, năng lực sẵn có của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đều là khắp pháp giới hư không giới. Chúng ta thấy như vậy, mà nghe cũng như vậy. Mũi ngửi, lưỡi nếm, thân thể tiếp xúc, đều là khắp pháp giới hư không giới. Nói theo phương diện tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chúng ta có thể tiếp nhận. Tất cả hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới, các chúng sanh ấy là các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi, nên gọi là chúng sanh. Bao gồm những gì? Bao gồm động vật, thực vật, khoáng vật và các hiện tượng tự nhiên, dùng danh từ này (“chúng sanh”) để bao gồm toàn bộ. Những hiện tượng ấy có cùng một Thể, lại còn tương thông lẫn nhau. Vì thế, nếu quý vị tu hành đạt đến một mức độ càng cao, thân tâm càng linh mẫn, những tin tức cực kỳ vi tế trong các thế giới phương khác, quý vị đều có thể cảm nhận được. Thân quý vị giống như một cỗ máy tiếp nhận sóng điện, đồng thời bản thân chúng ta cũng phát sóng ra ngoài, nên khắp pháp giới hư không giới giống hệt như mạng Internet. Chẳng phải là một mình chúng ta có thể phát xạ, mà ý niệm trong đầu óc của chúng ta cũng có thể phát xạ. Đối với mỗi tế bào, phải hiểu tế bào do các phân tử hợp thành, phân tử do các nguyên tử hợp thành, nguyên tử do các điện tử hợp thành, sau này cũng nói đến quang tử, tiểu quang tử, lượng tử, trên thân có bao nhiêu [hạt như vậy] đều có thể phát xạ, đều có thể tiếp thu. Đó là chân tướng sự thật.

Nhưng nay chúng ta đang phát xạ mà chẳng cảm nhận được, khi tiếp nhận cũng chẳng cảm nhận, hồ đồ đến mức cho là chuyện dĩ nhiên, nên gọi là mê hoặc, điên đảo. Đức Phật nói, Phật có năng lực ấy, Pháp Thân Bồ Tát có năng lực ấy, tức là các Ngài đã hoàn toàn khôi phục năng lực ấy. Từ chỗ này, chúng ta mới hiểu chúng ta đã mê đến mức độ nào, vì sao chúng ta chôn vùi bản năng? Đức Phật nói: Thật ra, bản năng chẳng mất đi, mà là mê mất, chỉ cần quý vị giác ngộ, nó bèn hiện tiền. Nay chúng ta đã hiểu, đã giác ngộ, nhưng giác ngộ thì vẫn chưa được, quý vị chưa buông xuống. Buông xuống là thật sự giác ngộ; chưa buông xuống là giả giác ngộ. Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị thật sự giác ngộ. Quý vị thấy trong hiện tại, chúng ta khởi tâm động niệm vẫn là có tự tư tự lợi, vẫn có thị phi, nhân ngã, làm sao gọi là giác ngộ cho được? Chúng ta cách biệt giác ngộ rất xa, nhưng chúng ta cũng rất khó có! Từ kinh điển, chúng ta có được những tin tức về chân tướng sự thật ấy, điều này khá khó khăn. Kinh điển bảo cho chúng ta biết các chân tướng sự thật ấy, nay chúng ta phải tu tập, y giáo tu hành thì mới có thể thật sự khế nhập cảnh giới. Những gì được nói trong kinh điển toàn là trí huệ và đức năng của chính chúng ta. Đức Phật giảng kinh chẳng phải là giảng cho chúng ta nghe. Nếu quý vị nói Ngài giảng cho chúng ta nghe thì sai mất rồi, chúng ta đã khinh nhờn Phật! Phật dạy chúng ta chúng đắc, giảng cho quý vị nghe, để quý vị nương theo phương pháp ấy mà cầu chúng, thật sự có thể chúng đắc. Sau khi quý vị đã chúng đắc, sẽ hoàn toàn giống với những gì đức Phật đã giảng.

Những thứ rất sâu, rất thần kỳ, rất kỳ đặc này, đúng là khó khăn, nhưng chẳng phải là nói dối. Quý vị thấy sau khi đã đoạn vô minh, hãy còn có tập khí, phải đoạn sạch tập khí, nhưng chẳng có cách nào đoạn tập khí, cứ để mặc nó, tự nhiên sẽ chẳng còn nữa! Cứ để lâu ngày, nó sẽ nhạt bớt. Thời gian bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tập khí ấy mới hoàn toàn chẳng có, quý vị biết [đoạn trừ] tập khí có bao nhiêu khó khăn! Nhưng chỉ cần đoạn vô minh, tập khí hãy còn vẫn chẳng sao cả, nó chẳng trở ngại sự, đối với trí huệ, thần thông, đạo lực, tự thọ dụng và tha thọ dụng trong tự tánh đều chẳng có chướng ngại mảy may. Đây cũng chẳng phải là một chuyện dễ dàng, dễ dàng nhất vẫn là sanh về thế giới Cực Lạc, dễ dàng hơn nhiều! Tôi thiếu chúng ta có thể tu tập đạt tới cảnh giới như Sơ Tổ Tịnh Tông là Huệ Viễn đại sư. Viễn Công đại sư niệm Phật, trong đời Ngài đã thấy thế giới Cực Lạc trong Định, niệm Phật nhập Định, nhưng chưa hề nói với ai, chúng ta phải học theo điều này. Lần thấy [thế giới Cực Lạc] khi vãng sanh là lần cuối cùng, tức là lần thứ tư, Ngài bảo mọi người, ta sắp tới thế giới Cực Lạc, ta đã thấy thế giới Cực Lạc. Người khác hỏi Ngài: “Tình trạng như thế nào?” [Ngài đáp]: “Giống hệt như kinh đã nói”.

Thời Ngài, kinh Tịnh Độ là một quyển, tức kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta muốn biết bản đó là bản nào, nhưng trong thời đó đã có mấy bản dịch. Viễn Công đại sư là người sống vào thời Đông Tấn, [vào thời ấy], bản dịch của ngài Khang Tăng Khải đã xuất hiện, bản dịch Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh đời Hán [cũng có]. Có thể là hai ba bản dịch Ngài đều đọc, nhưng các bản dịch đời Đường, đời Tống quyết định chẳng có, vì Ngài sống trước thời Đường, Tống. Kinh Di Đà còn chưa được dịch ra. Do vậy, kinh bản căn cứ để Huệ Viễn đại sư lập Đông Lâm Niệm Phật Đường Phật ở Lư Sơn sớm nhất chính là quyển kinh này. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật còn chưa phiên dịch, kinh Di Đà chưa xuất hiện, chỉ có mình kinh này. Ngài nói “*giống hệt như trong kinh đã nói*”, tức là giống như trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Nay chúng ta có bản hội tập tốt đẹp, toàn bộ những điều được nói trong năm bản dịch đều đã có, bản này hoàn chỉnh nhất. Chúng ta cũng có thể giống như Viễn Công đại sư, thật sự thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, chính mình có tín tâm quyết định vãng sanh. Có thể sanh về Tây Phương thế giới hay không, kinh đã nói rất hay: Ba điều kiện là Tín, Nguyện, Hạnh. Nay chúng tôi còn thêm vào ba căn nữa, vì sao Ngài chẳng nói [mà nay chúng tôi lại thêm thốt]? Người thốt ấy thường là ai nấy đều có đủ ba căn, nên chẳng cần phải nói! Ba căn ấy đã học từ bé, do cha mẹ trong nhà dạy, ai nấy đều có, thâm căn cố đế. Chẳng giống như trong thế giới hiện thời, thế giới hiện thời chẳng có ba căn. Chẳng có ba căn thì Tín, Nguyện, Hạnh chẳng vững vàng, nên người tu Tịnh Độ đông đảo, vãng sanh ít ỏi. Thuở ấy, họ tu Tịnh Độ, đúng là “*vạn người tu, vạn người đến*”, rất ít ai nói: “Tu Tịnh Độ chẳng thể vãng sanh”, vì quá ít, hiện thời quá nhiều! Trước kia, thầy Lý bảo chúng tôi: “*Một vạn người tu Tịnh Độ niệm Phật, thật sự vãng sanh chỉ có ba bốn người*”. Do nguyên nhân gì? Chẳng có căn! Vì sao căn là trọng yếu? Vừa mở kinh điển ra, “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, quý vị chẳng phải thiện nam tử, mà cũng chẳng phải thiện nữ nhân, làm sao có thể vãng sanh cho được? Vun trồng bền vững ba căn, quý vị sẽ là thiện nam tử, thiện nữ nhân, chuyện là như vậy đó. Người

thở trước chẳng cần nói đến chuyện vun trồng căn cội, do ai nấy đều có căn. Hiện tại, chẳng thể không nhắc đến chuyện này. Không đề cập chuyện này, sẽ chẳng thể vãng sanh. Có ba căn ấy thì Tín, Nguyện, Hạnh của quý vị đều có căn. Tín có căn, Nguyện có căn, Hạnh có căn, lẽ đâu quý vị chẳng vãng sanh! So sánh giữa thời này và thuở ấy, khác nhau!

Đối với quang minh, chính mình có ánh sáng thì gọi là Quang, quang chiếu sáng vật bên ngoài thì gọi là Minh. Đó chính là ý nghĩa của câu “*phóng quang chiếu diệu*”. “*Quang minh hữu nhị dụng*”, [nghĩa là quang minh] có hai thứ tác dụng: Thứ nhất là “*phá ám*” (phá tối tăm), thứ hai là “*biểu pháp*”. “*Nhân Phật chi quang minh, chánh thị trí huệ chi tướng*” (do quang minh của Phật đúng là tướng trí huệ). Vì vậy, quang minh là một tướng. Vì sao các nhà Lượng Tử Lực Học hiện thời phát hiện lượng tử có ánh sáng? Ánh sáng do đâu mà có? Ánh sáng do trí huệ mà có. Đức Phật dạy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Nếu trong tự tánh chẳng có trí huệ, sẽ chẳng có quang. Trong tự tánh có trí huệ viên mãn; khi mê, nó trọn chẳng bị mất đi, nên vẫn là phóng quang. Sự phóng quang ấy là gì vậy? Sự phóng quang ấy được khoa học hiện tại gọi là “*dao động*”, vì ánh sáng chỉ xẹt thoáng qua. Di Lặc Bồ Tát đã nói rất rõ ràng, trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu [tế niệm]? Chớp nháng mấy lần? Ba trăm hai mươi triệu lần! Quý vị thấy trong một cái khảy ngón tay [là như vậy đó]. Tôi tin là có người khảy nhanh hơn tôi. Tuổi tôi đã già, khảy chẳng lẹ. Nếu khảy mau, đại khái là một giây có thể khảy năm lần. Nếu khảy năm lần, phải là một ngàn sáu trăm triệu. Trong một giây là một ngàn sáu trăm triệu lần, làm sao quý vị có thể thấy cho được?

Quang ấy chính là mỗi một lần [tế niệm sanh diệt] thì là một lần chớp nháng. Một giây là một ngàn sáu trăm triệu lượt, chẳng dễ dàng, nhưng đã bị các nhà khoa học phát hiện. Đó là Bát Nhã quang trong tự tánh đang động, hể động, nó liền biến thành vật chất, biến thành hiện tượng tinh thần. Do trong tự tánh có thấy, nghe, hay, biết; sau khi mê, thấy, nghe, hay, biết biến thành gì? Biến thành Thọ, Tướng, Hành, Thức. Trong Thọ có thấy, nghe, hay, biết, trong Tướng cũng có thấy, nghe, hay, biết. Trong Hành và trong Thức thấy đều trọn đủ. Chúng ta có thể cảm nhận Thọ, Tướng, Hành, Thức, nhưng chẳng thể cảm nhận thấy, nghe, hay, biết, vì chúng vi tế! Chúng là Tánh Đức. Các nhà khoa học chẳng kiến tánh, nên chẳng tìm thấy căn nguyên này. Lượng Tử do đâu mà có? Từ trong Không sanh ra Có, họ chỉ thấy điều ấy. Xác thật là từ trong Không sanh ra Có, tuy nhiên, nó chớp nháng một chút rồi lại chẳng còn. Vì thế, chúng ta thấy vật chất là tướng liên tục, chúng do ý niệm tích lũy, họ (các nhà khoa học) nói là ý niệm tích lũy, do tích lũy liên tục bèn sanh ra huyễn tướng. Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều là như vậy. Ở đây, đã nói rõ ràng, quang minh chính là tướng trí huệ.

“*Hách giả, minh dã. Dịch giả, tịnh dã*” (Hách là sáng, Dịch là tràn trề), [ý nói] quang minh rất lớn, hết sức rạng rỡ. “*Có tri oai quang hách dịch, biểu Phật sở phóng chi quang*,

hùng mãnh hữu oai, minh diệu thịnh đại” (Vì vậy, câu “oai quang hách dịch” hàm ý quang minh do đức Phật phóng ra hùng mãnh, có oai thế, sáng chói, số lượng rất nhiều). Phật quang chiếu khắp! “*Thử hạ dĩ dung kim dụ chi*” (Tiếp theo đó, dùng ngay hình ảnh vàng được nung chảy để sánh ví): Kế đó là vận dụng tỷ dụ. “*Như kim dung tụ*” (Như khối vàng được nung chảy), vàng sau khi được nung chảy, nhìn rất đẹp. Bản thân vàng rất đẹp, lại dùng nhiệt độ cao để nung chảy vàng thành chất lỏng, ánh vàng nung vô cùng xinh đẹp, dùng điều này làm tỷ dụ. “*Kim sắc hoảng diệu, dung kim di thậm. Dụ Phật quang minh, như dung kim tụ tập, cố viết như dung kim tụ*” (Sắc vàng vốn đã chói sáng, khi bị nung chảy còn chói lợi hơn nữa. Sánh ví quang minh của Phật như vàng bị nung chảy ra đọng lại, cho nên nói là “như khối vàng nung”). Chúng ta đọc những điều này, quan trọng nhất là biết Phật và chúng ta chẳng hai, chẳng khác, những thứ tốt đẹp nơi Ngài chúng ta thấy đều có phần, hay ở chỗ này! Nói theo tôn giáo, [những phẩm chất, đức năng mà] Thần có, chúng ta chẳng có, vĩnh viễn phải phục tùng thần. Phật pháp chẳng phải vậy, ai nấy đều là Phật, bình đẳng. Những gì mà đức Phật có như trong kinh Phật đã nói, trong tự tánh của chúng ta đều có toàn bộ, chỉ cần chúng ta buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, sẽ chứng đắc toàn bộ. Đây là chỗ thù thắng khôn sánh của Phật pháp, là chỗ hoàn toàn khác biệt giữa Phật pháp và các tôn giáo, chúng ta chớ nên không biết, tuyệt đối chẳng phải là mê tín. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 139

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi chín, hàng cuối cùng:

“*Hựu như minh kính, ảnh sớng biểu lý*” (lại như gương sáng, chiếu suốt trong ngoài), “*Ảnh giả, quang ảnh dã. Sớng giả, thông đạt dã. Hải Đông Cảnh Hưng viết*” (Ảnh (影) là bóng của ánh sáng, Sớng (暢) là thông đạt. Ngài Hải Đông Cảnh Hưng nói), pháp sư Cảnh Hưng [nói], “*kính quang ngoại chiếu, danh vi ảnh biểu, tức đồng Phật thân quang minh ngoại thư. Ngoại chiếu chi quang hiển ảnh, sớng tại kính nội, diệc đồng sở phóng quang hoàn diệu nguy nhan, cố vân biểu lý*” (ánh sáng của gương chiếu ra ngoài gọi là “ảnh biểu”, giống như thân Phật có quang minh tỏa ra ngoài. Ánh sáng chiếu ra ngoài lại hiện rõ hình ảnh trong gương, cũng giống như quang minh đã phóng ra bên soi ngược lại, khiến cho vẻ mặt rạng rỡ. Do vậy, bảo là “biểu lý”). Chúng ta xem đoạn này.

Đây là câu kinh văn thứ hai: “*Hựu như minh kính, ảnh sớng biểu lý, hiện đại quang minh, số thiên bách biến*” (lại cũng như gương sáng, chiếu suốt trong ngoài, hiện quang minh lớn, biến hiện ra mấy trăm ngàn thứ). Đây là tỷ dụ, tỷ dụ chuyện đức Phật phóng quang. Trong kinh Đại Thừa, thông thường đức Phật phóng quang đều nhằm biểu thị pháp, biểu thị những nội dung được giảng trong lần này, từ sự phóng quang [thính chúng] sẽ có thể cảm nhận được. “*Ảnh sớng biểu lý*”: Ảnh (影) là hình bóng của ánh sáng, Sớng (暢) là thông đạt, chẳng bị chướng ngại. Hải Đông (海東) là Nhật Bản. Pháp sư Cảnh Hưng (憬興) của Nhật Bản⁴⁰[1] có chú giải kinh Vô Lượng Thọ. “*Kính quang ngoại chiếu*”: Đây là nói tỷ dụ,

40[1] Thật ra, ngài Cảnh Hưng là người xứ Tân La (một vương quốc cổ vào thời Tam Quốc của Đại Hàn), không rõ năm sinh và năm mất (có thuyết nói Ngài sinh vào thế kỷ thứ bảy), có họ ngoài đời là Thủy, quê ở xứ Hùng Xuyên, xuất gia năm mười tám tuổi, tinh thông Tam Tạng, được tôn làm Quốc Sư, trụ trì chùa Tam Lang, chuyên tâm trước thuật. Ngài đặc biệt ưa thích kinh Hoa Nghiêm. Một hôm cưới ngựa vào hoàng cung, được Văn Thủ Bồ Tát ngầm răn dạy, nên từ đó không bao giờ cỡi ngựa nữa. Ngài cho khắc sự tích này vào văn bia tại chùa Tam Lang. Ngài trước thuật khá nhiều, đặc biệt là các bộ Đại Bát Niết Bàn Kinh Sớ, Kim Quang Minh Kinh Thuật Tán, Tứ Phần Luật Yết Ma Ký, Đại Thừa Khởi Tín Luận Vấn Đáp, Du Già Luận Sớ... rất nổi tiếng. Ngài được tôn là sáng tổ của Pháp Tướng Tông tại Đại Hàn. Đặc biệt là bộ Vô Lượng Thọ Kinh Liên Nghĩa Thuật Văn Tán của Ngài được các vị Nguyên Tín (Pháp Nhiên thượng nhân, sáng tổ Tịnh Độ Tông Nhật Bản) và Thân Loan (sáng tổ Tịnh Độ Chân Tông Nhật

ánh sáng từ trong gương chiếu hắt ra, bèn gọi là “*ảnh biểu*” (影表). “*Tức đồng Phật thân quang minh ngoại thụ*” (giống như thân Phật có quang minh tỏa ra ngoài): Đức Phật phóng quang, có khi là đỉnh đầu phóng quang, có khi phóng quang từ bạch hào. Bạch hào ở giữa hai chân mày, bạch hào phóng quang. Có khi là diện môn phóng quang, có khi toàn thân phóng quang. Trong đoạn kinh văn này, chẳng nói là bộ phận nào, nhưng “*oai quang hách dịch*” (oai quang rạng ngời, tràn trề) thì phải là quang minh nơi toàn thân, điều này hết sức đặc thù. “*Ngoại chiếu chi quang hiển ảnh*” (Ánh sáng chiếu ra ngoài soi rõ hình ảnh), ảnh ở chỗ nào? Ảnh ở trong gương. “*Sương tại kính nội*” (hiện rõ trong gương), “*diệc đồng sở phóng chi quang*” (cũng giống như quang minh đã phóng ra), ý nghĩa này được nói rõ trong câu kế tiếp: Ánh sáng không chỉ chiếu ra ngoài, mà còn tự chiếu chính mình. Đó là “*quang minh biến chiếu*” (quang minh chiếu trọn khắp). Chiếu ra ngoài là “*ảnh biểu*”, chiếu chính mình là “*biểu lý*”, trong lẫn ngoài đều chiếu.

“*Tịnh Ảnh Sớ viết*” (Tịnh Ảnh Sớ giảng), bản chú giải này là của Trung Hoa, tức Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, trong ấy cũng nói theo cách này: “*Kính quang ngoại chiếu, danh vi ảnh biểu. Ngoại chiếu chi quang, minh hiển kính nội, danh vi ảnh lý. Phật thân như thị, quang minh ngoại chiếu sở phóng chi biểu, hiển diệu Phật thân, danh ảnh biểu lý*” (Ánh sáng từ gương chiếu ra ngoài, gọi là Ảnh Biểu. Quang minh chiếu ra ngoài rồi lại hiện rõ trong gương gọi là Ảnh Lý. Thân Phật giống như vậy, quang minh chiếu ra ngoài là Biểu, chiếu rạng ngời thân Phật là Ảnh Biểu Lý). Tiếp đó, lão cư sĩ bảo: “*Án thượng lưỡng thuyết*” (Xét theo hai thuyết trên đây), đó là cách giảng của các vị tổ sư đại đức Trung Hoa và Nhật Bản từ xưa, “*Phật thân nội ngoại ánh triệt*” (thân Phật trong ngoài rạng ngời), phóng quang lần này rất đặc thù, toàn thân phóng quang, trong ngoài sáng ngời, “*du như minh tịnh chi kính*” (ví như tấm gương sáng sạch), dùng gì? Dùng tấm gương sáng ngời sạch lâu hết mức để tỷ dụ. “*Do kính phóng quang ngoại chiếu*” (từ kính tỏa ánh sáng chiếu ra ngoài), đó là “*ảnh biểu*”. “*Sở phóng quang minh hoàn chiếu kính nội*” (quang minh đã tỏa ra lại chiếu ngược vào kính), đó là “*ảnh lý*” (影裡).

Trong hai bản dịch đời Ngô và Hán, [các câu như] “*Phật quang số bách thiên sắc, số bách thiên biến, quang thậm đại minh, thượng hạ minh triệt, nguy nguy trùng minh, giai hiển ảnh sương biểu lý chi nghĩa*” (quang minh của Phật mấy trăm ngàn sắc, mấy trăm ngàn thứ biến hiện, quang minh rất mực sáng rực, trên dưới chiếu thấu suốt, sáng ngời, càng sáng càng vặc bội phần, đều nhằm nói rõ ý nghĩa “ảnh sương biểu lý”). Đây là xét theo các bản dịch khác nhau. “*Tổng dịch vi diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm, tặc cánh hiển Phật quang minh trung, ảnh hiện thập phương bảo sát, như đại viên bảo kính, ánh hiện thập phương. Như Chân Giải sở thích: Tặc quang nhan nguy nguy trung, ảnh hiện bảo sát trang nghiêm*

Bản) trích dẫn rất nhiều trong trước thuật của họ, nên dễ gây hiểu lầm ngài Cảnh Hưng là một vị danh tăng người Nhật.

tướng, kỳ do châu bảo kính trung, năng hiện sâm la vạn tướng. Thượng thuyết chánh hiển Hoa Nghiêm cảnh giới” (Câu “sắc mặt viên mãn, cõi báu trang nghiêm” trong bản Tổng dịch đã chỉ rõ: Trong quang minh của Phật hiện bóng mười phương cõi báu, như gương báu to tròn hiện bóng mười phương. Sách Chân Giải giảng rằng: “Trong ánh quang minh vàng vạc, hiện bóng tướng trang nghiêm của các cõi báu trong mười phương, giống như trong gương châu báu hiện ra tướng sâm la vạn hữu”. Thuyết trên đây thật đúng là đang nói về cảnh giới Hoa Nghiêm). Hợp mấy bản này lại để xem, có thể thấu hiểu đôi chút ý nghĩa sâu xa của quang minh này.

Hiện tượng này quả thật đã khiến cho ngài A Nan kinh ngạc, lạ lùng. Ngài nghĩ chuyện này hy hữu, thù thắng, đặc biệt. Trong quá khứ, nghe đức Phật giảng kinh, chưa hề thấy tướng tốt đẹp như vậy. Chúng ta biết ngài A Nan là thị giả của đức Phật, gần như mỗi buổi giảng Ngài chẳng vắng mặt. Đức Phật giảng kinh phóng quang là hiện tượng bình thường, Ngài cũng đều đã thấy; nhưng hôm nay thấy đức Phật toàn thân phóng quang, đó là chuyện hy hữu. Trong Phật pháp, quang minh biểu thị trí huệ, toàn thân phóng quang biểu thị điều gì? Trí huệ viên mãn. Bộ kinh này hiển lộ trí huệ viên mãn của Như Lai, có ý nghĩa này. Thật ư? Chẳng giả tí nào! Chỉ có riêng bộ kinh này là có thể độ hết thấy chúng sanh. Một vạn năm trong đời Mật Pháp đã trải qua một ngàn lẻ ba mươi bảy năm, từ nay trở đi hãy còn hơn tám ngàn năm, thật sự có thể đắc độ, thành tựu viên mãn trong một đời, chỉ có mỗi pháp môn này, mà cũng chỉ có mình bộ kinh này! Vì thế, [thời tiết, nhân duyên ấy] cảm Như Lai toàn thân phóng quang. Đức Phật phóng quang có phải là do ý nghĩ của chính Ngài hay không? Nghĩ sẽ phóng quang ở chỗ nào, bèn phóng quang tại đó ư? Chẳng phải vậy. Nếu đức Phật có ý nghĩ, Phật sẽ biến thành phàm phu! Do vậy, chúng ta nhất định phải lý giải, phải ghi nhớ: Bất luận đức Phật biểu hiện như thế nào, Ngài chẳng hề khởi tâm động niệm! Chẳng khởi tâm động niệm, chúng ta biết phóng quang là cảm ứng. Quý vị nói xem: Pháp môn này, bộ kinh điển này có tác dụng lớn cỡ nào? Bao nhiêu chúng sanh được lợi ích? Tự nhiên. Như chúng ta đã thấy trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn phóng quang từ diện môn, chẳng phải là toàn thân. Do diện môn chẳng phải là toàn thân, chúng ta hiểu bộ kinh ấy cũng hết sức tuyệt diệu, nhưng độ người thuộc căn tánh nào? Bạc thượng căn trở lên. Trong quá khứ, Thiền Tông ắt phải tu kinh này, Mật Tông cũng phải tu. Pháp môn này, tức pháp môn Tịnh Tông “*thích hợp khắp ba căn, gồm thu lợi căn lẫn độn căn*”. Bất luận căn tánh như thế nào, trừ phi quý vị chẳng gặp gỡ, chứ khi quý vị gặp được, chẳng có ai không thành tựu!

Trong kinh có nói nhiều câu như thế, Phật quang “*mấy trăm ngàn màu*”, đó là màu sắc của quang minh. “*Mấy trăm ngàn thứ biến hiện*” là sự biến hóa. “*Quang minh rất mực sáng rực*”, “*trên dưới chiếu thấu suốt*”, quý vị thấy đó, “*sáng vàng vạc bội phần*”. Văn tự trong các bản dịch đều nhằm hiển thị ý nghĩa “*ánh sáng biểu lý*”. Nhất là chẳng thể nghĩ bàn là như trong bản Tổng dịch có nói, các bản khác chẳng có: “*Diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm*” (Sắc mặt viên mãn, cõi báu trang nghiêm). Bản ấy có câu này, [hàm nghĩa] trong

quang minh hiện cõi nước, trong cõi nước hiện Phật, trong Phật quang có thể thấy các cõi nước của mười phương chư Phật. Điều này quá hy hữu, cảnh giới ấy là cảnh giới Hoa Nghiêm. Vì thế, cổ nhân nói: Kinh này được gọi là Trung Bản Hoa Nghiêm là có lý, lời lẽ ấy chẳng phải là nói tùy tiện. Chúng ta nghĩ tới sự thù thắng trong thế giới Cực Lạc, điều ấy cũng có thể khơi gợi chúng ta, khiến cho chúng ta tin sâu, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Chỉ cần sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị nhất định viên mãn Bồ Đề trong một đời, có thể chứng đắc Phật quả rốt ráo, tức Vô Thượng Bồ Đề. Pháp môn này ai nấy đều có phần, bất luận căn tánh như thế nào, thật sự chịu tu, chịu tin và chịu tu, người ấy chẳng phải là phạm nhân. Đừng thấy người ấy hiện thời dường như thiếu học thức, chẳng biết chữ, là hạng ông già, bà cả, người ta thiện căn trong đời quá khứ sâu dày. Nếu không, người ấy vừa nghe, vừa thấy, vì sao liền tin tưởng? Vì sao có lắm kẻ đọc bộ kinh này vẫn nửa tin, nửa ngờ? Người này chẳng biết chữ, chưa hề niệm kinh, quý vị dạy người ấy niệm A Di Đà Phật, người ấy liền tin tưởng, lạ lùng thay! Thật ra, nếu quý vị thâm nhập kinh tạng, sẽ chẳng thấy kỳ quái. Trong đời quá khứ, trong A Lại Da Thức [của người ấy] đã có căn, đã có chủng tử Phật pháp sâu dày, tương ứng với Tịnh Tông, nên mới có hiện tượng ấy. Người ấy chắc chắn thành tựu trong một đời.

Chúng ta xem mấy câu tiếp theo có nói rõ: *“Hiện đại quang minh, số thiên bách biến, chỉ Phật u hội thượng phóng đại quang minh, thuần tức vạn biến, quang sắc tham hôi, tự nhiên tối thắng”* (“hiện quang minh lớn biến hiện mấy trăm ngàn thứ”, ý nói: Trong pháp hội, đức Phật phóng quang minh lớn, trong chớp mắt, biến hiện muôn thứ, màu sắc của các tia sáng quyện lẫn vào nhau, trang nghiêm thù thắng tự nhiên). Mấy câu này sẽ được nói cặn kẽ trong phần kinh văn phía sau. Chúng ta trông thấy, có thể cảm nhận đức Phật phóng quang, trong quang minh biến hóa, màu sắc của các tia sáng hòa quyện lẫn nhau, các tia sáng chiếu rọi lẫn nhau, đẹp khôn kể xiết! Tiếp đó bèn nói: *“Tự nhiên tối thắng”*. Sự tự nhiên này do Tánh Đức vốn là như thế đó. Các nhà khoa học hiện thời đã nói: Tất cả các hiện tượng trong vũ trụ sanh diệt đều chẳng lìa khỏi ý niệm. Điều này giống như Tướng Tông thường nói: *“Duy thức sở biến”*. Hãy đặc biệt chú ý chữ Duy. Duy (唯) là chỉ có một mình. [Duy Thức là] trừ Thức ra, thứ gì cũng chẳng có. Thức là gì? Thức là ý niệm. Duy thức sở biến (chỉ do thức biến) thì giới hạn trong mười pháp giới; ngoài mười pháp giới là Nhất Chân pháp giới, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật và đại Bồ Tát. Cảnh tượng trong ấy hẳn đã thành tựu bèn chẳng thay đổi, nên gọi là Nhất Chân, bất biến! Con người [trong cõi Thật Báo] sống thọ vô lượng, mà cũng chẳng già suy, vĩnh viễn là dáng vẻ trẻ trung, bất biến. Vì sao? Họ chẳng có thức, thức là gì? Phân biệt, chấp trước, họ chẳng có. Không chỉ chẳng có phân biệt, chấp trước, ngay cả khởi tâm động niệm cũng chẳng có. Sở dĩ Nhất Chân pháp giới hiện tiền là do tập khí vô thỉ vô minh biến hiện, khoa học hiện thời chẳng phát hiện hiện tượng này. Thật ra, khoa học hiện thời cũng rất lỗi lạc, đã nói đến A Lại Da, [A Lại Da là] nguyên khởi của y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Họ có thể nêu ra chân tướng sự thật, chẳng khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong kinh Đại Thừa từ ba

ngàn năm trước. Khoa học đã chứng minh, giải thích cho chúng ta biết cảnh giới chúng đặc của chư Phật, Bồ Tát.

Trong đoạn văn này, lão cư sĩ nói: “*Như Pháp Hoa Kinh Tụ Phẩm viết: Mi gian bạch hào, đại quang phổ chiếu*” (như trong phẩm Tụ của kinh Pháp Hoa chép: “Từ tướng bạch hào giữa mây có ánh sáng lớn chiếu khắp”). Trong phẩm Tụ của kinh Pháp Hoa, đức Phật phóng quang từ tướng bạch hào. Trong các kinh điển, bạch hào phóng quang được nhắc tới nhiều nhất, cũng là thường thấy nhất, quang minh to lớn chiếu trọn khắp. “*Cổ tri ‘hiện đại quang minh’, tức bí chi đại quang phổ chiếu. Cổ tri Ngụy dịch trung chi ‘oai thần quang quang’ diệc ứng đồng thử, hàm biểu Phật chi oai quang minh diệu quảng đại, vô năng tỷ giả*” (Do vậy biết “hiện đại quang minh” chính là “đại quang phổ chiếu” trong kinh ấy. Vì vậy, câu “oai thần rạng ngời” trong bản Ngụy dịch cũng tương đồng với câu này, cùng biểu thị quang minh oai thể chiếu soi rạng ngời của đức Phật rất rộng lớn, không gì sánh nổi). Phật, Bồ Tát phóng quang, quang minh ấy do đâu mà có? Từ trong trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh mà ra. Tìm kiếm căn nguyên của nó, căn nguyên ấy có sẵn trong tự tánh. Nó hiện tướng là phóng quang; người hiện thời nói [phóng quang] là hiện tượng vật lý, nhưng nó chẳng phải là vật lý, mà là Tánh Đức. Chúng ta nói là “quang”, giống như ánh sáng mặt trời, còn nói “điện”, tức “thiểm điện” (閃電: tia chớp) thì là hiện tượng vật lý. Phật, Bồ Tát phóng quang là hiện tượng từ tự tánh, hoàn toàn chẳng giống hiện tượng vật lý. Ánh sáng thuộc hiện tượng vật lý có thể tổn thương con người, Phật quang nhu hòa, chẳng tổn hại con người. Phật quang chẳng nhức mắt, mà nhu hòa. Dẫu quang minh sáng đến mấy, vẫn chẳng tổn hại mắt.

Tiếp đó, sách viết: “*Chỉ u số thiên bách biến, tắc đồng u bốn kinh Thọ Lạc Vô Cực phẩm*” (Còn như câu “mấy trăm ngàn thứ biến hiện” thì giống như trong phẩm Thọ Lạc Vô Cực của kinh này), câu này được nói trong phẩm ba mươi hai: “*Tự nhiên quang sắc tham hồi, chuyển biến tối thắng*” (tự nhiên màu sắc của từng tia quang minh hòa quyện vào nhau, chuyển biến tối thắng), có hai câu ấy. Chúng ta hãy đặc biệt chú ý chữ “*tự nhiên*”. “*Tự nhiên*” là nói rõ: Chẳng có khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước. Sở dĩ quang minh hiện tướng, nhất định là do cảm ứng. Chúng sanh có cảm, Phật tự nhiên có ứng. Từ điểm này, chúng ta cũng có thể hoàn toàn lãnh hội: Phật vì hết thấy chúng sanh mà thị hiện đủ mọi thân tướng, đáng nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy, quyết định là chẳng có nghĩ ngợi gì! Chẳng có ý niệm! Ý niệm là Thức. Chẳng có A Lại Da Thức, hoàn toàn do tự tánh lưu lộ. Chúng sanh cảm, sự cảm ấy có sức mạnh to lớn dường ấy, có thể khiến cho trí huệ và đức năng trong tự tánh hiện đủ mọi tướng, các thứ tướng ấy trọn đủ mấy trăm ngàn thứ biến hóa. Thấu hiểu mấy trăm ngàn thứ biến hóa ấy từ chỗ nào? Thật khó! Chúng ta rất may mắn, sanh trong thời đại này, do gặp gỡ Lượng Tử Lực Học nên chúng ta hiểu rõ. Chẳng gặp Lượng Tử Lực Học, sẽ chẳng hiểu Phật pháp, giống như Di Lạc Bồ Tát dạy: Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm; đó là “mấy trăm ngàn thứ biến hóa”, vì mỗi niệm đều chẳng giống nhau. Xưa kia, để giải thích ý nghĩa này, chúng tôi đã nói là một

tương tương tự liên tục. Vì sao? Hoàn toàn chẳng phải là tương đồng, hai ý niệm hoàn toàn chẳng tương đồng, nhưng một niệm sanh diệt quá nhanh. Quý vị hãy ngẫm xem: Đối với một cái khảy ngón tay, các đồng học chúng ta đã tính toán, trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu niệm? Ba trăm hai mươi triệu niệm, mỗi niệm đều khác nhau, một cái khảy ngón tay đầy nhé! Kinh nói là “mấy trăm ngàn thứ biến hóa”. Vì tích lũy nhiều ngàn ấy, nên mới sanh ra hiện tượng. Chúng ta có thể cảm nhận hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần. Hiện thời, các nhà khoa học phát hiện Lượng Tử, còn gọi là tiểu quang tử, biết nó là chuyện như thế nào: Ý niệm tích lũy liên tục, phát sanh huyền tướng. Nói cách này, chúng ta dễ hiểu. Trên thực tế, hoàn toàn giống như Di Lạc Bồ Tát đã nói, mà cũng là nói rõ: Chân tướng của vũ trụ và nhân sinh do đức Phật đã thấy từ ba ngàn năm trước đến nay đã được các nhà khoa học chứng thực, là thật, chẳng giả!

Liễu giải chân tướng sự thật thì quý vị mới có thể thật sự buông xuống. Vì sao chẳng thể buông xuống? Do chẳng liễu giải chân tướng. Nay chúng ta có thật sự liễu giải hay chẳng? Chẳng có! Vì sao? Nay chúng ta chỉ nghe nói mà thôi, biết là có chuyện như thế đó, vì sao vẫn chẳng thể buông xuống? Làm thế nào để chứng tỏ quý vị thật sự liễu giải? Thật sự buông xuống, chứng tỏ quý vị thật sự hiểu rõ. Chẳng buông xuống, chứng tỏ quý vị vẫn chưa thật sự hiểu rõ. Trong bài kệ Hồi Hương có câu: “*Nguyện đạt được trí huệ thật sự hiểu rõ*”, trí huệ ấy là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh. Trí huệ ấy mà khai, quý vị sẽ thật sự hiểu rõ. Thật sự hiểu rõ, sẽ thật sự buông xuống, ngay cả ý niệm trong tâm cũng chẳng tồn tại thì mới là thật sự buông xuống. Có lúc vẫn khởi tâm động niệm thì chưa được! Chưa buông xuống! Buông xuống chẳng dễ dàng, cũng có nghĩa là chẳng dễ gì thật sự hiểu rõ! Hiểu biết nửa vời thì được, chứ thật sự hiểu rõ ràng thấu triệt khó lắm! “*Có tri Ngụy dịch trung chi oai thần quang quang diệc ưng đồng thứ*” (vì thế biết câu “oai thần rạng ngời” trong bản Ngụy dịch cũng phải giống như câu này), có cùng một ý nghĩa, đều là biểu thị oai quang của Phật, tức là quang minh oai đức của Ngài chiếu soi rộng lớn, chẳng gì có thể sánh bằng!

“*Tự nhiên quang sắc tham hồi, chuyển biến tối thắng*” (tự nhiên màu sắc của từng tia quang minh hòa quyện vào nhau, chuyển biến tối thắng), sự chuyển biến tối thắng ấy chính là điều thứ hai trong ba thứ trọn khắp như sách Hoàn Nguyên Quán đã nói, từ trọn khắp pháp giới, “*xuất sanh vô tận*”. Xuất sanh vô tận là thuận theo ý niệm, là A Lại Da; nói cụ thể, sẽ là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đồng thời xuất hiện. Kế đó là nói: “*Đồng biểu Phật quang tự nhiên giao tham hồi chuyển, quang sắc biến hóa dữ biến dữ thắng, vô hữu cùng cực*” (cùng biểu thị Phật quang tự nhiên hòa quyện vào nhau, xoay chuyển, màu sắc của quang minh biến hóa, càng biến hóa càng thù thắng chẳng cùng cực). Khi khai ngộ, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp*”, đây cũng là nói tới y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Lớn thì chúng ta nói đến thế giới Hoa Nghiêm, nhỏ thì chúng ta nói đến cảnh giới trước mắt, càng

biến hóa càng thù thắng, chẳng có cùng tận. “Chẳng có cùng tận” rất khó hiểu, đây là Tánh Đức, nó biến hóa đúng là chẳng có cùng tận, rất khó tưởng tượng. Câu kinh văn này khiến cho chúng tôi nghĩ đến lúc bé chơi kính vạn hoa rất giống chuyện này. Kính vạn hoa cấu tạo hết sức đơn giản; từ đó, quý vị có thể thấy hai câu này, càng biến hóa càng thù thắng, chẳng có cùng tận. Ngay cả kính vạn hoa mà còn hiển thị cảnh giới, huông hồ tự tánh. Tự tánh là một ống kính vạn hoa lớn.

“*Tôn giả A Nan, tức tự tư duy*” (Tôn giả A Nan liền tự suy nghĩ), “*tôn giả A Nan nữ bốn kinh chi đương cơ*” (tôn giả A Nan là đương cơ của kinh này). Đương cơ của bộ kinh này là hai vị, nửa bộ trước là tôn giả A Nan, nửa bộ sau là Di Lặc Bồ Tát, biểu thị ý nghĩa rất sâu về mặt pháp. Ngài A Nan biểu thị pháp vận một vạn hai ngàn năm của Thích Ca Mâu Ni Phật. A Nan truyền thừa giáo học và giáo pháp của đức Phật, Di Lặc Bồ Tát biểu thị đức Phật kế tiếp. Di Lặc Bồ Tát hiện đang ngự trên trời Đâu Suất, tu gì? Tu tri túc, tri túc thường lạc. Đâu Suất có nghĩa là Tri Túc, Ngài tu tri túc ở đây. Thật sự tri túc thì mới có thể làm Phật. Kẻ chẳng tri túc sẽ chẳng thể thành Phật, ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu. Tri túc đến mức độ nào? Tri túc đến mức vô cầu, thật sự chẳng tranh cùng người, chẳng cầu nơi đời, thật sự tri túc, may mắn ý niệm đều chẳng có! Cuộc sống thì sao? Sống cuộc đời hoàn toàn tùy duyên, chẳng có gì không tốt. Trong cảnh giới, xác thực chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Chúng ta phải hiểu rõ, phải học tập điều này, ý nghĩa biểu pháp trong kinh này quá sâu!

Di Lặc Bồ Tát đến thành Phật trong thế gian này, thời gian còn rất dài. Kinh nói là năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm sau, Ngài mới từ trời Đâu Suất giáng hạ. Thời gian chẳng có Phật rất ư là dài, nếu Phật, Bồ Tát chẳng quan tâm tới các chúng sanh khổ nạn, tâm từ bi ở chỗ nào? Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh khổ nạn. Chỉ cần chúng sanh có cảm, các Ngài bèn hiện, hiện thân gì vậy? Thân Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng là gì? Cần phải biết: Pháp môn Địa Tạng biểu thị lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, tôn trọng thầy. Nói đơn giản là hiếu kính. Hiếu kính là làm người, sanh lên cõi trời, đó là cội gốc to tát để thành Phật. Quý vị chẳng thể tiếp nhận Phật pháp, khi Phật chẳng trụ thế, bèn dùng gì để giáo hóa nhân dân? Dạy họ hiếu kính. Có thể làm được hai chữ này khó có lắm, người ấy đời đời kiếp kiếp chẳng đọa trong ba ác đạo, có thể giữ vững thân người. Trong tương lai, Di Lặc Bồ Tát xuất thế, người ấy có duyên phận, tức là có duyên phận với Di Lặc Bồ Tát, sẽ tham dự ba hội Long Hoa. Pháp hội của Di Lặc Bồ Tát vô cùng rộng lớn, chẳng giống Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật có tất cả hơn ba trăm hội, hơn ba trăm hội to nhỏ, Di Lặc Bồ Tát chỉ có ba hội. Chúng ta có thể lý giải, thời gian của ba hội ấy rất dài, trong mỗi hội chắc chắn có rất nhiều hội nhỏ thì Ngài mới có thể độ hết những chúng sanh hữu duyên. Phàm là những người tu hành chẳng đạt thành tựu trong thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng chứng quả, trong tương lai đều có thể tham dự ba hội Long Hoa, vì sao? Nay quý vị đã gieo thiện căn nơi Thích Ca Mâu Ni Phật, vẫn chưa thể thành tựu trong thời mạt pháp thuộc

pháp vận Thích Ca Mâu Ni Phật, vậy thì quý vị sẽ thành tựu trong pháp hội của Di Lạc Bồ Tát. Mỗi vị Phật đều kế tục nhau độ chúng sanh, từ bi đến tột bậc!

Chúng ta phải hiểu: Đáng thương nhất là gì? Chính là đời đời kiếp kiếp chẳng thấy Phật pháp, chẳng nghe Phật pháp, trong A Lại Da Thức chẳng có chủng tử Phật pháp, thật sự đáng thương! Người ấy chẳng có thiện căn. Nếu trong một đời có thể nghe một lần, nghe một câu A Di Đà Phật, liền gieo thiện căn trong A Lại Da Thức. Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, phải liễu giải chân tướng sự thật này, niệm niệm chẳng quên giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn, dùng phương pháp gì để giúp đỡ họ? Niệm Phật. Đối với hết thảy các động vật nhỏ, chúng ta thấy muỗi, trùng, kiến, bèn chấp tay “*A Di Đà Phật*”, gieo thiện căn cho chúng. Nhiều đời nhiều kiếp sau, chúng nó sẽ nhờ vào một câu A Di Đà Phật ấy mà đắc độ, ai gieo thiện căn ấy cho chúng? Quý vị gieo cho chúng. Người học Phật chẳng bỏ uổng ngày nào, niệm niệm chẳng bỏ lỡ, đó là gì? Chúng sanh vô biên thế nguyện độ. Lại còn thù thắng hơn là những chúng sanh mà nhục nhãn của chúng ta không thấy, họ ở chung quanh chúng ta, có khi chúng ta cảm nhận được, bèn niệm một câu A Di Đà Phật hồi hướng cho họ, họ sẽ cảm ơn. Những công đức tụng kinh, đọc kinh, giảng kinh của chúng ta hoàn toàn có thể chia sẻ cùng mọi người. Trong Phật pháp gọi là “hồi hướng”, danh từ hiện thời là “chia sẻ”, chẳng có ai không đạt được lợi ích. Thường giữ cái tâm này, niệm niệm chẳng bỏ, vô lượng công đức! Tu tập tích lũy công đức trọn chẳng nhất định phải tốn tiền. Có những kẻ giàu có, đâm ra chẳng biết tu công đức, những điều họ đã tu tập là phước đức. Công đức là Bồ Đề tâm, là thiện duyên, là tâm yêu thương hết thảy chúng sanh, nguyện tâm chẳng bỏ chúng sanh, đó là thành tựu công đức của quý vị. Tâm Bồ Đề của chúng ta cũng được bồi dưỡng như vậy trong cuộc sống hằng ngày. Do đó, trong đại hội hoằng pháp của chư Phật, quý vị cũng giống như tôn giả A Nan sẽ làm bậc đương cơ của đại hội.

Tiếp đó, sách viết: “*Nhược luận kỳ bốn*” (nêu luận về Bốn), Bốn, tức căn bản của A Nan^{41[2]}, “*thật diệp tùng quả hương nhân chi Pháp Thân đại sĩ*” (cũng thật sự là bậc Pháp Thân đại sĩ từ quả hương đến nhân). Nói rõ ngài A Nan cũng là thị hiện. Trong hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài có thân phận gì? Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Đó là biểu diễn trên sân khấu. Trên sân diễn, Ngài có thân phận là Tu Đà Hoàn, tức Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Sau sân khấu Ngài là gì? Sau sân khấu bèn là Pháp Thân Bồ Tát, bậc Pháp Thân đại sĩ minh tâm kiến tánh. Từ quả hương đến nhân thì tối thiểu chúng ta có thể tin tưởng, chẳng hoài nghi. Tiếp đó, còn chứng cứ, rất khó có: “*Pháp Hoa kinh trung Phật cáo Bồ Tát viết: Ngã dĩ A Nan đẳng u Không Vương Phật sở, đồng thời phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. A Nan thường nhạo đa văn, ngã thường cần tinh tấn. Thị cố ngã dĩ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu*

^{41[2]} Bốn (本) ở đây có nghĩa là quả vị chứng đắc thật sự, trong khi Tích (跡) là những sự thị hiện nhằm hóa độ. Chẳng hạn, ngài A Nan thị hiện thân phận Sơ Quả Tu Đà Hoàn, nhưng Bốn của Ngài phải là bậc Pháp Thân Đại Sĩ, vì trong kinh Pháp Hoa đã nói rõ các đệ tử Thanh Văn của Ngài là “*nội bí Bồ Tát hạnh, ngoại thị hiện Thanh Văn*” (bên trong là hạnh Bồ Tát bí mật, bên ngoài hiện tướng Thanh Văn).

Tam Bồ Đề, nhi A Nan hộ trì ngã pháp, diệc hộ tương lai chư Phật pháp tạng, giáo hóa thành tựu Bồ Tát chúng” (Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật bảo các vị Bồ Tát: “Ta cùng nhóm ông A Nan ở chỗ Không Vương Phật đồng thời phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A Nan thường ưa Đa Văn, ta thường siêng tinh tấn. Vì vậy, ta đã đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà A Nan hộ trì pháp của ta, cũng sẽ hộ trì pháp tạng của chư Phật trong tương lai, giáo hóa thành tựu các Bồ Tát”). Chuyện này do chính đức Phật nói, chẳng giả. Ngài A Nan đúng là Pháp Thân đại sĩ thừa nguyện tái lai, đến biểu diễn cho chúng ta thấy. Đức Phật đã nói ra chuyện quá khứ. Ở đây, “ta” là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, Phật Thích Ca cùng “A Nan đấng”, [ý nói, ngoài A Nan ra] còn có người khác. “U Không Vương Phật sở” (ở chỗ Không Vương Phật), Không Vương Phật là tên gọi chung của hết thầy chư Phật, mỗi vị Phật đều có thể gọi là Không Vương Phật. Đây là nói tới sự chứng đắc của Ngài, chứng đắc lý Nhị Không, tức là mỗi vị Phật đều chứng đắc Nhân Ngã Không và Pháp Ngã Không. Ở đây, [Không Vương Phật] là một vị Phật trong quá khứ. Ngài nói khi ở chỗ Không Vương Phật, đức Thế Tôn và A Nan đều cùng tu Bồ Tát đạo, phát Bồ Đề tâm, đồng thời phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đó là Bồ Đề tâm. “A Nan thường nhạo đa văn” (A Nan thường thích nghe nhiều), tập khí khác nhau. A Nan chuộng nghiên cứu kinh giáo, có hứng thú hết sức rộng rãi. Nói cách khác, Ngài tiến bộ khá chậm chạp vì Ngài học quá nhiều thứ, quá tạp. Thích Ca Mâu Ni Phật thật thà hơn, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, nên Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật trước. “Thường cần tinh tấn” (thường siêng năng tinh tấn) là thâm nhập một môn.

Chư vị phải biết, thành Phật là do từ Giới, Định, Huệ mà thành tựu, chẳng phải là do học rộng nghe nhiều mà thành tựu, nhất định phải biết điều này. Nhưng căn tánh mọi người khác nhau, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, đối với người ưa thích học rộng nghe nhiều, đức Phật mở ra pháp gì? Pháp Tướng Duy Thức, mở ra môn học ấy. Mở ra môn học ấy là do chuyên vì loại người thuộc căn tánh đó. Thật sự là người thật thà, thượng căn lợi trí, đức Phật mở ra môn Thiền Tông, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, mau chóng lắm! Nếu là người trung hạ căn hoặc hạ hạ căn, có thể dừng mãnh tinh tấn, đức Phật liền mở ra Tịnh Độ Tông cho người ấy. Thâm nhập một môn, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, thành tựu trong một đời cũng chẳng thua kém kẻ khác. Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát, chẳng thua sút người khác. Do nguyên nhân gì? Được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, trọn chẳng phải là giả. Lẽ nào A Di Đà Phật vọng ngữ? Điều kiện quan trọng nhất trong pháp môn này là lòng tin. Quý vị phải thật sự tin, thật sự nguyện, chẳng thể có mảy may nghi lự nào, sẽ thành công. Nếu quý vị có hoài nghi, có nghi ngại, sẽ chẳng thể thành công, quý vị hành theo môn này chẳng trót lọt! Tuy chẳng hành trót lọt, đã gieo thiện căn. Có thiện căn ấy, quý vị có duyên gặp gỡ pháp môn này. Gặp pháp môn rồi lại tiếp tục tu, đến giai đoạn nào đó, thật sự buông xuống, sẽ thành tựu trong giai đoạn ấy. Trong một đời này, chúng ta đã hiểu rõ: Buông xuống vạn duyên, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, sẽ thành tựu trong một đời này. Đời này

niệm Phật chẳng thể vắng sanh, đời sau hoặc đời sau nữa còn có duyên phận, còn có thể tiếp tục tu học. Chúng ta hiểu rõ: “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. Chư Phật, Bồ Tát hộ niệm hết thảy chúng sanh còn chu đáo hơn mẹ hiền chăm sóc con thơ. Ân đức của Phật chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta thường quên mất Phật, nhưng Phật chẳng thời khắc nào quên chúng ta! Chúng ta được chiếu trụ trong Đại Viên Kính Trí của các Ngài, đó là sự gia trì của đức Phật đối với chúng ta. Bản thân chúng ta thật sự là phiền não, nghiệp chướng quá nặng, chẳng cảm nhận được, nhưng Phật thật sự gia trì chúng ta.

Ngài A Nan cũng hết sức khó có, ưa chuộng đa văn, phát tâm hộ trì Phật pháp. Vì thế, hoằng pháp và hộ pháp đều chẳng dễ dàng. Quý vị chẳng thông hiểu Phật pháp, làm sao hoằng pháp, làm sao hộ pháp? Phật pháp quyết định chẳng thể dùng ý nghĩa của chính mình để giải thích, [nếu dùng ý mình để giải thích thì] sai mất rồi! Kể từ xưa, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế đã xuất hiện trạng huống ấy, kinh Phật gọi trạng huống ấy là Tăng Thượng Mạn. Phiền não rất phiền phức, chướng ngại quý vị khai ngộ, chướng ngại quý vị chứng quả. Không chỉ là như thế, thậm chí còn chướng ngại thiện pháp của quý vị, phiền phức lắm! Vì quý vị tự cho là đúng, chính mình chẳng có chướng đắc, ngộ đã chứng đắc, chẳng liễu giải, cứ ngộ đã liễu giải, dạy bảo người khác như thế, hướng dẫn chúng sanh sai lầm. Hướng dẫn sai lầm, phải chịu trách nhiệm nhân quả. Quý vị xem công án của thiền sư Bách Trượng đời Đường sẽ thấy có kể một câu chuyện: “Nói lầm một chữ chuyện ngữ, đọa thân chồn hoang năm trăm đời”. Vì sao tạo thành hiện tượng ấy? Tăng Thượng Mạn. Chỗ này cũng ban cho chúng ta một khai thị rất trọng yếu, học Phật quyết định chớ nên có tâm ngạo mạn, ngạo mạn là do chính quý vị không biết. Nếu người ta hỏi quý vị: “Tôi chẳng có ngạo mạn, rất khiêm hư, không ngạo mạn”, xác thực là chính người ấy chẳng thể cảm nhận [chính mình đang ngạo mạn]. Đối trị ngạo mạn như thế nào? Khiêm hư. Đối trị ganh tỵ như thế nào? Tùy hỷ. Bồ Tát đều có phương pháp [để đối trị các tật xấu ấy]. Căn bệnh rất nặng, quý vị chẳng có phương pháp đối trị, nó liền khởi tác dụng, chướng đạo.

Ngài A Nan hộ trì Phật pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Xưa kia, Ngài là bạn học của Thích Ca Mâu Ni Phật. Một vị Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ, người có duyên với Phật đều đến giúp Ngài. Hoặc là dùng thân phận Bồ Tát, thân phận Thanh Văn, làm đệ tử, hoặc kẻ tại gia hộ pháp của Ngài, khiến cho một đời giáo học của Ngài được viên mãn. Ngài A Nan cũng hộ trì pháp tạng của chư Phật trong tương lai, Ngài nhất định đã phát đại nguyện ấy. Ở đây, Thích Ca Mâu Ni Phật đã tiết lộ: “*Giáo hóa thành tựu Bồ Tát chúng*”. Nói là “*Bồ Tát chúng*”, cho thấy ngài A Nan là Đại Thừa, chẳng phải là Tiểu Thừa. “*Nhược luận kỳ Tích*” (nếu luận về Tích của ngài A Nan), Tích (跡) là thân phận thị hiện của Ngài trong hiện tiền, “*tắc vi kết tập Kinh Tạng, truyền Phật tâm ấn, truyền thọ Mật Thừa, thừa truyền đại giáo chi quan kiện nhân vật*” (là nhân vật then chốt kết tập Kinh Tạng, truyền tâm ấn của Phật, truyền dạy Mật Thừa, truyền thừa đại giáo). Thật sự hộ trì, nay chúng ta nói là “*hộ pháp*”. Hộ pháp chính là ba chuyện ấy. Kết tập Kinh Tạng: Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế giảng kinh,

giáo học, chẳng lưu lại văn tự, chẳng có kinh bản. Kinh do đâu mà có? Chẳng giống các tôn giáo thông thường. Các tôn giáo thông thường có rất nhiều kinh điển từ cõi trời giáng xuống, Phật giáo chẳng phải vậy. Phật giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên giảng cho mọi người trong thuở Ngài tại thế. Khi ấy, chẳng ghi chép bằng văn tự, do đâu mà có kinh điển? Ngài A Nan trùng tuyên, nhắc lại những kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói một lượt. Năm trăm vị Đại A La Hán chứng minh cho Ngài, làm thánh chứng. Nghe những lời A Nan đã nói, mọi người đồng ý, đều tán thành, thì mới có thể dùng văn tự để ghi chép, lưu truyền hậu thế, kinh Phật do như vậy mà có. Nếu có một người chẳng đồng ý, nói “tôi nghe đức Phật nói câu này không phải như vậy”, đoạn ấy phải gạt bỏ, thà thiếu chứ không thừa, nhằm giữ chữ tín với đời sau. Do đó, kết tập Kinh Tạng nghiêm ngặt như vậy, chẳng phải là thiếu số phục tùng đa số. Chẳng phải vậy! Một người chẳng đồng ý bèn chẳng thông qua! Đó là kết tập kinh tạng, đó là hộ pháp trong thuở ấy, khiến cho những gì đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm chẳng đến nỗi bị tiêu mất!

Cổ nhân rất dụng tâm, chỉ sợ kinh điển bị thất truyền, đã khắc kinh điển lên đá, chừa trong hang núi, gọi là “*tàng chư danh sơn*” (cất giữ trong các quả núi danh tiếng) hòng lưu truyền hậu thế. Năm xưa, tôi đến Bắc Kinh thăm cụ Hoàng Niệm Tổ, quen biết hội trưởng hiệp hội Phật giáo thuở ấy là lão cư sĩ Triệu Phác Sơ. Chúng tôi nói chuyện hết sức hợp ý, lão cư sĩ bảo tôi: “Thầy đã tới Bắc Kinh, nhất định phải đến Phòng Sơn xem kinh đá”. Cụ sai người lái xe đưa tôi đi thăm, tôi thấy toàn bộ Đại Tạng Kinh, trong những kinh được khắc ấy còn có mấy bộ chẳng có trong Tạng Kinh hiện thời. Quý vị thấy họ đã sưu tập hoàn chỉnh dường ấy! Nghe nói những bộ kinh ấy đã khắc trong vòng tám trăm năm, khắc qua nhiều đời suốt tám trăm năm, cất trong thạch động tại Phòng Sơn. Dường như có tất cả bảy động, [kinh điển được] cất giữ trong bảy hang động, chữ rất lớn, khắc hết sức đẹp đẽ. Chúng tôi thấy rất thích, cũng thấy hết sức cảm động trước dụng tâm của cổ nhân. Điều này thuộc về truyền thừa Kinh Tạng, chỉ sợ khi có tai nạn, kinh Phật bị thất truyền, nên dùng phương pháp ấy. Hiện thời, thuật ấn loát phát triển, để cho kinh Phật chẳng đến nỗi bị thất truyền, tốt nhất là ấn hành với số lượng lớn, cất giữ các nơi trên cả thế giới. Chúng ta biết là chắc chắn có tai nạn, nhưng chẳng thể là toàn thể thế giới có tai nạn, chẳng thể nào! Nói chung là vẫn có nơi không bị, [kinh Phật] sẽ được bảo tồn. Vì thế, số lượng càng nhiều càng an toàn. Khắc vào đá xong xuôi, cất trong danh sơn, nếu phát sanh động đất, những kinh ấy bị tiêu hết! Chúng ta chẳng thể không bận tâm: Nếu bị động đất thì làm như thế nào đây? Vì thế, ấn hành lưu thông tốt hơn bất cứ cách nào khác. Sau đây, có một năm tôi sống ở Tân Gia Ba, có một vị cư sĩ cúng dường món tiền năm trăm vạn Mỹ Kim, món tiền ấy rất đáng kể. Chuyện đầu tiên tôi nghĩ đến là in thạch kinh ở Phòng Sơn để lưu thông, có thể in một ngàn bộ. Tôi thương lượng chuyện này với cục tôn giáo của Trung Quốc, vẫn chẳng có cách nào thỏa nguyện. Chẳng phải là đơn vị ấy không đồng ý, mà là cá nhân chẳng đồng ý. Vì thế, chuyện này chẳng thể hoàn thành, tiền giữ lại đó chẳng sử dụng vào đâu được! Năm trước, Thương Vụ Ấn Thư Quán bắt đầu tái bản bộ Tứ Khố Toàn Thư, tôi nghĩ đây cũng là chuyện tốt lành, bèn mua từ

Thương Vụ Ấn Thư Quán một trăm bộ, mỗi bộ là năm vạn Mỹ Kim, một trăm bộ là năm trăm vạn, dùng hết số tiền ấy. Hiện thời, sách đã in xong, chúng tôi biếu tặng quốc nội và hải ngoại, đó là quốc bảo của Trung Quốc. Bản gốc được Thương Vụ Ấn Thư Quán của Đài Loan sử dụng là từ Văn Uyên Các^{42[3]}, tức là bộ được biên chép tốt nhất trong bảy bộ thuở ấy, cất giữ trong hoàng cung. Tuy chẳng phải là in sách Phật, nhưng đó là truyền thống văn hóa Trung Hoa. Văn hóa truyền thống Trung Hoa là cơ sở [để học hỏi] Phật pháp. Chẳng có truyền thống văn hóa Trung Hoa, học Phật nhất định phải tạo lập cơ sở vững vàng từ Tiểu Thừa. Trong tương lai, tại đạo tràng này sẽ cất giữ một bộ. Vì thế, phải thường nghĩ làm thế nào để có thể bảo tồn Phật pháp lâu dài? Hiện thời, tuy khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta hãy nghĩ, nếu vạn nhất có một ngày đại tai nạn hủy sạch khoa học kỹ thuật, chẳng có điện thì sẽ làm như thế nào đây? Computer, đĩa CD/DVD đều chẳng dùng được, đều biến thành phế vật! Có thể như vậy hay không? Có thể lắm chứ! Vì thế, phương pháp thật sự vẫn là in thành sách tốt hơn, lưu thông với một số lượng lớn. Đó là truyền kinh điển.

“*Truyền Phật tâm ấn*”: Đây là Thiên Tông. Tôn giả A Nan là tổ sư đời thứ hai của Thiên Tông. Sơ Tổ Thiên Tông là tôn giả Ca Diếp. Ngài Ca Diếp truyền cho ngài A Nan; trong Thiên Tông, ngài A Nan là Nhị Tổ. Quý vị thấy “*truyền Giáo, truyền Tông*”, Tông là Thiên Tông. Không chỉ là như vậy, Ngài còn truyền dạy Mật Tông, nên Ngài là nhân vật then chốt truyền thừa đại giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tiếp đó là nói tới kinh điển Mật Tông. Trong Liên Hoa Sanh Đại Sĩ Ứng Hóa Nhân Duyên Kinh có nói: “*Mật Giáo Sơ Tổ Liên Hoa Sanh đại sĩ từng A Nan thọ Thích Tôn dự chúc truyền phó chi Mật Pháp*” (Sơ Tổ Mật Giáo là đại sĩ Liên Hoa Sanh đã từ ngài A Nan nhận lãnh sự phó chúc truyền thừa Mật Pháp của đức Thích Ca). Thích Ca Mâu Ni Phật đã đem Mật Pháp truyền sẵn cho ngài A Nan, để ngài A Nan truyền lại cho Liên Hoa Sanh đại sĩ, cho thấy Ngài xác thực là truyền nhân của Mật Tông. “*Hựu Thai Tạng Giới Mạn Đà La Sao tam viết: A Nan mật hiệu Tập Pháp Kim Cang*” (Sách Thai Tạng Giới Mạn Đà La Sao, quyển ba viết: “Ngài A Nan có mật hiệu là Tập Pháp Kim Cang”), Mật là Mật Tông. Trong danh hiệu của Mật Tông, tôn giả A Nan có hiệu là Tập Pháp Kim Cang. “*Thử hựu hiển A Nan chi Bốn, cái Kim Cang tức Phật dã*” (điều này lại hiển thị Bốn của A Nan, vì Kim Cang chính là Phật). Mật Tông gọi Kim Cang là Phật, [A Nan] đã thành Phật. “*Cổ tri A Nan hộ trì Phật pháp thị kỳ bốn nguyện*” (do vậy, A Nan hộ trì Phật pháp chính là bốn nguyện của Ngài). Trong lúc tu nhân, trong khi tu hành, Ngài đã phát

42[3] Văn Uyên Các (文淵閣, tên Mãn Châu là Šu Songkon Asari) chính là tàng thư lâu của triều đình nhà Thanh. Kiến trúc nằm phía Bắc điện Văn Hoa, thuộc trong phạm vi của Tử Cấm Thành. Thật ra, công trình này được kiến tạo vào đời Vĩnh Lạc nhà Minh. Cũng giống như Văn Uyên Các thuộc cố cung Nam Kinh, Văn Uyên Các ở Bắc Kinh cũng nằm ở góc Đông Nam của Tử Thuần, và đã hư hại theo thời gian. Đến thời Càn Long, nhà vua hạ lệnh xây Văn Uyên Các phía sau điện Văn Hoa trên nền cũ của Thánh Tế Điện, mãi đến năm Càn Long 41 (1776) mới dựng xong, chủ yếu để lưu trữ Tứ Khố Toàn Thư và Khâm Định Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành. Sau khi xây xong, mỗi tháng vua ra lệnh cho các đại học sĩ mở một buổi kinh diên (khóa giảng về kinh sách Nho giáo) cho các học trò Quốc Tử Giám tại đó.

nguyện hộ trì Phật pháp, hết sức yêu mến Phật pháp. Điều này có mối quan hệ với tập khí đòi đòi kiếp kiếp trong quá khứ. “*Hiện tặc thị hiện vi Phật thị giả*” (nay thì thị hiện làm thị giả của đức Phật), lần này, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, Ngài đến thị hiện làm thị giả của đức Phật. “*Tục Phật huệ mạng, kế vãng khai lai, cố u bốn kinh đương cơ*” (tiếp nối huệ mạng của Phật, tiếp nối quá khứ dẫn đến tương lai. Do vậy, trong kinh này, Ngài là đương cơ), điều này chỉ rõ ngài A Nan và Tịnh Tông có duyên hết sức sâu đậm. Đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, Ngài là người khai thính đầu tiên. Thấy đức Phật phóng quang, hiện tướng lành, Ngài liền thay mặt đại chúng hướng về đức Phật thỉnh pháp, khiến cho đức Phật nói ra pháp môn này. “*Nãi năng thiện tự tư duy, phát thử diệu vấn*” (bèn có thể tự khéo tư duy, nêu ra câu hỏi hay khéo này). Khá nhiều kinh giáo đều do có người khai thính rồi đức Phật mới nói. [Những kinh] không có ai khai thính, mà đức Phật tự nói, rất ít, không nhiều lắm, nhưng đức Phật Thuyết A Di Đà Kinh là không có ai hỏi mà tự nói, không có ai khai thính. Không có ai khai thính mà đức Phật cũng nói là do thấy duyên của chúng sanh đã chín muồi, đức Phật bèn tuyên bố pháp môn ấy, giảng giải cùng mọi người. Mọi người có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, có thể chứng, đó gọi là “*duyên của chúng sanh chín muồi*”. Tuy chẳng có ai khai thính, đức Phật cũng nói ra. Kinh như vậy, đức Thế Tôn trong bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp có nói, nhưng không nhiều lắm.

“*Sắc thân chư căn, duyệt dự thanh tịnh*” (Các căn nơi sắc thân, vui sướng thanh tịnh). Trong hai câu kinh văn này, chữ “*chư căn*” chỉ sắc tướng, tức là thân thể chúng ta, năm căn nơi thân thể là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. “*Duyệt dự*” (悅豫) là vui sướng. “*Thanh tịnh, Gia Tường Sớ viết: Quang hiển dã*” (Thanh tịnh: Gia Tường Sớ giảng: “Sáng ngời, rõ rệt”), dùng “sáng ngời, rõ rệt” để giải thích thanh tịnh. “*Hựu Bảo Tích kinh viết: Như Lai thân giả, tự tánh thanh triệt, hà dĩ cố? Như Lai cứu dĩ viễn ly nhất thiết phiền não chư cấu uế cố*” (Kinh Bảo Tích lại chép: “Thân Như Lai tự tánh trong trẻo, vì có sao? Vì Như Lai từ lâu đã xa lìa hết thảy phiền não và các cấu uế”). Há có lẽ nào thân Phật chẳng thanh tịnh? Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng hoàn toàn đều đoạn hết; vì thế, thân tâm thanh tịnh. Trong kinh giáo thường tán thán chư Phật Như Lai là “*Kim Cang bất hoại thân*”. Kim Cang hình dung sự kiên cố, trong bất hoại còn có thanh tịnh. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta đọc thấy đức Phật nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, thân này là tướng hảo. Nói cách khác, thân mỗi người và thân Phật chẳng khác. Thân gì vậy? Thân hiện tiền, tức là cái thân hiện tại của chúng ta và thân Phật chẳng khác gì nhau. Nơi chúng ta đang sống và Tịnh Độ chẳng khác gì nhau. Trong Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong đã nói: “*Thân ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là thân ta*”. “*Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này*”, nói như vậy là đúng, chẳng hề nói sai. Vì sao? Vì các Ngài đã đoạn hết tập khí phiền não, nên thân tâm thanh tịnh hiện tiền. Nỗi phiền phức của chúng ta trong hiện thời là gì? Bị nhuốm bần: Thân bị tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, nhuốm bần, tâm bị tham, sân, si, mạn, nghi, nhuốm bần, đạo lý là như thế đó. Nếu buông tham, sân, si, mạn, nghi trong tâm xuống, buông tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, Sắc,

Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp nơi thân xuống, quý vị và Phật sẽ chẳng khác gì nhau. Thân Phật và thân chúng sanh không hai, không khác. Lời này là thật, chẳng giả.

Lục đạo chúng sanh một thân lắm bệnh, bệnh do đâu mà có? Tham, sân, si, mạn, nghi là gốc bệnh của quý vị, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là ngoại duyên khiến quý vị bị nhiễm bệnh. Mừng, giận, buồn, vui là nội duyên khiến quý vị bị nhiễm bệnh. Nhân duyên trọn đủ, quý vị bị bệnh, đạo lý là như thế đó. Rất khó đoạn cái nhân, đó là tập khí phiền não, chẳng dễ đoạn. Đoạn được, quý vị sẽ chứng quả! Nếu có thể đoạn hết duyên, đoạn duyên như thế nào? Đức Phật dạy chúng ta lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy; quý vị có thể chịu khổ, có thể trì giới, thân tâm thanh tịnh, sẽ được tự tại. Nếu nói: “Thật sự buông xuống ngũ dục, lục trần, buông thất tình ngũ dục xuống, con người đúng là chẳng có gì vui sướng, học Phật để làm cái quái gì?” Đức Phật đã nêu gương, học Phật là lìa khổ, được vui. Những gì là khổ? Thất tình ngũ dục là khổ, thân tâm quý vị chẳng khỏe mạnh, thân tâm bị nhiễm ô. Đức Phật dạy chúng ta toàn là những lẽ thật, chẳng giả tí nào, bản thân chúng ta phải biết, phải hiểu rõ. Vì thế, phải học thân Như Lai tự tánh trong trời, chúng ta phải học theo Phật xa lìa hết thầy phiền não. Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não thầy đều buông xuống.

“Như Lai thân giả, xuất quá thế gian, hà dĩ có? Bất vị thế pháp chi sở nhiễm ô cố” (Thân Như Lai vượt trời thế gian, vì có nào? Chẳng bị nhiễm bởi pháp thế gian). Quý vị chẳng còn bị ô nhiễm bởi tất cả các pháp thế gian. Chẳng bị ô nhiễm thì có hai biện pháp:

1) Phương pháp nông cạn là chúng ta xa lìa, không tiếp xúc nó. Đó là biện pháp trị đẳng ngọn, chẳng phải là trị tận gốc.

2) Nếu có Thiên Định sâu, chúng ta tu học bất cứ pháp môn nào cũng đắc tam-muội, từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, xa lìa ở một mức độ càng sâu hơn. Chẳng có tâm xa lìa mà trong hết thầy các pháp, tự nhiên chẳng khởi tâm không động niệm, đó là thật sự lìa.

“Nãi chí Như Lai thân giả, như tịnh kính trung vi diệu chi tượng, như tịnh thủy trung minh mãn chi nguyệt” (cho đến thân Như Lai như hình ảnh vi diệu trong gương trong sạch, như mặt trăng tròn sáng trong nước sạch). Đây là tỷ dụ, rất giống với hình ảnh được chiếu bởi tấm gương sạch lâu, hình ảnh hiện hiện trong gương. Lại giống như trong nước sạch, nước ấy sạch sẽ, chẳng nổi sóng, trăng hiện bóng trong nước. *“Tổng thượng dẫn chứng, kinh văn thích vi: Đương thời Thế Tôn, nhãn đẳng ngũ căn, đồng hiện hỷ dung”* (Tổng hợp những điều vừa dẫn trên đây, có thể giải thích kinh văn như sau: Lúc ấy, đức Thế Tôn nơi năm căn như mắt v.v... đều hiện vẻ vui sướng), nói rõ vì sao đức Phật phóng quang? Vì sao hiện tướng hoan hỷ ấy? Hoan hỷ! *“Tâm trung an lạc, diệu tướng thanh triệt”* (Trong lòng an lạc, diệu tướng trong sáng, rạng ngời). Cổ nhân nói là *“người gặp việc vui sướng, tinh thần sáng khoái”*. Khi đức Phật hiện tướng ấy, chúng ta biết là do tâm Phật biểu hiện ra, những điều này đều thuộc về thị hiện, trong lòng an lạc, diệu tướng bèn trong sáng, rạng ngời. *“Như kính*

trung ảnh, như thủy trung nguyệt” (như ảnh trong gương, như trăng trong nước), ảnh trong gương và bóng trăng trong nước bao hàm ý nghĩa sâu xa “*bất tức, bất ly*” (chẳng phải chính là, mà cũng chẳng phải là tách lìa), vừa không, vừa có. Có và Không chẳng hai!

“*Quang minh viên mãn, tịnh nhược vô hình, hòa duyệt hoan hỷ, thanh tịnh trang nghiêm*” (quang minh viên mãn, trong sạch như không có hình chất, hoan hỷ, sung sướng, thanh tịnh trang nghiêm), đây là lý do vì sao đức Phật an lạc, vui sướng? “*Tịnh Ảnh Sớ viết: Hỷ hữu nhị nghĩa*” (Tịnh Ảnh Sớ nói: “Hỷ có hai nghĩa”), giải thích cho chúng ta biết đức Phật hoan hỷ là có hai ý nghĩa biểu thị pháp:

1) “*Niệm Di Đà Phật sở thành hạnh đức khả khánh, cố hỷ*” (nghĩ đến hạnh đức đã thành tựu của Phật Di Đà đáng vui mừng, nên hoan hỷ). Đây là Phật niệm Phật. Trong phần trước, ngài A Nan đã hỏi: “Nay đức Phật hoan hỷ, có lẽ nhất định là niệm Phật, niệm quá khứ hay vị lai Phật, hay niệm đức Phật ở phương khác trong hiện tại?” Ngài A Nan từng hỏi câu ấy. Vì thế, ở đây chỉ rõ: Niệm A Di Đà Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật nghĩ tới hạnh đức đã thành tựu của A Di Đà Phật đáng vui mừng nên hoan hỷ.

2) “*Niệm chúng sanh đắc ích thời chí, cố hỷ*” (Nghĩ chúng sanh đã đến lúc được lợi ích nên hoan hỷ). Duyên của chúng sanh với Tịnh Độ đã chín muồi, cũng có nghĩa là chúng sanh có thể tiếp nhận pháp môn này. Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế giới này, nói theo thực tế, mục đích thật sự là để tuyên dương pháp môn này.

Ai đã nói lời ấy? Thiện Đạo đại sư vào thời Đường đã nói. Thiện Đạo đại sư là tổ sư đời thứ hai của Tịnh Độ Tông. Ở chỗ này, phải nói kèm thêm cho rõ với các đồng học. Tổ sư Tịnh Độ Tông chẳng phải là đời đời truyền cho nhau, chẳng phải là truyền thừa, mà là dân chủ. [Các vị tổ sư Tịnh Độ Tông] được mọi người công nhận, chọn lựa, chẳng phải là truyền thừa từng thế hệ một. Vào thời đại ấy, vị đại đức đó tu học, hộ trì Tịnh Độ Tông hữu lực nhất, có thành tựu nhất, người đời sau bèn chọn Ngài làm Tịnh Tông tổ sư, chẳng phải là truyền thừa. Do đó, Tịnh Tông đến hiện thời chỉ có mười ba đời. Quý vị thấy mỗi tông phái đều có mấy chục đời, tối thiểu cũng là bảy, tám mươi đời, Tịnh Tông mới là mười ba đời. Thời đại nào chẳng có người [phù hợp tiêu chuẩn] bèn chẳng chọn. Do đó, [tổ sư Tịnh Độ] là do dân chủ mà có, nhất định được mọi người công nhận. Không dễ dàng! Duyên thành tựu của chúng sanh đối với Tịnh Độ chẳng dễ dàng, lẽ nào đức Phật chẳng hoan hỷ? Vì sao? Thành tựu trong một đời.

Vì lẽ đó, Thiện Đạo đại sư đã nói hai câu: “*Chư Phật sở dĩ xuất thế, chỉ để nói biến bản nguyện của Phật Di Đà*”, nêu rõ vì sao chư Phật Như Lai xuất hiện trên thế gian? Xuất hiện trên thế gian vì chuyện gì? Vì chuyện này, giới thiệu pháp môn Tịnh Độ cùng mọi người, khuyên mọi người hãy chân tín, chân nguyện, thật sự niệm Phật, trong đời này quyết định được sanh về Tịnh Độ. Người chỉ cần vãng sanh Tịnh Độ bèn thành Phật, lời này là thật,

chẳng giả! Vì sanh về thế giới Cực Lạc, đầu tiên nào chẳng đoạn một phẩm nào, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư, đó là mức độ thấp nhất, sanh về thế giới Cực Lạc, đều được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát là thành Phật. Quý vị thấy Thiên Tông nói “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, đó là hạng người nào? Đó là A Duy Việt Trí Bồ Tát, kiến tánh thành Phật. Người ấy (người hạ hạ phẩm vãng sanh) có kiến tánh hay không? Chẳng kiến tánh! Cớ sao chẳng kiến tánh mà cũng thành Phật? Do Phật lực gia trì người ấy, nên thân thông và đạo lực liền bằng với minh tâm kiến tánh. Nói cách khác, người ấy có năng lực cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh. Chúng sanh có cảm, người ấy có ứng, đáng nên dùng thân Phật để độ, bèn có thể hiện thân Phật. Đây là điều chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh Độ, chính là cái được gọi là “pháp khó tin” trong Tịnh Độ.

Quý vị nói với kẻ bình phàm trong Giáo Hạ, họ sẽ lắc đầu, chẳng tin, há có đạo lý ấy! Tức là chẳng tin tưởng vào sự gia trì do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật, cho nên khó tin. Khó tin mà chúng ta có thể tin, nay chúng ta tin tưởng, dựa vào đâu?

1) Điều thứ nhất là thiện căn sâu dày trong đời quá khứ. Điều này là khẳng định.

2) Điều thứ hai, nếu thiện căn chẳng đủ sâu dày, trong một đời này, do huân tu kinh giáo Đại Thừa trong một thời gian dài, cũng có thể nâng cao thiện căn lên tới một mức độ nhất định. Điều này phải có duyên phận.

Bản thân tôi đối với Tịnh Tông thiện căn chẳng đủ sâu dày. Nếu chẳng có sự huân tu bằng kinh giáo Đại Thừa trong nhiều năm ngàn ấy, tôi vẫn chẳng tin tưởng, không dễ dàng! Thuở trẻ, lão cư sĩ Lý Bình Nam dạy tôi Tịnh Độ, khuyên dạy tôi hãy nghiêm túc học tập, tôi chẳng dám chống trái thầy, nhưng chẳng làm theo. Đi theo con đường của ngài A Nan, chẳng nghiêm túc tu tập mà cứ học rộng nghe nhiều, hết sức ưa thích kinh giáo, nhất là đối với Hoa Nghiêm và Lăng Nghiêm. Tôi kể cùng chư vị đoạn lịch sử này.

Tôi tin tưởng Tịnh Độ là nhờ Hoa Nghiêm và Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm là khóa trình chủ tu của tôi thuở trẻ. Tôi nhớ đã giảng bảy lần, nhưng trong bảy lần chỉ có hai lần giảng viên mãn, năm lần khác chẳng giảng viên mãn. Về sau, giảng kinh Hoa Nghiêm. Mười mấy năm sau, khi đã giảng kinh Hoa Nghiêm được một nửa, đột nhiên có một ngày nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền học pháp môn gì? Kinh Hoa Nghiêm vẫn chưa nói đến. Trong phần sau, lật đến phần sau của kinh điển, lật đến quyển ba mươi chín của Tứ Thập Hoa Nghiêm, trong đó có nói. Nguyên lai, Văn Thù và Phổ Hiền đều niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Lại chú tâm quan sát Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài đồng tử là đệ tử nhập thất của Văn Thù Bồ Tát, là môn sinh đặc ý, là truyền nhân của Ngài, sở học và sở truyền chắc chắn vâng theo thầy, chẳng thể nào khác thầy được! Chú tâm xem kỹ phần năm mươi ba lần tham học, quả nhiên chẳng sai! Quý vị thấy: Vị thiện tri thức đầu tiên, người

Hoa nói “*điều gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chủ yếu*”, là tỳ-kheo Cát Tường Vân, Ngài tu pháp môn gì? Ban Châu tam-muội, chuyên tu niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đối với vị thứ nhất, Trung Hoa và Ấn Độ đều có cùng cách nói “*điều gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chủ yếu*”, có quan hệ lớn nhất. Vị cuối cùng trong năm mươi ba lần tham học là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ: Thiệt Tài đồng tử vốn là chuyên tu Tịnh Độ, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, thành tựu trong một đời. Trong ấy, năm mươi ba lần tham học là khóa trình tu học ắt cần phải có nhằm hoằng pháp và hộ pháp, chứ để cho chính mình thành tựu thì một môn là đủ rồi. “*Hoằng hộ*” (hoằng pháp và hộ pháp) thì hết thầy đều phải hiểu, hoằng hộ là gì? Thành tựu Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết.

Khi nào, Ngài mới đi tham học? Đã đạt được Căn Bản Trí. Trong hội Văn Thù, Ngài đắc Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”. Sau đó, tham học là “*không gì chẳng biết*”, chính là Hậu Đắc Trí. Hai thứ trí huệ viên mãn thì mới có thể nói đến chuyện hoằng hộ! Nhưng học Hậu Đắc Trí thì nhất định phải là đã đạt Căn Bản Trí; chưa đạt được Căn Bản, lấy đâu ra Hậu Đắc? Giống như trồng cây, Hậu Đắc Trí là cành lá. Chẳng có căn bản, lấy đâu ra cành lá? Khó khăn lớn nhất của người hiện thời là chẳng có căn bản mà đã muốn làm chuyện cành lá; do đó, toàn bộ cành lá đều thất bại. Nói theo Tứ Hoằng Thệ Nguyện, “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*” là Căn Bản Trí, “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*” là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch, người biết học phải y giáo phụng hành. Vì vậy, khi chưa thành tựu Căn Bản Trí, sở học của chúng ta thầy đều vì cầu Căn Bản Trí. Trong giai đoạn ấy, nhất định là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Thâm nhập một môn thì quý vị mới có thể đắc Định, trong Phật pháp gọi là tam-muội. Sau khi thành tựu tam-muội, trí huệ liền khai. Trí huệ ấy là Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Trong kinh này, chúng ta nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là Căn Bản Trí. Cả ba điều ấy quý vị đều đạt được, nên quý vị học Hậu Đắc Trí rất mau chóng, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ toàn bộ. Khi ấy, học tập vô cùng nhanh chóng, quý vị chẳng có chướng ngại. Phiền Não Chướng chẳng có, mà Sở Tri Chướng cũng chẳng có.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Quang nhan nguy nguy*”, “*Quang*” (光) là quang minh, “*nhan*” (顏) là dung nhan. Vô Lượng Thọ Kinh Tiên Chú là tác phẩm [chú giải kinh Vô Lượng Thọ] của cư sĩ Đinh Phước Bảo [đã viết]: “*Phật chi nhan hữu quang*” [nghĩa là] khuôn mặt tỏa ánh sáng, nên gọi là “*quang nhan*”. “*Nguy nguy, cao đại tôn thắng chi mao*” (vòi vọi là diện mạo cao, lớn, tôn quý, thù thắng). “*Gia Tường Sớ viết: Nguy nguy ngôn đức thịnh, cao hiển*” (Chữ “vòi vọi” ý nói đức nhiều, cao cả, rõ rệt). Phật là bậc đại đức. Người hiện thời nói là đức Phật phong độ, dáng vẻ rạng rỡ, đều nhằm nói tới ý nghĩa “*đức thù thắng, cao cả, rạng rỡ*” từ trong nội tâm phát ra. Người hiện thời chẳng có [phong thái ấy], nhưng họ dùng cách hóa trang, hoàn toàn là bề ngoài. Đặc biệt khi lên sân khấu biểu diễn, nhất định phải hóa trang, khiến cho họ trước ống kính đều là “*quang nhan nguy nguy*”, cũng có tình

hình ấy. Vì thế, lên sâu khấu luôn có chuyên viên hóa trang, có người chuyên nghiệp giúp quý vị, còn ở đây là tự nhiên. “*Tổng biểu Phật chi đức dung*” (Nói chung, câu này diễn tả về mặt của Phật viên mãn các đức), đức ở bên trong, dung mạo ở bên ngoài. “*Hiển diệu quang minh, siêu u nhất thiết*” (rạng ngời quang minh hơn hẳn hết thảy), “*hết thảy*” là nói các vị Bồ Tát từ Đẳng Giác trở xuống, không ai có thể sánh bằng Phật. “*Hiển*” (顯) là rõ rệt, “*diệu*” (曜: chiếu sáng) cũng là như trong phần trước đã nói “*mấy trăm ngàn biến hóa*”, có ý nghĩa này. Trí huệ và đức năng của Phật đều từ tướng hảo mà thấu lộ, vượt trội hết thảy, Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng. Thanh Văn, Duyên Giác, chư thiên, nhân dân đương nhiên càng chẳng sánh bằng.

Đối với những điều được nói trong kinh, chúng ta ắt cần phải biết, những gì Phật có, chúng ta hoàn toàn đều có, nghe xong cũng chẳng cần phải hâm mộ, chúng ta chẳng kém Phật mảy may nào! Vì sao hiện thời chẳng hiển lộ? Phải biết: Vì chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Nói cách khác, nếu chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, hiện tướng ấy bèn hiện tiền. Chúng ta thật sự muốn, nay đang thuộc địa vị phàm phu, thật sự mong muốn, mong mỗi trí huệ và đức tướng đều có thể viên mãn như Phật, hãy nghiêm túc thật sự thực hiện. Nghiêm túc thật sự thực hiện thì chẳng thể quên Tam Học Giới, Định, Huệ. Thứ tự nhất định là nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Nếu nghĩ ta chẳng cần giới luật, thứ này quá phiền phức, ta thực hiện từ Định và Huệ, có được hay không? Chẳng được! Quý vị chẳng đắc Định, chẳng thể khai Huệ. Mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều đi theo con đường này mà thành tựu. Chúng ta chẳng noi theo đường cũ, tự mình mong khai sáng một con đường mới, phiền phức to lớn! Quý vị chỉ nên đi theo đường xưa, đường xưa chỉ có một lối, tự mình muốn khai sáng con đường mới, người hiện thời mong sáng tạo, càng sáng tạo càng nát be nát bét. Đúng là “*chẳng nghe lời người già, chịu thua thiệt trước mắt*”. Những người già trong nhiều đời, nhiều thế hệ đều đi theo con đường xưa cũ này, quý vị ngỡ là hiện thời khoa học phát triển, phải sáng tạo cái mới, quý vị cứ làm thử xem! Chớ nên không biết điều này, chẳng thể không tôn trọng tổ tiên, chẳng tôn trọng người trước. Nếu có mảy may ý nghĩ ngạo mạn nào, ta sống trong thế kỷ hai mươi mốt, là thời đại khoa học kỹ thuật phát triển, lẽ nào đi theo họ? Quý vị không đi theo họ, con đường của quý vị là tam đồ, khẳng định là ở trong tam đồ, chúng ta chớ nên không biết điều này! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

Tập 140

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm sáu mươi hai, dòng thứ tư.

“*Bảo sát trang nghiêm, tập tự Tổng dịch. Thượng hữu diện sắc viên mãn tứ tự*” (“Bảo sát trang nghiêm”: Câu này được hội tập từ bản Tổng dịch, phía trước câu này có bốn chữ “sắc mặt viên mãn”). Câu kinh văn này đọc như sau: “*Diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm*”. “*Biểu Phật diện dung sở phóng diệu quang minh trung, ánh hiện thập phương Phật độ chi trang nghiêm bảo sát*” (ý nói: Trong quang minh vi diệu phóng ra từ khuôn mặt đức Phật, hiện bóng cõi nước báu trang nghiêm của mười phương cõi Phật).

Tiếp đó là: “*Sát giả, Pháp Hoa Văn Cú Ký nhị*” (Sát: Theo quyển hai sách Pháp Hoa Văn Cú Ký), đây là cuốn thứ hai, “*viết: Thử vân Điền*” (giảng: “Cõi này nói là Điền”). “*Thử*” là Trung Hoa, chữ Sát (刹) được dịch sang nghĩa tiếng Hán là Điền Địa (田地). “*Tức nhất Phật sở vương thổ dã. Cố tri Sát tức Phật độ, Phật quốc chi nghĩa*” (tức là vương thổ của một đức Phật. Vì thế, Sát có nghĩa là cõi Phật hoặc nước Phật). Chữ Bảo Sát (寶刹) chỉ một cõi nước Phật. Nói theo cách hiện thời, sẽ là khu vực dạy học của đức Phật, chúng ta càng dễ hiểu. Do đó, Sát có nghĩa là Sát Độ (ksetra). Vào thời cổ, tại Trung Hoa, người ta dịch chữ này là Điền Địa. Thuở đức Thế Tôn tại thế, giáo học, Ngài chẳng dựng đạo tràng. Nói theo hiện thời, Ngài và Tăng đoàn sống theo phương thức du mục, không ở một nơi cố định mà di chuyển khắp nơi. Ở đâu có duyên bèn đến đó. Đức Phật vô cùng tự tại, cũng chẳng có bất cứ điều kiện gì. Người nào thành tâm thành ý đến khai thỉnh, Ngài đều chấp thuận, nhận lời mời. Vì các Ngài đều trụ trong núi, rừng, ven sông, đêm nghỉ dưới cội cây, nên chẳng cần nơi chốn riêng biệt, bất luận chỗ nào cũng đều được. Đó là phương thức giáo học của đức Thế Tôn trong thuở ấy. Chúng tôi cảm thấy phương thức này hết sức tự tại, chẳng phiền nhiễu người khác chút nào! Người lễ thỉnh rất tự tại, chẳng có bất cứ gánh nặng gì. Khi đức Phật nhận lời mời cũng tự tại. Chúng ta nói là ứng xử với các Ngài cũng rất tự tại, chẳng làm phiền người khác. Đây là nguyên tắc giáo học cơ bản của đức Phật, đức Phật chẳng khiến cho người nào khởi phiền não. Vì thế, nói đến điền địa thì điền địa chính là chỗ Ngài giảng kinh, thuyết pháp, chẳng cần bất cứ dụng cụ gia đình nào! Đức Phật trải một chút cỏ tươi rồi ngồi trên đó, các học trò cũng là như thế, ngồi trên cỏ vây quanh bốn phía đức Phật. Chẳng như hiện thời có giảng đường, có bàn ghế, có lăm thiết bị như vậy, lăm thứ bắt buộc phải có, thời ấy chẳng có. Vì thế, chúng ta liễu giải trạng huống khi ấy. Đó chính là ý nghĩa của chữ Sát.

“*Bảo sát*” (寶刹): Bảo (寶) là hình dung sự giáo học và thuyết pháp của đức Phật, nên gọi là Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo. Tam Bảo trọn đủ, ba thứ này đều hết sức khó có. Phật là thầy, là người có thể thuyết pháp, Tăng là học trò, bao gồm thính chúng tại gia. Ý nghĩa gốc của chữ Tăng là đoàn thể. Bốn người trở lên, cùng học tập một chỗ thì gọi là Tăng Chúng, bất luận tại gia hay xuất gia, chư vị nhất định phải biết điều này. Do vậy, Tăng đoàn là đoàn thể học tập giáo pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, nên gọi là Tăng đoàn. Không nhất định là tại gia hay xuất gia, nam chúng hay nữ chúng đều gọi là Tăng đoàn. Nếu gọi là tỳ-kheo Tăng đoàn thì khác, nhất định phải là nói về xuất gia nam chúng. Không nói cố định thì tại gia hay xuất gia đều gọi là Tăng đoàn. Điều kiện nhất định của một Tăng đoàn là trì giới, nhất định là Lục Hòa. Nếu chẳng trì giới, chẳng có Lục Hòa, chẳng tính là Tăng đoàn, giống như hiện thời đạo tràng quy mô to đến mấy, đều chẳng thể gọi là Tăng đoàn. Đối với hàm nghĩa của những danh từ thuật ngữ trong Phật môn, chúng ta phải nhận biết chánh xác!

Nay đức Phật muôn giới thiệu cùng mọi người Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, nên Ngài đặc biệt hoan hỷ. Trong phần trước, chúng ta đã thấy Ngài vô cùng hoan hỷ. Hoan hỷ là do cơ duyên chín muồi, vô lượng chúng sanh sẽ do lần giảng diễn này mà đạt đến lợi ích thù thắng khôn sánh, trong một đời này có thể vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới. Lại còn đúng như Mật Tông đã nói “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong thân này), điều này chẳng giả tí nào! Trong phần trước, chúng ta đã đọc rất nhiều. Dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, sẽ như nguyện hai mươi đã nói: “*Giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát). Tiêu chuẩn của A Duy Việt Trí Bồ Tát, tiêu chuẩn thấp nhất, chính là như Thiền Tông Trung Hoa đã nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, tiêu chuẩn ấy! Vì thế, A Duy Việt Trí Bồ Tát vượt trội mười pháp giới. Ngài ở nơi đâu? Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình, chư vị phải biết điều này. Đức Phật có bốn cõi, mỗi người chúng ta đều có bốn cõi. Bốn cõi hiển hiện như thế nào? Đều do ý niệm của chính mình hiển hiện, nói cách này mọi người sẽ dễ hiểu. Kinh Phật có nói: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, cũng có nghĩa là bốn cõi sanh từ tâm tưởng. Trong tâm quý vị có Vô Minh phiền não, có Trần Sa phiền não, có Kiến Tư phiền não, tâm quý vị có ba thứ phiền não ấy, cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong tự tánh của quý vị liền hiện tiền. Như quả địa cầu hiện thời là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, khởi tâm động niệm, ba loại phiền não ấy thảy đều trọn đủ. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng có người rất hạnh phúc, rất sung sướng, có người rất đau khổ, chịu tội, do nguyên nhân nào? Mỗi người có nghiệp lực khác nhau. Người tâm thiện, hành vi thiện, ở trong cõi Đồng Cư bèn có hạnh phúc, mỹ mãn, sung sướng, cảnh giới ấy hiện tiền. Nếu tâm hạnh người ấy chẳng lành, tiêu chuẩn thiện là Thập Thiện Nghiệp Đạo, [do tâm hạnh của người ấy] trái nghịch Thập Thiện Nghiệp Đạo, sẽ hiện thành cõi nước bất thiện, có lắm nỗi đau khổ, như kinh đã nói “*tám nỗi khổ xen nhau nung nấu*”, có hiện tượng ấy xuất hiện. Nếu

ng nghiêm trọng thì trong cõi Đồng Cư sẽ hiện gì? Hiện ra ba ác đạo là nga quỷ, súc sanh, địa ngục.

Chẳng phải do điều gì khác mà có, mà do tự tâm hiện ra. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói “*duy thức sở biến*”, Thức là phân biệt, chấp trước. Từ phân biệt, chấp trước của quý vị mà biến hiện cảnh giới ấy, cho nên đạo lý “*cảnh chuyển theo tâm*” là ở chỗ này. Chúng ta liễu giải đạo lý này, biết chân tướng sự thật này, đối với lời Phật dạy, chẳng hoài nghi mảy may. Vì thế, trong bất cứ hoàn cảnh nào, cũng chẳng oán trời hờn người, biết là gì? Đúng là tự làm tự chịu, chẳng liên quan đến ai khác. Bởi lẽ, nhân quả cá nhân do chính mình gánh vác. Nếu quý vị oán người khác, sẽ là tội càng thêm tội, phiền phức có thể to lớn, húng chịu khổ báo chẳng hết. Vì thế, phải hiểu rõ. Như thế nào thì sẽ có thể thoát ly biển khổ, thoát khổ, thoát nghèo? Phật pháp dạy chúng ta lìa khổ, được vui. Lìa khổ là lìa thoát nghèo khổ, lìa thoát bệnh khổ, đạt được an lạc, quý vị đoạn ác tu thiện. Quý vị đoạn hết Thập Ác, nghiêm túc nỗ lực tu Thập Thiện, mạng vận sẽ chuyển biến, quả báo cũng chuyển biến. Phật pháp nói mạng vận, nhưng mạng vận không phải là nhất định, nó biến đổi theo ý niệm. Một niệm thiện, cảnh giới thiện quả nhân thiên bèn hiện tiền. Một niệm ác, cảnh giới ba ác đạo liền hiện tiền. Thiên biến vạn hóa, chẳng nhất định! Hiện thời, cả thế giới động loạn, tai biến dị thường trên địa cầu toàn thể thế giới đều có. Do nguyên nhân nào? Các đồng học học Phật đều biết, do tâm hạnh chẳng lành của chúng sanh sống trên địa cầu cảm vờ, chứ chẳng do điều gì khác! Nếu chúng ta hỏi, khi nào xã hội sẽ có thể khôi phục hòa hài, người Hoa gọi chuyện đó là “*thiên hạ thái bình*”, khi nào sẽ có thể khôi phục? Khi nào hoàn cảnh vật chất trên địa cầu sẽ khôi phục bình thường? Các khoa học gia cho biết: Năm nay rất bất thường, tai nạn nhiều, mùa Đông lại còn đặc biệt lạnh, mùa Hạ đặc biệt nóng, thời gian hai mùa Xuân và Thu rất ngắn. Xuân, Thu vốn đều là ba tháng, có thể là mùa Xuân chỉ có một tháng rưỡi, mùa Thu cũng chỉ có một tháng rưỡi. Thời gian Đông và Hạ rất dài, vốn cũng là ba tháng, có thể [bị kéo dài] từ bốn tháng đến năm tháng, bất bình thường! Vì sao phát sanh tình hình này? Do ý niệm của chúng ta sai trái. Hoàn cảnh là thức biến, Thức là ý niệm. Ý niệm của chúng ta chẳng lành, nên phải chịu tội nhiều hơn. Mùa Đông đặc biệt lạnh, quý vị thấy bốn năm tháng lạnh cóng, chịu tội nhiều! Mùa Hạ đặc biệt nóng, thời gian Xuân và Thu rút ngắn, chẳng phải là tự nhiên, do con người gây ra!

Kinh Phật nói kiếu này, hết sức khó có. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học đã chứng minh, họ chứng minh như thế nào? Họ chứng minh hiện tượng vật chất là giả, hoàn cảnh [cư trụ] của chúng ta là hiện tượng vật chất. Còn có nhà khoa học nói: Về căn bản, thế gian này chẳng có vật chất tồn tại, vậy thì chân tướng của vật chất là gì? Họ nói vật chất là huyền tượng do ý niệm tích lũy liên tục sanh ra. Chúng ta thật sự hiểu đạo lý này. Quý vị thấy đức Phật đã nói từ ba ngàn năm trước, đến gần đây, gần đây, các nhà khoa học mới phát hiện, có cùng ý nghĩa như đức Phật nói, nhưng ngôn ngữ hơi bất đồng, ý nghĩa hoàn toàn giống như nhau, chứng minh những điều kinh điển đã nói là đúng, trong kinh điển có khoa

học cao cấp. Những thông tin ấy đem lại tin tức tốt đẹp cho chúng ta: Chúng ta có năng lực khôi phục trật tự xã hội, khôi phục địa cầu bình thường, chỉ cần biến đổi ý niệm là được rồi. Đối với khởi tâm động niệm, tổ tiên đã nói luân lý, đạo đức, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, đơn giản lắm. Đơn giản thì quý vị mới có thể ghi nhớ. Đơn giản thì lưu truyền ức vạn năm chẳng bị sai, cương lĩnh trọng yếu là mấy chữ như vậy đó. Chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực thực hiện: “*Phụ tử hữu thân*” (cha con có tình thân), thật sự làm được niềm thân ái ấy, tức là hiếu đạo. Giáo học của thánh hiền không gì chẳng đặt vững căn cội nơi chữ Hiếu. Giáo học của thánh hiền là cội gốc to lớn. Hiếu là nói tới điều gì? Quý vị nhìn vào chữ Hán. Chữ Hán là phù hiệu trí huệ, chữ Hiếu (孝) biểu thị ý nghĩa gì? Nửa phần trên là chữ Lão (老), nửa phần dưới là chữ Tử (子), [hai phần ấy] hợp thành [chữ Hiếu], chúng ta có thể thấu hiểu ý nghĩa ấy. Thế hệ trước và thế hệ sau cùng một Thế, chẳng thể tách rời. Trên đời trước còn có đời trước nữa, sau đời sau còn có đời sau nữa; ý nghĩa này đã được bao hàm trong ấy. Lão Tử nói: “*Thiên địa và ta cùng gốc, vạn vật và ta cùng một Thế*”, chẳng phải là ý nghĩa này ư? Người Hoa nói đến Hiếu, phát minh chữ ấy trước khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc. Trung Quốc có năm ngàn năm văn hóa, Phật giáo mới truyền đến Trung Quốc mới hai ngàn năm. Trước khi Phật giáo truyền đến, Trung Quốc đã có ba ngàn năm văn hóa, nói tới căn cội này: Căn cội hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, chẳng hai, chẳng khác với những điều kinh Đại Thừa đã dạy.

Kinh giáo Đại Thừa giảng rõ ràng hơn. Trong Bồ Tát Giới Kinh có nói: “*Hết thầy người nam là cha ta, hết thầy người nữ là mẹ ta*”. Đây là nói về quan hệ Ngũ Luân. Trong Phật pháp có nói: “*Hết thầy chúng sanh vốn là Phật*”. Những lời ấy đều do đức Phật nói. Vì vậy, giáo dục truyền thống Trung Quốc vun quén căn bản nơi “*phụ tử hữu thân*”, còn giáo học Phật pháp đặt vững căn bản nơi “*hết thầy chúng sanh vốn là Phật*”. Mục đích giáo dục và giáo học của đức Phật ở chỗ nào? Nay quý vị đang mê mất tự tánh, quý vị vốn là Phật, nay đã mê, biến thành lục đạo phàm phu, mục tiêu chung cực của đức Phật trong việc dạy bảo chúng ta là muốn khiến cho chúng ta chuyển phàm thành thánh, trở về vị Phật vốn sẵn có thì sự giáo dục của đức Phật bèn viên mãn. Thành Phật có khó hay không? Sau khi quý vị đã hiểu rõ nguyên lý được giảng trong kinh, sẽ biết là chẳng khó chút nào, buông xuống mà thôi! Buông Kiến Tư phiền não xuống, bèn thành A La Hán, buông Trần Sa phiền não xuống, sẽ là Bồ Tát, buông vô minh phiền não xuống, quý vị bèn thành Phật, trở về tự tánh. Do vậy, tu học Phật pháp, nói tới công phu tu hành thật sự thì là gì? Từ đầu tới cuối là buông xuống mà thôi! Vì sao bảo quý vị buông xuống? “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, chẳng có gì là thật. Nếu là thật, đức Phật sẽ chẳng bảo chúng ta buông xuống. Bảo quý vị buông xuống vì tất cả đều là hư vọng. Quý vị buông những thứ hư vọng xuống, chân thật liền hiện tiền, chân thật là gì? Phật tánh. “*Tự tánh thanh tịnh viên minh thể*” như Hoàn Nguyên Quán đã nói bèn hiện tiền, buông vọng xuống, Chân liền hiện tiền, đó gọi là “*chứng Chân*”. Trong kinh, đức Phật đã giảng vấn đề này, giảng về nguyên khởi của vũ trụ, giảng chánh báo do đâu mà có. Chánh báo là gì? Chính mình, chính bản thân ta, ta do đâu mà có.

Kinh Đại Thừa nói rất rõ ràng, rốt cuộc thân thể của ta là như thế nào? Nhục thân bao gồm xương, máu, lông trên da, lông tơ, tóc, đều thuộc về chánh báo. Đó là hiện tượng vật chất. Vật chất và tinh thần đồng thời phát sanh, vì sao? Trong tự tánh vốn trọn đủ. Huệ Năng đại sư kiến tánh đã bảo: “*Nào ngờ tự tánh vốn trọn đủ*”, trọn đủ những gì? Trọn đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng thần thông, vô lượng tướng hảo, hết thảy đều là vô lượng, chẳng khiếm khuyết mảy may! Vì sao nói là vô lượng? Thật sự là vô lượng. Các khoa học gia hiện thời có tính toán, đáng tiếc là tôi chẳng ghi chép những con số ấy, sau này, tôi tìm người giỏi toán viết những con số ấy ra. Trên thân người chúng ta, họ biết trên thân người có bao nhiêu tế bào. Những tế bào ấy phân tích ra thành bao nhiêu phân tử, lại phân tích ra thành bao nhiêu nguyên tử, [sẽ biết] trên thân có bao nhiêu nguyên tử, bao nhiêu lap tử. Nay đã phân tích đến lượng tử, trên thân này có bao nhiêu lượng tử. Những lượng tử nhỏ như vậy vẫn là Ngũ Uẩn như đức Phật đã nói. Đức Phật giảng rất hay, lớn đến mức như vũ trụ, nhỏ đến mức như lượng tử, đều chẳng thể vượt ngoài Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn là gì? Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tinh thần. Thọ (受) là gì? Nó có năng lực cảm thụ, tiếp nhận. Nó có thể thấy, có thể nghe, có thể tiếp xúc bên ngoài. Nó có Tưởng, có Hành, Hành (行) là gì? Hành là như trong phần trước của kinh đã nói “*mấy trăm ngàn thứ biến hóa*”. Đó là Hành, mấy trăm ngàn thứ biến hóa là hình dung nó có thể biến hóa. Nó có Thức, nay chúng ta gọi Thức là “*tu tẩn*” (資訊), tức tin tức. Có bao nhiêu tin tức? Trong một tiểu quang tử có tin tức trọn khắp pháp giới hư không giới, tất cả tin tức đều ở trong đó, chẳng sót một điều nào. Vì vậy, trong Phật pháp có khoa học bậc cao.

Có người hỏi tôi một câu hỏi khó: Con giun, tức là một loại trùng bò nhỏ, quý vị dùng dao chặt nó làm đôi, nó liền biến thành hai con. Nó chẳng chết, cả hai con đều sống. Người ấy hỏi tôi chuyện gì? Người ấy nói thần thức là một, nay biến thành hai con giun, có phải là có hai thần thức? Đúng vậy! Có hai thần thức thì trong tương lai, chúng thành Phật chẳng phải là thành hai vị Phật ư? Giải đáp vấn đề này như thế nào? Chúng tôi giải đáp theo tướng. Nói theo sự, nói theo tướng, thân của nó tồn tại, tồn tại ở chỗ nào? Mỗi tiểu quang tử đều là một thể hoàn chỉnh. Nói cách khác, thần thức là vô lượng vô biên, chẳng sai! Một người có thể trở thành vô lượng, vô biên Phật, nói cho quý vị biết là thật, cũng chẳng giả! Nếu một người tạo tác tội nghiệp trong địa ngục, có phải là vô lượng vô biên thân hứng chịu vô lượng vô biên tội hay không? Đúng vậy! Trong kinh, đức Phật đã nói như thế. Vì sao chúng ta nói rất nhiều người đầu thai trong lục đạo, [đầu thai] là một thần thức, chẳng phải là hai ư? Nói cho thông suốt, hết thảy các pháp sanh từ tâm tướng. Ý niệm của quý vị chấp trước thân này là chính mình, thân đã chết mà vẫn chẳng rời khỏi, giữ rịt lấy thân thể này, nên gọi là “*thủ thi quý*” (quý giữ thân), trọn chẳng biết thân lẫn tâm đều là giả. Chẳng phải là Quán Thế Âm Bồ Tát đã nói rất rõ ràng trong Tâm Kinh, mọi người hằng ngày đều niệm kinh ấy, vì sao hoàn toàn chẳng sử dụng được? Bồ Tát nói rất rõ ràng: “*Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*” (khi hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật Đa, soi thấy năm uẩn đều không). Sau đấy, càng nói tỉ mỉ hơn: “*Sắc bất dị Không, Không bất*

dị Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức diệt phục như thị” (Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng lại như vậy). Nếu quý vị tham cứu thấu triệt kinh văn ấy, vấn đề của quý vị sẽ được giải đáp. Chẳng còn nữa! Quý vị chẳng có vấn đề ấy! Bởi lẽ, nếu quý vị chấp trước, nó sẽ biến thành một. Nếu chẳng chấp trước, nó liền biến thành rất nhiều. Vì vậy, Phật, Bồ Tát có thể phân thành vô lượng vô biên thân. Địa ngục cũng là như thế, xác thực là phân thành vô lượng vô biên thân trong địa ngục để lãnh chịu vô biên hình phạt.

Đến nay, kinh văn đã được học thuyết khoa học chứng minh, dễ hiểu hơn trước kia. Vì thế, đối với kinh văn sâu xa, uyên áo như thế này mà cổ nhân có thể thấu hiểu, chúng ta bội phục họ năm vóc sát đất. Hiện thời, nhờ các báo cáo của các nhà khoa học, chúng ta được đặc lực rất nhiều. Dem chúng so sánh với Phật học, chúng ta liễu giải Phật pháp càng rõ ràng hơn. Ở đây là nói đến nguồn cội của Bảo Sát (cõi báu). Mặt đức Phật phóng quang, trong quang là gì? Trong quang minh có vô lượng vô biên cõi Phật, quý vị thấy quang minh hiện bóng cõi báu trang nghiêm của mười phương cõi Phật. Nói cách khác, trong Phật quang hiện ra đạo tràng thuyết pháp giáo học của mười phương chư Phật. Bảo sát là đạo tràng, các Ngài hoạt động tại đó, giảng kinh, dạy học nơi đó. Người nào có thể thấy hiện tượng này? Pháp Thân Bồ Tát. Vì sao? Các Ngài chẳng có chướng ngại. Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới vẫn chưa được, chẳng thấy, trừ phi Phật và các Ngài có duyên liên đặc biệt gia trì thì sẽ có thể thấy. Chẳng được Phật lực gia trì, sẽ chẳng thấy, nhưng Pháp Thân Bồ Tát không cần gia trì, bất cứ lúc nào cũng đều có thể thấy.

Tiếp đó là: *“Tống dịch tục vân: Như thị công đức, đắc vị tăng hữu. Cái vị chiêu thị thập phương, Phật tương khai diễn đệ nhất hy hữu chi pháp, cố hiện thị tiền sở vị kiến chi thuy. Cố bốn kinh trung tục viết: Tùng tích dĩ lai, vị sở tăng kiến, hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm”* (bản Tống dịch ghi thêm: “Công đức như vậy là chưa từng có”. Ấy là vì tỏ rõ với mười phương: Đức Phật sẽ khai diễn pháp hy hữu bậc nhất. Vì vậy, đức Phật hiện tướng lãnh chưa từng bao giờ thấy như thế. Do đó, kinh này chép tiếp rằng: “Từ xưa đến nay, chưa từng được thấy, mừng rằng mình được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu”). Mấy câu này cho biết, trong bản Tống dịch có hai câu như thế, tiếp theo đó, có tất cả bốn câu: *“Diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm, như thị công đức, đắc vị tăng hữu”* (Sắc mặt viên mãn, cõi báu trang nghiêm, công đức như thế là chưa từng có). Đó là kinh văn trong bản Tống dịch. *“Chiêu thị thập phương”*: Chiêu là chiêu minh (昭明: sáng tỏ) Thị (示) là thị hiện (示現), thị hiện rõ rệt cho mười phương chúng sanh được thấy nghe, bao hàm ý nghĩa: Nay Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ khai diễn pháp hy hữu bậc nhất. Chúng ta phải ghi nhớ câu này, phương pháp hy hữu bậc nhất là kinh Vô Lượng Thọ. Vì vậy, kinh Vô Lượng Thọ có thể gọi là kinh bậc nhất [trong các kinh do] chư Phật đã nói. Lời này cũng chẳng phải do chúng tôi tùy tiện thốt ra. Thiện Đạo đại sư đã nói: *“Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế”* (sở dĩ chư Phật xuất hiện trong cõi đời), các Ngài đến hiện thân, thuyết pháp trong thế gian này, *“duy thuyết Di Đà bốn nguyện*

hải”(chỉ đề nói biên bốn nguyện của Phật Di Đà), có nghĩa là Phật đến thế gian này để giáo hóa chúng sanh, độ thoát chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, giúp chúng sanh lìa khổ, được vui, Ngài đã dùng phương pháp gì? Thứ nhất là dùng phương pháp này. Vô lượng pháp môn khác nhằm phụ trợ phương pháp này. Giống như một cội cây to, phương pháp này là cội rễ, ngàn kinh vạn luận là cành cây, thân cây, ngọn cây, lá cây, là những thứ đó, còn kinh này là căn bản.

Chúng ta cũng nghe các tổ sư đại đức bảo Hoa Nghiêm là căn bản của hết thảy các pháp. Chẳng sai! Chẳng sai tí nào cả! Kinh Hoa Nghiêm xác thực là căn bản, vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật minh tâm kiến tánh, sau khi kiến tánh, Ngài đã hoàn toàn nói ra cảnh giới đã thấy. Đó là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, há có sai! Đương nhiên [Hoa Nghiêm] là căn bản pháp luân. Hết thảy các pháp được nói trong bốn mươi chín năm đều là cành lá của Hoa Nghiêm, từ xưa các vị tổ sư đại đức đã công nhận điều này. Vậy thì vì sao kinh Vô Lượng Thọ lại biến thành bậc nhất? Chúng ta đọc kỹ kinh Hoa Nghiêm sẽ hiểu rõ. Kinh Hoa Nghiêm cho đến cuối cùng viên mãn như thế nào? Tự tu viên mãn, độ chúng viên mãn, viên mãn như thế nào? Cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Dẫn về Cực Lạc là dẫn về kinh Vô Lượng Thọ, Hoa Nghiêm đạt đến rốt ráo viên mãn là trở về Vô Lượng Thọ. Do vậy, kinh Vô Lượng Thọ liền biến thành căn bản của căn bản, chúng ta chớ nên không biết điều này, chớ nên không nhận thức rõ ràng! Nếu không, thì sao? Đã gặp pháp môn này vẫn nghĩ pháp môn khác khá lắm, chẳng trọn đủ tín tâm đối với pháp môn này. Tín tâm chẳng đủ, Phật pháp chẳng bị thiệt thòi, mà chính là quý vị bị thiệt thòi: Pháp hy hữu bậc nhất ở ngay trước mặt mà quý vị bỏ lỡ, đời sau vẫn bị luân hồi, vẫn phải sanh tử, quý vị sai lầm mất rồi! Vì thế, câu này có ý nghĩa sâu xa, quý vị phải thừa nhận bộ kinh này là pháp hy hữu bậc nhất.

“*Có hiện thị tiền sở vị kiến chi thụy*” (nên hiện tướng lành chưa từng thấy như trên đây): Đức Phật hiện tướng lành, “*phóng quang hiện thụy*” (phóng quang, hiện tướng lành), trong hết thảy các kinh, quý vị chẳng thấy Ngài toàn thân phóng quang. Vì thế, kinh này nói tiếp: “*Tùng tích dĩ lai*” (từ trước tới nay), đây là nói về tôn giả A Nan. Ngài A Nan là thị giả của đức Phật. Đức Phật giảng kinh, Ngài chưa hề vắng mặt buổi nào, trước nay, Ngài chưa thấy đức Phật hoan hỷ dường ấy, đức Phật hiện tướng thù thắng ngàn ấy. Chúng ta phải ghi nhớ tướng được biến hiện này. Đức Phật chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, vì sao mỗi ngày hiện tướng khác nhau? Đức Phật vĩnh viễn trụ trong tự tánh. Sách Hoàn Nguyên Quán nói “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, đó là trụ xứ của Phật, chẳng lìa tự tánh. Trong tự tánh, chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng có khởi tâm động niệm. Đức Phật thị hiện trong mười pháp giới, thị hiện trong tam đồ, cũng chẳng có khởi tâm động niệm. Hết thảy chúng sanh thấy Phật thị hiện, toàn là do nghiệp cảm của chúng sanh, nghiệp của chúng sanh niệm niệm khác nhau. Phàm phu chúng ta không biết, chúng ta biết thô niệm, nhưng chẳng biết tế niệm. Di Lặc Bồ Tát bảo: “*Một cái khay ngón tay có ba mươi*

hai ức trăm ngàn niệm”. Chúng ta chẳng biết các niệm ấy, chúng là thật, chẳng giả! Nếu là người khảy ngón tay mau lẹ, trong một giây có thể khảy năm lần thì trong một giây có bao nhiêu niệm? Tính theo cách nói của Di Lạc Bồ Tát, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Một giây là một ngàn sáu trăm triệu, làm sao quý vị có thể biết được nổi? Niệm niệm đều khác nhau. Vì thế, kinh nói “*mấy trăm ngàn thứ biến hóa*”, lời ấy là thật, chẳng giả tí nào. Ngài nói toàn là chân tướng sự thật, toàn là cảnh giới Như Lai đích thân chứng đắc, chẳng phải là tùy thuận ý niệm của phàm phu chúng ta, mà là cảnh giới do Ngài đích thân chứng. Vì thế, ngài A Nan trông thấy, A Nan đại diện cho đại chúng dự hội, “*hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm*” (mừng được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu), khẳng định trong các đại chúng dự hội [cũng có một tâm trạng ấy].

“*Thử biểu A Nan tuy cửu thị Phật trắc, dẫn như tư thụ tượng, tiền sở vị kiến. Kim nhật hạnh năng chiêm thị khâm ngưỡng, kiến thử quang minh, tâm trung hoan hỷ, nãi khởi hy hữu nan tao chi tướng*” (Điều này cho thấy ngài A Nan tuy hầu bên cạnh Phật đã lâu, nhưng các tướng lành như thế ấy từ trước đến nay Ngài chưa từng được thấy. Ngày nay may mắn ngắm nhìn, khâm phục. Thấy quang minh này, trong tâm hoan hỷ, liền khởi lên ý tưởng hy hữu, khó gặp). Câu này ý nói lên cảm nhận của tôn giả A Nan vào lúc ấy, quá hy hữu, cơ hội thành Phật viên mãn trong một đời đã đến rồi! “*U thị, A Nan tùng tòa nhi khởi, ca-sa bị thể, dẫn lộ hữu kiên, thử danh thiên dẫn hữu kiên, nãi tỳ-kheo trí kính chi cực*” (Do vậy, A Nan liền từ chỗ ngồi đứng lên, kéo áo ca-sa đắp thân để lộ vai hữu, chuyện này được gọi là “trật áo vai phải”, đó chính là cách tỏ lòng cung kính cùng cực của tỳ-kheo). Đây là sự lễ kính của hàng đệ tử xuất gia đối với đức Phật. “*Thiên dẫn hữu kiên*” (偏袒右肩: trật áo, lộ vai phải) là cách kính lễ nhất. Tám y mà giới Phật giáo Trung Hoa đắp hiện thời được gọi là Ca Sa (Kāśāya), quý vị thấy để lộ vai phải, vì sao phải lộ vai phải? Niệm niệm chẳng quên phụng sự thầy, đối trước thầy hành lễ. Thầy có chuyện gì muốn sai bảo quý vị làm, sẽ hết sức thuận tiện, tay phải ở ngoài [ca-sa], sẽ phục vụ rất nhanh nhẹn, có thể tiếp nhận, [hở vai áo phải nhằm biểu thị] niệm niệm chẳng quên phụng sự sư trưởng. Ở nhà thì hiếu thuận với cha mẹ, cũng là niệm niệm chẳng quên chuyện do cha mẹ đã giao phó, sẽ thực hiện rất nhanh, chớ nên lười nhác, biểu thị ý nghĩa này. Bình thường thì sao? Bình thường thì y ca-sa phủ kín hai vai. Hở vai bên phải là hành lễ. Quý vị thấy trong Tiểu Thừa, Nam Truyền Tiểu Thừa, họ quấn ca sa trên người, bước vào đại điện bèn lộ tay phải. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, Trung Quốc thuộc khu vực ôn đới. Thuở Phật cư trú tại Ấn Độ, Ấn Độ là xứ nhiệt đới, nên họ ăn mặc rất đơn giản, ba y là đủ rồi. Xứ nhiệt đới thì đến đêm, ba y coi như chăn đắp, ban ngày đều phủ lên thân. Khi làm tụng, chỉ dùng một tấm y, thường nói y năm điều là quần áo lao động. Y bảy điều là lễ phục thông thường, là lễ phục mặc thường xuyên. Từ chín điều trở lên cho đến hai mươi lăm điều là đại lễ phục. Tám y hiện thời của chúng ta là hai mươi lăm điều, là đại lễ phục, khi hành lễ mới dùng. Đức Phật giảng kinh, chúng ta đến nghe kinh là đại lễ. Bởi lẽ, trong giảng đường, hoạt động Phật giáo là giảng học, chẳng có hoạt động nào

khác. Đức Thế Tôn thăng tòa thuyết pháp, học trò cung kính đến nghe giảng, tất cả đều trật áo hở vai phải, đều mặc đại lễ phục.

“*Trường quy hiệp chương: Trường quy giả, song tất trước địa*” (Quy thăng chấp tay: Quy thăng là hai gối đặt sát đất), có thể quy lâu dài. Khi hành lễ bái Phật, có lúc sử dụng hồ quy (胡跪). Hồ quy là chỉ có một chân đặt xuống đất, cũng là hành lễ, biểu thị đức Phật có sai phái gì, quý vị bèn đứng lên rất mau, đều là tâm thái ắt phải có để phụng sự bậc trưởng thượng, chẳng dám lười nhác, tán loạn, sử dụng theo ý nghĩa này. Trong trường quy cũng có hồ quy, một chân đặt sát đất, ở đây nói là hai gối đặt sát đất, cũng là trường quy. Trong trường quy có hai loại, chớ nên không biết. “*Hiệp chương giả, hợp tả hữu lưỡng chương chi thập chi, có hựu danh Hiệp Thập. Ấn Độ dĩ hiệp chương biểu kính lễ, biểu nhất tâm chuyên chú, cung kính chi nghi*” (“Chấp tay” là khép mười ngón tay từ hai bàn tay trái và phải lại, nên lại gọi là “hiệp thập” (ép sát mười ngón tay lại). Ấn Độ dùng chấp tay để biểu thị sự kính lễ, biểu thị nhất tâm chuyên chú, là nghi lễ tỏ lộ sự cung kính). Mười đầu ngón tay biểu thị điều gì? Biểu thị tán loạn. Chúng ta có rất nhiều ý niệm, nghĩ Đông tưởng Tây. Khi cung kính bèn chấp hai tay lại, biểu thị chúng ta thu hồi sự tán loạn, nhất tâm chuyên chú, có ý nghĩa này. Vì thế, khi chấp tay, nhất định phải chấp sao cho các ngón thật khít nhau nhằm biểu thị nhất tâm. Có người chấp tay [mà các ngón tõe ra] như thế này, tức là không chuyên tâm, mà cũng chẳng cung kính, làm cho có mà thôi, chẳng có thành ý! Vì thế, khi thành ý, nhất định phải chấp lại thật khít, biểu thị thành ý. Điều này là lễ tiết nhỏ nhất, nhưng lễ tiết vụn vặt chớ nên bỏ. Lễ tiết nhỏ nhất cũng chẳng bỏ mất thì đại đức mới có thể thành tựu. Vì vậy, trong hiện thời, thành tựu đại đức rất khó khăn, vấn đề là vì đối với lễ tiết nhỏ đã tùy tiện, cứ ngỡ những chi tiết nhỏ nhất cứ qua loa cũng được. Do đó, chẳng thể thành tựu đại đức.

Chữ “*Bạch*” (白) là từ ngữ tôn kính. Đối với bề trên, đối với trưởng bối, như chúng ta thường thấy trong kinh chép là “*bạch Phật ngôn*” (bạch cùng đức Phật rằng), hiện thời nói là “báo cáo”. Bạch có nghĩa là báo cáo. “*Biểu bạch dã. A Nan trường quy, hiệp chương, hướng Phật trần thuyết, kính phát sở vấn dã*” (“Bạch” là thưa bày. A Nan quy dài, chấp tay, hướng về đức Phật tỏ bày, cung kính thốt lời thưa hỏi). Những chữ được nêu trên đây toàn là lễ tiết. Những lễ tiết ấy thường được vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, là lễ tiết đối với tất cả các vị tôn trưởng. Đức Phật là thầy, cũng là trưởng bối. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có trọn đủ những lễ tiết, lễ phép hay không? Lễ tiết thật sự trọng yếu dường ấy ư? Trọng yếu! Vì sao? Tâm chân thành thanh tịnh của quý vị người khác nhìn chẳng ra, nhưng nó sẽ được bộc lộ qua các động tác. Chúng ta làm theo cách như vậy, đương nhiên là chính mình chân thành, biểu thị sự chân thành của chính mình, ngoài ra còn là giáo hóa chúng sanh. Đặc biệt là trong thời đại này, mọi người quên khuấy lễ kính, chúng ta bất luận ở nơi đâu, quý vị làm chuyện này sẽ là công đức, là tu công đức. Bất luận ở nơi chốn nào, quý vị thấy người khác, người khác là trưởng bối của chúng ta, hoặc tuổi tác cao hơn chúng ta, lớn hơn mười tuổi trở

lên là trưởng huynh, lớn hơn hai mươi tuổi là bậc ngang vai vế với cha ta, chính mình là văn bối, hoặc là [trông thấy người] cấp bậc cao hơn chúng ta, hễ trông thấy phải hành lễ, lễ thì phải cung kính. Lễ tiết trong Phật môn là khi xá chào phải khom mình chín mươi độ để hành lễ, điều này có tất yếu hay không? Có chứ! Quý vị thấy chúng tôi hễ nhìn thấy người khác bèn khom mình chín mươi độ để hành lễ, trong tâm quý vị bèn sanh lòng hoan hỷ. Người hiện thời chẳng có lễ tiết, thấy cha mẹ, người trên mà gật đầu thì kể ra cũng còn khá, [vì] có lúc, đầu họ cũng không thềm gật nữa kia! Nếu chẳng có lễ, thưa cùng chư vị, chẳng có tâm cung kính, vì sao? Điều gìn giữ trong lòng nhất định thấu lộ ra ngoài. Trong tâm quý vị thật sự thành kính, bên ngoài tự nhiên là lễ tiết như vậy, chẳng cần ai dạy. Quý vị rất cung kính một ai đó, trông thấy người ấy, đúng là sẽ [cư xử] khác hẳn.

Vì thế, người hiện thời bỏ sót lễ, cũng chẳng có ai dạy, nên tâm thành kính chẳng có, học thứ gì cũng đều học chẳng thành. Vì sao? Ấn Quang đại sư nói rất hay: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Quý vị chẳng có thành kính, làm sao đạt được? Dẫu là vị thầy giỏi đến mấy, hoặc bậc thánh hiền đến dạy quý vị, Phật, Bồ Tát đến dạy quý vị, quý vị đều chẳng đạt được lợi ích, vì sao? Thiếu tâm thành kính. Điều này cho thấy, chẳng phải là Phật, Bồ Tát không đến, mà là do Phật, Bồ Tát thấy quý vị chẳng có thành kính, có đến cũng vô dụng! Phật, Bồ Tát thật sự đến, sẽ giúp quý vị tạo nghiệp, Phật, Bồ Tát chẳng nở lòng nào! Vì sao? Không chân thành bất kính là tội, là lỗi, lẽ nào Phật, Bồ Tát giúp quý vị tạo tội lỗi? Vì vậy, các Ngài lánh xa, đó là lòng từ bi chân chánh, chẳng khiến cho chúng ta vì bất kính thánh hiền mà phạm tội lỗi, nên các Ngài tránh né. Quý vị thấy Phật, Bồ Tát vì chúng ta thị hiện là từ bi, mà tránh né chẳng đến vẫn là từ bi! Hiểu đạo lý này, chúng ta muốn cầu học, thật sự mong cho học nghiệp và đạo nghiệp của chính mình thành tựu thì thành tựu từ nơi đâu? Thành tựu từ tâm cung kính, điều này rất quan trọng. Bản thân tôi cầu học thuở trước là một thí dụ tốt. Chúng tôi chẳng có quan hệ gì với thầy, căn bản là chẳng quen biết. Nghe tiếng thầy được rất nhiều người cung kính, tán thán, chúng tôi biết đó là một vị thầy tốt nên được nhiều người tán dương như vậy, học đòi Mao Toại^{43[4]} tự tiến cử, viết thư gởi cho thầy. Chúng tôi là một gã nghèo túng, hèn mọn, mong

43[4] Mao Toại là người nước Triệu, sống vào thời Chiến Quốc, là môn khách của Bình Nguyên Quân (Triệu Thắng) đã lâu, nhưng chưa ai biết tới tài năng. Năm thứ chín đời Triệu Hiếu Thành Vương (275 trước Công Nguyên), nước Tần vây hãm kinh thành Hàm Đan của nước Triệu, Bình Nguyên Quân cầm tiết việt sang nước Sở cầu cứu. Mao Toại thừa dịp, tự giới thiệu, đề cao mình, đối đáp khẳng khái, nên được Bình Nguyên Quân cho theo đàm phán. Khi Bình Nguyên Quân và Sở Khảo Liệt Vương đang bàn cãi, Mao Toại bèn nói rạch ròi lẽ lợi hại, khiến vua Sở đồng ý liên minh với Triệu. Vì chuyện này mới có thành ngữ “*Mao Toại tự tiến*”. Bình Nguyên Quân là con của Triệu Linh Vương (Triệu Ung), em trai Triệu Huệ Văn Vương (Triệu Đan), từng giữ chức Tế Tướng của hai đời vua Triệu Huệ Văn Vương và Triệu Hiếu Thành Vương. Ông là một chính trị gia nổi tiếng, đồng thời nuôi rất nhiều môn khách (danh sĩ đến làm cố vấn). Bình Nguyên Quân cùng với Mạnh Thường Quân (Điền Văn) nước Tề, Tín Lăng Quân (Ngụy Vô Kỳ) nước Ngụy, và Xuân Thân Quân (Hoàng Hiệt) nước Sở nổi tiếng là những người rộng lượng, hiền đức, được người đương thời gọi chung là Chiến Quốc Tứ Công Tử.

học mà chẳng có duyên phận, viết một bức thư thỉnh cầu thầy chấp thuận cho chúng tôi được học bần thính. Khi thầy dạy, cho phép chúng tôi được dự thính. Tôi cung kính viết lá thư ấy. Thầy nhận được thư bèn hẹn tôi gặp mặt, trực tiếp nói chuyện. Chúng tôi giữ lễ đối với thầy, xác thực là có biểu hiện, tuy chẳng phải là mười phần cung kính, nhưng phải là được bảy tám phần, chẳng giống các bạn học thông thường.

Thầy không chỉ là chịu dạy, mà mỗi tuần còn dành cho tôi hai giờ, dạy tôi ở nhà thầy hai tiếng đồng hồ, chẳng thể tưởng tượng được! Một xu học phí cũng chẳng có! Nếu gặp người khác thì trong giờ lên lớp, anh đến nghe ké chẳng phải là đã được rồi hay sao? Đặc biệt dành ra thời gian, mỗi tuần dạy tôi hai giờ, giảng cho tôi một bộ khái luận triết học, chẳng theo sách giáo khoa. Nhân duyên học Phật của tôi do vậy mà có. Chủ đề trong khoa mục cuối cùng là triết học trong kinh Phật, thầy bảo tôi: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*, quét sạch mọi thứ hiểu lầm trong thời trẻ của tôi đối với Phật giáo. Vì chúng tôi vốn nghĩ Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, chẳng có ý niệm muốn tiếp xúc. Khi thầy giới thiệu như thế, mới biết trong Phật pháp có đại học vấn, bèn sửa đổi quan niệm trong quá khứ, bắt đầu đến chùa miếu. Đến chùa miếu để làm gì? Tìm xem kinh sách. Thầy chỉ định những kinh điển nào mong chúng tôi sẽ đọc. Thuở ấy, kinh điển chẳng thể mua từ bên ngoài, chỉ trong chùa miếu mới có Đại Tạng Kinh, phải sao chép từ trong Đại Tạng Kinh ra. Thuở ấy, tôi còn sao chép mười mấy bộ. Đó là gì? Đó là chính mình thuở bé học được đôi chút tôn sư trọng đạo do cha mẹ dạy, sau này đạt được sự tiện nghi ấy, chẳng dễ dàng! Vì thế, thầy đều do từ lễ nghi cung kính mà được thầy hoan hỷ, chịu dạy tôi, chẳng cần đóng học phí, đặc biệt bỏ ra thời gian dạy học, duyên phận ấy hy hữu, khó gặp! Vì thế, cầu thiện tri thức thì phải đầy đủ điều kiện để cầu thiện tri thức, chớ nên không biết!

Tiếp đó là lời hỏi của A Nan, A Nan mở miệng thưa: *“Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định”* (nay đức Thế Tôn nhập đại tịch định). Ở đây, cụ Niệm Tổ có giải thích: *“Ly nhất thiết tán động, cứu cánh tịch tĩnh, vị chi đại tịch”* (Lià hết thảy tán động, tịch tĩnh rốt ráo thì gọi là “đại tịch”). Tiếp đó là nói: *“Đại tịch định giả, Như Lai sở nhập chi Thiên Định”* (Đại tịch định là Thiên Định được đức Như Lai nhập). Trên thực tế, đại tịch định là gì? Là tự tánh vốn định. Khi kiến tánh, Huệ Năng đại sư đã nói, Ngài báo cáo [tâm đắc với Ngũ Tổ], câu thứ tư là: *“Nào ngờ tự tánh vốn chẳng dao động”*. Đó là đại tịch định, trở về tự tánh. Vì thế, lià hết thảy tán động, Trần Sa phiền não là Tán, Kiến Tư phiền não là Động. Tịch tĩnh rốt ráo, cảnh giới ấy cao lắm. Chẳng có hai chữ “rốt ráo” thì tịch tĩnh là Bồ Tát, thêm vào hai chữ “rốt ráo” sẽ là Như Lai, cao hơn Bồ Tát, gọi là “đại tịch”. Vì thế, đại tịch định là môn Thiên Định do đức Như Lai đã nhập, là tự tánh vốn định. *“Niết Bàn kinh tạp viết”* (kinh Niết Bàn quyển thứ ba mươi chép), đức Phật nói, *“Ngã ở rừng Sa La song thụ, nhập đại tịch định. Đại tịch định giả, danh Đại Niết Bàn”* (Ta ở rừng Sa La song thụ trong cõi này, nhập đại tịch định. Đại tịch định có tên là Đại Niết Bàn). Kinh Niết Bàn do đức Thế Tôn nói khi Ngài nhập diệt.

Thích Ca Mâu Ni Phật rời khỏi thế gian này, người thế gian nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã chết, Phật có sanh tử hay không? Thừa cùng chư vị, chẳng có! Phật chẳng có sanh tử; chúng ta có sanh tử hay không? Nói cho quý vị biết, chúng ta cũng không có sanh tử. Chúng ta sanh tử là thân có sanh tử, nhưng linh hồn chẳng có sanh tử, thật vậy, chẳng giả! Linh hồn hết sức tích cực trong khoảng thời gian và không gian này.

Chúng ta xem quyển sách này, Khải Tát Quân Đoàn Đông Chinh Trung Quốc Chi Mê (bí ẩn về đoàn quân đông chinh Trung Quốc của Caesar). Chuyện này được phát hiện gần đây nhất, là chuyện từ hai ngàn một trăm năm trước, là thật, chẳng giả. Đại đế Khải Tát (Caesar) của đế quốc La Mã phái một đoàn quân hơn mười vạn người xâm lược Trung Quốc, quả thật đường sá xa xôi, đội quân đến mười mấy vạn người, theo báo cáo cho biết, kỵ binh là hai phần ba, bộ binh một phần ba. Một đội ngũ khổng lồ chẳng thể di chuyển quá nhanh. Nếu kỵ binh tiến trước, đằng sau bị lạc khỏi đội ngũ thì không được rồi! Ban đêm đóng quân nghỉ trong lều, đều ở cùng một chỗ. Một đoàn quân khổng lồ như vậy, đi từ La Mã đến Trung Quốc mất hơn một năm. Khi đi đến vùng Tân Cương hiện thời, đoàn quân ấy gần như đã có hai vạn người chết vì bệnh truyền nhiễm. Chúng ta biết họ rời khỏi La Mã, chẳng bổ sung thêm quân, nên số lính một mực giảm bớt, chẳng được bổ sung. Ở Trung Quốc, họ cùng quân Trung Quốc giao chiến tại Tân Cương. Quân đội La Mã được huấn luyện kỹ càng, thuở ấy họ vô cùng nổi tiếng nhất Âu Châu là quân đội rất hung hãn. Vì thế, họ cũng rất kiêu ngạo, coi thường người Hoa, người Hoa nhỏ con hơn họ, vóc dáng lại lùn tịt. Nhưng người Hoa có mưu mẹo, dùng trí để thắng. Đánh một trận đầu với người Hoa, bị chết hơn chín ngàn người. Sau khi giao chiến với Trung Quốc, chẳng dám khinh địch, niềm tin sẽ chiếm lãnh Trung Quốc cũng mất đi, chỉ sợ chẳng có năng lực chiếm đóng Trung Quốc, nhưng mệnh lệnh của đại đế Caesar chẳng thể trái nghịch, cứ tiếp tục tiến về hướng Đông. Đi đến hành lang Hà Tây, tức là đến vùng Cam Túc, quân đội đã mất đi hai phần ba, tử vong vì giao tranh trên đường đi, hoặc tử vong khi hành quân, hoặc tử vong vì bị tai nạn bất ngờ. Đặc biệt là chẳng chịu nổi khí hậu sa mạc, nên tới được Hành Lang Hà Tây, [cả đoàn quân chỉ còn sót lại] gần như chưa tới một vạn người. Cuối cùng, toàn bộ cánh quân ấy bị diệt, rốt cuộc, còn lại hơn một trăm người tự sát tập thể tại Cam Túc, Trung Quốc.

Câu chuyện đã được kể rất rõ ràng, và cũng được kể hết sức tường tận, là thật, chẳng giả. Quý vị thấy quỷ hồn của những người đã chết từ hai ngàn một trăm năm trước, được gọi là “cô hồn dã quỷ”, họ ôm nỗi chấp trước, vẫn [tự coi mình] là một quân đoàn trú đóng tại nơi ấy. Thống soái khá lắm, là con trai thứ ba của Caesar, tức tam vương tử. Binh lính yêu mến vị thống soái này, thống soái cũng yêu thương binh lính. Hiện thời, cánh quân linh hồn ấy đã biến thành du hồn, hết sức tích cực, dựa vào thân một người để kể câu chuyện này. Chúng tôi đến thăm La Mã, đem chuyện này nói với người La Mã, người La Mã có biết hay không? Biết, quả thật là trong lịch sử của họ có ghi chép, sau khi đã phái đi một đạo quân bèn chẳng có tin tức, biến thành một điều bí ẩn. Thuở ấy, người ta tưởng chắc là do bị lạc đường,

nên đội quân ấy bị mất tích. Nay thì biết toàn bộ đã chết tại Trung Quốc. Quý vị thấy chuyện cách đây hai ngàn một trăm năm, những linh hồn ấy vẫn còn hết sức tích cực, chẳng giả. Sau khi đã chết, họ biết rất nhiều chuyện, biết gì vậy? Giết người phải đền mạng, cướp đoạt phải đền nợ! Chẳng đạt được tí ti tiện nghi nào! Vì thế, cuốn sách ấy là giáo dục nhân quả. Sau nhiều năm sống trong khổ sở như vậy, họ gặp Phật pháp, bèn quy y Tam Bảo tập thể. Bồ Tát từng bảo họ: “Trung Quốc chẳng phải là chỗ của quý vị, quý vị đến đây làm gì?” Tôi đọc cuốn sách ấy, đối với tôi, câu nói đó có một sự khái thị rất lớn, nói rõ điều gì? Dùng chiến tranh để cướp đoạt thì [đoạt được] vẫn là do trong mạng quý vị vốn có, quý vị nói xem có oan uổng hay không? Trong mạng chẳng có, dùng phương pháp chiến tranh vẫn chẳng thể đạt được! Vì thế, lập tức khiến cho chúng tôi nghĩ đến người Nhật phát động chiến tranh xâm lược Trung Quốc, đánh nhau tám năm rồi đầu hàng. Trung Quốc chẳng phải là nơi chốn của Nhật Bản, quý vị đến làm gì? Tin tức này cho chúng ta biết: Dùng võ lực chiếm đoạt người khác, rất sai lầm, phạm tội ác rất nặng.

Cổ nhân nói rất hay: “*Mạng lý hữu thời chung tu hữu, mạng lý vô thời mạc cưỡng cầu*” (Trong mạng có, ắt rồi phải có; số đã không có, chớ cưỡng cầu). Quý vị phải tin vào nhân quả báo ứng. Quý vị mong phát tài, trong kinh có lý luận và phương pháp để phát tài. Quý vị học theo thì mới có thể phát tài; đúng lý, đúng pháp thì mới có thể đạt được. Chẳng đúng lý, chẳng đúng pháp, dựa vào phiền não tập khí của chính mình, dùng các thứ thủ đoạn bất chánh để đạt được, vẫn là do trong mạng có. Nếu trong mạng chẳng có, sẽ không đạt được, dẫu đạt được rồi cũng bị mất đi, sao lại khổ sở đến thế? Vì thế, giáo dục nhân quả tốt đẹp lắm, có thể giúp chúng ta sống cuộc đời bình thường. Chúng ta cầu trí huệ, cầu sống lâu, cầu của cải, trong kinh Phật đều có các phương pháp, có lý luận. Hãy đúng lý, đúng pháp mà cầu. “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”, chẳng có gì không cầu được. Khó nhất là cầu thành Phật. Quý vị thấy thành Phật mà còn có thể cầu được, những thứ tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, thường gọi là “công danh, phú quý”, nhìn theo Phật pháp sẽ toàn là chuyện vật vãnh, quá nhỏ nhoi, lẽ nào chẳng thể cầu được! Vì sao không dùng phương pháp bình thường để cầu, mà cứ phải dùng thủ đoạn phi pháp? Do thủ đoạn phi pháp mà cầu được, là do trong mạng quý vị có, nhưng vẫn là phạm tội! Phạm tội thì tuy quý vị cầu được, trong mạng đã bị chiết khấu, suy giảm, nhưng chính quý vị chẳng biết! Nếu quý vị biết, trong mạng quý vị phú quý là do nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ đã tu tập, tích lũy. Trong Phật pháp có đạo lý to lớn, chớ nên không biết.

Kinh văn đã nêu rõ trạng huống khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, Ngài ở trong rừng Sa La Song Thọ, lìa khỏi thế gian ở nơi ấy, nhập đại tịch định. Đại tịch định là Đại Bát Niết Bàn, nhập Vô Dur Niết Bàn, đức Phật đã khuất bóng. Đây là tướng cuối cùng trong tám tướng thành đạo của Thích Ca Mâu Ni Phật, vì sao phải thị hiện tướng ấy? Nếu đức Phật chẳng thị hiện tướng ấy, thường trụ trong nhân gian, kẻ bình phàm sẽ nảy sinh hiểu lầm: Phật là một vị thần, trường sanh bất lão, làm sao chúng ta có thể làm được? Chúng ta sẽ chẳng dám học tập

Ngài. Vì thế, đức Phật thị hiện giống như kẻ bình phàm chúng ta, có sanh, lão, bệnh, tử, mọi người liền tin tưởng. Phật chẳng phải là thần, Phật là người, Ngài có thể làm được, chúng ta cũng có thể làm được, tín tâm bèn mười phần trọn đủ. Đồng thời, Ngài đã ban cho chúng ta một sự cảnh giác cao độ, lúc quý vị thấy đức Phật tại thế, tuy theo học với Ngài, nhưng chẳng nghiêm túc, giải đãi, lười nhác, tán loạn. Đức Phật đã tịch rồi, đức Phật đã khuất bóng thì không còn chỗ nương cậy, nếu không nghiêm túc nỗ lực, mai sau sẽ xoay sở ra sao? Kích động, phát khởi đạo tâm nghiêm túc tu học của chính mình! Có hai thứ ý nghĩa như vậy, khiến cho chúng ta biết đức Phật chẳng thường trụ lâu dài trong nhân gian, Phật sẽ ra đi, chúng ta phải nắm chặt thời tiết nhân duyên này! Sau khi đức Phật đã khuất bóng, Ngài có dạy chúng ta, pháp vận của lão nhân gia dài đến một vạn hai ngàn năm. Pháp vận, nói theo cách hiện thời, sẽ là “sức ảnh hưởng”. Nói theo phương diện không gian, Ngài có sức ảnh hưởng trên cả thế giới. Nói theo phương diện thời gian, Ngài có sức ảnh hưởng suốt một vạn hai ngàn năm. Đó là đại đức. Chẳng phải là đại đức thì làm sao có thời gian ảnh hưởng lâu dài như thế?

Chúng ta hiểu rõ, chỉ biết Phật giáo hiện thời tuy suy vi, pháp vận của đức Phật hãy còn kéo dài tới tám ngàn năm sau. Pháp vận của đức Phật có lúc lên cao, có khi xuống thấp, hiện thời nhằm lúc thoái trào, trong tương lai sẽ có cao trào hay chẳng? Khẳng định là có. Nhưng chúng ta nhất định phải nhận biết Phật pháp là giáo dục, quyết định chẳng phải là tôn giáo, phải hiểu rõ điều này. Phật giáo thừa nhận trong vũ trụ có thần, có quỷ thần, có thiên thần, có Phật, Bồ Tát trong các thế giới phương khác, đó là vũ trụ quan Phật giáo. Nhưng Phật trọn chẳng sùng kính thần, chư vị phải biết điều này. Nói đúng ra là quan hệ giữa chúng ta và Phật giống như quan hệ giữa người và người, chỉ là chúng sanh trong các chiều không gian khác nhau. Dục Giới Thiên và Sắc Giới Thiên khác chiều không gian với chúng ta. Quỷ thần cũng chẳng thuộc cùng một kích thước không gian với chúng ta. Nếu chúng ta có thể đột phá các chiều không gian, quý vị có thể thấy trọn vẹn. Có năng lực đột phá hay không? Có năng lực, tâm thanh tịnh hiện tiền, thời gian và không gian đều chẳng có. Nói theo Phật pháp, quý vị có thể chứng đắc quả vị A La Hán, có thể siêu việt thời gian và không gian. Bồ Tát có năng lực lớn hơn nữa, năng lực của Phật trọn khắp pháp giới, hết thảy chướng ngại đều chẳng có. Vì lẽ đó, bao nhiêu là thiên thần và quỷ thần đều là đệ tử Tam Bảo, quy y Phật Đà, họ cũng nghe kinh, nghe pháp, cũng tu hành, cũng niệm Phật, người cầu sanh Tịnh Độ cũng rất nhiều. Quỷ thần đều phát tâm cầu sanh Tịnh Độ; nếu chúng ta chẳng phát tâm thì ngay cả quỷ thần cũng chẳng sánh bằng, chớ nên không hiểu đạo lý này!

Tiếp theo là: “*Hựu Chân Giải vân: Phổ Đẳng tam-muội cập đại tịch định, tịnh thị Niệm Phật tam-muội dị danh dã. Kim Phật vị thuyết Niệm Phật pháp môn, trụ Niệm Phật tam-muội*” (Sách Chân Giải lại viết: “Phổ Đẳng tam-muội và đại tịch định đều là tên gọi khác của Niệm Phật tam-muội. Nay đức Phật vì để nói pháp môn Niệm Phật bèn trụ trong Niệm Phật tam-muội”). Cách giải thích càng ngày càng gần gũi Tịnh Tông. Phổ Đẳng tam-

muội: Phổ (普) là phổ biến, trọn khắp pháp giới là Phổ; Đẳng (等) là bình đẳng. Ba căn đều thích hợp trọn khắp, đều gồm toàn bộ lợi căn và độn căn, đó là Đẳng. Bất luận căn tánh như thế nào, pháp môn Niệm Phật vắng sanh Tịnh Độ là phổ đẳng, tức là chẳng có mảy may sai biệt, phổ biến bình đẳng. Chỉ cần quý vị gặp gỡ, chỉ cần quý vị có thể tin, hiểu, thật tu, chẳng có ai không vắng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thể nào không thành Phật. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành Phật có sớm hay muộn, đó là do mỗi người siêng năng hay lười biếng khác nhau. Dũng mãnh, tinh tấn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thành Phật rất nhanh. Giải đãi, lười biếng, tán loạn, chẳng sốt sắng, sẽ chẳng bị thoái chuyển, [chỉ là] tiến bộ chậm hơn, nhưng vẫn thành Phật. Do đó nói pháp môn này là pháp môn Phổ Đẳng, còn đến đâu để tìm nữa? Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, có rất nhiều môn bất bình đẳng, có những pháp môn chỉ thích hợp bậc thượng thượng căn, kẻ bình phàm chẳng tu được. Có những pháp môn chỉ thích hợp bậc thượng căn, kẻ trung hạ chẳng có phần. Có những pháp môn thích hợp kẻ hạ căn, người thượng căn cũng chẳng thể học. Ví như trong kinh Tiểu Thừa, có rất nhiều kinh giảng pháp nhân thiên, những bậc thượng căn biết sanh thiên chẳng rớt ráo, nên chẳng muốn học. Chẳng giống như pháp môn Tịnh Tông, pháp môn này đúng là Phổ Đẳng tam-muội, học pháp môn này bình đẳng. Chúng ta chọn cách trì danh niệm Phật. Trong Thập Lục Quán Kinh, Trì Danh Niệm Phật là phép Quán cuối cùng, tức phép Quán thứ mười sáu. Được liệt kê cuối cùng thì cũng là pháp môn kỳ lạ, đặc biệt nhất. Đối với chuyện này, Cổ Ấn Độ và Trung Hoa có nhiều chỗ rất giống nhau, khi diễn xuất nghệ thuật, màn biểu diễn hay nhất được đặt cuối cùng, người Ấn Độ cũng giống như vậy. Vì thế, phép Quán cuối cùng trong mười sáu phép Quán sẽ là pháp môn trọng yếu nhất và thù thắng nhất trong mười sáu phép Quán, tức là Trì Danh Niệm Phật. Trước nó, có các phép Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, cuối cùng là Trì Danh Niệm Phật, chúng ta phải biết đạo lý này.

Kinh dạy: *“Phổ Đẳng tam-muội cập đại tịch định, tịnh thị Niệm Phật tam-muội dị danh”* (Phổ Đẳng tam-muội và đại tịch định đều là tên gọi khác của Niệm Phật tam-muội), là biệt danh. Phổ Đẳng tam-muội là Niệm Phật tam-muội, kinh còn gọi nó là Đại Tịch Định. *“Kim Phật vị thuyết Niệm Phật pháp môn, trụ Niệm Phật tam-muội”* (nay vì nói pháp môn Niệm Phật, đức Phật trụ trong Niệm Phật tam-muội): Trong pháp hội hiện thời, đức Phật vì đại chúng nói pháp môn Niệm Phật, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới cận kề cùng đại chúng. Phật trụ ở nơi đâu? Phật trụ trong Niệm Phật tam-muội. *“Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật”* (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật), tin tức này nhằm bảo với chúng ta: Trong tâm chúng ta tưởng Phật, miệng niệm Phật, được Phật lực gia trì; hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật là Phật lực gia trì. Phật ở chỗ nào? Không nơi đâu, Phật chẳng hiện diện, không lúc nào chẳng tồn tại. Thiền sư Trung Phong bảo chúng ta: *“Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này”*. Vì thế, Phật không lúc nào chẳng hiện diện, không nơi đâu chẳng hiện hữu. Phật do đâu mà có? Phật là tự tánh biến hiện. *“Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”, “tâm ta chính là Di Đà, Di Đà*

chính là tâm ta”. Quý vị thấy đó: Nói rất rõ ràng, rất minh bạch, những đoạn kinh văn khai thị ấy đã giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Khi trước, tôi thường nói: Chúng ta mong mỗi xã hội an định, thế giới hòa bình, phải như thế nào thì mới thực hiện được? Người trên thế giới ai nấy đều có thể làm tròn những việc thuộc về bổn phận của chính mình, điều này rất trọng yếu. Tương thân, tương ái những người có nghề nghiệp khác biệt, cùng nhau hợp tác, xã hội sẽ an định, phồn vinh, thế giới cũng thật sự hài hòa, mà cũng chẳng có tai nạn, [các tai nạn đã bị] hóa giải rồi! Mỗi người thực hiện tốt đẹp những chuyện thuộc bổn phận, bổn phận của người xuất gia học Phật là gì? Bổn phận là giảng kinh, giáo học, bổn phận là như vậy đó! Xuất gia thì phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, tại gia phải học theo cư sĩ Duy Ma. Cư sĩ Duy Ma là đức Phật tại gia, Thích Ca Mâu Ni Phật là Phật xuất gia, các Ngài có cùng đẳng cấp, chẳng có cao thấp!

Từ kinh điển, từ kinh Duy Ma Cát, chúng ta thấy cư sĩ Duy Ma giảng kinh, thuyết pháp, các vị Đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất đến nghe kinh. Quý vị thấy các Ngài đối với cư sĩ Duy Ma lễ kính, đánh lễ ba lạy, nhiều theo chiều bên phải ba vòng, lễ tiết hoàn toàn giống như gặp Thích Ca Mâu Ni Phật. Sự biểu diễn ấy nhằm bảo chúng ta: Phật giáo là sư đạo, là giáo dục. Trong sư đạo, thầy lớn nhất, tôn sư trọng đạo. Chẳng thể nói quý vị là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, đến chỗ cư sĩ Duy Ma nghe kinh, sẽ cao hơn người ta một bậc. [Nếu nghĩ như vậy] trật mất rồi! Chẳng có đạo lý ấy! Vì thế, người thăng tòa giảng kinh là lớn nhất. Cư sĩ Duy Ma là nam tử. Nếu là nữ chúng tỳ-kheo-ni thăng tòa giảng kinh, nam chúng đến nghe kinh, phải ghi nhớ: “Thầy luôn là lớn nhất!” Chẳng còn phải bàn ra tán vào chi nữa! Bà ta thăng tòa, đại diện cho Phật giảng kinh, giáo học, tỳ-kheo trông thấy phải lễ bái. Không lễ bái tức là chẳng tôn trọng pháp! Vị tỳ-kheo-ni ấy lại chẳng dám nhận lễ, làm như thế nào? Đặt trên giảng đài, trước mặt vị ấy một bức tượng Phật. Khi người ta lạy sẽ là lạy tượng Phật, ta ở sau tượng Phật, cách làm này cũng đúng pháp, cũng rất tốt. Trước giảng đài thờ tượng Phật, khi tỳ-kheo đến sẽ bái Phật. Do đó, Phật pháp có phương tiện thiện xảo, chẳng đánh mất tâm cung kính. Vì tâm cung kính, chẳng phải chỉ là cung kính pháp, cung kính thầy, mà còn khiến cho đại chúng đều trông thấy, làm cho đại chúng đều học tập, người lên đài thăng tòa đại diện cho Phật! Khi vị thầy của chính mình nếu đến nghe [học trò giảng] kinh thì cũng phải đối trước [người giảng] xá chào, cung kính Tam Bảo. Đó là biểu diễn, thường nói là làm Ảnh Hưởng Chúng, đều nhằm hướng dẫn, giáo hóa chúng sanh. Vì vậy, dụng ý biểu thị pháp rất sâu.

“Cố tri đại tịch định, thông thuyết tức vi Phật chi Thiên Định, danh Đại Bát Niết Bàn. Nhược án kim kinh, tắc chỉ Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội xưng Bảo Vương tam-muội, vi tam-muội trung vương. Kim nhật Thế Tôn khai diễn Tịnh Độ pháp môn, cố nhập Niệm Phật Bảo Vương tam-muội” (Như vậy, Đại Tịch Định nói chung là một thứ Thiên Định của Phật mang tên Đại Niết Bàn. Nếu xét theo kinh này, chữ “đại tịch định” chỉ Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội được gọi là Bảo Vương tam-muội, là vua trong các tam-

muội. Giờ đây, đức Thế Tôn khai diễn pháp môn Tịnh Độ, nên Ngài nhập Niệm Phật Bảo Vương tam-muội). Ý nghĩa này rất sâu, từ danh xưng của tam-muội, chúng ta có thể thấu hiểu, “kim kinh” là nói đến kinh Vô Lượng Thọ, nói về điều gì? Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội được gọi là Bảo Vương, hai chữ này rất khó có. Bảo (寶) là tỷ dụ, hình dung pháp môn này quý báu. Quý vị thấy bảy báu trong thế gian, vàng, bạc, lưu ly, mã não... Quý vị có được bảy báu, sẽ xa lìa sự nghèo cùng thiếu thốn trong cuộc sống vật chất, đạt được của cải, giàu có. Ở đây, chữ Bảo chỉ Phật pháp. Phật pháp còn trân quý hơn bảy báu của thế gian. Của báu trong thế gian có thể giúp đỡ thân mạng, khiến cho thân mạng quý vị sống thoải mái. Pháp Bảo có thể giúp đỡ huệ mạng, cũng có nghĩa là Pháp Bảo đem lại cuộc sống tinh thần còn thù thắng hơn cuộc sống vật chất. Cuộc sống vật chất đầu phong phú cách mấy đi nữa mà chẳng có cuộc sống tinh thần; đó gọi là “giàu mà không vui”. Người ấy tuy giàu có, tuy địa vị rất cao, sống cuộc đời rất nhọc nhằn. Chúng ta thường thấy chuyện này, trong xã hội, gần như mỗi ngày quý vị đều thấy như vậy. Họ sống cuộc đời chẳng vui sướng, chẳng hạnh phúc! Người có cuộc sống tinh thần phong phú, sẽ sung sướng. Tuy nghèo cùng, chẳng có của cải, hèn mọn, chẳng có địa vị, [tức là] chẳng có địa vị trong xã hội, chẳng có tài sản, nhưng mỗi ngày sống vui sướng. Niềm vui do đâu mà có? Niềm vui sanh từ trí huệ, trí huệ là cội nguồn của cuộc sống tinh thần, thật sự đem lại hạnh phúc mỹ mãn, vui sướng vô cùng! Nói nông cạn, người có trí huệ chẳng tạo nghiệp. Không tạo nghiệp sẽ chẳng hứng chịu khổ báo, tương lai chẳng có thân này, tuyệt đối không vào ba ác đạo. Tâm địa thanh tịnh, người công phu tốt đẹp một chút sẽ biết chính mình đến đâu, không nhất định phải là học Phật thì mới biết trước lúc mất, người chẳng học Phật cũng tự biết trước lúc mất. Có nhiều người sanh lên cõi trời, lúc mạng chung, chư thiên đến tiếp dẫn, đồng nam đồng nữ cõi trời đến tiếp dẫn người ấy vãng sanh, biết sẽ ra đi khi nào. Phước báo cõi trời lớn hơn nhân gian nhiều lắm, tâm địa cũng thanh tịnh hơn nhiều! Người công phu tu hành tốt đẹp, chứng đắc quả vị, lại càng chẳng cần phải nói nữa. Có A La Hán tiếp dẫn, thiện thần tiếp dẫn, Bồ Tát tiếp dẫn. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, quý vị thấy thù thắng dường ấy. Đó gọi là Bảo Vương tam-muội.

Tu Niệm Phật tam-muội như thế nào? Kinh dạy chúng ta: “*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”. Khi nào sẽ đắc tam-muội? Tam-muội là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Chánh Thọ, hoặc Chánh Định. Thọ (受) là hưởng thụ. Chánh Thọ là sự hưởng thụ đúng đắn. Trong kinh, đức Phật đã dạy: Lục đạo phàm phu hưởng thụ cuộc sống hằng ngày bất bình thường! Đức Phật nói có năm thứ [cảm thụ], thân có khổ vui, tâm có lo mừng. Vì thế, năm thứ cảm thụ ấy là nói gộp thân và tâm lại, tức là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Chữ cuối cùng là Xả, tức là thân chẳng có khổ, vui, tâm cũng chẳng có lo, mừng; nay khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều chẳng có, nên gọi là Xả Thọ. Trên thực tế, Xả Thọ và Chánh Thọ hết sức gần gũi, vì sao chẳng gọi Xả là Chánh? Vì thời gian Xả rất ngắn, rất nhanh, quý vị lại có khổ, lạc, ưu, hỷ. Chánh Thọ là khổ, lạc, ưu, hỷ thật sự chẳng có. Chẳng có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thì gọi là Chánh Thọ. Chánh Thọ là như trong tựa đề kinh có nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Thanh tịnh là

Chánh Thọ của A La Hán và Bích Chi Phật, là cảnh giới tam-muội của các Ngài. Bình đẳng là Chánh Thọ của Bồ Tát. Giác là Chánh Thọ của chư Phật, chúng ta thường nói là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Đạt đến giác, đương nhiên thanh tịnh và bình đẳng đều trọn đủ. Đạt đến bình đẳng, chẳng đạt được giác. Đạt được bình đẳng bèn có thanh tịnh, điều sau bao gồm điều trước, điều trước chẳng bao gồm điều sau. Do đó, pháp môn Niệm Phật được gọi là Bảo Vương tam-muội, điều này quá khó có, hy hữu! “*Kim nhật Thế Tôn khai diễn Tịnh Độ pháp môn, cố nhập Niệm Phật Bảo Vương tam-muội*” (Giờ đây, đức Thế Tôn khai diễn pháp môn Tịnh Độ, nên Ngài nhập Niệm Phật Bảo Vương tam-muội); do đó mới có chuyện kỳ đặc phóng quang, hiện tướng lành, đó là tự nhiên cảm ứng, đức Phật chẳng khởi tâm động niệm, chúng ta nhất định phải biết điều này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 141

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 12.09.2010

Địa điểm: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà _ HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 163, hàng thứ năm: “Trú kỳ đặc pháp”, đây là câu kinh văn.

Xem chú giải bên dưới: Tịnh Ảnh Sớ nói: “Pháp Phật đạt được, vượt qua những người khác, thế gian không có, nên gọi là đặc biệt hy hữu. Trong Hợp Tán nói: Phương pháp bí mật cứu tế phàm phu, ngày nay mới nói, nên gọi là trú kỳ đặc”. Chúng ta xem đoạn này trước.

Tịnh Ảnh Sớ là chú giải của đại sư Huệ Viễn thời nhà Tùy, trong câu này ông nói: “Pháp Đức Phật đạt được, vượt qua mọi người”. Tức là nói những gì Đức Phật chứng được, cũng có thể nói những gì Đức Phật thấu triệt. Đức Phật làm sao đạt được, làm sao để thấu triệt? Vì sao chúng ta không đạt được, vì sao không thấu rõ? Đạo lý và chân tướng sự thật này không thể không hiểu. Đức Phật là bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, ngài đã thấy được tự tánh. Tự tánh nghĩa là rất ráo chân thật, là thường tịch quang.

Trong bộ kinh này Đức Phật nói ba loại chân thật: Lợi ích chân thật, trí tuệ chân thật, điều này trong tự tánh vốn có. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói rất nhiều lần: Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Như Lai nghĩa là tự tánh. Trong thuật ngữ triết học gọi là bản thể của vũ trụ vạn hữu, nghĩa là nói tất cả vạn hữu trong vũ trụ là từ nó sanh ra. Trong Phật pháp cũng nói như vậy, nó là năng sanh năng hiện. Tự tánh là năng sanh năng hiện, thức là năng biến.

Chúng ta xem Địa Tạng Kinh Khoa Chú, trong này viết về năm loại huyền nghĩa rất hay. Họ đem năm loại cương yếu này, đều trở về tánh thức, rất nhiều pháp sư không có tư tưởng này. Họ nói rất hay, vì sao vậy? Vì tánh năng sanh năng hiện, thức năng biến. Tất cả pháp giữa vũ trụ là sở sanh, sở hiện, sở biến. Thấy được chân tướng sự thật này gọi là minh tâm, tâm sáng liền thấy được tánh. Chúng ta có tâm, tâm bị nhiễm ô, nên không thấy được tánh. Trên thực tế tâm tức là tánh, tánh nghĩa là tâm.

Khi mê, Phật giáo có một danh từ gọi là A lại da, không gọi là tâm tánh, gọi là A lại da. A lại da tức là tâm tánh đã mê thất tự tánh, đang mê. Phật là đấng giác ngộ viên mãn, nên ngài đích thực là trở về tự tánh. Pháp ngài đạt được là tất cả pháp khắp biến pháp giới hư không giới, ngài hoàn toàn hiểu rõ, đều là chính mình tâm hiện tâm sanh. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm, là tâm thức của mình biến hiện ra, hoàn toàn hiểu rõ. Hiểu rõ tất cả là cảnh giới gì? Biến pháp giới hư không giới và chính mình là nhất thể, hiểu được chân tướng sự thật này. Điều này Lão Tử từng nói: “Thiên địa và ta cùng một nguồn gốc”.

Hiện nay các nhà khoa học cũng dần dần chứng minh thể nhất quán, biến pháp giới hư không giới với bản thân chúng ta là nhất thể. Nên vượt qua những người khác, những người khác là chỉ 41 vị pháp thân đại sĩ, vượt hơn họ. “Ở thế gian không có”, chữ thế ở đây là chỉ mười pháp giới. Trong mười pháp giới không có ai thấy được chân tướng sự thật này. Đạo giáo nói: Thiên địa với ta cùng nguồn gốc, vạn vật với ta là một thể.

Từ trên đoạn kinh văn này chúng ta có thể lãnh hội được Nho và Đạo, đều là Phật Bồ Tát thị hiện, vì lúc đó Phật giáo vẫn chưa truyền đến Trung. Thời đại của Khổng Mạnh, Lão Trang, Phật giáo chưa truyền đến Trung quốc, nhưng những gì họ nói lại hoàn toàn tương đồng. Khiến chúng ta nghĩ đến những gì đọc được trong kinh điển đại thừa, Phật Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới. Cần dùng thân gì để được độ thoát, họ liền hiện thân đó. Phật Bồ Tát không có thân thể nhất định, cũng không có phương pháp giáo hóa chúng sanh nhất định. Hoàn toàn là hăng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, đây là Bồ Tát Phổ Hiền nói.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”. Phật Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới, thật như vậy, họ ở đâu? Trú trong pháp kỳ đặc, điều này không hề giả, vì sao vậy? Bất luận ứng hóa ở đâu,

hay hiện thân gì, họ đều không hề khởi tâm không động niệm. Ở trước chúng ta đọc đến bát tướng thành đạo, ý nghĩa của bát tướng thành đạo là biểu trưng ngài từ sanh đến lão tử. Đâu tích của một đời, hình như không có gì khác với người thế gian chúng ta, trên thực tế khác nhau hoàn toàn. Điều này không thể không biết. Thị hiện tất cả mọi thứ, ngài chỉ có một mục tiêu là giúp tất cả chúng sanh có nhân duyên phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Chỉ một phương hướng, một mục tiêu như vậy. Đây là từ trên gốc độ của chúng ta để nhìn Phật và pháp thân đại sĩ. Trên gốc độ của họ thì sao? Họ đến khởi tâm động niệm còn không có, làm gì có phân biệt chấp trước! Phàm phu chúng ta có phân biệt chấp trước. Khi hiểu được đạo lý này, mới có thể lãnh hội được ý nghĩa của trú trong pháp kỳ đặc, nó thật sự là kỳ đặc.

Hợp Tán nói: “Phương pháp bí mật tế độ phàm phu”. Ý nghĩa của câu này rất thâm sâu. Tế là cứu tế, phàm là đặc biệt nói đến phàm phu lục đạo, phàm phu lục đạo quá khổ. Phật Bồ Tát dùng phương pháp gì để giúp họ? Thuật nghĩa là phương pháp, thêm vào chữ bí, bí không phải là thần bí, mà là thâm mật. Đạo lý này quá sâu, tuy lý rất sâu, nhưng có thể sự rất đơn giản, lý rất thâm sâu. “Ngày nay mới nói”. Thế giới chúng ta ngày nay gặp phải khó khăn, xã hội bất an, địa cầu này thiên tai dòn dập, từ xưa đến nay chưa từng có xảy ra thiên tai nhiều như vậy. Có người nói với tôi, bây giờ thiên tai mới bắt đầu, về sau sẽ càng nhiều, có thể chẳng? Chúng ta học Phật hơn nửa thế kỷ, y theo lý luận và logic trong kinh Phật để thấy, lời này là thật không phải giả. Tôi có lý do tin tưởng, vì sao vậy? Vì trong kinh nói: “cảnh tùy tâm chuyển”. Địa cầu này là hoàn cảnh cư trú của chúng ta, hoàn cảnh tùy theo tâm người sống trên địa cầu mà chuyển biến. Nếu tâm người thanh tịnh, tâm người lương thiện, thì địa cầu này tốt đẹp, giống như thế giới Cực Lạc vậy, không hề xảy ra bất kỳ thiên tai nào. Nếu như tâm người bất thiện, hoàn toàn trái với luân lý đạo đức, trái với thập thiện nghiệp đạo, tâm hành đều ác, vậy thì hoàn cảnh cư trú của chúng ta sẽ trở thành xấu. Sở dĩ tôi tin những gì họ nói, chính là đạo lý trong kinh nói. Hiểu được đạo lý này, đối với tình hình trước mắt, chúng ta có suy nghĩ gì? Hoàn toàn không có chút bi quan nào, biết có thể cứu được, chúng ta sửa đổi ý niệm sai lầm, thiên tai sẽ không còn, đây là công việc Phật Bồ Tát làm. Quý vị xem, có thể nói phương pháp bí mật cứu độ phàm phu. Mấy câu này là đối với hoàn cảnh sống hiện tiền của chúng ta mà nói, dùng phương pháp gì? Giảng Kinh Vô Lượng Thọ.

Tôi tin rằng chư vị học Phật đều biết, trước đây ở địa phương có thiên tai, quốc gia có thiên tai, hiện nay là toàn thế giới gặp thiên tai, vậy phải làm sao? Quốc gia nhất định phát động: “Pháp hội nhân vương hộ quốc dập tắt thiên tai”, để hóa giải thiên tai. Pháp hội này, quý vị xem trong kinh nói như thế nào? Triệu tập 100 vị đại đức cao tăng trên toàn quốc. Quý vị nên biết, 100 không phải là chữ số, ta xem nó thành con số là sai, 100 tượng trưng sự viên mãn. Nghĩa là ở

khu vực này, thật sự có những bậc chân tu, mời họ đến mở pháp hội nhân vương hộ quốc. Không phải tụng kinh, tụng kinh không có hiệu quả, tụng kinh có giải quyết được vấn đề chăng? Tụng kinh thuộc về cầu nguyện, cầu nguyện cũng có hiệu quả, nhưng không lớn, là trị ngọn chứ không trị gốc. Triệu tập chư vị pháp sư này, 100 tức là triệu tập tất cả pháp sư trên toàn quốc, nghiên cứu phương pháp cứu đất nước. Nhất định phải tìm ra nguyên nhân trước, do đâu phát sanh thiên tai? Nhất định là nhân dân đã lơ là, bất hiếu cha mẹ, không kính trọng tôn trưởng, bất nhân bất nghĩa, chắc chắn là do vấn đề này. Mọi người cùng nhau thảo luận, phát hiện ra điều này, bắt đầu thực hành từ bản thân, bắt đầu từ đạo tràng nhỏ của chính mình, khuyên mọi người đoạn ác tu thiện, vấn đề liền được hóa giải. Pháp hội Nhân vương hộ quốc là hội nghị cứu nước. Trước đây ở Đài Loan tôi cũng từng tham gia, không phải như vậy, hoàn toàn hiểu sai ý nghĩa trong kinh nói. Đây là chiêu tập cao nhân đến nghiên cứu, xem nguyên nhân gì tạo nên xã hội động loạn, phải tìm ra nguyên nhân. Tìm được nguyên nhân vì đâu địa cầu có nhiều thiên tai như vậy, sau đó đoạn trừ những nguyên nhân này, thiên tai sẽ không còn nữa, rất hợp với khoa học, không phải mê tín.

Trước đây chúng tôi ở Thang Trì có làm một thí nghiệm nhỏ, thành lập một trung tâm, chúng tôi tuân thủ chính sách của quốc gia, thí nghiệm trong một thị trấn nhỏ. Toàn dân có bốn vạn tám ngàn người ở trong thị trấn này, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề đều học Đệ Tử Quy. Chưa đến nửa năm, thị trấn nhỏ này trở thành xã hội hài hòa, sống trong lễ nghĩa.

Trước đây bộ trưởng Cao Xương Lễ_bây giờ ông đã về hưu, ông đến ở trung tâm Thang Trì hai tuần, nói với mọi người, thí nghiệm ở Thang Trì có thể cứu đất nước, đó là gì? Hội nghị nhân vương, không những cứu được đất nước này, mà có thể cứu toàn thế giới! Đây là cán bộ cao cấp của chính phủ, đến đó tham quan thấy được. Rất nhiều bạn hữu quốc tế đến tham quan, mọi người đều có đồng cảm, đây mới là trong Kinh Nhân Vương Hộ Quốc nói, là pháp hội cứu quốc. Đề xướng điều gì? Việc dạy học.

Khi gặp điều gì khó khăn, phải toàn tâm toàn lực cố gắng hướng dẫn chúng sanh đoạn ác tu thiện, tu tất cả điều thiện. Trong chùa làm việc này ý nghĩa càng sâu sắc, hiệu quả càng cao, vì sao vậy? Trong chùa không những có thể dạy Đệ Tử Quy, còn có thể dạy Thập Thiện Nghiệp, có thể dạy Cảm Ứng Thiên, có thể dạy Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, hiệu quả sẽ rất lớn! Thật sự cứu vãn được xã hội, giáo dục nòng cốt là nền giáo dục nhân quả. Mọi người chúng ta đều biết luân lý đạo đức rất tốt, nếu không có nền giáo dục nhân quả duy trì nó, một người suốt đời tuân thủ luân lý đạo đức, một khi gặp được danh văn lợi dưỡng thường bị động tâm, biết sai mà vẫn phạm, không vượt qua được mê hoặc. Còn danh lợi nhỏ họ không bị động tâm, danh lợi nhiều họ liền động tâm. Hiểu được giáo dục nhân quả sẽ không dám làm ác, vì sao vậy? Vì biết rằng làm ác tương lai

có báo ứng, dám giết người chẳng? Giết người phải đền mạng, nợ tiền phải trả tiền, vậy nên không dám. Bởi thế nền giáo dục nhân quả cứu thời loạn, là một phương pháp rất có hiệu quả. Ở đây gọi là phương pháp bí mật, phương pháp bí mật chính là điều này.

Quý vị xem một đời của Đại sư Ấn Quang, đúng là toàn tâm toàn lực đề xướng nhân quả, là cao tăng của Phật giáo. Năm 1977, lần đầu tiên tôi đến HongKong giảng kinh, nơi giảng kinh là Thư Viện Phật Giáo Trung Hoa đường Giới Hạn ở Cửu Long, thư viện này do pháp sư Đàm Hư thành lập. Ở đó tôi thấy ông sưu tập rất nhiều kinh luận sách hay của Hoàng Hóa Xã xuất bản, Hoàng Hóa Xã là nơi in ấn của đại sư Ấn Quang. Tiền thập phương cúng dường, ngài đều dùng vào việc lưu thông kinh sách, ngài chỉ làm một việc này, không làm những việc khác. Tất cả đều dùng vào việc hoằng pháp, mà lại đặc biệt đề xướng nền giáo dục nhân quả. Lúc đó tôi phát hiện, đại sư Ấn Quang ấn tống Liễu Phàm Tứ Huấn, sách này được coi là của Nho giáo, nói về nhân quả. Và Cẩm Ứng Thiên Vựng Biên, An Sĩ Toàn Tập, ba bộ sách này. Tôi xem trang bản quyền ở sau, và dự tính sơ là hơn 300 vạn cuốn, tôi cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Lúc đó, khoảng 80 năm trước, thời đại của 80 năm trước, mà in một số lượng lớn như vậy, quả là khiến người kinh ngạc! Cao tăng Phật giáo, vì sao không ấn tống nhiều kinh điển Tịnh độ, lại ấn tống ba loại sách này nhiều đến thế? Tôi nghĩ không ra. Nhưng ngày nay thấy tình hình xã hội, tôi liền hoát nhiên đại ngộ.

Cư sĩ Chu An Sĩ nói: “Người người tin nhân quả, chính là đạo đại trị của thiên hạ. Mọi người không tin nhân quả, là nguyên nhân đại loạn của thiên hạ”. Hai câu này nói quá tuyệt. Suốt đời ngài Ấn Quang làm công việc này, khiến hàng hậu nhân chúng ta xem được có thể tỉnh ngộ. Muốn cứu thiên tai trước mắt của xã hội, phải làm sao? Hiểu rõ nhân quả, thiên tai sẽ được hóa giải, tuyệt đối không dám làm việc xấu nữa.

Trong Thập Thiện Nghiệp Đạo nói sát đạo dâm, có dám phạm chẳng? Không dám phạm, vì sao vậy? Vì giết người phải đền mạng. Hiện nay nhiều thiếu nữ tùy tiện đi nạo phá thai, nếu họ hiểu rõ về nhân quả sẽ sợ hãi không dám làm. Một lần nạo phá thai là nợ một mạng người, quý vị nợ họ một mạng, tương lai phải trả cho họ. Phá thai hai lần thì phải trả hai mạng, không phải là không sao. Người thông linh nhìn thấy, thấy sau lưng quý vị có hương linh nhỏ đi theo, quý vị không sợ được chẳng? Dùng thủ đoạn không chính đáng mưu đoạt tài vật của người khác, tất cả đều phải trả lại tiền. Bởi thế người hiểu được nhân quả tâm luôn bình đẳng, thanh tịnh, họ rất rõ ràng.

Người ở thế gian có thiệt thòi chẳng? Không có, có chiếm được lợi ích chẳng? Cũng không có. Cổ nhân nói: “thiệt thòi là phước”. Chiếm được lợi ích rồi cũng phải trả lại, vậy thì quý vị chiếm được lợi ích gì? Đời sau khi trả nợ phải trả luôn phần tiền lời, nên người hiểu nhân quả sẽ không dám tái phạm.

Hôm nay quý vị làm quan, phát tài lớn là số mạng quý vị có. Nếu số mạng không có, vì sao người khác không phát tài, người khác không làm quan lớn, vì sao quý vị làm? Đây là nhân quý vị tu được trong đời quá khứ, đời này cảm ứng được quả báo, không có gì khác. Đã là trong số mạng có, vấn đề này đọc Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ rõ ràng minh bạch. Bởi thế Ấn Quang đại sư ấn tống sách Liễu Phàm Tứ Huấn rất nhiều, mấy chục vạn cuốn, trong sách nói rõ về đạo lý này. An phận giữ mình, thời tiết nhân duyên thành thực, phú quý tự nhiên đến, quả báo liền hiện tiền. Dùng thủ đoạn không chánh đáng để âm mưu đạt được, cũng đạt được, đạt được vẫn là của quý vị. Ví dụ nói phước báo của quý vị có thể hưởng thụ được 100 năm, dùng thủ đoạn bất chính đạt được, khiến phước báo 100 năm ta chưa hưởng hết đều tiêu tan hết, mới mười hai mươi năm ta đã dùng hết rồi, số mạng không còn nữa. Hết rồi phải làm sao? Không còn, thọ mạng liền đến. Thọ mạng quý vị vốn là 100 tuổi, nhưng vì làm điều bất chánh nên mới ba bốn mươi tuổi đã hưởng hết, phải ra đi. Vì sao không giữ phước báo lại để hưởng từ từ, mà lại hưởng hết nó trong vài ngày? Quý vị là người thông minh, người có trí tuệ đó chẳng? Cổ nhân nói: “hết lộc thì người chết”, thọ mạng ta vốn chưa hết, nhưng lộc đã tận, nghĩa là chúng ta đã hưởng hết tài phú trong số mạng của mình, đạo lý chính là như vậy.

Người có phước báo lớn như các bậc đế vương ngày xưa, họ có thể hưởng phước được bao nhiêu năm? Hưởng được mấy trăm năm, quý vị nói phước họ tích lũy được sâu dày biết bao, con cháu mấy mươi đời cũng hưởng không hết phước. Người bây giờ không hiểu nhân quả, không xem những cuốn sách này, cho rằng chết là hết. Chết là hết thì còn gì tốt hơn, con người cần gì phải cực khổ như thế? Thực tế mà nói, hiểu được nhân quả mới biết sau khi chết thật đáng sợ, phiền phức không thể tả! Nếu tạo nghiệp bất thiện thì đến địa ngục, đến ngạ quỷ để chịu tội, khi chịu hết tội lại sinh đến nhân gian để trả nợ. Nợ mạng trả bằng mạng, nợ tiền trả tiền, đến lúc đó quả là đáng thương. Giết người nhiều đọa vào đường nào? Biến thành gì? Biến thành con phù du trong cõi súc sanh, phù du là loại trùng nhỏ bơi lội trên mặt nước. Quý vị thấy nó bơi lội trên mặt nước, thọ mạng của nó chỉ có mấy tiếng đồng hồ. Vì nợ mạng người quá nhiều, giết quá nhiều người, khiến quý vị một ngày phải đền mạng một hai lần. Ngày nào cũng trả, phải trả hết nợ mà mình gây ra cho người khác, quý vị xem có đáng sợ chẳng! Bởi vậy người hiểu được nhân quả thường luôn sợ hãi, không dám làm việc xấu. Quả báo quá đáng sợ, đặc biệt là tam đồ ác báo.

Từ đây chúng ta có thể thấy, phương pháp bí mật cứu tế hàng phàm phu, phương pháp bí mật đầu tiên chính là nhân quả. Đức Phật giảng về nhân quả vô cùng tận tường. Nhưng chúng ta tin rằng không phải cổ nhân sơ suất, vì Đạo giáo nói cũng đã đủ dùng. Phật giáo nói là đạo lớn, đạo lớn làm sao để liễu sanh tử

xuất tam giới, làm Phật làm tổ. Nhân quả là thuộc về đạo nhỏ, những gì Đạo giáo nói là đủ, Phật giáo ở bên cạnh vỗ tay, hoan hỷ tán thán.

Mấy năm trước thầy Giang Dật Tử vẽ Địa Ngục Biến Tướng Đồ, đây là một tác phẩm lớn tuyệt vời, vẽ tay. Độ cao của bức tranh này là 26cm thước tây, dài 50 thước tây, vẽ trong vòng một năm, là tôi nhờ ông vẽ. Tôi không ngờ ông vẽ nhanh đến thế, đúng là bút thần, không có ai hơn, tôi nói lúc đó Bồ Tát thành hoàng cầm tay ông để vẽ. Vẽ bức tranh này, nguyên nhân của nó là gì? Nguyên nhân là thành hoàng đến tìm tôi, tìm tôi mấy lần, mượn thân thể nười khác đến tìm tôi, yêu cầu tôi giúp ông khôi phục miếu thành hoàng. Tôi nói đây là chính sách của quốc gia, chùa chiền có thể khôi phục, nhưng miếu thần thì không được. Họ cũng rất lý giải, nhưng lại nói rằng: Trong miếu thành hoàng, công hiến lớn nhất đối với xã hội là điện Diêm vương, điều này tôi biết. Lúc nhỏ, mẹ tôi hằng năm thường đến thắp hương ở miếu thành hoàng vài lần, đều đưa chúng tôi đến xem điện Diêm vương, lúc đó là tượng bằng đất, ấn tượng rất sâu sắc. Ông nói công đức giáo hóa chúng sanh này rất lớn, có thể đem Địa Ngục Biến Tướng Đồ trong điện Diêm Vương làm ra chăng? Tôi nói kiến nghị này rất hay, lúc đó tôi ở Singapore. Bên ngoài Cư Sĩ Lâm ở Singapore có xây tường, trên tường đều có đắp phù điêu. Tôi nghĩ đem Địa Ngục Biến Tướng Đồ làm thành phù điêu, đắp lên quanh tường ở Cư Sĩ Lâm. Thành hoàng kiến nghị, không cần như vậy, tốt nhất là tìm người vẽ ra, in thật nhiều rồi lưu thông khắp nơi. Hy vọng Tịnh tông học hội trên toàn thế giới, mỗi đạo tràng đều có lưu thông. Tôi nói như vậy quá hay, đây đều là ông đề xướng. Cho nên tôi mới tìm vị đồng học này, là một họa sĩ. Khi ông vẽ xong tôi đột nhiên nghĩ đến, trong kinh Đức Phật nói cũng không ít. Chúng tôi không y theo trong kinh Phật nói để vẽ, mà y theo Ngọc Lịch Bảo Sao của Đạo giáo, vẽ theo câu chuyện kể trong Ngọc Lịch Bảo Sao. Cho nên tôi đã nhờ mấy vị đồng học tra trong Đại Tạng Kinh, xem từng cuốn trong Đại Tạng Kinh, trong kinh có nói về nhân quả báo ứng, nói về địa ngục đều trích lục ra, sau đó in thành sách. Đề sách này chính tay tôi viết, tất cả có 25 bộ kinh luận_Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Tập Yếu, nói tường tận hơn của Đạo giáo. Trong Đạo giáo nói đều là quả, còn nhân của quả đó nói không tường tận. Trong kinh Phật nói về nhân rất tường tận, tạo nhân như thế nào, thì tương lai chịu quả báo như thế. Tôi hy vọng tương lai có nhân duyên, có thể tìm được một họa sĩ, y theo Phật Thuyết Địa Ngục Tập Yếu của Phật giáo vẽ thành một bức tranh, là Địa Ngục Biến Tướng Đồ của Phật giáo. Việc này rất có ý nghĩa, công đức này rất lớn, cứu độ vô lượng vô biên chúng sanh. Có rất nhiều người thấy được liền hỏi đầu, không dám tiếp tục làm việc xấu. Vì thế tôi liền nghĩ đến Tổ sư Ấn Quang, Chu An Sĩ, họ có cái nhìn rất xa, thấy được tình trạng xã hội hiện nay. Biết được nên dùng phương pháp gì để cứu vãn, là phương pháp bí mật cứu tế hàng phàm phu.

Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này cũng như vậy, nơi nào có Kinh Vô Lượng Thọ, đây không phải chỉ nơi có kinh điển, đây là nơi có dạy học. Chúng ta cùng nhau học tập, cùng nhau tinh tấn thực hành những giáo huấn trong kinh điển vào cuộc sống của mình. Đạo lý trong kinh điển, sửa đổi tư tưởng và nhận thức sai lầm của chúng ta. Y giáo phụng hành, quả báo hiện tại của chúng ta là thân tâm mạnh khỏe, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, nơi ở ít gặp thiên tai. “Ngày nay mới nói ra phương pháp này, nên gọi là trú kỳ đặc”. Bộ kinh này dạy chúng ta phá mê khai ngộ, đó mới thật sự giải quyết vấn đề. Nhưng pháp môn này quá vi diệu, quá đặc biệt, nghĩa là chưa đoạn mê hoặc cũng có thể khai ngộ, điều này quá tuyệt diệu. Khai ngộ, niệm Phật vãng sanh tức khai ngộ, vừa vãng sanh liền khai ngộ, viên mãn thành Phật ngay trong đời này, đây là trú trong pháp đặc biệt.

Trong Chân Giải lại nói: “Pháp đặc biệt là Như Lai Chánh giác quả hải, gọi là đặc biệt. Đặc biệt cực kỳ, đến Phật xuất hiện trong ánh hoa quang”, đây là kinh văn bên dưới. “Đức Phật hiện rõ trong ánh hoa quang”, hiện rõ là thấy rõ ràng, hoàn toàn nói rõ chân tướng sự thật này.

Chánh giác quả hải là tánh đức, mỗi người đều có, chỉ là thời gian chúng ta mê thất tự tánh quá lâu, mê quá sâu dày. Điều này chỉ có Đức Phật mới có thể nói được, có thể nói một cách rõ ràng. Chúng ta thật sự hiểu thì mọi vấn đề đều được giải quyết. Căn bản không có gì hy hữu cả, vì tự tánh vốn đầy đủ, nhưng từ vô lượng kiếp đến nay chúng ta không biết có điều này. Bởi vậy bây giờ nghe được, thấy được, cảm thấy vô cùng đặc biệt. Kỳ đặc là vô cùng đặc biệt, kinh văn ở dưới nói Đức Phật xuất hiện trong ánh hoa quang. Hoa này là hoa sen ở thế giới Cực Lạc. Hoa sen phóng ánh sáng, trong ánh sáng có Phật, vô lượng vô biên, cảm thấy điều này vô cùng đặc biệt.

Như phẩm Tánh Khởi trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Trong thân tất cả chúng sanh có chánh giác trí. Cảm thán rằng kỳ lạ thay! Kỳ tức kỳ lạ, kỳ lạ mà không đặc biệt”. Là rất kỳ diệu, nhưng tất cả chúng sanh đều có, nên không có gì đặc biệt, chúng ta phải nghi nhớ điều này. Tất cả chúng sanh bao gồm chúng ta, đây là trí tuệ vốn đầy đủ trong cuộc sống. Loại trí tuệ này, người giác ngộ không tăng thêm chút nào, đây là đối với Chư Phật Bồ Tát. Hiện tại chúng ta là lục đạo phàm phu, trí tuệ này chúng ta cũng không thiếu phần nào. Vấn đề là chúng ta bị chướng ngại, nên nó không thể hiện tiền. Những chướng ngại này, ngày nay chúng ta thật sự đã hiểu rõ ràng minh bạch, đoạn trừ chướng ngại trí tuệ liền xuất hiện. Đức năng, tướng hảo không có gì không hiện tiền, tánh đức vô lượng vô biên, không có cùng tận. Trong này quan trọng nhất là trí tuệ, trí tuệ không phải học được, là bản thân vốn có. Nếu là học mà có thì không học sẽ không có, trí tuệ không học cũng có.

Đức Thế tôn thị hiện cho chúng ta thấy, ngài ra đi tham học 12 năm, học được gì? Học được tri thức, chứ không phải trí tuệ. Ngài đến từng Tôn giáo để

tham học, đến mỗi học phái để cầu học. Thông thường chúng ta nói học thức phong phú, tri thức phong phú, nhưng những thứ này cũng là chướng ngại việc minh tâm kiến tánh, gọi là gì? Là sở tri chướng. Nếu như chấp trước vào sở tri thức này, thì nó trở thành chướng ngại, vì sao vậy? Vì tâm ta không thanh tịnh, tâm không bình đẳng. Cho nên Đức Phật biểu diễn cho chúng ta thấy, ngài thiên tọa dưới cội bồ đề buông bỏ được phiền não, buông bỏ tham sân si mạn nghi, buông bỏ thân kiến và biên kiến năm loại kiến hoặc, cũng buông bỏ phân biệt và khởi tâm động niệm. Ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, thành Phật. Sau khi kiến tánh, những gì ngài dạy, những gì ngài làm, vượt qua sở học 12 năm của ngài rất nhiều. Sở học 12 năm là pháp thế gian, vừa buông bỏ lập tức siêu việt thế gian, chúng ta cần phải hiểu điều này. Trí tuệ trong tự tánh đã hiển lộ. Đức Thế Tôn thị hiện thân phận của một phần tử tri thức, rồi tu hành khai ngộ thành Phật.

Ngày xưa, chư vị nên biết, đại sư Huệ Năng lục tổ Thiên tông thời nhà Đường. Ngài không biết chữ, chưa từng đọc sách, học Phật cũng chưa nghe được bài giảng nào, cũng chưa từng được học lần nào trong Thiên đường, đều không có. Ngài không biết chữ, nên khi xuất gia là làm công quả trong chùa, ngài thường giã gạo chẻ củi ở trong bếp. Ngài xuất thân là một tiểu phu đốn củi, đến chùa vẫn làm đúng nghề của mình. Sinh hoạt trong chùa có hơn 1000 người, mỗi ngày giã gạo chẻ củi cần rất nhiều người làm công việc này, nhưng ở đây chỉ có mình ngài. Vậy mà ngài khai ngộ, minh tâm kiến tánh, tuổi còn trẻ chỉ mới 24 tuổi. Sau khi khai ngộ, bất luận bộ kinh điển nào của Phật giáo, chỉ cần đọc cho ngài nghe ngài đều hiểu hết. Ngài không biết chữ, nên phải đọc cho ngài nghe, khi đọc xong ngài sẽ giảng cho quý vị nghe, trí tuệ hiện tiền! Đây nói lên vấn đề gì? Trí tuệ không liên quan đến việc biết hay không biết chữ, không liên quan đến những tri thức ta học được. Dùng tri thức giải quyết vấn đề có thể sanh sai lầm, vẫn có rất nhiều tác dụng phụ. Trí tuệ giải quyết không có tác dụng phụ, tuyệt đối không xảy ra sai sót.

Người phương đông, bao gồm Ấn độ, Trung quốc, cổ nhân đều cầu trí tuệ. Không như người phương tây, người phương tây là cầu tri thức, khoa học là tri thức, triết học là trí tuệ. Cho nên chúng ta không được coi thường người không biết chữ, người không đọc sách, không dám coi thường họ. Biết đâu một ngày nào đó họ khai ngộ, chúng ta phải đến thỉnh giáo họ, chúng ta không bằng họ, sao có thể khinh mạn người khác!

Làm sao để trí tuệ khai mở? Buông bỏ trí tuệ liền khai, điều này trong kinh nói rất nhiều. Buông bỏ chấp trước, không còn chấp trước đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, quý vị sẽ thành chánh giác, trí tuệ ta liền hiển lộ một phần, chưa hiển lộ hoàn toàn, đây là A la hán. A la hán địa vị thấp nhất, nhưng họ đã vượt thoát lục đạo. Quý vị thử nghĩ xem, ra khỏi lục đạo khó khăn biết bao. A la hán dạy chúng ta làm sao để thoát ly luân hồi lục đạo. A la hán còn phân biệt, nên họ

không thể nâng cao cảnh giới, nếu buông bỏ được phân biệt họ liền thành Bồ Tát, đây gọi là chuyển nhỏ hướng đến lớn. A la hán là tiểu thừa, từ tiểu thừa chuyển thành đại thừa Bồ Tát, đại thừa Bồ Tát tâm bình đẳng, không còn phân biệt. Nâng cao hơn nữa, chẳng những không có phân biệt chấp trước, mà khởi tâm động niệm cũng không có. Vì sao vậy? Vì trong tự tánh không có khởi tâm động niệm. Nếu có thể đối với tất cả pháp không khởi tâm không động niệm, như vậy là trở về tự tánh, đây thật sự gọi là pháp đặc biệt. Trong kinh điển chúng ta học được, quan trọng nhất là phải hiểu thấu triệt minh bạch, thâm tín không nghi, y giáo phụng hành. Thành tựu bản thân chính là hóa độ chúng sanh, mình thành tựu rồi làm gương cho người khác, người khác sẽ noi theo.

Cổ nhân cũng thường nói: “giáo học tương trường”. Phương pháp học tập nào là tốt nhất? Có thể dạy người khác là phương pháp học tốt nhất. Dạy người khác cần có thân giáo, thân hành ngôn giáo mới có hiệu quả. Ta chưa thực hành được những gì mình học, như vậy không được thọ dụng, thật sự hành trì nó mới đem đến lợi ích. Người tiếp xúc với quý vị, họ sẽ bị cảm động và cũng sẽ giác ngộ, họ sẽ học tập theo quý vị, đây chính là giáo học tương trường.

Chúng ta xem tiếp phần trích dẫn bên dưới: “Phẩm Đề Bà Đạt Đa trong Kinh Pháp Hoa, Long Nữ thành Phật, đặc biệt thì rất đặc biệt, đặc biệt nhưng không có gì kỳ lạ”. Vấn đề này rất đặc biệt, Long Nữ mới tám tuổi. Chư vị nên biết, cô ta không phải người, rồng ở trong đường súc sanh. Ở trong đường súc sanh mà tám tuổi thành Phật, trong Kinh Pháp Hoa nói như vậy. Trong Phật giáo đại thừa cổ nhân thường nói: Kinh Lăng Nghiêm khai trí tuệ, Kinh Pháp Hoa thành Phật. Kinh Pháp Hoa là dạy chúng sanh một đời thành Phật, lấy Long Nữ làm thí nghiệm. Thành Phật như thế nào? Buông bỏ tức thành Phật, không còn khởi tâm động niệm. Những người này quả là tuyệt diệu, đốn xả, xả bỏ điều gì? Xả bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước. Họ rất có bản lĩnh, lập tức là buông bỏ, đúng là giải quyết nhanh gọn, lập tức buông bỏ. Gọi là đốn xả, đốn ngộ, đốn siêu, đốn thành, không có cấp bậc. Người như vậy trong Phật giáo thường gọi là bậc thượng thượng căn. Thiền tông tiếp dẫn hàng chúng sanh có căn tánh này, hàng thượng thượng căn, rất nhanh. Hàng thượng thượng căn có cần tụng kinh chăng? Cần, họ tụng kinh lúc nào? Sau khi ngộ bắt đầu tu, đọc kinh sau khi hoàn toàn khai ngộ, nghĩa là sau khi đại triệt đại ngộ, tụng kinh vô cùng đơn giản. Bồ Tát Long Thọ làm gương cho chúng ta.

Chúng ta xem Đại Tạng Kinh, hiện nay kỹ thuật in ấn tiên bộ, chữ đều được thu nhỏ lại. Ngày xưa kinh sách là gấp lại, sách gấp lại một mặt khoảng năm hàng, một hàng 20 chữ, phong chữ đều dùng chữ Khải cỡ một tấc, chữ lớn nên người già không bị hoa mắt. Mỗi bộ Đại Tạng Kinh, thông thường một bộ Đại

Tạng Kinh phải để trong ba gian phòng, bây giờ đã thu nhỏ lại, làm bằng bìa cứng. Hiện nay chúng ta xem Long Tạng, có 120 cuốn, sắp đầy hết một kệ sách.

Quý vị xem Chùa Bảo Lâm Đại Tự Sơn ở HongKong, có một bộ Long Tạng, là bản khắc gỗ ngày xưa, đặt nó trong một gian phòng lớn. Một gian phòng rất lớn chỉ để được một bộ Long Tạng, chữ rất lớn, xem rất thoải mái. Bộ Đại Tạng Kinh này, Bồ Tát Long Thọ mất bao nhiêu thời gian là học xong, xem xong nó? Xem xong và hiểu tất cả, không có chút chướng ngại nào, chỉ ba tháng, có thể tin được chăng? Tin được. Dựa vào điều gì? Chúng ta thấy ngài Huệ Năng thì biết được, tin ngay. Không cần xem hết bộ kinh, xem mấy trang đầu là có thể thông đạt tất cả, đúng là như vậy, cần gì xem hết! Chúng ta chưa khai ngộ mà cũng có bản lĩnh này, huông gì là người khai ngộ.

Tôi theo thầy Lý học kinh giáo 10 năm, thầy khởi tâm động niệm tôi đều biết, phương pháp của thầy tôi cũng hiểu. Tôi nghe thầy giảng Kinh Hoa Nghiêm, 80 quyển Hoa Nghiêm tôi chỉ nghe một quyển, nghe xong quyển đầu tiên là được, bộ kinh này tôi có thể giảng. Trí tuệ tôi chưa khai, dựa vào điều gì để giảng? Có chú giải của đại sư Thanh Lương, thầy Lý cũng áp dụng chú giải này khi giảng, tôi cũng xem chú giải này để nghe thầy giảng. Nên khi nghe xong quyển thứ nhất, những quyển sau tôi không cần xem tiếp, tôi hiểu hoàn toàn, là phàm phu thôi!

Trong Lục Tổ Đàn Kinh chúng ta thấy một câu chuyện, câu chuyện này chắc mọi người đều biết. Thiền sư Pháp Đạt tụng Kinh Pháp Hoa suốt 10 năm, phân lượng bộ kinh này rất dài. Tuy chỉ có bảy quyển, nhưng phân lượng mỗi quyển rất lớn, một ngày nhiều nhất xem được một bộ, xem 3000 bộ phải 10 năm. 10 năm thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, ông đạt được Pháp Hoa tam muội, nhưng chưa khai ngộ. Ông đến Tào Khê lễ bái Lục tổ, thỉnh giáo Lục tổ. Lục tổ nói kinh này ta chưa từng nghe, ông thuộc như vậy thì đọc cho ta nghe. Ông thuộc làu Kinh Pháp Hoa, đọc không sai chữ nào. Kinh Pháp Hoa có 28 phẩm, ông chỉ đọc đến phẩm thứ hai, ngài Huệ Năng nói được rồi, không cần đọc thêm nữa, ta đã hiểu. Lục Tổ liền giảng đại ý Kinh Pháp Hoa cho ngài Pháp Đạt nghe, nghe xong ông liền khai ngộ. Quý vị thấy công phu của họ, một kinh thông thì tất cả các kinh đều thông. Không những thông kinh Phật, mà tất cả các Tôn giáo đều thông, thông đạt hết các học thuật trong thế gian, Vì sao vậy? Vì không rời tự tánh. Ông đã minh tâm kiến tánh, tất cả pháp không rời tự tánh, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Chính là nói thông đạt tất cả pháp thế xuất thế gian. Bởi thế chúng ta có thể tin, trong vòng ba tháng Bồ Tát Long Thọ có thể thông hiểu hết tất cả kinh điển mà Đức Thế Tôn giảng trong 49 năm. Chúng ta có thể lý giải, có thể tin.

Trong Kinh Pháp Hoa, Long Nữ tám tuổi thành Phật, câu chuyện này không ai không biết. Đây đều là hàng thượng thượng căn, có thể đốn ngộ, bí quyết là ở

đây, họ có thể buông bỏ hoàn toàn. Hạng người đốn xả này, có hai lý do: Thứ nhất là trong đời quá khứ, họ có thiện căn từ vô lượng kiếp, đời này gặp được thiện tri thức họ hoát nhiên đại ngộ, xả bỏ. Hạng người thứ hai là đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, họ hoàn toàn minh bạch thấu rõ. Những lời này trong kinh điển chúng ta nghe rất quen thuộc, cũng có thể nói được, nhưng không phải cảnh giới của mình. Trong Kinh Kim Cang nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, “tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”. Nhưng chúng ta ở trong mộng huyễn bào ảnh, ở trong pháp hư vọng, mà tưởng nó là thật, không chịu buông bỏ, rắc rối chính là đây.

Vấn đề này, khi tôi học Phật có thỉnh giáo đại sư Chương Gia, đại sư nói Phật pháp đại thừa khó hiểu dễ hành. Đây là vấn đề triết học, khó biết nhưng khi thực hành lại dễ, nhưng phải thật sự biết mới chịu làm. Đây tức là đốn xả, không hề có sự lưu luyến. Chẳng những không lưu luyến thế giới hiện tại này, mà ngay cả cõi người cõi trời trong lục đạo không có lưu luyến, cũng không lưu luyến đối với mười pháp giới. Thật sự xả bỏ, xả bỏ là kiến tánh, là thành Phật. Chúng ta hiểu rõ điều này, nhưng như thế nào? Không xả được, vì sao không xả được? Mượn câu nói trong nhà Phật, là chúng ta nghiệp chướng sâu nặng, chưa đoạn tận tập khí phiền não. Đại sư Chương Gia nói, vẫn chưa thật sự thấu triệt, chưa thật sự biết. Chỉ biết được chút ít, chưa thấu triệt, nên nói khó hiểu dễ hành. Thấu đạt rồi, thành Phật chỉ trong một niệm, một niệm giác phàm phu liền thành Phật.

Trước đây chúng ta cũng không hiểu nhất niệm nghĩa là gì, tưởng rằng đã hiểu, nhưng thật ra chưa hiểu. Nhất niệm này là nhất niệm trong đối thoại giữa Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc nói đến, trước đây chúng ta không biết, bây giờ mới biết. Một khảy móng tay có 320 ý niệm, nghĩa là một niệm trong một khảy móng tay này, quý vị nói nhanh biết bao. Nhất niệm này giác sẽ thành Phật, đạo lý này có thể nói là bây giờ ta hiểu khá rõ, vì sao vậy? Vì thập pháp giới y chánh trang nghiêm, sum la vạn tượng đều là nhất niệm này biến hiện ra. Nhất niệm này giác, tướng này không còn, quả thật đã trở về thường tịch quang. Khi nào tướng này lại hiện tiền, hiện tiền cũng không sao, bởi nó không liên quan đến sự tu chúng của ta. Chúng sanh có cảm ta liền có ứng, vừa ứng là hiện tiền ngay. Tuy hiện tiền nhưng ta không ở trong cảnh giới đó, cũng chính là nói tuyệt đối không có khởi tâm động niệm. Phàm phu ở trong cảnh giới này khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, gọi là tạo nghiệp, sự khác biệt giữa phàm và thánh là ở điểm này.

Ngày nay chúng ta học Phật pháp đại thừa, nên tôi rất quan tâm đến những phát hiện của các nhà khoa học cận đại. Họ dùng phương pháp khoa học để chứng minh được, hoàn toàn giống như kinh điển đại thừa nói, cùng một vấn đề, làm tăng thêm tín giải của chúng ta đối với Phật pháp. Tăng thêm này có lợi ích, vì sao vậy? Vì giúp chúng ta buông bỏ được. Ví dụ nói hiện tượng vật chất, bây giờ giới khoa học nói rằng_ điều này trước đây chưa từng nói, bản thể của vật chất

là gì? Họ nói là huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục mà phát sanh ra. Họ cũng kiên định nói với chúng ta, giữa vũ trụ căn bản không có gì gọi là vật chất. Ngày nay chúng ta mê muội trong vật chất một cách quá đáng. Vấn đề này Đức Phật nói rất nhiều, cũng nói rất rõ ràng, nhưng chúng ta hình như hiểu hình như không hiểu. Ngài nói sao? Tất cả pháp từ tâm tướng sanh, chẳng phải ngài nói đó sao. Ý niệm tích lũy liên tục sản sanh ra, không phải là cùng một ý nghĩa ư? Tất cả pháp từ tâm tướng sanh, quý vị xem 3000 năm trước Đức Phật đã nói như vậy. Bởi thế các nhà Duy Thức Học chỉ thừa nhận Duy thức, giữa vũ trụ chỉ có duy thức, không có vật chất, quý vị xem giống như hiện nay các nhà khoa học nói. Những người này chưa từng học, chưa từng xem qua Kinh Phật, vậy mà nói tương đồng với những gì Phật nói trong 3000 năm trước, dùng khoa học để chứng minh Phật pháp. Đã hiểu được là giả, không phải thật, ta còn gì không buông được? Buông bỏ thân thể, không còn chấp trước, thì tất cả bệnh tật trong thân thể đều không còn, vì sao vậy? Bệnh hoạn từ đâu ra? Từ tham sân si mạn nghi, những thứ này đều buông hết. Theo Phật pháp nói, gốc bệnh của ta đã đoạn; về mặt tình cảm mà nói thì oán hận náo nộ phiền cũng đã buông bỏ. Người ta hiếp đáp quý vị ra sao, sỉ nhục quý vị ra sao, hãm hại như thế nào, cũng như không có gì xảy ra. Không có oán hận, càng không có báo thù, tâm bình khí hòa, như vậy làm sao sanh bệnh được! Sự dục dõ bên ngoài như tài sắc danh thực thùỵ, căn bản không hề động tâm. Biết được là giả không phải thật, những thứ này không mang theo được, không hề nghĩ đến, đây là Phật pháp. Bởi vậy Phật pháp, nếu quý vị thật sự y giáo phụng hành, đối với cá nhân mà nói, quý vị được đại tự tại! Điều này là những gì trước đây thầy Phương nói khi giới thiệu Phật pháp cho tôi: “Học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người”, hưởng thụ cao nhất nghĩa là buông bỏ tất cả, được đại tự tại. Vạn sự vạn vật, tánh tướng, sự lý, nhân quả giữa vũ trụ đều thông đạt thấu triệt, niềm vui này người thế gian không sao tưởng tượng được.

Chúng ta đọc Luận Ngữ, quý vị thấy mở đầu Khổng Tử có niềm vui này: “học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”, đây là pháp thế gian. Người có học vấn, họ tu dưỡng luân lý, đạo đức, nhân quả, trong lòng họ an vui. Như nước suối, chảy ra bên ngoài, chứ không phải sự kích thích bên ngoài. Khổng Tử là bá tánh bình dân, là một người tốt. Cũng rất muốn làm quan, muốn đã nhiều năm, cũng rất chấp trước. Ông chu du liệt quốc, mục đích chính là hy vọng có Chư hầu mời ông ra làm quan, ông thể hiện hoài bão của mình. Nếu ông làm quan, nhất định giống Chu Công, giống Quản Trọng vậy, đây đều là người ông rất ngưỡng mộ, nhưng không ai dùng ông. 68 tuổi, nghĩ lại thấy cũng đã già, thôi thì về quê vậy! Về quê bắt đầu dạy học, 73 tuổi ra đi, dạy được 5 năm, về sau trở thành vạn thế sư biểu. Khổng Phu tử lúc sống, đến năm mơ cũng không ngờ được. Thật vậy, nếu ông thật sự nghĩ đến dạy học có công đức thù thắng như vậy, sau 30 tuổi khi đã thành tựu, nhất định sẽ giống như Đức Phật, ra phát tâm dạy học. Đức Thế

Tôn 30 tuổi khai ngộ, dạy học một đời, suốt 49. Đức Thế Tôn 79 tuổi viên tịch, người Trung quốc tính tuổi mụ là 80 tuổi, 79 tuổi viên tịch. Khổng tử là người tốt, sanh trong thời loạn, Khổng tử nói về đại đồng, bậc trung, thời loạn. Ở Trung quốc có đại đồng chăng? Có, là Nghiêu, Thuấn, Vũ, ba đời này là cách trị đại đồng. Chương Lễ Vận Đại Đồng trong Lễ Ký nói cách trị đại đồng, ngày xưa từng xuất hiện. Khi vua Vũ băng hà truyền ngôi cho con trai mình, không phải ý của ông, cũng không phải con trai ông cần. Con trai của ông quả thật rất tốt, thật sự có oai phong của bậc thánh hiền nhân, do mọi người tiến cử, điều kiện đầy đủ tự nhiên thành công. Nhưng từ đó về sau trở thành thiên hạ của một nhà, còn trước đó thiên hạ là của chung, lựa chọn người hiền và tài năng. Lúc đó không phải bình dân chọn, là người lãnh đạo chọn. Trong quốc gia mình, người thật sự có đức hạnh, có học vấn, có yêu thương, yêu quần chúng là được chọn, đem vị trí lãnh đạo truyền cho họ, không phải truyền cho con trai của mình. Không phải chọn những người thân tín trong nhà mình, không phải vậy. Những điều này, trong sách sử ghi chép rất rõ ràng, từ vương Khải về sau đến thời nhà Chu.

Oai Liệt Vương trở về trước, giai đoạn này là bậc trung, từ Oai Liệt Vương trở về sau xã hội động loạn. Từ khi ba nhà phân tán, phiền phức bắt đầu xuất hiện. Khổng tử sanh vào thời Xuân Thu, Mạnh tử sanh vào thời Chiến quốc, gọi là loạn thế. Khổng Mạnh sanh vào thời loạn, nên trong lòng họ rất hâm mộ đại đồng và tiểu khang. Cũng rất muốn đem đại đồng tiểu khang, làm tấm gương cho mọi người noi theo, nhưng không có nhân duyên này. Nói như hiện nay, Khổng Tử làm cách mạng được chăng? Tìm một nước nhỏ, lật đổ vua, sau đó ông lên làm vua được chăng? Được, rất được. Quý vị xem, học trò của ông có 72 vị hiền, người nào cũng giỏi, sao lại không được? Khổng tử không muốn làm, vì sao không muốn làm? Vì đạo đức, không thể làm một tấm gương xấu cho hậu nhân. Làm cách mạng, trừ khi vị quốc vương đó quả thật quá tệ, điều này là lúc quá bất đắc dĩ, như cách mạng Thang Võ, đó là điều vô cùng bất đắc dĩ. Vị vua này, quốc gia quần chúng không ai không oán hận ông, đến mức độ đó. Chưa đến mức độ đó, thì không được làm như vậy. Bởi vậy Khổng tử không làm điều phi pháp, giống như Đức Thế Tôn vậy, điều này rất quan trọng.

Xã hội an định, thế giới hòa bình, những bậc đại thánh hiền này, thường giữ tâm hộ trì, bởi vậy điều phi pháp tuyệt đối không thể làm. Không phải họ không có năng lực làm, có người ủng hộ, thuộc hạ cũng thật sự là người có tài. Nho Thích Đạo đều tôn trọng đạo nghĩa, tuyệt đối không làm điều trái với đạo đức. Nhưng vị vua của đất nước này quả không ra làm sao, có người đi làm cuộc cách mạng, những người như Nho Thích Đạo, họ có làm chăng? Họ tuyệt đối không làm, đây là thật, quý vị muốn hỏi vì sao? Những gì họ học được không cho phép họ làm điều này, những gì họ học là thuần thiện, thuần tịnh thuần thiện, họ không bao giờ làm như vậy.

Ở dưới còn chưa nói đến, đến lúc trong ánh hoa quang xuất hiện bóng dáng Phật, đoạn văn này ngày càng rõ ràng. Ở đây nói “trong thân của tất cả chúng sanh đều có chánh giác trí”, đây là trí tuệ vốn đầy đủ trong tự tánh. Không những có trí tuệ, có đức năng, có tướng hảo, không thiếu thứ nào. Nên Phật pháp muốn dạy một người mãn nguyện, trở về tự tánh tức là mãn nguyện. Mãn nguyện cầu được trong phiền não, quả báo không dám tưởng tượng, vì sao vậy? Vì quý vị đã xâm hại người khác. Mãn nguyện trở về tự tánh, không làm tổn thương đến bất kỳ ai, đây mới thật sự gọi là đại viên mãn. Quý vị đem đến cho tất cả chúng sanh là ân huệ, không có chút ý niệm chiếm lợi ích của người khác. Quý vị xem trong kinh nói đến ba loại chân thật. Chân thật rốt ráo nghĩa là tự tánh, gọi là tánh đức. Trí tuệ chân thật là ban cho, khi chúng sanh gặp khổ nạn, quý vị thật sự có thể giúp đỡ, đây là nói điều gì? Giúp họ bằng tiền tài, nghĩa là quan tâm cuộc sống vật chất, đây là quan tâm nhất thời. Quan trọng nhất là trí tuệ chân thật, quý vị giúp họ khai mở trí tuệ chân thật. Họ có trí tuệ chân thật, tất cả chúng sanh đều có, nhưng quý vị phải dạy họ, không dạy sao được? Quý vị dạy họ, chính là cho họ trí tuệ chân thật, để họ giác ngộ, khiến họ dần dần giống như thánh hiền nhân, an phận giữ mình.

Bên dưới nói: “duy có pháp này lạ nhất đặc biệt nhất, nghĩa là gì? Kinh nói: chúng bảo liên hoa, khắp đầy thế giới”. Đây là pháp đặc biệt, là nói về thế giới Cực Lạc. Cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai, hoa sẽ đầy khắp thế giới. Hoa sen là biểu pháp, có thật, nó không phải giả. Ở thế giới Cực Lạc hoa sen đặc biệt nhiều, vì sao vậy? Do nghiệp lực chiêu cảm. Chúng sanh tâm thanh tịnh, không nhiễm chút bụi trần nào, hoa sen tượng trưng cho ý này, cũng là từ tâm hành này sản sanh ra. Quý vị xem rễ của hoa sen mọc trong bùn, tượng trưng cho lục đạo. Hoa của nó nở trên mặt nước, cành của nó ở trong nước. Nước tượng trưng tứ thánh pháp giới, thanh tịnh. Hoa nở trên mặt nước, đây nghĩa là nói đã rời tất cả nhiễm và tịnh, tứ thánh lục đạo đều xả bỏ. Hoa nở trên mặt nước, đây là nhất chân pháp giới. Hiện tượng này là tâm hành của chúng sanh chiêu cảm nên. Cho nên người ở thế giới Cực Lạc là liên hoa hóa sanh. Thân thanh tịnh, không chịu sự đau khổ mười tháng thai, ở trong thai mười tháng không sạch sẽ, nên họ là hoa sen hóa sanh. Hoa sen của thế giới Cực Lạc đầy khắp thế giới, vì sao vậy? Người vãng sanh quá nhiều. Pháp môn này mười phương tất cả Chư Phật, đều phổ biến tuyên dương trong biến pháp giới hư không giới, nên người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ trong mười phương thế giới, không biết có bao nhiêu. Đừng nói là một ngày, chỉ trong một niệm không biết có bao nhiêu người vãng sanh. Người vãng sanh không ai không phải là hoa sen hóa sanh.

Bên dưới giới thiệu về hoa sen: “Hoa sen này muốn nói là y báo”, quý vị muốn nói nó là y báo, hoàn cảnh, quý vị nói nó là y báo, “tức hoa bên ngoài, không phải chánh giác của Phật”, nếu là y báo thì không có chánh giác của Phật.

Còn nếu nói nó là chánh, chánh báo là có Phật, “tức nói 100 ngàn ức lá”, quý vị thấy nó có hoa lá, nó rõ ràng là hoa. Nên nếu nói nó là y báo thì không đúng, nói nó là chánh báo cũng không được. “Nếu nói là nhân, tức công đức của Như Lai ở quả địa”, là Phật A Di Đà tu thành, đại nguyện của ngài thành tựu. “Nếu nói là quả, tức diệu hoa sanh ra khắp mười phương”, đây lại biến thành nhân. “Nếu nói là pháp, tức trong này xuất hiện vô lượng pháp”, trong hoa xuất hiện vô lượng pháp, giống như đại sư Huệ Năng nói: đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ, năng sanh vạn pháp. “Nếu nói là vô lượng, tức cũng một câu danh hiệu A Di Đà Phật”. Vô lượng vô biên pháp môn, cùng một câu danh hiệu. Đây là trong Kinh Hoa Nghiêm nói “một tức là nhiều, nhiều tức là một”, một tức vô lượng, vô lượng tức một. “Đặc biệt, đặc biệt, pháp không thể xung, không thể nói, không thể nghĩ bàn, nên gọi là pháp đặc biệt”, đây là từ hoa sen mà nói, ý nghĩa tượng trưng trong này rất thâm sâu.

Ở dưới nói: “nghĩa trên rất thâm sâu, chỉ giải thích sơ lược”. Đây là ý nghĩa Hoàng Niệm Tổ giải thích, khai thị cho chúng ta đoạn này. “Quả đức của Như Lai, gọi là đặc biệt. Đặc biệt nhất, như trong kinh văn Đức Phật xuất hiện trong ánh hoa quang”, thì rất rõ ràng, rõ ràng là hiển thị ra, ta sẽ thật sự hiểu được. Như Kinh Hoa Nghiêm nói: “Trong thân tất cả chúng sanh có chánh giác tri”, trong Kinh Hoa Nghiêm nói như vậy, cũng là Đức Phật thường nói: tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, ngài lại nói: hữu tình và vô tình, đồng viên chủng trí, ý nghĩa đều rất sâu.

Tình là chúng sanh hữu tình, chúng sanh hữu tình bây giờ chúng ta gọi là động vật. Chúng sanh vô tình bây giờ chúng ta gọi là thực vật và khoáng vật. Trong câu này Đức Phật nói với chúng ta: Động vật, thực vật, khoáng vật_dùng thuật ngữ hiện nay để nói thì tất cả đều có cơ thể. Nghĩa là nó có sinh mạng, nó sống, không phải chết. Bởi thế người học Phật chúng ta, sống trong thế giới hiện nay, tuy mỗi ngày ăn chay, nhưng đối với những thứ rau xanh này đều sanh tâm cảm ân. Vì sao vậy? Vì nó đến cúng dường cho chúng ta, không có sự cúng dường của chúng, chúng ta không sống nổi. Mà sự cúng dường này là chúng tự nguyện, một số người không biết cảm ân. Chúng ta dùng tâm cảm ân, chúng sẽ càng hoan hỷ.

Hai ngày trước, có một vị cư sĩ ở Vân Nam, cư sĩ Chu đến đây nghe giảng ba ngày. Ông nói với tôi, ở Vân Nam họ có một thửa đất nông nghiệp, 1000 mẫu đất, trồng rất nhiều rau trái. Họ cũng vạch riêng một khu, cũng khoảng mười mấy mẫu, rau trồng ở khu đất đó để dành cho sâu bọ ăn. Cây trái cũng chỉ định ra để dành riêng cho chúng. Ông ta nói, chúng rất hợp tác, không chỉ định dành cho chúng thì chúng tuyệt đối không đến. Nên rau ở đó, quý vị đến xem khu rau không chỉ định cho sâu bọ ăn, lá rau ở đó không có dấu của sâu bọ cắn. Rất nghe lời, rất hợp tác! Không cần phân bón, không cần thuốc trừ sâu. Những cây trái

cũng không cần dùng giấy bao lại để phòng chim sâu, không cần thiết. Chim chóc cũng rất hợp tác, rất nghe lời. Rất nhiều người đến tham quan đều cảm thấy vô cùng hy hữu. Hiện nay một số chim chóc, động vật, côn trùng hợp tác rất tốt với những người canh công, trái lại con người thì không được. Con người vào đây có tham tâm, thấy trái cây ngon là hái, trái cây ở nông trường này không cần trả tiền, nên hái về nhà nhiều một chút, đây là tâm tham. Vì sao con người không bằng cả súc sanh? Không bằng cả chim chóc, không bằng sâu bọ côn trùng, quý vị nói đáng thương biết bao! Điều này đáng để chúng ta phản tỉnh sâu sắc. Như vậy khi thiên tai đến chúng ta phải gánh chịu, còn chim chóc sâu bọ không bị, chúng rất lương thiện.

Câu này trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Trong thân tất cả chúng sanh có chánh giác tri”. Tất cả chúng sanh ở đây không thêm vào chúng sanh “hữu tình”. Nói cách khác, có thực vậy, cũng có khoáng vật. Một gốc cây, một ngọn cỏ, một viên đá, một hạt bụi, chúng đều là hiện tượng do nhiều nhân duyên hòa hợp mà sanh ra, có chánh giác tri. Điều này quả thật vô cùng đặc biệt. Vì sao có chánh giác tri? Thể của nó là tự tánh, trong tự tánh vốn có trí tuệ đức tướng, trong tự tánh vốn đầy đủ. Lúc ngài Huệ Năng minh tâm kiến tánh nói rằng: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, đầy đủ điều gì? Đầy đủ trí tuệ, đầy đủ đức năng, đầy đủ tướng hảo, nên nó năng sanh vạn pháp, nó không thiếu gì cả. Nếu thiếu nó sẽ không thể sanh, nó có thể sanh ra tất cả.

“Điều này quả thật rất đặc biệt, nhưng chúng sanh đều có, nên không phải hiện tượng đặc thù, nên gọi là kỳ lạ mà không đặc biệt. Trong Kinh Pháp Hoa Long Nữ thành Phật, Long Nữ tám tuổi có thể lập tức thành Phật, quả thật vô cùng đặc thù, nhưng đặc biệt mà không kỳ lạ”, vì sao vậy? “Vì chúng sanh vốn là Phật, người người đều có phần, ai ai cũng hiện thành, nên Long Nữ thành Phật không gọi là kỳ lạ”. Đây là tiếp tục nói tường tận về ý nghĩa của hai chữ “đặc biệt” này cho chúng ta.

“Duy chỉ pháp môn Tịnh tông trong kinh này đã là kỳ lạ nhất, lại còn đặc biệt nhất”. Đây là nói pháp môn Tịnh độ, pháp môn niệm Phật. Bên dưới theo Phẩm Bảo Liên Phật Quang trong kinh, phẩm thứ 21, chính là những gì ở trước nói. Quý vị xem, từ y báo chánh báo, từ nhân quả, từ chủ và bạn, từ một hay nhiều, đây đều là đối lập. Y chánh là đối lập, nhân quả là đối lập, chủ bạn là đối lập, một nhiều là đối lập. Ở đây tất cả đều không tìm thấy, đây là gì? Đây là tánh đức, trong tánh đức vĩnh viễn không có đối lập. Chẳng những về mặt tánh đức không có đối lập, về sự thật trước mắt cũng không có đối lập. Chúng ta còn ý niệm đối lập này, còn hành vi đối lập, là chưa nhập môn, là phạm phu lục đạo, học Phật nhưng chưa vào được cửa Phật. Hiện tượng đối lập này, trong đại thừa lớp một tiểu học đã không còn. Chúng ta đem Bồ Tát của năm cấp bậc trong Kinh Hoa Nghiêm để so sánh, thì thập tín là tiểu học, thập trụ là cấp hai, thập hạnh là

cấp ba, thập hồi hướng là đại học, thập địa là nghiên cứu sở, Đẳng giác là lớp tiến sĩ. Chúng ta so sánh như vậy quý vị dễ hiểu hơn. Lớp một tiểu học chính là Bồ Tát sơ tín vị, sơ tín của thập tín vị. Điều kiện của Bồ Tát sơ tín vị là gì? Đoạn tận năm loại kiến hoặc.

Thứ nhất không còn chấp trước thân này là ta, đã phá thân kiến. Thứ hai là không có đối lập, đã phá biên kiến, biên kiến nghĩa là đối lập, nhị biên không còn nữa, thành kiến không còn. Kiến thủ, giới thủ, chúng ta gọi là thành kiến, người đó thành kiến quá sâu. Loại thứ năm là tà kiến không còn, không có tri kiến sai lầm, đây là học sinh lớp một. Những thứ này chúng ta đều chưa phá, chưa lên được lớp một, chúng ta chưa tương xứng với tiêu chuẩn của học sinh lớp một. Như vậy mới biết chúng ta học Phật học một cách rất đáng thương, học nhiều năm như vậy, vẫn không vào được lớp một, vẫn đang học lớp mẫu giáo, mà còn là lớp nhỏ của mẫu giáo. Là thật, không phải giả. Còn tự cho mình giỏi, thấy điều này chướng mắt, điều kia không thích, quý vị xem phiền phức biết bao.

Vấn đề này nên giải quyết như thế nào? Chư vị nhất định phải nhớ, không được xa rời kinh giáo. Phật pháp là giáo dục, rời kinh giáo là ta vĩnh viễn tùy thuận tập khí phiền não của mình, như vậy sao thành tựu được?

Bên dưới nói: “theo thường tình mà nói, hoa sen trong hồ, là y báo. Nếu nói là y báo, nhưng mỗi một hoa phóng ra ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng, trong mỗi ánh sáng xuất hiện ba mươi sáu trăm ngàn ức vị Phật. Cho thấy Đức Phật hiện ra từ hoa, nên gọi là ngoài hoa không có Phật, nên không thể nói là y báo. Nếu nói là chánh báo, trong kinh nói hoa có trăm ngàn ức lá. Rõ ràng nói là hoa lá, mà không phải thân Phật, nên không thể nói là chánh báo”, ý nghĩa này rất sâu. Nên nói không thể nói y báo, không thể nói chánh báo, không thể nói nhân, không thể nói quả, không thể nói một, không thể nói nhiều, nó không phải là gì cả.

Hôm nay đã hết giờ rồi, đoạn này ngày mai chúng ta học lại từ đây, rất thú vị. Bây giờ chúng ta tạm dừng tại đây.

Tập 142

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 13.09.2010

Địa điểm: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 164, hàng thứ 4, bắt đầu xem từ câu thứ nhất.

“Duy chỉ có pháp môn Tịnh độ trong kinh này, đã là kỳ lạ nhất, lại là đặc biệt nhất. Bên dưới theo Phẩm Bảo Liên Phật Quang trong kinh, từ y chánh, quả báo, chủ bạn, một nhiều vân vân, đã nói rõ. Theo thường tình mà nói, hoa sen trong hồ, là y báo. Nếu nói là y báo, nhưng mỗi một hoa phóng ra ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng, trong mỗi ánh sáng xuất hiện ba mươi sáu trăm ngàn ức vị Phật. Cho thấy Đức Phật hiện ra từ hoa, nên gọi là ngoài hoa không có Phật, nên không thể nói là y báo”. Chúng ta bắt đầu xem từ đoạn này, đây là giải thích một câu trong kinh văn: “Trú kỳ đặc pháp”, ở trước chúng ta đã nói rất nhiều.

Trong kinh điển đại thừa, có nói đến kỳ lạ, cũng có nói đến đặc biệt, nhưng hai chữ kỳ đặc liền nhau thì rất ít. Bởi thế chư vị cao tăng đặc biệt phân tích cho chúng ta, vì sao trong kinh dùng câu có chữ kỳ đặc này. Hoàn toàn trở về Kinh Vô Lượng Thọ, chỉ có Kinh Vô Lượng Thọ, pháp môn Tịnh tông đích thực là kỳ diệu nhất cũng là đặc biệt nhất.

Trong phẩm 21 của kinh này, phẩm Bảo Liên Phật Quang, chúng ta có thể thấy. Bất luận là từ y báo hay chánh báo, hoặc là từ nhân hay là từ quả, hoặc là từ chủ từ bạn, cho đến đối với một và nhiều. Một tức là nhiều, nhiều tức là một. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Một tức vô lượng, vô lượng tức một, đều xuất hiện trong kinh văn này.

Bên dưới đưa ra ví dụ: “Theo thường tình mà nói”, đối với kiến giải của thế gian chúng ta mà nói. “Hoa sen trong ao”, hoa sen trong ao thật bảo đúng ra là y báo. Người niệm Phật vãng sanh Cực Lạc trong mười phương thế giới, đều là hoa sen hóa sanh, nên hoa sen là nơi của Bồ Tát khắp mười phương vãng sanh. Thế giới Cực Lạc không có thai sanh, rất đặc biệt, đều là hoa sen hóa sanh. Hoa sen cũng là biểu pháp, duy chỉ có hoa này là nhân quả đồng thời. Trong tất cả các loài thực vật, chúng ta thấy nhất định là hoa nở trước sau đó mới kết quả, nhân quả không đồng thời, sau khi hoa rụng quả mới trưởng thành. Duy chỉ có hoa sen là nhân quả đồng thời. Quý vị xem khi hoa mới nở, trong đài sen đã có hạt, đây nói lên điều gì? Người niệm Phật. Cổ nhân nói rất hay: Một câu Phật hiệu là một vị Phật, mỗi niệm tương ứng với Phật, đây là nhân quả đồng thời. Trong các pháp môn khác không có, vì sao pháp môn này có? Pháp môn này nói với chúng ta, tất cả chúng sanh vốn là Phật, thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật. Vốn là Phật tức là thị tâm thị Phật, bây giờ quý vị niệm Phật là thị tâm tác Phật, nhân quả đồng thời. Pháp môn này đặc biệt là ở chỗ này. Đồng thời hoa sen cũng biểu trưng mọc lên từ bùn mà không nhiễm mùi bùn, rễ của hoa sen mọc ở trong bùn. Bùn là tượng trưng cho lục đạo, lục đạo gọi là cõi uế. Cành của hoa sen ở trong nước, nước tượng trưng cho cõi tịnh, nước tượng trưng tứ thánh pháp giới: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Hoa nở trên mặt nước, đây tượng trưng điều gì? Nhiễm tịnh nhị biên đều buông bỏ. Chẳng những nhiễm buông bỏ, mà tịnh cũng buông bỏ, hoàn toàn trở về tự tánh, tượng trưng cho ý này. Đối với thế tục mà nói, hoa sen đích thực là y báo, y báo nghĩa là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta, chúng ta cần phải nương vào đó mà sanh tồn.

“Nếu nói là y báo”, trong kinh nói với chúng ta “mỗi một hoa phóng ra ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng”. Đây chính là hoa sen phóng quang, mỗi đóa hoa đều phóng quang, trong quang có Phật, “trong mỗi ánh xuất hiện ba mươi sáu trăm ngàn ức vị Phật”. Số chữ này đều là biểu pháp, trong Mật tông tượng trưng cho đại viên mãn, ba mươi sáu trăm ngàn ức là tượng trưng cho ý này. Chứng minh giáo nghĩa trong bộ kinh này, có đại thừa tiêu thừa, đầy đủ tất cả giáo nghĩa của các tông phái. Có tông có giáo, có Hiền có Mật. Cho nên đây là biểu thị, kinh này có liên quan đến Mật tông. Như ở trước chúng ta nói Bồ Tát Phổ Hiền, ngài là

truyền nhân sớm nhất của Mật tông. “Cho thấy Phật hiện ra từ hoa sen”, nên nói “ngoài hoa không có Phật”. Phật là chánh báo, hoa là y báo, y chánh không hai, y chánh đồng thời. “Nếu nói là chánh báo”, đơn thuần từ Phật mà nói đây là chánh báo. Trong kinh nói hoa có trăm ngàn ức lá. Rõ ràng nói là hoa lá, chứ không phải thân Phật, nên không thể nói là chánh báo. Thực tế mà nói y chánh không hai, y chánh đồng thời. Nếu nói là nhân, đây đều là từ trên phàm tình mà nói, trước nở hoa sau đó mới kết quả. “Nhưng ở đây là quả đức của Như Lai thành tựu”, thế giới tây phương Cực Lạc là Phật A Di Đà dùng thời gian năm kiếp tu thành, tu thành quả đức, nên nó không phải nhân. Vấn đề này đến phần kinh văn ở sau chúng ta còn học đến. Có một đoạn nói về lịch sử của thế giới tây phương Cực Lạc, thế giới này do đâu mà có. Phật A Di Đà lúc còn ở nơi nhân địa phát tâm như thế nào, tu hành ra sao mới đạt được quả báo này. Đoạn này mang đến cho chúng ta rất nhiều lợi ích, chúng ta nên học tập theo Phật A Di Đà. Một người phát chân tâm, sẽ cảm động vô lượng vô biên Chư Phật Như Lai trong mười phương, mọi người đều hoan hỷ giúp quý vị, thành tựu quý vị. Phật A Di Đà phát nguyện rằng: Phổ độ tất cả chúng sanh khổ nạn khắp mười phương thế giới. Chúng sanh khổ nạn là chỉ ba đường ác của sáu đường, chúng sanh trong ba đường này khổ nhất, ngài đã phát đại nguyện như vậy.

Thầy của ngài, ngài có một vị thầy, là Tỳ Kheo Vương Như Lai, rất hoan hỷ, rất tán thán. Đem tất cả cõi nước Chư Phật trong mười phương hiện bày trước mắt ngài, để ngài tự xem. Khi ngài xem xong ngài chọn ra cái ưu tú, hay nhất trong cõi nước chư Phật mười phương. Ngài nhìn thấy là từ trên mặt quả, thiện quả này là nhân gì tu được, ngài cũng muốn tu giống như Chư Phật Như Lai vậy, hoàn thành trong thời gian năm kiếp. Bởi vậy thế giới Cực Lạc là tinh hoa trong cõi nước của Chư Phật, tập đại thành những gì tốt đẹp nhất trong cõi nước Chư Phật, khó được biết bao!

Nói cách khác, Phật A Di Đà ở trong nhân địa, cũng giống như Không Tử vậy, học vô thường sư. Thấy điều tốt của người khác đều học, thấy điều không tốt của người khác thì phản tỉnh xem mình có hay không. Có thì thay đổi, không có thì cố gắng hơn, đây là thái độ tu học vô cùng tốt. Ngài đã đầy đủ, viên mãn. Bởi vậy thế giới Cực Lạc đích thực là người vắng sanh Tịnh độ, tập kết vô lượng thiện căn thiện hành thành tựu nên. Nhân tố chủ yếu của nó, là Phật A Di Đà phát tâm rộng lớn, tâm vô thượng tạo thành thế giới Cực Lạc. Điều này có thể làm được sao? Chúng ta nghe xong có thể tin được chăng? Được. Vì sao vậy? Vì trong kinh điển đại thừa Đức Thế Tôn thường nói, mười phương thế giới y chánh trang nghiêm từ đâu mà có? Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Lại thường nói với chúng ta rằng: Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Thế giới Cực Lạc là từ tâm tưởng của Phật A Di Đà sanh ra.

Các nhà lượng tử lực học hiện đại, đối với những hiện tượng vật chất và hiện tượng tự nhiên giữa vũ trụ, cũng phát giác được, tất cả mọi hiện tượng đều không tách rời ý niệm. Hiện tượng vật chất là gì? Đây là nói đến bản chất của vật chất, là huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục mà phát sanh ra, chúng ta ngộ nhận nó là thật. Bởi thế bất cứ vật chất nào cũng có thể trở về với năng lượng, năng lượng này là năng lượng của tinh thần, tức là ý niệm, đều có thể trở về ý niệm. Bởi thế những gì trong kinh nói chúng ta có thể tin. Đã tin chúng ta cần phải phát tâm, học theo Phật A Di Đà Phật. Phật A Di Đà khởi tâm động niệm, có thể nói là thuần tịnh thuần thiện. Cho nên thế giới Cực Lạc gọi là Tịnh độ, sự tốt đẹp của thế giới đó là thuần thiện. Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta, cư dân ở cõi nước đó đều là bậc thượng thiện. Chúng ta biết rằng, không chỉ là thượng thiện, mà là thượng thượng thiện hơn, ta có thể nói như vậy. Tâm thái của nhân dân cõi đó rất tốt, hoàn toàn không có chút ý niệm nào bất thiện,

làm gì có hành vi bất thiện! Là nơi vô cùng thù thắng đặc biệt. Lục đạo chúng sanh trong cõi nước mười phương, tập khí phiền não rất nặng, cũng có thể vãng sanh, điều này thật sự đặc biệt. Bất cứ pháp môn nào trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, nếu chưa đoạn tận tập khí phiền não, thì không thể thành tựu, dù quả vị thấp nhất cũng không thành tựu được. Quả vị thấp nhất như trong Kinh Hoa Nghiêm là Bồ Tát sơ tín, nhị tín của thập tín vị, đây là quả vị rất nhỏ. Sơ quả Tu đà hoàn trong Thanh văn, đều phải đoạn hoặc mới có thể chứng được, chưa đoạn được nhất phẩm tập khí phiền não là không được, như vậy không thể chứng được. Pháp môn này, điều vô cùng đặc biệt gọi là đời nghiệp vãng sanh, phiền não đoạn tận rồi chẳng? Chưa đoạn, chỉ cần không chế được phiền não, nó có, nhưng không khởi tác dụng. Không chế lúc nào? Một niệm sau cùng khi vãng sanh. Nếu không chế được nhất niệm này liền được vãng sanh. Đời nghiệp vãng sanh là một niệm sau cùng, không phải nói bình thường, đó là thời khắc then chốt. Niệm sau cùng là A Di Đà Phật, đừng nghĩ đến điều gì khác, họ sẽ vãng sanh, sẽ thành công.

Đến thế giới Cực Lạc chúng ta biết, bất luận là thiện hay ác, quả báo hiện tiền nhất định phải đầy đủ bốn loại duyên. Quý vị có nhân của thiện ác gọi là đời nghiệp, nhưng duyên thì thế giới chúng ta có, còn thế giới Cực Lạc không có. Có nhân không có duyên nó không khởi hiện hành, đặc biệt duy nhất chỉ có ở cõi nước này, thật sự là hy hữu. Vì thế vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, như trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói, cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, đại khái đa phần đều như chúng ta, là niệm Phật vãng sanh. Sanh đến đó được oai thân bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, quý vị xem trí tuệ, thần thông, đạo lực đều bình đẳng với Bồ Tát A Duy Việt Trí, đây là nói cõi phàm thánh đồng cư. Nói cách khác, sự đãi ngộ ở cõi phàm thánh đồng cư, là đãi ngộ của cõi thật báo, quả là không thể nghĩ bàn. Cõi phàm thánh đồng cư đều là đãi ngộ của cõi thật báo, vậy cõi phương tiện hữu dư thì không cần phải nói. Chúng ta cũng có thể nói như vậy, thế giới tây phương Cực Lạc là thế giới của Bồ Tát A Duy Việt Trí, là thế giới của Bồ Tát Phổ Hiền, có thể nói như thế. Nhưng trong đó vẫn có tam bối cửu phẩm, không sao cả, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Cảnh giới Hoa Nghiêm hoàn toàn xuất hiện ở thế giới Cực Lạc.

Một nơi tốt đẹp như vậy, bây giờ chúng ta đã hiểu, đến đó được hay không là do một niệm sau cùng. Mỗi ngày niệm Phật là đang làm gì? Giống như luyện binh vậy, một niệm khi lâm chung là đánh trận. Chính là hy vọng niệm thuần thực để đừng quên Phật hiệu, đến khi lâm mạng chung vẫn nhớ đến Phật A Di Đà, như vậy là thành công, đạo lý chính là như vậy. Vì sao phải niệm từng giờ từng phút? Là đừng để các tạp niệm khác xen vào. Khi lâm mạng chung khởi lên một vọng niệm, như vậy là phiền phức, tùy nghiệp lưu chuyển. Niệm Phật A Di Đà cũng là nghiệp, có thể gọi là tùy nghiệp lưu chuyển. Nếu một niệm sau cùng là Phật A Di Đà, quý vị sẽ đến được thế giới Cực Lạc. Còn như một niệm sau cùng là tham tâm khởi lên, bất luận là tham điều gì, tham danh hay tham lợi, chỉ cần khởi tâm tham là đi vào đường ngạ quỷ. Nếu như tâm sân nhuế khởi lên, niệm sau cùng là tâm sân nhuế là đi vào đường địa ngục. Ngu si, hồ đồ là đi vào đường súc sanh. Niệm sau cùng là nhân nghĩa đạo đức, ngũ luân ngũ thường, liền đầu thai vào cõi người. Thượng phẩm thập thiện nghiệp đạo sanh vào cõi dục giới, quý vị xem đều là một niệm sau cùng. Đây chính là khiến chúng bình thường đi tu dưỡng tâm mình, cũng phải giống như người ở thế giới Cực Lạc vậy. Trong cuộc sống hằng ngày, bất luận là hoàn cảnh nào, thuận cảnh cũng được, nghịch cảnh cũng tốt. Xung quanh chúng ta, người thiện cũng tốt, người ác cũng tốt, đều có thể duy trì chánh niệm, không bị ngoại cảnh bên ngoài quấy nhiễu, như vậy chắc chắn được sanh. Đó là gì? Bất luận

trong hoàn cảnh nào, đều là A Di Đà Phật. Ngoài Phật A Di Đà ra, không có bất kỳ ý niệm nào khác. Cũng không nghĩ đây là người thiện, kia là người ác, đều không nghĩ. Người thiện, A Di Đà Phật; người ác cũng là A Di Đà Phật. Thuận cảnh A Di Đà Phật; nghịch cảnh cũng A Di Đà Phật, như vậy không có niềm vui nào bằng. Niệm Phật như vậy gọi là công đức thành phiền.

Người niệm Phật còn chuyển theo cảnh giới, phiền phức này rất lớn. Thuận cảnh thì tâm sanh hoan hỷ, trong nghịch cảnh có oán hận. Niệm Phật như thế chẳng thể đến được thế giới Cực Lạc, dù niệm suốt đời, đời sau vẫn trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Không thể không biết điều này. Cho nên tiêu chuẩn trong kinh, trên đề kinh nói một cách rất rõ ràng, tiêu chuẩn là gì? Là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Vì thế chúng ta niệm Phật phải làm cho tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, giác mà không mê của mình hiển lộ ra, như vậy liền được vãng sanh.

Cần thời gian bao lâu? Mỗi người căn tánh không giống nhau. Người lợi căn thì vài ngày, vài tháng là thành tựu. Người căn tánh kém hơn một chút_Từ Vãng Sanh Luận, từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chúng ta thấy, đa phần không quá ba năm, có thể đến được cảnh giới này.

Đặc biệt là hiện nay, quý vị biết nhiều hơn tôi. Tôi không tiếp xúc với tin tức, nên rất nhiều việc không biết, đều là nghe quý vị nói. Thế giới này thiên tai xảy ra khắp nơi, có gì đáng để lưu luyện chăng? Hiện nay gọi là di dân, vì sao không di dân đến thế giới Cực Lạc? Là việc tốt! Phật A Di Đà hoan nghênh chúng ta, không cự tuyệt.

Bộ kinh này là sách chỉ dẫn về thế giới Cực Lạc mà Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta, sách chỉ dẫn di dân đến thế giới Cực Lạc. Y theo những gì trong này nói, nhất định đến đó thành công, mà không cần thời gian quá dài. Trước khi thiên tai chưa bộc phát, chúng ta nhất định đến được đó, nó không cần nhiều thời gian. Nên nhớ, chỉ cần thanh tịnh bình đẳng giác; phải nhớ buông bỏ hết những nghịch cảnh, thuận cảnh, thiện duyên, ác duyên trong thế gian này. Ý niệm chúng ta không buông bỏ được, ý niệm khiến nó thống nhất, khiến nó quy nhất. Nghĩa là bất luận gặp ai, đều là A Di Đà Phật. Bất luận là gặp chuyện gì, cũng là Phật A Di Đà, chúng ta đã chuyển đổi được tâm thái.

Ở trước đã giới thiệu với quý vị về Phật A Di Đà, đây là gì? Là đức hiệu của chân như tự tánh, đây là thông hiệu của tất cả Chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời, đều có danh hiệu này. Danh hiệu này dịch sang nghĩa tiếng Trung sẽ hiểu ngay: A dịch là vô, Di Đà dịch là lượng, Phật dịch là trí tuệ- giác ngộ. Hợp danh hiệu A Di Đà Phật lại nghĩa là trí tuệ vô lượng, giác ngộ vô lượng. Quý vị thử nghĩ xem, vị Phật nào không phải là vô lượng giác? Đều là vô lượng giác, nên họ thật sự là Phật A Di Đà, không phải giả. Những thứ chúng ta đối diện hiện nay, cũng thật sự là A Di Đà Phật, không phải giả, vì sao vậy? Vì tự tánh của họ là vô lượng giác. Bây giờ vì vọng tưởng phân biệt chấp trước chướng ngại, nên họ mê, nhưng mê là giả, không phải thật, chỉ nhất thời hồ đồ, họ sẽ giác ngộ. Nên tất cả chúng sanh trong mắt Chư Phật Như Lai, không ai không phải là Phật A Di Đà. Đây không phải vô lý, mà là sự thật.

Chúng ta cần phải hiểu, từ đây thay đổi tâm thái, tất cả người sự vật đều là Phật A Di Đà, gặp cơn trùng kiến oán cũng là A Di Đà Phật. Nếu tâm thái này đạt đến đỉnh cao, đạt đến viên mãn, làm gì có chuyện không thành Phật!

Bởi vậy chúng ta thấy_đây là nói đến nhân quả, hoa này là quả đức của Như Lai thành tựu, không thể nghĩ bàn, nên nó không phải là nhân.

“Nếu nói là quả, nhưng hoa này là vật mười phương thế giới sanh ra, không đợi người tu hành công viên quả giác”. Ý của quả cũng không thể thành lập. Không thể thành lập là vì nhân quả đồng thời, nhân quả không hai. Hoa này vốn là trong nhân có quả, trong quả có nhân. Quý vị thấy trong hoa đã có hạt, xung quanh đài sen là cánh hóa, nó xuất hiện cùng một lúc, không như các loại hoa khác.

“Nếu nói là chủ, tức có thể bao hàm vô lượng trí tuệ của mười phương thế giới, hàm nhiếp tất cả, bạn này rất nhiều”. Phật giáo nói chủ bạn viên dung, bạn của nó rất nhiều. “Nếu nói là bạn, tức ngoài tâm không có pháp, duy chỉ có chánh giác của Như Lai. Ý chánh, chủ bạn, tất cả tất cả trong thế giới Cực Lạc, đều là tự tâm A Di Đà Như Lai sở hiện”. Ở đây quan trọng nhất là tự tâm Phật A Di Đà hiện ra. Tự tâm Phật A Di Đà và tự tâm chúng ta là cùng một tâm, không phải hai. Vì thế trong Hệ Niệm Pháp Sự thiền sư Trung Phong nói: “Tâm tôi tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi”. Chúng ta phải thừa nhận câu này, là thật, không phải giả. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, bao gồm thế giới Cực Lạc. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, bao gồm cả vũ trụ. Đại vũ trụ phẩm Hoa Tạng Thế Giới và phẩm Thế Giới Thành Tựu trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất tường tận. Ngày nay thiên văn học hiện đại, trong báo cáo phát hiện của họ, so với Hoa Nghiêm thì khoảng cách thua quá xa. Trong kinh Phật có triết học cao cấp, có khoa học cao cấp. Bất luận là nói luân lý, nói ngữ thường, tứ duy bát đức; nói đến thế giới vi quan hay nói thế giới vĩ quan đều nói một cách thấu triệt, nói đến cứu cánh viên mãn. Nên kinh văn nói đến đây, hy vọng mọi người có thể trực tiếp thừa nhận rằng: Phật A Di Đà tức là tâm tôi.

“Nếu nói là một pháp, nhưng trong một hoa có vô lượng ánh sáng, trong đó sanh ra vô lượng pháp”, đây là gì? Là một tức vô lượng. “Nếu nói là vô lượng, tức chỉ có một câu danh hiệu, ba loại trang nghiêm, nhập nhất pháp cú”. Nếu nói nó là vô lượng, nói nó là một pháp, đích thực tâm tánh đầy đủ vô biên diệu dụng. Trong Hoàn Nguyên Quán chúng ta thấy “hiện nhất thể, khởi nhị dụng”. Ở dưới cang tuyệt vời hơn, “thị tam biến”, bất luận là nhất niệm, nhất niệm này là pháp giới tinh thần. Nhất trần, vi trần là pháp giới vật chất. Nhất niệm, nhất trần đều chu biến pháp giới, điều gì chu biến pháp giới? Bây giờ chúng ta gọi là dao động, dao động này chu biến pháp giới. Một niệm chính là một dao động, nhất niệm này Bồ Tát Di Lạc nói một khảy móng tay có 32 ức 100 ngàn niệm. Tôi tin rằng có người thân thể mạnh khỏe, trẻ tuổi khảy nhanh, ít nhất một giây có thể khảy được năm lần. Nếu một giây khảy năm lần, trong một giây có bao nhiêu ý niệm, chúng ta nói dao động này có bao nhiêu lần? 1600 triệu lần, quá vi tế. Nhất niệm là 1600 triệu trên một giây, nhất niệm này lập tức chu biến pháp giới. Xuất sanh vô tận, hàm dung không hữu, đây là vũ trụ quan của Phật giáo. Là thật, không phải giả. Ý niệm vi tế như vậy, nhưng mười phương Chư Phật Như Lai đều nhận được. Bản thân chúng ta không biết, nhưng Phật Bồ Tát rất rõ ràng. Ý niệm vi tế này đều rõ ràng, hướng gì ý niệm thô? Niệm thô là ý niệm vi tế tích lũy, làm gì có chuyện không biết! Tin tức này lập tức đưa đi khắp mười phương thế giới, không ai không biết.

Nếu chúng ta thật sự hiểu được đạo lý này, không dám có ác niệm, vì sao vậy? Vì có ác niệm là điều đáng xấu hổ, quý vị làm sao đối diện tất cả Chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời, vì sao vậy? Vì họ nhận được tin tức của quý vị rất rõ ràng.

Ngoài ra chúng ta nói đến điều gì? Mười pháp giới, Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, trong mười pháp giới cũng có năng lực này. Nhưng khi họ tiếp thu được, tiếp thu được mà vọng tưởng phân biệt chấp trước của họ chưa đoạn tận, nên họ vẫn còn chướng ngại. Họ đã nhận

được, nhưng không khởi tác dụng. Tuy vậy đối với pháp thân Bồ Tát thì khác, họ hoàn toàn rõ ràng.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói 41 vị pháp thân đại sĩ, thêm vào Diệu giác Như Lai, người như vậy ở trong đại vũ trụ, vô lượng vô biên vô tận vô số. Ý niệm này phát ra trong từng sát na, họ đều nhận được hết, quý vị làm sao có thể đối diện với đại chúng được? Đây là trong giáo lý đại thừa Đức Thế Tôn nói với chúng ta lời chân thật, điều này không hề giả. Đây là trí tuệ chân thật trong tự tánh khai mở, đều là diệu dụng chân thật rất ráo, nên quy về một câu danh hiệu. Một câu danh hiệu này chính là Nam Mô A Di Đà Phật.

“Ba loại trang nghiêm”, trong Vãng Sanh Luận nói: Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm, đạo tràng trang nghiêm. Trong kinh luận gọi đạo tràng là cõi nước, tôi nói với chư vị là đạo tràng, chính là khu vực họ dạy học, khu vực này rất lớn. Khu vực giáo hóa của Đức Thế Tôn, là tam thiên đại thiên thế giới, đây là nơi giáo hóa của ngài.

Bây giờ chúng ta có thể lý giải, toàn thể vũ trụ là tấm lưới do ý niệm cấu thành, giống như mạng internet hiện nay, mạng internet không thể sánh với nó, mạng internet quá thô, tốc độ quá chậm. Trong tự tánh của chúng ta, đây là đức tướng, giống như một mạng lưới internet vậy. Biên pháp giới hư không giới, trên với tất cả Chư Phật, dưới với chúng sanh mười pháp giới, không có gì vượt qua mạng lưới này, tất cả đều trong mạng lưới này. Chúng ta có nhận thức như vậy, có khẳng định như vậy, đối với việc tu học hiện tại của chúng ta, giúp ích rất lớn. Không phải như cổ đức của Nho giáo nói: “thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ”, không chỉ như vậy, vô lượng vô biên Chư Phật Bồ Tát đều ở đó nhìn chúng ta. Chúng ta học Phật, nương Phật làm thầy, một ý niệm bất thiện của chúng ta, có thể xứng đáng với thầy chăng? Xứng đáng với tự tánh của mình chăng? Tất cả ý niệm bất thiện, tự nhiên buông bỏ. Buông bỏ tập khí phiền não, trí tuệ bát nhã trong tự tánh lập tức hiện tiền.

“Nhập nhất pháp cú”, nhất pháp cú này nghĩa là danh hiệu, là Phật A Di Đà. “Nên nói pháp môn này là kỳ diệu trong sự kỳ diệu”, đây là thật. Như chúng ta vừa mới nói “an trú tất cả chúng sanh vào trong chánh đạo của Phật”, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, đây là chánh giác của Như Lai, là chánh đạo của Phật. “Kỳ diệu trong kỳ diệu, đặc biệt trong đặc biệt, không thể xưng, không thể thuyết, không thể xưng thuyết”. Nên nói là pháp môn không thể nghĩ bàn, ta không có cách nào tưởng tượng được, cũng không thể nào nói rõ ràng được.

Lão tử nói: “đạo khả đạo, phi thường đạo, danh khả danh, phi thường danh”. “Đạo khả đạo, phi thường đạo” là không nói ra được. “Danh khả danh, phi thường danh”, chẳng những không nói ra được, mà nghĩ cũng không nghĩ đến được, vì sao vậy? Vì nghĩ là đệ lục ý thức.

Trong kinh luận của Tướng Tông Đức Phật nói: Cảnh giới thức thứ sáu duyên đến vô cùng rộng lớn. Trong thế giới vĩ quan, nó có thể duyên đến hư không pháp giới. Trong thế giới vi quan, nó có thể duyên đến A lại da, nhưng không duyên được tự tánh, vì sao vậy? Vì tự tánh không phải tinh thần cũng không phải vật chất. Nó không phải vật chất, nên nhãn nhĩ tỷ thiệt thân không duyên đến được. Nó không phải tinh thần, đệ lục ý thức cũng không duyên đến được. Nên chỉ nói một câu: pháp không thể nghĩ bàn. Không thể tưởng tượng, không có cách gì để nói, nghĩ đây là nghĩ bàn. Ngôn ngữ không đạt đến được, tư tưởng không đạt đến được, đó là tự tánh.

Khoa học và triết học phát triển, như những gì Phật giáo nói, đặc biệt tương ứng với pháp tướng tông. Ngày nay khoa học phát triển về hai hướng: Vi quan là vật lý hư không, vi quan là lượng tử lực học. Đích thực lượng tử lực học nói là tam tế tướng của A lại da, không duyên được tự tánh. Cho nên khi các nhà khoa học đạt đến đỉnh cao, ở sau là đặt một dấu chấm hỏi.

Hiện tượng này, hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất là dao động xuất hiện, dao động từ đâu mà có? Vì sao có dao động? Nếu tiếp tục truy cứu chính là dấu chấm hỏi, họ không đáp được. Ở đây Đức Phật nói câu: “Pháp nhĩ như thị”, chúng ta cũng rất khó lý giải. Pháp nhĩ là nó vốn như vậy, hình như đây là lời hàm hồ, lầy lệ. Quý vị không nói rõ ràng về nó, thật sự không nói rõ được. Ở sau Đức Phật nói: “Duy chỉ có chứng mới biết được”, đây là khoa học của Phật, bản thân quý vị thân chứng sẽ minh bạch, sẽ biết được. Thân chứng như thế nào? Đó chính là như Đức Phật nói, quý vị buông bỏ tất cả khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thì sẽ biết, sẽ chứng được. Cho nên đến sau cùng là chỉ có chứng được mới biết được, Đức Phật không gạt người. Đức Phật dạy tất cả chúng ta, tất cả đều phải thân chứng cảnh giới này, đó là của chính mình, nghe người khác nói không tính. Trong Phật pháp gọi là giải ngộ, không phải chứng ngộ. Giải ngộ là chưa chứng được, không được lợi ích. Thật sự chứng được, bản thân mới có lợi ích, lợi ích này là ngũ chỉ lục quán viên mãn, trong Hoàn Nguyên Quán nói. “Chỉ miễn cưỡng gọi là pháp đặc biệt”, đến đoạn này. “Ngày nay Đức Thế Tôn muốn tuyên dương hoàng nguyện nhất thừa của Phật A Di Đà”, đây là trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật thấy cơ duyên này đã thuận thực, liền giới thiệu thế giới Cực Lạc cho mọi người.

“Pháp đặc biệt nhất, là trú nơi sở trú của Phật Di Đà, Phật Phật tương niệm”. Hai câu này rất hay, chúng ta cần phải học, học điều gì? Trú vào nơi sở trú của Phật Di Đà. Tịnh tông nói thường tịch quang, trong triết học gọi là bản thể của vũ trụ vạn hữu, Phật pháp gọi là thường tịch quang, phải trú vào trong này.

“Phật Phật tương niệm”, niệm Phật nghĩa là làm Phật. Trong Quán Kinh nói: “Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật”, niệm Phật tức là thật sự thành Phật, niệm Bồ Tát tức là làm Bồ Tát. Bây giờ chúng ta hoàn toàn minh bạch, trong tất cả Chư Phật, Phật A Di Đà trang nghiêm thù thắng nhất. Trong kinh này Đức Thế Tôn khen ngợi ngài, thay cho tất cả mười phương Chư Phật khen ngợi Phật A Di Đà, nói Phật Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Đây là sự khen ngợi đến cùng tột, không có gì viên mãn hơn, không có gì cao hơn. Chúng ta thấu rõ rồi, không niệm Di Đà thì niệm gì? Niệm gì cũng không bằng niệm Di Đà, tụng kinh gì cũng không bằng tụng Kinh Vô Lượng Thọ này, đúng là bậc nhất trong các bậc nhất. Nếu lý giải chưa rõ ràng thấu triệt về nó, trong tâm vẫn còn vọng tưởng. Điều này không thể trách người khác, vì sao vậy? Trước khi chưa thật sự hiểu rõ về Phật pháp, đây là hiện tượng rất bình thường, hiện tượng thường xảy ra.

Khi mới học Phật tôi quen thầy Lý, lúc đó tôi không biết về Phật A Di Đà, tôi chỉ thích quảng học đa văn, nên đối với kinh luận đại thừa vô cùng thích thú. Học Phật 30 năm mới hiểu, tuy hiểu nhưng không thấu triệt! Cũng siêng năng tu Tịnh độ, nhưng chưa thấu triệt. Học được bao lâu mới được coi là thật sự rõ ràng minh bạch? 50 năm, tôi học Phật đến nay là 59 năm, thật sự thấu hiểu rốt ráo là tám chín năm gần đây. Thấu triệt điều này không có gì khác, chính là ngày ngày huân tập kinh điển đại thừa, không có lúc nào rời cuốn kinh, không có ngày nào không chia sẻ với mọi người. Ngày nay chúng tôi ở trên bục giảng, là chia sẻ với mọi người, báo cáo một chút cảm tưởng, một chút tâm đắc học tập của tôi với quý vị. Tôi học rất hoan hỷ, càng học càng hoan hỷ, càng học càng vui. Quả thật như trong kinh nói: Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ.

Thầy giới thiệu cho tôi: “học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người”, bây giờ tôi đã đạt được, vô cùng cảm ân thầy. Nếu thầy giáo không chỉ ra con đường này, đời này tôi sẽ sống rất đau khổ ở thế gian, làm gì có an vui hạnh phúc! Chúng ta cũng thấy rất nhiều, những năm

lại đây rất nhiều người học Phật, họ không đạt được hạnh phúc an vui thật sự, vì sao vậy? Vì họ không học thật, bởi vậy học Phật là phải y giáo phụng hành mới được. Phương hướng phải chính xác, mục tiêu phải kiên định, trường thời huân tu, không được lơ là dù chỉ một ngày.

Tôi thường nói với quý vị, tôi thuộc hàng trung hạ căn tánh, không phải thượng căn. Nếu là thượng căn, từ lâu đã ngang hàng với các đời tổ sư, chúng ta so với các bậc tổ sư còn thua quá xa, cho thấy được sự thù thắng của Phật pháp. “Nên nói, trú trong pháp đặc biệt”, niệm Phật A Di Đà nghĩa là trú trong pháp đặc biệt, nhưng ngày nay được mấy người thật sự trú trong pháp đặc biệt. Chúng ta quan sát, thấy không nhiều. Quý vị xem lời nói cử chỉ bình thường của họ, trong tâm họ quá nhiều tạp niệm, không trú trong pháp đặc biệt. Nếu tâm họ chỉ có Phật A Di Đà, ngoài ra không còn gì cả, tôi nói với quý vị, là cảnh giới gì? Bất luận người khác nói gì, họ nghe đều là Phật hiệu. Những gì mắt họ nhìn thấy, trong lòng họ nghĩ, tất cả chúng sanh đều là Phật A Di Đà, người này trú trong pháp đặc biệt. Những đạo lý, những chân tướng sự thật này tôi đều biết, đại khái tôi phải thêm vài năm có thể đạt đến cảnh giới này. Hiện nay tôi đối với vấn đề này hoàn toàn không có nghi ngờ.

Chúng ta xem tiếp phần kinh văn: “Trú Chư Phật sở trú đạo sư chi hành, tối thắng chi đạo”, bên dưới là giải thích câu kinh văn này. “Phật sở trú”, chúng ta xem Phật ở đâu? Tịnh Ảnh Số nói: “Nơi chỗ Phật trú là niết bàn thường quả, Chư Phật cùng trú. Ngày nay Thế Hùng- Thế Hùng là Đức Thế Tôn- trú ở nơi này, trú đại niết bàn, có thể khởi hóa dụng”. Hóa là tác dụng giáo hóa chúng sanh, ông nói không sai, đây cũng là điều Bồ Tát cần phải học tập.

“Niết bàn thường quả, Chư Phật cùng trú”, câu này nghĩa là gì? Niết bàn là bất sanh bất diệt. Ở trước chúng ta đã học, thông thường đều dùng hai chữ viên tịch để giải thích. Viên là viên mãn, tịch là thanh tịnh tịch diệt. Chúng ta nghe xong, đặc biệt là hàng sơ học, không cách nào lãnh hội được ý này. Dùng cách nói cạn cợt nhất của chúng ta để nói, mọi người dễ hiểu, thanh tịnh tịch diệt viên mãn là gì? Lục căn chúng ta đối với cảnh giới lục trần bên ngoài: Mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân và ý tiếp xúc, tiếp xúc cảnh giới bên ngoài. Thật sự đạt được không khởi tâm không động niệm, vừa rõ ràng vừa thấu triệt, không khởi tâm không động niệm, đây là cảnh giới niết bàn thường quả, không phải rời xa. Rời xa mà vẫn khởi tâm động niệm, vẫn còn vọng tưởng, vẫn đang tạo nghiệp. Quý vị nghĩ đến việc tốt, việc lợi ích chúng sanh, là tạo nghiệp thiện. Việc tổn hại chúng sanh là đang tạo nghiệp, vẫn là đang tạo nghiệp. Làm sao để học được giống như pháp thân đại sĩ, không khởi tâm không động niệm? Khó, rất khó! Bất đắc dĩ mới cầu cái thứ hai, không làm được Phật sở trú thì học Bồ Tát. Bồ Tát có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, dễ hơn Phật nhiều. Nếu không được, không được nữa thì chọn cái sau đó, học theo A la hán, không chấp trước. A la hán có khởi tâm động niệm, có phân biệt, nhưng họ không chấp trước. Nói cho chư vị biết, không chấp trước là không có phiền não. Trên đề kinh dạy chúng ta tu hành theo năm chữ: Thanh tịnh bình đẳng giác. A la hán đạt được thanh tịnh, vì sao vậy? Vì họ không có phiền não, đã phá chấp trước, đối với tất cả pháp không còn chấp trước. A la hán không chấp trước, Bồ Tát không phân biệt, Chư Phật Như Lai không khởi tâm không động niệm, phải như thế nào mới có thể luyện thành? Tôi tin rất nhiều người muốn biết, dùng phương pháp gì có thể luyện thành công? Nói cho chư vị biết, trú trong pháp đặc biệt sẽ luyện thành công. Trong tâm là gì? Là A Di Đà Phật. Ngoài câu A Di Đà Phật ra đều không có gì cả, bất luận là học Thanh văn, học Duyên giác, học Bồ Tát hay học Phật,

quý vị đều thành tựu, mà còn thành tựu rất nhanh. Phương pháp này rất bí mật, ngày nay tôi mở rèm bí mật này. Quý vị cần phải biết, đây là mật pháp của đại thừa, sẽ rất có hiệu quả. “Chư Phật đồng trú”, ngày nay Đức Thế Tôn trú ở nơi đây, chính là trú nơi chỗ của Chư Phật, trú đại niết bàn, có thể khởi hóa dụng. Hóa là giáo hóa chúng sanh có duyên trong mười pháp giới, thân hành ngôn giáo họ đều làm được, cần phải hiểu được đạo lý này. Nếu vào được cảnh giới này, quý vị được đại tự tại.

Hội Sớ nói: “Nơi Phật trú bất nhị thừa Bồ Tát có thể đạt được”, bất này có nghĩa là phi, tức không phải nhị thừa Bồ Tát có thể đạt được. Cổ nhân dịch kinh thường dùng hai chữ bất nhị, không phải Bồ Tát nhị thừa, chúng ta không hiểu lắm. Dùng cách nói hiện nay, nghĩa là phi mọi người sẽ dễ hiểu hơn. Chính là không phải nhị thừa Bồ Tát có thể đạt được. Thêm vào một chữ cũng được, sẽ rất rõ ràng. Thật vậy, ý nghĩa tôi vừa mới nói đều đã nói.

Quý vị xem Phật không khởi tâm không động niệm, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác không làm được, họ khởi tâm động niệm. Bồ Tát cao hơn Thanh văn, Duyên giác. Bồ Tát không có phân biệt, Thanh văn, Duyên giác có phân biệt, không có chấp trước. Tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước đều có, là phạm phu lục đạo. Trong lục đạo, bao gồm trời sắc giới và trời vô sắc giới. Phiền não của sắc giới và vô sắc giới thiên, hình như họ không khởi hiện hành, đó là định công của họ đã không chế được nó. Nếu định công mất đi, tập khí phiền não của họ lại hiện ra. Nên định của họ không phải thật, Phật giáo không gọi nó là tam muội, vì sao vậy? Vì nó sẽ mất, sau khi đạt được vĩnh viễn không mất mới gọi là tam muội. Định mà A la hán đạt được không bị mất, nên ở trong hội Lăng Nghiêm, Đức Phật gọi nó là cửu thứ đệ định. Đây là nói định công cạn sâu, họ là tầng thứ chín. Tứ thiên là bốn tầng trước, tứ không định là Tứ thiên trở lên. Nên tổng cộng có tứ thiên, tứ không, tất cả là bát định, thông thường chúng ta gọi là tứ thiên bát định. Tám thứ lớp này không gọi là tam muội, vì nó sẽ mất. Khi định công mất đi, tập khí phiền não lập tức hiện hành, nên họ không ra khỏi luân hồi lục đạo. Đến đệ cửu định là đã siêu việt, vượt thoát luân hồi lục đạo. Họ sanh đến tứ thánh pháp giới, không còn ở trong lục đạo.

Nếu tâm chúng ta định trên danh hiệu Phật Di Đà, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra không nghĩ gì cả. Như tôi vừa mới nói, đó đều là bí quyết tu hành. Bất luận là thiện duyên, ác duyên, thuận cảnh, nghịch cảnh đều A Di Đà Phật. Trong cuộc sống, trong công việc, xử sự đối nhân tiếp vật, niệm niệm toàn là Phật A Di Đà. Những gì ta thấy là A Di Đà Phật, nghe được là A Di Đà Phật, tất cả những gì tiếp xúc được đều là Phật A Di Đà. Đây là gì? Là niệm Phật tam muội, là vua trong tam muội, đây là thiên thâm mật vô thượng. Trong Đại Tập Kinh Đức Phật đã nói như vậy. Nếu nói là mật, thì đây là mật pháp vô thượng thừa, không giả chút nào, nên đây quả thật là pháp đặc biệt, chúng ta không thể không biết. Đây là “chỉ có Phật và Phật mới trú trong pháp này”, không khởi tâm không động niệm là chỉ có Phật và Phật. “Đức Phật lại nói Tam thừa là tùy theo chúng sanh để dạy, mỗi người trú trong tam thừa, ngày nay theo Phật trú chỗ của mình, nên gọi là trú nơi chỗ của Phật, ở sau nói rất hay”. Đây là sau cùng, nói rất hay. Vì Đức Phật thị hiện ở thế gian, gọi là ứng hóa ở thế gian, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”, cho nên Đức Phật không có nói pháp nào nhất định, không có pháp nào để nói. Những pháp ngài nói, hoàn toàn là phản ứng tâm thái của chúng sanh. Tâm thái của chúng sanh, phản ứng tự nhiên của tự tánh, đây mới là chân tướng Đức Phật độ chúng sanh. Ngài không có thuyết pháp, ngài vĩnh viễn trú trong đại niết bàn, vì sao

vậy? Vì xưa nay ngài chưa từng khởi tâm động niệm, giáo hóa chúng sanh trong mười pháp giới, cũng không khởi tâm động niệm, đây thật sự là đặc biệt.

Lúc Phật giáo hóa chúng sanh, thấy người, trình độ của quý vị là cõi người, ngài nói cho quý vị về luân lý, đạo đức, nhân quả. Nếu trình độ là căn tánh tiểu thừa, ngài liền nói về kinh giáo tiểu thừa. Nếu là căn tánh hàng Bồ Tát, thì ngài giảng kinh điển đại thừa. Còn như quý vị là căn tánh nhất thừa, ngài sẽ giảng Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Nhưng Tịnh độ thì sao? Tịnh độ thích hợp với tất cả các căn tánh, “tam căn phổ bị, lợi độn toàn thu”. Đây là pháp môn không có chướng ngại, bất cứ ai tiếp xúc đều được lợi ích. Chỉ cần có một chút thiện căn, khi tiếp xúc đều có thể vãng sanh Tịnh độ ngay trong đời này.

Nếu dùng cách nói thông thường của chúng ta, gọi là quá may mắn, ngay trong đời này quý vị có thể thành Phật, vãng sanh là thành Phật, vì sao vậy? Vì vãng sanh tức là Bồ Tát A Duy Việt Trí, Bồ Tát A Duy Việt Trí là thành Phật. Thành Phật không phải ta thật sự thành Phật, thần thông, đạo lực, trí tuệ là nguyện lực của Phật A Di Đà gia trì, đồng nghĩa nói là ngài cho chúng ta. Ngài gia trì, ta có thể khởi tác dụng, nhưng không phải ta thật sự chứng được. Quý vị cũng có năng lực giáo hóa chúng sanh trong mười phương thế giới, như các Chư Phật vậy, không có gì khác. Pháp môn này vô cùng vi diệu.

Vì tùy họ mà dạy, nên mỗi người đều trú trong pháp tam thừa, ở nhân thiên, Phật trú trong pháp nhân thiên. Như Không tử, Mạnh tử là thị hiện trú pháp nhân thiên. Đức Thế Tôn ở Ấn độ giáo hóa chúng sanh, trú pháp nhị thừa Thanh văn, Duyên giác. Đến giai đoạn sau cùng, nói đến Bát Nhã, Hoa Nghiêm đó là trú trong chỗ của Phật. Mấy câu này là nói thị hiện của Phật.

“Kim”, kim là Phật nói Kinh Vô Lượng Thọ, ngày nay nói bộ kinh này là tùy Phật trú trong chỗ của mình. Lúc này ngài thị hiện không giống những lúc khác, ngài không phải trú trong Bồ Tát, cũng không phải trú Thanh văn, cũng không phải trú nhân thiên, ngài giảng pháp môn này là trú nơi chỗ của mình, trú nơi chỗ của Chư Phật, “nên nói trú nơi chỗ của Phật”. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói ở sau nói rất hay, vì sao vậy? “Những gì bây giờ Đức Phật nói”, tức là bây giờ Đức Thế Tôn giảng bộ kinh này, lúc này “là quả giác của Phật”. Đây là những gì trong kinh nói, là ngài tu hành chứng được quả giác viên mãn nhất, trong kinh điển đại thừa gọi là quả vị Diệu giác. “Là cảnh giới của Phật, nên trú trong chỗ của Chư Phật”. Trong Kinh Kim Cang có hai câu, ngài Huệ Năng nghe đến liền khai ngộ: “Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”, chúng ta so sánh thử xem. Hàng thứ hai sau cùng, hai câu sau cùng hàng thứ hai: “Trú đại niết bàn”, nghĩa là ung vô sở trụ, “năng khởi hóa dụng”, nghĩa là nhi sanh kỳ tâm. Đây là cảnh giới Phật, không phải cảnh giới bình thường, ở đây nói trú nơi chỗ của chư Phật, đây là ung vô sở trụ. “Lưu xuất ra diệu pháp thù thắng này”, là nhi sanh kỳ tâm. Tuy sanh tâm, nhưng họ cũng là vô trụ. Nhất định phải biết điều này.

Bởi thế bộ kinh này được hiển lộ ra từ trong chân như tự tánh của Đức Thế Tôn. Cũng chính là nói Chư Phật Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp, không thông qua tư duy, vì sao vậy? Tư duy là gì? Tư duy là đệ lục ý thức, phân biệt của thức thứ sáu, chấp trước của thức thứ bảy. Nếu thông qua tư duy, là ở trong mười pháp giới, trong mười pháp giới không tách rời tư duy, vì sao thế? Vì họ dùng tâm thức, không phải dùng chân tâm. Tứ thánh trong mười pháp giới, dùng tâm thanh tịnh. Lục đạo phàm phu là tâm ô nhiễm, bây giờ tâm người ô nhiễm đến tận cùng. Nhìn từ phương diện nào? Nhìn từ mặt quả sẽ hiểu, từ quả để thấy nhân. Quý vị xem trên mặt quả, xã hội động loạn, đây là quả, không thanh tịnh. Tâm thanh tịnh xã hội sẽ rất thanh tịnh, rất hài hòa. Nếu xem từ phương diện y báo, địa cầu chúng ta thiên tai thảm họa

xảy ra khắp nơi, đây là xem từ trên quả. Nếu tâm của mỗi chúng ta đều thanh tịnh, địa cầu và thiên đường mà các Tôn giáo khác nói, không có gì khác. Cũng rất tương tự, gần giống với cõi đồng cư ở thế giới Cực Lạc. Cho nên đạo lý nhân quả này rất thâm sâu, sự tướng của nhân quả rất rõ ràng, rất minh bạch.

Đức Phật dạy chúng ta, đối với bất kỳ vấn đề gì, nhìn như thế nào mới chính xác? Xem tánh của nó, tướng của nó; xem sự của nó, lý của nó; xem nhân của nó, quả của nó. Ít nhất phải quan sát từ sáu phương diện này, mới là chánh tri chánh kiến, không nhìn sai. Những người học Phật không thể không biết điều này.

Câu ở sau nói rất hay: “Cho rằng nhân tâm của chúng sanh”. Ở trước nói thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, nhân quả không hai, lý sự nhất như. Ứng hóa trên địa cầu này, khi nói cho chúng ta nghe bộ kinh này, ngài không khởi tâm không động niệm, tự nhiên hiển lộ ra bộ kinh điển này. Cho rằng nhân tâm của chúng sanh, chúng sanh dùng bộ Kinh Vô Lượng Thọ này là nhân, y giáo tu hành, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là quả.

Đoạn dưới, Chân Giải lại nói: “Trú trong chỗ của Phật, trú trong phổ đẳng tam muội”. Phổ đẳng tam muội và đại tịch định, là tên khác của niệm Phật tam muội. Đây là một vị tổ sư của Nhật bản, nói rất hay. Trú phổ đẳng tam muội, phổ là phổ biến, đẳng là bình đẳng, phổ đẳng tam muội là gì? Lúc này tôi đã nói ý nghĩa này, tôi nói tôi đã ở đây mở rèm bí mật. Sáu căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, toàn là A Di Đà Phật, đây là phổ. Không có phân biệt, không có chấp trước, nhưng có khởi tâm động niệm. Không bình đẳng với Phật, nhưng bình đẳng với Bồ Tát. Nếu đến khởi tâm động niệm cũng không có, sáu căn tiếp xúc với sáu trần là gì? Thật sự là Phật A Di Đà, đây nghĩa là phổ đẳng tam muội. Tất cả chúng sanh đều bình đẳng với Phật A Di Đà, hoàn toàn là thật. Vì sao vậy? Vì Phật A Di Đà là tự tánh hiển lộ ra, tất cả chúng sanh cũng là tự tánh hiển lộ ra, không hai không khác. Biến pháp giới hư không giới là nhất thể, đây là phổ đẳng, làm sao có thể khởi phân biệt chấp trước? Đây là điều không thể. Chẳng những không khởi phân biệt chấp trước, ta huân luyện dần dần, không cần thời gian lâu thì khởi tâm động niệm cũng không có. Quý vị thật sự đã trú trong phổ đẳng tam muội. Cho nên phổ đẳng tam muội, thực tế chính là “ưng vô sở trụ” trong Kinh Kim Cang nói, thật sự vô sở trụ. Biến pháp giới hư không giới là ta, là một tự thể.

Ở dưới nói: “phổ đẳng tam muội và đại tịch định là tên khác của niệm Phật tam muội”. Gọi là phổ đẳng tam muội, đại tịch định hay gọi là niệm Phật tam muội đều cùng một ý nghĩa, là một không phải hai. Từ chỗ này quý vị cần phải có một ít lãnh hội, mới biết được Kinh Vô Lượng Thọ không thể nghĩ bàn. Phân lượng của kinh không nhiều, nhưng nói một cách thấu triệt, một cách minh bạch. Chúng ta cùng nhau chia sẻ, là niềm vui bậc nhất trong thiên hạ. Có nhiều người nói, tuổi tác thầy quá lớn, giảng kinh rất vất vả. Hạnh phúc vô cùng! Có gì vui hơn giảng kinh. Đọc kinh, chia sẻ, niềm hỷ duyệt này không thể lãnh hội được, mượn một câu của Đức Phật để nói: “chỉ có chứng được mới biết”. Bản thân chưa nhập vào cảnh giới này, thì không sao lãnh hội được. Lãnh hội rồi mới cảm nhận được câu nói của Không tử: “học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”, nhưng niềm vui của ông không bằng pháp hỷ. Như vậy cũng rất khó được, chúng ta có thể lý giải nó.

“Chư Phật ba đời đều trú trong niệm Phật này”, niệm Phật bên dưới có nói, phải thêm vào chữ tam muội- niệm Phật tam muội, nên gọi là Phật sở trú. “Ngày nay Đức Phật vì nói pháp môn niệm Phật, mà trú trong niệm Phật tam muội”. Câu này đã nói ra tất cả. Chư Phật ba đời, ba đời là nói đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai. Tất cả Chư Phật trú ở đâu? Đều trú trong tam muội này.

Tam muội này là gì? Ở đoạn kinh trước có nói: “Phật Phật tương niệm”, trong này đã lộ ra cho chúng ta một tin tức quan trọng, là niệm Phật thành Phật. Điều này không thể không biết, hiểu được câu này rồi, quý vị sẽ hoát nhiên đại ngộ. Niệm gì thì thành như vậy, niệm Bồ Tát thành Bồ Tát, niệm A la hán thành A la hán. Niệm phú quý được phú quý, niệm trường thọ được trường thọ. Đệ tử Phật môn có câu tất có ứng. Ai cho chúng ta? Là niệm lực của chính mình cho, đạo lý này được các nhà lượng tử lực học khẳng định. Trong Phật giáo nói: tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, tất cả pháp từ niệm lực sanh.

Ngày nay thế giới vì sao biến thành như vậy, con người sống một cách khổ sở, không đáng. Xã hội cũ ngày xưa không có khoa học kỹ thuật, người không có sung túc như vậy. Ngày tháng sống rất vất vả, nhưng họ rất an vui, sống trong thơ tình họa ý. Người bây giờ giàu có, khoa học kỹ thuật phát triển, tiện lợi biết bao, nhưng vì sao họ vẫn sống rất khổ, nguyên nhân là gì? Tóm lại mà nói, đây cũng là mấu chốt để giải quyết vấn đề. Con người đã lơ là giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả của thánh hiền. Cũng chính là nói, quý vị không có giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả của thánh hiền. Bất luận quý vị tạo ra của cải như thế nào, phát triển khoa học ra sao, đều không an vui, xã hội luôn động loạn, không cách nào đạt được hài hòa. Nền giáo dục này, trên toàn thế giới, nói thật đến người phương tây cũng thừa nhận, chỉ có cổ nhân có trí tuệ, biết cách giáo dục, hiểu được phương pháp. Họ có kinh nghiệm, có thành quả.

Ngày nay toàn thế giới, trước đây chúng tôi từng tham gia không ít hội nghị quốc tế. Mấy ngày trước, Liên Hiệp Quốc tổ chức hòa bình Tôn giáo thế giới, có gửi thư đến mời tôi. Hội nghị lần này là một hội nghị chuẩn bị, kế hoạch cho sang năm, mở một đại hội Tôn giáo của toàn thế giới. Tôi nhận được lời mời này cần nói với họ những gì? Chính là nhắc nhở mọi người, không có phương pháp nào khác có thể hóa giải xung đột, có thể mang đến hòa bình an định cho thế giới. Vì trong giáo dục Tôn giáo là giáo dục phổ thế, chính là luân lý, đạo đức, nhân quả, quan trọng hơn bất kỳ phương pháp nào.

Trước đây khi tôi gặp thủ tướng Mã Cáp Địch của Malaysiya, gặp lần đầu tiên, ông liền đưa ra vấn đề này. Ông hỏi tôi, thế giới này còn có hòa bình chăng? Tôi nói với ông ta, thật sự làm tốt việc giáo dục, làm tốt giáo dục cổ thánh tiên hiền và Tôn giáo, vấn đề giải quyết được ngay, không được lơ là nền giáo dục Tôn giáo. Hai chữ Tôn giáo này, nghĩa tiếng Trung giải thích rất hay. Mấy mươi năm gần đây, tôi đều có tiếp xúc với Tôn giáo thế giới, nói cho mọi người nghe về cách giải thích của hai chữ Tôn giáo giáo này, không có ai không hoan hỷ. Thế nào là Tôn? Thế nào là giáo? Tôn giáo là gì? Có ba vấn đề. Chữ Tôn này trong từ vựng của Trung quốc, quý vị tra từ điển có thể thấy, nó được giải thích như thế nào? Nghĩa thứ nhất là chủ yếu, thứ hai là quan trọng, thứ ba là tôn sùng, đây là nghĩa của chữ Tôn. Còn giáo thì sao? Giáo là giáo dục, dạy học, giáo hóa. Hợp hai chữ Tôn giáo lại là gì? Là nền giáo dục quan trọng, dạy học chủ yếu và giáo hóa tôn sùng, quý vị xem ý nghĩa rất hay!

Tôn giáo phải chăng là thật? Đúng vậy, là thật. Hàm nghĩa danh từ trong Tôn giáo của người phương tây tôi không biết, nhưng đối với cổ nhân, từ chỗ này ta thấy được trí tuệ của họ. Chúng tôi trình bày lại cách giải thích về hai chữ Tôn giáo này với Liên Hiệp Quốc, và khắp các nơi, không ai không hoan hỷ, không ai không tán thán.

Ngày nay Tôn giáo xảy ra vấn đề, vấn đề ở đâu? Lơ là việc dạy học, quá coi trọng nghi thức, cầu nguyện. Những kinh sách Phật sự trong Phật giáo, bao gồm chúng ta đề xướng Tam Thời Hệ Niệm đều thuộc về cầu nguyện. Cầu nguyện có hiệu quả chăng? Hiệu quả, không phải không có, nhưng nó là trị ngọn không trị gốc. Giáo dục của Tôn giáo, dạy học của Tôn giáo

là trị cả gốc lẫn ngọn. Bởi vậy cần phải đề xướng nền giáo dục Tôn giáo, phải thành lập trường đại học Tôn giáo, đoàn kết Tôn giáo. Tôn giáo sẽ đem đến sự an định hòa bình cho toàn thể nhân loại trên thế giới. Phải tổ chức Tôn giáo văn hóa đa nguyên, đoàn kết các dân tộc. Mỗi dân tộc đều có văn hóa của họ, mỗi dân tộc đều có nền văn hóa ưu tú riêng, đáng để chúng ta học tập, đều có thể giúp chúng ta nâng cao phẩm chất đời sống.

Bây giờ mọi người như một tổ ong, mắt chỉ nhìn thấy khoa học, không nhớ đến giáo dục. Thật ra giáo dục và khoa học hỗ trợ nhau mà thành tựu. Nặng về khoa học mà bỏ quên giáo dục, không cần đến, phiền phức xuất hiện ngay. Nếu mọi người có thể xem nền giáo dục Tôn giáo giống như khoa học, trọng lượng ngang nhau, thậm chí là hơn khoa học, được vậy thì thế giới vô cùng tốt đẹp! Địa cầu này trở thành thiên đường, địa cầu là thế giới Cực Lạc. Con người cần có nhận thức, còn phải làm gương cho nhân loại noi theo, họ mới tin được. Không có tấm gương tốt, nói với họ thì họ cũng bán tín bán nghi.

Trước đây chúng tôi có làm thí nghiệm ba năm ở Thang Trì, đó là điển hình, đã làm thành công. Người đến xem, bạn bè Liên Hiệp Quốc có đến xem, họ tin truyền thống văn hóa xưa và giáo dục Tôn giáo, thật sự giải quyết được vấn đề. Nên Liên Hiệp Quốc đến tìm tôi, muốn đến xem một chuyến, vì sao vậy? Đây là điều quan trọng, nhắc nhở chúng ta coi trọng nền giáo dục Tôn giáo, coi trọng nền giáo dục, mới có thể thật sự giải quyết được những vấn đề này, đó là gì? Vấn đề của con người. Chư vị nên biết không phải vấn đề chế độ điển chương, chế độ điển chương thuộc về pháp. Nếu không ai chấp hành pháp, thì pháp đó là không, không khởi tác dụng. Nếu con người là người tốt, dù pháp bất thiện, họ vẫn làm những việc tốt đẹp như lợi nhà, lợi nước, lợi ích nhân dân, họ làm ra những việc lợi ích. Còn như con người không tốt, dù chế độ điển chương có tốt đến mấy, họ vẫn làm chuyện xấu như thường, hại nước hại dân. Đạo lý này không thể không hiểu. Giáo dục Phật giáo là tận thiện tận mỹ, khi tôi mới học Phật đã đưa ra, giáo dục Phật giáo là gì? Là giáo dục của chín pháp giới chí thiện viên mãn, đối với Phật pháp tôi có tư tưởng này. Lời này tôi nói vào 59 năm trước, không phải bây giờ nói.

Sau cùng là “chư Phật ba đời đều trú trong niệm Phật, nên gọi là trú trong chỗ của Phật. Ngày nay Đức Phật vì nói pháp môn niệm Phật, mà trú trong niệm Phật tam muội. Chân Giải nói càng gần với tôn chỉ của kinh hơn”. Nên ở trong kinh này, chúng ta học được rất nhiều thứ. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 143

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 14.09.2010

Địa điểm: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà _ HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 165, hàng thứ năm từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu “đạo sư giả”. Hai chữ đạo sư này là kinh văn. “Đạo sư là chỉ dẫn mọi người đi vào Phật đạo. Thập

Trú Đoạn Kiết Kinh nói: Hiệu đạo sư, khiến chúng sanh hiểu được chánh đạo của mình. Hoa Thủ Kinh nói: Có thể vì người mà nói đạo không có sanh tử, nên gọi là đạo sư”.

Cách xưng hô này ở trong kinh điển đại thừa, là tôn xưng đối với Đức Phật, không được xưng hô tùy tiện. Trong Phật pháp, cách xưng hô này là thường thức, cần phải biết. Thông thường trong xã hội, danh từ Hòa Thượng ai cũng biết, nhưng bây giờ hàm nghĩa rất mơ hồ, thậm chí sanh ra hiểu lầm nghiêm trọng. Hai chữ này là dịch âm tiếng Phạn, nghĩa của nó là thân giáo sư, nên mối liên quan này vô cùng mật thiết, cũng vô cùng quan trọng.

Trong một trường học, Phật pháp đích thực là trường học, người chủ trì việc giáo hóa là hiệu trưởng, họ nắm giữ chính sách dạy học, do họ mời thầy giáo. Tất cả thầy giáo dạy học đều không thể tách rời tôn chỉ dạy học, khiến việc dạy học đạt đến mục tiêu hoàn thiện nhất. Bởi vậy việc giáo dục làm có thành công hay không, mấu chốt ở vị hiệu trưởng, không do thầy giáo, thầy giáo chỉ chấp hành. Sách lược chung, tổng chỉ huy là người hiệu trưởng, nên Hòa Thượng chính là hiệu trưởng. Một đạo tràng chỉ có một người được gọi là Hòa Thượng, thông thường gọi là phương trượng, trú trì, người này được gọi là Hòa Thượng. Ngoài người này ra, những người xuất gia khác không được gọi là Hòa Thượng, mà gọi là A xà lê. Người xưa có khi ngôn ngữ đơn giản, gọi là Xà lê. Xà lê nghĩa là A xà lê, đều là tiếng Phạn. Xà lê tức là thầy giáo bình thường, như giáo thọ ở trường, giáo thọ trong trường đại học gọi là Xà lê, hiệu trưởng mới gọi là Hòa Thượng, nên Hòa Thượng vô cùng tôn quý. Một đạo tràng lớn chỉ có một vị Hòa Thượng, không có nhiều. Bây giờ, chỉ cần nhìn thấy người xuất gia, người ta đều gọi là Hòa Thượng. Đối với Phật pháp danh từ này là chưa thật sự hiểu rõ, hiểu thật sự sẽ không có tình hình này, bây giờ cũng rất ít người nói đến vấn đề này. Chúng ta học đến đây, cần phải nói rõ một chút. Bởi vậy, Phật giáo là thầy dẫn đường, nó không phải Tôn giáo, trong Tôn giáo không có xưng hô này_ thân giáo thọ, không có xưng hô này, chỉ có trường học mới có, ở trong trường học đầy đủ điều kiện của một Hòa Thượng, dùng cách nói hiện nay để nói, một người hiệu trưởng của trường, họ thật sự là thân giáo sư. Còn một người nữa cũng có thể gọi là Hòa thượng, đó là người trực tiếp chỉ đạo ta, dạy ta. Quan hệ của người này, tuy họ không phải hiệu trưởng của trường, nhưng mối liên quan của người này với tôi đặc biệt mật thiết, chúng ta học theo họ, hiện nay gọi là giáo thọ chỉ đạo. Trong trường rất nhiều giáo thọ, không có chỉ đạo, chúng ta không học môn của họ, chúng ta chỉ gọi họ- trong Phật giáo gọi là Xà lê, gọi là A xà lê, tức thông thường gọi là thầy giáo. Trực tiếp dạy chúng ta, quan hệ này rất quan trọng, đây cũng có thể gọi là Hòa Thượng.

Phật pháp là sư đạo. Quý vị xem chúng ta xưng Phật, là tôn xưng đối với Phật, Phật là Hòa Thượng. Là hòa thượng thật sự của chúng ta, hòa thượng duy nhất. Phật cũng gọi là đạo sư, nên đạo sư là tôn xưng đối với Phật. Một xưng hô khác gọi là đại sư, đại sư không phải xưng hô tùy tiện, đại sư là xưng hô đối với Phật. Quý vị xem trong truyền thống xưa, những người xuất gia, họ rất có thành tựu, nhưng không được xưng đại sư. Trong Thiên tông họ có thành tựu gọi là Thiên sư, trong giáo môn có thành tựu gọi là pháp sư. Thông đạt tam tạng, quảng học đa văn, thông đạt tam tạng, nghĩa là có tư cách phiên dịch kinh điển, chúng ta gọi là tam tạng pháp sư. Dù dùng cách xưng hô này, chứ không gọi họ là đại sư. Ngày xưa để vương phong hiệu cho họ, thông thường gọi là quốc sư, đó đều là phong hiệu, thầy của hoàng đế. Quốc vương, đại thần tiếp thu chỉ dẫn của họ, tiếp thu giáo huấn của họ, xưng là quốc sư. Thông đạt kinh luận gọi là kinh sư, luận sư. Thông đạt giới luật gọi là luật sư. Những xưng hô này đều có sở trường, tam tạng kinh, luật, luận thông đạt giống nhau, là xưng hô như vậy.

Xung pháp sư, xung đại pháp sư, xung đại pháp sư là tôn kính, kính xung đối với họ. Nên những thường thức này chúng ta đều phải biết. Cách xung hô sai lầm đó điều là người ngoài.

Trong các tông phái khác nhau, người tu học có thành tựu, thông đạt một tông phái, cũng xung là pháp sư. Đây là thói quen, chúng ta có thể nhìn thấy. Nhưng duy nhất tổ sư của Tịnh độ tông, quen gọi là đại sư, còn tổ sư các Tông phái khác đều không xung hô như vậy, vì sao vậy? Vì đại sư là Phật. Đại sư ở đây, họ có thể đưa người vào Phật đạo, vào là khai ngộ, họ có năng lực này. Giúp người tin hiểu chưa đủ, phải giúp người ngộ nhập, người này mới được gọi là đại sư.

Vì sao Tịnh độ tông xung là đại sư? Đây cũng có đạo lý của nó. Những người tu hành của Tịnh độ tông, họ có thể giúp người học, tức học trò, niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, sanh Tịnh độ là thành Phật, không có gì khác với tu học chúng quả đại triệt đại ngộ. Đặc biệt là trong kinh điển nói rất rõ ràng, sanh đến thế giới Cực Lạc đều làm Bồ Tát A Duy Việt Trí, như vậy không đáng nể ư? A Duy Việt Trí là người minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Họ vượt ra mười pháp giới, sanh đến cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai. Nên Tổ sư Tịnh độ tông được gọi là đại sư. Quý vị xem thông thường chúng ta xung đại sư Ấn Quang, đại sư Huệ Viễn, đây là thói quen trong Phật giáo, chúng ta cần phải hiểu. Đại sư tuyệt đối không được xung hô tùy tiện, tuy chúng ta rất tôn kính họ, cung kính họ, nhưng không được quá đà. Người xưa gọi là lễ tiết, tiết là có tiết độ, không được vượt quá, gọi đại sư là vượt ra khỏi mức độ. Xem họ giống như Phật, địa vị giống như Phật. Điều này cần phải biết.

Kinh Thập Trụ Đoạn Kiết nói rất hay: “Gọi là đạo sư, khiến chúng sanh hiểu rõ đi vào chánh đạo”, chúng sanh rất nhiều rất rộng, chúng sanh trong mười pháp giới. Có năng lực giúp họ, hướng dẫn họ, dạy rõ chánh đạo. Chánh đạo là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, như vậy gọi là đạo sư. Trong Kinh Hoa Thủ nói: “có thể vì người nói đạo không có sanh tử, gọi là đạo sư”. Không có sanh tử là đại bát niết bàn, đều là giúp chúng sanh siêu phàm thành thánh. Không chỉ là chuyển mê thành ngộ, còn phải chuyển phàm thành thánh, người như vậy mới có thể xung là đạo sư. Kinh Phật Báo Ân nói: “Đại đạo sư, dùng chánh lộ để nói rõ con đường niết bàn”. Kinh là con đường, con đường này là thông đến bát niết bàn. “Khiến đạt được vô vi thường lạc”, bên dưới có một chú giải: “vô vi là chỉ pháp vô vi, thường lạc là chỉ thường lạc ngã tịnh”, điều này vô cùng rõ ràng. Trong Kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới của 41 vị pháp thân đại sĩ, có thể dạy người chúng được pháp thân đại sĩ, người này gọi là đạo sư, gọi là đại đạo sư.

Trong Chân Giải lại nói: “Bậc đạo sư tu hành, tức Di Đà Thế Tôn, bình đẳng tiếp dẫn tất cả mọi người. Còn đại đạo sư, tức Di Đà Thế Tôn, lấy bốn nguyện dẫn nhiếp ngũ thừa”. Chân Giải hoàn toàn y theo Tịnh tông mà nói. Đây là trong chú giải Kinh Vô Lượng Thọ nói. “Bậc đạo sư tu hành, tức Di Đà Thế Tôn bình đẳng tiếp dẫn không sót một ai”. Ở đây chú trọng hai chữ bình đẳng. Tiếp nối bên dưới: “bậc đại đạo sư, tức Di Đà Thế Tôn dùng bốn nguyện dẫn nhiếp ngũ thừa”. Quý vị xem ở trước nói bình đẳng tiếp dẫn tất cả, còn ngũ thừa là nói Nhân thừa, thiên thừa. Hai loài này thông thường gọi họ là tiểu quả nhân thiên, hoặc là nhân thiên thừa, đến tiểu quả đều không nói được, vì sao vậy? Vì chưa ra khỏi luân hồi lục đạo. Thanh văn, Duyên giác là tiểu thừa. Thông thường gọi Thanh văn là tiểu thừa, Duyên giác là trung thừa, Bồ Tát là đại thừa, gọi là ngũ thừa Phật pháp. Ý này chính là nói đạo sư có năng lực, khiến tất cả chúng sanh đều được độ bình đẳng. Điều này chỉ có Phật A Di Đà mới làm được, một số người thật sự không làm được. 48 nguyện của Phật A Di Đà tiếp dẫn tất cả chúng sanh.

Bên dưới Hoàng Niệm Tổ nói với chúng ta: “nên bây giờ Bôn Sư diễn thuyết kinh này”, Bôn Sư là Đức Thế Tôn, ngài là bậc thầy căn bản của chúng ta. Nên mối liên hệ của chúng ta đối với Đức Thế Tôn, chư vị nhất định phải hiểu rõ ràng mối quan hệ thầy trò. Phật là thầy của chúng ta, chúng ta là học trò của ngài, nên tự xưng là đệ tử. Ngày xưa vô cùng chú ý cách xưng hô, vì mắc xích căn bản trong lễ tiết không thể xưng hô sai. Chúng ta đối với bất cứ ai, khiêm tốn đều là xưng danh, đây là cổ lễ.

Hiện nay rất nhiều người không biết, ví dụ chúng ta thấy rất nhiều thứ trước mắt, hoặc là viết văn tự cho chúng ta, tự xưng là mạt học, tự xưng là hậu học, điều này không được, phải như thế nào? Xưng danh. Tôi đối với những người lớn hơn một bậc đều tự xưng là Tịnh Không. Đối với cha mẹ cũng là tự xưng tên, xưng tên là cung kính nhất, cung kính nhất, khiêm tốn nhất. Mạt học, có thể xưng với người ngang hàng, nhưng xưng danh vẫn tốt hơn, đây là cách xưng hô cung kính nhất. Tôn xưng thông thường với đại chúng là xưng thiện tri thức, trong kinh nói: “Thiện nam tử thiện nữ nhơn”. Người xưa thường gọi là đại đức, gọi là nhân giả. Cách này đều rất hay, đều là cách xưng hô trong kinh Phật. Đại đức, nhân giả đều là tôn xưng đối với pháp sư A la hán, đây là lễ tiết thông thường.

Hiện nay Bôn Sư Thế Tôn diễn thuyết kinh này, “đúng là trú nơi chỗ tu hành của Phật A Di Đà”. Nơi tu hành của Phật A Di Đà không có gì khác, khắp mười phương thế giới thị hiện giảng kinh thuyết pháp. Những điều này chúng ta đều rất quen thuộc. Cần dùng thân gì để độ họ liền hiện thân đó. Phẩm loại chúng sanh không đồng, trình độ khác nhau rất lớn, Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh khế lý khế cơ. Khế cơ tức là nói nội dung dạy học, thích hợp trình độ của học sinh. Trình độ học trò cạn, quý vị không thể nói quá cao thâm, họ không hiểu, nghe không hiểu. Trình độ học sinh cao, quý vị nói cạn họ không vừa ý. Cần phải thích hợp đúng mức, họ nghe xong mới thấy hoan hỷ, họ nghe mới có tín tâm. Điều này thật sự cần phải có trí tuệ chân thật, không có trí tuệ chân thật, không thể quán cơ được. Họ vừa nhìn là biết được căn tánh của quý vị, không những biết đời này của quý vị, họ còn biết nhiều đời kiếp quá khứ quý vị học những gì, trong A lại da thức quý vị có chủng tử gì, họ biết hết. Trong lúc này, cần phải nói với quý vị những gì, để những hạt giống trong A lại da thức khởi hiện hành, khởi hiện hành là giúp quý vị ngộ nhập, đây là điều không dễ, là khế cơ. Khế lý lại dễ hơn, lý là gì? Là những gì Chư Phật Như Lai chứng được. Chúng ta học tập kinh giáo thời gian dài, gọi là thâm nhập kinh tạng. Đối với lý sẽ không mê thất, nhưng quán cơ là chân công phu, điều này không dễ. Pháp thế gian đó là kinh nghiệm dạy học, nhưng không sánh được người có tu có chứng, sự quán cơ này phải là công phu đặc lực, không sao sánh bằng họ. Cho nên chúng sanh phải có nhân duyên gặp được Phật Bồ Tát, gặp được Phật, gặp được Bồ Tát, pháp thân Bồ Tát, hầu như không ai không khai ngộ.

Suốt đời chúng ta không gặp được, là nghiệp chướng mình quá nặng, tuyệt đối không phải nói không có cảm ứng với Phật Bồ Tát. Tâm chúng ta cầu Phật, ý niệm vừa khởi, Phật Bồ Tát liền nhận được tin tức của chúng ta, họ lập tức đến giúp. Vì sao chúng ta không thấy không nghe? Đây là nghiệp chướng. Trước đây đại sư Chương Gia nói với tôi về vấn đề này, nghiệp chướng tiêu trừ, cảm ứng liền hiện tiền. Chúng sanh có cảm, Phật nhất định có ứng. Chúng ta rõ ràng cầu Phật Bồ Tát gia trì, đây là hiển cảm, làm gì có chuyện không ứng? Nhân duyên ta thuần thực, tuy chưa có ý niệm cầu Phật, đó gọi là minh cảm, Đức Phật biết cũng đến thị hiện cho quý vị, cũng đến dẫn dắt quý vị, quý vị cũng có thể hoát nhiên đại ngộ, không phải quý vị có tâm cầu. Ngẫu nhiên, hình như rất ngẫu nhiên, thật ra không phải ngẫu nhiên, quý vị là minh cảm, Phật Bồ Tát hiển cảm.

Cách nói này trong kinh, trong điển tịch của lịch đại tổ sư đại đức. Trong trước thuật, truyện ký của họ, chúng ta có thể lãnh hội được chân tướng sự thật này. Là thật, không phải giả. Do đó chúng ta biết, sám trừ nghiệp chướng là phương pháp tu học quan trọng. Trong đời này sở dĩ chúng ta học một cách khó khăn như vậy, thậm chí đời này phương hướng, mục tiêu đều sai, không đạt được quả báo mà chúng ta mong cầu hy vọng, toàn là nghiệp chướng làm chướng ngại. Vì vậy nhất định phải học những người tu học chơn chánh, mỗi ngày sám trừ nghiệp chướng, bản thân chúng ta không biết.

Trong Kinh Địa Tạng nói rất hay: chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, là nói chúng sanh ở địa cầu chúng ta, khởi tâm động niệm không có gì không phải tội, không có gì không phải nghiệp. Lời ngài nói chúng ta tin được chăng? Bình tĩnh tỉ mỉ để lãnh hội, mới thấy ngài nói không sai chút nào. Chúng ta khởi tâm động niệm, hầu như đều rơi vào tham sân si, đây gọi là tam độc. Khởi tâm động niệm tương ứng với tam độc, như vậy sao không phải là tội nghiệp? Kinh Địa Tạng nói không quá đáng chút nào. Nếu ý niệm này rơi vào danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, đó chính là thâm sân. Tôi đã đạt được, đây là tâm tham, khi chưa đạt được thì có oán hận, có đố kỵ, có tâm sân nhuế, mê mà không giác là ngu si.

Trong Tịnh độ, thế nào gọi là giác ngộ? Đối với tất cả vọng tưởng tạp niệm đều buông bỏ hết, khởi tâm động niệm đều tương ứng với Phật A Di Đà, chính là một câu Phật hiệu, người này thật sự đã giác ngộ, vì sao vậy? Vì họ nhất tâm nhất ý, không có niệm thứ hai, chỉ câu vãng sanh Tịnh độ, thân cận Di Đà. Người này tuy không giống cảnh giới đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh của Tông môn giáo môn, nhưng hiệu quả và kết quả của họ không có gì khác với những người minh tâm kiến tánh, vì sao vậy? Vì họ cầu vãng sanh, thật sự vãng sanh, vừa đến thế giới Cực Lạc không phải chính là Bồ Tát A Duy Việt Trí ư? A Duy Việt Trí nghĩa là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây gọi là thật sự giác ngộ.

Ngày nay chúng ta dựa vào Tông môn giáo môn để giác ngộ, khó, quả thật không đơn giản. Tông môn là triệt ngộ, đại triệt đại ngộ. Giáo môn là đại khai viên giải, đạt được tam muội từ trong kinh giáo. Học Hoa Nghiêm được Hoa Nghiêm tam muội, học Pháp Hoa là được Pháp Hoa tam muội. Họ đi là con đường giới định tuệ, rất khó, không phải ai cũng có thể đạt được. Người tu hành rất nhiều, nhưng rất ít người đạt đạo. Tông môn giáo môn đều không ngoại lệ. Duy có Tịnh tông thành tựu thù thắng, nên pháp môn này được Thế Tôn khen ngợi. Thế Tôn vì chúng ta khai diễn bộ đại kinh này, mười phương Chư Phật khen ngợi, làm chứng, giúp chúng ta tin hiểu, phát nguyện tu hành. Ân đức này không gì sánh được, trong pháp thế xuất thế đều không tìm được. Pháp môn này trong kinh nói là đạo thù thắng, thù thắng không gì sánh bằng. Con đường thù thắng chính là niệm Phật vãng sanh, vì sao vậy? Vì đây mới thật sự phổ bị tam căn, viên nhiếp ngũ thừa. Nói thật, không chỉ ngũ thừa, đến súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục đều là do bộ kinh này, pháp môn này, mà có thể được độ. Được độ ở đây không phải được độ bình thường, mà là một đời thành Phật.

Những năm lại đây chúng ta cũng gặp được một số người thông linh, người ta thường gọi là đồng bóng. Những người này cũng không phải hoàn toàn mê tính, họ tham gia tam thời hệ niệm của chúng ta, họ có năng lực thấy được điều mà ta không thấy. Chúng sanh của cõi trời, như Tứ vương thiên, Đạo lợi thiên của Dục giới thiên rất dễ thấy được. Chúng sanh quý đạo, chúng sanh đường địa ngục, có khi đến dựa thể, tôi tin đây không phải giả. Họ lộ tin tức cho chúng ta, những pháp sự này đích thực có hiệu quả, chúng ta nên dùng tâm chân thật để làm.

Cổ nhân nói rất hay, đã nắm bắt được nguyên tắc chung: “thành tức linh”. Cổ nhân tế kỵ, quý vị xem trước khi tế kỵ ba ngày phải tắm rửa trai giới, vì sao vậy? Chân thành cung kính, họ sẽ có cảm ứng, tế thần như thần tại. Chúng ta tổ chức những pháp hội, nếu người lãnh đạo pháp hội này chân thành cung kính, sẽ chiêu cảm được sự thù thắng cho đạo tràng. Những quỷ thần này thật sự có vãng sanh, nên lợi ích của pháp môn này không chỉ ngũ thừa, mà còn có đường súc sanh, cõi trời, đường ngạ quỷ, đường địa ngục, họ đều được lợi ích, nhưng ít. Đa số, những chúng sanh trong đường ngạ quỷ này, đến đường súc sanh, đến cõi người, cũng có một số đến cõi trời. Đây đều là lợi ích chân thật, nên pháp môn Tịnh tông được gọi là đạo tối thắng.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Vô thượng bồ đề là đạo tối thắng”. Vô thượng bồ đề là con đường thành Phật. Pháp môn Tịnh tông này là dạy chúng ta trực tiếp thành Phật, trong một đời nhất định chúng được vô thượng bồ đề, vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên gọi là đạo tối thắng. Tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh có duyên đều có thể chứng được, điều này quá hy hữu! Điều kiện chỉ ba chữ: Tín, nguyện, hạnh. Vãng sanh tức là chứng. Đức Phật đến tiếp dẫn, ta vãng sanh, như vậy tức là chứng quả. Nhưng ba chữ tín nguyện hạnh này đều không dễ, xem ra hình như rất dễ, nhưng có mấy người thật tin? Có được mấy người thật sự phát nguyện? Chúng ta đã thấy được, người tin thật, nguyện thật, hành thật, tuyệt đại đa số ba năm là thành tựu, đó là cổ nhân. Trong Vãng Sanh Truyện chúng ta thấy, trong Tịnh Độ Hiền Thánh Lục chúng ta thấy như vậy.

Người bây giờ, người tu hành hiện nay, chúng ta quan sát tỉ mỉ cũng có, khắp nơi đều có, chỉ là rất ít người tuyên dương, thậm chí nói đạo tràng nào cũng có. Người tinh tấn tu hành, y giáo phụng hành họ không tuyên dương. Người thực hành họ vô cùng khiêm tốn, đều cảm thấy bản thân mình, bất luận là về mặt đạo hạnh, tu hành hay tin hiểu đều không bằng người khác, rất khiêm tốn. Nhưng khi họ ra đi, biết trước giờ chết, phần nhiều đều không có bệnh khổ, không tật bệnh mà chết. Khi đi rõ ràng minh bạch, nói với những người quanh mình, nói với họ Đức Phật đã đến tiếp dẫn, tôi đi đây. Khuyến khích mọi người tinh tấn nỗ lực, cố gắng tu hành, tương lai gặp lại ở thế giới Cực Lạc.

Ở HongKong, pháp sư Đàm Hư thường nói, trường hợp trong đời ngài tận mắt chứng kiến, là trước đây, sư Tu Vô ở Chùa Cực Lạc tại Cáp Nhĩ Tân. Những câu chuyện này Phật giáo gọi là công án, chính là một trường hợp. Trong truyện ký của pháp sư Đàm Hư, trong Ảnh Trần Hồi ức Lục ghi chép rất nhiều. Trong đời pháp sư tận mắt chứng kiến, tự thân tham dự lúc sư Tu Vô vãng sanh. Lúc đó ông là trụ trì Chùa Cực Lạc, Chùa Cực Lạc là ông xây dựng. Khi xây chùa xong, ông mời thầy mình là hòa thượng Đế Nhân mở một giới đàn, mời hòa thượng Đế Nhân làm hòa thượng đặc giới, pháp hội này hơn một tháng.

Sư Tu Vô xuất gia từ sớm, đến xin làm công quả trong giới đàn. Lúc đó là pháp sư Định Tây_sau này đều ở HongKong- hỏi thầy Tu Vô: thầy có thể làm được công việc gì? Sư Vô Tu nói, con hy vọng có thể cho con một cơ hội, là chăm sóc các giới tử bị bệnh trong giới đàn. Vì người rất nhiều, những bệnh như thương hàn cảm mạo cũng cần người chăm sóc, đương nhiên là việc tốt, nên đã lưu lại. Sư không biết chữ, chưa từng đi học. Khi chưa xuất gia sư làm nghề thợ nề, làm tiểu công. Sau khi xuất gia ở trong chùa đều làm những công việc nặng nhọc, người khác không muốn làm sư đều làm, nhẫn nhục chịu khó. Nhưng sư có một ưu điểm là nhất tâm niệm Phật, chuyên niệm Phật A Di Đà, làm việc rất siêng năng. Sư đến Chùa Cực Lạc thời gian chưa được bao lâu, hình như là mười mấy ngày. Sư liền đi tìm Hòa thượng, tức pháp sư Đàm Hư, đến tìm vị trú trì để xin nghỉ. Pháp sư Đàm Hư cảm thấy

kỳ lạ, giới đàn vẫn chưa kết thúc, thầy phát tâm đến làm công quả, sao lại thoái đạo tâm rồi, có việc gì quan trọng chẳng? Sư liền nói, con không có việc gì khác, mà con phải đến thế giới Cực Lạc. Hòa thượng nghe vậy liền hỏi, ông biết trước giờ chết? Dạ đúng vậy. Khoảng bao lâu? Không quá mười ngày. Ngài Đàm Hư rất coi trọng, pháp sư Định Tây cũng cảm thấy rất thù thắng hiếm có. Sư yêu cầu chuẩn bị cho sư một gian phòng, chuẩn bị một ít củi, để dùng hỏa hóa khi vãng sanh. Mời vài người bạn đồng tu tiền đưa sư, trợ niệm giúp sư. Hòa thượng đều đáp ứng, được chúng tôi sẽ chuẩn bị.

Đến ngày thứ hai sư lại đến tìm Hòa thượng, bạch hòa thượng, ngày mai con sẽ đi, mọi người liền nhanh chóng chuẩn bị những thứ sư nhờ. Thật vậy, sư đã vãng sanh thật, không phải giả, ngôi kiết già vậy mà ra đi. Lúc đó Hòa thượng Đế Nhân làm đặc giới hòa thượng, vẫn chưa đến thì sư đã vãng sanh. Khi ngài Đế Nhân đến, thấy tình hình này vô cùng tán thán.

Người xuất gia đích thực rất nhiều pháp sư, Hòa thượng nổi tiếng đều không bằng. Người trong chùa đều coi thường sư, nhưng v là một người thật sự tu khổ hạnh. Việc khó nhất trong chùa, việc mà người khác không muốn làm, sư đều làm, suốt ngày từ sáng đến tối chỉ một câu Phật hiệu. Ba năm thành tựu, giống như trường hợp này rất nhiều, Phật tử tại gia lại càng nhiều, đa phần đều là những ông bà cụ không biết chữ, thành tựu của họ rất cao. Nên chúng ta thấy được, nghe được, trong lòng phải ghi nhớ, nhất định không được khinh thường những người này.

Họ tu âm thầm, chúng ta không nhìn thấy, sự âm thầm này là gì? Chính là một câu A Di Đà Phật, thật sự làm được như Bồ Tát Đại Thế Chí dạy: “độ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Sáu căn của họ không phan duyên bên ngoài, lời này nói như thế nào? Họ không có tự tư tự lợi, họ không có danh văn lợi dưỡng, họ không tham hưởng thụ ngũ dục lục trần. Chỉ biết phục vụ đại chúng thường trú, hy vọng có thể làm một cách tận thiện tận mỹ, khiến mọi người đều hoan hỷ. Dùng cách này để cúng dường đại chúng, là tu phước, thật sự tu phước, phước huệ song tu. Niệm một câu A Di Đà Phật không gián đoạn, là tu tuệ. Hàng ngày họ làm gì? Mỗi ngày đều phước huệ song tu, thời gian hai ba năm, công phu của họ đã thành tựu. Quý vị thấy họ đi một cách rất tự tại, họ đi rất tiêu sái, thị hiện cho chúng ta thấy. Họ đi như vậy là làm chứng chuyển, một trong tam chuyển pháp luân của Như Lai. Họ không biết giảng kinh, cũng không biết thuyết pháp, cũng không biết làm sao để độ chúng sanh. Chính bản thân họ làm chứng minh cho chúng ta, vấn đề này là thật, không phải giả.

Khi sư Tu Vô vãng sanh, bên cạnh có mười mấy người trợ niệm, thấy sư vãng sanh. Họ nói với sư Tu Vô, các bậc đại đức xưa nay, công phu thuần thực tự tại vãng sanh, đều lưu lại mấy bài thơ, lưu lại bài kệ để chúng ta làm kỷ niệm, sư cũng không thể ngoại lệ. Sư Tu Vô nói, tôi không biết chữ, chưa từng đi học. Tôi cũng không biết làm thơ, cũng không biết làm kệ, chẳng qua tôi có mấy câu muốn nói với quý vị: “Nói được không làm được, không phải chân trí tuệ”. Sư chỉ nói một câu như vậy rồi ra đi. Pháp sư Đế Nhân nghe vậy_những người ở đó nói với ông, quả rất khâm phục!

Cho nên pháp môn này được gọi là đạo tối thắng, là thật không phải giả. Pháp môn này dạy chúng ta một đời chứng được vô thượng bồ đề.

Hội Sớ lại giải thích rằng: “Đối với trong tất cả thế xuất thế gian, không có gì sánh được”. Sánh là nói trong đồng loại có thể sánh với nó, không có. Bất luận là Tông môn giáo môn, Hiền giáo mật giáo, pháp môn niệm Phật quả thật là đệ nhất. Có thể nói nó không có bất kỳ điều kiện gì, quý vị thấy chỉ đơn giản như thế. Tuyệt đối không được hoài nghi, thâm

tín không nghi, thật sự phát đại nguyện. Đời này ta không cầu gì cả, chỉ cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy chỉ một phương hướng, một mục tiêu. Một phương hướng là tây phương, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc, một nguyện vọng là thân cận Di Đà, vô cùng đơn thuần.

Hành là gì? Sáu chữ hồng danh, tịnh niệm tương tục. Niệm này gọi là tịnh niệm, vì sao vậy? Vì không có hoài nghi, không có tạp niệm, gọi là tịnh niệm. Bán tín bán nghi, trong niệm Phật xen lẫn nhiều vọng niệm, như vậy không được. Vì sao có tạp niệm? Vì có nghi ngờ, vì chưa buông bỏ, tâm chưa chuyên. Nếu ta chỉ có một phương hướng, một mục tiêu, ngoài ra đều không cần, buông bỏ hết, như vậy làm sao có tạp niệm được? Đó là điều không thể, nhất tâm xung niệm tức là tịnh niệm. Nếu dùng hai tâm, nhiều tâm xung niệm, niệm Phật vẫn nghĩ đến những chuyện khác, nên niệm không thanh tịnh, pháp môn này gọi là Tịnh độ. Tâm tịnh tức cõi Phật tịnh, điều đầu tiên là phải nói đến tâm thanh tịnh, không cho phép ta có tạp niệm.

Đời này tôi đến thế gian, gặp được pháp môn này, khi chưa gặp pháp môn này không biết, như vậy gọi là không có phước. Gặp được pháp môn này, gặp được bộ kinh điển này, nói một cách rõ ràng minh bạch. Nếu tôi không y giáo phụng hành, như vậy là bỏ lỡ qua!

Đại sư Thiện Đạo nói, pháp môn này là “vạn người tu vạn người đi”, không sót bất kỳ ai, lời này là thật. Đại sư Thiện Đạo, ở Nhật bản rất nhiều người nói ngài là Phật A Di Đà tái lai, ngày xưa có truyền thuyết này. Tôi đến Nhật phỏng vấn, hỏi những bậc cao tăng của Tịnh độ tông Nhật bản, hỏi họ có biết chuyện này chăng? Họ biết, và tin như vậy. Người Nhật đối với đại sư Thiện Đạo vô cùng sùng kính, rất nhiều chùa thuộc Tịnh Tông lấy tên Chùa Thiện Đạo. Nên khi thấy Chùa Thiện Đạo thì biết đó là đạo tràng Tịnh độ. Vạn người tu vạn người đi, là được nói ra từ kim khẩu của Phật A Di Đà. Ngài Thiện Đạo là Phật Di Đà tái lai, không phải là được nói ra từ kim khẩu của ngài sao? Chúng ta có thể không tin được sao? Phụng hành tức là tin thật, quý vị nói tôi rất tin nhưng không hành trì, như vậy tín và nguyện có vấn đề. Điều này trước đây đại sư Chương Gia nói, ngài nói với tôi: Phật pháp khó biết dễ hành, nếu không thật sự tu, là cái biết của ta có vấn đề. Đại sư nói không phải do hành, mà ở chỗ cái biết, đây là vấn đề thuộc về triết học, khó biết dễ hành. Đây là thật, không phải giả. Vì sao tín tâm chúng ta không kiên quyết, nguyện tâm cũng không kiên định. Chúng ta cũng rất muốn, có nghĩ đến những bậc cao tăng ngày xưa, họ tin sâu nguyện thiết như vậy, phải làm sao? Phải học nhiều kinh giáo, chúng ta tin mới có thể chân, nguyện mới có thể thiết.

Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, 49 năm giảng kinh thuyết pháp, vì sao vậy? Chúng ta dần dần lãnh hội được, là vì giúp chúng ta tin sâu nguyện thiết. Đây là tin hiểu, còn phần hành chứng ở sau là việc của mình. Người thầy giúp là giúp chúng ta tin thật, thật sự minh bạch, lý giải, sau đó chúng ta cầu chứng từ trong việc tu hành. Pháp môn này lúc lâm mạng chung Đức Phật đến tiếp dẫn, đây là chứng.

Nếu hiểu đã thấu suốt, thật sự minh bạch, chúng ta mới chịu buông bỏ. Chưa hiểu rõ ràng minh bạch, rất khó buông bỏ. Chúng ta buông được pháp thế gian, nhưng Phật pháp không buông được. Phật pháp chưa buông thì không được, vì không thể mang theo.

Trong Kinh Bát Nhã nói rất hay, Đức Phật dùng ví dụ để nói: Phật pháp ví như qua sông, qua sông cần có thuyền, đi bằng thuyền, Đức Phật dùng chiếc thuyền để làm ví dụ. Quý vị lên thuyền tức là đã học tập Phật pháp, có nghĩa là ngồi lên thuyền để qua sông. Đến bờ phải ra khỏi thuyền mới được, nếu không xuống thuyền không thể lên bờ. Nếu ta muốn đến bờ ngay, phải buông bỏ Phật pháp, nó không phải chân. Trong Kinh Kim Cang nói: “Pháp

còn phải xả, huông gì phi pháp”. Pháp là Phật pháp. Dù quý vị học nhiều đến đâu, cũng phải buông bỏ, phải xả bỏ, huông gì là pháp thế gian! Pháp thế xuất thế gian đều phải buông bỏ hết, như vậy mới có thể vãng sanh. Phật pháp có hay chăng? Ngũ kinh nhất luận của Tịnh tông rất hay, đây là gì? Đây là chiếc thuyền đại nguyện độ chúng sanh của Phật A Di Đà, chúng ta học tập là ví như lên thuyền. Từng giờ từng phút cần phải biết, khi ta buông bỏ là lập tức đến bỉ ngạn, đến nơi phải buông bỏ hết, sau cùng chỉ còn một câu A Di Đà Phật. Bây giờ đã thấu đạt, thật sự rõ ràng minh bạch, chúng ta bắt đầu thực hành từ bây giờ.

Ở trước đã từng nói với quý vị, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, xem hết thấy nhân sự vật là Phật A Di Đà. Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, trong ngoài đều là Phật A Di Đà. Có Phật A Di Đà, thì những thứ khác buông bỏ. Công phu luyện được trong cuộc sống hằng ngày, trải việc để luyện tâm. Rèn luyện khi làm việc, luyện khi đối nhân tiếp vật. Ở đây quan trọng nhất là buông bỏ cái ta, tuyệt đối không chấp trước thân này là ta. Cái ta buông bỏ là hiện tượng gì? Đoạn tận đưng ý niệm tự tư tự lợi, không còn. Đoạn tận ý niệm này, danh văn lợi dưỡng tự nhiên không còn, tham niệm đối với ngũ dục lục trần, tham sân si cũng không còn.

Bởi thế người niệm Phật vãng sanh, họ sanh đến thế giới Cực Lạc, được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, hưởng đãi ngộ của Bồ Tát A Duy Việt Trí, ngài có đạo lý trong đó. Thông thường chúng ta nói Phật Bồ Tát gia trì chúng ta là tương đối, chúng ta có một phần công đức ngài liền gia trì một phần, có hai phần công đức ngài gia trì hai phần, nhất định tương đương với những gì ta tu được. Nếu trong tâm ta không có tạp niệm, chỉ có một câu Phật hiệu này, tuy chưa khai ngộ nhưng đến thế giới Cực Lạc được Phật lực gia trì, liền đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, được sanh về cõi nào? Cõi thật báo trang nghiêm. Phàm phu sanh đến cõi thật báo trang nghiêm, đây gọi là pháp khó tin. Tu hành các pháp môn khác vô cùng khó khăn, phải đoạn kiên tư phiền não. Ở trong pháp môn này, chỉ cần giữ vững danh hiệu Phật A Di Đà, những thứ khác buông bỏ là đạt được. Nên pháp môn này gọi là đạo tối thẳng, không quá đáng! Tất cả pháp thế xuất thế gian không có gì sánh được, là thật không phải giả.

Bên dưới trong Chân Giải cũng nói như vậy. Chân Giải nói: “Đạo tối thẳng là con đường niệm Phật vãng sanh, đối với tất cả pháp phương tiện, nó là vô thượng tối thẳng”. Giải thích của chư vị cao tăng vô cùng quan trọng! Tiếp theo lại nói: “Đạo tối thẳng là đức giải thoát”. Đây là tam đức mật tạng mà trong Phật pháp đại thừa thường nói, tam đức trong tự tánh. Thứ nhất là pháp thân đức, thứ hai là bát nhã đức, thứ ba là giải thoát đức. Chư vị nên biết, những thứ này vốn có trong tự tánh.

Người nào chúng được tam đức? Những người minh tâm kiến tánh, trong Kinh Hoa Nghiêm là viên giáo sơ trụ trở lên. Cũng tức là nói khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều đã đoạn tận, hàng thượng thượng căn, như Đức Thế Tôn, đại sư Huệ Năng vậy. Trong một đời thật sự có thể làm được đốn xả, đốn ngộ, đốn chứng không phải số ít người, nhưng thời gian dài ngắn không giống nhau. Đức Thế Tôn biểu hiện cho chúng ta thấy, chúng ta biết đó là thị hiện. Đốn ngộ, đốn chứng chỉ trong một niệm, buông bỏ tất cả những gì tu học được của 12 năm, đây là gì? Đây là biểu diễn cho hàng phần tử tri thức như chúng ta hiện nay thấy. Phần tử tri thức hiểu học, quảng học đa văn, học được là gì? Những gì học được gọi là sở tri chướng, vì sao vậy? Trong tự tánh vốn không có những thứ này, bát nhã vô tri, trong bát nhã không có những thứ đó, đây là gì? Là tri thức, trong tự tánh không có tri thức, chỉ có trí tuệ. Tri thức chướng ngại trí tuệ, vì thế nếu không xả bỏ ta không thể kiến tánh, không thể được

tam muội. Không thể không biết điều này. Hai loại chướng ngại, hầu như ai cũng có. Phiền não chướng và sở tri chướng, gọi là hai chướng. Buông bỏ chướng ngại, tự tánh liền hiện tiền. Trừ được bóng tối, ánh sáng sẽ xuất hiện. Tối sáng là nhất thể, mê ngộ cũng là nhất thể, nhưng tự tánh không có mê ngộ. Khi mê nó không hiện hành, nó bị chướng ngại, buông bỏ chướng ngại, nó hiện tiền ngay. Vốn là sáng, không có mê.

Các bậc cổ thánh tiên hiền nói vấn đề này rất gần với những gì Phật nói. Trong Đại Học nói: “minh minh đức”, minh đức là gì? Nếu dùng Phật pháp để giải thích, thì minh đức là bát nhã đức, chữ đức ở sau thì sao? Trong chữ đức bao hàm pháp thân đức và giải thoát đức, có thể nói như thế. Nên Townenbe nói: Phật pháp đã làm phong phú nền văn hóa truyền thống xưa. Nâng nó lên không khác gì Hoa Nghiêm. Vì sao trước minh đức thêm vào chữ minh? Chắc chắn hiện nay không còn sáng suốt, đã mê muội, làm sao để khôi phục minh đức? Cần phải minh minh đức, minh đức là vốn có, ở trước thêm chữ minh, là do hiện tại không được sáng suốt, không rõ về minh đức. Công phu tu học hiện nay chính là phải minh minh đức. Trong thế pháp hay Phật pháp, trong minh minh đức, trong tất cả pháp phương tiện, thì niệm Phật là vô thượng tối thắng, tức là dùng câu Phật hiệu này. Vì khó khăn nhất của phàm phu là phải xả bỏ cả không hữu nhị biên, quá khó, không phải trí không, tức trí hữu. Bây giờ Đức Phật dạy phương pháp cho chúng ta, là buông bỏ không hữu nhị biên, chỉ trú vào Phật A Di Đà, phương pháp này quá vi diệu! Chỉ có A Di Đà Phật, ngoài ra không quan tâm gì cả, chỉ sống chết với một câu A Di Đà Phật. Cổ nhân nói: Nếu gặp được Di Đà, lo gì không khai ngộ. Chỉ cần vãng sanh thấy được Phật A Di Đà, sẽ đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, thành tựu này vô cùng lớn lao!

Người dùng phương pháp này thành tựu, so với tu thiền, tu mật, dạy học dễ hơn nhiều, thù thắng hơn nhiều, quả thật không sao sánh được. Khiến người chưa đạt được nhất phẩm phiền não, trong một đời có thể viên chứng vô thượng bồ đề. Quý vị xem phương pháp này vi diệu biết bao! Cho nên “đạo tối thắng là giải thoát đức”.

Trong Kinh Niết Bàn nói: “Vô thượng thượng, chân giải thoát”, thượng của vô thượng là chân thật giải thoát. “Nên vô thượng thượng”, tức là “tối thắng nghĩa”, không có gì tối thắng hơn. Cho nên “hai thuyết của Chân Giải hỗ tương tương trưng cho nhau. Vì niệm Phật tức là đạo tối thắng vô thượng thượng, vãng sanh nhất định chứng niết bàn”. Khi vãng sanh lúc nào mới chứng? Những gì tôi nói với quý vị, nếu quý vị tin, thật sự có thể buông bỏ tất cả pháp thế xuất thế gian. Tôi tin rằng vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, khi quý vị gặp được Phật A Di Đà là chứng được. Ta chứng được, thân chứng không cần oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì, vẫn là Bồ Tát A Duy Việt Trí, đó là gì? Là khi ta chưa chứng, được Phật gia trì.

Tôi tin có rất nhiều, rất nhiều người đến thế giới Cực Lạc, gặp được Phật A Di Đà lập tức chứng được, vì sao vậy? Vì họ đã đoạn tận sạch sẽ, pháp thế xuất thế đều buông bỏ, sau cùng chỉ còn lại duy nhất một câu A Di Đà Phật. Đến thế giới Cực Lạc vừa thấy được Phật A Di Đà, toàn bộ vấn đề được giải quyết. Đây là thật, không phải giả.

Đời này chúng ta quả thật quá may mắn, gặp được pháp môn thù thắng như vậy, đúng như cư sĩ Bành Tế Thanh nói: Một ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay. Chúng ta đã gặp được. Khai Kinh Kệ là Võ Tắc Thiên viết, bà viết rất hay: “bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ”, đời này chúng ta đã gặp. Điểm then chốt là chúng ta có từ bỏ được chướng, từ bỏ bằng cách nào? Về sự có thì không sao, nhưng trong tâm tuyệt đối không có. Về sự, về sự cứ tùy duyên, có rất tốt, không có cũng tốt, đừng để nó trong lòng. Tin tưởng sâu sắc, nhất tâm trú

vào danh hiệu Phật A Di Đà, nghĩa là nhất tâm trú vào đạo vô thượng, trú vào chỗ của Phật Di Đà. Tin rằng có Chư Phật hộ niệm, Long thiên thiện thần quan tâm, còn lo gì nữa!

Pháp sư Lạc Quán hôm trước tôi nói pháp sư Lạc Quán viết những câu chuyện về Phật sống ở Kim Sơn. Đồng học chúng ta đã tìm thấy cuốn sách này, chúng ta sẽ nhanh chóng ấn tống, nó là cuốn sách mỏng, dễ cúng dường đại chúng. Quý vị thấy truyền kỳ của Phật sống Kim Sơn, trong đó không có gì khác, chính là buông bỏ triệt để.

Hiện nay con người tham nhất là tiền, hình như cuộc đời của Phật sống Kim Sơn đoạn tuyệt với tiền bạc. Tiền người khác cúng dường, ngày xưa còn có tiền đồng, tiền tệ, ngài cảm được thì như thế nào? Ăn mất, cúng ngài tiền giấy, ngài cũng vo tròn lại nuốt mất. Nhưng không hề bị bệnh, ngài rất có bản lĩnh tiêu hóa, đúng là không thể nghĩ bàn. Không có gì khác, ngoài buông bỏ triệt để. Suốt đời trên thân chỉ mang một bộ áo quần, ngoài ra không có. Trong một cái quần ngắn, ngoài một quần dài, suốt đời luộm thuộm như thế. Chưa từng giặt quần áo, cũng chưa hề tắm, tiêu dao tự tại biết bao! Rất nhiều người tin theo ngài, mọi người đều xem ngài như Phật sống. Bất kỳ bệnh hoạn khó khăn gì, ngài đều có cách trị liệu.

Pháp sư Lạc Quán từng sống với ngài bốn tháng, nói với chúng tôi: Ngài thật sự có thần thông. Cuộc sống hằng ngày ngài không có quy luật, đích thực có chút giống với Tế Công thời nhà Tống, kiểu người như vậy, ăn cơm cũng không nhất định. Pháp sư Lạc Quán ở với ngài, có một lần thấy ngài ăn hết 18 bát cơm và thêm một bát mì. Đối với sự cúng dường của đại chúng, ngài chưa từng từ chối. Người ta mời ngài ăn cơm, người này đem một bát cho ngài, người kia cũng đem một bát cho ngài, ngài đều ăn hết. Lúc đó pháp sư Lạc Quán cũng ngồi bên cạnh, liền nói với những vị Phật tử này, quý vị đừng hại ngài nữa, quý vị thấy như vậy con người có thể chịu được sao? Ngài quay qua nói với pháp sư Lạc Quán: Không tăng không giảm. Pháp sư Lạc Quán nghe thế, cảm thấy rất kỳ lạ, không biết phải làm sao, không ngờ ngài đã nói không tăng không giảm. Cũng tức là nói, ăn như không ăn, một hai tuần không cho ngài ăn cũng không sao, ngài là một người như vậy. Tâm địa thanh tịnh bình đẳng giác, trên đề kinh này ngài đều đạt được hết.

Bình thường tu hành, ngài cũng niệm một câu Phật hiệu. Ngài niệm câu Phật hiệu này, ở trước thêm vào hai chữ: “Ai niệm Nam Mô A Di Đà Phật a”, ở sau thêm chữ A. “Ai niệm Nam Mô A Di Đà Phật a”, trong câu niệm Phật của ngài mang đậm ý của thiền vị. Mà đa phần đều niệm Phật vào buổi tối, tiếng rất lớn khiến mọi người đều không thể ngủ. Nói cách khác, âm thanh niệm Phật của ngài, đại chúng xung quanh đều nghe được. Ngài ở đó truyền pháp, nhắc nhở mọi người niệm Phật.

Câu chuyện này đáng để chúng ta xem, vì đầu năm dân quốc thật sự có người này, thật sự có việc này. Đây không phải là hư cấu, là câu chuyện có thật, đều là làm chứng chuyên cho chúng ta.

Mấy câu ở đây vô cùng quan trọng, nhất định phải biết. “Vì niệm Phật tức đạo tối thắng vô thượng thượng, vãng sanh nhất định chứng niết bàn. Lại đúng lúc đang niệm Phật, tâm tác tâm thị, ngay lúc đó, tức lúc vô thượng thượng giải thoát”. Đây là gì? Chúng ta bình thường, công phu niệm Phật sâu hay cạn không phải thời gian lâu, tu hành lâu, không phải vậy. Công phu đích thực là do nhất niệm này thuần hay không thuần. Cổ nhân nói tịnh niệm tương tục, một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Nghĩa là nhất niệm đó có tương ưng hay không?

Thế nào gọi là tương ưng? Tịnh niệm chính là tương ưng. Bồ Tát Đại Thế Chí nói: Tịnh niệm tương tục. Tịnh niệm là tâm thanh tịnh, nhất niệm này tương ưng. Ngày nay chúng

ta niệm Phật, dù niệm nhiều đến đâu, tâm vẫn không thanh tịnh. Như vậy chúng ta là uế, tương phản với tịnh, chúng ta là uế tâm niệm Phật, tâm nhiễm ô niệm Phật, nên hiệu quả thua xa tịnh niệm. Chúng ta vẫn chưa buông được, không nỡ buông bỏ thế gian này. Trong kinh nói rõ ràng rằng, trong tất cả pháp thế xuất thế gian không thể sánh được. Chúng ta đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, luôn có vướng bận, thường không buông được. Không có cách nào, thật sự không buông được, vì sao vậy? Vì ngày ngày ta phải sống, ta còn có ngày mai, còn có sang năm, ta nghĩ quá nhiều!

Phải dùng cách gì? Ở trước tôi có nói với chư vị, đại sư Ấn Quang mỗi ngày đều nghĩ đến “chết”. Từ đây tôi lãnh ngộ được một điều, tôi mỗi ngày nghĩ đến hôm nay là ngày cuối cùng tôi ở thế gian, không có ngày mai. Sớm ngày mai thức dậy, sao lại có thêm một ngày? Đây là ngày cuối cùng, tuyệt đối không nghĩ đến chuyện ngày mai, chỉ có hôm nay, hôm nay tôi nên làm những gì? Nên niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, những việc khác phải triệt để buông bỏ, vì sao vậy? Đều là giả, tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh. Bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, đều buông bỏ hết, chúng ta trở về với tịnh niệm tương tục. Hiệu quả này rất lớn, vì sao vậy? Vì mỗi niệm đều tương ưng với Phật A Di Đà.

Thật vậy, cổ nhân nói không sai: “Một niệm tương ưng một niệm Phật”, “tâm tác tâm thị”. Tâm vốn là Phật, ngày nay ta niệm Phật A Di Đà tức là làm Phật, ta vốn là Phật, bây giờ ta muốn làm Phật, không phải ngay lúc này đã thành tựu rồi sao? Vấn đề này giống với Thiền tông, cùng một nguyên lý. Vị thầy Tông môn thường hỏi học trò, anh biết chăng? Tịnh tông cũng không ngoại lệ, quý vị biết niệm chăng? Biết niệm và không biết niệm khác nhau rất lớn.

Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, tiếp xúc với rất nhiều người, đưa ra rất nhiều vấn đề, những vấn đề này là gì? Đều là lời vô dụng, đều là vọng niệm, vọng tưởng, là những thứ cần buông bỏ. Nếu tu Tịnh độ, mà còn có nhiều vọng niệm đến thế, như vậy là chưa tu. Ta vì đạo tràng, vì chúng sanh, đó là giả, vì sao vậy? Nếu là tịnh niệm tương tục, nhất định được Chư Phật Như Lai gia trì, Phật A Di Đà hộ niệm, Long thiên thiện thần giúp đỡ xử lý những tạp vụ này, không cần ta bận tâm, nhất tâm chuyên niệm. Chúng ta cũng tin rằng, không quá ba năm sẽ thành công, quý vị sẽ làm Phật. Đạo lý này không thể không hiểu, mỗi câu mỗi chữ trong kinh nói là chân lý.

Câu “tâm tác tâm thị”, là nòng cốt lý luận của Tịnh tông. Vì sao quý vị có thể vãng sanh thành Phật, đạo lý chính là ở chỗ này.

Bên dưới nói: “Ngày nay Đức Thế Tôn diễn thuyết diệu pháp của Phật Di Đà, nên trú nơi Phật Di Đà trú, làm điều Di Đà làm, nghĩ điều Di Đà nghĩ, nên gọi là trú vào đạo tối thắng chỗ của chư Phật trú”. Đây là điều chúng ta cần phải học. Người tu học Tịnh độ, đối với trú, hành, danh, ba chữ này là tự hành hóa tha, ở đây Đức Phật làm gương cho chúng ta. Ngày nay Đức Thế Tôn cần phải diễn thuyết diệu pháp của Phật A Di Đà, vì chúng ta mà diễn thuyết. Diễn là biểu diễn, thuyết là nói rõ. Đem tánh tướng, lý sự, nhân quả của thế giới Cực Lạc giới thiệu tường tận rõ ràng cho chúng ta, nên ngài trú nơi chỗ của Phật A Di Đà. Chỗ ở của Đức Phật Di Đà ở đâu? Nói một cách đơn giản, nghĩa là trú vào A Di Đà Phật. Bản thân Phật A Di Đà không trú nơi Phật A Di Đà, tin tâm của họ sẽ mất đi. Chúng ta hiểu Phật A Di Đà nghĩa là sao, là vô lượng trí tuệ, vô lượng giác ngộ. Về lý mà nói, chư Phật Như Lai trú trong thường tịch quang, thường tịch quang là nơi ở của chư Phật Như Lai, Phật Di Đà đương nhiên cũng không ngoại lệ.

Thường tịch quang là gì? Là không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Thường tịch quang tồn tại khắp nơi, tồn tại mọi lúc, không nơi nào không có. Nói cách khác, mọi lúc mọi nơi đều là thường tịch quang. Vì sao chúng ta không thể chứng được? Vì chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được, chính là ý này.

Bây giờ chúng ta đã có thể nói là khá quen thuộc, vì thời gian huân tu kinh giáo cũng rất lâu, đều biết không chấp trước đối với tất cả pháp thế xuất thế gian. Buông bỏ chấp trước, thật sự buông bỏ, chứng được quả A la hán. Tiếp tục buông bỏ phân biệt, không còn phân biệt, đoạn tận trần sa phiền não, là thành Bồ Tát. Sau cùng là không khởi tâm không động niệm, đoạn tận căn bản vô minh, căn bản vô minh là khởi tâm động niệm, tức thành tựu vô thượng chánh đẳng chánh giác, thành Phật. Cảnh giới này trong Kinh Hoa Nghiêm, là viên giáo sơ trụ trở lên, vào được cảnh giới này.

Trong Kinh Kim Cang nói: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, vô sở trụ nghĩa là không trú vào chấp trước, không trú vào phân biệt, không trú vào khởi tâm động niệm. Nhi sanh kỳ tâm là gì? Cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh trong mười pháp giới. Chúng sanh có cảm, chúng sanh giống như sóng điện vô tuyến hiện nay, họ là đài phát xạ. Sóng mà họ phát ra, chúng ta nhận được hết, khi nhận được ta sẽ hồi đáp lại. Mỗi người đều là một đài phát xạ, cũng là một đài tiếp nhận, Chư Phật Bồ Tát cũng đều như vậy. Thậm chí trong kinh điển đại thừa Đức Phật dạy chúng ta: Chánh báo là đầu của sợi lông, y báo là một hạt bụi, nó cũng là đài tiếp thu, cũng là đài phát xạ. Trong một sợi lông, một hạt bụi đều có tánh đức viên mãn. Nói cách khác, dùng thuật ngữ khoa học hiện nay nói, đều có tin tức viên mãn khắp biến pháp giới hư không giới. Phát xạ không ngừng, mỗi niệm mỗi niệm đều đang phát xạ. Một niệm này là 1600 triệu trên một giây, một niệm, một giây có bao nhiêu niệm? 1600 triệu niệm, xưa nay chưa hề ngừng. Quý vị thử nghĩ xem, mỗi đầu sợi lông, một hạt vi trần đều là như vậy.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói về ba loại chu biến, ý niệm vừa khởi liền phát ra chu biến pháp giới. Tế bào của chúng ta, một hạt vi trần này cũng thu nhận, không phải không tiếp thu. Tin tức của tất cả chư Phật Bồ Tát khắp biến pháp giới hư không giới, chúng ta cũng đều thu nhận được. Nhận được vì sao không khởi tác dụng? Vì đang mê, mê mà không giác, giác liền khởi tác dụng, là vì mê! Vì sao mê? Đầu tiên là khởi lên cái ta, chấp trước có cái ta, nhưng trên thân này không tìm thấy cái ta. Thân là sắc pháp, không tìm thấy cái ta, trong tâm cũng không tìm thấy cái ta, tâm là gì? Là thọ tướng hành thức, trong thọ tướng hành thức cũng không tìm được cái ta. Căn bản không có cái ta, vì sao lại kiên cố chấp trước có cái ta? Đây là phạm phu lục đạo, là nhân tố đầu tiên không tỉnh ngộ được. Họ không thức tỉnh rằng, vốn không có cái ta, vì sao lại chấp trước đến thế?

Khi phá trừ được ngã chấp, trên đường đạo bồ đề sẽ thuận buồm xuôi gió. Đặc biệt là phương pháp niệm Phật này, đúng như cổ nhân nói: “con đường nhanh lại rất nhanh trong các con đường”. Đó là gì? Là con đường gần nhất, không ngoằn ngoèo, trực tiếp nhanh chóng, là con đường dễ đi, không phải đường khó đi. Ngày nay chúng ta đi một cách khó khăn như thế, không có gì khác, chỉ vì ngã chấp, chấp trước cái ta quá nghiêm trọng, không biết rằng trong thân tâm đều không tìm thấy cái ta. Khi đã buông bỏ triệt để, chân ngã liền hiện tiền. Không phải không có cái ta, có! Thường lạc ngã tịnh.

Quý vị thấy, trong tự tánh có bốn tịnh đức. Thường là vĩnh hằng bất sanh bất diệt, lạc là lìa khổ, vĩnh viễn không có khổ, khổ vui đều không có. Chân ngã, ngã là gì? Ngã là giải

thoát, ở trước gọi là giải thoát đức. Ở sau có một chữ tịnh, thanh tịnh. Người minh tâm kiến tánh hoàn toàn nhìn thấy, khi ngài Huệ Năng kiến tánh, quý vị thấy câu đầu tiên ngài nói đến thanh tịnh: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, tịnh đức. Câu thứ hai nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, thường đức, đó là thường. “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, đó là ngã, đó là cái ta thật không phải giả. Hai câu sau là lạc: “Vốn không dao động”, “năng sanh vạn pháp”, an vui biết bao, được đại tự tại!

Đây là điều tất cả người tu học đại thừa mong cầu, không dễ thành tựu, cửa ải ở chỗ phiền não khó đoạn, đặc biệt là cửa ải đầu tiên. Phá thân kiến, phá biên kiến, phá kiến thủ, giới thủ, tà kiến, đây là cửa ải đầu tiên. Phá cửa ải đầu tiên là vào được cửa, thành tựu nhanh hay chậm đều do thiện căn, phước đức, nhân duyên của quý vị. Người đồng mãnh tinh tấn, nhân duyên thù thắng, khi gặp được pháp môn Tịnh độ, thành tựu ngay trong đời này, đạt được cảnh giới này.

Ba căn tánh thượng trung hạ không gặp được pháp môn này, đều không thể thành tựu, cũng tức là nói không ra khỏi luân hồi lục đạo. Vượt khỏi luân hồi lục đạo, trong Phật pháp gọi là tiểu thành tựu, không phải đại thành tựu. Câu này ý nghĩa rất sâu xa: “trú vào chỗ của Phật Di Đà trú, làm việc Phật Di Đà làm, nghĩ điều Phật Di Đà nghĩ, nên gọi là trú trong đạo tối thắng của chư Phật trú”.

Hôm nay thời gian đã hết, câu này ngày mai chúng ta học tiếp, ý nghĩa của nó rất sâu xa, vô cùng quan trọng.

Tập 144

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 15.09.2010

Địa điểm: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 166, hàng thứ năm, bắt đầu xem từ câu sau cùng. “Ngày nay Đức Thế Tôn diễn nói diệu pháp của Phật Di Đà, trú vào chỗ của Phật Di Đà trú, làm việc mà Phật Di Đà làm, nghĩ điều Di Đà nghĩ, nên gọi là trú vào đạo tối thắng nơi Chư Phật trú”. Đoạn này là giải thích tổng kết của “đạo tối thắng”, ý nghĩa rất thâm sâu, chúng ta cần phải nỗ lực học tập.

Đức Thế Tôn ở trong lần đại hội này giống như chúng ta tổ chức hoạt động giảng tòa vậy, đem thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà giới thiệu cho chúng ta, nên pháp hội này hiển lộ sự thù thắng tột cùng. Lúc này Thế Tôn cũng vô cùng hoan hỷ, phóng quang hiện tướng đoan nghiêm. Chúng ta căn cứ vào lời Tôn giả A Nan nói, ngài là thị giả của Phật, ngài nói xưa nay chưa từng thấy nhân duyên thù thắng như bây giờ, cũng biết lần này Thế Tôn diễn giảng nhất định có sự khác thường. Hiện thị pháp môn này trong nhất đại thời giáo_tức 49

năm giảng kinh dạy học của Đức Thế Tôn, là pháp môn hy hữu bậc nhất giới thiệu cho chúng ta.

Sở trú, sở hành, sở niệm của Phật, chính là chữ điển này, ngài đang thị hiện, đang biểu diễn. Vậy chúng ta muốn học cũng phải nắm bắt trú, hành, niệm, phải nắm bắt ba chữ này. Nếu chúng ta cũng có thể trú vào nơi của Di Đà trú, làm việc Di Đà làm, nghĩ điều Di Đà nghĩ, chúng ta liền khế nhập vào được pháp môn này. Lợi ích thù thắng vô lượng trong pháp môn, đời này chúng ta có thể đạt được. Lợi ích thù thắng vô cùng này nghĩa là viên mãn chứng được vô thượng bồ đề, như vậy thì hy hữu, khó được biết bao.

Nơi trú của Di Đà, Phật A Di Đà trú ở đâu? Theo nghĩa rộng mà nói chính là 48 nguyện. Phật A Di Đà kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc, là vì phổ độ hết thảy chúng sanh khổ nạn trong pháp giới hư không giới. Khổ nạn này là nói đến lục đạo, lục đạo chúng sanh quá khổ, quá đáng thương. Đây là từ bi vô tận của Phật Di Đà, thương xót những chúng sanh này, muốn giúp những chúng sanh này. Phương pháp quá kỳ diệu, không cần đoạn hoặc. Chỉ cần sanh đến thế giới Cực Lạc, ngài liền có phương pháp khiến những chúng sanh này nhanh chóng chứng được đạo vô thượng, “đạo tối thắng”. Duyên này quá hy hữu, quá thù thắng, Phật Di Đà đã nghĩ đến, ngài dùng phương pháp rất đơn giản. Cho nên nơi Phật Di Đà trú, nói một cách đơn giản là trú ở đạo làm sao để độ thoát chúng sanh. Đạo này là đạo lý, là phương pháp, dùng phương pháp như thế nào, dùng đạo lý gì, có thể khiến tất cả chúng sanh thành tựu đạo tối thắng. Từ đó cho thấy, trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, công việc, xử sự, đối nhân, tiếp vật mỗi niệm không quên.

Câu kinh văn ở dưới đã nói ra tất cả: “Quá khứ, vị lai, hiện tại, Phật Phật tương niệm”. Phật A Di Đà niệm tất cả chư Phật, tất cả chư Phật không có vị nào không niệm Phật A Di Đà, vì sao vậy? Vì niệm Phật thành Phật. Đạo lý Đức Phật nói rất nhiều, nói rất rõ ràng. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Phật A Di Đà là từ tâm tướng sanh, thế giới Cực Lạc cũng từ tâm tướng sanh. Tâm nghĩ đến Phật A Di Đà, tâm nghĩ đến thế giới Cực Lạc, làm gì có đạo lý không sanh Tịnh độ!

Cho nên pháp môn này, đại sư Ngẫu Ích nói rất hay, có ba điều kiện cơ bản để vãng sanh là tín, nguyện, hạnh. Tín là điều kiện đầu tiên, hoàn toàn kính ngưỡng tin tưởng khẳng định, hoàn toàn không có hoài nghi. Bất luận là căn tánh nào, ba căn thượng trung hạ đều không có gì khác. Chúng ta thấy ngày nay những người tu học pháp môn Tịnh độ rất đông, rất nhiều người niệm Phật, nhưng người vãng sanh không nhiều, thậm chí niệm Phật mà bị đọa địa ngục.

Trước đây tôi theo thầy Lý học kinh giáo, lần đầu tiên thấy Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương Sớ Sao của pháp sư Từ Vân Quán Đảnh, viết vào năm đầu vua Càn Long thời nhà Thanh. Pháp sư Từ Vân Quán Đảnh là một bậc cao tăng nổi tiếng, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung, trước tác rất nhiều. Vạn Tục Tạng của Nhật Bản sưu tập hơn 20 loại kinh chú và luận thuật của ngài, rất phong phú. Cuốn sách nhỏ đó là ngài chú giải Chương Viên Thông của Kinh Lăng Nghiêm.

Chúng ta biết chữ nghĩa trong Viên Thông Chương không nhiều, chỉ có 244 chữ, còn ít hơn Bát Nhã Tâm Kinh. Bát Nhã Tâm Kinh có 260 chữ, chương kinh này có 244 chữ, nhưng chú giải vô cùng phong phú, rất tường tận. Sau cùng, đến chương sau cùng nói đến người niệm Phật, có 100 loại quả báo khác nhau, đầu tiên là đọa địa ngục. Tôi thấy kết luận này cảm thấy hoài nghi, niệm Phật bất luận niệm như thế nào, dù không tốt đến mấy cũng không đến nỗi niệm vào địa ngục. Nghĩ sao cũng không thông, tôi liền cầm cuốn sách này đến hỏi

thầy Lý, thỉnh giáo thầy. Thầy Lý vừa nhìn, đây là việc lớn, không phải việc nhỏ, thầy không nói với riêng tôi, khi giảng kinh thầy sẽ nói với tất cả mọi người.

Tâm thái niệm Phật rất quan trọng, nghĩa thú tương đồng với tông môn của Thiên tông, quý vị biết niệm chăng? Ngày nay niệm Phật, thực tế mà nói người biết niệm rất ít, người không biết niệm thì quá nhiều. Phàm những ai thật sự biết niệm, không có người nào không vãng sanh, không biết niệm đều có phần trong tam đồ lục đạo, lúc này tôi mới hiểu. Dùng tâm sân nhuế niệm Phật, niệm Phật mà còn nổi giận, còn sân si, đây là đường địa ngục. Niệm Phật mà không đoạn tâm tham, đọa vào đường ngạ quỷ. Niệm Phật mà ngu si, không phân chánh tà, không rõ thị phi, đọa vào đường súc sanh. Hành trì nghiêm túc ngũ giới thập thiện, niệm Phật như vậy mới đến được cõi người. Như vậy chúng tôi mới hoát nhiên đại ngộ.

Bởi thế ngày nay chúng ta nhìn thấy trong Kinh Vô Lượng Thọ, điều kiện vãng sanh là gì? “Phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm”. Tâm bồ đề là gì? Trong kinh luận giải thích rất nhiều, chúng ta tổng hợp những giải thích trong kinh luận, dùng 10 chữ để biểu lộ rõ ràng về nó. Thể của tâm bồ đề là tâm chân thành, chúng ta có chân thành chăng? Tâm niệm Phật là chân thành, đối nhân tiếp vật đều là chân thành, một tâm chân thành mới được. Khi ta niệm Phật dùng tâm chân thành, khi không niệm Phật thì dùng tâm hư ngụy, như vậy sao được? Đó là giả không phải thật. Quý vị không hiểu giáo lý, không hiểu thật tướng các pháp, nên tâm chân thành không hiển lộ được. Tâm mà ta dùng toàn là vọng tâm, toàn là tâm tự tư tự lợi, tâm này không tương ứng với Phật A Di Đà. Sự thù thắng của Tịnh tông được xưng là đạo tối thắng, thực tế mà nói tức là chỉ 48 nguyện của Phật A Di Đà, bốn nguyện của Phật Di Đà. Chúng ta thử nghĩ, ta khởi tâm động niệm đối chiếu với 48 nguyện, thì tương ứng với nguyện nào. Có thể nói là không tương ứng với nguyện nào cả, như vậy sao có thể vãng sanh. Khởi tâm động niệm xưa nay chưa hề quên cái ta, chỉ cần có cái ta liền dẫn đến tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, những thứ này là nhân duyên chướng đạo. Chẳng phải Đức Phật không từ bi không đến tiếp dẫn quý vị, mà do những thứ này gây chướng ngại. Ở chỗ Phật không chướng ngại, mà chướng ngại ngay bản thân chúng ta. Cho nên mặc dù bản thân có cảm, Đức Phật có ứng, Phật có đến ứng, không sai, nhưng cái ứng của Phật quý vị không cảm nhận được, tất cả đều bị chướng ngại.

Vì thế trước khi Đức Phật diệt độ, dạy chúng ta hai vấn đề vô cùng quan trọng, do tôn giả A Nan hỏi, thật ra là hỏi thay chúng ta. Đức Phật tại thế chúng con nương Phật làm thầy, học tập theo ngài, khi Phật diệt độ chúng con nương ai để làm thầy? Đức Phật đã nói hai câu: “Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”. Điều này đã nói rất rõ, nhất định phải trì giới, nhất định phải biết kham nhẫn, không sợ khổ, vì sao vậy? Vì trì giới nghĩa là không khác gì khi Phật còn tại thế. Chịu đựng được cái khổ đạo tâm mới tăng trưởng, không bị mê luyến thế tục, không bị đọa lạc.

Đặc biệt là trong thời đại của chúng ta hiện nay, bên trong có tam độc phiền não. Phật pháp nói tham sân si là tam độc, bây giờ tôi nói là ngũ độc. Phía sau căn bản phiền não tham sân si còn có mạn, còn có nghi, còn có ác kiến. Tôi nói năm loại: Tham sân si mạn nghi. Vấn đề của nghi này rất nghiêm trọng, chúng ta hoài nghi Phật Bồ Tát, nghi ngờ kinh giáo, như vậy làm sao tiếp thu được?

Đại sư Ấn Quang dạy chúng ta học Phật, nghiên cứu kinh giáo: Một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Người bây giờ tuyệt đại đa số tâm tình nông nổi, tâm thái này cho dù Chư Phật Bồ Tát từ bi đến dạy, chúng ta cũng không tiếp thu được gì, vì sao vậy? Vì không

có tâm thành kính. Từ đó cho thấy, tuyệt đối không phải Phật Bồ Tát không từ bi, các ngài từ bi vô tận, từ bi đến tột đỉnh. Chỉ trách bản thân chúng ta, chúng ta đã sai, không phải do người khác, điều này không thể không biết.

Muốn học Phật, muốn thành tựu, nhất định phải y giáo phụng hành. Nên biết lúc Thế tôn còn tại thế, ngài làm tấm gương tốt cho chúng ta noi theo. Ngài dạy chúng ta trì giới, ngài đã làm được. Ngài dạy chúng ta lấy khổ làm thầy, điều này ngài cũng đã làm. Lúc Đức Phật tại thế, 30 tuổi khai ngộ, bắt đầu giảng kinh thuyết pháp, 79 tuổi viên tịch. Trong kinh ghi chép rằng: Ngài giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm. Trong thời gian dài đó, ngài không thành lập đạo tràng, không xây dựng tự viện. Ngài sống cuộc đời như thế nào? Bây giờ gọi là cuộc sống lang thang, không có ở nơi nào nhất định, sống đời du mục. Sinh hoạt rất đơn giản, ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây. Trong Giới Kinh Đức Phật dạy hàng Tỷ kheo, chỉ được ngủ một đêm dưới mỗi cội cây, không được ở liên tục hai đêm, vì sao vậy? Vì sợ ta khởi tâm tham, cho rằng cây này rất lớn, bóng cây rất mát, đúng là quá tốt, ngày mai ta đến đây ở. Như vậy không phải đã khởi tâm tham rồi ư? Vì thế Đức Phật quy định dưới mỗi gốc cây chỉ được ngủ một đêm, ngày mai phải đến nơi khác, không được ở hai đêm dưới một gốc cây. Quý vị thấy ngăn chặn sai lầm ngay từ đầu, đây là sự yêu thương của Phật đối với đệ tử, sợ họ khởi phiền não tham sân si. Đối với ngài, cho thấy chắc chắn ngài đã thực hành triệt để, mỗi ngày tuyệt đối không ở cùng dưới một gốc cây.

Bây giờ xem ra chúng ta không còn giới, giới không còn nghĩa là Phật không còn. Hiện nay Phật giáo đã biến đổi, trên xã hội hình thái rất nhiều, đa phần biến thành Tôn giáo, biến thành học thuật. Như trong nhiều trường đại học có mở những tiết học về kinh Phật, tôi từng học, cũng đã từng dạy. Nghiên cứu kinh Phật như một môn học thuật, thông thường được xếp vào trong môn triết học, gọi là triết học Phật giáo, như vậy là trở thành học thuật.

Trong thời cận đại này chúng ta thấy, Phật giáo trở thành nơi tham quan du lịch, nơi tham quan du lịch Phật giáo, trở thành xí nghiệp Phật giáo. Vấn đề nghiêm trọng nhất là tà giáo Phật giáo. Mượn cờ hiệu của Phật giáo, thật ra là giả không phải thật. Tình hình này trong xã hội hiện nay, khắp nơi đều có thể thấy. Ở phương tây vì xã hội là khai phóng dân chủ tự do, không giống với chế độ xã hội ngày xưa, việc quản lý đối với ngôn luận rất nghiêm khắc. Đây đều là quốc gia bảo hộ tinh thần sinh hoạt cho nhân dân. Phật giáo thật sự là nền giáo dục dạy học của Đức Thế Tôn, bây giờ rất ít thấy.

Chúng ta học Phật, có thể nói là cơ duyên vô cùng thù thắng. Chúng ta gặp được chân thiện tri thức, dẫn dắt chúng ta hiểu biết về Đức Thế Tôn, học tập theo ngài, sự chỉ đạo này vô cùng chính xác. Hiểu biết về Đức Phật, thân phận của ngài là gì? Ngài không phải là nhà Tôn giáo, ngài là nhà giáo dục, suốt đời làm công việc dạy học.

Hiện nay tất cả nghi thức trong Phật giáo, những pháp sự trong nhà Phật, vào thời Đức Phật hoàn toàn không có. Đến việc tu hành, hiện nay chúng ta thường thấy như Thiền thất, Phật thất, trong thời Phật có chăng? Không có, lúc Đức Phật tại thế chưa từng có khi nào niệm Phật cùng với mọi người, không có. Cũng không có tu thiền thất hay Phật thất với mọi người, không có. Quả đúng như cổ đức nói: Sư phụ nhận vào chùa, tu hành do mỗi người. Họ chỉ dạy cho quý vị, giải đáp vấn đề cho quý vị, quý vị đã hiểu hết. Còn việc tu hành chứng quả như thế nào, là việc của mỗi chúng ta. Nên Phật giáo nói “khai thị ngộ nhập”, trong Kinh Pháp Hoa đã nói như thế. Phật đối với đệ tử chỉ thực hành hai chữ khai thị. Khai là gọi mở, thị là chỉ thị, làm như vậy để chúng ta thấy, ngài làm gương cho chúng ta noi theo. Ngộ nhập là việc của mỗi chúng ta, việc của mỗi người đệ tử. Học trò tiếp thu khai thị của thầy, phải có

năng lực ngộ nhập, đó mới là thành tựu thật sự, mới được đặc pháp. Ta phải ngộ nhập mới được, điều này quan trọng hơn tất cả.

Sự suy yếu của Phật giáo, Phật giáo biến chất thành Tôn giáo, thời gian chưa bao lâu, Phật giáo biến thành Tôn giáo. Trước đây pháp sư Đạo An nói với tôi, chắc không quá 300 năm, vì sao vậy? Thời nhà Thanh vào các đời Càn Long, Ung Chính, Gia Khánh vẫn là giáo dục, tự viện am đường là nơi giáo dục Phật giáo, không phải Tôn giáo. Một số nơi có quy mô nhỏ, như trường chuyên khoa bây giờ. Các bậc thánh hiền nhân thế xuất thế gian nói: “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, giống như trường đại học chuyên khoa vậy, rất có thành tựu. Các đại tông lâm, thì giống như trường đại học hiện nay vậy, trong này có rất nhiều lớp, lớp tức ngày nay chúng ta gọi là phòng học. Ngày xưa mỗi nơi thờ tự đều là lớp học, đều là phòng học. Do hòa thượng thủ tọa đảm nhận hướng dẫn, đảm nhận giáo vụ. Rất nhiều pháp sư nghiên cứu kinh luận, rất nhiều pháp sư giảng giải chỉ đạo học tập. Cho nên trong một ngôi chùa lớn, mở rất nhiều lớp học, chúng ta muốn học gì thì đến đó báo danh, trong Phật giáo xin lưu trú. Tôi đến học bộ kinh này, ví dụ học Kinh Hoa Nghiêm_sau khi báo danh, nếu có tên kinh này, quý vị phù hợp điều kiện liền tiếp nhận, quý vị có thể ở lại đạo tràng để học bộ kinh này. Học xong bộ kinh này tức là tốt nghiệp, tốt nghiệp xong muốn học tiếp cũng được, muốn ra đi cũng được. Bởi vậy đây thật sự là một trường học, không liên quan đến Tôn giáo.

Hiện nay có rất nhiều tự viện Phật giáo, không có học tập kinh giáo, thay vào đó là kinh sám Phật sự. Đây thuộc về Phật giáo của Tôn giáo, chúng ta không thể không biết. Nếu chúng ta học Phật, thì phải học theo Đức Thế Tôn, điều này tuyệt đối không sai.

Trong Phật giáo đại thừa nói, tám vạn bốn ngàn pháp môn, niệm Phật là một trong tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp môn này được gọi là ba căn phổ bị, lợi độn nhiếp thu. Trong ba căn có hàng thượng thượng căn, chư vị nên biết, nếu trong này không có đạo lý cao thâm, làm sao có thể vừa ý hàng thượng thượng căn học tập? Chắc chắn có đạo lý, đạo lý thật sự thâm sâu. Từ trong kinh giáo, chúng ta thấy có đoạn kinh văn như vậy: Pháp môn này chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu tột. Đạo lý này đến Đẳng Giác Bồ Tát, đều không thể hoàn toàn thấu triệt, nên nó được gọi là pháp khó tin. Nhưng tu hành không khó, khó tin dễ hành.

Tu học pháp môn này, người thành tựu rất nhiều. Chỉ cần đầy đủ ba điều kiện, quý vị thật sự tin, khi tin rồi mới cầu thấu hiểu. Kinh luận Tịnh độ không nhiều, kinh luận chủ yếu có năm kinh một luận. Năm kinh phân lượng đều không lớn, hợp cả năm kinh lại chỉ bằng một cuốn sách, rất hợp với người hiện nay. Hiện nay xã hội đi vào công nghiệp hóa, mỗi người công việc rất bận rộn, thời gian tu hành rất ít. Học tập các kinh điển khác, cần thời gian rất dài, điều này rất khó khăn. Làm sao để mỗi ngày dùng thời gian ít ỏi để học tập, nhưng có thể nhận được hiệu quả cao. Pháp môn này là điều trong lòng những người này hướng đến. Bởi vậy Đức Phật rất cao siêu, có thể tùy thuận tất cả chúng sanh. Như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”, đã khai mở ra một pháp môn như vậy. Pháp môn này tức là pháp môn niệm Phật, ở trước nói đến pháp môn niệm Phật, ba điều kiện này rất quan trọng. Nghĩa là chúng ta có thể trú trong chỗ của Phật Di Đà trú, làm việc Phật Di Đà làm, nghĩ điều Phật Di Đà nghĩ. Sở niệm của Phật Di Đà là niệm Phật, niệm Phật như thế nào? Tất cả chúng sanh khắp biến pháp giới hư không giới vốn là Phật, đây là thật không phải giả. Ai trong chúng ta không phải vốn là Phật! Đây là sở niệm của Phật Di Đà. Sở hành của Phật Di Đà, toàn tâm toàn lực phục vụ cho tất cả chúng sanh. Nói như cách nói hiện nay, phổ độ chúng sanh, nghĩa là phục vụ cho tất cả chúng sanh. Giúp tất cả chúng sanh phá mê

khai ngộ, lìa khổ được vui. Lìa khổ là vĩnh viễn thoát ly luân hồi lục đạo, vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới. Niềm vui đó là chứng được vô thượng bồ đề, là sở hành của Phật Di Đà. Sở trú của Phật Di Đà, ở trước từng nói với quý vị, trú trong thường tịch quang.

Trong Kinh Kim Cang nói: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, vô sở trụ là thường tịch quang. Thường tịch quang là bản thể của tự tánh, là chân như tự tánh. Trong thường tịch quang không có vật chất, không có tinh thần, là tự tánh. Khi ngài Huệ Năng kiến tánh đã nói với chúng ta rằng, kiến tánh, tánh là như thế nào? Ngài nói năm câu, câu đầu tiên nói tự tánh là thanh tịnh: “Vốn tự thanh tịnh”. Câu thứ hai: “Vốn không sanh diệt”, bất sanh bất diệt là niết bàn. Câu thứ ba: “Vốn tự đầy đủ”, tuy không có gì cả, nhưng cái gì nó cũng không thiếu. Câu thứ tư: “Vốn không dao động”, tự tánh vốn định. Câu sau cùng nói: “Năng sanh vạn pháp”. Nói đến đây, Ngũ tổ bảo ngài thôi, đừng nói nữa, liền truyền y bát cho ngài. Ngài thật sự khai ngộ, không khai ngộ không nói được như vậy.

Tâm Phật Di Đà trú ở đâu? Tâm Phật Di Đà trú trong tự tánh, tự tánh như trong Kinh Kim Cang nói: Trú trong chỗ vô sở trú, đây nghĩa là tự tánh. “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, tâm đó là gì? Tâm nghĩa là sanh tâm, tức là sanh làm việc Phật Di Đà làm, nghĩ điều Di Đà nghĩ. Đây là dùng Kinh Bát Nhã để giải thích điều này: Ứng vô sở trụ nghĩa là trú chỗ của Phật Di Đà. Làm việc Phật Di Đà làm, 48 nguyện phổ độ chúng sanh. Nghĩ điều Phật Di Đà nghĩ, Phật A Di Đà nghĩ mỗi người đều là Phật A Di Đà. Hết thấy chúng sanh khắp biến pháp giới hư không giới, toàn là Phật A Di Đà, quý vị có thể tin được chăng? Là thật không phải giả!

A Di Đà Phật dịch thành tiếng Trung là vô lượng giác, tự tánh của mỗi người đều là vô lượng giác. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Thế tôn nói: Vì có vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được. Từ lý mà nói thì vô cùng đơn giản, chỉ cần buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là thành Phật, vô lượng giác trong tự tánh liền hiện tiền. Hiện nay trí tuệ, đức năng trong tự tánh có mất chăng? Không mất, chỉ là do chướng ngại ngăn che nó, nên không khởi được tác dụng chứ hoàn toàn không mất đi. Vấn đề này đối với Phật không tăng, đối với phàm phu không giảm. Khi thành Phật trí tuệ đức tướng không tăng thêm chút nào, cho dù chúng ta tạo tội nghiệp đạo vào địa ngục A tỳ, trí tuệ đức tướng cũng không giảm phần nào. Đây là thật không phải giả. Cho nên trong cái nhìn của Phật, tất cả đều là Phật: Tất cả chúng sanh đều là Phật. Phật Phật đạo đồng, Phật với Phật cung kính như nhau, đây là điều chúng ta phải học.

Người thật sự niệm Phật tâm là Phật A Di Đà, hành là Phật A Di Đà. Thấy tất cả chúng ta đều là Phật A Di Đà, tâm cung kính liền khởi lên. Tâm cung kính này tức là điều đầu tiên trong thập đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền: “Lễ kính chư Phật”. Như vậy mới sanh khởi được, vì sao vậy? Vì phàm phu đều có phiền não, trong phiền não có một điều rất phiền phức đó là ngạo mạn, quý vị nói quý vị có chăng? Chỉ cần là phàm phu thì đều có, không thể không thừa nhận điều này.

Cổ nhân cũng biết, cho nên trong Khúc Lễ của Lễ Ký nói: “ngạo không được tăng trưởng”, ngạo mạn là gì? Là sanh ra đã có, không phải học được, đây gọi là căn bản phiền não. Chúng ta học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán mới biết, trong kinh luận Duy thức nói rất rõ ràng, ta từ đâu đến? “Nhất niệm bất giác mà có vô minh”, vô minh trong câu này nghĩa là A lại da, nhất niệm bất giác nên từ trong tự tánh biến hiện ra A lại da. Tự tánh là chân tâm, A lại da là vọng tâm. Nhất niệm bất giác là dao động, A lại da xuất hiện, A lại da có thể hiện ra

vạn pháp. Nên nhớ, nương vào tự tánh có thể hiện, nếu không nương vào tự tánh không thể hiện.

Hiện vạn pháp, y báo tức toàn thể vũ trụ xuất hiện, chánh báo là bản thân. Cho nên bản thân chúng ta và toàn thể vũ trụ, là phát sanh cùng một lúc, mà còn như thế nào? Có chánh báo trước, sau đó mới có y báo. A lại da có tam tế tướng, nghiệp tướng của A lại da chính là dao động, nghĩa là nhất niệm bất giác, là nghiệp tướng của A lại da, hiện nay khoa học gọi là năng lượng. Nó vừa động liền sanh ra hai loại hiện tượng, hai loại hiện tượng này chúng ta có thể nói là phát sanh đồng thời. Một loại là cảnh giới tướng, hiện tượng vật chất. Loại khác là tin tức, là chánh báo, thuật ngữ Phật giáo gọi là chuyển tướng. Chuyển tướng là Mạt na thức, Mạt na thức có bốn đại phiền não thường tương tùy. Quý vị xem, nó chính là nguyên thủy. Bốn đại phiền não này, loại thứ nhất là ngã kiến, không gọi là thân kiến, gọi là ngã kiến, chấp trước có cái tôi. Theo sự chấp trước ngã kiến này, liền sanh ra ngã ái, ngã ái là tham. Ngã mạn, ngã mạn là sân nhuế, sanh ra ngã si. Quý vị xem tham sân si, là nguyên thủy nhất, nên Đức Phật gọi là tam độc. Vì có tam độc, nên ta mới mê ngày càng sâu, không thể quay đầu. Điều này cần nhờ Phật Bồ Tát giúp đỡ, nhưng cần phải biết, Chư Phật Bồ Tát, người thật sự thành tựu, họ chưa từng khởi tâm động niệm. Không phải thấy người khác liền đồng tình, thương xót nên lập tức đến cứu họ, các ngài không khởi tâm động niệm. Nếu khởi ý niệm thì các ngài là phàm phu, liền đọa lạc, các ngài không hề động niệm. Cho nên quý vị cần phải có cảm, các ngài mới có ứng. Lúc này, không được khởi ý niệm đi cảm, không có, thường là càng vào càng sâu.

Đây là nói đến nguyên khởi của sanh mạng vũ trụ, chúng ta cần phải biết, tham sân si này nó sẽ đến theo ta. Theo Phật pháp tham sân si này đều phải đoạn, như vậy mới quay đầu được, trở về tự tánh. Nếu không thể đoạn tận tham sân si, quý vị không thể quay đầu. Trong mười pháp giới ta có thể nâng cao cảnh giới, nhưng không trở về tự tánh được, chắc chắn như thế. Vì vậy tu hành Phật pháp, vì sao đem việc đoạn phiền não đặt lên hàng đầu, đạo lý chính là như vậy.

Tứ hoằng thệ nguyện là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của người học Phật. Điều kiện đầu tiên khi học Phật là dạy chúng ta phát tâm, phát tâm bồ đề, tâm bồ đề là gì? Là “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, phải thật sự chịu phát một lời nguyện dám hy sinh bản thân để giúp đỡ tất cả chúng sanh, phải có nguyện tâm như vậy, phải phát tâm này. Chúng sanh càng khô, chúng ta càng phải giúp họ, giúp họ đương nhiên ta cần có năng lực, không có năng lực không giúp được gì. Vì thế muốn giúp người khác, trước phải thành tựu chính mình, bản thân chưa thành tựu tuyệt đối không giúp được người khác. Giúp người khác, nhiều nhất cũng chỉ ngang mức độ của quý vị, ngoài ra không thể giúp họ lên cao hơn nữa. Quý vị là một vị Tu đà hoàn, nếu giúp người khác thì cao nhất họ cũng chỉ đến địa vị Tu đà hoàn, không thể vượt qua quý vị. Đạo lý này chúng ta có thể lý giải, có thể nghĩ thông suốt. Nguyện thứ tư trong tứ hoằng thệ nguyện: “Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”, họ nhất định khiến quý vị thành Phật, thành Phật có hai môn cần phải tu. Thứ nhất là đoạn phiền não: “Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”. Thứ hai là học pháp môn: “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”. Nhưng có rất nhiều người giải thích sai về bốn câu này, bốn câu này là một câu, chúng ta xem nó thành bốn câu là sai.

Điều đầu tiên là phát nguyện, chúng ta không phát nguyện cũng không sao: chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, chúng ta hãy quên nó đi. Độ mình trước đã, không độ chúng sanh. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, cũng qua loa một chút, chưa gấp lắm. Phải bắt đầu từ đâu?

Từ pháp môn vô lượng thê nguyện học, hạ thủ từ đây, có thể thành tựu chăng? Không thể thành tựu, giống như bốn tầng lầu, hai tầng trước ta không cần, ta cần từ tầng thứ ba, như vậy vĩnh viễn không thể thành công, vì sao vậy? Vì không có nền tảng, dù nỗ lực suốt đời, học được điều gì? Học thành một nhà Phật học, học giả của Phật học. Thật sự mà nói không liên quan gì đến Phật pháp. Phật pháp là học trí tuệ, tự tánh vốn đầy đủ trí tuệ bát nhã, đức năng, phải hiển lộ những thứ trong tự tánh ra. Những người này đã đi sai phương hướng, nghiên cứu Phật học như một môn học thuật. Cho nên có thể nói đạo lý rất hay, trước tác rất nhiều, có thể trở thành vị giáo thọ trong xã hội, một nhà Phật học. Cũng được đại chúng xã hội tôn xưng là đại sư, nhưng không ra khỏi luân hồi lục đạo. Không vượt thoát luân hồi lục đạo, đồng nghĩa là không thành tựu được gì cả. Thành tựu thật sự là gì? Thành tựu nhỏ là ra khỏi lục đạo, họ không sánh bằng Tu đà hoàn, Tu đà hoàn là thánh nhân. Tuy chưa ra khỏi lục đạo, họ tuyệt đối không đọa vào ba đường ác, nhưng nhà Phật học vẫn đọa vào ba đường ác như thường, vì sao vậy? Vì họ chưa đoạn được nhất phẩm kiến tư phiền não. Tu đà hoàn đã đoạn tận 88 phẩm kiến hoặc phiền não, đây là gì? Là công phu trì giới, bởi vậy không trì giới được chăng? Chư vị đồng học nên nhớ rằng, thật sự phát tâm liễu sanh tử xuất tam giới, tức là chúng ta đang học Phật. Nếu đối với luân hồi lục đạo, vẫn còn tham luyến trong tam giới, những gì tu được là pháp nhân thiên, pháp nhân thiên phải như thế nào? Phải đoạn ác tu thiện. Cũng có thể dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo, đoạn thập ác tu thập thiện, đời sau được phước báo nhân thiên.

Đệ Tử Quy của Nho giáo, Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo, Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật giáo là pháp nhân thiên. Vì sao chúng ta coi trọng pháp nhân thiên? Phải coi trọng. Quý vị nên biết, nếu làm người không tốt, quý vị nghĩ có thể làm Phật được chăng? Làm gì có đạo lý này? Phật Bồ Tát là tinh hoa luyện ra từ cõi nhân thiên. Tu hành rốt ráo trong cõi nhân thiên, nâng cao lên trên chính là Phật Bồ Tát. Vì vậy giới luật nhất định bắt đầu dạy từ pháp nhân thiên.

Quý vị xem trong Thập Thiện Nghiệp Đạo nói rất hay, Đức Phật nói rõ pháp này là pháp nhân thiên, là phương pháp được thân người, được sanh lên cõi trời. Sau đó nói với chúng ta: Thanh văn bồ đề, Duyên giác bồ đề, cho đến vô thượng bồ đề đều nương vào nền tảng của Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu không có nền tảng này, không có căn bản này, làm sao ta có thể trưởng thành? Giống như thực vật vậy, làm sao có thể khai hoa kết trái? Bởi thế Phật pháp coi trọng giới luật, Tịnh tông không ngoại lệ. Nếu nói không coi trọng giới luật, thì Phật pháp này không phải là Phật pháp, không có đạo lý này. Phật pháp nhất định là giới định tuệ, ta tu học kinh giáo gọi là Giáo môn. Hoặc là tham thiền, hay là niệm Phật, hoặc là trì chú, rất nhiều pháp môn. Đều phải trì giới được định, định tức là tam muội, sau đó mới có thể khai trí tuệ. Trí tuệ này là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Nên “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi pháp môn đều dựa vào giới định tuệ để học tập và tu hành, mới có thành tựu. Từ bỏ giới định tuệ, cầm cuốn kinh, đây là xem nó như một môn học vấn, sai lầm, quý vị sẽ không được lợi ích nào cả. Ở trong lục đạo quý vị vẫn y theo nghiệp lực mà luân hồi, không thể không hiểu đạo lý này.

Lý của Tịnh tông rất thâm sâu, rất dễ tu, nhưng phải tin thật, không được có chút hoài nghi nào. Vậy chúng ta có nghi hoặc phải làm sao? Phải nghiên cứu kinh điển, phá mê khởi tín. Khi phá được mê muội, tín tâm liền sanh khởi, không còn nghi hoặc, cũng gọi là đoạn nghi sanh tín. Như vậy quý vị phát nguyện mới khẩn thiết được, nguyện tâm mới thật sự có thể sanh khởi.

Đặc biệt là trong xã hội hiện nay của chúng ta, thiên tai quá nhiều. Chúng ta sanh trong thời đại này, gặp được pháp môn này là vô lượng hoan hỷ, vì sao vậy? Vì chúng ta được cứu. Thiên tai ngay trước mắt, ngay trước mắt cũng không sợ, đều được cứu cả. Quý vị xem pháp môn này cần tu hành bao nhiêu thời gian? Trong Kinh Di Đà nói rất rõ: Nếu một ngày hai ngày cho đến bảy ngày. Bảy không phải là con số, một hai ba bốn năm sáu là chữ số, bảy ở đây không phải chữ số. Chữ này tượng trưng sự viên mãn, viên mãn nghĩa là không có nhất định, ngày nào thành tựu thì ngày đó viên mãn, nên nó là biểu pháp. Có một ngày đến bảy ngày chẳng? Có, quá khứ có, hiện tại cũng có.

Trước đây khi tôi ở Mỹ, gặp được một người niệm Phật vãng sanh, là Chu Quảng Đại tiên sinh. Vì ông không phải Phật tử nên gọi là tiên sinh, Chu Quảng Đại tiên sinh. Ông ở Hoa Thịnh Đốn DC, tức thủ phủ của Mỹ. Ông mở một tiệm bánh bao, con người rất tốt, vô cùng nhân hậu, thích điều thiện, nhưng không có tín ngưỡng Tôn giáo. Ông bị bệnh ung thư khi hội Phật Giáo của chúng tôi thành lập ở đây khoảng hơn một năm. Đi khám sức khỏe bác sĩ nói, nhiều nhất sống thêm được ba tháng, không thể cứu, người nhà nghe thế hoảng loạn. Không tin Tôn giáo, nhưng lúc này họ đi khắp nơi lạy Phật cầu thần, hy vọng có kỳ tích xuất hiện, nên tìm đến chúng tôi. Lúc này ở Hoa Thịnh Đốn chúng tôi có Hội Phật Giáo, họ tìm đến chúng tôi, lúc đó tôi ở Đức không ở Mỹ, đây là Maryland. Đồng học gọi điện thoại nói với tôi về vấn đề này, tôi nói với mọi người: Quý vị đến thăm ông ta, đến an ủi ông ta. Khi đến thăm khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, các vị đồng học liền nói với ông về ý nghĩa niệm Phật cầu Tịnh độ, đây chính là thiện căn. Vừa nghe xong ông ta liền tiếp nhận, dặn dò người nhà không nên tìm thầy thuốc để trị bệnh cho ông nữa, không cần thiết, cả gia đình nên giúp ông niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, quả là rất khó được. Đây là điều không ngờ, hoàn toàn phối hợp. Niệm Phật ba ngày thì ông đi, vãng sanh thật sự, đoan tương hy hữu.

Các vị đồng học nói lại điều này với tôi, chỉ ba ngày, là người xưa nay chưa từng học Phật, mà thật sự vãng sanh. Tôi nói điều này chứng minh trong lời Kinh Di Đà nói: Nếu một ngày hai ngày ba ngày, không sai. Tôi nói Chu Quảng Đại là Bồ Tát, ông thị hiện cho chúng ta thấy, nói với những người học Phật chúng ta rằng, ba ngày có thể vãng sanh. Ba ngày, quý vị đồng học cũng không tệ, đại khái chỉ có ba bốn người, vì bên đó người học Phật không nhiều. Họ luân lưu niệm Phật cùng ông ta ngày đêm không gián đoạn, suốt ba ngày ba đêm. Lúc ông phát tâm, vừa quay đầu để niệm Phật thì bệnh ông không còn đau. Vốn thì bệnh này rất đau đớn, phải dùng thuốc giảm đau, nhưng ông không cần đến. Vô cùng an tường, đầu óc tỉnh táo, không bị mê hoặc, cùng niệm Phật với các đồng học. Đồng nghĩa với nói, rất nhiều vị đồng học tận mắt chứng kiến, để chứng minh rằng đây không phải giả.

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chúng ta thấy pháp sư Doanh Kha thời nhà Tống. Đó là một người xuất gia phá giới, người này có tâm hổ thẹn, tự biết tập khí nghiệp chướng của mình rất nặng, tạo ra rất nhiều điều bất thiện. Nên bản thân biết rằng, tương lai nhất định đọa địa ngục, nghĩ đến địa ngục sự rất khủng hoảng, rất sợ hãi. Sư thỉnh giáo chư vị đồng học, quý vị có phương pháp nào giúp tôi không đọa địa ngục chẳng? Chư vị đồng học đưa sư xem cuốn Vãng Sanh Truyện. Sư xem niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc, sẽ không bị đọa địa ngục. Sư đọc Vãng Sanh Truyện, mỗi lần đọc đều rơi nước mắt, sanh tâm hổ thẹn. Đọc xong Vãng Sanh Truyện, sư đóng cửa phòng, chuyên tâm niệm Phật, không ăn cũng không uống, ngày đêm không nghỉ, niệm rất ráo một câu Phật hiệu. Niệm suốt ba ngày ba đêm, đã cảm ứng được Phật A Di Đà. Phật Di Đà nói với sư: Người còn mười năm tuổi thọ, mười năm sau khi lâm mạng chung ta sẽ đến tiếp dẫn người. Sư nghĩ, thời gian mười năm quá dài, bản thân

không thể khống chế được tập khí của mình. Mười năm không biết mình lại gây ra biết bao nhiêu chuyện xấu, liền thưa với Phật A Di Đà: Con không cần mười năm thọ mạng này, chỉ muốn lập tức đi theo ngài. Đức Phật đồng ý, thôi được! Ba ngày sau ta đến tiếp ngươi, quả nhiên ba ngày sau sư vãng sanh, chỉ niệm Phật ba ngày.

Nên pháp môn này, chúng ta đạt được là đại hoan hỷ, dù thiên tai đến cũng không sợ, vẫn còn kịp. Chúng ta đủ thời gian, nhất định được sanh Tịnh độ. Một điều kiện quan trọng, là phải buông bỏ tất cả, tất cả những gì trong thế gian, không hề lưu luyến, như vậy mới có cảm ứng. Nếu quý vị còn có vướng mắc, còn phải dằn dò việc này, dằn dò việc kia, như vậy thì quá phiền phức. Buông bỏ tất cả, dứt khoát cắt đứt mà không hề lưu luyến, như vậy mới được.

Tôi sống trên thế gian này, sống ngày nào giảng kinh này đó, chuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Ngày nào ra đi cũng được, đều tự tại, không như vậy sao được? Tín tâm kiên định, nguyện tâm kiên định, nhất định phải học ba chữ này: Trú, hành, niệm. Nắm bắt ba chữ này, thật sự trú chỗ của Phật A Di Đà trú, làm điều Di Đà làm, nghĩ điều Di Đà nghĩ, tâm phải rộng mở. Trong Hoàn Nguyên Quán nói: “hàm dung không hữu”, quý vị xem tâm lượng đó lớn biết bao. Nghĩa là bình thường chúng ta nói “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, biến pháp giới hư không giới là Phật A Di Đà, đây gọi là niệm Phật. Mọi người, mọi sự, mọi vật không có gì không phải là Phật A Di Đà. Hư không pháp giới là Phật A Di Đà, đầu sợi lông của chúng ta là Phật A Di Đà, một hạt bụi là Phật A Di Đà. Người niệm Phật nhất định phải dung hợp thành một cùng với tất cả chúng sanh, tất cả người sự vật khắp hư không pháp giới, chính là Phật A Di Đà, làm sao họ không vãng sanh được! Vãng sanh nhất định thù thắng hơn Doanh Kha, thù thắng hơn Chu Quảng Đại, Chu Quảng Đại chưa được cảnh giới này. Đây là những chuyện mà chúng ta tự thân chứng kiến, đều là Bồ Tát đến thị hiện cho chúng ta thấy.

Chúng ta xem bên dưới, nhận xét trong Gia Tường Sớ: “Gia Tường Sớ nói: Khứ, lai, hiện tại”, đây là ba đời. Quá là đời quá khứ, lai là đời vị lai, hiện tại. “Phật Phật tương niệm”. Quá khứ, hiện tại, vị lai Chư Phật đều hỗ tương niệm. “Nói rõ Chư Phật ba đời đều có ý niệm giáo hóa chúng sanh, ánh sáng chiếu đan xen, trí tuệ cũng chiếu đan xen, nên gọi là hỗ tương niệm”. Đây là điều chúng ta phải học, nếu chúng ta không hiểu đạo lý này, có cái nhìn nhân ngã thị phi, không bao dung người khác, như vậy làm sao vãng sanh? Chúng ta cần phải chí đồng đạo hợp với Phật A Di Đà, dùng tâm Phật Di Đà làm tâm, đây là trú. Dùng nguyện của Phật Di Đà làm nguyện. Khóa tụng của chúng ta hiện nay, buổi sáng tụng 48 nguyện, đó là hạnh của Di Đà, người như vậy sao không vãng sanh được! Đây gọi là chân niệm Phật. Phù hợp với điều kiện Bồ Tát Đại Thế Chí dạy chúng ta: “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Đô nhiếp lục căn là buông bỏ vạn duyên, không buông bỏ làm sao nhiếp được lục căn? Bây giờ nghĩ điều này, chốc lát nghĩ điều kia, chưa buông bỏ. Nghĩa trái với đô nhiếp lục căn là buông bỏ vạn duyên, trong tâm ngoài tâm thể hiện nhất như, chỉ một câu A Di Đà Phật, đây là nhất pháp cú. “Một tức tất cả, tất cả tức một”, đây là đạo lý, bây giờ chúng ta cũng biết sơ những đạo lý này.

“Ánh sáng chiếu xen lẫn nhau”, dùng cách nói của khoa học sẽ dễ hiểu hơn, ánh sáng là gì? Trong lượng tử học gọi là tiểu quang tử, đây là một hiện tượng dao động. Hiện tượng dao động có ánh sáng, nên các nhà khoa học Lượng tử là gì? Tiểu quang tử, còn nhỏ hơn so với hạt căn bản, điều này gần đây mới phát hiện được. Quả thật ánh sáng đó vừa chớp, tuy thời gian rất ngắn. Bây giờ chúng ta lý giải, ánh chớp đó chu biến pháp giới, trong ánh sáng có tin

tức, xuất sanh vô tận, hàm dung không hữu. Bất luận là vật chất hay tinh thần, đều có ba loại chu biến, đây là tự tánh vốn có. Trong kinh Phật nói pháp vốn như vậy, đây là ánh sáng chiếu xen lẫn nhau. Ánh sáng chiếu xen lẫn nhau nghĩa là trí tuệ chiếu xen lẫn nhau. Trong tự tánh mình đầy đủ trí tuệ, với tất cả các pháp, trí tuệ của tất cả Như Lai, trí tuệ chiếu đan xen lẫn nhau. Đây là tương niệm, là cảm thông. Niệm Phật như vậy, như trong kinh luận chư vị tổ sư đại đức nói: Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật, đây quả thật rất biết niệm.

Chân Giải nói: “Quá khứ, vị lai, hiện tại Phật vân vân, và chư Phật ba đời hỗ tương niệm, để suy đoán sở niệm của kim Phật”, giải thích này rất hay. Vì tôn giả A nan biết, nghe kinh lâu ngày biết được có việc như vậy, Chư Phật ba đời Phật Phật tương niệm. Thấy hôm nay, trước khi giảng bộ kinh này, Đức Thế tôn phóng ánh sáng hiện tướng đoan nghiêm thù thắng như vậy, nên suy đoán phải chăng hôm nay Đức Phật đang nhớ đến Phật? Không sai chút nào, Đức Phật nhớ đến chư Phật ba đời, Đức Phật nhớ đến Phật A Di Đà.

“Hợp Tán lại nói: Tôi căn cứ vào chư Phật ba đời hỗ tương niệm lẫn nhau, mới biết được kim Phật cũng niệm Chư Phật”. Đây là giải thích tâm thái lúc đó của tôn giả A nan, thấy đoan tướng của Thế Tôn, nghĩ rằng chắc chắn là Thế Tôn đang nghĩ đến Phật. Nhưng Tôn giả không biết là nghĩ đến Phật quá khứ hay là Phật vị lai, hay là Phật hiện tại ở các thế giới khác. Chúng ta căn cứ giáo nghĩa trong Kinh Hoa Nghiêm sẽ biết: “Một tức tất cả, tất cả tức một”, nên ý nghĩa nghĩ đến Phật này rất sâu, rất rộng, không thể nghĩ bàn. “Nhưng hôm nay hiện tướng hy hữu này vượt qua Chư Phật, đây do nguyên nhân gì?” Đây là một câu hỏi: “Kinh nói: Oai thần hiển hách, ánh sáng đẹp đẽ vi diệu thù thắng”. Đây là hai câu trong kinh văn, khen ngợi Phật phóng ánh sáng hiện tướng đoan nghiêm.

Bên dưới có giải thích: “Biểu trưng tất cả những sắc tướng hiện ra, màu sắc ánh sáng nguy nguy”, nguy nguy nghĩa là rất lớn, ánh sáng chói lọi. Màu sắc không phải chỉ mấy loại, mà là vô lượng màu sắc, hiển thị “oai thần khó đo lường” của Phật, khó đo lường cũng tức là không thể nghĩ bàn, Phật “phóng ánh sáng hiện tướng hy hữu, thù thắng tuyệt diệu”. Càng không thể nghĩ bàn. “Cõi nước mười phương hiện rõ trong ánh sáng đó, cho nên Hợp Tán khen là vượt qua Chư Phật”, đây là điều không thường thấy. Trong ánh sáng hiện tướng đoan nghiêm, rất ít có hiện cõi nước mười phương, lần này có hiện tướng trang nghiêm như vậy, trong ánh sáng của Phật hiện vô lượng cõi nước Chư Phật.

Trong thời gian dài chúng ta học Phật, có thể có một chút lãnh hội. Vì hôm nay Đức Phật giảng pháp môn này, không phải pháp môn bình thường. Đây là pháp môn đại viên mãn mà Chư Phật Như Lai dùng để hóa độ chúng sanh, tức là Tịnh độ Di Đà, vì sao vậy? Vì mười phương Phật khen ngợi, không có vị Phật nào không khen ngợi Phật A Di Đà. Nên hôm nay nói pháp môn này, tin tức này vừa truyền ra, nhất định chư Phật mười phương đều nhận được. Họ đến để tùy hỷ, họ đến để chứng minh.

Phật nói Kinh A Di Đà mười phương chư Phật khen ngợi, điều này trong kinh văn có nói. Đại sư Cưu Ma La Thập phiên dịch là tịnh lược, chỉ có chư Phật trong sáu phương. Đại sư Huyền Trang dịch là mười phương Chư Phật. Đức Phật nói bộ kinh này mười phương Phật tán dương. Từ đây ta có thể lý giải, sự thị hiện này đều là tự nhiên, pháp vốn như vậy. Từ lý là tất cả pháp từ tâm tướng sanh, ngày nay Thế Tôn nghĩ đến Phật A Di Đà, nghĩ đến mười phương Chư Phật khen ngợi Phật A Di Đà. Tất cả mười phương Chư Phật đều khuyên chúng sanh, niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc, không chỉ riêng Đức Thế Tôn. Duy chỉ có

cầu sanh Tịnh độ, mới thật sự trong một đời thành tựu viên mãn, điều này rất quan trọng. Vượt qua tất cả pháp môn.

Mở một đại hội lớn như vậy, mười phương Chư Phật có thể không đến chăng? Đây là chúng ta từ trong các kinh luận khác, lãnh hội được đạo lý này, những sự tướng này.

“Ngài A nan vì tận mắt chứng kiến ánh sáng hy hữu này”, tức là hiện tiền thấy Phật phóng ánh sáng hiện tướng hy hữu. “Trước đây chưa từng thấy, hoan hỷ may mắn”. Tôn giả là thị giả của Phật, trước đây Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp chưa từng có đoan tướng như vậy. Có đoan tướng, có phóng quang, nhưng không hy hữu đặc biệt như lần này, xưa nay chưa từng có, nên cảm thấy hoan hỷ may mắn. Nghe được pháp môn này, tức là nói ta có cơ hội thành tựu viên mãn ngay trong đời này.

“Lại tự tư duy, hôm nay Thế Tôn hiện ánh sáng hy hữu, hiển lộ đoan tướng khó gặp. Nên biết Thế Tôn nhất định nhập vào đại tịch định, trú trong pháp đặc biệt”. Đây là trong sự tướng tượng của ngài A nan. “Định này pháp này”, Thế Tôn nhập đại tịch định, trú pháp đặc biệt. Định và pháp này chính là “niệm Phật tam muội, là hạnh của đạo sư, con đường tối thắng”, ba câu này rất quan trọng. Hạnh của đạo sư ở trước có nói, Đức Phật dùng năng lực dẫn dắt tất cả chúng sanh, trong một đời viên thành Phật đạo, chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn.

Dùng phương pháp gì? Con đường tối thắng tức là pháp môn niệm Phật, đặc biệt là trú nơi chỗ của Phật, làm việc Phật làm, nghĩ điều Phật nghĩ. Phải thực hiện nó, phải thực hành trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của mình, trong công việc đối nhân xử sự tiếp vật, niệm niệm không quên. Bồ Tát Đại Thế Chí dạy chúng ta: “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, tương tục là không gián đoạn.

Hòa Thượng Đệ Nhàn dạy cho người thợ hàn, câu chuyện này có ghi chép trong Ảnh Trần Hồi Úc Lục. Cuốn sách này ở HongKong lưu hành rất phổ biến, hầu như các tự viện đều lưu thông, đều có thể thỉnh được. Truyện ký của pháp sư Đàm Hư, pháp sư dạy người thợ hàn phương pháp niệm Phật, không hề có áp lực. Buông bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, không có tạp niệm tâm mới thanh tịnh. Tịnh niệm tương tục, không có hoài nghi, không có xen tạp, niệm thật thà từng câu, rất thật thà, rất thành khẩn, rất cung kính. Niệm mệt rồi thì nghỉ, nghỉ xong lại tiếp tục niệm. Phương pháp này quá hay, không có áp lực, niệm mệt thì nghỉ, nghỉ xong lại tiếp tục niệm không kể ngày đêm. Người thợ rèn cũng niệm suốt ba năm, thành công, biết trước giờ chết, vãng sanh Cực Lạc. Sư đứng khi vãng sanh, quý vị thấy công phu này không phải giả.

Ở quê có một cái miếu hư không ai ở, sư ở trong ngôi miếu hư đó, là pháp sư Đệ Nhàn tìm cho sư. Sư xuất gia vào lúc trung niên, hơn 40 tuổi, lại không biết chữ, làm gì cũng không được. Ở trong chùa, đến hai thời kinh sáng tối cũng không biết, như vậy làm sao người khác không coi thường được? Nên sư đã tìm một nơi như vậy, tìm một bà cụ niệm Phật giúp sư một ngày hai bữa cơm trưa và tối, và giặt áo quần, để sư chuyên tâm niệm Phật. Bữa cơm sáng sư tự lo, sư chỉ sống đơn giản như thế, niệm Phật được ba năm. Trước ngày vãng sanh, sư nói với bà cụ chăm sóc mình, nói rằng hôm nay bà không cần nấu cơm, tôi muốn vào thành phố thăm mấy người bạn. Thật ra là đi từ biệt, gặp mặt lần sau cùng. Sư cũng không nói với người khác là mình sắp vãng sanh, sư có định công nên không nói. Đến tối trở về trong ngôi miếu nhỏ, nói với bà cụ ngày mai cũng không cần nấu cơm. Bà cụ thấy vị pháp sư này ba năm không ra khỏi cửa, ngày hôm qua đi ra ngoài, lại dặn ngày mai không cần nấu cơm, chắc là có người mời ăn cơm. Nên trưa ngày mai đến xem, pháp sư có ở nhà chăng?

Thấy trong chùa không có ai, kêu cũng không ai trả lời. Khi đến Phật đường xem, thấy sư đứng trước tượng Phật, đứng ở đó, trên tay cầm xâu chuỗi. Gọi sư không phản ứng, xem kĩ lại thì thấy sư đã chết. Xưa nay chùa từng thấy ai đứng như vậy mà chết, nên bà cụ kinh ngạc đến ngẩn người. Cũng may ở đó có mấy người học Phật, bà đến thông báo với mọi người: “pháp sư đã vãng sanh, đứng vậy mà vãng sanh”. Mọi người đều đến xem, thấy vậy thì sao? Lập tức đến báo với pháp sư Đế Nhân, ngài Đế Nhân ở Chùa Quán Tông. Lúc đó đi bộ, không có phương tiện giao thông, phải người đi báo tin đi và về mất ba ngày, pháp sư Đế Nhân đã đến. Sư đứng ở đó ba ngày, pháp sư Đế Nhân lo hậu sự, vô cùng khen ngợi. Sư xuất gia không uổng phí, thành tựu của sư các bậc phương trượng đại hòa thượng trong danh sơn bảo sát hiện tại đều không sánh bằng. Các bậc cao tăng hoằng pháp nghiên cứu kinh giáo, cũng không sánh bằng sư. Lời khen ngợi này là thật, không phải giả, sư không hề biết chữ. Khi chưa xuất gia cuộc sống vô cùng vất vả, làm nghề thợ hàn. Hiện nay nghề này không còn, lúc nhỏ tôi có thấy. Gánh một gánh nhỏ, ở nông thôn làm gì? Sư giúp người ta hàn lại những xoong nồi bị hư, sư làm nghề này. Hàn một cái được một hai đồng bạc, một ngày kiếm được mười đồng đã là không tệ, rất khó được, nên làm nghề này rất khổ, lại không biết chữ. Là người bạn cùng chơi từ nhỏ với pháp sư Đế Nhân, về sau thấy pháp sư Đế Nhân xuất gia rất tốt, nên cũng phát tâm này. Nhất định phải xuất gia, phải xuất gia theo pháp sư Đế Nhân, không nhận cũng không được, nhưng thật sự thành tựu. Sư thật thà, nghe lời, y giáo phụng hành, không đơn giản!

Chúng ta tin rằng người như vậy, theo nhận xét hôm nay của tôi đều là Bồ Tát thị hiện, đến biểu diễn cho chúng ta thấy, nói cho chúng ta biết pháp môn niệm Phật rất vi diệu, bất kỳ ai cũng có thể thành tựu. Tắm gương thành tựu, cũng giống như Thế Tôn phóng ánh sáng hiện tướng đoan nghiêm vậy, hy hữu khó gặp. Quý vị xem người ta niệm Phật ba năm, chỉ một mình, không có bạn. Chỉ nghe theo một câu nói của hòa thượng, pháp sư Đế Nhân không dạy sư điều gì cả, vì giảng kinh sư cũng không hiểu, chỉ dạy sư niệm một câu: “Nam Mô A Di Đà Phật”. Niệm một thì nghỉ, nghỉ khỏe lại niệm, không phân biệt ngày đêm, quý vị thấy hoàn toàn không có áp lực. Khi nào mệt thì nghỉ, nghỉ xong lại tiếp tục niệm.

Người nghèo rất khỏe, không có ý niệm. Người giàu có, ý niệm quá nhiều, không buông được. Còn sư không có gì cả, sau khi xuất gia, hòa thượng cho sư hai bộ áo quần, người nghèo như vậy ai cúng dường cho? Mới xuất gia lại không biết gì. Hòa thượng Đế Nhân từ bi, làm tăng thượng duyên cho sư, sư không phụ lòng hòa thượng, thật sự thành tựu. Đứng vãng sanh, biết trước giờ chết, chính là sư báo đáp ân của hòa thượng Đế Nhân, cũng là chơn chánh báo ân Phật. Thị hiện đoan tượng như vậy cho chúng ta thấy, khiến chúng ta có niềm tin kiên định với pháp môn này, không còn hoài nghi. Cũng biết áp dụng phương pháp này là đủ, không cần phải rườm rà. Trong tâm có Phật A Di Đà, trên miệng không ngừng niệm Phật A Di Đà, khi có thời gian nên thường xuyên lễ lạy Phật A Di Đà. Sự lễ bái này có thể tiêu nghiệp chướng, chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay nghiệp chướng rất sâu nặng, tu pháp sám hối.

Câu bên dưới, “nên hỏi rằng vì sao niệm quá khứ, vị lai chư Phật? Vì sao niệm hiện tại Chư Phật tha phương? Nếu không phải niệm Phật, làm sao bây giờ oai thần vang dội của Phật lại hiện ra ánh sáng hy hữu thù diệu như vậy”. Đây là sự suy đoán của ngài A nan, chắc chắn là Đức Thế Tôn đang niệm Phật. Nhưng không biết ngài niệm Phật quá khứ, Phật vị lai hay là hiện tại tha phương Phật, vì thế mà thỉnh giáo Phật.

Bên dưới giải thích. “Oai là đồng mãnh, thần là không thể đo lường”, đây là nói oai thần vang dội. “Vang dội là ánh sáng đẹp đẽ”, ánh sáng đẹp đẽ tráng lệ. “Trong ánh sáng của Phật hiện ra sự trang nghiêm của cõi nước mười phương, hiển lộ ra huyền môn vi diệu không thể nghĩ bàn của Hoa Nghiêm”. Cổ nhân nói Kinh Vô Lượng Thọ tức trung bản Hoa Nghiêm, có đạo lý, vì sao vậy? Vì trong tất cả kinh điển, chỉ có Kinh Hoa Nghiêm nói đến Thập Huyền Môn. Điều này trong các kinh điển khác Đức Phật chưa từng nói đến. Kinh Vô Lượng Thọ có nghĩa của Thập Huyền Môn, ở trước chúng ta đều đã học. Nên kinh này không khác gì Kinh Hoa Nghiêm, gọi nó là trung bản Hoa Nghiêm, là căn cứ theo đạo lý trong kinh điển, là nói đến đạo lý của Thập Huyền Môn. Trong kinh này có, không thiếu điều nào.

Khi đại sư Liên Trì còn tại thế giảng Kinh Di Đà Sớ Sao, lúc đó ngài hoàn toàn dùng Hoa Nghiêm, phương pháp khai mở Thập Môn, để giới thiệu bộ Kinh A Di Đà này. Nâng Kinh A Di Đà lên đến cảnh giới Hoa Nghiêm. Vì sao ngài làm như vậy? Khiến chúng ta liên tưởng đến, lúc đó Thiền tông hưng thịnh, Tịnh tông suy yếu. Đa phần cho rằng Tịnh độ tông là tiếp dẫn những người không có tri thức như các ông bà cụ, là để tiếp dẫn họ. Giai cấp sĩ đại phu, ngày nay chúng ta gọi là phần tử tri thức cao cấp, họ không có nhân duyên tiếp xúc. Trong tình hình này, ngài Liên Trì đại từ đại bi, biết người học Phật không ai không tôn kính Hoa Nghiêm, mà Tịnh tông thật ra là chỗ về của Kinh Hoa Nghiêm. Chúng ta đọc phẩm sau cùng của Kinh Hoa Nghiêm, thấy Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương quy về Cực Lạc. Cổ đức nói, sự viên mãn của Hoa Nghiêm ở Vô Lượng Thọ. Cho nên đại sư Liên Trì dùng giáo nghĩa Kinh Hoa Nghiêm để giải thích Kinh A Di Đà, nâng cao địa vị của Tịnh tông lên ngang tầm với Kinh Hoa Nghiêm, khiến pháp môn Tịnh độ được phục hưng trở lại. Sau khi ngài qua đời, đại sư Ngẫu Ích tiếp nối, hai vị tổ sư này đã phục hưng Tịnh độ trở lại.

Bây giờ chúng ta đều biết, họ không phải người phàm, mà là Phật Bồ Tát tái lai. Thân phận đại sư Liên Trì chưa bộc lộ, chúng ta không biết. Nhưng đại sư Ấn Quang đối với Kinh Di Đà Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích, tán thán đối với bản chú giải này, chúng ta phải suy nghĩ tường tận, trong đó có rất nhiều huyền nghĩa. Ngài nói, cho dù cổ Phật tái sanh để chú giải Kinh A Di Đà, cũng không hơn được bản này. Sự tán thán đã đến đỉnh điểm, đúng vậy chăng?

Thân phận của đại sư Ấn Quang bộc lộ, ngài là Bồ Tát Đại Thế Chí tái lai. Bồ Tát Đại Thế Chí khen ngợi chú giải này như vậy, vậy người chú giải này là ai? Chúng ta nghĩ không phải Phật A Di Đà, cũng là Bồ Tát Quán Thế Âm, mới có thể được Bồ Tát Đại Thế Chí khen ngợi như vậy. Suốt đời đại sư Ngẫu Ích học theo đại sư Liên Trì. Đại sư Liên Trì đã vãng sanh, ngài là đệ tử tư thực của đại sư Liên Trì, ngài học theo những trước tác của đại sư Liên Trì, đọc sách của đại sư Liên Trì. Ngưỡng mộ đại sư Liên Trì, nên học tập theo ngài. Đại sư Liên Trì là tổ sư đời thứ tám của Tịnh độ tông, còn ngài trở thành tổ sư đời thứ chín, ngài đã học thành công.

Trong truyền thống ngày xưa, Mạnh tử tự học theo Khổng tử, là đệ tử tư thực của Khổng tử. Trong Phật giáo đại sư Ngẫu Ích là đệ tử tư thực của đại sư Liên Trì. Đây đều là học được khi thầy đã qua đời, y theo trước tác của thầy lưu lại mà học tập thành công. Cổ nhân nói: “thanh xuất ư lam nhi thắng ư lam”, đệ tử vượt qua thầy, đây là thật không phải giả. Nhưng người xưa chú trọng tôn sư trọng đạo, dù hơn thầy nhưng vẫn tôn phụng thầy trên cao. Đây là đại đức, là giáo dục.

Quý vị xem các bậc đế vương ngày xưa. Các đời đế vương đạt được chánh quyền, lên làm hoàng đế, nhất định truy phong cha mẹ, ông bà làm thái vương. Đây là gì? Kính tổ tông,

kính thầy, đây là hai vấn đề quan trọng nhất trong truyền thống xưa. Việc dạy học của Phật giáo cũng không ngoại lệ. Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng. Sự thành tựu của một người, ân đức của hai bậc này lớn nhất. Thành tựu hơn cha mẹ, hơn thầy tổ, nhưng không dám coi thường cha mẹ và thầy tổ. Dùng cách này giáo huấn người trong thiên hạ, người trong thiên hạ mới thật sự khâm phục, vô cùng khâm phục quý vị. Nếu hơn cha mẹ, mà bất hiếu với cha mẹ, vì cha mẹ không bằng mình, bản lĩnh ta lớn hơn cha mẹ, hạng người này rất nhiều. Người trong xã hội coi thường những người bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng. Địa vị và danh dự của quý vị trong xã hội hơn thầy, nhưng không hề hỏi han nhắc nhở đến thầy, đây là gì? Là bội sự phản đạo, đại bất hiếu. Cho dù thành tựu đến mấy, lúc đó có người tặng bốc quý vị, nhưng trong lịch sử không ai tôn kính quý vị. Những vấn đề này chúng ta đều phải hiểu.

Câu sau cùng: “Huyền môn không thể nghĩ bàn, nên hiện ánh sáng hy hữu, thù diệu tuyệt luân, nên thỉnh Phật tuyên thuyết”. Đây là nói Tôn giả A nan, vì sao phải khởi thỉnh Đức Phật nói vấn đề này.

Đoạn sau cùng là: “Tán thỉnh hứa thuyết”, Đức Thế Tôn vô cùng khen ngợi câu hỏi của ngài A nan, công đức khởi thỉnh này rất lớn.

Hôm nay hết giờ rồi, ngày mai chúng ta học tiếp đoạn này.

Tập 145

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 16.09.2010

Địa điểm: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 167, bắt đầu xem hàng thứ sáu của kinh văn, chúng ta đọc qua phần kinh văn một lượt.

“U thị Thế Tôn, cáo A nan ngôn: Thiện tai thiện tai! Như vi ai mẫn lợi lạc, chư chúng sanh cố, năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa. Nhữ kim tư vấn, thắng ư cúng dường nhất thiên hạ A la hán, Bích Chi Phật, bố thí lũy kiếp chư thiên nhân dân, quyên phi nhuuyến động chi loại, công đức bá thiên vạn bội. Hà dĩ cố? Đương lai chư thiên nhân dân, nhất thiết hàm linh, giai nhân nhữ vấn, nhi đắc độ thoát cố”.

Đoạn này là kinh văn, giới thiệu sơ lược với quý vị về việc A nan đề xuất thỉnh Phật thuyết pháp. Đức Thế Tôn khen ngợi khởi thỉnh của ngài, đáp ứng thỉnh cầu của Tôn giả. Nguyên nhân là gì? Thứ nhất, Đức Phật thuyết bộ kinh này vô lượng hoan hỷ, phóng ánh sáng hiện tướng hy hữu. Tôn giả A nan là thị giả của Phật, mỗi lần Phật giảng kinh ngài đều nghe. Nhưng hôm nay phóng ánh sáng là toàn thân phóng ánh sáng, trong ánh sáng còn có

mười phương cõi Phật. Đoan tướng hy hữu như vậy, trước đây ngài chưa từng thấy, nên cầu thỉnh Thế Tôn nói ra nguyên nhân đạo lý này.

Đức Phật vô cùng hoan hỷ, thấy như thế nào? Nhân duyên của chúng sanh đã thuần thực, nhân duyên gì? Cơ duyên thành Phật đã chín muồi. Quý vị nói điều này hy hữu biết bao, còn hy hữu hơn cả Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Bất kỳ ai, chỉ cần gặp được kinh này có thể tin, có thể hiểu, bèn đạt được đại viên mãn.

Khi tôi mới học Phật, thầy giới thiệu Phật pháp cho tôi, thầy nói: Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Nếu nói ở trong pháp hội này, tức là đại hội Kinh Vô Lượng Thọ này, đó đúng là hưởng thụ thuộc đỉnh cao nhất của đời người, đây là đỉnh điểm, không có gì thù thắng hơn. Nên Đức Phật liền phóng quang hiện tướng hy hữu, A nan khen ngợi là điều chưa từng có, đây là trú trong pháp đặc biệt. Quả thật rất hy hữu, vô cùng đặc biệt. Đây nghĩa là nhân duyên của chúng sanh đã thuần thực, duyên chưa thuần thực, nói cũng vô ích, vì sao vậy? Vì họ không thể tin, không thể lý giải, không thể y theo phương pháp này để tu học, nên họ cũng không thể thành tựu. Ngài thấy nhân duyên đã thuần thực, lại gặp được ngài A nan thấy phóng quang hiện tướng tốt này, khiến ngài cảm động liền thay mặt đại chúng đến khởi thỉnh Phật. Nên Phật khen ngợi ngài A nan: “Lành thay, lành thay”, ý nghĩa hai chữ lành thay này rất thâm sâu.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ: “Đoạn bên phải”, tức đoạn kinh văn ta vừa mới đọc, “là lời Bôn Sư trả lời câu hỏi”. Bôn Sư là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, điều này chư vị cần phải ghi nhớ. Bôn là căn bản, là bậc thầy khai sáng nền giáo dục Phật giáo, gọi là Bôn Sư, người thầy căn bản.

Người trung quốc tôn sùng Khổng tử là Chí Thánh Tiên Sư, nên giáo dục ngày xưa là giáo dục của thánh hiền. Đất nước này có 5000 năm lịch sử, là chính trị của thánh hiền, chúng ta phải hiểu điều này. Một số người gọi là phong kiến, đây là do hiểu chưa sâu sắc. Nếu hiểu sâu sắc thì như thế nào? Chính trị và giáo dục là liên thông, giáo dục là giáo dục thánh hiền, như vậy chính trị sao biến thành chuyên chế được? Làm gì có đạo lý này! Chính trị của thánh hiền, chính trị của thánh hiền thật sự là đại đồng. Đại đồng không phải lý tưởng, ngày xưa từng xuất hiện. Khổng tử đối với vấn đề này, thường để trong lòng, luôn nghĩ có thể sáng kiến đại đồng.

Đại đồng là thời kỳ nào? Là vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ, ba đời này là thời kỳ đại đồng. Trong Lễ Vận Đại Đồng Thiên nói, tức là chính trị của thời đó. Người lãnh đạo quốc gia không hề có tư tâm, toàn tâm toàn lực vì nhân dân. Lúc đó thiên hạ là của chung, không phải truyền ngôi cho con mình, mà truyền lại cho hiền nhân. Hiền nhân được tuyển chọn trong xã hội. Khi Nghiêu làm thiên tử, nghe nói Thuấn rất hiếu thuận. Nên ngày xưa điều kiện tuyển cử chính là hai chữ: Một là hiếu, hai là liêm. Nếu con người biết hiếu thuận, họ có thể trung với đất nước, trung với nhân dân. Nếu con người biết liêm, nhất định sẽ không tham ô. Nên mấy ngàn năm này chính phủ dùng người, lấy hai chữ này làm tiêu chuẩn. Cử hiếu liêm, cử là tuyển cử, ai tuyển cử? Quan viên địa phương tuyển cử, đem việc tuyển cử thành hạng mục đầu tiên vào trong thành tích chính trị của họ. Nếu họ làm quan ở đây ba năm, làm huyện thị trưởng ba năm, mà không chọn cho quốc gia được một người hiếu liêm, như vậy là thành tích chính trị của họ chưa đạt. Hay nói cách khác, họ sẽ bị điều chức, không thể tiếp tục ngồi ở vị trí này nữa.

Cho nên ngày xưa vi hành, xã hội ngày xưa không có truyền thông, hay khoa học kỹ thuật như hiện nay, không có, chỉ có cách mặc thường phục xuất hành. Họ không mang lễ

phục của mình để không ai nhận ra, nên họ mặc đồ thường phục ra bên ngoài để thăm dò, thăm dò điều gì? Hỏi thăm nhà nào có hiếu tử, cẩn thận tiếp xúc, xem có phải hiếu tử thật chẳng? Sau đó tặng lễ vật cho họ, xem họ có liêm khiết chẳng? Nhiều lần khảo sát thử nghiệm, người này là hiếu, là liêm thật thì đề cử họ, đề quốc gia đào tạo.

Giáo dục gia đình là tư thực, thầy giáo cũng đến nơi tư thực để chọn. Khi chọn được người hiếu liêm, cho họ tham gia thi cử, tham gia thi huyện. Thi huyện là thi tú tài, chỉ cần thi đậu tú tài, tú tài chưa gọi là công danh. Thi đậu tú tài, tư cách này là nhận được lương bổng của quốc gia. Một năm cần bao nhiêu tiền sinh hoạt, quốc gia cấp cho quý vị, quốc gia bồi dưỡng quý vị. Khiến đời sống cơ bản, đời sống tuy không sung túc, nhưng có thể sống được, để quý vị an cư lạc nghiệp, nỗ lực học tập. Sau đó tiếp tục tham gia thi tỉnh, thi tỉnh là cử nhân. Sau đó tham gia thi cấp quốc gia, gọi là thi đình, thi đình là đỗ tiến sĩ. Đại khái thi đậu cử nhân, tiến sĩ, quốc gia bắt đầu phân công việc cho quý vị. Họ áp dụng chế độ này, chế độ này ngày xưa đã áp dụng mấy ngàn năm, đến năm dân quốc mới phế bỏ chế độ này, chế độ này rất hay. Quý vị xem mấy ngàn năm thay triều đổi đại, chế độ này vẫn không thay đổi, không thay đổi chế độ đề cử người hiếu liêm. Nên đất nước mới có được nền trị an lâu dài như vậy, nó có đạo lý của nó.

Bây giờ chúng ta nghe một số người phê bình, trong lòng rất khó chịu. Nhưng không trách họ được, vì sao vậy? Vì những cổ tịch xưa, họ đọc quá ít nên không hiểu. Các nước phương tây ngày xưa là đế vương chuyên chế, đó thật là chuyên chế, phương đông không có. Chúng ta cũng là đế vương, cha truyền con nối từ đời này qua đời khác, nhưng nhà nước có Ngự sử đại phu giám sát đốc thúc quốc vương, hoàng đế rất tôn trọng ông ta. Hoàng đế làm gì sai, ông ta có thể trực tiếp can gián, hoàng đế không thể không tiếp thu. Nếu như hoàng đế không tiếp thu, thì đó là hôn quân, chắc đất nước của ông ta duy trì không lâu. Các hoàng đế cuối triều đại đa số rơi vào tình hình này, bị người khác khởi nghĩa, lật đổ.

Nếu không phải là những điển tịch quý báu, sao có thể truyền lâu như vậy được? Nên giáo dục là nền giáo dục của thánh hiền, dạy điều gì? Từ thời Hoàng đế đến nay là 4500 năm, thời hoàng đế trước vua Nghiêu, đây đều là con cháu của hoàng đế. Bởi thế chúng ta phải hiểu lịch sử này, không thể không biết! Thời hoàng đế mới sáng tạo ra chữ viết, mới có văn tự ghi chép. Trước hoàng đế, thời Thần Nông, Phục Hy, Toại Nhân, trước đó ít nhất là 1500 năm, không có văn tự. Lúc đó những đạo lý của cổ thánh tiên hiền đều là khẩu truyền, khẩu truyền nhất định phải rất đơn giản, quá phức tạp, quá nhiều không nhớ hết, dễ quên. Nên giáo huấn của thánh hiền truyền lại quả thật rất đơn giản, rất dễ nhớ. Như Ngũ luân ngũ thường, tứ duy bát đức, chỉ bao nhiêu đó. Trị quốc bình thiên hạ, mấy vạn năm đều nhờ nó; giáo dục cũng dạy điều này; lý tưởng của xã hội cũng từ đây mà ra, đơn giản biết bao! Cho nên họ không truyền sai, không truyền lệch lạc. Tinh thần dựng nước ngày xưa là tinh thần giáo dục, chính là câu đầu tiên trong Ngũ luân: “Phụ tử hữu thân”. Thân là thân ái! Mục đích giáo dục, mục đích đầu tiên là làm sao để vĩnh viễn duy trì sự thân ái này, không bị biến chất. Tình yêu giữa cha con là thiên tánh, từ đâu để nhận ra? Ba bốn tháng, trẻ con ba bốn tháng.

Có một năm tôi đến dự hội nghị ở Nhật bản, có mười mấy vị đồng tu đi theo tôi, tức là những Hoa kiều Nhật bản. Có một người mẹ trẻ, đẩy trên xe một đứa bé, khoảng bốn tháng. Tôi đang đi trên đường đột nhiên nghĩ đến, tôi nói quý vị hãy đến xem, xem tình yêu thương của người mẹ này đối với đứa bé, xem thần tình và ánh mắt của bà. Sau đó lại xem kỹ đứa bé, quý vị thấy ánh mắt, động tác, thần tình và tình yêu của đứa bé đối với người mẹ. Điều này không ai dạy chúng, là thiên tánh! Trong Phật pháp gọi là tánh đức, là tự nhiên. Giáo dục là

làm sao có thể vĩnh viễn duy trì tình yêu thương này, suốt đời không thay đổi. Đây là mục tiêu giáo dục đầu tiên.

Mục tiêu thứ hai là phát triển rộng rãi tình yêu thương này, khiến họ có thể dùng tâm yêu thương cha mẹ, yêu anh em chị em, yêu gia tộc của họ, yêu những người trong thôn xóm. Dần rộng ra là yêu xã hội, yêu dân tộc, yêu quốc gia. Đến sau cùng “phàm là người đều phải yêu thương”. Từ xưa đến nay, giáo dục là nền giáo dục của yêu thương, chúng ta không thể không biết điều này.

Mọi người đều biết trên toàn thế giới, ngày xưa từng có bốn nước có nền văn minh lớn. Hiện nay ba nước không còn, đều biến mất, duy nhất Trung quốc tồn tại, dựa vào điều gì? Chính là nền giáo dục này. Từ nhỏ đã đào tạo nên đại công vô tư, vì ngày xưa là đại gia đình, không thể có tư tâm. Có tư tâm, sẽ người mất nhà tan. Một gia đình bình thường, ít nhất đều có trên dưới 300 người, quý vị khởi tâm động niệm là nghĩ cho toàn gia đình, nghĩ cho toàn gia tộc. Họ không phải nghĩ cho một gia đình nhỏ, không phải. Nên nhà giống như một xã hội vậy, có thể trị gia là có thể trị quốc.

Trong Đại Học nói: Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Bản lĩnh trị quốc của họ, là học được từ trong việc trị gia. Bởi vậy người xưa biết cách giáo dục, có trí tuệ giáo dục, có phương pháp giáo dục, có kinh nghiệm giáo dục, có hiệu quả và thành tựu giáo dục. Vấn đề này chúng tôi ở nước ngoài, tiến sĩ Townenbe thường nhắc đến, khen ngợi trí tuệ của người xưa. Đây là một người nghiên cứu văn hóa sử, là một nhà triết học lịch sử, rất được mọi người sùng kính. Ông từng nói, giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21, toàn bộ thế giới, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa. Một người Anh đã nói như vậy. Đây không phải nói một cách tùy tiện, mà ông có một sự hiểu biết rất sâu sắc.

Phụ tử hữu thân là nguồn gốc của nền giáo dục ngày xưa. Chúng ta mới thật sự hiểu được, giáo dục xưa là nền giáo dục yêu thương. Yêu được phát xuất ra từ trong tự tánh, không phải người nào sáng tạo, không phải lý tưởng của riêng ai, cũng không phải do ai phát minh, là bản tánh. Trong Tam Tự Kinh nói: “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”, là bản thiện.

Tiếp theo là “phụ phụ hữu biệt”, biệt đây là gì? Là nhiệm vụ khác nhau. Vợ chồng tổ hợp thành một gia đình, trong gia đình có hai vấn đề: Thứ nhất là sinh hoạt gia đình, đây là việc lớn. Ngày xưa người đàn ông là chủ bên ngoài, ra bên ngoài mưu sinh, người cha phụ trách kinh tế sinh hoạt trong gia đình. Người phụ nữ chủ bên trong, trong gia đình quan trọng nhất là giáo dục tốt đời sau, nương vào người chồng để dạy con cái. Trách nhiệm này của người phụ nữ nặng hơn trách nhiệm người đàn ông, nghĩa là trong gia đình có hậu nhân chẳng, hoàn toàn là việc của người mẹ. Người cha bận làm việc bên ngoài, nên trách nhiệm dạy con cái của người mẹ rất nặng nề.

Thành tựu của Khổng tử là nhờ vào người mẹ, thành tựu của Mạnh tử cũng là công lao người mẹ. Ba vị thánh nhân thời nhà Chu: Văn vương, Vũ vương, Chu công đều nhờ người mẹ mà thành tựu như thế. Mẹ thánh hiền mới dạy ra được con cái thánh hiền, đây là ý của phụ phụ hữu biệt.

Sau đó mới nói đến: “trưởng ấu hữu tự”, “quân thân hữu nghĩa”. Quân thân hiện nay gọi là người lãnh đạo và người bị lãnh đạo. “Bảng hữu hữu tín”. Đây là Ngũ luân, dạy về giáo dục cuộc sống. Trẻ con từ khi mới sinh ra là bắt đầu dạy, mới sanh ra, quý vị đừng coi thường chúng. Nó mở mắt ra là đã biết nhìn, biết động tai lên để nghe, chúng đang bắt chước, đang học tập. Nên từ khi mới sinh cho đến ba tuổi, 1000 ngày này, cổ nhân nói thời gian này là đặt nền tảng giáo dục, hoàn toàn do người mẹ dạy. Sau khi đặt nền móng này, chúng bắt

đầu tiếp thu ngũ luân ngũ thường, tứ duy bát đức. Đều là thể hiện cho chúng noi theo, chứ không phải là giảng cho chúng nghe, chúng không biết nghe. Cha mẹ làm gương cho con cái học hỏi theo, chúng đều thấy hết, học được tất cả.

Sáu bảy tuổi bắt đầu đi học, khi đi học thầy giáo làm gương, nên ân đức của thầy cũng giống như cha mẹ vậy. Tuổi nhi đồng đã học được, nhưng vẫn chưa thuần thục, phải đến mười hai mười ba tuổi mới thuần thục, trong thời gian này đều phải nhờ thầy giáo. Cho nên gia giáo, gia học _gia giáo là cha mẹ, gia học là thầy giáo, ngày xưa là tự thực.

Tự thực đa phần đều dùng từ đường làm trường học, vì từ đường chỉ có tế kỵ vào hai mùa Xuân Thu, bình thường đều không dùng đến. Không gian rộng rãi nên làm nơi dạy học, điều này rất hay, vì làm nơi dạy học ở đây thì ngày ngày đều lạy tổ tông, học trong từ đường. Đây đều là đề xứng hiếu đạo.

Bởi vậy ngạn ngữ xưa có câu: “Ba tuổi xem 80”, nền tảng này, căn bản cảm xuống lúc ba tuổi, đến 80 tuổi cũng không thay đổi, sẽ không học những thói hư! Là “bảy tuổi xem chung thân”. Hiện nay hai câu này đều không dùng đến, vì sao vậy? Vì ba tuổi chúng không hiểu gì cả, bây giờ chúng học từ đâu? Bây giờ chúng học từ internet, từ phim ảnh. Trẻ con mở mắt ra là thấy ti vi, trong ti vi dạy chúng những điều gì? Dạy chúng bạo lực, sắc tình, sát đạo dâm vọng. Vì vậy ngày nay rất nhiều bậc cha mẹ nói với tôi, con cái không nghe lời. Thầy giáo thì nói rằng, học trò không ngoan. Đương nhiên rồi, vì sao? Vì không có nền tảng giáo dục, chúng có thể ngoan hiền được sao?

Trong bộ kinh này Đức Phật nói rất có lý, quả là thông tình đạt lý, mấy câu này hình như nói với người hiện nay: “người đi trước không biết”. Cha mẹ chúng ta không biết, ông bà cũng không biết, ông bà cố cũng không biết, chắc phải hàng cao tổ mới biết.

Nhà Thanh mất nước, sau khi thành lập Dân quốc, xã hội động loạn bất an. Đầu tiên là quân phiệt cát cứ, sau đó gặp phải tám năm kháng chiến với người Nhật. Trong thời kỳ chiến tranh động loạn này, làm lãng quên truyền thống văn hóa xưa, từ đây không còn thấy được nét truyền thống xưa này nữa. Ở quê Giang Nam chúng tôi, còn thấy được một vài di tích, những ngôi nhà của đại gia đình ngày xưa vẫn còn. Giang Nam còn bảo tồn một bộ phận, nhưng người không còn. Giáo dục cũng không còn, giống như cổ nhân nói: “người còn chính sách còn, người mất chính sách diệt”. Chúng tôi nhìn thấy rất thương tâm, rất đau lòng. Nhà của ngày xưa công hiến rất lớn cho xã hội, cho quốc gia. Mấy ngàn năm nay trường trị cửu an dựa vào đâu? Dựa vào nhà, dựa vào giáo dục gia đình, hiện nay không còn, có thể phục hưng chăng? Không thể. Ngày xưa nhà là quan hệ ruột thịt, một đại gia đình có ngũ đại đồng đường là bình thường. Nên ngày xưa là cửu tộc, từ trên là Cao tổ, Tăng tổ, ông bà, cha mẹ đến chúng ta, dưới mình có con cái, có cháu, có chắt, có chiu. Vì vậy có chín đời, cửu tộc! Đó mới thật sự là niềm vui thiên luân. Nếu nói gia đình này không có giáo dục, không có quy củ, vậy sao được! Không phải rất rối loạn ư? Nên từ nhỏ đã học, mỗi người đều vì gia đình. Tôi sanh vào trong gia đình này, sống trên đời này là vì điều gì? Vì gia tộc, vinh tông diệu tổ, tôi phải làm vinh quang cho gia đình. Con người sống trong thế gian đều có mục tiêu, có mục đích. Hiện nay không còn. Hiện nay con người sống trên đời, bây giờ tôi thường nghe nói, học sinh tiểu học tự sát, vì sao vậy? Vì sống cảm thấy không có ý nghĩa, vì sao sống cũng không biết. Ngày xưa biết, từ nhỏ đã biết sống để làm gì. Sống là vì gia đình, vì gia tộc, sau đó là vì xã hội, vì quốc gia. Căn bản giáo dục này rất vững chắc! Nên nhất định cần phải biết, giáo dục ngày xưa là giáo dục của thánh hiền, chúng ta không đọc sách thánh hiền nên không biết. Trong điển tích của thánh hiền, trong điển tích của Tôn giáo, không dạy ta làm người

xấu, đều là dạy làm người tốt. Đặc biệt là Phật pháp, dạy quý vị làm Phật, làm Bồ Tát, giúp tất cả chúng sanh khổ nạn, giúp họ lìa khổ được vui. Phật pháp nói một cách cứu cánh, lìa khổ được vui phải nói đến cứu cánh, thì thành Phật mới là cứu cánh. Thành A la hán coi là tiêu quả, điều này trong lục đạo luân hồi không có, A la hán vượt thoát luân hồi lục đạo, luân hồi khổ! Trong này oan oan tương báo, không bao giờ dứt, thật là khổ không thể tả.

Ở dưới chúng ta nói đến A la hán, nên câu hỏi của ngài A nan, quả là tuyệt vời. Đức Thế Tôn vì chúng ta mà thuyết bộ kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Bộ kinh này ở thế gian, độ được không biết bao nhiêu người! Pháp vận của Đức Phật là 12000 năm, theo ghi chép của cổ nhân, người xưa rất coi trọng niên đại ghi chép của lịch sử. Những vị hòa thượng trước chúng tôi một đời đều dùng niên đại này, Đức Thế Tôn viên tịch đến nay là 3037 năm. Ghi chép của người nước ngoài là hai ngàn năm trăm năm mấy năm, không nhất quán đến 600 năm. Chúng ta không cần khảo chứng điều này, vì nó không quan trọng. Quan trọng là lý luận, là phương pháp, là học vấn, điều này mới quan trọng. Người Ấn độ không quá coi trọng những niên đại ghi chép trong lịch sử, nhưng cổ nhân chúng ta rất rõ. Lúc Đức Thế Tôn ra đời, vào năm 24 của Chu Chiêu Vương, ngài viên tịch vào năm 53 của Chu Mục Vương. Tính theo niên đại của người xưa sẽ rất rõ ràng.

Phật pháp là sư đạo, Phật pháp không phải Tôn giáo. Ngày nay Phật pháp biến thành Tôn giáo, chúng ta có lỗi với Đức Phật. Đức Phật 30 tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ bắt đầu dạy học, dạy đến 79 tuổi thì viên tịch. Trong suốt 49 năm ngài chưa nghỉ một ngày nào, không có, ngày ngày dạy học, ngày ngày lên lớp.

Phật giáo truyền đến Trung quốc, tự viện am đường cũng ngày ngày dạy học, tự viện là trường học, là giáo dục Phật giáo. Nền giáo dục truyền thống ngày xưa, giáo dục của Nho giáo do tể tướng quản lý, dưới tể tướng có bộ giáo dục, chuyên môn quản lý vấn đề này, ngày xưa gọi là bộ lễ. Lễ bộ thượng thư tức là bộ trưởng giáo dục, nền chính trị ngày xưa tất cả đều vì phục vụ cho giáo dục, lấy giáo dục làm nòng cốt. Chúng ta không thể không biết điều này. Biết rồi ta mới thật sự khen ngợi trí tuệ của người xưa, người xưa rất đáng nể. Giáo dục Phật giáo truyền đến Trung quốc, do ai quản lý? Đích thân hoàng đế quản lý, từ thời Hán Minh Đế sau khi cung thỉnh Phật giáo đến Trung quốc, mãi đến cuối thời nhà Thanh, giáo dục Phật giáo đều do hoàng đế trực tiếp quản lý.

Ở Trung quốc còn có Đạo giáo, dưới Hoàng đế có hai cơ cấu, chuyên môn quản lý điều này. Một cơ cấu gọi là Tăng lục ty, một cơ cấu nữa gọi là Đạo lục ty. Đạo lục ty quản lý Đạo giáo, Tăng lục ty quản lý Phật giáo. Nên đạo tràng được gọi là tự. Tự nghĩa là gì? Tự là một cấp cơ cấu làm việc dưới hoàng đế, chúng ta đến Cố Cung có thể thấy được điều này, nó không liên quan gì đến Tôn giáo. Miếu là Tôn giáo, Cung, Quán là Tôn giáo, Tự không phải. Cho nên Phật giáo gọi là tự viện am đường, nó không phải Tôn giáo, đây là giáo dục.

Phật giáo từ giáo dục trở thành Tôn giáo, căn cứ theo lịch sử thì không quá 300 năm, rất gần. Quý vị thử nghĩ xem, thời Càn Long, Gia Khánh vẫn là trường học, biến chất vào khoảng sau thời Gia Khánh. Tôi nghĩ biến chất thật sự có thể vào thời thái hậu Từ Hy, thái hậu Từ Hy là oan gia đầu của nhà Thanh, bà xuất hiện là để tiêu diệt đế quốc đại Thanh, bà đến để báo thù, đây là oan oan tương báo. Bà báo là tư thù, nhưng chúng ta rất nhiều người chịu hại, bà không thể không gánh tội này. Ân oán cá nhân của quý vị, lại khiến nhiều người chịu đau khổ như vậy, đây là sai lầm.

Ở đây hai câu lành thay là tán thán, nói như bây giờ là quá tốt! Quá tốt!

“Lành tức là tốt, lành thay là từ khen ngợi. Đại Trí Độ Luận nói: Lành thay, lành thay, nói lời lặp lại, biểu thị niềm vui tột cùng”. Hoan hỷ đến tột cùng, khen ngợi lành thay, lành thay. Ngài Tịnh Ảnh nói: “Câu hỏi của A nan đúng căn cơ, đúng pháp, đúng thời, nên Phật khen ngợi”. Ba khái niệm này rất hay. Đúng căn cơ nghĩa là nhân duyên chúng sanh đã thuận thực, có thể tiếp nhận pháp môn này. Pháp môn này là đỉnh cao để tất cả Chư Phật trong ba đời mười phương giáo hóa chúng sanh, phá mê khai ngộ, lia khổ được vui. Hơn nữa còn rất nhanh, trong một đời có thể thành tựu, không cần thời gian quá dài. Các pháp môn khác cần phải tu rất nhiều đời, mấy mươi đời, mấy trăm đời vẫn chưa chắc có thể thành tựu. Pháp môn này, nếu thật sự y giáo phụng hành, thấu hiểu được thì đời này ta sẽ thành tựu, quả là hy hữu khó gặp. Đúng pháp, pháp là pháp môn này, khi nhân duyên đã thuận thực, cần phải khai mở pháp môn này, phải mở môn học này. Hợp thời, là thời tiết nhân duyên đã thuận thực, tức lúc là đúng thời. Vì thế Đức Phật khen ngợi nó.

Chân Giải nói: “Những gì ngài A nan hỏi là hợp với tâm của Phật”. Câu hỏi của ngài A nan đã hỏi đúng với tâm ý của Phật Thích Ca, Đức Phật cũng thấy đúng như vậy. Pháp môn này cần phải nói, cần phải truyền cho hậu thế. Câu hỏi của A nan hợp với ý ngài, nên khen ngợi Tôn giả A nan. “Ông vì thương xót lợi lạc chư chúng sanh, có thể hiểu được ý nghĩa vi diệu như vậy”. Ông đã hỏi một câu hỏi như vậy, đây là vì ai mà, ai là ai lân. Chúng sanh quá khổ, ngu si nghiêm trọng, không có trí tuệ, tạo nhiều ác nghiệp, tương lai có thể không chịu quả báo được chăng?

Trong Kinh Địa Tạng Đức Phật nói: “Chúng sanh trong Diêm Phù Đề”, Diêm Phù Đề là nói địa cầu này, chúng sanh của địa cầu, “khởi tâm động niệm không có gì không phải tội”. Lời này nói là thật không phải giả, vì sao vậy? Vì không hiểu rõ chân tướng của nhân sinh vũ trụ, thuật ngữ của Phật pháp gọi là thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp, nói như bây giờ là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Vũ trụ từ đâu mà có? Vì sao có vũ trụ? Trong kinh Phật gọi là mười pháp giới, nói rõ ràng hơn khoa học hiện nay. Khoa học nói ra nhưng không tường tận như Đức Phật. Khoa học nói là khác tầng không gian, trong kinh Phật gọi là mười pháp giới.

Mọi tình hình trong tầng không gian khác nhau Đức Phật nói rất rõ ràng, mỗi tầng đều nói một cách rành mạch, các nhà khoa học không có. Ta từ đâu đến? Vạn sự vạn vật từ đâu đến? Nó đến như thế nào? Vì sao có những thứ này? Quý vị xem khoa học và triết học trên toàn thế giới, thần học trong Tôn giáo, đều đang nghiên cứu thảo luận vấn đề này. Trăm ngàn năm nay cho đến hiện tại, đều không có định luận.

Khi tôi học Phật, thầy giới thiệu Phật pháp cho tôi, tôi học triết học với thầy, thầy đã nói rằng: Đức Thế Tôn là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới, triết học Phật giáo là đỉnh cao nhất của triết học trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Tôi đi vào cửa Phật bằng con đường như vậy. Lời này là thật. Tôi đã dùng 59 năm để nghiên cứu Phật pháp, chứng minh nó là thật, không hề sai. Trong đời này tôi thật sự hưởng thụ được sự hưởng thụ cao nhất của đời người, không giả chút nào. Tuy suốt đời không có gì cả, không có gì cả giống như Đức Phật vậy, Đức Phật cũng không có gì cả, rất tự tại! Cuộc sống tự tại.

Quý vị xem người thế gian ai không có áp lực? Áp lực tinh thần, áp lực vật chất, những điều này tôi đều không biết đến, tôi đều không có. Thật sự làm được đối với người không tranh, đối với thế gian không cầu, nhận thức rõ tánh tướng, lý sự, nhân quả giữa thế gian. Đây là đại học vấn, không những thầy nói là triết học cao nhất, hiện nay phát hiện còn là

khoa học cao nhất. Vì sao vậy? Vì những gì trong khoa học không thể giải quyết, Phật pháp đều có, nói rất rõ ràng.

Ngày nay khoa học phát triển về hai phương hướng, một hướng là vũ trụ vĩ quan. Trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là thế giới Hoa Tạng, thế giới thành tựu, nói rõ ràng hơn các nhà khoa học. Một hướng khác là cực đoan ngược lại là vũ trụ vi quan. Lượng tử lực học, nghiên cứu nguyên tử, nghiên cứu hạt căn bản, hiện nay họ nghiên cứu lượng tử. Thành quả mà họ nghiên cứu được, hoàn toàn giống những gì trong Kinh Hoa Nghiêm nói.

Vật chất tinh thần từ đâu mà có? Bản chất của vật chất tinh thần là gì? Hơn 3000 năm trước Đức Phật nói rõ ràng, minh bạch, hiện nay họ đã chứng minh được. Chúng tôi hoan hỷ, quả là khó được! Đây là thật, không phải giả. Hiểu rõ tất cả, cuộc sống của chúng ta mới thật sự được đại tự tại, đạt được mỹ mãn. Nếu không thấu hiểu thì mãi mãi mê hoặc, còn như thấu hiểu, kết luận sau cùng là gì? Toàn thể vũ trụ với bản thân là nhất thể, không phải một nhà, mà là nhất thể!

Trong kinh điển đại thừa Đức Phật dạy: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”, không sai chút nào. Nhưng họ mê muội, mê chứ không mất. Phật tánh của chúng ta không mất đi, chỉ là nhất thời mê hoặc mà thôi. Cho dù tạo tội nghiệp như thế nào, đọa địa ngục, biến thành súc sanh, Đức Phật đều không để trong lòng. Vì sao vậy? Vì biết rằng quý vị sẽ quay đầu, quý vị vốn là Phật, tương lai nhất định quay đầu, nên ngài không hề để những điều này trong lòng, cũng không có ý niệm trách cứ. Quý vị thọ khổ trong ba đường ác là do quý vị tự làm tự chịu, làm sai thì tự mình phải chịu quả báo. Nếu Phật có tâm trách cứ quý vị, vậy là ngài không có tâm từ bi, như vậy sao gọi là đại từ đại bi được? Đức Phật luôn chờ đợi, đợi đến khi nào quý vị quay đầu thì lúc đó giúp quý vị, quay đầu là sao? Tin thật, thật lý giải, thật sự y giáo phụng hành, ngài liền đến giúp ngay. Nếu đối với ngài có hoài nghi, không muốn học tập, ngài sẽ không đến, quý vị nói ngài dễ thương biết bao! Ngài luôn ở bên cạnh đợi thời tiết nhân duyên, sẽ có ngày quý vị quay đầu, có một ngày quý vị đến tìm ngài, tự tại biết bao! Phật có tâm thành tựu người khác, xưa nay chưa từng có tâm trách cứ người khác, đây là điều chúng ta cần phải học tập. Nếu chúng ta có thể học được, thì đời này quả rất an vui. Quý vị xem những người này trong xã hội họ không chịu được, nếu sỉ nhục họ, hủy báng họ, họ sân si! Nếu hại họ, họ sẽ trả thù! Trả thù qua, trả thù về là oan oan tương báo, bao nhiêu đời cũng không giải quyết được vấn đề này, quả là điều khổ não! Khi thật sự minh bạch, họ hủy báng tôi, sỉ nhục tôi, hãm hại tôi, tôi còn cảm ân, cảm tạ họ, vì sao vậy? Vì từ đây có thể nhận ra đức hạnh, tu dưỡng của mình được nâng cao. Không để trong lòng, tâm bình khí hòa, không sanh phiền não, sanh trí tuệ, như vậy sao giống nhau được? Hưởng thụ cao nhất của đời người là như vậy, không so đo tính toán với người, vì sao vậy? Miếng cơm manh áo, hẳn là tiền định, rất rõ ràng minh bạch, không cần tranh giành.

Ngày nay toàn thế giới nói đến cạnh tranh, sai lầm, đã dạy hư con người. Cổ thánh tiên hiền dạy điều gì? Từ nhỏ đã dạy nhường, từ nhân nhường nâng lên khiêm nhường, tiếp tục nâng đến lễ nhường, nhường đến cùng. Nhường có bị thiệt chẳng? Không bị thiệt, càng nhường phước báo càng lớn, càng tranh phước báo càng ít đi. Tranh đến cuối cùng, vẫn là hai tay trống không rời khỏi nhân gian, để vào ba đường ác, đến đó để tiêu tội nghiệp một đời của quý vị, sao phải khổ như vậy? Vì thế ta không thể không biết điều này. Những sự lý này nói một cách rõ ràng nhất, thấu triệt nhất là trong kinh điển đại thừa. Townenbe nói kinh điển đại thừa, có thể giải quyết vấn đề xã hội trên thế giới của thế kỷ 21. Ông là người tinh thông, chứ không phải người không tinh thông, vấn đề này là thật, không phải giả.

Ngài A nan đã hỏi ra nghĩa lý vi diệu như vậy. “Ai mẫn là bi tâm bạt khổ”, chúng sanh khổ, khổ từ đâu mà có? Khổ do mê mà ra, khổ từ vô tri mà có. Đức Phật dùng phương pháp gì để giúp họ? Phá mê khai ngộ, giúp họ phá mê, giúp họ khai trí tuệ. “Lợi lạc là từ tâm ban vui”, đây là bạt khổ ban vui, mục đích dạy học của Phật giáo là câu này. Thông thường chúng ta nói, giúp tất cả chúng sanh lia khổ được vui. Được vui là có phương pháp chính xác, đạt được phương pháp chính xác là an vui, mà những gì quý vị cầu được là vô cùng. Cầu tài phú, cầu công danh phú quý, cầu trí tuệ, cầu trường thọ, trong nhà Phật đều có, rất có hiệu quả. Tuyệt đối không kết oán thù với chúng sanh.

Quý vị xem trông trọt, chúng ta học Phật, nên dùng phương pháp Phật giáo thí nghiệm suốt mười năm, mười năm thành công. Vật canh nông của chúng tôi, không dùng phân bón, không dùng thuốc trừ sâu. Nhưng thu hoạch của chúng tôi tốt hơn những thứ rau quả khác, họ đến nhìn thấy rất ngỡ ngàng. Chúng tôi dùng phương pháp gì? Chúng tôi ký hiệp ước với những côn trùng, sâu bọ, thương lượng với chúng: Tôi trông rau này, tôi sẽ dành riêng một ô, dành một khoảng đất. Tôi cũng cố gắng chăm sóc mảnh rau đó, nhưng số rau đó chuyên dành cho các vị. Quý vị xem, khoảnh rau đó là để chim chóc sâu kiến ăn. Cách một bờ ruộng, bên này là của chúng tôi, chúng tuyệt đối không xâm phạm đến, mười năm như một ngày. Đối với cây ăn quả, chúng tôi tiết kiệm rất nhiều thời gian. Cây ăn quả không cần bao lại để tránh sâu ăn, không cần thiết! Chúng tôi cũng thương lượng với chim chóc sâu kiến, tôi chỉ định bao nhiêu cây. Chúng tôi ở Úc Châu trông hơn 30 loại cây ăn trái, rất nhiều, số lượng rất nhiều. Mỗi loại chỉ định mấy cây cho chúng ăn, chúng đều đến mấy cây đó. Còn như không chỉ định, chúng tuyệt đối không phạm vào. Quý vị xem mối quan hệ của chúng ta và những loài chim chóc côn trùng đó tốt biết bao! Những nông phu lân cận đến xem đều rất ngỡ ngàng. Tôi nói chúng rất hiểu chuyện, chúng rất hiểu tình cảm. Nếu chúng ta thương yêu chúng, chúng cũng thương yêu lại quý vị, chúng ta hai bên cùng yêu thương nhau quả là rất tốt, cùng tồn cùng vinh. Thu hoạch của chúng tôi cũng không giảm ít, mỗi năm đều gia tăng.

Đức Phật dạy chúng ta, không những hữu tình chúng sanh, chúng ta có thể giao lưu với chúng, tất cả động vật ta đều có thể giao lưu với chúng. Loài thực vật vô tình nó cũng hiểu! Cây cỏ hoa lá hiểu, chúng ta yêu nó, nó yêu chúng ta, nên cây cối xanh tươi. Hoa nở rất đẹp, đặc biệt thơm, trái cây cũng ăn rất ngon. Quý vị phải yêu thương chúng mới được, tâm yêu thương. Thật sự yêu chúng, chăm sóc chúng, quan hoài chúng. Dùng tâm hoan hỷ đối với chúng, ta sẽ nhận được sự hồi báo tốt đẹp. Đức Phật không dạy, chúng ta làm sao biết được, thấu rõ được?

Đức Phật dạy chúng ta của cải từ đâu mà có? Từ bố thí mà có. Trí tuệ từ đâu mà có? Từ pháp bố thí. Mạnh khỏe trường thọ từ đâu mà có? Đạt được từ bố thí vô úy. Chúng ta phải tu ba loại bố thí này, sẽ đạt được ba loại quả báo, không phải giả. Khi tôi mới học Phật, thầy đem đạo lý này nói với tôi, tôi cũng đã hành trì đến sang năm là 60 năm. Là thật, không phải giả. Bất luận làm gì, chúng tôi không có đồng tiền nào cả, nhưng khi dùng tiền thì tiền tự nhiên đến, cần bao nhiêu có bấy nhiêu, rất vi diệu. Nó cũng không quá nhiều, lại không ít, đủ để làm viên mãn điều ta cần, quý vị xem tự tại biết bao! Không chút lo lắng nào, mọi việc đều viên mãn. Đây là chúng ta phải tin vào giáo huấn của Phật Bồ Tát, đạo lý trong này rất thâm sâu. Hiểu được đạo lý này, tín tâm của ta sẽ kiên định không thay đổi.

Người thế gian rất mù quáng, không biết từ đâu sanh ra, cũng không biết sau khi chết đi về đâu, điều này rất đau khổ. Từ trong Phật pháp ta sẽ hiểu rõ ràng, ta từ đâu đến, tương lai ta sẽ đi về đâu, quý vị xem như vậy tự tại biết bao!

“Đức Phật khen ngợi ngài A nan, hôm nay ông nguyện bạt trừ tất cả khổ não của chúng sanh, ban an vui đến tất cả chúng sanh, mới có thể hỏi được ý nghĩa như vậy. Vi diệu, pháp thể u huyền nên gọi là vi, tuyệt tư nghị nên gọi là diệu”. Vi diệu là nói pháp môn này, pháp môn này lý luận căn cứ là gì? Đây gọi là pháp thể, lý luận căn cứ là tự tánh mỗi người, nghĩa là bản tánh chân như của chúng ta, không phải từ bên ngoài vào.

Việc tu học Phật pháp, tuy pháp môn rất nhiều, tông phái rất nhiều, gọi là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Mục tiêu chỉ có một, mục tiêu cuối cùng là giúp ta mình tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh, là khiến ta thấu triệt pháp thể, thật sự hiểu được hiện tượng của vũ trụ vạn hữu. Trong kinh Phật dùng sáu chữ để tiêu biểu: “Tánh, tướng”, tánh là thể, tướng là hiện tượng, trong triết học gọi là bản thể, hiện tượng. “ Lý, sự”, điều này thông thường chúng ta nói, tất cả tạo tác đều gọi là sự, sau sự có lý. Tiếp theo là “nhân, quả”, nhân quả phát sanh đồng thời với vũ trụ. Sáu chữ này bao gồm toàn thể vũ trụ.

Đức Phật dạy chúng ta, ở đây nói nhân duyên thời tiết. Việc dạy học của ngài, 49 năm lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, ngài chia nó ra thành bốn thời kỳ, cũng như hiện nay chúng ta tổ chức lớp học vậy. Ngài có tiểu học, có trung học, có đại học, có nghiên cứu sở. Quý vị thầy, 12 năm A hàm là tiểu học. 12 năm này Đức Phật dạy điều gì? Dạy giáo dục phổ thế, người người đều phải học. Phổ là phổ biến, thế là thế giới, giáo dục phổ thế. Nội dung giáo dục là gì? Là luân lý, đạo đức, nhân quả. Người người đều phải học, như vậy quý vị mới là người tốt. Trong kinh nói thiện nam tử, thiện nữ nhơn, đây là cơ sở, là giáo dục tiểu học. Giống như giáo dục tình nguyện hiện nay của quốc gia. Trong nền giáo dục này, ta có cơ hội nâng cao cảnh giới. Học lên trung học, Phật pháp gọi là Phương Đẳng, Phương Đẳng là trung học. Nâng cao hơn nữa là đại học, tức là Bát Nhã, Bát Nhã là đại học. Bát Nhã 22 năm. Điều này nghĩ cũng có thể biết, Bát Nhã là trí tuệ, Đức Phật nói về trí tuệ chân thật suốt 22 năm. Cả một đời ngài dạy học suốt 49 năm, môn học này đã chiếm hết 22 năm, gần một nửa thời gian. Như vậy quý vị mới biết, môn học này là môn chủ yếu của kinh Phật. Quý vị sẽ biết, từ đầu đến cuối cái Đức Phật cầu là trí tuệ. Sau cùng nghiên cứu sở, là Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, đây là tầng cao nhất, tầng cao thâm nhất của Phật pháp. Đó là gì? Đó là cảnh giới khai ngộ hoàn toàn, được đại tự tại! Vô lượng trí tuệ, vô lượng thần thông. Thật sự giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui.

Ngày xưa, sau thời Tùy Đường, chùa lớn gọi là Tùng lâm, chính là đại học, trong này có giáo dục phân khoa. Quý vị muốn học khoa nào, đều có thầy giáo chỉ đạo. Thông thường các chùa nhỏ, am đường, đây là quy mô nhỏ. Quy mô nhỏ hầu như đều là đại học chuyên khoa, đây là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Ở đó không nhiều người, mười mấy hai mươi người, ba mươi người, nghiên cứu một môn, thành tựu đều vô cùng thù thắng.

Đời này chúng ta gặp được Phật pháp, phải cảm ân, chúng ta phải tri ân báo ân. Báo ân tức là đưa Phật pháp trở về giáo dục, ở Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong của chúng tôi là mỗi ngày dạy học tám tiếng. Chúng tôi cũng không có kỳ nghỉ, ngày ngày lên lớp, ngày ngày học tập, vì sao vậy? Vô cùng an vui, pháp hỷ sung mãn. Nghỉ hè là gì? Người ta đi du lịch nghỉ ngơi bên ngoài, du lịch là chịu tội, chịu khổ. Tôi ở đây rất an lạc, hạnh phúc biết bao! Du lịch nghỉ ngơi làm sao sánh được với chúng ta? Nếu không phải pháp hỷ sung mãn, không phải an vui vô cùng, vì sao suốt 49 năm Đức Phật không nghỉ một ngày nào? Quý vị xem là vì sao? Vì không có gì vui hơn công việc này.

Câu bên dưới nói “lấy bản thể u thâm huyền diệu của pháp”. Trong phần huyền nghĩa ở trước chúng ta đã học qua điều này, thời gian rất dài học huyền nghĩa của bộ kinh này.

“Không phải dùng ngôn ngữ phân biệt mà có thể biết, nên gọi là vi diệu”. Vấn đề này cần phải lãnh hội, không thể nói, cũng vẫn nói ra được, hình ảnh biểu trưng cho tánh. Như Tu Hoa Nghiêm Yếu Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, bài văn của Quốc sư Hiền Thủ, chúng ta từng học qua hai lần. Đó là hoàn toàn nghiên cứu thảo luận, đúng là triết học cao cấp và khoa học cao cấp.

Bên dưới nói: “hôm nay ông hỏi như vậy, câu này bên dưới cho đến đoạn sau”, đều nói công đức tôn giả A nan đưa ra câu hỏi, nghĩa là công đức tỉnh kinh. “Một thiên hạ hay một trong bốn thiên hạ. Bốn thiên hạ tức trú trong tứ đại châu của bốn phương núi Tu Di”. Bốn thiên hạ, tức là nhà Phật nói vũ trụ, là đơn vị thế giới, đơn vị thế giới lớn bao nhiêu? Các nhà khoa học hiện nay gọi là hệ ngân hà, hệ ngân hà này trong Phật pháp là một đơn vị thế giới, một đơn vị thế giới. 1000 đơn vị thế giới như thế, cũng chính là 1000 hệ ngân hà, gọi là một tiểu thiên thế giới. Một tiểu thiên thế giới là 1000 hệ ngân hà, 1000 tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới, 1000 trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới, đây là phạm vi giáo hóa của một vị Phật. Phạm vi này lớn bao nhiêu? Mười ức hệ ngân hà, 1000 nhân 1000 lại nhân 1000. Nên khu vực giáo hóa của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là mười ức hệ ngân hà. Trung tâm này ở núi Tu Di. Thực tế Tu Di là trung tâm của hệ ngân hà, hiện nay các nhà khoa học gọi là hắc động. Lực dẫn của hắc động này rất lớn, đến ánh sáng đều bị nó hút vào, ánh sáng đều không thể tồn tại, sức dẫn này rất lớn. Trong dự ngôn của Maya người Châu Mỹ, thì năm 2012 là ngân hà đối tề, sẽ sanh ra hiện tượng thiên văn này. Nghĩa là trung tâm của ngân hà, thái dương, địa cầu sắp thành một hàng thẳng. Cơ hội này không dễ gặp, mấy vạn năm mới có một lần, giới gặp được một lần. Lần này chúng ta đã gặp được, năm 2012 sẽ gặp. Vì vậy có một số nhà khoa học rất lo lắng, vì lực dẫn của nó quá lớn, sợ điều gì? Sợ bão mặt trời, tức là thái dương hắc tử dẫn phát nó ra, dẫn phát ra sẽ làm ảnh hưởng đến địa cầu. Rất có thể cũng dẫn đến sự phun trào núi lửa trên địa cầu, và sóng thần nghiêm trọng, sợ phát sanh thảm họa này. Đây là Phật pháp nói về thiên văn học, so sánh với thiên văn học hiện nay cũng rất thú vị. Nhưng Phật pháp, Kinh Hoa Nghiêm nói quá lớn, không phải các nhà thiên văn học hiện nay có thể nói đến được.

“Nam Thiệm Bộ Châu” là chỉ địa cầu. “Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cưu Lô Châu. Nên biết một thiên hạ tức một đại châu”, nghĩa là một tinh cầu. Đây là đưa ra ví dụ đông nam tây bắc, đưa ra một địa cầu làm tượng trưng. “Đức Phật nói: Công đức hỏi câu hỏi này của ngài A nan, hơn cúng dường A la hán, Bích chi Phật của một đại châu, và nhiều kiếp bố thí Chư thiên nhân dân cùng loại con trùng quyên phi nhuyển động, trăm ngàn vạn lần”. Đưa ra câu hỏi này, có công đức lớn đến như vậy chăng? Chúng ta có thể tin chăng? Là thật, không phải giả. Vì Đức Phật ở đây giảng kinh, bất luận giảng kinh ở đâu, cũng giống như chúng ta hiện nay vậy.

Bây giờ chúng ta dùng khoa học kỹ thuật để truyền bá, giảng kinh ở đây, nhưng toàn thế giới đều thu nghe được. Rất nhiều đồng học lợi dụng mạng, ngồi trước màn hình vi tính đều có thể thấy được rõ ràng. Chúng tôi trải qua chế tác dùng vệ tinh truyền đi, trên vệ tinh có thể xem được. Nhưng Đức Phật không cần phiền phức như vậy, Đức Phật giảng kinh như trong Hoàn Nguyên Quán nói, vô cùng vi diệu. Bất luận ngài giảng kinh ở đâu, âm thanh và hình ảnh của ngài lập tức được phát ra, tốc độ nhanh không phải điện có thể sánh được. Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng: Chu biến pháp giới! Sóng điện không có sức mạnh lớn đến thế, không ra khỏi địa cầu này. Đức Phật giảng kinh không cần đến những loại máy móc này, ngài dùng điều gì? Ngài dùng bản năng trong tự tánh, năng lực này rất lớn, lập tức chu biến

pháp giới. Không những tam thiên đại thiên thể giới, như vừa mới nói với quý vị, mười ức hệ ngân hà đều nhận được. Đây là một điểm rất nhỏ, phạm vi giáo hóa của Phật, như khu vực giáo hóa này, tam thiên đại thiên thể giới, ở giữa vũ trụ này không biết có bao nhiêu! Tất cả đều có thể nhận được, không có nơi nào không nhận được, mà còn lập tức nhận được ngay, tuyệt đối không có chênh lệch thời gian.

Hiện nay chúng ta dùng sóng điện, sóng ánh sáng, tốc độ này đều không nhanh lắm, 1 giây 30 vạn km. Trong tự tánh chúng ta, bản năng của hiện tượng dao động, nhất niệm chu biến pháp giới. Thời gian nhất niệm này dài bao lâu? Bồ Tát Di Lặc nói, một niệm này có 1600 triệu trên một giây. Nghĩa là trong một giây ngài phát tần sóng bao nhiêu lần? Là 1600 triệu lần, tốc độ như vậy, tần suất như vậy. Chúng ta biết trong kinh này Đức Phật nói, trong biến pháp giới hư không giới, nơi tinh cầu này có rất nhiều người không phải chỉ mình chúng ta. Trong kinh Đức Phật đưa ra tứ đại châu, tứ đại châu này đều có người ở. Cũng chính là chỉ ra những tinh cầu trong hệ ngân hà, rất nhiều những tinh cầu như vậy, đều có người ở. Vũ trụ quá lớn.

Nghe nói gần đây các nhà thiên văn học phát hiện, cách chỗ này của chúng ta là một trăm hai mươi mấy năm ánh sáng, phát hiện ra một hệ thái dương. Bây giờ thấy nó có năm hành tinh, khoảng như hệ thái dương của chúng ta. Mà cụ lý, sau khi thông qua sự quan sát tinh mật, sự biến hóa của khí hậu cũng gần giống như chúng ta, nhất định ở đó có người ở. Dần dần phát hiện sẽ giống như trong kinh Phật nói, trong kinh Đức Phật nói tinh cầu này có người ở, giống như trên tinh cầu của chúng ta có người ở. Rất nhiều tinh cầu, không phải chỉ có một. Đức Phật còn nói, mỗi tinh cầu đều có chúng sanh cư trú, chỉ là khác tầng không gian, mắt thịt chúng ta không nhìn thấy được. Trong thái dương có chúng sanh, đó là một đám lửa, họ không có lửa thì không thể sinh tồn. Những người này phải sống trong môi trường như vậy. Cho nên giữa vũ trụ rộng bao la này, không có chuyện kỳ lạ gì không có.

Đây là khen ngợi công Tôn giả A nan hỏi câu hỏi này, hàm nghĩa trong này cũng là khuyến khích chúng ta, chúng ta phải biết cách đưa ra câu hỏi, phải biết cách thỉnh pháp. Công đức thỉnh pháp lớn như vậy, phước đức lại càng không cần phải nói. Bởi vậy người ngày xưa hiểu, người bây giờ không hiểu.

Người xưa chúc thọ, trong nhà mừng thọ cho người lớn, dùng phương pháp nào để tu phước báo cho họ? Mời thầy đến giảng Kinh Vô Lượng Thọ, phước báo này quả thật rất lớn! Thời gian giảng kinh không cần dài, hoặc nói một ngày, hoặc nói ba ngày, nói bảy ngày, bảy ngày là viên mãn. Gia đình thân thích bạn bè, trong thôn xóm đều đến tiếp thu nền giáo dục này, đó là phước báo chân thật đệ nhất. Không như hiện nay, hiện nay đã biến thành Tôn giáo, chúc thọ như thế nào? Mời thầy đến nhà tụng kinh niệm Phật, dùng phương pháp này để chúc thọ, đó là gì? Đó là tu phước, không phải tu tuệ. Mời thầy đến giảng kinh là phước tuệ song tu. Giảng đại ý của kinh rất hay, hoặc là giảng trọng điểm của kinh, như vậy rất hay.

Lần này chúng ta giảng bộ kinh này là vì điều gì? Quý vị đều biết, hiện nay quốc gia gặp nhiều thiên tai, chúng ta không thể giảng ở trong nước, HồngKong sát cạnh quốc gia, chúng tôi giảng ở đây, đem công đức giảng kinh hồi hươc cho đất nước. Vì sao ngừng giảng Kinh Hoa Nghiêm để giảng bộ kinh này, đạo lý chính là như vậy. Hy vọng có thể giúp khu vực này hóa giải thiên tai, đây là điều chúng ta cần nên làm, hy vọng đất nước an định, mọi điều bình an. Bao gồm phía đông của khu vực này, phía bắc là Hàn quốc, Nhật bản, Đài loan, Philippin, bên cạnh là Việt nam, một khu vực như vậy. Nên đặc biệt chọn bộ kinh này. Lần này còn đặc biệt giảng giải chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, ông chú giải quá hay. Khi viết

chú giải này, sức khỏe của ông không được tốt. Tôi có đến thăm ông mấy lần, ngày đêm không nghỉ. Sau khi hoàn thành chú giải chưa bao lâu thì ông vãng sanh. Chúng tôi vô cùng cảm tạ, cảm ân ông nên giảng chú giải này một lần, lưu lại cho hậu nhân làm kỷ niệm.

Bên dưới là ví dụ nói: “Hơn cúng dường A la hán, Bích Chi Phật của một đại châu, và nhiều kiếp Bồ thí chur thiên nhân dân”. Phước báo này lớn biết bao. Một đại châu này tức ngày nay chúng ta nói toàn thế giới, toàn cầu, Bồ thí A la hán, Bích Chi Phật trên toàn cầu, đây là thánh nhân. Bồ thí cho thánh hiền phước báo vô cùng lớn. Bích Chi Phật cao hơn A la hán một bậc, họ đều siêu việt luân hồi lục đạo. A la hán tu hành vượt qua 28 tầng trời, từ cõi trời nâng cao lên, đây là khác tầng không gian. Dục giới có sáu tầng trời, sắc giới có 18 tầng trời, vô sắc giới có bốn tầng trời, tổng cộng có 28 tầng trời. Vượt ra ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới. A la hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, đây gọi là tứ thánh. Tứ thánh là Tịnh độ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lục đạo là cõi uế của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nhiệm ô rất nghiêm trọng.

Chư Phật Bồ Tát đặc biệt thương xót chúng sanh trong lục đạo. Mục đích duy nhất là hy vọng họ quay đầu, có thể giác ngộ, sớm ngày thoát ly luân hồi lục đạo. Trong lục đạo, phiền phức nhất, đáng sợ nhất trong lục đạo là oan oan tương báo không bao giờ dứt. Con người sống trên thế gian này, thời gian vô cùng ngắn ngủi, không dài, trong lúc hưởng phước lại tạo ra tội nghiệp, điều này rất rắc rối. Trong lúc hưởng phước không tạo tội nghiệp, chỉ có Phật Bồ Tát vì các ngài có trí tuệ.

Ngày nay chúng ta đã hiểu, từ vô lượng kiếp đến nay, mãi luân hồi sanh tử trong lục đạo, đời này gặp được Phật pháp đã hiểu. Khi hiểu rồi, trên phương diện quan hệ giao tiếp, chúng ta phải hóa giải oán kết này. Hóa giải từ đâu? Hóa giải từ bản thân chúng ta, đừng yêu cầu đối phương, yêu cầu đối phương là sai, quan trọng là bản thân làm như pháp như lý. Lục Tổ Huệ Năng nói rất hay: Người tu đạo thật sự, không thấy lỗi lầm của thế gian, như vậy tâm mới thanh tịnh. Người thế gian có lỗi lầm nghiêm trọng đến đâu, đều không để trong lòng, vì sao vậy? Tuyệt đối không để nó làm ô nhiễm tâm thanh tịnh, không để nó phá hoại tâm cung kính. Chúng ta vẫn cung kính đối với họ, giống như đối với Phật Bồ Tát, giống như đối với cha mẹ vậy. Đây là thật, không phải giả, phải tôn trọng họ. Chịu một chút thiệt thòi, “thiệt thòi là phước”, cổ nhân nói như thế, là thật không phải giả. Vì sao có hiện tượng này? Đương nhiên vì có nhân quả, có thể trong đời quá khứ ta hưởng mất lợi ích của họ, bây giờ ta chịu thiệt vì họ hưởng mất lợi ích của mình. Đó là trả lại cho họ, cần phải hoan hỷ. Người khác mượn tiền mình, ví dụ tôi cho họ mượn tiền, cho họ mượn đồng nghĩa với cho họ, tuyệt đối đừng nghĩ sau này họ phải trả lại, như vậy là sai. Họ trả lại thì rất tốt, không trả ta cũng hoan hỷ, như không có gì xảy ra. Đây là giao tiếp giữa người với người, chỉ Bồ thí ân đức chứ không kết oán, tuyệt đối không có đối địch. Xã hội hòa thuận, quốc gia an định, thiên hạ thái bình, là đạo lý này tạo nên. Một chút thiệt thòi cũng không chịu, cũng không nhường người khác, điều này thật đáng ngại! Gia đình quý vị không thể thuận hòa, xã hội động loạn, thế giới nguy cơ trùng trùng, đều là nó gây ra.

Phật pháp dạy chúng ta làm như vậy, trong đó có đạo lý lớn. Nếu thấu triệt được đạo lý này, ít nhất phải mất hai ba mươi năm, đây là đại học vấn!. Nếu thật sự rõ ràng minh bạch, tự nhiên ta sẽ thực hành và làm được điều đó, như vậy đời sống của ta sẽ vô cùng an vui. Phải làm được mới có thể giúp người khác, mới có thể dạy bảo người khác, người ta mới tin tưởng. Thân thể mạnh khỏe, ta không bị sanh bệnh.

Đức Phật dạy, con người sẽ sanh bệnh, nhân của bệnh là gì? Đức Phật nói tam độc, hiện nay tôi nói năm độc, năm độc tham sân si mạn nghi. Trong tâm ta có năm độc, năm độc này là nhân, nhân gặp duyên, quả báo liền hiện tiền, quả báo chính là tật bệnh. Duyên có nội duyên, có ngoại duyên. Nội duyên thuộc về phương diện tình cảm của mình: Oán hận não nộ phiền, ta có những thứ này. Ngoại duyên là tài sắc danh thực thù, làm sao quý vị không sanh bệnh được? Đoạn một trong ba loại này sẽ không sanh bệnh. Đương nhiên tầng cao nhất là nhân từ bên trong, đoạn tận tham sân si mạn nghi, vĩnh viễn không bị sanh bệnh. Có tham sân si mạn nghi, không có oán hận não nộ phiền, cũng không bị sanh bệnh. Có oán hận não nộ phiền, nhưng không có, xa rời tài sắc danh thực thù, cũng không có sanh bệnh. Cả ba thứ này cùng xen nhau vào, phiền phức rất lớn, sẽ bị bệnh ngay, đạo lý là như vậy.

Đức Phật dạy chúng ta phải đoạn nhân, nhân chính là tham sân si mạn nghi. Nghi là đối với giáo huấn của thánh hiền, không hoài nghi đối với thánh hiền nhân, không hoài nghi đối với giáo huấn của thánh hiền, đối với điển tích của thánh hiền. Điều này rất quan trọng, Vì sao vậy? Chúng ta khai mở được trí tuệ hay không là nhờ vào nó, không có giáo huấn của thánh hiền, chúng ta khai trí tuệ từ đâu? Không có trí tuệ không thể giải quyết được vấn đề.

Ngày nay khắp nơi trên thế giới đều gặp vấn đề, tôi từng đến rất nhiều nơi, cũng tham gia rất nhiều lần hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc. Đích thực có không ít những bậc chí sĩ hết lòng vì người, đều đang thảo luận nghiên cứu phương cách giải quyết. Đến sau cùng vẫn là câu nói của Townenbe, phải thỉnh giáo truyền thống văn hóa xưa. Nghĩa là học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa, mới thật sự có thể giúp toàn thế giới khôi phục lại nền hòa bình an định. Bắt đầu hạ thủ từ đâu? Đây là vấn đề lớn. Tôi học tập bao nhiêu năm nay, đã đề xuất với Liên Hiệp Quốc và các bậc lãnh đạo của rất nhiều quốc gia, phải bắt đầu từ hạ thủ nền giáo dục của Tôn giáo. Phải khuyến khích Tôn giáo trở lại với việc giáo dục, đây là một con đường. Bao nhiêu năm nay tôi đã phát hiện, thật sự có một người hiểu được ý tôi nói, là tiền thủ tướng của Malaysia, ông Mã Cấp Địch, nên chúng tôi trở thành bạn tốt.

Tôn giáo tồn tại một nền tảng rất tốt đẹp, ví dụ như Đạo Cơ đốc và Đạo Thiên chúa được coi như là người một nhà. Nếu tín đồ hai phái này hợp lại, có khoảng 20 ức người, gần 1/3 nhân khẩu trên toàn thế giới. Nếu nhiều người như vậy đều tiếp thu được giáo dục của Tân Cựu Ước, như vậy thì còn gì bằng! Đạo Hồi giáo, chính họ nói họ có 15 ức tín đồ, theo dự tính của tôi ít nhất cũng có mười hai mươi ba ức. Trên toàn thế giới Phật giáo có khoảng 6 ức người, đây là ba Tôn giáo lớn.

Nếu tín đồ tôn giáo có thể tiếp thu giáo dục của tôn giáo mình, cần phải học tập giáo dục của các tôn giáo khác để giúp nâng cao bản thân. Thế giới này sẽ hòa bình, có thể hóa giải tất cả mọi xung đột, tất cả mâu thuẫn tự nhiên tiêu trừ. Thật sự quan tâm lẫn nhau, chiếu cố lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, cùng nhau sáng tạo hòa bình hạnh phúc cho toàn thế giới, không phải không làm được. Nếu như không đi từ con đường đoàn kết tôn giáo, giáo dục của tôn giáo, thì không cách nào làm được. Chúng ta không thể không hiểu chân tướng sự thật này, không thể không nỗ lực đi theo phương hướng này.

Cho nên từ hôm nay, bắt đầu từ nửa thế kỷ sau, Học Hội Tịnh Tông ở Úc Châu của chúng ta, chính thức mở lớp học về giáo lý của Đạo Hồi giáo, lớp học về đạo Cơ Đốc. Tức là Tân Cựu Ước và Kinh Cô-ran. Chúng tôi chính thức mời chuyên gia học giả, làm giáo thọ dạy những môn học này. Chúng ta cần phải học tập, họ có rất nhiều điều hay. Chúng ta hy vọng Tôn giáo thế giới, đều có thể bắt tay, mở rộng tâm lượng, bao dung lẫn nhau, nghĩ cho hạnh phúc của nhân dân trên toàn thế giới. Đây là đại công đức, là một đại sự tốt đẹp.

Ở đây nói công đức Tôn giả A nan đặt câu hỏi hơn trăm ngàn lần công đức cúng dường A la hán, Bích Chi Phật, và nhiều kiếp bố thí Chư thiên nhân dân, tất cả đều là tu phước, cho đến những loài trùng như quỳên phi nhuyển động. Công đức này quá lớn, hơn trăm lần, nghìn lần, vạn lần, vì sao vậy? Thỉnh giảng bộ kinh này quả thật không đơn giản. Quý vị xem thỉnh giảng kinh, đây gọi là thỉnh chuyên pháp luân, công đức lớn như vậy. Nếu thỉnh Phật trú thế, thì công đức không thể nghĩ bàn! Thỉnh Phật giảng kinh chỉ được một bộ kinh, một lần. Nhưng thỉnh Phật trú thế giảng được rất nhiều kinh, không phải một bộ, quý vị xem công đức đó lớn biết bao! Nếu ở đây Đức Phật không nói thì làm sao chúng ta biết được? Thế gian hiện nay rất nhiều người có phước, hưởng phước, phước từ đâu mà có? Đều do đời quá khứ cúng dường Tam bảo, bố thí chư thiên nhân dân, quỳên phi nhuyển động, đều tu được từ đây. Hiện nay hưởng phước, nếu như không hiểu được đạo lý này, không tiếp tục tu phước, khi phước hưởng hết sẽ không còn nữa. không như ngày xưa, quý vị xem Tam giáo ngày xưa, tam giáo Nho Thích Đạo thịnh hành ở thế gian, người người đều học, người người đều hiểu. Người tu phước họ có trồng phước, nên phước báo của họ hưởng hoài không hết, đời này truyền qua đời khác.

Con người bây giờ rất đáng thương, hưởng hết phước báo là xong. Quý vị quan sát tỉ mỉ nhiều người, không truyền đến được đời thứ hai, chỉ một đời là hết. Còn có rất nhiều người đến một đời cũng không có, hiện nay rất hưng thịnh, đến tuổi già là hết, đóng cửa, phá sản. Đến một đời mình cũng không giữ được, nguyên nhân gì? Vì phước đã hưởng hết, lại không tiếp tục tu, vì thế hưởng phước phải biết cách tu phước, không có phước càng phải biết tu phước.

Tôi là một người không có phước báo, lúc trẻ rất nhiều người xem tướng, tôi gặp rất nhiều người đều nói rằng: Tôi là người có số mạng bần cùng. Bần là không có của cải, cùng là không có địa vị, nguyên nhân gì? Học Phật rồi mới biết, do trong đời quá khứ không tu phước, cũng may có tu được chút trí tuệ. Nghĩa là trong ba loại bố thí chỉ thích pháp bố thí, lơ là việc bố thí tài và bố thí vô úy. Có được chút trí tuệ, không có của cải, thọ mạng lại ngắn. Học Phật gặp được đại sư Chương Gia, gặp được thầy Lý, những người này đều rất giỏi, vừa nhìn đã nhận ra. Nên dạy tôi tu phước, bổ sung điều còn thiếu! Đại sư Chương Gia dạy tôi phải tu tài thí. Số mạng con không có của cải, hóa độ chúng sanh vẫn cần tiền tài, nên tu như thế nào? Tu bố thí tài, dùng tài vật bố thí cho chư thiên nhân dân. Tôi thưa với đại sư, cuộc sống của con vô cùng khó khăn, tự nuôi sống mình cũng rất miễn cưỡng, thì tiền đâu mà bố thí? Đại sư hỏi tôi: Một hào có chãng? Tôi nói một hào thì được. Một đồng được chãng? Được, có thể, vậy thì con bắt đầu bố thí từ một hào, một đồng. Thực hành, luôn giữ tâm bố thí, có bao nhiêu bố thí bấy nhiêu, đừng suy nghĩ đến ngày mai, sang năm. Tôi là người biết nghe lời, nghe lời đại sư, đại sư dạy sao tôi làm theo vậy, tôi liền y giáo phụng hành. Quả nhiên, thu nhập đúng là ngày càng nhiều, càng nhiều càng bố thí, bây giờ đã làm được một năm bố thí một ngàn vạn tiền Mỹ, nằm mơ cũng không nghĩ đến! Nhưng tôi bố thí chỉ có ba hạng mục, thứ nhất là kinh điển, ấn tống kinh điển. Đây là bố thí pháp, khiến thông minh tăng trưởng trí tuệ. Thứ hai là phóng sanh, thứ ba là thuốc men. Trong bệnh viện tôi bố thí thuốc men, giúp những người nghèo khó trả tiền thuốc, không hề gián đoạn. Ngay nơi chỗ tôi ở, thành phố Đồ Văn Ba- Úc Châu, mỗi năm đều ủng hộ tiền thuốc men là 20 vạn tiền Úc, đây là bố thí vô úy, mỗi năm đều như vậy. Tặng học bổng cho nhiều trường học trên thế giới, giúp người nghèo khó. Bản thân tôi không cần gì cả, sinh hoạt vô cùng đơn giản, tất cả đều vì chúng sanh. An lạc nhất là đọc sách, mỗi ngày ít nhất đọc kinh bốn tiếng. Ở Úc Châu tôi

giảng kinh ngày bốn tiếng, vì phòng thu hình của mình nên rất tiện lợi. Ở đây vốn cũng là chuẩn bị bốn tiếng, nhưng do chỗ ở cách đây quá xa, buổi trưa cần phải nghỉ một chút, dù gì thì tuổi cũng đã lớn. Nếu như ở gần, đi bộ cũng đến được, tôi sẽ giảng sáng hai tiếng, chiều hai tiếng, rất tốt, an lạc vô cùng! Đây là bổn phận một người xuất gia đệ tử Phật.

Ngày nay chúng tôi có thể làm được, mỗi ngày lên lớp tám tiếng. Học Viện Tịnh Tông ở Úc Châu, cũng duy trì một ngày đi học tám tiếng, đưa Tôn giáo trở về với giáo dục, bắt đầu từ bản thân chúng ta. Dem công đức giảng kinh đều hồi hướng cho quốc gia, hồi hướng cho vùng đất này, hồi hướng cho toàn thế giới, không có chút nào vì mình. Bản thân không cần gì cả mới là an vui nhất, có là rất phiền phức, vì bản thân tức là có khổ, tức có khổ để chịu. Không vì mình, không có khổ!

Trăm ngàn vạn lần trong kinh vẫn nói, bên dưới nói có chữ “kiếp”. “Tiếng Phạn gọi giản lược là kiếp ba, dịch là trường thời”. Đây là một đơn vị của thời gian, trong Phật giáo nói, đơn vị thời gian dài gọi là kiếp. Đại Trí Độ Luận nói: “40 dặm thạch sơn”, ở đây rất lớn, là một ví dụ. “Có người trường thọ”, cứ 100 tuổi đến một lần, trên thân họ mang y phục rất mượt nhẹ nhàng. Lướt nhẹ qua trên tảng đá này, mài hết tảng đá này, mà kiếp vẫn chưa hết. Quý vị xem, thời gian một kiếp là bao nhiêu! Thử nghĩ xem, một tảng đá lớn bằng 40 dặm, mỗi một trăm năm áo quần phất nhẹ lên đó một lần, đến lúc đụng vào làm mòn hết tảng đá, nhưng kiếp vẫn chưa hết, đây là cách hình dung trong kinh Đức Phật nói, thật như vậy.

“Quyên, tức con trùng nhỏ, quyên phi là loại trùng biết bay. Nhuyễn động”, nhuyễn là không có chân, loại trùng nhỏ biết bò. “Câu hỏi của A nan, sao lại có công đức như vậy? Vì chư thiên nhân dân tất cả hàm linh trong tương lai, đều nhờ câu hỏi của ông mà được độ thoát”. Công đức từ đây mà có. Câu hỏi của ngài A nan, khiến Đức Phật giảng Kinh Vô Lượng Thọ, tức thời biến pháp giới hư không giới. Chúng ta biết bất luận là hiện tượng tinh thần hay là hiện tượng vật chất, khi ở trong trạng thái dao động, nó có ba đặc tính. Thứ nhất là chu biến pháp giới, như vậy bao nhiêu chúng sanh được lợi ích! Đặc tính thứ hai là năng sanh vạn pháp, đặc tính thứ ba là hàm dung không hữu. Đây là tánh đức, tự tánh vốn là như vậy. Đức Phật giảng kinh, ngài nói tất cả kinh điển đại thừa, đều từ trong tự tánh hiển lộ ra. Mỗi chữ mỗi câu đều là tự tánh phóng quang, là tự tánh thị hiện, phổ độ tất cả chúng sanh. Công đức từ đây mà có được.

Chúng ta liên liên tưởng đến, vì sao chúng ta mời thầy giảng kinh lại có công đức? Mời thầy đến giảng kinh, bao nhiêu người ở đây nghe, người nghe giảng được lợi ích. Người nghe giảng có căn tánh lanh lợi sẽ khai ngộ, người kém hơn một chút nghe giảng cũng hiểu được lý của nó, hiểu được đạo lý. Khai ngộ, hiểu lý, nhất định họ thực hành trong cuộc sống hằng ngày, thực hành trong cuộc sống là gì? Sửa đổi chính mình. Giúp một người phá mê khai ngộ, lia khổ được vui, công đức đã không thể nghĩ lường, huống gì là giúp vô lượng vô biên chúng sanh, phá mê khai ngộ, lia khổ được vui, công đức này lớn biết bao? Tính không hết!

Ngày nay có người hỏi, muốn làm một chút việc tốt, làm việc gì là tốt nhất? Thế gian hiện nay Phật pháp suy yếu, ít người tu hành chơn chánh, người giảng kinh lại càng ít. Như vậy chúng ta biết, hộ trì đào tạo nhân tài hoằng pháp là công đức bậc nhất, đây hoàn toàn là sự thật. Nhân tài hộ trì hoằng pháp trên thế giới ngày nay, là nhu cầu bức thiết của mỗi khu vực quốc gia. Mà nhân tài không phải có thể thành tựu trong một hai ngày, ít nhất phải mười năm, cần phải có thứ lớp. Đầu tiên cần phải có tư chất của người thầy, nếu không có tư chất của người thầy hiện nay thành lập trường học rất dễ, có tiền là làm được, nhưng tìm không có thầy giáo. Vì vậy điều đầu tiên là đào tạo thầy cô giáo, thầy cô giáo đào tạo từ đâu? Đào

tạo từ trong những buổi giảng, từ xưa đến nay đều như vậy, nhân tài đều là bồi dưỡng ra. Thính chúng, trong thính chúng họ nghe một cách hoan hỷ, nghe xong được giác ngộ. Mời họ đem tâm đắc khi nghe kinh báo cáo lại với mọi người, chia sẻ với mọi người, như vậy có thể thấy được họ đã thật giác ngộ chẳng. Nếu ngộ thật, thì mời họ giảng lại. Phật giáo mấy ngàn năm nay, đào tạo thầy giảng pháp đều dùng phương pháp này, đào tạo bằng cách này. Quý vị phát tâm học giảng kinh, sắp chỗ ngồi của quý vị ở hàng thứ nhất. Hôm nay quý vị nghe bài giảng này, ngày mai quý vị giảng lại, nói lại bài hôm nay thầy giảng một lần nữa, vun bồi như vậy. Dưới tòa của thầy, ngày xưa là năm năm, nếu tiếp nhận năm năm huấn luyện, tự nhiên quý vị sẽ biết, giải hành tương ứng.

Không như trường học bây giờ, hiện nay trường học chỉ có giải không có hành, nên rất khó thành tựu, trong Phật giáo là giải hành tương ứng. Nghĩa là những gì ta hiểu, những gì ta nói ra đều phải làm được. Biến thành tư tưởng, biến thành hành vi sinh hoạt của mình, nên ta mới được an lạc tuyệt đỉnh. Đạo lý chính là như vậy, chúng ta không thể không biết. Vì thế trước phải dùng phương pháp này, bồi dưỡng năm ba người, sau đó tổ chức một lớp học Phật nhỏ, đào tạo mười mấy hai mươi người. Đại khái một người dẫn dắt năm sáu người không thành vấn đề. Nếu có ba vị thầy, có thể dẫn dắt 20 học sinh, nhiều quá không được, ta không đủ tinh thần để quan tâm. Thầy Lý nói, người có trí tuệ thông minh nhất, cũng không được quá mười người.

Sau khi tổ chức thành công lớp nhỏ này, ta có được 20 thầy giáo, lúc này có thể thành lập nghiên cứu sở, từ nghiên cứu sở đào tạo lên tiến sĩ. Có được 100 người thầy như vậy, ta có thể thành lập học viện, có 300 thầy giáo thì có thể thành lập trường đại học, không có thầy giáo không được. Thầy giáo phải là thánh nhân mới được, không phải thánh nhân tức không phải giáo dục thánh hiền.

Thánh nhân là gì? Là nói được làm được, nói được làm không được như vậy là gạt người, giáo dục như thế không thể thành tựu. Khuyết điểm của nền giáo dục ngày nay chính là điểm này, họ nói được mà không làm được. Truyền thống văn hóa xưa và giáo dục Phật giáo coi trọng là nói được làm được, thực hành rồi mới nói, đây gọi là thánh nhân.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 146

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 23.09.2010

Địa điểm: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 168, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ hai câu sau cùng:

“Câu hỏi của Tôn giả A nan, sao lại có công đức như vậy, vì chư thiên nhân dân tất cả hàm linh đều vì câu hỏi của ông mà được độ thoát. Hàm linh là chỉ hàm có linh tánh, tức là

chúng sanh. Hán Dịch nói: A Nan, hôm nay chư thiên, đế vương, nhân dân, cho đến loài bò bay cựa động, ông đều độ thoát”. Chúng ta bắt đầu xem từ đoạn này.

Thế Tôn khen ngợi lời khai thỉnh của A nan, cũng tức là thỉnh Phật nói rõ về lần đại hội này, những đoan tướng mà Thế Tôn hiện ra vô cùng hy hữu. Tôn giả A nan là thị giả của Phật, thời gian mười mấy năm, nhưng chưa từng thấy được đoan tướng hy hữu đó, biết rằng Thế Tôn diễn giảng lần này, vô cùng quan trọng. Ngài thay mặt đại chúng thỉnh pháp, Thế Tôn khen ngợi ngài rằng: “Nay ông hỏi như vậy, hơn công đức cúng dường A la hán, Bích Chi Phật trong một thiên hạ, và nhiều kiếp bố thí chư thiên nhân dân trăm ngàn vạn lần”. Đây là lần Thế Tôn khen ngợi ngài A nan, mà trước đây chưa từng có. Hôm nay chúng ta học đến đây, tại sao câu hỏi của ngài A nan lại có công đức lớn lao như vậy?

Bên dưới y theo Thế Tôn thuyết pháp, chúng ta có thể lãnh hội được, vì sao vậy? Vì đương lai, là tương lai. Đương là hiện tiền, đương thời; lai là vị lai. Chư thiên, thiên có 28 tầng, ngoài Tứ Không Thiên ra, chư vị nên biết trong Tứ Không Thiên không có Phật pháp, Đức Phật không đến đó giảng kinh dạy học. Thực tế mà nói những thiên nhân này, làm tưởng rằng mình đã chứng được Bát niết bàn, không còn nghe kinh nghe pháp, nên Đức Phật không đến đó. Ở đó trong kinh giáo thường nói một trong tám nạn, tám nạn này gọi là tam đồ bát nạn. Chúng ta biết tam đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Cuộc sống của họ rất khổ, không dễ nghe được Phật pháp. Nhưng còn may, nếu có nhân duyên đặc biệt, họ còn có thể nghe được. Bát nạn thì rất phiền phức! Trong bát nạn, Tứ Không Thiên là Trường thọ thiên. Trường thọ thiên có thọ mạng rất dài. Trong tứ đại châu, người ở Bắc Câu Lô Châu giống như thế giới Cực Lạc vậy. Cuộc sống của họ vô cùng thoải mái hạnh phúc, không ai muốn học Phật, nên Phật cũng không đến đó. Hộ Pháp Vi Đà Bồ Tát, gọi là Tam châu cảm ứng, Bắc Câu Lô Châu không có Phật pháp, nên Vi Đà Bồ Tát cũng không đến.

28 tầng trời, trừ bốn tầng trời này ra, còn có 24 tầng. 24 tầng này đều có học Phật, nên Chư Phật Bồ Tát ứng hóa rất nhiều ở những nơi này. Nhân dân, đây là cõi người. Tất cả hàm linh, bao gồm đường súc sanh, đường địa ngục, đường ngạ quỷ. Chúng ta biết, ở đây rất khổ, có chủng tánh học Phật, đó là ở nhân gian học Phật, trong A lại da có hạt giống của Phật. Tập khí phiền não nặng, tạo ra những tội nghiệp nặng sẽ vào trong tam đồ. Bồ Tát Địa Tạng từ bi phát nguyện: “địa ngục vị không, thệ bất thành Phật”. Bồ Tát Địa Tạng là biểu trưng, trên thực tế tất cả Chư Phật Như Lai, pháp thân đại sĩ, chỉ cần chúng sanh có cảm, nhất định liền có ứng. Trong giáo lý đại thừa thường nói: “đệ tử nhà Phật, không bỏ một ai”. Địa ngục chịu khổ quá nhiều, quá khổ, họ cũng không nghĩ đến cầu Phật Bồ Tát, không nghĩ ra, nhưng có minh cảm. Nếu họ gặp được Phật Bồ Tát, họ nhất định đánh lễ xưng tán, cầu Phật cứu độ họ, chắc chắn là như thế. Nhưng không nhìn thấy thì không được, quên mất. Khi vừa nhìn thấy, đương nhiên ý niệm cầu Phật Bồ Tát giúp đỡ lên khởi lên, nên Phật sẽ ứng hóa đến đó.

Trong mấy năm nay, có một số đông bóng hé lộ tin tức cho chúng ta. Nói rằng chúng sanh trong ba đường ác, học Phật vãng sanh thành tựu, hơn nhân gian chúng ta, hiện nay biến thành gì? Trong lục đạo khó độ nhất là cõi người, người không tin, quý tin. Chúng ta thử nghĩ có khả năng này chăng? Có. Chúng sanh trong ba đường ác họ đang chịu quả báo, không tạo nghiệp nữa. Tạo ra nghiệp nặng đều đến đó để thọ báo, báo có nhẹ có nặng. Nếu chịu tội báo nhẹ một chút, là do lúc còn ở nhân gian, thiện căn học Phật sâu dày một chút, đó là đối tượng Bồ Tát Địa Tạng độ.

Trong Kinh Địa Tạng Bốn Nguyện chúng ta đọc được, mẹ của Bà la môn nữ đọa vào địa ngục, người hiếu nữ này vì mẹ mình. Cô ta biết mẹ mình tạo nghiệp rất nặng, nhất định

đọa địa ngục, nên tu pháp sám hối cho mẹ. Mẹ của cô ta, nhờ công đức tu học của con gái, được sanh lên trời Đao lợi. Không những bà được sanh lên cõi trời, mà những chúng sanh cùng chịu tội với bà ở trong địa ngục, cũng được sanh lên cõi trời. Từ sự tích này, chúng ta có lý do tin rằng, Chư Phật Bồ Tát không từ bỏ ba đường ác, chúng ta có thể tin.

Vì sao hiện nay cõi người lại khó độ như vậy? Đây cũng có nguyên nhân. Mấy ngàn năm trước, mảnh đất lớn này tiếp thu giáo huấn của ba nhà Nho Thích Đạo. Chư vị phải biết, ba nhà Nho Thích Đạo, tam giáo Nho Thích Đạo, giáo là dạy học, không phải Tôn giáo. Từng có người hỏi tôi, nói Phật và Đạo là Tôn giáo, Nho có phải Tôn giáo chẳng? Tôi trả lời rằng: Nho Thích Đạo đều không phải là Tôn giáo, đây là thật không phải giả. Đạo trở thành Tôn giáo, thời gian dài hơn Phật. Phật biến thành Tôn giáo, tôi nghĩ không quá 300 năm. Ngày xưa gọi là ba nhà, tam giáo, lúc đó không phải là Tôn giáo, danh từ Tôn giáo này chưa truyền đến Trung quốc.

Danh từ Tôn giáo là từ Tây dương truyền đến Nhật bản, từ Nhật bản truyền đến Trung quốc. Nhưng ý nghĩa của hai từ này theo tiếng trung rất hay, hiện nay cũng được những quốc gia khác trên thế giới thừa nhận. Tôn giáo vốn là giáo dục, cần phải trở về với giáo dục.

Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, 19 tuổi xa gia đình ra đi tham học. Ngài là một người rất hiếu học, thanh niên tri thức. Các Tôn giáo học thuật của Ấn độ ngài đều tham học, bao gồm phương pháp tu học Thiền định Du già của họ, ngài đều đã học, đặc biệt là ở trong Thiền định. Cảnh giới trong định có thể đột phá tầng không gian, nên đối với tình hình trong lục đạo rất rõ ràng. Ngài học suốt 12 năm. Ngài chấm dứt việc tham học, không còn chỗ để đi tham học nữa. Ngài nhập định dưới cây Tất Bát La, nhập thiền định thâm sâu hơn. Người xưa nói, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, vấn đề này được giải quyết. Kiến tánh, quả rất tuyệt vời!

Phật giáo đại thừa truyền đến Trung quốc, ở Trung quốc trong 2000 năm này, người đạt đến cảnh giới này, tôi dự đoán ít nhất cũng trên 3000 người, đều là trong Tông môn Giáo môn. Trong Thiền tông chúng ta xem Ngũ Đẳng Hội Nguyên, có hơn 1700 người, đây là không bao gồm Giáo môn. Giáo môn đại khai viên giải, Tịnh tông nhất tâm bất loạn hợp lại, tôi có lý do tin rằng vượt qua 3000 người. Cảnh giới của họ là cùng cảnh giới của Đức Thế Tôn khi đại triệt đại ngộ dưới cội bồ đề, đã thành Phật. Vì sao không gọi là thành Phật? Gọi rồi, nhưng ta không lưu ý. Tông môn thường nói: “Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Người kiến tánh đều là Phật, Phật thật, không phải Phật giả. Đại sư Thiên Thai nói rất rõ ràng minh bạch. Trong Kinh Hoa Nghiêm minh tâm kiến tánh là địa vị gì? Viên giáo sơ trụ Bồ Tát, vừa khai ngộ, vừa kiến tánh. Họ với cứu cánh viên mãn quả Phật trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu Giác vị, trên một vài cảnh giới thì hoàn toàn tương đồng, không có sai biệt.

Vì sao Đức Thế Tôn phải phân họ thành 41 địa vị? Vấn đề này hiện nay chúng ta đã rõ ràng, đã minh bạch, đó là gì? Tập khí phiền não vô thủ vô minh dày mỏng khác nhau, họ vẫn còn tập khí. Nhưng những tập khí này có chướng ngại gì chẳng? Không chướng ngại điều gì. Nghĩa là sao? Là chúng sanh có cảm, họ liền ứng hóa, điều này không chướng ngại. Cần lấy thân Phật để độ họ liền hiện thân Phật. Như Phạm Phổ Môn nói về 32 ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm, cần lấy thân gì để độ thoát, ngài có năng lực hiện ra thân đó, không hề chướng ngại. Cần nói với họ pháp gì, các ngài liền nói pháp đó, nói pháp cũng không có chướng ngại. Quả thật, họ đã nhập vào pháp giới tứ vô ngại: Lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Hoa Nghiêm Kinh sơ trụ Bồ Tát đạt được.

Họ khác với Phật ở đâu? Quả vị Diệu Giác hoàn toàn đoạn tận tập khí, còn họ chưa đoạn tận tập khí, khác nhau ở chỗ này. Ngoài điểm này không có gì sai khác cả. Tập khí này, trong lúc họ ứng hóa phổ độ chúng sanh, tự nhiên sẽ biến mất. Những người thành tựu ngày xưa, nhân vật đại biểu mọi người đều thường nói: Thiên tông lục tổ Huệ Năng là nhân vật đại biểu. Khi đại sư Huệ Năng kiến tánh, ngài đưa ra báo cáo rất quan trọng với Ngũ tổ! Báo cáo tuy không dài, chỉ có năm câu, nhưng nội dung năm câu này nếu nói tường tận chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm là khi Đức Phật minh tâm kiến tánh, nói ra cảnh giới của mình. Nên Đức Thế Tôn là nói tường tận, ngài Huệ Năng là nói lược, nội dung hoàn toàn giống nhau, không có gì khác. Quy nạp Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm tức là năm câu ngài Huệ Năng nói, triển khai năm câu nói của ngài Huệ Năng nghĩa là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, không tăng không giảm. Năm câu của ngài Huệ Năng chúng ta dễ nhớ, cần phải nhớ!

Câu thứ nhất: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, chư vị đồng học có mặt trong buổi học hôm nay, tự tánh chúng ta có thanh tịnh chăng? Đúng vậy, không có gì khác với Phật, nhưng dường như bản thân chúng ta tự cảm thấy ô nhiễm rất nghiêm trọng? Không sai, rất nghiêm trọng. Nguyên nhân là gì? Vì chúng ta có cảm giác, nếu không có cảm giác thì ta đã thanh tịnh. Cảm giác là gì? Là vọng niệm! Đức Phật nói rất rõ ràng, vì vọng tưởng phân biệt chấp trước mà không thể chứng đắc. Nếu như buông bỏ được vọng tưởng phân biệt chấp trước, liền được thành tựu. Quý vị hoàn toàn tương đồng với Đức Thế Tôn, với đại sư Huệ Năng, ngồi ngang nhau, nhập vào cảnh giới này.

Câu thứ hai: “Tự tánh không sanh không diệt”, câu này rất quan trọng! Hiện nay chúng ta tham sống sợ chết, quan niệm này sai hoàn toàn, vì sao vậy? Vì không có sanh tử. Sanh tử là gì? Là thân thể, thân thể có sanh diệt, duyên tụ duyên tán, tự tánh không có sanh diệt. Hiểu được đạo lý này, không phải quý vị được trường sanh rồi ư? Quý vị vốn là trường sanh, do mê mà không giác, nên tham sống sợ chết. Nếu giác ngộ được rằng, vốn là trường sanh, người người đều là trường sanh, pháp pháp đều là trường sanh, như vậy có thể buông bỏ được vọng niệm này.

Câu thứ ba nói rất hay: “Tự tánh vốn tự đầy đủ”, hiểu được đạo lý này, ta sẽ làm được đối với người không tranh, đối với thế gian không cầu, vì sao vậy? Vì mọi thứ ta điều viên mãn, mọi thứ đều đầy đủ, trong tự tánh vốn đã đầy đủ, ta còn cầu nó để làm gì? Cầu là sai, không cầu mới đúng. Chúng sanh trong thế gian hiện nay, mê vào trong của cải, không biết của cải là thứ bản thân ta vốn có đầy đủ, lấy không hết, dùng không tận. Đây đều là sự thật.

Lúc Đức Thế Tôn tại thế, ngài thị hiện làm một vị tăng khổ hạnh, giống như đại chúng vậy. Ba y một bát, ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, trong kinh điển có đoạn nói đến điều này. Từng có người thỉnh giáo Đức Thế Tôn, đó là người có trình độ nhất định đối với Phật pháp, biết Đức Phật thường trú ở cõi báo, cõi thật báo trang nghiêm, ngài thị hiện hòa quang đồng trần ở nhân gian chúng ta. Vậy Đức Thế Tôn có thể cho chúng con thấy được cõi báo của ngài chăng? Đức Phật đồng ý. Đức Phật ngồi trên tòa cỏ, để chân xuống, một chân ấn xuống đại địa, gọi ông ta xem. Ông ta xem, chính là thế giới Cực Lạc.

Đức Phật không phải 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, thân tướng của Phật biến thành thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, không phải ngồi trên tòa cỏ, mà ngồi trên tòa kim cang. Nhìn thấy cây cỏ hoa lá, đại địa là thế giới lưu ly. Đó không phải là Đức Phật biến hiện ra cho ông ta thấy, cõi thật báo chính là như vậy. Khi ông ta xem xong, ngài liền rút chân xếp bằng lại thì không còn nữa, thấy Phật vẫn ngồi yên trên thảm cỏ. Thật sự nhìn thấy chúng bảo

trang nghiêm, không phải chỉ có thất bảo, mà vô lượng vô số trân bảo trang nghiêm. Đây là tự tánh vốn đầy đủ, đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, vô lượng phước báo, cần gì phải cầu? Sao có thể cầu được!

Câu thứ tư, mỗi câu đều quan trọng, câu nói của đại sư Huệ Năng là tinh túy của Kinh Hoa Nghiêm. “Tự tánh vốn không dao động”, đây là gì? Trong kinh điển đại thừa thường nói: “tự tánh bản định”, không có ý niệm, xưa nay chưa từng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, làm sao có phân biệt chấp trước? Tự tánh vốn định.

Câu sau cùng là khởi tác dụng: “năng sanh vạn pháp”, thập pháp giới y chánh trang nghiêm, toàn là tự tánh biến hiện ra. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Biến pháp giới hư không giới, vạn sự vạn vật với bản thân là nhất thể. Vô lượng vô biên chư Phật Như Lai từ đâu mà có? Tự tánh biến hiện ra. Vô lượng vô y chánh trang nghiêm, từ đâu mà có? Vẫn là tự tánh biến hiện ra. Tự tánh chỉ có một, không có hai. Bởi vậy mới nói vạn pháp quy nhất, nhất là tự tánh, một tức là nhiều, nhiều tức là một, một và nhiều không hai.

Nếu người học Phật có thể nhận thức được vấn đề này, nhận thức rõ ràng, nhận thức minh bạch trong giáo lý đại thừa gọi là giải ngộ. Tín giải hành chứng, giải rồi sẽ ngộ. Làm sao quý vị có thể khế nhập? Như vậy ta phải y giáo phụng hành, y giáo phụng hành gọi là tu hành, tu hành là gì? Sửa đổi tất cả những nhận thức sai lầm trước đây. Tất cả mọi sai lầm chính là phiền não, là tập khí. Tập khí khó đổi, trước phải thay đổi phiền não về mặt sự. Kiến tư phiền não, kiến nghĩa là chúng ta thấy sai, tư là chúng ta nghĩ sai. Tham sân si mạn nghi là nghĩ sai. Thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới thủ, tà kiến là chúng ta thấy sai. Sửa đổi những điều này, gọi là tu hành. Khế nhập cảnh giới, bất luận chúng ta ở trong cảnh giới nào, trong hoàn cảnh nào; thuận cảnh hay nghịch cảnh ta đều được đại tự tại, không bị ngoại cảnh bên ngoài chi phối. Đây là thọ dụng chân thật của Phật pháp. Khi tôi mới học Phật, thầy Phương nói với tôi: “Học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người”. Không bị hoàn cảnh ảnh hưởng, mới là hưởng thụ cao nhất.

Câu hỏi này của ngài A nan quả là quá tuyệt. Tương lai chư thiên nhân dân, tất cả hàm linh chính là lục đạo chúng sanh, đều vì câu hỏi này mà đều được độ thoát. Hai chữ “được độ” ý nghĩa rất thâm sâu. Độ thoát, độ là khai ngộ, minh bạch. Thoát là gì? Thoát ly luân hồi lục đạo, thoát ly mười pháp giới, đến tầng cao nhất, thoát ly cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai, vì sao vậy? Vì cõi thật báo trang nghiêm là không gian hoạt động của 41 vị pháp thân đại sĩ. Thoát ly nó thì đi về đâu? Trở về tự tánh, cõi thường tịch quang, đây gọi là độ thoát rốt ráo, thật vậy chăng? Là thật. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh đều là hàm linh, linh nghĩa là linh tánh. Không những tất cả động vật, mà chư thiên nhân dân đều được độ, gọi là chánh báo. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Y báo chuyển theo chánh báo, y báo là gì? Là cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, đều được độ. Trong thường tịch quang hoàn toàn không có những thứ này, toàn bộ đều trở về tự tánh.

Các nhà khoa học cận đại nói với chúng ta về nghiên cứu vật lý thái không, họ phát hiện một vấn đề. Nghĩa là chúng ta hiện nay có thể quan sát đến thái không, trên thực tế chỉ là 10% của thái không có thể thăm dò được, còn 90% không nhìn thấy, không có. Họ nói điều này chúng ta nghe hiểu, cũng chính là nói họ có thể nhìn thấy đều là tướng phân, không có tướng họ không nhìn thấy được, đó là gì? Mười pháp giới có tướng, cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai vẫn có tướng, ở đâu không có tướng? Thường tịch quang không có tướng, họ không nhìn thấy, 90% đã trở về thường tịch quang. Thường tịch quang có thể hiện tướng chăng? Có thể, chúng sanh có cảm, họ liền hiện tướng. Khi chúng sanh không

có cảm, họ lại trở về thường tịch quang. Tất cả pháp đều từ thường tịch quang hiển lộ ra, sau đó lại trở về thường tịch quang, đến thường tịch quang là không thấy nữa. Thường tịch quang không phải vật chất, cũng không phải tinh thần. Nhưng hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần đều từ nó sanh ra, nó có thể sanh ra vạn pháp. Bởi thế vấn đề khoa học không thể giải quyết, vấn đề triết học không thể giải quyết, trong Phật pháp đều có, nói một cách viên mãn. Phật pháp là khoa học, không phải mê tín.

Phật không nói: Ta nói như vậy, quý vị phải tin ta, không phải như vậy. Yêu cầu của Phật là sau khi nói với quý vị xong, bản thân ta phải thân chứng. Quý vị xem tín giải mới đến hành chứng, chứng mới là của chúng ta, mới được thọ dụng. Nếu ta không thể chứng được, thì không được thọ dụng, những gì ta có thể hiểu được là của người khác, của Thế Tôn, của tất cả Chư Phật, của tất cả pháp thân Bồ Tát, là của họ.

Chúng ta khởi tâm động niệm, vọng tưởng phân biệt chấp trước đều tồn tại, nói cách khác, chúng ta vẫn trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Dùng tâm thái này học Phật, khiến cho Phật pháp biến thành học thuật. Đây là Phật học, không phải là học Phật, học Phật phải hành chứng. Có tín giải không phải học Phật, hành chứng mới thật sự học Phật, chúng ta phải hiểu rõ điều này.

Quý vị xem câu hỏi của ngài A nan, công đức này lớn biết bao, lợi ích vô biên! Công đức phải tính từ đây. Ngài không hỏi, Đức Phật không nói, khi hỏi thì Phật phải nói. Trên thực tế trong hội này, chúng ta nhìn thấy biểu hiện của Đức Thế Tôn là hoan hỷ, hỷ duyệt, an vui, đây cũng là cảm ứng. Cơ duyên chúng sanh thuận thực, đây là cảm; thị hiện của Phật đó là ứng, người thông thường không nhận ra, pháp thân đại sĩ minh bạch. A nan là pháp thân đại sĩ tái sanh, ngài đến là để thị hiện, ngài không phải phàm phu thật, cũng không phải là hàng sơ quả thật, không phải! Đại quyền thị hiện. Lúc này ngài hỏi, người tu học trong Phật pháp có trình độ tương đối, nghe ngài A nan hỏi và giải đáp của Thế Tôn, lập tức hiểu rõ.

Tiếp theo là chú giải của Hoàng Niệm Tổ: “Hàm linh là chỉ hàm có linh tánh”, lục đạo chúng sanh, “tức chúng sanh”. Chúng sanh này là nghĩa rộng, không phải nghĩa hẹp. Chúng là chúng duyên, chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi hiện tượng, gọi là chúng sanh, con người chúng ta là do chúng duyên hòa hợp mà sanh. Thực tế thì trong kinh Phật nói về chúng duyên, đã nói năm vấn đề: Sắc thọ tưởng hành thức gọi là ngũ uẩn- sắc thọ tưởng hành thức. Nhân thiên, sắc thọ tưởng hành thức, thân thể vật chất này là sắc pháp. Sắc là vật chất, thọ tưởng hành thức là tinh thần. Thọ là cảm thọ; tưởng là tư tưởng; hành là những việc ở trước, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tâm lý, nó đều không gián đoạn, luôn tương tục. Hành nghĩa là tương tục, niệm niệm tương tục, niệm trước diệt niệm sau liền sanh, đây gọi là hành. Thức là tin tức trong kho tư liệu, cất giữ tin tức, nó cũng không gián đoạn. Tất cả động vật không ra ngoài năm phạm vi này. Bây giờ chúng ta biết, thực vậy cũng không ra khỏi năm phạm vi này, khoáng vật cũng thế. Lớn đến toàn thể vũ trụ, nhỏ đến như hạt bụi đều là sắc thọ tưởng hành thức. Làm sao chúng ta biết được? Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta, hiện tượng sinh ra như thế nào? Nhất niệm sanh ra, nhất niệm bất giác sanh ra. Ngài nói một khảy móng tay có “32 ức 100 ngàn niệm”, nhất niệm này là một đơn vị, tốc độ của nó quá nhanh. Hiện tượng vật chất từ nó sanh ra, hiện nay khoa học đã chứng minh. Các nhà khoa học nói: Trên thế giới căn bản không có thứ gọi là vật chất. Chân tướng của vật chất là gì? Là tích lũy của ý niệm, huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục mà sản sanh ra, nó không phải thật, nên tất cả đều có thể quay về với ý niệm. Trong kinh Phật nói: “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”,

trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói như vậy. “Tâm hiện thức biến”, tâm tức là ý niệm, ý niệm chi phối tất cả.

Khoa học hiện đại đi theo phương hướng này, điều này rất tốt! Hiện nay nhân loại đang đi đến bước đường cùng, khổ không nói hết. Tin tức này làm tăng trưởng tuyệt đối lòng tin chúng ta, vì sao vậy? Vì nó có thể thay đổi bản thân, có thể thay đổi hoàn cảnh sống của chúng ta, ý niệm chủ tể! Nếu lục đạo chúng sanh buông bỏ, vứt bỏ ý niệm, áp dụng ý niệm của Phật Bồ Tát, thì hoàn cảnh hiện nay của chúng ta không phải biến thành thế giới Cực Lạc rồi sao? Thế giới Cực Lạc từ đâu mà có? Trong kinh này nói, do ý niệm của Phật A Di Đà biến hiện ra. Ý niệm hôm nay của chúng ta giống như ý niệm của ngài, ta nhập vào cảnh giới của ngài, ngài nhập vào cảnh giới của chúng ta, tự tha không hai. Khi hiểu rõ ràng minh bạch đạo lý này sẽ được cứu, thật sự được cứu, không phải giả.

Quý vị nói Đức Phật an vui, hôm nay chúng ta nghe xong cũng an vui. Thế Tôn ở trong hội này, đem tin tức này truyền cho chúng ta, chúng ta cần học tập theo Phật A Di Đà, đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với Phật A Di Đà, hoàn thành trong một niệm. Quý vị xem an vui biết bao! Hỷ duyệt này là thật, không phải giả, không gì sánh được, không sánh được.

Hai chữ “chúng sanh” này bao hàm điều hôm nay chúng ta nói, tất cả hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, trong tự tánh có kiến văn giác tri là tánh đức, bất sanh bất diệt, tánh đức. Nhất niệm bất giác, nhất niệm vô minh này khiến trong tự tánh biến hiện ra A lại da. Trong A lại da có nghiệp tướng, có chuyển tướng, có cảnh giới tướng. Nghiệp tướng là gì? Nghiệp tướng là hiện tượng dao động, chuyển tướng là kiến văn giác tri đã biến đổi, trong A lại da không gọi là kiến văn giác tri, gọi là gì? Là thọ tướng hành thức, kiến văn giác tri biến thành thọ tướng hành thức. Vì có thọ tướng hành thức, nên mới có cảnh giới tướng hiện tiền. Cảnh giới tướng từ đâu mà có? Cảnh giới tướng từ ý niệm, từ thọ tướng hành thức mà có.

Cổ nhân nói vì tướng phần hiện ra kiến phần, chuyển tướng tức là kiến phần, hiện tượng vật chất là tướng phần. Nếu thấy được kiến phần, giống như hư không, trong không sanh có, hiện tượng vật chất liền sanh ra. Hiện tượng vật chất hình sắc đa dạng, mỗi loại không giống nhau. Các nhà khoa học đã giải thích, giải thích rất hay, là tần suất giao động khác nhau. Tần suất chậm thì biến thành thể cứng, vật rất cứng. Tần suất nhanh nó biến thành mềm mại, như thực vật, những lớp da như loài động vật chúng ta, đây là tần suất nhanh. Nhanh hơn nữa liền biến thành khí thể, nhanh hơn nữa sẽ biến thành sóng điện từ, biến thành sóng ánh sáng. Đều là tần suất khác nhau, nhưng cùng một vấn đề.

Biến pháp giới hư không giới, quả thật như Phật pháp nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, hư vọng vì sao lại có? Vì tánh của nó là thật, tướng là vọng, tánh là thật. Một hạt vi trần, một vọng niệm, thể của nó đều là tự tánh, tự tánh là thật. Tánh tướng nhất như, tánh tướng không hai. Từ tánh mà nói, nhất chân nhất thiết chân; từ tướng mà nói, nhất vọng nhất thiết vọng. Tánh tướng không hai, chân vọng cũng không hai. Những khái niệm này, chúng ta cần phải hiểu rõ ràng minh bạch về lý của nó, nó sẽ thay đổi cuộc sống của chúng ta. Chúng ta sống trong thế giới đầy đau khổ này, vừa chuyển liền biến thành thế giới Cực Lạc. Chuyển biến chỉ trong một niệm, đây gọi là giác và mê. Một niệm giác liền lìa khổ được vui, một niệm mê lập tức đọa vào trong biển khổ, rất khó ra khỏi! Ở trong biển khổ này càng mê càng sâu.

Đoạn kinh văn này trong Hán Dịch, trong Hán Dịch nói: “A nan, hôm nay chư thiên đế vương nhân dân”. Đế này có thiên đế, có đế vương của nhân gian. Nhân dân như: “loại bò

bay cựa động, đều được ông độ thoát”, ông hỏi Đức Thế Tôn trả lời, nhờ vậy mà đều được độ thoát. “Nhờ câu hỏi này mà dẫn ra”, dẫn ra điều gì? Đức Thế Tôn giảng bộ kinh này. “Phàm thánh đều thu nhiếp, lợi độn đều được nhờ ơn”. Từ che chở ở đây đọc là phi, không đọc bị, tiếng địa phương gọi là gia phi, ý này là chính xác. Đây là âm cổ, phi là âm cổ, ý nghĩa tương đồng với chữ thiêu bây giờ, nghĩa tương đồng với chữ thiêu.

“Ngang ra khỏi tam giới, con đường đi đến tứ độ”, ở đây cần phải chú ý, ở đây nói tứ độ, không phải tam độ. Trong tứ độ có thường tịch quang, trở về thường tịch quang mới gọi là Diệu giác. Chữ “diệu” này trong Phật pháp, ý nghĩa thật sự của nó là gì? Phi hữu phi vô gọi là diệu, không thể nói có, cũng không thể nói không có, như vậy mới gọi là diệu. Nên chỉ có thường tịch quang là diệu, thường tịch quang gọi là Diệu giác.

41 vị pháp thân đại sĩ trong cõi thật báo, từ Viên giáo sơ trụ đến thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Đẳng giác, 41 địa vị này trú ở cõi thật báo, nghĩa là cõi thật báo trang nghiêm. Nâng cao lên là Diệu giác, quả vị này đến thường tịch quang. Thường tịch quang gọi là cõi diệu, không gọi là cõi báo, cõi thật báo trang nghiêm gọi là cõi báo, cõi báo của Như Lai. Nên nhập vào thường tịch quang, tức 90% còn lại mà các nhà khoa học nói không thấy, biến mất, nó hoàn nguyên. Nhất niệm bất giác nó liền sanh ra, đến Diệu giác nó hoàn nguyên. Không biết từ đâu sanh ra, các nhà khoa học nói trong không sanh có.

Quý vị hãy nghĩ thử điều này xem, trong không sanh có, vậy đâu là không! Trong thường tịch quang sanh ra, ta không cách nào phát hiện được thường tịch quang, sáu căn không tiếp xúc được. Vì nó không phải vật chất, nó cũng không phải hiện tượng tinh thần, nên không tiếp xúc được. Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân của ta, năm căn này tiếp xúc là hiện tượng vật chất, ý căn tiếp xúc hiện tượng tinh thần. Nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần, nên sáu căn của ta đều không tiếp xúc đến được. Bởi thế không thể nói nó là không, nó hiện tượng cũng không thể nói nó có, vì tướng đó là huyễn tướng.

Chư Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian, trong kinh điển hình dung các ngài như thế nào? Du hí thần thông, nói quá hay, phải chăng là chân tướng? Không thể nói nó không phải chân tướng, cũng không thể nói nó hoàn toàn là chân tướng, vì sao vậy? Vì không thể dùng ngôn ngữ để nói, đây là thật. Chẳng những ngôn ngữ không nói được, mà đến tướng tượng cũng không thể nghĩ đến được, gọi là không thể nghĩ bàn. Cũng chính là nói các ngài từ pháp thân Bồ Tát, đây là pháp thân Bồ Tát trong cõi thật báo, họ vẫn chưa đoạn tận tập khí, vẫn còn tập khí. Nhưng họ khởi tác dụng với Như Lai trong thường tịch quang khởi tác dụng, không có gì khác.

Chư Phật Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới hòa quang đồng trần với chúng sanh trong mười pháp giới, tướng chừng như hoàn toàn giống nhau, thật ra là hoàn toàn khác nhau, vì sao vậy? Vì họ chưa từng khởi tâm động niệm, chiêu này quá tuyệt! Vì sao các ngài không có khởi tâm động niệm? Nếu khởi tâm động niệm thì họ là phàm phu, không phải thánh nhân. Họ không khởi tâm không động niệm, hay nói cách khác họ thường trú tịch quang, không rời tịch quang. Như Đức Thế Tôn thị hiện, quý vị xem ngón chân ấn xuống đất để quý vị thấy được cõi báo nơi ngài ở, thọ dụng chân thật của ngài, đó là gì? Ngài dùng thần lực, khiến quý vị thấy được cảnh giới của ngài. Khi ngài thu nhiếp thị hiện, quý vị không thấy được nữa. Vì sao không để mọi người thấy? Để mọi người nhìn thấy, họ coi ngài như vị thần, phàm phu tục tử chúng ta sao có thể làm được điều này? Nên ngài thị hiện như chúng ta vậy, để nói với chúng ta rằng: Quý vị xem, ta thành tựu được, thì các người cũng có thể thành tựu, khuyến khích chúng ta, giúp chúng ta kiếp lập tín tâm. Đây là một phương thức dạy học của ngài,

một loại thiện xảo, giúp chúng ta kiến lập tín tâm, giúp chúng ta phát khởi đại nguyện, cũng có thể thành tựu trong một đời. Có thể thành tựu trong một đời chăng? Có thể!

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói là một đời thành tựu. Thiện Tài Đồng Tử là một điển hình. Kinh Pháp Hoa nói một đời thành tựu, Long Nữ làm gương. Ngài Huệ Năng một đời thành tựu, giống ngài Huệ Năng như tôi mới nói, theo nhận định của tôi ngày xưa có khoảng hơn 3000 người, buông bỏ là được! Bởi thế học Phật không thể không buông bỏ. Sở dĩ chúng ta nói khó khăn, nghĩa là không dễ buông bỏ, không chịu buông bỏ. Điều đầu tiên là gì? Là tự tư tự lợi. Khởi tâm động niệm, điều đầu tiên là nghĩ đến bản thân, quý vị nói có phiền phức chăng. Ở đây, người thật sự muốn thành tựu, thường nghĩ đến Thế Tôn, thường nghĩ đến đại sư Huệ Năng, thường nghĩ đến đại sư Ấn Quang trong thời cận đại. Các ngài thị hiện là gì? Các ngài thị hiện buông bỏ.

Chúng ta ngày ngày tu sám hối, sám hối là gì? Sám hối nghĩa là buông bỏ, vì sao ngày ngày sám hối? Vì chưa thật sự buông bỏ. Mỗi ngày buông bỏ một ít, một phần ngàn, một phần vạn, như vậy không được. Buông bỏ 9999 phần trên mười ngàn cũng không được, một niệm còn lại đó vẫn là phàm phu lục đạo. Như vậy là chưa cứu cánh, chưa triệt để, cũng nghĩa là ta chưa thật sự buông bỏ. Phải như thế nào mới thật sự buông bỏ? Không có chút ý niệm nào vì bản thân, thật sự buông bỏ. Khởi tâm động niệm vì tất cả chúng sanh, tuy vì tất cả chúng sanh nhưng hãy nhớ, nhất định là tam luân thể không, đây là thật buông bỏ. Tam luân bất không là chưa buông bỏ.

Vì sao tam luân thể không? Vì tam luân thể không hoàn toàn tương ưng với tánh đức. Cũng là trong kinh điển đại thừa thường dạy chúng ta, mọi người thường đọc Kinh Kim Cang: “tất cả pháp hữu vi”, tôi thường nói là “vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”, trong Kinh Kim Cang nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, bài kệ ở sau: “tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”, đây đều là Thế Tôn dạy cho chúng ta.

Chư Phật Như Lai ứng hóa tại thế gian, pháp thân đã sĩ trong cõi thật báo ứng hóa ở thế gian giống như Như Lai, đó là cảnh giới của họ. Họ hoàn toàn không có chấp trước, quả thật là vô ngã. Nửa bộ trước của Kinh Kim Cang nói: Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Hành tất cả pháp, hóa độ chúng sanh, thị hiện ra nhiều loại. Nửa bộ sau không những đã buông bỏ tướng, đến ý niệm cũng không còn: Vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến, đây là gì? Đã nhập vào cảnh giới.

Sau khi buông bỏ tất cả, mới có nắm giữ được tất cả, nắm giữ là gì? Trong Hoàn Nguyên Quán nói tứ đức là nắm giữ: Tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc, làm gương cho chúng sanh. Nhu hòa chất trực, đại chúng sanh khổ. Hợp bốn điều này lại, tức làm mà không làm, không làm mà làm, đó là gì? Đó nghĩa là tam luân thể không, có làm chăng? Làm thật, có làm hay chăng? Không có làm, sao lại không làm? Không có làm điều gì cho mình, trong đây là vô ngã, đó chính là Phật Bồ Tát. Trong này có ngã, nên nhớ đây là lục đạo phàm phu. Trong Phật pháp ta làm nhiều Phật sự, tương lai hưởng được phước báo nhân thiên trong lục đạo, không ra khỏi được.

Học Phật chơn chánh không có gì khác ngoài đoạn tất cả điều ác, tu tất cả điều thiện. Thiện ác có tiêu chuẩn, đều là dùng pháp thế gian. Đệ Tử Quy là pháp thế gian, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo là pháp thế gian. Thế nào gọi là pháp thế gian? Khởi tâm động niệm là pháp thế gian, không khởi tâm không động niệm mới xuất thế gian, vì sao vậy? Vì không khởi tâm không động niệm không còn ở trong mười pháp giới.

Những năm lại đây, trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm chúng ta nói đến vấn đề này rất nhiều, đều đã quen thuộc. Quý vị xem, không chấp trước là ra khỏi luân hồi lục đạo. Chúng ta nên nhớ rằng, chúng ta còn chấp trước, hay nói cách khác, chúng ta chưa vượt khỏi cửa ải luân hồi. Không phân biệt, không khởi tâm động niệm mới ra khỏi mười pháp giới. Cho nên chúng ta phải suy nghĩ tường tận, chúng ta đến bản lĩnh ra khỏi luân hồi cũng không có. Những gì Đức Phật nói, mỗi người chúng ta đều có thể làm được, ngài nói về lý và sự một cách thấu triệt, một cách rõ ràng, đó là gì? Ta thật sự hiểu rõ ràng minh bạch, liền hoan hỷ buông bỏ, không còn dính mắc dù chỉ là một chút. Tôi buông bỏ hết còn có thể sống được ư? Sống tự tại hơn bất kỳ ai.

Đức Thế Tôn buông bỏ tất cả, ngài cũng đâu có đói, cũng đâu chết lạnh, trái lại ngài sống vô cùng tự tại, vô cùng an lạc. Người thế gian chúng ta đã học Phật, nhưng vì sao không dám buông bỏ? Nghĩ rằng đó là Thế Tôn, đó là Tể Công, họ là A la hán, chúng ta không thể. Chúng ta buông bỏ chắc chắn chết đói, chết lạnh, vì thế vĩnh viễn không dám buông bỏ, đây là điều phiền phức. Đây là một cửa ải lớn nhất trong việc học Phật, trở ngại đầu tiên không dễ đột phá. Khi đột phá được cửa ải này sẽ thuận buồm xuôi gió, cửa ải đầu tiên khó, quả là rất khó! Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, có chăng? Có.

Tâm địa thanh tịnh, không dính chút bụi trần. Nhưng về sự, về sự có thể hòa quang đồng trần. Tâm địa, tâm địa là thanh tịnh, đích thực không dính mắc chút gì cả, vì sao vậy? Vì biết rằng tất cả mọi hiện tượng đều do ý niệm tích lũy, căn bản không có những thứ này. Không những như các nhà khoa học nói là do ý niệm tích lũy, mà Phật pháp nói rằng tất cả ý niệm đều không có, ý niệm là gì? Ý niệm là vô minh. Như vậy mới thật sự tìm ra chân tướng, Phật pháp gọi là chân như, ta mới tìm ra được nó, đây là thật. Nguồn gốc của vạn sự vạn vật giữa vũ trụ, năng sanh, năng hiện, năng biến, đã tìm được nó, đây gọi là thành Phật. Bởi vậy khó khăn nhất chính là buông bỏ. Nên tôi khuyên đồng học, đó là sự dẫn dắt, dẫn dắt chúng ta đến cửa Phật, nhưng chưa vào, đang ở ngoài cửa. Tôi khuyên mọi người buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn, đến đâu? Đến trước cửa Phật, chưa vào được. Đi vào phải y theo điều kiện của Phật, buông bỏ kiến tư phiền não, buông bỏ trần sa phiền não, buông bỏ vô minh phiền não.

Buông bỏ kiến tư nghĩa là buông bỏ lục đạo, lục đạo không còn, tứ thánh pháp giới hiện tiền. Buông bỏ phân biệt, ta đến tầng cao nhất trong tứ thánh pháp giới: Phật pháp giới. Tiếp tục buông bỏ khởi tâm động niệm, đó gọi là căn bản vô minh, buông bỏ khởi tâm động niệm, ta vào được cõi thật báo, thập pháp giới không còn. Thông thường chúng ta gọi cõi thật báo là nhất chân pháp giới, trong đó có hiện tượng nhưng không có biến hóa, vì nó hoàn toàn xung tánh. Tâm hiện vì nó không có thức, nên nó không có biến hóa. Con người thật sự là trường sanh bất lão, không khởi biến hóa sẽ không bị lão hóa. Họ cũng không sanh bệnh, cũng không cần ẩm thực, là hóa sanh. Cây cỏ hoa lá hoàn toàn xanh tươi, không phải như mùa xuân sanh ra mùa thu sinh trưởng, không có hiện tượng này, nên đó là nhất chân pháp giới. Hoàn toàn khác với tình hình trong mười pháp giới, mỗi người đều vô lượng thọ, người người đều như 18 tuổi, vĩnh viễn không suy lão, đây là cõi thật báo trang nghiêm.

Đoạn tận tập khí khởi tâm động niệm, liền trở về thường tịch quang, điều này cần một khoảng thời gian. Theo trong Kinh Hoa Nghiêm nói, tận tập khí hoàn toàn đoạn tận, thời gian là ba đại a tăng kỳ kiếp. Cũng chính là nói thọ mạng trong cõi thật báo trang nghiêm, là ba đại a tăng kỳ kiếp. Hết ba đại a tăng kỳ kiếp, ta liền chứng được Diệu giác vị, hoàn toàn trở về cõi thường tịch quang. Đây cũng là một sự tuần hoàn, quý vị xem từ tự tánh khởi nhất niệm bất

giác, đến sau cùng lại trở về thường tịch quang, chu kỳ này rất lớn, một chu kỳ vô cùng lớn, rất thú vị. Thực tế mà nói Phật pháp là triết học, là khoa học, mà còn là khoa học và triết học đỉnh cao nhất như thầy Phương từng nói, ví dụ của thầy Phương, là đỉnh cao nhất.

Vì bộ kinh này, nhờ câu hỏi này mà dẫn khởi bộ kinh này, bộ kinh này “thu nhiếp cả phàm lẫn thánh”. Phàm là chỉ lục đạo, thánh là chỉ tứ thánh pháp giới, phàm thánh nghĩa là tứ thánh pháp giới. Tứ thánh pháp giới Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, đây là tứ thánh. “Lợi độn đều được che chở”, lợi căn là thiện căn sâu dày, phước đức đầy đủ, đây là lợi căn. Độn căn là thiện căn và phước đức kém hơn. Nếu nhân duyên thù thắng, có thể bù đắp đầy đủ trong đời này, nhân duyên! Phật pháp rất coi trọng nhân duyên.

Đại sư Thiện Đạo nói rất hay, ngài nói cho chúng ta về thế giới Cực Lạc: Tứ độ tam bồi cứu phẩm đều do gặp duyên khác nhau, câu này nói quá hay. Mặc dù chúng ta là hàng độn căn, thiện căn phước đức rất mỏng, ngày nay gặp được nhân duyên thù thắng, có thể ngay trong đời này bổ sung đầy đủ thiện căn phước đức cho chúng ta, từ độn căn biến thành lợi căn. Gặp được nhân duyên, bù đắp như thế nào? Đó là y giáo phụng hành, thật tin, thật phát tâm và thật y giáo phụng hành. Thời gian mười năm từ độn căn nâng lên đến lợi căn. Có! Cổ Nhân có, người bây giờ cũng có. Then chốt ở đây, then chốt chính là phải phụng hành, không được theo ý mình, đó là gì? Đó là người nghiệp chướng nặng nề, thiện căn phước đức mỏng manh. Thiện căn phước đức saau dày sẽ làm theo giáo huấn, thành thật, nghe lời, thực hành.

Trong Tam Tự Kinh nói rất hay: “Tánh tương cận, tập tương viễn”, “đạo dạy học, quý ở chuyên”. Nếu mười năm chuyên học một bộ kinh, chuyên học một pháp môn, 10 năm sau họ trở thành lợi căn, vì sao trở thành lợi căn? Vì đã khai ngộ, đại triệt đại ngộ họ sẽ thành Phật. Đúng vậy, ngày xưa thời gian mười năm khai ngộ, đại triệt đại ngộ rất nhiều, vì sao? Thông thường là nhất môn thâm nhập, họ đồng mãnh tinh tấn, dù một giây một phút cũng không lơ lửng. Mỗi ngày tu học mười mấy tiếng trở lên, ngoài thời gian nghỉ ngơi ra họ tu tập không gián đoạn. Những người này nếu căn tánh tốt, khoảng năm ba năm sẽ được tam muội, sẽ được định; sáu bảy năm là khai ngộ, định đến trình độ nhất định họ liền khai ngộ. Tiểu ngộ, đại ngộ, triệt ngộ, vừa khai ngộ là thông triệt toàn bộ.

Đại sư Huệ Năng là một tấm gương sáng, chưa từng đọc sách, không hề biết chữ, nhưng khi khai ngộ ngài thấu triệt tất cả. Kinh điển Thế Tôn giảng trong suốt 49 năm, ngài cần bao nhiêu thời gian để lãnh ngộ chúng? Bồ Tát Long Thọ thị hiện cho chúng ta thấy là thời gian ba tháng, đại sư Huệ Năng ba tháng được chăng? Được, vì một bộ kinh ngài không cần xem từ đầu đến cuối. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh có ghi chép rằng: Thiền sư Pháp Đạt học Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Hoa rất dài. Tuy chỉ có bảy quyển, những kinh văn mỗi quyển rất dài, tất cả có 28 phẩm. Đại sư Huệ Năng chưa từng nghe, ngài bảo thiền sư Pháp Đạt đọc cho ngài nghe. Thiền sư Pháp Đạt đọc đến phẩm thứ hai, đại sư Huệ Năng nói được rồi, không cần đọc thêm nữa, ta đã hiểu. Ngài học kinh điển bằng cách này, chỉ học một phần ở trước, phần sau thông đạt hết, tốc độ này quá nhanh! Chắc chắn thông suốt một bộ Đại Tạng Kinh trong vòng ba tháng. Ngài giảng Kinh Pháp Hoa cho thiền sư Pháp Đạt, thiền sư nghe xong liền khai ngộ, đây là gì? Đây là con đường học tập nhanh nhất, làm gì có đường nào nhanh hơn! Nếu như học từng thứ một, nói thật tam tạng 12 bộ kinh của Phật giáo, học suốt đời cũng không thông, không phải học như vậy. Dùng phương pháp gì? Giới định tuệ, do giới sanh định, nhờ định phát tuệ. Bởi thế Thiên tông không phải không học giáo lý, Thiên tông là khởi tu sau khi ngộ, sau khi đại triệt đại ngộ mới học kinh điển, nhanh! Không thể nói

cao tăng thiên sư của tông môn không hiểu giáo lý, vậy là sai, hoàn toàn sai lầm. Họ thông đạt thật sự, rất siêu tuyệt. Nói cách khác, Thiên tông khi nào đại triệt đại ngộ? Nếu thiên sư Pháp Đạt đọc từ đầu đến cuối Kinh Pháp Hoa, mà ngài Huệ Năng vẫn không rõ ràng minh bạch, vậy là chưa khai ngộ. Có thật khai ngộ hay không từ điểm này sẽ biết. Tuyệt đối không để quý vị đọc hết, đọc đến đâu? Đọc đến trước phần chánh tông một chút, là thông đạt. Phẩm Phương Tiện là phần chánh tông, ngài đã hiểu. Vì thế tất cả pháp thế xuất thế gian, ngài vừa thấy là hiểu, vừa nghe liền minh bạch, tiếp xúc là thấu hiểu. Khi lục căn tiếp xúc không có gì không thông đạt rõ ràng.

Tánh tướng, lý sự, nhân quả hoàn toàn thấu triệt, đó là thành Phật. Đại sư Thiên Thai gọi là phần chứng tức Phật, không gọi là viên mãn, vì sao vậy? Vì chưa đoạn sạch tập khí phiền não vô minh, Đẳng giác vẫn còn nhất phẩm, đoạn tận phẩm đó mới gọi là Diệu Giác, quả Phật viên mãn cứu cánh. Ta không thấy được quả Phật cứu cánh viên mãn, họ trú trong thường tịch quang.

Bởi thế kinh điển này, “bao trùm lợi độn, ngang vượt tam giới”, trong một đời có thể đến tứ độ của thế giới tây phương Cực Lạc, cần phải xem trình độ của quý vị. Ở thế gian này quý vị buông bỏ được bao nhiêu, hoàn toàn chưa buông bỏ thì sanh vào cõi phàm thánh đồng cư. Nếu như đã buông bỏ được chấp trước, sanh vào cõi phương tiện hữu dư. Buông bỏ khởi tâm động niệm, sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Đương nhiên vô minh vô cùng khó khăn, khi ta đến cõi thật báo trang nghiêm, ở đó phổ độ tất cả chúng sanh hữu tình trong pháp giới. Cho đến khi tập khí hoàn toàn không còn, liền trở về thường tịch quang. Đây là nói đến sự thù thắng của thế giới Cực Lạc, có thể làm được trong một đời.

“Chư Phật cùng khen ngợi”, tất cả Chư Phật Như Lai trong mười phương, không ai không khen ngợi thế giới Cực Lạc, không có vị Phật nào không khuyên chúng sanh tu học theo pháp môn này. Bởi vậy tất cả Như Lai đều nói về thế giới Cực Lạc, trong mười phương thế giới chiêu sinh. Quý vị mới biết mỗi ngày có bao nhiêu người vãng sanh về thế giới Cực Lạc, không thể tính đếm được. Đến thế giới Cực Lạc không có ai không thành Phật, một đời thành tựu, mà còn thành tựu rất nhanh.

“Kinh luận đều nói, hiểu nghĩa nhất thừa, vạn thiện đồng quy, không thể nghĩ bàn, pháp môn Tịnh độ”. Đây là tán thán đến tột cùng. Cho nên kinh này là kinh nhất thừa, hiểu nghĩa cứu cánh, nhất thừa là gì? Là thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm là thành Phật, nhưng sau cùng đều là niệm Phật. Kinh Hoa Nghiêm rõ ràng nhất là thập đại nguyện vương quy về Cực Lạc. Kinh Pháp Hoa rõ ràng nhất là Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn. Từ chỗ này chúng ta thật sự nhận thức rõ sự thù thắng của Tịnh độ, sự không thể nghĩ bàn của Kinh Vô Lượng Thọ, là vạn thiện đồng quy.

Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ khen ngợi, ngài là vị tổ thứ sáu của Tịnh độ Tông: “Tương lai tất cả chúng sanh đều nhờ pháp này mà được độ thoát”. Ngài A nan thỉnh Đức Phật nói bộ kinh này, Thế Tôn khen ngợi ngài, câu hỏi này của ông có công đức rất lớn. Nếu bây giờ chúng ta hiểu được ý này, sẽ biết trong nhà Phật trồng phước, ở trong nhà Phật như thế nào mới trồng được phước báo lớn nhất? “Thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trú thế”, công đức hai nguyện này của Bồ Tát Phổ Hiền là lớn nhất. Đức Phật không còn tại thế, các bậc cao tăng đại đức, bao gồm cư sĩ, mời họ đến giảng kinh dạy học, công đức này rất lớn! Công đức giảng bộ kinh này, tuyệt đối vượt qua công đức bố thí bảy báu trong đại thiên thế giới, không thể sánh! Đừng nói là bảy báu trên một địa cầu, mà đức Phật nói bố thí thất bảo trong đại thiên thế giới, cũng không bằng công đức mời pháp sư giảng bộ kinh này, vì sao

vậy? Vì có thể có người nghe bộ kinh này, y giáo tu hành và thành Phật. Bồ thí thất bảo trong đại thiên thế giới, cũng không giúp người thành Phật, không cách nào giúp người khai ngộ, đạo lý chính là đây.

Nếu không có người giảng kinh, thì in kinh bồ thí công đức đứng hàng thứ hai. Phương pháp này có thể truyền bá Phật pháp, nhưng phải xem nhân duyên, xem có ai đặc đạo, có ai từ trong kinh điển khai ngộ. Nếu có, thì phước báo đó quả thật vô cùng lớn lao. Còn như không, ta phải tăng trưởng thiện tâm, phải hiểu điều này.

Xây chùa, chùa cần phải phát huy tác dụng của nó. Xây chùa là xây dựng trường học, phải có thầy dạy. Có học sinh đến đây cầu học, như vậy công đức xây chùa sẽ rất lớn. Nếu chùa xây xong, không có dạy, cũng không có học, chỉ có thể trồng một hạt giống Phật vào trong A lại da của chúng sanh, ngoài điều này ra nó không khởi tác dụng, chỉ được như vậy thôi.

Lúc thầy Lý còn ở thế gian thường nói: “Có chùa không có đạo, giáo pháp không thể hưng khởi”. Chỉ có giáo hưng thịnh, giáo là giáo hóa, đặc biệt là Phật giáo. Thật sự trong pháp thế xuất thế gian, là giáo dục quan trọng nhất, dạy học chủ yếu, là sự giáo hóa không gì sánh được. Vì Phật giáo có thể thu nhiếp thánh phàm, độ tất cả các căn lợi độn. Truyền thừa Phật giáo, công đức lợi ích vô cùng thù thắng, phát tâm truyền thừa. Phải phát tâm truyền thừa, tục Phật huệ mạng, làm sao có thể sánh được công đức này!

Người xưa nói: Vì kế thừa tuyệt học của cổ thánh hiền, vì thiên hạ mở thái bình, Phật pháp vượt qua điều này quá nhiều. Ở đây Phật pháp nói: “ngang ra khỏi tam giới, con đường đi đến tứ độ, hiểu nghĩa nhất thừa, vạn thiện đồng quy”. Pháp thế gian không thể sánh được điều này. Thật sự phát đại nguyện tục Phật huệ mạng, đầu tiên phải thực hành, bản thân phải nỗ lực tu hành chứng quả, mới có thể làm tốt vấn đề này. Nếu không thật sự tu hành không khởi được tác dụng, vì sao vậy? Vì quý vị nói là một chuyện, nhưng người ta thấy hành vi trong cuộc sống hằng ngày của quý vị lại là chuyện khác, tín tâm không thể sanh khởi. Đại thánh hiền thế xuất thế gian giáo hóa chúng sanh, nhất định là thân hành ngôn giáo. Thân hành ở trước, ngôn giáo ở sau.

Chúng ta phải tu như thế nào? Gần đây tôi nghe CD của Hồ Tiểu Lâm, tôi cảm thấy ông ta nói hai câu rất hay: “cảm ân, sửa đổi”, ông đạt được bí quyết này, rất khó được, ông y giáo phụng hành. Cảm ân Phật, cảm ân cha mẹ, cảm ân thầy tổ, cảm ân quốc gia, cảm ân tất cả chúng sanh. Quan niệm của ông đối với tất cả chúng sanh, là đạt được từ trong Hoàn Nguyên Quán. Thật sự biết được biến pháp giới hư không giới với mình là nhất thể, tâm hiện thức biến. Một hạt bụi cũng là đối tượng chúng ta cảm ân, vì sao vậy? Vì nó với ta là nhất thể, cùng một tự tánh.

Sửa đổi, ngày ngày sửa đổi, tiêu chuẩn của sự thay đổi, thay đổi chính là trì giới. Thật sự sửa đổi là đạt được từ lòng cảm ân, vì không tri ân sẽ không biết cảm ân, cũng không biết sửa đổi. Nên đầu tiên phải biết tri ân, sau đó mới biết cảm ân. Đều không tách rời tín giải hành chứng. Chúng ta bắt đầu từ đâu? Thực hành triệt để Đệ Tử Quy, thực hành Cảm Ứng Thiên, thực hành Thập Thiện Nghiệp, đây là cơ bản, đây là hành vi cơ bản của giới luật. Mỗi ngày cần phải phản tỉnh, ngày ngày phải sửa đổi. Hồ Tiểu Lâm rất tuyệt vời, ai có thể chỉ được một khuyết điểm của ông, ông sẽ tặng một vạn tiền. Quý vị quan sát tường tận ông ta, quý vị có thể nói ra một vài khuyết điểm, ông sẽ phát thưởng nhiều hơn.

Thánh hiền nhân thật sự đã kiến lập nền tảng ở đây, ai là người có ân đức lớn nhất đối với mình? Người chỉ trích ta, người nói lỗi lầm của ta. Vì bản thân không biết lỗi lầm của

mình, có người đến nói cho ta biết, đây là đại ân nhân, đây thật sự là Bồ Tát, là chân thiện tri thức. Hiện nay người như vậy rất ít, thấy quý vị phạm sai lầm cũng không dám nói, nói sẽ như thế nào? Quý vị không thể tiếp thu, lại biến thành oán thân trai chủ, hà tất phải làm điều này? Người có thể tiếp thu, có thể sửa đổi quá ít, bởi thế điều này quả thật không dễ!

Chúng ta nhất định phải theo ba nền tảng của Nho Thích Đạo để sửa đổi chính mình. Nhất định mỗi ngày phải xem hai lần, văn tự không dài. Thập Thiện Nghiệp Đạo dùng bản tóm tắt của tôi là được, bản tóm tắt của tôi có khoảng hơn 600 chữ, hình như không quá 600 chữ, không dài. Vì mười điều này của Thập Thiện Nghiệp đã phô bày trong Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy. Nó là một cương lĩnh, mục tiêu học tập nó đều ở trong Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên, dùng nó để đặt nền tảng cho chính mình, đây là nền tảng để thành thánh thành hiền. Không tu theo nền tảng này, thì thánh hiền chỉ là sự kỳ vọng mà không làm được, phải thực hành. Người khác thực hành hay không không liên quan đến ta, bản thân ta phải y giáo phụng hành, phải siêng năng nỗ lực tu hành. Sau đó nhất môn thâm nhập, mười năm không thay đổi, được vậy thì quá tốt. Nếu quý vị học Nho giáo, mười năm chính là thánh hiền. Nếu học Đạo giáo, mười năm sẽ là thần tiên. Còn như học Phật, mười năm quý vị là Phật Bồ Tát, quả thật là một đời thành tựu!

Bởi thế thỉnh kinh, thỉnh người giảng kinh, như trong kinh này Đức Phật nói: được vô lượng phước đức! Nếu không có tâm cầu phước đức thì quả là đáng nể, nó sẽ biến thành công đức bậc nhất, công đức này làm tư lương để bản thân vãng sanh Tịnh độ, thù thắng vô cùng, không cầu phước báo thế gian.

Thỉnh Phật trú thế, ngày nay chúng ta nói là bồi dưỡng nhân tài để hộ trì và hoằng pháp, nhân tài hoằng pháp và hộ pháp, đó là thỉnh Phật trú thế, công đức không thể nghĩ bàn. Chẳng những chúng ta không nói ra được, mà cũng không ngờ đến được. Trong nhóm người ta đào tạo có được hai ba người, như vậy không tuyệt vời sao? Có hai ba vị Bồ Tát ra đời, hai ba vị Phật ra đời, không tuyệt vời sao? Công đức này đích thực như trong kinh này nói, chỉ có Phật với Phật mới có thể biết được, Đẳng giác trở xuống đều không nói được. Đặc biệt là đào tạo nhân tài, nghĩa là công đức bồi dưỡng nhân tài, với công đức Phật xuất thế, có thể nói là bằng nhau.

Phật không xuất thế, thế gian này không có Phật pháp, không có nhân tài thật sự để tiếp nối huệ mạng Phật, Phật pháp sẽ đoạn tuyệt. Như vậy quý vị mới nghĩ đến công đức bồi dưỡng nhân tài này lớn biết bao! Bồi dưỡng nhân tài, tiếp nối huệ mạng Phật, đặc biệt là đào tạo Tịnh tông. Trong Đại Tập Kinh Đức Phật nói, mười ngàn năm thời kỳ mạt pháp đã qua 1000 năm. Theo ghi chép trong lịch sử của người xưa, trong điển tịch Phật giáo đều nói: Đức Thế Tôn ra đời, vào năm thứ 24 của Chu Chiêu Vương, năm Giáp dần. Phật diệt độ vào năm thứ 53 của Chu Mục Vương, trú thế 80 năm, người xưa tính tuổi mụ. Người nước ngoài tính tuổi tròn, tức Phật niết bàn năm 79 tuổi, theo ghi chép này thì đến nay là 3037 năm.

Pháp vận của Phật 12000 năm, chánh pháp 1000 năm, tượng pháp 1000 năm, mạt pháp 10000 năm, tổng cộng là 12000 năm. Hiện nay mạt pháp cũng đã qua 1000 năm, ở sau còn 9000 năm. Chúng ta là 37 năm đầu tiên trong 9000 năm, pháp môn nào được độ? Tịnh tông, bộ kinh nào? Kinh Vô Lượng Thọ.

Cư sĩ Mai Quang Hy và cư sĩ Lý Bình Nam đều khẳng định, tương lai cho đến lúc pháp diệt tận, Kinh Vô Lượng Thọ chính là bản hội tập này, không thể nghĩ bàn! Thế giới động loạn, bản hội tập này cần phải lưu thông với số lượng lớn, vì thảm họa trên địa cầu rất đáng sợ. Có người nói với tôi, chúng ta có cần khắc Đại Tạng Kinh lên trên đá, hoặc là khắc

thành kinh sách cất giữ trong các danh sơn? Tôi nói một con động đất thì núi cũng không còn, uổng phí tâm huyết của quý vị.

Ngày xưa thì sao? Bất đắc dĩ, không còn cách nào khác, chỉ có cách này. Hiện nay có cách, in ấn với số lượng lớn, lưu thông trên khắp thế giới, như vậy không bị hủy diệt. Đây bị hủy diệt thì nơi đó vẫn còn, lưu giữ khắp nơi trên toàn thế giới. Ít nhất nhân duyên hiện nay của chúng ta, trên thế giới vẫn còn mấy trăm Tịnh tông học hội, mỗi Tịnh tông học hội, Phật môn đạo tràng mà chúng ta quen biết, còn có thư viện của trường đại học, thư viện quốc gia, thư viện của các huyện thị đều có thể cất giữ, họ đều hoan hỷ. Như vậy sẽ không bị hủy diệt. Cất giữ kinh tạng bằng phương pháp này, bảo đảm hơn.

Thôi! Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 147

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 24.09.2010

Địa điểm: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 169, hàng thứ ba kinh văn, chúng ta đọc một đoạn kinh văn.

“A nan, Như Lai dĩ vô tận đại bi, cặng ai tam giới, sở dĩ xuất hưng ư thế, quang xiển đạo giáo, dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi”.

Chúng ta xem đến đây, đây là một đoạn nhỏ. Đoạn này nói rõ vì sao đức Thế Tôn đến thế gian này, đến để sáng lập nên giáo dục Phật giáo, đây không phải là Tôn giáo. Tôn giáo không phải khẩu khí này, không phải ngữ khí này, điều này Thế Tôn ở trong hội này nói rất rõ ràng minh bạch. Phật Bồ Tát đến thế gian này “xuất hưng ư thế”, quan trọng nhất là tâm đại từ bi, thương xót chúng sanh khổ nạn trong tam giới. Tam giới nghĩa là nói luân hồi lục đạo của chúng ta: dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Vì sao Đức Phật làm như vậy? Những người học Phật chúng ta chắc đều có thể trả lời, trong kinh điển đại thừa, chúng ta trải qua thời gian huân tập lâu dài. Tuy chưa ngộ được lý, nhưng nghe nhiều về kinh điển đại thừa, ít nhiều cũng có thể lãnh hội một vài điều. Quan trọng nhất có thể nói, duy chỉ có giáo dục Phật giáo, đối với nhận thức về nhân sinh vũ trụ là chính xác nhất, viên mãn nhất.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, trong Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng, vũ trụ từ đâu mà có? Vì sao có vũ trụ? Những gì Đức Phật nói với chúng ta, dùng thuật ngữ trong kinh gọi là thật tướng các pháp. Phật đối với biến pháp giới hư không giới nói như cách nói hiện nay của chúng ta, nghĩa là tất cả mọi hiện tượng trong vũ trụ, tất cả người sự vật, dùng một chữ làm đại danh từ chung, chữ này gọi là “pháp”, dùng chữ này làm đại danh từ chung, “pháp” là bao hàm hết toàn bộ, không sót thứ gì.

Phật có nghĩa là gì? Phật là từ tiếng Phạn dịch sang. Cổ Ấn độ bất kỳ một pháp nào, đều có thể, đều có tướng, đều có dụng. Thể của chữ pháp này là tự tánh, vì tất cả pháp đều từ tự tánh biến hiện ra, tự tánh năng sanh năng hiện. Muôn sự muôn vật giữa vũ trụ là tướng của pháp này, thông thường chúng ta gọi là pháp tướng. Trong Phật giáo có một Tông phái gọi là Pháp tướng tông, quý vị sẽ biết đối tượng học tập của pháp tướng tông, là chuyên môn nghiên cứu hiện tượng. Hiện tượng có hai loại lớn, một là hiện tượng tinh thần, Phật pháp gọi là tâm pháp. Một loại lớn khác là hiện tượng vật chất, gọi là sắc pháp. Sắc là nói vật chất, biểu trưng chung của vật chất dùng một chữ sắc. Đại biểu chung của hiện tượng tâm lý là dùng tâm, tâm này không phải chân tâm, tâm này là A lại da. Vì A lại da năng biến, thập pháp giới y chánh trang nghiêm là A lại da sở biến. Chân tâm bất biến, nó năng hiện, năng sanh năng hiện, nó bất biến. Từ đâu để nhận ra? Quý vị xem Tịnh độ tông nói bốn cõi: Cõi phàm thánh đồng cư, cõi phương tiện hữu dư, cõi thật báo trang nghiêm, cõi thường tịch quang tịnh. Trong bốn cõi này thường tịch quang là tự tánh, vĩnh hằng bất biến, trong thiền tông gọi là minh tâm kiến tánh, thấy điều gì? Thấy thường tịch quang, đó là kiến tánh. Pháp tướng, đó là nói ba cõi ở dưới đều là pháp tướng, thường tịch quang là pháp tánh, đây là tánh tướng. Trong tự tánh, nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần, nó là bản thể của tinh thần và vật chất. Tánh tướng là một không phải hai, nếu không có tánh làm gì có tướng?

Bao nhiêu năm nay chúng ta cùng nhau học tập, vì ngày ngày chúng ta đối diện trước màn hình. Tôi thường dùng ti vi hoặc là màn hình vi tính ví như tự tánh, thường tịch quang. Những sắc tướng hiện ra trên màn hình, ví như pháp tướng. Quý vị xem có thể có tướng, ví như pháp tướng. Pháp tướng sai biệt hoàn toàn, pháp tánh như như bất động. Trên ti vi chúng ta thấy rất nhiều kênh ở nước ngoài, thông thường ti vi ở trong nhà có thể xem được hơn 100 đài, tức là hơn 100 kênh, đều hiện ra trên một màn hình. Dùng ví dụ này so với cổ nhân đích thực tiện lợi hơn rất nhiều. Ngày xưa không có những loại máy móc này, rất khó ví dụ, bắt đầu dĩ mới dùng vàng và trang sức làm ví dụ. Dùng vàng ví với tự tánh, trang sức ví như pháp tướng, thể tướng dụng. Phật pháp dạy học là ở dụng, dụng là hoàn toàn minh bạch, giác ngộ, không còn mê hoặc, hiểu rõ chân tướng muôn sự muôn vật, đây gọi là Phật. Cứu cánh thông đạt, viên mãn thấu triệt, người này đã thành Phật. Tuy thấu triệt nhưng vẫn chưa viên mãn, gọi là Bồ Tát. Cho nên Bồ Tát là ở địa vị của học sinh, Phật đã tốt nghiệp, tốt nghiệp viên mãn. Trong Phật pháp nói: tất cả chúng sanh vốn là Phật, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đã có Phật tánh, đương nhiên có thể chứng được quả Phật. Tôn giáo tuyệt đối không có lý niệm này, nhất định không có. Tôn giáo cho rằng giữa vũ trụ có một vị thần chủ tể, vị chân thần duy nhất. Bất kỳ ai, bất luận tu hành như thế nào, cũng không thể bình đẳng với thần, thần là độc nhất vô nhị. Tất cả chúng sanh vĩnh viễn phải nghe theo vị thần này, khái niệm này không tìm thấy trong kinh điển Phật giáo, không có khái niệm này. Bởi vậy chúng ta cần phải nhận thức rõ ràng, Phật giáo là giáo dục, giáo dục của Đức Phật.

Sau đó quý vị phải biết ai là Đức Phật? Mỗi chúng sanh chúng ta đều là Phật, giác ngộ gọi là Phật, mê gọi là chúng sanh, nên trong Phật pháp nói sanh Phật không hai. Sanh là chúng sanh, Phật là Đức Phật, chúng sanh và Đức Phật là một không phải hai. Chúng sanh giác ngộ thì gọi là Phật, mê hoặc thì gọi là chúng sanh, nó là một vấn đề không phải hai. Đây là điều người học Phật chúng ta phải nhận thức rõ ràng, bằng không ta sẽ đi theo sự mê tín, đem nền giáo dục tốt đẹp này_cổ nhân nói: “minh minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện”. Giáo dục Phật giáo chính là giáo dục của minh minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện, quả thật nói một cách cứu cánh viên mãn.

Cô nhân đưa ra khái niệm này nhưng không nói tường tận, nên các đời Nho gia giải thích rất nhiều cho chúng ta, nhưng rất khó khiến người ta tâm phục khẩu phục. Giáo dục Phật giáo truyền đến Trung quốc, cương lĩnh các bậc thánh hiền đưa ra, kinh điển nói một cách tường tận. Dùng kinh điển của Phật giáo để giải thích truyền thống văn hóa xưa, nâng truyền thống văn hóa lên bình đẳng với cảnh giới Phật. Cho nên ngày nay chúng ta nói truyền thống văn hóa không thể tách rời Phật pháp, nếu tách rời giáo huấn của Đức Phật, truyền thống văn hóa xưa sẽ thấp hơn một bậc. Đây là thật không phải giả. Đến Townenbe người Anh cũng khẳng định: Phật giáo làm phong phú truyền thống văn hóa xưa.

Bởi vậy chúng ta nói Phật giáo không phải Tôn giáo, từ trong kinh điển chúng ta có thể thấy Phật giáo là giáo dục. Vì biến pháp giới hư không giới với chính mình là nhất thể, ý nghĩa này rất sâu rộng, đều ở trong kinh điển đại thừa. Đặc biệt là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, đúng là nhất thể! Vô tận đại bi từ đâu mà có? Từ tự tánh. Vô tận đại bi, đại từ đại bi là vốn có trong tự tánh, người xưa đều biết.

Vào thời nhà Đường, lục tổ Huệ Năng của Thiền tông minh tâm kiến tánh, người minh tâm kiến tánh rất nhiều. Trước ngài Huệ Năng có, sau ngài Huệ Năng cũng có, vì sao chỉ nhắc đến ngài không nhắc đến người khác? Ngài rất đặc biệt, vì ngài không biết chữ, chưa từng đi học. Là một bậc tổ sư trong Phật giáo, nhưng chưa từng nghe kinh lần nào, đã từng niệm Phật chăng? Không có, đã đến thiền đường ngồi thiền lần nào chăng? Cũng không. Chẳng có gì, nhưng quý vị xem Ngũ tổ đã truyền y bát cho ngài, làm tổ thứ sáu của Thiền tông, người như vậy chúng ta không tìm ra người thứ hai, chỉ có một. Trước Lục tổ không có, sau lục tổ cũng không có, quá đặc biệt thù thắng, tuổi tác lại còn rất trẻ. Khi Ngũ tổ truyền pháp, ngài mới 24 tuổi, lúc đó Ngũ tổ đã lớn. Một thanh niên 24 tuổi, Ngũ tổ truyền pháp cho ngài, vì ngài thật sự khai ngộ, không phải giả. Ngũ tổ ở trong phòng phương trượng, vào nữa đêm canh ba giảng đại ý Kinh Kim Cang cho ngài nghe. Chắc chắn không có kinh bản, vì ngài không biết chữ, không cần đến kinh. Nói đến câu “ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”, ngài liền hoát nhiên đại ngộ, thông đạt, ngộ liền thấu triệt tất cả. Chúng ta vừa mới nói thể tướng dụng, ngộ là tác dụng, ngộ là hiểu rõ tánh thể, hiểu rõ pháp tướng, nghĩa là thể tướng của các pháp đều thấu rõ. Năng lực này trong tự tánh vốn có, vì sao chúng ta không khai ngộ được? Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói rất rõ ràng, ngài nói: Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, vì có vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc. Quý vị xem ngài nói rõ ràng biết bao, cũng có nghĩa là thật tướng các pháp mà chư Phật Như Lai tỏ ngộ, thể tướng dụng mà chúng ta vừa mới nói. Thể là tự tánh, tướng là pháp tướng, dụng là giác ngộ, toàn bộ đều có, trong tự tánh đều đầy đủ. Nên báo cáo của ngài Huệ Năng: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, không phải từ bên ngoài vào. Vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, đầy đủ tất cả, vì sao không còn nữa? Vì ta có vọng tưởng phân biệt chấp trước, đây gọi là phiền não. Vọng tưởng gọi là vô thi vô minh, cũng gọi là vô minh phiền não. Phân biệt gọi là trần sa phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não. Đây là trong kinh điển đại thừa thường nói, chỉ cần buông bỏ ba loại phiền não này, sẽ được thành Phật. Quý vị sẽ hoàn toàn giống như Thế Tôn, Huệ Năng và các bậc cao tăng đại đức, đã khế nhập cảnh giới. Khó là ở chỗ nào? Khó ở chỗ chúng ta không chịu buông bỏ, không phải không thể buông bỏ.

Đức Thế Tôn có thể, ngài buông bỏ khi nhập định dưới cội bồ đề, biểu diễn cho chúng ta thấy ngài đại triệt đại ngộ. Ngài Huệ Năng buông bỏ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Các ngài có thể, vì sao chúng ta không thể? Nguyên nhân như Phật nói, chúng ta không

hiều rõ chân tướng sự thật, tất cả hiện tượng này là giả. Kinh Kim Cang nói rất hay, người xưa thích Kinh Kim Cang vì Ngũ tổ truyền cho Lục tổ Huệ Năng là dùng Kinh Kim Cang. Đại sư Huệ Năng khai ngộ từ Kinh Kim Cang, nên bộ kinh này được hàng Phật tử tôn sùng làm bảo điển bậc nhất, là đạo lý như vậy. Kinh Kim Cang trong hơn 2000 năm, chỉ độ được một người là đại sư Huệ Năng, ngài đã thành tựu. Phải chăng là bảo điển bậc nhất? Tất cả kinh đều là bảo điển bậc nhất, cần phải khế cơ mới được. Ngài Huệ Năng là hàng căn cơ thượng thượng thừa, không phải bình thường. Những kinh điển như Bát Nhã, hạng người nào đương cơ? Thượng căn, ít nhất là thượng căn. Nhà Phật gọi là ba căn thượng trung hạ, ít nhất là thượng căn.

Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ thù thắng hơn nó, vì sao vậy? Bộ kinh này ba căn thượng trung hạ đều làm đương cơ. Có thể độ đại sư Huệ Năng, cũng có thể độ chúng sanh chưa đoạn tận nhất phẩm phiền não. Chúng ta có thể nói đây là bậc nhất của bậc nhất. Kinh Kim Cang là bậc nhất, kinh này lại cao hơn Kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang không thể độ, nhưng bộ kinh này độ được tất cả. Chúng ta gặp Kinh Kim Cang không được, Kinh Kim Cang đối với chúng ta không khế cơ. Nhưng kinh này dạy chúng ta niệm Phật, phát tâm Bồ đề, nhất tâm chuyên niệm là được, là có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Sanh đến thế giới Cực Lạc, cảnh giới không khác gì Kinh Kim Cang. Trong Kinh Kim Cang nói đều là lời chân thật: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, chúng ta hiểu câu nói này chăng? Quý vị nói chúng ta hiểu được chăng? Chúng ta không hiểu, đừng tưởng rằng chúng ta đã hiểu, chúng ta không hiểu, vì sao không hiểu? Nếu hiểu, chẳng phải chúng ta cũng biến thành Huệ Năng rồi sao? Ngày nay chúng ta không biến thành ngài Huệ Năng, nói cách khác là chúng ta không hiểu. Đây là thật không phải giả.

Chúng ta đối chiếu với Kinh Kim Cang, nhất định phải sanh tâm hổ thẹn, vì sao vậy? Chúng ta đến Tu đà hoàn cũng chưa đạt được, vì sao vậy? Tu đà hoàn đã phá tứ tướng: Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, thánh nhân! Tuy địa vị không cao, là tiểu tiểu thánh, sơ quả. Chúng ta gọi A la hán là tiểu thánh, vậy sơ quả không phải gọi là tiểu tiểu thánh sao? Chúng ta đến tiểu tiểu thánh cũng không đạt được, không thể không biết điều này, vì sao vậy? Cửa ải đầu tiên khó nhất, cửa ải đầu tiên là thân kiến. Chúng ta luôn chấp trước thân này, “thật, thân này quả thật là ta”, đây là cửa ải đầu tiên. Đức Phật dạy, thân không phải là ta, là giả không phải thật. Có chân ngã chăng? Có, “thường lạc ngã tịnh”, ngã ở đây là thật.

Theo định nghĩa trong kinh Đức Phật nói, định nghĩa của “ngã”. Đức Phật nói tám chữ, chúng ta cũng cần nghiên cứu nhiều, thông thường chúng ta chỉ nói hai loại. Thứ nhất nghĩa là chủ tể, ta làm chủ được. Thứ hai nghĩa là tự tại, thân thể này có thể tự tại chăng? Nếu nghĩa là chủ tể, tôi muốn mỗi năm tôi đều 18 tuổi, được chăng? Làm được, thân này chính là ta. Nhưng không làm được, nó già theo từng năm, mỗi năm đều đang biến hóa, không làm chủ được. Có tự tại chăng? Ngày ngày đều sinh phiền não, ngày tháng rất khó sống, như vậy làm sao tự tại? Sao có thể nói ngày ngày an vui, giống như Bồ Tát Di Lặc vậy? Không làm được. Nhưng cần phải biết, thường lạc ngã tịnh trong tứ tịnh đức vốn có. Nói thật với quý vị, đây là do Đức Phật nói. Hiện nay vẫn còn, không hề mất đi, chỉ là có vật làm chướng ngại nó, khiến nó không khởi tác dụng. Nói thực tế vẫn là khởi tác dụng, tác dụng gì? Vì nó có chướng ngại, nên tác dụng bị lệch lạc.

Đức Phật y nhị đế thuyết pháp, nói lời chân thật với quý vị, nghĩa là chân tướng sự thật, thật tướng các pháp. Con người chúng ta có sanh tử chăng? Không có. Bây giờ chúng ta nói

thân có sanh tử, thân cũng không có, điều này không dễ hiểu. Tôi nói với quý vị thân có sanh tử, linh hồn không có sanh tử, quý vị sẽ gật đầu. Nếu tôi nói với quý vị linh hồn bất sanh bất diệt, thân này cũng bất sanh bất diệt, quý vị sẽ không hiểu.

Nếu những năm lại đây, quý vị thật sự nghe hiểu Kinh Hoa Nghiêm, thật sự nghe hiểu Hoàn Nguyên Quán, tôi nói như vậy quý vị gật đầu, không phản đối. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp vốn không sanh, đã là không sanh làm gì có diệt? Tất cả pháp bất sanh bất diệt, đây là chân tướng sự thật. Nói điều này, quý vị nhất định phải nghĩ những điều trong Hoàn Nguyên Quán nói: “hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến”, nếu hiểu rõ ba điều này, những gì tôi nói quý vị hoàn toàn hiểu được. Sau khi hiểu rồi, mới thật sự có thể buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước. Mặc dù không thể buông bỏ triệt để, cũng giảm nhẹ đi rất nhiều, không chấp trước giống như trước. Nói cách khác, không thể giải thoát hoàn toàn, cũng giải thoát được một nửa.

Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta chân tướng là gì? Đức Thế Tôn hỏi Bồ Tát Di Lặc là thay chúng ta hỏi. Hai vị người hỏi người đáp, biểu diễn cho chúng ta thấy, chúng ta thấy rồi, chúng ta nghe rồi liền hoát nhiên đại ngộ. Phật hỏi: Tâm hữu sở niệm, đây là nói phạm phu, chúng sanh trong lục đạo, chúng sanh trong tam giới, trong tâm khởi ý niệm. Phật hỏi trong ý niệm này có mấy niệm, có mấy tướng, có mấy thức? Đem thể tướng dụng của tự tánh đều nói ra hết. Bồ Tát Di Lặc trả lời rằng: Một khủy móng tay có 32 ức 100 ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức. Bồ Tát Di Lặc đã nói rõ ràng.

Mấy câu này nếu thật sự nghe hiểu, thật sự lãnh hội được, quý vị sẽ biết tất cả pháp không có sanh diệt, hiện tượng vật chất cũng không có sanh diệt. Hiện nay các nhà khoa học nói với chúng ta, giữa vũ trụ căn bản không có vật chất. Họ vẫn không nói vũ trụ, mà nói thế giới. Tôi thấy trong cuốn sách của họ viết, họ nói căn cứ nghiên cứu của họ đối với nguyên tử, lượng tử, đây là nghiên cứu vật lý, thì trên thế giới này không có thứ gọi là vật chất. Vật chất là gì? Bản thể của vật chất là gì? Bản chất của vật chất là ý niệm, là huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục tạo nên.

Bởi thế Phật hỏi Bồ Tát Di Lặc, quý vị xem ngài không hỏi đến vật chất, ngài hỏi niệm: Tâm hữu sở niệm. Điều này giống như trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói: “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”. Vật chất là tâm tướng sanh, là giả không phải thật, sanh diệt trong từng sát na. Nếu chúng ta nói khủy móng tay, một khủy móng tay có 32 ức 100 ngàn niệm. Tôi tin rằng tuổi tôi đã lớn, động tác cũng chậm, người trẻ tuổi khủy nhanh hơn, tôi nghĩ một giây có thể khủy năm lần. 32 ức 100 ngàn niệm, tính theo cách hiện nay của chúng ta là 320 triệu niệm. 320 triệu niệm nhân năm là 1600 triệu. Một giây, một giây có 1600 triệu niệm, chính là ý niệm đó. Một giây có bao nhiêu ý niệm? 1600 triệu ý niệm. Mỗi ý niệm đều có hiện tượng vật chất, đều có hiện tượng tinh thần. Nên hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất đều là do tích lũy, ta mới cảm nhận được. Nếu từng đơn vị, từng đơn vị quý vị nghĩ có sanh diệt chăng? Sanh diệt bất khả đắc, không tìm thấy. Vì chúng ta khởi ý niệm, quý vị thấy chúng ta cảm giác được có ý niệm, trong ý niệm này đã có 1600 triệu ý niệm. Nó không phải một, không phải đơn thuần một cái, niệm trước diệt, niệm sau sanh, đây gọi là hiện tượng liên tục.

Hiện nay chúng ta dùng thuật ngữ khoa học để mọi người dễ hiểu hơn, trước đây tôi chưa xem báo cáo của các nhà khoa học, tôi nói là tương tương tự tương tục. Đây là trước đây tôi thường nói, tương tương tự tương tục, vì sao vậy? Nó không có hai tương tương tục, không phải hoàn toàn tương đồng, chỉ tương tự chứ không tương đồng. Vì tương tương tự tương tục_ quý vị xem đến thí nghiệm nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, mười mấy năm qua

đã làm thí nghiệm trên trăm vạn lần, không có hai hình nào giống nhau cả, ông nói với tôi như vậy. Tôi nói đương nhiên sẽ không có tương đồng, vì sao vậy? Niệm niệm không giống nhau. Đến khi nào tương đồng? Thành Phật sẽ tương đồng, Phật Phật đạo đồng, Đẳng Giác Bồ Tát cũng không được. Chưa đoạn tận tập khí vô minh, đều không có sự tương đồng. Chỉ có đến Diệu giác vị, đoạn tận tập khí vô minh, như vậy là hoàn toàn tương đồng, đó là tự tánh. Nghĩa là thường tịch quang, đó là hoàn toàn tương đồng.

Chúng ta đối với những lý luận, khái niệm trong kinh điển nói, phải hiểu rõ ràng minh bạch mới có lợi ích. Lợi ích gì? Giúp chúng ta buông bỏ nhìn thấu, nhìn thấu mới thật sự buông bỏ được, chưa nhìn thấu không thể buông bỏ. Buông bỏ mới là lợi ích!

“Vô tận từ bi, lân mẫn tam giới”, là tánh đức, trong tự tánh vốn có. Đây là chú giải của Hoàng Niệm Tổ, chúng ta xem chú giải: “Vô tận đại bi, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói: Chư Phật Như Lai dùng tâm đại bi làm thể”. Thể này là gì? Thể này không phải tự tánh, thể ở đây là giáo thể. Chư Phật Như Lai, trong mười pháp giới, trong lục đạo phải thành lập trường học, phải mở lớp học cho những chúng sanh này. Giáo thể là gì? Giáo thể nghĩa là đại bi. Vì sao họ mở lớp học này? Vì đồng thể đại bi, Phật với chúng ta là đồng thể, cùng một tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đồng thể đại bi. Từ thì sao? Từ là hiển lộ ra từ trong bi, biến hiện ra. Vô duyên đại từ, duyên là điều kiện, nhưng ở đây không có điều kiện, vì sao vậy? Đồng thể còn có điều kiện gì? Bởi vậy cổ nhân có nói, thế nào là Phật pháp? Phật pháp là từ bi vô bờ, phương tiện vi môn, họ nói không sai. Từ bi làm gốc, gốc là thể. Phương tiện là cửa, đó là con đường, là phương pháp, phương tiện chính là phương pháp. Trong Phật pháp có nhiều Tông phái, có nhiều pháp môn, đó nghĩa là phương tiện. Đây là dạy ta trở về tự tánh, một con đường quay về bản thể.

“Hựu”, cũng là lời trong Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, “dùng nước từ bi nhiều ích chúng sanh”, nước từ bi là ví dụ, ví dụ nước từ bi tức là ví với tâm đại từ, tâm đại từ đại bi. Lợi là lợi ích chúng sanh, trước lợi ích thêm chữ “nhiều”, nhiều là phong phú nhất, nghĩa là cho chúng sanh lợi ích phong phú nhất. Có thể thành tựu hoa quả trí tuệ của Chư Phật Bồ Tát, thành tựu này nghĩa là gì? Hiển nhiên, rõ ràng. Vì trí tuệ hoa quả của Chư Phật Bồ Tát, cũng là trong tự tánh.

Đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, không thiếu thứ gì, từ đâu hiển thị ra? Hiển thị ra từ trong cảm ứng, chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng. Đức Phật ứng như thế nào? Phật là dạy học. Người xưa nói: “kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Chư Phật Như Lai cảm ứng đối với tất cả chúng sanh, không có gì khác, ngoài việc dạy học. Bởi thế Phật pháp là sư đạo, chúng ta xưng Đức Thế Tôn là Bổn Sư, người thầy căn bản. Mọi quan hệ của chúng ta với ngài là tự xưng đệ tử, đệ tử là học sinh. Liên hệ giữa chúng ta và Thế Tôn là quan hệ thầy trò, như vậy là quá rõ!

Trong Tôn giáo giữa người và thần tuyệt đối không có mối quan hệ thầy trò, không có. Quan hệ của họ là gì? Quan hệ cha con, quan hệ chủ tớ. Đó là chủ nhân, mình là người hầu, quan hệ chủ tớ, không có mối quan hệ thầy trò.

Quý vị xem cho dù là nói Tôn giáo, tất cả Tôn giáo trên thế giới, chỉ có Phật giáo là quan hệ thầy trò. Chúng ta không hiểu rõ ràng, chúng ta học không thành Phật được, học như thế nào? Đều đi theo sự mê tín. Chưa hiểu rõ, chưa nhận thức rõ mối quan hệ này, vậy quý vị học là Phật gì?

“Vô tận, tức trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói không cùng tận”. Không cùng tận là đối với tất cả pháp, bất luận là tâm pháp hay sắc pháp, đều không cùng tận. Trong Hoàn

Nguyên Quán, loại thứ hai trong ba loại chu biến là xuất sanh vô tận, nghĩa là trong phẩm hạnh nguyện nói: Không cùng tận. Mỗi nguyện trong thập đại nguyện, tổng kết sau cùng chính là không cùng tận, tức trong Hoàn Nguyên Quán nói xuất sanh vô tận, là tánh đức.

“Nhu Lai lấy tâm đại bi không cùng tận lân mẫn tam giới”. Lân mẫn nghĩa là thương xót, cảm thông, vì sao vậy? Vì chúng sanh trong tam giới không ít. Giống như thân thể của một người, có rất nhiều tế bào, những tế bào này không may mắn, hiện nay đều mang theo độc bệnh. Là do trên thân mình có độc bệnh, chúng ta cần giúp nó hồi phục sức khỏe. Khi phục lại bình thường chẳng? Đây là điều chắc chắn. Quý vị phải biết, toàn thể vũ trụ là nhất thể, nên chúng sanh luân hồi trong lục đạo là một phần trong thân thể chúng ta. Bộ phận này đang mang tế bào độc bệnh, bệnh độc từ đâu mà có? Độc bệnh là từ trong tự tánh biến hiện ra, là tánh đức. Tánh đức mê liền biến thành độc bệnh, giác liền khôi phục bình thường. Độc bệnh vốn nó không có, nó từ đâu mà có? Nó đến khi mình mê, mê mà không giác tâm chúng ta mang theo độc bệnh, thân thể chúng ta cũng mang độc bệnh.

Trong tự tánh vốn có kiến văn giác tri, vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, ở đây nói không cùng tận. Trí tuệ không cùng tận, đức năng không cùng tận, tướng hảo không cùng tận, mọi thứ đều không cùng tận. Đây là tự tánh vốn đầy đủ, vốn có, không phải học được từ bên ngoài. Chư Phật Như Lai có, tất cả chúng sanh đều có. Chỉ là Chư Phật Như Lai giác mà không mê, thân tâm mạnh khỏe. Chúng sanh trong lục đạo mê mà không giác, nên độc bệnh có nặng nhẹ khác nhau. Độc bệnh của thiên nhân nhẹ hơn một chút, nên họ vui nhiều khổ ít. Trong cõi người khoảng một nửa, hiện nay ta thấy trong cõi người, chưa đến một nửa, bây giờ chúng ta mê quá sâu. Trong địa ngục hoàn toàn mê, mê 100%. Trong đường ngạ quỷ mê khoảng tám chín mươi phần trăm. Tôi thấy nhân gian hiện nay, cũng có khoảng tám chín mươi phần trăm, người và quỷ gần giống nhau.

Chúng ta hiểu rõ nguyên nhân này, ngày nay địa cầu này, thế giới này, xã hội động loạn, địa cầu quá nhiều thiên tai. Địa cầu là y báo, những người sống trên địa cầu, đặc biệt là người, mở rộng phạm vi ra là hữu tình chúng sanh, nghĩa là chỉ động vật. Họ khởi tâm động niệm, tất cả đều tạo nghiệp bất thiện, bất thiện nghĩa là độc bệnh. Chư vị nên nhớ, trong kinh Đức Phật nói với chúng ta, gọi là tam độc phiền não: Tham sân si. Đây là độc bệnh nghiêm trọng nhất, ai không có? Đều có tham sân si, nên thân tâm chúng ta đều không mạnh khỏe. Tham sân si từ đâu mà có? Tánh đức trong tự tánh có giới định tuệ, là tánh đức. Khi mê giới định tuệ biến thành tham sân si, đã biến chất. Bởi thế Đức Phật dạy chúng ta, cần tu giới định tuệ, tức diệt tham sân si, đây là Đức Phật nói. Trên thực tế là nói lời chân thật với chúng ta. Cần tu giới định tuệ, chuyển biến tham sân si. Tham sân si chuyển biến thành giới định tuệ, vấn đề liền được giải quyết. Trong tâm không còn phiền não, thân thể không có tật bệnh, tất cả đều bình thường, đạo lý là như vậy. Đức Phật trị bệnh của chúng sanh không cần dùng thuốc men, rất cao siêu. Dùng điều gì? Dùng ý niệm. Ý niệm vừa chuyển, tế bào mang độc bệnh trên thân thể ta hoàn toàn thay đổi.

Trong kinh nói tam độc, tôi thường thêm hai loại thành ngữ độc: Tham sân si mạn nghi. Mạn là ngạo mạn; nghi là hoài nghi đối với giáo huấn của Phật Bồ Tát, đối với thánh hiền. Hoài nghi tự tánh của chính mình, không tin mình vốn là Phật. Đây cũng là độc bệnh, độc bệnh nghiêm trọng. Chúng ta phải sửa đổi tâm thái này, đó gọi là chân học Phật. Sửa đổi trên hình thức không quan trọng, sửa đổi trên phương diện tâm thái mới quan trọng hơn tất cả. Đây là điều ngày xưa đại sư Chương Gia dạy cho tôi: Phật pháp trọng thực chất không trọng hình thức. Thực chất là thay đổi từ tâm thái, tâm thái cải đổi thì tất cả đều đầy đủ. Nếu thay

đổi trên mặt sự tướng, rất khó, quá rườm rà. Bồ Tát có tám vạn tế hạnh, quý vị nói phiền phức biết bao. Tiều thừa có 3000 oai nghi, cũng thật đáng sợ, 3000 điều ta phải sửa đổi theo từng điều. Nhớ còn khó khăn, thay đổi bằng cách nào?

Bởi thế khi ta nắm bắt được thực chất của nó, sẽ rất dễ, ý niệm nội tâm vừa chuyển thì toàn bộ thay đổi. Nhưng trong này quan trọng nhất, khi thật sự sửa đổi phải là vô ngã, điều này quan trọng. Giải phóng cái ta, trở về tự tánh, tự tánh là đại ngã, tự tánh là chân ngã, thân thể này không phải ta. Người biết tu hành sẽ hạ thủ từ chỗ này, sau khi giải phóng cái chân ngã, thì cái gì là ta? Tất cả chúng sanh đều là ta, không cần người khác thừa nhận, chính mình thừa nhận, bản thân đã trở về.

Giống như trong kinh có một ví dụ, ví tự tánh như biển lớn. Trong Kinh Lăng Nghiêm, trong hội Lăng Nghiêm Đức Phật nói ví dụ này. Tự tánh là biển lớn, mỗi chúng sanh là gì? Là một bọt nước trong biển lớn. Chúng sanh mê muội, tưởng rằng bọt nước này là chính mình, đâu biết rằng cả biển lớn đều là chính mình. Khi giác ngộ thì sao? Giác ngộ thì bọt nước này không còn, bọt nước không còn mới lãnh hội được, thì ra biển lớn chính là ta, tất cả bọt nước trong biển lớn đều là ta. Nhưng trong bọt nước này họ rất chấp trước, họ không thừa nhận. Tôi thừa nhận anh, anh không thừa nhận tôi. Chư Phật Bồ Tát thừa nhận tất cả chúng sanh với mình là nhất thể, chúng sanh không thừa nhận mình với Chư Phật Bồ Tát là nhất thể, không thừa nhận. Không thừa nhận thì có phiền não, có phân biệt, có chấp trước. Khi thừa nhận, phiền não liền không còn. Vì sao vậy? Vì phiền não không còn, chấp trước không còn. Đến khởi tâm động niệm đều không còn, ta liền chứng được quả báo viên mãn. Tánh đức, trí tuệ đức tướng trong tự tánh hoàn toàn hiện tiền. Hiện tiền như thế nào? Hiện tiền vẫn là như vậy. Ta ở trong cõi người của lục đạo, thấy hiện nay vẫn là như vậy, nhưng không còn mê.

Vậy thế gian này còn có thiên tai chẳng? Có thiên tai, thiên tai đến như thế nào đi ra sao ta đều rõ hết. Trong thiên tai ta có khởi tâm động niệm chẳng? Không, vì sao vậy? Vì nó là giả. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, “tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”, không hề sai. Ta có bị ảnh hưởng bởi thiên tai này chẳng? Không. Mọi người xem ra thì Phật Bồ Tát đều lãnh chịu thiên tai này, trên thực tế họ không chịu. Vì sao họ không bị ảnh hưởng? Họ không có khởi tâm động niệm thì lãnh chịu như thế nào? Người khởi phân biệt chấp trước lãnh chịu, người không có phân biệt chấp trước thì không chịu.

Chúng ta hiểu đạo lý này, biết rằng pháp thân đại sĩ không bị ảnh hưởng, trong bất kỳ cảnh giới nào đều không bị. A la hán vẫn bị, họ không bị ảnh hưởng trong lục đạo. Họ đã đoạn tận kiến tư phiền não, không còn chấp trước, nên họ không bị ảnh hưởng tình hình trong lục đạo, nhưng trong tứ thánh pháp giới họ bị ảnh hưởng. Nếu con người sanh đến tứ thánh pháp giới của Chư Phật, tứ thánh và lục đạo là nhiễm tịnh khác nhau. Lục đạo nhiễm ô, Tứ thánh là cõi tịnh. Nếu nâng cao hơn sanh đến cõi thật báo, như vậy thì trong mười pháp giới, không chịu quả báo của mười pháp giới. Chư Phật Bồ Tát ứng hóa trong đây, không bị quả báo chi phối.

Từ đó cho thấy, lãnh chịu quả báo hay không, mấu chốt ở đâu? Ở chỗ khởi tâm động niệm, đều là nhất niệm, nghĩa là ta có buông bỏ được ý niệm chẳng. Chỉ cần có niệm đều là vọng niệm. Trong giáo lý đại thừa nói chánh niệm, chánh niệm là gì? Chánh niệm là vô niệm, không có vọng niệm, đây gọi là chánh niệm. Vọng tưởng phân biệt chấp trước đều gọi là vọng niệm. Đền đâu để tìm người không có vọng niệm? Đền cõi thật báo, vượt khỏi mười pháp giới, vọng niệm không còn. Nhưng họ có tập khí vọng niệm, đoạn tập khí vọng niệm

cần có thời gian, thời gian bao lâu? Trong kinh điển đại thừa nói là ba đại a tăng kỳ kiếp. Làm sao để đoạn vọng niệm này? Không cách nào đoạn được, cứ mặc nó! Nó là tập khí.

Cổ nhân dùng bình đựng rượu để làm ví dụ, là một ví dụ rất hay. Bình này đựng rượu, đồ hết rượu không còn một giọt, nhưng ngửi vẫn còn mùi. Mùi rượu đó không thể rửa sạch được, chỉ có mở nắp bình để đó, để nửa năm, một năm tự nhiên không còn, đạo lý là như vậy. Tập khí vô thi vô minh không cách nào đoạn được, chính là loại tập khí đó. Cần bao nhiêu thời gian? Ba đại a tăng kỳ kiếp thì nó không còn, tự nhiên không còn. Tập khí đó không còn, cõi thật báo cũng không còn, bởi vì “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, đức Phật không nói cõi thật báo của Chư Phật là ngoại lệ, không nói, nên cõi thật báo trang nghiêm cũng là hư vọng. Chúng ta mới biết, có tập khí vô thi vô minh mới có cõi thật báo, có vọng tưởng phân biệt mới có cõi phương tiện hữu dư. Có vọng tưởng phân biệt, và chấp trước liền có cõi phàm thánh đồng cư của lục đạo. Nguồn gốc của nó là như vậy, không phải thật. Không có nhân, quả sẽ không hiện, là giả. Nên Kinh Kim Cang gọi là mộng huyễn bào ảnh, nó không phải thật.

Những kinh giáo này chúng ta thường nghe, thường huân tập, cần thời gian dài, thời gian ngắn không được. Nghe một lần, 100 lần, 1000 lần, 10000 lần không đủ, vì sao vậy? Vì ta vẫn không buông bỏ. Nghe đến khi nào hoá nhiên đại ngộ, không còn làm những điều ngu ngốc, việc ngu ngốc là gì? Phân biệt chấp trước là việc ngu ngốc. Tôi không còn phân biệt, cũng không chấp trước nữa, như vậy là chứng quả, là giải thoát. Phật giáo đã hưng thịnh ở thế gian bằng cách đó, là đồng thể đại bi, vô duyên đại từ, đến thế gian này để giáo hóa chúng sanh, “xiển dương đạo lý”.

Chúng ta đọc đoạn chú giải này: “Đức Phật vì thương xót tất cả chúng sanh trong tam giới”. Tam giới là chỉ lục đạo, chúng sanh trong lục đạo vô cùng đáng thương, mê sâu quá, mê lâu ngày quá, nên xuất hiện ở thế gian. “Điều này chứng minh bốn hoài của Như Lai xuất hiện ở thế gian”. Bốn hoài này là gì? Bây giờ chúng ta thường nói đến, ngài có mục đích gì? Ngài có ý đồ gì? Bốn hoài chính là Chư Phật Như Lai xuất hiện ở thế gian, mục đích và ý đồ của ngài là giúp lục đạo chúng sanh giác ngộ, giúp lục đạo chúng sanh quay đầu. Đây chính là mục đích của ngài, là ý đồ của ngài.

Kinh Pháp Hoa nói: “Chư Phật Thế Tôn chỉ có một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở thế gian”. Đại sự nhân duyên này là gì? Giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Khổ là gì? Khổ là luân hồi lục đạo, khổ là mười pháp giới. Giúp những chúng sanh này thoát ly lục đạo, thoát ly mười pháp giới. Thập pháp giới và lục đạo là giả, không phải thật, ở trong này mê hoặc, tạo nghiệp, thọ khổ báo, làm những việc này, toàn là việc hồ đồ.

Câu ở sau Hoàng Niệm Tổ nói rất hay: “Thế Tôn là vì đại sự nhân duyên, mà tuyên thuyết nguyện lực Di Đà, phổ độ chúng sanh”. Quy kết đến đây rất hay, quy kết về Kinh Vô Lượng Thọ. Ngài đến nhân gian này để làm gì? Là để giảng Kinh Vô Lượng Thọ, ngoài ra đều là phụ, chủ yếu là giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Vì sao vậy? Vì pháp môn này có thể phổ độ tất cả chúng sanh, còn các pháp môn khác phải có đối tượng đặc biệt, không phổ độ được, chỉ có Kinh Vô Lượng Thọ phổ độ. Như Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, đối tượng là hàng thượng thượng căn, không phải thượng thượng căn không khế cơ. Kinh Vô Lượng Thọ này thượng trung hạ căn đều được độ. Nên thế giới Cực Lạc mở ra bốn cõi, không phải một cõi. Quý vị thích hợp với căn cơ nào thì vãng sanh về cõi đó, nó đều có đủ.

“Xiển dương đạo lý, cứu độ quần sanh”. Đây là mục đích của Phật giáo ở thế gian. Người bây giờ thường thích hỏi, mục đích của anh là gì? Có ý đồ gì? Câu này ở trên chúng ta đã giải thích.

“Quang là ánh sáng, là rộng, là lớn”, nghĩa là như vậy, ánh sáng rộng lớn, quang minh nghĩa là phổ độ. Xiển nghĩa là khai mở. “Giáo lý là chỉ chánh đạo thật giáo”, đây không phải tà đạo, không phải tà giáo, nó là chánh đạo. Nó giúp ta từng bước đi lên, trở về tự tánh. Khiến vô tận trí tuệ, đức năng, tướng hảo vốn đầy đủ trong tự tánh, đều có thể hiển thị ra mà không bị chướng ngại, không khác gì Chư Phật Như Lai.

Chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, trú trong cõi thật báo trang nghiêm của Phật A Di Đà, chúng ta cảm ân Phật A Di Đà. Con người không thể không có tâm cảm ân, vì sao vậy? Vì tâm cảm ân là tánh đức, không có tâm cảm ân, là mê thất đức tánh. Con người không thể không có tâm yêu thương tất cả chúng sanh, vì sao vậy? Vì tâm yêu thương chúng sanh là tánh đức. Thực tế mà nói, tánh đức vô tận, xuất sanh vô tận. Trong vô tận tánh đức có nòng cốt, nòng cốt này nghĩa là yêu thương, là cảm ân.

Người xưa hiểu chân tướng sự thật này, nên từ xưa dạy học, chúng ta phải cảm ân, không được khinh thị. Chúng ta cho rằng tổ tông mình không bằng người bây giờ, sai lầm, đây gọi là đại bất hiếu, đại bất kính. Chúng ta cho rằng xã hội ngày xưa là xã hội phong kiến, là xã hội chuyên chế. Nó chuyên chế thật chẳng? Nó phong kiến thật chẳng? Hai chữ phong kiến này nghĩa là gì? Thế nào gọi là phong, thế nào gọi là kiến, thế nào gọi là phong kiến, quý vị hiểu rõ chẳng? Hiểu rõ ràng, quý vị dùng tâm cung kính để xưng tán. Không hiểu rõ nên tùy tiện khinh thị, dùng ý niệm chằm biếm nhìn cổ nhân, quý vị tạo tội nghiệp này rất nặng.

Chúng ta đọc sách thánh hiền, biết từ xưa đến nay có nền chính trị thế chế như thế nào? Về mặt chế độ là phong kiến, là đế vương chuyên chế. Trên thực tế không phải, là chính trị thánh hiền, giáo dục thánh hiền, xã hội của thánh hiền, vì sao vậy? Vì giáo dục ngày xưa là nền giáo dục thánh hiền.

Người xưa đọc sách, đọc sách chí tại thánh hiền. Quý vị xem tôn chỉ dạy học rõ ràng biết bao, vì sao phải đọc sách? Học thánh học hiền, hy vọng làm thánh nhân, hy vọng làm hiền nhân. Nên mấy ngàn năm nay, quốc gia này trường trị cửu an, truyền thống văn hóa rất mỹ mãn, là gì? Giáo dục của thánh hiền tạo nên. Chúng ta ngày nay tự cho là thông minh, coi thường cổ nhân. Xã hội bây giờ của chúng ta như thế nào? Hoàn cảnh sống của chúng ta hiện nay ra sao? So với ngày xưa thì thua xa, nguyên nhân là gì? Chúng ta đang tạo tội nghiệp. Như Kinh Địa Tạng nói, chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, khởi tâm động niệm không gì không phải là tội lỗi. Ngày nay chúng ta tự cho rằng mình rất giỏi, nên ngày ngày đang tạo nghiệp. Tạo tội nghiệp làm gì có chuyện không thọ quả báo?

Nhiều người hỏi tôi, thầy ơi! Người phương tây nói thảm họa năm 2012 là thật hay là giả? Tôi nói là thật, tôi không phải nói từ khoa học, cũng không phải nói từ những dự ngôn này. Tôi căn cứ vào những người hiện đang sống trên địa cầu, họ đang nghĩ gì? Họ nói là những gì? Họ làm những gì? Tôi quan sát từ phương diện này. Nếu ngôn hành, tư tưởng của chúng ta đều trái với luân lý, đạo đức, nhân quả, điều này phiền phức rất lớn.

Cổ nhân dạy chúng ta, Phật Bồ Tát dạy chúng ta, các nhà khoa học hiện đại nói với chúng ta đều cùng một ý. Ngôn ngữ bất đồng, nhưng ý nghĩa hoàn toàn giống nhau, cảnh tùy tâm chuyển. Hoàn cảnh chúng ta sống, hoàn toàn do tâm con người chi phối. Tâm con người thiện, không có gì không thiện. Tâm người bất thiện, không có gì là thiện. Tâm người hiện

nay là gì? Là tham sân si mạn, khởi tâm động niệm tôn người lợi mình, có đáng sợ chăng? Hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, nhân ái hòa bình không còn. Từ trong ý niệm đã không còn, khởi tâm động niệm toàn là tự tư tự lợi, toàn là danh văn lợi dưỡng, như vậy không đáng sợ sao? Chúng ta quan sát xã hội từ trên thực tế, xã hội này là thái bình thanh thế hay là loạn thế? Là thế giới thanh bình hay là thế giới của thiên tai thảm họa? Xem từ đây sẽ rõ ràng minh bạch.

Chúng ta rất cảm ân, trong đời này gặp được giáo huấn của thánh hiền, gặp được Phật pháp đại thừa. Dần dần thấu rõ được chân tướng sự thật, biết hoàn cảnh nhân duyên quả báo hiện thực. Chúng ta đi theo con đường Phật Bồ Tát, giác mà không mê. Chúng ta có năng lực, mỗi người đều có năng lực này, vượt khỏi thiên tai này. Chết trong thiên tai này là thân thể chết đi, thân có sanh có diệt. Linh tánh bất diệt, linh tánh không ngừng nâng cao lên. Rất nhiều người chết trong thiên tai, nơi đến mỗi người khác nhau, rất khác nhau! Chúng ta đi là con đường nào? Là Phật đạo, con đường thành Phật, quý vị xem tự tại, hạnh phúc biết bao! Chúng ta không những không đi vào ba đường ác, đường nhân thiên chúng ta cũng không vào. Thậm chí là Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, tứ thánh pháp giới, chúng ta cũng không để ý đến. Ngày nay chúng ta dựa vào Kinh Vô Lượng Thọ, được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, chúng ta trực tiếp đi đến Phật đạo vô thượng. Nên giáo ở đây là dạy học, là giáo hóa, là giáo huấn chân thật.

“Chánh đạo thật giáo”. Hoàng Niệm Tổ nói “là giáo hóa của Chư Phật, là chỉ nhất đại thời giáo và tám vạn bốn ngàn pháp môn của Thế Tôn. Nên biết xiển dương giáo lý, tức là rộng tuyên nói ý nghĩa kinh pháp của Như Lai”. Đi con đường này là hành Bồ Tát đạo, chúng ta đi được chăng? Được, mỗi người đều được.

Trong thời đại hiện nay, vì bản thân chúng ta nghiệp chướng quá sâu nặng. Đừng nói người khác, nói người khác tội nghiệp của chúng ta càng thêm sâu. Chúng ta cần phải nhớ giáo huấn của các bậc cao tăng tổ sư, trong Lục Tổ Đàn Kinh nói: Người tu đạo chơn chánh, chẳng thấy lỗi thế gian, cần phải học điều này. Câu nói này hiện nay chúng ta có thể nghe hiểu, vì sao không thấy lỗi lầm của thế gian? Thế gian không có lỗi, đây là nói lời thật với chúng ta. Vì sao nói thế gian không có lỗi? Vì thế gian căn bản không tồn tại. Quý vị nhớ trong kinh nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, họ có lỗi làm gì? Lỗi làm từ đâu mà có? Lỗi lầm là từ bản thân chúng ta nhìn thấy hiện tượng này, trong phản ứng của chúng ta có vọng tưởng phân biệt chấp trước, đây chính là lỗi lầm. Bởi vậy cổ nhân nói: “hành hữu bất đắc, phản câu chư kỷ”, điều này có đạo lý. Sai lầm không ở bên ngoài, mà tại chúng ta. Chỉ cần ta sửa đổi tâm lý, giống như Chư Phật Bồ Tát, ta sẽ thấy thế gian không có lỗi lầm, sẽ nhập vào cảnh giới Phật, sống cuộc sống của Bồ Tát, làm gì có sai lầm?

Khôi phục đến sự bình thường của chúng ta. Bình thường là gì? Bình thường là tâm thanh tịnh. Đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”. Tâm thanh tịnh là sự bình thường của chúng ta, tâm không thanh tịnh là không bình thường, là có bệnh. Quý vị xem trên đề kinh này chỉ ra ba cương lĩnh tu hành quan trọng nhất: Thanh tịnh, bình đẳng giác, đây là chân tâm của chúng ta. Tu hành là tu gì? Tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng. Tâm bình đẳng không có sai biệt, tất cả vạn pháp bình đẳng với ta, ta ở trong tất cả pháp tâm địa thanh tịnh.

Tiếp thu giáo huấn của Phật đã hiểu, giác mà không mê, chúng ta sẽ đạt được điều gì? Chúng ta đạt được đại thừa, được vô lượng thọ, được trang nghiêm. Đại thừa là trí tuệ, vô lượng thọ là đức năng, trang nghiêm là tướng hảo, đạt được tất cả, đều ở trên đề kinh. Bộ

kinh này nói gì? Chính là nói điều này. Nhân là thanh tịnh bình đẳng giác, quả là đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm, đều đầy đủ trong tánh đức của mình, không cầu từ bên ngoài.

Vì thế mỗi chúng ta, chỉ cần ta thật sự giác ngộ, thật sự phát tâm. Ta đến làm Bồ Tát, phát tâm làm Bồ Tát, hoằng dương chánh pháp, giáo hóa chúng sanh. Nhưng cần phải nghe lời, không nghe lời không thể thành tựu, nghe lời ai? Lời Phật Bồ Tát, Phật Bồ Tát dạy chúng ta: Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, như vậy sẽ thành công. Ai dạy? Ngày xưa là kinh điển, y theo kinh điển học tập là được. Người bây giờ, từ phương diện này hình như có phước báo hơn cổ nhân. Hiện nay có khoa học kỹ thuật, có ti vi, có mạng internet, có VCD, chúng ta có thể học từ đây. Ở nhà một mình, kiên trì học. Bây giờ chúng ta biết, có người rất dụng công, rất tinh tấn, một ngày học mười mấy tiếng. Mười năm họ thành công, thành Bồ Tát. Là thật, không phải giả. Quý vị ngày ngày nghe CD, điều này tiện lợi nhất. Một ngày nghe mười tiếng, nghe suốt mười năm, không ai không khai ngộ. Mỗi ngày nghe kinh mười tiếng, thời gian còn lại niệm Phật A Di Đà, buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước. Tu hành bằng phương pháp này, sẽ đạt định, sẽ khai tuệ, mọi lúc mọi nơi ta đều có thể làm được. Bất luận ở trong hoàn cảnh nào đều là đạo tràng. Nói rằng nhất định phải thành lập Phật học viện, điều này rất khó. Trước đây chúng tôi có nguyện vọng này, hy vọng thành lập Phật học viện, có vài người chí đồng đạo hợp cùng nhau tu hành. Bao nhiêu năm nay tôi biết nhân duyên này chưa chín, không làm được. Nhưng khi mỗi người tự phát tâm học như vậy, người thành công không ít. Cho nên trong thời đại này, cần mỗi người tự phát tâm. Mục tiêu chính xác, phương hướng đúng đắn, nhất môn thâm nhập. Trong này quan trọng nhất là phải nương vào giới định tuệ, thực hành. Giới là gì? Đệ Tử Quy là giới, Cảm Ứng Thiên là giới, Thập Thiện Nghiệp Đạo là giới, giới căn bản, ba nền tảng của Nho Thích Đạo. Thực hành được ba nền tảng này, ngày ngày học tập, ngày ngày sửa đổi, ngày ngày làm mới mình, như vậy đức hạnh sẽ không ngừng nâng cao. Kiên trì vào một bộ kinh, kinh này sẽ giúp ta được định, được tam muội, giúp ta khai ngộ. Đi theo con đường tam học giới định tuệ, thời gian mười năm. Mười năm sau, bất luận quý vị thị hiện là thân phận tại gia hay xuất gia đều không sao, quý vị đều có thể giáo hóa một phương. Thời gian mười năm không coi là quá dài, thật sự tinh cần, không có ai không thành tựu.

Học kinh điển gì? Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta, Chư Phật Như Lai giới thiệu cho chúng ta, chính là Tịnh tông. Kinh điển Tịnh tông không nhiều, chủ yếu là năm kinh một luận. Có năng lực thì học tất cả, học hết năm kinh một luận. Không có năng lực thì học một bộ, bất cứ bộ nào cũng được. Trong năm kinh, văn tự ít nhất là Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương, có 244 chữ. Có thể vãng sanh chăng, có thể chứng quả chăng? Có thể, ngắn nhất. Thật sự khai ngộ từ trong bộ kinh này, khi khai ngộ thì tất cả kinh điển đều thấu triệt hết. Một kinh thông, tất cả kinh đều thông. Đây là thật không phải giả. Vì vậy không thể mới bắt đầu đã học rất nhiều kinh điển, vậy là sai lầm. Như vậy là quý vị biết tất cả, nhưng lại không quán triệt được điều gì. Tâm ta tán loạn, không thể tập trung, nên ta dùng thời gian rất dài, mười năm cũng có thể không đạt được tam muội, quả là đáng tiếc. Thật sự nhất môn thâm nhập, chuyên tinh. Phải lãnh hội được, nghĩa là y theo những gì cổ nhân nói- nhất môn thâm nhập, phải biết cách thâm nhập, trường thời huân tu.

Mỗi ngày nghe một CD, một CD thời gian một tiếng, nghe mười lần. Mười tiếng chỉ nghe một CD, một CD một ngày nghe mười lần, ngày mai đổi qua CD khác. Nghe xong một bộ kinh, nghe lại từ đầu, mười năm không gián đoạn, mỗi ngày mười tiếng. Như vậy làm sao không khai ngộ được, vì tâm họ luôn định. Học quá nhiều không được, tâm họ bị tán loạn,

không thể tập trung. Học như vậy là thành tựu về mặt học thuật, không đạt được định, không thể khai ngộ.

Hiện nay đa phần các trường học, đều đi con đường này, đi theo con đường học thuật, quảng học đa văn. Thành tựu là tri thức, không phải trí tuệ. Họ có tri thức, học thức rất phong phú, nhưng không có trí tuệ. Cho nên khi xảy ra vấn đề, họ không thể giải quyết được. Hiện tượng này những năm lại đây, tôi thấy rất nhiều chuyên gia học giả, đối với xã hội trước mắt, đối với thiên tai trên thế giới không biết phải làm cách nào. Đích thực tri thức họ rất phong phú, họ đọc rất nhiều sách. Từ những vấn đề này chúng ta lãnh hội được tính quan trọng của giới định tuệ. Triết học Thánh hiền phương đông đúng là tuyệt vời, mấy ngàn năm đều dạy chúng ta như vậy. Chúng ta sanh ra trong thời đại này, chịu ảnh hưởng phương tây, thành ra coi thường, xa lạ đối với cổ nhân, không tin tưởng họ, nên tự tìm cái khổ. Chư vị y giáo phụng hành, nghĩa là thật sự quay đầu, phải có niềm tin với cổ nhân.

Trước đây có một lần thầy Phương nói với tôi về vấn đề Trung y và Tây y. Thầy nói, Trung y có 5000 năm kinh nghiệm, Tây y chỉ có hai ba trăm năm. Anh tin vào 5000 năm kinh nghiệm, hay là tin vào 300 năm kinh nghiệm? Thầy hỏi tôi như vậy. Lúc đó tôi nói với thầy, tôi tin vào kinh nghiệm 5000 năm. Sau đó thầy nói, vào thế chiến thứ hai Tây y phát minh ra thuốc kháng sinh, cứu mạng Tây y. Bây giờ chúng ta lại nghe tổ chức vệ sinh thế giới phát biểu, có một loại độc bệnh mới, thuốc kháng sinh vô hiệu đối với nó. Tôi tin rằng Trung y có hiệu quả, vấn đề là xem quý vị có tin hay không. Trong trung y có trí tuệ, khác với tây y, nó đi theo con đường này là giới định tuệ. Bất cứ một môn học thuật nào, đều không tách rời được giới định tuệ. Con đường này cổ nhân đã đi hơn 5000 năm. Ở Ấn Độ không chỉ chừng đó. Nếu chúng ta không tin, hy vọng khai mở một con đường mới, đó là việc rất mạo hiểm. Quý vị có thể thử, xem có thể thành công hay không?

Cho nên “rộng tuyên nghĩa trong kinh pháp của Như Lai”, chúng ta rất hy vọng người trẻ tuổi phát tâm. Người lớn phát tâm cũng được, người lớn phát tâm sẽ kéo dài tuổi thọ. Thọ mạng quý vị vốn chỉ có 60 tuổi, 60 tuổi phát tâm thọ mạng sẽ kéo dài ra, vì sao vậy? Vì thật sự phát tâm làm việc của Phật Bồ Tát, để cứu hộ tất cả chúng sanh khổ nạn, thọ mạng tự nhiên kéo dài. 60 năm thì làm mười năm, 70 tuổi ra hồng pháp lợi sanh. Sau đó xem quý vị phát tâm, quý vị đồng ý làm bao nhiêu năm. Đồng ý làm 30 năm, quý vị sẽ sống đến 100 tuổi. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh, nguyện lực chi phối tất cả. Chúng ta phải phát thiện nguyện.

“Muốn cứu độ quần sanh”, cứu có nghĩa là cứu độ, giúp đỡ. Mạnh là mạnh nha, quần sanh tức là chỉ quần sanh, tất cả chúng sanh. “Chư Phật Như Lai lấy đại bi làm thể, muốn cứu tất cả chúng sanh, nên nói muốn cứu độ quần sanh. Hội Sớ nói: Tiệm hay đốn đều là thích nghi với mỗi người, tùy duyên đều được độ thoát, nên gọi là cứu tế quần sanh”. Tiệm đốn là nói căn tánh của chúng sanh, đốn là lợi căn. Trong đại thừa, chữ này là chuyên môn nói đến Thiên tông, tiệm là đối với các tông phái khác. Tám tông phái của đại thừa, bảy tông phái khác đều là đi dần lên cao, chỉ có Thiên tông là đốn siêu. Nên đối tượng Thiên tông tiếp độ là bậc thượng thượng căn, còn đối tượng các tông phái khác độ là cả ba căn thượng trung hạ. Ba căn viên mãn thành tựu trong một đời chỉ có Tịnh độ, chúng ta không thể không biết điều này.

Giáo hóa chúng sanh nhất định phải khế lý khế cơ, khế lý là không trái với tự tánh, cũng tức là nói không được trái với tánh đức, điều này rất quan trọng. Khế cơ là phải tùy thuận tập tánh trình độ chúng sanh, họ học sẽ dễ dàng hơn.

“Nên gọi là cứu độ quần sanh. Lại nói muốn chỉ đại bi sở nguyện của Thế Tôn”. Nguyện vọng của Thế Tôn, hiện nay gọi là tâm nguyện, hoặc là nói tâm nguyện của ngài. “Nhưng chữ này thông trên dưới, bao hàm hai nghĩa. Thứ nhất là muốn cứu độ quần sanh, Chư Như Lai lấy đại bi làm thể, nguyện những người chưa độ khiến được độ, người chưa an khiến được an”. Đây là nghĩa đầu tiên, người chưa được độ thì giúp họ. Độ là độ thoát biển khổ, biển khổ là hình dung luân hồi lục đạo, đây gọi là độ. An là an ổn, trong lục đạo chắc chắn không có an ổn, thân tâm đều không được an ổn. Đây là điều rất đau khổ.

Chúng ta sống trong thế gian này, quý vị quan sát tường tận, phú quý bản tiện đều không được an ổn. Người giàu có họ có an ổn chăng? Không có, không định được. Sự nghiệp rất nhiều, ngày ngày bôn ba, bận rộn đủ điều. Bận rộn đến chết cũng không biết cổ nhân nói rằng: “khổ cực vì ai bận rộn vì ai”, quả đúng là như vậy.

Tôi từng thấy người giàu có, sở hữu gia tài đến ức vạn. Họ nói với tôi: Buổi tối phải uống thuốc ngủ, không uống thuốc ngủ không thể chợp mắt được. Quý vị xem đáng thương biết bao, họ khổ biết bao! Cần nhiều của cải như vậy để làm gì? Chẳng qua trên thế gian này, được chút hư danh mà thôi, giàu nhất một vùng nào đó, được chút hư danh như vậy. Trên thực tế họ đạt được chăng? Không được gì cả, thân thể không tốt, tinh thần cũng không tốt, không dễ đạt được tự tại an lạc. Buông bỏ mới có thể đạt được, sở hữu sẽ không đạt được. “Xiển dương giáo lý đều như vậy”, đây là nguyên văn, “nên thông với văn ở trên”.

Thứ hai: “Muốn ban cho lợi ích chân thật”, đây là đoạn văn ở dưới. “Như Lai muốn chúng sanh nhập vào Di Đà nguyện hải”. Ví thế giới Cực Lạc như nguyện hải của Phật Di Đà. Phật A Di Đà đích thực hy vọng tất cả chúng sanh, đều có thể đến thế giới Cực Lạc để học tập. Thế giới Cực Lạc rất đặc biệt, quý vị xem chúng ta học kinh điển bao nhiêu năm, xem biết bao kinh sách. Không thấy nói thế giới Cực Lạc có chính phủ, thế giới Cực Lạc có quốc vương, không thấy. Hay là thế giới Cực Lạc có thành phố, có thị trường, huyện trưởng? Không thấy. Cũng không thấy buôn bán, không thấy, thậm chí cũng không có bệnh viện, đều không có. Ở thế giới Cực Lạc chỉ có hai hạng người, một là thầy giáo, hai là học sinh, giống như trường học vậy. Trường học này cũng không có hạn lượng, cũng là xuất sanh vô tận, trường học này quả là lớn vô cùng tận. Quý vị xem thập phương chư Phật trong mười phương thế giới, đều chiêu sinh về thế giới Cực Lạc. Thập phương Như Lai, ai không giảng Kinh Vô Lượng Thọ? Đều khuyên chúng sanh về cõi đó, mỗi ngày người đến thế giới Cực Lạc học tập không biết có bao nhiêu người, quả là danh bất hư truyền, ngôi trường đại học Phật giáo giữa vũ trụ. Đến đó nhất định không ai ở lại lớp, lên lớp có nhanh có chậm, có người nhanh lên lớp, có người lâu hơn một chút, nhưng tuyệt đối không có ở lại lớp. Người người đều tốt nghiệp, tốt nghiệp tức làm Phật.

Hay nhất là chúng sanh ở thế giới chúng ta, chưa đoạn được nhất phẩm phiền não, đến thế giới Cực Lạc cũng là một đời thành Phật, quả là không thể nghĩ bàn! Đời này chúng ta quá may mắn, gặp được pháp môn như thế, nếu không nắm chắc thì đời này chúng ta sẽ uổng phí, hối hận không kịp. Trong đời này, mọi thứ đều là giả, đừng cho là thật. Niệm Phật, tu Tịnh độ, đọc Kinh Vô Lượng Thọ đây là thật, hoàn toàn không phải giả, nhất định phải nỗ lực thực hành. Y giáo phụng hành, cầu sanh tịnh độ, nhất định phải nhập vào Di Đà nguyện hải.

“Chân Giải như ở trên nói, quy kết nghĩa ở sau nói, sở dĩ Chư Phật xuất hiện ra đời, vì muốn nói nguyện lực của Phật Di Đà, cứu độ vạn loại chúng sanh, lấy nó làm bản hoài”. Đoạn này nói rất hay, là một chú giải Kinh Vô Lượng Thọ của cao tăng Nhật bản. Trong

đoạn kinh văn này, tổng kết sau cùng là sở dĩ Chư Phật xuất hiện ở thế gian, không nhất định là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Mười phương thế giới có Phật xuất thế, vị Phật đó nhất định là làm nguyện vọng này. Cùng một nguyện vọng này, đều chỉ nghĩ đến giúp tất cả chúng sanh khổ nạn thoát ly tam giới. Giúp Phật A Di Đà chiêu sinh những học sinh này, Chư Phật Như Lai giúp Phật Di Đà chiêu sinh. “Cứu độ vạn loại chúng sanh, đây là bản hoài”, là bản hoài của Phật A Di Đà, cũng là bản hoài của tất cả Chư Phật Như lai

Hôm nay chúng ta đọc được, không phát tâm này, là cô phụ ân huệ của Chư Phật Như Lai, cô phụ ý tốt của các ngài. Các ngài không có lỗi với chúng ta, nhưng chúng ta có lỗi với các ngài. Nên siêng năng nỗ lực để thành Phật ngay trong đời này, đừng trầm luân trong lục đạo, lục đạo quá khổ. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 148
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyên ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Minh Tâm
Thời gian: 25.09.2010
Địa điểm: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà _ HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 170, bắt đầu xem từ hàng thứ sáu từ dưới lên.

“Ban cho lợi ích chân thật. Ban cho, tức là ban bố, cũng có nghĩa là ban ân. Lợi ích chân thật, theo ý của đại sư Thiện Đạo chỉ thế nguyện của Phật Di Đà là lợi ích chân thật. Đại sư nói kệ rằng: Sở dĩ Như Lai xuất hiện ở đời, là để nói bản nguyện hải của Phật Di Đà”. Chúng ta xem câu này.

Trong bộ kinh này nói về ba loại chân thật, đây là điều vô cùng hy hữu. Thế Tôn 49 năm giảng kinh thuyết pháp, ở trong một hội, rất ít khi nói ba loại chân thật. Duy nhất trong hội này, ngài nói về “chân thật rốt ráo”. Ở đây chúng ta thấy “lợi ích chân thật”, còn có một câu “trí tuệ chân thật”. Chân thật trí tuệ là nói về tự tánh, tánh đức viên mãn. Hiện nay từ trên lợi ích mà nói, lợi ích này là đối với chúng sanh. Cũng chính là nói, tất cả giáo huấn của 49 năm, lợi ích chân thật nhất không qua lần tuyên giảng này. Từ chân thật rốt ráo mà nói, có thể nói tất cả kinh Đức Phật nói trong suốt 49 năm, đều không tách rời, toàn là trong tự tánh hiển lộ ra. Đây gọi là khế lý, kinh được gọi là khế kinh. Trên khế với lý đức Phật chứng được, đây là rốt ráo chân thật, nên nó không phải giả. Lợi ích chân thật thì sao? Đây là nói khế cơ. Đức Phật nói tất cả kinh, chưa chắc có thể khế với căn cơ của tất cả chúng sanh. Cho nên hàng đương cơ được lợi ích, không đương cơ họ không được lợi ích. Nhưng duy nhất bộ kinh này, phổ bị cả ba căn thượng trung hạ, lợi độn đều thu nhiếp, không ai không khế cơ, đây là lợi ích

chân thật. Đoạn nói về lợi ích chân thật, Hoàng Niệm Tổ chú giải rất nhiều, ý nghĩa trong này vô cùng phong phú.

Đầu tiên nói đến huệ. Huệ là bố thí, nghĩa là ban cho: “Huệ là ban bố, là bố thí”, cũng có nghĩa là ban ân, trên đối với dưới. Ngày xưa đế vương ban bố cho thần dân, đây là ban ân. Lợi ích chân thật, Hoàng Niệm Tổ nương theo ý của đại sư Thiện Đạo. Đại sư Thiện Đạo người thời nhà Đường, đầu thời nhà Đường, là tổ sư đời thứ hai của Tịnh độ. Truyền thuyết rằng ngài là Phật A Di Đà tái lai. Trước đây chúng tôi từng đến Nhật bản phỏng vấn nhiều lần, giao lưu nhiều lần cùng với các cao tăng Tịnh độ Nhật bản, chúng tôi nhắc đến vấn đề này. Ngày xưa có người nói: Đại sư Thiện Đạo là Phật A Di Đà tái lai. Người Nhật bản quý vị đối với câu chuyện này có nhận xét gì? Các bậc cao tăng Nhật bản đều nói, thật vậy, người Nhật bản chúng tôi thừa nhận. Nên người Nhật bản đối với đại sư Thiện đạo đặc biệt tôn kính, khắp nơi đều có thể thấy tượng của đại sư Thiện Đạo, tượng của họ đa phần là tượng bằng đá. Có tượng bằng đá, có tượng bằng gỗ, cũng có tượng bằng đất, rất phổ biến, ở Trung quốc không nhìn thấy. Thậm chí rất nhiều đạo tràng Tịnh độ tông, đều dùng mệnh danh của đại sư Thiện Đạo gọi là Chùa Thiện Đạo. Quý vị thấy Chùa Thiện Đạo, tức là đạo tràng của Tịnh độ tông. Cho thấy, sự tôn sùng của họ đối với đại sư Thiện Đạo, khiến chúng ta có thể tưởng tượng được. Đương thời Nhật bản phái rất nhiều người xuất gia, đến Trung quốc học tập. Có thể trong số đó rất nhiều người là đệ tử của đại sư Thiện Đạo, đến Trung quốc thân cận đại sư Thiện Đạo, học tập theo ngài. Sau đó đem Tịnh độ tông truyền đến Nhật bản, truyền đến Hàn quốc.

Đã là Phật A Di Đà tái lai, lời của ngài Thiện Đạo đồng nghĩa với Phật A Di Đà tự thân tuyên thuyết. Ý của đại sư Thiện Đạo là chỉ Di Đà thế nguyện, nghĩa là 48 nguyện, 48 nguyện là lợi ích chân thật. Nên đại sư có hai câu nói, đây là bài kệ, truyền bá rất rộng. Người tu Tịnh độ không ai không biết hai câu này, ngài nói: “Sở dĩ Như Lai xuất hiện ở thế gian, duy chỉ nói Di Đà bốn nguyện hải”. Không riêng gì chỉ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà mười phương thế giới quá khứ, hiện tại, vị lai chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng. Khi Phật ứng hóa, giống như trong Phẩm Phổ Môn nói: cần lấy thân Phật để được độ thoát, ngài liền hiện thân Phật để thuyết pháp, đây gọi là Như Lai xuất thế. Như Lai xuất hiện ở thế gian này, để làm gì? Duy nhất là giới thiệu với đại chúng về thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, chính là vì vấn đề này. Nói cách khác, đây là đại sự duy nhất khiến tất cả Chư Phật Bồ Tát xuất hiện tại thế gian, đại sự nhân duyên. Chính là giới thiệu Tịnh độ cho chúng ta, giới thiệu thế giới Cực Lạc cho chúng ta. Các kinh giáo khác đều là nói thêm. Thế gian này vẫn còn rất nhiều căn cơ, nên nói những điều hợp với căn cơ khác nhau để giúp quý vị, chính là ý này. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, một đời của Đức Thế Tôn có nói hết chăng? Không có, chọn ra mấy pháp môn trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, không phải có ý chọn, là căn cơ của chúng sanh cảm ứng khác nhau. Chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng. Có căn cơ của loại này, Phật liền nói kinh giáo của loại này. Suốt 49 năm, những kinh luận Phật nói không nhiều, trong tình hình này chúng ta biết. Nhưng lợi ích chân thật của Phật đối với tất cả chúng sanh, là giúp tất cả chúng sanh vĩnh viễn thoát ly luân hồi trong đời này, vĩnh viễn ra khỏi mười pháp giới, siêu xuất mười pháp giới, một đời thành Phật. Đây là nguyện vọng bậc nhất mà Chư Phật Bồ Tát ứng hóa đến thế gian. Nếu như nghiệp chướng nặng nề, không có nhân duyên này, nghĩa là nói rồi quý vị cũng không tin, không lý giải được, không thể nương theo pháp môn này tu học, Đức Phật liền dùng phương pháp khác giúp quý vị, giúp quý vị nâng cao cảnh giới. Phương pháp này có thể tin, có thể hiểu, có thể hành trì, là giúp ta một đời thành

Phật. Không thành Phật được cũng giúp quý vị nâng cao cảnh giới, Đức Phật từ bi biết bao. Bởi thế pháp môn này là lợi ích cứu cánh viên mãn, quả là khó được. Chúng ta phải ghi nhớ hai câu nói này của đại sư Thiện Đạo.

“Chân Giải khen ngợi rằng”, đây là trước tác của người Nhật bản. “Thử kim gia”, quý vị xem người Nhật bản đối với đại sư Thiện Đạo không gọi tên mà gọi là kim gia. Kim là hiện tại, đây là thời nhà Đường. Quý vị xem người ta dùng từ gia, đây không phải trong Tôn giáo, trong Tôn giáo không có cách xưng hô này. Từ gia này về sau chúng ta thường dùng như Phật gia, Nho gia, Đạo gia. Xưng gia là sao? Là đại học vấn, đại đức đại năng. Chúng ta thường khen ngợi người có thành tựu, ngôn luận của một nhà. Trong này hàm nghĩa rất thâm sâu.

“Độc bộ diệu thích”, là đại sư Thiện Đạo giải thích, giải thích quá tuyệt diệu, trước đây chưa ai nói, đây là độc bộ. “Người ta chưa từng nói đến”, hai câu này, sở dĩ Như Lai xuất hiện ở thế gian, duy nói đến bốn nguyện hải của Phật Di Đà. “Thuận thử tổ thích”, thuận theo giải thích của các bậc cao tăng tổ sư. “Lấy bốn nguyện Di Đà làm lợi ích chân thật, tức có thể dùng tám vạn bốn ngàn pháp môn để xiển dương giáo lý, làm rõ nghĩa này”. Xiển dương giáo lý là dạy học. Từ chỗ này chúng ta lãnh hội một cách rõ ràng Phật giáo không phải Tôn giáo, Phật giáo là giáo dục. Phật Bồ Tát xuất hiện ở thế gian để làm gì? Dạy học, xiển dương giáo lý nghĩa là dạy học. Bốn nguyện là thúc đẩy động lực dạy học, vì sao Phật Bồ Tát phải dạy học? Vì ngài có đại nguyện, đại nguyện này là gì? Đại nguyện là phổ độ chúng sanh, giúp tất cả khổ nạn chúng sanh. Lục đạo là chúng sanh khổ nạn, thập pháp giới cũng như vậy, chịu khổ ít một chút nhưng vẫn là khổ, vì sao vậy? Vì chưa kiến tánh, kiến tánh mới được tự tại thật sự, khôi phục thường lạc ngã tịnh. Tứ thánh pháp giới tuy gần với thường lạc ngã tịnh, nhưng không hưởng thụ được thường lạc ngã tịnh thật sự. Lục đạo chúng sanh hoàn toàn trái với điều này.

Thường là vĩnh hằng bất sanh bất diệt, lục đạo chúng sanh có sanh tử. Trong Phật pháp nói có hai loại sanh tử, hai loại sanh tử đều đầy đủ. Thứ nhất là phân đoạn sanh tử, thứ hai là biến dị sanh tử. Đoạn tận phân đoạn sanh tử trong tứ thánh pháp giới, biến dị sanh tử vẫn còn. Phải vào trong cõi thật báo, biến dị sanh tử mới không còn. Thập pháp giới và tứ thánh pháp giới có biến dị sanh tử. Dứt trừ hai loại sanh tử, đây là thường, thường tức là Bất niết bàn, bất sanh bất diệt.

Lạc là vĩnh viễn lìa tất cả khổ, đây gọi là chân lạc. Trong phàm phu lục đạo có lạc chăng? Không có. Chúng ta thấy có người rất vui, Phật nói lạc là hoại khổ. Khi ta vui không cảm nhận được, khi niềm vui qua đi mới cảm nhận được, là hoại khổ. Cổ nhân nói, quý vị xem làm quan lớn, khi còn chức vị cảm thấy rất vinh quang, bao nhiêu người ngưỡng mộ. Nhưng khi không làm nữa, không thấy ai đến thăm mình, ta liền cảm thấy rất khổ. Khi địa vị, thế lực không còn, như vậy là hết, gọi là hoại khổ. Không phải chân lạc, chân lạc là vĩnh hằng, không ảnh hưởng bởi hoàn cảnh bên ngoài.

Ngã là tự tại, chủ tể, ở trước có nói. Hai ý nghĩa này, trên thân thể chúng ta đều không có.

Tịnh là thanh tịnh, cũng không có. Tâm không thanh tịnh, thân cũng không thanh tịnh, thân tâm ô nhiễm nghiêm trọng. Nên thế gian này có tên thường lạc ngã tịnh, không có thực thường lạc ngã tịnh. Trong cõi thật báo trang nghiêm có, đúng là thường lạc ngã tịnh. Cho nên Đức Phật phải giúp chúng ta trở về thường lạc ngã tịnh, đây gọi là lìa khổ được vui. Mãi mãi thoát ly mười pháp giới, trở về đến cõi thật báo. Cõi thật báo vẫn chưa viên mãn, nhưng

Đức Phật giúp chúng ta, chỉ có thể giúp đến cõi thật báo. Lên cao hơn nữa, ngài cũng đành chịu. Bản thân chúng ta có cách nào chẳng? Bản thân cũng không có cách nào. Trong cõi thật báo là đời thời gian, sau ba đại a tăng kỳ kiếp, tập khí vô thỉ vô minh tự nhiên không còn, quý vị sẽ được cứu cánh viên mãn. Cứu cánh viên mãn, trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu giác vị, trở về thường tịch quang Tịnh độ, đây mới gọi là cứu cánh viên mãn. Phật Bồ Tát xuất hiện ở thế gian, là để làm công việc này. Trong Kinh Pháp Hoa nói là một đại sự nhân duyên, dùng phương pháp gì để làm việc này? Dùng phương pháp dạy học. Bởi thế Phật pháp là sư đạo, sư đạo nhất định kiến lập trên nền tảng của hiểu đạo. Nếu con người bất hiểu với cha mẹ, sẽ không tôn kính thầy tổ, bởi vậy sư đạo là kiến lập trên nền tảng của hiểu đạo. Do đó chúng ta biết, sau khi Thế Tôn diệt độ, đệ tử của ngài đi khắp bốn phương tám hướng truyền thừa giáo huấn của ngài.

Từ trên lịch sử chúng ta thấy, có nơi một hai trăm năm là diệt, biến mất. Có nơi được năm sáu trăm năm, có nơi sáu bảy trăm năm. Duy nhất ở Trung quốc Phật pháp thật sự mọc rễ, đâm chồi, khai hoa, kết trái, còn thù thắng hơn cả bản địa Ấn độ. Đây là nguyên nhân gì? Mảnh đất này tốt, trước khi Phật giáo chưa truyền đến Trung quốc, nền văn hóa ở đây ít nhất cũng có hơn mười ngàn năm. Tôi tin tuy lịch sử 5000 năm không có văn tự ghi chép, 5000 năm trước không có văn tự. Ấn độ Bà la môn giáo, có thể đẩy về trước hơn mười ngàn năm. Còn mảnh đất Trung quốc này, trí tuệ đức năng của cổ nhân, chúng ta tin rằng ít nhất cũng có hơn mười ngàn năm. Không có văn tự, nhưng vẫn truyền đời này qua đời khác. Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, chúng ta tin rằng đây là của tổ truyền, không phải hai ba ngàn năm trước, những người nào đó sáng tạo phát minh ra, không phải vậy. Không tử nói rất hay, ông nói suốt đời ông: “Thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ”, đây là thái độ tu học một đời của ông.

“Thuật nhi bất tác” nghĩa là sao? Ông không có sáng tạo, không có phát minh, những gì ông nói đều là thuật lại của người đi trước, của thánh hiền thời cổ đại truyền lại, lời nói này là thật. Nhiều câu trong Luận Ngữ, tôi cảm thấy không phải của ông. Ông đem giáo huấn của thánh hiền cổ đại, dùng văn tự viết lại lưu truyền cho hậu thế. Nên gọi ông là bậc tập đại thành- Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư. Đại thành là gì? Là tập đại thành, đó cũng là thánh nhân. Cổ đại tương truyền chúng ta tin có chánh pháp, có tà pháp. Khổng tử chỉ truyền chánh pháp, không truyền tà pháp. Những gì tà pháp không viết ra, không truyền cho hậu thế, truyền lại đều là pháp thuần chánh.

“Tín nhi háo cổ”, ông tin và hoan hỷ đối với giáo huấn của cổ nhân. Cổ thánh tiên hiền, sau khi học Phật tôi mới cảm nhận một cách sâu sắc, tôi cảm thấy đó là Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian. Mảnh đất này từ xưa đến nay tôn trọng thánh hiền, nên Chư Phật Bồ Tát cũng hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Người đáng dùng thân thánh hiền để giáo hóa, liên hiện thân thánh hiền mà vì họ nói pháp, không phải là ý này sao? Đức Phật có thể hằng thuận chúng sanh, “Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”.

Hiện nay rất ít người đọc sách thánh hiền, đọc sách của cổ nhân, ngày càng ít. Đối với diện mạo của cổ nhân xa lạ không nhận ra, đây là hiện tượng vô cùng bi ai. Người xưa đọc sách cổ, không ai không tôn trọng thánh hiền. Nền giáo dục từ xưa đến nay, là giáo dục của thánh hiền. Nhân dân được giáo hóa là thánh hiền quân tử, đọc sách chí tại thánh hiền. Văn hóa xưa là văn hóa của thánh hiền, chế độ ngày xưa là chế độ của thánh hiền, nền trị an ngày xưa là trường trị cửu an, là chính trị của thánh hiền. Đây là sự thật, chúng ta cần phải nhận thức rõ điều này, không được nghe lời nhảm nhí của người phương tây. Người phương tây

tâm hành bất thiện, hạ thấp truyền thống văn hóa của chúng ta, khiến chúng ta mất lòng tin đối với truyền thống văn hóa. Chúng ta không thể không biết điều này.

Nếu trên phương diện Phật pháp, có thể nhập một ít, thì tín tâm của mình sẽ được khôi phục, chánh tri chánh kiến cũng khởi tác dụng.

Tổng kết bốn nguyện của Phật Di Đà chính là đại từ đại bi, từ bi làm gốc. Bốn nguyện Di Đà làm lợi ích chân thật, đây nghĩa là từ bi làm gốc. Bên dưới nói tám vạn bốn ngàn pháp môn làm xiển dương giáo lý, đó là dùng phương tiện làm cửa. Chân thật lợi ích là gì? Chính là tám vạn bốn ngàn pháp môn, xiển dương giáo lý, giáo hóa chúng sanh. Đối tượng chúng sanh là mười pháp giới, đối tượng chủ yếu là hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới. Đối tượng chủ yếu, tự nhiên cũng bao hàm vô tình chúng sanh, “tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”. Từ đây chúng ta có thể thấy được chân diện mục của Phật giáo, Phật giáo là giáo dục, chúng ta nên gọi nó là giáo dục Phật giáo.

Ngày xưa Phật giáo tự xưng là Tôn giáo, vì sao tự xưng là Tôn giáo? Thời đại Tùy Đường, Phật giáo có mười tông phái. Thành Thật và Câu Xá, hai tông phái này là tiểu thừa, tám tông phái khác đều là đại thừa. Giữa thời nhà Đường trở về sau tiểu thừa suy yếu, đến cuối thời nhà Đường, hai tông phái này không còn tồn tại. Bởi thế Trung quốc là Phật giáo đại thừa, tám tông lớn. Tám tông lớn này, Thiên tông gọi là tông, bảy tông khác đều gọi là giáo, vì sao vậy? Vì phương thức dạy học khác nhau. Thiên tông nhập môn không dùng văn tự, cũng chính là nói người học tập tông phái này là lớp thiên tài, không phải lớp bình thường. Nên họ không dùng kinh, không dùng văn tự, hoàn toàn dùng cách tham cứu, về sau gọi là tham thiền. Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật, họ dùng phương pháp này. Phương pháp này cao siêu, thời gian ngắn, thành tựu nhanh. Nhưng chỉ tiếp dẫn, nghĩa là hợp với căn cơ của nó, chỉ tiếp dẫn hàng thượng thượng căn. Không phải hàng thượng thượng căn thông thường nói ba căn thượng trung hạ đều không có phần, họ học tông phái này không được lợi ích.

Bảy tông phái khác là giáo môn, các tông phái này tiếp độ chúng sanh là cả ba căn thượng trung hạ. Nghĩa là trường học bình thường có tiểu học, có trung học, có đại học. Đi theo thứ lớp, từ lớp một, lớp hai đi dần lên. Bảy tông pháp khác đều dùng phương thức này, nên gọi là giáo môn.

Thiên tông đặc thù, Thiên tông cần xem kinh chăng? Cần xem. Nhưng khi nhập môn họ không xem, không cần, khi nào mới cần? Sau khi khai ngộ, khi đã khai ngộ mới học kinh giáo, chưa khai ngộ không cho phép xem kinh, nên gọi là ngộ rồi khởi tu. Sau khi khai ngộ xem những kinh luận này không cần nghe giảng, họ vừa xem là hiểu, là thông đạt.

Trong kinh điển chúng ta thấy trường hợp này, là Bồ Tát Long Thọ. Đây là 600 năm sau khi Thế Tôn diệt độ, xuất hiện ở Ấn độ, Phật giáo chưa truyền đến Trung quốc. Phật giáo truyền đến Trung quốc là 1000 năm sau khi Thế Tôn diệt độ. 400 năm trước, Bồ Tát Long Thọ xuất hiện tại Ấn độ, ngài là bậc thượng thượng căn. Sau khi khai ngộ, học tập kinh điển của Đức Thế Tôn nói trong 49 năm, ngài mất bao nhiêu thời gian? Ba tháng, ngài thông triệt tất cả kinh điển Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm. Quả là đáng nể, ngài đúng là người thông minh tuyệt đỉnh!

Trước đây chúng ta nghĩ thế nào cũng nghĩ không ra, vì sao vậy? Quý vị xem dù thông minh đến đâu, nếu xem kinh từ đầu đến cuối, nhiều kinh điển như thế, ít nhất phải hai ba mươi năm mới có thể xem hết được. Ba tháng làm sao có thể? Tôi đọc Pháp Bảo Đàn Kinh của lục tổ Huệ Năng, mới dứt trừ được nghi vấn này. Tôi thấy trong Pháp Bảo Đàn nói về

Lục tổ, ngài không biết chữ, khi khai ngộ ngài 24 tuổi. Cổ nhân thường nói: “Đồng hàng đồ kỵ lẫn nhau”. Ngũ tổ truyền y bát cho ngài, người khác không phục, không phục nên gây phiền phức cho ngài, muốn đoạt lại y bát. Ông là cái gì, một chữ cũng không biết, chưa từng đến giảng đường lần nào, cũng chưa từng đến Thiên đường, vậy thì dựa vào điều gì mà lấy y bát? Bởi thế khi truyền y bát xong, Ngũ tổ dạy ngài nhanh chóng ra đi, trốn kỹ. Quý vị xem, người trong chùa đều đuổi theo, đều muốn đoạt lại y bát. Trên đường lánh nạn, ngài gặp một vị tỳ kheo ni chuyên thọ trì Kinh Niết Bàn. Kinh Niết Bàn rất dài, phân lượng rất lớn. Vị tỳ kheo ni này nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, người xưa đều như vậy cả, mỗi ngày đọc tụng. Ngài ở bên cạnh nghe, đợi cô ta đọc xong ngài liền tìm vị tỳ kheo ni này, nói cho cô ta nghe ý nghĩa trong kinh mà cô vừa mới đọc. Vị tỳ kheo ni này nghe xong giật mình, ngẩn người, ngài nói quá hay, liền hai tay đưa kinh đến thỉnh giáo ngài. Ngài nói tôi không biết chữ. Ngài không biết chữ sao lại nói hay đến thế? Ngài nói, vấn đề này không liên quan đến việc biết chữ hay không biết chữ.

Đại sư Huệ Năng trong đời ngài độ 43 người, nghĩa là trong số đệ tử 43 người này đạt được cảnh giới như ngài, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Tỳ kheo Vô Tận Tạng là một trong số đó.

Trong kinh ta lại thấy thêm một trường hợp nữa, càng rõ ràng hơn. Thiên sư Pháp Đạt thọ trì Kinh Pháp Hoa, ông đến Tào Khê đánh lễ Lục tổ. Thân cận thiện tri thức, khi gặp mặt phải đánh lễ, đánh lễ nhưng đầu không sát đất. Lễ tiết của Phật giáo là ba lạy, ba lạy đầu đều không sát đất. Khi lạy xong đại sư Huệ Năng hỏi: Lúc ông lạy đầu không sát đất, nhất định ông có chỗ đáng để kiêu ngạo, ông có gì đáng để kêu ngạo chẳng? Ông nói, con đã đọc được 3000 bộ Kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa rất dài, một ngày nhiều nhất đọc được một bộ, 3000 bộ phải mười năm, mười năm chuyên đọc một bộ Kinh Pháp Hoa. Lục tổ hỏi ông: trong Kinh Pháp Hoa nói gì? Ông không nói được, quay lại thỉnh giáo Lục tổ. Lục tổ nói, tôi chưa nghe qua bộ kinh này. Đương nhiên ngài không nói để ngài xem, ngài không biết chữ, nên không xem kinh. Ông đọc thuộc, vậy hãy đọc tôi nghe. Kinh Pháp Hoa có tất cả 28 phẩm, đọc đến Phẩm Phương Tiện thứ hai. Lục tổ nói với ông: Thôi, không cần đọc nữa, tôi đã hiểu rồi.

Như vậy chúng ta mới thật sự hiểu được, Bồ Tát Long Thọ chỉ ba tháng, ngài quán thông tất cả kinh điển Đức Phật thuyết trong 49 năm. Đây không phải giống đại sư Huệ Năng sao? Có cần nghe hết một bộ kinh chẳng? Không cần, xem vài trang là được, liền thông suốt tất cả, như vậy có thể học trong ba tháng. Như một bộ Đại Tạng Kinh hiện nay, ngài chỉ xem vài trang là thông triệt toàn bộ. Đây là thật, không phải giả. Tất cả pháp mà Chư Phật Như Lai nói, là từ trong tự tánh hiển lộ ra. Nếu đã minh tâm kiến tánh, làm gì có chuyện không thông đạt thấu suốt.

Sự thừa truyền trong lịch sử, chỉ cần chúng ta hiểu một ít, nghi hoặc tự nhiên không còn, chúng ta có thể tin tưởng. Tông môn và Giáo môn khác nhau, hàng thượng thượng căn và thượng trung hạ đích thực không tương đồng. Nhưng hàng thượng thượng căn quá ít, trong ngàn vạn người khó có được một người. Hàng căn tánh trung hạ đặc biệt nhiều, nên Giáo môn rất phát triển. Có bảy tông phái thuộc Giáo môn.

Thiền Thai Pháp Hoa tông, Hiền Thủ tông ở Ngũ Đài Sơn, Pháp Tướng Duy Thức tông của Từ Ân Tự. Còn có tam luận, Luật Tông ở Chung Nam Sơn, Tịnh độ Tông ở Lô Sơn. Thời nhà Đường, Mật Tông từ Ấn độ truyền sang. Nhưng tông phái này đều thuộc các trường học bình thường, từ cạn mà vào sâu. Không có thiện căn thì giúp quý vị trồng thiện căn, đã có thiện căn thì giúp quý vị tăng trưởng. Trong bảy tông phái này, duy chỉ có Tịnh độ tông là

ba căn phổ bị, lợi độn toàn thu. Mà còn như thế nào? Một đời thành tựu viên mãn. Quả là không thể nghĩ bàn, đây chính là hôm nay nói về lợi ích chân thật.

Phật giáo ngày xưa trong Tông môn Giáo môn, đó là nền giáo dục chủ yếu chân thật. Nói với ai? Nói với mười pháp giới, giáo dục chủ yếu trong mười pháp giới. Là Phật pháp, giáo dục Phật giáo, dạy học chủ yếu, giáo hóa tôn sùng. Giáo dục thế gian không có cách nào khiến quý vị phá mê khai ngộ, liễu sanh tử xuất tam giới, giáo dục thế gian không làm được. Duy chỉ có Phật pháp, Phật giáo mới thật sự có điều kiện này, có tư cách này, mới xứng đáng gọi là Tôn giáo. Hai chữ Tôn giáo này thần thánh biết bao, vĩ đại biết bao. Chúng ta dùng một câu nói để nói rõ tánh chất của nó. Nó là giáo dục cứu cánh viên mãn chí thiện khắp biến pháp giới hư không giới. Trong kinh văn nói “ban cho lợi ích chân thật”, đặc biệt chỉ Tịnh độ tông của Giáo môn. Chúng ta thấy hai câu nói của đại sư Thiện Đạo, có thể chứng minh cho chúng ta.

Bên dưới, “Chân Giải dẫn Lục Yếu nói: Lợi ích chân thật, chỉ danh hiệu này, tức là Phật trí”. Câu này thực sự là không thể nghĩ bàn. Trong Chân Giải của cao tăng Nhật bản cũng nói như vậy: “Ngày nay chân thật là danh hiệu Phật trí, ngài Thiện Đạo nói, Pháp Tạng khi còn ở nhân địa thành tựu sự chân thật, nên gọi là bản nguyện chân thật, mở ra năm nguyện chân thật, hợp với một câu danh hiệu, nên biết chân thật này thông triệt giáo hành tín chứng”. Giáo hành tín chứng là tổ sư Tịnh độ tông Nhật bản đề ra.

Giáo là kinh điển, hành là tu hành. Làm sao thực hành lý luận, giáo huấn trong kinh điển vào trong cuộc sống hằng ngày, đó là hành. Vì sao không đặt tín ở đầu tiên, mà đặt tín ở đây? Nó cũng rất có lý, vì đến đây ta mới thật sự tin. Hiện nay chúng ta tin Phật không phải là tin thật. Các bậc đại đức tổ sư nói cũng rất tăng bốc chúng ta, rất khen ngợi chúng ta, nói niềm tin của chúng ta là gì? Gọi là chánh tín, chánh tín nghĩa là ta không phải mê tín, là chánh tín. Không phải chánh tín, ở đây mới là chánh tín. Chánh tín là gì? Thông qua giáo, thông qua hành, đây mới là tin thật. Sau tin thật là chứng, chứng gì? Là đã vãng sanh, họ hành trì! Đại sư Thanh Lương nói tín giải hành chứng, nhưng Tổ sư Nhật bản lại nói giáo hành tín chứng. Đều có lý, đều nói một cách vô cùng sâu sắc. Người Nhật bản có một số giải thích sâu sắc hơn chúng ta, hay hơn chúng ta, chúng ta phải tường tận khi học tập.

Đoạn này nói: “Mở ra năm nguyện chân thật”, năm nguyện này ở sau có nói đến, hợp lại chính là một câu danh hiệu, công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn!

Bên dưới nói: “Nên biết lợi tức là lợi ích lớn của danh hiệu, sự cứu cánh của lợi ích lớn này, tức diệu quả vô thượng niết bàn”. Lợi ích của danh hiệu này là gì? Danh hiệu này khiến ta thành Phật, danh hiệu này có thể giúp ta chứng được diệu quả vô thượng niết bàn, còn có gì lớn hơn lợi ích này nữa, không còn. Vì sao vậy? Bây giờ chúng ta niệm danh hiệu, không tương ứng với tánh đức. Lúc nào đó niệm thật sự tương ứng, thì ra danh hiệu chính là diệu quả vô thượng bồ đề, không phải gì khác, là cứu cánh diệu quả mà Chư Phật chứng được. Ý nghĩa này quá thâm sâu.

Thật may mắn, chúng ta cũng cảm kích Hoàng Niệm Tổ, bên dưới ông giải thích tường tận cho chúng ta, để chúng ta lãnh hội.

Chân Giải lại nói: “Lợi ích chân thật là đối với quyền giả phương tiện”. Đối diện với lợi ích chân thật là gì? Tức phản diện là gì? Phản diện là quyền giả phương tiện. Quyền là giáo lý quyền nghi không phải chân thật. Ví dụ Đức Phật dạy chúng ta chứng quả A la hán, chứng quả Bích Chi Phật, cao hơn nữa là chứng quả vị Bồ Tát, đây gọi là quyền nghi giáo.

Là giả, pháp phương tiện, không phải chân thật. Chân thật là gì? Chân thật là thành tựu quả Phật cứu cánh viên mãn, Diệu giác vị là quả Phật cứu cánh viên mãn, đây gọi là lý chân thật.

“Nên lấy pháp thế gian so với tiểu thừa”. Thế gian chúng ta, pháp thế gian này là phương pháp dạy học. Chúng ta có thể nói là giáo dục thế gian, giáo dục của cõi người cõi trời. Nếu so sánh với tiểu thừa thì sao? “Tiểu thừa chân, pháp thế gian là giả”. Vì sao vậy? Dạy học của pháp thế gian, cao nhất có thể sanh đến Trời sắc giới và Trời vô sắc giới, không ra khỏi luân hồi lục đạo. Tiểu thừa có thể vượt khỏi luân hồi lục đạo, tiểu thừa là thật, pháp thế gian là giả. Pháp thế gian sanh đến trời phi tưởng phi phi tưởng, trời vẫn còn thọ mạng, khi thọ mạng đến không thể tiếp tục lên cao. Không thể nâng cao thì sao? Họ đọa lạc xuống dưới. Đây là luân hồi bị đọa lạc xuống, trèo cao thì té nặng, đây là một đạo lý nhất định. Pháp thế gian không sánh được với tiểu thừa.

Tiểu thừa so với đại thừa thì sao? Đại thừa thêm vào quyền đại thừa. “Lấy tiểu thừa so với quyền đại thừa, quyền đại thừa chân mà tiểu thừa giả”. Quyền đại thừa là gì? Thiên Thai tông nói tứ giáo- Tạng Thông Biệt Viên, Thông Giáo và Biệt Giáo đều là quyền đại thừa. So với tiểu thừa thì quyền đại thừa là thật, tiểu thừa là giả. Tiểu thừa chỉ dừng lại ở Thanh văn, Duyên giác trong tứ thánh pháp giới, không cách nào nâng cao đến quả vị Bồ Tát và Phật.

“Lấy quyền đại thừa so với thật đại thừa”, đại thừa chân thật. Thông thường chúng ta gọi Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là pháp nhất thừa. Nếu đại thừa sánh với nhất thừa, thì nhất thừa là chân, quyền đại thừa là giả. Pháp nhất thừa trong Phật pháp chỉ có ba bộ kinh, Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đã truyền đến Trung quốc, còn một bộ chưa truyền đến là Kinh Phạm Võng. Trong phân giáo của các bậc cao tăng xưa nay đều thừa nhận, kinh nhất thừa chỉ có ba bộ. Thật đại thừa là chân, quyền đại thừa là giả.

“Lấy quyền đại thừa của Hoa Nghiêm, Pháp Hoa...so với nguyện thứ 19 của Di Đà. 19 là chỉ trong văn của Ngụy Dịch nói”. Bản dịch thời nhà Ngụy trong năm loại nguyên bản dịch, trong kinh văn có bốn câu này: “Phát tâm bồ đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh nước ta”. Nếu Hoa Nghiêm và Pháp Hoa so với nguyện này thì nguyện thứ 19 là thật mà Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là giả. “Vì sao vậy? Vì Hoa Nghiêm và Pháp Hoa lấy vãng sanh làm lợi ích của kinh”. Lợi ích của kinh này đối với tất cả chúng sanh là gì? Là vãng sanh.

Sau cùng của Kinh Hoa Nghiêm là thập đại nguyện vương quy về Cực Lạc. Kinh Hoa Nghiêm đến sau cùng là Phổ Hiền Bồ Tát niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc, như vậy lợi ích của Hoa Nghiêm ta đã đạt được. Nếu không thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, thông thường mà nói họ không phải là hàng thượng thượng căn. Người thuộc hàng căn tánh thượng trung hạ, cao nhất chỉ có giải ngộ, giải ngộ không được, chưa chứng, không ra khỏi mười pháp giới. Nguyện thứ 19 ra khỏi mười pháp giới, nên nguyện thứ 19 là thật, mà Pháp Hoa và Hoa Nghiêm là giả, vì Hoa Nghiêm và Pháp Hoa không ra khỏi nguyện thứ 19.

“Lấy nguyện thứ 19 so với nguyện 20”, đây cũng là dùng bản Ngụy Dịch của Khương Tăng Khải: “Nghe danh hiệu ta, muốn sanh về nước ta, trông các đức bốn. Chí tâm hồi hướng, muốn sanh nước ta”. Như vậy nguyện thứ 20 là thật, mà nguyện thứ 19 là giả. “Lấy nguyện thứ 20 so với nguyện thứ 18”, so sánh với nguyện thứ 18, “nguyện thứ 18 là mười niệm tất sanh, nguyện 20 là giả mà nguyện 18 là thật. Nay là chân thật trong chân thật, viên đốn trong viên đốn”. Quý vị xem từng tầng từng tầng phân tích cho chúng ta hiểu. Chứng minh lợi ích chân thật là vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Bây giờ chúng ta xem tiếp bản hội tập của Hạ Liên Cư, đây là mấy nguyện trong kinh văn, ông đã hội tập như thế nào. Chúng ta xem nguyện thứ 19 trước: Nghe danh phát tâm.

Nguyện thứ 19 nói: “Khi ta làm Phật, mười phương chúng sanh, nghe danh hiệu ta, phát tâm bồ đề, tu các công đức, phụng hành sáu ba la mật, kiên cố bất thoái, lại lấy thiện căn hồi hướng, nguyện sanh nước ta”, điều này rất quan trọng.

Nguyện là bốn thân Phật A Di Đà phát nguyện, ngài nói lúc ta làm Phật, ngài đã thành Phật, đây không phải giả. Chúng sanh trong mười phương thế giới, không phải chỉ riêng địa cầu này, vô lượng vô biên cõi nước chư Phật trong mười phương. Trong này biết bao nhiêu chúng sanh, bao nhiêu Phật Bồ Tát đang giáo hóa. Phật Bồ Tát xuất hiện ở thế gian, đối diện với chúng sanh, trong tâm chỉ nghĩ đến truyền thọ pháp môn Tịnh độ, chính là bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, là 48 nguyện. Nên nghe danh hiệu ta, nghe được danh hiệu của Phật A Di Đà, nghe được danh hiệu thì sao? Ta phải phát tâm, phát tâm bồ đề. Thế nào gọi là tâm bồ đề? Trong Yếu Giải ngài Ngẫu Ích nói rất hay, đại sư Ấn Quang khen ngợi, lịch đại Tổ sư chưa từng nói như vậy, nhưng ngài Ngẫu Ích đã nói ra: Thật sự phát tâm cầu sanh thế giới Cực Lạc, tâm này là tâm vô thượng bồ đề. Giải thích này quá hay. Trước đây các đời tổ sư nói tâm bồ đề là chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm, nói như vậy chúng ta cũng rất khó hiểu. Trong Khởi Tín Luận Bồ Tát Mã Minh nói là trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm. Quý vị xem đại sư Ngẫu Ích nói rất hay, chính là dùng cái chân tâm đó, nhất định phải cầu sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Tâm này gọi là tâm vô thượng bồ đề, nói như vậy có thông suốt chăng? Thông suốt, quý vị thật sự đã thấy được Phật A Di Đà, vãng sanh thế giới Cực Lạc, như vậy là tâm bồ đề này đã hoàn toàn viên mãn. Đây chính là các bậc tổ sư _tôi tin lời của chư vị tổ đức.

Trước đây đại sư Chương Gia nói với tôi: “Phật pháp coi trọng thực chất, không coi trọng hình thức”. Trong kinh điển nói đến hình thức. Một niệm chân tâm cầu sanh thế giới Cực Lạc, đây là thực chất, thực chất quan trọng hơn hình thức. Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh độ, phải phát tâm này, sau đó như thế nào? Tu các công đức, các công đức là gì? Là danh hiệu, câu danh hiệu này đầy đủ vô tận công đức của tất cả Như Lai trong mười phương ba đời. Quý vị tu công đức gì đều là vụn vặt, nhưng niệm câu Phật hiệu này là hoàn chỉnh, tất cả công đức đều bao hàm trong đó, quý vị xem không tuyệt vời sao? Ở trước của chú giải này nói rất nhiều, sau cùng cũng là hợp vào một câu danh hiệu. Hiểu được đạo lý này, đặc biệt là trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, xã hội động loạn, địa cầu thiên tai thảm họa quá nhiều. Chúng ta nên ứng đối như thế nào? Dùng một câu A Di Đà Phật, thiết thực, buông bỏ vạn duyên, phụng hành sáu ba la mật, kiên cố bất thoái, điều này rất quan trọng.

Lục ba la mật là cương lĩnh tu hành của Bồ Tát, đầu tiên bố thí là gì? Buông bỏ vạn duyên tức là bố thí, nhất tâm niệm Phật nghĩa là trì giới. Đây là gì? Đạo cộng giới. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, tất cả mọi lỗi lầm, nghiệp chướng đều không còn. Ngày nay chúng ta nói Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, quý vị nói một câu A Di Đà Phật này, phải chăng là bao hàm tất cả? Đạo cộng giới.

Nhẫn nhục ba la mật, tất cả đều có thể nhẫn nhịn, không tính toán so đo, không còn phân biệt. Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ xông đức, nhẫn nhục xuất hiện. Đặc biệt trong Kinh Hoa Nghiêm, trong Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, chúng ta hiểu được biến pháp giới hư không giới với ta là nhất thể, cùng một tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Từ nhất thể khởi nhị dụng, tiếp theo là thị tam biến. Khi hiểu thật sự, không có gì không buông được, không có gì không thể tiếp thu. Tất cả đều có thể tiếp nhận nghĩa là nhẫn nhục ba la mật.

Bên dưới là tinh tấn. Nhất tâm niệm Phật là chân thật tinh tấn, nhất tâm niệm Phật chính là thiên định, là trí tuệ bất nhã. Hoàn toàn nói từ trên phương diện thực chất, câu Phật

hiệu này kiên cố bất thoái. “Lại lấy thiện căn hồi hướng”, tất cả thiện căn ta tu được, không có gì khác ngoài mục đích hồi hướng tất cả để cầu sanh Tịnh độ, hồi hướng tất cả pháp giới chúng sanh cùng sanh về Cực Lạc. Nguyên văn này đến đoạn sau chúng ta sẽ nói tường tận hơn.

Nguyên thứ 19 là nghe danh phát nguyện, nguyên 20 còn thù thắng hơn nguyên 19. Nguyên 20 so với nguyên 19, nguyên 20 là thật, nguyên 19 là giả. Nguyên 19 so với Pháp Hoa và Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Hoa Nghiêm là giả, nguyên 19 là thật. Quý vị xem, đây đều là cổ nhân so sánh. “Nguyên thứ 20 lâm chung tiếp dẫn, nhất tâm nhớ đến ta, ngày đêm không gián đoạn, lúc lâm mạng chung, ta cùng chư Bồ Tát hiện ra trước mắt, trong khoảnh sát na, liền sanh nước ta, làm A Duy Việt Trí Bồ Tát”, quý vị thấy có gì tuyệt vời bằng? Đây là lợi ích chân thật. Sanh đến thế giới Cực Lạc là thân phận gì? A Duy Việt Trí, A Duy Việt Trí là tầng thấp nhất. Trong Kinh Hoa Nghiêm là sơ trụ, hay nói cách khác, họ thoát ly mười pháp giới. Đến thế giới Cực Lạc trú ở đâu? Cõi thật báo trang nghiêm. Nói chúng ta sanh đến thế giới Cực Lạc, cõi phàm thánh đồng cư, đó là gì? Phàm của chúng ta, bần phận của chúng ta là cõi phàm thánh đồng cư. Nhưng nguyên thứ 20 của Phật A Di Đà gia trì, đưa chúng ta từ cõi phàm thánh đồng cư nâng lên đến cõi thật báo trang nghiêm. Trong cõi phàm thánh đồng cư không có A Duy Việt Trí Bồ Tát, trong cõi phương tiện hữu dư cũng không có, cõi thật báo mới có, quá tuyệt phải không?

Lợi ích này không chân thật, thì còn có lợi ích nào là chân thật! Kinh này quả là không thể nghĩ bàn! Chúng ta đưa ngón tay cái ra, đây là kinh điển bậc nhất trong Phật pháp, Hoa Nghiêm và Pháp Hoa không sánh được. Kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa từ nguyên thứ 19 đã so sánh rồi, đây là điều chúng ta không thể không biết. Nếu không rõ ràng, không thấu triệt, không minh bạch thì tín tâm không chân thật, nguyện tâm không tha thiết. Vì sao vậy? Vì còn nghĩ đến điều này, nghĩ đến điều kia. Quả nhiên thông đạt thấu triệt, thiện căn phước đức trong quá khứ hiện tiền, mới thật sự buông bỏ vạn duyên. Buông bỏ ngay bây giờ, thành Phật ngay bây giờ. Cổ đức thường nói, chúng ta nghe cũng rất quen, cũng có thể nói: Pháp môn này gọi là Phật pháp thành tựu ngay trong đời này.

Trước đây khi tôi mới học Phật ở Đài Trung, có một cuốn sách nhỏ Phật Pháp Thành Tựu Trong Một Đời. Không hiểu lắm, vì không ai nói tường tận với tôi cả. Tôi học với thầy Lý mười năm, thầy cũng không nói tường tận với tôi, nếu thầy nói rõ ràng thì tôi đã hiểu. Tôi sẽ không như ngày hôm nay, mà đã thành tựu từ lâu. Hôm nay thấy trong bản chú giải của Hoàng Niệm Tổ, nói rất tường tận, mới hoá nhiên đại ngộ.

Có người hỏi tôi, cần giảng tiếp Kinh Hoa Nghiêm chăng? Cần, tôi giảng viên mãn bộ kinh này, tiếp đến giảng Kinh Hoa Nghiêm. Vì sao vậy? Đó là nói tỉ mỉ về Kinh Vô Lượng Thọ, đây là trung bản Hoa Nghiêm Kinh, Hoa Nghiêm là đại bản Kinh Vô Lượng Thọ. Nói tường tận đem đến lợi ích rất lớn cho hàng hậu học tu theo pháp môn Tịnh độ, đó là báo cáo tâm đắc của Thế Tôn sau khi đại triệt đại ngộ. Thế Tôn khai ngộ, cảnh giới sau khi khai ngộ là gì? Trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói ra hết. Ngài Huệ Năng khai ngộ cũng đã nói ra toàn bộ, ngài chỉ nói 20 chữ. 20 chữ đó chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, triển khai 20 chữ này nghĩa là Kinh Hoa Nghiêm, tóm lược Kinh Hoa Nghiêm tức là 20 chữ này. Khai hợp khác nhau, bất luận là lý hay là sự đều không tăng không giảm, quá tuyệt diệu.

Nhưng nguyên 20 này so với nguyên thứ 18 thì sao? nguyên thứ 18 là thật, nguyên thứ 20 cũng là giả. Vấn đề này nói từ đâu? Từ mặt lợi ích mà nói, đây là “ban cho lợi ích chân thật”. Nguyên thứ 18 là thập niệm tất sanh nguyện. “Lúc ta làm Phật, mười phương chúng

sanh, nghe danh hiệu ta, chí tâm tín nhạo”. Câu này rất quan trọng, chúng ta biết mười phương chúng sanh, trong tất cả cõi nước Chư Phật khắp biến pháp giới hư không giới như lục đạo chúng sanh, thập pháp giới chúng sanh. Nghe Chư Phật Bồ Tát diễn thuyết pháp môn Tịnh độ, giảng giải Kinh Vô Lượng Thọ, đây là nghe danh hiệu ta.

Chí tâm tín nhạo, chí tâm là chân thành đến tột đỉnh, tín tâm như thể. Nhạo là yêu thích, ta có thể buông bỏ tám vạn bốn ngàn pháp môn, nhất tâm cầu Tịnh độ. Đến thế giới Cực Lạc, tám vạn bốn ngàn pháp môn tự nhiên đầy đủ, thông đạt tất cả. “Tất cả thiện căn, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh nước ta, cho đến mười niệm”. Mười niệm này là “tịnh niệm tương tục” mà Bồ Tát Đại Thế Chí nói. A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, bốn chữ cũng được, sáu chữ cũng được. “Chí tâm tin hiểu ưa thích, nguyện sanh nước ta, cho đến mười niệm”. Câu này tiếp nối câu kia, đây gọi là tịnh niệm tương tục. Trong mỗi câu đều là tin thật, pháp hỷ vô lượng, hoằng nguyện vô tận, đều đầy đủ trong câu Phật hiệu này. Không hoài nghi, không tạp niệm gọi là tịnh niệm. Mười câu, câu này tiếp câu kia là tương tục, phù hợp tiêu chuẩn của Bồ Tát Đại Thế Chí đưa ra.

“Nếu không được vãng sanh, thì ta không thủ chánh giác”. Ở sau có hai câu “duy có ngũ nghịch, phi báng chánh pháp”. Hai câu này rất quan trọng. Thế nào mới làm được vĩnh ly ngũ nghịch, hủy báng? Chí tâm tin hiểu vui thích là được. Mặc dù có tội ngũ nghịch và tội hủy báng chánh pháp, tất cả đều được tiêu trừ, vì không tiêu trừ thì không thể chí tâm, không làm được chí tâm tín nhạo. Chí tâm tín nhạo có thể diệt trừ tất cả nghiệp chướng, đúng là vi diệu. Cho nên nguyện thứ 20 so với nguyện 18, nguyện thứ 20 cũng là giả, là quyền giáo, đây là chân thật. Nói đến sau cùng là hợp với một câu danh hiệu, rất tuyệt!

Chúng ta xem hai câu kết sau cùng của đoạn này: “Nguyện 20 giả, nguyện thứ 18 thật”. Ở trang 171, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên: “Nay chân thật trong chân thật, viên đốn trong viên đốn, ban cho lợi ích chân thật”.

Chúng ta xem tiếp bên dưới, sợ chúng ta còn nghi hoặc: “Phù viên đốn chí cực”, chữ phù này là trợ từ, không có nghĩa, “viên đốn đến cực điểm, cũng không qua Hoa Nghiêm và Pháp Hoa”. Điều này các bậc cao tăng trong ngoài xưa nay đều thừa nhận. “Nay hạ xuống làm quyền giả”, câu này rất quan trọng. Hạ thấp Pháp Hoa và Hoa Nghiêm, nó là quyền, là giả. “Mà độc nhất khen ngợi kinh này là nhất thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh, là bản nguyện Phật Di Đà”.

Trước đây tôi từng giảng kinh này rất nhiều lần, từng nói đến, nhưng không nói tường tận như lần này. Tôi cũng từ quy nạp, diễn dịch của cổ nhân để nói rõ, sau chữ hồng danh này là nền tảng. Triển khai sáu chữ hồng danh này tức là nguyện thứ 18, triển khai nguyện thứ 18 chính là 48 nguyện, triển khai 48 nguyện là bộ Kinh Vô Lượng Thọ, triển khai Kinh Vô Lượng Thọ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, triển khai Kinh Hoa Nghiêm là tất cả kinh điển Đức Phật thuyết trong suốt 49 năm, ngày nay chúng ta gọi là Đại Tạng Kinh. Vấn đề này trong các buổi giảng tôi lặp đi lặp lại rất nhiều lần. Nếu nhu tóm lược lại, cả bộ Đại Tạng Kinh thu nhỏ lại chính là Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm thu gọn là Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ tiếp tục tóm lược là 48 nguyện. Tóm lược tiếp 48 nguyện là nguyện thứ 18, nguyện thứ 18 thu gọn nghĩa là Nam Mô A Di Đà Phật. Trước đây tôi đã nói đến điều này, nhưng ở đoạn này nói tường tận hơn tôi nhiều, rõ ràng hơn tôi nhiều.

“Sáu chữ hồng danh là viên trong viên, đốn trong đốn, chân trong chân. Vì sao vậy?” Vì sao vậy nghĩa là hỏi tại sao lại như thế? Hoàng Niệm Tổ trích dẫn một đoạn trong Chân Giải để giải đáp. “Chân Giải trả lời rằng: Ngày nay nói đến lợi ích”, không phải nói từ trên

thực tế, không nói từ trên chân thật rất ráo, không nói từ nơi trí tuệ chân thật, mà nói từ lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật, nói từ đây. “Đó là giả đây là thật, vì sao vậy? Vì ở đó nói nhanh chóng thành Phật đạo, nhưng không thấy người nhanh chóng thành Phật”. Dùng Kinh Hoa Nghiêm làm ví dụ. Sau Kinh Hoa Nghiêm, 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử, một đời thành Phật đạo. Trường hợp này quả đúng là một đời thành Phật, Thiện Tài Đồng Tử đã thành tựu. Nhưng không nhìn thấy người tu Kinh Hoa Nghiêm có thành tựu như Thiện Tài Đồng Tử, không thấy.

“Nên tự mình thành tựu thời gian khác biệt, pháp thể không khác biệt, căn cơ chúng sanh cang cường”, chúng ta đọc tiếp đoạn này. “Ngày nay tin tưởng không nghi ngờ”, tức như trong nguyện thứ 18 nói: chí tâm tin hiểu vui thích. Câu này vô cùng quan trọng, hoàn toàn không có nghi hoặc. “Thập tức thập sanh, vãng sanh bất thoái đến Bồ Tát”. Mười người tin thì mười người vãng sanh. Vãng sanh sẽ không còn thoái chuyển, viên chứng tam bất thoái. “Sơ sanh xứ tức bồ đề”, sanh đến thế giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, “sơ sanh xứ tức bồ đề”.

“Tại thế diệt hậu đản thử nhất pháp”, Phật pháp của Đức Phật, sau khi diệt ở thế gian này, chỉ có pháp này tồn tại. Cũng tức là nói tất cả kinh điển đều diệt, nhưng Kinh Vô Lượng Thọ vẫn còn. “Tất cả phàm thánh hành không sai biệt, nhưng lợi ích chân thật đều không hơn kinh này”. Nói lợi ích chân thật không hơn được kinh này, không hơn được nguyện thứ 18. Hoặc là bây giờ chúng ta nói ba nguyện: 18, 19, 20 đều quan trọng như nhau. Vì hiện nay có một số người, họ nghe nhận xét này của cổ nhân, họ không đọc hết 48 nguyện, mà chỉ chuyện niệm nguyện thứ 18. Nhật bản gọi là bốn nguyện niệm Phật. Được chăng? Họ đã ngộ nhận. Ta không thể đạt đến một tức tất cả, sẽ sinh ra sai lầm. Nguyện thứ 18 đã thật sự làm được chăng? Quý vị phải chăng đã chí tâm tín nhạo? Đã làm được tâm tâm hồi hướng chưa? Chưa làm được. Trong tâm quá nhiều vọng niệm, sao có thể thành Phật được? Đây là ngộ nhận đối với kinh điển, chúng ta không thể không hiểu. Mỗi câu mỗi chữ trong này đều thực hành thì không sao, thật sự vãng sanh.

Đoạn này Hoàng Niệm Tổ có giải thích, ở sau ông nói: “Kỳ ý vi”, đây chính là giải thích của ông, giải thích của Hoàng Niệm Tổ. “Nếu nói pháp thể”, pháp thể là chân thật rất ráo. “Các kinh đều thật”, tất cả kinh điển Đức Phật nói đều là thật, không phải giả, thật nghĩa là chân thật. “Nhưng ngày nay nói về lợi ích”, ngày nay chúng ta thảo luận là gì? Là lợi ích! “Lợi ích tức các kinh khác là giả, duy có pháp này là thật”. Vì sao vậy? Những kinh này tất nhiên là thật, nhưng chúng ta không đạt được lợi ích, vì không hợp căn cơ. Nói đến lợi ích thì sao? “Các kinh khác là giả, duy có pháp này là thật, vì sao vậy?” Tại sao? “Vì Pháp Hoa vân vân tuy có nói đến nhanh chóng thành Phật đạo, nhưng không thấy người y pháp tu hành thành Phật ngay trong đời này”.

Trong Kinh Pháp Hoa cũng đưa ra một ví dụ: Long Nữ tám tuổi thành Phật, nhưng không thấy người tu theo Kinh Pháp Hoa mà được thành Phật như Long Nữ. Không thấy. Chỉ thấy trong Kinh nói đến Long Nữ. Cũng giống như Kinh Hoa Nghiêm, chỉ thấy Thiện Tài Đồng Tử một đời thành tựu, không thấy ai tu Kinh Hoa Nghiêm thành tựu được như Thiện Tài Đồng Tử. Nếu tu giống như ngài chắc chắn thành tựu, nhưng chúng ta không được! Tịnh độ Tông rất nhiều người niệm Phật thành tựu, chúng ta đều thấy, quá khứ, hiện tại, bao gồm vị lai. Quá khứ thành tựu rất nhiều, hiện tại thành tựu cũng rất nhiều, chúng ta nghĩ tương lai thành tựu nhất định không ít.

“Nên chỉ trở thành biệt thời, chỉ hậu thời, nhân của thành Phật”. Quý vị học Pháp Hoa, học Hoa Nghiêm là trồng hạt nhân làm Phật, đời này chưa chắc có thể thành tựu. Nhưng niệm câu A Di Đà Phật, đời này chắc chắn thành tựu, lợi ích này quá lớn. Lợi ích này Hoa nghiêm và Pháp Hoa không thể sánh được. “Nói về pháp thể, vốn không cần đợi đến biệt thời”. Mỗi bộ kinh Đức Phật đều có nói, như trong Kinh Bát Nhã nói: “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”. Đây là sao? Đây là nói từ pháp thể. Mỗi bộ kinh, nếu như ta tinh tấn tu hành đều có thể thành Phật, nhưng căn tánh không giống nhau. Có một số kinh nếu không hợp với căn tánh chúng ta, khi tu hành sẽ rất khó khăn, rất khó đạt được lợi ích hiện thực, chỉ có thể nói là trồng chút ít thiện căn trong A lại da thức mà thôi. Đây là thật, không phải giả, không thể được lợi ích viên mãn ngay trong đời này. Duy nhất bộ kinh này, không những được lợi ích, mà còn được lợi ích cứu cánh viên mãn, thật hiếm có. Chúng ta không thể không hiểu điều này.

“Nhưng người tu hành căn tánh thấp kém”, đây là nói tiếp phần trước. Pháp thể là thật, tại sao không được lợi ích? Cần phải giải thích nguyên nhân này. Người tu hành căn tánh thấp kém, nghĩa là tập khí phiền não quá sâu nặng, “nên không thể nhanh chóng thành Phật”. Trong kinh đích thực có phương pháp thành tựu trong một đời, nhưng chúng ta không thể một đời thành tựu. Không phải lý luận phương pháp trong kinh có vấn đề, mà do căn cơ của chúng ta có vấn đề. Điều này không thể không hiểu.

“Chỉ có nhất thừa nguyện hải của Tịnh độ Tông”, lại trở về Tịnh độ Tông, trở về pháp môn mà hiện tại chúng ta đang nói. “Sáu chữ hồng danh, mười người niệm mười người vãng sanh, vạn người tu vạn người đi, nên vượt qua các kinh khác”. Câu này là đại sư Thiện Đạo nói, vạn người tu vạn người đi là đại sư Thiện Đạo nói. Có thật chẳng? Là thật. Vậy sao bây giờ chúng ta tu học pháp môn này trước đây thầy Lý thường nói, dùng Liên Xã Đài Trung làm ví dụ. Trong một vạn liên hữu, vãng sanh thật sự chỉ có hai ba người. Đại sư Thiện Đạo nói vạn người tu vạn người đi, hiện nay tu Tịnh độ vì sao trong một vạn người chỉ có một hai người vãng sanh? Phải chăng là kinh có vấn đề, giáo có vấn đề, phương pháp có vấn đề? Đều không phải, đều không có vấn đề, vấn đề ở chỗ chúng ta không y giáo phụng hành. Ngày ngày đọc 48 nguyện nhưng không làm được.

Quý vị xem, chúng ta đưa ra ba lời nguyện này, là ba nguyện quan trọng nhất trong 48 nguyện. Từ tánh quan trọng của nó, đây là một, hai, ba, nguyện thứ 18 là quan trọng bậc nhất, nguyện thứ 20 là quan trọng thứ hai, nguyện thứ 19 là quan trọng thứ ba. Chúng ta thực hành được ba nguyện này chẳng? Chúng ta ngày nay đã chí tâm tín nhạo chẳng? Chưa. Ngày nay chúng ta đem tất cả thiện căn tâm tâm hồi hướng rồi chẳng? Không có thiện căn.

Thiện căn là gì? Vấn đề này cần phải hiểu, thiện căn là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trong kinh nói rất rõ ràng, đây là pháp nhân thiên. Thanh văn bồ đề, Duyên giác bồ đề, cho đến vô thượng bồ đề, đều nương vào nền tảng này mà sanh khởi, đây gọi là thiện căn. Đây đủ thập thiện trong kinh điển mới xưng là: “thiện năm tử thiện nữ nhơn”. Chúng ta thực hành được thập thiện chẳng? Quan trọng hơn tất cả, đây là căn bản của giới luật. Nếu chí tâm tin hiểu ưa thích, trong câu Phật hiệu này sẽ viên mãn thập thiện nghiệp đạo.

Trong câu Phật hiệu này của chúng ta có bao hàm viên mãn thập thiện nghiệp đạo chẳng? Chúng ta còn tâm hại người chẳng? Còn tâm não hại người chẳng? Còn tâm oán hận chẳng? Còn oán hận não nộ phiền chẳng? Nếu còn những thứ này, dùng nó để hồi hướng đâu được. Phải dùng thiện căn để hồi hướng, còn đây là phiền não. Phiền não không thể hồi hướng cầu sanh Cực Lạc, phiền não hồi hướng là trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Phải hiểu rõ

ràng điều này, trong kinh nói phải dùng thiện căn hồi hướng. Vậy chúng ta biết Thập Thiện Nghiệp Đạo là thiện căn, câu A Di Đà Phật của chúng ta đầy đủ Thập Thiện Nghiệp Đạo, hồi hướng như vậy mới có sức mạnh. Tương ứng với kinh giáo, nhất định được vãng sanh. Quý vị xem, sức mạnh niệm Phật này lớn biết bao!

“Cho đến mười niệm”, nên cổ đức có Thập Niệm Pháp, chư vị tổ sư truyền Thập Niệm Pháp_Tổ sư Ấn Quang dạy chúng ta: Một hơi gọi là một niệm, không kể là bao nhiêu câu Phật hiệu. Chúng ta niệm bốn chữ: A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật...hết một hơi gọi là một niệm. Đây là người tu Tịnh độ, nếu công việc của mình bận rộn, dùng phương pháp này trong hai thời sáng và tối. Buổi sáng ngủ dậy súc miệng xong, trong nhà có thờ Phật thì ở trước Phật đường, cung kính lạy Phật ba lạy, tu Thập Niệm Pháp này, khi niệm xong hồi hướng cầu sanh Tịnh độ. Buổi tối trước khi ngủ cũng áp dụng phương pháp này trong thời kinh tối, tiết kiệm thời gian nhất, thời gian rất ngắn. Mỗi ngày sáng tối không gián đoạn, đây cũng gọi là tịnh niệm tương tục, suốt đời nuôi dưỡng thói quen này. Bình thường niệm gọi là tán niệm, hai thời sáng tối gọi là định khóa.

Trước đây tôi ở Singapore, có một lần các đồng học cùng đi Malaysia phỏng vấn với tôi, Malaysia là đất nước của Hồi giáo. Tiếp xúc với những người Hồi giáo, thấy họ mỗi ngày lễ bái năm lần, tôi rất cảm động. Chúng ta biết, hồi giáo trên toàn thế giới là Tôn giáo đoàn kết nhất. Vì sao lại đoàn kết được như vậy? Một ngày lễ bái năm lần. Tôi trở về Singapore, liền nghĩ đến Thập Niệm Pháp trong kinh nói. Chúng ta có thể làm theo phương pháp của Đạo hồi, dùng thời gian ngắn nhất một ngày có thể tu mười lần. Cho nên tôi cũng nghĩ đến Thập Niệm Pháp, thập niệm này của tôi chính là mười tiếng danh hiệu, một câu là một tiếng. A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, mười niệm này chỉ cần hai phút là xong. Sáng sớm thức dậy một lần, sau ba bữa ăn ba lần. Sáng tối hai lần, ba lần sau bữa ăn nữa là năm lần. Khi quý vị đi làm và tan sở, buổi sáng lúc đi làm và tan sở, buổi chiều lúc đi làm và tan sở, là chín lần. Từng giờ từng phút không quên, rất lợi ích. Đạo hồi một ngày cầu nguyện năm lần, chúng ta trong sinh hoạt một ngày niệm Phật chín lần. Một lần mười câu Phật hiệu, nuôi dưỡng thành thói quen này, rất tốt! Sau khi tôi đề xướng rất nhiều người hưởng ứng, ảnh hưởng rất tốt. Rất nhiều người nói với tôi, họ dùng phương pháp này đều rất lợi ích.

Đơn giản, khi ăn cơm chấp tay niệm: A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, mười câu A Di Đà Phật. Ăn cơm xong cũng chấp tay niệm mười câu A Di Đà Phật, đây gọi là kết trai. Không cần sáng tối trước lúc ăn cơm, không dùng thức đó, chúng ta dùng cách niệm Phật A Di Đà. Chí tâm tin hiểu ưa thích, công đức thù thắng không thể nghĩ bàn, quả đúng là mười người niệm mười người vãng sanh, vạn người tu vạn người đi, hoàn toàn là thật.

Hiện nay niệm Phật đường, vốn thì niệm Phật đường không giảng kinh, chỉ niệm câu Phật hiệu này. Vì sao vậy? Vì mọi người đều chí tâm tín nguyện, đều hiểu. Hiện nay không hiểu, không những hàng tại gia không hiểu, mà hàng xuất gia cũng không hiểu, vì sao vậy? Vì không học kinh giáo, nên họ không hiểu. Không hiểu thì làm sao? Sở dĩ không hiểu nên tôi đề ra, mỗi ngày ít nhất ở niệm Phật đường nghe kinh bốn tiếng, nghe kinh gì? Nghe Kinh Vô Lượng Thọ, nghe Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo.

Bây giờ vẫn lo chưa đủ nên bổ sung thêm hai loại, đây là đối với người sơ học, người tu học đã lâu không cần. Tu lâu ngày chỉ cần nghe Kinh Vô Lượng Thọ là được, người sơ học nhất định phải đặt vững ba nền móng: Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo. Cần phải nghe vài lần, trong tâm mới có căn bản, đương nhiên tốt nhất là thực hành nó, làm được mới thật sự là thiện nam tử thiện nữ nơn. Phát tâm như vậy mới tương ứng.

“Thả”, chúng ta xem tiếp hai câu sau- “Thứ nhất, vãng sanh tất chúng bồ đề. Thứ hai, pháp diệt, Phật pháp diệt, chỉ có kinh này độ thoát chúng sanh”, chỉ có bộ kinh này còn lưu lại 100 năm. “Thứ ba, phàm thánh niệm Phật đều bình đẳng như nhau”. Sanh đến thế giới Cực Lạc là bình đẳng, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát.

Sớ Sao, đây là một câu của đại sư Liên Trì: “Tề chư thánh u phiền ngôn”, phiền ngôn là sáu chữ hồng danh, tề là ngang nhau, với ai? Địa vị bình đẳng với 41 vị pháp thân đại sĩ, một câu A Di Đà Phật. “Nên nói lợi ích chân thật không có gì hơn được pháp này”. Trong kinh nói đến lợi ích chân thật, không hơn được 48 nguyện và câu Phật hiệu này, không hơn được.

Những kinh văn này, chúng ta phải năng nỗ nghiên cứu, lãnh hội tường tận. Như vậy đối với người niệm Phật chúng ta có lợi ích thù thắng vô lượng vô biên.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 149
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyên ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Minh Tâm
Thời gian: 26.09.2010
Địa điểm: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 172, bắt đầu từ câu sau cùng hàng thứ ba:

“Duy có nhất thừa nguyện hải của Tịnh tông, sáu chữ hồng danh, mười người niệm mười người vãng sanh, vạn người tu vạn người đi, nên hơn các kinh khác. Hơn nữa thứ nhất, vãng sanh tất chúng bồ đề. Thứ hai, khi pháp diệt duy nhất còn kinh này độ thoát chúng sanh. Thứ ba, phàm thánh niệm Phật đều bình đẳng như nhau. Sớ Sao nói, sáu chữ hồng danh các thánh bình đẳng, nên nói lợi ích chân thật không gì hơn được pháp này”. Hôm qua chúng ta học đến đây thì thời gian đã hết, ý đoạn này rất thâm sâu, và vô cùng quan trọng.

Ở trước nói kinh này đầy đủ ba loại chân thật. Thứ nhất là chân thật rốt ráo, đây là nói thể của kinh, đều là tự tánh hiển lộ ra, không phải từ ý thức phát sanh ra. Phàm phu lục đạo chúng ta, bao gồm hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, trong này có Phật, có Bồ Tát. Tất cả mọi tư tưởng, đều không tách rời tâm ý thức. Nói cách khác, là từ trong tâm ý thức hiển lộ ra, tâm ý thức là vọng tâm, là A lại da. Vọng tâm cũng có thể, thể của vọng tâm là A lại da. A lại da là tạng thức, Mạt na là chấp trước, là ý căn. Thức thứ sáu là phân biệt, là ý thức. Thật sự khởi tác dụng chính là vọng tâm. A lại da là y tự tánh biến hiện ra, nên Pháp tướng tông nói nó nửa chân nửa vọng. Thể của nó là tự tánh, tác dụng và hiện tượng của nó là hư vọng. Đây là hiện tượng do nhất niệm bất giác sanh ra, mê không phải thật, mê là hư vọng.

Cho nên thể của tất cả kinh, Phật và pháp thân Bồ Tát, là từ tự tánh hiển lộ ra. Vì thế mới nói pháp môn bình đẳng, không có cao thấp, cùng một tánh thể, chân thật rốt ráo.

Trong kinh này quan trọng nhất là nói với chúng ta về lợi ích chân thật. Lợi ích là nói hiện tại, hiện tại chúng sanh mê thất tự tánh, sai biệt hoàn toàn, mỗi người khác nhau, mê không giống nhau. Nói cách khác, trình độ mỗi người đều khác nhau. Học cùng một lớp, có bốn năm mươi học sinh, khi thi cử vẫn có hạng thứ nhất đến hạng 50, không có hai người cùng một hạng. Ở đây nói rõ điều gì? Chúng minh căn tánh không giống nhau. Nên Phật mới đại từ đại bi, mở cánh cửa phương tiện cho chúng ta, đây chính là lợi ích chân thật. Vì lợi ích chân thật của mỗi người, lợi ích chân thật của mỗi người đều khác nhau, mở ra pháp môn này. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn là từ cương lĩnh mà nói. Nghĩa là có tám vạn bốn ngàn loại, trong mỗi loại là vô lượng vô biên. Nên trong tứ hoàng thể nguyện nói: “pháp môn vô lượng thể nguyện học”, vô lượng này là thật không phải giả. Học để làm gì? Không phải vì chính mình, mà vì tiếp dẫn chúng sanh, mới học vô lượng pháp môn. Nếu vì chính mình thì sao? Vì bản thân thì đây chính là viên thành Phật đạo, một pháp môn là đủ. Pháp môn nào? Từ trên lý mà nói, pháp môn nào cũng được. Nhưng từ trên căn tánh mà nói, thì có khó và dễ khác nhau. Nếu không khéo hợp căn cơ quý vị, khi tu học rất khó, không dễ thành tựu. Nếu khéo hợp căn cơ, khi tu học tiện lợi dễ dàng hơn. Đời này có thể đạt được lợi ích rất thù thắng.

Chỉ nói riêng về khéo cơ, Phật A Di Đà rất đặc biệt, điều này không phải tất cả chư Phật đều nghĩ đến, Phật cũng không nghĩ. Khi Phật A Di Đà nghĩ đến, không phải nghĩ đến khi thành Phật, thành Phật không nghĩ đến. Nghĩ đến lúc còn ở trong nhân địa, khi còn làm Bồ Tát. Thấy pháp giới hư không giới, trong vô lượng vô biên cõi nước chư Phật, có lục đạo chúng sanh. Điều này chúng ta thấy trong Kinh Hoa Nghiêm, ở phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Phẩm Thế Giới Thành Tựu, nhiều, rất nhiều. Có không? Có, đích thực có thế giới thanh tịnh của Chư Phật, trong thế giới đó không có lục đạo, không có thập pháp giới, thuần là Tịnh độ, không có uế độ, cũng có. Thực tế mà nói cũng không ít, nhưng có tịnh có uế, có thiện có ác, số lượng này ít nhất cũng trên một nửa. Những chúng sanh mê hoặc điên đảo này rất đáng thương, họ không hẳn là không nghĩ đến vượt thoát luân hồi, nhưng không ra được!

Tỳ kheo Pháp Tạng phát nguyện lớn như thế, nghĩ ra một pháp môn phổ độ chúng sanh. Cương lĩnh nguyên tắc chung không thay đổi, muốn độ chúng sanh trước phải độ bản thân. Muốn giúp người khác, bản thân không có đức hạnh, như vậy thì giúp thế nào? Cần phải có đức hạnh, có trí tuệ mới có thể giúp được. Nên tỳ kheo Pháp Tạng ở nơi nhân địa phát ra 48 lời nguyện, 48 nguyện này chư Phật khác không có. Phát 48 lời nguyện này là vì ai? Chuyên vì lục đạo chúng sanh. Tứ thánh pháp giới tuy khổ, nhưng nhẹ hơn nhiều. Họ tu học bất kỳ pháp môn nào, chúng vô thượng bồ đề chỉ đợi thời gian mà thôi. Chỉ đợi, không gấp gáp gì. Nhưng chúng sanh trong lục đạo không có hy vọng, càng mê càng sâu, càng vào càng khổ, nên đặc biệt phát nguyện vì những chúng sanh đau khổ này. Năm kiếp tu hành, đây là từ trên thời gian mà nói, năm kiếp tu hành. Tu gì? Mỗi nguyện đều viên mãn, nguyện này đã thực hiện, quả thật có thể phổ độ chúng sanh. Chúng sanh tội nghiệp sâu nặng đến đâu cũng được độ, trừ khi quý vị không có nhân duyên, không gặp được pháp môn này. Chỉ cần gặp được pháp môn này, đầy đủ ba điều kiện: Thiện căn, phước đức, nhân duyên. Nhân duyên nghĩa là gặp được pháp môn này. Thiện căn là tin thật, nguyện thiết, quý vị tin và phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Có thể hành trì, chịu niệm câu Phật hiệu này.

Bài học ngày hôm qua, chú trọng vào công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn, đem một đời dạy học của Thế Tôn quy kết vào một câu danh hiệu. Sở dĩ Chư Phật xuất hiện ở thế gian, là để nói nhất thừa nguyện hải của Phật Di Đà. Câu này ngài Liên Trì nói rất hay. “Chư thánh niệm sáu chữ hồng danh đều bình đẳng”, chư thánh là 41 vị pháp thân đại sĩ. Quý vị xem một câu A Di Đà Phật, với 41 vị pháp thân đại sĩ, địa vị bình đẳng. Tề là chỉnh tề, thấy họ bình đẳng như nhau, quá tuyệt! Những lời này đích thực khó tin, nên pháp môn này gọi là pháp khó tin. Nếu như tin thật, vậy thì xin chúc mừng, đời này quý vị sẽ thành Phật.

Hoàng Niệm Lão không dễ dàng, đem những tư tưởng của cổ thánh tiên hiền, đối với nhất đại thời giáo của Thế Tôn, quy nạp, diễn dịch, chỉ thị ra bộ kinh này trong tất cả kinh điển, từ lợi ích chân thật mà nói, nó là kinh điển bậc nhất, vượt qua Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, trở thành chân thật trong chân thật, rất tuyệt vời! Chúng ta quả thật may mắn, đương nhiên đây không phải là ngẫu nhiên. Phật giáo nói nhân quả, đạo lý nhân quả vô cùng sâu sắc. Bởi vậy hôm nay có thể nghe được pháp môn này, nghe được câu Phật hiệu này, thấy được bộ kinh điển này, là do nhiều đời kiếp trong quá khứ, từng học pháp môn này. Nếu không, pháp khó tin như vậy làm sao ta vừa nghe mà có thể tin được? Sao lại dễ dàng như thế? Cho nên trong đời quá khứ, không có thiện căn, phước đức, nhân duyên, đời này không thể tiếp thu. Quý vị không tin, cũng không phát nguyện. Tin tưởng, phát nguyện quý vị cũng sẽ không buông bỏ tất cả pháp. Nếu buông bỏ một cách sạch sẽ, sau cùng như thế nào? Sau cùng chính là một câu danh hiệu, họ sẽ thành công, đúng là không thể nghĩ bàn.

Ở đây đặc biệt nói ra công đức không thể nghĩ bàn của sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật. Mười người chí tâm tin hiểu ưa thích, mười người thì cả mười đều vãng sanh, một vạn người thì một vạn người vãng sanh. Đây là lời của đại sư Thiện Đạo, vạn người tu vạn người đi, không sót một ai. Phật hiệu này niệm bao lâu? Chúng ta xem Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, xem Vãng Sanh Truyện, xem những liên hữu học Phật hiện nay của chúng ta. Có người y giáo phụng hành, buông bỏ vạn duyên, từ sáng đến tối A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, hoặc là Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật. Bốn chữ hay sáu chữ đều như nhau, đều không sao, nhất tâm xưng niệm. Họ quên hết mọi chuyện, vứt bỏ tất cả. Chúng ta quan sát từ trong hành môn xưa nay, không quá ba năm, thời gian không dài, họ đã thành công. Còn nhanh nhất, nhanh nhất là ba ngày, chậm nhất không quá ba năm. Còn có pháp môn nào thù thắng hơn pháp môn này chăng? Quý vị xem đem pháp môn này đặt vào trong lợi ích chân thật xếp hàng thứ nhất, có đạo lý, đúng là bậc nhất. Chưa nghe nói tu Hoa Nghiêm tam muội ba năm thành Phật, chưa từng nghe nói. Kinh Pháp Hoa cũng chưa nghe nói tu ba năm thành tựu, đừng nói là ba ngày. Đạo lý này, vấn đề này thù thắng trong thù thắng, vô cùng thù thắng. Ta buông bỏ tất cả, không học gì nữa. Cổ nhân nói rất hay: Nếu thấy được Di Đà, lo gì không khai ngộ.

Trước đây tôi từng giảng nhiều lần kinh này, tôi cũng thường nói: Chúng ta buông bỏ tất cả pháp môn kinh giáo, hiện nay như thế nào? Bây giờ nắm bắt điều này, ta đến thế giới Cực Lạc trước, pháp môn cần học chăng? Cần học. Khi nào học? Đến thế giới Cực Lạc gặp được Phật Di Đà rồi học, vì sao vậy? Vì đến thế giới Cực Lạc vô lượng thọ, chúng ta có là thời gian. Ở thế gian này thời gian quá ngắn ngủi, ở thế gian này chỉ cần đặt nền tảng đức hạnh thật vững chắc, căn bản này phải tốt. Cũng như chúng ta thường nói, ba nền tảng Nhị Thích Đạo, chỉ cần vững vàng ba căn bản này là được, sau đó câu A Di Đà Phật này sẽ đắc lực. Không có ba nền móng này, câu A Di Đà Phật này chỉ nói bằng miệng mà thôi, không đắc lực. Cho nên niệm Phật không biết bao nhiêu năm, vì sao tập khí phiền não vẫn rất

nhiều? Không đắc lực! Câu Phật hiệu này vẫn không hàng phục được tập khí phiền não. Nhưng nếu có ba nền tảng Nho Thích Đạo, thêm vào câu A Di Đà Phật này, sẽ có năng lực hàng phục tập khí phiền não. Sau khi niệm Phật được ba năm, đạt được tâm thanh tịnh, thực tế mà nói là được vãng sanh. Được vãng sanh chẳng? Trong đề kinh này đưa ra ba điều kiện: Thanh tịnh, bình đẳng, giác. Được một trong ba điều kiện này là có thể vãng sanh. Tâm thanh tịnh tức cõi Phật tịnh. Thế giới Cực Lạc từ đâu mà có? Tâm thanh tịnh hiện ra, từ tâm thanh tịnh của Phật A Di Đà hiện ra, cũng chính là tâm thanh tịnh của chính mình hiện ra. Thanh tịnh là công phu tầng thứ nhất, được tâm thanh tịnh chắc chắn được sanh Tịnh độ, cõi phàm thánh đồng cư. Được tâm bình đẳng sanh Tịnh độ, cõi phương tiện hữu dư. Khai ngộ, giác nghĩa là khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh sanh vào cõi thật báo trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc. Quý vị xem, trên đề kinh này quá hay.

Chúng ta không dễ đạt được bình đẳng giác, nhưng tâm thanh tịnh đạt được không khó. Chỉ cần thật sự buông bỏ, tâm thanh tịnh liền hiện tiền, vứt bỏ hết những điều tạp nham. Phật giáo có tám vạn bốn ngàn pháp môn, học đại sư Liên Trì: tam tạng 12 bộ kinh để cho người khác ngộ, bản thân không theo, chỉ chuyên niệm Phật A Di Đà. Tam tạng 12 bộ kinh nhường cho người khác ngộ, tám vạn bốn ngàn hạnh mặc cho người khác hành, quý vị ai đồng ý hành thì người đó hành, tôi không tìm phiền phức nữa. Căn tánh tôi rất chậm, không bằng quý vị, tôi chỉ nhận định chắc pháp môn này, suốt đời tuyệt đối không thay đổi. Trên thực tế, thật sự mà nói khó là khó ở chỗ không buông được!

Kinh điển này nói một cách tường, lợi ích lớn nhất là gì? Thật sự hiểu rõ ràng mình bạch, quý vị sẽ buông bỏ được, giúp chúng ta nhìn thấu. Thật sự nhìn thấu sẽ buông bỏ, không làm nữa, nhất định vãng sanh Tịnh độ. Từ lợi ích để nói lợi ích chân thật, “nên vượt qua các kinh khác”. Tất cả kinh điển Đức Phật nói trong suốt 49 năm, kinh này là đệ nhất, không có kinh nào vượt qua bộ kinh này.

Bên dưới còn nói với chúng ta về ba vấn đề, hiển thị ra sự thù thắng của nó. Thứ nhất: “vãng sanh tất chúng Bồ đề”, sanh đến thế giới Cực Lạc, chưa chúng! Thầy giáo từ bi, thầy giáo là Phật A Di Đà, thầy giáo đem công đức tu học của mình gia trì cho chúng ta, ta sẽ trở thành gì? Thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Đây là bổn nguyện của thầy giáo, đến đó nhất định được ngài gia trì, A Duy Việt Trí không phải bản thân chúng được. Người nào vãng sanh chúng được A Duy Việt Trí? Người đầy đủ tất cả thanh tịnh bình đẳng giác, vãng sanh chính là A Duy Việt Trí, đó không phải Phật gia trì.

Ba điều kiện vãng sanh này chúng ta chỉ có một, chúng ta chỉ có được tâm thanh tịnh, còn bình đẳng và khai ngộ vẫn chưa được, sự vãng sanh này cần phải gia trì. Đến thế giới Cực Lạc, cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, trí tuệ, thần thông, đạo lực, y chánh trang nghiêm đều không có gì khác pháp thân đại sĩ. Đây là Phật A Di Đà gia trì.

Thông thường chúng ta biết, Phật lực gia trì là công phu tu hành của chúng ta, là điều tất nhiên. Chúng ta có một phần công đức Phật liền gia trì một phần, chúng ta có hai phần Phật gia trì hai phần, thích hợp với sự tu hành của chúng ta. Nói cách khác, chúng ta đạt được tâm thanh tịnh, sự gia trì này sẽ rất lớn, gia trì đến A Duy Việt Trí. A Duy Việt Trí đương nhiên cũng có đẳng cấp, vấn đề này về lý chúng ta có thể biết được. Chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, đây là cõi phàm thánh đồng cư, gia trì họ đến đâu? Trong Kinh Hoa Nghiêm nói Thập trụ vị.

Nếu chúng ta có thể đạt được tâm bình đẳng, không những thanh tịnh, mà còn bình đẳng. Bình đẳng là không có cao thấp, đối đãi bình đẳng với tất cả chúng sanh. Đây là gì?

Đây là Bồ Tát. Tôi tin sự gia trì của Phật, nhất định là gia trì đến thập địa Bồ Tát. Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa. Nếu là thanh tịnh bình đẳng giác đều đạt được, như vậy thì không cần gia trì, quý vị đến thế giới Cực Lạc liền thành tựu, nhưng vẫn có gia trì.

Ví dụ ở trong cõi thật báo, quý vị là thập trụ Bồ Tát, có thể gia trì đến thập địa Bồ Tát. Thập hạnh, thập hồi hướng cũng gia trì đến thập địa. Đúng là như vậy, thì mới nói thông suốt được. Sơ trụ trở lên nghĩa là A Duy Việt Trí, nên trong A Duy Việt Trí Bồ Tát bao gồm 41 địa vị. Từ sơ trụ đến Đẳng Giác đều gọi là A Duy Việt Trí, cũng nghĩa là vượt ra khỏi cõi phương tiện. Cõi phương tiện là tứ thánh pháp giới, cõi đồng cư là lục đạo, là lục phàm. Quý vị xem vấn đề này thù thắng biết bao, quả là không thể nghĩ bàn. Nên vãng sanh tất chúng bồ đề mà còn nhanh chóng. Ở đây nhanh chóng hơn so với cõi nước Chư Phật.

Trong Quán Kinh từng nói, Quán Kinh nói vị trí thấp nhất, nghĩa là cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phàm vãng sanh. Ở đó tu hành, tu hành bao lâu mới thật sự chứng được A Duy Việt Trí, không phải gia trì, là bản thân mình chứng được. Cũng chính là nói, giống như thế gian này của chúng ta, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đến tầng lớp, tầng lớp này nghĩa là A Duy Việt Trí, trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Sơ trụ Bồ Tát, cần bao nhiêu thời gian? Cần 12 kiếp. Quý vị nên nhớ, người ở thế giới tây phương Cực Lạc vô lượng thọ. Vô lượng thọ, thì 12 kiếp đối với họ mà nói, giống như 12 ngày của chúng ta, tình hình chính là như vậy, họ sẽ chứng được. Đây là tất chúng bồ đề, bồ đề là Diệu giác vị.

Thứ hai: “Khi pháp diệt duy còn lại kinh này độ thoát chúng sanh”. Pháp vận của Thế Tôn là 12000 năm, chánh pháp 1000 năm, tượng pháp 1000 năm, đã qua rồi. Khi Phật giáo truyền đến Trung quốc, là bắt đầu vào thời kỳ mạt pháp, hiện nay cũng đã qua 1000 năm. Nói theo cách của người xưa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến nay là 3807 năm. Nên 12000 năm, đã qua 3037 năm, nếu chúng ta tính số tròn là còn 9000 năm. Sau 9000 năm Phật pháp diệt tận, quý vị nên biết, kinh điển của đức Thế Tôn không còn tồn tại trên địa cầu, không còn tìm thấy nữa. Nhưng vẫn còn một bộ kinh diệt sau cùng, bộ kinh này ở trên địa cầu còn có thể kéo dài 100 năm. Bộ kinh này chính là Kinh Vô Lượng Thọ, có bộ kinh này độ chúng sanh, gặp được bộ kinh này đều có thể được độ.

Thứ ba: “Phàm thánh niệm Phật đều bình đẳng như nhau”. Thánh nhân niệm Phật là những người nào? Là tứ thánh pháp giới, là thánh nhân. A la hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, Phật trong mười pháp giới, niệm Phật vãng sanh Tịnh độ. Người trong lục đạo phàm phu niệm Phật, thậm chí là đường ngạ quỷ, đường súc sanh, đường địa ngục. Chỉ cần niệm Phật cầu sanh Tịnh độ đều có thể vãng sanh, sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, địa vị đều bình đẳng. Thế giới tây phương là pháp giới bình đẳng. Cho nên ngày nay chúng ta cần phải luyện, tức phải luyện công phu, luyện công phu gì? Luyện trong mắt mình thấy tất cả chúng sanh đều bình đẳng, tương ứng với thế giới Cực Lạc. Tôi cao hơn người khác, người khác không bằng tôi, như vậy không được. Tập khí phiền não này chướng ngại ta vãng sanh, là thật không phải giả.

Trước đây thầy Lý thường nói với tôi, người niệm Phật nhiều, nhưng người vãng sanh ít. Liên Xã Đài Trung ở Đài Loan do thầy thành lập, thầy luôn là người hướng dẫn của Liên xã. Liên hữu của Liên xã, khi tôi ra đi có khoảng 50 vạn người, quy mô lớn nhất trong đoàn thể nhân gian ở Đài Trung, đều nghe giáo huấn của thầy Lý. Thầy nói với chúng tôi: Liên hữu trong Liên xã Đài Trung, người niệm Phật nhiều như vậy, trong một vạn người chỉ có một hai người vãng sanh mà thôi. Vì sao không phải vạn người tu vạn người đi? Không phải kinh điển có vấn đề, không phải phương pháp niệm Phật có vấn đề, mà vấn đề ở bản thân

chúng ta, khoảng cách quá xa so với tiêu chuẩn vãng sanh. Tiêu chuẩn để vãng sanh, chính là trên đề kinh này nói: “Thanh tịnh bình đẳng giác”.

Tôi phân chữ này vào trong ba cõi, không tính cõi thường tịch quang. Tâm thanh tịnh sanh cõi đông cư, tâm bình đẳng sanh cõi phượng tiện, giác ngộ, đại triệt đại ngộ sanh cõi thật báo trang nghiêm. Điều này rất quan trọng. Niệm Phật phải dùng tâm thanh tịnh niệm, phải áp dụng tâm thanh tịnh này trong cuộc sống hằng ngày, đối người, đối sự, đối vật thuận là thanh tịnh, vĩnh viễn là thanh tịnh.

Trong Hoa Nghiêm Hoàn Nguyên Quán, giúp ích cho chúng ta rất lớn, vì nhiệm ô của chúng ta với tập khí ngạo mạn vô cùng nghiêm trọng. Làm sao có thể trở về đến thanh tịnh? Thanh tịnh bình đẳng là tánh đức, tự tánh vốn là thanh tịnh bình đẳng. Khi khai ngộ, câu đầu tiên đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, đây là tánh đức. Cũng chính là nói, chúng ta mê thất tự tánh quá lâu, quá sâu. Trong Hoàn Nguyên Quán rất khó được, nói với chúng ta về nguồn gốc của vũ trụ: “Hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến”. Hay! Khiến chúng ta thật sự hiểu được, chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Chúng ta tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tập khí ô nhiễm này là sai! Xem bản thân mình rất cao, xem người khác rất thấp, cũng sai, sự thật không phải như vậy. Sự thật là bình đẳng, không những mình và người bình đẳng, mà ta với côn trùng kiến dán cũng bình đẳng. Nhìn xuống thấp hơn, ta và hạt bụi bình đẳng, bình đẳng với tất cả pháp, tất cả pháp không rời tự tánh. Trong kinh điển đại thừa thường nói: “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”, tâm bình đẳng, sao pháp lại không bình đẳng? Làm gì có chuyện không bình đẳng! Không bình đẳng là do nhân duyên gì? Là không chịu buông bỏ. Buông bỏ tập khí phiền não, tâm bình đẳng lập tức hiện tiền. Câu này ở trong Sớ Sao của đại sư Liên Trì, phải luôn luôn ghi nhớ. Quý vị ghi nhớ, mới thật sự biết được, câu Nam Mô A Di Đà Phật này không thể nghĩ bàn.

Phản kết luận ở sau: “Nên nói, lợi ích chân thật không có gì hơn được pháp này”. Tất cả pháp thế xuất thế gian, nói lợi ích chân thật chỉ có pháp này, trì danh niệm Phật.

Chúng ta xem tiếp bên dưới: “Kinh này lại có thể ban cho lợi ích chân thật, do trong kinh khai hóa đều là rốt ráo chân thật. Cõi Cực Lạc vi diệu chính là Di Đà trú trong trí tuệ chân thật hiển lộ ra”. Đây là nói ra cả ba loại chân thật, ba loại chân thật này có mối quan hệ liên đới, tuyệt đối không phải ngẫu nhiên. Bộ kinh này có thể đem đến lợi ích chân thật cho chúng ta, huệ nghĩa là ban cho, cho chúng ta lợi ích chân thật. Là do trong kinh khai hóa, duyên do là lý do, là đạo lý gì? Trong kinh khai thị, giáo hóa trong kinh đều là lợi ích chân thật, đều là nói xưng tánh.

Thế giới Cực Lạc là Phật A Di Đà trú trong tuệ chân thật hiển lộ ra, từ trong tánh đức của tự tánh hiển lộ ra. Thị hiện ra Tịnh độ này, thị hiện đạo tràng này. Đạo tràng này chúng ta cũng thường giới thiệu với mọi người, đạo tràng ở thế giới Cực Lạc là một ngôi trường, là ngôi trường dạy phàm phu một đời thành Phật. Ở đây cũng khiến chúng ta lãnh hội một cách sâu sắc, giải quyết mọi vấn đề phải cần trí tuệ, tri thức không được. Ngày nay trên địa cầu này, triết học và khoa học đều thuộc về tri thức. Tri thức dù cao đến đâu, cũng không giải quyết được động loạn trên thế giới, không giải quyết được thiên tai thảm họa trên địa cầu. Điều gì có thể giải quyết? Trí tuệ có thể giải quyết. Tri thức giải quyết vấn đề đều có hậu di chúng, trí tuệ giải quyết vấn đề không có hậu di chúng.

Bởi thế giáo dục Phật giáo là giáo huấn chân thật, nhà Phật gọi là Tôn giáo. Chúng ta xem ý nghĩa người ta giải thích về chữ Tôn, Tôn là giáo dục chủ yếu, dạy học quan trọng,

giáo hóa tôn sùng, thể xuất thế gian không thể sánh được. Là lợi ích chân thật, trí tuệ chân thật. Chúng ta phải nhận thức rõ điều này, nhận thức rõ mới biết coi trọng nền giáo dục này. Ta gặp được, như lượm được của báu, phải nắm chắc, tuyệt đối không buông lơi, nhất định phải thành tựu!

Vãng Sanh Luận nói: “Ba loại thành tựu nguyện tâm trang nghiêm”. Ba loại này là cõi Phật, Phật, Bồ Tát. Cõi Phật là y báo, Phật Bồ Tát là chánh báo, y chánh trang nghiêm. Điều này khắp biến pháp giới hư không giới, trong cõi nước của tất cả Chư Phật đều không tìm thấy. Trong Kinh Hoa Nghiêm không phải nói có rất nhiều cõi nước Chư Phật sao? Đúng vậy, chúng ta đều thấy, đều từng học qua. Trong cõi nước của tất cả chư Phật có nhiễm tịnh, có thiện ác, nhiễm tịnh, thiện ác là không có bình đẳng. Ở thế giới Cực Lạc không có nhiễm tịnh, cũng không có thiện ác, đến thế giới Cực Lạc là bình đẳng, điều này không thể nghĩ bàn. Thế giới Cực Lạc quả đúng như kinh điển đại thừa nói: sanh Phật bình đẳng, chúng sanh và Phật bình đẳng. Chúng sanh và Phật không hai, chúng sanh và Phật nhất như, vì sao vậy? Chúng ta có thể tưởng tượng được. Trong Phật pháp nói đệ nhất nghĩa đế, họ đều đạt đến cảnh giới này. Đệ nhất nghĩa đế là gì? Là bản thể năng sanh năng hiện, tự tánh thanh tịnh viên minh thể, nhất thể, sao không bình đẳng được. Y chánh trang nghiêm đều là thể này biến hiện ra.

Vì sao thế giới tha phương không bình đẳng? Vì tha phương thế giới mê, không hiểu chân tướng sự thật. Nếu biết được chân tướng sự thật, sao không bình đẳng được!

Ngày nay chúng ta đã biết, phải trong sinh hoạt hằng ngày, lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, tìm lại tâm thanh tịnh, tìm lại tâm bình đẳng. Tìm như thế nào? Phương pháp quá hay! Nhìn thấy mọi người, mọi sự, mọi vật liền chấp tay: “nam Mô A Di Đà Phật”, thanh tịnh bình đẳng đều ở trong đây. Tuy giác chưa hiện tiền, nhưng giác cũng ở trong đó. Quý vị thấy câu danh hiệu này, phương pháp tu hành này có tuyệt diệu chăng? Thanh tịnh bình đẳng giác ở ngay trong câu danh hiệu này. Khởi tâm động niệm toàn là A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra không có niệm thứ hai. Trong sinh hoạt hằng ngày, bất luận gặp vấn đề gì, hay khi xuất hiện tình huống gì, ta chỉ cần niệm Phật sẽ được Phật lực gia trì. Tất cả tình huống tự nhiên có trí tuệ không thể nghĩ bàn, tức là Phật lực ta gài cho ta. Đức Phật dùng cái gì để gia trì? Trí tuệ chân thật, quý vị có thể giải quyết vấn đề một cách nhẹ nhàng, đơn giản.

Câu này là “lược nói nhập nhất pháp cú”. Nói đơn giản, nhập nhất pháp cú. “Nhất pháp cú gọi là thanh tịnh cú”. Nhất pháp cú này chúng ta hiểu, nhất pháp cú này nghĩa là Nam Mô A Di Đà Phật, câu A Di Đà Phật này là thanh tịnh cú. Vì sao vậy? Niệm câu Phật hiệu này tâm thanh tịnh liền hiện tiền, nếu niệm chân thật tâm thanh tịnh rất dễ hiện tiền. Chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoài ra đều buông bỏ hết, tâm thanh tịnh liền hiện ra.

Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, muốn buông bỏ phải có công phu thật sự, vì sao vậy? Tập khí phiền não của con người quá nặng, vô lượng kiếp huân tu mà thành, buông bỏ đâu đơn giản như thế! Đây là điều khó khi tu các pháp môn khác. Phương pháp của Phật A Di Đà rất tiện lợi, trong tâm ta không thể không có ý niệm, luôn có ý niệm. Ngài dạy chúng ta đem tất cả ý niệm đều trở về nơi A Di Đà Phật, dùng câu A Di Đà Phật này thay thế vào. Câu Phật hiệu này là thanh tịnh cú, bất luận là nói từ lý hay sự đều thông suốt. Lý là chân thật rốt ráo, sự là vạn pháp quy nhất. Ta không nghĩ điều gì khác, ngoài A Di Đà Phật. Vấn đề là gì? Phải y giáo phụng hành! Quý vị làm gì khác, nên nhớ! Đó là nguyên nhân trôi lăn trong luân hồi lục đạo, không ra khỏi lục đạo. Ta dùng câu danh hiệu này, thay đổi tất cả ý niệm,

vậy ta đi là con đường thành Phật, ta đi là con đường vô thượng bồ đề. Mà còn chúc mừng quý vị, không quá ba năm quý vị sẽ thành tựu, rất tuyệt vời!

Bên dưới nói, “chân thật rốt ráo là vô vi pháp thân. Ý chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc là trí tuệ chân thật hiển lộ ra, tất cả đều chân thật, nên có thể ban cho lợi ích chân thật”. Tất cả đều chân thật nghĩa là sao? Tất cả đều là tự tánh, hoàn toàn tương ứng với tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đây gọi là tất cả đều chân thật. Tương ứng viên mãn, tương ứng một cách rốt ráo, là ai? Là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà đã làm được, nên danh hiệu của ngài cũng tương ứng. Danh hiệu nghĩa là chân thật rốt ráo, chân thật rốt ráo tức là danh hiệu của ngài. Danh hiệu chính là vô vi pháp thân, pháp thân nghĩa là Phật A Di Đà.

Trong bài học trước chúng ta có nói đến: Tất cả kinh giáo mà Chư Phật Như Lai trong ba đời mười phương nói, không phải chỉ có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong 49 năm. Đương nhiên cũng bao gồm tất cả kinh điển Đức Phật nói suốt 49 năm, đều có thể quy về Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, vì sao vậy? Vì bộ kinh này là đức Thế Tôn minh tâm kiến tánh, nói ra cảnh giới minh tâm kiến tánh, nói tường tận cho chúng ta nghe, là cảnh giới khai ngộ của ngài. Cảnh giới này trong kinh giáo đại thừa nói: “Thật tướng các pháp”, chân tướng vũ trụ nhân sinh, nói ra tất cả.

Sau cùng là viên mãn của Hoa Nghiêm, đây là nói như thế nào mới có thể giống Đức Thế Tôn, giống Chư Phật Như Lai, cũng có thể khế nhập cảnh giới Hoa Nghiêm. Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta đọc được, sau cùng Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương quy về Cực Lạc. Cho nên Hoa Nghiêm đạt được Tịnh độ mới được coi là viên mãn. Nếu không có Tịnh độ, chỉ nói cảnh giới đó thôi, không ai có thể chứng được. Như vậy chỉ có thể nói hàng thượng thượng căn có phần, còn thượng trung hạ đều không có phần. Phổ Hiền Bồ Tát quy về Cực Lạc, không những Bồ Tát Phổ Hiền mà Bồ Tát Văn Thù cũng không ngoại lệ. Bồ Tát Văn Thù trong Kinh Hoa Nghiêm, sau cùng cũng phát nguyện vãng sanh Tịnh độ, thân cận Phật A Di Đà, làm tấm gương tốt cho chúng ta. Chúng ta biết, tất cả kinh điển mà tất cả Chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời nói, tổng kết sau cùng chính là Kinh Vô Lượng Thọ, tổng quy kết về bộ kinh này.

Trong bộ kinh này, cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập thành 48 phẩm, trong 48 phẩm này phẩm nào quan trọng nhất? Chư vị cao tăng tổ sư đều nói, phẩm thứ sáu quan trọng nhất. Phẩm thứ sáu là gì? Là 48 nguyện, trong 48 nguyện, nguyện nào quan trọng nhất? Hôm qua chúng ta đã học đến, đây đều là các bậc cổ đức xưa nay nói. Nguyện thứ 19 hơn hẳn Pháp Hoa và Hoa Nghiêm, nguyện 20 lại hơn nguyện thứ 19, nguyện 18 lại vượt qua nguyện 20. Nguyện thứ 18 là gì? Là mười niệm tất được vãng sanh, nghĩa là công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn. Sau cùng quy về đâu? Quy về sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật.

Nếu như có người hỏi quý vị Phật giáo là gì? Quý vị có thể chấp tay nói với họ: Nam Mô A Di Đà Phật. Họ sẽ không hiểu, ai hiểu được? Chư Phật Như Lai đều gật đầu, quý vị trả lời không sai, ý nghĩa của danh hiệu này thật không thể nghĩ bàn! Quá tuyệt, sâu rộng vô biên. Nguyện thứ 18 chính là một câu danh hiệu, nghĩa là nhất pháp cú trong Vãng Sanh Luận nói, là thanh tịnh cú. Chân thật trí tuệ vô vi pháp thân, đây là giải thích như thế nào gọi là thanh tịnh cú. Câu danh hiệu này chính là trí tuệ chân thật vô vi pháp thân, không có gì sánh bằng! Bộ kinh Vô Lượng Thọ này, toàn kinh 48 phẩm, từng chữ từng câu đều là trí tuệ chân thật.

“Vô vi pháp thân tức thật tướng”, nghĩa là trong Kinh Bát Nhã nói thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là vô vi pháp thân. Tự tánh sở sanh sở hiện, A lại da sở biến. Trong

này thiên biến vạn hóa, đó là tác dụng của thức. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói: “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, tùy theo ý niệm mà thay đổi, thiên biến vạn hóa, không có cảnh dừng. Những đạo lý này, khi chúng tôi mới học Phật cũng rất nghi hoặc, sao lại không có cảnh dừng? Tôi suy nghĩ rất lâu, nghĩ đến điều gì? Nghĩ đến kính vạn hoa lúc nhỏ chơi, người ta tặng cho tôi kính vạn hoa này. Cấu tạo rất đơn giản, trong này có ba miếng thủy tinh, mấy miếng giấy vụn khác màu. Quý vị chuyển động nó, xoay chuyển nó, quý vị nhìn vào trong, không thấy có hai hình ảnh nào giống nhau, thiên biến vạn hóa. Đến đồ chơi này cũng hiện thị ra được đạo lý này, Đức Phật nói đại vũ trụ giống như trò chơi này vậy. Không phải do con người thiết kế như thế, không phải, không liên quan đến Thượng đế, không liên quan đến kẻ sáng lập, cũng không liên quan đến Phật Bồ Tát. Tự tánh vốn như vậy, nó vốn đã là như thế. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, giống như kính vạn hoa này không ngừng xoay chuyển, đạo lý chính là như vậy. Là giả, không có gì thật cả, tuyệt đối đừng để nó làm mê hoặc, bị nó mê hoặc là mắc lừa. Chúng ta ở trong luân hồi lục đạo, ở trong mười pháp giới, chính là bị mê, mê mà không giác, nên không ra khỏi được.

“Yếu Giải nói”, của đại sư Ngẫu Ích, trong Yếu Giải ngài nói: “Năng thuyết sở thuyết”, năng thuyết là Đức Thế Tôn, sở thuyết là bộ kinh này. “Năng độ sở độ”, năng độ là lý luận và phương pháp nói trong kinh, sở độ là chúng sanh lục đạo. “Năng tín sở tín”, vấn đề là chúng ta có tin hay không? Những gì nói trong bộ kinh này, lý luận và phương pháp, bao gồm cảnh giới. Chúng ta nương theo phương pháp và lý luận này học tập, tương lai được kết quả như thế nào, thâm tín không nghi. “Năng nguyện sở nguyện”, chúng ta phải phát nguyện, có thể phát nguyện là bản thân, là tâm mình, nhất định phải tương ứng với nguyện của Phật A Di Đà.

Bởi thế Tịnh Tông Học hội, lúc thành lập ở Mỹ, tôi viết một bài duyên khởi, đề xuất cương lĩnh tu học, trong cương lĩnh có năm khoa mục. Khoa mục đầu tiên, là Tịnh Nghiệp Tam Phước trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của Tịnh độ Tông, chúng ta nương vào đó để tu hành, điểm nương tựa đầu tiên, rất quan trọng! Chỉ có ba điều.

Điều thứ nhất: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Tôi dùng ba câu này thực hành vào trong ba nền tảng của Nho Thích Đạo. Hiếu thân tôn sư nên thực hành như thế nào? Thực hiện Đệ Tử Quy là được, bắt đầu hạ thủ từ đây. Từ tâm bất sát, ở đây nói đến giáo dục nhân quả, áp dụng trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Câu sau cùng là Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, tu thập thiện nghiệp. Ba nền tảng của Nho Thích Đạo, cũng không phải tùy tiện nói, có căn cứ. Điều này là pháp nhân thiên, nếu thực hành được điều này, tuyệt đối không đọa vào ba đường ác.

Điều thứ hai là pháp tiểu thừa, đây mới đi vào cửa Phật. Điều đầu tiên chưa vào được cửa Phật, là pháp thế gian. Điều thứ hai đã vào cửa Phật, có ba câu: “Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi”, chúng ta bắt đầu thực hành từ đâu? Bắt đầu từ Sa Di Luật nghi.

Điều sau cùng là đại thừa: “Phát tâm bồ đề, thâm tín nhân quả”, nhân quả ở đây nghĩa là niệm Phật thành Phật. Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, tin sâu không nghi ngờ, không phải chỉ nhân quả khác. “Đọc tụng đại thừa, khuyến tấn hành giả”, câu sau cùng này dạy chúng ta phải biết giúp người. Bản thân tu và phải giúp đỡ người khác, tự hành hóa tha. Tam Phước tổng cộng có 11 câu, mười câu đầu là tự lợi, thành tựu chính mình. Câu sau cùng là lợi tha, phải giúp người khác, đây là pháp đại thừa.

Ở sau Đức Phật nói rất hay, ba điều này là “ba đời chư Phật”. Hay nói cách khác, tất cả người tu hành thành Phật. Ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai đều phải nương vào ba điều này. Ba điều này là cương lĩnh chung, nguyên tắc chung, “tịnh nghiệp chánh nhân”, tu nhân chính của giác chánh tịnh. Chúng ta lấy ba điều này làm căn bản.

Thứ hai là Lục hòa, nếu không thể sống hòa thuận với người, không thể vắng sanh, chính là Lục hòa kính. Khoa mục thứ ba là tam học, tam học giới định tuệ. Khoa mục thứ tư là lục độ. Khoa mục thứ năm là Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương. Năm khoa mục như vậy, người tu Tịnh tông cần phải học tập. Khoa mục không được quá phức tạp, không được quá nhiều. Phức tạp quá nhớ không hết, công phu sẽ không đắc lực, càng ít càng tốt. Trong cuộc sống hằng ngày như xử sự đối nhân tiếp vật, tâm hành không trái với năm khoa mục này, đây là người tu hành tịnh nghiệp chơn chánh. Nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, không ai không vắng sanh. Đây là năng nguyện sở nguyện.

“Năng trì sở trì”, năng trì là tâm chúng ta. Trong nguyện thứ 18 nói: Chí tâm tín nhạo, tâm tâm hồi hướng. Vì thế pháp môn niệm Phật, các bậc cổ đức nói rất hay, pháp môn này gọi là pháp môn không hồi hướng. Không cần phải đặc biệt hồi hướng, vì sao vậy? Vì mỗi niệm đều là hồi hướng, gọi là tâm tâm hồi hướng. Mỗi câu đều tương ưng với Phật A Di Đà, gọi là một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Tôi niệm Phật A Di Đà, tôi chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tôi. Tôi và Phật A Di Đà là một không phải hai. Quý vị xem thiền sư Trung Phong, trong Hệ Niệm Pháp Sự nói rất hay: Tâm tôi tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi. Ở đây tức Tịnh độ, Tịnh độ tức ở đây. Mấy câu này thiền sư Trung Phong nói trong Hệ Niệm Pháp Sự, ngài là người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, nói như vậy có thể giả được sao? Tu các pháp môn khác cần phải hồi hướng, pháp môn này không cần. Một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Chúng ta quyên lãng câu Phật hiệu này, tức là tách rời Phật A Di Đà. Bởi vậy Bồ Tát Đại Thế Chí dạy, phải “tịnh niệm tương tục”, tương tục nghĩa là niệm niệm không gián đoạn. Niệm này của chúng ta, Phật A Di Đà nhận được. Chúng ta giống như máy fax vậy, tin tức điện báo ở đây phát ra, ở bên đó liền nhận được. Đây là thật, không phải giả, không cần liên lạc với người khác, chỉ cần liên lạc với Phật A Di Đà, như vậy chắc chắn được vắng sanh.

“Năng sanh sở sanh, năng tán sở tán, vô phi thật tướng chánh án chi sở ẩn dã”. Pháp môn này quá tuyệt! Thật tướng ẩn chứng cho ta thì ta chính là thật tướng, thật tướng là gì? Là trí tuệ chân thật. Quý vị làm điều này, dùng trí tuệ chân thật, đây hoàn toàn là thật. “Cho thấy vào trong pháp môn này”, là pháp môn Tịnh độ, “nhất nhất đều vào trong thật tướng”, vào trong thật tướng nghĩa là minh tâm kiến tánh. “Nên ban cho là lợi ích chân thật”, lợi ích chân thật là kiến tánh thành Phật. “Không qua pháp này”, đến thế giới Cực Lạc không phải là kiến tánh, là thấy Phật rồi sao? Hiện nay chưa đến thế giới Cực Lạc, chúng ta có kiến tánh thành Phật chăng? Có, một niệm tương ưng là kiến tánh thành Phật, niệm niệm tương ưng là niệm niệm kiến tánh thành Phật. Đoạn này nói rất hay.

Chúng ta xem tiếp câu kinh văn sau cùng: “Nan trực nan kiến, như Ưu đàm hoa hy hữu xuất hiện”. Chúng ta ở trong lục đạo, trong thập pháp giới, gặp được pháp môn này là điều không dễ, vấn đề này chúng ta cần suy nghĩ nhiều. Quý vị xem ngày nay, chúng ta nhìn địa cầu trước mắt, cư dân trên địa cầu có khoảng 65 ức người, 65 ức người, có bao nhiêu người biết đến Phật pháp? Thế giới này còn có rất nhiều người, suốt đời chưa từng gặp, chưa từng nghe đến, có bao nhiêu? Ít nhất là 1/3 trong đời này không thấy không nghe. Cũng có thể có

1/3 có nghe đến Phật giáo, nhưng chưa từng tiếp xúc, không lui tới, chỉ nghe nói. Thật sự nghe được, tiếp xúc được, được 1/3 chăng? Không có, 1/3 là 20 ức người. Bây giờ chúng ta đã hiểu, trên toàn thế giới Phật giáo đồ tín ngưỡng Phật giáo, đại khái chỉ có trên dưới 6 ức người, không nhiều! Trong sáu ức người này, coi như là 6 ức, trong sáu ức người có mấy người thật sự gặp được Phật pháp? Bây giờ chúng ta nói, Phật pháp ở thế gian này có sáu hình thức khác nhau. Những gì Đức Phật truyền bá là giáo dục, không phải Tôn giáo, có mấy người biết điều này? Đại đa số là Tôn giáo Phật giáo. Tôn giáo Phật giáo tức là đã biến chất, có thể đạt được lợi ích chân thật chăng? Rất khó. Bởi vậy người niệm Phật rất nhiều, nhưng rất ít người vãng sanh.

Ở Liên xã Đài Trung, thầy Lý một tuần giảng kinh hai lần, 38 năm không gián đoạn. Một tuần giảng kinh hai lần, hiểu được một chút Phật pháp. Một vạn người niệm Phật mới có được hai ba người vãng sanh, như vậy mới biết người vãng sanh đúng là không nhiều.

Bây giờ chúng ta nhìn thấy có học thuật Phật giáo, rất nhiều khoa triết học trong các trường đại học, đưa kinh Phật vào môn học. Họ không niệm Phật, cũng không cầu vãng sanh. Mới xuất hiện có tham quan du lịch Phật giáo, còn có xí nghiệp Phật giáo, có tà giáo Phật giáo, như vậy thì không cần nói. Bởi vậy bị đào thải từ từ, còn lại không được mấy người. Chúng ta mới biết mình rất may mắn, thân người khó được, chúng ta đã được thân người. Phật pháp khó nghe, chúng ta đã nghe được Phật pháp, mà còn nghe được chánh pháp. Trong chánh pháp nghe được pháp môn hy hữu bậc nhất. Ta đã gặp may lớn, trúng thưởng lớn, nếu như không cố gắng nắm bắt, trúng thưởng lớn này lại đem đi cờ bạc, một chốc đã thua hết, như vậy thật đáng tiếc. Nếu như biết cách vận dụng, thì phước báu này hưởng mãi không hết! Bởi thế tuyệt đối đừng bỏ qua cơ hội này.

Chúng ta cũng là thầy xã hội động loạn, địa cầu thiên tai liên miên, pháp môn này vô cùng cấp thiết. Nên đã dùng giảng Kinh Hoa Nghiêm, chia sẻ cùng quý vị bộ kinh này tương tận một lần, chúng ta cùng nhau chia sẻ việc tu học. Sau khi giảng kinh này xong, nếu còn thời gian, chúng ta tiếp tục học Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là đại bản Kinh Vô Lượng Thọ, không thể thâm nhập Hoa Nghiêm, thì không thể nói ra sự tinh túy của Kinh Vô Lượng Thọ, nó thông với Kinh Hoa Nghiêm. Cổ nhân gọi Kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm, gọi Kinh A Di Đà là tiểu bản Hoa Nghiêm. Quả đúng là khó gặp khó thấy, gặp là gặp được, không dễ gặp được, không dễ thấy được. Hiểu được đạo lý này, rất nhiều đồng học muốn phát tâm, làm chút công đức, làm chút việc tốt. Mọi người đều biết ấn tống kinh điển là việc tốt, suốt đời đại sư Ấn Quang chuyên môn làm công việc này. Suốt đời ngài nhận sự cúng dường của tứ chúng, ngài không làm gì khác, mà đem tất cả tiền cúng dường này, thành lập nên Hoàng Hóa Xã, Hoàng Hóa Xã ở Tô Châu do ngài thành lập. Hoàng Hóa Xã là gì? Chính là nơi lưu thông kinh Phật, ở đây có xưởng in ấn, chính là làm công việc này. Chúng ta nên biết điều này.

Kinh Kim Cang mọi người đều rất quen thuộc, trong Kinh Kim Cang Đức Phật nhiều lần tuyên thuyết: Bồ thí bảy báu trong đại thiên thế giới, không bằng vì người khác diễn thuyết bốn câu kệ kinh điển đại thừa. Công đức pháp bồ thí không thể nghĩ bàn. Trong nhà Phật chúng ta làm việc tốt, việc gì là tốt nhất? In ấn kinh điển là việc tốt bậc nhất. Nhiều kinh điển như vậy chúng ta nên in ấn kinh gì? Chính là Kinh Vô Lượng Thọ này, vì sao vậy? Vì Kinh Vô Lượng Thọ này là kinh điển bậc nhất trong kinh điển đại thừa, không thể nghĩ bàn. 9000 năm thời mạt pháp sau này, duy nhất có thể độ chúng sanh liễu sanh tử xuất tam giới, vãng sanh thấy Phật, một đời viên mãn, chỉ dựa vào kinh này, quá vi diệu!

Bên dưới có giải thích: “Trực là gặp, Hội Sớ nói: Phật pháp khó nghe, nên gọi là khó gặp”, rất khó gặp được. “Khó thấy được thân Phật, nên gọi là khó gặp”. Phật pháp khó gặp ngày nay chúng ta đã gặp được; khó thấy, nếu thật sự dùng công phu, như tôi vừa mới nói, không quá ba năm, sẽ tự thân thấy được Phật A Di Đà. Không những thấy được Phật A Di Đà, mà còn theo ngài tu học, vĩnh viễn không rời xa ngài. Đây là thật, không phải giả. Đến thế giới Cực Lạc làm gì? Thân cận Phật A Di Đà, tiếp thu giáo huấn của ngài, đồng thời cũng tiếp thu lời dạy của tất cả Chư Phật mười phương. Đến thế giới Cực Lạc sẽ có thân thông này, có bản lĩnh này, có thể phân vô lượng vô biên thân. Mỗi ngày đi cúng dường vô lượng vô biên Chư Phật, phước báo cúng dường Phật rất lớn! Mỗi vị Phật đều khai thị vài câu cho ta, như vậy mỗi ngày ta nghe được biết bao nhiêu Phật pháp, trí tuệ làm sao không khai cho được? Phước tuệ song tu, khi đến thế giới Cực Lạc, tu vô lượng vô biên phước tuệ.

Nếu thật sự hiểu rõ ràng minh bạch điều này, vãng sanh thế giới Cực Lạc càng nhanh càng tốt, không nên bỏ lỡ thời gian ở đây. Hoàn cảnh ở đây không tốt, không cẩn thận sẽ bị người hãm hại, liền đọa lạc tam đồ. Tất cả Chư Phật đều khen ngợi thế giới Cực Lạc, cho thấy trong cõi nước của Chư Phật. Đạo tràng bậc nhất vô cùng thù thắng, là thế giới tây phương Cực Lạc.

“Ưu đàm hoa, nhất dịch”, đây là có một loại phiên dịch là: “Linh Đoan Hoa, lá nó giống như cây lê, quả lớn bằng nắm tay, vị nó ngọt. Không có hoa mà kết trái, cũng có hoa mà khó gặp”. Người xưa gọi là Đàm Hoa, khi Hoa Đàm xuất hiện, ở vùng nhiệt đới có loại hoa này, chúng ta biết vì sao hoa này khó thấy? Khi nó nở hoa vào lúc 12 giờ nửa đêm, 11 giờ đi xem không thấy, nó chưa nở, nhất định nở lúc 12 giờ, hoa vừa nở lập tức tàn. Quý vị thật sự thấy được khi hoa nở rộ, chỉ khoảng trong vòng mười phút, nở xong nó liền khép lại, nên vô cùng hy hữu, rất hiếm có, thời gian hoa nở quá ngắn. Đức Phật dùng loài hoa này làm ví dụ.

“Kinh Bát Niết bàn nói: Có một cây thọ vương, gọi là Ưu Đàm Bát, có trái không có hoa. Nếu khi hoa này nở, tức có vị Phật xuất thế”. Tôi từng thấy hoa này, tôi thấy là có hoa, ở đây nói có trái mà không có hoa, giống điều gì? Hoa quả giống nhau, có quả nhưng nó không có hoa. Nếu thấy nó nở hoa, thì thế gian này có Phật. Chúng ta tin điều này, thế gian càng khổ, Đức Phật liền xuất hiện, Đức Phật đại từ đại bi không thể không đến. Ngài đến nhưng xuất hiện bằng thân phận gì chúng ta không biết, ngài cũng không bộc lộ thân phận.

Từ trên lý mà nói, chúng sanh khổ như vậy, thiên tai liên miên như vậy, Phật Bồ Tát sao không đến được? Nhất định đến, vì sao không bộc lộ thân phận? Bộc lộ họ không giúp được chúng sanh, cũng sẽ khiến cho tâm thanh tịnh học Phật của chúng sanh bị nhiễu loạn. Nghe Phật Bồ Tát đến, không phải là chuyện hy hữu sao? Chúng sanh muốn được lập tức thấy Phật, vị Phật này từ sáng đến tối nhiều người đến xem ngài như vậy, vậy thì ngài không cần làm gì, mệt cũng đủ chết rồi, tuyệt đối không bộc lộ thân phận. Đến không ai biết, đi cũng không ai hay, đây là bình thường.

Nếu bị người phát hiện, hoặc bản thân tự nói là Phật Bồ Tát nào đó tái sanh, đó toàn là giả, là gạt người. Nếu quý vị nghe nói như vậy, nhất định đừng đến xem, đến xem sẽ bị họ gạt, là giả không phải thật. Nếu như thật, thân phận bộc lộ họ lập tức ra đi, đó là thật. Trong điển tịch Phật giáo có ghi chép, quả thật có bộc lộ thân phận, nhưng khi thân phận vừa lộ liền đi ngay, không còn gặp được họ nữa.

Không phải Phật Bồ Tát tự xưng là Phật Bồ Tát, đây gọi là đại vọng ngữ. Đại vọng ngữ trong Giới Kinh kết tội, là địa ngục A tỳ, mạo xưng Phật Bồ Tát, lừa gạt tín đồ lương

thiện, tội này rất nặng. Tội nặng như vậy có ai dám làm chăng? Có, đúng là có người gan lớn mật lớn như vậy, những người này đều không tin nhân quả, họ mới lừa gạt chúng sanh.

Người thường đọc kinh điển, trong kinh điển nói rất rõ ràng, sẽ không bị lừa, không dễ mắc bẫy. Phật Bồ Tát không có là thật có, đôi lúc xuất hiện. Chúng ta xem qua rất nhiều tin tức, thị hiện trong không trung, không phải một người thấy, mà rất nhiều người nhìn thấy, mấy phút sau là biến mất. Đây cũng là đại từ đại bi, giúp người sanh khởi tín tâm, khi nhân duyên thuận thực sẽ nhìn thấy. Tôi nói với chư vị, tôi từng nghe nói nhưng chưa từng thấy, rất nhiều người nhìn thấy nói với tôi, nhưng bản thân tôi chưa từng thấy. Tôi từ trên lý mà suy đoán thì có thể.

Văn Thủ Hiện Bảo Tạng Kinh nói: “Không có Phật xuất thế giống như có trái mà không có hoa”. Trong Kinh Niết Bàn nói: Nếu có hoa, đây là thế gian có Phật, có một sự cảm ứng như vậy. Trong Xuất Diệu Kinh cũng nói đến vấn đề này: “Số ngàn vạn kiếp, lúc nào xuất hiện, chúng sanh thấy hoa, gọi là Như Lai sắp ra đời”. Từ những lời trong kinh nói, chúng ta có thể tưởng tượng được, Ưu Bát Đàm hoa chắc chắn không phải một loại, mà có rất nhiều loại. Có loại kết trái, có loại không kết trái. Vì trên địa cầu, rất nhiều nơi có loại hoa này, những nơi này khí hậu khác nhau, hình như ở miền bắc không nghe nói đến. Miền nam vùng nhiệt đới có, cũng chính là vùng ôn đới, á nhiệt đới.

Ở Malaysia, ở đó coi là vùng nhiệt đới, gần xích đạo đều có, Úc Châu cũng có. Nó ở những nơi khác nhau, vì thổ nhưỡng và khí hậu không giống nhau, nên tôi tin rằng nó có nhiều loại khác nhau. Có một số hoa Đàm mỗi năm đều nở, nhưng khi nở thời gian rất ngắn, đều vào buổi tối, lúc 12 giờ đêm.

“Căn cứ vào những kinh điển này, cho thấy hoa này hy hữu khó gặp”. Không như các loài hoa khác, chúng ta thường thấy, hoa nở lâu tàn, dễ thấy. Hoa này không dễ thấy, hy hữu khó gặp. “Có Phật xuất thế nó mới nở, nên ví như giáo pháp chân thật của Phật, khó thấy khó gặp”. Quan trọng nhất vẫn là câu này, dùng nó để ví như giáo pháp chân thật của Phật, khó gặp quá. Trong các Tôn giáo hiện tại, trong Tôn giáo Phật giáo hầu như không nhìn thấy. Chỉ thấy kinh điển, kinh điển có, hiện nay kỹ thuật in ấn phát triển. Đoàn thể nhỏ của chúng ta, in ấn Đại Tạng Kinh cũng gần khoảng 10000 bộ. Có kinh điển, không có người học. Không những không có người giảng, đến người đọc cũng rất ít, nên đây là hiện tượng suy yếu của Phật pháp. Chúng ta biết, Phật pháp trong pháp giới hư không giới là giáo dục chủ yếu, là dạy học quan trọng, là giáo hóa không gì sánh được. Một nền giáo pháp tốt đẹp như vậy, cần phải phát nổi Phật tuệ mạng, lợi ích chúng sanh. Dùng phương pháp gì để thực hiện? Nhất định phải dựa vào bản thân, không thể dựa vào người khác, dựa vào người khác quý vị sẽ thất vọng hoàn toàn. Phải khuyên bản thân tinh tấn tu học, đem những điều tâm đắc tu học của mình chia sẻ với người khác, khiến mọi người đều đạt được lợi ích.

Hiện nay khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta phải lợi dụng công cụ này. Có một thiết bị đơn giản như vậy, nếu có internet thì rất tốt, rất nhiều người có thể nghe và thấy qua mạng. Không có internet, chúng ta quay lại làm thành CD, phát khắp nơi cho những người có duyên, như vậy ta không uổng phí khi đến thế gian này. Lần này ta đến thế gian là để hoằng truyền giáo pháp chân thật của Như Lai. Khó thấy khó gặp nay ta đã gặp được, đây là việc đáng vui đáng mừng biết bao.

Nếu như gặp được bộ kinh này, gặp được pháp môn này, nỗ lực tu hành. Chỉ cần thời gian ba năm, chúng ta có thể đến thế giới Cực Lạc gặp Phật A Di Đà, quý vị xem chúng ta may mắn biết bao! Muốn đến thế giới Cực Lạc gặp Phật A Di Đà, quý vị cần phải biết, phải

buông bỏ sạch sẽ những gì thuộc thế gian này. Khó từ bỏ nhất là tình chấp, khó bỏ cũng có thể bỏ, khó được cũng có thể đạt được. Được ở đây là gì? Được đến thế giới Cực Lạc, được gặp Phật A Di Đà. Khó vứt bỏ cũng có thể vứt bỏ, như vậy ta mới có thể đạt được điều khó được. nếu ở đây không chịu buông bỏ, không thể đạt được những thứ ở đó.

Kinh điển không thể không siêng đọc, không thể không siêng nghe. Vì sao vậy? Vì đọc nhiều nghe nhiều, từ từ sẽ hiểu, từ từ sẽ giác ngộ, thật sự buông bỏ được, không tiếp tục làm những điều ngu ngốc. Tinh tấn nỗ lực tu hành, một đời thành tựu, vô cùng viên mãn!

“Kim”, kim là lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, là ngày Thế Tôn mở pháp hội này, giảng bộ kinh này. Hôm nay “nhân vì câu hỏi của tôn giả A nan”, ngài A nan thay chúng ta khởi thỉnh. “Mở bồn hoài của Thế Tôn”, người xưa gọi là cõi mở, hoan hỷ, vô cùng hoan hỷ. Vì sao vậy? Chúng sanh học tập Tịnh độ, nhân duyên thuận thực cầu sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Đây là điều vô cùng hoan hỷ, vì sao vậy? Vì nhân duyên này đã thuận thực, những người này ngay trong đời được viên mãn thành Phật. Các Tông môn giáo môn khác, muốn thành Phật phải mất rất nhiều thời gian, không nhanh như vậy.

Quý vị xem chưa đoạn được nhất phẩm phiền não, được hạ hạ phẩm vãng sanh, 12 kiếp bản thân chúng được A Duy Việt Trí. Khi chưa chúng, Phật Di Đà gia trì chúng ta, cũng đồng với A Duy Việt Trí, quá hy hữu. Trong tất cả cõi nước Chư Phật tận hư không biến pháp giới, không tìm được pháp môn như vậy. Chúng ta cùng nhau tu học, quý vị nói đây là phước báo gì? Ngày nay chúng ta sống trên địa cầu có hoàn cảnh ra sao? Phước báo của chúng ta như thế nào? Tâm tình hôm nay của chúng ta, cũng cởi mở như Đức Thế Tôn vậy.

“Hiện thị hoàng nguyện của Phật Di Đà”, bản nguyện của Phật A Di Đà nghĩa là độ lục đạo chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, đây là bản nguyện của ngài. 48 nguyện trong kinh này, là tự thân Phật A Di Đà nói, Đức Thế Tôn thuật lại cho chúng ta nghe. Cho nên từng chữ từng câu trong phẩm thứ sáu là tự thân Di Đà tuyên thuyết. Các phẩm khác là Thế Tôn giới thiệu thế giới Cực Lạc cho chúng ta, khen ngợi Phật, Bồ Tát, Tịnh độ thù thắng không gì sánh được, khiến chúng ta khởi tâm hướng đến.

“Thế Tôn đem pháp chân thật này diễn thuyết rõ ràng, phổ độ lợi ích quần sanh”. Như chúng ta tiếp đãi khách, bung thức ăn lên hết. Tất cả những thứ ngon đều đem ra, không cất giữ thứ gì, đem ra hết. Nói các kinh khác đều có giữ lại, vì sao vậy? Điều này hay nhất phải giữ lại, chưa viết ra, nếu nói ra thì không còn nữa. Kinh này nói ra tất cả.

“Nên khen ngợi Tôn giả A nan rằng: Hôm nay ông hỏi như vậy, lợi ích rất nhiều”. Khen ngợi A nan, hôm nay ông hỏi, lợi ích này rất lớn lao. Có thể khiến vô lượng chúng sanh có nhân duyên nghe được, tiếp xúc được, y theo pháp này mà tu hành, một đời thành tựu viên mãn, trong này ít nhất có một nữa, ba năm thành tựu. Tôi nói điều này đều có căn cứ, quý vị mở Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện có khoảng một nửa ba năm thành tựu. Tuyệt đối không phải ba năm là thọ mạng đến, mà là ba năm công phu thành tựu, là còn thọ mạng nhưng không cần, muốn được vãng sanh, họ đã ra đi như vậy.

Trước đây có người hỏi tôi điều này, họ đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện rồi hỏi tôi: Phải chăng những người này đúng ba năm là vừa hết thọ mạng? Tôi nói với họ, đâu có trùng hợp đến vậy. Nếu là số ít, một vài người, đó có thể là trùng hợp, nhiều người như vậy nói trùng hợp là điều không thể. Chỉ có một đạo lý, là họ không cần thọ mạng nữa, như pháp sư Doanh Kha là trường hợp điển hình nhất. Phật A Di Đà nói với sư: Thọ mạng người còn mười năm, mười năm cố gắng niệm Phật, khi lâm mạng chung ta sẽ đến tiếp dẫn. Pháp sư Doanh Kha thưa với Phật Di Đà: Con không cần mười năm thọ mạng này, con

muốn được theo ngài ngay bây giờ. Phật A Di Đà đồng ý. Được! Ba ngày sau ta đến tiếp dẫn ông. Ba ngày sau không bệnh mà ra đi, quả đúng là ba ngày sau ra đi.

Từ trường hợp này, chúng ta biết rất nhiều người thọ mạng vẫn còn nhưng không cần, muốn sớm ngày đến thế giới Cực Lạc, sớm ngày thân cận Phật A Di Đà. Đây là thật.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 150

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 27.09.2010

Địa điểm: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 173, hàng thứ bảy, bắt đầu xem từ hàng thứ bảy kinh văn:

“A nan đương tri, Như Lai chánh giác, kỳ trí nan lường, vô hữu chương ngại”. Đây là đoạn thứ nhất, chúng ta xem tiếp. “Năng ư niệm khoảnh, trú vô lượng ức kiếp, thân cập chư căn, vô hữu tăng giảm, sở dĩ giả hà, Như Lai định tuệ, cứu sớng vô cực, ư nhất thiết pháp, nhi đắc tối thắng tự tại cố. A nan đế thính, thiện tư niệm chi, ngô đương vi nhữ, phân biệt giải thuyết”. Đoạn này chúng tôi đề trong mục nhỏ là Pháp Báo Đức Dụng, tức là tam thân tam đức của Như Lai.

“Bốn câu trước, giác trí không thể nghĩ bàn”, đây là bát nhã đức trong tam đức. “Có thể trong khoảnh một niệm đến cứu xướng vô cực”. Đây là pháp thân đức. Câu sau cùng, “đôi với tất cả pháp mà được tối thắng tự tại”, giải thoát đức. Pháp thân, bát nhã, giải thoát là Như Lai ở quả địa chứng được. Đầu tiên nói ra đoạn kinh văn này, dụng ý rất sâu, chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ.

“Chánh giác. Chánh giác là chứng ngộ chân thật giác tri của tất cả các pháp, tức thật trí của Như Lai, nên thành Phật gọi là thành chánh giác. Như Tịnh Ảnh Sớ nói: Chánh giác Như Lai, luôn nói đến Phật trí, cho thấy bốn chữ Như Lai chánh giác, toàn biểu trưng cho trí Phật. Trí này thậm thâm, nên gọi là khó lường”. Nếu chúng ta không biết Như Lai có trí tuệ viên mãn, giác ngộ viên mãn, sẽ không có niềm tin đối với những gì ngài nói. Tất cả pháp thế xuất thế gian, quan trọng nhất là niềm tin. Nếu không có tín tâm, mọi sự đều không thể thành tựu. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “tín là chiếc nôi của mọi công đức”. Quý vị xem câu nói đó rất quan trọng, tín tâm là căn nguyên để thành Phật đạo, là mẹ của tất cả công đức. Ý này nghĩa là nói, có thể sanh ra vô lượng vô biên công đức. Đức Phật vô sở bất tri, vô sở bất năng, đây là thật ư? Toàn tri toàn năng trong một số Tôn giáo là tán thán thượng đế, thần mới có. Đức Phật là con người, con người làm sao có được. Trong kinh điển đại thừa nói: toàn tri toàn năng thần chưa chắc có, nhưng con người có. Chúng ta có thể tin chăng? Trong Phật pháp, nếu khế nhập trình độ nhất định, ta sẽ tin, nghe rõ ràng minh bạch chân tướng của nhân sinh vũ trụ, ta sẽ biết được.

Thời Ân độ cổ có, hiện nay cũng không ngoại lệ. Chẳng qua hiện nay Phật giáo suy yếu, Bà la môn giáo cũng suy yếu, tôn giáo trên thế gian đều thể hiện nét suy yếu. Hiện tượng này không tốt, tôn giáo hiện ra hiện tượng suy thoái, thế gian này rất có thể có thiên tai. Một số tôn giáo, học phái của Ân độ đều coi trọng thiên định. Trong Phật pháp nói tứ thiên bát định là thiên định của Bà la môn, người học Phật cũng cần học. Vì sao vậy? Vì Phật pháp là khoa học, khoa học chỉ nói đến chứng cứ, không phải nói tùy tiện. Quý vị phải đưa chứng cứ ra, người ta mới tin, không có chứng cứ, ai tin tưởng quý vị? Giáo dục phổ thế đều ở trong lục đạo, nên đối với lục đạo không thể mơ hồ. Pháp tiếu thừa trong Phật pháp, toàn nói về lục đạo, nói cao hơn các tôn giáo khác, cao ở đâu? Sau khi hiểu rõ lục đạo, làm sao ra khỏi lục đạo, cao ở chỗ này, làm sao để xuất ly? Làm sao nhận biết lục đạo? Làm sao chứng được? Như vậy phải tu định, tu tứ thiên bát định. Nếu tu tứ thiên, nói cách khác trời tứ thiên trở lên, quý vị hoàn toàn thấu rõ. Nếu tu tứ không định, đối với trạng thái trong lục đạo rõ ràng như lòng bàn tay. Trong thiên định không có tầng không gian, hoàn toàn đột phá. Vì vậy tu được tứ thiên bát định, ở trên có thể thấy được trời phi tướng phi phi tướng xứ, có thể tiếp xúc với họ, hiểu rõ tình trạng của họ. Nhìn xuống dưới có thể thấy được địa ngục A tỳ. Cũng tức là nói, phạm vi trong lục đạo, sự lý nhân quả trong này ta hoàn toàn thấu triệt, minh bạch tất cả. Đây không phải tưởng tượng ra, cũng không phải suy đoán ra, là chân tướng sự thật. Ân độ cổ, trong kinh giáo học thuật đều nói rất nhiều. Trong thiên định biết được tính tự nhiên trong lục đạo, vậy nguyên do của lục đạo thì sao? Vấn đề này không thể giải quyết, vì sao có lục đạo? Do nguyên nhân gì xuất hiện lục đạo? Ngoài lục đạo ra còn có thế giới chăng? Vấn đề này tôn giáo và học phái của Ân độ cổ đều không giải quyết được.

Đức Thế Tôn xuất hiện trên mảnh đất này, tiêu chuẩn văn hóa ở đây đạt đến tầng lớp cao như vậy. Các quốc gia khu vực khác trên thế giới không làm được, Trung quốc cũng không làm được. Các bậc thánh hiền xưa cũng từng nói những lời này, nhưng nói không tương tận. Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, đầu tiên ngài học điều này, những thứ này ngài đều học một cách viên mãn, rất có thành tựu. Sau đó buông bỏ sở học, nhập vào tầng lớp thiên định thâm sâu hơn. Không buông bỏ thì sao? Không buông bỏ thì nó là chướng ngại của thiên định.

Đức Phật nói chướng ngại có hai loại lớn: Một là phiền não chướng, hai là sở tri chướng. Ngài học 12 năm, nếu không buông bỏ sở học 12 năm này, đây gọi là sở tri chướng. Chướng ngại ta đạt định, chướng ngại ta khai ngộ, vì thế phiền não chướng, sở tri chướng đều buông bỏ hết. Chẳng những buông bỏ phân biệt chấp trước, mà khởi tâm động niệm cũng buông bỏ, tự tánh bản định liền xuất hiện. Nghĩa là lúc đại sư Huệ Năng khai ngộ nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, đó là tự tánh bản định. Buông bỏ tất cả, trở về tự tánh. Trong giáo lý đại thừa nói: Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, cảnh giới này hiện tiền.

Thấu hiểu nguyên do của lục đạo, vì sao có lục đạo? Thì ra lục đạo từ vọng tưởng phân biệt chấp trước biến hiện ra. Lục đạo gọi là thế gian, gọi là pháp thế gian. Nếu đoạn tận kiến tư phiền não, liền vượt thoát lục đạo, lục đạo không còn. Cho nên lục đạo chủ yếu là từ kiến tư phiền não, kiến tư phiền não từ đâu mà có? Từ phân biệt mà sinh ra, từ vọng tưởng mà sanh phiền não. Không có vọng tưởng và phân biệt, làm gì có kiến tư? Kiến tư nghĩa là chấp trước.

Ngoài lục đạo có tứ thánh pháp giới, điều này trước đây không ai biết, Đức Phật phát hiện được tứ thánh pháp giới. Tứ thánh pháp giới gọi là xuất thế gian, thế gian này lấy lục đạo làm giới tuyến. Làm sao để ra khỏi tứ thánh pháp giới? Đoạn tận khởi tâm động niệm, tứ

thánh pháp giới cũng không còn. Vì thế nếu chúng ta có thể làm được không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, mười pháp giới không còn. Sau khi mười pháp giới không còn, còn cảnh giới nào xuất hiện chăng? Có, nhất chân pháp giới xuất hiện, gọi là nhất chân. Hay nói cách khác, mười pháp giới là giả, không phải thật, không sai chút nào.

Trong Phật giáo đại thừa thường nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, chủ yếu là nói mười pháp giới. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm đều không phải thật, vì sao vậy? Vì trong Phật giáo nói chân vọng, định nghĩa của nó là có biến dị tức không phải thật. Thật là gì? Thật là vĩnh viễn không thay đổi, vậy mới gọi là thật. Quý vị xem có thứ gì không thay đổi? Ở thế gian này có thể tìm thấy chăng? Đại khái chỉ có nhìn thấy hư không không thay đổi, ngoài hư không ra, thì không thấy thứ gì vĩnh hằng bất biến. Có sự thay đổi thì toàn là giả, không thay đổi mới là thật.

Hư không là thật chăng? Không thể nói nó giả, nếu vậy nó là thật? Cũng không phải thật. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận nói rất rõ ràng: Pháp hữu vi nghĩa là có sanh diệt, có thay đổi. Chư Phật Bồ Tát phân loại nó, đem tất cả pháp phân loại, quy nạp thành 94 pháp. 94 loại lớn đều thay đổi, đều là có sanh có diệt. Sáu pháp, chỉ có sáu loại chúng ta không nhìn thấy sự sinh diệt của nó, hình như nó là thật. Sáu pháp này gọi là pháp vô vi, vô vi nghĩa là nó không biến dị, nó bất sanh bất diệt, không thay đổi. Nhưng trong pháp vô vi có thật có giả, thật chỉ có một loại là chân như vô vi, nó thật sự không thay đổi. Những loại khác thì sao? Những loại khác vẫn thay đổi. Cho nên hư không thuộc pháp vô vi, không phải thật vô vi, có thể nói là tương tự vô vi.

Chúng ta đọc Kinh Hoa Nghiêm, chúng ta học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, đối với chân tướng vũ trụ hiểu được một ít. Nghe Đức Phật nói những lời này, chúng ta tin, không hoài nghi. Những gì Thế Tôn nói, không phải chỉ riêng ngài có. Quý vị xem ở đây nói “chánh giác Như Lai, trí tuệ này khó đo lường, không có chướng ngại”. Ngài nói như thế nào? Tất cả chúng sanh đều có: Đức Phật có, quý vị có, anh ta có, tôi cũng có, đều có, không có gì hy hữu cả. Đây là gì? Trong tự tánh vốn có.

Cổ nhân cũng nói, quý vị xem câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh: “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Thiện ở đây không phải thiện của thiện ác, ý của chữ thiện này là mọi thứ đều đầy đủ, hoàn toàn không có khiếm khuyết. Giống điều gì? Trí tuệ của ta giống Như Lai, đức năng cũng giống nhau, tướng hảo cũng giống nhau, không có gì sai khác. Vì sao của chúng ta hiện nay không thể hiện tiền? Vì có chướng ngại. Vì sao ngài có thể hiện tiền, có thể áp dụng được? Vì ngài không có chướng ngại. Nói cách khác, chúng ta diệt trừ chướng ngại, trí tuệ đức năng lập tức hiện tiền. Lời này là thật, không hề giả dối.

Chướng ngại là gì? Là vọng tưởng phân biệt chấp trước, ba loại chướng ngại lớn. Chỉ cần buông bỏ những thứ này, chướng ngại cũng không phải là thật, vọng tưởng phân biệt chấp trước cũng là giả. Nó khởi tác dụng, tác dụng gì? Chướng ngại trí tuệ đức tướng của chính mình. Đức Phật dạy chúng ta, nói rõ chân tướng sự thật, còn vấn đề ở sau là của chúng ta. Chúng ta phải buông bỏ ba loại chướng ngại này, quý vị sẽ thành Phật, quý vị hoàn toàn không khác gì ngài. Cho nên Đức Phật đối với chúng sanh, quả giống như thầy đối với học trò. Ngài dạy cho chúng ta, chúng ta phải y giáo phụng hành mới được. Nếu không thực hành, thì vĩnh viễn không đạt được. Không thực hành sẽ biến thành tri thức, thực hành trí tuệ liền hiện tiền.

Chúng ta học Phật, then chốt ở chỗ y giáo phụng hành. Y giáo phụng hành thật sự có thể thành tựu, thực hành thì thế giới hiện nay của chúng ta, không xảy ra thiên tai. Thế giới này và thế giới Cực Lạc không có gì khác nhau. Những lời này đều là thật.

Từ đó cho thấy, “thật trí của Như Lai”, nghĩa là trí tuệ chân thật, đây không phải giả, là thật trí vốn đầy đủ trong tự tánh chúng ta. Lúc minh tâm kiến tánh ngài Huệ Năng nói: “đầu ngò tự tánh vốn tự đầy đủ”, trong câu này hàm nghĩa rất thâm sâu. Vốn tự đầy đủ, bản thân ta vốn có tất cả, có điều gì? Có giác trí chân thật, có đức năng chân thật, có tướng hảo chân thật, không thiếu thứ nào. Thành Phật, thế nào gọi là thành Phật? Buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, gọi là thành Phật. Không thể buông bỏ hoàn toàn, buông bỏ chấp trước là thành A la hán, buông bỏ phân biệt là thành Bồ Tát, buông bỏ khởi tâm động niệm là thành Phật, ý nghĩa là như vậy.

Vì thế Phật, Bồ Tát, A la hán là ba danh xưng học vị trong Phật giáo, mỗi người đều có. Hiện tại cả ba loại ta đều chưa buông bỏ, nên gọi là phàm phu, tên của chúng ta gọi là lục đạo phàm phu, không ra khỏi phạm vi của lục đạo. Nếu có thể đem chấp trước, đối với tất cả pháp thế xuất thế gian không còn chấp trước, vậy thì xin chúc mừng, quý vị đã đạt được học vị đầu tiên, thành tựu A la hán. Chúng được A la hán, nói với quý vị, lục đạo không còn, biến mất. Vì sao không còn? Vì nó vốn là giả, không phải thật, giống như giấc mộng vậy. Ta tỉnh dậy sau giấc mộng, sau khi tỉnh dậy mộng không còn. Nếu tiếp tục buông bỏ được phân biệt, phân biệt là trần sa phiền não. Buông bỏ phân biệt, ta lại nâng cao thêm một bậc, lấy được học vị thứ hai_Bồ Tát, trở thành Bồ Tát. Sau cùng lục căn ở trong cảnh giới lục trần không còn khởi tâm động niệm, như như bất động. Chúc mừng, quý vị đã thành Phật, thành Phật là đạt được học vị cao nhất, như học vị tiến sĩ. Phật, Đức Phật là danh xưng học vị cao nhất trong giáo dục Phật giáo, mỗi người đều có thể đạt được.

Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói rất hay: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, lời này là thật, không phải giả. Sao quý vị lại mê? Là bản thân ta mê. Vì bản thân mê, nên cần bản thân phải giác ngộ, Thế Tôn không thể giúp ta giác ngộ được. Làm sao để giác ngộ? Buông bỏ sẽ giác ngộ, được thọ dụng chân thật! Như vậy chúng ta mới sanh khởi tín tâm đối với Phật pháp. Thì ra chính mình cũng là Phật, Bồ Tát, A la hán, không có gì đặc biệt, bản thân chúng ta cũng có phần, nên cố gắng học tập.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Như Lai chánh giác, thường đưa ra Phật trí”. “Như Lai chánh giác” là kinh văn, câu kinh văn này là tổng cử, nghĩa là nói chung về trí tuệ viên mãn của Phật. “Cho thấy bốn chữ Như Lai chánh giác hoàn toàn biểu trưng Phật trí”. Câu này hoàn toàn nói rõ trí tuệ của Phật. “Trí này thâm sâu”, trí tuệ này là trí tuệ cứu cánh, trí tuệ viên mãn, nên nói “khó lường”, ý của hai chữ khó lường này rất sâu. Không có cách nào đo lường được, cũng không thể nói nó sâu đến mức độ.

Khoa học hiện đại phát triển về hai hướng. Phát triển về phương diện lớn là hư không vật lý, nghiên cứu đại vũ trụ. Ngược lại nghiên cứu từ chỗ nhỏ nhất là lượng tử lực học, nghiên cứu nguyên tử, điện tử, hạt căn bản. Hiện nay nói đến lượng tử, còn nhỏ hơn hạt căn bản. Cổ nhân có hai câu nói rất hay, vĩ quan phát triển tức là “lớn không có bên ngoài”, không có biên tế, không tìm thấy biên tế của vũ trụ. Từ phương diện nhỏ mà nói, thế giới vi quan gọi là “nhỏ không có bên trong”, nhỏ đến không có bên trong, cổ nhân quả là rất tuyệt vời. Nhưng nguyên khởi vũ trụ lại nói rất mơ hồ: “hỗn độn sơ khai, càn khôn thi điện”, rất mơ hồ.

Người ở cõi trời tứ không cho rằng cảnh giới này là nguyên khởi của vũ trụ, đây là ngộ nhận. Trong tôn giáo của Ấn độ cổ nói đại bát niết bàn, họ lầm tưởng cảnh giới này là Bát niết bàn, không phải vậy. Đức Thế Tôn ở trong tự tánh bản định thấy rất rõ ràng, thật sự minh bạch. Trong thế giới vi quan, hiện nay có thể nói khoa học tương đối có thành tựu. Kết quả nghiên cứu của họ, hoàn toàn tương đồng với trong kinh điển đại thừa nói về A lại da. Đây là Đức Phật nói trong kinh, nói công năng của đệ lục ý thức, đệ lục ý thức là phân biệt. Trong tám thức, công năng thức thứ sáu lớn nhất. Đối với bên ngoài có thể duyên đến hư không pháp giới, đối với bên trong có thể duyên đến A lại da. Nói cách khác, bên ngoài là nói pháp tướng, nó đều có thể duyên đến, nhưng không duyên được tự tánh.

Chúng ta biết, nghiên cứu của các nhà vật lý học, đến bây giờ là như trong kinh Phật nói, đã đến tận cùng. Vi quan và vi quan đều đến tận cùng, rất khó phát triển thêm, không có cách nào. Trên mặt vũ trụ vi quan nói rằng, kết luận nghiên cứu của các nhà khoa học, có thể quan sát được vũ trụ, họ nói chỉ là 10% của toàn vũ trụ, còn 90% của vũ trụ không thấy, không có, họ chỉ thấy được 10%. Thế giới vi quan nói đến nguyên tử, điện tử, lượng tử, nhìn thấy điểm này. Nhưng trong kinh Phật nói là vi tế của cực kỳ vi tế, cũng có thể chính là họ nói đến lượng tử. Trong này có thế giới, điều này khoa học chưa phát hiện, trong vi trần có thế giới, trong thế giới đó còn có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận, nó nhỏ không có bên trong. Khoa học chưa phát hiện được, chỉ biết biến pháp giới hư không giới, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, đều là tiểu quang tử biến hiện ra. Nên các nhà lượng tử lực học nói với chúng ta, thế giới này chỉ có ba thứ: Năng lượng, tin tức, vật chất. Chỉ có ba thứ này.

Vật chất từ đâu mà có? Vật chất đến từ tin tức, là thứ do năng lượng và tin tức biến hiện ra, nó không phải thật.

Tam tế tướng của A lại da_ Đức Phật nói nghiệp tướng của A lại da, khoa học gọi là năng lượng. Khoa học nói tin tức, chính là chuyển tướng của A lại da. Vật chất là cảnh giới tướng của A lại da. Đây là tam tế tướng của A lại da, đã được họ phát hiện, rất đáng nể. Đức Phật nói trong 3000 năm trước, 3000 năm sau các nhà khoa học cũng đã phát hiện được, nói hoàn toàn tương đồng, cùng một vấn đề. Chúng ta hiểu rõ điều này, mới thật sự hiểu được trí tuệ của Như Lai, là tự tánh vốn có. Phát hiện từ đâu? Phát hiện từ trong định.

Việc dạy học trong Phật pháp, ba cương lĩnh, tầng thứ quan trọng, nhất định phải tuân thủ. Nếu không tuân thủ, ta học được là tri thức, không phải Phật pháp. Phật pháp là trí tuệ. Ba cương lĩnh này chính là giới định tuệ, nhất định phải y theo phương pháp này để học tập, quý vị không thể sáng tạo phương pháp mới. Giới là gì? Nói với chư vị, giới nghĩa là buông bỏ, nhân giới được định. Đức Thế Tôn học suốt 12 năm, vì sao lại buông bỏ? Nếu không buông bỏ ngài không đạt được định. Buông bỏ phiền não chướng, sở tri chướng cũng phải buông bỏ, hai chướng. Sở tri chướng nói đến trình độ nào? Nói đến Phật pháp. Quý vị xem, trong Kinh Kim Cang nói rằng: Pháp còn phải xả, huống gì phi pháp? Phật pháp cũng phải buông bỏ, là giả, không phải thật, làm gì có Phật pháp? Quý vị chấp trước Phật pháp, liền biến thành sở tri chướng, không có Phật pháp. Phật pháp là gì, trong Kinh Kim Cang ví dụ rất hay: Quý vị qua sông, quý vị muốn qua bên bờ sông đối diện, Phật pháp là một chiếc thuyền, ta ngồi trên chiếc thuyền này để qua, lên bờ nhất định phải bỏ thuyền, phải xả bỏ mới có thể được độ, nếu chấp trước ở trên chiếc thuyền này, đó chính là sở tri, không thể lên bờ được. Nói “ví như chiếc thuyền vậy”. Ví dụ này rất hay. Khi quý vị chưa được độ, ta cần đến nó, cần nó giúp ta. Khi đến bờ, tất cả đều buông bỏ hết.

Chúng ta thử nghĩ, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Quý vị xem nhiều kinh luận như vậy, ngày ngày học tập Tịnh độ. Thật sự vãng sanh là buông bỏ tất cả, thật sự vãng sanh chỉ dựa vào một câu A Di Đà Phật. Nếu quý vị còn nghĩ trong kinh này nói gì, 48 nguyện của Phật A Di Đà là gì, như vậy gọi là tạp niệm. 48 nguyện là gì? 48 nguyện nâng cao phẩm đức của chúng ta. Trí tuệ, đức năng, tướng hảo của chúng ta, đều ở trong 48 nguyện. Chúng ta muốn trí tuệ, đức năng, tướng hảo thật, không cần thứ giả.

Học tập, trong Phật pháp thường nói, tổ sư đại đức ngày ngày dặn dò “quy về tự tánh”, chính là thật, nhưng hiện tượng này toàn là giả. Chúng ta không thể không biết, đừng chấp tướng. Nếu chấp tướng, quý vị thử nghĩ xem, vọng tưởng phân biệt chấp trước đều có. Vọng tưởng phân biệt chấp trước đều có, quý vị là hạng người nào? Là người trong luân hồi lục đạo, làm sao vượt thoát luân hồi lục đạo được? Đức Phật đã siêu việt, trí tuệ của Phật có thể nói ra chăng? Không nói ra được. Ngài có biết chăng? Ngài biết, ngài biết với chúng ta biết không có gì khác nhau, biết được là gì? Trí tuệ này khó đo lường. Giống như kính vạn hoa này của chúng ta, trong kính vạn hoa này có bao nhiêu hình ảnh? Biến hóa khó lường. Là thật, không phải giả, chỉ đơn giản như vậy. Quý vị không tin thì thử lưu hình ảnh lại, ngày ngày xoay chuyển, chuyển một năm, nhưng không có cái nào giống nhau. Tự tánh vốn như vậy, đừng vọng tưởng, đừng phân biệt, đừng chấp trước. Vì ta khởi ý niệm này là sai, trong tự tánh không có ý niệm, “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”.

Hôm nay chúng ta biết, thập pháp giới y chánh trang nghiêm từ đâu mà có? Trong hiện tượng dao động sinh ra. Trong tự tánh không có dao động, nên trong tự tánh không có y chánh trang nghiêm, không có vật chất cũng không có tinh thần. Động mới có, không động không có. Động liền hiện tướng, không động sẽ không hiện tướng. Kính vạn hoa là là một ví dụ, ví dụ chỉ có thể ví dụ phẳng phất, không cách nào ví dụ một cách chân thật. Vì quý vị xem kính vạn hoa, nó vẫn là có tướng, không chuyển tướng của nó vẫn tồn tại. Nếu tự tánh không động, nó không có tướng, khi động mới có tướng. Trí tuệ này quả thật rất sâu.

“Vì Phật chứng niết bàn thậm thâm pháp tánh”. Niết bàn là một danh từ, danh từ thuật ngữ trong Phật học, nó có nghĩa là diệt. Trong pháp Tứ đế nói: Khổ tập diệt đạo, niết bàn chính là diệt. Diệt điều gì? Diệt tận tất cả tập khí phiền não, không còn nữa, gọi là niết bàn. Trong Phật pháp đại thừa, diệt tận tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, gọi là niết bàn. Niết bàn là tự tánh viên mãn, vì tự tánh có thể sanh ra vạn pháp, nên tự tánh là bản thể của tất cả vạn pháp, gọi là pháp tánh. Lý này rất thâm sâu, hiện tượng quá phức tạp. Như Lai “chứng”, viên mãn chứng được. Đây là nói với Bồ Tát, Bồ Tát chứng được chưa viên mãn. Thanh văn, Duyên giác cũng chứng được, ít phần.

Gia Tường Sớ nói: “Như Lai chánh giác, trí tuệ này khó lường”, là giải thích câu này. “Rõ ràng trí tuệ chân thật tuyệt diệu”, đây là trí tuệ chân thật, trong tự tánh vốn có, tuyệt diệu. “Chiếu soi cùng tận pháp giới, không phải hữu tình hạ căn có thể đo lường được”. Hạ tình này là gì? Tình là chúng sanh, gọi là hữu tình chúng sanh, Bồ Tát gọi là hữu tình giác. Nên trong chữ tình này, bao gồm từ Đẳng giác trở xuống, họ không cách nào đo lường được.

Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta đọc được: “Trí tuệ chân thật tuyệt diệu, chiếu soi cùng tận pháp giới”. Ai có thể cảm nhận được? Viên giáo sơ trụ Bồ Tát trở lên, họ cảm nhận được. Tuy họ vẫn còn tập khí vô thi vô minh, chưa đoạn, nhưng nó ảnh hưởng không lớn. Họ đoạn tận khởi tâm động niệm, đích thực sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, họ không còn khởi tâm động niệm, siêu việt mười pháp giới. Trong mười pháp giới không được, Phật trong mười pháp giới vẫn còn khởi tâm động niệm, họ dùng là A lại da, không phải dùng tự tánh.

Tự tánh là chân tâm, không khởi tâm không động niệm là dùng chân tâm, không phải dùng A lại da. Gọi là chuyển A lại da thành đại viên cảnh trí, tức là chuyển thức thành trí. Tỉnh giác mộng trong thập pháp giới, thập pháp giới không còn. Trí tuệ chân thật tuyệt diệu, tác dụng của nó còn, tác dụng là chiếu soi cùng tận pháp giới. Chữ cùng này ở đây gọi là triệt để, thứ thâm mật trong pháp giới họ đều nhìn thấy. Nên nói toàn tri toàn năng, vô sở bất tri, vô sở bất năng.

“Hạ tình” có hai cách nói: Thứ nhất là Đẳng giác trở xuống, thứ hai là Viên giáo sơ trụ trở lên. Trở xuống này chính là mười pháp giới, mười pháp giới chắc chắn không có năng lực để đo lường trí tuệ đức năng của tự tánh.

Chân Giải nói: “Nhu Lai chánh giác, thừa Di Đà nhất Như lai thành chánh giác. Ứng thân này tức bốn địa thân cũng là trí này khó lường. Niệm Phật tam muội làm sở trú, trú trong phát thắng diệu trí này”. Giải thích trong Chân Giải, cũng rất có lý, vì nó giải thích là Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ tuyệt đối không tách rời Phật A Di Đà. “Nhu Lai chánh giác, thừa Di Đà nhất như”. Nhất như nghĩa là tánh đức. Bản thân đầy đủ trí tuệ đức năng tướng hảo, hai chữ “nhất như” bao hàm tất cả. “Lai thành chánh giác”, là đến thị hiện. “Thừa Di Đà nhất như”, là Phật A Di Đà gia trì, họ đến thị hiện.

Đây cũng lộ ra cho chúng ta một tin tức, Phật A Di Đà, pháp thân đại sĩ trong cõi thật báo trang nghiêm, 41 vị pháp thân đại sĩ. Họ có năng lực cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh khắp biến pháp giới hư không giới, chúng sanh có cảm, ngài liền có ứng. Cần thấy thân gì để độ thoát họ có thể thị hiện ra thân đó. Người đáng dùng thân Phật để được độ thoát, liền thị hiện thân Phật mà vì đó nói pháp. Bất luận hiện thân gì đều là thừa Di Đà nhất như, bốn nguyện 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Tiết lộ tin tức này cho chúng ta biết, không sai!

Cho nên những pháp thân đại sĩ từ thế giới Cực Lạc đến, giúp tất cả chúng sanh đau khổ. Bất luận họ hiện thân gì, trí tuệ đức năng đều không khác Phật A Di Đà. Chúng ta hiểu được chân tướng sự thật này, liền sanh khởi tín tâm đối với chư vị tổ sư. Chư vị tổ sư này phần nhiều đều từ thế giới Cực Lạc đến, Phật A Di Đà gia trì họ đến. Họ không dùng thân phận lai thành chánh giác, Đức Thế Tôn là thân phận lai thành chánh giác. Chúng ta tin rằng, Đức Thế Tôn cũng là thừa Di Đà nhất như lai thành chánh giác, có thể nói như vậy. Vì trong kinh Đức Phật từng nói, vô lượng kiếp trước, vào thời Đại Thông Như Lai, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Phật Di Đà là đồng học, là đệ tử của Đại Thông Như Lai. Hiện nay Phật A Di Đà làm Phật ở thế giới Cực Lạc, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đến đây để thị hiện, sao không thể nói là thừa Di Đà nhất như lai thành chánh giác? Rất hợp lý!

“Ứng thân này tức bốn địa thân”, bốn địa thân là gì? Chính là thân khi họ ở thế giới Cực Lạc, pháp thân, báo thân. Họ đến thế gian chúng ta là ứng thân, chúng sanh có cảm, ngài liền đến ứng. “Trí này khó lường”, trí tuệ của ứng thân Như Lai, không có gì khác với pháp thân và báo thân. “Niệm Phật tam muội làm sở trú, trú trong phát thắng diệu trí này”, niệm Phật tam muội không thể nghĩ bàn. Trong kinh điển Thế Tôn thường khen ngợi, “niệm Phật tam muội, vua trong tam muội”. Khen ngợi đến đỉnh điểm, không cách nào cao hơn nữa. Quý vị xem tán thán Phật A Di Đà: “Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, đều là khen ngợi đến tột cùng.

Hai câu này là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, chúng ta có thể tin, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đại diện tất cả Chư Phật Như Lai nói. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi như thế, tất cả Chư Phật không ai không khen ngợi như vậy, nói Phật A Di Đà là: “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Chúng ta đáng quý nhất, là ở trong kinh giáo, khi nghe kinh điển

kiến lập tín tâm kiên định không thay đổi. Phải phát nguyện, đời này tôi nhất định được sanh Tịnh độ, vãng sanh được hay không là ở nơi tín nguyện này.

Đại sư Ngẫu Ích nói rất hay, tôi tin rằng đại sư Ngẫu Ích cũng là thừa Di Đà nhất như, đến ứng hóa ở chỗ chúng ta. Như vậy có thể giả được sao? Đại sư Ân Quang đều như vậy, đều trú trong niệm Phật tam muội, “phát thắng diệu trí tuệ”, đều là như vậy. Thắng là thù thắng, diệu là vi diệu, trí tuệ chân thật, không phải trí thức. Bây giờ chúng ta xem câu thừa Di Đà nhất như là oan thân bồn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, gia trì thật, không phải giả. Đây là một đoạn văn trong Chân Giải, chúng ta xem chú thích của Hoàng Niệm Tổ.

“Thích Ca Như Lai chánh giác, là thừa Di Đà nhất như mà lai thành chánh giác, nên cùng một chân như với Di Đà, cũng tức là cùng một pháp thân”. Chúng tôi vừa mới nói cũng là ý này, chúng ta xem tiếp. “Hiện tại hiện đoan tướng ứng thân Phật, thật tức là pháp thân, bồn địa thân Như Lai”. Bồn địa thân nghĩa là pháp thân, pháp thân Như Lai, đây là thân hiện ở thế gian chúng ta. Thực tế mà nói chính là pháp thân, là Phật A Di Đà gia trì. “Nhất như Di Đà trú trong niệm Phật tam muội, do trú trong tam muội này, phát trí tuệ thắng diệu, nên trí tuệ này khó lường”. Tam muội, những khái niệm danh từ này nhất định phải hiểu rõ ràng. Tam muội là dịch âm tiếng Phạn, thông thường dịch là chánh thọ, nghĩa là thọ dụng bình thường. Trái với chánh thọ nghĩa là thọ dụng không bình thường. Thọ dụng không bình thường là sao? Trong kinh Đức Phật nói với chúng ta năm loại: Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều là không bình thường, gọi là năm loại thọ của phàm phu. Thân có khổ thọ, có lạc thọ; tâm có ưu thọ, có khổ thọ. Xả là gì? Xả là thân tạm thời không có khổ lạc, tâm cũng không có ưu hỷ, đây gọi là xả. Vì sao gọi là xả? Thời gian rất ngắn, chốc lát lại khởi lên, khổ lạc ưu hỷ lại khởi lên. Nếu mãi duy trì được xả thọ, vĩnh viễn trú trong xả thọ, không có khổ lạc ưu hỷ, đó gọi là chánh thọ. Nên chánh thọ chính là thiền định.

Bây giờ Thế Tôn dạy chúng ta, niệm Phật tam muội là chánh thọ. Thân chúng ta lễ Phật, niệm Phật; trong tâm nhớ Phật, trong tâm nghĩ đến Phật. Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai nhất định thấy Phật. Hiện tiền là hiện tại, bây giờ chúng ta đã hiểu, thật sự minh bạch. Niệm này của ta là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tôi, tôi chính là Phật A Di Đà, điểm này hoàn toàn là sự thật. Người có nhập vào một chút trong cảnh giới Hoa Nghiêm hiểu! Nói với họ, họ gật đầu, thừa nhận. Khi niệm Phật, tâm tôi tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi. Đây gọi là gì? Gọi là tương ưng. Cổ đức nói: một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Ta vốn là Phật. Nói với quý vị thân thiết hơn một chút: Chúng ta vốn là Phật A Di Đà. Bây giờ ta niệm Phật A Di Đà, sao ta không phải là Phật A Di Đà? Sao không vãng sanh được? Làm gì có chuyện đó!

Đại sư Ngẫu Ích nói: vãng sanh hay không quyết định ở chỗ có tín nguyện hay không. Nói rất hay! Phạm vi khi đến thế giới Cực Lạc, đó là công phu niệm Phật sâu hay cạn. Thực tế mà nói, công phu sâu cạn là gì? Ở chỗ buông bỏ, đó mới thật sự gọi là công phu sâu cạn. Buông bỏ ít thì công phu cạn, nếu buông bỏ nhiều công phu sẽ sâu, buông bỏ triệt để công phu liền viên mãn.

Mấy ngày nay, ngày nào Hồ Tiểu Lâm cũng hướng dẫn mọi người sám hối, sửa đổi. Sám hối sửa đổi chính là buông bỏ, nếu không buông bỏ ta lấy gì để thay đổi? Lấy gì để sám hối, buông bỏ là được! Trong Hoàn Nguyên Quán nói ngũ chỉ, lục quán. Ngũ chỉ tức là buông bỏ, lục quán nghĩa là Phật tri Phật kiến. Trong Kinh Pháp Hoa nói nhập Phật tri kiến.

“Do trú trong tam muội này, trí tuệ phát thắng diệu”. Cần học chăng? Không cần thiết. Thật sự niệm câu Phật hiệu này, dùng phương pháp này, khiến bản thân niệm Phật tam muội

thật sự hiện tiền, trí tuệ liền hiện tiền. Niệm Phật tam muội là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh khởi tác dụng, sẽ phát trí tuệ thù thắng vi diệu. Trí tuệ thắng diệu, đến bản thân cũng không biết, khi nào phát hiện? Phát hiện khi nghe kinh, vì sao vậy? Vì thật sự nghe hiểu, nghe được pháp hỷ, nghe đến say mê, đó là phát hiện trí tuệ.

Trong cuộc sống hằng ngày, đôi nhân xử thế đều có thể làm đến chỗ thích hợp, cũng không phải tự mình cố ý làm. Càng rõ ràng hơn, trong đại chúng, giống như hiện nay trả lời nghi vấn của đại chúng. Mấy trăm người ở dưới, đặt vấn đề hỏi quý vị, hỏi đâu trả lời đó, hình như không có vấn đề nào làm khó được quý vị, đây là trí tuệ thắng diệu. Quý vị cũng chưa từng chuẩn bị những câu hỏi này, cũng không xem những tư liệu này, đều không có.

“Trí tuệ này khó lường, cho nên đây không phải các đại sĩ hàng địa thượng và Đẳng giác có thể ước lượng đo lường được”. Câu này nói rất hay, Bồ Tát địa thượng, Bồ Tát Đẳng giác, không thể nào đo lường được Diệu giác quả Phật. “Do thắng diệu chân trí, chiếu soi chân như, lại có thể thông đạt tất cả các pháp không có trở ngại, nên gọi là không có chướng ngại”. Chân như nghĩa là thật trí, thông đạt tất cả các pháp là quyền trí, cả hai loại trí tuệ đều đạt được. Hai loại trí tuệ này trong tự tánh vốn đầy đủ, không phải từ bên ngoài vào, bên ngoài không có.

Trong Phật giáo đại thừa Đức Phật thường nói, chúng ta đều rất quen thuộc: “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”, nói một cách tuyệt đối, trí tuệ đức tướng toàn là bản thân vốn có, nên không thể cầu bên ngoài. Cầu bên ngoài quá khổ, lại không cầu được. Không cầu, không cầu nó sẽ đến, liền hiện tiền. Bởi vậy chúng ta học Phật, đặc biệt là trong thời đại hiện nay, quan trọng nhất là gì? Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra, mọi ý niệm đều không có. Nếu có ý niệm, nghĩ đến chúng sanh khổ, chúng ta giúp họ như thế nào? Tự mình thành Phật sẽ giúp được họ, tự mình tinh tấn sẽ giúp được họ. Thật sự dụng công, chúng ta nghĩ đến họ, đó gọi là hồi hướng, có thể giúp họ tiêu tai miễn nạn. Không thể tránh hoàn toàn thì cũng giảm nhẹ, nhất định giảm nhẹ. Bản thân chúng ta không có công phu chân thật, đó là một tâm nguyện, vậy thì chúng sanh khổ nạn không được lợi ích chân thật. Mình có công đức tu tập, mới thật được lợi ích.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới: “Đức dụng viên dung”, bên dưới gọi là pháp thân Bồ Tát, ở trước nói là bát nhã đức. “Có thể trong chùng một niệm, trú vô lượng ức kiếp, thân và các căn, không có tăng giảm”. Thân và các căn, các căn là sáu căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý. Không có tăng giảm, đây là gì? Là pháp thân Như Lai. Quý vị xem hai câu trước, thời gian là giả, đã đột phá thời gian. “Niệm kiếp viên dung”, một niệm chính là vô lượng ức kiếp, nói ngược lại vô lượng ức kiếp chỉ trong một niệm. Hạng người nào có thể làm được? Người thật sự giác ngộ, vì sao vậy? Sau khi giác ngộ, biết được thời gian và không gian là giả, thời gian và không gian từ đâu mà có? Vẫn là từ ý niệm sanh ra, cũng tức là nói từ phân biệt chấp trước sinh ra. Có phân biệt chấp trước sẽ có thời gian và không gian, không có phân biệt chấp trước thì thời gian và không gian cũng không có. Bởi vậy minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh không gian và thời gian không còn. Ngày nay chúng ta gọi là tầng không gian và thời gian, không còn tồn tại. Vậy tầng không gian từ đâu mà có? Từ phân biệt chấp trước. Nên chỉ cần có định công, trong định công không có phân biệt chấp trước, nên họ đã đột phá tầng không gian, đạo lý là như vậy. Tứ thiên bát định có thể đem tầng không gian trong lục đạo, chính là thời gian và không gian, đột phá tất cả, nên mới có thể thấy rõ ràng như vậy. Ngoài lục đạo họ không thấy được, không có năng lực đó, phải có định thâm sâu, thâm sâu là sao? Tiếp tục buông bỏ phân biệt, như vậy sẽ thấy được mười pháp

giới, phạm vi này rất lớn. Buông bỏ thêm khởi tâm động niệm, thập pháp giới không còn, ta có thể nhìn thấy pháp giới hư không giới, vô lượng vô biên cõi nước Chư Phật. Như trong Kinh Hoa Nghiêm nói về thế giới Hoa Tạng, quý vị đã nhìn thấy.

Các nhà khoa học hiện nay nghiên cứu vũ trụ vĩ quan, họ nhìn thấy thực tế mà nói, vẫn chưa thấy được tứ thánh pháp giới. Họ phát hiện 90% của vũ trụ không có, hiện tượng này là thật, họ có thể phát hiện là điều không đơn giản. 90% vũ trụ ở đâu? Trong kinh điển Đức Phật nói, đã trở về tự tánh. Quý vị xem đến Đẳng giác, Đẳng giác vừa lên đến Diệu giác liền đi vào thường tịch quang, vào thường tịch quang sẽ không nhìn thấy, vì sao vậy? Vì thường tịch quang không phải tinh thần cũng không phải vật chất, nên không thể truy cứu được. Đây giống như một đại tuần hoàn.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói về ba loại chu biến, ý này rất sâu sắc, trên thực tế chúng ta vẫn chưa thấu triệt được nó. Loại thứ hai của ba loại chu biến là: “xuất sanh vô tận”, câu này như đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”. Trong biến pháp giới hư không giới, vô lượng vô biên cõi nước của Chư Phật, bây giờ chúng ta hiểu, cảnh giới này hiện ra trong chùng một niệm. Nó không có thứ lớp, mà hiện ra trong khoảnh một niệm, không có trước sau. Nhưng sự biến hóa trong này vô cùng phức tạp. Biến hóa như thế nào? Tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng, ý niệm của chúng sanh quá phức tạp.

Trong cõi nước Chư Phật có Tịnh độ, có thuần tịnh. Thuần tịnh là gì? Chỉ có cõi thật báo, không có cõi phược tiện và cõi đồng cư, không có. Điều này chúng ta đọc được trong Kinh Hoa Nghiêm, đây đều là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Sau khi thấu triệt rồi, đối với Phật A Di Đà, đối với thế giới Cực Lạc mới thật sự lãnh hội được ít phần ân đức. Đối với đại ân đại đức của tất cả chúng sanh, tri ân báo ân, làm sao để báo ân Phật A Di Đà, báo ân của Chư Phật Như Lai? Chỉ có nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, chúng ta trở về đến thế giới Cực Lạc, mới là thật sự báo ân Phật. Không trở về thế giới Cực Lạc thì lấy gì để báo ân? Đức Phật đối với chúng ta không có mong cầu gì, chỉ hy vọng chúng ta sớm ngày thành Phật, sớm ngày chúng quả, giống như ngài vậy. Sau khi thành Phật, cũng giống như ngài không từ bỏ chúng sanh đau khổ trong pháp giới hư không giới. Giúp họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. “Bốn câu trước xem trong Đường Dịch”, Đường Dịch là Kinh Đại Bảo Tích, hội Vô Lượng Thọ. “Hiện lộ đức của bốn địa pháp thân”, “trú vô lượng ức kiếp”, đây nghĩa là vô lượng thọ, thế giới Cực Lạc gọi là vô lượng thọ. “Biểu trưng thọ mạng vô lượng của Phật”, đến thế giới Cực lạc quả đúng là vô lượng thọ. Phẩm Vô Lượng trong Kinh Tối Thắng Vương, có trích dẫn ở đây một bài kệ. Bài kệ nói rằng: “Nếu người trong ức kiếp, tận lực thường tính đếm, cũng không thể biết được, thọ lượng của Thế Tôn”. Đây là nói đến thọ lượng của Phật.

Nói đến Phật chúng ta nhất định phải biết, là nói đến bản thân chúng ta. Nhất định từng câu từng chữ, phải biết quy về tự tánh. Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này toàn là nói về mình, cho đến bộ Kinh Hoa Nghiêm, nói ai? Nói chính mình, chúng ta học xong thật sự được thọ dụng. Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này toàn nói về thế giới Cực Lạc, nói về Phật A Di Đà, không liên quan đến tôi, như vậy dù có học cũng không được lợi ích gì, giống như xem tiểu thuyết vậy. Như vậy là sai lầm hoàn toàn, ta đã phụ tấm lòng tốt của Thế Tôn. Nhất định phải nhớ rằng, mình và người không hai, là một không phải hai, tất cả là vấn đề của chính mình.

“Kim kinh vân”, trong kinh này Đức Phật nói: “Có thể trong một niệm, trú vô lượng kiếp. Đây tức pháp giới sự sự vô ngại của Hoa Nghiêm, là Thập Thế Cách Pháp Di Thành

Môn trong Thập Huyền Môn”. Thập huyền trong phần khái yếu ở trước chúng ta đã học qua. Hoa Nghiêm có Thập huyền, trong Kinh Vô Lượng Thọ cũng có Thập huyền, nên nó với Kinh Hoa Nghiêm là cùng một bộ. Cổ đức nói kinh này là trung bản Hoa Nghiêm, rất có lý, không phải nói một cách tùy tiện. Ngoài Kinh Hoa Nghiêm ra, trong các kinh điển khác không có Thập huyền, không tìm thấy. Nhưng trong Kinh Vô Lượng Thọ có, không thiếu điều nào.

“Nhu Kinh Hoa Nghiêm dịch thời nhà Tấn”, đây là Lục Thập Hoa Nghiêm. “Biết vô lượng kiếp là nhất niệm, biết nhất niệm tức vô lượng kiếp”, ý nghĩa hoàn toàn giống trong kinh này nói. “Dài ngắn đồng thời, đúng là cùng một ý với kinh này, chứng minh đầy đủ kinh này không khác Hoa Nghiêm”. Đây là hiện tượng gì? Thực tế mà nói, đến thế giới tây phương Cực Lạc, thời gian và không gian đều không còn. Thời gian không có, vô lượng kiếp trước ở ngay trước mắt, hoàn toàn thấy rõ, vô lượng kiếp sau cũng ngay trước mắt. Khi không có không gian thì sao? Không có khoảng cách. Cõi nước Chư Phật mười phương ở đâu? Ngay tại đây, chính là hiện tại.

Vậy chúng ta muốn hỏi, thế giới Cực Lạc không tệ, rất tốt. Chúng ta muốn xem vô lượng kiếp trước, muốn xem vô lượng kiếp sau. Tất cả đều ngay trước mắt, thấy được tất cả, không phải tưởng tượng, là thật, thấy mười phương thế giới cũng đều ngay trước mắt. Tôi nói thêm với quý vị, chúng ta hiện tại ở Hồng Kông cũng không ngoại lệ, không khác gì ở thế giới Cực Lạc. Vì sao chúng ta không nhìn thấy? Vì chúng ta có chướng ngại, các ngài không có chướng ngại. Chướng ngại của chúng ta là gì? Là vọng tưởng phân biệt chấp trước. Chúng ta muốn xem toàn bộ địa cầu này, nhìn tình trạng hiện nay của họ. Không cần cảnh giới cao như vậy, A la hán là nhìn thấy được.

Nói cách khác, nếu chúng ta buông bỏ chấp trước, năng lực này được khôi phục, đây là bản năng trong tự tánh. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói: “tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai”. Vấn đề này là ở nơi đức, đức năng, vì sao vậy? Vì biến pháp giới hư không giới với chính mình là nhất thể. Quý vị xem thị tam biến trong Kinh Hoa Nghiêm, bất luận là tinh thần hay vật chất, chúng ta biết nó là hiện tượng dao động, mỗi cái dao động đều chu biến pháp giới. Thời gian bao lâu? Lập tức, vừa động thì biến khắp hư không pháp giới đều nhận được ngay, giống như một mạng lưới vậy. Ngày nay chúng ta dùng mạng internet, giống như mạng internet hiện nay vậy. Vừa động, toàn bộ đều biết, nhưng chúng ta không biết, người không chướng ngại họ biết hết. Vừa động liền xuất sanh vô tận, xuất sanh ra điều gì? Pháp giới hư không giới, đại sư Huệ Năng nói là “năng sanh vạn pháp”. Nhất niệm này đôn hiện, niệm niệm đôn hiện, niệm niệm đều khác nhau. Nên nó không phải thật, bao gồm cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật, cũng không phải thật. Từ trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta mới hiểu được, cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật từ đâu mà có? Chưa đoạn tận tập khí vô minh, dao động đó, dao động cực kỳ vi tế hình thành. Nếu tận tập khí vô minh không còn, trong kinh nói đến Diệu giác vị, Diệu giác vị không còn tập khí. Diệu giác vị ở đâu? Diệu giác vị ta không nhìn thấy. Diệu giác không có vị, trở về tự tánh, trở về thường tịch quang. Đây chính là các nhà khoa học nói, sao không thấy vũ trụ, không có? Vì đã trở về thường tịch quang.

Thường tịch quang có khởi tác dụng chăng? Khởi tác dụng, tác dụng rất lớn. Cõi thật báo đều khởi tác dụng, thì sao thường tịch quang không khởi tác dụng được! Chúng ta có thể nói, trong cõi thật báo khởi tác dụng, là 41 vị pháp thân đại sĩ. Trong thường tịch quang khởi tác dụng, là Chư Phật Như Lai. Chúng sanh có cảm, họ liền có ứng. Chúng sanh bất luận là

nhục thể, là vật chất, hay là tinh thần. Bởi vậy Phật giáo nói về ngũ uẩn quá hay, sắc thọ tưởng hành thức, đây là ngũ uẩn, nói quả là rất hay. Trong một hạt bụi, đều bao hàm sắc thọ tưởng hành thức. Sắc là gì? Là hiện tượng vật chất, thọ tưởng hành thức là hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất vĩnh viễn ở cùng nhau, vĩnh viễn không tách rời. Có vật chất là có tinh thần, có tinh thần liền có vật chất, không bao giờ phân khai. Cho nên dù vật chất nhỏ đến đâu, nó đều có hiện tượng tinh thần.

Chúng ta đặt chiếc bàn này, chúng ta khởi tâm động niệm nó biết chăng? Biết, nó thấy được, nghe được, nó có cảm nhận, hiểu được ý người. Tiên sĩ Giang Bồn Thắng đã thí nghiệm nước, tất cả hiện tượng vật chất và nước đều giống nhau. Bây giờ chúng ta chưa trải nghiệm được, nhưng tất cả đều có. Khi thật sự hiểu rõ, Bồ Tát Phổ Hiền nói “lễ kính Chư Phật”, chúng ta mới thật sự lãnh hội được ý này, cung kính tất cả. Đối với một hạt bụi cũng cung kính, chúng ta không thể thiếu nó dù chỉ một hạt. Vì sao vậy? Nó với tự tánh chúng ta thành nhất thể, không có nó chúng ta cũng không có. Một có thì toàn bộ có, một không có toàn bộ cũng không. Một thứ không có thì tất cả đều không có, một hiện tất cả hiện. Là nhất thể, không phải hai! Đây là chân tướng sự thật, gọi là thật tướng các pháp, nên chúng ta không được xem nhẹ. Một cọng cỏ, một lá cây, một hạt bụi, một giọt nước đều phải chấp tay khen ngợi. Đó là gì? Là pháp tánh. Tướng khác nhau, nhưng tánh hoàn toàn tương đồng. Không có tánh lầy đâu ra tướng, tánh ở đâu? Tánh ở trong tướng, tánh tướng là một không phải hai. Quý vị nói đối với người có thể không cung kính được sao? Có thể khởi tâm ngạo mạn sao? Có thể tự cho mình hơn người sao? Sai, tất cả những thứ đó là sanh phiền não, khởi phiền não, tạo tội nghiệp.

Trong Kinh Địa Tạng nói: Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm không chi là không phải tội. Lời này hoàn toàn đúng, không hề giả dối. Ai không tạo nghiệp? Người chứng được pháp thân không còn tạo nghiệp, vì sao vậy? Trong đề kinh này nói: “thanh tịnh bình đẳng giác”, họ đã đạt được, đã khôi phục, gọi là khôi phục bình thường. Khôi phục tâm thanh tịnh, đoạn tận kiến tư phiền não, tâm thanh tịnh hiện tiền. Đoạn trần sa phiền não, tâm bình đẳng hiện tiền. Đoạn vô minh phiền não, không khởi tâm không động niệm, giác hiện tiền. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, không còn tạo nghiệp. Cảnh giới này trú ở đâu? Trú trong cõi thật báo trang nghiêm. Thế giới Cực Lạc, trú trong niệm Phật tam muội. Cho nên niệm Phật tam muội được xưng là vua, đạo lý là như vậy.

Chúng ta không gặp được pháp môn này, trong đời muốn khế nhập cảnh giới này, quả thật không dễ, rất khó. Chúng ta thử nghĩ xem, không có năng lực này. Gặp được pháp môn này là nhân duyên đã thuận thực. Gặp được nhân duyên này có hai hạng người: Thứ nhất là người có thiện căn sâu dày, họ gặp được liền tiếp nhận, y giáo tu hành, họ nhanh chóng thành tựu. Hạng người thứ hai, tiếp thu rồi còn phải nghiên cứu xem, nguyên nhân gì? Họ vẫn còn hoài nghi, phải nghiên cứu rõ ràng, biết được đây là thật. Phải phân tích rõ ràng, nghiên cứu tỉ mỉ, tín tâm của họ tăng trưởng theo từng năm, đời này cũng có thể thành tựu.

Thành tựu nhanh hay chậm, liên quan đến thiện căn, phước đức, nhân duyên của họ. Nên dễ thương nhất, đáng tôn trọng nhất là các ông bà cụ, Phật A Di Đà rất hay, được, tôi sẽ niệm. Buông bỏ tất cả, một ngày từ sáng đến tối chỉ một câu Phật hiệu. Rất dễ thương, cũng rất đáng khâm phục! Những người này cổ nhân vô cùng khen ngợi.

Trước đây thầy Lý thường nói với chúng tôi, thầy cũng rất muốn học những ông bà cụ này, nhưng học không giống, học không được! Đây là câu nói gì? Mọi người đều biết: “duy có bậc thượng trí và hàng hạ ngu không thay đổi”. Trí tuệ tối thượng, vừa nghe liền đại triệt

đại ngộ, như ngài Huệ Năng vậy, người như thế. Còn có ai? Hàng hạ ngu, các ông bà cụ không hiểu gì, không biết gì. Nhưng quý vị dạy họ một câu A Di Đà Phật, họ sẽ niệm đến cùng, thành tựu của họ giống như đại sư Huệ Năng vậy. Một người là thượng thượng trí, một người là hạ ngu. Quý vị muốn học hạ ngu, thầy Lý nói, trong đời này thầy muốn học nhưng không học được, không dễ!

Nếu những người này trong đời quá khứ có thiện căn, họ chỉ cần vừa tiếp xúc, chúng ta nghĩ nhiều nhất là ba năm, họ đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta học Phật ba năm, có thể vẫn chưa kiến lập được tín tâm, bán tín bán nghi, thua xa các ông bà cụ này. Tôi từng nói rất nhiều lần với quý vị, tôi quyết một lòng tu Tịnh độ là sau 20 năm học Phật. Người ta 20 năm đã thành Phật, tôi 20 năm mới tin tưởng, quý vị xem có tệ không! 20 năm mới tiếp thu, phải chăng đã tin thật? Không, tin thật không phải đã đi từ sớm rồi sao? Nói với chư vị, tin thật là mấy năm gần đây giảng Kinh Hoa Nghiêm mới tin thật. Đặc biệt là học Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ. Tu Hoa Nghiêm Yếu Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, mới thật sự tin, đây là sự thật.

Từ đâu để nhận ra thật hay giả? Xem từ chỗ buông bỏ, tin thật mới buông bỏ thật, không phải tin thật họ không hoàn toàn buông bỏ. Họ còn vương bận thế gian này, còn nhiều thứ muốn khống chế, muốn chiếm hữu. Người buông bỏ triệt để, đó là tin thật. Đến tối nay có cơm ăn hay không cũng không quan tâm, họ cũng không nghĩ đến, đó là tin thật. Còn như tối nay muốn ăn gì, như vậy là chưa buông bỏ, không dễ! Phật pháp đại thừa thuần chân không có vọng, làm sao ta có thể tu giả được! Tu giả không bao giờ thành công, nhất định phải tu thật.

Ở đây Hoàng Niệm Tổ kết luận, nói rõ kinh này cùng một vị với Kinh Hoa Nghiêm, điều này không phải giả.

“Thích Tôn”, Thích Tôn chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. “Tức là Tỳ Lô. Cõi nước ta ứng thân giáo chủ, cũng tức là pháp thân vô lượng thọ Phật”. Lời này nói rất hay. Quý vị có tin chăng? Quý vị có thừa nhận chăng? “Thích Ca, Tỳ Lô và Di Đà không một không khác”, ở dưới nói “thân và các căn không có tăng giảm, biểu trưng thân Phật thù thắng. Do đó trú bản địa pháp thân, ứng thân thị hiện, tức đầy đủ viên mãn báo thân đức”. Nói không sai chút nào, từng chữ từng câu đều nói lời thật với chúng ta. Khiến chúng ta hồi tưởng trong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư, thiền sư Trung Phong nói rằng: Tâm tôi tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi. Ở đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ tức là ở đây. Lời này là thật, không phải giả. Vì sao chúng ta không thấy được? Vì mê thất tự tánh. Vì sao mê thất tự tánh? Vì có tập khí phiền não, có vọng tưởng phân biệt chấp trước, đây là chướng ngại. Ba loại chướng ngại lớn này, chướng ngại ta không thể kiến tánh, chướng ngại trí tuệ đức tướng trong tự tánh của chúng ta, chướng ngại tất cả. Thực tế mà nói, chướng ngại này khiến trí tuệ đức tướng trong tự tánh biến chất, chẳng phải không có. Trí tuệ biến thành gì? Trí tuệ biến thành vọng tưởng. Vọng tưởng phân biệt chấp trước, toàn là trí tuệ biến hiện ra. Cho nên trong Phật pháp thường nói phiền não tức Bồ đề, Bồ đề chính là trí tuệ, là một không phải hai. Khi giác ngộ, phiền não biến thành Bồ đề; mê thì Bồ đề trở thành phiền não. Đức năng biến thành gì? Đức năng trở thành tạo nghiệp, khởi tâm động niệm không gì không phải tội. Tướng hảo, tướng hảo biến thành luân hồi lục đạo. Quý vị xem, vốn là thế giới Cực Lạc, nay biến thành luân hồi lục đạo. Vốn là báo thân, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Hiện nay ở trong lục đạo, tùy loại hiện ra thân tướng này, người thì hiện thân tướng con người, đến đường súc sanh thì hiện thân tướng súc sanh, đến địa ngục thì hiện thân tướng địa ngục, quý

vị xem đáng thương biết bao. Những vấn đề này Đức Phật nói rất rõ ràng, chúng ta phải lãnh hội rõ ràng, toàn là tự làm tự chịu, không phải người khác gây ra. Sau khi đã hiểu rõ, sẽ không còn oán trời trách đất. Mà biết tự trách, tự trách là sám hối. Biết được như thế nào? Bản thân ta sai, không liên quan đến người khác. Ý niệm vừa chuyển, người khác toàn là Phật Bồ Tát, toàn là đại từ đại bi, thị hiện trước mặt để độ chúng ta, làm cho chúng ta giác ngộ. Thuận cảnh không khiến tôi tham, nghịch cảnh không khiến tôi sân nhuế. Tôi cần ở trong cảnh giới đoạn trừ tham sân si mạn nghi, đây gọi là quay đầu là bờ. Đồng thời, bản thân quay đầu, dần dần ta phát hiện, thấy được điều gì? Mỗi chúng sanh đều trú trong bốn địa pháp thân, đều ở đó ứng thân thị hiện. Đây là nhập vào cảnh giới gì? Nhập vào cảnh giới của Thiện Tài. Cảnh giới của Thiện Tài Đồng Tử rất đơn giản, phạm phu chỉ có mình tôi, ngoài tôi ra đều là Phật Bồ Tát, nên ngài một đời thành Phật, thập đại nguyện vương ngài đều thực hành đủ.

“Lễ kính chư Phật”, cung kính tất cả, cung kính hết thầy mọi người. Người thiện cung kính, người ác cũng cung kính. Cung kính người có ân với tôi, người thù oán với tôi cũng cung kính. Cung kính với tất cả chúng sanh, cung kính với tất cả động vật, cung kính với tất cả thực vật, cung kính sơn hà đại địa, cung kính đối với hiện tượng tự nhiên, không có gì không cung kính. Đó gọi là gì? Đó gọi là lễ kính chư Phật.

“Xung tán Như Lai”, hoàn toàn không có tâm đố kỵ. Thấy người khác có ưu điểm liền khen ngợi. Người khác thể hiện điều tốt, bản thân ta nhìn thấy, hồi quang phản chiếu xem mình có chẳng? Nếu không có, học tập theo, họ đã nhắc nhở mình. Nếu người ta thể hiện điều bất thiện, suy nghĩ lại xem mình có hay không? Có phải thay đổi, không có càng cố gắng hơn. Không phải họ đều là thầy của ta đó sao? Không phải mỗi người đều là Phật Bồ Tát đó sao? Thiện Tài may mắn, vận khí tốt, nên gặp được nhiều thiện tri thức, còn chúng ta từ sáng đến tối không gặp được. Không phải, họ ở ngay trước mặt nhưng ta không thấy, không phải không gặp được. Chúng ta gặp nhiều hơn ngài, không phải ít hơn. Bỏ qua cơ hội ngay trước mắt, vậy còn trách ai được?

“Quảng tu cúng dường”, buông bỏ là chân cúng dường, cúng dường không nhất định về sự. Thấy việc thuận tâm, thuận theo ý mình không khởi tâm tham, đó là cúng dường. Thấy oán thân trai chủ không còn oán hận, đó là cúng dường, chân thật cúng dường. Thiện Tài biết, chúng ta không biết; Thiện Tài nhìn thấy, chúng ta không nhìn thấy, then chốt là ở đây.

“Sám hối nghiệp chướng”, ngày ngày sửa đổi, ngày ngày buông bỏ. Thay đổi nhưng không buông bỏ, là giả không phải thật. Buông bỏ, phải thật sự thay đổi, khiến tâm bình đẳng của mình hiện tiền, tâm thanh tịnh hiện tiền. Đây là công đức sửa đổi, lợi ích chân thật của việc sửa đổi, là thanh tịnh bình đẳng giác hiện tiền, bởi vậy nó hoàn toàn ở ngay trước mắt. Thế giới này là gì? Thế giới này chính là thế giới Hoa Tạng, chính là thế giới Cực Lạc không có gì khác. Quý vị nói thế giới này hỗn loạn, tôi không thấy. Quý vị nói trên địa cầu này thiên tai dòn dập, tôi cũng không nhìn thấy, có thật chẳng? Cũng có nơi có, nhưng thật sự khế nhập đại thừa thì không còn nữa, không phát sanh trước mắt chúng ta.

Cho nên ứng thân của Chư Phật, không có pháp nào không phải ứng thân của Chư Phật. Trong ứng thân có đức của báo thân, có đức của pháp thân. Lục căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới lục trần, chẳng lẽ không có pháp thân đức sao? Chẳng lẽ không có báo thân đức sao? Có, đầy đủ tất cả. Một là tất cả, tất cả là một, không sai chút nào.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 151

Chuyên ngữ: Liên Hải

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 28.09.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 174, hàng thứ hai từ dưới đếm lên, bắt đầu từ câu “thân cập chư căn, vô hữu tăng giảm”. Câu này ý nghĩa rất sâu. Niệm Lão chú giải đoạn này, nói nó là “biểu thị Phật thân thù diệu”. Thù là đặc thù, diệu là vi diệu. Do vì pháp thân trú nơi này, ứng thân thị hiện tức đầy đủ viên mãn báo thân đức. Ý nghĩa này hôm qua chúng ta đã học rồi. Bởi vì thời gian đã hết, nhưng nó còn có thâm nghĩa áo mật, chúng ta cũng không thể không biết.

Thân là pháp thân, pháp thân không có hiện tượng vật chất, nhưng nó đích thực tồn tại, khác với pháp tánh. Pháp tánh không phải là tinh thần cũng không phải là vật chất. Pháp thân nó là một hiện tượng, nhưng hiện tượng này lục đạo chúng sanh chúng ta, dường như sáu căn đều không có cách gì lý giải được nó, nhưng nó thực sự tồn tại. Thí dụ như tiến sĩ Giang Bồn dùng nước làm thí nghiệm, nước có thân hay không? Chúng ta có thể nói là phân tử của nước chính là thân của nó, chính là hiện tượng này của nó. Nó không có mắt nhưng nó biết nhìn, nó không có lỗ tai nhưng nó nghe được, thậm chí nó hiểu được ý nghĩ của con người, khởi tâm động niệm của con người nó đều biết được. Nói cách khác, tác dụng của sáu căn còn, nó chưa mất đi, không có hình tướng của sáu căn, tác dụng của sáu căn vẫn còn. Cùng một đạo lý như vậy. Chúng ta hiểu được đây là thật không phải là giả. Một hạt bụi nhỏ không phải như nước vậy, có thể xem, có thể nghe, có thể hiểu được ý nghĩ của con người? Tuyệt đối là thật.

Chúng tôi ngồi trên giảng tòa này, giảng tòa này là được chạm bằng gỗ, nó biết nhìn hay không? Biết. Nó biết nghe không? Biết. Toàn thể giảng tòa, đem giảng tòa mài thành mặt bụi, mỗi một hạt mặt bụi tất cả đều biết. Cho dù đem những hiện tượng vật chất này, đem nó khôi phục đến trạng thái nguyên tử, vậy mắt chúng ta nhìn không thấy, nhỏ quá; trạng thái điện tử hiện tại nói là lượng tử, càng nhỏ hơn, những thứ nhỏ như vậy, tác dụng lục căn của nó là viên mãn, trên một cái bàn, toàn thể cái bàn này nó có kiến văn giác tri, lúc đem nó mài thành bụi, mỗi hạt đều có kiến văn giác tri.

Chúng ta xem qua quyển sách này, hình như cũng có rất nhiều đồng học xem qua quyển sách này rồi, trong quyển sách này nói, Cao tiên sinh viết quyển sách này, ông hỏi tam vương tử, quý vị hiện tại là quý, hôn quý, hỏi quý vị có thân thể hay không?

Không có. Họ không có thân thể vật chất, không có thân thể vật chất, nói cách khác là không có mắt tai mũi lưỡi, họ giống như một cơn gió vậy. Họ có tụ có tán, chúng ta biết trong các lễ tiết đốt pháo trúc, pháo trúc này sẽ làm cho họ nổ tung, vừa nổ thì họ phân tán, cũng cảm giác rất đau khổ. Nhưng sau khi qua rồi, họ dần dần lại tụ lại với nhau. Họ có kiến văn giác tri, họ có thể nhìn có thể nghe, họ cũng hiểu được ý nghĩ con người, cho nên họ có thể nhìn thấy những hoạt động của chúng ta, chúng ta nhìn không thấy họ.

“Thân cập chur căn, vô hữu tăng giảm”. Ý nghĩa trong đây rất sâu rất sâu! Con người chúng ta ở trong thế gian này, thân thể vật chất có sanh diệt, thân thể linh tánh không có sanh diệt. Linh hồn là thân thể linh tánh. Bởi vì nó mê rồi, chúng ta gọi nó là linh hồn, nó nếu như giác ngộ rồi, chúng ta gọi nó là linh tánh, trong pháp Đại thừa gọi nó là pháp thân. Nó không đâu không có, không lúc nào không có. Tùy theo ý niệm của chúng ta, ý niệm của chúng ta là cảm, nó có ứng, cảm ứng đạo giao, nó liền ngay trước mặt, nó không phải là quá khứ, nó cũng không phải là tương lai, cho nên giáo lý Đại thừa đích thực, Tổ sư Đại đức nói với chúng ta là ngay đây. Ngay đây, tức là một niệm này. Một niệm hiện tại nếu như không còn nữa, tất cả vũ trụ đều không còn nữa. Một có tất cả đều có, một diệt tất cả đều diệt. Nhất thời đốn hiện, trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng, đem đạo lý này, đem chân tướng sự thật này nói ra, đó là chân ngã. Thân này của chúng ta là giả ngã. Đạo lý này đích xác vô cùng sâu sắc, hiểu rõ được đạo lý này chúng ta liền hiểu được, chur Phật Bồ Tát ứng hóa đến thế gian này, trong lục đạo, trong mười pháp giới, thân của họ, trên thực tế thân thực sự của họ, là pháp thân, báo thân. Pháp thân là thể, báo thân là tướng, cũng khởi tác dụng.

Ở cõi Thật báo, ứng hóa thân gọi là phân thân, không phải là họ đến đây để ứng hóa, thân ở cõi Thật báo liền không thấy nữa, không phải vậy. Thân ở cõi Thật báo vẫn còn đó. Ở trước Phật nghe kinh, cúng dường, tu phước tu huệ, không gián đoạn.

Ứng hóa là gì? Cũng giống như phân thân đi vậy, đồng thời có thể phân trăm ngàn vạn ức thân, không chỉ là mười vạn ức, có thể phân trăm ngàn vạn ức thân. Vì sao vậy? Trong Hoàn Nguyên Quán ba loại chu biến nói là “xuất sanh vô tận”. Nơi nào chúng sanh có cảm nơi đó lập tức liền ứng. Không phải từ đâu đến, không có, ngay nơi hiện tiền. Bởi vì pháp thân khắp cả mọi nơi, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Đây là chân tướng sự thật. Chúng ta không thể không biết. Người thực sự có giác ngộ một chút biết được đạo lý này, thấu đáo chân tướng sự thật, quý vị nói xem họ khởi tâm động niệm có thể không thận trọng được sao?

Cổ nhân Trung Quốc nói rằng “độc thiện kỳ thân”, như mười mắt cùng thấy, mười tay cùng chỉ, không chỉ vậy, Phật Pháp giảng không chỉ vậy, mười ít quá. Dường như mười người đứng bên cạnh nhìn quý vị, hơn thế nữa. Biết bao người xung quanh đang nhìn quý vị? Vô lượng vô biên vô số vô tận, đều đang nhìn quý vị, quý vị làm sao có thể dấu được chur Phật Bồ Tát? Quý vị làm sao có thể dấu được trời đất quỷ thần?

Quý vị làm sao có thể dẫu được muôn sự muôn vật? Ngay cả một hạt bụi cát, ngay cả một đầu sợi lông, tất cả đều có kiến văn giác tri, có thọ tướng hành thức. Lúc mê gọi là thọ tướng hành thức, lúc ngộ gọi là kiến văn giác tri. Trong vũ trụ đây là khởi tác dụng của pháp tánh, chính là tánh này đây. Lúc không khởi tác dụng dường như không có gì cả, quý vị không thể nói nó không có, lúc khởi tác dụng thì thứ gì cũng có, quý vị cũng không thể nói nó là có. Sum la vạn tượng là huyền tướng, bao gồm cả cõi thật báo trang nghiêm. Cõi Thật báo trang nghiêm là do pháp tánh sở sanh sở hiện, nó bất biến, cho nên gọi là nhất chân pháp giới. Ngoài cõi thật báo ra thập pháp giới y chánh trang nghiêm, nó sẽ biến, vĩnh viễn không ngừng đang khởi biến hóa, xuất sanh vô tận. Thứ gì đang chủ tể tất cả? Phật nói rất hay, là tâm tướng. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh, tâm tướng chủ tể tất cả pháp. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh, cho nên ý niệm là rất quan trọng! Quý vị ngày ngày niệm A Di Đà Phật, quý vị ở cảnh giới gì? Cảnh giới Thế giới Cực Lạc. Cảnh giới A Di Đà Phật bốn địa phóng quang. Như vậy không hay quá rồi sao? Vậy chúng ta ngày ngày niệm Phật vì sao cảnh giới không hiện tiền? Quý vị không biết niệm. Vì sao nói không biết? Trong một câu danh hiệu Phật của quý vị xen tạp có hoài nghi, có tạp niệm, hơn nữa thường thường gián đoạn. Cho nên quý vị cảm thấy không có lợi ích. Nói cách khác, danh hiệu Phật của quý vị và tâm của A Di Đà Phật không liên kết lại với nhau. Cổ nhân nói mẹ con tâm thông nhau, mẹ con xa cách dù có xa bao nhiêu họ cũng có cảm ứng. Con cái thực sự nhớ mẹ, mẹ cũng thật nhớ con, vì thế lúc họ nhớ nhau liền có cảm ứng. Chúng ta và A Di Đà Phật cũng giống như quan hệ mẹ con, như vậy mới được. Cổ đức thường nói nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Đó gọi là chân niệm Phật. Cho nên trên hình thức không phải rất quan trọng, thực chất mới quan trọng. Cõi Thế giới Cực Lạc là nhà xưa của mình, coi Phật A Di Đà thành cha mẹ của mình. Chúng ta xa rời nhà xưa lạc mất phương hướng, đến đây làm việc lục đạo luân hồi. Hiện tại nghe đến lời giáo huấn của Phật Thích Ca Mâu Ni, hiểu rõ rồi, sau khi hiểu rõ nhanh chóng nhận tổ quy tông, điều này quan trọng! Nhớ nghĩ không quên đây gọi là chân niệm Phật. Nhất định không nên đem việc sinh tử để trong tâm. Trong tâm không có sanh tử nữa. Niệm niệm tương ưng với Phật A Di Đà. Tôi ở đây phát ra sóng niệm Phật Ngài thu được rồi, hồi ứng của Phật A Di Đà, chúng ta cũng cảm nhận được, bản thân cảm nhận được rồi. Lúc nào về đến Thế giới Cực Lạc? nghe theo Phật sắp đặt. Phật lúc nào để cho chúng ta đi, thì lúc đó Ngài đến đón, lúc đó ta sẽ đi. Chưa đến đón, nhất định chúng ta còn có những công việc chưa hoàn thành cần ở lại nơi này hoàn thành, một là ở thế gian này nâng cao cảnh giới của chính mình, còn thù thắng hơn ở Thế giới Cực Lạc. Đây là điều trong kinh nói. Tại thế giới ta bà tu hành một ngày, thực sự tu hành tương đồng với ở Thế giới Cực Lạc tu hành 100 năm. Vì sao vậy? Thế giới Cực Lạc không có nhiều cám dỗ như vậy, không có, thế giới thái bình. Nơi này sức mạnh cám dỗ quá nhiều, quý vị không thể ngăn được, đây là thật, không phải là giả. Thuận cảnh,

ngịch cảnh, thuận cảnh cám dỗ quý vị khởi tham sân si. Ngịch cảnh cũng lại như thế. Quý vị nhìn cảnh giới thấu đáo rồi, phàm có hình tướng đều là hư vọng. Không bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc thì bản thân chúng ta thành tựu rồi. Tuy chưa đại triệt đại ngộ, thanh tịnh bình đẳng đạt được rồi, tâm thanh tịnh đạt được, tâm bình đẳng cũng đạt được rồi, Phật còn chưa đến đón chúng ta, vậy là ngoài ra còn một điều là phải giúp đỡ chúng sanh khổ nạn. Thế giới này người có duyên với Di Đà không ít. Chúng ta phải làm một tấm gương tốt, để tiếp dẫn họ, giúp họ nhận biết được Phật A Di Đà, nhận biết Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Họ nhận biết rồi họ cũng có thể phát nguyện, họ cũng có thể thật làm. Chúng ta có năng lực giúp đỡ họ. Quý vị trú tại thế giới này chính là vì một việc như vậy, không phải vì bản thân.

“Chánh pháp cứu trú, tục Phật Huệ mạng”, là cần chúng ta nghiêm túc thực hành, đây không phải là khẩu hiệu, phải làm nó cho được, lợi dụng thân thể giả hợp này, thân thể giả này rất có ích. Dùng thân thể giả này làm gương. Trong Hoàn Nguyên Quán có bốn đức phải làm nó cho được. “Tùy duyên diệu dụng, uy nghi hữu tác, nhu hòa chất trực, đại chúng sanh khổ”, làm ra được thì chánh pháp sẽ cứu trú rồi. Ngày nay Phật Pháp suy rồi, xã hội đại chúng không tin tưởng, Vì sao vậy? Chưa làm ra được. Xã hội đại chúng chưa nhìn thấy chánh pháp thực sự, đạo lý là ở đây vậy. Chúng ta thấu đáo rồi, làm rõ ràng rồi, vậy không làm sao được? Bảo ai làm? Bản thân làm. Không nên khuyên người khác, không nên dựa vào người khác, nếu như họ giác ngộ rồi, họ chắc chắn giống như chúng ta, thậm chí còn làm tích cực hơn ta nữa. Cho nên điều này là thuộc về báo thân đức.

Hôm nay chúng ta tiếp tục xem hai câu dưới đây, vẫn là thuộc về báo thân đức. “Nhu Lai định huệ, cứu sướng vô cực”. Ở đây nói rất cụ thể. Định là gì? Định là thiên định. Huệ là trí tuệ. Giới định tuệ xung là tam vô lậu học, điều này phải làm ra. Giới là gì? Giữ quy cũ, giữ pháp chính là giới. Ở trong kinh giáo Phật giảng quy cũ cho chúng ta, chúng ta phải tuân thủ. Hiện tại chúng ta sống ở trong xã hội này, xã hội này có quốc gia, có chính phủ, có điển chương, có chế độ, có phong tục, có tập quán, mỗi mỗi đều phải tuân thủ, đều phải làm cho được. Pháp thế gian xuất thế gian đều phải làm nó ra cho được. Thế gian pháp nhiều hơn nữa, lão tổ tông của chúng ta thật sự có trí tuệ, đem nó quy nạp thành 20 chữ, đơn giản. Nhiều hơn nhiều hơn nữa, không ra khỏi phạm vi 20 chữ này, thật không dễ dàng! Hai mươi chữ này là “hiếu để trung tín”, chúng ta làm được hay chưa? “Lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình”, sao mới có thể làm được? Giác ngộ liền làm được, mê làm không được. Giác ngộ là gì? Tất cả chúng sanh vốn đã là Phật.

Trong Bồ Tát Giới Kinh nói tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta. Đối tượng hiếu để trung tín của ta là gì? Tất cả chúng sanh. Tận hiếu, tận đễ, tận trung, thành tín. Trong đây không có nói đối với người đức hạnh cao, tuổi tác cao, không có nói điều này. Đối với người tốt, đối với người xấu, cũng không có. Đã không có thì tất

cả chúng sanh đồng loạt bình đẳng. Người đối với tôi có ơn nghĩa, tôi dùng thái độ này đối với họ, người hủy báng tôi, người sỉ nhục tôi, người hãm hại tôi, cũng đối với họ như vậy, tận hiếu tận lễ, tận trung, thành tín, nhất định phải làm như vậy. Đó là gì? Đây là Bồ Tát giác ngộ rồi, cách làm của họ là như vậy. Quý vị còn có phân biệt, quý vị không phải là thực sự giác ngộ, người thực sự giác ngộ không có phân biệt.

Ngày nay chúng ta cũng không có giác ngộ thực sự, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh còn chưa làm được, nhưng ngày nay chúng ta trong kinh giáo Đại thừa huân tập thời gian dài, chúng ta giải ngộ, giải ngộ nếu như thực sự thực hành thì chắc chắn sẽ giác ngộ thực sự. Quý vị không làm thì không thể, quý vị nếu đã làm thì thực sự giác ngộ. Quý vị xem rất nhiều trong nghi thức sám hối, đều “nhất tâm cung kính”, “nhất tâm đảnh lễ”, đó là lễ trong lễ nghĩa liêm sỉ, thực sự không thể nghĩ bàn! Đây là gì? Đây chính là định tuệ. Chúng ta nói về những chữ này. Hiếu lễ trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình. Thể của nó là gì? chính là định tuệ, giới định tuệ.

Hội sơ viết: cứu là cứu cánh, sướng là thông sướng, Như Lai định tuệ, thông thường thói quen trong kinh giáo Đại thừa, xưng Phật là từ trên tướng mà nói, xưng Như Lai là từ trên tánh mà nói. Như Lai định tuệ chính là tự tánh định tuệ. Người nào không có? Tất cả chúng sanh đều có. Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như Lai, giới định là đức.

“Cứu cánh thông sướng”, “giản dị nhân vị sở đắc cố viết vô cực, cứu sướng vô cực”. Đây là từ trên quả vị mà nói, đây không phải là nhân vị. Quả là gì? Quả là thành Phật, cũng chính là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, trong Kinh Hoa Nghiêm” nói: sơ trụ trở lên chính là quả vị. Chúng ta hiểu được thập tín Bồ Tát là nhân vị. Thập tín Bồ Tát sơ tín đến lục tín, vẫn chưa xa rời lục đạo, ở trong lục đạo, thất tín xa lìa lục đạo rồi, thất tín là A la hán, Lục tín là Tam quả thánh nhân, đạo hạnh trong tu tứ quả, chưa thành công. Thành công chúng được Tứ quả, họ liền siêu việt lục đạo, cho nên đệ thất tín là A la hán, đệ bát tín là Bích Chi Phật, đệ thất tín Bồ Tát, đệ thập tín là Phật, là Phật trong thập pháp giới, chưa ra khỏi thập pháp giới, nhân vị.

Đức Phật trong thập pháp giới này, nếu như họ đoạn được vọng tướng, vọng tưởng là khởi tâm động niệm, không khởi tâm không động niệm thì thập pháp giới không còn nữa, họ liền chứng được sơ trụ, siêu việt thập pháp giới. Đây mới là quả thực sự. Họ trú ở đâu? Trú ở cõi Thật báo. Cõi thật báo là những người nào? Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác, trong Kinh Hoa Nghiêm nói vậy. 41 vị pháp thân đại sĩ trú báo độ. Báo độ là cõi Thật báo, cõi Thật báo trang nghiêm, thứ 41 là Đẳng giác. Lại hướng lên trên là tập khí vô minh không còn nữa. Đẳng giác Bồ Tát còn có một phẩm. Phẩm này vô minh không còn nữa. Vậy là thành Diệu giác. Diệu giác trú ở đâu? Diệu Giác trở về Thường Tịch quang, tức không thấy nữa, khoa học nói không thấy nữa, trở về thường tịch quang rồi. Những thứ này đều là chân tướng trong vũ trụ. Danh từ trong kinh Phật gọi là chư pháp thật tướng.

Nên kinh nghĩa là trí tuệ thiên định của Phật rốt ráo thông suốt, chẳng phải là thứ mà chư Bồ Tát ở nhân vị có thể đắc được. Đây là nó về điều gì? Hai chữ thông suốt này, thông suốt chính là vô ngại. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói là pháp giới tứ vô ngại: lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Ở đây đều là nói về Phật A Di Đà.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới, dưới đây là đoạn thứ ba. “Ư pháp tự tại, giải thoát đức, bát nhã, pháp thân, giải thoát”. Đối với tất cả pháp mà đắc tối thắng tự tại, chư vị nên nhớ tự tại chính là ngã, đắc tự tại quý vị nói xem có chủ thể hay không? Đương nhiên đạt được chủ thể. Nếu như không thể được chủ thể, làm sao có thể gọi là tự tại? Đây chính là điều trong giáo lý Đại thừa thường nói: “thường lạc ngã tịnh”, đây gọi là tứ tịnh đức, đây là tánh đức, xuất hiện rồi, chân ngã hiện tiền rồi. Chư vị nên nhớ chân ngã đến lúc nào mới chứng được? Viên giáo Sơ trụ Bồ Tát, Biệt giáo là Sơ địa Bồ Tát. Chân ngã tìm được rồi vậy. Trong lục đạo thập pháp giới nói là ngã đều là giả, đều không phải là thật. Sau khi tìm được chân ngã rồi, quý vị liền đến cõi Thật báo, quý vị vĩnh viễn thoát ly thập pháp giới.

Thường chính là Đức Niết bàn, thường là bất sanh bất diệt. Huệ Năng đại sư nói “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, đó là thường. Lạc là vĩnh viễn lìa khổ. Vĩnh viễn không còn khổ nữa. Bất luận là về tinh thần hay vật chất, vĩnh viễn đã thoát khỏi rồi. Đó gọi là lạc. Ngã là tự tại, tự tại tối thắng. Tự tại, chủ thể đều đạt được rồi. Tịnh là tự tánh vốn là thanh tịnh, Huệ Năng đại sư nói đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Tánh đức của tự tánh liền khôi phục.

Hai chữ “tối thắng”, trong bản Đường Dịch, trong năm loại dịch bản, Đường dịch có hai chữ “tối thắng” này. “Tâm lìa sự trói buộc của phiền não”, trói buộc là ví dụ. Giống như dây thừng trói chặt quý vị lại, quý vị không tự tại nữa. Phiền não này giống như dây thừng trói buộc quý vị vậy. Hiện tại như thế nào? Xa lìa được rồi. Xa lìa được gọi là giải thoát. Sợi dây này được mở ra rồi. Quý vị thoát khỏi sự đau khổ này. Tâm xa lìa, phiền não chính là dây trói, quý vị không tự tại, quý vị rất cực khổ. Dùng phương pháp gì để cởi mở sợi dây này ra? Giới định tuệ. Nhất định phải biết pháp thế xuất thế gian cùng một nguyên lý nguyên tắc. Pháp thế gian ngày xưa là giảng về học lễ, lễ chính là quy củ, lễ không còn, thì Nho không còn nữa, giới không còn thì Phật không còn nữa. Lễ của Nho gia và giới của Phật Pháp là tương thông với nhau, là cùng một sự việc. Giới của nhà Phật nghiêm khắc hơn lễ của Nho gia. Vì sao vậy? Vì họ phải đắc định. Nho gia chưa có chế định về mục tiêu này. Nhưng mục đích trì giới của nhà Phật là đắc định. Mục đích tu định là khai trí tuệ. Trí tuệ chưa khai thì định chưa thành. Định thực sự tu thành tự nhiên khai trí tuệ. Định là gì? Tiểu định là tâm thanh tịnh. Đại định là tâm bình đẳng, rốt ráo viên mãn đó là tánh định. Huệ Năng đại sư nói, “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, đó là tự tánh bản định, đó là đại triệt đại ngộ. Từ đó có thể biết tu định là một phương thức để khai ngộ, mà trì giới lại là phương

thức tu định. Trì giới là phương thức của phương thức chứ không phải là mục đích. Mục tiêu chung cuộc là khai trí tuệ. Điều này không thể không biết. Rất nhiều người học Phật họ không hiểu được đạo lý này, đem trì giới tu định tất cả đều quy kết về phước báo, cho nó thuộc về tu phước. Có thể là tu phước không? Có thể, tu phước báo nhân thiên. Trì giới không thể đắc định, đó là phước báo nhân thiên, tu định không thể khai huệ, thì định này liền trở thành tứ thiên thiên, tứ không thiên. Tương lai họ đến nơi đó, không ra khỏi lục đạo luân hồi. Chúng ta tu những thứ này, không thể làm sai mục tiêu, không thể làm sai phương hướng, điều này rất quan trọng.

Hiện tại chúng ta tu Tịnh Độ muốn vãng sanh Thế giới Cực Lạc, có cần giới định tuệ không? Cần. Không có giới định tuệ Thế giới Cực Lạc không đến được, đặc biệt là định, định gọi là tam muội. Quý vị xem người nào có thể vãng sanh? Niệm Phật tam muội đạt được rồi, nhất định vãng sanh. Niệm Phật tam muội chưa đạt được vậy thì phải nhờ vào may mắn. May mắn gì? Lúc quý vị lâm chung, niệm cuối cùng là A Di Đà Phật tương ứng với nguyện thứ mười tám trong 48 nguyện của Kinh Vô Lượng Thọ, nhất định được sanh, một niệm cuối cùng, quý vị có thể bảo đảm niệm cuối cùng của quý vị là A Di Đà Phật hay không? Không thể bảo đảm. Sự việc này hên xui thì không được, phải thật làm, không thể phó thác cho hên xui. Tôi hiện tại không niệm Phật cũng không sao, một niệm lúc lâm chung tôi liền có thể vãng sanh, vậy thì quý vị phải hiểu, lúc lâm chung điều đầu tiên là đầu óc phải rõ ràng, quý vị có thể bảo đảm được không? Một khi mê hoặc thì coi như xong rồi. Nếu như quý vị sanh bệnh, bệnh rất nặng giống như người sống thực vật vậy, ngay cả người cũng không nhận ra được, vậy quý vị còn có thể nhận ra Phật sao? Điều này rất quan trọng. Cho nên lúc lâm chung, có ba điều kiện quan trọng, thứ nhất là đầu óc phải rõ ràng, thứ hai là gặp được thiện tri thức nhắc nhở quý vị, tức là nói trợ niệm, thứ ba là bản thân thực sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Tất cả những tạp niệm đều buông xuống hết. Thân tâm thế giới tất cả đều buông xuống. Một câu A Di Đà Phật quy tâm Tịnh Độ. Được, người này chắc chắn vãng sanh. Đây là pháp môn Tịnh tông không thể nghĩ bàn, công đức không gì sánh bằng. Chúng ta nghĩ đến lúc lâm chung, ba điều kiện này tìm không ra, gặp được thiện tri thức, có thể gặp không thể cầu, vậy đầu óc rõ ràng thật không đơn giản!

Chúng ta xem xem đưa người vãng sanh quý vị thấy, lúc lâm chung được mấy người đầu óc rõ ràng, được mấy người trong lúc này thực sự chịu nghe lời khuyên cáo? Như vậy, công phu thường ngày là rất quan trọng. Những thứ này giống như đánh giặc vậy, bình thường luyện binh, ngày ngày ở thao trường, vãng sanh cũng giống như đánh giặc vậy, chỉ là một sát na đó, là một niệm cuối cùng đó, có thể vãng sanh hay không quyết định nơi một niệm cuối cùng này. Cho nên người trợ niệm vãng sanh nhất định phải là người có tri thức. Ấn Quang Đại sư nói rất hay, người vãng sanh họ đã đoạn khí rồi, không nên đụng đến họ, Vì sao vậy? thông thường nói, người tắt thở rồi, bác sĩ chẩn đoán nói người này đã chết, tuyên bố tử vong, thần thức của họ còn chưa đi, quý

vị đưng họ họ có cảm xúc, họ có đau đớn, họ có đau đớn, trong lòng sanh sân nhuế, vậy là phiền phức lớn rồi. Tâm sân nhuế vừa khởi lên liền đi vào ba đường ác, cho nên không thể đưng đến họ. Sau tám tiếng đồng hồ rồi đưng đến họ. Không những không thể đưng đến thân thể họ, giường họ nằm cũng không đưng đến. Đây là thường thức, rất quan trọng. Nếu như nói để an toàn nhất, tốt nhất là từ 12 tiếng đồng hồ đến 14 tiếng đồng hồ, vậy là rất an toàn, thần thức của họ rời đi rồi, lúc đó quý vị thay áo quần cho họ, tắm rửa cho họ, mặc áo cho họ. Họ đi đưng rất an tường, toàn thân sẽ mềm mại, mềm mại không tiêu biểu đã vãng sanh, mà là ra đi rất an tường, nhưng có thể bảo chúng họ không đọa ba đường ác, toàn thân mềm mại. Đời sau đến nhân gian, nhất định sẽ tốt hơn đời này. Một đời này họ làm những việc tốt, thật có tu hành, đời sau đưng phú quý, phước tu đưng càng lớn hơn, nhân gian không có đại phước này, họ liền đến cõi trời. Trời có sáu tầng trời, xem phước báo họ tu lớn như thế nào, thông thường phổ biến nhất là trời Tứ thiên vương và trời Đao lợi. Điều này chúng ta không thể không hiểu. Cho nên con người nhất định phải tu bốn tịnh đức. Người tu bốn tịnh đức, lúc lâm chung không có chướng ngại, không có chướng ngại. Điều này bình thường xử sự đối người tiếp vật, tùy duyên diệu dụng, oai nghi có phép, nhu hòa chất trực, khổ thay cho chúng sanh, rất tốt!

Hiện tại tu hành quan trọng nhất, nhất định phải nhớ kỹ phải bắt tay từ trì giới, không trì giới không đưng. Không trì giới niệm Phật công phu không đắc lực, không trì giới học kinh giáo, học đó là Phật học, không phải là trí tuệ. Người thực sự trì giới, tu định, quý vị niệm Phật, tụng kinh vậy thì khác rồi. Vậy quý vị thực sự là đang tu hành. Giới học từ đâu? Ngày nay chúng ta phải làm thật, không thể làm giả, làm giả đến lúc lâm chung, quý vị tương lai vẫn tiếp tục làm việc luân hồi lục đạo, quý vị sai rồi. Quý vị nếu như nói tôi học Phật rồi tại sao Phật Bồ Tát không linh? Đối với Phật Bồ Tát khởi tâm oán trách, quý vị xuống địa ngục liền. Phật Bồ Tát nói rất rõ ràng, bản thân quý vị sai, quý vị không thừa nhận. Quý vị xem xem giới luật chúng ta y cứ vào đâu? Nguyên tắc chỉ đạo cao nhất là tịnh nghiệp tam phước. Trong kinh nói rất rõ ràng, ba điều này là Tịnh nghiệp chánh nhân của tam thể chư Phật, câu này không phải rõ ràng lắm rồi sao? Tam thể là quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả những người tu Bồ Tát đạo thành Phật đều phải y theo ba điều này. Ba điều này, điều thứ nhất quý vị đã làm đưng hay chưa? Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp. Nói với chư vị rằng, so với lão tổ tông của chúng ta nói 12 chữ thì nội dung còn thâm sâu hơn, còn rộng lớn hơn.

Hiếu dưỡng cha mẹ như thế nào, phụng sự sư trưởng như thế nào? Đệ tử Phật muốn làm một vị Bồ Tát, Bồ Tát tri ân báo ân, người nào ân đức lớn nhất? Cha mẹ, thầy giáo. Cha mẹ cho chúng ta thân mạng, thầy giáo cho chúng ta huệ mạng. Bất hiếu cha mẹ là đại tội số một, tội lừa thầy phản đạo và bất hiếu cha mẹ là tương đồng. Quý vị xem như vậy mà không nguy sao!

Chúng ta ngày nay phải đem việc hiếu dưỡng cha mẹ, tôn thờ thầy tổ thực hành cho được. Dùng điều gì? Dùng Đệ tử quy, tịnh nghiệp tam phước hai câu này là cương, Đệ tử quy có 113 việc đó là mục, quý vị liền hiếu được phải làm như thế nào, mới làm viên mãn được hai câu này. Không được xem nhẹ Đệ tử quy, Đệ tử quy triển khai ra và thập thiện nghiệp đạo không có gì khác, tám vạn bốn ngàn tế hạnh, là giáo dục luân lý đạo đức. Nếu như quý vị không từ Đệ tử quy để học, vậy quý vị phải học pháp Tiểu thừa, kinh luận Tiểu thừa rất nhiều, quý vị phải học giới luật Tiểu thừa, cho nên tại Trung Quốc cổ thánh tiên hiền họ rất thông minh, nửa đời nhà Đường trở về sau, Phật Giáo Trung Quốc bất luận là tại gia hay xuất gia không học Tiểu thừa nữa, dùng Nho và Đạo thay thế cho Tiểu thừa. Ngày nay Phật Giáo đã suy, vì sao vậy? Vì Nho và Đạo không ai học nữa, Tiểu thừa cũng không học nữa, trở thành Phật Pháp không có gốc rễ nữa, cho nên Phật Pháp suy rồi, suy thành như thế này đây. Bất luận tu như thế nào quý vị cũng không thể thành tựu, quý vị không ra khỏi lục đạo luân hồi, quý vị cũng vãng sanh Thế giới Cực Lạc không được, vậy là phiền phức lớn rồi! Kinh điển vừa triển khai. Kinh điển vừa triển khai chư vị liền có thể nhìn thấy “thiện nam tử, thiện nữ nhân”, vậy tiêu chuẩn của thiện là gì? thập thiện nghiệp đạo. Cơ sở của thập thiện nghiệp đạo ở đâu? Cơ sở ở nơi giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả. Chúng ta dùng Nho và Đạo để thay thế, tốt! Những thứ của bản thân Trung Quốc không thua so với Tiểu thừa. Trung Quốc từ khi dùng Nho gia, Đạo gia để thay thế Tiểu thừa, cũng khoảng 1600 năm, 1700 năm rồi. 1700 năm này có biết bao cao tăng đại đức, điều này chứng tỏ sự lựa chọn của cổ nhân không sai lầm. Chúng ta vẫn nên đi con đường của cổ nhân đã chọn. Dùng Nho, Đạo để thay thế Tiểu thừa, tức là dùng Đệ tử quy, Cảm ứng thiên, Văn Xương Đế Quân Âm Chất, ở đây cũng có thể bao gồm, tác phẩm Ấn Quang Đại sư tiến cử, giới thiệu là Liễu Phàm Tứ Huấn và An Sĩ Toàn Thư, đem những thứ này xem như là giới luật, giới luật căn bản, có được cơ sở này chúng ta tu thập thiện nghiệp đạo, không có chút khó khăn nào, quý vị mới là thiện nam tử thiện nữ nhân thực sự. Nếu như ngay cả điều này cũng không biết, cũng không thể nhận biết, không thể thật làm, quý vị học Phật có thể nói là quý vị trồng thiện căn trong nhà Phật, trong đời này muốn thành tựu thì rất khó khăn. Phật nói rất rõ ràng thấu đáo. Bản thân chúng ta nhất định không thể hiểu nhầm, đặc biệt là hướng dẫn người khác, quý vị chỉ đường cho người khác, quý vị phải chịu trách nhiệm. Quý vị đi sai đường, nhân quả quý vị phải gánh, vậy thì phiền phức lớn rồi. Bản thân chưa khai ngộ, làm gì có năng lực dạy người khác? Vì thế ngày nay người khai ngộ chúng ta không tìm ra được, thầy giáo hướng dẫn chúng ta, hiện tại chúng ta không nhận biết thiện tri thức thực sự, tìm cổ nhân. Tiêu chuẩn của cổ nhân xem Đại tạng kinh, những thứ của họ có thể nhập tạng, đó chắc chắn chính là chân thiện tri thức. Chúng ta học tập với họ, thì sẽ không có sai lầm, hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, nhân ái hòa bình, 12 chữ này đều không làm

được, quý vị làm sao có thể học Phật? Quý vị không vào được Phật môn. Đây là những thứ của Nho gia. Quý vị nghĩ nghĩ xem mình đã làm được hay chưa?

Trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên nói thiện có thiện quả, ác có ác báo, tổng cộng nói 193 điều, dạy chúng ta thật làm, thực hành thực sự. Nếu như hàng xuất gia, lại thêm Sa Di Luật Nghi, Sa Di Luật Nghi những đồng học tại gia có thể học, đây chính là vào Phật Pháp rồi. Có được cơ sở tốt như vậy, cơ sở của giới này có rồi, định tu như thế nào? Nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, chính là định. Tôi chọn trì danh niệm Phật, một ngày niệm 30.000 câu, niệm 40.000 câu, tâm liền định được. Luyện tập hai ba năm như vậy tiếp đó sẽ đạt được tam muội. Tâm thanh tịnh rồi. Dùng câu danh hiệu Phật này thay thế cho tất cả tạp niệm. Cổ nhân nói không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm, bất luận ý niệm gì mới khởi A Di Đà Phật, dùng A Di Đà Phật mà thay thế, tất cả niệm đều quy về A Di Đà Phật, đó gọi là tam muội, niệm Phật tam muội. Hàng lợi căn đó là gì? thực sự buông bỏ. Danh vẫn lợi dưỡng ngũ dục lục trần tất cả đều buông bỏ. Trong tâm không còn có những vướng bận nữa, đây là đắc định, khai trí tuệ rồi.

Cư sĩ Lưu Tố Vân ở đây, làm hai lần báo cáo, ở đây có lưu lại đĩa CD của bà ấy. Bà ấy có bản lĩnh gì? Bản thân bà nói sáu chữ chẳng sai chút nào. Ba đời chư Phật sở dĩ có thể thành Phật cũng chính là sáu chữ này: “trung thực, nghe lời, thật làm”, quý vị xem người thế gian khó khăn nhất là buông bỏ danh lợi. Đây là bà ấy thiện căn sâu dày, bà ấy từ nhỏ cho đến già, chưa từng để tâm đến danh lợi, trong tâm không có danh lợi, một đời chân thực, chân thành, không có vọng ngữ. Đó là gì? Đây là giới căn bản, quý vị xem Lưu Tố Vân bà không có vọng ngữ, bà lại nói hai lưỡi sao? Bà sẽ đâm thọc thị phi sao? Không thể có. Bà sẽ nói thêu dệt sao? Bà sẽ nói ác khẩu sao? Điều không có. Tham sân si mạn rất ít, đây chính là gì? Tuy giới này người ta không học, không học bà đã có tu dưỡng thâm sâu như vậy, quý vị xem, gặp được Phật Pháp, bà liền có thể một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, Kinh Vô Lượng Thọ một ngày nghe mười lần, mười năm chưa từng thay đổi, một môn thâm nhập. Quý vị phải cẩn thận quan sát bà ấy, bà ấy có khai ngộ hay không? Hình như có được chút ít. Quý vị nên biết, có một chút khai ngộ đó, bà đã có định công tương đối, cho nên không đi con đường giới định tuệ này, không thể thành tựu. Tam học giới định tuệ mười phương tam thể tất cả chư Phật, từ sơ phát tâm đến Như Lai địa, bắt buộc đi con đường này.

Tôi lúc mới học Phật, vì là phần tử tri thức hiểu học, đối với đạo lý cảnh giới của kinh Phật này rất hoan hỷ, giới luật thì rất sơ sài, xem rất nhẹ, không tiếp thu lắm. Đại sư Chương Gia nói với tôi, giới luật rất quan trọng, giới luật dường như thời đó chúng tôi ở Đài Bắc, từ Đài Bắc đến Cao Hùng quý vị ngồi tàu hỏa, giới luật chính là tấm vé tàu hỏa này. Tấm vé này nếu chưa đến mục đích cuối cùng, quý vị vĩnh viễn không thể vứt nó đi, bất cứ lúc nào họ muốn kiểm tra vé, lúc đến rồi tấm vé này sẽ trả lại. Ngài nói giới luật cũng giống như tấm vé vậy, chưa đến lúc thành Phật, Đẳng giác Bồ Tát

còn phải trì giới, mãi đến quả vị Diệu giác, giới định tuệ tam học của quý vị mới viên mãn. Quý vị có thể sơ suất được sao? Một môn thâm nhập giữ mười năm như vậy. Điều này thông thường mà nói là tối thiểu. Mười năm chưa có được nhất tâm. Người niệm Phật chúng ta nói là chưa đạt được nhất tâm bất loạn, còn phải tiếp tục làm mười năm nữa. Dùng nhất tâm bất loạn làm tiêu chuẩn. Nhất tâm bất loạn có hai loại: sự nhất tâm bất loạn sanh cõi Phương tiện hữu dư, lý nhất tâm bất loạn sanh Cõi Thật báo trang nghiêm. Thực tế là nghiệp chướng quá nặng, mới đem mục tiêu định nơi cõi Phạm thánh đồng cư, nghiệp chướng tập khí quá nặng. Đó là bất đắc dĩ. Người thực sự có chí khí phải nâng cao phẩm vị, phải đề cao. Cho nên ngày nay chúng ta đọc đến câu kinh văn giải thoát đức này, đối với tất cả pháp mà đắc tự tại tối thắng. Tâm lìa sự trói buộc của phiền não, thông đạt vô ngại, gọi đó là tự tại. Câu này chính là pháp giới vô ngại của Kinh Hoa Nghiêm.

“Lại bất mưu nhi vận nhất thiết vô ngại, vị chi tự tại”. Bất mưu nghĩa là không có kế hoạch, không có những giả thiết dự bị, tự nhiên như vậy, chướng ngại gì cũng không có. Đây mới gọi là tự tại.

Như mười tự tại ở trong Kinh Hoa Nghiêm, mười tự tại này Niệm Lão đều trích lục nó vào nơi này. Chúng ta ở đây đều nhìn thấy rồi, mười điều tự tại. Thứ nhất là “mạng tự tại”, mạng là gì? Thọ mệnh. Bồ Tát đắc huệ mạng trường thọ, trải qua vô lượng a tăng kỳ kiếp trú trì thế gian, không có chướng ngại. Điều này sắp vào hàng số một, là điều mà người ở thế giới Ta bà yêu thích nhất, đem nó liệt vào điều đầu tiên, thọ mạng tự tại. Thọ mạng và sức khỏe có mối liên hệ mật thiết, nếu như thọ mạng rất dài, thân thể không mạnh khỏe, vậy không phải là đang chịu tội sao? Đó không phải là hưởng phúc, đó gọi là chịu tội. Thọ mạng dài, thân thể giống như người trẻ tuổi vậy, đó mới gọi là tự tại. Có thể làm được không? Có thể, thực sự có thể. Ở trong Phật Pháp trên lý luận mà nói, đó thật là không có chướng ngại, dựa vào điều gì? trong kinh Phật nói “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”.

Lúc tôi mới học Phật thầy giáo nói với tôi: trong nhà Phật có cầu tất ứng. Cầu trường thọ có thể được trường thọ sao? Có thể. Cầu phú quý được phú quý, cầu trường thọ được trường thọ. Nhưng thầy giáo sau đó có chú giải: bắt buộc phải cầu như lý như pháp, quý vị mới có thể đạt được, thực sự trong nhà Phật có cầu tất ứng. Quý vị cầu mà không đạt được, là nguyên nhân gì? Không phải ở lý có sai lầm, mà là phương pháp sai rồi. Lý là một cái tâm thuần túy lợi người, không phải là tự lợi. Tôi ở thế gian thêm vài năm nữa thân thể khỏe mạnh, vì tất cả chúng sanh khổ nạn mà phục vụ, vì chánh pháp cứu trú, vậy thì tự nhiên liền đạt được. Vì bản thân hưởng thụ ngũ dục lục trần điều này cầu không được, trong nhà Phật không có điều này. Bởi vì Phật Bồ Tát không có ai là tự tư tự lợi, chỉ cần bản thân có xen tạp một chút tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, quý vị liền không đạt được, không phải là không linh. Quý vị không như pháp rồi. Cho nên sự cầu này cầu thọ mạng, đây là Bồ Tát, không phải là phàm phu. Phật Bồ Tát thị hiện

ở nhân gian này, vì sao họ không thường trú, ngay cả Phật Thích Ca Mâu Ni trú thế, cũng là 79 tuổi đã đi rồi. Ngài vì sao không trụ thêm vài năm nữa? Đây chính là lời của Thiện Đạo đại sư “đều do gặp duyên khác nhau”.

Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa tại thế, giảng kinh dạy học 49 năm, người hữu duyên đều được độ hết, công việc của Ngài viên mãn rồi, Ngài ra đi thôi. Chúng sanh về sau thì sao? Chúng sanh về sau có duyên với những vị Phật Bồ Tát khác, đây là đệ tử của Thế Tôn, đời đời truyền thừa, trong những vị đệ tử này, đích thực rất nhiều vị đều là người trở lại. Phật, Bồ Tát, La hán ứng hóa thân đến, Phật không bỏ chúng sanh, pháp duyên của Thế Tôn viên mãn rồi, liền giao cho đệ tử, quý vị kế tiếp từng người từng người tiếp tục làm. Vì thế học Phật kết pháp duyên quan trọng hơn bất cứ điều gì.

Thầy Lý ngày xưa ở Đài Trung pháp duyên vô cùng thù thắng, chúng tôi học kinh giáo với Thầy, thầy cũng đem điều này thường thường nhắc nhở, dặn dò chúng tôi, phải kết pháp duyên cùng đại chúng, còn dạy chúng tôi kết pháp duyên như thế nào. Thầy mỗi tuần giảng kinh hai lần, cố định như vậy, mỗi tuần giảng hai lần, dạy chúng tôi làm tiếp đãi, chúng tôi hơn 20 người bạn học, bạn học kinh giáo, thầy giáo giảng kinh chúng tôi liền tiếp đãi, ở cổng lớn nhìn thấy có những vị đồng tu đến nghe kinh, đi chào hỏi họ, tìm chỗ ngồi cho họ, đem kinh sách đến cho họ, nói với họ hôm nay bắt đầu giảng từ đâu trở đi. Có lúc thầy giáo nói mua cho họ một ít bánh kẹo kết duyên, chúng tôi lại rất nghèo, không có tiền, một đồng đi mua được một chút đậu phộng, mỗi người một hạt, mỗi người một hạt, kẹo thì một người một miếng nhỏ, kết duyên thôi. Những bạn học chúng tôi chỉ làm những sự việc này, kết pháp duyên. Quý vị nếu như không kết pháp duyên, quý vị tương lai tuy giảng kinh rất hay, giảng hay đến nổi hoa trời rải xuống, cũng không ai nghe. Người đến nghe kinh là người có duyên với quý vị. Điều này bất luận quý vị giảng hay hay không, duyên là quan trọng nhất, chúng tôi tận mắt thấy rồi. Chúng tôi có mấy bạn học giảng kinh giảng rất hay, nhưng giảng kinh người nghe kinh chẳng được mấy người, chỉ mười mấy hai mươi người. Cư sĩ Lâm Khán Trị cũng là lão học trưởng của chúng tôi, bà 60 tuổi, pháp duyên của bà rất tốt, bất luận giảng kinh ở đâu, giảng tòa đều ngồi đầy người hết. Chúng tôi đều rất ngưỡng mộ. Thầy giáo nói người ta pháp duyên thù thắng. Cho nên kết duyên là điều rất quan trọng. Điều này chúng tôi học được rồi. Cho nên nhiều năm như vậy, ở trên quốc tế mời tôi giảng kinh, pháp hội của chúng tôi còn chưa mở, những thứ kết duyên của chúng tôi đều đã chờ đến, toàn bộ đều là kinh sách, băng đĩa, đĩa ghi âm, đĩa ghi hình những thứ này. Cho nên vừa giảng kinh là ở cổng đã để đầy rồi, tùy ý lấy. Pháp duyên thù thắng là đến như vậy.

Điều đầu tiên trong Tứ nhiếp pháp là bố thí. Kết duyên bố thí là kết pháp duyên với tất cả chúng sanh, vậy nên đích thực trong nhà Phật thực sự có cầu tất có ứng. Nhớ kỹ một nguyên tắc là không phải vì bản thân. Không thể xen vào một chút những thứ

của bản thân mình vào trong đó, vừa bị xen là hư rồi, cảm ứng không còn nữa. Một may mắn bản thân cũng không có, thì cảm ứng sẽ không thể nghĩ bàn.

Đệ tử của Thế Tôn, đệ tử chân chánh ở thế gian này chính là tục Phật huệ mạng, tiếp dẫn chúng sanh, tiếp dẫn họ đến Thế giới Cực Lạc, những pháp môn khác, kinh điển khác không quan trọng. Đó là gì? Họ hoan hỷ, làm cho họ vui lòng, giảng kinh cho họ, thực sự có lợi ích là giúp họ liễu sanh thoát tử ra khỏi ba cõi. Ngay trong đời này viên mãn thành Phật, chính là bộ kinh này. Năm kinh một luận của Tịnh Độ, đó là điều thực sự quan trọng, Điều này không thể không biết.

Vậy nên tài phú, Phật nói rất hay là bố thí tài sản được giàu có, thông minh trí tuệ do bố thí pháp, mạnh khỏe trường thọ nhờ bố thí vô úy. Thực sự tu ba loại bố thí này, ba loại quả báo, đây là điều người thế gian này cầu mong: trí tuệ, giàu có, mạnh khỏe sống lâu, tất cả quý vị đều có được. Trong tâm không có bản thân, nhất tâm chỉ là vì chánh pháp Như Lai, vì phổ độ chúng sanh, một đời quý vị sẽ không đau bệnh. Vì sao còn phải sinh bệnh? Vì còn có bản thân chưa buông bỏ được, quý vị mới sinh bệnh, bản thân buông xuống rồi, thì sẽ không sinh bệnh. Đạo lý này nên hiểu vậy.

Thứ hai, tâm tự tại, Bồ Tát trí tuệ phương tiện, điều phục tự tâm, có thể nhập đại tam muội vô lượng, du hí thần thông, mà không bị chướng ngại. Tâm tự tại. Trong đây điều quan trọng nhất là tâm phải định. Định là gì? Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước là định. Trước tiên phải bắt tay từ việc buông chấp trước, trong chấp trước Phật nói với chúng ta đó là quý vị phải thật làm. Điều đầu tiên phải buông bỏ là thân kiến. Thân kiến buông bỏ rồi là gì? Vô ngã. Vô ngã, ta vẫn còn phải làm việc cho người khác, không có việc vì bản thân mình, không có ý niệm của bản thân mình, tôi làm việc là vì người khác, vì tiếp huệ mạng Phật, vì lợi ích chúng sanh. Chỉ cần là việc vì chánh pháp cứu trợ, vì chúng sanh được lợi ích, tôi đều làm, không có một chút gì là vì bản thân, thân kiến đã phá được rồi. Sau khi thân kiến phá được rồi, nhất định phải làm cho được. Thật sự thì năm loại kiến hoặc này là đồng thời đạt được, một thứ đạt được rồi, tất cả đều đạt được hết. Ý niệm đối lập không còn nữa, biên kiến. Đối với tất cả mọi người, tất cả vật, sẽ không có đối lập nữa. Quý vị liền làm được tùy duyên diệu dụng. Chúng tôi thường hay nói: ở trong thế gian này, đối với tất cả người sự vật, không có ý niệm không chế, không có ý niệm chiếm hữu, không có ý niệm chi phối, quý vị xem tự tại biết bao! Quý vị có những ý niệm này, quý vị lo lắng, quý vị cực khổ biết bao. Lo lắng, vất vả đó là tạo nghiệp. Quý vị không đối lập, không không chế, không chiếm hữu, không lo lắng, quý vị không tạo nghiệp nữa, đó thực sự là tiêu nghiệp chướng. Không có thành kiến, có thể hằng thuận chúng sanh, người khác nói gì, rất tốt, không tốt cũng rất tốt. Sự không tốt đó, tương lai họ nhìn thấy, họ thiệt thòi, mắc lừa thôi! Thiệt thòi, mắc lừa là họ đang học tập. Họ ở đó hấp thu kinh nghiệm hấp thu giáo huấn, có gì là không tốt? Là việc tốt! Nếu như họ không chịu thiệt một chút thì họ học từ đâu được? Cho nên Bồ Tát cũng thường nhìn thấy người tạo tội nghiệp chịu khổ

báo, không đến khuyên răn họ, thông qua sự giáo huấn này bản thân họ ắt sẽ sẽ giác ngộ, ngược lại lúc đang hưởng phúc, ở trong thuận cảnh, phải nhắc nhở họ, tránh cho họ tạo nghiệp. Mê quá sâu rồi, lúc tạo nghiệp cực trọng, Phật có lúc cũng nhìn thấy cười cười không nói gì, đây là gì đại từ đại bi, phương tiện thiện xảo, dần dần đợi họ giác ngộ đợi họ quay đầu, quý vị lại đi dạy họ cũng không muộn. Cho nên đầu tiên tâm phải định, không bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Tiêu chuẩn tu hành trong bộ kinh này, chính là nói ba sự việc này: thanh tịnh, bình đẳng, giác. Thanh tịnh là A la hán, bình đẳng là Bồ Tát, Giác là Phật.

Mục tiêu tu học của chúng ta là niệm Phật, trì chú, trì giới, đó đều là phương thức. Mục tiêu là gì? Mục tiêu là tâm thanh tịnh, chúng ta tu hành phải chăng là thật có công phu, thật đắc lực, đó chính là tâm chúng ta, mỗi năm càng thanh tịnh hơn, mỗi tháng càng thanh tịnh hơn, vậy là công thực sự đắc lực. Bản thân hiểu được mỗi tháng đều có tiến bộ hơn, thực sự buông xuống được, tất cả buông xuống, trong tâm không có mong cầu gì, thật sự làm được không tranh với người, không cầu gì ở đời. Phật Bồ Tát muốn chúng ta làm việc gì đó, kết quả làm việc yêu cầu phải tôn tiên, chúng ta cũng không có tiên, chúng ta cũng không thể đến nhà người ta để hóa duyên, tự nhiên liền có người đem đến, sự việc này chứng tỏ Phật Bồ Tát nhất định bảo quý vị phải làm, có người đưa tiền đến rồi. Vậy không có ai đưa tiền đến, tốt thôi, sự việc này có thể không cần làm, không cần lo lắng. Cho nên vĩnh viễn là tùy duyên, không phan duyên, vậy là đúng rồi.

“Du hí thần thông, nhi vô chướng ngại”, du hí thần thông là hình dung cuộc sống hằng ngày của quý vị, là đang làm việc du hí, thông đạt vô ngại, tâm tự tại.

Thứ ba “tư cụ tự tại”, chữ “tư cụ” này nghĩa là chúng ta sống trong thế gian này, bắt buộc phải đầy đủ một số điều kiện, điều kiện vật chất không có là không được, đồ ăn tuy rất đơn giản nhưng phải có thể ăn cho no, mặc đơn giản nhưng phải có thể mặc cho ấm, có một cái phòng nhỏ, có thể che gió mưa, đủ rồi. Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa thị hiện cho chúng ta, nơi ngài cư trú là vùng nhiệt đới, lưu vực sông Hằng, nên ba y một bát là đủ rồi, Ngài không có thứ gì nữa, gốc cây một đêm, ngày ăn một bữa, đi khát thực, mỗi ra ngoài khát thực, khát thực được thức ăn không phải là bản thân liền ăn hết, không phải vậy, trở về, giống như hiện tại là nói là nơi đóng quân vậy, Ngài không có nhà, Ngài cũng không có cắm trại, chỉ là rừng cây, trở về nơi rừng cây này, đem tất cả những thức ăn đồ tập trung lại với nhau, trộn đều lại, ăn bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu, thực sự là chủ nghĩa cộng sản. Có người khát thực thức ăn ngon, có người khát thực thức ăn không ngon, có người khát thực được nhiều, có người khát thực được ít, sau khi trở về mọi người tập trung lại, cho nên cổ nhân nói, người xuất gia là một bát cơm ngàn nhà, đó là thật, không phải là giả. Lúc ăn cơm đơm một bát cơm nhỏ, đó là 1250 người đi ra bên ngoài khát thực trở về, vậy không phải là cơm ngàn nhà sao? Không phải là giả, thực sự đã làm được “lợi hòa đồng quân”, quý vị xem trong lục hòa

kính, thực sự là làm ra được bình đẳng chân chánh. Thanh tịnh bình đẳng giác họ biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày, tâm địa không mảy may ô nhiễm. Sau khi đi khất thực trở về mọi người chia nhau ăn. Y phục, y phục ngày xưa tương đối hiếm hoi, ăn uống thì tương đối dễ dàng, y phục từ đâu mà có? Người ta tặng một cái áo, đó là điều không dễ dàng, y phục đa số là áo quần của người bình thường mặc cũ rồi, không mặc nữa, vứt đi không cần nữa, họ nhặt lại, nhặt lại cũng có thể dùng được, rách không thể dùng thì cắt bỏ nó đi, có thể dùng thì cắt ra từng miếng để lại, giữ lại đủ may một cái áo rồi, chắp vá nối lại. Y hiện tại của chúng ta chỉ có tính tượng trưng, từng miếng từng miếng này, trước đây đích thực là từng miếng từng miếng nối lại với nhau, chất liệu vải khác nhau, màu sắc cũng khác nhau, nên bắt buộc phải nhuộm, nhuộm thành màu sắc như thế này, màu sắc này là gì? đỏ vàng xanh trắng đen tất cả đều lẫn lộn với nhau liền trở thành màu sắc này. Cho nên gọi là y nhuộm màu. Y chỉ có ba loại phương thức, một ngũ điều, y tôi mặc trên người đây là 25 điều, 25 điều gọi là đại y, đại y là cửu điều đến 25 điều, đều gọi là đại y, y bình thường thông thường đắp là 7 điều. Lúc làm việc là mặc y năm điều, y năm điều là y phục để mặc làm việc, ra ngoài khất thực đó là đại sự, nhất định phải đắp y 25 điều. Đây chính là cung kính đối với tất cả chúng sanh, tâm cung kính, những người tại gia cúng dường cho chúng ta ăn uống, những thức ăn cúng dường chúng ta, người xuất gia đối với họ là bố thí pháp, đối với họ giảng giải Phật Pháp, dùng Phật Pháp hướng dẫn cho họ, họ có thắc mắc phải giải đáp cho họ, không có vấn đề thì phải chúc phúc cho họ, cho nên tín chúng dùng tài thí, thức ăn là thuộc về tài, tài thí. Người xuất gia dùng pháp thí để đền đáp.

Hiện tại xã hội không như ngày xưa nữa, chúng ta có phòng xá, tự viện, am đường để cư trú, nhân khẩu nhiều rồi, người học Phật cũng nhiều hơn trước đây, cho nên hiện tại có trường học, có giảng đường, tất cả những công trình xây dựng này đều gọi là tư cụ. Bồ Tát có thể dùng vô lượng trân bảo, các loại tư cụ trang nghiêm tất cả thế giới, thanh tịnh vô ngại vậy. Những trân bảo này, những thứ bảy báu của thế gian, nó rốt cuộc có tác dụng gì? Thất bảo là thuộc về sự giàu có, tác dụng của nó là giúp đỡ quý vị thoát khỏi bần cùng. Nói cách khác, đem đến cho quý vị sự giàu có, tác dụng của nó là như vậy. Nên mọi người xem nó rất trân quý, rất quý giá. Phật Pháp không như vậy, Phật Pháp rất coi trọng pháp, xung pháp là pháp bảo. Tài bảo trên thế gian, chỉ có thể giải quyết những vấn đề ăn mặc đi đứng của chúng ta, không có cách gì giúp đỡ chúng ta, liễu sanh tử ra khỏi luân hồi, chúng đắc Niết bàn không sanh không diệt, không có được năng lực này. Pháp có được năng lực này, cho nên pháp bảo so với tài bảo của thế gian này quan trọng hơn không biết bao nhiêu lần! Cho nên người học Phật coi trọng pháp bảo. Quý vị xem xem một quyển kinh sách này, một câu danh hiệu Phật, Phật Pháp là pháp môn tu hành, một quyển kinh có thể thực sự giúp đỡ một người, phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, thế gian vô lượng tài bảo, đều không thể so sánh với nó. Đây là thật, không phải là giả. Trước đây chúng tôi nói, trong kinh văn này nói: “huệ dĩ

chân bảo chi lợi”, lợi chân thật là pháp bảo, chúng ta dùng pháp bảo Bồ thí, cúng dường tất cả đại chúng, phước báo này thật lớn, điều này không thể không biết. Ngày nay chúng ta tu pháp cúng dường thù thắng nhất, đó là gì? Chính là mạng internet và truyền hình hiện nay, người hiện tại ai không xem tivi, ai không dùng internet? Chúng ta đem tâm đặc bản thân tu hành được, pháp hỷ tu tập, lợi dụng những khoa học kỹ thuật cao này, và rất nhiều chúng sanh hữu duyên khác, chúng sanh hữu duyên là gì? Họ mở kênh truyền hình này ra, đây chính là người hữu duyên, cùng chia sẻ với họ, cùng nhau học tập. Ngày nay ở trong thế giới này, đây là tư cụ tợ tại thù thắng nhất. Nếu như có năng lực, bất luận xuất gia hay tại gia, trong đạo tràng nhất định ít nhất phải lắp đặt mười trang mạng internet quốc tế, mỗi ngày chăm chỉ tu hành, chăm chỉ học tập, mỗi ngày đều đem thành tích bản thân tu học được, tâm đắc của chúng ta truyền lên mạng chia sẻ với tất cả đại chúng. Đây là thực sự báo ơn Phật. Đây là tư cụ tợ tại thật sự.

“Nghiêm túc tất cả thế giới”, nghiêm là trang nghiêm, túc là trang túc, trang nghiêm trang túc tất cả thế giới, dùng gì? Giáo dục Phật Đà. Phật Giáo bản thân xưng là tôn giáo, tông môn giáo môn, tôn nghĩa là gì? Là chủ yếu, quan trọng, tôn sùng; giáo là giáo dục, dạy học, giáo hóa. Hai chữ tôn giáo kết hợp lại, đối với khắp pháp giới hư không giới tất cả chúng sanh hữu tình, là giáo dục chủ yếu, dạy học quan trọng, giáo hóa tôn sùng. Mười phương tất cả chư Phật Như Lai pháp thân Bồ Tát, họ đều làm những việc này.

Chúng ta ngày nay gặp được, đạt được lợi ích, đạt được điều tốt, chúng ta phát nguyện gia nhập đoàn thể của họ, cũng theo đuổi công việc giống như vậy, thành tựu tư cụ tợ tại, thành tựu nghiêm túc tất cả thế giới, làm cho tất cả thế giới đều tốt đẹp giống như Thế giới Cực Lạc vậy. Tất cả những cư dân ở trong đó đều là người thượng thiện, thượng thiện là gì? là Bồ Tát.

Lão tổ tông chúng ta nói hiểu để trung tín 12 chữ toàn bộ đều thực hành rồi, thập thiện nghiệp đạo do Phật Đà dạy học, tam quy ngũ giới, người người đều làm được viên mãn. Vậy chúng ta hiểu được chánh báo trang nghiêm nhất định dẫn đến sự trang nghiêm của y báo. Y chánh trang nghiêm không gì sánh bằng, trong khắp pháp giới hư không giới, Thế giới Cực Lạc là một nơi thị phạm, tất cả những điều tốt đẹp không có mảy may khiếm khuyết. Đây là điều chúng ta nên tiếp tục học tập, mọi người đều có nhìn thấy được.

Quý vị xem Phật A Di Đà kiến lập Thế giới Cực Lạc như thế nào. Kiến lập Thế giới Cực Lạc không phải là bản thân Ngài hưởng thụ, không phải vì bản thân, đặc biệt là vì pháp giới hư không giới, tất cả lục đạo chúng sanh trong quốc độ chư Phật. Vậy chúng sanh lớn biết bao! Tâm lượng của Phật A Di Đà lớn, tâm địa thuần tịnh thuần thiện, cho nên Thế giới Cực Lạc thực sự là nghiêm túc là số một trong tất cả thế giới chư Phật, chúng ta trong đời này thật may mắn gặp được pháp môn này, thân cận Phật A Di Đà, nhận thức rõ rồi, hiểu được thấu đáo rồi, hạ quyết tâm, không đi không được.

Giống như Lưu Tố Vân vậy, quý vị nghe khẩu khí lúc bà ấy diễn giảng, tin chắc Thế giới Cực Lạc, nhất định phải vãng sanh! Phải có quyết tâm kiên định như vậy, có thể đi được hay không? Chắc chắn đi được.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 152

Chuyên ngữ: Liên Hải

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 29.09.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 175, chúng ta bắt đầu xem từ hàng thứ tư.

“U nhất thiết pháp nhi đắc tối thắng tự tại cố, tối thắng nhị tự, tự Đường dịch, tâm ly phiền não chi hệ phục, thông đạt vô ngại vị chi tự tại, hựu bất mưu nhi vận, nhất thiết vô ngại, vị chi tự tại”. Phía trước của đoạn này chúng ta đã học qua. Hôm nay chúng ta lại bắt đầu xem từ đoạn này. Đây là một đoạn, câu này vô cùng quan trọng, là điều tất cả chúng sanh hướng đến. Quý vị nghĩ thử xem ai không muốn được tự tại trong tất cả các pháp? Sự việc này có thể làm được hay không? Không những là tự tại, còn thêm hai chữ nữa là “tối thắng tự tại”, tự tại thù thắng không gì sánh bằng. Chúng ta nhất định phải biết, đây là nói Phật A Di Đà, nói Phật A Di Đà ý nghĩa quan trọng nhất là nói bản thân chúng ta, trong pháp Đại thừa sanh Phật không hai, sanh là chúng sanh, Phật là Chư Phật Như Lai. Vì sao chúng ta gọi ngài là Phật? Vì Ngài đắc tối thắng tự tại, chúng ta liền xưng Ngài là Phật.

Ngày nay chúng ta khắp nơi đều chướng ngại, đây đều là lục đạo phàm phu, vì sao người ta không có chướng ngại, chúng ta lại có chướng ngại? Chướng ngại từ đâu mà có? Chướng ngại từ trong tập khí phiền não của chính mình. Đức Phật dạy chúng ta làm thế nào mới thành Phật? Buông phiền não tập khí xuống, chướng ngại chẳng phải sẽ không còn nữa sao? Tự tại liền hiện ra rồi. Vì sao vậy? Vì tánh đức trong tự tánh vốn là tự tại. Cho nên tự tại không phải từ bên ngoài mà đến, là chúng ta vốn có vậy. Trong kinh đã nói Phật đều nói bản thân vốn có, lời của Cổ thánh tiên hiền nói rất hàm súc, không nói tỉ mỉ như kinh Phật vậy. Cổ nhân đã nói, trong Luận Ngữ nói bản tánh vốn thiện. Quý vị xem ý nghĩa này được viết vào trong Tam tự kinh, dạy học cho nhi đồng. Các em nhỏ đến trường đi học, bộ sách đầu tiên chính là học Tam tự kinh, trong Tam tự kinh có câu: “nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Thiện là gì? tự tại chính là thiện, không tự tại vậy làm sao mà gọi là thiện được? Hi vọng đạt được điều gì? Hi vọng khỏi

phục bản tánh, khôi phục bản thiện của chúng ta, thiện này không phải thiện trong thiện ác, thiện này mỗi mỗi đều viên mãn đây gọi là thiện, thiện chính là tốt quá rồi, không còn có mấy may khuyết điểm nào nữa. Thiện chính là ý nghĩa này, không phải thiện của thiện ác, ý nghĩa thiện của thiện ác rất nhỏ hẹp, ý nghĩa này sâu rộng vô tận. Phật đem những đạo lý này giảng cho chúng ta một cách rõ ràng, thấu đáo. Phật là thầy giáo của chúng ta, Phật, Bồ Tát, A la hán, trước đây chúng tôi đã nói qua rất nhiều lần rồi, là danh xưng học vị trong Phật Giáo, mỗi người đều có thể lấy được. Phật là học vị cao nhất, giống như tiến sĩ vậy. Bồ Tát giống như thạc sĩ, A la hán giống như cử nhân, người người đều có thể lấy được. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, quý vị xem câu này nói hay biết bao, “vốn là”, quý vị hiện tại lại muốn đi kiếm cho được nó, có lý gì lại không thành tựu? Then chốt chính là buông bỏ, quý vị chỉ cần có thể buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, trong Phật Pháp liền xưng quý vị là Phật Đà. Ba thứ này đều buông bỏ rồi, trí tuệ, đức năng, tướng hảo ở trong tự tánh đều khôi phục, bởi vì nó là tự tánh vốn có, nó không phải từ bên ngoài đến, thứ vốn có này mới gọi là thiện. Cổ nhân dùng một chữ này để đại biểu. Phật giảng thấu triệt hơn. Trong chữ thiện này bao hàm điều gì? Bao hàm trí tuệ đức tướng vô lượng vô biên, cho nên Tiến sĩ Townenbe nói rất hay: cổ nhân tâm lượng lớn có thể bao dung văn hóa dị tộc, tức là nói Phật Giáo Ấn độ. Phật Giáo truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc hoàn toàn tiếp thu, điều này tâm lượng lớn có thể bao dung. Trên thế giới tâm lượng lớn như vậy ít thấy, không nhiều, ở Châu Âu không nhìn thấy, chỉ có Trung Quốc thực sự rất đặc thù, hoàn toàn chấp nhận. Sau đó ông ấy nói: Phật Giáo làm phong phú văn hóa bản địa Trung Quốc, chúng ta dùng Phật Giáo giải thích kinh điển của Nho gia, giải thích kinh điển của Đạo gia. Đem Nho và Đạo đều nâng cao lên. Quý vị nói xem “tánh bản thiện” chữ thiện này, lúc chưa có kinh Phật, thì chữ thiện đó phạm vi người giảng đều rất nhỏ. Rất nhiều người đều cho rằng nó là chữ thiện trong từ thiện ác, chưa có ai giảng viên dung như vậy.

Tự tại, thực sự mà nói đến A la hán mới thực sự đạt được. A la hán thành tựu như thế nào? Chấp trước buông bỏ rồi. Phật nói ba loại: vô minh phiền não, trần sa phiền não, kiến tư phiền não, ba loại phiền não. Danh từ trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Danh từ không giống nhau, nhưng ý nghĩa tương đồng. Vọng tưởng chính là vô minh phiền não mà trong kinh giáo Đại thừa thường nói, phân biệt trong kinh Đại thừa nói là ... là dùng tên gì nhỉ, nhất thời tự nhiên tôi không nhớ ra nữa, kiến tư phiền não là chấp trước, phân biệt là trần sa phiền não, nhiều giống như trần sa vậy, dùng trần sa để tỷ dụ là trần sa phiền não. A la hán chỉ buông bỏ kiến tư, chính là chấp trước, họ còn có trần sa, còn có vô minh, nhưng tự tại đã xuất hiện rồi, đã đạt được tự tại rồi.

Hướng thượng mà đi thì phạm vi của tự tại đó càng ngày càng lớn, càng ngày càng rộng, ở nơi đây trích dẫn của Kinh Hoa Nghiêm, đó chính là trên địa vị của Phật,

cũng chính là vọng tưởng phân biệt chấp trước tất cả đều buông bỏ, thông thường trong kinh Đại thừa nói, vô minh, trần sa, kiến tư đều đoạn tận rồi, chính là ý nghĩa này.

Trong Kinh Hoa Nghiêm”nói mười loại tự tại. Một là mạng tự tại, Bồ Tát đạt được trường thọ huệ mạng, trải qua vô lượng a tăng kỳ kiếp trú trì thế gian, không có chướng ngại, điều này rất nhiều người mong có được. Đây là thật không phải giả. Nói thông rồi chúng ta đều biết được, chỉ là chúng ta chưa chứng đắc. Mạng tự tại này, mười loại tự tại này đều là đức tánh, tự tánh vốn có. Phật có, hiện tại chúng ta có hay không? Có. Có, chúng ta có sanh tử, sanh tử là thân thể sanh tử, linh hồn của quý vị không có sanh tử. Điều này người thông thường nghe được nói, đây là tôn giáo, đây là mê tín. Không phải mê tín, là thật. Nói linh hồn, hồn đó không linh, nếu như là linh nó làm sao lại đầu thai trong lục đạo luân hồi, ngạ quỷ súc sanh nó vì sao lại đi? Nó không linh là hồ đồ! Cho nên hồn đó được gọi là mê hồn, đó là thật. Nó là mê mà không giác, không thể gọi nó là linh. Nó không ra khỏi lục đạo luân hồi, nó mê. Nó nếu như giác ngộ rồi, sau khi giác ngộ vậy thì nó thực sự tự tại rồi. Giác ngộ thì không còn gọi linh hồn, gọi là linh tánh. Linh tánh không sanh không diệt. Đó thật là đã đắc đại tự tại rồi.

Ở Trung Quốc Khổng lão phu tử gọi thứ này là du hồn. Quý vị xem, vị này cũng rất vĩ đại. Trong Kinh Dịch – Hệ Từ Truyện, Hệ Từ Truyện là ông ấy viết, do Khổng lão phu tử viết, những trước tác ông để lại không nhiều. Trong Kinh Dịch có Hệ Từ và Thập Dục, còn có Hệ Từ trong lục thập tứ quái. Đây là tác phẩm do Khổng lão phu tử viết. Trong Hệ Từ Truyện ông nói: “linh hồn vi biến, tinh khí vi vật”, cách nói này, cho nên chúng ta hoài nghi ông có phải là Phật Bồ Tát tái lai không? Vì sao nói giống như y trong kinh Phật nói vậy, chỉ là không nói thấu triệt như kinh Phật mà thôi. Quý vị xem du hồn vi biến, trong lục đạo nói du hồn vô cùng chính xác, bởi vì người ở trong trạng thái này, nó không có thân thể, nó có mắt hay không? Có. Có lỗ tai hay không? Có. Có ở đâu bản thân nó cũng không hiểu được, nhưng là gì? Nó có thể nhìn, nó có thể nghe, nó có thể cảm giác, lục căn đều có. Nhưng nó không có thân thể. Không có thân thể thì mắt tai mũi lưỡi thân nằm ở đâu? Đoạn kinh văn trước chúng ta đã đọc qua, đó chính là gì? Nó có ý niệm. Ý niệm nó chưa buông bỏ, trong Phật Pháp nói, loại này gọi là A lại ya, lượng hoạt động vô cùng lớn. Nhân gian thiên thượng nó đều có thể đi. Tùy theo nghiệp lực của bản thân mà đầu thai, nó muốn có một thân thể nó liền có thể có được. Đây là điều trong kinh Phật nói “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”.

Viết quyển sách này là Cao tiên sinh, ông hỏi Khải Tát tam vương tử, vì họ là thân linh hồn, hỏi ông ta có nhục thể hay không? Ông nói không có, chúng tôi không có nhục thể. Hỏi về tình hình của họ, ở đây nói rất tường tận. Người này chết vào 2100 năm trước, quân đoàn này tất cả đều chết tại Trung Quốc, toàn quân bị đánh úp, hơn 100.000 người, hiện tại biến thành binh đoàn ma quỷ, chúng ta rất khâm phục, họ chú trọng nghĩa khí, họ không giải tán, trong quỹ đạo này có binh đoàn. Cao tiên sinh là đảng viên cộng sản, là cán bộ đảng cộng sản, ông là một khoa trưởng của tổng chiến bộ

nơi này, ông nghe được sự việc kỳ quái này liền đến phỏng vấn, phỏng vấn rất nhiều lần, cảm thấy là thật không phải giả. Lý Kim Lan- người bị áp xác là một phụ nữ nông thôn, bà ấy không thể nào nói ra được những câu chuyện như vậy, không bịa ra được, người nhập xác nói tiếng La mã, nói tiếng Italy, họ đi tìm những thầy giáo của những trường ngoại ngữ đến đó để phỏng vấn. Thầy giáo nói bà ấy nói là thật chứ không phải giả, đích thực là ngôn ngữ cổ La mã, viết chữ ra là văn tự La mã cổ. Nếu hương linh này không mượn xác, Lý Kim Lan không có được năng lực này, bà sẽ không nói tiếng La mã, bà cũng không thể viết chữ La mã. Nhưng lúc bị áp xác bà ấy có thể viết, có thể nói, 2100 năm trước, cho nên ông ấy đem những thứ này viết ra thành sách, ông viết ra nói với người thế gian, nói với mọi người đây là thật không phải giả, con người không chết. Sanh diệt là gì? Sanh diệt là thân. Thân là thứ thuộc về vật chất nó có sanh có diệt, linh tánh không sanh không diệt, nhưng linh tánh đạt được thân này, cũng có thể đạt được thân mạng trường thọ, đạo lý này nói ra thì rất sâu. A la hán không đạt được, Bồ Tát, Bồ Tát thông thường cũng không đạt được, trong Kinh Hoa Nghiêm nói Pháp thân Bồ Tát họ đạt được, vì sao vậy? Quý vị phải hiểu được, vật chất này tại sao có sanh diệt? Sanh diệt là quý vị có ý niệm. Lấy bản thân chúng ta để nói, có thể lãnh hội được, niệm trước diệt rồi, niệm sau liền sanh, niệm này nối tiếp niệm kia, cho nên chúng ta có được thân này chính là có sanh diệt, nếu như ý niệm của chúng ta không còn nữa, không còn ý niệm sanh diệt này nữa, thân mà chúng ta có được này, thân này sẽ bất sanh bất diệt, trong Phật Pháp nói: tầng lớp nào là cảnh giới này? Cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai là cảnh giới này. Cho nên cõi Thật báo trang nghiêm chúng ta gọi nó là nhất chân pháp giới, nó là thật. Nhà Phật nói là chân vọng, định nghĩa của nó rất rõ ràng, vĩnh hằng bất diệt gọi là chân, phàm có sanh diệt đều là giả, cho nên hiện tượng là giả, “phàm có hình tướng đều là hư vọng”, đây không phải là thật, nhưng linh tánh là thật, nó không sanh không diệt. Trong cõi thật báo, đây là nói hiện tượng trong vũ trụ từ đâu mà có? Phật nói với chúng ta là tâm quý vị hiện ra, thức biến hiện. Thức là A lại ya, chúng ta nói là khởi tâm động niệm, có khởi tâm động niệm liền có sanh diệt. Không có khởi tâm động niệm thì không có sanh diệt. Cho nên hiện tượng do tâm tánh hiện ra, trong đó không có A lại ya, tức không có sanh diệt. Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là như vậy. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói cõi Thật báo của chư Phật trong thế giới Hoa Tạng, cõi Thật báo của chư Phật chính là cõi Thật báo của bản thân, khái niệm này vô cùng quan trọng. Nếu như chúng ta chia bản thân và Phật thành hai bên là sai rồi, là một không phải hai. Khái niệm này bắt buộc phải có. Trong Cõi Thật báo chỉ có tâm hiện, không có thức biến. Cho nên con người vĩnh viễn là trẻ trung, họ sẽ không bị già suy, không thay đổi. Cây cối hoa cỏ vĩnh viễn tốt tươi, nó sẽ không bị héo tàn, trong mười pháp giới có tàn tạ. Trong thập pháp giới có già suy, trong thập pháp giới có sanh diệt, Vì sao vậy? Thức của nó làm chủ tử, nó có ý niệm. Đức Phật dạy “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”, tâm tướng này là hai tầng ý nghĩa, Thập

pháp giới trở lên cũng là tâm tưởng sanh. Nhưng nó không có thức, tức là họ không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nhưng thập pháp giới trở xuống, tứ thánh pháp giới và lục đạo nó có sanh có diệt, tức là nó có ý niệm, then chốt là ở đây. Quý vị hiểu rõ điều này rồi, trong kinh Phật nói điều này, quý vị hoàn toàn hiểu rõ được. Ý niệm này tác dụng rất rõ ràng. Chúng ta có thể lãnh hội được, lúc con người tâm tình tự tại, lúc vui vẻ, không cảm thấy già suy, quý vị không nghĩ đến già, cho nên quý vị mỗi năm đều trẻ trung ra, đại khái là lúc nào? Trước 30 tuổi chưa nghĩ đến già, sự thay đổi của quý vị không lớn, trung niên trở về sau liền nghĩ đến già rồi, nghĩ đến già rồi thì dáng vẻ càng ngày càng già. Đặc biệt là gì? Là lúc làm việc. Công việc quý vị rất nhiều, tôi có rất nhiều đồng học, bạn bè, làm việc ở trong cơ quan nhà nước, mỗi ngày bận rộn với công vụ của họ, cũng rất vui vẻ, không đáng vui sao. Nhưng bỗng nhiên về hưu rồi, tuổi tác đến lúc về hưu rồi, về hưu rồi nghĩ đến già, về hưu rồi. Sau khi về hưu hai năm không gặp mặt, gọi điện thoại, nghe tin tôi ở đâu đó, gặp mặt tôi một tí, tôi vừa gặp mặt giật cả mình, dường như bỗng nhiên già đến mười tuổi vậy, làm sao hai năm mà suy già đến mười tuổi? Vì sao vậy? Ông ấy ngày ngày đang nghĩ đến, nhớ đến việc già, lúc già họ lại nghĩ đến việc có bệnh, ngày ngày muốn đi khám bệnh, không xa rời bệnh viện, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Những người bạn già của tôi thường thường gặp tôi, ông ấy nói: vì sao thầy hình như già suy rất chậm? Tôi nói tôi không nghĩ đến việc già, tôi vẫn đang làm việc, tôi ngày ngày đang đọc kinh, ngày ngày đang dạy học, tôi còn chưa về hưu, nếu như về hưu rồi, e rằng cũng giống như các ông vậy, cũng rất nhanh thôi. Chính là đạo lý này, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Quý vị nghĩ thiện, thì không có thứ gì không thiện, quý vị nghĩ bất thiện, thì không có thứ gì là thiện. Thân thể là như vậy, gia đình, công việc, quốc gia đến thế giới đều không tách rời nguyên lý này. Ngày nay toàn thế giới xã hội động loạn, bất an; trên trái đất thiên tai khác thường, tần suất không ngừng tăng lên, tai nạn không ngừng rộng lớn. Nguyên nhân là gì ý niệm của chúng ta bất thiện. Khởi tâm động niệm đều là tự tư tự lợi, đều là danh văn lợi dưỡng, đều là thị phi nhân ngã. Ý niệm không tốt nhất chính là tôn người lợi mình, đây là ý niệm rất không tốt. Khác với thời xưa, được giáo dục khác nhau. Giáo dục ngày xưa, mục đích giáo dục không phải dạy quý vị kiếm tiền, không phải dạy quý vị thăng quan phát tài, dạy quý vị làm thánh nhân, dạy quý vị làm hiền nhân. Cổ nhân quý vị xem xem vừa mở miệng là đọc sách chí tại thánh hiền. Chí là gì? Mục tiêu. Vì sao phải đọc sách? Làm thánh nhân, làm hiền nhân. Khái niệm này, ở Trung Quốc tôi tin không chỉ có 10.000 năm. Trung Quốc có văn tự, lịch sử ghi chép là 5000 năm, thượng cổ năm trăm năm kia là truyền thuyết, thực sự có văn tự thời Hoàng đế mới phát minh ra, đến chúng ta hiện nay 4500 năm này có văn tự, trước khi có văn tự, Trung Quốc có văn hóa hay không? Có, chắc chắn có. Cho nên văn hóa truyền thống của Trung Quốc lịch sử lâu đời, nguồn gốc xa xưa. Tôi tin Trung Quốc không thua so với Ấn độ, Bà la môn giáo của Ấn độ họ nói có 13.000 năm lịch sử, tôi tin tưởng, họ không coi trọng văn tự, họ

không có những ghi chép lại, đời đời truyền nhau, cho nên lục đạo luân hồi những truyền thuyết này là của cổ Bà la môn giáo, không phải của Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật Thích Ca Mâu Ni lúc đang cầu học, học pháp môn của họ, hơn nữa là Phật Thích Ca Mâu Ni cầu học những khóa trình quan trọng, khóa trình trọng điểm là Bà la môn giáo. Bà la môn giáo coi trọng thiên định. Cho nên tứ thiên bát định là của Bà la môn giáo, họ tu thành công rồi, trong thiên định thời gian và không gian đều không thấy nữa, khoa học nói là tầng không gian, thiên định có thể làm cho tầng không gian bị đột phá, quý vị liền có thể nhìn thấy 28 tầng trời, có thể nhìn thấy A tỳ địa ngục ở dưới, đây là quý vị đích thân nhìn thấy, không phải là tưởng tượng. Người tu thành tứ thiên bát định rất nhiều, Phật Giáo cũng đem những điều học tập này liệt thành sơ cấp, lúc quý vị vừa nhập môn quý vị bắt buộc phải học tập, sự phân bố này ở trong kinh điển Tiểu thừa. Người Trung Quốc đối với thiên định cũng rất tôn kính, nhưng không coi trọng. Người Trung Quốc coi trọng lý luận, coi trọng học thuật, cho nên giáo lý Đại thừa ở Trung Quốc ở Trung Quốc được đặc biệt ưa thích, trong đây nói về triết lý, nói về khoa học, triết lý khoa học ở trong kinh Phật, đích thực hiện tại chúng ta tin tưởng rồi, cũng chứng minh được rồi, siêu việt khoa học và triết học hiện đại. Những vấn đề hiện đại khoa học triết học không thể giải quyết, trong kinh Phật đều có hết, hơn nữa nói rất thấu triệt, bất luận là hồng quan vũ trụ, hay là vi quan lượng tử lực học, kinh Phật nói thấu triệt hơn, nói hay hơn họ. Thực sự có thể giúp đỡ chúng ta giải quyết vấn đề. Thế giới của chúng ta có thể khôi phục được an định hòa bình, hạnh phúc mỹ mãn hay không? Đáp án là nhất định, có thể, chỉ cần chúng ta quay đầu, tuân thủ giáo huấn của lão tổ tông. Giáo huấn của lão tổ tông không phải là họ phát minh ra, không phải họ sáng lập ra, hoàn toàn là trong tự tánh vốn có, cho nên Không lão phu tử nói rất hay, ông nói ông một đời “thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”, hai câu nói này còn không vĩ đại sao? Chứng tỏ Không Tử một đời không có sáng tạo, không có phát minh, thứ ông học được, tu được, thứ ông dạy, thứ ông truyền lại, đều là cổ thánh tiên hiền để lại. Cho nên hậu nhân Trung Quốc xưng Không Tử là người tập đại thành. “Đại thành chí thánh tiên sư”, tập đại thành bản thân không có sáng tạo phát minh, tức là ngày nay chúng ta nói ông là một người trung thực, hiếu học, thật làm, ông đem truyền thuyết của cổ nhân viết thành văn tự để truyền xuống. Cho nên trong Luận Ngữ rất nhiều từ “tử viết”. Ý nghĩa ở trong đó tất cả đều là của cổ thánh tiên hiền, điều này chúng ta nên hiểu.

Tự tánh là gì? Chúng ta sẵn có. Tự tánh của chúng ta và tự tánh của Thánh nhân và tự tánh của Phật Bồ Tát là một tánh. Phật Thích Ca Mâu Ni từ tự tánh lưu xuất ra Kinh Hoa Nghiêm, lưu xuất ra Kinh Vô Lượng Thọ, tự tánh của chúng ta cũng có Hoa Nghiêm, cũng có Kinh Vô Lượng Thọ, cùng với Phật Thích Ca Mâu Ni là không hai không khác. Cho nên chỉ cần minh tâm kiến tánh, không phải quý vị đều nhìn thấy hết rồi sao?

Ở Trung Quốc vào thời xưa, Huệ Năng đại sư đã làm cho chúng ta một chứng minh, ngài không biết chữ, chưa từng đi học, ngài không có gì là không biết, tất cả kinh điển quý vị đọc cho ngài nghe, ngài sẽ giảng cho quý vị nghe, giảng rõ ràng minh bạch không sai chút nào. Cho nên Phật Bồ Tát, Trung Quốc cổ thánh tiên hiền họ dạy người không phải dạy quý vị nhớ, không phải dạy quý vị học thuộc, những thứ này là thứ cứng nhắc, không có ý nghĩa gì, bảo quý vị khai ngộ. Khai ngộ như thế nào? Tâm định trở lại chính là khai ngộ, dùng phương pháp gì làm cho tâm chúng ta định trở lại? Phương pháp đó rất nhiều. Trong Phật Pháp nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, phương pháp! Bất luận dùng phương pháp gì, chỉ cần làm cho tâm định trở lại, vọng niệm ít đi, trí tuệ liền xuất hiện. Tiểu định tiểu trí tuệ hiện tiền, đại định đại trí tuệ hiện tiền, điều này quan trọng. Cho nên trí tuệ là những thứ tốt ở trong tự tánh, có thể giải quyết tất cả mọi vấn đề, không xảy ra tác dụng phụ, khác với tri thức, tri thức có thể giải quyết vấn đề, chắc chắn có tác dụng phụ. Hơn nữa chỉ có thể giải quyết cục bộ, không thể giải quyết được viên mãn. Giáo dục của cổ thánh tiên hiền là cầu trí tuệ. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói mười loại tự tại, hoàn toàn là tánh đức. Cho nên chúng ta hiểu được, chúng ta hiểu rõ, thực sự niệm Phật sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, thân thể của quý vị bất biến, thọ mạng cũng bất biến, cho nên Thế giới Cực Lạc xưng Phật A Di Đà là Vô lượng thọ Phật, đó không phải là tán thán Ngài, đó là thật. Nhưng thân tướng của Ngài phải chăng là tồn tại vĩnh viễn? không phải. Đến lúc nào thân tướng không tồn tại nữa? Cõi Thật báo của Phật A Di Đà này, trong Kinh Hoa Nghiêm nói ai trú ở đó? 41 vị pháp thân đại sĩ, cũng chính là sơ trú Bồ Tát, đến nơi đó rồi, vãng sanh đến bên đó rồi. Khi nào rời đi? Đến Diệu Giác vị liền rời đi. Từ sơ trú đến Diệu Giác thời gian này bao lâu? Trong kinh nói với chúng ta là ba đại A tăng kỳ kiếp, chúng ta liền hiểu được rằng thọ mạng của Phật A Di Đà là ba đại A tăng kỳ kiếp. Sau ba đại a tăng kỳ kiếp họ trở về với tự tánh nhập vào Thường tịch quang. Đây là sâu hơn một tầng nữa nhập vào Thường tịch quang. Trong Thường tịch quang không có hình tướng, Thường tịch quang không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng vật chất, đây là tối cao. Thường tịch quang có khởi tác dụng không? Khởi tác dụng. Chúng sanh có cảm, họ có ứng. Chúng sanh có cảm, lúc họ đến ứng liền hiện thân, họ hiện thân tự tại, muốn hiện thân gì liền hiện thân đó, giống như Phẩm Phổ Môn nêu ví dụ 32 ứng thân, cần dùng thân Phật để độ ngài liền hiện thân Phật, cần dùng thân Bồ Tát để độ liền dùng thân Bồ Tát, cần dùng thân đồng năm đồng nữ để độ liền dùng thân đồng năm đồng nữ, thân gì cũng hiện được. Không những có thể hiện thân người, có thể hiện thân động vật, có thể hiện cỏ cây hoa lá thân, có thể hiện sơn hà đại địa, thứ gì họ cũng có thể hiện, thực sự được đại tự tại.

Thứ hai tâm tự tại. Bồ Tát trí tuệ phương tiện, điều phục tự tâm, có thể nhập vào đại tam muội vô lượng, du hí thần thông, mà vô chướng ngại. Đoạn này nói với chúng ta tâm phải định. Tâm vốn là định, vốn đã không có dao động, đây gọi là chân tâm.

Vọng tâm là động, chân tâm bất động. Lúc Huệ Năng đại sư khai ngộ nói: “đâu ngờ tự tánh, vốn không dao động”, đó chính là tự tánh bản định, vốn sẵn đã định, cho nên động là sai. Tâm tự tại rồi thì thường ở trong định. Nói cách khác, thường sanh trí tuệ, trí tuệ chiếu vạn vật, lúc nó khởi tác dụng chúng sanh có cảm nó liền có ứng. Tuy rằng ứng, ứng thân cũng điều phục tự tâm, cũng thị hiện cho chúng ta vô lượng đại tam muội, đại tam muội chính là đại định. Tam muội là tiếng Ấn độ, trong thập pháp giới du hí thần thông, không có chướng ngại. Du hí thần thông này là gì? Giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ.

Thứ ba là tự cụ tự tại. Đây cũng là điều tất cả con người chúng ta hướng mong đến. Tự cụ là gì? Chúng ta sống trong thế gian này, tất cả những sinh hoạt vật chất, cuộc sống tinh thần mà chúng ta thọ dụng được đại tự tại, không có gì thiếu thốn, tất cả đều trong tự tánh sẵn có.

“Nghiêm sức nhất thiết thế giới”, nghiêm là nghiêm trang, sức là trang sức, nghiêm sức này là điều ngày nay chúng ta nói tốt đẹp. Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta Thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, điều tốt đẹp của thế giới đó nói mãi không hết, chỉ lược nói vài điều.

Thứ nhất, thế giới đó thanh tịnh không có ô nhiễm, vậy chúng ta nghĩ xem ngày nay trái đất, toàn thể trái đất bị ô nhiễm, tinh thần của chúng ta bị ô nhiễm, tinh thần của chúng ta cũng bị nhiễm ô rồi, cho nên mới có rất nhiều tật bệnh phát sinh. Đại địa của thế giới Cực Lạc không phải là bùn đất, mà là lưu ly. Lưu ly người Trung Quốc gọi đó là ngọc bích, ngọc, ngọc tốt nhất, màu xanh, cho nên Thế giới Cực Lạc cũng là đại địa màu xanh. Nhưng nó là đất lưu ly, cỏ cây hoa lá cũng vô cùng mềm mại, nó không phải là cây cỏ, nó là trân bảo thành tựu, vô lượng trân bảo. Vàng là thứ mà người thế gian chúng ta coi trọng nhất, vàng của Thế giới Cực Lạc là thứ dùng để trải đường đi. Giống như chúng ta hiện nay dùng nhựa đường để trải đường vậy. Thế giới Cực Lạc dùng vàng để trải đường đi. Quý vị nói xem tài nguyên của nó phong phú biết bao, cuộc sống nhân dân giàu có biết bao, không cần lo lắng chút nào. Nước uống đều là cam lộ, nước tắm công đức. Chúng ta hiện nay trong nước cũng có độc, uống vào thì mất mạng. Nước ở chỗ họ không những bổ dưỡng thân thể, còn có thể giúp đỡ quý vị sanh trưởng trí tuệ. Phật A Di Đà ở nơi đó dạy học, thế giới đó lớn hơn trái đất chúng ta nhiều, trái đất không thể nào so sánh với nó được. Phật A Di Đà phân thân nơi nơi đều có, quý vị nghĩ đến Phật A Di Đà, Phật liền ở ngay trước mặt quý vị, cảm ứng nhanh như vậy. Thầy giáo người ta ở trước mặt, không tự nhiên, giữ kè quá, thầy giáo liền không thấy nữa. Muốn nghe Phật Pháp, thầy giáo biến thành con chim nhỏ đến thuyết pháp cho quý vị, vậy là quý vị rất tự tại. Gió thổi hoa lá, lá cây đó giống như chuông gió, âm thanh vô cùng mỹ diệu, cũng ở đó thuyết pháp hướng dẫn cho quý vị, tự cụ tự tại. Không giống như thế gian này của chúng ta phải truy cầu cực khổ như vậy. Cầu được rồi vẫn là trong mệnh có sẵn, trong mệnh không có thì cầu không được, cho nên cổ nhân nói:

quân tử vui được làm quân tử, tiểu nhân oan uổng làm tiểu nhân. Danh văn lợi dưỡng quý vị cầu được toàn là trong mệnh sẵn có, quý vị hà tất phải tìm cầu? Không cầu cũng có được. Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta nhường, không bảo chúng ta cầu, lễ nhường, không phải là cầu được, cầu không được, thứ quý vị cầu được quý vị dùng cũng hết, đến cuối cùng liền không có nữa, phước báo quý vị dùng hết rồi, ngay hôm nay quý vị được một chút phước báo, từ đâu mà có? Trong đời quá khứ tu mà có, đời đời kiếp kiếp tu mà có, đời này không biết tu nữa, quý vị hưởng dụng là phước trong đời quá khứ, thủ đoạn si cầu này là sai lầm, lẽ ra nên bồi phước. Bồi phước Đức Phật nói rất hay, đều nói lời chân thật. Tài sản từ đâu mà có? Tài sản của trong vận mệnh của quý vị từ đâu mà có? Từ bố thí tài sản mà có. Thông minh trí tuệ từ đâu mà có? Từ bố thí pháp mà có. Mạnh khỏe trường thọ từ đâu mà có? Bố thí vô úy mà có. Đức Phật dạy chúng ta tu ba loại bố thí này chính là bồi phước. Quý vị tu bố thí tài vật quý vị nhất định được giàu có, càng thí càng nhiều. Tu bố thí pháp được thông minh trí tuệ, tu bố thí vô úy được mạnh khỏe trường thọ.

Lúc tôi mới học Phật, đại sư Chương Gia dạy tôi, tôi đã thật làm, làm đến ngày nay được 59 năm rồi, 59 năm này có thể làm chứng minh cho mọi người, ba thứ này tôi đều làm được, tài sản dùng không thiếu nữa, trong người không có đồng nào, nhưng muốn làm việc gì cần bao nhiêu tiền, tiền đó tự nhiên liền đến, không thể nghĩ bàn! Không có thì tôi không làm, đến rồi thì tôi làm, đến rồi mà không làm thì không được. Đó là Phật Bồ Tát cần tôi làm, lúc không đến tức là Phật Bồ Tát không bảo tôi làm, để cho tôi nhàn rỗi một chút. Tôi rất an vui, rất tự tại. Thông minh trí tuệ, quý vị nghe tôi giảng kinh thì biết rồi, tôi giảng những kinh điển Đại thừa này mỗi năm đều khác, cảnh giới không tương đồng mà, không phải trước đây tôi không nói, không phải thế, trí tuệ mỗi năm một tăng trưởng. Mạnh khỏe trường thọ, quý vị đều nhìn thấy rồi, bố thí vô úy. Trong bố thí vô úy điều đầu tiên là chọn cách ăn chay. Không còn kết oán thù với chúng sanh nữa. Cho nên động vật nhỏ nhìn thấy quý vị sẽ không sợ sệt. Tôi sống ở Úc châu, trú ở thôn quê, động vật nhỏ rất nhiều, sóc vừa vẫy vẫy tay nó liền đến, chúng sẽ không sợ sệt, sẽ không chạy, chúng cũng biết nhìn người, nếu như con người quý vị có sát khí, nó đã chạy từ lâu rồi. Học Phật nhiều năm như vậy sát khí không còn nữa, ý niệm sát hại chúng sanh không còn, cho nên với tất cả những động vật nhỏ đều có thể chung sống hòa thuận, cùng tồn tại phát triển, giúp đỡ lẫn nhau.

Tiếp theo là điều thứ tư, nghiệp tự tại. Nghiệp là gì? Là tạo tác. Chúng ta thông thường nói là sự nghiệp, lúc quý vị đang tạo tác gọi là sự, quý vị đang làm sự việc gì. Sự việc làm xong rồi đó gọi là nghiệp. Sự việc của quý vị là thiện, hoặc là ác, quý vị làm việc tốt đó là thiện nghiệp, quý vị làm việc xấu là ác nghiệp. Nghiệp chiêu cảm quả báo trong tương lai. Nghiệp là nhân, quả báo sau đó, báo là quả. Chính là nói thiện có thiện báo, ác có ác báo, không phải không báo, thời hạn chưa đến. Con người làm thiện nghiệp, hiện tại còn đang chịu tội, còn đang chịu khổ. Nguyên nhân là gì? Quả báo của

ác nghiệp trong quá khứ chưa báo hết, sức mạnh nào lớn nó chịu báo trước. Đợi đến lúc nghiệp ác này báo xong rồi, thì nghiệp thiện liền khởi lên. Hiện tại tạo ác nghiệp, cũng hưởng thụ được rất nhiều. Đó là gì? Thiện trong quá khứ lớn, thiện căn trong quá khứ sâu dày, phước họ hưởng xong rồi, ác báo liền hiện tiền. Cho nên thiện ác nhất định là có quả báo. Quý vị nếu như không có nhân quả, đó là hoàn toàn sai lầm.

Trong quyển sách này nói về nhân quả nói rất thấu triệt. Họ hiện tại giác ngộ rồi, chiến tranh là sai lầm! Họ gặp được Bồ Tát, Bồ Tát thường thường giúp đỡ họ, rất khổ, họ là cô hồn dã quỷ, Bồ Tát nói với họ: Trung Quốc không phải là của quý vị, quý vị đến để làm gì? Lời này ý nghĩa rất sâu. Dùng vũ lực để đoạt được vẫn là trong mệnh quý vị đã sẵn có, quý vị nói xem quý vị có oan uổng không? Trong mệnh quý vị không có thì đoạt cũng không được. Đạo lý nhân quả này, nếu như thực sự nhiều lãnh đạo quốc gia hiểu được rồi, không còn đánh nhau nữa. Đánh nhau là tạo ác nghiệp, không phải là việc tốt. Những thứ nhờ đánh nhau mà có được vẫn là sẵn có trong mệnh, quý vị hà tất phải thế? Người Mỹ đánh Iraq oan uổng biết bao, hiện nay kết thúc rồi, rút quân về rồi, làm nhiều năm như vậy tốn biết bao nhiêu tiền? Quý vị xem tin tức đăng tải là mấy trăm tỷ mỹ kim. Iraq chết hơn một triệu người, quân đội của Mỹ cũng chết hơn 4000 người, không đáng có! Mỹ đánh Iraq là vì điều gì, trong lòng chúng ta đều hiểu rõ, vì dầu mỏ. Anh đem mấy trăm tỷ đi mua dầu mỏ của họ, không phải là hai bên đều tốt sao? Hà tất phải dùng thủ đoạn này? Sai rồi. Không biết nhân quả báo ứng. Người Nhật bản ngày xưa phát động chiến tranh với Trung Quốc muốn xâm lược Trung Quốc, chiếm lĩnh Trung Quốc, đánh tám năm thì đầu hàng. Vì sao vậy? Trung Quốc không phải của Nhật bản. Cũng giống như quân đoàn La mã, không phải là của quý vị, quý vị đến để làm gì? Con người không thể không hiểu về nhân quả, hiểu được nhân quả chúng ta sẽ rất quy củ để làm một người tốt, sống một đời hạnh phúc mỹ mãn, quý vị xem an lạc biết bao.

Lão tử tông hướng dẫn chúng ta, khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác, đây đều gọi là nghiệp. Nhất định phải tuân thủ đạo đức. Tổ tông, tôi tin rằng là ngàn vạn năm tương truyền xuống, rất đơn giản chỉ có 12 chữ, sẽ không truyền sai. Cổ nhân truyền xuống không thể phức tạp, không thể nhiều. Nhiều thì sao? Nhớ không được, truyền sai mất. Càng đơn giản thì càng chân thực. Quý vị xem đơn giản chỉ 12 chữ: hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình. Điều này tuyệt đối không truyền sai. Quy nạp lại chỉ có 12 chữ này, triển khai ra cũng rất đơn giản, đều có thể nhớ được. Ngũ luân: phụ tử hữu thân, phu phu hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín, là Ngũ luân. Ngũ thường: nhân nghĩa lễ trí tín, năm chữ. Tứ đức: lễ nghĩa liêm sỉ. Bát đức: trung hiếu nhân ái, tín nghĩa hòa bình. Quý vị xem mấy vạn năm trước, liền truyền những thứ này cho người đời sau. Vậy làm sao truyền sai? Mấy câu này quy nạp lại chính là 12 chữ, càng đơn giản hơn. Hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình, chỉ 12 chữ. Đây là văn hóa truyền thống xưa. Chúng ta khởi tâm

động niệm nhất định không làm trái. Bắt đầu thực hiện từ đâu? Từ hiếu thân, từ tôn sư. Ân đức của thầy giáo đối với chúng ta giống như cha mẹ vậy. Thân thể chúng ta có được từ cha mẹ, trí tuệ của chúng ta từ thầy giáo mà có. Phật hướng dẫn chúng ta “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”, quý vị xem lời Phật giảng và văn hóa truyền thống là cùng một gốc, hiếu thân tôn sư. Cho nên giáo dục xưa là bắt đầu từ hiếu thân tôn sư. Dùng lời hiện tại để nói là giáo dục yêu thương. Gốc của giáo dục xưa là câu đầu tiên trong ngũ luân: “phụ tử hữu thân”, sự thân ái của cha mẹ đối với con cái đó là tánh đức, đó là trong tự tánh phát sinh ra, mục đích của dạy học là hi vọng tánh đức này trong đời này có thể duy trì bất biến. Đây là mục tiêu số một của giáo dục. Mục tiêu thứ hai là hi vọng đem tánh đức này, sự thân ái này phát huy rộng lớn. Từ yêu thương cha mẹ mình, phát huy đến yêu thương anh chị em mình, yêu thương bạn bè thân thích của mình, yêu thương bà con làng xóm của mình, yêu xã hội, yêu quốc gia, đến cuối cùng “phàm là người đều phải yêu thương”, đây là mục đích giáo dục, là bảo quý vị thực sự làm thánh nhân, làm hiền nhân. Người là thánh hiền, nói với quý vị rằng nhà cũng là thánh hiền, sự nghiệp của quý vị cũng là thánh hiền. Quốc gia chính trị là thánh hiền, chính trị thánh hiền. Bất luận chế độ nào họ đều là thánh hiền, người thánh hiền! Chế độ là pháp, quốc gia không thể không có pháp, pháp có thể độc lập tồn tại không? Không thể, pháp yếu đặc kỳ nhân, nó nếu như đạt được thánh nhân, thì pháp này là pháp thánh hiền; nó nếu cần đạt được quân tử, pháp này là pháp quân tử, nó nếu như là tiểu nhân chấp chính thì pháp đó chính là pháp tiểu nhân. Cho nên cổ nhân có câu nói rất hay: “nhân tồn chánh cử, nhân vong chánh tức”, chúng ta phải hiểu được đạo lý này. Đối với cổ nhân phải có tâm tôn trọng, không được xem thường. Xem thường là tạo nghiệp. Chúng ta cho rằng bản thân chúng ta rất tài giỏi, cổ nhân cũng không bằng chúng ta, còn thua xa lắm, chúng ta không bằng cổ nhân. Ngày nay chúng ta tuy khoa học kỹ thuật phát triển, khoa học kỹ thuật phát triển đến cuối cùng, kết quả như thế nào? Kết quả là trái đất hủy diệt. Lão tổ tông không phải không hiểu khoa học, hiểu, vì sao không phát triển? Biết được những thứ này nếu phát triển, nếu như luân lý đạo đức không theo kịp, hậu quả chính là trái đất hủy diệt, chính là thế giới tận thế, cho nên không muốn cách làm như vậy. Đây là gì? Đây là từ bi, đây là yêu thương. Đạo lý này chúng ta nhất định phải hiểu. Cho nên nghiệp phải tự tại, chúng ta có thể tương ứng với tánh đức, thì không có thứ gì không tồn tại. Khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác, người xưa dùng 12 chữ. Trong Phật Pháp chính là thập thiện nghiệp. Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói thêu dệt, không nói lời ác, không tham, không sân, không si, đó là tánh đức. Nhà Phật nói thập thiện nghiệp đạo.

Ngày nay xã hội loạn rồi, thế giới thiên tai nhiều rồi, hóa giải như thế nào? Có thể tìm lại ba cái gốc của Nho Thích Đạo của lão tổ tông, chăm chỉ nỗ lực học tập làm cho được, thiên tai liền không còn nữa. Quý vị xem chúng ta thực sự có thể thực hành

được Đệ tử quy, thực hành được Cảm ứng thiên, thực hành được Thập thiện nghiệp thì xã hội liền an định. Những thiên tai trên trái đất cũng tự nhiên liền hóa giải. Vì sao vậy? Cảnh tùy tâm chuyển. Cảnh là hoàn cảnh vật chất bên ngoài, tùy theo tâm con người mà chuyển biến. Tâm con người thiện nó liền biến thành thiện, tâm con người bất thiện nó liền biến thành ác. Phật ở trong kinh nói với chúng ta, trong kinh Lăng Nghiêm nói, nguyên nhân thực sự của thủy tai là gì? Là tâm tham. Tâm tham của con người chiêu cảm đến tai nạn về nước, thủy tai. Sân nhuế chiêu cảm đến là hỏa tai, nhiệt độ trái đất tăng lên, sân nhuế. Đây mới là nguyên nhân thực sự. Phong tai là ngu si, ngạo mạn là động đất. Đều có đối ứng cả. Chúng ta khởi nhân như thế nào nó sẽ có thiên tai như thế ấy. Chúng ta xem xem người hiện tại, tham, sân, si, mạn, nghi có ai mà không có? Chẳng những có mà còn rất nghiêm trọng, đem lại bệnh tật cho chính bản thân họ, lục phủ ngũ tạng đều sẽ không bình thường, dẫn đến môi trường cư trú chính là thiên tai. Chúng ta chăm chỉ tu học, chúng ta rõ ràng, hiểu được rồi. Sự việc này trong kinh Phật nói, được các nhà khoa học hiện đại chứng minh rồi. Chúng tôi nhìn thấy rất vui mừng. Khoa học đem đến cho chúng ta phúc âm. Chúng ta có cách gì cứu giúp trái đất hay không, giới khoa học nói có. Cứu giúp như thế nào? Thay đổi tâm thái. Họ biết tất cả những thiên tai trên trái đất là do tâm thái không bình thường biến hiện ra, nói giống như Phật Pháp vậy. Tham, sân, si, mạn, nghi là không bình thường. Cần bao nhiêu người sửa đổi trở lại thì trái đất chúng ta mới không đến nỗi hủy diệt? Giới khoa học họ tính ra một số liệu, căn bậc hai của một phần trăm dân số thế giới. Hiện tại trên trái đất chỉ tính 6,5 tỷ người thôi, căn bậc hai của một phần trăm dân số, họ nói khoảng 8000 người, toàn thế giới thực sự có 8000 người có thể quay đầu, thế giới này liền được cứu rồi. 6,5 tỷ người chỉ 8000 người hành thiện thì có thể cứu được sao? Điều này chúng ta có thể tin được không? Cổ nhân có câu, cổ nhân nói: “tà không thắng chánh”, 8000 người này là chánh, hơn 6 tỷ người kia là tà, tà không thắng chánh. Nghĩ xem cổ nhân nói câu này rất có lý. Họ còn nói với chúng ta một con số cụ thể, một thành thị với một triệu nhân khẩu chỉ cần có một trăm người biết quay đầu, thì thành phố với một triệu dân này có thể sẽ ít tai ít nạn. Tai nạn không thể tránh nhưng có thể giảm nhẹ. Cũng tức là 8000 người quay đầu thực sự hành thiện, tích lũy công đức, người trên trái đất này thiên tai được giảm nhẹ, không thể nói là không có, Vì sao vậy? Người tạo nghiệp nhiều quá, nhưng 8000 người trú ở nơi này, người thiện trú ở nơi này, trái đất này không đến nỗi hủy diệt, nhân loại không đến nỗi có ngày tận thế. Cho nên những giới khoa học hi vọng chúng ta, đặc biệt là hi vọng những tôn giáo đồ chúng ta, họ phát ra những tín hiệu này từ trong tôn giáo, hi vọng những tôn giáo đồ này đều có thể dẫn đầu hồi tâm hướng thiện, chúng ta nhìn thấy rồi. Tháng sáu chúng tôi viếng thăm Vatican, nhìn thấy giáo hoàng Thiên chúa giáo và những đại giáo chủ của họ, họ rất nghiêm túc khuyên răn giáo đồ thiên chúa trên toàn thế giới, nghiêm túc

vì hòa bình thế giới, vì tất cả những thiên tai mà mỗi ngày đều cầu nguyện, có hiệu quả không? Có thể có, chắc chắn có hiệu quả.

Trong Phật Giáo không gọi là cầu nguyện, Phật Giáo gọi là hồi hướng, đem công đức chúng ta tu học được hồi hướng cho những chúng sanh khổ nạn này. Chúng ta phải nghiêm túc dẫn đầu để làm, bắt tay từ lục hòa kính, đem ba cái gốc của Nho, Thích, Đạo làm cho tốt. Chăm chỉ nỗ lực tu lục hòa kính, có cơ sở này rồi, Nho Thích Đạo, tùy ý tu pháp môn nào bộ kinh luận nào, đều có thể làm đến địa vị Thánh hiền, học Nho có thể thành Thánh thành Hiền, học Phật có thể thành Phật thành Bồ Tát, học đạo có thể thành Thần thành tiên, thực sự có thể làm được, không phải là giả. Đây chính là nghiệp tự tại.

Thứ năm thọ sanh tự tại. Bồ Tát tùy theo tâm niệm của họ, có thể ở trong các thế giới thị hiện thọ sanh vô chướng vô ngại vậy. Thọ sanh này chúng ta thường nói là đầu thai, đi đến đâu đầu thai đều tự tại, bản thân có thể tự chọn lựa. Đây là người nào? Người giác ngộ. Họ có thể chọn lựa. Nếu như người mê hoặc tùy theo nghiệp lực gọi là tùy nghiệp lưu chuyển. Thực sự tâm địa thanh tịnh, họ không phải tùy nghiệp lưu chuyển, họ đến nhân gian này đầu thai, họ biết nhìn, họ nhìn gì? Không phải nhìn cha mẹ hiện tại, phải chăng trong xã hội này có địa vị, có của cải, họ không nhìn những thứ này, họ nhìn cha mẹ hiện tại tổ tông có tích đức hay không, họ nhìn điều này. Lại nhìn hướng lên trên tổ tiên của quý vị tích đức được bao nhiêu đời rồi. Nếu như nói rất nhiều đời tích đức, năm đời trở lên trong nhà này sẽ xuất hiện thánh nhân, không dễ dàng! Linh tánh biết nhìn.

Lão nhạc phụ của phụ thân Khổng lão phu tử, đem con gái gả cho ông ấy, thực sự mà nói phụ thân của Khổng Tử lúc tại thế, cũng rất đáng thương, không có địa vị, là bình dân, cũng không có của cải, cuộc sống cũng rất túng thiếu, vậy ông nhạc phụ này vì sao lại đem con gái gả cho ông ấy? Tổ tông của nhà họ năm đời đều tích đức, cho nên lão nhạc phụ của ông ấy nói với ông ấy, trong nhà họ nhất định sẽ có nhân tài, con gái gả cho ông ấy, sinh ra Khổng Tử. Tuy lúc tại thế không có thành tích gì, quý vị xem hậu thế tôn sùng ông là “vạn thế sư biểu”, tôn phụng ông là đại thánh nhân số một của Trung Quốc. Đó là Khổng Tử, phụ mẫu sanh ông ấy, người ta nhìn ra được, nhà này sau này sẽ có người tốt. Cho nên tổ tông tích đức là quan trọng. Tổ tông không tích đức phải bắt đầu từ bản thân. Chúng ta nghĩ thử xem, cha mẹ chúng ta trong một đời có tích đức hay không? Không có tích đức. Tôi nói bản thân tôi, cha mẹ tôi không tích đức. Vì sao vậy? Sinh vào thời hoạn nạn, vào thời kỳ Dân quốc, phụ thân mẫu thân tôi hình như sinh vào thời Tuyên Thống mạt niên. Mười mấy tuổi nhà Thanh đã mất nước, xã hội đã động loạn, năm xưa chúng tôi không hiểu được, đến thời kỳ kháng chiến, chúng tôi đã hoàn toàn hiểu rõ, bản thân chúng tôi cũng đã lớn, lúc chiến tranh bùng phát, tôi đã 11 tuổi. Đây là trong một đời cha mẹ, chúng tôi ngày nay đọc sách Thánh hiền biết được không có tích đức. Đời này chúng tôi chịu khổ cũng đáng thôi. Tổ tông có tích

đức hay không, nghe lời bạn học của phụ thân tôi, phụ thân tôi qua đời rất sớm, sự việc trong nhà đều không biết, còn có một người bạn cũ, bạn học cũ ở Đài Loan, thời đó tôi mỗi năm đều đến thăm viếng ông ấy, thỉnh giáo với ông ấy, đặc biệt là hỏi những chuyện trong thời của ông nội tôi. Ông ấy cũng biết ông nội của tôi, là văn bồi, nói với tôi: ông nội tôi là một người tốt, cũng làm quan là một vị thanh quan. Lại hướng lên trên nữa, chúng tôi tin rằng có tích một chút đức. Vì sao vậy? Đời này chúng tôi mới có thể gặp được Phật Pháp, mới gặp được thiện tri thức chân chánh. Nếu không gặp được, không những đời này khổ, mà đời sau càng khổ hơn. Gặp được những vị thầy giáo này hướng dẫn chúng tôi, chúng tôi hiểu được, giác ngộ, hiểu rõ ràng chân tướng sự thật, biết được nên làm người như thế nào, làm việc như thế nào, về sau quang minh sẽ vô lượng. Sống trong đời loạn lạc này, chúng tôi nên làm như thế nào để biểu pháp? Muốn đem lời giáo huấn của Thánh hiền từ bản thân mình thực hành ra cho mọi người thấy, thân hành ngôn giáo, mọi người nhìn rồi mới tin tưởng được, mới có thể chăm chỉ học tập.

Cho nên thọ sanh tự tại này là sự việc của Bồ Tát. A la hán trong kinh nói đều có mê vì cách ẩm, A la hán sẽ chọn lựa, có năng lực để chọn lựa, nhưng sau khi chọn lựa họ vừa ra đời liền mê rồi, tất cả phải bắt đầu lại từ đầu, phải học lại từ đầu, chỉ có Bồ Tát nhập thai, xuất thai họ sẽ không mê hoặc.

Thứ sáu là giải tự tại. Bồ Tát thắng giải thành tự, có thể thị hiện các loại sắc thân, diễn thuyết diệu pháp, vô chương vô ngại. Giải tự tại này biểu hiện trên việc dạy học. Đương nhiên đầu tiên là dùng vào tu hành của bản thân.

Tu hành là thuật ngữ nhà Phật. Hành là hành vi. Hành vi chúng ta sai rồi, đem hành vi sai lầm tu sửa trở lại gọi là tu hành. Ý nghĩa này nên hiểu. Người hiện tại nói đến tu hành, chỉ biết lạy Phật, thắp hương, cúi đầu, đó là tu hành sao? Không phải. Những hình thức này không liên quan gì đến tu hành. Cho nên luân lạc- quý vị xem Phật Pháp là lời giáo huấn của Thánh hiền lại luân lạc thành tôn giáo, tôn giáo mê tín. Vì sao phải đốt hương? Vì sao phải cúi đầu? Họ không hiểu, không hiểu ý nghĩa, cho rằng người khác làm như vậy, tôi cũng làm như vậy, sai rồi. Nhất định phải hiểu cho rõ ràng, cho thấu đáo, cuộc sống của chúng ta mới bình thường được, cho nên như lý như pháp, đây gọi là bình thường. Hợp tình, hợp lý, hợp pháp, người học Phật thấy tượng Phật Bồ Tát phải lễ bái, lễ bái này ý nghĩa là gì? Không phải là cầu Phật Bồ Tát gia hộ, tượng xi măng gỗ khắc làm sao mà gia hộ quý vị? Đây là biểu thị chúng ta tôn sư trọng đạo. Phật Bồ Tát là thầy giáo của chúng ta. Chúng ta gặp hình tượng của thầy giáo đều phải tôn trọng như vậy, hà huống là người thật! Người này là ai? Người này là thầy giáo của chúng ta. Phật, Bồ Tát là thầy giáo của chúng ta, đối với thầy giáo bình thường cung kính như vậy, đối với thầy giáo hiện tại quý vị có thể không cung kính sao? Có lý gì lại như vậy! Đối với thầy giáo cung kính như vậy, đối với cha mẹ có thể không hiếu thuận được sao? Khởi được tác dụng này. Hình thức này có cần thiết

không? Có cần thiết. Hình thức làm cho ai xem? Làm cho xã hội đại chúng xem. Bởi vì xã hội đại chúng hiện tại, không biết hiếu thuận cha mẹ, không biết tôn sư trọng đạo. Chúng ta phải làm ra cho tốt để họ thấy, là ý nghĩa này, là thuộc về giáo hóa, là thuộc về phong tục tập quán thiện lương, là ý nghĩa này. Quý vị không thể làm sai. Phật dạy chúng ta là trong kinh điển. Ngày xưa, chúng ta không nói nhiều, là thế hệ trước, sáu mươi năm trước, tự viện am đường còn có người giảng kinh, nhưng đã không còn nhiều. Thêm một giáp nữa, 100 năm trước, tự viện am đường là trường học, giảng kinh dạy học là sự nghiệp của họ. Phật Giáo Trung Quốc biến thành tôn giáo, lịch sử tuyệt đối chưa vượt qua 300 năm. Trước đây thì sao? Trước đây là trường học. Giáo dục Phật giáo ngày xưa hoàng đế đích thân nắm bắt, cho nên kiến trúc tự viện có thể xây dựng như cung điện của hoàng cung. Đây là hoàng đế đặc chuẩn. Hoàng đế cũng là đệ tử nhà Phật, tôn kính đối với thầy giáo. Cho nên tự viện có thể xây cung điện, thông thường thì không được, ngay cả nha môn của chính phủ cũng không được xây cung điện. Chỉ có chùa chiền mới có thể. Đây là hoàng đế đề xướng giáo dục Phật Đà, ngày ngày đang dạy người. Nếu như chúng ta không học kinh giáo, người xuất gia không học kinh giáo, tín đồ học Phật cũng không học kinh giáo vậy thì biến thành mê tín rồi.

Có người hỏi: Phật Giáo đối với xã hội có cống hiến gì? Chúng tôi nói không ra lời. Nó nếu như không có cống hiến gì, làm sao có thể truyền được đến hơn 2000 năm? Trong lịch sử Trung Quốc nói là truyền lại 3000 năm, làm sao có thể truyền lâu đến như vậy? Chắc chắn có cống hiến, nhất định có điều hay. Chúng ta từ trong lịch sử không ngừng hướng lên để nhìn, chúng ta sẽ nhìn thấy được, hơn nữa hiện tại thế hệ này không học nữa! Đem Phật Giáo ra mà kiếm tiền, lừa dối tất cả thiện nam tín nữ thiện lương, lương tâm đâu rồi? Sao có thể làm như vậy?

Lúc chúng tôi còn trẻ, chưa từng nhìn thấy trong chùa có người giảng kinh, chỉ nghe hòa thượng tụng kinh, không nghe có người giảng kinh, cho nên đối với Phật Giáo không có cảm tình. Năm tôi 26 tuổi ở Đài Loan, yêu thích triết học, tìm được một vị thầy giáo, cũng là đồng hương Đồng Thành của tôi, tiên sinh Phương Đông Mỹ, tôi học triết học với ông ấy, ông giảng cho tôi một bộ sách Triết Học Khái Luận, phần cuối cùng là Phật Kinh Triết Học, mới đem mặt mũi thực sự của Phật Giáo nói cho tôi biết. Tôi mới hoát nhiên đại ngộ. Thầy giới thiệu cho tôi: Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới. Kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trên thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ lớn nhất của đời người. Đây đều là thầy giáo nói cho tôi. Quan niệm của tôi đã được thay đổi, thật không dễ dàng. Thầy còn nói với tôi: nếu như ông muốn học triết học kinh Phật thì học ở đâu? Học ở trong kinh điển. Điều này trong chùa không có. Ông đến chùa tìm kinh sách. Thời đại đó trên thị trường không mua được kinh sách, chỉ có trong chùa chiền có. Cho nên nếu chúng tôi muốn đọc kinh, đến chùa để tìm Đại tạng kinh. Sau khi tra được Đại tạng kinh mới cho mượn đem về. Tranh thủ lúc công việc rảnh rỗi để chép ra, đi chép kinh. Thời cận đại kỹ thuật in ấn

phát triển, photo chế bản, hiện tại dùng kỹ thuật số in ấn càng thuận tiện, cho nên giá thành hạ xuống rất nhiều. Không có ai học, hiện tại chùa chiền không có ai học. Ngày xưa trong chùa toàn người xuất gia, mỗi mỗi đều là nhà đại học vấn, đều là tu dưỡng đạo đức, thật có học vấn. Quý vị có thể thỉnh giáo với họ. Hiện tại không có nữa, họ không học nữa. Chỉ có ở trong kinh điển, hạ công phu ở trong kinh điển. Chúng tôi học đã một giáp, 60 năm rồi, trong thời gian 60 năm này chúng tôi thấy những tình hình trong Phật Giáo, người học tập về kinh giáo càng ngày càng ít. Điều này chúng tôi nhìn thấy rất buồn. Trình độ văn hóa trên thế giới so với thế kỷ trước thực sự gọi là “nhất lạc thiên trọng”.

Mấy năm trước tôi từng hai lần thăm viếng London, đi thăm học phủ cao nhất của họ, đại học Oxford, Cambridge, London, tôi đi thăm viếng tôi cảm thấy rất thất vọng, đây là trường đại học nổi tiếng nhất trên thế giới, xếp hạng trường học thứ nhất, thứ hai, nhưng trình độ đi xuống rồi, không giống như truyền thuyết trước đây nữa.

Tu học Phật Pháp thì sao? Thực sự có những khó khăn nhất định. Trên thực tế cũng không khó. Chỉ cần quý vị thật làm. Phải tuân thủ phương pháp cũ của lão tổ tông. Những phương pháp mới, hiện tại phương pháp triết học Tây phương nếu dùng vào học thuật Trung Quốc, chắc chắn là thất bại. Quý vị không học được điều gì. Học được chỉ là một chút tri thức ngoài da. Hơn nữa rất nhiều hiểu nhầm, rất nhiều sai lầm ở trong đó. Trung Quốc dạy như thế nào? Trung Quốc từ giới định tuệ, đây là những thứ của Phật Pháp truyền đến, được Nho gia, được Đạo gia chọn dùng.

Giới là gì? Giới là giữ quy củ. Những quy củ Lão tổ tông thế hệ này qua thế hệ khác truyền xuống, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Quý vị liền thành công. Trường thời này thông thường là thời gian bao lâu? Cổ nhân định là mười năm, gọi là “mười năm đèn sách nhất cử thành danh”. Quý vị ngày ngày đều học, ngày ngày đều nghiên cứu, ngày ngày học tập. Đem những thứ quý vị học được, những thứ lãnh hội được, biến thành tư tưởng của quý vị, biến thành ngôn ngữ của quý vị, biến thành hành vi của quý vị, đây gọi là thật làm. Học rồi nhưng không thực tiễn vào cuộc sống, đó là quý vị chưa học. Đó gọi là thường thức, đó không gọi là học vấn. Học vấn là học đến lúc thực tiễn vào trong cuộc sống, tôi làm được rồi, an vui. “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”, đó là hỷ duyệt. Cổ nhân nói là “người gặp chuyện vui tinh thần sáng khoái”, người này từ sáng đến tối, sống trong an vui, sống trong hỉ lạc, quý vị nói xem tinh thần tốt biết bao, họ làm sao mà già suy được! Ngược lại nói “ưu buồn làm người ta già”, người âu lo nhiều lão hóa rất nhanh, sự việc lo lắng nhiều dễ dàng già suy. Người an vui họ làm sao mà già suy được. Có lý gì lại như vậy! Cho nên người có học có ai không an vui? Người có học mà không an vui vậy là học suông rồi. Quý vị không nắm được pháp vị mà nhà Phật nói, tức trong sách có ý vị. Trong Phật Pháp thường nói, thế vị sao đậm bằng pháp vị! Quý vị xem an vui, hạnh phúc, tâm tình vui vẻ. Thâm nhập kinh tạng niềm vui đó, không có cách gì có thể so sánh được. Quý vị chưa vào

cảnh giới này, quý vị không biết. Sau khi vào rồi muốn bỏ cũng không được? Thế gian điều gì vui nhất? Đọc kinh là vui nhất, một ngày không đọc kinh, ngày đó buồn biết bao, dạy học chia sẻ với mọi người niềm vui của mình. Đây là niềm vui không gì sánh được. Nếu như trong đây không có niềm vui thù thắng như vậy, ai đi làm những việc này. Cho nên quý vị đọc sách nếu như nếm được những ý vị này của cổ nhân, quý vị mới thực sự thâm nhập vào, muốn bỏ cũng không được. Lời này là thật, chúng ta dùng một câu tục ngữ để nói, thế gian này sự quyến rũ như thế nào, sự mê hoặc như thế nào là lớn nhất? Kinh điển Thánh hiền, kinh điển Phật Giáo, sức mạnh này lớn quá. Quý vị đọc đến khô kiệt vô vị rồi là gì? Là quý vị không hiểu. Lúc quý vị thực sự hiểu kỳ vị vô cùng, mỗi câu mỗi chữ đều là vô lượng nghĩa, nói không cùng, hưởng thụ không hết. Vậy nên gọi là giải tự tại. Giải nhất định từ trong chân thật thọ dụng mà có được. Những thứ quý vị học được không thể thực tiễn, quý vị học được hiểu, không thể hiểu thuận cha mẹ, không thể đối với tất cả chúng sanh, từ trong nội tâm sanh khởi tâm cung kính, là quý vị chưa học được. Trong đó có lạc! Cho nên năng hiện các thân, các loại thân này là chúng ta nói phương tiện một chút, tức là trong bất cứ hoàn cảnh nào, bất cứ trường hợp nào, quý vị đều có thể thị hiện thông dong, vui vẻ. Trường hợp như thế nào quý vị đều có thể sống được, được đại tự tại.

“Diễn thuyết diệu pháp”, diễn là làm ra, biểu diễn ra, thuyết là giải thích cho người khác, người khác có thắc mắc nêu ra, quý vị giải thích cho họ, không có chướng ngại.

Thứ bảy là nguyện tự tại, nhà Phật nói là nguyện, cổ nhân Trung Quốc nói là chí. Cho nên chí nguyện thường thường đi liền với nhau. Nhà Nho dạy người lập chí, Phật dạy người phát nguyện, cùng một ý nghĩa. Phát nguyện chính là lập chí, lập chí chính là phát nguyện. Người lập chí phải làm người tốt, có tâm tốt, nói lời tốt, làm việc tốt, làm người tốt, vậy an vui biết bao!

Người tốt không nhất định là phú quý, cũng tức là nói không nhất định có địa vị thật cao, không nhất định có của cải. Nhan Hồi là người tốt, Khổng Tử thường tán thán ông ấy. Nhan Hồi vô cùng nghèo khó, trên điều kiện cuộc sống vật chất, ông là người nghèo khổ nhất trong số những người đệ tử của Khổng Tử, nhưng ông an vui hơn bất cứ người nào. Sự an vui của ông từ đâu mà có? Kỳ thực chính là câu đầu tiên trong Luận Ngữ nói, sự an vui của ông ấy là “học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”, từ đó mà có vậy. Ông ta trước nay chưa từng cho rằng không có địa vị, không có của cải, thì có âu lo, ông ấy không có, hoàn toàn không có, những thứ này không để ở trong tâm. Trong tâm chỉ có đại đạo Thánh hiền, điều này chúng ta nên hiểu, có địa vị hay không, có của cải hay không đó là phước báo. Quý vị nếu như hiểu rõ giáo huấn của Thánh hiền, trong đời này quý vị chắc chắn không sống uổng phí. Quý vị sẽ tu vô lượng vô biên phước báo. Làm quan dùng chức quyền của quý vị giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn. Quý vị xem Liễu Phàm Tứ Huấn, tiên sinh Liễu Phàm sau khi tiếp thu Phật Pháp,

hiểu được tu phước, hiểu được cải tạo vận mệnh, phát nguyện, ông học đến nguyện tự tại này, phát nguyện hành thiện. Đầu tiên phát nguyện làm ba ngàn việc tốt. Việc tốt làm lợi ích người khác, mười năm làm xong rồi, mười năm làm viên mãn. Lúc đó đang đi học, làm tú tài. Lần thứ hai phát nguyện, lại phát nguyện làm ba ngàn việc tốt, làm bốn năm thì xong. Vợ ông giúp đỡ ông làm, bốn năm thì làm viên mãn. Cuối cùng ông ấy làm đến tri huyện Bảo Trì. Chức vị tri huyện Bảo Trì cũng rất cao rồi. Bởi vì nó tương đương với thành phố trực thuộc trung ương, trực tiếp do Hoàng Đế quản. Thành phố này ông ấy làm tri huyện. Ông phát tâm làm mười ngàn việc tốt, vợ ông ấy nói mười ngàn việc tốt biết năm nào mới có thể làm xong? Bản thân ông ấy cũng không nghĩ đến, nghĩ đến thuế ruộng ở Bảo Trì quá cao, tức là trưng thu thuế của nông dân thu cao hơn một chút, ông rất từ bi thu những loại thuế này thấp xuống, tức là một sự việc này, thuế này hạ thấp xuống, cũng giảm được không ít. Biết mấy vạn nông dân toàn huyện đều được việc tốt. Quý vị xem làm một sự việc mà mười ngàn việc tốt liền viên mãn rồi. Ông có chức quyền, cho nên cửa công dễ tu hành. Một sự việc tức là mười ngàn việc tốt liền làm xong.

Hành thiện, thiên sư Vân Cốc dạy ông ấy. Người có vận mệnh nhưng vận mệnh là do bản thân tự tạo, cho nên bản thân có thể cải tạo vận mệnh của mình. Quý vị hiểu được đạo lý, quý vị hiểu được phương pháp sửa đổi, không có ai không thể thành công.

Ở đây nói “Bồ Tát tùy nguyện dục”, dục này là dục vọng, người thế gian nói là dục vọng. Phật Bồ Tát có dục vọng hay không? Phật Bồ Tát không có. Phật Bồ Tát chỉ hi vọng giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, đây chính là nguyện dục của Bồ Tát. Họ không vì bản thân.

“Ư chư sát trung, ứng thời xuất hiện”, chúng sanh có cảm, Bồ Tát liền có ứng, cảm ứng đạo giao. Xuất hiện ở thế gian này “thành đẳng chánh giác”, đây là gì? Giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, đến thế gian này thị hiện thành Phật, dùng thân phận của Phật xuất hiện ở thế gian này giáo hóa chúng sanh, không có chướng ngại, nêu một điều thôi. Ngay việc thị hiện thành Phật đều không có chướng ngại, hà huống việc khác! Những việc khác tất cả đều bao gồm trong đó. Giống như trong Kinh Pháp Hoa – Phẩm Phổ Môn nói 32 ứng thân vậy. Đây là đem các loại thị hiện quy nạp về 32 loại, bất cứ một loại nào đều có thể thị hiện, được đại tự tại.

Chúng ta ngày nay trình độ tu học chưa đạt đến địa vị này, nhưng có đẳng lưu tương tự, có loại thị hiện đồng đẳng, tương đồng như vậy, chỉ cần có một nguyện vọng như vậy, không cần lợi ích bản thân, đây là điều kiện thành Thánh thành hiền, thành Phật thành Tổ, tiên quyết số một. Trong kinh giáo Đại thừa nói với chúng ta chân tướng sự thật, toàn thể vũ trụ và bản thân mình là một thể. Quan niệm này cổ nhân cũng có. Trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử từng nói đến: “thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể”. Quý vị xem không phải nói giống như trong Kinh Hoa Nghiêm sao? Chỉ là chúng ta đọc những thứ cổ nhân nói không có thấu triệt, không

nói rõ ràng. Chúng ta chỉ cho rằng đó là một loại lý tưởng, là một loại lý tưởng vô cùng cao thượng. Đọc đến kinh Phật mới hiểu được nó không phải là lý tưởng, nó là sự thật. Biết được chân tướng sự thật này rồi, rõ ràng về đạo lý này rồi, chúng ta tự nhiên liền buông bỏ tự tư tự lợi. Khởi tâm động niệm đều là vì tất cả chúng sanh khổ nạn. Vậy quý vị nghĩ xem tương lai sẽ đi về đâu? Đây là ý niệm gì? Đây là nguyện dục của Phật Bồ Tát. Quý vị và Phật Bồ Tát đồng tâm, đồng đức, đồng nguyện, đồng hạnh, quý vị tương lai đi về đâu? Vật họp theo loài, tự nhiên sẽ đến đó thôi.

Cho nên đây là nguyện tự tại, không thể nghĩ tham sân si. Người hiện tại đều nghĩ đến điều này. Nếu như quý vị ngày ngày nghĩ đến là tham, không quản đối tượng, tham tài cũng vậy, tham sắc cũng vậy, tham danh cũng vậy, những đối tượng này đều không nói đến, chỉ là tâm tham này, tâm tham tương ưng với nơi nào? Tương ưng với đường ngạ quỷ. Quý vị đi là đi đường nào? Ngạ quỷ. Tâm sân hận là đường địa ngục. Ngu si, đối với chân tướng sự thật đều không rõ ràng, giống mà không phải, trắng đen điên đảo, tà chánh không rõ, là cõi súc sanh. Cõi người là ngũ giới, người xưa nói là ngũ thường. Dùng nhân nghĩa lễ trí tín, để tồn tâm, xử sự tiếp người đãi vật quý vị sẽ không mất thân người, thân người này sau khi mất đi, đời sau lại đến nhân gian nữa. Quý vị có thể chấp trì nhân nghĩa lễ trí tín thì đời sau nhất định sẽ tốt hơn cả đời này, phước báo càng lớn hơn. Thượng phẩm thập thiện là cõi trời. Điều này là Phật nói cho chúng ta biết. Quý vị hưởng đến cõi nào chính là do quý vị tạo nghiệp như đó. Quý vị ngay trong đời này, quý vị một đời hưởng thụ được, cũng đều là nghiệp lực của bản thân quý vị xuất hiện thôi, không nên đi oán trời trách người. Số tốt, thì giúp đỡ người khác nhiều hơn, số không tốt không oán trời không buồn người. Có thể thay đổi vận mệnh của bản thân, đoạn ác tu thiện, ba năm liền có hiệu quả, mười năm thì có thành tựu rất viên mãn.

Thứ tám là thần lực tự tại. Bồ Tát thần thông quảng đại, oai thần khó lường, ở trong thế giới thị hiện biến hóa, vô chương vô ngại. Thần thông này là định công. Nói cách khác, tâm địa thanh tịnh bình đẳng, thực sự tâm địa thanh tịnh bình đẳng, năng lực này liền được hiện tiền. Đây là bản năng của bản thân, thiên nhãn, người khác nhìn không thấy, quý vị có thể nhìn thấy. Cũng chính là nói khôi phục thị lực của chúng ta. Chúng ta hiện tại nhìn thấy được phạm vi này vô cùng hạn hẹp. Chúng ta nói là sóng quang. Trong độ sóng nhất định này, độ sóng dài hơn một chút so với sóng quang chúng ta có thể nhìn thấy, sẽ nhìn không thấy. Độ sóng ngắn hơn một chút so với sóng quang chúng ta có thể nhìn thấy, cũng nhìn không thấy. Lúc khôi phục thị lực rồi thì tần số các loại sóng quang khác nhau quý vị đều nhìn thấy hết. Thế giới này liền thay đổi, đã khác nhau rồi. Điều này trong Phật Pháp gọi là thiên nhãn. Thiên đó là gì? Không phải là thiên thượng, là thứ thiên nhiên, tức là thứ tự nhiên, thứ bản thân sẵn có, vốn là như vậy. Chúng ta ở nơi này có thể nhìn thấy Thế giới Cực Lạc không? Có thể! Vì sao hiện tại không thể? Vì có chương ngại. Chương ngại gì? Trước đây đã nói với

quí vị rồi, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, vô minh, trần sa, kiến tư phiền não. Những thứ này làm chướng ngại. Những thứ này chúng ta có thể buông bỏ được một phần, thì năng lực chúng ta có thể khôi phục được một phần; buông bỏ hai phần thì khôi phục được hai phần. Phải buông bỏ! Buông bỏ liền có thể khôi phục. Cho nên công năng khác thường này không có gì li kỳ, người người đều có, có gì là khác thường chứ? Ai ai cũng có.

Công năng khác thường, ngày xưa tôi ở Mỹ gặp được ba vị, từ Trung Quốc đại lục đến mỹ để phỏng vấn. Hình như lúc đó Trung Quốc phái mười mấy người đến Mỹ để phỏng vấn. Tôi ở Los Angeles gặp được ba vị, còn rất trẻ. Tôi liền hỏi họ, năng lực của quý vị từ đâu mà có? Sinh ra đã có rồi. Tôi hỏi anh ta, có thể bị mất đi không? Có. Làm sao mà bị mất đi? Tuổi tác dần dần lớn lên nó liền thoái hóa. Vì sao lại thoái hóa? Vọng niệm nhiều rồi. Điều này nói rất có lý, giống như kinh Phật nói vậy. Vọng niệm ít, tâm địa thanh tịnh, năng lực liền khôi phục. Vọng niệm của chúng ta quá nhiều, năng lực liền không còn nữa, chính là đạo lý này vậy.

Cho nên thiên định có thể phát thần thông. Phát ở đâu? Phát tại sáu căn. Thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, túc mạng thông là biết đời quá khứ của mình, giống như A la hán vậy. Đức Phật nêu ra một ví dụ. A la hán có thể biết được quá khứ 500 đời. Quá 500 đời họ không biết nữa. Họ có năng lực như vậy. Thế thì chúng ta biết được, giống như sơ quả còn chưa phát hiện, nhị quả đã có rồi. Nhị quả là có túc mạng thông, có thể biết được quá khứ. Chúng ta nghĩ họ không thể có năng lực như A la hán biết 500 đời, có lẽ chỉ 30 đời, 50 đời thì không thành vấn đề, họ rất rõ ràng. Biết được người khác, người khác khởi tâm động niệm họ biết được, đó gọi là tha tâm thông.

Dân quốc sơ niên thời kỳ kháng chiến, Trung Quốc đại lục pháp sư Diệu Thiện ở chùa Kim Sơn - Nam Kinh, ngài biểu diễn cho chúng tôi xem tha tâm thông, trong tâm quý vị nghĩ sự việc gì ngài đều biết. Có lúc ngài nói với quý vị, thật có năng lực như vậy. Pháp sư Diệu Thiện sống vào thời kỳ kháng chiến, hình như bắt đầu kháng chiến chưa bao lâu, ngài đã qua đời, ngài thọ được 84 tuổi, tại Miến Điện Yangon, người này cũng là kỳ nhân, rất nhiều kỳ tích không thể nghĩ bàn như vậy, rất giống Tế Công trong Truyện Tế Công viết, rất giống.

Cho nên có năng lực này, chúng ta biết trong kinh Phật nói với chúng ta đó đều là bản năng của chúng ta. Thần lực tự tại, thị hiện biến hóa. Đặc biệt là thần túc thông ở trong thần thông. Ở đây nói thị hiện biến hóa, có lẽ là thần túc thông. Thần túc thông là A na hàm, tam quả A nan hàm liền đạt được. Họ liền có được năng lực này. Cho nên giống với những đại tự tại này, toàn bộ đều là bản năng của chính chúng ta. Chúng ta nên tin tưởng, Phật không lừa dối chúng ta. Chúng ta phải nên khôi phục. Đây mới gọi là hán tử, hảo hán. Bản thân có, hiện tại bị tập khí phiền não làm chướng ngại, không khởi tác dụng nữa, phải có tâm hổ thẹn, hi vọng chúng ta cũng có thể khôi phục nhanh chóng.

Tập 153

Chuyên ngữ: Liên Hải

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 30.09.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 175, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu cuối cùng.

Thứ chín là pháp tự tại. Bồ Tát đặc đại biện tài, ở trong chư pháp diễn thuyết rộng rãi pháp môn vô biên, vô chướng vô ngại. Đây là tự tại đối với pháp. Bồ Tát thuyết pháp không có chướng ngại. Nguyên nhân là gì? Bồ Tát kiến tánh rồi, trí tuệ, đức năng trong tự tánh đều hiện tiền. Giống như trong kinh đã nói, “sự sự vô ngại, lý sự vô ngại”. Cho nên đối với chư pháp, bất luận là pháp thế gian, ý nghĩa của chư pháp rất rộng, bao gồm cả Phật Pháp và pháp thế gian. Cũng chính là nói, tất cả pháp thế xuất thế gian, không có thứ gì là không thông, không có thứ gì không biết. Vì sao vậy? Tất cả pháp không lìa tự tánh. Tất cả pháp đều là từ trong tự tánh lưu xuất ra. Tự tánh năng sanh năng hiện. Thức năng biến. Bất luận nó biến hóa như thế nào, người kiến tánh đều hiểu rõ được, đều thông đạt, đều không có chướng ngại. Cho nên học Phật, mục tiêu chung cuộc chính là phải minh tâm kiến tánh. Đây là mục đích của việc học Phật chân chính. Kiến tánh tức là thành Phật. Phật là người giác ngộ, người hiểu rõ. Đối với tất cả pháp thế xuất thế gian đều rõ ràng, đều giác ngộ rồi. Người này được xưng là Phật. Đây là mục tiêu cuối cùng của việc tu học Phật Pháp.

Phản trước chúng ta học đến “nghiệp tự tại”, thứ tư, ở chỗ này, chúng ta bổ sung thêm vài câu. Người thế gian, bất luận là người trong nước hay là người nước ngoài, đều hi vọng biết quá khứ vị lai của bản thân. Phương pháp này rất nhiều. Phổ biến nhất không gì bằng xem tướng, đoán số mạng. Người học Phật đích thực rất nhiều, cũng không tách rời những phương pháp này. Xem tướng đoán số có linh hay không? Trong Liễu Phàm Tứ Huấn nói với chúng ta: linh, linh thật. Vì sao vậy? con người chỉ cần có ý niệm họ liền có số. Người tinh về lý số, liền có thể dựa vào tám chữ của họ mà tính, tám chữ đó phải chính xác. Không thể có một chút gì sai lệch. Có một chút sai lệch thì không chuẩn nữa. Đại bộ phận sai lệch đều sai lệch về giờ, năm, tháng, ngày thông thường sẽ không có sai lệch, sinh vào giờ nào. Trung Quốc một canh giờ là hai tiếng đồng hồ, ví dụ giờ Tý, trước giờ Tý sau giờ Tý, sự sai biệt đó sẽ khác nhau. Sự sai biệt

nhỏ như vậy, không dễ dàng nhớ cho rõ ràng. Cho nên có người tính rất chuẩn, có người tính không chuẩn lắm. Tính chuẩn là thời khắc chuẩn xác.

Người học Phật có cần đoán mệnh hay không? Trong kinh Phật nói cho chúng ta rất nhiều đạo lý. Tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh, đây đều là những điều trong kinh thường nói. Chúng ta nghe đến nổi quen tai. Nếu như thực sự hiểu rõ đạo lý này, chúng ta còn cần đoán mệnh hay không? Không cần nữa. Phật Bồ Tát hướng dẫn chúng ta, đây là trong kinh Tiểu thừa thường nói, trong A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh đã nói điều này rất rõ ràng. Chúng ta dựa vào điều gì để hiểu rõ cát hung họa phước, dựa vào điều gì có thể tránh hung rước cát. Đây là thường tình của nhân sinh. Điều này Phật không phản đối. Phật nói với chúng ta, chỉ cần tâm thái của của quý vị tốt, vì sao vậy? Nó tùy tâm chuyển, thân tùy tâm chuyển, quý vị xem cảnh cũng tùy tâm chuyển, vậy chỉ cần tâm tốt, không có thứ gì không tốt. Thứ không tốt cũng có thể chuyển biến thành tốt, hóa hung thành kiết. Hóa tai nạn thành kiết tường. Khả năng này mỗi người đều có, không phân biệt nam nữ già trẻ, tất cả đều có. Chúng ta do đã mê rồi, không biết dùng như thế nào, Phật dạy cho chúng ta, cổ đức thường nói: sửa tâm, sửa là sửa ý niệm. Hiện tại người ta nói là tâm thái. Cổ nhân chỉ dùng một chữ tâm để nói, phải sửa tâm. Đem tâm bất thiện sửa thành tâm chơn chánh. Hiện tại chúng ta nói chỉ cần quý vị khởi tâm động niệm đều là thiện niệm, khởi tâm động niệm nói năng hành động, nhất định không có tự tư tự lợi, tai nạn của quý vị liền không còn nữa, họa hoạn liền xa lìa quý vị. Niệm niệm không có bản thân, niệm niệm, cuộc đời chúng ta trên thế gian này, mục đích ở đâu, đến đây lần này là vì điều gì?

Ồ trong kinh Phật dạy chúng ta: nghiệp lực chủ tể, quý vị không thể không đến. Trong đời quá khứ tạo ra có nghiệp, gọi là “nhân sinh thù nghiệp”, điều này trong kinh Phật nói như vậy, không sai chút nào. Đã đến nhân gian rồi, chúng ta nên làm những việc gì? Chúng ta nên sửa đổi nghiệp lực của chúng ta. Chúng ta viễn ly những nghiệp bất thiện, chuyên tu thiện nghiệp. Không những tu thiện nghiệp, mà còn tu tịnh nghiệp. Tu thiện nghiệp phước báo nhân thiên. Chúng ta hiện nay đã hiểu được, phước báo nhân thiên không ra khỏi lục đạo luân hồi, không thể vượt qua lục đạo luân hồi, sau này sự việc phiền phức vẫn rất nhiều. Không nên làm những sự việc này nữa. Sự việc này không được làm, cho nên phải tu tịnh nghiệp.

Tịnh nghiệp là gì? Đoạn ác tu thiện, trong đó không có tự tư tự lợi, không có danh văn lợi dưỡng, không có ngũ dục lục trần, không có tham sân si mạn, thiện nghiệp này chính là tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp có thể giúp đỡ chúng ta, siêu việt tam giới, siêu việt lục đạo. Người tu tịnh nghiệp niệm Phật, nhất định được sanh Tịnh Độ, đây là điều chúng ta nên nắm vững. Đặc biệt là tuổi trung niên trở lên. Đời người đã qua một nửa rồi, có lẽ phải giác ngộ, nhất định không làm những việc ngốc nghếch nữa. Kinh Kim Cang dạy chúng ta học tập: vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ

giả tướng. Chúng ta phải có thể làm được. Cũng chính là nói, không nên để những sự việc này trong lòng nữa. Trước đây luôn luôn quan tâm đến bản thân, bây giờ học cách quan tâm đến người khác, không nghĩ đến bản thân, vì sao vậy? Người khác là bản thân mình, mình và người không hai, phân biệt mình và người, đây là lục đạo phạm phu, tự tha không hai, đó chính là siêu việt lục đạo rồi. Quý vị nghĩ thử xem, lợi người thực sự là lợi ích bản thân, chỉ quan tâm bản thân thực sự là hại bản thân. Vì sao vậy? Vì tăng trưởng ngã chấp, ngã chấp là giả, không phải là thật. Phật Pháp dạy quý vị phá ngã chấp, quý vị ngày ngày đang tăng thêm ngã chấp, tăng trưởng ngã chấp, vậy không nguy hại sao? Làm sai rồi! Cho nên phải buông ngã chấp xuống. Toàn tâm toàn lực vì người khác phục vụ. Ngày nay chúng ta nói vì chúng sanh khổ nạn mà phục vụ, vì chánh pháp cửu trú để học tập. Chăm chỉ nỗ lực học tập để chánh pháp được cửu trú, tất cả công đức hồi hướng cho chúng sanh, toàn tâm toàn lực giúp đỡ chúng sanh, vậy là đúng rồi. Ngã chấp như vậy là không cần phá mà tự nhiên nó bị nhạt dần, nhạt dần lâu ngày, bất giác liền không còn nữa.

Trong Phật Pháp dạy chúng ta tri mệnh. Mệnh là gì? Mệnh chính là nghiệp, chính là tạo tác, quý vị xem xem chúng ta mỗi ngày nghĩ những gì? Nói những điều gì, làm những việc gì, đây chính là nghiệp, đây chính là tâm thái, hành thái, tâm hành. Nếu như tâm hành tương ứng với thập thiện nghiệp đạo, tương ứng với bốn đức trong Hoàn Nguyên Quán nói, tốt lắm! Tai nạn gì cũng không còn nữa, không cần đến việc đi xem bói, không cần đến việc đi xem tướng. Tiền đồ của bản thân hoàn toàn sáng lạn. Đích thực tâm hành như vậy, tất nhiên là gặp hung hóa cát, gặp nạn thành kiết tường. Đây mới gọi là thực sự hiểu được vận mệnh, cải tạo vận mệnh. Đây là bổ sung đoạn trước một chút. Mọi người đều rất quan tâm.

Cuối cùng chúng ta xem thứ mười là trí tự tại. Bồ Tát trí tuệ đầy đủ, trong nhất niệm năng hiện Như Lai mười lực vô úy thành Đẳng chánh giác, vô chướng vô ngại. Đây là nói về trí tuệ. Trí tuệ của Bồ Tát từ đâu mà mà có? Từ tu giới định mà mà có. Cho nên học Phật không thể không trì giới. Trì giới phải biết bắt đầu từ đâu, dần dần nuôi dưỡng nó thành thói quen, trì giới liền có niềm vui, sẽ không cảm thấy khó khăn. Nhất định phải bắt tay từ Đệ tử quy, chúng ta thường nói ba cái rể Nho, Thích, Đạo, nếu như không dùng Nho và Đạo, vậy thì quý vị phải dùng kinh Tiểu thừa. Kinh Tiểu thừa rất nhiều, rất phiền. Không như Nho và Đạo đơn giản như vậy, quý vị xem Đệ tử quy của nhà Nho tổng cộng chỉ có 1080 chữ, Đạo gia nói Cảm ứng thiên tổng cộng nói về 195 sự việc. Không nhiều, dùng điều này làm cơ sở tu thập thiện nghiệp đạo thì không khó nữa. Vậy Nho, Thích, Đạo ba cái rể chúng ta đều có rồi, sau đó vào cửa Phật, thọ trì tam quy ngũ giới, Sa di luật nghi, vô cùng dễ dàng, không khó khăn chút nào. Hiện tại chúng ta tam quy ngũ giới vì sao lại khó khăn như vậy? Phía trước nó có cơ sở, quý vị chưa chăm chỉ học tập.

Thế Tôn trong Phật Tạng Kinh có câu khai thị rất quan trọng, nói: Phật tử, không học Tiểu thừa trước, sau đó học Đại thừa thì không phải là Phật tử. Đây là điều Phật Thích Ca Mâu Ni nói. Chúng ta không phải là hàng thượng thượng căn, không phải là hàng thượng thượng căn thì phải giữ quy củ. Học tập từ cạn đến sâu, từ dễ đến khó, tuần tự tiệm tiến. Đây là lời Phật khuyên nhủ chúng ta. Cho nên phải bắt đầu học từ Tiểu thừa trước. Tiểu thừa của Trung Quốc rất hoàn chỉnh, so sánh với Đại Tạng Kinh của văn Pali Nam Truyền, gần như tiếp cận viên mãn. Kinh Tiểu thừa cũng có gần 3000 bộ. Điển tịch tiếng Pali cũng nhiều hơn khoảng 50 bộ như vậy. Vậy là 3000 bộ họ chỉ hơn chúng ta có 50 bộ. Quý vị xem xem Trung Quốc phiên dịch rất hoàn chỉnh. Phật Giáo truyền đến Trung Quốc, ngày xưa đều học tập Tiểu thừa. Từ Tiểu thừa mà học Đại thừa, đều là cách học như vậy. Cho nên Tiểu thừa vào thời đại Tùy Đường có hai tông phái: Thành Thật Tông và Câu Xá Tông, là y theo hai bộ luận mà đặt tên, là Thành Thật Luận và Câu Xá Luận, từ hai bộ luận này mà đặt tên. Hai tông phái này cuối đời nhà Đường đã bị suy, đến đời nhà Tống thì không còn nữa. Vì thế hiện tại rất nhiều người không biết có hai tông phái này. Vì sao lại bị suy? Ngày xưa chư vị tổ sư của chúng ta không học nữa, thay đổi rồi, dùng Nho và Đạo để thay thế. Có được hay không? Có thành tích biểu hiện. Quý vị xem 1700 năm nay dùng Nho và Đạo để thay thế, trong thời gian dài như vậy, thành tựu biết bao Thánh hiền tu hành chứng quả, chứng tỏ chính xác. Cho nên chúng ta nếu như không dùng Nho Đạo vậy thì phải học Tiểu thừa, nếu như chê Tiểu thừa phiền phức quá, vậy thì quý vị nhất định phải dùng Nho Đạo. Đó là bắt buộc phải bắt tay từ Đệ tử quy. Đệ tử quy là giáo dục luân lý đạo đức, căn bản của căn bản. Cảm ứng thiên là giáo dục nhân quả, vô cùng quan trọng.

Ấn Quang Đại sư một đời toàn tâm toàn lực đề xướng, khuyên chúng ta phải chăm chỉ học tập. Có được cơ sở này để vào cửa Phật thì dễ dàng rồi. Không có được cơ sở này thì Thập thiện nghiệp đạo rất khó, ngày ngày học cũng vô dụng. Phải thực sự y theo giáo huấn của kinh điển làm cho tâm thái chúng ta sửa đổi trở lại, vậy mới hữu hiệu. Cho nên trí tuệ của Bồ Tát là từ giới định tuệ mà có. Huệ này là từ định mà có, chính là trí tuệ trong tự tánh sẵn có, không phải là từ bên ngoài vào. Từ bên ngoài mà học được là tri thức không phải là trí tuệ. Quảng học đa văn là tri thức. Từ trong giới định tu được là trí tuệ, không giống nhau. Trí tuệ là thứ trong tự tánh vốn có, không phải từ bên ngoài vào. Cho nên được trí tuệ họ mới có thể trong một niệm, một niệm này là Bồ Tát Di Lặc nói một khảy móng tay 32 ức trăm ngàn niệm, một niệm ở trong đó.

Năng hiện Như Lai chi thập lực vô úy. Thập lực vô úy là đức. Thành Đẳng chánh giác là tướng, đức tướng. Chúng sanh trong khu vực này duyên thành thực rồi, cần dùng thân Phật để độ, Bồ Tát liền hiện Phật thân, 32 tướng 80 vẻ đẹp để giáo hóa.

Vô chương vô ngại, không có chương ngại.

Thập lực vô úy sau này sẽ giảng đến. Hôm nay chúng ta giảng phẩm này viên mãn rồi. Ngày mai là quốc khánh, hi vọng chúng ta có thể giảng đoạn mở đầu phần chánh tông, cho nên thập lực vô úy thì chúng ta không giải thích nữa. Những đồng học cũ nhắc lại có lẽ đều rất quen thuộc rồi. Trong Kinh Hoa Nghiêm thường nói, nay nói “tôi thắng tự tại”, như Kinh Pháp Hoa: Ta là pháp vương, tự tại với các pháp, viên mãn rất ráo, mười tự tại trong Kinh Hoa Nghiêm, nên nói tôi thắng. Trong Kinh Pháp Hoa nói, đây là lời Phật Thích Ca Mâu Ni nói: “Ta là pháp vương, tự tại với các pháp, tất cả pháp thế xuất thế gian đều thông đạt rõ ràng. Đây gọi là tự tại. Nếu như có một vấn đề hỏi đến quý vị mà quý vị không biết, vậy là quý vị không tự tại rồi. Quý vị bị người ta hỏi cho bí rồi. Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp 49 năm, đích thực không có một lần nào bị người ta hỏi cho bí. Vấn đề hi hữu cổ quái gì được nêu ra Ngài đều giải đáp được. Hơn nữa giải đáp rất tường tận. Điều này làm cho người ta không thể không phục Ngài. Đây gọi là gì? Trí tuệ chân thật - Nhất thiết trí. Vì vậy có thể viên mãn rất ráo mười loại tự tại như trong Kinh Hoa Nghiêm” nói, đó gọi là tôi thắng, nên tôi thắng tự tại, chỉ có Pháp thân Bồ Tát minh tâm kiến tánh mới có được. Người chưa kiến tánh cũng rất có thể tự tại, nhưng không thể thêm chữ tôi thắng, đích thực có lẽ có một số vấn đề họ không thể giải đáp. Người kiến tánh thì vấn đề đều được giải quyết hết. Những lời này chúng ta nhất định phải biết. Sau khi học rồi, phải nên quay về tự tánh. Chúng sanh và Phật không hai, chúng sanh và Phật là nhất thể. Phật có, chúng ta đều có, không ngoại lệ. Ngày nay chúng ta mê thất rồi, làm thế nào để khôi phục? Đó chính là phải học tập theo Phật. Ngài là người đã trải qua, trước đây Ngài cũng như chúng ta, cũng là mê hoặc điên đảo. Ngài làm sao mà giác ngộ? Trì giới, tu định, khai huệ. Ngài đã đi trên con đường này. Ngày nay chúng ta nếu muốn thành tựu, vẫn phải đi trên con đường cũ này, không thể làm mới, quý vị không đi con đường cũ, quý vị muốn đi một con đường mới, có thể càng đi càng xa, quý vị đã lạc đường rồi, phải đi con đường cũ. Chính xác, an toàn, vững vàng an ổn.

Đoạn cuối cùng này, “dưới đây Thế Tôn tán thán và ra lệnh cho A nan lắng nghe, để tâm nghe pháp, giới về tư duy nghĩa lý đã nghe được.” Câu cuối cùng “ta nay vì ông mà giải thích từng điều”. Kinh văn ở sau đó là “A nan lắng nghe, khéo tư duy về điều đó, ta nay vì ông giải thích từng điều”. Giải thích là ở trong phần chánh tông này. Phẩm tứ tư dưới đây, tiếp sau đây là “Pháp Tạng nhân địa”, Phật giới thiệu cho chúng ta về Phật A Di Đà.

“Dĩ thượng biệt tự cánh”, phẩm tựa của kinh này đến chỗ này là nói xong.

Dưới đây Hoàng Niệm Lão tổng kết ý nghĩa của phần trước, làm cho chúng ta một tổng kết. “Biệt tự”, lại gọi là “phát khởi tự”, đã là phát khởi chánh văn toàn kinh, đây chính là nói, nhân A nan mở lời hỏi, Thế Tôn cho nói, dẫn điều cứu cánh phương tiện này, pháp môn Tịnh Độ thù thắng viên đốn tối cực. Nhưng dùng đây để siêu tình ly kiến, pháp khó tin không thể nghĩ bàn. Chúng sanh tình chấp sâu nặng, tin không

đến nơi, cho nên phát khởi trong lời tựa, thâm nhập chứng tín, tổng cộng ngũ trùng.” Đại ý đoạn này chúng ta nói đơn giản một chút: Phật Pháp nhân duyên sanh, ở đây nói ra tất cả pháp thể xuất thế gian không tách rời nhân duyên, không có nhân duyên vô duyên vô có mà sanh khởi, điều này giảng không thông, không có sự việc này. Phật Pháp cũng là nhân duyên, nhân này do A nan thỉnh vấn, trước đây chúng ta đã đọc qua rồi, Thế Tôn cho phép vì mọi người mà nói rõ. Diễn xuất phương tiện rất ráo, pháp môn Tịnh Độ tối thắng viên đốn nhất. Câu nói này thật không thể nghĩ bàn. Trong giáo lý Đại thừa đây là pháp môn số một. Trong pháp môn này nói, “là pháp siêu tình ly kiến, không thể nghĩ bàn và khó tin”. Phạm phu nhất phẩm phiền não cũng chưa đoạn được, lúc lâm chung mười niệm cũng có thể vãng sanh, sanh đến Thế giới Cực Lạc liền làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, ai tin được? Là pháp khó tin! Tuyệt đối không phải tình kiến của lục đạo phạm phu có thể lý giải được, nên gọi là siêu tình ly kiến. Đây chính là nói tuyệt đối không phải lục đạo phạm phu có thể lý giải được. Cho nên liền trở thành pháp khó tin. Đặc biệt hiện tại chúng sanh tình chấp sâu nặng, tin tưởng hay không? Thực sự không tin tưởng. Quý vị chớ thấy người tu Tịnh Độ nhiều, gần như ngày ngày đang niệm A Di Đà Phật, có hiệu quả hay không? Không hiệu quả. Vì sao không hiệu quả? Vì họ không tin. Họ còn tin tưởng ngũ dục lục trần của thế gian này. Cũng giống như thầy Lý năm xưa ở Đài Trung giảng kinh, thầy nêu ra một ví dụ, thầy giáo đang giảng kinh, chúng tôi thông thường đều đang nghe kinh, có một người đến báo tin “trong nhà ông xảy ra hỏa hoạn”, quý vị phải chăng nhanh chóng chạy về nhà? Vậy là không tin rồi. Nghe tin nhà có hỏa hoạn rồi, vẫn như như bất động, tôi nghe kinh quan trọng hơn, vậy là thật tin. Nhưng đạt được thật tin rất khó! Vừa kiểm tra thì kiểm tra ra được. Ngày nay ở nơi này pháp sư ở đó giảng kinh, đêm nay quý vị có một cuộc làm ăn có thể kiếm được một triệu, quý vị vẫn đến nghe kinh buông bỏ một triệu đó, hay là đi kiếm một triệu đó, hôm nay vắng mặt nghe kinh một bữa cũng không sao, chắc chắn là đi kiếm một triệu. Họ liền không đến nữa. Đây không phải đều là giả sao? Đây gọi là pháp khó tin. Có được mấy người thực sự nghiêm túc coi lời Phật nói là thật. Đức Phật nói bồ thí đại thiên thế giới bảy báu lớn không bằng công đức bốn câu kệ trong kinh nói, ai tin được? Đừng nói là một triệu, e rằng kiếm 100.000 đồng tiền họ đã không nghe nữa bỏ đi rồi, 100.000 đồng quan trọng. Đây là những điều chúng ta từ đây mà tỉ mỉ quan sát, người thực sự tin tưởng không nhiều. Người không tin tưởng, họ cũng thường đến nơi đây nghe kinh, đó là vì điều gì? Thầy Lý nói một câu rất có ý vị. Thầy nói là gì? Đến tiêu khiển, tiêu khiển vậy. Hóa ra những người này đến Phật đường để học Phật là để tiêu khiển. Họ không có việc gì làm đến nơi này để chơi thôi, là tâm thái như vậy đó. Ngồi ở nhà cảm thấy buồn tẻ, đến Phật đường dạo dạo xem náo nhiệt, không phải là thật học. Thật học thì còn được. Thật học không phải người người đều thành Phật rồi sao? Nghe lời thầy nói năm xưa, chúng tôi nhiều năm tỉ mỉ quan sát,

không sai chút nào. Cho nên chúng ta thấy lạ mà không lạ. Biết được pháp môn này không dễ dàng.

Cho nên trong phát khởi tự, thâm nhập chứng tín tổng cộng có ngũ trùng, điều này đoạn trước chúng ta đã đọc qua. Ở đây chỉ làm một tổng kết.

Thứ nhất Thế Tôn phóng quang hiện điềm chứng tín. Lần này là Thế Tôn toàn thân phóng quang, vô cùng hi hữu, hơn nữa trong quang còn hiện ra chư Phật quốc độ.

“Thứ hai A nan hoan hỉ thỉnh vấn”. A nan thấy quang này vô cùng hoan hỷ. Liên đề xuất nghi vấn của Ngài. Câu hỏi của A nan có hai ý nghĩa.

Một là thấy Phật phóng quang hi hữu, ắt là có pháp kỳ diệu trụ ở trong đó, hạnh của đạo sư, đạo của tối thắng. Nhưng pháp này, hạnh này, đạo này, ắt là Phật Phật tương niệm, mà không phải ai khác. Công đức Phật chứng đắc là viên mãn, vậy còn có gì là hiếm có? Hiếm có nhất định là niệm Phật. Niệm Phật được Phật gia trì. Niệm mười phương Phật, mười phương Phật đều đến gia trì Phật Thích Ca Mâu Ni. Đây là thù thắng không gì sánh bằng. A Nan nghĩ đến điểm này, cho nên Ngài liền hỏi.

Hai là A nan vì sao có thể hỏi được diệu nghĩa này, A nan làm sao mà hỏi ra được câu hỏi đó? Chính là biểu thị A nan vốn là Đức Tôn Phổ Hiền, là đại Bồ Tát từ quả hướng nhân. A nan là người gì? Đức Tôn Phổ Hiền. Ngài thành Phật rồi, quả là thành Phật, A nan từ lâu đã thành Phật rồi, hiện tại Phật Thích Ca Mâu Ni đến nơi này thì hiện hoàng pháp lợi sanh, Ngài đến giúp đỡ Phật Thích Ca Mâu Ni vậy. Nên nói “nhất Phật xuất thế, thiên Phật ủng hộ”, chữ thiên này cũng không phải chỉ cho một ngàn, ý nói rất nhiều. Vô lượng vô biên Chư Phật Như Lai có duyên với chúng sanh trên thế gian này đều đến, Phật Thích Ca Mâu Ni đóng vai chính, họ đóng vai phụ, đến biến hóa làm đệ tử Phật, làm học trò tại gia của Phật, làm hộ pháp của Phật. Thì vở kịch này mới diễn được viên mãn, mới có thể khiến những khán giả kia giác ngộ hiểu rõ được. Cho nên A nan là thị hiện từ quả hướng đến nhân.

“Trong hội thuần nhất vô tạp, diễn thuyết viên âm, nay chính đúng thời, hội chúng thù thắng, chính là diệu pháp hi hữu”. Trong hội này, chúng xuất gia 1255 vị, đều là những vị giống như A nan vậy, đều là đại Bồ Tát từ quả hướng đến nhân, thị hiện thân phận Tỳ kheo. Bồ Tát chúng thì không cần nói rồi, còn có chúng cư sĩ. Trong cư sĩ có cư sĩ nam và cư sĩ nữ, cũng đều là Bồ Tát hóa thân đến. Đại hội này thù thắng biết bao. Niệm Lão nói câu này rất hay: thuần nhất vô tạp, hội này thù thắng biết bao! Đều ở nơi đó biểu diễn cùng nhau. Diễn thuyết viên âm, pháp môn viên mãn. Hiện tại chính là lúc duyên chúng sanh thành thực rồi. Sau khi nhìn thấy, sau khi nghe thấy, có thể sanh tâm hoan hỷ, có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, có thể chứng. Niệm Phật vãng sanh chính là chứng quả. Cho nên biểu diễn pháp hi hữu. Đây là nói A nan hoan hỷ, nêu ra vấn đề này.

“Thứ ba trùng chứng tín”, trùng là lặp lại rồi chứng tín. Tức là Thế Tôn tán thán, công đức của việc hỏi này khó nghĩ bàn. Đây là trùng lặp, là trùng lặp lần thứ ba chứng

tín. Phật nói đương lai tất cả hàm linh đều nhờ câu hỏi này mà được độ thoát. Đây là công đức không thể nghĩ bàn. A nan nếu như không hỏi, Phật sẽ không nói. Trên thực tế không có ai hỏi Phật cũng nói, thí dụ như Kinh A Di Đà là không có ai hỏi, không hỏi mà tự nói. Kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối đều là bản thân Phật tự nói, không có ai hỏi. Kinh Vô Lượng Thọ có thể làm như vậy không? Đương nhiên có thể, vì sao phải bảo A nan đến hỏi? Trong đây hàm nghĩa rất sâu, rất sâu. Sự thị hiện này của A nan nói với chúng ta công đức thỉnh pháp không thể nghĩ bàn. Làm cho người thấy được rồi biết được cách hỏi pháp, lễ thỉnh pháp sư, đại đức vì chúng ta giảng kinh thuyết pháp, thông thường người ta không biết thỉnh, người thỉnh phải là người thông thạo, họ không hiểu làm sao mà họ thỉnh pháp? Họ là người thông thạo, họ hiểu được, người thường không hiểu. Ngài đến dạy chúng ta phương thức này. Quý vị thấy công đức thỉnh pháp này, Phật tán thán: tương lai tất cả hàm linh đều nhờ câu hỏi này mà được độ thoát. Câu nói này rất hi hữu. Nếu như nói, tương lai tất cả hàm linh đều nhờ câu hỏi này mà được khai ngộ, vậy thì khác xa nhau rồi. Khai ngộ là quý vị hiểu rõ, quý vị vẫn phải tu, vẫn phải chứng, độ thoát, độ thoát chính là chứng quả, vấn đề từ trên căn bản mà giải quyết, vậy không tốt quá sao! Cho nên ý nghĩa này rất sâu xa, khuyến khích mọi người thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trú thế, hàm chứa thâm nghĩa này ở trong đó.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới nói, một lời nói rõ, nguyên nhân thực sự để pháp môn Tịnh Độ hưng khởi, nên phẩm này gọi là Đại Giáo Duyên Khởi. Tên phẩm của phẩm này gọi là Đại Giáo Duyên Khởi. Một lời nói rõ này, sự hưng khởi của pháp môn Tịnh Độ nguyên nhân do đâu mà A nan hỏi câu hỏi này. Vì pháp môn Tịnh Độ là bắt đầu từ Kinh Vô Lượng Thọ. Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Kinh Vô Lượng Thọ trước, Kinh A Di Đà giảng sau. Sau kinh này thì không ai hỏi mà tự nói.

Trùng thứ tư Phật bảo A nan sở dĩ Như Lai xuất hiện nơi thế giới này, chỉ vì muốn cứu giúp quần sanh, đem đến lợi ích chân thật. Đây là thâm nhập chứng tín lặp lại lần thứ tư. Nói ra Phật vì sao phải xuất hiện tại thế gian. Ngài đến để làm gì. Trong giáo lý Đại thừa chúng ta học qua đã hiểu được. Phật đích thực là cảm ứng theo chúng sanh, chúng sanh có cảm Phật liền có ứng. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Cảm của chúng sanh rất phức tạp, có hiển cảm, có minh cảm, mà ứng của Như Lai, Pháp thân Bồ Tát vô cùng đơn thuần. Chính đoạn này đã nói, đó là gì? Giúp đỡ tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Lìa khổ được vui đạt đến trình độ nào? Nhất định phải giúp đỡ chúng sanh thành Phật. Họ triệt để lìa khổ rồi, giúp đỡ họ thành Bồ Tát còn chưa đủ, nhất định dạy họ viên mãn thành Phật, chứng đắc quả vị Diệu Giác. Đây mới gọi là từ bi viên mãn, thực sự độ thoát. Ngày nay chúng ta học Phật, tâm chúng ta phải tương đồng như tâm Phật, nguyện phải đồng với nguyện của Phật, giải hạnh cũng như vậy. Chúng ta không thể quên tứ hoằng thệ nguyện. Tứ hoằng thệ nguyện điều thứ nhất là đại nguyện, “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, chính là đoạn này nói muốn cứu giúp

quần sanh, khiến họ được lợi ích chân thật. Hiện tại vấn đề lại xảy ra rồi. Bản thân chúng ta chưa đạt được lợi ích chân thật, làm sao có thể giúp đỡ người khác có được lợi ích chân thật? Cho nên chúng ta phải thành tựu bản thân trước, thành tựu bản thân trước, quý vị phải y theo câu hoằng thệ nguyện thứ hai, “phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”, phiền não đoạn tận rồi, mới “pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, phiền não chưa đoạn tận, tất cả những phương pháp tu học đều là để đoạn phiền não. Điều này nhất định phải biết. Chúng ta trong một giai đoạn tu học nào đó có một mục tiêu nào đó, rất rõ ràng quý vị mới có thể đạt được, không thể lẫn lộn với nhau, lẫn lộn với nhau, phiền não chưa đoạn được, pháp môn cũng chưa học được, quý vị sai rồi, Phật Bồ Tát hướng dẫn chúng ta, cổ thánh tiên hiền hướng dẫn chúng ta, “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu” là vì điều gì? Vì đoạn phiền não, bởi vì quý vị nhất môn là tâm quý vị định rồi. Quý vị học nhiều quá, tâm quý vị liền loạn. Quý vị nên hiểu đạo lý này! Một môn mới có thể đoạn phiền não, nhiều pháp môn thì phiền não không đoạn được. Vậy nên chúng ta biết nhất môn là giới định tuệ, đa môn là giới định tuệ không còn nữa. Không còn nữa thì trở thành tri thức thế gian, học rộng nghe nhiều. Người nào đó đọc sách nhiều, tri thức phong phú, là người thông thạo, mọi thứ đều thông, người thông suốt. Đây là khen ngợi người khác. Họ phải chăng là thực sự thông rồi? Những thứ họ chưa học qua họ đều không biết. Học qua rồi mới hiểu được, chưa học qua họ không biết. Nếu như thực sự thông rồi, giống như Phật mới thực sự thông suốt, điều chưa học cũng biết được, không cần học. Vì sao không cần học? Họ kiến tánh rồi. Cho nên tất cả pháp không rời tự tánh. Chỉ cần kiến tánh, không có gì là không biết. Còn một thứ chưa biết, là quý vị chưa kiến tánh. Cho nên Phật Pháp tu học tám vạn bốn ngàn pháp môn, bao gồm chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Mục tiêu cuối cùng là gì? Minh tâm kiến tánh.

Năm xưa đối với Tịnh Độ vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc tôi cho rằng vậy là được rồi, tôi chỉ giảng đến chỗ này, thầy giáo nói với tôi, không được, ông còn nói thiếu một câu, tôi nói thiếu câu nào? Minh tâm kiến tánh. Vậy mới hiểu được đến Thế giới Cực Lạc minh tâm kiến tánh, như vậy mới viên mãn! Ở đây chưa kiến tánh được đến Thế giới Cực Lạc kiến tánh thành Phật, thực sự viên mãn.

Phật Thích Ca Mâu Ni trú thế 80 năm, giảng kinh dạy học 49 năm, lợi chân thật là gì? Lợi chân thật chính là bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, cho nên đại sư Thiện Đạo nói rất hay, Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời chỉ vì nói về biển bốn nguyện Di Đà, chính là vì sự việc này, duy chỉ vì truyền bá pháp môn này, những việc khác thì sao? Những pháp môn khác đều có những người yêu thích nó, Phật hằng thuận chúng sanh, quý vị thích điều gì thì Ta nói cho quý vị điều đó. Nhưng thực sự nói với quý vị, quý vị thực sự muốn ngay trong đời này chứng đắc rốt ráo viên mãn, vậy là một môn này vững vàng, đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng. Sẽ không tìm ra pháp môn nào thù thắng như vậy bảo đảm cho quý vị thành tựu. Quý vị học pháp môn khác, không thể bảo đảm cho quý vị, chúng

ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, đến Thế giới Cực Lạc thành Phật. Nói cách khác, Kinh Vô Lượng Thọ là giấy bảo đảm, Phật cho chúng ta giấy bảo đảm. Thật sự muốn y theo những điều nói trong kinh điển thì không có ai không vãng sanh. Thực sự là vạn người tu vạn người vãng sanh. Như vậy không tốt quá rồi sao! Đạo lý này không thể không biết. Không biết là chúng ta cô phụ Phật Thích Ca Mâu Ni, cô phụ Phật A Di Đà, quý vị chưa tiếp xúc được, đó là chưa có duyên, tiếp xúc được rồi, quý vị không thể chăm chỉ tu hành, đó là sai trái của bản thân, có lỗi với bản thân, vô lượng kiếp đến nay chưa từng gặp qua, ngay nay gặp được rồi, ngay nay liền được thành tựu. Ngày nay không thể thành tựu, vậy là phải vô lượng kiếp chịu tội, trong lục đạo luân hồi lăn lộn mãi, chịu tội xong rồi trở lại nhân gian, xem xem có nhân duyên để gặp pháp môn này hay không. Cổ nhân Trung Quốc nói “đã lỡ chân thành thiên cổ hận”, lời này ý nghĩa rất sâu. Cảnh cáo chúng ta cơ hội phải nắm bắt lấy, một khi mất đi thực sự là nỗi đau thiên cổ.

Lợi ích chân thật là làm sao có được? Quý vị xem xem, “tức chỉ nhờ Di Đà nguyện hải, lục tự hồng danh”, quý vị xem chỉ là một câu như vậy “Nam mô A Di Đà Phật”, đây là chân ngôn, chính là sáu chữ này. Quý vị thật niệm, thật sự đặt ở trong tâm, nó liền khởi tác dụng. Niệm chưa để ở trong tâm thì không khởi tác dụng. Tâm chính là Phật A Di Đà. Một niệm Di Đà một niệm tâm, niệm niệm Di Đà niệm niệm tâm, vậy là thành công rồi, liền hoàn toàn tương ứng. Trong tâm việc gì cũng không có, thực sự hoàn toàn buông bỏ rồi, trong tâm chỉ là A Di Đà Phật, Phật A Di Đà chính là tâm ta, thuần nhất không tạp, công phu niệm Phật của quý vị đạt được rồi.

Chính vì câu hỏi của A nan, mà khai thị diệu pháp như vậy, hiếm có khó gặp như hoa Ưu Đàm. Tương lai tất cả chúng sanh nhờ câu hỏi của A nan mà được độ thoát. Câu hỏi này của A nan, Phật vừa nói như vậy, chúng ta mới đạt được. Như vậy không tuyệt vời sao?

“Nên Phật khen ngợi A nan để chúng tín”, tán thán A nan, chúng tỏ công đức của câu hỏi này không thể nghĩ bàn. Chúng ta phải học, lúc chúng sanh gặp thiên tai, thực sự có những người cao siêu này, chúng ta thỉnh giáo với họ, làm thế nào để hóa giải thiên tai. Cũng giống như lão pháp sư Lạc Quán kể về câu chuyện Phật sống ở Kim Sơn, có một vị lão cư sĩ không biết vận mệnh của bản thân, đi khắp nơi bói toán, đi xem tướng, Phật sống Kim Sơn nhìn thấy dáng vẻ như vậy, không ai hỏi mà Ngài tự nói, Ngài nói họ biết xem tướng, tôi cũng biết xem tướng, họ có thể đoán số mạng, tôi cũng biết đoán số mạng. Đây là không hỏi mà tự nói, nhưng pháp sư Lạc Quán đứng bên cạnh cũng thêm một câu, Phật sống Ngài thực sự biết xem tướng sao? Ngài thực sự đoán số sao? Tăng thêm lòng tin cho người khác. Phật sống nói thật vậy không giả chút nào, sau đó nói với mọi người: thiên hạ này người bói số xem tướng số một là ai quý vị có biết không? Mọi người đều không biết. Là Phật Thích Ca Mâu Ni. Không những biết xem số mệnh của một mình quý vị, còn biết xem số mệnh cả nhà quý vị, số mệnh

của một nước, số mệnh của toàn thế giới. Ngài không có gì không biết. Cho nên vấn đề nêu ra rồi, không những giải những mê hoặc của bản thân chúng ta, mê hoặc của mọi người tất cả đều phải giải hết. Câu hỏi này công đức đã vô lượng rồi. Đáp vấn đề giống như vậy, khiến cho tương lai tất cả chúng sanh đều có thể độ thoát, đều có thể thành Phật. Đây thật là không thể nghĩ bàn, không ai có thể nghĩ ra được, cũng không có ai nêu ra được, không phải là người đã trải qua, sự việc này làm không ra được.

Trùng thứ năm, Thế Tôn biết rõ việc này thật vì pháp tất cả thế gian khó tin, nên khuyên răn chúng sanh rằng: Như Lai giác tri khó lường, thần thông vô ngại, định tuệ đầy đủ, tự tại với pháp. Lời Thế Tôn nói chân thật bất hư, vạn vật khinh nghi, chỉ nên tín ngưỡng. Còn sợ chúng sanh nghe rồi có hoài nghi, có hoài nghi lợi ích liền mất đi. Phải biết tin là bảo vật số một của Phật Pháp, quý vị đã đạt được hay chưa? Chân tín không nghi, điều quý báu này đã đạt được rồi. Có mấy may hoài nghi, công đức của quý vị hoàn toàn bị phá mất. Cho nên mấy câu này của Phật là tăng cường nói với chúng ta: Như Lai giác tri khó lường. Như Lai là tánh đức, trí tuệ ở trong tánh đức, tự tánh vốn đủ trí tuệ đức tướng. Điều này Phật nói ở trong Kinh Hoa Nghiêm.

Viên mãn cụ túc, thần thông vô ngại, dưới đây là khởi tác dụng, thần kỳ thông suốt không có chướng ngại, định huệ thông suốt. Định huệ, cứu là cứu cánh, sớng là thông sớng, tự tại với pháp. Trong kinh Đại thừa thường nói mười loại tự tại, trên thực tế là vô lượng tự tại. Vì phương tiện thuyết pháp nên quy nạp thành mười điều, mười đại biểu cho vô lượng. “Lời Thế Tôn nói chân thật không giả, vạn vật khinh nghi”. Ba câu này là lời của Hoàng Niệm Lão nói, nhất định không nên nghi hoặc, nghi hoặc là bản thân chúng ta sai rồi.

“Đản đương ngưỡng tín”, ngưỡng là tôn kính, kính trọng, thâm tín không nghi, “vậy nên khuyên dạy chúng ta”, Phật ở đó nói với chúng ta. “Phật là quả giác, ta là phàm phu”, chúng ta phải thừa nhận. Ngài là vị đã chứng đắc quả giác rốt ráo, Ngài ở quả vị Diệu giác, chúng ta là phàm phu, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ba loại phiền não này đều đầy đủ, đây gọi là phàm phu.

Làm sao có thể dùng tâm phân biệt ngu muội của phàm phu, vọng đoán Thánh trí của Như Lai, chỉ nên tín thọ, ắt đầy đủ nguyện lực. Chúng ta chỉ cần thực sự tin tưởng, thực sự tiếp thu y giáo phụng hành, nhất định sẽ đầy đủ nguyện vọng của bản thân chúng ta. Nguyện vọng của chúng ta là hi vọng sanh đến Thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Ở Thế giới Cực Lạc nhanh chóng tu thành minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh chính là Pháp thân Bồ Tát, minh tâm kiến tánh chính là trí Cõi Thật báo trang nghiêm ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Chưa kiến tánh cũng ở Cõi Thật báo trang nghiêm, đó là Di Đà từ bi, bản nguyện oai thần gia trì quý vị, Tây Phương Cực Lạc trên thực tế nó có tứ độ tam bối cứu phẩm, nhưng nó bình đẳng, thế giới bình đẳng, tứ độ hòa vào nhau, nên Phật lực gia trì chúng ta cũng như Pháp thân Bồ Tát, trí tuệ, thần thông, đạo lực không thua một tí nào. Cho nên sanh đến cõi phàm thánh đồng

cư hạ hạ phẩm vãng sanh, có năng lực giống như Pháp thân Bồ Tát vậy, chúng sanh có cảm, ta liền có ứng, cần dùng Phật thân để độ ta liền có thể thị hiện Phật thân, được không? Được. Vì sao vậy? Nếu như không được họ liền không phải là A Duy Việt Trí Bồ Tát, A Duy Việt Trí Bồ Tát có thể. Vậy đã là vãng sanh chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát rồi, họ đương nhiên có thể. Điều này không thể nghĩ bàn, điều này khó tin. Ví dụ nói nhất phẩm phiến não chưa đoạn, lúc lâm chung họ rất may mắn đầu óc rõ ràng không có mê hoặc, gặp được một người hiểu được Tịnh Độ, khuyên họ niệm A Di Đà Phật cầu sanh Thế giới Cực Lạc, họ vừa nghe lập tức tiếp thu, lập tức liền thật niệm, niệm theo họ, vừa niệm được mười niệm đã dứt hơi rồi, họ thực sự đến Thế giới Cực Lạc. Quý vị xem người như vậy vừa đi là họ thành Phật rồi. Họ trở lại độ chúng sanh họ có thể hiện thân Phật. Quý vị dám tin không? Chúng ta chắc chắn lắc đầu tôi không thể tin tưởng. Vì sao không thể tin? Chúng ta dùng tâm phàm phu để đo lường trí Như Lai, sai lầm của chúng ta là ở chỗ này. Pháp môn này kì lạ quá, hiếm có quá, ví dụ tôi vừa nêu ra có hay không? Có. Chẳng những có mà còn rất nhiều. Nhưng chúng ta không thể theo kiểu may mắn đó, vì sao vậy? Chúng ta không thể bảo đảm lúc lâm chung đầu óc tỉnh táo, không thể bảo đảm điều này. Cho nên con người không thể tạo tội nghiệp, vì sao vậy? Tạo tội nghiệp thì sợ cuối đời bị bệnh ngớ ngẩn, vậy là tất cả đều xong rồi. Đã bị bệnh ngớ ngẩn thì khó lắm. Có người trợ niệm cũng không giúp được gì. Ba điều kiện cuối cùng để vãng sanh, thứ nhất là đầu óc phải tỉnh táo, thứ hai là nghe giảng Phật Pháp, nghe được pháp môn Tịnh Độ, thứ ba là thâm tín không nghi. Lập tức họ liền làm, họ liền niệm Phật, họ cầu vãng sanh, điều kiện như vậy mới có thể đi. Điều kiện này thật không dễ dàng. Ba điều mà thiếu một điều cũng không được. Cho nên pháp môn này đặc thù, vô cùng vô cùng đặc thù, bởi vì thực sự là khó tin. Cho nên trong biệt tự có ngũ trùng chứng tín.

Từ đó cho thấy, phần tựa của kinh toàn vì chứng tín. Bản kinh này là tông của tiểu bản. Ngẫu Ích đại sư chỉ ra tín nguyện trì danh. Ba tư lương này thiếu một không được, mà tín là điều đầu tiên, những điều khác có thể biết, ba tư lương, dùng lời hiện tại nói chính là ba điều kiện để vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, tư lương là ví dụ, con người chúng ta đi ra ngoài lữ hành, vào thời ngày xưa, chưa có nhiều nhà hàng như vậy, không có nhiều khách sạn như vậy, lúc quý vị ra khỏi nhà đi du lịch phải mang theo tiền, là tư, còn phải mang lương thực, mang theo lương khô, trên đường đi quý vị mới có cái mà ăn. Ba tư lương vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, đó chính là nhờ vào ba sự việc tín nguyện hạnh này. Đầu tiên là quý vị phải tin tưởng, tuy quý vị cầu vãng sanh, mỗi ngày đều niệm Phật, mà quý vị đi không được, tín tâm không đủ, cho nên điều đầu tiên phải có tín tâm đầy đủ, tín tâm viên mãn, điều này quan trọng hơn bất cứ điều gì. Trong phần tự trước tiên nói đến gốc của kinh này, cho đến chân thật rất rõ, mới đáng tin.

Bộ kinh này từ đâu mà có? Bản này là gốc, là ngọn nguồn, nó từ đâu mà đến? Nó từ chân thật rốt ráo mà đến. Chân thật rốt ráo là gì? Chính là bản tánh của bản thân, chân như tự tánh, từ trong tự tánh mà lưu xuất ra, điều này đương nhiên có thể tin tưởng được, vậy ý của bộ kinh này có tác dụng gì?

“Nãi quảng huệ chúng sanh dĩ “lợi ích chân thật”, nên phải tin tưởng, chính là ban cho lợi ích chân thật, huệ là ban cho, cho quý vị, cũng là nghĩa bố thí. Phật ban cho tất cả chúng sanh lợi ích chân thật. Quý vị trong đời này liền thành tựu được. Vãng sanh, điều này chư vị đồng học phải nên biết. Vãng sanh không phải là chết. Vãng sanh không có chết, sống mà đi vậy. Không phải sau khi chết rồi mới vãng sanh, là vãng sanh xong thân thể này không cần nữa, điều này phải biết. Quý vị nói sau khi chết mới vãng sanh, vậy là sai rồi. Đó là trung ấm vãng sanh, duyên đó rất đặc thù. Không phải là người bình thường có thể gặp được. Thông thường công phu niệm Phật thành tựu đều là lúc lâm chung nhìn thấy Phật đến tiếp dẫn, đi theo Phật. Vậy mới đoạn khí. Vừa đoạn khí như vậy đã đến Thế giới Cực Lạc rồi, là lợi ích chân thật, nên phải tin tưởng.

Sao gọi là chân thật rốt ráo? Như trong Sớ Sao của đại sư Liên Trì nói “mở miệng liền nói”, đây là mấy câu ở trong Sớ Sao của đại sư Liên Trì: “linh minh động triệt, trạm tịch thường hằng, phi trọc phi thanh, vô bối vô hướng, đại tai chân thể, bất khả đắc nhi tư nghi giả, kỳ duy tự tánh dư”. Mấy câu tán thán này toàn là tự tánh. Cho nên chân thật rốt ráo, chính là tự tánh của người này, là tự tánh của bản thân chúng ta, tự tánh là một. Tất cả chư Phật, tất cả chúng sanh và tự tánh của ta là cùng chung. Trong Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng, tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đều là từ trong đó lưu xuất ra. Ở trong Hoàn Nguyên Quán chúng ta nói “hiển nhất thể, khởi nhị dụng”, nhị dụng chính là y chánh trang nghiêm, khắp pháp giới hư không giới y chánh trang nghiêm, đều từ trong tự tánh mà lưu xuất ra. Bộ kinh này là trong tự tánh lưu xuất ra, cho nên tác dụng của nó rất lớn! Bốn câu này của đại sư Liên Trì ở trong Di Đà Kinh Sớ Sao, trước đây chúng tôi giảng qua rồi. Ở đây sẽ không giảng lại nữa. Điều chúng ta chú trọng là chân thật rốt ráo, tức là tự tánh của mỗi người. Câu này vô cùng quan trọng.

Chân thật rốt ráo là gì? Sớ Sao lại nói: “trùng trọc nhi thanh, phản bối nhi hướng, việt tam kỳ u nhất niệm, tề chư thánh u phiến ngôn chí tai diệu dụng, diệc bất khả đắc nhi tư nghi giả. Kỳ duy Phật thuyết A Di Đà Kinh dư”. Đây là tán thán Kinh A Di Đà. Chúng ta nói đơn giản về những câu này, “trùng trọc nhi thanh”, trọc là gì? Chúng ta ở đây là ngũ trọc ác thế. Trọc là ô nhiễm nghiêm trọng. Hiện tại chúng ta sống trong xã hội ngày nay, nói điều này ấn tượng của chúng ta càng sâu đậm hơn. Tinh thần của chúng ta ô nhiễm, cuộc sống vật chất ô nhiễm, ô nhiễm ở trong tinh thần nghiêm trọng nhất là tự tự tự lợi, thị phi nhân ngã, tham sân si mạn, nhiễm ô nghiêm trọng!

Trùng là trùng thanh, làm thế nào để gạt lọc nhiễm ô, gạt đục khơi trong. Phản bối nhi hướng, bối ngay nay chúng ta nói khởi tâm động niệm, nói năng hành động trái

với tự tánh, trái ngược một trăm tám mươi độ, đáng sợ quá. Hiện tại làm thế nào quay đầu lại, phản bối nhi hướng, hướng đến tự tánh, hướng đến tánh đức? Hai câu nói này chính là điều hiện nay các nhà khoa học nhắc nhở chúng ta, thay đổi tâm thái, là chúng ta được cứu rồi, vì sao vậy? Y báo chánh báo trang nghiêm đều từ tâm thái mà biến hiện ra. Hiện tại các nhà lượng tử lực học đã chứng minh được rồi. Ba ngàn năm trước Phật đã nói tâm hiện thức biến. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Hiện tại được các nhà lượng tử lực học chứng minh rồi, là thật không phải giả. Cho nên quay đầu lại phải nhờ vào bản thân. Không ai có thể giúp đỡ quý vị, Phật cũng không giúp được quý vị. Phật chỉ là nói cho quý vị biết, quý vị nên quay đầu, nhanh chóng quay đầu là đúng rồi. Mê là bản thân mê, không phải là Phật làm cho quý vị mê, cho nên ngộ vẫn là quý vị phải tự ngộ, sự việc này không thể nhờ người khác, không được oán trời trách người, oán trời trách người vậy là quý vị đã mê lại thêm mê, quý vị sai rồi. Pháp môn này dạy quý vị làm thế nào để gạt đục khơi trong, trở lại mà hướng về? Chính là một câu A Di Đà Phật. Trong tâm ý niệm vừa khởi lên, bất luận là niệm thiện hay niệm ác đều không nên quán. Lập tức quay trở lại với A Di Đà Phật, tất cả đều quy về A Di Đà Phật, trong tâm tôi chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra thứ gì cũng không cần nữa, vậy là quý vị thực sự quay đầu rồi, quý vị liền được tâm thanh tịnh, quý vị liền hướng về Bồ đề đạo.

“Việt tam kỳ ư nhất niệm”, tam kỳ là ba đại A tăng kỳ kiếp. Ba đại a tăng kỳ kiếp ở đây là hình dung phạm phu tu hành thành Phật rất khó, phải trải qua thời gian dài như vậy. Nhưng quý vị gặp được pháp môn này thì không còn khó nữa. Một niệm tức là vượt qua ba đại a tăng kỳ kiếp. Giống như vừa rồi tôi nêu ví dụ, nhanh chóng biết bao! Lúc lâm chung gặp được người khuyên quý vị, quý vị nhanh chóng niệm Phật A Di Đà cầu sanh Thế giới Cực Lạc. Người đó sau khi nghe xong liền thật làm, liền thật niệm, họ đã thành công rồi. Đây đích thực là pháp khó tin.

“Tề chư Thánh ư phiến ngôn”. Phiến ngôn chính là một câu A Di Đà Phật. Tề là gì? Cùng giống như họ. Chư Thánh là 41 vị pháp thân đại sĩ. Quý vị niệm câu A Di Đà Phật này, ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc và địa vị của 41 vị pháp thân đại sĩ là bình đẳng. Vì sao vậy? Vì là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Tề chính là ý nghĩa này. Người vãng sanh phạm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm, cũng bình đẳng với Bồ Tát Cối Thập báo. Chúng ta thường nói trí tuệ, thần thông, đạo lực, mỗi mỗi đều bình đẳng. Họ có năng lực tiếp thu cảm của chúng sanh. Chúng sanh có cảm họ có ứng. Giống như Quán Thế Âm Bồ Tát 32 ứng vậy. Cần dùng thân gì để độ họ liền dùng thân đó. Điều này rất tuyệt vời. Rất hi hữu, rất khó gặp! Đời này gặp được vấn đề gì đều giải quyết được hết, cho nên những thứ tạp nham trong thế gian đều quét dọn nó cho sạch sẽ, không để lây nhiễm nữa. Thứ nên xả thì phải xả, không nên xả cũng phải xả bỏ. Quý vị đều xả bỏ nó cho sạch sẽ, giữ chặt câu A Di Đà Phật này, thì không ai không thành tựu.

“Chí tai diệu dụng, diệc bất khả đắc nhi tư nghi giả”, tức là không thể nghĩ bàn, điều này duy chỉ có Phật thuyết Kinh A Di Đà, Kinh A Di Đà và bộ kinh này đồng bộ, đại bản, tiểu bản, Kinh Di Đà nói rất ngắn gọn, bộ kinh này nói rất tường tận. Vì thế trong bộ kinh này học hiểu, hiểu rõ rồi, rõ ràng rồi. Kinh A Di Đà được coi như là thời khóa sáng chiều, nó đơn giản. Kinh A Di Đà vẫn là tiểu bản của kinh này. Nên biết “chí tai diệu dụng” nó không phải là bản kinh này sao. Bản kinh này chính là chỉ cho Kinh Vô Lượng Thọ. Tông của bản kinh này là phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm. Đây chính là tông chỉ của bộ kinh này. Tông là điều chủ yếu nhất, điều quan trọng nhất, tôn sùng nhất. Chúng ta tu học chính là hai câu: “phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Phát bồ đề tâm, viên niêp tín nguyện”, bao gồm cả tín nguyện đều ở trong đó. Tâm tín thiết nguyện chính là tâm bồ đề.

Chúng ta nhìn thấy có không ít những ông già bà lão, đối với giáo lý họ không hiểu. Năm xưa chúng tôi ở Đài Trung nhìn thấy rất nhiều, những liên hữu của Đài Trung Liên Xã, có thể nói 80% đều là những ông già bà lão, đều là họ. Người trẻ tuổi chỉ chiếm khoảng 20%, nhân số liên hữu rất nhiều. Lúc tôi đến Đài Trung, Đài Trung Liên hữu có khoảng gần 200.000 người, hai phần mười số này tức là 40.000 người, là người trẻ tuổi. Tôi ở Đài Trung mười năm, lúc tôi rời đi, liên hữu Đài Trung đã phát triển đến gần 500.000 người, là một đoàn thể rất lớn ở Đài Loan, là một đoàn thể Phật Giáo. Đây là đức hạnh của thầy Lý chiêu cảm đến. Vì thế phát bồ đề tâm, viên niêp tín nguyện. Chân tín thiết nguyện chính là phát tâm bồ đề. Quý vị hỏi những vị lão đồng tu của Liên xã, bồ đề tâm là gì họ nói không ra, họ không hiểu rõ ràng, nhưng họ vãng sanh đứng mà đi, ngồi mà đi, biết trước giờ đi. Vậy đối chiếu với bộ kinh của chúng ta, “phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm”, nhất hướng chuyên niệm chúng ta nhìn thấy rồi, từ sáng đến tối A Di Đà Phật A Di Đà Phật, họ không hiểu, không gián đoạn, họ thật làm, nhưng phát tâm bồ đề thì không nhìn thấy. Trong Yếu Giải Ngẫu Ích đại sư nói: Chân tín thiết nguyện chính là phát tâm bồ đề vô thượng. Ấn Quang Đại sư vô cùng tán thán đối với câu nói này. Đây là điều cổ nhân chưa từng nói qua, Ngẫu Ích đại sư đã nói ra được. Đối với chúng ta mà nói, chúng ta hiểu rõ rồi sẽ không còn hoài nghi nữa.

“Nhất hướng chuyên niệm”, chuyên niệm chính là “trì danh”, hai quyển lớn nhỏ, đồng cùng tông chỉ, diệu pháp như vậy, tam bối đều nhận, dần khiến phàm phu, đốn đồng bồ xứ, diệu dụng lớn thay, không thể nghĩ bàn. Mấy câu cuối cùng, sau khi chúng ta đọc rồi, đối với Hoàng Niệm Lão cảm ơn vô hạn, ông đã nói ra cho chúng ta biết, chúng ta nghe rồi, đối với Tịnh Tông không còn hoài nghi nữa.

Báo ân như thế nào? Phải thật làm! Thật làm mới có thể báo ân. Cách này kỳ diệu vô cùng, thực sự là diệu pháp, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh cũng không thể sánh bằng, Kinh Hoa Nghiêm cũng không sánh được. Đây là từ trên tác dụng mà nói. Kinh thể là bình đẳng, tất cả các kinh không rời tự tánh, toàn là Phật Thích Ca Mâu Ni từ trong tự

tánh mà lưu xuất ra, cho nên kinh thể là tương đồng, là bình đẳng, kinh Đại Tiểu thừa đều giống nhau, đều không ngoại lệ, nhưng tác dụng thì khác nhau. Tác dụng của mỗi bộ kinh đều không tương đồng. Hơn nữa tác dụng của bộ kinh này mới thực sự gọi là đại viên mãn. Điều này không thể không biết.

“Tam bồi tề thu”, tam bồi này là nói về căn tánh của chúng sanh, thượng căn, trung căn, hạ căn. Đều có phần, thượng thượng căn được lợi ích, hạ hạ căn cũng được lợi ích, chỉ cần quý vị tin tưởng, chỉ cần quý vị muốn sanh Thế giới Cực Lạc, muốn thân cận Phật A Di Đà, tướng này chính là nguyện, quý vị có được nguyện này, thứ gì ta cũng không nghĩ nữa, chỉ nghĩ đến Thế giới Cực Lạc, chỉ nghĩ đến thân cận Phật A Di Đà. Đặc biệt trái đất hiện tại của chúng ta khắp nơi đều có thiên tai, chúng ta di dân đến Thế giới Cực Lạc sớm hơn một chút, nơi đó thiên tai gì cũng không có. Vì sao lại không đi? Đi được. Bộ kinh này đem lại cho chúng ta niềm tin, người người đều có phần. Vì sao vậy? Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ. Thế giới Cực Lạc từ đâu mà có? Tự tánh chúng ta biến hiện ra, chúng ta duy tâm hiện. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Chúng ta làm sao không thể thành tựu được? Cho nên đạo lý này, ở trong kinh giáo Đại thừa chúng ta hiểu cho rõ ràng, hiểu cho thấu đáo, tín tâm đầy đủ.

“Trục linh phàm phu, đốn đồng bồ xứ”, đốn là nhanh chóng, không có cấp bậc. Câu nói này, là khó trong các việc khó. Vì sao vậy? Nếu như nói đốn đồng Pháp thân Bồ Tát, Pháp thân Bồ Tát có 41 cấp bậc, đốn đồng sơ trú, đốn đồng sơ địa, không phải vậy, đốn đồng bồ xứ. Bồ xứ là gì? Đẳng Giác Bồ Tát. Ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc địa vị Bồ Tát là cao nhất. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói 41 vị pháp thân đại sĩ, đây là vị thứ 41, thứ bậc cao nhất, lên cao nữa là Diệu giác. Chúng ta biết Diệu giác thì không trú Cõi Thật báo, họ trở về với cõi Thường tịch quang Tịnh Độ, trở về Thường tịch quang rồi. Trong Thế giới Cực Lạc thân phận cư trú cao nhất là Bồ xứ, lập tức liền bình đẳng với Bồ xứ Bồ Tát, đồng đẳng với họ.

“Đại tai diệu dụng, bất khả tư nghị”, đây là thực sự không thể nghĩ bàn, không phải là giả.

Tức là phát tâm niệm Phật của bản kinh này, đây chính là lợi ích chân thật vậy. Lợi ích chân thật này có nghĩa khác quan trọng nhất thì ở chỗ này đều bổ sung hết rồi, không còn điều gì chân thật hơn điều này nữa. Chân thật diệu dụng như vậy, trong một khoảng khắc bỗng vượt ba kỳ, ba đại a tăng kỳ kiếp, một tiếng xưng danh, vị đồng với chư Thánh. Chư Thánh ở đây chính là 41 vị pháp thân đại sĩ. Chư vị thử nghĩ xem, nhân duyên này, cơ hội như vậy, ai có thể gặp được? Trong kệ khai kinh nói “bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”, trước đây thời đại Càn Long cư sĩ Bành Tế Thanh nói: vô lượng kiếp đến nay hiếm có khó gặp được ngày này. Chúng ta gặp được rồi, gặp được rồi phải làm sao? Gặp được thì mơ mơ hồ hồ. Không thể nói tôi không biết, cũng không thể nói tôi biết rồi, chưa làm rõ được, hiểu biết lơ mơ, cho nên tâm chưa phát ra

được. Tín tâm không kiên cố, nguyện là tâm thần bất định, hình như có mà hình như không, như vậy làm sao được? Công phu không đặc lực. Lúc không đặc lực đối với pháp môn này liền hoài nghi. Đã hoài nghi có thể sẽ không tin tưởng, liền thay đổi pháp môn khác rồi, người như vậy rất nhiều, rất nhiều, không phải là thiểu số, quý là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Có thể đem pháp môn này nói được rõ ràng như vậy, thấu đáo như vậy. Làm cho chúng ta nghiêm túc học tập, thông qua học tập thực sự phát tâm, thực sự hiểu rõ ràng, hiểu thấu suốt rồi, mới hiểu được cơ duyên lần này của chúng ta là thù thắng vô cùng. Thực sự là trăm ngàn vạn kiếp chúng ta gặp được rồi. Một ngày hiếm có khó gặp hôm nay chúng ta cũng đã gặp được rồi, cũng đến được rồi, diệu dụng chân thật, chân thật ở điểm nào? Chính là một niệm này, là một câu A Di Đà Phật này. Quý vị chỉ cần niệm một tiếng này, một tiếng này liền vượt qua ba đại a tăng kỳ kiếp, siêu việt người tu hành thông thường. Quý vị xem họ từ tiểu quả, tứ quả, tứ hương, hoặc là dùng Kinh Hoa Nghiêm để nói, họ từ Sơ tín vị đến Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, 51 cấp bậc, chúng ta chỉ một câu danh hiệu Phật liền siêu việt rồi. Chân tín, thật tín, vì sao vậy? Quả vị Diệu Giác, Phật nói vậy, nhất định không thể dùng tri kiến phàm phu để nhìn, tri kiến phàm phu, tri kiến Tiểu thừa, tri kiến Đại thừa đều không tin tưởng, đều hoài nghi. Ngày nay chúng ta chỉ tin đây là Phật nói, đây không phải là người khác nói, Thích Ca Như Lai, Di Đà Như Lai, mười phương tất cả Như Lai đều là quả vị Diệu giác, không phải là Đẳng Giác Bồ Tát.

Trong “Kinh A Di Đà chúng ta nhìn thấy sáu phương Phật tán thán, trong bộ kinh này, trong quyển Kinh A Di Đà do Huyền Trang đại sư phiên dịch, chúng ta cũng thấy mười phương Phật khen ngợi, không có Đức Phật nào không tán thán, không có Đức Phật nào không thừa nhận. Đây đều là chứng tín cho chúng ta, đây đều là khuyến khích chúng ta phải phát nguyện. Chúng ta thật tin, thật phát nguyện, từ hôm nay trở đi thực sự niệm Phật, đặt Phật A Di Đà vào tâm, không còn để những thứ khác ở trong tâm nữa. Trong tâm có những thứ rác rưởi này phải thanh trừ cho sạch sẽ, chỉ có một Đức Phật A Di Đà, trong tâm có Phật, trong miệng có Phật, trên thân chính là Phật thân, bản thân chúng ta không cảm thấy, phàm phu nhìn không ra, chúng sanh trong linh giới nhìn thấy chúng ta hiện Phật thân, đó là thật không phải giả. Chính là một câu danh hiệu Phật này mà thứ bậc đồng với chư Thánh.

Ta nay may mắn được nghe, ngày nay chúng ta tham gia đại chúng hội này, ở trước màn hình ti vi, trên mạng internet, chúng ta thực sự may mắn. Đây thật là vô lượng kiếp đến nay hiếm có khó gặp được ngày này, câu nói này là câu cư sĩ Bành Tế Thanh, nói không sai chút nào, vô lượng kiếp đến nay hiếm có khó gặp được ngày này. Ngày này chúng ta hôm nay đã gặp được rồi. Đây là một ngày hoan hỷ vô cùng, là một ngày vô cùng vui sướng, vì sao vậy? Vì chúng ta thực sự chắc chắn, ngay trong đời này sẽ thành tựu viên mãn, trở về với tự tánh, sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc nhất

định sẽ trở về với Thường tịch quang. Thời gian cư trú ở Thế giới Cực Lạc tôi tin rằng không phải rất dài, chắc chắn sẽ trở về với Thường tịch quang. Bồ Tát của Thế giới Cực Lạc có thể nói toàn là Pháp thân Bồ Tát, đồng với chư Thánh, họ có năng lực ở trong khắp pháp giới hư không giới cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh. Dùng vô lượng vô biên thân để hòa quang đồng trần với tất cả chúng sanh. Cần dùng thân gì để độ liền hiện thân đó, họ đều có năng lực này. Bồ Tát trong Cõi Thật báo đều có loại năng lực này, hà huống là Chư Phật Như Lai trong cõi Tịch Quang. Chư Phật Như Lai không có tướng, cho nên không có cách gì mà thăm dò đến được. Trong Thường tịch quang nó không phải là vật chất, nó cũng không phải là tinh thần, vì thế không có cách gì để thăm dò đến được, chỉ có tập khí phiền não vô trí vô minh đoạn tận rồi thì Thường tịch quang liền hiện tiền, Cõi Thật báo sẽ không thấy nữa. Đây là sự thù thắng của Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là nhà xưa của chúng ta. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là trở về nhà xưa, phải sinh tâm vô lượng hoan hỷ, không phải là chết, là sanh! Thế giới này chướng khí mù mịt, nhanh chóng thoát khỏi nó, quay một vòng rồi trở lại, chính là Pháp thân Bồ Tát đến siêu độ chúng sanh. Điều này không giả dối tí nào. Hi vọng chúng ta thực sự thấu đáo, thực sự rõ ràng, không nên lưu luyến thế gian này nữa, lân mẫn tất cả chúng sanh khổ nạn, bản thân thành tựu mới có thể thành tựu tất cả chúng sanh. Giống như Chư Phật Như Lai thành tựu bản thân trước.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Bộ kinh này có bốn quyển, quyển thứ nhất hôm nay đã viên mãn.

Tập 154

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 01.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 179, quyển thứ hai, bắt đầu xem từ đầu quyển thứ hai.

Quyển này từ phẩm thứ tư của kinh là “nhân địa Pháp Tạng” đến phẩm thứ mười đều là những phẩm nguyện tác Phật. Trần thuật tường tận về Di Đà nhân địa, thấy Phật nghe pháp, sơ phát đại tâm, năm kiếp tinh cần, kết được đại nguyện. Câu này là nói rõ về việc trần thuật tường tận nhân địa của Phật A Di Đà, làm cho chúng ta biết được Thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà là từ đâu mà có. Đoạn kinh văn này có thể nói là lịch sử của Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta học Tịnh Độ không thể không

hiểu biết. Thực sự nhận biết, hiểu rõ đối với Thế giới Cực Lạc, đối với Phật A Di Đà mới có thể sanh khởi tín tâm. Ngài không phải là thần tiên, không phải là từ không mà sanh có. Ngài đích thực là có lai lịch, cho nên chúng ta nhìn thấy Phật A Di Đà, nhân địa tu hành trong đời quá khứ, ngay nay thành Phật rồi, lúc nhân địa thấy Phật, duyên này vô cùng thù thắng, thấy Phật nghe pháp, đây đều là điều chúng ta nên học tập. Chúng ta nhìn thấy nhân địa của Di Đà rồi nghĩ đến bản thân mình, bản thân chúng ta ngay trong đời này, có gặp Phật hay không? Có nghe được pháp hay không? Nói thật tình thì mỗi người đều có nhân duyên, có người đạt được rồi, có người bỏ lỡ ngay trước mặt, đó là nguyên nhân gì? Mỗi người chướng hoặc không giống nhau, tức là mức độ nghiệp chướng mê hoặc không giống nhau. Có duyên với Phật với tất cả chúng sanh cũng có sâu cạn khác nhau. Có người duyên rất cạn, có người duyên rất sâu. Người duyên sâu có thể thân cận thời gian dài. Người duyên cạn ngay trong đời này hoặc là chỉ có thể gặp được một lần, hai lần, ba lần, đây là người duyên cạn. Nhưng bất luận là duyên sâu hay duyên cạn, không có ai không đạt được lợi ích. Người duyên sâu, nếu họ thực sự nắm bắt được, ngay trong đời này có thể thành tựu. Người duyên cạn, luôn trông thiện căn, đều là nguyên do đời sau kiếp sau tu hành chứng quả. Vì thế mỗi một người ngay trong đời này, cho dù đời này chỉ nghe qua một câu danh hiệu Phật, tượng Phật chỉ thấy qua một lần, công đức đều không thể nghĩ bàn. Ở trong kinh giáo Phật dạy chúng ta, Ngài nói: một lần lướt qua nhĩ căn thì chủng tử kim cang đã gieo trồng rồi, vĩnh viễn sẽ không bị mất, sau này lúc nào gặp được duyên, chủng tử này nó sẽ thành thực. Vậy chúng ta liền hiểu được chúng ta trong đời này gặp Phật nghe pháp, duyên rất sâu! Chắc chắn nhân này đều là trong đời quá khứ đã gieo trồng. Có thể là vô lượng kiếp trước trồng được. Đời này lại gặp được. Chủng tử này khởi hiện hành, sản sanh sức mạnh, làm cho chúng ta đối với Phật Pháp đối với Tịnh Tông, sanh tâm hoan hỉ mà hướng đến. Hi vọng đời này cũng có thể sanh vào Tịnh Độ, thân cận Phật A Di Đà, đều không phải là ngẫu nhiên.

Sau khi gặp Phật nghe pháp, điều quan trọng nhất là phát tâm. Không phát tâm, thì đời này sẽ luống qua. Thực sự phát tâm, lại chăm chỉ tu hành, tu hành này cổ đức thường nói: trường thời huân tu, ở đây chúng ta cũng nhìn thấy nhân địa của Phật A Di Đà, Ngài dùng thời gian bao lâu? Năm kiếp. Một kiếp là bao lâu. Kiếp ở trong kinh nói không nói là tiểu kiếp, chắc chắn chính là đại kiếp. Một đại kiếp là thế giới của chúng ta, thế giới gì? Thế giới Ta bà. Đây là đại thế giới. Thế giới này thành trụ hoại không năm lần, thành trụ hoại không một lần gọi là một đại kiếp, thành trụ hoại không năm lần. Hiện tại các nhà khoa học nói là tính chu kỳ. Đại vũ trụ vẫn có tính chu kỳ, có tính chu kỳ này, quý vị liền biết thời gian ngài tu hành dài biết bao, không phải là thời kỳ ngắn. Thời gian dài như vậy dững mãnh tinh tấn, mới kết được đại nguyện. Đại nguyện này chính là 48 nguyện. Trong phẩm thứ sáu của bản kinh này nói: “nhất thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, tam căn phổ bị, vạn loại tề thu”. Bốn câu nói này là Phật A Di

Đà phổ độ khắp pháp giới hư không giới. Lục đạo chúng sanh trong tất cả quốc độ của chư Phật, bốn câu này toàn đều bao gồm hết. Nguyên của Phật A Di Đà thực sự gọi là đại nguyện. Vì sao vậy? Quý vị tiếp xúc với ngài, vãng sanh Thế giới Cực Lạc thân cận Ngài, Ngài giúp quý vị thành tựu nhất thừa. Nhất thừa là thành Phật, không phải là thành Bồ Tát. Rốt ráo viên mãn thành tựu Phật quả gọi là nhất thừa. 48 nguyện giúp quý vị thành Phật, giống như Ngài vậy, không phải thấp hơn Ngài. Điều này khó biết bao, thật không dễ dàng.

“Tam căn phổ bị, vạn loại tề thu”, đó chính là đều được độ, không có người nào không được độ, không chỉ là con người, bao gồm hữu tình và vô tình trong lục đạo. Vô tình là cỏ cây hoa lá, sông núi đất đai, đều được độ hết.

“Tích lũy công đức” đây là phẩm thứ tám. Trú chân thật tuệ, nhất hướng chí trang nghiêm diệu độ. Đây đều là điều chúng ta nhất định phải học tập. Chúng ta bắt đầu từ hôm nay phải phát đại nguyện chân thật, học tập với Phật A Di Đà, Ngài là tấm gương tốt nhất của chúng ta, có thể phát tâm này, nghiêm túc thực hành, chính là trú chân thật tuệ.

Câu dưới đây quan trọng. “Nhất hướng” là một phương hướng. “Chuyên chí trang nghiêm diệu độ”, diệu độ là gì? Núi sông đất đai, dùng gì để trang nghiêm? Dùng thanh tịnh bình đẳng giác của chúng ta để trang nghiêm diệu độ. Dùng tam học giới định tuệ của chúng ta, lục độ của Bồ Tát, thập nguyện của Phổ Hiền để trang nghiêm diệu độ. Diệu độ ở đâu? Chính là ngay đây. Điều này nên biết, trang nghiêm thân tâm chúng ta, chính là trang nghiêm thế giới hiện tại của chúng ta, chính là trang nghiêm diệu độ Cực lạc, là một không phải hai. Thiền sư Trung Phong nói với chúng ta, ngài là quốc sư: Tịnh Độ tức nơi này, nơi này tức Tịnh Độ, tâm ta tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm ta. Đây gọi là thật tu, đây gọi là thật làm!

“Ư vô lượng kiếp, tích thực đức hạnh”, câu nói này bảo chúng ta phát tâm dài lâu, tuyệt đối không vì cảnh giới bên ngoài nhiễu loạn, cảnh thuận không khởi tham luyến, nó không quấy nhiễu đến chúng ta, nghịch cảnh không khởi sân nhuế, thuận cảnh nghịch cảnh, thiện duyên ác duyên vĩnh viễn duy trì tâm bình thường, tâm bình thường là gì? Chính là trên đề kinh nói, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác mà không mê. Thanh tịnh bình đẳng giác đây gọi là tâm bình thường. Phải dùng vào trong cuộc sống. Mỗi ngày từ sáng, từ sáng sớm thức dậy đến buổi tối đi ngủ, là tâm gì? Thanh tịnh bình đẳng giác. Tu tịnh nghiệp tam phước, lục hòa kính, tam học, lục độ, thập đại nguyện vương. Đó là thanh tịnh bình đẳng giác ở trong đề kinh, là cương mục tu học. Một câu năm chữ thanh tịnh bình đẳng giác này là tổng cương lĩnh. Làm sao để thực tiễn? Chính là chỗ tam phước, lục hòa, tam học, lục độ, thập nguyện để thực tiễn. Trước tiên thực tiễn nơi thân tâm chúng ta, rồi phát triển rộng đến gia đình, phát triển đến xã hội, đến quốc gia dân tộc, đến toàn thế giới. Cuối cùng có thể phát triển đến khắp pháp giới hư không giới, vậy là công đức của chúng ta viên mãn rồi.

“Thệ nguyện đã phát thành tựu viên mãn”, phẩm thứ chín chính là thành tựu viên mãn. Học rồi rất hữu dụng, không phải học rồi cũng vô dụng. Đây gọi là học Phật thật. tụng kinh thì không được, chỉ tụng kinh mà không làm thì không đạt được lợi ích, chúng ta phải thật làm. Đọc, đọc cho thuộc để hiểu nghĩa lý mà trong kinh nói một cách rõ ràng thấu đáo. Làm cho nó thực tiễn đến thân tâm, làm thân tâm lành mạnh. Đây là lợi ích thù thắng mà bản thân chúng ta đạt được. Bản thân thân chánh, tâm chánh, thân chánh, gia đình quý vị có lý gì lại không chân chánh? Gia đình hạnh phúc. Thực tiễn vào sự nghiệp của quý vị, vào công việc của quý vị, sự nghiệp của quý vị sẽ thuận lợi! Xã hội hòa hợp, thiên hạ thái bình. Giáo dục Phật Đà đích thực là cho chúng ta công đức lợi ích thù thắng vô cùng. Hiện tại chúng ta nhìn thấy người học Phật rất nhiều, nhưng không làm! Vì sao họ không làm? Vì họ không hiểu. Đọc kinh đọc rất chăm, ngày ngày đều đọc, kinh đều có thể đọc thuộc, nghĩa là gì lại không biết, không mảy may liên can gì đến cuộc sống hằng ngày của bản thân. Vậy là trở thành mê tín. Chúng ta nghĩ nghĩ xem Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa tại thế, nếu như giống kiểu Phật Giáo hiện nay, thì Phật Giáo có thể truyền tiếp xuống được sao? Từ lâu đã bị xã hội đào thải rồi. Trong kinh điển chúng ta nhìn thấy hành nghi của Phật Đà, trong Thích Ca Phổ, Thích Ca Phương Chí, tức là trong truyền ký của Phật Thích Ca Mâu Ni nhìn thấy hành nghi một đời của Ngài. Ngài không phải là kiểu như thế này, Ngài thật làm, làm ra cho chúng ta thấy. Đây đều là điều chúng ta nên phải học tập.

Nội dung như vậy, Tịnh Độ tam kinh, chỉ có kinh này là hoàn chỉnh. Giới thiệu Thế giới Cực Lạc tương tợ như kinh này, giới thiệu Phật A Di Đà, trong ba kinh của Tịnh Độ chỉ có trong Kinh Vô Lượng Thọ giảng rõ ràng mà thôi. Trong Kinh A Di Đà không có nói rõ. Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh cũng không nói tương tợ như thế này. Kinh A Di Đà chỉ nói tóm tắt đơn giản, là cương tông của Tịnh Độ tông. Bởi vì phân lượng ít tiện cho khóa tụng, nên giảng giải tỉ mỉ đều ở trong bộ kinh này. Thập Lục Quán Kinh chủ yếu là dạy cho chúng ta phương pháp niệm Phật, có quán tưởng niệm Phật, có quán tượng niệm Phật, có thật tướng niệm Phật, có trì danh niệm Phật. Nhưng tiêu bản Kinh A Di Đà và Kinh Vô Lượng Thọ đều là coi trọng trì danh niệm Phật. Bốn loại niệm Phật dùng trì danh niệm Phật thực sự đạt được “ba căn đều khắp, vạn loại đều nhận”. Cho dù là người hạ hạ căn tu pháp môn này cũng không có chướng ngại, cũng có thể ngay trong một đời, thành tựu viên mãn thù thắng. Nên gọi bản kinh này là Tịnh Độ đệ nhất kinh vậy. Đây là điều đầu tiên chúng ta phải hiểu rõ.

Trong bộ kinh này nói những gì. Chúng ta là người tu Tịnh Độ nên phải học những gì, chúng ta học Phật A Di Đà, không phải đến Thế giới Cực Lạc mới học theo Ngài, vậy là chậm rồi, học không kịp, sợ quý vị đi không được, nên bây giờ phải học. Trước khi chưa đến Thế giới Cực Lạc thì đã rất giống Phật A Di Đà, vậy mới bảo đảm vãng sanh. Đạo lý này, chân tướng sự thật này, không thể không biết.

Bây giờ chúng ta xem đoạn tiếp theo.

Hai, phần chánh tông. Niệm Lão trước hết giới thiệu với chúng ta, phần chánh tông của kinh, như phần thân xác của con người. Đây là ví dụ, ví dụ này là ví dụ của cổ đức. Kinh chia làm ba phần, đây là đề xướng đầu tiên của lão pháp sư Đạo An. Đương thời một số pháp sư đối với cách chia này của pháp sư Đạo An không tán đồng lắm, về sau kinh điển phạn văn của Ấn độ không ngừng truyền đến Trung Quốc, nhìn thấy trong Phật Địa Luận cũng là cách chia như vậy, mọi người mới khâm phục, khâm phục cao kiến của pháp sư Đạo An, đích thực là nó có ba bộ phận: tự phần, chánh tông phần, lưu thông phần. Tự phần giống như đầu của một con người vậy, chánh tông phần giống như thân thể, lưu thông phần giống như chân tay, dùng những điều này để ví dụ, cho nên đầu rất quan trọng, quý vị nhìn thấy đầu của nó liền nhận biết nó, hiểu rõ nó, nhưng thân thể lại rất quan trọng, lục phủ ngũ tạng đều ở trong đó. Như thân thể của con người, tim phổi các bộ phận đều đầy đủ trong đó, người Trung Quốc nói ngũ tạng lục phủ đều ở trong đó.

Kinh này lấy phẩm 4 đến phẩm thứ 42 là phần chánh tông. Nói cách khác phần chánh tông tổng cộng có 39 phẩm, là phần chủ yếu. Trong đây nói Di Đà nhân hành, nhân địa của Phật A Di Đà, trước khi thành Phật nhân địa của Ngài là “Pháp Tạng đại nguyện”, Pháp Tạng chính là Phật A Di Đà, trước khi xuất gia, Thế Tôn ở trong kinh này giới thiệu cho chúng ta, Ngài là một quốc vương, không phải là thái tử, Phật Thích Ca Mâu Ni là thái tử, bỏ nước xuất gia, ngài là quốc vương, nghe Phật thuyết pháp khai ngộ rồi, đem vương vị nhường cho người khác, ngài xuất gia tu hành, pháp hiệu xuất gia là Pháp Tạng. Phát 48 nguyện, đây là đại nguyện, làm quốc vương, chư vị phải hiểu được, đó là Bồ Tát rồi, đó là Thánh hiền rồi, tức là nhân dân có phước báo, chúng sanh có phước báo, cảm đến Bồ Tát giáng sinh đến nhân dân để làm quốc vương, là Thánh quân, là người thánh hiền. Thời đó là thời đại nào? Gọi là thời đại đại đồng. Ở Trung Quốc cũng đã từng xuất hiện rồi, vua Nghiêu, vua Thuấn, Đại Vũ vua Vũ, ba đời này Không lão phu tử xưng là đại đồng chi trị, thật là tuyền người hiền và năng. Tuyền hiền là gì? Quốc vương già rồi, cũng phải tìm một người đến thay thế, tìm người nào? Người thay thế này không phải là dân tuyền mà quốc vương đích thân tuyền. Họ phải tuyền người như thế nào? Sẽ không tuyền người kém hơn bản thân mình, phải chọn người tốt hơn mình nữa, không có tâm tạt đó, đem vương vị nhường cho họ. Chúng ta xem vua Nghiêu tuyền vua Thuấn như thế nào, Thuấn tuyền Vũ như thế nào, quý vị liền hiểu được, thật là có lòng! Không vì bản thân, vì thiên hạ chúng sanh mà lo nghĩ. Dùng lời hiền nay mà nói lo nghĩ cho phúc lợi của nhân dân mà tuyền hiền và năng. Hiền là tuyền vương vị, kế thừa họ, năng là tuyền quan viên, quan viên các cấp trong chính phủ, tạo phúc cho nhân dân, hiền nhân, năng nhân. Vị quốc vương đó không có chút tư tâm nào cả. Cho nên chính trị như vậy là chính trị thánh hiền, chúng ta phải hiểu được. Thế Nhiều Vương chính là tiền thân của Phật A Di Đà, người thánh hiền.

Ngài làm quốc vương, chính trị thánh hiền. Đây là điều chúng ta hướng về. Khổng Tử nói chế độ chính trị của Trung Quốc ba đời Nghiêu Thuấn Vũ là “đại đồng chi trị”, Vũ truyền vương vị cho con trai của mình, Vũ có truyền hiền hay không? Có! Vì sao lại truyền cho con trai? Con trai rất hiền. Vào thời đó, ông đi khắp nơi hỏi thăm dường như tìm không ra có người, có người có thể sánh được với con trai ông ấy, ông chắc chắn truyền cho người khác, không truyền cho con trai mình. Hơn nữa con trai được tất cả đại thần ủng hộ, không có ai không ủng hộ ông ấy. Vua Vũ không còn cách nào bèn truyền cho con trai. Từ thời ông ấy về sau mỗi đời đều truyền cho con trai, nên trở thành nhà thiên hạ, thực sự từ Hạ Vương Khởi bắt đầu. Khái niệm thông thường trong chính trị Trung Quốc, từ Vũ trở về sau chính là ba thời đại Hạ, Thương, Chu. Ba thời đại Hạ Thương Chu gọi là tiểu khang. Khổng Phu Tử sinh vào cuối thời nhà Chu, thời Xuân thu chiến quốc, đó là thời loạn. Thời Xuân thu chiến quốc xã hội hỗn loạn, cũng hơn 400 năm, cho nên Khổng tử Mạnh tử vô cùng mong ước chế độ chính trị thánh hiền của ngày xưa. Sau này ở Trung Quốc 2000 năm thay đổi thời đại, có thời thịnh thế không? Có. Thịnh thế dường như cũng đến trình độ tiểu khang như vậy, đại đồng thì không nhìn thấy nữa. Bởi vì đại đồng, thực sự những quan viên này, những người lãnh đạo quốc gia quan trọng, người lãnh đạo địa phương đích thực đều là Thánh hiền quân tử. Từ những điểm này làm cho chúng ta rất tự nhiên ý thức được, thể hội được điều đáng quý của giáo dục truyền thống. Thánh hiền nhân đến như thế nào? Là giáo dục mà nên, “nếu không dạy, tánh sẽ đổi”, “nhân chi sơ tánh bản thiện”, đó là dạy mà nên. Cho nên giáo dục Trung Quốc là giáo dục Thánh hiền, nguồn gốc lâu đời. Trung Quốc có lịch sử ghi chép chẳng qua cũng chỉ 5000 năm, tôi tin rằng lúc chưa có văn tự để ghi chép về trước đó nữa, ít nhất cũng hướng lên cả hơn 10.000 năm, chắc chắn vượt qua mười ngàn năm. Dạy những gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả. Trên thế giới, người trí thức phần nhiều đều thừa nhận, cổ nhân hiểu giáo dục nhất, có trí tuệ về giáo dục, có phương pháp giáo dục, có kinh nghiệm giáo dục, có thành tích giáo dục, thật đáng tiếc, giáo dục truyền thống xưa bị suy rồi, từ cuối thời Mãn Thanh suy rồi. Thay đổi triều đại, dân quốc thành lập, thật đáng tiếc dân quốc thành lập không thể làm hưng khởi văn hóa truyền thống trở lại. Quý vị xem ngày xưa Trung Quốc mỗi một triều đại, lúc triều đại này mất nước, chính là văn hóa truyền thống suy đồi, triều đại sau hưng khởi, văn hóa truyền thống lập tức được hưng khởi, “kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”, sau khi dân quốc kiến lập, đã sơ suất việc dạy học, không còn là “giáo học vi tiên” nữa. Ngày nay nhân dân sống cuộc sống khổ nạn như vậy, làm cho việc “giáo học vi tiên” truyền thống bị sơ suất mất. Loạn thế điều gì là số một? Thời Xuân thu chiến quốc quý vị đã biết rồi, đánh nhau là số một, giết người là số một, cướp đoạt là số một. Như vậy mà không nguy sao? Dân chúng lầm than. Vì thế quý vị xem, nhắc nhở chúng ta, cảnh giác chúng ta.

Chúng ta xem xem, nhân địa của A Di Đà Phật là thánh vương. Giống như Nghiêu Thuấn Vũ Thang của Trung Quốc vậy, là đại thánh đại hiền. Đây là đại nguyện của Pháp Tạng. “Cực lạc y chánh trang nghiêm”, đây là thành tích. Thế giới Cực Lạc là thế giới gì? thế giới của Thánh hiền. Đến nơi đó rồi ít nhất cũng là thánh hiền quân tử. Không có điều kiện này thì chưa đi được. Thế giới Cực Lạc y chánh trang nghiêm là thành quả tu hành của tỳ kheo Pháp Tạng, đạo tràng được kiến lập rồi.

“Tam bối vãng sanh chánh nhân”, câu này nói rõ khắp pháp giới hư không giới, lục đạo chúng sanh trong tất cả quốc độ chư Phật, đặc biệt là chỉ cho lục đạo chúng sanh thượng trung hạ ba căn, quý vị tu hành như thế nào mới có thể vãng sanh, nói ra chánh nhân vãng sanh cho quý vị biết. Chánh nhân vãng sanh là gì? Phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm. Trong kinh văn đặc biệt hướng dẫn chúng ta phải tu thập thiện nghiệp. Tu thập thiện nghiệp, đó là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Điều đầu tiên của tịnh nghiệp tam phước là “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”.

Ngày nay chúng ta đem một điều gồm mười sáu chữ này, thực tiễn nơi ba cái nhà Nho Thích Đạo, “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”, thực tiễn nơi Đệ tử quy. Từ tâm bất sát thực tiễn nơi Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, câu cuối cùng này “tu thập thiện nghiệp” thực tiễn nơi Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh. Đây là cái gốc đầu tiên của tịnh nghiệp, là căn bản của căn bản, chúng ta không thể không làm. Cách làm như thế nào? Biết cách phát khởi lục hòa kính. Tôi nhìn thấy trong tư liệu lục hòa kính có, ba gốc này đều có. Bảng công và tội của Đệ tử quy, bảng công và tội của Cảm ứng thiên, rất hay! Tôi xem rồi rất hoan hỉ. Chỉ cần chúng ta mỗi ngày nghiêm túc kiểm tra một lần, mỗi một điều đối chiếu một chút, hôm nay tôi có làm được hay không? Ngày ngày đều đối chiếu như vậy, thì ba tháng kết quả đã xuất hiện rồi. Thập thiện nghiệp đạo kinh trong tư liệu là bản giản lược, kinh văn tương đối dài, người sơ học không tiện lợi lắm, tôi từ trong kinh văn đó giản lược nó lại, những điều quan trọng nhất, đọc bản giản lược là được rồi, mỗi ngày đọc một lần, thật hữu dụng! Sau đó phát tâm bồ đề một lòng chuyên niệm. Thực tình mà nói phát tâm bồ đề, thực sự đem Đệ tử quy, Cảm ứng thiên, Thập thiện nghiệp đạo, mỗi ngày đọc một lần, chăm chỉ học tập chính là phát tâm bồ đề. Vì sao vậy? Nó là thực tiễn của thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là tâm bồ đề. Ở phần trước và sau tôi đều thêm hai chữ, phía trước thêm hai chữ “chân thành”, thể của tâm bồ đề, thanh tịnh bình đẳng chánh giác là tự thọ dụng của tâm bồ đề. “Từ bi” là tha thọ dụng của tâm bồ đề. Mười chữ này là tổng cương của tâm bồ đề, ba cái gốc là đề mục chi tiết của tâm bồ đề. Tâm bồ đề như thế nào? Ba cái gốc chính là hình dáng của tâm bồ đề, phải thật tu, thật làm! Mấy ngày này tôi chia sẻ với các đồng học, câu nói quan trọng nhất là “nhất hướng chuyên niệm”, trong tâm thật có A Di Đà Phật. Ngoài Phật A Di Đà ra vạn duyên đều buông xuống. Đây gọi là nhất hướng chuyên niệm. Chúng ta nhất định không thể đem tâm bồ đề tách

rời khỏi ba cái gốc Nho Thích Đạo, vậy là quý vị sai rồi. Ba cái gốc và tâm bồ đề là nhất thể, cùng một sự việc. Tâm bồ đề là khởi tâm động niệm, ba cái gốc là tổng cương lĩnh của vạn thiện đồng quy. Khởi tâm động niệm không trái với ba cái gốc, tương ưng với ba cái gốc, đó gọi là thật sự phát tâm bồ đề. Một phương hướng, Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, một mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà. Một câu danh hiệu Phật này mới hữu dụng. Cho nên một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Niệm Phật như vậy bảo đảm quý vị sẽ vãng sanh Tịnh Độ, bảo đảm quý vị hiện tại được pháp hỉ vô lượng, gọi là pháp hỉ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Phiền não, tập khí, âu lo của quý vị hoàn toàn được quét sạch hết. Quý vị nói xem quý vị an vui biết bao! Niềm vui của Thế giới Cực Lạc hiện tại chúng ta đã hưởng thụ được rồi.

Tiếp theo chánh nhân tam bối vãng sanh chính là “cực lạc Bồ Tát tu trì”, xem xem phương pháp tu hành của Thế giới Cực Lạc như thế nào, nói thật tình vẫn như chúng ta ở đây tu học bất quá chỉ là mở rộng thêm mà thôi, phạm vi đã lớn rồi. Phạm vi lớn đến mức nào? Lớn đến khắp pháp giới hư không giới tất cả quốc độ chư Phật, bởi vì đến Thế giới Cực Lạc, quý vị liền có đại thần thông. Đại thần thông là gì? Quý vị có thể hóa thân, tức là phân thân. Thân của bản thân chúng ta trước mặt Phật A Di Đà nghe Ngài khuyên dạy, đồng thời chúng ta có thể phân vô lượng vô biên thân, đến trước vị Phật trong mỗi một pháp giới ở khắp pháp giới, đều có phân thân của chúng ta. Phân thân đến đó để làm gì? Cúng Phật, cúng Phật là tu phước, đi nghe pháp, nghe pháp là mở trí tuệ. Mỗi ngày tiếp thu vô lượng vô biên Phật chúc phúc cho quý vị, mở trí tuệ cho quý vị. Quý vị còn có thể không thành Phật được sao? Cho nên đến Thế giới Cực Lạc thành Phật nhanh như vậy, nguyên nhân là đây. Không phải là đẳng giác Bồ Tát đến dạy quý vị, Bồ Tát quả vị Diệu giác đến dạy quý vị. Quý vị nói xem nơi này có thể không đi được sao? Có thể không nhanh chóng đến được sao? Chúng ta ở đây ở lại thêm một ngày, thì lỡ mất một ngày cơ duyên thành Phật, ở thêm một năm thì lỡ mất một năm, đến Thế giới Cực Lạc lập tức liền thành tựu. Cho nên tôi thường thường khuyên nhủ các vị đồng học, chúng ta nếu như thật làm, đầu tiên là được Thế giới Cực Lạc. Trú ở nơi này, trú ở nơi này bản thân chúng ta đã lỡ mất rồi. Chúng ta có cách giúp tiếp dẫn một nhóm chúng sanh, như vậy thì cũng đáng, lợi tha chính là tự lợi, hại người chính là hại bản thân. Định luật nhân quả này không thể không biết. Chúng ta ở tại thế gian chỉ vì một sự việc, vì sao trú tại thế gian này? Giới thiệu Phật Pháp đến với mọi người, chỉ vì một sự việc như vậy. Ngày nay chúng ta lợi dụng phương thức chính là lợi dụng mạng internet quốc tế và truyền hình vệ tinh, đây là phương thức của chúng ta. Vì vậy chúng ta chỉ cần đạo tràng rất nhỏ, một đạo tràng nhỏ nhỏ như thế này là đủ rồi, chúng tôi ở đây chia sẻ với mọi người, đồng bộ phát sóng ra, toàn thế giới đều có thể thu nhận được.

“Biên địa nghi thành sanh nhân”, đây là một hiện tượng đặc thù. Đó chính là gì? là hoài nghi đối với Thế giới Cực Lạc cũng có thể vãng sanh. Đó là người nào? Hoài nghi không thể vãng sanh! Nhưng họ hoài nghi cũng có thể vãng sanh, nó có một đạo lý. Rốt cuộc là thật hay là giả chưa làm rõ được, chẳng qua người ta làm tôi cũng làm, nếu có thể vãng sanh thì càng tốt, không thể vãng sanh thì thôi. Tâm thái như vậy cũng có thể được sanh, sanh đến nghi thành. Cũng tốt! Mạnh mẽ hơn người thường nhiều rồi. Đây là tâm lý may rủi, nhưng họ thật làm, họ không phải là giả bộ, thật tu thật làm, nhưng trong tín tâm của họ có đặt một dấu hỏi. Dù sao thật làm cũng không thua thiệt, có thì càng tốt, không có thì thôi vậy, là tâm thái như thế đấy. Sanh đến nghi thành ở trong kinh Phật nói với chúng ta, họ đến Thế giới Cực Lạc cũng là liên hoa hóa sanh, nhưng họ không gặp được Phật, họ không nghe được pháp. Hưởng thụ ở nơi đó còn tốt hơn cả Đạo lợi thiên. Thời gian bao lâu? 500 năm. 500 năm là tính theo nhân gian chúng ta, nhân gian chúng ta khoảng 500 năm, nghi vấn của họ liền được hóa giải, tức thật tin rồi, họ sẽ nhìn thấy Phật, liền có thể thấy Phật nghe pháp. Chỉ cần vẫn còn mang theo hoài nghi, họ không thấy được Phật, không nghe được pháp. Điều này đều nói rất rõ ràng về sanh nhân của biên địa nghi thành.

“Ta bà uest độ ác khổ”, thế giới của chúng ta chúng sanh tạo ác, tạo mười nghiệp ác, khổ báo ở tam đồ. Điều này trong kinh cũng nói rất rõ ràng. Đây là đối chiếu giữa hai thế giới, chúng ta sau khi hiểu rõ rồi, tâm cầu sanh Tịnh Độ sẽ khẩn thiết hơn, đều là đang khuyến nhủ chúng ta.

“Cực lạc hiển hiện chứng tín đẳng”, họ là thật tin, quý vị đích thân thấy được rồi, đây không phải là nghe Phật Thích Ca Mâu Ni nói, quý vị đã chứng đắc, tâm chứng đắc đó là thật tin.

“Giai nhiếp u thử” tất cả đều bao gồm ở trong bộ phận này. Nên không những là chủ thể của toàn kinh, mà còn là cương tông của một bộ diệu pháp Tịnh Tông này. Cho nên những đoạn kinh văn này, những diễn giảng của Phật Thích Ca Mâu Ni không những chỉ là Kinh Vô Lượng Thọ, toàn bộ chủ thể của Kinh Vô Lượng Thọ, bộ phận chủ yếu tất cả đều ở trong đây. Đích thực cũng là một bộ kinh này, cương tông diệu pháp của Tịnh Độ tông- cương yếu, tông chỉ.

Dưới đây nói, bản kinh này đối với nhân địa tu hành của Phật A Di Đà giáo chủ của Thế giới Cực Lạc, thù thắng thế nguyện vô lượng vô biên diệu pháp hành, trần thuật tường tận, rộng ra các kinh khác. Đây là giới thiệu về Phật A Di Đà từ nhân địa sơ phát tâm đến tu hành chứng quả, kiến lập được Thế giới Cực Lạc, giúp đỡ vô lượng chúng sanh, vãng sanh cầu học, thành quả tu hành, nói rất tường tận. Đây là điều mà những kinh khác không thể so sánh. Những bộ kinh khác, có lúc Phật chỉ lược thuyết, không có chuyên chú giải thích tường tận, chỉ có trong bộ kinh này thôi.

Nội dung của quyển này, chính là Di Đà phát nguyện ở nhân địa và trải qua sự viên mãn đại nguyện. Nói “quyển này” tức là quyển thứ hai. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ

chia bộ kinh này thành bốn quyển. Quyển thứ nhất ở trước là phần tự, chúng ta đã học qua rồi. Hôm này bắt đầu học quyển thứ hai. Vừa bắt đầu đã giới thiệu nhân địa phát nguyện của Phật A Di Đà và quá trình viên mãn đại nguyện.

Đầu tiên trong kinh nói: quá khứ vô lượng vô số kiếp không thể nghĩ bàn. Ở đây muốn nói thời gian trong quá khứ vô cùng lâu xa, trước quá khứ lâu xa đó những sự việc này Phật đều tỉnh lược hết. Vì sao vậy? chúng ta có thể tưởng tượng ra được, có lẽ giống như chúng ta hiện này vậy, tình hình tu hành gần như vậy. Đoạn thời gian tu hành này, chưa có thành quả gì đáng nói. Vì sao vậy? Tín nguyện đều chưa đủ. Tín tâm không thật, nguyện lực không tha thiết. Rất dễ dàng bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu. Quý vị xem gặp thuận cảnh tâm tham luyến liền sanh khởi, gặp phải nghịch cảnh liền oán trách, oán trời trách người. Đây là chuyện nhân sanh thường tình. Cảnh duyên thuận nghịch đều không động tâm, không bị bên ngoài nhiễu loạn, đạt công phu tương đương như vậy mới được, không phải là điều mà người thông thường có thể làm được. Kiểu công phu này đầu tiên quý vị đã nhìn thấu đáo rồi, đối với những điều thường giảng trong kinh giáo Đại thừa quý vị thật hiểu rồi, hiểu được gì? Vạn pháp đều không. Kinh Kim Cang nói: tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh, quý vị thật sự nhìn thấu rồi. Cho nên quý vị mới có thể như như bất động, như như bất động liền sanh trí tuệ, như như bất động là định, là tam muội. Cho nên vì sao quý vị không buông bỏ được? Vì chưa nhìn thấu, đem giả coi là thật, thật sự nhìn thấu rồi quý vị sẽ thật buông bỏ. Quý vị nói tôi nhìn thấu rồi, tôi không buông bỏ được, vậy là giả. Lời này tôi nói với quý vị không phải là tôi nói, là thầy giáo của tôi – đại sư Chương Gia năm xưa nói với tôi vậy. Bởi vì lúc đó tôi thua với ngài rằng nhìn thấu hình như dễ dàng, nhưng buông bỏ rất khó, nhìn thấu được không buông được, thầy giáo nói: sai rồi, ông chưa buông bỏ được chính là ông chưa nhìn thấu, nếu ông nhìn thấu rồi, nhất định sẽ buông được. Ngài liền nêu ra một ví dụ bảo tôi suy nghĩ. Ngài nói ví dụ như trên mặt bàn hiện tại bên này đặt một đồng vàng, bên này đặt một đồng đồng, tôi muốn tặng cho ông, chỉ tặng một thứ, ông muốn lấy thứ nào? Có thể đồng được đánh rất sáng, ở đồng vàng có bụi bặm, có nhiễm ô, ông nhất định sẽ cầm vàng đi, vì ông không biết hàng hóa! Quý vị nếu như biết hàng chắc chắn sẽ lấy vàng, sẽ không lấy đồng đâu. Đây chính là nói rõ thực sự nhìn thấu nhất định sẽ buông bỏ. Buông bỏ mới là nhìn thấu. Chưa buông bỏ chứng tỏ chưa nhìn thấu, đó là giả, đó không phải là thật. Quý vị phải thừa nhận chưa nhìn thấu, không có trí tuệ, nhìn thấu là trí tuệ. Người có trí huệ sẽ buông bỏ, người không có trí tuệ họ không buông bỏ được.

Nói thời gian dài như vậy, đây là biểu thị cho kiếp trong quá khứ, rất dài rất dài, rất lâu xa rồi. “Lúc bấy giờ Di Đà là Thế Nhiêu Vương”, ngài là quốc vương, Thế Nhiêu, là lời tán thán của nhân dân đối với quốc vương. Quốc vương có đức hạnh, giỏi về giáo hóa. Cho nên điều này phải nên phải biết. Cổ đại thánh hiền nói với chúng ta: làm quốc vương, làm người lãnh đạo, họ có ba trách nhiệm, gọi là thiên chức, thiên

chức mà thiên thượng phú cho họ, ba điều, gọi là quân- thân- sư. Tác chi quân, tác chi thân, tác chi sư. Quý vị là người lãnh đạo quốc gia, quý vị phải làm được ba chữ này. Vì sao vậy? Đây là thánh quân, thánh vương. Đây là chính trị thánh nhân. Quân là lãnh đạo. Quý vị đem xã hội này, đem nhân dân này lãnh đạo đến đâu? Phật A Di Đà có thể làm cho nhân dân lãnh đạo đến Thế giới Cực Lạc, như vậy không quý hóa sao? Lý tưởng thánh nhân là lãnh đạo họ đến thế giới đại đồng. Trong hiền Lễ Vận Đại Đồng của lễ ký Trung Quốc nói, phải đến cảnh giới đó, người lãnh đạo này là thánh nhân, đây không phải là người bình thường.

Thiên chức thứ hai là sứ mệnh của họ. Thân, quý vị là cha mẹ của nhân dân cả nước. Quý vị đối đãi với nhân dân cả nước, phải giống như đối đãi với con cái mình, phải quan tâm họ, phải chăm sóc họ. Lúc khó khăn, thức ăn ngon nhường cho họ ăn trước, cha mẹ yêu thương con cái mà, lo lắng con cái phải chịu đói rét, thà rằng bản thân chịu khổ chịu nạn, con cái phải sống cuộc sống thật tốt. Đó là thánh hiền.

Thiên chức thứ ba là quý vị phải dạy dỗ họ cho tốt. Quý vị là thầy giáo của họ, phải đem luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học giáo hóa họ. Cho nên thiên chức của họ, sứ mệnh của thiên nhiên chính là ba chữ quân- thân- sư này. Vậy nên chính trị của Trung Quốc cổ đại là gì? Là chính trị thánh hiền, giáo dục thánh hiền. Cho nên thiên hạ đại trị gọi là trường trị cửu an, tức là làm giáo dục cho tốt. Điều này quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Giáo dục dạy những gì? Nhớ kỹ là dạy ngũ luân, ngũ thường, tứ đức, bát đức. Tổng cương lĩnh của ngàn vạn năm giáo dục truyền thống chính là bốn thứ này. Đơn giản, không phiền phức chút nào. Hạt nhân của giáo dục chính là câu đầu tiên trong ngũ luân “phụ tử hữ thân”, giáo dục thân ái. Cho nên giáo dục xưa dùng một câu nói để nói nó là giáo dục yêu thương. Yêu người thì làm sao mà hại người được? Có lý gì lại như vậy! Tình yêu thương giữa cha con là thiên tánh, hoàn toàn tương ứng với tự tánh. Họ không phải là học mà được, cũng không có người dạy họ. Chúng ta tỉ mỉ quan sát trẻ con, quý vị xem lúc nó mới ba bốn tháng tuổi, trong sáng hồn nhiên, còn chưa biết nói, quý vị xem tình yêu của cha mẹ đối với nó, sau đó quý vị lại tỉ mỉ quan sát nhưng đứa trẻ này, trẻ con mới ba bốn tháng tuổi, quý vị xem ánh mắt của nó, xem những động tác của nó, tình cảm của nó đối với cha mẹ. Đó là thiên tánh, không phải học mà được. Cho nên những vị cổ thánh tiên hiền, họ biết được, phải cẩn thận mà dạy, mục đích dạy học là gì? Hi vọng tình yêu trong sáng này suốt đời đều lưu giữ được, không nên làm cho nó biến chất. Mục tiêu đầu tiên của giáo dục Trung Quốc chính là điều này. Tình yêu thương ở trong tự tánh trong một đời này được giữ gìn, không nên biến chất. Mục tiêu thứ hai là phải làm cho tình yêu thương này phát huy rộng lớn. Ở trong gia đình quý vị yêu thương anh chị em của mình, yêu bạn bè thân thích của mình, yêu bà con làng xóm của mình, yêu xã hội, yêu quốc gia, yêu dân tộc, đến cuối cùng “phàm là người đều phải yêu thương”. Cổ nhân nói luân lý, đây gọi là luân lý. Luân lý của Phật Pháp Đại thừa còn lớn hơn điều này. Không những

phàm là người đều phải yêu, mà tất cả những động vật cũng phải yêu thương, tất cả những thực vật cũng phải yêu thương, tất cả những khoáng vật, núi sông đất đai, toàn thể vũ trụ đều phải yêu thương. Cho nên luân lý của Phật Giáo so với luân lý của truyền thống xưa đích thực phải nói là rất lớn. Nhưng cổ nhân cũng có nói, nhưng không nói tường tận như Phật Giáo nói vậy. Lão tử trong Đạo Đức Kinh có nói với chúng ta: “thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể”. Tâm lượng này rất lớn, cũng đến khắp cả pháp giới hư không giới, nhưng không nói rõ ràng như Đức Phật đã nói vậy, kinh Phật nói rõ ràng hơn. Đây là hạt nhân lý niệm của giáo dục truyền thống xưa. Dạy những gì? Dạy những thứ này. Vậy chúng ta hiểu được, ngũ thường, tứ đức, bát đức là cương mục của nó. Cũng chính là nói làm thế nào để phát huy rộng lớn tình thương yêu này, phát huy đến tận pháp giới hư không giới, đó là dùng những điều mục này. Ngũ thường, nhân nghĩa lễ trí tín. Tứ đức, lễ nghĩa liêm sỉ. Bát đức là hiếu đễ trung tín nhân ái hòa bình. Đây chính là giáo dục truyền thống xưa. Ngày nay có còn thích ứng hay không? Thích ứng.

Chúng tôi vào năm 2006, 2007, 2008 ba năm này ở một thị trấn Thang Trì Lô Giang An Huy làm một thí nghiệm, làm thành công rồi. Chúng tôi triển khai loại giáo dục này, không ngờ rằng tại một nơi nhỏ bé như vậy, một nơi rất hẻo lánh, các giáo viên dạy học chưa đến ba tháng thành tích vượt trội, làm cho 48.000 cư dân trong thị trấn này, lương tâm thức tỉnh rồi. Làm cho chúng tôi cảm thấy được, các giáo viên cũng cảm thấy ngạc nhiên. Nhân dân làm sao lại dễ dạy như vậy chứ! Ban đầu chúng tôi cho rằng dạy học cũng phải mất hai đến ba năm mới có thể nhìn thấy hiệu quả. Không ngờ rằng chưa đến ba tháng hiệu quả đã vô cùng rõ ràng rồi. Chứng minh rằng nhân tánh vốn thiện, chứng minh con người rất dễ dạy, chỉ là không có ai dạy thôi. Cho nên ngày xưa Trung Quốc là đại đồng chi trị, tiểu khang chi trị, trường trị cửu an, không kỳ lạ chút nào! Chỉ cần người chấp chính, tức là người lãnh đạo các cấp, họ thực sự chịu dạy, bất cứ triều đại nào đều có thể làm được đại đồng, đều có thể làm được tiểu khang. Vì sao vậy? Bởi vì nó là tánh đức. Nói cách khác, tất cả mọi người đều có lương tâm, người có xấu bao nhiêu cũng có lương tâm, không có ai dạy thôi. Chỉ cần được dạy, họ liền phát hiện, tâm thái lập tức liền chuyển trở lại rồi, nên nói là “lãng tử hồi đầu vàng không đổi”, lời này không phải là giả. Cho nên chúng ta mong rằng người tại vị, họ là tổng thống, họ là tổng bí thư, họ là tỉnh trưởng, họ là huyện thị trưởng, đều hiểu được đạo lý này, chỉ cần họ là thánh nhân, họ là hiền nhân, họ triển khai giáo dục thánh hiền, xã hội lập tức sẽ an định. Có được vài người như vậy dẫn đầu, Khổng Tử nói: “từ soái dĩ chính, yên năng bất chính”? Người dẫn đầu dẫn tốt, trên làm dưới sẽ học theo, một người giác ngộ thì một quốc gia sẽ giác ngộ. Một người giác ngộ, một khu vực sẽ giác ngộ, không phải là việc khó. Cho nên bản thân chúng ta không thể không nhận sự giáo dục của thánh hiền. Chúng ta hiểu được, không tại vị, “không tại kỳ vị, bất mưu kỳ chính”, đó là lời giáo huấn của Thánh hiền.

Ngày nay chúng ta đang ở vị trí nào? Chúng ta xuất gia, địa vị của chúng ta là đệ tử của Phật Đà, vậy trách nhiệm của chúng ta là phải làm cho giáo dục Phật Đà, nghiêm túc học tập, làm cho được nó, giảng giải cho người hữu duyên nghe. Nhà Phật thường nói: Phật không độ người vô duyên. Người nào hữu duyên? Họ biết được kên phát của chúng ta, lúc chúng tôi giảng kinh họ có thể mở được kên chúng tôi giảng, cùng chúng ta học tập, đó gọi là người hữu duyên. Người không có duyên, họ bật ti vi xem những thứ sát đạo dâm vọng, xem bạo lực sắc tình. Đó là không có duyên với chúng ta. Người hữu duyên họ bật được kên truyền của chúng ta, nên nói Phật không độ người vô duyên. Bản thân chúng ta phải thật làm, bản thân không làm thì không được, đó là tín độ Phật Giáo giả, không phải là tín đồ Phật Giáo thật.

Trong đoạn kinh văn dưới đây chúng ta có thể nhìn thấy, Di Đà là Thế Nhiêu Vương gặp Phật xuất gia học đạo, đương nhiên gặp Phật mới nghe pháp, vậy mới giác ngộ. Sau khi giác ngộ Ngài xuất gia, Ngài từ bỏ vương vị, phải chăng không có trách nhiệm? Phải chăng buông bỏ nhân dân của Ngài? Không phải vậy. Ngài không bỏ mặc nhân dân của Ngài. Vậy vì sao phải xuất gia? Không xuất gia, sự giáo hóa của Ngài chỉ bao gồm nhân dân trong nước của ngài. Ngài vừa xuất gia phạm vi liền lớn rồi, sự giáo hóa của Ngài bao trùm khắp cả pháp giới hư không giới, là lục đạo chúng sanh trong tất cả quốc độ chư Phật, đương nhiên cũng bao gồm cả quốc gia của ngài ở trong đó, điều này vô cùng vĩ đại. Cho nên công đức xuất gia không thể nghĩ bàn! Xuất gia liền phải như Phật vậy, Phật Thích Ca Mâu Ni khai ngộ, liền bắt đầu giảng kinh dạy học, 49 năm không có ngày nào nghỉ ngơi, người thế gian một năm còn có mấy ngày nghỉ phép, Phật Thích Ca Mâu Ni một ngày cũng không có. 49 năm chưa có một ngày nghỉ ngơi nào, ngày ngày dạy học, ngày ngày đều làm gương cho mọi người. Ngài xuất gia “pháp danh là Pháp Tạng”, cho nên trong kinh xưng Ngài là tỳ kheo Pháp Tạng, chúng ta tôn xưng Ngài là Bồ Tát Pháp Tạng.

“Phát khởi hoằng thâm thệ nguyện”, hoằng là lớn, thệ nguyện vĩ đại vô cùng. Thâm thệ không phải thiên thệ, thệ nguyện này là gì? Thệ nguyện này phải độ tất cả chúng sanh, giúp đỡ tất cả chúng sanh nhanh chóng thành tựu, nguyện lực này không thể nghĩ bàn. Nên biết Di Đà nhân địa phát tâm tu hành thực sự rất khó tính kể. Nếu quý vị hỏi Ngài tu hành thời gian bao lâu? Không có cách gì để tính kể, không có ngôn ngữ nào có thể hình dung ra được, thời gian lâu quá!

Nhưng nên biết rằng lúc Di Đà phát nguyện đã không còn là phàm phu nữa. Điều này rất quan trọng. Thế Nhiêu Vương gặp Phật nghe pháp, ngài lúc đó đã không phải là phàm phu rồi. Cổ đức phần nhiều nói lúc đó đã là Địa thượng Bồ Tát. Địa vị này đã rất cao rồi. Địa thượng của Biệt giáo tương đương với Sơ trụ của Viên Giáo, vượt qua thập pháp giới, không phải là phàm nhân nữa. Là một địa vị thù thắng như vậy, chúng ta có lý do tin tưởng, vì sao vậy? Đừng nói là lục đạo phàm phu, những vị thánh hiền này trong thập pháp giới, Phật trong thập pháp giới chúng ta xưng là thánh. Bồ Tát, Thanh

văn, duyên giác chúng ta xưng họ là Hiền. Họ có thể làm được sao? Làm không được. Vì sao vậy? Vì không có tâm lượng lớn như vậy. Vì sao vậy? Vì chưa kiến tánh. Ba loại phiền não lớn kiến tư họ đoạn được rồi, tập khí cũng đoạn rồi, trần sa đoạn rồi, tập khí cũng đoạn rồi, vô thi vô minh phiền não chưa đoạn, vô thi vô minh phiền não chính là khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm vừa đoạn họ liền xuất ly thập pháp giới, liền sanh về Cõi Thật báo trang nghiêm.

Nói cách khác, Thế Nhiêu Vương năm xưa tại thế, dùng thuật ngữ thông thường của nhà Phật để nói là Ngài đã thị hiện. Ngài đã thành Phật rồi, thị hiện thân phận quốc vương. Ngài thật sự là thánh nhân, không phải là giả mạo. Cho nên những tập khí phiền não của phàm phu ngài không có một tí nào. Lúc chưa thấy Phật nghe pháp là thị hiện vậy, thị hiện có tập khí như vậy. Vừa gặp được Phật, vừa nghe pháp lập tức liền đoạn hết. Đây đều là đang diễn kịch, diễn cho chúng ta thấy thôi. Ngài thực sự không có những thứ đó. Cho nên Ngài thực sự là thánh nhân, ngài không phải là phàm phu. Chúng ta học theo Ngài, trong tâm luôn luôn nghĩ đến việc có thể học được không? Người ta là thánh nhân, chúng ta thực sự là phàm phu, thật sự có tập khí phiền não, chỉ sợ chúng ta học không giống. May mà chúng ta học Phật học đã nhiều năm như vậy, trong kinh giáo Đại thừa chúng ta nghe được rất nhiều, chúng ta có thể học được không? Có thể học. Có thể học được thật giống không? Có thể. Vì sao vậy? Từ trên lý mà nói, một niệm giác phàm phu liền thành Phật. Một niệm mê vậy là quý vị chính là phàm phu. Phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm thôi. Thực sự rõ ràng rồi, đặc biệt là Hiền Thủ quốc sư trong Vọng Tân Hoàn Nguyên Quán, quý vị thật đã hiểu rõ ràng rồi, trong đời này niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, sanh vào Cõi Thật báo trang nghiêm quý vị có phần hay không? Đáp án chắc chắn là quý vị có phần. Vì sao vậy? Thực sự hiểu thấu rồi. Buông bỏ rất đơn giản, không khó một tí nào. Quả nhiên quý vị hiểu rõ.

Cuộc đối thoại giữa Bồ Tát Di Lặc và Thế Tôn “tâm hữu sở niệm” Đức Phật hỏi rất hay, trong một niệm này có được mấy niệm, mấy tướng, mấy thức vậy? Bồ Tát Di Lặc trả lời: một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức. Chỉ cần tham thấu câu nói này, quý vị đã thành Phật rồi. Vì sao vậy? buông bỏ triệt để rồi! Mới hiểu được toàn là giả thôi. Phật ở trong kinh giáo Đại thừa ngày ngày giảng, chúng ta nghe đều đã quen tai rồi, cũng có thể nói, kỳ thật không hiểu ý nghĩa. Phật nói “phàm có hình tướng đều là hư vọng”, chúng ta có thể hiểu không? Nói thật lòng, sau khi đọc Hoàn Nguyên Quán rồi mới lãnh hội được ý nghĩa này. Đặc biệt là cuộc đối thoại của Bồ Tát Di Lặc. Cuộc đối thoại này ngày nay các nhà lượng tử lực học chứng minh được rồi. Nhưng các nhà lượng tử lực học nói chưa thấu triệt. Những nhà khoa học này chỉ nói đến vật chất là giả. Họ khẳng định trên thế giới này không có những thứ gọi là vật chất. Vật chất là gì? Vật chất là ý niệm tích lũy, nhưng ý niệm là gì? Ý niệm là từ không mà sanh có. Là từ không sanh có không sai, từ không làm sao mà sanh có? Điều này họ nói không rõ ràng, nhưng Phật Pháp nói rõ ràng rồi.

Không phải là từ không sanh có, mà là tự tánh biến hiện ra. Tự tánh là gì? Tự tánh không phải là vật chất, không phải là tinh thần, cho nên sáu căn đều không duyên đến được. Nếu là vật chất thì mắt tai mũi lưỡi thân năm căn này có thể duyên đến được. Nếu là tinh thần ý thức chúng ta có thể duyên đến được. Nó không phải là tinh thần, cũng không phải là vật chất. Cho nên sáu căn chúng ta không duyên đến được, các nhà khoa học liền cho rằng từ không sanh có. Trong Phật Pháp giảng “vô” này là gì? “Vô” là tự tánh. Điều đầu tiên trong Hoàn Nguyên Quán nói là “hiển nhất thể”, tự tánh thanh tịnh viên minh thể, gọi là minh tâm kiến tánh, đây là tự tánh, tự tánh không duyên đến được. Lúc nào quý vị mới có thể thực sự tìm ra được tự tánh, chứng đắc? Quý vị không khởi tâm, không động niệm liền chứng đắc rồi. Vì khởi tâm động niệm là ý niệm quý vị đang động. Lúc ý niệm bất động liền nhìn thấy, lúc động quý vị không nhìn thấy được, lúc bất động thì nhìn thấy rồi. Vì thế không khởi tâm, không động niệm, quý vị liền kiến tánh, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Cho nên cảnh giới của Phật đó các nhà khoa học duyên không đến được, bởi vì các nhà khoa học họ dùng ý thức thứ sáu. Phật nói rất rõ ràng, thức thứ sáu đối nội có thể duyên đến A lại ya, đối ngoại có thể duyên đến pháp giới hư không, nhưng duyên không đến được tự tánh. Phật Pháp cao hơn họ chính là cao hơn ở điểm này. Vì vậy tự tánh không phải là thứ mà phương pháp khoa học có thể duyên đến được, phải dùng phương pháp thiền định, tức là phải dùng phương pháp giới định tuệ. Các nhà khoa học quay đầu lại dùng giới định tuệ họ chắc chắn sẽ duyên đến được. Họ duyên đến rồi, họ liền thành Phật. Điều này không thể nghĩ bàn! Chúng tôi đối với sự việc này đã làm hơn 50 năm rồi mới rõ ràng được. Nếu như thọ mạng không được dài như vậy, năm 50 tuổi, 60 tuổi chúng tôi đã chết rồi thì vĩnh viễn không biết được sự việc này, đời đời kiếp kiếp đều mê hoặc. Cho nên thọ mạng của tôi kéo dài thêm không thể không cảm ơn chư Phật, Bồ Tát gia trì, có thêm một chút thọ mạng, để hiểu rõ vấn đề này, hiểu rõ ràng hiểu thấu đáo rồi, sinh tử liền không quan tâm nữa. Việc này đã làm thấu đáo rồi, vạn duyên buông bỏ được, thì vãng sanh Tịnh Độ là điều chắc chắn rồi! Vô cùng chắc chắn, chắc chắn 100%. Người chưa chắc chắn đó là gì? Chưa buông bỏ. Quý vị vẫn còn vướng bận, quý vị vẫn còn ưu tư, người này chưa chắc chắn về việc vãng sanh. Triệt để buông xuống thì trong thế gian này không còn chuyện gì nữa, tiêu dao tự tại, du hí thần thông. Vì thế con người không thể không trường thọ. Trường thọ có thể tu không? Có thể. Đoạn ác tu thiện, thọ mạng con người sẽ kéo dài. Liễu Phàm Tứ Huán” đọc thêm vài lần, quý vị liền biết được. Viễn Liễu Phàm thọ mạng vốn chỉ có 53 tuổi, ông cũng không cầu thọ mạng, biết mỗi ngày sửa đổi làm mới, đoạn ác tu thiện, thọ mạng của ông tự nhiên kéo dài, 71 tuổi mới đi, thọ thêm được 21 năm, kéo dài tuổi thọ thêm 21 năm. Vì thế người tu hành chúng ta đương nhiên thọ mạng cũng không quan tâm, dài hay ngắn cũng không sao, nhưng quan trọng nhất là gì? Phải khai ngộ, đây là điều chân thật. Chưa khai ngộ chưa thể chết, đợi khai ngộ mới được, chưa khai ngộ mà chết, vậy là phiền phức rồi, lại đi làm

việc luân hồi lục đạo nữa. Sau khi khai ngộ gặp được Tịnh Độ cũng không sao, việc đó không bận tâm chút nào, tức là thực sự nói là liễu sanh tử, liễu là thấu suốt. Đối với sự việc sanh tử này rất rõ ràng, rất thấu suốt, nó đến như thế nào, đi như thế nào, rõ ràng minh bạch, thấu đáo phân minh. Đây là điều tốt mà Phật Pháp Đại thừa cho chúng ta. Chúng ta trong đời này nếu không tu học Đại thừa, làm gì mà biết được!

Cổ đức cho rằng tỳ kheo Pháp Tạng lúc đang làm Thế Nhiêu Vương đã là địa thượng Bồ Tát thừa nguyện mà trở lại. Như vậy tức là Di Đà đầu tiên khi phát tâm càng xa hơn đây nữa. Đây đều là điều có thể tin tưởng được. Vậy nên Tịnh Tông học nhân ở nơi đây nên sanh tịnh tín, cảm ơn ơn Phật. Chúng ta đối với sự việc này nên phải thâm tín không nghi. Đối với ân đức của đức Phật A Di Đà phải biết cảm ơn. Không có Ngài phát nguyện kiến lập đạo tràng Thế giới Cực Lạc này, giúp chúng ta ngay trong đời này thành tựu viên mãn, điều này trong khắp pháp giới hư không giới tất cả chư Phật quốc độ đều không tìm được! Chỉ có một nơi này, nên vô cùng quý giá. Những cử động của Di Đà, cảm được thập phương tất cả chư Phật tán thán. Quý vị xem Phật và Phật nhất định không có tật đồ chướng ngại, hơn nữa như thế nào? Đem học trò của mình thực sự đã thành tựu đều đưa đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc để du học. Vì sao vậy? Ở nơi đó thành tựu nhanh. Thế giới Liên Hoa tạng của đức Phật Tỳ Lô Giá Na cũng không ngoại lệ. Quý vị xem Kinh Hoa Nghiêm, xem đến đoạn cuối cùng, hai vị đại Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền đưa 41 vị Pháp thân Bồ Tát ở thế giới Hoa Tạng đều dẫn đến Thế giới Cực Lạc, đi học với Phật A Di Đà. Số lượng của 41 vị pháp thân đại sĩ này không có cách gì tính toán được. Phật Tỳ Lô Giá Na không tức giận, tín đồ của tôi tại sao hai ông lại dẫn họ đi hết? Quý vị xem hai vị Văn Thù, Phổ Hiền là hai cánh tay trái phải của Phật Tỳ Lô Giá Na, giúp đỡ Phật Tỳ Lô Giá Na giáo hóa những vị Bồ Tát này. Hai vị này lại dẫn đầu dắt họ đi đến Thế giới Cực Lạc, Phật Tỳ Lô Giá Na không những không tức giận mà còn vỗ tay hoan hỉ. Vì sao vậy? Ở thế giới Hoa tạng thành tựu phải mất ba đại a tăng kỳ kiếp, đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc vài ngày liền thành tựu. Cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán Phật A Di Đà, nói Ngài là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, Phật Thích Ca Mâu Ni đại biểu cho tất cả chư Phật Như Lai mà nói. Cũng chính là tất cả Như Lai đều thừa nhận Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Vậy chúng ta làm học trò Phật A Di Đà rất vinh hạnh, bất luận đến thế giới Phật nào, Đức Phật đó đối với chúng ta đều đặc biệt trọng đãi, đặc biệt tiếp đãi. Vì sao vậy? Là học trò của Phật A Di Đà mà, nhờ vinh hạnh của Phật A Di Đà. Cho nên chư vị Tịnh Tông đồng học, quý vị nếu như thực sự đã hiểu rõ rồi, quý vị nên hiểu rằng tất cả Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác, và chư Thiên thậm chí là ma vương, yêu ma quỷ quái càng không cần nói nữa, gặp được Phật A Di Đà không phải là may mắn quá rồi sao! Gặp được học trò của Phật A Di Đà thực sự, ma vương sẽ không làm hại quý vị, đã quỳ xuống đó mà đánh lễ quý vị rồi. Quý vị không nhìn thấy, đó là thật không phải là giả. Nếu như quý vị không phải là đệ tử của

Phật A Di Đà thật, là mạo xưng, họ coi thường quý vị, có lúc họ còn đùa giỡn với quý vị, chế giễu đùa cợt quý vị. Vì sao vậy? Vì quý vị là giả xưng, ngày ngày tụng Kinh A Di Đà cũng niệm Phật A Di Đà, trong tâm thì tham sân si mạn, vẫn còn tự tư tự lợi, vẫn còn danh vẫn lợi dưỡng, là giả, không phải là thật, yêu ma quỷ quái sẽ đùa cợt quý vị. Nếu như quý vị là thật, khởi tâm động niệm, nói năng hành động tương ứng với Kinh Vô Lượng Thọ tức tương ứng với Phật A Di Đà, họ liền tôn trọng quý vị. Quý vị không cần cầu họ gia hộ, họ tự nhiên gia hộ cho quý vị. Vì sao vậy? Họ hoan hỷ, họ tán thán, họ cung kính quý vị. Phải như pháp mới được! Làm việc thật, không thể làm việc giả mạo. Đây là chánh pháp ở trong chánh pháp. Không cần hỏi han những gì là cát hung họa phúc, đều không cần đi hỏi nữa. Tâm chánh, hành chánh hoàn toàn tương ứng với Phật A Di Đà, nơi quý vị đang hiện hữu nơi đó chính là phước địa, bởi vì quý vị là người có phước, chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ. Đạo lý này không thể không biết. Chúng ta không ngừng nâng cao bản thân. Chúng ta vừa nâng cao thiên địa quý thần đều tôn kính quý vị. Thiên thần thổ địa này có lý gì lại không ủng hộ được? Những điều này là thật có, không phải là bịa đặt đâu. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng.

“Vậy nên Thế giới Cực Lạc y báo chánh báo và diệu pháp trì danh”, Cực lạc y báo chánh báo là hoàn cảnh tu hành của chúng ta, diệu pháp trì danh là phương pháp tu hành của chúng ta, “cho đến diệu quả mà Di Đà vô lượng vô số không thể nghĩ bàn kiếp tính cần tu tập”. Câu nói này nói rất hay. Ngày nay chúng ta dùng diệu quả mà Phật A Di Đà vô lượng kiếp tu hành thành tựu để làm nhân tâm của chúng ta.

Dưới đây nói: “nay dùng quả giác này làm nhân tâm cho chúng ta”, nhân mà chúng ta cầu sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc chính là niệm A Di Đà Phật.

“Ân này đức này không có lời nào để ví dụ được”, không phải dùng lời nói mà có thể nói ra được. Công đức của một câu A Di Đà Phật, cho dù Chư Phật Như Lai cũng nói không hết, năm kiếp tu hành thành tựu, trước năm kiếp đó tu hành vô lượng kiếp rồi, đây là danh hiệu của tánh đức. Một câu danh hiệu này viên mãn xứng tánh. Vì sao người thường lúc niệm không có cảm ứng? Họ mê hoặc. Họ chỉ là theo mẫu vẽ hồ lô, ý nghĩa là gì hoàn toàn không hiểu, một chút tâm cung kính cũng không có. Danh hiệu là pháp, pháp phải là người đó, pháp là như pháp, pháp không phải người đó, pháp không khởi tác dụng. Phải người nào? Người chân thành cung kính. Vì vậy Ấn Quang Đại sư nói rất hay: một phần cung kính được một phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích, dùng vào việc trì danh niệm Phật của chúng ta cũng đúng như vậy. Tôi đối với Tịnh Tông, đối với Phật A Di Đà, có một phần tâm cung kính, tôi niệm danh hiệu này được một phần công đức. Tôi có mười phần tâm cung kính, tôi liền đạt được mười phần công đức. Quý vị muốn hỏi bản thân quý vị công đức niệm Phật bao nhiêu, đầu tiên phải xem quý vị có tâm thành kính hay không, không có tâm thành kính, một ngày niệm mười vạn tiếng cũng không có công đức. Cổ nhân nói rất hay, hết

rách cổ họng cũng vô ích. Vì sao vậy? Không có tâm! Cho nên tôi khuyên mọi người, quan trọng nhất là đem tâm chúng ta, Phật A Di Đà đặt trong tâm chúng ta. Tâm ta chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta, vậy thì công đức không thể nghĩ bàn rồi. Quý vị hiện tại trong miệng niệm A Di Đà Phật, trong tâm là những thứ gì? Trong tâm là vàng, đô la, tiền bạc, vậy thì làm sao mà tương ưng được? Toàn là giả. Đạo lý này không thể không biết vậy. Trong tâm quý vị còn chứa tâm tham, tham tài, tham sắc, tham danh, tham lợi, vậy tương lai tiền đồ của quý vị cho dù là niệm Phật, tương lai tiền đồ quý vị đi đến đâu? Vẫn đến ba đường ác. Tâm này của quý vị đối chiếu với kinh Phật là ngạ quỷ, là địa ngục. Niệm A Di Đà Phật cuối cùng lại niệm đến địa ngục rồi, thật là oan uổng. Lời này cũng không phải là do tôi nói. Thời đại Càn Long nhà Thanh pháp sư Quán Đảnh đã nói vậy. Một đời niệm Phật cuối cùng lại đọa vào địa ngục, lúc đó tôi còn trẻ, vừa mới học kinh giáo, đi theo lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi còn chưa xuất gia, lúc tôi đọc đến bài luận này tôi liền đến hỏi thầy giáo, tôi nói niệm Phật là việc tốt, niệm Phật cho dù không thể vãng sanh cũng thể đọa địa ngục, làm sao mà niệm Phật lại đọa địa ngục? Niệm Phật có 100 loại quả báo, thứ nhất chính là đọa địa ngục, quả báo cuối cùng là sanh Thế giới Cực Lạc. Bài viết này, pháp sư Quán Đảnh viết trong Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương Sớ Sao, trang cuối cùng. Chư vị xem có thể thấy điều đó. Trang cuối cùng ngài đề xuất 100 loại quả báo của việc niệm Phật, điều đầu tiên là đọa địa ngục, điều cuối cùng là vãng sanh Thế giới Cực Lạc. Thầy giáo nhìn thấy bài viết này, tôi đề xuất vấn đề này hỏi thầy, thầy nói với tôi, thầy nói đây là đại sự, tôi không nói với một mình ông, ông đợi đó, lúc tôi giảng kinh sẽ nói với mọi người. Đó chính là tâm của quý vị không giống nhau. Trong tâm quý vị là A Di Đà Phật, mỗi lời quý vị đều tương ưng với Phật A Di Đà, người này niệm Phật thành Phật rồi. Tâm họ là Phật. Tâm không phải là Phật, niệm như thế nào cũng không được. Cho nên đầu tiên phải đổi tâm quý vị trở lại, không nên có tâm tham, không nên có tâm tự tư tự lợi, không nên có tâm lục đạo luân hồi, tôi tương lai muốn sanh thiên, trên cõi trời tốt nhất là làm thiên vương, bây giờ thiên vương của Đạo lợi thiên nương ngôi cho quý vị, quý vị có làm hay không? Đại phạm thiên vương còn cao hơn cả Đạo lợi thiên, cao nhất là Ma hê thủ la thiên vương, họ nói họ nương ngôi mời quý vị làm, có làm hay không? Không được làm, vừa làm là bị lừa rồi. Vì sao vậy? Không ra khỏi lục đạo luân hồi, Ma hê thiên vương đã lớn lắm rồi, Ma hê thiên vương là thiên vương của Tứ thiên thiên, Đại phạm thiên là thiên vương của Sơ thiên thiên. Cho nên đối với những thứ thế gian này, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, phải buông bỏ nó cho sạch sẽ, chút bên ngoài cũng không để dính nó. Trong tâm chỉ để một vị Phật A Di Đà, không nên làm nhiều quá, tạp quá.

Quý vị xem rất nhiều đệ tử Phật môn chúng ta, hôm qua tôi còn gặp trong nhà có thờ Phật, có một phòng thờ nhỏ thờ Phật, còn có thờ quý thần, hỏi tôi quý thần và Phật thờ cùng một chỗ có được không? Tôi nói không được, tốt nhất là tách ra. Thần hộ

pháp thì có thể, không phải là thần hộ pháp nhất định phải tách ra, không thể thờ chung một chỗ. Tốt nhất là trong nhà mình lập phòng thờ thờ Phật, trước đây thờ quý thần, có thể thỉnh đến thần miếu, đưa đến thần miếu để cúng dường, đó là cách tốt nhất, cách chính xác nhất. Vị thần này từ miếu nào đến thì đưa về miếu đó trở lại, như vậy là như pháp.

Dưới đây còn có mấy câu, “tái giả Di Đà nhân địa cử chứng pháp thân”, điều này không cần giải thích nữa. Nên nhất thừa nguyện vương này, sáu chữ hồng danh, Cực lạc y báo chánh báo các loại trang nghiêm, thậm chí một mảy trần chút bụi, không có gì không phải Di Đà vô vi pháp thân, trí tuệ chân thật lưu xuất ra. Đây là thật, không có chút giả dối nào. Đây là gì? Thế Giới Tây Phương Cực Lạc y báo chánh báo trang nghiêm trong Cõi Thật báo trang nghiêm. Thực sự là quả báo của Phật A Di Đà vô lượng kiếp tu thành. Cúng dường cho ai? Cúng dường cho Pháp thân Bồ Tát, cũng chính là chúng ta thường nói 41 vị pháp thân đại sĩ, họ ở đó tu hành, đây là Phật A Di Đà vì họ mà kiến lập đạo tràng, họ ở Cõi Thật báo trang nghiêm tu hành. Cõi Thật báo trang nghiêm gọi là nhất chân pháp giới. Người nào có thể vào được? Người nào khi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần không khởi tâm không động niệm, có thể vào được. Không khởi tâm, không động niệm thập pháp giới sẽ không còn nữa, siêu việt thập pháp giới. Đây là Phật A Di Đà kiến lập đạo tràng cho họ tu hành. Cho nên ân đức của Phật A Di Đà vô cùng, là so sánh với ví dụ này. Đem cõi Phương tiện và cõi Phạm Thánh đồng cư đều làm cho nó và cõi Thật báo bình đẳng giống nhau. Điều này thật là tuyệt! Đây gọi là pháp khó tin. Làm cho chúng ta kiến tư phiền não nhất phẩm chưa đoạn được cũng đến Thế giới Cực Lạc hưởng thụ cuộc sống của Cõi Thật báo trang nghiêm. Trong mười phương thế giới tìm không ra cõi thứ hai nữa. Ngày nay cho quý vị gặp được rồi quý vị nói xem quý vị có may mắn hay không? Cơ hội này quý vị gặp được rồi, quý vị muốn nó vượt qua mắt, quý vị không thể trách Phật. Chỉ biết trách bản thân mình có mắt như mù, nhân duyên thù thắng vô cùng làm sao lại để cho qua mắt! Mỗi mỗi đều siêu tình ly kiến, mỗi mỗi đều là thật tướng chánh ấn ấn chứng rồi, mỗi mỗi đều là khai hóa hiển thị chân thật rốt ráo, mỗi mỗi đều ban cho chúng sanh lợi ích chân thật. Nên pháp môn này không thể nghĩ bàn vậy. Thực sự nói đến cực điểm rồi! Những câu này chúng ta không thể không cảm kích lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Chúng ta đọc những thứ này rồi, hiểu được chân tướng sự thật này rồi, tín tâm đối với Thế giới Cực Lạc có thể đạt đến một trăm phần trăm. Nguyện vọng cầu sanh Thế giới Tây Phương Cực Lạc chân thật bất hư, biểu hiện ở đâu? Biểu hiện nơi chỗ buông bỏ được. Chân tín thiết nguyện xem từ đâu? Từ nơi chúng ta thực sự buông bỏ. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra tất cả đều buông bỏ hết. Đây là thật không phải là hư dối.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 155

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 02.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 180, hàng thứ hai từ dưới đếm lên, “Pháp Tạng Nhân Địa Đệ Tứ”. Trong phẩm này đầu tiên Thế Tôn giới thiệu với chúng ta nhân địa học đạo và nhân duyên phát tâm của tỳ kheo Pháp Tạng, bây giờ mời xem kinh văn.

“Phật cáo A nan quá khứ vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp, thời vị chư thiên, cập thế nhân dân, thuyết kinh giảng đạo”. Đoạn kinh văn này vô cùng quan trọng, nói rõ ràng với chúng ta Phật giáo là gì? Phật giáo là giáo dục.

Thế Tôn Tự Tại Vương Như Lai sau khi thị hiện thành đẳng chánh giác, liền ở thế gian truyền dạy, dạy thời gian bao lâu? 42 kiếp, từ đó có thể biết thọ mạng của Phật rất dài. Dạy học dạy 42 kiếp, ngài vì chư thiên, đây là đối tượng dạy học, “chư thiên và nhân dân thế gian thuyết kinh giảng đạo”. Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trong thế gian của chúng ta, thị hiện cùng người thế gian, đồng đẳng tình huống như vậy, trú thế 80 năm, giảng kinh dạy học 49 năm. Tất cả Chư Phật Như Lai thị hiện tại thế gian, không ai không theo sự nghiệp giảng kinh dạy học. Điều này chúng ta nên hiểu. Phật Đà là giáo dục, đó không phải là tôn giáo, so với tôn giáo thì cao siêu hơn nhiều. Chúng ta về sau đều có thể học tập được rất nhiều. Ở đây bao hàm có mười loại thông hiệu của Đức Phật. Mười loại thông hiệu này biểu thị cho tánh đức của tự tánh.

Bây giờ chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Lão, đầu tiên nói “vô ương số kiếp”, đây là nói Phật trong thời quá khứ, nhân địa này thời gian quá khứ rất lâu xa.

“Vô ương số” cũng chính là vô lượng vô số mà người xưa thường nói. Phạm ngữ gọi là A tăng kỳ, dịch là vô ương số, ương nghĩa là tận vậy. Là vô lượng vô số kiếp, xưng là vô ương số kiếp, hoặc là a tăng kỳ kiếp, nghĩa của kiếp, phẩm trước nói là bố thí lụy kiếp. Kiếp là đơn vị thời gian rất dài. Không phải chúng ta tính toán mà có thể tính ra được. Cho nên gọi là “vô ương số kiếp”, cũng có thể gọi là “a tăng kỳ kiếp”. A tăng kỳ là tiếng Phạn, mà a tăng kỳ ở đây lại là không có hạn lượng, không phải là thứ có thể suy lường được, không có cách gì để tính toán, không phải ngôn ngữ chúng ta

tưởng tượng mà có thể nói rõ ràng được. Nên nói “vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp”, chỉ thời quá khứ lâu xa vô cùng. Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta Phật A Di Đà tại nhân địa, thời gian rất dài rất dài. Lúc này “có Phật xuất thế”, có một Đức Phật xuất hiện tại thế gian, hiệu là “Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai”.

Đoạn dưới đây nói, Thế gian Tự Tại Vương, từ Đường Dịch, bởi vì bản này là hội tập năm bản nguyên dịch, Đường dịch chính là bản trong kinh Đại Bảo Tích hội Vô Lượng Thọ.

Thời đại kiếp quá khứ lâu xa, vô lượng không thể nghĩ bàn vô tận số, đoạn này là nói về thời gian rất dài, có Phật xuất hiện ở đời hiệu là Thế Gian Tự Tại Vương, danh hiệu riêng có của một vị cổ Phật gọi là biệt hiệu, Phật là thông xưng, đây là một đức Phật rất lâu xa, rất lâu xa. Thông thường chúng ta xưng họ là cổ Phật. Thế gian tự tại là thường tại thế gian mà không làm câu ngại cho thế gian, câu là câu thúc, ngại là chướng ngại, vậy là được đại tự tại rồi.

Nói cách khác, ngài ở tại thế gian, sẽ không bị tất cả những pháp thế gian quấy nhiễu, chúng tôi dùng chữ quấy nhiễu cho mọi người dễ hiểu, ngài có thể không bị quấy nhiễu, vậy là tự tại, không như chúng ta, chúng ta là phạm phu, động một tí là bị thế gian chướng ngại. Quý vị xem, nhìn thấy sự việc thuận lòng vừa ý liền khởi tham ái. Tham ái này chính là bị nó làm quấy nhiễu. Nghe thấy những lời nói không vừa ý trong lòng liền oán hận. Quý vị xem đó là bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu. Ngày nay chúng ta nói bị hoàn cảnh ảnh hưởng. Người nào có thể không bị hoàn cảnh ảnh hưởng? Người thực sự tu hành. Họ tu hành những gì? Chính là tu không bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng, đây gọi là tu hành. Tu hành có tốt bao nhiêu vẫn bị hoàn cảnh ảnh hưởng, tu hành có tốt cũng chưa có thành tựu. Hoàn cảnh này đến thử thách quý vị, hoàn cảnh vừa thử thách quý vị đã không đạt tiêu chuẩn rồi. Cổ nhân thường nói “bát phong xuy bất động”, bát phong xuy bất động trong Phật Pháp là nói về mức độ thấp nhất, không phải là cao cấp, ít nhất quý vị phải có thể trong cảnh giới này học cách tâm bất động. Trong kinh đại thừa thường nói không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đó chính là Phật. Vẫn còn khởi tâm động niệm có thể làm được không phân biệt không chấp trước, đây là Bồ Tát. Không phân biệt cũng làm không được, không phân biệt rất vi tế, có thể làm được không chấp trước đó là A la hán, cũng được, cũng coi như là có thành tựu nhỏ rồi. Những đạo lý này người học Phật không thể không hiểu.

“Thế Gian Tự Tại Vương” ngài thị hiện thành Phật, vậy đương nhiên được đại tự tại rồi. Thành Phật điều này chúng ta biết, kiến tư phiền não đoạn rồi, siêu việt lục đạo; trần sa phiền não đoạn rồi, siêu việt thập pháp giới; vô minh phiền não cũng đoạn rồi, tập khí chưa đoạn, tập khí vô minh rất khó đoạn, sanh Cõi Thật báo trang nghiêm, đây có phải là Phật không? Phải. Những Tổ sư Đại đức ngày xưa của Phật Giáo Trung Quốc thường nói với chúng ta rằng: “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, chính

là kiêu Phật này, kiến tánh liền gọi là thành Phật, chưa kiến tánh gọi là phàm phu. Tứ thánh pháp giới cũng gọi phàm phu. Trong lục đạo gọi là nội phàm, lục đạo là một giới hạn, trong lục đạo là nội phàm, ngoài lục đạo tức là tứ thánh pháp giới xưng là ngoại phàm. Tiêu chuẩn của phàm thánh này lấy gì làm giới hạn? Lấy việc dụng tâm. Phàm phu dùng là vọng tưởng không phải là chân tâm, ngay trong Tứ thánh pháp giới Thanh văn Duyên giác Bồ Tát và Phật vẫn là dùng vọng tâm. Vọng tâm là gì? A lại ya, vẫn còn dùng A lại ya. Nói cách khác, chưa chuyển A lại ya thành Đại viên cảnh trí. Nếu đã chuyển tám thức thánh bốn trí, vậy là thành Phật rồi, họ dùng là chân tâm. Từ đó cho thấy chân tâm là trí tuệ, vọng tâm là tình thức, thập pháp giới cũng không tách rời tình thức, chỉ là càng hướng lên trên thì tình thức càng nhạt dần, họ vẫn còn, đến Phật trong thập pháp giới vẫn còn, rất mờ nhạt. Dem tình thức chuyển biến thành trí tuệ, vậy là thành Phật rồi, cho nên chân tâm là trí tuệ, không còn dùng tình chấp nữa, chuyển tình thức thành trí tuệ. Trí tuệ là chân tâm, là tự tánh, đây gọi là thành Phật. Tự Tại Vương Như Lai là thành Phật quả cứu cánh viên mãn, trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu giác vị, không phải là đẳng giác. Đẳng giác cũng chính là nói tập khí vô minh còn chưa đoạn sạch được. Tập khí vô minh vô minh đoạn sạch rồi, đây gọi là diệu giác.

Trong kinh Tịnh Độ thường nói Tứ độ, cõi cao nhất là Thường tịch quang Tịnh Độ, dưới đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, dưới nữa là cõi Phương Tiện Hữu Dư, dưới hết là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Ngày nay chúng ta trên trái đất này, bao gồm hệ mặt trời của chúng ta, đây không phải là một đơn vị thế giới, một đơn vị thế giới ngày nay chúng ta nói hệ ngân hà. Một hệ ngân hà này là một đơn vị thế giới, đơn vị thế giới này tất cả đều là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Vậy chúng ta hỏi cõi Phương Tiện Hữu Dư thì sao? Cõi Phương Tiện Hữu Dư và chúng ta không cùng tầng không gian. Nó là Tịnh Độ, chúng ta ở đây là uế độ, không cùng tầng không gian với chúng ta, chúng ta tìm không ra nó. Cõi Thật báo thì càng không cần nói nữa rồi, Thật báo độ cũng không cùng tầng không gian với chúng ta. Điều này trong kinh nói với chúng ta về khoa học, nói về vũ trụ, nói rất hay! Vũ trụ từ đâu mà có? Từ trong tự tánh chúng ta biến hiện ra vậy. Trong Kinh Hoa Nghiêm” nói duy tâm sở hiện, tâm này là chân tâm. Chân tâm năng sanh năng hiện. Hiện là y báo chánh báo trang nghiêm, vô lượng vô biên chư Phật quốc độ đều là tâm hiện thức biến cả. Thập pháp giới y báo chánh báo trang nghiêm biến hóa vô cùng. Chúng ta nhìn trái đất này quý vị liền có thể nhìn thấy được. Những chúng sanh cư trú trên trái đất nhục nhãn chúng ta có thể nhìn thấy, có con người, có súc sanh, trên trái đất này cũng có Bồ Tát, cũng có Thanh văn, tuy họ ở trên trái đất này vẫn là không cùng tầng không gian, nếu như họ không thị hiện cho chúng ta thấy, chúng ta nhìn không thấy họ. Điều này trong lịch sử có người đã thấy qua, là chuyện thật không phải là giả dối. Trên trái đất này người và quý sống chung, người không nhìn thấy quý, quý cũng không nhìn thấy người, đây đều là tầng không gian không

tương đồng, nhưng đều ở trên trái đất. Nói cách khác, trong kinh Phật nói tất cả đều có quan hệ mật thiết với bản thân chúng ta. Vì sao vậy? không phải là người khác biến ra, là tâm thức bản thân chúng ta biến ra, tâm năng hiện năng sanh, thức năng biến, thức là gì? Thức chính là phân biệt chấp trước. Nếu như không phân biệt không chấp trước thì hiện tượng này sẽ không biến nữa, cho nên nếu như ý niệm phân biệt chấp trước của chúng ta tương đối nhẹ không nghiêm trọng, thì hiện tượng như thế nào sẽ sanh ra. Thân thể quý vị sẽ rất mạnh khỏe. Tuổi tác của quý vị tuy rất lớn rồi quý vị sẽ không già nua lắm. Vì sao vậy? Bởi vì quý vị ít phiền não. Quý vị nên hiểu phân biệt chấp trước là phiền não, phiền não của quý vị ít nên quý vị thay đổi rất chậm, không nhanh. Nếu như phân biệt chấp trước rất nặng thì phiền não nặng, thay đổi sẽ rất nhanh. Quý vị xem tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển. Hiểu được đạo lý này rõ ràng được chân tướng sự thật, bản thân có thể không chế bản thân. thực sự có thể không chế cho tốt, không chế giỏi thì trường sanh bất lão, sống đến một trăm hai trăm tuổi mà dường như người trẻ tuổi vậy. Đây đều là sự thật không phải là giả dối. Lúc nào quý vị hiểu rõ được đạo lý này, quý vị liền có thể vĩnh viễn duy trì được như vậy. Nếu như quý vị 20 tuổi hiểu được rồi, quý vị sống đến hai trăm tuổi vẫn là hình dáng như 20 tuổi vậy. Không thay đổi! Thay đổi rất chậm chạp. Quý vị 60 tuổi hiểu rõ đạo lý này rồi thì quý vị vĩnh viễn duy trì được hình dáng 60 tuổi, kỳ diệu vô cùng. Điều này trong Phật Pháp nói là đại đạo dưỡng sinh. Nó có lý luận y cứ, nó không phải là tùy tiện mà nói.

Thứ hai là hoàn cảnh chúng ta cư trú, hoàn cảnh cũng chịu ảnh hưởng của ý thức chúng ta. Ý thức là gì? Năng biến. Hoàn cảnh là sở biến. Tâm thái của chúng ta tốt, ý niệm tốt, khởi tâm động niệm đều tương ứng với tánh đức, tánh đức là gì? Trong Phật Pháp nói thập thiện nghiệp đạo là tánh đức, trong Phật Pháp nói lục hòa, lục độ, 10 nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, 48 nguyện Phật A Di Đà đều là tánh đức. Lão tổ tông của chúng ta nói rằng ngũ luân ngũ thường tứ duy bát đức cũng là tánh đức. Nếu như chúng ta khởi tâm động niệm nói năng hành động đều có thể tương ứng với tánh đức, thì môi trường trên trái đất chúng ta không khác gì Thế giới Cực Lạc, tai nạn gì cũng không có nữa. Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta về Thế giới Tây Phương Cực Lạc, Ngài nói thế giới đó “đều là chư thượng thiện nhân câu hội một chỗ”, không phải là người thiện bình thường, mà là hàng thượng thiện. Cho nên Thế giới Cực Lạc tốt đẹp, không có mây may khiếm khuyết. Thế gian chúng ta tai nạn dồn dập, đến Thế giới Cực Lạc nghe thôi cũng chưa từng nghe đến. Kỳ thật trái đất chúng ta và Thế giới Cực Lạc có những sai biệt gì? Không hề sai biệt, sai biệt là do nơi cư trú, môi trường của con người, tâm con người khác nhau, tư tưởng không giống nhau, nghiệp họ tạo không giống nhau. Chúng ta hiện nay tại thế gian này, trái đất này, quý vị có thể nói không có thiên tai sao? Quý vị nghĩ thử xem, hiện tại con người nghĩ những gì? Luân lý không còn nữa, đạo đức cũng không còn nữa, nhân quả không tin tưởng nữa. Quý vị nói luân lý đạo đức, họ nói quý vị là quái vật, nói quý vị là đồ cổ, bây giờ là thời đại nào

rồi, quý vị làm sao mà còn nói những thứ này? Tư tưởng, lời nói việc làm người hiện tại trái ngược 180 độ với tánh đức, làm sao mà không có thiên tai được? Thiên tai từ đâu mà có? Thiên tai từ tâm tưởng sanh, tâm hành bất thiện, tư tưởng bất thiện, ngôn hạnh bất thiện chiêu cảm thiên tai đến.

Trong Kinh Lăng Nghiêm đức Thế Tôn nói với chúng ta, tham lam chiêu cảm đến những gì? Thủy tai. Nước biển dâng cao, đại địa bị nhấn chìm, đây không phải là tai hại tự nhiên, đây là tham lam của quý vị chiêu cảm đến, cảm ứng đạo giao. Sự việc này được các nhà khoa học hiện nay chứng minh rồi. Các nhà lượng tử lực học cận đại nói với chúng ta, chúng ta khởi tâm động niệm tất cả vật chất đều biết được. Thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bồn người Nhật là dùng nước, nước biết nhìn, biết nghe, chúng ta khởi tâm động niệm nó biết, đây là thí nghiệm ông ấy làm đã mười mấy năm, là thật không phải là giả dối. Ông đã có rất nhiều lần báo cáo trước liên hợp quốc, tôi đã hai lần tham quan phòng thí nghiệm của ông, chúng tôi cũng là bạn thân. Các nhà khoa học lượng tử nói với chúng tôi không những là nước mà bất kỳ vật chất nào, một hạt cát bụi, Phật nói cho chúng ta, các nhà khoa học cũng thừa nhận, mỗi một tế bào, mỗi một sợi lông trên thân thể chúng ta, đều có thể cảm thọ được những tin tức môi trường bên ngoài. Cũng chính là nói tất cả ý niệm tâm thái của con người, tất cả đều có thể cảm thọ được. Tâm thái tốt, phản ứng vô cùng đẹp đẽ; tâm thái không tốt phản ứng cũng rất không tốt. Cho nên sân nhuế cảm ứng đến là hỏa tai, nhiệt độ trái đất không ngừng tăng lên. Giới khoa học cũng bó tay hết cách. Phật có cách, Phật dùng cách thức gì? Chỉ cần người người đều không nóng giận, nhiệt độ trái đất liền hạ xuống. Sân nhuế cảm ứng đến. Chúng ta những người học Phật biết được nếu như nổi nóng một lần, quý vị xem xem, ngày nay lại tạo nghiệp rồi, nhiệt độ trái đất tăng cao ta cũng có phần. Ngu si chiêu cảm đến là phong tai, cống cao ngã mạn chiêu cảm đến là địa chấn, những điều này trong kinh Phật đã nói. Quý vị liền hiểu được những tai nạn này toàn là tâm thái bất thiện của chúng ta chiêu cảm đến. Cho nên Phật dạy chúng ta bí quyết tiêu tai miễn nạn rất đơn giản, mọi người đều biết, nhưng không dùng đến. Chỉ có hai câu nói: cần tu giới định tuệ, dập tắt tham sân si, vậy là thiên tai không còn nữa. Đối với bản thân chúng ta nếu như quý vị thực sự làm được rồi, tham sân si là gì? Ba độc. Tất cả những vi rút căn bản nếu như tham sân si không còn nữa, trong tâm chúng ta không có vi rút, những vi khuẩn bên ngoài như thế nào cũng không thể lây nhiễm, quý vị sẽ không bị bệnh tật gì cả. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, đây là chân tướng sự thật. Trên thực tế Phật giảng rất rõ ràng, vi rút có năm loại, tham, sân, si, mạn, nghi. Ngạo mạn, hoài nghi, hoài nghi này là hoài nghi đối với thánh giáo. Đây là gốc thật của năm độc. Nhân gặp được duyên bệnh liền phát tác. Duyên là gì? Duyên có hai loại, có nội ngoại. Duyên ở bên trong là oán hận nã nô phiền. Đây là tâm trạng, tâm trạng bất lương. Bên ngoài là gì? Tài sắc danh thực thùỳ làm cho tham, sân, si, mạn, nghi của quý vị bị lộ ra, xong rồi, quý vị liền mắc bệnh, bệnh là đến như vậy. Cách trị liệu thượng thượng thừa

là làm cho nguyên nhân của bệnh tiêu trừ, tức là đoạn tận tham, sân, si, mạn, nghi, vậy là bệnh gì cũng không sinh nữa. Hạ sách là quý vị phải viễn ly những duyên của nó. Nguyên nhân bệnh có rồi, nhất định không được tiếp cận với duyên này. Bên trong luôn duy trì tâm tình nhu hòa, không khởi oán hận nào nộ phiền. Bên ngoài vĩnh viễn xa rời tài sắc danh thực thùỵ. Nội ngoại duyên đều viễn ly cũng được. Nhưng chúng ta xem người hiện tại, họ không những không rời, mà họ vô cùng thân cận, vậy thì phiền phức đến rồi. Cho nên quý vị nhìn người thế gian này những bệnh tật rất kỳ quái, xem môi trường cư trú thiên tai liên miên, do trái ngược với tánh đức. Cho nên chúng ta thấy chư Phật Bồ Tát tự tại.

Hai câu dưới đây nói rất hay, như Phật chiếu tướng thế gian, thường trú tự tịch diệt, nghĩa là thế gian tự tại. Những điều này chúng ta nên học tập. Vì sao vậy? Trong Kinh Hoa Nghiêm thường nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, vậy nếu chúng ta hỏi hiện tại có phải là Phật không? Là Phật. Chẳng qua hiện tại là Phật hồ đồ, là vị Phật mê hoặc điên đảo, chưa giác ngộ. Những lời này đều là thật, không phải là giả. Vì sao vậy? Quý vị có Phật tánh, đang tiếc là mê rồi nên trở thành phàm phu. Lúc nào giác ngộ, lúc nào quý vị quay đầu, quý vị liền trở về tự tánh. Trở về tự tánh là Phật, là Bồ Tát. Phật Bồ Tát quý vị xem xem chiếu tướng thế gian, chiếu là gì? Trí tuệ khởi tác dụng, chiếu thế gian, không phải phiền não. Tác dụng của phiền não là nhiễm ô tướng thế gian. Nó vì sao mà có thể chiếu? Thường trú tự tịch diệt. Tự tịch diệt, tự là tự tánh. Vốn là tướng tịch diệt, thanh tịnh tịch diệt, vốn là như vậy. Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ quý vị xem đoạn thứ nhất nói, “tự tánh thanh tịnh viên minh thể”, đó chính là thường trú tự tịch diệt, đây là chân tâm. Trong chân tâm không có ý niệm. Nó không phải là vật chất, cũng không phải tinh thần, nó ở khắp mọi nơi, nó có mặt mọi lúc, là bản thể của muôn sự vật. Muôn sự muôn vật là do nó biến hiện ra, không có nó, bất cứ pháp nào cũng không thể tồn tại. Hơn nữa xuất hiện là nhất thời đốn hiện. Kinh này giảng đến cuối cùng chúng ta sẽ nói đến pháp thân, chúng tôi sẽ dùng thêm chút thời gian giảng cho quý vị thể nào là pháp thân. Trên thực tế pháp thân chính là tự tánh. Đó là bản thể của vũ trụ vạn hữu, là vấn đề của triết học. Triết học hiện tại ở thế gian, đối với vấn đề này chưa làm rõ ràng. Trong Phật Pháp Đại thừa nói rất thấu triệt. Chúng ta hiểu rõ rồi, sẽ không còn vọng tưởng nữa, viễn ly vọng tưởng, khôi phục thanh tịnh, giống như trong đề kinh này đã nói với chúng ta “thanh tịnh bình đẳng giác”. Đây chính là thường trú tự tại tịch diệt. Giác đó chính là chiếu thế gian. Thanh tịnh bình đẳng là tướng tịch diệt, chúng ta có, không phải là không có. Sáu căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần liền mê thất. Tu hành tu những gì? Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần giác mà không mê. Đây gọi là tu hành, chân tu. Luyện tập, con mắt nhìn đồ vật, nên Kinh Kim Cang nói rất hay. Người Trung Quốc thích Kinh Kim Cang, bất kỳ tông nào, phái nào, người học Phật chưa có ai nói chưa từng đọc qua Kinh Kim Cang, hiện tại có thể có, ngày xưa không có, ngày xưa không có ai nói chưa

từng đọc qua Kinh Kim Cang. Vì sao vậy? Nó rất tiện lợi cho chúng ta dùng công phu quán chiếu, thí dụ như chúng ta nhìn thấy một hiện tượng vật chất, bất luận là thứ gì, quý vị nhìn thấy rồi thích thú, thích thú thì làm sao? Liền muốn chiếm hữu, tức muốn có được nó. Đây là sai lầm. Dùng Kim Cang bát nhã để quán chiếu, đây là thế nào? Phàm có hình tướng đều là hư vọng. Ý niệm này của quý vị không phải là bị dập tắt sao? Nhìn thấy người này đáng ghét, ước gì nhanh chóng tránh xa họ. Quý vị khởi “phàm có hình tướng đều là hư vọng”, tâm quý vị liền bình lặng lại. Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh. Trong Kinh Đại Bát Nhã nói với chúng ta: “nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Quý vị nếu như thường thường dùng phương pháp này, quý vị sẽ dần dần đối với tất cả các hiện tượng được tam muội, được tâm thanh tịnh. Được tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh khởi tác dụng chính là trí tuệ, họ không mê nữa! Không mê thì quý vị liền được tự tại.

Dưới đây, lại Chân Giải nói: dùng thế gian kết hợp với Bát nhã, tự tại tức là nghĩa giải thoát, vương là pháp thân, ba một tương tức, không ngang không dọc, gọi là Thế tự tại vương. Đây là dùng giáo nghĩa Phật Pháp Đại thừa để giải thích Thế tự tại vương. Thế gian phối hợp Bát nhã, không có bát nhã, quý vị sẽ không giải thoát, tự tại chính là giải thoát. Thế gian nhất định phải có bát nhã. Vừa rồi tôi nêu một ví dụ tương ứng với mấy câu nói này. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, cho đến ý biết pháp, đều phải hiểu được tất cả pháp thế xuất thế gian đều là giả. Trong kinh giáo Đại thừa Phật nói với chúng ta “đương thể tức không, liễu bất khả đắc”. Đương thể tức không là gì? Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta, bất luận là hiện tượng vật chất, hay là hiện tượng tinh thần đều từ đâu mà có? Từ trong ý niệm mà có. Niệm này vô cùng vi tế, cho nên Phật hỏi Bồ Tát Di Lặc niệm ở trong tâm, niệm này là chỉ cho phàm phu chúng ta, chúng ta khởi một ý niệm, Phật hỏi Bồ Tát Di Lặc, Bồ Tát Di Lặc là nhà tâm lý học trong Phật Giáo Đại thừa, dùng danh từ này để cho mọi người dễ hiểu. Phật hỏi Bồ Tát một niệm này, một niệm của phàm phu, ở trong đó có bao nhiêu tế niệm tổ thành một niệm này? Có bao nhiêu niệm? Có bao nhiêu tướng? Có bao nhiêu thức? “Mấy niệm, mấy tướng, mấy thức”. Phật hỏi một câu như vậy. Bồ Tát Di Lặc trả lời rằng, một khảy móng tay, một khảy móng tay này thời gian rất ngắn, một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm. Trăm ngàn là đơn vị, một trăm lần một ngàn là một mươi vạn. 32 ức nhân với 10 vạn là 320 triệu. Quý vị xem một khảy móng tay là 32 triệu ý niệm. “Niệm niệm thành hình” hình chính là hiện tượng vật chất, “hình đều có thức” thức chính là hiện tượng tinh thần. Phật môn chúng ta nói ngữ uẩn chính là nói điều này. Niệm niệm thành hình là sắc ở trong năm uẩn. Hình đều có thức là thọ, tướng, hành, thức ở trong năm uẩn. Bất cứ một hiện tượng vật chất nào, niệm niệm thành hình hiện tượng vật chất này, tức là lượng tử mà các nhà lượng tử lực học hiện đại đã phát hiện, còn nhỏ hơn cả lượng tử cơ bản. Họ cũng gọi nó là tiểu quang tử, thời gian tồn tại rất ngắn, chúng ta không thể nào nhìn thấy được, kính

hiển vi tốt nhất cũng nhìn không thấy được. Thứ mà quý vị có thể nhìn thấy được là hiện tượng tích lũy. Hiện tượng riêng lẻ của nó quý vị không thể nào nhìn thấy được. Hiện tại chúng ta tính toán như thế nào. Một khay móng tay là 320 triệu, hiện tại khoa học chúng ta dùng giấy để làm đơn vị, một giây có thể khay được mấy lần? Tôi có thể khay được bốn lần, tôi tin rằng người có khả năng hơn tôi họ có thể khay năm lần. Nếu như khay năm lần, nhân thêm năm lần nữa là 1600 triệu, trong một giây 1600 triệu, quý vị có thể nhìn thấy không? Không thể nào nhìn thấy được. Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều là như vậy. Cho nên quý vị mới hiểu được trong kinh điển Đại thừa nói với chúng ta: phàm có hình tướng đều là hư vọng, nói không sai chút nào. Nó tồn tại hay không? Không tồn tại. Ở đây nói lời chân thật với quý vị. Vì thế quý vị nhất định không được mê lầm ở trong huyền tướng đó. Phật kinh nói rất nhiều ví dụ, trong ví dụ nhiều nhất là mộng, mộng huyễn bào ảnh, lúc nằm mơ dường như có, lúc tỉnh lại thì cái gì cũng không có. Vậy chúng ta hiện tại là gì? Hiện tại là nằm mơ, trong mơ, quý vị chớ cho là thật, quý vị cho là thật quý vị sẽ khổ thôi. Cho là thật thì sao? Cho là thật thì tạo nghiệp. Quý vị tạo nghiệp như vậy là oan uổng rồi, tạo nghiệp liền có quả báo, cho nên tạo nghiệp là oan uổng, thọ báo cũng là oan uổng. Tạo nghiệp bất thiện giống như nằm mơ ác mộng vậy, sợ đến nổi toàn thân mồ hôi lạnh, tỉnh lại rồi hóa ra là một giấc mộng, không phải là thật. Lục đạo phàm phu ngày ngày đều làm những việc ngốc nghếch này, ngày ngày đang nằm mơ ác mộng. Ban ngày thì nằm mơ giữa ban ngày, xưa nay chưa từng tỉnh lại. Người tỉnh táo là như thế nào? Phật Bồ Tát đã tỉnh rồi, họ không còn nằm mơ nữa. Họ biết được tất cả hiện tượng đều là giả, thân mình cũng là giả. Bản thân phân biệt chấp trước khởi tâm động niệm cũng là giả, không có gì là thật. Người này giác ngộ rồi, người này đã giải thoát rồi, người này được đại tự tại rồi. Chúng ta xưng họ là Phật, xưng họ là Bồ Tát. Cho nên quý vị có thể nhìn ra được chân tướng thế gian, chân tướng này trong Kinh Bát Nhã nói thật tướng chư pháp. Điều Bồ Tát Di Lặc nói chính là thật tướng chư pháp, không phải là bảo quý vị, nếu quý vị thấy như vậy là đúng rồi. Không phải, sự thật của nó là như vậy. Thật hiếm có ngày nay các nhà lượng tử lực học đã nói ra cho chúng ta, những gì họ phát hiện được nói ra bản báo cáo này và những điều trong kinh Phật nói giống y như nhau. Ba ngàn năm trước trong kinh Phật đã nói, ba ngàn năm sau những nhà khoa học này phát hiện, chứng tỏ những điều Phật giảng là thật không phải là giả dối. Nhưng những nhà khoa học này vẫn không thể kiến tánh, vẫn là một phàm phu, chẳng qua họ rất thông minh, hiểu được chân tướng sự thật, họ vẫn còn tạo nghiệp, họ không tạo ác nghiệp, họ tạo thiện nghiệp. Nói cách khác, đời sau thành phần sanh thiên tương đối nhiều, họ không thể thành Phật. Vì sao vậy? Những thứ họ hiểu được là giải ngộ không phải là chứng ngộ, là dùng phương pháp số học để suy lý, sau đó dùng thiết bị khoa học để chứng minh. Cho nên đây là thuộc về tri thức không phải là trí tuệ. Phật làm sao mà phát hiện được? Phật không phải dùng số học, không dùng toán học, Phật cũng không cần dùng thiết bị. Phật

dùng là thiên định thâm sâu, từ trong định mà nhìn thấy. Ngài không khởi tâm không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, chân tướng sự thật này liền hiện tiền. Tận mắt nhìn thấy rồi, vậy mới thực sự lợi ích. Được lợi ích gì? Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, thực sự có thể làm được không khởi tâm không động niệm, khởi tâm động niệm đều không còn nữa, thì làm gì có phân biệt chấp trước! Đây gọi là thành Phật. Phật, giống như Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa tại thế vậy, ba mươi tuổi thị hiện cho chúng ta đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, gọi là thành đạo, trí tuệ khai mở rồi, từ đó về sau ngài liền bắt đầu dạy học, dạy một đời đến 79 tuổi viên tịch, nói là giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm, điều này chúng ta phải hiểu cho rõ ràng. Phật Thích Ca Mâu Ni một đời làm giáo dục. Đệ tử Phật ngày nay không nghiên cứu kinh giáo, không chịu nghiêm túc học tập, không chịu theo việc dạy học, đây không phải là đệ tử Phật. Bỏ mất giáo dục đó chính là làm việc mê tín. Mê tín làm sao có thể tồn tại mấy ngàn năm được? Không thể nào. Đặc biệt là hiện nay trong thời đại khoa học thay đổi từng ngày, con người không tin tưởng nữa, cho nên tôn giáo suy rồi.

Tháng sáu năm nay chúng tôi thăm viếng Vatican, gặp mặt giáo hoàng La mã, cùng đối thoại với những đại hồng y này, bàn đến những vấn đề này. Vấn đề này là do họ nêu ra, Hồng y Tauran nói với chúng tôi: những năm lại đây, toàn thế giới người tín ngưỡng tôn giáo, con số này mỗi năm mỗi đi xuống, họ rất lo lắng. Vì sao vậy? Vì khoa học quá tiến bộ. Quý vị nói về thần, sự việc thần kỳ thì quý vị không đưa chứng cứ ra được, họ không tin tưởng. Người trẻ tuổi không tin tưởng, giới học thuật không tin tưởng. Hiện tại những người còn có thể tin tưởng, thấp hương mỗi ngày lay lắt, dường như đều là các ông già bà lão. Những người này tương lai vắng sanh thì sau đó không còn người nữa. Những vị lão hồng y này, tôi xưng họ là lão hồng y, bởi vì tôi nhìn thấy lúc tôi có mặt ở đó có hơn 20 vị hồng y, tôi thấy tuổi tác đều từ 70 trở lên, toàn là người già. Vì vậy lúc đó tôi liền đề xuất tôn giáo phải trở về với giáo dục, quý vị mới có thể tồn tại. Người hiện nay rất hiện thực, tôn giáo đối với xã hội có những cống hiến gì? Cầu nguyện có hữu hiệu hay không? Hữu hiệu, nhưng con người không tin tưởng, dạy học người ta tin tưởng. Cầu nguyện thực sự thật có thiên tai phát sinh, mọi người cùng nhau cầu nguyện có thể làm cho thiên tai này được hóa giải, nhưng người ta không tin tưởng, đó là nói bậy nói bạ, căn bản là không có thiên tai. Quý vị lấy gì làm chứng cứ để biện bác với người ta? Nhưng hiện tại giới khoa học tin tưởng. Cầu nguyện là ý thức tập thể, thực sự có thể thay đổi môi trường. Vậy là có khoa học chứng minh. Nhưng điều này luôn là trị ngọn không trị gốc. Chúng ta rất rõ ràng trị gốc vẫn phải là giáo dục. Giáo dục thì gốc ngọn đều trị. Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế hoàn toàn làm việc giáo dục. Sau này Tổ sư đề xướng những kinh sám Phật sự siêu độ, đó là trị ngọn, so với tính chất cầu nguyện trong các tôn giáo khác hoàn toàn tương đồng. Cho nên không thể không khôi phục giáo dục. Giáo dục tôn giáo khôi phục rồi, thì cống hiến đối với xã hội vô cùng lớn. Vì sao vậy? Xã hội ngày nay trong các loại giáo dục

đều không có môn luân lý, môn luân lý, đạo đức, nhân quả hoàn toàn không còn nữa. Vậy giáo dục tôn giáo đúng lúc lấp vào lỗ hổng giáo dục thế gian này. Giáo dục tôn giáo có thể hoàn toàn làm cho những điều trong kinh điển như giáo dục luân lý, giáo dục nhân quả, giáo dục đạo đức, đầu tiên nhân sĩ tôn giáo phải làm cho được nó, thân hành ngôn giáo bản thân chúng ta phải làm được. Chỉ cần làm được quý vị liền có thể cảm hóa người khác, người khác tự nhiên sẽ học tập theo quý vị. Tôn giáo đối với xã hội sẽ có những cống hiến rất lớn. Quý vị mới có thể vĩnh viễn duy trì tiếp nữa. Bằng không tôn giáo sẽ biến mất khỏi thế gian này. Cho nên đối với thế gian, thế gian này tất cả pháp đều thông đạt rõ ràng. Đó là trí tuệ bát nhã. Sau khi hiểu rõ rồi không còn bị môi trường ảnh hưởng nữa, quý vị liền được tự tại, không bị nó khuấy nhiễu.

Vương là ví dụ, vương là người lãnh đạo cao nhất, họ có thể phát hiệu lệnh, tất cả mọi người đều phải nghe theo ông ấy. Cho nên vương là ý nghĩa tự tại. Những người khác đều là bị ông ấy trói buộc, chỉ có vua mới không có ai trói buộc. Vì thế trong kinh Phật vương ví dụ cho tự tại. Ở đây vương chính là ví dụ cho pháp thân. Đây gọi là ba đức, bát nhã, giải thoát, pháp thân. trong kinh giáo Đại thừa gọi là tam đức mật tạng, đây là ba đức của tự tánh. Trong tự tánh có trí tuệ bát nhã, có giải thoát, có pháp thân. Lúc Huệ Năng đại sư khai ngộ nói, “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, đầy đủ là gì? chính là đầy đủ ba thứ này. Thế Tôn trong Kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta: tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Quý vị xem bát nhã là trí tuệ, giải thoát là đức, pháp thân là tướng, trí tuệ đức tướng, là trong tự tánh của chúng ta vốn đầy đủ, chỉ là hiện tại mê rồi, mê rồi nó vẫn khởi tác dụng. Nó biến chất rồi, bát nhã trở thành phiền não, cho nên trong kinh Phật lại nói phiền não tức bồ đề, bồ đề chính là giác, chính là bát nhã. Mê rồi, bát nhã trở thành phiền não. Giác ngộ rồi, phiền não chính là bát nhã. Lúc mê rồi, đức của chúng ta liền trở thành tạo nghiệp, chứ không phải là giải thoát. Tướng hảo, giác ngộ là pháp thân. Sau khi mê rồi liền trở thành lục đạo. Vì vậy nó vẫn còn khởi tác dụng, tác dụng này bị lệch lạc rồi. Cho nên sau khi giác ngộ rồi, phiền não trở thành trí tuệ, tất cả những tạo tác trở thành đức tướng, trở thành đức. Lục đạo luân hồi này trở thành Cõi Thật báo trang nghiêm. Những thay đổi này đều do tâm thái. Người hiện tại nói tâm thái. Trong Phật Pháp nói tương ưng, tương ưng với tánh đức, đó chính là pháp thân, bát nhã, giải thoát. Không tương ưng với tự tánh tánh đức liền trở thành phiền não, tạo nghiệp, quả báo trong lục đạo luân hồi. Ở chỗ này nhất định phải biết toàn là tự làm tự chịu, không liên quan đến người khác. Nếu như quý vị oán trời trách người, đó chính là tội càng thêm tội. Bản thân quý vị làm, quý vị làm sao có thể đổ lên đầu người khác được? Toàn là tự làm tự chịu. Điểm này không thể không biết. Ba đức này “tam nhất tương tức”, ba tức là một, một tức là ba, là nhất thể, không thể tách rời.

“Bất tung bất hoành, danh thế tự tại vương”, đây là nói về thế gian tự tại vương, là thị hiện của quả giác Như Lai. Trong Kinh Hoa Nghiêm họ chứng đắc Diệu giác vị,

đến thị hiện cho chúng ta. “Là từ trong ba đức niết bàn giải thích danh hiệu của Phật”. Trên đây nói thời cổ đại tất cả đều tùy thuộc vào vương, nên dùng vương để ví dụ cho pháp thân đức. Vào thời xưa nhân dân đối với vương là vô cùng tôn trọng, tôn kính, không có ai không nghe lệnh, cho nên vương ví dụ cho tự tại. Tất cả đều từ pháp thân mà lưu xuất ra, lại mỗi mỗi trở về với pháp thân. Nên nói vương là pháp thân.

Câu cuối cùng này, tất cả đều từ pháp thân mà lưu xuất ra. Đây là nói toàn thể vũ trụ. Sau đó mỗi mỗi đều trở về với pháp thân. Đây là gì? Đây là một vòng tuần hoàn, là một đại tuần hoàn. Chu kỳ của đại tuần hoàn này rất dài, không có cách gì tính toán được.

Người Maya ở Nam Mỹ châu thời cổ đại, họ nói ngân hà có chu kỳ, cách tính lịch của người Maya nổi tiếng trên toàn thế giới, chu kỳ này khoảng hơn 50.000 năm. Ngân hà này chính là mặt trời quay quanh ngân hà một vòng, là một chu kỳ. Ngày chu kỳ này chính là trung tâm của ngân hà, mặt trời và trái đất xếp thành một hàng thẳng. Một chu kỳ hơn 50.000 năm này, chúng ta rất may mắn gặp được rồi đó là năm 2012. Trung tâm của ngân hà là gì? Trong Phật Pháp nói là núi Tu di, trong khoa học nói là lỗ đen, là một lỗ đen rất lớn, nó có sức hút rất lớn, sức hút mạnh. Cho nên người thông thường hiện tại lo lắng, lo sợ là sợ sức hút này sẽ ảnh hưởng đến mặt trời, làm cho bão trên bề mặt mặt trời, gọi là bão mặt trời. Người Trung Quốc cổ đại nói là hắc tử, mặt trời đen. Lúc nó nhả mặt trời ra, vậy là trở thành gió bão rất lớn, trở thành gió bão vô cùng lớn. Gió bão này nếu như nói là muốn quấy nhiễu đến trái đất, vậy thì rất phiền phức. Chúng ta ở trên trái đất này nhìn thấy trái đất này là quay quanh mặt trời nó cũng có chu kỳ. Một chu kỳ 365 ngày, nó có chu kỳ. Chu kỳ của mặt trời đen là 11 năm một lần. Thể tích mặt trời lớn, nó cũng là tự quay, 11 năm một chu kỳ, nhưng có ảnh hưởng, ảnh hưởng không lớn. Lần này gặp được lúc ngân hà xếp thẳng hàng, thì ảnh hưởng sẽ lớn. Mặt trời đen nếu như nói là bạo phát nghiêm trọng, ảnh hưởng đến trái đất. Đầu tiên là thông tin trên trái đất, thông tin vô tuyến toàn bộ bị phá hoại. Giới khoa học tính toán nếu muốn sửa chữa nó cũng phải mất thời gian mười năm mới có thể khôi phục. Giống như hiện nay thái không này những vệ tinh được phóng lên, những vệ tinh này toàn bộ đều bị phá hủy. Đáng sợ hơn là sợ rằng trên trái đất nước biển sẽ dâng lên, tức giống như triều dâng vậy, nó kéo nước biển dâng lên. Điều này rất phiền phức, tức là núi lửa dưới đáy biển và núi lửa trên đất liền, tất cả đều phun trào, thế giới đó không thể tưởng tượng nổi, rất là đáng sợ, sẽ dẫn đến những thiên tai nghiêm trọng. Cách nói này trong giới khoa học hiện nay, có một nửa số người tin tưởng, có một nửa không tin tưởng. Rốt cuộc thiên tai này có thể phát sinh hay không? Vậy chúng ta đợi hai năm nữa sẽ biết thôi. Năm này là năm 2010, sang năm là năm 2011, sang năm nữa là năm 2012. Ngày 21 tháng 12 năm 2012, đến lúc đó xem xem là thật hay là giả. Chúng ta có cách gì để hóa giải tại nạn này hay không? Đáp án là chắc chắn, ngay nhà khoa học cũng chắc chắn, cũng nói với chúng ta nhanh chóng thay đổi tâm thái, đoạn ác tu thiện,

cải tà quy chánh, tai nạn này không thể nào tránh khỏi, nhưng sẽ giảm nhẹ. Nếu như trên trái đất con người biết quay đầu càng nhiều thì thiên tai này càng nhẹ. Giới nhà khoa học hi vọng trên trái đất có bao nhiêu người hồi tâm chuyển ý? Họ tính toán phần trăm nhân khẩu trên trái đất so với căn bậc hai, nhân số cũng khoảng 8000 người. Lấy nhân khẩu trên trái đất hiện tại 6,5 tỷ người để tính, căn bậc hai của một phần trăm thì cũng gần 8000 người. Có được 8000 người đoạn ác tu thiện, sửa lỗi làm mới, đều biết tu đạo của Thánh hiền, tai nạn trên trái đất liền có thể hóa giải thành rất nhẹ, tức không có sự việc nghiêm trọng phát sinh. Tám ngàn người này là Bồ Tát, tám ngàn người này là chúa cứu thế, chúng ta có muốn tham gia hay không? Vậy là phải hỏi bản thân rồi, chúng ta đến chịu nạn hay là đến để cứu nạn? Tôi cũng nghe những người tâm linh nói với tôi, đương nhiên đây chỉ là dùng để tham khảo thôi, không nên nghe lời họ chi phối, người tâm linh nói với tôi, đại tai nạn đến rồi, những người nào có thể miễn nạn? người tâm địa thiện lương, người ăn chay, người niệm Phật, đều có thể tránh được thiên tai này. Những tin tức này lúc tôi nghe được, chúng ta đều phù hợp những điều kiện này, cho nên phải tăng cường, điều này rất quan trọng, phải tăng cường. Thiên tai, nói thật tình, năm 2012 không phải là chung kết của thiên tai, mà là bắt đầu của thiên tai. Càng nghiêm trọng hơn là ba năm về sau, 2012, 2013, 2014, 2015, sau đó trên trái đất này dần dần sẽ khôi phục bình thường trở lại. Cho nên chúng ta phải chuẩn bị trên mặt tâm lý. Người niệm Phật rất tốt! Lần này chúng tôi vì sao lại ngừng giảng Kinh Hoa Nghiêm, để giảng kinh này? Chính là muốn đến cứu thiên tai này. Cứu bằng cách nào? Ngày nay chúng ta bất luận là nó có thiên tai hay không, không nên để trong lòng, không có gì, chúng ta phải đem Phật A Di Đà đặt ở trong tâm, cũng giống như thiền sư Trung Phong nói vậy, tâm ta chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta. Chỉ cần tâm ta là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà và ta là hợp nhất! chúng sanh Phật không hai, ta và Phật là một thể. Thật có thiên tai đến rồi, chúng ta liền đến Thế giới Cực Lạc rồi, nhất định vãng sanh. Nếu còn ở thế gian thì sao? Vậy là chúng ta phải cứu khổ cứu nạn, dùng pháp môn Tịnh Độ khuyên răn chúng sanh, chúng ta làm những sự việc này, không nên coi thiên tai đến nỗi nghiêm trọng như vậy, không nên để thiên tai ở trong lòng, chân thật niệm Phật là được rồi, kinh giáo phải chăm chỉ học tập. Không học tập quý vị không hiểu rõ những đạo lý này. Tình huống này sau khi phát sinh, quý vị không biết xử lý như thế nào, sau khi hiểu rõ rồi trí tuệ quý vị liền xuất hiện. Quý vị sẽ xử lý được rất thỏa đáng. Điều này rất quan trọng! Cho nên sự việc này đối với người học Phật chúng ta mà nói, việc tốt, không phải là việc xấu. Không có kiếp nạn này, chúng ta cho rằng cũng vẫn không sao, học Phật có thể lười biếng cũng được, thời gian vẫn còn rất dài mà, cứ từ từ thôi, tinh thần không phấn chấn lên được. Hiện tại nói với quý vị, biết trước giờ đi, thọ mạng còn bao lâu? Còn có hai năm, quý vị chịu làm hay không? Quý vị nếu làm hai năm liền vãng sanh, quý vị nếu không làm, hai năm quý vị liền đọa ba đường ác, việc này nghiêm trọng rồi. Điều này đối với chúng ta tốt quá

nhiều rồi. Hai năm chúng ta đến Thế giới Cực Lạc để làm Phật rồi, không còn chịu khổ nữa. Đây là gì? Di dân đến Thế giới Cực Lạc, danh từ này nghe hay, kỳ thật vãng sanh chính là di dân. Cho nên con người không có sanh tử, đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là đang sống mà đi, quý vị nhìn thấy Phật A Di Đà đến tiếp đón quý vị, rồi đi theo Ngài. Cái đây thôi này không cần nữa, vứt bỏ thôi, là sự việc như vậy đây. Pháp môn này là pháp môn bất tử, đây là thật, không phải giả, cho nên học Phật phải thật học, phải thật làm, không thể làm giả.

Chúng ta vừa đọc, tất cả pháp đều từ pháp thân mà lưu xuất, lại mỗi mỗi trở về với pháp thân, đây là chân tướng sự thật, đây là một chu kỳ rất dài rất dài. Nhưng Kinh Hoa Nghiêm trong thập huyền môn nói với chúng ta, thời gian là giả, thời gian không phải là thật, cho nên một niệm và một kiếp giống nhau. Vô lượng kiếp có thể trở thành một niệm. Một niệm có thể t hiện thành vô lượng kiếp, vậy là giải quyết được vấn đề thời gian rồi, nó có tính chu kỳ.

Chúng ta nghe các nhà khoa học báo cáo, họ nghiên cứu thế giới hồng quan, thăm dò vũ trụ mà có được kết luận, các nhà khoa học nói với chúng ta, hiện tại khoa học kỹ thuật mới nhất, có thể thăm dò đến vũ trụ, trên thực tế họ nói, chỉ có mười phần trăm của vũ trụ chúng ta có thể thăm dò đến được, còn có 90 phần trăm không thấy nữa, không biết đi đâu rồi. Họ nói những lời này trong tâm chúng ta có dự tính, chúng tôi cười cười, quý vị nói không sai, chín mươi phần trăm đi đâu rồi? Trở về tự tánh, tuần hoàn, nó lại trở về với pháp thân. Cũng tức là tự tánh thanh tịnh viên minh thể là pháp thân, nó lại trở về trong đó.

“Một niệm bất giác mà có vô minh”, đây là trong tự tánh xuất hiện, xuất hiện rồi, xuất hiện, đến cuối cùng tu hành thành diệu giác lại trở về. Cho nên nó đích thực là chu kỳ này, nó có tính chu kỳ. Trên hội Lăng Nghiêm, có Bồ Tát thỉnh giáo với Phật Thích Ca Mâu Ni, phàm phu trải qua vô lượng kiếp tu hành thành Phật, chúng đắc quả vị Diệu Giác, có thể tương lai lại mê không, lại làm phàm phu hay không? Phật nói sẽ không. Phật dùng ví dụ, ví dụ như vàng, vàng ròng là từ trong khoáng chất mà luyện ra được, sau khi luyện ra rồi có thể lại trở về với khoáng chất không? Sẽ không vậy. Phật dùng ví dụ này. Chúng ta nghĩ thử xem, cách nói của Phật ở đây là chân thật nói hay là phương tiện nói? Tôi nghĩ là phương tiện nói. Vì sao vậy? Loại vàng kia quý vị đem nó chôn dưới đất, quý vị chôn nó mấy vạn năm, nó không phải cũng trở thành khoáng chất sao? Không phải là ý này sao. Thế Tôn thuyết pháp thiện xảo, cho nên nói vĩnh viễn sẽ không thay đổi nữa. Nếu như nói vẫn sẽ thay đổi, vậy thì sửa nó để làm gì? Không cần tu nữa, làm cho rất nhiều người mất tín tâm với việc tu hành. Cho nên Phật nói chuyện thiện xảo, cũng có thể nói Phật thuyết pháp là chân thật, thật sẽ không thay đổi. Giống như Thế Gian Tự Tại Vương Phật thành Phật, ngài lại thị hiện thành Phật, ngài không mê. Không mê vì sao phải thị hiện? Chúng sanh có cảm, Phật có ứng. Phật muốn giúp những chúng sanh này, chúng sanh đích thực chưa dừng hết. Vì sao vậy? Trong Hoàn

Nguyên Quán nói ba loại chu biến. Loại thứ hai là “xuất sanh vô tận”, đạo lý này sâu quá, dựa vào tưởng tượng thì nói không thông được. Tôi nghĩ rất lâu, cuối cùng nghĩ ra lúc chúng tôi còn nhỏ, chơi trò kính vạn hoa, cho nên rất nhiều người tặng tôi rất nhiều kính vạn hoa, hình như tôi có đến mười mấy cái, quý vị xem kính vạn hoa đơn giản biết bao, ở trong đó có ba miếng thủy tinh, những miếng vụn màu sắc khác nhau, quý vị chuyển động, quý vị xoay nó, quý vị thấy nó có những đồ án tương đồng với nhau không? Quý vị đem ngày xem nó, xoay một tuần như vậy, không thể phát hiện có hình nào tương đồng. Xoay một năm cũng không nhìn thấy hình ảnh tương đồng. Ở đây nói lên điều gì? Xuất sanh vô tận. Trong tánh đức nó chính là có đặc trưng này. Nó nói hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, ba loại chu biến, thứ nhất là “chu biến pháp giới”, đây là thời không không còn nữa, một niệm chu biến pháp giới, tốc độ này, ánh sáng, điện tử không thể sánh được, ánh sáng mặt trời đến trái đất phải hơn tám phút, niệm này vừa khởi, niệm này là bao lâu? Một giây là một phần của một ngàn sáu trăm triệu, một phần của một ngàn sáu trăm triệu của một giây liền chu biến pháp giới, điều này không thể tưởng tượng. Đặc tính thứ hai chính là “xuất sanh vô tận”, biến hóa vô cùng. Đặc tính thứ ba là “hàm dung không hữu”, ý nghĩa này chính là toàn thể vũ trụ là nhất thể. Hàm không chính là bao gồm hư không, dung hữu chính là tất cả vạn sự vạn vật trong vũ trụ là một thể.

Ba đoạn trước của Hoàn Nguyên Quán là nói về khởi nguyên của vũ trụ, giảng còn hay hơn triết học khoa học của chúng ta ngày nay. Cho nên xuất sanh vô tận này là thực sự là không dễ dàng để lý giải được. Cho nên chúng ta nhìn kính vạn hoa chính là hiện tượng này. Nó vì sao lại có nhiều hiện tượng xuất hiện như vậy? Phật nói rất hay “tâm hiện thức biến”. Thức là gì? Ý niệm. Ý niệm của chúng ta sanh diệt vô lượng vô biên vô số vô tận, niệm trước diệt rồi, niệm sau liền sanh. Nếu như niệm trước diệt mà niệm sau không sanh nữa, thì vũ trụ này không còn. Hiện tượng sanh diệt này cũng giống như điện ảnh vậy. Tốc độ của máy chiếu phim rất chậm, ở chỗ tôi người ta cũng tặng cho tôi đạo cụ. Đây là một cuộn phim, quý vị xem ở trong máy phát, quý vị nhìn thấy từng ô từng ô, mỗi một ô là một ảnh gốc. Máy phát vừa mở ra đó chính là máy chiếu, một tấm ảnh gốc này liền được chiếu lên màn hình, quý vị nhìn thấy rồi, ông kính đó vừa đóng lại, lại đổi một tấm khác, tấm thứ hai, lúc ông kính mở ra, lại đổi một tấm khác, tấm thứ ba, một giây chiếu được 24 tấm. Chúng ta nhìn thấy trên màn hình thì giống như là thật vậy. Hiện tại nói cho quý vị, tự tánh của chúng ta, trong tự tánh, ảnh phim một giây chiếu được bao nhiêu tấm? Một giây là 1600 triệu tấm, quý vị có thể phân biệt tấm nào ở trong đó sao? Sự thật là như vậy, cho nên mỗi tấm đều không giống nhau, không có tấm nào là tương đồng, chỉ có tương tự, tuyệt đối tìm không ra tấm hoàn toàn tương đồng. Cho nên hiện tượng là gì? Tướng tương tự tương tục. Đây là câu nói trong lúc tôi giảng kinh thường dùng để giải thích. Chúng ta nhìn thấy là tướng tương tự tương tục, nhất định không phải là thật. Danh từ mà các nhà khoa học

lượng tử nói, tôi cảm thấy còn tốt hơn là chúng tôi dùng, vẫn dễ dàng hiểu hơn. Họ nói trong vũ trụ này hiện nay chúng ta hiện tượng sáu căn tiếp xúc với sáu trần là gì? Là ý niệm, chính là niệm, huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục. Cách nói này rất hay. Tiểu quang tử mà các nhà khoa học phát hiện, dưới kính hiển vi họ nhìn thấy tiểu quang tử này, không phải là một cái, một cái nhìn không thấy. Thời gian cũng ngắn quá, quý vị không thể nào nhìn thấy được, là tích lũy, quý vị nói một giây tích lũy được bao nhiêu? 1600 triệu, một giây có 1600 triệu. Một phần mười của một giây là 160 triệu. Tôi nghĩ trên kính hiển vi lúc nhìn thấy, có thể nhìn thấy được đó là một phần mười của một giây. Vậy là tốc độ nhanh quá, nhưng trong đó là 1600 triệu lần tích lũy ở trong đó, đơn độc từng cái từng cái một quý vị không thể nào mà nhìn thấy được, không thể nào phát hiện được. Cho nên những phát triển của khoa học đối với Phật Pháp giúp đỡ rất lớn. Những điều trong kinh Phật nói có thể dùng khoa học để làm chứng minh cho chúng ta. Điều này vô cùng quý hóa.

Chúng ta đọc đoạn văn này một lượt, trang 181 hàng thứ hai từ dưới lên. Chúng ta xem từ đây.

“Lại mỗi mỗi trở về với pháp thân”, đây là tuần hoàn, vừa rồi tôi đã nói qua đại ý rồi. “Nên nói vương là pháp thân”, họ dùng điều này để làm ví dụ. “Thông đạt thế gian”, thuộc bát nhã đức, quý vị có thể rõ ràng, quý vị không mê nữa, đây là thuộc về bát nhã. “Tự tại ở đời”, là đức giải thoát. Quý vị không bị tất cả hoàn cảnh làm ảnh hưởng, quý vị mới tự tại. Nên Thế tự tại vương viên niếp ba đức, ba tức là một, một tức là ba, như ba chấm, đây là chữ Phạn, trong chữ Phạn đây là một chữ. Chữ này chúng ta dùng âm của nó gọi là “nhất” “nhất tự tam điểm, bất tung bất hoàn”, chữ này chú vị nếu như muốn hiểu rõ hơn một chút, trong Phật học đại tự điển có, có thể tra để xem, vừa tra là có ngay. Không ngang không dọc, biểu thị cho niết bàn chân thân, vô thượng diệu đức thường lạc ngã tịnh. Thực sự ba dấu chấm này, ý nghĩa của nó cho chúng ta, nó làm cho chúng ta phải thể hội ý, thể hội ý nghĩa của nó, một tức là ba, ba tức là một. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói một tức là nhiều, nhiều tức là một, chính là ý nghĩa này. Một và nhiều này là gì? Một và nhiều là toàn thể vũ trụ. Một không phải là độc nhất, một bất kỳ. Bất kỳ một pháp nào, đều đầy đủ tin tức của toàn vũ trụ. Pháp thân, bát nhã, giải thoát đây là ba đức. Đây mới là ý nghĩa chân thực của nó. Cho nên Niết bàn chân thân, niết bàn chính là pháp thân. Pháp chính là thân, thân chính là pháp. Trong pháp thân này có Thường lạc ngã tịnh. Thường là vĩnh viễn bất biến; lạc là không có khổ; ngã là chủ thể, là tự tại; tịnh là thanh tịnh trước nay chưa hề ô nhiễm.

Lúc Huệ Năng đại sư khai ngộ đã hướng về Ngũ tổ mà báo cáo, nêu ra việc ngài đã minh tâm kiến tánh, Ngài nói năm câu, câu thứ nhất là đầu ngò tự tánh vốn tự thanh tịnh, là chữ tịnh trong bốn đức này. Câu thứ hai là: đầu ngò tự tánh vốn không sanh diệt. Không sanh không diệt là thường. Vĩnh hằng bất diệt đây là thường. Câu thứ ba là: đầu ngò tự tánh vốn tự đầy đủ. Đây là ngã. Kế đến là câu vốn không dao động đó là

tự tánh vốn định. Chúng ta hiện nay một niệm vừa khởi là một niệm diệt đi, đây là vọng tâm. Chân tâm, chân tâm không có niệm. Vì thế trong kinh giáo Đại thừa thường nói “chân tâm ly niệm”, không có niệm. Có niệm là vọng tâm, không phải là chân tâm. Có vọng tâm liền có những hiện tượng này, mười pháp giới y báo chánh báo trang nghiêm chính là ý niệm đó biến hiện ra, nó mới là nhân thật. Câu cuối cùng là: đầu ngò tự tánh năng sanh vạn pháp. Tướng xuất hiện rồi, hiện tượng xuất hiện. Nhân và quả của việc sanh này đều xuất hiện rồi. Năm câu của Ngài rất đơn giản, trên thực tế chỉ là 20 chữ. Vừa nói ra, quý vị xem Ngũ Tổ liền đem y bát truyền cho Ngài. Được rồi, thực sự kiến tánh rồi, không phải là hư dối. Kiến tánh thành Phật. Cảnh giới của Ngài không những siêu việt lục đạo mà còn siêu việt thập pháp giới. Ngài là Bồ Tát của Cõi Thật báo trang nghiêm, không phải là phàm phu nữa. Thế nên pháp thân mới có thường lạc ngã tịnh, gọi là Niết bàn chân thân. Chữ nhất ba chấm biểu thị cho điều này. Thực sự thể hội được, thể hội được điều quan trọng nhất là có thể được thọ dụng. Thọ dụng không được đó chính là trở thành tri thức. Thọ dụng được đó là trí tuệ. Trí tuệ và tri thức không giống nhau. Trí tuệ thực sự được thọ dụng. Tri thức quý vị hiểu rõ nhưng không được thọ dụng. Quý vị mỗi ngày vẫn là sinh sống trong phiền não, sinh hoạt trong lục đạo luân hồi sanh tử. Như vậy là quý vị chưa được thọ dụng. Tri thức không thể nào thường sanh tâm hoan hỷ. Giống như trong Luận Ngũ nói “học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”, niềm vui đó quý vị chưa đạt được. Niềm vui trong Phật Pháp gọi là pháp hỷ sung mãn. Được thọ dụng mới pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Quý vị chưa được thọ dụng thì pháp hỷ ở đâu mà có? Sự sai biệt đó lớn quá. Thọ dụng như thế nào? Sau khi hiểu rõ rồi liền có thể khế nhập. Chư vị Tổ sư thường nói “tiêu quy tự tánh”, thật sao? Thật vậy. Vì sao vậy? Vì nó vốn là từ trong tự tánh sanh ra, nó làm sao mà không thể trở về tự tánh được! Trở về tự tánh liền được đại tự tại. Quý vị thực sự hưởng thụ được rồi.

Tôi niệm Phật, niệm Phật rất an vui. Vì sao vậy? A Di Đà Phật ở trong tâm. Cùng Phật A Di Đà kết hợp thành một thể, thì làm sao mà không an vui được! Quý vị niệm A Di Đà Phật, một ngày niệm 100.000 tiếng, Phật là Phật, ta là ta, không hề liên can gì, thì an vui của quý vị sanh khởi từ đâu được? Quý vị vẫn là phiền não, quý vị sẽ không được an vui. Một tiếng Phật hiệu một tiếng tâm, một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Không giống nhau, cho nên quý vị phải thể hội mới được. Tông môn đại đức thường thường kiểm tra người học, hỏi họ một câu “ngươi biết không?” kỳ thực tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi pháp môn đều như vậy. Vấn đề chính là quý vị có biết hay không? Vậy chúng ta vì sao lại không biết? Chúng ta có chướng ngại, phải thừa nhận. Chướng ngại là gì? chướng ngại đầu tiên là ngã chấp. Không biết bản thân có chân ngã, coi thân là ngã. Chướng ngại này quá lớn rồi. Bởi vì có ngã liền có tự tư tự lợi, liền có danh văn lợi dưỡng, liền có ngũ dục lục trần, liền có

tham, sân, si, mạn. Sự việc này đúng là phiền phức lớn rồi. Quý vị làm sao mà an vui cho được?

Cho nên nhập môn Phật Pháp phải nhập môn từ đâu? Vô ngã. Trong Kinh Kim Cang nói: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, chúc mừng quý vị, quý vị nhập môn rồi. Quý vị xem Kinh Kim Cang xem, thực sự người đầu tiên chúng được bốn vô tướng này là người nào? Là sơ quả Tu đà hoàn. Thật vậy sao? Thật vậy. Vì sao vậy? Tu đà hoàn đã phá kiến hoặc. Kiến hoặc trong kiến tư phiền não đã phá được rồi, họ buông bỏ rồi. Kiến hoặc là gì? Đầu tiên là thân kiến. Không còn cho rằng thân là ta nữa. Thứ hai là biên kiến. Biên kiến là đối lập. Không còn đối lập nữa. Phiền não của người thế gian từ đâu mà có? Từ đối lập. Vì sao không có đối lập? Ta là giả, người cũng là giả, tất cả hiện tượng đều như mộng huyễn bào ảnh, ý niệm có đối lập tức là sai rồi. Vừa có đối lập, quý vị xem lập tức liền sanh khởi không chế, chiếm hữu. Phiền não của quý vị liền khởi lên. Quý vị làm sao mà an vui cho được? Tiếp dưới đây nói với quý vị là thành kiến không còn nữa. Kiến thủ kiến, giới thủ kiến là thành kiến. Điều này người Trung Quốc thường nói là: người nào đó thành kiến rất nặng. Phật chia thành kiến thành hai loại lớn. Một là thành kiến trên nhân, hai là thành kiến trên quả. Giới thủ kiến là thành kiến trên nhân. Kiến thủ kiến là thành kiến trên quả. Thành kiến không còn nữa. Cuối cùng tất cả những kiến giải sai lầm đều không còn nữa, chúng quả Tu đà hoàn rồi, là tiểu tiểu Thánh. Tu đà hoàn chưa xa lìa lục đạo. Họ vẫn còn tới lui bảy lần trên cõi trời cõi người mới có thể chứng đắc quả A la hán. Vậy là siêu việt tam giới rồi. Tam quả A na hàm tu hành trong Tứ thiên thiên, ngũ bát hoàn thiên, tu thành rồi họ liền thoát ly lục đạo. Đó là đoạn tận tư hoặc, lục đạo này sẽ không còn nữa.

Từ đó cho thấy, lục đạo từ đâu mà có? Kiến tư phiền não biến hiện ra vậy, là nhân của lục đạo. Kiến tư phiền não buông bỏ rồi, không còn nữa, lục đạo luân hồi liền không tồn tại, là giả, không phải là thật. Lục đạo, không những lục đạo là hư vọng, nói cho quý vị biết, hướng lên trên Tứ thánh, cũng là giả, cũng không phải là thật. Tứ thánh là Thanh văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, không phải là thật. A la hán kiến tư phiền não đoạn rồi, tập khí còn chưa đoạn, lục đạo không còn nữa, họ ở trong pháp giới tứ thánh, lúc nào tập khí đoạn rồi, họ liền được thăng lên một cấp là Bích chi Phật, tức Duyên giác. Duyên giác tập khí đoạn rồi. Tập khí đoạn rồi chính là kiến tư phiền não đã nhỏ tận gốc. Họ vẫn còn trần sa phiền não. Trần sa phiền não đoạn rồi họ liền thành Bồ Tát, nhưng họ vẫn có tập khí. Tập khí của trần sa phiền não đoạn rồi, họ liền thành Phật, Phật ở trong thập pháp giới. Phật ở trong thập pháp giới quý vị sẽ hiểu được kiến tư phiền não, trần sa phiền não, ngay cả tập khí đều đoạn sạch sẽ rồi. Họ vẫn còn gì? Vô minh phiền não. Vô minh phiền não vừa đoạn họ liền thoát ly thập pháp giới. Họ thực sự thành Phật. Đây là những điều mà tông môn nói là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Họ không còn ở trong thập pháp giới nữa. Thập pháp giới cũng không còn

nữa, cũng là một giấc mộng thôi, không phải là thật. Họ đi đến đâu? Đến cõi Thật báo rồi. Trong cõi Thật báo là người như thế nào ở trong đó? Những người cư trú trong đó Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta là “chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”. Thật vậy, cõi Thật báo là chư thượng thiện nhân, Pháp thân Bồ Tát. Cư dân ở trong đó, trong Kinh Hoa Nghiêm nói là 41 vị pháp thân đại sĩ: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hương, Thập địa, Đẳng giác. Họ trú trong đó, họ trú ở nơi đó.

Viên giáo sơ trụ mới vừa chứng đắc, vô minh phá rồi chứng đắc pháp thân trụ cõi Thật báo, tu hành trong cõi Thật báo, tu hành như thế nào? Đoạn tập khí vô minh. Tập khí vô minh không dễ đoạn, không giống như kiến tư, rất khó đoạn. Trong kinh giáo Đại thừa Phật nói cho chúng ta, trong cõi Thật báo đoạn tập khí vô minh thông thường phải mất bao nhiêu thời gian? Ba đại a tăng kỳ kiếp. Cho nên ba đại a tăng kỳ kiếp là bắt đầu từ ngày chứng đắc viên giáo sơ trụ trở đi đến Đẳng giác Bồ Tát phá tập khí vô minh cuối cùng. Vậy là họ thành Diệu Giác. Quả vị Diệu giác không trú nơi cõi Thật báo, họ trở về với Thường tịch quang. Cho nên Cõi Thật báo cũng không phải là thật. Cuối cùng cái gì là thật? Thường tịch quang là thật. Thường tịch quang là gì? Tự tánh. Là pháp thân thực sự. Vì vậy đây là một vòng tuần hoàn, rất thú vị. Đây là một vòng đại tuần hoàn. Cõi Thật báo trang nghiêm thời gian dài như vậy mà còn tồn tại. Nó nhờ điều gì? Tập khí vô minh vô minh tồn tại. Tập khí không còn, thì nó cũng không còn nữa. Cho nên trong kinh Phật nói: phàm có hình tướng đều là hư vọng. Mà không nói Cõi Thật báo là ngoại lệ, không nói vậy. Cõi Thật báo cũng là hư vọng. Sau đó quý vị mới thực sự hiểu được những lời trong Kinh Bát Nhã nói- sáu trăm quyển Đại Bát Nhã, tôi xem qua một lần, sau khi xem xong tôi tổng kết 12 chữ: nhất thiết pháp - pháp thể xuất thế gian đều bao gồm trong đó - nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc. Quý vị có thể không buông bỏ sao? Quý vị không buông bỏ thì không tự tại, buông bỏ liền được đại tự tại. Quý vị tham thấu điều này rồi, quý vị liền buông bỏ hết. Vậy thân ta còn ở thế gian này, thân ở thế gian quan niệm đã thay đổi. Trước đây ở thế gian này là vì ta, hiện tại ở thế gian này là vì người. Thân thể sống tại thế gian một ngày thì kể như một ngày an vui vô cùng. Sống một ngày này là làm gì? Vì chánh pháp cửu trú, vì chúng sanh khổ nạn, không còn điều gì khác. Dùng điều gì để cứu khổ cứu nạn, để giúp đỡ chúng sanh khổ nạn? Dùng Phật Pháp.

Phật Thích Ca Mâu Ni 49 năm ngày ngày dạy học, đó là vì chúng sanh. Chúng ta đem Phật Pháp thực hành ra cho mọi người thấy, đó là chánh pháp cửu trú. Không có bản thân mới là tự tại, có bản thân thì không tự tại nữa.

Tôi nhớ ngày xưa ở Đài Loan nhìn thấy một quyển sách, sách do pháp sư Lạc Quán viết, viết về những câu chuyện kỳ lạ về Phật sống Kim Sơn. Có một lần, Phật sống Kim Sơn có một tín đồ tại gia, là một người rất giàu có, vô cùng tôn trọng đối với Pháp sư, thích xem tướng đoán số, hôm đó lúc xem tướng rất vui vẻ trở về, đại khái là người xem bói nói với bà ấy, bà số tốt lắm, tương lai đại phú đại quý, con cháu đầy

nhà, bà ta rất vui. Bà ấy báo cáo với Phật sống, Phật sống nghe rồi cười lớn, trò chơi bói toán này ta cũng biết. Hôm đó pháp sư Lạc Quán cũng có mặt, pháp sư Lạc Quán liền hỏi Phật sống Kim Sơn, thật vậy sao? Phật sống, Ngài thực sự biết bói toán sao? Thật vậy, không giả dối tí nào! Ngài nói thế gian đoán số không đáng tin. Ngài nói thế gian có một người đoán số đoán hay nhất, không sai một mảy may nào. Ai vậy? Ngài nói là Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi đoán số không những đoán một mình người, còn có thể đoán được số cả nhà người, đoán số cả một nước, tôi có thể đoán số toàn bộ thế giới, rồi nói ra một đạo lý đoán số, số mạng là gì? Số mạng do nghiệp sanh. Quý vị tạo nghiệp, quý vị tạo thiện nghiệp quý vị được thiện báo, quý vị tạo ác nghiệp quý vị được ác báo, cuối cùng nói thấu rồi là gì? Quý vị chỉ cần hỏi tâm của bản thân quý vị, quý vị liền hiểu được, hà tất phải đi hỏi người khác? Đều bị người ta lừa gạt thôi. Lời của Ngài vị tín đồ kia nghe hiểu rồi, bà ta nói, Phật à, ngài không nói sớm, ngài xem xem con oan uổng làm việc oan uổng quá, bị người ta lừa biết bao nhiêu là tiền rồi.

Thật vậy. Quý vị muốn hỏi tiền đồ của bản thân, không cần hỏi, chỉ hỏi tâm mình. Quý vị khởi tâm động niệm là gì? Không cần hỏi việc kiết hung họa phước, quý vị hoàn toàn hiểu rõ, nếu như quý vị khởi tâm động niệm là thuần chánh, quý vị làm sao không tự tại được, làm sao mà không kiết tường được! Quý vị khởi tâm động niệm vẫn là có tư tâm của bản thân ở trong đó, đó chính là tai nạn. Điều này nói rất hay, làm cho quý vị thực sự giác ngộ. Pháp sư Diệu Thiện chùa Kim Sơn năm xưa, là một người rất tuyệt vời. Tuy biểu diễn thì giống như Tế Công vậy, điên điên khùng khùng, nhưng nói cho quý vị vài câu rất có đạo lý ở trong đó. Điều này trong thế giới hiện tại này động loạn bất an, tai biến dị thường, mọi người đối với việc kiết hung họa phước đều rất quan tâm. Chúng ta nếu như nghe được những lời khai thị của Phật sống Kim Sơn tâm liền vững vàng. Khởi tâm động niệm thuần tịnh thuần thiện. Quý vị làm sao mà có tai nạn! Có lý gì lại như vậy!

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 156

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 03.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 182, hàng thứ hai. Từ câu “Nhu Lai, Ứng Cúng đến Phật Thế Tôn”, ở đây chúng phải phải đọc hết mười hiệu. Mười hiệu ở trong kinh văn, trang

181 hàng thứ nhất. “Nhu Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn”. Chúng ta trở lại xem trang 182 hàng thứ hai.

Mười hiệu này là “thông hiệu của Chư Phật”, Bồ Tát thành Phật đều có mười hiệu này, mười hiệu này là tánh đức. Chúng ta xem: “Tất cả chư Phật đều đầy đủ mười hiệu này. Quả thật chư Phật đức vô lượng, nên đức hiệu cũng vô lượng. Ngày nay tùy theo căn cơ chúng sanh, nên tóm lược mà xưng mười hiệu”. Chúng ta biết Kinh Hoa Nghiêm dùng mười biểu pháp, chữ số từ một đến mười là một con số viên mãn. Nên trong Kinh Hoa Nghiêm, mười không phải là con số, nó tượng trưng cho sự viên mãn.

Nhu trong Kinh Di Đà dùng bảy, bảy cũng không phải con số, cũng là tượng trưng sự viên mãn. Theo cách nói trong kinh này, bảy là bốn phương, trên, dưới, ở giữa. Đây là viên mãn, nó tượng trưng ý này. Nên trong kinh rất nhiều chữ số, thật ra đều là tượng trưng cho sự viên mãn, minh tâm kiến tánh. Tánh đức vô lượng vô biên vô số vô tận. Có một chút khế nhập kinh tạng có thể lãnh hội được, hiện tại sáu căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, loại nào không phải là tánh đức đang thị hiện?

Đức Phật trong lúc dạy học vì phương tiện, quy nạp đức năng đức tướng vô lượng vô biên thành mười loại lớn. Tức là đưa ra một ví dụ để nói, đưa ra mười ví dụ. Thật ra trong mỗi hiệu xưng, đều nói không cùng.

Bên dưới Hoàng Niệm Tổ giải thích: “Mười hiệu này trong sự khai hợp của các kinh, có phần không tương đồng. Ví dụ như Tịnh Ảnh Số”- đây là pháp sư tiểu Huệ Viễn thời nhà Tùy, chú giải Kinh Vô Lượng Thọ của ông. Nghĩa Số_ ở trong nước, ở nước ngoài lưu thông rất rộng. Hiện nay vẫn còn trong năm loại bản dịch, dịch hay nhất. “Ông y theo Thành Thật Luận hợp Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu thành một hiệu, khai Phật Thế Tôn thành hai hiệu”, đây là trong Thành Thật Luận nói.

“Kim”, là nói hiện nay, bản hội tập này của chúng ta, và bản chú giải của Hoàng Niệm Tổ, “y theo Kinh Niết Bàn, Kinh Anh Lạc và Đại Luận”, Đại Luận tức Đại Trí Độ Luận. Y theo những kinh luận này: “Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu phân thành hai hiệu. Đối với Phật Thế Tôn thì hợp lại thành một”, cũng trở thành mười hiệu. “Kinh Niết Bàn hợp thành danh hiệu thứ mười, ngày nay y theo thuyết trong Kinh Niết Bàn”.

Bên dưới Hoàng Niệm Tổ giải thích mười hiệu này, mười hiệu đều là đức hiệu xưng tánh. “Bên dưới phân thành mười hiệu”. Hôm nay chúng ta học cùng nhau học tập, đoạn này rất quan trọng, là thường thức Phật học, nhất định phải biết, mười hiệu này giải thích như thế nào. Hiểu rõ ràng minh bạch sẽ biết những gì trong Kinh Hoa Nghiêm nói, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, câu này rất thú vị. Trí tuệ của Như Lai vô lượng, đức tướng cũng vô lượng. Trong mười hiệu này hiển thị đức tướng.

Thứ nhất. “Nhu Lai: Nhu là chân nhu”. Chân nhu tức là bản tánh, nghĩa là tự tánh. Cũng gọi là pháp tánh, cũng gọi là chân tâm, cũng gọi là đệ nhất nghĩa. Trong kinh Đức Phật nói về vấn đề này, đã dùng mấy mươi danh từ khác nhau, vì sao vậy? Một vấn đề dùng một danh từ là đủ, hà tất nói nhiều như vậy? Đây là phương tiện thiện xảo trong lúc Phật giảng kinh thuyết pháp, vì sao vậy? Vì tất cả đều là giả, không có gì là thật. Đức Phật sợ chúng ta chấp tướng, nên ngài dùng rất nhiều danh từ để hình dung một vấn đề, chỉ cần hiểu là được, còn nói như thế nào cũng không sao. Đây là chân thật nghĩa của Nhu Lai.

Bởi thế trong Đại Thừa Khởi tín Luận, Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta, nên nghe kinh và nghiên cứu kinh điển như thế nào. Ngài dạy cho chúng ta ba nguyên tắc: Thứ nhất là thính giáo, thính giáo nghĩa là nghe giảng kinh, đừng chấp trước vào tướng ngôn thuyết. Nói cách khác, chúng ta xem kinh điển đừng chấp trước tướng văn tự, văn tự là phù hiệu của ngôn ngữ. Đừng chấp trước ngôn thuyết tức đừng chấp trước văn tự, văn tự sâu cạn hay nhiều ít không quan trọng. Chỉ cần nói lên được ý nghĩa là đủ, hiểu được ý là được. Bởi thế trong Tứ y pháp, Đức Phật dạy chúng ta: “y nghĩa bất y ngữ”, điều này rất quan trọng. Thật sự hiểu chân thật nghĩa của Nhu Lai, trong kệ khai kinh nói: “nguyện hiểu Nhu Lai chân thật nghĩa”, đừng nên chấp tướng. Đức Phật nói ra nhiều danh tướng như vậy, là dạy chúng ta đừng chấp vào tướng danh tự, đây là điều thứ hai của Bồ Tát Mã Minh. Điều thứ nhất là đừng chấp tướng ngôn thuyết, thứ hai là đừng chấp tướng danh tự. Tất cả danh từ thuật ngữ đều là giả thiết, đều giúp chúng ta ngộ nhập nghĩa chân thật. Nếu chấp tướng là sai, vĩnh viễn không hiểu được nghĩa chân thật, hiểu được nghĩa chân thật là ngộ nhập tự tánh. Trong tông môn gọi là minh tâm kiến tánh, kiến tánh liền thành Phật.

Mục tiêu sau cùng của giáo dục Đức Phật, nghĩa là dạy chúng ta minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, không có gì khác với ngài, đạt được cảnh giới cứu cánh viên mãn. Bởi thế trong Khởi Tín Luận nói ba nguyên tắc này vô cùng quan trọng.

Thứ ba là đừng chấp tướng duyên tâm, thế nào gọi là tâm duyên? Là vọng văn sinh nghĩa: Tôi thấy điều này, nghe điều này, tôi nghĩ phải giải thích thế này vân vân. Không được. Vì sao vậy? Vì sau khi quý vị nghe xong, liền bị rơi vào đệ lục ý thức. Rơi vào đệ lục ý thức, những gì quý vị học được, thuật ngữ ngày nay gọi là tri thức, ta chỉ học được một ít tri thức Phật học. Đức Phật không dạy chúng ta tri thức, ngài hy vọng chúng ta ngộ nhập trí tuệ. Trí tuệ có thể khởi tác dụng, giúp ta hiểu rõ về chân tướng của vũ trụ nhân sinh, thật tướng các pháp. Giúp chúng ta liễu sanh tử xuất tam giới, chẳng những xuất tam giới, tam giới là luân hồi lục đạo, mà còn vượt thoát thập pháp giới, ít nhất phải đến cảnh giới này. Sau khi siêu việt thập pháp giới, quý vị đến đâu? Đến cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như lai, đó gọi là nhất chân pháp giới.

Bây giờ chúng ta có chút khái niệm, tuy chưa khai ngộ, chưa ngộ nhập. Nhưng huân tập thời gian dài trong kinh điển đại thừa, chưa chứng ngộ, nhưng có một chút giải ngộ. Nói cách khác, đã rõ ràng phương hướng và mục tiêu tu hành, không còn tu hành một cách mù quáng, như vậy đã là rất giỏi rồi.

Cõi thật báo trang nghiêm gọi là nhất chân pháp giới, thật vậy, mười pháp giới thì sao? Mười pháp giới là huyền tướng, là hư vọng. Định nghĩa chân vọng ở đâu? Phật giáo nói chân, định nghĩa của nó là vĩnh hằng bất biến, đây là chân. Vọng thì sao? Vọng tức là thay đổi, vô thường, thay đổi, thay đổi không phải là thật. Nên khi xem Bách Pháp Minh Môn Luận của Tướng Tông, đa phần quý vị đều đã học. Đây là Bồ Tát Thiên Thân rất từ bi, ngài đem Du Già Sư Địa Luận của Bồ Tát Di Lặc, đây là một bộ đại luận chủ yếu của Pháp Tướng Tông- Du Già Sư Địa Luận. Trong Du Già Sư Địa Luận quy nạp tất cả pháp thành 660 pháp, đây là phương tiện trong việc dạy học. Bồ Tát Thiên Thân nói 660 pháp vẫn là quá nhiều đối với hàng sơ học, nên ngài tiếp tục quy nạp 660 pháp thành 100 pháp, gọi là Bách Pháp Minh Môn Luận. Tiếp tục quy nạp, tiện lợi cho hàng sơ học. Trong 100 pháp, 94 pháp trước gọi là pháp hữu vi. Pháp hữu vi là sao? Có sanh có diệt. Sáu pháp sau gọi là pháp vô vi, pháp vô vi là không nhìn thấy sự sanh diệt của nó, đó là pháp vô vi.

Pháp hữu vi, quý vị xem tám thức, mở đầu chính là tám thức và 51 tâm sở. 24 pháp bất tương ưng, 11 sắc pháp, tổng cộng có 94 pháp. Ngoài 11 sắc pháp ra, đó là hiện tượng vật chất, còn lại đều là hiện tượng tinh thần. Vật chất và tinh thần đều là thiên biến vạn hóa, nó không ổn định, vô thường! Đây là giả. 94 pháp trước đều là giả, không phải thật. A lại da là vọng tâm, chân như là chân tâm, chân tâm vĩnh hằng bất biến.

Ngài Huệ Năng đã kiến tánh, minh tâm kiến tánh, chứng được chân như. Tự tánh, chân như nó như thế nào? Ngài báo cáo với Ngũ tổ, nói rất hay, đơn giản nòng cốt. Câu đầu tiên ngài nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, nói rõ chân tâm là thanh tịnh, vọng tâm là ô nhiễm, vọng tâm không thanh tịnh. Thanh tịnh là thật, nhiễm ô là giả. Lại nói với chúng ta rằng: “đâu ngờ tự tánh, vốn không sanh diệt”, không sanh không diệt là thật, có sanh có diệt là giả. A lại da có sanh diệt, nghĩa là tám tâm vương có sanh diệt, 51 pháp tâm sở có sanh diệt, 24 pháp bất tương ưng có sanh diệt, 11 sắc pháp cũng có sanh diệt. Sắc pháp là hiện tượng vật chất, nó đều không phải thật. Còn 26 loại phiền não tâm sở. Đó là trong 51 tâm sở, có thiện tâm sở, thiện tâm sở 11 loại, bất thiện tâm sở 26 loại. Đây là thuộc về 51 tâm sở. Bất luận tinh thần hay là vật chất đều không phải thật.

Trong Kinh Bát Nhã Đức Phật thường nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, tướng này ngày nay chúng ta nói, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên. Tất cả đều không phải thật, không có gì là thật cả, vì sao vậy? Vì nó thay đổi. Con người có sanh lão bệnh tử, sanh lão bệnh tử không phải cứ mỗi mười

năm là khởi biến hóa, cũng không phải mỗi một năm khởi biến hóa. Chân tướng là gì? Chân tướng là biến hóa trong từng sát na. Chúng ta hiện nay là dùng phút giây để tính, mỗi một giây đều đang biến hóa.

Trong Phật pháp nói vô cùng vi tế, vi tế đến nỗi chúng ta không cách nào tưởng tượng được. Nếu nói với các nhà khoa học, họ đều giật mình, xưa nay chưa từng nghĩ đến. Quý vị xem đối thoại của Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi Bồ Tát Di Lặc, vì Bồ Tát Di Lặc là chuyên gia Pháp tướng, là tổ sư của Pháp tướng Duy thức. Đức Phật hỏi ngài: “Tâm hữu sở niệm”. Tâm này là phàm phu, phàm phu khởi ý niệm. Điều này mỗi người chúng ta có thể phát giác được, tôi đã khởi ý niệm, đã động ý niệm. Phật hỏi Bồ Tát Di Lặc, trong ý niệm này có bao nhiêu niệm nhỏ, có mấy niệm, có mấy tướng, có mấy thức? Hỏi mấy niệm là hỏi động, ý niệm là động, tức là tâm đã động, thông thường chúng ta gọi là khởi tâm động niệm, hỏi điều này. Trong động nó liền sản sanh hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần. Hỏi tiếp mấy tướng, tức là mấy tướng phần; mấy thức, ngài hỏi mấy thức. Thức là gì? Là thọ tướng hành thức. Vật chất, vật chất là sắc. Quý vị xem sắc thọ tướng hành thức, trong kinh luận đại tiểu thừa gọi là ngũ uẩn. Ngũ uẩn nói ở đâu? Nói ở chỗ khởi tâm động niệm. Bồ Tát Di Lặc trả lời, thật ra một người hỏi một người trả lời, là nói để chúng ta nghe, khiến chúng ta giác ngộ. Không thể không biết điều này, các ngài là đang dạy học. Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có bao nhiêu niệm? 32 ức 100 ngàn niệm. Đơn vị là trăm ngàn, trăm ngàn là mười vạn. 32 ức nhân mười vạn, người xưa gọi là 320 triệu, một khảy móng tay có 320 triệu niệm. Đức Phật hỏi ba vấn đề, có bao nhiêu niệm? Có 320 triệu niệm vi tế, bao nhiêu tướng? Bồ Tát Di Lặc nói: “Niệm niệm thành hình”, tướng nghĩa là vật chất, hiện tượng vật chất, trong mỗi ý niệm đều có hiện tượng vật chất. “Hình đều có thức”, trong mỗi hiện tượng vật chất đều có kiến văn giác tri. Dùng Duy thức để nói, là vì họ mê; từ tự tánh mà nói là kiến văn giác tri; trong A lại da mà nói là thọ tướng hành thức, là hiện tượng tinh thần. Một giây chúng ta có thể khảy mấy lần? Tôi có thể khảy bốn lần, nhưng tôi tin có người khảy nhanh hơn, vì sức khỏe họ tốt hơn, tuổi tác trẻ hơn nên họ khảy nhanh hơn. Nếu họ khảy được năm lần, một giây có bao nhiêu ý niệm? 320 triệu, nhân năm, là 1600 triệu niệm, một giây có 1600 triệu ý niệm. 1600 triệu niệm trên một giây, đó gọi là một niệm. Đây chứng minh điều gì? Sự biến đổi khôn lường, nên nó không phải thật.

Toàn thể vũ trụ, sáu căn chúng ta có thể tiếp xúc được, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân có thể tiếp xúc được. Ý niệm tư duy của chúng ta tưởng tượng cũng có thể tưởng tượng được, đây là đệ lục ý thức, công năng này rất lớn. Đối với bên ngoài nó có thể duyên đến vũ trụ, toàn thể vũ trụ, đối với bên trong nó có thể duyên đến A lại da, nhưng không duyên được tự tánh. Trong Phật pháp gọi đây là giới hạn của tri thức, giới hạn của tri thức bao lớn? Đó chính là Đức Phật nói điều này, đối với bên ngoài có thể duyên đến hư không vũ trụ, đối với bên trong có thể duyên đến A lại da, không thể

kiến tánh. Vì sao vậy? Vì đệ lục ý thức là vọng tâm, vọng không duyên được chân, chân biết vọng nhưng vọng không biết chân, đạo lý là như vậy. Chân gọi là trí tuệ, vọng gọi là tri thức, đây là điểm khác nhau giữa tri thức và trí tuệ.

Đức Phật dạy chúng ta khai trí tuệ, trí tuệ từ đâu mà có? Trong tự tánh vốn có, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ của Như Lai. Đức nghĩa là đức năng tướng hảo, trong tự tánh mọi thứ đều đầy đủ, không có cái gì chẳng phải là tự tánh.

Quý vị xem trong Phật giáo có khoa học có triết học, hiện nay những vấn đề khoa học và triết học không thể giải quyết, trong Phật pháp đều có phương pháp giải quyết. Bản lĩnh của họ cũng rất đáng nể, là nói các nhà khoa học hiện đại, chúng ta không thể không khâm phục. Các nhà khoa học nghiên cứu vũ trụ vĩ quan, trong báo cáo của họ nói rằng, họ phát hiện toàn thể vũ trụ. Trong báo cáo nói có thể tiếp xúc được, tức là thấy được, thực tế chỉ có 10% của vũ trụ, còn 90% không thấy. Làm sao để biết được 90% đó? Nhất định là toán học, toán học là chiếc nôi của khoa học. Trong toán học phát hiện toàn thể vũ trụ, nhưng trên thực tế dùng máy móc tinh vi để quan sát, thám hiểm thái không để quan sát, chỉ có thể thấy được 10%. 90% còn lại đi về đâu? Đều không nhìn thấy. Khi nghe họ nói như vậy, chúng ta nghe xong cảm thấy rất thú vị, chúng ta biết nó đi về đâu. Trong kinh Đức Phật có giải thích, nhưng khi chúng ta chưa nghe được báo cáo này của khoa học, chúng ta cũng rất mơ hồ đối với giải thích đó. Khi nghe được báo cáo của khoa học, chúng ta hoát nhiên đại ngộ, nó đi về đâu? Trở về tự tánh, tự tánh trong Tịnh độ tông gọi là thường tịch quang Tịnh độ. Thường tịch quang Tịnh độ, nó không phải tinh thần, cũng không phải là vật chất, sáu căn chúng ta không tiếp xúc được. Có thể tiếp xúc được vật chất là nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, có thể tiếp xúc được vật chất. Tinh thần thì đệ lục ý thức có thể duyên đến được, nó không phải tinh thần nên đệ lục ý thức không duyên đến được. Không phải vật chất, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân không duyên đến được. Nó ở đâu? Nó tồn tại mọi lúc mọi nơi, đây là thường tịch quang. Vấn đề này trong triết học gọi là bản thể của vũ trụ vạn hữu.

Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói, toàn thể vũ trụ, bao gồm Phật pháp giới là “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Duy tâm sở hiện không có duy thức sở biến, đó là nhất chân pháp giới, là cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai, là duy tâm sở hiện. Thập pháp giới, thập pháp giới là duy thức sở biến. Đương nhiên là duy tâm sở hiện, thêm vào duy thức. Thức là gì? Thức là phân biệt chấp trước, nên từ phân biệt chấp trước biến hiện ra mười pháp giới, nó đều là giả, không phải thật.

Nhất chân pháp giới là thật chẳng? Nhất chân pháp giới cũng không phải thật, nhưng nó không thay đổi. Cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai, sanh vào cõi đó là hóa sanh, không phải thai sanh, cho dù mấy ngàn tuổi, mấy vạn tuổi cũng không suy lão. Ngạn ngữ nói, nói nhà Phật: “Bồ Tát Bồ Tát niên niên thập bát”, đây là thật. Cho nên ở thế giới Cực Lạc rất kỳ lạ là con người không bị suy lão, thọ mạng rất dài. Rốt cuộc là dài bao nhiêu? Trong kinh Đức Phật đã nói chứ chẳng phải không nói.

Tuy Đức Phật không nói đến điều này, nhưng nói thọ mạng là vô lượng thọ, quả thật là vô lượng thọ. Nhưng Đức Phật lộ ra cho chúng ta một tin tức: Bồ Tát vừa mới khai ngộ, minh tâm kiến tánh, địa vị này là Viên giáo sơ trụ trong Kinh Hoa Nghiêm. Bắt đầu từ hôm nay, họ đoạn tận cả ba loại phiền não, đoạn tận kiến tư phiền não, đoạn tận trần sa phiền não, cũng đoạn tận vô minh phiền não. Tập khí của trần sa vô minh cũng không còn, nhưng tập khí vô thi vô minh vẫn còn, chưa đoạn tận tập khí. Đoạn tận vô thi vô minh, vô thi vô minh là gì? Là khởi tâm động niệm. Chư vị thử nghĩ xem, không khởi tâm không động niệm, còn có gì sai biệt chăng? Không có sai biệt. Không khởi tâm không động niệm, không phải là bình đẳng rồi sao? Còn có gì sai biệt! Không có sai biệt, vì sao Thế Tôn nói với chúng ta trong cõi thật báo có 41 địa vị, 41 vị pháp thân đại sĩ? Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Đẳng giác. 41 địa vị này trú trong cõi thật báo trang nghiêm, như vậy không phải là có giai cấp ư? Cuối cùng chúng ta đã nghe hiểu, nghe minh bạch, địa vị này không thể nói có, cũng không thể nói không. Vì sao không thể nói có? Họ không còn khởi tâm động niệm, đương nhiên không có phân biệt chấp trước, như vậy làm sao có địa vị được? Là bình đẳng! Tuy bình đẳng, nhưng người trú trong cõi đó, thời gian dài ngắn khác nhau. Khi mới đến, mang theo tập khí rất nặng, ở lâu tập khí dần dần nhẹ đi. Chúng ta đã hiểu, nói 41 địa vị là do tập khí dày mỏng khác nhau. Nhưng tập khí cũng không sao, nó không chướng ngại, quý vị không nhận ra. Khi đoạn tận tập khí, đoạn tận cõi thật báo trang nghiêm liền biến mất. Cõi thật báo trang nghiêm là tập khí vô thi vô minh chiêu cảm nên. Đoạn tận tập khí, họ đến Diệu giác vị. Diệu giác vị đi về đâu? Diệu giác là trở về thường tịch quang. Nghĩa là các nhà khoa học nói đến 90% vũ trụ không nhìn thấy, đó là gì? Đã thành Phật, lại trở về thường tịch quang, đương nhiên quý vị không tìm được họ. Họ khởi tác dụng chăng? Khởi tác dụng, đó là diệu dụng vô cùng, chúng sanh có cảm, họ liền hiện hình, cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh.

Mục tiêu dạy học sau cùng của Phật giáo, là khiến chúng ta trở về thường tịch quang. Nhưng trước khi trở về thường tịch quang, theo một số tư tưởng là tập khí vô thi vô minh, phải ba đại a tăng kỳ kiếp mới đoạn hết. Cũng chính là nói rõ, Bồ Tát trong cõi thật báo trang nghiêm vô lượng thọ, thực tế là ba đại a tăng kỳ kiếp, tập khí của họ mới đoạn tận hoàn toàn. Không có phương pháp nào đoạn tận tập khí vô thi vô minh. Các bậc cổ đức thường nói: Chỗ này không dùng lực được. Vì sao vậy? Khi ta dùng lực, không phải lại có phân biệt chấp trước rồi sao? Như vậy lập tức liền đọa lạc. Nghĩa là hoàn toàn đừng để ý đến nó, cứ mặc nó, thời gian lâu tự nhiên không còn, chính là như vậy. Đây là chúng ta hiểu rõ về bốn cõi.

Mê từ đâu mà có? Từ cõi thường tịch quang, thường tịch quang là tự tánh, nhất niệm bất giác liền xuất hiện A lại da, tức thêm vọng tâm vào. Vọng tâm là nương vào chân tâm mà sanh khởi, đây là càng vào càng sâu, càng ngày càng mê, chính là như vậy. Giống như một sự tuần hoàn lớn, quý vị xem từ tự tánh mê, đến sau cùng ngộ

nhập lại trở về tự tánh. Là đại tuần hoàn, rất thú vị! Nhưng sự tuần hoàn đầu tiên_đây cũng không có thứ nhất thứ hai, không có khái niệm này, sự thật cũng không có. Sau khi trở về, lại khởi cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh, còn mê chăng? Không mê, vì sao vậy? Vì họ đã được đại tự tại. Những vấn đề này trong Kinh Hoa Nghiêm có nói, nhưng thật may mắn, quốc sư Hiền Thủ căn cứ vào những gì Kinh Hoa Nghiêm nói, viết ra một bài luận văn là Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, gọi là Tu Hoa Nghiêm Yếu Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Bài luận văn này không dài, nhưng đã nói ra được tất cả những điều cốt tủy trong này, khiến chúng ta lập tức hiểu được vũ trụ từ đâu mà có? Sanh mạng từ đâu mà có? Tôi từ đâu mà có? Thấu hiểu hoàn toàn. Ta và chúng sanh có quan hệ gì? Ta và Chư Phật Như Lai có quan hệ gì? Ta và địa cầu này có quan hệ gì? Hoàn toàn minh bạch. Đây đều là vấn đề sau cùng mà khoa học và triết học không giải quyết được, nhưng trong kinh Phật đều có, là đại học vấn!

Lúc tôi học Phật, là theo học triết học với thầy Phương, thầy dạy tôi về Triết Học Khái Luận, mục sau cùng là Triết Học Phật Giáo. Thầy nói với tôi: Đức Thế Tôn là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới, triết học Phật giáo là triết học đỉnh cao nhất trên toàn thế giới. Sau cùng thầy nói: Học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Tôi là vì mấy câu nói này, mới có thể hóa giải được rất nhiều ngộ nhận trước đây. Trước đây không biết cho rằng Phật giáo là Tôn giáo, mà còn cho rằng nó là Tôn giáo cấp thấp, là đa thần giáo, phiếm thần giáo, cái gì cũng lể lạy, mê tín trong mê tín, nên xưa nay chưa từng tiếp xúc. Thầy vừa nói chúng tôi liền hiểu rõ, mới hiểu được trong Phật giáo có triết học cao cấp. Học bao nhiêu năm, bây giờ mới biết không những là triết học cao cấp mà còn là khoa học cao cấp. Ngày nay vấn đề khoa học và triết học không giải quyết được, kinh Phật đều giải quyết được. Chúng ta không thể không biết chân tướng sự thật này.

Quý vị xem có một số người đối với Phật pháp có sự ngộ nhận sâu sắc! Đối với bản thân Phật giáo không có tổn thất, nhưng người ngộ nhận tổn thất rất lớn, họ không tiếp xúc, không chịu học. Học Phật có lợi ích gì? Lợi ích rất nhiều. Lợi ích hiện tại đạt được như thầy Phương nói: Hưởng thụ cao nhất của đời người. Nói cách khác, như Không phụ tử nói: “học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”, rất an vui! Dùng kinh Phật để nói, thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Quý vị xem quý vị an vui biết bao, tự tại biết bao, hạnh phúc biết bao! Niềm vui này không liên quan đến sự giàu nghèo.

Đức Thế Tôn thị hiện cho chúng ta thấy, ngài là Vương tử, từ bỏ vương vị để xuất gia tu học, sống cuộc đời khổ hạnh tăng. Chúng ta gọi là khổ hạnh tăng, trên thực tế ngài vô cùng an vui, đâu có khổ! Chúng ta thấy ngài rất khổ, ngày ăn một bữa, ba y một bát, đi chân đất, sống cuộc đời lưu lạc, suốt đời không xây dựng đạo tràng, ở đâu có nhân duyên thì đi đến đó, an lạc vô cùng. Đêm ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa, quả thật rất tự tại!

Từ đây biểu hiện ra, thân thể của ngài là thân kim cang bất hoại, đây là nói tự thân ta hưởng thụ. Hoàn cảnh cư trú, sơn hà đại địa, không có bất kỳ thiên tai nào xảy ra, là người có phước. Ngài đem những học sinh này, quý vị xem trong kinh điển thường nói, có 1255 người, đây đều là người có đại phước đức. Người phước ở đất phước, đất phước người có phước ở. Nên ngài không ở một chỗ, ngài đi đến khắp nơi, để những nơi đó đều trở thành đất phước, đây là đại từ đại bi. Chúng ta chưa thâm nhập, thì hoàn toàn không hiểu được những cảnh giới này.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Lão, câu đầu tiên ông nói: “Thừa đạo chân như lai thành chánh giác”, đây gọi là Như Lai. Tiếp theo nói: “Hựu như Chư Phật an ổn đạo lai, thử diệt Như lai lai, cánh bất khứ chí hậu hữu trung, cố danh Như Lai”. Ý này chính là nói, họ với Chư Phật giống nhau. Giống như Như Lai vậy, đến thế gian chúng ta khác với phàm phu chúng ta. Phàm phu chúng ta là từ trong lục đạo đến, luân hồi lục đạo, trong lục đạo triển chuyển thọ thân mà đến.

Hậu hữu, ở dưới nói càng không đi đến hậu hữu. Hậu hữu nghĩa là sau khi chết quý vị vẫn còn, đây là nói luân hồi chưa đoạn. Chúng ta không hiểu được đạo lý này, đích thực rất phiền phức. Đây là chân tướng sự thật, nó không phải mê tín. Ngày nay chúng ta thấy những điều này trong kinh Phật, quả là khoa học và triết học rất đáng nể. Nếu chúng ta muốn hỏi, làm sao Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biết được? Lúc đó chúng ta thấy chưa có sự cao thâm của toán học, không thấy, có chăng? Có, nhưng rất ít người biết, cũng không có những máy móc của khoa học kỹ thuật. Những máy móc tinh vi hiện nay, lúc đó đều không có, vậy sao ngài biết được? Đức Phật nói với chúng ta, mỗi người chúng ta đều có bản năng giống như Chư Phật Như Lai, trí tuệ, năng lực, tướng hảo, bản năng có! Vì sao hiện nay không có? Đức Phật cũng có câu nói rất rõ ràng: Vì có vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được. Rắc rối của chúng ta là gì? Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chướng ngại bản năng của chúng ta. Bị chướng ngại phải chăng không khởi tác dụng? Không phải, vẫn khởi tác dụng như thường, nhưng tác dụng lệch lạc. Trí tuệ chúng ta trở thành phiền não, phiền não vô lượng vô biên. Phiền não là trí tuệ biến hiện ra, biến hiện như thế nào? Vì ta có vọng tưởng phân biệt chấp trước, biến trí tuệ thành phiền não, biến đức năng thành tạo nghiệp, biến tướng hảo thành tam đồ lục đạo. Biến, đã biến chất, chứ không phải không có. Một khi giác ngộ, một khi giác ngộ phiền não liền khôi phục thành trí tuệ, tạo nghiệp liền biến thành đức tướng. Chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới phổ độ chúng sanh, hoàn cảnh cư trú trở thành thế giới Cực Lạc. Thân thể mình biến thành thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẽ đẹp. Đức Phật nói rất hay: Tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Toàn thể vũ trụ đều là tâm tướng sanh, thân thể cũng như vậy. Tâm thái quý vị đoan chánh, thân thể liền mạnh khỏe, tướng hảo sẽ tốt, hoàn cảnh cư trú cũng không có thiên tai. Nếu như tâm thái không tốt, trái với tánh đức thì rất nhiều thiên tai đều xuất hiện, như vậy thì rất phiền phức. Vì thế khi hiểu được đạo lý này,

thấu triệt chân tướng sự thật. Chúng ta mới biết sanh trong thế gian này, bất luận gặp phải điều gì đều phải biết, là tự làm tự chịu, không liên quan đến bất cứ ai. Điểm này quan trọng ta phải thấu triệt nó mới có thể nhập Phật môn, mới thật sự trở về tự tánh. Trở về tự tánh là con đường thành Phật! Chúng ta ngay trong đời này, phương hướng rõ ràng, mục tiêu rõ ràng, không chút mơ hồ. Quý vị nói cuộc đời này có ý nghĩa biết bao, cuộc đời này giá trị biết bao, không hề có chút mê tín nào trong đây, là trí tuệ chân thật. Trong kinh này nói ba loại chân thật: Chân thật rốt ráo, trí tuệ chân thật, lợi ích chân thật, đây là lợi ích, pháp thế xuất thế gian không thể sánh được. Quý vị xem những thứ này đều ngay trước mắt, không học đáng tiếc biết bao. Vì sao không học? Vì không nhận thức, không thấu hiểu. Mượn một câu Phật pháp để nói: Thiện căn phước đức nhân duyên của họ, không có thiện căn phước đức nhân duyên không được.

“Lại như Chư Phật Như Lai mà đến, nên gọi là Như Lai”, chính là nói kim Phật và cớ Phật không có gì khác. Kiến tánh, thật sự bình đẳng, thật sự viên mãn, thật sự cứu cánh. Bất luận là trí tuệ, đức năng hay tướng hảo. Nên nói “Phật Phật đạo đồng”, thật sự bình đẳng, không có cao thấp. Không những chúng ta đối với tất cả hữu tình chúng sanh không có cao thấp, mà đối với động vật, sơn hà đại địa, hiện tượng tự nhiên, tất cả đều bình đẳng, vì sao vậy? Vì toàn là tự tánh hiện ra, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Tâm này là chân tâm và vọng tâm đều bao hàm trong đó. Dùng một chữ để tượng trưng, chân tâm năng hiện, vọng tâm năng biến, mà hiển hiện ra là nhất thời đốn hiện, không có trước sau. Đây là thật.

Hỏi Phật làm sao biết được? Đức Phật từ trong định biết được, không cần dùng toán học, không cần dùng máy móc khoa học, ngài nhập định biết được. Nhập định còn một điều rất tuyệt, dùng máy móc khoa học không thể đột phá tầng không gian, thiền định có thể đột phá tầng không gian. Không gian có tầng chăng? Không có tầng, biến pháp giới hư không giới vốn là nhất thể. Tầng không gian từ đâu mà có? Từ phân biệt chấp trước, nếu có phân biệt chấp trước là có tầng không gian, không có phân biệt không có chấp trước tầng không gian liền biến mất. Bởi vậy trong thiền định không có tầng không gian, quá khứ hiện tại vị lai đều ở trước mặt. Không gian không có, nghĩa là không có khoảng cách, thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở ngay trước mắt, thế giới Hoa Tạng ở đâu? Cũng ngay trước mắt, không có khoảng cách. Thời gian không có, vô lượng kiếp trước cũng ngay hiện tiền, vô lượng kiếp sau vẫn ngay hiện tại, ta thấy được tất cả. Điều này khoa học không đạt được. Vì vậy Phật pháp coi trọng thiền định, thiền định là mấu chốt tu học trong Phật pháp. Giới luật là phương tiện, là giúp ta tu định, mục đích tu định là khai trí tuệ. Năm chữ trong phần sau của đề kinh này, chính là nói đến ba tầng lớp của sự tu hành, đều thuộc về thiền định. Thứ nhất là thanh tịnh, tâm thanh tịnh hiện tiền. Thứ hai là tâm bình đẳng hiện tiền, bình đẳng sâu hơn thanh tịnh. Sau cùng là giác, giác mà không mê, đại triệt đại ngộ hiện tiền. Ba tầng lớp này, phân phối trên thân của ba hạng người. Được tâm thanh tịnh là A la hán, được tâm bình đẳng

là Bồ Tát, đại triết đại ngộ là Phật. Như vậy mục tiêu tu hành của chúng ta đã rất rõ ràng. Mục tiêu tu hành đầu tiên của chúng ta, chính là phải được tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh không có vọng niệm, trong tâm thanh tịnh không có chấp trước, không có phân biệt thô, nhưng có phân biệt vi tế. Phân biệt vi tế đều không có, như vậy là thành Bồ Tát, trí tuệ hiện tiền, chuyển phiền não thành bồ đề. Cho nên trí tuệ đức tướng đều tương đồng với Chư Phật. “Như Chư Phật mà đến”, đây gọi là Như Lai.

“Hợp Tán lại nói, phẩm Phạm Hạnh trong Kinh Niết Bàn nói”, đây là phẩm phạm hạnh trong Kinh Niết Bàn nói: “Vì sao gọi là Như lai? Như những gì Chư Phật quá khứ nói không hề thay đổi, vì sao không thay đổi? Chư Phật quá khứ vì độ chúng sanh mà nói 12 bộ kinh. Như Lai cũng như vậy, nên gọi là Như Lai”, đây là từ trên phương diện dạy học mà nói.

Tất cả Chư Phật vì sao đến thế gian này? Ở đây chúng ta nhất định phải biết, Chư Phật này họ ở cõi thường tịch quang. Chúng ta không cần chữ “cõi” này, họ là thường tịch quang, thường tịch quang là tự tánh. Ở trước có nói đến, trong này không có bất kỳ hiện tượng nào, nhưng không thể nói nó không. Điều này trong triết học nói là bản thể của vũ trụ vạn hữu. Tuy triết học nghiên cứu vấn đề này, nhưng mãi đến nay vẫn không có định luận, vì sao vậy? Vì cách nói của họ, đều không thể khiến người tâm phục khẩu phục, duy chỉ có Phật pháp.

Bản thể là gì? Bản thể tên gọi là thường tịch quang, tên gọi là pháp tánh, gọi là tự tánh, gọi là chân như, Đức Phật đã nói năm sáu mươi danh từ. Bản thể là thật, nó không có hình tướng, nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần. Quý vị không tiếp xúc được, nhưng nó ở ngay trước mắt, mọi lúc mọi nơi. Vì không có nó thì không thể hiện tượng, tướng là nó hiện. Sự biến hóa của hiện tượng, đó là A lại da thức khởi tác dụng, nếu A lại da không khởi tác dụng, thì tướng này không thay đổi, đó nghĩa là cõi thật báo. Trong cõi thật báo không có A lại da, đã chuyển A lại da thức thành tứ trí bồ đề. Cho nên trong thế giới Cực Lạc, con người không thay đổi, trẻ mãi. Cây cỏ hoa lá vĩnh viễn xanh tươi, nó không bị điêu tàn, nên gọi là nhất chân. Không như mười pháp giới, không như lục đạo, bốn mùa xuân hạ thu đông đều khác nhau.

Đức Phật xuất hiện ở thế gian này là nói thường tịch quang, xuất hiện như thế nào? Chúng sanh có cảm, ngài liền có ứng, vì sao vậy? Vì chúng sanh với ngài là nhất thể, Chư Phật Như Lai là nhất thể. Nhất thể, nên hình tướng đều không có, không có hình tướng. Thông thường chúng ta gọi là luân hồi, gọi linh tánh vẫn còn hình tướng, tự tánh không có hình tướng. Tự tánh, thông thường chúng ta nói là tự tánh của chúng ta, có thể nói như vậy, không phải không đúng. Nhưng ta chưa thật sự lý giải, khi lý giải, chữ “ta” sẽ không còn. Có cái ta, là còn có phân biệt, còn có chấp trước. Tự tánh nghĩa là tự tánh.

Cổ nhân có câu: “Bản tánh vốn thiện”, câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh nói: “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”, thiện ở đây không phải thiện của thiện ác, thiện đây là

gì? Cùng một ý nghĩa với “tánh” trong kinh Phật nói. Nó đầy đủ tất cả, không thiếu điều gì. Đức Phật nói rất cụ thể là trí tuệ, đức tướng. Mọi lúc mọi nơi, trong tất cả vạn vật không có gì không đầy đủ. Nhỏ như hạt bụi_đây là trong kinh nói_một hạt bụi này bây giờ chúng ta đã hiểu, là gì? Hiện nay các nhà lượng tử lực học gọi là lượng tử, tiểu quang tử còn nhỏ hơn so với hạt căn bản. Chỉ lớn tí ti như vậy, mắt thịt chúng ta không nhìn thấy rõ. Phải dùng kính hiển vi cao độ mới phát hiện được nó, mới nhìn thấy.

Nhất niệm này, thời gian ngắn như thế, nhưng tướng nó hiện ra là biến pháp giới hư không giới, tất cả mọi hiện tượng đều ở trong đó. Giống như nó thu nhỏ lại trong đó, nhưng không có gì khác với vũ trụ bên ngoài. Bồ Tát Phổ Hiền chứng minh cho chúng ta thấy, vì sao vậy? Vì ngày từng vào đó, ngài đã đi vào thế giới trong vi trần. Ngài nói với chúng ta: Trong thế giới vi trần đó còn có vi trần, trong vi trần đó còn có thế giới, trùng trùng vô tận! Khiến chúng ta nghĩ đến câu nói của cổ nhân: “lớn không có bên ngoài, nhỏ không có bên trong”. Lượng tử lực học chính là nhỏ không có bên trong, họ vẫn chưa nhìn thấy không có bên trong. Đức Phật nói vấn đề này là không có bên trong. Quý vị xem trong vi trần có thế giới, trong thế giới lại có vi trần, trùng trùng vô tận, không thể nghĩ bàn.

Lớn không có bên ngoài, lớn đến thường tịch quang thì không còn nữa. Quả thật là không có bên ngoài, quý vị không nhìn thấy, ý thức không duyên đến được. Nhưng nếu buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sẽ hoàn toàn minh bạch. Vẫn phải dùng phương pháp của Chư Phật Như Lai, khoa học kỹ thuật không được, khoa học kỹ thuật rất có hạn, giúp ta rất có giới hạn.

Như Lai_chúng sanh có cảm, cảm này không thể nghĩ bàn, thế nào gọi là cảm? Dùng Phật pháp để nói là nhân duyên đã thuần thực. Thế nào gọi là duyên thuần thực? Thuần thực nghĩa là có thể tiếp thu giáo huấn của Phật. Ngài thị hiện giáo hóa chúng ta, ta có thể tin, có thể lý giải, có thể y giáo tu hành. Chỉ cần đầy đủ điều kiện này, bất luận họ có động niệm hay không. Họ khởi ý niệm: tôi muốn học Phật, đương nhiên cảm ứng này vô cùng nhanh chóng. Họ không khởi ý niệm, bản thân không nghĩ đến, không ngờ Phật đã biết. Vì sao thế? Không phải ta không khởi niệm, ý niệm đã khởi, nhưng vì nó quá vi tế nên ta không nhận ra. Quý vị xem những gì Bồ Tát Di Lặc nói, nếu một giây chúng ta khảy năm lần, có 1600 triệu lần dao động trên một giây, bản thân ta làm sao biết được? Không biết, nhưng tin tức này Đức Phật nhận được, ngài nhận được nên liền đến ngay, hiện thân nói pháp cho chúng ta. Vì thế cần phải biết, đây là từ bi vô tận của Phật: “đệ tử Phật môn, không bỏ một ai”. Lời này hoàn toàn chính xác, không hề giả dối. Bất luận ta ở đâu, bất luận hiện nay ta mang thân phận gì, chỉ cần ta vừa nghĩ tôi rất muốn học, ngài lập tức đến ngay. Điều này không liên quan đến tập khí nghiệp chướng, tập khí nghiệp chướng nặng cũng đến, cảm đến, cảm đến như thế nào? Phật thị hiện thân phận khác nhau: Cần dùng thân gì để độ thoát ngài liền thị hiện thân đó, ngài không có hình tướng nhất định. Ngài đến dạy cho chúng ta,

nhưng ta nghe xong bán tín bán nghi, hình như hiểu hình như không. Hạng người này chiếm đại đa số, có thể nói là bảy tám phần đều như vậy. Đức Phật có từ bỏ chăng? Không từ bỏ, giúp quý vị tăng trưởng niềm tin, tăng trưởng từ từ. Ngài sống chung với chúng ta mười hai mươi năm, dần dần từ bán tín bán nghi trở thành hoàn toàn tin tưởng không nghi, dần dần trở thành tinh tấn học tập. 30 năm, 40 năm, 50 năm sẽ thành tựu.

Trong tình hình này, Đức Phật thị hiện đến là hiện ứng thân. Như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy, ngài đầu thai đến thế gian này, thị hiện không khác gì mọi người. Nhân duyên của Phật Thích Ca Mâu Ni thù thắng, đương thời ở Ấn độ, người thân cận ngài có đến mấy ngàn, nhân duyên này quá thù thắng. Nhưng quý vị nên nhớ, ngài không bỏ một ai. Một người, nếu thật sự phát tâm, ngài đều không bỏ. Quý vị nói ân đức của Phật lớn biết bao, hơn cả cha mẹ! Phật đối với tất cả chúng sanh đời đời kiếp kiếp, xưa nay chưa từng quên chúng ta. Bất kể ta ở trong đường nào, là cõi người hay cõi trời, trong đường A tu la, đường ngạ quỷ hay đường địa ngục ngài đều quan tâm đến.

Chúng ta cảm thấy mình xa rời Phật Bồ Tát, nhưng các ngài không xa rời chúng ta, điều này chúng ta không biết. Đôi lúc chúng ta ghét Phật Bồ Tát, giận các ngài, không tin các ngài, nói ngài là mê tín, nhưng Phật Bồ Tát vẫn từ bi chăm sóc ta như thường, chưa từng gián đoạn. Đợi chúng ta khi nào hiểu ra, sanh tâm hổ thẹn: những gì trước đây tôi làm quả thật rất có lỗi với Phật Bồ Tát. Thế gian nhân tâm vô thường, đều không đáng tin cậy, chỉ có Phật Bồ Tát là đáng tin. Các ngài đối với ta là chân tâm, ta lại dùng vọng tâm đối với các ngài, nhưng Chư Phật Bồ Tát không trách chúng ta, vì sao vậy? Vì các ngài quá hiểu chúng ta. Chúng ta luân hồi trong lục đạo quá lâu, tập khí quá nặng nề, tâm nghi ngờ cũng rất nặng, đâu có đơn giản thế? Nên ngài không từ bỏ. Ngài đến là để giảng kinh dạy học, nên nói: Giống như các Chư Phật trong quá khứ vậy, “vì độ chúng sanh mà nói 12 bộ kinh”. 12 bộ không phải là 12 cuốn, 12 loại, không phải. Sao gọi là 12 bộ kinh? Chúng ta căn cứ Phật Học Đại Từ Điển, và trích dẫn nó ra, đây là thuật ngữ. “Tất cả kinh chia thành 12 chủng loại”, đây là danh xưng. “Căn cứ quyển 33 của Đại Trí Độ Luận”, Đại Trí Độ Luận có 100 quyển, ở đây là quyển thứ 33 Đại Trí Độ Luận, trong này có một đoạn văn như vậy.

Thứ nhất gọi là “Tu đa la”, đây là tiếng Phạn. Chúng ta có thể lược bói tiếng phạn, tức đây gọi là: “Khế kinh”, dịch sanh chữ Hán gọi là Khế kinh, ở sau có giải thích. “Trong kinh điển văn trường hàng nói thẳng pháp nghĩa”, ngày nay chúng ta gọi là tản văn. Thể văn này là thể tản văn, ngày xưa gọi là văn trường hàng. Loại này chúng ta gọi nó là Khế kinh.

Khế nghĩa là gì? “Khế kinh là do ngôn”, ví như nói, “là kinh điển khế với lý khế với cơ”. Đức Phật nói khế lý, lý là tự tánh. Nói cách khác Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới. Tất cả kinh điển mà họ nói là từ đâu? Từ tự tánh chân như hiển lộ ra, đây gọi là khế lý. Bởi thế nó là thật, không phải hư vọng. Những

gì chân như tự tánh hiển lộ ra, chúng ta ở trong lục đạo mê quá sâu, mê thời gian quá lâu, mới tiếp xúc hoàn toàn không hiểu, không thể tiếp thu. Chư Phật Bồ Tát có phương tiện thiện xảo để dẫn dắt chúng ta, dần dần nhập vào cảnh giới này. Ngài có rất nhiều pháp phương tiện, pháp phương tiện này khế với cơ. Cơ là gì? Là căn tánh của chúng ta, khiến chúng ta nghe xong liền sanh tâm hoan hỷ, thích học tập, đây gọi là phương tiện thiện xảo. Những pháp phương tiện thiện xảo này, loại kinh điển này gọi là khế cơ, nên kinh điển nhất định là khế lý khế cơ. Phương tiện là dẫn chúng ta đi vào chân thật, dẫn dắt ta trở về tự tánh, quá tuyệt vời đúng không? Đây là phương pháp thứ nhất trong khi Phật giảng kinh thuyết pháp, vô cùng tiện lợi.

Bên dưới nói hai loại, là kệ tụng, đều thuộc về kệ tụng. Kệ tụng có hai loại: Thứ nhất gọi là ứng tụng, lại gọi là trùng tụng. Nghĩa của trùng tụng rất dễ nói: “Trùng tuyên lại nghĩa trong văn trường hàng ở trước, tức là tụng”. Văn trường hàng nói rất nhiều, sợ chúng ta không nhớ, nên dùng thể kệ tụng. Kệ tụng giống như thi ca, nó có vần điệu, số chữ rất ngay ngắn, bốn câu một bài kệ. Như thi ca vậy, có thể xướng, tiện cho việc nhớ thuộc lòng. Cho nên trong kinh điển đại thừa rất nhiều, đặc biệt là Kinh Hoa Nghiêm. Quý vị xem sau một đoạn văn hàng dài, ở sau liền dùng một bài kệ để trùng tuyên lại.

Trong này có hai tầng ý nghĩa, tầng nghĩa thứ nhất chúng ta vừa mới nói xong, nghe rồi dễ thuộc. Ta có thể nhớ không quên, có thể y giáo phụng hành. Thứ hai, Đức Phật giảng kinh không giống như trường học, học sinh đều học cùng một lớp, có thời gian học nhất định, Đức Phật không như vậy. Khi Đức Phật giảng kinh có người đến trước người đến sau, có người giảng đến một nửa giảng sắp xong mới đến. Nhưng Phật cũng không phụ lòng người đến sau, đến sau phải làm sao? Dùng phương pháp kệ tụng, nói lại một lần những ý đã nói ở trước, khiến họ nghe được kệ tụng cũng đạt được lợi ích. Hay nói cách khác là Phật nói hai lần. Một loại là giảng giải tường tận cho quý vị, sau đó một loại giống như thi ca vậy, có thể ngâm tụng.

Loại thứ ba là “Phúng tụng”, cũng gọi là “Cô khởi tụng”, ở trước không có trường hàng, nghĩa là nói ra theo thể thi ca. Loại này cũng gọi là Cô khởi tụng, chứng minh nó không tương quan đến trường hàng. Nội dung trong trùng tụng nhất định tương ứng với trường hàng, nên gọi nó là ứng tụng. Đây đều thuộc về hiện nay trong văn học gọi là thể văn.

Thứ tư là “Nhân duyên”. “Trong kinh nói nhân duyên thấy Phật nghe pháp và nhân duyên nơi Phật thuyết pháp giáo hóa. Như phẩm tựa các kinh, tức phần nhân duyên của kinh”. Quý vị xem, bộ kinh này hiện nay mới nói đến phần chánh tông, ở trước đều là phần tựa. Phần tựa có chúng tín tự, có phát khởi tự đều chú trọng vào nhân duyên. Vì sao Đức Phật nói kinh này ở trước chúng ta có học đến, bộ phận này gọi là phần nhân duyên của kinh.

Thứ năm là “Bổn sự”, “Phật nói nhân duyên trong đời quá khứ của hàng đệ tử”, loại kinh văn này gọi là bổn sự. “Như trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Dược Vương Bồ Tát bổn sự cũng như vậy”. Đây là đưa ra ví dụ, trong kinh thường có, Đức Phật nói đến nhân duyên trong đời quá khứ của người đệ tử này. Tất cả chúng sanh trôi lăn mãi trong luân hồi lục đạo, khi nào chứng được A la hán. Hay nói cách khác, có thể đoạn tận kiến tư phiền não, chính là A la hán. Trong đại thừa gọi là Bồ Tát, không gọi A la hán, tiểu thừa gọi là A la hán.

Sáu loại thần thông đều khởi tác dụng, tác dụng của lục căn sẽ khác nhau. Ta có túc mạng thông, có thể biết được trong 500 đời quá khứ, rõ ràng minh bạch. 500 đời quá khứ, ta ở đường nào trong lục đạo, ta ở đó làm những gì. Đây là thật, không phải giả. Chỉ cần có định công, họ có được năng lực này, A la hán biết được 500 đời.

Trong kinh Đức Phật nói, sơ quả Tu đà hoàn, xuất hiện hai năng lực: Thiên nhãn và thiên nhĩ. Thiên nhãn như thế nào? Không có chướng ngại. Bây giờ chúng ta đang học tập trong giảng đường lầu 11, chúng ta nhìn xuống dưới, ở dưới còn mười tầng. Nhưng chúng ta thấy rõ ràng người ta đang làm gì, không hề chướng ngại. Nhìn lên trên, ở trên còn mấy tầng, họ đang làm gì đều thấy rõ, không có chướng ngại. Nhìn một người giống như chụp X quang vậy, thấy rõ lục phủ ngũ tạng của họ, đều nhìn thấy. Tu đà hoàn có năng lực này. Đoạn tận năm loại kiến hoặc, năng lực liền khôi phục.

Nhị quả Tư đà hàm lại nhiều thêm hai năng lực, họ có bốn loại: Thêm tha tâm thông và túc mạng thông. Trong lòng người khác nghĩ gì họ đều biết. Túc mạng là biết được việc trong quá khứ của mình. Đương nhiên túc mạng thông của A la hán chỉ biết được 500 đời, chúng ta nghĩ người mới khôi phục năng lực này, ít nhất cũng khoảng 30 đời, 50 đời, chắc không vấn đề gì. Họ không thể biết được 500 đời, nhưng chuyện trong vòng ba năm mươi đời chắc là rất rõ ràng minh bạch, không cần hỏi người khác. Lúc này những gì Đức Phật dạy, ta tin thật, không chút hoài nghi.

Đến tam quả A na hàm, thần túc thông xuất hiện. Thần túc thông là có thể biến hóa, có thể phân thân. Thánh nhân quả thứ ba ra đi không cần phương tiện giao thông, họ có thần lực, họ muốn đi đâu thân thể liền đến đó, liền đến nơi họ muốn, không cần phương tiện giao thông.

Chúng ta thấy trong cổ tích ghi chép, tổ sư Đạt Ma qua Trường Giang, cầm một cành bên bờ sông, ngài đạp lên cành cây này liền qua sông. Ngài thị hiện cho chúng ta thấy, không dùng cành cây ngài cũng có thể qua sông, ngài không cần đến những công cụ như thuyền bè. Vậy thần thông của tứ quả A la hán chắc là siêu tuyệt? Là viên mãn, càng lên cao, năng lực này càng thù thắng. Đến Viên giáo sơ trụ Bồ Tát_Năng lực này trong kinh nói, chúng ta dùng mắt làm ví dụ. Nhìn bên ngoài có thể thấy được hư không pháp giới, nhìn bên trong có thể thấy được A lại da, không cần dùng máy móc, đã khôi phục bản năng, đây là sự thật. Đức Phật nói mỗi người đều có, không có gì hy hữu cả. Không phải nói Phật có, Bồ Tát có, phàm phu không có. Như thế là sai.

Chúng ta muốn khôi phục năng lực chẳng? Rất muốn, vì sao vậy? Vì chỉ cần khôi phục một hai năng lực này, vì người trung niên trở lên đều hy vọng thân thể mình mạnh khỏe, có thể được xa rời bệnh tật. Đặc biệt là đại thừa, đại thừa cao siêu hơn tiểu thừa nhiều. Đại thừa trí tuệ khai, tiểu thừa chưa khai trí tuệ, chỉ có giới định chưa có tuệ, đại thừa có tuệ. Tuệ của đại thừa từ đâu mà có? Khi chưa khai ngộ, là đạt được từ trong kinh giáo. Đức Phật dạy những gì, chúng ta đều hiểu, tâm định.

Tất cả mọi thiên tai, tai họa; tai họa cá nhân là tật bệnh, thiên tai của chúng sanh_như hiện nay thiên tai tự nhiên, trên thực tế không có thiên tai tự nhiên. Động đất, sóng thần, khí hậu khác thường, rất nhiều thiên tai, còn thêm chứng ôn dịch, có thể hóa giải chẳng? Có thể, chỉ cần biết được nguồn gốc của nó, vì sao có điều này, hiểu rõ. Khi tâm thái ta thay đổi, thì những thiên tai này không còn, nó từ trong tâm hành bất thiện biến hiện ra. Nên nhớ Đức Phật nói với chúng ta một nguyên tắc tối cao: “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Nói đến thân thể chúng ta, tướng do tâm sanh, tướng bao gồm thân thể, đều là do ý niệm. Ý niệm thiện, được mạnh khỏe trường thọ, không dễ bị suy lão. Ý niệm bất thiện, vậy ta phải lãnh chịu nhiều tai nhiều nạn nhiều bệnh khổ. Tuyệt đối do ý niệm của chúng ta: Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Hoàn cảnh cư trú cũng không ngoại lệ.

Hôm qua có Phật tử họ Trâu đến tìm tôi, đây là một vị Phật tử ở HongKong, cô ta nói với tôi: Người HongKong thật sự tin Phật pháp quá ít! Người HongKong rất đông, nhưng ngày ngày họ nghĩ điều gì? Nghĩ đến phát tài, muốn kiếm tiền. Nói với họ về đạo lý trong Phật pháp, họ nghe không lọt tai. Cô ta đến chỗ chúng tôi tham gia học tập Lục hòa kính, hiện nay tìm chưa được mười người, không dễ tìm! Rất nhiều tin tức nói với chúng tôi, tương lai khi gặp đại thiên tai, ở đây sẽ bị nhấn chìm. Vì sao bị nhấn chìm trong biển nước? Vì tham lam chiêu cảm nên lũ lụt, không phải là đạo lý này sao? Chúng ta có thể tránh được thủy tai chẳng? Được, chúng ta đoạn tận tham tâm, nơi đây sẽ không bị lũ lụt, nhưng ai tin điều này? Không tin! Quý vị nói vậy, đúng là mê tín. Hiện thực quan trọng, họ chỉ tin vào hiện thực, hiện thực tức kiếm tiền là hàng đầu, tất cả đều hướng đến tiền tài, ngoài tiền ra cái gì cũng không biết.

Hiện nay giống như quan niệm này, rất phổ biến trên toàn thế giới. Rất nhiều dự ngôn nói: Nước biển dâng cao, đại địa chìm trong màn nước. Vì sao nước biển dâng cao? Người người trên toàn thế giới đều tham lam vô độ, không đáng sợ sao! Điều này chiêu cảm thành nước biển dâng cao, vì toàn bộ địa cầu cũng là ý niệm chúng ta biến hiện ra. Ý niệm bất thiện gây nên thiên tai, nên ý niệm vừa thay đổi thiên tai liền không còn. Vấn đề là quý vị có tin chẳng? Thật sự phải tin, rất linh nghiệm!

Chúng tôi cũng đã làm thí nghiệm mười năm, chắc cũng khoảng mười một mười hai năm. Chúng tôi trồng rau xanh, không dùng phân bón, cũng không dùng thuốc sâu. Ban đầu làm thí nghiệm, là một vị đồng tu của Malaysia trồng một vườn rau ở Cổ Tấn. Năm thứ nhất những thứ rau trồng được hết 95% bị sâu ăn, không dùng phân bón,

không dùng thuốc sâu. Tuyệt đối không sát sanh, sâu ăn cũng được. Năm thứ hai trồng lại, sâu lễ phép hơn, chừa lại khoảng một nửa. Sâu ăn một nửa, lưu lại một nửa. Khi tôi đến đó tham quan, hình như là năm thứ năm, năm thứ năm hoặc là năm thứ sáu. Khi tôi đến tham quan họ nói, hiện nay rau bị sâu ăn là 5%, 95% để lại cho chúng tôi, khó được! Quý vị không sát hại chúng, chúng không hại quý vị.

Năm 2000 tôi đến Úc Châu, Úc châu đất rộng người ít, đất đai rất rẻ. Tôi ở nông thôn, cách thành phố khoảng 15 phút đi xe, ở nông thôn. Tôi mua luôn hai miếng đất bên cạnh, nên vườn rất rộng, tất cả có 28 mẫu anh. Một mẫu anh bằng sáu mẫu của Trung quốc, tất cả có khoảng hơn 170 mẫu Trung quốc, chúng tôi khai thác nó làm vườn rau.

Lần này chúng tôi trồng rau đã thương lượng với sâu bọ, chúng tôi vạch ra một khu nói với sâu bọ: Khu vực này là để dành cho quý vị, chúng tôi cũng dùng tâm để chăm sóc nó. Sâu bọ cũng rất biết nghe lời, chúng chỉ ăn ở khu vực này, rau bên kia cách một bờ ruộng chúng không hề động đến, rất hay! Chúng tôi đặt máy niệm Phật trong vườn rau, nên rau xanh đều nghe danh hiệu Phật A Di Đà mà sanh trưởng, rau mọc rất xanh tươi. Những người chuyên trồng rau đến tham quan đều khâm phục, hỏi chúng tôi: Quý vị trồng như thế nào? Trồng cách nào mà rau xanh tươi thế! Không có thuốc, cũng không có phân bón.

Vườn rất rộng nên chúng tôi cũng trồng cây ăn trái, trồng hơn 30 loại cây ăn trái. Chúng tôi cũng ra điều kiện với loài chim, chỉ định mấy cây, trái cây ở những cây đó quý vị có thể ăn, không chỉ định quý vị tuyệt đối không được động đến. Rất hợp tác! Sâu bọ và chim chóc cũng rất ngoan, khó tiếp xúc nhất là người, người rất ngoan cố. Đến sau cùng thì sâu bọ chim chóc, đến kiến gián đều biết nghe lời, chúng tôi sống với chúng rất hòa hợp, cùng nhau sinh tồn, không tổn thương lẫn nhau. Quý vị xem thời gian mười năm, đây không phải ngẫu nhiên, thời gian dài như vậy. Về sau khắp nơi chúng tôi đều dùng phương pháp này.

Năm 2005, 2006, 2007, 2008, chúng tôi ở tiểu trấn Thang Trì cũng khai thác một nông trường nhỏ khoảng 30 mẫu đất để trồng rau trái. Càng tiến thêm một bước, những điều kiện đặt ra với sâu bọ đều viết ra, cắm một tấm bảng ở đó, vì sao vậy? Vì nhiều người đến tham quan đều thấy, chúng tôi cắm tấm bảng này là hiệp ước giữa chúng tôi và loài sâu bọ, quả thật rất nghe lời! Hà tất làm hại đến đất đai? Thuốc sâu, hại trùng độc, quý vị nên biết thổ nhượng cũng bị độc. Những chỗ đất đai có độc, sau này bất cứ trồng gì, nó đều mang theo độc tố. Nên ta hại những loài côn trùng sâu bọ đó chẳng khác nào hại chính mình, sai lầm! Khoa học cần thí nghiệm, mười năm nay chúng tôi làm thí nghiệm đã chứng minh được, dùng phương pháp khoa học chứng minh. Quý vị nói âm thực của chúng ta an toàn biết mất, bởi thế hại người đồng nghĩa với hại mình. Quý vị hại những loài sâu bọ đó, hại những chim chóc này, hại đất đai, sau cùng là hại

bản thân. Quý vị yêu thương sâu bọ, yêu thương chim chóc, tức là yêu thương chính mình. Chúng ta yêu thương chúng, chúng cũng yêu thương chúng ta.

Đến thực vật đều có cảm ứng, hoa nở rất thơm, trái cây rất ngọt, cần gì phải làm những chuyện tổn hại thiên lý? Con người và tất cả chúng sanh, đến thực vật đều có cảm ứng. Bây giờ chúng ta hiểu, không những thực vật, mà sơn hà đại địa, khoáng vật, đều có cảm ứng đạo giao. Nó đều là sống, nó không phải chết.

Từ trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta biết được, hiện nay các nhà lượng tử lực học cũng đã chứng minh, toàn thể vũ trụ đều có cơ thể, tất cả đều có sinh mạng, đều có tình cảm. Cho nên Đức Phật dạy chúng ta từ bi chân thật, từ bi chân thành, đây là lý niệm chung của Phật Bồ Tát sống trong thập pháp giới y chánh trang nghiêm, từ bi chân thành, cảm ứng không thể nghĩ bàn.

Thứ sáu là “Bổn sanh”. “Là kinh văn Đức Phật nói về nhân duyên trong đời quá khứ của mình”. Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh, ngài nói với chúng ta về nhân duyên trong đời quá khứ của ngài, loại này thuộc về bổn sanh.

Thứ bảy tiếng Phạn gọi là A Tỳ Đạt Ma, Trung hoa dịch là “Vị tăng hữu”, dịch là vị tăng hữu. Kinh này nói về kinh văn Đức Phật hiện các loại thần lực, điều không thể nghĩ bàn. Trong kinh điển đại thừa thường thấy, Đức Phật thị hiện thần lực trong lúc giáo hóa. Đó là có những chúng sanh, họ phải nhìn thấy mới tin, nếu không nhìn thấy họ sẽ không tin. Trong tình hình này, Đức Phật muốn giúp họ sanh khởi tín tâm nên đã dùng thần thông. Đức Phật cũng nói rất rõ ràng, đây là trường hợp bất đắc dĩ, cố gắng không dùng thần thông làm Phật sự, vì sao vậy? Vì ma có thể hiện thần thông, trời người cũng có thể hiện thần thông, yêu ma quỷ quái cũng có thể hiện thần thông. Nếu như dùng thần thông làm Phật sự, sẽ làm cho người mê hoặc. lúc đó ma và Phật lẫn lộn, hỗn hợp không thể phân biệt. Nhưng giảng kinh dạy học, những yêu ma quỷ quái này đều không làm được, họ không có năng lực này. Họ chỉ biết biến trò, nhưng không biết giảng kinh. Vì thế Đức Phật dùng phương pháp giảng kinh dạy học, ma không được tiện lợi. Đây là nguyên nhân vì sao Phật không dùng thần thông, rất ít khi dùng thần thông, đây là nguyên nhân chủ yếu.

Thứ tám là “Thí dụ”. Trong kinh những chỗ nói thí dụ rất nhiều. Vì một số người, đặc biệt là nghe được rất nhiều phương diện lý luận, phương diện sự thật đều không dễ lãnh ngộ, nên Đức Phật dùng ví dụ để nói rõ nghĩa đó. Ví dụ càng gần gũi càng tốt, thường thức bình thường họ cũng có thể hiểu, loại này trong kinh rất nhiều. Tôi thấy dùng rất nhiều, đại khái Đức Phật dùng mộng huyễn bào ảnh, dùng giấc mộng làm ví dụ nhiều nhất, vì sao vậy? Vì mỗi người đều có kinh nghiệm. Nên Đức Phật nói tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh, đây là ví dụ, sau khi tỉnh mộng mới biết chẳng có gì cả.

Bây giờ chúng ta ở trong luân hồi lực đạo vẫn chưa tỉnh, khi nào tỉnh thì lực đạo không còn, vậy khi nào mới tỉnh? A la hán là tỉnh, luân hồi lực đạo không còn. Thật ra

lục đạo là mộng trong mộng, sau khi tỉnh mộng trong mộng, họ vẫn còn một giấc mộng chưa tỉnh, mộng đó chính là tứ thánh pháp giới. Khi tỉnh mộng của tứ thánh pháp giới, thập pháp giới không còn, họ liền trở về nhất chân pháp giới. Đó mới thật sự gọi là tỉnh mộng, trú trong cõi thật báo trang nghiêm. Khi tỉnh lại, liền thấy cõi thật báo trang nghiêm, đây mới là quê nhà của mình. Cõi thật báo trang nghiêm nghĩa là thành Phật, nhưng chưa đoạn tận tập khí.

Họ khởi tác dụng không khác gì Chư Phật Như Lai trong cõi thường tịch quang. Chúng sanh có cảm, họ liền có ứng. Trong kinh điển thường nói: Phật không độ người không có nhân duyên, vì sao vậy? Vì không có duyên, họ sẽ không tin, quý vị cũng hết cách đối với họ, không sanh khởi được tín tâm. Bởi thế cần phải có duyên, duyên có thiện duyên có ác duyên, đều không sao. Bất luận là thiện duyên hay ác duyên, tất cả đều có duyên với ta, chỉ cần có duyên họ sẽ đón nhận, thích giao tiếp với ta.

Bởi vậy người học Phật phải kết thiện duyên rộng rãi với tất cả chúng sanh. Trong Phật giáo gọi là kết pháp duyên, rộng kết pháp duyên. Cũng có thể có người nghe như vậy liền sinh nghi ngờ, rộng kết pháp duyên, pháp duyên nhiều quá tương lai thành Phật không phải rất phiền ư? Biết bao nhiêu người đến tìm không mệt sao? Đó không phải là tự chuốc phiền sao? Nên biết rằng, khi đến cảnh giới thành Phật, không giống nhau. Phổ độ tất cả chúng sanh, không cảm thấy có ý niệm mệt mỏi, vì sao vậy? Vì làm mà không làm, không làm mà làm.

Phàm phu chúng ta làm nhiều việc cảm thấy mệt là sao? Vì chúng ta khởi tâm động niệm. Quý vị cảm thấy hôm nay mình làm quá nhiều việc rất mệt, như vậy sẽ mệt thật, là từ tâm tưởng sanh. Nếu như quên ý niệm này sẽ không cảm thấy mệt. Một ngày làm rất nhiều công việc, nhưng giống như không làm vậy, ta không để nó trong tâm, để trong lòng mới phiền phức.

Trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, tôi thường khuyên chư vị, trình độ và căn tánh của chúng ta, muốn thành tựu trong đời này, chỉ có một phương pháp là niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, tuyệt đối không có phương pháp thứ hai. Thật sự muốn vãng sanh Tịnh độ, phải tu như thế nào? Đầu tiên là phải để Phật A Di Đà trong tâm. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, trong tâm mình chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra thì không còn gì cả, như vậy là đúng. Tâm chúng ta là tâm Phật, tâm của Phật A Di Đà, lời nói của mình là lời nói của Phật A Di Đà, hành vi của mình là hành vi của Phật A Di Đà. Chúng ta tâm đồng tâm, nguyện đồng nguyện, hạnh đồng hạnh làm gì có chuyện không vãng sanh! Chắc chắn được vãng sanh.

Căn tánh thấp kém cũng không sao, đến thế giới Cực Lạc liền được thông minh. Đến thế giới Cực Lạc, ai giảng kinh thuyết pháp cho quý vị? Là Phật A Di Đà. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Để cầu học. Một phương hướng, một mục đích là thân cận Phật A Di Đà. Một phương hướng là thế giới Cực Lạc. Phải buông bỏ tất cả những thứ tạp nham thuộc thế giới này, đừng để trong tâm, để trong tâm chính là

chương ngại. Làm được như vậy, đời này nhất định được vãng sanh, vạn người tu vạn người đi. Nhưng đối với tất cả chúng sanh ở đây, phải giống như Phật A Di Đà vậy. Dùng tâm thanh tịnh đối đãi họ, dùng tâm bình đẳng đối đãi họ, dùng từ bi chân thành đối với họ. Hiện nay chúng sanh tâm hành bất thiện, cần tha thứ cho họ, đừng trách họ. Dương Tự Trừng nói trong Liễu Phàm Tứ Huấn, đó là nói xã hội đương thời. Người ở địa vị cao, không giáo hóa tốt chúng sanh, chúng sanh không hiểu về luân lý, đạo đức, nhân quả, tạo ra rất nhiều tội nghiệp, cần phải tha thứ cho họ. Phải biết bản tánh họ vốn thiện, trong Kinh Hoa Nghiêm nói họ vốn là Phật. Vì thế phải tôn trọng họ, phải giúp đỡ họ, tuyệt đối đừng trách cứ họ.

Điều này khiến tôi nghĩ đến mấy câu nói của tiên sĩ Townenbe người Anh. Ông nói giải quyết vấn đề của xã hội trên thế giới trong thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa. Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Là hiếu, là kính. Đây là nền tảng! Hiếu thân tôn sư. Tôn sư, chúng ta đều muốn đối với thầy_ chúng ta đối một từ, dùng kính trọng, phải biết cung kính đối với tất cả mọi người. Trung, trung là gì? Chữ tâm đặt ở giữa, không nghiêng về thiện, cũng không nghiêng về ác, nghĩa là dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng đối với người. Thứ là không nhớ lỗi lầm của người khác, đây là thứ, mới có thể giáo hóa chúng sanh trong thế giới hiện nay, khiến mọi người đều hoan hỷ. Họ làm sai, sai rồi thì thôi, không truy cứu lỗi lầm của quá khứ. Truy cứu thì bao nhiêu phiền phức đều theo đó mà xuất hiện, không tìm tòi lỗi đã qua. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, hà tất coi nó là thật? Mọi người cùng nhau nỗ lực học tập giáo huấn của thánh hiền.

Phật pháp đại thừa là gì? Là chân thành, từ bi. Đúng vậy, mấy chữ này có thể giúp xã hội hiện nay lập lại trật tự, như vậy mới cứu được. Không được đối lập, không được trừng phạt. Cũng chính là nói, tuyệt đối không được dùng cách đối lập, dùng đối lập không giải quyết được vấn đề. Phải dùng tâm yêu thương, bao dung. Phải dùng lòng thương yêu chân thành để giúp những chúng sanh này, khiến họ tiếp thu giáo huấn thánh hiền, điều này quan trọng nhất.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 157

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 04.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 182, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ phẩm Phạm Hạnh trong Kinh Niết Bàn.

“Phẩm Phạm Hạnh Kinh Niết Bàn nói: Vì sao gọi là Như Lai? Như những gì Chư Phật quá khứ nói không hề thay đổi, vì sao nói không thay đổi? Chư Phật quá khứ vì độ chúng sanh mà nói 12 bộ kinh, Như Lai cũng như vậy, nên gọi là Như Lai”.

Ý trong kinh nói đã hiển thị cho chúng ta rất rõ ràng, rất minh bạch. Chư Phật Bồ Tát ứng hóa đến thế gian, các ngài đến để làm gì? Để nói 12 bộ kinh, giảng kinh dạy học, các ngài đến thế gian là vì điều này. Vì sao phải giảng kinh dạy học? Cổ đức nói rằng, “từ bi vi bốn, phương tiện vi môn”. Từ bi là không nhẫn tâm khi thấy chúng sanh chịu khổ, làm sao để giúp chúng sanh rời khổ được vui. Khổ phải lìa khổ cứu cánh, khổ cứu cánh là gì? Là sanh tử, sanh tử là cái khổ lớn. Làm sao để giúp chúng sanh vĩnh viễn thoát ly nỗi khổ lớn của sanh tử.

Lạc là gì? Lạc là cứu cánh lạc, thuật ngữ trong kinh gọi là Đại bát niết bàn, đây là dịch âm tiếng Phạn. Theo ý này mà nói, niềm vui vĩnh hằng sẽ không có khổ, viễn ly tất cả khổ, đây là cảnh giới của đại niết bàn. Trong kinh luận nói khổ, thông thường nói ba loại lớn: Khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Trong khổ khổ có tám loại, gọi là tám khổ giao xen lẫn nhau, đây là tám loại lớn. Bốn loại ở trước là sanh lão bệnh tử, không ai tránh khỏi, giàu nghèo phú quý đều lãnh chịu như nhau. Ngoài điều khổ này ra còn có cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, ngũ ấm xí thạnh khổ. Ngũ ấm xí thạnh khổ đặc biệt hiển thị ở thân tâm chúng ta không được mạnh khỏe, nên nhiều ưu tư nhiều bệnh hoạn. Hạng người này không ít. Đại bát niết bàn vĩnh viễn không có những hiện tượng khổ, quả báo khổ này. Đức Phật là vì điều này. Vì sao dùng phương pháp dạy học? Vì chúng ta không biết khổ từ đâu đến, khổ đến từ mê hoặc tạo nghiệp, mê hoặc tạo nghiệp quả báo chính là khổ. Nên Phật ví luân hồi lục đạo là biển khổ: khổ hải vô biên, quay đầu là bờ.

Chúng ta biết Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và tất cả Chư Phật Bồ Tát thị hiện ở thế gian, là giúp chúng ta quay đầu. Quay đầu, là từ mê hoặc điên đảo quay đầu chính là giác ngộ, giác mà không mê, nghĩa là đã quay đầu. Mê mà không giác, đây là nhân của luân hồi lục đạo. Từ đó cho thấy, ân huệ lớn nhất mà Phật đối với chúng sanh, là giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Phương tiện để giúp chúng sanh phá mê khai ngộ- phương

tiện vi môn. Phương là phương pháp, tiện là tiện nghi, hợp lại nói là phương pháp thích hợp nhất, phương pháp thích ứng nhất chính là dạy học. Cho nên đức Thế Tôn xuất hiện, thị hiện trong thân phận một người thầy giáo. Là một thân phận như thế, chúng ta cần phải biết. Trong kinh điển chúng ta thường thấy một danh từ, gọi là: “Thiên Nhơn sư”, trong mười hiệu có Thiên Nhơn Sư. Cho nên thân phận của Phật là người thầy giáo, dùng thân phận này xuất hiện ở thế gian. Ngài thị hiện cho chúng ta thấy, năm 30 tuổi khai ngộ_ngày xưa Khổng tử nói một đời của ông, 15 tuổi đặt chí hướng vào học tập, 30 học xong. Đức Phật cũng gần như vậy, 19 tuổi rời xa gia đình. Gia đình của ngài là gia đình đế vương, vậy mà ngài từ bỏ vinh hoa phú quý ra đi tham học. 19 tuổi đến 30 tuổi, thời gian 12 năm, tất cả học phái và Tôn giáo của Ấn độ ngài đều đến học hỏi. Không còn gì để học, cũng không còn nơi nào để học, nhưng vẫn không giải quyết được vấn đề, vấn đề lớn, ngàn vạn năm nay, nhân loại đều thảo luận vấn đề này: Vũ trụ từ đâu đến? Con người từ đâu đến? Tôi từ đâu đến? Vì sao có tôi? Đây là vấn đề lớn! Đức Thế Tôn học suốt 12 năm cũng không tìm ra đáp án, đành từ bỏ, không học nữa. Ngài liền nhập định dưới cây Tất Bát La bên bờ sông Hằng, ngài biết chỉ có thiên định thâm sâu mới có thể giải quyết được vấn đề. Định đến trình độ nhất định sẽ khai ngộ, quả nhiên không sai, Đức Phật đã khai ngộ. Khai ngộ, vấn đề được giải quyết, thành tựu trí tuệ đức tướng viên mãn, và bắt đầu công việc dạy học. 79 tuổi ngài viên tịch, dạy học được 49 năm.

Nếu ta hiểu giai đoạn hành nghi này một cách rõ ràng minh bạch, thì không thể nói Đức Phật và Tôn giáo có liên quan, cũng không thể nói không có liên quan, vì sao vậy? Vì ngài từng học Tôn giáo, tất cả Tôn giáo của Ấn độ ngài đều học qua, nhưng ngài không thuộc về một Tôn giáo nào cả. Thật vậy, ngài cũng không phải Tôn giáo. Theo tư tưởng của người xưa thì Đức Phật đúng nghĩa của một người thầy giáo, giống như Khổng tử vậy, dùng thân phận một người thầy giáo xuất hiện ở thế gian. Vì thế hàng đệ tử đời sau, xưng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Bổn Sư, người thầy căn bản. Nói như cách nói hiện nay, chúng ta tiếp thu là giáo dục Phật giáo, người thầy đầu tiên sáng lập giáo dục Phật giáo, nên xưng ngài là Bổn Sư. Chúng ta với ngài là quan hệ thầy trò, chúng ta tự xưng đệ tử, đệ tử người bây giờ gọi là học sinh. Chúng ta với đức Phật Thích Ca Mâu Ni là mối quan hệ thầy trò. Chư vị Bồ Tát, A la hán trong quá khứ đều là học trò của Phật, hiện nay chúng ta cũng là học trò của Phật Thích Ca Mâu Ni. Vậy chư Bồ Tát và A la hán với chúng ta có quan hệ gì? Là mối quan hệ đồng học, chúng ta có cùng một vị thầy. Họ học trước, chúng ta học sau, quan hệ của chúng ta là học huynh và học đệ, là mối quan hệ này. Bồ Tát Quán Thế Âm là học huynh. Mối quan hệ thuộc về luân lý, chúng ta cần phải hiểu rõ ràng minh bạch. Giữa chúng ta không có quan hệ Tôn giáo, chúng ta hoàn toàn là quan hệ thầy trò, là mối quan hệ đồng học với Bồ Tát và A la hán. Đều là những người tiếp thu giáo dục Phật giáo. Mục tiêu sau cùng của giáo dục Phật giáo, là giúp chúng ta phá mê khai ngộ, lìa khổ được

vui. Kim Phật cũng như cổ Phật, vì chúng ta giảng 12 bộ kinh. 12 bộ kinh này, ba loại trước là thể văn khác nhau, ba loại thuộc thể văn. Máy loại sau thuộc về nội dung những gì ngài nói, ngài nói những gì? Nói về hai phần là lý luận và chân tướng sự thật. Trong 12 bộ kinh chúng ta học đến loại thứ 8, hôm nay chúng ta bắt đầu từ loại thứ chín.

Thứ chín là “Luận nghị”. “Dùng kinh văn pháp lý nghị luận vấn đáp”. Loại này thuộc về luận nghị, đây là nói đến nội dung, trong kinh nói cho chúng ta biết về đạo lý, chân lý. Trong đây, trong rất nhiều kinh luận chúng ta đều thấy vấn đáp, như đại chúng đều biết Kinh Đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm, là thuộc về thể loại kinh này. Trong thể văn nó là trường hàng, thể tản văn, nhưng nội dung nó là luận nghị. Hàng đệ tử đưa ra nghi vấn, Đức Phật giải đáp; Đức Phật cũng đưa ra câu hỏi để cho hàng đệ tử giải đáp. Đây là người hỏi người đáp, chúng ta ở bên cạnh nghe hiểu, giác ngộ được. Loại kinh văn này gọi là luận nghị, hiện nay trong Đại Tạng Kinh, Luận tạng thuộc về loại này.

Thứ mười là “Tự thuyết”, không có hỏi, không ai thỉnh giáo, Đức Phật tự thuyết. “Kinh văn không có người hỏi, do Phật tự nói, như Kinh A Di Đà vậy”. Kinh A Di Đà chúng ta đều thuộc lòng, không có ai hỏi, từ đầu đến cuối đều một mình Đức Phật nói. Kêu tên ngài Xá Lợi Phất, ngài Xá Lợi Phất cũng không nói lời nào, mà chỉ cung kính lắng nghe. Trong hội này toàn là tự Phật Thích Ca Mâu Ni nói, vì sao vậy? Vì pháp này quá thâm sâu, người thường không biết đâu để hỏi. Đức Phật thấy nhân duyên thuận thực, duyên là gì? Đức Phật nói ra chúng hội có thể tin, có thể hiểu, có thể hành trì, đây là đã thuận thực. Ở sau là có thể chứng, tín giải hành chứng đều đầy đủ. Niệm Phật vãng sanh là chứng quả. Nhân duyên thành thực không thể không nói, không có ai đến thỉnh pháp cũng phải nói, hiện thị lòng từ bi tốt đỉnh của Đức Phật, đúng là “đệ tử Phật môn không bỏ một ai”. Hàng đệ tử Phật chúng ta cần phải hiểu rõ về thầy mình, nếu không hiểu về thầy, tâm cung kính không sanh khởi được, tôn sư trọng đạo, đối với thầy không sanh khởi tâm cung kính. Nhận thức càng rõ, tâm cung kính càng thù thắng, bản thân mới được lợi ích. Đại sư Ấn Quang thường nói: Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích.

Thầy giáo dạy học, rất nhiều học trò_khi tôi còn trẻ, theo học kinh giáo với thầy Lý. Thầy mở một lớp học kinh điển, trong lớp có hơn 20 học viên. Một mình thầy giáo dạy, có hơn 20 học sinh trình độ khác nhau. Nguyên nhân gì? Vì tâm cung kính của mỗi người đối với thầy khác nhau, chân thành, cung kính. Thành kính đối với thầy là bên ngoài, là biểu hiện bên ngoài. Bên trong là gì? Bên trong là cung kính đối với Phật pháp, thành kính bên trong tự nhiên hình thành ra bên ngoài. Bên trong người ta không nhìn thấu được, nhưng từ dáng vẻ bên ngoài có thể nhận ra nội tâm của quý vị.

Bởi thế những học sinh này, ai có thành tựu, ai không có thành tựu, thầy đều rất rõ ràng minh bạch. Đối với người có thể thành tựu thì chuyên tâm hướng dẫn, đối với

người không thể thành tựu cũng rất hoan hỷ, xem như thế nào? Học sinh dự thính, cũng không cự tuyệt họ, cho họ trông thiện căn!

Ngày xưa thầy giáo muốn đào tạo người, phải tuyển học sinh, hoàn toàn là xem từ phương diện này. Nếu thầy muốn truyền pháp, muốn truyền đạo, chính thức chỉ định quý vị, tuyển chọn quý vị ra làm người kế vị, điều này cần phải khảo sát 5 năm trở lên, mới có thể nhận ra rõ ràng, quý vị có gánh vác được trọng trách này chăng. Tục Phật huệ mạng, hoằng pháp lợi sanh, quý vị có thể đảm nhận được chăng. Không có năng lực này không truyền được, là đại từ đại bi, vì sao vậy? Vì truyền cho người không có năng lực, không gánh nổi trách nhiệm này, đó chính là tạo tội. Tội nghiệp này, quý vị xem trong giới kinh kết tội là địa ngục A tỳ, tội rất nặng. Nên thầy rất cẩn thận, quan sát vô cùng tường tận trước khi tuyển chọn.

Giống như ngày xưa các bậc đế vương chọn người kế thừa, chọn hiền và năng. Quý vị xem trong Lễ Vận Đại Đồng chọn hiền và năng, rất cẩn thận. Quan sát một người thường quan sát 10 năm, 20 năm, 30 năm, như vậy mới chọn ra được. Thứ nhất là đức hạnh, nhân phẩm, học vấn, năng lực. Nếu đích thực có thể đảm nhận trọng trách này, mới đem vương vị cho họ.

Hiền nghĩa là kế thừa vương vị, năng là kế thừa đại thần, đây là cách trị đại đồng. Ngày xưa từng xuất hiện, không phải là lý tưởng. Nghiêu, Thuấn, Vũ, chúng ta xem lịch sử ghi chép, họ lựa chọn nhân tài bằng phương pháp này. Từ vua Vũ trở về sau truyền ngôi cho con trai, nên đã trở thành nhà thiên hạ. Nhưng con trai của vua Vũ quả thật rất tốt, tức là Vương Khải, Vương Khải là con trai của Hạ Vũ. Đức hạnh, học vấn, năng lực, xử sự đối nhân tiếp vật, đương thời không ai không tán thán, không ai không khâm phục. Nên Đại Vũ cũng tiếp nhận tiến cử của đại chúng, đem vương vị truyền cho con trai, truyền cho Khải. Từ đây về sau người xưa gọi là tiểu khang, tiểu khang là nói ba đời Hạ - Thương - Chu, đây đều là bậc trung.

Thời đại Khổng tử và Mạnh tử ra đời là thời loạn, Xuân Thu Chiến Quốc. Động loạn này kéo dài hơn 400 năm, gần 500 năm. Nên Khổng Mạnh niệm niệm không quên nền chính trị của thánh hiền, luôn nhắc đến Nghiêu Thuấn Vũ Thang, là thánh nhân. Cho nên nền chính trị ngày xưa là chính trị thánh hiền, chúng ta không thể không biết điều này. Giáo dục là giáo dục thánh hiền, chính trị là chính trị thánh hiền. Bất luận là ngành nghề nào, người là thánh hiền nhân. Kinh tế là thương nhân thánh hiền; làm công là công nhân thánh hiền. Bất luận ngành nghề nào đều là thánh hiền. Quý vị muốn hỏi vì sao ư? Vì nền giáo dục ta tiếp thu là giáo dục thánh hiền, từ giáo dục gia đình đến giáo dục học đường. Đọc sách chí tại thánh hiền, đây là thiên hạ đại trị. Không dám nói là thế giới Cực Lạc, cũng tương tự với thế giới Cực Lạc. Cho nên trải qua các đời, trong lòng người đọc sách, văn nhân luôn hướng đến, khác với người bây giờ.

Bởi thế căn tánh thuần thực, có thể tiếp thu, không ai thỉnh Đức Phật liền tự nói, tự động dạy.

Thứ 11 là “Phương quảng”. “Nói chân lý phương chánh quảng đại”, loại kinh văn này có tiêu đề là Phương quảng, nổi tiếng nhất là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, quả đúng là chân lý phương chánh quảng đại. Nói như trong Kinh Bát Nhã, bộ Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm này, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói những gì? Trong Kinh Bát Nhã nói là thật tướng các pháp. Quý vị nghĩ có đúng chẳng? Một bộ Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, nói về thật tướng các pháp. Các pháp là tất cả pháp, thật tướng như người hiện nay gọi là chân tướng. Chân tướng tất cả pháp giữa vũ trụ, là nói đến vấn đề này. Loại kinh này có tựa đề là Phương quảng.

Kinh sau cùng là “Thọ ký”. “Kinh văn thọ ký cho Bồ Tát thành Phật”. Loại này không chuyên tinh, trong tất cả các kinh điển Đức Phật đều nói đến vấn đề này, đoạn kinh văn này thuộc về thọ ký. Đức Phật có trí tuệ này, có năng lực này, biết được tương lai khi nào quý vị tu hành chứng quả thành Phật, thành Phật ở đâu, khi nào thành Phật, thành Phật có hiệu là gì, ngài đều có thể nói ra.

Đây gọi là 12 bộ kinh, 12 bộ kinh này chính là nội dung tất cả kinh điển Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm. Phật Phật đạo đồng, cổ Phật ra đời là nói những kinh điển này, kim Phật ra đời không khác gì cổ Phật, cũng nói những kinh điển này, bởi thế Phật Phật đạo đồng. Kim Phật như cổ Phật tái sanh, nên gọi là Như Lai.

Chúng ta xem tiếp kinh văn bên dưới: “Hội Sớ lại nói, Như Lai có ba nghĩa: Pháp thân, báo thân, ứng thân”. Ở trang 182 hàng sau cùng_cũng có thể xưng Như Lai. Pháp thân thì không cần nói nữa, pháp thân là từ tự tánh để nói; báo thân là thân tự thọ dụng; ứng hóa là thân tha thọ dụng, đều có thể xưng Như Lai, kim Phật và cổ Phật không có gì khác nhau.

Tam thân này, chúng ta cần phải hiểu nghĩa chân thật của nó. Pháp thân không có tướng, trong Tịnh độ tông gọi là thường tịch quang, thường tịch quang là pháp thân. Cõi thường tịch quang, thân thường tịch quang, thân và cõi không hai, vì sao vậy? Vì trong thường tịch quang không có hiện tượng vật chất, cũng không có hiện tượng tinh thần. Nhưng phải biết nó rất linh hoạt, nó không có gì cả, trong lục đạo nói linh hồn, nó không phải linh hồn. Nói một cách miễn cưỡng nó là linh tánh. Không có vật chất cũng không có tinh thần, nhưng nó có thể thấy có thể nghe, tất cả chúng sanh khởi tâm động niệm nó biết tất cả, rất kỳ lạ. Thật ra không có gì kỳ là cả.

Quý vị xem tiền sĩ Giang Bồn Thắng người Nhật làm thí nghiệm nước. Nước là một loại vật chất, nó không có mắt cũng không có tai, nhưng nó thấy được nghe được. Nó không có nhục thân khí quản, nhưng lại hiểu được ý người, đây là gì? Là linh tánh! Ai không có linh tánh? Có. Linh tánh là gì? Linh tánh là pháp thân. Chúng ta có pháp thân chẳng? Đương nhiên có pháp thân, không có pháp thân thì thân này làm sao đến được? Pháp thân là thể, là bản thể. Thân này là hiện tượng.

Báo thân là Đức Phật đã đoạn tận phiền não, là thân tự thọ dụng, nghĩa là nói lia khổ được vui. Báo thân là được niềm vui thật sự, đã đoạn tận tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, đây là báo thân. Báo thân trú ở đâu? Báo thân trú trong cõi thật báo, nên gọi là báo thân. Chúng ta biết trong cõi thật báo là nơi ở của 41 vị pháp thân đại sĩ, người thường không đến được. Nghĩa là nói đã đoạn tận kiến tư phiền não, đoạn tận trần sa phiền não, cũng đoạn tận vô minh phiền não, lúc này trú trong cõi thật báo. Trong cõi thật báo có thân, có sắc tướng, có thân. Tướng này, trong kinh Đức Phật nói: Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Không phải như bình thường chúng ta nói, 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp. 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp là ứng thân. Báo thân là vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Vì sao vậy? Vì tánh đức hoàn toàn hiển thị ra từ báo thân, tánh đức vô lượng vô biên vô số vô tận, không thể nghĩ bàn, hoàn toàn đều hiện ra từ trên báo thân. Đây là tự thọ dụng, thật sự lia khổ được vui.

Ứng thân là tha thọ dụng, ứng thân là ứng hóa trong thập pháp giới, trong lục đạo. Chúng sanh có cảm, Phật liền thị hiện, Phật thị hiện thân này gọi là ứng thân.

Đương thời Đức Thế Tôn thị hiện ở cõi Ta bà này là ứng thân. Ứng thân không gì khác với thân chúng sanh ở nơi đây, ngài đến đâu thai vào cõi người trên địa cầu chúng ta. Ngài cũng thị hiện đầu thai, hoàn toàn giống như nhân gian chúng ta. Chúng ta là con người, ngài cũng là con người, nhưng chúng ta là người mê hoặc điên đảo, ngài là người triệt ngộ rốt ráo, điều này không giống nhau. Ngài đến để làm gì? Đến để giáo hóa chúng ta, dạy người, thị hiện dạy người, dạy súc sanh thì thị hiện thân súc sanh, súc sanh nhiều loại. Nếu dạy loài hổ ngài liền thị hiện thân loài hổ, hiện thân đồng loại. Nếu không phải thân đồng loại, làm sao sống cùng nhau? Hiện thân đồng loại, đây gọi là ứng thân. Muốn dạy nga quý, ngài phải hiện thân nga quý.

Quý vị xem, trong một vài pháp sự của Phật giáo như chuẩn tế, chuẩn tế là cúng thí thực. Quý rất đáng thương gọi là quý đói, không được ăn uống. Cúng thí thực, cúng thí thực nghĩa là sao? Là mời khách, mời ai? Mời quý đến ăn cơm. Quý vị xem trên đài cúng thí có cắm một bài vị quý vương, gọi là Tiêu Diện Đại Sĩ, mặt mũi hung dữ. Tiêu Diện là ai? Bồ Tát Quán Thế Âm, hiện thân quý ở trong đường nga quý. Ở đường nào thì hiện thân ở đường đó, đây gọi là ứng thân. Không hiện thân này, không thể giáo hóa loại chúng sanh đó, hòa quang đồng trần với tất cả chúng sanh.

Còn một thân nữa gọi là hóa thân, hóa thân khác với ứng thân, cũng là giáo hóa chúng sanh, nhưng thời gian ngắn. Quý vị nhìn thấy họ, họ nói chuyện với quý vị, chỉ điểm cho quý vị, xong rồi liền biến mất, quý vị không tìm thấy họ nữa. Không biết họ từ đâu đến, cũng không biết họ đi về đâu, nhưng thật sự nhìn thấy họ, đây là hóa thân. Hóa thân cũng thường có, người có duyên đều gặp được. Quý vị có nhân duyên đặc biệt với Phật Bồ Tát. Chúng tôi ngày xưa là sự thật hoàn toàn, không phải giả. Sư mẫu của tôi, vợ của thầy Chu Bang Đạo- Chu tiên sinh. Trong thời kỳ kháng chiến, chúng tôi đi học ở Quý Châu, ông là hiệu trưởng của chúng tôi. Sau khi chiến tranh thắng lợi

ông trở về Nam Kinh, nhà ông ở Nam Kinh có khoảng sân rất lớn, ba lần cửa. Sau khi mở cửa lớn là sân nhà, trong này có rất nhiều cây ăn trái, một khoảng sân lớn. Sau đó mới đến cửa thứ hai, ở trước là sân. Chúng tôi ở Đài Trung học Phật với thầy Lý tình cờ gặp lại hiệu trưởng, hiệu trưởng cũng học Phật với thầy Lý. Trước đây chúng tôi là thầy trò, bây giờ chúng tôi trở thành bạn học. Vợ thầy Chu nói với tôi, khi bà ở Nam Kinh, một hôm có một vị hòa thượng lúc đó họ không tin Phật, không có tín ngưỡng Tôn giáo, có một vị hòa thượng đến nhà bà khát thực. Bà hỏi hòa thượng, ông từ đâu đến? Đến từ Cửu Hoa Sơn, đi khát thực gieo duyên. Bà nói ông muốn gì? Hòa thượng nói cần năm cân dầu thơm, bà Chu không cho. Không cho, hòa thượng liền đi. Sau khi hòa thượng đi rồi, bà đột nhiên nhớ lại: Nhà mình muốn đến được đây là đi qua ba lần cửa, không có ai mở cửa, cũng không nghe tiếng gọi cửa, ông ta đến bằng cách nào? Khi hòa thượng đi rồi, thấy cửa vẫn đóng, ông đi bằng cách nào? Bà cảm thấy rất kỳ lạ, để chuyện này trong lòng không biết bao nhiêu năm. Khi đến Đài Trung gặp thầy Lý, bà kể lại câu chuyện này cho thầy Lý nghe. Thật vậy, lúc bà nói chuyện với vị hòa thượng cũng khoảng mười mấy phút, tuyệt đối không phải thấy sai, thật sự thấy như vậy. Vị hòa thượng này không biết từ đâu đến, cũng không biết đi về đâu. Từ núi Hoa Sơn đến khát thực năm cân dầu thơm, bà hối hận vì không cúng dường. Thầy giáo nói với bà, đó là Bồ Tát Địa Tạng, bà giật mình quý xuống lạy. Bồ Tát Địa Tạng đến nhà bà, đến độ bà. Nên từ đó về sau bà thờ Bồ Tát Địa Tạng, ngày ngày tụng Kinh Địa Tạng, ngày ngày niệm Chú Đại Bi, bà tu hành tinh tấn. Học sinh chúng tôi không ai không khen ngợi bà, bà đối với học sinh chúng tôi tốt hơn cả con cái mình. Nên học sinh chúng tôi lúc đó, thật sự gọi là thầy trò như cha con. Hoạn nạn, không có nhà, học đường chính là nhà, thầy giáo là cha mẹ chúng tôi, còn bạn học giống như anh em chị em vậy. Hợp tác lẫn nhau, chăm sóc lẫn nhau trong lúc hoạn nạn. Đó là gì? Là Bồ Tát Địa Tạng hóa thân.

Cho nên ứng thân, hóa thân, vì họ không mê, giác mà không mê. Ngày xưa Chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sanh, hiện tại Chư Phật đến thị hiện ứng hóa, không khác gì cở Phật. Cho nên có thể gọi là ứng thân Như Lai, hóa thân Như Lai.

Bên dưới, Kinh Kim Cang nói: “Không có đến, cũng không có đi, nên gọi là Như Lai, đây là pháp thân Như Lai”. Pháp tánh, thân pháp tánh, đây là nói từ trên phương diện pháp thể. Trong Kinh Kim Cang còn có câu: “Như Lai tức chư pháp như nghĩa”, cũng là nói pháp thân. Câu này nói rất hay, các pháp nhất như, cũng tức là nói tất cả pháp là nhất thể. Chư pháp như nghĩa, nói cho chúng ta biết tin tức này. Đây đều là nói luân lý của Phật giáo, luân lý Phật giáo nói rằng: muôn sự muôn vật khắp biến pháp giới hư không giới, là từ một tự tánh biến hiện ra.

Chúng ta đọc trong kinh điển đại thừa, “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”. Tâm ở đây nghĩa là tự tánh, là chân tâm, bản thể của tất cả pháp là chân

tâm. Tôn giáo nước ngoài không gọi nó là tánh, không gọi là chân tâm, mà gọi là chân thân, gọi là thượng đế. Danh xưng khác nhau, nhưng thực tế là cùng một nghĩa.

Lần này tôi thấy_tháng trước có mấy nhà khoa học, mở hội nghị ở Sydney Úc châu, luận đàm hai ngày, có gởi thư mời cho tôi. Tôi không đi, nhưng phái mấy vị đồng tu đến tham dự, có năm sáu người đi tham dự. Tôi xem ghi chép báo cáo của họ, khiến tôi cảm thấy rất kinh ngạc, những báo cáo khoa học này ngày càng tiếp cận Phật giáo. Mặc dù họ là tín đồ Tôn giáo, nói rằng: Thượng đế tức là tôi, tôi tức là thượng đế. Tôi là thượng đế, quý vị cũng là thượng đế. Thấy báo cáo này, giống với những gì trong Phật giáo đại thừa nói: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, 3000 năm trước Đức Phật đã nói như vậy.

Hiện nay các nhà khoa học, có một số là tín đồ Tôn giáo, họ thừa nhận thượng đế không phải một người_điều này trước đây tôi chưa từng nghe, nên ngày càng gần với tư tưởng của Phật giáo đại thừa, đây là thật. Chủ tạo vật thật sự là ý niệm, trong kinh nói tâm hiện thức biến. Tâm chính là chân tâm, nghĩa là pháp tánh, năng sanh năng hiện. Khi khai ngộ đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”. Tự tánh này chính là pháp tánh, nghĩa là bản tánh chân như, năng sanh vạn pháp. Trong Hoàn Nguyên Quán nói, nguồn gốc của vũ trụ là nhất niệm bất giác. Nhất niệm bất giác này là A lại da sanh ra, toàn thể vũ trụ xuất hiện. Sau khi xuất hiện, đây là gì? Là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên, cả ba hiện tượng đều xuất hiện. Bất cứ hiện tượng nào đều có ba đặc tánh, thứ nhất là “chu biến pháp giới”. Vì chúng ta biết, bất luận là vật chất hay tinh thần, nó đều có tần suất. Nên hiện nay các nhà khoa học phát hiện là vũ trụ, họ đưa ra một lý luận: “Lý luận dây đàn”. Lý luận này giống như khi đàn, khi ta gảy nó có chấn động. Muôn sự muôn vật giữa vũ trụ, vì sao có nhiều sự bất đồng đến thế? Đây là tần suất không giống nhau, tất cả đều thuộc về chấn động. Chấn động này hiện nay khoa học gọi là năng lượng, vì chấn động nên mới xuất hiện hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất và hiện tượng tự nhiên. Tam tế tướng của A lại da, nghiệp tướng của A lại da chính là chấn động, lúc động chúng ta gọi nó là khởi tâm động niệm. Nó vô cùng vi tế, bản thân chúng ta không cách nào phát giác được, chấn động cực kỳ vi tế. Tốc độ chấn động này, chỉ cần vừa động nó liền chu biến pháp giới. Nói cách khác, bất cứ tốc độ nào đều không sánh bằng chấn động của tâm niệm này. Ánh sáng của mặt trời đến địa cầu phải mất tám phút, cự ly không xa lắm, nhưng ý niệm chúng ta vừa chấn động là chu biến pháp giới, nên cảm ứng đạo giao với tất cả Chư Phật Bồ Tát, không thể nghĩ bàn.

Đặc tánh thứ hai là “xuất sanh vô tận”. Nói như chúng ta hiện nay là biến hóa vô cùng, quả là không thể nghĩ bàn. Trong sự biến hóa này, mặc dù là ức vạn năm nay, không có hai hiện tượng dao động nào biến hóa hoàn toàn tương đồng. Không có, xưa nay chưa từng có, chỉ có đến khi nào tương đồng? Khi bất động là tương đồng, chỉ cần là động sẽ không có tương đồng, xuất sanh vô tận.

Đặc tánh thứ ba là “hàm dung không hữu”. Hàm không, không là hư không, hữu là vạn hữu. Vấn đề này thông thường chúng ta gọi là tâm lượng lớn, nó có thể bao dung. Trong Phật pháp thường nói là “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, chính là ý này. Quý vị xem lượng này lớn biết bao! Đây là gì? Là tâm lượng của tự tánh, tâm lượng của A lại da. Tâm lượng quý vị vốn lớn như vậy, hiện nay tâm lượng lại biến thành nhỏ như vậy, hai người cũng không thể bao dung lẫn nhau. Đó gọi là gì? Là tạo nghiệp! Tạo nghiệp thì phải chịu khổ, nghiệp không phải là thật, khổ cũng không phải thật, nhưng nó nhất định có hiện tượng này, đây là định luật nhân quả. Định luật này không khó lý giải, vì sao vậy? Có thể từ trong cảnh mộng lãnh hội được. Mỗi người đều có kinh nghiệm nằm mộng, quý vị thấy ác mộng, trong mộng sợ hãi đến nỗi đổ mồ hôi lạnh toàn thân, nhưng tỉnh dậy đều là không, là giả. Nhân quả đều là giả, hiện nay chúng ta đang ở trong mộng, cần phải biết điều này.

Đức Phật dạy chúng ta, luân hồi lục đạo từ đâu mà có? Từ chấp trước, tình chấp. Chúng ta đối với tất cả pháp thế xuất thế gian không còn chấp trước, như vậy là đã tỉnh. Sau khi tỉnh mộng, lục đạo không còn, là một giấc mộng. Nhưng sau khi tỉnh mộng, quý vị vẫn ở trong mộng, vẫn còn một tầng mộng. Lục đạo là mộng trong mộng, đã tỉnh mộng.

Cảnh mộng ở trên là gì? Là tứ thánh pháp giới: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, đó cũng không phải thật. Đó là gì? Đoạn tận trần sa phiền não, nghĩa là không còn phân biệt, phân biệt vi tế hơn chấp trước. Chấp trước không còn, nhưng vẫn còn phân biệt. Phân biệt không còn, đến sau cùng có thể không khởi tâm không động niệm, mười pháp giới không còn. Trong Kinh Bát Nhã Đức Phật nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, “tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm là pháp hữu vi, mộng huyễn bào ảnh, thật sự đã tỉnh. Tỉnh giấc mộng này, mười pháp giới không còn. Ta trú ở đâu? Thì ra là trú trong cõi thật báo trang nghiêm. Tỉnh dậy mới biết, nơi ta ở là cõi thật báo, cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai là cõi thật báo của chính mình, tự tha không hai, sanh Phật không hai, chúng sanh và Phật là một không phải hai. Đây là thế giới Cực Lạc, trong này không có khổ, thật gọi là lìa khổ được vui, nhưng vẫn không phải là cứu cánh nhất. Cứu cánh nhất là như thế nào? Là trở về tự tánh. Chúng ta từ tự tánh sanh ra, sau cùng vẫn trở về tự tánh. Giống như là một vòng tuần hoàn lớn, lại trở về chỗ cũ. Cứu cánh chính là thường tịch quang Tịnh độ, đã trở về thường tịch quang. Khi nào trở về thường tịch quang? Khi đoạn tận tập khí vô trí vô minh.

Trong kinh điển chúng ta thường thấy: Bồ Tát Đẳng giác vẫn còn nhất phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn, đoạn nhất phẩm vô minh này liền thành Diệu giác vị, quả Phật cứu cánh viên mãn, vô thượng chánh đẳng chánh giác. Không còn cao hơn, họ đã đến vô thượng. Lúc này cõi thật báo cũng không còn, trở về thường tịch quang. Nên cõi thật báo cũng không phải thật, chúng ta gọi nó là nhất chân pháp giới. Nghĩa là

trong cõi thật báo không có hiện tượng sanh diệt, không có hiện tượng biến dị. Sanh đến cõi thật báo, tướng giống như thế nào? Đại khái là giống như mười bảy mười tám tuổi vậy, vĩnh viễn mười bảy mười tám tuổi. Thọ mạng bao lâu? Ba đại a tăng kỳ kiếp, họ không thay đổi! Vì sao họ không thay đổi? Họ không có thức, chỉ có tâm hiện, không có thức biến. Thức là bát thức, họ ở trong cảnh giới đó là chuyển bát thức thành tứ trí. Nói cách khác, họ dùng chân tâm, chân tâm không thay đổi. Trong mười pháp dùng vọng tâm, vọng tâm thay đổi, vọng tâm thay đổi trong từng sát na, từng giây từng phút không giống nhau. Nên nó có sanh diệt. Ý niệm có sanh diệt, nên hiện tượng có sanh diệt. Ý niệm không có sanh diệt, nên nó sẽ thường trú. Người trong cõi thật báo trường thọ, vô lượng thọ, nhưng tướng mạo vĩnh viễn bất biến, vĩnh viễn không có sanh bệnh, không có hiện tượng này. Cây cỏ hoa lá mãi xanh tươi, không có điều tàn. Trong kinh điển chúng ta đọc được rất nhiều, Đức Phật không nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, cõi thật báo là ngoại lệ, không nói lời này, cho nên cõi thật báo cũng sẽ diệt tận.

Các nhà vật lý học hiện đại, phát hiện khi nghiên cứu vũ trụ vĩ quan. Hiện nay chúng ta có thể thăm dò được, trên thực tế chỉ là 10% của toàn thể vũ trụ mà thôi, 90% vũ trụ còn lại không nhìn thấy, họ rất mơ hồ. Chúng ta nghe báo cáo này của họ vô cùng hoan hỷ, gật đầu, vì chúng ta đã hiểu. Họ không hiểu, nhưng chúng ta hiểu. 90% vũ trụ đó đi đâu? Đã trở về thường tịch quang. Trở về thường tịch quang, thì dù quý vị có tìm cũng không thấy được. Vì thường tịch quang, nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần. Nếu là vật chất, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân có thể tiếp xúc được. Nó là tinh thần, đệ lục ý thức có thể tiếp xúc được. Khi trở về thường tịch quang, tám thức đều không khởi tác dụng, đều không cách nào duyên được nó, nó đã trở về tự tánh.

Phật pháp đích thực là triết học cao cấp, không những là triết học cao cấp, mà còn là khoa học cao cấp. Ngày nay vấn đề mà khoa học và triết học không giải quyết được, trong Phật pháp đều có cả. Khoa học tiến bộ, sau khi có thể thăm dò được cảnh giới này, không có cách nào tiếp tục nâng cao hơn nữa, không cách nào nâng cao thêm nữa. Nếu nâng cao hơn nữa phải dùng phương pháp của đại thừa, buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước. Sau cùng Đức Phật nói một câu, vấn đề minh tâm kiến tánh chỉ có chứng được mới biết. Cần bản thân quý vị phải tự chứng được, quý vị sẽ hiểu được. Khi quý vị không thể chứng được, dùng ý thức để duyên đó. Công năng của ý thức, đối với bên ngoài có thể duyên đến vũ trụ, đối với bên trong có thể duyên đến A lại da, nhưng không duyên được tự tánh. Thức thứ sáu có thể duyên, danh từ hiện nay của chúng ta gọi là tri thức. Từ buông bỏ tập khí phiền não, trong này chứng được gọi là trí tuệ. Cho nên Đức Phật chứng được, là ngài dùng trí tuệ, không phải tri thức. Ngày nay khoa học thăm dò được, tất cả đều thuộc về tri thức, không phải trí tuệ. Phạm vi mà tri thức có thể thăm dò được chỉ lớn chừng đó, thật đáng nể, nhưng họ chưa đoạn được phiền não. Chưa đoạn được phiền não, nói cách khác họ không ra khỏi luân hồi lục

đạo, cần phải hiểu điều này! Trong Phật pháp tu học không coi trọng trí thức, chỉ coi trọng trí tuệ, coi trọng đức hạnh, coi trọng sự buông xả. Đức Phật dạy chúng ta, buông bỏ kiến tư phiền não, liền chứng được A la hán, lục đạo không còn, vượt thoát lục đạo, đây là lợi ích thật sự. Mặc dù trí thức khá cao, nhưng ta chưa trừ được thị phi nhân ngã, chưa buông bỏ được tự tư tự lợi, chưa buông bỏ tham sân si mạn. Như vậy quý vị ở trong lục đạo, phải sanh tử như thế nào vẫn là sanh tử như thế đó, vô ích, trí thức không hữu dụng. Dù trí thức cao đến đâu, nếu vẫn còn tham sân si mạn, nhất định đọa tam đồ. Nếu có trí tuệ, chắc chắn họ không còn tham sân si mạn. Không giống nhau, trí tuệ lợi ích vô cùng, chúng ta nhất định phải hiểu điều này.

Chúng ta xem tiếp bên dưới, trang 183 hàng thứ nhất: “Chuyên Pháp Luân Luận nói: Đệ nhất nghĩa đế gọi là Như, chánh giác gọi là Lai, đây là báo thân Như Lai”. Đây là nói gì? Trong cõi thật báo trang nghiêm, 41 vị pháp thân đại sĩ, đệ nhất nghĩa đế gọi là Như. Đệ nhất nghĩa đế là gì? Chính là trong kinh này nói, loại thứ nhất trong ba loại chân thật- Chân thật rốt ráo, nghĩa là tự tánh, người xưa gọi là bản tánh, bản tánh vốn thiện. Trong Tịnh độ gọi là thường tịch quang, đây là Như.

Chánh giác gọi là Lai, đệ nhất nghĩa đế là tánh đức, tự tánh vốn có. Chánh giác là tu đức, nếu chúng ta không tu, tuy có tánh đức, nhưng tánh đức không khởi tác dụng, tánh đức vĩnh viễn tùy duyên. Quý vị tạo tội địa ngục, tánh đức cũng theo đó biến ra hiện tượng địa ngục. Quý vị tạo tội súc sanh, tánh đức biến hiện súc sanh, tánh đức vĩnh viễn tùy duyên. Quả đúng là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, không sai chút nào. Đây là nói báo thân Như Lai, chánh giác hiện tiền. Chánh giác này là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Thành Thật Luận nói: “Thừa Như Lai đạo, lai thành chánh giác, nên gọi là Như Lai”. Đây là ứng thân Như Lai. Ở trước là pháp tướng, báo thân Như Lai là pháp tướng. Quý vị xem pháp thân Như Lai là pháp tánh, báo thân Như Lai là pháp tướng, ứng thân Như Lai là pháp dụng, là khởi dụng của pháp tánh, đây là ứng thân Như Lai. Thừa Như Lai đạo, là tự tánh. Lai thành chánh giác, là thị hiện ứng thân. Như đương thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở thế gian này, là lai thành chánh giác. Chúng ta xưng ngài là Như Lai, xưng ngài là Phật, đây là ứng thân, ứng thân Phật, ứng thân Như Lai. Những đạo lý, chân tướng sự thật này, chúng ta đều hiểu rõ ràng, sẽ biết cần tu như thế nào. Đây là đại ân đại đức mà Phật đối với chúng ta, nếu Phật không xuất thế chúng ta làm sao biết được những vấn đề này? Nhất định tùy theo tập khí phiền não mà ngày ngày tạo ác nghiệp. Không nghe Phật pháp, nhất định trôi lăn mãi trong luân hồi lục đạo. Lục đạo luân hồi cũng vậy, cũng là gặp duyên khác nhau. Nếu như gặp được cha mẹ tốt, thầy giáo giỏi, dạy cho chúng ta nhân nghĩa đạo đức, chúng ta sẽ ở trong ba đường lành của lục đạo. Nếu không gặp được thầy giỏi, nhất định ta không dứt trừ được tham sân si mạn, đây là ác nghiệp, quả báo trong ba đường ác. Cõi người là giới tuyến, đây là một điểm, là một trạm trung chuyển. Quý vị từ ba đường

lành chuyển đến ba đường ác, chuyển từ đây. Từ ba đường ác chuyển đến ba đường lành, cũng từ đây chuyển. Thọ mạng ở cõi người không dài, nhưng ở trong lục đạo nó khởi tác dụng rất lớn. Nếu Chư Phật Bồ Tát thị hiện thân Phật để độ chúng sanh, đều ở cõi người. Ba đường lành như chư Thiên, thì họ hiện thân Bồ Tát, không hiện thân Phật, ba đường ác cũng hiện thân Bồ Tát, thành Phật nhất định ở cõi người. Nên cõi người đáng quý là đáng quý ở chỗ này, khổ nhiều ít vui dễ giác ngộ. Sau khi hiểu rồi, bản thân ở trong đời này, chúng ta đã tìm ra phương hướng, tìm được mục tiêu. Chúng ta tìm được kinh điển y cứ, nghĩa là bộ kinh này, y theo bộ Kinh Vô Lượng Thọ này. Phương hướng là thế giới tây phương Cực Lạc, mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà, trong đời này tôi chắc chắn phải làm được điều này, phải hạ quyết tâm. Có thể đến đó được sao? Có thể. Dựa vào điều gì? Chỉ cần ta chịu buông bỏ là có thể đến đó được, tuyệt đối không thể đem những thứ ở thế giới này đến thế giới Cực Lạc, không thể đem theo được, buông bỏ triệt để. Ngày nào buông bỏ thì ngày đó sẽ thành công, quý vị muốn ngày nào vãng sanh, hôm nay tôi vãng sanh, hôm nay phải triệt để buông bỏ, hôm nay thật sự được vãng sanh. Vì sao vậy? Chúng ta ở đây vừa khởi tâm động niệm, Phật A Di Đà liền nhận được tin tức.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói: Chu biến pháp giới, thế giới Cực Lạc với chúng ta là cùng một pháp giới, đương nhiên ngài nhận được tin tức. Thật sự phát nguyện, thật sự phát tâm, Phật A Di Đà sẽ đến, đây hoàn toàn là sự thật. Đừng tiếp tục tham đắm những thứ không thật, lục đạo là giả, không có gì là thật, ngay cả mười pháp giới cũng là giả. Đến thế giới Cực Lạc, là trở về đến cõi thật báo trang nghiêm. Chúng ta chưa đoạn được nhất phẩm tập khí phiền não, nhất phẩm chưa đoạn cũng vậy, cũng là cõi thật báo.

48 nguyện của Phật A Di Đà nói rất rõ ràng, chỉ cần sanh đến thế giới Cực Lạc, “đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát”. A Duy Việt Trí Bồ Tát là Bồ Tát nào? Tam bất thoái. Tam bất thoái nói như thế nào? Tiểu thừa A la hán là vị bất thoái, Bồ Tát đại thừa là hành bất thoái, minh tâm kiến tánh, Hoa Nghiêm viên giáo trở lên là niệm bất thoái. Chúng được ba loại tam bất thoái này, đó là Kinh Hoa Nghiêm viên giáo sơ trụ trở lên. 41 vị pháp thân đại sĩ, họ trú ở đâu? Họ trú cõi thật báo trang nghiêm.

Bởi thế quý vị sẽ biết, thế giới Cực Lạc tuy nói bốn cõi, nhưng lấy cõi thật báo trang nghiêm làm trung tâm. Tuy ta sanh vào cõi phàm thánh đồng cư, chưa đoạn nhất phẩm phiền não, nhưng được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, ta ở thế giới Cực Lạc, trí tuệ, thần thông, đạo lực, bình đẳng với pháp thân đại sĩ của hàng sơ trụ trở lên, đãi ngộ giống nhau. Thế giới khác không có lợi ích này. Phật A Di Đà đối xử bình đẳng, tuyệt đối không có phân biệt quý vị là cõi đồng cư hay quý vị là cõi phương tiện, không có tâm phân biệt này. Điều này hiếm có, quả thật hiếm có.

Bởi vậy bốn cõi của thế giới Cực Lạc là ở cùng nhau, một sanh tất cả sanh. Hoàn cảnh tu học thù thắng như vậy, chúng ta không đến thì đi đâu để tìm? Cần phải biết

điều này. Vấn đề này là thật, không phải giả. Đối với thế gian này không hề có chút tham luyến nào. Ở thế giới này ngày nào, vấn đề hàng đầu là nâng cao cảnh giới của mình, việc lớn thứ hai là giúp những chúng sanh khổ nạn. Điều này cần phải hiểu rõ ràng. Nếu đem việc giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn, coi là việc lớn hàng đầu, đặt công phu tu học của mình ở vị trí thứ hai. Không tề, quý vị tu được không ít phước báo, nhưng không về được thế giới Cực Lạc, đời sau hưởng phước báo nhân thiên, quý vị đang tạo công đức này. Khi hưởng phước báo nhân thiên, quý vị có tạo nghiệp chướng? Quý vị xem thế gian hiện nay, chức vị lớn, tiền tài nhiều, họ có tạo nghiệp chướng? Đừng nói gì khác, trong ẩm thực hàng ngày ăn thịt chúng sanh. Trong kinh Đức Phật nói rất rõ ràng: “Ăn nó nữa cân, trả nó tám lượng”. Nợ mạng phải trả mạng, nợ tiền phải trả tiền, như vậy phải làm sao? Vì thế chúng ta ở thế gian này, tất cả công đức tu học được, đều hồi hướng cho oán thân trai chủ, sám hối đối với họ. Trước đây không biết, bây giờ học Phật mới hiểu, cầu xin họ tha thứ, khi vãng sanh đừng đến quấy phá. Tôi sanh đến thế giới Cực Lạc, sau khi thành Phật sẽ trở lại độ họ. Điều kiện của chúng ta bàn thỏa đáng, tinh tấn tu hành, họ đồng ý. Nếu bàn những điều kiện này, bản thân quý vị vẫn còn tâm riêng tư, vướng vào danh văn lợi dưỡng, vị tham sân si mạn chi phối, những oán thân trai chủ này không tha cho quý vị, vì sao vậy? Vì những gì quý vị nói với tôi đều là giả, gạt tôi.

Người học Phật ngày ngày lẽ lạy, ngày ngày sám hối, vì sao nghiệp chướng vẫn rất nặng, vẫn còn quá nhiều bệnh tật, thậm chí còn bị ma nhập. Như vậy nghĩa là sao? Quý vị nói toàn là giả, quý vị không tinh tấn tu hành. Tu hành chơn chánh, họ rất khâm phục, vì sao vậy? Vì họ biết quý vị có thể thành tựu, thật sự có thể thấy được Phật A Di Đà. Quý vị thấy được Phật A Di Đà, chúng tôi cũng nhờ đó mà được lợi ích. Họ không gây phiền phức cho quý vị, mà còn bảo hộ quý vị. Đạo lý này là người đồng với tâm này, tâm đồng với lý này. Chúng ta không thể không biết, nhất định phải y giáo phụng hành.

Bây giờ ta ở trên thế gian này không có thành tựu, nên phải đặt sự thành tựu của mình lên hàng đầu. Đức Phật nói: bản thân chưa độ, mà có thể độ người, không có chuyện này, không có đạo lý này. Muốn độ chúng sanh trước phải độ mình, bản thân chưa được độ không thể độ được người khác. Ta đến thế giới Cực Lạc, đến được đó rồi quay trở lại, như vậy là được. Đến thế giới Cực Lạc nghĩa là tự độ, như vậy tôi mới có năng lực giúp đỡ mọi người. Chỉ cần đến được thế giới Cực Lạc, ngày này đến, ngày mai trở lại. Được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, ta là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Cần dùng thân gì để được độ, quý vị có thể hiện ra thân đó. Không phải đợi đến thế giới Cực Lạc, tốt nghiệp, thành tựu, không phải vậy. Chỉ cần nhập học, ta liền có bản lĩnh này. Điều này không thể nghĩ bàn, là pháp khó tin. Nếu đến khi bản thân có năng lực này, ở thế giới Cực Lạc bản thân đã tu thành A Duy Việt Trí trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói rất rõ ràng, như hạng phàm phu chúng ta nhất phẩm

phiền não chưa đoạn. Cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, phải tu thời gian bao lâu mới đoạn vô minh, chứng pháp thân? Là 12 tiểu kiếp, 12 kiếp, thời gian rất ngắn. Chúng ta thấy thì rất dài, nhưng đối với Bồ Tát thì rất ngắn, 12 kiếp. Cho nên ở đây tu hành nhanh hơn thế giới Cực Lạc. Đây là Đức Phật nói: Tu hành ở thế giới Ta Bà một ngày, bằng 100 năm tu hành ở thế giới Cực Lạc. Vì thế giới Cực Lạc không có chướng ngại, không có sự cám dỗ, đi một cách bình ổn. Tu hành ở thế giới này lên xuống rất nhanh, lên cũng nhanh mà xuống cũng nhanh. Khi nhất niệm sai lầm, lập tức đọa xuống địa ngục, khi một niệm chánh lập tức sanh lên cõi trời, lên xuống rất nhanh. Cho nên thật sự giác ngộ, thật sự minh bạch, thế gian này rất hay. Ở thế gian này tu hành mười năm, bằng tu hành ở thế giới Cực Lạc 1000 năm. Then chốt không phải do hoàn cảnh, đều ở chính mình. Đối với hoàn cảnh thì thuận cảnh hay nghịch cảnh đều là hoàn cảnh tốt, trong thuận cảnh thử thách chúng ta không khởi tham luyến, trong nghịch cảnh cũng thử thách chúng ta không khởi sân nhuế. Ở đây tu điều gì? Tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, tu giác mà không mê. Tu hành như vậy quý vị đến thế giới Cực Lạc, không phải là cõi phàm thánh hạ bồi vãng sanh, nhất định là trung bồi trở lên. Tương lai bản thân tu thành tựu, không dựa vào Phật A Di Đà gia trì, thông thường đại khái hay nói là ba bốn kiếp, năm sáu kiếp sẽ thành công, tuyệt đại đa số. 12 kiếp là thiếu số, đó là gì? Lúc thân mạng chung tạo nhiều tội nghiệp cầu vãng sanh, như vậy phải cần 10 kiếp đến 12 kiếp. Hiểu rõ ràng chân tướng sự thật rồi, chúng ta mới quyết một lòng theo một pháp môn này, một bộ kinh này, trong đời này bảo đảm thành tựu.

Bộ đại thừa Kinh Vô Lượng Thọ này, chính là sách đảm bảo chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc. Ta y giáo phụng hành, nó bảo đảm ta vãng sanh. Cầm được cuốn sách này không làm theo cũng không hiểu nghĩa, như vậy không đáng tin, đó không phải là sách bảo đảm của quý vị. Tin thật, hiểu thật, hành thật, gọi là y giáo phụng hành, sách này là sách bảo đảm.

Bên dưới nói, Thiên Thai Thọ Lượng Phẩm Số_ Đây là trong Kinh Pháp Hoa nói: “Nhu là pháp như như cảnh, không nhân không quả, có Phật không Phật, tánh tướng thường nhiên, biến khắp nơi mà không thay đổi gọi là Như, bất động mà đến là Lai, đây là chỉ pháp thân Như Lai”. Đoạn này trong Kinh Pháp Hoa cũng là nói pháp thân Như Lai, đều nói tự tánh.

“Pháp như như cảnh”, như như cảnh là ví dụ, như như là không khác nhau. Tánh tướng nhất như, tánh như tướng, tướng như tánh. Tánh tướng là nhất thể, lý sự là nhất thể, nhân quả là nhất thể, tất cả mọi hiện tượng trong vũ trụ là nhất thể. “Không nhân không quả”, có nhân quả chăng? Có nhân quả, vì sao nói có nhân quả? Vì có ý niệm là có nhân quả, không có ý niệm thì nhân quả không có. Tôi đã vô niệm, vô niệm quý vị vẫn có nhân quả, vì sao vậy? Vì quý vị có vô niệm, quý vị không có cách nào, vì quý vị còn có vô niệm, vô niệm cũng không được có. Nếu khi thật sự tu vô niệm, tương lai đi

về đâu? Đến Trời vô tướng, quả báo ở Trời vô tướng. Cho nên vô niệm cũng không có, đó gọi là gì? Đó là ý niệm thật sự không còn, đoạn tận khởi tâm động niệm. Đoạn tận khởi tâm động niệm là cảnh giới của Pháp thân đại sĩ sơ trụ trở lên. Cần phải biết điều này.

Khởi nhân của tất cả pháp là ý niệm đầu tiên, khởi tâm động niệm, nhất niệm bất giác. Nhất niệm này là nguyên nhân gì? Không có nguyên nhân, nên gọi là vô thi vô minh, nó không có bắt đầu. Đây là nói thật với quý vị, là chân tướng sự thật, không có bắt đầu, mê muội. Câu này rất khó hiểu.

Trước đây tôi ở Đài Trung học Kinh Lăng nghiêm, trong kinh này có câu hỏi như vậy. Vô thi vô minh khởi lên như thế nào? Đầu tiên chúng tôi giải thích hai chữ vô thi này như thế nào? Giải thích thời gian, hình như rất lâu rất lâu về trước, chúng tôi đã hiểu sai. Ý nghĩa thật sự là vốn không có bắt đầu, không có bắt đầu nó thật có như vậy. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì vấn đề này là Tôn giả Phú Lô Na nêu ra, Phú Lô Na là A la hán. Đức Phật đưa ra một ví dụ: “Diễn nhược đạt đa mê đầu nhận ảnh”. Câu chuyện này mọi người đều biết, là có ngộ nhận. Diễn nhược đạt đa là có ngộ nhận, mê đầu nhận ảnh chúng ta nói cũng không dễ nói. Tôi nói một ví dụ khác hoàn toàn tương đồng với nó.

Khi tôi học cấp một và cấp hai là vào thời kỳ kháng chiến, chiến tranh Trung Nhật, lúc đó lớp năm lớp sáu tiểu học là học sinh lớp lớn. Học sinh lớp năm lớp sáu là bắt đầu học quân sự, như vậy những lớp trên thì càng không cần nói. Lớp năm lớp sáu đã học quân sự, nên chúng tôi cũng từng được huấn luyện quân sự. Trong huấn luyện quân sự, chuyện bình thường nhất là tập hợp khẩn cấp. Sáng sớm trường quan ở thao trường thổi một hồi còi, giới hạn trong ba phút phục trang phải chỉnh tề, đến thao trường xếp hàng, thường có trường hợp này. Khi phục trang chỉnh tề, đột nhiên hoảng hốt hỏi mọi người: Mũ của tôi không thấy, nó ở đâu? Bạn học nói, không phải mũ bạn đang đội trên đầu ư? Rờ lên là thật, gọi là mê đầu nhận ảnh. Quý vị nói mê này có thời gian chăng? Nó phát sanh khi nào? Câu chuyện diễn nhược đạt đa mê đầu nhận ảnh, tính chất cũng như câu chuyện này vậy, thật sự phát sanh hoảng hốt. Quý vị nói nhất niệm đó, đó nghĩa là nhất niệm bất giác. Quên bản thân đã đội mũ, đó là nhất niệm bất giác. Nhất niệm bất giác đó là nguyên nhân gì? Tìm không ra nguyên nhân. Ý niệm đầu tiên không có nguyên nhân, ý niệm thứ hai có nguyên nhân, là gì? Ý niệm đầu tiên là nhân, mới có ý niệm thứ hai, ý niệm thứ hai là nhân của ý niệm thứ ba. Về sau đều có, đều có nhân quả. Nên niệm thứ nhất không có nhân, niệm này không có thời gian. Quý vị nói nó khởi lên khi nào? Không có, ở ngay tại đây. Cho nên vọng niệm này là niệm này nối tiếp niệm kia, niệm này tiếp niệm kia, ta mới nhìn thấy thế giới này. Nếu chúng ta đoạn ý niệm này, thế giới này lập tức không còn, vì sao vậy? Vì nó là giả. Giống như ta xem film vậy, từng đoạn từng đoạn bằng film nhựa, nếu một đoạn nào đó bị đứt, film lập tức không có, còn lại một khoảng trống, đạo lý chính là như vậy. Bởi

vậy nên biết, thế giới này, khi còn tương tục, còn tồn tại là ý niệm chưa đoạn. Cá nhân là thế giới cá nhân, hai bên không liên quan lẫn nhau. Ý niệm của chúng ta đoạn, lục đạo của chúng ta không còn, nhưng lục đạo của quý vị vẫn còn. Quý vị đoạn tận vọng niệm lục đạo, đoạn nhất niệm này, khởi tâm động niệm không còn, lục đạo của quý vị không còn, nhưng lục đạo của họ vẫn còn. Cá nhân là của cá nhân, cá nhân là vũ trụ của cá nhân, mỗi người không liên quan đến nhau. Điều này trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Khi giác ngộ ta mới có năng lực giúp người khác giác ngộ, mới có năng lực ứng hóa thân trong mười pháp giới. Ta ứng thân, hóa thân để giúp những chúng sanh có nhân duyên. Chúng sanh có duyên là sao? Là họ tin quý vị, nhưng gì quý vị nói họ tin, có thể lý giải và y giáo phụng hành, đây là có duyên với mình.

Bây giờ kết duyên tiện lợi hơn ngày xưa nhiều, quý vị xem hiện nay chúng ta thông qua mạng internet kết duyên với không biết bao nhiêu người, trên toàn thế giới. Chỉ cần người ta mở kênh này ra, đều là người có duyên, truyền hình vệ tinh vô cùng phổ biến.

Nên ở đây nói không nhân không quả là thật, trong đệ nhất nghĩa không nhân không quả, trong đệ nhị nghĩa có nhân có quả. Cũng chính là nói trong mười pháp giới có nhân có quả, trong cõi thật báo trang nghiêm vẫn có nhân có quả, nó không phải đệ nhất nghĩa. Thường tịch quang là đệ nhất nghĩa, trong thường tịch quang không nhân không quả, chỉ có một cảnh giới như vậy. Nhân quả như đại sư Huệ Năng nói: “đầu ngón tay nắm năng sanh vạn pháp”, nhân quả sanh sa đồng thời với năng sanh vạn pháp, nhân quả cũng là một trong vạn pháp. Sinh đồng thời, không có trước sau.

“Tánh tướng thường nhiên”, pháp tánh pháp tướng. Pháp tánh năng sanh năng hiện, pháp tướng sở sanh sở hiện. Các loại biến hóa trong pháp tướng đều là thức, thức là gì? Là phân biệt chấp trước. Đây là như những gì Thế Tôn nói: “Tất cả pháp từ tâm tướng sanh”, câu này rất hay. Vì sao thế? Vì câu này bao gồm toàn thể vũ trụ, bao gồm cõi thật báo trang nghiêm. Cõi thật báo, cõi phương tiện, cõi phàm thánh đồng cư, toàn là từ ý niệm sanh, tâm tướng sanh_tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Tâm tướng không có thì tất cả đều không. Chỉ cần có tâm tướng, tâm tướng chưa đoạn thì nó tồn tại. Đức Phật dạy chúng ta điều gì? Ngài dạy chúng ta đoạn tận tâm tướng.

Các bậc tổ đức chúng ta, tôi khẳng định họ là Phật Bồ Tát tái sanh, không phải là người thường. Quý vị xem họ phát minh ra chữ viết, quý vị xem chữ “tư tướng”, thấy chữ viết này, trí tuệ sẽ khai. Tư là gì? Là trong tâm khởi phân biệt, quý vị xem từng nét từng nét, đó là khởi phân biệt. Tướng là gì? Là tướng hiện ra, tướng là gì? Là chấp trước. Tướng là chấp trước, tư là phân biệt. Nếu ta bỏ chữ đi, bỏ tướng đi, chân tâm liền hiển lộ, bên dưới là chân tâm. Chân tâm đó là gì? Là pháp tánh. Từng nét đó, tướng đó là pháp tướng.

Cổ đức không phải Phật Bồ Tát, họ có thể phát minh ra được như vậy ư? Cho nên văn tự xưa không được thay đổi, thay đổi là mất hết nghĩa của nó. Đây là phù hiệu của trí tuệ, rất đáng nể! Tuy ta không biết chữ này, nhưng ta xem cũng hiểu được, có thể biết được ý của chữ này. Làm sao để chân tâm hiện tiền? Vứt bỏ tướng, chân tâm liền hiển lộ ra. Đoạn tận phân biệt, chân tâm hiện tiền, từng bước từng bước nâng cao. Hiện nay người nghiên cứu triết học nói, họ xem Đức Phật Thích Ca Mâu Ni như một nhà tư tưởng, quý vị nói Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có oan uổng chăng? Nhà tư tưởng là ai? Chúng sanh trong luân hồi lục đạo là nhà tư tưởng. Nên gọi là tánh tướng thường nhiên.

Chư Phật Bồ Tát thị hiện trong lục đạo, trong mười pháp giới, hòa quang đồng trần với những chúng sanh này. Cần lấy thân gì để độ thoát liền hiện ra thân đó. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói, tùy tâm ứng lượng. Tâm này là vọng tâm của chúng sanh, nghĩa là tư tưởng, các ngài cảm ứng tùy theo tâm tưởng của chúng sanh. Họ có chương ngại chăng? Không có. Tuy họ thị hiện, nhưng không có tư cũng không có tướng, nên họ vĩnh viễn tương ứng với chân tâm, tương ứng với tự tánh, như vậy là đúng.

Bây giờ chúng ta tương ứng với tánh đức, nhưng bên trong có tư tưởng. Tánh đức là gì? Trong Phật pháp nói phổ biến nhất là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Quý vị xem trong Kinh Thập thiện Nghiệp Đạo Đức Phật nói pháp nhân thiên. Cũng chính là nói ta ở trong lục đạo, được thân người, được thân trời, là gì? Nhờ Thập Thiện Nghiệp, không tu thập thiện ta không thể sanh làm trời người. Trung phẩm thập thiện được thân người, thượng phẩm thập thiện sanh lên cõi trời. Trái với thập thiện, đó là thập ác. Thập ác, hạ phẩm thập ác là đường súc sanh, trung phẩm thập ác là đường ngựa quỷ, đó là tánh đức.

Ngày xưa, người xưa nói 12 chữ, ý nghĩa như nhau. Quý vị xem người xưa nói: Hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình, 12 chữ. 12 loại đức này là tánh đức, nhưng khi chúng ta học chúng ta vẫn còn phân biệt chấp trước, nên trở thành đạo đức thế gian. Nếu chúng ta tu theo 12 chữ này, không có phân biệt, không có chấp trước, vậy là tu giống như A la hán. Tu 12 loại này có thể chứng A la hán chăng? Có thể. Có thể thành Bồ Tát chăng? Có thể, vì nó thông với thập thiện.

Bởi thế có một số người học Phật, vô cùng chấp trước. Ngày nay chúng ta đề xướng Đệ Tử Quy, đó là sách của Nho giáo, sao chúng ta có thể học nó? Cảm Ứng Thiên là Đạo gia sao chúng ta lại học nó? Những người này không thể ra khỏi luân hồi lục đạo. Tuy rất tôn trọng Phật, nhưng lại bài xích các Tôn giáo khác, sai lầm, các Tôn giáo khác cũng là Phật, cùng một tự tánh sanh ra. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Nếu chúng ta hỏi Nho là ngoài tâm hay là trong tâm? Ngoài tâm chúng ta có Nho giáo chăng? Ngoài tâm có đạo chăng? Đạo bên ngoài tâm từ đâu đến? Nếu nó không phải tự tánh biến hiện, vậy nó từ đâu đến? Chẳng lẽ có hai tự tánh, ba tự tánh ư? Làm gì có đạo lý này? Tự tánh chỉ có một, từ một thể sanh ra, nếu ta bài xích là sai. Biến pháp giới hư không giới với mình là nhất thể.

Trước đây tôi phỏng vấn ở Nhật, Nhật bản có một vị hòa thượng, ông rất mến tôi. Khi tôi đến thăm, hòa thượng khoảng 100 tuổi, năm đó tôi đến thăm ông. Khi ông ra đi là 103 tuổi, đi cũng được vài năm rồi, hòa thượng Trung Thôn Khang Long. Ông nói với tôi, ông nói: tất cả người sáng lập Tôn giáo trên toàn thế giới, đều là hóa thân của Bồ Tát Quán Âm. Quý vị xem, vị hòa thượng này có bài xích các Tôn giáo khác chẳng? Nhất định không! Đều là hóa thân của Bồ Tát Quán Âm. Khi tôi ra về, đệ tử của hòa thượng nói với tôi, pháp sư Kiều Bồn, hiện nay là phương trượng. Pháp sư Kiều Bồn nói: Thầy Tịnh Không à, hòa thượng chúng tôi xưa nay chưa từng nói như vậy, không biết sao hôm nay gặp thầy lại nói như vậy? Tất cả người sáng lập Tôn giáo, đều là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Người sáng lập Nho và Đạo giáo, đương nhiên là hóa thân của Phật Bồ Tát, cũng bao gồm Thần đạo giáo của Nhật bản, là một không phải hai. Tánh tướng thường nhiên, ý câu này rất thâm sâu.

Biến khắp mọi nơi mà không có thay đổi, đây là Như, không có sai khác, nhất định phải biết điều này. Bất động mà đến là Lai, đích thực bất động mà đến. Hiện tượng này cũng phổ biến khắp mọi nơi, chỉ là chúng ta không phát giác được. Chúng ta sản sanh ra rất nhiều hiểu lầm, tất cả đều do vọng tưởng phân biệt chấp trước chi phối. Vọng tưởng rất khó đoạn, chỉ cần buông bỏ được phân biệt chấp trước, những gì trong kinh điển đại thừa nói ta đều thấy được. Ở ngay trước mắt, ngay trong cuộc sống hằng ngày. Cho nên đây là chỉ pháp thân Như Lai.

Bên dưới nói: “Phật có ba thân là pháp thân, báo thân, hóa thân, nên giải thích về Như Lai- chính là giải thích- cũng có pháp thân, báo thân, ứng thân, tức sự khác biệt của hóa thân”, có ba cách nói như vậy. “Căn cứ giải thích trong Hội Sớ”, Hội Sớ là do một vị pháp sư người Nhật trước tác, ông chú giải về Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng: “Không đến không đi là pháp thân. Chánh giác với đệ nhất nghĩa đế, như chân thật tướng như vậy mà đến là báo thân. Thừa đạo chân như thật tướng mà thành chánh giác mà đến là ứng thân”. Ở đây nói rất hay, nói rất rõ ràng. “Các giải thích đều có thể y theo thuyết của Hội Sớ mà biết được ý này”, Hội Sớ nói một cách rõ ràng minh bạch, dễ hiểu.

Không có đến đi, không có sanh diệt. Nói như chúng ta hiện nay, nó không phải tương đối, không có tương đối, đây là pháp thân. Nói rõ ràng hơn một chút, không có đối lập là pháp thân.

Loại thứ hai là nương vào pháp thân, báo thân này là nương vào pháp thân mà đến. Chánh giác đối với đệ nhất nghĩa đế, đây chính là nương pháp thân. “Chân như thật tướng như vậy mà đến”, chân như thật tướng là tu đức, đây là báo thân, chính là trong Kinh Hoa Nghiêm nói 41 vị pháp thân đại sĩ. Bên dưới là ứng hóa, chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng. Ứng thân này, cần dùng thân gì để độ thoát liền thị hiện thân đó, ứng thân không có hiện tướng nhất định: “Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”.

Ứng thân thuyết pháp, cần nói pháp gì họ liền nói pháp đó, họ thị hiện tuyệt đối không có khởi tâm động niệm, hoàn toàn cảm ứng. Chúng sanh muốn điều gì, họ liền nói điều đó. Quý vị muốn học tiểu thừa, họ liền nói pháp tiểu thừa cho quý vị nghe. Nếu muốn học đại thừa, họ liền nói cho quý vị về đại thừa. Nếu muốn học thiên, họ dạy thiên cho quý vị. Còn như muốn học tịnh, họ liền dạy Tịnh cho quý vị. Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Phật Bồ Tát tuyệt đối không có ý niệm, nếu như các ngài có ý, như vậy sẽ hạ thấp ngài, ngài liền trở thành phàm phu. Lục đạo phàm phu có ý niệm, trong tứ thánh pháp giới có ý niệm, họ không dùng ý niệm, vì sao vậy? Vì họ tiếp thu giáo huấn của Phật. Tuy tiếp thu giáo huấn của Phật, nhưng họ chưa đoạn ý niệm, chỉ là chế phục lại một nơi không dùng đến, cho nên họ cao siêu hơn chúng ta. Khởi tâm động niệm, tất cả tạo tác của họ rất giống Phật, nhưng không phải là chân Phật. Họ học rất giống, đó là tứ thánh pháp giới. Họ thật sự dùng chân tâm, thì họ không ở trong tứ thánh pháp giới, mà biến thành báo thân. Chúng ta cần phải biết điều này.

Nói tóm lại một câu tất cả đều ở chỗ buông bỏ. Tu học Phật pháp không có gì khác, công phu chính là ở chỗ buông bỏ, buông bỏ chính là chân công phu. Không thể không biết điều này. Danh hiệu Như Lai, ở đây là nói mười thông hiệu của Phật, cũng chính là vô lượng đức năng trong tự tánh, quy nạp thành mười điều. Đây là trong kinh điển đại thừa giải thích cho chúng ta. Hôm nay chúng ta học điều đầu tiên là “Như Lai”.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 158

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 05.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 183, hàng thứ tám, bắt đầu xem từ câu “thứ hai, Ứng Cúng”.

Đại Luận nói: “Phật đoạn tận tất cả các kiết sử, được tất cả trí tuệ, nên ứng thọ cúng dường của tất cả chúng sanh trong trời đất, vì thế Phật có tên là Ứng Cúng”. Đoạn này nói trong Đại Trí Độ Luận, mười hiệu có thứ tự trước sau. Tuy có một số kinh luận nói khác nhau, nhưng đại thể vẫn biểu pháp thâm nghĩa trong đó.

Pháp thế xuất thế gian không thể không có phước báo. Phật pháp ở thế gian là vì điều gì? Vì giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui, không có phước sẽ khổ, nên trước

tiên Đức Phật luôn khuyên người tu phước. Trong pháp thế xuất thế gian, phước báo của ai lớn nhất? Chư vị học Phật đều biết, cõi trời cõi người không ai bằng Phật, không ai sánh được với Phật. Đức Phật là phước tuệ viên mãn, cứu cánh viên mãn. Trong pháp thế gian, cổ nhân có câu rất đáng cho ta suy gẫm, cổ thánh tiên hiền nói: “lượng lớn phước lớn”. Quý vị thấy lượng nhỏ, mặc dù có phước báo lớn, nhưng họ hưởng không lâu dài, đây là đạo lý nhất định. Quý vị quan sát tường tận, sẽ hiểu được tâm lượng của Phật quả là danh đúng với thực, tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Tâm lượng của ngài là nguyên vẹn trong tự tánh.

Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, quốc sư Hiền Thủ nói với chúng ta về ba loại chu biến, đây là tánh đức. Thứ nhất là “chu biến pháp giới”, thứ hai là “xuất sanh vô tận”, thứ ba là “hàm dung không hữu”. Lượng là ở chỗ hàm dung không hữu, phước báo này lớn biết bao! Nên trên trời hay nhân gian, những người có phước báo giàu sang phú quý, đều tu trong nhà Phật.

Bồ Tát vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, quý vị xem Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta, nhưng vị Bồ Tát này ở thế giới Cực Lạc một ngày, họ thân thông quảng đại. Mặc dù người ở cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, đều rất tuyệt! Được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Trong 48 nguyện chúng ta thấy, “đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát”, A Duy Việt Trí không phải Bồ Tát bình thường. Câu này là dịch âm từ tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung nghĩa là Bồ Tát chúng được ba loại bất thoái chuyển. Ba loại bất thoái chuyển đều đã chứng được, đây không phải là người bình thường.

Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy địa vị này, phải đoạn tận nghiệp nhân trong thế gian lục đạo, nghĩa là đoạn tận kiến tư phiền não. Lục đạo không còn, vượt thoát lục đạo. Nên lục đạo không phải thật, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, thành A la hán. A la hán được vị bất thoái, địa vị của họ không còn bị thoái chuyển, chỉ có nâng cao lên, không bị thoái lui. Mỗi người nâng cao nhanh hay chậm khác nhau, đó là nhân duyên khác nhau. Trong giáo dục Phật giáo, đến đây là đạt được học vị đầu tiên. Giống như tốt nghiệp đại học, lấy được bằng đại học, A la hán là tốt nghiệp đại học. Nâng cao hơn nữa là đoạn tận trần sa phiền não, trong tứ thánh pháp giới, nâng lên đến địa vị Bồ Tát. Ở địa vị Bồ Tát cần phải đoạn tận tập khí trần sa phiền não. Đoạn được tập khí này, họ liền thành Phật. Chư vị nên nhớ, Phật trong mười pháp giới, trong giáo lý đại thừa họ không phải là chân Phật, là tương tự tức Phật. Rất giống Phật, nhưng không phải thật. Nghĩa là nói họ tu, những gì trong Phật pháp nói họ đều hiểu. Những phương pháp tu hành Đức Phật nói họ đều thực hành, làm theo rất giống, vậy tại sao vẫn không phải thật? Ý niệm chưa chuyển, họ vẫn dùng vọng tâm, Phật dùng chân tâm, khác nhau ở điểm này.

Vọng tâm là gì? Vọng tâm là còn khởi tâm động niệm, gọi là vô minh phiền não. Sáu căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, có thể luyện thành công không khởi

tâm không động niệm, như vậy là thành Phật, đó nghĩa là thật. Nên Bồ Tát là hành bất thoái, sau khi thành Phật là niệm bất thoái. Ba loại bất thoái đều chứng được, đây là Phật, là học vị cao nhất trong Phật pháp, quả vị Phật. Tuyệt đối không phải ít người có được, không phải như vậy. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói rất rõ ràng: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, lời nói này là thật, không phải giả, người người đều là Phật! Vậy Phật rốt cuộc là sao? Phật là trí tuệ, phước báo cứu cánh viên mãn, như vậy quý vị dễ hiểu, mà còn sao? Vĩnh viễn bất thoái, phước báo này lấy không hết, dùng không tận, vì sao vậy? Vì đây là tánh đức, trong tự tánh vốn có. Bây giờ ta đã minh tâm kiến tánh, chỉ cần không khởi tâm không động niệm sẽ minh tâm kiến tánh. Nghĩa là đã phá trừ vô minh phiền não, đây là học vị cao nhất, vượt thoát mười pháp giới. Mười pháp giới cũng không phải thật, mười pháp giới là giả.

Vượt thoát mười pháp giới là đi về đâu? Giống như tỉnh lại sau giấc mộng vậy, tỉnh dậy là gì? Ta vốn là Phật, cảnh giới đó gọi là cõi thật báo trang nghiêm. Thật là chân thật, quả báo chân thật, không phải giả. Mười pháp giới, lục đạo đều là giả, đều không phải là quả báo chân thật, duy chỉ có cõi thật báo là chân thật.

Trong Phật pháp định nghĩa thật và giả rất đơn giản, giả nó sẽ thay đổi, nó có biến hóa, như vậy là không phải thật. Ví dụ trong lục đạo, con người chúng ta có sanh lão bệnh tử, động vật đều có sanh lão bệnh tử, đây là giả, vô thường. Thực vật có sanh trụ dị diệt, thế giới có thành trụ hoại không. Đây là một hiện tượng rất phổ biến trong thiên văn học hiện nay, như tinh cầu, tinh cầu trong hư không, nó là vô thường. Tuy chu kỳ của nó, con người chúng ta không thấy được, vì thọ mạng con người quá ngắn. Thái dương là một hỏa cầu, đốt cháy là năng lượng, cũng có ngày cháy hết, cháy hết là không còn. Nên tinh cầu tinh hệ đều có thành trụ hoại không, nó sẽ có một ngày hoại, nên nó vô thường. Chúng ta không thể không biết điều này. Phàm những gì vô thường đều là giả, đều không phải thật. Thật thì sao? Là vĩnh hằng bất biến. Ý nghĩa này rất sâu sắc, chúng ta không thể không biết.

Vì sao chúng ta học Phật? Học Phật nghĩa là tìm lại thân vĩnh hằng bất biến của chúng ta. Thân này ở đâu? Ở cõi thật báo trang nghiêm. Sau khi sanh đến cõi thật báo trang nghiêm, cõi thật báo trang nghiêm thọ mạng lâu dài, vô lượng thọ! Họ như thế nào? Họ không già. Trong cõi thật báo trang nghiêm không có người tóc bạc, không có người râu dài, không có. Quả đúng như ngạn ngữ nói: “Bồ Tát, Bồ Tát, niên niên thập bát”, cõi thật báo quả đúng là hằng năm đều là 18. Trẻ mãi, vô lượng thọ, họ không thay đổi, cũng không sanh bệnh. Cây cỏ hoa lá luôn xanh tươi, vì nó không có sự biến hóa của bốn mùa. Sơn hà đại địa miên viễn vững chắc, tuyệt đối không có bất kỳ thiên tai nào. Những danh từ nói về thiên tai đến nghe cũng chưa từng nghe, thì làm gì có những điều này xảy ra! Thế giới này gọi là nhất chân pháp giới, nó là thật không phải giả. Mục tiêu sau cùng của học Phật, chính là buông bỏ cái giả, tìm về cái chân thật. Đời này chúng ta làm được chăng? Vấn đề này vào thời nhà Đường, tức đầu năm thời

nhà Đường, đại sư Thiện đạo nói rất hay, quý vị nói chúng ta có làm được chăng? Đại sư nói với chúng ta, đều ở chỗ gặp duyên khác nhau, duyên rất khó gặp! Trong Kệ Khai Kinh nói rằng: “trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được”. Vào đời Càn Long nhà Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh nói một câu, nhân duyên gặp được Phật pháp, ông nói: Một ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đã gặp được.

Phật pháp trú tại thế gian này, hiện nay tuy chưa hủy diệt, kinh điển bày ra trước mắt. Nhưng quý vị thử nghĩ xem, ở HongKong tôi thấy không chỉ là ba trăm vạn người, nhưng được mấy người thấy được? Quý vị mới biết không dễ. Ở HongKong người có thể xem được kinh Phật, có được ba vạn người chăng? Tôi thấy không được. Thành phố 300 vạn người, có thể tiếp xúc được Phật pháp chỉ có ba vạn người, sợ rằng chưa đến. Ba vạn người là 1%, 300 vạn mà chỉ có ba vạn người tiếp xúc Phật pháp, đâu có nhiều. Nên mới biết lời của cổ nhân là thật, không phải giả.

Hiện nay nhân khẩu trên toàn thế giới, dự tính thông thường là 65 ức người. Trong 65 ức, có bao nhiêu người học Phật? Tổ chức Tôn giáo thế giới nói, họ có tính: Tín ngưỡng Phật giáo trên toàn thế giới có khoảng 6 ức người. Trong 6 ức người thật sự tiếp xúc được chánh pháp, tôi thấy chưa đến 1%. Gặp được chánh pháp, có thể gặp được pháp môn Tịnh độ lại càng ít, đào thải từng lớp từng lớp, đến sau cùng không còn được mấy người. Chúng ta mới hiểu được thế nào gọi là Phật pháp khó được nghe, thế nào gọi là nhân duyên hy hữu. Khi hiểu rồi mới biết quý trọng nhân duyên chúng ta đang có, không dễ gặp được. Khi gặp phải tin, phải lý giải, chỉ tin thôi chưa đủ. Cần phải hiểu, phải thật sự thấu triệt. Khi đã thấu triệt rồi thì đạo lý trong kinh điển, trở thành tư tưởng của chúng ta. Tất cả những giáo huấn trong kinh điển, biến thành hành vi trong cuộc sống của chúng ta, như vậy ta sẽ vô cùng an lạc.

Câu đầu tiên trong Luận Ngữ Khổng tử nói: “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hôg”, thật sự đã học được, sau khi học được hoàn toàn thực hành vào trong cuộc sống, thực hành vào công việc, thực hành trong cách xử sự đối nhân tiếp vật, như vậy thì còn niềm vui nào hơn. Trong Phật pháp nói, thật sự khế nhập vào cảnh giới này, cũng chính là Khổng phu tử nói học mà được thực hành. Phật pháp đại thừa học mà được thực hành, pháp hỷ sung mãn. Từ sáng đến tối luôn hoan hỷ, thường sanh tâm hoan hỷ, nhất định là như vậy. Vì sao vậy? Vì tam học giới định tuệ đều bao hàm trong đó. Quý vị là người có phước có trí tuệ, như vậy sao không hoan hỷ được!

Đức Phật phước tuệ viên mãn, đây là đại phước đức, người phước đức đệ nhất, nên tu phước phải tu trong nhà Phật. Chúng ta không thể không biết về Phật, nếu hiểu không rõ ràng, dễ đi theo mê tín, như vậy sẽ không tu được phước. Điều này rất quan trọng, vì sao vậy? Vì ta lay là Phật giả, không phải Phật thật. Là Phật nặn bằng đất khắc bằng gỗ, Phật đó không có lợi ích gì. Chân Phật ở đâu? Chân Phật nghĩa là lương tâm của mình, người xưa gọi là lương tâm, Phật pháp gọi là bản tánh, người xưa cũng gọi bản tánh. Bản tánh vốn thiện đó chính là Phật. Chúng ta phải từ trong kinh giáo của

Phật, tìm lại vị chân Phật đó trong tâm của mình. Phải để vị Phật này làm chủ cuộc sống sinh hoạt của chúng ta, đừng để phiền não làm chủ. Nếu để phiền não làm chủ chính là tạo nghiệp, điều này rất quan trọng. Phiền não, thất tình ngũ dục, tham sân si mạn, những thứ này làm chủ, như vậy rất phiền phức, Cho nên phải để chân tâm làm chủ. Ít nhất khi chân tâm của chúng ta chưa tìm ra, chưa phát hiện, chúng ta phải y theo giáo huấn của Phật. Vì giáo huấn của ngài, toàn là từ trong chân tâm hiển lộ ra. Hôm qua chúng tôi nói rất rõ ràng, chân tâm hiển lộ! Sơ học Phật giáo bắt đầu thực hành từ thập thiện, thập thiện là tánh đức.

Ngày xưa các bậc cổ nhân dạy người, tôi thường nghĩ các bậc cổ nhân đều là Chư Phật Như Lai thị hiện đến cõi này, không phải hàng phàm phu. Những gì họ nói hoàn toàn giống với trong kinh điển đại thừa. Tổ tông của mấy ngàn năm nay, tôi tin lịch sử nói 5000 năm, đó là gì? Là có văn tự ghi chép. Trước khi chưa phát minh chữ viết, chúng ta vẫn có tổ tông. Nếu truy tìm về phía trước, chắc chắn không chỉ mười ngàn năm.

Các nước có nền văn minh cổ trên thế giới, có Bà la môn của Ấn độ, tôi có giao tiếp với họ. Họ nói với tôi, truyền thuyết của họ ít nhất là 13000 năm. Phật giáo chúng ta, nếu theo cách người xưa nói là 3000 năm, Bà la môn giáo xuất hiện trước Phật giáo hơn 10 000 năm. Tôi tin cổ đức của chúng ta, nếu truy theo nền giáo dục của thánh hiền, cứ theo lịch sử truy tìm về trước, ít nhất cũng có thể truy đến 10 000 năm. Đất nước này có dòng chảy lịch sử rất lâu dài, vô cùng khó được, truyền thừa từ đời này qua đời khác. Giáo huấn của người xưa nhất định rất đơn giản, rất nòng cốt, vì sao vậy? Không bị truyền sai. Quá phức tạp sợ chúng ta quên, sợ truyền sai, truyền lệch lạc, nên những lời dạy của các bậc thánh hiền đều rất đơn giản.

Truyền thông văn hóa xưa là gì? Có bốn khoa mục: Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, chỉ như vậy mà thôi. Quý vị xem Ngũ kinh, Thập tam kinh, bốn khoa mục này là cương lĩnh chung. Ngũ kinh, Thập tam kinh không ra khỏi phạm vi của nó. Xem thêm bộ Tùng thư lớn nhất Trung quốc là Tứ Khố Toàn Thư, có vượt ra được phạm vi này chẳng? Không vượt ra được, quả là tuyệt vời! Ngũ luân, năm điều này cũng rất đơn giản, một câu bốn chữ, năm câu 20 chữ, truyền bao lâu cũng không sai được: “Phụ tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”. Quý vị xem như vậy có thể truyền sai được ư? Đơn giản như vậy truyền mười vạn năm cũng không truyền sai. Ngũ thường có năm chữ: Nhân lễ nghĩa trí tín, tuyệt đối không sai được. Người ngu đến đâu cũng không đến nỗi truyền sai. Tứ duy có bốn chữ: Lễ nghĩa liêm sỉ. Bát đức có tám chữ: Hiếu đễ trung tín, nhân ái hòa bình. Ngàn vạn năm nay cổ nhân đều truyền bốn khoa mục này, những thứ này. Nền giáo dục truyền thống của mấy ngàn năm nay dạy điều gì? Chính là dạy bốn phạm trù này. Bởi thế chúng ta cần phải nhận thức, từ xưa đến nay nền giáo dục của chúng ta gọi là giáo dục thánh hiền.

Vì sao cổ nhân đọc sách? Vì sao phải tiếp thu giáo dục? Tiếp thu giáo dục tuyệt đối không phải vì kiếm tiền, không phải vì làm quan, không phải: Đọc sách chỉ tại thánh hiền. Nếu hiểu rõ ràng vấn đề này, ta mới thật sự yêu quốc gia, yêu dân tộc. Nếu không biết thì lòng yêu thương đó sanh khởi từ đâu. Sau khi rõ ràng mới biết, nền giáo dục từ xưa đến nay, truyền qua bao đời, là giáo dục thánh hiền. Hay nói cách khác, người người đều là thánh hiền, chính trị ngày xưa là chính trị thánh hiền. Chế độ không sao, chế độ như thế nào cũng không liên quan. Cho dù chế độ không tốt, nhưng con người là thánh hiền thì đều làm ra việc tốt, không xảy ra vấn đề. Con người không phải thánh hiền, chế độ tốt đến đâu, vẫn làm việc xấu như thường. Bởi thế cổ nhân nói rất hay, pháp, pháp tức là chế độ. Pháp là gốc của trị, nên tăng trị quốc, bình thiên hạ. Con người thì sao? Con người là căn.

Một gốc cây, bên dưới là rễ, chỗ này gọi là gốc, đây chính là chế độ, điển chương chế độ là gốc. Gốc dựa vào gì? Gốc dựa vào rễ, rễ là thánh hiền. Nên pháp phải biết dùng người, nó liền khởi tác dụng. Nếu dùng không đúng người, không phải thánh nhân, nếu là một người xấu, pháp bị họ lợi dụng, họ làm ra rất nhiều chuyện xấu. Nên điều này chứng minh, pháp không quan trọng, quan trọng ở con người, làm sao để dạy tốt con người. Đây là lý niệm dạy học 5000 năm nay của chúng ta, những lý niệm này phương tây không tìm thấy. Đi khắp thế giới, hiểu rõ tất cả mới thấy phục người xưa. 5000 năm trước lý niệm giáo dục này đã hoàn thiện như vậy, mãi đến thời nhà Thanh vẫn không hề thay đổi. Trải qua bao đời thay đổi triều đại có hư có suy, duy có lý niệm giáo dục là vĩnh viễn bất biến, phương pháp giáo dục vĩnh hằng bất biến. Đây là đạo lý gì? Là chân lý! Thay đổi, vấn đề lập tức xuất hiện. Chúng ta chỉ cần cố gắng làm theo quy củ này, quốc gia trường trị cửu an, nhân dân hạnh phúc an vui. Trong này có đại đạo lý, nên nói đạo của thánh hiền.

Làm quan, quan viên ngày xưa là thánh hiền. Quý vị buôn bán kinh doanh, thương nhân là thương nhân thánh hiền. Làm công, là công nhân thánh hiền. Gốc rễ của họ vững, duyên tốt. Trong Phật giáo, Phật giáo chính là Phật Bồ Tát. Làm quan, Bồ Tát tại vị. Buôn bán là thương nhân Bồ Tát, không ai không phải Bồ Tát. Bồ Tát là gì? Là người đã giác ngộ, người giác ngộ vì người khác không vì mình, người mê hoặc vì mình không biết vì người khác, mê và ngộ khác nhau. Nên cúng dường Phật Bồ Tát, phước báo sẽ rất lớn, nhưng ta phải cúng dường là chân Phật.

Trong tất cả mọi thứ cúng dường, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói rất rõ ràng, ngài đã xây dựng nên một điển phạm dạy học của người xuất gia. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni 19 tuổi rời xa gia đình ra đi cầu học, học được 12 năm thì khai ngộ. Khai ngộ, lúc đó ngài 30 tuổi, bắt đầu dạy học, 79 tuổi viên tịch. Dạy học 49 năm, chưa từng nghe nói có một ngày nào nghỉ. Học không chán, dạy không mệt. Người Ấn độ gọi là Phật, người Trung quốc gọi là thánh nhân, nhưng ý nghĩa tương đồng. Phật nghĩa là giác ngộ, tức đối với tất cả pháp thế xuất thế gian ngài đều thông đạt, đều thấu triệt. Thánh cũng

là ý này, thánh là thông triệt đạo lý, hiện tượng của hết thảy vạn vật, đều thấu triệt. Nên ngài không phải thần, cũng không phải tiên, ngài là con người.

Trong xã hội hiện nay, họ không siêng năng nghiên cứu, chỉ xem qua loa, rồi tùy tiện nói đây là Tôn giáo, đây là mê tín. Chúng ta có thể trách những người này trong xã hội chẳng? Không thể trách họ. Chúng ta nên y theo những gì thánh hiền nói: “hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỹ”, chúng ta không nên trách người khác, nên trách ai? Trách bản thân làm chưa tốt. Bản thân mình không làm được học sinh tốt của Phật, không thực hành những lời Phật dạy cho mọi người thấy, khiến cho đại chúng xã hội sinh ra ngộ nhận như vậy. Đây là lỗi lầm của đệ tử đời sau! Chúng ta đã khiến cho xã hội đại chúng xem một người thầy giỏi như vậy, nên giáo dục hay như vậy thành Tôn giáo, thành mê tín. Tội nghiệp này đều phải đọa địa ngục, vấn đề này vô cùng nghiêm trọng! Sau khi rõ ràng minh bạch rồi, chúng ta học tập theo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài là tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đích thực đã hành trì theo từng câu từng chữ trong kinh, đây mới là đại thánh nhân. Biết nói cũng vô dụng, phải thực hành, thực hành trong cuộc sống hằng ngày, sao ngài không vui cho được!

Nếu Phật giáo đều giống như hiện nay, mê tín như vậy, đem kinh điển cất vào một nơi, làm ra những hành vi mê tín, làm sao có thể truyền được ba ngàn năm. Từ lâu đã bị xã hội đào thải, có thể truyền bá lâu dài như vậy được sao?

Tháng sáu năm nay, tôi phỏng vấn ở Vatican, gặp mặt giáo tông của Thiên chúa giáo, giao lưu với những người có chức vị lớn trong Tôn giáo này. Nghe báo cáo của họ, tòa thánh hiện tại rất âu lo, chính là người tín ngưỡng tôn giáo mỗi năm mỗi ít. Họ có tổ chức, tòa thánh giống như một quốc gia vậy. Nên giáo tông gọi là Giáo hoàng, Hồng y giáo chủ đều là đại thần. Chúng tôi cùng nhau giao lưu, tôi đồng ý với sự âu lo của họ. Tôi cũng đã nói, nếu Tôn giáo không trở về với giáo dục, quý vị đối với xã hội có cống hiến gì? Cầu nguyện có hiệu quả chẳng? Có hiệu quả, nhưng con người không tin tưởng. Quý vị nói có thiên tai, chúng ta cầu nguyện sẽ hóa giải được, người ta nói sao? Căn bản không có thiên tai, quý vị nói lung tung, họ không tin.

Những pháp hội về kinh sám Phật sự trong Phật giáo chúng ta, cho đến đề xướng Tam Thời Hệ Niệm, đều thuộc về cầu nguyện. Cầu nguyện là một loại hình thức, trị ngọn không trị gốc. Không phải không có hiệu quả, có hiệu quả. Hiện nay khoa học chứng minh, ý thức tập thể có thể thay đổi hoàn cảnh, điều này đã được khoa học chứng minh. Nhưng nó không trị được gốc, trị gốc là sao? Là phải dạy học.

Chúng ta thử nghĩ xem, đương thời những người sáng lập Tôn giáo. Moses, Giê-su những người sáng lập đạo Cơ đốc, lúc họ còn tại thế cũng dạy học, không dạy học làm sao có nhiều người theo họ như vậy. Mohammed dạy học 27 năm; Giê-su bị người hại, nên ông chỉ dạy được ba năm, bị người hại chết. Ở trong rất nhiều Tôn giáo, bây giờ người ta nói Phật giáo là Tôn giáo, chúng ta cứ thuận theo họ! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học thời gian dài nhất, 49 năm. Chúng ta cần phải chú ý, Đức Phật Thích

Ca Mâu Ni không có xây dựng tự viện, sống cuộc đời lưu lạc, đêm ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa là khát thực, sống đời du mục. Ở đâu có duyên thì đi đến đó, ở không nơi cố định. Dạy học không phân biệt chủng tộc, không phân biệt tín ngưỡng, bất kỳ ai cũng đều tiếp thu được giáo dục, thái độ giống như Không tử vậy. Chỉ cần quý vị đến thỉnh giáo ngài, ngài nhất định nhiệt tâm hướng dẫn, khiến quý vị ra về trong sự hoan hỷ. Từ bi đến tột cùng! Là một người thầy giỏi. Từ hành nghi một đời của ngài, ngài có thân phận gì? Chức nghiệp giáo sư, mà còn là tình nguyện, ngài không thu học phí. Không phụ tử vẫn thu học phí, vẫn còn một chút này. Nhưng Đức Phật thì không, một đồng cũng không cần, suốt đời không hề dùng đến tiền, là một nhà mô phạm tốt. Khuyến mọi người buông bỏ danh văn lợi dưỡng, khởi tâm động niệm phải quan tâm thương yêu đến chúng sanh đau khổ, giúp đỡ chúng sanh đau khổ. Trong sự giúp đỡ, quan trọng nhất là giúp chúng sanh giác ngộ, phá mê khai ngộ. Vì ngài biết khổ từ đâu đến? Khổ do mê mà phát sinh ra, quý vị mê hoặc là có khổ, nếu giác ngộ liền được vui. Khổ hay vui không liên quan gì đến giàu nghèo hay bản tiện, Phật giáo chỉ nói mê và ngộ. Ở đây nói Đức Phật là phước tuệ nhị tức tôn. Nếu chúng ta muốn học theo ngài, như vậy sẽ có phước báo, sẽ có trí tuệ. Học theo ngài, tuyệt đối không sai lầm. Quý vị có trí tuệ, bất luận làm ngành nghề nào đều hưng thịnh, mà còn tiết kiệm công sức, căn bản không cần lo lắng.

Bởi thế trong xã hội hiện tại, tôi không hy vọng nhiều, chỉ cần có 20 người học Phật chơn chánh. Như các xí nghiệp giống quý vị, có được 20 xí nghiệp thực hành giáo dục Phật giáo, Phật giáo sẽ được hưng khởi. Hai năm trước tôi dạy ông Hồ Tiểu Lâm, tôi để ông làm một thí nghiệm, ông thử xem, ông đã thử nghiệm thành công. Lưu tổng ở Thanh đảo đã thử nghiệm thành công, trong nước có thể có 20 xí nghiệp, thí nghiệm ba nền tảng của truyền thống xưa, làm thành công, như vậy có thể lôi kéo theo toàn quốc, lôi kéo theo toàn thế giới, đây là công đức. Đây thực sự là bậc cứu thế, là sự nghiệp lớn cứu quốc gia, cứu dân tộc, cứu thế giới, rất đáng để làm.

Bởi vì có phước báo lớn như vậy, đáng được tiếp nhận người khác cúng dường, để họ tu phước. Trong sự cúng dường, Đức Phật nói rất hay: Trong tất cả sự cúng dường, pháp cúng dường là thù thắng nhất. Như vậy chúng ta biết, cúng dường lấy gì làm chủ? Y giáo tu hành là bậc nhất, đây gọi là chơn chánh cúng dường, ngoài ra đều không quan trọng. Chúng ta y theo giáo huấn Đức Phật, tinh tấn tu hành. Thực hành trong cuộc sống gia đình, gia đình mỹ mãn. Thực hành vào bản thân, được mạnh khỏe sống lâu. Thực hành trong sự nghiệp, sự nghiệp thuận lợi, đây đều gọi là chơn chánh cúng dường. Cúng dường không phải đến trước Phật cúng mấy cành hoa, đốt vài nén nhang. Đó là giả, là hình thức, có cũng được, không có cũng được, không cần thiết, quan trọng nhất là y giáo phụng hành.

Bên dưới chúng ta xem Tịnh Ảnh Sớ. Tịnh Ảnh Sớ nói: “Chúng diệt tương ưng, nên gọi là ứng. Lại chúng diệt, hợp với ứng cúng dường, nên gọi là ứng cúng”. Chúng

là nói sự tu hành của ngài, ngài nói đến hoàn cảnh tu học của mình. Diệt là gì? Diệt là tập khí phiền não đều không có, đây là từ nhân mà nói. Quả báo sanh tử cũng không có, đây gọi là ứng cúng. Diệt nghĩa là nói đến sanh tử, chúng diệt tương ưng là bất sanh bất diệt, đây là cảnh giới gì? Mọi người đều biết, đây là cảnh giới của pháp thân Bồ Tát, chúng được viên mãn ba loại bất thoái. Cảnh giới này không ở trong thập pháp giới, mà ở cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai. Trên thực tế, cõi thật báo trang nghiêm của Phật, cũng là cõi thật báo trang nghiêm của chính mình. Trong kinh điển nói rất nhiều: Sanh Phật không hai, sanh là chúng sanh, chúng sanh và Phật là một không phải hai. Đây là ý của chữ ứng, ứng cúng.

“Lại chúng diệt, hợp với cúng dường”, khế nhập vào cảnh giới này, đáng được tiếp thu sự cúng dường, Vì sao vậy? Vì thiên nhân, chúng sanh muốn trồng chút phước, nếu quý vị không tiếp nhận thì phước họ làm sao có được? Cần phải tiếp nhận, để họ trồng phước. Người niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc, cơ hội tu phước tu tuệ đó là viên mãn. Họ có thể phân thân, đây là bản năng của con người, cùng lúc có thể phân vô lượng vô biên thân, cúng dường vô lượng vô biên mười phương Phật. Quý vị nói phước báo này tu được lớn biết bao. Phước báo họ tu một ngày, chúng ta tu trong ức vạn năm cũng không bằng được, đến thế giới Cực Lạc tu dễ hơn! Mỗi vị Phật nói cho ta nghe một câu là đủ, giúp ta khai trí tuệ. Cho nên người ở thế giới Cực Lạc, có thể nói mỗi người đều là phước tuệ viên mãn. Họ ở trong mười pháp giới, cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh, chúng sanh có cảm, họ liền có ứng, giúp người tu phước tu tuệ. Cần phải hiểu đạo lý này, phải thấu triệt chân tướng sự thật này.

Hội Sớ lại nói: “Vạn hạnh viên thành, phước tuệ đầy đủ, đáng thọ trời người cúng dường, nhiều ích hữu tình, nên hiệu là cúng dường”. Trong Hội Sớ nói đặc biệt rõ ràng, vô cùng minh bạch. Quý vị khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác hoàn toàn là thiện, đây gọi là viên thành, viên mãn thành tựu, phước tuệ đầy đủ. Lúc này đáng được tiếp nhận sự cúng dường của trời người, nhiều ích hữu tình. Ích là lợi ích, đem lợi ích phong nhiêu nhất cho tất cả hữu tình chúng sanh. Những chúng sanh hữu tình này, chủ yếu là nói đến lục đạo, giúp đỡ họ, nên danh hiệu là ứng cúng.

Chúng ta xem tiếp bên dưới, loại thứ ba. Đây đều là đức hiệu của Như Lai, ở trước có nói qua với quý vị. Đức hiệu của Như Lai chính là vốn có trong tự tánh mình. Đức năng xưng hiệu này nói Như Lai toàn là nói chính mình, tuyệt đối đừng ngộ nhận Phật có còn chúng ta không có, như vậy chúng ta sẽ không học được. Như vậy những gì Đức Phật nói, không phải là dụ dỗ người khác sao? Không phải là nói chơi với chúng ta sao? Chúng ta hoàn toàn ngộ nhận những lời Phật dạy. Trong tất cả kinh điển dạy, đều là nói mỗi người chúng ta, như vậy ta mới được lợi ích.

“Đẳng chánh giác, tiếng Phạn là Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Tam Miệu Tam Bồ Đề là dịch âm từ tiếng Ấn độ. “Nói đầy đủ”, tức là nói một cách viên mãn gọi là “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”, đây là tiếng Ấn độ. A dịch sang tiếng Trung nghĩa

là vô. “A là vô, Mậu Đa La là thượng”, tiếng Trung nghĩa là thượng. Tam dịch âm sang tiếng Trung là chánh. Miêu là đẳng, Bồ Đề là giác. A Nậu Đa La Tam Miêu Tam Bồ Đề, hoàn toàn phiên thành nghĩa tiếng Trung là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là ba trình độ học Phật khác nhau, tôi nói như vậy mọi người dễ hiểu hơn. Như vậy là có ba xưng hiệu khác nhau, trình độ học Phật đạt đến chánh giác, danh hiệu gọi là A la hán. Nếu đạt đến chánh đẳng chánh giác, danh hiệu của Chánh đẳng chánh giác gọi là Bồ Tát, nếu thêm vào vô thượng đây chính là Phật. Cho nên đây là ba giai cấp trong giáo dục Phật giáo, trình độ ba giai cấp khác nhau, danh hiệu cũng khác nhau. Quý vị sẽ biết Phật, Bồ Tát, A la hán là danh xưng học vị trong giáo dục Phật giáo. Quý vị đều có thể đạt được, danh xưng của học vị. Bởi thế tất cả chúng sanh vốn là Phật, hoàn toàn không sai, hiện nay biến thành như vậy, là do mê. Mê mà không giác, nên trở thành phàm phu. Trí tuệ trong tự tánh, khi mê trở thành phiền não. Đức năng trong tự tánh, cũng lệch biến thành tạo nghiệp. Phước báo trong tự tánh, biến thành luân hồi lục đạo. Tự tánh vẫn khởi tác dụng, nhưng khi mê tác dụng hoàn toàn lệch lạc, không phải tác dụng vốn có của nó. Tác dụng vốn có của nó, quý vị đến cõi thật báo trang nghiêm sẽ thấy được. Trong mỗi tác dụng là vô lượng vô biên, Đức Phật giới thiệu cho chúng ta trong vô lượng vô biên tác dụng đó, chỉ lấy ra một hai cái làm tiêu biểu. Ví dụ như trí tuệ, Đức Phật dùng “đại thừa” để làm tượng trưng, đại thừa là tượng trưng cho trí tuệ. Trong đức năng Đức Phật dùng vô lượng thọ, thọ mạng là đệ nhất đức, vô lượng thọ. Tướng hảo, tướng hảo dùng trang nghiêm, trang nghiêm như hiện nay chúng ta nói là chân thiện mỹ tuệ, không hề khiếm khuyết.

Trong đề kinh này, Đại thừa, vô lượng thọ, trang nghiêm đều là nói quả đức. Còn nhân thì sao? Nhân tức là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Giác nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bình đẳng là chánh đẳng chánh giác. Thanh tịnh là chánh giác, nên A la hán được tâm thanh tịnh. Bồ Tát được tâm bình đẳng. Phật là đại triệt đại ngộ, gọi là đại giác. Phải hiểu rõ điều này. Sau khi thấu triệt được điều này sẽ biết, nó hoàn toàn không liên quan đến Tôn giáo. Nếu thật sự như thông thường đại chúng xã hội nói Phật giáo là Tôn giáo, vậy thì chúng ta học để làm gì? Hoàn toàn không dính dáng gì đến Phật giáo.

Lúc tôi còn trẻ, đích thực rất ngoan cố. Muốn tôi học một điều gì đó, nếu như chưa hiểu rõ ràng, tuyệt đối tôi không học nó. Phải thuyết phục được, tôi mới học nó. Lúc trẻ đi học ở trường, từng tiếp xúc với Đạo cơ đốc, cũng đến giáo đường. Đồng học, rất nhiều người đều tin. Tôi cùng đi với họ đến giáo đường làm lễ, nghe mục sư giảng đạo, tìm tôi đi rửa tội. Tôi nói tôi có vài vấn đề_tôi nhớ hình như lúc đó tôi đưa ra hơn 70 vấn đề hỏi mục sư, ông ta đều không giải đáp được. Tôi nói vậy thì tôi không rửa tội, ông nói tôi là ma quỷ, đây là cách nói đùa! Không thể khiến người tâm phục khẩu phục.

Cho nên tôi học Phật, lúc đó tôi đang làm việc ở cơ quan chính phủ, đồng sự trên dưới có hơn 300 người, rất nhiều người theo đạo Cơ đốc. Khi tôi học Phật, người theo

Đạo Cơ đốc ngồi lại với nhau không nói về Đạo Cơ đốc. Tôi đều không biết, có đồng sự nói với tôi_tôi ở đời họ Từ, tôi nói anh Từ: Anh có biết gần đây những người trong công ty chúng ta, nói chuyện rất thay đổi chẳng? Tôi hỏi thay đổi như thế nào? Ông ta nói, anh xem trước đây gặp nhau là nói về Đạo cơ đốc, bây giờ không ai nói nữa. Tôi hỏi vì sao vậy? Ông ta nói vì anh học Phật, anh là người rất ngoan cố, vậy mà anh học Phật, Phật nhất định có đạo lý, Phật không có đạo lý, sao anh chịu học theo. Quả thật là đã ảnh hưởng một số người. Chúng tôi sơ ý không để ý đến, thật sự có đạo lý. Nếu ta hiểu rõ đạo lý, không thể tiếp thu được.

“Bồ Tát nhân hành”, tu hành Phật pháp, phương pháp quan trọng nhất chính là buông bỏ. Tôi học Phật pháp là do thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu, tôi học triết học với thầy. Thầy dạy cho tôi bộ Triết học khái luận, mục sau cùng là triết học Phật giáo. Tôi vô cùng nghi hoặc, tôi nói Phật là Tôn giáo, là mê tín, mà còn là đa thần giáo. Đa thần giáo trong Tôn giáo, thuộc Tôn giáo cấp thấp, sao nó có triết học được? Thầy Phương mỉm cười, thầy nói anh còn trẻ nên không hiểu, thầy nói Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới. Chúng ta học triết học phải tìm nhà triết học, ngài là nhà triết học vĩ đại nhất. Triết học Phật giáo là đỉnh cao nhất của triết học trên toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Tôi đã hoàn toàn bị những câu nói của thầy thuyết phục, mới biết rằng xã hội chúng ta đối với Phật giáo có sự ngộ nhận rất sâu sắc. Người thầy này của tôi rất khó được, lúc tuổi về già dạy triết học ở trường đại học, lúc về già tức là hơn 20 năm sau khi tôi quen biết thầy, thầy đều dạy về Triết học Phật giáo, thầy dạy những mục lớn. Trong trường đại học Đài Loan, thầy dạy Phật học thời Ngụy Tấn, Phật học Tùy Đường, Phật học đại thừa, thầy dạy ba môn học này rất nhiều năm. Sau khi nghỉ hưu ở trường đại học Đài Loan, đến đại học Phụ Nhân dạy. Phụ Nhân là giáo hội, nghĩa là do Thiên chúa giáo thành lập trường của giáo hội, thầy dạy triết học Hoa Nghiêm ở lớp tiến sĩ. Thầy dùng tài liệu Phật học để dạy trong trường đại học, tôi dự đoán ít nhất phải 25 năm, chưa có ai làm như vậy. Thầy có thể dạy, có thể giảng ở trường, cũng không ai phản đối, chúng tôi đều cảm thấy rất kinh ngạc, nên học trò của thầy Phương đa phần đều học Phật. Ở HongKong đầu tiên là ông Đường Quân Nghị, là học trò trước đây của thầy Phương, ông ta học với thầy Phương sớm hơn tôi rất nhiều, là viện trưởng của thư viện Tân Á. Chúng ta xem trước tác của Đường Quân Nghị, trong đó nói về Phật rất nhiều, đây là chịu ảnh hưởng từ thầy.

“Cựu Dịch là Vô Thượng Chánh Biến Tri”, đây là tân dịch và cựu dịch, là lấy đại sư Huyền Trang làm giới hạn. Kinh Phật phiên dịch từ đại sư Huyền Trang về trước gọi là cựu dịch, bắt đầu từ ngài Huyền Trang trở về sau gọi là tân dịch. Nhưng đại sư Huyền Trang đối với cựu dịch, không nói nó có sai lầm. Thực tế đại sư Huyền Trang đến Ấn độ cầu học, động cơ rất đơn thuần, chính là hoài nghi người dịch kinh Phật, chưa chắc đã dịch chuẩn xác. Ngài hoài nghi, nên đã đến Ấn độ, ở Ấn độ suốt mười

mấy năm. Sau khi trở về đối với kinh điển cổ nhân phiên dịch, ngài không phủ định chữ nào, chứng minh phiên dịch rất tốt, không có sai lầm. Có một số danh từ ngài phiên dịch rất gần với nguyên văn, đây là điểm khác biệt giữa tân dịch và cựu dịch.

Quý vị xem, cổ nhân dịch là Vô Thượng Chánh Biến Tri, Chánh Đẳng Chánh Giác nghĩa là Chánh Biến Tri. Tri là thấu hiểu, ở đây họ dùng giác, ngài Huyền Trang dùng tri. Biến là gì? Là biến tri, không có gì không biết. Ngày xưa phương pháp dịch này, bây giờ gọi là chánh giác.

Duy Ma Kinh Triệu Chú, đây là chú giải của đại sư Tăng Triệu, ngài nói: “A Nậu Đa La, thời nhà Tần gọi là Vô Thượng”. Đại sư Tăng Triệu là học trò của đại sư Cưu Ma La Thập, khi ngài Cưu Ma La Thập đến Trung quốc, là vào thời Diêu Tần. Diêu Hưng làm Hoàng đế, lấy quốc hiệu là Tần, hiện nay thuộc vùng đất Cam Túc, gọi là Tần. Nên nói thời nhà Tần gọi là Vô Thượng, dịch sang tiếng Trung nghĩa là Vô Thượng. “Tam Miệu Tam Bồ Đề, thời nhà Tần gọi là Chánh Biến Tri, đạo lý vô cùng lớn, cũng là Vô Thượng”. Giải thích cho chúng ta về hai chữ Vô Thượng, đạo lý này rất lớn, rất sâu, rất rộng, dùng hai chữ Vô Thượng để tán thán nó. “Đạo này chơn chánh, không có pháp nào không biết, nên gọi là Chánh Biến Tri”. Đây là giải thích ý nghĩa Vô Thượng Chánh Biến Tri.

Tịnh Ảnh Sớ lại nói: “Chánh tức là lý”. Chánh Biến Tri, chánh là gì? Chánh là đạo lý, là chân lý. “Nó chiếu cùng tận lý, tức triệt chiếu đối với thể lý, nên gọi là biến tri”. Có thể dùng cách nghiên cứu hiện nay để nói chăng? Không được. Nghiên cứu dùng ý thức, không phải nghĩa của chiếu. Chiếu như thế nào? Chiếu là trực giác, quý vị đã lãnh hội được, không dùng ý thức. Nếu dùng ý thức nghiên cứu, nó liền biến thành tri thức, không phải trí tuệ. Nên Phật pháp, Phật pháp gọi là tham học, không dùng nghiên cứu, gọi là tham cứu. Điểm khác nhau giữa nghiên cứu và tham cứu là gì? Nghiên cứu là dùng não, dùng tư duy, dùng tư tưởng. Tham cứu không dùng tư tưởng, gọi là tham. Nên tham ngộ được là trí tuệ, nghiên cứu đạt được gọi là tri thức. Tri thức không giống với trí tuệ, chúng ta cần phải phân biệt điều này. Cho nên ngày xưa gọi Trung quốc là Phương đông, người Trung quốc và người Ấn độ cầu học, đều lấy trí tuệ làm chủ, gọi là chiếu kiến. Không được dùng tâm ý thức, dùng tâm ý thức là nghiên cứu, không dùng tâm ý thức gọi là tham cứu, tham cứu là chiếu kiến. Nên đây là điểm khác nhau.

Chúng ta đi theo con đường của cổ nhân, mới thật sự có thể nhập vào cảnh giới Phật. Dùng phương pháp nghiên cứu học vấn như người bây giờ không được, đó là tri thức. Vì họ không rời tư duy, không rời phân biệt chấp trước. Kiến tư phiền não là chấp trước, trần sa phiền não là phân biệt. Vẫn dùng tâm phân biệt, vẫn dùng tâm chấp trước. Hay nói cách khác, vẫn là tâm của tôi, như vậy không được. Tôi tức là chấp trước, tức là phân biệt. Tâm này không thanh tịnh, không cách nào chiếu kiến được. Chiếu kiến thuộc về công phu thiền định, trong này không có cái tôi. Quên cái tôi, vô ngã ta mới có thể đạt được tin tức thật sự, thấu hiểu chân tướng sự thật.

Đức hiệu thứ tư là “Minh Hạnh Túc”. ngày xưa hạnh cũng đọc là hoành_Minh Hoành Túc. Đọc hạnh là danh từ, đọc hoành là động từ, là hành động, là động từ. “Minh có nhiều giải thích”, có rất nhiều giải thích.

“Thứ nhất, trong Đại Luận nói”, Đại Luận nghĩa là Đại Trí Độ Luận. “Túc mạng, thiên nhãn, lậu tận, gọi là tam minh”, đây là danh từ Phật học. Vốn là thần thông, sáu loại thần thông, nhưng hiện nay gọi là tam minh. Năng lực của thần thông không ngừng nâng cao, nâng lên đến viên mãn gọi là minh. Gọi là tam minh, thần thông này là Như Lai có, nghĩa là Phật có, Bồ Tát không có. Bồ Tát chỉ có thể nói túc mạng thông, thiên nhãn thông, lậu tận thông, Bồ Tát và A la hán đều xung hô như vậy. Nếu gọi minh, túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận minh_trong Kinh Hoa Nghiêm Viên giáo sơ trú Bồ Tát trở lên gọi là minh. Cho nên bên dưới thêm vào chữ minh, chúng ta biết đây là pháp thân Bồ Tát, không phải phổ thông. Cũng tức là nói họ không ở trong mười pháp giới, mà ở trong nhất chân pháp giới, đây gọi là minh. Không có minh, không có chữ minh này, chỉ có túc mạng, thiên nhãn, lậu tận, đây là trong mười pháp giới, Sai biệt ở chỗ này.

“Hội Sớ và Tịnh Ảnh Sớ tương đồng”, tương đồng với cách nói trong Đại Trí Độ Luận. “Minh tức là tam minh”, Minh Hạnh Túc, đương nhiên có thể nói thông suốt, vì sao vậy? Vì mười hiệu này là mười hiệu của Như Lai, không phải của Bồ Tát, nên lục thông họ đạt được viên mãn. “Nhưng Tịnh Ảnh lại nói minh là hành chứng, chứng pháp hiển lộ, nên gọi là minh”, là nói thâm sâu, cách nói này thâm sâu hơn trước. Cũng tức là tôi vừa mới nói, năng lực sáu loại thần thông, đạt đến cứu cánh viên mãn, đây gọi là minh.

“Chỉ duy nhất trong Kinh Hoa Nghiêm là tín giải hành chứng, nếu đối với hành pháp hiển lộ minh chứng, như vậy gọi là minh”. Giải thích này cũng là cảnh giới sơ trú trở lên, không phải thập tín vị. Thập tín vị chúng ta đã học, họ đích thực là mười pháp giới. Từ sơ tín đến lục tín, chưa rời khỏi lục đạo, ở trong lục đạo. Nhưng sau khi được sơ tín, tuy chưa rời khỏi lục đạo, họ ở trong lục đạo tu hành, họ tuyệt đối không đọa vào ba đường ác. Cho nên xưng họ là tiểu thánh, đây là tiểu thánh, tiểu tiểu thánh, rất khó được. Vì sao không đọa vào ba đường ác? Vì họ đã không chế được tham sân si. Họ có, nhưng trí tuệ của họ, định công của họ có thể không chế được, tuyệt đối không tạo tội sát đạo dâm vọng, họ không tạo tội này. Bảy lần lui tới cõi người, cõi trời, họ liền vượt thoát lục đạo. Bảy lần đến đi là từ sơ tín đến thất tín vị, thất tín vị là A la hán, ra khỏi luân hồi. Bát tín là Bích Chi Phật, cửu tín là Bồ Tát, thập tín là Phật, đây là mười pháp giới. Phật ở đây là tương tự tức Phật, là đại sư Thiên Thai nói, đại sư Trí Giả nói. Họ có thể buông bỏ khởi tâm động niệm, thì họ chính là Phật thật. Dùng chân tâm, không dùng vọng tâm. Khởi tâm động niệm là gì? Là A lại da. Buông bỏ A lại da gọi là chuyển A lại da thành đại viên cảnh trí, chuyển thức thành trí.

Chư vị nên biết, trong kinh Phật nói cho chúng ta về toàn thể vũ trụ, tâm hiện thức biến. Vũ trụ từ đâu mà có? Là tâm hiện. Thập pháp giới từ đâu mà có? Là thức biến, thức nghĩa là phân biệt chấp trước. Nếu có phân biệt chấp trước liền có mười pháp giới, liền có luân hồi lục đạo. Không có phân biệt chấp trước, thập pháp giới sẽ không còn, nhất chân pháp giới xuất hiện. Nhất chân pháp giới dùng chân tâm, không dùng vọng tâm, nên họ là Phật thật, không phải Phật giả.

“Trong Niết Bàn Kinh Thập Bát nói: Minh, là đặc vô lượng thiện quả. Thiện quả, là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Đây là lấy đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác làm minh. Bên dưới nói “nay giải thích kinh này”, hiện nay giải thích những gì trong kinh này nói. “Lấy thuyết trong Niết Bàn là thỏa đáng nhất”, nghĩa là những gì trong Niết Bàn Kinh Thập Bát nói, ở đây nói rất hay. Kinh này áp dụng cách nói này.

“Hạnh túc, Niết Bàn Kinh Thập Bát nói, hành gọi là cước túc. Cước túc gọi là giới tuệ, thừa giới tuệ túc, đặc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nên gọi là Minh Hạnh Túc”. Cách nói này rất hay, làm sao đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác? Đạt được nhờ tu giới định tuệ, nên ví giới và tuệ là chân. Quý vị có chân mới có thể đi đến được, quý vị không có chân sẽ không đi đến được. Nói cách khác, công phu tam học giới định tuệ viên mãn, liền chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Câu này rất quan trọng, bí quyết tu hành trong Phật pháp, then chốt tu hành chính là đây.

Ta học Phật không thể không trì giới, giới là gì? Là quy củ. Có học Phật, học suốt một đời, không thể nói họ không dụng công. Thực hành, ngày ngày đọc tụng, nghiên cứu, nhưng như thế nào? Lơ là đối với quy củ, không siêng năng học giới luật, nên suốt đời không thể thành tựu. Họ biết giảng kinh, cũng nói một cách lưu loát, trước tác viết sách đều rất nhiều, trước tác rất nhiều, nhưng khi chết rất đau khổ. Chúng ta biết, họ vẫn trôi lăn trong luân hồi. Vì sao vậy? Vì không có giới định. Không có định tuệ, họ giảng kinh, viết sách, sáng lập học thuyết của riêng mình. Như vậy được xem là trí tuệ chăng? Không phải, đó là tri thức. Họ đọc rất nhiều kinh Phật, là tri thức, không phải trí tuệ. Chư vị nên biết trí tuệ được sanh ra từ định, không phải đọc sách nhiều là có trí tuệ, không phải. Tri thức rất phong phú, nhưng không có trí tuệ. Chúng ta cần phải biết, trí tuệ lợi ích, hữu dụng, tri thức không được. Quý vị có trí tuệ, như tôi vừa mới nói, thọ dụng của cá nhân là mạnh khỏe trường thọ. Mặc dù tuổi đã lớn, nhưng họ không dễ bị suy lão, hiện tượng suy lão của họ rất chậm, đó là gì? Tâm họ có định, nó đem đến cho ta ngày ngày hỷ duyệt, đây là trí tuệ. Người xưa nói: Người gặp chuyện vui tinh thần soảng khoái, người ngày ngày an vui họ sẽ không sanh bệnh, người ngày ngày an lạc họ sẽ không bị suy lão, họ được pháp hỷ.

Tri thức không làm được, tri thức dù phong phú đến đâu, họ vẫn còn ưu tư, họ vẫn còn vương bận, như vậy sao giống nhau được? Cổ nhân nói “lo âu khiến con người già đi”, người có ưu tư lão hóa rất nhanh. Nên nhất định phải phân biệt rõ ràng giữa tri

thức và trí tuệ, chúng ta học Phật phải đi theo Phật, chúng ta cầu tri tuệ, không cầu tri thức. Tri thức có hay không không liên quan, ta không học tri tuệ ta đã khai, ta không học cũng biết. Đây là thật, không phải giả. Nhưng tri thức thì không được, quý vị không học sẽ không biết, trí tuệ không học cũng biết.

Ngày xưa, quý vị xem đại sư Huệ Năng, đây là Lục tổ của Thiên tông thời nhà Đường, ngài không biết chữ, chưa từng đọc sách. Trước khi chưa xuất gia, ngài là một tiểu phu đồn củi. Nghề này người trẻ tuổi không biết, tuổi khoảng như tôi mới biết. Thời kỳ kháng chiến cuộc sống rất gian nan, trong thành phố không có nước máy, không có đèn điện. Nên nước, lúc đó có nghề gánh nước, bán nước. Thời kỳ chiến tranh, ở thành phố có gánh nước, họ gánh nước bên bờ hồ đem vào thành bán. Đồn củi, củi, nấu bằng củi. Hằng ngày có người chuyên lên núi đồn củi, đồn củi đem vào trong thành bán. Thời kỳ chiến tranh vẫn còn, hiện nay không còn, ngành nghề này không còn. Có nước máy, người gánh nước thất nghiệp. Có gas, có điện, tiểu phu thất nghiệp. Những nghề này lúc nhỏ chúng tôi từng thấy, cuộc sống này vô cùng khổ, rất gian nan. Một gánh củi, một gánh nước bán được mấy đồng, rất vất vả. Mấy đồng này họ đi mua ít gạo ít rau, có thể sống qua ngày, có thể qua một ngày, không dư, ngày nào cũng phải làm. Một ngày không làm, thì sinh hoạt ngày đó của họ trở thành vấn đề.

Đại sư Huệ Năng là tiểu phu, 24 tuổi Ngũ tổ truyền pháp cho ngài. Nhiều nhất ngài tiếp xúc đến Phật pháp, nghe người ta đọc Kinh Kim Cang, vào lúc khoảng 23 tuổi, vì ngài ở Hoàng Mai tám tháng. Nên lúc 23 tuổi đi bán củi, ngẫu nhiên nghe có người đọc Kinh Kim Cang. Ngài vừa nghe đã hiểu, liền cảm thấy rất thú vị, nên đứng đó nghe tiếp. Nghe được một đoạn liền đẩy cửa bước vào, bên trong là một người đọc sách. Ngài liền hỏi, ông đọc gì vậy? Ông đọc là Kinh Cang. Ngài nói tôi nghe rất thú vị, liền đem những gì mình lý giải được chia sẻ cho người đọc sách. Sau khi người đọc sách này nghe xong vô cùng hoan hỷ, anh thật sự có thiện căn. Ông ta nói, anh nên đến tìm Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, Kinh Kim Cang là ngài truyền. Là một nhân duyên như vậy. Lúc đó vị cư sĩ Trương này cũng vô cùng khó được, nếu công việc của ngài không làm, gia đình không thể tiếp tục sinh sống. Vì thế cư sĩ Trương đưa cho ngài 10 lượng bạc, một số người thiện giúp ngài chăm sóc mẹ. Anh yên tâm đi, bảo ngài một mình đi tìm Ngũ tổ để tham học, đến Hoàng Mai, hiện nay là Hồ Bắc. Ngài ở Hoàng Mai suốt tám tháng, chưa từng đến giảng đường, chưa từng được nghe kinh, cũng chưa từng lần nào đến Thiên đường, ngài cũng chưa ngửi thiên cây hương nào. Phân phối công việc, công việc Ngũ tổ phân phối cho ngài là đến nhà bếp chế củi. Vì tự viện lớn, có hơn 1000 người ở, củi dùng hằng ngày đều cần có người làm. Chế củi, giã gạo là nghề của ngài, ngài vẫn làm công việc này suốt tám tháng.

Khi Ngũ tổ truyền pháp, mọi người đều tưởng rằng truyền cho ngài Thần Tú. Ngài Thần Tú làm bài kệ, ngài Huệ Năng đã sửa lại, sau cùng truyền pháp cho ngài, không biết chữ! Truyền pháp cho ngài, mọi người đều là phàm phu, không phục! Anh là

người mới đến, lại không biết chữ, thiền đường và giảng đường đều chưa hề đến, như vậy sao có thể nhận vị trí của tổ sư? Không ai phục, nên đều muốn đoạt lại y bát, thậm chí muốn hại ngài. Ngũ tổ biết được, nửa đêm truyền pháp, sau khi truyền pháp liền dạy ngài ra đi thật nhanh, đi lánh nạn. Trên đường đi lánh nạn, ngài gặp tỳ kheo ni Vô Tận Tạng, tỳ kheo ni Vô Tận Tạng ngày ngày tụng Kinh Niết Bàn. Vị tỳ kheo ni này tụng kinh, ngài ở một bên nghe, sau khi nghe xong, ngài liền nói với tỳ kheo ni Vô Tận Tạng. Cô vừa đọc kinh, trong đó nói gì đều nói cho tỳ kheo ni này nghe. Tỳ kheo Vô Tận Tạng vô cùng kinh ngạc, liền hai tay đưa Kinh Niết Bàn đến thỉnh giáo, ngài nói tôi không biết chữ. Cô ta nói, không biết chữ sao ngài có thể nói được như vậy? Điều này không liên quan đến việc biết chữ hay không, là trí tuệ! Không cần học, vừa xem vừa nghe lập tức hiểu hết, là trí tuệ. Bởi vậy trong đời Lục tổ, đệ tử đặc pháp, nghĩa là khai ngộ trong hội của ngài có 43 người, tỳ kheo ni Vô Tận Tạng là một trong số đó. Là trí tuệ! Không thể không biết. Trí tuệ và biết chữ hay không không liên quan, trí huệ và việc đọc kinh nhiều ít cũng không liên quan.

Đức Phật dạy học sinh, lịch đại tổ sư dạy học sinh, đều không chủ trương học nhiều kinh luận, đạo lý này ta cần phải hiểu. Chỉ dạy người nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, vì sao vậy? Một môn tâm quý vị sẽ định. Nếu thật sự một môn, tức là học một bộ kinh, vĩnh viễn không thay đổi, thông thường khoảng ba năm đến năm năm, tâm ta sẽ định, gọi là được tam muội. Bảy năm tám năm sẽ khai ngộ, không thể đại triệt đại ngộ cũng có đại ngộ, đây là phương pháp dạy học truyền thống. Phật giáo dạy học như vậy, sau cùng thì sao? Nho giáo cũng áp dụng phương pháp này, Đạo giáo cũng dùng phương pháp này, phương pháp này rất hay! Khiến tâm tư tình cảm của mình hoàn toàn được định, tuyệt đối không nông nổi. Nên những phương pháp này chính là quy củ giới luật, giữ quy củ truyền thống này, vận dụng phương pháp này quý vị sẽ được định, có thể khai ngộ. Cùng lúc học tập quá nhiều sẽ rất khó khăn, đầu óc rất tạp loạn. Hiện nay trong trường sắp xếp tiết học rất đáng sợ, mỗi người đều có năng khiếu rất tốt, đi học là tiêu hết. Tiết học đầu tiên học Ngữ văn, tiết thứ hai học toán. Ngữ văn chưa tiếp thu hết, lại thay đề mục khác, một ngày phải thay mấy môn, nên đầu óc họ rất tạp loạn, không thanh tịnh.

Năm 2007, nhà hán học trường đại học Cambridge nước Anh, ông chủ trì khoa hán học ở đó, đây là một giáo thọ lâu năm. Ông biết chúng tôi tổ chức lớp học ở Thang Trì, làm rất thành công. Ông tự thân đến Thang Trì khảo sát, đến ở đó bốn ngày. Khi trở về đi qua HongKong, ở lại HongKong mấy ngày, tôi không biết. Ông đến tìm tôi hai lần, chúng tôi một lần nói chuyện ba tiếng, hai lần nói sáu tiếng. Ông có ý tốt mời tôi đến Lôn Đôn thành lập một thư viện Đại thừa Phật học, thư viện này thuộc về trường đại học Cambridge. Tôi rất cảm ơn ông ta, tôi nói may mắn được ông coi trọng. Trường Cambridge được xếp thứ ba trên toàn thế giới, học chế đại học của Anh, đều là

rất nhiều thư viện tụ tập. Tôi dự đoán, chắc phải hơn 50 thư viện, là một ngôi trường như vậy.

Tôi nói tôi không đi được, ông hỏi vì sao? Tôi nói điều này, công việc dạy học này, trong chế độ trường học của quý vị, trong khuôn khổ đó tôi không có năng lực. Ông ta nói, vậy thầy có phương pháp gì? Tôi nói, tôi không có phương pháp, cổ nhân chúng tôi có phương pháp. Ông ta rất vui mừng, cổ nhân có phương pháp gì? Tôi nói đã đọc Tam TỰ Kinh chưa? Ông thuộc Tam TỰ Kinh, thuộc Tứ Thư, quá giỏi! Là một người nước ngoài. Tôi nói tám câu trước trong Tam TỰ Kinh, là nguyên tắc chỉ đạo dạy học cao nhất mà cổ nhân đã truyền lại từ ngàn vạn năm nay. Ông nghe vậy vô cùng ngạc nhiên. Tôi nói ông nghiên cứu bao nhiêu năm như vậy mà không phát hiện ra, tôi liền giải thích cho ông ta. Phàm làm về giáo dục, lý niệm đầu tiên phải khẳng định tánh người vốn thiện. Mục đích giáo dục là gì? Là trở về bản thiện, giáo dục sẽ thành công, “nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Không có giáo dục, đó là “tánh tương cận, tập tương viễn”. Tập tánh của họ, tập tánh bất thiện, bản tánh là thiện, khoảng cách tập tánh và bản tánh của họ ngày càng xa. Không có dạy, chắc chắn là tâm hành này. Bởi vậy nhất định phải làm giáo dục, phải coi trọng giáo dục. Lý niệm giáo dục hưng khởi, cũng từ đây mà ra “câu bất giáo, tánh nãi thiên”, từ đây ý niệm dạy học liền khởi lên. Dạy như thế nào? “giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”. Tôi hỏi ông hiểu ý này chẳng? Chuyên là gì? Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Tôi nói nếu tôi ở bên đó mở lớp dạy học, tôi áp dụng phương pháp này, phương pháp này có thể đào tạo ra nhân tài. Tôi thu nhận học sinh, mỗi học sinh học một môn, không được học hai môn. Học bao lâu? Mười năm, mười năm nhất định thành công, mười năm chỉ học một thứ, ông ta cảm thấy thật không thể nghĩ bàn. Tôi nói ví dụ như Luận Ngữ, học Luận Ngữ, mười năm chỉ học một bộ sách này. Ông ta thuộc Luận Ngữ, có 20 phần, ông ta hỏi học như thế nào? Tôi nói người tôi dạy, tôi không nói cho họ nghe, mà chỉ định một số tài liệu tham khảo để học sinh nghiên cứu, khi lên lớp học trò nói cho tôi nghe. Tôi dạy quý vị học, không phải giảng học, tôi là đang dạy quý vị học, quý vị nói cho tôi nghe. Tiết học một giờ, quý vị nói 50 phút, 10 phút sau cùng tôi đánh giá lại. Nên người dạy rất nhẹ nhàng, người học rất vất vả. Ông nói như vậy một lần có thể học xong trong một học kỳ, tôi nói đúng vậy, thế học kỳ hai thì sao? Học kỳ hai thì học lại lần thứ hai. Nếu học nhiều hơn một chút, khoảng bốn tháng có thể học xong một lần, một năm có thể học ba lần. Mười năm học được 30 lần, họ sẽ trở thành chuyên gia Luận Ngữ trên toàn thế giới, họ liền biến thành Khổng tử.

Tôi nói đạo lý này cho ông ta nghe, ông ta đã hiểu. Tôi nói ông trở về thảo luận với nhà trường xem, xem có đồng ý phương pháp này của tôi chẳng. Tôi nói không nên học quá nhiều thứ như vậy, khiến đầu óc biến thành bột nhồi. Phương pháp dạy học này của người xưa, chỉ có Đức Phật hiểu, trong kinh Đức Phật đã dạy như vậy. Cũng là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, hoàn toàn giống với những gì cổ nhân dạy.

Tôi nói ông thử suy nghĩ xem, thông suốt một bộ kinh, thì tất cả kinh điển đều thông. Ngài Huệ Năng là tấm gương điển hình, nói đến ngài Huệ Năng ông ta biết. Bởi thế trí tuệ và tri thức là hai vấn đề khác nhau.

Tôi ở trường đại học Luân Đôn, và trường đại học Cambridge, đều có giảng bài ở đó. Cùng nhau chia sẻ với sinh viên hệ Hán học và các giáo thọ của họ. Tôi rất khâm phục, họ nói rất lưu loát tiếng Bắc Kinh, không cần phiên dịch, mà còn đọc được thể văn ngôn. Nói thật rất nhiều sinh viên Trung quốc, đều không sánh được với họ. Tôi nói quý vị dùng kinh điển Phật giáo, kinh điển Đạo giáo, kinh điển Nho giáo viết luận văn tiến sĩ, quý vị có thể lấy được học vị. Tương lai cũng có thể làm một vị giáo thọ, cũng có thể làm nhà Hán học của Úc Châu. Nhưng_ tôi nói quý vị nhất định, không thể an vui như tôi được, hoan hỷ như tôi được, họ đều rất ngạc nhiên! Tôi hỏi quý vị có biết tại sao chẳng? Tôi học không giống họ, sao lại không giống? Quý vị xem, quý vị học là Nho học, Đạo học, Phật học, đúng chẳng? Tôi viết trên bảng Nho học, Đạo học, Phật học, viết lên trên bảng như vậy, đúng chẳng? Đúng. Những gì tôi học là tương phản với quý vị, sao lại tương phản? Tôi học từ bên này, quý vị xem học Phật, học Nho, học Đạo, như vậy tức không giống nhau. Học Nho phải học giống như Khổng tử, học Đạo phải học giống như Lão Trang, học Phật phải giống như Đức Thế Tôn vậy, đó là không tương đồng.

Nên từ bên này là học Phật, học Nho, học Đạo, là học trí tuệ. Từ bên này là Phật học, Đạo học, Nho học. Nên quý vị học được là tri thức, thứ tôi học là trí tuệ, đây là điểm khác nhau. Hai chữ giống nhau, quý vị xem đọc từ bên này và đọc từ bên kia, ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. Thời gian tôi nói chuyện với họ chỉ có một tiếng, nhưng đối với rất nhiều quan niệm của họ đã có sự thay đổi. Vì vậy tôi nói, tri thức không thể giải quyết được vấn đề. Mặc dù giải quyết được vấn đề, nhưng có rất nhiều hậu di chứng. Trí tuệ giải quyết được vấn đề, lại không có di chứng về sau.

Đây là kinh nghiệm tôi có được khi tham gia mười mấy lần hội nghị hòa bình quốc tế. Tham gia hội nghị đều là chuyên gia học giả, đó đều là phần tử tri thức cao cấp. Làm sao hóa giải xung đột trên thế giới, làm sao khôi phục nền an định hòa bình cho xã hội, không có cách nào. Nên Townenbe mới nói, ông ta là người Anh, nhắc đến người này họ đều biết. “Giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21 chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa”. Tôi hỏi họ, quý vị có tin chẳng? Quý vị đều là nhà hán học, đều nghiên cứu hán học. Hán học thật sự có thể giống như Townenbe nói, có thể giải quyết được vấn đề chẳng? Tôi đưa ra câu hỏi này, sinh viên và cả các vị giáo thọ đều nhìn tôi cười, không trả lời tôi. Sau đó tôi lại hỏi, Townenbe nói sai ư? Họ cũng không nói gì. Sau cùng tôi nói, tôi nói nhận xét của tôi. Tôi nói Townenbe nói không sai, có thể rất nhiều người trong chúng ta, ngộ nhận lời nói của Townenbe, hiểu lầm. Vì sao vậy? Nói đến Nho, học thuyết Khổng Mạnh, quý vị lập tức liền liên tưởng đến Tư Thư Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh. Đúng! Quả thật là như vậy. Nói đến Phật, nhất

định sẽ nghĩ đến Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Bát Nhã, Kinh Pháp Hoa, nghĩ đến những kinh điển này. Những kinh điển này quý vị đều đã nghiên cứu, có thể giúp thế giới này hóa giải xung đột chăng? Quả thật không ai còn nói gì. Sao tôi lại nói lời của Townenbe nói không sai? Tôi nói Townenbe nói lời này, sau khi quý vị nghe xong liền nghĩ đến những đại kinh đại luận này. Đại kinh đại luận là gì? Giống như thực vật vậy, là hoa quả, quý vị chỉ thấy được hoa quả. Hoa quả từ đâu đến? Từ rễ sanh ra, hoa quả này nếu không có rễ nó sẽ chết. Rễ là gì? Rễ của Nho giáo là Đễ Tử Quy, rễ của Đạo giáo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, rễ của Phật giáo là Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, quý vị không nghĩ đến điều này. Gốc rễ này là giáo dục phổ thế, nếu phổ biến nó xung đột liền được hóa giải, an định hòa bình xuất hiện. Sau đó Tứ Thư Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh dần dần nâng cao, khai hoa kết trái. Quý vị đều không nghĩ đến giáo dục cắm rễ. Nho Thích Đạo thành tựu huy hoàng như vậy, từ đâu đến? Nhờ giới mà có được. Ba thứ này, ba nền tảng này đều thuộc về giới. Nếu không bắt đầu từ đây, những gì quý vị nghiên cứu được toàn là trí thức. Còn như từ giới định tuệ mà nâng cao lên, đó toàn là trí tuệ, không giống nhau! Nên tôi khuyên học sinh, phải nỗ lực thực hành ba nền tảng Nho Thích Đạo. Tương lai quý vị thành tựu, nếu học Nho sẽ thành thánh, thành hiền. Học Đạo sẽ thành thần, thành tiên. Học Phật sẽ thành Bồ Tát, thành Phật, thật sự có thành tựu. Nếu không đi theo từ con đường giới định tuệ, như phương pháp hiện nay của quý vị. Quý vị tối đa cũng chỉ được người ta gọi là một nhà Phật học mà thôi, một nhà Hán học mà thôi. Quý vị có thể nói rất hay và trước tác rất nhiều, nhưng suốt đời không được an lạc, vẫn sống trong thế gian phiền não thống khổ. Tôi nói như vậy khiến mọi người đều cười, mọi người nghe xong đều cười lớn. Nên những gì mà thánh hiền để lại không hề lạc hậu, cổ hủ. Nếu quý vị cho rằng họ lạc hậu, cổ hủ, như vậy quý vị bị mắc lừa. Những gì họ để lại là chân lý, vĩnh viễn bất biến. Vì sao vậy? Trí tuệ. Trí thức thường thường thay đổi, biến hóa, trí tuệ không thay đổi. Ba nhà Nho Thích Đạo là trí tuệ, nó không phải trí thức. Ba nhà đều phải hạ thủ từ giới định tuệ, đều chú ý đến ngộ tánh, chú trọng khai ngộ. Đây là điều chúng ta không thể không biết.

Trong Kinh Niết Bàn nói rất hay: Thừa giới tuệ túc, mới có thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tịnh Ảnh Sớ ý nghĩa tương đồng với Bồ Tát Long Thọ nói: “Giới không huệ đẳng”, đây là hạnh, gọi là hạnh. “Hai loại này là chỉ giới và không tuệ, viên cụ, viên mãn đầy đủ, nên gọi là túc”. Hội Sớ có khác một chút, Hội Sớ nói: “Hành túc, là thân khẩu ý nghiệp, thật sự thanh khiết. Đối với tự nguyện lực, hành tất cả thiện tu đầy đủ, nên hiệu là Minh Hạnh Túc”. Tuy không giống lắm với những chú giải ở trước, nhưng họ nói rất có lý, rõ ràng, chúng ta dễ hiểu. Hành túc, chân bước đi, là gì? Là thân khẩu ý nghiệp, thật sự thanh khiết. Thanh khiết nghĩa là thanh tịnh, không nhiễm chút trần.

Kinh Vô Lượng Thọ là nói điều này, trong kinh thông thường đều nói thân khẩu ý. Thứ tự của Kinh Vô Lượng Thọ không phải sắp xếp như vậy, đầu tiên nói đến khẩu nghiệp, thân khẩu ý. Trong phẩm thứ tám, dạy chúng ta nguyên tắc tu hành cao nhất là thiện hộ tam nghiệp. Đầu tiên là thiện hộ khẩu nghiệp, không cơ hiềm lỗi lầm của người. Đưa ra một trường hợp, thiện hộ khẩu nghiệp, không nói lỗi lầm của người khác. Dù lỗi lầm người khác có nghiêm trọng đến đâu, không những không nói, cũng không để trong lòng. Đặc biệt thời đại hiện nay của chúng ta, cần phải học nhân đạo, phải học nhân từ, phải học trung thứ.

Vì sao tha thứ lỗi lầm cho người khác? Vì họ không được tiếp thu truyền thống giáo dục, căn bản họ không biết, họ không hiểu, phạm phải lỗi lầm, quý vị không được trách họ. Hiện nay phổ biến đều không tiếp thu nền giáo dục này, chẳng những họ không tiếp thu_như trong kinh điển Đức Phật nói, nói rất hay, chuyên môn đối với những người phạm lỗi, chúng ta nên dùng thái độ như thế nào đối với họ? Trong kinh Phật nói: “Tiên nhân bất thiện”, tiên nhân là ai? Là cha mẹ, ông bà chúng ta, họ không biết. “Không biết đạo đức”, họ chưa học truyền thống văn hóa, không hiểu đạo đức. “Không có người dạy”, không ai nói cho họ biết. Như vậy họ làm điều gì sai trái, đều không thể trách họ, “không nên trách”. Thái độ này chính xác, tâm địa người này vô cùng thuần hậu, nhân từ, quý vị phải dạy họ.

Truyền thống văn hóa xưa từ sau khi nhà Thanh mất, truyền thống văn hóa vẫn còn ảnh hưởng. Đến khoảng năm dân quốc thứ 20, truyền thống văn hóa ảnh hưởng 20 năm, 20 năm sau liền dần dần mất đi. Tám năm kháng chiến đánh mất tất cả, nhà cũng không còn. Nhà của truyền thống xưa là đại gia đình, sau khi chiến tranh thắng lợi không bao giờ còn thấy được đại gia đình. Nhà rất quan trọng, xã hội mấy ngàn năm nay trường trị cửu an, dựa vào điều gì? Dựa vào nhà, nên tề gia sau đó trị quốc, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Hiện nay nhà không còn nữa, nhà ngày xưa là đại gia đình. Sở dĩ trong gia tộc có niềm vui thiên luân. Quý vị xem gia đình, nhìn lên trên có cha mẹ, có ông bà, có ông bà cố, có cao tổ. Lên trên, có cửu tộc! Trong một gia đình, quý vị xem từ bản thân mình nhìn lên trên, kể cả bản thân là năm đời. Nhìn về dưới cũng là năm đời, quý vị xem quý vị có con cái, có con cháu, có chắt, có chiu_Cửu đại đồng đường. Thông thường nhân khẩu một gia đình, khoảng trên dưới 300 người, nó là tổ chức của xã hội. Nếu nhà không có quy củ, như vậy không phải rất hỗn loạn sao?

Tư thực là gì? Tư thực là gia học, là trường học của con em trong gia đình, có gia đạo, có gia quy. Quy nghĩa là quy củ, chính là những gì thuộc về gia huấn. Có gia học, nghĩa là tư thực, gia học. Có gia nghiệp, trong nhà có sự nghiệp kinh doanh, đây là một đại gia đình. Trẻ con từ khi mới sanh cần phải dạy chúng, suốt đời của ta là vì điều gì? Vì gia đình, vinh tông diệu tổ, mở mày mở mặt. Đây là mục tiêu phấn đấu một đời của họ, họ không lạc mất phương hướng. Nên nhà đã trị tốt, nước sẽ thái bình.

Xã hội ngày xưa, các ngành các nghề trong xã hội, người ta ngưỡng mộ nhất là ai? Làm quan, vì sao ngưỡng mộ? Vì làm quan có địa vị rất cao, đãi ngộ rất tốt, lại thanh nhàn, không có việc làm. Người người đều là người tốt, mọi việc đều là việc tốt, nên quan không có việc làm, một tháng có một hai vụ án đã là rất nhiều. Đây là gì? Nhà đã dạy tốt, tiếp thu nền giáo dục gì? Là giáo dục thánh hiền. Nên trẻ con từ nhỏ đến lớn đều là thánh hiền nhân, gia đình hòa mục, gia đình đoàn kết.

Quý vị xem Hồng Lôu Mộ, Hồng Lôu Mộ chính là tiêu chuẩn gia đình ngày xưa, đây là người một nhà. Mỗi người làm sự nghiệp kiếm tiền, đều phải quy về của công, không thể cất giữ riêng. Khi bản thân cần dùng tiền, giống như phát tiền lương vậy, do tập thể phân chia cho từng người. Nên kinh tế là công khai, không phải của riêng, nên nó rất chu đáo.

Trẻ con mặc dù cha mẹ không có năng lực làm việc, do gia tộc nuôi dưỡng. Sau khi già cả, con cái quý vị không nuôi nổi, do cả họ, cả gia đình nuôi dưỡng. Nên ngày xưa người già không sợ, người già rất hoan hỷ, khi tuổi già là hưởng phúc, hưởng niềm vui thiên luân. Đây là xã hội ngày xưa. Cho nên chúng ta vô cùng ngưỡng mộ tinh thần của gia đình ngày xưa. Nếu không khôi phục nhà, hiện nay muốn đi đến thái bình thịnh trị là điều không thể, gia đình huyết thống không thể khôi phục lại.

Bao nhiêu năm nay tôi thường nghĩ, nghĩ đến điều gì? Tai thường nghe đến xí nghiệp, xí nghiệp, đột nhiên nghĩ đến xí nghiệp nếu có thể kế thừa truyền thống nhà ngày xưa, hiện nay ít nhất lại có 1000 năm thịnh thế. Xí nghiệp phải đem gia đạo, gia quy, gia học, gia nghiệp ngày xưa kế thừa lại. Tôi dạy Hồ Tiểu Lâm, tôi để ông ta làm thí nghiệm đầu tiên, hiện nay làm cũng không tệ. Nhưng tiếp tục cần phải có, có gì? Phải có trường học cho con em, phải có viện an dưỡng. Viện an dưỡng, tất cả những nhân viên lớn tuổi đều ở trong này, coi tất cả như anh em và chị em ruột của mình. Người lớn ở đó coi như chú bác của mình, phải có thái độ như vậy. Con cái của họ đều là cháu chắt của ta, nên phải thành lập trường cho con em. Trong này dạy luân lý, dạy văn hóa, phục hưng lại tất cả truyền thống văn hóa, quý vị là người dẫn đầu. Sau đó hy vọng có thể có 20 xí nghiệp, đều có thể phổ biến như vậy. Sẽ ảnh hưởng toàn quốc, ảnh hưởng đến toàn thế giới, đây là công đức vô cùng lớn lao! Thật sự làm được như vậy, thiên tai 2012 gì đó tự nhiên được hóa giải, không còn nữa. Chúng ta thật sự phát tâm, không những cứu quốc gia, cứu dân tộc, cứu thế giới, cũng cứu văn được địa cầu. Vì sao có thể cứu văn địa cầu? Đạo lý này quá thâm sâu, ở đây chúng ta không nói đến.

Trên thực tế, trong Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng, trong Kinh Hoa Nghiêm cũng nói rất rõ ràng. Nói rất có lý! Không phải nói một cách tùy tiện. Chúng ta khởi tâm động niệm, sơn hà đại địa biết. Niệm lực của ta, niệm lực này không thể nghĩ bàn. Đặc biệt là quý vị có định công, có trí tuệ thì niệm lực đó, năng lực đó rất lớn. Thậm chí lớn đến nỗi có thể thay đổi quỹ đạo tinh cầu vận hành trong hư không. Khi quỹ đạo của nó bị lệch lạc, có thể sửa đổi nó lại, có năng lực như vậy. Những điều trong kinh

nói, đều thuộc về khoa học, khoa học cao cấp. Hiện nay các nhà lượng tử lực học cũng đã chứng minh, có khả năng này, họ tin tưởng. Nên đây là điều vô cùng khó được.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

Tập 159

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 07.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 184, hàng thứ hai từ đếm dưới lên.

“Thứ năm: Thiện Thệ, thiện là tốt, thệ là đi, nên lại có tên là hảo khứ. Đại Trí Độ Luận nói: Hảo khứ, đối với các loại tam ma đề sâu, đi vào trong vô lượng các đại trí tuệ. Như bài kệ nói: Tất cả trí Phật là xe lớn, Bát chánh đạo đi vào niết bàn, gọi là hảo khứ”, chúng ta học đoạn này trước.

Đây là loại thứ năm trong mười loại thông hiệu của Phật, thứ năm gọi là Thiện Thệ. Những danh hiệu này toàn là đức hiệu của tự tánh, cũng là đức hiệu của Như Lai quả địa thượng. Phật đức cũng chính là đức năng của tự tánh, trí tuệ đức tướng vô lượng vô biên nói không cùng tận. Trong quá trình dạy học, Đức Phật dùng phương pháp quy nạp, đem vô lượng trí tuệ đức năng, dùng mười danh từ để tượng trưng, nghĩa là quy nạp thành mười danh hiệu. Mười tượng trưng vô tận, mười không phải chữ số. Trong mỗi câu, hàm nghĩa đều sâu rộng vô cùng, mỗi người chúng ta đều có phần. Đây là phương pháp vô cùng thù thắng trong đại thừa. Vậy kinh Phật đã nói những gì? Toàn là nói bản thân, ngoài bản thân ra, Đức Phật không có gì để nói cả, đều là nói bản thân.

Thiện, thông thường chúng ta gọi là tốt. Nhưng tốt ở đây thực tế mà nói, vẫn không cách nào hình dung được nó. Trong kinh Phật, trong văn tự, cổ nhân chúng ta cũng nói bản tánh vốn thiện. Nên biên soạn sách giáo khoa cho nhi đồng, đó là cho trẻ con đọc. Khi nhập môn, sơ học là đọc Tam Tự Kinh. Hai câu trước trong Tam Tự Kinh: “nhân chi sơ tánh bản thiện”, ý chữ thiện đó và thiện ở đây tương đồng, tương đồng với thiện của thiện thệ. Ý nghĩa rất rộng, không phải thiện của thiện ác. Nếu chúng ta xem nó thành thiện của thiện ác, như vậy thì quá cạn cợt. Sự tốt đẹp của tự tánh không thể hình dung được, chỉ dùng một chữ để tượng trưng, nghĩa là tốt cực kỳ! Chúng ta bình thường tán thán hình dung, tốt cực kỳ, chính là ý này. Thệ là khứ, nghĩa của khứ là đã qua rồi, nên nói lại với nhau có nghĩa là hảo khứ. Hảo khứ có rất nhiều cách nói.

Bên dưới Hoàng Niệm Tổ trích dẫn Đại Trí Độ Luận, giải thích trong Đại Trí Độ Luận. “Đại Luận nói: đối với các loại tam ma đề thâm sâu”. Tam ma đề là tiếng Phạn. Ở trước chúng ta đã đọc rất nhiều, đặc biệt là trong Kinh Hoa Nghiêm. “Tam” đây là âm tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung nghĩa là chánh. “Ma đề” là định, nên tam ma đề nghĩa là chánh định. Chánh định là gì? Có chánh đương nhiên có tà, không sai, có tà

định. Tầng lớp của định cũng vô lượng vô biên, cảnh giới của định cũng là vô lượng vô biên. Chánh định tương ứng với tự tánh bản định.

Quý vị xem, khi đại sư Huệ Năng khai ngộ, liền đưa ra báo cáo với Ngũ tổ. Có nói câu: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, đó chính là tự tánh bản định. Tương ứng với tự tánh bản định, mới có thể gọi là chánh định. Trong chánh định, vọng tưởng phân biệt chấp trước, những phiền não này đều buông bỏ hết. Nếu được định, mà chưa buông bỏ được ba loại phiền não lớn này, như vậy không gọi là chánh định.

Ví dụ thiền định thế gian, tứ thiền bát định không được coi là chánh định, đây là thiền định thế gian. Ở thế gian nó được xem là chánh định, so với xuất thế gian nó không phải là chánh định, vì sao vậy? Nó không vượt thoát được luân hồi lục đạo, nhưng định công này có thể ra khỏi dục giới. Đạt được công phu này, tương lai họ được sanh vào Trời sắc giới, sanh vào Trời vô sắc giới, phước báo rất lớn, nhưng không thể vượt thoát lục đạo. Hay nói cách khác, định công này có tính thời gian, thời gian đều rất dài. Khi định công mất đi, vẫn phải tùy nghiệp lưu chuyển. Trong đời quá khứ tạo nghiệp thiện thì sanh vào ba đường lành, ác nghiệp sanh vào ba đường ác. Nên biết được chân tướng sự thật này, mới thấy rất đáng sợ, điều này rất phiền phức. Mỗi chúng ta ở trên thế gian này, không phải một đời một kiếp. Quá khứ quả thật là vô lượng kiếp đến nay, đều đang lưu chuyển trong sanh tử, quý vị xem đã kết duyên với bao nhiêu chúng sanh? Kết duyên, duyên có thiện duyên, có ác duyên, không đếm hết, những món nợ này có thể trả được chăng? Thực tế mà nói thì không trả hết, cũng may lục đạo, mười pháp giới cũng không phải thật, từ đâu mà có? Từ mê thất tự tánh biến hiện ra. Thật sự giác ngộ, vấn đề này hoàn toàn được giải quyết. Giác ngộ là sao? Đã tỉnh. Chưa tỉnh thì giống như trong giấc mộng vậy, trong mộng có luân hồi lục đạo. Tỉnh lại là không còn, lục đạo liền biến mất. Chúng ta ở trong lục đạo, vô lượng kiếp đến nay ở trong lục đạo tạo ra những hành nghiệp này, không phải biến mất tất cả rồi sao? Đây là thật, xóa bỏ toàn bộ, không còn có món nợ này nữa. Quý vị không ra khỏi lục đạo, phiền phức này rất lớn, nghĩa là đời đời kiếp kiếp không bao giờ dứt, đây là chân tướng sự thật. Thấu triệt những chân tướng sự thật này, ta mới biết được Chư Phật Bồ Tát từ bi. Vấn đề này ngoài Phật Bồ Tát ra, không ai giải quyết được. Phật Bồ Tát không phải là người nhiều chuyện, chỉ cần thế gian này có người có thể giải quyết được vấn đề này, ngài sẽ không xuất hiện ở thế gian này, ngài sẽ không đến nữa. Vì sao vậy? Vấn đề này bản thân quý vị có thể giải quyết. Thực tế không có cách giải quyết, ngài không đến không được, đây gọi là đại từ đại bi. Những đạo lý, chân tướng sự thật này, chúng ta đều phải hiểu rõ ràng. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh, nói một cách tuyệt đối. Vạn sự vạn vật giữa vũ trụ này từ đâu mà có? Từ ý niệm. Trong kinh luận của Pháp tướng tông nói, tâm hiện thức biến, “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, nói rất hay. Mãi đến nay, các nhà khoa học mới chứng minh được, điều này quả thật không dễ.

Gần đây các nhà khoa học lượng tử nói với chúng ta, trên thế giới căn bản không có thứ gọi là vật chất. Bản chất của vật chất là gì? Là một huyền tượng do ý niệm tích lũy liên tục sanh ra, không phải thật. Nên thánh nhân tam quả, chúng ta gọi là tiểu thừa. Tứ quả là A la hán, tam quả là A na hàm. Họ có thần thông, không có chướng ngại. Giống như bức tường này của chúng ta, họ có thể đến đi tùy ý, đi qua đi về, không hề có chướng ngại. Nó không chướng ngại được thân thể, thân thể cũng không chướng ngại nó, vì sao vậy? Vì họ đối với vật chất này không có ý niệm chướng ngại. Ngày nay chúng ta nhìn thấy vật chất, lập tức nghĩ nó có chướng ngại, nghĩ có chướng ngại sẽ có chướng ngại. Nếu như không để trong lòng, nó sẽ không có chướng ngại. Khi nào ta quên được nó, quên bức tường ở đây, quý vị bước qua thật sự đi qua được, không sanh ra chướng ngại. Vấn đề này quả thật đã từng phát sanh.

Chúng ta đọc về pháp sư Viên Anh, đây là thời cận đại. Hình như là trong bài tựa Kinh Viên Giác Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh, ngài đã nói một vấn đề. Có một hôm đại sư ngồi thiền trong phòng, ngồi thiền trong phòng mình, đột nhiên nghĩ đến một việc, lập tức đi làm. Ngài liền bước xuống, đi ra. Sau khi đi ra ngoài rồi, đại sư nghĩ cửa phòng đóng mà, hình như tôi không mở cửa, sao lại ra được? Quay đầu lại xem, cửa thật sự đang đóng, không vào được nữa. Trong khoảnh sát na đó, ngài quên tấm cửa này, trong tâm không có khái niệm về tấm cửa, nên đã đi ra được. Ra rồi đột nhiên nghĩ lại thấy không đúng, hình như chưa mở cửa, sao tôi lại ra được? Quay đầu nhìn, thấy cửa đang đóng, không vào được.

Đây là nguyên nhân gì? Vật chất vốn là giả, thân vật chất này là giả, do ý niệm tích lũy. Tất cả hiện tượng vật chất như cửa này cũng là vật chất, cũng là ý niệm tích lũy. Vấn đề này, các nhà khoa học hiện đại mới chứng minh được nó, nên nó có đạo lý. Tất cả mọi chướng ngại toàn là ảo giác, quý vị cho rằng có thì nó có thật, nếu không cho rằng không có thì thật sự không có. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói bốn loại vô ngại. Lý vô ngại, điều này chúng ta có thể nghĩ thông. Lý vô ngại, lý không phải vật chất. Sự vô ngại, sự là vật chất. sự sao có thể vô ngại? Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Đây là lời nói chân thật trong Kinh Hoa Nghiêm, là cảnh giới quả địa thượng của Chư Phật Như Lai. Đến cảnh giới đó gọi là đại viên mãn, quả thật là vô quái ngại.

Quý vị xem tứ quả A la hán, đã ra khỏi lục đạo, không thấy nữa. Tứ thánh pháp giới ở trước mắt, họ không ra được. Họ phải phí rất nhiều sức lực, phí rất nhiều thời gian. Tu hành dần dần nâng đến Bích Chi Phật, tiếp tục nâng đến Bồ Tát, và nâng lên đến Phật, như vậy mới có thể siêu việt được. Mỗi lần nâng cao một cấp thời gian đều rất dài, mỗi người tu hành thời gian dài ngắn cũng không nhất định, hoàn toàn xem công phu tu học, và thiện căn phước đức của quý vị. Nói một câu dễ hiểu, tức là hoàn toàn xem ta có buông được chăng. Buông bỏ một cách sáng khoái, như vậy thời gian rất ngắn ta có thể siêu việt. Còn như không dễ buông bỏ, như vậy phải từ từ, thời gian sẽ dài hơn.

Tu hành, trong kinh điển đại thừa, đều luận kiếp là đơn vị thời gian. Pháp môn này là pháp môn vô cùng đặc biệt, quả đúng là đệ nhất kinh trong tất cả kinh điển mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết trong 49 năm. Ở trước có nói với quý vị, từ lợi ích chân thật mà nói, bộ kinh này là đệ nhất. Từ chân thật rốt ráo mà nói, phàm những kinh điển Đức Phật nói đều đồng tướng, đều từ trong chân tâm, tự tánh hiển lộ ra. Từ trí tuệ chân thật mà nói, nó không tương đồng, hầu như tầng thứ của mỗi bộ kinh đều không tương đồng, lợi ích cũng đều như vậy. Bộ kinh này lợi ích bậc nhất, vì sao vậy? Bất luận là ai, chỉ cần quý vị gặp được, có thể tin, có thể lý giải, có thể y theo phương pháp này tu hành, một đời sẽ thành tựu. Mà thành tựu vô cùng thù thắng không cách gì sánh được, không nói ra được.

Định là mấu chốt của sự tu hành, các loại Tam ma đề thâm sâu. Ở đây thâm sâu là đại thừa, đây là công phu thiền định thậm thâm. “Đi vào trong vô lượng chư đại trí tuệ”, hảo khứ nghĩa là như vậy. Hướng theo phương hướng nào? Hướng theo đại trí tuệ. Hướng đến đại trí tuệ, không có thiền định tức không có trí tuệ. Bởi thế nhất định phải nhớ tam học giới định tuệ, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ. Những gì hôm nay chúng tôi nói, đề cập đến như Đề Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, đây là giới. Có thể được định chăng? Không thể, vì sao vậy? Vì đây là cơ sở của giới luật, ta phải nương vào nền tảng này để đi lên. Nâng cao lên có giới tiểu thừa, giới tiểu thừa có thể phát tứ thiền bát định. Trong giới đại thừa mới có thể thật sự sanh trí tuệ, ở đây nói là chư đại trí tuệ. Chư tức không phải chỉ có một loại.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói Bồ Tát có 51 địa vị, 51 địa vị từ đâu mà có? Trí tuệ cao thấp khác nhau, đến từ trí tuệ, đến từ công phu thiền định. Giới đại thừa là giới Bồ Tát, giới Bồ Tát có hai loại lớn. Một loại là vì bản thân, chuyên môn nâng cao cảnh giới của bản thân. Một loại là vì giáo hóa chúng sanh, nên gọi là chỉ trì, chỉ là cấm chỉ. Vì bản thân rất nhiều, rất nhiều giới không được làm. Hóa độ chúng sanh gọi là tác trì, quý vị nhất định phải làm. Gặp được nhân duyên này, nếu quý vị không giúp chúng sanh, như vậy là phá giới, khi gặp được nhất định phải làm. Ta cũng không cần tìm cơ hội khắp nơi, không cần thiết. Tất cả đều thuận theo tự nhiên, như vậy tâm sẽ vĩnh viễn ở trong định. Mặc dù rộng độ chúng sanh, tâm vẫn ở trong định. Ngày nay chúng ta nói hoằng pháp, hộ pháp đều ở trong định, họ được tự tại.

Chúng ta hiện tại không nhìn thấy giới này nữa, bất luận là hoằng pháp hay hộ pháp, tất cả đều là phạm phư. Không những không có định tuệ, thậm chí đến giới cũng không có. Đây là nguyên nhân vì sao Phật pháp suy yếu. Chúng ta học Phật, nếu muốn thành tựu phải đi theo con đường mà Chư Phật đi, Chư Bồ Tát đi, đó chính là giới định tuệ, nhất định phải tinh tấn học tập. Giới xem ra thì đơn giản, thực tế nội dung sâu rộng vô cùng không có biên tế. Phải thâm nhập luật tạng ta mới có thể hiểu được.

Thiện căn phước đức nhân duyên của chúng sanh không giống nhau, cũng không phải tu thành trong một đời. Chúng ta tu cùng nhau, chư vị đồng tu, thiện căn phước

đức nhân duyên của mỗi người đều không thể nghĩ bàn. Nếu không có thiện căn phước đức nhân duyên, quý vị không thể ngồi trong giảng đường này nghe hai tiếng đồng hồ.

Quý vị xem HongKong có bao nhiêu người? Nói giảng đường chúng ta ở đây, không cần nói bên ngoài. Nhà lầu này có mười mấy tầng, vì sao họ đều không đến nghe? Vì không có duyên. Quý vị từ nơi xa xuôi trong nước đến đây, nghe hai tiếng đồng hồ là nhân duyên, nhân duyên khác nhau, không đơn giản. Có nhân duyên này, bản thân cần có thiện căn phước đức. Tướng của thiện căn là gì? Là nghe xong tâm sanh hoan hỷ, có thể tin, có thể tiếp thu, đây là thiện căn. Phước đức là y giáo phụng hành, sau khi nghe hiểu có thể thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong cuộc sống hằng ngày như xử sự đối nhân tiếp vật. Người này có phước, đây là phước đức.

Quý vị xem, ba loại thiện căn phước đức nhân duyên đều đầy đủ, mới thật sự học được, thiếu một thứ cũng không được. Có thể thấy, điều này không dễ dàng gì, gặp được phải quý trọng. Thật sự minh bạch hiểu rõ, thế xuất thế gian là tương đồng. Một câu nói quan trọng nhất, thân cận thiện tri thức. Trong Đệ Tử Quy nói, ta phải thân cận nhân giả, nhân giả nghĩa là thiện tri thức. Tìm thiện tri thức ở đâu? Không tìm thấy. Ngày xưa có, hiện nay không có. Không có thì chúng ta tìm cổ nhân.

Người bây giờ, thiện tri thức thật sự họ cũng không tuyên truyền, đồng thời họ cũng không thừa nhận. Quý vị tìm thấy họ, hỏi họ, ông là thiện tri thức chăng? Họ không thừa nhận, họ khiêm tốn, họ rất khách sáo, nên điều này rất khó. Trước đây còn được, ngày xưa còn được. Những người nào là thiện tri thức? Những người bế quan, đây là thiện tri thức. Những người ở trên núi, ở trong nhà lá trên núi, không xuống núi, đây là thiện tri thức. Vì sao vậy? Nếu họ không thật sự thành tựu định tuệ, họ cần phải học, phải đi tham bái học tập khắp nơi. Đức Thế Tôn 19 tuổi ra đi tham học, suốt 12 năm ngài tham học khắp nơi.

Trong Tông môn có rất nhiều trường hợp: “Triệu Châu bát thập do hành cước”. Hòa thượng Triệu Châu 80 tuổi vẫn hành cước, vẫn đang tham học. Vì sao ngài không bế quan, vì sao không ở trên núi? Chưa hiểu rõ về chân tướng của nhân sinh vũ trụ, những gì trong kinh nói chính là chân tướng nhân sinh vũ trụ. Ngài chưa thật sự hiểu rõ, vẫn phải đi khắp nơi cầu học. Thật sự minh bạch hiểu rõ, gọi là đại triệt đại ngộ, đây là thiền tông. Giáo môn gọi là đại khai viên giải, đây chính là minh tâm kiến tánh, thật sự có thành tựu, đó thật sự là đại thiện tri thức. Họ thành tựu nhưng không ai biết, họ thành tựu nhưng bản thân tuyệt đối không tuyên truyền: Tôi đã minh tâm kiến tánh, quý vị nên đến học với tôi. Họ không nói như vậy, không nói được, đó là gì? Là ngạo mạn, làm gì có tự khen mình như vậy.

Nếu chúng ta hiểu về những khái niệm truyền thống, sẽ biết rằng ở Trung quốc không thực hành được dân chủ. Đi trên đường tuyên truyền hô rằng tôi được, quý vị nên chọn tôi, họ không bằng tôi, lời như vậy làm sao nói ra được? Người đọc sách

tuyệt đối không nói như vậy. Luôn khiêm tốn, khiêm nhường, sao có thể nói như thế? Bởi thế dưới chế độ quân chủ không có quân tử, đào thải tất cả. Đây là thật, không phải giả. Người có trí tuệ, bản thân không bao giờ có thái độ này. Quý vị mời họ Lưu Bị mời Gia Cát Lượng còn phải đi mời ba lần, vì sao vậy? Vì không muốn ra làm việc, ra ngoài rất cực khổ, ở nhà hưởng phước. Đến mời ba lần, thấy Lưu Bị quá thành khẩn, quả thật là nói gì nghe nấy, như vậy mới chịu làm việc cho ông. Đồng ý rồi nhưng không có dự định làm lâu. Quý vị xem ông dặn dò em mình cố gắng trông nhà cửa, vài năm sau cục diện an định ông lại trở về nhà trồng trọt. Đây là người có học ngày xưa, muốn mời được họ ra làm việc cũng rất khó. Sao lại tự mình xuất đầu lộ diện, làm gì có đạo lý này?

Vì thế quý vị quan sát tỉ mỉ, người xưa và người bây giờ khác nhau rất lớn, quả đúng như người ta nói đại đồng và tiểu kháng. Ngày nay thời loạn, còn kém hơn so với thời Xuân Thu Chiến Quốc, đến Xuân thu Chiến Quốc cũng không bằng. Thời Xuân Thu Chiến Quốc còn nói đến nghĩa khí, khi đánh trận nhất định đợi đối phương bố trận xong mới đánh, bố trận chưa xong mà đánh thắng cũng không vinh dự gì, đó thừa cơ người khác nguy hiểm mà công kích. Không được làm điều này, làm như vậy là thất đức, vô lý khuyết đức, không được làm điều này. Những tướng quân trong thời Xuân Thu Chiến Quốc, nếu bây giờ đánh trận, nhất định đều bại trận. Nên những lý sự này chúng ta đều phải hiểu rõ ràng minh bạch.

Ngày nay thiện tri thức không còn, có cũng không tìm thấy, phải làm sao? Tìm cổ nhân, điển tịch của cổ nhân vẫn còn, sách đều là thiện tri thức, kinh sách chính là Phật Bồ Tát. Cổ thánh hiền lưu truyền lại Tứ Thư Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh, đây đều là thiện tri thức.

Tứ Khố Toàn Thư là tập đại thành biên tập thời Càn Long, trong này rất nhiều điều hay, ông trích dẫn chọn lựa rất tỉ mỉ, những chỗ không hay đều bỏ hết, nghĩa là những điều không lấy trong Tứ Khố, không chọn còn rất nhiều. Quý vị xem hiện nay ở nhà sách Thương Vụ số lượng sách chưa chọn, những mục đó vẫn còn nhưng không được chọn, tuyển chọn kỹ càng. Như những sách này đều là sách hay, học nhất định phải y theo quy củ của cổ nhân, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, sẽ thành công. Còn rất nhiều thứ không biết, không cần học. Quý vị học thông một môn này, những thứ khác không học cũng thông triệt. Quá tuyệt diệu, quả thật là diệu dụng.

Nên Phật pháp nói, thông thạo một bộ kinh thì tất cả các kinh điển đều thông. Nếu tất cả kinh không thông, thì bộ kinh này cũng không thông, cần phải tiếp tục tu hành theo bộ kinh này, không nên tự mình tìm phiền phức. Nhất định phải thông triệt bộ kinh này. Tiêu chuẩn thông triệt này là gì? Là kiến tánh, nghĩa là thiên tông nói minh tâm kiến tánh. Trong giáo môn không gọi là minh tâm kiến tánh, mà gọi là đại khai viên giải. Thật sự ở trong này giác ngộ được, ta sẽ nhận ra được từng câu từng chữ trong kinh này có vô lượng nghĩa, nói với quý vị một câu suốt một năm cũng không

nói hết, như vậy gọi là thông. Một bộ sách dùng hai ba câu cũng có thể nói hết, một câu kinh vẫn nói suốt một năm cũng nói không cùng, đó gọi là thông triệt. Đến được cảnh giới này, là hoàn toàn thấu triệt.

Phương pháp thành tựu này của các bậc thánh hiền và lịch đại tổ sư, người bây giờ không tin, không có phước! Người phương tây không tin có thể chấp nhận được, chúng ta bây giờ không tin cũng có thể tha thứ, vì sao vậy? Vì không ai dạy họ, họ chưa từng thấy, chưa từng nghe. Trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật nói: “Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã”. Đây là trung thứ, tha thứ cho họ, không nên trách cứ, vì họ không biết. Họ không biết cũng không thể trách, vì tiên nhân của họ không biết. Hiện nay nói, cha mẹ, trưởng bối họ không biết, thầy cũng không biết, làm sao trách họ được?

Nền văn hóa của chúng ta ngày nay, đích thực đã đến giai đoạn tồn vong, chúng ta làm sao để cứu vãn tình hình này? Chỉ có dựa vào bản thân. Bản thân mình bạch, hiểu rõ, cần tinh tấn hành trì, chúng ta phải khế nhập cảnh giới, như vậy mới thật sự là tục Phật huệ mạng. Cổ nhân nói: “vì vãng thánh kế tuyệt học, vì thiên hạ mở thái bình”, bản thân phải thâm nhập. Muốn ở trong kinh điển đại khai viên giải, đại khai viên giải mà không tuân thủ nguyên tắc giới định tuệ, như vậy thì không thể nào, không làm được. Bởi thế cổ nhân nói: “không nghe lời người đi trước, thiệt thòi ngay trước mắt”. Tự cho mình thông minh, con đường ta đi sẽ gặp rất nhiều trắc trở. Nếu thật thà đi theo con đường của cổ nhân, như vậy mới là người thông minh, sẽ đi đến đích trong thời gian rất ngắn.

Trước mắt chúng ta có một tấm gương tốt là bà Lưu Tố Vân, 55 tuổi mới nghe được Phật pháp, tuổi tác không nhỏ. Nghe được Phật pháp bà liền y giáo phụng hành, nghe được một câu: Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Bà đã trụ vào câu nói này, tôi chỉ học một môn, lựa chọn của bà là chuyên tu theo Kinh Vô Lượng Thọ. Cũng không biết ai tặng cho bà một bản Kinh Vô Lượng Thọ, cũng chính là bản chúng ta đang học, không có chú giải. Chú giải này là của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, bà học như thế nào? Bà thành tựu chúng ta mới biết đến, tìm đến hỏi bà học như thế nào? Bà nói rằng, mình không có trí tuệ, chỉ có chân thành, nghe lời cổ nhân: Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Bà nói bà học cuốn sách này, suốt đời chỉ học cuốn này. Mỗi ngày học mười tiếng, nghị lực này rất đáng để người khác kính trọng. Mỗi ngày mười tiếng xem một đĩa CD, thời lượng một CD một tiếng đồng hồ. CD một tiếng đồng hồ này xem mười lần, tức là mười tiếng, một ngày xem một đĩa lặp đi lặp lại mười lần. Xem xong bộ này lại xem tiếp lần thứ hai, lại xem lần thứ ba, rồi tiếp tục xem lần thứ tư. Mười năm bà đạt được tam muội, trí tuệ khai mở. Tôi nghe nói có người mời bà giảng Kinh Địa Tạng, bà giảng rất hay. Kinh Địa Tạng bà chưa từng học, chỉ học Kinh Vô Lượng Thọ. Như vậy chúng ta biết, bất luận kinh gì bà đều giảng được. Đây là thành tựu từ giáo môn.

Chúng ta biết lục tổ Huệ Năng Thiền tông thời nhà Đường, ngài không phải từ giáo môn, bởi ngài không biết chữ. Theo Ngũ Tổ tám tháng ở Hoàng Mai, tám tháng đều ở dưới bếp giã gạo chẻ củi, làm công việc nặng nhọc đó. Chưa từng đến giảng đường, cũng chưa một lần đến thiền đường. Ngũ tổ đem ý bát truyền cho ngài, trở thành tổ thứ sáu của Thiền tông. Đó là gì? Thông triệt! Thông triệt một thứ thì tất cả đều thông. Suốt đời ngài chỉ nghe kinh được một lần. Ngũ tổ Hoàng Nhẫn bí mật triệu kiến ngài, canh ba nửa đêm gọi ngài đến phòng phương trượng, lúc mọi người đã ngủ say. Ngũ tổ giảng cho ngài nghe đại ý Kinh Kim Cang, đương nhiên là như vậy. Ngài không biết chữ, đương nhiên không có dùng đến kinh. Nói đến câu “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài liền hoát nhiên đại ngộ, ngài liền thưa với Ngũ tổ về sở đắc của mình, ngài nói năm câu: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, sau cùng là: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”. Ngũ tổ nghe đến đó liền ngăn lại, được rồi và truyền y bát cho ngài, bảo ngài lập tức ra đi. Vì sao vậy? Vì người khác không phục, người khác đều coi thường ngài. Đây là gì? Là đồng hàng tương kỵ. Đều là biểu diễn cho chúng ta thấy, đều là thiện tri thức biểu diễn cho chúng ta thấy, đồng hàng ghen ghét lẫn nhau, lập tức ra đi. Vừa khai ngộ, tất cả kinh điển tự nhiên đều thông triệt.

Trên đường lánh nạn, đây là trong Kinh Pháp Bảo Đàn ghi chép_ Ở thôn Tào Hầu gặp được một vị tỳ kheo ni, tỳ kheo ni Vô Tận Tạng thọ trì Kinh Đại Niết Bàn. Kinh Đại Niết Bàn có hai loại bản dịch, đều rất dài. Một loại có 36 quyển, một loại 40 quyển. Mỗi ngày đều đọc tụng nhưng không hiểu nghĩa. Lúc đó Lục tổ mới 24 tuổi chưa xuất gia, gặp vị tỳ kheo ni này, nghe cô tụng kinh. Khi nghe xong, ngài liền giảng ý nghĩa đoạn kinh đó cho tỳ kheo ni Vô Tận Tạng nghe. Cô ta nghe xong vô cùng kinh ngạc, bởi vì ngài nói quá hay, liền hai tay đưa kinh đến thỉnh giáo ngài. Ngài nói tôi không biết chữ. Cô ta nói, ông không biết chữ sao lại nói hay đến thế? Ngài nói vấn đề này không liên quan đến việc biết chữ hay tụng kinh. Trí tuệ của ngài từ đâu mà có? Từ thanh tịnh bình đẳng giác, nếu tâm địa không phải thanh tịnh bình đẳng giác, thì không thể khai ngộ. Phải hiểu đạo lý này. Cho nên Tông môn dễ khai ngộ, vì tâm họ thanh tịnh. Chúng ta học quá nhiều thứ, đó chính là tạp loạn, là chướng ngại, chướng ngại ta khai ngộ.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ bi, lúc còn tại thế ngài biểu diễn cho hàng phần tử tri thức thấy, vì sao vậy? Vì phần tử tri thức chiếm đa số. Quý vị thấy ngài ra đi cầu học suốt 12 năm, tất cả Tôn giáo và học phái của Ấn độ ngài đều tiếp xúc, đều đến học tập. Sau cùng không còn nơi nào để học, học hết không còn gì để học, suốt 12 năm. Ngài ở bên bờ sông Hằng, dưới cội Tất bát la, bây giờ gọi là cây bồ đề, ngồi thiền dưới gốc cây. Ngài buông bỏ hết sở học của 12 năm, đây là gì? Là buông bỏ sở tri chướng. Đã buông bỏ phiền não chướng, bây giờ tiếp tục buông bỏ hết những gì học được trong 12 năm qua. Buông bỏ sở tri chướng, chướng ngại không còn, nhập vào thiền định

thâm sâu. Ngài biểu diễn điều này cho chúng ta thấy, lúc sao mai vừa mọc, liền đại triệt đại ngộ. Ngài đã kiến tánh, đã thành Phật.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thành Phật, ngài Huệ Năng ở trong phòng phượng trượng của Ngũ tổ cũng thành Phật, hai cảnh giới này tương đồng. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, ở trong định thuyết bộ Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, tức là làm báo cáo, ta minh tâm kiến tánh là cảnh giới gì? Tất cả đều nói ra, đây là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Đại sư Huệ Năng nói rất đơn giản, chỉ có 20 chữ. Chư vị nên biết, triển khai rộng 20 chữ này nghĩa là Kinh Hoa Nghiêm, thu nhỏ Kinh Hoa Nghiêm tức là 20 chữ này, không tăng không giảm. Nên pháp này được gọi là diệu pháp. Đức Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, phàm phu chúng ta không thể tưởng tượng được. Thế gian cũng không ai truyền bá điều này, nên hàng tiểu thừa họ rất hiện thực. Họ nói Hoa Nghiêm là từ Long cung đến, nên họ không tin, vì thế họ nói đại thừa không phải do Đức Phật nói. Là do Bồ Tát Long Thọ nói, không phải Đức Phật nói. Bồ Tát Long Thọ cũng là một người khai ngộ, minh tâm kiến tánh, ngài chứng được sơ địa.

Biệt giáo sơ địa bằng viên giáo sơ trụ, đều là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Tuy đã đoạn vô minh, nhưng tập khí vẫn còn, tập khí vẫn còn rất sâu đậm. Ngạo mạn, cho rằng sở học của mình là thiên hạ đệ nhất, không có ai cao hơn mình, họ đã khởi niệm này. Bồ Tát Đại Long, như trong Kinh Kim Cang nói: Đại Bồ Tát phải thường quan tâm tiểu Bồ Tát, tiểu Bồ Tát có vấn đề phải lập tức giúp họ. Đại Long Bồ Tát đem ngài đến Long cung tham quan, Long cung thu thập kinh điển Đức Thế Tôn nói, nhìn thấy Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, phân lượng bao nhiêu? Mười lần tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm. Ngài vừa thấy như vậy, tâm ngạo mạn lập tức đoạn tận. Bộ kinh này đem đến địa cầu không có chỗ để. Bộ kinh này là Đức Thế Tôn giảng, giảng lúc ở trong định. Bao nhiêu thời gian? Trong kinh nói 14 ngày, cũng có thuyết 21 ngày. Coi như là tam thất, 21 ngày. Tất cả kinh văn nói trong 21 ngày, toàn bộ địa cầu không chứa hết.

Đại sư Huệ Năng khai ngộ nói 20 chữ, nên Bồ Tát Long Thọ vừa thấy điều này, điều này không phải lục đạo chúng sanh có thể tiếp thu được, không cần nói là nhân gian. Thiên nhân cũng không thể tiếp thu được, phân lượng quá lớn. Xem trung bản phân lượng vẫn lớn, sau cùng xem tiểu bản. Tiểu bản giống điều gì? Giống Tứ Khố Toàn Thư. Tứ Khố Toàn Thư có tóm tắt mục lục trọng yếu. Hiện nay Tứ Khố Toàn Thư bìa cứng 1500 cuốn, mục lục đề yếu chỉ có năm cuốn. Mục lục trong mỗi sách nói những gì đều có đề cương, Kinh Hoa Nghiêm Bồ Tát Long Thọ truyền đến thế gian này, chính là mục lục đề yếu nguyên bản. Truyền đến Trung quốc mới chỉ một nửa, một nửa khác cũng thất truyền, phân lượng quá lớn. Ngày trước viết ở cây bời diệp, viết vào lá cây, rất dễ lạc mất. Nên truyền đến Trung quốc chỉ có một nửa, chúng ta dịch sanh tiếng Trung. Hiện nay Kinh Hoa Nghiêm trên toàn thế giới, chỉ có bản tiếng

Trung có, ngoài ra đều không tìm thấy. Mục lục đề yếu vô cùng đáng quý, chúng ta nói về nó một lần.

Sau khi quản trưởng Hàn qua đời, bà rất hy vọng tôi giảng bộ kinh này, lưu lại một bộ CD cho hậu nhân làm tham khảo, lúc đó tôi đã đồng ý. Nên khi tôi ở Singapore là bắt đầu giảng, giảng được hơn 4000 tiếng, giảng được bao nhiêu, nói với chư vị, tôi giảng được 1/5. Nếu giảng hoàn thành bộ kinh, tôi dự tính phải mất 20 000 tiếng đồng hồ. Giảng giống như phương thức trước đây tôi giảng, phải 20 000 tiếng đồng hồ, đại học vẫn! Có khóa trình của trường đại học nào đến 20 000 tiếng đồng hồ? Đừng nói 20 000, 2000 tiếng cũng không có.

Bản kinh Vô Lượng Thọ này, bây giờ tôi đã giảng hơn 300 tiếng, chưa được ¼, tôi dự tính phải hơn 1000 tiếng, đúng là đại học vẫn. Thâm nhập một môn, hương vị của nó vô cùng. Đọc sách quả là niềm vui, cổ nhân không gạt người. Nếu đọc sách mà không có niềm vui, là do ta chưa thâm nhập, chưa hiểu. Những gì ta đọc được không có giá trị, nên ta đọc cảm thấy rất vất vả. Ta phải đọc làm sao để những thứ không có giá trị biến thành tinh hoa, biến thành niềm vui. Khi có niềm vui thì những điều không có giá trị cũng trở thành tinh hoa, rất kỳ diệu! Làm sao để biến nó thành tinh hoa? Ta phải thực hành những gì mình hiểu được, sau đó sẽ hiểu những điều chưa hiểu. Nếu những thứ ta hiểu mà không làm được, không thể thực hành, đồng nghĩa như ta chưa nếm được mùi vị. Chỉ xem thực đơn không thôi, thấy rất ngon, rất hấp dẫn, nhưng chưa ăn được miếng nào, như vậy sao được? Hiểu bao nhiêu làm bấy nhiêu, tức hành trì bấy nhiêu, sau đó không hiểu cũng đều hiểu hết, dần dần hiểu hết tất cả. Đối với kinh điển, ta mới thật sự hiểu được chân thật nghĩa của Như Lai, không thể không thực hành. Tôi đã hiểu, hiểu rồi những vẫn là thói quen cũ, vẫn là khuyết điểm cũ, hoàn toàn không có chút thay đổi nào. Bởi vậy tu hành, tu là sửa đổi, hành là hành vi. Hành vi bao gồm khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác. Kinh giáo là một tiêu chuẩn, khi tìm được tiêu chuẩn, chúng ta phải y theo tiêu chuẩn này mà tu hành. Phù hợp tiêu chuẩn, được, duy trì nó mãi mãi. Không phù hợp tiêu chuẩn, nên sửa đổi nó, đây gọi là tu hành, như vậy mới lợi ích, thật sự đạt được thọ dụng của kinh giáo. Nếu không thể sửa đổi tư tưởng ngôn hành của bản thân, ta chỉ học mà không hành. Nhiều nhất là nói tôi tin, tôi hiểu, nhưng không có hành. Không có hành ở sau làm gì có chứng? Pháp hỷ sung mãn, hỷ duyệt đạt được từ trong sự hành trì, nếu không hành không thể đạt được. Thật sự có thọ dụng, rất có lợi ích.

Nói một cách thiết thực, đầu tiên là thân tâm mạnh khỏe, gia đình hòa thuận, sự nghiệp chắc chắn thuận lợi, không có chướng ngại, nơi ở ít thiên tai, đây là điều rất hiện thực. Là lợi ích thô nhất, rõ ràng nhất. Lợi ích cứu cánh chính là ở đây nói, ta có thể chứng được đại bát niết bàn. Đại bát niết bàn sẽ có đại trí tuệ, dung nhập đại trí tuệ.

Như kệ ở dưới nói: “nhất thiết trí Phật làm xe lớn”, đây là ví dụ. Tất cả trí tuệ Phật đạt được, giống như một chiếc xe lớn. “Bát chánh đạo hành nhập niết bàn”, Bát chánh

đạo là hành, nhập điều gì? Nhập niết bàn, đây gọi là hảo khứ. Niết bàn nghĩa là gì? Chúng ta dùng cách mà người bây giờ dễ lý giải hơn, là cứu cánh viên mãn, hoặc là cứu cánh tốt đẹp. Ta không tìm ra được chút khiếm khuyết nào ở trong đây, bất luận là trí tuệ, đức năng, hay tướng hảo, mọi thứ đều viên mãn, nên đây gọi là hảo khứ.

Bên dưới lại dẫn dụng Hợp Tán_ “Hợp Tán nói: Thiện là tối sơ phát tâm, thế là đại bát niết bàn. Như Lai không bỏ tối sơ phát tâm được đại niết bàn, nên Như Lai có tên là Thiện Thế”. Giải thích rất hay. Sơ tâm vô cùng đáng quý, thật sự đi vào cửa Phật, phát tâm quy y, phát tâm học Phật. Đây là tối sơ phát tâm, không dễ dàng, nhưng phát tâm rồi như thế nào? Lập tức thoái chuyển, quên mất, nên không thể thành tựu. Trong kinh Phật nói, người phát tâm giống như trứng cá vậy. Người thành tựu thì sao? Không được mấy người thành tựu, vì sao vậy? Không giữ được sơ tâm, cũng chính là nói không chịu được mê hoặc. Xã hội bây giờ, sức mê hoặc quá lớn. Ngày xưa có, người xưa đơn thuần nhân hậu. Nên người bây giờ có thể ở trong ngày nay, ở trong xã hội này có thành tựu, Chư Phật Bồ Tát đều đưa ngón tay cái lên khen ngợi, vì sao vậy? Rất khó được. Nếu họ sống trong xã hội này tu hành, cũng chưa chắc thành tựu được. Đây là thật, người đồng với tâm này, tâm đồng với lý này. Nếu chúng ta tu hành trong thời đại ngày xưa, dễ dàng thành tựu. Nên hiện nay tu hành trong xã hội này có thể thành công, đó quả thật là bậc đại tu hành, đó là thành công thật sự. Nếu chịu được sự khiêu khích, vượt qua sự mê hoặc, điều này Chư Phật Bồ Tát không thể không khâm phục.

Hoàn cảnh đối với người tu hành mà nói, người tu hành chơn chánh, đều là hoàn cảnh tốt có lợi. Càng khó khăn, càng hiểm ác thì thành tựu càng thù thắng, càng kiên cố. Chúng ta gặp nghịch cảnh sanh tâm hoan hỷ, ta có thể đột phá, nếu không đột phá được liền bị đào thải. Gặp được thuận cảnh càng phải đột phá, thuận cảnh không khởi tham luyến, nghịch cảnh không khởi oán hận. Quý vị xem đều là đào thải ba độc tham sân si.

Đại sư Ngẫu Ích nói rất hay: “cảnh duyên không có tốt xấu”, cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự. Trong này không có tốt xấu, vấn đề ở bản thân chúng ta. “Xấu tốt đều ở tại tâm”, tâm niệm của chính mình, mấu chốt là đây, không liên quan đến bên ngoài. Nếu như thật sự có đạo tâm, tất cả đều thành tựu. Thuận cảnh giúp ta đoạn tham si, nghịch cảnh giúp ta đoạn sân si, tất cả đều là giúp ta đoạn ba độc phiền não, quý vị đã thành tựu, đây mới thật sự gọi là hảo khứ.

Ở trên nói, đều là “lấy nhập niết bàn làm thiện thế”. Đây chính là các bậc cổ đức, trong số luận của họ nói, đều là lấy nhập niết bàn. Nhập đại bát niết bàn, đều chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn. Nói đến đây chúng ta liền nghĩ_ hiện nay các nhà khoa học nghiên cứu vũ trụ vĩ quan, họ thăm dò vũ trụ. Dùng những máy móc tinh vi quan sát được vũ trụ, chỉ là 10% của toàn vũ trụ, còn 90% không thấy. Vì sao không thấy? Thiện thế, nó đã nhập đại bát niết bàn. Nhập đại bát niết bàn, các nhà khoa học đối với nó cũng không còn cách nào khác, đúng là Thiện Thế.

Từ đó cho thấy, Thiện thế trong pháp môn Tịnh độ của chúng ta là cõi thường tịch quang, trong Kinh Hoa Nghiêm là Diệu giác vị. Không phải Đẳng giác, là Diệu giác, đó là Thiện Thế, Đẳng giác vẫn chưa thiện. Vì sao vậy? Vì vẫn còn nhất phẩm tập khí vô minh chưa đoạn, đó chính là họ chưa thiện. Đây mới thật sự đại viên mãn, cứu cánh viên mãn. Thường tịch quang ở đâu? Khắp nơi khắp chốn. Nó không phải không gian, cũng không phải thời gian. Nên trong thường tịch quang không có không gian, cũng không có thời gian, thời và không gian đều không có. Tất cả mọi hiện tượng đều không tồn tại, nhưng nó có thể hiện tất cả mọi hiện tượng, năng sanh vạn pháp. Cho nên tất cả pháp cũng chính là thường tịch quang, thường tịch quang nghĩa là tất cả pháp. Nhưng tuyệt đối ta tìm không được nó, nghĩa là lục căn của chúng ta không tiếp xúc với nó được. Không nhìn thấy, không nghe thấy, cũng không nghĩ đến được. Vì nó không phải tinh thần nên ta không nghĩ đến được, nhưng nó tồn tại! Tồn tại trên toàn thân ta, mỗi tế bào đều không tách rời được nó. Nó không có hình trạng, không có màu sắc, đây là bản thể của vũ trụ vạn hữu, trong triết học gọi là bản thể. Trong kinh Phật nói đây mới thật sự là bản thể luận, năng sanh năng hiện. Phân biệt chấp trước năng biến.

Nếu chúng ta ở trong tất cả pháp không phân biệt, không chấp trước, tất cả mọi hiện tượng đều là vĩnh hằng, đều là bất sanh bất diệt, quý vị sẽ nhìn thấy hiện tượng này. Hiện tượng này gọi là cõi thật báo trang nghiêm, cõi thật báo trang nghiêm nhìn thấy, tất cả mọi hiện tượng bất sanh bất diệt. Thập pháp giới trở xuống, đó đều là có sanh có diệt, vì sao vậy? Vì nó có phân biệt, có chấp trước. Tứ thánh pháp giới có phân biệt, trong lục đạo có chấp trước, nên nó có hiện tượng sanh diệt, có hiện tượng không sanh diệt, có hoàn toàn không có hiện tượng. Đây là khoa học mà trong kinh điển đại thừa nói.

“Hội Sớ lại nói”, đây đều là pháp sư Nhật bản, nói trong chú giải Kinh Vô Lượng thọ của họ: “Thiện Thế nghĩa là diệu vãng”. Vãng và khứ ý nghĩa như nhau, nghĩa của diệu vãng. “Lấy vô lượng trí tuệ, có thể đoạn các hoặc, diệu xuất thế gian, có thể thú quả Phật. Lấy thú Phật quả làm Thiện Thế, và ở trên nói cũng không khác”, không thật sự khác nhau. Cách nói này rất hay, có thể thấy trí tuệ rất quan trọng. “Lấy vô lượng trí tuệ”, trí tuệ chân thật. Nên quý vị nhất định phải biết, phải chăng quảng học đa văn là trí tuệ chăng? Không phải, là tri thức. Đại sư Huệ Năng là trí tuệ, không phải tri thức. Từ đó cho thấy, tâm thanh tịnh quan trọng biết chừng nào. Tri thức rất mệt, còn trí tuệ giống như tự tánh vậy, nó không phải vật chất, không phải tinh thần, nó không hề phiền toái. Nói như hiện nay, trí tuệ không có áp lực, áp lực của tinh thần và vật chất đều không có, nhưng tri thức có áp lực. Tri thức như thế nào? Tri thức phải dùng đầu óc, phải ghi nhớ, trí tuệ không cần. Tâm của trí tuệ là tâm thanh tịnh, không nhiễm chút bụi trần nào. Tâm trí tuệ là tâm không phân biệt, khi trí tuệ đến cực điểm là giác mà không mê, đây là trí tuệ. Ngày xưa, sở cầu của cổ thánh tiên hiền, đều là lấy trí tuệ làm chủ, đọc sách coi trong ngộ tánh, huân luyện từ khi còn nhỏ. Vì sao dạy trẻ em đọc

sách, đọc to tiếng. Đọc thuộc rồi, còn phải đọc 100 biến, 200 biến, vì sao vậy? Là để chúng nhớ, đó là tác dụng phụ, đó không phải là ý nghĩa thật sự, ý nghĩa thật sự là không để chúng suy nghĩ lung tung. Nếu chúng không đọc sách là suy đông nghĩ tây, trẻ em cũng không ngoại lệ. Đây là gì? Là tu định, bảo chúng đọc bao nhiêu biến là tu định, không suy nghĩ bậy bạ. Quý vị phải biết, phương pháp này vô cùng cao siêu! Ghi nhớ là tác dụng phụ, nhớ hay không không sao, chỉ cần khai ngộ, mục đích sau cùng ở chỗ khai ngộ. Nên đó là một kỹ xảo tu hành.

Ngày nay chúng ta niệm Phật, một ngày niệm mấy ngàn câu Phật hiệu là kỹ xảo, vì không niệm Phật liền khởi vọng tưởng. Dụng ý của việc niệm Phật là gì? Là đoạn trừ vọng tưởng, niệm Phật sẽ không có vọng tưởng. Niệm đến sau cùng, vọng tưởng thật sự không có, không cần niệm Phật nữa, vì quý vị đã thành Phật, niệm Phật sẽ thành Phật. Mục tiêu thật sự là đây, nó là một loại kỹ xảo.

Quý vị nói tôi không niệm Phật A Di Đà, tôi niệm một hai ba bốn được chăng? Được! Bất luận quý vị niệm gì cũng được, chỉ cần tập trung tư tưởng vào một nơi. Niệm Phật A Di Đà, là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy chúng ta, mười phương Chư Phật cũng dạy chúng ta như thế, vì sao vậy? Đây là thông tin liên hệ với Phật A Di Đà, với Phật A Di Đà ở thế giới tây phương Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà ở đâu? Quý vị không cần hỏi, chỉ cần giữ chặt một câu tín hiệu này, tín hiệu này có liên lạc với bên đó. Nhất niệm tương ưng niệm niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Khi quý vị vãng sanh, Phật A Di Đà liền đến tiếp dẫn, lợi ích chính là ở đây. Niệm một hai ba bốn Phật A Di Đà không đến tiếp dẫn, nhưng niệm Phật A Di Đà ngài nhất định đến tiếp dẫn, chính là như vậy. Nên đây là một tín hiệu, rất linh diệu, chỉ cần ý niệm vừa khởi lên, tín hiệu lập tức đến.

Cho nên nhất định phải vô lượng trí tuệ, vì sao vậy? Vì trí tuệ mới đoạn được phiền não. Hoặc là mê hoặc, phá mê khai ngộ, phá mê khai ngộ mới có thể diêu xuất thế gian. Xuất thế gian thêm vào chữ diệu, đây là ý gì? Tức thế gian xuất thế gian, tuyệt diệu! Sao lại tức thế gian xuất thế gian? Biết được thế gian này là giả, là không, phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Quý vị còn có thế gian để xuất ư? Không có thế gian để ra khỏi, vì sao vậy? Thế gian căn bản không tồn tại. Người mê ở thế gian tạo nghiệp thọ báo, người ngộ diệu xuất thế gian, họ ở thế gian, tất cả mọi tạo tác không có quả báo, vì sao vậy? Vì họ làm mà không làm, không làm mà làm, làm và không làm đều trở về con số không. Chúng ta dùng cách nói như hiện nay, tất cả đều là con số không, pháp bình đẳng. Không thể khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm đều không có, đương nhiên phân biệt chấp trước cũng không có. Vậy tạo tác đó là gì? Tạo tác đó là ứng, chúng sanh có cảm quý vị tự nhiên có ứng. Như chúng ta đánh chuông, đánh chuông vậy. Chúng ta đánh chuông là chúng ta có ý, âm thanh tiếng chuông phát ra là vô ý. Nó không hề nghĩ quý vị đánh tôi một cái, tôi nên ứng với quý

vị như thế nào? Nó không có ý niệm này. Bởi thế sau khi kiến tánh không có ý niệm, không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, tự nhiên mà ứng.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trú thế 80 năm là hiện tượng này, diêu xuất thế gian. Phàm là người minh tâm kiến tánh, người đại khai viên giải, người niệm Phật được lý nhất tâm bất loạn, đều là cảnh giới này. Phật ở thế gian hòa quang đồng trần với chúng ta, chúng ta không nhận ra ngài, những ngài biết rất rõ về chúng ta. Chúng ta hoàn toàn không biết về ngài, tưởng rằng ngài cũng là phàm phu.

Ở dưới đưa ra một vấn đề: “vì sao gọi là hảo khứ”? Như thế nào gọi là hảo khứ? Nói như bây giờ hảo khứ là gì? “Tịnh Ảnh Sớ nói: Phật đức viên mãn, còn chỗ nào để đi”, trí tuệ đức tướng mà Đức Phật chứng được hoàn toàn viên mãn, còn chỗ nào nữa để đi? “Mà nói hảo khứ”, đây đều là nói với chúng sanh trong mười pháp giới. “Tuy không có chỗ đi, nhưng không thể không đi”. Tuy không có chỗ đi, câu này là thật, là cảnh giới của Phật. Không thể không đi là cảnh giới của chúng sanh trong mười pháp giới, đây là tục đế. “Như kiếp tận hỏa, tuy không thiêu, không thể không thiêu”. Kiếp tận hỏa này nghĩa là gì? Hiện nay các nhà khoa học gọi là thái dương, thái dương là hỏa cầu, đã đốt hết, nó đốt cũng là nguồn năng lượng. Nguồn năng lượng tiêu hao hết, nó sẽ bùng nổ, liền bị hủy diệt, đây là thiêu đốt khi kiếp tận. Hiện nay chúng ta gọi vấn đề này là hiện tượng tự nhiên, nó đang đốt, sau khi đốt hết sẽ bùng nổ. Nói cho quý vị biết, tất cả cũng đồng nghĩa với con số không, phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Trong ý niệm chúng ta nghĩ rằng nó có thì nó sẽ có, ý niệm chúng ta không có nó sẽ không tồn tại. Nói tóm lại, tất cả pháp từ tâm tướng sanh, đều từ ý niệm sanh ra. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, như vậy là thật sự đã giác ngộ.

Xã hội hiện nay, là toàn thế giới, không phải cục bộ, tạo nghiệp gì? Nghiêm trọng nhất không gì bằng tham tài, tham sắc, toàn thế giới đều như vậy. Tội nghiệp này có nghiêm trọng chẳng? Vô cùng nghiêm trọng. Nghiêm trọng đến mức độ nào? Nghiêm trọng đến mức sanh diệt của địa cầu. Giới khoa học cũng đang thảo luận vấn đề này, thảo luận như thế nào thì so với Phật pháp vẫn còn cách quá xa. Đức Phật nói với chúng ta: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, chúng ta phải ghi nhớ câu này. Họ tạo nghiệp thiện phải chẳng là hư vọng? Họ tạo ác phải chẳng là hư vọng? Đều là hư vọng. Chỉ cần vừa giác ngộ, vọng liền biến mất, trở về tự tánh, mọi thiên tai đều không còn. Nên chúng ta không cần nhớ, người này tạo tội nghiệp quá sức nặng nề, là rất nặng. Chỉ cần họ có ý niệm này sẽ bị đọa địa ngục, ý niệm này hiện ra địa ngục. Nếu họ không có những ý niệm này, đều không có, địa ngục liền biến mất. Đây phải chẳng là mở một con đường thoát tội cho người tạo tội ngũ vô gián, đúng thế, vốn là như vậy. Vấn đề là họ có quay đầu được hay không. Thật sự giác ngộ, biết rằng “phàm sở hữu tướng đều là hư vọng”, những tội ta tạo trong quá khứ hoàn toàn không còn. Bây giờ ta có thể hưởng hạnh phúc, như vậy là không được, vậy là còn, vì sao vậy? Vì bây giờ ta có an vui là có tội trạng, nếu đến niềm vui cũng không có, như vậy là thật sự không

còn. Không còn tức là đã trở về, sống cuộc đời của Bồ Tát, đã giác ngộ. Nên tội và phước đều không phải thật, đừng để trong lòng.

Người giác ngộ có thể quên mình vì người. Nếu người tham ô thật sự đã giác ngộ, tôi tham ức vạn tài sản, bây giờ đã giác ngộ, tôi đem ức vạn tài sản ra bố thí, cứu tế cho những người cùng khổ, lặn mình biến hóa thành Bồ Tát. Quý vị xem người trong địa ngục, vừa biến liền thành Bồ Tát, họ thật sự làm như vậy. Nếu họ còn muốn lưu lại một ít để hưởng thụ, tuy ngộ nhưng chưa thấu triệt. Chưa thấu triệt, thì địa ngục không tiêu được. Khi đã thấu triệt, địa ngục liền không còn.

Bởi vậy Đức Phật dạy chúng ta, Bồ Tát Phổ Hiền dạy chúng ta: Lễ kính Chư Phật. Chúng ta đối với tất cả chúng sanh, chúng sanh tạo tội thập ác ngũ nghịch, chúng ta đều phải xem họ như Phật, không được coi thường người khác. Họ vốn là Phật, hiện nay họ tạo ra những tội nghiệp đó là do mê hoặc. Cũng nghĩa là nói, không có ai dạy họ, vì mê hoặc nên làm việc sai trái. Có một ngày họ sẽ quay đầu, cần phải xem nhân duyên của họ. Khi đủ duyên, phải xem thiện căn của họ, họ có tin chăng? Thật sự tin tưởng, minh bạch, nhất định quay đầu. Ngạn ngữ có câu: “Lãng tử quay đầu vàng không đổi”. Nếu chúng ta thâm thấu được đạo lý này, tâm chúng ta ở trong mọi hoàn cảnh. Bất luận là hoàn cảnh nhân sự, hay hoàn cảnh vật chất đều bình đẳng, điều xem như nhau. Sự tốt đẹp của thế giới Cực Lạc, thiên tai thảm họa của thế giới hiện nay, cũng đều bình đẳng. Thiện ác không hai, khổ vui nhất như, đều không còn. Đây mới thật sự giác ngộ, thật sự gọi là thiện thế.

Kiếp hỏa ở đây, hiện nay khoa học đã chứng minh, chứng minh có một ngày năng lượng mặt trời sẽ bị đốt hết. Trong không trung, hiện tượng này thường hay nhìn thấy, tinh cầu bùng nổ trong không trung, biến mất, lại có tinh cầu mới xuất hiện. Cho nên tinh cầu cũng có sanh diệt, trong Phật pháp gọi là thành trụ hoại không. Nó không phải thật, nó là pháp sanh diệt. Mọi hiện tượng, động lực chủ thể của nó là ý niệm của con người. Ý niệm của ai? Là ý niệm của chính mình. Mỗi người đều có vũ trụ của riêng mình, vũ trụ của tôi và vũ trụ của quý vị có bộ phận tương đồng, những cũng có chỗ khác nhau. Điểm tương đồng gọi là cộng nghiệp, điểm không tương đồng gọi là biệt nghiệp.

Sự chi phối sau cùng là chính mình, không phải người khác. Chúng ta muốn hỏi tiền đồ của bản thân, hỏi ai? Hỏi chính mình, không cần đi bói toán, hỏi thần minh, đều là sai lầm, không thể có được đáp án chính xác. Hỏi bản thân, bản thân khởi tâm động niệm, chi phối sự lành dữ họa phước của chính mình. Ý niệm của mình là thiện thì không có gì không phải thiện, ý niệm mình bất thiện thì không có gì không phải thiện, ý niệm mình thanh tịnh liền tương ứng với Phật Bồ Tát. Tâm thanh tịnh là A la hán, tâm bình đẳng là Bồ Tát, giác mà không mê là thành Phật. Thiện Thế, chúng ta chỉ học đến đây.

Chúng ta xem tiếp bên dưới, thứ sáu: Thế Gian Giải. “Thế Gian Giải, lại dịch là tri thế gian”, cũng phiên dịch thành tri thế gian, ý này tương đồng, có thể biết được thế gian này. “Thế”, như cách nhìn của chúng ta, hiện nay chúng ta giải thích, thế là thế gian. Quý vị thấy ba chữ thập_Người xưa nói 30 năm gọi là một đời, nên nó là ba chữ thập, 30 năm, đây là tính thời gian. “Gian” là không gian, trong thời gian và không gian đều bao hàm trong đó, muôn sự muôn vật đều ở trong thời gian và không gian.

Chúng ta xem giải thích kinh điển của chư vị tổ đức: “Chân Giải nói: Thế gian gọi là ngũ âm, giải gọi là biết. Chư Phật Thế Tôn thiện tri ngũ âm, nên gọi là Thế Gian Giải”. Ở đây thêm vào chữ thiện, thiện tri. Thật vậy, điều này chúng ta không bằng Phật Bồ Tát. Thế gian, ngũ âm gọi là thế gian, ngũ âm là gì? Là sắc thọ tướng hành thức. Thông thường trong kinh điển nói, đa phần đều nói đến tự thân chúng ta. Thân thể chúng ta là thân ngũ âm, sắc là vật chất, hiện tượng vật chất đều gọi là sắc, nên gọi là sắc thân. Hiện tượng tinh thần có cảm thọ, quý vị có cảm thọ, có tư tưởng. Những cảm thọ tư tưởng này của thân tâm, nó không ngừng, không ngừng nghĩa là nó vô thường, biến hóa trong từng sát na, đây gọi là hành. Ví dụ chúng ta cùng nhau học tập trong hai tiếng đồng hồ này, hai tiếng đồng hồ khi quý vị vừa mới đến giảng đường, và quý vị hiện tại sau hai tiếng đồng hồ, không phải là một. Bất luận từ sắc hay tâm đều đang biến hóa, sự biến hóa này là thay đổi trong từng sát na. Không phải thời gian bao lâu, là một ngày biến hóa hay là một năm, không phải, là biến hóa trong từng sát na. Sát na biến hóa này, Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta một giây, một giây có bao nhiêu lần biến hóa? Ý niệm này, một ý niệm chính là một sự biến hóa. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất toàn là ý niệm, trạng thái chân thật của nó chính là ý niệm. Một giây có 1600 triệu ý niệm, một giây đã biến hóa 1600 triệu lần. Vậy hai tiếng thì thay đổi biết bao nhiêu? Không phải quý vị của hai tiếng trước, quý vị có biết chăng? Đức Phật biết, nên Phật gọi là thiện tri, ngài biết, chúng ta không biết. Chúng ta tưởng rằng không thay đổi, thật sự đang biến hóa, nên đây gọi là Thế Gian Giải. Khi hiểu rõ mới biết được đây là vô thường. Đã là vô thường, quý vị đừng khồng chế nó, nghĩa là đừng chấp trước nó. Quý vị phải biết, nếu muốn không chế, muốn chiếm hữu, muốn hưởng thụ, ta phải hao tổn biết bao năng lượng! Năng lượng đó đều là hao phí oan uổng, năng lượng này có thể tạo nên thân kim cương bất hoại. Năng lượng của quý vị hao tổn vào đây rất nhiều, bệnh tật của ta sẽ rất nhiều, đạo lý chính là như vậy. Quý vị tiêu hao năng lượng là gì? Khởi tâm động niệm là năng lượng, phân biệt chấp trước là năng lượng. Nói cách khác, hỷ nộ ai lạc toàn là năng lượng, không cần thiết hao tổn vào nơi này. Thuận tâm liền sanh hoan hỷ, đó là nguyên nhân tiêu hao năng lượng. Không thuận tâm liền khởi oán hận nộ phiền, vẫn là tiêu hao năng lượng. Một ngày từ sáng đến tối đều tiêu hao năng lượng, nên phải bổ sung thật nhiều, âm thực chính là bổ sung năng lượng. Nếu như tiêu hao năng lượng ít, không để những điều này trong tâm, ngày ăn một bữa là đủ, ăn một bữa tiết kiệm rất nhiều việc, một bữa là bình thường.

Đức Thế Tôn lúc còn tại thế, ngày ăn một bữa, quý vị nói thân thể không mạnh khỏe ư? Mỗi tối ngài ngồi thiền dưới gốc cây, không có phòng ốc. Thân thể ngài không mạnh khỏe, sao ngài không sanh bệnh? Ngày nay nếu chúng ta học theo ngài, đến ngồi thiền dưới gốc cây, ngồi thiền một đêm, đến ngày thứ hai liền đưa đến bệnh viện, ta không bằng ngài. Một ngày ăn một bữa, phân lượng thức ăn không nhiều. Trong kinh Đức Phật nói với chúng ta, A la hán có trí tuệ, năng lượng tiêu hao càng ít, một tuần ăn một bữa. Định công của Bích Chi Phật cao thâm hơn họ, nên Bích Chi Phật trú thế, nửa tháng khát thực một lần, ăn một bữa cơm, nửa tháng ăn một bữa. Quý vị nói tiết kiệm biết bao nhiêu việc.

Đặc biệt là việc ăn uống bây giờ, rất đáng sợ, tất cả đều có chất độc. Trong kinh này Đức Phật dạy rằng: “âm khổ thực độc”. Tôi nghĩ Đức Phật nói không phải cho người thời đại đó, mà là nói với người thời đại của chúng ta. Người bây giờ ăn đắng uống độc, đến rau xanh đều có thuốc sâu, đều có phân bón, quý vị nói phải làm sao? Rau xanh này, đến tiến sĩ Townenbe người Anh cũng từng nói: muốn khôi phục sức khỏe của chúng ta, cần phải khôi phục lại phương pháp canh trồng ngày xưa, chúng ta mới có được thực phẩm an toàn. Ông không tán thành những thứ thuộc về khoa học kỹ thuật. Bởi vậy hiện nay bức bách không còn cách nào khác, bản thân chúng ta chỉ còn cách tự trồng trọt.

Năm nay ở Úc Châu, ở học viện Tịnh rông của chúng tôi, tôi mua được mấy ngàn mẫu đất, tính theo mẫu của Trung quốc, để làm gì? Trồng lương thực. Tất cả mọi nhu cầu sinh hoạt, chúng tôi đều tự trồng, tuyệt đối không dùng phân bón, không dùng thuốc trừ sâu. Chúng tôi trồng rau, trồng quả đã được mười năm, vô cùng thành công. Vườn rau của chúng tôi bình thường có thể cung cấp cho 300 người ăn. Trên thực tế đạo tràng nhỏ của chúng tôi, chính là học viện Tịnh tông, bình thường ăn cơm khoảng bảy tám mươi người, chưa đến 100 người. Nên chúng tôi thu hoạch vô cùng phong phú, liền cung cấp cho một số đồng tu, mỗi ngày đều đến đây lấy rau. Rau rất nhiều, quá nhiều. Chúng tôi tổ chức hoạt động, vườn rau chúng tôi có thể cung cấp cho 1000 người ăn, quy mô rất lớn. Cây ăn trái của chúng tôi rất ngon, rất tươi ngon, cây ăn quả có hơn ba mươi loại. Chúng tôi trồng tre, năm nay thu hoạch rất nhiều măng. Bức bách phải tự mình trồng, không trồng không được, mua bên ngoài ăn không yên tâm. Quý vị xem chúng tôi tự khai thác, bây giờ chuẩn bị trồng lúa, trồng tiểu mạch. Vì thế hiện nay học viện có nông trường, chúng tôi phải học hỏi cách canh tác, tìm nông phu ở đó đến hướng dẫn chúng tôi. Chúng tôi trồng tốt hơn họ, cây nông nghiệp của chúng tôi đều nghe Phật A Di Đà, đều nghe Phật hiệu. Còn các sâu bọ, chúng tôi chỉ định khu vực riêng, chuyên môn cung cấp cho chúng. Chúng rất nghe lời, chúng tôi hợp tác rất tốt đẹp, hai bên quan tâm lẫn nhau, tôn trọng lẫn nhau. Chúng tôi phân rõ ranh giới, chúng tuyệt đối không vượt qua ranh giới đó, quý vị yên tâm, dễ giao tiếp hơn con người, biết giữ chữ tín. Con người không giữ chữ tín, chúng giữ chữ tín. Cây ăn trái

cũng như vậy, chỉ định vài cây cho chim ăn. Không có chỉ định, chim chóc sẽ không đến ăn. Chúng tôi đều rất dụng tâm để chăm sóc cây cối, những cây cho chim sâu ăn đều chăm sóc như vậy, hy vọng chúng đều tươi ngon. Đã được mười năm, cùng làm bạn với côn trùng chim chóc. Chúng ta tín nhiệm chúng, chúng tin tưởng chúng ta, đến sâu kiến chúng tôi đều không làm hại. Ta không làm hại chúng, chúng cũng không làm hại ta. Vì thế hiện nay tiếp xúc với những động thực vật này, dễ hơn nhiều so với con người. Lúa, hiện nay chúng tôi canh tác với quy mô lớn, đều dùng kinh nghiệm này, mười năm kinh nghiệm. Hiện nay gọi là nông trường hữu cơ, chúng tôi có thể ăn được thực phẩm an toàn. Nếu có thể, chúng tôi cũng muốn mở một thị trường ở đây, cây nông nghiệp và rau quả chúng tôi quá nhiều, chúng tôi không dùng hết thì đem ra bán. Cũng có thể để mọi người đều dùng được thực vật an toàn. Thế nên chúng tôi cũng hoan nghênh những xí nghiệp tham gia hoạt động của chúng tôi, nếu có nguyện vọng này, có thể ra nước ngoài mở vài thị trường. Chúng tôi cung cấp thực vật, để họ cùng kinh doanh, đây là việc tốt. Họ dẫn đầu, đề xướng.

Quý vị xem không sát hại sâu bọ, cây nông nghiệp đều rất tươi tốt. Nên đến xem vườn rau của chúng tôi, thấy tươi ngon hơn của họ. Vì thế họ đến hỏi chúng tôi, quý vị trồng như thế nào? Vì sao rau quả không bị sâu bọ ăn? Quý vị xem sâu bọ chúng ăn bên kia, sang bên xem đó quả nhiên toàn là sâu bọ ăn, rất nghe lời. Quý vị không tiếp xúc với chúng, ngày ngày bơm thuốc giết hại chúng, nó liền đến trả thù, như vậy thì rất phiền phức!

Bởi thế ngũ âm, không những con người là ngũ âm, động vật là ngũ âm, thực vật cũng là ngũ âm, khoáng vật cũng là ngũ âm. Quý vị xem tiến sĩ Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm nước, nước là khoáng vật, nước có thọ tướng hành thức chăng? Có, quý vị hát cho nó nghe, nó đang cảm nhận, bài hát hay nó rất hoan hỷ, nhưng rất ghét nhạc Rock của phương tây, chúng thể hiện cho chúng ta thấy. Chúng thấy được, quý vị viết cho nó một chữ yêu, nó phản ứng cho chúng ta thấy là một hình ảnh rất đẹp. Quý vị nói tôi hận bạn, viết chữ hận cho chúng xem, nó phản ứng rất khó coi, rất khó chịu. Nước có thọ tướng hành thức, không những nước có thọ tướng hành thức, tất cả hiện tượng vật chất đều có thọ tướng hành thức.

Bồ Tát Di Lặc nói, nói rất hay: Một khảy móng tay có 32 ức 100 ngàn niệm. Đây nghĩa là một khảy móng tay có 320 triệu ý niệm, mỗi ý niệm đều có hiện tượng vật chất, niệm niệm thành hình, hình đều có thức, thức nghĩa là thọ tướng hành thức. Nên vật chất dù nhỏ, sợi lông, đầu sợi lông của chúng ta vật chất, Phật pháp gọi là vi trần, ngày nay gọi là nguyên tử, điện tử, hạt căn bản, hiện nay nói đến lượng tử. Lượng tử là nhỏ nhất, không thể phân chia. Lượng tử là tiểu quang tử, tất cả đều có sắc thọ tướng hành thức.

Chúng ta từ đây mới thật sự lãnh hội được, toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ. Nó không phải chết, mà rất linh hoạt. Mặt bàn ghế biết nhìn chăng? Biết nhìn. Mặt đất,

trần nhà, tường vách có nhìn được chăng? Biết nhìn. Không những thấy được mà còn nghe được, chúng ta khởi tâm động niệm chúng đều biết hết, làm sao che dấu được người khác? Cổ nhân nói: Mười con mắt nhìn vào, mười ngón tay chỉ vào, đó là chuyện nhỏ. Bây giờ ta thật sự đã hiểu, trong pháp giới hư không giới, tất cả mọi hiện tượng vật chất đều có thọ tướng hành thức. Hay nói cách khác, chúng ta khởi tâm động niệm khắp nơi đều biết, không ai không biết. Đừng cho rằng khởi một ác niệm không ai biết được, khắp nơi đều biết. Đây là thật, hoàn toàn không phải giả.

Chính vì nguyên nhân này, nên ác niệm chúng ta quá nhiều, ý niệm tự tư tự lợi quá nhiều. Khởi tâm động niệm toàn là tham sân si mạn, toàn là tổn người lợi mình. Sơn hà đại địa đều biết, sơn hà đại địa bị mềm nhũn ra, sụp đổ. Vì sao vậy? Vì chúng tiếp nhận được ý niệm, cảm thấy quá bi ai, nên sơn hà đại địa bị sụp lún. Nước biển dâng cao, lục địa chìm xuống, chính là nguyên nhân này. Nếu ý niệm chúng ta thiện, chúng liền hoan hỷ, đại địa kiên cố, địa cầu biến thành thế giới Cực Lạc. Hoàn toàn do tâm con người. Đã là do tâm con người, quý vị sẽ biết giáo dục quan trọng biết bao. Trong giáo dục, đứng hàng đầu là giáo dục thần thánh, người xưa gọi là giáo dục thánh hiền, người Ấn độ gọi là giáo dục của Phật Bồ Tát, rất quan trọng. Người người đều tiếp thu giáo dục Phật giáo, địa cầu này biến thành thế giới Cực Lạc. Người người tiếp thu giáo dục thánh hiền, địa cầu trở thành thiên đường. Ý niệm vừa chuyển, toàn thể vũ trụ liền sanh khởi biến hóa.

Sức mạnh của ý thức tập thể, các nhà khoa học nói, có thể thay đổi hoàn cảnh vật chất, sức mạnh này rất lớn! Mức độ thay đổi chúng ta không sao tưởng tượng được, có thể sửa đổi quỹ đạo vận hành của tinh cầu trong hư không. Nếu quỹ đạo sai lệch, có thể chỉnh sửa nó lại, quý vị xem sức mạnh của niệm lực lớn biết bao! Bởi thế trong kinh Đức Phật nói: Tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Như vậy quý vị sẽ biết thiên đường, địa ngục đều là tâm tướng sanh, ý niệm như thế nào sẽ biến ra cảnh giới như thế. Cảnh giới đều không phải thật. Thuần chân vô vọng là thường tịch quang, cảnh giới đó quả thật không sanh không diệt, không đến không đi. Hoàn toàn không có đối lập, gọi là nhất chân.

Sau cùng kết luận rằng: “cả ba cách giải thích trên”, ở trước đưa ra ba loại giải thích. “Thế Gian Giải là thánh trí của hóa tha”, đối với tất cả pháp của thế gian, phải biết mới có thể nói một cách rõ ràng minh bạch, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Đây là giúp chúng sanh quay đầu, quay đầu là bờ, đừng tiếp tục tạo nghiệp. Con người chỉ cần khởi tâm động niệm, liền có nhân quả báo ứng. Vì nhân quả là từ trong một sát na của vũ trụ sanh ra, xuất hiện đồng thời cùng với toàn thể vũ trụ.

Trong giáo lý đại thừa chúng ta biết, ý niệm đầu tiên không có nhân, ý niệm thứ hai có nhân. Niệm thứ nhất là nhân của niệm thứ hai, niệm thứ hai là nhân của niệm thứ ba. Niệm thứ hai là quả của niệm thứ nhất, niệm thứ ba là quả của niệm thứ hai, nhân quả liền hiện tiền. Cho nên thiện có thiện quả, ác có ác báo, không sao tránh khỏi.

Vì sao vậy? Vì toàn thể là nhất niệm của chính mình tạo nên, gọi là nhất tâm tạo. Ai tạo? Bản thân tạo, tuyệt đối đừng trách người khác, trách người khác là tội càng thêm tội, vì sao vậy? Họ không liên quan đến chúng ta, người nào tạo thì người đó thọ, gọi là tự làm tự chịu. Biệt nghiệp như vậy, cộng nghiệp cũng như vậy, quả là không thể nghĩ bàn. Như vậy mới nói thông suốt về lý và sự. Vì thế cộng nghiệp và biệt nghiệp có ảnh hưởng lẫn nhau. Vũ trụ giống như một mạng lưới vậy, đều liên hệ được với nhau.

Cho nên trong Hoàn Nguyên Quán quốc sư Hiền Thủ nói cho chúng ta biết về ba loại chu biến. Bất luận là vật chất hay tinh thần, đầu tiên là nói đến đặc tính của nó: “chu biến pháp giới”. Ý niệm vừa khởi liền chu biến pháp giới, tốc độ đó còn nhanh hơn điện, hơn ánh sáng. Ánh sáng mặt trời chiếu đến địa cầu, phải hơn tám phút. Ý niệm chúng ta vừa khởi liền chu biến pháp giới. Nên ý niệm vừa khởi lên, trên cảm ứng đạo giao với Chư Phật Bồ Tát, dưới thì cảm ứng đạo giao với lục đạo chúng sanh, khắp nơi đều biết. Họ khởi tâm động niệm chúng ta cũng nhận được.

Ý niệm của chúng ta là một đài phát xạ, cũng là đài tiếp thu. Tiếp nhận vì sao chúng ta không phát giác được? Chúng ta quá sợ ý, tâm quá lơ là. Người có định công có thể tiếp nhận được, họ liền biết được. Người không có định công cũng nhận được, nhưng không biết, không phải không nhận được, nhận được nhưng không biết, là nguyên nhân như vậy.

Thứ hai là: “Xuất sanh vô tận”. Đây là xuất sanh biến hóa. Toàn thể vũ trụ, tất cả hiện tượng, toàn bộ địa cầu, tất cả vạn sự vạn vật, ý niệm vừa khởi liền sanh biến hóa. Thiện niệm biến thành tốt đẹp, ác niệm sẽ biến thành thiên tai.

Đặc chất thứ ba: “Hàm dung không hữu”, đây là nói tâm lượng của chúng ta. Tâm lượng chúng ta vốn như trong kinh nói: “Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, tâm lượng của mỗi người đều lớn như vậy, đều là biến pháp giới hư không giới. Hiện nay như thế nào? Hiện nay vì mình có cái tôi, tự tư tự lợi, khiến cho tâm lượng ngày càng thu nhỏ lại, nhỏ đến mức hai người cũng không thể bao dung. Vợ chồng còn phải giận hờn, muốn ly hôn, quý vị nói có đáng ngại chăng? Càng phiền phức hơn là chính mình không chấp nhận được chính mình, không thể tiếp tục sống, như vậy là cố chấp quá đáng, đây đều là sai lầm. Phải biết tâm lượng của mình là ôm trọn cả hư không, ôm trọn cả pháp giới.

Hàm dung, bao hàm hư không, hư không đều ôm trọn trong tâm chúng ta. Dung là dung nạp, dung nạp vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ, tâm lượng lớn như vậy, hiện nay trở thành nhỏ hẹp đến thế. Ngạn ngữ xưa có câu: Lượng lớn phước lớn, lượng nhỏ sẽ không có phước. Nếu muốn có phước báo lớn, cần phải có tâm lượng lớn, như trong kinh nói vậy, ta khôi phục tâm lượng vốn có. Phước báo của Phật lớn, dựa vào điều gì? Tâm lượng của Phật lớn, Phật là tâm ôm trọn cả hư không khắp pháp giới, nên phước báo của Phật lớn bậc nhất. Muốn trồng phước phải đến chỗ của Phật để trồng. Thật ra tâm lượng của chúng ta cũng giống như Phật vậy, nhưng chúng ta không thừa nhận,

không cần nó. Như trong kinh này Đức Thế Tôn ví dụ, ví tự tánh chúng ta như biển lớn, mỗi người chúng ta là một bọt nước trong biển. Ngày nay chúng ta chấp trước bọt nước là ta, mà quên đi biển lớn. Thế nào gọi là khai ngộ? Bọt nước vỡ tam gọi là khai ngộ, bọt nước vỡ ra, thì ra biển lớn là ta, như vậy mới thật sự thấu triệt. Hiểu rõ ràng minh bạch vấn đề này gọi là giải ngộ, sau khi giải ngộ thấu triệt cần phải tu hành. Sau khi tu hành gọi là chứng ngộ, chứng ngộ mới được lợi ích. Giải ngộ là hiểu nhưng không thực hành, cần phải thực hành nó. Chúng ta phải học cách mở rộng tâm lượng, trong bất kỳ cảnh giới nào phải học cách bao dung người khác, phải học đạo trung thứ như Không phu tử vậy. Trung là tâm đặt ngay chính giữa, không được lệch, không được tà nguy. Không lệch lạc không tà nguy gọi là trung. Tâm phải đặt ở giữa, lượng phải lớn, như vậy sẽ được phước báo lớn.

Phước báo từ đâu đến? Trong tự tánh vốn có, không phải từ bên ngoài vào. Phước báo của tự tánh hiện tiền, như vậy không tuyệt diệu ư? Phước báo tu được rất có giới hạn. Phải khai phát trí tuệ đức tướng của tự tánh, phước báo viên mãn, nghĩa là phải học cách bao dung. Thấy bất kỳ điều gì đều hoan hỷ, người tốt làm việc tốt liền vui thích, người xấu làm việc xấu cũng hoan hỷ. Không có gì khác, chỉ có một tấm lòng luôn hoan hỷ. Nuôi dưỡng phước báo của mình, vun bồi trí tuệ của mình. Đừng thấy người tốt thì hoan hỷ, thấy người xấu thì ghét, như vậy là đối lập, là người trong tam đồ quả báo. Chúng ta phải ra khỏi tam đồ quả báo đó, vượt thoát lục đạo, siêu việt mười pháp giới, như vậy mới không uổng công học Phật.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

Tập 160

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 08.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 185, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ thứ bảy.

“Thập hiệu, thứ bảy: Vô Thượng Sĩ. Sĩ là người, tối thắng trong con người, gọi là Vô Thượng Sĩ”.

Chúng ta xem phần trích dẫn trong Kinh Niết Bàn bên dưới. “Kinh Niết Bàn nói: Như Lai gọi là Vô Thượng Sĩ, ví như thân người, đầu là cao nhất, không phải các chi như tay chân. Phật cũng như vậy, là bậc tôn thượng nhất, không phải pháp tăng”.

Sĩ, nghĩa này có mấy cách giải thích. Thứ nhất Sĩ là người, quý vị xem người Trung quốc thường hay gọi nam sĩ, nữ sĩ. Đây là xưng hô người, nghĩa là con người. Xã hội ngày xưa có bố giai cấp: Sĩ nông công thương, sĩ nông công thương đều là người. Người như thế nào mới gọi là sĩ? Thông thường chỉ người đọc sách, hiện nay gọi là phần tử tri thức. Ý nghĩa sâu sắc hơn, sĩ tức là có đức hạnh, có học vấn, có trí tuệ, là thánh hiền nhân mới gọi là sĩ. Trong xã hội thường gọi là cao sĩ, nghĩa là người có đức hạnh, có học vấn, mới có được tôn xưng này.

Phật cũng xưng là sĩ, ở trước thêm vào hai chữ Vô Thượng. Từ đó cho thấy, ở đây nói đến sĩ, trong cách xưng hô thông thường của chúng ta, đây là thánh nhân, hiền nhân, trong Phật pháp xưng là Vô Thượng. Vì trong Phật pháp gọi là thượng sĩ, có A la hán. A la hán còn có ở trên, có Bồ Tát, trên Bồ Tát vẫn còn, đó là Phật. Phật là cao nhất, nên xưng Phật Vô Thượng Sĩ chính là ý này.

Trong Kinh Niết Bàn dùng ví dụ để nói rõ. Như Lai gọi là Vô Thượng Sĩ, nghĩa là Phật gọi là Vô Thượng Sĩ, bên dưới có ví dụ. Ví như thân người, đầu là cao nhất, tay chân, thân thể đều không phải cao nhất. Nên Phật cũng như vậy, là bậc tôn quý hơn cả, tôn quý hơn pháp, tôn quý hơn tăng, nghĩa là nói cao hơn pháp và tăng. Phật không xuất thế, thế gian này không có Phật, như vậy tối thượng nhất là gì? Nói cho chư vị biết, pháp là cao nhất, Phật không trú thế pháp là tối thượng. Vì Tăng là những người tu học Phật pháp, chúng ta phải hiểu được ý nghĩa của Tăng, không phải chỉ riêng cho người xuất gia. Hàng tại gia xuất gia hay nam chúng nữ chúng, chỉ cần y theo kinh Phật tu hành, đều gọi là tăng. Trong tăng không có xuất gia tại gia, cũng không có nam hay nữ, gọi là Tăng đoàn.

Tăng là bốn người trở lên cùng nhau tu tập, nên nó có nghĩa của chữ “chúng”, nghĩa là đại chúng. Người xưa nói ba người là một chúng, trong Phật giáo bốn người mới gọi là chúng. Nên tăng nghĩa là chúng, tức là nhiều người. Như quân đội, quân đội nhân số rất nhiều, nhưng một người cũng gọi là quân nhân, nên một người cũng gọi là tăng, ý là như vậy. Những kiến thức của Phật học phổ thông này, chúng ta cần phải biết, không biết thường hay sanh ra rất nhiều ngộ nhận.

Bên dưới, “Lại nói”, đây cũng là trong Kinh Niết Bàn nói, ở đây nói rất rõ ràng. “Hữu sở đoạn gọi là Thượng Sĩ”, thượng sĩ có sở đoạn. “Vô sở đoạn gọi là Vô Thượng sĩ”, đoạn tức là đoạn phiền não. Còn có phiền não, còn có sở đoạn, còn sở đoạn gọi là Thượng Sĩ. Ví dụ ta đã đoạn tận kiến tư phiền não, nhưng chưa đoạn được trần sa phiền não và vô minh phiền não, còn có cao hơn. Nhưng đoạn tận kiến hoặc, có thể xưng là Thượng Sĩ, thật là Thượng Sĩ. Người xưa xưng sĩ là giành cho giai cấp sĩ đại

phu, những người đọc sách, nhưng họ chưa đoạn được kiến tư phiền não. Nếu đoạn được kiến tư phiền não, đương nhiên vượt qua họ, đây là Thượng Sĩ.

Thượng Sĩ là thánh nhân, không phải phàm phu. Thánh nhân có tiểu thánh, có đại thánh. Tiểu thừa là tiểu thánh, Bích Chi Phật cũng là tiểu thánh, đều đã đoạn được kiến tư phiền não, đoạn tập khí kiến tư phiền não. Bích Chi Phật đến tập khí kiến tư phiền não đều không còn, A la hán vẫn còn tập khí. Bồ Tát đoạn trần sa phiền não, chưa đoạn được vô minh phiền não. Nên địa vị của Bồ Tát cao hơn A la hán, đương nhiên đây là Thượng Sĩ.

Đức Phật đến khởi tâm động niệm đều buông bỏ hết, thế xuất thế gian_chúng ta nói thế gian là lục đạo, xuất thế gian là tứ thánh pháp giới: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, đây là xuất thế gian. Nói thế xuất thế gian nghĩa mười pháp giới, trong mười pháp giới nghiệp nhân đều đã đoạn tận, như vậy là không còn gì để đoạn, biến thành vô sở đoạn. Vô sở đoạn gọi là Vô Thượng Sĩ, nghĩa của tên gọi là như vậy. Không còn nữa, họ đã đoạn tận phiền não.

“Hội Sớ giống như hai thuyết ở trên”, đây là giống với những gì trong Kinh Niết Bàn nói. “Sớ nói”- đây là trong Hội Sớ, chú giải Kinh Vô Lượng Thọ- “nghiệp hoặc đoạn tận, càng vô sở đoạn. Đối với thiên nhân phàm thánh trong tam giới, đệ nhất tối thượng vô đẳng, nên hiệu là Vô Thượng Sĩ”. Tam giới là dục giới, sắc giới, vô sắc giới, trong này mục đích chính là thiên nhân, chúng ta nói trời đương nhiên bao gồm người. Dục giới có sáu tầng trời, càng lên cao dục niệm càng ít đi. Nếu dục không khởi tác dụng, không phải thật sự đoạn, mà nó không khởi tác dụng. Vì sao không khởi tác dụng? Vì họ có định công. Trong Phật pháp thường gọi là tứ thiên bát định, chỉ cần được sơ thiền, định công này có thể khống chế được dục vọng, chế phục. Phiền não chưa đoạn, chỉ hàng phục được nó, nó không khởi tác dụng.

Đức Phật chia dục vọng thành năm loại lớn: Tài sắc danh thực thùý. Năm loại dục vọng này đều không chế, đều không khởi tác dụng. Trong này chúng ta phải lưu ý đến, vì sao vậy? Vì tài có thể không cần, sắc cũng có thể viễn ly, danh cũng có thể không cần, nhưng có thể không ăn ư? Có thể không ngủ ư? Hai vấn đề này hình như rất nghiêm trọng, nhưng đích thực nếu sau khi đạt được sơ thiền, nói với chư vị, không cần ngủ nghỉ, luôn luôn tỉnh táo, không cảm thấy mệt mỏi, cũng không cần ăn uống. Không cần ăn uống, dinh dưỡng từ đâu mà có? Trong kinh Đức Phật nói với chúng ta: Thiền duyệt vi thực. Thiền duyệt là gì? Phàm phu chúng ta không thể tưởng tượng được. Ngày nay chúng ta hiểu được một chút khoa học, có một chút khoa học thường thức. Thân thể con người là một bộ máy, hoạt động của máy móc cần năng lượng. Âm thực là năng lượng bổ sung, ngủ nghỉ cũng là năng lượng hoàn nguyên, rất quan trọng. Người có thiền định, họ tiêu hao năng lượng rất ít.

Chúng ta thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, một tăng đoàn như vậy_lúc còn trú thế, họ mỗi ngày chỉ ăn một bữa, ngày ăn một bữa. Lượng công việc, tôi tin là nhiều hơn

chúng ta. Mỗi ngày, tức là hiện tại chúng ta ở trong đạo tràng nhỏ này, mọi người có thể thấy được. Từ bốn phương tám hướng, mọi người đến đây tham học, đến bái phỏng tập nập, từ sáng đến tối đều phải xã giao, Phật tại thế không phải rất vất vả sao? Ai cũng muốn đến gặp ngài, ai cũng muốn đưa ra nghi vấn để thỉnh giáo ngài, xin Phật khai thị. Chúng ta có thể nghĩ đến, ngài suốt ngày đêm không được nghỉ ngơi, ngày ăn một bữa được chẳng? Được, ngài có định công, thật ra ngài không ăn cũng được. Năng lượng, có thể từ trong tự tánh của chính mình hiển lộ ra. Trong tự tánh có năng lượng viên mãn, có tướng hảo viên mãn, có đức năng viên mãn, có trí tuệ viên mãn, lấy không hết, dùng không tận, đây là thật. Chúng ta mê thất tự tánh, nên những thứ trong tự tánh, chúng ta không dùng được gì cả, chỉ dựa vào công việc. Mỗi ngày ăn cơm, giống như bổ sung năng lượng, đây là một việc khổ sai. Lãng phí bao nhiêu thời gian, lãng phí bao nhiêu tinh thần, có thể không cần thiết. Nhất định phải ăn uống, chú trọng dinh dưỡng này, dinh dưỡng kia. Đó đều là gì? Đó đều là vọng tưởng phân biệt chấp trước của chúng sanh, chúng ta cũng làm theo như thế. Thử hỏi, quý vị xem trâu bò suốt đời chỉ ăn cỏ xanh, không phải cũng rất mập mạp, rất mạnh khỏe đó sao? Chúng không ăn loại dinh dưỡng này, không nhiều như vậy. Từ đây chúng ta có thể lãnh hội được, chúng ta cầu học thầy dạy chúng ta, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Thật ra đạo lý âm thực cũng không ngoại lệ, cũng là chuyên tu một môn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từng biểu diễn cho chúng ta thấy, sáu năm khổ hạnh, mỗi ngày ăn ít mè ít lúa mạch. Mè là gì? Là hạt mè, phải chăng là ăn một hạt? Chúng ta không nên nghĩ như thế, nghĩ như thế không hợp tình hợp lý. Là một loại, ngài chỉ ăn một loại thực vật này, điều này hợp tình hợp lý. Có thể duy trì được chẳng? Có thể, hết thảy đều là: Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh.

Tôi theo học với thầy Lý mười năm, tôi biết thói quen ăn uống của thầy, vô cùng đơn giản, mỗi ngày chỉ ăn một ít mì sợi. Thầy là người Sơn đông, thích ăn mì sợi, mỗi ngày chỉ ăn một ít mì, phân lượng không nhiều, thêm một ít rau xanh. Không có ai chăm sóc thầy, tự nấu ăn. Nồi nấu mì cũng là bát, nồi nhỏ khoảng chừng này, có tay cầm. Nên sau khi nước sôi, bỏ mì sợi vào, khi nó sôi lại liền bỏ thêm rau xanh vào, thêm vài phút cho nó chín. Tắt lửa đây nắp năm phút, rau chín. Khi đem ra ăn, thêm vào tí dầu, tí muối. Lúc đó tôi cảm thấy rất kỳ lạ, tôi nói: Thầy ơi, dầu và muối vì sao không bỏ vào trước? Như vậy rửa chén bát rất phiền phức, nó không dính dầu, rửa bát dễ dàng hơn. Nên một bữa cơm của thầy, từ khi nấu cho đến lúc ăn xong chưa đến nửa tiếng, nhanh gọn sạch sẽ, ít việc! Thầy ăn ngày một bữa, sáng và tối không ăn, chỉ ăn một bữa trưa, mấy mươi năm như một ngày. Thầy nói với tôi, lúc thầy hơn 30 tuổi, là bắt đầu sống cuộc sống như vậy. Thầy ra đi lúc 97 tuổi, cuộc sống vô cùng đơn giản.

Ở Đài Loan, sinh hoạt phí một tháng của thầy mất bao nhiêu? 60 đồng tiền Đài Loan, bằng một đồng rưỡi USD. Lúc đó USD ở Đài Loan, một đồng đổi thành hơn 30 đồng, cao nhất có thể đổi được 40 đồng. Quý vị thấy đổi được 40 đồng, không phải là

một đồng rưỡi sao? Lúc đó tôi cũng học theo thầy, tôi thấy thầy như vậy nên học theo, vì tôi vốn một ngày ăn hai bữa, không ăn tối, nên bỏ bữa ăn sáng rất dễ. Tôi học theo thầy, đã học được năm năm, tôi đã sống như vậy được 5 năm, không khó! Nhưng chúng ta còn trẻ, phiền não nhiều hơn thầy, vọng niệm nhiều hơn thầy. Một ngày thầy dùng hai đồng tiền là đủ, tôi mỗi ngày cần dùng ba đồng, tôi ăn nhiều hơn thầy một chút. Không nhiều hơn bao nhiêu, nhiều hơn một chút. Tôi mỗi tháng cần 90 đồng tiền sinh hoạt phí, khoảng hơn 2 đồng USD.

Tôi ăn đến tháng thứ tám liền báo cáo với thầy, thầy nghe xong câu đầu tiên hỏi tôi: Thân thể cảm thấy có gì khác thường chẳng? Tôi nói không có, rất bình thường. Thầy vỗ bàn nói: Tốt, cứ duy trì mãi như thế. Con người đến vô cầu phẩm tự cao, cuộc sống đơn giản không cầu người khác. Nên chúng ta có thể lý giải, người được thiên định, người tâm địa thanh tịnh, có thể đoạn được ẩm thực, cũng có thể đoạn được ngủ ngủ. Chúng ta có thể nghĩ đến 18 tầng trời của Tứ thiên, chúng sanh trong này, họ không cần ẩm thực, không cần ngủ nghỉ, tinh thần no đủ. Tinh lực đó dùng mãi không hết, đạt được từ trong thiên định.

Trong dinh dưỡng ẩm thực, trong này tôi ngộ được một ít, từng thỉnh giáo với thầy. Tôi đưa ra nhận xét, cũng là một suy nghĩ: Năng lượng của thân thể chúng ta, năng lượng tiêu hao tôi cảm thấy, khoảng 90% trở lên, ít nhất là 90% đến 95%, tiêu hao vào trong vọng niệm. Chánh niệm tiêu hao không nhiều, lao lực tiêu hao cũng không nhiều. Vì sao vậy? Tôi từ thầy Lý nhận thức được điều này. Lượng công việc của thầy Lý, khoảng bằng lượng công việc của năm người bình thường như chúng ta. Muốn gặp thầy, nhất định phải hẹn trước một tuần, mới có thời gian dành cho quý vị. Nếu đột xuất đến tìm, thầy không có thời gian, thời gian của thầy đều sắp xếp rất sát sao. Mỗi ngày từ sáng đến tối đều sắp kín công việc, công việc hầu như sắp kín đến 9 giờ tối. Buổi tối có một lớp học. Người bận rộn như vậy, nhưng lại sống vô cùng đơn giản. Quý vị xem động tác lúc tôi ra đi thầy đã 80 tuổi, năm tôi theo thầy học thầy 70 tuổi, lúc tôi ra đi thầy 80 tuổi. 80 tuổi nhưng quý vị thấy thầy giống như người năm sáu mươi tuổi vậy, động tác vô cùng nhanh nhẹn. Sau đó tôi ở nước ngoài thời gian dài, thầy 97 tuổi ra đi. Tôi dự đoán, thầy ít nhất cũng phải sống đến một trăm hai ba mươi tuổi. Nguyên nhân gì khiến thầy ra đi? Trúng độc thực vật. Thầy là bác sĩ, cũng là hư hỏng ở bác sĩ. Bác sĩ liều mạng, sau khi ăn vào thực phẩm không được an toàn, thầy dùng thuốc giải. Là các vị đồng học, chúng tôi đều quen biết, nấu mì đưa đến mời thầy dùng. Thói quen của thầy, là luôn ăn trước mặt mọi người rồi trả bát lại cho quý vị, để quý vị sanh tâm hoan hỷ. Không ngờ rằng, bát mì thầy dùng chất chống ẩm rất nặng, chính là mua từng bó từng bó bên ngoài, quý vị xem có thể để rất lâu. Nếu không có chất chống ẩm, không thể để được lâu như thế. Khi ăn mùi vị không được bình thường, thông thường chúng ta không dám ăn, nhưng thầy vẫn ăn hết. Lần đầu tiên ăn xong, thầy trở về dùng thuốc giải, quả thật đã giải được độc, không sao. Hình như khoảng

nửa năm sau, lại gặp phải một lần nữa, thầy cũng không quan tâm. Lần này trở về dùng thuốc giải thì đã muộn, độc đã lan ra, không chữa kịp, thầy bệnh liền hai tháng. Tôi đến thăm thầy, thăm mấy lần. Mỗi lần đến thăm, câu đầu tiên thầy nói với tôi: Ăn thức ăn phải cẩn thận, tuyệt đối đừng đến quán ăn ăn uống, ăn uống ở đó không an toàn. Bởi thế không thể không chú ý đến ẩm thực. Những thứ hết hạn, thứ đã thay đổi mùi vị, tuyệt đối không được ăn, đừng nói người học Phật phải tích phước. Quý vị tích phước, nhưng suốt đời bệnh hoạn, rất nhiều người phải chăm sóc cho quý vị, như vậy gọi là tích phước sao? Không phiền phức đến người khác gọi là tích phước, bởi thế phải biết coi trọng sức khỏe. Người học Phật không có một thân thể mạnh khỏe, điển hình này không tốt. Người ta thấy quý vị học Phật như vậy, còn ai dám học Phật? Nên phải đặc biệt chú ý đến ẩm thực.

Khi tôi học với thầy, từng tham gia không ít buổi tiệc, trong buổi tiệc tôi thường ngồi bên cạnh thầy. Thầy thấy món ăn nào không được bình thường, liền ra hiệu cho tôi đừng ăn. Đậu khuôn đã hư, mùi vị thay đổi. Ở những nơi này đối với giới luật phải biết cách tùy cơ ứng biến. Ví dụ ngũ tân, ngũ tân là: Hành, tỏi, nấm, hẹ, còn có hành tây, nấm loại này. Trong kinh Đức Phật dạy chúng ta, nấm loại này không được ăn, đó là vào thời Đức Phật. Bây giờ ăn được chẳng? Hiện nay phải ăn, vì sao vậy? Đây là giải độc, bây giờ có gì không có độc?

Trước đây chúng tôi ở thư viện Hoa Tạng, chúng tôi có duy nhất một đạo tràng nhỏ này. Quản trưởng họ Hàn dẫn dắt mọi người, quy định mỗi tuần nhất định phải ăn một lần hành tây, hành tây rất khó ăn, hành tây sống rất cay nồng. Nhưng bắt buộc mỗi người ít nhất, một tuần phải ăn một lát, vì sao vậy? Vì đây là phương pháp giải độc, tăng sức đề kháng cho chúng ta, nó rất có lợi đối với các bệnh cảm mạo thương hàn. Dùng nó như thuốc để trị bệnh, đây không gọi là phá giới. Trong Phật giáo gọi đây là khai, có khai duyên.

Còn có rượu, trong thức ăn chay có thể dùng rượu để nêm nếm chẳng? Được, vì nó không say. Vì sao Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đưa rượu vào trong ngũ giới? Ngũ giới là giới trọng. Thật ra trong ngũ giới, bốn điều trước gọi là tánh giới, tức bản thân thì không được. Rượu gọi là giá giới, giá là dự phòng, dự phòng gì? Dự phòng sợ quý vị phạm giới, là dụng ý này. Dự phòng sau khi say rượu, phạm sát đạo dâm vọng, là ý này. Nên có lần thầy nói với tôi, khi nói với chúng tôi thầy nói nếu tửu lượng của chúng tôi, tửu lượng của mỗi người đều giống như Trịnh Khương Thành, thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không cần chế giới này. Người Trung quốc đều biết câu chuyện 300 ly rượu, câu chuyện này là thật, không phải giả, ông ta là Trịnh Khang Thành_Trịnh Huyền.

Thầy của Trịnh Huyền là Mã Dung, ông theo học với Mã Dung ba năm. Học vấn của Mã Dung, Trịnh Huyền hầu như nắm bắt được toàn bộ, là một người tuổi còn rất trẻ. Lúc Mã Dung dạy học còn thích nghe âm nhạc. Ông kéo một bức rèm, giống như

tầm rèm của chúng ta ở đây. Ông dạy học ở đây, sau bức màn là các cô gái đang đàn ca, hát xướng, ông có nhã hứng này, chức quan của ông cũng rất lớn. Học trò nghe ông diễn giảng, ai không muốn xem những cô gái ở sau bức rèm. Chỉ có mình Trịnh Huyền, ba năm như như bất động, chuyên tâm nghe giảng. Bởi vậy Mã Dung biết, Trịnh Huyền đã học được tất cả học vấn ông có được. Người thầy này rất khó được, là danh nhân của thời nhà Hán, trong Hán Thư có truyện ký của ông. Nhưng tâm lượng rất nhỏ nhen, ông biết học sinh vượt qua thầy, ông có chút đố kỵ, muốn hại Trịnh Huyền. Hại bằng cách nào? Chuốc cho Trịnh Huyền say. Lúc Trịnh Khang Thành ra đi, Mã Dung dẫn theo tất cả học trò tiễn Trịnh Huyền mười dặm đường. Mỗi người chúc ba ly rượu, quả thật là hơn 300 ly, khi say dễ hại. Không ngờ sau khi uống xong 300 ly rượu, dù lễ tiết nhỏ cũng không mất, rất khiến người khâm phục. Ngày xưa uống rượu, về sau không có người nào như Trịnh Huyền. Trước Trịnh Huyền cũng chưa nghe nói, sau Trịnh Huyền cũng chưa từng thấy, hơn 300 ly rượu nhưng không hề hấn gì. Câu chuyện xuất phát từ đây, không phải nói một cách tùy tiện, đích thực có người này chuyện này.

Cho nên thầy nói, nếu tử lượng của chúng ta đều giống như Trịnh Huyền, thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không cần lập ra giới cấm này, sẽ không có. Phải hiểu đạo lý này, ngài sợ sau khi ta uống say sẽ loạn tính. Đức Phật là người rất nói đạo lý, chúng ta phải hiểu đạo lý này, ta trì giới mới có phương tiện, mới có mực thước, mới không đến nỗi chết trong giới điều, như vậy là sai. Quý vị chết trong giới điều, không phải là chấp trước sao? Trong Phật pháp điều đầu tiên dạy quý vị phá chấp trước, nên đạo lý này không thể không hiểu, mỗi giới cấm đều rất linh hoạt. Nên nhất định phải hiểu giới luật là khai giá trị phạm. Khi nào có khai duyên, giới nhất định phải khai. Lúc nào nhất định phải trì thì nhất định không được khai, trong này đặc biệt là rượu, khai duyên của rượu là nhiều nhất. Ví dụ như lúc bệnh, trong thuốc bắc rất nhiều vị dùng rượu làm thuốc dẫn, lúc này cần phải dùng. Quý vị không thể nói lúc trị bệnh tôi cũng phải trì giới, đó là ngu si. Đức Phật không nói như vậy. Còn có một quy định, điều này trong Phật giáo cũng là hiện nay chúng ta không biết, ngày xưa tôi biết trên 70 tuổi, tuổi tác lớn thể lực suy yếu, rượu có thể giúp máu huyết tuần hoàn, nên mỗi bữa ăn có thể uống một ly rượu.

Khi tôi mới học Phật, thường đến Hoa Nghiêm Liên Xã nghe kinh, có khi đến làm công quả. Pháp sư Trí Quang sư phụ của pháp sư Nam Đình, lúc đó ở Đài Loan cũng là người tuổi tác lớn nhất, bảy tám mươi tuổi. Lúc ăn cơm tôi thường ăn cùng họ, bên cạnh hòa thượng có một ly rượu nhỏ, hình như là loại rượu trắng của Cao lương. Tôi cảm thấy rất kỳ lạ nhưng không dám hỏi, về sau đưa vấn đề này ra hỏi thầy Lý. Tôi nói thầy ơi! Con thường ăn cơm với pháp sư Trí Quang, ông đều uống một ly rượu. Thầy gật gật đầu, đó là giúp tuần hoàn máu huyết, là khai duyên, dùng giống như thuốc, chúng tôi mới hiểu được. Bởi thế nếu dùng rượu làm gia vị thì không sao. Hay nói cách

khác, nếu đến chỗ đặc biệt phải xã giao, cũng có khai duyên. Ví dụ người có địa vị và quyền thế hiển hách, trong yến tiệc lớn đều có rượu, có thể dùng chẳng? Có thể, đó là gì? Độ chúng sanh! Không cần tỏ vẻ quá nghiêm túc, khiến người khác nhìn thấy không dám học Phật. Quý vị xem học Phật như vậy cũng không được ăn, rượu cũng không thể uống, như vậy làm sao học Phật? Lúc đó ta phải biết tùy duyên, để họ cảm thấy thì ra học Phật lại linh hoạt như vậy, thế thì tôi cũng học được. Cần phải hiểu rõ đạo lý này.

Có một lần tôi ở Bắc Kinh, ở trong khách sạn Quốc tế. Ngày hôm đó tôi từ trên lầu đi xuống, đi xuống bằng cầu thang, gặp một Hoa kiều ở Hoa Thịnh Đốn DC, cũng là người rất quen thuộc. Gặp được ông, ông ta họ Từ, cùng họ tục gia với tôi. Ông cưới vợ cho con trai, tiệc cưới ở tầng dưới. Người chứng hôn là Trình Tư Viễn, phó chủ tịch của hội nghị hiệp thương chính trị. Nên người đến tham gia hôn lễ, có rất nhiều bộ trưởng, đều là những quan viên. Tân nương là người Nhật, cô dâu chú rể là bạn học, cùng học ở đại học Bắc Kinh. Nên đại sứ quán Nhật bản, đều là những nhân sĩ của giới xí nghiệp và giới chính trị.

Ông Từ gặp tôi, giữ chặt tôi: Thầy ơi, thầy cũng đến làm người chứng hôn cho con tôi. Trình Tư Viễn là ba của diễn viên điện ảnh Lâm Đại, nên tướng mạo của Lâm Đại rất giống ba cô ta, tôi và Trình Tư Viễn ngồi cùng nhau. Hôm đó trong buổi tiệc, đột xuất bắt tôi đến, nên không có cơm chay, như vậy thì sao? Ăn rau trong thịt, tôi cũng uống với ông một ly rượu. Tôi không cần ông ta thêm rượu, chỉ một ly này thôi. Trong đó hình như con trai của Liêu Trung Khải, gọi là Liêu Thừa Chí, anh ta cũng có mặt, anh ta đôi với tôi có ấn tượng rất tốt.

Anh ta nói: Pháp sư, quý vị rất linh hoạt, vậy chúng tôi cũng có thể học Phật. Tôi nói, đúng vậy Phật pháp rất linh hoạt, không hề cứng nhắc. Quý vị xem lúc đó tôi đã đồng ý, vì người chứng hôn phải nói vài câu, tôi liền dùng mười phút để giới thiệu Phật pháp. Quý vị xem những người này xưa nay chưa từng có nhân duyên này, làm gì gặp được? Cơ hội tốt này sao có thể bỏ qua? Rất hoan hỷ giao lưu cùng họ, làm sao có thể giúp chúng sanh, nhất định phải nắm bắt cơ hội. Đây đều là phương tiện thiện xảo, trong trí tuệ gọi là quyền trí. Bình thường giới luật này, chúng ta giữ một cách rất nghiêm khắc. Nhưng ở trong trường hợp này nhất định phải hoạt bát, vì những người này nếu học Phật, ảnh hưởng rất lớn.

Hôm nay chúng ta thấy danh từ này, danh từ này có thể là thánh hiền. Vô Thượng Sĩ là thánh hiền, là Phật Bồ Tát.

Bên dưới, “Đại Trí Độ Luận lại nói: Niết Bàn là pháp Vô Thượng. Phật tự tri là niết bàn, không nghe người khác nói, cũng giáo hóa chúng sanh khiến đến niết bàn. Như trong các pháp, niết bàn là vô thượng, trong chúng sanh Phật cũng vô thượng”. Chúng ta xem đến đây. Đây mới một nửa chưa đọc xong, mới một nửa. Niết bàn người xưa gọi là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Niết bàn là tiếng Phạn, thông

thường dịch là diệt. Diệt nghĩa là gì? Khổ tập diệt đạo trong Tứ đế. Niết bàn dịch là diệt, diệt là diệt phiền não, diệt sanh tử. Phiền não là nhân, sanh tử là quả. Khi nhân đã diệt, quả đương nhiên không còn.

Ở đâu có sanh diệt? Mười pháp giới có sanh tử, trong mười pháp giới có hai loại sanh tử, trong Lục đạo cả hai loại đều có, phân đoạn sanh tử và biến dị sanh tử, đều có cả. Mặc dù mười pháp giới là Trời sắc giới, Trời vô sắc giới. Thọ mạng của trời Vô sắc giới dài, tầng cao nhất là trời Phi tướng phi phi tướng xứ, thọ mạng tám vạn đại kiếp. Một đại kiếp là bao nhiêu thời gian? Trong kinh có đưa ra một ví dụ, thế giới của chúng ta, một lần thế giới thành trụ hoại không là một đại kiếp. Hay nói cách khác, thế giới này thành trụ hoại không tám vạn lần, quý vị nói thọ mạng của họ dài bao nhiêu. Thọ mạng của họ chính là định lực của họ, họ có định lực thâm sâu như vậy. Tám vạn đại kiếp đối với chúng ta thì thấy rất dài, rất lâu, nhưng trong toàn thể vũ trụ nó không dài. Hết thời gian tám vạn đại kiếp, định công mất đi trước khi chưa mất, họ đều tự cho rằng đã chứng được đại bát niết bàn, đều đã thành Phật, đây là một sự ngộ nhận. Đến khi định công mất đi, phiền não của họ lại hiện tiền. Khi phiền não tập khí hiện tiền, họ trực tiếp đọa lạc. Ngạn ngữ nói “trèo cao thì té nặng”, họ từ đỉnh của Tam giới rơi xuống, rơi vào nơi thấp nhất của Tam giới. Rơi vào địa ngục A tỳ, họ đọa lạc vào đó.

Vì sao lại rơi vào địa ngục? Họ ở đó nhất định khởi ý niệm: Phật nói chúng được Bát niết bàn là bất sanh bất diệt, sao tôi vẫn còn sanh diệt? Lời Phật nói không đáng tin. Đây gọi là hủy báng Phật, hủy báng Pháp. Tội báng Phật báng Pháp là ở trong địa ngục A tỳ, là nguyên nhân như vậy. Họ có thể đến địa vị cao như vậy, đều là tu được từ trong Phật pháp, tu hành ở trong đạo thánh hiền.

Đức Phật nói Tứ Không Thiên không rất ráo, chưa ra khỏi luân hồi lục đạo. Định này không được coi là chánh định, trong Phật pháp nói Tam ma đề là chánh định, còn định này không được coi là chánh định. Không ra khỏi luân hồi lục đạo không coi là thành tựu. Phật pháp nói thành tựu, thành tựu thấp nhất là vượt thoát luân hồi lục đạo, nghĩa là chứng được quả A la hán, đây mới là thành tựu nhỏ. A la hán gọi là tiểu quả, vĩnh viễn thoát ly lục đạo. Sau khi thoát ly lục đạo, họ ở trong Tứ thánh pháp giới. Cũng tức là dùng Tịnh độ để nói, là cõi phương tiện hữu dư của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Lục đạo là cõi phàm thánh đồng cư của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, như vậy mọi người sẽ dễ hiểu hơn.

Bí quyết học Phật không có gì khác ngoài cách buông bỏ. Lần đầu tiên tôi gặp đại sư Chương Gia, đại sư nói với tôi: Nhìn thấu buông bỏ. Nhìn thấu là gì? Là thấu triệt, buông bỏ là công phu.

Phật giáo truyền đến Trung quốc, khiến cho cảnh giới của Nho và Đạo đều được nâng cao, nâng cao lên bằng với đại thừa. Vấn đề là gì? Vấn đề là ta phải tu, giải ngộ

chưa đủ, giải ngộ không ra khỏi luân hồi. Cần phải chứng ngộ, chứng không có gì khác, là thật sự buông bỏ.

Chúng ta xem tiêu thừa, xem thập tín vị trong Kinh Hoa Nghiêm, đây là pháp đại thừa. Bồ Tát sơ tín của thập tín vị, thập tín giống như tiểu học Phật giáo, sơ tín là lớp một. Họ thuộc địa vị gì? Trong kinh điển đại thừa nói, họ đã đoạn tận 88 phẩm kiến hoặc của Tam giới, nhưng chưa đoạn được tư hoặc. Hoặc nghĩa là mê hoặc, cũng là sai lầm. Tư hoặc là tư tưởng sai lầm, kiến hoặc là kiến giải sai lầm. Đoạn tận kiến giải sai lầm, điều đầu tiên không còn chấp trước thân này là ta, điều đầu tiên trong kiến giải sai lầm, thân không phải là ta. Thân là gì? Thân là ta sở hữu, giống như áo quần vậy, áo quần không phải ta, là ta sở hữu. Nên thân không phải ta, thân là ta sở hữu. Cái gì là ta? Các nhà triết học phương tây nói: “Tôi suy tư tức là tôi hiện hữu”, tôi có thể tưởng tượng, đại khái đó chính là tôi. Đó là đệ lục ý thức, so với chấp trước thân cao siêu hơn nhiều. Họ không chấp trước thân là tôi, họ chấp trước có thể tư duy là tôi, có thể suy nghĩ là tôi.

Thật ra người xưa nói, người xưa nói linh hồn, trong lục đạo linh hồn đích thực là bất diệt, trong lục đạo. Nó ở trong lục đạo xả thân thọ thân đều trôi lăn trong luân hồi, gặp được duyên nó được một thân thể, chúng ta nói nó đầu thai vào trong lục đạo. Khi hết duyên, thân này băng hoại, chúng ta nói đã chết, chết là gì? Thân thể đã chết, thân có sanh diệt, linh hồn không có sanh diệt, nhưng linh hồn mê hoặc. Nếu nó không mê hoặc sẽ không đi đầu thai, mê hoặc mới đi đầu thai. Nên nó không phải là cái tôi thật sự, cái tôi thật trong Phật pháp gọi là linh tánh. Linh tánh là giác ngộ, không mê. Hồn là mê hồn, không linh. Linh hồn là tăng bốc nó, hồn không linh.

Không lão phu tử đối với hồn_trên thực tế ông biết, ông gọi là du hồn, rất có lý, vì tốc độ của linh hồn rất lớn. Ví dụ nói ở Trung quốc, ở Mỹ, quý vị thấy khoảng cách rất xa. Từ HongKong bay đến phía tây nước Mỹ phải mất mười mấy tiếng, linh hồn chỉ trong sát na là đến được, tốc độ của nó rất nhanh. Nên gọi nó là du hồn, rất có lý. Khi chúng ta xem từ trên danh từ này, chúng ta biết Không lão phu tử không phải người bình thường. Tôi cho rằng ông là Phật Bồ Tát tái sanh, là Phật Bồ Tát ứng hóa. Tôi cũng từng đem tư tưởng này, nhờ thầy ấn chứng. Thầy nghe xong mỉm cười, về lý có thể nói như thế, nhưng về sự không có chứng cứ. Thầy trả lời tôi hai câu như thế: Về lý thì được, nhưng về sự không có chứng cứ. Ông không tuyên bố, không tuyên bố với mọi người ông là Bồ Tát gì tái sanh, nên hậu nhân gọi ông là Đồng nho Bồ Tát. Đó là cách xưng hô thông thường, không có căn cứ, nhưng chắc chắn là Phật Bồ Tát tái sanh. Nên những gì ông nói, rất nhiều điều gần với khái niệm của đại thừa, mà phương pháp tu hành cũng rất gần gũi. Tuy trước tác của ông không nhiều, nhưng có sức ảnh hưởng rất lớn đối với văn hóa truyền thống xưa.

Thật sự chứng được niết bàn, bản thân tự biết, điều này không cần hỏi người khác. Nhưng không ai ấn chứng cho quý vị, như vậy rất khó chứng minh cho người khác,

đây là vì giáo hóa chúng sanh. Vì giáo hóa chúng sanh, nhất định phải tìm một người để chứng minh cho chúng ta. Ai chứng minh? Người chứng minh nhất định phải là người khai ngộ, phải tìm người như vậy.

Lục tổ Huệ Năng, từ Kinh Pháp Bảo Đàn chúng ta thấy, quý vị quan sát tỉ mỉ, ngộ tánh của ngài rất cao. Trong Kinh Kim Cang nói: “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, lúc ngài đi bán củi nghe được câu này, liền có sở ngộ rất sâu sắc. Ở Hoàng Mai, nghe Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn giảng đại ý Kinh Kim Cang, cũng nói đến câu “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài hoát nhiên đại ngộ, liền đưa ra sự lãnh ngộ của mình đối với tự tánh. Ngài nói ra năm câu 20 chữ, Ngũ Tổ liền ấn chứng cho, truyền y bát cho ngài, làm tổ sư đời thứ sáu của Thiên tông. Bởi thế ngộ, bản thân rất rõ ràng.

Thực tế mà nói, trong kinh nói không sai chút nào, “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Hiện nay thì sao? Hiện nay mê thất tự tánh, chư Phật thấy chúng ta là Phật hồ đồ, các ngài là Phật giác ngộ, chúng ta là Phật hồ đồ. Chư Phật Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh, luôn luôn cung kính. Họ cung kính chúng ta, chúng ta không biết cung kính họ. Chúng ta đang mê, còn họ giác ngộ. Họ biết được chân tướng sự thật, chúng ta hoàn toàn không biết gì. Không những tất cả chúng sanh là Phật, trong Kinh Hoa Nghiêm còn nói “tình dữ vô tình đồng viên chủng trí”. Đó nghĩa là nói mười phương quốc độ vi trần thế giới, đều là Phật. Phật là gì? Phật là Niết bàn, niết bàn là gì? Niết bàn là tự tánh, là một không phải hai.

Những điều trong kinh điển nói không có gì khác, toàn là chính mình. Nếu con người thật sự hiểu được chân tướng sự thật này, tôi tin rằng mỗi người đều thích học tập kinh điển đại thừa. Vì sao vậy? Hiểu rõ bản thân, thế gian chúng ta thường gọi là tự hiểu về mình. Tự biết mình đến cứu cánh viên mãn chính là Phật, sau đó biết được học Phật với chính mình có mối liên quan vô cùng mật thiết, sao có thể không học Phật?

Phật là ai? Phật là chính mình. Tự tánh giác gọi là Phật, tự tánh mê gọi là phàm phu. Tự tánh không có mê ngộ, mê ngộ ở con người, tự tánh làm gì có mê ngộ! Vì thế chúng ta phải buông bỏ mê hoặc, giác ngộ là hiện thành, bóng tối không còn thì ánh sáng xuất hiện. Cổ nhân thường nói: “đản tận vọng tình, biệt vô thắng giải”, chỉ cần buông bỏ hư vọng tình chấp, như vậy là ngộ!

“Niết bàn vô thượng, Phật cũng vô thượng. Lại nữa, trì giới, thiền định, trí tuệ giáo hóa chúng sanh, tất cả không có ai bằng được, huống gì có thể vượt qua, nên gọi là vô thượng”. Đoạn này là nói Phật giáo hóa chúng sanh, ngài dùng điều gì để giáo hóa chúng sanh? Là tam học giới định tuệ. Tất cả chúng sanh tu hành chứng quả, chính là trì giới, thiền định và trí tuệ. Đừng cầu trí tuệ, cầu không được, cầu là sai, là mê. Định, định đến một trình độ nhất định liền khai trí tuệ, trí tuệ chưa khai là vì định chưa đủ trình độ.

Thật ra định có rất nhiều tầng lớp, mặc dù trí tuệ đã khai cũng dùng để trong lòng, để trong lòng ta chỉ đứng yên ở vị trí đó, không thể nâng cao, không cần để ý đến nó.

Như vậy công phu của định ngày càng thâm sâu, định ngày càng sâu thì trí tuệ ngày càng lớn. Trong định có thể kiểm nghiệm cảnh giới của chính mình, vì sao vậy? Trong định thời gian và không gian đều không có.

Trong khoa học nói, khác tầng không gian ta đều thấy được, phải đến đâu? Nhìn thấy nguyên khởi của A lại da, nhìn thấy nguyên khởi của vũ trụ. Đây là gì? Đây là Bồ Tát. A la hán không thấy được, Bồ Tát nhìn thấy, đó là pháp thân đại sĩ, họ đều thấy được. Còn phải nâng cao, vì sao vậy? Vì chưa đoạn tận tập khí vô minh, nâng cao này gọi là vô công dụng đạo. Cổ nhân nói, “ở đây không thể dùng lực”. Tất cả đều ở trong định, duy trì ở trong định, dần dần đào thải hết tập khí vô minh. Khi tập khí vô minh đoạn tận, cảnh giới nào xuất hiện? Cõi thật báo không còn, bản thân ta biết được mình đi vào Diệu giác vị. Cõi thật báo trang nghiêm là tập khí vô minh hiện ra cảnh giới như vậy. Nên trong kinh Bát Nhã nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, là thật hoàn toàn không phải giả. “Tất cả pháp từ tâm tướng sanh”, “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”. Đây là chân tướng sự thật, thuật ngữ Phật pháp gọi là thật tướng các pháp, tướng chân thật của tất cả pháp. Sau đó mới hoát nhiên đại ngộ, biến pháp giới hư không giới với chính mình là nhất thể. Đó là gì? Ta sẽ chứng được pháp thân, pháp thân là gì? Nhận thức pháp nghĩa là thân, thân của ai? Chính là thân của tôi. Thân của tôi, thân của bạn, thân của anh ta là cùng một thân. Biến pháp giới hư không giới là chính mình, một tâm, một tánh, một tướng, pháp tướng. Nên tánh không sanh diệt, tướng cũng không sanh diệt, nó khởi tác dụng liên tục.

Chúng ta nói trong kiến tư phiền não, không có thân kiến, biên kiến cũng không có. Biên kiến là gì? Là đối lập, ngày nay hội là tương đối. Không có đối lập, không có mâu thuẫn, không có xung đột. Nâng cao hơn nữa là không còn chấp trước, trong chấp trước quan trọng nhất là không còn tình chấp, không còn phân biệt, trí tuệ hiện tiền! Đây là gì? Trì giới, thiền định, trí tuệ hiện tiền. Bồ Tát là thành Phật như vậy, nếu chúng ta muốn thành tựu nhất định phải đi con đường này.

Trì giới bắt đầu từ đâu? Phật giáo truyền vào Trung quốc, đầu tiên phải bắt đầu học từ tiểu thừa. Giới tiểu thừa là gì? Dạy cách làm người, pháp nhân thiên vẫn chưa đến tiểu thừa, vì sao vậy? Vì nền tảng của tiểu thừa, con người chưa tốt, làm sao có thể thành Phật? Làm gì có đạo lý này?

Từ giữa thời nhà Đường về sau, không học tiểu thừa. Kinh điển tiểu thừa tuy cất giữ rất hoàn chỉnh, nhưng không còn ai học. Lúc ở Đài Trung, thầy Lý dạy những người trẻ tuổi như chúng tôi, học giảng kinh, học kinh điển, vẫn phải bắt đầu từ kinh điển tiểu thừa, nên tôi ít nhiều cũng đã học được hơn 30 bộ kinh tiểu thừa. Phân lượng kinh điển tiểu thừa rất nhiều, nhưng kinh văn không dài. Thông thường một bộ kinh không quá 20 trang, không nhiều hơn, nó cũng có gần 3000 loại. Người xưa dùng Nho và Đạo để thay thế. Trước đây vào thời đại Đường Tống, đích thực họ dùng Lão Tử,

Trang Tử, Liệt Tử, dùng Tứ thư ngũ kinh của Nho gia, dùng những thứ này để thay thế tiểu thừa, rất thích hợp. Những thứ này không kém tiểu thừa, sau khi học xong cảnh giới còn cao hơn tiểu thừa, rất dễ khế nhập đại thừa. Về sau dùng Nho Đạo làm nền tảng, Nho Thích Đạo hợp nhất, trong truyền thống văn hóa xưa có tên là Nho Thích Đạo. Trên thực tế thì sao? Trên thực tế Nho Thích Đạo đã dung hợp thành nhất thể.

Quý vị xem một vài sách cổ Đạo sĩ, những đạo trưởng, quý vị hỏi họ có đọc kinh Phật chăng? Có, đọc sách Nho giáo, tất cả đều có. Nhà Nho các thời đại đều học Phật, Chu Hy học Phật, Hàn Dũ sau cùng cũng học Phật, mới đầu là bài xích Phật giáo, về sau gặp được hòa thượng Đại Điền, thông triệt rồi cũng học Phật. Nên nhà Nho lớn của các đời, họ đều học Phật và Đạo. Hồ Khê Tam Tiểu không phải là ba người của Nho Thích Đạo sao? Đại biểu cho Phật giáo là đại sư Huệ Viễn, sơ tổ của Tịnh độ tông. Đào Uyên Minh đại biểu Nho giáo, Lục đạo trưởng đại biểu Đạo giáo. Nho Thích Đạo là bạn tốt của nhau, ngày ngày cùng nhau đàm luận về học vấn, không phân biệt! Vì sao vậy? Vì đến cảnh giới đó mới biết được, toàn là xuất phát từ tự tánh, không có pháp nào không phải từ trong tự tánh hiển lộ ra. Còn có một câu nói rất thú vị: Không có pháp nào không trở về tự tánh. Tôi cảm thấy câu này ý nghĩa rất thâm sâu, từ tự tánh hiển lộ ra, sau cùng lại trở về tự tánh. Đây là gì? Một sự tuần hoàn, nếu không tuần hoàn như vậy, sao trong kinh Phật lại nói một câu như vậy!

Hiện nay sự tuần hoàn này hình như đã được các nhà khoa học phát hiện, khởi nguồn của vũ trụ chính là khởi nguồn của A lại da. Hiện nay các nhà lượng tử học phát hiện, họ phát hiện toàn thể vũ trụ là từ dao động phát sanh. Dao động là gì? Ý niệm, tư tưởng. Ý niệm khởi, ý niệm này khởi lên thì ý niệm kia diệt, giống với Bồ Tát Di Lặc nói. Trong kinh thường nói “nhất niệm bất giác”, bất giác là động, giác tâm bất động. Giác ngộ sẽ không động, không giác sẽ động. Động liền sanh ra A lại da, A lại da là chủ tạo vật của vũ trụ, từ nó sanh ra. Trong kinh điển nói rất rõ ràng, năng sanh năng hiện là tự tánh, năng biến là A lại da. Nên thập pháp giới y chánh trang nghiêm thiên biến vạn hóa, đây là A lại da khởi tác dụng. Phải chăng sau cùng là trở về? Hình như là đã trở về. Đây là các nhà khoa học nói, vũ trụ mà máy móc khoa học quan sát được, họ nói chỉ có 10% của vũ trụ, còn 90% không thấy. Không thấy là sao? Đã trở về, vẫn là trở về với tự tánh, đã trở về, trở về thường tịch quang. Thường tịch quang, máy móc tinh vi cũng không cách nào đo lường được, vì nó không phải tinh thần, cũng không phải vật chất. Nó không có bất kỳ dấu tích, ta không cách nào đo lường được, giống như là một sự tuần hoàn lớn.

Vấn đề này lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na từng đề cập đến vấn đề này. Hỏi một cách rất thú vị, cũng là điều chúng ta muốn biết. Trở về hoàn nguyên là thành Phật mới trở về, Diệu giác mới trở về, trở về đến thường tịch quang. Từ thường tịch quang biến hiện ra, điều này có thể hiểu

vật chất là từ không sanh ra có. Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều là từ không sanh ra có. Không là thường tịch quang, là tự tánh, từ đây biến hiện ra.

Mọi người mê muội, càng mê càng sâu nên mười pháp giới xuất hiện, lục đạo xuất hiện, xuất hiện tam đồ, xuất hiện địa ngục, càng mê càng sâu. Có nhân duyên gặp được Phật pháp tu hành từ từ, lại không biết trải qua bao nhiêu thời gian, nhà Phật nói vô lượng kiếp. Quý vị chứng được A la hán, chứng được Bồ Tát, sau cùng thành Phật lại trở về. Đến Diệu giác vị lại trở về tự tánh, đây là một đại tuần hoàn.

Ngài Phú Lô Na hỏi: Sau khi trở về tự tánh, có còn trở thành phàm phu chăng? Sau khi đã trở về tự tánh phải chăng là bắt đầu lại từ đầu? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói không như vậy, vì sao không? Vì lúc này trí tuệ hoàn toàn hiện tiền, đã viên mãn, trí tuệ viên mãn sẽ không còn mê. Ngài đưa ra một ví dụ, ví dụ như vàng, vàng được luyện ra từ quặng. Sau khi luyện thành vàng, nó sẽ không còn trở lại thành quặng. Đức Phật đã dùng ví dụ như thế. Khi đã luyện ra thuần vàng, nó có biến thành quặng chăng? Chúng ta vớt vàng này vào trong đồng rác, xem mấy mươi vạn năm sau nó có biến thành quặng chăng? Tôi tin rằng vàng vĩnh viễn không biến thành quặng, nhưng bên ngoài nó bị nhiễm ô, như vậy sẽ biến thành khoáng thạch. Phải tiếp tục trải qua rèn luyện, không trải qua rèn luyện vẫn không có được thuần kim.

Tôi nghĩ, Đức Phật nói lời này phải chăng là phương tiện nói? Vì nếu tương lai về sau vẫn làm phàm phu, thì thôi vậy, tôi còn học Phật làm gì? Tôi không học nữa. Học đến sau cùng cũng phải luân hồi, vậy thì học có nghĩa lý gì? Tôi thấy đây là lời Đức Phật khuyến khích chúng ta, đồng thời cũng là lời chân thật, vì Phật không vọng ngữ. Trải qua lần tôi luyện này, mặc dù còn nhiễm ô nhưng rất dễ giác ngộ. Căn tánh người đó sao lại sắc bén như thế? Có người căn tánh vì sao lại rất chậm như vậy? Từ đây chúng ta có thể lãnh hội được, người căn tánh sắc bén là gì? Khi quay đầu họ rất sắc bén, hướng gì sau khi trở về tự tánh, có khởi tác dụng chăng? Khởi tác dụng. Chúng sanh có cảm, họ liền có ứng, tùy tâm ứng hóa. Cần dùng thân gì để độ thoát, tự tánh liền hiện ra thân đó. Đây là Như Lai hiện thân, không phải pháp thân Bồ Tát trong cõi thật báo. Pháp thân Bồ Tát có cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh, mang theo tập khí vô minh. Chư Phật Như Lai trong cõi thường tịch quang, ứng hóa ở thế gian không có tập khí, điều này không giống nhau. Họ khởi tác dụng, chứ chẳng phải không khởi tác dụng. Họ khởi tác dụng, chúng ta tin lời Phật nói là thật, họ sẽ không còn trở thành phàm phu. Cho nên câu này cũng có rất nhiều cách giải thích, đều rất hợp lý, đều có thể nói ra rất nhiều đạo lý, nhưng không bị mâu thuẫn. Đây là diệu dụng vô phương trong Phật pháp. Vì vậy trì giới, thiền định, trí tuệ vô cùng quan trọng.

Tôi cảm thấy những điều Townenbe nói: Tâm lượng người xưa rất lớn, có thể bao dung văn hóa dị tộc, chính là chỉ Phật giáo. Phật giáo truyền đến Trung quốc, người xưa hoàn toàn tiếp thu, không bài xích. Văn hóa Phật giáo làm phong phú nền văn hóa bản địa, đây là dung hợp. Nâng cao nền văn hóa bản địa, nói rất hay. Nâng cao là nâng

cao như thế nào? Nghĩa là giới định tuệ, đây là Phật pháp, về sau như thế nào? Nho giáo cũng áp dụng giới định tuệ, Đạo giáo cũng dùng giới định tuệ, phương pháp này học được từ Phật giáo.

Ngày xưa người dạy học, đều là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Quý vị muốn làm nhà thông thái thì mọi thứ đều thông, nhất định phải từ nhất môn thâm nhập, bằng không không thông được. Nhất môn thâm nhập là gì? Kiến tánh là thông triệt tất cả. Minh tâm kiến tánh, trí tuệ khai mở liền thông triệt tất cả. Cho nên quý vị phải biết học Nho, nếu học Nho được định cũng khai trí tuệ, lúc này Phật pháp cũng thông mà Đạo cũng thông. Đạo giáo trì giới, tu thiên định trí tuệ khai, thì Nho cũng thông, Phật cũng thông. Đừng nói Nho Thích Đạo, mà tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới đều thấu triệt hoàn toàn. Vì sao vậy? Vì tâm hiện. Quý vị minh tâm kiến tánh, làm gì có chuyện không thấu triệt, mọi thứ đều thông. Nên trong Phật pháp nói: một kinh thông, tất cả các kinh đều thông; một môn thông các môn đều thông. Phải thông bằng cách nào? Nhất định phải từ thiên định, nhất định phải buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước. Dùng phương pháp khoa học tuyệt đối không đạt được cảnh giới này, vì sao vậy? Vì họ dùng ý thức. Quý vị xem trong Phật pháp chủ trương điều gì? Là tâm ý thức. Tâm là A lại da, ý là Mạt na, thức là đệ lục ý thức. Ngày nay chúng ta nói, ba cái trụ trong hiện tượng tinh thần. Là tâm ý thức, tâm là gì? Là ấn tượng. Là tâm là gì? Không để lại ấn tượng, tâm địa thanh tịnh, cũng chính là không bị ô nhiễm, đây là lia tâm. Lia ý, ý là chấp trước. Thức, thức là phân biệt. Vì có phân biệt, có chấp trước, A lại da liền bị nhiễm ô, vì sao vậy? Nó để lại dấu ấn, rớt lại chủng tử trong A lại da, điều này chúng sanh trong mười pháp giới, đều không sao tránh khỏi.

Vì sao Phật trong mười pháp giới không phải là chân Phật? Đại sư Thiên Thai gọi là tương tự tức Phật, họ không phải chân Phật, nguyên nhân chính là họ dùng A lại da. Trong A lại da tuy rơi rớt vô lượng chủng tử, nhưng người trong tứ thánh pháp giới rất giỏi, định công của họ là thật không phải giả. Họ có thể chế phục, khiến những chủng tử thiện ác trong A lại da đều không khởi hiện hành. Hình như đã đạt được tâm thanh tịnh, thật ra không phải, họ còn kém một bậc. Vì sao vậy? Họ còn khởi tâm động niệm. Đến không khởi tâm không động niệm, nghĩa là sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần. Mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, trong sinh hoạt hằng ngày không khởi tâm không động niệm, như vậy là không dùng A lại da. Không dùng A lại da là chuyển A lại da thành tứ trí bồ đề, A lại da biến thành đại viên cảnh trí, Mạt na thức biến thành bình đẳng tánh trí, đệ lục ý thức biến thành diệu quan sát trí, tiền ngũ thức biến thành thành sở tác trí, thành tựu sự nghiệp của Bồ Tát.

Sự nghiệp Bồ Tát là gì? Là độ chúng sanh, thành tựu sự nghiệp độ chúng sanh. Nên đều gọi là trí tuệ, không gọi phiền não. Điều này chúng ta thường nghe trong kinh nói: “chuyển phiền não thành bồ đề”. Cho nên công phu thật sự là nắm bắt được điều này, sẽ biết được nên tu như thế nào. Trong cuộc sống hằng ngày từ sáng đến tối, thấy

sắc nghe âm thanh, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, huấn luyện điều gì? Huấn luyện không chấp trước không phân biệt, không khởi tâm không động niệm. Không khởi tâm không động niệm là chuyển A lại da thức, không phân biệt là chuyển đệ lục ý thức, không chấp trước là chuyển Mạt na thức, công phu thật sự! Nếu chúng ta vẫn dùng đệ lục ý thức để phân biệt, nghiên cứu kinh giáo, đang phân biệt kinh giáo, như vậy không được. Đây là học gì? Đây là Phật học, đây không phải học Phật, học Phật không dùng phân biệt. Không dùng phân biệt, để kinh trước mặt có hiểu được chăng? Hiểu, chẳng những hiểu, mà còn thâm nhập. Nghĩa là một số người cùng xem kinh này, nhưng họ không hiểu được ý nghĩa, quý vị lại thấy có rất nhiều ý nghĩa, mỗi chữ mỗi câu đều vô lượng nghĩa. Nói thật với quý vị, mỗi chữ, trong mỗi chữ có bao nhiêu ý nghĩa? Tất cả biến pháp giới hư không giới đều ở trong này. Đừng nói là một cuốn, mà chỉ trong một câu này, trong một chữ này, vậy mà không ai tin. Nhưng đây là thật, hoàn toàn không phải giả. Một thông tắt cả đều thông, huống gì một bộ kinh thông. Một câu thông là thông tắt cả, một chữ thông cũng thông tắt cả, vì sao vậy? Xung tánh. Không có pháp nào không phải tự tánh biến hiện ra, chỉ cần kiến tánh là thông hoàn toàn, đạo lý là như vậy.

Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, thật sự học đại thừa không được dùng tư tưởng. Nhưng tư tưởng dùng thành thói quen, dùng tư tưởng không ra khỏi luân hồi lục đạo. Bây giờ có người nói phải dùng trực giác, rất có lý, đừng nghĩ đến nó. Vừa thấy, vừa nghe, vừa tiếp xúc liễu thấu triệt hoàn toàn, dùng trực giác đừng nghĩ đến nó. Không nghĩ đến nó là sao? Đây chính là định, ta dùng tâm thanh tịnh, mới bắt đầu luyện điều này. Sau khi luyện được tâm thanh tịnh thì luyện tâm bình đẳng. Tâm bình đẳng là gì? Toàn thể vũ trụ với ta là nhất thể, lấy điều này làm nòng cốt. Tuyệt đối không có phân biệt, vì sao vậy? Vì sắc thọ tướng hành thức hoàn toàn tương đồng! Sắc là giả, căn bản không có thứ này, thọ tướng hành thức có. Thọ tướng hành thức từ đâu mà có? Trong tự tánh vốn đầy đủ kiến văn giác tri, trong tự tánh gọi là kiến văn giác tri. Giác ngộ gọi là kiến văn giác tri, mê gọi là thọ tướng thành thức. Nó là một thứ, nhưng có hai mặt mê và ngộ. Vật chất là giả, do thọ tướng hành thức biến hiện. Trong kinh điển Pháp tướng tông nói rất rõ ràng, nói về khởi nguồn của vật chất. Trước tiên có kiến phần, phải thấy được kiến phần, liền xuất hiện tướng phần, nên tướng phần là hư vọng.

Ngày nay các nhà khoa học giải thích với chúng ta rằng, bản chất của hiện tượng vật chất là tích lũy của hiện tượng tinh thần, huyền tướng do tích lũy liên tục sanh ra. Vì sao hiện tượng vật chất có nhiều loại như vậy? Trong Hoàn Nguyên Quán nói xuất sanh vô tận. Câu nói này của quốc sư Hiền Thủ là lấy từ trong kinh, trong kinh điển. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói “xuất sanh vô tận”. Điều là gì, không có gì là thật, giống như kính vạn hoa vậy, chúng ta mới thật sự hiểu được chân tướng này. Trong vật chất có rất cứng, có rất mỏng manh như không khí. Đây là các nhà khoa học giải thích cho

chúng ta biết, do tần suất khác nhau. Tần suất chậm biến thành thể cứng, tần suất nhanh hơn một chút trở thành mềm hơn, giống như cây cỏ hoa lá hoặc da thịt chúng ta, nhanh hơn nữa liền biến thành sóng điện từ. Hoàn toàn là do tần suất khác nhau mà biến hóa ra những thứ này, chúng ta không biết. Những thứ nó biến hiện ra, sanh diệt vô cùng nhanh chóng. Một giây trong đời thoại của Bồ Tát Di Lặc chúng ta có thể lãnh hội được. Một giây nếu khảy móng tay năm lần, là 1600 triệu lần sanh diệt, như vậy làm sao là thật được? Chúng ta hoàn toàn xem nó như thật, đây là phân biệt chấp trước. Cho nên phân biệt chấp trước là phiền não nghiêm trọng, đặc biệt là chấp trước tạo ra luân hồi lục đạo. Không chấp trước, lục đạo liền biến mất. Không phân biệt, mười pháp giới không còn. Trong kinh điển nói: phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng, chúng ta phải nắm bắt nguyên lý này.

Trong cuộc sống hằng ngày tu hành ở đâu? Ở ngay trong sinh hoạt đời thường. Không cần dồn hết tâm trí, như vậy là sai. Các bậc tổ sư đại đức tận lực chế ra những nghi thức quy củ này, đó là để làm gì? Để độ chúng sanh, một loại phương tiện để tiếp dẫn đại chúng. Chúng ta cố ý làm như vậy là để biểu diễn cho đại chúng học hỏi, khiến họ khởi tâm động niệm, tiếp dẫn họ.

Phật pháp khiêm tốn, Phật pháp là sư đạo. Người thầy thật sự có học vấn, có đạo đức, quý vị thỉnh giáo họ: Tôi vô đức vô năng, không có sở trường nào cả. Họ nói là thật chăng? Là thật, không sai, họ nói thật nhưng ta không tin, cho nên làm gì có chuyện thầy đi chiêu sinh? Rất can đảm! Bây giờ gọi là chiêu sinh, cô nhân thấy vậy là giật mình, sao quý vị giám chiêu sinh? Coi mình là thầy, quá cuồng vọng, như vậy phải làm sao? Một người thầy tốt giống như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bản thân ngài không biểu lộ thái độ, lại rất khiêm tốn. Chúng ta biết thì học theo ngài, không biết phải làm sao? Học sinh chúng ta phải làm ta tấm gương tốt, sanh khởi tâm cung kính đối với họ. Người khác thấy vậy, chúng ta đến học theo họ, ý là như vậy. Nên những hình tượng đó gọi là quảng cáo chiêu sinh, phải hiểu điều này.

Trước đây học Phật, đại sư Chương Gia nói: Phật pháp trọng thực chất không trọng hình thức, tự tu phải trọng thực chất. Hình thức, tôi mới biết chiêu sinh. Căn tánh chúng sanh không giống nhau, nên chủng loại hình thức cũng không giống nhau, chủng loại nào cũng tốt cả, đều có thể thu nhiếp tất cả chúng sanh đi vào, khiến họ thấy được sanh tâm hoan hỷ giác ngộ. Đều là phương pháp hay, gọi là phương tiện thiện xảo, phải hiểu điều này. Nhưng chúng ta coi thiện xảo phương tiện là thật, như vậy là sai, sai hoàn toàn. Nên sau khi tự độ mới có thể độ tha, mới có thể biểu diễn tốt được. Trong lúc biểu diễn biết được tất cả là giả, không phải thật. Chỉ là làm cho người khác noi theo, không phải cho mình thọ dụng, là tha thọ dụng, như vậy mới đúng. Đây mới thật sự gọi là tùy duyên diệu dụng.

Từ xưa đến nay những văn nghệ biểu diễn, Phu tử có một tiêu chuẩn: “tư vô tà”. Phương thức biểu diễn rất nhiều, nhưng phương châm chỉ đạo chỉ có một. Không được

để cho người xem, nghe, tiếp xúc sinh ra tư tưởng tà ngụy, như vậy là sai. Tà chánh phân biệt từ chỗ này.

Phật giáo vượt khỏi điều này, cao hơn tiêu chuẩn này nhiều. Trong quá trình biểu diễn, trong lúc lợi tha ta phải giữ tâm thanh tịnh của mình, phải dùng tiêu chuẩn của Phật pháp. Tức là năm chữ trong Kinh Vô Lượng Thọ: “thanh tịnh bình đẳng giác”. Trong lúc biểu diễn, biểu diễn cho tất cả chúng sanh, trong này không đánh mất thanh tịnh bình đẳng giác, đó nghĩa là diệu dụng. Biểu diễn là tùy duyên, nếu đánh mất thanh tịnh bình đẳng giác, như vậy ta bị phạm phu dẫn dắt. Ta độ người, sau cùng bị người dẫn đi. Như vậy không phải giống họ sao? Khởi tâm động niệm, khiến cho tất cả tập khí phiền não của chúng ta đều khởi hiện hành, như vậy là sai.

Bởi vậy ở đây chúng ta phải coi trọng việc trì giới, chưa đến trình độ nhất định không thể biểu diễn, vừa biểu diễn đã bị người khác dắt đi. Ta đi độ chúng sanh, kết quả lại bị chúng sanh khiến cho mê hoặc.

Hòa thượng xuống tóc cho tôi, tức là pháp sư Tâm Ngộ, thầy thế phát cho tôi. Hai năm sau thầy hoàn tục, kết hôn với Phật tử nữ của thầy. Thầy độ cô ta, không ngờ lại bị cô ta cám dỗ, còn quá trẻ. Lúc đó thầy nhỏ hơn tôi một tuổi, tôi lớn hơn thầy một tuổi. Thầy biết giảng kinh, cũng biết viết bài, khi tôi chưa xuất gia, chúng tôi thường hay giao tiếp, là bạn bè của nhau. Nên khi tôi học kinh điển với thầy Lý ở Đài Trung, có ý xuất gia, thầy đến tìm tôi. Hình như trong vòng hai tháng, đến tìm tôi chín lần. Tôi thấy tâm ông ta rất khẩn thiết nên đã đồng ý, đến chùa Lâm Tế ở Viên Sơn, lúc đó ông ta làm trú trì, và xuống cho tôi. Nên còn quá trẻ làm trú trì rất nguy hiểm.

Cổ nhân_ thầy lý nói với tôi, sau 40 tuổi mới có thể đi giảng kinh, có chút định lực khi tiếp xúc với đại chúng bên ngoài, trước 40 tuổi vẫn chưa ổn định. Chúng tôi ở Đài Trung tuân thủ lời dạy này của thầy Lý. Trước 40 tuổi học giảng kinh là luyện tập, ở trong nhà không ra ngoài, không nhận lời mời bên ngoài, chỉ ở nhà luyện tập Liên Xã Đài Trung, thư viện Từ Quang ở Đài Trung, còn một ngôi chùa, trú trì là một ni sư, cũng là học trò của thầy Lý. Chúng tôi chỉ luyện tập giảng kinh nơi ba chỗ này, không được ra bên ngoài giảng. Thầy quy định phải trên bốn mươi tuổi, nhưng lúc đó chúng tôi chưa đến 40 tuổi, không được ra ngoài giảng kinh. Cửa ải này thầy giữ rất nghiêm khắc, chỉ sợ chúng tôi chưa đủ định lực, dễ bị ảnh hưởng bởi cảnh giới bên ngoài. Bởi thế làm thầy rất khó, học trò nghe lời, nếu học trò không nghe lời họ sẽ ra đi. Có, nhưng không nhiều, không phải không có. Những người rời thầy sớm, đều không có thành tựu, vấn đề này về sau chúng tôi đều nhìn thấy.

Ngày nay nói đến kinh nghiệm, đây là kinh nghiệm nhiều năm của tôi, cảm nhận được một cách sâu sắc. Giới luật phải học từ Đệ Tử Quy, phải học từ Cảm Ứng Thiên. Từ trong Đệ Tử Quy học luân lý đạo đức, từ trong Cảm Ứng Thiên học nhân quả. Sức mạnh của nhân quả, lớn mạnh hơn nhiều so với sức mạnh của Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy ba phần sức mạnh, Cảm Ứng Thiên có bảy phần sức mạnh. Con người mặc dù học rất

tốt luân lý đạo đức, nhưng vẫn động tâm trước địa vị danh lợi, vẫn là biết mà cứ phạm. Vì sao vậy? Vì không vượt qua được sự cám dỗ của danh lợi, điều này trong lịch sử rất nhiều, không phải họ không hiểu. Nhưng người hiểu nhân quả họ không dám, vì sao vậy? Người biết nhân quả, họ sẽ nghĩ đến tương lai như thế nào? Bây giờ ta có được địa vị, có được của cải này, không phải là thủ đoạn chính đáng, được rồi tương lai cũng phải trả, giết người phải đền mạng. Chưa nghe nói giết người, nói cho chư vị biết, nạo thai chính là giết người, có cần đền mạng chẳng, quý vị có dám chẳng? Không dám! Quý vị nợ mạng nợ tiền người khác, đều là việc phiền phức, oan oan tương báo không bao giờ dứt, quý vị dám chẳng? Bởi vậy một ý niệm bất thiện làm tổn thương chúng sanh, trên thực tế là tổn thương chính mình, gọi là lực phản kháng. Quý vị đánh ra nó lại dội ngược về mình, rất nhanh. Cho nên nhân quả có bảy phần sức mạnh câu thúc con người, Đệ Tử Quy chỉ có ba phần sức mạnh.

Phật pháp đến viên mãn, giới luật sơ học của Phật pháp rất đơn giản, chỉ mười điều, Thập Thiện Nghiệp: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ỷ ngữ, không tham, không sân, không si. Nhưng nếu không có hai nền tảng của Nho và Đạo giáo, ta không thực hành được Thập Thiện Nghiệp. Có nền tảng luân lý, đạo đức, nhân quả, nền tảng sâu dày sẽ thực hành được thập thiện. Cho nên Thập Thiện Nghiệp Đạo gọi là pháp nhân thiên, đời sau không mất thân người, tu thật tốt đời sau được sanh lên cõi trời, đây là tiêu chuẩn của pháp nhân thiên. Lên cao hơn nữa là Thanh văn bồ đề, Duyên giác bồ đề, đây là tứ thánh pháp giới. Tiếp tục lên nữa là vô thượng bồ đề. Căn bản của cứu cánh quả Phật đều ở Thập thiện nghiệp. Gốc của Thập thiện nghiệp là Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy. Quý vị có thể không nỗ lực để học chẳng? Không tinh tấn học không được.

Tuổi tác đã lớn, bây giờ khi tuổi tác đã lớn, chúng ta phải dùng một giáp làm tiêu chuẩn. Trên 60 tuổi, nhất tâm chuyên niệm Phật A Di Đà. Chưa học Đệ Tử Quy không sao, chưa học Cảm Ứng Thiên cũng không sao, hãy giữ vững Thập Thiện Nghiệp Đạo, niệm niệm không quên, vĩnh viễn không bỏ một câu A Di Đà Phật.

Trước đây thầy Lý dạy chúng tôi, tu Tịnh độ là phải đổi tâm, phải đổi tâm. Thay đổi tâm như thế nào? Đổi thành Phật A Di Đà. Tâm tôi chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm tôi. Hay nói cách khác, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra, đều vứt bỏ hết. Đây gọi là gì? Đây gọi là đạo cộng giới, Phật A Di Đà mọi giới luật đều đã viên mãn. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, không có gì khác, đây là gì? Đối với người lớn tuổi nhất tâm chuyên chú. Những trò của thế gian đều đã thấy, không có gì kỳ lạ, không muốn xem thêm nữa, nhất tâm cầu sanh Tịnh độ, như vậy là đúng, không có ai không vãng sanh.

Phát tâm như vậy, trong Di Đà Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích nói: Tâm này chính là tâm vô thượng bồ đề, nói rất hay. Tâm bồ đề là gì, không hiểu, không biết. Quý vị xem, rất nhiều ông bà cụ, họ chỉ biết một câu A Di Đà Phật, khi lâm chung họ đứng vững

sanh, ngồi vãng sanh, không hề bệnh hoạn. Chúng tôi tận mắt chứng kiến, đây không phải giả. Quý vị hỏi họ Đệ Tử Quy là gì, họ không biết, họ cũng không biết đến Cảm Ứng Thiên. Suốt đời thật thà trung hậu, tuyệt đối không có tâm hại người, niệm rất ráo một câu A Di Đà Phật. Có người mỗi ngày tụng một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, có người không tụng Kinh Vô Lượng Thọ.

Quý vị thấy người đệ tử làm nghề thợ hàn của hòa thượng Đệ Nhân, Kinh Di Đà cũng không biết đọc, chỉ niệm một câu A Di Đà Phật mà thành tựu, quả là không thể nghĩ bàn. Chúng ta không thể không biết điều này. Bởi vậy chỉ cần nhất tâm sẽ tiếp cận với thiền định, nhất tâm đến trong tâm không có chút tạp loạn nào, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng chính là trí tuệ, bản thân ta biểu hiện trên đóa tương khi vãng sanh, đó nghĩa là giáo hóa chúng sanh. Khiến rất nhiều người nhìn thấy liền sanh khởi tín tâm, niệm Phật quả thật rất hay, mỗi người đều làm được, mỗi người đều có thể thành tựu viên mãn ngay trong đời này, tại sao chúng ta không thực hành?

Lần này chúng ta giảng tường tận bộ kinh này, tôi dự tính khoảng 1000 tiếng đồng hồ là giảng xong. Mục đích là gì? Mục đích là để lại cho hậu nhân, thời kỳ mạt pháp còn 9000 năm, trong 9000 năm này độ chúng sanh thành Phật đạo. Bây giờ chúng ta có thể cảm nhận được, chính là bộ kinh này. Nên chúng tôi phải bỏ ra một ít thời gian, để giảng giải bộ kinh này. Đương nhiên chính mình nhất định phải thay đổi tâm, không để tâm có tạp niệm, chân thành niệm Phật. Mọi việc trong thế gian chỉ tùy duyên mà không phan duyên, có nhân duyên lợi ích chúng sanh chúng ta phải làm, không có duyên thì thôi đừng tìm kiếm, như vậy mới đúng. Có nhân duyên, đó là Phật Bồ Tát để chúng ta làm, không có duyên Phật Bồ Tát dạy chúng ta chân thành học Kinh Vô Lượng Thọ, thật thà niệm Phật. Tốt, tâm sẽ định, không bị dao động. Tâm định, tâm thanh tịnh.

Cho nên thấy ba chữ này: Trì giới, thiền định, trí tuệ, đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong việc tu hành, tất cả không có phương pháp nào bằng. Tất cả pháp không có gì bình đẳng với nó, đương nhiên cũng không thể vượt qua nó, nên gọi là vô Thượng. Vô Thượng Sĩ chúng ta chỉ học đến đây.

Hôm nay hết giờ rồi.

Tập 161
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyên ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Minh Tâm
Thời gian: 09.10.2010
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 186 hàng thứ tư, xem danh hiệu thứ tám trong mười hiệu.

“Thứ tám, Điều Ngự Trượng Phu. Tịnh Ảnh Sớ nói: Giỏi điều phục chúng sanh, gọi là Điều Ngự Trượng Phu. Hợp Tán nói: Tự mình đã là trượng phu, lại điều phục trượng phu, nên danh hiệu Phật là Điều Ngự Trượng Phu. Nếu đầy đủ bốn pháp, tức gọi là trượng phu. Bốn loại nào. Thứ nhất: Thân cận thiện tri thức. Thứ hai: Có thể nghe pháp. Thứ ba: Tư duy nghĩa. Thứ tư: Như thuyết tu hành”. Chúng ta xem đoạn này, đây là hiệu thứ tám trong mười đức hiệu của Như Lai, xưng là Điều Ngự Trượng Phu. Trong Tịnh Ảnh Sớ nói đơn giản sơ lược hơn.

“Giỏi điều phục chúng sanh”, điều phục là giáo hóa, sâu sắc hơn ý nghĩa giáo hóa, xuất hiện thành quả giáo hóa. Cũng chính là những chúng sanh được giáo hóa, đều có thể tâm phục khẩu phục, phục nghĩa là như vậy. Cho thấy đây là điều không đơn giản. Đức Phật làm được, pháp thân Bồ Tát cũng làm được. Vì sao các ngài có thể làm được? Trong Hợp Tán nói rất rõ ràng, trong Hợp Tán nói: “Đầy đủ bốn pháp”. Nói như chúng ta bây giờ, là họ đầy đủ bốn điều kiện, nên họ có thể làm được. Giáo dục cần phải thật sự điều phục chúng sanh, giáo dục mới được coi là thành công.

Chúng ta biết tâm người vốn thiện, trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Đức Phật dạy chúng ta tín giải hành chứng, đối với giáo pháp của Phật, trước tiên chúng ta phải kiên lập tín tâm. Sau khi tin rồi phải cầu giải, phải hiểu rõ ràng minh bạch giáo huấn của Phật, sau đó như giáo tu hành. Trong việc tu hành, quan trọng nhất là điều phục vọng tâm, khởi tâm động niệm của chúng ta. Chữ hành này là nói đến hành vi, hành vi có thiện có ác, khởi tâm động niệm. Do ý niệm chỉ huy ngôn ngữ tạo tác của chúng ta, cho nên tu hành phải tu từ đâu? Nếu nói là tu từ trên ngôn hành cũng coi là không tệ, nhưng đó không phải là căn bản, vẫn là tu hành trên phương diện cành lá. Căn bản là khởi tâm động niệm, tu tốt căn bản, cành lá tự nhiên tươi tốt, đây là khẳng định, cũng chính là điều phục viên mãn. Thực tế trong pháp đại thừa nói, khởi tâm động niệm cũng là phiền não, loại phiền não này gọi là căn bản vô minh. Danh từ này rất có ý nghĩa, nên gọi là tư nghĩa, vô minh, minh là thấu hiểu. Vô minh, là hiện tại không thấu suốt, không thấu suốt điều gì? Không hiểu rõ bản thân, điểm này chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Đặc biệt là dạy học của Phật pháp đại thừa, nó dạy điều gì? Mục tiêu sau cùng là hiểu rõ bản thân, dạy học như vậy là viên mãn.

Bản thân là gì? Máy người có thể nhận thức, máy người có thể nói ra được? Đừng nói phạm phu chúng ta không nói ra được, Phật Bồ Tát trong mười pháp giới cũng không nói ra được, vì sao vậy? Vì không thấu triệt. Dùng thuật ngữ Phật pháp để nói, phá được vô minh sẽ hiểu được, phá được vô minh là người nào? Là đã thành Phật.

Trong nhà Phật thường nói: Phá nhất phẩm vô minh, chứng nhất phần pháp thân, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đó thật sự là thấu triệt, biết được bản thân là như thế

nào, hoàn toàn hiểu rõ ràng. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói, đó là Viên giáo sơ trú Bồ Tát trở lên, thật sự rõ ràng minh bạch, đó chính là điều phục viên mãn. Ai điều phục họ? Là Như Lai dạy họ, nên Như Lai gọi là Trượng Phu, Đại Trượng Phu! Tự mình gọi là Trượng Phu, lại có thể điều phục Trượng Phu. Trượng Phu là chỉ mười pháp giới, là thật không phải giả, vì sao vậy? Tất cả chúng sanh vốn là Phật. Trượng Phu là biệt danh của Phật. Là vì họ mê thất tự tánh, mê mà không giác. Tự tánh của họ có mất chăng? Không mất. Chư vị nên nhớ, là mê thất, mê tốt hơn là mất, không phải thật sự mất đi. Chỉ cần họ giác ngộ họ sẽ nhận thức được, nên mê thất không phải là mất thật. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Diễn nhược đạt đa, mê đầu nhận ảnh”, đây chính là nói rõ như thế nào gọi là mê thất, không mất đi, bản thân không biết.

Tôi giảng đoạn kinh văn này, dùng ví dụ hiện nay sẽ dễ hiểu hơn. Thời đại chúng tôi làm học sinh, học tiểu học, học trung học có tiết học quân sự, vì sao vậy? Vì chiến tranh với người Nhật bản, thời kỳ kháng chiến tám năm. Tiểu học lớp năm lớp sáu là học sinh cuối cấp, phải học quân sự, tiếp thu huấn luyện. Học tập quân sự, giáo viên huấn luyện thường cử hành tập hợp khẩn cấp. Vì học sinh lúc đó, thời kỳ chiến tranh vô cùng gian nan, người Nhật bản ném bom khắp nơi. Tôi nhớ lúc học tiểu học, năm lớp bốn bắt đầu ở nội trú trong trường, trường học đều dời về thôn quê, không dám ở thành phố. Học sinh đều nội trú trong trường, cùng sống với thầy giáo, rất tốt! Rất tiện cho việc thầy quản giáo. Nội trú trong trường, quả thật thầy trò như cha con, bạn bè như anh em chị em vậy, trường học là một đại gia đình. Tập hợp khẩn cấp, quy định dành năm phút cho học sinh tiểu học. Năm phút thức dậy, sáng sớm thức dậy, lúc đó quản giáo thổi một hồi còi, phục trang chỉnh tề đến tập hợp ở thao trường. Thường thường phát hiện có người hoảng hốt hỏi bạn bè, mũ tôi đâu không tìm thấy, không đội mũ là không được. Hỏi khắp nơi, các bạn có thấy mũ của tôi đâu không? Các bạn học chỉ vào người này, mũ không phải đang đội trên đầu bạn sao? Sờ lên trên đầu, quả là đang đội trên đầu, mũ có mất chăng? Không mất. Vì mê nên bản thân tưởng là mất, tìm khắp nơi nhưng không thấy. Đây chính là “Diễn nhược đạt đa, mê đầu nhận ảnh”, tình hình giống nhau, nên gọi là mê thất. Không mất đi, chỉ là mê nên không biết, cũng giống như mất đi.

Lục đạo, mười pháp giới đều là tình hình này, tìm lục đạo khắp nơi cũng không tìm thấy. Tuy không tìm tứ thánh pháp giới, biết là có nhưng không hưởng thụ được, vì sao vậy? Họ biết có, là Phật nói với họ có, nhưng họ không cảm nhận được họ có thật. Vì sao vậy? Vì trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, tướng hảo vô lượng trong tự tánh, họ không được thọ dụng. Chư vị nên biết, Phật trong mười pháp giới chưa khai ngộ. Sự khai ngộ này trong nhà Phật thường nói là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Phật Bồ Tát trong mười pháp giới đều không có, ngộ của họ là giải ngộ.

Ngày nay chúng ta đọc kinh nhiều, xem nhiều, trường thời huân tu, “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Tuy chưa khế nhập cảnh giới, nghe giáo huấn của Phật Bồ Tát và chư vị tổ sư đại đức, hiểu được vấn đề này. Không còn nghi hoặc, cũng có thể khẳng định, nhưng bản thân không được thọ dụng. Không được lợi ích là vì công phu tu hành của chúng ta chưa đắc lực. Quý vị xem tín giải, sau đó là hành, hành chưa đắc lực. Hành phải đắc lực mới khai ngộ.

Hành là gì? Mấu chốt tu hành chung của tám vạn bốn ngàn pháp môn, nói cho chư vị biết đó là định, tức là thiên định. Nhà Phật, tất cả hành nhân trong mười phương ba đời, hành nhân nghĩa là người tu hành đệ tử Phật, tu hành chứng quả, không ai lia được tam học giới định tuệ. Lơ là giới định tuệ, nhiều nhất chỉ được giải ngộ. Giải không có hành, rất nhiều

quan niệm ta thường lãnh hội sai lầm. Vì sao vậy? Những sai lầm này, là vì ta không thông qua tu hành, thông qua tu hành sẽ hiểu được. Kế Khai Kinh nói: Nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa. Nguyên này rất hay!

Không siêng năng tu hành, cũng chính là nói lơ là giới định, tuyệt đại đa số là hiểu sai nghĩa chân thật của Như Lai, hiểu lệch lạc nghĩa chân thật của Như Lai, hiểu lầm nghĩa chân thật của Như Lai, quá nhiều. Hạng người này, xem ra thì giống như người tu hành, tu Bồ Tát đạo, tu Phật đạo, nhưng sau cùng đều đọa vào tam đồ.

Chúng ta thấy pháp sư Từ Vân Quán Đảnh nói về pháp môn niệm Phật, có 100 loại quả báo khác nhau, loại thứ nhất chính là địa ngục a tỳ. Tự cho mình hơn người, như vậy không được. Ngạn ngữ ngày xưa có câu rất hay: “Không nghe lời người đi trước, thiệt thòi ngay trước mắt”. Người đi trước là Phật Bồ Tát, tổ sư đại đức. Quý vị xem, quý vị quan sát tường tận, không có ai không coi trọng giới định tuệ. Coi trọng giới định tuệ, cho thấy họ rất siêng năng học tập giới định tuệ.

Giới trong Phật giáo, giới căn bản là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chúng ta thấy ngũ giới mà thông thường cư sĩ tại gia tu như: Sát đạo dâm vọng; giới Sa Di, giới Tỳ Kheo, giới Bồ Tát của người xuất gia, mới bắt đầu cũng là sát đạo dâm vọng. Sát đạo dâm vọng bắt đầu từ thập thiện cho đến giới Bồ Tát, Bồ Tát đến Đẳng giác Bồ Tát đều phải tuân thủ, từ sơ học phạm phu đến Đẳng giác. Mấy giới này vô cùng quan trọng! Điều này cần thời gian rất dài, không phải chúng ta có thể tưởng tượng được, quá dài. Công đức trì giới của họ, từng bước từng bước nâng cao lên. Chúng ta chỉ có thể lý giải được nhân thiên, có thể tưởng tượng được. Giống như công đức trì giới của pháp thân Bồ Tát, chúng ta không thể tưởng tượng được. Vì vậy có thể cảm hóa chư thiên, có thể cảm hóa tứ thánh pháp giới. Đẳng giác Bồ Tát có thể cảm hóa thập địa Bồ Tát. Ở trên là tám gương của chúng ta, là mô phạm của chúng ta, chúng ta phải học theo họ. Mỗi một giới đến minh tâm kiến tánh mới được coi là viên mãn, chưa đến kiến tánh là chưa viên mãn. Nếu cho điểm, chưa đủ 100 điểm, luôn thiếu mấy điểm. Đến minh tâm kiến tánh mới viên mãn, tức là 100 điểm; Đẳng Giác Bồ Tát 99 điểm, thiếu một điểm; thập địa Bồ Tát thiếu hai điểm; cửu địa Bồ Tát thiếu ba điểm. Tôi nói như thế này quý vị sẽ có khái niệm, không được coi thường. Có khái niệm này, mới hiểu ý nghĩa của Điều Ngự, điều phục. Chúng ta mới biết ở đây phải thật sự tinh tấn nỗ lực, biết được bản thân chưa đủ, còn kém xa. Chúng ta nói đến không khởi tâm không động niệm, đúng vậy, không khởi tâm không động niệm quả thật rất đáng nể, là địa vị gì? Là sơ trụ Bồ Tát, trên sơ trụ còn 41 địa vị, sơ trụ là không khởi tâm không động niệm. Nên đây là cực kỳ vi tế, gọi là tế hạnh. Quý vị xem, Bồ Tát có tám vạn bốn ngàn tế hạnh, tám vạn bốn ngàn từ đâu đến? Tất cả đều từ Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo là gốc rễ, như vậy chúng ta không tu sao được! Vì sao không tu tốt Thập Thiện Nghiệp Đạo? Đây là điều chúng ta không thể không suy nghĩ, vấn đề này quá lớn. Tại gia học Phật không tu hành tốt Thập Thiện Nghiệp Đạo, xuất gia học Phật không học thực hành tốt Sa Di Luật Nghi, như vậy là sao? Đó là giả, không phải thật. Trong pháp thế gian mà không nỗ lực tu hành đều không thể thành tựu, huống gì Phật pháp! Phật pháp thuần chân vô vọng, điều đầu tiên là nói với ta về chân thành.

Tu không tốt Thập Thiện Nghiệp Đạo cũng không thể trách người khác, không có ai dạy. Hiện nay trong Phật giáo ai dạy Thập Thiện Nghiệp Đạo? Ở Đài Loan còn có một vài pháp sư, đôi lúc giảng Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, nhưng chỉ nói mà thôi, không có thực hành. Người nghe không y giáo phụng hành, bản thân người giảng cũng không hành trì, quý vị nói như vậy sao được?

Chúng tôi cũng ở trên thế giới này, đi qua rất nhiều nơi, thấy nhiều cũng nghĩ rất nhiều, làm sao để cứu vãn tình hình này? Vì thế liền nghĩ đến cổ nhân, dùng Nho Đạo để hỗ trợ Thập Thiện Nghiệp Đạo, khiến Thập Thiện Nghiệp Đạo có nền móng vững chắc. Chúng ta liền nghĩ đến Đệ Tử Quy của Nho giáo, Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo, mới tìm được ba nền tảng của Nho Thích Đạo. Phải bắt đầu tu từ đây, phải y theo đó mà tu hành. Nếu tinh tấn tu hành, căn bản học Phật sâu dày, trong thuật ngữ Phật giáo gọi là thiện căn sâu dày. Nếu không thực hành không có thiện căn, không có thiện căn nên niềm tin của ta đối với Phật pháp, cổ nhân gọi là: “đạo tâm giống như hạt sương”. Niềm tin không kiên cố, giống như hạt sương buổi sáng, mặt trời vừa xuất hiện thì nó không còn, đạo tâm không còn. Không có niềm tin, lấy đâu ra nguyện! Vì thế không cách nào kháng cự vô số cám dỗ trong xã hội này. Bên trong không chế phục được phiền não, bên ngoài không cách nào chống đỡ nổi sự mê hoặc. Chỉ có cái danh học Phật, không có thực chất học Phật, đây là nguyên nhân Phật pháp suy đồi. Hiện nay Phật pháp suy yếu đến cùng cực, có chùa trước đây thầy Lý Bình Nam thường nói: “có chùa không có đạo, không thể hưng giáo”, muốn khiến cho Phật giáo hưng khởi, không làm được. Phật giáo hưng khởi cần có người, người tu giới định tuệ chơn chánh có thể phục hưng Phật giáo. Người xa rời giới định tuệ, không nghiên cứu kinh giáo, họ không thể hưng khởi Phật giáo. Vì sao vậy? Vì họ nói được, dạy được, có thể trước tác rất nhiều, nhưng hai chữ Điều Ngự họ không làm được. Đạo lý là như vậy, phải tinh tấn tu hành. Người phát tâm tu hành không nhiều, rất ít thấy. Nhưng Trung quốc có 13 ức nhân khẩu, tìm 300, 500 người tu hành chơn chánh, tôi tin rằng không khó. Tìm trong số người đó, tìm người thật sự phát đại tâm, thật sự buông bỏ cái ta.

Tôi học Phật, có nhân duyên thân cận đại sư Chương Gia, đại sư dạy tôi rất đơn giản: “nhìn thấu, buông bỏ”. Nhìn thấu là gì? Thấy rõ ràng, thấy minh bạch. Rõ ràng minh bạch chân tướng, chân tướng là gì? Đức Phật thường nói, bản thân chúng ta cũng biết nói, biết nói cũng vô dụng. Đức Phật nói với chúng ta: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, chúng ta ở trong hư vọng này như thế nào? Coi nó là thật, không cảm thấy nó là hư vọng, coi nó là thật hơn người khác, như vậy thì hết cách. Quý vị chưa nhìn thấu, nên không buông bỏ được, đại sư dạy cho tôi như vậy. Vì sao không buông bỏ được? Vì họ chưa nhìn thấu. Vì sao chưa nhìn thấu? Vì họ không buông bỏ được, rắc rối là đây, cửa ải đầu tiên! Bí quyết tu học Phật pháp là bốn chữ này, nhìn thấu giúp buông bỏ, buông bỏ giúp nhìn thấu. Từ sơ phát tâm đến Như Lai địa, giống như hiện nay chúng ta đi cầu thang, đi lên từng bậc một, như vậy mới có thể đến đích được. Bước đầu tiên là khó nhất, qua khỏi bước đầu tiên, về sau sẽ rất dễ dàng.

Chúng ta bây giờ đã đến được bước thứ nhất chăng? Chưa, vì sao vậy? Vì khi đến được bước đầu tiên, chính là Tu đà hòa của tiểu thừa, trong đại thừa là Bồ Tát sơ tín vị. 51 địa vị của Bồ Tát, thập tín là tiểu học, sơ tín là lớp một tiểu học, quý vị là đệ tử Phật chơn chánh. Ở trên địa vị này, danh từ Phật giáo gọi là tiểu thánh, tiểu thánh trong tiểu thánh. Thập tín là tiểu thánh, quý vị là sơ tín, thấp nhất trong thập tín vị, tiểu tiểu thánh. Tiểu tiểu thánh đã rất tuyệt vời rồi, họ không phải phàm phu, vì sao vậy? Vì họ thật sự nhìn thấy, đã nhìn thấu. Biết được tất cả cảnh giới trong thế gian này đều là giả, không phải thật. Nhìn thấu, nên không còn chấp trước thân này là ta. Tiểu tiểu thánh đã vô ngã, mấy ai làm được điều này? Vô ngã sẽ không đối lập với người, buông bỏ thân kiến, buông bỏ biên kiến. Biên kiến nghĩa là khái niệm của đối lập, đều không đối lập với hết thảy người sự vật. Tiểu tiểu thánh có thể làm được, đã buông bỏ thành kiến. Thành kiến là gì? Tự cho mình thông minh.

Bất luận là thật hay là giả, là thiện hay là ác, là tà hay là chánh đều không quan tâm, không còn kiên trì. Phàm phu rất kiên trì, giữ chặt lập trường của mình, tư tưởng của mình, cách làm của mình. Bồ Tát sơ tín đã buông bỏ sự chấp chặt này, buông bỏ điều này có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, họ mới có thể làm được. Vì sao buông bỏ được? Vì nó là giả không phải thật. Thiện, thiện đồng nghĩa với con số không, phàm những gì có tướng đều là hư vọng! Ác, ác cũng coi như không. Hay nói cách khác, chúng ta dùng điều này mọi người dễ hiểu, tất cả đều trở về con số không, đây là Bồ Tát sơ tín vị. Bởi thế tất cả những quan niệm bất chánh đều không có, đây là Bồ Tát sơ tín vị.

Mặc dù họ chưa ra khỏi lục đạo, lục đạo phải đoạn tận kiến tư phiền não, họ chưa đoạn được. Họ chỉ đoạn kiến phiền não, chưa đoạn tư phiền não, nhất phẩm đều chưa đoạn, nhưng tuyệt đối không đọa ba đường ác. Đồng nghĩa họ có được sự bảo chứng, bảy lần lui tới cõi trời cõi người, bảy lần đến và đi họ liền vượt khỏi luân hồi lục đạo, chứng quả A la hán. Nếu chúng ta so sánh họ với tiểu thừa càng rõ ràng hơn, sơ quả đồng nghĩa sơ tín. Nhị tín là nhị quả hướng, tam tín là nhị quả. Tứ tín vị là tam quả hướng, ngũ tín vị là tam quả. Lục tín vị là tứ quả hướng, thất tín A la hán là tứ quả, bát tín là Bích Chi Phật, cửu tín là Bồ Tát, thập tín là Phật, đây là Phật trong mười pháp giới. Lên cao thêm nữa là minh tâm kiến tánh, lên cao nữa là phá được vô minh. Cũng nghĩa là nói, sáu căn trong cảnh giới lục trần, thật sự làm được không khởi tâm không động niệm. Không khởi tâm không động niệm là đã buông bỏ vọng tâm, khởi tâm động niệm là A lại da. Không khởi tâm không động niệm chuyển được A lại da, chuyển thành đại viên cảnh trí. Chuyển được A lại da tức là minh tâm kiến tánh, đó chính là sơ trụ Bồ Tát. Thiên tông gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Giáo môn gọi là đại khai viên giải, trong pháp môn niệm Phật gọi là lý nhất tâm bất loạn. Danh từ không giống nhau, nhưng cảnh giới tương đồng, cùng một vấn đề, nghĩa là đã thành Phật. Thập pháp giới không còn, lúc này họ hiện ra cảnh giới gì? Là cõi thật báo trang nghiêm.

Nói cho chư vị biết, khắp nơi đều là cõi thật báo trang nghiêm, một hiện tất cả đều hiện. Tuyệt đối không phải nói, ở đây là cõi thật báo trang nghiêm, ở đó không phải, một hiện tất cả đều hiện. Chúng ta có cảm họ liền có ứng, chúng sanh lục đạo cảm, họ liền ứng đến lục đạo, vậy phải chăng họ lại trôi lăn trong luân hồi lục đạo? Không phải, họ vẫn ở trong cõi thật báo trang nghiêm, họ biết lục đạo cũng là cõi thật báo, tam đồ cũng là cõi thật báo, quá tuyệt diệu! Họ ở trong cõi thật báo, nhưng có nghiệp lục đạo, họ thấy là lục đạo. Có nghiệp tam đồ, họ thấy là tam đồ, là huyễn tướng, không phải thật.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói xuất sanh vô tận, tùy điều gì để sanh ra? Tùy theo ý niệm của mình mà sanh ra, nên ta cần phải hiểu chân tướng sự thật. Quý vị có thể trách người chẳng? Nếu trách người khác là tạo tội nghiệp, đều là tự làm tự chịu, không liên quan đến ai cả. Không liên quan đến Chư Phật Bồ Tát, không liên quan đến thượng đế, không liên quan đến thần, cũng không liên quan đến vua Diêm la. Tất cả cảnh giới đều do ý niệm mình biến hiện ra. Nên Đức Phật nói cho chúng ta biết về quá trình thứ tự của việc tu hành, biến hiện ra cảnh giới không giống nhau.

Câu nói xuất sanh vô tận đã thức tỉnh chúng ta, quý vị xem ý niệm quan trọng biết bao, tuyệt đối không được có vọng niệm. Niệm niệm phải tương ứng với tánh đức, tánh đức là gì? Là trí tuệ, đạo đức, luân lý, nhân quả, đây là tánh đức. Các bậc thánh hiền nói: Hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình, là tánh đức. Đức Phật nói cho chúng ta về Thập Thiện, Ngũ giới, Lục ba la mật, Phổ Hiền thập nguyện là tánh đức. Chỉ cần ta quay đầu, khởi tâm động niệm nhất định tương ứng với tánh đức. Khởi tâm động niệm này là tự tánh sanh ra,

pháp vốn như vậy. Có khái niệm của chính mình chăng? Không có, giống như là tự nhiên. Nó phát sanh như thế nào? Chúng sanh có cảm, bản thân liền ứng. Chúng sanh cảm có tâm, cũng có vô tâm. Vô tâm cũng có thể cảm, minh cảm. Phật Bồ Tát ứng, bất luận là hiển ứng hay minh ứng, đều không có khởi tâm động niệm, pháp nhĩ như thị, pháp vốn chính là như vậy, nên pháp được gọi là pháp vi diệu.

Đây là điều chúng ta cần phải học tập, sau khi học phải hành, như vậy mới được. Nghĩa là nói, nhất định phải thực hành trong đời sống hằng ngày, nó sẽ khởi tác dụng. Tác dụng này mang đến cho ta pháp hỷ sung mãn, bất luận gặp phải vấn đề gì đều giải quyết dễ dàng, không cần suy nghĩ. Đây là gì? Là tâm thanh tịnh khởi tác dụng, người thường không làm được, vì sao vậy? Họ quá nhiều tạp niệm, tâm không thanh tịnh. Họ phải suy nghĩ, tư duy, vấn đề hiện tiền họ phải tư duy. Trong tư duy sinh ra rất nhiều sai lầm, đây là gì? Là trí thức. Chúng ta thường nói, trí thức không thể giải quyết vấn đề, vì sao vậy? Vì trí thức là vọng tưởng. Trí tuệ có thể giải quyết vấn đề, trong trí tuệ không có vọng tưởng, tâm thanh tịnh sanh ra trí tuệ.

Chúng ta học tập cũng rất phiền phức, nếu ta học tập mà không biết cương yếu của học tập, không biết bí quyết học tập, sẽ trở thành trí thức. Bí quyết này là gì? Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta: Chúng ta xem sách đừng chấp trước tướng văn tự, không chấp trước tướng danh tự, danh từ thuật ngữ. Điều này thực tế mà nói là nên như vậy, nhưng quan trọng nhất là câu thứ ba. Câu thứ ba là ấn tượng của ta rơi vào trong A lại da, điều này rất phiền phức. Như vậy biến thành gì? Trở thành sở tri chướng, gọi là tướng tâm duyên. Quý vị xem có tướng tâm duyên, tâm thanh tịnh không còn. Quý vị phải biết rằng, chấp trước ngôn thuyết và danh tự, tâm bị ô nhiễm. Danh tướng, tâm cũng bị ô nhiễm, nhiễm không nghiêm trọng. Ô nhiễm nghiêm trọng nhất chính là ý thức, tướng tâm duyên, tâm chúng ta phan duyên tướng này. Nghĩa là gì? Bản thân chúng ta hiểu được tư tưởng gì, ta nhận ra đây là ý gì. Chúng ta không biết kinh này không có ý nghĩa, sao ta lại thấy có ý nghĩa? Đức Phật là từ không có ý nói ra, sao ta đọc rồi lại có ý? Ý đó không phải ý của Phật, là ý của chính mình, đây là điểm khó nhất của Phật pháp. Không được dùng tướng tâm duyên. Vậy chúng ta có cần ngày ngày xem kinh chăng? Cần, chúng ta ngày ngày xem kinh, ngày ngày tụng kinh, ngày ngày nghe giảng kinh, có biết chăng? Quan hệ ở cái biết này. Khi biết, chúng ta ở đây là tu thiên định, tu tâm thanh tịnh, tu gì? Tu không chấp tướng. Nghe kinh không chấp trước tướng ngôn thuyết, không chấp trước tướng danh tự, không chấp trước tướng tâm duyên, chúng ta ở đây nghe kinh. Nghe như vậy thì sao? Nghe như vậy trí tuệ hiện tiền. Kinh của Phật, ngôn ngữ của Phật, khiến trí tuệ bát nhã trong tự tánh của chúng ta xuất hiện. Nếu chúng ta chấp tướng, trí tuệ liền bị chướng ngại. Chướng ngại này gọi là sở tri chướng, tham sân si mạn là phiền não chướng, đây là hai chướng.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biểu diễn cho chúng ta thấy, 19 tuổi ngài ra đi tham học, học suốt 12 năm, sau cùng như thế nào? Buông bỏ triệt để, ngài mới có thể nhập định, mới có thể đại triệt đại ngộ, dụng ý này rất sâu! Có cần học chăng? Cần học, nhưng phải biết cách học. Phải trong lúc học tập người phương đông nói, Phật pháp nói, về sau Nho và Đạo giáo đều nói, Ngộ tánh! Trong học tập, làm sao để khiến ngộ tánh phát khởi ra, một nghe ngàn ngộ, nghe một biết mười. Đó là trí tuệ, như vậy mới hữu dụng. Vì thế dạy học, người xưa dạy học và bây giờ dạy học hoàn toàn không giống nhau. Người bây giờ dạy học rất máy móc, hoàn toàn chấp tướng. Ngày xưa thầy giáo rất cao siêu, họ phản đối, không dùng phương pháp này.

Tôi ở Đài Trung theo học kinh điển với thầy Lý mười năm, thầy không cho chép bài. Chỗ tôi ngồi nghe giảng kinh ở hàng thứ nhất, đối diện với thầy, thầy sắp xếp như vậy, dạy tôi chuyên tâm lắng nghe. Những gì hay phải ghi chép lại vì sợ quên! Không cần thiết, trong tự tánh ta có, trong lúc nghe kinh tu tâm thanh tịnh. Quý vị xem, kinh giáo đã khắc sâu ấn tượng cho chúng ta. Trong tự tánh chúng ta có Kinh, Kinh Vô Lượng Thọ, trong tự tánh ta có Kinh Vô Lượng Thọ, không có gì khác biệt với Vô Lượng Thọ Phật. Quý vị có tin trong kinh nói: Tâm tôi tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi? Nếu như tin, ta không cần chấp trước, thật sự buông bỏ. Buông bỏ, trí tuệ liền hiện tiền, không buông bỏ là tri thức, những gì ta có được toàn là tri thức.

Tri thức có giới hạn, nơi cất giữ sách của ta không lớn, không còn chỗ để. Trí tuệ là vô tận, để hoài không hết. Mà không phải bên ngoài vào, nó sẵn có trong tự tánh chúng ta. Điều này rất quan trọng. Bởi vậy làm sao để khiến đức năng, trí tuệ trong tự tánh chúng ta hiển lộ ra? Như vậy ta nhất định phải nương vào giới để được định, nhân định phát tuệ, phải đi theo con đường này.

Phải chăng đọc kinh là tu hành? Đúng vậy, nhưng ta phải biết. Nghe kinh phải chăng là tu hành? Đúng vậy, hoàn toàn ở chỗ ta biết hay không. Người biết sẽ như thế nào? Lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp, người không biết thì chấp tướng. Người biết rất ít, người không biết rất nhiều.

Chúng ta phải rèn luyện từ từ, rèn luyện từ đâu? Chính là từ buông bỏ. Nỗ lực học tập lại không chấp tướng, như vậy là như pháp. Nếu thật sự buông bỏ tất cả, cũng không học, như vậy thì không có việc gì thành tựu, vì sao vậy? Vì ta chưa thật buông bỏ, buông bỏ thật liền khai ngộ. Vậy sao không phải học thật, tôi thật sự buông bỏ? Ta buông bỏ mà chưa buông bỏ, trong tâm ta còn có tôi đã buông bỏ tất cả, như vậy là chưa buông bỏ. Buông bỏ điều này mới có thể khai ngộ, nhưng ta vẫn còn!

Người ở trời Tứ không là những người như vậy, tôi đã buông bỏ tất cả, vạn pháp giai không, không còn gì hết. Kết quả thì sao? Quả báo của họ là trời Vô tướng trong tứ không thiên. Họ ở trong đó, nhưng không nghĩ gì cả, vì sao họ không ra khỏi đó được? Vì họ có vô tướng, chưa buông bỏ được. Tôi không nghĩ gì cả, quý vị xem, chưa buông bỏ ý niệm này. Ý niệm này biến thành Trời vô tướng, họ chịu quả báo này. Vô tướng cũng phải buông bỏ, mới thanh tịnh. Điều này rất khó, vô cùng khó khăn!

Trong pháp đại thừa nói: Không lập nhị biên, không giữ trung đạo. Không lập nhị biên nghĩa là trung đạo, ta chấp trước trung đạo, vẫn chưa buông bỏ. Vì thế phàm phu không phải chấp trước có cũng là chấp trước không, không chấp trước nhị biên lại xuất hiện trung đạo, không buông bỏ được. Buông bỏ là thật sự được đại tự tại, vô cùng linh hoạt, không có bất kỳ chướng ngại nào. Từ chỗ này cũng có thể lãnh hội được, ta có chướng ngại chăng? Có chướng ngại, có chướng ngại tức là chưa buông bỏ, buông bỏ rồi thì làm gì có chướng ngại! Từ đó cho thấy, giới định tuệ quan trọng biết chừng nào. Chúng ta muốn giúp người khác, trước tiên phải thành tựu chính mình. Đức Phật là như vậy, chính mình trượng phu, bản thân có thể điều ngự chính mình, mới có thể giúp người khác. Điều là đối với tâm mà nói, khởi tâm động niệm, là nói về điều này. Ta có thể điều khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Ngự là từ trên hành vi mà nói, ta có thể khống chế được ngôn ngữ tạo tác, không bị bên ngoài làm ảnh hưởng.

Bên dưới nói, đây là đầy đủ tứ chủng pháp: “Nếu đầy đủ bốn pháp, tức gọi là Trương Phu”. Pháp thứ nhất trong bốn pháp: “Thân cận thiện tri thức”, rất quan trọng, thân cận thiện tri thức. Ngày nay thiện tri thức ở đâu? Thật ra tất cả pháp đều là thiện tri thức, chỉ là chúng ta không biết. Pháp nào không phải thiện tri thức? Vấn đề là chỉ cần ta có thiện, ta mới biết tri thức. Bản thân ta không có chữ thiện này, thì không còn cách nào khác. Chúng ta vẫn là phàm phu, trở lại vị trí phàm phu.

Trong Đệ Tử Quy dạy chúng ta thân cận nhân giả, trong Phật pháp gọi là thiện tri thức. Người nhân từ, người có đức hạnh, người có học vấn, thân cận họ, học tập theo họ. Trong hoàn cảnh hiện nay, không tìm thấy thiện tri thức, phải làm sao? Trước tác của chư thiện tri thức vẫn lưu lại thế gian, chúng ta tìm trước tác của họ là được. Nhưng hàng sơ học chúng ta, sơ học phải tìm một vị thiện tri thức, không được quá nhiều. Quá nhiều sinh ra phiền phức, khiến chúng ta thêm loạn, chỉ cần một người.

Trước đây thầy Lý dạy tôi, ban đầu thầy dạy tôi theo thầy, cho tôi ba điều kiện. Tôi đến Đài Trung tìm thầy, nói rõ tôi rất muốn học với thầy, làm học trò của thầy. Thầy ra cho tôi ba điều kiện, điều kiện thứ nhất, lúc đó tôi đã học Phật, học được mấy năm. Hình như tôi học Phật năm 26 tuổi, tôi đến thân cận thầy vào năm 30 tuổi, được năm năm. 30 tuổi, theo học với thầy năm 30 tuổi. Thầy nói sở học trước đây của anh, bất luận học với ai, bao gồm học với thầy Phương và đại sư Chương Gia, tôi đều không thừa nhận, thầy nói với tôi thầy không thừa nhận. Anh đến đây học cũng được, nhưng tất cả phải học lại từ đầu, trước đó không tính, đây là điều kiện thứ nhất.

Điều thứ hai: Anh đến đây học, chỉ được nghe mình tôi giảng kinh dạy học, chỉ nghe một người thầy. Ngoài ra bất luận là đại đức xuất gia hay tại gia giảng kinh, anh đều không được nghe, không cho phép.

Điều thứ ba: Bắt đầu từ hôm nay, những sách vở anh xem, bất luận là kinh sách hay sách thông thường khác, chưa được tôi đồng ý đều không được xem.

Tôi nghe nói như vậy cảm thấy ông thầy này quá ngang tàng, giống như trong mắt không có ai, vì sao lại hạn chế nghiêm khắc như vậy? Không để ta nghe, đồng nghĩa là ném tai ta lại. Không cho ta xem, nghĩa là đã bịt mắt ta lại, chỉ nghe một theo mình ông. Lúc đó tôi nghe như vậy, trầm mặc khoảng năm phút mới đồng ý, tôi suy nghĩ một chút liền tiếp thu. Lúc này thầy mới nhận tôi làm học trò, sau đó thầy nói với tôi: Điều kiện này không phải là vô thời hạn, chỉ cần năm năm. Trong năm năm phải tuân thủ, không phải là vô thời hạn, chỉ năm năm. Sau khi đồng ý, khoảng được ba tháng là có hiệu quả, đầu óc rõ ràng hơn. Vì sao vậy? Vì ba tháng không xem những điều linh tinh, tâm được định tĩnh, chỉ theo một vị thầy. Khoảng mười năm sau tôi mới hiểu, đây chính là xưa nay gọi là truyền thừa. Thầy giáo nhắm trúng quý vị, muốn dạy quý vị, nếu như ta nghe nhiều thứ quá, thầy không thể dạy được, quý vị quá nhiều tạp loạn. Xem nhiều thứ quá cũng không được, dù sao chúng tôi cũng lớn tuổi. Khi tôi theo thầy học đã 30 tuổi, theo thầy Phương học là 26 tuổi, nên mới hạn chế như vậy. Nửa năm sau, hiệu quả rất thù thắng, tâm địa thanh tịnh, hình như có chút trí tuệ, có thể nghe hiểu những gì thầy nói, xem sách cũng hiểu được. Thời gian năm năm đã hết, tôi thưa với thầy: Thầy ơi, phương pháp này, em muốn tiếp tục thêm năm năm nữa, thầy nghe vậy mỉm cười. Tôi giữ phương pháp này mười năm. Đây là gì? Thật ra đây nghĩa là nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, nếu không có niềm tin đối với thầy là không được, quý vị không trụ lâu được ở đó.

Về sau tôi phản tỉnh lại, trước đây theo học với thầy Phương cũng như vậy, tuy không nói ra. Tôi vốn là muốn đến trường dự thính tiết học của thầy, thầy không cho tôi đi. Thầy nói trường học hiện nay, thầy không ra thầy, trò không ra trò, 60 năm trước! Thầy nói nếu anh đến trường học sẽ rất thất vọng, thầy đồng ý dạy tôi ở nhà thầy vào chủ nhật hàng tuần, dạy cho tôi hai tiếng, một tiết học. Học trên chiếc bàn tròn nhỏ trong phòng khách nhà thầy, hai người chúng tôi ngồi đối diện nhau, chương trình tôi học là như vậy. Tôi với thầy chưa từng quen biết, không có mối quan hệ nào. Tôi là mộ danh thầy nên tự viết thư giới thiệu mình, khi gặp mặt nói đến sau cùng kết luận, là chủ nhật hàng tuần dạy hai tiếng tại tư gia. Về sau quen với đại sư Chương Gia, đại sư rất quan tâm, rất từ bi, cũng dạy cho tôi một tuần hai tiếng. Nếu tôi làm biếng không đến, đại sư bảo thị giả gọi điện cho tôi, hỏi tôi tại sao không đến, có phải bệnh rồi chẳng? Đại sư quan tâm như vậy, không đi cảm thấy ngại, thầy quá quan tâm. Thầy Lý là nói ra điều kiện, còn thầy Phương và đại sư không nói ra. Đây là thân cận thiện tri thức.

Trong quá trình dạy học thầy Lý nói, thầy nói_Thầy rất khiêm tốn: Tôi chỉ dạy anh năm năm, năm năm sau thì sao? Tôi giới thiệu thầy giáo khác cho anh, là ai? Thầy của thầy, là đại sư Ấn Quang. Đại sư đã viên tịch, nhưng trước tác của ngài vẫn còn. Thầy giới thiệu cho tôi bốn cuốn sách, lúc đó Đài Loan chỉ có một bộ này: Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Chính biên hai cuốn thượng hạ, tục biên hai cuốn thượng hạ, bốn cuốn. Thầy giới thiệu và bảo tôi nghiên cứu bộ sách này, y giáo phụng hành, như vậy chính là đệ tử của đại sư Ấn Quang. Thầy nói với tôi, đây là một vị thiện tri thức lớn thời đương đại, thầy học pháp môn Tịnh độ với đại sư Ấn Quang. Nên sự truyền thừa của chúng tôi là từ đại sư Ấn Quang. Bây giờ toàn tập của đại sư Ấn Quang đã xuất bản, hình như là bảy cuốn bìa cứng. Thân cận thiện tri thức rất quan trọng!

Thứ hai: “Có thể nghe pháp”. Câu này hình như rất đơn giản, thật ra không đơn giản đâu. Thật sự có thể nghe pháp sao? Bây giờ chúng ta thấy một trường hợp, là bà Lưu Tố Vân, bà có thể nghe pháp. Quý vị xem, một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, bà chỉ chuyên nghe một bộ, không nghe bộ thứ hai. Mỗi ngày nghe một CD, một CD thời lượng một tiếng, nghe lặp đi lặp lại mười lần CD này. Nghĩa là mỗi ngày bà nghe 10 tiếng, mười tiếng là một đĩa CD nghe mười lần, quả đúng gọi là trường thời huân tu! Lúc đó tôi giảng Kinh Vô Lượng Thọ ở Singapore, thời gian hình như là năm 1998, giảng xong trong vòng một tháng. Mỗi ngày hai tiếng, một tháng giảng xong, 60 tiếng đồng hồ, nhanh chóng lưu thông đến Trung quốc. 60 ngày, nghe hết một bộ kinh, đều là mỗi ngày nghe mười tiếng, nghe xong nghe lại từ đầu, vẫn là mỗi ngày một CD, 10 tiếng đồng hồ, nghe suốt mười năm. Đây gọi là có thể nghe pháp! Mười năm này, chúng ta không biết công phu của bà, nhưng có thể lãnh hội được bà đạt được tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh trí tuệ. Tôi chỉ nghe bà trả lời câu hỏi trên CD, thính chúng ba bốn trăm người đặt câu hỏi, thời gian giải đáp hai ba tiếng. Bà trả lời rất viên mãn, đó là trí tuệ, trí tuệ biện tài, đó không phải là điều đơn giản. Nghe kinh phải nghe như thế, đọc kinh cũng giống như vậy. Đọc kinh đồng nghĩa là nghe theo cổ nhân, những gì cổ nhân nói trong sách. Khi nghe hiểu được ý nghĩa, muốn không nghe cũng không thể, đây là pháp vị! Cổ nhân nói: thế vị gian sao đậm bằng pháp vị! Quý vị vừa tiếp xúc, bất luận là nghe hay xem, khi tâm hoan hỷ hiện tiền không muốn nghe cũng không được.

Hồ Tiểu Lâm báo cáo, ông ta nói hiện nay ông ta đọc kinh mỗi ngày 12 tiếng, quên hết, đến ăn cơm uống nước, đi nhà vệ sinh cũng quên. Chuyên chú, pháp hỷ sung mãn! Ông nói

với chúng tôi, mỗi ngày ông bắt đầu tụng kinh vào 8h30 sáng, đến 8h30 tối, 12 tiếng. Ông đã thực hành được câu nói này, câu trước cũng làm được, hai câu.

“Tư duy nghĩa”, tư duy này không phải là tương tâm duyên, vừa nghe lập tức hiểu nghĩa, vừa xem đã hiểu, đây gọi là tư duy nghĩa.

Câu sau cùng rất quan trọng: “Như thuyết tu hành”, đem những gì mình hiểu, mình bạch thực hành trong cuộc sống hằng ngày, cuộc sống sẽ hạnh phúc mỹ mãn. Thực hành trong công việc, công việc ta làm rất an vui, nhẹ nhàng thuận lợi. Thực hành trong đời sống hằng ngày như đối nhân xử sự tiếp vật, chần chẫn ta thực hành được thành kính khiêm hòa, đúng là một cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn. Pháp Nho giáo của thế gian đều có thể đạt được, những gì ta thể hiện ra, nghĩa là nói những đức mục của thánh hiền, ta đều biểu hiện ra, đều làm được. Hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình, huân tu thời gian dài sẽ thành công. Đây gọi là Trượng Phu, là tiêu chuẩn của Trượng Phu.

“Hội Sớ lại nói: Đây đủ lực dụng của Đại Trượng Phu”. Đại Trượng Phu là pháp thân Bồ Tát, cũng chính là lời người xưa nói: minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, Nho giáo gọi là thánh nhân. Trượng phu là hiền nhân, thêm vào chữ đại là thánh nhân. Trong Phật pháp thêm vào chữ đại là Phật, không có đại là Bồ Tát.

Lực dụng của Đại Trượng Phu. “Lực là thập lực, tứ vô sở úy, mà nói chung chung các pháp, điều phục chế ngự tất cả chúng sanh, khiến lìa cấu nhiễm, được đại niết bàn”. Họ có năng lực này, đây là một chữ điều một chữ ngự. Họ giảng kinh thuyết pháp, nói những đạo lý này, khi ta nghe xong có thể tin, có thể hiểu, pháp hỷ sung mãn, đây là họ dạy học. Sau khi thấu triệt, trong cuộc sống hằng ngày, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tự nhiên không trái tánh đức. Đây là ngự, nghĩa là ta có thể khống chế, ta có thể kiểm soát bản thân mình. Đây không phải nói người khác, mà là kiểm soát hành vi của chính mình, không để vượt ra ngoài phạm vi quỹ đạo.

Nếu dùng tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán để nói, điều nghĩa là tùy duyên diệu dụng, ngự là làm điển hình cho tất cả chúng sanh. Dùng hành vi làm phép tắc cho thế gian, hoặc là dùng hành vi làm điển phạm cho thế gian, đều có thể làm gương tốt cho người thế gian. Thế gian này là mười pháp giới, không những là lục đạo, còn làm gương cho tứ thánh pháp giới. Đây là lực dụng dạy học của Đức Phật. Tất cả chúng sanh trong này là chỉ mười pháp giới.

“Khiến xa lìa cấu nhiễm”, hai chữ phiền não là đại danh từ của phiền não. Cấu là phiền não chướng, nhiễm là sở tri chướng. Quý vị biết quá nhiều thứ cũng tạo thành chướng ngại, những thứ này bây giờ gọi là tri thức. Quý vị xem trong Phật pháp nói “chuyển thức thành trí”. Phàm phu là biến trí thành thức, trí biến thành thức chính là phàm phu, thức quy nguyên thành trí tuệ liền khai ngộ.

Trong lục đạo đích thực trí tuệ hoàn toàn biến thành tri thức, biến thành phiền não. Trong Phật pháp nói: chuyển phiền não thành bồ đề. Cho thấy phiền não và trí tuệ là một không phải hai, chỉ là mê và ngộ khác nhau. Giác ngộ, phiền não tức là trí tuệ, mê trí tuệ liền trở thành phiền não. Khi mê trí tuệ biến thành tri thức, khi giác ngộ tri thức liền trở thành trí tuệ, không giống nhau, mê ngộ bất đồng! Đây là muốn Phật Bồ Tát giúp chúng ta giác ngộ.

Phiền não chướng không còn, sở tri chướng không còn, ta được đại niết bàn. Đại niết bàn tức là chân như tự tánh, trở về tự tánh. Trong Tịnh độ gọi là trở về thường tịch quang, đây là địa vị gì? Diệu giác vị, cao hơn Đẳng giác. Trở về thường tịch quang, công đức chúng ta được viên mãn.

Bên dưới có một vấn đề, đưa ra câu hỏi này rất hay: “Hỏi, nữ nhân vân vân cũng nên hóa độ, sao chỉ dùng tiêu chuẩn Trọng Phu?” Vì trọng phu là nam nhân, Đức Phật quan tâm nam nhân như vậy, đều muốn độ họ, còn nữ nhân thì sao? Bên dưới đã nói rõ ra, trọng phu bao gồm nữ nhân trong đó, cần phải hiểu điều này. Trong Đại Trí Độ Luận nói. “Đại Trí Độ Luận đáp rằng: Nếu nói trọng phu, hai căn”, hai căn nghĩa là nam nữ, đầy đủ cả nam căn và nữ căn. “Vô căn”, yếu sinh lý là thiên nhiên, tự nhiên, hiện nay chúng ta nói là khiếm khuyết bẩm sinh. “Cập nữ”, nữ chúng đều hàm nhiếp trong đó, “nên gọi là Trọng Phu”. Trọng Phu trong kinh Phật nói là bao gồm cả nữ chúng, đến vô căn đều bao hàm trong đó, như vậy mới viên mãn. “Gọi là Trọng phu, tức đại khai nhiếp cả phụ nữ, vô căn và nhị căn vân vân”. Câu này là chú giải của Hoàng Niệm Lão. Đây là ý nghĩa trong Đại Trí Độ Luận, chúng ta sẽ không hiểu lầm. Trong Phật pháp rất bình đẳng, Phật pháp tuyệt đối không có trọng nam khinh nữ. Chúng ta thấy nữ giới, trong Giới Kinh hình như không bình đẳng. Sắp xếp trong Giới Kinh, chúng ta là phàm phu, nam giới nhất định ở trước, nữ giới đứng sau nam giới. Giới Tỳ kheo có 250 điều, giới Tỳ kheo ni có hơn 300 điều, vì sao nhiều hơn nhiều như vậy? Đây là tùy việc mà xét. Nguyên nhân là gì? Thông thường nữ giới tình chấp sâu nặng hơn, nên khi Đức Phật dạy nữ giới cũng nghiêm khắc hơn. Đây là phương diện sự tương, còn về lý không có gì sai biệt. Về mặt sự tương cũng không phải tuyệt đối, cũng có nữ giới đặc biệt, kiệt xuất, trí tuệ đức năng đều hơn nam giới, chúng ta thấy trong Kinh Pháp Hoa, Long Nữ tám tuổi thành Phật. Không những là nữ giới, mà giống cái trong đường súc sanh, có một số người đều không sánh được, cũng có trường hợp rất kiệt xuất. Nhất định phải hiểu những đạo lý này. Phật pháp là pháp bình đẳng không có đối lập, không có đối lập mới thật bình đẳng.

Quý vị xem từ sơ tín trong thập tín, không còn ý niệm đối lập này. Như vậy chúng ta biết được, Đức Phật giáo hóa chúng sanh là dùng pháp phương tiện, phương tiện thiện xảo. Giúp chúng ta đoạn trừ những tập khí từ vô thị kiếp đến nay, tập khí phiền não, phải dùng những phương pháp này. Tập khí phiền não không còn, pháp này không dùng đến. Không dùng đến nhưng Phật pháp vẫn coi trọng như thế, không dùng đến vẫn coi trọng như vậy, đây là vì sao? Là biểu pháp, để cho hàng sơ học nhìn thấy. Nếu chúng ta phé bỏ hết những điều này, người sơ học nói, chúng ta cần gì phải học nó? Dụng ý chính là như vậy. Phải thường nghĩ đến có nhiều kẻ sơ học, phải làm gương cho họ học tập, thể hiện ra cho họ thấy. Làm như vậy, bản thân có điều gì bất biến chăng? Không có, vì sao vậy? Bản thân hoàn toàn là không, làm gì có bất biến? Bởi vì làm mà không làm, không làm mà làm. Là tự nhiên, trở thành tự nhiên, không có dấu vết tạo tác, không thể tìm thấy. Đây là đức năng của Bồ Tát!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới. “Thứ chín, Thiên Nhơn Sư. Tịnh Ảnh Sớ nói: Có thể dùng chánh pháp tiếp cận giáo huấn trời người, gọi là Thiên Nhơn Sư. Hội Sớ nói: Tất cả cõi trời nhân gian, ma vương ngoại đạo, thích phạm thiên long, thủy đều quy mạng, y giáo phụng hành, đều làm đệ tử, nên hiệu là Thiên Nhơn Sư”. Đức hiệu này, phạm vi của nó nhỏ hẹp hơn, chỉ giới hạn trời người trong lục đạo. Vì trong tất cả chúng sanh, đặc biệt là cõi người. Quý vị xem Bồ Tát thị hiện thành Phật đều ở cõi người, không có thị hiện ở cõi trời. Biểu pháp này có ý nghĩa rất sâu sắc.

Phật giáo thường nói: “Giàu sang học đạo khó”, quý vị xem người giàu có trong thế gian, nếu bảo họ đến học Phật. Quý vị bảo họ đốt hương trên đầu họ làm được, họ đồng ý làm điều này, nhưng bảo họ đến nghe giảng kinh hai tiếng đồng hồ họ lại vô cùng khó khăn, họ ngồi không yên. Vì sao vậy? Vì họ đã quen hưởng lạc, đời này họ vui nhiều khổ ít. Nếu

bảo họ phải xa rời nó để cầu sanh thế giới Cực Lạc, tôi ở đây đâu thua gì thế giới Cực Lạc, họ không sanh khởi được ý niệm này. Vì thế giàu có học đạo khó, trong tám nạn, giàu có là một trong tám nạn đó, đối với họ học đạo rất khó khăn.

Bần cùng học đạo khó, người nghèo khổ ngày ăn không đủ ba bữa, ta bảo họ đến nghe kinh, họ đâu có tâm trạng này? Họ bận lo mưu sinh cho cuộc sống. Nên người học Phật thích hợp nhất là thuộc gia đình trung lưu, không giàu lắm cũng không nghèo quá. Những người này rất thích hợp, họ như thế nào? Họ biết khổ, họ biết rất rõ về khổ vui, rất thấu triệt. Đức Phật dạy lìa khổ được vui, rất có thể đánh trúng tâm lý của họ, nên họ đến học Phật.

Tình hình trong lục đạo cũng như vậy. Cõi trời phước báo lớn, nên thiên nhân học đạo cũng khó, đúng vậy, không dễ. Đặc biệt là nói về Tịnh độ, rất khó tiếp thu. Ba đường ác khổ, Phật độ ba đường ác không dễ. Đức Phật nói rất rõ ràng, độ chúng sanh trong ba đường ác, là những chúng sanh nào? Ở nhân gian học Phật, học rất có căn bản, nhưng không y giáo phụng hành, nên đọa vào ba đường ác. Vì vậy trong A lại da của họ có hạt giống Phật pháp. Hay nói cách khác, họ có thiện căn, có nền tảng này, như vậy Phật mới độ họ được dễ dàng. Nếu không có nền tảng sâu dày, không cách nào độ thoát được người trong ba đường ác, như vậy thì sao? Chỉ để họ thọ báo. Trên thực tế ba đường ác như giam ngục vậy, quý vị phạm tội đã phán quyết, cần nhốt bao nhiêu năm, hết thời kỳ tù tội mới được ra. Ba đường ác cũng như vậy, quý vị tạo ra tội nghiệp thì phải thọ khổ báo này. Thọ báo xong, nó có kỳ hạn, có thời hạn, sau khi thọ báo xong lại trở về nhân gian. Có những người thiện căn sâu dày, khi đến cõi người được nghe Phật pháp, từng bước từng bước nâng cao lên, nhưng thiện căn phải sâu dày. Thiện căn sâu dày vì sao đọa vào ba đường ác? Cũng chính là nội tâm không địch lại được tập khí phiền não, nên bị ngoại cảnh mê hoặc. Đặc biệt là xã hội hiện nay, rất dễ phá giới, rất dễ phạm tội, mở Giới Kinh ra xem đều là đọa vào ba đường ác, vì vậy mà đọa. Nhưng khi ở thế gian, họ có thời thời gian dài tu học Phật pháp, nên tảng này rất dày. Phật Bồ Tát ở trong đường ngạ quỷ, trong đường địa ngục, đường súc sanh đều độ được họ. Vì thế nên nói chúng sanh trong ác đạo được độ, khi ở cõi người họ đều có nền tảng tu học rất tốt, không uổng phí thời gian học Phật ở nhân gian. Đôi lúc làm sai bị đọa vào ba đường ác, Bồ Tát vẫn quan tâm họ, “đệ tử Phật môn không bỏ một ai”, từ bi vô tận! Vì thế đức Phật được gọi là Thiên Nhơn Sư. Trong Tịnh Ảnh Sớ nói, có thể dùng chánh pháp thân cận giáo huấn trời người. Cận là cứu cánh, đến giáo huấn thiên nhân, gọi là Thiên Nhơn Sư, danh hiệu này xuất phát từ đây.

Trong Hội Sớ nói rất rõ ràng, tường tận. Tất cả cõi trời hay nhân gian. Đức Phật ở cõi trời hóa độ chúng sanh, chỉ nói đến Trời sắc giới, không có Trời vô sắc. Trời vô sắc giới gọi là Trường thọ thiên, một trong tám nạn. Trong tám nạn này, Phật không thể độ được họ, họ không tiếp thu. Trời tứ không, trong này không có thiên tai, vì sao vậy? Vì họ không có thân thể, cũng không có phòng nhà cư trú. Chúng ta dùng cách nói thông thường của người thế gian, đây là linh giới, nghĩa là giới của linh hồn, họ cũng có bốn tầng cao thấp khác nhau, là linh giới. Hoàn toàn là tu định công, không cần thân thể, không cần sắc thân này. Nghĩa là hoàn toàn không cần đến thân thể vật chất này, không có bất kỳ phiền toái nào, thọ mạng của họ rất dài. Đức Phật có thể giáo hóa tứ thiên trở xuống, tứ thiên 18 tầng trời, thêm 6 tầng trời của dục giới, 24 tầng. Trong này có Phật, Bồ Tát. Bồ Tát có thể thị hiện thân Bồ Tát, thị hiện thân chư thiên để giáo hóa thiên nhân. Cần lấy thân gì để độ thoát, Phật liền thị hiện thân đó, ngài không hề khởi tâm động niệm. Hiện như thế nào? Tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng.

Chúng sanh thích thân gì, muốn ai đến độ họ, ngài liền hiện thân như vậy để độ họ, cảm ứng đạo giao.

Ngày nay chúng ta khởi tâm động niệm nghĩ đến Phật Bồ Tát, các ngài có đến chăng? Đến. Ở đâu? Khi ta nghĩ đến các ngài, các ngài ở ngay trước mắt, vì sao không nhìn thấy được? Vì tập khí phiền não của chúng ta quá sâu nặng, đã ngăn che không cho chúng ta thấy, không phải họ không đến. Họ đến, nhưng ta không nhìn thấy. Họ thấy chúng ta, chúng ta không thấy họ. Nguyên cầu của chúng ta hy vọng Phật Bồ Tát gia hộ, họ thật sự gia trì. Nhưng nếu chúng ta tạo ra ác nghiệp, họ cũng đành chịu, vì sao vậy? Không giúp được. Đến khi nào mới giúp được? Khi nghiệp chướng tiêu trừ, cảm ứng của sự nguyện cầu của chúng ta liền hiện tiền.

Điều này trước đây đại sư Chương Gia nói với tôi, đại sư nói: Đệ tử Phật môn, có cầu tất ứng, nói đến điều này. Thật như vậy, tuyệt đối không phải giả. Chúng ta muốn cầu rất nhiều, nhưng đều không có cảm ứng, không cầu được. Đại sư nói, không phải cầu không được, là do ta có nghiệp chướng, sám trừ nghiệp chướng, tất cả những mong cầu của ta đều xuất hiện. Trong Phật pháp gọi là thời tiết nhân duyên, thời tiết nhân duyên này là tự mình quyết định, tự mình tạo nên, vấn đề không ở bên ngoài. Đúng vậy, ứng với câu nói của cổ nhân: “Hành hữu bất đắc phản cầu chư kỷ”, toàn là tự làm tự chịu. Nếu chúng ta oan trời trách đất, nói Phật Bồ Tát không linh, tổ tông không gia hộ, đó là tạo nghiệp. Làm gì có chuyện tổ tông không yêu thương đời sau? Không có đạo lý này. Đâu có chuyện Phật Bồ Tát không từ bi? Bản thân tạo ra nghiệp chướng, khiến sức gia trì của người ta không gia trì được, bị nghiệp chướng của chúng ta kháng cự, đạo lý là như vậy. Nên khi cầu không được, chúng ta cần phải phản tỉnh xem, chúng ta cần phải tu sám hối. Sám trừ nghiệp chướng, những sở cầu của mình liền được mãn nguyện, phải thật sự sám trừ. Không phải trước Phật Bồ Tát, quỳ xuống cúi đầu đốt hương cầu nguyện, sám trừ như vậy không hiệu quả. Phải sám trừ từ đâu? Sám hối từ trên tâm địa của chính mình. Sám bằng cách nào? Đại sư Chương Gia dạy: “Về sau không tạo nữa”, đó gọi là chơn sám hối. Đã sám hối xong, ngày mai bệnh cũ lại tái phát, như vậy không được, nó sẽ không mang lại sự cảm ứng. Phải giác ngộ, thật sự quay đầu, vấn đề mới giải quyết triệt để.

Chúng ta thử nghĩ xem, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, rất nhiều điều trái với tánh đức! Chúng ta suy nghĩ tưởng tượng, dùng tiêu chuẩn của truyền thống xưa, hiểu đã làm được chăng? Hình như là làm được, thật ra còn kém xa tiêu chuẩn này. So với thánh nhân như Nghiêu Thuấn Vũ Thang, hiểu để của chúng ta sánh được với họ chăng? Trung tín của chúng ta so với họ, nhân ái của chúng ta so với họ. So sánh nó không giống, thua kém quá xa, như vậy mới biết tại sao bản thân không có cảm ứng.

Dùng Phật pháp, tiêu chuẩn của Phật pháp là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chúng ta luôn cho rằng mình thực hành rất tốt Thập Thiện Nghiệp Đạo, không sát sanh chúng ta làm được, không sát sanh lên cao thêm một bậc nữa là gì? Là yêu thương chúng sanh, điều này chúng ta chưa làm được. Đây là bao gồm không sát sanh, trong điều giới luật này. Yêu thương chúng sanh, quan tâm chúng sanh, thành tựu tất cả chúng sanh, hoàn toàn ở trong giới cấm này. Nên triển khai giới cấm này là tám vạn tế hành, xem bên ngoài thì tương đối, nhưng nhìn vào trong tế hạnh, chúng ta biết là thua xa, sao có thể sánh với Bồ Tát! Không những không sánh bằng Bồ Tát, mà không sánh được với A la hán, không sánh bằng thiên nhân, không sánh bằng thánh hiền của thế gian, vậy thì còn gì để nói nữa!

Vì thế chúng ta không có cách nào, bản thân chưa làm tốt, làm sao có thể dạy người khác? Dạy người khác họ cũng không nghe, không có cách nào khác. Hai chữ điều ngự là tiêu chuẩn của dạy học, phải khiến cho người thọ giáo tâm phục khẩu phục, khâm phục tuyệt đối.

Nghĩ lại chúng ta, tâm thái lúc chúng ta thân cận thiện tri thức, xem lại bây giờ chúng ta dạy người khác, người ta có tâm thái này chăng? Không tìm thấy, vậy phải làm sao? Bản thân phải đề cao cảnh giác, phải không ngừng nâng cao chính mình. Bản thân nâng cao đến trình độ nhất định, có học sinh nào đến chăng? Có, người hiếu học, người có thiện căn, tự nhiên họ gặp được. Không có niềm tin này, không có nguyện này, Phật Bồ Tát ở ngay trước mắt cũng vô dụng, bỏ lỡ qua ngay trước mắt.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta thấy, đương thời ở đại thành Xá Vệ, đại thành Xá Vệ có mười vạn cư dân, lúc đó mười vạn dân là đô thị lớn. Đức Phật ở đó giảng kinh thuyết pháp thời gian rất dài. Chúng ta biết cuộc sống của ngài là ngày ngày ra đi khắp thực, nên đường lớn ngõ nhỏ ở đó ngài đều đi qua. Người biết được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, biết ngài, quen ngài, từng thấy ngài chỉ có 1/3 số người. Biết được có Đức Phật, nghe tên ngài nhưng chưa từng thấy, chưa từng gặp Phật cũng có 1/3 số người. Còn 1/3 căn bản không hề hay biết, đến tên ngài cũng không hề nghe đến. Ở trong cùng một khu vực, nhân duyên lại không giống nhau.

Bởi vậy nỗ lực nâng cao cảnh giới của chính mình, quan trọng hơn bất kỳ điều gì. Rộng kết pháp duyên với tất cả chúng sanh, điều này quan trọng. Hiện tại có người đến học hay không không quan trọng, có người được độ không cũng không quan trọng, nâng cao cảnh giới chính mình mới quan trọng. Vì sao vậy? Vì bản thân thành tựu, ta có thể quán cơ, quán cơ là gì? Có túc mạng thông, có tha tâm thông. Người này đời đời kiếp kiếp ở trong đường nào, trong đời quá khứ làm những hạnh nghiệp gì, có từng học Phật chăng, học những pháp môn nào, ta đều rõ như trong lòng bàn tay. Sau khi gặp rồi, giảng kinh dạy học sẽ khế cơ. Khế cơ họ sẽ hoan hỷ, dễ dàng tiếp thu.

Từ đó cho thấy, chúng ta tự học với hóa tha, tự học là chủ yếu, hóa tha là thứ yếu. Thực tế mà nói hóa tha nghĩa là kết pháp duyên, kết pháp duyên phải có trí tuệ, phải có từ bi. Chúng sanh có lỗi lầm, đừng để nó trong lòng, vì sao vậy? Vì đó là lẽ đương nhiên, không có gì kỳ lạ. Để trong lòng chúng ta sẽ bị đọa lạc, như vậy là sai, vì sao vậy? Vì họ làm ô nhiễm tâm thanh tịnh của chúng ta. Căn bản không để trong lòng, tự nhiên miệng cũng không hề nhắc đến. Miệng phê bình sẽ tạo ra khẩu nghiệp, tạo ra ác nghiệp. Để trong tâm là ý nghiệp, như vậy là sai. Nhất định phải giống như đức Phật xem chúng sanh vậy, Đức Phật xem chúng sanh như thế nào? Tất cả chúng sanh vốn là Phật. Tạo tội nghiệp của địa ngục A tỳ, xem ra quý vị cũng rất dễ thương. Có thể thấy họ nhất thời hồ đồ, nên đọa vào địa ngục A tỳ, đi một vòng lại trở về. Phải dùng tâm này để nhìn chúng sanh, không được có tâm oán hận, tất cả đều là biểu pháp. Họ ở trước mắt chúng ta là biểu pháp cho chúng ta thấy, chúng ta ở đây tiếp thu giáo dục. Quý vị xem, họ thể hiện cho chúng ta thấy, họ tạo ra nghiệp ác gì sẽ bị đọa vào địa ngục để thọ báo. Đây không phải là để cho chúng ta thấy sao? Đây là nói với chúng ta rằng, tuyệt đối đừng có ý niệm này, đừng có hành vi này. Họ không phải là thầy chúng ta sao? Cảm ân còn không kịp, sao có thể báo oán! Bởi vậy nhất định phải học, thế gian này tất cả mọi người đều là người tốt, trong mắt chúng ta mọi việc đều là việc tốt. Bất luận là chính diện hay phản diện, thiện hay ác, thuận cảnh hay nghịch cảnh, đều là việc tốt.

Đạo lý này, tu hành như vậy, chính là 53 lần tham học của Thiện Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm, nên ngài viên thành Phật quả trong một đời. Trong cảnh giới tu được

thanh tịnh bình đẳng giác, điều này quan trọng. Cảnh giới hiện tiền thường khởi tâm động niệm, cái này tốt, cái kia xấu, không dễ đột phá cửa ải này. Đây là gì? Là phân biệt chấp trước. Phật pháp dạy chúng ta phá trừ phân biệt chấp trước, chúng ta vẫn ở trong cảnh giới này phân biệt chấp trước, biết bao giờ mới ra khỏi được!

Khi học Hoàn Nguyên Quán, học được một bản lĩnh, quy tất cả pháp về với con số không, hoàn nguyên. Trở về số không là trở về tự tánh, không còn nữa. Biết tất cả pháp, bất luận là tinh thân hay vật chất, vật chất dù nhỏ_hiện nay nói là một lượng tử, đều đầy đủ viên mãn thể của ngũ âm, sắc thọ tướng hành thức, có tồn tại chăng? Không tồn tại, sát na, một sát na là không còn. Quả thật giống như điện chớp vậy, còn nhanh hơn cả điện chớp, nó không tồn tại. Thiên cũng không tồn tại, ác cũng không tồn tại, không có một pháp nào tồn tại thật sự, vô thường. Tâm chúng ta thanh tịnh, không còn phân biệt, không còn chấp trước, điều này giúp ích rất lớn cho việc tu hành của chúng ta. Đây gọi là nhìn thấu, hiểu rõ chân tướng của tất cả pháp, chân tướng không tồn tại.

Các nhà khoa học khẳng định vật chất không tồn tại, vật chất là hiện tượng tinh thần biến hiện ra. Họ cho rằng tinh thần tồn tại, năng lượng tồn tại, nhưng đều không tồn tại. Năng lượng là nghiệp tướng của A lại da, tinh thần là chuyển tướng của A lại da, tất cả đều là giả. Tự tánh mới tồn tại thật sự, tồn tại vĩnh hằng, lục căn không tiếp xúc được, nhưng nó tồn tại mọi lúc mọi nơi. Nên tất cả chúng ta đều phải dựa vào tự tánh, phải tương ưng với tánh đức, như vậy mới đúng.

Ở đây không những là cõi trời cõi người, còn có ma vương ngoại đạo, thích phạm. Thích là Thích đề hoàn nhơn, người Trung quốc gọi là Ngọc hoàng đại đế, ông tượng trưng cho Trời dục giới. Phạm tượng trưng cho Trời tứ thiên. Bên dưới là thiên long, thần thiên long bát bộ hộ pháp. “Hết thầy đều quy mạng, y giáo phụng hành, đều làm đệ tử, nên hiệu là Thiên Nhơn Sư”. Đức Phật vĩnh viễn ở địa vị thầy giáo xuất hiện ở thế gian.

“Hợp Tán lại nói: Tuy chư Phật vì tất cả chúng sanh mà làm vô thượng đại sư. Trong các chúng sanh, chỉ người và trời có thể phát tâm vô thượng đại bồ đề, nên danh hiệu Phật là Thiên Nhơn Sư”. Đây lại thêm một ý. Vì chỉ có trong cõi người, có thể thành Bồ Tát, có thể thành Phật, để được độ. Pháp môn phương tiện nhất là pháp môn Tịnh độ, gặp được pháp môn Tịnh độ, hiểu rõ ràng, nhất tâm niệm Phật, không có ai không được độ, vãng sanh lập tức thành Phật, không thể nghĩ bàn!

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 162
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyên ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: 10.10.2010
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 186, hàng sau cùng.

“Thứ mười, Phật Thế Tôn. Thành Thật Luận chia thành hai hiệu, lấy Phật làm hiệu thứ chín, Thế Tôn làm hiệu thứ mười”. Đây là nói trong kinh đối với mười hiệu của Như Lai có khai hợp khác nhau. Ở trước cũng đã từng nói, ở đây nhắc lại một lần nữa. “Nay y theo Kinh Niết Bàn, hợp Phật Thế Tôn thành hiệu thứ mười”.

Bên dưới giải thích cho chúng ta: “Phật tức là giác, tự giác giác tha và giác mãn, tam giác viên mãn, nên gọi là Phật”. Chữ Phật này là từ tiếng Phạn của Ấn độ dịch sang, từ âm tiếng Phạn dịch qua. Tiếng Phạn chữ này dịch là Phật Đà Da, người xưa thích đơn giản, đã tinh lược bớt âm đuôi. Nên có khi gọi là Phật Đà bỏ bớt chữ Da, gọi là Phật thì bỏ bớt hai chữ, tinh lược bớt hai chữ Đà Da. Có hai ý nghĩa, một là trí, hai là giác. Nói trí là từ thể mà nói, nói giác là từ dụng mà nói. Trí có ba loại trí, nhất thiết trí, đạo chủng trí, nhất thiết chủng trí, đây là hàm nghĩa trong chữ này. Bên trong có trí, ngoài mới có thể giác ngộ, không có trí thì giác bằng cách nào? Nên dùng giác là bao hàm cả trí, trí là thể, giác là dụng. Có dụng là đương nhiên, nhưng không có trí tuệ làm sao nó khởi dụng? Nên dùng chữ này bao hàm trí trong đó. Ở đây chúng ta nói sơ lược một chút.

Nhất thiết trí là trí pháp tổng tướng, pháp là tất cả vạn pháp giữa vũ trụ. Ngài Huệ Năng khai ngộ nói: “năng sanh vạn pháp”, giữa vũ trụ không sót một thứ nào, vô cùng viên mãn. Dùng một đại danh từ chung để nói gọi là pháp, thông thường cũng phân nó ra để nói, phân ra là sáu chữ. Tánh là thể tánh của tất cả pháp, tướng là hiện tượng của tất cả pháp, sự, lý, nhân, quả, dùng sáu chữ này để tượng trưng cho tất cả pháp. Chỉ đơn thuần một pháp, tánh tướng sự lý nhân quả đều bao hàm trong đó, không sót điều nào.

Nhất thiết trí, tổng tướng là gì? Tổng tướng là không, gọi là vạn pháp giai không, nhân quả cũng là không. Nhưng chư vị nên biết, chúng ta cũng thường thấy trong Phật pháp nói: “vạn pháp giai không, nhân quả bất không”. Nói như vậy là sao? Nhân quả và vạn pháp đồng thời sanh khởi, vạn pháp là không, làm gì có lý nhân quả bất không! Chẳng qua không ở đây phải chứng tận cùng mới không. Cùng là đến cực điểm, cũng nghĩa là nói Diệu giác vị, trở về với thường tịch quang, trở về với tự tánh, lúc này không còn nữa, chưa trở về với tự tánh đều có. Hay nói cách khác, trong cõi thật báo trang nghiêm có nhân quả chẳng? Có, chỉ trong thường tịch quang không có. Những người sống trong cõi thật báo, Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta, giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc: “đều là chư thượng thiện nhơn câu hội một nơi”. Chư thượng thiện nhơn, đây không phải là người bình thường, là pháp thân đại sĩ. Trong Kinh Hoa Nghiêm là sơ trụ trở lên, nghĩa là thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Đẳng giác. 41 địa vị này ở trong cõi thật báo, không phải người thường có thể ở được. Nhưng Tịnh tông rất đặc biệt, nên đây gọi là pháp khó tin. Trong tất cả kinh giáo không có nói như vậy, trong quốc độ của chư Phật cũng chưa từng thấy, chưa từng nghe. Duy chỉ ở thế giới Cực Lạc không giống nhau, nó rất đặc thù. Người ở trong cõi phàm thánh đồng cư, vắng

sanh đến thế giới Cực Lạc, cũng làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát, nói cho chư vị biết chính là cư dân của cõi thật báo, địa vị thấp nhất đều là Viên giáo sơ trụ. Theo thói quen của người xưa chúng ta nói, mỗi người đều là người minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, họ không phải người bình thường. Như vậy là sao? Trong kinh nói một cách rất rõ ràng, là oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Như vậy mới biết, ngày nay chúng ta học Phật, muốn ngay trong đời này giải thoát. Vĩnh viễn thoát ly lục đạo, mười pháp giới, đến thế giới Cực Lạc, như vậy là đã thành Phật, vì sao vậy? A Duy Việt Trí nghĩa là đã làm Phật, viên chứng tam bất thoái, viên mãn! Nghĩa là ta đều chứng được cả ba loại bất thoái. Đây là vị bất thoái, vị bất thoái là A la hán, hành bất thoái là Bồ Tát, niệm bất thoái là Phật. Quý vị hoàn toàn chứng được, vĩnh viễn không thoái chuyển, đến thế giới Cực Lạc, nhất định chứng được quả vị Diệu giác. Thế giới Cực Lạc bảo đảm cho quý vị, pháp môn vô cùng thù thắng. Đây là nói, trí thứ nhất là nhất thiết trí, nhất thiết trí là vạn pháp giai không.

Điều này bây giờ chúng ta đã biết, đọc Hoàn Nguyên Quán, đọc Kinh Hoa Nghiêm mới biết. Không những hiện tượng vật chất là giả, thọ tướng hành thức cũng đều như vậy. Trong Tâm Kinh nói rất rõ ràng: “sắc tức thị không, không tức thị sắc, sắc bất dị không, không bất dị sắc”. Sắc chính là vật chất, thọ tướng hành thức cũng đều như vậy, không có gì khác, cũng là không. Ta biết được vấn đề này, mà còn khẳng định nó, chứng được nó. Đây là ai? Là A la hán, Bích Chi Phật, nên họ đã vượt thoát luân hồi lục đạo. Nhưng giữa vũ trụ, thập pháp giới y chánh trang nghiêm, rốt cuộc là như thế nào. Họ biết được tất cả đều là không, nhưng vì sao có hiện tượng này? Vì sao tồn tại những thứ này? Vấn đề này A la hán không biết được, nhưng Bồ Tát biết, nên trí tuệ của Bồ Tát cao hơn A la hán. Bồ Tát biết được tất cả pháp này.

Chúng chúng là hình dung nhiều. Đạo chúng trí, đạo là đạo lý. Chúng chúng pháp này sanh khởi là đạo lý gì, Bồ Tát biết, vì sao có tất cả pháp này, nó rốt cuộc là như thế nào, Bồ Tát biết.

A la hán chỉ có nhất chúng trí, nhất thiết trí, không có đạo chúng trí. Bồ Tát có nhất thiết trí, có đạo chúng trí. Thành Phật thì sao? Nói cho chư vị biết, viên giáo sơ trụ sẽ thành Phật. Ở đây nói Bồ Tát là ai? Bồ Tát của mười pháp giới, A la hán cũng ở trong mười pháp giới, tứ thánh pháp giới, đã thành Phật. Thành Phật không phải Phật của mười pháp giới, Phật của mười pháp giới vẫn không được, chưa chứng được nhất thiết chúng trí. Chứng được nhất thiết chúng trí là vượt qua mười pháp giới, như vậy họ lại nâng cao, đến được sơ trụ, họ đến cõi thật báo. Đây là thật sự thành Phật, không phải giả. Cho nên Phật có nhất thiết chúng trí, nhất thiết trí tổng tướng. Nghĩa là nhất thiết trí và đạo chúng trí viên mãn, là một không phải hai, nên gọi là nhất thiết chúng trí. Đây là những gì Phật chứng được.

Khởi tác dụng, ở đây khởi tác dụng là tự giác giác tha và giác mãn. Bản thân chúng được là tự giác, sau khi tự giác nhất định giáo hóa chúng sanh. Đối với mười pháp giới, mười pháp giới này bao gồm mười pháp giới trong cõi nước tất cả chư Phật khắp biến pháp giới hư không giới, chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng. Trong cõi thật báo, 41 vị pháp thân đại sĩ đều có ứng, ứng có điều kiện, thông thường nói Phật không độ người vô duyên, luôn có nhân duyên với chúng ta, người có nhân duyên với chúng ta rất nhiều! Quý vị không phải một đời một kiếp, mà quá khứ vô lượng kiếp đến nay, từng ở trong mười pháp giới. Đặc biệt là lục đạo, mỗi đường trong lục đạo ta đều từng ở. Hay nói cách khác, trong thập giới, lục đạo, chúng sanh có nhân duyên với mình rất nhiều. Bất luận là thiện duyên hay ác duyên, nhiễm duyên hay là tịnh duyên, chỉ cần có nhân duyên, họ có cảm ta liền có ứng, cảm ứng đạo giao.

Sự cảm ứng này các nhà khoa học cận đại nói với chúng ta, tôi thấy ở đây, ông ta từ Ấn độ đến, nói thân thể con người chúng ta có bảy luân. Trong phần tài liệu này, phần tài liệu này tôi nghĩ cũng có thể in ra, để quý vị tham khảo, nó giúp ích rất lớn cho người học Phật chúng ta. Ở đoạn sau, các nhà khoa học nói, thân thể chúng ta giống như đài vô tuyến, là một đài vô tuyến, ý niệm chúng ta phát ra, cũng là một trạm tiếp thu, tin tức khắp biến pháp giới hư không giới, chúng ta đều thu nhận được. Tiếp thu, vì sao chúng ta nhận được tin tức của người khác, người khác có cảm chúng ta nhận được, nhận được tự nhiên sẽ ứng, đây là cảm ứng đạo giao. Chúng sanh truyền tin tức cho chúng ta, có khi họ biết. Quý vị nói chúng ta cầu Phật Bồ Tát, có cầu với Phật Bồ Tát, cảm ứng vô cùng rõ ràng. Phật Bồ Tát có ứng chăng? Có, đích thực họ nhận được. Có đôi lúc bản thân chúng ta không biết, dao động cực kỳ vi tế bản thân không biết được, Phật Bồ Tát nhận được.

Ở trước chúng ta đã học 12 phần giáo, trong 12 phần giáo có không hỏi mà tự nói, đó là không có cảm. Thật ra có, đó là minh cảm, ví dụ như Kinh Di Đà. Kinh Di Đà không có người khởi thỉnh, vì sao Phật lại nói? Chúng sanh ở đây căn tánh thuần thực, làm sao Phật biết đã thuần thực? Chúng sanh phát ra tin tức, có thể tiếp thu pháp môn này, Phật nhận được, nên không cần người hỏi mà tự nói. Đây là cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn.

Đặc biệt là đại thừa Bồ Tát, đại thừa Bồ Tát đoạn tận tập khí như thế nào, tập khí vô thi vô minh? Cảnh giới làm sao để dần dần khế nhập viên mãn? Đó chính là người xưa nói: Dạy học tương trường. Phương pháp tu học hay nhất là dạy học. Cổ nhân từng nói, hiện nay các nhà khoa học cũng đã nói, cũng đề xuất ra, phương pháp tu học tốt nhất là dạy học. Đây chính là giác tha, giác tha là giáo hóa chúng sanh. Vậy giác mãn, viên mãn, khi nào mới có thể viên mãn? Chúng sanh quá nhiều, còn có rất nhiều chúng sanh ta chưa dạy đến. Pháp môn cũng nhiều, rất nhiều pháp môn tôi chưa học đến, cũng chưa từng dạy, sao lại viên mãn được? Sự viên mãn này không phải đối với bên ngoài, là đối với bên trong. Đoạn tận tập khí vô thi vô minh liền viên mãn, chính là như vậy. Đoạn tận, họ chứng được Diệu giác vị, Diệu giác tức viên mãn, đạo lý là như vậy. Đây gọi là giác mãn, gọi là tam giác viên mãn, gọi là Phật, là Phật cứu cánh viên mãn. Trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu giác vị. Đẳng giác vẫn chưa viên mãn, Đẳng giác trú trong cõi thật báo. Diệu giác vị trở về thường tịch quang, thường tịch quang nghĩa là đại viên mãn. Trong thường tịch quang chẳng những không có hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần cũng không có, hiện tượng tự nhiên đều không có. Nhưng nó tồn tại, tồn tại mọi lúc mọi nơi, nó là bản thể của tất cả pháp. Hư không cũng nương vào nó làm thể, không có thể này, hư không cũng không có, làm gì có hư không? Nên nó là bản thể của tất cả pháp, chúng ta không tiếp xúc được.

Đức Phật nói, vấn đề này chỉ có chúng mới biết được, khi nào chúng được? Ngài cũng không nói lập tức liền chúng được viên mãn, không phải vậy, phần phần có thể chúng được. Đó nghĩa là trong cõi thật báo, 41 địa vị phần phần đều chúng được, họ chứng được sâu cạn không giống nhau. Thập trụ Bồ Tát chúng được cạn hơn, thập địa Bồ Tát chúng được sâu hơn, đến Diệu giác viên mãn, đây là Phật. Nên Phật có thể không dạy người được ư? Không có đạo lý này. Đức Phật dùng phương pháp gì để dạy? Ngài thị hiện thân Bồ Tát để dạy chúng sanh, giáo hóa tất cả chúng sanh, giáo hóa chúng sanh trong mười pháp giới.

Rất nhiều đồng học, tin rằng có không ít người từng nghe, trước đây tiến sĩ Townenbe người Anh từng nói: Giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Không Mạnh và đại thừa Phật giáo. Ông ta không nói tường tận. Chúng ta nên hiểu câu nói này như thế nào? Học thuyết Không Mạnh là gì? Người ta vừa nghe đến học thuyết Không Mạnh, lập tức

liên tưởng đến Tứ Thư Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh, như vậy không được. Chúng ta phải xem từ gốc rễ, nền tảng của Nho giáo là Đệ Tử Quy, nền tảng của Đạo giáo là Cảm Ứng Thiên, nền tảng của Phật giáo là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Ba nền tảng này có thể phổ cập giáo hóa chúng sanh, nhất định có hiệu quả lớn. Có thể đơn giản hơn một chút chăng? Trong Luận Ngữ nói, đây là Nho giáo thường nói: “Khổng tử nói thành nhân, Mạnh tử nói thủ nghĩa”. Hai chữ nhân nghĩa này có thể tượng trưng cho Nho giáo. “Nhân là thương người, hiếu để cũng vậy, nó cũng vốn là nhân”, nên căn bản của nhân là hiếu để. Nghĩa tức là y theo đạo lý, hay nói cách khác khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác hợp tình hợp lý hợp pháp, đây là nghĩa. Trong ba điều này quan trọng nhất là lý, lý là gì? Lý tức là tự tánh, lý tức là bản tánh vốn thiện. Trong Luận Ngữ nói: “Đạo của Phu tử, chỉ có trung thứ mà thôi”, cho nên chúng ta lấy trung nghĩa, lấy trung thứ tượng trưng cho học thuyết Khổng Mạnh, như vậy là nắm bắt được tinh thần này. Thực hành như thế nào? Thực hành Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp. Tinh thần có bốn chữ: Nhân nghĩa trung thứ. Nhân là thương người. Nghĩa tức là y theo đạo lý. Trung là gì? Trung là chân tâm, tâm ngay chính giữa, không lệch lạc không tà ngụy, đây gọi là trung. Không thiên lệch không tà ngụy là chân tâm, thiên lệch tà ngụy là vọng tâm. Thứ, đặc biệt chú trọng chữ thứ này. Tha thứ cho tất cả những người phạm sai lầm, tha thứ cho tất cả những người tạo tội nghiệp. Vì sao vậy? Vì không có ai dạy họ mới phạm sai lầm. Đạo tha thứ, có thể giúp xã hội hiện tại hóa giải xung đột, xúc tiến an định hòa bình. Thứ, trong Phật pháp có chăng? Có, trong bộ kinh này Đức Phật nói: “Tiên nhân bất thiện, không biết đạo đức, không có ai dạy, nên không thể trách”, đây là thứ. Quý vị thấy rất nhiều người phạm sai lầm, phải tha thứ cho họ, vì sao vậy? Vì không có ai dạy họ, tiên nhân của họ không biết, không biết đạo đức. Tiên nhân là ai? Là cha mẹ, ông bà, ông bà cố.

Giáo dục truyền thống của chúng ta, Phật pháp bào hàm ở trong đó, ít nhất cũng lãng quên bốn đến năm đời, gần một thế kỷ. Không ai dạy họ, nếp sống xã hội ngày càng xuống cấp. Người phương đông như vậy, người phương tây thì sao? Người phương tây cũng như vậy, cũng không có ai dạy họ. Bởi vậy tâm hành bất thiện, tạo nhiều tội nghiệp, đây là hiện tượng phổ biến trong xã hội hiện nay. Nên ứng đối như thế nào? Dùng từ bi của Phật Bồ Tát, chân thành từ bi, dùng nhân nghĩa trung thứ của Khổng Mạnh, bỏ qua tất cả, đừng nhắc đến. Hy vọng mọi người tự sửa đổi mình, bắt đầu tiếp thu giáo dục. Chúng ta phải hưng khởi nền giáo dục của thánh hiền, hưng khởi nền giáo dục của Tôn giáo, chúng ta cùng nhau học tập. Tất cả những gì tạo ra trong quá khứ, đều không hỏi han, không đề cập đến, tâm chúng ta sẽ định. Nếu muốn làm, đương nhiên quan trọng nhất là phải làm một tấm gương.

Trong thời cổ đại, đế vương các thời đại trị quốc bình thiên hạ, họ đều có tấm gương. Tấm gương này là gì? Là một thành thị, thành thị nào? Thành thị nơi hoàng đế ở, ngày xưa gọi là kinh sư. Kinh nghĩa là lớn, sư là sư phạm, là mô phạm. Thành thị này là gương mẫu sư phạm cho tất cả các thành thị, nếu ai muốn học thì đến đây. Vì thế ngày xưa thủ đô gọi là kinh sư, ý nghĩa này rất hay! Người ở kinh sư nếu không tuân theo pháp luật, hoàng đế rất mất mặt, mất hết thể diện. Ngày xưa làm hoàng đế không dễ chút nào, vì sao vậy? Vì nhất cử nhất động đều phải làm gương cho nhân dân, người khác có thể qua loa, hoàng đế không được qua loa, họ phải giữ quy cũ. Quý vị xem ba giờ sáng phải dậy, thượng triều, không được tham ngủ, nếp sống này được nuôi dưỡng từ nhỏ. Hoàng tử ở trong trong hoàng cung, những con trai con gái của hoàng đế, canh ba thái giám đến gõ cửa thức họ dậy. Bốn giờ phải lên điện, thượng triều buổi sáng, không dễ chút nào. Hạnh phúc nhất là trăm họ, hưởng phước của hoàng đế. Bởi thế luôn có một thành thị làm mô phạm, sau đó dần dần phổ biến

rộng ra, mới có thể tạo nên sự ảnh hưởng rộng lớn. Ảnh hưởng đó rất lớn, cũng ảnh hưởng đến các nước lân cận. Họ thấy được điển phạm này, khâm phục, tâm phục khẩu phục, tự động xưng thần, học tập theo quý vị, tôn quý vị làm thiên tử. Thiên tử không phải người phong, mà do mọi người công nhận.

Thiên tử có quyền chăng? Không có quyền, mỗi quốc gia đều độc lập. Trung quốc thống nhất, đến thời Tần Thủy Hoàng mới thống nhất. Trước Tần Thủy Hoàng đều là những tiểu quốc, chư hầu. Thời nhà Chu có 800 chư hầu, hơn 800 quốc gia. Chu là thiên tử, thiên tử không có quyền lực, chỉ được người khác tôn kính. Quý vị dùng đức hạnh giáo hóa thiên hạ, dùng tấm gương làm mô phạm cho thiên hạ, chính là ý này. Chúng ta không thể không biết điều này.

Trong lòng Khổng tử kính ngưỡng nhất, ngưỡng mộ nhất là cách trị đại đồng. Cách trị đại đồng có thật, không phải lý tưởng, đã từng xuất hiện, Nghiêu Thuấn Vũ đã làm được. Trong thiên Lễ Vận Đại Đồng nói như vậy. Từ Vương Khải trở về sau, ba đời Hạ Thương Chu là tiểu khang. Khổng tử và Mạnh tử sanh vào thời loạn, thời Xuân Thu Chiến Quốc. Cuối thời nhà Chu là loạn Xuân Thu Chiến Quốc. Khổng tử sanh vào thời Xuân Thu, Mạnh tử sanh vào thời Chiến Quốc. Thời Xuân Thu Chiến quốc khoảng hơn 400 năm, là thời loạn! Vì thế các bậc đại thánh nhân xuất hiện, để giáo hóa chúng sanh, đem giáo huấn của thánh hiền lưu truyền cho hậu thế. Người xưa xưng Khổng tử là người tập đại thành _Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư, tôn Mạnh tử là á thánh. Tôn trọng truyền thống văn hóa, nền văn hóa này có dòng chảy từ lâu đời.

Văn hóa của Phật, là nền văn hóa vô cùng đặc thù, là nền văn hóa mà người thường khó mà lý giải được, vì sao vậy? Vì nó là Phật Phật tương thừa. Bởi vậy trong kinh điển nói, quý vị xem ở đây nói, câu sau cùng của kinh văn: “Ở đời truyền dạy 42 kiếp”. Câu nói này là sao? Lịch sử toàn thể địa cầu này của chúng ta, cũng không được 42 kiếp. Kiếp này là đại kiếp, một đại kiếp nghĩa là thành trụ hoại không của một tinh hệ. 42 kiếp là tinh hệ này thành trụ hoại không 42 lần, nên Phật pháp cần phải chứng! Nó là khoa học. Không phải nói Đức Phật nói như vậy, chúng ta nghe rồi tin tưởng là xong, không phải vậy, Đức Phật muốn tự thân chúng ta phải chứng nó. Về lý không có thời gian, thời và không gian đều không có. Về sự có, trong lục đạo có thật. Trong tứ thánh pháp giới có, nhưng họ không có chướng ngại. Trong lục đạo có, lại có chướng ngại, tứ thánh không có chướng ngại. Khi đến cõi thật báo, mới thật sự thấu hiểu triệt để. Đức Phật nói duy chỉ có chứng được mới biết là ở trong cõi thật báo, cũng tức là Viên giáo sơ trụ, biệt giáo sơ địa. Đến đây bản thân ta hoàn toàn minh bạch, minh tâm kiến tánh, họ nương vào điều này.

Vì vậy học Phật, điều đầu tiên phải nhận thức rõ ràng đối với chữ Phật này, Phật là ai? Phật là chính mình. Trong Kinh Hoa Nghiêm thường nói: Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, lại nói _nói càng rành mạch hơn: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Là bản thân, không phải người khác, nghĩa là ta có tự giác giác tha. Hiện nay ta chưa viên mãn, nhưng ta có trí tuệ. Bây giờ chúng ta không có nhất thiết trí, không biết vạn pháp giai không. Nhưng rất nhiều những pháp này từ đâu đến, học được rất nhiều khoa học, học được rất nhiều thường thức. Họ nói là thật hay là giả, bất luận là thật hay là giả đều nói rất nhiều, chúng ta cũng học được rất nhiều. Vũ trụ từ đâu đến? Do đại bùng nổ mà có. Hiện nay các nhà lượng tử học không thừa nhận là bùng nổ lớn, không thể nói là bùng nổ lớn. Các nhà lượng tử học phát hiện, khởi nguồn của vũ trụ ngày càng gần với Phật pháp, từ trong không sanh ra có. Họ nói từ chỗ này.

Có, có ban đầu là ba loại: Năng lượng, tin tức, vật chất, đây là tam tế tướng của A lại da. Năng lượng là nghiệp tướng của A lại da, tin tức là chuyển tướng của A lại da, nghĩa là kiến phần của A lại da, vật chất là cảnh giới tướng của A lại da. Cảnh giới tướng, tướng phần của tam tế tướng, không dễ!

Đây là khoa học đã chứng minh kinh Phật, các nhà khoa học nói, người của thời đại chúng ta, đã không phải sinh hoạt trong thế giới vật chất, sống ở đâu? Sống trong thế giới lượng tử, họ nói điều này rất đúng. Dùng lượng tử để xem Phật pháp sẽ tăng trưởng trí tuệ, sẽ đạt được cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn chân thật. Biết được chân tướng vạn pháp trong vũ trụ, không còn bị mê hoặc. Xử sự đối nhân tiếp vật, sẽ biết nên làm như thế nào. Đó chính là giới định tuệ trong kinh điển và Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức trong truyền thống văn hóa xưa. Lượng tử tương ứng với những điều này.

Chúng ta xem tiếp bên dưới Hợp Tán. “Hợp Tán nói: Phật gọi là giác, tức tự giác ngộ, lại có thể giác tha”. Bên dưới là một ví dụ: “Ví như có người giác tri có giặc, giặc không làm gì được”, đây là ví dụ Phật nói trong kinh. Không phát giác ra có ăn trộm, chúng liền nhân cơ hội trộm cắp tài vật của chúng ta. Nếu như ta giác ngộ, biết được chúng ta tên trộm, họ không giám lấy cắp nữa, vì sao vậy? Khi mất đồ, nhất định là chúng lấy, nên chúng không dám ra tay. Đây là dùng để ví dụ để nói rõ nghĩa của sự giác ngộ, nó ví như điều gì? Giác tri có tặc, tặc là gì? Là tham sân si mạn nghi, vọng tưởng phân biệt chấp trước, những thứ này là tặc. Nếu khi giác ngộ, ta còn dùng nó chăng? Không dùng nó nữa, đây là nghĩa chân thật trong ví dụ này.

Thực tế mà nói, vô lượng kiếp đến nay chúng ta bị tặc này hại, chúng không phải ở bên ngoài, mà là tặc trong nhà mình. Tham sân si mạn nghi, vọng tưởng phân biệt chấp trước, đây là tặc. Khiến chúng ta mất đi trí tuệ đức tướng vốn đầy đủ trong tự tánh, chính là bị hại trong tay của chúng. Bây giờ chúng ta đã hiểu, không dùng nó nữa, không tham, không sân, không si. Không hoài nghi đối với giáo huấn của Phật, Bồ Tát, thánh hiền. Đối đãi với tất cả chúng sanh không kiêu ngạo, đều có thể quay đầu sửa đổi, trở về tự tánh là chuyện trong tầm tay chúng ta. Đây chính là giác tri có tặc, tặc không làm gì được.

“Phật còn gọi là tri, như Đại Trí Độ Luận nói: Phật Đà, Tàn gọi là tri”. Tàn là thời đại Diêu Tàn Cựu Ma La Thập, Đại Trí Độ Luận phiên dịch vào thời kỳ đó. “Biết được quá khứ, vị lai, hiện tại, chúng sanh số, không phải chúng sanh số, hữu thường, vô thường...tất cả các pháp. Dưới cội bồ đề hoàn toàn giác tri, nên gọi là Phật Đà”.

Ý này là gì? Tri ở đây nghĩa là trí tuệ hiện tiền, là thật, không phải giả. Tiêu chuẩn của Phật là minh tâm kiến tánh. Chư vị nên biết, Đức Phật xuất hiện ở thế gian, giảng kinh thuyết pháp cho tất cả chúng sanh, tức là dạy học. Căn tánh chúng sanh không tương đồng, nên Phật có vô số phương pháp khác nhau, gọi là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Tám vạn bốn ngàn không phải là con số, là biểu pháp, biểu trưng đại viên mãn. Đức Phật biết hết tất cả căn tánh khác nhau của chúng sanh, ngài đều có phương pháp để giáo hóa, giúp ta quay đầu, giúp ta giác ngộ. Phương pháp này của Phật từ đâu mà có? Là trong tự tánh vốn như vậy, là vốn có, không phải từ đâu đến, không phải học được, trong tự tánh vốn có. Mỗi người đều có tự tánh, mỗi người vốn đều đầy đủ. Đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, nói quá rõ ràng. Chỉ là chúng ta mê thất tự tánh, hình như những năng lực này đều mất đi. Thật ra không mất, không mất vì sao không thể hiện tiền? Vì nó có chướng ngại.

Chướng ngại có hai loại lớn: Phiền não chướng và sở tri chướng. Phiền não chướng lại chia thành ba loại lớn: Kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Nếu đoạn trừ

hết những phiền não này_ trong tự tánh vốn không có phiền não, khi mê ngộ nhận rằng thân này là ta. Từ thân sanh ra vọng tưởng tự tư tự lợi, từ tự tư tự lợi mà sanh ra vô lượng vô biên tập khí phiền não. Đức Phật dạy chúng ta không có gì khác, ngoài mục đích giúp ta giác ngộ, nhận thức chính mình, sau đó đào thải tập khí phiền não của chúng ta. Dần dần buông bỏ hết, ta sẽ trở về tự tánh. Trong tự tánh trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn đều hiện tiền. Đây là giáo huấn của Phật, Đức Phật dạy chúng ta. Tương lai chúng ta tu thành tựu, toàn là tự tánh mình vốn có, Phật không cho chúng ta gì cả. Chúng ta phải hiểu điều này. Nhưng chúng ta mê muội, nếu ngài không dạy, chúng ta làm sao biết quay đầu? Làm sao biết bản thân mê hoặc? Nhất định phải cảm kích ân đức này, phải thường có tâm cảm ân.

Đức Phật biết quá khứ, biết vị lai, biết được chúng sanh số hiện tại. Số là số lượng, Phật đều biết hết. Phi chúng sanh số, phi chúng sanh như hiện nay chúng ta nói là thực vật, khoáng vật. Trong Phật pháp gọi là hữu tình thế gian, khí thế gian, khí thế gian là phi chúng sanh, phi chúng sanh số. Hữu thường và vô thường vân vân. Thường là gì? Thường là vĩnh hằng bất biến, vô thường là biến hóa trong từng sát na. Tự tánh của tất cả pháp là thường, hữu thường, hiện tượng của tất cả pháp là vô thường.

Đức Phật ở dưới cội bồ đề thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không có gì ngài không biết, nên gọi ngài là Phật Đà, dịch sang tiếng Trung quốc là Đại Giác Thế Tôn. Vì thế có một số tự viện, dùng “Đại Giác” làm danh hiệu_Chùa Đại Giác, đây là chùa của Phật giáo, đạo tràng của Phật giáo.

“Phật thành tựu nhất thiết trí tuệ, quá khứ, hiện tại, vị lai, tận bất tận, động bất động, thấu triệt tất cả thế gian, nên gọi là Phật Đà”. Đây là ba loại trí chúng ta nói ở trước: Nhất thiết trí, đạo chủng trí, nhất thiết chủng trí. Trí tuệ thành tựu, cho nên quá khứ, vị lai, hiện tại, tận bất tận, động bất động, hiểu rõ tất cả thế gian. Tất nghĩa là biết hết, là minh bạch.

Thế nào gọi là tận? Thế nào gọi là bất tận? Thế nào gọi là động? Thế nào gọi là bất động? Tận bất tận là đối với lý mà nói, cùng tận căn nguyên. Đến trình độ nào mới tận? Trở về tự tánh mới là tận, A lại da trở xuống đều là bất tận, không cùng tận. Nghĩa là chưa thật sự thấy được chân tướng sự thật, thấy được viên mãn, thấy được rốt ráo. Bất động là tự tánh, động là hiện tượng. Nhất thiết thế gian, đều bao gồm cả ba loại thế gian: hữu tình thế gian, khí thế gian, trí chánh giác thế gian. Trí chánh giác là thế gian của thánh nhân, Phật không có gì không biết.

Ở trên đều nói về chữ “Phật”, Phật là chính mình. Sau khi hiểu rõ, chúng ta phải coi việc thành Phật là mục tiêu hàng đầu cần phải nỗ lực trong đời này. Quý vị đã làm Phật, tôi nói buôn bán có được chăng? Được, bất cứ ngành nghề nào trong thế gian đều được. Quý vị mới biết, Phật là giác ngộ, là trí tuệ, bất luận làm nghề gì đều là đỉnh cao, đều là Phật. Phật ở đâu? Phật tại các ngành các nghề, Phật trong nam nữ già trẻ, họ giác ngộ, họ chính là Phật. Nói từ góc độ thế gian, Phật là người tốt nhất, người tốt không ai sánh bằng. Ngài là người tốt nhất trong thế gian, bất luận làm ngành nghề nào, đều trở thành người tốt nhất trong ngành nghề đó. Ngài có trí tuệ, có năng lực, biết quá khứ, hiện tại, vị lai. Đây là thuộc về đức năng.

Bên dưới nói: “Thế Tôn, tiếng Phạn gọi là Bạc Già Phạm, viên mãn đầy đủ chúng đức, là thế gian tôn trọng, nên hiệu là Thế Tôn”. Chúng ta có thói quen, đối với người mà ta tôn trọng, đều thêm vào một danh hiệu như vậy. Trong Phật pháp cũng như vậy, đây là xưng hiệu mà thông thường chúng ta tôn trọng đối với Phật, xưng là Thế Tôn. Thế là thế xuất thế gian, người này đáng để chúng ta tôn kính. Bình thường chúng ta nói tôn kính người nào đó.

Thế Tôn nghĩa là tôn kính, tiếng Phạn gọi là Bạc Già Phạm. Viên mãn đầy đủ chúng đức, người có đức hạnh, đức hạnh viên mãn, ngài đều đầy đủ tất cả. Người xưa dùng 12 chữ để hình dung về đức hạnh: Hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình, ngài đều đầy đủ, người này đáng được người tôn kính. Trong Phật pháp nói: “Hiếu dưỡng phụ mẫu phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”, đây đều là đức. “Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi”, cũng là đức. “Phát tâm bồ đề, thâm tín nhân quả”, cũng là đức. Quý vị xem, học nghĩa là “đọc tụng đại thừa”. Quý vị xem trong mười câu, hết chín câu nói về đức, học chỉ nói một câu: Đọc tụng đại thừa. Ở sau là “khuyến tấn hành giả”, đó là giáo hóa chúng sanh. Nhìn từ gốc độ này, ta thấy Phật giáo rất coi trọng đức hạnh. Không viên mãn đầy đủ chúng đức, như vậy sao có thể thành Phật được? Từ đó cho thấy, đức hạnh viên mãn là trong tự tánh vốn đầy đủ, không phải học được từ bên ngoài, toàn là tánh đức. Hiểu được đạo lý này, 113 điều trong Đệ Tử Quy là tánh đức, vốn là như vậy. Chúng ta mê thất tự tánh, lạc mất phương hướng, đánh mất căn bản làm người, do đó mà đi ngược với tánh đức.

Phật Bồ Tát từ bi, thị hiện ở thế gian để dạy chúng, giúp chúng ta quay đầu là bờ. Vì thế chúng ta phải dùng tu đức để trở về tự tánh, như vậy là viên mãn. Đây là người thế gian tôn trọng, kính ngưỡng, cho nên gọi là Thế Tôn.

“Phẩm Thập Hiệu trong Thành Thật Luận nói: Chín loại này là chỉ đầy đủ các danh hiệu ở trước, đối với bậc trung tôn trong ba đời mười phương thế giới, nên gọi là Thế Tôn”. Đây là Thành Thật Luận, một tông phái của tiểu thừa. Nương Thành Thật Luận mà kiến lập, gọi là Thành Thật Tông, trong này cũng nói đến mười hiệu của Như Lai. Chín hiệu ở trước đều đầy đủ, cho nên gọi là Thế Tôn, là bậc thế xuất thế gian mà tất cả chúng sanh đều tôn kính.

“Đại Trí Độ Luận là lấy Phật làm danh hiệu thứ mười, lấy Thế Tôn làm danh hiệu chung đầy đủ mười hiệu tôn đức”. Trong Đại Trí Độ Luận có 11 danh hiệu, hiệu thứ mười là Phật, thứ 11 là Thế Tôn. Thế Tôn là gì? Là tổng xưng, mười danh hiệu trước đều đầy đủ, nên gọi là Thế Tôn. Đây đều là khai hợp khác nhau. “Ở đây khai hợp có khác, nhưng nghĩa không khác”.

“Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai”, ở đây nói rõ mười loại xưng hiệu của Phật, hiển lộ Phật quả thật là vạn đức vạn năng. Ở đây quan trọng nhất, những người học Phật cần phải hiểu, đây là tánh đức. Mỗi người đều có, không phải chỉ riêng Phật mới có, là tất cả đại chúng đều đầy đủ. Nhưng từ thân Phật hiển thị ra ngài đã làm được, chúng ta cần phải nỗ lực tu học, ngài làm được, chúng ta cũng có thể làm được.

Xem tiếp kinh văn ở dưới: “Tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp, thời vi Chư Thiên cập thế nhân dân thuyết kinh giảng đạo”. Đoạn kinh văn này là của Hán Dịch, đoạn kinh văn trang 180, đây là kinh văn. “Đức Phật này trú thế hoàng pháp tất cả có 42 kiếp”. Đức Phật này chính là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai. Đoạn này là chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ.

Từ chỗ này chúng ta hiểu được, tất cả Chư Phật Như Lai xuất hiện ở thế gian, tất cả đều dùng thân phận một người thầy, họ đến thế gian để dạy học. Phương pháp dạy học, nhất định giống như Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện, vì sao vậy? Vì cổ nhân nói: Thân hành ngôn giáo, nếu không thực hành làm sao có thể dạy người khác? Vì thế bản thân chúng ta cần phải thực hành, mới có thể dạy người khác, dùng hành vi lời nói của bản thân để dạy người. Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, những gì ngài dạy chúng ta ngài đều làm được. Chúng ta tiếp xúc với ngài, không nói gì nhưng không thể không khâm phục. Ngài dạy chúng ta buông bỏ tập khí phiền não, ngài đã làm được điều này. Ngài dạy chúng ta buông bỏ tất cả vật ngoài

thân, ngài thể hiện cho chúng ta thấy. Đây là thật không phải giả, chúng ta không thể không phục ngài. Suốt đời dạy học không thu học phí, dạy không phân biệt chủng tộc. Trong thời đại đó Ấn độ cũng là tiểu bộ lạc, đều chưa hình thành thống nhất quốc gia, tình hình gần giống như Trung quốc. Gọi là đại quốc chính là bộ lạc lạc lớn, tiểu quốc là bộ lạc nhỏ, quốc vương là thủ lĩnh của bộ lạc, là một thời đại như thế.

Trong lịch sử Trung quốc ghi chép, khu vực, quốc gia của họ chỉ chuông vuông 100 dặm, đây là quốc gia lớn. Quốc gia nhỏ chỉ có 50 dặm, 30 dặm. Chúng ta đọc lịch sử thời cổ đại, khu vực của Trung quốc, nghĩa là những nơi cư dân chúng ta đang sống. Phía bắc đến bờ bắc của Hoàng Hà, phía nam đến bờ nam của Trường Giang, một vùng đất lớn bao nhiêu đó, có bao nhiêu quốc gia? Thời nhà Chu có hơn 800 quốc gia. Vì thế thiên tử, chư vị nên biết, đó là người có đức hạnh được mọi người tôn trọng, muốn học tập theo người đó, khi gặp vấn đề thắc mắc gì đều đến thỉnh giáo. Quốc gia của nhà Chu, đồng nghĩa nói là mô phạm của hơn 800 quốc gia này, quốc gia này tốt đẹp nhất. Nếu nói như chúng ta hiện nay, một quốc gia ngày xưa hiện nay là một huyện, một thành phố. Huyện thị này là tấm gương của tất cả huyện thị khác. Các bậc thánh hiền nói, đây là thường nói: Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Những người lãnh đạo đều thực hành, cán bộ đều thực hành, nhân dân đều thực hành. Nghĩa là trong thành thị này, từ trên xuống dưới mỗi người đều thực hành nó. Người ta vừa đến đây, liền cảm nhận được một từ trường hòa thuận, có sự cảm nhận khác, đều muốn học theo quý vị. Vậy tại sao họ làm không được? Họ làm không được là có nguyên nhân, vì không ai dạy họ, đạo lý chính là như vậy. Cho nên quý vị xem, giáo dục quan trọng biết bao!

Vì sao nhà Chu có thể khiến chư Hầu trong thiên hạ đều tôn họ làm thiên tử? Chư vị nên biết, điều đầu tiên là gia giáo tốt. Nhà Chu là thời Văn Vương mới khởi lên, mới hình thành cục diện này. Tiên nhân đều tích đức, phụ thân của ông là Vương Lý, tổ phụ của ông là Thái Vương, mấy đời đều tích đức, đều thực hành luân thường đạo đức một cách viên mãn. Trong tiểu quốc này, họ được nhân dân ủng hộ, nhìn thấy quốc vương như vậy, nhân dân đều noi theo họ, đều học tập theo họ, và hình thành nên nếp sống như thế. Diện tích lãnh thổ Trung quốc rất lớn, rất nhiều nhiều chủng tộc, cũng có rất nhiều tiểu quốc, tự nhiên nghe được nếp sống này. Biết rằng đây là điểm mô phạm, nên đều đến xem, đều đến học, là hình thành một cách tự nhiên.

Nên lý niệm gia giáo của cổ nhân, từ xưa đến nay đều được coi trọng, điều này phải thực hành. Những phương pháp trong Đại Học nói: “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Những phương pháp này đều dạy cho chúng ta. Chỉ cần ta y theo đó mà tu hành, đều có thể thành thánh thành hiền. Vì vậy điển phạm này đã hình thành như thế nào? Là thánh hiền hình thành, cho nên xưng vương, xưng thánh vương. Chính trị của thánh hiền, gia đình của thánh hiền, đây mới gọi là truyền thống văn hóa xưa.

“Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Kiến lập một quốc gia, lãnh đạo nhân dân toàn quốc, điều gì quan trọng nhất? Là giáo dục. Thời cổ đại luôn đặt giáo dục lên vị trí hàng đầu, thứ tự này không được lẫn lộn. Nếu đặt giáo dục sau cùng xã hội sẽ động loạn, còn như đặt giáo dục ở vị trí đầu tiên, tất cả đều phục vụ cho giáo dục. Ai cũng coi trọng việc dạy học, mỗi người đều hiếu học, nó trở thành một nếp sống, xã hội này tự nhiên có nền trị an lâu dài. Thánh hiền nhân đều ở trên vị trí của người thầy. Xem trong kinh văn: “Ở đời truyền dạy 42 kiếp”, ta xem từ câu này sẽ biết, người trong thời đại đó phước báo rất lớn. Thọ mạng dài là phước báo lớn! Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai trú thế 42 kiếp.

Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, trú thế 80 năm, 80 năm, dạy học 49 năm. Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy là 30 tuổi khai ngộ, rất giống với Khổng phu tử. Khổng phu tử 15 tuổi lập chí học tập, lập chí cầu học vấn, 30 tuổi thành tựu. 15 tuổi đến 30 tuổi, học suốt 15 năm, 15 năm có thành tựu, vẫn không ngừng nâng cao cảnh giới. “40 bất hoặc”, trí tuệ hiện tiền, không còn mê hoặc. “50 tuổi biết thiên mệnh”, thiên mệnh là gì? Là giáo dục nhân quả, hiểu về nhân quả. “60 nhĩ thuận”, nhĩ thuận là gì? Đạo của trung thứ chính là nhĩ thuận, Phật pháp gọi là đại từ đại bi. Khổng tử 70 tuổi tùy tâm muốn làm gì thì làm không hề vương mắc, rất tự nhiên, không phải cố ý. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác tự nhiên tương ứng với ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Làm một cách tự nhiên, không cần tư duy, tự nhiên hoàn toàn tương ứng, đây là thánh đức. Khổng tử 73 tuổi ra đi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni 79 tuổi viên tịch, ngài dạy học 49 năm, sau khi khai ngộ là bắt đầu dạy học. Khổng tử sau khi học thành, sau khi học vấn thành tựu, trong lòng ông ngưỡng mộ nhất là Chu Công, Quản Trọng. Đây là những người trong lòng ông vô cùng ngưỡng mộ, muốn học theo họ. Ông chu du các nước, mục đích là hy vọng có quốc quân mời ông. Nói như hiện nay gọi là đi theo con đường chính trị, cũng hy vọng được làm tể tướng. Vị trí, quan vị như thế mới có thể phơi bày hoài bão của ông, ông sẽ làm cho quốc gia này trị lý giống như nhà Chu, như nhà Tề vậy. Nước Tề Quản Trọng làm tể tướng, nước Tề đại trị. Khi Vũ Vương làm vua nhà Chu, quốc quân của nhà Chu, Chu Công phụ chính, họ là huynh đệ. Chu Công là người rất giỏi, phò trợ Vũ Vương. Thành tích chính trị này, đời này qua đời khác khiến người hoài niệm, ngưỡng mộ. Khổng tử muốn học theo họ, kết quả đi qua rất nhiều quốc gia, không có vị vua nào dùng ông. Vì tuổi tác đã lớn, 68 tuổi, cảm thấy không được lợi ích gì, liền từ bỏ ý niệm này, trở về quê dạy học. Cho nên Phu tử dạy học chỉ được năm năm, 68 tuổi về quê dạy học, 73 tuổi qua đời. Khổng tử dạy học thành công, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học thành công. Có thành tựu dạy học tốt như thế, là dựa vào điều gì? Chân thành, hoàn toàn không chút hư ngụy. Những gì dạy cho người, bản thân đều thực hành một cách triệt để, nên khiến người khác cảm động sâu sắc, đây là nền giáo dục thành công. Nếu thầy dạy học trò, mà bản thân không thực hành, thì không thể có được hiệu quả như Khổng Tử và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chính mình phải làm được. Nói đến thánh nhân, mình là thánh nhân. Nói đến hiền nhân, bản thân là hiền nhân, làm tấm gương cho học trò mình noi theo, thân hành ngôn giáo.

Trước đây chúng tôi làm thí nghiệm ở Thang Trì, mục đích là gì? Chính là đem truyền thống văn hóa làm thí nghiệm cho mọi người thấy, quý vị nói bây giờ có hiệu quả chăng? Sau khi làm xong, chúng tôi liền từ bỏ. Vì sao vậy? Vấn đề này là trách nhiệm của quốc gia. Tôi không đi theo chính trị, thân phận hiện tại của chúng tôi là người xuất gia đệ tử Phật. Sứ mạng của người xuất gia đệ tử Phật là gì? Giảng kinh dạy học, làm ngành này. Mỗi người trong xã hội này, bản thân mỗi người làm tốt chức vụ của mình, sau đó hợp tác với các ngành nghề khác. Như vậy xã hội được an định, xã hội sẽ hòa thuận, xã hội luôn thái bình thịnh trị, xã hội tự nhiên ngày càng phát triển.

Người trong mỗi ngành nghề đều giác ngộ, nói theo truyền thống văn hóa, mỗi người đều là thánh hiền quân tử, như vậy sao không tốt đẹp được? Chẳng những truyền thống văn hóa xưa là tấm gương tốt của các huyện thị Trung quốc, mà cũng là tấm gương tốt trên toàn thế giới. Quốc gia nào, khu vực nào không hy vọng được an định hòa bình? Đều hy vọng được như thế, nhưng không tìm ra phương pháp. Trong truyền thống văn hóa xưa có phương pháp này, phương pháp này ngày xưa đã từng thí nghiệm, đều làm được. Đại đồng, tiểu khang đều từng thực hiện qua.

Dưới sự trị vì của Văn Cảnh Đế thời nhà Hán; Trinh Quán, Khai Nguyên thời nhà Đường; Vĩnh Lạc thời nhà Minh; Khang Hy, Càn Long thời nhà Thanh, đều được gọi là thanh thế, nhưng đều thuộc về tiểu khang.

Người đọc sách, mặc dù sống trong thời đại tiểu khang, nhưng mỗi niệm không quên đại đồng. Đại đồng là thánh nhân, tiểu khang là hiền nhân, người xưa gọi là thánh hiền quân tử. Thành thánh thành hiền phải dựa vào giáo dục, bởi vậy kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên. Không đọc sách thánh hiền, sao có thể thành thánh thành hiền? Đứng đầu trong sách thánh hiền chính là kinh điển đại thừa, đây là sách thánh. Mục tiêu của kinh điển đại thừa là dạy người làm Phật, làm Bồ Tát. Phật Bồ Tát luôn ở trên địa vị thầy giáo, nghề giáo viên, suốt đời làm giáo viên, dạy học không phân biệt chủng tộc. Đức Phật là một nhà mô phạm gương mẫu của chúng ta, sống một ngày thì dạy một ngày. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học suốt 49 năm, chưa từng nghe nói được nghỉ ngày nào, không có, trong kinh không có ghi chép. Học không chán, dạy không mệt. Vì sao vậy? Vì đạt được pháp hỷ, vô cùng an lạc. Không từ nói: “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”, gọi là pháp hỷ. Trong kinh điển nói: Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Địa vị là gì? Là Thiên Nhơn Sư.

Từ 42 kiếp này, có thể thấy được người trong thời kỳ đó có phước báo rất lớn, thọ mạng của họ rất lâu.

Ở đây Hoàng Niệm Tổ nói rất hay: “Phật trú thế hoàng pháp 42 kiếp”. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trú thế hoàng pháp 79 năm. Người xưa thông thường dùng tuổi暮, là 80 tuổi, Phật Thích Ca trú thế 80 năm. Nên 42 kiếp này là nói Phật trú thế 42 kiếp. “Thời gian này là diễn thuyết kinh văn cho Chư Thiên và nhân dân trong thế gian”. Diễn là biểu diễn, làm ra cho người khác thấy, thuyết là giảng giải. Diễn là thân hành, thuyết là ngôn thuyết.

Kinh, nói như hiện nay gọi là chân lý, đạo lý vĩnh hằng bất biến, như vậy mới gọi là kinh. Không bị hạn chế bởi thời gian và không gian, cho nên gọi là kinh văn. Những gì Đức Phật dạy trong 3000 năm trước là chân lý, ngày nay vẫn là chân lý không hề thay đổi. Ở Ấn độ dạy người Ấn độ là chân lý, truyền đến phương đông dạy người phương đông vẫn là chân lý. Không những như vậy, mà dạy lục đạo, dạy mười pháp giới, tánh tướng lý sự nhân quả vĩnh hằng không thay đổi.

“Giảng luận đạo pháp và đạo yếu”, những phương pháp đại đạo này, yếu là tinh yếu, là quan trọng nhất, là tinh hoa, chúng ta phải nắm chắc. Bên dưới là giải thích cho chúng ta. “Đạo là con đường giác ngộ”, con đường. “Câu Xá Luận nói: Nghĩa của đạo là gì? Là con đường niết bàn”, đó là nghĩa của đạo. Nghĩa này là nghĩa lý của đạo, nói như thế nào? Gọi là con đường niết bàn. “Đi theo con đường này có thể đến thành niết bàn”, đây là đại bát niết bàn, mục tiêu và phương hướng của Phật pháp đại thừa đều ở đây. Bất kỳ bộ kinh luận nào, mục tiêu sau cùng đều là đại bát niết bàn. Đây là tiếng Ấn độ, niết bàn là tiếng Ấn độ. Trong khổ tập diệt đạo dịch thành diệt. Diệt điều gì? Diệt phiền não: Kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Đoạn tận cả ba loại phiền não, liền minh tâm kiến tánh, đó gọi là bát niết bàn. Bây giờ chúng ta dùng một cách nói dễ hiểu hơn, gọi là trở về tự tánh. Vì thế kinh luận đại thừa là con đường lớn giúp chúng ta trở về tự tánh, con đường thành Phật. Phật đạo là rốt ráo nhất, viên mãn nhất. Dùng Phật đạo để làm đường đi, như vậy còn gì để nói chẳng? Người thế gian chúng ta gọi là thánh nhân, cho nên người xưa gọi Phật là đại thánh, nghĩa này cũng rất thích hợp.

Hoa Nghiêm Đại Sớ, đây là Sớ Sao của đại sư Thanh Lương, trong này nói: “Thông đến quả Phật, cho nên gọi là đạo”. Ý này tương đồng với Câu Xá Luận, có thể thông đạt đến quả vị Phật, đây gọi là đạo. Con đường này rất dài, rất xa xôi. Nếu chúng ta hiểu rõ ràng phương pháp, luận lý, cảnh giới, tinh tấn tu học. Bí quyết tu học chính là nhìn thấu buông bỏ.

Trước đây đại sư Chương Gia dạy cho tôi, nhìn thấu là sao? Là thấu triệt, làm sao để thấu triệt? Điều này cần phải dựa vào kinh luận. Thông thường đều là hàng trung hạ căn tánh, trong kinh điển đại thừa, hàng thượng trung hạ căn đều phải nương vào kinh điển, như vậy mới thấu hiểu được. Chỉ có hàng thượng thượng căn là nhờ vào thiện căn của họ, thiện căn phước đức vô cùng sâu dày. Họ không cần học nhiều thứ cũng có thể khai ngộ, vì sao vậy? Vì họ buông bỏ được, giống như đại sư Huệ Năng vậy.

Khi tôi mới học Phật, ba người thầy, ba người thầy chưa từng gặp mặt, nhưng câu này là ba vị thầy nói, nói hoàn toàn giống nhau. Họ dạy tôi học Phật pháp tuyệt đối không được học ngài Huệ Năng, cảnh cáo tôi. Họ nói: anh không phải thuộc hàng căn tánh đó, nếu đi theo con đường đó không có thành tựu. Mà còn nói với tôi, trước đại sư Huệ Năng chưa từng có người như vậy, sau ngài Huệ Năng cho đến nay cũng chưa gặp được người thứ hai. Đó là bậc thượng thượng căn, là thiên tài, không học theo được.

Thượng trung hạ căn đều phải y cứ theo kinh điển, nghĩa là phải đọc sách, dần dần nâng cao. Nhưng trong này quan trọng là ta hiểu được bao nhiêu, buông bỏ được bao nhiêu, ta mới có thể tiến về phía trước, tức là cảnh giới tiếp tục nâng cao. Nếu không buông bỏ thì không thể nâng cao được. Đại sư Chương Gia nói, điều này giống như lên cầu thang vậy. Ví dụ mười tầng lầu, quý vị không buông bỏ tầng thứ nhất, làm sao lên đến tầng thứ hai? Đến tầng thứ hai, không bỏ tầng thứ hai làm sao lên được tầng thứ ba? Từ đây chúng ta mới lãnh hội được, công phu tu hành trong Phật pháp không có gì khác, chính là buông bỏ. Không buông được thì sao? Không buông được những gì ta học đều biến thành Phật học, biến chất. Thế nên học Phật và Phật học là hai vấn đề khác nhau. Phật học không thể được lợi ích, thọ dụng ta đạt được là danh lợi của thế gian. Vấn đề này hiện nay rất phổ biến, trong trường học đích thực có thể dùng kinh điển viết luận văn, có thể lấy được học vị tiến sĩ. Có thể làm vị giáo thọ, nhà Phật học, có thể đạt được những danh lợi này. Nhưng danh lợi vẫn là số mạng có, số mạng không có thì danh lợi không đạt được, đạo lý nhân quả chính là ở đây. Cho nên học Phật và Phật học là hai vấn đề khác nhau. Nghiên cứu Phật học, vĩnh viễn không thể thoát ly luân hồi lục đạo. Thầy lý nói: phải sanh tử như thế nào thì vẫn sanh tử như thế, tức là nói tùy nghiệp lưu chuyển. Nhưng người học Phật không như vậy, người học Phật có thể vượt thoát lục đạo. Đặc biệt là gặp được pháp môn Tịnh độ, tu theo pháp môn Tịnh độ, rất có thể ngay trong đời này vĩnh viễn ra khỏi lục đạo, mười pháp giới. Điều này rất khó được, quả thật không dễ. Nếu có cơ duyên gặp được Tịnh độ, đó là điều may mắn không gì sánh được, có thể thành tựu trong một đời. Gặp các pháp môn đại thừa khác không được, nhất định không thể vượt thoát lục đạo, vì sao vậy? Vì chưa đoạn được kiến tư phiền não. Điều này cần có năng lực thật sự, phải tinh tấn tu hành. Kiến tư phiền não chưa đoạn, không thể ra khỏi lục đạo. Ở trong lục đạo xả thân thọ thân, khi đầu thai là quên hết tất cả chuyện trong quá khứ. Quý vị thử nghĩ xem, đến đời nào kiếp nào ta mới nhớ lại được những gì ta tích lũy được trong đời quá khứ, hầu như là chuyện không thể.

Ở thế gian bây giờ có thuật thôi miên, thuật thôi miên có thể phát hiện được đôi nét vệt vật trong quá khứ. Trong những điều vụn vặt đó có thể hiểu được, con người thật sự có luân hồi, ta không có cách nào ra khỏi luân hồi. Nhưng quý vị một đời học Phật niệm Phật không

thể vãng sanh, cũng không mất quả báo của trời người, lợi ích của việc học Phật là như vậy. Trong Phật pháp không được coi là quả báo, Phật pháp gọi tiểu quả là A la hán, thoát ly lục đạo là tiểu quả. Sanh vào tứ thánh pháp giới, có thể thoát ly mười pháp giới, đây mới là quả lớn, quý vị xem không đơn giản chút nào!

Bởi thế pháp môn Tịnh độ vô cùng thù thắng! Không chỉ là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi, không có vị Phật nào trong mười phương ba đời không khen ngợi. Tất cả Chư Phật Như Lai, không có đức Như Lai nào không khuyên đệ tử mình cầu sanh Tịnh độ. Đến trong Kinh Hoa Nghiêm, Phật Tỳ Lô Giá Na cũng không ngoại lệ. Ta có thể nghĩ cũng biết, pháp môn này thù thắng vô cùng. Kinh Hoa Nghiêm đến sau cùng, Văn Thù và Phổ Hiền đây là hai trợ thủ của Phật Tỳ Lô Giá Na, dẫn đầu 41 vị pháp thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng, đến thế giới Cực Lạc theo học Phật A Di Đà. Biểu diễn cho chúng ta thấy, họ là thật, không phải giả. Vì sao vậy? Vì trong kinh Đức Phật nói rất rõ ràng: Bồ Tát tu hành ở thế giới Hoa Tạng, từ sơ trụ đến Đẳng giác cần ba a tăng kỳ kiếp. Nhưng đến thế giới Cực Lạc tu hành, không cần dùng đến thời gian một kiếp, không cần, họ đã thành tựu được, thành tựu rất nhanh!

Vãng sanh đến thế giới Hoa Tạng, là điều không đơn giản, đó quả thật là huân tu vô lượng kiếp. Đến thế giới Hoa Tạng thành tựu rất chậm, nếu đến thế giới Cực Lạc là lập tức thành tựu. Như chúng ta, từ vô lượng kiếp đến nay đều đang tạo nghiệp, không phải đang tu hành, là đang tạo nghiệp, vì thế hiện nay tập khí nghiệp của chúng ta rất nặng. Tu hành tập khí sao lại nặng đến thế? Là do tạo nghiệp, cho nên nhất phẩm phiền não cũng không đoạn được. Năm loại lớn trong kiến hoặc, đầu tiên là thân kiến, chúng ta đoạn được chăng? Ta thật sự có thể buông bỏ thân này chăng? Thân không phải tôi. Hiện nay các nhà khoa học lượng tử cũng nói, thân thể không phải là ta, thân thể sanh diệt trong từng sát na. Họ lấy một ví dụ rất hay: Tôi của năm phút trước và tôi của năm phút sau, không phải là một cái tôi, nó biến hóa vô cùng tận. Phàm những gì có sanh có diệt đều là giả, bây giờ các nhà khoa học cũng nói như vậy. Thế nào là thật? Không sanh không diệt là thật, điều này hoàn toàn giống như kinh điển đại thừa nói.

Cho nên pháp môn Tịnh độ rất đáng quý, chúng ta gặp được pháp môn này chẳng khác nào gặp được của báu. Pháp môn này có thể giúp ta thành tựu trong một đời, mà còn nhanh chóng thành tựu, phải như thế nào? Phải y giáo phụng hành, coi việc niệm Phật là mục đích cứu cánh trong đời, phải để Phật A Di Đà trong tâm, những gì khác đều quét sạch hết. Chỉ có Phật A Di Đà, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, cần bao nhiêu thời gian?

Chúng ta xem Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, trong này khoảng một nửa, trên một nửa số người đó, ba năm thành tựu. Cũng có không ít người chưa đến ba năm là thành tựu.

Mấy năm trước cư sĩ Hoàng Trung Xương ở Thẩm Quyển, 30 tuổi thành công. Ông làm một thử nghiệm, là tấm gương cho chúng ta. Ông nghe nói niệm Phật ba năm thành công liền thử xem, bết quan ba năm. Mỗi ngày tụng một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, ngoài ra là niệm Phật, nghĩa là niệm rớt ráo một câu Phật hiệu. Hai năm 10 tháng, thiếu hai tháng là tròn ba năm, biết trước giờ chết, ông vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Là thật, không phải giả, trong tam chuyển pháp luân, ông đã làm chứng chuyện cho chúng ta. Ông ta đã chứng minh cho chúng ta, quý vị xem rất dễ thành tựu. Chư vị nên biết, đến thế giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, quá tuyệt vời!

Tôi ở đây giảng kinh là khuyên mọi người, còn ông ta ở đó làm gương. Quý vị xem ông ta ra đi một cách tự tại, rất tiêu sái, xả bỏ tất cả những gì thuộc về thế gian, không còn chút gì tham luyến.

Người phương tây nói về thảm họa năm 2012, bây giờ đến năm 2012 vẫn còn kịp. Năm 2012, là vì ngày 21 tháng 12, vẫn còn kịp. Nếu chúng ta tu hành tinh tấn, thiên tai đến cũng không sợ. Thiên tai đến chúng ta về thế giới Cực Lạc, thiên tai không đến, không đến cũng đến thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc tốt biết bao! Hà tất ở thế gian này chịu khổ.

Bên dưới giải thích: “Đạo pháp đến pháp niết bàn chánh đạo. Đạo yếu là nòng cốt của Phật đạo”. Như trong kệ khen ngợi Phật A Di Đà có câu: “Cứu sống đạo yếu vô chướng ngại”. Tôi vừa mới nói với quý vị, câu chuyện về cư sĩ Hoàng Trung Xương, quả thật đáng để chúng ta phản tỉnh, đáng để chúng ta học tập. Bởi vậy thiên tai năm 2012 đối với chúng ta mà nói là cơ hội tốt, là thời hạn để thử chúng. Giới hạn trong thời kỳ này, để chúng ta đi làm Phật. Hay! rất hay! Không có cơ hội nào tốt hơn. Để Phật A Di Đà trong lòng, ngoài ra đều buông bỏ hết. Tôi tin không có ai không thành công.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 163

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 11.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 188 hàng thứ nhất, bắt đầu xem từ kinh văn.

“Hữu đại quốc vương, danh Thế Nhiêu Vương, văn Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải, tầm phát vô thượng, chơn chánh đạo ý, khí quốc quyền vương, hành tác Sa Môn, hiệu viết Pháp Tạng”.

Đoạn này là kinh văn, đoạn này Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta về lịch sử của Phật A Di Đà, Phật pháp gọi là nhân địa, Phật A Di Đà từ đâu đến.

Chúng ta nên nhớ, kinh văn ở trước nói với chúng ta là rất lâu về trước. Từ kiếp rất lâu xa về trước, thế gian này có một vị Phật ra đời, hiệu là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, chắc chắn không phải thế giới này của chúng ta. Lịch sử thế giới của chúng ta, không có y cứ này, đây là thế giới tha phương. Người trong thế giới này phước báo rất lớn, từ thọ mạng của Phật có thể thấy được, ngài trú thế 42 kiếp, giảng kinh thuyết pháp cho người thế gian.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trên địa cầu chúng ta vào 3000 năm trước. Theo lịch sử ghi chép, khi Phật xuất hiện là năm thứ 24 của Chiêu Vương thời nhà Chu, năm Giáp dần. Ngài viên tịch là năm thứ 53 của Chu Mục Vương, trú thế 80 năm, 80 tuổi. Thế Gian Tự Tại Vương Phật trú thế rất lâu, 42 kiếp, kiếp là đơn vị thời gian của Ấn độ cổ. Cách tính của

nó là thế giới chúng ta, thế giới này có thành trụ hoại không, mỗi lần thành trụ hoại không gọi là một đại kiếp. Chúng ta đều biết, giữa vũ trụ có tính chu kỳ, trong Phật pháp nói tính chu kỳ đều rất lớn. Ví dụ người Maya dự ngôn về thảm họa năm 2012 là một chu kỳ nhỏ, nghĩa là hệ thái dương và hệ ngân hà đổi tề. Chúng ta biết, chúng ta biết mặt trời chạy quanh hệ ngân hà, hơn 5 vạn năm có một lần đổi tề, hơn 5 vạn năm mới gặp một lần đổi tề. Chu kỳ thành trụ hoại không này rất lớn, điều này lịch sử không thể ghi chép. Vì sao vậy? Vì tinh cầu đã hủy diệt. Không những là địa cầu, mà cả hệ thái dương đều bị hủy diệt, điều này chúng ta đều có thể lý giải. Trong hư không thường có hiện tượng tinh hệ sanh thành hủy diệt, trong kính viễn vọng của thiên văn đều có thể thấy được, nhưng không phát hiện được tính chu kỳ của nó. Sau khi hoại, nó lại sanh thành, vì thời gian của nó quá dài, khoa học không có cách nào phát hiện. Trong kinh điển nói rất rõ ràng, kiếp có tính chu kỳ rất lớn, có bao nhiêu chu kỳ? Một chu kỳ gọi là một kiếp, 42 kiếp tức là 42 chu kỳ. Giống như hệ thống hành tinh này của chúng ta, là 42 lần thành trụ hoại không, thời gian này rất dài, chúng ta không thể tính đếm được.

Khi Phật Thế Gian Tự Tại Vương ra đời_cho nên thời gian Phật trú thế cũng dài, ngài trú thế 42 kiếp. Trong thính chúng của ngài có một vị quốc vương, vị vua này là quốc vương lớn, tên là Thế Nhiêu Vương. Thế Nhiêu Vương, chúng ta biết nhất định đây là tôn xưng của nhân dân đối với ông, vì sao vậy? Vì vị vua này thống trị giỏi. Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian, thế gian này phong nhiêu. Nghĩa là như ngày nay chúng ta nói, là một quốc gia có nguồn văn hóa, tài nguyên vô cùng phong phú, vô cùng phát đạt. Người xưa gọi là thái bình thanh thế, đặc biệt là phương diện văn hóa. Quý vị xem có Phật xuất thế, điều này rất khó được, đúng là hy hữu khó gặp. Nhân dân phước báo lớn, quốc vương phước báo lớn, chiêu cảm Phật Bồ Tát xuất hiện, mà còn trú thế rất lâu. Thế Nhiêu Vương là học sinh của Tự Tại Vương Phật. “Nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải”. Ngài nghe hiểu, minh bạch.

Trong Phật giáo khai ngộ có hai loại, một loại gọi là giải ngộ_Tín giải hành chúng, giải ngộ, một loại khác gọi là chứng ngộ. Từ chỗ này chúng ta thấy, hành vi của vị quốc vương này, chúng ta biết ông đã chứng ngộ, không phải giải ngộ. Giải ngộ ông không làm được, không thể làm được “từ bỏ quốc vương”, không cần ngôi vị quốc vương, nhường cho người khác. Bản thân xuất gia, làm đệ tử xuất gia của Thế Tự Tại Vương Như Lai, trở thành Tỳ kheo. Từ đây dễ thấy, ông nhất định là chứng ngộ.

Cảnh giới chứng ngộ không phải cảnh giới bình thường, như trong kinh điển đại thừa nói, nhất định là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Không phải cảnh giới đó, ông không dễ xuất gia. Đặc biệt là sau khi xuất gia học đạo, phát tâm vô thượng. Ở trước rất nhiều chư vị tổ sư đại đức đều nói, ngài sơ phát tâm đã là pháp thân Bồ Tát, đẳng địa Bồ Tát. Không phải địa vị cao như thế, ngài không thể phát tâm đại bồ đề, kiến lập thế giới Cực Lạc nói đâu có dễ!

Ở sau chúng ta thấy, đoạn kinh văn này là lịch sử của thế giới Cực Lạc, người tu Tịnh độ không thể không biết, thế giới Cực Lạc từ đâu mà có? Phật A Di Đà từ đâu mà có? Đây là dạy môn lịch sử cho chúng ta.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Lão. “Thế Nhiêu Vương kiến Hán Dịch”. Trong năm loại nguyên bản dịch, bản dịch thời nhà Hán, chính là Kinh Thanh Tịnh Bình Đăng Giác. Văn tự trong kinh là như vậy, đây là nguyên văn. Thế Nhiêu Vương nghe kinh tu đạo, hoan hỷ khai giải. Hoan hỷ là được pháp hỷ, khai giải lại tiến thêm một bước nữa. “Bèn bỏ vương vị, làm một vị Tỳ kheo”, đoạn này là kinh văn của Hán Dịch.

Pháp sư Nghĩa Tịch nói: “Chuân bỉ kinh văn”, nghĩa là y theo trong kinh văn này nói. “Thế Nhiêu Vương cũng là tục danh của ngài Pháp Tạng”, trước khi chưa xuất gia, ngài là một vị quốc vương. “Kinh văn của Hán Dịch rất rõ ràng chuẩn xác, lúc làm quốc vương tên là Thế Nhiêu Vương, sau khi xuất gia tức Tỳ kheo Pháp Tạng”. Đầu tiên là nói rõ về cương lĩnh, sau đó mới nói tường tận. “Đương thời có một vị quốc vương lớn, tên là Thế Nhiêu Vương, nghe Thế Gian Tự Tại Vương Phật thuyết pháp”. Danh hiệu của Phật không có nhất định, Phật thị hiện là ứng tùy theo cảm của chúng sanh. Vì thế Chư Phật Bồ Tát thị hiện trong lục đạo, thị hiện trong mười pháp giới để giáo hóa chúng sanh, như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”. Tâm chúng sanh muốn gì, ngài có thể thị hiện theo nguyện vọng của chúng sanh. Danh hiệu là cương lĩnh của dạy học.

Như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở thế giới chúng ta, ngài nhất định phải dùng danh hiệu này. Danh hiệu là gì? Danh hiệu chính là mục tiêu dạy học của ngài, ngay lúc này ở đây trong đoạn thời gian này. Lúc này ở đây, những chúng sanh này cần gì. Thích Ca Mâu Ni là tiếng Phạn. Thích Ca dịch là Năng Nhơn, có thể nhân từ. Nghĩa là có thể lấy tâm nhân từ đối đãi chúng sanh. Từ đó cho thấy, người trên thế giới chúng ta, không nhân từ, không có lòng yêu thương. Đức Phật Thích Ca thị hiện ở thế gian này dạy những gì? Dạy mọi người dùng tâm yêu thương. Vì thế chúng ta có thể nói, giáo dục của Phật giáo là giáo dục về lòng yêu thương, dạy ta phải nhân từ với người khác.

Mâu Ni dịch là tịch diệt, hoặc dịch là tịnh tịnh, đối với chính mình. Đối với bản thân không được nông nổi, phải học theo đề kinh này nói, “thanh tịnh bình đẳng giác”. Thanh tịnh bình đẳng giác, tâm địa thanh tịnh ý nghĩa gần giống với Mâu Ni. Đối với bản thân phải thanh tịnh tịch diệt. Diệt tức là diệt trừ phiền não, không phải nói gì khác. Chúng ta phải diệt trừ tập khí phiền não, chính là ý này.

Quý vị xem, đối với chính mình phải thanh tịnh tịch diệt, đối với người khác là một tấm lòng từ bi, đây là ý nghĩa của Thích Ca Mâu Ni. Nghĩa là nói ngài ở thế gian này, lúc này ở đây ngài đã giáo hóa chúng sanh những gì? Đây là cương lĩnh chung, nguyên tắc chung, phương hướng và mục tiêu của dạy học. Tất cả kinh điển Đức Phật nói trong suốt 49 năm, không tách rời cương lĩnh này.

Bây giờ chúng ta xem, thời đại của Thế Nhiêu Vương, danh hiệu của vị Phật này gọi là Thế Gian Tự Tại Vương Phật. Từ đó cho thấy, tiêu chuẩn nhân dân ở đó cao hơn chúng ta. Vì sao vậy? Cương lĩnh chung mà Đức Phật dạy ở đó, là dạy tất cả chúng sanh làm sao được đại tự tại, tiêu chuẩn cao hơn chúng ta nhiều! Cho nên Thế Nhiêu Vương xuất hiện ở đó, ngài không thể xuất hiện ở đây, vì sao vậy? Vì trình độ của ngài cao quá, ngài không cần đến thế gian này, ngài xuất sanh ở thế giới nào, nhất định tiêu chuẩn ở thế giới đó thích hợp với ngài. Trình độ cao như vậy, mới có thể xếp vào lớp học được.

Thế Gian Tự Tại Vương, Vương tức là nói tự tại vô cùng, trong Phật pháp thông thường gọi là đại tự tại. Ai được đại tự tại? Ít nhất cũng là Viên giáo sơ trụ Bồ Tát. Từ đây chúng ta có thể hiểu được, thế giới mà Thế Gian Tự Tại Vương Phật ra đời, không phải thế giới thông thường. Chúng sanh trong đó không có lục đạo, không có mười pháp giới, như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: Cõi nước thanh tịnh. Trong Kinh Hoa Nghiêm phẩm Hoa Tạng Thế Giới, phẩm Thế Giới Thành Trụ, trong này nói rằng: Đích thực giữa vũ trụ có cõi nước của Chư Phật, không phải là số ít. Ở trong đó thanh tịnh tuyệt đối, chính là cõi thật báo trang nghiêm, nó không có cõi phương tiện, cũng không có cõi đồng cư, bằng không sao lại thù thắng đến thế! Cho nên các bậc cổ đức cho rằng, Thế Nhiêu Vương chính là tỳ kheo Pháp

Tạng, ngài là Bồ Tát địa thượng, chúng ta có thể tin tưởng, có thể tiếp thu cách nói này. Người như vậy làm quốc vương, lãnh đạo một quốc gia, đó là thánh vương, ngài không phải người bình thường, Ngày xưa Trung quốc từng xuất hiện, nhưng phước báo không lớn như ngài, thọ mạng của ngài rất dài. Ngày xưa xuất hiện là ba đời Nghiêu Thuấn Vũ, ba đời hợp lại nhiều nhất là 100 năm, còn ngài đến 42 kiếp.

Nghiêu Thuấn Vũ là cách trị đại đồng, đích thực ba vị đế vương này cũng có thể gọi là Thế Nhiêu Vương, Thế Nhiêu Vương của địa cầu này, cách trị đại đồng! Ba đời Hạ Thương Chu là tiêu khang, đi xuống, tiêu chuẩn ngày càng xuống thấp. Chẳng những không thể nâng cao, mà đến duy trì cũng không được, ngày càng đi xuống.

Khổng tử, Mạnh tử là thánh nhân, xuất hiện vào cuối thời nhà Chu, cuối thời nhà Chu đã suy thoái. Vì sao suy thoái? Vì quốc vương đương thời dần dần lơ là quy củ của tổ tông. Nếu nói như hiện nay, luật pháp của nhà Chu là hiến pháp, đại pháp trị quốc là Chu Lễ, Chu Lễ là đại pháp trị quốc của nhà Chu. Do Chu Công soạn, Chu Công là thánh nhân. Người mà Khổng tử kính ngưỡng nhất là Chu Công, ông rất muốn học Chu Công, nhưng không ai dùng ông. Chu du liệt quốc, chư hầu đều rất tôn trọng ông, nhưng không ai mời ông làm việc. Đến năm 68 tuổi, cảm thấy tuổi tác đã lớn, mới từ bỏ ý niệm đi theo con đường chính trị, trở về quê nhà dạy học, 73 tuổi ông qua đời. Vì thế Khổng tử dạy học chỉ có 5 năm, 68 tuổi về quê dạy học, chỉ có 5 năm. Dạy học 5 năm, mọi người đều biết ông có 3000 đệ tử, 72 vị hiền. Không đơn giản, thành quả ngoài sức tưởng tượng.

Đức Phật Thích Ca dạy học, nhân số nhiều vô kể, vì ngài dạy học thời gian dài, ngài dạy suốt 49 năm. Ngài cũng là con của quốc vương, từ bỏ ngôi vị vương tử để xuất gia, suốt đời làm công tác giáo dục xã hội. Vấn đề này những người học Phật như chúng ta, cần phải hiểu rõ. Hiện nay Phật giáo biến thành Tôn giáo, tất cả người học Phật đều có tội. Nói khó nghe một chút, đều đáng phải đọa vào địa ngục, vì sao vậy? Vì nền giáo dục tốt nhất thế gian, sao lại khiến nó biến thành Tôn giáo? Đây không phải Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tạo nên.

Khi Phật giáo truyền đến Trung quốc là giáo dục, đầu thời nhà Thanh và giữa thời nhà Thanh vẫn là giáo dục, tự viện am đường là trường học. Điều giống như trong kinh điển nói: Vì nhân dân giảng kinh thuyết pháp. Phật giáo truyền đến Trung quốc, vào thời nhà Tùy Đường rất hưng thịnh. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học, lúc còn tại thế, tình hình rất giống với nền giáo dục tư thực ở đây, chỉ là học sinh nhiều hơn mà thôi, không có tổ chức. Nhưng vào thời Tùy Đường điều này trước đây thầy Phương nói với tôi, thầy nói Phật giáo đã làm một cuộc cách mạng rất lớn, nghĩa là gì? Là chế độ hóa, trong Phật giáo gọi là chế độ Tùng lâm. Chế độ Tùng lâm là gì? Là trường đại học hiện nay. Ngày xưa là dạy học tư thực, vào thời này trở thành trường học chính quy. Thầy phương từng nói nhiều lần với tôi, muốn phục hưng Phật giáo, nhất định phải khôi phục lại chế độ Tùng lâm. Chủ tịch của Tùng lâm là hiệu trưởng, hòa thượng Thủ tọa là trưởng giáo vụ, hòa thượng Duy na là huấn đạo trưởng, giám viện hiện nay là tổng vụ trưởng. Phân công hoàn toàn giống với chế độ trường học hiện nay. A xà lê là giáo thọ. Vậy tại sao Phật giáo lại biến thành Tôn giáo? Bây giờ người ta còn cho rằng Phật giáo là mê tín. Thế xuất thế gian, thật sự có thể dạy người khai trí tuệ, dạy người câu phước đức, chỉ có Phật pháp. Tiếp xúc Phật pháp là học những gì? Là học trí tuệ, học phước báo. Ta rời xa Phật giáo, nói cách khác, trí tuệ không có, phước báo cũng không có. Người không có trí tuệ là ngu si, không có phước báo là bần cùng. Phước báo chúng ta hưởng thụ trong đời này là do đời trước tu được, đời này nếu không biết tiếp tục tu, đời sau rất đáng thương. Ngu si, bần tiện, quý vị nói đáng thương biết bao!

Chúng tôi cũng là từ trong những người đáng thương, rất may mắn gặp được thiện tri thức. Họ đã giảng giải Phật pháp cho chúng tôi nghe một cách rõ ràng minh bạch, chúng tôi mới hoát nhiên đại ngộ. Không gặp được thiện tri thức, chúng tôi chẳng khác gì người thế gian, coi Phật giáo là Tôn giáo, là mê tín, không hề để ý đến. Quý vị nói đáng thương biết bao, bi ai biết bao! Vì thế đời này tôi được học Phật, tôi cảm kích thầy giáo vô cùng, không bao giờ quên ân đức của thầy. Không có thầy, tôi thật sự mê hoặc, vì sao vậy? Vì trong xã hội hiện nay, không thấy được Phật giáo chơn chánh, không còn. Những gì ta thấy được, đích thực là Phật giáo của Tôn giáo. Phật giáo của học thuật ở đâu? Trong trường đại học, trong trường đại học lấy kinh điển làm môn học. Trước đây tôi cũng từng dạy ở trường mấy năm, trong hệ triết học có môn Triết học Phật giáo. Hiện nay có du lịch Phật giáo, có xí nghiệp Phật giáo, có tà giáo Phật giáo. Phật giáo ít nhất có sáu loại, chỉ có một loại là thật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp cho rất cả chúng sanh, đây là thật. Nếu đã hiểu rõ, Phật là gì? Phật là một người thầy giáo. Người Ấn độ xưng là Phật, người xưa gọi là thánh nhân. Tiêu chuẩn như thế nào mới xưng là thánh nhân, xưng là Phật? Đối với hết thảy pháp thế xuất thế gian đều thông đạt thấu triệt, mới có xưng hiệu như thế. Cổ nhân xưng là thánh hiền, người Ấn độ xưng là Phật Bồ Tát. Phật cổ nhân gọi là thánh, Bồ Tát gọi là hiền. Họ là người, không phải thần, cũng không phải tiên, họ là con người.

Mối liên quan giữa chúng ta với Phật, chúng ta suy nghĩ sẽ rất rõ ràng, chúng ta gọi Phật là thầy. “Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật”. Phật, Bồ Tát, A la hán là danh xưng của học vị trong Phật giáo, học vị cao nhất là Phật. Ở đây Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai là Phật, là học vị cao nhất. Học vị thứ hai là Bồ Tát, học vị thứ ba là A la hán. Như trong trường đại học hiện nay, tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, danh xưng của ba học vị này, đều có thể đạt được.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Nói cách khác, ta vốn có trí tuệ viên mãn, phước báo viên mãn. Bây giờ không cần đến Phật, nói cách khác là cũng không cần đến trí tuệ, ta cam chịu làm người ngu si. Ta cũng không cần phước báo, cam chịu làm người ăn xin, không phải là như vậy ư? Đây quả là nực cười! Như vậy là sao? Vì không ai dạy chúng ta, khiến chúng ta có một sự ngộ nhận lớn như thế, không chịu tiếp xúc kinh điển Phật giáo. Khi tiếp xúc rồi mới hoát nhiên đại ngộ, đối với bản thân cảm thấy vô cùng may mắn.

“Thế Nhiêu Vương nghe Thế Gian Tự Tại Vương Phật thuyết pháp, tâm liền khai mở, thấu triệt thật nghĩa, gọi là khai giải”. Khai giải, trong Phật pháp đại thừa gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đã khai ngộ, giải là minh bạch, mở ra tất cả mọi nghi hoặc. “Do khai giải, tự nhiên hoan hỷ”. Cho nên hoan hỷ khai giải, hoan hỷ là pháp hỷ, đây là lợi ích của học Phật. Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ.

Chúng ta đọc Luận Ngữ, câu đầu tiên Khổng tử nói: “Học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”, duyệt ở đây là hỷ duyệt. Học mà được thực hành, ta đem những gì đã học thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong xử sự đối nhân tiếp vật, đó gọi là tập. Ta ứng dụng vào cuộc sống tất cả những gì học được, vô cùng hoan hỷ! Hoan hỷ này không phải từ bên ngoài vào, là hỷ duyệt sinh là từ nội tâm, không có gì vui bằng. Trong Phật pháp nói đó là pháp thế gian, thánh nhân thế gian đều có thể sanh ra niềm vui như thế. Phật lại nâng cao thêm một tầng nữa, pháp xuất thế gian, thế xuất thế gian không ai có thể sánh với niềm hỷ duyệt này. Tâm khai ý giải, hiểu rõ thật nghĩa.

“Như sau cùng của các kinh nói: Nghe những gì Phật nói, mọi người đều rất vui mừng”. Đây là nói Phật thuyết kinh, quý vị xem câu sau cùng trong kinh điển, câu sau cùng đa phần

đều dùng hai câu này. Có chỗ chữ khác nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Điều rất vui mừng, nếu họ không có lợi ích thì tâm hoan hỷ của họ từ đâu mà có? Họ thật sự đạt được lợi ích.

Chúng ta thử nghĩ xem, chúng ta nghe giảng kinh pháp, có cảm thọ này chăng? Nếu như có cảm thọ này, như vậy là không phí công nghe, ta đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp. Nếu thật sự như ở đây nói: “đột nhiên tâm khai, hiểu rõ thật nghĩa”. Trong này có hai hạng người, hạng thứ nhất trong Phật pháp nói là thiện căn sâu dày, không phải người bình thường. Như Thế Nhiêu Vương, trong rất nhiều thánh chúng cũng chỉ có mình ngài, không có người thứ hai. Thậm chí nói, Tự Tại Vương Như Lai trụ thế 42 kiếp, học sinh ưu tú nhất chỉ có mình ngài, không nhiều. Hạng người thứ hai, chúng ta cũng muốn đạt đến cảnh giới như họ, nhưng thiện căn phước đức chúng ta không bằng họ, phải làm sao? Có cách là học bổ túc, chúng ta học thêm. Họ đã học xong bài, còn chúng ta thì chưa, nên chúng ta học bổ sung, không ngừng nghe kinh. Gọi là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, có thể đạt được cảnh giới như họ. Bởi vậy bản thân phải kiên nhẫn, phải có nghị lực, phải kiên trì không từ bỏ, được chăng? Được.

Ở Trung quốc trong 2000 năm nay, chúng ta thấy rất nhiều người dùng phương pháp thứ hai, rất ít người dùng phương pháp thứ nhất. 2000 năm nay, nên biết Phật giáo chính thức truyền đến Trung quốc, chưa đến 2000 năm. Công nguyên năm 67, niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười của Hán Minh Đế thời nhà Hán, Phật giáo chính thức truyền đến Trung quốc. Là đương thời hoàng đế phái đặc sứ đến Tây Vực thỉnh về, mời về hai vị pháp sư là Ma Đằng và Trúc Pháp Lan, đều là người Ấn độ. Họ truyền đạo giảng kinh dạy học ở vùng Tân Cương, nên đặc sứ đến Tân Cương thì gặp được. Phải đến năm 2067 mới tròn 2000 năm. 2000 năm nay, số người đạt được tiêu chuẩn “đột nhiên tâm khai, hiểu rõ chân nghĩa”, chúng tôi dự đoán có khoảng 3000 người, không phải số ít! 3000 người này như thế nào? Đã thành Phật, nghĩa là họ đạt được học vị cao nhất trong Phật pháp, đạt được học Phật vị. Người giống như Thế Nhiêu Vương, ở Trung quốc chỉ có một người, người Quảng Đông đều biết, là đại sư Huệ Năng, lục tổ Thiên tông thời nhà Đường. Ngài quả đúng là thiên tài, vừa nghe lập tức khai ngộ, nghe Phật thuyết pháp liền hoan hỷ khai giải, chỉ có một người. Những người khác thì sao? Những người khác đều là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, rải rác trong tám tông phái đại thừa. 3000 người này Thiên tông chiếm hết một nửa, có thể hơn một nửa. Quý vị xem trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên, 1700 người, hơn 1700 người. Giáo môn gọi là đại khai viên giải, Tịnh độ tông là lý nhất tâm bất loạn, ít hơn Thiên tông một chút. Từ trên lý luận mà nói, không những 10 tông phái không có sai khác, Phật giáo nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi pháp môn đều có thể thành vô thượng đạo, đều có thể đạt được học vị của Phật, đều có thể đạt được. Bởi vậy Phật mới nói pháp môn bình đẳng, không có cao thấp, trong Kinh Kim Cang nói như vậy, lời này là thật. Có thể thành tựu trong một đời hay chăng, mấu chốt ở mỗi người. Nếu tuân thủ phương pháp của Phật, nhất định sẽ thành tựu. Chúng ta thấy rất nhiều người của bao thời đại, phạm những ai tuân thủ phương pháp, thật thà tu hành đều thành tựu, đây không phải là giả. Nếu ta dùng phương pháp mới, như vậy sẽ thất bại. Việc học tập, đây là dạy học, chúng ta phải tin cổ nhân, không được tin theo người phương tây.

Ông Tôn Trung Sơn, khi nói Tam Dân Chủ Nghĩa, có thể thời Mãn Thanh vẫn còn, 100 năm trước. Ông trong Tam Dân Chủ Nghĩa, Tam Dân Chủ Nghĩa là sáu lần diễn giảng. Trong lần thứ tư có nói đến một đoạn, tôi thấy rất quan trọng nhưng chưa nghe ai nhắc đến, mọi người đều không để ý đến. Trong lúc diễn giảng ông nói với mọi người: Người phương

tây mạnh hơn người phương đông là máy móc và khoa học kỹ thuật, chính là hai thứ này, còn các phương diện khác đều không bằng. Đặc biệt là nói đến chính trị, triết học, người phương tây cần phải học tập người phương đông chúng ta. Đây là lời của ông Tôn Trung Sơn. Chúng ta không nghe lời ông ta, tất cả đều học theo phương tây, coi thường những thứ quý giá cha ông ta để lại, đánh mất lòng tin, cho nên ngày nay mới gặp phải những thiên tai thảm họa lớn như thế. Đặc biệt là về giáo dục, cổ nhân chúng ta trên toàn thế giới, so với các quốc gia dân tộc khác, cổ nhân biết cách giáo dục nhất. Tiến sĩ Townenbe nghiên cứu văn hóa sử Thế Giới, ông rất khâm khục người xưa. Thậm chí ông nói, muốn giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21, cần học thuyết Khổng Mạnh và đại thừa Phật pháp, ông ta nói như thế.

Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Là truyền thống văn hóa xưa, Nho Thích Đạo. Phật giáo truyền đến Trung quốc 2000 năm, đã trở thành Phật giáo của Trung quốc, hòa thành nhất thể với truyền thống xưa, không thể không thừa nhận điều này. Nói đến văn hóa xưa không thể không nói đến Phật giáo, đây cũng là lời của Townenbe. Ông nói: tâm lượng người xưa rất lớn, có thể bao dung văn hóa dị tộc, đây là chỉ Phật giáo, có thể bao dung, có thể tiếp thu. Mà văn hóa Phật giáo đã khiến cho nền văn hóa bản địa phong phú hơn. Đây là Townenbe nói. Phật giáo đã nâng cao cảnh giới của Nho giáo và Đạo giáo. Cho nên truyền thống văn hóa xưa không tách rời khỏi Phật giáo, tách rời Phật giáo tức là không hiểu truyền thống văn hóa xưa, đó là làm trò cười cho thiên hạ.

Nhưng ngày nay, Phật là gì không ai biết. Người xưa có trí tuệ giáo dục, có phương pháp giáo dục, có kinh nghiệm, có thành tích. Bốn nền văn minh cổ trên thế giới, Trung quốc vẫn còn, đây là thành tích. Nếu chúng ta không cần, thì nền văn minh cổ sau cùng này có thể cũng biến mất, không tồn tại. Hiện nay người học Phật chơn chánh ngày càng ít, khó khăn lớn nhất của học Phật chính là buông bỏ dục vọng, điều này rất khó khăn đối với người bây giờ. Nếu không buông bỏ được tài sắc danh thực thù, ta không thể nào khế nhập, nghĩa là ta chỉ học được một chút bên ngoài mà thôi. Sau khi buông bỏ mới thật sự khế nhập, đây là điều rất khó khăn. Nhưng trên thế giới nhiều người như thế, tôi nghĩ tìm hai ba trăm người không thành vấn đề. Có hai ba trăm người, Phật giáo trên toàn thế giới đều có thể phục hưng.

Chúng ta biết, lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sáng lập Phật giáo, trong vườn Lộc Uyển có tất cả sáu người. Mình ngài hướng dẫn năm người đệ tử, ngài sáng lập Phật giáo như thế. Ngày nay có 60 người, có 600 người, Phật giáo sao không phục hưng được? Nhất định có thể chấn hưng.

Trong chế độ Tùng lâm ngày xưa, một Tùng lâm là một đoàn thể học thuật lớn của Phật giáo, đều có trên 1000 người. Chúng ta không thể không biết điều này, biết rồi thì cần phải học phát tâm như tỳ kheo Pháp Tạng vậy. Ngài phát đại tâm, kiến lập thế giới Cực Lạc, ngài đã thành công.

Bên dưới nói, “do đó tâm nghĩa là phát tâm đạo vô thượng chơn chánh, tâm nghĩa là tùy theo”. Ngài hiểu rõ nên phát tâm, phát tức là phát tâm. “Đạo vô thượng chơn chánh, tiếng Phạn là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tức đạo mà Đức Phật đạt được”. Học Phật đạt được là gì? Đạt được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Câu này có thể dịch sang chữ Hán, vì sao không dịch? Vì tôn trọng nên không dịch. Đây là mục tiêu rốt ráo của tu học Phật pháp, nghĩa là dựa vào điều kiện này để lấy được học vị Phật.

Ở đây giải thích nói rõ cho chúng ta, “không ai có thể vượt qua, cho nên gọi là Vô Thượng. Chân là chân thật, chánh là thánh trí, cho nên biết như pháp tướng. Đạo là con đường vô ngại”. Chúng ta vẫn y theo tiếng Phạn nói ra ý nghĩa chữ Hán. “A” dịch sang chữ

hán nghĩa là vô, a dịch là vô. “Nậu Đa La” dịch là thượng, gọi là Vô Thượng, “tam” dịch là chánh, “miệu” dịch là đẳng, chữ “tam” tiếp theo cũng dịch là chánh, “Bồ đề” dịch là giác. Cho nên dịch hoàn chỉnh sang chữ hán là: “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, đây là tiêu chuẩn thành tích trong việc tu học Phật pháp.

Nếu chỉ được Tam Bồ Đề, tức là chánh giác, đã đạt được chánh giác. Học vị đầu tiên là A la hán đã đạt được, là bằng đại học, học vị thấp nhất. Nếu nâng cao thêm một bậc, là đạt được chánh đẳng chánh giác, nghĩa là Tam Miệu Tam Bồ Đề, tức là Bồ Tát. Sau cùng ta được A Nậu Đa La, là Vô Thượng, không còn cao hơn nữa. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chính là Phật. Làm sao để đạt được ba học vị này? Câu này rất quan trọng, vì thế không phiên dịch, chỉ dùng âm tiếng Phạn để dịch. Có thể dịch, nhưng vì tôn trọng nên không dịch, không phải không dịch được. Vì đây là mục tiêu học Phật cao nhất, rốt ráo nhất. Ở đây phiên dịch là từ trên ý nghĩa, dịch rất hay, nghĩa là đạo mà Phật chứng được.

Học Phật không có gì khác. Giác nghĩa là thấu triệt giác ngộ. Giác ngộ điều gì? Đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, tánh tướng. Đây là danh từ trong triết học. Tánh là bản thể, tướng là hiện tượng. Hiện tượng từ đâu mà có? Ngày nay chúng ta hỏi vũ trụ từ đâu mà có? Tất cả vạn vật từ đâu mà có? Tôi từ đâu đến? Hai chữ tánh tướng này bao hàm tất cả. Nếu tiếp tục phân khai, hiện tượng này vô cùng phức tạp. Hiện nay khoa học phân nó thành động vật, thực vật, khoáng vật, hiện tượng tự nhiên. Những điều này, vì sao có những điều này, nó luôn có một đạo lý, gọi là sự lý.

Trong tánh tướng lý sự, đều có quy phạm của luật nhân quả. Có quả nhất định có nhân, có nhân chắc chắn có quả. Vì thế trong giáo lý đại thừa dùng tánh tướng, lý sự, nhân quả bao hàm tất cả pháp, ta đều có thể thông đạt thấu rõ, đây gọi là chánh giác. Chánh là chính xác, không có sai lầm, thật sự thông đạt thấu triệt. Có chánh giác tức thành A la hán, họ sẽ có năng lực dạy học. Thầy giáo dạy học, thực tế mà nói chỉ có thể dạy người có trình độ thấp hơn họ, trình độ bằng họ không thể dạy được, cho nên họ cần phải nâng cao cảnh giới chính mình. Nâng lên đến Chánh Đẳng Chánh Giác, đẳng là gì? Là ngang bằng Phật. Nghĩa là trí tuệ và năng lực của họ bằng Phật, nhưng họ không phải Phật, đây là Bồ Tát, là Chánh Đẳng Chánh Giác. Giác ngộ đạt đến viên mãn, viên mãn như một số Tôn giáo khen ngợi đối với Thần. Đó không phải thật, đó là khen ngợi. Khen ngợi thần là bậc vô sở bất tri, vô sở bất năng, thật ra thần là phạm phu.

28 tầng trời, vậy thì thiên thần rất nhiều, nhưng họ đến chánh giác cũng không có, A la hán có năng lực dạy họ. Họ có giác đã là không tẻ, nhưng giác đó không chánh, vì sao không chánh? Vì chưa buông bỏ tự tư tự lợi, vì thế họ không chánh, nghĩa là họ vẫn còn cái ta. A la hán vô ngã, A la hán không chấp trước thân này là ta, cao hơn họ, cho nên giác của A la hán gọi là chánh giác. Quý vị còn có cái tôi, có cái tôi là có tự tư tự lợi, là có danh văn lợi dưỡng, rất nhiều phiền não đều từ cái tôi này ra. Tôi không có, những phiền não đó cũng gần như không còn, phiền não do cái tôi mà sinh ra. Tôi có sanh lão bệnh tử, nếu không có tôi, ai sanh lão bệnh tử? Bởi vậy sanh lão bệnh tử đều không có, lục đạo luân hồi cũng biến mất. Đây là chân tướng sự thật.

Chúng ta thấy hiện nay các nhà khoa học cũng rất giỏi, chúng ta không thể không khâm phục. Những gì trong kinh Phật nói, hiện nay họ đều đo lường được, rất đáng nể, chúng ta nghe báo cáo của họ, không thể không khâm phục. Trong kinh điển đại thừa nói với chúng ta, toàn thể vũ trụ phát sanh như thế nào, không phải sự bùng nổ lớn, không thể nói như vậy, hiện nay các nhà khoa học cũng không tin. Các nhà khoa học nói sao? Vũ trụ xuất hiện, vạn

vật xuất hiện là từ không sinh ra có. Tôi tin rằng, toán học là chiếc nôi của khoa học, chắc chắn trong toán học trước tiên suy luận được, có khả năng này. Sau đó dùng máy móc tinh vi để quan sát, phát hiện được, họ hạ thủ là bắt đầu từ vật chất. Lượng tử lực học là nghiên cứu vật chất, quý vị xem họ phân tích vật chất thành phân tử, phân thành nguyên tử, phân thành điện tử, phân thành hạt vi lượng, phân thành hạt, hạt căn bản. Hiện nay tiếp tục phân, lại phân nó thành lượng tử. Tôi thấy lượng tử, là không còn cách nào để tiếp tục phân tách. Rốt cuộc bản chất của vật chất là gì? Họ quả thật đã phát hiện, thế gian này căn bản không có vật chất thực sự tồn tại, hiện tượng vật chất là gì? Bản chất của vật chất là ý niệm, là ý niệm của ta, huyền tượng do ý niệm tích lũy liên tục sinh ra, đây gọi là vật chất. Vật chất có rất nhiều chủng loại, họ phát hiện, vì sao có vật chất khác nhau? Do tần suất không tương đồng. Hiện nay các khoa học gọi là định luật dây đàn, giữa vũ trụ nó là một hiện tượng dao động. Tần suất chậm nó biến thành thể cứng, biến thành khoáng vật chất. Tần suất nhanh hơn liền biến thành loại mềm như da thịt chúng ta, nhanh hơn nữa liền biến thành không khí, càng nhanh hơn nữa trở thành sóng điện, biến thành các loại sóng ánh sáng. Cho nên họ kết luận, tất cả mọi hiện tượng vật chất đều có thể trở về hiện tượng dao động. Dao động này từ đâu mà có? Dao động do ý niệm sanh ra. Vì thế kinh Phật, quý vị xem Đức Phật nói từ 3000 năm trước, giữa vũ trụ là gì? Gọi là ngũ uẩn: Sắc thọ tưởng hành thức. Sắc là hiện tượng vật chất, thọ tưởng hành thức là hiện tượng tinh thần, vật chất là từ hiện tượng tinh thần biến hiện ra. Nó là giả, không phải thật. Đạo lý này trong giáo lý đại thừa nói rất rõ ràng, đã được khoa học hiện nay chứng minh. Các nhà khoa học nói rất hay, tuy từ lý luận mà nói, nói không được rõ ràng như trong Phật pháp. Nhưng về sự, họ đối với hiện tượng vật chất, so với trong kinh Phật nói, khiến chúng ta càng rõ ràng hơn. Trong kinh Phật đã nói, nhưng khi nghe thêm báo cáo của họ chúng ta mới hoàn toàn minh bạch. Khi chưa nghe báo cáo của họ, chúng ta còn có đôi chút hoài nghi, vật chất do ý niệm sanh ra. Nhưng ý niệm sanh ra như thế nào? Điều này họ không có giải thích. Hiện nay họ nói với chúng ta, là hiện tượng do ý niệm tích lũy. Điều này Đức Phật không nói, ngài chỉ nói là do ý niệm sinh ra. Nếu thấy được kiến phân, liền phát hiện được tướng phân. Cách giải thích này của họ, khiến chúng ta đối với nguồn gốc của vật chất, hiểu rất rõ ràng minh bạch. Cảm thấy lời Đức Phật nói không sai, hoàn toàn đúng sự thật. Hiểu được chân tướng sự thật này, ta mới biết thực chất thì vật chất không có sanh diệt, nghĩa là nói con người không có sanh tử, đây là thật. Ta nhìn thấy hiện tượng sanh tử, đó là huyền tượng, là ta ngộ nhận, hoàn toàn không có. Hiện tượng vật chất căn bản không tồn tại, nó là một tướng liên tục sanh diệt trong từng sát na, tốc độ quá nhanh. Trong kinh Phật nói là sanh diệt đồng thời, sanh diệt không hai, đây là trong kinh Phật nói. Vấn đề này đã được các nhà khoa học chứng minh.

Cái tôi thật sự không có sanh diệt, tồn tại vĩnh hằng, trong Phật pháp gọi là pháp tánh. Các nhà khoa học nói có cái tôi thật sự, không sanh không diệt. Một số người gọi là linh hồn, linh hồn vẫn không phải, cũng có thể gọi là linh hồn. Nhưng nó mê hoặc, nó không giác ngộ, không có chánh giác. Cái tôi thật sự, trong kinh điển gọi là Phật, Đức Phật, đó gọi là giác tánh. Chúng ta gọi nó là linh tánh, không phải linh hồn, linh hồn là trạng thái mê. Sau khi giác ngộ gọi là linh tánh, đó là cái tôi thật. Giác tánh biến pháp giới, chúng ta không cách nào tưởng tượng được, ở đâu? Khắp biến pháp giới hư không giới. Nhận thức được như thế mới biết rằng, toàn thể vũ trụ với chính mình là nhất thể, đây là nói đến quan hệ luân lý. Phật giáo gọi là mối quan hệ luân lý, nói một cách rất ráo viên mãn. Cổ nhân nói về luân lý rất có giới hạn, mức độ cao nhất của họ: “Phàm là người, đều phải yêu thương”. Cao nhất là nói đến vũ

trụ này, chưa vượt ra ngoài địa cầu này. Chỉ nói đến mối quan hệ luân lý của toàn thể địa cầu với chúng ta, đây là khuếch đại luân lý của cổ nhân, khuếch đại đến mức tối đa cũng chỉ trong phạm vi của địa cầu này. Phật không như vậy, Đức Phật nói về luân lý là nói đến cứu cánh, là biến pháp giới hư không giới, không có một pháp nào không liên quan đến mình, mà còn liên quan rất mật thiết, từ một ý niệm biến hiện ra. Đây là trong kinh Phật nói: Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh.

Ngày nay địa cầu rất nhiều thiên tai, có cách nào để khôi phục trở lại bình thường chẳng? Có, mà còn rất dễ, chỉ cần ý niệm ta chánh, trên địa cầu sẽ không có thiên tai. Lũ lụt từ đâu mà có? Những điều này khoa học chưa nghiên cứu được. Hiện nay có xu hướng này, nhưng không thể nói rõ ràng được. Cho nên chúng ta hy vọng những nhà khoa học này, hy vọng họ nhanh chóng có thể tiếp xúc được Phật pháp đại thừa, để họ giải thích khiến chúng ta đều tin tưởng, vẫn còn kịp để cứu vãn địa cầu. Thay đổi tâm thái, vấn đề của địa cầu liền được giải quyết. Thế giới chúng ta hiện nay rất nhiều bệnh tật.

Hôm qua có một đồng học, tải trên mạng xuống một tin tức cho tôi xem. Nói hiện nay phát hiện độc bệnh nghiêm trọng nhất, là bệnh truyền nhiễm, tin này được nói đến nhiều lần. Mấy tháng trước phát hiện tại Ấn độ, hiện nay có một vài quốc gia cũng phát hiện, nghe nói truyền ra khắp thế giới chỉ là vấn đề thời gian và không gian, bệnh truyền nhiễm này không có thuốc trị liệu. Gặp phải bệnh này, trúng độc bệnh này chỉ khoảng ba đến bốn tiếng là tử vong, rất nhanh, không có cách trị liệu. Vấn đề này, tổ chức vệ sinh thế giới mấy năm trước đã có cảnh báo, biết được điều này sẽ phát sinh.

Nếu chúng ta thay đổi tâm thái, năng lực miễn dịch của chúng ta đầy đủ, độc bệnh này không xâm hại đến được, vì sao vậy? Vì độc bệnh này cũng từ tâm tưởng sanh ra. Điều gì sanh ra? Độc trong nội tâm chúng ta biến hiện ra.

Trong kinh Đức Phật nói, tham sân si là ba độc, đây là nguyên nhân của mọi bệnh tật, nguyên nhân căn bản. Trên thực tế còn thêm hai loại, là ngũ độc, người xưa thường nói năm độc. Trong kinh Phật chỉ nói tam độc, hai loại này đều bao hàm trong đó. Chúng ta nói một cách rõ ràng, đó là tham sân si mạn nghi. Nghi tức là hoài nghi lời dạy của thánh nhân, không phải hoài nghi thông thường.

Trong kinh nói, thủy tai lũ lụt là tham lam tạo thành, chiêu cảm nên. Hỏa hoạn là do sân nhuế chiêu cảm. Quý vị xem con người hiện nay rất dễ nổi nóng, nhiệt độ địa cầu tăng cao là do đâu? Do sân giận của con người mà nhiệt độ địa cầu tăng lên. Gió bão là ngu si tạo nên; động đất do tâm bất bình, ngạo mạn chiêu cảm ra, từ cổng cao ngã mạn mà ra. Nếu ta có thể thay đổi những tâm thái không tốt này, đối với bản thân mà nói, bản thân không sanh bệnh, những bệnh thông thường đều không có. Nơi ta cư trú đều không phát sinh thiên tai, những thiên tai như nước lửa gió đều không xảy ra. Vì sao vậy? Tất cả pháp đều chuyển biến theo tâm niệm, “tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển”, trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói điều này, nó liên quan mật thiết với ý niệm của chúng ta, quả là khó được.

Tôi cảm thấy, địa cầu đến hôm nay, chân tướng các nhà lượng tử lực học phát hiện, hoàn toàn tương đồng với trong kinh Phật nói. Nếu họ tiếp xúc Phật pháp sẽ rất nhanh, vì nền tảng của họ vững vàng, rất nhiều lý niệm đều giống với kinh Phật. Nếu họ đứng lên kêu gọi, họ đứng lên đề xướng, khiến người người đều giác ngộ. Một câu nói của Phật giáo, giải quyết tất cả mọi thiên tai: “cần tu giới định tuệ, tức diệt tham sân si”, vấn đề được giải quyết.

Mọi người cho rằng Phật là mê tín, Phật là Tôn giáo. Hiện nay các nhà khoa học đỉnh cao đều nói ở đây tôi có một bài báo cáo, tôi đã xem bài báo cáo này, có thể lưu thông rộng

rãi. Đây là báo cáo mới nhất của khoa học, nói rất giống với Phật pháp. Không cần Phật giáo không sao, cần khoa học cũng được. Trong báo cáo khoa học này toàn là Phật pháp. Bởi vậy tôi giới thiệu cho những nhà khoa học này, tôi đem Phật pháp giới thiệu cho họ. Những gì quý vị nghiên cứu, phát biểu, hoàn toàn trong Phật giáo đại thừa. 3000 năm trước Đức Phật đã nói rất rõ ràng, nói còn rõ ràng thấu triệt hơn họ bây giờ.

Thiên tai ở ngay trước mắt, là vấn đề cấp bách cần giải quyết. Phương pháp giải quyết chỉ trong một niệm, chúng ta buông bỏ mọi ý niệm sai lầm. Những khái niệm thánh hiền dạy chúng ta, đều là vốn có trong tự tánh, không phải họ phát minh. Các nhà khoa học còn có phát minh, phát hiện. Người phương đông không phải vậy, người phương đông đều là chứng được, chứng được như thế nào? Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước là chứng được, quả thật rất cao siêu!

Bởi thế đây thật sự là đã giác ngộ, họ mới phát tâm, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, đây là phát tâm bồ đề trong kinh điển đại thừa. Tâm này vừa phát người này được gọi là Bồ Tát, họ là Chánh đẳng chánh giác. Vì thế các bậc cổ đức nói Thế Nhiêu Vương là cảnh giới của Bồ Tát địa thượng. Trong kinh văn này chúng ta đọc được, có thể khẳng định. Nếu không phải cảnh giới này, ngài không dễ phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đến A la hán còn không có ý niệm này.

Chân là chân thật, thế giới là hư vọng, không phải chân thật. Trong giáo lý đại thừa thường nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Lục đạo là hư vọng, thập pháp giới cũng là hư vọng, như nằm mộng vậy. Mộng chưa tỉnh, vẫn còn trong mộng, ta xem nó là thật. Khi nào tỉnh lại, chánh giác tức là tỉnh dậy, chánh đẳng chánh giác lại tỉnh dậy, ta mới thật sự biết được đây là huyền tướng, không phải thật.

“Ý là tâm năng cầu”, “tìm phát chơn chánh đạo ý”, ý ở đây là cầu, không phải cầu cho mình, là cầu cho tất cả chúng sanh khổ nạn. Chúng sanh khổ nạn là ai? Là chỉ lục đạo. Trong mười pháp giới chỉ có chúng sanh lục đạo khổ nhất, mê muội nhất. Làm sao để trong thời gian ngắn giúp họ được giải thoát, vĩnh viễn thoát ly luân hồi lục đạo. Đây là Bồ Tát Pháp Tạng phát tâm, ngài từ bỏ ngôi vị quốc vương. Cổ nhân thường nói: “quý như thiên tử, giàu khắp bốn biển”, nghĩa là đều không cần đến, vì sao vậy? Vì tất cả đều là giả, hiểu được đây chỉ là giấc mộng.

Một quốc vương dù tốt đến đâu, rất từ bi, có thể quên mình vì người, cũng chỉ giúp được một quốc gia, nhân số không nhiều. Xuất gia làm Phật, phạm vi giúp người không biết lớn hơn bao nhiêu lần, có thể giúp tất cả chúng sanh đau khổ khắp biên pháp giới hư không giới. Vì thế quyết định của ngài là chính xác, không sai chút nào.

“Từ bỏ quốc độ và vương vị, ly thế xuất gia”, thế tức là nói thế gian. “Trở thành sa môn”, sa môn là tiếng Ấn độ. Ý của nó chính là những gì ở trước chúng ta nói. Sa môn dịch là cần tức, tức là cần tu giới định tuệ, tức diệt tham sân si. Học tập theo tông chỉ này, cương lĩnh này, người này được gọi là Sa môn. “Vốn là thông xưng của người xuất gia, bao gồm ngoại đạo”. Ở Ấn độ, Ấn độ có rất nhiều Tôn giáo, là đất nước của Tôn giáo. Người xuất gia trong tất cả các Tôn giáo đều gọi là Sa môn, nên nó là tên gọi chung. Sau khi Phật giáo truyền đến Trung quốc, trở thành danh xưng chuyên môn của đệ tử xuất gia Phật giáo Trung quốc, đệ tử xuất gia của Phật giáo xưng là Sa môn. Nghĩa là cần tức, cần tu giới định tuệ, tức diệt tham sân si.

Hội Sớ nói, Hội Sớ là chú giải Kinh Vô Lượng Thọ, pháp sư Nhật bản chú giải. Người Nhật bản đối với pháp môn này, hình như hưng thịnh hơn Trung quốc, thành tích không thua

gi Trung quốc. Đặc biệt là Kinh Vô Lượng Thọ, chú giải của các cổ đức Nhật bản, có mấy mươi loại. Còn các bậc cổ đức Trung quốc, chú giải này chỉ có hai loại, thua xa người Nhật bản. Cho nên chú sớ của các tổ sư Nhật bản, đáng để chúng ta tham khảo.

Trong Hội Sớ nói: “Người này cần tu thiện pháp, diệt các điều ác”, nghĩa là trong kinh nói: Cần tu giới định tuệ, tức diệt tham sân si. Chỉ cần chúng ta đoạn ác tu thiện, lợi ích đầu tiên đạt được là thân thể mạnh khỏe. Tuy tuổi tác lớn, nhưng thể lực, tinh thần không thua thanh niên, đây là thật. Vì sao con người suy lão? Lờn cổ nhân rất có lý: “ưu lo khiến con người suy lão”, con người nhiều tạp niệm, nhiều âu lo, nhiều phiền não rất dễ già. Nếu ngày ngày an vui, pháp hỷ sung mãn, như vậy sao không suy lão được! Còn như không có lo lắng, không có phiền não, không có áp lực, không có bất kỳ gánh nặng nào, quý vị rất an lạc, buông bỏ tất cả.

Ở thế gian này, ngoài việc học Phật, không ngừng nâng cao cảnh giới của mình, cảnh giới càng cao càng an lạc, vì vậy không dễ bị lão hóa. Ta không có những vọng niệm này, niệm niệm không nghĩ đến mình, bản thân không có, bản thân không có gì phải nghĩ. Điều đáng nghĩ là những chúng sanh đáng thương, những chúng sanh khổ nạn, mê hoặc điên đảo, tạo nhiều ác nghiệp, cảm thọ khổ báo quả thật rất đáng thương. Đức Phật đối với lục đạo chúng sanh, chúng ta thường thấy trong kinh nói: Kẻ đáng thương. Là thật, không phải giả, đó là từ nội tâm phát xuất ra. Họ vốn là Phật, nay trôi lăn đến bước đường này. Đức Phật đến thế gian này làm gì? Giúp họ, dẫn dắt họ, hỗ trợ họ, hy vọng họ có thể quay đầu, quay đầu là bờ, giúp họ phá mê khai ngộ. Phật pháp ở thế gian này, mục đích của Phật là gì? Chính là truyền bá Phật pháp, ngài có dụng ý gì? Mục đích ở đâu? Mục đích là giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Khổ từ đâu đến? Do mê mà có khổ, vui từ đâu đến? Là từ giác. Cho nên khổ vui là quả, mê ngộ là nhân. Muốn giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui, như vậy nhất định phải bắt đầu từ nhân. Dạy họ, khiến họ hiểu rõ chân tướng của nhân sinh vũ trụ, hoàn toàn giác ngộ tự nhiên sẽ lìa khổ được vui. Phải chăng Đức Phật thật sự đem họ ra khỏi nơi đau khổ? Không có, thật sự cho họ niềm vui chăng? Cũng không có, chỉ dạy họ phá mê khai ngộ. Ý niệm vừa thay đổi, cảnh giới của họ liền thay đổi. Cảnh tùy tâm chuyển, là họ tự chuyển, vậy Phật dạy học có công lao gì chăng? Không có, Đức Phật không kể công, vì sao vậy? Là tự quý vị tự chuyển.

Quý vị có thể từ phàm phu biến thành Phật, là tự quý vị tu hành thành tựu, không phải Phật ban cho, Phật không giúp gì cả. Là sau khi quý vị giác ngộ, bản thân quý vị thực hành, không ngừng nâng cao bản thân, chính là như vậy. Chúng ta cảm ân Phật, nếu Phật không khai thị, chúng ta làm sao biết được? Không biết, ngài có ân khai ngộ cho chúng ta. Thành tựu của chúng ta, toàn dựa vào sự tu tập của chính mình.

“Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói”. Kinh Tứ Thập Nhị Chương là bộ kinh đầu tiên truyền đến Trung quốc, ở Trung quốc phiên dịch đây là bộ kinh đầu tiên, trên thực tế nó không phải là một bộ kinh. Đương thời hai vị đại sư Ma Đăng và Trúc Pháp Lan, trích dẫn trong kinh điển đại và tiểu thừa những điều đơn giản thích hợp với nhu cầu xã hội, viết thành bản kinh này. Viết ra 42 điều này, là hợp tất cả các kinh lại, thành 42 điều.

Khi vừa mới đến Trung quốc, giới thiệu về Phật pháp, trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương có một đoạn như vậy: “Từ tâm xuất gia, thức tâm đạt bản, hiểu pháp vô vi, gọi là sa môn, đây là thâm nghĩa của Sa môn”. Ý nghĩa này rất thâm sâu, đây là thật. Ở trước nói đến cần tu, cần tu giới định tuệ, tức diệt tham sân si, là phương pháp chỉ đạo tu học, đây là khế nhập cảnh giới. Nếu thật sự hành trì, hành trì họ sẽ khế nhập cảnh giới.

Ở đây hai câu nói quan trọng nhất: “Thức tâm đạt bản, giải vô vi pháp”. Thức tâm là gì? Thức là nhận thức, nhận thức gì? Nhận thức tâm, tâm này là chân tâm. Trong đại thừa kinh điển Đức Phật thường nói, tất cả pháp giữa vũ trụ từ đâu đến? Là tâm hiện, “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Cảnh giới này thiên biến vạn hóa, đó là thức, thức sẽ biến, tâm năng hiện năng sanh. Trong triết học nói, tâm là bản thể của vũ trụ vạn hữu. Trong Phật giáo tâm có rất nhiều tên gọi, có mấy mươi danh xưng. Đây là Đức Phật dùng thiện xảo lúc dạy học, ngài không muốn chúng ta chấp trước, chấp trước là sai. Ngài nói rất nhiều danh từ, chỉ cần hiểu ý của nó là được, đừng chấp trước. Đừng chấp trước ngôn ngữ, đừng chấp trước danh từ thuật ngữ, điều không chấp trước, như vậy tâm mới thanh tịnh, có chấp trước liền bị nhiễm ô. Người không biết học Phật, nghe rất nhiều kinh điển đều ghi nhớ trong tâm, bị kinh Phật làm ô nhiễm. Họ có thể khai ngộ chăng? Không thể khai ngộ, vì sao vậy? Vì tâm họ không thanh tịnh. Bởi vậy lời Phật có thể nghe, có thể nghe, nghe hiểu là được, không thể chấp trước, không thể phân biệt. Vì phân biệt là Ý thức, chấp trước là Mạt na thức. Chấp trước của Mạt na, phân biệt của đệ lục ý thức đều cất giữ trong A lại da, trở thành hạt giống của A lại da, như vậy là sai.

Chúng ta phải như thế nào mới khiến A lại da không rơi chủng tử? Không phân biệt không chấp trước, sẽ không rơi rớt chủng tử, đây cũng là điểm khó khăn trong việc tu học Phật pháp. Vì thế ngài gọi là ngộ tánh, ngài dạy ta khai ngộ, không phải dạy ta ghi nhớ, ghi nhớ cũng vô dụng, đến pháp thế gian đều không chú trọng đến ghi nhớ. Quý vị thấy trong Học Ký nói: Học vẫn ghi nhớ này, không đủ để làm thầy của người, đây là Nho giáo nói. Nho giáo cũng nói đến ngộ, cũng dạy chúng ta khai ngộ, đây là nhận thức tâm.

Chúng ta vừa nói các nhà khoa học, họ phát hiện được A lại da, họ có thức tâm chăng? Không có, thức tâm đạt bản đều không có, vì sao không có? Họ dùng phân biệt chấp trước để phát hiện. Chúng ta tin rằng, đầu tiên họ từ trong toán học đạt được tin tức này, sau đó dùng máy móc khoa học để quan sát, liền phát hiện được. Họ hiểu rõ vật chất rốt cuộc là gì, nhưng họ biết đằng sau hiện tượng vật chất là tình thức, nghĩa là ý niệm của chúng ta. Chúng ta ngày nay thường nói tâm thái, chính là điều này. Trong Phật pháp gọi là khởi tâm động niệm, đây là bản chất của A lại da thức. Nó không phải chân tâm, nó là vọng tâm. Ở đây thức tâm là nhận thức chân tâm, chân tâm là tự tánh. Tự tánh máy móc khoa học không thể quan sát được. Vì sao vậy? Vì nó không phải hiện tượng vật chất, nó cũng không phải hiện tượng tinh thần. Không phải hiện tượng vật chất, năm căn trước của chúng ta không đạt đến được. Chúng ta không thấy được nó, không nghe được nó, mũi không ngửi được. Nó cũng không phải vị, nên lưỡi không nếm được, tay chúng ta không tiếp xúc được. Nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần. Nó không phải tinh thần, nên đệ lục ý thức cũng đành chịu, vì thế lục căn không duyên đến được, đây là chân tâm. Làm sao mới có thể biết được? Nếu buông bỏ khởi tâm động niệm, nó liền hiện tiền, quý vị sẽ nhìn thấy được. Vì thế Đức Phật nói vấn đề này chỉ có chứng được mới biết, không cho phép dùng tâm ý thức. Không dùng tâm ý thức, mới nhìn thấy nó. Còn như dùng tâm ý thức, tâm ý thức chướng ngại nó, như vậy làm sao thấy được? Chúng ta dùng vọng tâm, tức là phân biệt chấp trước, đây là vọng tâm. Dùng vọng tâm chỉ có thể thấy được vọng tâm, A lại da là vọng tâm, đây là đạt đến căn nguyên của nó. Quý vị có thể thấy được điều này, không thấy được cái chân thật. Thật đó là thiên định, ngoài Thiên định ra không có cách nào khác. Thiên định là gì? Là buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, nghĩa là tự tánh bản định. Tự tánh bản định mới có thể kiến tánh, mới có thể khai ngộ. Thức tâm nghĩa là minh tâm kiến tánh, đạt bản_bản cũng là chỉ tự tánh. Trong triết

học nói tâm và bôn là nói bản thể luận, đã tìm được bản thể của vũ trụ vạn vật, biết được tất cả pháp từ đây sanh ra. Khi ngài Huệ Năng kiến tánh nói, câu sau cùng ngài nói: đầu ngò tự tánh năng sanh vạn pháp. Vạn pháp từ đâu đến? Vạn pháp từ trong tự tánh biến hiện ra.

“Giải pháp vô vi”, câu này không dễ hiểu, pháp vô vi ở đâu? Pháp vô vi ngay trước mắt chúng ta. Trên thực tế, tất cả các pháp đều là pháp vô vi. Chúng ta ở trong hết thảy pháp này khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, khiến nó thành hữu vi, thật ra không phải thật vô vi. Pháp hữu vi là giả, không phải thật. Pháp vô vi là thật, vô vi nhưng vô sở bất vi, nó có thể hiện ra vạn pháp. Tuy hiện vạn pháp, nhưng vạn pháp là huyễn hóa.

Kinh Kim Cang nói rất hay: Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh, nó không phải thật, đừng cho nó là thật. Nếu coi nó là thật, sẽ mê muội ở trong đó. Không coi nó là thật, dần dần ta sẽ thấy rõ, có thể hiểu được pháp vô vi, ta biết vô vi nhưng vô sở bất vi, vô sở bất vi nhưng thật là vô vi. Trong giáo lý đại thừa gọi là bất nhị pháp môn, hữu vi vô vi đều không hai, đây gọi là thật sự hiểu pháp vô vi. Cách nói này là cách nói khi chúng quả, còn như ở trước nói, cần tu giới định tuệ, tức diệt tham sân si, đó là lúc sơ học, khi học tập ta phải đi theo con đường này, còn đây là đã chứng quả.

Ở trước là bắt đầu của Sa môn, đây là chứng quả của Sa môn, là cảnh giới của Như Lai, Bồ Tát chưa đến được trình độ này. Ở đây Sa môn là đã thành Phật, Phật là bậc đại Sa môn, Sa môn chứng được cứu cánh viên mãn.

Thế Nhiêu Vương xuất gia, xuất gia có một pháp hiệu. Ngài là đệ tử của Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Tự Tại Vương Phật đặt cho Ngài pháp hiệu gọi là Pháp Tạng. “Pháp Tạng tức là pháp danh của Thế Nhiêu Vương lúc làm tỳ kheo”. Tỳ kheo là tiếng Ấn độ, dịch sang tiếng Hán nghĩa là Khất Sĩ. Khất là ăn xin. Vì lúc Đức Phật tại thế, phương thức sinh hoạt của ngài là khất thực, chúng ta thường gọi là xin cơm, xin ăn. Đây là Khất sĩ. Mỗi ngày đi khất thực một lần, ngày ăn một bữa, họ chỉ ăn một bữa cơm. Sĩ là người đọc sách, người ăn xin có học vấn, có đạo đức, chính là ý này. Người ăn xin thông thường, họ không có học vấn, không có đạo đức, không có năng lực, họ không có cách nào khác. Còn khất sĩ đây không phải, họ ngày ngày dùng học vấn để giáo hóa chúng sanh, ngày ngày thể hiện bản lĩnh chân thật của mình, họ không có thời gian nấu cơm. Đến lúc ăn cơm họ ra bên ngoài khất thực, họ dùng phương thức sinh hoạt này. Bản thân Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng vậy, ngài dẫn chư vị đệ tử ra ngoài khất thực. Khất thực cũng có quy củ của nó, chỉ được khất thực bảy nhà, vì người ta chưa chắc có thức ăn dư để cho chúng ta. Đều là thức ăn của họ, hoặc là ăn còn, đều có thể đem ra bố thí. Người xuất gia rất tùy duyên, không hề xem trọng, cho gì ăn nấy, không có tâm phân biệt. Khi khất thực, thí chủ cúng dường cơm rau, nếu thấy ít thì đến khất thực nhà thứ hai. Cảm thấy đủ, không cần thêm, không khất thực nữa, nhiều nhất là không quá bảy nhà. Bảy nhà khất chưa đủ cũng trở về, không đi thêm, trở về cũng có thức ăn. Vì sao vậy? Vì sau khi mỗi người đi khất thực về, không phải ai khất thực nấy ăn, không phải. Tập trung tất cả thức ăn lại, sau đó mọi người mới phân ra dùng, một bát cơm ngàn nhà. Họ ăn cơm như thế, quả thật như vậy.

Quý vị xem, đương thời những người xuất gia đi theo Phật, có 1255 người, họ đi khất thực khắp nơi. Khi trở về đều tập trung lại một chỗ, sau đó mới phân ra dùng, đời sống của họ là chủ nghĩa cộng sản đúng nghĩa. Chúng ta nói đến cộng sản, không ai bằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng ta thua xa, ngài mới đúng thật là chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa cộng sản thực hiện ở đâu? Thực hiện trong cõi nước Phật. Cõi nước của tất cả Chư Phật Như Lai đều là chủ nghĩa cộng sản, tuyệt đối không có tài sản riêng tư. Vật riêng tư của họ chỉ có

ba chiếc y và một bát, gọi là ba y một bát, là toàn bộ tài sản của họ. Mọi thứ cúng dường đều là của đại chúng, tuyệt đối không có chuyên lợi cá nhân, không có. Đức Phật khát thực được cũng để chung với đại chúng, không có ngoại lệ, đúng là bình đẳng tuyệt đối. Khất sĩ có học vấn, có đạo đức, những người khát thực này được xưng là Tỳ kheo.

Hán Dịch, ở Trung quốc, Kinh Vô Lượng Thọ có 12 loại bản dịch, vì thế danh từ phiên dịch đều không giống nhau. Có bảy bản phiên dịch bị thất truyền, cũng may hiện nay còn lưu lại năm bản, tức là Hán Ngô Đường Tống, đây là bốn loại. Đại Luận là Đại Trí Độ Luận, những gì trong này phiên dịch là Hán Ngô Đường Tống, còn một nhà nào nữa? Nhà Ngụy, Pháp Tạng là của Ngụy Dịch. “Hán Dịch là Pháp Bảo Tạng”, pháp hiệu của ngài là Pháp Bảo Tạng. Ngô Dịch là “Đàm Ma Già”, đây là tiếng Phạn. Đường Dịch là “Pháp Xứ”, Tống Dịch là “Tác Pháp”, trong Đại Trí Độ Luận gọi là “Pháp Tích”. “Duy chỉ có Ngụy Dịch xưng là Pháp Tạng, kinh này dùng danh hiệu này”. Bộ kinh này dùng của Ngụy Dịch, Ngụy Dịch là bản của Khương Tăng Khải. Nghĩa là thời của Tài Ngụy, Tào Tháo, phiên dịch vào thời Tam Quốc, dịch là Pháp Tạng.

“Các bản bất đồng, chỉ là dịch giả dùng từ khác nhau mà thôi”, điều này chúng ta biết như vậy là được. Nguyên văn tiếng Phạn của các bản, người dịch đã dịch không giống nhau. “Tạng, trong Thám Huyền Ký nói có bốn nghĩa”. Pháp Tạng, quý vị xem Hán Dịch là Pháp Bảo Tạng. Chữ Tạng này có bốn nghĩa. Thứ nhất có nghĩa là “hàm nhiếp”, nghĩa thứ hai là “uân tích”, nghĩa thứ ba là “xuất sanh”, nghĩa thứ tư là “vô tận”. “Cất giữ tất cả pháp, gọi là Pháp Tạng”. Đây là nói về hàm ý trong danh hiệu, giải thích một cách đơn giản, tức gọi là Pháp Tạng.

“Nhu Gia Tường Sớ nói”, đây là chú giải của pháp sư Huệ Viễn thời nhà Tùy. “Có thể tiềm tàng Phật pháp, cho nên gọi là Pháp Tạng”. Giải thích ý này đều là nói tự tánh, đây là tánh đức. Đại sư Huệ Năng từng nói, khi ngài khai ngộ nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, nghĩa là ý này. Trong tự tánh không thiếu bất kỳ pháp nào, có vô lượng trí tuệ, có vô lượng đức năng, có vô lượng tướng hảo. Đây đều có nghĩa là hàm nhiếp, uân tích, vô tận. Gặp duyên, duyên của Chư Phật Như Lai, là chúng sanh có cảm, Phật Bồ Tát liền có ứng. Cảm ứng đạo giao, giống như thủy triều vậy, thủy triều lên hay xuống đều có thời gian nhất định. Cho nên trong kinh điển, cổ đức cũng thường đem Như Lai thuyết pháp ví như tiếng hải triều. Đúng thời gian nó tự nhiên đến, hết thời gian đó nó tự rút xuống.

Phật Bồ Tát thị hiện ở thế gian, chúng sanh có cảm ngài lập tức xuất hiện, nếu cảm không còn thì ngài không hiện. Quả đúng là đến không có đến, đi cũng không có đi, đến không có chỗ đến, đi không có chỗ đi, đây là gì? Đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận, đây là chân tướng sự thật. Chúng ta nói có đến có đi, vì chúng ta có quan niệm về thời gian, có quan niệm về không gian. Trên thực tế, trong Thiên định cả thời gian lẫn không gian đều không có. Nói với chúng ta rằng, thời gian và không gian không phải thật, là giả.

Thời gian và không gian là giả, các nhà khoa học đã chứng minh, rất nhiều năm trước họ đã biết điều này. Thời gian và không gian không phải thật, là từ trong phân biệt chấp trước của chúng ta sinh ra. Nếu chúng ta buông bỏ phân biệt chấp trước, thời gian và không gian đều không còn. Chư vị nên biết, thời gian không còn thì cũng không có trước sau, không có xưa và nay, đều ngay tại đây. Nếu không có không gian, thì khoảng cách không có. Vì thế nó là giả, không phải thật.

Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ngay tại đây, nó không có khoảng cách. Không có khoảng cách, đó là gì? Như hiện nay chúng ta xem kênh truyền hình vậy, trong kênh truyền hình có

khoảng cách chẳng? Không có khoảng cách, bật nút kên hiện ra. Đôi kên khác, kên này lập tức biến mất, kên mới xuất hiện, đều ngay lúc này. Đôi kên, giống như các nhà khoa học phát hiện khác tầng không gian. Khác tầng không gian theo lý mà nói, là vô lượng vô tận. Về sự, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói_ ông là người học khoa học, ông dạy về thiết bị truyền tin vô tuyến ở trường, dạy môn học này, vì thế các nhà khoa học hiểu. Ông nói ít nhất có chứng cứ, khoa học có chứng cứ chứng minh, ít nhất có 11 loại không gian khác nhau tồn tại. Đương nhiên trên lý mà nói chắc chắn không chỉ chừng đó, nó là vọng tưởng phân biệt chấp trước biến hiện ra. Nếu buông bỏ hết tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, thời gian và không gian không còn. Toàn thể vũ trụ, từ xưa đến nay đều hiện ra trước mắt, ta thấy hết tất cả. Chân tướng chẳng khác nào một quả cầu, mạng lưới trên quả cầu rất dày đặc, ta hoàn toàn nhìn thấy, tất cả đều thông đạt, đây là cảnh giới của Phật.

“Lại có thể khai mở pháp tạng của Phật, cho nên gọi là Pháp Tạng”. Đây là có thể mở pháp tạng của Phật, nghĩa là có thể mở tự tánh của mình. Trong tự tánh chúng ta, có vô lượng trí tuệ, đức năng, tướng hảo, có thể hiện tiền bất cứ lúc nào. Cũng có năng lực giúp người khác khai phát tự tánh của họ, đây thuộc về dạy học.

Kinh nghiệm của ngài phong phú, bản thân đã chứng quả. Ngài là người từng trải, cho nên ngài giúp chúng ta không có chút sai sót nào. Ngài giúp chúng ta nhất định là đi theo con đường nhanh nhất. Chư Phật Bồ Tát hy vọng chúng ta nhanh chóng thành tựu, giống như ngài vậy, không còn bất kỳ bệnh trạng gì. Trong mười pháp giới, đều mang bệnh trạng nghiêm trọng này, chúng ta được Phật giúp đỡ nhất định trị lành, nghĩa là như vậy.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 164

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 12.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 189, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ kinh văn: “Tu Bồ Tát đạo”, câu này trong khoa phán, là tiếp theo ở trước.

Bốn câu trước: “Khí quốc quyền vương, hành tác Sa môn, hiệu viết Pháp Tạng, tu Bồ Tát đạo”, bốn câu này là xuất gia tu đạo. Tiếp theo bốn câu sau là tài đức siêu việt khác thường: “Cao Tài đồng triết, dữ thể siêu dị, tín giải minh ký, tất giai đệ nhất, hựu hữu thù thắng hạnh nguyện, cập niệm tuệ lực, tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động, tu hành tinh tấn, vô năng du giả”, sáu câu ở sau là hạnh nguyện tinh tấn.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Lão: “Đoạn này”, tức là hai đoạn tài đức siêu dị và hạnh nguyện tinh tấn. “Khen ngợi đức của tỳ kheo Pháp Tạng sau khi xuất gia tu hành”. Vấn đề này chúng ta thường nói là ngài tu hành tinh tấn. Thực tế mà nói, thật thà, nghe lời, thực hành, những điều này chúng ta thấy được ở Thế Nhiều Vương khi mới học Phật. Sáu

chữ này có thể nói là từ xưa đến nay, vĩnh viễn là bí quyết thành công, bất luận là pháp thế hay xuất thế gian.

“Tu Bồ Tát đạo, trong Ngô Dịch tượng trưng Bồ Tát Pháp Tạng thẳng đến nhất thừa, không rơi vào quyền giáo của tiểu thừa”. Ngài không tu theo đạo Thanh văn, không phải tu đạo nhân thiên, mà tu theo đạo Bồ Tát. Chúng ta không thể sơ suất điều này, ngài vừa nhập môn liền phát nguyện tu đạo Bồ Tát, không giống với những người khác.

Trong Lục Tổ Đàn Kinh chúng ta thấy, đại sư Huệ Năng đến Hoàng Mai tham kiến Ngũ tổ. Khi gặp Ngũ tổ hỏi ngài, người đến đây để làm gì? Đại sư Huệ Năng nói, con muốn đến làm Phật. Điều này quả thật không đơn giản. Theo tôi nghĩ có thể trong đời của Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, chưa từng gặp người nào như vậy. Đến đây để làm Phật, quả là hy hữu, vì thế ngài có thể thành Phật.

Thế Nhiều Vương không nói ngài đến làm Phật, trên thực tế ở trước chúng ta thấy ngài cũng muốn làm Phật. Không những làm Phật, mà còn vượt qua tất cả chư Phật, phát một đại nguyện như vậy. Làm Phật như thế nào? Không tu đạo Bồ Tát không thể thành Phật. Ở đây Thế Tôn khen ngợi ngài, kinh này là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, vì thế ở đây “khen ngợi tỳ kheo Pháp Tạng”, nói ngài tu hành đạo Bồ Tát thẳng đến nhất thừa, không rơi vào quyền giáo tiểu thừa.

“Tông Dịch nói: Đại thừa đệ nhất, nên biết những gì Bồ Tát tu, là đại pháp chân như viên mãn của nhất thừa”. Câu này rất quan trọng, đây là nói Pháp Tạng tu hành là đại pháp chân như viên mãn của nhất thừa. Pháp này là gì? Chúng ta thường gọi là chí tâm tín nhạo, chí tâm và nhất tâm ý nghĩa như nhau. Tâm này chỉ có một niệm, tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước đều buông bỏ hết, chỉ có một niệm. Một niệm này là gì? Nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh độ, đây là đại đạo chân như viên mãn của nhất thừa.

A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật. Câu danh hiệu A Di Đà Phật này, dịch thành tiếng Trung nghĩa là Vô Lượng Giác. A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là Giác, ở trước có giải thích với quý vị. Tất cả Chư Phật đều là Vô Lượng Giác, cho nên A Di Đà Phật là danh hiệu chung của tất cả Chư Phật. Từ Phật mà nói, khi chưa chứng được Diệu giác vị, ở tại nhân địa, 41 vị pháp thân đại sĩ là Vô Lượng Giác. Chứng được Diệu giác vị, danh hiệu này là đức hiệu của tự tánh. Chúng ta gọi là tự tánh, bản tánh, hoặc gọi là chân như, hoặc gọi là pháp tánh đều được. Là đức hiệu của chân tánh, chân tánh vô lượng giác. Chân tánh không phải vật chất, cũng không phải tinh thần, vô hình vô tướng, tồn tại mọi lúc mọi nơi. Nó Vô Lượng Giác, thật sự là giác mà không mê, nó là bản thể của tất cả pháp. Triết học gọi là bản thể, trong Phật pháp gọi là lý thể.

Từ đây chúng ta lãnh hội được, ngài tu như thế nào, mới có được thành tựu thù thắng như vậy. Những điều này đều là biểu pháp cho chúng ta thấy, nếu chúng ta hiểu sẽ biết cần phải tu học như thế nào. Ngày nay chúng ta cần học tập, chính là chí tâm tín nhạo, nhất tâm thành tín hoan hỷ, nhất hướng chuyên niệm. Một phương hướng là thế giới tây phương Cực Lạc, chuyên niệm Phật A Di Đà, quyết định cầu sanh Tịnh độ, phải có quyết tâm này. Không thể không đến thế giới Cực Lạc, không thể không thành tựu. Phải có niềm tin như thế, tâm nguyện như thế, nhận thức như thế, đây là vạn người tu vạn người đi, không sót người nào!

Bên dưới khen ngợi về đức, không phải người thông thường chúng ta có thể sánh được. Vì thế các bậc cổ đức, nói ngài là Bồ Tát địa thượng tái sanh, ngài là pháp thân đại sĩ, chúng ta không thể sánh được.

“Tài cao trí tuệ đồng mãi. Tài tức là tài năng, trí tuệ”. Nghĩa là nói tài năng trí tuệ của tỳ kheo Pháp Tạng. “Triết là rõ ràng”, đều là khen ngợi trí tuệ của ngài. “Gia Tường Sớ nói: Tài năng hơn hẳn quần chúng, cho nên gọi là tài cao”. Hơn hẳn quần chúng thông thường chúng ta nói là siêu việt quần luân. Luân là đồng loại, nổi bật nhất trong số học trò, giỏi nhất. Như người thi đoạt giải nhất trong lớp chúng ta, gọi là tài năng hơn hẳn mọi người, vì thế nói ngài tài cao.

“Có thể thắng mình, thắng người, nên gọi là dũng”, ở đây quan trọng nhất là thắng mình. Người thường không thể thành tựu, là vì không có công phu khắc phục mình. Thắng mình, người xưa gọi là khắc phục được bản thân, khắc phục sự biếng nhác, kiêu ngạo, phóng dật của chính mình. Đây đều là phiền não, không thể tinh tấn, ý chí không tập trung, đây là tập khí phiền não. Ngài có thể khắc phục tập khí phiền não của mình, cũng chính là chúng ta thường nói, buông bỏ vạn duyên, nhất tâm chuyên chú, ngài làm được điều này.

Pháp thế xuất thế gian, nếu có thể thực hành được tám chữ này, không ai không thành tựu, đều có thành tựu hơn người, phải nhất tâm chuyên chú. Phàm những người không thể thành tựu, thành tích bình thường, không có thành tích gì xuất sắc. Đều là phóng dật, đều không thể đạt được chuyên chú, không thể đạt được nhất tâm, đây là một vấn đề rất khó, không phải người thông thường có thể làm được. Làm được, ngài biểu hiện ra bên ngoài, nhất định là chúng ta thường nói: “thành kính khiêm hòa”. Người này chân thành, cung kính, khiêm tốn, hòa thuận. Vì sao vậy? Vì biểu hiện ra bên ngoài chính là như vậy. Bên trong có thật đức, đức năng chân thật. Biểu hiện ra bên ngoài nhất định là như vậy.

Quý vị xem trong Liễu Phàm Tứ Huấn nói, ông Liễu Phàm mỗi lần lên kinh thi cử, kết bạn cùng đi với những người đồng học khác. Trên đường đi thấy bạn học nào, thái độ biểu hiện khiêm tốn, cung kính, hòa thuận, ông khẳng định người này lần này nhất định thi đậu, đến lúc treo bảng quả nhiên đúng. Hình như những gì ông dự liệu, đều không có người nào thất bại, đều bị ông đoán trúng. Đây là gì? Là đức hạnh. Bên trong có thật đức, bên ngoài mới khiêm tốn.

Còn có một chút ngạo mạn, chúng ta nói khó nghe một chút, người ta gọi là khuyết đức. Đức của họ có khiếm khuyết, không viên mãn. Hạng người này thi cử thường thất bại, thi không đậu. Trong Liễu Phàm Tứ Huấn cũng có trường hợp, mắng quan chủ khảo: Văn tôi viết hay như thế, vì sao không cho tôi đậu? Trong này bao hàm ý nghĩa rất sâu sắc. Lời cổ nhân nói không sai chút nào: “hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ”, quý vị nhất định sẽ tìm thấy. Quý vị tham gia thi cử không trúng tuyển, vấn đề nhất định không ở người khác, mà tại chính mình. Thật sự phản tỉnh, thay đổi bản thân, lần sau sẽ không sao, nhất định thi trúng.

Con người thắng mình khó, thắng người khác không khó. Thắng người là giáo hóa chúng sanh. Ở trước là tự độ, sau là độ tha, sau khi tự độ mới có thể độ tha. Bản thân không khắc phục được bản thân, đặc biệt là phiền não vi tế, điều này rất quan trọng. Tu hành có trình độ nhất định, độ lượng dần lớn lên. Nhưng gặp phải cảnh giới lớn lao hiện tiền, thông thường chúng ta gọi là lợi hại, vẫn còn ý niệm nhưng không bị phát tác. Ý niệm kiêu mạn, ý niệm oán hận, có, nhưng không nghiêm trọng. Như vậy có chương ngại chăng? Có chương ngại.

Ở trong lục đạo cần phải đoạn tận kiến tư phiền não. Chỉ có đoạn tận vô minh phiền não, tập khí vô minh có thể mang đến cõi thật báo trang nghiêm. Nhưng cần phải nhớ, không thể mang nó đến cõi thường tịch quang, trong cõi tịch quang không có. Tập khí vô thi vô minh đều không có, thuần chân vô vọng. Chúng ta không thể không biết điều này. Chỉ cần còn một

chút tập khí này còn, bản thân phải sanh tâm hổ thẹn, công phu chưa đủ, không thể sánh với Bồ Tát. Bồ Tát ở đây là pháp thân Bồ Tát, không phải mười pháp giới, Bồ Tát mười pháp giới mang theo tập khí này. Đây là mục tiêu người học Phật muốn thành tựu ngay trong đời này, đương nhiên cầu sanh thế giới Cực Lạc không có vấn đề gì, tập khí này còn vẫn có thể vãng sanh. Nhưng chúng ta cần phải biết, nếu đoạn tận tập khí, bản thân chắc chắn được vãng sanh. Tập khí chưa đoạn, vậy thì xem vận mệnh lúc lâm mạng chung. Đây là thật, không phải giả. Khi lâm mạng chung, nếu chúng ta có ba điều kiện, nắm bắt được ba điều kiện này, nhất định được vãng sanh.

Thứ nhất, khi lâm chung không mê hoặc, thần trí rõ ràng. Thứ hai, khi lâm chung có người nhắc ta niệm Phật, có người nhắc nhở. Thứ ba, khi lâm chung có thể buông bỏ, không còn lưu luyến bất kỳ điều gì của thế gian, buông bỏ tất cả nhất định vãng sanh. Lúc lâm chung sợ nhất, bây giờ gọi là bệnh đãng trí của người già, hồ đồ. Khi bệnh nặng đến người thân trong gia đình cũng không nhận ra, họ cũng có thể nghe, có thể thấy, nhưng hỏi quý vị là ai? Trong trường hợp này vô cùng khó khăn. Vì thế trợ niệm lúc lâm chung, công đức không thể nghĩ bàn. Người trợ niệm luôn nhắc nhở họ, giúp họ, niệm sau cùng là Phật A Di Đà, như vậy mới có thể vãng sanh.

Chúng ta hiểu được đạo lý này, bản thân nỗ lực nhiều hơn, lâm chung có người trợ niệm cũng tốt, không có người trợ niệm cũng được. Rất nhiều người lâm chung không có người trợ niệm! Những người này từ lâu đã biết, đây là việc lớn nhất trong cuộc đời, cầu sanh Tịnh độ. Việc lớn duy nhất, vì thế bình thường phải tập buông bỏ, nghĩa là để Phật A Di Đà trong tâm. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra không có những điều gì khác, đây gọi là thắng mình. Thắng mình đương nhiên có thể thắng người, cho nên gọi là dũng. Bởi thế cái dũng thật sự là khắc phục được chính mình, khắc phục tập khí phiền não của chính mình.

“Hiểu rõ hoại tà kiến”, có thể phân biệt đâu là chân, đâu là vọng, đâu là tà, đâu là chánh. Phân biệt như thế nào? Chỉ có thế giới Cực Lạc là thật, ngoài ra đều là vọng. Chỉ có thân cận Phật A Di Đà là thật, dựa vào các thiên địa thần minh, đó đều là giả, nhất tâm chuyên chú! Hoại này là phá hoại, phải phá tà kiến. “Cho nên gọi là triết”, “tài cao đồng triết”, không dễ đạt được bốn chữ này.

“Tịnh Ảnh Sớ lại nói: Tài là tài nghệ kỹ xảo, tài đức hơn người, nên gọi là tài cao”. Điều này trong xã hội ngày xưa thường hay nói: “ý chí mạnh mẽ gọi là dũng”, lập chí làm Phật, không có mục tiêu nào cao hơn. Phát tâm này có phải là ngạo mạn chăng? Phải chăng là vượt quá sức mình? Không phải, vì sao vậy? Trong kinh Phật thường nói: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Hôm nay chúng ta phát nguyện, nhất tâm phát nguyện muốn làm Phật, tương ưng với những gì Đức Phật nói. Vì sao thế? Vì chúng ta vốn là Phật. Vốn không phải Phật, bây giờ muốn làm Phật, hình như có chút khoa trương. Nhưng khi hiểu rõ biết rằng không phải vậy, nên biết tất cả chúng sanh vốn là Phật. Tất cả chúng sanh chưa thành Phật, chính là do họ mê hoặc, bị đọa lạc, họ không quay đầu.

Phát tâm bồ đề, hành đạo Bồ Tát, không những thành tựu chính mình, mà còn làm tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh. Ta vốn là Phật, vì sao ta không thành Phật? Vì chúng ta không có dũng khí thừa nhận, không có dũng khí phát nguyện. Pháp môn Tịnh tông thù đặc vô cùng, thù thắng, đặc biệt, đều nhờ Phật A Di Đà. Không nương vào Phật A Di Đà, bản thân muốn quay đầu rất khó, quả thật rất khó. Có năng lực khắc phục phiền não chăng? Sự vi diệu của Tịnh tông, thiện xảo của Tịnh tông, gọi là phương tiện thiện xảo. Nghĩa là dùng đức hiệu của Phật A Di Đà, cảm ứng của Phật A Di Đà, thay thế cho tất cả tập khí phiền não của

chúng ta. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài ra không có gì khác. Đến thế giới Cực Lạc, vẫn niệm danh hiệu Phật A Di Đà, vẫn học bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, vĩnh hằng bất biến, được chăng? Được, vì sao vậy? Vì một tức tất cả, tất cả tức một. Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, tất cả Chư Phật Như Lai, trong vô lượng vô biên cõi nước Chư Phật, tự hành hóa tha giảng vô lượng vô biên kinh giáo, bộ kinh này là cương lĩnh chung. Tức là triển khai bộ kinh này, triển khai bộ kinh này chính là tất cả các kinh điển, tất cả kinh điển quy nạp lại chính là bộ kinh này. Điều này trong Kinh Hoa Nghiêm nói một cách rất rõ ràng minh bạch. Thiện căn của chúng ta là tu tập tích lũy từ vô lượng kiếp, không có thiện căn phước đức nhân duyên này, đời này sao có thể gặp được pháp môn này? Chúng ta gặp được, chúng tỏ thiện căn mình sâu dày, phước đức không thể nghĩ bàn. Bộ kinh này giúp chúng ta thành tựu viên mãn ngay trong đời này, không cần đợi đến thế giới tây phương Cực Lạc. Ngay tại thế giới này, nếu thật sự nhất tâm tu học, được niệm Phật tam muội. Tam muội là thiền định, định có thể sanh trí tuệ. Tam muội, tam muội cạn đơn giản, trong kinh gọi là tâm thanh tịnh. Tam muội sâu hơn là tâm bình đẳng. Tâm đến thanh tịnh bình đẳng giác, tất cả pháp thế xuất thế gian tự nhiên thông đạt. Vì sao vậy? Vì tuy chưa minh tâm kiến tánh, đến giác mới minh tâm kiến tánh. Vẫn chưa đến giác, chưa đến đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, nhưng rất nhiều kinh luận đều tự nhiên thông triệt, vừa tiếp xúc là hiểu. Vì sao vậy? Đây là nguyên nhân gì? Vì xung tánh. Tất cả pháp không rời tự tánh, tất cả pháp đều nương vào tự tánh làm bản thể, đây là danh từ của triết học. Không có thể là không có pháp, pháp từ đâu mà có? Pháp là thể hiện, do bản thể hiện ra. Trong kinh Phật gọi là lý thể, đạo lý. Đạo lý gì? Đạo lý chính là ở đây. Nó là lý thể của tất cả pháp, làm sao để đạt được lý thể này? Chí tâm tín nhạo. Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, sẽ rất gần với nó, càng gần thì hương vị càng nồng đậm. Khi chưa chứng quả, đã thông triệt được rất nhiều, chưa quán thông hoàn toàn, nhưng thông rất nhiều. Chúng ta gọi là trí tuệ hiện tiền, trí tuệ, đức năng vốn đầy đủ trong tự tánh hiện tiền.

“Ý chí mạnh mẽ gọi là dũng, tâm sáng suốt gọi là triết”. Tâm nghĩa là tâm địa sáng tỏ, không mê hoặc. Nói theo pháp thế gian, thánh giả tiểu thừa là bậc đại triết của thế gian, người thế gian không thể sánh với họ được. Người thế gian tâm bị nhiễm ô, quý vị tĩnh tâm suy nghĩ, tự tư tự lợi là ô nhiễm, danh văn lợi dưỡng là ô nhiễm, chìm đắm trong ngũ dục lục trần là ô nhiễm, tham sân si mạn nghi là ô nhiễm. Lục đạo chúng sanh, tâm người nào không ô nhiễm? Không tìm thấy người không có ô nhiễm.

Mặc dù là Trời sắc giới, Trời vô sắc giới, tâm họ vẫn bị nhiễm ô. Chẳng qua họ có định công, định công có thể không chế. Họ chưa đoạn trừ nhiễm ô, nhưng nó không khởi tác dụng, thiền định khiến nó không khởi tác dụng, không phải đã đoạn nó. Làm sao để đoạn được những thứ này? Trí tuệ mới đoạn được, dùng trí tuệ chiếu soi. Nhiễm ô giống như bóng tối vậy, trí tuệ vừa phát, những ô nhiễm này liền biến mất, phiền não mới được đoạn trừ.

Chúng ta phải biết bản thân đã khắc phục được nhiễm ô này hay chưa? Vậy thì chúng ta thường nghĩ đến bản thân có trí tuệ chăng? Nếu có được chút trí tuệ, biết rằng chúng ta đã buông bỏ được một ít nhiễm ô. Quả thật buông bỏ một phần ô nhiễm, trí tuệ liền hiển lộ một phần. Buông bỏ hai phần tập khí phiền não, trí tuệ hiển lộ hai phần, chính là như vậy. Công phu hoàn toàn ở chỗ buông bỏ, không buông không được. Buông bỏ chấp trước, không chấp trước đối với tất cả pháp. Đây gọi là tu hành chơn chánh, gọi là biết tu.

Câu sau là tổng kết đoạn nhỏ này: “Như vậy Bồ Tát Pháp Tạng mới có thể hơn người, đồng mãnh tinh tấn, tâm minh trí lãng”. Trí tuệ của ngài hiện tiền, lúc này cảnh giới của tỳ kheo Pháp Tạng là pháp thân Bồ Tát, ngài không phải là quyền giáo của tiểu thừa.

“Siêu việt khác với thế gian”, câu này trong Tịnh Ảnh Sớ nói: “Đức này riêng mình ngài có, gọi là siêu việt khác với thế gian”. Đức, ở trước nói tài cao trí tuệ đồng mãi. “Siêu việt khác với thế gian”. Thế là thế gian, thế gian không có, nếu thế gian có người như vậy, ngài cũng vượt qua. Thế tức là mười pháp giới, vượt trên mười pháp giới, đến cõi thật báo trang nghiêm, không ở trong mười pháp giới. “Hội Sớ viết: Bất thường nhân sở cập”, “bất” nghĩa là “phi”, không phải người bình thường có thể làm được. “Cho nên gọi là siêu việt khác với thế gian”, mười pháp giới không làm được, Phật Bồ Tát trong mười pháp giới đều không làm được, huống gì những người khác? Điều này chúng ta có thể nghĩ đến được.

Quý vị thấy A la hán chỉ làm được không chấp trước đối với tất cả pháp thế xuất thế gian. Họ vẫn còn phân biệt, vẫn còn vọng tưởng, chỉ có không chấp trước. Không còn chấp trước, liền vượt thoát lục đạo, lục đạo không còn. Nếu nói ngày nay bản thân chúng ta có năng lực, có công phu, có tu hành, có trí tuệ là giả. Vì sao vậy? Vì chúng ta đang ở trong lục đạo, đây là sự thật. Màu sắc muôn hình đa dạng trong lục đạo, chúng ta tiếp xúc hằng ngày vẫn còn khởi tâm động niệm. Công phu của chúng ta là gì? Không quá nổi trội, có động tâm chẳng? Tâm vẫn động, chưa được! Chúng ta vẫn còn trôi lăn trong luân hồi lục đạo chưa ra khỏi được.

Chúng ta học Phật nhiều năm như thế, huân tập kinh giáo cũng hiểu được đôi phần. Tu đà hoàn, người mới nhập môn, Kinh Hoa Nghiêm là Bồ Tát sơ tín vị, phá được thân kiến và biên kiến. Người xưa thường gọi là phá bỏ thân kiến, ba loại này chúng ta có chẳng? Cả ba loại đều đầy đủ.

Chúng ta thấy người có tài đức hơn mình, có khởi tâm đố kỵ chẳng? Không thể nói không có, chỉ có thể nói là nhẹ hơn một chút. Vì sao vậy? Khi chưa học Phật tâm đố kỵ rất nghiêm trọng, có thể còn nghĩ cách để ngăn cản họ. Bây giờ không còn chướng ngại người khác, nhưng trong lòng vẫn cảm thấy rất khó chịu, như vậy là không được. Đây là gì? Là tập khí nghiêm trọng, chướng ngại chúng ta minh tâm kiến tánh, chướng ngại chúng ta được niệm Phật tam muội. Không có những thứ này, niệm Phật tam muội mới có thể hiện tiền, trí tuệ bát nhã trong tự tánh mới hiển lộ ra một chút, đây là chân công phu. Chân công phu không cần hỏi người khác, người ta không biết, bản thân hiểu rõ hơn bất kỳ ai. Bởi thế chúng ta phải học, nhưng không nên học quá cao, quá cao không làm được, phải học từ trên phương diện căn bản. Trong giáo lý đại thừa gọi là nguyên lý nguyên tắc. Thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới thủ, chúng ta thường gọi là thân kiến. Luyện tập từ đâu? Trong cuộc sống hằng ngày.

Vì vậy tu hành chơn chánh, biết cảm ân, cảm ân ai? Ân của tất cả chúng sanh. Bắt đầu tu từ đâu? Thông thường bắt đầu tu từ nghịch cảnh, sau đó tiếp tục tu thuận cảnh. Nghịch cảnh là mọi thứ đều khiến ta không được như ý, đều gây phiền phức cho chúng ta. Khiến những ngạo mạn từ vô thi của chúng ta như không chế, chiếm hữu, đối lập, hóa giải hết những ý niệm này, oán thân bình đẳng. Có oán khí chẳng? Nói thật với quý vị, không có. Trong tự tánh thanh tịnh tâm không lập một pháp nào, làm gì còn oán hận? Đâu có đạo lý này? Trong thuận cảnh làm gì có được niềm hoan hỷ đó?

Hoan hỷ thật sự là gì? Từ trong tự tánh phát ra, không liên quan đến cảnh giới bên ngoài, gọi là pháp hỷ sung mãn. Pháp hỷ sung mãn này từ đâu đến? Là do bản thân đoạn tận hết tập khí phiền não, pháp hỷ mới xuất hiện, tâm cảm ân mới hiện ra, tất cả chúng sanh đều có ân với chúng ta. Tất cả chúng sanh không chỉ là người, mà tất cả động vật, cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa đều có ân với chúng ta. Chúng ngày ngày đều biểu pháp cho chúng ta thấy, ngày ngày

đều để chúng ta hiểu được. Vấn đề là chúng ta có nhận ra chẳng? Có hiểu được chẳng? Chúng ta có ngộ ra được đạo lý trong này chẳng? Như vậy ta nhập vào cảnh giới Hoa Nghiêm, như 53 lần tham bái của Thiện Tài.

Tất cả pháp thế xuất thế gian, đều là để thành tựu chúng ta. Tất cả pháp này là gì? Tất cả pháp này toàn là Phật Bồ Tát. Quan sát tường tận, tất cả pháp này toàn là Phật A Di Đà. Tất cả chúng sanh đều là Phật A Di Đà, hết thủy động vật cũng là Phật A Di Đà, côn trùng kiến đều là Phật A Di Đà. Cây cỏ hóa lá, sơn hà đại địa không có thứ gì không phải. Quý vị đã thấy được Phật A Di Đà, những điều này toàn là sự thật, không hề hư vọng.

Chúng ta sống trong thế gian này, vì sao ngày ngày chư Phật Bồ Tát đang biểu diễn, ngày ngày điều đang thị hiện. Chúng ta lại mơ mơ hồ hồ, thường hay khởi phiền não, không sanh trí tuệ, chuyên sanh phiền não, sanh thất tình ngũ dục, chính là do không biết. Khi biết rồi tự nhiên sẽ buông bỏ phiền não, trí tuệ đức tướng trong tự tánh dần dần hiện ra. Phật Bồ Tát ở đâu? Ở mọi nơi mọi lúc.

Chúng ta ở trong cảnh giới của mình, thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên đều ở trong đó. Có sự lãnh hội, có sự cảm nhận, đây là tin tốt lành. Không có cảm nhận, không có lãnh hội, người này nghiệp chướng rất sâu nặng. Có được sự giác ngộ, có cảm nhận, là công phu đắc lực. Sai lầm cần phải sửa, đức hạnh cần phải tu, chúng ta không biết tu như thế nào? Phật Bồ Tát từ bi dạy chúng ta, Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp là những gì ta phải tu, như vậy tự nhiên sẽ đạt được. Không những làm được, mà còn khai hoa, khi nào khai hoa? Cổ nhân nói: “nghe một biết mười”, từ trong một pháp triển khai thành vô lượng pháp.

Trong Phật pháp đại thừa nói, mười điều của Thập Thiện Nghiệp Đạo, Bồ Tát đã triển khai nó thành tám vạn bốn ngàn điều, không phải là khai hoa ư? Tám vạn bốn ngàn là phương tiện nói, thực tế thì sao? Thực tế là vô lượng vô biên tánh đức cứu cánh viên mãn, đều ở trong một pháp. Thập thiện là mười pháp, bất cứ một pháp nào đều là vô lượng vô biên, một tức là nhiều, nhiều tức là một. Nói không sát sanh, tất cả pháp đều ở trong điều này. Nói không trộm cắp, tất cả pháp cũng ở trong này, không sát sanh cũng bao hàm trong đó. Một và nhiều không hai, ta mới chứng được, mới lý giải được toàn thể vũ trụ không thể tách rời, là nhất thể. Xin chúc mừng, quý vị đã chứng được pháp thân, quý vị giống như Bồ Tát Pháp Tạng vậy, cũng là “tài cao trí tuệ đồng mãnh, siêu việt khác thường thế gian”. Quý vị siêu tuyệt, vượt ra mười pháp giới.

“Hợp Tán lại nói: Cũng như Bồ Tát địa thượng phát tâm, đây gọi là thế gian, từ sơ địa về trước nghĩa là thế gian”. Sau đây là lời của Hoàng Niệm Lão: “Trong Hợp Tán, đối với Bồ Tát Pháp Tạng, đương thời ở vị trí nào mà phát tâm bồ đề, chưa dám quyết đoán, cho nên nói ra lời nghi hoặc, mà nói hoặc khoảng. Nếu là địa thượng phát tâm”, ông thêm vào chữ hoặc. Hoặc, nói như hiện nay nếu là địa thượng phát tâm. Đây là một câu trong Hợp Tán.

“Sơ địa trở về trước nghĩa là thế gian”, địa thượng phát tâm tức là siêu việt khác với thế gian. Địa ở đây là Biệt giáo thập địa, Biệt giáo sơ địa siêu việt thập pháp giới, thập pháp giới là thế gian. Thế gian gọi là phàm phu, xuất thế gian gọi là thánh nhân, đây là tiêu chuẩn của phàm và thánh, lấy mười pháp giới làm giới hạn. Trong giáo lý đại thừa xung lục đạo là nội phàm, phàm phu phân thành nội và ngoại. Phàm phu trong lục đạo, tứ thánh pháp giới gọi là ngoại phàm, phàm phu bên ngoài lục đạo. Vì sao vậy? Vì họ chưa kiến tánh, tiêu chuyên này kiếp lập ở đây. Cũng chính là nói họ dùng A lại da.

Trong Pháp Tướng Duy Thức nói, họ dùng tám thức 51 tâm sở, mười pháp giới đều dùng nó. Phạm phu lục đạo đã dùng sai nó, vì mê hoặc nên dùng sai hoàn toàn. Tứ thánh pháp giới vẫn dùng tám thức và 51 tâm sở, nhưng họ dùng chánh đáng. Họ cũng chưa giác ngộ, vì sao họ dùng chánh đáng? Vì họ thật thà, nghe lời, thực hành, là sáu chữ này. Nghe theo lời Phật dạy, hoàn toàn thực hành theo giáo huấn của Phật. Cho nên tuy họ chưa giác ngộ, nhưng học rất giống, cách của họ rất giống Phật. Học rất giống, vì sao không phải chân Phật? Vì họ không dùng chân tâm, họ dùng là vọng tâm, là tám thức 51 tâm sở. Nếu chuyển bát thức thành tứ trí, họ chính là chân Phật, họ siêu việt thế gian, thế gian này là mười pháp giới. Vượt khỏi mười pháp giới đến nhất chân pháp giới, người trong nhất chân pháp giới đều dùng chân tâm, không còn dùng A lại da. Đối với họ mà nói, thì A lại da không còn. Phải hiểu rõ ràng minh bạch điều này, cho nên nói họ siêu việt khác với thế gian. Thế này có thể gọi là lục đạo, thế gian này cũng có thể gọi là mười pháp giới. Thế gian này rất cao.

Ý nghĩa trong Hợp Tán_Hợp Tán là trước tác của người Nhật Bản. Hai loại thế gian này, rốt cuộc loại nào không dám đoán định, vì thế nói ra lời nghi hoặc. Nếu là địa thượng phát tâm, “chữ thế này tức là trong siêu việt khác với thế gian, là chỉ hết thấy trước sơ địa, từ sơ địa về trước đều gọi là thế gian, đặng địa trở lên mới gọi là xuất thế gian”. Đây là Biệt giáo, nếu là Viên giáo, Viên giáo là sơ trụ. Viên giáo sơ trụ và Biệt giáo sơ địa chứng được hoàn toàn tương đồng. Trong một số kinh luận, Đức Phật nói đến thập địa, 51 địa vị đa phần đều nói về Biệt giáo. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, những bộ kinh lớn này là nói về Viên giáo. Sơ trụ nhất thừa của Viên giáo là đã siêu việt.

Bên dưới là chú giải của Hoàng Niệm Lão: “Trộm nghĩ ý của Hợp Tán”, đây là Hoàng Niệm Lão khiêm tốn, dùng từ khiêm tốn, tức là dùng ý của ông để xem đại ý chú giải của Hợp Tán. “Cũng nghiêng về đương thời Pháp Tạng là địa thượng phát tâm, chỉ là chưa dám tùy tiện nói ra”, nghĩa là chưa dùng ngữ khí xác thực để nói, chưa dùng ngữ khí khẳng định nói ra, là địa thượng phát tâm. “Pháp Tạng Bồ Tát ở địa vị nào phát tâm, các nhà chú kinh đều có kiến giải khác nhau”, rốt cuộc lúc ngài phát tâm là địa vị nào, các bậc cổ đức có ý kiến khác nhau, nhưng những nhận xét này đều có đạo lý. Rốt cuộc nhận xét nào là chính xác? Thật sự muốn giải quyết vấn đề này, nhất định phải thỉnh giáo tỳ kheo Pháp Tạng, như vậy mới có thể nói rõ ràng chân tướng sự thật. Bằng không, chúng ta chưa minh tâm kiến tánh, nên luôn có nghi vấn. Vì sao vậy? Vì đây là suy nghĩ của riêng mình, chưa chắc là chân thật.

Ngày nay chúng ta học tập kinh điển, gặp nghi vấn như thế này, rất nhiều tổ sư đại đức nói không tương đồng, chúng ta đều dùng nó làm tài liệu tham khảo. Có cần nghiên cứu chẳng? Không cần thiết, không cần phải như vậy, nó không liên quan đến việc niệm Phật vãng sanh Tịnh độ của chúng ta. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc, thấy Phật A Di Đà, không phải chân tướng liền rõ ràng sao? Hà tất ở đây đoán già đoán non, tự tìm rắc rối? Tìm hiểu ngôn ngữ vẫn tự là sai.

Cùng một đạo lý đó, hiện nay là thời kỳ mạt pháp, phước của chúng sanh mỏng. Phước mỏng có vấn đề gì? Chúng sanh phước mỏng, Phật Bồ Tát sẽ không đến. Phật Bồ Tát không đến, vậy ai đến? Yêu ma quỷ quái đều đến. Chúng sanh không tin có chánh pháp, khởi tâm động niệm toàn là tham sân si mạn nghi, mà còn vô cùng nghiêm trọng. Những phiền não tập khí này dẫn dắt yêu ma quỷ quái, cám dỗ chúng hiện thân. Có thể họ mạo xưng Phật Bồ Tát, mê hoặc chúng sanh, giúp chúng sanh tạo nghiệp, giúp chúng sanh đọa lạc, chúng ở bên cạnh lớn tiếng vui cười. Làm những điều này, họ có bị thọ báo chẳng? Đương nhiên phải thọ báo.

Chúng ta tu học Phật pháp, nhìn thấy một cách rõ ràng minh bạch. Tuy thấy rất rõ ràng minh bạch, cũng không biết phải làm sao. Chúng sanh không thức tỉnh, không giác ngộ! Người bây giờ trong đầu họ nghĩ gì? Chính là tiền, ngoài tiền bạc ra không còn gì cả. Giá trị quan và nhân sinh quan của họ khác với cổ nhân. Họ đối với cổ thánh tiên hiền hoàn toàn không thể tiếp thu, cho rằng như thế nào? Những người này đều ngu ngốc, họ không cần tiền, không cần danh, không cần lợi, những người này là khác loài của nhân loại. Họ có tư tưởng này, không hề có tâm tôn trọng. Họ tôn trọng những gì? Tôn trọng ai giàu hơn họ, danh lợi cao hơn họ, họ tôn trọng. Đến sau cùng đó chính là thế giới hủy diệt, đây là một sự tuần hoàn lớn.

Các nhà khoa học nói, trên địa cầu này, 5 vạn năm trước, khoa học kỹ thuật cao siêu hơn hiện nay. Nguồn năng lượng lấy từ giữa hư không, sạch sẽ, không có âm thanh, cũng là giá trị quan của nhân loại hướng đến như con người hiện nay. Hoàn toàn không tin Tôn giáo thần minh, luân lý đạo đức đều gạt bỏ hết, tận tình hưởng lạc. Những gì chiêu cảm được, điều này người hiện nay đều biết “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, chiêu cảm nên sơn hà đại địa chìm xuống đáy biển, chính là thành phố atlantis chìm xuống Đại tây dương. Đại tây dương vốn là lục địa, nó bị chìm xuống đáy biển, hủy diệt toàn bộ nền văn minh, phải bắt đầu lại từ đầu.

Lúc nào sơn hà đại địa được kiên cố? Nhân tâm đôn hậu, không có tà niệm, không có phân biệt, không có chấp trước, thương người như bản thân, sơn hà đại địa sẽ kiên cố. Cảnh tùy tâm chuyển, vũ trụ nó có tính chu kỳ, có rất nhiều chu kỳ khác nhau, chu kỳ lớn thời gian rất dài. Những gì hiện nay chúng ta nhìn thấy, những gì trong Phật pháp đại thừa nói hình như cũng là một chu kỳ, chúng ta bây giờ không dám xác định.

Từ nhất niệm bất giác mà có vô minh, đây là từ trong tự tánh bắt đầu hiện lộ ra, nhất niệm bất giác đầu tiên xuất hiện A lại da. Tam tế tướng của A lại da, diễn biến thành vũ trụ vạn hữu. Đến lúc chúng ta gặp được Phật pháp tu hành, trong kinh điển đại thừa đào thải hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, sau cùng lại trở về với tự tánh. Đây giống như một vòng tuần hoàn, lại trở về với tự tánh. Hiện tượng này, lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, trong hội Lăng Nghiêm tôn giả Phú Lô Na đề xuất vấn đề này, ngài thỉnh giáo Phật như vậy.

Chúng ta từ tự tánh mê muội biến thành phàm phu, hiện nay gặp được Phật pháp, nỗ lực tu học theo Phật, dần dần khai ngộ. Sau khi khai ngộ thành Phật, trở về tự tánh. Sau khi trở về tự tánh, có còn mê hoặc chăng? Có còn nhất niệm bất giác trở thành phàm phu chăng? Đề xuất vấn đề này quá hay, Đức Phật đưa ra một ví dụ để nói rõ nghĩa này. Giống như mỏ vàng, vàng và quặng sắt hỗn hợp lẫn nhau. Tu hành giống như tinh luyện vậy, chúng ta từ trong quặng sắt tinh luyện ra vàng, vớt bỏ hết những thứ cặn bã, đào thải hết, tinh luyện ra vàng ròng. Sau khi tinh luyện ra vàng ròng, nó sẽ không còn biến thành quặng sắt. Đức Phật đã trả lời như vậy.

Chúng ta hiểu cách nói của Phật, nguyên tắc nói pháp của ngài là nương vào nhị đế. Nhị đế, một là chân đế, hai là tục đế. Tục đế là y theo cảnh giới của phàm phu chúng ta, y theo cảnh giới phàm phu. Nghĩa là chúng ta nói y theo thường thức, nương vào tri thức để giải đáp, quý vị rất dễ hiểu. Một loại khác là bản thân ngài tự chứng được, đó không phải cảnh giới của chúng ta, vì thế chúng ta rất khó hiểu.

Ví dụ trong Kinh Bát Nhã nói: “Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”, đây là cảnh giới Phật thân chứng, chúng ta không hiểu. Một tức là nhiều, nhiều tức là một, cũng là ngài thân chứng, chúng ta cũng rất khó hiểu. Có một số chúng ta rất khó hiểu, nhưng được các nhà khoa học hiện đại chứng minh, chúng ta nghĩ lại những gì Phật dạy, có thể lãnh

hội một cách sâu sắc hơn. Chỉ cần là hiện tượng, đều là một sự tuần hoàn, đều có chu kỳ tuần hoàn. Một ngày là một tiểu tuần hoàn 24 tiếng đồng hồ. Chúng ta nói bắt đầu từ giờ tỵ, trở về lại giờ tỵ, là một tiểu tuần hoàn. Một năm là vòng tuần hoàn lớn, trong một năm có 12 tháng. Thậm chí có tuần hoàn của thời tiết khí hậu, 24 thời tiết khí hậu. Có tuần hoàn bốn mùa.

Người phương tây nói về thảm họa năm 2012, đây là một tuần hoàn lớn, là sự tuần hoàn của ngân hà đối tề. Nghĩa là mặt trời chạy quanh hệ ngân hà, chạy quanh ngân hà. Chạy một vòng quanh ngân hà, nhất định có một lần trung tâm ngân hà, mặt trời, địa cầu xếp thành một đường thẳng. Chu kỳ này hơn năm vạn năm, hơn năm vạn năm mới có một lần. Ghi chép trong cách làm lịch của Maya, là có năm chu kỳ như vậy, năm 2012 là chu kỳ thứ năm.

Từ trong kinh điển đại thừa, tôi cũng có nhận xét này, nhưng vẫn chưa thể xác định. Nghĩa là sự hình thành của vũ trụ_Hiện nay các nhà khoa học nói, rất nhiều vũ trụ không nhìn thấy. Không thấy, theo tưởng tượng của tôi, nhất định là trở về thường tịch quang, đây là một chu kỳ rất lớn. Nhưng chu kỳ này, rốt cuộc bao nhiêu thời gian thì không xác định được. Vì sao không xác định? Như đại sư Thiên Đạo nói: “do gặp duyên khác nhau”.

Như chúng tôi ở HongKong, tôi từ chỗ đưa ngựa ngồi xe đến đây, cũng là gặp duyên khác nhau, tôi chỉ gặp được một lần, trên đường đi đều là đèn xanh không có đèn đỏ, từ chỗ đưa ngựa đến đây mất mười phút. Quý vị xem, nếu kẹt xe, gặp đèn đỏ, đôi lúc nghiêm trọng phải mất 40 phút mới đến được đây, đó là gặp duyên khác nhau. Nếu chúng ta gặp được nhân duyên thù thắng, thì trở về rất nhanh chóng. Nếu có nhân duyên gặp được Tịnh độ, vậy thì quá nhanh, quả là không dễ! Mặc dù là cõi phàm thánh hạ hạ phẩm vãng sanh.

Trong Quán Kinh nói rất rõ ràng, phải cần bao nhiêu thời gian mới có thể chứng được cõi thật báo? 12 kiếp, 12 kiếp đối với chúng ta mà nói thì rất dài, nhưng trong quá trình tu hành của Bồ Tát thì quá ngắn. Phạm phu tu thành Phật đạo quả thật là vô lượng kiếp, làm gì có 12 kiếp là thành công? Đó tức là trên đường đều là đèn xanh, không hề có chướng ngại, thành tựu mới nhanh như vậy.

Bởi vậy chư Bồ Tát ở thế giới Hoa Tạng, do Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền dẫn đầu, họ rất rõ ràng. Họ thường đến thế giới Cực Lạc, dẫn chư vị Bồ Tát ở thế giới Hoa Tạng đến thế giới Cực Lạc. Đưa đến thế giới Cực Lạc thành tựu nhanh hơn, ở thế giới Hoa Tạng thành tựu chậm. Vì ở thế giới Cực Lạc, được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, điều này quả là không thể nghĩ bàn.

Phật pháp dạy chúng ta: “cảnh giới cao siêu, chỉ chúng được mới biết”. Nếu không phải thân chúng, muốn dùng đệ lục ý thức để hiểu về nó, điều đó tuyệt đối không làm được. Đức Phật nói, năng lượng của đệ lục ý thức rất lớn, đối với bên trong nó duyên đến A lại da, đối với bên ngoài nó duyên đến hư không pháp giới. Khoa học hiện nay của chúng ta, ngày càng tiếp cận vấn đề này. Vật lý học hiện nay phát triển về hai cực đoạn. Thứ nhất là vũ trụ vĩ quan, đó là đối với bên ngoài. Dùng đệ lục ý thức, đối với bên ngoài có thể duyên đến hư không pháp giới, đối với bên trong, hiện nay duyên đến lượng tử lực học. Lượng tử lực học hoàn toàn giống như A lại da thức nói, hầu như đã đến tận cùng, không thể phát triển thêm nữa. Tiếp tục đó là kiến tánh, kiến tánh đệ lục ý thức nhất định không làm được. Nhất định dùng thiên định, nhất định phải buông bỏ, buông bỏ tâm ý thức. Phương thức này 2000 năm trước trong Phật giáo đã thực hành, theo cách nói của cổ nhân là 3000 năm trước.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người đầu tiên làm gương cho chúng ta, buông bỏ tâm ý thức, buông bỏ vọng tưởng, buông bỏ phân biệt, buông bỏ chấp trước. Vọng tưởng là A lại da thức, phân biệt là đệ lục Ý thức, chấp trước là Mạt na thức. Cho nên Phật giáo gọi là tham

cứu, không gọi là nghiên cứu. Nghiên cứu dùng tâm ý thức, hàng phàm phu dùng nó. Tu pháp xuất thế không dùng tâm ý thức, gọi là lìa tâm ý thức tham, không phải gọi tham thiền u? Tham cứu u? Đạo lý này không chỉ dùng trong Thiền tông, Giáo môn cũng như vậy. Nếu không dùng phương pháp này, nghiên cứu kinh giáo sẽ biến thành Phật học. Biến thành gì? Biến thành tri thức. Còn nếu dùng tham cứu, lìa tâm ý thức, nó là trí tuệ, không phải tri thức. Từng chữ từng câu trong kinh điển, đều từ trí tuệ trong tự tánh hiển lộ ra, chúng ta có thể thấy được tầng này, cho nên nó không giống nhau. Niệm Phật cũng không ngoại lệ, nếu niệm Phật lìa tâm ý thức, đó gọi là gì? Đó gọi là lý niệm. Được nhất tâm bất loạn, gọi là lý nhất tâm bất loạn, không dùng tâm ý thức. Không dùng tâm ý thức, nghĩa là chúng ta có thể_tôi nói rõ ràng hơn một chút, mọi người dễ hiểu hơn. Buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, niệm Phật A Di Đà. Niệm đến nhất tâm bất loạn là lý nhất tâm bất loạn, cùng một tầng cảnh giới với Thiền tông là đại triệt đại ngộ, Giáo môn là đại khai viên giải. Như vậy không cần bốn nguyện của Phật Di Đà gia trì, quý vị đã chứng được cảnh giới của A Duy Việt Trí Bồ Tát. Chúng ta không đến được cảnh giới này, bởi vậy mới cầu bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Càng hiểu rõ những lý sự nhân quả này, tín tâm ta càng kiên định, ta biết nên tu như thế nào. Rất khó được, quả thật không dễ. Tự thân tu học rất chắc chắn, có niềm tin, nên mới có pháp hỷ. Đây là cách nói khác nhau của những người chú kinh điển, chúng ta đều có thể tiếp thu, đều có thể dùng để làm tham khảo. Cần tu học chẳng? Nếu tu học, thì học nhà nào cũng được, lấy một nhà làm chủ, ngoài ra để làm tham khảo.

Hoàng Niệm Lão cũng rất dụng tâm, nếu nói không chuẩn xác ông liền đào thải. Chú giải này của ông cũng là tập đại thành của chư đại đức cổ kim trong ngoài, học tập Kinh Vô Lượng Thọ, lấy những chú sớ của họ, hội tập thành bản chú giải này. Chúng ta thấy trong bản chú giải này trích dẫn kinh luận chú sớ, có 193 loại.

“Tịnh Ảnh vân”, Tịnh Ảnh Sớ nói: “Nay tầm phát tâm vô thượng, là trước sơ địa thuộc về thế gian tu hành. Bên dưới ta phát tâm vô thượng chánh giác, là hàng địa thượng xuất thế gian tu hành”. Đại sư Nghĩa Tịch, Vọng Tây, những bậc tổ sư đại đức này nói rất giống với đại sư tiểu Huệ Viễn nói, giống nhau. “Đoạn này nói về phát tâm, địa vị là trước sơ địa. Phát tâm trong phẩm đệ ngũ, là Bồ Tát địa thượng phát tâm”. Cách nói này rất hay, vì sao vậy? Vì ở đây là vừa mới từ bỏ vương vị xuất gia làm tỳ kheo, tỳ kheo Pháp Tạng. Lúc đến phẩm thứ năm, phẩm sau là công phu tu hành của ngài đã nâng cao, cảnh giới không tương đồng. Lúc đó phát tâm là gì? Phát 48 lời nguyện, lúc đó là Bồ Tát địa thượng. Ông nói ở đây là Bồ Tát trước sơ địa, cũng có thể nói như thế.

“Đối với các ngài Đàm Loan, Gia Tường, Thiện Đạo và Chân Giải đều có sự khác nhau”, cách nói không giống với ông. “Chân Giải nói Tịnh Ảnh rằng: Nói có trước sau”. Trước chính là đoạn này, đoạn sau là phẩm thứ năm. “Phát tâm không có hai, chỉ có nhất phát tâm”, đây là Vô Lượng Thọ Kinh Chân Giải của Nhật Bản nói, không giống với cách nói của ngài tiểu Huệ Viễn. Ông nói trước sau là một, không có phân biệt.

“Đoạn này là Đức Thế Tôn nói về phát tâm của Bồ Tát Pháp Tạng, đoạn sau là Bồ Tát Pháp Tạng tự thuật sự phát tâm của mình”. Phẩm thứ năm là tỳ kheo Pháp Tạng tự nói, nói về phát tâm. “Đoạn sau nói cũng chỉ là thuật lại sự phát tâm này, là lấy những gì trong kinh nói, tuy có thứ tự trước sau, có sự khác biệt tường tận và giản lược, nhưng Pháp Tạng phát chỉ có nhất tâm, không có hai. Tư tưởng trong Chân Giải cũng rất có đạo lý”. Ở đây là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi ngài Pháp Tạng, ở sau là Phật A Di Đà tự nói, là một cảnh giới, không có khác biệt cao thấp tầng thứ.

“Tu tưởng trong Chân Giải cũng rất có lý”, nói một cách rất có đạo lý, đây là Hoàng Niệm Lão khẳng định. “Chân Giải lại nói: Long Thọ đại sĩ là sơ địa, là chỉ địa vị lúc tỳ kheo Pháp Tạng phát tâm, hoặc là bát địa. Cũng là từ quả hướng nhân, có sự khác biệt lớn với các vị đại sư. Căn cứ Đại Trí Độ Luận, Long Thọ đại sĩ nói Bồ Tát Pháp Tạng phát tâm, hoặc vị trí ở sơ địa, hoặc ở bát địa, đều là địa thượng phát tâm, nên có sự bất đồng lớn với các đại sư khác. Trong Chân Giải nói, thật có căn cứ”. Đây là Chân Giải, do đại sư Đạo Ân người Nhật nói. Ông có căn cứ chứ không phải nói tùy tiện. Căn cứ này chính là Đại Trí Độ Luận, Bồ Tát Long Thọ là sơ địa, “là chỉ địa vị phát tâm của tỳ kheo Pháp Tạng”, hình như cũng là sơ địa, không phải Bồ Tát sơ địa không phát được đại tâm này. “Hoặc là bát địa”, đây đều là từ quả hướng nhân, ở đây và các tổ sư đại đức khác nói không giống nhau. Căn cứ theo trong Đại Trí Độ Luận nói, Bồ Tát Long Thọ nói Bồ Tát Pháp Tạng phát tâm. Đây là tổ sư của Ấn độ, ngài chưa đến Trung quốc, ngài ra đời sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ 600 năm, có công hiến rất lớn đối với Phật pháp đại thừa. Người xưa xưng ngài là vị tổ chung của tám tông phái đại thừa. Lịch đại tổ sư trong tám tông phái đại thừa, đều tôn Bồ Tát Long Thọ làm tổ sư, đây là vị tổ nổi tiếng nhất trong Phật pháp đại thừa, là một vị tổ sư được người tôn sùng kính ngưỡng nhất.

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, là ngài truyền ra từ Long cung, thế gian này mới biết Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi thị hiện thành Phật. Một số người chỉ thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nhập định dưới cội cây bồ đề, không biết ngài ở trong định giảng Kinh Hoa Nghiêm. Đại chúng dự hội đều là 41 vị pháp thân đại sĩ, không phải pháp thân đại sĩ, không thể tham gia pháp hội này. Nhưng trong pháp hội này chúng ta thấy không ít Thiên Long Bát Bộ, thậm chí cũng nhìn thấy Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên. Chúng ta mới biết cảnh giới này không thể nghĩ bàn!

Thiên Long Bát Bộ là phàm phu, những người này sao cũng đến dự hội? Thì ra họ đều là pháp thân Bồ Tát, thị hiện trong lục đạo để giáo hóa chúng sanh. Bản thân của họ là pháp thân Bồ Tát, vì thế họ đều tham dự trong hội này. Nếu đúng là phàm phu, thì chắc chắn không thể tham dự, làm sao có thể vào được trong đại định của Phật, tham dự pháp hội này? Đây là Hoàng Niệm Lão dựa vào thuyết của Chân Giải, thật sự có căn cứ, điều này rất có đạo lý.

Xem tiếp trích dẫn phẩm Thọ Lượng trong Kinh Pháp Hoa nói: “Từ lúc Ta thành Phật đến nay”, Ta là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, ngài nói từ khi ngài thật sự thành Phật đến nay, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na do tha kiếp. Nghĩa là nói ngài đã thành Phật từ rất lâu, không phải trong đời này, đời này là đến biểu diễn. Trong Kinh Phạm Võng đức Phật nói, lần này ngài thị hiện thành Phật ở địa cầu này để giáo hóa chúng sanh, là lần thứ 8000. “Đệ tử Phật môn, không bỏ một ai”, câu này không phải giả. Khi nào cơ duyên của chúng sanh thuận thực, có thể tiếp nhận ngài liền đến. Nếu không tin, không tiếp nhận, ngài không đến. Đến thì sao? Đến khiến quý vị tạo thêm tội nghiệp, quý vị hủy báng, hủy báng Phật tội nghiệp rất nặng, nên ngài không đến. Quý vị hủy báng tội nhẹ, không nặng, nếu ngài thật sự ở thế gian này, tội hủy báng đó rất nặng, vì thế ngài không đến. Cho nên đến là đại từ đại bi, không đến cũng là đại từ đại bi.

Nhưng chúng sanh có khổ nạn, vì hiện nay địa cầu gặp thảm họa này, phiền phức biết bao, ngài có đến chăng? Chúng ta tin rằng ngài đến. Đến không sợ người hủy báng ư? Ngài đến không dùng thân phận của Phật, ngài đến thế gian này là một bá tánh rất bình thường, ai biết ngài? Ngài đến để làm gì? Ngài là một người có phước báo, chúng ta phải biết điều này,

phước tuệ nhị túc tôn. Trong Tam quy y: Quy y Phật, nhị túc tôn. Trí tuệ viên mãn, phước báo viên mãn, ngài ở nơi này thì nơi này không gặp thiên tai. Mặc dù chúng sanh có cộng nghiệp, sẽ khiến cho thiên tai giảm nhẹ. Thiên tai lớn biến thành thiên tai nhỏ, thiên tai nhỏ trở thành không có, từ bi đến tột cùng! Không lộ thân phân, không lưu lại dấu tích, làm sao quý vị biết được? Người có phước ở đây, chúng ta hưởng phước báo của họ, người tạo tội nghiệp đều hưởng phước, chính là ý này. Cho nên chúng sanh có thể không cần Phật Bồ Tát, Phật Bồ Tát không thể không cần chúng sanh. Con cái có thể không cần cha mẹ, nhưng tâm cha mẹ vĩnh viễn hoài niệm về con cái. Đây là thật không phải giả.

Ở đây chúng ta cần phải học tập, học tỳ kheo Pháp Tạng phát tâm. Chúng ta phải phát tâm, phát tâm thực hành. Thực hành nghĩa là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, đến khi nào chúng ta mới quảng học đa văn? Sau khi khai ngộ, khi khai ngộ quảng học đa văn, như Bồ Tát Long Thọ vậy. Bồ Tát Long Thọ là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, chúng được quả sơ địa. Biệt giáo sơ địa chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, vượt ra mười pháp giới. Quay đầu nhìn lại Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nói tất cả pháp trong suốt 49 năm. Bồ Tát Long Thọ đọc xong trong vòng ba tháng, hoàn toàn thông triệt, quý vị xem có nhanh chẳng. Suốt đời chúng ta cũng không làm được, một bộ Đại Tạng Kinh cũng không thông suốt, nhưng Bồ Tát Long Thọ ba tháng là thông suốt tất cả kinh điển. Chúng ta có thể tin chẳng? Có thể, có trường hợp điển hình. Trong Lục Tổ Đàn Kinh nói về Lục tổ Huệ Năng là một ví dụ rất sống động. Thì ra học một bộ kinh, không cần xem hết từ đầu đến cuối, không cần như thế, xem vài chương là hiểu! Trong Pháp Bảo Đàn Kinh chép rằng, 28 phẩm Kinh Pháp Hoa, kinh văn rất dài. Đại sư Huệ Năng không biết chữ_Thiền sư Pháp Đạt đọc tụng Kinh Pháp Hoa hơn 3000 biến, 3000 biến là rất thuần thực, có thể đọc thuộc lòng. Đại sư Huệ Năng nói, ông đọc ta nghe thử. Kinh Pháp Hoa tất cả có 28 phẩm, thiền sư đọc đến phẩm thứ hai. Nghĩa là đại sư Huệ Năng nghe thiền sư đọc kinh, đọc đến phẩm thứ hai liền nói với ông ta không cần đọc thêm nữa, ta đã hiểu hết rồi. Như vậy, chúng ta tin, tất cả kinh điển Đức Phật Thích Ca thuyết trong 49 năm, Bồ Tát Long Thọ sau ba tháng là thông triệt, quả thật không sai. Mỗi bộ kinh ngài chỉ cần xem một hai trang là đủ, hiểu hết tất cả.

Lục tổ giảng giải Kinh Pháp Hoa cho Thiền sư Pháp Đạt, ông nghe xong lập tức khai ngộ, thiền sư Pháp Đạt khai ngộ. Thiền sư Pháp Đạt đọc tụng mười năm, 3000 biến phải mất 10 năm, đều không thể hiểu được nghĩa của nó. Khi nghe đại sư Huệ Năng giảng xong, ông lập tức hiểu rõ. Vì sao ông có thể hiểu rõ? Ông tuy chưa khai ngộ, nhưng đạt được Pháp Hoa tam muội. Trong tâm chỉ có Kinh Pháp Hoa, không có gì khác, đây là Pháp Hoa tam muội. Vì thế vừa giảng cho ông nghe, lập tức hoát nhiên đại ngộ, tức là minh tâm kiến tánh.

Suốt đời đại sư Huệ Năng, đệ tử của ngài minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, tất cả có 43 người, chưa từng có trong lịch sử. Trước đại sư Huệ Năng chưa có tình huống hưng thịnh như vậy, sau đại sư Huệ Năng cũng không có trường hợp này. Chúng ta thấy trong hội của một người trong đời, có năm người khai ngộ, đại triệt đại ngộ, nhưng rất ít. Đa phần đều là một hai người, có nhiều nhất là năm người. Quý vị xem, trong hội của ngài có 43 người, trước không có, sau cũng không có.

Phương pháp thì có, nhưng chúng ta cần phải biết áp dụng, phải tin vào cổ nhân, không nên tin vào ý của riêng mình. Tin vào ý mình, không tin cổ nhân, đó gọi là thiết thời ngay trước mắt_không nghe lời người đi trước, thiết thời ngay trước mắt. Kinh giáo đều là giáo huấn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, rất tuyệt vời. Vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na do tha kiếp trước, ngài đã thành Phật.

“Trong kinh lại nói, Phật Thích Ca và Phật Di Đà, từ vô lượng a tăng kỳ kiếp trước, đều là vương tử của Đại Thông Trí Thắng Vương Như Lai”. Phật A Di Đà là vương tử thứ chín, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là vương tử thứ 16. “Cho nên biết rằng A Di Đà Như Lai thành Phật cũng vô cùng lâu xa, tỳ kheo Pháp Tạng chính là từ quả hương nhân, từ bi thị hiện”. Bởi thế Pháp Tạng ở thế giới Cực Lạc, lần này là thị hiện thành Phật. Thật ra như Đức Phật Thích Ca mâu Ni thị hiện thành Phật ở địa cầu chúng ta, cách thức này đều giống nhau, từ kiếp lâu xa về trước đã thành Phật. Vẫn là một chu kỳ tuần hoàn. Chu kỳ tuần hoàn này, cũng như Phật pháp nói: Pháp vốn như vậy, rất tự nhiên. Không phải có sức mạnh nào đang thúc đẩy nó, có sự chi phối, không phải, tự tánh vốn như thế. Vấn đề này quả thật chỉ có chứng mới biết được, hiểu rõ một cách thấu triệt thông suốt. Điều này đợi chúng ta buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, vấn đề liền được giải quyết.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 165

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 13.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 191, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên. Từ “tín giải minh ký, tất giai đệ nhất”, xem từ câu kinh văn này.

Chú giải của Hoàng Niệm Lão: “Tín là tín thọ”, thọ là tiếp thu, sau khi tin phải tiếp thu. Nếu không tiếp thu, chưa thể gọi là tin. Đại Thừa Nghĩa Chương Nhị, nhị là quyển thứ hai nói: “Đối với Tam bảo vân vân tâm tịnh không nghi ngờ gọi là tín. Tân Dịch Hoa Nghiêm Kinh Lục nói: Tín là mẹ của mọi công đức, thị hiện khai phát đạo vô thượng”, ở giữa có tỉnh lược, chúng ta xem đoạn này trước.

Tu học Tịnh độ tông có ba điều kiện, chư vị tổ sư xưa nay gọi là ba nguồn tư lương. Thứ nhất là tín, thứ hai là nguyện, thứ ba là hạnh, hạnh nghĩa là thực hành. Tín đặt ở điều kiện đầu tiên, thế nào mới gọi là tín? Đại Thừa Nghĩa Chương nói câu này rất hay, tâm phải thanh tịnh không có nghi hoặc, vậy mới gọi là tín. Tin trong Phật pháp không giống niềm tin của các Tôn giáo khác. Thế gian rất nhiều Tôn giáo, họ cũng đặt niềm tin ở vị trí hàng đầu, nhưng niềm tin của họ, thứ nhất là tin thần, tin Thượng đế. Trong Phật pháp không như thế, Phật pháp đầu tiên là tin chính mình, hoàn toàn khác nhau.

Quý vị xem trong Di Đà Kinh Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích nói cho chúng ta về sáu loại tín. Thứ nhất là tin chính mình, tin bản thân là gì? Tín chính mình vốn là Phật. Nếu chúng ta không tin điều này, học Phật sao thành Phật được? Trong Tịnh độ tông lại càng đặc biệt, tin tự tâm tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tự tâm. Tịnh độ tức ở đây, ở đây tức là Tịnh độ. Quý vị có tín tâm này chăng? Không có niềm tin này, hèn gì niệm Phật không có cảm ứng, hèn gì niệm Phật không được tam muội. Bởi thế đầu tiên là tin chính mình, tiếp đến mới

tin Phật, đây là tin tha, tin Phật A Di Đà, tin Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đích thực có một người là Phật A Di Đà, đích thực có vấn đề này, chân thật không hư dối. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta, nếu không có ngài giới thiệu, chúng ta cũng không biết có thể giới Cực Lạc, cũng không biết có Phật A Di Đà. Đây là điều thứ ba- tin tha. Thứ ba là tin sự, đích thực có điều này. Thứ tư là tin lý. Thứ năm tin nhân. Thứ sáu tin quả. Chúng ta chỉ cần y theo lời dạy trong kinh điển, đạo lý, phương pháp, cảnh giới trong kinh điển, đây đều là nhân. Tinh tấn nỗ lực tu tập, vãng sanh nghĩa là chứng quả. Ngài Ngẫu Ích đã nói cho chúng ta sáu niềm tin này, không hề hoài nghi, sẽ có thành tựu. Nếu như có nghi hoặc, chúng tỏ niềm tin chúng ta không thanh tịnh, trong đó xen tạp nghi hoặc, xen tạp vọng niệm. Xen tạp vọng niệm, tâm không thanh tịnh. Không những Tịnh tông như vậy, mà tất cả Phật pháp đại thừa đều kiến lập trên niềm tin này, ta phát tâm tu học mới có thành tựu.

Kinh Hoa Nghiêm, Tấn Dịch là Lục Thập Hoa Nghiêm, trong quyển thứ sáu của Lục Thập Hoa Nghiêm nói: “Niềm tin là mẹ của mọi công đức”. Quý vị xem, niềm tin là nguồn gốc của học đạo, bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu học từ kiến lập tín tâm, đây là nguồn gốc của đạo. Vô lượng vô biên công đức của Chư Phật Bồ Tát, thành tựu từ đâu? Thành tựu từ niềm tin.

Câu sau cùng: “Thị hiện khai phát đạo vô thượng”. “Giải là liễu giải, thông suốt. “Khai giải”, đã khai ngộ. Ý của lĩnh ngộ thâm sâu hơn hiểu rõ, sau khi lĩnh ngộ thật sự hiểu rõ. Kinh Hoa Nghiêm lấy tín giải hành chứng làm cương yếu. “Vì thật sự tín giải mới có thể thật sự sanh khởi hành chứng”, quý vị thấy quan trọng biết bao!

Ngày nay chúng ta muốn vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, thế gian này có xảy ra thiên tai chẳng? Các nhà khoa học nói, vấn đề này, 50% nói có, 50% số người nói không. Họ đều có lý, đều nói rất có lý, chúng ta nên nghe ai? Như vậy chúng ta có rất nhiều nghi hoặc lo lắng. Chúng ta nghe xong đừng để những vấn đề này trong tâm, có cũng tốt, không có đương nhiên càng tốt. Vì sao nói có cũng tốt? Chúng ta dùng cách này để khuyến khích chính mình, cần phải trong hai ba mươi năm, tu thật tốt pháp môn niệm Phật. Tốt đến mức độ nào? Tốt đến có thể tự tại vãng sanh, muốn đi là đi, muốn ở là ở, đây không phải rất tự tại sao?

Thiên tai thật sự xảy ra, thiên tai này là cộng nghiệp chiêu cảm, thiên tai đã xảy ra. Rất nhiều người gặp nạn, nơi đến của mỗi người không giống nhau. Chúng ta tu thật tốt thế giới tây phương Cực Lạc, thiên tai xảy ra liên đến thế giới Cực Lạc, như vậy có gì không tốt? Ngày ngày hướng về thế giới Cực Lạc, ngày ngày nhớ đến Phật A Di Đà, chúng ta sẽ thấy được, cho nên đây là việc tốt. Không thì sao? Không, thì chúng ta ở lại thế gian thêm vài năm. Nên biết rằng, ở thêm vài năm, là nâng cao cảnh giới của chính mình. Trong kinh Đức Phật nói, tu hành một ngày ở thế giới Ta Bà, bằng thế giới Cực Lạc tu hành 100 năm. Vì sao vậy? Vì thế giới này không như thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc rất bình an, không có trắc trở. Thế giới này là sóng to gió lớn, nếu ta đầy đủ giới định tuệ, sẽ nâng cao rất nhanh. Nếu vẫn còn mang tập khí tham sân si sâu nặng, ta sẽ bị đọa lạc thật nhanh, lên nhanh xuống cũng nhanh. Thế giới Cực Lạc bình bình an an, cho nên sự tăng tiến rất chậm, lời Phật nói ở đây chúng ta cần phải hiểu. Nếu thiên tai này không xảy ra, chúng ta lưu lại thế gian này, cảnh giới tăng tiến thật nhanh, đến thế giới Cực Lạc phẩm vị rất cao. Nói tóm lại, phải buông bỏ nhân duyên của thế gian này, đừng lưu luyến, đừng để trong lòng, như vậy là đúng. Chúng ta thật sự khai giải, thật sự hiểu rõ. Tín giải thật sự, mới có thể sanh khởi hành chứng thật sự, chứng của Tịnh tông nghĩa là vãng sanh.

“Lại ghi nhớ rõ ràng, ký ức phân minh, đối với những pháp nghe được, ký ức không quên, rõ ràng phân minh, cho nên gọi là nhớ rõ”. Đây là nói rõ, Tỳ kheo Pháp Tạng trong hội Tự Tại Vương Phật, đích thực là tài cao trí tuệ đồng mãnh, thiện căn sâu dày, định tuệ hơn người, người bình thường không thể sánh được. Nghe kinh dạy học giống như Tôn giả A nan vậy, nghe qua một lần, ngài vĩnh viễn không quên, đây gọi là nhớ rõ, ký ức không quên. Người có năng lực này, mới có thể truyền thừa chánh pháp của Như Lai, hạng người này không nhiều. Trong hội của Phật chỉ có A nan, cho nên A nan phải gánh sứ mạng, sau khi Phật diệt độ kết tập kinh tạng. Lúc Thế Tôn tại thế giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm, không có văn tự. Chư vị nên biết, chư vị đồng học cũng không như hiện nay, dùng công cụ giấy bút để ghi chép, đều không có. Mà sau khi Phật diệt độ, mọi người cảm thấy giáo huấn của Thế Tôn, các đệ tử phải có trách nhiệm, đem nó lưu truyền cho hậu thế. Đây là Tôn giả Đại Ca Diếp, phát khởi sự nghiệp kết tập kinh điển lớn lao này. Do Tôn giả Ca Diếp chủ trì công việc này, Tôn giả A nan đảm nhiệm trùng tuyên. Trí nhớ của ngài A nan cực kỳ tốt, theo Phật thời gian dài, mỗi bài thuyết pháp của Phật ngài đều tham dự. Bởi thế có người nói, ngày Tôn giả A nan ra đời, là ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo. Tôn giả A nan 20 tuổi xuất gia, làm thị giả cho Đức Thế Tôn. Kinh điển 20 năm trước Đức Phật giảng, ngài không nghe được. Chư vị nên biết, 20 năm này, những kinh điển mà Đức Phật giảng dạy gồm A hàm 12 năm, Phương đẳng tám năm, là 20 năm. Tôn giả A nan tham dự nghe kinh, lúc đó Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh gì? Giảng Bát nhã. Đến thời kỳ thứ ba, Đức Phật giảng Bát nhã 22 năm. Vậy kinh tạng tiêu thừa, tôn giả A nan làm sao kết tập? Trong kinh này cũng có nói, Tôn giả A nan xuất gia có đưa ra điều kiện với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trong điều kiện có điều này: Tất cả kinh điển Đức Thế Tôn giảng trước đây, ngài chưa được nghe, hy vọng Đức Thế Tôn nói cho ngài nghe lại một lần, có điều kiện này, dạy bù cho ngài A nan. Chúng ta có lý do tin rằng, ngài A nan có trí nhớ tốt như vậy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là bậc viên thành Phật đạo, đương nhiên cũng có năng lực này, điều này có thể tin. Khi không có người thỉnh pháp, Đức Thế Tôn giảng lại cho ngài A nan nghe những kinh đã giảng trước đó, đây gọi là nhớ rõ.

Bên dưới nói: “đều là đệ nhất”. Niềm tin của ngài đệ nhất, hiểu đệ nhất, trí nhớ đệ nhất, ngài đều là đệ nhất. Đều là đệ nhất, trong chú giải có hai cách nói. “Thứ nhất, chí cao vô thượng, không ai có thể vượt qua”, trong hàng đệ tử không ai sánh được với ngài. “Thứ hai, những gì ngài tin, hiểu, khế nhập, đều khế nhập đệ nhất nghĩa đế, nên gọi đều là đệ nhất”, ý này rất sâu sắc. Đây là các bậc tổ đức xưa nay thường hay nói “tiêu quy tự tánh”, những gì ngài tin, hiểu, nghe được đều có thể trở về tự tánh. Đó không phải là nghe bình thường, ngài tương ứng với chân như tự tánh.

Chúng ta đọc những kinh văn ở trước và khai khệ của tổ sư đại đức, chúng ta có lý do tin rằng, vì ở trước nói rất rõ ràng. Tỳ kheo Pháp Tạng không phải người bình thường, là pháp thân Bồ Tát tái sanh, đương nhiên ngài có năng lực này, chúng ta có thể tin điều này.

Xem tiếp kinh văn bên dưới, đây vẫn là chú thích: “Lại có hạnh nguyện thù thắng và niệm huệ lực, tăng thượng tâm này, kiên cố bất động”. Mấy câu này là hạnh nguyện tinh tấn, tu hành của ngài, hồng nguyện của ngài rất thù thắng. Bồ Tát không vì bản thân, mà vì ai? Chuyên vì chúng sanh khổ nạn trong lục đạo, phiền não tập khí vô cùng sâu nặng, không dễ học Phật. Muốn khai ngộ, nói thật phải cần thời gian rất dài. Tỳ kheo Pháp Tạng trong lúc tìm phương pháp, dùng phương pháp gì, có thể dạy những chúng sanh này sớm ngày thành tựu. Thực tế mà nói, vấn đề này tất cả chư Phật đều luôn để tâm đến, nhưng không nghĩ ra

phương pháp. Trong kinh điển thường nói: Tâm, Phật và chúng sanh, tam vô sai biệt, sức mạnh này ngang nhau. Tâm chúng ta có thể tương ứng với Phật, như vậy là có cách. Nếu chúng ta tương ứng với những tập khí phiền não của tất cả chúng sanh, đó quả thật gọi là vô lượng kiếp, không có ngày ra khỏi luân hồi. Ba sức mạnh này phải bằng nhau, xem chúng ta kết hợp với sức mạnh nào. Khi kết hợp với tập khí phiền não của tất cả chúng sanh những gì trong kinh nói không phải để làm khiếp sợ người khác, mỗi câu Đức Phật nói đều là thật, phải trôi lăn trong luân hồi vô lượng kiếp, luân hồi khổ quá! Sanh đến cõi trời, giống như thở một hơi thở, chưa thở hết hơi thở lại bị đọa lạc. Lăn này đọa lạc, đến khi nào mới ra khỏi được, quả thật không đơn giản.

Trước đây thầy Lý nói với chúng tôi, thực tế thời gian không phải là định pháp. Thầy nói với chúng ta về địa ngục, một ngày ở địa ngục là nhân gian bao nhiêu năm? 2700 năm, một ngày ở địa ngục là 2700 năm của nhân gian. Lịch sử Trung quốc hiệu xưng 5000 năm, ở trong địa ngục chưa đến hai ngày. Quý vị sẽ cảm thấy rất đáng sợ! Địa ngục có rất nhiều loại, thời gian dài ngắn đều không nhất định. Trong kinh điển chúng ta thấy nói rất nhiều đều là sự thật, xem là tên địa ngục nào, Đức Phật tuyệt đối không vọng ngữ. Cho nên hiểu rõ chân tướng sự thật, không thể ở trong lục đạo, cần nhanh chóng xa lìa!

Thảm họa năm 2012 là cơ hội rất khó được, đối với người tu học pháp môn Tịnh độ mà nói, là thời khắc để thành tựu. Chúng ta phải định ngày vãng sanh vào ngày 21 tháng 12 năm 2012, chúng ta định vào ngày này, tự tại biết bao! Như vậy tâm sẽ an, tâm cũng định, nhất định phải thành tựu, không được có tâm cầu may. Chân thành nhất tâm niệm Phật, buông bỏ vạn duyên. Quý vị xem người nào khi chết, có thể mang theo được vật gì? Không mang theo được gì cả, đến thân này cũng không mang theo được, huống gì là vật ngoài thân! Có thể không buông bỏ ư? Buông bỏ nghĩa là hoàn toàn không vướng bận, không có ưu tư, không hề lưu luyến. Niệm Phật như thế, chính là đại sư Thiện Đạo nói: “vạn người tu vạn người đi”, không sót một ai. Còn ở thế gian này, mỗi niệm là Phật A Di Đà, chúng ta cũng không quên, niệm niệm giúp chúng sanh đau khổ. Tùy duyên mà không phan duyên, có nhân duyên giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Rốt ráo lìa khổ được vui, chính là niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, đây thật sự là cứu cánh viên mãn.

Hạnh nguyện thù thắng, “thù thắng là thuật ngữ Phật giáo”, Phật giáo gọi là thù thắng. Thù là gì? Là đặc thù, đặc biệt. Thắng là vượt qua, siêu việt. “Là việc siêu phàm tuyệt tục, thế gian hy hữu”, đây gọi là “thù thắng”. “Hạnh nguyện” của Pháp Tạng, “thân hành và tâm nguyện hỗ tương lẫn nhau”. Thân hành và tâm nguyện của ngài hoàn toàn tương đồng, chứ không phải như một số người học Phật, gọi là khẩu thị tâm phi. Miệng nói một đường tâm nghĩ một nẻo, như vậy học Phật rất khó. Trên miệng niệm Phật A Di Đà, tâm vẫn lưu luyến thế gian này, không buông được tài sắc danh thực thù, như vậy sao được? Không thể vãng sanh! Phải buông bỏ tất cả, tâm địa thanh tịnh, sanh đại hoan hỷ.

“Bồ Đề Tâm Luận nói: Người cầu bồ đề, phát tâm bồ đề, tu tâm bồ đề”. Mấy câu này nói rất hay, phát tâm thì cần phải tu, nếu không tu vĩnh viễn không đạt được tâm bồ đề. Tâm bồ đề là gì? Theo trong kinh luận nói, hai tiếng đồng hồ cũng không nói hết, chúng ta nói một cách giản lược.

Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói về tâm bồ đề: “Chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm”. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: “Trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm”, hợp kinh luận lại xem sẽ dễ hiểu hơn. Tâm chí thành, chân thành đến cực điểm, thuận chân vô vọng, tâm này là thể của tâm bồ đề, đó là gì? Chính là tự tánh, A lại da là vọng tâm,

ta mới biết chân tâm rất khó! Nói cách khác, tâm mà lục đạo và tứ thánh pháp giới dùng, không phải tâm bồ đề. Nếu người phát tâm bồ đề, tu tâm bồ đề, họ dùng tâm bồ đề sẽ vượt khỏi mười pháp giới.

Ai có tâm bồ đề? Trong Kinh Hoa Nghiêm nói, Viên giáo sơ trụ Bồ Tát trở lên là tâm bồ đề, khó! Đã phát tâm bồ đề, làm sao để tu tâm bồ đề? Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, gọi là tu tâm bồ đề. Tâm bồ đề là chân tâm vốn có của chúng ta, vốn có hiện nay nó có chăng? Có, tuy bây giờ có, nhưng nó bị chướng ngại, biến chất, chân tâm biến thành vọng tâm, nghĩa là biến thành vọng tưởng phân biệt chấp trước. Vọng tưởng là A lại da, phân biệt là đệ lục Ý thức, chấp trước là Mạt na thức, biến chất. Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, gọi là tu tâm bồ đề, không phải người bình thường có thể làm được, Viên giáo sơ trụ Bồ Tát mới làm được. Vậy A la hán có tâm bồ đề chăng? Không có, tiểu thừa Bích Chi Phật cũng không có, Quyền giáo Bồ Tát cũng không có. Quyền giáo Bồ Tát là Phật Bồ Tát trong mười pháp giới, đều không có.

Nhưng nguyện của tỳ kheo Pháp Tạng quả thật rất thù thắng. Ngài dạy chúng ta không đoạn những phiền não này, cũng là tâm bồ đề! Điều này rất đặc biệt, đúng là rất đặc thù! Vậy là sao? Trong Di Đà Kinh Yếu Giải đại sư Ngẫu Ích nói: Chỉ cần ta chân thật phát tâm, nguyện sanh Tịnh độ, thật thà niệm Phật, tâm này chính là tâm vô thượng bồ đề. Đại sư Ấn Quang đối với câu nói này khen ngợi hết lời, nói rằng đại sư Ngẫu Ích nói quá hay. Các bậc cổ đức xưa nay chưa ai nói như vậy, chỉ có đại sư Ngẫu Ích nói ra.

Quý vị xem, rất nhiều ông bà cụ, từ sáng đến tối niệm Phật A Di Đà, lúc lâm chung biết trước giờ đi, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh. Nói với mọi người, Phật A Di Đà đã đến, tôi thấy rồi, giờ tôi phải đi theo ngài, họ đi thật. Đến thế giới tây phương Cực Lạc đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, không phải là phát tâm đại bồ đề ư? Tuyệt diệu! Không phải giả! Đây là hạnh nguyện vô cùng thù thắng của Phật A Di Đà, Chư Phật Như Lai đều không có, đến thế giới Hoa Tạng cũng không có. Đây là hiển thị sự thù thắng của Tịnh độ tông.

“Phát là tín nguyện, tu tức là hành”. Đây là nói ra ba điều kiện quan trọng: Tín nguyện hạnh. “Tín nguyện hạnh ba món tư lương”. Tư lương là ngày xưa đi du lịch, ra ngoài đi du lịch, phải mang theo một ít tiền tài, đó là tư. Ngày trước là mang theo một ít tiền, vàng bạc, đi trên đường cần dùng, còn phải mang theo lương thực. Bây giờ không cần thiết, bây giờ có nhà trọ, có khách sạn, không cần mang theo lương thực, chỉ cần có tiền là được. Cho nên nói chỉ cần dùng tư, không cần dùng lương, tiện lợi hơn ngày xưa nhiều. Tín hạnh nguyện ví như tư lương cần dùng, cần chuẩn bị khi đi du lịch. Nếu không có tư lương, thì mọi thứ đều không tiện lợi.

“Ba loại này như đỉnh ba chân, thiếu một cũng không được”. Ba điều kiện này không thể thiếu điều nào. Tín là điều đầu tiên, sau khi có niềm tin phải có nguyện, nguyện sanh Tịnh độ. Đại sư Ngẫu Ích nói rất hay: Vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, chúng ta đi được hay không, “tất cả đều do có tín nguyện hay không”, chỉ cần có tín có nguyện là có thể vãng sanh. Bởi thế khi lâm mạng chung, một niệm, mười niệm đều vãng sanh thế giới Cực Lạc. Hai chữ tín nguyện liên quan đến việc ta vãng sanh hay chăng, vì thế chúng ta phải tin sâu nguyện thiết, thật sự muốn đi. Hạnh là công phu niệm Phật, đại sư Ngẫu Ích nói rất hay: Sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, phẩm vị cao thấp đều do công phu niệm Phật sâu hay cạn. Công phu niệm Phật sâu thì phẩm vị cao, công phu niệm Phật cạn phẩm vị sẽ thấp, liên quan đến phẩm vị. Quý vị xem ngài không nói niệm Phật nhiều hay ít, không nói một ngày niệm mấy vạn câu Phật hiệu, không nói như vậy. Là do công phu sâu hay cạn. Công phu là gì?

Công phu nghĩa là chúng ta niệm sạch vọng tưởng, tạp niệm, đó là công phu. Khi niệm Phật trong tâm không có hoài nghi, không có tạp niệm, không có gián đoạn, đây là công phu. Chư vị nên nhớ, trong tâm danh hiệu Phật không gián đoạn, không phải chỉ niệm bằng miệng. Miệng ngừng niệm không sao, Phật trong tâm không được gián đoạn. Có người hỏi, Phật trong tâm và Phật trên miệng có gì khác nhau? Có một số người nói, miệng tôi không niệm, thì Phật trong lòng cũng quên. Nói thật, miệng có mà trong tâm không có, tức không có Phật, quan trọng nhất là trong tâm có Phật.

Trong Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương nói: Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại tương lai nhất định thấy Phật. Niệm này là trong tâm có. Quý vị xem, chữ niệm này là chữ hội ý, ở trên là kim, kim là ngày hôm nay, bên dưới là tâm. Nghĩa là tâm bây giờ, cái tâm hiện tiền, trong tâm thật có, gọi là niệm, trong tâm không có, không gọi là niệm. Chỉ niệm bằng miệng thôi chưa đủ.

Cổ nhân có câu nói rất hay: Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, trong tâm suy nghĩ lung tung. Hết rách cổ họng cũng chỉ uổng công, một ngày dù niệm thật nhiều cũng vô dụng, quan trọng nhất là trong tâm thật có. Vì thế chúng ta phải đem tâm này, để Phật A Di Đà vào trong tâm. Ý nghĩa này rất khó lãnh hội, chúng tôi dùng một ví dụ để quý vị dễ hiểu.

Ngày xưa có một năm tôi ở Đài Loan, ở thư viện Cảnh Mỹ, là chuyện trước đây. Năm mới, có một vị Phật tử, là người thường đến học Phật ở thư viện chúng tôi, đến chúc tết, nói rằng. Bà nói, thầy Tịnh Không, công phu niệm Phật của con bây giờ không tệ. Tôi nói, tốt quá! Bà nói, con buông bỏ được tất cả, chỉ có cháu chắt không buông được. Quý vị xem bà ta nói, không buông bỏ được cháu chắt. Tôi nói với bà, bà có thể đem Phật A Di Đà thay thế vị trí của con cháu bà, như vậy bà sẽ thành công. Quý vị xem, bà không phải ngày nào cũng nhớ cháu chắt, mà ngày nào cũng niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, nhưng trong lòng vẫn luôn nghĩ đến cháu chắt. Trong tâm có cháu chắt, đó là vật chướng ngại Phật A Di Đà. Bản thân nói công phu không tệ, vẫn không được, còn cách một tầng. Trong tâm có, miệng không có, chân công phu! Miệng bà không nhắc đến cháu chắt, nhưng trong tâm bà có.

Từ ví dụ này, chư vị có thể lãnh hội được, trong tâm thật sự có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra không còn niệm nào khác. Dù không niệm một câu Phật hiệu nào, nhưng lại là chân niệm Phật, vắng sanh tuyệt đối không có vấn đề gì, không cần người trợ niệm. Đây là điều chúng ta cần phải học, niệm là tâm bây giờ, không phải chỉ niệm bằng miệng.

Chúng ta xem tiếp: “Di Đà hiệu là đại nguyện vương, pháp môn Tịnh độ toàn nương vào nhất thừa nguyện hải của Phật Di Đà, lấy tín nguyện trì danh làm tôn chỉ”. Một đời của đại sư Ấn Quang giáo hóa chúng sanh, “thật thà trung hậu, làm hết trách nhiệm, không tà ngụy luôn chân thành, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh độ”. Mấy câu này là truyền tâm pháp yếu của tổ sư Ấn Quang. Có người nói đại sư là Bồ Tát Đại Thế Chí tái sanh, quý vị xem truyền tâm pháp yếu của ngài, ngài rất tương ứng với Bồ Tát Đại Thế Chí. Đúng là nhớ Phật niệm Phật, hiện tại tương lai nhất định thấy Phật, không tạp niệm, không hoài nghi. Niềm tin của chúng ta phải như vậy mới được, phải phát nguyện như vậy mới được, làm gì có chuyện không vắng sanh!

48 nguyện của Phật A Di Đà đúng là đại nguyện vương, đích thực vượt qua tất cả Chư Phật Như Lai. Chư Phật Như Lai đoạn tận tập khí phiền não, không có ngạo mạn, không có đồ kỵ. Chư Phật Như Lai nghe nói Phật A Di Đà kiến lập thế giới Cực Lạc, không có vị Phật nào không khen ngợi, không ai không hoan hỷ. Đều đem những học sinh khó giáo hóa của mình đưa đến thế giới Cực Lạc. Nghiệp chướng quá nặng, tập khí quá nặng, ở trong hội của

chư Phật không cách nào khai ngộ. Phải làm sao? Đều đưa họ đến thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà có phương pháp, thu nhận hết những người này. Bởi thế Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc, thu nhận những học trò đều là những người khó giáo hóa nhất. Chư Phật Như Lai không giáo hóa được, đều đưa đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta phải hiểu chân tướng sự thật này. Chúng ta ở nơi thế giới Ta Bà này, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không dạy được chúng ta. Trong hội của Phật Thích Ca, đừng nói là thành đạo Bồ Tát, đến sơ quả chúng ta cũng không đạt được. Đây không phải là khó giáo hóa nhất ư? Vì thế Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh độ, đưa chúng ta đến thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc, thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rất thương yêu chúng ta, chúng ta phải cảm ân ngài. Cho nên khi nhân duyên thuận thực, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này, truyền thọ pháp môn này, hiện tướng vô cùng hoan hỷ. Đoan tướng hy hữu, toàn thân phóng quang, sanh đại hoan hỷ! Khi giảng tất cả kinh điển, xưa nay chưa từng có hỷ duyệt như vậy, vì sao thế? Vì pháp môn này phổ độ tất cả chúng sanh, phổ độ viên mãn ba căn thượng trung hạ. Quả đúng là đức Phật thị hiện thuyết pháp trong suốt 49 năm, bộ kinh này là kinh điển bậc nhất trong tất cả các kinh, ở trước chúng ta đều đã học. Đối với năng lực và tác dụng của kinh điển mà nói, đây là kinh điển bậc nhất, vượt qua Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa là độ hàng thượng thượng thừa, hàng thượng trung hạ đều không có phần. Pháp môn niệm Phật này, hàng hạ hạ căn đều được độ, rất tuyệt! Bởi vậy đời này chúng ta gặp được, phải biết rằng mình may mắn, đạt được quả thật không dễ! Trong đời này phải thành tựu, mới không có lỗi với Phật A Di Đà, không có lỗi với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Không thể thành tựu, có lỗi với bản thân, sao có thể bỏ qua cơ hội ngay trước mắt! Cơ hội tốt đến thế, lần này bỏ lỡ, lần sau gặp lại không biết đến đời nào kiếp nào? Chúng ta mới biết thân người khó được, Phật pháp khó nghe, vì thế tuyệt đối đừng bỏ qua cơ hội. Pháp môn Tịnh độ hoàn toàn dựa vào nhất thừa nguyện hải của Phật A Di Đà, nghĩa là hoàn toàn nương vào 48 nguyện của Phật A Di Đà. Nhất thừa nghĩa là gì? Nhất thừa là thành Phật, không phải thành Bồ Tát. Cho nên vãng sanh về thế giới Cực Lạc là thành Phật, A Duy Việt Trí Bồ Tát là thành Phật.

Trong Thiên tông của đại thừa nói: “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Bất kỳ ai, chỉ cần sanh đến thế giới Cực Lạc, tuy họ chưa minh tâm kiến tánh cũng giống như minh tâm kiến tánh, quả là hy hữu! Điều này trong cõi nước của tất cả Chư Phật không có, Nguyện lực của Phật A Di Đà gia trì, giúp họ, khiến trí tuệ, đức năng, đạo lực, tướng hảo, thần thông hoàn toàn bình đẳng với Bồ Tát minh tâm kiến tánh. Nên nhớ, là nhờ Phật A Di Đà gia trì, không phải do ta chứng được, vì ta chưa đoạn được tập khí phiền não. Cho nên đây là nhất thừa nguyện hải. Điều kiện, điều kiện tu học chính là tín nguyện trì danh, trì danh nghĩa là thọ trì danh hiệu, công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn!

“Cho thấy chữ nguyện, quả thật là then chốt của tự giác giác tha”. Chữ nguyện này là nói nguyện của Phật A Di Đà, nguyện của chúng ta phải tương ưng với nguyện của Phật A Di Đà. Ngày nay vì sao chúng ta cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc? Không phải vì mình, là vì giác tha. Chúng ta ngưỡng mộ trí tuệ đức năng của Phật A Di Đà, chúng ta cũng hy vọng giống như Phật A Di Đà, phổ độ lục đạo chúng sanh, trong cõi nước của tất cả chư Phật khắp biến pháp giới hư không giới. Chúng ta muốn là điều này, làm sao để giúp được họ? Học Phật A Di Đà tức là giúp họ. Vì vậy chúng ta phải học Phật A Di Đà, đến thế giới Cực Lạc trước, tu học với Phật A Di Đà. Sau khi thành tựu, giúp Phật A Di Đà. Quý vị xem, đồng tâm

đồng nguyện với Phật A Di Đà, cho nên Phật A Di Đà dùng đức năng trí tuệ gia trì cho chúng ta.

Đến thế giới Cực Lạc, khi nào ta mới có thể cảm ứng đạo giao với mười phương thế giới? Đến thế giới Cực Lạc phải học bao lâu, mới có thể giống như chư vị đại Bồ Tát, chúng sanh có cảm, họ liền có ứng? Nói cho chư vị biết, đến thế giới Cực Lạc, liền có năng lực này. Chúng sanh mười pháp giới có cảm, quý vị liền ứng ngay, dù quý vị là cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh. Vì sao nói quý vị có năng lực này? Vì trong bốn nguyện Phật A Di Đà có, sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, không nói là phẩm vị nào. Chỉ cần sanh đến thế giới Cực Lạc, họ chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát, nếu chúng sanh ở thế gian này có duyên, Bồ Tát có thể thị hiện thân Phật. Cần dùng thân Phật để độ thoát, tức hiện thân Phật mà thuyết pháp cho họ, họ có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Quý vị xem, đến thế giới Cực Lạc, liền có năng lực này, hoàn toàn là sự thật. Chúng ta không được hoài nghi, hoài nghi là sai, hoài nghi là phiền não, là tham sân si mạn nghi. Không phải nói điều gì khác, là đối với Phật, đối với kinh điển, đối với tin nguyện của chính mình có hoài nghi, đó là tạo thành chướng ngại. Vì sao chúng ta cần thảo luận những kinh giáo này? Chỉ có một mục đích, nó có thể giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín, vì vậy mới nghiên cứu kinh giáo. Có thể thấy máu chốt của tự giác giác tha, chữ nguyện này là then chốt của tự hành hóa tha.

“Đại nguyện có thể sanh đại lực”, câu này các nhà khoa học hiện đại cũng đã nói. Chúng ta phát đại nguyện này, không những có thể thành tựu chính mình, cũng có thể giúp đỡ người khác.

Hiện nay xã hội động loạn, thiên tai dồn dập, các nhà khoa học đưa ra một khẩu hiệu: “Tôi có thể làm được”. Làm được điều gì? Cứu mình, cứu gia đình, cứu xã hội, cứu quốc gia, cứu thế giới, cứu địa cầu. Tôi có thể, phải tin vào chính mình. Đây là thật, không phải giả. Chỉ cần chúng ta thường nghĩ như vậy, đừng nghĩ cho bản thân. Nghĩ càng lớn, sức mạnh sẽ càng lớn. Chúng ta nghĩ đến xã hội trên toàn thế giới, nghĩ đến toàn nhân loại, nghĩ đến toàn bộ địa cầu. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến những vấn đề đó, tâm lượng sẽ lớn lao, tâm thái lập tức thay đổi. Đừng nghĩ đến bản thân, bản thân tự nhiên bào hàm trong đó.

Ở đây chúng ta thấy tỳ kheo Pháp Tạng, ngài là tấm gương tốt cho chúng ta. Ngài không nghĩ đến bản thân, kiến lập thế giới Cực Lạc không phải vì tự thọ dụng, hoàn toàn vì tha thọ dụng. Giống như thành lập một trường học, là giúp tất cả chúng sanh, không phải vì chính mình. Pháp môn phương tiện xảo diệu nhất, quý vị xem dùng bốn chữ A Di Đà Phật làm phương tiện tiếp dẫn, kỹ xảo tiếp dẫn, phương pháp tiếp dẫn.

Ai không biết niệm câu A Di Đà Phật? Trẻ con ba tuổi đều biết niệm, quý vị xem phương tiện biết bao. Chỉ cần ta tin tưởng, chỉ cần ta phát tâm, nguyện từ bỏ thế giới Ta Bà này, nguyện sanh Tịnh độ. Không từ bỏ, không buông bỏ thế gian này, không về được Tịnh độ. Thật sự buông bỏ, ở thế gian này làm gì? Tích lũy công đức. Thế nào là tích lũy công đức? Toàn tâm toàn lực phục vụ cho tất cả chúng sanh khổ nạn. Tôi còn ở thế gian một ngày, thì làm việc này một ngày, đây gọi là công đức, giúp quý vị nâng cao phẩm vị.

Tuy phục vụ cho tất cả chúng sanh, nhưng tâm luôn thanh tịnh, tâm là tâm Phật, tuyệt đối không có chút danh vãng lợi dưỡng nào. Không được có ý niệm này, cũng đừng nghĩ đến thành công hay thất bại. Không có thành công hay thất bại, không vì tôi, tôi làm gì có thành công hay thất bại? Làm tốt điều này, chúng sanh có phước. Làm không tốt, phước báo của họ khiêm khuyết một chút, không liên quan gì đến mình, không có chính mình! Thường nghĩ tôi

là người của thế giới Cực Lạc, đến đây để tham quan du lịch, lúc nào cũng có thể ra đi. Quý vị xem tự tại biết bao! Không được ở đây lâu, ở lâu là trôi lăn trong luân hồi.

“Nguyện lớn có thể sanh lực lớn, cho nên đối với niệm tuệ lực đều làm tăng thượng nhân duyên”. Chịu niệm Phật A Di Đà chính là trí tuệ, chịu niệm Phật A Di Đà tức là nguyện lực. Một mà ba, ba mà một. Không niệm Phật A Di Đà không có trí trí tuệ! Quý vị thử nghĩ xem, nếu không niệm Phật A Di Đà, mà tụng đọc Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, đọc Kinh Đại Bát Nhã, có trí tuệ chăng? Hầu như có trí tuệ, đúng vậy. Nhưng quý vị đọc suốt một đời, đến Tu đà hoàn đều không chứng được. Quý vị niệm Phật A Di Đà, niệm hai ba năm liền đến thế giới Cực Lạc làm Phật. Quý vị nói ai có trí tuệ? Bởi vậy tuyệt đối không được coi thường các ông bà cụ, chúng ta gặp các ông bà cụ cũng đánh lễ, không bằng họ, trí tuệ của họ mạnh hơn chúng ta. Chúng ta bình tĩnh quan sát sẽ hiểu rõ, chúng ta làm sao sánh được với họ? Thấy họ đi thành Phật, chúng ta có thể không đánh lễ được chăng? Có thể không tôn trọng ư?

“Tịnh Ảnh Sớ nói: Khởi nguyện tu hành, gọi là nguyện lực”. Nguyện này thúc đẩy ta tinh tấn tu hành. Ngày nay chúng ta niệm Phật, trên tay cầm tràng hạt. Các bậc cổ đức dạy chúng ta: Miệng niệm Phật không gián đoạn, tay lần tràng hạt cũng không gián đoạn, trong này có ý nghĩa rất thâm sâu. Không những là tự hành, còn có thể hóa tha, làm gương tốt cho chúng sanh. Người ta nhìn thấy, biết người này đang niệm Phật. Thấy lâu ngày, họ cũng muốn niệm Phật, quý vị đã lây truyền sang họ, dụng ý thật sự là đây. Khuyên người niệm Phật, không cần dùng ngôn ngữ. Chúng ta làm như vậy, chính là khuyên người niệm Phật.

Bên dưới Hội Sơ nói: “Nguyện lực, tứ hoằng thệ nguyện có thể sanh vào cõi nước Tịnh độ của Phật, thành tựu chúng sanh”. Hoằng là lớn, tất cả Chư Phật Như Lai thường hay phát đại nguyện khi còn ở nhân địa. Tập hợp tất cả những đại nguyện này lại, đưa ra một cương lĩnh chính là bốn điều này, 48 nguyện của Phật A Di Đà cũng không ra khỏi bốn điều này. Cho nên tứ hoằng thệ nguyện là đại nguyện căn bản của tất cả Bồ Tát tu hành thành Phật. Chúng ta phải thường nghĩ, thứ nhất là phát tâm, đầu tiên chính là phát nguyện, đó tức là tâm bồ đề. “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, đây nghĩa là phát tâm bồ đề. Chúng ta phát tâm thành Phật là vì điều gì? Chính là vì nguyện độ tất cả chúng sanh, không vì chính mình, là vì độ chúng sanh. Muốn độ chúng sanh, trước tiên phải độ chính mình, chính mình chưa thành tựu, không thể độ chúng sanh. Muốn thành tựu bản thân, trước phải thành tựu đức hạnh của mình. “Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”, đây là thành tựu đức hạnh, có phiền não là không được. Làm sao để đoạn phiền não? Trì giới định tuệ, mới có thể đoạn phiền não.

Cho nên ngày nay Phật giáo trên toàn thế giới, Phật giáo đã suy yếu, suy yếu đến cùng cực, nguyên nhân gì? Có người học Phật, không ít người nghiên cứu kinh điển, nhưng không giữ giới luật. Cổ đức nói rất hay: Không có giới luật, Phật pháp sẽ không còn. Lễ không có, Nho giáo không còn. Không có nhân quả, Đạo giáo không còn. Từ đây mà nói, ngày nay Nho Thích Đạo đều không còn. Chúng ta muốn đời nay có một chút thành tựu, thật sự vãng sanh thế giới Cực Lạc, ba nền tảng này rất quan trọng! Bất luận là vì mình hay là vì chánh pháp cứu trú, đều phải thực hành nó, thực hành ba nền tảng này. Người bây giờ phải dùng thân giáo, ngôn giáo không có hữu hiệu, họ không tin. Phải làm cho họ thấy, mới có thể cảm động người khác, cho nên điều này quan trọng.

Cổ đức dạy chúng ta “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, là dạy điều gì? Nghĩa là dạy phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, là dạy điều này, không phải điều ở sau. Đoạn tận phiền não, ta mới học pháp môn, vì sao vậy? Vì đoạn tận phiền não là đã khai ngộ, không

phải giống như Bồ Tát Long Thọ ư? Giống đại sư Huệ Năng ư? Pháp môn học như thế nào? Nghe là được. Học tập kinh giáo, lật xem vài trang, ở sau đều hiểu hết, quá siêu việt! Cho nên phiền não vô tận thế nguyện đoạn là giới định, pháp môn vô lượng thế nguyện học là trí tuệ phát.

Trong Phật pháp, tông môn đi theo con đường này, trí tuệ chưa khai không được xem kinh. Vì sao vậy? Nó gây nhiễu loạn, tâm không tịnh, nên không xem kinh. Sau khi trí tuệ khai mới xem kinh, gọi là ngộ rồi mới tu. Khác với Giáo môn, giáo môn là đối với hàng căn cơ trung hạ, Tông môn là đối với bậc thượng thượng căn. Bậc thượng thượng căn sẽ thành tựu ngay trong đời này, minh tâm kiến tánh. Hàng thượng căn học, chưa chắc có thể khai ngộ. Cũng có ngộ, nhưng là tiểu ngộ, đại ngộ, không thể đạt được đại triệt đại ngộ. Cho nên Giáo môn rất rộng, vì sao? Hàng trung hạ căn rất nhiều, chiếm tuyệt đại đa số.

Phương pháp của nó, thực tế thì hoàn toàn tương đồng với nguyên lý của Thiền. Quý vị xem, dạy quý vị mười năm nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, quý vị sẽ hiểu được ý của nó. Mười năm chuyên tu một bộ kinh không thay đổi, vì sao vậy? Như vậy dễ được định. Nếu học nhiều thứ, tâm sẽ không chuyên. Không để quý vị học nhiều thứ, chỉ được chuyên chú vào một bộ kinh. Khi đạt được định, trí tuệ khai, mới cho phép ta học rộng nghe nhiều. Giáo môn khác với tông môn, Tông môn nghiêm khắc, chưa khai ngộ tuyệt đối không được học nhiều thứ. Trong giáo môn, đại khái đến giai đoạn đại ngộ, lúc này ta có thể tham cứu kinh điển, tích tiểu ngộ thành đại ngộ, vừa xem liền có thể quán thông, một kinh thông tất cả kinh thông.

Thật sự thực hành một cách triệt để là tông môn, nhưng phương pháp của tông môn quá nghiêm khắc, rất nhiều người không chịu được. Không phải bậc thượng thượng căn, một đời không thể đại triệt đại ngộ. Quý vị xem, trong hội của đại sư Huệ Năng, trong Thiền tông quả thật là bậc nhất, 43 người khai ngộ, chưa từng có trong lịch sử. Trước đại sư Huệ Năng không có, sau đại sư Huệ Năng cũng không có. Một vị tổ sư trong một đời giáo hóa, trong hội ngài có một hai người khai ngộ đã là quá tốt. Đại đa số là gì? Đại đa số về sau đều không có, về sau không có người kế thừa, số ít là đơn truyền cho một người. Đây là chân tướng sự thật phơi bày trước mắt chúng ta.

Quý vị xem Ngũ Đăng Hội Nguyên, có 1700 công án. Trong này ghi chép, tức là trong hơn 1000 năm nay, có 1700 người khai ngộ. Trong Truyền Đăng Lục cũng ghi chép những câu chuyện này. Bởi thế chúng ta dự đoán, bao gồm cả đại thừa, mỗi người trong giáo môn đại khai viên giải. Như đại sư Ngẫu Ích, đại sư Huyền Trang, những người này đều là Giáo môn, Tịnh độ tông là lý nhất tâm bất loạn. Phật giáo truyền đến Trung quốc 2000 năm, chắc có khoảng hai ba ngàn người, kế nhập cảnh giới này. Đặc biệt là pháp môn niệm Phật, người đạt được trình độ này rất nhiều! Là những người niệm Phật vãng sanh, vãng sanh tức là thành Phật. Nhất định chúng ta phải hiểu điều này, đây là con đường nhanh chóng thành tựu.

Bởi vậy không phải thiện căn sâu dày, trí tuệ chân thật, làm sao họ tin được? Là pháp khó tin, khó tin dễ hành. Rất dễ tu, rất dễ thành tựu, dễ hơn bất kỳ pháp môn nào. Nếu nói tám vạn pháp môn dễ tu, pháp môn này dễ nhất, không có pháp môn nào dễ hơn, mà thành tựu còn rất cao, cao đến khiến người không dám tin. Đời này gặp được pháp môn này, quả là hy hữu! Bồ Tát đều khen ngợi, sao quý vị có phước báo lớn như vậy, sao quý vị gặp được pháp môn vi diệu này. Vì sao vậy? Vì gặp pháp môn này nhất định hơn họ. Cho nên tuyệt đối không được lơ là việc đoạn phiền não, không đoạn phiền não, học pháp môn rất khó khăn, rất khó thành tựu.

Sau cùng là “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”. Điều này đến 41 vị pháp thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm, họ theo Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Họ đã thực hành xong ba điều trước của tứ hoằng thế nguyện. Pháp thân Bồ Tát đã làm được chúng sanh vô biên thế nguyện độ, phiền não đã đoạn, pháp môn cũng đã học. Quý vị thử nghĩ xem, họ đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Chính là vì Phật đạo vô thượng thế nguyện thành. Họ đến thế giới Cực Lạc nhanh chóng thành Phật, ở thế giới Hoa Tạng phải mất ba a tăng kỳ kiếp họ mới thành Phật. Họ đến thế giới Cực Lạc, đến đó là thành Phật. Từ đây chúng ta mới biết sự thù thắng của thế giới Cực Lạc, thù thắng đến mức độ nào không thể tưởng tượng được.

Chúng ta thấy chư vị Bồ Tát ở thế giới Hoa Tạng, 41 vị pháp thân đại sĩ, đều thế giới Cực Lạc, đến đó thành Phật. Chúng ta lập tức liên tưởng đến, Bồ Tát trong cõi thật báo trang nghiêm trong vô lượng vô biên thế giới, vô lượng vô biên Chư Phật Như Lai khắp mười phương, họ cần đến thế giới Cực Lạc chăng? Thế giới Cực Lạc vô cùng náo nhiệt! Thật náo nhiệt! Đến từng lớp từng lớp, đến thế giới Cực Lạc. Khi đến Phật A Di Đà thuyết pháp một lần, họ liền tốt nghiệp, viên thành Phật đạo. Lớp này ra đi, lớp sau lại đến, ngày ngày đều có đi có đến, có đến có đi. Sự thù thắng trong thế giới này không thể tưởng tượng được! Chúng ta hiểu rõ ràng minh bạch, quý vị nói không đến đó được chăng? Quả thật đi được, có thể đến đó. Chỉ cần ta phát tâm, bộ kinh này chính là sách đảm bảo cho ra vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đạt được bộ kinh này, có nghĩa là cầm được giấy bảo đảm trên tay. Tu hành theo lý luận phương pháp trong kinh điển này, người người đều sanh Tịnh độ, người người đều thành Phật đạo ở thế giới Cực Lạc. Chúng ta phải hiểu tứ hoằng thế nguyện này.

“Thành tựu chúng sanh, ngày nay Bồ Tát Pháp Tạng đầy đủ nguyện lực thù thắng, không ai sánh bằng”. Không ai sánh bằng là nói Chư Phật mười phương, “cho nên hiệu là đại nguyện vương”. Bởi vậy trong kinh này Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi Phật Di Đà: “Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, khen ngợi đến tột cùng. Đức Phật Thích Ca Mâu ni là đại diện tất cả Chư Phật Như Lai khen ngợi, điều này cần phải biết. Không phải mình ngài khen ngợi, tất cả Chư Phật Như Lai đều khen ngợi.

“Niệm huệ lực là chỉ niệm lực và huệ lực”, đây là nói năm căn, năm lực. Bên dưới nói: “Tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, gọi là ngũ lực”, năm loại lực này đều đầy đủ. Trước tiên là năm căn, căn tiếp tục thông qua tu hành, họ có sức mạnh, đây là sức mạnh gì? Bên dưới nói rất rõ ràng: “Thiên ma ngoại đạo không thể ngăn trở phá hoại, nên gọi là lực”, nếu tín tấn niệm định tuệ sanh khởi sức mạnh, thiên ma ngoại đạo gặp phải không những không chướng ngại được, họ còn cung kính lễ bái quý vị, làm hộ pháp cho quý vị. Còn như ta không có công phu, thiên ma ngoại đạo coi thường, họ đến gây rắc rối, bỡn cợt chúng ta. Có công phu thật sự, họ liền khâm phục, họ liền thay đổi làm thần hộ pháp.

Dùng phương pháp gì để hàng ma? Dùng tín tấn niệm định tuệ, ma gặp quý vị họ liền biến thành Bồ Tát. Vì thế chúng ta phải thực hành năm chữ tín tấn niệm định tuệ này, biến nó thành lực, biến năm căn thành năm lực. Trong pháp môn niệm Phật rất dễ, hầu như người chơn chánh niệm Phật đều có thể làm được, vì sao vậy? Vì họ không có lực thì không thể vãng sanh, rất nhiều người niệm Phật đều đầy đủ ngũ lực. Cũng chính là chúng ta nói tin thật, rất tinh tấn. Tinh tấn không phải là do niệm Phật nhiều hay ít, trong tâm thật sự có Phật, thật sự buông bỏ, không còn lưu luyến thế gian này, đó gọi là tinh tấn thật sự, trong tâm luôn có Phật.

Định lực là tuyệt đối không bị các cảnh giới làm dao động. Tuệ là trí tuệ, chỉ một phương hướng, chỉ một mục tiêu này, tuyệt đối không lay chuyển, trí tuệ liền trở thành sức mạnh. Tu các pháp môn khác, biến ngũ căn thành ngũ lực không dễ, nhưng pháp môn Tịnh độ không khó. Khi ta thấu hiểu lập tức thay đổi.

“Đại Trí Độ Luận nói: Năm căn tăng trưởng”. Tín tấn niệm định tuệ là năm căn, năm căn tăng trưởng. “Không bị phiền não phá hoại”, đây là lực. Nghĩa là nói, không còn bị cảnh giới bên ngoài làm dao động, như vậy là có sức mạnh. Chúng ta thường nói, trong thuận cảnh không có tham ái, không có tham luyến, trong nghịch cảnh không khởi sân nhuế. Bất luận là nghịch cảnh hay thuận cảnh, là thiện duyên hay ác duyên, đều có thể duy trì được như như bất động. Lực này liền hiện tiền, đó chính là năm lực.

Bên dưới nói: “Niệm lực, niệm căn tăng trưởng, có thể phá trừ tà niệm”. Đây nghĩa là gì? Là tà niệm không còn. Vì ta khởi tâm động niệm đều là Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra không còn ý niệm nào nữa, niệm thứ hai đều là tà niệm, đây gọi là niệm lực.

“Tuệ lực, tuệ căn tăng trưởng, có thể phá tam giới chur hoặc”. Không còn mê hoặc trong dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Vì sao vậy? Vì tam giới này là phước báo trời người, rất dễ mê hoặc người khác. Người thế gian biết thần tiên tốt đẹp, Đức Phật biết, nhưng không bị họ mê hoặc. Thần tiên chưa ra khỏi tam giới.

Đại sư Linh Phong lại nói đây là đại sư Ngẫu Ích nói: “Niệm căn tăng trưởng, thành tựu tất cả công đức chánh niệm xuất thế, gọi là niệm lực”. Đây là nói từ chánh diện, ở trước là nói đối phó tham sân si. Chur hoặc chính là ngu si, khi tiếp xúc rất dễ động niệm, động niệm nghĩa là mê hoặc. Cổ đức thường nói: không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm, mê là ý niệm. Trong cảnh giới này, tâm mình động niệm, phải nhanh chóng quay về Phật A Di Đà, ý niệm thứ hai trở về với A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là chánh niệm. Nghĩa là đuổi mê hoặc, tà niệm ra khỏi tâm ý. Đại sư Ngẫu Ích nói rất hay: “Thành tựu tất cả công đức chánh niệm xuất thế”, siêu việt không những vượt thoát lục đạo, mà còn ra khỏi mười pháp giới, vãng sanh thế giới Cực Lạc.

“Tuệ căn tăng trưởng, có thể che thông biệt chur hoặc, phát vô lậu chân thật, gọi là tuệ lực”. Đây là chỉ trí tuệ tăng trưởng, ta có năng lực nhìn thấu những mê hoặc này, nhìn thấu sẽ buông bỏ, tuệ lực là nhìn thấu. “Kiến tư hoặc là thông hoặc”, vì sao vậy? Vì cả tam thừa đều có. “Trần sa hoặc, vô minh hoặc là biệt hoặc”, là Thanh văn, Bồ Tát trong mười pháp giới cần phải đoạn. “Ánh sáng trí tuệ ngăn trừ hoặc, hiển phát trí tuệ vô lậu chân thật, gọi là tuệ lực”. Nói cách khác, chưa đoạn phân biệt và vô minh, không phải trí tuệ chân thật. Họ có trí tuệ, thông minh hơn chúng ta nhiều, là cảnh giới gì? A la hán, Bích Chi Phật, quyền giáo Bồ Tát, tức là Bồ Tát trong mười pháp giới. Ai có trí tuệ chân thật? Phá nhất phẩm vô minh, chúng một phần pháp thân, lúc đó trí tuệ chân thật xuất hiện, trí tuệ vô lậu chân thật, đây là tuệ lực. “Các lực như vậy, thấy đều thù thắng”.

Tăng thượng là có thể lực mạnh, có thể khiến pháp của nó tăng trưởng nhanh chóng, gọi là tăng thượng”. Chúng ta có một phần công phu, phải biết pháp môn Tịnh tông này. Phật A Di Đà sẽ gia trì chúng ta, ngài gia trì thì công phu chúng ta nhất định thành tựu. Ta có một phần công phu thì ngài gia trì một phần, ta có hai phần ngài gia trì hai phần. Gia trì luôn tương đối, ngang bằng với công phu của chúng ta, đây là gì? Đây là đạo lý cảm ứng.

Phật A Di Đà có tâm gia trì chúng ta chăng? Không có, tuyệt đối không có khởi tâm động niệm. Đây là cảm ứng, chúng ta có cảm, ngài liền có ứng. Nếu chúng ta khởi tham sân si mạn nghi, tự tư tự lợi, khởi ý niệm này. Cũng có cảm ứng, cũng có gia trì, ai gia trì? Ma

trong lục đạo gia trì. Họ gia trì cũng tương ứng, ta có một phần, họ gia trì một phần, rất phiền phức! Không thể không biết điều này. Vì thế chẳng những không được làm việc ác, tốt nhất ý niệm ác cũng không được có. Niệm ác là căn bản của hành vi ác, có ý niệm sau đó mới có hành vi. Đoạn tận nền tảng của ác niệm, quý vị sẽ không làm việc ác. Vấn đề này, người thuộc căn tánh như chúng ta, nếu không ngày ngày học kinh điển đại thừa, thì không được.

Chúng ta xem báo cáo của các nhà khoa học phương tây, họ đã nói: phương thức học tập tốt nhất là dạy học. Câu này nói rất hay! Cổ nhân nói: “giáo học tương trợ”, không những giúp người khác, đồng thời giúp mình nâng cao. Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, giảng kinh thuyết pháp 49 năm, không có ngày nào rời việc dạy học, làm như vậy cho chúng ta thấy. Nếu chúng ta muốn giảng dạy học, không có ai nghe, không ai nghe thì mình tự nghe.

Trước đây, khi tôi ở Mỹ, môi trường ở Mỹ không như ở đây. Ở đây ngày ngày giảng kinh đều có thính chúng, ở Mỹ không được. Nếu không phải kỳ nghỉ, thì không có ai đến nghe. Cho nên giảng kinh ở Mỹ, một tuần chỉ có hai ngày, thứ bảy và chủ nhật được nghỉ, mọi người có thể đến nghe. Những ngày còn lại công việc rất bận rộn, không có thời gian đến nghe kinh. Vì thế ở Mỹ không thể ngày nào cũng giảng kinh, một tuần chỉ giảng hai ngày. Phải làm sao, còn năm ngày không có cơ hội? Chúng tôi có phương pháp. Lúc đó không có camera, chỉ có ghi âm. Chúng tôi có một máy thu âm nhỏ, đặt trước mặt, nói với nó, giảng xong mở ra tự mình nghe. Mỗi ngày đều không lãng phí thời gian, như vậy mới duy trì được sự tinh tấn. Cổ nhân nói đọc sách, trong Phật giáo gọi là tu hành: “không tiến thì sẽ thoái”. Không thể không tinh tấn, ngày ngày phải tiến về phía trước, mới duy trì được bất thoái chuyển. Cho nên chính mình phải có phương pháp, bản thân phải thực hành. Phải coi việc này là việc lớn nhất trong đời mình phải làm, đặc biệt là pháp môn Tịnh độ. Vì sao chúng ta mỗi ngày đều phải nghiên cứu kinh giáo? Để giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín, giúp nguyện vọng chúng ta kiên cố cầu sanh Tịnh độ. Khiến kinh giáo những chú giải này đều là tổ sư đại đức, là tâm đắc tu học của họ, đưa ra chia sẻ với chúng ta. Chúng ta ở đây có sự khai mở lớn lao, biết bản thân nên làm như thế nào. Cho nên đây đều là tăng thượng duyên của chúng ta. Trong kinh này trích dẫn kinh luận đều là trước tác của tổ sư, chư vị tổ sư này đều là người vãng sanh thế giới Cực Lạc. Cư sĩ Hoàng Niệm Lão chọn, không phải chọn tùy tiện.

“Tăng thượng trong kinh này, vô cùng thù thắng”. Bây giờ chúng ta đọc kinh văn này, trong này nói đến tăng thượng khác với các tăng thượng khác. Tôi vừa mới nói với quý vị, chúng ta khởi tâm động niệm Phật A Di Đà biết, thậm chí bản thân chúng ta không hề hay biết đã khởi ý niệm gì, ngài nhận được hoàn toàn. Chúng ta nhớ ba loại chu biến trong Hoàn Nguyên Quán, quốc sư Hiền Thủ đưa ra ví dụ đều là một hạt bụi, một hạt vi trần. Ngày nay khoa học gọi là một tiểu quang tử, mắt thịt chúng ta không nhìn thấy được. Hiện tượng dao động của nó “chu biến pháp giới”, tốc độ quá nhanh, không phải tốc độ ánh sáng, điện từ có thể sanh được nó, vừa động lập tức chu biến pháp giới.

“Xuất sanh vô tận”, đây là nói tùy duyên của nó, cũng nói rõ ảnh hưởng của dao động này. Tất cả vạn pháp khắp biến pháp giới hư không giới, nó đều đến. Xuất sanh vô tận, nó đều đến. “Hàm dung không hữu”, đây là nói về lượng, thông thường chúng ta gọi là tâm lượng. Thật sự là ôm trọn hư không, dung nhiếp vạn hữu, chỉ một hạt tiểu quang tử! Chúng ta biến pháp giới hư không giới với chính mình, là một thể vô cùng hoàn mỹ. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Một là tất cả, tất cả là một. Từ đây chúng ta lãnh hội được chân nghĩa của nó.

Ở đây nói tăng thượng là nói đến thù thắng tột cùng. “Vì những tăng thượng này không phải dư pháp, mà là kỳ tâm. Kỳ tâm tức tự tâm của người này”, tâm của chính mình. Đức Phật làm tăng thượng duyên cho chúng ta, ý này chúng ta lúc này đã nói qua. Vì sao? Vì đây là bốn nguyện của Phật A Di Đà, chỉ cần chúng ta phát tâm cầu sanh Tịnh độ, là đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với ngài, như vậy sao ngài không gia trì được? Sự gia trì của ngài thù thắng vô cùng, gia trì tâm này của chúng ta, năm căn thành tựu năm lực. Cũng chính là từ năm căn nâng lên đến năm lực, nó khởi tác dụng.

“Kinh Kim Cang nói: Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Tiêu chuẩn kỳ tâm trong hai kinh này, chính là một tâm”. Trong Kinh Kim Cang nói: Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, Phật A Di Đà gia trì chúng ta cũng là tâm này, tâm này là chân tâm của chính mình, không phải vọng tâm. Trong vọng tâm không có Phật A Di Đà, Phật A Di Đà là chân tâm. Chúng ta bây giờ là vọng tâm, nếu để Phật A Di Đà trong tâm, tâm liền trở thành chân tâm, chỉ đơn giản như thế. Chân và vọng chính là như vậy.

Trước đây khi thầy Lý còn ở đời, thường nhắc nhở chúng tôi “thay đổi tâm”, đổi tâm như thế nào? Đổi thành Phật A Di Đà. Câu nói này là câu cửa miệng của thầy, mỗi lần gặp chúng tôi thầy thường nhắc nhở. Thật vậy, đây chính là nhất tâm.

“Ví như lau chùi gương, hết dơ bẩn thì ánh sáng hiện”. Chân tâm giống như chiếc gương vậy, trên chiếc gương chúng ta hiện nay bám đầy bụi bặm, lau chùi nó sạch sẽ. “Vô minh hoặc hết, tự tâm sáng rõ, nên gọi là tăng thượng kỳ tâm”. Ví dụ này, ví dụ rất hay, chúng ta dùng gì để lau chùi? Dùng tín nguyện hạnh, dùng giới định tuệ để lau chùi. Thông thường đại thừa dùng giới định tuệ, pháp môn Tịnh tông dùng tín nguyện hạnh. Tín nguyện hạnh sẽ được Phật A Di Đà gia trì, gia trì chính là tăng thượng. Khiến chúng ta mọi thứ đều giống như lúc tỳ kheo Pháp Tạng ở trong hội của Tự Tại Vương Phật, thù thắng như vậy. Lúc đó ngài nhờ sự gia trì của mười phương chư Phật, ngày nay chúng ta được Phật A Di Đà gia trì, đồng thời cũng được mười phương chư Phật gia trì. Sức mạnh tăng thượng này lớn biết bao! Chúng ta có khi gặp khó khăn, vẫn là mê hoặc điên đảo, đó là gì? Là do tín tâm chúng ta chưa đủ, hành vi chúng ta có gì không đúng, phải soi xét lại bản thân. Nếu tín tâm đầy đủ, không hề hoài nghi, sức mạnh lập tức gia trì đến.

Từ đó cho thấy, ngày nay chúng ta học Phật lâu như vậy, trong đó vẫn còn nghi vấn. Chẳng qua những nghi hoặc này, ngày càng cạn, ngày càng nhạt dần đi, nhưng nó vẫn còn. Tín tâm kiên định, tâm nguyện kiên cố, nghi hoặc này sẽ không có. Sức mạnh gia trì đó ta có thể cảm nhận được, có thể cảm nhận được tăng thượng kỳ tâm này, Phật A Di Đà giúp chúng ta tăng thượng.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

Tập 166
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Liên Hải
Biên tập: Minh Tâm
Thời gian: 14.10.2010
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang 193, hàng thứ tư, “kiên cố bất động”. “Tâm đó như kim cương, có thể phá tất cả mà không bị tất cả những thứ khác phá, nên gọi là kiên cố”. Đây là một câu kinh văn về hạnh nguyện tinh tấn. Đoạn trước trong phần kinh văn chúng ta đã đọc qua. “Lại có hạnh nguyện thù thắng, và niệm huệ lực, tăng thượng tâm đó, kiên cố bất động. Đây chính là tiếp tục theo đoạn này mà nói. Kiên cố bất động, tu hành tinh tấn, không ai có thể vượt qua. Đây là một câu Niệm Lão giải thích cho chúng ta.

Trước tiên nói kiên cố, dùng ý nghĩa trong “Kinh Kim Cang” để giải thích, nói rõ tỳ kheo Pháp Tạng chuyên chú dùng tâm. Đây là thực sự học tập, là điều kiện bắt buộc phải đầy đủ. Không có điều kiện này thì rất khó để thành tựu. Mà điều kiện này lại không dễ dàng có được. Vì sao vậy? Người thế gian thông thường, trong tâm họ luôn luôn hiếu kỳ, tham nhiều, cho nên học rộng biết nhiều. Hiện tại trong xã hội thông thường đều coi trọng điều này, có ai không học hành cách như vậy? Trong xã hội hiện nay chúng ta nhìn thấy, từ mẫu giáo đến đại học, nghiên cứu sở, đều là theo phương hướng này, không có ai nói kiên cố bất động. Kiên cố bất động chỉ có trong văn hóa truyền thống ngày xưa, Nho, Thích, Đạo đều có. Mà trong Phật Pháp Đại thừa đối với sự việc này đặc biệt là kiên trì. Vì sao vậy? Mục tiêu chung của học tập Phật Pháp Đại thừa là phải khai ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đây là mục tiêu cuối cùng. Mục tiêu giống như vậy, điều này vô cùng quan trọng. Kiên cố bất động quý vị mới có thể đắc định, định mới có thể khai huệ. Trí tuệ chân thật không phải là học mà được. Đạo lý này phải hiểu. Trí tuệ chân thật từ đâu mà có? Là trong tự tánh quý vị vốn đã có đủ. Trí tuệ lớn như thế nào? Lớn như Chư Phật Như Lai vậy. Ở đây chúng ta nói đến Phật A Di Đà. Phật A Di Đà trong Chư Phật Như Lai là vị được tôn kính nhất. Chư Phật tán thán Ngài là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Quang trung cực tôn là từ tánh mà nói. Phật trung chi vương là từ tướng mà nói. Chúng ta mỗi vị đồng học, tự tánh của chúng ta và Phật A Di Đà không hai không khác. Phật A Di Đà là quang trung cực tôn, chúng ta cũng là quang trung cực tôn. Phật A Di Đà là Phật trung chi vương, quý vị cũng là Phật trung chi vương. Quý vị ngày nay vì sao lưu lạc đến bước đường này? Vì trí tuệ không còn nữa, đức tướng cũng không còn nữa. Thế Tôn rất từ bi, đem duyên có này một lời nói rõ.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: vì dùng vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng đắc. Chúng ta nghĩ nghĩ xem, chúng ta phải chăng cũng như vậy. Mỗi ngày chúng ta phải chăng cũng đang vọng tưởng, có đang phân biệt chấp trước không? Nếu như có, thì lời Phật nói không sai. Tánh đức của chúng ta, trí tuệ của chúng ta, là bị vọng tưởng phân biệt chấp trước làm cho chướng ngại rồi. Nói với chư vị rằng không phải là đã bị mất, chỉ là bị chướng ngại. Chướng ngại thì không thể hiện tiền. Ví dụ như mặt trời, hôm nay là ngày nhiều mây, mây che mặt trời, không nhìn thấy mặt trời chứ không phải không có mặt trời. Nói cách khác, quý vị không phải không có trí tuệ, trí tuệ của quý vị và Phật không hai không khác. Chỉ là quý

vị hiện tại có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Ở nhân gian, ở trên trời cũng tức là nói trong lục đạo, những chúng sanh này trong lục đạo, trí tuệ không tương đồng, có người thông minh trí tuệ rất cao, có người thông minh trí tuệ rất thấp. Sự sai biệt này chúng ta hiểu được. Người trí tuệ cao là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ít hơn một chút, trí tuệ của họ liền hiển lộ ra nhiều. Nếu như người phân biệt chấp trước nghiêm trọng thì trí tuệ họ hiển lộ ra lại ít, sự việc chính là như vậy. Đạo lý hiểu rõ rồi, thật làm rõ ràng rồi, liền hiểu được, phương pháp dạy học của cổ đức, phương pháp của Phật môn là cao siêu, vô cùng thù thắng. Nương theo phương pháp này mà học quý vị sẽ nhanh chóng thành tựu, chính là tập trung tâm lực, nhất môn thâm nhập trường thời huân tu. Quý vị có hi vọng khai ngộ, cho dù không thể đại triệt đại ngộ, thông thường nói đại ngộ thì có thể đạt đến được.

Năm xưa chúng tôi ở Đài Loan học kinh giáo với thầy Lý, thầy giáo nói với tôi, kinh giáo yêu cầu là đại khai viên giải, dạy học đều viên mãn, người dạy là thầy giáo, người học là học sinh, thành tích coi như viên mãn. Việc này là đại khai viên giải được nói trong Giáo môn tương đồng với đại triệt đại ngộ trong Tông môn, minh tâm kiến tánh. Nếu như không đạt được cảnh giới này, bắt đầu dĩ mới tìm phương pháp thứ hai. Tìm phương pháp thứ hai, tiêu chuẩn của thứ bậc này là gì? Thông nhất tông. Ví dụ như Kinh Hoa Nghiêm, Hoa nghiêm nhất tông có thể thông đạt được, đây là đại ngộ, không phải là đại triệt đại ngộ, đó là đại ngộ, đều phải có ngộ tánh, không có ngộ tánh quý vị không làm được. Những điều này đều không phải là học kinh giáo nhiều, không phải là ý nghĩa này, chỉ là nhất môn. Từ trong nhất môn có triệt ngộ, có đại ngộ, có tiểu ngộ. Trong kiên cố bất động đặc biệt coi trọng việc không dùng tâm ý thức. Quý vị xem thông thường chúng ta nói, tác dụng của tâm là gì? Ghi nhớ. Sau khi học rồi tôi còn nhớ, có thể ghi nhớ được. Thứ hai là tôi không dùng ý thức, không dùng tâm phân biệt. Thứ ba là không dùng mặt nạ thức, không có chấp trước. Quý vị xem không có chấp trước, không có phân biệt, học tập như vậy thì không khác gì chư Phật Bồ Tát cả, chư Phật Bồ Tát cũng học tập như vậy. Người thế gian học tập là dùng phân biệt, dùng chấp trước. Dùng phân biệt dùng chấp trước chính là quý vị dùng thức thứ sáu, thức thứ bảy, thức thứ tám, quý vị dùng những thứ này. Quý vị dùng thức, thức là vọng tâm, không phải là chân tâm. Vọng tâm duyên không được với cảnh giới chân chánh. Cảnh giới chân chánh là tự tánh, không duyên được với tự tánh. Nếu như tuân theo lời giáo huấn trong kinh điển có thể duyên được tự tánh không? Duyên không được. Điều này quý vị nhất định phải hiểu được. Vì sao vậy? Kinh giáo là những thứ hữu hình. Trong Kinh Kim Cang Phật nói rất rõ ràng: “pháp còn phải xả, hà huống phi pháp”. Pháp này chính là kinh giáo, chính là kinh điển, những thứ này cũng phải bỏ. Phật nói rõ như vậy. Quý vị nếu như hoàn toàn y cứ theo kinh giáo, sẽ trở thành Phật học, là tri thức không phải là trí tuệ, vì thế Huệ Năng đại sư mới nói, sự việc này, tức là việc trí tuệ này, và kinh giáo, vẫn tự không liên quan gì! Ngài không biết chữ. Quý vị đọc kinh cho Ngài nghe, ngài không có gì là không hiểu. Ngài không cần nghiên cứu, không cần phân biệt, vì sao vậy? Trong tự tánh vốn đã đầy đủ trí tuệ vô lượng vô số vô tận, là trong bản tánh của quý vị vốn đã đầy đủ. Chỉ cần quý vị gạt bỏ chướng ngại, chúng ta mới thực sự hiểu được, như thế nào gọi là dùng công phu, thế nào gọi là biết? Tổ sư tông môn thường nói “người biết không?” có biết học hay không? Người biết học không dùng tâm ý thức để nghe, không dùng tâm ý thức để đọc. Không yêu cầu quý vị ghi nhớ nó. Ghi nhớ hay không ghi nhớ là tự nhiên không sao cả. Chỉ cần trí tuệ khai rồi liền hữu dụng. Tâm phải chân thành, tâm phải từ bi. Tâm phải thường thường nhớ về hiệu kính Chư Phật Như Lai. Giống như Phật vậy giúp đỡ tất cả chúng sanh, phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, không nên nghĩ đến bản thân.

Vì sao vậy? Vì nghĩ đến bản thân là hồng rồi. Nghĩ đến bản thân quý vị liền tăng trưởng ngã chấp, vậy là phiền phức lớn rồi. Ngã chấp nếu như tăng trưởng, lục đạo quý vị chắc chắn rồi. Quý vị thực sự là lục đạo phàm phu đã chắc chắn rồi. Quý vị không ra khỏi lục đạo. Trong Phật Pháp đầu tiên là phá thân kiến, là Tu đà hoàn. Sơ tín của thập tín Bồ Tát trong Kinh Hoa Nghiêm, sơ tín tương đồng với lớp một tiểu học. Điều kiện là gì? Không còn chấp trước thân là ta nữa. Không những thân không phải là ta, hiện tại có thể tưởng tượng phân biệt chấp trước tất cả đều không phải là ta. Các nhà triết học nước ngoài còn nói “tôi tư duy tức là tôi hiện hữu”, cao hơn người phổ thông một chút. Họ không còn chấp trước thân là ta. Họ chấp trước điều gì? có thể suy tư đó là ta. Chấp trước thức thứ sáu thứ bảy là ta. Không chấp trước thân này nữa, đó cũng không phải là ta. Tám thức 51 tâm sở, quý vị xem xem Bách Pháp Minh Môn Luận, nó xếp vào ở đâu? Xếp vào pháp hữu vi, pháp hữu vi không phải là thật.

Pháp hữu vi có năm loại lớn, đầu tiên chính là tâm pháp. Thức thứ tám là tâm pháp. Thứ hai là tâm sở pháp, thứ ba là bất tương ưng hành pháp. Đây toàn thuộc về thứ mà ngày nay chúng ta nói là phương diện tinh thần. Mười một sắc pháp đó là phương diện vật chất. Toàn không phải là thật. Thật là pháp vô vi. Trong pháp vô vi thuần chân là chân như vô vi. Hiện tại trong kinh này nói là chân như. Quý vị xem trích dẫn trong Kinh Kim Cang: “kỳ tâm như như, như như bất động, thị chân như”. Điều này trong bách pháp là thuộc về điều cuối cùng, là chân như vô vi. Vậy khó khăn lớn nhất hiện nay của chúng ta là thói quen dùng vọng tâm, dùng tám thức 51 tâm sở. Vô thì kiếp đến nay chỉ dùng thứ này. Hiện tại chúng ta giác ngộ rồi, hiểu rõ rồi, nhưng vẫn là chưa buông xuống được. Khởi tâm động niệm bất tri bất giác lại dùng những thứ này. Như thế nào mới có thể thực sự sửa đổi trở lại? Là hai nhân tố này.

Thứ nhất là thiện căn sâu dày, vậy thì rất dễ dàng. Thiện căn sâu dày là quá khứ quý vị đời đời kiếp kiếp, quý vị tu không ít thời gian, cho nên quý vị rất dễ dàng.

Thứ hai là chúng ta không có thiện căn sâu dày như vậy, ngay trong đời này phải huấn luyện thật nhiều. Nghe kinh phải học theo lời giáo huấn của Bồ Tát Mã Minh. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, lìa ngôn thuyết tướng mà nghe, tức là quý vị không nên chấp trước ngôn từ. Đọc kinh không nên chấp trước văn tự, có nên dùng điều này không? Nên. Phải dùng ngôn ngữ, phải dùng văn tự, không nên chấp trước. Nó là công cụ. Không nên chấp trước danh từ thuật ngữ, phải hiểu được ý nghĩa của nó, nhưng không thể chấp trước, đều biết được những thứ này là Phật Thích Ca Mâu Ni phương tiện thiện xảo giúp đỡ chúng sanh, chấp trước là sai rồi. Vừa chấp trước liền trở thành pháp thế gian. Thứ ba là không thể dùng tướng tâm duyên, không thể dùng tướng tượng, cũng tức là không nên dùng tư tưởng. Tư tưởng là sai lầm.

Tư, trong văn tự của Trung Quốc, Trung Quốc phát minh văn tự, Phật Pháp chưa truyền đến Trung Quốc, nhưng nó đã tương ưng với Phật Pháp. Quý vị xem cổ nhân Trung Quốc, không phải là Phật Bồ Tát tái lai tôi không tin. Tư chính là ý thức thứ sáu, tướng là thức thứ bảy, chính là thức mặt na. Quý vị xem chữ “tư” này, phía dưới là chữ “âm”, trên chữ âm là chữ “điền”, chữ điền tức là ô vuông, từng ô từng ô, đó là tượng trưng cho phân biệt. Ô này không phải là ô kia, tượng trưng cho phân biệt. Tướng, tướng là trong tâm có tướng, xuất hiện hiện tượng rồi. Trong tâm có tướng, đó là chấp trước, có tướng rồi. Đó là thức thứ bảy khởi tác dụng, cho nên không nên dùng tư tưởng. Vừa dùng tư tưởng quý vị liền hiểu được quý vị đã rơi vào thức thứ bảy và thức thứ sáu rồi, đem Phật Pháp biến thành tri thức. Danh từ hiện tại gọi là Phật học. Quý vị đang làm việc Phật học. Nếu như không dùng tâm ý thức thì quý vị đang học Phật. Học Phật, tâm nhất định là thanh tịnh. Vì sao vậy? Quý vị không dùng

tư tưởng. Dùng tư tưởng tâm không thanh tịnh, không dùng tư tưởng là tâm thanh tịnh, tương ứng với nguyên tắc mà trong đề kinh này giảng. Quý vị xem tâm thanh tịnh của quý vị hiện tiền. Công phu sâu một chút tâm bình đẳng liền hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền, nói cho quý vị rằng là tiểu ngộ. Tâm bình đẳng hiện tiền là đại ngộ. Giác sau đó là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh rồi, đạo lý này nên hiểu, lúc hiểu rồi kinh còn nên nghe nữa hay không? Nên nghe, đã biết nghe. Kinh có nên đọc nữa hay không? Biết đọc rồi. Phải đọc, ngày ngày phải đọc, không dùng tâm ý thức. Không dùng tâm ý thức, quý vị kiên cố bất động. Quý vị nên giữ vững điều này. Giả là thời gian, thời gian dài ngắn mỗi người một khác, căn tánh của mỗi người không đồng, mỗi người kiên cố bất động không đồng, năng lực này khác nhau, trình độ đều khác nhau. Thực sự có ý chí, quyết tâm lớn như vậy, tôi nhất định phải kiên trì. Đây thuộc về trì giới, tâm chúng ta trong bất cứ cảnh giới nào, không nên bị cảnh giới quấy nhiễu. Tâm đó là tâm gì? Chân tâm. Sẽ bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu là vọng tâm. Chúng ta phải học, học cách ở trong cảnh giới dùng chân tâm. Đầu tiên trong việc nghe kinh, đọc kinh, học trong những việc này, sau đó học được cũng khá khá rồi, ứng dụng vào cuộc sống hằng ngày, mặc áo ăn cơm, công việc đối đãi, trong những việc này phải dùng được nó, không phân biệt, không chấp trước. Không phân biệt thì tư không còn nữa, không chấp trước thì tướng không còn nữa. Chúng ta dùng hai chữ tư tưởng này mọi người sẽ dễ hiểu. Thuật ngữ Phật Giáo là thức thứ sáu và thức thứ bảy. Thức thứ sáu là tư, thức thứ bảy là tướng, không dùng tư tưởng, tâm thanh tịnh mới có thể hiện tiền. Tâm thanh tịnh sanh trí tuệ, sanh tiêu trí tuệ, tâm bình đẳng sanh đại trí tuệ. Vậy nếu thực sự triệt ngộ rồi, giác ngộ rồi, đại triệt đại ngộ, trong tự tánh quý vị trí tuệ vốn có sẵn hoàn toàn hiện tiền, vậy là không khác gì Phật cả. Trong Phật Giáo giảng chính là điều này, cao siêu hơn thế gian nhiều rồi! Cho nên trong Phật Pháp ngày nay, phương pháp tu hành này đã không còn ai học nữa. Có ai học Phật mà dùng phương pháp này? Không những giáo môn chưa từng nghe qua, trong tham thiền học mật tôi cũng chưa từng gặp qua, không những chưa từng thấy qua, nghe cũng chưa từng nghe qua, đương nhiên chúng ta không thể võ đoán, hiện tại thông tin phát đạt như vậy, tôi tin tưởng bản thân chúng ta vẫn còn kiến thức nông cạn, người thực sự dụng công chúng ta chưa thấy được. Người chúng ta nhìn thấy đều là tám thức 51 tâm sở. Nói cách khác, đều là làm việc Phật học, không nhìn thấy người thực sự học Phật. Cho nên Phật Pháp suy rồi, có đạo lý, Phật Pháp làm thế nào hưng thịnh được? Hưng thịnh, ngày nay bản thân chúng ta hiểu rõ rồi, thái độ tu học không thể không thay đổi. Chúng ta phải thật làm, trì giới niệm Phật, phải đi trên con đường phương tiện của Tịnh Tông. Trì giới niệm Phật vẫn là dùng tâm ý thức. Họ có thể vãng sanh. Sanh đến đâu? Người có công phu tốt một câu danh hiệu này thực sự có thể niệm cho hết tập khí phiền não sanh cõi Phương tiện hữu dư. Tập khí phiền não chưa niệm cho hết đi cũng được, sanh cõi Phạm thánh đồng cư, cũng chính là nói chúng ta trong đời này làm việc Phật học, gặp được pháp môn Tịnh Tông có thể vãng sanh được hay không? Có thể, cõi Phạm thánh đồng cư, bởi vì trong cõi phạm thánh đồng cư vẫn cứ dùng tám thức 51 tâm sở, tuân theo lời giáo huấn của Phật đà. Trên kinh điển dạy chúng ta làm thế nào, chúng ta đều đã làm được. Dạy chúng ta không thể làm, chúng ta cũng làm được. Học được rất giống Bồ Tát, rất giống Phật đà, học được rất giống! Vọng tưởng phân biệt chấp trước chưa đoạn, chỉ là rất nhạt nhòa, không nghiêm trọng quá, rất nhạt nhòa, có, nhưng chưa đoạn, sanh cõi phương tiện hữu dư, tương đương tứ thánh pháp giới trong thế giới này. Chúng ta biết Phật Bồ Tát trong Tứ thánh pháp giới vẫn là dùng A lại ya, đại ngộ, không phải là triệt ngộ, triệt ngộ không dùng nữa. Chuyển bát thức thành tứ trí đó là triệt ngộ, những đạo lý, hiện tượng

này, Phật rất từ bi, nói cho chúng ta rất rõ ràng, bản thân chúng ta phải rõ ràng, phải giác ngộ. Đương nhiên tốt nhất, thời thời khắc khắc có thể dùng vào trong cuộc sống, vậy đối với việc tu hành sẽ có giúp ích rất lớn. Thực sự sẽ nâng cao cảnh giới của quý vị rất nhiều. Quý vị sẽ sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Cách học như vậy, tức là Tông môn giáo môn, tổ sư Đại đức thường nói “người biết không?” biết rồi. Thực sự đang học Phật rồi, người học Phật chắc chắn tâm đủ kiên cố bất động, tín tâm của họ kiên cố bất động, nguyện tâm kiên cố bất động, hạnh của họ cũng kiên cố bất động.

Tâm này giống như kim cương có thể phá được tất cả, mà không bị tất cả phá nó, gọi là kiên cố. Ý nghĩa này chính là nói, tâm chúng ta, tín nguyện hạnh đều không bị ngoại cảnh khuấy nhiễu. Chúng ta có năng lực khắc phục cảnh giới bên ngoài. Cảnh thuận thiện duyên không khởi tham luyến, không có mảy may ý nghĩ tham luyến. Nghịch cảnh, ác duyên không khởi một tí oán hận nào. Cũng tức là nói bất luận cảnh giới nào hiện tiền, đều có thể duy trì tâm thanh tịnh bình đẳng. Đây gọi là công phu. Đây gọi là gì? công phu niệm Phật đặc lực. Vẫn còn bị ngoại cảnh can thiệp là chưa đặc lực. Không những tự tu như vậy, giúp đỡ người khác cũng như vậy. Đến cảnh giới này rồi, mới thực sự là tùy duyên mà không phan duyên nữa. Khởi tâm động niệm là phan duyên, không khởi tâm không động niệm đó là tùy duyên. Tùy duyên không có bản thân, phan duyên có bản thân. Đó là tập khí từ vô thủy kiếp đến nay. Phan duyên là tập khí, không dễ đoạn. Chúng ta làm thế nào để giúp đỡ bản thân? Phương pháp đơn giản nhất, vững vàng nhất, đáng tin nhất là trong tâm chỉ có A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật ra thứ gì cũng không có. Hoằng pháp lợi sanh cũng không có. Sự việc hoằng pháp lợi sanh có nên làm hay không, tùy duyên. Có duyên thì làm, không có duyên thì không làm. Duyên thì chắc chắn có, tuyệt đối không để ở trong lòng. Để ở trong lòng thì sao? Liên khuấy nhiễu đến A Di Đà Phật. Trong tâm chỉ có một vị Phật A Di Đà, còn có cả đồng những tạp niệm, những tập khí phiền não này bao vây Phật A Di Đà, cảm ứng của chúng ta và A Di Đà Phật liền bị chướng ngại rồi. Con người tùy duyên mới có pháp hỷ thật sự. Không thể tùy duyên liền có phiền não, tôi làm việc tốt quý vị tại sao lại chướng ngại tôi? Họ sẽ có ý niệm như vậy khởi lên. Nhất định đem những ý niệm này quét dọn cho sạch sẽ. Vì sao vậy? phàm có hình tướng đều là hư vọng. Hoằng pháp lợi sanh cũng lại như vậy, “pháp còn phải xả hà huống phi pháp”, pháp đó chính là Phật Pháp, phi pháp là không phải là Phật Pháp, cũng tức là nói pháp thế gian. Pháp thế xuất thế gian tất cả đều phải xả. Vì sao vậy? Trong tự tánh không có pháp thế xuất thế gian, pháp thế xuất thế gian toàn là giả thôi. Những đạo lý này, chúng ta thực sự mà nói trong kinh giáo Đại thừa huân tập nhiều năm như vậy mới có ấn tượng thế này, thời thời khắc khắc có thể phấn chấn lên. Tuy rằng chưa đoạn được, nhưng luôn luôn phấn chấn lên, đây chính là mười mấy năm huân tập, dần dần nuôi thành thói quen, đây là thói quen tốt.

Kinh Kim Cang nói: Như như bất động, nên nói là bất động. Dưới đây giải thích, như như bất động này, không phải “trầm không trệ tịch”, cũng tức là không phải là “không” và “tịch” mà người ta thường nói, không phải là ý nghĩa này. Nó có nghĩa là gì? Ý nghĩa này cũng không nói ra được. Hơn nữa tâm tâm khế nhập với chân như pháp, niệm niệm lưu nhập biển giác của Như lai, đây gọi là như như bất động. Nó tương ứng với tự tánh, tương ứng với tánh đức, tương ứng với đại bát niết bàn. Đây mới là điều trong Bát Nhã đã nói như như bất động. Hai chữ như này, chữ “như” thứ nhất là tâm của người tu hành. Chữ “như” thứ hai là chân như, là Phật tâm. Tâm của bản thân tương ứng với tâm Phật. Tâm Phật bất động. Tâm tôi hiện tại này là tâm giác, tâm giác bất động, rõ ràng rồi. Trầm không trệ tịch là gì? Là vô

minh. Trong Phật Pháp nói là vô tướng định. Điều này chứng tỏ họ thực sự buông bỏ tất cả rồi, làm cho trong tâm hoàn toàn trống không, định này tu thành rồi, quả báo ở đâu? Vô tướng thiên ở thiên thứ tư. Thực sự mà nói quý vị hỏi họ, họ cái gì cũng không nghĩ, cũng tức là họ chấp trước một thứ vô tướng. Họ không phải thực sự đã rỗng không rồi, họ vẫn còn có, họ có một thứ vô tướng. Cho nên quả báo của họ ở vô tướng thiên. Thực sự tu tứ không định thì cao hơn. Tứ không định là sự việc như thế nào? Tứ không định là vô minh. Họ có sự hưởng thụ ở trong định, hưởng thụ của cảnh giới đó đích xác là ngay cả thân thể họ cũng không cần nữa. Lão tử của Trung Quốc ở trong Đạo Đức Kinh có nói như vậy: “ngô hữu đại hoạn”. Hoạn nạn lớn nhất của ta là gì? Là ta có thân thể, nếu không có thân thể thì tốt biết bao. Trong tứ không thiên không có thân thể. Tứ thiên có thân thể, tứ không thiên không có thân thể. Cho nên tôi thường xưng họ là phàm phu cao cấp. Trong lục đạo phàm phu cao cấp không có thân thể. Họ không có thân thể nên họ không cần nơi cư trú, cho nên trong tứ thiên thiên, sắc giới thiên họ không có dục, tài sắc danh thực thù những điều này đều không có. Ý niệm này đều không có. Trên thực tế là họ định công để che lấp dục vọng, đê bệp, không khởi tác dụng, tương đồng với không có cảnh giới, là cảnh giới như vậy. Nhưng tứ không thiên họ ngay cả điều này cũng không có. Cho nên chúng ta chỉ có thể nói, tứ không thiên là linh giới thuần túy, ở Trung Quốc thông thường nói là linh hồn. Nơi đó là linh hồn, họ không cần thân thể. Họ đang ở trong thiên định, ở trong thiên định rất sâu, tu tứ không định, tứ không định trình độ cao thấp khác nhau. Đó là thời gian định công của họ dài ngắn khác nhau, dài nhất là tầng thứ tư, tầng cao nhất này, chúng ta nói thọ mạng của họ tám vạn đại kiếp, nói thọ mạng của họ chính là thời gian định công của họ. Thời gian họ nhập định, trong định không mất đi định lực, có thể có được thời gian dài tám vạn đại kiếp như vậy. Tám vạn đại kiếp thật là vô cùng! Hệ thái dương của chúng ta, tinh cầu này một lần thành trụ hoại không, một vòng tuần hoàn này là một đại kiếp. Nói cách khác, trái đất của chúng ta, thái dương hệ của chúng ta, trải qua bao nhiêu lần thành trụ hoại không? Tám vạn lần, mà họ vẫn chưa xuất định. Quý vị liền hiểu được vậy thì lợi hại biết bao. Phàm phu trong lục đạo, họ công phu cao nhất, nhưng họ chưa ra khỏi lục đạo, họ không có cách gì phá vô minh. Vô minh này không phải là căn bản vô minh, căn bản vô minh phá rồi, vậy là siêu việt thập pháp giới. Vô minh này là vô minh trong mười hai nhân duyên. Vô minh duyên hành, thức duyên danh sắc là loại vô minh này. Vô minh này chính là linh hồn trong lục đạo. Chúng tôi gọi như vậy, quý vị sẽ dễ dàng hiểu được, không ra ngoài lục đạo. Trong lục đạo mà xả thân thọ thân, chính là nó khởi tác dụng, vô minh này khởi tác dụng, cho nên họ không phải là trầm không trệ tịch, không phải vô tướng định trong tứ thiên, cũng không phải tứ không thiên trong lục đạo, không phải, khác với điều này, tâm của họ là tâm giác, họ không mê. Cho nên “tâm tâm khế ư chân như pháp nhất”. Chữ nhất này cô cùng quan trọng. Chữ “nhất” này chính là “nhất chân”, chữ “nhất” này là tự tánh. Trong Phật Pháp nói tự tánh, bản tánh, pháp tánh, chân như, danh xưng rất nhiều, đều là một ý nghĩa. Một sự việc Phật nói nhiều danh từ như vậy, chính là dạy chúng ta không nên chấp trước tướng danh tự, tướng danh tự là giả, vừa chấp trước là sai rồi. Phật Pháp đáng sợ nhất là chấp trước. Chấp trước chính là lục đạo, nguyên nhân thực sự của lục đạo, chấp trước chưa buông bỏ được, quý vị sẽ không ra khỏi thập pháp giới. Cho nên sự việc này không thể không hiểu biết. Chúng ta làm sự việc gì chớ chấp trước. Không chấp trước mới có thể hằng thuận chúng sanh. Sự việc này làm, làm như thế này cũng tốt, làm như thế kia cũng tốt, không có gì là không tốt. Chúng ta phải kiên trì như thế nào đó là sai rồi, không cần thiết phải

kiên trì. Nếu như thực sự kiên trì thì kiên trì một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng. Vậy là quý vị đúng rồi, nhất định vãng sanh. Trong pháp thế gian bất cứ một pháp nào quý vị phải kiên trì thì quý vị không ra khỏi lục đạo luân hồi, tăng trưởng ngã chấp. Cửa này thật không dễ dàng đột phá được. Cửa đầu tiên đột phá rồi, thì sẽ dễ dàng, sau đó sẽ dễ dàng. Cửa đầu tiên là khó phá nhất.

“Niệm niệm lưu nhập Như Lai giác hải”, đây là nói Như Lai giác hải, là danh từ trong giáo lý Đại thừa, từ tiếng Phạn mà phiên dịch qua, cũng dịch là tánh hải, tự tánh, tánh hải. Ở trong kinh Phật có rất nhiều ví dụ. Biển ví dụ cho sâu, ví dụ cho rộng, lấy ý nghĩa này. Đại giác của Như Lai, đây là tự tánh giác, giống như biển vậy.

“Tu hành tinh tấn, vô năng du giả”. Đây là hai câu cuối cùng trong một đoạn nhỏ, nói đến việc tu hành. Người tu hành là từ dùng chung. Từ đời Tấn trở về sau, triều đại nhà Tấn về sau, chuyển thành thuật ngữ Phật Giáo. Tu hành cổ nhân Trung Quốc đã có nói đến, tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ, những cách nói này đều có trước Phật Giáo. Phật Giáo còn chưa truyền vào Trung Quốc. Hành là hành vi, khởi tâm động niệm là hành vi của tâm, khởi tâm động niệm, lời nói là hành vi của miệng, động tác là hành vi của thân. Hành vi có sai lầm, tu sửa nó trở lại, gọi là tu hành. Cho nên tu hành chúng ta thêm vào vài chữ nữa, thì sẽ dễ dàng hiểu được. Sửa đổi hành vi sai lầm là ý nghĩa này vậy. Cho nên nếu chư vị rõ ràng về nghĩa chân thật của những danh từ này, quý vị sẽ không nảy sinh những sai lầm nữa. Hiện tại rất nhiều người hiểu lầm. Cho rằng là gì? niệm Phật là tu hành, lạy Phật là tu hành, tụng kinh là tu hành, niệm chú là tu hành, có phải không? Chưa chắc. Miệng niệm A Di Đà Phật, trong tâm lại vọng tưởng, đó không phải gọi là tu hành. Như thế sao gọi là tu hành được. Cổ đại đức cho rằng: miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét rách cổ họng cũng hoài công, đó chính là nói họ không phải là tu hành. Thực sự dùng A Di Đà Phật để tu hành, đó là sự việc gì? trong tâm có Phật A Di Đà, trong miệng có Phật A Di Đà, đem tất cả những tạp niệm vọng tưởng đều buông bỏ hết, niệm cho hết nó, dùng một điều để đối phó tất cả vọng niệm, đây là tu hành, là thực sự tu hành. Đọc kinh phải chăng là tu hành? Đúng vậy. Không đọc kinh thì vọng tưởng. Tôi đọc kinh thì không có vọng tưởng nữa, ý niệm của tôi đều ở nơi kinh văn, đó là tu hành. Vừa đọc kinh vừa suy nghĩ xem câu này có ý nghĩa gì, đoạn kia có ý nghĩa là gì, đây không phải là tu hành, đó vẫn là đang vọng tưởng. Nhưng vọng tưởng này là thiện, không phải là ác. Bất luận là quý vị thiện hay ác, nói chung đều là đang vọng tưởng, quý vị đang tăng trưởng vô minh. Vì sao vậy? không đạt được định. Nương theo những phương pháp này mà tu hành, quý vị phải đắc định mới được. Trì giới, có rất nhiều người trì giới luật rất tốt. Họ đang tu hành sao? Bản thân họ cho rằng là tu hành, quý vị xem người khác không bằng tôi, giới tôi trì tốt như vậy. Đối với những người không trì giới kia họ nhìn thấy thì chán ghét, bản thân tự cho rằng rất giỏi dang, tăng trưởng phiền não. Quý vị xem trì giới, vốn là đắc định khai trí tuệ, họ trì giới trì được khá tốt, kết quả họ đạt được là gì? họ đạt được là phiền não, đạt được là cống cao ngã mạn, đạt được là khinh mạn người khác. Sai rồi! Cho nên hai chữ tu hành chúng ta phải hiểu cho rõ ràng. Có thể thực sự giúp đỡ quý vị hóa giải phiền não, giúp quý vị tiêu trừ tập khí, đây mới gọi là tu hành. Bất luận dùng phương pháp gì, nhà Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị phải biết dùng. Dùng phương pháp này chính xác cũng tức là giảm nhẹ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đây gọi là thật tu hành. Mục đích tu hành không gì khác, ngoài việc khôi phục tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác của bản thân. Chuyển thức thứ sáu thành diệu quán sát trí, đó chính là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí tuệ, gọi là diệu quán sát trí. Chuyển thức mặt na, mặt na

là chấp trước, không chấp trước nữa, tâm bình đẳng liền hiện tiền. Chuyện A lại ya thành đại viên cảnh trí chính là giác. Trên kinh đề của kinh này “thanh tịnh bình đẳng giác”. Thanh tịnh là A la hán, Bích chi Phật đã chứng được. Bình đẳng là Bồ Tát chứng được. Giác đó là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Phật chứng đắc được. Bất luận là phương pháp gì, tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ cần giúp quý vị khai phát thanh tịnh bình đẳng giác, là thật tu hành. Nói cách khác, bất luận dùng phương pháp gì, không những không thể khai phát thanh tịnh bình đẳng giác, mà là tăng trưởng tham sân si, tăng trưởng phân biệt chấp trước, là sai rồi. Vậy là quý vị không phải tu Phật đạo, không phải tu Bồ Tát đạo, quý vị tu là lục đạo luân hồi. Nếu như là niệm bất thiện vậy là quý vị tu ba đường ác, cũng là đạo, không sai, cũng là đạo, đạo không đồng. Quý vị hướng đến con đường nào để đi, bản thân phải rõ ràng, phải thấu đáo, như vậy mới được. Cho nên hai chữ tu hành này rất quan trọng.

Quý vị xem dưới đây nói, như lý mà hành giới định tuệ, gọi là tu hành. Điều đặc biệt quan trọng là hai chữ như lý này. Nếu như quý vị không như lý, tu giới định tuệ đều sẽ đi sai đường, giới định tuệ đều có tà vạy, khai mở tà huệ, đắc được tà định. Vậy là phiền phức lớn rồi! Nói thật thì ma cũng có định công. Nhất định không nên học Phật mà học đến ma đạo. Có người như vậy không? Có. Không những có mà còn rất nhiều, từ xưa đến nay, ban đầu là tâm tốt học Phật, cuối cùng lại học đến đường ma. Làm thế nào để ngăn ngừa? Vĩnh viễn trên con đường chánh đạo, không có tà vạy, vậy là phải nhờ kinh giáo Đại thừa. Nếu như quý vị dùng ý nghĩ của bản thân, tôi phải nghĩ phương pháp gì, phải tốt hơn những điều trong kinh nói, vậy là vấn đề nảy sinh rồi. Phương pháp quý vị nói hay hơn kinh điển nói, vậy thì quý vị thành Phật rồi, quý vị không phải là phàm phu nữa. Nếu như thực sự thành Phật rồi, Phật Phật đạo đồng, “pháp này bình đẳng, không có cao thấp”, quý vị nói phương pháp của quý vị vượt qua cả Phật, chắc chắn là tà đạo. Vì sao vậy? thực sự thành Phật thì bình đẳng với Phật, không có siêu việt. Phật chứng được giống như một hình tròn vậy, quý vị không thể tăng, không thể giảm, Phật Phật đạo đồng. Không những là thượng thượng trí, tiểu trí tuệ, chúng ta nói Tu đà hoàn, nói A la hán, đây là quả vị thấp nhất trong Phật Pháp, tiểu quả. A la hán là tiểu quả, Tu đà hoàn là tiểu tiểu quả, họ đều khiêm tốn, đều thành thật, tuyệt đối không có ngạo mạn.

Khổng Tử trong Luận Ngữ có nói: Nếu như có tài có đức như Chu Công mà kiêu mạn keo lãn, thì những thứ khác không cần xét đến nữa. Câu nói này của phu tử là một tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn của ai? Bản thân chúng ta trên con đường học Phật, phải thời thời khắc khắc cẩn thận, ta có kiêu mạn, kiêu ngạo hay không, có keo kiệt hay không? Nếu như có, bản thân phải nhanh chóng quay đầu. Vì sao vậy? Vì con đường chúng ta trở nên kém cỏi rồi. Thánh hiền thế gian tham, sân, si, mạn, nghi đều rất nhạt, họ chưa hoàn toàn đoạn hết, họ hoàn toàn không chế được nó trong một hạn chế nhất định nào đó, họ có thể hạn chế được, là Thánh hiền thế gian.

Chúng ta ngày nay cầu mong đại đạo xuất thế gian, một lòng muốn trong một đời này thực sự thoát khỏi lục đạo thập pháp giới, thì tập khí này không thể có. Có một chút ít tập khí, sẽ tạo thành sai lầm nghiêm trọng của quý vị. Công phu này luyện ở đâu? Chính là trong cuộc sống hằng ngày, xử sự đối nhân tiếp vật, luyện ở trong đó. Thực sự tu hành họ mới biết được, chúng sanh đối với chúng ta ân đức lớn biết bao! Không có họ ta đến đâu mà tu. Tôi mỗi ngày đối diện cảnh giới, tu những gì? xem khởi tâm động niệm của bản thân. Ta khởi lên là tâm gì, động niệm là niệm gì, còn có tự tư tự lợi, còn có danh văn lợi dưỡng. Không được! Hoàn toàn thất bại rồi. Trước đây nói rồi. Thuận cảnh, hoàn cảnh tốt, thiện duyên, nhân

duyên tốt, không thể có may mắn tâm tham luyện, điều này dễ sinh tham luyện nhất. Hoàn cảnh không tốt, người đều là người xấu, không có người tốt nào, luyện những gì? không sanh oán hận. Nói cách khác, thuận cảnh thiện duyên giúp chúng ta buông bỏ tham si, đây là tam độc phiền não. Nghịch cảnh ác duyên giúp chúng ta buông bỏ sân si, tham sân si, từ đâu mà đoạn? đoạn từ đây. Tham sân si đoạn rồi tất cả những phiền não đều đoạn hết. Bởi vì nó là ba cái gốc. Mạn thuộc về một phần trong sân nhuế, nghi là thuộc về một phần của si. Tất cả đều quy về chính là ba độc tham sân si, không sai tí nào. Cũng tức là nói chúng ta trong cuộc sống hằng ngày trong việc mặc áo ăn cơm, công việc đều phải đoạn tham sân si. Vậy là quý vị thực sự biết dụng công, quý vị thực sự biết tu hành rồi. Không tinh tấn được làm cho được thực sự không dễ dàng. Trong pháp môn Tịnh Tông, chỉ dạy quý vị tinh tấn được một câu A Di Đà Phật, ý niệm đó vừa khởi, niệm tham sân vừa khởi, đây gọi là niệm sơ khởi, không sợ niệm khởi, Vì sao vậy? tập khí. Tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, phàm phu mà, làm sao không khởi tâm động niệm được? Niệm vừa mới khởi lên, A Di Đà Phật, chuyển đến A Di Đà Phật, chuyển được nhanh! Niệm đầu tiên khởi lên, niệm thứ hai chính là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật làm cho tham, sân, si, mạn, tự tư tự lợi buông bỏ hết. Chỉ có một câu danh hiệu Phật có thể làm cho kiên trì tiếp tục, thì có lý gì mà không thành tựu được? Chắc chắn vãng sanh, vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc vĩnh viễn siêu việt thập pháp giới. Cho nên hai chữ “như lý” này vô cùng quan trọng.

Ngày nay chúng ta vì sao vẫn phải nghiên cứu kinh giáo? Vì xa rời kinh giáo thì lý y cứ của chúng ta liền không còn nữa, vậy thì hành giới định tuệ cũng rất khó thành tựu. Giới định tuệ và đạo lý trong kinh giáo nhất định phải tương ứng. Đây gọi là tu hành. Tức là hành pháp trong bốn pháp giáo, lý, hành, quả của Phật Giáo. Kinh điển là sách giáo khoa. Văn tự là giáo. Thế Tôn năm xưa tại thế là dùng ngôn ngữ dạy, văn tự là phù hiệu của ngôn ngữ, Bồ Tát Mã Minh dạy cho chúng ta không nên chấp trước ngôn ngữ. Nói cách khác, chúng ta cũng không thể chấp trước văn tự. Văn tự nhiều ít không sao cả, chỉ cần lý nói cho suốt, nói cho rõ ràng là được, không nên nhọc tâm trên văn tự. Kinh là tự tiếng Phạn mà dịch ra, phần tử tri thức, chúng tôi năm xưa mới học Phật đều có nghi vấn này, họ dịch có chính xác không? Chúng ta nghĩ xem một thiên cổ văn, ở trường lúc đi học đọc một thiên cổ văn, bạn học có đến ba bốn mươi người, thầy giáo nói các em dùng văn bạch thoại viết đoạn văn này thành văn bạch thoại, ba bốn mươi bạn học viết ra không có ai viết tương đồng cả. Đây không phải là dịch kinh sao? Vậy phải làm sao? Chỉ cần ý nghĩa đúng là được rồi. Mỗi người phiên dịch đều khác nhau, ý nghĩa đúng là được rồi, không cần thiết phải chấp trước văn tự của nó, ý nghĩa đúng là được rồi. Thầy giáo cho điểm cũng dùng tiêu chuẩn này. Điều này trong Phật Pháp nói “y nghĩa bất y ngữ”, chính là đạo lý này. Cho nên giáo vô cùng quan trọng. Đặc biệt là trong thế giới này, Quán Thế Âm Bồ Tát ở trong hội Lăng Nghiêm giảng rất hay, nói căn tánh của con người ở địa phương chúng ta, thế giới Ta bà, căn tánh ở thế giới Ta bà thì nhĩ căn hữu dụng nhất. Nhìn, nhìn không rõ ràng, họ nghe rất rõ ràng, cho nên nói tai lợi hại hơn mắt. Quán Thế Âm Bồ Tát nói “thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn”, nên Phật Thích Ca Mâu Ni lúc tại thế không dùng văn tự, dùng lời nói. Khổng lão phu tử tại Trung Quốc năm xưa dạy học cũng là lời nói, không dùng văn tự. Văn tự đều là thầy giáo qua đời rồi, học trò mới ghi chép nó lại, giống như Luận Ngữ, chính là học trò của Khổng Tử ghi chép lại những ngôn hạnh năm xưa Khổng Tử còn tại thế, để lưu truyền cho hậu thế. Phật Thích Ca Mâu Ni 49 năm giảng kinh thuyết pháp, không có văn tự, học trò nhiều như vậy, ngày ngày đều nghe, không có ghi chép, không có ai ghi lại. Cho nên những

lời nói trong kinh điển rất có lý: “Phật dùng một âm mà thuyết pháp, chúng sanh tùy loại mà hiểu được khác nhau, chúng ta biết được vào lúc đó, ngôn ngữ chắc chắn không thống nhất.

Trung Quốc vào thời Xuân Thu chiến quốc có ngôn ngữ, có văn tự, nhưng không thống nhất. Thời nhà Chu, trong sách sử ghi chép có tám trăm chữ hầu, cũng tức là nói khu vực Trung Quốc này từ lưu vực Hoàng hà đến lưu vực Trường giang, còn chưa đến Châu giang, tức là khu vực trung nguyên hiện nay, có bao nhiêu quốc gia? Hơn 800 quốc gia. Mỗi một quốc gia có văn tự của nó, có ngôn ngữ của nó, ngày nay chúng ta nói là tiếng địa phương. Vì vậy quý vị thấy chữ Triện, chúng ta thường thấy nhiều nhất, trên cái ly này in một trăm chữ phước, một trăm chữ thọ, cách viết đều không giống nhau. Vì sao vậy? đó đều có căn cứ, không phải là tùy tiện viết ra, đều là văn tự các địa phương đương thời không giống nhau, cách viết khác nhau. Văn tự đến đời Tần mới thống nhất được. Cho nên vào thời Hạ Thương Chu đều chưa thống nhất, cách viết đều khác nhau. Vì thế ở đây chúng ta nói về giáo, trong giáo điều quan trọng nhất là lý. Văn tự và ngôn ngữ đều giải thích cho lý, phải nói rõ ràng về lý.

Từ Hoàng đế đến triều Chu, chúng ta nói đến thời đại của Khổng Tử, cũng khoảng 2500 năm, Hoàng đế phát minh ra văn tự mới bắt đầu có ghi chép. Lúc đó văn tự viết ở đâu? Hiện nay chúng ta nhìn thấy giáp cốt văn chính là đó. Sau này quý vị nhìn thấy chung đỉnh văn, đó cũng là nơi viết, là dùng dao, vào thời Hạ Thương Chu đã rất tiến bộ, dùng thẻ trúc, khắc lên trên thẻ trúc, đem văn tự khắc vào thẻ tre, đem những thẻ tre này kết nối lại với nhau bằng dây, gọi là trúc giản, văn dĩ tải đạo. Vì vậy văn tự chú trọng đơn giản không nên phiền phức. Việc khắc chữ đó thật không dễ dàng, rất mất công, nên càng đơn giản càng tốt. Đây là Trung Quốc từ xưa truyền lại được, giản tức tường tận, chú trọng bốn nguyên tắc, phải đơn giản, phải dứt khoát, phải tường tận, phải rõ ràng, không được hàm hồ, người ta xem không thể để cho họ xem sai ý nghĩa. Ngôn ngữ và văn tự đều chú trọng bốn chữ “giản yếu tường minh”, phù hợp với điều này là văn chương tốt, ngôn ngữ tốt, không lung củng tí nào. Không có trường thiên đại luận, văn chương trường thiên đại luận gần như đến đời Hán, Tần Hán, đến thời đại Xuân Thu thì gần như trường thiên đại luận xuất hiện rồi, trước đó rất ít. Cho nên điều này không thể không biết. Lý rõ ràng rồi điều quan trọng chính là thực tiễn. Làm thế nào đem những lý luận, đạo lý này thực tiễn vào cuộc sống, thực tiễn vào công việc, thực tiễn vào trong xử sự đối người tiếp vật, vậy là quý vị thực sự làm được rồi, thực sự lợi ích được rồi.

Quả là chứng quả, mới có một thành tựu viên mãn, trong bốn pháp quan trọng nhất là hành, quý vị không thể thực tiễn toàn là không, vậy là trở thành huyền học, làm cho xã hội đại chúng không đạt được lợi ích chân thật. Cổ Thánh tiên hiền, không ai không lấy quần chúng để cân nhắc, niệm niệm đều vì đại chúng, thứ để cho đại chúng học tập nhất định phải đơn giản, để mọi người phổ thông đều có thể tiếp thu được. Cho nên Trung Quốc thời thượng cổ, lúc đó chưa có văn tự truyền xuống, tôi tin rằng ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức đều từ thời thượng cổ truyền xuống, nó đơn giản, thực sự vấn tất, truyền đời này qua đời khác sẽ không truyền sai. Quý vị nói xem ngũ luân chỉ vài câu: “phụ tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”. Như vậy làm sao mà truyền sai được? Sẽ không truyền sai. Ngũ thường càng đơn giản hơn, chỉ năm chữ: nhân nghĩa lễ trí tín. Sẽ không truyền sai, truyền một vạn năm, truyền mười vạn năm, cũng không truyền sai. Đời này qua đời khác có thể truyền xuống được. Tứ duy chỉ bốn chữ: lễ nghĩa liêm sỉ. Bát đức có tám chữ: hiếu đễ trung tín, nhân ái hòa bình. Trung Quốc mấy ngàn năm nay tinh hoa của tổ tông dạy học chính là mấy chữ này, sau này diễn biến thành thập tam kinh, ngũ kinh,

thập tam kinh. Đến Thanh triều sơ niên Càn Long biên thành Tứ Khố Toàn Thư, cương lĩnh chung không ngoài bốn điều chính là ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Nghiên cứu của hậu nhân đem những thứ phát minh này giảng giải rõ ràng, làm thế nào để thực tiễn nó, thực tiễn giáo dục khắp thế gian. Cho nên có thể tạo thành quốc gia trường trị cửu an, tạo thành văn hóa đời đời bất diệt, chính là nhờ những thứ này. Điều này phải có người làm, thực sự thực hành, đều làm được rồi, là Thánh hiền, làm chưa viên mãn lắm là hiền nhân. Có thể làm được một nửa là quân tử, để cho những người này dẫn đầu. Họ làm được rất tốt, họ đã cảm hóa được một phương. Người phương đó có cần thiết mở lớp để dạy cho họ? không cần thiết. Tuyệt đại đa số người nhìn thấy những tấm gương sáng này, liền học với họ, không có trường học, gia đình quý vị tốt, cả thôn trang đều học theo quý vị, quý vị liền giáo hóa cả thôn trang. Đất nước của quý vị tốt, ngày xưa nước đó rất nhỏ, không lớn bằng một huyện ngày nay, không có. Đại khái chỉ lớn bằng như một hương trấn thôi, đó chính là một nước. Quý vị xem người Trung Quốc thường nói về Chu Văn Vương, mọi người nghe Văn Vương đều vô cùng cung kính. Nước của Văn Vương lớn chừng nào? Chưa lớn bằng một huyện hiện nay. Trong sách nói với chúng ta 100 dặm, 100 dặm là dặm của Trung Quốc, so với ki lô mét hiện nay thì 100 dặm chính là 50km. Phạm vi 50 dặm là nước Chu. Một nước này làm được tốt, vì sao vậy? Hoàn toàn thực tiễn văn hóa truyền thống. Cũng giống như chúng ta ngày xưa ở Thang Trì làm một tiểu trấn vậy. Trở thành điều gì? Trở thành tấm gương cho rất nhiều quốc gia. Mỗi quốc gia đều đến tham quan, đều đến học tập với họ, tôn xưng họ là thiên tử. Thiên tử đó không có chính quyền hành chính. Quý vị không quản được quốc gia của người khác, quý vị chỉ có thể quản địa bàn của bản thân. Thang thì càng nhỏ hơn, Thang chỉ 70 dặm mà làm vua thiên hạ. Văn vương dùng 100 dặm làm vua thiên hạ, vua thiên hạ là điểm thị phạm tốt nhất của thiên hạ. Mọi người đều học tập với họ, tôn xưng họ là thiên tử. Một điểm thí nghiệm làm tốt rồi, quý vị nghĩ xem ảnh hưởng hiện tại nói là toàn Trung Quốc, lúc đó là thiên hạ, khởi ảnh hưởng lớn đến như vậy. Các triều đại Trung Quốc mỗi triều đại đều có một điểm thị phạm. Điểm thị phạm đó là gì? Địa phương cư trú của đế vương gọi là kinh sư, quý vị thử nghĩ xem hai chữ này ý nghĩa là gì? Kinh nghĩa là lớn, ngày nay chúng ta nói là đại đô hội. Sư là gì? Sư phạm. Khu vực này có thể làm gương cho tất cả các thành thị. Huyện thị trưởng của các địa phương vào thời xưa đại khái đều là tiến sĩ xuất thân, thi cử của tiến sĩ là điện thí. Hoàng thượng đích thân khảo thí, nói cách khác đều từng đến kinh sư. Tương lai phái họ làm huyện thị trưởng, họ đều hiểu được kinh sư là làm như thế nào. Đó là hình mẫu rất tốt. Dùng thứ gì làm trung tâm? Dùng văn hóa làm trung tâm. Không giống như hiện nay, hiện nay dùng thương nghiệp làm trung tâm. Thương nghiệp làm trung tâm, quốc gia này nhất định sẽ loạn, nhất định có vấn đề. Vì sao vậy? Thương nghiệp cầu sự giàu có, sự giàu có thì con người ắt sẽ tranh nhau. Mọi người đều muốn tranh giành quyền lợi, thì quốc gia này vấn đề đến rồi.

Hơn hai ngàn năm trước quý vị thấy Mạnh Tử gặp Lương Huệ Vương, chư vị thấy Mạnh Tử bộ sách này chương đầu tiên chính là- Mạnh Tử còn đáng thương hơn cả Khổng Tử, Khổng Tử sinh vào thời Xuân Thu, Mạnh Tử sinh vào thời Chiến Quốc, loạn thế! mọi người đều tranh lợi. Khổng Tử vào thời đó vẫn nói một ít đạo nghĩa, chưa chắc đã thật làm, miệng còn nói, đến thời đại của Mạnh Tử, miệng cũng không nói đến nữa, đạo nghĩa không còn nữa. Chiến loạn này mãi cho đến nhà Hán mới thực sự thống nhất. Trật tự xã hội này mới khôi phục lại. Khôi phục là nhờ vào điều gì? Điều này không thể không tán thán Hán Vũ Đế. Hán Vũ Đế dùng Nho, ông tiếp thu kiến nghị của Đổng Trọng Thư dùng học thuyết Khổng

Mạnh, làm thành phổ cập giáo dục cho toàn dân. Xã hội này mới có “văn cảnh chi trị”. Cục diện tiêu khang xuất hiện rồi. Cũng tức là dường như đã đạt đến được như thời đại của Hạ Thương Chu. Thời nhà Đường có Trinh Quán, có Khai Nguyên, mỗi triều đại đều có một thời kỳ thực hành việc dạy học văn hóa truyền thống, cho nên con người không thể tranh lợi. Điều này bây giờ phải từ trên nhân quả mà nói, lợi có thể tranh giành mà được không? Nếu như thực sự tranh giành được lợi, Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ dạy chúng ta tranh lợi, Khổng Tử sẽ dạy chúng ta tranh lợi, tranh không được, trong mạng có sẵn. Trong giáo dục nhân quả nói rất hay, một đời đều là mệnh, không mấy may do người. Quý vị có thể tranh được hay sao? Người ta làm việc buôn bán phát tài, là trong mệnh đã có. Trong mệnh quý vị không có quý vị có hiểu được sự phát tài kia dùng phương pháp lý luận gì cũng đều vô ích. Quý vị làm việc buôn bán bị lỗ vốn, người ta buôn bán kiếm được tiền, trong mệnh đã có!

Khổng lão phu tử nói “ngũ thập nhi tri thiên mệnh”, tâm định rồi. Quý vị làm quan, làm đến chức vị gì cũng là trong mệnh đã định rồi. Quý vị hà tất phải cầu. Cạnh tranh là một sai lầm rất lớn, là căn nguyên của động loạn, không những xã hội động loạn, tất cả những căn nguyên của tai nạn trên trái đất, điều này kinh Phật nói rất thấu triệt. “Cảnh tùy tâm chuyển”. Cảnh là môi trường trái đất chúng ta cư trú, tùy theo ý niệm chúng ta mà chuyển. Ý niệm của chúng ta thiện, núi sông đất đai mỗi mỗi đều thiện; Ý niệm của chúng ta bất thiện, núi sông đất đai toàn đều hư hoại hết, đạo lý này chính là ở đây vậy. Rất quý hóa ngày nay các nhà khoa học, các nhà lượng tử vật lý học cũng đã phát hiện. Những điều họ nói và những điều trong kinh Phật nói giống nhau. Họ đề xuất xã hội động loạn, trái đất thiên tai có thể cứu được không? Đáp án là chắc chắn có thể. Cách cứu như thế nào? Chỉ cần chúng ta mỗi người đem tâm thái sửa đổi lại, vấn đề liền giải quyết được. Điều này và Phật Pháp nói là cùng một đạo lý, cảnh tùy tâm chuyển.

Ở Trung Quốc có thể khôi phục được truyền thống giáo dục ngàn vạn năm trước, chúng ta có thể đem Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức đều làm ra được. Không những xã hội an định thiên tai cũng không còn nữa. Trong Phật Pháp Đại thừa nói với chúng ta, chỉ cần chúng ta mỗi ngày làm cho tốt Thập thiện nghiệp đạo thiên hạ sẽ thái bình. Thập thiện nghiệp đạo bao gồm cả bốn khoa trong truyền thống của Trung Quốc, tức là bốn khoa mục. Bốn khoa mục này chúng ta đều phải ghi nhớ, rất đơn giản. Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, quý vị xem tổng cộng có tám chữ. Khởi tâm động niệm nói năng hành động, đều nên tương ứng với bốn khoa mục này, đó chính là Thánh hiền. Trong Phật Pháp chúng ta khởi tâm động niệm có thể tương ứng với Thập thiện nghiệp đạo thực sự là đệ tử Phật. Tu lục độ chính là Bồ Tát. Tu Phổ Hiền Thập nguyện quý vị chính là Phật. Đạo của Thánh Hiền, đơn giản không phức tạp, rất đơn giản, không lung củng. Thực hành trong cuộc sống hằng ngày, Phật đặc biệt đề xuất lục hòa kính, sáu điều. Làm cho xã hội chúng ta hòa hợp, làm cho thế giới hòa bình. Chữ “kính” này vô cùng quan trọng, phải khiêm nhường, phải cung kính, thực hành được khiêm và kính, tất cả đều cung kính. Điều này trong nhà Nho cũng nói. Lễ ký thiên thứ nhất câu thứ nhất: “khúc lễ viết, vô bất kính”. Lễ là gì? Không có gì không dùng tâm cung kính để đối đãi, đó chính là lễ. Cho nên tu hành quan trọng. Con người nêu như không tu hành, những thứ học được đều là giả, không phải là thật. Con người nêu như không học, nếu không thật làm, cổ nhân nói rất hay, không khác gì cầm thú. Con người là một loại động vật, cho nên khác với cầm thú là họ có tu hành.

Dưới đây nói tinh tấn. “Tinh tấn là siêng năng”, cần mẫn. Từ Ân Thượng Sanh Kinh Sớ nói: tinh là tinh thuần, không có ác xen vào. Trong đó không có tà ác, không có xen tạp, đây

gọi là tinh, tinh thuần. “Tinh là thăng tiến”, thăng là nâng cao, tiến là tiến bộ. “Không giải đãi”. Hai chữ tinh tấn này, giải thích trên chữ nghĩa, Thượng Sanh Kinh Sớ nói: “hựu du giả” vô năng du giả. Chữ “du” này là siêu việt, nghĩa là vượt qua, nó có siêu việt, có vượt qua, có thắng, đây là thắng qua, nó có những ý nghĩa này ở trong đó. “Hai câu này tổng kết trên văn”, chính là “tu hành tinh tấn, không có gì không vượt qua”, đây là tán thán tỳ kheo Pháp Tạng, họ có thể làm được, “tu hành tổng quát những điều hạnh ở trên”. Những điều Phật dạy họ đều có thể làm được.

Tịnh Tông học hội thành lập, đây đều là nhân duyên. Tôi rời tổ quốc mấy mươi năm, lần đầu tiên về nước hình như là thập niên 80, là năm 1987, hay là 1988 gì đó, không còn nhớ rõ nữa. Ở Mỹ tôi liên hệ được với Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ biết được ông đang ở Đại lục hoàng dương bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ, tôi vô cùng hoan hỷ, bởi vì vào thời đó, hoàng dương bản này không có ai, ở hải ngoại chỉ có một mình tôi, Trung Quốc đại lục chỉ có mình ông ấy, chúng tôi hiện nay đã gặp được một người chí đồng đạo hợp, vô cùng hoan hỷ. Ở Mỹ tôi gọi điện thoại, liên hệ được rồi, chưa gặp mặt được, bởi vì thời gian ông ấy ở lại rất ngắn, ở lại Mỹ một tháng thì trở về nước, tôi liền đến Đại lục để thăm ông ấy, đến Bắc kinh thăm ông ấy, sau khi gặp mặt ông ấy liền nói với tôi hi vọng tôi ở hải ngoại thành lập Tịnh Tông học hội, đây là nguyện vọng của lão cư sĩ Hạ Liên Cư từ lâu đã đề xuất rồi, nhưng ở Đại lục lại không thực hiện được, hi vọng tôi ở hải ngoại làm được, cho nên Tịnh Tông học hội thứ nhất của tôi ở hải ngoại tại Vancouver Canada. Tịnh Tông học hội ở Canada là học hội đầu tiên, học hội thứ hai ở San Jose, San Jose California ở Mỹ, Tịnh Tông học hội Mỹ. Nghe nói học hội ở Canada vẫn còn. Có đồng học nói với tôi vẫn còn. Ở Mỹ phát triển cũng khá, Dương Nhất Hoa chủ trì. Ở Mỹ nhiều năm như vậy, chỉ ở Mỹ và Canada có khoảng hơn 30 Tịnh Tông học hội. Tịnh Tông học hội trên thực tế chính là Liên xã của ngày xưa, chỉ đổi danh xưng mà thôi. Danh xưng này là hiện đại hóa, mọi người nghe ra có vẻ rất mới mẻ, không giống như Liên xã trước đây, mọi người vừa nghĩ đến Liên xã, liền nói là Tôn giáo, là mê tín. Cho nên ông ấy cho rằng phải đổi tên, tên không chính tức ngôn không thuận. Tất cả đạo tràng Phật Giáo đều nên đổi thành học hội. Thiên Thai tông là Thiên Thai học hội, Hoa Nghiêm học hội, danh xưng như vậy. Cho nên chúng tôi liền đổi thành Tịnh Tông học hội. Hạ lão cuối đời chuyên niệm Phật chuyên tu Tịnh Tông, cho nên Tịnh Tông học hội là ông ấy đề ra, chúng tôi ở nước ngoài thực hiện. Hiện tại trên toàn thế giới có khoảng hơn 200 Tịnh Tông học hội. Nhưng học hội này mỗi mỗi đều độc lập, hành chính độc lập, nhân sự độc lập, tài vụ độc lập. Chỉ có lúc tổ chức hoạt động chúng tôi hỗ trợ chi viện cho nhau. Không có tổ chức, chúng tôi không có tổ chức, không có trên dưới, mọi người đều bình đẳng như nhau. Toàn là tự động tự phát, chúng tôi toàn lực giúp đỡ họ, hiệp trợ cho họ trên giáo lý hành quả. Cho nên bất luận giảng kinh ở đâu dùng mạng internet, họ đồng bộ đều có thể thu nghe được. Truyền hình vệ tinh lại càng thuận tiện hơn, 24 tiếng đồng hồ không gián đoạn. Chúng tôi dùng phương pháp này để liên hệ, chúng tôi không có quản hạt, mỗi mỗi đều là độc lập. Thỉnh thoảng chúng tôi đi thăm viếng, đi tham quan, dường như đều có những sự việc khác, mà không phải chỉ đi tham quan. Chỉ đi tham quan thôi thì không có thời gian. Thời gian của chúng tôi, đặc biệt là tuổi tác lớn rồi, thời gian vô cùng quý báu. Tất cả đều dùng vào việc giảng kinh, chia sẻ. Sự học tập của chúng tôi chia sẻ để mọi người làm tham khảo. Nơi bồi dưỡng nhân tài hoàng pháp tất cả đều dùng học viện. Nên chúng tôi cũng tại Úc châu kiến lập một Tịnh Tông học viện bồi dưỡng nhân tài hoàng pháp, nhân tài hoàng pháp và hộ pháp. Tịnh Tông học hội thành lập ở nước ngoài, đều thuộc về cơ cấu tôn giáo. Đầu tiên học viện

tại Úc châu lúc chính phủ phê chuẩn, cũng là tôn giáo, nhưng sau ba năm nhân viên chính phủ đến chỗ chúng tôi khảo sát, phát hiện những gì? Họ nói quý vị không phải là tôn giáo, quý vị đang giáo dục, cho nên quy nạp chúng tôi vào giáo dục xã hội, tức không phải là tôn giáo nữa, quy về trường học, điều này thật hiếm có, vô cùng hiếm có. Trên thực tế Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa tại thế, một đời làm được là giáo dục xã hội, một đời dạy học. Những hành vi tôn giáo trong suốt hành nghi của đời Ngài không tìm ra được. Suốt đời đều dạy học. Cho nên chúng ta tôn xưng Phật Thích Ca Mâu Ni là thầy giáo, xưng bốn sư. Chúng ta tự xưng là đệ tử. Quan hệ của chúng ta và Phật Thích Ca Mâu Ni là quan hệ thầy trò. Bồ Tát, A la hán đó là những học trưởng trong quá khứ, đều là học trò của Phật. Chúng ta và Bồ Tát là đồng học trước và sau. Quan hệ phải làm cho rõ ràng. Họ không phải là thần, họ cũng không phải là tiên. Họ là con người.

Học Phật nhất định phải đem Phật Giáo trở về với giáo dục. Phương hướng, mục tiêu này là năm xưa lúc mới học Phật, Chương Gia đại sư ban cho tôi. Ngài khuyên tôi xuất gia, yêu cầu tôi học Phật Thích Ca Mâu Ni, quyển sách đầu tiên bảo tôi đọc là Thích Ca Phương Chí, Thích Ca Phổ, tức là truyền ký của Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi hoàn toàn tiếp thu. Vậy nên vừa xuất gia liền bắt đầu giảng kinh dạy học, đến năm nay 52 năm, tôi vô cùng cảm tạ thầy giáo. Nếu như không phải chỉ đạo của thầy giáo, cho dù xuất gia cũng sẽ không có thành tựu. Điểm tốt của tôi chính là vâng lời. Tôi đối với thầy giáo thâm tín không nghi. Điều thầy giáo dạy tôi, tôi chăm chỉ nỗ lực học tập, quý là ôn trời che chở, thọ mạng kéo dài, điều này đối với tôi giúp ích rất nhiều. Nếu như không có thời gian học tập dài như vậy, không có cách gì khế nhập cảnh giới. Huân tập 52 năm kinh giáo rất nhiều thứ có thể nhìn thấy được rồi, thời gian ngắn quá thì không được. Tôi học Phật tổng cộng là 59 năm, giảng kinh 52 năm. 59 năm kiên nhẫn miệt mài, mỗi ngày không xa rời kinh quyển, bình quân mỗi ngày đọc kinh bốn tiếng đồng hồ. Tôi rất hi vọng giảng kinh cũng có thể được bốn tiếng đồng hồ. Hiện tại giảng bốn tiếng vẫn không có vấn đề gì. Nhân duyên thôi. Tất cả tùy duyên. Sống ở trên thế giới này không có việc gì khác, chỉ là giảng kinh. Sống một ngày giảng một ngày. Ngoài giảng kinh ra tất cả đều buông xuống hết, từ lâu đã buông hết rồi. Vậy nên cuộc sống vô cùng đơn thuần.

“Chư hành như vậy hết thảy đều tinh cần thẳng tiến, nên nói tu hành tinh tấn, đức hạnh của tỳ kheo Pháp Tạng không ai có thể sánh kịp nên nói là “vô năng du giả”. Đích thực, Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta giới thiệu rất tường tận. Vô cùng xác thực là có thể lãnh hội được tỳ kheo Pháp Tạng, bất luận là thiện căn, phước đức, nhân duyên cho đến sự phấn đấu của ngài, sự cầu học tinh tấn, đều không có ai có thể sánh được với Ngài.

Chúng ta xem tiếp đoạn kinh văn dưới đây. Đoạn kinh văn này là tán Phật phát nguyện. “Vãng nghệ Phật sở đánh lễ trường quy, hướng Phật hợp chướng, tức dĩ già tha tán Phật phát quảng đại nguyện, tụng viết”. Đoạn này là nghi thức đầy đủ. “Vãng nghệ Phật sở” là nói tỳ kheo Pháp Tạng đi gặp Thế Gian Tự Tại Vương Phật, sau khi gặp Phật nhất định là đánh lễ quỳ gối chấp tay hướng đến Phật, tức là dùng già tha tán Phật. “Già tha” là kệ tụng. Trước đây chúng ta đã học qua 12 phần giáo, phát nguyện rộng lớn, đầu tiên phát nguyện, rồi hướng đến Phật mà thỉnh giáo. Đây là trước phát đại nguyện. “Tụng viết”, dưới đây là kệ tụng. Kệ tụng có hai bộ phận, phần trước là tán Phật, phần sau mới là phát nguyện. Tán Phật tổng cộng có hai bài kệ, hai bài kệ trước là tán Phật, phía sau là nói ra phát nguyện của Ngài.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 167

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 15.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 193, hàng cuối cùng, kinh văn.

“Vãng nghệ Phật sở, đánh lễ trường quy, hướng Phật hợp chướng, tức dĩ già tha tán Phật, phát quang đại nguyện, tụng viết.” Đoạn kinh văn này là lễ tiết khi gặp Phật.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Lão, đây là nói tỳ kheo Pháp Tạng đến dưới tòa của Thế Gian Tự Tại vương.

“Nghệ” là đến vậy, đi đến, “sở” là xứ sở, tức là xứ sở mà Phật đang có mặt. Phật không có nơi cư trú. Chư vị nên biết, khu vực giáo hóa của Ngài, địa phương giáo hóa, là khắp pháp giới hư không giới, cho nên chúng ta ở trong kinh đã nhìn thấy, quý vị xem: tôi nghe như vậy, một thuở nọ Phật tại ở một nơi nào đó, xưng “tại”, Ngài bây giờ ở đâu, không thể nói Ngài trụ ở đâu, bởi vì pháp giới hư không giới đều là nơi Ngài cư trú. Vào ngày xưa quốc vương, hoàng đế, Trung Quốc ngày xưa trải qua các triều đại, quốc gia này là quản hạt của họ, quốc gia này là nơi cư trú của họ, trong quốc gia này không thể nói họ sống ở đâu, “hành tại” hoàng đế hiện tại ông ấy đang ở nơi nào, gọi là “tại”, không nói là “trú”. Văn tự của Trung Quốc ý nghĩa rất sâu, thực sự mà nói chúng ta và Phật cũng không có gì khác. Phật không thể xưng là trú, chúng ta có thể xưng là trú sao? Chúng ta cũng là: anh đang ở đâu? Như vậy là chính xác. Nói anh đang trú ở đâu, lời này là giả. Vì sao vậy? quý vị ở thế gian này, trú tại thế gian này, mấy mươi năm mà thôi, sau mấy mươi năm, quý vị lại đổi đi nơi khác, lục đạo vừa chuyển, quý vị chuyển đến cõi nào, quý vị đến nơi khác rồi, mỗi cõi đều không phải là lâu dài, đều là tạm trú, cho nên nói lời chân thật chúng ta và Phật đều giống nhau. Phật là ở đâu cũng có, lúc nào cũng có. Bản thân chúng ta cũng như vậy, cũng là ở đâu cũng có, lúc nào cũng có, không khác gì Phật cả. Chỉ là Phật tự tại, Ngài tự do, chúng ta không tự tại, chúng ta bị nghiệp lực trói buộc, giống như chúng ta ngày nay ở nhân gian, cư trú tại Hongkong, chúng ta không thể đồng thời cư trú ở thế giới khác, Phật có thể làm được. Chúng ta nếu như thành Phật rồi, chúng ta và Ngài sẽ không khác, cũng có thể làm được. Cho nên từ trên lý mà nói tất cả chúng sanh và Phật là bình đẳng, trong kinh giáo Đại thừa Phật giảng rất rõ ràng, “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, vốn là Phật, nhưng do vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc. Phiền phức chính là quý vị hiện tại có vọng tưởng, quý vị có ý niệm. Ý niệm này hại quý vị làm cho quý vị không thể kiến tánh, không thể giống Phật được tự tại như vậy, vẫn còn phân biệt chấp trước nghiêm trọng. Có thể đem những thứ này buông bỏ hết, quý vị liền khôi phục bản lai diện mục của quý vị, bản lai diện mục thì quý vị chính là Phật, quý vị và mười phương chư Phật không có gì khác, không hai không khác. Học Phật mục tiêu cuối cùng chính là trở về với tự tánh, cũng tức là trở về với bản lai diện mục của chúng ta. Bộ kinh này chính là hướng dẫn chúng ta làm thế nào để trở về. Chúng ta học kinh giáo mục đích là ở đây vậy. Hiểu được tình trạng của toàn thể vũ trụ, sau đó tìm ra nơi trở về thực sự của chúng ta. Không nên lang thang trong lục đạo. Đây mới gọi là học Phật chân chánh.

Tỳ kheo Pháp Tạng làm gương cho chúng ta, quý vị xem ngài đến chỗ Phật, gặp được Phật, đây là có lễ tiết, đầu tiên hướng đến Phật hành lễ, đánh lễ.

Phạn ngữ “nam mô”, hiện nay chúng ta nam mô là dùng chữ nam trong đông tây nam bắc, mô là dùng chữ “vô” trong chữ hữu vô, dùng hai chữ này, đây là cô âm trong từ Trung Quốc cổ, dường như là âm của Quảng đông, Phúc kiến có một số âm vẫn là âm cô. Đọc chữ “vô” này là “mô”, “nam mô”, ý nghĩa của hai chữ “nam mô” này chính là đánh lễ. Chúng ta đọc Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, hướng đến Phật Thích Ca Mâu Ni đánh lễ. Nam mô A Di Đà Phật là hướng đến Phật A Di Đà đánh lễ. Nam mô là “quy mạng, khê thủ, đánh lễ”, có nhiều ý nghĩa như vậy. Đơn giản thì nói là “lễ”, chúng ta lễ Phật, lễ bái, đơn giản nói là lễ bái, nó có nhiều ý nghĩa như vậy. Nguyên văn là chữ Ấn độ, Nam mô là chữ Ấn độ, trong đó có rất nhiều ý nghĩa, dùng ý nghĩa quy mạng là tốt nhất. Quy mạng là chúng ta nhất tâm quy y Phật đà. Hoàn toàn tiếp thu giáo huấn của Phật đà, là ý nghĩa này. Chúng ta từ mê hoặc điên đảo quay đầu trở lại, nhất tâm hướng Phật, tiếp thu giáo huấn. Ý nghĩa này hay.

“Thường nói: đánh lễ Phật túc”, trong Phật môn, thường thức này mọi người đều biết. Người ở thế gian này, đầu là đỉnh, là tôn quý. Túc là dưới nhất. Dùng cái đầu tôn quý nhất của chúng ta để lễ bái hai chân Phật, đây là kính lễ nhất, đây là kính lễ nhất trong kính lễ. “Thứ mà ta quý nhất là đánh, thứ thấp nhất của người khác là chân vậy, dùng thứ mình tôn quý cung kính nơi thấp nhất của người, biểu thị lễ kính vô cùng. Cho nên đánh lễ là trong các phép lịch sự chúng ta ngày nay nói là lễ kính nhất, biểu thị ý nghĩa này. Chân thành, cung kính, hàm nghĩa ở trong đó là chân thành tiếp thu giáo dục của Phật đà. Đây là chân nghĩa của đánh lễ.

“Già tha” cũng là tiếng Phạn, “cựu tác kệ”, “cựu” là cựu trong chữ cựu tân, là chỉ cho những bản phiên dịch từ đại sư Huyền Trang trở về trước. Đó gọi là cựu dịch. Đại sư Huyền Trang về sau gọi là tân dịch. Đó là phiên dịch có tân cựu, là dùng đại sư Huyền Trang làm giới hạn. Tân dịch dịch là “tụng”, chữ tụng trong tán tụng. Ngày xưa dịch là kệ. Nhưng hiện nay hai chữ này đều thông dụng rồi, hơn nữa dùng vô cùng rộng rãi. “Tụng là tán thán, ca ngợi”, kệ cũng có nghĩa như vậy, kệ chính là tán thán, thi ca. Dùng ý nghĩa của kệ tụng có hai loại, có hai ý nghĩa.

Ý nghĩa thứ nhất là trong kệ văn ít chữ, có thể bao nhiếp nhiều nghĩa. Kệ tụng và thi ca Trung Quốc rất tương tự, nó cũng rất chỉnh tề.

Dưới đây chúng ta nhìn thấy kệ tụng trong kinh văn là thất ngôn. Giống như thơ của Trung Quốc, giống thi ca vậy. Một câu bảy chữ, bốn câu là một bài, bốn câu là một bài, trong một bài có nói rất nhiều sự việc, nói bốn sự việc, sáu sự việc đều có, cũng có bốn câu giảng một sự việc. Nó rất linh hoạt, hơn nữa gieo vần, gieo vần không nghiêm khắc như trong lời thơ của Trung Quốc, không nghiêm khắc như vậy. Nó cũng không quan trọng về đối bằng trắc, những thứ này nó đều không quan trọng. Trong Phật Pháp đây là một loại thể văn. Trước đây trong 12 phần giáo, chúng ta đều đã đọc qua rồi.

Đây là chữ ít mà hàm nhiều nghĩa, “dị giải dị tri”, đọc ra rất thuận miệng, cho nên dễ dàng ghi nhớ, cũng dễ dàng lý giải, đây là ý nghĩa thứ nhất.

Ý nghĩa thứ hai là kệ âm mỹ diệu, dùng để ngâm tán, có thể phổ nó thành ca khúc để diễn xướng, kệ tụng đều có thể diễn xướng. Đây là nói có hai ý nghĩa như vậy. Thông thường trong kinh giáo Đại thừa cũng có nói hai ý nghĩa, nhưng không giống ở đây nói lắm, hai ý nghĩa ở đây nói, trên thực tế chính là một ý nghĩa mà trong kinh giáo Đại thừa nói. Trong Cựu dịch là một ý nghĩa. Một ý nghĩa khác, đặc biệt đối với trùng tụng mà nói, Phật giảng

kinh dạy học, học trò không cố định, không giống như hiện nay trường học rất tề chỉnh, đều là báo danh để tham gia. Pháp hội giảng kinh của Phật không phải như vậy. Cho nên sẽ có người đến trước kể đến sau, người đến trước những điều Phật giảng họ đều nghe hết, vậy người đến sau thì sao, người đến sau chưa nghe được, ý nghĩa đoạn trước đã giảng họ chưa nghe được, Phật thường thường dùng phương thức kệ tụng này giảng lại một lần, làm cho người đến sau cũng có thể hiểu được đoạn trước Phật giảng những gì. Kiểu kệ tụng này gọi là trùng tụng. Quý vị xem văn trường hàng giảng rồi, sau đó dùng kệ tụng giảng lại một lần nữa, dụng ý là ở đây vậy. Chúng tôi Phật dạy học rất từ bi, ngay cả những học trò đến sau này Ngài đều quan tâm hết, đều chú ý đến, hiển thị rõ điều mà Phật Pháp nói không bỏ một người nào: “Phật thị môn trung, bất xả nhấ nhân”. Trong quá trình giảng kinh dạy học chúng ta đều có thể nhìn thấy.

Tỳ kheo Pháp Tạng đến trước Phật lễ Phật tán Phật, và phát nguyện rộng lớn như dưới đây. Thệ nguyện này ở ngay trong kệ tụng này, hiện tại đương lai tất cả chúng sanh đều nương theo nhất thừa nguyện hải này mà được độ thoát. Đây là nói Ngài ở đây tán Phật phát nguyện. Đối với khắp pháp giới hư không giới rất nhiều chúng sanh sản sanh ảnh hưởng. Đại nguyện thực sự là một câu “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, Bồ Tát phát đại nguyện này, giúp khắp pháp giới hư không giới tất cả chúng sanh khổ nạn, đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo. Giúp đỡ họ phá mê khai ngộ ly khổ đặc lạc. Ngộ nhất định phải nói đến cứu cánh giác ngộ, cũng chính là hiểu rõ triệt để. Nhân sinh vũ trụ chân tướng là gì, ly khổ, vĩnh viễn thoát ly lục đạo thập pháp giới, đây thực sự mới gọi ly khổ. Chưa thoát ly lục đạo thập pháp giới, khổ của quý vị không thể nào thực sự thoát khỏi được. Đây là mục tiêu chủ yếu của dạy học Phật Pháp.

Bây giờ chúng ta xem kệ tụng dưới đây, hai bài trước là tán Phật, hai bài là tám câu.

“Nhu Lai vi diệu sắc đoan nghiêm,
Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng,
Quang minh vô lượng chiếu thập phương,
Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu.
Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh,
Hữu tình các các tùy loại giải,
Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân,
Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến”.

Tám câu này, bài kệ trước là tán Phật quang minh tướng hảo. Thế gian này không có ai có thể sánh với Ngài. Bài thứ hai là nói về Phật âm, ngôn âm, thân tướng, dùng điều này để giáo hóa chúng sanh. Người Trung Quốc thường nói thân hành ngôn giáo, tỳ kheo Pháp Tạng đều đã làm được tất cả. Phật làm được rồi, ngài cũng làm được rồi, đại ý của hai bài kệ tụng này, chúng ta xem chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Lão. Bài tụng này trong Hán dịch mỗi câu là năm chữ, Ngụy dịch là bốn chữ, hai bản dịch của đời Đường Tống là bảy chữ. Ngộ dịch không có những câu kệ này, thiếu những bài kệ này. Đây là lời nhắc nhở của hội tập. Bốn câu kệ này là từ đâu mà có. Hai bản dịch Đường Tống nghĩa lý văn tự đều khá hay, nên nay bản hội tập cũng dùng kệ bảy chữ, là dùng hai dịch bản Đường Tống

“Đoạn đầu bài tụng này”, đây chính là quang tướng vô đẳng. Đoạn đầu là “tán thán Phật đức”. “Vi” là ý nghĩa nhỏ nhiệm, ý nghĩa tinh diệu. “Diệu” nghĩa là tốt, là thiện, là tinh. Đây đều là từ khen ngợi, có ý nghĩa là không thể nghĩ bàn, không thể so sánh. Báo độ báo thân của Phật sắc tướng không thể nghĩ bàn, gọi là diệu sắc. Nơi cư trú của Phật, có hình

tướng, cõi Thật báo trang nghiêm, Phật có cõi Thật báo trang nghiêm, chúng ta mỗi người đều có cõi Thật báo trang nghiêm. Điều này chư vị nên biết, thân và độ cũng không phải là thật. Từ đâu mà có? Dùng thuật ngữ các nhà khoa học để nói là từ tâm thái quý vị mà biến hiện ra, dùng thuật ngữ Phật Giáo để nói Phật trong kinh giáo Đại thừa thường nói, rất nhiều đồng học đều vô cùng quen thuộc, “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”, câu nói này Phật nói rất nhiều. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, khắp pháp giới hư không giới, tất cả những hiện tượng đến như thế nào, điều này nói rất rõ ràng, minh bạch, rất đơn giản, một, chỉ một câu đã nói rõ tất cả. Nhưng chúng ta những người học Phật, căn tánh của chúng ta rất độn, có thể nghe hiểu được không? Nghe ra dường như hiểu được, thực tế thì hiểu mà không hiểu. Quý vị nói thật hiểu rồi, quý vị không nói ra được vì sao nó như thế. Quý vị có thể nói ra được vì sao là tâm hiện thức biến không? Quý vị đem đạo lý này nói cho tôi nghe thử xem. Quý vị nói không ra được. Đến các nhà khoa học cận đại, chẳng qua cũng chỉ hai ba mươi năm lại đây, các nhà lượng tử lực học đã nói ra được, giống hệt như Phật giảng vậy. Họ nói ra cho chúng ta một đạo lý, chúng ta mới lật lại kinh Phật, điều Phật đã nói ba ngàn năm trước hiện nay họ đã phát hiện được rồi, không thể không khâm phục. Phát hiện này rất tốt, phát hiện rồi chúng tỏ một sự việc. Sự việc gì? Phật Giáo không phải là tôn giáo. Họ là khoa học, vậy Phật Giáo cũng là khoa học. Nó không phải là tôn giáo. Điều Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói ba ngàn năm trước, ba ngàn năm sau các nhà khoa học hoàn toàn chứng minh được, là thật, không phải là giả. Vì thế, chỉ cần là hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất đều không phải là thật. Hiện tại các nhà khoa học cũng khẳng định rồi, rốt cuộc cái gì là thật? Các nhà khoa học hiện tại còn chưa nói rõ ràng được, Phật nói rõ ràng rồi, Phật nói thực sự gọi là tự tánh, chân như, bản tánh, những thứ này là thật. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận nói: “chân như vô vi”, đây là thật, những thứ khác đều không phải là thật. Các nhà khoa học không có cách nào, không phát hiện được, Vì sao vậy? Bởi vì nó không phải là hiện tượng tinh thần, nó cũng không phải là hiện tượng vật chất, nó có mặt mọi nơi, có mặt mọi lúc. Nó là bản thể của tất cả vạn pháp. Bản thể này là danh từ của triết học, tuy nó không phải là cái gì cả, nó năng hiện tinh thần, nó năng hiện vật chất. Vật chất tinh thần là do nó sở sanh sở hiện, nó là năng sanh năng hiện. Bởi vì nó không phải là vật chất, mắt tai mũi lưỡi thân của chúng ta tiếp xúc không đến được, mắt nhìn không thấy, nó không phải là sắc pháp. Lỗ tai cũng nghe không được, nó không phải là âm thanh, mũi không ngửi đến được, nó không phải là mùi vị. Lưỡi cũng không nếm đến được, nó không phải là ngũ vị. Thân thể tiếp xúc không đến, sờ không đến nó. Đây chính là nó không phải là hiện tượng vật chất. Sáu căn của chúng ta, là tiền ngũ căn đối với nó không khởi tác dụng. Vậy là các nhà khoa học không có cách nào. Bởi vì nó không phải là hiện tượng tinh thần, cho nên ý thức thứ sáu cũng duyên không đến được. Thức thứ sáu là tư tưởng của chúng ta, quý vị không nghĩ đến được. Nó đích thực tồn tại, không có khi nào lúc nào không tồn tại. Nó là bản thể của tất cả vạn sự vạn vật, các nhà khoa học hiện tại đã tìm ra nguồn gốc của vật chất và tinh thần. Từ đâu mà có vậy? họ nói từ không sanh có. Nói như vậy cũng có lý. Tự tánh nó cái gì cũng không phải, chỉ đành nói là từ không sanh có, nói cũng rất hay. Hiện tượng vật chất là từ không sanh có. Hiện tượng tinh thần cũng là từ không sanh có. Hiện tượng vật chất từ không sanh có, họ nói rất thấu đáo. Tôi cảm thấy họ nói nghe còn dễ hiểu hơn Phật pháp. Họ nói là ý niệm, chính là niệm. Ý niệm tích lũy liên tục sản sanh một huyễn tướng. Vật chất là đến như vậy. Nhà khoa học biết, tất cả vật chất đều có thể trở về với năng lượng. Năng lượng và vật chất từ rất lâu rất lâu đã phát hiện ra rồi. Năng lượng và vật chất có thể hỗ tương chuyển biến. Năng lượng sẽ

trở thành vật chất. Vật chất có thể khôi phục đến năng lượng. Các nhà lượng tử lực học nói rất rõ ràng. Họ cho rằng vì sao? Đằng sau năng lượng còn có một thứ lực lượng thao túng nó, chính là ý niệm, chính là niệm. Phát hiện chân tướng sự thật này, phát hiện chân tướng sự thật này, đối với người hiện đại có những công hiến vô cùng lớn. Công hiến này là gì? Ngày nay chúng ta gặp phải khó khăn, khó khăn gì? Tai nạn. Tai nạn của tự thân là bệnh tật. Bệnh tật của người hiện tại rất nhiều bệnh không thể nào trị. Tai nạn của hoàn cảnh cư trú là trên trái đất, hiện tại nói là thiên tai tự nhiên. Chúng ta gặp được hai loại này không thể nào giải quyết được. Phát hiện này của các nhà khoa học đem lại cho chúng ta một tin vui, chúng ta có năng lực giải quyết vấn đề này. Giải quyết như thế nào? Tinh thần và vật chất đều là từ ý niệm mà phát sanh. Cho nên họ nói chỉ cần thay đổi tâm thái của chúng ta, hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất liền theo đó mà thay đổi. Thân thể chúng ta bệnh tật là tâm thái không tốt. Tâm thái như thế nào? Tự tư tự lợi, thị phi nhân ngã, tham sân si mạn. Đó là tâm thái không tốt, tức là trong Phật Pháp nói phiền não phân biệt chấp trước. Những thứ này có thể buông bỏ, khôi phục trở lại tâm thái tốt. Tâm thái tốt tương ứng với tánh đức của tự tánh. Lão tử tông nói với chúng ta hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình, những tư tưởng này tốt, niệm này tốt. Nếu như có ý niệm như vậy, bệnh của thân thể chúng ta khôi phục lại. Thân thể bệnh là tế bào của chúng ta biến thành vi rút. Căn nguyên của vi rút này là ý niệm bất thiện. Nói cách khác, bất trung bất hiếu, bất nhân bất nghĩa. Ý niệm như vậy dẫn chúng ta đến bệnh tật. Ý niệm của chúng ta vừa chuyển biến thân thể liền tốt lên. Cùng đạo lý như vậy, trái đất ngày nay nảy sinh phiền phức. Căn nguyên ở đâu? Căn nguyên vẫn là tâm thái chúng ta bất lương. Nếu tâm thái của chúng ta chuyển đổi, thì tất cả những thiên tai trên trái đất đều không còn nữa. Điều này ngày nay chúng ta để Phật Pháp xuống không bàn nữa, nhà khoa học nói với chúng ta, Phật nói với chúng ta cũng là như vậy. Chúng ta không tin Phật, Phật là tôn giáo, là mê tín. Khoa học cũng nói như vậy, quý vị có tin hay không? Khoa học ba ngàn năm sau và Phật Pháp ba ngàn năm trước đã nói như nhau, cùng một đạo lý, cùng một phương pháp. Cho nên khoa học hiện tại lớn tiếng tuyên bố nói: tôi có thể làm được, tôi thay đổi tâm thái tôi liền có thể làm được, khôi phục mạnh khỏe trường thọ, hoàn cảnh cư trú khôi phục an định hòa bình. Chúng ta cũng đem tin tức của Phật Pháp Đại thừa truyền cho những nhà khoa học, nói với họ những thứ mà quý vị phát hiện ba ngàn năm trước trong kinh đại thừa đã giảng qua rồi, giảng còn rõ ràng hơn quý vị, khiến cho giới khoa học này coi trọng Phật Pháp Đại thừa, đó thực sự như tiến sĩ Townenbe đã nói, giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21, giải quyết vấn đề biến dị của trái đất ở thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Không Mạnh và Phật Pháp Đại thừa. Nói không sai một tí nào. Đây là thật, không phải là giả.

“Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm”, sắc là vật chất. Đây là nói thân tướng của Ngài, tướng của Ngài tốt rồi. Đó là gì? Thuần thiện. Không có một mảy may ác niệm. Không có mảy may niệm tự tư tự lợi. Ngài có tướng hảo như vậy. Chư vị nên nhớ kỹ, mỗi chúng ta tướng hảo vốn có và những điều nói trong kinh vẫn ở đây đều giống hệt nhau. Phật có, chúng ta đều có, chúng ta vì sao không khôi phục? Lương tâm lương tâm, tâm quý vị vốn là tâm thiện lương, thuần tịnh thuần thiện, hiện tại tâm quý vị là gì? Hiện tại tâm quý vị là thùng rác, quý vị đem những thứ dơ dáy của quý vị và người khác đều để ở trong tâm, là thùng rác. Quý vị nên biết, quý vị dùng tâm sai rồi. Nên dọn sạch thùng rác, rửa dọn thùng rác. Tất cả những thiện pháp của người khác có thể đặt ở trong tâm, tất cả những pháp bất thiện đều phải vứt bỏ nó. Như Lai, nói với chư vị không những ném bỏ thứ bất thiện, thứ thiện cũng không cần. Vậy ý nghĩa là gì? Ngay cả thiện cũng không chấp trước, đây gọi là chân thiện. Trong tâm

còn một thứ thiện, còn có một thiện pháp, quý vị chưa ra khỏi thập pháp giới. Tâm thiện hành thiện mà không chấp tướng, hoàn toàn trở về với tự tánh. Vừa rồi không phải đã nói qua sao? Tự tánh nó không phải là tinh thần, cũng không phải là vật chất, thực sự trở về tự tánh, thiện ác cũng không còn nữa, thuần tịnh thuần thiện. Đó là tự tánh của bản thân. Chư Phật Như Lai trở về tự tánh, đối với những chúng sanh trong lục đạo luân hồi, ngày ngày tạo ác nghiệp, cho đến súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Họ dùng ánh mắt như thế nào để xem? Dùng chân thành, từ bi, ánh mắt cung kính để nhìn. Vì sao vậy? Vì họ biết những chúng sanh này vốn là Phật, không khác gì Phật. Nhất thời mê hoặc, họ giác ngộ rồi, quay đầu rồi, không khác gì ngài cả. Chúng ta nhìn Phật Bồ Tát, người hiện tại xem Phật Bồ Tát là tôn giáo, là mê tín. Họ đối với chúng ta không phải như vậy. Họ đối với chúng ta là chân thành, từ bi, cung kính. Vì sao vậy? Họ biết chúng ta mê hoặc, biết chúng ta đang nói bậy, họ hiểu được, họ độ lượng rất lớn, họ sẽ không trách mắng chúng ta. Chúng ta tu học khế nhập cảnh giới rồi, mới biết được trước đây chúng ta sai rồi, có lỗi với họ. Hiện tại sửa lỗi làm mới, cũng giống như tỳ kheo Pháp Tạng, gặp Phật phải đánh lễ, chấp tay quỳ lạy. Đây là gì? Đây là sám hối. Trước đây sai rồi, hiện nay đã rõ ràng, phải học tập theo Phật.

Trong kinh văn này nói Ngài là “diệu sắc đoan nghiêm”.Vi diệu là vô cùng tinh diệu, sắc đoan nghiêm là sắc tướng đoan chánh trang nghiêm vậy. Kinh văn, Tổ sư Đại đức ngày xưa thường thường nhắc nhở chúng ta, học tập kinh giáo quan trọng nhất là quý vị phải biết trở về tự tánh. Lời cổ nhân nói gọi là “tiêu quy tự tánh”, cùng ý nghĩa với chữ “hồi quy”. Kinh giáo này quý vị học rồi có thể tiêu hóa được, tiêu hóa rồi trở về với tự tánh. Quý vị thực sự lợi ích, thực sự giác ngộ rồi, thực sự rõ ràng rồi. Sau khi giác ngộ đối với tất cả mọi người, tất cả mọi việc, tất cả mọi vật quý vị cũng giống như chư Phật, quý vị dùng chân thành, từ bi cung kính, quý vị sẽ không khinh mạn bất cứ người nào, bao gồm cả con muỗi, con kiến cũng không khinh mạn nó. Tiến thêm một bước nữa, quý vị mới hiểu được cỏ cây hoa lá núi sông đất đai và bản thân là sinh ra cùng một gốc, là một thể. Quý vị chân thành, từ bi, kính ái, đến núi sông đất đai rồi. Lúc này quý vị thấy tất cả pháp, nhìn tất cả mọi người, người người là người tốt, việc việc là việc lành. Trong kinh Phật nói “giờ giờ là giờ tốt, ngày ngày là ngày lành”, quý vị có thể nhìn thấy chân tướng sự thật.

Dưới đây trích dẫn một đoạn văn trong phẩm tựa của Kinh Pháp Hoa, hai câu nói: Thân sắc như kim sơn, đoan nghiêm thậm vi diệu”. Đây là trong Kinh Pháp Hoa nói, nói thân tướng Phật, tướng hảo của Phật giống như núi vàng, núi vàng là hình dung là ví dụ. Vì sao không dùng điều khác để ví dụ mà dùng núi vàng? Vàng trong tất cả các loại kim thuộc quý hiếm, được con người xưng tán chính là do nó không bị thay đổi, bạc bị thay đổi, bị ô xy hóa, vàng sẽ không bị thay đổi, dùng ý nghĩa này vậy. Viên mãn mà vĩnh hằng bất biến. Báo thân thực sự là như vậy. Báo độ cũng là như vậy, vĩnh hằng bất biến, không giống như thập pháp giới, thập pháp giới thực sự gọi là vô thường. Quý vị xem thân thể này của chúng ta đang thay đổi trong từng sát na sát na, thế giới này tất cả vạn vật cũng đang thay đổi trong từng sát na sát na. Nếu như thực sự có thể nhìn thấy không thay đổi nữa, vậy là giống như núi vàng, nó vĩnh hằng bất biến. Phật Bồ Tát ở trong kinh điển đã giới thiệu cho chúng ta, nhất chân pháp giới. Cõi Thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai, ở trong đó thân và cõi đều không thay đổi, thật đúng là vĩnh hằng bất biến. Nhưng vĩnh hằng bất biến kia là phương tiện nói, không phải là chân thật mà nói. Thời gian của nó rất dài, thực sự gọi là vô lượng thọ. Trong kinh giáo Đại thừa nói với chúng ta thời gian bao lâu? Ba đại a tăng kỳ kiếp. Quý vị xem thời gian dài như vậy mà vĩnh hằng bất biến. Ngày nay chúng ta nói thọ mạng con người bao lâu?

Ức vạn tuổi. Đó là bao nhiêu ức vạn tuổi? Không phải là một ức vạn tuổi, mà ba đại a tăng kỳ kiếp. Con người bất lão! Trong thế tục cho rằng: “Bồ Tát Bồ Tát niên niên thập bát”. Họ không già, núi sông đất đai vĩnh viễn là tốt đẹp như vậy. Nó không thay đổi, không có bất cứ tai nạn nào. Thế giới Cực Lạc là như vậy, cho nên quý vị nếu như sanh đến Thế giới Cực Lạc, kỳ thật là Cõi Thật báo trang nghiêm của Thế giới Cực Lạc, à không phải, ở đó không cần nói nữa. Sanh đến Thế giới Cực Lạc cõi Phạm thánh đồng cư, cõi phạm thánh đồng cư đó cũng giống như Cõi Thật báo trang nghiêm vậy. Điều này thật không thể nghĩ bàn. Chúng ta hiện nay cư trú ở nơi này, là cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong đây có thay đổi, nhưng cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Phật A Di Đà không có thay đổi, giống như Cõi Thật báo. Vì sao vậy? Chúng ta thấy câu kinh văn liền hiểu rõ rồi: “phàm người sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cho dù là cõi Phạm Thánh Đồng Cư hạ hạ phạm vãng sanh, đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc đều thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Phật không có vọng ngữ. A Duy Việt Trí Bồ Tát là thân phận gì? Biệt giáo là thân phận địa thượng, địa thượng Bồ Tát. Viên giáo là Bồ Tát Sơ trụ trở lên. Kinh Hoa Nghiêm chúng ta đã học qua, trú cõi thật báo, Thế giới Cực Lạc có bốn cõi, bốn cõi đều là Cõi Thật báo, đây là chơn chánh đoạn nghiêm rất vi diệu. Bốn cõi đều là Cõi Thật báo. Cho nên đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc quý vị không còn thấy sự thay đổi nữa.

Dưới đây có mấy chữ.

“Nặc” là tàng, là ẩn, là vong, chính là ý nghĩa này, chữ sau càng sâu sắc hơn chữ trước. Chữ “ẩn” sâu hơn chữ “tàng”, “vong” lại càng sâu hơn “ẩn”. “Diệu” là sáng, nghĩa là quang minh, giống như mặt trời vậy. Ở đây có ví dụ, nhật nguyệt hỏa châu đều là “nặc diệu”, đây là thuyết minh thân Phật quang minh, vượt qua cả nhật nguyệt hỏa châu. Quang minh cũng tiêu biểu cho trí tuệ. “Thủ tứ cú nghĩa”, chúng ta đọc bốn câu nghĩa trước đây: “Nhu Lai vi diệu nan tư chi sắc tướng, đoạn chánh trang nghiêm, nhất thiết thế gian sở hữu chư vật, vô hữu năng dữ đẳng bỉ giả”, đẳng là sánh ngang với Ngài, không có ai tương đồng với ngài. Không ai có thể sánh bằng Ngài. Đây là dùng văn bạch thoại để phiên dịch bốn câu kệ này.

“Diệc tức tán Phật kệ trung”, trong kệ tán Phật có hai câu nói: “thập phương sở hữu vô tận kiến, nhất thiết vô hữu như Phật giả”, tương đồng với ý nghĩa này. Kệ tán Phật chỉ có hai câu, ở đây bốn câu.

Phật phóng quang minh vô lượng, khắp chiếu quốc độ mười phương. Trong đó ánh sáng của bốn loại nhật nguyệt hỏa châu đều bị ẩn tàng không chiếu được. Hỏa là đèn đuốc, đèn nến, cũng chỉ cho tắt cả ánh lửa. Châu là ma ni, lại đọc mà mặt ni, đây là Phạn ngữ tiếng Ấn độ dùng âm dịch. Đây đủ là “chấn trì mặt ni”, đây là nguyên âm tiếng Phạn, đều dùng âm dịch. Phiên dịch thành “châu, bảo, li cầu, như ý”. Trong đây ly cầu và như ý ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Châu bảo của thế gian chúng ta, ý nghĩa này vẫn chưa đầy đủ. Như ý châu liền xưng thành bảo châu. Điều này ở nơi nào có? ở cõi trời có. Trong trời dục giới, trời sắc giới có, trong Tịnh Độ chư Phật có, nhân thiên trở xuống không có trân bảo này. Đây là phước đức chưa đầy đủ. Bởi vì những thứ này cũng là tâm hiện thức biến, nếu như chúng ta thực sự có thể đem tất cả ý niệm bất thiện đều buông bỏ hết, những trân bảo này sẽ hiện tiền. Vì sao thiên nhân có những thứ châu bảo này? Trời có 28 tầng, càng hướng lên trên trân bảo càng quý hiếm. Chính là càng hướng lên trên tâm địa càng thanh tịnh, tâm địa càng thiện lương, chính là đạo lý này, đều không tách rời ý niệm, khoa học nói là tâm thái, không xa rời tâm thái. Tâm thái là chủ tử của tất cả các pháp.

Hợp lại, đây là phiên dịch ra, dùng tiếng phổ thông hiện tại để phiên dịch, hợp lại có thể dịch ý là như ý, bảo châu, có quang minh lớn, vượt qua mọi thứ thế gian. Trong những phẩm vật thế gian tìm không ra.

Hội Sớ nói: thiên hạ sáng nhất không có gì hơn mặt trăng mặt trời. Vật thể có thể phóng quang này, trong thế gian chúng ta có thể nhìn thấy được chỉ có mặt trời và mặt trăng. Mặt trời là vật phóng quang, ánh sáng mặt trăng là phản chiếu, là ánh sáng mặt trời chiếu vào làm nó phản chiếu đến trái đất, giống như tấm gương phản chiếu vậy, cũng có ánh sáng tương đương như vậy.

“Ánh sáng vạn phẩm, không gì bằng ma ni”, trong những vật phẩm có một số màu sắc, đó chính là ma ni bảo châu. Chúng ta chỉ nghe nói, chưa từng thấy qua, cũng có người nói với tôi, đích thực có minh châu, họ đã nhìn thấy rồi. Trong đêm tối lúc ánh đèn đều đã tắt hết nhìn thấy nó phóng quang. Chúng tôi tin rằng quang mà nó phóng ra không sáng bằng đèn điện chiếu. Nếu như có ánh sáng như đèn điện chiếu thì có thể không cần dùng điện rồi. Từ đó cho thấy, ma ni bảo châu cho dù là có cũng rất khó để sánh với ánh sáng điện.

“Nếu Phật quang chiếu, tất cả đều ẩn tàng”, nó nếu như sánh với Phật quang thì thua xa lắm. Ngay cả ánh sáng mặt trời đều không thể nào sánh với Phật quang. Ánh sáng mặt trời là gì? Hiện tại chúng ta hoàn toàn hiểu rồi, đó là vật chất phóng quang, hiện tại con người biết là hạch tử phát nổ mà phát ra ánh sáng. Toàn thể mặt trời hoàn toàn là hạch tử phát nổ. Từ đó có thể biết nguồn năng lượng trên mặt trời rất lớn, nhưng nó sẽ thiêu đốt hết. Nó cháy hết rồi, cháy xong rồi sẽ không còn nữa. Cho nên mặt trời nó có thọ mạng. Năng lượng của mặt trời mất đi rồi, những hành tinh quay quanh mặt trời đều xảy ra phiền phức. Đây chính là thành trụ hoại không mà trong kinh Phật đã nói, thành trụ hoại không của thế giới. Thông thường mà nói, nó cũng có tính chu kỳ. Bất luận thay đổi như thế nào, nên biết gốc tại ý niệm. Chúng ta phải giữ được nguyên tắc này, thâm tín không nghi. Chúng ta chỉ cần có thể chuyển ý niệm trở lại, chuyển trở lại thuần tịnh thuần thiện, phạm vi hoạt động của chúng ta liền lớn lên. Khắp pháp giới hư không giới là phạm vi sinh hoạt của chúng ta. Tinh cầu trong vũ trụ nhiều như vậy, chúng ta tùy tiện ở nơi nào cũng có thể ở được. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp không rời tự tánh. Tất cả đều là tự tánh biến hiện ra, bao gồm cả mặt trời cũng không ngoại lệ.

Bài kệ sau, tiếp sau đó cũng bốn câu, đều là nguyên văn bản Đường Dịch. Tán thán Thế Gian Tự Tại Vương Phật viên minh cụ đức, sự sự vô ngại, diệu dụng không thể nghĩ bàn. Nghĩa này là, ý nghĩa của nó là cách nói như vậy: “Thế Tôn diễn thuyết diệu pháp”, diễn là biểu diễn, thuyết là ngôn thuyết. Hai chữ này những đồng học học Phật chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Vì sao vậy? Vì chúng ta thường thường chỉ chú trọng nói, nhưng chưa làm được. Diễn là làm được rồi, lúc nào thì làm được? Quý vị sáng sớm ngủ dậy đến tối đi ngủ, một ngày tất cả những hoạt động của quý vị đều làm được rồi, chính là như vậy, quý vị mới thực sự đạt được lợi ích của Phật Pháp. Niệm không được, nói cũng không được, đó là thuyết thực sở bảo, bản thân quý vị chưa đạt được, quý vị phải thật làm, đem từng câu từng chữ trong kinh điển đều trở thành tư tưởng của chúng ta đều trở thành hành vi của chúng ta, vậy là quý vị thực sự học Phật, quý vị thực sự được lợi ích. Siêu phàm nhập thánh! Những điều trong kinh nói đều là cuộc sống hằng ngày của bản thân quý vị. Phật ở đây diễn thuyết, quý vị cũng tại đây biểu diễn cho mọi người xem, giảng giải cho người khác nghe. Quý vị chưa làm được, thì giảng những gì? giảng điều của người khác, giảng về người khác rất dễ dàng giảng sai, hiểu nhầm. Vì sao vậy? Chúng ta nghe nói hiểu quanh co, hiểu nhầm mất. Vậy là quý vị cũng nói sai rồi. Thực sự làm được rồi là của bản thân, thực sự làm được rồi là người như thế nào về

Kinh Vô Lượng Thọ? là Kinh Vô Lượng Thọ của bản thân. Vậy có thể giảng sai được sao? Một chữ cũng sẽ không giảng sai. Kinh Vô Lượng Thọ của bản thân rồi, cùng với Kinh Vô Lượng Thọ của mười phương chư Phật Như Lai là một không phải hai. Đây chính là Tổ sư đại đức thường giảng cho chúng ta trở về tự tánh. Tôi bổ sung thêm một câu, trở về trong cuộc sống hằng ngày. Hiện nay con người nói là áp dụng thực tế, quý vị mới pháp hỷ sung mãn.

Chúng ta đọc qua một lần về ý nghĩa đoạn phiên dịch này: Thế Tôn diễn thuyết diệu pháp, có thể trong một âm thanh, rộng khiến cứu pháp giới, lục thú, tứ sanh, tất cả các chúng sanh khác nhau, mỗi mỗi tùy theo căn tánh phẩm loại của họ, mà có thể nghe hiểu những điều Phật nói. Đây chính là “Thế tôn năng diễn nhất âm thanh, hữu tình các các tùy loại giải”. Chính là ý nghĩa của hai câu này. Việc Ngài đã làm được, cứu pháp giới, tất cả chúng sanh sau khi nhìn thấy có thể lãnh hội được. Điều Ngài nói có thể nghe hiểu được. Đây không phải là một việc dễ dàng. Có thể hay không? Đây là biểu diễn cho mọi người chúng ta thấy, cũng là tùy theo trình độ con người mà quý vị dẫn dắt nông sâu khác nhau. Âm thanh quý vị giảng giải, mỗi cá nhân nghe rồi cảm nhận ý nghĩa của nó cũng không giống, có người lãnh ngộ rất sâu, có người rất cạn cợt, hữu tình mỗi mỗi tùy từng loại mà hiểu, Phật có thể diễn thuyết một âm thanh, người dân tộc khác nhau, người quốc gia khác nhau, nghe Phật giảng pháp đều có thể nghe hiểu được. Hơn nữa nghe được đều giống như là ngôn ngữ của bản thân. Phật có năng lực như vậy, không cần phiên dịch. Chẳng những con người chúng ta thì không vấn đề gì, đạo tràng thánh chúng còn có rất nhiều quý thân, quý thân ngôn ngữ cũng không giống nhau, họ vẫn nghe hiểu được. Súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, chư thiên, tất cả đều có thể nghe hiểu được. Chúng ta rất ngưỡng mộ. Đồng học nên biết, đây là điều tôi thường thường nhắc nhở mọi người. Những năng lực này Phật có đầy đủ, trí tuệ đức năng, chúng ta mỗi mỗi đều có. Chỉ là Ngài có thể hiển bày ra, chúng ta thì chưa hiển bày ra được. Đây là nguyên nhân gì? Phật nói rất rõ ràng, chúng ta có chướng ngại, ngài không có chướng ngại. Chướng ngại chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Công phu học Phật là gì? Công phu nơi việc buông bỏ, quý vị có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hay không, buông bỏ chướng ngại, đó gọi là thực sự công phu. Không phải là quý vị đọc kinh được bao nhiêu, niệm Phật được bao nhiêu, không phải là ý nghĩa này, phải buông bỏ. Quý vị có thể buông bỏ một phần, tánh đức trong bản thân quý vị liền hiện ra được một phần, quý vị buông bỏ hai phần, quý vị liền hiện ra được hai phần, quý vị buông bỏ càng nhiều thì hiện ra càng nhiều. Không thể buông bỏ, học một đời cũng vô ích, vẫn là lục đạo phàm phu, vẫn là sống trong thế giới phiền não khổ nạn, đó không phải là kỳ vọng của Đức Phật đối với chúng ta. Phật kỳ vọng chúng ta tốt nhất là có thể siêu việt ngay trong một đời này. Siêu việt lục đạo, siêu việt thập pháp giới. Có thể được hay không? Nhất định có thể làm được. Chỉ cần quý vị trung thực, vâng lời, thật làm, quý vị sẽ làm được. Trung thực, vâng lời, thật làm, đây là ba điều quý để học Phật! Quý vị đầy đủ điều kiện này quý vị trong một đời liền thành tựu. Chư Phật Như Lai không có ai không tán thán quý vị. Quý vị thực sự được!

Ngôn ngữ thế gian thường vì vấn đề tiếng địa phương, vấn đề trình độ tri thức mà không thể hiểu, Ngài đã nói ra chân tướng vấn đề này cho chúng ta rồi. “Thế Tôn tác diệu dụng vô cùng”, Ngài có năng lực khiến cho chúng sanh tùy từng loại mà hiểu được. Càng không thể nghĩ bàn hơn nữa là bất cứ một âm thanh nào, đầy đủ diệu dụng không thể nghĩ bàn vô biên như vậy. Chúng ta đọc đến những câu kinh văn này, hiểu rõ được vấn đề này nhất định phải biết đây là bản năng của tự tánh chúng ta. Phật tiêu biểu cho bản năng tự tánh

của chúng ta. Vì sao vậy? Vì Ngài không còn chướng ngại nữa. Cho nên Ngài có năng lực này. Chúng ta dẹp bỏ chướng ngại, buông bỏ chướng ngại, năng lực của chúng ta sẽ khôi phục lại. Trong kinh Phật nói đến, ý nghĩa cạn nhất là dạy quý vị nhận thức bản thân, kinh toàn nói về bản thân. Nhận thức về bản thân khó, nhận thức bản lai diện mục của bản thân chúng ta phải hạ thủ công phu, khôi phục bản lai diện mục của chính mình.

Đoạn sau lão cư sĩ trích dẫn, điều trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói: “chánh hiển siêu tình ly kiến chi Hoa Nghiêm sự sự vô ngại cảnh giới”. Đây là nói đến cứu cánh xứ không có một thứ chướng ngại nào. Hiện nay chúng ta hiểu rõ được đạo lý này rồi, phải bắt đầu thật làm, phải làm cho bản thân dần dần hướng đến cảnh giới vô chướng ngại. Ngày nay chúng ta xúc sự thành chướng, nơi nơi đều chướng ngại, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, Vì sao vậy? quý vị chưa buông bỏ. Thuận cảnh, làm việc thuận buồm xuôi gió, tốt, sanh tâm hoan hỉ, trong tâm hoan hỉ dẫn theo tâm kiêu mạn. Là phiền não! Thuận cảnh sanh phiền não. Thiện duyên, gặp được đều là người tốt. Ngày nay chúng ta nói là nhân vật quan trọng, mọi lúc đều quan tâm chăm sóc quý vị, quý vị cũng rất đặc ý, tất cả đều sinh phiền não. Vì sao vậy? Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, đều khởi lên những thứ này. Nghịch cảnh ác duyên sanh phiền não ngược lại, tâm của quý vị lúc nào khôi phục đến thanh tịnh? Bộ kinh này trên đề kinh dạy cho chúng ta ba tiêu chuẩn tu học: “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, năm chữ này chúng ta hoàn toàn không có. Chúng ta trong đời này, bình đẳng, giác rất là khó, ít nhất chúng ta phải khôi phục thanh tịnh. Chỉ cần có tâm thanh tịnh, nhất định sanh Tịnh Độ.

Trong Tịnh Tông thường nói tâm tịnh tức Phật độ tịnh. Chúng ta cùng Thế Giới Tây Phương Cực Lạc tương ứng. Thanh tịnh như thế nào? Phải đem những thứ thế gian những cảnh duyên thuận nghịch tất cả đều buông bỏ hết. Không nên chấp trước nữa. Chúng ta vất vả ở đây kiếm một ít tiền, bị người ta lừa mất rồi, bị người khác gạt mất, trong lòng rất buồn, ý niệm này không tốt. Ý niệm này là gì? tương lai sẽ đến cõi ngạ quỷ, phải đi trả nợ. Đây là nhân quả báo ứng, đời đời kiếp kiếp không ngừng không dứt, ràng buộc không thôi. Sự việc này rất phiền phức. Quý vị thực sự làm rõ rồi, buông xuống, nghĩ đến điều gì? Nghĩ đến họ là Phật tương lai, họ vốn là Phật, tôi vốn là Phật, tôi dùng điều này để cúng dường họ là được rồi. Vậy không phải là tâm khai ý giải rồi sao, hoan hoan hỉ hỉ vậy. Có gì ghê gớm lắm đâu! Là thiện là ác đều ở ý niệm. Quý vị chỉ cần buông ý niệm xuống thiện ác hai bên đều không chấp nữa, tâm thanh tịnh hiện tiền. Đây mới là đại lợi ích! Sau đó quý vị sẽ cảm kích người đã lừa ta, người đã gạt ta, họ là Bồ Tát. Nếu không có họ chúng ta làm sao có thể buông bỏ được? Họ vừa thị hiện như vậy, chúng ta hiểu được rồi, buông bỏ hết. Chẳng những không oán hận họ, còn cảm kích họ, họ giúp chúng ta nâng cao cảnh giới. Họ giúp ta trở về với tâm thanh tịnh. Vậy nếu chúng ta hỏi: họ có báo ứng hay không? Họ có. Nếu như họ không quay đầu, không quay đầu giống như chúng ta vậy, họ có tánh tội. Vì sao vậy, lừa dối người khác, sỉ nhục người khác, hủy báng người khác, hãm hại người khác. Đây đều là có tội. Tội này họ không thoát được, họ phải chịu tội, trừ phi họ sám hối, thực sự sám hối, triệt để buông bỏ. Nếu như không thể sám trừ, đây đều là ba đường ác. Rất phiền phức!

Nhân quả là thật, không phải là giả. Con người thực sự hiểu rõ nhân quả, tâm liền có sự ràng buộc. Nhất định không dám ngang ngược làm tày. Chẳng những không dám làm, suy nghĩ cũng không có, suy nghĩ bất thiện cũng không có. Người như vậy, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Vì sao vậy? Dần dần viên ly thế giới này rồi. Thế giới này nhiễm ô, không sạch sẽ. Viễn ly uế độ, tương lai chúng ta sanh vào Tịnh Độ. Sự nhiễm ô này phải

buông bỏ từ tâm địa, không phải sự tướng, sự tướng buông bỏ chẳng ích gì. Phải từ buông bỏ trong tâm. Trong tâm dấu vết cũng không có. Quý vị thực sự quay về thanh tịnh rồi. Trong suy nghĩ của bản thân và Thế Gian Tự Tại Vương giống nhau vậy. Thấy tất cả chúng sanh đều là Chư Phật Như Lai. Chúng ta đối với Chư Phật Như Lai nên cung kính cúng dường. Tâm này sanh khởi mới tốt, đây là tâm Phật. Quý vị và Phật Bồ Tát không khác gì nhau. Quý vị gia nhập vào một dòng với họ. Hiện tại người ta nói gia nhập câu lạc bộ của họ. Quý vị nâng cao đến cảnh giới của Phật Bồ Tát rồi. Không nên có oán hận, cũng không nên có cuồng hoan. Đó đều là không tốt, đó đều là phiền não. Hi vọng ai lạc ái ô dục tất cả đều phải buông bỏ. Trong thế gian này quý vị xem xem Phật Bồ Tát họ biểu diễn như thế nào, là diễn thuyết mà. Thứ họ biểu diễn chính là tấm gương tốt cho thế giới Ta bà tu hành. Biểu diễn ra thập thiện nghiệp. Tam quy ngũ giới, Bồ Tát Lục Ba la mật, Phổ Hiền thập nguyện, viên mãn cứu cánh nhất là bộ kinh này nói: 48 nguyện của Phật A Di Đà. Nói rất tường tận. Nguyện của chúng ta phải tương đồng với 48 nguyện. Quý vị đồng nguyện với Phật A Di Đà, đồng tâm đồng nguyện, đồng đức đồng hạnh, quý vị đi đến đâu? Khấp pháp giới hư không giới chỉ có Thế giới Cực Lạc Phật A Di Đà tương ứng với quý vị. Cho nên chúng ta vãng sanh Tịnh Độ không nên hỏi người khác, hỏi người khác toàn là giả, phải hỏi bản thân. Tâm của tôi và tâm của Phật A Di Đà có giống nhau hay không?

Kệ tụng dưới đây chính là tâm Phật A Di Đà. Bốn mươi tám nguyện của phẩm dưới đây, đó chính là nguyện của Phật A Di Đà, đồng tâm đồng nguyện, sau đó lại hỏi trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta phải chăng là giống Phật A Di Đà vậy, giống nhau như thế nào? Bốn đức trong Hoàn Nguyên Quán là giống nhau. “Tùy duyên diệu dụng”, không phan duyên tí nào. Trong tùy duyên tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng. “Oai nghi hữu tác”, khởi tâm động niệm, nói năng hành động, đều làm tấm gương tốt nhất cho xã hội đại chúng. Đó chính là chúng ta phải làm cho được thập thiện nghiệp, làm cho được tam quy, giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm, là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc, thực sự phải làm ra được.

Nói một cách dễ hiểu, thông thường chúng ta mới học Phật bắt đầu từ đâu? Từ Đệ tử quy, từ Cảm ứng thiên, từ Thập thiện nghiệp, ba cái gốc của Nho, Thích, Đạo. Quý vị có thể làm được những điều này, lão tổ tông dạy cho chúng ta: ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, quý vị đều đã làm được hết, đều đang ở trong đó. Truyền thống văn hóa nói quý vị là Thánh nhân, là hiền nhân. Trong giáo dục Phật Giáo xưng quý vị là Bồ Tát, là Phật, đều phải thật làm mới được, chỉ nói thôi thì vô ích, đây là điều không thể không biết. Cho nên thực sự là siêu tình ly kiến. Tình này là gì? là tình thức, là phiền phức của người thế gian, vì sao lại tạo tội nghiệp? vì tình thức nặng quá. Phải làm cho tình thức trở thành trí tuệ, làm cho kiến giải trở thành giác ngộ. Giống như trong Tâm Kinh nói: Quán Thế Âm Bồ Tát “chiếu kiến”, chiếu kiến là giác ngộ rồi. Chiếu kiến những gì? chiếu kiến vạn pháp đều không, ngũ uẩn đều không chính là vạn pháp đều không, phạm vi của ngũ uẩn rất lớn rất lớn. Bao gồm cả tất cả hiện tượng vật chất, và hiện tượng tinh thần.

Giới khoa học nói rõ với chúng ta, nhận thức của chúng ta đối với Phật Pháp, càng rõ ràng hơn, càng thấu đáo hơn. Một tiêu quang tử trong lượng tử lực học nói rất có thể chính là vi của cực vi trong Phật Pháp đã nói. Nó đầy đủ ngũ uẩn sắc thọ, tướng, hành, thức, nó có hiện tượng vật chất, nó có hiện tượng của thọ, tướng, hành, thức, hoàn toàn tương đồng với Bồ Tát Di Lặc đã nói. Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta “niệm niệm thành hình”, niệm niệm chính là ý niệm của chúng ta, tích lũy của ý niệm. Niệm niệm này, niệm niệm vừa thành

hình, hình này chính là hiện tượng vật chất. Chúng ta lấy điều này để giải thích thì dễ hiểu hơn. “Hình đều có thức”, trong hiện tượng vật chất đó có thọ, tướng, hành, thức. Cho nên các nhà lượng tử học nhìn thấy A lại ya rồi, chứng minh Phật nói về khởi nguyên của vũ trụ không sai tí nào. Hiện tại bùng nổ lớn rồi, cũng được các nhà khoa học lượng tử lật ra. Điều đó giảng không thông. Ở đây là nói vật chất và tinh thần đều từ ý niệm mà sản sinh ra. Ý niệm từ đâu mà có? Các nhà lượng tử học chưa nói rõ ràng được, Phật Pháp nói rất rõ ràng. Ý niệm từ đâu mà có? Trong Phật Pháp nói một niệm bất giác, nó theo đây mà có. Một niệm bất giác này ý nghĩa rất sâu. Hiện nay khoa học cũng nói vũ trụ là một định luật về dây đàn, giống như gảy đàn vậy, là dây đàn, là tình trạng dao động. Đây là thật. Một niệm bất giác này chính là hiện tượng dao động. Vũ trụ đã phát sanh rồi, ta từ đâu đến, xuất hiện rồi, xuất hiện đồng thời với vũ trụ, hơn nữa là nhất thời đốn hiện, không có trước sau, không thể giống như phát nổ lớn từ từ bành trướng điều này nói không thông. Các nhà khoa học nhìn thấy rồi, nhìn thấy sự bành trướng của vũ trụ. Sự bành trướng này từ đâu mà đến? Chúng ta trong Phật Pháp Đại thừa huân tập thời gian dài như vậy, dần dần nghe họ nói những lời này chúng ta hiểu được một số ý nghĩa. Phát nổ lớn là gì? Là ý niệm của chúng ta đang bành trướng liền sản sanh hiện tượng này. Ý niệm gì? ý niệm tham lam, không có điểm ngừng. Cho nên làm cho các nhà khoa học nghiên cứu vũ trụ hồng quan, nhìn thấy sự bành trướng của nó. Có thể nói, dùng danh từ Phật Pháp để nói, là tham, sân, si, mạn, nghi đều đang bành trướng. Nếu như thức tâm đạt bản, chúng ta đem nhưng vọng niệm này đều buông bỏ hết, quý vị mới có thể thấy vũ trụ chân thật, Phật Pháp nói là thật tướng chư pháp, quý vị mới có thể thực sự nhìn thấy. Các nhà khoa học họ còn xen tạp tạp niệm này, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chưa buông bỏ, dùng toán học để suy lý, hướng dẫn, dùng phương tiện khoa học tinh mật để quan sát, phát hiện được rồi. Vậy nếu chúng ta hỏi Phật Bồ, Tát, Tổ sư Đại đức họ làm sao mà biết được? chúng ta hiểu được họ đều dùng thiền định. Trong cảnh giới thiền định quán sát được, cảnh giới của thiền định đáng tin cậy. Sự việc này trước đây thấy Lý nói cho chúng tôi, những dự đoán của thế gian, dự đoán này đáng tin hay không? Không đáng tin lắm. Vì sao vậy? Căn cứ dự đoán đều không tách rời toán học, không tách rời con số, nó có số. Con người có ý niệm họ liền có số. Trong Liễu Phàm Tứ Huấn nói rất rõ ràng. Có số đương nhiên có thể suy đoán. Nhưng số sai chỉ một ly, mất mát cả ngàn dặm. Nếu như sai dấu chấm sau những con số nhỏ, có một con số sai rồi, nó liền không chuẩn nữa, hoàn toàn chuẩn xác là rất hiếm có. Giống như Viễn Liễu Phàm gặp được Khổng tiên sinh, đó là người rất giỏi dang, sự suy đoán của ông ấy vô cùng tinh chuẩn, không có một chút sai sót. Ông ấy đoán mạng cho tiên sinh Liễu Phàm, quý vị xem từ ngày đoán mệnh đó trở đi đến 20 năm, mỗi năm tình hình đoán định của ông ấy không sai tí nào. Vậy là không giả dối tí nào. Cho nên tiên sinh Liễu Phàm số được người đoán định rồi, thì ý niệm của ông ấy không còn gì nữa, ta nghĩ cũng vô ích, dứt khoát không nghĩ nữa. Nghe trời có mệnh, mệnh một đời đã tính chắc rồi, thọ mạng đến 53 tuổi. Gặp được thiền sư Vân Cốc, thiền sư Vân Cốc đem đạo lý mạng lý nói rõ ràng cho ông ấy. Mệnh từ đâu mà có? mệnh từ ý niệm mà có. Những nghiệp quý vị đã tạo trong quá khứ, trong một đời này quý vị có được bao nhiêu tài sản, tiên sinh Liễu Phàm là người đi học, ông tương lai làm quan làm đến địa vị lớn như thế nào, ông ấy rất rõ ràng, ông ấy làm quan làm đến lớn nhất là tri huyện tiểu huyện phần của Tứ Xuyên, thọ mạng 53 tuổi. Thiền sư Vân Cốc phân tích cho ông ấy, tường tận nói rõ đạo lý này, mệnh là do bản thân tự tạo, không phải là người khác tạo cho mình, trong đời quá khứ đã tạo, nhưng ngay trong đời này vì sao có rất nhiều người số mạng tính không chuẩn? Họ có thêm bớt cộng trừ, quý vị sinh

một niệm thiện liền cộng thêm điểm, khởi một niệm ác liền giảm, trừ điểm, cho nên không phải tiêu chuẩn như vậy, tiên sinh Liễu Phàm thực sự là một người trung thực, có thể nói là trung thực, vâng lời, thật làm, nghe lời vận mệnh. Ông ấy không khởi niệm gì nữa cả, thiện niệm ác niệm đều không có nữa, cho nên mệnh của ông ấy cứ bình bình vậy, hoàn toàn trùng khớp. Cho nên thiên sư Vân Cốc cười ông ấy, 20 năm nay ông hoàn toàn bị số mạng trói chặt rồi, ông là một phàm phu đạt tiêu chuẩn luôn. Thiện ác niệm đều không có nữa, thiên sư nói cho ông ấy nghe, khởi ác niệm tiền tài của ông sẽ giảm, chức quan của ông ấy sẽ bị giáng xuống, thọ mạng của ông sẽ ngắn lại. Ông nếu như hành thiện tài sản của ông mỗi năm mỗi tăng lên, địa vị quan chức cũng thăng cao rồi, thọ mạng cũng kéo dài. Tiên sinh Liễu Phàm hiểu được chân tướng sự thật này rồi, ông hốt nhiên đại ngộ, ông thật làm. Từ đó về sau đoạn ác tu thiện, ngày ngày sám hối, sửa đổi lỗi lầm. Năm sau tham gia khảo thí, khác với những gì mệnh đã đoán. Trong mệnh đoán lần này thi cử ông thi đỗ danh thứ ba, kết quả ông ấy đứng thứ nhất, lập tức thay đổi rồi. Mỗi năm thu nhập cũng tăng nhiều, quan cũng đã làm lớn rồi. Không có con trai, ông cầu con trai, thực sự có cầu tất ứng, có được một đứa con trai tốt. Quan cũng thăng, thọ mạng cũng kéo dài rồi, thọ mạng là 53 tuổi, ông ấy sống đến năm 74 tuổi, sống thêm được 21 năm, thọ mạng ông không cầu, không giả dối tí nào. Mệnh do bản thân tạo.

Ngày nay chúng ta sống trong hoàn cảnh này, không những có thể thay đổi bản thân, chúng ta cũng có thể giúp đỡ người khác. Các nhà khoa học cho chúng ta một con số làm căn cứ, toàn nhân khẩu trên thế giới chỉ cần căn bậc hai của một phần trăm dân số, nếu tính ra đường như chưa đến 8000 người, cũng tức là nói, nếu như trên thế giới này, có 8000 người thực sự quay đầu, thực sự đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, trái đất này có thể duy trì. Người làm ác rất nhiều! Không sao cả. Cổ nhân có câu rất hay: “tà không thắng chánh”. Hơn 6,5 tỷ người làm ác, 8000 người này làm thiện, người tạo ác nhờ phước của người làm thiện, trên trái đất có thiên tai, cũng không đến nỗi bị hủy diệt. Có thể hay không? Có thể. Việc này phải nhờ điều gì? phải nhờ tín đồ tôn giáo. Họ chửi tôn giáo là mê tín, tín đồ tôn giáo cứu họ, họ lại không cảm ơn. Tín đồ tôn giáo cũng không cần họ cảm ơn. Tôn giáo đòi cho rằng là sự việc tốt, phải nên làm. Tín đồ tôn giáo trên toàn thế giới, tuy rằng mỗi năm càng giảm ít đi, nhưng vẫn có một con số khả quan.

Tôi thăm viếng Vatican, Hồng y Tauran nói với chúng tôi, họ rất coi trọng sự việc năm 2012. Vatican kêu gọi tín đồ thiên chúa giáo trên toàn thế giới, mỗi ngày phải cầu nguyện cho sự việc này. Cầu nguyện hòa bình, có thể giáng lâm đến thế gian này, thiên chúa giáo làm như vậy, những tôn giáo khác cũng đều đang làm. Đồng học Tịnh Tông chúng ta đề xướng 100 lần Phật thất tam thời hệ niệm Phật sự, cũng là cầu nguyện. 100 lần Phật thất tức là 700 ngày, hiện tại rất quý hóa, khắp nơi đều đang làm, sự việc tốt!

Tôi nói rất rõ ràng, những sự việc trong tôn giáo đã làm, là việc tốt! nhưng nên biết nó là trị gốc không phải là trị ngọn. Đây là cách mà đau đầu thì trị đầu, đau chân thì trị chân, không phải là biện pháp căn bản, dạy học căn bản. Lúc tôi ngồi cùng với họ, tôi đặc biệt nhấn mạnh tôn giáo phải trở về với giáo dục, đây là trị gốc. Ngày ngày lên lớp, hơn nữa tôn giáo phải học tập lẫn nhau. Cổ nhân nói rất hay: “hành hữu bất đắc phản cầu chư kỳ”, tất cả các việc không nên yêu cầu người khác, phải bắt đầu từ bản thân, mới có thể làm ra được thành tích, mong người khác thì khó quá. Cho nên chúng ta bắt đầu năm nay, hiện tại Tịnh Tông học viện Úc Châu đã khai giảng rồi, bắt đầu giảng kinh Coran của Islam, dạy Tân cựu ước của Cơ đốc giáo, chúng tôi cũng mời chuyên gia học giả, dùng thân phận giáo thọ để đứng

lớp. Chúng tôi dẫn đầu, học tập kinh điển của những tôn giáo khác nhau. Mục đích là hai bên hiểu rõ được nhau, mới có thể đối xử hòa thuận với nhau, mới có thể tôn trọng lẫn nhau, kính ái lẫn nhau, hợp tác với nhau, đem thế giới này hướng đến sự an định hòa bình. Đây là việc tốt. Thật làm, nó thực sự sẽ sản sinh ảnh hưởng. Hi vọng giáo dục tôn giáo. Nó thuộc về chủ lưu của giáo dục xã hội, thực sự có thể giúp đỡ xã hội hóa giải những thứ xung đột, đem đến cho xã hội an định hòa hợp. Như vậy sẽ thay đổi cách nhìn của xã hội đại chúng đối với tôn giáo, tôn giáo không phải là mê tín, tôn giáo đối với xã hội có ích lợi. Nếu như không có lợi ích thì đã bị đào thải từ lâu rồi, làm gì còn đợi đến ngày nay? Cống hiến của Phật Giáo đối với văn hóa truyền thống xưa, người có học đều hiểu rõ, đều rõ ràng, ngay cả người nước ngoài cũng tán thán, tiến sĩ Townenbe người Anh nói: người Trung Quốc tâm lượng rất lớn, có thể bao dung văn hóa dị tộc, tức chỉ cho Phật Giáo. Phật Giáo từ Ấn độ truyền đến, có thể bao dung, có thể tiếp thu, có thể nghiêm túc học tập, mà Phật Giáo tại Trung Quốc đã phong phú thêm văn hóa bản địa. Lời này là người Anh nói. Ông ấy nói không sai chút nào. Dùng lý luận của Phật Pháp để giải thích kinh điển nho gia, kinh điển đạo gia, đem những văn hóa này đều nâng cao lên, nâng cao không khác gì với Phật Giáo Đại thừa. Phật Pháp giảng chư pháp thật tướng, nói rất thấu triệt, nói rất rõ ràng, không chêm nó phiền phức. Đây là điểm tốt của nó. Những thứ của Trung Quốc cổ thánh tiên hiền đều là nêu rõ nội dung cốt lõi, không nói kỹ lưỡng, cho nên dễ dàng nảy sinh hiểu nhầm, được sự giúp đỡ của Phật Pháp thì điều này hoàn toàn được nâng cao. Cho nên cảnh giới sự sự vô ngại, đây là chân tướng sự thật.

Hoa Nghiêm Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm viết:

“Nhất thiết Như Lai ngữ thanh tịnh,
nhất ngôn cụ chúng âm thanh hải,
tùy chư chúng sanh ý nhạo âm,
nhất nhất lưu Phật biện tài hải”.

Bài kệ này và kinh này Thế Tôn có thể diễn một âm thanh, hữu tình mỗi loài tùy loại mà hiểu lời văn đó. Kinh văn này cùng một tông chỉ. Âm thanh của Phật vì sao lại có sự vi diệu như vậy, hiếm lạ như vậy. Ngài chỉ phát ra âm thanh, tất cả chúng sanh đều có thể hiểu được, đều nghe hiểu được. Đây là gì? Âm thanh của tự tánh bản giác. Chỉ cần quý vị kiến tánh rồi quý vị không còn chướng ngại nữa. Thật vậy sao? Quý vị xem xem Lục Tổ Đàn kinh thì rõ ràng thôi. Lục Tổ Huệ Năng đại sư người Quảng Đông, chúng ta sống tại khu vực này, khu vực này đối với Ngài rất quen thuộc, Ngài không biết chữ, chưa từng đi học, quý vị đem kinh Phật đọc một đoạn cho Ngài nghe, Ngài đều hiểu hết. Quý vị đọc một câu hai câu, Ngài có thể giảng cho quý vị một ngày hai ngày, nói tỉ mỉ cho quý vị. Không những kinh Phật mà tất cả văn tự quý vị đọc cho Ngài nghe, không có gì là Ngài không hiểu. Ngài chưa từng học qua, ngài đều hiểu hết. Phạm phu có chướng ngại về ngôn ngữ, tiếng địa phương, các địa phương nói chuyện bằng tiếng địa phương liền có chướng ngại. Người kiến tánh trở ngại về tiếng địa phương không còn nữa. Bất luận quý vị nói tiếng gì, họ đều có thể nghe hiểu được. Diệu, diệu cực đấy!

Chúng sanh, chúng sanh âm là gì? mê hoặc. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, chướng ngại tự tánh, nên âm thanh tiết lộ ra không giống nữa. Chướng ngại khác nhau, năng lực ngôn ngữ khác nhau, bất luận là nói hay nghe đều có sai biệt. Cho nên Phật Pháp dạy chúng ta, mình tâm kiến tánh là quan trọng.

“Trong mỗi âm thanh có vô lượng âm thanh, vô lượng âm thanh trong mỗi một âm thanh.” Điều này trong kinh Phật có ví dụ, một âm thanh ví dụ như là nước, nước biển. Vô

lượng âm thanh ví dụ như bọt nước trong nước biển, bọt nước vô lượng vô biên, trong vô lượng vô biên bọt nước, âm thanh đó chính là âm thanh của nước. Đều có vô biên diệu dụng, có thể ý thích của chúng sanh mà mỗi mỗi lưu xuất ra huệ biện vô lượng, khiến cho chúng sanh được nghe, được hiểu, được độ. Huệ biện này chính là điều trong bản kinh này nói- trí tuệ chân thật. Trí tuệ chân thật là từ trong tự tánh lưu xuất ra. Làm cho chúng sanh được nghe là văn tuệ, được hiểu là giải tuệ, được độ thì sao? Tuệ có thể phá mê. Mê phá rồi tự nhiên liền buông bỏ.

Đây chính là chủ bạn viên minh cụ đức môn trong Thập Huyền Môn. Thập Huyền trước đây chúng ta đã học qua rồi. Trong Phật Pháp nói là “chủ”, chủ này ngoài nó ra đều là bạn. Nhưng một này không phải là độc nhất, là một bất kỳ. Giống như người chủ giảng trên bục giảng vậy. Quý vị tổ chức hội thảo, người lên bục làm chủ giảng là chủ, dưới đó đều là thính chúng là bạn. Quý vị giảng xong tiết này rồi, tiết sau lại đổi một người chủ giảng khác. Người người đều có thể làm chủ, người người đều là bạn. Trong Phật Pháp chủ bạn là cách nói như vậy. Cho nên họ không phải là độc nhất, họ là bất kỳ. Bất kỳ người nào là chủ cũng là bạn.

Viên minh cụ đức, viên là viên mãn, minh là minh hiển. Đức này không phải là ẩn tàng, đức này đều thấu lộ ra. Đức này là tánh đức. “Một pháp viên mãn là công đức của tất cả pháp”, một pháp là trí tuệ. Tất cả pháp là tri thức. Trong trí tuệ có tri thức, trong tri thức tìm không thấy trí tuệ. “Nên nói viên minh cụ đức”.

Tánh, thức vốn là một thể, đây là nói tánh là trí tuệ, thức là tri thức. Trí tuệ và tri thức là một thể, trong đó là mê ngộ khác nhau mà thôi, lúc ngộ gọi là trí tuệ, lúc mê gọi là tri thức. Nó đích xác là một thể. Mê ngộ khác nhau cho nên tác dụng khác nhau. Phá mê khai ngộ vậy là thông rồi.

Nay trong một âm xuất ra vô lượng âm, nói đầy đủ là tất cả pháp, phổ độ vô biên chúng sanh nên nói là viên minh cụ đức. Bốn chữ này là đại viên mãn. Trong kinh giáo Đại thừa chỉ có minh tâm kiến tánh, đại khai viên giải, trong Tịnh Độ tông nói là người đặc lý nhất tâm bất loạn. Họ đạt được rồi, tức là chứng đắc rồi.

Cho thấy bản kinh này và Hoa Nghiêm cùng một vị. Chứng minh bộ kinh này chính là Hoa Nghiêm. Cổ đức nói Kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bản Hoa Nghiêm. Ý nghĩa này còn nữa, dưới đây còn có ý nghĩa này. Kinh A Di Đà là tiểu bản Hoa Nghiêm, cùng với Kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn là một vị, đồng một pháp vị, không thể nghĩ bàn.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 168
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyên ngữ: Liên Hải
Biên tập: Minh Tâm
Thời gian: 16.10.2010
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 196, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên, từ câu “Thượng minh Như Lai chi ngữ mật”, bắt đầu xem từ câu này.

Dưới đây nói: “Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân, phổ sử chúng sanh tùy loại kiến”. Niệm Lão nói cho chúng ta biết, trước đây nói ngữ mật của Như Lai, ngôn ngữ mật chính là hai câu kệ trước đây:

“Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh,
Hữu tình các các tùy loại giải”.

Đây là thuộc về ngữ mật. Hai câu sau này đây là thân mật.

“Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân,
Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến”.

Hai câu này hiển thị thân mật của Thế Tôn, có thể hiện sắc thân vi diệu. Rộng khiến cho các loài chúng sanh mỗi mỗi tùy phẩm loại của mình mà được thấy Phật. Bồ Tát minh tâm kiến tánh đều có năng lực này, chỉ cần thực sự có thể buông bỏ khởi tâm động niệm, câu nói này chúng ta nghe ra dường như là hiểu được, trên thực tế là hiểu mà không hiểu. Không những chư vị nghe là dường như hiểu mà không hiểu, tôi ở đây nói với mọi người, tôi cũng là dường như hiểu mà không hiểu. Vì sao vậy? Vì chưa vào được cảnh giới đó. Quý vị làm sao biết được chân tướng sự thật? Nhất định phải buông bỏ. Khởi tâm động niệm chúng ta có biết bản thân khởi tâm động niệm? Chắc chắn không biết, chúng ta khởi tâm động niệm bản thân biết được, đó là niệm rất thô. Không phải là thứ mà Phật nói ở trong kinh. Phật nói ở trong kinh khởi tâm động niệm là niệm cực kỳ vi tế. Ý niệm đó là căn bản vô minh. Chúng ta làm sao mà không biết được? Phật ở trong kinh nói với chúng ta Địa thượng Bồ Tát mới biết được. Chúng ta tin tưởng. Hiện tại chúng ta cũng hiểu rõ rồi. Chúng ta thực sự không biết. Cũng giống như Bồ Tát Di Lặc đối thoại với Thế Tôn. Quý vị xem lời Thế Tôn hỏi, Ngài nói: “tâm hữu sở niệm”, lời này chính là nói chúng ta có thể lý giải được, chúng ta có thể lãnh hội được, trong tâm chúng ta khởi một ý niệm, trong ý niệm này có mấy niệm, mấy tướng, mấy thức vậy? Phật hỏi câu hỏi này. Trong một niệm này, có mấy niệm? có mấy tướng? có mấy thức? Bồ Tát Di Lặc trả lời, kỳ thực Phật Bồ Tát một vị hỏi một vị đáp như vậy là nói cho chúng ta nghe, là ở đó khuyên dạy chúng ta, làm cho chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật. Bồ Tát Di Lặc nói “một khảy móng tay”, thời gian này rất ngắn, một khảy móng tay có bao nhiêu niệm? “32 ức trăm ngàn niệm”, vậy dùng cách nói của người Trung Quốc, một khảy móng tay bao nhiêu niệm? 320 triệu, đơn vị là triệu. Hiện tại chúng ta đều nói là giây, dùng giây để làm đơn vị tính thời gian. Một giây chúng ta có thể khảy được mấy lần? Cách khảy của tôi có thể khảy được bốn lần. Tôi tin rằng có người khảy nhanh hơn tôi, có người nhất định có thể khảy đến năm lần, nếu như khảy năm lần, dùng họ làm tiêu chuẩn, một giây có bao nhiêu niệm? một ngàn sáu trăm triệu, chúng ta làm sao biết được? Một giây một ngàn sáu

trăm triệu niệm. “Niệm niệm thành hình”, hình chính là hiện tượng vật chất. “Hình đều có thức”, thức chính là hiện tượng tinh thần, hợp lại chính là năm uẩn. Hình chính là sắc uẩn, thức chính là thọ tướng hành thức. Quý vị xem một niệm như vậy, một giây đồng hồ bao nhiêu niệm? Một ngàn sáu trăm triệu đó gọi là một niệm. Chúng ta làm sao có thể lãnh hội được? Phật nói rõ ràng như vậy, chúng ta vẫn không thể hội được. Vì sao vậy? Vì tâm thô quá, tâm ý sơ suất. Chúng ta làm sao mà có thể lãnh hội được. Trong một động niệm có nhiều thứ như vậy ở trong đó. Thật sự mà nói, ngày nay các nhà lượng tử học họ đã nói ra được rồi. Quý vị xem họ nói và Bồ Tát Di Lặc nói có giống nhau hay không? Niệm niệm thành hình. Điều này không phải là tích lũy của ý niệm sao? Trong một giây chúng ta có thể nhìn thấy, hiện tượng này có thể nhìn thấy được, hiện tượng vật chất hiện tượng tinh thần đều có thể nhìn thấy được. Nhưng trong một giây có bao nhiêu ý niệm? Có một ngàn sáu trăm triệu niệm tích lũy ở nơi đó. Cho nên vật chất và hiện tượng tinh thần đều không phải là thật. Các nhà khoa học này nói với chúng ta thứ gì mới là thật? Ý niệm là thật. Tức là trong một giây một ngàn sáu trăm triệu, nhiều ý niệm tích lũy như vậy mới có một hiện tượng vật chất, có một hiện tượng tinh thần được quý vị phát hiện, trong cảm quan của quý vị là vật chất hay là tinh thần, là một hiện tượng như vậy. Kỳ thật thì sao? Kỳ thật không có. Nói chân thật trong Kinh Bát Nhã Phật nói: “phàm có hình tướng đều là hư vọng”, quý vị cũng nghĩ đến tướng của mỗi niệm đó, quý vị không có cách gì, Phật cảm thấy đó là hư vọng. Thời gian nó tồn tại ngắn quá, một phần một ngàn sáu trăm triệu của một giây. Đó là thời gian nó tồn tại, ngắn quá, không có cách nào phát hiện được.

Chúng ta xem phim, trước đây phim ảnh là dùng phim nhựa dùng đoạn phim cấu tạo thành, trong một giây 24 lần, ông kính máy chiếu phim đóng mở 24 lần, chúng ta đã bị gạt rồi. Một giây 24 lần, hiện tại Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta một giây bao nhiêu lần? Một ngàn sáu trăm triệu lần, chúng ta làm sao có thể biết được? Đây gọi là mật, mật là ý nghĩa này. Cho nên ngữ mật của Như Lai, thân cũng mật. Đây mới là điều trong kinh giáo Đại thừa nói “chư pháp thật tướng”, tướng chân thật của vũ trụ vạn vật, trong vũ trụ không có ngoại lệ. Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên đến như thế nào? Chính là đến như vậy, từ ý niệm mà đến. Cho nên Phật nói rất hay, tất cả pháp từ tâm tướng sanh, chính là trong tâm quý vị khởi niệm, tất cả pháp liền hiện ra rồi. Chúng ta thực sự đã có được những phát hiện của khoa học lượng tử hiện đại, mới có thể đem câu nói trong kinh Phật nói cho rõ ràng, nói cho thấu đáo được. Chúng ta hiểu được rồi. Đây là chân tướng. Một niệm này từ đâu mà đến? Một niệm này, niệm đầu tiên này thực sự mà nói nó không có nhân. Niệm thứ hai liền có nhân rồi, niệm thứ nhất là nhân niệm thứ hai là quả. Niệm thứ hai là nhân niệm thứ ba là quả. Cho nên nhân quả lúc nào hiện ra, xuất hiện ra? Chính là lúc một niệm bắt đầu nơi đó, nhân quả đồng thời. Nhân quả và y chánh trang nghiêm đồng thời xuất sanh, đồng thời xuất hiện. Nhà Phật có câu: “vạn pháp giai không, nhân quả bất không”. Câu nói này nói cho ai? Nói cho chúng sanh trong thập pháp giới. Không giả dối tí nào, không sai lầm chút nào. Nhân duyên quả báo tự làm tự chịu không thể nào tránh được. Đạo lý này nhất định phải rõ ràng. Đến lúc nào mới có thể nhân quả cũng không còn nữa? Đến diệu giác vị thì nhân quả không còn nữa. Trở về tự tánh, trong tự tánh không có nhân quả. Quý vị phải nghĩ đến Diệu giác vị, Đẳng giác vị vẫn chưa được. Đẳng giác Bồ Tát vẫn chưa tách rời nhân quả. Diệu giác vị trở về với tự tánh rồi. Tự tánh nó không phải là tinh thần, nó không phải là vật chất, nó cũng không phải hiện tượng. Nó không ở đâu không có, không lúc nào không có. Nó không sanh không diệt. Cái gì cũng không có, nó năng sanh vạn pháp. Cho nên những giáo huấn

trong kinh điển chúng ta không thể không làm cho rõ ràng, cho thấu đáo, chúng ta mới có Bồ Tát học xứ, nếu không chúng ta đến đâu mà học được?

“Nhu Lai năng hiện diệu sắc thân”, đây cũng là thật, làm cho những chúng sanh khác nhau gặp được Phật Bồ Tát khác nhau. Ngày xưa, có lẽ là vào niên đại 1980, có một lần, vào thời đó mỗi năm tôi đều đến Hongkong giảng kinh một tháng, thường đến. Lão pháp sư Thánh Nhất nói với tôi một việc, dường như lúc đó đại lục còn chưa mở cửa, ngài đi tham quan du lịch, ba người xuất gia là người Hongkong, họ đến núi Phổ Đà để lên núi. Núi Phổ Đà có một động Phạm Âm. Nghe nói Bồ Tát Quán Thế Âm thường hiện thân ở đó, người hữu duyên đều có thể nhìn thấy. Ba người họ còn có mấy vị đồng tu người Đại lục đi cùng nhau. Ngài nói với tôi, dường như có năm người, ở trước cửa động Phạm Âm mọi người đều lễ bái Quán Thế Âm Bồ Tát, lạy khoảng nửa tiếng đồng hồ, Bồ Tát thực sự xuất hiện rồi, đều nhìn thấy rồi, nhìn thấy rất rõ ràng, hơn nữa thời gian nhìn thấy rất dài, thời gian đến mấy phút, nhất định không phải là do hoa mắt. Lúc rời động Phạm Âm, mấy người họ hỏi nhau ông nhìn thấy gì không? Ba vị pháp sư nhìn thấy rồi, có hai người đi theo cùng, cũng lễ bái ở đó nhưng không nhìn thấy. Nhìn thấy Bồ Tát Quán Âm dáng vẻ như thế nào? Pháp sư Thánh Nhất thấy được là đội mũ Tỳ Lô, giống như mũ của Bồ Tát Địa Tạng vậy, toàn thân là kim sắc, đó là ngài thấy được. Một pháp sư khác nhìn thấy được là Bạch y Quan Âm. Giống như bình thường chúng ta hay vẽ Bạch Y Quan Âm, tượng nữ. Còn một vị pháp sư nữa nhìn thấy là hòa thượng xuất gia, là tướng tỳ kheo, đều là hóa thân của Bồ Tát Quán Âm, ba người nhìn thấy ba hình tướng khác nhau. Quý vị xem cùng lễ bái trong động như nhau, lạy hơn nửa tiếng đồng hồ thực sự đã nhìn thấy, nhìn thấy không giống nhau.

Mỗi mỗi tùy phẩm loại của họ mà được thấy Phật, nhìn thấy không giống nhau. Phật Bồ Tát làm gì có thân nhất định? Thân Phật Bồ Tát từ đâu mà có? Là niệm của bản thân chúng ta, trong ý niệm mà biến hiện ra. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”. Quý vị tuy không nghĩ đến, tôi muốn gặp Bồ Tát Quán Thế Âm dáng vẻ như thế nào, lúc đó quý vị sẽ không có ý niệm này, nếu quý vị có ý niệm này sẽ không thấy được. Vì sao vậy? Đây là vọng niệm. Lúc quý vị ở đó lễ bái, phải một niệm không sanh, tâm chân thành, một niệm không sanh, quý vị sẽ thấy Phật. Quý vị có vọng niệm, có vọng tưởng tôi muốn nhìn thấy hình dáng như vậy, vậy là không được, duyên này của quý vị không còn nữa. Tâm thanh tịnh, tướng hiện ra, liền không tương đồng với thiện căn phước đức nhân duyên của bản thân mình. Mỗi người đều khác nhau. Cho dù tướng thấy được là tương đồng, ví dụ như nói hai người giống như pháp sư Thánh Nhất vậy, đều nhìn thấy là đội mũ Tỳ lô toàn thân kim sắc, hai người thấy kim sắc, màu kim sắc đó có đậm nhạt khác nhau, màu sắc ánh sáng lớn nhỏ khác nhau, sẽ không hoàn toàn tương đồng. Đây chính là Phật không có thân, chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liền hiểu được trong giáo lý Đại thừa thường nói báo thân Phật. Báo thân Phật trong Cõi Thật báo trang nghiêm. Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, không phải 32 tướng 80 vẻ đẹp. Đó là ứng hóa thân trong thế gian chúng ta. Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện là ứng thân, giống như con người chúng ta, tại thế gian này cũng có cha mẹ, cũng có đầu thai, xuất thai, tướng này là 32 tướng 80 vẻ đẹp. Báo thân Như Lai không phải vậy. Tướng hảo của Ngài thực sự là vô lượng vô biên, mỗi người đi gặp Ngài nhìn thấy cũng sẽ không tương đồng, là diệu sắc thân. Ngài tùy theo thiện căn phước đức nhân duyên của bản thân quý vị mà hiện hiện ra. Đạo lý này tôi nghĩ đồng học chúng ta đều tin tưởng, đều có thể chấp nhận, nghe kinh nghe nhiều rồi mà!

Phật không khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là Phật trong thập pháp giới, khởi tâm động niệm chưa đoạn. Họ đích thực phân biệt chấp trước hoàn toàn buông bỏ rồi, chỉ có khởi tâm động niệm chưa buông bỏ được. Cho nên không ra khỏi thập pháp giới. Chư vị nên nhớ kỹ, khởi tâm động niệm là động niệm mà Bồ Tát Di Lặc đã nói đến. Trong một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm. Ý niệm này không có. Ý niệm này chỉ cần không còn nữa, nó liền siêu việt thập pháp giới. Phật trong thập pháp giới đại sư Thiên Thai xưng họ là tương tự tức Phật. Thiên Thai nói lục tức Phật. Thứ nhất là nói: lý tức Phật. Từ lý mà nói tất cả chúng sanh vốn đã là Phật, từ trên lý mà nói là lý tức Phật. Thứ hai là danh tự tức Phật, hữu danh vô thực. Trong thế gian này xưng là Phật, Từ Hy Thái Hậu người ta gọi bà ấy là lão Phật gia. Bà ta là người, không phải là Phật thật. Đó là danh tự tức Phật, hữu danh vô thực. Quốc gia Nhật Bản xưng là Thiên Hoàng đó cũng là danh tự tức Phật, hữu danh vô thực, là tôn xưng đối với ông ấy. Đây là thứ hai. Thứ ba là tương tự tức Phật. Đó chính là Phật trong thập pháp giới tầng thứ cao nhất, tương tự tức Phật, rất giống Phật, nhưng không phải Phật. Quý vị nhìn thấy rất giống Phật. Vì sao vậy? Đạo lý Phật nói trong kinh họ đều hiểu được, trở thành tư tưởng của bản thân. Những hành nghi mà trong kinh đã nói, họ đều làm được, rất giống Phật. Vì sao không phải là Phật thật? Bởi vì họ còn dùng thức A lại ya. Dùng thức A lại ya là phạm phu. Vì sao vậy? Thức A lại ya là vọng tâm, tâm họ dùng là vọng tâm. Vọng tâm và điều Phật nói họ tương ứng. Không dễ dàng! Giáo huấn của Phật họ đều đã làm được, nhưng họ dùng là vọng tâm. A la hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, bốn địa vị này đều dùng A lại ya. Đây là Tứ Thánh pháp giới. Lúc nào? Đây là lời của tướng tông, mọi người đều hiểu, chuyển bát thức thành tứ thánh, họ chính là chân Phật, họ không phải là giả Phật. Đó chính là trong thiên tông nói đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Điều này Thiên Thai nói là phần chứng tức Phật. Họ là Phật thật. Họ chứng được chưa viên mãn, nên gọi là phần chứng. Đây là chân Phật, không phải là giả Phật. Phần chứng tức Phật trong cõi Thật báo. Viên Giác từ Sơ trụ đến Đẳng giác, 41 địa vị đều là phần chứng tức Phật. Cho nên trong phần chứng cấp bậc không giống nhau, có 41 địa vị, 41 cấp bậc. Đây là gì? Họ buông bỏ khởi tâm động niệm rồi. Vì sao còn có những tình hình này? Tập khí khởi tâm động niệm vẫn còn, có tập khí. Đích thực không còn khởi tâm động niệm nữa, tập khí đoạn bằng cách nào? Tập khí không có phương pháp để đoạn, thời gian lâu rồi tự nhiên không còn nữa, đừng để ý đến nó sẽ không sao. Quý vị vừa để ý đến nó, quý vị liền có vọng tưởng, lại khởi tâm động niệm. Cho nên cổ nhân trong cảnh giới này có câu: “chỗ này không thể dùng lực”, tức là nói Pháp thân Bồ Tát. Pháp thân Bồ Tát đào thải tập khí vô minh vô minh, hoàn toàn tùy thuận tự nhiên. Thực sự là duy trì trong cảnh giới nào, đều không khởi tâm, không động niệm, đến lúc thì tập khí sẽ đoạn được. Tập khí đoạn rồi đó chính là diệu giác, diệu giác vị gọi là cứu cánh Phật. Trước Diệu giác 41 địa vị gọi là Phần chứng tức Phật. Thiên Thai nói đây là Lục tức Phật. Lý tức Phật, tất cả chúng sanh vốn là Phật. Nhưng hiện tại mê hoặc rồi, đã khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trở thành lục đạo phạm phu. Trong giáo lý Đại thừa nói rất hay, ba loại phiền não, khởi tâm động niệm gọi là vô minh phiền não; phân biệt gọi là trần sa phiền não; chấp trước gọi là kiến tư phiền não. Tu hành tu những gì? không có gì khác, không phải là trí tuệ đức tướng, trí tuệ đức tướng là trong tự tánh vốn có sẵn. Quý vị làm sao có thể tu nó? Làm gì có đạo lý ấy? Tu hành chính là buông bỏ. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chấp trước buông bỏ rồi không còn chấp trước nữa. Chấp trước trong Kinh Hoa Nghiêm chính là trong giáo lý Đại thừa nói là kiến tư phiền não, tất cả đều buông bỏ hết, quý vị liền chứng quả A la hán. Lục đạo luân hồi liền không thấy nữa, không còn nữa. Vì sao

vậy? Vì nó là giả. Trong Kinh Kim Cang nói rất hay: như mộng huyễn bào ảnh, giống như lúc ngủ mà nằm mơ vậy. “Mộng lý minh minh hữu lục thú”, sau khi tỉnh dậy rồi, tỉnh lại rồi sáu cõi không còn nữa, không thấy mộng nữa, không còn nữa. Tỉnh lại rồi thì như thế nào? Là tứ thánh pháp giới. Xem công phu đạo hạnh của quý vị, công phu kém một chút quý vị là A la hán, là Bích Chi Phật, công phu tốt hơn một chút thì quý vị là Bồ Tát là Phật, cảnh giới đó sẽ xuất hiện. Môi trường đó so với môi trường chúng ta hiện nay thì tốt hơn rất nhiều. Thanh tịnh không có nhiễm trước. Đây là gì? Tịnh Độ của Phật Thích Ca Mâu Ni, lục đạo là uế độ của Phật Thích Ca Mâu Ni, Tứ thánh là Tịnh Độ. Trong Tịnh Độ còn phải tu tập. Vì sao vậy? Vì quý vị còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chưa buông bỏ được. Cho nên đầu tiên phải buông bỏ phân biệt. Tôi nói tường tận hơn một chút, chur vị sẽ dễ hiểu hơn, không phải đã thành A la hán rồi sao? Quý vị buông bỏ chấp trước rồi, nhưng có tập khí của chấp trước, trong Tứ thánh pháp giới, A la hán buông bỏ tập khí chấp trước xuống. Tập khí không còn nữa họ liền thăng lên một cấp là Bích Chi Phật, họ đã thăng cấp rồi. Trên vị trí Bích Chi Phật phải buông bỏ trần sa phiền não tức là phân biệt, không còn phân biệt nữa. Phân biệt buông bỏ rồi, thăng cấp thăng đến Bồ Tát. Bồ Tát không còn phân biệt, có tập khí phân biệt. Cho nên Bồ Tát dụng công thì dụng công gì? Buông bỏ tập khí đó, tập khí phân biệt cũng không còn nữa. Họ lại thăng thêm một cấp, họ là Phật rồi. Phật pháp giới của Tứ thánh pháp giới. Bồ Tát tập khí không còn nữa. Họ thành Phật rồi. Nhưng Phật khởi tâm động niệm, đây chính là căn bản vô minh, vô thi vô minh chưa buông bỏ được. Vô thi vô minh chính là khởi tâm động niệm. Họ đã buông bỏ vô thi vô minh, khởi tâm động niệm rồi, họ lại thăng cấp rồi, vừa thăng như vậy, ra khỏi thập pháp giới rồi, thực sự đã tỉnh lại rồi. Giống như nằm mơ vậy, thực sự tỉnh lại rồi. Sau khi tỉnh lại, vậy là cảnh giới gì hiện tiền? Cõi Thật báo trang nghiêm hiện tiền. Cõi Thật báo cũng gọi là nhất chân pháp giới. Lục đạo là giả, nó đó mới là chân. Chân và giả nói như thế nào đây? Như thế nào mới gọi là chân? như thế nào mới gọi là giả? Trong Phật Pháp vô thường là giả, chân thường chính là chân. Trong thập pháp giới đều là vô thường, đều là có thay đổi. Quý vị nghĩ thử xem, chúng ta ở thế gian này, quý vị thấy có thứ gì không thay đổi? Thân thể này của chúng ta, quý vị đều biết có sanh lão bệnh tử. Lão là lão hóa, lão hóa như thế nào? Mỗi năm một già đi, người năm mươi tuổi trở lên thì vô cùng rõ ràng. Năm mươi tuổi về trước thì còn mơ mơ hồ hồ, chưa lưu ý đến điều này. Năm mươi tuổi trở lên cảm giác được sự lão hóa rồi. Sau sáu mươi tuổi thì vô cùng rõ ràng, mỗi năm càng lão hóa hơn. Kỳ thực quý vị còn chưa giác ngộ đến được, mỗi tháng càng già đi, nói thêm với quý vị rằng mỗi ngày một già đi. Nói thêm cho quý vị lời chân thật là mỗi giây đều đang già đi. Đây gọi là vô thường! Con người đang thay đổi trong từng sát na. Quý vị xem động vật có thay đổi hay không? Cỏ cây hoa lá thực vật có thay đổi hay không? Núi sông đất đai có thay đổi hay không? Đều đang thay đổi. Đây là hành khổ trong bát khổ của Phật Pháp. Thọ, tướng, hành, thức trong ngũ uẩn đây gọi là hành. Hành chính là gì? Không trụ, nó dừng không được. Cõi Thật báo trang nghiêm không có hiện tượng này. Trong cõi Thật báo chỉ có hóa sanh, thai sanh không có, không có thai sanh, noãn sanh, thấp sanh đều không có. Họ là biến hóa. Đến bên đó là hóa sanh. Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là hóa sanh, liên hoa hóa sanh, hóa sanh không phải giống như một đứa trẻ, dần dần ở đó mà lớn lên, không phải. Vậy không phải vẫn là thay đổi sao. Sự hóa sanh của họ, giống như thân của Phật A Di Đà, là thân bình đẳng, vĩnh viễn bất biến. Quý vị ở cõi Thật báo trú thời gian bao lâu? Trong kinh nói với chúng ta ba đại a tăng kỳ kiếp, thời gian này quá dài, ba đại a tăng kỳ kiếp, dung mạo của quý vị không hề thay đổi, thân thể quý vị cũng không thay đổi. Quý vị không bao giờ sinh bệnh, là

thân kim cang bất hoại. Tướng mạo của quý vị không có sự thay đổi, đó là thật! Thế giới Cực Lạc cỏ cây hoa lá bốn mùa thường xuân, nó không có bốn mùa, vĩnh viễn cũng không tàn tạ. Núi sông đất đai tốt đẹp, nó không có sự thay đổi. Không giống như thế gian này của chúng ta thủy tai, hạn hán, động đất những thứ này, ở nơi đó đều không có nữa. Tai nạn gì cũng không còn nữa. Thật báo độ gọi là nhất chân pháp giới. Đó là thật, đó không phải là giả. Quý vị cư trú ở nơi đó dần dần ở đó mà nâng cao lên. Từ Sơ trụ, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, quý vị trú ở đó. Đến Diệu Giác thì sao, đến Diệu Giác quý vị tốt nghiệp rồi. Quý vị không trú ở đó nữa. Trú ở đâu? Trú ở Thường tịch quang. Tứ độ của Tây phương cao nhất là cõi Thường tịch quang. Cõi Thường tịch quang là tự tánh. Trở về tự tánh, đó gọi là rốt ráo viên mãn. Điều này chúng ta không thể không biết. Chúng ta mới có thể thực sự hiểu được, pháp thân đại sĩ đều có thể hiện diệu sắc thân, làm cho chúng sanh trong thập pháp giới nhìn, mỗi mỗi nhìn thấy đều không tương đồng. Không phải nói lục đạo nhìn thấy khác nhau, Tứ thánh pháp giới nhìn thấy Phật Bồ Tát cũng không giống nhau. Đây đều là nói rõ phàm có hình tướng đều là hư vọng. Chúng ta mới thực sự lãnh hội được ý nghĩa của câu nói trong kinh này. Không có thứ gì không phải là hư vọng. Chúng ta thấu hiểu, rõ ràng rồi, trong kinh đọc đến những câu kinh văn này, hoặc là cùng chia sẻ với các đồng học, đem nó nói cho rõ ràng cho thấu đáo là được rồi. Bản thân phải dùng tâm thái gì? Thực sự phải dùng phàm có hình tướng đều là hư vọng, cả dấu vết trong tâm cũng không nhiễm. Như vậy liền nâng cao bản thân, chúng ta nếu như vẫn nghĩ thân này là như thế nào, thân kia là như thế nào, vậy quý vị lại rơi vào phàm phu rồi, lại dẫm chân tại chỗ cũ, chưa được nâng lên, không thể chấp trước, không thể phân biệt, khởi tâm động niệm là không có cách gì, bảo quý vị không khởi tâm, không động niệm thì làm không được, nhất định làm không được. Vậy nếu chúng ta khởi tâm động niệm không có nữa, thì thập pháp giới không còn nữa. Điều này chắc chắn làm không được. Chúng ta phải hạ công phu đối với phân biệt chấp trước. Tướng tông dạy quý vị tu hành chính là ở đây. Quý vị xem chuyển tám thức thành bốn trí, lục thất nhân địa chuyển, chuyển ở trên nhân. Ngũ bát là chuyển trên quả, ngũ bát không cần chuyển nữa. Lục thất chuyển một lần, ngũ bát chuyển theo. Thứ sáu, thức thứ sáu là phân biệt, thức thứ bảy là chấp trước. Chúng ta hạ công phu trên điều này. Học được những gì? Học không phân biệt, không chấp trước, quý vị sẽ khai trí tuệ, quý vị sẽ đắc định, định này gọi là tam muội.

Ta học Kinh Vô Lượng Thọ, mỗi ngày ta vô cùng chăm chỉ học tập, không phân biệt, không chấp trước, quý vị đạt được tam muội của Kinh Vô Lượng Thọ, tam muội này cũng gọi là niệm Phật tam muội. Quý vị nghiên cứu Kinh Hoa Nghiêm rất dụng công, vô cùng nghiêm túc, thậm chí đối với một chữ, đối với một từ, đều tra rất rõ ràng. Sau khi tra cứu xong trong tâm không chấp trước, không phân biệt, quý vị đạt được Hoa nghiêm tam muội. Quý vị sẽ khai ngộ. Chúng tỏ điều gì? Chúng tỏ quý vị không bị cảnh giới bên ngoài chi phối. Quý vị ngày ngày tiếp xúc với cảnh giới này, ở trong cảnh giới này mà không bị nó làm ảnh hưởng. Đây gọi là công phu. Rất nhiều người học Phật, học một đời, rất dụng công, rất giỏi ăn nói, trước tác viết lách, vì sao lúc ra đi ngay cả tướng lành cũng không nhìn thấy. Nguyên nhân là gì? Lúc họ học tập, họ chưa buông bỏ phân biệt chấp trước, chính là ở điểm này. Chưa buông bỏ phân biệt chấp trước là phàm phu. Phàm phu học Phật thì được những gì? là Phật học thường thức, là tri thức Phật học, không có tam muội, càng không có trí tuệ. Cho nên điều này cũng gọi là diệu pháp. Người biết không nhiều, có thể dùng được thì càng ít hơn. Phải biết dùng! Không thể không chăm chỉ, không thể không nỗ lực. Chăm chỉ nỗ lực là tiêu nghiệp chướng bản thân. Nhưng sách vừa gấp lại, tâm địa thanh tịnh, sạch sẽ thanh tịnh.

Người ta hỏi tôi tôi biết, không hỏi tôi không biết. Học Phật như vậy là như pháp. Tâm địa thanh tịnh, nên nhớ nửa phần sau của kinh đề chúng ta là năm chữ “thanh tịnh bình đẳng giác”. “Thanh tịnh bình đẳng giác” là nhân. “Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm” là quả báo, Đại thừa là trí tuệ, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng. Quý vị xem trí tuệ, đức tướng, đó là quả. Từ đâu đến? Từ thanh tịnh bình đẳng giác đến. Thanh tịnh bình đẳng giác là tánh đức. Cho nên chư vị tỉ mỉ để lãnh hội quý vị liền hiểu được. Nếu như chúng ta học rồi vẫn thường đọc đến, vẫn thường thường không quên, vẫn thường thường đang phân biệt chấp trước, thì tâm thanh tịnh của quý vị không còn nữa. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, nghiên cứu kinh giáo là một môn ở trong đó. Bất cứ pháp môn nào đều không thể chấp tướng. Chấp tướng này chính là chấp trước, không thể chấp trước, càng hướng lên cao hơn chút nữa là không thể phân biệt, không chấp tướng quý vị được tâm thanh tịnh, không phân biệt quý vị được tâm bình đẳng. Tâm bình đẳng cao hơn tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh liền sanh trí tuệ, hà huống là bình đẳng. Vậy là sanh đại trí tuệ. Đây là bí quyết tu học Phật Pháp. Nên nhớ kỹ cổ nhân thường nhắc nhở chúng ta, người thực sự tu hành bớt việc. Biết việc ít thì phiền não ít, biết người nhiều việc thị phi nhiều. Vì sao người thực sự tu hành, họ phải ở trong núi, cách tuyệt với bên ngoài? Đó chính là biết việc càng ít càng tốt. Vì sao vậy? Phạm phu quý vị sẽ bị hoàn cảnh bên ngoài chi phối. Lúc không bị chi phối, đó là định lực tương đối khá, tương đối có công phu. Định lực này không nhất định là phải ngày ngày xếp chân diện bích, không phải vậy. Không bị cảnh giới chi phối, là thực sự định lực, thực sự công phu. Đó gọi là thiên định. Xếp chân diện bích đó là sơ học. Thực sự đắc định rồi, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định. Trên kinh Phật có hai câu nói Phật thường nói: na già thường tại định, vô hữu bất định thời. Thiện Tài đồng tử 53 lần tham học đều ở trong định, không bị cảnh giới bên ngoài làm chi phối. Đạo lý này nhất định phải hiểu được, nhất định phải học tập. Sự thù thắng của Tịnh Tông, chúng ta học tập, học đến trình độ nào cũng không sao, học đối với bản thân nhất định có điều tốt. Mà pháp môn này, sự tu học này sở dĩ gọi là pháp môn phương tiện, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là pháp môn phương tiện, phương tiện của phương tiện, phương tiện thù thắng nhất là một câu danh hiệu, một câu danh hiệu bốn chữ A Di Đà Phật này. Trong cuộc sống hằng ngày, từ sáng đến tối, luôn luôn nghĩ đến A Di Đà Phật, những việc khác đều không nên nghĩ nữa.

Tôi mỗi ngày đọc kinh, đến nơi này chia sẻ cùng các đồng học, sau khi đọc kinh xong, kinh quyển vừa gấp lại, quý vị nếu như hỏi tôi đọc những gì tôi đều không biết, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, không hiểu nữa. Quý vị hỏi tôi tôi đều biết, quý vị không hỏi tôi tôi toàn không biết. Đến nơi này chia sẻ cùng mọi người, kinh quyển vừa mở ra tôi liền biết. Tôi nói xong rồi, hỏi tôi giảng những gì tôi đều không biết. Đây thật là mấy mươi năm đều là như vậy. Trong tâm luôn sạch sẽ. Nếu như trong tâm vẫn nghĩ đến những thứ này, thứ kia, vậy thì phiền phức rồi, mệt chết đi được. Giáo huấn của Phật Bồ Tát, giáo huấn của Tổ sư Đại đức, giáo huấn của thầy giáo, đều tương ứng với kinh giáo. Vậy có thể không tin sao? Có thể không học được sao? Lúc ban đầu mới học tập, bản thân chưa vững vàng, kinh giáo này không thuộc kỹ thì làm sao được? Tôi vừa bắt đầu thầy giáo không cho tôi ghi chép, nói phương pháp cho tôi, lúc nghe kinh, lúc nghe thầy giáo giảng kinh, nhất tâm chuyên chú, nghe hiểu thì tốt, nghe không hiểu cũng được, không nên nghĩ đến nó, không khởi vọng tưởng. Nhất tâm chuyên chú là định, định sanh tuệ. Phải nghe những gì? Phải nghe được những âm thanh ngoài lời thầy giảng. Điều này không dễ dàng! Thầy giáo có âm thanh ngoài lời không? Kỳ thực quý vị xem trước đây chúng ta đọc: Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh,

hữu tình các các tùy loại giải. Đó không phải là âm ở ngoài lời sao? Lý giải của mỗi người đều không giống nhau, đó là âm ở ngoài lời. Nói với chư vị rằng, mỗi một người nói chuyện đều có âm ở ngoài lời, bản thân quý vị không biết được, người thường nghe cũng không hiểu. Vì sao vậy? Họ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu như họ không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, luôn luôn nghe một câu nói, họ đại triệt đại ngộ, họ minh tâm kiến tánh, trong thiên tông có. Người tham thiền ngẫu nhiên nghe người ta hát họ liền khai ngộ. Lúc trời mưa nghe tiếng mưa rơi trên lá chuối, lúc mưa rơi trên lá chuối, họ nghe được, liền khai ngộ. Không định nhân duyên gì. Tâm của họ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh mới có được năng lực này, tâm không thanh tịnh thì không được. Thầy giáo giảng kinh, có lúc thực sự rất ít như vậy, thỉnh thoảng có một lần như vậy. Nghe được một chút, có một chút ngộ được, báo cáo với thầy giáo, thầy giáo bảo tôi có nói ra điều này sao? Bản thân thầy giáo không hiểu được. Từ xưa đến nay tình hình này vẫn có, không phải là không có, biết nói không bằng biết nghe. Người biết nói không có khai ngộ, người nghe khai ngộ rồi! Vậy dùng gì để nghe? Thực sự mà nói, không ngoài nguyên tắc mà Bồ Tát Mã Minh dạy trong Khởi Tín Luận, lia tướng ngôn thuyết, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên. Quý vị dùng tâm thanh tịnh ở đây mà nghe hai tiếng đồng hồ là giỏi lắm rồi! Người thường như thế nào? Người thường không được. Hai tiếng đồng hồ, họ dùng tâm phân biệt, họ dùng tâm chấp trước. Họ vừa phân biệt, vừa chấp trước đó toàn là pháp thế gian. Họ đạt được là những gì? Thường thức. Thường thức ở trong kinh điển. Dùng danh từ hiện tại để nói họ đạt được là tri thức, tri thức của Phật học Đại thừa. Phật là ý này sao? Không phải, là ý của bản thân họ. Họ nghe rồi, hoàn toàn là ý của bản thân họ, lý giải của bản thân họ.

Phật, Phật là gì? Phật không có ý gì. Phật làm gì có ý gì. Có ý nghĩ không phải là trở thành phàm phu rồi sao? Cho nên điểm này phải hiểu được. Phật là không có khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, lưu xuất ra là diệu âm, ghi chép lại chính là văn tự, không thể chấp trước. Cho nên âm thanh ngôn ngữ họ lưu xuất ra trong đó không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chúng ta nếu như cũng không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vậy thì vừa nghe đã khai ngộ rồi. Từ đó có thể tưởng tượng được, Huệ Năng đại sư trong phương trượng của Ngũ tổ, ngài một đời chỉ nghe kinh một lần đó, Ngũ tổ giảng cho Ngài về Kinh Kim Cang, chúng ta biết giảng đại ý Kinh Kim Cang, cũng không có kinh quyển, Ngài không biết chữ, không có kinh sách, quý vị xem “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, đại khái là một phần tư của Kinh Kim Cang, Kinh Kim Cang chỉ có hơn năm ngàn chữ. Nói cách khác, lúc giảng hơn 1000 chữ, sau đó vẫn còn có hơn một nửa chưa giảng, Ngài đã khai ngộ rồi. Ngài liền thừa với Ngũ tổ: Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt. Nói năm câu nói. Ngũ tổ bảo không cần nói nữa, y bát liền trao cho Ngài. Nghĩa là gì? Là tâm thanh tịnh bình đẳng giác. Chúng ta đi nghe Ngũ tổ giảng kinh cũng vô ích, Ngũ tổ hôm nay giảng những gì? Quý vị đều đem toàn bộ những lời của ngài lặp lại một lần. Vì sao vậy? Vì quý vị ghi nhớ rất rõ ràng. Huệ Năng đại sư không đem những lời Ngũ tổ đã giảng từng điều từng điều nói ra, điều thứ nhất ngài nói là gì, điều thứ hai nói là gì, không có! Quý vị xem Ngài ngộ nhập là tự tánh. Đây là mật pháp trong Phật Pháp. Thâm mật! Phật không có bí mật, bí mật không phải là việc tốt. Bí mật là điều không thể nói với người khác. Phật không có bí mật, mà là thâm mật. Nhưng sự thâm mật này, bản thân của mỗi người đều có thể khai mở được. Muốn người khác thay quý vị khai mở là điều không thể, phải bản thân khai mở, bản thân thực sự hiểu rõ rồi, buông bỏ phân biệt chấp trước liền có thể tháo gỡ được một nửa. Ngày nay chúng ta hư ở chỗ nào? Chính là không thể buông bỏ phân biệt chấp trước. Luôn

luôn còn muốn dùng phân biệt chấp trước, dùng quen rồi. Vô thì kiếp đến nay chỉ dùng những thứ này. Hiện tại bảo đời, đời không được, vẫn còn phải dùng điều này, dùng điều này liền thành chướng ngại, liền thành sở tri chướng. Chúng ta muốn tiếp cận cảnh giới Phật vậy thì vô cùng khó khăn. Điều này không thể không biết. Cho nên tâm địa học Phật càng thanh tịnh càng tốt, càng buông bỏ càng tốt.

Tôi mười mấy hai mươi năm nay, từ lúc ở Mỹ đã thường nói, có thời gian hai mươi, ba mươi năm, luôn luôn khuyên nhủ mọi người, thực sự học Phật, buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn, nói 16 chữ, tôi nói rất thấu đáo. 16 chữ này có thể nhập cảnh giới của Phật? Không có, đến trước cửa Phật, 16 chữ này dẫn chúng ta đến trước cửa, bước vào một bước đó, vậy thì phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Tiêu chuẩn của Phật chính là buông bỏ chấp trước. Quý vị liền có thể nhập môn. Chấp trước là kiến tư phiền não. Buông bỏ tam giới 88 phẩm kiến hoặc, trong Hoa Nghiêm quý vị chính là Bồ Tát sơ tín vị. Trong Tiểu thừa quý vị đã chứng quả Tu Đà hoàn, không giống nhau nữa, quý vị thực sự đã vào cửa Phật. Quý vị đã thực sự phù hợp với danh hiệu đệ tử Phật, quý vị không phải là giả. 88 phẩm kiến hoặc, Thế Tôn dạy học vì phương tiện, nên đem nó quy nạp thành năm loại, để nói chuyện rồi, chúng ta cũng dễ dàng hiểu được. Đầu tiên là thân kiến, không còn chấp trước thân là ta, thân không phải là ta. Cái gì là ta? Tự tánh là ta. Người học Đại thừa nhất định phải biết. Trong Hoàn Nguyên Quán điều đầu tiên là tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đó là ta. Huệ Năng đại sư kiến tánh là gì? chính là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Câu đầu tiên của Ngài nói: “đâu ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”, viên là viên mãn, minh là quang minh. Minh cũng đại biểu cho trí tuệ. “Không sanh không diệt”, đó chính là Đại bát niết bàn, “vốn tự đầy đủ”, đầy đủ trí tuệ, đầy đủ đức năng, đầy đủ tướng hảo, không có thứ gì khiếm khuyết. Câu thứ tư nói “vốn không dao động”. Tâm thanh tịnh là định, nó không phải động, động là sai rồi. Tự tánh vốn định. Ngày nay chúng ta tâm đang động, động này là vọng tâm. Chân tâm bất động. Vọng tâm này của chúng ta nếu như bất động rồi, chân tâm liền hiện tiền. Chân vọng là một không phải là hai. Động liền gọi là vọng, bất động liền gọi là chân. Điều này quan trọng biết bao! Câu cuối cùng “năng sanh vạn pháp”, vạn pháp là toàn thể vũ trụ. Vũ trụ, sinh mệnh, vạn sự vạn vật, từ đâu mà có? tự tánh biến hiện ra. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, cho nên không thể dùng thức, phải dùng tâm. Thức là phân biệt chấp trước, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều gọi là thức. Vọng tưởng là A lại ya; phân biệt là ý thức thứ sáu, chấp trước là thức mạng na. Quý vị không dùng điều này thì sao? Không dùng điều này chính là chân tâm. Đây là vọng tâm, vọng tâm che mắt chân tâm. Vọng từ chân tâm mà khởi, không có chân tâm thì làm gì có vọng tâm? Vậy nên nó là một tầng ô nhiễm, là một tầng chướng ngại. Quý vị phải buông bỏ nó. Phật Bồ Tát khuyên dạy chúng ta, chúng ta phải hiểu được, phải biết vận dụng. Đầu tiên là không chấp trước, không còn chấp trước thân là ta, quý vị đối với áp lực thân này gánh nặng sẽ không còn nữa. Thân không phải là ta. Ta sẽ không cần để ý nó nữa. Để ý cái thân này quá, thân này luôn luôn xảy ra bệnh tật. Lúc quý vị không để ý nó, nó bệnh tật gì cũng không còn nữa. Cố ý để bảo dưỡng nó, không bảo dưỡng còn được, bảo dưỡng thì toàn thân bệnh tật sẽ xuất hiện. Vì sao vậy? Nghiệp lực. Thực sự hiểu được phương pháp bảo dưỡng, tiêu nghiệp chướng là thực sự bảo dưỡng. Nghiệp chướng không còn nữa liền khôi phục lại tự nhiên. Ngày ngày tâm bỏ nó, là ngày ngày tạo nghiệp chướng. Quý vị nói thử xem, những thứ bỏ đó giúp đỡ nghiệp chướng, vậy không phải là sai rồi sao? Trở về với tự nhiên tốt biết bao! Thân này ở thế gian có hai mục đích. Thứ nhất là giúp bản thân không ngừng

hướng thượng nâng cao cảnh giới, là tự lợi. Dùng thân thể này, đem Phật Pháp giới thiệu cho người khác, là lợi tha.

Giới thiệu cho người khác, phương pháp thứ nhất là bản thân làm được gương tốt cho mọi người xem. Thân hành ngôn giáo, nhất định bản thân phải làm được trước. Quý vị xem Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật Pháp năm xưa tại thế, Ngài hoàn toàn đã làm được! Không làm được mà chỉ nói người ta sẽ không tin quý vị, quý vị phải làm được nó, thực hành cho được thập thiện, thực hành cho được tam quy, thực hành cho được ngũ giới, thực hành cho được lục hòa kính. Bồ Tát lục ba la mật, Bồ Tát Phổ Hiền thập nguyện, 48 nguyện của A Di Đà Phật trong bản kinh này đều thực hành được, đây là thực sự tục Phật huệ mạng, hoằng pháp lợi sanh. Bản thân không làm thì sao được?

Bộ kinh này đoạn sau có một phẩm nói là: “thọ trì kinh giới, như bần đặc bảo”, câu nói này là thật. Chúng ta trong lục đạo, trong lục đạo đáng thương, lục đạo toàn là giả. Dem tinh thần, thời gian, đều dùng vào những thứ giả dối này, rước đến toàn thân tội nghiệp, quả báo sau này rất khổ. Nên phải buông bỏ, nhất tâm niệm Phật. Câu danh hiệu Phật này thực sự không phải là giả. Một đời, thời gian rất ngắn ngủi, thời gian một trăm năm một cái búng tay đã qua rồi, cẩn thận mà nắm bắt thời gian, đem câu danh hiệu này mà niệm cho tốt, tất cả thế duyên đều buông bỏ hết. Chúng tôi đã nói là 16 chữ, tuy nhiên không phải là thật, 16 chữ này có thể buông bỏ, chắc chắn có thể vãng sanh. Biết thân không phải là ta. Thân là sở hữu của ta, giống như áo quần vậy. Coi thân thể là áo quần của ta, không phải là ta.

Thứ hai là phải buông bỏ đối lập. Oán thân là đối lập. Người thân ái của quý vị là đối lập của quý vị. Người quý vị oán hận cũng là đối lập của quý vị. Đối lập là thuộc về biên kiến, nhị biên. Vì sao phải buông bỏ? Khấp pháp giới hư không giới và bản thân là một thể, quý vị có thể đối lập với người ta sao? Đối lập là sai. Ý niệm đối lập đã là tạo nghiệp rồi, ý nghiệp. Hành vi, đó là thân nghiệp và khẩu nghiệp. Không có đối lập. Tất cả chúng sanh không ai không phải là thiện tri thức. Không có không phải là thầy của ta. Họ là thiện nhân. Ta phải học tập thiện hạnh của họ. Tuy học tập, đối với tất cả thiện pháp, không có mảy may tham luyến. Vì sao vậy? Có mảy may tham luyến, thiện pháp này dẫn đến phiền não cho quý vị. Phiền não là gì? tham sân si mạn nghi, những thứ này bị móc ra, vậy là sai rồi. Những thứ này không chấp nhận được, vì thế không khởi tham luyến. Thuận cảnh là tăng thượng duyên tốt của quý vị. Không có những thứ này, quý vị không biết công phu của quý vị có thành tựu hay không. Vừa thử thách như vậy liền biết được. Nghịch cảnh đến, cũng là thử thách quý vị, nếu như không bị nó chi phối, duy trì thanh tịnh bình đẳng giác của quý vị, quý vị được nâng cao rồi. Nếu như nghịch cảnh vừa đến: tôi làm sự việc này, quý vị xem họ quấy rầy tôi, họ có tội. Họ có tội, ta cũng có tội. Ta động ý niệm này chính là tội. Vì sao vậy? Ta bị họ quấy rầy, ta không nâng cao bản thân mình, ngược lại còn đi xuống, bởi thế cảnh giới thuận nghịch luôn luôn sanh tâm cảm ơn. Người này hủy báng tôi, hủy nhục tôi, hãm hại tôi, làm cho tôi chịu tổn thương rất lớn, đều phải có tâm cảm ơn. Cơ hội tốt đến rồi. Không có mảy may oán hận. Quý vị xem Phật Thích Ca Mâu Ni lúc tu Bồ Tát đạo, làm tiên nhân nhẫn nhục, bị Ca Lợi vương cắt xẻo thân thể, không có mảy may oán hận, cảm ơn họ. Vì sao vậy? Trải qua thử thách này, nhẫn nhục Ba la mật trăm phần viên mãn, nhẫn nhục viên mãn rồi, thành Phật trước thời hạn. Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, thứ tự sau Bồ Tát Di Lặc, do vì nhẫn nhục ba la mật tu viên mãn, ngài thành Phật trước Bồ Tát Di Lặc, hiện tại Bồ Tát Di Lặc đang ở sau Ngài. Không cảm ơn được sao?

Tu hành tu những gì? hiểu được đạo lý, hiểu được chân tướng sự thật, người làm những việc xấu, người tổn hại chúng ta nghiêm trọng, cũng giống như tiên nhân nhân nhục, gặp phải Ca lợi vương. Ca lợi là tiếng phạn, dịch ra tiếng Trung nghĩa là bạo quân. Gặp một quốc vương như vậy, đem lăng trì ngài xử chết, không có may mắn oan hận. Tâm là bình đẳng, tâm là từ bi. Biết được họ cũng là một vị Phật, vốn là Phật mà. Vì sao lại trở thành như vậy? Tâm hành bất thiện như vậy là họ nhất thời mê hoặc, tha thứ cho họ, không để ở trong lòng, để ở trong lòng vậy là hỏng rồi. Vậy thì phải làm sao? Lục đạo luân hồi oan oan tương báo không ngừng không dứt, hai bên đều đau khổ. Cho nên họ giác ngộ, họ thấu hiểu, không để ở trong lòng, trên miệng càng không có nữa. Cảnh giới được nâng cao họ thành Phật rồi.

Cho nên biết tu hành, thuận cảnh nghịch cảnh đều là đào thải tham sân si mạn nghi. Quý vị nếu như không ở trong cảnh giới thì quý vị đến đâu mà tu? Kinh quyền thì không được. Kinh quyền là sách hướng dẫn. Thật làm là gì? Thật làm là trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, trong việc đối đãi với tất cả chúng sanh, điều này phải xem công phu thực sự quý vị là giác hay là mê. Chỉ cần cảnh giới hiện tiền khởi tâm động niệm, mê rồi, học có tốt thế nào, có thể đọc thuộc tam tạng mười hai bộ kinh, vẫn cứ làm việc lục đạo luân hồi. Quý vị không ra được. Cho nên phải hiểu rõ đạo lý này vậy.

Trên Bồ Tát đạo phải cảm ơn, phải khiêm tốn, phải cung kính, có một tí tâm ngạo mạn thì hỏng hết. Lập tức liền đọa lạc. Không những trong Phật Pháp mà thế pháp cũng không ngoại lệ, quý vị xem Phu tử đã nói: nếu người có tài mỹ như Chu công vậy nhưng kiêu ngạo bôn xén thì những việc khác không cần phải xét đến họ nữa. Hỏng rồi. Quý vị nói xem sự kiêu ngạo đó phiền phức biết bao. Kiêu ngạo tự cho mình đúng, phiền phức vô cùng. Nhìn thấy người khác tốt, sanh chút tâm tật đó, xong rồi. Cho nên Bồ Tát Phổ Hiền dạy chúng ta tu công đức tùy hỷ. Người ta làm một việc tốt thì tán thán, tán thán họ công đức lớn thế nào, ta và họ công đức lớn như nhau, nhờ đức của họ, quý vị nói xem vậy tốt biết bao. Lúc tật đó, có tổn thương đến họ hay không? Không có tổn hại, tổn đức mình mà thôi, tổn hại đức của chính mình. Vậy là thiệt hại lớn rồi. Làm việc tốt nhiều hơn nữa, quý vị cũng không thể nào bù đắp được, đặc biệt là căn bản của đức hạnh. Hiện tại rất ít người biết căn bản của đức hạnh là gì? Thế gian xuất thế gian pháp điều thứ nhất là hiếu dưỡng cha mẹ, thứ hai là phụng sự sư trưởng. Trong Phật Pháp Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, hai câu đầu của tịnh nghiệp tam phước, đó là căn bản của đức hạnh. Thành tựu pháp thế gian xuất thế gian là gì? Quý vị không có cha mẹ, quý vị làm sao có thân thể? Quý vị không có sư trưởng quý vị làm sao có trí tuệ? Cho nên đây là gốc của phước huệ. Phước huệ giống như một cây lớn vậy, đây là gốc. Bất hiếu cha mẹ, không tôn trọng sư trưởng thì gốc không có nữa, quý vị làm sao mà thành tựu được? Có thành tựu huy hoàng bao nhiêu đều coi như số không. Đạo lý này không thể không hiểu!

Nhiều năm như vậy rất nhiều đồng học đều biết, thầy Lý đem quyển hội tập Kinh Vô Lượng Thọ truyền lại cho tôi, từng trải qua một thời biết bao người phản đối, biết bao người phê bình, trong tâm tôi hiểu rõ, bản hội tập của Vương Long Thư vì sao không có ai phê bình nó? Bản hội tập của Ngụy Nguyên vì sao không có ai phê bình nó? Bởi vì tôi trong đời này hoàng dương bản hội tập này, phê bình bản hội tập là đá kích đối với tôi, là hi vọng tôi buông bỏ bản hội tập, để đi giảng quyển khác. Tôi có thể làm sao? Nếu như tôi vứt bỏ bản này, người ta lập tức thêm cho tôi một tội danh, pháp sư Tịnh Không đối thầy phản đạo, không đáng một xu, lập tức liền hỏng rồi. Tôi nói một câu, người trên thế giới đều phản đối, một mình tôi phải nghiêm túc học tập, phải chăm chỉ để tuyên giảng. Vì sao vậy? Sứ mệnh Thầy

giáo giao cho tôi, tôi không thể làm trái thầy giáo. Hiện tại dần dần tốt rồi, âm thanh này đã nhỏ lại rồi, người phản đối bản hội tập dường như không nhiều nữa. Ở đất nước Trung Quốc cũng thừa nhận rồi. Tôi nhìn thấy cục tôn giáo quốc gia xuất bản Tịnh Độ ngũ kinh, Kinh Vô Lượng Thọ lại dùng bản hội tập này. Quốc gia thừa nhận rồi. Tôi cảm kích những người phê bình đó. Vì sao vậy? Vì đây là thử thách định công của tôi, tôi vẫn có thể giữ được, không bị thất bại. Họ nêu ra đề thử thách tôi đã thông qua rồi. Đối với những người này tôi cảm kích tất cả. Họ đều là thầy giáo của tôi.

Bản này hiện tại chúng ta dùng là quyển chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, tôi và lão cư sĩ nhân duyên rất sâu, đích thực là chúng tôi chí đồng đạo hợp. Ông ở trong nước hoàng dương bản này, tôi ở hải ngoại hoàng dương bản này, vào niên đại đó chỉ có hai người chúng tôi sử dụng bản này. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư tôi chưa từng gặp mặt. Tôi vô cùng tôn trọng ông ấy, mỗi ngày đều lễ bái ông, tôi thờ một bức ảnh của ông. Ông hội tập năm bản nguyên dịch cho chúng ta, hội tập đến hoàn thiện như vậy. Đích thực là tập đại thành của năm loại nguyên dịch. Mạt pháp 9000 năm, tôi thâm tín không nghi, đều là nhờ bản này mà được độ. Hoàng Niệm lão viết chú giải vô cùng cực khổ. Sự việc này tôi tận mắt nhìn thấy, thân thể đã không tốt, cả ngày lẫn đêm không mệt không nghỉ, để hoàn thành công việc này. Chúng ta cùng nhau học tập chú giải này, tôi cảm thấy chúng ta không nghiêm túc học tập, thì có lỗi với vị lão nhân này. Đặc biệt là chúng ta gặp được lần này, hiện tại chúng ta từ đầu đến cuối tỉ mỉ để xem, từng chữ từng chữ đều không bỏ qua, tôi tin rằng các đồng học và tôi đều có đồng cảm, ông chú giải thật tốt, làm cho chúng ta có tín nguyện kiên định đối với Tịnh Tông. Chỉ cần thực sự buông bỏ tất cả, nhất tâm niệm Phật, thì nhất định được sanh Tịnh Độ. Điều này đích thực có mật ngữ, có thân mật. Sự việc này là thật, không phải là giả.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới.

“Theo thân Phật có thể chia thành năm”, điều này trong kinh giáo Đại thừa thường nói năm loại thân: một là pháp thân, hai là báo thân, ba là ứng thân, bốn là hóa thân, năm là đẳng lưu thân. Đẳng lưu thân chúng ta nghe tương đối ít, trong chú giải sau này có nói, đây là điều Mật tông nói. Trong hiện tông chỉ nói bốn loại trước. Dưới đây ông giải thích cho chúng ta từng điều một.

Pháp thân tức là tự tánh thân, tên là Tỳ lô giá na, dịch là biến nhất thiết xứ. Chúng ta nói những câu này trước. Pháp thân không có hình tướng, nghiêm túc mà nói, chính là tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đây là pháp thân, vô hình vô tướng, là bản thể của tất cả pháp. Bản thể này là danh từ triết học, bởi vì tất cả pháp từ nó mà sanh, không có nó thì không có tất cả pháp. Ngay cả hư không cũng là nhờ nó mà sanh. Nếu như không có nó, hư không cũng không tồn tại, trong Hoàn Nguyên Quán nói: “tự tánh thanh tịnh viên minh thể”, chính là chỉ điều này. Trong kinh giáo Đại thừa xưng pháp thân Phật là Tỳ lô giá na. Tỳ lô giá na là tiếng Phạn, dịch thành tiếng Trung là “biến nhất thiết xứ”, trên thực tế chính là Thường tịch quang mà trong Tịnh Độ thường nói. Tịnh Tông nói tứ độ. Thường tịch quang độ, Thật báo trang nghiêm độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ, Phạm Thánh Đồng Cư Độ, nói tứ độ. Ba độ sau, thân và độ không giống nhau, có thân có độ. Trong Thường tịch quang nói thân tức là độ, độ tức là thân, thân độ không phải hai. Vì sao vậy? Thực sự mà nói trong Thường tịch quang, cũng không có thân, cũng không có độ.

Ý nghĩa của Tỳ lô giá na gọi là biến nhất thiết xứ. Quý vị xem danh từ này, biến nhất thiết xứ, thân và độ nhất như không hai, vì sao vậy? Thân và độ dung hòa thành một khối, hòa thành một thể, không thể nào phân chia. Chúng ta từ Huệ Năng đại sư kiến tánh, ngài đã báo

cáo, trong năm câu nói liền có thể lãnh hội được. Năm câu nói này chính là nói Thường tịch quang, chính là Tỳ lô giá na trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói. Hiền Thủ quốc sư trong Hoàn Nguyên Quán nói: “tự tánh thanh tịnh viên minh thể”. Hiền Thủ quốc sư dùng văn tự nhiều, ý nghĩa vô cùng rõ ràng, nó là tự tánh. Nó là thanh tịnh, mây trần không nhiễm, vĩnh viễn không bị nhiễm ô. Vì sao nó không có nhiễm ô? Nó không phải là tinh thân, cho nên tâm địa liền không có nhiễm ô. Nó không phải là vật chất, sắc tướng liền không có nhiễm ô. Thân không có nhiễm ô, độ cũng không có nhiễm ô. Vì sao vậy? Vì nó không phải là vật chất. Nó có thể hiện vật chất. Nó không phải là một thân, nó có thể hiện thân. Nó là năng hiện năng sanh. Mặt na và ý thức là năng biến. Cho nên gọi là duy thức sở biến.

Quý vị xem hình hình sắc sắc trong thế gian này, vô lượng vô biên thiên biến vạn hóa, đó là phân biệt chấp trước. Không có phân biệt chấp trước sự biến hóa này toàn không còn nữa. Cho nên mới nói tắt cả pháp từ tâm tướng sanh. Câu nói này nói rất có lý. Xa rời tâm tướng liền trở về với tự tánh.

Tự tánh viên minh cụ đức. Viên là viên mãn, mây may khiếm khuyết cũng không có. Minh là nói trí tuệ, vô lượng trí tuệ. Minh cũng là quang minh. Cho nên mê, sau khi mê rồi, minh liền mất đi, nên gọi là vô minh, vô minh là mê. Giác ngộ rồi thì sao? Giác ngộ liền sáng ra. Chữ minh này là quang minh của tự tánh, không liên quan gì đến nhật nguyệt đăng. Vốn là một vùng quang minh. Cho nên trong kinh Phật có câu: đại quang minh tạng. Đó chính là minh đức ở trong tự tánh. Người minh tâm kiến tánh vĩnh viễn không còn hắc ám. Hắc ám tiêu mất rồi. Vì sao vậy? Quang minh của tự tánh đã hiển lộ ra. Tự tánh quang minh không giống như mặt trời, ánh sáng mặt trời rất chói mắt, quang minh của tự tánh là nhu nhuyễn, giống như ánh sáng mặt trăng vậy, quang tuy rất lớn nhưng không chói mắt, nó không có độ nóng, sẽ không làm cho quý vị cảm thấy dưới mặt trời nóng cháy, không có hiện tượng này, quý vị sẽ vô cùng dễ chịu, hoàn toàn dung hòa vào cảnh giới này. Có thể hiện thân hay không? Có thể. Chúng sanh có cảm, quý vị liền hiện thân ứng phó, cảm ứng đạo giao bất khả tư nghì. Sự việc làm xong rồi lại trở về với Thường tịch quang. Cho nên so với cõi Thật báo trang nghiêm càng thù thắng hơn một bậc nữa. Cõi Thật báo có thân, trong cõi Thường tịch quang không có thân, năng hiện thân, thân bất cứ lúc nào cũng có thể trở về với Thường tịch quang. Cũng giống như nước biển vậy, có bọt nước, nổi bọt nước lên chính là quý vị hiện thân. Lúc công việc xong rồi bọt nước lại bị vỡ, lại trở về với biển lớn.

Cõi Thật báo như thế nào? Cõi Thật báo có bọt nước, bọt nước đó nó chưa phá vỡ, khởi tác dụng bọt nước cũng có ứng hóa thân, nhưng lúc ứng hóa xong rồi, nó vẫn trở về với bọt nước này, nó không nứt ra. Trong Thường tịch quang khởi tác dụng liền tách rời ra, liền trở về với tự tánh. Tôi dùng ví dụ này chư vị sẽ dễ hiểu hơn. Đó mới gọi là rốt ráo viên mãn! Cho đến biến hóa vô cùng, là đạo lý gì vậy? Rất khó lý giải. Vũ trụ lớn như vậy, chúng ta trong một đời này, có thể nhìn thấy được, rất, rất hữu hạn. Quý vị nói xem là một phần vạn, một phần ức vạn đều không thể nào ví dụ được, chúng ta nhìn thấy được rất nhỏ rất nhỏ. Rất nhỏ rất nhỏ này biến hóa đã là vô cùng rồi, điều này nguyên nhân là gì? Thực sự mà nói không có nguyên nhân. Cũng giống như kính vạn hoa này vậy, không có nguyên nhân. Kính vạn hoa cấu tạo rất đơn giản, trong đó có ba miếng kính, đặt vào vài miếng vụn màu sắc khác nhau, quý vị quay, quay nó, bên trong liền có hoa văn, quý vị quay một năm như vậy, từ sáng đến tối không ngừng quay, không có đồ án nào là hoàn toàn tương đồng. Đây không phải là biến hóa vô cùng sao? Tự tánh khởi tác dụng, và đạo lý này giống nhau, chúng ta liền hiểu được. Là giả, nó không phải là thật. Thật chỉ có Thường tịch quang là thuần chân. Cõi Thật

báo trang nghiêm là tương tự chân, không phải là thuần chân. Vì sao vậy? Phàm có hình tướng đều là hư vọng. Phật Thích Ca Mâu Ni không nói thêm một câu: cõi Thật báo trang nghiêm là ngoại lệ, không thêm như vậy. Không thêm câu này, cũng chính là nói cõi Thật báo trang nghiêm cũng là hư vọng. Chẳng qua thời gian nó lưu trú dài, nó bất biến. Mãi cho đến tập khí vô thi vô minh đoạn tận, cảnh giới này không còn nữa, cõi Thật báo liền không còn nữa, vậy nên nó cũng không phải là thật, so với thập pháp giới nó là thật, so với Thường tịch quang nó vẫn là giả, nó không phải là thật.

Chúng ta tu hành đầu tiên đạt được cõi Thật báo, đạt được Thường tịch quang đâu mà dễ dàng thế! Quý vị xem khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước tất cả đều buông bỏ, chỉ còn lại tập khí khởi tâm động niệm, đó là việc không thể nào, đó là việc không thể nào buông bỏ, không có cách gì cả, không giống như kiến tư phiền não, trần sa phiền não, có phương pháp để đoạn tập khí. Tập khí vô thi vô minh không có cách gì đoạn được, chỉ có để cho thời gian, dần dần làm cho nó tự nhiên tiêu trừ. Trong kinh Phật nói thời gian tiêu trừ là ba a tăng kỳ kiếp, lâu như vậy. Có phương pháp gì rút ngắn thời gian này không? Dường như cũng có, nhưng điều này chúng ta không thể xác định. Chúng ta nhìn hiện tượng này có chút hoài nghi, nếu như không thể rút ngắn, thế giới Hoa tạng 41 vị pháp thân đại sĩ cùng với Văn Thù Phổ hiền, tất cả đều vãng sanh Thế giới Cực Lạc, điều này là vì sao? Trong đây có một tin tức, có một tín hiệu, rất có khả năng đến Thế giới Cực Lạc, đoạn tập khí vô minh phiền não, thời gian được rút ngắn lại. Như vậy đến Thế giới Cực Lạc mới có ý nghĩa. Nếu như ở Thế giới Cực Lạc cũng phải mất ba đại a tăng kỳ kiếp, vậy thế giới Hoa tạng là được rồi, hà tất phải đến Thế giới Cực Lạc? Không cần thiết phải đi nữa. Hiện tượng này đã cho chúng ta một tín hiệu, chúng ta biết điều này trong Quán Kinh đã nói, nói con người chúng ta vãng sanh, Phàm Thánh Đồng Cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc tu hành, tu đến trình độ nào? Tu đến Viên giáo sơ trụ Bồ Tát, cũng tức là chúng ta nói minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, thực sự thoát ly thập pháp giới, sanh đến Cõi Thật báo trang nghiêm, cần bao nhiêu thời gian? 12 đại kiếp. Trong Quán Kinh nói 12 đại kiếp.

Trong kinh giáo Đại thừa thông thường thời gian này rất ngắn, ở những chỗ khác thời gian rất dài, đến Thế giới Cực Lạc là 12 đại kiếp, hạ hạ phẩm vãng sanh. Người ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là vô lượng thọ, quý vị xem ba đại a tăng kỳ kiếp thì 12 kiếp này có là gì đâu? Cũng chỉ giống như con người sống 100 tuổi, thì khoảng chỉ 12 tiếng đồng hồ, thời gian này đã chứng đắc rồi, là tình hình như vậy, họ nhanh quá. Chúng ta từ điểm này mà xem, những Pháp thân Bồ Tát này phải đoạn tập khí vô minh, đến Thế Giới Cực Lạc rất có thể đều sớm hơn thời hạn, cho nên mới cần thiết để vãng sanh. Chư Phật Như Lai khuyên những đại Bồ Tát ở cõi Thật báo tất cả đều đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, vậy mới có lý chứ. Nếu như không có lợi ích thù thắng này, vậy đi có ý nghĩa gì đâu.

Thế là thực sự nhìn ra được rồi, tỳ kheo Pháp Tạng ở dưới đây phát đại nguyện, năm kiếp tu hành, 48 nguyện này nguyện nguyện đều thực hiện được, Ngài mới thành Phật. Thế giới Cực Lạc mới bắt đầu chiêu sinh. Thành Phật đến hiện tại mới mười kiếp, cho nên Thế giới Cực Lạc là một thế giới rất mới mẻ, quốc độ chư Phật. Phật độ của đức Phật nào, thời gian cũng đều dài hơn nó, nó là một đạo tràng mới hưng khởi. Cho nên chúng ta hiện tại đến Thế giới Cực Lạc, tương lai ở Thế giới Cực Lạc, dường như đều là nguyên lão khai sơn, chúng ta mười kiếp đã đến rồi. Nhất định phải tranh thủ, không nên chờ đợi, ngay trong đời này nhất định vãng sanh.

Quyển sách này là giấy bảo đảm cho chúng ta, không có ai không thành tựu. Chư vị nên biết, đó là hạ hạ phẩm vãng sanh 12 kiếp. Hạ trung phẩm thì sao? Hạ thượng phẩm thì sao? Càng hướng lên trên thời gian càng ngắn hơn. Đây là cõi Phạm thánh đồng cư. Trong mười phương quốc độ không có sự việc như vậy, chỉ ở Thế giới Cực Lạc có, huống gì là chúng ta vừa đến Thế giới Cực Lạc, 48 nguyện của Phật A Di Đà, bốn nguyện oai thần gia trì cho quý vị, đều trở thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Cũng tức là nói quý vị tuy là thân phận hạ hạ phẩm, nhưng những đãi ngộ mà quý vị hưởng được, trí tuệ, thần thông, đạo lực bình đẳng với Pháp thân Bồ Tát. Đây là điều trong tất cả quốc độ chư Phật không thể nào có, phàm phu và pháp thân Bồ Tát bình đẳng. Làm gì có sự việc như vậy? Cho nên pháp môn này gọi là pháp môn khó tin. Không phải là chúng ta không tin, là Bồ Tát khó tin. Cho nên Bồ Tát còn phải tu pháp môn của chính họ, tu đến thế giới Hoa tạng, Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền lại dẫn họ đến Thế giới Cực Lạc, vậy là đi rất nhiều đường vòng. Đây là một con đường tắt, một đời thành tựu, hi hữu khó gặp.

Nói cách khác, đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc quý vị liền chứng đắc pháp thân, A Duy Việt Trí liền chứng được. Phá nhất phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân. Cho nên xưng đây là pháp thân đại sĩ.

Dưới đây nói, cho đến trung đạo lý thể, lia tất cả tướng và các hí luận, đầy đủ vô biên công đức chân tịnh cho đến chỉ là cảnh giới giữa Phật và Phật, đây là cảnh giới của Phật, trong Kinh Hoa Nghiêm nói vậy. Cảnh giới sơ trú trở lên- Viên Giáo. Biệt giáo thì sao? Cảnh giới Sơ địa trở lên. Sơ địa của Biệt giáo tương đương với sơ trụ của Viên Giáo. Phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, cũng tức là nói khởi tâm động niệm buông bỏ rồi. Điều này chúng ta có thể lý giải được. Khởi tâm động niệm là sóng động vô cùng vi tế. Sóng động tuy dừng rồi, còn có tập khí sót lại, tuy đã dừng rồi, bất động, nhưng vẫn còn có những tập khí nhỏ nhẹ. Tập khí còn lại đó gọi là tập khí. Tập khí không còn nữa, thực sự bất động, cũng giống như chúng ta gảy đàn, gảy đàn là chấn động của dây đàn, không gảy nữa, đó chính là buông bỏ, nhưng dây đàn vẫn còn đang động, đó gọi là tập khí. Đợi đến khi toàn toàn bất động rồi, đó gọi là Diệu giác, đó chính là Diệu giác vị. Chúng ta đem những chân tướng sự thật này làm cho rõ ràng, cho thấu đáo, đối với Thế giới Cực Lạc chắc chắn liền hạ được quyết tâm. Vì sao vậy? Những pháp môn khác không theo nữa, không chắc chắn, thời gian dài quá, trong đời này chưa chắc đã có thể thành tựu, chưa thành tựu thì vẫn còn làm việc lục đạo luân hồi, pháp môn này chắc chắn rồi. Quý vị làm cho rõ những vấn đề này, không hoài nghi nữa, chướng ngại lớn nhất chính là hoài nghi. Đoạn nghi sanh tín, tín tâm đó thực sự sanh khởi được rồi, nguyện tâm kiên định, phương hướng, mục tiêu của quý vị đã xác định rồi, nhất định thành tựu.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 169
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyên ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: 17.10.2010
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 196, hàng thứ năm từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu sau cùng:

“Thân Phật có năm loại khác nhau: một pháp thân, hai là báo thân, ba là ứng thân, bốn là hóa thân, năm là đảnh lưu thân”. Bên dưới nói tiếp: “Pháp thân tức tự tánh thân, gọi là Tỳ Lô Giá Na, dịch là biến khắp mọi nơi, là lý thể trung đạo, lìa tất cả tướng và các hý luận, đầy đủ vô biên thanh tịnh công đức, đây là cảnh giới giữa Phật và Phật”.

Hôm qua chúng ta học đến đây, năm danh từ của thân Phật này hàm nghĩa rất sâu sắc, đặc biệt là loại thứ nhất - pháp thân. Chúng ta cũng nghĩ, ở đây đem nhận xét của cổ đức về pháp thân, họ đều căn cứ kinh luận, có nhiều cách nói khác nhau. Từ đây chúng ta có thể nghĩ đến, đương thời lúc Đức Thế Tôn giảng kinh, trong tất cả các kinh ngài nói, nghĩa thú không tương đồng. Nguyên nhân này chúng ta có thể lãnh hội được, là do thính chúng khác nhau. Trình độ thính chúng cao ngài giảng sâu sắc, trình độ thính chúng thấp ngài nói cạn hơn. Nhưng quan sát tường tận, nói cạn hay sâu ý nghĩa đều tương đồng, nói rộng hay nói lược cũng đều không hai. Ở đây chúng ta tường tận lãnh hội được, có thể từ từ lý giải chân thật nghĩa mà Đức Phật nói. Những tài liệu này áp dụng trong Thật Dụng Phật Học Từ Điển.

“Pháp thân, là chân thân của Phật, giải thích tên này”, nghĩa là giải thích danh từ này. “Hai tông Tánh Tướng có nghĩa khác nhau”, nghĩa là cách nói của Tánh Tông và Tướng tông không giống nhau. “Tướng Tông căn cứ Duy Thức Luận”, là căn cứ Thành Duy Thức Luận. “Nói pháp thân có hai loại, là tổng tướng pháp thân và biệt tướng pháp thân. Tổng tướng pháp thân, kiêm hai pháp lý và trí, như như và như như trí trong Kinh Kim Quang Minh, ý nghĩa tương đồng với pháp thân”, nghĩa tương đồng.

Ở đây chúng ta nói sơ qua một chút, hai pháp lý và trí. Lý trong Tánh tông gọi là pháp tánh, trí là trí tuệ bát nhã vốn có trong tự tánh. Dùng danh từ của Pháp tướng tông để nói, tâm pháp mỗi loại có bốn phần. A lại da, Mạt na, Ý thức cho đến tiền ngũ thức đều có bốn phần: Tự chứng phần, chứng tự chứng phần, kiến phần và tướng phần, đều có bốn phần này. Trong

bốn phần này, tự chứng phần là lý, chứng tự chứng phần là trí. Ta làm sao để tự chứng? Đương nhiên có trí, không có trí không thể chứng được. Tự chứng phần là thể, lý thể. Chứng tự chứng phần là giác, là bản giác. Biết rằng có thể, thể này chính là lý, ở đây gọi là lý. Lý thể, nó không phải hiện tượng, không phải hiện tượng vật chất, không phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Nói cách khác, chỉ có chứng tự chứng phần có thể chứng được, chứng tự chứng phần là trí tuệ bát nhã vốn đầy đủ trong tự tánh. Đối với vấn đề này rõ ràng minh bạch, không phải tri thức có thể đạt được. Vì sao vậy? Vì phạm vi của tri thức là từ bát thức sanh ra.

Lý là tự tánh chân như, trong Kinh Kim Quang gọi là như như. Nhất định phải có như như trí, mới có thể chứng được như như, như như là lý thể. Khi nào mới chứng được? Trong Tướng tông nói: “Chuyển A lại da thức thành đại viên cảnh trí”. Chúng ta biết đại viên cảnh trí chính là như như trí, như vậy là chứng được. Trong Thiền tông gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Tánh là gì? Tánh ở đây gọi là lý thể, kiến tánh nghĩa là như như trí, không có như như trí làm sao có thể kiến tánh? Điều này trong tự tánh vốn có.

Cổ nhân có một ví dụ, ví lý giống như ngọn đèn, lý thể này ví như ngọn đèn; ví như như trí giống như ánh sáng ngọn đèn. Sau khi đốt đèn lên, ánh sáng ngọn đèn này chiếu soi chính mình. Dùng phương pháp này, phương pháp này cũng rất ý nghĩa. Từ đây chúng ta tìm lãnh hội được, nó không phải ánh sáng bên ngoài, nó là ánh sáng chình mình phóng ra. Cũng chính là Lục Tổ Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, đầy đủ nghĩa là trong Kinh Hoa Nghiêm nói: tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Họ đầy đủ, đầy đủ trí tuệ. Ở đây nói về trí, đầy đủ đức, đức là năng lượng, tướng là tướng hảo. Dùng mấy chữ này tiêu biểu trong tự tánh đầy đủ tất cả pháp, vô cùng viên mãn nhưng nó không hiển lộ. Nó không có gì cả, nhưng có thể hiện ra bất kỳ điều gì. Nếu nó không đầy đủ, nó từ đâu hiện ra?

Ở sau đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp”, nếu nó không đầy đủ, làm sao có thể sanh? Năng sanh phải có nhân duyên, nếu không có duyên nó sẽ không sanh, phải có duyên. Duyên đầy đủ, đây là trong kinh Phật thường nói: “tứ duyên sanh pháp”, tứ duyên là bốn loại lớn. Trong Kinh Hoa Nghiêm là vô lượng nhân duyên, sanh khởi vạn pháp. Phật pháp không nói nhân sanh, mà nói duyên sanh, có đạo lý. Vì sao vậy? Vì niệm đầu tiên không có nhân, niệm thứ hai về sau mới có nhân. Cho nên nhân quả và vạn pháp

đồng thời xuất hiện, vạn pháp giai không, nhân quả cũng là không. Nhưng cần phải đến Đẳng giác tiến thêm một bước nữa, đến Diệu giác mới thật là vạn pháp giai không, nhân quả cũng không. Đẳng giác, vạn pháp chưa không.

Chư vị nên biết, cõi thật báo trang nghiêm, vạn pháp bất không, nhân quả sẽ bất không. Trở về tự tánh, mới thấy được không tướng, chưa trở về tự tánh, tướng ta thấy là có. Trong cõi thật báo thấy tướng, thông thường chúng ta gọi đó là nhất chân pháp giới, vì sao vậy? Vì nó không có biến hóa. Phật giáo nói chân và vọng, định nghĩa của nó ở chỗ biến và bất biến. Bất biến là chân, biến là giả, đó không phải thật. Chúng ta xem thế gian này, pháp nào là vĩnh hằng bất biến? Không tìm thấy. Động vật có sanh lão bệnh tử, có thay đổi; thực vật có sanh trụ dị diệt, có thay đổi; khoáng vật có thành trụ hoại không, hiện tượng tự nhiên cũng có thành trụ hoại không. Không tìm thấy điều gì vĩnh hằng bất biến, không tìm thấy.

Trong thân thể này của chúng ta trong hội Lăng Nghiêm, đối thoại giữa Đức Phật và vua Ba Tư Nặc, khai phát cho chúng ta thật nhiều. Đức Phật chỉ ra trong thân thể này của chúng ta, có biến cũng có bất biến. Bất biến là chân, biến là giả. Trên thân, mắt tai mũi lưỡi thân đều thay đổi, trên thân có cái thật ư? Có, cái gì là thật? Tánh là thật, pháp thân là thật. Đức Phật lấy một ví dụ: Tánh thấy, mắt chúng ta có thể thấy, có thể thấy là tánh. Mắt chúng ta thay đổi, nhãn căn sẽ thay đổi. Khi trẻ mắt thấy rất rõ ràng, vật rất nhỏ cũng có thể thấy. Tuổi lớn dần, già thì nhãn căn thay đổi, khởi biến hóa, đã suy lão. Suy lão tức già hoa mắt, nhìn thứ gì cũng không thấy rõ ràng. Đây không phải quý vị tánh thấy thay đổi, là công cụ này của quý vị, là vật chất này nó đang biến. Vì sao vậy? Vì chúng ta đeo kính không phải đã thấy rõ rồi sao? Nếu cái thấy của chúng ta cũng biến hóa, vậy thì đeo kính cũng vô dụng, nói rõ điều gì? Tánh thấy không thay đổi.

Đức Phật hỏi vua Ba Tư Nặc, hỏi ông: Lần đầu tiên ông thấy sông Hằng là khi nào? Đức Thế Tôn giảng kinh ở lưu vực sông Hằng thời gian rất dài. Sông Hằng của Ấn độ giống như Hoàng Hà và Trường Giang của Trung quốc, là một con sông lớn rất dài. Vua Ba Tư Nặc trả lời Đức Phật, năm ba tuổi, mẹ ông dẫn ông đi thắp hương ở Miếu thần, lần đầu tiên thấy sông Hằng. Đức Phật lại hỏi, lúc ông ba tuổi đến 13 tuổi, thân thể của ông lúc mười ba tuổi phải chăng là già hơn lúc ba tuổi? Đúng vậy. Cái thấy lúc 13 tuổi và cái thấy lúc ba tuổi có gì thay đổi chăng? Không thay đổi. Ba tuổi nhìn thấy sông Hằng, 13 tuổi nhìn lại sông Hằng, cái thấy này không có biến hóa, năng kiến không thay đổi. Dần dần nâng cao, 23 tuổi, 33 tuổi,

43 tuổi, 53 tuổi, năm đó ông 62 tuổi. Ông cùng tuổi với Đức Phật. Chúng ta khi Phật giảng Kinh Lăng Nghiêm, là ngài 62 tuổi, 62 tuổi đã già. Cái thấy đó, so với trước đây có gì biến hóa chăng? Không có biến hóa. Như vậy chứng minh, cái thấy không già. Không già là thật, biến hóa là giả. Nhân nhĩ tử thiết thân của chúng ta, người già và thanh niên không giống nhau, trẻ tuổi linh hoạt, đó là gì? Máy móc còn linh động. Lúc già máy móc dần cũ kỹ, nhưng tác dụng năng lượng của nó không hề thay đổi. Đây là nói với vua Ba Tư Nặc, trong sự biến hóa, trong tất cả sự biến hóa, nó có thứ bất biến trong đó, bất biến là thể. Kiến văn giác tri bất biến. Trên thân người chúng ta, Đức Phật nói đây là tự tánh, hoặc gọi là Phật tánh: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trong khoáng vật, thực vật, Đức Phật nói nó là pháp tánh. Chư vị nên biết, pháp tánh và Phật tánh là cùng một tánh. Điều này chúng ta thấy trong kinh nói rất nhiều, chư vị tổ sư đại đức cũng tự thuật rất nhiều. Nhưng chúng ta luôn có nghi hoặc, pháp tánh và tự tánh là cùng một tánh, tự tánh có kiến văn giác tri, vậy pháp tánh có chăng? Đây là vấn đề rất nghiêm túc. Nếu nói trong pháp tánh không có kiến văn giác tri, chúng ta có thể nói pháp tánh và tự tánh không phải một tánh, không giống nhau.

Đến lúc chúng ta đọc Kinh Hoa Nghiêm, đặc biệt là chúng ta xem Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Thanh Lương, xem Bồ Tát Xứ Thai Kinh, đối thoại giữa Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc. Chúng ta hiểu được pháp tánh và tự tánh là cùng một tánh, nó có kiến văn giác tri. Rõ ràng nhất là Thế Tôn hỏi Bồ Tát Di Lặc: Tâm hữu sở niệm, máy niệm, máy tướng, máy thức? Bồ Tát Di Lặc trả lời Phật và Bồ Tát người hỏi người đáp là để chúng ta nghe, để dạy chúng ta. Một khủy móng tay có 32 ức 100 ngàn niệm, niệm niệm thành hình, chính là vật chất, hiện tượng vật chất. “Hình đều có thức”, trong mỗi hiện tượng vật chất đều có thọ tướng hành thức. Đó là một tâm, không phải tâm thứ hai.

Vấn đề này tiên sĩ Giang Bồn Thắng người Nhật làm thí nghiệm nước, đã chứng minh. Nước là khoáng vật, dùng thí nghiệm khoa học có thể phát hiện nước có thể thấy, nó có kiến; nước có thể nghe, nó có văn, nước có cảm giác. Quý vị xem, chúng ta dùng thiện ý đối với nó, nó biết; dùng ác ý đối với nó, nó cũng biết. Thông qua thí nghiệm khoa học, ý tốt đối đãi nó, nó thể hiện cho chúng ta thấy một kết tinh rất đẹp. Dùng ý xấu đối với nó, nó thể hiện rất xấu xa. Quý vị thấy, phản ứng của nó có kiến văn giác tri. Nhưng kiến văn giác tri nó biến chất, biến thành thọ tướng hành thức. Vì sao vậy? Vì A lại da khởi tác dụng. Nếu không có A lại da, khi chuyển bát thức thành tứ trí, nó chính là kiến văn giác tri. Nếu nhất niệm bất giác, nó

khởi biến hóa theo bát thức, đó nghĩa là thọ tướng hành thức. Do đó chúng ta biết, pháp thân Bồ Tát, như trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Viên giáo sơ trụ trở lên, chúng ta có thể lãnh hội được. Họ tiếp xúc bất kỳ hiện tượng nào, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất hay hiện tượng tự nhiên. Phản ứng nó thể hiện ra, toàn là kiến văn giác tri, vì sao vậy? Vì bản thân họ là kiến văn giác tri, chính họ đã chuyển thành bát trí, một chuyển tất cả đều chuyển. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh, ý niệm họ chuyển, tất cả cảnh giới đều chuyển. Nếu không thể chuyển thức thành trí, tất cả cảnh giới ta thấy toàn là thọ tướng hành thức. Nghĩa là nói, trong tình trạng mê muội gọi là thọ tướng hành thức, trong tình trạng giác chính là kiến văn giác tri. Kiến văn giác tri và thọ tướng hành thức là một vấn đề, chỉ là giác và mê khác nhau. Chúng ta từ đây nhận thức thật tướng các pháp, giúp ích rất lớn cho việc tu hành của chúng ta, con đường tu hành chúng ta không bị sai lạc, không còn đi đường vòng. Phương hướng, mục tiêu rõ ràng minh bạch. Tu hành như vậy, sao có chuyện đời này không thành tựu.

Cho nên Kinh Hoa Nghiêm, đại sư Thanh Lương chia thành bốn phần: Tín giải hành chứng, phân rất hay. Chúng ta học Phật, trước tiên phải sanh khởi niềm tin đối với thánh nhân, niềm tin này sanh khởi có hai loại nhân. Thứ nhất là thiện căn sâu dày, vừa tiếp xúc liền tin tưởng. Thứ hai thiện căn không sâu dày như thế, nhưng pháp duyên thù thắng, gặp được chân thiện tri thức, môi trường học tập tốt. Ở trong này ta dần dần hiểu được, hiểu rõ sẽ tin thật, không hiểu niềm tin này không thật, vẫn còn hoài nghi. Tin không thật thì nguyện không thiết, công phu không đắc lực. Hạng người này chiếm đại đa số.

Bởi vậy lúc Đức Thế tôn còn tại thế, giảng kinh dạy học suốt 49 năm, là vì ai? Chính là vì phần tử này, người ở tầng lớp này, hàng trung thượng căn tánh. Thiện căn sâu dày, đó là bậc thượng thượng căn. Cho nên chúng ta tuyệt đối phải từ kinh giáo, trường thời huân tu. Huân tu này không được gián đoạn, gián đoạn không có hiệu quả, sợ nhất là tinh tấn một ngày, mười ngày giải đãi, như vậy không thể thành công. Đặc biệt là trong thời đại hiện nay, chúng ta phải tập trung huân tu, mỗi giây mỗi phút không để trôi qua vô ích. Đời này chúng ta nhất định khai giải, đạt được tín giải. Sau khi khai giải phải tu hành, tự biết nên tu như thế nào. Không hiểu chân tướng sự thật, không hiểu phương pháp tu hành, đó là tu một cách mù quáng, là đi đường vòng, không biết khi nào mới đi đến đích. Hiểu rõ ràng, bản thân chắc chắn, gọi là chỉ đợi ngày thành tựu, như vậy là được tự tại. Cho nên mấy loại thân của Phật, chúng ta không thể không hiểu rõ, liên quan rất lớn đối với việc tu học của chúng ta.

Bên dưới giải thích: “Dùng chân như chứng được và chân giác năng chiếu làm pháp thân”, lấy điều này làm pháp thân, lấy tự tánh và tự tánh giác làm pháp thân. Lấy cách nói của tam thân, thông thường nói pháp thân, báo thân, ứng thân, ba loại thân này trong kinh nói nhiều nhất. Dùng ba thân để nói. “Tức dùng hai thân là tự tánh thân và tự thọ dụng báo thân hợp lại để xem, y theo nghĩa giải thích này, tức pháp thân là lý trí hiển hiện. Trí hữu vi, trí vô vi đều y theo tất cả công đức pháp thể tánh, nên gọi là pháp thân. Lại thành tựu trang nghiêm tất cả pháp công đức, nên nói là pháp thân”. Câu này hoàn toàn nói từ về sự, ý này rất khó hiểu, nó quá sâu sắc. Câu ở trước, pháp thân là lý trí hiển hiện, điều này dễ hiểu. Ở trước chúng ta từng nói, trí là pháp hữu vi, lý là pháp vô vi. Trong Bách Pháp Minh Môn, chân như vô vi, trí là hữu vi. Thực tế, ở trước ý này nghĩa là như như trí, đó không phải hữu vi. Trí trong pháp hữu vi là tri thức, có thể chứng lý vô vi chăng? Đức Phật nói không thể. Cần phải dùng trí đức vốn có trong tự tánh, cho nên lấy ví dụ ngọn đèn, phải chính mình soi chiếu bản thân, không phải người khác chiếu sáng chính mình, đây là nói tự chứng.

Nương vào tất cả công đức pháp thể tánh, trong này cũng có hữu vi và vô vi. Vô vi, trong cõi thật báo trang nghiêm là vô vi, vì sao vậy? Vì cảnh giới đó trước tiên chúng ta từ những người sống trong cõi thật báo trang nghiêm, họ chứng được như thế nào? Họ không khởi tâm không động niệm, khởi tâm động niệm còn không có, đương nhiên không có phân biệt chấp trước. Trong kinh Đức Phật dùng một câu nói, chứng minh chân tướng sự thật này, gọi là “pháp vốn như vậy”. Đây là như như và như như trí, không phải là hữu vi. Trong tứ thánh pháp giới là pháp hữu vi, lục đạo càng không cần nói, đây là pháp hữu vi. Những chân tướng sự thật này, chúng ta đều phải hiểu rõ ràng minh bạch.

Tất cả pháp công đức này trong mười pháp giới, có quan hệ với lý trí chăng? Có, vì sao vậy? Trong kinh Đức Phật thường nói: Tất cả pháp, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Lại nói nhiều lần rằng: “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”, tâm không lia pháp, pháp cũng không lia tâm. Tâm là thể, năng hiện năng sanh, pháp là sở sanh sở hiện, năng sở không hai. Trong đối thoại giữa Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc, ý này vô cùng rõ ràng. Trong Hoàn Nguyên Quán nói với chúng ta, biến pháp giới hư không giới là nhất thể, đây là nói tổng tướng.

Bên dưới còn một cách nói là pháp biệt tướng pháp thân: “Biệt tướng pháp thân, tức tự tánh thân trong tam thân, là chân như của thanh tịnh pháp giới”. Đây là gì? Đơn thuần từ thể

mà nói. Phật pháp nói cho chúng ta về thể, tướng và dụng, đây là thể tướng dụng. Ba chữ đại phương quảng chính là nói ba pháp này, đại là thể, phương là tướng, quảng là tác dụng. Biệt tướng pháp thân nghĩa là tự tánh thân trong tam thân, chuyên nói về điều này, chân như của thanh tịnh pháp giới.

“Chân như này là tự tánh của Phật, gọi là tự tánh thân”. Chỉ đơn thuần từ tự tánh mà nói, đây là tự tánh thân. “Chân như này đầy đủ công đức chân thường, vì tất cả đều y theo hữu vi vô vi công đức pháp, nên cũng gọi là pháp thân”. Trong chân như có đức chân thường, nó là thật, không phải giả. Thường là tồn tại vĩnh hằng, nó không có sanh diệt. Trong một số kinh giáo đại thừa, gọi là cảnh giới của đại bát niết bàn, nghĩa là đầy đủ đức của niết bàn.

Trong báo cáo của đại sư Huệ Năng khi minh tâm kiến tánh, câu thứ hai nói: "đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt", đây là không sanh không diệt, là đức của chân thường. Phàm những gì có sanh diệt đều không phải thật, không sanh không diệt là thật, trong kinh điển đại thừa gọi là đức của niết bàn, nó là tất cả pháp hữu vi. Pháp hữu vi là mười pháp giới, vô vi nghĩa là nhất chân pháp giới, cõi thật báo trang nghiêm. Cõi thật báo trang nghiêm là vô vi công đức pháp, trong mười pháp giới là hữu vi công đức pháp, tất cả đều phải nương vào chân như. Chân như là tất cả pháp, nghĩa là bản thể của tất cả pháp thể xuất thế gian. Lìa xa thể này, không lập một pháp nào, nghĩa là tất cả pháp đều không có.

Khi chúng tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm, thường dùng màn hình để làm ví dụ, mọi người dễ hiểu. Màn hình ti vi, màn hình vi tính, chúng ta ví màn hình như tự tánh, nó là thật, nó là thường, nó không thay đổi, nó không có gì cả. Chúng ta ví pháp vô vi là Phật pháp, trong kênh này đang giảng Phật pháp, chúng ta bật kênh này, nó xuất hiện, hình ảnh xuất hiện. Hình ảnh này là nương vào màn hình mà hiện ra, nếu không có màn hình này, hình ảnh này không thể xuất hiện. Ví pháp vô vi như những hình ảnh tiết mục trên ti vi, bất luận là hữu vi hay vô vi, đều nương vào màn hình. Màn hình không có gì cả, khi không hiện nó không có, khi hiện nó cũng không có, chớ vị phải hiểu ý này.

Có thể tất cả pháp hữu vi vô vi là mượn thể này, sanh ra tác dụng hiện tượng. Không có thể này, nó không hiện tượng. Cho nên nói: Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nó không phải thật, thật là gì? Thật là chân như, thật là màn hình, nó là thật. Chúng ta hiểu rõ ràng mình bạch điều này sẽ giác ngộ. Đức Phật dạy chúng ta, muốn chúng ta tu, muốn chúng ta chứng được, đó là màn hình. Không phải trong đó có hình ảnh, hình ảnh là giả. Không những

thập pháp giới là giả, trong cõi thật báo cũng không phải thật. Thuần chân vô vọng gọi là thường tịch quang, thường tịch quang nghĩa là màn hình, gọi là đại bát niết bàn. Đại bát niết bàn và thường tịch quang cùng một nghĩa, hai danh từ khác nhau nhưng cùng một việc.

“Biệt tướng pháp thân, chỉ không được nói thành tựu trang nghiêm công đức pháp, cho nên gọi là pháp thân”. Nó chỉ nói thể, không nói từ thể hiện tướng, không nói tác dụng này. “Tại sao vậy? Pháp này là pháp thân của lý, không hàm nhiếp công đức hữu vi, tức trí pháp thân”. Biệt tướng chỉ đơn thuần nói một thân trong tam thân, trong tổng tướng là thể tướng dụng đều hàm nhiếp, đều bao gồm trong đó. Vì sao vậy? Vì bất kỳ một tướng, một hiện tượng nào_bây giờ chúng ta gọi là tinh thần, vật chất, hoặc là tự nhiên, đều không sao tách rời thể. Nói đến thể, đó đều là pháp thân, điều gì không phải pháp thân? Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Tất cả chúng sanh vốn là Phật, dựa vào điều gì mà nói vậy? Dựa vào thân này của chúng ta chính là pháp thân, chỉ là đang mê, mê mà không giác, trí tuệ đức tướng trong pháp thân không thể hiện tiền. Khi giác ngộ, giác ngộ liền hiện tiền. Mê là thân này, giác vẫn là thân này, không thay đổi, thể tướng dụng đều không hề thay đổi, tác dụng không giống nhau. Đức Phật dạy chúng ta, làm sao mới chúng được pháp thân? Buông bỏ chướng ngại là chúng được. Pháp thân là vốn có, xưa nay chưa từng mất đi. Thân sắc tướng là giả, nói thật, nó có mất chăng? Cũng không mất. Nhưng tướng có biến hóa, tuyệt đối không mất. Tướng này có sanh tử, sanh lão bệnh tử, sau khi chết nó lại thay một tướng khác. Luân hồi trong lục đạo, không phải lại thay một tướng khác ư? Tướng thay nhưng tánh không thay, vẫn là tánh đó.

Tông Thiên Thai nói, là pháp trụ pháp vị, tướng thể gian không hoại, chính là nói ý này. Chúng ta ở trong lục đạo xả thân thọ thân, không phải chỉ thay đổi tướng thôi sao? Nó thường tồn tại, tướng thể gian cũng thường tại. Ngay cả trong lục đạo cũng tình trạng này, hướng gì là mười pháp giới, hướng gì là cõi thật báo trang nghiêm, đây là nhất chân pháp giới. Chân tướng sự thật này, nếu chúng ta tham thấu nó, tâm sẽ định.

Người thể gian sợ nhất là gì? Tham sống sợ chết. Vì sao có hiện tượng này? Vì không hiểu rõ chân tướng sanh tử, hiểu rõ chân tướng, không có sanh tử, chỉ là tâm thái chuyển biến, hiện tướng sanh khởi biến hóa. Đích thực giống như một người chúng ta mang y phục, chúng ta biết sắc thân này giống như y phục vậy, không phải tôi, là cái tôi sở hữu. Chúng ta thay một bộ y phục, giống như thay một thân thể, đây mới là chân tướng sự thật. Hiểu rõ chân

tướng sự thật, thay y phục càng thay càng tốt, không hiểu chân tướng sự thật, càng thay càng kém, y phục này càng thay càng bẩn. Khi hiểu rõ, thay y phục đều thay sạch sẽ, càng thay càng đẹp, chính là đạo lý này. Nếu chúng ta đổi thân súc sanh, đó là càng thay càng tệ. Vậy đổi thân nga quý, đổi thân địa ngục, sai.

Chúng ta đời sau được thân người, nâng cao lên, cõi trời, được thân trời người. Người trời dục giới, người trời sắc giới, không giống nhau. Lên cao nữa là thân Thanh văn, thân Bồ Tát, thân Phật. Tùy quý vị thay đổi như thế nào, ở trong mười pháp giới tự tánh quý vị không thay đổi, nghĩa pháp thân không thay đổi. Bất luận là thân gì, đều là một pháp thân.

“Nương vào nghĩa của Tánh tông”, Pháp Tánh tông nói, “lý tánh của chân như có tướng chân thật giác tri. Lý và trí không hai, giống với vô vi chân như, chân trí cũng vô vi”. Đây và ở trước khác nhau, ở trước nói lý trí. Hữu vi là trí, vô vi là lý. “Ở đây nói lý và trí là một không phải hai, tánh của lý và trí không phải hai”. Cho nên chân trí cũng là vô vi, đều có thể nói thông suốt, xem ta nói từ trên gốc độ nào.

Vì sao Đức Phật nói nhiều như vậy, hình như hậu nhân chúng ta xem, xem mơ hồ? Phật là vì người đương thời ngồi nghe kinh, căn tánh khác nhau, nên ngài nói pháp không giống nhau, tất cả đều khiến cho tính giả đại triệt đại ngộ. Đức Phật có thuyết pháp chẳng? Không nói. Đức Phật là tùy theo căn tánh của quý vị mà dẫn dắt quý vị khai ngộ, nên pháp không có định pháp. Ngày nay Đức Phật không tại thế, chúng ta xem những kinh điển này của Phật, thực tế mà nói giống như vị đại phu vậy. Hiện nay đại phu không còn, chúng ta xem là gì? Xem những phương pháp đương thời ngài kê cho chúng sanh. Chúng ta xem những phương pháp này và phương pháp đó mâu thuẫn, không giống nhau, là do người mang bệnh không giống nhau, nhưng ngài đều trị lành hết. Bị bệnh, uống thuốc nếu uống sai, không những không lành bệnh, có thể còn mất mạng.

Học Phật cũng như vậy, nếu phương pháp này, kinh giáo này không khế với căn cơ chúng ta, không đúng chứng bệnh của ta. Nếu ta học phương pháp này, không những không thể thành Phật, có thể còn trở thành ma đạo, cùng một đạo lý.

Trong đại kinh đại luận nói: “Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải”. Ai nói? Người giác ngộ nói, người đại triệt đại ngộ nói sẽ không sai. Người chưa giác ngộ nói, là một vấn đề rất nguy hiểm. Trong thời kỳ mạt pháp, đến đâu để tìm người đại triệt đại ngộ? Không tìm thấy, không tìm thấy phải làm sao? Quý vị xem 1000 năm chánh pháp của Đức Phật

Thích Ca Mâu Ni, tượng pháp 1000 năm, mặt pháp 10.000 năm. Thời kỳ mặt pháp dài như vậy, trong này không tìm ra người khai ngộ, phải làm sao? Phật A Di Đà đã nhìn thấy, chúng sanh trong thời kỳ mặt pháp, ngài mở ra một pháp môn đặc biệt, phương tiện trong phương tiện. Dạy chúng ta tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh độ. Pháp môn này, không gặp được thiện tri thức không sao. Gặp rồi chỉ cần quý vị có thể tin, có thể phát nguyện, quý vị liền có thể thành tựu, vô cùng thù thắng! Các pháp môn khác, chúng ta biết, không có cao nhân chỉ điểm, điều này không dễ. Đặc biệt là Thiên tông và Mật tông, phải gặp chân thiện tri thức. Tu học không thể rời xa thầy giáo, nhất định phải khai ngộ dưới tòa của thầy. Chưa thật sự khai ngộ, học Mật chưa đạt được tam mật tương ưng, đều không thể rời xa thầy. Cho nên không có thầy, bản thân trong một đời có thể thành tựu, chỉ có pháp môn này. Pháp môn này không thể nghĩ bàn, gặp được là may mắn vô cùng.

Đoạn dưới nói: “Tánh tướng không hai, chân như tức pháp tánh, pháp tánh chính là chân như. Chân trí cũng là pháp tánh”, trong pháp tánh viên đầy đủ vô lượng trí tuệ. “Lý và trí này không hai, là ấn dấu của pháp tánh, gọi là Như Lai tạng”. Ấn là gì? Là có chương ngại, chương ngại gì? Chúng ta đều biết, khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm, trong kinh điển đại thừa gọi nó là vô minh phiền não, vừa động là mê. Trong kinh nói những lời này, chúng ta phải luôn ghi nhớ, rất cần thiết: “tâm giác bất động”. Nghĩa là không khởi tâm, không động niệm, tâm này là giác ngộ. Nói cách khác, vừa động liền mê, ý niệm vừa động đã mê.

Từ đó cho thấy, tu hành chơn chánh là tu gì? Ta có thể trong mọi lúc, mọi nơi duy trì tâm giác bất động của mình, công phu này là bí quyết của Tịnh tông. Tham thiền, như thế nào gọi là thiền? Bất động chính là thiền, bất động chính là giác. Tham bằng cách nào? Quý vị xem 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử, đó là tấm gương, rất linh hoạt. Công phu ở trong đời sống hằng ngày, không chương ngại quý vị làm việc. Nơi xử sự đối nhân tiếp vật, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, không khởi tâm không động niệm, rất linh động, gọi là tham thiền. Khởi tâm động niệm, thiền định không còn, chân trí cũng không còn, chân trí tức trí tuệ bát nhã. Trí tuệ bát nhã từ đâu đến? Đạt được từ thiền định, thiền định từ đâu đến? Từ tinh tấn đạt được, tinh tấn từ đâu đến? Đạt được từ nhẫn nhục, đây là sáu ba la mật. Bởi vậy tu hành chơn chánh, công phu áp dụng từ đâu? Từ bố thí, bố thí là gì? Bố thí là buông bỏ. Cùng một ý nghĩa với cách vật trong truyền thống dạy học ngày xưa, là tu hành của Nho giáo,

thật vậy, không phải giả. Nhà Phật nói tu hành, Nho giáo cũng tu hành, tu sửa hành vi sai lầm. Bắt đầu từ đâu? Từ cách vật. Vật là dục vọng, là phiền não, đầu tiên phải buông bỏ tất cả phiền não, dục vọng, tâm quý vị mới định. Trì giới là giữ pháp, giữ quy củ, y giáo phụng hành. Muốn công phu thành tựu, ta phải nhẫn mọi thứ, phải nhẫn đến mức độ nào mới viên mãn? Nhẫn mà không nhẫn, nhẫn nhục là viên mãn. Ý niệm ly nhẫn trong nhẫn nhục, khởi tâm động niệm cũng không được, như vậy mới có thể được định.

Chúng ta nâng cao lên, đó là tinh tấn, mới có thể đạt định, định khởi tác dụng chính là trí tuệ. Nói một cách đơn giản, tam học giới định tuệ, lục ba la mật là nói tường tận từ giới định tuệ. Nói đơn giản là ba chữ, nói tường tận là sáu chữ. Nho giáo nói: Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm. Nếu chưa buông bỏ dục vọng, trí tuệ từ đâu mà có? Dục vọng là phiền não, sau khi buông bỏ phiền não mới có trí tuệ. Trí tuệ hiện tiền, ý sẽ thành, ý thành sau đó tâm mới chánh. Thành ý là thể của chánh tâm, chánh tâm là dụng của thành ý, nó khởi tác dụng, chánh mà không tà. Như vậy mới tu thân tề gia. Chúng ta biết phải dụng công như thế nào, công phu như thế nào mới đắc lực.

Cho nên ý niệm động, động niệm gọi là Như Lai tạng. Như Lai như thế nào? Cát bụi, không hiện ra. Như Lai tạng chính là một phần chân thật trong A lại da, vì thế A lại da gọi là chân vọng hòa hợp. Nửa chân nửa giả, nhưng nửa chân không hiển lộ. Vọng khởi tác dụng, còn nửa chân không hiện ra, nửa thật là mê mà không giác.

Như Lai tạng, tích_chữ tích này rất quan trọng: “Tích công đức thi giác”, tích không phải là ý niệm ư? Tích lũy ý niệm, tích lũy ý niệm thi giác. “Hiển lộ pháp tánh của nó, gọi là pháp thân”, nói cách khác, chúng ta phải duy trì giác, không được đánh mất nó. Niệm niệm giác mà không mê, đây nghĩa là tích công đức thi giác, pháp tánh liền hiện tiền.

Trong pháp môn niệm Phật này, tích công đức thi giác, chính là Bồ Tát Đại Thế Chí nói: Tịnh niệm tương tục. Quý vị thử nghĩ xem có phải chăng? Phải dùng tâm thanh tịnh, thanh tịnh là gì? Không hoài nghi, không tạp niệm, đây gọi là tịnh niệm. Tương tục là không gián đoạn, có nghĩa là tích, như vậy có thể đạt được niệm Phật tam muội, là hiện rõ pháp tánh này. Niệm Phật tam muội nghĩa là nhất tâm bất loạn, có sự nhất tâm, có lý nhất tâm. Sự nhất tâm đồng nghĩa với tứ thánh pháp giới, lý nhất tâm là sơ trụ trở lên, đây là Viên giáo. Quý vị đã sanh vào cõi thật báo, pháp thân Bồ Tát. Đây là pháp thân, pháp thân Bồ Tát.

“Tức nói lấy pháp tánh thành thân, nên gọi là pháp thân”. Nói cách khác, chỉ cần chứng được pháp thân, gọi là pháp thân Bồ Tát. “Hoặc nói lấy pháp tánh hiển hiện hữu vi vô vi, tất cả công đức pháp thành tựu thân trang nghiêm, nên gọi là pháp thân”. Ở đây hữu vi và vô vi, chư vị cần phải hiểu. Hữu vi là mười pháp giới, vô vi là cõi thật báo, gọi là nhất chân pháp giới. Trong nhất chân pháp giới tất cả pháp thành tựu, tự thân trang nghiêm.

Quý vị thấy trong Vãng Sanh Luận nói ba loại trang nghiêm: Phật, Bồ Tát, cõi nước, đều là vô vi. Vì sao vậy? Vì họ không có khởi tâm động niệm, công đức trong tự tánh biến hiện ra, không hề có nhiễm ô. Đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, trong câu này hàm nhiếp đề kinh này của chúng ta- “thanh tịnh bình đẳng giác”. Đây là pháp thân Bồ Tát chứng được, có thân, có cõi nước. Y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, y chánh trang nghiêm của thế giới Hoa Tạng, tất cả là pháp vô vi, không phải pháp hữu vi.

Nói là Phật A Di Đà tu hành năm kiếp thành tựu, tu hành năm kiếp thành tựu gì? Minh tâm kiến tánh, tánh đức viên mãn hiển hiện chính là như vậy. Mỗi người sanh đến thế giới Cực Lạc, cõi đồng cư, cõi phương tiện, Đức Thế Tôn nói rất rõ ràng: Oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, khiến trí tuệ, thần thông, đạo lực của chúng ta tương đồng với pháp vô vi trong cõi thật báo. Sự thù thắng của Tịnh độ tông chính là ở chỗ này, nghĩa là nói rằng bốn cõi ở thế giới tây phương cực Lạc đều là cõi thật báo. Cõi phàm thánh đồng cư, cõi phương tiện hữu dư đều là cõi thật báo. Đây là hy hữu, khó tin. Như vậy là sao? Điều này chúng ta phải lãnh hội rằng, đây là Phật A Di Đà tu hành năm kiếp thành tựu. Nếu thành tựu bình thường, thì tất cả Chư Phật Như Lai đều giống nhau, không có gì hy hữu. Thế giới Cực Lạc trang nghiêm thù thắng vô cùng, nghĩa là hai cõi ở trước, thập pháp giới_Hai cõi là thập pháp giới, cõi phương tiện hữu dư là tứ thánh pháp giới, cõi đồng cư là lục phàm pháp giới. Khiến thân và cõi nước trong mười pháp giới, được nguyện lực của Phật A Di Đà gia trì, đều thành A Duy Việt Trí. Đây quả thật là pháp khó tin, ai tin?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta, chứng minh cho chúng ta, Đức Phật không vọng ngữ. Mười phương Chư Phật và Phật A Di Đà đều chứng minh, chứng minh lời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là thật, không phải giả, chúng ta cần phải tin. Pháp môn này đích thực là hy hữu khó gặp, người gặp được thật sự thành tựu không nhiều, nguyên nhân do đâu? Chúng ta phải biết, nguyên nhân ở chỗ khó tin. Đã không tin thật, làm sao nguyện thiết được? Thấy thế gian hiện tại cho rằng là thật, không buông được, tham luyến. Nghe nói thế

giới Cực Lạc rất tốt đẹp, là thật ư? Muốn đi nhưng lại muốn lưu lại thế gian, ý niệm muốn lưu lại thế gian này rất nặng, ý niệm cầu sanh thế giới Cực Lạc yếu ớt. Hay nói cách khác, vẫn không đi được.

Cư sĩ Hạ Liên Cư là ai tái sanh, chúng ta không biết. Ông hội tập Kinh Vô Lượng Thọ lần thứ ba, hai lần hội tập trước không viên mãn, hội tập lần thứ ba, bản này hay. Tiền nhân không thấy, chúng ta đã học được, hy hữu khó gặp. Đệ tử của ông là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, phụng mệnh, phụng mệnh lệnh của thầy, viết chú giải cho kinh này. Ông không phụ lòng thầy, đã viết thành công bộ chú giải. Chúng ta gặp được bộ kinh này, lại gặp được chú giải của Hoàng Niệm Tổ, quả thật như trong kinh nói: “như người nghèo được của báu”, của báu này trân bảo của thế xuất thế gian đều không sánh được. Vì sao vậy? Vì trong đời này chúng ta có thể giải thoát, trong đời này có thể giải thoát ra khỏi luân hồi lục đạo, thoát ly mười pháp giới, trong một đời chắc chắn có thể thành Phật đạo. Điều này hy hữu biết bao! Đạt được như vậy thì an lạc biết bao! Thật sự đạt được, thật sự an vui, vứt bỏ hết tất cả pháp thế gian này, không còn lưu luyến nữa. Như vậy là ta đã thông suốt, minh bạch, đã nhận được giá trị. Còn tham luyến thế gian là sai, cần phải rũ bỏ một cách sạch sẽ.

Pháp thân chúng ta giới thiệu đến đây. Ở sau chúng ta thấy các bậc cổ đức có nói pháp thân vô tướng, cũng có nói pháp thân hữu tướng. Rốt cuộc pháp thân là vô tướng hay hữu tướng? Điều này phải hiểu thật rõ ràng, không hiểu rõ khó mà đoạn được tâm nghi ngờ, nghi ngờ chướng ngại chúng ta. Phải đoạn nghi sanh tín.

Chúng ta xem “pháp thân vô tướng” trước. Thuật ngữ này trong quyển thứ 31 Kinh Niết Bàn, quyển thứ 31 có mấy câu: “Cho nên Niết bàn, gọi là vô tướng, Thiện nam tử, không có mười tướng, mười tướng nào? Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh, trụ, hoại tướng, nam tướng, nữ tướng, gọi là mười tướng”. Pháp thân không có những tướng này. Đại Thừa Đồng Tánh Kinh quyển hạ, có nói mấy câu như vậy: “Nhu Lai chân pháp thân, vô sắc, vô hiện, vô trước, không thể thấy. Không có ngôn thuyết, không trú xứ, không tướng, không báo, không sanh, không diệt, không ví dụ”, tất cả những thứ này đều không có. Duy Thức Luận quyển thứ mười nói rằng: “Tự tánh thân chỉ có chân thật thường lạc ngã tịnh, lìa các tạp nhiễm, tất cả điều thiện đều nương vô vi công đức. Vô sắc tâm vân vân tướng dụng khác nhau”. Những kinh luận này đều có căn cứ, đều là trong kinh điển đại

thừa nói. Pháp thân vô tướng, có thể nói, đây là toàn từ trên lý mà nói, nhưng ở trước nói sắc thanh hương vị xúc, đều là sự; nam tướng, nữ tướng cũng là sự. Sự nói từ lý, về lý không có.

Như chúng ta vừa mới ví dụ, chúng ta dùng màn hình ti vi để nói. Trên ti vi chúng ta xem được rất nhiều kênh khác nhau, tướng hiện trong đó. Chúng ta không bàn luận tướng nó hiện là gì, chỉ đơn thuần nói về màn hình, có màn hình chẳng? Không có, hiện ra tất cả các tướng có ô nhiễm đến màn hình chẳng? Cũng không có, không nhiễm. Đây chính là đại sư Huệ Năng nói: đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, nó không có nhiễm ô. Hiện tướng nhiều đến đâu, thời gian dài cách mấy, nó căn bản không có ô nhiễm. Là nói từ đây, thể tướng dụng hoàn toàn nói từ lý.

Một cách nói khác: “Pháp thân hữu tướng”, có thể nói như thế. Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, pháp gọi là diệu pháp. Nói sao nó đều viên mãn, không có mâu thuẫn, không có đối lập. Pháp thân hữu tướng, thuật ngữ này. “Căn cứ theo phương pháp trong các kinh luận nói, tức pháp thân vô sắc vô hình, sắc tướng trang nghiêm không thể thấy”. Trong một số kinh điển đại thừa khác Đức Phật đều nói như vậy. “Mà Thai gia lại không coi trọng nó”, Thai gia là ai? Là Thiên Thai Tông -Pháp Hoa Tông, tư tưởng của họ. “Cho rằng Biệt giáo là thuyết thấp kém”, nói pháp thân vô tướng, Biệt giáo có thể nói như vậy. “Căn cứ cực ý của Viên giáo, pháp thân quyết phi vô tướng”. Hoa Nghiêm là Viên giáo, Pháp Hoa là Viên giáo, Viên giáo nói đến chỗ rốt ráo gọi là cực ý, pháp thân tuyệt đối không phải vô tướng. “Lời này là nói, ý viên thật của một nhà”. Một nhà chính là Pháp Hoa Tông - Thiên Thai Tông. Ở Nhật Bản đa phần đều xưng là Trí Giả đại sư. Ý viên thật của một nhà chính là Thiên Thai đại sư, tức là Trí Giả đại sư, theo ý của ngài.

“Lý thể của pháp tánh đầy đủ y chánh sắc tâm, tướng tướng đều giống nhau, không phải pháp tướng của chân không vô tướng”. Nói như vậy có thông suốt chẳng? Xem ở dưới có thể biết là được. “Cho nên tam hoặc cứu cánh viên mãn, tức sắc tâm của bản tánh thường trú hiển hiện, mà hai pháp y chánh cứu cánh thanh tịnh. Đây tức nói đến Biệt giáo đầy đủ tam thiên, hiển thị pháp pháp tức tánh”. Trong này quan trọng nhất, chính là tam hoặc cứu cánh thanh tịnh, tất cả hiện tượng toàn là pháp thân.

Tam hoặc là gì? Là kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Vọng tướng, phân biệt, chấp trước. Vọng tướng là vô minh phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não. Đoạn tận ba loại phiền não

này, là chứng được pháp thân thanh tịnh, thân này vẫn còn, thân này là gì? Là pháp thân thanh tịnh. Ta xem tất cả các hiện tượng, sum la vạn tượng, toàn là pháp thân thanh tịnh. Pháp thân có tướng chẳng? Có, đây là tư tưởng của Viên giáo. Pháp thân ở đâu? Không có hiện tượng nào không phải pháp thân.

Thiền tông, người đã kiến tánh, mời hòa thượng ấn chứng cho họ, đây chính là cơ phong trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên. Đích thực đối thoại của họ, cử chỉ của họ, không có một pháp nào không phải pháp thân thanh tịnh. Khi nào có thể kiến tánh? Tam hoặc cứu cánh thanh tịnh, hoàn toàn buông bỏ, như vậy là kiến tánh. Tam hoặc cứu cánh thanh tịnh này đến tập khí cũng không mang theo, mang theo tập khí là không cứu cánh. Đương nhiên trong này, không có tập khí vô thi vô minh. Nếu trong này bao gồm tập khí vô thi vô minh, đây là gì? Đây là Diệu giác vị. Tập khí vô thi vô minh không bao gồm trong này, đó chính là 41 vị pháp thân đại sĩ trong Kinh Hoa Nghiêm. Trong câu này bao hàm cả hai ý, chúng ta phải lý giải rõ ràng hai ý nghĩa này. Cứu cánh này có hai nghĩa, thứ nhất là cứu cánh tuyệt đối, thứ hai là cứu cánh tương đối. Cứu cánh tương đối là gì? Đối với mười pháp giới, nó là cứu cánh. Một loại là đối với 41 vị pháp thân đại sĩ mà nói, cảnh giới đó không giống nhau. Nhưng chúng ta biết, phá nhất phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, đó là pháp thân đại sĩ, Viên giáo sơ trụ trở lên. Cho nên trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là 41 vị pháp thân đại sĩ, có tướng hay không? Có tướng, đây là Viên giáo nhất thừa nói.

Pháp thân của chân không vô tướng là cõi thường tịch quang, là Diệu giác chứng được. 41 vị pháp thân đại sĩ có biết chẳng? Biết nhưng chưa chứng, vì sao chưa chứng được? Vì chưa đoạn tận tập khí vô thi vô minh. Vì thế hai cảnh giới này, đều hiện thị ra pháp pháp tức tánh. Trong Phẩm Phương Tiện Kinh Pháp Hoa có hai câu: “Thị pháp trú pháp vị, tướng thế gian thường trú”. Thị pháp là bất cứ pháp nào, bất luận là pháp nào, nó đều trú trong pháp vị. Pháp vị là gì? Là vị trí hiện tiền, không phải quá khứ, không phải vị lai, ngay hiện tiền, ngay tại đây.

Tướng thế gian thường trú, thường nghĩa là tương tục không gián đoạn. Nó không phải chân thường, nó là tướng tương tục, các nhà lượng tử lực học hiện đại đã nhận ra. Hiện tượng này, họ nói là huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục tạo nên, niệm niệm không gián đoạn, nhưng niệm niệm không tách rời pháp tánh. Pháp tánh nghĩa là pháp thân, pháp thân thường trú trong vô vi, cũng thường trú trong hữu vi. Hữu vi và vô vi không hai, ở ngay bây giờ.

Giống như chúng ta dùng màn hình ti vi, ví với sắc tướng trong đó, thật sự rõ ràng. Chỉ đơn thuần nói màn hình, là thanh tịnh, không có chút ô nhiễm nào. Nói hết cùng một lúc tất cả các sắc tướng trong đó, cũng không có ô nhiễm. Không những màn hình không có ô nhiễm, sắc tướng cũng không có ô nhiễm, vì sao vậy? Vì nó là giả, không phải thật, sao có nhiễm ô được?

Từ đó cho thấy, ô nhiễm từ đâu mà có? Nhiễm ô ở nơi con người, pháp không có ô nhiễm, là do chúng ta ô nhiễm. Vì sao chúng ta nhiễm ô? Vọng tưởng phân biệt chấp trước nhiễm ô. Chư Phật Bồ Tát, Bồ Tát đây là pháp thân Bồ Tát, ứng hóa ở thế gian này. Nhân gian trong lục đạo này, giống như hình ảnh trong ti vi vậy, là hình ảnh của nhân gian. Họ ứng hóa ở thế gian, hòa đồng với chúng ta, họ có nhiễm ô chăng? Không có, chúng ta nhiễm ô, họ không nhiễm ô. Vì sao vậy? Vì họ hiểu, họ minh bạch. Hay nói cách khác, họ là tam hoặc cứu cánh thanh tịnh.

Tôi vừa nói hai loại ý nghĩa, một là từ thường tịch quang. Như Lai ứng hóa, đó là Diệu giác vị, tam hoặc cứu cánh thanh tịnh, quả thật là cứu cánh thanh tịnh. Một loại khác là 41 vị pháp thân đại sĩ trong cõi thật báo trang nghiêm, cũng đến ứng hóa, họ cũng là tam hoặc cứu cánh thanh tịnh. So với mười pháp giới này, họ là tam hoặc cứu cánh thanh tịnh. Họ cũng có thể thị hiện, như Như Lai trong cõi thường tịch quang thị hiện, không có gì khác. Một bên không mang theo tập khí vô minh, một bên mang theo tập khí vô minh, tập khí vô minh không sao, không hề trở ngại. Bởi vậy Viên giáo sơ trụ Bồ Tát, đến mười pháp giới, cần dùng thân gì để độ thoát họ có thể thị hiện thân đó. Như 32 ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm, người đáng dùng thân Phật để độ thoát ngài liền thị hiện thân Phật, có thể hiện 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, thân Phật xuất hiện ở thế gian. Có thể hiện thân Phật, thì còn có thân gì không hiện được? Đáng dùng thân gì để độ ngài liền hiện thân đó, tuyệt diệu. Điều này chúng ta cần phải biết, khi đã hiểu chúng ta phải tranh thủ. Phật Bồ Tát như vậy, tại sao chúng ta không như vậy? Ngày nay chúng ta tranh thủ đi theo con đường nào? Chúng ta đi theo con đường của pháp môn niệm Phật, chắc chắn có thể chứng được, chứng được rất nhanh chóng.

Thử xem, chúng ta đến thế giới Cực Lạc phải tu bao lâu, mới có năng lực đến thế gian này hóa độ chúng sanh? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta, nói rất rõ ràng. Chỉ cần đến thế giới Cực Lạc, gặp Phật A Di Đà là được, có thể trở lại thế giới Ta Bà thành Phật. Người đáng dùng thân Phật để độ, quý vị có thể thị hiện thân Phật. Quả là không thể nghĩ bàn! Vì sao vậy? Vì quý vị là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Năng lực này không phải tự thân

ta tu được, là nhờ oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Nếu dựa vào bản thân tu thành, không cần Phật gia trì, đó là trong Quán Kinh nói, cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, ở thế giới Cực Lạc tu hành 12 kiếp. Như vậy không cần gia trì, tự mình có năng lực thị hiện. Bản thân chưa đủ công phu, phải cần Phật lực gia trì, vì thế thần thông, đạo lực, trí tuệ, đức năng của chúng ta hoàn toàn bình đẳng với 41 vị pháp thân đại sĩ. Đây gọi là A Duy Việt Trí Bồ Tát.

Bởi vậy phải suy nghĩ thật kỹ, hà tất ở thế gian này chịu khổ! Ở thêm một ngày thì chịu khổ thêm một ngày. Sớm ngày đến thế giới Cực Lạc, sớm ngày chứng được đại viên mãn. Mỗi niệm không quên chúng sanh ở đây, có duyên với chúng sanh ở đây, quý vị thật sự có thể đến cứu họ. Đi một vòng đến thế giới Cực Lạc trở về, quý vị không phải phàm phu, chính là thánh hiền. Hiểu được đạo lý này, thấu triệt chân tướng sự thật, ta sẽ phát nguyện, tôi không thể không đi, tôi nhất định phải thành công. Tín nguyện khẩn thiết tức có thể vãng sanh. Đại sư Ngẫu Ích nói: Có vãng sanh hay không mấu chốt ở chỗ có tín nguyện hay không, phẩm vị cao thấp là ở công phu niệm Phật sâu hay cạn. Hai câu này nói quá hay.

Bên dưới dẫn chứng, cũng là Phẩm Đề Bà trong Kinh Pháp Hoa: “Tịnh pháp thân vi diệu, đầy đủ 32 tướng”. Đây nghĩa là thị hiện đến thế gian này, giống như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy. Báo thân tức là pháp thân, pháp báo ứng ba thân nhất thể. Phẩm Trần Như Kinh Niết Bàn cũng có ý này: “Sắc là vô thường, nhân diệt là sắc, đạt được sắc thường trú giải thoát”, đây là giác ngộ. Khi chưa giác ngộ, sắc là vô thường, khi giác ngộ thấy nó bất diệt. Thấy tướng gì? Bây giờ tức là một niệm này, niệm này bất sanh bất diệt. Vì sao nói nó bất sanh bất diệt? Vì tốc độ quá nhanh, sanh diệt đồng thời, sanh diệt không hai.

Quý vị thử nghĩ xem tốc độ Bồ Tát Di Lặc nói, chúng ta cũng là khái lược dùng con số để tính: Một giây có 1600 triệu ý niệm, một giây 1600 triệu. Hay nói cách khác, nó là một giây trên 1600 triệu ý niệm, quý vị có cảm nhận được chăng? Cho nên nói sanh diệt tức là không sanh diệt, nó quả thật là tướng sanh diệt, nhưng không cách nào nhận ra sự sanh diệt của nó.

Các nhà khoa học lượng tử quan sát, họ nói với chúng ta: Tiểu quang tử, thời gian nó tồn tại vô cùng ngắn ngủi. Họ nói rất ngắn ngủi chúng ta có thể lý giải, vẫn thấy nó là một tương tượng tục, do ý niệm tích lũy liên tục tạo nên, ý niệm thật sự tuyệt đối không nhìn thấy. Vì một giây trên 1600 triệu ý niệm, dùng máy móc tinh vi cũng không nhìn thấy. Chúng ta

chỉ thấy được một phần trăm giây, một phần ngàn giây. Giống như ống kính của máy hình, có một phần trăm giây. Quý vị chụp máy bay phóng ra, chụp tốc độ nhanh nhất, quý vị có thể thấy một cách rõ ràng hình như nó không động. Bây giờ chúng ta thấy Bồ Tát Di Lặc nói: một giây trên 1600 triệu ý niệm. Nhanh bằng một giây trên 1 triệu ý niệm, sợ rằng máy móc cũng không phát hiện được, đều không làm được. Một giây trên 1 triệu, 1600 triệu quả là không tưởng tượng được!

Từ đây để lãnh hội, khi các nhà lượng tử lực học thấy tiểu quang tử, là tình hình do ý niệm tích lũy, không phải đơn độc. Đơn độc chính là trong tốc độ này, trong kinh Đức Phật nói ai có thể thấy được? Bát địa Bồ Tát, bát địa Bồ Tát tâm thanh tịnh đến đâu? Dao động vi tế, ngăn ngại như vậy, họ đều cảm nhận được, đó gọi là thấy được. Đức Phật nói bát địa trở lên: Bát địa, cửu địa, thập địa, thập nhất địa là Đẳng giác, thập nhị địa là Diệu Giác, mấy vị trí này có thể thấy được. Năm đẳng cấp cao nhất, năm cấp bậc này họ thấy được. Máy móc của chúng ta dù tinh vi đến đâu, cũng không đạt được trình độ này.

Phẩm Quán Không trong Kinh Nhân Vương nói: “Pháp tánh ngũ âm, thọ tướng hành thức thường lạc ngã tịnh”. Pháp tánh ngũ âm, không phải pháp tướng, thông thường ngũ âm là nói pháp tướng_Pháp tánh ngũ âm. Pháp tướng ngũ âm và pháp tánh ngũ âm là một, không phải hai. Người minh tâm kiến tánh thấy ngũ âm gọi là pháp tánh ngũ âm, người chưa kiến tánh thấy ngũ âm này là pháp tướng ngũ âm, ý nghĩa khác nhau.

Ở sau nói: “Pháp thân thuyết pháp”. Pháp thân có thuyết pháp chăng? Thông thường nói pháp thân không thuyết pháp. Trong Hiền giáo nói: “Pháp thân không nói pháp, báo thân hóa thân có nói pháp”, đây là kinh điển đại thừa thường nói.

Quý vị xem chúng ta thờ Phật, thờ ba vị Phật. Vị Phật ở giữa tượng trưng pháp thân, pháp thân không thuyết pháp. Hai vị Bồ Tát hai bên, Bồ Tát thuyết pháp, Bồ Tát nhất định là hai vị. Một vị tượng trưng giải, một vị tượng trưng hành. Quý vị xem vị trí của Bồ tát, đặt ở bên nào. Trong Kinh Hoa Nghiêm, đằng sau chúng ta là Hoa Nghiêm Tam Thánh, Bồ Tát Văn Thù bên phải, Bồ Tát Phổ Hiền bên trái. Chúng ta thường cho bên phải là lớn, từ phải qua trái. Bồ Tát Văn Thù ở bên phải, đối diện với chúng ta là ở tay phải. Không phải ngài, nếu trong tượng Phật ngài ở phía trái, tượng trưng giải, giải môn. Văn Thù tượng trưng giải môn, Phổ Hiền tượng trưng hành môn, Tông Hoa Nghiêm là giải trước sau đó mới hành.

Pháp môn Tịnh độ, bên phải là Bồ Tát Quán Thế Âm, bên trái là Bồ Tát Đại Thế Chí, tượng trưng điều gì? Bồ Tát Quán Thế Âm tượng trưng hành môn, Bồ Tát Đại Thế Chí tượng trưng giải môn, Tịnh độ Tông là hành trước giải sau. Quý vị thấy vị trí là biết, pháp môn này coi trọng môn nào trong hai môn.

Phật không thuyết pháp, Phật tượng trưng lý thể, pháp thân lý thể. Bồ Tát thuyết pháp, đây là cách nói thông suốt. Pháp thân thuyết pháp, Mật tông thường nói, nhưng Thiên Thai tông cũng nói pháp thân thuyết pháp, có thể nói như thế. Pháp thân là vạn pháp, hết thảy vạn pháp, biểu pháp trong vạn pháp chính là thuyết pháp. Thuyết pháp có đối tượng, tâm có sở cảm. Quý vị thấy những hiện tượng tự nhiên đó, thấy ánh sáng mặt trăng, khi ngồi tĩnh tọa bên bờ hồ, thấy phong cảnh tĩnh lặng, có người đã khai ngộ. Đó phải chăng là pháp thân thuyết pháp? Đúng vậy, pháp thân đang biểu pháp. Hoàn toàn xem căn tánh mỗi người, căn tánh tương ứng với quý vị, quý vị sẽ có chỗ ngộ. Một số người không thuộc căn tánh đó, họ có cảm ứng, xúc động tình cảm thâm sâu của nội tâm. Cho nên nó nói pháp, sao nó không thuyết pháp được? Không có pháp nào không đang thuyết pháp.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử, quý vị thấy rất tuyệt diệu, pháp thân báo thân và ứng thân đều đang thuyết pháp. Cây cỏ hoa lá đang thuyết pháp, sơn hà đại địa đang thuyết pháp, hiện tượng tự nhiên đang thuyết pháp. Vấn đề là ta có nghe được hay không? Có thấy được hay không? Nếu nhìn thấy, pháp đó gọi là diệu pháp, tuyệt diệu vô cùng, thật sự được lợi ích.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 170
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Minh Tâm
Thời gian: 18.10.2010
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 196, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu sau cùng.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Lão. “Pháp thân tức tự tánh thân, gọi là Tỳ Lô Giá Na, dịch là biến nhất thiết xứ”. Biến nhất thiết xứ nghĩa là nói ngài tồn tại mọi lúc mọi nơi. Tịnh tông gọi là thường tịch quang. Từ chánh báo mà nói là Diệu giác vị, trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu giác vị. Từ hoàn cảnh cứ trú gọi là cõi thường tịch quang, trên thực tế thường tịch quang không có tướng. Nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần, nó không có hiện tượng tự nhiên, cho nên nó hoàn toàn sáng rõ. Đây chính là chân tánh của chính mình, chân tâm của chính mình. Nó không có hiện tượng nào, nhưng nó có thể hiện ra tất cả, năng sanh vạn pháp, vạn sự vạn vật đều từ nó sanh ra, đều từ nó biến hiện ra. Biến như thế nào? Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng, Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, chúng ta đều đã học, nói rất rõ ràng, rất minh bạch: “Tịch quang, thân và cõi nhất như, thân và cõi không hai”. Có tên gọi này, nhưng ta tìm không thấy dấu vết.

Bên dưới nói rất hay, ông nói: “Lý thể trung đạo, lia tất cả tướng và các hý luận”. Nó rốt cuộc là như thế nào, đều nói ra hết. Trung đạo là những gì Phật chứng được, không hữu nhị biên đều không trú, phi không phi hữu, đặt cho nó cái tên gọi là trung đạo. Nếu chấp trước có trung đạo, vậy là sai, vì sao vậy? Quý vị lại rơi vào nhị biên, nhị biên là từ tâm phân biệt sinh ra.

Phật pháp đại thừa nói, toàn thể vũ trụ là nhất thể, là một thể hoàn chỉnh, tuyệt đối không thể tách rời. Nếu tách rời, phiền não lập tức khởi lên, sự thật không có tách rời, tách rời là vọng niệm của chúng ta. Bởi vậy Đức Phật thuyết pháp đích thực có cái khó, như vậy sao mà nghe được? Nhất định phải tuân thủ lời dạy của Bồ Tát Mã Minh: Không chấp trước tướng ngôn ngữ, đọc kinh không chấp trước tướng văn tự. Văn tự là phù hiệu của ngôn ngữ, gọi là lia tất cả tướng. Văn tự ngôn ngữ không được chấp trước, danh từ thuật ngữ cũng không được chấp trước. Ví dụ nói không, hữu, trung đều không được chấp trước, hiểu ý của nó là được, không được chấp trước, không được phân biệt. Quý vị thấy phân biệt còn sai, sao có thể chấp trước? Như vậy mới gọi là biết nghe, quý vị đúng là rất biết nghe kinh.

Đức Phật thuyết pháp cũng như vậy, Đức Phật không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Ngài nói rất nhiều, nhưng ngài không hề phân biệt, không hề chấp trước, không hề khởi tâm động niệm, chúng ta làm sao hiểu được? Chúng ta cũng không khởi tâm động niệm, cũng không phân biệt chấp trước, như vậy là hoàn toàn hiểu được ý của ngài. Chúng ta khởi tâm động niệm, có phân biệt chấp trước, đó là ý của chúng ta không phải ý của Phật. Chúng ta nghe Phật giảng kinh, đọc tụng kinh điển của ngài, là ý của mình không phải ý của Phật. Vì sao vậy? Vì Phật không có ý.

Mỗi người chúng ta không giống nhau, chúng ta nghe kinh, đọc kinh, cảm nhận cũng đều khác nhau. Nếu giống nhau, ý nghĩa chân thật của nó cũng giống nhau. Vì sao tôi đọc là

ý này, quý vị đọc ý lại là ý kia? Cần phải hiểu chân tướng sự thật này. Trong bài kệ khai kinh nói: “Nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa”, câu này quả thật không dễ, làm sao có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai? Nhưng lia vọng tưởng phân biệt chấp trước, đó chính là nghĩa chân thật của Như Lai. Là ai? Trong Phật giáo đại thừa, Hoa Nghiêm viên giáo sơ trụ Bồ Tát, họ hiểu, họ làm được không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, hoàn toàn buông bỏ những điều này. A la hán chỉ buông bỏ chấp trước, họ còn phân biệt, còn khởi tâm động niệm, họ hiểu nghĩa chân thật của Như Lai chăng? Nói cho chư vị biết, không thể, họ chưa có năng lực này. Bồ Tát có thể lý giải, Bồ Tát đã buông bỏ phân biệt chấp trước, có thể hiểu ít phần chân thật nghĩa của Như Lai, không thể hiểu hết hoàn toàn. Hiểu hoàn toàn nhất định phải buông bỏ vọng tưởng, vọng tưởng là phân biệt chấp trước, mới hiểu hoàn toàn.

Phật giáo truyền đến Trung quốc gần 2000 năm, trong 2000 năm nay, người đạt đến tiêu chuẩn này không ít! Chúng ta dự đoán khái lược ít nhất có 3000 người, đạt được tiêu chuẩn này. Người đạt tiêu chuẩn này, thông thường đều nói họ đã thành Phật. Như Thiên tông nói, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, họ đạt đến tiêu chuẩn này, thật sự hiểu nghĩa chân thật của Như Lai. Đại sư Huệ Năng không biết chữ, ngài cũng hiểu. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh nói rất hay, vấn đề này không liên quan đến biết chữ hay không. Liên quan đến điều gì? Ta có thể buông bỏ hay không? Liên quan đến buông bỏ, không liên quan đến việc biết chữ hay không. Buông bỏ điều gì? Buông bỏ vọng tưởng, buông bỏ phân biệt, buông bỏ chấp trước. Ngài rất đáng khâm phục, đã buông bỏ tất cả. Tuy không biết chữ, nhưng tất cả kinh điển quý vị đọc cho ngài nghe, không có gì ngài không hiểu, lại có thể giảng giải nghĩa lý cho ta nghe, khiến ta khai ngộ, ngài có bản lĩnh này. Không những ngài hiểu kinh Phật, mà học thuật của truyền thống xưa ngài có hiểu chăng? Điều hiểu hết, tất cả pháp thế xuất thế gian ngài đều thông triệt. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp không rời tự tánh, đã kiến tánh, đâu có lý không thông!

Bởi thế mục tiêu tu học rốt ráo của Phật giáo chính là kiến tánh, nghĩa là khiến ta khôi phục trí tuệ đức năng vốn có của chính mình, mục đích là như vậy. Không phải kiểu học vấn chưa dung hội quán thông, không phải ta đọc kinh nhiều, nhớ được nhiều. Không phải, không phải ý này, đó là thường thức, thuật ngữ hiện nay gọi là tri thức. Phật giáo không cầu tri thức, Phật giáo chỉ cầu trí tuệ, trí tuệ đạt được từ giới định tuệ. Giới là một kỹ xảo, định là nòng cốt, tâm được định. Nếu còn vọng tưởng phân biệt chấp trước, không thể được định. Cần phải buông bỏ những thứ này, mới được định. Cảnh giới trong định không có thời gian và không gian. Thời gian không có, quá khứ, vị lai đều ngay hiện tiền, quý vị đều có thể nhìn thấy. Không gian không có, nghĩa là khoảng cách không có, xa đến đâu cũng ngay trước mắt. Thiền sư Trung Phong nói rất hay: Tâm tôi tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi. Tịnh độ tức là ở đây, ở đây tức là Tịnh độ. Câu nói này là thật, không phải giả. Phật A Di Đà, thế giới Cực Lạc từ đâu mà có? Là tâm chúng ta biến hiện ra, tất cả pháp từ tâm tướng sanh, làm gì có khoảng cách? Làm gì có trước sau? Không có, như vậy mới thật sự nhìn thấy chân tướng, tiếp xúc được chân tướng sự thật, đây đều gọi là pháp thân.

“Lìa tất cả tướng”, vì pháp thân không có tướng, cho nên phải lìa tướng mới có thể nhìn thấy. Chúng ta chấp tướng, không nhìn thấy được. “Và các hý luận”, hý luận là ngôn thuyết, nói thế nào thì cũng cách một tầng. Những gì trong kinh Đức Phật nói, chúng ta đều không được chấp trước, chấp trước sẽ không thấy được tánh. Cho nên nghe kinh tuyệt đối không được chấp tướng ngôn thuyết, đọc tụng kinh tuyệt đối không được chấp tướng văn tự. Dùng

tâm như thế nào để nghe? Dùng tâm thanh tịnh nghe, dùng tâm bình đẳng nghe, khi đọc kinh mới hoát nhiên đại ngộ. Chúng ta học kinh điển vì sao không khai ngộ được, không thể khai ngộ? Vì chấp tướng! Như vậy sao có thể khai ngộ? Trước tướng là phàm phu, phàm phu tri kiến, không thể không biết điều này. Cho nên lià tất cả tướng, nghĩa là nói không được dùng tướng để thấy nó. Và các hý luận, tức không được dùng ngôn ngữ để nói nó. Cho dù nói như thế nào cũng đều không giống.

Câu bên dưới: “Đầy đủ vô biên chân tịnh công đức”, nó không phải là gì cả, nhưng bên trong nó đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, vô lượng tướng hảo. Nó không thiếu thứ gì, nhưng nó không có gì cả. Khi đại sư Huệ Năng khai ngộ nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, chính là câu này, ngài không nói tướng tận, ngài chỉ nói: “vốn tự đầy đủ”. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra điều này, ngài nói: Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Vốn tự đầy đủ chính là câu này, trong chân tâm bản tánh của chúng ta, có trí tuệ, đức năng, tướng hảo giống với Như Lai. Bởi vậy Đức Phật không dám coi thường tất cả chúng sanh, vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh vốn là Phật, không có sai biệt!

Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh, Bồ Tát Thường Bất Khinh tượng trưng điều này, Đẳng giác Bồ Tát. Thấy bất kỳ ai ngài đều lễ bái, người đi xin ăn ngoài đường, Bồ Tát nhìn thấy đều đánh lễ, cung kính. Cung kính gì? Cung kính tự tánh của họ. Họ có Phật tánh, chỉ là hiện tại họ mê, khi giác ngộ họ chính là Phật. Khi mê Phật tánh của họ không hề mất đi, trí tuệ đức tướng cũng không mất, chỉ là hiện tại họ có chướng ngại, không thể hiện tiền. Chướng ngại này chính là tập khí phiền não, họ bị nó làm chướng ngại. Đoạn tận tập khí phiền não, trí tuệ đức tướng của họ liền hiện ra.

Thời kỳ kháng chiến, chùa Giang Kim Sơn ở thị trấn Tô Châu, có một vị pháp sư tên là Diệu Thiện, bình thường người ta gọi ngài là Phật sống Kim Sơn. Hành nghi của người này rất giống Tế Công, không để ý vẻ bên ngoài, suốt đời chỉ mặc một chiếc áo. Bên trong là một bộ đồ ngắn, bên ngoài một chiếc áo dài, đầu năm đến cuối năm không hề giặt, ngài chỉ được một bộ như thế. Mùa đông không lạnh, mùa hè không nóng, ngài có bản lĩnh này. Thời kỳ kháng chiến, ngài viên tịch ở Yangon tại thủ đô Miến Điện, ngài có rất nhiều câu chuyện truyền kỳ. Vị đại đức này, quả đúng là đại đức, Phật tử gặp ngài đều lay sát đất. Đó là pháp sư, đặc biệt là một pháp sư rất có đức hạnh, ngài như thế nào? Ngài cũng trả lễ. Cư sĩ lay ngài ba lay, ngài cũng quỳ xuống lay cư sĩ ba lay, cho nên có rất nhiều người xuất gia cảm thấy kỳ lạ nói: Người ta lay ông là chuyện nên làm. Ngài nói không được, tôi không dám. Ý trong này rất thâm sâu! Dạy chúng ta phải biết cách khiêm tốn, phải đoạn tận tập khí ngạo mạn trong tâm. Ngài làm ra cho mọi người thấy, rất cảm động người khác, rất nhiều học theo ngài. Pháp duyên thù thắng, quốc nội quốc ngoại đều rất đông, bởi vậy ngài có công đức chân thật. Bản địa của pháp sư chúng ta không biết, ngài chưa từng nói, không ai biết. Nhưng thấy biểu hiện của ngài, là người tu hành chứng quả. Ngài có tha tâm thông, trong tâm người khác nghĩ gì, có ý niệm gì, ngài đều biết. Ngài có túc mạng thông, biết được quá khứ vị lai, đây không phải là người bình thường. Pháp sư Lạc Quán cùng ở với ngài bốn tháng, ông nói với tôi, đây hoàn toàn là sự thật, không phải giả. Có một lần pháp sư Lạc Quán cùng ăn cơm với ngài, tía đồ đem cơm cúng dường ngài, ngài rất hoan hỷ, đều ăn hết, người kia cũng đưa qua một bát. Tất cả có mười bảy người, nên có 17 bát cơm, sau đó còn có người muốn đưa cơm thêm cho ngài. Pháp sư Lạc Quán ngồi bên cạnh thấy vậy nói: không được, quý vị không nên hại pháp sư. Ngài đã ăn 17 bát cơm và một bát mì, quý vị còn muốn ngài ăn thêm. Pháp sư Lạc Quán

bảo thôi, mọi người mới dừng, nếu không vẫn đưa thêm cơm. Pháp sư Lạc Quán ngồi bên cạnh hỏi, được chăng? Ngài nói với pháp sư Lạc Quán: Không tăng không giảm. Như không có việc gì, ngài có năng lực này. Không những có năng lực này, mà năng lực này còn gia trì cho người khác. Đây là tự thân pháp sư Lạc Quán cảm nhận được. Cũng là có một ngày cùng nhau ăn cơm, pháp sư Diệu Thiện bảo tín đồ Phật tử: đến đây, quý vị đến đơm cơm cho pháp sư Lạc Quán. Đơm một bát ăn xong, lại đến, đơm thêm một bát, lại đơm thêm một bát. Pháp sư Lạc Quán nhớ, hình như ông ăn khoảng 10 bát cơm, không cảm thấy no. Ông nói, dựa vào ông làm gì có năng lực này, là pháp sư Diệu Thiện gia trì.

Đây là người trong thời kỳ kháng chiến, rất nhiều người lớn quen biết ngài, không phải giả. Suốt đời không cần tiền, trên người không có đồng tiền nào cả. Khi Phật tử cúng dường tiền, ngài liền nhai nuốt. Quý vị xem tiền giấy rất dơ, nhiều vi khuẩn, ngài ăn hết, nhưng không sao. Ngài thể hiện ra như thế cho mọi người xem. Ngài chuyên môn lượm rác trên đất. Trong rác, đặc biệt là đồng nát sắt vụn ngài đều ăn hết, giống như ăn đậu phụng, ăn gạo vậy. Câu chuyện về ngài rất nhiều, nói không hết, đây đều là thật không phải giả.

Cho nên trong tự tánh của mỗi chúng ta, đích thực đầy đủ vô biên chân tịnh công đức, vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, không cần cầu bên ngoài. Bên ngoài là giả, không phải thật. Trong tự tánh là thật, không phải giả. Vì thế người học đạo chơn chánh, cầu bên trong, không cầu bên ngoài. Đức Phật dạy chúng ta làm gì, thì chúng ta phải nỗ lực thực hành.

Tu hành là sửa đổi hành vi sai lầm, tư tưởng sai lầm, ngôn ngữ sai lầm, hành động sai lầm, gọi là tu hành. Tiêu chuẩn thật sự là gì? Tiêu chuẩn chính là những gì trong kinh luận nói, dùng giới luật tu thân. Giới luật là tiêu chuẩn của thân, kinh luận là tiêu chuẩn của ý niệm, không nên có ý niệm bất thiện. Khởi tâm động niệm đều tương ứng với trong kinh Phật nói, như vậy là đúng, không tương ứng lập tức sửa đổi.

Câu tiếp theo: “là cảnh giới của Phật với Phật”, đây không phải là cảnh giới của người bình thường, đây là cảnh giới Phật. Khi nào mới có thể tu đến cảnh giới này? Lúc này có nói với chư vị, chúng ta từ trên nhìn xuống dưới, không chấp trước không chấp trước chính là A la hán, không phân biệt là Bồ Tát, không khởi tâm không động niệm chính là Phật. Chúng ta tu là phải tu từng tầng từng tầng đi lên, trước tiên học từ đâu? Đầu tiên học không chấp trước, sau đó mới học không phân biệt. Giống như ngài Huệ Năng, nói buông bỏ thì cả ba thứ đều buông bỏ, chưa từng thấy ai như ngài. Trước ngài Huệ Năng không có ai, ngài Huệ Năng trở về sau cũng chưa từng có. Nhưng từng bước từng bước đi lên thì rất nhiều. Hạng người này, chúng ta thấy 2000 năm nay, có khoảng trên dưới 3000 người, đó là từng bước từng bước đi lên. Giống như leo cầu thang vậy, leo lên từng bậc một, như vậy được.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói Viên giáo sơ trụ Bồ Tát, Hoa Nghiêm sơ tín đến lục tín là tiểu thừa, thất tín chứng A la hán, cũng là đi lên từng tầng từng tầng. Trong tứ thánh pháp giới: Thanh văn, duyên giác, Bồ Tát, Phật_Phật ở đây vẫn còn khởi tâm động niệm, buông bỏ khởi tâm động niệm, ngài ra khỏi mười pháp giới. Đó là chân Phật, không phải giả Phật, tức là ở đây nói chỉ có Phật với Phật, ngài là thật. Đây là cảnh giới đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh của Thiên tông, vượt thoát mười pháp giới, là cảnh giới của họ.

Xem tiếp bên dưới, thứ hai là báo thân. “Như Lai gọi là Lô Xá Na, dịch là quang minh biến chiếu, có thể khiến sơ địa Bồ Tát trở lên cảm thấy được”. Sơ địa là Biệt giáo, Biệt giáo sơ địa, Viên giáo sơ trụ đều có thể thấy được. Ta có thể thấy được tức là vào cảnh giới của họ, cảnh giới này là 41 vị pháp thân đại sĩ, trong này có 41 địa vị, tất cả đều là pháp thân Bồ Tát.

Lô Xá Na là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung nghĩa là quang minh biến chiếu, đây là trí tuệ. Quang minh biến chiếu nghĩa là trí tuệ của ngài, có thể chiếu soi khắp biến pháp giới hư không giới. Pháp giới hư không giới ngài có thể nhìn thấy, nghe thấy. Chúng sanh trong này nhân duyên thuận thực, ngài biết, khi ngài biết tự nhiên liền đến giúp họ. Đây gọi là đệ tử Phật môn, không bỏ một ai, từ bi đến tột cùng, ở đây là nói báo thân của Phật.

Trong giáo lý đại thừa, Tướng tông nói chuyển bát thức thành tứ trí. Pháp tướng tông chuyển bát thức thành tứ trí, địa vị bình đẳng với đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong Thiên tông. Thông thường Giáo môn gọi là đại khai viên giải, Tịnh độ tông gọi là lý nhất tâm bất loạn. Danh từ thuật ngữ của mỗi tông phái đều khác nhau, cảnh giới hoàn toàn giống nhau, đều là địa vị này. Viên giáo sơ trụ trở lên, 41 vị pháp thân đại sĩ trú trong cõi thật báo trang nghiêm, ở đây gọi là nhất chân pháp giới. Vì sao vậy? Vì họ không dùng bát thức, đã chuyển bát thức thành tứ trí.

Bát thức là gì? Bát thức là phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là A lại da, phân biệt là đệ lục Ý thức, chấp trước là Mạt na thức. Chỉ cần có những thứ này, họ ở trong mười pháp giới. Những thứ này không còn, đã chuyển, họ liền siêu việt mười pháp giới, họ ở trong cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai. Ở đây chỉ có tâm hiện không có thức biến, cho nên gọi nó là nhất chân pháp giới, là vĩnh hằng bất biến. Sanh đến đây đều là hóa sanh, biến hóa sanh ra. Không có thai sanh, không có noãn sanh, nó là hóa sanh. Tướng hóa sanh, không phải như trẻ con lớn dần lên, không phải vậy. Hóa sanh hoàn toàn giống với thân tướng của Phật, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, tướng hảo đó vĩnh viễn không biến hóa. Thọ mạng quả thật là vô lượng, họ không già yếu, vì sao không già yếu? Vì không thay đổi, nên họ không già yếu. Thế giới này của chúng ta, trong mười pháp giới đều già yếu, đều có sanh lão bệnh tử, nó biến hóa, ở đó không có biến hóa. Chư vị nên biết, biến hóa là thức, nghĩa là vọng tưởng phân biệt chấp trước, những thứ này khởi biến hóa, ở cõi đó không có. Bởi vậy cây cỏ hoa lá luôn xanh tươi, lá cây không rụng xuống đất. Trên mặt đất rất sạch sẽ, không cần quét, không có biến hóa, là cõi Tịnh thật sự.

Chúng ta muốn trong đời này, đến nơi hoàn cảnh này, quả là rất khó, tưởng chừng có thể nói là không thể. Nhưng có một khả năng duy nhất, chúng ta niệm Phật đến thế giới tây phương Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc, cõi phàm thánh đồng cư, cõi phương tiện hữu dư, cõi thật báo không có gì khác, hoàn toàn tương đồng, đây là một môi trường rất đặc biệt. Vì thế sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, dù là cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng giống như sanh vào cõi thật báo, quả là không thể nghĩ bàn. Pháp môn này rất khó gặp. Rất nhiều người gặp, người học Tịnh độ không ít. Học Tịnh độ đúng là không ít, được mấy người hiểu rõ ràng, minh bạch những gì trong kinh dạy? Nếu họ không hiểu rõ ràng minh bạch, họ còn lưu luyến thế gian này. Khi hiểu rõ ràng minh bạch, họ buông bỏ hết vinh hoa phú quý, danh văn lợi dưỡng của thế gian, họ không còn vướng mắc những điều này nữa, chân thành niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Trong đời này nhất định chúng ta làm được.

Ở đây chúng ta nói về báo thân Phật, hiện nay thân này của chúng ta cũng đều là báo thân. Báo thân Phật là báo thân trí tuệ, vì sao vậy? Vì ngài đoạn tận tập khí phiền não. Khởi tâm động niệm là vô minh phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não. Ngài đoạn tận tất cả, trí tuệ vốn có trong tự tánh hiện tiền. Hoàn cảnh này là trí tuệ biến hiện, thân và cõi nước đều là trí tuệ. Nó không phải ý niệm, nó là trí tuệ. Đạo lý này chúng ta không thể không hiểu. Bây giờ chúng ta không có năng lực đoạn phiền não, tập khí quá nặng, muốn đoạn cũng không đoạn được. Phật dạy chúng ta phá thân kiến, chúng ta phá

được thân kiến chằng? Không phá được. Chưa phá thân kiến, nhất định có ý niệm tự tư tự lợi, có thể buông bỏ được chằng? Không buông được, đây là nói thật. Do đó chúng ta đối với pháp môn Tịnh độ, mới nắm bắt thật chặt. Chỉ có nương vào pháp môn này, đời này chúng ta mới có đường thoát ra, mới có thể ra khỏi luân hồi lục đạo, ra khỏi mười pháp giới. Ngoài pháp môn này ra, Phật pháp rất nhiều pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Bất kỳ pháp môn nào đều phải đoạn phiền não, quý vị mới có thể thành tựu. Chỉ có pháp môn này, không cần đoạn phiền não, chỉ cần không chế phiền não. Chỉ cần khiến nó không khởi tác dụng, chúng ta sẽ thành tựu. Không chế dễ! Đoạn quá khó.

Dùng phương pháp gì để không chế? Dùng một câu Phật hiệu. Cổ nhân nói: “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”. Ý niệm vừa khởi, bất luận là thiện niệm hay ác niệm, nhiễm niệm hay tịnh niệm đều không quan trọng. Niệm thứ hai chính là Nam Mô A Di Đà Phật, đem câu Phật hiệu này thay thế niệm thứ nhất. Đây gọi là chân niệm Phật, gọi là biết niệm Phật, rất hiệu quả, chắc chắn có thể vắng sanh. Không chuyên tâm niệm Phật, đời này chúng ta trôi qua một cách vô ích, như vậy thì rất khó.

Thân hiện tại của chúng ta là nghiệp báo, nghiệp này là gì? Là nghiệp tự mình tạo, có tịnh nghiệp, có nhiễm nghiệp. Nhiễm nghiệp ở trong lục đạo, tịnh nghiệp ở trong tứ thánh pháp giới. Ngoài luân hồi lục đạo ra, cõi Tịnh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, bốn địa vị này là bên ngoài lục đạo, cõi phương tiện hữu dư của Phật Thích Ca Mâu Ni. Thế giới Cực Lạc có, thế giới này cũng có. Trong nhiễm nghiệp có thiện ác, tâm thiện, hành thiện của chúng ta, báo thân này của chúng ta là thiện.

Thiện là gì? Là mạnh khỏe trường thọ, người thế gian gọi là vinh hoa phú quý, đây là nhân thiện chiêu cảm. Tạo ác nghiệp thì sao? Thì thân nghiệp báo này nhiều bệnh, chịu khổ chịu nạn, đều là báo thân! Nghiệp báo không giống nhau. Chúng ta quan sát tỉ mỉ nghiệp báo càng kém, là thân súc sanh, thân ngạ quỷ, thân địa ngục, đó là gì? Đó là tạo nghiệp rất nặng, họ đầu thai vào đó. Thiện nghiệp, nếu thiện căn thù thắng vượt qua phước báo nhân gian, thì sanh đến cõi trời, tự nhiên cảm ứng đạo giao. Họ là đẳng cấp nào, nhất định họ đến cùng đẳng cấp ở đó, cao hơn không đến được, thấp hơn họ cũng không đi.

Đức Phật nói rất rõ ràng, trời có 28 tầng, đó đều là tu thiện, tu phước, dần dần nâng cao. Tạo ác nghiệp sẽ đọa xuống thấp, thân nghiệp báo. Nghiệp này có ai chi phối chằng? Nói với chư vị, không có ai chi phối. Điều này trong Phật pháp nói rất rõ ràng, không có ai chi phối, chi phối là chính mình. Bởi vậy người học Phật không mê tín, bất cứ việc gì cũng đừng nên hỏi thần, bói quẻ, Phật giáo hoàn toàn phản đối. Trong kinh nói rất rõ ràng, khởi tâm động niệm hỏi chính mình, quý vị sẽ rõ ràng. Tâm ta thiện, hành vi thiện, nhất định tiến lên. Tâm hành bất thiện, nhất định là đọa lạc xuống thấp. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, là từ tâm tưởng mình sanh ra, không phải từ bên ngoài. Không những Phật nói với chúng ta, thân thể, thân thể chúng ta là do tâm tưởng mình sanh ra. Chư vị nên biết, hiện nay tật bệnh rất nhiều, có rất nhiều bệnh tật nghiêm trọng, như bệnh về ung thư, thậm chí còn nghiêm trọng hơn nó. Quả thật có không ít người niệm Phật được lành bệnh, là nguyên nhân gì? Có đạo lý trong đó! Tâm hành họ thiện, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, thân thể này cũng từ tâm tưởng sanh. Tâm chúng ta bất thiện, tế bào trong thân thể biến thành độc tố.

Những gì là bất thiện? Trong kinh Đức Phật dạy: Tham sân si gọi là ba độc phiền não. Có tham sân si, tế bào trong thân thể chúng ta mang theo độc tố. Thêm vào mạn và nghi, là năm độc, năm độc này vô cùng phiền phức! Đây chính là thân thể chúng ta cơ bản đã mang theo độc tố. Đức Phật dạy chúng ta: Cần tu giới định tuệ, tức diệt tham sân si, rửa sạch hoàn

toàn độc tố trong tế bào thân thể chúng ta, như vậy vĩnh viễn không hề sanh bệnh. Bên ngoài bệnh tật truyền nhiễm như thế nào, ta cũng không bị ảnh hưởng, danh từ của y học gọi là sức miễn dịch. Quý vị có năng lực miễn dịch này, trong thân thể không có độc, độc và độc tương cảm. Quý vị không bị cảm nhiễm, không có độc. Quý sẽ biết, rõ ràng đạo lý này, hiểu được phương pháp này, thân tâm ta an vui biết bao. Độc rất dễ bị nhiễm, nhân phải cần có duyên, điều này trong kinh nói rất rõ ràng. Tham sân si mạn nghi là năm độc, đây là nhân, nhân mang bệnh, nhân tử vong, nhân sau khi chết bị đọa lạc.

Duyên có hai loại, có nội có ngoại. Nội duyên là oán hận nã nộ phiền, đây là nội duyên, phải đoạn trừ nó, không đoạn trừ nó rất dễ bị bệnh. Duyên bên ngoài là tài sắc danh thực thù, hoàn cảnh bên ngoài mê hoặc chúng ta. Trong và ngoài chúng ta vừa kết hợp, liền mang bệnh ngay, bệnh từ đây mà sanh ra. Đức Phật nói điều này rất rõ ràng, nói còn hay hơn bác sĩ. Phật có thể dạy chúng ta không mắc bệnh, tuy tuổi tác lớn, tuổi tác tăng trưởng nhưng không bị lão hóa. Học Phật có lợi ích gì? Lợi ích đầu tiên là thân thể chúng ta mạnh khỏe, pháp hỷ sung mãn, cuộc sống an vui. Đây là lợi ích đầu tiên của việc học Phật, bản thân đạt được chính là điều này. Niềm an vui này của thân tâm, không liên quan đến giàu nghèo sang hèn, chỉ cần ta chịu học, đây chính là cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn thật sự.

Học Phật thật sự cần ghi nhớ, phải trì giới, trì giới nghĩa là làm người tốt. Đức Phật dạy về ngũ giới, thập thiện chúng ta phải làm được. Thực hành cụ thể ngũ giới thập thiện, nói với chư vị, nghĩa là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, nói một cách tường tận. Quý vị cố gắng đọc, nỗ lực thực hành, thực hành tất cả, quý vị là tiêu chuẩn trong kinh Đức Phật nói: “Thiện nam tử thiện nữ nơn”. Thiện nhân không gặp tai nạn, không có tai ương hiểm họa, thân tâm bình an, gia đình hạnh phúc, thiện nhân sự nghiệp thuận lợi. Nơi quý vị cư trú, còn có thể giúp xã hội, giúp quốc gia, giúp thế giới này. Quý vị tu càng tinh tấn thì công đức càng lớn, đây là thật, không phải giả.

Tuyệt đối phải ghi nhớ, không được ảnh hưởng bởi cảnh giới bên ngoài. Những cảnh giới bên ngoài, đối với tu hành chơn chánh mà nói, đều là Phật Bồ Tát, đều là thầy giáo. Quý vị xem ở sau Kinh Hoa Nghiêm, 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử, chúng ta cần phải học. Người đó gạt tôi, sỉ nhục tôi, hủy báng tôi, hãm hại tôi, tôi có sân si chăng? Chúng ta sân si là mắc lừa, mắc lừa lớn, nó dẫn dắt tham sân si mạn trong tâm ra, quý vị liền mắc bệnh. Quý vị xem, sai rồi đúng không! Gặp tình hình này phải làm sao? Không sân si, hoan hỷ, họ đến thử thách chúng ta, xem công phu chúng ta như thế nào? Ta thông qua, không sao. Ta không hề sân si, còn cảm ơn họ, vì họ giúp chúng ta nâng cao cảnh giới. Quý vị xem ý niệm đó vừa chuyển, không những bệnh không có, mà năng lượng còn nâng cao, cảnh giới cũng nâng cao. Ai giúp chúng ta nâng cao? Những người đó giúp ta nâng cao. Quý vị xem chỉ trong một niệm, ý niệm này vừa chuyển quý vị là Phật. Nếu như khởi oán hận, quý vị lập tức đọa lạc vào tam đồ.

Trong thuận cảnh, gặp một vài người tốt, không được có chút tham luyến nào, phải duy trì như như bất động trong mọi cảnh giới. Khi thuận cảnh chúng ta không có tham tâm, đã đoạn tận phiền nã của tham. Gặp nghịch cảnh không có tâm sân nhuế, đoạn tận sân si từ đâu? Đoạn tận nhân sự, từ hoàn cảnh. Trong cuộc sống hằng ngày, mặc áo ăn cơm, đối nhân tiếp vật, ngay trong những việc này, mài sạch tham sân si mạn nghi, mài một cách sạch sẽ, quý vị đã thành Phật. Vì thế mỗi người đều là ân nhân, mỗi người đều là Bồ Tát, mỗi người đều là thiện tri thức. Ai cũng là người tốt, mọi việc đều là việc lành.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biểu diễn cho chúng ta thấy, vua Ca Lợi cắt thân thể là việc tốt, đó là việc người bình thường không thể chịu đựng, ngài có thể nhẫn chịu. Tu viên mãn nhẫn nhục ba la mật, viên mãn tức thành Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng những không hề oán hận vua Ca Lợi, còn thật sự cảm ân ông. Khi lâm chung nói với vua Ca Lợi: Tương lai tôi thành Phật, người đầu tiên tôi độ là ông. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành Phật, người đầu tiên được độ là tôn giả Kiều Trần Như. Vua Ca Lợi là tiền thân của tôn giả Kiều Trần Như. Đức Phật nói lời giữ lời, không nói lời giả dối, sau khi thành Phật người đầu tiên ngài độ là ông ta. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni 49 năm giảng kinh dạy học, người đầu tiên chứng quả A la hán là tôn giả Kiều Trần Như, ngài nói lời giữ lời.

Cho nên tu hành ở đâu? Tu hành trong cuộc sống hằng ngày, tu hành trong xử sự đối nhân tiếp vật, tu hành trong công việc. Mọi lúc mọi nơi đều là nơi học của Bồ Tát, xem quý vị dùng là tâm gì. Quý vị nhất niệm mê là phàm phu, nhất niệm giác chính là Phật Bồ Tát. Khi nào ta có thể xem tất cả mọi người, người ta thích, người ta ghét, người ta oán hận đều là Phật A Di Đà. Chúc mừng, quý vị đã tu thành công pháp môn Tịnh độ, như vậy quý vị không vãng sanh thì ai vãng sanh?

Như Lai có báo thân, chúng ta biết thân hiện tại của chúng ta đều là báo thân, thân nghiệp báo. Chúng ta phải biết cách vận dụng thân nghiệp báo này, có thể liên hệ với báo thân của Phật. Đây đều không phải giả, có thể kết nối, một câu A Di Đà Phật là kết nối được.

Thứ ba là “Ứng thân”, ứng thân của Như Lai. “Như Thích Ca Văn”, nghĩa là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngày xưa phiên dịch là Thích Ca Văn Phật. Chúng sanh có cảm, Phật liền đến ứng, đáng dùng thân gì để độ, ngài liền thị hiện thân đó.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện tại Ấn độ, có xuất hiện ở Trung quốc chăng? Trước đây tôi thỉnh giáo thầy Lý, thầy nói với tôi, về mặt lý có thể nói như thế. Xuất hiện ở Trung quốc, xuất hiện qua thân phận của thánh nhân. Khổng tử, Mạnh tử, Lão tử, Trang tử là Phật Bồ Tát tái sanh. Lịch đại chư vị tổ sư, Phật Bồ Tát ứng hóa rất nhiều. Thậm chí trong Truyện ký có ghi chép: Bồ Đại hòa thượng là Bồ Tát Di Lặc tái sanh, đại sư Trí Giả là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ứng hóa, đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ là Phật A Di Đà ứng hóa. Hàn Sơn và Xả Đắc là Văn Thù và Phổ Hiền hóa thân, rất nhiều!

Thế giới chúng ta hôm nay động loạn như thế này, chúng sanh rất đau khổ. Hình như là chúng sanh càng khổ, thiên tai càng nhiều, Phật Bồ Tát càng đến đây để giúp chúng ta, nhất định là như vậy! Chỉ là họ không lộ thân phận nên chúng ta không biết, tuyệt đối không thể nói không có. Nếu nói không có, chúng sanh tạo ác nghiệp này, không có Phật Bồ Tát ở đây, chúng ta hưởng phước báo của họ, quốc độ này chưa đến nỗi phá hoại. Không có những người này, có thể địa cầu này không còn. Điều này chúng ta thâm tín không nghi, những người học Phật cần phải tin điều này, phải thường cầu Chư Phật Bồ Tát trú thế, cứu khổ cứu nạn.

Vì sao vậy? Quý vị có ý niệm này, đây chính là cảm, Phật Bồ Tát sẽ đến. Chúng ta cảm rất rõ ràng, trong khổ nạn cầu Phật Bồ Tát, ngài đến ứng, có khi là hiển ứng, có khi là minh ứng, nhất định ngài đến ứng, tuyệt đối không cầu vô ích. Có cầu ngài tất có ứng, điều này không phải giả: Đệ tử Phật môn có cầu tất ứng. Bồ Tát đến ứng, như Phẩm Phổ Môn nói 32 ứng hóa của Bồ Tát Quán Thế Âm. Ứng trong hoàn cảnh hiện tại, nhưng chúng ta không biết, khiến thiên tai thảm họa của thế gian này giảm nhẹ, hóa giải, gọi là nghiệp nặng báo nhẹ. Từ bi của Phật Bồ Tát, lòng yêu thương của Phật Bồ Tát.

Bên dưới nói: “Địa tiền Bồ Tát”, đây là nói Biệt giáo, không phải Viên giáo, địa tiền Bồ Tát. “Nhị thừa, phạm phu được cảm kiến”, nhị thừa là Thanh văn, Duyên giác, tức là tiểu thừa. Ở đây nói địa tiền Bồ Tát và nhị thừa, đều thuộc tứ thánh pháp giới, chủ yếu là tứ thánh pháp giới, nói rộng ra trong lục đạo cũng có, trong lục đạo ít, tứ thánh pháp giới là thuần. Đều có thể thấy được, thấy ứng thân Phật, ứng hóa thân. Bên dưới còn có hóa thân.

Thứ tư, hóa thân: “Phật nhất thời hóa hiện là hóa thân”. Từ xưa đến nay chúng ta cũng thường nghe điều này, sự thật là có. Ở trước tôi có nói với quý vị về pháp sư Thánh Nhất ở Hồng Kông, khoảng vào năm 1980, họ đến Trung quốc sớm nhất, đến núi Phổ Đà, trong động Phạm Âm nhìn thấy Bồ Tát Quán Thế Âm, vị Bồ Tát này là hóa thân. Ba vị pháp sư đi cùng nhau, đây là người xuất gia. Họ lễ lạy ở cửa động Phạm Âm khoảng hơn nửa tiếng, Bồ Tát Quán Thế Âm xuất hiện, cả ba người đều thấy. Trên đường trở về, họ hỏi nhau, quý vị thấy Bồ Tát như thế nào? Kết quả cả ba người nói ra, ba người nhìn thấy đều không giống nhau. Pháp sư Thánh Nhất nhìn thấy hình dáng giống như Bồ Tát Địa Tạng vậy, đầu đội mũ Tỳ Lô, toàn thân sắc vàng, tướng ngồi, ngồi ở đó. Một vị pháp sư khác nhìn thấy, là bạch y đại sĩ như bức tranh chúng ta thường thấy, thân nữ. Vị pháp sư thứ ba nhìn thấy, là hình dáng người xuất gia, hiện thân tướng vị tỳ kheo xuất gia. Cả ba người đều nhìn thấy, nhưng không giống nhau, thiện căn phước đức mỗi người khác nhau. Như vậy xem ra pháp sư Thánh Nhất, thiện căn phước đức sâu dày hơn. Quý vị xem, pháp sư Thánh Nhất thấy Bồ Tát có thân sắc vàng, đầu đội mũ tỳ lô, Bồ Tát Quán Thế Âm thân sắc vàng. Nhưng cả ba người đều không tề, đều thấy được Bồ Tát. Nghe nói cũng có rất nhiều người đến lễ bái, lạy hai ba tiếng nhưng không nhìn thấy. Ba vị pháp sư này không tề, lạy nửa tiếng là thấy được, đây là thấy được hóa thân. Một hóa thân khác, chúng ta kể một câu chuyện. Hình như ở trước đã kể, có rất nhiều nghe qua.

Thời kỳ kháng chiến, tôi đi học ở Quý Châu, hiệu trưởng của chúng tôi là ông Chu Bang Đạo. Sau khi kháng chiến thắng lợi, ông về ở Nam Kinh, vườn nhà ông rất lớn, đó là ngôi nhà cũ trước đây của ông. Nhà ông có ba lần cửa, ở trước là vườn, có trồng cây ăn trái. Ngoài cùng là cửa lớn, bên trong còn có một cửa nữa. Trong vườn còn có một bức tường, bên trong mới là chỗ ở, từ ngoài vào đến nhà chính phải qua ba lần cửa. Một hôm, sư mẫu của chúng tôi, tức là vợ thầy Chu, bà ở nhà, có một vị pháp sư đến khát thực, đến nhà bà. Bà hỏi pháp sư, thầy từ đâu đến? Pháp sư nói, tôi từ Cửu Hoa Sơn. Có việc gì chăng? Muốn xin năm cân dầu thơm, đến khát thực, xin bà năm cân dầu thơm. Lúc đó vợ thầy Chu không tin Phật giáo, vì thế bà không cho. Không cho vị pháp sư này đành ra đi, khi pháp sư đi rồi, bà đột nhiên nhớ lại: Nhà mình phải đi qua ba lớp cửa mới vào được nhà chính, cửa không mở, vị hòa thượng này vào bằng cách nào? Ông đi rồi, đi rồi nhưng cửa vẫn không mở, vậy thì ra bằng cách nào? Là thật, tuyệt đối không phải hoa mắt. Bà nói, bà nói chuyện với hòa thượng này khoảng mười mấy phút, không phải hoa mắt, đây là sự thật, quả là giống như nằm mơ giữa ban ngày vậy. Câu chuyện này bà cứ để mãi trong lòng, sau đó bà đến Đài Loan, cùng học Phật pháp với thầy Lý, bà liền đem câu chuyện này hỏi thầy. Thầy nói với bà, đó là Bồ Tát Địa Tạng hóa thân, bà mới hoát nhiên đại ngộ, hối hận vì lúc đó không cúng dường năm cân dầu thơm, đây là hóa thân. Như tình hình này chúng ta cũng thường nghe, đây là hóa thân. Sau khi họ thị hiện cho chúng ta thấy, liền biến mất, không bao giờ tìm thấy họ nữa. Vấn đề này đối với việc học Phật về sau của bà, mang đến cho bà lòng tin kiên định. Bà học Phật mỗi ngày đều tụng Kinh Đại Tạng, lạy Bồ Tát Địa Tạng, cảm ứng không thể nghĩ bàn. Đây là chuyện chúng tôi tận mắt chứng kiến.

Thứ năm: “đăng lưu thân”. Đăng lưu thân là một trong bốn thân của Mật giáo, đây một trong bốn loại pháp thân. “Thân Phật thị hiện, cùng một loại thân với người, trời, ngạ quỷ, súc sanh vân vân, dị loại có thể thấy được”. Đăng là bình đăng, lưu là lưu loại, loại nào. Bồ Tát muốn độ ngạ quỷ, ngài hiện thân quỷ. Bồ Tát muốn độ súc sanh, ngài liền hiện thân súc sanh, thật như vậy. Những câu chuyện này trong Thần Tăng Truyện có ghi chép lại, trong bút ký của cổ nhân cũng ghi lại rất nhiều.

Như Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký của Kỳ Hiểu Lam, và những ghi chép trong Liêu Trai, tôi cảm thấy những câu chuyện này đều là thật, đây không phải tự mình có thể viết ra như thế, không phải. Thị hiện thân trời, thiên nhân có thể thấy. Thị hiện thân ngạ quỷ, ngạ quỷ thấy được. Thị hiện thân súc sanh, thân súc sanh có thể thấy, súc sanh tu hành cũng rất nhiều.

Tôi nghe nói có rất nhiều đồng tu từ đại lục đến, đặc biệt là từ Đông bắc đến, họ rất tin đại tiên, đó là tu gì? Đại khái là hồ ly, chồn, là loại chúng sanh này. Ngoài loại này ra, súc sanh tu hành rất nhiều, như rùa, rắn thọ mạng chúng đều rất dài, chúng đều tu hành. Đã chịu phát tâm tu hành, sẽ có Phật Bồ Tát giúp chúng. Phật Bồ Tát giúp chúng, hiện thân đồng loại đến giáo hóa chúng, để độ chúng. Loại này gọi là đăng lưu thân, người tu hành chúng quả họ mới có thể làm được.

Trong tiểu thừa, phổ biến nhất là A la hán, Bích Chi Phật. Dưới A la hán, chúng ta tin tam quả có khả năng này, tam quả có thần túc thông, họ hiện thân này rất dễ. Sơ quả và nhị quả khó hơn, họ không có thần túc thông. Thần túc thông tức là biến hóa, họ có thể phân thân, biến hóa.

Bên dưới là tổng kết: “Trong kinh này tức một thân Phật hiện vô lượng chúng chúng thân, có thể khiến vô số chúng sanh mỗi loài đều được thấy. Điều biểu trưng cảnh giới viên minh cụ đức, không thể nghĩ bàn”. Đức Phật đối với việc hiện vô lượng thân, giúp vô số chúng sanh khác nhau. Đây nghĩa là trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “tinh dữ vô tình, đồng viên chúng trí”, điều này có thể chăng? Hiện nay các nhà lượng tử lực học đã chứng minh điều này, nói lên điều gì? Nói rõ vũ trụ này quả thật không thể nghĩ bàn. Nguồn gốc của vũ trụ, triết học gọi là bản thể, bản thể luận. Tuy nói ra bản thể này, bản thể rốt cuộc là gì? Mãi đến nay, chưa ai có thể nói rõ ràng. Vạn sự vạn vật trong vũ trụ phát sanh, từ đâu đến? Tôn giáo cho rằng là thần tạo. Hiện nay Tôn giáo nói thần không phải người, họ không có thân thể, không có hình tướng, họ tồn tại mọi lúc mọi nơi, rất giống trong Phật pháp gọi là pháp thân, nó có tư tưởng này. Phật giáo nói pháp thân là thân pháp tánh, chính là như vậy, dùng danh từ này, hoặc gọi là tự tánh. Trong Hoàn Nguyên Quán nói: “Tự tánh thanh tịnh viên minh thể”, đây là thuật ngữ trong kinh Phật, triết học gọi là bản thể, bản thể của vũ trụ vạn hữu. Thể chỉ có một, pháp có vô lượng vô biên vô tận vô số, đều từ thể biến hiện ra, biến hiện như thế nào? Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng, Pháp tướng tông cũng nói rất rõ ràng. Hiện nay lượng tử lực học phát hiện, họ cũng thấy được vấn đề này, vì thế Phật giáo biến thành khoa học.

Khi tôi học Phật, thầy giáo giới thiệu kinh điển Phật giáo cho tôi qua con đường triết học. Tôi học 60 năm, sang năm là tròn 60 năm, bây giờ kết hợp với lượng tử lực học, Phật giáo là khoa học. Phật pháp nói với chúng ta: “phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, không phải thật. Hiện tượng vật chất không phải thật, hiện tượng tinh thần cũng không phải thật. Phật giáo nói chân và vọng, định nghĩa của nó nói như vậy: vĩnh hằng bất biến là thật. Nó có sanh diệt là không phải thật, là giả. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất đều có sanh diệt.

Lượng tử lực học, phương hướng nghiên cứu của họ là thế giới vi quan, nghiên cứu gì? Nghiên cứu nguyên tử, nghiên cứu điện tử, nghiên cứu hạt căn bản, người phương tây gọi là hạt vi lượng. Các nhà khoa học cận đại nghiên cứu lượng tử, ngày càng nhỏ, lượng tử cũng gọi là tiểu quang tử. Phải chăng trong kinh điển gọi nó là cực vi chi vi? Chúng ta càng lãnh hội tường tận, nó ngày càng tiếp cận cực vi chi vi mà kinh Phật nói, cực vi chi vi không thể tiếp tục phân chia, phân thêm nữa sẽ không còn. Trong kinh điển, vũ trụ vi quan đều gọi nó là trần, gọi là trần, vi trần, dùng phương pháp này để nói. Đầu tiên Đức Phật nói với chúng ta là ngưu mao trần, giống như sợi ngưu mao này. Ngưu mao không lớn như vậy, dùng nó làm tượng trưng. Trần là gì? Trên đỉnh nhọn có một hạt vi trần, một hạt bụi nhỏ ở đầu đỉnh nhọn, nó không rơi xuống, nó dính vào đó rất vững vàng, đây gọi là ngưu mao trần. 1/7 của ngưu mao trần, đó là rất nhỏ _ dương mao trần, dương mao rất vi tế, bút lông chúng ta viết đa phần dùng lông dê (dương mao). 1/7 của dương mao trần gọi là thỏ mao trần, thỏ mao (lông thỏ) càng vi tế. Đức Phật dùng nó làm ví dụ, đương nhiên lúc đó cũng là chân tướng sự thật. 1/7 thỏ mao trần gọi là thủy trần, một hạt vật chất nhỏ này, nước nó có kẻ hở. Ở trong đó có thể đi lại tự do, không có chướng ngại. 1/7 thủy trần gọi là kim trần, kim là kim loại, kim ngân đồng sắt, nó có độ khít lớn. Độ khít lớn dùng kính hiển vi quan sát, nó vẫn có kẻ hở, ở trong đó có thể tới lui không có chướng ngại. 1/7 kim trần mới gọi là vi trần. Cho nên vi trần trong kinh Phật nói, đến đây mới gọi là vi trần. Vi trần còn có thể phân tách, phân tiếp thì 1/7 vi trần gọi là sắc tụ cực vi. Sắc tụ cực vi vẫn còn phân tách được, tiếp tục phân thành 1/7 gọi là cực vi chi vi. Đức Phật đến đây là không thể phân tách, phân tiếp tức không còn. Cực vi chi vi, phải chăng hiện nay các nhà lượng tử khoa học gọi là tiểu quang tử? Nghĩa là nói lượng tử, mắt thường chắc chắn không nhìn thấy được. Điều này các nhà khoa học chuyên dùng những máy móc bội số lớn, họ nhìn thấy, một hiện tượng vật chất nhỏ như vậy. Hiện tượng này từ đâu mà có? Họ phát hiện nó là từ không sinh ra có. Đột nhiên liền sinh ra, sau khi vừa phát hiện lập tức không thấy nữa. Nghĩa là nói hạt vi trần này, họ gọi là tiểu quang tử, thời gian nó tồn tại rất ngắn ngủi, rất khó để quan sát nó.

Các nhà khoa học nghiên cứu vật chất, rốt cuộc là như thế nào? Quan sát đến sau cùng, nguồn gốc của hiện tượng vật chất là ý niệm, chính là ý niệm, là huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục sinh ra. Đây là kết luận mà hiện nay nghiên cứu lượng tử đạt được. Cách nói này trong kinh điển có câu rất tương thông, Đức Phật nói: “Tất cả pháp từ tâm tướng sanh”. Các nhà lượng tử lực học cho rằng, vật chất là từ tâm tướng sanh ra, tâm tướng là nguồn gốc của vật chất. Tâm tướng từ đâu mà có? Hiện tượng vật chất có thể nhìn thấy, ý niệm này không nhìn thấy được. Các nhà khoa học có thể đạt đến trình độ này, quả là rất khó được. Họ phát hiện được A lại da trong kinh Phật nói, thật sự đã phát hiện được sự huyền bí của vũ trụ.

Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta hoàn toàn giống với những gì các nhà lượng tử lực học phát hiện. Bồ Tát Di Lặc nói: một khay móng tay có 32 ức 100 ngàn niệm, niệm này tích lũy, thời gian một khay móng tay. Tôi tin rằng các nhà lượng tử khoa học, dùng kính hiển vi nhìn thấy hiện tượng vật chất này, là tiểu quang tử, thời gian nó tồn tại là một khay móng tay, không thể là một giây. Một khay móng tay có thể nhìn thấy, sự tích lũy đó là bao nhiêu ý niệm? Là 320 triệu ý niệm, 320 triệu ý niệm liên kết với nhau, bị quý vị nhìn thấy là thời gian một khay móng tay. Thật là tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Ý niệm tích lũy, trong này có gì? Có hiện tượng vật chất, có hiện tượng tinh thần. Hiện tượng vật chất là sắc, trong ngũ uẩn gọi là sắc, hiện tượng tinh thần là thọ tướng hành thức, Phật giáo gọi là ngũ uẩn. Ngũ uẩn ở đâu? Ngũ uẩn ở trong cực vi chi vi. Mà ngũ uẩn cực vi chi vi, bất luận là hiện tượng vật chất hay

hiện tượng tinh thần, nó đều thuộc về dao động, nếu bất động nó không còn, nó là dao động hình thành. Dao động này vừa động, Hoàn Nguyên Quán nói rằng: chu biến pháp giới. Không những chu biến pháp giới, còn xuất sanh vô tận, nghĩa là viên hóa vô cùng vô tận. Hàm dung không hữu, đây là chân tướng sự thật, thật tướng các pháp.

Từ đây mới biết, toàn thể vũ trụ với mình là nhất thể, vì sao vậy? Các nhà khoa học đưa ra ví dụ rất hay, thân thể này của chúng ta là một đài phát xạ, đài phát xạ năng lượng, cũng là đài tiếp nhận. Chúng ta có thể tiếp thu tin tức toàn vũ trụ, tin tức chúng ta phát đi toàn thể vũ trụ đều nhận được. Toàn thể vũ trụ giống như một màng lưới vậy, kết thành một thể chặt chẽ. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói, một là tất cả, tất cả là một, cách nói này đúng hoàn toàn.

Các nhà khoa học kết luận rằng, ý niệm có thể thay đổi tất cả, ý niệm có thể sáng tạo mọi vật. Điều này và trong Phật pháp đại thừa Đức Phật thường nói: “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”, Kinh Hoa Nghiêm nói: duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, cùng một ý.

Trước đây, khoảng bốn năm mươi năm trước, lúc học giảng sư. Thầy dạy chúng tôi Bách Pháp Minh Môn, dạy chúng tôi Bát Thức Quy Củ Tụng, nó đều là Pháp tướng tông. Nói cho chúng tôi về tứ phần của tâm tâm sở, nó đều thuộc về tâm pháp, trong tâm pháp có sắc pháp. Tâm tâm sở, bát thức là tâm, 51 tâm sở, mỗi tâm tâm sở đều có bốn phần. Có tự chứng phần, chứng tự chứng phần, kiến phần, tướng phần.

Tướng phần là gì? Tướng phần là vật chất. Kiến phần là gì? Kiến phần là thọ tướng hành thức. Trong tự tánh gọi nó là kiến văn giác tri, trong A-lại-da nó đã thay đổi, nó biến thành thọ tướng hành thức. Cho nên bát thức 51 tâm sở, đều đầy đủ ngũ uẩn, đầy đủ ngũ uẩn nghĩa là đầy đủ toàn thể vũ trụ. Quý vị có thể nói giữa vũ trụ này, hiện tượng nào không liên quan đến chúng ta? Nói không thông, tất cả đều có liên quan. Chẳng những thân này của chúng ta, mỗi tế bào trên thân thể này, nên biết rằng mỗi tế bào cũng là đài phát xạ, cũng là đài tiếp thu, huông gì là thân thể này? Thân thể này rất đáng sợ, nó là một tiểu vũ trụ.

Sanh tử, đó là duyên tụ duyên tán, có mất chẳng? Không mất. Chẳng những tinh thần không diệt, mà vật chất cũng không diệt. Hay nói cách khác, căn bản không có sanh tử, nó chỉ biến hóa. Như Hoàn Nguyên Quán, trong điều thứ hai nói: Xuất sanh vô tận, đó là nói đến sự biến hóa. Biến hóa, đó là duyên, duyên khác nhau, biến hóa sẽ khác nhau. Nhưng nếu ta có ý niệm mạnh mẽ, bản thân quý vị có thể làm chủ. Ý niệm mãnh mẽ này, trong đó có tịnh có nhiễm, có thiện có ác. Niệm thiện, sức mạnh kiên cố, một câu A Di Đà Phật nhất định đến thế giới Cực Lạc. Nếu là kiên định, chúng ta phải sở hữu bao nhiêu tài phú, nhất tâm nhất ý truy cầu tiền bạc, tham không chán, như vậy thì sao? Đọa vào đường ngạ quỷ, đều do ý niệm tạo ra, không có ai chỉ huy quý vị, không có, toàn là chính mình biến hiện, chính mình nhận lãnh. Bởi vậy, khi đã thấu hiểu, mới nghĩ đến câu nói của cổ nhân: Tự làm tự chịu. Không liên quan đến bất kỳ ai.

Phật pháp đại thừa, ngày nay được khoa học chứng minh, là chuyện tốt. Thực tế, không có khoa học chứng minh, chúng ta học suốt 60 năm, vẫn còn đặt câu hỏi lớn đối với vấn đề này. Đức Phật nói là thật ư? Chúng ta nghĩ không ra, cũng không chứng minh được. Mà chỉ có kinh Phật nói, các Tôn giáo khác không nói như thế. Rồi hồ đồ cho rằng, tất cả là do thần tạo, một câu như vậy là xong, Phật pháp nói quá tỉ mỉ. Rất khó được, chúng ta cảm ơn các nhà khoa học cận đại. Bất luận là nghiên cứu vũ trụ vĩ quan hay nghiên cứu vũ trụ vi quan, đều tương ứng với những gì học được trong Phật giáo đại thừa, đều đã chứng minh.

Chúng ta đối với trí tuệ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hoàn toàn không có hoài nghi. 3000 năm trước ngài phát hiện như thế nào? Các nhà khoa học từ đời này qua đời khác, đời

này tiếp đời khác nghiên cứu, đến nay mới phát hiện. Đức Phật dùng phương pháp gì? Ngài dùng Thiền định, không dùng máy móc. Trong thiền định là dùng bản năng của chính mình, chính là kiến văn giác tri. Chúng ta nói trong pháp thân, một là trí, một là lý. Lý nghĩa là tự tánh, trí là trí tuệ bát nhã vốn có trong tự tánh. Nếu dùng tứ phần để nói, sẽ rất dễ hiểu, lý là gì? Lý là tự chứng phần. Trí là gì? Trí là chứng tự chứng phần. Làm sao chúng ta biến có chứng tự chứng phần? Trí của mình biết có tự chứng phần. Cho nên có thể biết tự chứng phần, đó gọi là chứng tự chứng phần. Từ tự chứng phần mới phát hiện ra kiến phần, kiến phần muốn thấy liền xuất hiện tướng phần. Tướng phần chính là vật chất, vật chất từ đâu đến? Vật chất từ kiến phần muốn thấy, tướng phần liền xuất hiện. Tướng phần không phải từ trong không sanh ra có ư?

Trước đây chúng tôi học điều này luôn tồn tại nghi vấn, hiện nay các nhà lượng tử khoa học nói mới hoát nhiên đại ngộ. Lại nhìn thấy điều gì? Vẫn là do chúng ta xem kinh ít. Chúng ta đối thoại của thầy Bồ Tát Di Lạc và Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, mới hoát nhiên đại ngộ. Vật chất từ đâu mà có? Quý vị xem thì ra là một khay móng tay có 320 triệu ý niệm tích lũy ở đó, sản sanh ra cảm xúc vật chất này, vật chất sinh ra như vậy. Các nhà khoa học giải thích, khiến chúng ta hiểu rõ, điều này trong kinh Phật không nói. Vì sao vật chất có thể kiên cố, có thể lỏng, có không khí, do đâu mà có hiện tượng này? Các nhà khoa học nói do tần suất không giống nhau, tần suất chấn động khác nhau. Tần suất chậm biến thành thể cứng, quặng sắt, như kim ngân đồng sắt, biến thành loại này, rất cứng. Tần suất nhanh hơn một chút, nó biến thành lơ lửng, mềm như da thịt, cây cỏ hoa lá, đây là mềm hơn. Nhanh hơn nữa, nó biến thành thể lỏng. Nhanh hơn nữa, liền biến thành không khí. Nhanh hơn, nó biến thành quang, sóng ánh sáng, biến thành sóng điện từ, đa hình đa dạng đều do tần suất khác nhau. Điều này giúp chúng ta rất lớn, trong kinh Phật chúng ta chưa đọc được điều này. Vì thế hiểu được xuất sanh vô tận, rốt cuộc là đạo lý gì? Chúng ta từ phát hiện của lượng tử lực học đã hiểu, cho nên biến pháp giới hư không giới, ngày nay khoa học gọi là hiện tượng dao động, dao động của vũ trụ. Vì thế đã đưa ra luận lý dây đàn, giống như sợi dây đàn, dây đàn là một hiện tượng dao động, toàn thể vũ trụ là một hiện tượng như vậy. Từ đó dần dần nhận thức được gì? Nhận thức rõ chính mình, mình là chủ tử của toàn thể vũ trụ, cho nên sức mạnh ý niệm này rất lớn lao.

Nếu ý niệm chúng ta thuần tịnh thuần thiện, nhất định ta mạnh khỏe sống lâu, không hề sanh bệnh. Đầu tiên chúng ta phải hiểu, những gì trong kinh Phật nói là chính xác, nhỏ sạch tham sân si mạn nghi, căn bản không có những quan niệm sai lầm. Những thứ này đều là giả, không có gì là thật. Điều chỉnh tốt về mặt tình cảm, khiến tâm mình lúc nào cũng chánh, chánh trong kinh Phật gọi là tam muội. Tam muội là tiếng Ấn độ, dịch sang tiếng Trung nghĩa là chánh thọ, tức là bình thường. Trái với bình thường là không bình thường, không bình thường là gì? Thất tình ngũ dục không bình thường.

Thất tình là hỷ nộ ai lạc ái ô dục, ngũ dục là tài sắc danh thực thù, đây đều không bình thường. Trong tâm có ý niệm này là không bình thường. Buông bỏ tất cả ý niệm không bình thường, duyên không còn nữa. Tham sân si mạn nghi là nhân, nhân không còn. Nhân và duyên đều không còn, làm sao sanh bệnh được! Làm gì có đạo lý này? Chẳng những không bệnh tật, mà còn không suy già. Chúng ta thử nghĩ xem, cõi thật báo trang nghiêm vì sao vĩnh viễn bất biến? Nó không có những thứ này. Chúng ta vẫn còn phân biệt chấp trước, nên còn biến hóa, tốc độ biến hóa chậm dần, rất chậm.

Không như người bình thường, một số người, người có mỗi xúc cảm, họ biến hóa rất nhanh, nhanh chóng lão hóa, cũng rất dễ mang những bệnh kỳ quái, họ xuất hiện những tình trạng này. Sau khi hiểu được, ta có thể không chế bản thân.

Cần phải học Phật pháp, giải quyết vấn đề chính mình. Tôi học đã nhiều năm, tôi đem những tâm đắc trong tu học chia sẻ với quý vị. Một bộ kinh là đủ, không cần học quá nhiều, học quá nhiều gọi là gì? Tham nhiều nuốt không trôi, khi ta học quá nhiều thứ, không đâu vào đâu. Chúng ta phải nghĩ đến câu nói của lục tổ Huệ Năng, vấn đề này chính là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Điều khiến cảnh giới mình nâng cao, không liên quan đến việc đọc sách nhiều ít, biết chữ hay không biết chữ. Đây là thật, không phải giả. Ta học nhiều là tri thức, không phải trí tuệ, trí tuệ không phải học được, trí tuệ từ tâm thanh tịnh sanh ra. Tri thức nhiều đến đâu, công dụng không lớn.

Quý vị xem thế giới ngày nay động loạn như thế, không thể nói Liên Hiệp Quốc không có tâm. Từ niên đại 70 mở đại hội quốc tế, mọi người cùng nhau nghiên cứu thảo luận phương pháp làm sao hóa giải xung đột, làm sao xúc tiến nền hòa bình an định cho xã hội trên toàn thế giới, họ đã làm công việc rất lợi ích. Tôi từng tham dự mười mấy lần hội nghị này, những chuyên gia học giả dự hội hầu như đều là giáo thọ đại học, đều có học vị tiến sĩ. Còn có những nhà lãnh đạo của giới chính trị, từ nguyên thủ đến bộ trưởng, người thuộc giai cấp này rất nhiều, tôi cũng quen biết rất nhiều. Hội nghị mở hơn 30 năm nay, nhưng thế giới này càng mở càng loạn, mỗi năm một loạn hơn, thiên tai cũng năm này nghiêm trọng hơn năm trước. Gần đây phát sinh điều gì? Phát sinh tình trạng, họ mở hội nghị nhưng đều không có niềm tin.

Năm 2003 tôi mới có nhân duyên này, đại diện trường đại học Úc Châu tham dự hội nghị này. Tôi từng tham dự mười mấy lần, hiện nay không thường tham dự nữa, không giải quyết được vấn đề. Mỗi lần tham dự tôi đều làm báo cáo, mà chủ đề phát ngôn tôi thường dùng đạo lý truyền thống văn hóa của tổ tông như: Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, nói cho họ nghe. Họ nghe xong rất hoan hỷ, chưa từng nghe ai nói, rất hy hữu, đặc biệt. Đây là trường đại học Úc châu mời tôi làm đại biểu, tham dự hội nghị này. Nhưng khi họ nghe xong, ra khỏi hội trường. Khi chúng tôi cùng nhau ăn cơm, cùng nhau nói chuyện đã nói đến điều này. Họ nói, thầy ơi, thầy nói rất hay, nhưng đó là lý tưởng không thực hành được. Những lời này đối với tôi giống như tạt một gáo nước lạnh, đây là gì? Là nguy cơ về lòng tin, họ không tin. Muốn làm cho họ tin, chúng tôi nghĩ đến tổ chức một điểm thí nghiệm, làm ra cho họ thấy họ mới tin. Ta không làm, không có ai tin. Từ câu hỏi của những người này, tôi lãnh ngộ được rất nhiều điều. Đặc biệt là người thời nay, bây giờ nói về khoa học, khoa học là gì? Cần chứng cứ, ta không có chứng cứ, làm sao người ta tin được.

Cuối năm 2005, chúng tôi làm một thí nghiệm ở An Huy Lô Giang, làm thành công. Năm 2006, chúng tôi ở Paris, tại Liên Hiệp Quốc, tổng bộ giáo khoa văn tổ chức đã làm một bài báo cáo tường tận. Lúc đó chúng tôi rất nổi tiếng, vì sao vậy? Vì tôi có thể chứng minh cho quý vị thấy. Quý vị đi tham quan, xem thử, thật sự thành công, không phải giả. Vì thế khiến tôi liên tưởng đến, điểm thí nghiệm rất quan trọng, chúng ta đều lơ là.

Ngày xưa, thời đại thượng cổ, Trung quốc chưa thống nhất. Trung quốc thống nhất vào thời Tần Thủy Hoàng, trước Tần Thủy Hoàng mảnh đất này rất nhiều quốc gia. Hạ Thương Chu xung là thiên tử, ngày xưa xung thiên tử là gì? Vị quốc vương của đất nước nhỏ này, có phương pháp trị vì rất hay, trở thành tấm gương, mô phạm của các quốc gia khác, người ta tôn xưng quý vị làm thiên tử, nghĩa là họ tạo nên một tấm gương tốt.

Chúng ta đọc sách cổ: Thang dùng 70 dặm mà làm vua thiên hạ, Chu Văn Vương lấy 100 dặm mà làm vua thiên hạ, làm mô phạm cho người trong thiên hạ. Vua Thang, đất nước của vua Thang lớn chừng nào? Lãnh thổ của ông có 70 dặm, không phải 70 km. Ngày xưa một dặm là một nửa km ngày nay, 70 dặm nếu tính bằng km, không phải là 35 km ư? Diện tích chỉ nhỏ như vậy, 35 km chưa bằng một thị trấn nhỏ, một huyện nhỏ. Nhưng họ có thể tạo nên tám gương sáng, lúc đó nói khiến thiên hạ thiên hạ chính là chỉ cương vực của Trung quốc. Khiến các quốc gia khác đều nhìn thấy, đều học theo, làm gương cho họ noi theo. Đất nước của Chu Văn Vương có 100 dặm, vuông vức 100 dặm, chưa bằng một huyện. 100 dặm tính theo km là 50 km, đâu có lớn bằng một huyện? Nhưng đã làm nên tám gương tốt, khiến người khác nhìn thấy không thể không khâm phục.

Lại nghĩ đến các bậc đế vương của bao triều đại, nơi họ ở là một điểm mô phạm tốt đẹp nhất, gọi là Kinh sư, Kinh sư nghĩa là sao? Kinh là lớn, nghĩa là đô thị lớn. Sư là gì? Là mô phạm, đô thị này là một đô thị điển hình, các quốc gia, các huyện thị học tập theo. Nó là một điển hình, điển hình này rất quan trọng!

Ngày nay thì sao? Ngày nay không có điểm mô phạm này, hiện nay là dân chủ, mọi người đều không nghĩ đến. Dân chủ trúng tuyển, bất quá cũng chỉ bốn năm, thêm nhiệm kỳ nữa là tám năm, thọ mạng đều không dài. Cho nên họ chỉ nghĩ đến lợi ích chính mình, không nghĩ đến lợi ích lâu dài. Thật sự nghĩ đến lợi ích lâu dài, phải làm một điểm mô phạm. Tôi đang nghĩ, tôi cũng nghĩ đến vấn đề này, làm sao để kiến nghị lên Liên Hiệp Quốc, khiến Liên Hiệp Quốc đừng tổ chức ở trên tầng lầu lớn của New York, mà thực hiện ở một thị trấn nhỏ tại nông thôn, thực hành truyền thống văn hóa tại đó. Liên Hiệp Quốc chính là nơi điển hình, đó nghĩa là thiên tử trong thời thượng cổ. Nếu tôi có thể sống thêm vài năm, tôi sẽ đi theo mục tiêu này. Hy vọng xem quốc gia nào có thể quyên một mảnh đất, không cần lớn, 50 dặm là đủ, năm sáu mươi dặm là đủ. Bây giờ gọi là km, phạm vi năm sáu mươi km là đủ, thực hành sự hòa thuận, an định. Trong này không có xung đột, làm ra một tám gương thật tốt đẹp, tạo nên một xã hội mô phạm. Để mọi người siêng năng đến đây học tập, đến tham quan, đến du lịch, đến khảo sát, việc này rất có ý nghĩa.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 171
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyên ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: 21-10-2010
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 197, bắt đầu xem từ hàng thứ tư.

“Ở trên là khen ngợi Phật, dưới là phát nguyện. Tỳ Kheo Pháp Tạng, đối với công đức sau khi khen ngợi Phật. Liên lập tức phát khởi, thệ nguyện rộng lớn, nguyện tự làm Phật, nguyện nhiếp cõi Phật, phổ lợi chúng sanh, chóng thành chánh giác. Phát nguyện rộng lớn, quả rất cần thiết”.

Đoạn này nói rất rõ ràng, “thượng” là kinh văn và chú giải ở trước, là nói đến việc khen ngợi Phật. Trong kiến Phật, văn pháp, lễ tiết, lễ tán là vô cùng quan trọng. Từ xưa đến nay, người thầy thật sự có đức hạnh, thật sự có học vấn, có tu trì đều rất khiêm tốn. Học trò đến thỉnh giáo họ, cổ nhân gọi là: nhân tài thí giáo. Thầy dạy họ điều gì? Phải xem thiện căn phước đức của họ. Thiện căn phước đức sâu dày, thầy thật tâm dạy; thiện căn phước đức mỏng, thầy giáo rất khách sáo với họ, đó cũng là dạy họ. Vì sao không dạy họ? Không phải thầy giáo không dạy, mà do họ không thể tiếp thu. Sao thầy giáo biết họ không thể tiếp thu? Nhìn lễ tán của họ phải chăng xuất phát từ chân tâm. Nếu xuất phát từ chân tâm, người này nhất định là thiện căn phước đức sâu dày, như vậy thì phải dạy, không dạy có lỗi với người ta. Thái độ ngạo mạn, lễ tiết không chu toàn, vừa nhìn đã biết thiện căn rất mỏng manh, dù dạy nhiều họ cũng không thể tiếp thu. Đây là thật, không phải giả, cho nên phải học cung kính.

Xưa nay cổ nhân rất hiểu cách giáo dục, học cung kính bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu học từ khi nào? Bắt đầu học từ lúc mới sinh ra. Cũng nghĩa là nói con người sanh ra, từ ngày sanh ra là phải học. Ai dạy? Cha mẹ dạy, đặc biệt là người mẹ. Con người đến ba tuổi, không thể rời khỏi vòng tay của người mẹ. Lời nói cử chỉ của người mẹ, đứa bé này đều thấy, nghe, tiếp xúc hằng ngày, chúng đang học theo. Cho nên thiện căn, nói thực tế dù thiện căn sau dày đến đâu, nếu không tiếp thu nền giáo dục căn bản, thiện căn sâu dày cũng không hiện thị ra được, học theo những điều hư. Cổ nhân nói: “Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên”. Người thiện căn sâu dày, vẫn có thể thay đổi, nhưng mất rất nhiều thời gian, đích thực cần phải học rất lâu. Thiện căn dần dần mới khôi phục, mới có thể đoạn sạch những tập khí ngạo mạn. Có, không phải không có, nhưng cũng rất khó khăn, nếu học từ nhỏ sẽ dễ hơn. Một người hiểu lễ phép, biết khiêm tốn, biết cách dùng chân thành đối đãi người, cuộc đời của họ là mỹ mãn. Vì sao vậy? Thông thường chúng ta nói, họ được mọi người yêu thích, được người tôn trọng, ai cũng muốn giúp họ. Đây cũng là ngày nay chúng ta nói, ưu điểm của truyền thống văn hóa. Quý vị xem Đệ Tử Quy dạy chúng ta, nên phụng dưỡng, tận hiếu cha mẹ như thế. Học xong, không phải cha mẹ, người này tuổi tác khoảng bằng cha mẹ, dùng thái độ phụng dưỡng cha mẹ để đối đãi với tôn trưởng. Vị tôn trưởng nào không hoan hỷ? Vị tôn trưởng nào không giúp họ? Không có. Ngạn ngữ có câu: nhiều lễ nghĩa người không trách, đạo lý là như thế. Quý vị xem trong Đệ Tử Quy, bao nhiêu ngôn ngữ nói về lễ tiết. Tôi đã xem từ đầu đến cuối, ít nhất là 1/3 nói về lễ, cách xử sự đối nhân tiếp vật. Đây là tâm thái,

lễ tiết vô cùng quan trọng, nếu không học ở trong xã hội này rất thiệt thòi. Người khác tôn trọng quý vị đó là giả, không phải thật, không được người khác giúp đỡ.

Cho nên tán thán Phật cũng là dạy học, quý vị xem tỳ kheo Pháp Tạng gặp Thế Gian Tự Tại Vương, từng ly từng tí đều đáng để chúng ta học tập, đây gọi là học Phật chơn chánh. Sau khi khen ngợi, muốn thỉnh giáo Phật, thỉnh giáo vấn đề này là đại sự, không phải việc nhỏ, như vậy cần phải phát nguyện. Nếu không phát nguyện là không đầy đủ điều kiện này.

Quý vị xem ở sau: “Nguyện tự làm Phật, nguyện nhiếp cõi Phật, phổ lợi chúng sanh, chóng thành chánh giác”. Đây là việc lớn, hy vọng bản thân sớm ngày thành Phật, vì sao vậy? Vì độ chúng sanh. Thành Phật không vì bản thân, là vì phổ lợi chúng sanh mà thành Phật. Giúp tất cả chúng sanh nhất định phải có môi trường, không có hoàn cảnh học tập tốt, như vậy rất khó khăn. Cho nên “nguyện nhiếp cõi Phật”, đây là mong cầu có một hoàn cảnh tốt, hoàn cảnh tốt không phải chính mình tu. Chính mình tu hành không dùng đến, thuận cảnh nghịch cảnh đều là hoàn cảnh tốt. Nhưng nếu dạy học, nhất định phải có trường học, trường học này chính là hoàn cảnh tốt. Thế giới tây phương Cực Lạc, thực tế chính là một trường học. Chúng ta đã học nhiều năm như vậy, cũng xem rất nhiều kinh điển, không thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói thế giới Cực Lạc có quốc vương, không thấy, không nghe nói thế giới Cực Lạc có hoàng đế. Không như giới thiệu Trời dục giới, Trời sắc giới đều có thiên vương. Thế giới Cực Lạc không có, hoàn toàn không nói đến. Chỉ nói Đức Phật Di Đà dạy học ở đó, Bồ Tát ở đó tiếp thu giáo dục. Chúng ta từ những điểm này quan sát tường tận, thế giới Cực Lạc là một trường học, người ở đó rất đơn thuần. Chỉ có hai hạng người, một là thầy giáo, hai là học trò. Nói cách khác, đến thế giới tây phương Cực Lạc là để tiếp thu giáo huấn, đi huấn luyện, tốt nghiệp là thành Phật. Sau khi thành Phật, quý vị đến nơi có nhân duyên để giáo hóa chúng sanh, trong kinh điển thường nói: “Phật không độ chúng sanh không có nhân duyên”. Thế giới nào có duyên với mình thì đến đó, đi dạy học, không làm việc gì khác. Do đó chúng ta hiểu một cách triệt để rằng, Phật pháp là gì? Là sư đạo. Thầy giáo, sư đạo, làm công việc gì? Dạy học.

Quý vị xem, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta thấy, ngài xuất thân là vương tử, nếu không xuất gia ngài sẽ làm quốc vương. Làm quốc vương cũng không tệ, có thể giáo hóa người trong một nước. Nhưng chư vị cần phải biết, thời đại của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và cuối thời nhà Chu Trung quốc, ngài khoảng cùng thời đại với Khổng tử, sớm hơn Khổng tử một chút. Lịch sử Trung quốc ghi chép, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời vào năm thứ 24 Chu Chiêu Vương, ghi chép rất rõ ràng. Nhập diệt, tức ngài quan đời vào thời Chu Mục Vương. Nếu tính từ niên đại này_đây là lịch sử Trung quốc ghi chép, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến nay là 3037 năm, tính theo người nước ngoài là hơn 2500 năm, khách biệt 600 năm. Điều này chúng ta không cần khảo chứng, không cần thiết, trong Phật pháp không coi trọng điều này, coi trọng thiên định, coi trọng khai ngộ. Quý vị thấy trong kinh này dạy chúng ta, điều này rất quan trọng, mục tiêu học tập của chúng ta là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Thanh tịnh bình đẳng giác đều là định, định sanh tuệ. Nếu chúng ta cứ để ý đến những niên đại này, muốn khảo sát điều này, quý vị đánh mất ý nghĩa của định, nó không liên quan. Nhập định mới hiểu được chân tướng sự thật, vì sao vậy? Cảnh giới trong thiên định, thời gian và không gian đều đột phá. Thời gian và không gian không phải thật, từ đâu mà có? Từ vọng tưởng phân biệt chấp trước sinh ra, buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, thời gian và không gian đều không còn. Các nhà khoa học nói, tầng không gian hoàn toàn đột phá. Bởi vậy Đức Phật tuyệt đối không chủ trương để chúng ta dùng tâm ý thức. Ý

tức là phân biệt, Mặt na chính là chấp trước, A lại da khởi tâm động niệm. Không thể dùng tâm ý thức, dùng tâm ý thức vĩnh viễn không giải quyết được vấn đề. Dùng tâm ý thức những gì ta học được là tri thức, không phải thiên định, không phải trí tuệ. Những vấn đề này chúng ta phải thường xuyên phản tỉnh, quan sát chính mình. Bản thân trong cuộc sống hằng ngày có định ý chẳng, nghĩa là có ý của định chẳng, tâm thanh tịnh, ít tạp niệm.

Cổ nhân có câu nói rằng, những gì ngạn ngữ nói rất có đạo lý: “Tri sự thiếu thời phiền não thiếu, thức nhân đa xứ thị phi đa”. Quý vị quen biết nhiều người thị phi sẽ rất nhiều, quý vị biết ít việc phiền não sẽ ít, vậy hà tất biết nhiều chuyện như vậy làm gì? Không cần thiết tốt nhất đừng nên biết, vì sao vậy? Quý vị lo lắng, như vậy tâm quý vị lo lắng một cách oan uổng, cho nên một ngày từ sáng đến tối tâm luôn trôi nổi, như vậy sao được! Trong Phật giáo gọi là công phu, như thế nào gọi là công phu? Tâm thanh tịnh là công phu, ít phiền não là công phu. Phải từ ít phiền não, mới có thể dần dần được tâm thanh tịnh. Từ tâm thanh tịnh rồi tiếp tục nâng cao, chính là tâm bình đẳng, không còn phân biệt. Sau đó mới có thể giác ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, như vậy là công đức viên mãn.

Cho nên tất cả công phu hoàn toàn ở chỗ buông bỏ, vì sao không chịu buông bỏ? Nguyên nhân gì? Đức Phật nói rất rõ ràng, do phiền não, tập khí. Vì có phiền não, vì có tập khí, cho nên ta không buông bỏ được. Phát đại nguyện, tập khí phiền não phải khống chế, đại nguyện liền khởi tác dụng. Nếu không khống chế được, nguyện này coi như không, nguyện không thể thực hiện.

Bởi vậy hai câu này, người tu hành chơn chánh nhất định phải nhớ, việc gì không quan trọng thì đừng để ý đến. Đặc biệt là một người phát tâm niệm Phật, muốn cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc, như vậy phải buông bỏ triệt để. Đừng tính toán điều gì cả, học cách tùy duyên, tùy duyên nghĩa là mọi thứ đều tốt, đối với bản thân như vậy rất tốt!

Cho nên tiếp theo ngài phát nguyện, cũng là đưa ra báo cáo với thầy: “Nguyện tự làm Phật”. Nếu muốn lợi ích chúng sanh, quý vị không thành Phật không độ chúng sanh được. Muốn lợi ích chúng sanh, trước tiên bản thân phải thành tựu, chính mình chưa thành tựu làm sao có thể lợi ích chúng sanh? Thầy muốn dạy đệ tử, tự mình chưa dạy tốt chính mình, họ không thể dạy đệ tử.

Trường học hiện nay, mọi người đều biết, những gì truyền dạy là tri thức. Điều này chẳng nghĩa lý gì, học sinh đến trường là học kỹ thuật, học tri thức. Không như trước, khoảng đầu năm dân quốc, mãi đến thời kỳ kháng chiến, chúng tôi đi học ở trường, rất coi trọng nền giáo dục đạo đức luân lý. Nếu thầy giáo không thực hành, làm sao học sinh chúng tôi phục họ? Thầy giáo thực hành rất nghiêm túc, học sinh chúng tôi không thể không nghe lời. Lúc đó, thầy cô giáo ở niên đại đó rất thông hiểu truyền thống văn hóa, họ đều thực hành theo, đối với chúng tôi ảnh hưởng rất sâu sắc, hoàn toàn khác với bây giờ. Cổ nhân nói: “thầy trò như cha con”, không sai chút nào. Chúng tôi cảm ân đối với thầy, nói thật còn hơn cha mẹ, vì sao vậy? Vì họ rất quan tâm, rất yêu thương chúng tôi, hoàn toàn khác với hiện nay.

Hiện nay giáo dục truyền thống xưa, ít nhất bỏ qua bốn đời trở lên, thanh niên bây giờ không hiểu. Quý vị hỏi cha mẹ họ cũng không hiểu, hỏi ông bà họ cũng không hiểu, hỏi ông bà cô của họ có thể còn chút ấn tượng. Ông bà cố, tức tuổi tác khoảng như tôi, có chút ấn tượng. Còn như ông bà cao tổ trong xã hội ngày nay, nếu hơn 90 tuổi, 100 tuổi họ rất rõ ràng, vì sao vậy? Vì khoảng trước 20 tuổi họ nhìn thấy, tuổi như chúng tôi là thấy trước mười tuổi, mười tuổi về sau dần dần không còn nữa. Vấn đề là người ngày xưa họ thực hành những gì học được, hiện nay dạy học rất khó!

Chúng tôi làm thí nghiệm ở trần Thang Trì, nghĩ đến ngày xưa ông Đào Hành Trì từng làm, ông Lương Thục Minh từng làm, nhưng đều thất bại. Họ làm thí nghiệm nơi một thôn trang nhỏ, làm không thành công. Chúng tôi muốn làm, vì thấy tiền nhân hai người này trong giới học thuật đều là nhân vật nổi tiếng. Chúng tôi suy nghĩ nguyên nhân vì sao họ thất bại, mượn nó làm tấm gương cho chúng tôi. Điều đầu tiên chúng tôi nghĩ đến, họ làm nhất định có đối tượng, lấy thanh niên làm đối tượng, người lớn tuổi họ không thực hành. Như vậy lớp trẻ, quý vị dạy lớp trẻ thực hành họ không phục. Ở trường quý vị dạy học sinh làm, nhưng thầy giáo không làm được, học sinh không phục. Chúng tôi nghĩ đến vấn đề này, do đó khi triệu tập nhóm thầy cô giáo này, yêu cầu điều gì? Yêu cầu bản thân mỗi thầy cô giáo phải thực hành. Như dạy Đệ Tử Quy, bản thân không thực hành làm sao dạy được. Mà còn nghĩ đến, chúng ta không thể có đối tượng đặc biệt, vì sao vậy? Vì truyền thống văn hóa đánh mất quá lâu. Quý vị không cách nào hình thành một nếp sống, cho nên đã đề xướng giáo dục toàn dân. Bốn vạn tám ngàn cư dân ở tiểu trấn này, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề đều cùng nhau học tập. Chúng tôi làm như vậy, và đã thành công, nếu không làm như vậy không thể thành công. Trước tiên thầy giáo phải học thật tốt Đệ Tử Quy, tôi yêu cầu là làm tốt 100%, không thực hành 100% thì 80% cũng không vấn đề gì, làm rất tốt. Khi làm được, bài học đầu tiên dạy như thế nào? Bài học đầu tiên là để thầy cô giáo đi vào từng nhà ở nông thôn, biểu diễn, không phải nói bằng miệng, là biểu diễn. Vào nhà nông dân, thấy người già xem giống như cha mẹ mình, bản thân là con cái của họ. Xong công việc trở về nhà, hiểu thuận cha mẹ như thế nào, ở đây cũng thể hiện như thế.

Người già ở đây thấy những thầy cô giáo này phục vụ họ như thế, ở trong nhà họ phục vụ, đều rất cảm động, những thầy cô giáo này còn hiểu thảo hơn con cháu họ. Người trẻ tuổi trong gia đình họ nhìn thấy, cảm thấy những gì các thầy cô giáo này làm, khiến họ thấy hổ thẹn, đối với cha mẹ chưa tròn hiếu đạo, họ đều cảm động. Cách một tuần sau, chúng tôi thông báo khắp các hương thân phụ lão, trung tâm chúng tôi có mở lớp học, mọi người cùng nhau đến học tập, thế là mọi người cùng đến. Đi vào từng nhà ở nông thôn chính là quảng cáo chiêu sinh, được chăng? Mọi người đều cảm thấy rất hay, vậy thì chúng ta cùng đến học tập. Thời gian ngắn đã làm thành công.

Điều này học từ đâu? Học từ trong kinh Phật. Phật muốn độ chúng sanh, mình phải thực hành trước. Quý vị khuyên người trì giới, nếu quý vị không giữ giới, như vậy làm sao dạy người trì giới. Quý vị dạy người khác tu định, nhưng tâm mình lại trôi nổi, sao người ta có thể học theo quý vị? Mọi sự vật đều phải tự mình thực hiện cho người khác thấy, làm gương! Ngày nay, xã hội trên toàn thế giới ngày nay đều động loạn, làm sao cứu vãn? Phải dựa vào lớp trẻ quý vị phát tâm bồ đề, như tỳ kheo Pháp Tạng vậy, phát chân tâm. Hy sinh phụng hiến, quên mình vì người, vô lượng vô biên công đức đang đợi quý vị, chỉ cần quý vị phát tâm là có thể thành tựu.

Cho nên “nguyện tự làm Phật, nguyện nhiếp cõi Phật”, câu này rất quan trọng. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không biểu diễn điều này, suốt đời không thành lập đạo tràng, sống đời lưu lạc, ở không cố định. Hôm nay ở đây, ngày mai không biết ở đâu, sống đời du mục. Quý vị xem, tối đến họ ngủ dưới gốc cây, ban ngày chỉ ăn một bữa. Ngày ngày đi khát thực, khát một bát cơm, một ngày chỉ ăn một bữa. Tối đến ngồi thiền bất kỳ ở gốc cây nào, là qua hết một đêm.

Trong Giới Kinh nói rất rõ ràng, cõi cây này chỉ được nghỉ một đêm, ngày mai nhất định phải đi nơi khác. Vì sao vậy? Đề phòng những thị phi làm lỗi, sợ quý vị tham tâm: cây này

bóng rất im, ở đây không tẻ, ngày mai đến đây ở nữa, như vậy là khởi tâm tham. Đức Phật nghĩ rất chu đáo, suốt 49 năm như một ngày, không đơn giản! Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Phật nhập niết bàn là ở trong rừng cây, không ở trong phòng. Đây là thể hiện cho chúng ta thấy, làm tấm gương tốt cho hậu nhân, ngài xả bỏ triệt để.

Phật giáo truyền đến Trung quốc, ở đây không thể sống cuộc sống như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Vì sao vậy? Vì vĩ độ khác nhau. Khu vực hoạt động đương thời của Đức Thế Tôn thuộc vùng nhiệt đới, ba y một bát là đủ. Trung quốc thuộc vùng ôn đới, có bốn mùa xuân hạ thu đông, mùa đông rất lạnh. Mùa hè thì có thể, nhưng mùa đông thì sao? Cho nên sau khi truyền đến Trung quốc, đây là điều đáng nể của Phật giáo. Họ hoàn toàn không chấp trước, đúng là tùy duyên. Đến Trung quốc, tất cả đều tùy thuận phong tục tập quán ở đây, họ không hề thấy có chướng ngại. Đến Trung quốc mặc áo quần người Trung quốc. Quý vị thấy chúng ta mang áo tràng khi lên chánh điện, đây là áo tràng, áo dài tay rộng, đây là y phục thời nào? Thời nhà Hán. Khi Phật giáo mới truyền đến Trung quốc, lúc đó người ở đây mặc áo quần như thế, đây là lễ phục. Người ở nhà trên y phục có thêu hoa văn, ở tay, ở cổ đều thêu hoa văn. Hoa văn này tượng trưng thân phận khác nhau giữa sĩ nông công thương, tiện đối với hành lễ. Hoa văn này cũng có giai cấp, cho nên gọi là chương phục.

Người xuất gia, người xuất gia là tổ phục, nghĩa là hoàn toàn không có hoa văn. Bây giờ chúng ta bình thường mặc áo dài, ống tay ngắn, thực tế hiện nay ống tay chúng ta mặc chỉ ngắn chừng này. Đáng lẽ như thế nào? Đáng lẽ ống tay rộng như vậy. Đây là ngày xưa vào thời nhà Minh, đại khái bằng một nửa của áo tràng vậy. Trang phục người xuất gia mặc là trang phục thời nhà Minh. Trước thời nhà Thanh là nhà Minh, sau khi Mãn Thanh nhập quan thống trị Trung quốc, khi Hồng Thừa Trù đầu hàng, trong hiệp ước ký với chính phủ nhà Thanh có năm điều không hàng, chính phủ nhà Thanh đồng ý. Trong năm điều này có một điều: Người xuất gia không đầu hàng. Vì thế người xuất gia mặc phục trang thời nhà Minh, không mặc trang phục thời nhà Thanh. Trong đó nói nam hàng nữ không hàng, nam giới đầu hàng, nữ giới không đầu hàng. Quý vị xem, thời nhà Thanh kết hôn, nam giới mặc áo dài có khoác bên ngoài, đó là trang phục của Mãn Thanh. Tân nương mũ phụng khăn trùm đầu là trang phục thời nhà Minh, đây chính là nam hàng nữ không hàng. Sống hàng chết không hàng, khi sống đầu hàng, nhưng khi chết nhập liệm không hàng, nhập liệm mặc áo liệm của nhà Minh. Lúc ký thư hàng có những điều này, cho nên người xuất gia không đầu hàng. Chúng tôi Phật giáo rất tùy duyên, đến Trung quốc, hoàn toàn tiếp thu văn hóa bản địa và phương thức sinh hoạt ở đây. Người xưa không tán thành chuyện đi khát thực, khát thực là đi xin cơm. Đặc biệt những người xuất gia này, mời từ Ấn độ đến, là thầy của Vua, đều phong làm quốc sư. Đâu có chuyện học trò làm quốc vương, lại để thầy mình đi khát thực? Vậy đâu được, đó là đại bất hiếu. Cho nên ở tự viện nhất định phải nhận sự cúng dường của cung đình, họ đều tiếp nhận. Đây là nói Phật giáo quả thật, giống như trước đây đại sư Chương Gia nói: Phật pháp trọng thực chất không trọng hình thức. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Hình như lúc đó tôi mới xuất gia, thời đó trong nhà Phật có một số người, đề xướng phế bỏ trang phục này của chúng ta, mặc y phục như người bây giờ. Có người đề xuất như thế, nói cũng rất có lý. Nhưng có một bộ phận phản đối, nói giữ lại nét xưa hay hơn, vì sao vậy? Vì mặc y phục của người xuất gia, có một vài nơi không tiện vào tham dự, đây là điều tốt. Nếu sau khi thay đổi trang phục, ta có thể thường đến tửu lầu, kỹ viện, không ai nhận ra. Vì phòng phạm những điều này, nên tiếp tục dùng trang phục thời nhà Minh, làm đồng phục cho người

xuất gia. Những tư tưởng này đều hay, đều chính xác, duy trì nét đẹp truyền thống của Phật giáo, duy trì đạo phong cho Phật giáo, điều này rất cần thiết.

Ngày xưa dạy học, có địa điểm, có nơi cố định. Ngày xưa tự viện am đường, khi Phật giáo vừa mới truyền đến, những đạo tràng này do quốc gia thành lập. Về sau do trường giả cư sĩ, các nhà hào môn quý tộc cúng dường. Hiến bất động sản của mình cho cơ sở Phật giáo, thậm chí nhà ở cũng hiến làm đạo tràng, việc này các triều đại đều có. Tự mình không đi khuyên để thành lập đạo tràng, điều này đến thời cận đại mới có, cận đại mới có, trước đó không có việc này. Kinh tế của đạo tràng cũng là quốc gia chiếu cố.

Cho nên tự viện ngày xưa có tài sản, có ruộng đất, đều là các nhà đại phú trưởng giả quyên góp. Có núi rừng, như vậy là có sinh kế, cho nông phu thuê, nông phu thu hoạch xong giao một phần cho tự viện. Tự viện có thu nhập cố định, không cần dựa vào tín đồ, kinh tế tự viện có thu nhập cố định. Cho nên họ học tập rất bình thường.

Bây giờ xã hội đã thay đổi, những phương thức này cũng thay đổi. Bây giờ hướng đến công thương nghiệp, tự viện có thể kinh doanh thương nghiệp chăng? Có thể. Nếu kinh doanh giống như mở quán chay, như nhà khách, nhà khách túc giống như khách sạn vậy. Tiện cho người phương xa đến tham học, đến học tập đặc biệt là Phật tử. Để trong quá trình họ đến tham học, chúng ta đều có thể tiếp đãi. Những lúc này cũng có thể châm chước thu một ít phí dụng, rẻ hơn các khách sạn khác. Ăn uống trong này đều thức ăn chay, kinh doanh thuộc loại này. Cũng giống như nơi lưu thông văn vật, nơi lưu thông kinh sách đều có thể làm, khiến tự viện có kinh tế thu nhập. Cũng có cư sĩ thật sự phát tâm, nếu có thể có những người có thu nhập, họ cúng dường về phương diện này, lợi nhuận họ đạt được trong thương nghiệp, đem đến cúng dường làm thu nhập cho thường trú. Đây là một ý tưởng rất hay, có thể kinh doanh một vài sự nghiệp. Những công việc này đừng để người xuất gia đứng ra kinh doanh, để Phật tử tại gia kinh doanh. Giống như ngày xưa điền viên, sơn địa vậy, đều giao cho nông dân trồng trọt, cho thuê là được.

Vì thế đạo tràng tu hành rất quan trọng, quan trọng nhất là đào tạo học trò, phải có người kế thừa. Cổ nhân nói: “bất hiếu có ba, vô hậu lớn nhất”, một đời của mình dù làm tốt đẹp đến mấy, huy hoàng đến đâu, nếu không có người kế thừa thì công lao sự nghiệp của quý vị chỉ là con số không, vì sao vậy? Vì quý vị chết là kết thúc. Thật đúng như cổ nhân nói: “Người còn thì chủ trương chính trị của họ càng quán triệt, người mất thì chính trị của họ cũng dừng theo”, nhất định phải có truyền nhân. Thật sự có thể khiến Phật pháp, Phật đạo truyền thừa, phát triển rộng rãi từ đời này qua đời khác, như vậy là đúng. Cho nên trong Phật giáo có thể làm những sự nghiệp kinh doanh lợi ích này. Đặc biệt giống như hiện nay thành lập trường học, viện dưỡng lão, viện người già. Người xuất gia không tham dự, người xuất gia là chủ làm tổng giám đốc, còn giám đốc có thể mời cư sĩ tại gia làm, mời họ làm. Những việc này đều có thể giúp một số đạo tràng có thu nhập cố định, không cần ngày ngày nhìn sắc mặt người khác để khuyên tiên, đây là việc ngày xưa tuyệt đối không cho phép. Khi đã bước vào con đường danh lợi, đạo tâm sẽ mất đi, đạo tâm còn đâu!

Ở đây, Phật A Di Đà kiến lập đạo tràng, giúp mọi người có hoàn cảnh tu học tốt, cho nên họ thành tựu rất nhanh chóng. “Nguyện tự làm Phật”, đây là tự mình muốn làm. Ba câu bên dưới đều là lợi ích chúng sanh. “Nguyện nhiếp cõi Phật, phổ lợi chúng sanh, chóng thành chánh giác”. Khiến người cầu học khắp mười phương thế giới đến thế giới Cực Lạc, đều nhanh chóng thành Phật. Những nguyện này ngài đều đã thực hiện, rất đáng nể!

Cho nên “phát nguyện rộng lớn là điều quan trọng nhất”, vô cùng quan trọng. Trong Phật pháp chúng ta tin rằng, có rất nhiều người nghe được câu này, Phật giáo nói: “đệ tử nhà Phật có cầu tất ứng”.

Khi tôi mới học Phật, thầy giáo cũng dạy tôi như vậy, vì sao vậy? Vì khi tôi còn trẻ, cuộc sống rất khó khăn, không dám nghĩ đến chuyện ngày mai, sống ngày nào hay ngày đó. Không nghĩ đến ngày mai tâm sẽ định, cũng không sao. Nếu nghĩ đến ngày mai, nghĩ đến sang năm, liền sinh lo lắng, quả thật rất phiền phức. Thầy dạy tôi: “đệ tử Phật môn, có cầu tất ứng”. Chúng tôi cầu điều gì? Chỉ cần đủ ấm no, không có kỳ vọng gì hơn. Có thể ăn no mặc ấm là đủ, có thêm một ngôi nhà nhỏ để che mưa che gió là đủ, là mãn nguyện rồi.

Thầy nói trong nhà Phật cầu làm Phật còn được, những việc của thế gian chỉ là điều nhỏ nhặt. Việc nhỏ, có gì mà cầu không được? Thầy còn dạy chúng tôi cầu của cải như thế nào, nói với chúng tôi, số mạng mỗi người tiền tài từ đâu đến. Đời này quý vị có thể sở hữu bao nhiêu tài sản, bất luận quý vị dùng thủ đoạn gì đạt được, đều là số mạng quý vị vốn có. Số mạng quý vị không có nhiều của cải như thế, khi của cải đến thì tai họa cũng đến theo. Quý vị phát tài lớn, lại không bệnh tật, người nhà đều rất tốt, chứng tỏ số mạng quý vị có. Nếu số mạng không có, quý vị đạt được tiền tài thì tai họa lập tức ập đến, không phải bệnh tật cũng có tai họa. Bị người trộm, bị người cướp đoạt, thậm chí còn mất mạng, đó là số mạng quý vị không có. Nếu dùng mưu kế, những phương pháp bất chánh đạt được, của cải trong số mạng của quý vị đã giảm sút, nhưng bản thân ta không hay biết. Ví dụ được 1 tỷ đồng, tôi đưa ra ví dụ này, trong số mạng quý vị có. Dùng thủ đoạn bất chính có được chừng đó, nếu dùng thủ đoạn chính đáng, không chỉ bao nhiêu đó! Số mạng ta có ít nhất là 2 tỷ đồng, quý vị đã bị tổn giảm một nửa, vậy mà bản thân tưởng là rất nhiều, thật ra là bị mất hết một nửa rồi.

Số mạng không có, như tôi là số mạng không có, kho của trống trơn, không có. Vậy phải làm sao? Không có thì phải tu. Cho nên của cải trong số mạng là tu được trong đời quá khứ. Nếu một người có tài sản trên 10 tỷ, ít nhất tu năm đời, không phải một đời, một đời tích lũy không nhiều đến thế, ít nhất phải năm đời. Có rất nhiều người đại phú đại quý, tích lũy phải mười đời. Trong lịch sử Trung quốc ta có thể thấy được điều này. Quốc sư Ngô Đạt là một người xuất gia, có thể được hoàng đế phong làm quốc sư, mười đời. Tôn giả Ca Nặc Ca nói với ngài, mười đời làm cao tăng, có thể nói ngài từ đời này qua đời khác, mỗi đời đều xuất gia, đều tu hành. Mười đời làm cao tăng mới đạt đến vị trí này, không phải ngẫu nhiên. Tiền của cũng như thế, đời đời kiếp kiếp tu tài bố thí, mới có được phước báo lớn lao đó.

Chúng ta hiện nay trong tài khó không có của thì sao? Bây giờ tu vẫn còn kịp, thầy giáo dạy tôi tu. Vì lúc đó quả thật rất khó khăn, cuộc sống vật chất của tôi rất thiếu thốn. Tôi nói với thầy, thu nhập mỗi tháng của tôi chỉ đủ sống, đâu có tiền để bố thí? Thầy hỏi tôi một hào có chãng? Được, một hào được, không sao. Một đồng được chãng? Một đồng còn được. Vậy anh bắt đầu từ một hào, một đồng này mà bố thí. Tôi nghe lời làm theo, một đồng một hào này làm sao bố thí? Vì lúc đó tôi thường đến chùa, nguyên nhân là đến chùa mượn kinh sách, những ngày nghỉ hầu như đều đến chùa chép kinh. Trong chùa có in kinh, cầm một trang giấy đến nói: in kinh mọi người góp tiền vào, nhiều hay ít tùy tâm. Tôi cũng dùng một đồng, năm hào, đây là in kinh.

Ngoài ra còn có phóng sanh, cũng cầm trang giấy đến, mọi người cùng đóng góp tiền phóng sanh. Nộp tiền phóng sanh cũng tùy tâm, một hai hào đều được. Tôi bắt đầu tu phương pháp bố thí từ đây, quả thật càng thí càng nhiều, không thể nghĩ bàn! Càng nhiều càng thí, của cải không nên tích trữ. Bởi vậy người xưa nói rất hay, của cải gọi là hàng lưu thông,

giống như dòng nước vậy, bên kia chảy ra, bên này chảy vào. Nếu là nước đọng, không thể chảy ra được, bên này cũng không vào được. Nước đó sẽ hư, phát mùi hôi. Vì thế của cải nhất định phải thông, nghĩa là nói thu nhập nhiều phải bố thí nhiều, thu nhập ít thì bố thí ít, có là đem ra bố thí, của cải đó dùng mãi không hết. Quý vị nên biết, biết bao nhiêu người nhận được ân huệ, công đức ta tích lũy được rất lớn lao. Không những ta có của cải, mà còn có đức hạnh. Bố thí pháp thông minh trí tuệ, bố thí vô úy mạnh khỏe sống lâu.

Thầy dạy cho tôi ba phương pháp này, tôi đã thực hành ba phương pháp này suốt 60 năm. Bây giờ tôi khẳng định khuyên mọi người, tôi đã làm ra thành tích, đây là thật không phải giả. Như thế nào? Càng thí càng nhiều, của cải dùng không thiếu, phải thực hành! Bố thí pháp, dạy học thuộc về bố thí pháp, tăng trưởng thông minh trí tuệ. Bố thí vô úy là giúp những người khổ nạn, ví dụ gặp thiên tai cứu nạn thuộc về bố thí vô úy. Người khác có bệnh khổ, không có tiền trị bệnh, quý vị giúp đỡ họ, đây thuộc về bố thí vô úy. Ăn chay là bố thí vô úy, không kết thù oán với chúng sanh. Ngày xưa ăn thịt chúng là không biết, chưa học Phật nên không biết. Sau khi học Phật hiểu được, không nên kết oán thù với chúng sanh. Cho nên tôi học Phật khoảng nửa năm là bắt đầu ăn chay, tôi biết rằng không nên kết oán thù với chúng sanh. Tôi ăn chay đến nay là 59 năm, quý vị nói ăn chay không mạnh khỏe, tôi thấy thân thể tôi rất tốt. Bố thí vô úy quả báo là mạnh khỏe sống lâu, tôi đã đạt được.

Lúc còn trẻ rất nhiều người xem tướng tôi, đều nói tôi sống không quá 45 tuổi, tôi tin. Nguyên nhân tôi tin vì tướng bối trong nhà tôi, đều sống không quá 45 tuổi. Ông nội tôi 45 tuổi ra đi, bác tôi cũng 45 tuổi ra đi, ba tôi cũng 45 tuổi đi, cho nên họ nói tôi sống không quá 45 tuổi tôi tin. Tôi đến sang năm là 85 tuổi, tôi không cầu thọ mạng, không cầu trường thọ. Sống trên đời này không vì bản thân, là vì chánh pháp cứu rỗi, vì hoằng pháp lợi sanh. Không vì chính mình, nên được đại tự tại. Không có gì cả, nhưng cũng không thiếu gì cả, quý vị xem tự tại biết bao, không lo lắng gì.

Trước đây thầy Phương nói với tôi: “học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người”. Tôi luôn hoài niệm về thầy, người chỉ cho tôi con đường này. Trong thời đại lớn này, con người một đời có thể sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn, ngày ngày an lạc, ngày ngày pháp hỷ sung mãn, không dễ! Thầy chỉ con đường này rất chính xác, vĩnh viễn cảm kích thầy. Cho nên phát nguyện rất quan trọng. Trong đời này, trong đời này, tôi có phương hướng, có mục tiêu, vĩnh hằng bất biến, điều này an lạc vô cùng.

Khoảng hai mươi mấy năm trước, tôi thường nói: chúng ta sống trong xã hội này, mỗi người đều có hành nghiệp của riêng mình, làm tốt bổn phận của mình, hợp tác với các hạnh nghiệp khác nhau, xã hội này tốt đẹp biết bao. Đừng can dự đến người khác, đừng hỏi han người khác, làm tốt việc của mình. Ngày nay chúng tôi đi theo con đường này, nghề nghiệp chính là dạy học, giáo dục Phật giáo. Đây là thầy Phương Đông Mỹ truyền cho tôi, giáo dục Phật giáo. Bản thân học tốt, dạy tốt môn học này, như vậy là chúng ta đã làm tròn trách nhiệm. Không phải công việc của mình đừng hỏi han, tâm ta mới thanh tịnh. Nếu như muốn học mọi thứ, mọi thứ đều thông thái, tâm sẽ không thanh tịnh. Những gì ta học được là tri thức, không phải trí tuệ. Tôi chỉ chuyên vào công việc của mình: nhất môn thâm nhập trường thời huân tu. Trong này có tam muội, có trí tuệ, không giống nhau.

“Như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói”, đây là một đoạn kinh văn trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện: “Công đức Như Lai, giả sử mười phương, tất cả Chư Phật, trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, cực vi trần số kiếp”. Thời gian này chúng ta không thể nói được, Đức Phật có trí tuệ, ngài có thể nói như vậy, điều này không thể tính kể được. “Tương

tục diễn thuyết, không thể cùng tận”. Đoạn này là gì? Là nói công đức của Như Lai, dùng ví dụ để nói tất cả chư Phật khắp mười phương, trải qua thời gian bao lâu? Thời gian này không sao tính kể được, nói không cùng.

“Nếu muốn thành tựu, môn công đức này, nên tu mười loại, hạnh nguyện rộng lớn”. Mười loại hạnh nguyện rộng lớn này, thù thắng nhất trong Phật môn, Bồ Tát muốn thành Phật cần phải tu thập đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền. Chúng ta có thể tu chăng? Chúng ta không tu được, một loại cũng không tu được, vì sao vậy? Nó khác với cương lĩnh tu hành của các Bồ Tát. Tâm lượng của Bồ Tát Phổ Hiền rộng lớn, không có chính mình. Chỉ cần ta có chính mình, những gì ta tu, nghĩa là tu mười điều này đều rất nhỏ bé. Vì sao vậy? Vì chúng ta không đột phá được giới hạn của cái “tôi”. Bồ Tát Phổ Hiền vô ngã, mỗi niệm là biến pháp giới hư không giới, cho nên Bồ Tát mới có thể học. Thanh văn, Duyên giác, Quyền giáo Bồ Tát đều không thể.

Chúng ta nói nguyện thứ nhất là lễ kính, tâm kiên thành cung kính, đối với ai? Thứ nhất là đối với cha mẹ, thứ hai là đối với thầy. Phải đối đãi bình đẳng, đối đãi tất cả chúng sanh. Trong tất cả chúng sanh, bao hàm đường súc sanh, đường ngựa quý, đường địa ngục. Trong lục đạo, trên có 28 tầng trời, đây toàn là chúng sanh. Ngoài điều này ra, còn bao gồm cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa. Đó cũng là chúng sanh, vô tình chúng sanh. Vì sao? Đều là chúng duyên hòa hợp mà sanh ra.

Chúng ta đưa ra ví dụ, nói về lục đạo này. Trong tất cả cõi nước của Chư Phật đều có lục đạo, đều có mười pháp giới. Biến pháp giới hư không giới, có vô lượng vô biên vô số vô tận thế giới. Quý vị đọc Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thế Giới Hoa Tạng, phẩm Thế Giới Thành Tựu sẽ biết, một lay này của Bồ Tát Phổ Hiền là lay tất cả, biến pháp giới hư không giới không sót một pháp nào. Chúng ta làm được chăng? Người giúp đỡ chúng ta, có ân với chúng ta thì được, người hãm hại chúng ta quý vị làm được chăng? Mười nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền không nói, ngoại trừ oán thân trai chủ của mình ra, không nói như vậy. Bình đẳng lễ kính, ai có thể làm được? Pháp thân Bồ Tát làm được.

Nhưng chư vị nên biết, phẩm thứ hai ở trước chúng ta đã học- “Đức Tuân Phổ Hiền”. Thế giới tây phương Cực Lạc, tất cả chúng sanh chỉ cần sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, ở thế giới Cực Lạc tu gì? Đều tu hạnh Phổ Hiền. Quý vị xem tựa đề phẩm thứ hai: “Đức tuân Phổ Hiền”. Câu kinh văn đầu tiên nói: “Cùng tuân thủ tu theo đức của Phổ Hiền đại sĩ”. Ở Tịnh độ vì sao thành Phật nhanh như thế, chóng thành chánh giác? Phương pháp tu chủ yếu của họ là mười nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, tương ứng với Hoa Nghiêm. Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, là cương lĩnh tu hành của Kinh Hoa Nghiêm. Mười nguyện và sáu điều cương lĩnh này đều tương ứng lẫn nhau. Quý vị không có tâm lượng này làm sao được? Tâm lượng này là chân tâm của mình, không phải vọng tâm. Vọng tâm, tâm lượng rất nhỏ hẹp; chân tâm, tâm lượng rất lớn lao. Chân tâm, quý vị thấy trong Hoàn Nguyên Quán nói ba loại chu biến, câu đầu tiên nói với chúng ta: “chu biến pháp giới”, đó là nói điều gì? Chúng ta khởi tâm động niệm.

Hiện nay các nhà khoa học nói, hoàn toàn tương đồng với ý trong Kinh Hoa Nghiêm. Thân thể, ý niệm này của chúng ta, ý niệm của chúng ta là một đài phát xạ, cũng là đài tiếp thu, như đài phát thanh vậy. Chúng ta tiếp thu những dao động khắp biến pháp giới hư không giới, dao động chúng ta phát ra cũng là biến pháp giới hư không giới. Thời gian bao lâu là biến pháp giới? Vừa phát ra lập tức biến pháp giới, không cần đến một giây, một giây quá dài. Một giây dao động này phát ra bao nhiêu lần, bình thường chúng ta tính là 1600 triệu lần, đó

là một giây, mỗi dao động đều chu biến pháp giới. Chỉ cần ở đây vừa phát, biến pháp giới hư không giới đều nhận được. Trong pháp giới hư không giới, tất cả chư Phật Bồ Tát, cho đến lục đạo chúng sanh, thậm chí là cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa phát ra hiện tượng dao động, chúng ta cũng nhận được hết. Nhận được vì sao không biết? Là tâm chúng ta trôi nổi, không có cảm giác. Không phải không nhận được, nhận được nhưng không biết. Bởi vậy Đức Phật dạy chúng ta tu định, định công càng thâm sâu thì tâm càng tinh tế, những gì ta nhận được ta hoàn toàn biết rõ. Chúng ta quá sơ ý, nhưng chúng ta phát ra, tâm của Chư Phật Như Lai rất tinh tế, tâm họ định, nên hoàn toàn biết được. Toàn bộ vũ trụ là nhất thể, các nhà khoa học hình dung nó như một mạng lưới vậy, quả thật là nhỏ một sợi lông mà động toàn thân, đích thực là nhất thể.

Điều thứ hai nói: “xuất sanh vô tận”, vô tận nghĩa là biến hóa. Quý vị thử nghĩ xem, nếu không phải những ý niệm này, làm gì có nhiều biến hóa đến thế? Vì sao có biến hóa? “Tất cả pháp từ tâm tướng sanh”. Chúng ta có những tâm tướng này, bản thân không biết, bản thân không phát giác được có tâm tướng này. Nhưng ta thấy hiện tượng biến hóa, biết được rằng chắc có biến hóa, không có tâm tướng sao có biến hóa?

Câu thứ ba là nói tâm lượng phải rộng lớn: “Hàm dung không hữu”, bao hàm hư không, dung nhiếp tất cả pháp. Đây là chân tâm của chúng ta, chúng ta vốn là như vậy, vì sao ngày nay tâm lượng lại trở thành nhỏ bé, không thể khoan dung? Đặc biệt là người đắc tội quý vị, quý vị không thể bao dung lẫn nhau, vì sao vậy? Vì ta có phân biệt, có chấp trước, có vọng tưởng, không biết chân tướng sự thật, không biết toàn vũ trụ là nhất thể. Nếu hiểu, ngày nay chúng ta hiểu những điều này là nhờ kinh điển đại thừa. Ngày ngày huân tập, ngày ngày học tập, nên hiểu rõ. Hiểu thì cần phải thực hành, thực hành phải biết bao dung. Phải từ trong biến hóa, biến hóa của thân thể, hoàn cảnh sinh hoạt biến hóa, địa cầu cư trú biến hóa, biến hóa của hư không đều có liên quan đến mình, có mối liên quan mật thiết không thể tách rời. Từ trong biến hóa, biết rằng ý niệm chúng ta quá nhiều, đặc biệt là ý niệm bất thiện. Trong hoàn cảnh ở thế giới Cực Lạc, chúng ta lãnh hội được là ý niệm thiện. Địa cầu chúng ta sống đây, là trông ý niệm bất thiện. Chúng ta không thể phát giác được, một giây chúng ta phát ra 1600 triệu ý niệm, chúng ta không sao phát giác được. Nhưng khi chúng ta thấy biến hóa liên nghĩ đến, trong này mình có một phần. Cho nên khoa học giúp Phật pháp đại thừa rất nhiều. Theo nhận định của tôi, khoảng hai ba mươi năm sau, Phật pháp và khoa học sẽ kết nối với nhau. Lúc đó người trong xã hội không còn cho rằng Phật giáo là Tôn giáo, không còn nói Phật giáo là mê tín, mà là gì? Phật giáo là khoa học, Phật giáo là triết học. Lúc thầy Phương giới thiệu Phật pháp cho tôi nói: Phật giáo là triết học cao cấp, bây giờ tôi lãnh hội được, Phật pháp còn là khoa học cao cấp. Người ta học luân lý, đạo đức, nhân quả trong Phật giáo, ba loại giáo dục này gọi là nền giáo dục phổ thế. Xã hội sẽ an định, thế giới hòa bình. Khoa học cao cấp và triết học cao cấp đó là số ít người, họ có thể kế nhập, sẽ giúp thế giới này càng tốt đẹp hơn. Thậm chí có thể giúp thế giới này đạt đến tiêu chuẩn như thế giới tây phương Cực Lạc, quý vị xem làm được chăng? Từ trên lý luận mà nói thì có thể, vì người ở thế giới tây phương Cực Lạc, tư tưởng của họ thuần thiện không có ác, thuần tịnh không có ô nhiễm. Nếu chúng ta cũng làm được thuần tịnh thuần thiện, địa cầu này lập tức biến thành thế giới Cực Lạc. Về mặt lý luận có thể làm được. Về sự thì sao, về sự mọi người chúng ta chịu phát tâm là được. Chỉ cần chúng ta thay đổi tâm thái, thì thế giới này cũng thay đổi.

Bởi vậy học Phật không sợ thiên tai, không học Phật bị thiên tai dọa chết. Quý vị chưa chết, nhưng bị nó dọa chết, rất đáng thương. Học Phật biết được điều gì? Ý niệm chúng ta

thay đổi thì thiên tai không còn. Đặc biệt là cá nhân, nếu cá nhân bị bệnh ung thư, không biết bệnh ung thư từ đâu đến. Mắc bệnh ung thư cảm thấy như đồng nghĩa với tuyên bố tử vong, trên thực tế thọ mạng chúng ta vẫn còn, nhưng quả thật do sợ quá mà chết. Sau khi học Phật biết được, bệnh này do ý niệm bất thiện của mình sanh ra. Ngày nay chúng ta đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh, nhất tâm niệm Phật, bệnh sẽ lành. Thân thể rất dễ, quý vị lập tức thấy được hiệu quả.

Chúng ta sống trên địa cầu này, địa cầu này thiên tai rất nhiều. Chỉ cần trên địa cầu này có một vài người giác ngộ, thật sự thấu đạt, có thể đoạn ác tu thiện, thay đổi tâm thái mình. Thiên tai của địa cầu giảm nhẹ, dần dần địa cầu này ngày càng trở nên tốt đẹp hơn. Các nhà khoa học khẳng định đây là sự thật, giống như trong kinh Phật nói. Trong Phật pháp nói rằng, ý niệm xấu nhất, là mặt trái, mặt trái 100%, năm độc tham sân si mạn nghi. Trong tâm có năm độc, ta rất dễ cảm nhiễm tật bệnh. Đức Phật dạy: Cần tu giới định tuệ, tức diệt tham sân si, nhổ sạch bệnh căn trong tâm chúng ta, như vậy sẽ không bị bệnh. Vì sao vậy? Vì không bị cảm nhiễm, bên trong ta không có nhân. Thay đổi tất cả tham sân si mạn nghi thành từ bi, thành tâm bố thí, tâm trì giới, tâm nhẫn nhục, tâm thiền định, tâm trí tuệ, tốt biết bao! Đó là tự tánh ta vốn có. Cổ nhân nói, đổi nó thành tâm hiếu đễ, tâm nhân ái, tâm lễ nghĩa, tâm liêm sỉ, tâm hòa bình, rất tốt! Thay đổi là được. Truyền thống văn hóa xưa, tổng kết lại không ra ngoài 12 chữ: Hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình. Mọi người đều giữ tâm như thế, người người đều làm việc như thế, thế giới này chính là thế giới Cực Lạc, thế giới này tức là thiên đường. Có thiên đường chăng? Có, do con người tạo nên. Địa ngục cũng có, cũng là con người tạo nên. Tham sân si mạn là tạo ra địa ngục, điều này trong kinh Đức Phật nói rất rõ ràng. Tham tâm là ngạ quỷ, sân hận là địa ngục, ngu si là súc sanh, ngạo mạn là tu la, la sát, đi vào các đường này.

Người học Phật quả thật may mắn, biết được chân tướng sự thật này, nắm trong tay vận mệnh của mình. Không bị người khác khống chế, không bị người khác ảnh hưởng. Phải biết về mười đại nguyện, có nhiều đồng học lúc tụng kinh sáng tối đều đọc một lần, rất lợi ích, không có gì không tốt. Vì sao vậy? Tuy không làm được, nhưng A lại da có ấn tượng. Cần nỗ lực, phải bắt đầu từ Đệ Tử quy, từ Đệ Tử Quy, từ Cảm Ứng Thiên, từ Thập Thiện Nghiệp. Bắt đầu từ đây, đây là nền tảng. Mười đại nguyện là đỉnh cao nhất, từng tầng từng tầng đi dần lên, như vậy là đúng.

Dùng phương pháp gì để nâng cao? Buông bỏ, như leo cầu thang vậy. Nhà lầu cao trăm tầng, ta bỏ tầng thứ nhất sẽ lên đến tầng thứ hai, bỏ tầng thứ hai mới lên đến tầng thứ ba. Ta buông bỏ 99 tầng, liền lên đến tầng 100. Không buông bỏ không được! Phàm phu muốn thành Phật, phải buông bỏ triệt để mới thành Phật được. Đỉnh cao nhất gọi là Phật.

Cho nên điều đầu tiên là học lễ kính, đặc biệt là đối với oán thân trai chủ, phải chân thành lễ kính. Oán thân trai chủ là nói người hiện tại, họ hủy báng quý vị, sỉ nhục quý vị, họ chiếm lợi ích của quý vị, hãm hại quý vị, phải cung kính đối với những người này. Không được để trong lòng, để trong lòng là sai, vì sao vậy? Chúng ta bị hoàn cảnh này ảnh hưởng, sẽ bị dọa lạc. Nếu ta thấy những người này liền nổi giận, sân giận là dọa địa ngục, quý vị thấy có oan uổng chăng! Quý vị có oán hận, tất cả đều là nhân dọa vào địa ngục. Nếu không để nó trong lòng, thấy họ vẫn cung kính như thường, quý vị đang tiến bộ, cảnh giới được nâng cao. Bởi thế cảnh giới hiện tiền, không tiến lên chính là thụt lùi, xem quý vị có thông minh chăng. Thông minh thì tiến lên, có tâm cảm ân, đối với những người hãm hại mình đều cảm ơn, vì sao? Vì họ giúp ta tiến lên, ta cần phải cảm ơn họ. Cần phải giống như Đức Phật

Thích Ca Mâu Ni vậy, tương lai tôi thành Phật người đầu tiên tôi độ là ông, đây là đúng! Nếu con người đều giữ được tâm như thế, thì trong lục đạo này không có ba đường ác.

Trong phẩm Hoa Tạng Thế Giới chúng ta thấy, giữa vũ trụ đích thực có không ít thế giới. Có cõi trời cõi người, không có ba đường ác, có thế giới này. Vì sao không có ba đường ác? Vì cư dân ở đây không có nghiệp nhân của ba đường ác, không có tâm tham, không có tâm sân nhuế, không có tâm ngạo mạn, không có tâm ngu si, là không có ba đường ác. Còn có một vài thế giới, cũng không phải là số ít, không có lục đạo. Có Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, nghĩa là có tứ thánh pháp giới. Trong mười pháp giới, nó chỉ có bốn tầng trên, sáu tầng dưới không có. Bây giờ chúng ta đã hiểu vì sao, nhờ vào điều gì? Nhờ vào giáo dục, đã thức tỉnh được con người, đều được giác ngộ, không còn làm những điều ngu ngốc này nữa. Ví dụ hiện nay có một việc thường thấy, bạn mình đến mượn tiền, mượn một số tiền lớn, sau đó quỵt nợ không trả. Quý vị vừa thấy họ lập tức sân si, vừa nổi giận liền đọa một tầng địa ngục, sân si lần nữa lại đọa thêm một tầng địa ngục, quý vị nói không phải rất oan uổng ư? Nếu thấy họ quý vị vẫn cung kính, như không có việc gì, không cần quan tâm đến, cảnh giới quý vị đang nâng cao, họ giúp quý vị đi lên. Quý vị vốn rất giận họ, bây giờ không giận nữa, cho nên tiến bộ của quý vị là nhờ họ giúp sức. Quý vị muốn hỏi, tương lai họ có bị đọa lạc chăng? Đó là nhân quả của họ không liên quan đến chúng ta, là việc của họ. Nhân quả mỗi người tự mình gánh chịu, không ai thay thế được. Hãm hại người, gạt người, đó là việc tốt ư? Không phải việc tốt. Trong luật nhân quả nói, nợ mạng trả mạng, nợ tiền phải trả tiền, cho nên không được tổn hại người khác. Hại người khác, quả báo ta phải chịu là nợ mạng. Giáo lý đại thừa và tiểu thừa khác nhau, tiểu thừa là luận sự không luận tâm, đại thừa là luận tâm không luận sự. Quý vị khởi ý niệm, tôi hận người này, tôi muốn giết họ, quý vị đã phạm giới sát. Khởi tâm động niệm là phạm giới, quý vị phải chịu trách nhiệm nhân quả. Cho nên giới tiểu thừa dễ trì hơn, tôi hận họ, muốn giết họ, nhưng không giết họ, vậy là không phạm. Đại thừa không như thế, đại thừa khởi tâm động niệm là phạm giới. Cho nên đại thừa cao hơn tiểu thừa là cao hơn chỗ này.

Những đạo lý này chúng ta phải học đi học lại nhiều lần, khắc sâu ấn tượng. Khắc sâu đến mức độ nào? Áp dụng trong cuộc sống hằng ngày, quý vị rất tự tại. Nếu không áp dụng, còn hay nổi nóng, vẫn còn oán hận, như vậy là rất rắc rối, không hề áp dụng đến. Học Phật pháp cho nhiều cũng như không, học rồi nhất định phải áp dụng, như vậy mới thật sự đạt được lợi ích của Phật pháp.

Nói đến đây, việc cùng nhau học tập rất quan trọng. Lúc tôi còn trẻ, học kinh giáo với thầy Lý Bình Nam, thầy nói với tôi vì thầy biết tôi, tôi học với thầy 10 năm, năm năm sau hầu như tôi thường ở nước ngoài. Thầy nói với tôi, như vậy không được. Tôi hỏi sao không được? Phải dạy học một nơi, không được dạy khắp nơi, vì sao vậy? Làm gì có người nghe một bộ kinh, chỉ nghe được một lần mà khai ngộ? Tôi nghĩ rất có lý. Quý vị ở một nơi suốt mấy mươi năm, dạy học lâu dài, chắc chắn có người khai ngộ, có người thành tựu. Vì sao vậy? Ngày ngày đang huân tập. Tôi mới minh bạch. Tôi thưa với thầy, tôi không có phước báo, không có đạo tràng. Nếu thành lập đạo tràng phải có tiền, mà tôi thì không có. Thầy muốn tôi đi vận động người ta, đưa tay xin tiền người khác, thà chết tôi cũng không làm được việc này, đây là việc tôi không làm được. Người ta cúng dường một đạo tràng, ví dụ khi tôi ở Đài Bắc, có một lần cư sĩ Giản Phong Văn. Ông làm về ngành kiến trúc, xây nhà bán. Tầng lầu ở Nam Lộ Hàng Châu xây xong, muốn cúng cho tôi một tầng, tôi cho rằng ông nói chơi. Kết quả khi tôi từ Mỹ trở về, ông đến sân bay đón tôi, đem tất cả giấy tờ thuộc quyền sở hữu giao cho tôi.

Tôi nói với ông ta, phải chăng ông muốn hại tôi? Ông nói không có, tuyệt đối tôi không có ý hại thầy, tuyệt đối không có ý hại thầy. Tôi nói, ông cho tôi tầng lầu này, tầng lầu này cần chi tiêu chẳng? Đương nhiên cần chi tiêu, tôi không có tiền. Tôi nói một tháng cần chi tiêu bao nhiêu? Ông ta dự tính khoảng sáu vạn. Tôi nói, sáu mươi đồng tôi còn chưa có, không phải ông muốn hại tôi ư? Ông ta sững một lúc, vậy phải làm sao? Tôi nói, ông có thể mỗi tháng chỉ ra sáu vạn chẳng? Ông ta nghĩ một lúc nói: được. Tôi nói, vậy được, tôi nhận. Ông đưa ra ba năm, mỗi tháng sáu vạn, ba năm sau tôi đã có thu nhập, thu nhập có thể chi tiêu. Tôi nói được rồi, ông không cần chi nữa. Tôi không dễ tiếp nhận, người ta cho tôi nhà, đó là hại người! Một mình tôi đi khắp nơi, tự tại biết bao, ở đâu mời tôi đi đến đó. Bất luận đến đâu đều được tiếp đón như khách, trên người không có một đồng, đi đâu có người đưa đón. Đến đâu, cần gì họ đều mua giúp tôi, quý vị nói tự tại biết bao, hà tất tự tìm phiền phức!

Tôi thấy người ta ở nhà cửa, đặc biệt là nước ngoài. Đó đâu phải là nhà người ở, là nhà ở người, con người là nô lệ của nhà cửa. Ở Mỹ đều thích mua nhà thật lớn, ở Mỹ một tuần đi làm năm ngày, hai ngày nghỉ. Thứ bảy, chủ nhật không đi làm đều ở nhà dọn dẹp nhà cửa, bình thường không có thời gian dọn dẹp, quý vị nói vất vả biết bao! Vì sao không ở nhà nhỏ đỡ vất vả hơn? Họ đều chú trọng khí phái, đúng là sống để chịu tội, đây là không biết cách sống. Thế nào gọi là cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn? Không hề lo lắng, trong tâm ưu nhàn tự tại, đó gọi là hạnh phúc mỹ mãn. Cho nên phải biết, con người thật sự có thể buông bỏ.

Đức Phật đúng là người thông minh, không cần quốc vương, không cần vương vị, đến ngồi thiền dưới gốc cây. Đây là người rất biết hưởng thụ cuộc đời, thật sự biết đâu là tự tại. Ngày ngày ngồi dưới gốc cây luyện nên một thân thể cường tráng, thân kim cang bất hoại, đó là luyện ra. Tôi cảm thấy đây đều là nghệ thuật của cuộc sống. Có tiền, có người hầu kẻ hạ không phải là việc tốt. Thầy giáo tôi là cư sĩ Lý Bình Nam, 95 tuổi vẫn tự mình giặt y phục, tự mình nấu cơm, tự tại, nói lên điều gì? Sức khỏe thầy rất tốt. Sau 90 tuổi, học trò đến thưa thầy, xin thật lâu thầy mới miễn cưỡng đồng ý, cho hai học trò đến chăm sóc thầy. Thân thể quý vị mạnh khỏe, không cần người hầu hạ. Cần tiền hô hậu ủng, chứng tỏ quý vị không mạnh khỏe, sắp ngã gục.

Thập đại nguyện vương của Bồ Tát ở trước đã học, ở đây không lặp lại, chúng ta xem tiếp ở sau.

“Tịnh tông lấy tín nguyện hạnh là ba tư lương. Đại sư Linh Phong nói: Không tin không đủ khởi phát nguyện, không nguyện không đủ để tuân thủ tu hành”. Đây là ba điều kiện của Tịnh độ tông, ba điều kiện này chính là tín nguyện hạnh. Chúng ta tịnh nghiệp học rất khó khăn, có chắc được vãng sanh chẳng? Lắc đầu, không chắc, nguyên nhân gì? Niềm tin không đủ, nguyên nhân căn bản là đây, niềm tin chưa đủ nên nguyện không kiên cố. Ta có phát nguyện không phải không phát nguyện, là nguyện không khẩn thiết, truy cứu cội nguyện là do tín tâm. Bởi vậy tín tâm rất khó, quả thật không dễ!

Thầy Lý dạy cho tôi niềm tin này, khiến tôi có ấn tượng sâu sắc nhất, chính là sau khi xuất gia thọ giới. Tôi xuất gia hai năm mới thọ giới, thời gian rất dài. Sau khi thọ giới, đương nhiên việc đầu tiên là phải đi cảm tạ ơn giáo dưỡng của thầy, đây là quy củ trong Phật môn. Việc đầu tiên là trở về đi lạy thầy, tôi trở về thư viện Từ Quang ở Đài Trung, thầy giáo ở trong đó nhìn thấy. Tôi còn ở ngoài cửa, chưa vào cửa lớn, thầy ở trong chỉ tôi, lấy tay chỉ tôi nói: “Thầy phải tin Phật, thầy phải tin Phật!” nói mấy câu thật lớn tiếng như vậy. Tôi bước vào trong đánh lễ thầy, thầy rất khách sáo, một lạy đủ, rồi dạy tôi ngồi xuống bên cạnh. Thầy nói, tôi vừa lớn tiếng nói như vậy anh có hiểu chẳng? Tôi nói tôi không hiểu. Nếu tôi không

tin sao tôi lại xuất gia? Nếu tôi không tin sao tôi có thể đi thọ giới? Thầy nghe xong lắc đầu nói: anh nên biết có người xuất gia suốt cả đời, đến lúc già chết họ vẫn không tin. Câu nói này đã điễm tỉnh tôi, đến già chết cũng chưa tin. Tôi nghe xong sững người, thầy giải thích cho tôi nghe như thế nào gọi là tin? Chưa thực hành được là chưa tin, lúc này tôi mới hiểu.

Vậy chúng ta niệm câu Phật hiệu này, Bồ Tát Đại Thế Chí dạy rằng: “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, đã làm được chăng? Chưa làm được, chứng tỏ quý vị chưa tin! Kinh này, kinh này chúng tôi giảng rất nhiều lần, biết giảng, nhưng không tin, như vậy mới biết tin rất khó! Biết giảng kinh dễ, y giáo phụng hành mới khó, thực hành mới gọi là tin. Thầy dạy tôi điều này quá sâu sắc, ta chưa thực hành nghĩa là ta chưa tin, nguyện ta phát không phải tin sâu nguyện thiết, phải tin thật nguyện thiết. Ta có niềm tin nhưng không thật, nguyện cũng có nhưng không thiết, cho nên rốt cuộc không thể vãng sanh, vẫn là tùy nghiệp lưu chuyển.

Bài học đó của thầy cũng là cơ hội giáo dục, ra khỏi giới trường trở về Đài Trung đi cảm tạ ơn thầy, thầy dạy cho tôi bài học: Như thế nào gọi là tin. Quý vị dùng tiêu chuẩn này để xem, đích thực thầy nói có bao nhiêu người xuất gia, tám chín mươi tuổi đến vãng sanh vẫn không tin, chưa buông bỏ danh văn lợi dưỡng.

Đại sư Ngẫu Ích nói, Linh Phong là đại sư Ngẫu Ích, tổ sư đời thứ chính của Tịnh tông. “Không tin không đủ để phát nguyện”, nguyện thật là từ trong tin thật phát ra, sau khi tin thật hoàn toàn buông bỏ. Chúng tôi cũng rất hoan hỷ khi nhìn thấy cư sĩ Lưu Tổ Vân, tin thật, nguyện thật. Bà mắc bệnh rất nặng, bác sĩ nói bà có thể chết bất kỳ lúc nào, bà mỉm cười không hề sợ hãi, tốt thôi! Tôi sẽ đến thế giới Cực Lạc. Mười năm chỉ học một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, một câu Phật hiệu, không có tạp niệm, đây gọi là tin thật. Quý vị hỏi bà, chắc được vãng sanh chăng? Bà chắc chắn, có thể vãng sanh bất cứ lúc nào. Ở thêm vài năm, không phải vì mình, vì người khác. Bà nói bà làm biểu pháp, làm gương cho người khác noi theo. Là thật không phải giả. “Không nguyện không đủ để tuân thủ tu hành”, ở hành để thấy nguyện, thấy tín. Quý vị thấy bà, bà y giáo phụng hành, thật là “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, bà là tin thật nguyện thiết. Người như vậy nhất định vãng sanh, mà còn tự tại vãng sanh, muốn lúc nào đi thì lúc đó đi. Bà cũng không nghĩ tôi sống thêm vài năm, bà không có ý nghĩ này. Sống thêm là Phật cho bà, giao sứ mạng cho bà. Chúng ta không thể không thực hành.

Bên dưới, “Pháp sư Tịnh Am thời nhà Thanh”, đây là tổ sư đời thứ 11 của Tịnh tông, ngài nói: “Tu hành là việc gấp, trước tiên phải lập nguyện. Lập nguyện tức có thể độ chúng sanh, phát tâm tức có thể thành Phật đạo”. Cùng một ý với đại sư Ngẫu Ích nói. Không những “tu hành là việc gấp, trước tiên phải lập nguyện”, ở thế gian này, pháp thế xuất thế gian, tất cả những người có thành tựu, không có ai ngoại lệ. Phật giáo nói lập nguyện, phát tâm, người xưa gọi là lập chí. Con người không thể không có chí, lập chí nghĩa là sao? Phát tâm nghĩa là sao? Trong đời này, quý vị có một mục tiêu, có một phương hướng, như vậy sao không thành công được? Nhất định có thành tựu! Suốt đời không thành tựu, do họ không có mục tiêu, không có phương hướng, đến già cũng không thành tựu được gì.

Có một đạo tràng, trong đời này tôi không cần đạo tràng, quý vị cúng dường tôi cũng không nhận, tôi sợ phiền hà. Nhưng tôi hy vọng người có phước báo lớn có đạo tràng, tôi đến giúp họ dạy học, tôi rất vui được làm điều này. 40 năm trước, pháp sư Tịnh Vân ở Phật Quang Sơn mời tôi. Pháp sư thành lập một học viện Phật Giáo Phương Đông, mời tôi làm chủ nhiệm giáo vụ, tôi vô cùng hoan hỷ, tôi làm việc cho pháp sư. Tôi không cần lo lắng, sự

nghiệp là của pháp sư, pháp sư là ông chủ. Ông lo lắng, tôi không cần lo lắng, tôi chỉ dạy học sinh là được.

Lúc đó hơn 130 học sinh, tôi kiến nghị nên lập ba người thành một tổ, có thể chia thành 40 tổ. Ba người một tổ, mỗi tổ chuyên nghiên cứu một bộ kinh, thời hạn mười năm. “Rèn luyện mười năm, nhất cử thành danh”, mười năm chuyên nghiên cứu một bộ kinh. Giống như bà Lưu Tố Vân, bà Lưu Tố Vân mười năm chỉ một bộ, bà chuyên tu bộ Kinh Vô Lượng Thọ, đã thông đạt. Nếu quý vị nghe hiểu là thông, thông là gì? Bộ kinh này thông đạt, những kinh điển khác chưa từng học, quý vị mời bà giảng, bà đều có thể giảng, hoàn toàn thấu triệt. Một kinh thông tất cả kinh thông, chắc chắn, đây là đạo lý. Bà được tâm thanh tịnh, trí tuệ khai phát.

Nếu sau mười năm lúc đó tôi nói với pháp sư Tinh Vân: Ít nhất có thể thành tựu 20 vị pháp sư giảng kinh giỏi trên thế giới. Đáng tiếc pháp sư không tiếp thu, không áp dụng. Pháp sư nói, như vậy không giống Phật học viện, ông muốn học giống như ở trường vậy, giống như học viện đại học vậy, môn học xếp đan xen nhau, phải học rất nhiều thứ. Tôi nói với đại sư, Phật học viện không đào tạo được nhân tài, phương pháp của cổ nhân bồi dưỡng ra nhân tài. Vì sao vậy? Vì tôi học theo phương pháp cũ, tôi theo thầy Lý mười năm, thầy dùng phương pháp tư thực dạy tôi. Tôi biết phương pháp này rất hiệu quả, quả thật phương pháp này có thể đào tạo nên nhân tài. Pháp sư không tiếp nhận, nên tôi cũng không ở lại Phật Quang Sơn, tôi vân du khắp nơi.

Cho nên tôi hy vọng có một đạo tràng như vậy, tôi có thể toàn tâm toàn lực giúp họ. Trong đời tôi gặp ba người, ba người đều không thành công, đều không hứng thú với phương pháp cũ này. Phương pháp mới quả thật không đào tạo được nhân tài, phải dùng phương pháp cũ. Sau đó quý vị mới thật sự nhận ra trí tuệ của thánh hiền, người bây giờ không thể sánh được, khoa học cũng không sanh được, trong kinh Phật có khoa học.

Quý vị xem khoa học kỹ thuật ngày nay, phát minh bom nguyên tử, phát minh gì gì đó, những người này không biết ư? Biết, họ giỏi hơn quý vị nhiều, vậy tại sao họ không phát minh? Nếu họ làm thì thế giới này đã hủy diệt từ lâu. Đây là lòng nhân hậu, đại từ đại bi của cổ nhân, họ biết những thứ này không phải chuyện chơi, tác dụng phụ của nó rất lớn, nên không chú trọng khoa học, không phải không hiểu. Đây là người có đức hạnh.

Quý vị xem ngày xưa, Không Minh Gia Cát Lượng phát minh ra ngựa gỗ, cơ giới hóa việc vận chuyển. Vì sao không phát triển rộng rãi nó? Sau khi Gia Cát Lượng chết, toàn bộ bị hủy diệt, vì sao vậy? Nói thật khoa học kỹ thuật này không có lợi ích gì, tác dụng phụ quá lớn. Người thật sự có đức hạnh, họ không đi con đường này, họ đi theo luân lý đạo đức, khiến quốc gia có nền trị an lâu dài. Nhân dân được tắm mát trong nền văn hóa của đạo đức luân lý. Các nhà khoa học cũng biết, nếu khoa học không ngừng phát triển, thế giới này sau cùng là đi đến hủy diệt, chỉ có con đường chết.

Lập chí nghĩa là phương hướng, mục tiêu, quan trọng hơn bất kỳ điều gì, đời này ta bước đi những bước chân rất an lạc, rất trung dung, và cứ đi như vậy.

“Lại nói: Nên biết, muốn học Như Lai thừa, trước tiên phải phát đầy đủ nguyện Bồ Tát, không được trì hoãn”, đây đều là đại sư Tinh Am nói. Nếu muốn thành Phật, nhất định phải phát nguyện Bồ Tát. Nghĩa là nói thập đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, chúng ta phải tinh tấn nỗ lực học tập. Đoạn tiếp theo: “vì nguyện, cầu đức tự giác giác tha. Vì giác tha, trước tiên phải giác mình”, chính là bản thân. “cầu tự giác là vì giác tha”, vì sao cầu tự giác?

Mục đích là vì giác tha, thành tựu chính mình là vì giúp đỡ người khác. Mình chưa thành tựu, làm sao có thể giúp người khác?

Chúng ta thuộc hàng trung hạ căn tánh, huân tu thời gian dài trong giáo lý đại thừa, mới hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng sự thật này. Một người, con người có vận mệnh, chúng ta rất rõ ràng, không cần bói toán, thế gian này cũng có lành dữ họa phúc. Trong kinh điển đại thừa nói rất rõ ràng, thế giới Cực Lạc dựa vào đâu để thành tựu. Thế giới này của chúng ta nhiều thiên tai như vậy, là do nguyên nhân gì, hoàn toàn hiểu rõ. Chỉ cần đoạn trừ hết những nhân bất thiện, thể hiện ra tất cả nhân thiện, quả lập tức thay đổi.

Có người tiếp thu, bằng lòng nghe, chúng ta giúp họ, toàn tâm toàn lực hiệp trợ họ. Không ai nghe, chúng ta đến thế giới Cực Lạc, di dân đến nơi khác. Trong hư không pháp giới, cõi nước của Chư Phật rất nhiều, chúng ta có thể tự do lựa chọn.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 172

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 22.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 197, hàng thứ ba từ dưới đếm lên. “Đoạn dưới. Vì nguyện cầu đức tự giác giác tha, vì giác tha, trước tiên cần giác mình. Cầu tự giác, rốt cuộc để giác tha”. Đây là một bộ phận kệ tụng của kinh văn, đoạn lớn thứ hai phát nguyện. Ở trước là tán Phật, sau tán thán Phật chúng ta thấy tỳ kheo Pháp Tạng làm mô phạm cho chúng ta, xem ngài phát nguyện gì. Đệ tử Như Lai cần phải như thế. Trước tiên cầu đức tự giác giác tha, thực tế là vì giác tha, không phải vì chính mình, bản thân không thành tựu không thể giác tha. Cho nên vì cầu giác tha trước tiên phải tự giác, muốn dạy người khác thành Phật mình phải thành Phật trước, đạo lý chính là như vậy. Cầu tự giác toàn là vì người khác, không phải vì chính mình, tâm đồng mãnh mới có thể phát được như thế. Nếu vì mình giải đãi một chút cũng không sao, hôm nay chưa thành ngày mai cũng được, đời này không thành tựu thì đời sau cũng được, rất dễ giải đãi. Vì người khác nhất định không thể thành tựu, ta giải đãi một ngày chúng sanh chịu khổ thêm một ngày. Ta sớm ngày giác ngộ, chúng sanh sớm ngày giải thoát. Quý vị xem, biến pháp giới hư không giới, trong tất cả cõi nước, chúng sanh trong lục đạo rất đáng thương. Vì sao luân lạc đến bước đường này? Nghĩa là bất giác, không giác ngộ. Vì sao không giác ngộ? Vì không ai dạy họ. Ngày nay chúng ta phát nguyện học Phật giáo hóa chúng sanh, mọi

việc chúng ta làm đều thuộc về dạy học. Ở đây từ kheo Pháp Tạng là tấm gương tốt nhất, chúng ta cần phải học theo ngài.

Bây giờ chúng ta xem nguyên văn, mở đầu kệ tụng tất cả có mười câu, hai bài rưỡi. Bài kệ trước là “Nguyện thanh đồng Phật”, cầu đức giác tha.

“Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh. Pháp âm phổ cập vô biên giới.

Tuyên dương giới định tinh tấn môn. Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp”.

Đây là bài kệ thứ nhất, chúng ta nói đơn giản một vài ý nghĩa. “Nguyện ngã”, đây là ở trước Phật phát nguyện, tôi “đắc Phật thanh tịnh thanh”, âm thanh thanh tịnh từ đâu mà có? Từ tâm thanh tịnh. Nếu tâm không thanh tịnh, mắt không thanh tịnh, tai không thanh tịnh, âm thanh cũng không thanh tịnh. Tựa đề của kinh này, nửa phần sau chính là nói “thanh tịnh bình đẳng giác”. Tu Phật thật sự là tu gì? Chính là tu điều này. Trước tiên phải được thanh tịnh, sau đó phải được bình đẳng, sau cùng là đại triệt đại ngộ. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Vì sao được âm thanh thanh tịnh? Vì giáo hóa chúng sanh, đặc biệt là thế giới này của chúng ta, “thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn”, chúng sanh thế giới Ta Bà nhĩ căn rất sắc bén, đưa kinh sách cho họ xem chưa chắc họ đã hiểu, nhưng nói cho họ nghe họ nghe rất rõ. Năng lực nghe mạnh hơn năng lực thấy, cho nên ở thế giới này nhất định dùng âm thanh làm Phật sự, nghĩa là dạy học. Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, dạy học suốt 49 năm Âm thanh. Không từ lúc còn tại thế dạy học cũng là âm thanh.

Ở đây dùng âm thanh làm Phật sự, hy vọng giống như Đức Phật, “pháp âm phổ cập vô biên giới”. Đây là thật, là sự thật. Trước đây chúng ta đọc những kinh văn này, cho rằng đây chỉ là một nguyện lực, không thể là sự thật, bây giờ biết đây là sự thật.

Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của đại sư Hiền Thủ chúng ta đọc được, quả thật âm thanh cũng là hiện tượng dao động. Bất luận là dao động của vật chất hay dao động của ý niệm, hoặc là dao động của tinh thần, vừa dao động đã chu biến pháp giới. Trong ba loại chu biến nói rất rõ ràng, thứ nhất là “chu biến pháp giới”, thứ hai là “xuất sanh vô tận”, thứ ba là “hàm dung không hữu”, cùng một lúc. Cho nên bây giờ chúng ta đọc những kinh văn này, hiểu một cách sâu sắc, biết đây hoàn toàn là sự thật.

Dùng phương pháp gì để độ hóa chúng sanh? Dùng trì giới, tu định, tinh tấn. Nói đến ba điều trong Lục ba la mật, ba điều tượng trưng cho sáu điều, dùng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã. Phải thực hành những điều này mới được, chỉ nói suông không được. Một vị thầy tốt, pháp thể xuất thế không có gì khác nhau, nếu thân hành ngôn giáo họ đều làm được, khi nói ra mới có thể nhiếp thọ chúng sanh. Mọi người mới tin, chịu học tập theo họ.

“Thông đạt pháp thậm thâm vi diệu”, pháp thậm thâm vi diệu này chính là hiện nay trong giới học thuật nói triết học và khoa học. Trong khoa học thời cận đại, các nhà khoa học phát triển về hai phương hướng, đó đều là pháp thậm thâm vi diệu. Một phương hướng là nghiên cứu vũ trụ vĩ quan, đại vũ trụ. Một phương hướng khác ngược lại, là nghiên cứu thế giới vi quan, lượng tử lực học. Hai phương hướng khác nhau, nhưng mục tiêu tương đồng, nguyên tắc là tương đồng. Nghiên cứu gì? Nguồn gốc của vũ trụ, nguồn gốc của vạn vật, nguồn gốc của sinh mạng, rốt cuộc vũ trụ này như thế nào? Chân tướng ra sao? Quả thật là pháp thậm thâm vi diệu. Đức Phật đã thông triệt nó chưa? Thấu triệt rồi, đức Phật thật đã thấu triệt rồi. Trong giáo lý đại thừa nói rất thấu triệt. Tu Hoa Nghiêm Yếu Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, một bài luận văn của đại sư Hiền Thủ. Có thể nói học Tông Hoa

Nghiêm, bài luận văn đó là luận văn tiến sĩ của ngài, ngài đã tốt nghiệp. Viết rất hay, đơn giản rõ ràng, nói ra tổng kết của Kinh Hoa Nghiêm để dạy chúng ta. Chúng ta học bài luận văn này, đến học Kinh Hoa Nghiêm, cảnh giới sẽ không giống nhau! Nhưng nếu không có nền tảng của Hoa Nghiêm, cũng không dễ hiểu được Hoàn Nguyên Quán. Cho nên nó và Kinh Hoa Nghiêm hỗ trợ lẫn nhau.

Chúng ta xem tiếp sáu câu sau, đây là một bài rưỡi, một bài rưỡi này là “tuệ siêu bi ngạn”, câu trí tuệ, bốn câu này là siêu việt trí tuệ. Chúng ta xem kinh văn:

“Trí tuệ quảng đại thâm như hải
Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao
Siêu quá vô biên ác thú môn
Tốc đáo bờ đề cứu cánh ngạn
Vô minh tham sân giai vĩnh vô

Hoặc tận quá vong tam muội lực”. Nguyện cầu của chúng ta, quý vị xem so với Bồ Tát Pháp Tạng, mới biết vì sao ngài có thể thành Phật, chúng ta vì sao không thể thành Phật. Ở trước từng nói với quý vị, nếu không tin thật thì nguyện là giả. “Niềm tin là mẹ của mọi công đức”. Nếu không có nhận thức sâu sắc kinh điển đại thừa, làm sao có thể tin thật được? Con người chỉ cần tin thật, toàn bộ đều thay đổi, bao gồm cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Ngôn hành cử chỉ của chúng ta hoàn toàn thay đổi, thay đổi như thế nào? Trở thành giống như Bồ Tát vậy. Những đạo lý này không thể không hiểu, không thể không nỗ lực học tập. Không học tập đời này chúng ta sống một cách uổng phí, phải nỗ lực học tập.

Tiếp theo chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. “Hai câu đầu tiên”, ở đây tổng cộng có mười câu, hai câu đầu tiên. “Nguyện của tỳ kheo Pháp Tạng, đầy đủ đức hạnh lợi tha như Phật”. Cụ là đầy đủ, tôi nguyện lợi ích chúng sanh giống như Phật vậy. Tín giải hành chứng, không phải tín giải, là thực hành. Thực hành, nói cho chư vị biết cương lĩnh chung là Lục độ, thập nguyện_Lục ba la mật và thập đại nguyện vương, thực hành triệt để.

“Nguyện được âm thanh thanh tịnh của Như Lai”, câu này đặc biệt là nói với thế giới Ta Bà, vì trong nhiều cõi nước, chúng sanh căn tánh khác nhau. Thế giới Ta Bà nhĩ căn lạnh lợi nhất, cho nên cần âm thanh thanh tịnh. Có một số thế giới nhĩ căn sắc bén, như vậy cần biểu pháp, như văn tự. Trong nước Hương Tích thiết căn sắc bén, cho nên Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh ở đó, ngày ngày làm thức ăn cho họ ăn, họ ăn liền khai ngộ, thiết căn sắc bén! Quý vị biết năm căn lợi độn không giống nhau. Cho nên ở chỗ chúng ta là nguyện được âm thanh thanh tịnh của Như Lai. Nếu ở nước Hương quốc nhất định là nguyện được vị thanh tịnh của Như Lai, không giống nhau!

“Thanh tịnh, không có sai lầm của hành vi ác. Lìa cấu nhiễm phiền não gọi là thanh tịnh”. Đây là tiêu chuẩn của thanh tịnh, thanh tịnh là gì? Quý vị không có hành vi ác. Chúng ta không nói quá sâu sắc, chỉ nói đơn giản, thanh tịnh là gì? Là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trong cuộc sống hằng ngày khởi tâm động niệm, đối nhân tiếp vật, quý vị không làm mười điều ác, như vậy là phù hợp với thanh tịnh, đây là nói đơn giản. Nói sâu sắc hơn là lìa cấu nhiễm phiền não, phạm vi này rất lớn. Trong phiền não có kiên tư phiền não, có trần sa phiền não, có vô minh phiền não.

Đương nhiên tỳ kheo Pháp Tạng là hành Bồ Tát đạo, ở trước chúng ta đã học, chư vị cố đức xưa nay đều cho rằng lúc ngài sơ phát tâm đã là địa thượng Bồ Tát, cho nên thanh tịnh bao gồm vô minh phiền não. Hay nói cách khác, trong cuộc sống hằng ngày của ngài, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần bên ngoài, đích thực không còn khởi tâm động niệm, không

còn phân biệt chấp trước. Đây là tiêu chuẩn thanh tịnh của pháp thân Bồ Tát, thâm sâu hơn câu thứ nhất. Câu thứ nhất nói không có ác hành, chúng ta sơ phát đều bao gồm trong đó. Tu hành ở đâu? Trong cuộc sống hằng ngày, trong khởi tâm động niệm. Khởi một ý niệm, phải biết ý niệm này có tổn hại đến tất cả chúng sanh chăng.

Không sát sanh, phạm vi không sát sanh rất rộng. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm muốn gây phiền phức cho người khác, khiến họ chịu tổn thương. Tuy không giết họ, chỉ bị tổn thương, đều thuộc về phạm vi này, không được. Họ làm việc xấu thì sao? Làm việc xấu không cần chúng ta để ý, sẽ có người quản lý họ. Có pháp luật quản họ, có nhân quả quản họ, chúng ta quản họ là sai. Phải hiểu điều này.

Trước đây tôi ở Úc Châu, lúc đó chưa di dân đến Úc Châu, tôi tham dự luận đàm văn hóa đa nguyên của Úc Châu. Lúc đó hình như họ tổ chức ba tháng một lần, có mời tôi. Tôi đặc biệt đến Úc Châu tham dự luận đàm này, Tôn giáo đa nguyên, có mười mấy Tôn giáo cùng nhau. Có một người đạo Do thái hỏi tôi, hỏi tôi điều gì? Trong Phật giáo phạm tội, Phật Bồ Tát có trừng phạt họ chăng? Tôi nói không có, Phật Bồ Tát dùng phương pháp dạy học cảm hóa họ. Vậy họ phạm tội nặng thì sao? Tội nặng đó do thượng đế trừng phạt. Ông ta nghe như vậy rất vui, thượng đế của quý vị quản việc này. Phật chỉ quản việc giáo dục, Đức Phật giống như là bộ trưởng giáo dục, còn thượng đế quản việc trừng phạt, quản lý những điều này. Ông ta nghe như vậy rất vui. Phải hiểu những đạo lý này, không ở vị trí này không mưu cầu chính trị. Việc phạm tội do pháp luật quản lý, việc giáo dục không thể quản lý việc này, có người chuyên môn quản lý việc này, như vậy mới đúng. Mỗi người làm tốt công việc của mình, nhất định phải biết rằng, Phật là giáo dục. Sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành Phật, 30 tuổi đại triệt đại ngộ là bắt đầu dạy học, dạy suốt một đời, 79 tuổi viên tịch, không có ngày nào rảnh. Trường học hiện nay có nghỉ lễ tết, phải nghỉ đông và nghỉ hè, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không hề nghỉ ngày nào. Quý vị thử tra kinh điển, Đức Phật chưa từng nghỉ ngày nào, một vị thầy tốt! Thân phận thầy giáo. Chúng ta học Phật là tham dự lớp học này của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cần phải giống như Đức Thích Ca vậy, học tập theo ngài. Tỳ kheo Pháp Tạng cũng không ngoại lệ, quý vị xem, ngài học tập với Thế Gian Tự Tại Vương.

Phật giáo là giáo dục, điều này nhất định phải nhận thức rõ ràng. Dạy học là nghề nghiệp của mình, nhất định làm tốt công việc của mình. Không phải nghề nghiệp chính, chúng ta đều tôn trọng, hợp tác, xã hội này mới hòa thuận. Nhưng xã hội hòa thuận, gia đình hạnh phúc, giáo dục quan trọng hơn bất kỳ điều gì. Giáo dục là nền tảng!

Giáo dục Phật giáo và nền giáo dục xưa là viên dung, đều nói đến giáo dục thánh hiền. Giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, mỗi người đều là thánh hiền. Bất luận họ làm ngành nghề nào cũng đều là thánh hiền, xã hội thánh hiền, thế giới thánh hiền. Thế giới Cực Lạc là như thế, thế giới Hoa Tạng cũng như thế, thế giới của Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai cũng không ngoại lệ. Cho nên thánh hiền, bất luận ngành nghề nào đều là thánh hiền. Phải hiểu những đạo lý này. Giáo dục đối với bất kỳ ngành nghề nào đều không có mâu thuẫn, không có xung đột. Ngành nghề nào cũng cần giáo dục, đến quân sự cũng cần giáo dục, cho nên nó không phát sanh xung đột với bất cứ ngành nghề nào. Đây là thanh tịnh, có hai ý nghĩa sâu cạn khác nhau.

“Nguyện tôi như Phật, có thể tuyên nói pháp âm không có sai lầm lìa cầu nhiễm”. Chú giải này quá hay, đây là gì? Là dạy học, dạy điều gì? Dạy tất cả chúng sanh không có sai lầm, dạy tất cả chúng sanh lìa xa cầu nhiễm, đây là giáo dục thánh hiền. Quý vị thử nghĩ xem, nếu

giáo dục này thành công, thế gian này người người là người tốt. Người người là người tốt, ý niệm của người tốt này nhất định là ý niệm lành, ý niệm thiện, những gì người tốt làm nhất định là việc lành. Mọi người là người tốt, mọi việc là việc lành, đây là cách trị đại đồng mà người xưa luôn hướng đến. Phải ghi nhớ điều này, những gì người xưa hướng đến, không phải là nói niêm hy vọng, vì sao vậy? Cách trị đại đồng vào thời cổ đại đã thực hiện, đã làm được. Tuy thời gian không dài, nhưng thật sự đã thực hành được. Người đời sau thì sao? Người đời sau không làm được, không thể đạt được hoàn toàn không sai lầm, không thể làm đến hoàn toàn lìa cấu nhiễm, thua kém ở điểm này. Nếu làm được 100% tức là thế giới đại đồng. Thời xưa làm được lúc nào? Vua Nghiêu làm được, Vua Thuấn làm được, Vua Vũ làm được. Đúng như cổ nhân nói: “người còn thì chính trị còn, người chết chính trị dừng”. Có người này họ làm được, không có người này, không có người này thì không làm được. Bản thân Vua Ngu làm được, con của vua Ngu không bằng phụ thân mình, nhưng ông là người rất hiền tuệ. Được nhân dân ủng hộ, được các giới tán thán. Vua Ngu cũng muốn nhường vương vị cho người hiền, nhường cho người khác. Nhưng trong số hiền nhân, con trai ông xuất sắc nhất, liền truyền ngôi cho con mình. Từ đó không còn truyền cho hiền nhân nữa, về sau thiên hạ không còn là của chung nữa, trở thành nhà thiên hạ, đời này qua đời khác chỉ truyền cho con. Đó là từ Khải, Vương Khải. Nói thực tế, Vương Khải rất tốt. Lúc đó nếu ông thật sự có thể noi theo ba vị thánh vương ở trước. Tuy vua Vũ là phụ thân ông, truyền ngôi cho ông. Ông nên học theo Nghiêu Thuấn, tiếp tục tìm cầu hiền nhân để truyền, thiên hạ là của chung. Như vậy đến thời nhà Hạ, vẫn là cách trị đại đồng. Vì thế ngày xưa gọi là Tiểu khang, kém hơn một bậc so với đại đồng, ba đời Hạ Thương Chu. Cuối thời nhà Chu, Xuân thu chiến quốc khoảng gần 500 năm, 500 năm này là loạn thế. Khổng tử sinh vào thời Xuân thu, Mạnh tử sinh vào thời chiến quốc. Trong lịch sử, đây là thời kỳ hỗn loạn khá dài, toàn bộ xã hội hỗn loạn. Tuy xã hội hỗn loạn, nhưng bách gia chư tử cũng đều xuất hiện vào thời kỳ đó. Thời kỳ này rất nhiều học thuyết, tư tưởng cũng thể hiện ra một cục diện hỗn loạn.

Tần Thủy Hoàng thống nhất đất nước, thật sự thống nhất là Tần Thủy Hoàng. Nhưng nhà Tần dùng pháp trị quốc, dùng pháp của Thương Ưởng, cho nên 30 năm thì mất nước, nhà Hán lên thay. Nhà Hán có thể duy trì được 400 năm, thời này đặc lực nhất là Hán Võ Đế, Hán Võ Đế đặt nền tảng giáo dục, nó mới có thể duy trì. Quý vị xem tư tưởng hỗn loạn như thế, những người đó đều rất giỏi, mỗi người đều có thể nói ra một mớ đạo lý. Rốt cuộc dùng đạo lý nào để giáo hóa nhân dân, đây là việc lớn, ông hỏi ý kiến các đại thần. Đồng Trọng Thư giới thiệu Khổng Mạnh, nương vào học thuyết của Khổng Mạnh giáo hóa nhân dân cả nước, Hán Võ Đế tiếp nhận. Từ lúc này, nói cho chư vị biết, học thuyết Khổng Mạnh kéo dài mãi đến cuối thời nhà Thanh. Đời này qua đời khác thay triều đổi đại, nhưng lý niệm này không thay đổi. Cho nên học thuyết Khổng Mạnh tượng trưng cho truyền thống văn hóa chủ lưu của Trung quốc. Chư tử bách gia là phân lưu, phân nhánh, lấy học thuyết Khổng Mạnh làm chủ. Cùng với nó hỗ trợ thành tựu thì tiếp thu, trái với nó thì không cần, không áp dụng. Chủ lưu là học thuyết Khổng Mạnh.

Bởi vậy ngày nay, xã hội trên toàn thế giới, cổ nhân nói: “thượng thất kỳ đạo”, thượng là hoàng đế, đánh mất đạo này. Ngày nay không thể nói thượng, ngày nay nói gì? Thay thượng thành thế của thế giới: “Thế thất kỳ đạo”. Toàn thế giới đều không học luân lý đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục Tôn giáo nữa. Toàn thế giới mất đạo này, nhân dân thật đáng thương. Tiên sĩ Townenbe đây là thế kỷ trước, cách chúng ta không xa, vào niên đại 1970 thường nói: Muốn giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21, cần học thuyết Khổng Mạnh

và Phật pháp đại thừa, nói rất hay. Hay nói cách khác, ngày nay nền truyền thống văn hóa xưa, Phật pháp đại thừa cũng là truyền thống văn hóa xưa. Không chỉ Trung quốc cần đến, mà toàn thế giới đều cần. Tiên sĩ Townenbe là nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa thế giới, ông hiểu, ông có nhận thức rất sâu sắc. Ở các nơi, trong nền lịch sử văn hóa này, ông đối với truyền thống văn hóa xưa nghiên cứu thật sâu sắc.

Học thuyết Khổng Mạnh quan trọng nhất là gì? Thực tế mà nói những gì của truyền thống xưa, Khổng tử đã kế thừa, cho nên gọi là tập đại thành. Nhìn về mặt sự Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu Thuấn Vũ Thang, Văn Võ Chu Công, đây là truyền thừa! Khổng tử là tiếp nối của Chu Công, Mạnh tử kế thừa của Khổng tử, sự truyền thừa này cũng có gần 2500 năm. Nếu từ Phục Hy đến Khổng tử có 2500 năm, hợp lại là 5000 năm văn hóa.

Trước thời Hoàng đế không có văn tự, không có văn tự không có nghĩa không có văn hóa. Truyền thừa từ đời này sang đời khác, quan trọng nhất là gì? Cần dạy những gì? Ngũ luân, Ngũ thường, Tứ duy, Bát đức. Tôi tin đây là ngàn vạn năm trước, tổ tông truyền từ đời này qua đời khác. Nó rất đơn giản, không truyền sai. Ngũ luân tổng cộng chỉ năm câu: Phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín, như vậy truyền sai sao được? Truyền mười vạn năm cũng không thể sai, đơn giản, quá quan trọng! Làm được điều này, người này là thánh hiền. Ngũ thường có năm chữ, có thể truyền sai ư? Nhân lễ nghĩa trí tín, như vậy có thể truyền sai ư? Không thể! Tứ duy càng đơn giản, có bốn chữ: Lễ nghĩa liêm sĩ. Bát đức là hiếu đễ trung tín, nhân ái hòa bình. Quý vị xem truyền thống xưa chỉ bao nhiêu đó. Tôi tin rằng chắc chắn không chỉ một vạn năm. Tổ tông truyền thừa từ đời này qua đời khác là truyền điều gì? Chính là truyền điều này. Sau đó quý vị xem, về sau phát triển Tứ thư, Ngũ kinh, Thập tam kinh, có vượt ra ngoài phạm vi này chăng? Không có, chỉ là nói những điều này càng thấu triệt hơn, càng tường tận hơn. Phát triển đến thời nhà Thanh, quý vị xem Tứ Khố Toàn Thư, phân lượng lớn như thế, trong đó nói những gì? Cũng không ra ngoài phạm vi này. Quý vị sẽ biết, tinh túy của truyền thống văn hóa xưa, gói gọn trong phạm vi này.

Trong thời đại này, mỗi triều đại đều không giống nhau. Thời đại hiện nay quá phiền phức, tư tưởng con người trái với luân lý, đạo đức, nhân quả, giá trị quan con người thay đổi. Bây giờ nếu quý vị hỏi những người trẻ tuổi, quý vị hỏi họ con người ở đời điều gì là quan trọng nhất? Họ sẽ nói với một chữ: “tiền”. Ngày xưa không như vậy, con người ở đời quan trọng nhất là gì? “Hiếu” quan trọng nhất. Tôi đến thế gian này để làm gì? Vinh tông diêu tổ, nở mặt nở mày, đây là giá trị quan của ngày xưa. Tôi phải làm nhiều việc tốt cho xã hội, khiến tổ tông mình hãnh diện, khiến mọi người khen ngợi tổ tông mình. Nhà này sinh ra một hậu nhân tốt như vậy, không giống nhau.

Hiện nay cần tiền, đến cha mẹ cũng không cần, như vậy ra thể thống gì? Cho nên xã hội động loạn, tất cả đều hướng đến về tiền, đây là một xã hội rất kỳ quái. Trong lịch sử cổ kim trong ngoài đều không tìm thấy, sao lại xuất hiện xã hội này? Đại khái, phạm là xã hội này xuất hiện, đó chính là một sự cảnh cáo, là gì? Thế giới sắp hủy diệt.

Các nhà khoa học từng đề xuất, nghĩa là địa cầu này của chúng ta, khoảng 5 vạn năm trước, địa cầu này khoa học kỹ thuật cũng rất phát đạt. Theo ghi chép của người phương tây, có một quốc gia là Atlantis, quốc gia này ở giữa Đại tây dương, khoa học rất phát đạt. Nguồn năng lượng lấy từ trong hư không, giống như máy bay bay lượn, không có ô nhiễm, không có âm thanh. Con người không tin vào thần, chỉ tin tưởng khoa học kỹ thuật, luân lý đạo đức cũng đều không nói đến, đại khái gần giống như chúng ta hiện nay, có thể hơn một

chút. Kết quả như thế nào? Cả một bình địa này chìm xuống đáy biển, chìm xuống đáy biển, cho nên gọi là Đại tây dương, mọi người gọi là Đại tây dương. Thì ra Đại tây dương chính là Atlantis.

Ngày nay có dự ngôn, chúng tôi ở Mỹ đều nghe được, ở Mỹ có một nhà dự ngôn thối miên là Khải Tây, rất nhiều người biết. Khải Tây nói, Atlantis sẽ nổi lên, ông nói thế kỷ này sẽ nổi lên. Nhưng sau khi ở đây nổi lên, Âu châu sẽ chìm xuống, nước Mỹ sẽ chìm xuống. Bởi thế mọi người lại sợ hãi, một khi nó nổi lên, Âu Châu, Mỹ Châu lập tức không còn, mọi người vô cùng lo lắng. Ông chết vào thế chiến thứ hai, ông nói 100 năm sau ông sẽ trở lại, thấy toàn bộ thế giới đều thay đổi. Chúng ta thấy người Mỹ vẽ bản đồ đó, chính là thế giới tương lai. Khải Tây nói qua 100 năm sau, ông sẽ trở lại xem.

Cho nên con người đến lúc hoàn toàn khác thường, như vậy còn cách nào khác? Không còn luân lý, không còn tin tưởng, đạo đức cũng không cần đến, không đáng một đồng. Pháp luật cũng không dùng đến, pháp luật chuyên bảo hộ người xấu, không khởi tác dụng. Lúc này phải như thế nào? Chỉ có ông trời làm chủ, toàn bộ đại thiên tai đang hiện diện. Đạo lý này trong Phật pháp có thể nói thông suốt, hiện nay các nhà lượng tử khoa học đã chứng minh Phật pháp.

Phật pháp nói gì? Phật pháp có hai câu danh ngôn, thứ nhất: “Tướng tùy tâm chuyển”. Tướng mạo của chúng ta, thân thể của chúng ta, biến hóa này là ý niệm của chúng ta. Chúng ta mỗi niệm đều là thiện niệm, thân thể sẽ mạnh khỏe, không sanh bệnh, dung mạo cũng thường tốt đẹp. Tướng tùy tâm chuyển! Câu thứ hai là “cảnh tùy tâm chuyển”, hoàn cảnh cư trú của chúng ta là tùy tâm chuyển. Hiện nay các nhà khoa học rất chú trọng, thiên tai nhiều như vậy, chỉ cần chúng ta sửa đổi tâm thái, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức. Thiên tai trên địa cầu tự nhiên giảm nhẹ, tự nhiên hóa giải.

Năm 2012 các nhà khoa học có một kết luận, họ nói đây là một bước ngoặt. Mọi người đừng kinh hoàng, đừng cho rằng thế giới này đã hủy diệt, chỉ cần tâm thái thay đổi, thế giới càng tốt đẹp hơn. Nếu không chuyển đổi, phiền phức rất lớn. Do đây có thể biết, chúng ta hy vọng thế giới tốt đẹp tiếp tục tồn tại, hay là hy vọng thế giới này hủy diệt, điều này nằm trong sự chi phối của mỗi chúng ta, không phải người khác chi phối. Nếu chúng ta khởi thiện niệm, thay đổi chính mình, thế giới này về sau càng phát triển, ngày càng tốt đẹp hơn. Nếu chúng ta không cần luân lý, đạo đức, nhân quả, Tôn giáo cũng không cần, như vậy quý vị phải lãnh chịu thiên tai, lãnh chịu ngày tận thế như Tôn giáo nước ngoài nói. Chúng ta thấy bản đồ người ngoại quốc vẽ rất đáng sợ, nước Mỹ là một nửa không còn, Trung quốc cũng khoảng một nửa, rất đáng sợ. Cho nên lúc này, thật sự có thể khôi phục truyền thống giáo dục, không những cứu chính mình, cứu gia đình, cứu xã hội, cứu quốc gia dân tộc, cứu thế giới, còn cứu cả địa cầu. Công đức này lớn biết bao, việc tốt này lớn biết bao! Hoàn toàn phải dựa vào lìa cầu thanh tịnh, mới có thể làm được. Muốn học Phật, Phật có thể tuyên dương pháp âm không sai lầm, lìa cầu nhiệm.

“Phổ cập vô biên các thế giới”, ngày nay truyền thống văn hóa xưa phải tuyên truyền trên toàn thế giới. Không chỉ Trung quốc, mà bất cứ quốc gia nào cũng cần. Mười mấy năm lại đây, chúng tôi đi đến các nước trên thế giới, đặc biệt là giao tiếp với các Tôn giáo khác nhau. Chúng tôi đề xuất ra, mọi người đều hoan hỷ tiếp thu. Khác dân tộc, khác quốc gia có thể tiếp thu truyền thống văn hóa xưa, thích thú.

Bên dưới giới thiệu chữ “giới”, vô biên giới, giới nói như thế nào? “Đại Thừa Nghĩa Chương nói”, Đại Thừa nghĩa Chương là một cuốn sách, ở đây nói “biệt giới”. Nghĩa này

chính là “phân biệt, sai biệt làm giới”, giới nghĩa là như vậy. “Tánh của các pháp khác nhau, nên gọi là giới”.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. “Giới lấy sai biệt làm nghĩa”, cho nên giới nghĩa là sai biệt. “Sự vật hai bên có thể duy trì hỗ tương lẫn nhau, sai biệt mà không hỗn tạp, đây gọi là giới”. Ví dụ nói mỗi người chúng ta tướng mạo khác nhau, khác nhau chính là giới hạn. Tôi và quý vị có giới hạn, quý vị và họ cũng có giới hạn, đây đều gọi là giới. Phân tử nhỏ hơn, trên thân mỗi người, đầu và thân thể là có giới hạn, mắt và tai có giới hạn. Đây là nhân giới, đây là nhĩ giới. Cho nên mỗi loại đều có sự sai biệt khác nhau, nó có tác dụng khác nhau. Phạm là loại này, quý vị biết sẽ rất nhiều, sự vật giữa vũ trụ vô lượng vô biên, mỗi thứ đều có giới phần của nó. Cho nên sai biệt nhưng nó không hỗn loạn, đây gọi là giới.

“Trong tục ngữ, các giới nhân sĩ”, đây là nói ngành nghề. Chúng ta sống trong xã hội này, mỗi người đều có ngành nghề của riêng mình. Nghề nghiệp này là giới, cũng là giới hạn. Như nghề nghiệp chúng ta hiện nay, đây là Phật giới, là dạy học của Phật giáo. Phật giới cần phải biết là giáo dục Phật giáo, nhất định phải hiểu rõ ràng, chúng ta không thể mê tín.

Tôi tin Phật giáo qua con đường giáo dục Phật giáo. Lúc trẻ cũng ảnh hưởng tư tưởng của đại đa số đại chúng trong xã hội, ngộ nhận, hiểu lầm nghiêm trọng. Cho rằng Phật giáo là Tôn giáo, cho rằng Phật giáo là mê tín, vì thế không tiếp xúc với Phật giáo. Tiếp xúc với Tôn giáo, lúc trẻ tôi từng tiếp xúc Đạo Cơ đốc, nghe mục sư giảng kinh, chủ nhật đến giáo đường nghe giảng đạo. Tiếp xúc đạo Hồi giáo, nghe giáo sĩ Hồi giáo giảng đạo, khi nghe đôi lúc rất có đạo lý. Phật giáo không có, Phật giáo chỉ có tụng kinh siêu độ cho người chết, không nghe trong Phật giáo có giảng kinh. Về sau học Phật mới biết có giảng kinh, nhưng rất ít. Từ thời Dân quốc đến nay, thật sự giảng kinh chỉ có mười mấy người. Đều phân bố đến các thành phố lớn, chúng tôi ở nơi các thành thị nhỏ, suốt đời chưa hề nghe đến, làm gì có hòa thượng giảng kinh? Họ tụng kinh, hòa thượng tụng kinh, không nghe nói có giảng kinh, vì thế sinh ra hiểu lầm nghiêm trọng. Tôi từng nói với quý vị rất nhiều lần về nhân duyên học Phật của tôi. Hai mươi mấy tuổi rất có hứng với triết học, ở Đài Loan gặp một đồng hương, là ông Phương Đông Mỹ, một nhà triết học đương đại. Tôi học triết học với ông, ông dạy cho tôi bộ Triết Học Khái Luận, mục sau cùng là Triết Học Phật Giáo. Tôi học với ông mới hoàn toàn hiểu Phật pháp không phải mê tín, Phật pháp không phải Tôn giáo, Phật pháp là triết học. Ông giới thiệu cho tôi, ông nói: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới, triết học Phật giáo là triết học đỉnh cao nhất trên toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Những câu này đã đưa tôi vào Phật môn. Đến nay đã 59 năm, kiên trì nhẫn nại. Lời thầy nói là thật, hoàn toàn không sai. Hưởng thụ cao nhất của đời người tôi đã đạt được, hưởng thụ cao nhất của đời người không liên quan đến giàu nghèo sang hèn. Hưởng thụ cao nhất là gì? An vui, ngày ngày sống trong niềm hoan hỷ, an lạc, đây là hưởng thụ cao nhất của đời người. Mỗi ngày học kinh, học tập theo kinh điển, đối với danh từ Phật giáo gọi là các pháp thật tướng, nghĩa là chân tướng của tất cả pháp. Ngày càng rõ ràng, ngày càng minh bạch, sẽ ngày càng hoan hỷ. Khi dùng Phật pháp giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm, đây là tam quy y. Như vậy sao không an vui được! Đây mới thật sự là hưởng thụ cao nhất. Cho nên học Phật, làm đệ tử Phật môn, chính là tiếp thu giáo dục Phật giáo. Có sứ mạng phát triển rộng rãi nền giáo dục tốt đẹp này, phải giới thiệu cho xã hội. Năm 33 tuổi tôi xuất gia, xuất gia là bắt đầu giảng kinh dạy học, đến nay là 52 năm chưa từng gián đoạn. Vô cùng hoan hỷ, an vui không mệt mỏi.

Cho nên chúng ta thuộc về giới của giáo dục Phật giáo, trong phạm vi lớn gọi là giới Tôn giáo. Trong phạm vi nhỏ, chúng ta là Phật giới, giáo dục Phật giáo. Danh không chính thì ngôn không thuận, chiêu bài của chúng ta phải treo ở giáo dục Phật giáo. Đạo tràng nhỏ này là Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội. Ở Đài Loan chúng tôi cũng có một đạo tràng nhỏ, cũng dùng giáo dục Phật giáo, bên đó là Cơ Kim Hội- “Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội”. Bây giờ chúng tôi di dân đến Úc Châu, ở Úc châu chúng tôi có đạo tràng nhỏ, Tịnh Tông Học Viện, nghiêng về giáo dục. Chính phủ Úc Châu thừa nhận chúng tôi là giáo dục, khi đăng ký là Tôn giáo. Ba năm sau, chính phủ nói quý vị không phải Tôn giáo, quý vị là giáo dục. Họ thừa nhận, liệt chúng tôi vào trong giới giáo dục, không xem chúng tôi vào trong giới Tôn giáo. Đây là nói về chữ giới.

“Chữ giới này cũng đầy đủ nghĩa ở trên, do đây có thể biết, phổ cập vô biên giới, tức là biến khắp tất cả”. Vô lượng vô biên quốc giới, trên thực tế nghĩa là bên dưới nói biến tất cả pháp. Biến pháp giới hư không giới, trong tất cả pháp không sót một pháp nào, đây nghĩa là “pháp âm phổ cập vô biên giới”. Chúng ta đọc Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, thật sự hiểu rõ. Giới này giới hạn nhỏ nhất là gì? Danh từ Phật học gọi là cực kỳ vi tế. Hiện nay tên gọi của khoa học gọi là lượng tử, đây là tiểu quang tử. Mỗi tiểu quang tử nó có giới hạn của nó, tiểu quang tử tụ tập lại một nơi trở thành hạt căn bản. Hạt căn bản tụ tập lại mới thành điện tử, nguyên tử, đến phân tử, đến tế bào. Nếu tính một tế bào là một điện tử, không biết có bao nhiêu?

Âm thanh Phật thuyết pháp đến mỗi tiểu quang tử. Nó có thể tiếp thu chăng? Có thể tiếp thu. Vì sao vậy? Vì thể của nó là ngũ uẩn sắc thọ tưởng hành thức, nó rất nhỏ, nhỏ một cách chúng ta không thể tưởng tượng được. Nhưng nó có hiện tượng vật chất, có hiện tượng tinh thần, tức là nói nó có kiến văn giác tri. Trong tự tánh là kiến văn giác tri, trong A lại da gọi là thọ tưởng hành thức. Nó có, đã có đương nhiên âm thanh Phật thuyết pháp nó có thể tiếp thu. Cho nên trong Kinh Hoa Nghiêm mới nói: “Tinh dữ vô tình, đồng viên chủng trí”, cuối cùng chúng ta cũng đã hiểu. Lúc trẻ đọc câu này trong Kinh Hoa Nghiêm, tham cứu thật nhiều nhưng không hiểu. Thỉnh giáo người khác cũng không ai giảng giải một cách rõ ràng. Lúc đó chúng tôi dạy Phật học viện, tuổi tác lớn nhất là cư sĩ Đường Nhất Huyền, rất nổi tiếng ở Đài Loan, Thiền và giáo ông đều thông. Dạy học trong Phật học viện, chúng tôi đến thỉnh giáo ông, không cách nào, không nói được, rất khó, khó vô cùng. Hữu tình có thể nói, nhưng vô tình thì sao? Cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa đều có thể thành Phật ư? Đồng viên chủng trí tức thành Phật, là thật không phải giả. Đọc Kinh Hoa Nghiêm mới hoàn toàn thấu triệt.

Câu thứ ba, “tuyên dương giới định tuệ tinh tấn môn”, câu này là Tổng Dịch. Trong bản của Đường Dịch là: “Diễn nói các pháp môn bố thí trì giới, nhẫn nhục tinh cần và định tuệ”. Do đây có thể biết, trong Tổng Dịch là tinh lược, đích thực nó nói là lục ba la mật. Cho nên năm loại nguyên bản dịch là tham khảo hỗ tương nhau, tư tưởng sẽ minh bạch. Nó không phải sót, mà là tinh lược. Cho nên văn tự của Đường Dịch tường tận hơn.

“Biểu trưng tuyên thuyết lục độ, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã. Hán Dịch cũng như vậy, ngày nay Tổng Dịch tinh lược hơn, lấy tam độ giới, định, tinh tấn hàm nhiếp sáu độ”. Câu bên dưới: “Thông đạt pháp thậm thâm vi diệu”. Pháp này là gì? Pháp thậm thâm vi diệu là gì? Ở đây chú thích rất hay. “Pháp này tức là mười phương Phật khen ngợi, trì danh niệm Phật là pháp vô thượng thậm thâm”. Nghĩa là pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, thành tựu ngay trong đời này.

Đây không phải là pháp vi diệu u? Pháp thậm thâm vi diệu. Vì sao vậy? Trong Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm nói thập ba la mật, Bồ Tát Văn Thù nói thập ba la mật, Bồ Tát Phổ Hiền nói thập đại nguyện vương, tất cả đều quy về một câu danh hiệu. Hai vị đại Bồ Tát này lãnh đạo 41 vị pháp thân đại sĩ của thế giới Hoa Tạng, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Chúng ta nghĩ đến cảnh giới đó, hình ảnh đó, mới biết rằng pháp môn Tịnh độ thù thắng vô cùng, quả thật không thể nghĩ bàn. Cho nên trì danh niệm Phật là pháp vô thượng thậm thâm. Trong giáo lý đại thừa nói: “Vạn pháp quy nhất”, nhất chính là câu Phật hiệu Nam Mô A Di Đà Phật này. Thật vậy, tất cả pháp đến sau cùng đều quy về một câu Phật hiệu. Ý nghĩa câu Phật hiệu này vô cùng thâm sâu.

Thời đại Tùy Đường là thời đại hoàng kim của Phật giáo, rất nhiều cao tăng Ấn độ đến truyền pháp. Trung quốc cũng có rất nhiều cao tăng đến Ấn độ du học, thành tích rất khả quan, cực thịnh một thời. Thời đại đó cả đại thừa và tiểu thừa có 10 tông phái xuất hiện. Mấy quốc gia lân cận như Hàn quốc, Nhật bản, Việt nam đều phái rất nhiều lưu học sinh đến Trung quốc học tập. Cho nên ba quốc gia này đều là Phật giáo đại thừa, đều từ Trung quốc truyền đến. Ở đây ít người qua bên nước đó, nhưng các nước lại có rất nhiều người đến đây lưu học.

Cư sĩ Mai Quang Hy, viết một bài tựa rất dài cho Kinh Vô Lượng Thọ, trong bài tựa đó có nói về câu chuyện này. Những cao tăng đại đức thời Tùy Đường, từng cùng nhau nghiên cứu tất cả pháp mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng trong suốt 49 năm. Kinh nào là đệ nhất, trong tất cả kinh điển, Đức Phật giảng rất nhiều, bộ kinh nào có tính biểu pháp, có thể biểu trưng cho tất cả pháp, mà Đức Thế Tôn giảng trong suốt 49 năm. Được mọi người công nhận là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Cho nên về sau Hoa Nghiêm được Phật môn xưng là Pháp luân căn bản.

Khi thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi, thầy nói Kinh Hoa Nghiêm là Phật Học Khái Luận, nghĩa là khái luận trong kinh điển Phật giáo. Ông có cách nhìn như thế, tất cả kinh điển đều không ra ngoài phạm vi của Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là tổng thuyết, các kinh điển khác chỉ nói tường tận một bộ phận nào đó, Hoa Nghiêm là tổng thuyết. Ở sau Kinh Hoa Nghiêm, nhìn thấy sau cùng Phổ Hiền Bồ Tát Thập Đại Nguyện Vương quy về Cực Lạc. Cực Lạc là gì? Cực Lạc là Kinh Vô Lượng Thọ, như vậy hóa ra Kinh Vô Lượng Thọ là đệ nhất. Đích thực Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều quy về Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ trở thành đệ nhất.

Ngày nay bộ kinh này, bản hội tập này, cư sĩ Hạ Liên Cư phân nó thành 48 phẩm. Dùng cách nói như hiện nay là 48 chương, hoặc 48 thiên. Thiên, chương, trong Phật pháp gọi là phẩm. 48 phẩm này phẩm nào quan trọng nhất? Tổ sư đại đức đều đã nghiên cứu, phẩm thứ sáu quan trọng nhất. Phẩm thứ sáu là gì? 48 nguyện của Phật A Di Đà, là cương lĩnh chung, là nguyên tắc chung của sự tu tập bộ kinh này, pháp môn này. Là bản thân Phật A Di Đà nói, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuật lại cho chúng ta nghe. 48 nguyện này là Phật A Di Đà tự nói, 48 nguyện này nguyện nào quan trọng nhất? Điều này chư vị tổ sư đại đức đều thừa nhận, nguyện thứ 18, nguyện thứ 18 là gì? Lâm chung một niệm đến mười niệm đều có thể vãng sanh. Lúc lâm chung niệm mười câu Phật hiệu, niệm một câu Phật hiệu đều có thể vãng sanh. Quý vị xem, đây không phải là tất cả đều quy về một câu danh hiệu ư? Cho nên triển khai câu danh hiệu này chính là 48 nguyện, triển khai 48 nguyện là Kinh Vô Lượng Thọ, triển khai Kinh Vô Lượng Thọ là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, triển khai Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm nghĩa là tất cả kinh điển đức Phật giảng trong suốt 49

năm. Tất cả kinh điển quy nạp thành một câu danh hiệu, danh hiệu này công đức không thể nghĩ bàn! Rất nhiều người không hiểu được chân tướng sự thật này, cho rằng câu Phật hiệu này không đáng gì? Phải nghiên cứu đại kinh đại luận, nghiên cứu thông kinh luận đến sau cũng vẫn trở về một câu danh hiệu này. Nếu không trở về câu danh hiệu này, con đường ta đi sẽ không thông suốt, không thể có thành tựu. Cho nên pháp môn này thù thắng biết bao, trong kinh này nói: “thông đạt pháp thậm thâm vi diệu”. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch câu danh hiệu này, đời này ta dựa vào câu Phật hiệu này vãng sanh thế giới Cực Lạc, thành vô thượng đạo.

Trong kinh Đức Phật dạy chúng ta: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, lời này là thật. Cổ nhân tuy không nói là Phật, nhưng họ nói: “Tánh người vốn thiện”. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh nói: “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”, thiện nghĩa là gì? Thiện đó chính là Phật, Phật mới là viên mãn nhất, không hề khiếm khuyết, đó gọi là thiện. Trong Đại Học nói: “Chỉ ư chí thiện”, tức là ý này. “Minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện”. Chí thiện này, nếu ở đây nói tức là một câu danh hiệu. “Tri chỉ nhi hậu hữu định”, hiểu rõ câu danh hiệu này tâm sẽ định, không còn có vọng tưởng. Định sau đó có thể tĩnh, tĩnh sau đó có thể an, an sau đó có thể suy nghĩ, như vậy quý vị sẽ thành công.

Townenbe cũng từng nói câu này, tâm lượng người xưa thật rộng lớn, có thể bao dung văn hóa dị tộc. Phật giáo Ấn độ là văn hóa dị tộc, có thể bao dung, tiếp thu, hoàn toàn tiếp thu. Kinh Phật, Phật giáo Ấn độ khiến cho văn hóa truyền thống bản địa phong phú hơn. Dùng tư tưởng trong kinh Phật để giải thích truyền thống văn hóa, toàn bộ đều trở thành nhất thừa Phật giáo. Quý vị nói dùng Kinh điển để giải thích Tứ Thứ, giải thích Đại Học, Trung Dung, đó không phải là nhất thừa Phật pháp ư? Cảnh giới nâng cao rất nhiều. Dùng Phật pháp nói, tất cả pháp đều là Phật pháp, không có gì không phải Phật pháp.

Chúng tôi từng thử, từng nói, dùng Phật pháp để giải thích kinh Coran, kinh Coran là pháp nhất thừa. Dùng Phật pháp để giải thích Thánh Kinh của Cơ đốc giáo, Thánh Kinh là pháp nhất thừa. Vấn đề ở đâu? Vấn đề ở con người. Trong giáo lý đại thừa thường nói: “người viên mãn thuyết pháp, không có pháp gì không viên mãn”, chính là đạo lý này. Người nhất thừa nói tất cả pháp thì tất cả đều là pháp nhất thừa, người tam thừa giảng tất cả Phật pháp toàn là tam thừa pháp, ý nghĩa này rất thâm sâu. Trình độ ta nông cạn, xem kinh điển đại thừa, quý vị nói cũng nông cạn. Nếu trình độ cao xem kinh điển tiểu thừa, cũng nói rất sâu sắc.

Pháp có sâu cạn chăng? Không có, sâu cạn đều do con người. Sau đó chúng ta mới biết, văn hóa truyền thống xưa nay là thánh hiền nhân, người xưa là thánh hiền nhân. Thánh hiền nhân từ đâu đến? Đào tạo nên. Thánh hiền nhân nói tất cả pháp đều là pháp thánh hiền, làm mọi việc đều là việc thánh hiền. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, mới có thể giác ngộ, mới vĩnh viễn xa lìa lỗi lầm, ô nhiễm, vĩnh viễn an trú trong thanh tịnh bình đẳng giác. Ta đạt được lợi ích của Phật pháp đại thừa, không uổng công học Kinh Vô Lượng Thọ.

Ở đây chỉ giải thích sơ lược về Lục độ, bố thí rất quan trọng, nhất định phải biết. Con người ở thế gian không phân biệt quốc gia chủng tộc, không phân biệt quý vị tín ngưỡng Tôn giáo nào, chỉ cần là người họ đều có dục vọng, họ muốn cầu điều gì? Thứ nhất là được của cải, thứ hai được trí tuệ, thứ ba được mạnh khỏe trường thọ. Quý vị nói ba thứ này có ai không cần? Lúc tôi ở Mỹ, xung quanh là Đạo Cơ Đốc. Chúng tôi gặp mặt nói chuyện, họ hỏi chúng tôi về Phật học, tôi hỏi họ có cần ba thứ này chăng? Cần, ba thứ này quá tốt! Họ hỏi chúng tôi, học Phật có lợi ích gì? Học Phật có thể đạt được ba thứ này, có thể có của cải,

được thông minh trí tuệ, được mạnh khỏe trường thọ, quả thật đã khiến họ động lòng. Tôi nói Phật giáo là giáo dục không phải Tôn giáo, quý vị là tín đồ của Đạo Cơ đốc, chủ nhật hằng tuần đi lễ ở giáo đường, thứ bảy đến chùa lễ Phật. Tôi dạy quý vị ba phương pháp này, dạy quý vị cầu của cải, dạy quý vị thông minh trí tuệ, dạy quý vị mạnh khỏe trường thọ, họ đều đến. Chúng tôi giao lưu rất tốt. Ở nhà quý vị có cha mẹ, đến trường có thầy cô. Đây là thầy, Phật là thầy, Thượng đế là cha mẹ của quý vị, là thiên phụ. Quan hệ của quý vị với Thượng đế là quan hệ cha con, quý vị đến chùa quý vị với Phật là quan hệ thầy trò, không hề xung đột. Họ rất an tâm đến chùa, chúng tôi không gạt họ, đây là sự thật. Ba thứ này từ đâu đến? Nhờ bố thí mà có được. Nếu muốn phát tài, muốn được của cải thì tu tài bố thí. Tài bố thí được của cải, pháp bố thí được thông minh trí tuệ, bố thí vô úy được mạnh khỏe sống lâu. Những điều này khi tôi mới học Phật, là đại sư Chương Gia dạy cho tôi. Lúc tôi còn trẻ, cuộc sống vô cùng khó khăn, vì sao vậy? Số mạng không có của cải, người bói toán nói kho của cải của tôi trống không, không có gì cả. Quý vị xem người ta bói toán cho Lý Gia Thành, của cải của Lý Gia Thành tràn ngập, chất đống. Người bói toán cho Lý Gia Thành nói với tôi như vậy, ông Trần Lãng, mấy năm trước tôi giảng kinh ông thường đến nghe. Ông qua đời chắc cũng ba năm rồi thì phải. Qua đời ba năm. Khi Lý Gia Thành quen ông là năm 30 tuổi, vừa đến HongKong kinh doanh thì gặp ông ta, ông ta xem tướng cho Lý Gia Thành. Trần Lãng biết xem tướng, bói toán, xem phong thủy, đều rất nổi tiếng. Lúc về già nghe tôi giảng kinh, cho nên đã nói với tôi. Tôi quen Lý Gia Thành là do Trần Lãng giới thiệu.

Con người thật sự có vận mệnh, vận mệnh từ đâu đến? Tu được trong đời quá khứ. Như vậy tôi đã hiểu, thầy vừa nói tôi hiểu ngay. Trong đời quá khứ tôi không tu tài thí, không tu vô úy thí, chỉ tu được một chút pháp thí, vì thế có được chút thông minh trí tuệ. Của cải trống không, thọ mạng lại ngắn, đoản mạng. Cho nên thầy dạy tôi, bây giờ tu là bù đắp, bù đắp thiếu sót trong quá khứ.

Thầy dạy tôi học pháp bố thí, tôi nói tôi không có tiền, lo cho bản thân đã là vấn đề, làm gì có tiền để bố thí? Thầy hỏi tôi: “Một hào có không?” Tôi nói được, một hào thì được. Một đồng được chẳng? Một đồng cũng có thể miễn cưỡng. Vậy con bắt đầu bố thí từ một hào một đồng đó, phải thường giữ tâm bố thí, gặp cơ hội là phải thực hành. Càng thí càng nhiều! Gần đây tôi còn làm một việc bố thí, trong đó có bố thí tài, có bố thí pháp. Bố thí gì? Tôi mua 100 bộ Tứ Khố Toàn Thư ở nhà sách Thương Vụ, tôi mua nhiều như vậy là khách hàng lớn của họ, giá tiền tính rất thấp, 100 bộ là 50 triệu đôla. Một bộ năm vạn, 50 triệu đôla. Tôi mua để tặng ai? Tặng cho thư viện của các trường đại học. Quý vị xem số tiền này, có tài bố thí, bố thí pháp, sách là pháp. Cho nên trong này có tài bố thí, có pháp bố thí, nhất cử lưỡng tiện. Mỗi năm tôi làm những công việc này, nói cho chư vị biết, 50 triệu là khoảng một nửa con số, tôi nằm mơ cũng không ngờ đến. Lúc trẻ cầm một hai đồng tiền thấy đã khó khăn, vậy mà hiện nay mỗi năm có thể bố thí 100 triệu đôla. Tiền từ đâu đến không biết, tôi cũng không biết, dù sao cũng có người đưa tiền để tôi làm những công việc này. Trên thân không giữ tài vật, quý vị càng bố thí càng nhiều!

Bố thí vô úy, phương pháp tiện lợi nhất chính là áp dụng phương pháp ăn chay. Tôi ăn chay suốt 59 năm, không kết oán thù với tất cả chúng sanh, cho nên động vật nhìn thấy tôi không sợ hãi, vì sao vậy? Vì không có sát khí, bây giờ gọi là từ trường, không có từ trường làm tổn hại chúng sanh. Cho nên động vật bên ngoài, chúng ta nhìn thấy vẫy tay chúng đều chạy đến bên cạnh. Quý vị phải thực hành, phải nghe theo lời thầy, dạy chúng ta làm như thế nào thì chúng ta làm theo như thế, tuyệt đối không thiết thòi. Quý vị không thực hành không

được, nhất định phải thực hành, cho nên bố thí có rất nhiều lợi ích. Quý vị xem, bao nhiêu năm nay tôi đi khắp thế giới, trên người không có tiền. Vé máy bay bao nhiêu tiền cũng không biết, xưa nay không hề biết, lên máy bay có người đưa vé cho tôi, đi đến đâu đều có người tiếp đãi, quý vị xem tự tại biết bao! Đây chính là thầy Phương dạy tôi: “hưởng thụ cao nhất của đời người”. Ở HongKong tôi không có nhà, nhà là của một vị cư sĩ, cùng tuổi với tôi, nhà của một cư sĩ. Con bà kinh doanh bất động sản, xây nhà mới, họ dọn đến nhà mới, căn nhà cũ không nữa bán đi. Họ ở đây mấy mươi năm, cũng không đành lòng cho thuê, sợ người ta làm hư nhà. Tôi đến HongKong, họ cho tôi ở vô điều kiện, quý vị xem rất tự tại! Chỉ đưa cho tôi chùm chìa khóa, tất cả mọi chi phí họ chịu hết, tôi không biết gì cả. Ở rất nhiều năm, vô cùng an lạc! Tôi ra đi trả nhà lại cho họ, là của họ, không phải của tôi, đây đúng là tự tại. Có nhà cửa là có phiền phức, phiền phức này rất nhiều.

Ở trước tôi có kể với quý vị một câu chuyện, là thật. Ở Đài Loan, cũng là một nhà kinh doanh bất động sản, ông họ Giản, về sau cũng học Phật. Ông xây một ngôi nhà muốn cúng dường cho tôi một tầng, tôi tưởng là ông nói đùa. Đến lúc ông đưa hết tất cả giấy tờ thuộc quyền sở hữu cho tôi, tôi nói với ông một cách nghiêm khắc, phải chăng ông có tâm muốn hại tôi? Ông quỳ xuống đất nói, con không dám, không dám, tuyệt đối không dám hại thầy. Tôi nói, ông cho tôi tầng lầu đó là ý gì? Mời tôi đi giảng kinh hoàng pháp. Tôi nói căn nhà này có cần nộp thuế chăng? Đương nhiên là cần. Tôi nói một tháng khoảng bao nhiêu tiền? Ông dự tính một tháng khoảng sáu vạn, ông không hại tôi vậy một tháng sáu vạn đó tôi lấy đâu ra? Ông sửng người một lúc rồi nói, như vậy phải làm sao? Tôi nói chỉ có một điều kiện, mỗi tháng ông đưa đến sáu vạn, ông nộp tiền thuế tôi mới dám nhận. Ông đã đồng ý, nộp tiền thuế ba năm. Ba năm sau đạo tràng này có thể tự thu chi, tôi nói ông không cần nộp nữa.

Muốn tôi đưa tay vận động người khác dù một đồng tiền, tôi thà chết cũng không làm điều này. Người ta cúng dường tiền, đưa tiền đến, đưa quá nhiều, tôi hỏi tiền này từ đâu mà có? Nguồn gốc không sạch sẽ, tiền này tôi không nhận, trong Phật pháp thu nhận là tịnh tài. Tiền này của quý vị không sạch sẽ, quý vị không được dùng nó làm Phật sự. Buông bỏ tất cả mới được đại tự tại! Cho nên rất nhiều người biết, suốt đời tôi không quản lý người khác, không quản lý tiền bạc, không quản lý công việc, quý vị xem tự tại biết bao! Mỗi ngày đọc sách, chia sẻ tâm đắc với mọi người, rất an lạc.

Ngạn ngữ nói rất hay, hoàn toàn không phải giả: “Biết nhiều việc thì phiền não nhiều”. Cho nên từ sau khi tôi học Phật, tôi không xem truyền hình, không nghe tin tức, không xem báo, không xem tạp chí. Vì sao vậy? Những thứ đó đều là thị phi, người ta hỏi tôi như thế nào? Ngày ngày thiên hạ thái bình, lúc nào cũng tốt đẹp, không sao. “Quen biết nhiều người thị phi nhiều”, quen biết nhiều người thị phi sẽ rất nhiều, càng ít càng tốt. Ngày ngày đọc kinh, làm bạn với Phật Bồ Tát, quý vị nghĩ xem như vậy hạnh phúc biết bao.

Phật Bồ Tát ở đâu? Mỗi cuốn kinh sách đều là Phật Bồ Tát, chư Phật Bồ Tát này rất thân thuộc với quý vị. Sau đó nhìn thấy tất cả mọi người, tất cả cũng đều là Phật Bồ Tát, mọi người đều là Phật Bồ Tát, quý vị nói an vui biết bao. Vì sao vậy? Đức Phật dạy: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Người xưa thường nói, tổ tông nói: “nhân chi sơ, tánh bản thiện”, bản tánh vốn thiện. Bất thiện là tập tánh, đây là chúng ta không nỗ lực học tập, không thân cận thánh nhân. “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, đạo lý là như vậy. Nếu ngày ngày ở cùng thánh hiền, không phải quý vị cũng trở thành thánh hiền ư? Ngày ngày ở cùng Phật Bồ Tát, không phải quý vị trở thành Phật Bồ Tát ư? Sự thật chỉ đơn giản như vậy.

Cho nên nhất định phải biết bố thí, bố thí nghĩa là buông bỏ, trì giới tức là giữ quy củ. Không nghe lời người đi trước, thiệt thòi ngay trước mắt. Những gì người đi trước dạy đó là giới luật, nhất định phải tuân thủ, y giáo phụng hành. Nhẫn nhục, đây là dạy chúng ta mọi việc đều phải nhẫn nhường. Sống với người, mọi người đều tranh giành danh lợi, chúng ta nhường họ không phải rất dễ giao tiếp ư? Hai bên tranh giành nhau trở thành oan gia đối đầu, sao phải khổ như thế? Đòi người rất ngăn ngại, đừng kết oán thù với người khác, học chịu thiệt, học bị lừa gạt. Cổ nhân nói một câu rất có đạo lý: “Thiệt thòi là phước”, quý vị có thể lãnh hội được chăng? Lãnh hội được, quý vị rất hoan hỷ khi bị thiệt thòi, vì sao vậy? Vì đó là phước, không sai chút nào, phước đi theo sau đó. Cho nên dạy chúng ta phải học chữ nhẫn, nhẫn nhường. Tiến bộ hơn tức là khiêm nhường, khiêm tốn. Tiến bộ hơn nữa là lễ nhường, tuyệt đối không tranh với người.

Tinh tấn, tinh tấn chú trọng nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Rất nhiều đồng tu muốn học tập kinh điển, tương lai có thể thành tựu, quý vị chỉ cần nắm vững hai chữ tinh tấn, quý vị sẽ thành tựu. Tinh là thuần mà không tạp, thâm nhập một môn. Tinh là duy trì mãi sự tiến bộ, không bị thoái chuyển. Học kinh giáo cần bao nhiêu thời gian? Phải 10 năm, 10 năm chuyên tham cứu một bộ kinh, 10 năm sau quý vị trở thành một pháp sư giỏi. Đây là thật, không phải giả, tuyệt đối không được tham cứu quá nhiều, nhiều quá thì sao? Rất tạp, tâm và ý niệm ta bị phân tán, như vậy rất thiệt thòi. Quý vị học suốt đời, những gì đạt được chỉ là tri thức, trong kinh điển chẳng qua ta chỉ đạt được một ít tri thức Phật học, không có khai ngộ. Thâm nhập một môn có thể khai ngộ, vì sao thế? Vì ý niệm chỉ tập trung vào một nơi, vào một bộ kinh, vào một pháp môn. Đối với một số người mà nói, tư chất như hàng trung đẳng chúng ta, khoảng bốn năm năm là được định, tâm thanh tịnh hiện tiền. Thêm hai ba năm nữa, tức sáu bảy năm có thể khai ngộ. Không phải đại triệt đại ngộ, cũng có thể coi là đại ngộ, vì sao vậy? Quý vị có thể thông tất cả kinh điển. Các kinh khác chưa từng học, nhưng khi xem đến có thể hiểu, không hề có chút chướng ngại nào. Bởi thế trong Phật giáo nói: “thông một kinh thì tất cả đều thông”. Không thể thông toàn bộ, đại khái những kinh điển liên quan đến pháp môn mình học đều thông hết, điều này không khó. Thật sự đại triệt đại ngộ, đó là dung hội quán thông tất cả pháp thể xuất thế gian, không hề có chút chướng ngại nào. Đây đều là sự thật.

Cho nên sau khi tinh tấn sẽ được định, định là gì? Tâm thanh tịnh là định, tâm bình đẳng là định, đại triệt đại ngộ là định. Định khởi tác dụng chính là trí tuệ bát nhã, đây là do nhất quán mà được. Nếu ở trước không có bố thí, không có trì giới, thì ở sau hoàn toàn không có. Giống như xây nhà lầu vậy, căn nhà sáu lầu, bố thí là tầng thứ nhất, không có tầng thứ nhất này năm tầng sau đều là giả, không phải thật. Có ở sau nhất định có ở trước, có ở trước chưa chắc có ở sau, phải hiểu đạo lý này. Sau đó ta mới biết buông bỏ rất quan trọng, bố thí nghĩa là buông bỏ. Giữ quy củ quan trọng, trì giới là giữ quy củ.

Lục độ chỉ giới thiệu đơn giản sơ lược như thế, chúng ta xem tiếp trì danh niệm Phật.

“Pháp này tức mười phương Phật khen ngợi, trì danh niệm Phật là pháp vô thượng thậm thâm. Tỳ kheo Pháp Tạng, nguyện pháp âm như Phật, rộng tuyên nói lục độ...các pháp diệu hạnh”, đọc cổ âm là diệu hoành. Bây giờ không đọc cổ âm, không ai hiểu. Đọc hoành là làm động từ, đọc hạnh là làm danh từ. Ngày xưa bốn âm của văn tự, nó rất chú trọng, bây giờ không ai học điều này. Nếu chúng ta đọc hoành, người ta nói thầy ơi thầy đọc sai rồi, đây là hạnh không phải hoành.

“Muốn khiến chúng sanh thông đạt pháp thậm thâm vi diệu này”, pháp này tức là trì danh niệm Phật. “Tâm tác tâm thị”, hai câu này, tâm tác tâm thị là trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, “thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật”. Thị tâm thị Phật là ta vốn có, trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Vì sao vậy? Thị tâm thị Phật. Thị tâm tác Phật nghĩa là bây giờ chúng ta phát nguyện, ta vốn là Phật, bây giờ muốn thành Phật. Quý vị nói có thể thành tựu được chăng? Đương nhiên thành tựu, vì sao vậy? Vì chúng ta vốn là Phật.

Thành Phật như thế nào? Thực hành được sáu pháp ba la mật, thực hành sáu pháp ba la mật ở đâu? Tại câu Phật hiệu, một câu Phật hiệu đầy đủ sáu pháp ba la mật. Trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, ngoài ra đều buông bỏ hết, đều không để trong lòng, đây là đại bố thí, đại xả. Tuân thủ lời dạy của kinh điển: “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, đây là trì giới, niệm Phật nghĩa là trì giới. Thành khẩn niệm một câu Phật hiệu, năm này đến năm khác tuyệt đối không thay đổi, đây là nhẫn nhục. Tuyệt đối không tham dự vào các pháp môn khác, làm nhiều loạn tinh tấn và thiên định của chúng ta. Nhất tâm niệm Phật là trí tuệ, trí tuệ chân thật. Cho nên sáu ba la mật đều bao hàm trong một câu Phật hiệu. Đây gọi là chân niệm Phật, gọi là tâm tác, thị tâm tác Phật. Niệm niệm tương ưng với câu Phật hiệu này.

Tôi cũng thường khuyên chư vị đồng tu, người niệm Phật chơn chánh là phải thay đổi tâm. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra trong tâm toàn là rác, phải đem hết ra, vứt bỏ tất cả. Ngoài Phật A Di Đà ra, tuyệt đối không để bất kỳ điều gì xen tạp vào, đây gọi là biết niệm. Chư vị tổ sư nói: “Người biết chăng?”, đây là đã biết, biết niệm làm gì có đạo lý không thành Phật! Làm gì có đạo lý không vắng sanh!

“Sáng suốt từ bản tâm, nhận thức từ bản tánh, đều là thành Phật độ sanh”. Minh tâm kiến tánh tức dùng câu Phật hiệu này, so với tham thiên tiện lợi hơn nhiều, dễ hơn nhiều, mà sự thành tựu còn cao hơn. Người khác không có công phu cao như thế, quý vị nói pháp môn này hay biết mấy, hà tất đi tìm những pháp môn khác! Tìm pháp môn khác nghĩa là sao? Nghĩa là không tin, tín tâm có vấn đề, nguyện đó cũng đang lung lay không định. Như vậy phải làm sao? Phải nghe kinh nhiều, đọc kinh nhiều. Tác dụng của kinh là gì? Giúp chúng ta phá mê và sinh khởi tín tâm, mục đích là như vậy. Ta nghe nhiều, hiểu nhiều, thật sự tin tưởng. Tin thật là gì? Buông bỏ tất cả là tin thật, còn một chút chưa buông bỏ được tức không phải tin thật, chúng ta không thể không biết điều này. Mục tiêu sau cùng là gì? Thành Phật độ sanh, chúng ta phải giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn. Trong xã hội hiện nay, những chúng sanh này đang chịu khổ chịu nạn, cần phải giúp họ, đây là chưa triệt để. Vì sao vậy? Vì họ chưa thoát ly lục đạo. Chỉ cần chưa ra khỏi luân hồi, họ phải chịu khổ báo của luân hồi.

Đây là cuốn sách hay, nói về điều gì? Nói về luân hồi báo ứng: “Khải Tát Quân Đoàn Đông Chinh Trung Quốc Chi Mê”. Bộ sách này là đối thoại giữa người và quỷ. Tôi tin có rất nhiều đồng học từng thấy người bị ma nhập. Đây là nguyên soái, thống soái của quân đoàn La Mã, là con trai thứ ba, tam vương tử của Khải Tát. Lúc đó đại đế Khải Tát phái anh ta thống soái một đoàn quân hơn 10 vạn người, muốn đến chinh phục Trung quốc. Từ La Mã đến Trung quốc quá xa, đi bộ cũng mất hết một năm rưỡi, mệt mỏi vô cùng. Trên đường đi mắc bệnh ôn dịch, đủ thứ bệnh hoạn, chết không ít người. Đến Trung quốc, họ coi thường Trung quốc, thấy người Trung quốc nhỏ bé, họ thân hình cao lớn, nên rất coi thường người Trung quốc. Nhưng người Trung quốc biết bố trận, sau một cuộc chiến họ tổn thất hơn 9000 người, sĩ khí hoàn toàn sụp đổ. Khi nghĩ đến không thể chinh phục được Trung quốc, nhưng cũng không thể trở về. Đội quân này đi đến Hà Tây, Cam Túc, khi đến Cam túc còn chưa đến

một vạn người. Sau đó toàn quân bị tiêu diệt, chết ở Trung quốc. Quý vị xem 2100 năm trước, quân đội này hiện nay trở thành đội binh quý. Du hồn, bay đi khắp nơi, không có nơi nương tựa, cũng không trở về nước. Biên giới Trung quốc có thần Hộ pháp, họ không trở về được, cho nên đành làm cô hồn dã quỷ tại Trung quốc, khổ không tả được. Họ nhập vào một nông dân và kể lại câu chuyện này. Quý vị xem một người họ Cao đã viết thành cuốn sách này, cuốn sách này chứng minh luân hồi lục đạo có thật. Quả thật con người không chết, chết là thân thể, con người không chết. Chết 2100 năm trước, đến nay vẫn vô cùng linh hoạt. Cuốn sách này nói họ đưa ra một yêu cầu, hy vọng có thể xây cho họ một ngôi miếu, để linh hồn của họ có nơi nương tựa. Khó được, cư sĩ Tề Tố Bình ở Đông Thiên Mục Sơn nghe được tin tức này, bà đến đó tham quan gặp được họ, đã xây cho họ ngôi miếu. Bức đồ đó, bức họa đồ đó ở lầu bảy của chúng tôi, vừa xuống cầu thang máy ở lầu bảy quý vị sẽ nhìn thấy. Đó là thiết kế làm nơi kỷ niệm cho họ, bây giờ gọi là nơi kỷ niệm, dự định cuối sang năm là hoàn thành. Họ cũng phát tâm đến chùa làm thần hộ pháp, thần Hộ pháp hiện nay có thêm một đội quân La Mã, có thêm mười mấy vạn người làm thần hộ pháp. Là thật, hoàn toàn không phải giả.

Cho nên nhân quả là thật, sau khi biết được điều này, không được làm những việc sai lầm, nhân quả không tha cho ai cả. Quý vị có thể lừa gạt người thế gian, nhưng không lừa gạt được quỷ thần. Họ cực kỳ hồi hận, không nên đến Trung quốc. Những năm lại đây cũng may gặp được một vị Bồ Tát, thường cứu tế cho họ, cho thức ăn, nói với họ: Trung quốc không phải là chỗ của quý vị, quý vị đến làm gì? Ý câu nói này rất sâu sắc. Hay nói cách khác, đất đai quý vị dùng vũ lực chinh phục được, là số mạng quý vị có. Số mạng quý vị không có, dù dùng vũ lực cũng không thể đạt được. Cho nên chúng ta cũng có thể nói với người Nhật bản, đương thời muốn tiêu diệt Trung quốc. Trung quốc không phải của họ, chiến tranh suốt tám năm cuối cùng cũng đầu hàng, không phải của quý vị!

Cùng một đạo lý đó, tiền tài này không phải của quý vị, quý vị dùng thủ đoạn bất chính không lấy được. Nếu lấy được đó là số mạng quý vị có, quý vị nói như vậy có oan uổng chăng? Hà tất phải tạo ác nghiệp như thế? Phú quý có phước của phú quý, nghèo khổ có số của nghèo khổ, như vậy thì thế giới hòa thuận, thiên hạ thái bình. Không được có tư tưởng sai lầm, không được dùng thủ đoạn phi pháp. Như vậy là sai lầm.

Cho nên chúng ta học Phật không có gì khác, học Phật chính là muốn thành Phật, thành Phật tức là vì độ chúng sanh. Nghĩa là hy vọng những chúng sanh này, đều được thoát ly luân hồi lục đạo, thoát ly mười pháp giới. Cho nên Phật pháp dạy chúng ta lìa cứu cánh khổ, cứu cánh khổ tức là luân hồi khổ. Đắc cứu cánh lạc, cứu cánh lạc là thành Phật, như vậy mới viên mãn. Không phải bố thí cho quý vị một chút ân huệ, đó chẳng nghĩa lý gì, không thể giải quyết triệt để vấn đề.

Cho nên ở đây chúng ta có thể thấy Ở dưới có một đoạn là tổng kết, tổng kết bài kệ ở trên. “Bài kệ bốn câu là cầu đức giác tha, sáu câu sau là cầu đức tự giác”, tự giác là vì giác tha. “Ở trước là cầu pháp âm tuyên lưu, sáu câu này là cầu trí tuệ như biển, thẳng đến cứu cánh bỉ ngạn”. Ở đây nói rất rõ ràng minh bạch, để chúng ta thấy hai bài kệ rưỡi ở trước, ở sau cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải rất tường tận.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 173
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: 23.10.2010
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 199, hàng thứ tư: “*Trí tuệ tức bát nhã*”. Bắt đầu xem từ đây, đây là kinh văn.

“*Trí tuệ quảng đại thâm như hải, nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao*”. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giải thích cho chúng ta về trí tuệ, tiếng Phạn là bát nhã. *Đại Trí Độ Luận* nói: “*Bát nhã, Diêu Tần dịch là trí tuệ, nó đứng đầu trong tất cả các trí tuệ, vô thượng vô tỷ vô đẳng, càng không có gì vượt qua*”. Câu này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, không có gì vượt qua trí tuệ này. Hay nói cách khác, đây là trí tuệ cứu cánh viên mãn, trong Phật pháp gọi là Bát nhã.

Trí tuệ này từ đâu mà có? Là trong tự tánh vốn đầy đủ. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Thế Tôn nói với chúng ta: “*tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai*”, đây là tự tánh vốn có, trí tuệ vốn có, đức năng vốn có, tướng hảo vốn có. Nói cách khác, trong tự tánh không có khiếm khuyết gì, nó viên mãn, mỗi người đều bình đẳng. Không phải nói Đức Phật có chúng ta không có, chúng ta và Phật không có gì khác. Nhưng sự thật, hiện tại khác nhau rất lớn, chúng ta không thể sánh với Phật, nguyên nhân là gì? Đức Phật từng nói: Do có vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được. Câu này rất quan trọng, trí tuệ đức tướng trong tự tánh chúng ta không thấy, không phải không có, vì những gì trong tự tánh là bất sanh bất diệt. Nó là thật, không phải giả. Bây giờ không thấy được là do chướng ngại. Chướng ngại này không phải trí tuệ đức tướng có chướng ngại, là có một loại chướng ngại cản trở, khiến chúng ta không thấy sự hiện tiền của chúng. Chướng ngại gì? Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Hay nói cách khác, chúng ta buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, trí tuệ đức tướng liền hiện tiền, trí tuệ viên mãn.

Đức là gì? Đức trong Phật pháp gọi là thân thông, đó là đức năng. Nhân, nhân kiến có thể thấy được khắp biến pháp giới hư không giới, có thể thấy quá khứ vô thủy vị lai vô chung. Nặc lực này lớn biết bao! Đây là thật, không phải giả. Có thể thấy nguồn gốc của vũ trụ, trí tuệ có thể biết được đây là nguyên nhân gì, rõ ràng minh bạch. Tướng là tướng hảo, thông thường chúng ta gọi là chân thiện mỹ tuệ. Nhìn thấy ở đâu? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta, nhìn thấy thế giới tây phương Cực Lạc, thế giới đó thật tốt đẹp. Trong hội Hoa Nghiêm Đức Phật giới thiệu cho chúng ta, thấy được thế giới Hoa Tạng. Ở đó không có chướng ngại, cũng tức là hoàn toàn không có đức năng tướng hảo do vọng tưởng phân biệt chấp trước hiện ra. Vốn là như vậy, không có gì hy hữu cả. Thế giới Hoa Tạng là do tâm hiện thức biến, ở đó không có thức, nên nó không có biến hóa, chỉ có tâm hiện. Thế giới tây phương Cực Lạc cũng như vậy. Tự tâm mình hiện, làm gì có chuyện tự mình không được thọ dụng, hưởng thụ được? Nhất định có! Đức Phật nói một cách rõ ràng, chỉ cần đoạn trừ chướng ngại. Ngài còn dạy chúng ta, từ vô thủy đến nay, những tập khí nghiệp chướng này của chúng ta quá nặng, thời gian mê muội quá dài. Bây giờ muốn khôi phục lại nhưng không thể buông bỏ hết, Đức Phật dạy chúng ta buông bỏ dần dần cũng được. Ngày dạy chúng ta đầu

tiên là buông bỏ chấp trước, buông bỏ chấp trước lục đạo không còn. Chúng ta không bị ảnh hưởng bởi những thiên tai thảm họa trong lục đạo, lục đạo không còn. Buông bỏ chấp trước, sau đó buông bỏ phân biệt. Buông bỏ được phân biệt, hai cõi Thanh văn, Duyên giác không còn. Hai pháp giới trong tứ thánh pháp giới không còn, chỉ còn Bồ Tát và Phật. Nếu buông bỏ khởi tâm động niệm, hai cõi này cũng không còn, Bồ Tát và Phật cũng không còn, nghĩa là nói thập pháp giới không còn. Thập pháp giới không còn thì cảnh giới gì xuất hiện? Xuất hiện nhất chân pháp giới, cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai xuất hiện, cõi này chỉ có tâm hiện không có thức biến. Trong cảnh giới này như Tướng tông nói, đều đã chuyển thức thành trí.

Buông bỏ như thế nào? Phải biết quý vị không nên dùng nó. Trong cuộc sống hằng ngày, tôi dùng mắt thấy, tai nghe, tôi đều dùng, mắt tai mũi lưỡi thân đều dùng hết, nhưng như thế nào? Không chấp trước, không chấp trước nghĩa là không dùng thức thứ bảy. Mạt na thức là chấp trước, ta không dùng nó. Đệ lục ý thức là phân biệt, ta không phân biệt chính là không dùng thức thứ sáu. Tướng tông chuyển thức thành trí, thức thứ sáu và bảy là chuyển trên mặt nhân, tức là khi tu nhân. Bây giờ chúng ta phải hạ công phu này, cho nên tu hành chơn chánh, thật sự buông bỏ chính là sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, đối với phân biệt chấp trước càng nhạt càng tốt.

Chúng ta bắt đầu từ đâu trước? Bắt đầu từ đạm bạc, nhất định là năm này nhạt hơn năm trước, tháng này nhạt hơn tháng trước, như vậy là rất tiến bộ. Thật sự làm được tháng này nhạt hơn tháng trước, chúng ta nắm chắc chuyện vãng sanh. Nếu không chịu buông bỏ, vậy thì đành chịu. Một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, cổ nhân nói quý vị hét hư cổ họng cũng chỉ uống công, vì sao vậy? Vì chưa buông bỏ. Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, tập khí phân biệt chấp trước vẫn còn, không giảm nhẹ, như vậy không được.

Cho nên Đức Phật dạy chúng ta rất hay, quý vị xem Đức Phật dạy học sinh đời sau, cần phải tuân thủ hai vấn đề. Đây là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói lúc ngài sắp diệt độ, thứ nhất là trì giới, thứ hai là chịu khổ. *“Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”*, nghĩa là phải buông bỏ tất cả, không buông bỏ ta không thể trì giới, không buông bỏ ta không thể chịu khổ. Hai điều này đều rất hay! Giúp ta thành tựu đạo nghiệp, giúp ta vượt thoát luân hồi lục đạo. Nếu không chịu trì giới, trì giới bị câu thúc, không tự do, không tự tại, không muốn chịu khổ. Nói cách khác, quý vị muốn tiếp tục trôi lăn trong luân hồi lục đạo, không phải là cùng một vấn đề ư? Ta không muốn tiếp tục trôi lăn trong luân hồi lục đạo, vậy thì hãy thật thà trì giới, học chịu khổ, cuộc sống càng đơn giản càng tốt, điều này rất quan trọng.

Cho nên đối với trí tuệ, trong kinh điển nói như thế chúng ta đã hiểu. Đây là trí tuệ gì? Trí tuệ của mình tâm kiến tánh, đây là không gì sánh được, không gì bằng được, không gì hơn được. Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập định dưới cội bồ đề, trí tuệ hiện tiền, khi sao mai vừa mọc ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Chư vị đồng học đều rất quen thuộc, đại sư Huệ Năng lục tổ Thiên tông thời nhà Đường thị hiện cho chúng ta thấy, ngài cũng là cùng một lúc đốn xả, đồng thời buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, vô cùng đáng nể. Buông bỏ liền kiến tánh, trí tuệ hiện tiền, chướng ngại không còn, kiến tánh thành Phật.

Xem tiếp, *Vãng Sanh Luận Chú lại nói: “Bát nhã, đạt như tên của trí tuệ, nghĩa của nó là thông đạt chân như trí tuệ, gọi là bát nhã”*, thực tế là cùng một nghĩa với ở trước nói: Vô thượng vô tỷ vô đẳng vô thắng, nghĩa là thông đạt chân như, chân như tức là bản tánh. Thông đạt chân như, chính là trí tuệ minh tâm kiến tánh, gọi là bát nhã, có thể thấy nó không phải là

trí tuệ thông thường. Ngày nay chúng ta quen gọi, ngôn từ thường nói, trí tuệ của thế gian chúng ta gọi là tri thức. Đạt được thông qua giới định tuệ đó là trí tuệ, không thông qua giới định tuệ toàn là tri thức, tuyệt đối không phải trí tuệ, điều này cần phải biết. Cũng chính là nói, trí tuệ của A la hán từ đâu mà có? Từ tâm thanh tịnh_Năm chữ ở sau đề kinh này. Trí tuệ của A la hán là tâm thanh tịnh, cũng nghĩa là nói được tâm thanh tịnh tức chứng A la hán quả, lục đạo không còn. Trí tuệ của Bồ Tát là từ tâm bình đẳng, bình đẳng cao hơn thanh tịnh, phân biệt không còn. Phật càng cao hơn Bồ Tát, Phật là giác, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Quý vị xem thanh tịnh bình đẳng giác, Thanh văn, Bồ Tát, Phật. Trên đề kinh nói với chúng ta, chúng ta dùng phương pháp gì để hoàn thành? Một câu Phật hiệu. Quý vị biết niệm, tâm thanh tịnh hiện tiền tức là biết niệm. Niệm Phật suốt đời, trong tâm vẫn còn vọng tưởng phân biệt chấp trước, như vậy là hoàn toàn không có công phu, không ra khỏi luân hồi lục đạo. Họ không phải ủng hộ công niệm, làm nhân thiện cho đời sau kiếp sau. Đời này họ thì không đạt tiêu chuẩn, đời sau kiếp sau gặp được nhân duyên tiếp tục tu, hiện tượng này bình thường, rất phổ biến.

Đại sư Huệ Năng đương thời có thể khai ngộ, có thể kiến tánh thành Phật. Chúng ta biết trong đời quá khứ, đời đời kiếp kiếp không biết đã tu bao nhiêu kiếp, ngài mới có cảnh giới thù thắng như vậy xuất hiện. Công phu chúng ta tu trong đời quá khứ không bằng ngài, như vậy phải tinh tấn hơn. Tuy công phu chúng ta chưa được bao nhiêu, đời này gặp được pháp môn Tịnh độ, đây là điều may mắn vô cùng. Vì sao vậy? Vì pháp môn Tịnh độ có thể đời nghiệp vãng sanh, nghĩa là có thể mang theo vọng tưởng phân biệt chấp trước. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất kỳ pháp môn nào đều không cho đời nghiệp, phải đoạn trừ hết nghiệp chướng, cảnh giới mới được nâng lên. Duy nhất pháp môn này không cần đoạn phiền não, nó cần điều gì? Cần chế phục phiền não, còn phiền não, nhưng không khởi tác dụng là được. Dùng phương pháp gì chế phục? Một câu Phật hiệu. Cổ nhân nói: *“Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”*. Vọng niệm khởi lên, bất luận là niệm thiện hay niệm ác. Chỉ cần ý niệm khởi lên, đây là niệm khởi, chớ vị nên biết thiện niệm sinh vào ba đường ác, ác niệm sinh vào ba đường ác. Chỉ cần ý niệm khởi lên chính là luân hồi lục đạo, nghiệp đó khởi lên nó đang trôi nổi. Dùng một câu A Di Đà Phật thay đổi nó, thay thế nó, niệm niệm đều là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà không liên quan đến ba đường lành, cũng không liên quan đến ba đường ác. Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc là niệm niệm tương ứng, đạo lý là như vậy! Chúng ta phải hiểu, tuyệt đối không được bỏ lỡ. Chỉ cần nắm bắt thật chặt danh hiệu Phật A Di Đà, không có ai không vãng sanh. Bất kỳ ngành nghề nào ở thế gian này đều không liên quan, đều có thể làm. Chỉ cần khởi tâm động niệm đều là A Di Đà Phật, như vậy sẽ thành công, đó là người niệm Phật chọn chánh.

Trước đây đại sư Chương Gia nói với tôi: *“Phật pháp trọng thực chất không trọng hình thức”*. Trong tâm thật sự có Phật A Di Đà, đó là học Phật chọn chánh, niệm Phật chọn chánh. Đại Thế Chí Viên Thông Chương nói với chúng ta: Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại tương lai nhất định thấy Phật. Lời này rất quan trọng! Sau khi hiểu rõ tâm sẽ an, hiểu rõ đạo lý, không còn nghi hoặc, tin tâm đầy đủ. Cho nên chúng ta thấy người niệm Phật vãng sanh, các ngành các nghề, nam nữ già trẻ đều có, đó là tấm gương tốt cho chúng ta.

Xem tiếp câu bên dưới, trích dẫn trong Đại Thừa Nghĩa Chương. *“Đại Thừa Nghĩa Chương lại nói: Chân tâm thể sáng, tự tánh không tối, con mắt là trí tuệ, nghĩa này là chân tâm bản thể mình hiện. Tự tánh trong suốt, rõ ràng không tối, gọi đó là tuệ”*. Đây là trích dẫn kinh luận, các bậc Tổ sư đại đức giải thích cho chúng ta, chân tâm là bản thể của vạn sự vạn

pháp. Nó là ánh sáng, là quang minh. Chân tâm nghĩa là tự tánh, tự tánh chính là chân tâm, là nói cùng một vấn đề. Tự tánh là quang minh, cho nên sau khi kiến tánh, quý vị nhìn thấy toàn thể vũ trụ là một ánh quang minh, gọi là đại quang minh tạng. Người kiến tánh không còn nhìn thấy bóng tối, đây chính là trí tuệ hiện tiền. Trí tuệ chân thật hiện tiền, không những lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần thông đạt thấu triệt, mà quý vị nhìn thấy khắp biến pháp giới là một ánh quang minh.

Bóng tối là gì? Bóng tối là vô minh, vô minh từ đâu đến? Khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm vô minh liền hiện tiền, ánh sáng trong tự tánh không còn. Bị ánh sáng này ngăn che, chướng ngại. Cho nên câu này trong Đại Thừa Nghĩa Chương, ý của nó là chân tâm bản thể minh hiện, cảnh giới của người kiến tánh. Minh tâm kiến tánh là cảnh giới này, tự tánh sáng suốt, trí tuệ quang minh trong tự tánh hoàn toàn hiện lộ, cho nên tất cả bóng tối đều không còn, đây gọi là trí tuệ.

Ngày nay chúng ta mê thất tự tánh, cho nên chúng ta thấy là gì? Chỉ có bóng tối không có ánh sáng, không có ánh sáng. Ngày nay chúng ta nhìn thấy ánh sáng là nguyên nhân gì? Nhật, nguyệt, đăng, quang. Sau khi che mất nhật, nguyệt, đăng tức là một mảng đen tối, quý vị biết đó gọi là vô minh. Hư không của chúng ta, điều này chư vị nên biết, hư không là bóng tối. Vũ trụ không phải trong suốt, là tối đen. Nếu minh tâm kiến tánh, vũ trụ là trong sáng, không phải bóng tối. Nó không cần ánh sáng nhật nguyệt, không cần nhật, nguyệt, đăng, quang. Ánh sáng tự nhiên, vốn đã là trong suốt. Rốt cuộc chúng ta thật sự kiến tánh hay là chưa kiến tánh? Từ chỗ này sẽ hiểu, khi nào quý vị thấy toàn thể vũ trụ là một ánh quang minh, quý vị đã minh tâm kiến tánh. Còn như nhìn thấy có bóng tối, tức là chưa đạt đến cảnh giới này, đây là trí tuệ bát nhã trong tự tánh hiện tiền.

“*Kinh này đối với nguyện tự giác*”, đây là cầu tự giác. “*Đầu tiên là nói đến trí tuệ, lấy trí tuệ tối thượng. Lại Phật pháp đại hải, trí có thể độ*”. Điều này gợi mở cho chúng ta thật nhiều, chúng ta học Phật cầu điều gì? Cầu trí tuệ là đúng, nếu cầu gì khác là sai. Quý vị cầu trí tuệ, vĩnh viễn không lạc mất phương hướng. Nếu cầu gì khác, quý vị đi vào đường sai lầm mà bản thân không hề hay biết, càng vào càng sâu, như vậy thì rất phiền phức.

Chúng ta tin tưởng một cách sâu sắc rằng, tỳ kheo Pháp Tạng, chư Phật ứng hóa tại thế giới tây phương Cực Lạc, như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy. 3000 năm trước ngài xuất hiện, thị hiện đến thế gian này. Trong Kinh Phạm Võng nói, lần này ngài thị hiện là lần thứ 8000, ngài đã thành Phật từ lâu. Tỳ kheo Pháp Tạng không phải đã thành Phật từ lâu! Đây là thị hiện cho chúng ta thấy, chúng ta thật sự là phàm phu, không phải giả, là thật, thị hiện cho chúng ta thấy. Là dạy chúng ta làm sao để phá mê khai ngộ, làm sao để thoát ly lục đạo, thập pháp giới. Cho nên mục tiêu tu học nhất định phải đặt vào trí tuệ, trí tuệ cứu cánh viên mãn. Quý vị phải định vào nơi trí tuệ, ở sau kinh này nói với chúng ta, chúng ta phải buông bỏ, buông bỏ chướng ngại. Trí tuệ của quý vị vẫn còn, trí tuệ không mất đi, chỉ là có chướng ngại mà thôi. Buông bỏ chướng ngại, trí tuệ liền hiện tiền. Bồ Tát chứng vô thượng bồ đề, không có ai ngoại lệ.

Cho nên ở nơi kinh này, quý vị xem cầu tự giác, trước tiên nói đến trí tuệ. “*Phật pháp đại hải, trí vi năng độ*”, đây là trong Đại Trí Độ Luận nói. Đại hải có hai nghĩa, một là mê, hai là ngộ. Khi mê, lục đạo thập pháp giới là khổ hải, chỉ có trí tuệ mới có thể độ. Quý vị xem tâm thanh tịnh sanh trí tuệ, liền thoát ly lục đạo. Tâm bình đẳng sanh trí tuệ, liền thoát ly tiểu thừa, Thanh văn, Duyên giác là tiểu thừa, đây là biển mê. Biển giác là Phật Bồ Tát chứng được, buông bỏ khởi tâm động niệm, vượt ra hai pháp giới Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới.

Đây mới có thể chúng được cõi thật báo trang nghiêm, nhất chân pháp giới. Không buông bỏ không được!

Bên dưới, “*nư Hán Dịch nói: Bồ thí điều phục ý, nhẫn nhục và tinh tấn. Định tam muội như thế, trí tuệ là tối thượng*”. Đoạn kinh văn này của Hán Dịch là nói về lục độ, đây cũng là dạy chúng ta, chúng ta buông bỏ bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ bồ thí, bồ thí là gì? Bồ thí là điều phục, nghĩa là chế phục phiền não, phiền não gì? Là ý, chính là ý niệm, tập khí tham sân si mạn nghi chính là ý này. Hoan hỷ bồ thí, tập khí này tự nhiên nhẹ dần. Tu tài bồ thí, hoan hỷ bồ thí tài, ta buông bỏ được tham. Phạm vi của tham rất rộng, tài sắc danh thực thù đều phải buông bỏ. Vì sao tài được đặt ở vị trí đầu tiên? Đích thực chúng ta rất xem nặng của cải, cho nên đặt nó đầu tiên. Thứ hai là sắc_tôi cũng từng nghe đồng học nói, họ từng làm một cuộc điều tra, phỏng vấn khắp nơi. Hỏi lớp trẻ tuổi, người trung niên, người già, các ngành các nghề. Hỏi họ, trong lý niệm của quý vị, con người sống ở đời quan trọng nhất là gì? Chỉ nói một vấn đề, điều gì quan trọng nhất? Mọi người đều nói tiền tài, trong mấy ngàn người hầu như đều nhất trí. Không nói đến tiền, hình như chỉ có được mấy người. Sau khi có tiền tài, điều quan trọng thứ hai là gì? Nhất định là sắc, quý vị xem có phiền phức chăng? Quý vị nói điều này đáng sợ biết bao. Cho nên phải làm nhạt nó, nếu không làm nhạt nó, chẳng những không ra khỏi luân hồi lục đạo, mà không ra khỏi ba đường ác. Vì tham sân si mạn nghi, nó liên quan đến ba đường ác, không phải là ba đường lành. Nhân lễ nghĩa trí tín là ba đường lành, thập thiện nghiệp đạo là ba đường lành, họ đều không nói đến. Khởi tâm động niệm hoàn toàn tương ứng với ác đạo, quả không thể tưởng tượng! Quý vị nói đáng sợ biết bao! Được mấy người khởi tâm động niệm tương ứng với hiếu đễ trung tín, tương ứng với lễ nghĩa liêm sỉ, tương ứng với nhân ái hòa bình, được mấy người? Không có người nào. Quý vị thử điều tra xem, trong 100 người không tìm thấy ai, trong 1000 người cũng không có một ai, trong 10000 người sợ là không có ai, cho nên xã hội này mới có thiên tai.

Dự ngôn thiên tai năm 2012, rất nhiều người hỏi tôi, đối với vấn đề này tâm mọi người đều bất an, điều này chúng ta có thể tưởng tượng được. Nhà khoa học Baladen không nghĩ như vậy, ông nói năm 2012 là một cơ hội để toàn nhân loại bỏ ác dương thiện, cải tà quy chánh. Tất cả mọi người trên địa cầu đều có thể đoạn chánh tâm niệm, thế giới tương lai sẽ ngày càng tốt đẹp. Chúng ta nghe xong có vấn đề gì chăng? Chúng ta nhìn từ một góc độ khác, giả dụ hiện nay người trên thế giới không chịu bỏ ác hướng thiện, không chịu cải tà quy chánh, không có chánh niệm, vậy phải làm sao? Đây là một bước ngoặt. Đoạn chánh tâm niệm thì thế giới này được cứu, không bị hủy diệt. Nếu không thể cải tà quy chánh, vẫn niệm niệm đều là tự tư tự lợi như xưa, thế giới này sẽ giống như nhà dự ngôn nói, ngày tận thế! Thời gian ngày càng gần, các nhà khoa học đưa ra lời cảnh báo, thời gian đại khái khoảng từ 12 tháng đến 18 tháng là có thể nhìn thấy rõ ràng.

Hàng đệ tử Phật chúng ta nghe được tin tức này, chuyện tốt! Chúng ta phải nỗ lực tinh tấn hơn, chờ ngày thành tựu, có kịp chăng? Kịp. Kinh Di Đà nói với chúng ta, từ một ngày cho đến bảy ngày đều có thể thành công. Chúng ta còn 12 tháng đến 18 tháng, thời gian như vậy đã đủ, buông bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật. Không những vãng sanh, phẩm vị vãng sanh còn rất cao. Cho nên tin tức này đối với người tu hành chơn chánh mà nói, là tăng thượng duyên rất tốt, lúc này không thể không buông bỏ.

Trước mắt quý vị là hai con đường, một là thế giới Cực Lạc, hai là thế giới hủy diệt, quý vị đi con đường nào? Người đi con đường về thế giới Cực Lạc, đều là tâm niệm đoạn chánh, đều là bỏ ác dương thiện, đều là cải tà quy chánh. Mặc dù không vãng sanh thế giới Cực lạc,

tức như tiên sĩ Baladen nói có thể cứu vãn địa cầu, công đức này không thể nghĩ bàn! Cho nên người niệm Phật chúng ta, trong này có hai ý nghĩa, có thể giống như nhà khoa học nói, chúng ta có thể cứu vãn địa cầu, đưa địa cầu đến một phương hướng tốt đẹp hơn. Một ý khác là chúng ta đến thế giới tây phương Cực Lạc, vĩnh viễn rời xa, không những là luân hồi lục đạo, mà còn rời xa mười pháp giới. Quyền quyết định trong tay chúng ta, không ở trong tay bất kỳ ai. Bản thân chúng ta thật sự giác ngộ, hành trì tức có thể thành tựu.

Cho nên bổ thí rất quan trọng, thấy người khác có nhu cầu, mình có thể giúp được, toàn tâm toàn lực giúp mọi người. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn vô cùng quan trọng. Trì giới là đức hạnh, bắt đầu thực hành từ đâu? Nhất định bắt đầu thực hành từ Đệ Tử Quy, vấn đề này không thể không theo thứ tự. Xưa nay chư vị tổ sư đại đức đi theo con đường này, thời Ấn độ cổ lấy tiểu thừa làm cơ sở. Sau khi Phật pháp truyền đến Trung quốc, tiểu thừa hưng thịnh khoảng hai ba trăm năm. Giữa thời nhà Đường, chư vị tổ sư đại đức không dùng tiểu thừa, dùng Nho và Đạo thay thế đại thừa, thành tích thí nghiệm này rất khả quan.

Từ Tổ Sư Đạt Ma đến Trung quốc đề xướng Thiền, trong 1200 năm này, chúng ta xem điển tịch của Thiền tông như Ngũ Đẳng Hội Nguyên, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh có hơn 1700 người. Quý vị xem Truyền Đăng Lục. Nếu thêm vào Giáo môn đại khai viên giải, Mật giáo tam mật tương ưng, Tịnh độ lý nhất tâm bất loạn. Hợp tất cả lại, tôi dự đoán có khoảng trên dưới 3000 người, 3000 người này tu hành thành Phật. Họ đã buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, làm nên tám gương tốt cho chúng ta.

Trì giới niệm Phật, có bằng có chứng, có hiệu quả, có thành tích, chúng ta không được sơ suất. Chúng ta nhất định từ Đệ Tử Quy, từ Cảm Ứng Thiên, từ Thập Thiện Nghiệp_Khi Tịnh Tông học hội mới thành lập, tôi đưa ra năm khoa mục cho người tu học Tịnh tông: Tịnh Nghiệp Tam Phước, Lục Hòa Kính, Tam Học, Lục Độ, Phổ Hiền Thập Nguyên, vô cùng đơn giản! Nói đến mọi người đều có thể nghĩ nhớ. Trong cuộc sống hằng ngày, khởi tâm động niệm từng li từng tí không được trái, nhất định phải tương ưng với những giới luật này, điều này rất tốt! Thành tựu đức hạnh cho chính mình, tâm mình sẽ thanh tịnh. Nhân giới sanh định, trong lục độ nói một cách tường tận hơn, nếu có giới sẽ có nhẫn. Nhẫn là tiền phương tiện của được định, nếu quý vị không nhẫn thì làm sao được định? Cho nên nhẫn nhục, tinh tấn là tiền phương tiện của được định. Có thể nhẫn, có thể tinh tấn, hai chữ tinh tấn này rất quan trọng, đó chính là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, gọi là tinh tấn. Nhất môn thâm nhập là tinh, trường thời huân tu là tấn, phải hiểu rõ điều này. Định tam muội như thế, quý vị mới có thể được định. Định là gì? Định là thanh tịnh bình đẳng giác, đó nghĩa là định. Định có thể khai trí tuệ, trí tuệ là tối thượng.

“*Gia Tường Sớ nói: Biết năm độ là hành, không thể xuất ly sanh tử*”, không thể vượt thoát sanh tử. Nghĩa là nói, năm độ trước mặc dù được Thiền định, nếu không khai trí tuệ, tương lai vẫn sanh về đâu? Về trời Tứ thiên, trời Tứ không, được định! Không ở dục giới, ở sắc giới, vô sắc giới, không ra khỏi luân hồi lục đạo. Thoát ly lục đạo phải như thế nào? Phải có trí tuệ, trí tuệ khai liền ra khỏi lục đạo. Cho nên ở đây nói “*năm độ là hành, không thể xuất ly sanh tử*”, đây là luân hồi sanh tử trong lục đạo.

“*Phải biết, trí tuệ thấu đạt hiểu rõ nguồn gốc, mới có thể vượt ra*”, nhất định phải là trí tuệ, trí tuệ mới có thể nhìn thấu, nhìn thấu điều gì? Nhìn thấu hư vọng của Lục đạo, nhìn thấu chân tướng của Lục đạo, không còn lưu luyến, như vậy mới có thể siêu việt. Qua nghĩa là vượt qua, xuất tức là xuất ly, cho nên gọi trí tuệ là “*tối thượng*”.

“*Từ đoạn trích dẫn trong Đại Thừa Nghĩa Chương, cho thấy trí tuệ tức chân tâm thể minh, tự tánh vô âm, cho nên biết khi trí tuệ sâu rộng như biển, nội tâm cũng sẽ thanh tịnh. Không ác không lỗi lầm, lìa cấu lìa nhiễm, đoạn tuyệt các trần lao. Cho nên nói: Nội tâm thanh tịnh, đoạn tuyệt trần lao*”. Đây là nói có công phu tu hành lục ba la mật, quý vị nhất định đạt được thanh tịnh bình đẳng giác, chắc chắn đạt được.

Thanh tịnh là gì? Ở đây nói một cách rất cụ thể, trong tâm ta không có ác niệm, không có lỗi lầm. Ác và sai lầm này rất vi tế, căn bản của ác là thập ác nghiệp. Ở đây nói không phải tạo tác, ý niệm cực kỳ vi tế, trong Phật pháp gọi là tập khí phiền não. Thập ác, tập khí phiền não đều không có, đây gọi là không có ác không có lỗi lầm. Chúng ta biết tập khí khó đoạn, nhưng không đoạn tập khí này không ra khỏi luân hồi lục đạo, nó sẽ chướng ngại quý vị. Định công của A la hán có thể chế phục nó, tuyệt đối không khởi tác dụng. Đoạn tận kiến tư phiền não, tập khí thập ác trong lục đạo không còn, tập khí tham sân si mạn nghi vẫn còn. Điều này không sao, mang theo ra khỏi lục đạo.

Trong tứ thánh pháp giới, pháp giới Thanh văn trong tứ thánh pháp giới, họ dùng công phu gì? Chính là đoạn tập khí, tập khí kiến tư phiền não. Đoạn tận tập khí, họ liền được nâng lên thành Bích Chi Phật, cho nên Bích Chi Phật đã đoạn tận tập khí kiến tư phiền não. A la hán không còn tập khí thập ác trong luân hồi lục đạo. Quả vị Bích Chi Phật họ tu gì? Họ phải đoạn phân biệt, chính là trần sa phiền não, công phu của họ là đoạn phân biệt. Thật sự buông bỏ phân biệt, không còn phân biệt, còn tập khí phân biệt. Không sao, có thể mang theo tập khí mà đi lên, mang đến đâu? Họ thành Bồ Tát. Bồ Tát dụng công nghĩa là phải đoạn tận tập khí phân biệt, đoạn tận tập khí phân biệt, họ thành Phật, Phật trong mười pháp giới. Cho nên Phật trong mười pháp giới, tập khí phân biệt chấp trước đều không có, họ vẫn còn khởi tâm động niệm. Buông bỏ khởi tâm động niệm, họ thành công, ra khỏi mười pháp giới, đến cõi thật báo. Đến cõi thật báo tu gì? Đoạn tận tập khí khởi tâm động niệm, đó gọi là tập khí vô thí vô minh, tập khí này không dễ đoạn. Vì sao vậy? Không có phương pháp đoạn, chỉ để thời gian dài dần dần không còn nữa. Không như kiến tư phiền não hay trần sa phiền não, tập khí này có phương pháp đoạn trừ, tập khí vô thí vô minh không thể đoạn được. Cần bao nhiêu thời gian thì nó tự nhiên không còn? Trong kinh nói là ba a tăng kỳ kiếp, phải thời gian dài như thế tự nhiên nó không còn. Cho nên trong cõi thật báo trang nghiêm có 41 đại vị, đó là gì? Họ mang theo tập khí dày mỏng khác nhau. Tập khí mỏng thì phẩm vị cao, tập khí dày phẩm vị sẽ thấp. Vì thế thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thật địa, đó là nói sự khác nhau khi mang theo bao nhiêu tập khí vô thí vô minh. Đoạn tận tất cả tập khí vô thí vô minh, là Diệu giác. Đẳng giác là phẩm sau cùng, đoạn tận nhất phẩm sau cùng là Diệu giác. Chúng được quả vị Diệu giác, nói cho chư vị biết, nhất chân pháp giới không còn, tức cõi thật báo trang nghiêm không còn.

Từ đó cho thấy, cõi thật báo trang nghiêm cũng không phải thật. Quý vị xem trong kinh Đức Phật nói: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”, Phật không nói ngoài cõi thật báo trang nghiêm ra, không nói như vậy. Cõi thật báo từ đâu mà có? Từ tập khí vô thí vô minh, từ đó mà có. Đoạn tận tập khí vô thí vô minh, Đẳng Giác đi về đâu? Như vậy không gọi là Đẳng giác, gọi là Diệu giác, quả Phật cứu cánh viên mãn, đi về đâu? Trở về tự tánh, trở về thường tịch quang. Thế giới Cực Lạc nói bốn cõi, cao nhất là cõi thường tịch quang. Trong thường tịch quang không có hiện tượng, không có hiện tượng vật chất, cũng không có hiện tượng tinh thần, đó chính là một ánh quang minh. Đó là đại quang minh tạng, một ánh quang minh. Nhưng ánh sáng này của họ có cơ thể, họ rất linh hoạt, không phải cứng ngắc. Chúng sanh

trong mười pháp giới có cảm, họ liền có ứng, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Cần dùng thân gì để độ thoát, họ liền thị hiện thân đó, được đại tự tại, thật sự thành tựu tứ đức “thường lạc ngã tịnh”. Bốn chữ này, họ đầy đủ cả, hoàn toàn không khiếm khuyết. Trong thập pháp giới không có thường lạc ngã tịnh, trong cõi thật báo có thường lạc ngã tịnh nhưng không cứu cánh, thường tịch quang mới thật sự cứu cánh, vĩnh hằng bất biến.

Điều này chúng ta học Phật đã học bao nhiêu năm, rốt cuộc đã hiểu rõ ràng minh bạch vấn đề này. Không hiểu rõ ràng sẽ có nghi hoặc, nghi làm chướng đạo, chướng ngại tín tâm chúng ta. Tín tâm bị chướng ngại, như vậy tâm nguyện chúng ta sẽ bị chướng ngại. Tín tâm có vấn đề, vãng sanh thế giới Cực Lạc cũng thành vấn đề, đời này không thể. Quý vị xem vấn đề này quan trọng biết bao!

Con người ở thế gian, bản thân tôi cảm nhận một cách sâu sắc, thọ mạng ngắn không được. Thọ mạng ngắn, chưa hiểu được vấn đề đã chết, như vậy quá phiền phức, đời sau nhất định càng mê càng sâu. Bởi vậy nhất định phải trường thọ, có đủ thời gian để hiểu rõ ràng minh bạch vấn đề này, lúc đó chết cũng không sợ. Chưa hiểu rõ ràng minh bạch, đi không yên. Chúng ta từng phút từng giây phải cảnh cáo mình, con người đích thực có thọ mạng, nhưng thọ mạng có thể kéo dài. Tâm thật sự ở nơi đạo, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, thọ mạng nhất định kéo dài. Kéo dài bao nhiêu? Tôi tin ở đây có Phật Bồ Tát gia trì, chắc chắn để quý vị hiểu thấu đáo sự việc này, quý vị đến tây phương Tịnh độ không thành vấn đề. Đây là Tam bảo thâm gia hộ cho người tu học Tịnh độ chúng ta, nếu không sao có hiện tượng này? Phật Bồ Tát âm thầm gia trì, bản thân chúng ta không hề hay biết nhận lợi ích, nhận ân huệ. Rõ ràng là phiền não mỗi năm mỗi nhẹ, trí tuệ mỗi năm mỗi tăng trưởng, thật tướng các pháp ngày càng rõ ràng hơn, biết tu hành như thế nào. Khi có vấn đề gì xuất hiện, biết phải dùng phương pháp gì để đối trị. Không phải Phật lực gia trì, phàm phu chúng ta không làm được. Từ đây để biết, thường nhớ ân Phật, tri ân báo ân.

Trần lao tượng trưng phiền não, cho nên lia cầu lia nhiễm, đoạn tuyệt các trần lao, nội tâm thanh tịnh.

“*Như Tâm Kinh nói: Lúc hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, soi thấy ngũ uẩn đều là không, độ tất cả khổ ách*”. Đây cũng là giải thích ý của chữ tuyệt của câu kinh văn- nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao. “*Tuyệt là đoạn, diệt, triệt vô*”, nghĩa là triệt để không có, triệt vô là hoàn toàn không có. “*Trần lao là phiền não*”, những thứ này chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng, nó là nguyên nhân chính của luân hồi lục đạo. Chỉ cần những thứ này tồn tại, ta không thể thoát ly khỏi luân hồi lục đạo. Nếu biết được điều này, mới thật sự chịu buông bỏ phiền não.

Trần là ngũ dục lục trần, lao là hình dung từ. Quý vị có ngũ dục lục trần sẽ rất gian nan, rất lao khổ! Ta sống trong phiền não, bất luận là giàu nghèo sang hèn đều không ngoại lệ, đây đều khổ. Cho nên Phật pháp ví lục đạo như biển khổ: “*Biển khổ vô biên, quay đầu là bờ*”. Chỉ cần ta chịu quay đầu, không đi theo dòng chảy, ta có thể vượt qua. Sóng là gì? Sóng là tham sân si mạn nghi, không còn bị những thứ này chi phối, thật sự đã buông bỏ. Đến hoằng pháp lợi sanh là một việc tốt, giúp chúng sanh tâm địa phải thanh tịnh, dù làm bao nhiêu việc cũng không nhiễm chút bụi trần, đó là điều rất hay. Nếu chấp trước, vẫn còn chút ít danh lợi xen tạp vào trong, không ra khỏi lục đạo. Quý vị đang tu thiện nghiệp, quả báo nơi ba đường ác. Đó không phải tịnh nghiệp, tâm không thanh tịnh! Tâm thanh tịnh mới gọi là tịnh nghiệp, trong tâm không có tham sân si mạn, đây là kiến tư phiền não không còn.

Kiến phiền não có năm loại: Thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Tư hoặc có năm loại: Tham sân si mạn nghi, gọi là kiến tư phiền não. Buông bỏ tất cả mười loại này, buông triệt để, chúng ta mới có điều kiện vãng sanh tây phương Tịnh độ. Nhưng pháp môn Tịnh độ thù thắng hơn nhiều so với các pháp môn khác, chỉ cần chúng ta chế phục kiến tư phiền não, chưa đoạn tận cũng có thể vãng sanh. Sanh về đâu? Về cõi phàm thánh đồng cư. Nếu đoạn tận gốc kiến tư phiền não, còn tập khí cũng không sợ, vãng sanh là về cõi phương tiện hữu dư, phẩm vị cao hơn.

Cho nên phải biết đây không phải là việc tốt, tham sân si mạn nghi, oán hận não nộ phiền, bên ngoài tài sắc danh thực thù. Những thứ này lẫn lộn với nhau gọi là hầm lửa, quả báo ở đâu? Tam đồ địa ngục. Quý vị không biết, không thấy sợ. Khi hiểu rõ ràng rồi mới thấy đáng sợ, mới hiểu Đức Phật từ bi. Nếu không phải Đức Phật nói cho chúng ta biết, làm sao chúng ta biết được? Không biết tự nhiên đi vào hầm lửa, biết rồi chúng ta mới tìm cách tránh nó. Không những nhân gian khổ, chút niềm vui ở cõi trời không phải cứu cánh, không đáng để đến đó. Vì sao vậy? Ở đó cũng không ra khỏi luân hồi lục đạo. Đã không ra khỏi lục đạo, nhất định ở trong ba đường ác thời gian dài, ở ba đường thiện thời gian ngắn, cần phải giác ngộ. Duy có vãng sanh thế giới Cực Lạc mới chấm dứt hoàn toàn, vĩnh viễn siêu thoát. Trở lại lục đạo là thân phận Bồ Tát, không phải phàm phu. Trở lại thế gian này để làm gì? Để độ chúng sanh, như Chư Phật Bồ Tát vậy, ứng hóa đến thế gian là để giúp chúng sanh, không liên quan gì đến mình, bản thân thị hiện vô số. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời trì giới tu định, đó là làm cho chúng ta thấy, biểu diễn cho chúng ta thấy, đó là từ bi thị hiện, dùng phương pháp này để giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh không đơn giản, chúng sanh tập khí quá nặng. Nói họ không tin, làm ra họ mới tin. Cho nên Bồ Tát ở thế gian giáo hóa chúng sanh, bản thân nhất định tu khổ hạnh, làm tấm gương tốt. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời không từ bỏ cuộc sống khổ hạnh, cho đến khi nhập niết bàn, 79 tuổi nhập diệt, thị hiện toàn là khổ hạnh. Ngài dạy chúng ta lấy khổ làm thầy, ngài đã làm được; dạy chúng ta lấy giới làm thầy ngài cũng đã làm được.

Sở dĩ ngày nay chúng ta không có thành tựu, nói thật do không trì giới nghiêm túc, không thật sự chịu khổ, vẫn còn thích hưởng thụ. Tập khí hưởng thụ này rất phiền phức, nó khiến chúng ta dậm chân tại chỗ, không cách nào tiến về phía trước. Quý vị xem tu hành như vậy đáng sợ biết bao!

Bên dưới nói: *“Vì các phiền não tham sân vân vân như trần cấu”*. Trần là bụi trần, nó chướng ngại, che đậy chân tánh. *“Nhiều loạn thân tâm”*, cho nên gọi nó là trần lao. Trần lao là đại danh từ của tập khí phiền não. *“Như ở trên, trí tuệ sâu rộng, thanh tịnh đoạn tuyệt trần lao, cho nên vượt khỏi vô biên vô số cửa địa ngục súc sanh, không đọa ba đường ác. Cho nên nói, vượt qua vô biên cửa ác thú”*. Cửa ác thú chính là ba đường ác. Trong Phật pháp hạng người nào không còn đọa vào ba đường ác? Tiểu thừa sơ quả Tu đà hoàn. Trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm là sơ tín Bồ Tát trong thập tín, quả thật quý vị là đệ tử, là học trò chơn chánh của Phật. Quý vị đang học lớp một tiểu học Phật giáo, tuyệt đối không còn đọa vào ba đường ác. Vì sao vậy? Vì đã đoạn kiến hoặc, kiến hoặc đầu tiên chính là thân kiến. Quý vị không còn chấp trước thân này là ta, thân là gì? Thân là ta sở hữu, như áo quần vậy, đây là ta sở hữu, không phải ta. Ta không còn vì thân này mà tạo nghiệp, sẽ không đọa vào ba đường ác. Chúng ta biết thân này là công cụ của ta, không phải ta. Nó muốn ăn thịt, nó muốn tham lam, ta lại tuyệt đối không để nó tham, nó không phải ta. Vì sao ta để nó khiến ta tạo nghiệp,

đâu có đạo lý này? Cho nên không còn chấp trước thân này là ta, cửa ải đầu tiên không dễ đột phá. Khi đột phá rồi, quý vị hoàn toàn thấu suốt.

Cuốn sách này, hình như hiện nay lưu thông cũng rất nhiều, chứng minh điều gì? Chứng minh thân này không phải ta, cuốn sách này là người và quý nói chuyện. Thống soái quân đoàn Caesar là tam vương tử của Caesar, 2100 năm trước ông ta thống lĩnh đoàn quân này, toàn quân bị tiêu diệt tại Trung quốc. 2100 năm trước, những linh hồn này bây giờ vẫn rất linh hoạt, họ nhập vào người khác rồi kể lại câu chuyện này. Tôi cảm thấy ông ta có công đức rất lớn, nói với mọi người một sự việc, con người không chết. Cái gì chết? Là thân thể chết, thân thể không phải ta. Thân có sanh tử, linh hồn không có sanh tử. Quý vị xem, đã trải qua thời gian 2100 năm, còn nhập vào người khác để làm ra những chuyện như thế.

Họ đến tìm tôi, tôi thấy như vậy là thật, không phải giả. Đó tuyệt đối không phải là người giả bị ma nhập, không thể. Quý vị xem họ nhập vào người khác nói bằng tiếng La Mã, người phụ nữ bị nhập vào là một phụ nữ nông thôn ở đó, không có học vấn, không có văn hóa. Quý vị thấy khi nhập vào, nói toàn tiếng Italy, mà còn viết chữ Italy. Họ đến nhờ tôi vì ở Phật đường chúng tôi ngày ngày giảng kinh, hy vọng họ được siêu độ. Tôi nói siêu độ thì quý vị viết tên mình ra, viết ra toàn chữ La Mã. Việc này không phải ngụy trang, là thật không phải giả. Cho nên chúng ta biết rằng, con người không chết.

Trong đời này quý vị khởi tâm động niệm tạo nghiệp, cần phải lưu ý, vì sao vậy? Vì có báo ứng. Ý niệm thiện, ngôn hành cử chỉ thiện là đang tích lũy công đức, giúp ta nâng cao cảnh giới. Nếu ta khởi tâm động niệm bất thiện, lời nói hành vi bất thiện, ta sẽ bị đọa lạc. Những linh hồn này hiện nay đều học Phật, đều quy y Tam bảo, đều nghe kinh, cũng niệm Phật A Di Đà cầu sanh Tịnh độ, tôi nghe nói vãng sanh không ít. Đây đều là sự thật, không phải giả.

Cho nên nhất định phải nhận thức rõ ràng ngã quý, địa ngục, súc sanh là do nhân gì? Tham sân si mạn nghi. Tâm tham tương ưng với đường ngã quý, tâm tham đọa vào ngã quý, sân nhuế đọa vào địa ngục, ngu si biến thành súc sanh. Ngu si không có trí tuệ, không hiểu rõ chân tướng sự thật. Đức Phật dạy chúng ta: “Cần tu giới định tuệ, tức diệt tham sân si”, như vậy sẽ không đọa vào đường ác.

Thực tế linh hồn cũng nói là “ta”, vẫn không phải cái ta thật, nhưng cũng không thể nói là giả. Chỉ là gì? Cái ta hồ đồ, mê hoặc điên đảo, hồ đồ. Nếu nó giác ngộ không gọi là linh hồn, thay một danh từ gọi là linh tánh. Linh tánh là cái tôi chân thật, cho nên linh hồn là mê, mê nó không siêu việt luân hồi lục đạo, nó luôn xả thân thọ thân trong lục đạo, không ra khỏi được. Giác ngộ sẽ ra khỏi, điều này cần có trí tuệ. Có một chút trí tuệ như thế, biết được thân này là giả, biết được luân hồi là giả, nó sẽ vượt ra khỏi. Trong kinh này được tâm thanh tịnh là vượt ra khỏi, tâm thanh tịnh là A la hán đạt được, đoạn tận kiến tư phiền não.

Bên dưới nói: “*nhANH chóng đạt được bồ đề cứu cánh bỉ ngạn*”. Câu này đúng là không thể nghĩ bàn, nhanh chóng là gì? Là ngay trong đời này, không cần đợi đến đời sau, thành tựu ngay trong đời này. Tức có thể đạt đến bồ đề cứu cánh bỉ ngạn, cứu cánh bỉ ngạn là đại bát niết bàn. Đại bát niết bàn ở đâu? Là thế giới tây phương Cực Lạc. Thông thường là nói cõi thật báo trang nghiêm, nghĩa là cảnh giới minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, cõi thật báo trang nghiêm. 41 vị pháp thân đại sĩ là cứu cánh bỉ ngạn.

Vãng sanh thế giới Cực Lạc, chư vị nhất định phải biết, chúng ta chưa đoạn tập khí phiền não, dựa vào ai? Dựa vào oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, tiếp dẫn chúng ta đến thế giới tây phương Cực Lạc. Thế giới này đặc biệt thù thắng, biến pháp giới hư không

giới tìm không ra cõi nước thứ hai như thế, không có cõi nước nào giống như thế. Vì sao vậy? Vì nó có cõi đồng cư, nó cũng có cõi phương tiện, cõi thật báo, cõi thường tịch quang. Ở đây đặc biệt là bốn cõi sống chung một nơi, ở giữa không có tầng không gian, cho nên một sanh tất cả sanh. Quý vị sanh đến cõi phàm thánh đồng cư, đồng thời cũng đồng nghĩa sanh vào cõi phương tiện, cõi thật báo, cảnh giới này không thể nghĩ bàn. Chúng ta làm sao biết được, sao lại khẳng định như thế? Trong 48 nguyện Đức Phật A Di Đà tự nói: Phàm những ai sanh đến thế giới Cực Lạc, dù là cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, đến thế giới Cực Lạc “*đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát*”. Lời này không phải giả. A Duy Việt Trí là gì? A Duy Việt Trí là pháp thân Bồ Tát minh tâm kiến tánh. Phiền não chưa đoạn tận, làm sao có thể đạt đến cảnh giới này? Nhờ bốn nguyện 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, hưởng phước của ngài. Vì thế vừa đến thế giới tây phương Cực Lạc, trí tuệ thần thông đạo lực ngang bằng với Bồ Tát của cõi thật báo trang nghiêm. Đãi ngộ bình đẳng, lợi ích bình đẳng.

Cõi Ta Bà này của chúng ta là cõi phàm thánh đồng cư của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không bình đẳng. Chúng ta sanh tại cõi nước này tướng mạo khác nhau, không bình đẳng, tình trạng sức khỏe không giống nhau. Nhưng quý vị nên biết, sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc tướng mạo đều giống như Phật A Di Đà. Đều giống nhau, vậy anh Trương hay anh Lý quý vị nhận ra họ chẳng? Nhận ra, vì họ có trí tuệ, tuyệt đối không nhận nhầm. Tướng mạo hoàn toàn giống nhau, thân thể cao thấp lớn nhỏ đều như nhau. Vẽ bức tranh về thế giới Tây Phương Cực lạc, đặc biệt vẽ Phật A Di Đà rất lớn, như vậy là sai lầm, ở đó là bình đẳng. Thế giới này không thể không đến đó! Rất dễ đến thế giới này, không khó! Người không đến được do họ không có nhân duyên, đời này họ không gặp được. Cũng có rất nhiều người gặp được, gặp nhưng không hiểu, sinh tâm hoài nghi. Vì thế muốn đi, muốn vãng sanh nhưng tín tâm không đầy đủ, cho nên không đi được, rất đáng tiếc. Ngày nay chúng ta có thể thấu triệt sự lý và cảnh giới này, tín tâm kiên định, tâm nguyện không lay chuyển. Bản thân chúng ta chắc chắn, nhất định được vãng sanh, hoàn toàn không có nghi ngờ.

Có tin, có nguyện, tin thật nguyện thiết, tức là đã đăng ký ở thế giới tây phương Cực Lạc, còn lại là khi nào ta đến đó tập trung. Như hiện nay chúng ta đi dân, đã lấy được visa, có thể đi bất kỳ lúc nào, quý vị nói tự tại biết bao!

Bồ đề là tiếng Ấn độ, dịch sang tiếng Trung nghĩa là giác ngộ. “*Bồ đề cứu cánh ngạn tức là cứu cánh giác ngộ*”, giác ngộ viên mãn. Tam Tạng Pháp Số nói: “*Cứu cánh tức quyết định, nghĩa là sau cùng, nghĩa là có thể giác ngộ nguồn gốc của nhiễm tâm, cứu cánh cùng tận, đồng với bản giác, cho nên gọi là giác ngộ rốt ráo*”. Ta thật sự biết nhiễm tâm này chính là vọng tâm, cũng tức là A lại da, hiểu rõ A lại da từ đâu đến. A lại da từ đâu đến? Từ nhất niệm bất giác. Vì sao có nhất niệm? Không có nguyên nhân. Nếu tìm nguyên nhân, càng đi càng xa, nó không có nguyên nhân. Chư vị nên biết niệm thứ nhất không có nguyên nhân, niệm thứ hai có nguyên nhân. Niệm thứ nhất là nguyên nhân của niệm thứ hai, niệm thứ hai là nguyên nhân của niệm thứ ba, đây là nói về nhân quả. Niệm thứ nhất là nhân, niệm thứ hai là quả, nhưng niệm thứ nhất không có nhân. Nếu nó có nhân là thật, không có nhân là giả, cho nên gọi là vọng niệm, chữ vọng này hay quá! Vì sao gọi là vọng niệm? vì nó không phải thật. Là do ta mê, không phải người khác cho mình. Bản thân mê, bản thân thật sự mê chẳng? Mê thật. Trong hội Lăng Nghiêm Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói về vấn đề này, dùng ví dụ Diễn Nhược Đạt Đa Mê Đầu Nhận Ảnh để nói rõ cho mọi người về điều này.

Khi đã hiểu thường nhớ lại, lúc trẻ khi tôi còn đi học. Đó là thời kỳ kháng chiến, cuộc sống rất gian khổ. Thời kỳ kháng chiến, học sinh lớp năm lớp sáu đều có tiết học quân sự.

Chiến tranh với người Nhật bản. Trong tiết học quân sự thường diễn tập, tập hợp khẩn cấp, đa phần đều là lúc sáng sớm thức dậy. Nghe một hồi còi, chúng tôi lập tức tỉnh dậy, giáo viên huấn luyện ở bên ngoài thổi còi. Nghe còi thổi, ba phút sau phải đến thao trường xếp hàng, tập hợp khẩn cấp. Có thể chúng ta cũng từng mê, trên người áo quần mặc rất chỉnh tề, hỏi bạn học có thấy mũ tôi ở đâu không? Người đó rất hoảng hốt. Bạn học nói, không phải anh đang đội trên đầu ư? Sờ lên đầu, quả là đang đội trên đầu rồi. Mê này có nguyên nhân chăng? Niệm thứ nhất không có nhân.

Đức Phật đưa ra ví dụ này là nói với chúng ta, niệm thứ nhất quả thật không có nhân, nhưng niệm thứ hai có nhân. Nhân quả từ đâu đến? Nhân quả bắt đầu từ niệm thứ nhất, đó là nhân, niệm thứ hai chính là quả. Niệm thứ hai là nhân, niệm thứ ba là quả. Nhân quả phát sanh đồng thời với vũ trụ và sanh mạng, phát sanh đồng thời với nhiễm tâm và A lại da. Quý vị thật sự hiểu rõ ràng, hiểu rõ ràng sẽ không tiếp tục truy cứu. Không truy cứu, niệm sẽ không còn, niệm không có tâm liền sáng suốt. Nếu cứ truy cứu, niệm thứ nhất rốt cuộc là nguyên nhân gì, rốt cuộc là khi nào có? Như vậy là hồng, càng mê càng sâu, vĩnh viễn không ra khỏi cửa ải mê muội này. Lại nói với quý vị lời chân thật, lời chân thật là không có thời gian cũng không có không gian. Sau đó mới hoàn toàn minh bạch, chúng ta sống ở đâu? Sống ngay trong một niệm này, nói ngay bây giờ, bây giờ đã thành quá khứ. Trong Kinh Kim Cang nói tam tâm bất khả đắc, đó nghĩa là A lại da. Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc. Nói hiện tại, hiện tại đã thành quá khứ. Vị lai tâm bất khả đắc. Đây là gì? Đây là nói cho chúng ta về chân tướng sự thật. Chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật tâm sẽ định, vì sao vậy? Không còn vọng tưởng, không còn nghĩ đông nghĩ tây, càng nghĩ càng hư. Vì sao ta luân lạc đến bước đường này? Vì ta nghĩ quá nhiều. Chúng ta nghĩ làm sao để giải thoát? Ta không nghĩ gì cả tức là giải thoát, sống một cách gian khổ như vậy ai phụ bạc quý vị? Là chính mình, không ai khác, tự làm tự chịu. Nếu trách người khác thì tội càng tăng thêm, không phải người khác bắt ta chịu, hoàn toàn là tự làm tự chịu. Giác ngộ lập tức tỉnh lại là được đại tự tại. Cho nên phải biết, nguồn gốc của nhiễm tâm cứu cánh cùng tận, đồng với bản giác. Vì thế thì giác chính là cứu cánh giác, nó không có bắt đầu, cũng không có kết thúc. Có bắt đầu có kết thúc là pháp sanh diệt, vô thì vô chung mới không sanh không diệt, mới là thật. Trí tuệ vốn có trong tự tánh, trí tuệ khởi tác dụng chính là giác. Trí tuệ không sanh không diệt, giác tánh cũng không sanh không diệt, sau đó mới biết đức năng tướng hảo đều là bất sanh bất diệt.

“Đó là Bồ Tát, đại hạnh viên mãn, giác ngộ cứu cánh cùng cực, tức quả vị thành Phật”. Nói đến chỗ cứu cánh là quả vị Diệu giác, chỗ phương tiện chính là quả vị sơ trụ. Vì sao vậy? Vì Sơ trụ họ đã buông bỏ khởi tâm động niệm, không khởi tâm không động niệm. Khi đến Diệu giác, đoạn tận tập khí khởi tâm động niệm. Trước sau là một không phải hai, đây là chân tướng sự thật.

“Tỳ kheo Pháp Tạng, vì độ sanh tử, trước là câu trí tuệ”, đây là điều chúng ta cần phải học tập. *“Dùng trí tuệ chiếu soi, nội tâm thanh tịnh, vĩnh viễn đoạn tuyệt trần lao. Do đó ngăn chặn ác thú, nhanh chóng chứng được quả giác cứu cánh. Cho nên nói, nhanh chóng đến bờ cứu cánh bồ đề”.*

Bên dưới tiếp tục câu kinh văn này không có trí tuệ không được, nhưng trí tuệ đạt được từ tâm thanh tịnh. Nếu không buông bỏ trần lao phiền não, những gì ta đạt được là tri thức, không phải trí tuệ. Tri thức và trí tuệ là hai vấn đề khác nhau, không phải một vấn đề. Ngày nay chúng ta nói đọc sách cầu học là tri thức. Trí tuệ, bên ngoài có thể cầu được trí tuệ, như

vậy hà tất phải minh tâm kiến tánh, hà tất phải buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước? Không tìm được ở bên ngoài. Trí tuệ nhất định sinh ra từ định, giới định tuệ, giới định sanh ra trí tuệ.

Từ đây chúng ta có thể hiểu một cách rõ ràng rằng, các nhà khoa học đạt được là tri thức. Nhưng nghiên cứu của họ về mặt tri thức rất gần trí tuệ, họ không phải trí tuệ. Vì sao vậy? Tuy họ biết nguồn gốc của vũ trụ, họ biết vật chất rốt cuộc là gì, nhưng họ chưa lìa kiến tư phiền não, chưa lìa được trần sa phiền não. Họ khởi tâm động niệm vẫn tạo nghiệp luân hồi lục đạo, không ra khỏi lục đạo, chỉ đến chừng đó.

Thực tế mà nói, công phu của Tu đà hoàn cũng chưa được như họ, nhưng Tu đà hoàn không đọa vào ba đường ác, còn họ không thể bảo đảm không đọa vào ba đường ác. Tri thức của A la hán không bằng họ, nhưng A la hán có thể thoát ly luân hồi lục đạo, họ không thoát ly được luân hồi lục đạo. Vì sao vậy? Vì họ chưa buông bỏ phân biệt chấp trước, họ vẫn dùng tâm phân biệt, dùng tâm chấp trước. Căn cứ nguyên lý toán học, dùng máy móc tinh vi để quan sát, thấy được lượng tử. Lượng tử này cũng có thể là vật cực kỳ vi tế mà trong kinh nói.

Trong kinh Đức Phật dạy chúng ta, chúng ta dùng thức thứ sáu và thức thứ bảy. Đặc biệt là đệ lục Ý thức, cảnh giới nó duyên đến rất rộng lớn. Đối với bên ngoài có thể duyên đến hư không pháp giới, đối với bên trong có thể duyên đến A lại da. Duyên đến A lại da không phải là lượng tử ư? Nhưng nó không duyên được tự tánh. Trong tự tánh có trí tuệ đức tướng, nó không duyên được. Nhất định phải buông bỏ hư vọng, chân thật mới có thể hiện tiền, mới có thể đo lường được có loại chân thật này. Chân thật không thể hiện tiền, ta không đạt được lợi ích. Hiểu được đạo lý này, ta mới khẳng định không thể không tu tam học giới định tuệ, không đi theo con đường này là không phải học Phật. Ta thành tựu trong Phật pháp, đó là Phật học, không phải học Phật, hai việc khác nhau, không thể không biết. Học Phật mới chứng được quả báo của Phật, không học Phật vĩnh viễn không chứng được. Ở thế gian có thể lấy được học vị tiến sĩ, có thể đạt được danh dự của một nhà Phật học, danh dự đó không thể liêu sanh tử, không thể ra khỏi luân hồi lục đạo. Không bằng một bà cụ niệm Phật A Di Đà vãng sanh thế giới Cực Lạc, không bằng người ta. Sanh đến thế giới Cực Lạc là bà cụ đi làm Phật, những chân tướng sự thật này không thể không biết.

Câu trí tuệ, câu trí tuệ nhất định phải biết trì giới tu định, định là gì? Không nhất định là ngồi kiết già quay mặt vào tường, thật sự quan trọng, tâm thanh tịnh tức là định. Trong định không còn ý niệm chấp trước, bắt đầu tu tập từ đây. Dần dần nâng cao lên, không còn phân biệt, bắt đầu từ không còn chấp trước. Nghĩa là buông bỏ đối lập, đối lập là biên kiến, nhị biên. Người khác đối lập với ta, ta không đối lập với người khác, ta biết họ với mình là nhất thể. Không đối lập với mọi vật, tất cả nhân sự vật khắp biến pháp giới hư không giới với ta là nhất thể. Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng: Một thể, tự tánh thanh tịnh viên minh thể không phân chia được, phân tách này là chấp trước sai lầm.

Lão tử từng nói, thời đại của Lão tử Phật giáo chưa truyền đến Trung quốc. Lão tử nói: “Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể”. Chính là ý này, đã phá trừ biên kiến. Không được có thành kiến, nghĩa là tự cho mình hơn người. Phật pháp chia thành kiến thành hai phần, một là thành kiến về nhân, hai là thành kiến về quả. Đây là sai lầm, không được có. Thành kiến về nhân gọi là giới thủ kiến, thành kiến về quả gọi là kiến thủ kiến. Người không có thành kiến mới có thể tùy duyên, sao cũng tốt. Người có thành kiến luôn kiên trì, tôi thể này tốt hơn, họ thể kia không được, họ không thể tùy duyên. Quý vị xem Phật pháp, trong Hoàn Nguyên Quán nói về tứ đức, đức đầu tiên là tùy duyên diệu dụng.

Hôm nay có đồng học hỏi tôi, họ còn trẻ, có nhiều sự nghiệp trong xã hội, có chướng ngại gì trong việc học Phật chẳng? Không có chướng ngại. Làm công việc của mình là tùy duyên, nếu biết diệu dụng sẽ không trở ngại. diệu dụng là gì? Không chấp trước tức là diệu dụng, chấp trước là không diệu dụng. Chấp trước sẽ sanh phiền não, không chấp trước không sanh phiền não, gọi là tùy duyên diệu dụng. Diệu dụng nghĩa là ta hiểu rõ hết thấy mọi duyên. Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bào ảnh, thân triệt tất cả, cho nên mọi thứ đều tự tại. Sanh trí tuệ, không sanh phiền não. Họ không phải dùng trí thức giải quyết vấn đề, là trí tuệ giải quyết vấn đề, mà kết quả đều rất hoan hỷ. Quý vị xem điều này viên mãn biết bao!

Người có trí tuệ, một hiện tượng rất rõ ràng, họ không có bản thân, họ không vì mình. Người không có trí tuệ, chắc chắn họ có bản thân. Từ hiện tượng này, ta có thể nhận thấy một cách rõ ràng. Vẫn còn cái tôi, là phàm phu, phàm phu lục đạo. Tu đà hoàn là vô ngã, họ không đọa vào ba đường ác. Ngã tham, ngã sân, ngã si họ có tập khí, họ không có hiện hành, tức họ tuyệt đối không có hành vi tham sân si. Đôi lúc khởi lên một vài ý niệm tham sân si, đó gọi là tập khí, không đọa ba đường ác. Điều này cần phải học.

Quý vị xem tỳ kheo Pháp Tạng vì độ sanh tử, ngài biểu diễn cho chúng ta thấy. Trước tiên là vì độ sanh tử chính mình, sau đó giúp người khác liễu sanh tử. Nói đến trí tuệ nhất định phải học Phật, không học Phật trí tuệ đâu ra? Trí tuệ chân thật là Phật môn, vì sao thế? Phật giáo dạy ta buông bỏ. Không dạy buông bỏ ta không có trí tuệ, có trí thức, không có trí tuệ. Không thể không biết điều này. Trí tuệ có thể thấu suốt tất cả pháp, trí thức không được, phải biết điều này. Thực hành, muốn thông đạt tất cả pháp thế xuất thế gian, làm được chẳng? Làm được, trí tuệ làm được, trí tuệ khai là làm được, trí tuệ không khai không làm được.

Trước đây tôi học kinh giáo với thầy lý, thầy đưa ra một ví dụ: Quý vị học Phật, muốn tương lai trở thành một giảng sư, cần phải thông đạt tam tạng 12 bộ kinh. Vậy một bộ Đại Tạng Kinh đời này quý vị thông đạt chẳng? Chỉ thông đạt Đại Tạng Kinh vẫn chưa được, quý vị thông Phật pháp mà không thông pháp thế gian, đối tượng quý vị dạy là người thế gian, nếu không thông pháp thế gian, như vậy sao có thể dạy được họ? Pháp thế gian không cần nói nhiều, chỉ đưa ra một ví dụ đơn giản: Một bộ Tứ Khố Toàn Thư, quý vị thông đạt chẳng? Chúng tôi nghe thầy nói như vậy không biết nói gì, cảm thấy không có hy vọng. Thầy lại khuyên khích chúng tôi, thông đạt là điều không thể, vậy dùng phương pháp gì? Dùng cảm thông, cầu cảm ứng, cầu Phật lực gia trì, thầy dạy chúng tôi dùng phương pháp này. Như thế nào mới có thể cảm thông? Thành, thành kính sẽ linh. Tâm chân thành có thể cảm thông với Phật Bồ Tát, cảm thông với quý thần, có thể cảm thông với tất cả chúng sanh. Không cảm thông là do chưa đủ thành kính, mức độ tâm thành chưa đủ, nếu đủ không có gì không cảm thông. Thầy tặng cho tôi bốn chữ: “*Chỉ thành cảm thông*”, ta phải dùng tâm chân thành, không được có chút gì hư ngụy, đây là gì? Phương pháp này là cầu Phật lực gia trì, cầu Phật lực gia trì là phương pháp có hiệu quả nhất.

Trì giới, tu định_ Chúng ta nói tu định sợ người khác hiểu lầm, tôi dùng cách khác nói: Trì giới tu tâm thanh tịnh, như vậy dễ hiểu hơn. Trì giới, tâm địa thanh tịnh, tiếp theo ta dùng thành tâm sẽ rất dễ cảm thông, không khó. Chân thành rất quan trọng, không có chân thành, không có cảm ứng. Chân thành có thể giúp chúng ta trì giới, tu định, khai tuệ.

Như vậy mới có thể làm được “*nội tâm thanh tịnh, vĩnh viễn đoạn tuyệt trần lao*”. Đây là ngăn chặn ác thú, nghĩa là đóng cánh cửa của ba đường ác, đoạn tuyệt với nó, tuyệt đối không đọa vào ba đường ác. “*Nhanh chóng chứng được quả giác cứu cánh, nên gọi là nhanh*

chóng đến bờ cứu cánh bồ đề. Ngạn tức là bờ bên kia”. Đây là một ví dụ, sanh tử luân hồi lục đạo là bờ này, niết bàn là bờ bên kia. “*Bờ cứu cánh tức là quả vị niết bàn cứu cánh*”, đây là gì? Đây là thành Phật. A la hán cũng coi là đến bờ bên kia, nhưng đó chưa phải là cứu cánh của bờ bên kia. Bích Chi Phật cũng đã đến bờ kia, cũng chưa phải là cứu cánh của bờ kia. Đó là trạm nghỉ chân giữa đường, họ đến đó, đến đó cũng rất tuyệt. Họ chỉ tiến về trước, chứ không thụt lùi về sau. Họ chứng được là vị bất thoái, cho nên họ cũng được coi là người có thành tựu. Đương nhiên họ còn phải tiếp tục nỗ lực tiến về phía trước, họ chứng được quả vị Bồ Tát, chứng được quả Phật cứu cánh.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 174

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 24.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 200 hàng thứ bảy, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

“Vô minh là tên gọi khác của si. Đại Thừa Nghĩa Chương nói: Tâm si ám, thể không có ánh sáng trí tuệ, gọi là vô minh. Vô minh, tham sân tức ba độc. Do đó trí tuệ đến bị ngạn, nhờ lực của tam muội, nên tam độc vĩnh viễn không có. Tam hoặc như kiến hoặc, trần sa và vô minh hoàn toàn đoạn tận, lỗi lầm đều không có”. Chúng ta xem đoạn này. Đoạn này đều là giải thích kinh văn ở trước. “Vô minh tham sân đều vĩnh viễn không còn, hoặc tận, lỗi lầm đều không nhờ tam muội lực”, đây là hai câu kinh văn, hai câu này ý nghĩa rất sâu sắc.

“Vô minh” nghĩa là trong tham sân si gọi là ngu si, ngu si cũng gọi là vô minh. Minh là trí tuệ, si là không có trí tuệ. Tham sân si gọi là ba độc phiền não, đây là thứ nghiêm trọng nhất. Trong kinh điển đại tiểu thừa, Đức Phật từ bi vô cùng, không ngừng nhắc nhở chúng ta. Có thể nói Đức Phật, lúc còn tại thế giảng kinh thuyết pháp 49 năm, không có lúc nào không nhắc nhở chúng ta, vì sao vậy? Vì chúng ta không hiểu chân tướng sự thật, không biết thiệt hơn, đây gọi là vô minh. Nếu hiểu chân tướng sự thật, chúng ta sẽ có tâm sợ hãi, có tâm cảnh giác cao độ.

Ba thứ này, tham dục là nghiệp nhân của đường ngạ quỷ, nhân duyên vô lượng, đích thực nói không cùng tận. Trong vô lượng nhân duyên, luôn có một nhân duyên quan trọng nhất, nhân duyên đầu tiên là gì? Đức Phật thường nói ra cho chúng ta, đây là quan trọng nhất. Nhân duyên của đường ngạ quỷ, quan trọng nhất chính là tham tâm, tham tâm đọa vào đường ngạ quỷ. Bất luận là tham điều gì, tất cả đều là nhân của ngạ quỷ, điều này chư vị nhất định

phải biết. Tham tài là nhân nga quý, tham sắc là nhân nga quý, tham danh là nhân nga quý. Chỉ cần là tham, chính là nhân của nga quý. Vậy học Phật thì sao? Tham Phật pháp cũng là nhân nga quý, cho nên Phật pháp không thể tham, điều này nhất định phải biết. Vì sao vậy? Tham tâm đọa nga quý, không phải dạy ta thay đổi đối tượng. Ngày nay chúng ta không tham pháp thế gian, danh văn lợi dưỡng đều không tham, tôi tham Phật pháp được chăng? Quý vị chưa đoạn tham tâm, đó nghĩa là nghiệp nhân của nga quý. Tham tâm đọa nga quý, ở trong đường nga quý chịu khổ ít hơn một chút, vì quý vị là thiện pháp, nhưng luôn ở trong đường nga quý, trong đường nga quý có phước báo hơn, gọi là quý nhiều tiền. Quý vị xem, quý vị luân lạc đến bước đường này. Trong Kinh Kim Cang Đức Phật dạy chúng ta: “Pháp còn phải bỏ huống gì phi pháp”. Pháp này là Phật pháp, Phật pháp cũng phải buông bỏ, không được tham, tham là chuốc lấy phiền phức.

Sân nhuế đọa địa ngục, sân nhuế là gì? Là người có tâm oán hận, đều thuộc về sân nhuế. Cống cao ngã mạn cũng thuộc về sân nhuế, một phần trong sân nhuế, toàn là nghiệp nhân của địa ngục, sao phải khổ như thế? Chúng ta học Phật, học Phật không đọa địa ngục ư? Đến người niệm Phật cũng đọa địa ngục. Điều này trong các buổi giảng, tôi từng nói với quý vị rất nhiều lần, cũng thường nhắc nhở mọi người. Từ đâu tôi biết được điều này? Pháp sư Từ Vân Quán Đảnh, người thời vua Càn Long nhà Thanh. Vị cao tăng này thật đáng nể, thông tông thông giáo, hiền mật viên dung. Quý vị xem Vạn Tự Tục Tạng của Nhật bản, thu thập trước tác của ngài có hơn 20 loại. Trước tác của ngài tất cả có khoảng gần 50 loại, trước tác rất nhiều, rất hay! Trước đây tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm, tham khảo chú giải của ngài. Ngài có một bản phân lượng không nhiều lắm, là Đại Thê Chí Bồ Tát Viên Thông Chương Sớ Sao trong Kinh Lăng Nghiêm, là ngài trước tác. Niệm Phật Viên Thông Chương không dài, chỉ có 244 chữ. Sớ Sao của ngài là một cuốn dày, chú giải rất hay. Trang sau cùng, trang sau cùng ở dưới ngài nói về 100 quả báo niệm Phật, câu đầu tiên là địa ngục A tỳ. Lúc đó tôi đang học kinh giáo, tôi cầm cuốn sách này đến thỉnh giáo thầy Lý. Tôi nói thầy ơi, niệm Phật dù không tốt, cũng đâu đến nỗi đọa địa ngục! Sao câu đầu tiên chính là niệm Phật đọa địa ngục? Thầy thấy đây là vấn đề lớn, thầy không nói với riêng tôi, để lúc giảng kinh thầy sẽ nói với tất cả mọi người. Do chưa đoạn sân nhuế, niệm Phật vẫn thường sân si, có người như vậy chăng? Có, tôi nghĩ đa số quý vị đều thấy, người niệm Phật sân si. Chưa đoạn tâm sân nhuế, có đồ kỵ, có chướng ngại, thường nổi nóng, như vậy chúng ta mới hoàn toàn hiểu rõ. 100 quả báo này, sau cùng là thượng thượng phẩm vãng sanh. Chúng ta dùng lời trong Kinh Kim Cang để nói, có thể nhận ra điểm tương ứng: “Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, “pháp còn phải xả, huống gì phi pháp”. Pháp là Phật pháp, không được để trong lòng, để trong lòng là sở tri chướng. Không những chướng ngại ta chúng quả, mà còn chướng ngại ta khai ngộ, cho nên pháp cũng không được để trong lòng. Quý vị thấy trong Kinh Kim Cang, pháp ví như chiếc thuyền qua sông, nó hữu dụng, giúp chúng ta từ bờ này đến bờ kia, đến bờ rồi pháp cần phải xả bỏ, không xả bỏ không lên được bờ, cho nên pháp cũng phải xả. Nhưng trong Tịnh độ tông, Tịnh độ tông gọi là đời nghiệp vãng sanh. Pháp chưa xả bỏ cũng có thể vãng sanh, sanh vào cõi phàm thánh đồng cư, địa vị không cao. Nếu xả bỏ pháp, xả bỏ thì vãng sanh vào cõi thật báo trang nghiêm, không giống nhau! Nhưng Tịnh tông được sự gia trì vô cùng thù thắng của Phật A Di Đà, bất luận là vãng sanh với phẩm vị nào, cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, đến thế giới Cực Lạc đều làm A Duy Việt trí Bồ Tát, thật là không thể nghĩ bàn! Đây gọi là pháp khó tin, chúng ta phải thâm tín không nghi ngờ, lời Phật A Di Đà nói hoàn toàn là sự thật. Bởi thế chúng ta tin, quyết một lòng tu theo pháp môn này.

Phải biết rằng, tham sân si mạn nghi đều phải đoạn trừ. Ở thế gian này tốt nhất là chúng ta được tâm thanh tịnh. Trong công phu tu hành thanh tịnh là bậc thấp nhất, ở giữa là bình đẳng, cao nhất là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Dùng danh từ của Tịnh độ tông, cao nhất là lý nhất tâm bất loạn; bậc trung là tâm bình đẳng, sự nhất tâm bất loạn; thấp nhất là tâm thanh tịnh, công phu thành phiền. Chỉ cần chúng ta đạt được công phu thành phiền, vãng sanh tự tại, muốn đi khi nào thì đi khi đó, không có chướng ngại. Mấu chốt là buông bỏ, không buông không được, phải buông bỏ triệt để. Si rất khó đoạn, tham tuy rất mãnh liệt nhưng dễ đoạn. Si rất khó đoạn, gọi là vương vấn không dứt.

Ở đây “vô minh tham sân đều đoạn tận vĩnh viễn”, điều đầu tiên nói về si, là tên khác của si.

Trong Đại Thừa Nghĩa Chương có mấy câu giải thích rằng: “Tâm si ám”. Câu này bao hàm ý nghĩa rất thâm sâu, thế nào gọi là tâm si ám? Trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói với chúng ta: “nhất niệm bất giác mà có vô minh”, vô minh từ đâu mà có? Từ nhất niệm bất giác. Nhất niệm bất giác này, cũng không phải trong tướng tượng của chúng ta, chúng ta không thể tưởng tượng. Nghĩa là Bồ Tát Di Lặc nói: một khảy móng tay có 32 ức 100 ngàn niệm, một niệm trong đó. Nếu chúng ta khảy nhanh, tôi nghĩ một giây tôi có thể khảy được bốn lần. Tôi tin có người khảy nhanh hơn tôi, có thể khảy được năm lần. Nếu khảy năm lần, một giây có bao nhiêu niệm? 1600 triệu niệm. Trong một giây có 1600 triệu niệm, quý vị có thể cảm nhận được chăng? Nghĩa là một niệm đó, một niệm đó gọi là vô minh. Một niệm đó, trong kinh Đức Phật gọi là “nhất niệm bất giác”, nghĩa là một giây có 1600 triệu ý niệm. Nhất niệm ở trong này, một niệm đầu tiên. Chúng ta từ một giây để quan sát hiện tượng này, quý vị sẽ biết hiện tượng này đã sanh diệt 1600 triệu lần trên một giây. Hiện tượng này, hiện nay được các nhà khoa học lượng tử phát hiện, chúng ta vô cùng cảm kích. Bởi sau khi họ phát hiện, đã nói rõ cho chúng ta biết những hiện tượng vật chất này. Chúng ta đối chiếu với kinh điển, lại càng rõ ràng hơn, hiểu được những gì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni muốn nói. Phát hiện này trong Pháp tướng tông gọi là A lại da.

Quý vị xem trong kinh Đức Phật nói, đây là kinh điển của Pháp tướng tông, Kinh Hoa Nghiêm là một trong sáu bộ kinh điển của Pháp tướng tông. Nhất niệm bất giác, vô minh này chính là A lại da xuất hiện. Nhất niệm bất giác là gì? Là nghiệp tướng của A lại da. Nghiệp là gì? Nghiệp nghĩa là chấn động, ngày nay chúng ta gọi là hiện tượng dao động, tần suất rất vi tế, rất nhanh chóng, nó rất nhanh. Hiện tượng này gọi là A lại da, A lại da đồng thời đầy đủ chuyển tướng và cảnh giới tướng.

Thông thường các nhà Duy thức học nói bốn phần, bốn phần tâm tâm sở, tám tâm vương, 51 pháp tâm sở. Mỗi tâm tâm sở đều có bốn phần: Tụ chứng phần, chứng tự chứng phần, kiến phần, tướng phần. Tâm tâm sở có hiện tượng tinh thần, cũng có hiện tượng vật chất. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói ngũ uẩn, chư vị thường đọc Tâm Kinh, câu đầu tiên của Tâm Kinh: “Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. A lại da là gì? A lại da chính là căn bản của ngũ uẩn. Thể của nó là năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức, từ đây sanh khởi vạn sự vạn pháp của toàn thể vũ trụ, đều không tách rời ngũ uẩn. Ngũ uẩn giai không nghĩa là vạn pháp giai không, vì tất cả vạn pháp là ngũ uẩn cấu thành. Thọ tưởng hành thức trong ngũ uẩn tức là kiến phần, hiện tượng vật chất là tướng phần, nghiệp tướng của nó là tụ chứng phần. Chứng tự chứng phần không giống nhau, chứng tự chứng phần là trí tuệ bát nhã vốn đầy đủ trong tự tánh, cho nên nó có thể chiếu soi. Chiếu soi gì? Chiếu soi tam tế tướng của A lại da. Nếu không có trí tuệ

này, ai biết tam tế tướng của A lại da? Là trí tuệ bát nhã vốn đầy đủ trong tự tánh chiếu soi. Người minh tâm kiến tánh nhìn thấy, phát hiện được vô minh này, đây là bệnh căn của tất cả phiền não.

“Tâm si ám tức là thể không có ánh sáng trí tuệ”, họ mê muội, trí tuệ bát nhã vốn có trong tự tánh không hiển lộ, họ mê muội. Cho nên sau khi mê muội, đem bốn đức kiến văn giác tri trong tự tánh, chuyển thành thọ tướng hành thức. Sắc vốn không có, nghĩa là vốn không có hiện tượng vật chất. Các nhà khoa học, các nhà lượng tử học, họ không thừa nhận thể giới này có vật chất tồn tại. Đây là đúng, chính xác, hoàn toàn giống như Phật pháp nói. Đó hoàn toàn là hư huyền, là gì? Là một hiện tượng do ý niệm tích lũy liên tục tạo nên, cách nói này hoàn toàn tương đồng với trong kinh Phật nói.

Cho nên nếu bây giờ tốc độ khoa học tiên tri, ta có lý do tin rằng: Hai đến ba mươi năm sau, Phật giáo không còn là Tôn giáo. Khoa học thừa nhận Phật pháp là khoa học, khoa học cao cấp. Phật pháp là triết học, không còn là Tôn giáo, nó đã tách khỏi Tôn giáo. Khoa học cận đại nghiên cứu đưa ra kết luận này, hoàn toàn tương ứng với Phật pháp đại thừa.

Cho nên chúng ta nhất định phải nhận thức Phật giáo, Phật giáo là nền giáo dục của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nền giáo dục này nói về điều gì? Tôi phân nó thành năm loại lớn: Luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học, năm loại lớn này đều nói đến rất ráo viên mãn, không dễ! Chúng ta đang tiếp thu nền giáo dục của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đối với vũ trụ muôn sự muôn vật, Phật pháp phân thành tánh tướng, lý sự, nhân quả, thông đạt thấu triệt. Đây là Phật pháp, đây gọi là học Phật, hoàn toàn thấu triệt là học Phật.

Thông đại thấu suốt là hiện tượng đặt ngay trước mắt, tức nói với quý vị không có vấn đề sanh tử, sanh tử là giả. Lại nói với quý vị, sanh mạng là vĩnh hằng, bất sanh bất diệt. Bất sanh bất diệt, Phật pháp đại thừa gọi là đại bát niết bàn. Trong kinh Đức Phật nói: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”, hoàn toàn là sự thật. Chỉ là chúng ta đang mê, là Phật hồ đồ, quả thật là Phật nhưng là mê mà không giác. Chư Phật Bồ Tát rất từ bi, họ đến dẫn dắt chúng ta, khiến chúng ta phá mê khai ngộ trở về tự giác, không phải là thành Phật rồi sao? Quý vị vốn là Phật, bây giờ lại muốn làm Phật, đâu có đạo lý không thành tựu! Sau đó mới biết Phật pháp vô cùng thù thắng.

“Tâm si ám, thể không có ánh sáng trí tuệ”. Thể vốn có, quý vị xem: “tự tánh thanh tịnh viên minh thể”, minh nghĩa là trí tuệ, bây giờ trở thành không có trí tuệ. Đây là gì? Quý vị có phiền não chướng ngại, nhất niệm bất giác tức là phiền não, đây gọi là vô minh phiền não, là tầng sâu nhất của phiền não, trí tuệ của ta trở thành phiền não. Cho nên phiền não tức bờ đề, phiền não và trí tuệ là cùng một thể. Khi giác ngộ gọi là trí tuệ, khi mê gọi là phiền não. Nếu ta có thể thay đổi ý niệm, phiền não liền biến thành bờ đề, ta đã giác ngộ. Vì thế gọi nó là vô minh. Vô minh thêm vào tham sân gọi là tam độc, nếu thêm mạn và nghi, ngạo mạn, nghi hoặc, hoài nghi như vậy gọi là ngũ độc.

Tôi thường nói với mọi người về ngũ độc, hoài nghi trong ngũ độc không phải là hoài nghi thường. Hoài nghi đối với Phật pháp, hoài nghi đối với giáo huấn của thánh hiền, hoài nghi đối với kinh điển, hoài nghi đối với tu hành chứng quả, vấn đề này quá nghiêm trọng. Nếu trong lòng có nghi vấn này, thì đời này không có hy vọng gì, đến vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc cũng rất khó khăn. Vì sao vậy? Quý vị sẽ hỏi, thế giới Cực Lạc có thật chăng? Thật sự có Phật A Di Đà chăng? Quý vị đặt nghi vấn này, thì không thể đến được thế giới Cực Lạc. Nhưng trông được hạt giống trong A lại da, đời sau kiếp sau tiếp tục tu hành. Đời này không thành công, nhưng thành tích vẫn còn, còn tích lũy trong đó. Nhưng không

đủ, chưa đạt tiêu chuẩn. Ta cần phải đoạn tận tất cả năm loại phiền não này, hoàn toàn đoạn tận tham sân si mạn nghi, như vậy đời này chúng ta có phần trong sự thành tựu. Nói thì dễ, nhưng khi làm quả thật rất khó! Nhưng có người đã làm được. Họ làm được, vì sao tôi không làm được? Điều này phải suy nghĩ tường tận, người khác làm được, tôi cũng có thể làm được. Thực tế mà nói, không làm được là do quý vị không chịu thực hành. Quý vị tham luyện thế gian này, xem thế gian này là thật, máu chót là đây. Đây là gì? Đây gọi là mê, gọi là không có trí tuệ, quý vị không biết thế giới này là giả.

Trong Vĩnh Gia Đại Sư Chứng Đạo Ca nói rất hay: “mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên”. Đây là nói cho chúng ta biết về chân tướng của luân hồi lục đạo. Mộng, mộng chính là vô minh, quả thật là một giấc mộng, khi tỉnh mộng giác mộng này không còn, lục đạo không còn. Đức Phật nói cho chúng ta rất rõ ràng, buông bỏ điều gì? Buông bỏ kiến tư phiền não, lục đạo không còn. Tư hoặc trong kiến tư phiền não chính là tham sân si mạn nghi, buông bỏ năm loại này, tâm địa thanh tịnh. Đạt được tâm thanh tịnh, lục đạo không còn, đã tỉnh mộng. Sau khi tỉnh mộng là thế giới gì? Là tứ thánh pháp giới, quý vị đã nhìn thấy. Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật ở ngay trước mắt chúng ta, quý vị đã thay cảnh giới, tốt! Lục đạo là cõi uế, ô nhiễm, ngày nay gọi là ô nhiễm nghiêm trọng. Tứ thánh pháp giới là Tịnh độ, trong này hoàn toàn không có ô nhiễm, tịnh độ của Phật Thích Ca Mâu Ni. Nhưng nó vẫn là mộng, vẫn không phải thật. Nên nếu chúng ta có thể buông bỏ trần sa phiền não, trần sa phiền não là phân biệt. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần không còn phân biệt, chẳng những không còn chấp trước, mà phân biệt cũng không còn, quý vị là Bồ Tát.

Tứ thánh pháp giới là tứ pháp giới, tức là ta nâng lên đến hai tầng ở trên, hai tầng dưới là Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Quý vị đã thăng cấp, từ tiêu thừa nâng lên đến đại thừa. Phật đó không phải là chân Phật, Phật giả hay Phật thật lấy giới hạn gì để phân biệt? Chính là dùng tâm. Nếu dùng chân tâm quý vị là Phật thật, còn nếu như dùng A lại da quý vị là Phật giả, không phải Phật thật. Cho nên Phật trong tứ thánh pháp giới vẫn dùng A lại da, nghĩa là nói họ vẫn chưa chuyển thức thành trí. Họ chỉ buông bỏ phân biệt chấp trước, chắc chắn không có phân biệt chấp trước, cho nên lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần tâm họ thanh tịnh. Tâm họ thanh tịnh bình đẳng, nhưng chưa giác, cần phải buông bỏ vô minh. Vô minh là gì? Chính là ý niệm, khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm này vô cùng vi tế. Vừa mới nói với chư vị, một giây có 1600 triệu lần sinh diệt, sanh diệt này chỉ cần đoạn tận một cái là được, đoạn một lần là toàn bộ đều đoạn. Nếu buông bỏ nó, mười pháp giới không còn, mười pháp giới cũng là mộng. Trong mộng rõ ràng có lục đạo, tiếp tục nâng cao hơn, trong mộng rõ ràng không có thập pháp giới. Tỉnh dậy thập pháp giới không còn, thật sự đã tỉnh mộng, tỉnh dậy là cảnh giới gì? Nhất chân pháp giới hiện tiền, cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai. Đó là thật, không phải giả. Vì sao nói là thật? Nó vĩnh hằng bất biến. Trong mười pháp giới đều có biến hóa, nó là vô thường. Trong cõi thật báo trang nghiêm là chân thường, không có biến hóa. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói thế giới Hoa Tạng, trong Kinh Vãng Sanh nói đến thế giới Cực Lạc, đều là cõi thật báo. Đặc biệt là cõi thật báo trang nghiêm của Phật A Di Đà, có thể nói tuy nó có cõi phàm thánh đồng cư, cõi phương tiện hữu dư, nhưng tình huống trong đó hầu như không khác gì cõi thật báo trang nghiêm. Đây là một nơi rất đặc biệt, trong cõi nước của mười phương Chư Phật đều không có, nó rất đặc thù. Niệm Phật vãng sanh đến thế giới Cực Lạc là thành Phật, quý vị xem điều này thù thắng biết bao!

Quý vị nhìn lại thế gian này của chúng ta, thế gian này rất khô, quý vị còn lưu luyến ư? Đến thế giới Cực Lạc sớm ngày nào tốt ngày đó, đến sớm một ngày bớt chịu tội một ngày, đi trễ ngày nào thì chịu tội thêm ngày đó. Người học Phật chọn chánh, mỗi niệm không rời khỏi Phật A Di Đà, mỗi niệm đều nhớ đến thế giới Cực Lạc. Bồ Tát Đại Thế Chí nói: “Nhớ Phật niệm Phật”, nhớ là trong lòng thường nghĩ đến, niệm là trong tâm thường niệm đến. “Hiện tại tương lai nhất định thấy Phật”, hiện tại là ở thế gian này của chúng ta, quý vị sẽ thấy được Phật A Di Đà. Tương lai là khi ta sanh đến thế giới Cực Lạc, ngày ngày tu học với Phật A Di Đà, không rời Phật A Di Đà, cho đến khi ta thành Phật. Quý vị xem điều này thù thắng biết bao. Thật sự muốn đi, một nguyên tắc chung đó là phải buông bỏ.

Chúng ta hôm nay tại đây, bao nhiêu năm nay đề xướng giới định tuệ, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ. Trong giới, đặc biệt là đề xướng ba nền tảng của Nho Thích Đạo. Đây là nói với ai? Nói với những người trẻ tuổi, quý vị muốn học Phật nhất định phải có nền tảng. Trên 60 tuổi có tư tưởng khác, nền tảng đó có thể không cần học, chỉ cần nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Tôi không có căn? Căn ở nơi Phật A Di Đà. Quý vị thử nghĩ xem, tâm của quý vị đã biến thành Phật A Di Đà, hành vi cũng là Phật A Di Đà, như vậy còn phạm sai lầm ư? Sẽ không phạm, trong Phật pháp gọi đây là đạo cộng giới. Nhất tâm niệm Phật là đạo, đạo của Phật A Di Đà, trong này đầy đủ viên mãn tất cả giới luật.

Quý vị muốn hỏi, bây giờ tôi mới 30 tuổi, tôi nhất tâm niệm Phật được chăng? Nếu quý vị nhất tâm niệm Phật cũng được. Quý vị xem mấy năm trước, cư sĩ Hoàng Trung Xướng ở Thẩm Quyển, hình như là 31,32 tuổi, anh ta nhất tâm niệm Phật. Chỉ một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, mỗi ngày đọc một biến Kinh Vô Lượng Thọ, niệm Phật không gián đoạn. Anh ta làm thí nghiệm cho chúng ta thấy, biểu diễn cho chúng ta thấy, ba năm. Vì đọc trong Vãng Sanh Truyện, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, rất nhiều người điều niệm Phật ba năm vãng sanh. Anh ta đến hỏi tôi, phải chăng những người này ba năm là hết thọ mạng, nên vãng sanh? Tôi nói điều này không thể, đâu mà trùng hợp thế? Một hai người còn có thể, ở đây hầu như chiếm đại đa số, nói vậy không hợp lý. Vậy là nguyên nhân gì? Công phu niệm Phật của họ thuần thực, chỉ cần niệm đến công phu thành phiền, họ được tự tại vãng sanh. Thọ mạng vẫn còn nhưng họ không cần, cứ thế ra đi. Hoàng Trung Xướng đã làm thí nghiệm, cư sĩ Hương Tiểu Lợi hộ trì cho anh ta, anh ta bẻ quan, cầu ba năm công phu thành phiền, tự tại vãng sanh. Anh ta niệm được hai năm 10 tháng, còn thiếu hai tháng, biết trước giờ chết, vãng sanh. Anh ta chưa học Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp đều chưa học, một câu A Di Đà Phật, tất cả giới luật đều bao hàm trong đó. Nhất tâm niệm Phật, tất cả tam muội, thiên định cũng bao hàm trong đó. Một câu Phật hiệu này, viên mãn hết tất cả. Vấn đề này xảy ra thời gian gần đây, làm cho chúng ta thấy.

Bởi vậy, khi thật sự hạ quyết tâm cầu sanh tây phương Tịnh độ, như vậy thì không cần. Nhưng nếu như còn muốn ở thế gian này, thì phải khiến cho Phật pháp hưng thịnh, tục Phật tuệ mạng, hoằng pháp lợi sanh, phải làm tấm gương tốt. Gọi là hoằng hộ, phát tâm hoằng dương hộ trì chánh pháp, nhất định phải giữ quy củ, phải thực hành ba nền tảng, phải thực hành bốn đức trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. “Tùy duyên diệu dụng”, đó là cảnh giới gì? 53 lần tham bái của Thiên Tài Đồng Tử, tùy duyên diệu dụng. “Hành vi thế tắc”, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác là tấm gương tốt cho tất cả những người học Phật. “Học vi nhân sư, hành vi thế phạm”, quý vị phải thể hiện ra, mới có thể giữ vững chánh pháp, mới có thể hoằng pháp lợi sanh, không thực hành sao được?

“Nhu hòa chất trực”, rất quan trọng, không được có chút tập khí ngạo mạn nào. Pháp thế gian đều không cho phép, như vậy Phật pháp sao có thể? Trong pháp thế gian Khổng Tử nói: Có cái tài cái đẹp như Chu Công, khiến kiêu ngạo mà không thẹn, ngoài ra không đáng để nhìn. Như vậy là xong, mang theo một chút tâm kiêu mạn, đồ kỵ, công đức hoàn toàn bị hủy diệt, không thể không biết điều này. Quý vị xem, có vị Phật Bồ Tát nào không khiêm tốn? Vị Phật Bồ Tát nào có tập khí ngạo mạn? Không có, tìm không thấy.

Ở trước tôi từng nói về câu chuyện của Phật sống Kim Sơn. Bây giờ sách này hình như từ Đài Loan có đưa đến một ít, tôi nghe nói đã gởi đến 200 hay là 300 cuốn. Người này quả thật rất đáng nể! Người tu hành chúng ta không ai có thể sánh với ngài. Phật sống Kim Sơn là chùa Kim Sơn, chính là chùa Kim Sơn ở Nam Kinh. Pháp hiệu của ngài là Diệu Thiện_Ngày xưa phương trượng của Phổ Đà Sơn cũng tên là Diệu Thiện, tên giống nhau nhưng không phải một người. Ngài ra đời trước pháp sư Diệu Thiện ở Phổ Đà Sơn, ngài vãng sanh trong thời kỳ kháng chiến, khi vãng sanh cũng hơn 80 tuổi. Hình tướng người xuất gia này rất giống Tế Công, trong Tế Công Truyện miêu tả về Tế Công đích thực rất giống. Ngài có thần thông, suốt đời thanh tịnh, không có gì cả. Bên trong một bộ đồ ngắn, bên ngoài một chiếc áo dài, ngoài ra không còn gì. Mùa đông ngài không lạnh, mùa hè cũng không nóng. Ngài chỉ có một bộ áo quần như vậy mặc suốt cả đời, đất dính nơi cổ áo một lớp thật dày. Vì ngài không giặt cũng không tắm, suốt đời không hề tắm rửa, nhưng trên thân phát ra mùi thơm của hoa sen. Quý vị nghĩ cổ áo của ngài cũng trị được bệnh, nghĩ một cái là lành, ngài có bản lĩnh này. Không cần tiền, tiền Phật tử cúng dường. Ngày xưa dùng đồng xu, tiền bằng kim loại, quý vị cúng dường, ngài bỏ vào miệng nuốt mất, cúng dường tiền giấy ngài cũng nuốt. Ăn trước mặt quý vị, nuốt mất. Nhìn thấy đồng nát sắt vụn trên mặt đất, ngài đều lượm lên ăn. Nói cho chư vị biết, cư sĩ tại gia đều rất phục, gọi ngài là Phật Sống, gặp ngài đều đánh lễ, ngài cũng quỳ xuống đánh lễ lại. Người ta nói, không được, không được. Quý vị đều là Bồ Tát, đều là Bồ Tát sống. Vì sao ngài làm như thế? Dạy người xuất gia đừng ngạo mạn, đừng tự đại, tưởng rằng xuất gia là rất đáng nể. Ngài dẫn đầu, thay người xuất gia chúng ta cúi lạy cư sĩ, quý vị xem, rất đáng khâm phục! Chúng ta không biết sám hối, ngài thay chúng ta sám hối. Chúng ta thấy như vậy, nên bất kỳ nơi đâu cũng phải khiêm tốn. Đây chính là đức thứ ba trong Hoàn Nguyên Quán: “nhu hòa chất trực”. Tâm địa chân thành, thái độ nhu hòa, không có tập khí ngạo mạn.

Đức sau cùng là “đại chúng sanh khổ”. Học Phật để làm gì? Chịu đau khổ thay cho tất cả chúng sanh. Quý vị thật sự dạy họ, phải dùng thân giáo để dạy họ, thân hành ngôn giáo. Nếu thân ta không làm được thì lời nói đó không ai nghe theo, không ai tin theo. Đây đều là người tu hành chơn chánh, làm ra tấm gương tốt cho chúng ta noi theo.

Phải bạt trừ tam độc, bước đầu công phu tu hành của chúng ta đã thành tựu, đây là kiến tư phiền não. Quả vị là gì? Quả vị là A la hán. Trên đề kinh này chính là tâm thanh tịnh, họ được tâm thanh tịnh, A la hán được tâm thanh tịnh, đoạn tận kiến tư phiền não. Bồ Tát được tâm bình đẳng, đoạn tận trần sa phiền não. Đức Phật là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, cho nên dùng một chữ giác: Thanh tịnh, bình đẳng, giác.

“Do trí tuệ đến bỉ ngạn”, tiểu thừa cũng được coi là đến bờ bên kia, trong kinh điển Đức Phật nói quả vị này gọi là thiên chân niết bàn. Bồ Tát đại thừa chúng được gọi là đại bát niết bàn, là cứu cánh niết bàn. Đây cũng gọi là niết bàn, A la hán chúng được cũng gọi là niết bàn, gọi là thiên chân niết bàn. Chân là gì? Là chân không, vạn pháp giai không. Họ hiểu

được đạo lý này, thấu hiểu chân tướng sự thật này, nên không còn chấp trước, buông bỏ tất cả.

“Đều nhờ sức tam muội”, câu này rất quan trọng. Tam muội là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung nghĩa là “chánh định, chánh thọ, đẳng trì”, ở sau có tam muội này. Hàng dưới, “chánh định”, là phân biệt không phải tà định, vì sao vậy? Vì trong pháp thế gian có tu thiền định, tứ thiền bát định, đây không phải chánh định. Vì sao vậy? Họ không vượt thoát được luân hồi lục đạo. Chánh định có thể vượt thoát luân hồi lục đạo, lấy điều này làm tiêu chuẩn, đó là chánh định. Không ra khỏi luân hồi lục đạo, tuy được định này, nhưng định công vẫn bị mất. Tuy thời gian định của họ rất dài, khi thời khắc đến sẽ mất đi, khi mất tất cả phiền não tập khí đều khởi hiện hành, cho nên lại bị đọa lạc. Trong Phật pháp nói chữ “chánh” này rất quan trọng. Trong chiều bài này là chiều bài chữ chánh, điều này không thể không biết. Đây là chánh định, cũng gọi là “chánh thọ”, thọ là hưởng thụ, hưởng thụ bình thường. Đức Phật nói phàm phu lục đạo hưởng thụ không bình thường, năm loại thọ: Thân có khổ lạc, tâm có ưu hỷ, đây đều không bình thường. Khi thân không có khổ lạc, tâm không có ưu hỷ gọi là xả thọ. Xả thọ rất tốt, nhưng thời gian rất ngắn, không dài, chốc lát nó lại hiện ra, khổ lạc ưu hỷ lại xuất hiện, nó không lâu dài. Nếu duy trì vĩnh viễn thân không có khổ lạc, tâm không có ưu hỷ, đó gọi là chánh thọ, đó nghĩa là chánh định. Cho nên tạm thời, ngắn ngủi này không tính, đó được coi là xả thọ. Đây là Đức Phật nói cho chúng ta về năm loại thọ: Khổ lạc ưu hỷ xả trong lục đạo, không bình thường! Lìa năm loại này là bình thường, đó mới gọi là chánh thọ.

“Đẳng trì”, từ này ở dưới có giải thích. Đẳng là bình đẳng, khi giảng đến đó chúng ta nói tiếp. Bây giờ chúng ta xem tiếp: “Trí tuệ đến bờ kia, đều nhờ sức tam muội. Cho nên tam độc dứt trừ vĩnh viễn, tam hoặc đều đoạn tận”. Tam hoặc chính là kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não, tất cả đều đoạn tận. Đây là gì? Đây gọi là A la hán, là bước thứ nhất tu chứng trong Phật pháp. Chúng ta gọi là học vị, lấy được học vị đầu tiên.

Tôi thường lấy học vị ở trường để làm ví dụ. Phật là học vị cao nhất, như học vị tiến sĩ ở trường vậy. Bồ Tát là học vị thạc sĩ, A la hán là học vị đại học. Đây là học vị thấp nhất, quý vị đã đạt được, đạt được A la hán là học vị thấp nhất. Điều kiện là gì? Đoạn tận kiến tư phiền não, mới đạt được học vị này. Khi đoạn được trần sa phiền não, học vị lại càng cao, đó là Bồ Tát. Nếu đoạn được vô minh phiền não, như vậy là thành Phật, lấy được học vị cao nhất. Chư vị nên biết, A la hán chỉ đoạn kiến tư phiền não, chưa đoạn trần sa và vô minh phiền não.

Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thường học được, Kinh Hoa Nghiêm nói đến Bồ Tát, tất cả đều là Bồ Tát. Kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não đều ở trong thập tín vị. Từ đoạn kiến hoặc, đây là kiến tu hoặc, kiến tu _Đoạn kiến hoặc, chúng quả Tu đã hoàn, trong Kinh Hoa Nghiêm là Bồ Tát sơ tín vị trong thập tín. Chúng ta biết trong tiểu thừa nói tứ quả tứ hướng, họ đạt được quả vị thứ nhất, đây là Bồ Tát sơ tín vị, đồng nghĩa với lớp một tiểu học, quý vị đã đi học, tương đương với sơ quả tiểu thừa.

Bồ Tát nhị tín vị, họ tu là nhị quả hướng, hướng của phương hướng. Hướng đến nhị quả, nhưng chưa chứng được nhị quả, đang tu học. Đến Bồ Tát tam tín vị tức là nhị quả, tam tín nghĩa là nhị quả. Tứ tín là tam quả hướng, ngũ tín là tam quả. Lục tín là tứ quả hướng, thất tín vị chính là A la hán, nghĩa là tứ quả A la hán, thất tín vị. Bát tín là Bích Chi Phật, cửu tín là Bồ Tát, thập tín là Phật. Từ trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy rất rõ ràng thập tín vị này.

Phật của thập tín vị này, nếu buông bỏ khởi tâm động niệm, ngài vượt ra mười pháp giới đến sơ trụ. Sơ trụ là minh tâm kiến tánh, là chân Phật, không còn dùng A lại da, chuyển A lại

da thành đại viên cảnh trí. Sơ trụ Bồ Tát ở đâu? Trụ trong cõi thật báo trang nghiêm, nhất chân pháp giới. Từ sơ trụ đến Đẳng giác, 41 địa vị này, 41 vị pháp thân đại sĩ đều trú trong cõi thật báo. Đẳng giác Bồ Tát đoạn tận phần sau cùng của tập khí vô thi vô minh_Ở đây gọi là câu tận, vô minh câu tận, đoạn tận tất cả, đó là gì? Là Diệu giác vị. Diệu giác vị cõi thật báo cũng không còn, họ đi về đâu? Họ đến thường tịch quang, trở về tự tánh.

Tôi thường nghĩ, đây là một sự tuần hoàn rất lớn. Bắt đầu từ mê thất tự tánh biến thành A lại da, sau cùng đến Diệu giác lại trở về tự tánh. Thời gian của sự tuần hoàn này dài vô cùng, không thể nói ra được, là một vòng tuần hoàn lớn nhất, còn lớn hơn cả tuần hoàn của vũ trụ, trở về vị trí ban đầu.

Trong Thám Huyền Ký nói về tam muội: “Tam muội, ở đây gọi là đẳng trì. Là sự chìm nổi, định tuệ vân vân gọi là đẳng”. Đẳng nghĩa là định tuệ bình đẳng, người tu thiền rất chú trọng điều này, đối với họ mà nói điều này rất quan trọng. Nếu định tuệ không bình đẳng, tâm không an định được. Tuệ nhiều hơn định khiến tâm ta trôi nổi, định nhiều hơn tuệ khiến ta dễ hôn trầm, bởi vậy định tuệ nhất định phải bình đẳng, tâm tình mới bình thường, mới thật sự ở trong cảnh giới định. Điều này từ chỗ dễ hiểu chúng ta có thể lãnh hội được.

Chúng ta không phải tu định, khi niệm Phật ở Phật đường có nhiều Phật, nhiều mấy vòng xong là chỉ tịnh, khi chỉ tịnh xuất hiện hiện tượng này. Chỉ tịnh là ngồi xuống, ngồi xuống niệm Phật, nhưng vọng niệm quá nhiều. Vọng niệm nhiều là gì? Tuệ nhiều hơn định, nên vọng niệm nhiều. Có người khi ngồi xuống không có vọng niệm, nhưng mấy phút sau là ngủ gục, ngủ rất say, ngáy, đó là gì? Đó là định nhiều hơn tuệ, nó phát sinh hiện tượng này, công phu không đặc lực. Nhất định phải định tuệ bình đẳng, công phu mới đặc lực. Trong niệm Phật đường, chúng ta thường thấy hiện tượng này. Nếu bản thân có hiện tượng này phải biết cách điều chỉnh, khi vọng niệm quá nhiều phải khiến nó định lại, tâm cần chuyên chú. Chúng ta dùng cách niệm Phật chuyên chú vào câu Phật hiệu, buông bỏ tạp niệm. Nếu như hôn trầm, định nhiều hơn tuệ mà bị hôn trầm, không có tinh thần, hãy đứng lên lạy Phật hoặc nhiều Phật. Dùng phương pháp này điều chỉnh bản thân, để công phu của mình đặc lực hơn. Đẳng trì nghĩa là như thế.

Lìa trầm phù, trầm là hôn trầm, phù nghĩa là tâm không định. Định tuệ bình đẳng, đây gọi là đẳng, đẳng trì. “Tâm không tán loạn, trú vào một cảnh, gọi là trì”. Thực tế mà nói, nguyên nhân chính là chúng ta đối với thế gian này chưa nhìn thấu, chưa buông bỏ, không biết thế gian này là giả. Tuy kinh điển nói rất nhiều, thậm chí chính mình cũng biết nói, vạn pháp giai không. Nhưng tâm ta vướng mắc nhiều thứ, đang lưu luyến thế gian, nếu là không thì còn gì để mà tham sân si mạn? Không còn nữa. Vạn pháp giai không hình như chỉ là khẩu hiệu, không phải thật. Bồ Tát biết điều này, Bồ Tát xem câu này là thật, tuyệt đối không phải giả, đến tiểu thừa Tu Đà hoàn cũng biết. Vì thế họ thực hành, được lợi ích lớn lao. Chúng ta tuy biết, nhưng không thực hành, không được lợi ích, nhất định phải nỗ lực tu hành.

“Đối với các tam muội, chỉ có niệm Phật tam muội, tối tôn như vua, quý như của báu. Cho nên trong Đại Tập Kinh gọi là Bảo vương tam muội. Ở đây muốn nói chính là tam muội này”. Điều này nói rất có lý, quý vị xem hiệu quả này, “tam hoặc đoạn tận lỗi lầm không còn đều nhờ sức tam muội, vô minh tham sân vỹ viển không còn”, đây là địa vị gì? Là Diệu giác vị, quả Phật cứu cánh. Thông thường chúng ta nói đạt được quả vị Phật, Kinh Vô Lượng Thọ nói, chữ Giác này là đã thành Phật. Tư tưởng khác cho rằng, Viên giáo sơ trụ là thành Phật, thành Phật thật không phải Phật giả. Vì sao vậy? Họ không dùng A lại da. Không dùng A lại da, tức bình thường chúng ta nói, lực căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, họ đạt được

không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, đây là cảnh giới của Phật.

Trong Phật pháp gọi là công phu, công phu thấp là không chấp trước, công phu bậc trung là không phân biệt. Công phu thượng thượng thừa là không khởi tâm không động niệm, vô minh đã đoạn tận. Nếu đoạn tận khí vô minh, đó là Đẳng giác Bồ Tát. Đẳng giác Bồ Tát đoạn nhất phẩm tạp khí vô minh sau cùng, lúc này cõi thật báo cũng không còn. Cõi thật báo cũng là giả, không phải thật, thật là tồn tại vĩnh hằng. Khi họ đoạn tận tất cả tạp khí vô minh, cảnh giới này không còn, không hiện tiền. Vì thế trong kinh điển đại thừa Đức Thế Tôn thường nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Cõi thật báo là tướng, không nói cõi thật báo là ngoại lệ, không nói như thế. Đương nhiên phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, cõi thật báo cũng bao hàm trong đó, vì thế tất cả tướng đều không thể chấp trước. Thường ghi nhớ một câu trong Kinh Kim Cang: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, bao gồm hiện tượng tâm lý. Hiện tượng tâm lý là ý niệm, thiện niệm hay ác niệm toàn là giả, không phải thật. Không xả bỏ ý niệm là có quả báo, có kết quả họa phúc, có quả báo này. Ý niệm vừa xả bỏ, quả báo không còn, đúng là tất cả pháp từ tâm tướng sanh, chúng ta phải nhớ kỹ câu này: “Tất cả pháp từ tâm tướng sanh ra”. Tâm ta nghĩ đến Phật A Di Đà, Phật A Di Đà liền xuất hiện, ta không nghĩ điều gì khác, những thứ đó đều biến mất, thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà hiện tiền, quá hay!

Câu này của Đức Phật đã bảo đảm cho chúng ta, nhưng quý vị phải nhớ rằng, ngày nào quý vị cũng nghĩ đến tiền_Mấy ngày trước có một đồng học nói với tôi, họ nói là thật không phải giả. Họ nói từng có người làm một cuộc điều tra ở Đại lục, điều tra vấn đề gì? Chỉ một câu: Trong đời này đối với quý vị, điều gì quan trọng nhất? Chỉ hỏi một câu này. Hình như họ điều tra hơn 7000 người, đều nói tiền, tiền quan trọng nhất. Cuộc điều tra này thật kinh người! Chỉ có bốn người không nói đến tiền. Trong hơn 7000 người, chỉ có bốn người không nói tiền quan trọng nhất, ngoài ra đều cho tiền quan trọng nhất đời người. Cha mẹ, vợ con đều không quan trọng, tiền quan trọng nhất, tham tài. Người tham tài đi về đâu? Đầu thai về đường ngạ quỷ. Nếu vì tiền tài lại phạm tội sát đạo dâm vọng, vậy thì đọa vào đường địa ngục, tự làm tự chịu. Địa ngục hay thiên đường là duy tâm sở hiện, do ý niệm mình tạo nên, không phải gì khác. Người ta hỏi chúng ta thế gian này điều gì quan trọng nhất? Người tu Tịnh độ chúng ta nói, Phật A Di Đà quan trọng nhất, ngoài Phật A Di Đà ra đều buông bỏ hết, nhất định được sanh Tịnh độ. Nếu người niệm Phật cũng nói, tiền quan trọng nhất, vậy được, niệm Phật như vậy là niệm về đường ngạ quỷ, về đường địa ngục. Nghĩa là pháp sư Quán Đảnh nói hoàn toàn là sự thật. Người niệm Phật còn tham tài, người niệm Phật còn báo oán, như vậy sao được? Thế giới Cực Lạc không có phần mình, chúng ta không thể không biết điều này. Nếu không biết, không rõ điều này, đời này chúng ta muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc là điều viển vông. Khi đã rõ ràng minh bạch, đáng buông bỏ phải lập tức buông bỏ, đáng nắm chặt nhất định phải giữ vững. Nghĩa là chỉ một phương hướng, một mục tiêu. Một phương hướng là thế giới tây phương Cực Lạc, một mục tiêu là muốn thân cận Phật A Di Đà, như vậy nhất định làm được. Tuyệt đối không được hoài nghi, thế gian này tất cả đều tùy duyên, sao cũng được, vì sao vậy? Tôi phải rời khỏi đây, không cần quan tâm đến những điều đó. Như vậy mới tự tại, như vậy mới viên mãn. Bởi vậy niệm Phật tam muội, đúng là vua trong các tam muội. Đại Tập Kinh nói không sai! Gọi là Bảo vương tam muội. Ở đây nói: “Tam hoặc đoạn tận, lỗi lầm không có đều nhờ sức tam muội”, đây là chỉ niệm Phật tam muội.

Phật pháp tám vạn bốn ngàn pháp môn, nên nhớ lời Phật nói là thật: “Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”. Nhưng căn tánh tu học của mỗi người đều khác nhau, có một vài pháp môn chúng ta học rất dễ, có vài pháp môn học rất khó. Chúng ta phải làm sao? Tìm pháp môn dễ nhất, thích hợp căn tánh chúng ta. Nếu chúng ta không biết chọn, vậy thì nghe theo lời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong Đại Tập Kinh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, ngài nói thời kỳ chánh pháp giới luật thành tựu, trì nghiêm túc giới luật có thể chứng quả A la hán. Thời kỳ tượng pháp thiên định thành tựu, thời kỳ mạt pháp Tịnh độ thành tựu. Chúng ta sanh vào thời kỳ mạt pháp, tự mình không biết chọn lựa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thay chúng ta chọn, chúng ta thật thà nghe theo. Niệm Phật, giữ chặt Phật A Di Đà, cầu sanh thế giới Cực Lạc. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy chúng ta như thế, chúng ta sẽ không đi sai đường. Tuy tu theo pháp môn niệm Phật, người hoằng hộ chánh pháp phải có tâm lượng. Đối với các Tông phái Phật giáo, chúng ta đều phải toàn tâm toàn lực giúp đỡ, đều phục hưng tất cả. Vì sao vậy? Bởi vì đây đều pháp do Đức Thế Tôn truyền lại. Tôi giúp quý vị phục hưng, nhưng tôi vẫn niệm Phật A Di Đà. Tôi bỏ sức lực tiền bạc giúp quý vị, không tu theo pháp môn của quý vị, nhưng rất tôn trọng pháp môn quý vị tu. Vì sao thế? Vì pháp môn này do Đức Phật truyền dạy, điều này quan trọng. Không thể nói tôi tu pháp môn niệm Phật, tôi không quan tâm đến các pháp môn khác, không được như thế. Gặp người tu hành chọn chánh các pháp môn khác, chúng ta toàn tâm toàn lực hộ trì họ. Hy vọng tám Tông phái đại thừa trong thời đại này có thể phục hưng, đều có thể phát triển rộng rãi, phổ độ tất cả chúng sanh căn tánh khác nhau.

Sau cùng là chữ “lực”. “Tam hoặc đoạn tận, lỗi lầm không còn đều nhờ lực tam muội”. Chữ lực này “tượng trưng vô số thanh đức ở trên”, công đức lớn mạnh. “Đó đều do lực tam muội này”, công đức thù thắng vô lượng vô biên, đều nhờ sức tam muội này thành tựu, bảo vương tam muội lực. “Đều nhờ sức tam muội này, cho nên nói vô minh tham sân đều vĩnh viễn không còn, đoạn tận tam hoặc lỗi lầm không còn đều nhờ sức tam muội”, đây là cứu cánh quả Phật, cao hơn Đẳng giác.

“Sáu câu nguyện văn này lấy trí tuệ làm đầu, lấy bảo vương tam muội và định tuệ đẳng trì làm kết, thật có thâm ý”. Hoàng Niệm Lão chỉ ra cho chúng ta thấy, chúng ta phải lãnh hội một cách sâu sắc. Hay nói cách khác, không có bảo vương tam muội, không có trí tuệ chân thật thì không thể thành tựu, đây là ý thứ nhất. Ý thứ hai là quý vị hiểu biết về pháp môn Tịnh độ, pháp môn này đầy đủ trí tuệ chân thật. Nó nói đến ba thứ chân thật: Chân thật rất rõ, trí tuệ chân thật, lợi ích chân thật. Niệm Phật, nhất tâm niệm Phật, nghĩa là tu bảo vương tam muội. Quả nhiên nhất tâm niệm Phật, buông bỏ vạn duyên, Hoàng Trung Xương là ví dụ điển hình, 2 năm mười tháng là thành công. Biết trước giờ chết, không sanh bệnh mà vãng sanh, hỏa táng lưu lại xá lợi, hiện nay xá lợi tôn thờ tại Thẩm Quyển, làm gương cho chúng ta thấy. Tam chuyển pháp luân, ông ta làm chứng chuyển, làm chứng minh cho mọi người. Là thật không phải giả.

Chúng ta xem tiếp kinh văn bên dưới, tiếp theo cũng là hai bài rưới kệ tụng.

“Diệt như quá khứ vô lượng Phật

Vi bỉ quân sanh đại đạo sư

Năng cứu nhất thiết chư thế gian

Sanh lão bệnh tử chúng khổ não”.

Bài kệ này là như Phật cứu khổ. Tỳ kheo Pháp Tạng phát đại nguyện này, ta cũng có thể như Phật đến cứu độ chúng sanh khổ nạn.

Bài kệ tiếp theo:

“Thường hành bồ thí cập giới nhân
Tinh tấn định tuệ lục ba la
Vị độ hữu tình linh đặc độ
Dĩ độ chi giả sử thành Phật”.

Bài kệ này là hy vọng bản thân tương lai hóa độ chúng sanh, có thể khiến tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo. Những lời nguyện này về sau, tất cả 48 nguyện đều thành tựu.

Hai câu sau cùng:

“Giả linh cúng dường hằng sa chúng
Bất như kiên đồng cầu chánh giác”.

Đây là kiên cầu, kiên quyết cầu chánh giác. Chánh giác tức là Phật đạo, kiên quyết bản thân nhất định phải thành Phật ngay trong đời này. Vì sao vậy? Vì thành Phật mới có thể độ chúng sanh như Phật, bản thân không thành Phật sao có thể độ chúng sanh? Thành Phật như thế nào? Nhất tâm niệm Phật, trong đời này sẽ thành Phật. Tu học pháp môn khác rất khó, cần thời gian rất dài. Tu học pháp môn niệm Phật không khó, người niệm Phật ba năm thành tựu rất nhiều, rất nhiều. Chúng ta tin sâu pháp môn này, có không ít người niệm Phật ba năm thành công, họ không vãng sanh, vì sao vậy? Ở đây còn rất nhiều chúng sanh có nhân duyên với họ, họ ở lại để giáo hóa chúng sanh, nếu hết duyên họ sẽ đi. Niệm Phật đến công phu thành phỉến, sanh tử tự tại, muốn đi khi nào thì đi khi đó. Đây gọi là liễu sanh tử xuất tam giới, là thật không phải giả. Thế nào gọi là có duyên? Họ ở thế gian này giảng kinh dạy học, có người tin họ, có người nghe hiểu những gì họ nói. Khi nghe hiểu họ y giáo phụng hành, đây gọi là có duyên. Nếu có nhân duyên này, tuy họ được công phu cạn nhất, niệm Phật tam muội thấp nhất là công phu thành phỉến, họ không thể ra đi. Được sự nhất tâm, lý nhất tâm thì càng không cần nói, nhất định họ phải hoằng hộ chánh pháp. Khi nào họ đi? Duyên hết là đi. Như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy, những chúng sanh có nhân duyên với ngài, ngài đều giúp họ, thành tựu cho họ. Công việc hoằng pháp hộ trì về sau đều do họ thay thế, truyền thừa đời này qua đời khác, lúc này họ có thể ra đi. Đây thật sự gọi là được đại tự tại! Đối với thế gian này tuyệt đối không còn bất kỳ lưu luyến gì, hoàn toàn là cảm ứng đạo giao. Có duyên nghĩa là cảm, Bồ Tát liền có ứng.

Trong hai bài rười kệ tụng này nói đến ba vấn đề, chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ: “Đoạn nguyện văn ở trên”, tức là đoạn mười câu nguyện văn ở trước. “Cầu đức giác tha của Phật”, ở trước là tự lợi, đây là giác tha, đức lợi tha. “Bốn câu trước, cứu khổ như Đức Phật, biểu trưng tỳ kheo Pháp Tạng, nguyện như vô lượng tất cả Chư Phật trong quá khứ, làm đại đạo sư cho tất cả hữu tình, dẫn dắt chúng sanh lia khổ được vui, từ mê được ngộ, ra khỏi biển sanh tử, nhập tri kiến Phật. Lại dùng vô số phương tiện khiến tất cả chúng sanh, được vô úy lực. Cho nên nói, có thể cứu tất cả các khổ não sanh lão bệnh tử của thế gian”, chúng ta xem đoạn này trước.

Tỳ kheo Pháp Tạng ở trước Thế Gian Tự Tại Vương Phật phát lời nguyện này, nguyện này rất thù thắng, vì sao vậy? Hy vọng bản thân tự giác giác tha đều được giống như Phật vậy, nguyện này rất thù thắng. Thử nghĩ xem, chúng ta học Phật là phát nguyện gì? So sánh với ngài là hiểu ngay. Trước đây khi tôi mới học Phật, đọc Lục Tổ Đàn Kinh, thấy sở cầu của Lục tổ, chúng ta không dám tưởng tượng! Ngài Huệ Năng đến Hoàng Mai gặp Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, Ngũ tổ hỏi ông đến đây cầu điều gì? Ngài trả lời con muốn cầu làm Phật. Tôi tin rằng trong đời Ngũ tổ gặp không biết bao nhiêu người, xưa nay chưa có ai ở trước ngài nói con

muốn đến làm Phật. Hy hữu khó gặp! Ngài là muốn đến làm Phật, Ngũ tổ thật sự đã giúp ngài thành Phật. Như vậy chúng ta mới biết, tâm nguyện của chúng ta quan hệ rất lớn.

Người học Phật hiện nay, hỏi những người tại gia, quý vị đến cầu điều gì? Cầu thăng quan phát tài, cầu Phật gia hộ, không phải là những điều này ư? Không có ai nói tôi muốn đến cầu làm Phật. Quý vị hỏi người xuất gia cầu điều gì? Đó là học theo một số câu nói quen thuộc, hoàng pháp lợi sanh, hoàng hộ chánh pháp. Phải chăng họ thật sự làm được điều đó? Không có. Có thể không đeo đuổi danh vọng lợi dưỡng đã là không tậ, cho nên học Phật chơn chánh không đơn giản! Học Phật chơn chánh là lấy Phật làm tiêu chuẩn, ta cần phải học theo ngài, giống như ngài vậy.

Phật trong mười pháp giới đều như vậy, họ học thật, học rất giống, chỉ là không dùng chân tâm, còn khởi tâm động niệm. Tuy không dùng chân tâm, nhưng cũng rất đáng nể, họ đoạn tận phân biệt chấp trước, chỉ có khởi tâm động niệm, đáng để chúng ta tôn kính. So với ngài chúng ta thua xa, ta không thể không tôn kính ngài.

Trong chú giải nói rất hay: “Nguyện như vô lượng tất cả chư Phật trong quá khứ”. Đây là nói rõ tất cả Bồ Tát sau cùng thành Phật, sau khi thành Phật không ai không cứu độ tất cả chúng sanh khổ nạn trong thế gian. Chúng sanh khổ nạn bao gồm những ai? Bao gồm mười pháp giới. Phật trong mười pháp giới chưa chuyển thức thành trí, họ vẫn khổ, chưa phá vô minh phiền não. Tuy đã đoạn kiến tư phiền não và vô minh phiền não, nhưng chưa đoạn được vô minh phiền não, như vậy sao không khổ? Cần Chư Phật Bồ Tát giúp họ, dạy họ phá trừ nhất phẩm vô minh sau cùng, đây là vô minh phiền não.

“Làm đại đạo sư cho tất cả hữu tình”, trong Phật pháp đạo sư là xung hô đối với Phật, chúng ta không thể không biết điều này. Đạo sư là cách xung hô tôn kính đối với Phật, còn có một danh từ gọi là đại sư, đây là xung hô đối với Phật. Không dùng với Bồ Tát, đối với Bồ Tát xưng đại sĩ, không xưng đại sư.

Bây giờ, nếu như bình thường chúng ta nói, người ta không hiểu. Tôn kính quý vị, thầy người xuất gia, người ta xưng quý vị là đại sư, là đại đạo sư. Quý vị phải nói cho họ biết, không được dùng cách xưng hô này. Dùng cách xưng hô này là quá đáng, chúng ta chưa đến được trình độ này, danh và thực không phù hợp, đây không phải tôn kính. Chúng ta phải làm gương tốt cho người thế gian, không được vượt qua giới hạn cho phép. Có thể gọi hòa thượng, hòa thượng là tiếng Ấn độ, ý nghĩa thì sao? Dịch sang tiếng Trung nghĩa là thân giáo sư, trong trường học bây giờ là giáo thọ hướng dẫn. Chúng ta học ở trường, họ trực tiếp hướng dẫn chúng ta, nên gọi là thân giáo sư. Hiệu trưởng cũng là thân giáo sư, tuy họ không dạy quý vị, nhưng toàn bộ kế hoạch học tập của quý vị đều do ông ta sắp xếp, họ mời một số thầy giáo thay mình chấp hành, cho nên họ là thân giáo sư. Cách xưng hô này không thể tùy tiện. Các giáo thọ khác ở trường gọi là giáo thọ, trong Phật pháp gọi là A xà lê. Trong Phật pháp A xà lê, ở trường xưng là giáo thọ. Đức hạnh của họ, tu dưỡng của họ, học thuật của họ đều có thể làm mô phạm cho chúng ta. Cho nên A xà lê dịch sang tiếng Trung nghĩa là quỹ phạm sư. Quỹ là quỹ đạo, phạm là mô phạm, nghĩa là đạo đức, tu dưỡng, học thuật của họ có thể dạy chúng ta, có thể chỉ đạo chúng ta. Từ các cách xưng hô, quý vị quan sát tường tận, Phật giáo không phải Tôn giáo, trong Tôn giáo không có cách xưng hô này. Trong Tôn giáo xưng Thần, xưng Thượng đế, xưng chủ. Phật giáo hoàn toàn không có điều này, Phật giáo xưng Phật, xưng Bồ Tát, đó là danh xưng của học vị. Ở đây gọi là đại đạo sư, đó là xưng hô trên chức vụ. Đại đạo sư là hiệu trưởng, là xưng hô trên chức vụ. A xà lê là giáo thọ, đều là

xung hô trên chức vụ, chúng ta cần phải nhận thức rõ ràng. Chúng ta tự xưng là đệ tử, học trò. Ngày xưa xưng đệ tử, bây giờ gọi là học trò.

Chúng ta với Phật, Bồ Tát là mối quan hệ thầy trò. Bồ Tát là học sinh thời kỳ đầu của Phật, chúng ta là học sinh bây giờ, chúng ta với Bồ Tát là học sinh lớp trên và lớp dưới. Hiểu rõ mối quan hệ này, đây là luân lý! Cho nên Bồ Tát là đàn anh của chúng ta, phải biết điều này. Xưng Bồ Tát tức là gọi tên học vị của họ, quan hệ là đồng học lớp trước lớp sau, là quan hệ đàn anh. Nếu ta hiểu rõ tất cả vấn đề này, mới biết rằng Phật giáo là nền giáo dục chính hiệu, giáo dục Phật giáo, không liên quan gì đến Tôn giáo. Hiện nay khiến Phật giáo trở thành Tôn giáo, trở thành mê tín, điều này quá oan uổng! Chúng ta không thể trách xã hội đại chúng, mà trách hàng đệ tử Phật chúng ta. Chúng ta không làm tốt, bản thân chưa hiểu rõ ràng, tự mình khiến Phật giáo trở thành mê tín, trở thành Tôn giáo. Học Phật như thế đúng như lời pháp sư Quán Đảnh nói, sợ tương lai đều đổ vào ba đường ác, làm sao xứng đáng với thầy mình?

Làm đại đạo sư của tất cả hữu tình, tất cả hữu tình bao gồm mười pháp giới. “Dẫn dắt chúng sanh lìa khổ được vui”, khổ này là cứu cánh khổ, được vui là được niềm vui cứu cánh. Cứu cánh khổ là gì? Nguồn gốc của khổ ở đâu? Nguồn gốc của khổ là vô minh, gọi là vô thi vô minh. Trần sa phiền não là từ vô minh phiền não sanh ra, kiến tư phiền não cũng từ vô minh phiền não sanh ra, vô minh là cội nguồn của tất cả phiền não. Nếu đoạn được nó, thì tất cả phiền não đều đoạn, không còn nữa.

Trở về tự tánh là niềm vui cứu cánh. Hay nói cách khác, cõi thật báo trang nghiêm đều không phải niềm vui cứu cánh, trở về thường tịch quang mới là niềm vui cứu cánh. Giúp người phải giúp đến cùng mới được. Đại thừa Phật giáo thường nói: “Đệ tử Phật môn, không bỏ một ai”, từ bi đến cùng tột. Người đến không cự tuyệt, người đi không lưu giữ, hoàn toàn tùy theo ý muốn của mỗi người. Chúng ta thật tâm tu hành, chư Phật Bồ Tát toàn tâm toàn lực giúp đỡ. Chúng ta không muốn tu hành, họ cũng không đến tìm chúng ta.

“Từ mê được ngộ, ra khỏi biển sanh tử”. Trong Phật pháp nói sanh tử có hai loại: Phân đoạn sanh tử và biến dị sanh tử. Phân đoạn sanh tử là hữu hình_ chúng ta ở thế gian, đời này từ khi sanh ra đến lúc chết, đây là một đoạn, một đoạn lớn. Phân theo đoạn nhỏ, từ đầu năm đến cuối năm, đây là một sanh tử. Tiếp tục phân, hôm qua chết bây giờ sanh, hôm qua vĩnh viễn không trở lại. Lại tiếp tục phân, một giờ trước đã chết, giờ này sanh ra, đây đều gọi là phân đoạn. Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta, niệm trước diệt niệm này sanh, niệm này diệt niệm sau sanh. Đây đều gọi là phân đoạn sanh tử, bởi thế gọi là vô thường!

Biến dị sanh tử khác với cách nói này. Vì sanh tử là khổ, biến dị cũng là khổ. Biến dị là gì? Chúng ta không ngừng nâng cao, như đi học vậy. Quý vị học lớp một, lớp một đã sanh. Học xong lớp một lên lớp hai, lớp một chết lớp hai sanh, lớp hai chết lớp ba sanh. Đây gọi là biến dị sanh tử, cảnh giới không ngừng nâng cao. Trong cõi thật báo, 41 vị pháp thân đại sĩ, họ có biến dị sanh tử, đoạn dần tập khí vô thi vô minh, họ nâng cao dần lên, đó gọi là biến dị. Sau cùng đoạn tận nhất phẩm tập khí vô minh, đó là Diệu giác vị, vĩnh viễn không có sanh tử, biến dị sanh tử cũng không có.

Đây là trong kinh Phật nói về hai loại sanh tử, chúng ta phải biết, gọi là ra khỏi biển sanh tử, nhập vào tri kiến Phật, chứng được trí tuệ đức tướng viên mãn giống như Phật vậy. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai”, hoàn toàn chứng được.

“Lại dùng vô số phương tiện khiến tất cả chúng sanh được vô úy lực”. Vô úy có bốn loại, lực là thập lực, đều là Như Lai ở quả địa chứng được. Thực tế mà nói, đều là vốn đầy đủ trong tự tánh. Khi đại sư Huệ Năng khai ngộ, nói ra cảnh giới mà ngài chứng ngộ, nói năm câu. Câu thứ ba nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, đầy đủ điều gì? Trong tự tánh vốn đầy đủ, đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo. Dùng ba loại lớn này, là bao hàm hết toàn thể vạn pháp trong vũ trụ, không sót thứ nào. Không phải thuộc về trí tuệ thì thuộc về đức năng, không phải đức năng chính là tướng hảo, khái quát tất cả, vốn tự đầy đủ. Cho nên họ có vô số phương tiện, có bốn vô úy, mười lực. “Nên nói có thể cứu tất cả các khổ não sanh lão bệnh tử của thế gian”, đây là đưa ra ví dụ. Vì đây là điều tất cả chúng sanh không thể tránh khỏi, tất cả chúng sanh đều vì nó mà khổ não.

Chư thế gian, có thể cứu tất cả các thế gian. “Chư thế gian, nói một cách nông cạn là Dục giới, sắc giới, vô sắc giới là thế gian”, đây là nói đến lục đạo! Dục là thất tình ngũ dục, lục đạo chúng sanh đều có. Thất tình là hỷ nộ ái lạc ái ác dục, đây là thất tình. Dục là dục vọng, tài sắc danh thực thù gọi là ngũ dục. Lục đạo chúng sanh có thất tình ngũ dục, cho nên gọi là dục giới, ở đây rất khổ, phiền não sâu nặng vô cùng. Nếu chúng ta không chế được thất tình ngũ dục này, dùng phương pháp gì? Tu định. Thiên định thế gian, tứ thiên bát định, thành tựu thiên định này, tu đến sơ thiên là vượt ra khỏi dục giới.

Trời có 28 tầng, thấp nhất là sáu tầng trời cõi dục, sáu tầng trời này chưa lìa khỏi dục vọng, càng lên cao thì dục vọng càng nhạt dần. Nếu không chế được dục vọng, tuy chưa đoạn nhưng nó không khởi tác dụng, ta không còn ở dục giới, mà sanh đến sắc giới, chứng được sơ thiên. Định công đạt được sơ thiên quý vị sanh đến trời sơ thiên, đạt được nhị thiên thì sanh đến trời nhị thiên, tam thiên, tứ thiên. Trong tứ thiên có tất cả 18 tầng trời, gọi là sắc giới. Trong đó có sắc thân, có thân thể, có sắc thân, có cung điện, có sắc, nghĩa là có hiện tượng vật chất. Trong đó không có dục vọng, không có ưu tư, ở đó họ không có những nỗi âu lo, người ở đó rất bình thường. Tiếp tục nâng cao hơn, gọi là tứ không định. Cảnh giới cao hơn nữa, con người không có thân thể, không có thân thể đương nhiên cũng không cần nhà ở, càng thanh tịnh. Đại khái như thông thường chúng ta gọi là linh giới, họ trú ở Tứ không thiên, cũng có bốn tầng, tứ không định, là phạm phu cao cấp. Cảnh giới này trong Lão Tử chúng ta thấy, trong Lão Tử có câu nói rằng: “ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân”. Lão tử nói ưu hoạn lớn nhất của mình là gì? Là vì có thân thể, có thân thể là có phiền phức, không có thân thể tốt biết bao! Trời tứ không không có thân thể. Lão Tử nói câu này, không biết phải chăng ông đã đến Trời tứ không? Chưa đến Trời tứ không, nói câu nói này là thật không phải giả, đích thực có cảnh giới này. Cho nên có dục giới, sắc giới, vô sắc giới, đây là lục đạo.

“Tam giới bất an, do như nhà lửa”, câu này nói trong Kinh Pháp Hoa. Tam giới nghĩa là dục giới, sắc giới, vô sắc giới, vì sao thế? Vì tam giới này đều có thành trụ hoại không, tuyệt đối không phải vĩnh hằng, không phải bất biến. Nhờ định công duy trì, khiến ta vắng sanh đến đó, nhưng định có thời gian nhất định. Thời gian đến, định công mất đi, phiền não lại khởi hiện hành. Khi phiền não hiện hành, ta lại tùy theo nghiệp lực để đi đầu thai, vẫn trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Vấn đề này rất phiền phức, Đức Phật mới nói: Tam giới bất an, đều như nhà lửa. Giống như ta sống trong ngôi nhà này, nhà này bị lửa đốt cháy, ta không cách nào ra khỏi được.

“Đều ở trong biên sanh tử”, biên sanh tử nghĩa là luân hồi lục đạo. “Cho nên nguyện cứu độ”, Bồ Tát Pháp Tạng phát nguyện muốn cứu, đặc biệt là chúng sanh đau khổ não trong lục đạo. “Lại nói, các quả vị trước sơ địa, cũng là thế gian, chưa đoạn tận vô minh, cũng cần

độ thoát”, lời này là thật không phải giả. Địa tiên là trước Biệt giáo sơ địa, Biệt giáo sơ địa đồng nghĩa với Viên giáo sơ trụ, trong Kinh Hoa Nghiêm nói chính là sơ trụ. Trước sơ trụ tức là thập tín vị, thập tín vị trong Kinh Hoa Nghiêm. Trong thập tín vị, bao gồm Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, vô minh chưa đoạn tận. Họ vẫn còn khổ não, cho nên họ cũng cần được độ. Chúng được sơ trụ trở lên, chuyển A lại da thành đại viên cảnh trí, nghĩa là chuyển bát thức thành tứ trí, mới vượt ra khỏi mười pháp giới. Bồ Tát độ chúng sanh phải đến cảnh giới này, lên cao nữa thì sao? Lên cao nữa là vô công dụng đạo, lên nữa thì đành chịu. Chỉ còn cách để thời gian từ từ khiến tập khí vô minh tự nhiên bị đào thải, ở trên chỉ đành như vậy, nên cũng không cách nào độ được. Khi độ, cứu cánh là đưa họ đến cõi thật báo trang nghiêm, việc độ chúng sanh đã viên mãn. Đến viên giáo sơ trụ, họ ở trong cõi thật báo, đó là thời gian, thời gian dài ngắn cũng không nhất định, có liên quan đến định công của họ. Điều này không chướng ngại họ, trong mười pháp giới, chúng sanh có cảm, họ liền có ứng. Như 32 ứng hóa của Bồ Tát Quán Thế Âm, đáng dùng thân gì để độ thoát, họ liền thị hiện thân đó. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 175

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 25.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 201 hàng thứ hai từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu sau cùng, hàng thứ hai từ dưới đếm lên: “Thường hành bố thí, bốn câu ở dưới”, nghĩa là bài kệ thứ hai. “Hiển lộ bốn nguyện từ bi vô tận của Bồ Tát Pháp Tạng, nguyện thường hành lục độ, phổ độ chúng sanh. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói: Chư Phật Như Lai, dùng tâm đại bi làm thể. Vì chúng sanh mà khởi đại bi, vì đại bi sanh tâm bồ đề, vì tâm bồ đề thành đẳng chánh giác”. Chúng ta xem đoạn nhỏ này trước, bốn câu kệ này chúng ta đọc qua một lượt.

“Thường hành bố thí cập giới nhân

Tinh tấn định tuệ lục ba la

Vị độ hữu tình linh đặc độ

Dĩ độ chi giả sử thành Phật”.

Bốn câu kệ này là bốn nguyện từ bi vô tận của Bồ Tát Pháp Tạng. Nguyện thường hành lục độ, phổ độ chúng sanh, độ chúng sanh dùng phương pháp gì? Tức là dùng sáu loại phương pháp này. Trong Phẩm Hạnh Nguyện có một đoạn kinh văn nói rõ về ý này. Trong kinh nói: “Chư Phật Như Lai”, câu này rất quan trọng, tất cả Bồ Tát trong ba đời mười phương tu hành chứng quả không ngoại lệ, đều là lấy tâm đại bi làm thể. Chúng ta học Phật, nếu không có tâm đại bi không thể thành tựu. Tâm đại bi là tâm gì? Tâm thương xót tất cả

chúng sanh. Tâm này thật sự có thể sanh khởi, công phu học Phật sẽ đắc lực, vì sao vậy? Vì đây là chân tâm. Chúng ta cần phải hiểu, chúng sanh lục đạo dùng vọng tâm, vọng tâm và chân tâm không tương ưng. Vọng tâm học Phật không thể có thành tựu, vọng tâm học Phật vẫn ở trong luân hồi lục đạo, nhất định không ra khỏi được, chúng ta không thể không hiểu điều này. Sau khi tâm đại từ bi sanh khởi, tâm đại từ bi hiển lộ ra từ trong chân tâm, mới có thể độ chính mình, mới có thể độ chúng sanh. Thương xót chúng sanh khổ nạn trong lục đạo, chúng sanh lục đạo rất khổ, truy đuổi những gì của thế gian, trong kinh điển đại thừa nói rất nhiều.

Nguồn gốc của vọng tâm là gì? Chúng ta không thể không hiểu điều này, chính là cái ta. Quý vị xem nguồn gốc đó từ đâu sanh ra? Chúng ta học tập giáo lý đại thừa lâu như vậy, tuy chưa chứng nhưng chúng ta có giải ngộ. Nghe rất nhiều, nghe rất quen, là từ Mạt na sanh ra. Mạt na từ đâu mà có? 8 thức 51 tâm sở xuất hiện cùng một lúc. Xuất hiện như thế nào? Nhất niệm bất giác, mê, hiện tượng này xuất hiện. Ta từ đâu mà có? Ta từ trong mạt na, tứ đại phiền não thường tương tùy, bốn loại này là căn bản phiền não. Có nó nghĩa là chế tạo luân hồi lục đạo, vĩnh viễn không ra khỏi được.

Điều đầu tiên trong tứ đại phiền não là ngã kiến, kiến này là giả không phải thật. Không phải thật mà tưởng rằng trong này có thứ là thật, “ngã” thật đáng sợ! Theo ta đến là tam độc phiền não. Chúng ta hiểu được đạo lý này, làm người đâu có gì đáng để kiêu ngạo? Trong mắt Phật Bồ Tát thấy chúng ta là kẻ đáng thương. Điều đầu tiên là ngã ái, ngã ái là tham. Ngã mạn, ngã mạn là sân, ngã si là ngu si. Ba độc phiền não tham sân si khi nào phát sanh? Lúc nhất niệm bất giác nó sanh ra, cho nên gọi nó là căn bản phiền não. Chúng ta từ nhất niệm bất giác rồi mê muội, luân hồi trong lục đạo đến bao nhiêu đời kiếp? Vô lượng kiếp, tập khí quá nặng. Đoạn tận tam độc phiền não là thành Phật, mới trở lại bản lai diện mục của chúng ta. Tu như thế nào? Phương pháp tu học pháp thế xuất thế gian hoàn toàn tương đồng.

Lễ kính, quý vị xem trong Lễ Ký, mở ra xem câu đầu tiên: “Khúc Lễ viết: vô bất kính”, cung kính đối với tất cả chúng sanh, phải cung kính đến mức độ nào? Người bây giờ không làm được, người bây giờ rất đáng thương, chưa tiếp thu giáo dục, chưa từng thấy nó như thế nào. Ngày xưa, giáo huấn của cô nhân kéo dài mấy ngàn năm không mất, người nông thôn không biết chữ, không được học tập, nhưng họ hiểu. Họ biết cách hiếu kính cha mẹ, họ biết cách kính trọng người lớn, họ nắm được căn bản. Hiện nay không còn, chẳng những không ai dạy, mà còn chưa từng nghe, cũng chưa từng thấy. Hiện nay làm cha mẹ đã quay ngược lại hiếu thảo con cái, không phải con cái hiếu thảo cha mẹ, là cha mẹ hiếu thảo con cái. Thiên hạ làm sao không loạn được? Thiên tai sao có thể không có? Thiên tai từ đâu mà có? Là từ đây mà sanh ra, sự bất hiếu này hủy diệt nguồn gốc.

Tịnh tông tu học nương theo nguyên tắc chỉ đạo cao nhất là Tịnh Nghiệp Tam Phước. Câu đầu tiên của Tịnh Nghiệp Tam Phước là “hiếu dưỡng phụ mẫu”, câu thứ hai là “phụng sự sư trưởng”, đây là căn bản. Thân mạng chúng ta có được từ cha mẹ, tuệ mạng có được từ thầy tổ, đại ân đại đức, căn bản lớn lao. Nếu sơ suất điều này, quên hoàn toàn, thì những thứ còn lại đều là giả.

Chúng ta sống trong thời đại hiện nay, bất luận tương lai họ thành tựu đến đâu, chỉ cần không có nền tảng, nói khó nghe một chút, quả báo nhất định ở trong tam đồ. Trong kinh điển Đức Phật nói, nói không biết bao nhiêu lần, vô số lần. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngày nào cũng nói, nhắc nhở chúng ta: Tham tâm đọa vào ngạ quỷ, ngạo mạn đọa địa ngục, ngu si đọa súc sanh, đây là ba đường ác. Có ba thứ này thì thế giới này có ba đường ác, nếu không

có tham sân si thế giới này không có lục đạo, chỉ có ba đường: Trời, người, tu la. Chỉ có ba đường này, không có ba đường ác. Có thể giới này chăng? Có. Trong phẩm thế giới Hoa Tạng Kinh Hoa Nghiêm chúng ta đã thấy. Còn có thể giới càng tốt đẹp hơn, đến lục đạo cũng không có. Chỉ có tứ thánh: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, nó không có lục đạo. Có thể giới thuần Tịnh độ, chỉ có cõi thật báo, không có mười pháp giới. Phải có phước báo lớn như thế, có công phu tu hành như vậy sẽ sanh đến thế giới đó.

Lục đạo quá khổ, rất khổ, rất đáng thương, cho nên Phật Bồ Tát dùng tâm đại bi tâm đại bi là tâm thương xót. Bi là bạt khổ, họ quá đáng thương, quá khổ, hạng người nào khổ nhất? Người tự tư tự lợi khổ nhất, người đeo đuổi danh văn lợi dưỡng khổ nhất, người tham ngũ dục lục trần khổ nhất, người đầy đầy tham sân si mạn nghi khổ nhất. Khổ đến mức độ đó, nói cho chư vị biết, xem kinh Phật cũng không hiểu, Phật Bồ Tát đến nói với họ họ cũng không hiểu, vì sao vậy? Vì nghiệp chướng của họ quá nặng, nghiệp chướng này nghĩa là phiền não. Tập khí phiền não, tập khí tham sân si mạn nghi quá nặng. Những gì họ nghe, những gì họ đọc không phải ý của Phật, mà là ý của chính họ. Kệ Khai Kinh nói rất hay: “Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, đây là ý của riêng họ, họ không có nghĩa chân thật của Như Lai, vì sao vậy? Nghĩa chân thật của Như Lai là chân tâm, mới có thể lãnh hội được nghĩa chân thật của Như Lai, cho nên người thật sự có tâm đại từ đại bi có thể hiểu.

Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, Kinh Hoa Nghiêm có mười loại đương cơ, nghĩa là đối tượng học tập tu học. Loại đương cơ thứ nhất là pháp thân đại sĩ, loại thứ nhất họ là chánh, thuần chánh đương cơ. Nghĩa là nói, Đức Phật chủ yếu là nói với họ, họ hoàn toàn dùng chân tâm, chuyển bát thức thành tứ trí, mỗi người đều phát tâm đại bồ đề. Kinh Hoa Nghiêm là nói với những đối tượng này, không phải căn tánh như vậy không tham dự được pháp hội Hoa Nghiêm. Nhưng điều sau cùng, người đầy đủ tâm đại từ bi thì được, tâm đại từ bi đã quên cái ta. Khởi tâm động niệm đều nghĩ đến chúng sanh khổ nạn, làm sao giúp họ lìa khổ được vui, niệm niệm không bỏ chúng sanh. Người có tâm như vậy, tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng họ rất gần gũi, rất tương ưng với Bồ Tát minh tâm kiến tánh. Vì thế họ cũng có thể hiểu, cũng hưởng được lợi ích.

Những đạo lý này đại sư Ấn Quang nói cho chúng ta rất cụ thể, ngài nói với chúng ta: Một phần thành kính, quý vị có một phần tâm chân thành cung kính, khi đọc kinh nghe kinh được một phần lợi ích. Hai phần thành kính, quý vị được hai phần lợi ích. Mười phần thành kính, quý vị được mười phần lợi ích. Nói cách khác, không có tâm thành kính họ sẽ không được lợi ích. Ý câu nói này rất thâm sâu!

Chư Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian, đây là từ bi, tìm không thấy người có tâm chân thành, họ phải làm sao? Họ không thể dạy, họ ra đi vì không có nhân duyên, không có nhân duyên họ liền ra đi. Trong Phật pháp gọi là khế cơ, không có người khế cơ ngài sẽ đi. Nhưng trong tất cả đại chúng, quý vị có thể nói không có khế cơ ư? Có một người, hai người là được, vì sao vậy? Vì đệ tử nhà Phật không từ bỏ một ai. Chỉ cần có một người đương cơ, Đức Phật chủ yếu nói với họ, người khác dự thính. Người đương cơ này rất có thể không phải lục đạo chúng sanh, họ từ đâu đến? Họ đến từ cõi trời. Vì họ không đến, Đức Phật không đến giảng kinh. Họ đến, Đức Phật liền ở đó giảng kinh, họ đến là để độ chúng sanh

Chư vị đồng học nên biết, Đức Thế Tôn thị hiện ở thế gian này, khi sao mai vừa mọc, ngài đại triệt đại ngộ, thành Phật. Ngài thành Phật, thấy không có ai đương cơ, ngài liền khởi niệm muốn lập tức nhập niết bàn, ra đi. Lúc này người cõi Trời tịnh cư nhìn thấy, người cõi Trời tịnh cư là ai? Trong Trời tứ thiên có Ngũ bất hoàn thiên. Trời tứ thiên có chín tầng trời,

trong đó có năm loại gọi là Ngũ bất hoàn thiên, họ không còn trở lại cõi dục này. Những thiên nhân này tiêu thừa nói là tam quả trở lên, trong đại thừa như Kinh Hoa Nghiêm là Bồ Tát lục tín vị. Từ sơ tín họ đến lục tín vị, họ ở trong Ngũ bất hoàn thiên, họ không đến dục giới. Người của Ngũ bất hoàn thiên lập tức nhìn thấy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành Phật, họ nói như vậy không đáng mừng ư? Nhưng nếu không có người khởi thính ngài sẽ ra đi, họ liền xuống cõi Ta bà, họ biến thành người phàm phu như thế gian chúng ta: Tỉnh Phật trú thế, tỉnh Phật chuyển pháp luân. Hai nguyện trong Phổ Hiền hạnh nguyện: Tỉnh chuyển pháp luân, tỉnh Phật trú thế. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhận lời. Họ không đến, họ không đến Đức Phật vừa thành Phật liền vào niết bàn. Chúng ta phải hiểu chân tướng sự thật này. Đây nghĩa là Chư Phật Bồ Tát chưa từ bỏ chúng sanh đau khổ, luôn thị hiện vô số phương tiện để giúp chúng ta, chúng ta không cảm kích được chăng?

Ở đây chúng ta đặt bài vị là cúng dường thiên nhân, họ có ân đức với chúng ta. Họ biết Phật, chúng ta không biết. Người thật sự có tâm từ bi, lân mẫn tất cả chúng sanh khổ nạn trong lục đạo, đến vua trời cũng không ngoại lệ. Vua trời là người trong số thiên nhân, đời quá khứ tu được phước báo lớn, làm vua trời, nhưng phước báo cũng có lúc hưởng hết. Hưởng hết thì sao? Hưởng hết thì đọa lạc, thông thường đa số đọa vào cõi người, đây là gì? Họ vẫn còn dư phước. Nếu trong đời quá khứ họ cũng tạo tội nghiệp rất nặng, tùy nghiệp thọ báo. Nếu họ tạo nghiệp đường ngạ quỷ rất nặng, tham tâm rất nặng, họ bị đọa vào đường ngạ quỷ. Người tâm sân nhuế nặng, người tâm ngạo mạn nặng, rất dễ đọa vào đường địa ngục. Cổ nhân có câu ngôn ngữ rằng: “Trèo cao té nặng”, chính là đạo lý này.

Chúng ta thấy người phương tây dùng thuật thôi miên, tôi thấy trong báo cáo của họ từng có một người, có thể trở về hơn 4000 năm trước. Ở trong sơn động, không có nhà, đó là thời thượng cổ. Đến nay hình như có mấy mươi đời, họ đều nhớ được, hình như là hơn 80 đời, họ có thể nhớ được hơn 80 đời của thời thượng cổ. Những người này không phải là người từng giàu có, đều không phải từng làm quan lớn, rất bình thường, cho nên họ luân hồi ở cõi người. Nhân gian cũng là người bình thường, cũng sống rất khổ. Chư vị nên biết, làm quan lớn, giàu có họ tạo nghiệp rất nặng. Tạo nghiệp thiện cũng dễ, tạo nghiệp ác cũng dễ. Người bình thường như thế, đời này qua đời khác đều bình thường, trong lúc thôi miên có thể thấy. Họ có thể thấy được mấy mươi đời quá khứ. Những điều này đều tương ứng với kinh Phật dạy.

Câu nói này ý nghĩa rất thâm sâu, không có người tu hành nào không có tâm từ bi. Từ là thấy chúng sanh khổ, thương xót họ, tâm chúng ta hình như không sanh khởi được. Quý vị nhìn thấy con kiến chẳng? Có nhìn thấy con ruồi chẳng, những con trùng này? Những loại này thường dễ nhìn thấy, nó cũng là con người biến ra. Quan sát từ trên những phương diện này, từ bi sẽ sanh khởi. Quý vị thấy chúng đáng thương biết bao, chúng ngu si biết bao. Biết đâu con kiến này trong quá khứ từng làm quốc vương, quá khứ là phú ông giàu ức vạn, rất có thể, bây giờ họ biến thành như vậy.

Ngay trong cuộc sống hằng ngày, những gì Đức Phật dạy, chúng ta phải nỗ lực học tập. Dù nhỏ như một hạt bụi, bây giờ chúng ta hiểu, nó đầy đủ năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức. Sao nó lại biến thành một hạt vi trần? Đáng thương hơn cả động vật. Sao nó lại biến thành đá? Phật pháp nói do tình chấp quá sâu nặng nên biến thành sỏi đá. Các nhà khoa học giải thích, tần suất vận động của nó chậm sẽ biến thành đá sỏi. Tần suất nhanh biến thành cây cỏ hoa lá, thuộc loại như da dẻ chúng ta. Nhanh hơn nữa biến thành sóng điện từ. Tất cả mọi hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, đều là tần suất khác nhau mà sanh ra hiện tượng. Trong Phật

pháp không giải thích như vậy, Phật pháp nói là do tình chấp. Tình chấp nặng biến thành khoáng vật, tình chấp nhẹ biến thành động thực vật. Tuy hai tư tưởng khác nhau, nhưng ý nghĩa rất gần nhau, có thể nói như thế.

Người học Phật không thể không có tâm từ bi, trước tiên là quan sát chính mình, tâm từ bi cũng có thể sanh khởi. Cổ nhân nói: “Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỹ”, chúng ta đối với mình có tâm từ bi chăng? “Từ có thể bạt khổ, bi có thể ban vui”. Cuộc sống chúng ta rất khổ, phiền não là khổ, tật bệnh là khổ, ngu si là khổ, ngạo mạn là khổ, đều đang tạo tội nghiệp. Tuy gặp được Phật pháp, không hiểu nghĩa chân thật của Như Lai.

Đại thánh đại hiền của thế xuất thế gian, dạy chúng ta thực hành từ đâu? Từ lễ kính, lễ kính học từ đâu? Bắt đầu học từ việc đối đãi với cha mẹ, đối đãi với tổ tông, đối đãi với thầy tổ, như vậy dễ hơn. Điều quan trọng nhất trong hiếu dưỡng cha mẹ là có tâm cung kính. Chăm sóc cha mẹ chu đáo đến đâu, không đủ tâm cung kính vẫn là bất hiếu. Đối với thầy, lễ kính chư Phật, cùng một đạo lý. Không có lễ kính sẽ không có thành tựu, Tổ sư Ấn Quang nói: Một phần thành kính được một phần lợi ích. Không có lễ kính không thể được lợi ích, quý vị xem điều này quan trọng biết bao.

Bên dưới nói: “Vì chúng sanh mà sanh khởi đại bi”, chúng sanh quá đáng thương, đặc biệt là thời đại này của chúng ta. Ngày xưa còn được, xã hội ngày xưa còn có chút quan niệm luân lý đạo đức. Luân lý đạo đức là gì? Đó là được phước báo, mỗi người đều biết tu phước. Người bây giờ không biết tu phước, chỉ biết kiếm tiền, không từ thủ đoạn để kiếm tiền, đó là tạo nghiệp, tạo nghiệp ác không phải nghiệp thiện. Người bây giờ như thế nào gọi là thiện, như thế nào gọi là ác họ không nhận ra. Coi thiện là ác, coi ác là thiện, đây gọi là ngu si, thị phi điên đảo, giá trị quan cũng điên đảo, đây là ngu si. Ngu si thêm vào tham sân, khởi tâm động niệm là tôn người lợi mình, như vậy không đáng sợ ư? Quá khứ dù tu được phước báo lớn, thời gian rất ngắn là hưởng hết, phước báo hưởng hết thì sao? Khổ nạn liền đến theo, thiên tai ập đến. Người bây giờ không biết tu phước, không biết phước là gì. Quý vị nói họ nghe không hiểu, khi khổ nạn đến, kinh hoàng sợ hãi, lúc đó không kịp nữa, không ai có thể giúp được.

Quý vị xem người thế gian hiện nay, tâm đại bi có thể sanh khởi. “Vì đại bi mà sanh Bồ đề”, vì sao vậy? Vì Bồ đề là giác ngộ, tâm đại bi có thể giúp ta giác ngộ. Người không có tâm từ bi sẽ mê hoặc, ngu si. Có tâm từ bi để giác ngộ, có tâm từ bi, thấy chúng sanh tạo nghiệp, nhìn thấy khổ báo trong tương lai của họ, quý vị giác ngộ. Tâm từ bi sau khi giác ngộ, trước tiên là cầu cầu bản thân. Thể của tâm Bồ đề là chân thành, tự thọ dụng là thanh tịnh bình đẳng giác, tự thọ dụng. Tha thọ dụng là đại từ đại bi, lấy đại từ đại bi đối nhân tiếp vật. Thanh tịnh bình đẳng giác là tự thọ dụng.

Chúng ta làm sao để giúp chúng sanh, lợi ích chúng sanh? Cổ thánh tiên hiền nói rất hay, điều đầu tiên là phải thân hành, tiếp theo là ngôn giáo. Cần phải trong cuộc sống hằng ngày, bản thân mình thể hiện ra sự giác ngộ. Giác ngộ là gì? Là vô ngã, cho nên ý niệm tâm thái phải thay đổi. Ngày xưa không học Phật, không học giáo dục thánh hiền, khởi tâm động niệm là tự tư tự lợi, sống ở thế gian này là gì? Là vì tôi, tâm thái này là sai lầm. Sau khi giác ngộ, ta sống ở thế gian này không phải vì tôi, tôi vì người, vì ai? Vì chúng sanh đau khổ trong lục đạo, hoàn toàn khác nhau. Tôi làm sao giúp người khác? Hiện nay chúng sanh tự tư tự lợi, tôi phải làm một người đại công vô tư. Người hiện nay đều tự lợi, tôi toàn tâm toàn ý lợi tha, tôi không tự lợi, có người như thế chăng? Có, chỉ là số ít, không thể nói không có, đây là người có tâm từ bi.

Ở Tam Trùng- Đài Loan có hai cô giáo, thấy rất nhiều gia đình đơn thân, giống như cô nhi vậy, không có ai giáo dưỡng. Hai người họ phát tâm tự tổ chức một lớp học, chuyên môn thu nhận những đứa trẻ này, những đứa trẻ thiếu trí năng, giúp chúng, toàn tâm toàn lực dạy dỗ chúng. Hình như năm nay là 13 năm hay là 14 năm rồi, thành tích vượt trội. Tiền lương hàng tháng của mình rất thấp, tiền kiếm được dùng hết vào việc này. Tôi thấy một bài báo cáo, hình như 13 năm họ dùng hơn 800 vạn tiền Đài Loan, không đơn giản! Hiện nay được xã hội tán dương, được quốc gia ủng hộ. Người cho thuê nhà, từ đây về sau hoàn toàn không lấy tiền thuê nhà, bị họ làm cảm động. Đây là người có tâm từ bi. Sức mạnh nào thúc đẩy họ? Từ bi thúc đẩy họ, lòng yêu thương thật sự đang thúc đẩy họ. Chúng tôi rất hy vọng ảnh hưởng của họ, có thể ảnh hưởng đến thành phố nhỏ này. Chính phủ khuyến khích họ, hiệp trợ họ, tương lai khiến vùng này trở thành một thành thị mô phạm, công đức vô lượng, quả thật là cứu khổ cứu nạn! Quý vị thấy, họ lấy thân làm gương, tự mình làm được, đây gọi là phát tâm.

Kinh văn ở dưới là một ví dụ: “Thí như trong sa mạc hoang dã, có vua đại thọ”. Đây là trong sa mạc, trong sa mạc có một cây lớn. “Nếu rễ có nước, cành lá hoa quả, thảy đều tươi tốt”, điều này chúng ta có thể lý giải, không khó hiểu, nếu nó có nước nó sinh trưởng thật tốt. “Sống chết trong hoang dã, vua bồ đề thọ, cũng đều như vậy”. Dùng điều này làm ví dụ. Sống chết trong hoang dã nghĩa là lục đạo, ở trong lục đạo thật sự phát tâm bồ đề, đó chính là cây bồ đề, nó cũng cần nước mới tươi tốt. Cây không có nước nó sẽ khô chết, đó là gì? “Tất cả chúng sanh, ví như thân cây, Chư Phật Bồ Tát ví như hoa quả. Lấy nước đại bi, nhiều ích chúng sanh, tức có thể thành tựu trí tuệ hoa quả của Chư Phật Bồ Tát”. Nếu không lấy đại từ đại bi lợi ích chúng sanh, nhiều ích, nhiều là gì? Lợi ích phong nhiêu nhất, lợi ích tốt nhất, lợi ích thù thắng nhất gọi là nhiều ích. Toàn tâm toàn lực vì những chúng sanh đau khổ, làm ra tấm gương cho mọi người xem. Hiện nay thế giới này không có tấm gương tốt, chúng ta phải làm tấm gương tốt cho mọi người noi theo. Không có ai, chỉ mình tôi, tôi dùng thân thể cá nhân mình, tôi làm tấm gương. Quý vị làm tấm gương tốt, quý vị làm ảnh hưởng đến đoàn thể của mình, ảnh hưởng gia đình mình, ảnh hưởng một đoàn thể nhỏ. Một đoàn thể nhỏ đều trở thành tấm gương, là có thể ảnh hưởng đến đoàn thể khác, công đức này rất lớn. Đây thật sự đang hành Bồ Tát đạo. Mỗi ngày đọc sách thánh hiền, mỗi ngày nói đạo thánh hiền, làm sự nghiệp thánh hiền. Người này chính là Bồ Tát, người này thật sự có tâm đại bi, vì họ có thể nhiều ích chúng sanh. Nghĩa là ý niệm vừa chuyên, tôi không còn vì chính mình, tôi vì người khác. Bản thân dù làm tốt đến đâu vẫn còn kém rất xa, tâm ngạo mạn không sanh khởi, chúng sanh khổ nạn quá nhiều, tôi mới giúp được mấy người! Đợi đến khi quý vị giúp được mấy trăm người, mấy ngàn người. Thế gian này hiện nay có hơn 60 ức người, chúng ta còn chưa giúp được, quý vị giúp được mấy ngàn người có đáng gì? Thường quán như vậy, mãi mãi duy trì sự khiêm tốn nhỏ bé của mình, đây là gì? Là dạy người.

Bên dưới nói, “trong Đại Nhật Kinh nói: Đại bi là gốc, nay Pháp Tạng Bồ Tát cũng là như vậy. Dùng tâm đại bi, rộng hành lục độ, phổ độ quần sanh”. Người ta y giáo phụng hành!

Tiếp theo giải thích Lục ba la mật, thông thường nói là Lục độ. “Là nguyên nhân chính chứng niết bàn, nguyện hành lục độ. Tức pháp môn vô biên thệ nguyện học, và Phật đạo vô thượng thệ nguyện chứng”, đây là hai câu trong tứ hoàng thệ nguyện. “Bồ thí trí xan tham”, mấy câu này là nói về tự lợi. Quý vị xem phiền não xan tham, xan tham là sân nhuế và ngu si. Ở trước nói với quý vị, đây là tam độc phiền não sanh ra đã có, dùng phương pháp gì để đối trị nó? Dùng bồ thí. Keo kiệt là ta không nở cho người khác, tham là tham cầu không có giới

hạn, muốn mãi nguyện vọng chính mình. Vĩnh viễn không mãi dục vọng của mình, đây là gốc rễ của phiền não. Phương pháp Đức Phật dùng chính là bố thí, trong bố thí có bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy. Trong tài bố thí có bố thí ngoại tài và bố thí nội tài, ngoại tài là vật ngoài thân, giúp người khác. Ngày nay chúng ta dùng tiền bạc giúp người, là ngoại tài, nội tài là chúng ta làm gương cho người khác noi theo. Làm một tấm gương tốt, đó là dùng nội tài bố thí. Chúng ta gặp bất kỳ ai đều mỉm cười đón tiếp. Quý vị thầy Hồ Tiểu Lâm nói, khi mới học là giả không phải cười thật. Mới bắt đầu là giả, giả hai ba năm sau trở thành thật, là tự nhiên. Trước đây không tự nhiên, bây giờ rất tự nhiên. Đây là tiến bộ, từ giả biến thành thật, ta không thể không làm như vậy. Khi mới học là giả, đều làm bộ làm tịch, từ từ biến thành thật. Đối với bất kỳ người nào đều cung kính lễ phép, gặp người chào hỏi đều cúi đầu 90 độ hành lễ, không sợ người khác cười, vì sao vậy? Từ từ biến thành thói quen, quen tưởng là thường, bị truyền nhiễm khi nào không hay, họ cũng học được. Đây gọi là gì? Đây gọi là nội tài bố thí. Bố thí là gì? Bố thí cung kính, bố thí lễ tiết, phải thực hành mới được. Nội tài ngoại tài đều xả hết, vì sao vậy? Tâm đại bi, có tâm đại bi họ có thể làm được. Không những không tham, đem toàn bộ những gì chính mình có ra bố thí, trong bố thí quan trọng nhất là pháp bố thí.

Quý vị xem, hiện nay xã hội cần gì, nhằm vào nhu cầu bức thiết của xã hội đại chúng để làm bố thí. Nhu cầu bức thiết xã hội hiện nay là giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả. Vậy chúng ta phải thực hành ngũ luân, thực hành ngũ thường, thực hành tứ duy bát đức, đây là pháp bố thí. Chúng ta lấy thân mình làm gương, thân thể là tài bố thí. Tài bố thí, pháp bố thí đều có. Tài bố thí nhất định được giàu có, càng thí càng nhiều. Khi được nhiều, tham tâm liền khởi lên thì thật phiền phức, vậy phải làm sao? Càng nhiều càng bố thí. Càng bố thí càng nhiều, càng nhiều càng bố thí, đừng lưu giữ, làm tấm gương tốt cho xã hội đại chúng. Đức Phật dạy chúng ta, phát tài là phát bằng phương pháp này, không bố thí không phát tài được. Đó là gì? Đó là số mạng ta có, sao số mạng có? Nhờ trong đời quá khứ tu bố thí, là số mạng ta có, quý vị sẽ hưởng hết. Nếu chúng ta biết cách bố thí, thì của cải chúng ta hưởng mãi không hết. Cho nên quý vị phải hiểu lý, phải biết nên làm như thế nào. Bố thí pháp được thông minh trí tuệ, bố thí vô úy được mạnh khỏe trường thọ. Ba thứ này người thế gian dốc sức tìm kiếm, có thể cầu được chăng? Không cầu được. Bất luận dùng thủ đoạn gì để truy cầu đều không cầu được, số mạng có tự nhiên sẽ có, số mạng không có cầu cũng không được. Nhưng nếu ta rộng hành bố thí, như vậy sẽ cầu được, thật sự sẽ đạt được. Hiểu được đạo lý này phải thực hành, có dũng khí để làm.

Quý vị biết ngày nay chúng ta học Đệ Tử Quy là bố thí, chúng ta học Cảm Ứng Thiên cũng là bố thí, học Thập Thiện Nghiệp Đạo cũng là bố thí. Làm ra cho người khác thấy, đó không phải là bố thí ư? Bản thân dùng nội tài để bố thí, thêm vào ngoại tài thì công đức vô cùng thù thắng!

Trì giới trị phá giới, trì giới nói một cách đơn giản nghĩa là giữ quy củ, có thể giữ quy củ nhất định sẽ thành tựu. Đức Phật dạy chúng ta: “Nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ”, đây là bí quyết thành Phật chứng quả của tất cả Bồ Tát trong quá khứ hay vị lai. Họ tu thành như thế nào? Nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ, giới không thể không tu. Ngày nay chúng ta nói tu giới, bắt đầu tu từ đâu? Quý vị thọ Bồ tát giới, thọ Tỳ kheo giới cũng vô dụng. Đó là giả, là hình thức, chỉ vẻ bên ngoài, cần phải thực hành. Thực hành phải bắt đầu từ Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy là nền tảng của giới luật.

Vì sao học Phật dùng Nho giáo làm nền tảng? Câu thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước nói: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”, thực hành hai câu này như thế nào? Thực hành Đệ Tử Quy, hai câu này sẽ viên mãn, cho nên hai câu này thực hành ở Đệ Tử Quy. Chưa thực hành Đệ Tử Quy, hai câu này chỉ là khẩu hiệu, không có nội dung.

“Từ tâm bất sát” thực hành ở Cấm Ứng Thiên, hành trì Cấm Ứng Thiên là ta thực hiện được lời dạy này của Phật, sau đó là “tu thập thiện nghiệp đạo”. Thập Thiện Nghiệp kiến lập trên nền tảng của Đệ Tử Quy và Cấm Ứng Thiên, không có hai nền tảng này, ta không thực hành được Thập Thiện Nghiệp, không làm được tức không phải đệ tử Phật. Bản thân ta cho là đệ tử Phật, nhưng trong danh sách học sinh của Phật không có tên mình. Là giả, không phải thật. Nếu hành trì tất cả, mới là đệ tử chơn chánh của Phật. Cho nên không thể không trì giới luật. Phá giới là gì? Phá giới là tạo nghiệp. Tôi nói như thế quý vị càng rõ ràng, ấn tượng càng sâu sắc hơn. Trì giới là không tạo nghiệp, không trì giới là tạo nghiệp. Quả báo tạo nghiệp ở trong tam đồ, không thể không biết.

Bốn câu sau là đối trị phiền não nghiêm trọng nhất của chúng ta, chúng ta tu hành không thể thành tựu. Nhẫn nhục đối trị sân nhuế, phiền não này rất nặng, gọi là một ngọn lửa thiêu cháy cả rừng công đức, sân nhuế là lửa. Đời này ta tu tập tích chứa được bao nhiêu công đức, học Phật đã mấy mươi năm, thử hỏi ta từ trước đến nay không nổi nóng? Nếu hôm qua có nổi giận, công đức của ta chỉ còn từ hôm qua đến nay, vì sao vậy? Trước đó thì sao? Trước đó bị thiêu rụi tất cả, một lần nổi giận là mất hết, công đức không dễ thành tựu. Phước đức không bị, sân nhuế không thiêu rụi phước đức, mà thiêu cháy công đức, vì sao vậy? Công đức là tâm thanh tịnh, thanh tịnh bình đẳng giác là công đức, nhưng vừa nổi giận tâm liền loạn, tâm thanh tịnh không còn. Bởi vậy công đức quả thật không dễ tu, nhân tố đầu tiên phá hoại công đức chính là sân nhuế, vì thế Đức Phật dạy chúng ta phải nhẫn. Nhẫn, ngày xưa từ nhỏ là học nhẫn, phải học bao dung, phải học nhẫn, phải học nhường, nhẫn nhường thông thường đi đôi với nhau. Đầu tiên dạy chúng ta nhẫn nhường, sau đó tiến dần lên biết cách khiêm nhường, khiêm tốn, khiêm nhường, đến cảnh giới cao nhất là lễ nhường. Điều đạt được từ nhẫn nhục Ba la mật. Bồ thí là tu công đức, nhẫn nhục là duy trì không để mất công đức. Thích bồ thí, cũng thường hay nổi giận, quả báo như vậy ở đâu? Đa phần làm ma vương. A tu la, la sát, ma vương, họ cũng có thế lực rất lớn. Vì sao vậy? Vì họ tu bồ thí, vì sao trở thành ma vương? Vì họ có sân nhuế. Nhưng ma vương hay A tu la, quý vị nên biết họ cũng là cực thịnh một đời. Sau khi chết họ đi về đâu? Họ đọa vào địa ngục A tỳ. Cho nên họ một đời hưng thịnh, đời sau lại đọa lạc, như vậy quả thật rất đáng thương. Điều tốt đẹp không tồn tại lâu, họ không giữ được lâu. Khi làm A tu la, làm ma vương, quý vị nói họ tạo bao nhiêu nghiệp chướng? Họ hại bao nhiêu người? Cho nên không thể không tu nhẫn nhục. Nhục ở đây là đặc biệt nói với người xưa, người xưa rất xem trọng chữ này. Quý vị xem cổ nhân gọi là sĩ, sĩ là người đọc sách, người hiểu lý lẽ: “Kẻ sĩ có thể giết không thể nhục”, chém đầu không sao, nhưng không được sỉ nhục, điều này không thể chịu được. Cho nên pháp sư phiên dịch kinh, cảm thấy người xưa rất xem trọng chữ nhục. Được, nhẫn nhục, nhục họ đều có thể nhẫn, đương nhiên họ có thể nhẫn bất kỳ điều gì. Cho nên nghĩa của nó vốn là nhẫn nại, pháp sư phiên dịch kinh điển đặc biệt nhằm vào căn tánh của người xưa, dùng nhẫn nhục đối trị sân nhuế.

Tinh tấn đối trị giải đãi, vì sao có rất nhiều người đời này không thể thành tựu? Khuyết điểm là giải đãi, nếu thật sự tinh tấn, thành Phật không khó. Quý vị phải biết, hai chữ tinh tấn này, tinh là tinh thuần, thuần nhất không tạp gọi là tinh. Cùng một lúc học hai thứ không phải

ting, một thứ là ting, chuyên ting. Hai thứ, ba thứ không chuyên, phân tâm. Học tập chỉ được học một thứ, là ting, có tiền không thoát.

Chúng ta không nên coi thường các bà cụ, ta tự cho mình hơn người. Bà cụ niệm Phật mấy năm được đến thế giới Cực Lạc thành Phật, ta vẫn đang trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Quý vị coi thường họ, sau cùng phải cầu họ đến độ mình. Vì sao vậy? Vì họ tinh tấn, niệm rôt ráo một câu A Di Đà Phật, niệm khoảng ba năm họ đi làm Phật. Niệm rôt ráo một câu Phật hiệu suốt ba năm liền đi làm Phật, rất nhiều!

Trước đây hoằng pháp ở HongKong, có mấy vị pháp sư. Đệ tử của pháp sư Đệ Nhân là pháp sư Đàm Hư, ở HongKong rất lâu, vãng sanh tại HongKong. Pháp sư Định Tây_khi pháp sư Đàm Hư kể chuyện cho chúng tôi nghe_Tôi chưa từng gặp ông, chỉ nghe băng ghi âm của ông giảng khai thị lúc Phật thất, ông kể câu chuyện về người thợ hàn. Người thợ hàn với ông là huynh đệ, họ là cùng bối phận, đều là đệ tử của pháp sư Đệ Nhân. Người thợ hàn không biết chữ, nói thợ hàn bây giờ ít ai hiểu. Tôi hiểu, tôi từng thấy, bây giờ nghề này không còn. Lúc nhỏ tôi ở nông thôn, một năm có khoảng hai ba lần, có người gánh một gánh đi hàn soong, hàn nồi. Soong nồi hư họ hàn lại, có thể sử dụng. Bây giờ không còn, không còn nghề này, vô cùng vất vả. Hàn một cái thau, hàn một cái nồi chỉ được một hai đồng, rất cực khổ. Về sau ông gặp lại người bạn lúc nhỏ của mình, là pháp sư Đệ Nhân, theo pháp sư xuất gia lúc hơn 40 tuổi. Pháp sư Đệ Nhân nói với ông, ông chưa từng đi học, không biết chữ, những thời công phu của người xuất gia ông đều không học được. Người rất chậm, không có trí tuệ, nhưng ông nhất quyết không xuất gia không được. Pháp sư Đệ Nhân đưa ra điều kiện, nếu ông nghe lời thì tôi đồng ý. Không sao, thầy nói gì tôi cũng nghe, quả thật rất nghe lời. Bí quyết thành công của ông là thật thà, nghe lời, thực hành, ba năm! Pháp sư Đệ Nhân xuống tóc cho ông, sau đó đưa ông đến ngôi miếu nhỏ nơi vùng quê ở Ninh Ba, miếu hư không có người ở. Tìm một nơi như vậy để ông ở, ông ở một mình. Dạy ông niệm một câu sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, ông chỉ cần niệm sáu chữ này. Niệm mệt thì nghỉ, nghỉ xong hãy tiếp tục niệm, không kể ngày đêm. Điều này rất hay, không có áp lực, niệm mệt thì nghỉ, nghỉ xong lại niệm. Ba năm, biết trước giờ chết, không bệnh, đứng vãng sanh. Ở nông thôn cũng có mấy người chăm sóc ông, có mấy bà cụ chăm sóc ông, thấy ông đứng chết. Người ở đó chưa từng thấy hiện tượng đó, con người sao có thể đứng mà chết? Lập tức sai người đến Chùa Quán Tông báo tin, tức đến báo cho pháp sư Đệ Nhân. Pháp sư Đệ Nhân là sư phụ của ông, nên đến báo cho pháp sư. Pháp sư Đệ Nhân nhanh chóng đến đó, lúc đó đi bộ không có phương tiện giao thông. Đi một ngày, về một ngày, ba ngày, ông đứng chết như vậy ba ngày. Pháp sư lo hậu sự cho ông, khen ngợi, khâm phục ông. Thành tựu của ông, hiện nay rất nhiều phương trượng trú trì của các danh sơn ở thế gian, các đại pháp sư hoằng pháp lợi sanh đều thua xa ông, không sánh bằng ông. Ông đã đi làm Phật, người ta vãng sanh hay không còn chưa biết chắc. Người đó ai coi trọng? Ông thành tựu như thế nào? Nhờ tinh tấn, giữ chặt hai chữ này.

Trước đây tôi ở Đài Loan, hơn 40 năm trước, dạy học ở Phật Quang Sơn. Tôi dạy học ở đó mười tháng, gặp được một người làm công trên núi, là công nhân làm lâu đài trên núi. Vì kiến trúc của Phật Quang Sơn suốt mấy mươi năm đều không ngừng, ngày ngày đều có xây dựng công trình. Có một buổi tối trăng rất đẹp, trên núi có một hồ nhỏ. Chúng tôi ngồi bên cạnh hồ nhỏ này, có khoảng mười mấy người đồng học đang ở đây đàm luận Phật pháp. Người công nhân này thấy vậy cũng đến ngồi vào nghe, ông kể chuyện cho chúng tôi nghe. Là thật không phải giả, là một bà lão hàng xóm ông ta. Năm ngoái, lúc đó là một năm_Năm

ngoái bà niệm Phật và đứng vãng sanh, niệm ba năm. Bà lão rất từ bi, người rất tốt, không hiểu Phật pháp. Bà lễ lạy thân, Bồ Tát, lạy tất cả. Bà không biết, nên gặp đâu bà lạy đó. Ba năm trước bà cưới một cô con dâu, con dâu hiểu biết Phật pháp, khuyên bà không nên lạy lung tung, đừng đi lễ lạy bên ngoài. Liên thiết một bàn Phật ở trong nhà, thờ tây phương Tam Thánh, chuyên niệm Phật A Di Đà, chuyên lạy Phật A Di Đà. Bà cụ này có thiện căn, nghe lời, bà cụ làm đúng như vậy.

Quý vị xem, ở nhà niệm Phật A Di Đà suốt ba năm, bà vãng sanh vào buổi tối, lúc ăn cơm tối, con và dâu đều rất hiếu thảo. Bà nói với con dâu đừng đợi cơm, bà nói bà muốn đi tắm. Nhưng con và dâu vẫn đợi, đợi rất lâu không thấy bà ra. Kỳ lạ sao hôm nay mẹ tắm rửa lâu thế? Họ đi xem quả thật đã tắm xong, nhưng gọi không thấy bà trả lời, sau cùng thấy bà đứng trước bàn thờ Phật. Đứng đối diện tượng Phật, bận áo tràng tay cầm chuỗi. Gọi bà không trả lời, xem lại thì ra bà đã vãng sanh, đứng mà vãng sanh. Người công nhân này nói với chúng tôi, niệm Phật thật tuyệt! Thật vậy, không phải giả, quý vị phải cố gắng niệm Phật. Người công nhân này đã dạy cho chúng tôi một bài học, chúng tôi vĩnh viễn không quên. Đây là người hàng xóm tận mắt chứng kiến, là sự thật hoàn toàn. Mấy năm trước tôi ở Cao Hùng, tôi hỏi thử có ai biết câu chuyện này? Có, có mấy người biết rõ câu chuyện này.

Quý vị xem tinh tấn, chỉ ba năm là đến thế giới Cực Lạc làm Phật, không chơi với quý vị nữa, ở đây không có gì vui, đến thế giới cực Lạc. Chỉ cần ta nắm bắt được hai chữ này, đâu có chuyện không thành tựu! Cho nên tất cả công phu không thể thành tựu, đều do giải đãi.

Thiên định trị tán loạn, thiên định. Nhẫn nhục là tiền phương tiện của Thiên định, nghĩa là công phu dự bị. Phàm những gì không thể nhẫn, tâm sao có thể định được? Nếu muốn tâm định thì tất cả đều phải nhẫn, phải thật sự làm được mỗi người đều là người tốt, mỗi việc đều là việc lành. Tôi thấy được, nghe được, tiếp xúc được, chỉ có tâm cung kính, tâm báo ân, tuyệt đối không có khinh mạn. Vĩnh viễn duy trì tâm thanh tịnh, không được để cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng, từ từ sẽ được định. Thiên định ở đây, chính là nửa phần sau của đề kinh này nói: “Thanh tịnh bình đẳng giác”, đây đều thuộc về Thiên định. Trong định có tuệ, trong tuệ có định.

Trí tuệ trị ngu si, không có trí tuệ nghĩa là ngu si, có ngu si tức không có trí tuệ. Trí tuệ từ đâu mà có? Trí tuệ từ định mà có, nghĩa là có từ tâm thanh tịnh. Tâm nông nổi, tâm không thanh tịnh, nên biết họ sanh điều gì? Họ sanh phiền não, không sanh trí tuệ, không thể không biết điều này. Thông thường người đọc sách, người siêng năng, họ sanh gì? Sanh tri thức, không phải trí tuệ. Khi nghĩ đến, đọc cuốn sách này đột nhiên khởi lên suy nghĩ của mình. Tự cho rằng là trí tuệ, thật ra nó không phải trí tuệ, nó là tri thức. Ngộ của họ là ngộ trong tri thức, không phải ngộ trong Thiên định. Điểm này nhất định phải phân biệt, trong trí tuệ chân thật không sanh phiền não.

Chúng ta đọc sách thường cảm thấy có chỗ ngộ, bản thân rất hoan hỷ, hoan hỷ đó chính là phiền não, nó không phải pháp hỷ. Trong hoan hỷ có sự đắc ý, đó nghĩa là phiền não. Có kiêu mạn, người khác không bằng ta, đây là phiền não. Trong trí tuệ biểu hiện ra là sự khiêm tốn, cung kính, cảm ân, không giống nhau. Phản ứng của chính mình mình phải biết, là thuộc phản ứng nào. Tức có thể phân biệt được chúng ta phải chăng đang ở trong Bồ Tát đạo.

Thường hành lục độ nghĩa là thực hiện tứ hoằng thệ nguyện, phiền não đã đoạn tận. Bình thường chúng ta đọc bốn câu kệ là: “Phiền não vô biên thệ nguyện đoạn”, ở đây dùng vô biên, ý nghĩa giống nhau. “Tự giác giác tha, lấy sự giác ngộ của mình giác ngộ tất cả chúng sanh, lấy hạnh của mình dẫn dắt chúng sanh, lấy đức của mình hồi hướng cho chúng

sanh, tức là chúng sanh vô biên thể nguyện độ”. Tinh tấn, thực hành, biểu hiện trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của mình, biểu hiện trong công việc, biểu hiện trong xử sự đối nhân tiếp vật. Đây là gì? Đây là phong cách của Bồ Tát, thể hiện sự giác ngộ. Bất luận người ta có học theo mình hay không, chúng ta vẫn biểu hiện ra như thế. Như vậy là đúng, thay đổi một cách vô tri vô giác.

Người thiện căn sâu dày chuyển biến rất nhanh, người căn tánh chậm chạp chuyển biến chậm hơn. Bản thân không nên có ý niệm này, có ý niệm này là sai. Không có ý niệm này, tất cả đều thuận theo tự nhiên, cảm hóa tự nhiên, hoàn toàn không có ý mình trong đó. Tôi làm cho người khác thấy, tôi muốn để người khác học theo mình. Khởi ý niệm này là sai, đây nghĩa là phiền não, tức là không phải thật. Là thật, tức chỉ biết mình làm như vậy, tuyệt đối không yêu cầu người khác, người khác cũng có thể làm như thế, rất hoan hỷ, khuyến khích họ, khen ngợi họ. Khi họ không làm như thế, hoặc là còn chế nhạo chúng ta, chúng ta cũng mỉm cười đáp lại họ, cảm ân họ. Chúng ta làm chưa đủ, chưa đủ tốt để cảm động quý vị, quý vị không sai, là tôi sai, như vậy mới đúng.

Bên dưới nói: “Chúng hữu tình chưa độ khiến họ được độ, người đã độ khiến họ thành Phật”. Chưa độ là không có thiện căn, chưa hề tiếp xúc Phật pháp, cần phải giúp họ, phải đem pháp môn thù thắng này giới thiệu cho họ, đây là chúng hữu tình chưa độ khiến được độ. Nói cho họ nghe những trường hợp có thật. Chúng ta biết có rất nhiều thanh niên muốn học Phật pháp, hy vọng mình giống như Bồ Tát, gánh vác việc cứu tế giúp đỡ chúng sanh, muốn học kinh giáo nhưng không có cơ hội. Đây là gì? Đây là chính mình không đủ phước báo.

Trong quá khứ tôi từng có ba lần nhân duyên như thế, nhưng phước báo không đủ, đều không làm thành công. Bây giờ tuổi tác đã lớn, còn phước báo này chăng? Tôi nghĩ không có. Người thật sự muốn học Phật, hiện nay mạng internet, vệ tinh, những công cụ này rất tiện lợi. Bất luận xa đến đâu, không có gì không đến được. Chúng ta lợi dụng công cụ này cùng nhau học tập, chỉ cần ta có thể làm được: Thật thà, nghe lời, thực hành, chắc chắn thành tựu.

Cư sĩ Lưu Tố Vân là một tấm gương điển hình, nếu thật sự hiểu đạo lý tinh tấn, chúng ta chỉ thâm nhập một môn, ta chỉ học một bộ kinh, chỉ niệm một câu A Di Đà Phật. Tôi nỗ lực như vậy suốt mười năm, không trở ngại công việc. Công việc vẫn làm như thường, khi công việc vừa xong, lập tức niệm Phật. Mỗi ngày ít nhất nghe kinh hai ba tiếng, điều này quan trọng vô cùng. Không có thời gian thì buổi sáng thức dậy sớm hơn một chút, buổi tối ngủ trễ một chút. Một ngày duy trì nghe kinh bốn tiếng, mười năm không gián đoạn, không có ai không thành công. Mỗi ngày nghe kinh không dưới bốn tiếng, chỉ nghe một bộ kiên trì không thay đổi, vì sao thế? Vì nghe một bộ có thể được định, nghe nhiều thứ khó đạt định. Định không có thì trí tuệ cũng không có, như vậy rất khó, tâm sẽ loạn. Tập trung vào một bộ là ở trong định, không hề thay đổi. Cho nên phải thực tế, không được tham nhiều. Mười năm khai ngộ, sau khi khai ngộ hết thấy kinh luận vừa tiếp xúc là thông đạt, lợi ích này rất lớn. Nếu muốn học, mỗi năm học một bộ kinh, mười năm học mười bộ, mười bộ đều rất bình thường, không có gì kiệt xuất. Nếu mười năm học một bộ, thì cả mười bộ đều thông suốt, mỗi bộ đều kiệt xuất, đều thông đạt. Nếu hiểu được đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật, quý vị sẽ cúi lạy trước cổ nhân, không thể không khâm phục. Phương pháp của họ quả thật quá tuyệt diệu, ngày nay phương pháp luận gì đó của khoa học không cách nào sánh được với họ. Phương pháp của cổ nhân là khai phát trí tuệ bát nhã trong tự tánh của chúng ta, khai phát đức năng tướng hảo của tự tánh chúng ta.

Kinh nghiệm của mấy nghìn năm chúng ta không tin, đi tin tưởng người bây giờ, người phương tây làm những điều này, học theo rất nhiều thứ. Học suốt đời, rất vất vả nhưng không có việc gì tốt đẹp, như vậy là sai. Như lời cổ nhân nói: “Không nghe lời người đi trước, thiệt thòi ngay trước mắt”. Đợi đến khi quý vị giác ngộ, quý vị hối hận không kịp, vì sao vậy? Vì thời gian đã qua đi, tuổi tác quá lớn không đủ sức để hành trì. Cố gắng định tâm, mười năm tập trung vào vật pháp môn. Quý vị xem người ta cầu vãng sanh Tịnh độ, cầu làm Phật, chỉ cần ba năm.

Nói với quý vị về hai trường hợp này, bà cụ ở làng Tướng Quân, không ai coi trọng bà, ai coi trọng người thợ hàn, nhưng đều ba năm thành tựu. Họ như thế nào? Họ không có kinh điển, chỉ niệm rôt ráo một câu Phật hiệu, sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, chỉ sáu chữ này là đủ. Ba năm họ đi làm Phật, ai sánh được với họ!

Người đã được độ thì giúp họ thành Phật, nghĩa là người đã học Phật, nhất định dạy cho họ pháp môn Tịnh độ, thành Phật rất nhanh. Họ muốn thành Phật, vậy thì rất dễ, không khó chút nào. Không hề lưu luyện thế gian này, đầy lòng cảm ân đối với thế gian này. Tất cả mọi người ở thế gian này, niệm Phật vãng sanh thành Phật đều có công hiến rất lớn, sao tôi không cảm ân được? Vì thế ta phải tri ân mới biết báo ân. Họ công hiến rất nhiều nhưng ta không biết, ta không tri ân cho nên cũng không biết báo ân, tri ân sẽ báo ân. Vì sao vậy? Hành động của tất cả chúng sanh là để cho chúng ta thấy, để chúng ta đề cao cảnh giác. Họ làm thiện chúng ta cố gắng học theo họ, bất thiện thì xem lại mình có như vậy chăng. Không có thì tốt, nếu có lập tức sửa đổi. Có thì thay đổi, không có thì cố gắng hơn. Bởi thế mỗi người đều là người tốt, mỗi việc đều là việc lành.

Thế giới này hỗn loạn, địa cầu nhiều thiên tai, có ân đức đối với chúng ta, nói với chúng ta điều gì? Nói với chúng ta thế giới này không có gì tốt đẹp, chúng ta phải đến thế giới Cực Lạc. Nếu thế giới này tốt đẹp, ta không có niềm tin vãng sanh thế giới Cực Lạc, chưa muốn đi, đáng để lưu luyện. Bây giờ thế giới biến thành như vậy, cảm thấy không có gì đáng lưu luyện, muốn nhanh chóng ra đi! Quý vị xem sơn hà đại địa đều có ân đức với chúng ta, tri ân chúng ta mới biết báo ân, mỗi người đều có ân với mình. Cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa đều có ân đức với mình. Mỗi ngày hai thời kinh sáng tối, chúng ta đều phải lễ lạy sơn hà đại địa, cây cỏ hoa lá.

“Gánh vác trách nhiệm cứu tế, đều chúng bĩ ngạn. Bốn câu này, thật nhiếp tứ hoằng thệ nguyện”. Bốn câu kệ này bao hàm cả tứ hoằng thệ nguyện. Từ câu “thường hành bố thí cập và trì giới, nhẫn nhục”, đến câu “những người đã độ khiến họ thành Phật”. Ở sau còn có hai câu, kiên trì cầu chánh giác, phải phát tâm kiên cố như vậy. “Ví như cúng dường hằng sa các bậc thánh, không bằng kiên trì đồng mãn cầu chánh giác”, vì sao vậy? Vì thành Phật độ chúng sanh mới gọi là viên mãn, chánh giác nghĩa là thành Phật.

Chúng ta nhất định phải biết, người niệm Phật vãng sanh, chúng ta vô cùng sùng kính họ. Chúng ta so với họ đích thực thua xa, người ta thật sự đã đi làm Phật. Bà cụ ở làng Tướng Quân khi vãng sanh không nói với người nhà, chúng ta hiểu ý bà. Nói với người khác sợ họ nhiễu loạn, không nói cho quý vị biết, ra đi tự tại không ai phiền nhiễu. Nói cho quý vị biết, vãng sanh thế giới Cực Lạc, ở đây vừa tắt thở, thần thức liền đi ngay, họ không đi qua trung âm. Họ khác với người bình thường, người bình thường thông qua trung âm. Người sanh lên cõi trời phước báo lớn, cũng không có trung âm.

Có ba hạng người không có trung âm: Niệm Phật vãng sanh không có Trung âm, sanh thiên không có trung âm, đọa địa ngục A tỳ không có trung âm. Ngoài ra đều có thân trung

âm, cho nên thân trung âm có 49 ngày. Ở đây không có, vừa tắt thở là về thế giới Cực Lạc. Hiện ra đóa tướng là để cho mọi người thấy, nói với quý vị: Quý vị xem ba năm thành tựu, là sự thật hoàn toàn. Đây là bà hiện thân thuyết pháp, không dùng ngôn ngữ!

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ: “Hằng sa là chỉ cát của con sông Hằng ở Ấn Độ. Vì cát của sông Hằng nhiều, lại vì đại chúng tận mắt thấy, cho nên Đức Phật thường lấy nó làm ví dụ”. Khi Đức Phật nói đến số lượng nhiều đều ví như cát của sông Hằng, vì mọi người thường nhìn thấy. Suốt đời Đức Thế Tôn ở hai bên bờ sông Hằng, giảng kinh dạy học thời gian rất dài. Chúng ta biết lúc đó Đức Phật không ở nơi nào cố định, sống đời du mục, đêm ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa. Bất luận đi đến đâu, thấy trong rừng cây, đều có thể ở đó. Ngài ở hai bên bờ sông Hằng thời gian rất dài, đều ở trong phạm vi này. Ngài nói đến số lượng nhiều đều dùng cát sông Hằng, cát sông Hằng rất mịn giống như bột vậy, mịn hơn cát ở chỗ chúng ta. Họ đến Ấn độ tham quan du lịch, dùng chai nhỏ đựng cát sông Hằng đem về đưa tôi xem, giống bột mì vậy.

“Ý đoạn văn này là, giả như cúng dường vô lượng chư Phật như hằng hà sa, không bằng cầu chánh giác, kiên trì đồng mãnh không thoái chuyển”. Hai câu: không bằng cầu chánh giác, kiên trì đồng mãnh không thoái chuyển, ở trên là nguyên văn của Hán Dịch. “Kinh văn của kinh này, cùng một ý với phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên trong Kinh Hoa Nghiêm”, trong Phẩm Phổ Hiền có một đoạn kinh văn như thế.

“Phẩm Hạnh Nguyên nói: Thiện nam tử, trong tất cả sự cúng dường, cúng dường pháp là cao nhất. Gọi là như thuyết tu hành cúng dường, lợi ích chúng sanh cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh cúng dường, thay chúng sanh khổ cúng dường, cần tu thiện căn cúng dường, không từ bỏ nghiệp Bồ Tát cúng dường, không lìa tâm bồ đề cúng dường. Thiện nam tử, cúng dường như trước, công đức vô lượng. So với cúng dường pháp, nhất niệm công đức không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn. Trăm ngàn do tha, na do tha phần, già la phần, toán phần, số phần, dụ phần, ru bà ni sa đà phần, cũng không bằng một phần. Tại sao vậy? Vì chư Như Lai tôn trọng pháp, như thuyết tu hành, sanh ra Chư Phật. Nếu chư Bồ Tát, hành pháp cúng dường, tức được thành tựu, cúng dường Như Lai. Tu hành như vậy, là chân thật cúng dường”. Đoạn này là kinh văn Phẩm Hạnh Nguyên trong Kinh Hoa Nghiêm.

Bên dưới nói: “Dùng kiên trì đồng mãnh cầu chánh giác là pháp cúng dường, là chân cúng dường, là tối thắng hơn cả trong các pháp cúng dường. Dùng dư vật cúng dường hằng sa các bậc thánh”. Đây chính là hằng sa Chư Phật, là ý này, không thể sánh được! Niệm câu A Di Đà Phật này, nhất tâm cầu sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Tâm này vượt qua tất cả mọi thứ cúng dường, vì sao vậy? Đây là tất cả Chư Phật Như Lai, đối với những chúng sanh này mỗi niệm đều kỳ vọng, thật sự là đưa tay thùy từ tiếp dẫn chúng ta, hy vọng quý vị đi nhanh đến. Giống như cha mẹ đối với con cái họ, đưa tay ra gọi quý vị đến nhanh. Con cái đang chơi vui vẻ, chưa muốn trở lại. Thật sự nghe lời trở lại, tâm cha mẹ hoan hỷ biết bao. Từ chỗ này chúng ta có thể lãnh hội được một chút.

Đoạn kinh văn này rất quan trọng, quý vị xem mở đầu kinh văn là: “Thiện nam tử”, bao gồm thiện nữ nhơn. Thiện nghĩa là gì? Thật sự thực hành thập thiện nghiệp, người trì giới tu hành, đây mới là thiện nam tử. Nguyên thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, chính là tiêu chuẩn của thiện nam tử thiện nữ nhơn: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Trong kinh Đức Phật nói: Thiện nam tử thiện nữ nhơn, đây là tiêu chuẩn. Không làm được những gì trong kinh nói, chúng ta sẽ không có phần, là nói người

khác. Nếu thật sự làm được điều này, triển khai kinh Phật trong kinh gọi là thiện nam tử thiện nữ npon, tức có phần chúng ta trong đó.

“Trong các pháp cúng dường, cúng dường pháp là tối thắng hơn cả”. Quan trọng nhất trong pháp cúng dường là như thuyết tu hành cúng dường, đây là câu quan trọng nhất. Đức Phật dạy như thế nào, tôi hành trì theo như thế. Như thuyết tu hành cúng dường, câu này là chủ yếu. Chúng ta tuân thủ nguyên tắc chỉ đạo cao nhất là Tịnh Nghiệp Tam Phước. Tịnh Nghiệp Tam Phước trừ bốn câu của điều thứ nhất này, chúng ta phải như thuyết tu hành. “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Điều thứ hai ba câu: “Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi”. Điều thứ ba là bốn câu: “Phát tâm bồ đề, thâm tín nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến tấn hành giả”. Đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của pháp môn Tịnh độ.

Chúng ta có như pháp tu hành chăng? Như thuyết tu hành, đây nghĩa là cúng dường Chư Phật Như Lai, cúng dường Phật Di Đà, cúng dường Phật Thích Ca. Thật sự làm được, thực hành, những gì chúng ta thể hiện ra có thể lợi ích chúng sanh. Biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, công việc, đối nhân tiếp vật, chúng ta thể hiện nếp sống tu hành, đây là cúng dường lợi ích tất cả chúng sanh.

Trong truyền thống giáo dục xưa, thực tế mà nói nền giáo dục ngày xưa, nguyên tắc cao nhất cũng chính là bốn khoa: Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Nếu chúng ta thực hành nó, tức là chúng ta cúng dường cổ nhân, lợi ích quốc gia dân tộc, là thật không phải giả, đây là không phụ lòng người xưa. Rất đơn giản, rất dễ nhớ. Càng là chân lý càng đơn giản, tuyệt đối không phiền phức như vậy.

Ngũ luân là nói về mối liên quan, nói về nghĩa vụ, là những gì ta cần phải làm. “Phụ tử hữu thân, phụ tử tử hiếu, phu phụ hữu biệt”, ngày xưa nam chủ ngoài, nữ chủ bên trong, không phải không bình đẳng. Là vợ chồng kết hợp kiến lập nên một mái ấm gia đình. Có hai vấn đề quan trọng nhất, thứ nhất là cuộc sống vật chất, quý vị cần phải ăn cơm mặc áo, cuộc sống vật chất không thể không có. Nam giới ra ngoài tìm kế sinh nhai, gánh vác sinh hoạt kinh tế của gia đình. Người phụ nữ lo việc trong gia đình, quan trọng nhất là giáo dưỡng đời sau.

“Bất hiếu có ba, vô hậu lớn nhất”, hậu không phải nói quý vị có con cái, ý không phải như thế. Hậu là gì? Trong gia đình mình có con cái là thánh hiền, con cái thánh hiền là người mẹ đào tạo nên. Trong lịch sử ngày xưa, Tam thái chính là mô phạm. Nhà Chu khai quốc, ba vị phu nhân này là bà, mẹ và vợ của Chu Văn Vương. Cho nên người xưa gọi vợ là thái thái, điển tích này từ đây mà có. Ba vị phu nhân của Nhà Chu, bà của Văn Vương là Thái Khương, mẹ là Thái Nhậm, vợ của ông là Thái Tự, đều có chữ thái. Thái thái từ đây mà có, là thánh nhân. Quý vị xem trong nhà họ Vương Lý: Văn Vương, Vũ Vương, Chu Công đều là đại thánh nhân. Trong lòng Khổng tử kính ngưỡng nhất là mấy người này. Vì thế phải đào tạo nhân tài cho đời sau, trong nhân tài chú trọng là thánh hiền. Người mẹ ở nhà dạy dỗ con cái thành thánh hiền, nghĩa là dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả, trách nhiệm này lớn biết bao. Trách nhiệm này lớn hơn việc kiếm tiền nuôi gia đình rất nhiều. Xuất hiện một thánh nhân, không phải là vinh dự cả gia đình, vinh dự của đất nước, vinh dự của cả dân tộc, thậm chí là vinh dự cho toàn thế giới, sứ mạng này quá vĩ đại. Hiện nay không ai biết, cũng không ai nói đến. Đây là phu phụ hữu biệt, nhiệm vụ khác nhau. Những điều này khiến chúng ta phải suy nghĩ sâu sắc.

Quân thân hữu nghĩa, quân nhân từ thân trung hậu, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín. Đây là nói về mối quan hệ, dạy những điều này.

Ngũ thường là căn bản của đức hạnh, hằng là thường hằng, vĩnh viễn không thay đổi, tuyệt đối không được xa rời. Cổ nhân nói, không được rời xa dù chỉ trong khoảnh khắc, đây là đạo đức. Thứ nhất là nhân, thứ hai là nghĩa, lễ, trí, tín, là nền tảng đạo đức làm người. Người nhân từ luôn yêu thương người, yêu thương này chính là phụ tử hữu thân, phát triển rộng rãi thân ái này. Yêu thương này là tự tánh vốn có, không phải học được từ bên ngoài, là thiên tánh của mình, điều này không thể không biết.

Hôm nay đã hết giờ rồi, pháp cúng dường rất quan trọng, ngày mai chúng ta học tiếp. Đây là nền tảng vững chắc để chúng ta học Phật.

Tập 176

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 26.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 203 hàng thứ nhất, bắt đầu xem từ Phẩm Hạnh Nghiệp.

“Phẩm Hạnh Nghiệp nói: Thiện nam tử, trong tất cả sự cúng dường, cúng dường pháp là tối thắng hơn cả. Gọi là như thuyết tu hành cúng dường, lợi ích chúng sanh cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh cúng dường, thay chúng sanh khổ cúng dường, cần tu thiện căn cúng dường, không từ bỏ nghiệp Bồ Tát cúng dường, không lìa tâm bồ đề cúng dường”. Chúng ta xem đến đây, đọc đến đây. Hoàng Niệm Tổ giải thích cho chúng ta: “Giả sử cúng dường hằng sa thánh chúng, không bằng kiên trì dũng mãnh cầu chánh giác”, giải thích hai câu kinh văn này, trích dẫn một đoạn trong Kinh Hoa Nghiêm, đoạn kinh này ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với hai câu kệ này.

Đầu tiên nói đến trong việc cúng dường, trong mọi thứ cúng dường, cúng dường pháp là tối thắng nhất. Kinh Kim Cang người học Phật hầu như không ai khọc đọc tụng, người không học Phật, ngày xưa Nho và Đạo cũng cần phải đọc, không ai không đọc Kinh Kim Cang. Trong Kinh Kim Cang Đức Phật dạy: Cho dù lấy bảy báu trong đại thiên thế giới để cúng dường bố thí, đều không sánh bằng bố thí pháp. Trong mọi thứ cúng dường đều không sánh bằng cúng dường pháp, đạo lý này không khó hiểu. Bố thí bảy báu trong đại thiên thế giới, thất bảo thuộc về tài thí. Chúng ta có những tài vật này, không sợ nghèo khổ, nó có thể giúp chúng ta giàu có, giúp chúng ta có đời sống vật chất tốt hơn.

Cúng dường pháp thì sao? Cúng dường pháp giúp ta thoát ly luân hồi lục đạo, giúp ta chứng được quả Phật, điều này đương nhiên không thể sánh được. Cúng dường tiền tài dù nhiều đến đâu cũng không thể ra khỏi lục đạo, đặc biệt là rất khó thoát ly dục giới trong lục đạo. Quý vị có dục vọng, mặc dù trong đời tu rất nhiều thiện nghiệp, quả báo ở trong ba

đường lành. Nếu tạo nghiệp bất thiện, quả báo ở trong ba đường ác. Điều này là thật, không phải giả. Trong nhiều sách của cô kim trong ngoài, đều ghi chép về điều này.

Trong thời đại này, nửa thế kỷ gần đây, năm sáu mươi năm lại đây, phương tây rất thịnh hành thuật thôi miên. Phương pháp trị liệu bằng thuật thôi miên cũng là phát sinh đúng thời cơ, ngày xưa chưa từng nghe đến. Vì sao vậy? Vì ngày xưa xã hội an định, cuộc sống nhân dân bình thường, rất ít ưu phiền. Sau đại chiến thế giới lần thứ hai, nửa thế kỷ này, do khoa học kỹ thuật, cạnh tranh vật chất, giá trị quan thay đổi. Luôn truy cầu hưởng thụ vật chất, ngày càng xa rời nếp sống ngày xưa, vì thế rất nhiều ưu phiền, bất an. Do đó bác sĩ tâm lý đã đúng thời cơ áp dụng thuật thôi miên này. Thuật thôi miên có đạo lý, thôi miên cũng thuộc về một loại thiền định, là trình độ thiền định rất cạn, không phải thâm sâu. Thông qua thuật thôi miên có thể thấy được đời quá khứ, một đời, hai đời, ba đời trong quá khứ. Tôi có xem một báo cáo, họ có thể thấy được mấy mươi đời trong quá khứ, nói ra tình trạng cuộc sống ngày xưa. Ở đây nói lên điều gì? Chứng minh con người có luân hồi. Chúng tôi xem một bài báo cáo, họ nói ra mấy mươi đời, hầu như đều ở cõi người, họ trở lại nhân gian. Xem thân thể của những người này đều rất bình thường, người bình thường, điều này rất có đạo lý. Vì người bình thường tạo nghiệp, họ không tạo việc thiện nào lớn lao, cũng không tạo nghiệp gì nặng. Cho nên tiêu chuẩn khoảng cách của họ rất bình thường, không vượt quá. Tạo nghiệp thiện lớn thì cảnh giới nâng cao, ra đi, vãng sanh. Tạo nghiệp ác nặng thì đọa vào ba đường ác. Từ chỗ này chúng ta có thể nhận ra, đời này họ sống rất bình thường, đời sau có thể lại đến nhân gian. Đại thiện đại ác thì không như thế. Điều này đã gợi mở cho chúng ta rất nhiều, những vấn đề này là thật, không phải giả.

Quý vị nói trong đời quá khứ đầu thai ở đâu, tình hình cuộc sống trong một đời có thể tìm, tìm được chỗ đó, tra tài liệu ở đó chắc chắn có. Mấy mươi năm trước thật sự có người này, từng sống ở đây, có thể điều tra ra. Đây là khoa học chứng minh, chứng minh đích thực có kiếp trước, có kiếp trước đương nhiên có kiếp sau, nên việc tu hành là điều cần thiết.

Tu là tu sửa, hành là hành vi. Trong Phật pháp nói hành vi có ba loại lớn, khởi tâm động niệm là hành vi của ý nghiệp. Nghiệp là hoạt động, nghĩa là hành vi của tư tưởng, ý niệm của chúng ta. Loại thứ hai là ngôn ngữ, ngôn ngữ là hành vi của khẩu nghiệp. Loại thứ ba là thân thể, thân thể động tác là hành vi của thân nghiệp. Trong hành vi có thiện, có ác, có vô ký, vô ký nghĩa là nói không thiện không ác. Chúng ta uống một ly trà, ăn một bữa cơm, không thể nói là thiện hay ác. Chúng ta lợi ích chúng sanh là thiện, tổn hại chúng sanh là ác. Không thể coi thường những nghiệp nhân này, về sau đều có quả báo, từ khi khởi tâm động niệm, nó bắt đầu có quả báo. Tiêu chuẩn tu hành của chúng ta là làm sao sửa đổi hành vi thuần tịnh thuần thiện. Tu từ đâu? Phải bắt đầu từ tâm địa, không có ác niệm, điều này quan trọng. Đoạn ác niệm, thân khẩu tự nhiên chánh.

Đức Phật dạy chúng ta, trong việc bố thí cúng dường, bố thí và cúng dường là cùng một vấn đề, vậy tại sao dùng hai danh từ? Một vấn đề nhưng có sai biệt. Dùng tâm cung kính để bố thí gọi là cúng dường, tâm rất khinh mạn gọi là bố thí. Bố thí và cúng dường, một bên là tâm cung kính, một bên không có tâm cung kính. Không có tâm cung kính gọi là bố thí, có tâm cung kính gọi là cúng dường. Làm một việc, nhưng công đức của bố thí và cúng dường không giống nhau. Quý vị xem tâm cung kính quan trọng biết bao, bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế. Điều đầu tiên, thánh hiền nhân của thế gian dạy chúng ta, Phật Bồ Tát xuất thế gian dạy chúng ta, việc lớn đầu tiên là học cung kính. Quý vị xem pháp thế gian, ví dụ như đọc Lễ Ký, câu đầu tiên của Lễ Ký: “Khúc Lễ viết, vô bất kính”, phạm vi này lớn biết

bao. Không có gì không cung kính, đối với người, đối với việc, đối với vật. Tu hành bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ sự cung kính.

Trong Phật pháp, đây gọi là pháp xuất thế gian, quý vị thấy trong kinh sám Phật sự. Khi sám, câu đầu tiên là: “Nhất thiết cung kính”, “nhất tâm cung kính”. Bồ Tát Phổ Hiền dạy càng rõ ráo hơn, điều đầu tiên trong thập đại nguyện vương là “lễ kính chư Phật”. Phật là gì? Điều này phải hiểu rõ ràng. Trong giáo lý đại thừa, Đức Phật luôn luôn nhắc nhở chúng ta, tự tánh là Phật. Trong Thiên tông thường nói, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, vậy Phật là gì? Phật là tự tánh. Quý vị kiến tánh gọi là thành Phật, thành Phật mới thật sự biết trong giáo lý đại thừa nói Chư Phật là chỉ điều gì. Là tất cả pháp khắp biến pháp giới hư không giới. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp đều từ tự tánh biến hiện ra, quý vị nói pháp nào tách rời tự tánh? Trong kinh Phật có một câu nói chư vị rất quen thuộc: “Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”, tâm này nghĩa là chân tâm, tức là tự tánh, pháp là tâm hiện. Kinh Hoa Nghiêm nói, tất cả pháp khắp biến pháp giới hư không giới là “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, năng sanh năng hiện là tự tánh. Phật ở đâu? Tông môn đại triệt đại ngộ_ thầy kiểm tra học sinh, hỏi Phật ở đâu? Tùy tiện cầm một vật, ra dấu một cái. Thầy đã hiểu, đây là thi đạt. Thật vậy, có người cầm thứ gì? Gọi là cầm thi quyết, quý vị không biết đây là vật gì. Ngày xưa khi đi đại tiện không có giấy, dùng cành cây nhỏ quẹt một cái, đó gọi là cầm thi quyết, vậy là sạch. Hỏi Phật ở đâu? Cầm cái này đưa lên, đây là Phật. Phật tồn tại khắp nơi! Người bây giờ không hiểu, hình như nói Phật rất thần kỳ, không phải vậy, tất cả pháp không có gì không phải Phật.

“Lễ kính chư Phật”, quý vị thử nghĩ xem, tâm này đối với tất cả pháp đều phải cung kính. Giống như cung kính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy, như cung kính Phật A Di Đà vậy. Không thể nói, thấy Phật A Di Đà ta khởi tâm cung kính, lễ lạy ngài. Vậy như lúc này nói, nhìn thấy cầm thi quyết cần lễ lạy chăng? Không cần lễ lạy, không cần như thế. Tâm cung kính là viên mãn, tâm cung kính không hai. Trên hình thức có tăng có giảm, đây là về mặt tướng. Về lý không có, về lý là bình đẳng. Trên đề kinh này, “Thanh tịnh bình đẳng giác” nghĩa là cung kính, đối với tất cả mọi người, tất cả sự, tất cả vạn vật. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thấy trùng, kiến, ruồi, đó là gì? Đó là Chư Phật Như Lai. Chúng ta phải có ý kính trọng chúng, phải tôn trọng chúng. Vì sao chúng biến thành như vậy? Vì chúng tạo rất nhiều tội nghiệp, biến thành như thế. Biến thành như vậy làm gì? Để tiêu tội nghiệp của chúng, tội tiêu hết, chúng dần dần biến thành tốt hơn. Cần phải tiêu nghiệp, cho đến Đẳng giác Bồ Tát còn phải tiêu nghiệp. Đẳng giác Bồ Tát còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá trừ, cần phải tiêu trừ. Phẩm sanh tướng vô minh đó, trên thực tế nghĩa là tập khí vô thi vô minh, là chút tập khí vi tế nhất. Khi tiêu sạch họ được viên mãn, họ từ Đẳng giác nâng lên Diệu giác. Diệu giác là viên mãn, Diệu giác không có tướng, đến tướng của cõi thật báo trang nghiêm cũng không có, đây là trở về tự tánh.

Từ điểm này chúng ta lãnh hội được, đây là một vòng tuần hoàn lớn nhất. Chúng ta từ nhất niệm bất giác mà có vô minh, từ tự tánh biến hiện ra A lại da, từ A lại da biến thành hư không pháp giới, biến thành tất cả chúng sanh. Trong cảnh giới này, cần phải xem nhân duyên. Thực tế mà nói, nhân duyên là ý niệm chính mình, nếu gặp Chư Phật Bồ Tát, có gặp được chăng? Nhất định gặp được, vì sao vậy? Vì Chư Phật Bồ Tát đại từ đại bi, không có câu nào là vọng ngữ. “Đệ tử Phật môn, có cầu tất ứng”, “đệ tử Phật môn, không từ bỏ một ai”, sao Đức Phật không giúp ta được? Vấn đề là ta đang mê, nếu ta không giác, càng mê càng sâu. Khi mới mê, hiện tướng đầu tiên, nói cho chư vị biết là cõi thật báo. Trong tướng này ta

không có giác ngộ, tướng thứ hai là tứ thánh pháp giới của mười pháp giới. Vẫn chưa giác ngộ, tiếp tục mê, tướng thứ ba là luân hồi lục đạo. Nếu lục đạo luân hồi vẫn chưa giác ngộ, thì hiện ra ba đường ác trong lục đạo. Càng đi càng sâu, đọa đến địa ngục. Địa ngục hoàn toàn tiêu nghiệp, trong địa ngục không tạo nghiệp, hoàn toàn là tiêu nghiệp, sau khi tiêu hết nghiệp mới ra được. Điều này trong Kinh Địa Tạng nói rất rõ ràng. Ra khỏi địa ngục đi về đâu? Ra khỏi địa ngục lại trở về nhân gian. Trong cõi người gặp được Phật Bồ Tát, thật sự có thể tin, có thể tiếp nhận, y giáo phụng hành, như vậy sẽ từng bước đi lên. Nếu không thể tiếp nhận, tập khí phiền não nặng, đối với ngũ dục lục trần rất khó từ bỏ, như vậy là cứ lên xuống trầm luân trong lục đạo, trôi lăn mãi như thế. Nhưng sẽ có ngày ta thật sự học Phật, người xưa gọi là khổ tận cam lai. Chúng ta ném hết mùi đau khổ trong lục đạo, ta đã minh bạch, thấu hiểu, không muốn chịu thêm nữa. Giác ngộ nghĩa là không muốn tiếp tục đau khổ, thật sự quay đầu, Phật Bồ Tát liền đến giúp chúng ta. Phật Bồ Tát giúp chúng ta, pháp môn đầu tiên là pháp môn Tịnh độ, vì sao vậy? Pháp môn này có thể dạy chúng ta ngay trong đời này giải quyết mọi vấn đề, giải quyết triệt để mọi vấn đề. Nếu tập khí phiền não nặng, đến pháp môn này cũng không thể thọ trì. Nhưng cũng trồng được hạt giống của pháp môn này vào A lại da thức của quý vị, tương lai thành tựu nhất định cũng nhờ vào pháp môn này. Ngày xưa thầy Lý nói, đời này không thể vãng sanh, vậy thì luân hồi lâu dài trong lục đạo, sau cũng vẫn là pháp môn này giúp ta thành tựu.

Đây là nói đến thiện căn, thiện căn là thành tích nhiều đời nhiều kiếp tu học pháp môn này tích lũy được, đây là thiện căn. Thiện căn là chỉ điều gì? Có thể tin, có thể hiểu. Quý vị nghe hiểu, thật sự tin tưởng. Có thiện căn cần phải có phước đức, điều đầu tiên trong phước đức là cung kính. Điều này chư vị phải biết, chúng ta cung kính đối với tất cả người sự vậy không bị thiệt, cung kính là tu phước. Người không có tâm cung kính phước mỏng, phước mỏng thì khổ nạn nhiều.

Đại sư Ấn Quang nói rất hay, trong Văn Sao của ngài nói đến rất nhiều. Ngài dạy, một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Quý vị được bao nhiêu lợi ích không liên quan đến thầy, cũng không liên quan đến pháp môn ta tu học, nhưng liên quan mật thiết đến tâm thành kính của chúng ta. Vì sao vậy? Không có thành kính, tức tâm luôn nông nổi, ta không thể hấp thu, tâm thành kính chính là năng lực hấp thu.

Thầy xem học trò, học sinh nào học với họ có thành tựu, học sinh nào không có thành tựu, họ nhìn từ đâu? Từ sự thành kính. Cho nên thành kính không phải đối với thầy, thành kính là đối với bản thân. Bản thân, ta học môn này phải chăng là kính nghiệp, là tâm kính nghiệp, ta kính trọng môn học này, cũng kính trọng thầy dạy môn này, thầy dạy mình, cũng kính trọng những người cùng học môn này. Nếu học nó mà không có tinh thần kính nghiệp, không thật sự muốn học, không thật sự muốn thành tựu. Hoặc cũng muốn có thành tựu những giải đãi, không chuyên tâm.

Thánh nhân thế gian, Phật Bồ Tát xuất thế gian, dạy nguyên tắc nguyên lý cho chúng ta, nói rất đơn giản, chỉ ba chữ “giới định tuệ”. Nếu ta dùng tâm thành kính mười phần để học tập, không có chuyện không thành tựu. Giới là gì? Là quy củ. Chúng ta phải nghe lời, phải y giáo phụng hành, đây thuộc về giới học. “Nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ”, trí tuệ là trong tự tánh vốn có, không phải từ bên ngoài vào. Học được từ bên ngoài, danh từ hiện nay gọi là tri thức. Tri thức là từ bên ngoài vào, trí tuệ thì không, trí tuệ từ trong tự tánh hiển lộ ra.

Đức Phật nói: Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Trong tự tánh không những có trí tuệ, có đức năng_ đức năng, hiện nay khoa học gọi là năng lượng, có tướng hảo. Nó hiện tướng là y chánh trang nghiêm khắp biến pháp giới hư không giới, đây là đức tướng, thiên biến vạn hóa. Nó không phải thật, không phải vĩnh hằng bất biến. Nó biến hóa trong từng sát na, mọi hiện tượng đều đang biến hóa. Nó giống như ông vạn hoa vậy, không ngừng xoay chuyển, vũ trụ này không ngừng biến hóa, đây là chân tướng sự thật. Trong biến hóa có một cái bất biến, đó là tự tánh. Tự tánh vĩnh hằng bất biến, nó là thật.

Tự tánh trong giáo lý đại thừa có khi gọi là pháp tánh, có khi gọi là pháp thân. Quý vị tra Từ Điển Phật Học, như thế nào gọi là pháp tánh, như thế nào gọi là pháp thân sẽ hiểu. Pháp tánh tùy duyên, lưu chuyển trong lục đạo, tùy duyên. Tuy tùy duyên nhưng nó bất biến, đây gọi là diệu dụng. Có thể tùy duyên nhiễm tịnh, có thể tùy duyên thiện ác. Những nhân duyên này đều không phải thật, đều là hư vọng, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Điều này là thật, ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt, dùng ví dụ như thế nào cũng không nói rõ được, nó ở ngay tại đây.

Trong giáo lý đại thừa nói cúng dường pháp và pháp tánh tương ưng, cúng dường này thật sự là pháp cúng dường. Như vậy chúng ra biết, hạng người nào tu cúng dường là cúng dường pháp? Người trong mười pháp giới không được, vì sao vậy? Vì họ mê hoặc. Minh tâm kiến tánh trở lên, bổ thí của họ không gọi là bổ thí, gọi là pháp cúng dường. Trong mười pháp giới tu bổ thí có thể gọi là bổ thí, không phải cúng dường. Vì sao vậy? Vì họ dùng vọng tâm, không phải chân tâm. Họ dùng A lại da, A lại da là vọng tâm. Vọng tâm tu gọi là bổ thí, chân tâm tu gọi là cúng dường.

Ngày nay chúng ta học Phật Bồ Tát, “như thuyết tu hành cúng dường”, câu này là nói chung, như những gì Phật nói. Thật sự làm được câu này là tứ thánh pháp giới, vượt khỏi lục đạo. Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, Phật trong mười pháp giới, là như thuyết tu hành cúng dường. Nếu họ minh tâm kiến tánh, là họ cúng dường pháp thật sự. Pháp cúng dường, câu này trong kinh văn là “kiên trì đồng mãn cầu chánh giác”, đây thật sự là cúng dường pháp. Trong kinh văn nói: “Giả sử cúng dường hằng sa thánh chúng, không bằng kiên trì đồng mãn cầu chánh giác”. Chúng ta đọc hai câu kinh văn này, phải chăng là nhất tâm nhất ý kiên trì đồng mãn cầu chánh giác, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ? Không sai, là như thế. Vậy có cần cúng dường hằng sa thánh chúng chăng? Cần, đây chỉ là phụ, kiên trì đồng mãn cầu chánh giác là chủ yếu. Tịnh độ tông gọi là chính phụ song tu. Chúng ta cầu sanh Tịnh độ là tu chính, là chủ yếu. Cúng dường tất cả Chư Phật Như Lai, đây nói lên điều gì? Ngày nay chúng ta gọi là tất cả chúng sanh, đặc biệt là những chúng sanh đau khổ, người bây giờ rất khổ! Chúng ta làm sao để giúp những chúng sanh này lìa khổ được vui, đây nghĩa là phải như thuyết tu hành cúng dường. Bồ Tát làm như thế, chúng ta cũng học theo như thế, tùy nhân duyên tùy sức lực. Đừng chấp tướng là đúng, chấp tướng là sai. Chấp tướng trở thành thiện pháp trong lục đạo, quả báo trong ba đường lành. Không chấp tướng, nhất tâm cầu sanh Tịnh độ, như vậy là đúng. Chúng ta đoạn ác tu thiện là thoát ly được lục đạo, không chấp tướng là thoát ly, thành tựu công đức vắng sanh. Điều này tuy chúng ta không cầu, nó là tự nhiên, ở thế giới Cực Lạc nâng cao phẩm vị, cũng không phải tự mình có ý nâng cao phẩm vị. Có ý nâng cao phẩm vị là ở lục đạo, không ra khỏi mười pháp giới, đây là có ý. Vô ý cũng không được. Không có ý không vô ý, như vậy mới đúng. Sau khi làm xong, trong lòng hoàn toàn không có dấu tích, gọi là tam luân thể không, đây là như pháp.

Nói cách khác, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều phải trở về thanh tịnh bình đẳng giác. Bình đẳng giác khó, đầu tiên trở về thanh tịnh, vĩnh viễn duy trì tâm thanh tịnh. Tâm tịnh tức cõi Phật tịnh, điều kiện quan trọng nhất để vãng sanh thế giới Cực Lạc là câu này- “Tâm tịnh tức cõi Phật tịnh”. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Tâm địa mình thanh tịnh đương nhiên hiện ra cõi Tịnh, tâm địa không thanh tịnh hiện ra luân hồi lục đạo, phải hiểu đạo lý này. Trong kinh nói như thế, không thể có sai lầm. Đức Phật nói vô số pháp, ý nghĩa rất thâm sâu, chúng ta có thể lãnh hội một cách tường tận.

Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, phương pháp giáo hóa chúng sanh là thân hành ngôn giáo, tất cả đều làm gương cho chúng sanh thấy. Ngài dạy chúng ta nhìn thấu buông bỏ, ngài đã thể hiện ra. Từ lúc 19 tuổi lìa xa gia đình ra đi cầu học, 30 tuổi biểu diễn đại triệt đại ngộ cho chúng ta thấy. Sau khi triệt ngộ là dạy học, dạy suốt đời, 79 tuổi viên tịch. Ngày giảng kinh dạy học suốt 49 năm, 49 năm vì sao ngài thành công? Ngài dùng thân giáo, những gì ngài nói ngài đều làm được. Mọi người tin tưởng, theo ngài học tập. Nếu ngài không làm được những gì nói ra, ai tin ngài? Trong kinh nói: “Vì người diễn thuyết”. Diễn là biểu diễn, là thể hiện ra, vì người thuyết pháp. Nói sau, biểu diễn trước. Đức Phật dạy học rất linh hoạt, không phải cứng nhắc. Cho nên trong kinh nói, Đức Phật không nói pháp gì nhất định, ngài không có phương pháp nhất định. Tùy người, tùy việc, tùy thời, tùy nơi, biến hóa rất lớn! Đây là tùy thuận tự tánh, mới hiển lộ sự hoạt bát như thế.

Xã hội hiện nay, bệnh nghiêm trọng nhất là gì? Trị bệnh, Đức Phật gọi là đại y vương, chúng sanh đều có bệnh. Hiện nay bệnh gì nghiêm trọng nhất, bệnh nghiêm trọng nhất phải hạ thủ từ đây. Bệnh nghiêm trọng nhất đều có thể trị, ngoài ra đều dễ trị, dễ giải quyết. Bệnh nghiêm trọng nhất trong xã hội này, mọi người đều có thể nhìn thấy, nhận ra là tham sân si mạn nghi. Ở đây nghiêm trọng nhất là tham tài tham sắc, không biết giáo huấn của thánh hiền là gì, hoài nghi giáo huấn thánh hiền. Phương pháp chúng ta làm sẽ biết, chúng ta biểu diễn điều gì? Biểu diễn buông bỏ tài, buông bỏ sắc, buông bỏ danh, buông bỏ lợi, biểu diễn những điều này, thể hiện ra cho người khác thấy. Biểu diễn thâm tín không nghi ngờ đối với Phật pháp, thể hiện cho người khác thấy.

Điều này khi mới làm cũng không phải dễ, vì sao vậy? Người ta không những không khen ngợi quý vị, mà còn chế nhạo, nói quý vị mê tín. Quý vị xem mê đến mức độ này, đến tài sắc danh thực thù đều không cần. Họ nói quý vị mê muội, họ không nói họ sai, họ nói quý vị sai. Chúng ta muốn làm phải kiên trì, làm không ngừng, làm mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm không thay đổi, dần dần người ta mới giác ngộ.

Khi tôi học Phật, bạn bè, đồng sự đều khuyên tôi: Học Phật là một chuyện tốt, nhưng đừng quá mê. Về sau tôi xuất gia họ đều rất khó chịu, đều là bạn tốt! Người này sao lại mê thành như vậy? Qua hai ba mươi năm sau gặp lại, ai da lão huynh, con đường anh đi là đúng, bây giờ họ mới biết là đúng. 30 năm sau hầu như đều đã về hưu, về hưu đâu được tự tại như tôi? Nghề nghiệp này của chúng tôi không có nghỉ hưu, ngoài ra bất kỳ ngành nghề nào trên thế giới đều có nghỉ hưu, chỉ có ngành nghề này không nghỉ hưu. Thời gian lâu, họ dần dần hiểu ra, dần dần họ chú ý đến. Cho nên bản thân phải kiên định phương hướng, mục tiêu, từng giờ từng phút phải biểu diễn, làm tấm gương tốt cho xã hội. Đây là khuyên họ quay đầu, không dùng ngôn ngữ, ngôn ngữ không khuyên được. Khi nào họ thật sự thấy rõ ràng, minh bạch, họ đến thỉnh giáo quý vị, quý vị giảng giải tường tận cho họ. Bây giờ vẫn còn một phương pháp tốt, nghĩa là chúng ta sử dụng khoa học kỹ thuật cao. Chúng ta dùng mạng internet, dùng vệ tinh, phương pháp này rất hay! Sống trên địa cầu này, bất luận ở đâu đều có

thể xem được. Chúng ta ngồi trước màn hình ti vi, ngồi trước máy vi tính cùng nhau học tập. Công cụ tốt như thế, phải biết cách sử dụng nó. Có công cụ phương tiện này, khiến chúng ta nghĩ đến thế giới này có cơ hội cứu vãn. Nếu không có công cụ này, chúng ta quả thật không biết làm sao, phải tìm bao nhiêu người thầy để giáo hóa chúng sanh? Tìm không có! Có công cụ tốt như thế, người thật sự có phước báo lớn họ biết, họ hiểu. Quốc gia dùng phương pháp này giáo hóa quốc dân, quốc gia chỉ cần đào tạo một lớp thầy giáo là được, tôi tin rằng năm sáu mươi người là đủ. Mỗi ngày lên lớp dạy học, dùng mạng internet và truyền hình để phát sóng. Người toàn quốc đều nhận được, đều xem được. Ngày ngày nói về luân lý, nói về đạo đức, nói về nhân quả, nói về ba thứ này. Mỗi ngày 24 tiếng không gián đoạn, có thể luân lưu phát sóng, năm sáu thầy giáo ở đây dạy. Tôi tin một năm thiên hạ sẽ thái bình, trật tự xã hội trở về quỹ đạo, trở lại khuôn khổ. Con người rất dễ dạy, chỉ là không có ai dạy, có thể làm một thí nghiệm nữa là thành công. Mỗi ngày đem thí nghiệm này, hoàn toàn thể hiện ra nơi mỗi huyện, mỗi thành thị nhỏ, báo cáo 24 tiếng đồng hồ. Quý vị xem cuộc sống và sinh hoạt hằng ngày của người nơi điểm thí nghiệm này, công việc của họ, việc dạy học của họ ở đây, đích thực một năm nhất định thu hoạch được hiệu quả ngoài sức tưởng tượng của mình, xã hội được cứu.

Vào niên đại 70, lúc đó là thời kỳ kháng chiến, tiến sĩ Townenbe người Anh nói, đây là dự ngôn của ông ta: “Muốn giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21”, nghĩa là hiện nay, vấn đề xã hội trên toàn thế giới, “chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa”. Người phương tây nói, không phải chúng ta nói, ông ta là một người chuyên môn nghiên cứu văn hóa sử thế giới, ông rất khâm phục văn hóa xưa. Ông từng nói, trong lý tưởng của ông, thế giới này tương lai thống nhất thành một quốc gia, toàn thế giới thống nhất thành một quốc gia. Không có chiến tranh quốc tế, chỉ một đất nước. Ai có tư cách thống nhất thế giới? Là người xưa, dựa vào điều gì? Sau khi nhà Tần, nhà Hán thống nhất, cho đến nay chưa từng phân tách, vẫn đại thống nhất như xưa. Ông nói người xưa có trí tuệ thống nhất, có phương pháp thống nhất, có thành tích thống nhất, có kinh nghiệm thống nhất, trên toàn thế giới không tìm được đất nước thứ hai. Ông ta nói rất đại công vô tư, nói lời thật. Họ dùng phương pháp gì để thống nhất? Không phải quân sự, cũng không phải kinh tế, là dùng truyền thống văn hóa. Cho nên ông ta nói học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa. Từ những gì ông nói, chúng ta hiểu một cách tường tận, tìm được ba nền tảng của Nho Thích Đạo. Đệ Tử Quy là nền tảng của Nho giáo, Cảm Ứng Thiên là nền tảng của Đạo giáo, Thập Thiện Nghiệp là nền tảng của Phật giáo. Thúc đẩy phổ biến ba nền tảng giáo dục này, xã hội sẽ an định. Giáo huấn của các bậc thánh hiền, rất đơn giản, nghĩa là nắm bắt mấy chữ cương lĩnh, vấn đề được giải quyết. Tiến sĩ Townenbe biết, thấu rõ. Đạo của Khổng Mạnh là nhân nghĩa trung thứ. Phật pháp đại thừa là chân thành từ bi. Nếu chúng ta luôn giữ trong tâm tám chữ này, đây chính là thánh hiền, chính là Chư Phật Bồ Tát. Cho nên từ xưa đến nay, khiến người ngoại quốc khâm phục như thế. Người xưa là gì? Người xưa là thánh hiền nhân, thánh hiền nhân từ đâu mà có? Đạo tạo nên, mấy ngàn năm nay đều dạy đạo thánh hiền, dạy từ lúc bé thơ. Đích thực ngày xưa có không ít dạy từ lúc còn trong thai, gọi là thai giáo, sứ mạng người mẹ rất nặng. Có người ngộ nhận, cho rằng phụ nữ trong xã hội ngày xưa không có địa vị, là sai lầm. Quý vị thử nghĩ xem, trong xã hội ngày xưa, chú trọng nhất là hiếu đạo. Trong hiếu đạo, thứ nhất là đối với mẹ, thứ hai là đối với cha. Ngày xưa địa vị người phụ nữ là đệ nhất, không phải thứ hai. Người nào bất hiếu với mẹ? Người mẹ là thánh hiền, không biết chữ là thánh hiền, vì sao vậy?

Vì họ hiểu luân lý, họ hiểu ngũ thường, họ hiểu tứ duy bát đức, đây là thánh nhân. Thánh nhân không nhất định phải biết chữ.

Trong lịch sử ngày xưa, rất nhiều người biết đến Vũ Huấn, là người ăn xin! Những người đọc sách đương thời, ai không xưng ông là thánh nhân? Mỗi ngày ông xin cơm, xin một ít tiền, ông thành lập trường học. Bản thân không được học hành, cảm thấy rất khổ, ông giúp những đứa trẻ không có điều kiện học hành. Suốt đời thành lập mười mấy ngôi trường, lúc đó gọi là tư thực. Ông hiểu, không phải không hiểu.

Giáo dục là giáo dục thánh hiền, người là thánh hiền nhân, làm việc gì cũng là thánh hiền. Nên biết, giáo dục là nền tảng. Đi theo chính trị trở thành chính trị của thánh hiền. Sĩ nông công thương, nông dân là nông dân của thánh hiền, công nhân là công dân của thánh hiền. Xã hội này là xã hội của thánh hiền, xã hội đại đồng. Người xưa nói xã hội đại đồng không phải lý tưởng, vì sao vậy? Vì đã từng xuất hiện. Vào thời đại thượng cổ Nghiêu Thuấn Vũ là xã hội đại đồng, trong Lễ Vận Đại Đồng nói chính là thời đại này. Sau Vương Khải là Hạ Thương Chu, đế vương mới truyền cho con cháu mình, trở thành thiên hạ của một nhà, Thánh hiền gọi là thời đại tiểu khang. Tiểu khang, thực tế đối với chúng ta mà nói cũng là rất thịnh thế. Bởi vậy mọi sự thành tựu đều không tách rời giáo dục.

Ngày nay chúng ta đã lơ là nền giáo dục truyền thống văn hóa, mọi thứ đều học theo phương tây, chúng ta rất thiệt thòi. Ngày nay nhân dân mình khổ thế này, quả thật không đáng. Nguyên nhân thật sự là gì? Nguyên nhân là chúng ta quên lãng truyền thống của mình. Người phương tây rất muốn tìm lại truyền thống xưa của chúng ta, họ muốn học theo. Ở đâu thực hành theo, ở đó ổn định và hòa bình lâu dài.

Trong xã hội hiện nay, quả thật phải cố gắng tu dưỡng phẩm đức. Thảm họa thiên nhiên không thể tránh khỏi, cũng là nghiệp lực chiêu cảm, tư tưởng của các nhà khoa học rất giống với trong kinh Phật nói. Thật sự có thể tu dưỡng phẩm đức của mình, thì thân tâm được mạnh khỏe, nơi cư trú ít thiên tai. Vì sao vậy? Vì cảnh tùy tâm chuyển, điều này hiện nay được các nhà khoa học chứng minh. Các nhà khoa học kêu gọi chúng ta, đối trị vô số thiên tai trên địa cầu, phải thay đổi tâm thái. Tâm thái chúng ta thay đổi, hoàn cảnh sẽ thay đổi.

Bởi thế ngày nay giáo dục Phật giáo đặc biệt quan trọng, vì Phật giáo và khoa học dần dần tiếp cận nhau. Khoa học chứng minh Phật pháp là thật, không phải giả. Chúng ta có lý do tin rằng, hai ba mươi năm sau giống như trước đây Einstein nói. Ông nói tất cả các Tôn giáo trên thế giới, chỉ có Phật giáo tương ứng với khoa học. Tôi nghĩ tương lai Phật giáo không còn là Tôn giáo, trở thành khoa học cao cấp, triết học cao cấp. Trong Phật giáo đại thừa nghiên cứu thảo luận về vũ trụ, nghiên cứu thảo luận về nguồn gốc của sinh mạng, chân tướng của sinh mạng, khoa học đang nghiên cứu điều này. Phật pháp nói thật tướng các pháp, phương pháp Phật giáo dùng là Thiền định. Cảnh giới hiện lượng trong thiền định thâm sâu, nó không phải là tỉ lượng. Các nhà khoa học dùng máy móc tinh vi để quan sát, cũng là thuộc cảnh giới hiện lượng.

Trong này nói: “Nhu thuyết tu hành”, nghĩa là cúng dường. Dùng tâm chân thành để làm, nghĩa là cúng dường Chư Phật Bồ Tát, cúng dường tất cả chúng sanh, cúng dường toàn thể xã hội, cúng dường khắp biến pháp giới hư không giới.

Đây là nói chung, ở dưới là đưa ra ví dụ. Đầu tiên là “lợi ích chúng sanh cúng dường”. Thế nào là lợi ích? Giàu có là lợi ích, phải chăng là vạn năng? Không phải, vì sao vậy? Nó có ích gì cho sức khỏe chúng ta chăng? Có ích gì cho thọ mạng chúng ta chăng? Có giúp ích gì

cho tâm tư trong cuộc sống chúng ta chẳng? Phật pháp nói lia khổ được vui. Quý vị có của cải, có thể lia khổ được vui chẳng? Quý vị có địa vị cao quý, có thể lia khổ được vui chẳng?

Tôi biết có vài người đích thực rất giàu có, tài sản ứn vạn, nhưng mỗi tối phải uống thuốc ngủ, cho thấy họ không an lạc. Tuổi tác không lớn, nhỏ hơn tôi mấy tuổi, nhưng nhìn họ già hơn tôi không chỉ mười tuổi, họ không an lạc như tôi. Con người ở thế gian, hạnh phúc nhất là gì? Cuộc sống an lạc. Chỉ cần bản thân họ giác ngộ, của cải không mang đến hạnh phúc cho ta, ta cần nó làm gì. Chức trọng quyền cao không thể mang lại an lạc, ta cũng không cần nó. Quý vị nói bây giờ làm quan, quan như vậy có thể làm u?

Lục Khắc Văn ở Úc Châu là bạn tốt của tôi, khi ông được chọn làm thủ tướng, hẹn tôi đến Canberra làm khách. Tôi hỏi ông ta_khi gặp tôi, trên tay cầm một chiếc ly lớn hơn ly này của tôi, cà phê đậm. Nói với tôi, một ngày phải uống rất nhiều ly mới đủ tinh thần, mỗi tối chỉ ngủ được năm tiếng đồng hồ. Thấy thế, tôi nói với ông ta: Làm tổng thống rất khổ. Tôi nói trong xã hội hiện nay, chúng ta nói có 360 nghề, hiện nay không chỉ 360 nghề. Trong các ngành nghề, vất vả nhất là nghề của ông, quá khổ. Trái lại, trong xã hội hiện nay, an lạc nhất, hạnh phúc nhất là làm nghề như tôi. Ông ta bật cười lớn. Ông làm hơn một năm thì nghỉ, tôi có liên lạc với ông ta. Tôi khen ngợi ông, tôi nói ông là Khổng tử của Australia thời hiện đại. Ông hỏi, sao lại nói thế? Tôi nói, đương thời Khổng Tử làm Lỗ Tư Khấu, ba tháng là bị người hạ bệ, vì sao vậy? Vì ông là người tốt phải làm việc tốt, nhưng những đồng nghiệp của ông, đối với lợi ích của họ lại sinh ra xung đột, đương nhiên họ bài xích ông. Tôi nói, ông là Khổng tử. Ông xem, sau khi Khổng tử bị bài xích, ông không làm quan nữa mà trở về đọc sách, dạy học. Tôi hy vọng nửa đời sau của ông, có thể cống hiến cho công tác hòa bình thế giới, việc này rất hay. Đoàn kết Tôn giáo, đoàn kết chủng tộc, làm công việc giáo dục văn hóa đa nguyên, điều này rất có ý nghĩa, ông ta rất thích hợp làm công việc này.

Cho nên nói, khổ vui phân biệt rất rõ ràng. Làm tốt việc giáo dục, đối với mỗi ngành nghề trong xã hội đều có lợi ích, thật sự làm được giúp chúng sanh lia khổ được vui. Khổ của chúng sanh từ đâu đến? Do mê, vì mê nên khổ, giác ngộ sẽ vui. Cho nên văn hóa truyền thống là văn hóa thánh hiền, văn hóa trong Tôn giáo không có gì ngoài mục đích giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ. Phương pháp là dạy học, dùng phương pháp dạy học giúp người giác ngộ. Bất luận làm ngành nghề gì, chỉ cần giác ngộ họ sẽ an vui, họ không giác ngộ nên rất khổ.

Tôi hôm nay, chúng ta còn học hai tiếng đồng hồ, thầy giáo Hồ Tiểu Lâm báo cáo với quý vị. Quý vị xem trước đây ông ấy làm lưng rất vất vả, không giác ngộ. Sau khi giác ngộ, bây giờ ông tự tại biết bao, sao lại như vậy? Then chốt chính là ở chỗ giác và mê. Giác ngộ tức thành Phật Bồ Tát, mê chính là phàm phu. Ở Trung quốc giác ngộ tức là thánh hiền, mê hoặc điên đảo gọi là tục nhân. Cho nên đây là sự nghiệp vô cùng thù thắng, là giáo dục thánh hiền. Bản thân chúng ta ngày ngày đang học, ngày ngày cùng nhau chia sẻ, quý vị nói cuộc sống này an lạc biết bao.

Bởi thế lợi ích chúng sanh là phải giúp chúng sanh, nhận thức lại truyền thống văn hóa. Kiến lập tín tâm với truyền thống văn hóa, đánh thức tâm thành kính đối với truyền thống văn hóa ngày xưa. Không có thành kính, Khổng Lão phu tử dạy quý vị cũng không được lợi ích. Thật sự có thành kính, họ là người ngoài ngành đến dạy, quý vị đều được lợi ích. Điều này không có gì kỳ lạ, vì sao vậy? Giáo huấn của thánh nhân không phải tự mình phát minh, không phải tự mình sáng tạo, từ đâu ra? Từ trong tự tánh. Chỉ cần có thành kính, những gì trong tự tánh sẽ hiển lộ ra bên ngoài, tuôn chảy ra. Thầy chưa thành tựu, học sinh đã thành

tự. Cổ nhân có câu: Màu xanh sinh ra từ màu lam mà vượt trội hơn màu lam, học sinh có thể hơn thầy. Thầy vẫn còn là phàm phu, học sinh đã thành thánh thành hiền, không thể không biết điều này. Những thứ của cổ thánh tiên hiền, nó là xung tánh, tương ứng với tánh đức, đáng quý là ở chỗ này. Vĩnh hằng bất biến, không thể khinh mạn.

“Nhiếp thọ chúng sanh cúng dường”, nhiếp thọ ngày nay nghĩa là làm tấm gương tốt, không làm gương tốt, vì ngày nay đầu óc mọi người đều có khoa học, khoa học cần chứng cứ. Nếu không có chứng cứ, người ta không tin, cho nên ta phải có chứng cứ, đó nghĩa là làm gương. Mấy ngàn năm nay, tấm gương căn bản chính là nhà, nhà trong xã hội ngày xưa có tác dụng rất lớn. Quý vị xem tu thân, tề gia, tề gia tức có thể trị quốc, có thể bình thiên hạ, bình thiên hạ là thiên hạ thái bình. Vì xử lý tốt việc gia đình, nó là tấm gương. Người bây giờ không còn nhà.

Ngày xưa cổ nhân gọi là xã hội nông nghiệp, xã hội nông nghiệp nhân khẩu càng nhiều càng tốt, người đông dễ làm việc, cho nên một gia đình là một thôn trang. Ngày xưa đây là thôn trang họ Vương, đó là thôn trang họ Lý, một thôn trang nghĩa là người một nhà. Thông thường có khoảng trên dưới 300 nhân khẩu, đây là gia đình bình thường. Gia đình hưng thịnh khoảng năm sáu trăm người, gia đình rất suy yếu cũng có một hai trăm người. Nó là tổ chức xã hội, rất có quy củ, bởi thế có gia đạo, gia quy. Như Đệ Tử Quy là quy củ mọi người đều phải tuân thủ, đây là gia quy. Chế độ của mỗi gia đình đều khác nhau, vì ngành nghề của họ không giống nhau. Những gia quy này đều ghi chép trong gia phả, gia phả là lịch sử của gia đình. Có gia học, có gia nghiệp. Nghiệp là sự nghiệp kinh doanh của gia đình mình, nên nó là một tổ chức xã hội. Quý vị có thể trị gia tức có thể trị quốc, mỗi nhà đều trị tốt. Cho nên ngày xưa có 360 ngành nghề, ngành nghề nào thoải thái nhất? Làm quan. Làm quan có địa vị cao trong xã hội, cũng có bổng lộc tốt, sinh hoạt gia đình tuyệt đối không thành vấn đề.

Chúng ta xem Nghĩa Điền Ký của Phạm Trọng Yêm. Phạm Trọng Yêm làm tể tướng, hưởng bổng lộc của quốc gia, ông có thể nuôi 300 nhà. Ông dùng bổng lộc của mình nuôi người trong họ của ông, những người cuộc sống khó khăn ông đều cung cấp, nuôi 300 gia đình. Đương nhiên bản thân ông rất cần kiệm, đó là thật không phải giả. Bản thân ông cũng sống cuộc sống của tú tài nghèo ngày xưa, nên ông rất bình đẳng, tích công đức lớn! Đại sư Ấn Quang khâm phục nhất hai người, thứ nhất là Khổng tử, thứ hai là Phạm Trọng Yêm. Quý vị xem Phạm gia đến nay gần 1000 năm, gia đạo không suy, Khổng tử 2500 năm.

Cho nên con người đọc sách giỏi đều muốn làm quan, vì sao? Vì ngành nghề này nhẹ nhàng. Mỗi người đều được gia đình họ dạy dỗ thật tốt, gia đình họ có gia học, có gia quy, đều dạy thật tốt. Mỗi người đều là người tốt, bất luận họ làm nghề nghiệp gì thì mọi việc đều là việc lành. Làm quan không có án để xử, một tháng có một hai vụ án đã là nhiều. Quý vị xem Tứ Khố Toàn Thư, trong Tập Bộ là văn học, hầu như một nửa đều là người làm quan ngày xưa viết. Họ rảnh rỗi nên viết văn, làm thơ điền từ, du sơn ngoạn thủy, họ làm những việc này, an lạc biết bao! Có đâu như hiện nay? Làm quan như bây giờ, người đọc sách ngày xưa không muốn làm, quá gian khổ. Những đạo lý, chân tướng sự thật này chúng ta cần phải hiểu.

Thực tế mà nói nhà của ngày xưa đã bị hủy diệt trong thời kỳ tám năm kháng chiến Trung Nhật, trước kháng chiến còn. Lúc nhỏ tôi ở nông thôn, một thôn trang là một nhà, anh em có mười người không ở riêng. Nhưng sau kháng chiến thì không còn nữa, không bao giờ thấy lại, đại gia tộc không còn, đều lưu lạc ra bên ngoài. Chúng tôi thấy vậy rất đau lòng. Những năm gần đây tôi nghĩ đến xí nghiệp, thường thường nghe nói nhà xí nghiệp. Xí nghiệp

có thể kế thừa lại truyền thống xưa chăng? Ngày xưa gia đạo, gia quy, gia học, gia nghiệp, nếu xí nghiệp có thể kế thừa, tôi tin vẫn còn 1000 năm thịnh thế xuất hiện. Lợi dụng khoa học kỹ thuật cao của ngày nay để tuyên dương trên toàn thế giới, truyền thống văn hóa xưa là một điển hình mô phạm cho khắp thế giới. Mỗi quốc gia dân tộc trên toàn thế giới đều học theo nền truyền thống văn hóa này, đây là thật không phải giả. Nếu có thể có 20 nhà xí nghiệp dẫn đầu, thật sự làm nên tấm gương tốt, tôi tin mỗi người đều học tập theo.

Gia học là trường học của con em, ngày xưa là tư thực. Đa phần lợi dụng từ đường làm trường học, vì từ đường chỉ có tế kỵ xuân thu, bình thường đều không dùng đến, nên đã mượn từ đường để tổ chức lớp học. Chúng ta nghĩ lại lời Townenbe nói, rất có đạo lý, ông thấy không sai. Tiềm lực của người xưa, bây giờ gọi là thực lực mềm, quả là đáng nể. Nếu dùng một cách thỏa đáng, truyền thống văn hóa xưa đích thực lãnh đạo toàn thế giới đi đến an định hòa bình.

Cho nên nhiếp thọ chúng sanh, nhiếp thọ chúng sanh phải dùng đức hạnh, thêm vào đó là lợi ích chân thật. “Chịu khổ thay chúng sanh”, điều này rất quan trọng, có thành công chăng máu chột ở câu này. Mặc dù chúng ta giàu có, nhưng khiến mức độ cuộc sống hạ thấp, phải thường giúp người khác. Đế vương ngày xưa, đây là nói thời thượng cổ, thời Nghiêu Thuấn Vũ Thang. Sinh hoạt vật chất của họ rất đơn giản, toàn tâm toàn lực phục vụ cho nhân dân, họ đã làm được. Không phải bản thân họ không thể hưởng thụ, mà họ chịu khổ thay chúng sanh. Quý vị thầy Phạm Trọng Yên, thu nhập của ông rất nhiều, vì sao bản thân ông không hưởng thụ? Nuôi hơn 300 gia đình, không phải là chịu khổ thay chúng sanh ư? Bản thân mình giảm thiểu tối đa. Nếu quý vị đã đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, Liễu Phàm Tứ Huấn là nói về ông Liễu Phàm làm tri huyện Bảo Đễ, địa vị rất cao. Bảo Đễ do hoàng đế trực tiếp quản lý, đãi ngộ rất lớn. Ông đều đem bố thí cho nhà bản cùng, cuộc sống của mình đều rất tiết kiệm. Gia đình có bông tơ, mùa đông phu nhân đem bông tơ bán đi, ông cảm thấy rất kỳ lạ, vì sao không dùng bông tơ làm áo bông cho con? Vợ ông nói bông tơ đắt hơn bông vải rất nhiều, bán đi có thể may mấy bộ áo bông, các con cũng có, cũng có thể giúp người bản cùng, đây là chịu khổ thay chúng sanh. Những gì mình có đều đem ta giúp người, không cần tích trữ, của cải tích trữ đó là chết, của cải đó dùng hợp lý là sống. Càng bố thí càng nhiều, càng nhiều càng bố thí, không được tích lũy. Rất nhiều người cần nó, người khốn khổ cũng rất nhiều. Vì thế tôi hy vọng các nhà xí nghiệp, có thể làm được tinh thần của nhà như ngày xưa. Nhà xí nghiệp là đại gia trưởng, tự mình tổ chức trường học cho con em, hiện nay có thể thành lập trường tư, từ mẫu giáo đến đại học. Nếu quy mô xí nghiệp của quý vị lớn, nhân viên của quý vị có thể có mấy ngàn người, trên vạn người. Trường học này thu nhận, đều là con em nhân viên của quý vị, tự mình đứng ra dạy. Trong trường này dạy các môn học về luân lý đạo đức, dạy tất cả những khóa trình quốc gia yêu cầu, thêm vào môn luân lý đạo đức. Phương pháp dạy học có thể dùng cách của truyền thống ngày xưa: “Đạo dạy học, quý ở chuyên”. Dạy từng môn từng môn, không dùng phương thức đan xen, dạy từng môn từng môn. Vài năm hoặc mười năm, học hết tất cả các chương trình. Dạy từng môn một, đầu óc của học sinh chỉ nghĩ đến một vấn đề, không hề bị phức tạp. Vẫn dạy hết tất cả chương trình, nhưng áp dụng phương pháp này thành tích chắc chắn không giống nhau. Học sinh sẽ học rất nhanh, vì không phức tạp! Trong cặp chỉ có một cuốn sách, không như bây giờ mang theo sách vở thật nhiều. Nhìn thấy cặp sách vở chúng ta đều cảm thấy sợ hãi, đời sau không giám nữa, không giám làm người. Quý vị xem từ nhỏ đã mang một cặp sách nặng như thế, không đáng sợ ư?

Lúc nhỏ chúng tôi đi học, trong cặp có khoảng hai ba cuốn sách, rất nhẹ, có khi không cần cặp sách. Quý vị xem bây giờ mang theo sách vở rất nhiều!

Thành lập trường học, viện an dưỡng, an trí người già của tất cả nhân viên công ty mình. Nếu làm được như thế, khiến toàn thể công ty trở thành một gia đình, nhân viên đều là anh chị em. Dùng tâm chân thành đối đãi, đây là tinh thần truyền thống nhà của ngày xưa. Nhân viên tuyệt đối không rời khỏi công ty, công ty là nhà của họ, suốt đời của họ phụng hiến cho gia đình, giống như nhà ngày xưa vậy. Người ngày xưa sinh ra, suốt đời của quý vị là vì ai? Vì nhà, vinh tông diệu tổ, khiến gia đình nở mặt nở mày, mang vinh dự cho gia đình. Cuộc đời họ có mục tiêu, có phương hướng, bất luận làm theo ngành nghề nào, người ủng hộ họ là gia đình. Nhà là hậu thuẫn của họ, đáng tin nhất. Cho nên gia đình trong xã hội ngày xưa, có sức ảnh hưởng rất lớn. Gia học của mỗi nhà đều làm rất tốt, gia trưởng cố gắng mời thầy giáo có học vấn, có đạo đức đến dạy con em mình. Cung kính đối với thầy giáo thật là ba quỳ chín lạy, đó không phải giả.

Lúc tôi đi học vẫn còn hành nghi thức này, tôi từng học mấy tháng trường tư thục, nghĩa là gia học. Ngày đầu tiên đi học, cha mẹ đã ước định với thầy giáo, hôm nay đưa con đến trường. Ở đại điện, đại điện thờ một bài vị: Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử Chi Thần Vị, thờ một bài vị lớn. Tôi đi học, ba tôi đưa tôi đến trường, ba tôi ở trước, tôi đi theo sau, đến trước bài vị của Khổng tử hành lễ ba quỳ chín lạy. Sau khi làm lễ xong, mời thầy giáo ngồi lên, thầy giáo ngồi trước bài vị Khổng Tử. Ba và tôi hướng lên thầy giáo hành lễ ba quỳ chín lạy, đồng học đứng hai bên. Trong trường hợp đó đã dạy chúng ta điều gì? Dạy tôn sư trọng đạo. Quý vị xem, phụ thân hành lễ với thầy trình trọng như thế, sau khi hành lễ xong lại tặng lễ vật, tặng lễ vật nghĩa là tiền học phí. Thầy giáo thu nhận học sinh, quý vị thử nghĩ xem, làm thầy giáo nhận lễ bái cung kính như thế của gia trưởng, nếu không cố gắng dạy học sinh, sao xứng đáng với gia trưởng? Chúng ta làm học trò thấy cha mẹ hành đại lễ với thầy giáo như thế, tâm cung kính với thầy giáo liền sanh khởi, sao có thể không nghe lời ư? Vì thế thầy giáo dạy tận tâm, chúng ta cố gắng chuyên tâm học tập. Mỗi học sinh nhập học đều phải hành nghi thức này, bản thân chúng ta làm như thế, nhìn thấy mỗi đồng học đều như thế. Tất cả đồng học giống như anh chị em vậy, có tình cảm, tình cảm này đến suốt đời, hoàn toàn không như hiện nay. Lúc đó thầy là có sư đạo, quả thật rất có đạo nghĩa. Thầy dạy học không quan tâm đến thu nhập, không nói đến điều này. Học sinh của những gia đình nghèo khó, không thể tặng chút lễ vật cho thầy giáo, thầy vẫn dạy. Còn những học sinh vô cùng nghèo khó, thầy giáo còn giúp họ thêm. Cho họ một ít tiền, cho họ một ít gạo để họ nuôi dưỡng gia đình.

Ngày xưa có hai hạng người, hai hạng người này rất nghèo khó, gọi là tú tài nghèo, trong xã hội được người tôn kính nhất. Người đọc sách siêng năng dạy học, không tính toán học phí, nói đến học phí rất mất mặt. Thứ hai là làm bác sĩ, bác sĩ là giúp người khác trị bệnh cứu người, không chú trọng đến tiền bạc. Trị lành bệnh, quý vị tặng chút lễ vật cho bác sĩ, gia đình giàu có thì trả thêm một ít tiền, người nghèo trả ít một chút. Còn quá nghèo không trả nổi, đến thuốc men bác sĩ cũng giúp đỡ họ, làm gì có chuyện tính toán tiền thuốc men? Không tính toán đến những điều này. Cho nên tuy hai hạng người này rất vất vả, nhưng trong xã hội rất được mọi người tôn kính. Chỉ cần biết quý vị là bác sĩ, là thầy giáo, không ai không cung kính. Bất kỳ đi đến đâu, người ta đều xem quý vị như người thân vậy, đều quan tâm quý vị. Hiện nay không nhìn thấy nếp sống này nữa, cuộc sống trong thời đại này của chúng ta, biết rằng xã hội biến chất, hoàn toàn tách rời luân lý đạo đức nhân quả. Hiện nay làm sao để

đem nó trở về, điều này phải dựa vào trí tuệ, phải dựa vào chịu khổ thay chúng sanh, chúng ta thật sự làm tấm gương cho mọi người noi theo. Ngày xưa các bậc đế vương, có thể sống rất tiết kiệm, đó nghĩa là gì? Ăn một món, không có món thứ hai. Làm vua cũng có thể làm được, đều là vì chúng sanh.

“Cần tu thiện căn cứng đường”, thiện căn là gì? Trong Phật pháp gọi là ba thiện căn: Không tham, không sân, không si, gọi là ba thiện căn, ngược lại là tam độc. Cần tu thiện căn nghĩa là đem những mặt trái như tâm thái bất thiện buông bỏ tất cả, bản thân mới có thể nâng cao cảnh giới, mới có thể giúp chúng sanh khổ nạn trong xã hội. Tất cả đều học được từ trong sự cung kính, từ tâm chân thành, tâm từ bi. Nghe được, thấy được, tiếp xúc được đều là có nhân duyên, có nhân duyên thì phải đưa tay ra giúp đỡ họ.

Chúng ta đang mở bầu không khí, khiến xã hội đại chúng nhìn thấy và học tập. Người có phước báo giúp người nghèo khó không có phước báo, người có trí tuệ giúp những người ngu si, đều chăm sóc tất cả. Làm một cách toàn tâm toàn lực, chính là công đức viên mãn. Trong Phật pháp nói đây là thiện căn, thiện căn khởi tác dụng nghĩa là họ có thể tin, có thể hiểu đối với giáo huấn của thánh hiền, đối với giáo huấn của Phật Bồ Tát, đây là thiện căn. Họ có thể y giáo phụng hành đó là phước đức, họ có phước. Có thể tin, có thể hiểu mà không làm được là họ thiếu phước báo, thật sự có phước họ y giáo phụng hành.

“Không xả Bồ Tát nghiệp”, nghiệp là sự nghiệp, sự nghiệp Bồ Tát là gì? Các ngành các nghề đều là sự nghiệp Bồ Tát. Chỉ cần quý vị là Bồ Tát đó gọi là Bồ Tát nghiệp. Bồ Tát nghiệp không có đặc điểm nào nhất định. Bất kỳ ngành nghề nào, quý vị là tâm bồ đề, đó chính là Bồ Tát nghiệp. Cho nên ở dưới có một câu: “không lia tâm bồ đề”. Bồ Tát nghĩa là gì? Là giác! Giác mà không mê nghĩa là Bồ Tát. Bất luận làm ngành nghề gì, tôi dùng nghề của mình để phục vụ cho xã hội đại chúng.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm nghề này là dạy học, ngày xưa gọi là thầy giáo tư thực. Ngài không có trường học chính thức, ngài cũng không có chương trình chính thức, ngài là vì người mà dạy, rất nhiều người học theo ngài. Lúc đó Ấn độ và Trung quốc như nhau, chưa thống nhất, đều là hình thức bộ lạc, toàn là tiểu bộ lạc.

Đức Phật sinh vào thời nhà Chu, trong sách sử ghi chép, ngài sinh vào năm Chu Chiêu Vương thứ 24, giáp dần, giáp dần tuổi con hổ, diệt độ vào thời Chu Mục Vương. Theo ghi chép của người xưa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến nay theo niên đại ghi chép của lịch sử Trung quốc, năm nay là 3037 năm. Khác với cách nói của người ngoại quốc khoảng 600 năm, người ngoại quốc nói hơn 2500 năm, khác biệt 600 năm. Điều này chúng ta không cần quan tâm đến, không quan trọng.

Vào thời nhà Chu, vùng trung nguyên này, từ lưu vực Hoàng hà đến lưu vực Trường giang, vẫn chưa đến Châu giang. Chưa có vùng Lĩnh Nam, chưa đến đây. Mảnh đất này, có 800 chư hầu, nghĩa là hơn 800 nước nhỏ. Lúc đó quốc độ của nó 100 dặm là nước lớn, hai ba mươi dặm là nước nhỏ. Nước nhỏ như một thôn trang của chúng ta, nước lớn cũng chỉ bằng một thị trấn hiện nay, chưa bằng một huyện, là ở thời đại đó. Cho nên trong sách cổ rất ít nói đến quốc gia, đều nói là thiên hạ. Thiên hạ lúc đó chính là lãnh thổ trung nguyên này, gọi là thiên hạ.

Xung thiên tử là sao? Mọi người tôn xưng quý vị. Thiên tử không có thực quyền, họ không có quyền hành chính, mỗi quốc gia đều độc lập. Thiên tử là gì? Là họ điều hành quốc gia này rất tốt, hoàn toàn thực hành theo lời dạy của thánh hiền, nghĩa là một thành phố mô phạm điển hình. Những quốc gia khác đều đến đây học tập, tôn xưng họ làm thiên tử. Đó là

lấy đức phục nhân, không phải dùng lực. Quý vị quả thật làm rất tốt, đã ảnh hưởng đến toàn quốc, mọi người đều khâm phục quý vị.

Cho nên mảnh đất này của chúng ta, nếu thực hành truyền thống văn hóa, làm nên một tấm gương tốt, khiến toàn bộ địa cầu, tất cả các quốc gia đều hướng đến học tập. Đất nước này tự nhiên giống như thiên tử ngày xưa, một quốc gia lễ nghĩa, một xã hội thuận hòa. Làm được, không phải không làm được! Hoàn toàn dựa vào giáo dục, các bậc thánh hiền dùng phương pháp này. Tuy chúng ta đã lãng quên 100 năm, 100 năm không dài cũng không ngắn, lãng quên 100 năm, nhưng gốc rễ vẫn rất sâu sắc. Chúng tôi làm thí nghiệm ở tiểu trấn Thang Trì, thời gian rất ngắn đã đánh thức được lương tâm con người, thấy ngại khi làm điều bất thiện. Con người có lương tâm, chẳng phải không có lương tâm, do không ai dạy, không ai thức tỉnh họ. Đây là không xả Bồ Tát nghiệp.

“Không lia tâm bồ đề”, tâm bồ đề, chúng ta nói một cách cụ thể nghĩa là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, là mười chữ này. Khởi tâm động niệm không lia nó, đây chính là tâm bồ đề. Đối người, đối với việc, đối với vật đều chân thành. Người khác đối với tôi hư ngụy, tôi đối với họ chân thành, tuyệt đối không thiệt thòi. Đừng sợ thiệt thòi hay bị lừa gạt, chắc chắn không thiệt thòi không mắc lừa. Ta dùng tâm chân thành đối với người, mặc dù bị người khác dối gạt, quý vị nên biết chúng ta đang tiến về phía trước, họ đang đọa lạc về sau. Như vậy sao bị gạt được? Đâu có chuyện đó!

Đặc biệt ta hiểu về nhân quả, số mạng có tự nhiên có, số mạng không có cầu cũng không được. Họ gạt chúng ra, gạt mà không sao, chúng tỏ số mạng họ có. Họ gạt mình, nhưng số mạng họ không có, gạt vào tay cũng xảy ra chuyện. Không phải sanh bệnh cũng là tai họa, họ sẽ gặp phải. Người hiểu được đạo lý này, hà tất dùng thủ đoạn bất chính? Sai. Trong Dịch Kinh nói rất hay: Gia đình tích thiện sẽ có nhiều niềm vui, nhà làm điều bất thiện tất có nhiều tai ương, đây là nói nhân quả. Cho nên tâm bồ đề, phát tâm bồ đề nghĩa là hành Bồ Tát đạo, tất cả sự nghiệp ta làm đều là Bồ Tát nghiệp.

Ở dưới nói: “Thiện nam tử, cúng dường như trước được công đức vô lượng”, trước tức là ở đây nói đến vô lượng công đức. “So với pháp cúng dường, nhất niệm công đức không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn. Trăm ngàn cu chi na do tha phần, già la phần, toán phần, số phần, dụ phần, ưu bà ni sa đà phần cũng không bằng một phần”. Đây đều là dùng ví dụ để nói, công đức quá lớn, không có cách gì có thể sánh được. “Hà dĩ cố”, vì sao vậy? “Vì Chư Như Lai tôn trọng pháp, đúng pháp tu hành, nên sanh ra Chư Phật”. Trong Kinh Kim Cang nói, dùng bảy báu trong đại thiên thế giới để bố thí, không bằng công đức nói cho người nghe bốn câu kệ, ý nghĩa rất giống ở đây.

Cho nên trong kinh văn nói: “Giả sử cúng dường hằng sa thánh chúng, không bằng kiên trì đồng mãnh cầu chánh giác”. Kiên trì đồng mãnh cầu chánh giác là bản thân cầu thành Phật, điều này cần kíp. Tất cả Chư Phật Như Lai họ hy vọng chúng ta điều gì? Hy vọng ta nhanh chóng thành Phật, chứ không phải hy vọng ta cúng dường Chư Phật Bồ Tát, họ không cần. Mà hy vọng ta thật sự buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đây là mục đích chính Chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sanh, thật sự hy vọng. Chúng ta không thể không biết điều này, chúng ta phải báo ân Phật như thế nào? Y giáo phụng hành nghĩa là báo ân Phật.

Đức Phật dạy chúng ta điều gì? Điều này cần phải biết. Trong pháp môn Tịnh độ dạy chúng ta, Kinh Vô Lượng Thọ dạy: “Phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm”, tám chữ. Phát tâm bồ đề nghĩa là tâm chân thành, niệm niệm không bỏ tâm bồ đề, niệm niệm tương

ung với chân thành. Đối nhân, đối sự, đối vật đừng sợ, tôi là thật, mọi người đều gạt tôi. Từ bỏ, buông bỏ điều này, đừng lo lắng suy nghĩ vấn đề này, dùng chân thành, ta cảm ứng đạo giao với Phật Bồ Tát. Đừng sợ người khác gạt mình, cổ nhân nói rất hay: Thiệt thòi là phước. Đã là chịu thiệt có phước, thì thiệt thòi càng nhiều không phải phước sẽ càng nhiều ư? Chịu thiệt càng lớn, phước báo không phải càng lớn ư? Không phải chính là đạo lý này ư? Vậy tại sao không chịu thiệt? Không muốn thiệt thòi, muốn được một chút lợi ích, phước báo sẽ không còn, phước trở thành tội. Phải hiểu điều này, đừng sợ hãi, nhất định có phước, nhất định có lợi ích. Bởi vậy phải có gan, thật sự tin Phật, Phật tuyệt đối không lừa gạt chúng ta. Càng xả bỏ càng nhiều, bỏ của cải được của cải, xả bỏ pháp được thông minh trí tuệ, xả bỏ vô úy được mạnh khỏe sống lâu. Thường giúp đỡ những người gặp khổ nạn, đó là bổ thí vô úy, quả báo mạnh khỏe sống lâu, phải thực hành. Cứ luôn như vậy, không có việc gì không thuận lợi, dần dần trí tuệ đức tướng trong tự tánh đều tuôn chảy ra, lúc đó quả thật là lấy không tận, dùng không hết. Ta mới có thể giúp chúng sanh đau khổ khắp biển pháp giới hư không giới.

Bồ Tát Đại Thế Chí cũng dạy chúng ta tám chữ: Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục, đây nghĩa là kiên trì đồng mãnh cầu chánh giác. “Đô nhiếp lục căn” chính là nhiếp tâm. Tâm con người bình thường đều duyên cảnh giới bên ngoài, đều duyên tài sắc danh thực thù, họ duyên những thứ này. Duyên ngũ dục lục trần, tâm họ đều ở bên ngoài. Đô nhiếp lục căn là gì? Đem tâm trở về, tôi không đối ngoại tôi đối nội, nội là gì? Nội là tự tánh. “Tịnh niệm tương tục”, niệm là niệm Phật A Di Đà. Tịnh niệm nghĩa là tâm thanh tịnh, không hoài nghi, không xen tạp. Tương tục là liên tục không gián đoạn, trong tâm mỗi niệm đều có Phật A Di Đà.

Kinh Vô Lượng Thọ cũng là ý này: “Phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm”. Một phương hướng, một mục tiêu, điều này quan trọng hơn tất cả. Một mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà, một phương hướng là thế giới tây phương Cực Lạc. Ngoài điều này ra đều tùy duyên mà làm, gặp lúc có duyên thì làm. Hành Bồ Tát đạo, giúp chúng sanh khổ nạn. Tuy hành Bồ Tát đạo, trong tâm vẫn là Phật A Di Đà, không chướng ngại! Đem công đức hồi hướng cho Phật A Di Đà, ta làm thay Phật A Di Đà, quý vị xem điều này ý nghĩa biết bao. Tôi làm mọi điều lành đều là thay Phật A Di Đà làm. Như vậy rất hay, không rời Phật A Di Đà. Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại tương lai nhất định thấy Phật. Bất luận làm gì đều niệm Phật, đều không rời niệm Phật, đây gọi là kiên trì đồng mãnh cầu chánh giác.

Nếu ta bổ thí của cải muốn được của cải, bổ thí pháp muốn được thông minh trí tuệ, đó không phải, không phải kiên trì đồng mãnh cầu chánh giác. Bất luận chúng ta làm gì, đều cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Phật A Di Đà đại từ đại bi, thấy người khổ nạn đều giúp. Chúng ta nhìn thấy, chúng ta thay Phật A Di Đà giúp đỡ những người khổ nạn. Ta không nghĩ gì cả, chỉ muốn sớm ngày đến thế giới Cực lạc, gặp Phật A Di Đà. Như vậy là đúng, đây nghĩa là kiên trì đồng mãnh cầu chánh giác, nhất tâm niệm Phật.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 177
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: 27.10.2010
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 203 hàng thứ năm, bắt đầu xem từ câu ở giữa.

“*Nếu Chư Bồ Tát hành pháp cúng dường, tức được thành tựu cúng dường Như Lai. Tu hành như thế là chân cúng dường*”. Ở trước chúng ta học đến câu: “*Giả như cúng dường hằng sa thánh chúng, không bằng kiên trì đồng mãn cầu chánh giác*”. Cúng dường, Hoàng Niệm Tổ trích dẫn một đoạn kinh văn trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của Kinh Hoa Nghiêm, rất hay. Chư vị nên biết, không những là con người ở đời, bất luận là chúng sanh trong cõi nào, không được thiếu hai thứ, một là phước báo, hai là trí tuệ. Đây là nói từ pháp thế gian, phước tuệ song tu. Trong Phật pháp thì ngược lại, vẫn hai chữ này, nhưng trong Phật pháp thứ nhất là trí tuệ, thứ hai là phước đức, huệ phước song tu. Thế gian và xuất thế gian khác nhau ở điểm này, nhưng hai thứ này có thể nói là đều đứng hàng đầu, quan trọng nhất. Con người không thể không có phước báo, càng không thể không có trí tuệ. Sở dĩ Phật pháp đặt trí tuệ lên hàng đầu, là có đạo lý, vì sao vậy? Họ cần siêu việt thế gian. Pháp thế gian đặt phước lên hàng đầu, vì họ không muốn vượt thoát lục đạo. Không muốn thoát ly lục đạo thì phước phải đặt lên hàng đầu, nếu muốn siêu thoát luân hồi lục đạo thì tuệ đặt lên hàng đầu. Đây chính là vì sao Phật pháp coi trọng trí tuệ.

Trí tuệ và phước báo từ đâu mà có? Nói cho chư vị biết, hoàn toàn từ pháp bố thí, đến từ bố thí cúng dường. Bố thí và cúng dường là một nghĩa, cùng một việc, vì sao nói bố thí, cúng dường? Vì dùng tâm khác nhau. Dùng tâm thường tu thì gọi là bố thí, tâm cung kính tu gọi là cúng dường, khác nhau ở chỗ này. Ví dụ chúng ta cúng dường của cải, hoặc cúng dường thức ăn cho người khác, dùng tâm bình thường gọi là bố thí, dùng tâm cung kính gọi là cúng dường. Quý vị xem tặng lễ vật, chẳng hạn như tặng cho bạn bè bình thường là bố thí, hoặc tặng cho người nghèo gọi là bố thí. Còn như tặng cho người có thân phận địa vị, tặng cho người lãnh đạo quốc gia, như vậy không thể gọi là bố thí, đây là cúng dường, đạo lý là như vậy. Đối với cha mẹ là cúng dường không được nói bố thí, đối với thầy, trưởng bối gọi là cúng dường, đây gọi là dùng tâm khác nhau.

Kinh Hoa Nghiêm thật tuyệt vời, trong Kinh Hoa Nghiêm không có bố thí, đều là cúng dường. Vì sao vậy? Trong kinh Đức Phật dạy: “*Tất cả chúng sanh vốn là Phật*”. Chúng ta cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cúng dường Phật A Di Đà, cúng dường Phật Tỳ Lô Giá Na, tất cả chúng sanh vốn là Phật, quý vị nói là dùng bố thí hay là dùng cúng dường? Tất cả đều là cúng dường! Cho nên kinh văn ở trước nói: “*Như thuyết tu hành cúng dường, lợi ích chúng sanh cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh cúng dường*”, tất cả đều là cúng dường. Đây là nói, hoàn toàn dùng tâm chân thành cung kính để làm. Chúng ta tu điều này được bao nhiêu phước đức, trí tuệ khai phát được chừng nào đều từ tâm mình. Tâm ta càng chân thành thì phước báo càng lớn, trí tuệ càng cao, đạo lý là ở đây. Nếu không có tâm chân thành cung kính, dù thánh nhân dạy quý vị cũng không đạt được lợi ích.

Trong Kinh Dịch nói rất hay, không phải Kinh Định, mà là trong Kinh Thư nói: “*Mãn chiêu tôn, khiêm thọ ích*”, đạo lý này là thật. Trong lý này đầy nước thì không thể đựng thêm, nếu rót thêm sẽ tràn, nếu lý này trống thì có thể được lợi ích. Những gì người khác cúng dường, có thể thu nhận tất cả. Bất luận là pháp thế hay xuất thế gian, việc đầu tiên trong học tập chính là khiêm tốn, khiêm tốn mới được lợi ích, cung kính khiêm tốn mới được lợi ích. Đại sư Ân Quang từ bi dạy chúng ta: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích*”, tâm thái chúng ta mười phần thành kính sẽ được mười phần lợi ích. Cùng một người thầy dạy, có mấy chục học sinh, nhưng mỗi người được lợi ích không giống nhau. Có người nhiều lợi ích, có người rất ít, nguyên nhân do đâu? Từ tâm cung kính đối với thầy, tâm cung kính đối với những gì mình học, đây là kính nghiệp! Thầy giáo không thiên vị, đều dạy học rất chân thành, học sinh được lợi ích khác nhau. Học sinh nào đạt lợi ích thật sự, thầy giáo có biết chăng? Biết, rất rõ ràng. Vì sao vậy? Thấy ngôn hành cử chỉ của họ luôn cung kính, nỗ lực học tập, học sinh này nhất định được lợi ích.

Vào thời nhà Hán có một câu chuyện, câu chuyện về Trịnh Khang Thành_Trịnh Huyền, là một nhà Nho lớn thời nhà Hán. Thầy ông là Mã Dung, cũng rất giỏi. Mã Dung không những học thuật giỏi, mà quan vị cũng rất lớn, tương đương với cấp bộ hiện nay. Ông ta dạy học đây là một gia đình phú quý, trong nhà có một đội nhạc công, nghĩa là các cô gái ở đó ca hát. Ông ta rất thích ca múa, ngay cả lúc dạy học cũng để các cô gái này ở sau ca hát, ông ở trước vừa dạy vừa thưởng thức, dùng bức rèm ngăn lại. Ở đây dạy học, sau bức rèm là các cô gái đàn ca tấu nhạc múa hát. Quý vị thử nghĩ xem các học sinh này, ai không muốn ra sau đó xem. Chỉ có một học sinh, suốt ba năm tâm luôn chuyên chú, chưa từng một lần liếc mắt ra sau bức rèm đó xem. Mã Dung biết điều này, suốt ba năm nay, bản lĩnh của ông học sinh này đã tiếp thu tất cả. Con người rất khó đoạn được tập khí phiền não, nhà Nho lớn cũng có vấn đề, ông ta đổ kỵ đối với học sinh. Ông biết học sinh này tương lai nhất định hơn mình, nếu là người có đức hạnh thật sự sẽ rất hoan hỷ, màu xanh sinh ra từ màu lam mà đẹp hơn màu lam. Học sinh tương lai giỏi hơn mình là vinh dự cho bản thân. Ông ta không nghĩ như thế, ông có ý muốn hại học sinh này, dùng phương pháp cũng rất xảo diệu. Lúc nghỉ học, trở về quê, học sinh tốt nghiệp về nhà, ông dẫn theo đồng học đưa tiễn Trịnh Huyền mười dặm, tiễn hành Trịnh Huyền. Mỗi học sinh kính ba ly rượu, người xưa khi nói đến rượu thường nói 300 ly, điển tích này xuất phát từ đây. Trịnh Khang Thành uống với mọi người hơn 300 ly, ông uống say chăng? Nếu say trên đường sẽ có người hạ thủ, xử lý ông. Không ngờ, Trịnh Khang Thành uống xong 300 ly, dù lễ tiết nhỏ nhất cũng không mất.

Thầy Lý kể cho chúng tôi nghe câu chuyện này, thầy nói nếu tử lượng của mỗi người chúng ta đều như Trịnh Khang Thành, thì trong năm giới của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không có giới cấm rượu, không cần thiết. Ông không thất lễ, Trịnh Khang Thành đúng là hải lượng. Sau khi đi, Trịnh Khang Thành vốn dự định đi con đường này, mọi người đều biết, trên thực tế ông đi theo con đường nhỏ khác.

Đây là chuyên chú, thành kính. Thành kính đối với thầy, thành kính đối với học nghiệp, mới thật sự đạt được lợi ích. Không có thành kính, như người bây giờ tâm nông nổi, họ làm sao học được lợi ích? Những gì họ học đều là những nhu cầu bức thiết trước mắt, như khoa học kỹ thuật, những đạo lý của thánh hiền họ không học được! Luân lý đạo đức, đặc biệt trong Phật giáo nói: “*lên cao một bậc*”. Lên cao là gì? Nói như cách nói bây giờ là khoa học cao cấp, triết học cao cấp, như vậy thì đành chịu.

Chúng ta mượn cách nói của người thời hiện đại, hiện nay kết quả nghiên cứu thảo luận của triết học cao cấp, khoa học cao cấp với những gì Phật pháp đại thừa nói, dần dần đi đến nhất quán, hầu như hoàn toàn tương đồng. Trong Phật pháp họ không đủ tiêu chuẩn, trong pháp thế gian họ rất đáng nể, nhưng trong Phật pháp không đủ tiêu chuẩn. Vì sao vậy? Vì họ không có tâm chân thành cung kính. Tuy họ phát hiện, nhưng khoa học dùng lý luận toán học, dùng khoa học kỹ thuật cao, dùng những máy móc này quan sát được. Dùng kính viễn vọng thiên văn, dùng nó để quan sát vũ trụ vĩ quan. Lượng tử lực học, dùng kính hiển vi bội số lớn, thật sự thấy được. Nhưng như thế nào? Không minh tâm kiến tánh. Họ đo lường đến sau cùng, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất từ đâu đến? Họ nói từ trong không sinh ra có, nói không sai, từ trong không sinh ra có.

Nhưng Phật pháp nói cao siêu hơn nhiều, Phật pháp cũng nói từ trong không sinh ra có. Không ở đây không phải là không của có không, vậy tại sao nói nó là không? Vì nó không phải hiện tượng vật chất, năm căn chúng ta không tiếp xúc được. Mắt không nhìn thấy, tai không nghe thấy, mũi cũng không ngửi được, tay không sờ đến được. Nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần, chúng ta nghĩ cũng không tưởng tượng ra được. Nếu nó là hiện tượng tinh thần, đệ lục Ý thức có thể duyên được. Nó không phải là gì cả, không phải tinh thần cũng không phải vật chất. Nhưng nó có thể biến hiện ra tinh thần, cũng có thể biến hiện ra vật chất, tức là từ trong không sanh ra có.

Danh từ của Phật pháp gọi đây là tự tánh, pháp tánh. Người xưa cũng nói: Tánh người vốn thiện, là nói đến cái tánh này. Trong danh từ của triết học gọi là bản thể của vũ trụ vạn hữu, bản thể rốt cuộc là gì? Các nhà triết học hiện nay vẫn nói không rõ ràng, trong Phật pháp 3000 năm trước đã nói rõ ràng điều này, gọi là tự tánh, pháp tánh, tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Sáu căn không duyên đến được, sáu căn duyên được là hiện tượng. Từ trong thể này xuất hiện hiện tượng, quý vị duyên được, hiện tượng tinh thần là thọ tướng hành thức. Hiện tượng vật chất ta có thể thấy được, cực kỳ vi tế cũng bị ta phát giác ra.

Vấn đề này trong kinh điển cũng nói rất rõ ràng: Tất cả chúng sanh dùng tâm phân biệt_Đệ lục Ý thức, dùng tâm chấp trước_Mạt na thức. Đối với bên ngoài có thể duyên đến vũ trụ, đối với bên trong có thể duyên đến A lại da, nhưng không duyên được tự tánh. Minh tâm kiến tánh không liên quan đến quý vị, quý vị không duyên đến được, minh tâm kiến tánh mới gọi là thành Phật. Trí tuệ vốn có trong tự tánh hiện tiền, đức năng vốn có ngày nay gọi là năng lượng, các nhà khoa học gọi là năng lượng, thông thường chúng ta nói năng lực xuất hiện. Tướng hảo vốn có, quý vị không thiếu gì cả, trong tự tánh đầy đủ viên mãn.

Vì thế ta kiến tánh, kiến tánh phước viên mãn, tuệ cũng viên mãn. Phước và tuệ từ đâu mà có? Không phải do tu được, là trong tự tánh vốn có, mọi người đều bình đẳng. Trên chúng ta bình đẳng với Chư Phật Như Lai, dưới bình đẳng với tất cả loài bò bay cựa động, côn trùng. Nói theo Phật pháp, không những loài bò bay cựa động là súc sanh, còn bình đẳng với ngựa quý, địa ngục. Vì sao tướng không bình đẳng? Lý thì bình đẳng, vì sao tướng không bình đẳng? Vì trên mặt tướng ta có phiền não, có tập khí, ta mang theo bao nhiêu tập khí phiền não, đây là điểm khác nhau. Mang theo nhiều thì hiện rõ sự ngu si, mang theo ít thì thông minh hơn một chút, từ chỗ này hiện ra sự không bình đẳng.

Cho nên trong Phật pháp tu pháp cúng dường quan trọng nhất, cúng dường nghĩa là gì? Cúng dường là buông bỏ, ý nghĩa thật sự của nó là buông bỏ. Quý vị chịu cúng dường là chịu buông xả, xả bỏ những gì? Xả bỏ tập khí phiền não, khôi phục thanh tịnh bình đẳng giác của chính mình, đó nghĩa là gì? Đó chính là chơn chánh cúng dường, đó là cúng dường Như Lai.

Ta cúng dường như thế, Như Lai liền xuất hiện, Như Lai là bản tánh của ta, là tự tánh của ta. Những điều này xuất hiện, quý vị cũng là Như Lai, quý vị sẽ thành Phật.

Chúng ta đã học bao nhiêu năm, coi như cũng hiểu rõ ràng minh bạch đạo lý này. Phật pháp trước sau, từ khi mới phát tâm cho đến Như Lai địa, đến chứng được cứu cánh quả Phật, tu điều gì? Chỉ có buông bỏ mà thôi. Bởi thế Bồ Tát lục ba la mật, cũng chính là sáu cương lĩnh, sáu khoa mục tu hành của Bồ Tát, thứ nhất là bố thí, bố thí là dạy chúng ta buông bỏ. Ngày nay trong tự tánh mình, trí tuệ và đức tướng không thể hiện tiền, vì sao vậy? Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: Vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc, nói rất rõ ràng. Quý vị có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, những thứ này gọi chung là phiền não. Vọng tưởng là vô minh phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não, đây là ba loại lớn. Vô lượng vô biên phiền não không ra ngoài ba loại lớn này, nếu đoạn trừ được nó, tự tánh liền hiện tiền, Như Lai lập tức xuất hiện.

Đức Phật nói với chúng ta rằng: Buông bỏ kiến tư phiền não sẽ thành tựu A la hán, A la hán không có kiến tư phiền não, họ có vô minh, có trần sa. Tiếp tục đoạn trừ trần sa phiền não quý vị là Bồ Tát, sau cùng buông bỏ vô minh phiền não quý vị đã thành Phật. Quý vị nên biết, từ sơ phát tâm đến sau cùng thành Phật, bí quyết không có gì khác ngoài buông bỏ. Càng buông bỏ thì tâm càng thanh tịnh, tâm càng thanh tịnh thì tánh giác càng cao, dần dần đạt đến viên mãn, vì thế phải tu bố thí cúng dường. Trong cúng dường cũng là cúng dường của cái, cúng dường pháp, cúng dường vô úy, nội dung hoàn toàn giống với bố thí. Tài bố thí được giàu có, bố thí pháp được thông minh trí tuệ, bố thí vô úy được mạnh khỏe sống lâu. Trong nhà Phật có con đường lớn phát tài, nếu muốn phát tài thì hãy bố thí.

Người xưa hiện nay chúng ta không biết, tôi biết ngày xưa cúng thần tài, cúng ai? Phạm Lãi. Ngô Việt thời Xuân Thu, nếu quý vị đã đọc sẽ biết câu chuyện này. Nước Ngô tiêu diệt nước Việt, Việt Vương Câu Tiễn quả thật không đơn giản, chịu đựng vô số sự sỉ nhục, sau cùng ông thành công, phục hưng đất nước. Trong lịch sử nói nước mất sau đó phục hưng, rất ít! Câu Tiễn Việt Vương là một trường hợp. Ông có hai trợ thủ đắc lực là Văn Trọng và Phạm Lãi, hai người này rất trung thành. Nhưng Phạm Lãi rất thông minh, ông biết con người như Câu Tiễn có thể cùng hoạn nạn, nhưng không thể cùng hưởng phú quý. Khi quốc gia gặp thảm họa ông dùng quý vị, nói gì cũng nghe. Sau khi đất nước phục hưng, Phạm Lãi nói với Văn Trọng, chúng ta lập tức đi khỏi đây, không đi khỏi đây sẽ gặp tai họa. Văn Trọng không tin, kết quả Văn Trọng thật sự được Câu Tiễn ban một bảo kiếm, để ông tự sát. Phạm Lãi đã trốn đi, ông dẫn theo Tây Thi trốn đi, đổi tên đổi họ thành Đào Chu Công, làm nghề buôn bán. Ông kinh doanh mấy năm thì phát tài, sau khi phát tài ông đem tất cả ra bố thí, bố thí cho người nghèo khổ. Bố thí hết của cải, ông bắt đầu buôn bán lại từ đầu, làm vài năm lại giàu có, gọi là lúc tụ lúc tán. Ở đây nói lên điều gì? Số mạng ông ta có của cải, xả bỏ hết, sau khi xả bỏ tất cả, lập tức có lại. Ngày càng nhiều, càng nhiều thì càng bố thí. Cho nên người Trung quốc cúng thần tài là cúng Phạm Lãi, có đạo lý. Quý vị muốn phát tài, cần học theo ông ta, đây là tài bố thí.

Đức Phật dạy rằng, bố thí pháp được thông minh trí tuệ, bố thí vô úy được mạnh khỏe sống lâu. Như thế nào gọi là vô úy? Khi chúng sanh gặp thiên tai, ta toàn tâm toàn lực giúp họ, giúp họ lìa khổ được vui, tránh khỏi thiên tai này, đây là vô úy. Khi người khác gặp khó khăn, đặc biệt là lúc bệnh khổ, ta chịu giúp họ. Ta tu ba loại bố thí này, đạt được ba loại quả báo: được của cải, được thông minh trí tuệ, được mạnh khỏe sống lâu. Ba thứ này ai ai cũng muốn, bất luận quý vị là người nước nào, người dân tộc nào, người thuộc tín ngưỡng nào đều

cần ba thứ này. Quý vị nói đến ba thứ này, họ không phản đối thứ nào. Trong Phật pháp dạy con người điều gì, hoàn toàn không sai. Ở đây nói Bồ Tát hành pháp cúng dường, đây là cầu trí tuệ, trong Phật pháp đặt trí tuệ lên hàng đầu.

Tức có thể thành tựu cúng dường Như Lai, Như Lai là ai? Là chính mình. Chính mình có thành tựu, có thể ảnh hưởng đến người khác. Tất cả những người thiện căn thuần thực, họ sẽ học theo quý vị, noi theo quý vị, họ sẽ thành tựu. Vì sao vậy? Vì quý vị làm nên tấm gương tốt, tạo nên điểm mô phạm. Tu pháp cúng dường như thế nào? Người xưa có câu: Thân hành ngôn giáo. Chúng ta thực hiện đúng theo pháp này, pháp này là gì? Giới là pháp, định là pháp, đây là trong Phật pháp nói. Trong truyền thống văn hóa thì sao? Tổ tông dạy chúng ta thì sao? Ngũ luân là pháp, ngũ thường là pháp, tứ duy là pháp, bát đức là pháp.

Thông thường nói Trung quốc có 5000 năm văn hóa, thật ra không chỉ chừng đó, 5000 năm là có lịch sử ghi chép. Chúng ta biết văn tự phát minh vào thời đại Hoàng Đế, trước thời Hoàng Đế có chăng? Cũng có, có người khắc lên lưng rùa, khắc lên đá, nhưng không hình thành văn tự phổ biến. Không phải không có, hiện nay các nhà khảo cổ đã phát hiện. Bà la môn giáo của Ấn độ có hơn mười ngàn năm lịch sử, truyền thống văn hóa xưa tuyệt đối không ít hơn. Văn hóa trước khi có chữ viết, tôi tin rằng cũng vô cùng phong phú. Chúng ta quan sát từ ngôn luận của Khổng tử, Phu tử nói với chúng ta, cuộc đời ông: “Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”, hai câu này đáng để chúng ta suy nghĩ một cách sâu sắc. “Thuật nhi bất tác”, nghĩa là nói suốt đời ông không có phát minh, không có trước tác. Nói cách khác những gì ông học, những gì ông tu, những gì ông dạy và những gì ông truyền lại, hoàn toàn áp dụng của cô nhân. Tương truyền từ đời này sang đời khác, thời đại của ông đã có chữ viết, ông dùng văn tự ghi chép lại. Vì thế hậu nhân chúng ta xưng Khổng tử là người tập đại thành, ông là tập đại thành nền văn hóa cổ, bản thân ông không có sáng tạo, không có phát minh, rất vĩ đại! Sau đó ông lại nói: “Tín nhi hiếu cổ”. Đối với những gì thánh hiền truyền lại, ông tin tưởng không chút hoài nghi. Hiếu là yêu thích, ưa chuộng, ưa chuộng giáo huấn của thánh hiền, vì thế ông lãnh hội được tất cả những gì thánh hiền để lại. Vì sao vậy? Vì tâm ông mười phần thành kính. “Tín nhi hiếu cổ”, đó chính là chân thành, ông tiếp thu hoàn toàn, không hề hoài nghi lời dạy của thánh hiền. Hoài nghi ai thiệt thòi? Bản thân thiệt thòi, tự mình đóng cánh cửa của mình lại, tự đập nắp bát của mình lại, không hấp thụ được những gì của người khác, như vậy là sai.

Chúng ta tin rằng: Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức chắc chắn hình thành từ hơn mười ngàn năm trước. Truyền miệng, lúc đó chưa có văn tự, tương truyền từ đời này qua đời khác. Càng đơn giản càng tốt, có thể nhớ, không nhớ sai. Quý vị xem Ngũ luân chỉ có 20 chữ: Phụ tử hữu thân, bốn chữ. Quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín, 20 chữ. Như vậy có thể truyền sai ư? Truyền 100 ngàn năm cũng không sai được. Ngũ thường chỉ có năm chữ: Nhân lễ nghĩa trí tín, năm chữ. Tứ duy có bốn chữ: Lễ nghĩa liêm sỉ. Bát đức tám chữ: Hiếu đễ trung tín, nhân ai hòa bình. Quý vị xem chỉ vài chữ đơn giản như thế, đây là đạo chính thống ngàn vạn năm của cổ nhân. Quý vị xem về sau, sau này phát huy, nói tường tận hơn về những đạo lý này thành Tứ Thư Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh. Đến thời Càn Long nhà Thanh, biên tập thành một bộ đại tạng thư: Tứ Khố Toàn Thư. Loại học thuật nào, trước tác nào có thể vượt qua phạm vi này của cổ nhân? Không tìm thấy. Truyền thống văn hóa xưa là bốn khoa mục này, rất đơn giản, nhưng khiến quốc gia này, khu vực này, mảnh đất này ngàn năm nay ổn định và hòa bình lâu dài, nhân dân hạnh phúc. Một đất nước lễ nghĩa, là quốc gia hòa thuận, chỉ dựa vào bốn khoa mục đơn giản như thế. Máu

chốt ở đâu? Trên thực hành dưới làm theo. Ngày xưa làm đế vương, bản thân họ phải thực hành trước, trăm họ tự nhiên học theo. Nhà nhà đều thực hành, người người đều học theo, đó không phải là cúng dường Như Lai ư? Xã hội này, xã hội của thánh hiền, nhân dân ở đây đều là thánh hiền nhân, thánh hiền quân tử. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này.

Bồ Tát cúng dường là cúng dường pháp, trong pháp cúng dường có cúng dường của cải. Vì sao vậy? Đây là thân hành, làm gương cho người khác. Áp dụng Ngũ luân, ngũ thường trong cuộc sống hằng ngày, thực hành tứ duy bát đức. Tôi dùng thân thể mình áp dụng những điều này, thân là nội tài, thể hiện cho quý vị thấy. Nhà Phật nói: vì người diễn thuyết, diễn là biểu diễn, biểu diễn tức là thể hiện ra. Chỗ nào người ta không hiểu sẽ thỉnh giáo quý vị, quý vị nói rõ cho họ hiểu. Xem hiểu, minh bạch họ không hỏi, nếu có nghi hoặc họ sẽ hỏi, quý vị giải thích cho họ.

Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế đã áp dụng phương pháp này. Những lý luận, những phương pháp nói trong kinh điển, ngài thực hành triệt để. Người hiểu, căn tánh lành lợi liền khai ngộ, người thuộc trung hạ căn xem cũng không hiểu, không hiểu thì đến thỉnh giáo Phật, ngài giải thích cho họ. Kinh điển là giảng giải, những gì trong kinh điển nói Đức Phật đều thực hiện, bởi vậy ngài mới có sức nhiếp thụ lớn như thế. Khiến người khác khi tiếp xúc với ngài không ai không khâm phục, đều muốn học theo ngài. Vì thế bản thân chúng ta không thể không thực hành.

Đây gọi là Bồ Tát hành pháp cúng dường, tu hành như thế, đây là chơn chánh cúng dường! Sau khi hiểu tự nhiên họ thực hành được cúng dường của cải. Thánh hiền nhân và người bình thường khác nhau ở đâu? Ta gọi là thánh hiền nhân, gọi là chân nhân, phàm phu chúng ta là giả nhân. Trên hình thức thì giống người, thực tế không phải người, là giả không phải thật, thánh hiền là thật. Chân nhân là gì? Người nhân từ biết thương yêu thương người.

Như trong Đệ Tử Quý nói: *“Phàm là người đều yêu thương”*, quý vị có thể yêu thương người, đây là chân nhân. Đặc biệt là Phật Bồ Tát, mức độ thâm sâu của Phật Bồ Tát không thể nghĩ bàn. Ngài biết tất cả chúng sanh với mình là nhất thể, đó là yêu thương chân thành, yêu thương từ trong tự tánh hiển lộ ra. Không những người thương người, mà cây cỏ hoa lá cũng yêu, sơ hà đại địa cũng yêu. Cho nên trong Phật pháp nói về luân lý rộng hơn Nho giáo, Nho giáo không nói đến cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa. Yêu thương bình đẳng, yêu thương giống nhau, vì thế Phật pháp gọi là từ bi.

Từ bi và yêu thương có gì khác biệt? Trong yêu thương có tình cảm, trong từ bi không có tình cảm. Trong từ bi có lý, giác ngộ tình biến thành lý, mê lý biến thành tình. Nói cách khác, từ bi là sự yêu thương của giác ngộ, trong yêu thương còn có tình cảm mê muội. Vì thế Phật giáo dùng từ bi, không dùng danh từ yêu thương. Đây là chơn chánh cúng dường.

Bên dưới giải thích câu này: *“Dùng kiên trì đồng mãnh cầu chánh giác là cúng dường pháp, là chơn chánh cúng dường, tối thắng trong các pháp cúng dường. Cho nên vượt qua lấy dư vật cúng dường hằng sa các bậc thánh”*. Đến đây mới đem ý nghĩa đoạn sau của kinh văn nói cho chúng ta. Kiên là kiên quyết, đồng là đồng mãnh, cầu điều gì? Cầu chánh giác. Chánh giác nghĩa là vô thượng chánh đẳng chánh giác, đoạn này đã tinh lược bớt.

Vì sao học Phật? Học Phật nghĩa là cầu chánh giác, đây là chính xác, không cầu điều gì khác, cầu gì khác là sai lầm. Vì sao chúng ta học Phật? Vì làm Phật. Phật là gì? Phật là người giác ngộ cứu cánh viên mãn, tất cả pháp thế xuất thế gian trong quá khứ hiện tại vị lai, quý vị đều hiểu rõ, người này gọi là Phật. Trong thuật ngữ Tôn giáo, tán dương Thượng đế là đáng toàn tri toàn năng. Trong Phật pháp, chân Phật là đáng toàn tri toàn năng. Toàn tri toàn năng

từ đâu mà có? Là trong tự tánh chúng ta vốn có, tự tánh chính là toàn tri toàn năng. Mỗi người đều có tự tánh, mọi người là bình đẳng. Cho nên Đức Phật vô cùng khiêm tốn, đối với người khác rất tôn trọng. Vì sao vậy? Biết được tất cả chúng sanh vốn là Phật, cho nên Phật Bồ Tát không hề có chút tập khí ngạo mạn nào, đây là tu được từ trong bình đẳng. Bình đẳng là hạnh Bồ Tát.

Bất cứ sự cúng dường nào, cúng dường Chư Phật Bồ Tát, đều không bằng “*nư thuyết tu hành cúng dường*”. Chư vị nên nhớ câu này, Đức Phật dạy chúng ta như thế nào, chúng ta làm như thế đó, đây là chơn chánh cúng dường, đây là điều Phật Bồ Tát hoan hỷ nhất. Quý vị cúng dường gì, họ không cần, họ không dùng đến.

Khiến chúng ta suy nghĩ, lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, quý vị cúng dường gì ngài tiếp nhận? Ngài không tiếp nhận. Mỗi ngày lúc ra đi khát thực, trên đường khát thực, người ta cúng dường gì thì ăn thứ đó. Không có phân biệt, cũng không có kiêng kỵ gì. Ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, toàn bộ tài sản là ba y một bát. Y chính là chúng tôi đang đắp trên người, đây là y, ba chiếc. Đây là 25 điều, 25 điều gọi là đại y, lễ phục. Bình thường là bảy điều, lúc làm việc là năm điều, y bảy điều là bình thường đắp, 25 điều là lễ phục, đây chính là ba y. Buổi tối ngủ dùng làm mền đắp, vì Ấn độ thuộc nhiệt đới, có thể dùng để đắp, quen với cuộc sống này.

Phật giáo truyền đến Trung quốc thì không được, ba tấm y này làm mền đắp chắc chắn không chịu được, mùa đông quá lạnh. Phật giáo truyền đến Trung quốc, quả thật rất linh hoạt, Ngày nay chúng ta gọi là bản địa hóa, hiện đại hóa. Phật giáo rất thích ứng, có thể thích ứng hoàn cảnh, khi truyền đến Trung quốc trở thành văn hóa bản địa. Trung quốc hiện đại hóa, nó không giữ quy củ. Đến Trung quốc, mang y phục của người Trung quốc. Tôi mặc chiếc áo này, quý vị xem ông tay rất lớn, đây là áo tràng. Áo tràng là y phục thời nào? Thời nhà Hán. Phật giáo truyền đến Trung quốc vào thời nhà Hán, lễ phục thời nhà Hán chính là áo tràng. Lễ phục của người tại gia, quý vị xem cổ áo và ông tay thêu hoa văn. Người xuất gia là tồ phục, không thêu hoa văn, khác nhau ở điểm này, cho nên đây là phục trang thời nhà Hán. Áo đi đường hiện nay chúng ta mặc, bình thường mặc áo đi đường, áo đi đường là phục trang thời nhà minh. Đây là tùy thuận, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Ở Ấn độ, người xuất gia đều ngủ dưới gốc cây, buổi tối ngồi thiền dưới gốc cây là được. Ở Trung quốc không được, khí hậu ở đây không thích hợp, vì thế nhất định phải có phòng ốc. Khi Phật giáo truyền đến Trung quốc, các bậc đế vương Trung quốc lễ thỉnh đến Trung quốc. Khi đến, họ đàm luận vô cùng hoan hỷ. Rất nhiều đế vương đại thần lạy người xuất gia làm thầy, học tập với họ. Chư vị nên biết, Phật pháp là giáo dục, không có nghi thức Tôn giáo. Nghi thức Tôn giáo đều là về sau mới có, trước đó không có. Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế không có, không có công phu sáng tối, không có những nghi thức này. Đức Phật chỉ là mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp, khi quý vị có nghi vấn gì đến thỉnh giáo ngài, ngài giải đáp cho quý vị, toàn là dạy học. Những gì dạy quý vị, quý vị đều phải dốc sức làm, làm theo lời dạy đó, gọi là tu hành. Ví dụ dạy hàng sơ học, quý vị mới đến, Đức Phật dạy quý vị điều gì? Dạy quý vị ngũ giới, thập thiện, đây là điều mở đầu quý vị cần phải học. Dạy quý vị lục hòa kính, đây là vì mọi người sống cùng nhau, cần phải tuân thủ. Nó có quy củ, nếu không sẽ loạn. Dạy quý vị những điều này, quý vị đều làm được hết. Mỗi ngày đều dạy học, suốt 49 năm chưa nghỉ ngày nào, quả đúng là một người thầy rất có trách nhiệm. Chuyên ngành của ngài là thầy giáo, chúng ta nhận rõ thân phận. Đến nay chúng ta vẫn quen xưng hô như thế, quý vị xem chúng ta xưng ngài là Bôn Sư. Bôn Sư là gì? Thầy giáo căn bản, người thầy khai sáng. Chúng

ta tự xưng là đệ tử, đệ tử là học trò. Mối quan hệ giữa chúng ta và Đức Phật là quan hệ thầy trò, quan hệ giữa chúng ta và Bồ Tát là quan hệ đồng học. Bồ Tát là học sinh ngày xưa của Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng ta là học sinh ngày nay, học sau. Bồ Tát và chúng ta là quan hệ giữa đàn anh và đàn em, phải hiểu rõ điều này! Phật và chúng ta là quan hệ thầy trò. Hiểu rõ ràng mình bạch chúng ta học mới đạt được lợi ích. Đức Phật không phải thần, không phải tiên, Phật là người, là một người đại triệt đại ngộ. Người xưa gọi là thánh nhân, ở Ấn độ gọi là Phật. Cổ nhân chúng ta xưng là hiền nhân, Ấn độ gọi là Bồ Tát.

Không tử cũng có 3000 học sinh, 72 hiền nhân, 72 hiền nhân giống như Bồ Tát vậy, 72 người chúng được Bồ Tát. Còn chúng được vị thứ này hay không, tương đương với A la hán, rất nhiều. Cho nên Phật, Bồ Tát, A la hán là danh xưng ba học vị trong Phật giáo. Trong Tôn giáo không thể nói, người người đều xưng thượng đế, người người đều xưng thần, tuyệt đối không thể. Trong Phật pháp mỗi người đều có thể thành Phật, nghĩa là học vị này ai cũng có thể đạt được, nó là danh xưng của học vị. Chỉ cần buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, quý vị được xưng là Phật. Rất khó buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước có thể buông bỏ, người này gọi là Bồ Tát. Chưa buông bỏ phân biệt, nhưng đã buông bỏ chấp trước, người này là A la hán. Nếu tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước đều không buông được, người này gọi là phàm phu, chính là ý này. Phải hiểu rõ ràng mình bạch điều này.

Nên câu này là dạy chúng ta, người học Phật chơn chánh, mục tiêu của họ là thành Phật. Chúng ta phải phát tâm làm Phật, thật sự muốn tu thành chánh quả ngay trong đời này, như vậy phải không ngừng buông bỏ, không ngừng phục vụ cho tất cả chúng sanh. Mọi lúc mọi nơi đều làm gương cho tất cả chúng sanh, làm gương là thân giáo, làm mô phạm cho người khác noi theo. Khiến mọi người trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, trong xử sự đối nhân tiếp vật đều được học tập, học làm một người giác ngộ. Duy chỉ có người giác ngộ mới có thể buông bỏ tất cả, hy sinh tánh mạng cũng không tiếc, phục vụ cho tất cả chúng sanh. Đây gọi là hành Bồ Tát đạo, gọi là thật sự học Phật. Đây là cúng dường pháp, là chân cúng dường, là bậc nhất trong các pháp cúng dường.

Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, ba điều ở trước là lý luận, nói về nguồn gốc của vũ trụ, nguồn gốc của vạn vật, nguồn gốc của sinh mạng, tôi từ đâu đến, nói với quý vị về những điều này. Ba đoạn sau đều là nói về tu hành, làm sao để trở về tự tánh, nghĩa là làm sao để kiên trì đồng mãn cầu chánh giác. Quý vị xem, mở đầu nói với chúng ta về tứ đức, bốn loại này là tánh đức của tự tánh, chúng ta phải khôi phục nó.

“*Tùy duyên diệu dụng*”, tùy duyên mọi người đều biết, nhưng không biết diệu dụng. Tùy duyên là hằng thuận tất cả chúng sanh, diệu dụng là tâm địa thanh tịnh không nhiễm chút bụi trần nào. Nghĩa là nói, dùng tâm thanh tịnh bình đẳng chánh giác để tùy duyên, gọi là diệu dụng. Hôm nay chúng ta nói rất thô, nói rất cạn, vì sao vậy? Vì nó quá thâm sâu. Thực tế mà nói, Bồ Tát làm được, chúng ta không làm được. Chúng ta hiện tại như thế này, phải tu như thế nào?

Hơn 20 năm lại đây, khi tôi ở Mỹ thường nói: Buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn. Chúng ta bắt đầu tu từ đây, điều này chúng ta có thể làm được. Đây phải chăng là đã vào cửa Phật? Tôi nói một cách rõ ràng, chưa vào cửa Phật. Chúng ta tu như thế, tôi chỉ đưa mọi người đến trước cửa của Phật. Ngay trước cửa của Phật, chưa vào cửa. Vào cửa, chúng ta chưa đủ điều kiện. Phải dùng điều kiện của Phật mới có thể vào cửa được, phải giữ quy củ của ngài. Quy củ của ngài là phải phá 88 phẩm kiến hoặc của tam giới, chính là kiến phiến não. Hoặc là mê hoặc, kiến là kiến giải.

Hay nói cách khác, chúng ta nhìn sai đối với rất nhiều thứ của thế xuất thế gian, ta sửa đổi lại tất cả, như vậy mới có thể nhập môn. Đức Phật rất từ bi, 88 phẩm quá nhiều, ngài quy nạp nó thành năm loại lớn, như vậy đơn giản hơn. Đây quả là đại thánh đại hiền, càng đơn giản chúng ta càng dễ nhớ.

Thứ nhất là buông bỏ “*thân kiến*”. Quý vị xem lục đạo chúng sanh, ai không chấp trước thân này là ta? Đức Phật nói, đây là gốc rễ của tất cả mọi sai lầm, không đột phá cửa ải này, về sau không thể tiến bộ. Trước tiên phải khẳng định thân không phải tôi, khó được! Hiện nay các nhà khoa học phát hiện, thân quả thật không phải tôi, họ cũng nói như thế. Đặc biệt những nhà lượng tử lực học này, họ biết thân không phải tôi. Phải biết rằng tôi, tôi là bất sanh bất diệt. Thân thể này có sanh diệt, như vậy sao lại là tôi? Tôi là tự mình có thể làm chủ, thân này không làm chủ được. Thân có sanh lão bệnh tử, như vậy sao làm chủ được? Nếu có thể làm chủ, thân này của tôi mãi mãi chỉ mười tám tuổi thì tốt biết bao! Tôi có thể làm chủ, tôi bắt nó trường sanh bất lão, nhưng ở đây quý vị không làm chủ được, cho nên thân không phải tôi. Có cái tôi chân thật chăng? Có cái tôi thật. Trong Phật pháp gọi linh tánh là tôi, tức tự tánh của quý vị là tôi, nó bất sanh bất diệt, nó đầy đủ vô lượng trí tuệ đức năng, hoàn toàn là sự thật. Quý vị tìm nó trở về tức là thành Phật, nếu mê thất nó gọi là phạm phu. Cái tôi này ở đâu? Đương nhiên ở trong thân thể này, nhưng thân thể này không phải tôi. Chúng ta xem thân thể này giống như áo quần vậy, áo quần là tôi sở hữu, thân thể là tôi sở hữu, nó không phải tôi, đạo lý này rất thâm sâu, đây là điều đầu tiên cần phải buông bỏ.

Điều thứ hai là phải buông bỏ “*biên kiến*”, ngày nay chúng ta gọi là đối lập. Tôi và quý vị đối lập, tôi và anh ta đối lập, tôi và người đối lập, tôi và việc đối lập, tôi và tất cả mọi vật đối lập, như vậy là sai. Chân tướng giữa vũ trụ không có đối lập, là nhất thể, sao nó có thể đối lập? Đối lập gọi là biên kiến, điều này phải buông bỏ. Đối lập là gì? Là nguyên nhân của tất cả sự xung đột và mâu thuẫn, đối lập phát triển đến sau cùng chính là chiến tranh. Vì thế tiêu trừ xung đột, hóa giải chiến tranh bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ tiêu trừ quan niệm đối lập, sẽ không còn, tiêu trừ triệt để.

Tiếp theo chính là thành kiến, chúng ta gọi là thành kiến. Trong Phật pháp gọi là “*kiến thủ kiến, giới thủ kiến*”, hai loại này đều là thành kiến. Một là thành kiến trên mặt nhân, một là thành kiến về mặt quả. Trong tự tánh thanh tịnh tâm không có nó, nó sinh ra từ vọng tưởng. Nó không phải thật, cần phải buông bỏ. Buông bỏ thành kiến, ta có thể hằng thuận chúng sanh, sao cũng tốt, không có gì không tốt. Như vậy mới có thể nhận ra sự tốt đẹp của thế giới, được pháp hỷ sung mãn. Tất cả thiện duyên hay ác duyên, nghịch cảnh hay thuận cảnh, ở trong này ta đều có thể nhìn thấy chân thiện chân mỹ tuệ, như vậy mới vào được cửa Phật. Cửa Phật là lớp một, lớp một tiểu học, tiểu thừa gọi là Tu đà hoàn quả, đại thừa gọi là thập tín, Bồ Tát sơ tín vị. Thập tín ví như tiểu học từ lớp một đến lớp mười, quý vị là lớp một. Tuy đây là tiểu tiểu thánh, tiểu tiểu thánh đệ tử Phật, lợi ích lớn nhất của họ là tuy chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, họ tuyệt đối không đọa ba đường ác. Bảo đảm, tuyệt đối không đọa vào ba đường ác. Bảy lần lui tới cõi trời và cõi người, chúng được quả A la hán, ra khỏi lục đạo. Họ luân hồi trong lục đạo là có thời hạn, không lâu, bảy lần lui tới cõi trời và cõi người là họ ra khỏi lục đạo, phải hiểu điều này.

Chúng quả A la hán nghĩa là học vị trong Phật giáo, chúng A la hán là đạt được học vị đầu tiên. Họ thành A la hán như thế nào? Tâm họ thanh tịnh. Trong đề kinh này nói: “*Thanh tịnh bình đẳng giác*”, nghĩa là ba tiêu chuẩn, được tâm thanh tịnh là A la hán, được tâm bình

đăng là Bồ Tát, đại triệt đại ngộ là giác, tức thành Phật. Ba tiêu chuẩn này gọi là kiên trì đồng mãnh cầu chánh giác, chúng ta phải đặt mục tiêu vào đây.

Bản thân phải hiểu rằng, đương nhiên quan tâm hàng đầu là người nhà. Chúng ta phải giúp người nhà mình thành chánh giác ngay trong đời này, có được chăng? Gặp được Tịnh độ tông là được, chỉ cần quý vị tin sâu không nghi đối với pháp môn này. Tin sâu không nghi ngờ có hai hạng người, một là người có thiện căn sâu dày, thiện căn trong đời quá khứ. Họ vừa tiếp xúc liền tin tưởng, không hề hoài nghi. Hai là người khác không có thiện căn sâu dày như thế, con người tôi thuộc hạng người này, không có thiện căn sâu dày. Tôi hoàn toàn tin tưởng vào Tịnh độ, mất khoảng 30 năm công phu. Huân tập trong kinh điển đại thừa, mới thật sự rõ ràng minh bạch, quả thật rất may mắn. Nếu không thâm nhập kinh giáo, rất khó kiến lập niềm tin này, khi hoàn toàn thấu hiểu mới không còn hoài nghi. Kiến lập được niềm tin, vãng sanh nằm trong tầm tay, không còn lưu luyến thế gian này. Nếu như còn lưu luyến thế gian này, như vậy là lòng tin chưa đủ. Khi niềm tin đầy đủ, nhất định không còn lưu luyến, nghĩa là ta thật sự buông xả. Giúp người nhà buông bỏ, giúp bạn bè thân thích buông bỏ, giúp tất cả chúng sanh buông bỏ. Giúp tất cả chúng sanh đó là học pháp Bồ thí. Bây giờ nhân duyên rất tốt, ngày nay chúng ta tu pháp Bồ thí, cổ nhân đều rất ngưỡng mộ. Quý vị xem các bậc cổ đức xưa nay giảng kinh dạy học được mấy người nghe? Mấy người được lợi ích? Ngày nay phát minh của các nhà khoa học giúp ích rất lớn cho chúng ta, chúng ta có vệ tinh, có mạng internet. Trên địa cầu này, bất luận ở phương trời nào, mọi người đều có thể cùng xem qua mạng internet, truyền hình vệ tinh phát 24 giờ không gián đoạn. Điều này cổ nhân rất ngưỡng mộ! Không những cổ nhân, mà trước chúng ta một đời, thầy của tôi rất ngưỡng mộ.

Tôi theo thầy mười năm, giảng đường nơi thầy giảng kinh, có 400 chỗ ngồi. Pháp duyên của thầy rất thù thắng, hầu như đều không có chỗ trống. Khi nhiều, quý vị thấy ở cửa sổ, ngoài công, có rất nhiều người đứng bên ngoài nghe, còn rất nhiều người đứng bên ngoài để nghe, tối đa cũng không quá 500 người. Ngày nay chúng ta lợi dụng công cụ này, đồng thời ở đây cùng nhau học tập, tôi nghĩ trên toàn thế giới tuyệt đối không chỉ mười ngàn người. Đây là nhờ sự trợ giúp của công cụ khoa học, chúng ta phải biết cách vận dụng, vận dụng công cụ khoa học. Chúng tôi cũng không giám tưởng tượng, trang bị công cụ khoa học kỹ thuật cần nhiều tiền. Đặc biệt là truyền hình, phí của nó tính bằng phút bằng giây, chúng tôi sao giám nghĩ đến? Khi tôi mới học Phật, thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi về điều này. Thầy nói, anh đừng xem thường truyền hình, nó phát huy tác dụng rất lớn. Nếu dùng nó để dạy học, dùng nó để giảng kinh, đây là điều quá tốt. Thầy từng nói mấy lần, chúng tôi rất có ấn tượng, nhưng trước sau không dám nghĩ đến.

20 năm trước, khi tôi hơn 60 tuổi, chúng tôi bắt đầu sử dụng mạng internet. Dùng truyền hình vệ tinh đến nay được tám năm, tác dụng của vệ tinh rất lớn, tám năm. Bắt đầu phát sóng từ tết nguyên đán năm 2003, rất có hiệu quả. Công cụ này ngày xưa là vọng tưởng, hiện nay thật sự đã làm được, mà hiện nay giá thành ngày càng thấp. Bây giờ chúng ta tin rằng, năm ba năm sau mở rộng mạng internet thay thế truyền hình, vì vệ tinh giá thành vẫn rất cao. Tôi từng thấy, hiệu quả không tệ, có thể thay thế truyền hình, giá thành rất thấp, ngày càng tiện lợi. Có người dùng ti vi nhỏ có thể xem được, chỉ lớn bằng gói thuốc bỏ trong túi áo. Bất luận ở đâu mở ra, có thể nhận được kênh truyền hình của các nơi, nó đều nhận được. Cho nên về sau giảng kinh rất tiện lợi, bất luận ở đâu nghe giảng kinh đều rất dễ dàng. Vì thế giáo dục nhất định đi theo con phương hướng này.

Con đường dài dạy học, số ít thầy giáo có thể nhận được hiệu quả lớn. Thế gian này người có thiện tâm còn rất nhiều, những nhà xí nghiệp kinh doanh họ vẫn chưa nghĩ đến. Quý vị xem họ mua quảng cáo trên ti vi, tốn rất nhiều tiền. Nội dung phát sóng phải thích hợp sở thích đại chúng, sở thích của đại chúng là gì? Đều cho rằng bạo lực, sắc tình, sát đạo dâm vọng, đều là những chuyện này. Đâu biết rằng, người thật sự yêu thích luân lý đạo đức, cũng có rất nhiều! Không cần hòa theo tâm lý một số đại chúng, có một số đại chúng không có tâm lý này. Không phải tâm lý này, không phải mọi người đều xem? Họ không xem được các tiết mục khác, họ không so sánh được. Nếu xem được các tiết mục khác, họ không xem tiết mục này. Chúng ta tin rằng: Nhân chi sơ, tánh bản thiện.

Đài truyền hình Phụng Hoàng HongKong, trong nước đều biết, đều xem được tiết mục của họ. Ông chủ là Lưu Trường Lạc, cũng là bạn tốt của tôi. Tôi nói với ông ta, nghề làm quảng cáo này của ông quá gian khổ, mỗi ngày đều bận rộn, công ty phải đóng thuế. Tôi nói tôi cũng có một đài truyền hình, nhưng không có quảng cáo, cũng hoạt động được tám năm. Không cần ai trả tiền, chỉ lấy số thẻ ngân hàng của chúng tôi, trong lúc tôi giảng kinh thông báo qua, sẽ có người gửi tiền đến, tự động gửi đến. Thu nhập không tệ, có thể duy trì, hà tất chúng ta phải tạo nghiệp? Vì sao không tuyên dương những điều tốt đẹp, những điều chính diện? Điều này cần phải có niềm tin, không có niềm tin rất khó làm được.

Ngày nay chủ tịch kinh doanh đài truyền hình này là bà Trần, sáng hôm nay bà có đến. Năm đó bà nói với tôi về điều này, tôi không tin, lúc đó bà kinh doanh luôn thất bại, năm nào cũng lỗ vốn. Cũng may nhà bà nhiều bất động sản, đại khái bán đi cũng rất nhiều. Cho nên về tinh này, trước khi phát sóng một tuần bà nói với tôi: Tết nguyên đán 2003 bắt đầu phát sóng. Tôi nghe vậy thì nói tốt, xem bà hoạt động được một tuần chẳng. Kết quả một tuần qua đi, không tệ. Phát sóng được một tuần tôi nói với bà, thử xem bà duy trì được một tháng chẳng. Một tháng trôi qua, tôi nói xem bà có duy trì được ba tháng chẳng? Sau đó quả thật đã thành công, có rất nhiều người ủng hộ bà, không đơn giản. Bởi vậy mới biết, người nhiệt tâm với truyền thống văn hóa, nhiệt tâm với kinh điển Phật giáo rất nhiều! Trên toàn thế giới không ít. Mỗi tháng mọi người gửi đến một ít tiền, ở nước ngoài gửi đến năm mươi USD. Bà thu tiền như thế, không có ai ủng hộ số tiền lớn. Quý vị nói, có ai gửi cho bà mười vạn USD, không có, chưa từng có, đều là số tiền nhỏ, từ trên toàn thế giới gửi đến. Như vậy là đủ, bà có thể tiếp tục kinh doanh, bây giờ đã hoàn toàn đủ niềm tin. Công cụ truyền hình này rất phương tiện, đây là bố thí, bố thí pháp, biết bao nhiêu người được lợi ích. Chúng ta mượn công cụ này, đồng nghĩa là mặt đối mặt cùng nhau chia sẻ, cùng nhau tu hành. Cùng nhau tu hành không phải tụng kinh, không phải bái sám, không phải tổ chức pháp hội, cộng tu là cùng nhau học tập. Cho nên Phật pháp_tôi nói Tôn giáo, nếu Tôn giáo không trở về với nền giáo dục, tương lai Tôn giáo sẽ đi vào con đường cùng, không ai tin. Tin tức này là Vatican nói với tôi.

Tháng sáu năm nay, tôi đi cùng đoàn Tôn giáo của Malaysia, rất khó được Tôn giáo Malaysia cũng đã đoàn kết. Mới đầu là tôi giúp Singapore, Singapore có chín Tôn giáo đoàn kết thành anh chị em người một nhà, có lợi đối với sự an định của xã hội Singapore, lúc đó tổng thống Vương Đình Xương rất hoan hỷ. Sau đó giúp Tôn giáo Indonesia đoàn kết, hiện nay Tôn giáo Malaysia cũng đoàn kết. Tôi đi với họ ra nước ngoài phỏng vấn, hình như là năm 2005, tôi đi cùng phái đoàn phỏng vấn của Tôn giáo Indonesia, phỏng vấn Ai Cập, phỏng vấn La Mã, trở về cũng phỏng vấn Trung quốc.

Lần này đoàn Tôn giáo Malaysia phỏng vấn Vatican, chúng tôi học hỏi được rất nhiều điều. Giao lưu có hai chủ đề, thứ nhất là phát triển Tôn giáo trong tương lai, các Tôn giáo nên hợp tác như thế nào? Tôi kiến nghị là trở về với nền giáo dục, phải lấy giáo dục làm chủ, còn nghi thức có thể có, có thể không, dạy học quan trọng hơn tất cả. Hiện nay giáo dục học đường ngày càng phổ cập, một số người tin khoa học không tin Tôn giáo. Những nghi thức quy củ của Tôn giáo, trong cách nhìn của lớp thanh niên là mê tín, người học khoa học cũng không tiếp thu, cho nên nhất định phải trở về giáo dục.

Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, dạy học suốt 49 năm, không có nghi thức Tôn giáo, điều này quý vị nhất định phải biết. Tuy có Tam quy ngũ giới là dạy chúng ta học, không phải chúng ta cùng nhau tu, mà sự tu hành ở mỗi người. Chỉ có cùng nhau học, tu hành là ở mỗi cá nhân, Đức Phật xưa nay không quản lý điều này. Cho nên phải biết về lịch sử trong quá khứ, Tôn giáo nhất định phải trở về với giáo dục.

Chúng ta tu học nhất định phải có phương hướng, phải có mục đích. Quả thật đoạn phiên ngữ nói thì dễ, làm mới khó, mấy người làm được? Không phải người có thiện căn như trong kinh Đức Phật nói, đầy đủ thiện căn phước đức nhân duyên, không dễ làm được. Trong tình hình này, chúng ta mới biết cảm ân pháp môn Tịnh độ. Đọc cuốn kinh này, cảm ân tỳ kheo Pháp Tạng, đây là tiền thân của Phật A Di Đà. Pháp môn này đem đến cho chúng ta, hàng trung hạ căn được lợi ích vô cùng.

Ngài ở thế giới Cực Lạc_Nói như chúng ta hiện nay, ngài đã thành lập nên một ngôi trường Phật giáo. Chúng sanh khắp mười phương thế giới, chỉ cần muốn đến đó cầu học, quả thật là không cự tuyệt người đến. Chỉ cần ta hoan hỷ đến, ngài đều thu nhận. Điều kiện nhập học rất đơn giản, quý vị tin ngài, muốn đến thế giới Cực Lạc, chân thành niệm Phật A Di Đà. Như vậy là được, rất đơn giản. Vạn người tu vạn người đi!

Có người hỏi tôi, nói pháp môn này khi lâm mạng chung, một niệm đến mười niệm là vãng sanh, thật có câu này chăng? Có thật, ở trong kinh này. Một niệm mười niệm đến lúc lâm mạng chung mới được, nhưng lúc lâm mạng chung quý vị không niệm thì không thể vãng sanh. Nuôi binh ngàn ngày, dùng trong một chốc. Chúng ta niệm hằng ngày để làm gì? Ngày ngày niệm là nuôi dưỡng nó thành thói quen, lúc lâm mạng chung luôn nhớ đến Phật hiệu không quên. Đúng vậy, vãng sanh hay không là ở một niệm sau cùng, không phải bây giờ, bây giờ niệm nhiều cũng vô dụng. Nhưng không thể không niệm, niệm để tập thành thói quen, đạo lý là như vậy. Quý vị nghe như thế tuyệt đối đừng ngộ nhận, luôn nghĩ rằng có sự may mắn. Bây giờ niệm liên quan, bây giờ có thể không cần niệm, đến lúc sắp chết hãy niệm. Nếu lúc già quý vị mắc bệnh đặng trí của người già thì sao? Người khác trợ niệm, còn quý vị không có cách nào. Phước báo lớn nhất của con người là gì? Tuổi già mạnh khỏe sống lâu, đây là phước báo lớn nhất, khi sắp lâm chung đầu óc rõ ràng minh bạch. Bởi vậy cần phải tích lũy công đức, phải đoạn ác tu thiện, đây là gì? Là phương pháp tu học để được mạnh khỏe trường thọ.

Chúng ta kính trọng người lớn, nó có nhân quả. Chúng ta yêu thương người già, kính trọng người già, giúp đỡ người già, khi chúng ta già sẽ có rất nhiều người trẻ tuổi giúp chúng ta, tôn trọng chúng ta, cùng một đạo lý. Nếu bây giờ chúng ta khinh thường người già, không quan tâm người già, đến khi chúng ta già phải chịu quả báo như thế, ai quan tâm quý vị? Chúng ta nghĩ đến bản thân sẽ già, nhất định đặc biệt yêu thương chăm sóc người già, phải giúp đỡ họ, phải giải quyết rất nhiều vấn đề khó khăn giúp họ.

Tôi thường nghĩ đến vấn đề này, nghĩ rất nhiều năm, muốn thành lập một viện dưỡng lão. Trong viện dưỡng lão, từ viện trưởng đến nhân viên, mỗi người đều là con hiền cháu thảo, viện dưỡng lão này mới thành công. Tôi rất coi trọng việc làm này, ở nước ngoài bất luận đi đến đâu, tôi nhất định đến xem nơi này trước, tôi đi xem sự nghiệp phúc lợi của người già. Ở Úc châu, về phương diện vật chất chăm sóc rất chu đáo, Úc châu tốt hơn Mỹ, tốt hơn Canada. Nhưng họ coi đây như một công việc phải làm, họ làm rất siêng năng, nhưng không có tâm hiếu thảo, không có tâm cung kính, phục vụ rất chu đáo. Ví dụ khi các ông bà cụ cần người chăm sóc, bốn phía nơi họ ở đều có chuông điện. Bấm bất kỳ chuông điện nào, nhân viên hộ lý nhất định có mặt trong vòng hai phút, họ làm được điều đó, nhưng không có tâm hiếu kính. Làm sao để trong tổ chức này thực hành được Đệ Tử Quy, thực hành Cầm Ứng Thiên, vậy thì quá tốt. Bổ sung môn học này vào, như vậy nó sẽ rất hoàn thiện.

Tôi cũng thường nói đến vấn đề này, cũng có một số người nghe xong rất cảm động, rất muốn thực hiện. Tôi nói thật sự muốn làm, trước tiên phải đến Úc Châu để khảo sát, sau đó ta bổ sung thêm những gì họ còn thiếu sót, như vậy sẽ hoàn mỹ vô cùng. Làm nên một điểm mô phạm hàng đầu trên toàn thế giới, điểm mô phạm của dưỡng lão, điểm mô phạm của giáo dục trẻ em. Phải làm, không làm được tấm gương tốt, nói cũng vô dụng, người ta không tin. Điều phải thể hiện ra, người ta nhìn thấy mới tin, mới có hiệu quả thù thắng.

Bên dưới chúng ta đọc qua một lượt: “*Cu chi trong đoạn văn ở trên*”, đây là tiếng Ấn độ, “*gọi là ngàn vạn*”. “*Na do tha*”, người xưa gọi là vạn vạn, nghĩa là ức. Người Ấn độ gọi là na do tha, người Trung quốc gọi là ức, tức là vạn vạn. “*Bên dưới con số càng nhiều hơn, sau cùng là ưu bà ni sa đà phân*”, đây là ví dụ, là ví dụ. “*Đem đại địa*” chính là địa cầu, nghiền nát địa cầu ra thành gì? Nghiền nát ra thành vi trần. “*Vi trần cực kỳ vi tế, số này rất nhiều*”, đem toàn bộ vũ trụ nghiền nát ra làm bột, mài thành vi trần, số lượng này không sao tính kể. Đây là ví dụ con số cực kỳ lớn. “*Công đức cúng dường pháp, như tổng số hết thấy vi trần trong địa cầu. Đối với công đức cúng dường vật chất, còn không bằng một vi trần*”. Ví dụ này chúng ta cũng nghĩ, nhưng nghĩ không ra! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rất thông minh. Đem địa cầu mài thành vi trần, một hạt vi trần là một công đức, công đức nhiều như thế, tổng số công đức lớn như thế. Đối với công đức cúng dường của cải, cũng không bằng một hạt vi trần của nó. Đây là nói cúng dường pháp, công đức cúng dường pháp giống như một hạt vi trần trong địa cầu, cúng dường của cải không thể sánh được. Kinh Kim Cang nói rất tường tận: Dùng bảy báu trong đại thiên thế giới bố thí, cũng không bằng nói cho người khác nghe bốn câu kệ. Bốn câu kệ như bài kệ này của chúng ta, một bài kệ có bốn câu. Công đức nói một bài kệ này, hơn bố thí bảy báu trong đại thiên thế giới. Điều này người đọc Kinh Kim Cang không ai không biết.

“*Càng không thể so sánh với tổng số của vi trần trong địa cầu*”, đây là nói công đức cúng dường pháp. Chúng ta cần phải tin vào điều này, vì sao vậy? Vì Đức Phật không vọng ngữ, mỗi lời Đức Phật nói đều là sự thật. Vì sao công đức cúng dường pháp lớn như thế? Vì pháp có thể khai trí tuệ, pháp có thể giúp chúng ta kiên tánh, pháp giúp chúng ta thành Phật, của cải không làm được. Của cải dù nhiều đến đâu chỉ có thể tu phước, giúp con người giải quyết vấn đề sinh hoạt vật chất trước mắt, đạo lý là như vậy. Nếu đã hiểu, ngày nay chúng ta muốn tu công đức, công đức gì lớn nhất? Pháp, pháp tu như thế nào? Bồ Tát Phổ Hiền dạy chúng ta: “*Thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trú thế*”, công đức này không thể nghĩ bàn! Thỉnh chuyển pháp luân là thỉnh các bậc cao tăng, bất luận tại gia hay xuất gia đều được,

thỉnh họ đến đây giảng một bộ kinh, công đức này rất lớn! Trong thỉnh chúng thật sự có người khai ngộ, thậm chí có người chứng quả, quả này chúng ta phải biết.

Hiện nay tu pháp bố thí, tu công đức lớn nhất. Ví dụ quý vị thành lập một đài truyền hình, họ bỏ ra năm đồng, mười đồng, ủng hộ cho đài truyền hình này, làm như vậy là tu pháp bố thí. Trong đó tôi cũng có một phần công đức của pháp bố thí, lợi ích chân thật! Quý vị biết ở trước ti vi, trước màn hình vi tính, có bao nhiêu người học tập? Chỉ cần có một hai người tu hành chứng quả, công đức này là chân thật, không phải giả. Mắt thường chúng ta có thể thấy được, chúng ta không thấy được càng nhiều hơn, chúng ta không nói đến điều này. Vì người bây giờ nói đến khoa học, đời khoa học tiến bộ hơn, máy móc phát triển hơn, khiến chúng ta thấy được ngạ quỷ, có thể thấy được cõi trời tôi sẽ tin. Bây giờ chưa có công cụ này, đời có công cụ này chúng ta sẽ biết, chân thật không hư vọng. Chúng ta hiểu được đạo lý này, hòa thượng còn làm gương cho chúng ta. Hòa Thượng đây là đại sư Ấn Quang. Khi tôi học kinh điển với thầy Lý ở Đài Trung, sư phụ của thầy Lý là đại sư Ấn Quang, Tịnh độ là Tổ sư Ấn Quang truyền cho thầy, suốt đời thầy tu học theo pháp môn này. Thầy học kinh điển, kinh điển là Mai Quang Hy truyền cho thầy. Thầy Mai cũng là cư sĩ, là cậu của Hoàng Niệm Tổ, là bạn tốt của cư sĩ Hạ Liên Cư, bạn đồng tu, Hạ Liên Cư hội tập kinh này. Ở sau chúng ta chưa giảng đến, 48 nguyện trong phẩm thứ sáu, thầy Mai cũng tham dự. Ba người họ dùng thời gian ba tháng để hội tập phẩm này, phẩm này là phẩm quan trọng nhất của toàn kinh.

Suốt đời của đại sư Ấn Quang, tất cả mọi thứ cúng dường ngài nhận được đều làm một công việc_In ấn kinh. Ngài dùng tiền thập phương cúng dường mở một xưởng in, tự mình in ấn, tự mình xuất bản, chính là hoằng hóa xã tại chùa Báo Quốc Tô Châu. Hoằng hóa xã xuất bản rất nhiều sách, hiệu đính rất chính xác, trong thời cận đại có thể nói nó là bản đẹp. Đây là đại sư Ấn Quang tiếp nhận tứ chúng cúng dường, ngài không dùng một đồng nào, tất cả đều dùng vào công việc này. Khi gặp thiên tai như đói khát, hạn hán, lũ lụt, ngài rút ra mấy ngàn trong khoản tiền in kinh để cứu tế, lúc đó mấy ngàn là đồng bạc, rút ra hai ba ngàn đồng bạc đi cứu tế. Toàn bộ đều dùng để in sách kinh, sách hay. Tôi học cúng dường pháp từ đại sư, tôi có tiền không làm gì khác, cũng làm việc này. Cả đời tôi dùng tiền vào ba nơi, số lượng lớn nhất là ấn tống kinh luận sách hay. Chúng tôi in Đại Tạng Kinh, chắc sắp được mười ngàn bộ, sách hay đều in đem đi tặng. Việc thứ hai là phóng sanh, phóng sanh là tùy duyên. Có người làm việc phóng sanh này, tôi đều tùy duyên cúng dường, đây là chuộc tội cho bản thân. Lúc trẻ, vào thời kỳ kháng chiến, không biết những điều này. Thích săn bắn, tôi săn bắn suốt ba năm, vì thế tôi bắn súng rất giỏi, hầu như bách phát bách trúng, mỗi ngày đều đi săn bắn. Khi học Phật rồi mới biết, nghiệp sát này quá nặng. Bởi vậy vừa học Phật là ăn chay, phóng sanh, để chuộc tội. Thứ ba là bố thí tiền thuốc men, tôi tặng tiền vào bệnh viện, chuyên giúp những người nghèo khổ mua thuốc. Tiền tôi có được đại khái đều dùng vào ba phương diện này.

Tôi ở Đồ Văn Ba Úc Châu, Đồ Văn Ba có một bệnh viện của thành phố, mỗi năm tôi ủng hộ vào đây 120 ngàn tiền Úc. 120 ngàn này là mỗi tháng 10 ngàn tiền thuốc, bố thí thuốc men. Ngoài ra có một trung tâm lâm chung quan hoài do đạo Cơ đốc thành lập, làm rất tốt. Người già sắp lâm chung, họ chăm sóc rất chu đáo, không phân biệt Tôn giáo. Chúng ta là Phật tử, họ dùng nghi thức Phật giáo cho chúng ta, chúng tôi thấy như thế rất hoan hỷ. Họ thiếu kinh phí đến nhờ tôi ủng hộ, tôi cảm thấy công việc này rất tốt, tâm lượng rộng rãi. Không chỉ là đạo Cơ đốc, Tôn giáo nào họ cũng đều hiệp trợ, dùng tâm bình đẳng. Mỗi năm

tôi cũng ủng hộ họ 120 ngàn, nghĩa là một tháng 10 ngàn, mỗi năm sau tết là đưa đi, đây là bố thí vô úy.

Tôi thường nói, tôi sẽ không bị bệnh, vì sao vậy? Vì tôi không có tiền thuốc, tiền thuốc đều bố thí hết. Nếu người ta mua bảo hiểm y tế, nhất định bị bệnh, vì sao vậy? Nếu không bảo hiểm họ không dùng đến, trong tâm họ có bệnh! Trong tâm chúng tôi không có bệnh, tiền thuốc men đều bố thí hết. Nhưng điều này đều là đại sư Ấn Quang dạy. Quý vị xem Văn Sao của ngài, hành nghi một đời của ngài. Bình thường bản thân nhất tâm niệm Phật, nhất tâm cầu sanh Tịnh độ, điều này quan trọng hơn tất cả. Sanh Tịnh độ là thành Phật, chắc chắn, vì sao không làm.

Đời này tôi giảng không ít bộ kinh, vì sao không chuyên giảng kinh điển Tịnh độ? Trong tâm tôi muôn chuyên giảng kinh điển Tịnh độ, nhưng không được, người ta đến yêu cầu. Bản thân tôi không có đạo tràng, nên biết tôi học Phật đến sang năm là 60 năm, một giáp. Không có đạo tràng, lưu lạc khắp nơi, sống đời lưu lạc. Tôi thấy người khác có đạo tràng, trong lòng rất ngưỡng mộ, rất khó được. Quý vị xem, có thể ở một chỗ không cần đi đâu, còn tôi lưu lạc khắp nơi, bởi vậy ở đâu mời giảng kinh thì đi đến đó. Tuy ở Mỹ mười mấy năm, nhưng đi khắp nơi, một năm đi qua rất nhiều Châu, những vùng gần nước Mỹ. Ở trên là Canada tôi thường đến đó, đích thực không ở nơi nào cố định. Cũng may bình thường có thể an ủi, suốt đời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không ở nơi nào cố định, tôi còn tốt hơn ngài, còn có nơi ở, còn có phòng để ở. Đức Phật ở dưới gốc cây, không có nhà để ở, quả thật không đơn giản. Nhưng tôi đem phương pháp tu học, một chút kinh nghiệm thành tựu, nói rõ với mọi người khi chúng ta cùng nhau chia sẻ. Một người muốn thành tựu, đúng là ở mỗi người, không do hoàn cảnh. Có môi trường đương nhiên tốt, không có môi trường, cá nhân cũng thành tựu như thường.

Khi tôi cầu học có hoàn cảnh tốt, đạo tràng của thầy Lý. Thầy thành lập một Liên xã ở Đài Trung, tức bây giờ chúng ta gọi là Tịnh Tông Học Hội. Thầy thành lập một thư viện, thư viện Từ Quang. Tôi thích đọc sách, nên phục vụ trong thư viện, làm công quả. Ngoài công việc hằng ngày ra, tôi còn một ít thời gian đọc sách. Tôi theo thầy Lý mười năm, nền tảng kinh điển học được từ đây. Học với đại sư Chương Gia ba năm, cơ sở học Phật của tôi, nền tảng vững chắc là nhờ học ba năm với đại sư. Đại sư dạy tôi nhìn thấu buông bỏ, dạy tôi học Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Phương hướng và mục tiêu này vô cùng chính xác, tôi mới hiểu tu học của Phật pháp, căn bản của căn bản ở chỗ buông bỏ. Đại sư nói với tôi: Nhìn phải thấu, buông phải được, đây là bí quyết.

Nhìn thấu nghĩa là thấu triệt, thấu triệt giúp ta buông bỏ, buông bỏ giúp ta càng thấu triệt. Từ sơ phát tâm đến Như Lai địa, đều nhờ hai phương pháp này hỗ trợ thành tựu. Thấu triệt là trí tuệ, buông bỏ là chân công phu. Không buông được là hổng, không buông được là cả đồng phiền não, sẽ không có thành tựu. Buông bỏ đừng sợ hãi, đừng nghĩ rằng tôi buông bỏ tất cả, vậy cuộc sống ngày mai của tôi phải làm sao? Đừng nghĩ đến ngày mai, đừng nghĩ đến sang năm, điều này một người xuất gia tu hành tuyệt đối không cho phép. Ngày mai vẫn chưa đến, nghĩ nó làm gì?

Tôi tin vào thân Hộ pháp, tôi không có gì cả, thầy Hộ pháp sẽ chăm sóc tôi. Không chăm sóc tôi thì sao? Ngài không tròn trách nhiệm, ngài sẽ bị cách chức. Tôi tu đạo chơn chánh, ngài hộ pháp thì phải chịu trách nhiệm này. Nếu bản thân tôi truy cầu danh văn lợi dưỡng, đương nhiên ngài không cần hộ tôi. Ngài có thể không để ý đến tôi, nếu tôi tìm cầu danh văn lợi dưỡng. Ngày nay tôi nhất tâm cầu đạo, nếu tôi chết đói, chết lạnh, ngài có chịu

trách nhiệm chẳng? Có cảm ứng, là thật không phải giả. Chư Phật hộ niệm, Thiên long thiện thần bảo hộ. Huống gì thầy dạy tôi bố thí, càng bố thí càng nhiều, càng nhiều càng bố thí. Bởi vì nhiều quá cũng phiền, suy nghĩ tiền này nên dùng như thế nào.

Một tín đồ của Malaysia cúng dường một số tiền, quý vị xem tôi suy nghĩ năm sáu năm nên dùng tiền này như thế nào. Cúng dường cho tôi một số tiền lớn, 500 vạn USD. Cho nên lúc đó tôi thường vào quốc nội, ông Triệu Bộc vẫn còn, Hoàng Niệm Tổ vẫn còn, mỗi năm tôi đều đi một hai lần, đi thăm bạn bè. Cục Tôn giáo rất tốt đối với tôi, đi cùng tôi đến Phòng Sơn xem Thạch kinh, tôi nhìn thấy vô cùng hoan hỷ. Tôi nói với cục trưởng Diệp, tôi có 500 vạn USD, dùng để in Thạch kinh này, in một ngàn bộ tặng cho quốc gia. Quốc gia có thể làm quà, tặng cho các thư viện của các quốc gia khác lưu giữ, rất có ý nghĩa, ông đã bằng lòng. Sau đó đàm luận, đàm luận rất nhiều lần, nhưng không đến đâu, đành bỏ dở, số tiền này vẫn còn đó.

Năm ngoái tôi gặp được một cơ hội, nhà in ấn Thương Vụ Đài Loan tái bản Tứ Khố Toàn Thư. Đây là cơ hội tốt, nên tôi đặt 100 bộ, một bộ năm vạn, một trăm bộ 500 vạn. Sách in xong, bây giờ để ở HongKong 40 bộ, còn 30 bộ chưa giao đi đâu cả, 30 bộ khác đã đem tặng. Tặng Úc Châu 10 bộ, Indonesia 10 bộ, Malaysia 10 bộ, rất hay! Tôi vốn muốn tặng cho các trường đại học trong nước, việc tốt.

Nếu không có tiền thì sao? Không có tiền tôi cảm ơn trời đất, đầu óc không cần suy nghĩ. Người ta đưa tiền đến, tôi phải nghĩ dùng nó như thế nào? Làm sao để làm việc thiện thay họ? Vì thế không có tiền là tốt nhất. Đây là tiền nhiều thì làm nhiều việc tốt, tiền ít làm ít việc tốt, không có là tốt nhất! Tôi không cần lo lắng, nhất tâm niệm Phật A Di Đà. Tất cả đều tùy duyên, không cần phan duyên, tâm sẽ thanh tịnh. Quý vị muốn làm việc gì, phải tìm người giúp đỡ, tâm không thanh tịnh, điều này chướng ngại việc tu hành của chúng ta.

Mấy câu sau nói: *“Đây là khen ngợi công đức cúng dường pháp không thể nghĩ bàn. Sự so sánh này nói rõ Bồ Tát Pháp Tạng kiên trì dũng mãnh cầu chánh giác”*, vì sao vậy? Ở đây chúng ta cần phải lãnh hội được, vì sao Bồ Tát Pháp Tạng nhất tâm muốn thành Phật? Vì thành Phật mới có thể kiến tạo thế giới Cực Lạc, kiến tạo thế giới Cực Lạc mới có thể lợi ích tất cả chúng sanh khổ nạn khắp biên pháp giới hư không giới. Ngài vì điều này, ngài không phải vì mình.

Thế giới tây phương Cực Lạc là ngôi trường lớn, trong đất nước này không có quốc vương, không có tông thống, không có bộ trưởng, cũng không có huyện thị trưởng, chưa từng nghe nói. Trong đó chỉ có hai hạng người, một là thầy giáo, hai là học sinh, quý vị thử nghĩ kỹ xem, nơi ở của Chư Phật Bồ Tát đều như thế. Thế giới Hoa Tạng trong Kinh Hoa Nghiêm, chưa từng nghe nói ở đó có quốc vương. Thế giới này của chúng ta có, nhân gian có Đế vương, cõi trời có Thiên vương, sắc giới có Đại Phạm Thiên Vương, Tứ thiên thiên có Ma Hê Thủ La Thiên Vương, đều có. Thế giới Cực Lạc không có, thế giới Hoa Tạng không có.

Chúng ta liền nghĩ đến, cõi báo của tất cả Chư Phật không có, nên gọi là Tịnh độ, nó không có những tạp sự này. Chúng ta biết đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Là đi học, đi cầu chánh giác. Không đến thế giới Cực Lạc, ta không cách nào cầu chánh giác, vì thế phải dùng tâm dũng mãnh kiên cố. Đời này tôi đến thế gian, bây giờ tôi đã biết, đã hiểu, tôi chỉ có một phương hướng là thế giới tây phương Cực Lạc, một mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà, tôi phải thành chánh giác trong hội của Phật A Di Đà, như vậy là hoàn toàn chính xác. Không những ta muốn cầu chánh giác, ta còn phải hiểu thật rõ ràng mình bạch những ưu điểm này, những lợi ích này, những đạo lý hiện tượng này, rồi giảng cho người khác nghe. Khuyên mọi

người cùng kiên trì dũng mãnh cầu chánh giác, điều này tương ứng với nguyện của Phật A Di Đà.

Cổ nhân nói rất hay, có nguyện tất sẽ thành. Chỉ cần có nguyện vọng kiên định, trong đời này tất cả đều có thể đạt được viên mãn. Dùng công đức này, hồi hướng phát nguyện cúng dường hằng sa thánh chúng. Đây là cúng dường chân thật, không phải giả, là y giáo phụng hành, người người đều làm được. Bất luận ngành nghề nào, nam nữ già trẻ, đều có thể làm được. Phật pháp đích thực là pháp bình đẳng.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 178

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 28.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 203, bắt đầu xem từ hàng thứ hai từ dưới lên.

“Nguyện đương an trú tam ma địa, hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết, cảm đắc quang đại thanh tịnh cư, thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân”. Chúng ta tiếp tục lật qua. “Luân hồi chư thú chúng sanh loại, tốc sanh ngã sát thọ an lạc, thường vận từ tâm bạt hữu tình, độ tận vô biên khổ chúng sanh”. Hai bài này là nguyện cầu Tịnh độ. Bài kệ trước là cảm đắc tịnh sát, hai câu trước là nhân, hai câu sau là quả. Bài thứ hai là độ tận chúng sanh, cũng chính là nói đây là mục tiêu tỳ kheo Pháp Tạng kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc. Không phải vì thọ dụng cho bản thân, mà vì rộng độ chúng sanh, đặc biệt chú trọng trong lục đạo. Cho nên “các loại chúng sanh trong luân hồi”, đây là chỉ luân hồi lục đạo. Quý vị xem kinh văn: “nhanh chóng sanh vào cõi nước ta”. Đức Phật nóng lòng mong muốn chúng ta nhanh chóng đến cõi nước của ngài, nghĩa là nói ngài ngày ngày chờ đợi, trông ngóng. Hai câu sau cùng: “Thường vận lòng từ cứu bạt hữu tình, độ tận vô biên chúng sanh đau khổ”. Phạm vi này rất lớn, ngoài lục đạo còn có mười pháp giới. Chứng minh nguyện lực của Bồ Tát, vĩnh viễn không có cảnh dừng.

Bây giờ chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ: “Tám câu bên phải”, hai bài kệ ở trước bên phải, tất cả là tám câu kinh văn, “là cầu thành Phật nhiếp nguyện cõi Tịnh độ của Phật”, nghĩa là nguyện cầu Tịnh độ. “Tám câu này thật sự là tổng quy các nguyện ở trên”, tất cả nguyện nói ở trước, mục đích sau cùng là đây. “Cũng là trong phẩm thứ sáu bên dưới”, nòng cốt của 48 nguyện. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói: “Nếu chư Bồ Tát dùng nước đại bi nhiều ích chúng sanh, tức có thể thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cho nên bồ đề thuộc chúng sanh. Vì thành tựu phương tiện cứu cánh sự nghiệp độ sanh, cho nên phát đại nguyện nhiếp cõi nước tịnh”, chúng ta xem đoạn này.

Mấy câu trước nói rất rõ ràng, trích dẫn Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện làm chứng. “Nếu chư Bồ Tát lấy nước đại bi nhiều ích chúng sanh”. Nước đại bi là ví dụ, nghĩa là đại từ đại bi,

mỗi niệm đều nhớ đến chúng sanh. Ích là lợi ích, nhiều là lợi ích lớn nhất, gọi là phong nhiêu. Phong phú nhất, lớn nhất, tốt nhất, đem lợi ích triệt để nhất cho chúng sanh.

Trong bộ kinh này nói đến ba loại chân thật: Chân thật tốt nhất đó là tự tánh, trong tất cả pháp chỉ có tự tánh chân thật, ngoài ra đều không chân thật. Bồ Tát hạnh lấy chân thật tốt nhất làm căn bản, nghĩa là căn bản nương, đây là nương tựa. Lấy tâm đại từ bi là nghiệp dụng, nghiệp nghĩa là sự nghiệp, thúc đẩy sự nghiệp cứu giúp chúng sanh khổ nạn của Bồ Tát, là nương vào tâm đại từ bi. Có hai loại này, có gốc có rễ, chân thật tốt nhất là rễ, từ bi chân thật là gốc. Cần dùng hai thứ này để thúc đẩy, có thể thành tựu vô thượng bồ đề. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho nên “Bồ đề thuộc chúng sanh”, bồ đề là chánh giác, chánh giác là thuộc chúng sanh. Đây là kinh văn trong Phẩm Hạnh Nghiệp.

Bên dưới là tổng kết của Hoàng Niệm Tổ. “Vì thành tựu phương tiện cứu cánh sự nghiệp độ sanh”, ý nghĩa giống với Phẩm Hạnh Nghiệp nói, không có gì sai khác. Cho nên “phát đại nguyện nhiếp tịnh quốc độ”. Chúng ta xem Bồ Tát Pháp Tạng, trước Thế Gian Tự Tại Vương Phật phát đại nguyện, đại tâm này. Tâm nguyện này không phải giả, vì sao vậy? Vì ngài muốn kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc, đây là thật không phải giả. Vì sao kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc? Vì giúp chúng sanh thành Phật, hy vọng chúng sanh ở đây thành Phật.

Bên dưới nói tường tận, chúng ta đọc đoạn khai thị này, nghĩ đến người tu học Tịnh tông, Tổ sư đại đức thường nhắc nhở chúng ta, phải lấy tâm của Phật A Di Đà làm tâm của mình, nguyện của Phật A Di Đà là nguyện của mình. Hay nói cách khác tâm đồng tâm Phật, nguyện đồng nguyện Phật, hạnh đồng hạnh Phật, đức đồng đức Phật, làm gì có đạo lý không sanh Tịnh độ! Những lời này không phải nói rồi là thôi, nói xong phải thực hiện. Phật A Di Đà đã thực hiện nó, thật sự đã kiến lập nên thế giới Cực Lạc. Chúng ta đọc đoạn kinh văn này, nên có hành động gì? Phải học Phật A Di Đà giúp tất cả chúng sanh khổ nạn. Dùng phương pháp gì giúp? Hoằng pháp hộ trì pháp môn Tịnh độ, hoằng dương pháp môn này, hộ trì pháp môn này. Khuyến dạy chúng sanh có duyên, chúng sanh như thế nào? Chúng sanh có nhân duyên, như thế nào gọi là có duyên? Họ có thể tin, có thể lý giải, chịu phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, gọi là chúng sanh có duyên! Chúng sanh không có duyên, trông thiện căn cho họ. Chúng sanh có duyên, phải giúp họ thành tựu ngay trong đời này, điều này quan trọng. Phật A Di Đà kiến lập thế giới Cực Lạc, chúng ta phải phát tâm kiến lập đạo tràng Tịnh độ. Không có đạo tràng không thể hóa độ chúng sanh, không thể tiếp dẫn.

Ngày nay đạo tràng có hai hình thức, một là phổ độ tất cả chúng sanh, đạo tràng này là gì? Đạo tràng này là mạng internet, truyền hình vệ tinh, đây là đạo tràng. Chỉ có dùng đạo tràng này, mới có thể phát triển rộng rãi Tịnh độ tông, phổ độ chúng sanh, chúng ta không thể không có đạo tràng này. Ngoài ra phải kiến lập đạo tràng nhỏ, vì sao vậy? Để đào tạo thầy giáo, đây là chúng sanh nhân duyên thuận thực. Nhân duyên thuận thực là gì? Y giáo phục hành!

Đào tạo ra một nhân tài hoằng pháp, ít nhất phải mười năm. Hộ pháp và hoằng pháp không có gì khác nhau, trên toàn thế giới chưa có đạo tràng nào như thế. Nghĩa là nói đạo tràng hiện nay, tôn giáo Phật giáo rất nhiều. Đạo tràng mới thành lập, đa phần là tham quan du lịch Phật giáo, giáo dục Phật giáo không có, thiếu điều này. Chúng ta thường nói xã hội hiện nay, trên toàn thế giới có sáu hình thức Phật giáo khác nhau, thiếu đạo tràng giáo dục Phật giáo, điều này rất quan trọng. Cũng không cần kiến lập quá quy mô, vì sao vậy? Vì

không có thầy giáo. Quý vị nói, chúng ta thành lập Phật học viện được chăng? Tôi không tán thành thành lập Phật học viện, vì sao vậy? Không có người dạy. Thành lập đại học Phật giáo, thành lập học viện Phật giáo, việc đầu tiên chính là thầy giáo, không có. Bây giờ chúng ta cần phải đào tạo thầy giáo, thầy giáo mô hình nhỏ là được. Như tổ sư Ấn Quang nói, có thể có một đạo tràng nhỏ, thường trú khoảng 20 người. 20 người này, mười người là học viên tu học ở đây, mười người khác là công quả, chăm sóc cuộc sống sinh hoạt của họ. 20 người như vậy sống trong một đạo tràng nhỏ, áp dụng phương thức khép kín. Cũng giống như tình hình bế quan ở trên núi vậy, nhất định mười năm không hạ sơn. Ở đây tinh tấn nỗ lực tu học mười năm, một người chuyên tu một bộ kinh, mười năm sau thành tựu mười người thầy. Mười người thầy này, một người hướng dẫn mười người khác, 20 năm sau xuất hiện hơn 200 người thầy, có thể thành lập Phật học viện. Thêm mười năm nữa, chúng ta ít nhất có ba bốn trăm thầy giáo xuất hiện, có thể thành lập đại học Phật giáo. Con đường này đi được, con đường này thông đến thế giới Cực Lạc. Khó! Khó ở bước thứ nhất.

Tôi nghĩ đến việc này từ lâu, nhưng không có phước báo. Chỉ muốn tìm một chỗ nhỏ, có khoảng mười người chí đồng đạo hợp, cùng nhau tu học. Mỗi người chuyên tu một bộ kinh, báo cáo mỗi ngày. Mười người một ngày nghe kinh mười tiếng, tôi nghe mọi người báo cáo, bản thân cũng báo cáo một tiếng đồng hồ. Nâng cao bản thân, cũng có thể dung hội quán thông với chín bộ kinh khác, nhưng mỗi người nhất định chuyên tu một môn. Chuyên, tâm họ sẽ định. Ví dụ tôi tu Kinh Vô Lượng Thọ, người kia tu Kinh Kim Cang. Tôi học của tôi, họ học của họ. Tôi giảng cho họ nghe, họ giảng cho tôi nghe. Phương pháp học tập như thế, học xong lần thứ nhất thì học đến lần thứ hai, học xong lần thứ hai thì học lần thứ ba. Bộ kinh này học suốt mười năm, như vậy dễ thành tựu. Mười năm sau, người học Kinh Vô Lượng Thọ chính là Vô Lượng Thọ Phật, người học Kinh Kim Cang trở thành Kim Cang Tát Đỏa, người học Kinh Địa Tạng tức là Bồ Tát Địa Tạng. Tuyệt đối phải nhất môn thâm nhập, không được học nhiều. “Đạo dạy học, quý ở chuyên”, học cũng như vậy. Phải có nhẫn nại, mười năm tâm không động, người này sẽ được định, định có thể sanh tuệ, tức trí tuệ khai phát. Không thể đại triệt đại ngộ, tôi nghĩ có thể đại được đại ngộ. Trước đây thầy dạy tôi, mặc dù không thể thông tất cả pháp, đó là đại triệt đại ngộ, ít nhất cũng có thể thông một tông. Như Tịnh độ tông, quý vị có thể thông một tông, như vậy nghĩa là đại ngộ, điều này chính xác. Chúng ta thấy tâm gương của Phật A Di Đà, biết được bản thân phải làm gì. Công đức hộ pháp không thể nghĩ bàn. Những người này ở đây cầu học, nếu không có người hộ trì, tâm họ không định. Các bậc cổ đức thường nói: “Thân an tức đạo long”, người hộ trì khiến thân tâm quý vị an ổn. Cuộc sống của chúng ta tuyệt đối không cầu xa xỉ, cơm canh đạm bạc là được, không thiếu thốn. Mười năm định tại nơi này, như vậy nhất định thành tựu. Nếu như không có hộ pháp, mọi thứ phải tự mình lo liệu, tâm sẽ tán loạn, không thể thành tựu, bởi vậy cần có người hộ trì. Có nội hộ, có ngoại hộ. Ngoại hộ dễ, nội hộ không dễ. Nội hộ ngay nay chúng ta gọi là làm công quả, ngoại hộ là lấy tài lực đến ủng hộ họ. Hoặc là dùng các phương thức khác đến giúp đạo tràng, khiến đạo tràng không bị bên ngoài quấy nhiễu. Người học tập đều có thể an tâm, thân tâm an ổn, đạo nghiệp có thể thành tựu, công đức không thể nghĩ bàn!

Bên dưới giải thích từng câu cho chúng ta. “Nguyện được an trú trong Tam ma địa, luôn phóng quang minh chiếu tất cả”. Câu “Tam ma địa” nghĩa là tam muội, là chánh định. “Nguyện an trú trong chánh định”, câu này rất quan trọng, như thế nào mới an trú trong chánh định? Hàng thượng thượng căn, lực căn ở trong cảnh giới lục trần không khởi tâm, không động niệm. Điều này phàm phu chúng ta không làm được, pháp thân Bồ Tát làm được.

Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc chính là cảnh giới này, sanh đến thế giới Cực Lạc đều không khởi tâm không động niệm, cho nên thế giới Cực Lạc rất thù thắng.

Ở nơi này của chúng ta, ít nhất cũng phải đạt được không phân biệt không chấp trước, tâm chúng ta mới định. Chúng ta có phân biệt có chấp trước, làm sao định cho được? Tâm không định, nghĩa là không chuyên tâm, cũng chính là không có thành kính, như vậy không học được gì cả. Mặc dù ta rất tinh tấn nỗ lực đọc sách suốt mười năm, mười năm đạt được thành tựu gì? Đạt được tri thức, tri thức về kinh điển. Có thể thông một tông chăng? Không thể, vì trí tuệ chưa khai. Trí tuệ từ trong tự tánh hiển lộ ra, nhất định từ trong tam muội, nghĩa là từ trong chánh định hiển lộ ra.

Công phu của chánh định có sâu có cạn, chúng ta có thể làm được không chấp trước, không buông bỏ được vọng tưởng phân biệt, chỉ làm được không chấp trước. Đó cũng là chánh định, công phu chánh định cạn, không thể nói họ không phải chánh định, công phu này có thể thông một Tông phái. Nếu đến không phân biệt, như vậy không chỉ thông một Tông phái, tông phái tương ứng với mình đều thông đạt hết. Đến không khởi tâm không động niệm, thì toàn bộ đều thấu triệt, vì sao vậy? Vì đã kiến tánh, minh tâm kiến tánh, hoàn toàn thông đạt.

Công phu tu hành trong Phật pháp không có gì khác ngoài buông bỏ, nếu không buông bỏ ta chịu thiệt thòi, Phật Bồ Tát đến dạy cũng vô ích. Buông bỏ phiền não, buông bỏ tập khí. Phàm những gì trái với tự tánh đều là phiền não, tương ứng với tự tánh, nhưng trong đó có phân biệt chấp trước cũng là phiền não. Chúng ta dùng một ví dụ đơn giản để nói, ví dụ Thập Thiện Nghiệp Đạo quý vị đều thực hành, đã đoạn tận thập ác. Không những ngôn hành không có ác niệm, đây là mười ác niệm, khởi tâm động niệm đều không có, họ tu thập thiện rất triệt để! Đoạn tận thập ác chính là thập thiện, nhưng chưa buông bỏ chấp trước. Quý vị xem, tôi tu thập thiện rất tốt, quý vị không bằng tôi! Đây là chưa buông bỏ chấp trước, chưa buông bỏ phân biệt, có thể khai trí tuệ chăng? Không thể, vì quý vị chưa được chánh định. Vì quý vị có phân biệt, vì quý vị có chấp trước, đây là gì? Đây là tu thập thiện của thế gian, quả báo trong ba đường lành, không thể ra khỏi lục đạo. Nếu không cầu sanh thế giới Cực Lạc, thì hết cách. Nếu đầy đủ thập thiện mà vẫn còn phân biệt chấp trước, cầu sanh Tịnh độ được chăng? Được, sanh về đâu? Sanh đến cõi phàm thánh đồng cư của thế giới Cực Lạc, không tệ, vì sao? Vì cõi phàm thánh đồng cư, mặc dù là hạ hạ phẩm vãng sanh, nhưng được bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, ta cũng trở thành A Duy Việt Trí Bồ Tát, phải biết điều này. Nói cách khác, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, điều kiện cơ bản, điều kiện thấp nhất quý vị ở thế gian này, đời sau có điều kiện sanh lên cõi trời, không bị đọa vào ba đường ác. Đây là Thiện nam tử thiện nữ nơn mà trong kinh nói, quý vị phải có điều kiện này. Đoạn tận thập ác tu thập thiện vẫn còn phân biệt chấp trước, chính là ý này. Nếu đoạn tận thập ác tu thập thiện, không có phân biệt chấp trước, công phu này rất cao. Vì sao vậy? Vì ta có thể ngay trong đời này, vượt thoát luân hồi lục đạo. Vãng sanh thế giới tây phương cực Lạc, không phải cõi phàm thánh đồng cư. Lên cao hơn một bậc, là cõi phương tiện hữu dư.

Từ đó cho thấy, chúng ta ở thế gian này, Chư Phật Bồ Tát đối với chúng ta có một kỳ vọng duy nhất, chính là dạy chúng ta buông bỏ. Phải đoạn tận cả điều ác, tu tất cả điều thiện, nhưng không được có phân biệt chấp trước. Đây là kỳ vọng Chư Phật Bồ Tát đối với chúng ta, đặc biệt là Phật A Di Đà. Nếu ta tu hành như vậy, nhất định được vãng sanh, bản thân có sự chắc chắn. Khi nào vãng sanh, biết trước giờ chết. Người có công phu sâu hơn một chút, có thể tự tại, muốn đi là đi. Ở đây cần quý vị, còn chúng sanh cần quý vị giúp, quý vị có thể

sống thêm vài năm không sao, gọi là sanh tử tự tại, họ có công phu này. Trú thế để làm gì? Không phải hoằng pháp, chính là hộ pháp, không có việc gì khác.

Quý vị xem hai câu sau, ở thế gian này thường phóng ánh quang minh, chiếu soi khắp tất cả. Đây là gì? Tâm thanh tịnh khởi tác dụng, thiện tâm khởi tác dụng. Thập thiện phóng quang, giới cấm không sát sanh, nó phóng quang sẽ chiếu soi khắp tất cả. Không những ta không làm tổn hại đến chúng sanh, mà còn yêu thương bảo hộ chúng sanh. Không những yêu thương bảo hộ hữu tình chúng sanh, mà vô tình chúng sanh như cây cỏ hoa lá cũng yêu thương chăm sóc, sơn hà đại địa cũng yêu thương hộ trì. Tôn trọng sinh thái tự nhiên, tuyệt đối không phá hoại môi trường tự nhiên. Tâm quý vị chiếu soi khắp tất cả.

Ánh sáng không trộm cắp chiếu soi khắp tất cả, chẳng những không có ý niệm chiếm hữu, không có ý niệm không chế, mà mỗi niệm còn giúp tất cả chúng sanh, bồ thí, cúng dường! Chẳng những không chiếm lợi ích của người, trái lại còn tu bồ thí cúng dường. Sau đó quý vị sẽ biết, mỗi điều thiện trong thập thiện này đều phóng quang, mỗi điều thiện đều chiếu soi khắp tất cả, đây là tánh đức. Từ giáo huấn của các bậc thánh hiền mà nói, Ngũ luân phóng quang. Ngũ thường, tứ đức, bát đức, điều nào không phóng quang? Sau khi học Phật, những ánh sáng của luân lý đạo đức, cũng như trong kinh Đức Phật nói, chiếu soi khắp tất cả, chúng ta thật sự đã học được tất cả.

Chúng ta sống trong thời đại này, hiểu rõ, biết nên làm như thế nào, nhưng phước báo không đủ. Thường có nhân duyên, gặp được, đều không thuận thực, đều sanh chương ngại. Trong hoàn cảnh này phải làm sao? Chúng ta chỉ có thể đem phương pháp tu hành nói với mọi người, mỗi người ở trong nhà mình có thể siêng năng nỗ lực, có thể thành tựu, không nhất định có đạo tràng nhỏ. Nếu trong đời này không gặp được là xong. Không gặp được, một mình tôi vẫn có thể thành tựu. Thứ nhất là ta phải phát chân tâm, ta thật sự phát tâm đại bồ đề, thật sự muốn thành tựu Bồ Tát đạo ngay trong đời này, phải phát đại tâm. Đại tâm này là tâm nguyện, nó có thể thúc đẩy chúng ta. Chúng ta phải thực hành, thực hành không được rời khỏi kinh giáo, kinh giáo là thể văn cổ. Trước tiên phải học văn cổ, đừng hoàn toàn dựa vào chú giải của người khác, nhất định phải lãnh hội chân thật nghĩa ở trong nguyên văn của kinh điển. “Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”. Học văn cổ rất quan trọng, văn cổ dễ học, dễ hơn văn bạch thoại. Văn bạch thoại viết một bài văn hay không dễ, rất khó, văn cổ viết một bài văn hay dễ hơn. Có nền tảng của văn cổ, văn bạch thoại mới viết hay được. Không có nền tảng của văn cổ, văn bạch thoại viết không hay.

Tôi nghĩ cách để tìm, ngày xưa trong tay tôi có khoảng 11,12 cuốn vở làm văn của học sinh trường tiểu học thời đầu năm dân quốc. Bài văn họ viết, bây giờ đại học của viện văn học đều xem không hiểu. Bao nhiêu tuổi? 11, 12 tuổi. Người bây giờ nghe đến văn cổ là sợ, sợ hãi, đây là bệnh tâm lý, không phải văn cổ có khó học, không có. Học văn cổ bằng phương pháp nào? Dựa vào thuộc lòng. Lúc chúng tôi học kinh Phật, học kinh điển, vậy phải xem kinh điển của Phật. Thầy nói, cầm được chìa khóa này, chìa khóa của văn cổ, chúng tôi phải thuộc 50 bài văn cổ. Văn cổ chọn từ đâu? Chọn từ trong Cổ Văn Quán Chỉ, chọn 50 bài, thầy dạy chúng tôi học thuộc, có thể thuộc, có thể giảng giải. Quý vị có 50 bài làm nền tảng, sẽ có năng lực xem hiểu cổ văn. Chúng ta cầm được chìa khóa này, cũng nghĩa là có thể xem hiểu Tứ Khố Toàn Thư. Nếu quý vị có thể đọc 100 bài, có có năng lực viết văn cổ. Nếu thuộc 50 bài, như trong hoàn cảnh hiện nay của chúng ta, thông thường thời gian một năm là đủ, một tuần một bài. Thời gian như vậy là đủ, một tuần học một bài, một năm 50 tuần học hết 50 bài,

hai năm học 100 bài, vấn đề này đã giải quyết. Quý vị không chịu học thì đành chịu, bây giờ muốn học tiện lợi hơn ngày xưa rất nhiều.

Nhật báo quốc ngữ của Đài Loan, một tuần ra một tập tạp chí, gọi là Cổ Kim Văn Tuyền. Đây là những người giáo thọ trước đây, có đức hạnh có học vấn, người này làm ra. Bây giờ những giáo thọ này đều không còn, nhưng tác phẩm của họ còn, hiện nay Nhật báo quốc ngữ đã đóng nó thành sách. Hôm trước tôi xem qua, đã rất lâu tôi không xem nó, tổng cộng có 17 tập sách, nội dung rất phong phú. Quý vị chọn trong đó 100 bài, bỏ ra hai năm công phu, buông bỏ tất cả mọi thứ, chuyên môn học nó, hai năm là học tốt nền tảng cổ văn. Sau khi tôi nói điều này, thầy Thái Lễ Húc nghe được vô cùng hoan hỷ, ông ta nói với tôi, ông sẽ dạy chương trình này. Bây giờ ông đang dạy chương trình này ở Malaysia, tốt!

Trước tiên chúng ta cầm được chìa khóa, đây là gì? Là chìa khóa của Đại Tạng Kinh, chìa khóa của Tứ Khố Toàn Thư. Cổ Kim Văn Tuyền có chú giải rất tường tận, mỗi chữ đều có chú âm, ta không cần tra từ điển. Mỗi chữ, mỗi từ đều có chú giải tường tận, chúng ta không cần tra từ điển, rất tiện lợi! Trước tiên học thuộc, sau đó xem chú giải, mới hiểu ý nghĩa của nó, trước tiên là học thuộc. Bỏ ra ba bốn ngày để học thuộc, dùng một hai ngày để hiểu. Học như vậy suốt hai năm, quý vị không cần cầu người khác, không cần nghe người khác giải thích, cũng không cần xem chú giải của người khác. Chúng ta cầm được trong tay chìa khóa này, quả thật là chìa khóa vàng, đó thật sự gọi là báu vật!

Điền tịch 5000 năm của người xưa, cuối cùng chúng ta mở được cánh cửa này, ta có thể hưởng thụ. Không có chìa khóa này, Tứ Khố Toàn Thư đặt trước mắt chúng ta cũng vô dụng, ta xem không hiểu. Tôi nói như thế, nghĩa là chúng ta bây giờ không đủ phước báo, đến thành lập một đạo tràng nhỏ khoảng 20 người cùng tu, nhân duyên này cũng không thành tựu. Chúng tôi nghĩ đến đã mấy mươi năm cũng không được, bây giờ tuổi tác đã lớn, không biết còn được bao nhiêu thời gian, vì thế không nghĩ đến điều này nữa. Tôi nói ra tất cả những phương pháp này, người thật sự có tâm nên y theo phương pháp này mà làm, như vậy sẽ thành tựu. Thời gian hai năm là lấy được chìa khóa, sau đó tiếp tục chuyên tu một môn thêm tám năm. Mười năm sau học Nho quý vị là thánh hiền, học Đạo quý vị là thần tiên, học Phật quý vị là Phật Bồ Tát. Quý vị mới có thể giống như Bồ Tát Pháp Tạng, phổ độ chúng sanh. Không có học vị cũng không sao, không quan trọng, chỉ cần có thực lực. Ta đem những gì tu học được nói cho người khác nghe, ta có thể dạy cho người khác. Ta có chân tài thực học, ta có đức hạnh chân thật, có học vấn chân thật. Những danh xưng học vị đó là giả, không phải thật. Bởi vậy bản thân_cổ nhân nói rất hay: Mười năm rèn luyện, nhất cử thành danh. Lời này là thật, không phải giả. Chuyên tu một bộ kinh, phải hạ công phu theo nguyên văn kinh điển, chú giải có thể dùng làm tham khảo, nguyên văn là chính. Phải có năng lực khế nhập nguyên văn.

Ở đây chánh định vô cùng quan trọng. “Câu ở trên nghĩa là tịch, là thể. Câu ở dưới nghĩa là chiếu, là dụng. Hằng phóng quang minh chiếu soi tất cả”, đây là câu bên dưới_chiếu, chiếu là dụng. “Hai câu này chính là tượng trưng diệu đức của định tuệ đẳng trì, tịch chiếu đồng thời, thể dụng không hai”. Cũng chính là Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, trong bài luận văn này nói đến tánh đức thứ nhất trong bốn tánh đức, thứ nhất là “tùy duyên diệu dụng”. Câu trên là tùy duyên, câu dưới là diệu dụng.

Định tuệ đẳng trì, định tuệ đều thọ trì bình đẳng. Có thể làm được định tuệ bình đẳng, trí huệ liền hiện tiền. Tâm quý vị định, tâm định là gì? Không bị hoàn cảnh bên ngoài khuấy nhiễu. Nếu định tuệ không bình đẳng, định nhiều hơn tuệ dễ bị hôn trầm, còn tuệ nhiều định

ít thì vọng niệm khởi lên. Tu định không có gì khác, bí quyết chính là làm sao duy trì định tuệ bình đẳng. Thuật ngữ của Phật pháp gọi là không hôn trầm, không trạo cử. Trạo cử là tâm lúc lên lúc xuống, nghĩa là vọng niệm quá nhiều. Không có vọng niệm, cũng không có hôn trầm, đây là cảnh giới của định.

Chúng ta thấy có một số người tu định, ngồi kiết già mặt quay vào tường. Ngồi một lát, quý vị nghe kỹ xem, họ đang ngáy, ngủ rất say, như vậy là sao? Trường hợp của họ như chúng ta nói, định nhiều hơn tuệ, họ đã ngủ, ngủ rất say. Một hiện tượng khác, bình thường cảm thấy không có vọng niệm, khi vừa ngồi xuống muốn định, vọng niệm liền khởi lên rất nhiều, đó gọi là trạo cử. Đặc biệt là khi mới học tĩnh tọa, thường xuất hiện hai căn bệnh này, mọi người đều có, đừng lo lắng, rất bình thường. Ta cần phải khắc phục căn bệnh này, khắc phục được tâm sẽ định. Trên thực tế, vì sao họ không định được? Nguyên nhân chủ yếu là chưa buông bỏ, đây mới là nguyên nhân thật sự. Khi đã buông bỏ, nhất định không xuất hiện tình trạng này. Không những buông bỏ pháp thế gian, mà Phật pháp cũng phải buông bỏ, không buông bỏ Phật pháp cũng chướng ngại chúng ta tu định. Kinh Kim Cang nói: “Pháp còn phải xả huông gì phi pháp”. Mục đích nhập định là muốn tương ứng với Phật pháp, tự tánh thanh tịnh thì thế pháp hay Phật pháp đều không có. Quý vị nói mang theo Phật pháp mà kiến tánh, không có chuyện đó! Không thể kiến tánh, vì nó trở thành sở tri chướng. Chúng ta học Phật pháp rất nhiều, đó là sở tri chướng, không kiến tánh được, không thành tựu được chánh định. Không thể không biết điều này, tâm địa phải thanh tịnh.

Các bậc cổ đức thường dạy chúng ta, thật sự làm được điều gì? Đối với người không tranh, đối với thế gian không cầu, tâm sẽ định. Ta vẫn còn cầu, tâm không định được. Tu pháp xuất thế gian, chỉ có một ý niệm cầu vắng sanh, ngoài ra đều không cầu, đây là một pháp môn đặc biệt của Tịnh độ tông. Nếu học các pháp môn khác, tám vạn bốn ngàn pháp môn, đến ý niệm vắng sanh cũng không có. Phải là tất cả đều không cầu, tất cả đều không tranh, tâm mới có thể định. Khởi lên chút ý niệm có cầu có tranh, tâm không thể định được. Định sanh trí tuệ, chánh định tương ứng với tự tánh. Trí tuệ khai, chánh định tức là tự tánh, nó có thể sanh trí tuệ.

“Tịch chiếu đồng thời”, tịch là định, chiếu là tuệ. Trong định có tuệ, trong tuệ có định. Định tuệ đồng thời khởi tác dụng, không có trước sau. Đây là cảnh giới của Bồ Tát. “Diệu đức của thể dụng không hai”, định là thể, tuệ là dụng; tuệ là thể, định là dụng, thể dụng hỗ tương lẫn nhau. Điều này trong Hoàn Nguyên Quán gọi là tùy duyên diệu dụng, vì thể trong tứ đức đặt nó lên hàng đầu, không có tùy duyên diệu dụng ba điều sau cũng không có. Tứ đức này nó có thứ lớp, không được lẫn lộn. Như xây nhà tầng một, tầng hai, tầng ba, tầng bốn, không được tắt ngang. Đây là bước thứ nhất, tùy duyên diệu dụng. Sau đó mới có “oai nghi hữu tác”, ta mới có năng lực vì người diễn thuyết. Oai nghi hữu tác nghĩa là vì người diễn thuyết, diễn là biểu diễn, làm cho người khác thấy. Thông thường chúng ta gọi là thân giáo, người xưa gọi là thân hành ngôn giáo. Trước tiên bản thân mình phải thực hành, sau đó mới dùng ngôn ngữ dạy người khác, Chư Phật Bồ Tát làm như vậy, cho nên các ngài dạy học thành công. Chúng ta dạy học thường không ai nghe. Vì sao vậy? Không thực hành, bản thân không làm được, vì thế người khác không tin. Muốn người khác nghe phải như thế nào? Họ luôn thực hành điều nó, không thể không biết điều này. Muốn dạy người khác, trước tiên phải dạy mình. Bản thân chưa học tốt, làm sao có thể dạy người khác?

Quý vị xem Bồ Tát Pháp Tạng, trước là cầu thành Phật, sau đó mới hóa độ chúng sanh. Chúng ta muốn hoằng dương hộ trì chánh pháp, không có mười năm công phu sao được, lấy

gì dạy người khác? Bất luận là phát tâm hoằng pháp hay hộ pháp, đều cần nèn tảng mười năm tu học, hoằng pháp và hộ trì là nhất thể. Không thật sự làm đều là đang tạo nghiệp, hoằng pháp là tạo nghiệp, hộ pháp cũng là đang tạo nghiệp, vì thế Phật giáo suy yếu. Chúng ta phải thực hành, phải hạ quyết tâm, hoằng hộ là nhất thể. Tìm một địa điểm nhỏ, có thể định một nơi.

Trong nước chúng tôi không có nhân duyên, chúng tôi thuộc nhân sĩ nước ngoài, ở trong nước không thể tổ chức những hoạt động dạy học về Tôn giáo. Ở nước ngoài có nhân duyên này, nếu quý vị không ở mười năm, quý vị không lấy được thân phận, phiền phức là điểm này. Nếu dùng pháp phương tiện, chúng tôi ở HongKong, HongKong tác đất tác vàng, cần tài thần Bồ Tát giúp đỡ. Có thể cho chúng tôi một địa điểm nhỏ, khoảng 20 người có thể cùng nhau tu học, phân hộ trì thì không sao. Định cư ở đó mười năm, có thể có mười mấy người hoặc hai mươi người thành tựu. Bởi vậy không có đại phú trưởng giả, không có Bồ Tát, vì sao vậy? Đây là đại phước báo! Người có tiền rất nhiều, phú quý cũng rất nhiều, họ không có phước báo lớn như vậy. Đây là phước báo bậc nhất trong thế xuất thế gian, rất ít người biết đến điều này. Có oai nghi hữu tác, thật sự có thể làm ra như thế, quý vị thể hiện ra bên ngoài một cách tự nhiên, “nhu hòa chất trực”, giống như Bồ Tát Di Lặc vậy, luôn mỉm cười với mọi người, mọi người nhìn thấy quý vị đều sanh tâm hoan hỷ. Bên trong là chân thành, chất trực nghĩa là chân thành, bên trong là tâm chân thành. Nhu hòa tức là bên ngoài luôn mỉm cười. “Chịu khổ thay chúng sanh”, hoàn toàn có thể thực hiện. Đức đầu tiên rất quan trọng, đức đầu tiên chính là căn bản. Tùy duyên diệu dụng tức là ở đây nói: Tịch chiếu đồng thời, định tuệ đẳng trì, nghĩa là ý này.

“Phóng quang biểu trưng tu đức, thể của nó làm tánh đức”, phóng quang tức là phát triển rộng rãi nội đức của chính mình, đây thuộc về tu đức. Trong tu đức, điều đầu tiên là tu kính, phải biết điều này. Câu đầu tiên trong Lễ Kính của Nho giáo: “Khúc Lễ viết: vô bất kính”. Câu đầu tiên trong Thập đại nguyện vương: Lễ kính chư Phật. Pháp thế xuất thế gian đều xuất phát từ chữ này. Phải học kính, phải học khiêm tốn. Bản thân không khiêm tốn, làm sao tu cung kính được? Phải cung kính với tất cả.

Hai tôi nay Hồ Tiểu Lâm ở đây nói chuyện, nói về một chữ “kính”, làm sao đạt được sự cung kính bình đẳng, chân thành cung kính, điều này rất quan trọng, vào cửa của đức. Bây giờ rất khó, khó ở đâu? Phật pháp rất hay, truyền thống văn hóa xưa cũng hay, vì sao khó khăn như thế? Vì người bây giờ không có tâm cung kính, không có tâm cung kính Phật, cũng không có tâm cung kính truyền thống văn hóa, nên rất khó. Không có tâm cung kính không thể thâm nhập, thầy giáo dù rất gọi cũng đành chịu. Không phải thầy không muốn dạy, mà do ta không hấp thu được. Một phần cung kính được một phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích. Quý vị xem, quý vị học được bao nhiêu, máu chót ở tâm cung kính của mình. Lời này đại sư Ấn Quang thường nói, thường nhắc nhở chúng ta, rất quan trọng. Thầy hy vọng những học sinh này, có thể truyền thừa đạo học của họ. Hy vọng người như thế nào? Người có tâm chân thành cung kính, người như thế tìm ở đâu? Có thể gặp không thể cầu. Học trò muốn tìm thầy giáo giỏi cũng không dễ, thầy muốn tìm học trò càng khó hơn. Điều này trước đây thầy Lý nói với tôi, rất khó! Đến đâu để tìm? Quả thật gặp được một người, thầy giáo vô cùng cẩn thận, cố gắng hướng dẫn, sợ họ bỏ đi, rất khổ tâm! Phải quan tâm mọi mặt. Bản thân tôi từng trải qua nên rất rõ ràng, tôi thường nói với chư vị đồng học: Tâm cung kính của tôi đối với đạo đối với Phật, chỉ có bảy phần chưa đến mười phần, nếu đủ mười phần thì đã chứng quả. Có bảy phần thành kính, thầy đã rất coi trọng, đặc biệt ủng hộ. Nếu

như không có chút tâm thành kính này, thầy không quan tâm đến, dù dạy như thế nào quý vị cũng không hấp thu nổi, dạy chỉ uổng công mà thôi, đạo lý là như vậy. Không phải người khác không dạy mình, quan trọng là ta có thể tiếp thu chăng? Tiếp thu là sao? Phải thực hành mới gọi là tiếp thu, chưa làm được là chưa tiếp thu. Chỉ hiểu thôi chưa đủ, Phật pháp dừng lại ở chúng: Tín giải hành chứng. Thầy là người khai thị, chúng ta đối với lời khai thị của thầy_Thị là làm ra như thế để quý vị thấy, nghĩa là biểu diễn cho quý vị thấy. Khai thị là nói một cách rõ ràng minh bạch với chúng ta, chúng ta có thể tin, có thể lý giải, sau đó ta bắt chước học theo thầy. Ít nhất phải có thái độ cầu học như thế, thầy mới dạy chúng ta. Chỉ có tín giải, ở sau không thực hành, thầy sẽ rất thất vọng. Vì sao vậy? Vì mới có hai điều kiện ở trước, thiếu hai điều kiện ở sau, như thế vẫn không thể thành tựu, ở sau không thể theo kịp.

Thành tựu được hay không là do ai? Do bản thân, không do Phật Bồ Tát, không do thầy, không do người khác, hoàn toàn do nơi chính mình. Quý vị càng học thì càng rõ ràng, thật sự thấu triệt vấn đề này. Khi đã thấu triệt cần phải phát tâm thực hành, phát tâm hành trì điều kiện trước tiên là phải buông bỏ, buông bỏ danh văn lợi dưỡng. Bằng không danh văn mê hoặc quý vị, không giữ được cửa ải này, ta bị danh văn lôi kéo. Như vậy rất đáng tiếc, mất hết tất cả công phu.

Quý vị nói ta có danh có lợi, ta làm nhiều việc tốt cho xã hội, được chăng? Không được, nguyên nhân gì? Nền tảng hư hoại, nền tảng là gì? Trong Tịnh Nghiệp Tam Phước nói: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”, đây là nền tảng. Bất hiếu cha mẹ, phản bội sư trưởng, cho dù làm nhiều việc tốt cũng không đi đến đâu. Vì sao vậy? Vì quý vị không phải tấm gương tốt cho xã hội đại chúng. Thà tôi không có bất cứ sự nghiệp gì, cũng làm một tấm gương tốt về hiếu thân tôn sư.

Quý vị suy nghĩ tường tận lời dạy của cổ nhân, trong đó ý nghĩa quá sâu sắc, thật sự chú trọng đến mức độ ảnh hưởng! Biểu hiện của quý vị ảnh hưởng hiện tại, ảnh hưởng đến đời sau, đây là công đức chân thật, tuyệt đối không phải nhất thời. Bây giờ ta làm thật tốt, nhưng không tốt đối với đời sau, điều này cổ nhân không áp dụng. Bây giờ không tốt lắm, nhưng tốt cho đời sau, cổ nhân khen ngợi. Đây là một tầng ý nghĩa sâu sắc, hai tầng ý nghĩa sâu sắc, quý vị cần phải lãnh hội, mới có thể nắm chắc. Buông bỏ danh văn lợi dưỡng, tâm ta ở trong chánh định. Còn tự tư tự lợi, còn danh văn lợi dưỡng, tâm không chánh, tâm sẽ không định. Tâm không chánh, tâm không định, có thể làm được việc tốt gì? Những việc tốt đó chẳng qua là đề cao danh văn lợi dưỡng của quý vị mà thôi, không phải thật đức. Đức hạnh chân thực dù làm nhiều việc tốt cũng không liên quan đến danh lợi, vốn không có ý niệm này, đây là thật.

Động lực của Chư Phật Bồ Tát và thánh hiền là gì? Là tâm đại bồ đề, tâm từ bi thúc đẩy. Người thế gian làm những điều này, bất luận là làm việc thiện hay việc ác, sức mạnh thúc đẩy là gì? Chính là danh lợi, không có danh lợi họ không làm. Đây là thế pháp và Phật pháp, là điểm khác nhau giữa pháp thế gian và pháp xuất thế gian.

Phóng quang là tu đức, thể là tánh đức, thể nghĩa là chánh định: “Tịch mà thường chiếu, chiếu mà hằng tịch, cõi tức thường tịch quang, thân tức vô lượng thọ”. Đây là nói thế giới tây phương Cực Lạc, thân và cõi là một không phải hai. Từ thể mà nói là tánh đức, từ tướng mà nói là tu đức. Thân, cõi thật báo, nói thân Phật và thân chúng sanh hoàn toàn bình đẳng, thế giới Cực Lạc không có sai khác. Phật trong cõi thật báo, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, thân trang nghiêm, ngài đã viên mãn. Hoàn cảnh cư trú là thế giới Cực Lạc, đây là cõi, cũng là tánh đức hiện ra, gọi là cõi pháp tánh. Thân pháp tánh và cõi pháp tánh,

đây là tu đức viên mãn hiện ra. Thế là tánh đức. Do đây có thể biết, tu đức không viên mãn, tánh đức sẽ không hiện, đạo lý là như vậy. Tu đức viên mãn, tánh đức liền viên mãn hiện tiền, chính là như vậy.

“Vô Lượng Quang Như Lai, an trú tịch định, thường phóng quang minh, biến khắp tất cả”. Vô Lượng Quang Như Lai nghĩa là Vô Lượng Thọ Phật, tức là Phật A Di Đà. Ngài an trú tịch định ở thế giới tây phương Cực Lạc, tịch định là tánh đức, là tự tánh. Trí tuệ đức năng tướng hảo của ngài biến khắp tất cả. Phật A Di Đà ở đâu? Ngay tại đây, ngay tại đây vì sao chúng ta không nhìn thấy? Bản thân chúng ta có nghiệp chướng, không thể trách ngài, chúng ta có nghiệp chướng. Chúng ta có vọng tưởng phân biệt chấp trước nên không nhìn thấy, nếu không có chấp trước lập tức nhìn thấy.

Thấy Phật A Di Đà như thế nào? Giống như A la hán, là Phật A Di Đà thị hiện. Đáng dùng thân gì để độ thoát, ngài liền thị hiện thân đó. “Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”, Đức Phật không có khởi tâm động niệm, hoàn toàn là do chúng sanh. Phiền não quý vị nhẹ thì hiện tướng nhẹ nhàng, phiền não nặng thì hiện tướng nặng. Nếu ta đoạn tận kiến tư phiền não, trần sa phiền não, Kinh Hoa Nghiêm nói, đoạn tất cả phân biệt chấp trước, ta thấy tướng Phật A Di Đà là tướng Bồ Tát, ngài hiện tướng Bồ Tát cho ta thấy. Đến khi buông bỏ khởi tâm động niệm, đoạn tận vô minh phiền não, ta nhìn thấy là tướng Phật. Phật như thế nào? Là báo thân Phật. Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Phật A Di Đà không có tướng, chúng sanh chúng ta trình độ như thế nào thì ngài hiện tướng như thế, cảm ứng với ngài thấy tướng như thế. Đây là chân lý, hoàn toàn không có sai lầm. Phật đích thực biến khắp mọi nơi, cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh. Vì ở trong cảnh giới này không có thời gian, cũng không có không gian. Không có thời gian tức không có trước sau, không có không gian tức không có khoảng cách. Phật ở đâu? Ngay trước mắt chúng ta, ngay tại đây.

Thời gian và không gian, hiện nay các nhà khoa học cũng đã chứng minh, nó không phải thật. Trong kinh điển Đức Phật nói rất nhiều về thời phân, phương phân. Phương phân là không gian, thời phân là thời gian, đều là bất tương ưng hành pháp. Dùng danh từ hiện nay để nói, bất tương ưng hành pháp gọi là khái niệm trừu tượng, nó không phải thật. Từ đâu xuất hiện? Xuất hiện từ vọng tưởng phân biệt chấp trước. Vọng tưởng phân biệt chấp trước không có, khái niệm này cũng không có, thời gian và không gian không có.

Chúng ta xem tiếp đoạn bên dưới: “Đối với những gì chiêu cảm được, là cõi nước Phật rộng lớn thanh tịnh. Chử cư trong câu là chỉ cõi nước Phật”. Vì sao vậy? Vì nó có sắc tướng. Trong thường tịch quang không có sắc tướng, trong cõi thật báo có sắc tướng. Vì sao có sắc tướng? Đoạn tận vô thi vô minh, nhưng tập khí vô thi vô minh chưa đoạn tận, nên nó có hiện tượng. Nếu đoạn tận tập khí vô thi vô minh, cõi thật báo cũng không còn, thân và cõi của Phật A Di Đà đều không thấy, đều không có. Vì sao vậy? Vì đã trở về thường tịch quang, một ánh quang minh. Trong kinh Phật hình dung nó gọi là đại quang minh tạng, đại quang minh tạng nghĩa là thường tịch quang. Nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần. Nhưng nó có thể hiện vật chất, cũng có thể hiện tinh thần, nó có thể hiện. Hiện như thế nào? Chúng sanh có cảm nó liền hiện ra, chúng sanh không có cảm nó không hiện. Chúng ta biết khi nào nó không hiện? Có thể nói nó không lúc nào không hiện, không nơi nào không hiện, vì chúng sanh đều có cảm, vậy tại sao nó không hiện? Khi nào chúng sanh không có cảm? Mỗi chúng sanh đều đã thành Phật, mà còn là thành cứu cánh Phật, không phải 41 vị pháp thân Bồ Tát. 41 vị pháp thân Bồ Tát vẫn còn tướng, tất cả đều chứng được quả vị Diệu giác, tướng không còn. Chúng ta hiểu rõ ràng minh bạch về lý, sự sẽ không còn hoài nghi, biết

được những hiện tượng này là như thế nào. Thế giới tây phương Cực Lạc, cõi thật báo trang nghiêm có sắc thân, có sắc tướng.

“Rộng lớn, tức trong kinh nói mênh mông ngay ngắn, không thể giới hạn”, đây là thế giới Cực Lạc, vì sao hiện cảnh giới này? Quý vị sẽ nghĩ đến người ở thế giới Cực Lạc, họ không có vọng niệm, cho nên rộng lớn ngay ngắn hiện ra. Tâm lượng cũng không có giới hạn, “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”. Chúng ta hiểu câu “mênh mông ngay ngắn, không thể giới hạn”, nếu thật sự hiểu, thế giới Cực Lạc ở đâu? Biến pháp giới hư không giới chính là thế giới Cực Lạc, tức ngay tại đây, chúng ta không nhìn thấy, ví như điều gì? Bây giờ chúng ta thấy màn hình ti vi, chúng ta bật kênh này, hiện tượng xuất hiện, chúng ta nhìn thấy. Thế giới Cực Lạc cũng ở nơi kênh này, quý vị thay kênh khác, thế giới Cực Lạc cũng xuất hiện, vẫn ở trên màn hình này, không gần cũng không xa. Vì sao bây giờ chúng ta xem kênh này? Hiện nay chúng ta có vọng tưởng phân biệt chấp trước. Kênh của thế giới Cực Lạc thì sao? Nó không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, thế giới Cực Lạc biến pháp giới hư không giới. Lục đạo phải chăng là biến pháp giới hư không giới? Đúng vậy! Không sai chút nào, đều không phải thật. Thế giới lục đạo này là giả, không phải thật, thế giới Cực Lạc cũng không phải thật, phải biết điều này. Thế giới Cực Lạc hiện tiền như thế nào? Tâm thanh tịnh bình đẳng giác hiện tiền, thì thế giới Cực Lạc hiện ra. Chúng ta là tâm nhiễm ô, tâm cao thấp, công cao ngã mạn, tâm giác mà không mê nên biến thành luân hồi lục đạo, chính là như thế.

Thiền sư Trung Phong nói rất hay: Tâm tôi tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi. Vì sao vậy? Vì thanh tịnh bình đẳng giác chính là Phật A Di Đà, tham sân si mạn nghi là luân hồi lục đạo. Nghĩa là một niệm đó, xem ý niệm quý vị chuyển như thế nào, ý niệm này giống như kênh truyền hình vậy. Chúng ta bị tham sân si mạn nghi chi phối, kênh truyền hình này là luân hồi lục đạo. Nếu ý niệm chúng ta là thanh tịnh bình đẳng giác, cảnh giới là thế giới Cực Lạc. Cảnh tùy tâm chuyển, không có cảnh giới, cảnh giới là tâm biến hiện. Tâm thiện biến ra cảnh giới thiện, tâm bất thiện biến ra cảnh giới bất thiện, tâm thanh tịnh biến ra cảnh giới Phật, chính là như vậy. Quý vị không cần phân biệt, thế giới Cực Lạc cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật, đó là gì? Là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phương tiện nói, nói thật với quý vị sẽ không nói như thế. Nhưng phương tiện nói cũng không nói sai, mười vạn ức cõi Phật vô cùng xa xôi. Sao lại xa xôi, vì sao xa xôi như vậy? Vì phiền não không dễ buông bỏ nên nó xa xôi, nếu buông bỏ được phiền não nó rất gần, đâu có khoảng cách! Cho nên lời đức Phật nói, trong lời nói đó có bao hàm ý khác, chúng ta cần phải lãnh hội. Nếu không biết lãnh hội, mà nắm chắc ý đó, như vậy thì oan cho Phật. Đây nghĩa là từng câu từng chữ của Phật đều rất linh hoạt, không hề cứng nhắc. Lời của Phật không có ý nghĩa, vẫn tự trong kinh điển của Phật cũng không có ý nghĩa. Nếu nói có ý nghĩa đều là ý của chính mình. Vì không có ý nghĩa nó mới là vô lượng nghĩa, nếu có ý nghĩa không phải chính là ý này sao? Như vậy thì vô lượng nghĩa ở đâu?

Quý vị xem bài viết của báo và tạp chí hiện nay, chỉ có một nghĩa, không có nghĩa thứ hai, kinh Phật vô lượng nghĩa. Từ xưa đến nay, người của mỗi triều đại chú giải đều khác nhau, đó không phải là vô lượng nghĩa ư? Người thời nhà Hán chú giải theo ý của người nhà Hán, phản ứng ra, Đức Phật phản ứng ra nói với họ. Người nhà Đường chú giải theo ý của người nhà Đường. Người bây giờ chú giải theo ý của người thời hiện đại, phản ứng theo nhu cầu bức thiết trước mắt của chúng ta.

Hoàng Niệm Tổ quả thật không đơn giản! Người thời hiện đại. Ông đem tất cả chú giải của các bậc cao tăng của bao triều đại thời đại đối với kinh này, hội tập lại một nơi, điều này

rất hay. Khiến chúng ta có thể thấy được giải thích của mỗi triều đại đối với nó, mỗi triều đại giảng giải như thế nào, làm như thế nào, nó cần thiết ra sao. Cũng chính là một câu nói, kinh điển vượt qua không gian, vượt qua thời gian. Bất luận nói ở đâu, họ đều nói một cách rất viên mãn, không hề có chút chướng ngại nào, rất linh hoạt. Kinh điển không phải là thứ cứng nhắc, đây là rộng lớn.

“Thanh tịnh, tức thanh tịnh trang nghiêm, vượt ra khỏi mười phương, cho nên gọi là rộng lớn thanh tịnh cư”. Nếu chúng ta từ trên nhân quả nói câu này, rộng lớn là quả, thanh tịnh là nhân. Khi tâm địa thanh tịnh tự nhiên sẽ rộng lớn, vì tâm thanh tịnh không có giới hạn. Người xưa nói đến tư tưởng, quý vị xem hai chữ “tư tưởng”, chữ Trung quốc trên thế giới không tìm ra nhà thứ hai, phù hiệu của trí tuệ!

Tư là gì? Quý vị xem, trên chữ tâm vẽ rất nhiều ô, từng ô từng ô, đó nghĩa là gì? Là phân biệt, phân biệt gọi là tư. Tưởng thì sao? Tưởng là trước tướng. Trong tâm có tướng gọi là tướng, trong tâm có phân biệt gọi là tư. Tưởng nghĩa là chấp trước, tư tưởng của người nào đó, phân biệt chấp trước của người nào đó. Đức Phật không có tư tưởng, Phật không có phân biệt không có chấp trước.

Quý vị xem thành Phật như thế nào? Quý vị xóa sách ô trên tâm đi, lấy tướng đó đi, chân tâm liền xuất hiện. Văn tự của Trung quốc có trí tuệ thâm sâu như thế, nước ngoài không có. Văn tự Trung quốc, bất luận quý vị đọc ra thanh của nó hay chẳng, chỉ cần hiểu được phù hiệu của nó, là hiểu được hàm nghĩa của nó. Từ điểm này chúng ta không thể không khâm phục trí tuệ của cổ nhân. Cho nên truyền thống xưa là truyền thống của thánh hiền, giáo dục xưa là giáo dục của thánh hiền, chế độ xưa là chế độ của thánh hiền, xã hội xưa là xã hội của thánh hiền, chính trị xưa là chính trị của thánh hiền, phải hiểu điều này!

Hiểu được điều này, chúng ta mới biết tôn trọng thánh hiền, tâm kính yêu tự nhiên sanh khởi. Chúng ta có tâm kính yêu, mới thật sự hiểu được lời dạy của cổ nhân, mới có thể lãnh hội được điển tịch mà cổ nhân lưu lại. Không có tâm chân thành cung kính ta không thể lãnh hội được. Bây giờ chúng ta nhìn thấy, đây là tư tưởng này, đó là tư tưởng thế kia, toàn là ý của bản thân mình, không phải chân thật nghĩa của Như Lai, không thể không biết điều này. Kinh điển, kinh giáo đại thừa khó là khó ở chỗ này, vì sao vậy? Vì ý ngoài lời nói. Chúng ta không tìm được ý nghĩa của nó trong kinh văn, nó không có.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp, quý vị không tìm được ý của ngài từ ngôn ngữ, cần phải lìa phân biệt chấp trước mới hiểu được. Nếu có phân biệt chấp trước, quý vị không hiểu được điều ngài nói. Tâm chân thành là một phần của chân tâm, dùng chân thành, thành là gì? Ông Tăng Quốc Phiên có một định nghĩa đối với chữ thành, trong bút ký của ông, như thế nào gọi là thành? “Nhất niệm không sanh gọi là thành”, giải thích của ông rất giống giải thích của Phật pháp! Tâm địa thanh tịnh không có ý niệm nào, đây gọi là thành. Thành nghĩa là chân, chân chính là thành.

Chúng ta dùng thái độ như thế nào để tiếp thu Phật pháp? Dùng tâm chân thành. Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta phương pháp đọc kinh nghe giảng, ngày xưa nghe giảng gọi là nghe dạy, dạy là giáo huấn. Thái độ đọc tụng nghe dạy, thứ nhất là lìa tướng ngôn thuyết, nghĩa là nghe kinh đừng chấp trước vào ngôn ngữ, lìa tướng ngôn thuyết. Đọc kinh thì sao? Đừng chấp trước tướng văn tự, vì văn tự là phù hiệu của ngôn ngữ. Thứ hai là đừng chấp trước tướng danh tự, danh từ thuật ngữ trong này như: Luân hồi, chúng sanh, vô lượng thọ, vô lượng quang, đây đều là tướng danh tự, đừng chấp trước tướng danh tự. Thứ ba là đừng chấp trước tướng tâm duyên, tướng tâm duyên là gì? Ta nghĩ là ý gì, đừng chấp trước điều này.

Đây gọi là tâm chân thành, gọi là tâm thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh nghe kinh, tâm thanh tịnh đọc tụng sẽ khai ngộ, vì sao vậy? Vì tâm thanh tịnh chính là chánh định. Nghe kinh hai tiếng đồng hồ, hai tiếng này quý vị đã nhập định. Nghe giảng những kinh văn này, đây là tuệ, trí tuệ. Quý vị nhập định trong hai tiếng này, hai tiếng khai trí tuệ, hiệu quả không thể nghĩ bàn.

Ngày nay chúng ta không bằng cổ nhân, nghĩa là sao? Chúng ta dùng tâm ý thức để nghe, đây là không biết nghe! Đặc biệt là cao tăng của Tông môn, quý vị biết chăng? Chúng ta không biết. Nếu chúng ta biết, hai tiếng này là kiến tánh, ở đây để làm gì? Để minh tâm kiến tánh. Tuy không vào cảnh giới này, chúng ta ngày càng tiếp cận, đây là thật không phải giả. Trường kỳ như vậy, sẽ có một ngày đại triệt đại ngộ, nhưng khi có phân biệt chấp trước thì không được, hoàn toàn không tương ứng.

Đây là công phu thật sự, nhưng chư vị phải nhớ, tôi để chư vị hai năm học thật tốt văn cổ. Như vậy phải dùng tâm ý thức, không dùng tâm ý thức quý vị không học được. Hai năm sau, thật sự thông suốt văn cổ, quý vị hoặc là học Nho giáo, hoặc là học Đạo giáo, hoặc là học Phật giáo, vì hiện nay Nho Thích Đạo không có nhân tài bậc nhất. Nhân tài bậc nhất Nho giáo là thánh nhân, Đạo giáo là thần tiên, Phật pháp là Bồ Tát, là Phật, không có người như vậy. Chúng ta có thể phát tâm làm thánh nhân, làm thần tiên, làm Phật Bồ Tát chăng? Chỉ cần ta phát tâm, chỉ cần thực hành. Quý vị hiểu phương pháp này, hiểu đạo lý này, y giáo phụng hành, nhất định có thể thành tựu. Thời gian không quá mười năm, mười năm bao gồm hai năm học văn cổ, quý vị chắc chắn có thể thành công. Điều này về mặt lý có thể nói thông suốt, mặt sự không có vấn đề gì.

Cư sĩ Lưu Tô Văn ở Đông bắc 55 tuổi bắt đầu hành trì, mười năm thành tựu, có ví dụ để dẫn chúng, lấy bà làm gương, học tập theo bà, làm gì có chuyện không thành tựu? Người người đều thành tựu. Đặc biệt quý vị hiện nay, tuổi tác chưa đến 55 tuổi, những đồng học này, tuổi càng trẻ càng tốt! 30 tuổi mười năm sau thành tựu, quý vị mới 40 tuổi. 40 tuổi bắt đầu tu hành, thành tựu cũng không trễ, 50 tuổi thành tựu. Quý vị thật sự là đại đức của truyền thống văn hóa xưa, người kế thừa của truyền thống văn hóa. Hy vọng mọi người phải phát tâm, phải thực hành, đừng sợ khó, thực tế mà nói thì không có việc gì khó. Thiên hạ không có việc gì khó, chỉ sợ người có tâm.

Con đường này quang minh rộng lớn vượt khỏi thế gian, thế gian quá khổ. Đi con đường này, đích thực như thầy Phương Đông Mỹ nói: “Hưởng thụ cao nhất của đời người”. Quý vị không đi nên không biết, đi con đường này thật sự là hưởng thụ cao nhất. Pháp hỷ sung mãn, an lạc vô cùng! Như người bây giờ, sống trong xã hội này khổ sở biết bao. Bất luận làm nghề gì, học Phật là an vui nhất, quý vị phải thực hành. Trong Nho Thích Đạo đều có niềm vui, quý vị xem Khổng tử nói: “Học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”, câu này nghĩa là sao? Ta thực hành tất cả những gì đã học, thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong xử sự đối nhân tiếp vật, quý vị có vô lượng hoan hỷ. Không có hoan hỷ thật sự, không có niềm vui thật sự, làm điều này không phải là ngu ngốc ư? Ai bằng lòng làm điều này? Thật sự an vui, càng làm càng an vui, càng làm càng có tinh thần, vui mà không hề mệt mỏi! Trong này quả là niềm vui chân thật.

Chúng ta xem tiếp bên dưới, Hoàng Niệm Tổ trích dẫn mấy câu trong Vãng Sanh Luận. “Nhu Vãng Sanh Luận nói: Ba loại trang nghiêm nhập nhất pháp cú. Nhất pháp cú tức thanh tịnh cú, thanh tịnh cú là trí tuệ chân thật vô vi pháp thân”. Trong Vãng Sanh Luận nói về ba loại trang nghiêm, ở trước đã học qua, có đồng học nào nhớ chăng? Đây là nói ba loại trang

nghiêm của thế giới Cực Lạc, thù thắng vô cùng. Thứ nhất là Phật trang nghiêm, Phật A Di Đà. Thứ hai là Bồ Tát, những người trong mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Phật là thầy, những người vãng sanh này là học sinh, trang nghiêm. Thứ ba là quốc độ trang nghiêm, hoàn cảnh sống và học tập trang nghiêm. Ba loại trang nghiêm nhập nhất pháp cú, nhất pháp cú là gì? “Nhất pháp cú tức thanh tịnh cú”, “thanh tịnh cú” là gì? Là trí tuệ chân thật vô vi pháp thân. Thực tế mà nói, câu này chính là “nam mô A Di Đà Phật”, đây là nhất pháp cú! Công đức của câu danh hiệu này không thể nghĩ bàn, công đức không thể tính kể. Điều này ở trước đã nói rất tường tận, bây giờ không nói thêm nữa, câu này là danh hiệu chung của tất cả pháp. Tất cả Chư Phật trong mười phương ba đời giáo hóa chúng sanh, nói vô lượng vô biên Phật pháp, đều không ra ngoài câu này. Câu này là gì? Câu này là đức hiệu của tự tánh.

Danh hiệu này của Phật A Di Đà, có thể dịch sang nghĩa tiếng Trung, vì sao không dịch? Vì tôn trọng nên không dịch. A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là Giác, ý nghĩa của tiếng Trung là Vô Lượng Giác, không có gì không giác. Giác nghĩa là không mê, nghĩa là thấu triệt. Hay nói cách khác, như các Tôn giáo khác tán thán thượng đế là đáng toàn tri toàn năng. Vô Lượng Giác nghĩa là như vậy, toàn tri toàn năng, vô sở bất tri, vô sở bất năng, chính là ý này. Nó bao hàm tất cả pháp, pháp của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời nói, đều không ra khỏi phạm vi này.

Quý vị niệm câu Phật hiệu này, tức là niệm hết thầy tất cả pháp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, không sót chữ nào. Nếu khuếch đại hơn nữa, nói cho quý vị biết tất cả pháp mà Chư Phật Bồ Tát trong quá khứ hiện tại vị lai của mười phương ba đời nói, cũng ở trong câu danh hiệu này, quả thật không thể nghĩ bàn! Hoàn toàn không phải giả. “Một tức tất cả, tất cả tức một”, dùng câu danh hiệu này quý vị sẽ rất dễ hiểu. Chúng ta quy nạp tất cả pháp vào một pháp, dễ thọ trì, rất tiện lợi cho việc tu học, như vậy không tuyệt vời ư?

Câu này ở đây giải thích rất hay: “Trí tuệ chân thật vô vi pháp thân”, đây là Phật A Di Đà. Vô vi pháp thân là thể, nghĩa là tự tánh, tự tánh vô vi nhưng vô sở bất vi. Tự tánh là thể, khởi dụng thì sao? Khởi dụng là vô sở bất vi, nó có thể hiện tất cả pháp. Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, ba điều trước nói đến vấn đề này, nói đến đạo lý này, nói về chân tướng sự thật này.

Nói như các nhà khoa học hiện nay, vũ trụ từ đâu đến? Vạn vật từ đâu đến? Từ phạm vi rộng mà nói, giữa vũ trụ này, vô lượng vô số những tinh cầu. Những tinh cầu rất kỳ lạ, nó vận hành trong hư không dọc theo quỹ đạo nhất định, nó không gặp cũng không đụng, như vậy là sao? Trong tinh cầu này còn có vô số sinh vật, rốt cuộc là từ đâu đến?

Chúng ta không nói tinh cầu bên ngoài, chỉ nói đến địa cầu này, rất gần. Những sinh vật trên địa cầu này từ đâu đến? Sơn hà đại địa từ đâu đến? Trời từ đâu đến? Nói với quý vị một cách rõ ràng minh bạch, đây là khoa học, là triết học, khoa học và triết học đều chưa nói rõ ràng. 3000 năm trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong kinh điển đại thừa nói một cách rõ ràng minh bạch, nói hay hơn các nhà khoa học hiện nay rất nhiều.

Tôi nghe gần đây, báo cáo nghiên cứu của các nhà lượng tử lực học, tôi xem xong rất hoan hỷ. Tôi có lý do tin rằng, hai đến 30 năm sau, Phật giáo rất hưng thịnh. Phật giáo không còn gọi là Phật giáo, không phải là Tôn giáo, Phật giáo là gì? Là khoa học cao cấp, triết học cao cấp, Phật giáo được người trên toàn thế giới phổ biến tiếp thu, vì sao vậy? Lượng tử lực học đã chứng minh, tinh thần là như thế nào, vật chất là gì. Nhà lượng tử lực học giải thích nó rất rõ ràng, hoàn toàn tương đồng với Phật pháp nói.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong 2500 năm trước, bây giờ quý vị mới nghiên cứu được. Quý vị nghiên cứu được nguồn gốc của vật chất, nguồn gốc của hiện tượng tinh thần, chỉ nói đến điều gì? Nói đến nguồn gốc ban sơ là từ không sanh ra có, chỉ nói một câu như thế. Không sao lại sanh ra có? Đức Phật không nói như vậy, ngài nói từ tự tánh hiển lộ ra. Tự tánh không phải vật chất, không phải tinh thần, nhưng nó có thể sanh ra vật chất cũng có thể sanh tinh thần. Đây là nói các nhà khoa học chưa kiến tánh, họ có thể kiến tánh chăng? Không thể, vì sao không thể? Vì họ có tư tưởng, tư tưởng là vọng tưởng, không phải chân tâm. Vọng tâm duyên không được chân tâm, tự tánh là chân tâm. Vọng tâm có thể duyên được vọng tâm, Phật pháp nói vọng tâm là a lại da.

Ngày nay khoa học duyên được A lại da, nhìn thấy A lại da, tam tế tướng của A lại da. Các nhà khoa học nói trong vũ trụ này không có gì cả, chỉ có ba loại: Thứ nhất là năng lượng, thứ hai là vật chất, thứ ba là tin tức, tin tức là hiện tượng tinh thần. Tam tế tướng của A lại da, danh từ Đức Phật nói không giống nhau, trên thực tế là cùng một vấn đề. Đức Phật nói về A lại da, thứ nhất là nghiệp tướng, nghiệp tướng là năng lượng. Thứ hai là chuyển tướng, chuyển tướng nghĩa là tin tức. Thứ ba là cảnh giới tướng, tức là vật chất, không dễ! Các nhà khoa học đã tìm ra ba thứ này, nói rất rõ ràng, chúng ta khâm phục vô cùng. Nếu họ học Phật pháp đại thừa, họ sẽ hoàn toàn thấu triệt. Tu học theo phương pháp của đại thừa, nghĩa là buông bỏ tất cả khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, họ sẽ thành Phật, họ sẽ minh tâm kiến tánh. Tôi tin họ thành tựu còn nhanh hơn chúng ta, chỉ cần buông bỏ là thành tựu.

Lúc tôi học Phật, vào cửa Phật_Tôi học triết học với thầy, tôi vào cửa Phật bằng con đường triết học. Thầy nói với tôi: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên toàn thế giới, kinh điển Phật giáo là triết học cao nhất trên thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Tôi được những câu nói này của thầy đưa vào cửa Phật, học suốt 59 năm thấy thầy không hề gạt mình. Tôi vô cùng cảm kích, khiến đời này tôi có một cuộc sống hạnh phúc an lạc. Nếu thầy không chỉ con đường này cho tôi, đời này tôi rất gian khổ. Thông qua 59 năm tu học, bây giờ đã biết, Phật giáo không những là triết học cao cấp, mà còn là khoa học cao cấp. Trong triết học và khoa học, bản thể luận của triết học đến nay vẫn chưa định luận. Trong khoa học nói về nguồn gốc của vật chất, không nói rõ ràng, nó đều có trong Phật pháp. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói rất rõ ràng minh bạch, cũng nói với quý vị làm sao để chứng được. Lúc đó Đức Phật không dùng đến máy móc, làm sao ngài biết? Thiên định, thiên định nghĩa là buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước. Nhập định càng sâu, những gì quý vị thấy được càng nhiều càng rộng. Trong thiên định thậm thâm, thấy được duyên khởi của toàn thể vũ trụ, ngài không cần dùng máy móc, còn chân thực hơn quý vị dùng máy móc. Máy móc là mượn công cụ bên ngoài, ngài không cần đến. Bởi thế Phật pháp không chỉ như lời thầy Phương nói, là triết học đỉnh cao nhất trên toàn thế giới, mà còn là khoa học đỉnh cao nhất.

Einstein có dự ngôn: Tôn giáo trong tương lai, Phật giáo sẽ mãi mãi truyền thừa, không bị khoa học đào thải, lời này nói rất hay. Vì sao không thể đào thải? Vì nó là khoa học, quý vị đào thải Phật giáo, khoa học sẽ không còn.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 179
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: 29.10.2010
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 205 hàng thứ nhất. Chúng ta bắt đầu xem từ câu thứ hai.

“Vô vi pháp thân là thể, từ lúc hiện thể giới Cực Lạc y chánh trang nghiêm. Cho nên nói, chiêu cảm thanh tịnh cư rộng lớn, thù thắng trang nghiêm không gì sánh được”. Trong kinh điển đại thừa nói “vô vi pháp thân”, đây là loại thứ nhất của ba loại chân thật nói trong kinh này. “Chân thật rốt ráo”, cũng gọi là tự tánh chân như. Danh xưng có nhiều, nhưng đều nói cùng một việc. Đây là thể, thể này cũng chính là trong triết học hiện đại nói, bản thể của vũ trụ vạn hữu.

Bản thể luận trong triết học, đến nay vẫn không cách nào xác định. Rốt cuộc bản thể là gì, vẫn không thể nói ra một cách tường tận cụ thể, nói rất nhiều cách đều không viên mãn. Thực tế trong kinh nói rất rõ ràng, “vô vi pháp thân”, vô vi tức không có sanh diệt, không có tương đối nghĩa là vô vi. Phản diện của vô vi là hữu vi, vô vi là thể, hữu vi là dụng, hữu vi là tướng, trong Phật pháp thường nói thể tướng dụng. Thể là pháp thân, vô vi pháp thân, hoặc gọi là thanh tịnh pháp thân, cùng một nghĩa, cũng gọi là thanh tịnh pháp thân. Pháp là tất cả pháp, thân của tất cả pháp nghĩa là thể, tất cả pháp đều không tách rời nó, từ pháp tánh này hiện ra, chảy ra, xuất hiện.

Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói: Tự tánh chân như năng sanh năng hiện, có thể sanh tất cả pháp, có thể hiện ra tất cả pháp, sanh và hiện cùng một ý nghĩa. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Duy tâm sở hiện, tâm đây là chân tâm, nghĩa là vô vi pháp thân, tức là thể. Chân tâm năng hiện năng sanh. Tất cả vạn pháp này biến hóa vô cùng, đây là thức biến, thức có thể biến. Thức là gì? Thức là phân biệt chấp trước, thức thứ sáu và thức thứ bảy. Thức thứ bảy là chấp trước, thức thứ sáu là phân biệt, nó có thể biến, biến hiện ra vũ trụ, biến hiện ra vạn vật, biến hiện ra chúng sanh. Thế giới Cực Lạc cũng từ thể này biến hiện ra, hiện ra Cực Lạc y chánh trang nghiêm. Chánh báo của thế giới Cực Lạc là Chư Phật Bồ Tát.

Chúng ta nên nhớ, thế giới Cực Lạc có hai hạng người, rất đơn thuần, không hề phức tạp. Phật là thầy, Bồ Tát là học sinh, không nghe nói thế giới Cực Lạc có chính phủ, cũng không nghe nói thế giới Cực Lạc có đế vương, thiên chủ, chưa từng nghe nói. Ở thế giới này cũng không nghe nói đến văn võ bá quan, cũng không có sĩ nông công thương. Quý vị xem thế giới Cực Lạc đơn thuần biết bao, nó giống như một trường học vậy. Trong trường học ngoài thầy ra còn lại là học sinh, ngoài học sinh ra chỉ có thầy.

Chúng ta biết Bồ Tát Pháp Tạng kiến lập nên thế giới Cực Lạc, kiến lập như thế nào? Tâm nguyện! Tâm nguyện này không phải chính là cảm ư? Trong vô vi pháp thân hiện ra thế giới Cực Lạc, đây không phải gọi là ứng ư? Chúng sanh có cảm, Đức Phật liền có ứng, bởi thể vô vi pháp thân là chân Phật. Chư vị nên biết, Phật ở đây không phải vật chất, cũng không phải tinh thần, nhưng nó năng sanh năng hiện vật chất, năng sanh năng hiện tinh thần, đều là do nó sở sanh sở hiện, thế giới Cực Lạc từ nó hiện ra.

Hiện nay ở địa cầu chúng ta, hệ thái dương, hệ ngân hà phải chăng cũng do nó hiện ra? Đúng vậy. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói rất nhiều, nghĩa là ba đời phùng Phật cùng một pháp thân, đều từ lý thể này biến hiện ra, thậm chí biến hiện như thế nào, ở đây chúng ta không nói nhiều, trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất nhiều, trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng, mỗi câu đều là sự thật. Phật pháp đích thực là triết học cao cấp, khoa học cao cấp, sự thật này bày ra ở đây.

Y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, bên dưới nói: “chiêu cảm thanh tịnh cư rộng lớn”, hai chữ chiêu cảm này rất hay! Là ai cảm? Là Bồ Tát Pháp Tạng cảm. Ngài có cảm ngài sẽ đạt được, đạt được là ứng, như tâm nguyện của ngài. Quả thật như trong hội Lăng Nghiêm nói: “tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”, tâm Phật A Di Đà lớn, lượng lớn. Cho nên từ trong tự tánh thanh tịnh viên minh thể, hiện ra thế giới Cực Lạc rộng lớn, thanh tịnh cư. Hai chữ thanh tịnh này, ở đây có dụng ý rất sâu sắc. Sở dĩ thế giới Cực Lạc trang nghiêm như thế, do cảm của ngài là tâm thanh tịnh cảm, hiện ra thanh tịnh cư, cư nghĩa là thế giới.

“Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân”, vô đẳng như thế nào? Ở sau có nói đến. Thế Gian Tự Tại Vương Phật thị hiện 210 ức cõi nước Chư Phật cho ngài xem, tùy ngài chọn. Quý vị xem, Đức Phật không hề miễn cưỡng, quý vị xem rồi tự chọn. Như trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phu nhân Vi Đề Hy gặp biến cố chính trị trong hoàng cung, con tranh ngôi muốn lên làm hoàng đế. Bị Đề Bà Đạt Đa xúi giục, ông ta giết cha hại mẹ mình để tranh đoạt vương vị. Cuộc đảo chính này thành công, phu nhân vô cùng bi ai, không muốn ở thế gian này nữa. Bà nhớ nghĩ đến Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, có thế giới thanh tịnh chẳng, bà muốn vãng sanh. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng như thế, đem mười phương cõi nước Chư Phật, dùng thần lực của ngài khiến bà thấy hết, tự bà chọn. Bà chọn thế giới tây phương Cực Lạc, cầu xin Thế Tôn như thế nào mới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà? Đức Phật dạy cho bà phương pháp cầu sanh Tịnh độ, đây là một loại trong Tịnh Độ Tam Kinh. Trong phương pháp cầu vãng sanh, ngài nói ra một nguyên tắc chung. Điều này rất quan trọng, tuyệt đối không được lơ là, vì sao vậy? Vì trái với nguyên tắc này không thể vãng sanh, nguyên tắc này là ba điều của Tịnh Nghiệp Tam Phước. Điều thứ nhất là “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”, đây là điều đầu tiên. Thật sự muốn đến thế giới Cực Lạc, không thể thiếu điều này. Ba điều đều phải đầy đủ, mới có thể vãng sanh. Điều thứ hai là “thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi”. Điều thứ ba là “phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến tấn hành giả”.

Điều thứ nhất là thiện pháp của nhân thiên, điều thứ hai là thiện pháp của tiểu thừa, điều thứ ba là thiện pháp của Bồ Tát. Ba điều này điều sau thâm sâu hơn điều trước, nghĩa là nói điều thứ nhất không bao gồm điều thứ hai và thứ ba. Điều thứ hai nhất định bao gồm điều thứ nhất, nhưng không bao gồm điều thứ ba. Điều thứ ba chắc chắn bao gồm cả hai điều trước. Không thể không hiểu điều này, nếu không niệm Phật suốt cả đời đến sau cùng không thể vãng sanh, còn trách Phật không linh, tội đó rất lớn. Đức Phật nói rất hay, ba điều này là “tịnh nghiệp chánh nhân của ba đời Chư Phật”. Từ trên phương diện nghĩa hẹp để nói, tịnh nghiệp chánh nhân của ba đời Chư Phật là nguyên nhân chính cầu sanh thế giới Cực Lạc. Nếu từ phương diện nghĩa rộng để nói, bất luận tu học pháp môn nào, tất cả chúng sanh tu vô lượng pháp môn nếu muốn thành chánh quả, chứng vô thượng bồ đề, thật sự chứng được quả Phật, đều lấy ba điều này làm căn bản, là nhân thứ nhất.

Từ đây chúng ta khẳng định, hiểu thân tôn sư là nền tảng thiện pháp của thế xuất thế gian, tất cả thiện pháp đều sanh ra từ nền tảng này. Dù họ làm thiện pháp lớn đến đâu, mà họ bất hiếu cha mẹ, không kính sư trưởng là họ không có nền tảng, thiện pháp của họ không phải thật, không có gốc rễ. Thiện pháp đó là gì? Như cành hoa cắm trong bình vậy, mấy ngày là khô héo, nó không khai hoa kết trái. Hoa đã nở nhưng không kết quả, vài ngày là khô chết. Đạo lý này là thật, không hề giả. Nếu có gốc có rễ, tuy bây giờ đến cành lá đều không có, chúng ta biết tương lai nó nhất định hoa quả sum suê.

Quý vị xem một chồi cây nhỏ, bên dưới nó có rễ. Nó mọc ở đó chúng ta biết, mười mấy năm sau nó thành cây lớn, khai hoa kết trái. Quý vị có thể dự tính được, rất linh hoạt, đạo lý này không thể không hiểu. Nếu không hiểu, đời này học Phật chỉ là trồng chút ít thiện căn trong Phật pháp. Đây là trong kinh Phật nói, roi ít hạt giống Phật pháp vào trong A lại da, trong đời này nó không khai hoa kết trái. Nếu nó khai hoa kết trái quý vị phải tu, đã có giống, đã có chủng tử trong A lại da, nhưng không tu không được, phải thực hành.

Tu như thế nào? Y theo điều này, đây thật sự gọi là ba nền tảng, là ba nền tảng của Tịnh tông. Chúng ta thường nói Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, là ba nền tảng của văn hóa truyền thống xưa_Nho Thích Đạo. Bây giờ nói với quý vị là ba nền tảng của Tịnh độ, đây là gốc. Tịnh độ còn có ba cái rễ, rễ là gì? Là tín nguyện hạnh. Quý vị phải tin vào pháp môn này, nếu thật sự muốn vãng sanh phải có nguyện, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, chân thành niệm Phật. Trong hành, thực hành triệt để Tịnh Nghiệp Tam Phước, phải thực hành điều này, chân thành niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, không ai không vãng sanh. Đại sư Thiện Đạo nói, pháp môn này gọi là vạn người tu vạn người đi. Niệm Phật suốt đời sau cùng không thể vãng sanh, vẫn tiếp tục trôi lăn trong luân hồi, vấn đề ở đâu? Nguyên nhân do lãng quên ba nền tảng này, lãng quên Tịnh nghiệp Tam Phước. Trong kinh Đức Phật nói rất rõ ràng minh bạch, quý vị không được trách Phật, nói Phật không nói với con. Ngài nói với quý vị từ lâu, không thể không tinh tấn tu hành!

Thanh tịnh rất quan trọng_Thanh tịnh bình đẳng giác là ba mục tiêu tu học của chúng ta. Trước tiên được tâm thanh tịnh, được tâm thanh tịnh nhất định vãng sanh. Như thế nào gọi là tâm thanh tịnh? Đoạn tận chấp trước đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, nếu nói một cách tường tận là đã đoạn tận kiến tư phiền não. Đức Phật nói kiến phiền não có năm loại lớn: Thân kiến, biên kiến, thủ kiến, giới thủ, tà kiến, đây là kiến phiền não. Tư phiền não cũng có năm loại lớn: Tham sân si mạn nghi. Mặc dù không thể đoạn tận gốc, nhưng công phu tu học có thể khống chế nó. Nó không khởi tác dụng tức có thể vãng sanh. Pháp môn này gọi là đời nghiệp vãng sanh.

Chư vị tổ đức nói rất rõ ràng, đời nghiệp là chỉ mang nghiệp cũ, không mang theo nghiệp hiện hành. Nghiệp tạo ra trước khi ta chưa nghe đến pháp môn Tịnh độ có thể mang theo, sau khi học pháp môn này, ta vẫn tiếp tục không ngừng tạo nghiệp, nghiệp này không mang theo được. Chỉ mang theo nghiệp cũ, không thể mang nghiệp mới. Trước đó không biết, không biết thì không sao, khi học pháp môn này đã biết, biết mà cũng làm, điều này không được, như vậy không thể vãng sanh.

Có người hỏi, trong kinh nói lâm chung mười niệm đều có thể vãng sanh, phải chăng là thật? Là thật, vậy không phải họ đều mang theo nghiệp hiện tiền ư? Họ không mang theo. Nghiệp họ tạo trước khi chưa nghe pháp môn niệm Phật, nghiệp đó có thể mang theo. Sau khi nghe, quý vị xem họ vừa nghe đến niệm A Di Đà Phật, họ lập tức niệm Phật A Di Đà để cầu vãng sanh, họ không mang theo nghiệp này. Quý vị thử nghĩ xem như vậy có đúng chăng?

Suốt đời chưa nghe đến Phật pháp, chưa từng nghe đến Tịnh độ, khi lâm mạng chung có thiện tri thức nói với họ. Khi quý vị sắp đoạn khí, nhanh chóng niệm Phật A Di Đà cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Người này vừa nghe đã tin, liền phát nguyện, thực hành. Chưa niệm xong mười câu đã đoạn khí vãng sanh, họ ra đi thật sự. Đây là không mang theo nghiệp hiện hành.

Trước khi lâm mạng chung ba ngày có người nói với quý vị, pháp môn Tịnh độ cho phép quý vị đời nghiệp vãng sanh. Nhưng quý vị vẫn ngày ngày tạo nghiệp ác, đến lúc lâm mạng chung nghiệp đó không mang theo được, không thể nào. Ba ngày trước khi lâm mạng chung nghe được pháp môn này, ba ngày này không tạo nghiệp ác, không khởi ác niệm, nhất tâm niệm A Di Đà Phật họ liền vãng sanh. Lý và sự đều rõ ràng minh bạch, không được ngộ nhận.

Từ đó cho thấy, vấn đề này nói thật không đơn giản. Quý vị xem bình thường học Phật, quý vị có tạo nghiệp chướng? Vẫn tiếp tục tạo nghiệp. Quý vị biết, phiền não khó đoạn, tập khí không dễ hàng phục. Khi lâm mạng chung có thể hàng phục được chăng? Hoàn toàn dựa vào công phu bình thường, công phu bình thường không thâm sâu, không hiểu thấu triệt thật tướng các pháp. Không thấu triệt tức không buông bỏ được, thật sự thấu triệt mới buông bỏ được. Khi lâm mạng chung nghe người khuyên niệm Phật, quý vị tin quả thật là không dễ! Không tin tưởng, không tin đương nhiên không chịu phát nguyện, chỉ là mỗi khi đã nghe qua vĩnh viễn trở thành giống đạo, lợi ích họ đạt được chỉ như thế, đời này họ không có cơ hội vãng sanh.

Bởi vậy chư vị đồng học nhất định phải biết, bắt đầu từ bây giờ phải tu. Nghiệp tạo từ ngày hôm qua trở về trước không sao, có thể mang theo. Bắt đầu từ ngày hôm nay tôi không tạo ác nghiệp, chỉ nhất tâm niệm Phật, tu như vậy gọi là vạn người tu vạn người đi. Nghe pháp môn này rồi mà vẫn tiếp tục tạo ác nghiệp, như vậy không thể vãng sanh. Điều này trong kinh điển không tìm thấy căn cứ, cho nên chúng ta phải đặc biệt lưu ý điểm này.

Trong kinh nói: Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân. “Vô đẳng luân”, luân là đồng loại, nghĩa là “không thể bằng”. Không có gì có thể bằng nó, nó đã vượt trội. “Không thể sánh được”, không ai có thể so sánh với họ. Đây là nói cõi nước của mười phương Chư Phật, không sánh bằng thế giới Cực Lạc. Sự thù thắng của thế giới Cực Lạc Chư Phật đều tán thán.

“Ngụy Dịch lại nói: Đạo tràng siêu tuyệt”. Siêu tuyệt nghĩa là thù thắng, ở đây và trong kinh vẫn nói ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. “Gia Tường Sơ nói: Tu đạo nhanh chóng thành Phật, cho nên gọi là siêu tuyệt”. Giải thích này rất hay, nói rõ thế giới tây phương Cực Lạc không gì sánh được, thù thắng trang nghiêm không gì sánh được là nói điều gì? Chính là điều này. Quý vị ở đó tu đạo không có chướng ngại, không có chướng ngại mới có thể nhanh chóng thành Phật. Hoàng Niệm Tổ nói: “Đại sư Gia Tường một lời nói rõ sự thù thắng siêu tuyệt của Tịnh độ tông, trước tiên là ở chỗ nhanh chóng thành Phật”. Phàm phu vãng sanh, chúng bất thoái chuyên, bất thoái mới có thể nhanh chóng thành Phật. Chúng ta ở thế giới này học Phật là lúc tiến lúc thoái, nên mất rất nhiều thời gian. Đời này tu học còn chưa thành tựu, thọ mạng đã đến, chư vị nên biết thọ mạng thuộc về phước báo. Người xưa nói có năm loại phước báo, trong năm loại phước có thọ mạng, trường thọ. Phước báo từ đâu đến? Do tu được, không tu phước làm sao có trường thọ? Trong đời quá khứ tu chưa đủ phước báo, đời này chết yểu. Đời này tu phước báo có thể bù đắp chăng? Có thể!

Liễu Phạm Tứ Huấn là một điển hình tốt, lúc đó ông Liễu Phạm mới mười mấy tuổi, là đồng tử, gặp một người xem tướng. Trong Tứ Huấn ông nói, lúc ông khoảng mười năm mười

sáu tuổi, gặp ông Không người Vân Nam, ông rất giỏi xem tướng bói toán. Đi trên đường gặp ông, khi gặp cảm thấy rất kỳ lạ. Ông ta nói, số mạng Liễu Phàm đáng là người trong con đường làm quan. Bây giờ gọi là đi theo con đường chính trị, tại sao con không đi học? Bảo Liễu Phàm học hành để theo đường công danh, ông nói rõ nguồn cơn. Ông Không nói về bói toán xem tướng với Liễu Phàm một cách rất hoan hỷ. Liễu Phàm dẫn ông Không về gặp mẹ mình, bà mẹ thấy ông Không này nói rất đúng, rất có đạo lý liền nhờ ông xem cuộc đời Liễu Phàm, xem vận mệnh một đời. Ông ta xem rất chuẩn xác, và từ đó Liễu Phàm bắt đầu đi học.

Người đọc sách mỗi năm đều phải tham gia thi cử, thi cử đạt được rất đúng với những lời ông Không nói. Sau khi thi đỗ tú tài, nhà nước phát bổng lộc cho ông, ông được quốc gia nuôi. Mỗi năm phát bao nhiêu gạo thóc, khiến cuộc sống của quý vị no đủ để an tâm học hành, mỗi năm đều tham gia thi cử. Như vậy suốt 20 năm, mỗi năm trôi qua đều rất chuẩn xác, không hề sai chút nào. Vì thế tâm ông định chắc như thế, không còn suy nghĩ lung tung, suy nghĩ cũng vô ích. Thi ra suốt đời đều là mạng, hoàn toàn không do người, coi rất chuẩn xác.

20 năm sau, ở núi Thê Hà Nam Kinh, thỉnh giáo một vị cao tăng là pháp sư Vân Cốc. Pháp sư Vân Cốc ở trong Thiền đường, ông cũng đến Thiền đường ngồi thiền, ngồi suốt ba ngày ba đêm. Khi thiền sư Vân Cốc xuất định nói, ông rất khó được, công phu không tệ. Người thông thường mà ba ngày ba đêm không khởi một vọng niệm, không đơn giản, sao ông có thể ba ngày ba đêm không khởi một vọng niệm nào? Ông Liễu Phàm rất thật thà nói một cách rất chân thật, ông nói mạng của con từ nhỏ đã được thầy bói xem, suốt 20 năm không sai chút nào, con khởi vọng niệm có lợi ích gì? Cho nên con không khởi vọng niệm.

Thiền sư Vân Cốc nghe xong bật cười nói: Tôi tưởng ông có công phu, là một thánh nhân, thì ra vẫn là một phàm phu. Ông ta hỏi, vì sao con vẫn là phàm phu? Mạng của phàm phu mới bị người khác coi chắc như thế, lời này ý nghĩa thâm sâu! Tiêu chuẩn phàm phu. Như chúng ta đều không phải tiêu chuẩn phàm phu, người ta không đoán được số mạng của chúng ta, vì sao vậy? Vì mỗi ngày đều có cộng trừ nhân chia. Khởi một ý niệm tốt là cộng, một ý niệm xấu là trừ, mỗi ngày đều có thêm bớt. Ông Liễu Phàm 20 năm không hề thêm bớt, có thể thấy ông là một phàm phu đạt chuẩn.

Thiền sư Vân Cốc dạy ông thay đổi vận mệnh, vận mệnh là nhân đời trước, quả báo của đời này. Đời này ý niệm tốt, nhân tốt nó sẽ tăng, thọ mạng cũng tăng. Nếu làm việc không tốt, việc thiếu đức sẽ bị giảm, thọ mạng cũng giảm. Đạo lý là như thế, ông ta nghe hiểu. Liền thỉnh giáo thiền sư, thiền sư dạy ông phương pháp, ông ta thực hành. Khi trở về nhà không làm các điều ác, phụng hành các điều thiện, sang năm tiếp tục tham gia thi thì không đúng. Vốn sang năm thi là đứng thứ ba, ông ta thi được thứ nhất.

Quý vị xem ý niệm vừa khởi, lập tức xuất hiện cộng trừ nhân chia. Thiện niệm lớn thì nhân, ác niệm lớn thì chia. Thiện ác nhỏ là cộng trừ, thiện ác lớn thì nhân chia. Điều này là thật, không phải giả. Sau khi hiểu được vấn đề này mới biết vận mệnh trong tay ai? Không phải trong tay Thượng đế, cũng không phải trong tay vua Diêm la, không liên quan đến Phật Bồ Tát, hoàn toàn do bàn tay mình thao túng, tự làm tự chịu. Cải tạo vận mệnh do chính mình, sáng tạo vận mệnh cũng ở chính mình. Chỉ cần ta hiểu nhân quả, đoạn ác tu thiện, quý vị sẽ làm được. Trong kinh Phật đối với vấn đề này nói rất rõ ràng, Đạo giáo nói càng nhiều, Nho giáo nói cũng không ít. Xem tường tận kinh sử, học thuyết của Chư tử, đều nói đến nhân quả báo ứng.

Hoàn cảnh ở thế giới tây phương Cực Lạc, thật sự có thể nói là thuần tịnh thuần thiện, vì sao vậy? Vì nó hiện ra từ tâm thanh tịnh. Quý vị là tâm thanh tịnh bình đẳng giác, tự tánh sẽ hiện cõi báo y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, tuyệt đối không tách rời nguyên tắc tâm hiện thức biến. Nói cách khác, chúng ta muốn đến thế giới Cực Lạc, niệm chúng ta và niệm của Phật A Di Đà nhất định phải tương ưng, nếu không tương ưng không thể vãng sanh. Tâm chúng ta tương ưng, niệm tương ưng, nguyện tương ưng, hành tương ưng, chắc chắn vãng sanh.

Chúng ta không thể không đọc Kinh Vô Lượng Thọ. Tịnh độ có năm kinh, tốt nhất là đọc hết tất cả, không thể đọc hết thì đọc một loại cũng được. Một tức là nhiều, nhiều tức là một. Kinh Vô Lượng Thọ đầy đủ nhất, kinh này nói rõ ràng chu đáo nhất, nói đầy đủ mọi phương diện. Bây giờ chúng ta học hai phẩm này, là nói đến nguồn gốc lịch sử của thế giới Cực Lạc, vì sao có thế giới Cực Lạc. Nói với chúng ta điều này, nói về duyên khởi.

Cho nên câu này thù thắng vô cùng: Nhanh chóng thành Phật. Điều kiện chính là bất thoái, chỉ có tiến về trước, không có thoái lui. Phạm phu vãng sanh, ở thế giới Cực Lạc không có những chướng duyên khiến ta thoái chuyển, không có. Ở thế giới đó quý vị thấy là Chư Phật Bồ Tát, nơi đó không có oán thân traai chủ, không có cám dỗ của ngũ dục lục trần, ở đó không có.

Ở thế giới Ta Bà này thành tựu rất khó, bên trong có phiền não tham sân si mạn, bên ngoài có mê hoặc của tài sắc danh lợi, sự cám dỗ vô cùng mãnh liệt, quý vị có thể không động tâm là điều không dễ! Bao nhiêu người tu hành rất lâu, tu hành mấy mươi năm vẫn bị mê hoặc, vẫn còn thoái chuyển. Được mấy người có thể bất thoái, họ đã thành công. Chúng ta muốn hỏi, sao họ có thể giữ được tâm bất thoái? Chúng ta cũng muốn đạt được bất thoái.

Đức Phật dạy cho chúng ta phương pháp là tinh tấn, tinh tấn tức có thể bất thoái, tinh là tinh thuần. Cổ nhân dạy chúng ta quý ở chỗ chuyên, trong Phật pháp dạy chúng ta nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, chú trọng ở chỗ trường thời. Nếu quý vị mỗi ngày có thể giữ được bốn tiếng trở lên đọc kinh hoặc là nghe kinh, cũng có thể quý vị sẽ không thoái chuyển. Nếu không thắng được những cám dỗ bên ngoài, cám dỗ của danh văn lợi dưỡng, như vậy phải làm sao? Thời gian kéo dài hơn.

Chúng ta thấy có một số đồng học, một ngày mười tiếng, như vậy không sao. Mỗi ngày mười tiếng gần gũi Phật Bồ Tát, thân cận Phật Bồ Tát, ngày ngày như thế, bảo đảm không thoái chuyển, người này chắc chắn vãng sanh. Không tinh tấn được như thế, vậy thì rất khó! Quý vị xem, không thân cận Phật Bồ Tát, quý vị sẽ thân cận danh văn lợi dưỡng, nó đang dụ dỗ quý vị. Bên nào thời gian dài, bên đó sinh ra sức mạnh lớn lao, kéo quý vị đi theo. Từ xưa đến nay tình hình này rất thường thấy, không phải ít.

Vì sao người tu hành rất tốt, mười năm hai mươi năm vẫn bị thoái chuyển? Nguyên nhân là như vậy. Đặc biệt trong hoàn cảnh hiện nay của chúng ta, cám dỗ lớn nhất là gì? Trước đây thầy tôi là ông Phương Đông Mỹ nói: Cám dỗ lớn nhất hầu như mỗi người đều không tránh khỏi, đều bị nó khống chế, đây là gì? Là ma vương, ma vương là ai? Là ti vi. Trong nhà quý vị có ti vi, đó là ma vương. Mỗi ngày quý vị đối diện với nó bao nhiêu thời gian? Nó đang dạy quý vị, dạy quý vị bạo lực sắc tình, dạy quý vị sát đạo dâm vọng, nó dạy quý vị những điều này.

Đạo tràng của chúng tôi cũng có ti vi, nhưng không có ăng-ten, không xem được những tiết mục này. Ti vi của chúng tôi đều mở băng giảng, mở VCD. Chúng tôi thân cận với Phật, không thân cận ma vương. Chúng tôi dùng mạng internet và truyền hình, ma vương đến tìm

tôi, rất hung dữ! Hỏi tôi, vì sao không thương lượng với họ, đã xâm phạm đạo tràng của họ? Tôi nói không có, chúng tôi không xâm chiếm đạo tràng của quý vị. Sao lại không có? Tôi đột nhiên nhớ ra, chúng tôi có mạng internet, có ti vi. Đạo tràng của họ là gì? Mạng internet và ti vi là đạo tràng của họ. Ở đây chúng tôi có thờ bài vị của ma vương, xin họ tha thứ. Ma vương Ba tuần, họ đến tìm tôi, tôi mới biết đó là đạo tràng của họ. Chúng ta có truyền hình vệ tinh, có mạng internet, đây là xâm chiếm đạo tràng của họ. Đáng sợ! Nghe thế không lạnh mà run. Ở đây chướng duyên quá nhiều, khiến tâm ta không định được. Thế giới Cực Lạc hoàn toàn không có. Trên thực tế, ma ba tuần cũng rất dễ thương, quý vị hành thiện họ khâm phục, làm hộ pháp cho quý vị. Nếu khi quý vị tạo ác, họ giúp quý vị tạo ác, họ khiến quý vị đọa địa ngục. Từ đó cho thấy, chúng ta đọa vào địa ngục không thể trách họ, do chúng ta sai, họ chỉ tác động thêm một chút khiến ta đi nhanh hơn, họ không làm gì sai. Khi quan sát rõ ràng, tôi cảm thấy họ cũng là Bồ Tát, vì sao vậy? Quý vị tạo nghiệp, họ nhanh chóng đưa quý vị vào địa ngục để chịu tội. Chịu hết tội, quý vị sẽ giác ngộ, quay đầu. Nghĩ lại, họ là Bồ Tát, rất có lý.

“Vì có phương tiện thù thắng này”, cho nên bên dưới Bồ Tát Pháp Tạng nói, là bài kệ ở sau: “Tất cả chúng sanh luân hồi trong các đường, nhanh chóng sanh vào cõi nước ta hưởng an lạc”. An lạc này là niềm an lạc thật sự, mới là an lạc chân thật. An lạc ở thế gian chúng ta là giả, không phải chân thật. Trong an có nguy, trong lạc có khổ, điều này những người sơ ý họ không ý thức được. Nếu họ ý thức được, tất nhiên là sống trong yên ổn phải nghĩ đến lúc gian nguy, khi hưởng niềm vui họ biết có khổ. Như vậy họ có tiết độ, không dám quá đà, mới có thể quay đầu, mới có thể đoạn ác tu thiện.

Đặc biệt là trong thời đại hiện nay của chúng ta, chúng tôi gặp rất nhiều đồng học, mọi người đều quan tâm đến thiên tai thảm họa. Nước Mỹ có bộ film 2012, rất gần, phát sóng trên toàn cầu. Tôi đã mấy mươi năm không xem film, lúc đó tôi đang trị đau răng ở Cao Hùng. Bác sĩ nha khoa là một Phật tử kiên thành, ông mua một vé, hình như có hơn 20 người đến rạp chiếu phim xem bộ film này. Sau khi xem xong tôi nói với mọi người, tôi tin bộ film này là một dự báo, một lời cảnh cáo đối với nhân loại chúng ta. Có phát sinh chăng? Người trên toàn cầu đều chú ý đến. Đại khái nói nó thật sự có thể phát sinh, hoặc là không thể phát sinh, đại khái là 50/50. Một nửa cho rằng có thể phát sinh, một nửa cho rằng đây là film, chỉ là kỹ xảo của điện ảnh, không thể có điều này. Chẳng qua từ khi phát sóng bộ film đến nay, gần một năm, một năm nay hình như trên thế giới thiên tai ngày càng nhiều, đích thực đánh thức sự cảnh giác đối với mọi người.

Các nhà khoa học nói với chúng ta Ông Baladen là một nhà khoa học, ông từng viết một cuốn sách có tên là Giải Độc Mạt Thế Dự Ngôn. Cuốn sách này có bản dịch tiếng Trung, một đồng tu ở HongKong tặng tôi một cuốn. Tôi xem qua, nói rất hay. Tổng hợp rất nhiều dự ngôn trên thế giới, để xem diễn biến thế giới này trong tương lai. Ông đối với tư tưởng dự ngôn về thảm họa 2012, ông cho rằng 2012 là cơ hội cho toàn nhân loại bỏ ác dương thiện, cải tà quy chánh. Ông nói tất cả mọi người cần phải đoạn chánh tâm niệm, đưa thế giới này đi đến một tương lai tốt đẹp hơn. Lời này nói rất giống với những gì trong kinh Đức Phật dạy, cũng có rất nhiều nhà khoa học có tư tưởng tương đồng với ông. Vấn đề là người trên thế giới này có cải tà quy chánh chăng, có bỏ ác dương thiện chăng? Nếu không thể thì sao? Nói cách khác, không thể đồng nghĩa với tận thế. Trong tập tục ngày xưa gọi là trên trời đòi người, con người không thể cải ác hướng thiện, ông trời đến đòi người.

Bởi vậy hiện nay, Phật Bồ Tát, trời làm sao để giúp người thế gian này? Chúng ta biết thiên nhân từ bi, Phật Bồ Tát từ bi, cứu khổ cứu nạn. Phương pháp cứu khổ tất cả chúng sanh, nghĩa là phải giúp họ giác ngộ. Khi đã giác ngộ họ sẽ quay đầu, họ mới có thể cải tà quy chánh. Phương pháp giác ngộ chính là phải dựa vào giáo dục. Nếu con người thật sự thông qua học tập giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục thánh hiền, sẽ quay đầu. Nếu không có những giáo dục này, như giáo dục hiện nay trên toàn thế giới, là giáo dục gì? Là giáo dục danh lợi, tranh danh đoạt lợi. Có thể nói bắt đầu từ mẫu giáo, đến thạc sĩ, đến tiến sĩ, nghiên cứu điều gì? Nghiên cứu làm sao tranh danh đoạt lợi. Khởi tâm động niệm không phải vì người khác, là vì bản thân. Khởi tâm động niệm là tổn người lợi mình, quả thật đáng sợ! Trong kinh này gọi là cảm ứng. Ý niệm này, hành vi này, chiêu cảm nên điều gì? Không phải thế giới Cực Lạc, mà là thế giới bi thảm. Cũng chính là đối với rất nhiều dự ngôn mà nói đó là tận thế, địa cầu hủy diệt. Các nhà khoa học nói, có thể tạo thành hủy diệt cho địa cầu, có rất nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân đầu tiên chính là đại chiến thế giới lần thứ ba, vũ khí hạt nhân, chiến tranh hóa học, tạo thành sự hủy diệt của nhân loại trên toàn địa cầu. Đây là nhân họa, không phải thiên tai, mọi người hết muốn sống muốn cùng nhau chết. Điều này rất có thể, vì hiện nay vũ khí hạt nhân rất nhiều, đủ để hủy diệt toàn thế giới, không phải không thể.

Thứ hai là nói đến thiên tai tự nhiên, hiện nay đáng sợ nhất là nhiệt độ địa cầu không ngừng lên cao. Băng ở Nam Bắc Cực tan rã, đây là thảm họa lớn. Nhiệt độ toàn bộ địa cầu thay đổi, thay đổi này ảnh hưởng đến điều gì? Ảnh hưởng đến sự sanh tồn của động thực vật, nghiêm trọng nhất là lượng sản xuất lương thực giảm sút nhiều, nhân loại đói khát. Hiện tượng này_tôi nghe nói năm nay, Đông bắc của Trung quốc là khu vực sản xuất lúa mì nhiều nhất trên toàn thế giới, sản lượng lúa mì trên toàn thế giới, Đông bắc đứng hàng đầu. Nghe nói thu hoạch năm nay tổn thất 40%, nhiều hơn 1/3 một chút. Năm nay mùa đông ấm áp, mùa vụ của lúa mì không dài. Khí hậu các nơi trên thế giới đều biến hóa, nơi đứng ra là lạnh thì trở thành ấm, nơi ấm áp trở thành lạnh, nên động thực vật tử vong rất nhiều.

Thứ ba là nước biển dâng cao, các đô thị ven biển đều bị ngập. Có những đợt sóng thần nghiêm trọng, núi lửa phun trào, động đất lớn, động đất trên cấp chín. Những điều này gây ra phiền phức rất lớn. Tóm lại, thiên tai hay nhân họa, nó đều liên quan mật thiết với nhân tâm thái độ của chúng ta. Nếu chúng ta đoạn ác tu thiện, thay đổi tâm thái, có thể cải thiện sanh thái biến dị của địa cầu này. Đạo lý này trong kinh điển nói rất rõ ràng, chính là cảnh tùy tâm chuyển. Cảnh là hoàn cảnh cư trú của chúng ta, hoàn cảnh cư trú của chúng ta xấu hay tốt, đều thay đổi theo tâm của chúng ta.

Ở đây nói vô vi pháp thân là thể. Tâm thiện, lời nói thiện, hành vi thiện của tỳ kheo Pháp Tạng, phàm là người phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc cũng là tâm thiện, lời nói thiện, hành vi thiện. Cho nên chiêu cảm cõi thanh tịnh rộng lớn, thù thắng trang nghiêm không gì sánh được, đây là chiêu cảm.

Ngày nay ở địa cầu này, thân khẩu ý của chúng ta đều bất thiện. Theo kinh Phật mà nói, lấy kinh Phật làm tiêu chuẩn, nghiệp chúng ta tạo gọi là tạo mười ác nghiệp. Thân không rời sát đạo dâm; miệng không rời vọng ngữ, lưỡng thiệt, ý ngữ, ác khẩu; ý nghĩ là tham sân si, đủ mười ác nghiệp. Thân khẩu ý đều tương ứng với mười ác nghiệp, đó chính là nguyên nhân thiên tai xuất hiện trên địa cầu. Từ chỗ này chúng ta có thể tỉnh ngộ, phương pháp cứu vãn duy nhất chính là tìm lại nền giáo dục của thánh hiền. Chúng ta phải cố gắng học tập, mới có thể cứu vãn thiên tai này, như những gì ông Baladen nói. Mọi người đều học tập, đều tu thiện,

đều tích đức, địa cầu sẽ thay đổi thật tốt, thế giới này ngày càng tốt đẹp hơn. Quyền thao túng vẫn ở trong tay chúng ta, điều này chúng ta không thể không biết.

Những năm lại đây, trên quốc tế đích thực tôi dùng không ít thời gian, làm công việc hòa thuận giữa các Tôn giáo, hy vọng Tôn giáo có thể đoàn kết. Tôn giáo thật sự có thể làm được đối xử bình đẳng, giao tiếp hòa thuận, học tập lẫn nhau. Nói tường tận về kinh điển, khuyên tín đồ học tập lời dạy của thần thánh. Có thể giúp thế giới, giúp xã hội, khôi phục an định hòa thuận, giúp địa cầu hóa giải thiên tai. Ngoài điều này ra, vô cùng khó khăn. Vì ở thế gian này, người tín ngưỡng Tôn giáo không ít, trên một nửa nhân số. Những người này có thể quay đầu hướng thiện, sẽ ảnh hưởng những người không tin Tôn giáo, điều này dựa vào sự nỗ lực của mọi người, tự hành hóa tha.

Tỳ kheo Pháp Tạng nói: “Chúng sanh luân hồi trong lục đạo, nhanh chóng sanh vào nước ta hưởng an lạc”. Phổ nguyện, đây là hoằng nguyện của tỳ kheo Pháp Tạng. An lạc ở đây là niềm an lạc thật sự, trong này không hề có tác dụng phụ, vì sao vậy? “Đốn thoát sanh tử, tốc thành chánh giác, cho nên gọi là an lạc”. Vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc thuộc về đốn siêu, đây là pháp môn viên đốn, một đời thành tựu, không cần thời gian quá dài.

Chúng ta thấy ngày xưa, thấy người niệm Phật bây giờ, thật sự tinh tấn nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh độ, họ dùng bao nhiêu thời gian? Thông thường đều ba năm, ba năm là thành tựu. Nói như chúng ta hiện nay, ba năm là lấy được Visa đi dân đến thế giới Cực Lạc. Lấy được Visa, có thể đi bất kỳ lúc nào. Có nhiều người lấy được là đi ngay, vì sao? Là khổ được vui. Có người lấy được vẫn chưa đi, đó là họ có nhân duyên khác, nhân duyên gì? Muốn đưa nhiều người cùng đi.

Câu sau cùng của Tịnh Nghiệp Tam Phước nói: “Khuyến tấn hành giả”. Mười câu trước là thành tựu chính mình, câu sau cùng phải ghi nhớ, bản thân thành tựu, đừng quên dẫn theo nhiều người cùng đi, đây là điều Phật A Di Đà kỳ vọng ở chúng ta. Chúng ta và chúng sanh ở đây có nhân duyên, chúng ta nói họ có thể tin, họ có thể nghe hiểu, cũng rất hoan hỷ. Chúng ta ở lại thế gian này thêm vài hôm, không có gì chướng ngại, dẫn thêm vài người cùng đi, đây là việc chính xác, là niềm an lạc thật sự.

“Kinh Xung Tán Tịnh Độ lại nói: Vì chư hữu tình tuyên nói pháp thậm thâm vi diệu, khiến được lợi ích an lạc thù thắng”. Chúng ta cần ghi nhớ câu này, chúng ta phải học Phật Bồ Tát, mọi lúc mọi nơi, gặp chúng sanh có duyên. Thế nào là chúng sanh có duyên? Gật đầu, mỉm cười với quý vị khi gặp mặt, đây là chúng sanh có duyên. Người lạ, không quen biết, tôi thường gặp, chúng ta nên ứng phó như thế nào? Chắp tay cung kính: “A Di Đà Phật”, đưa danh hiệu Phật A Di Đà vào trong A lại da thức của họ, đây là chúng sanh có duyên. Nếu họ hàn huyên với quý vị vài câu, quý vị nên khuyên họ niệm Phật A Di Đà, khuyên họ đoạn ác tu thiện, khuyên họ cầu sanh Tịnh độ, nói về lợi ích của Tịnh độ. Gần đây có đạo tràng giảng kinh dạy học, có thể giới thiệu cho họ. Nếu không đem kênh truyền hình, mạng internet mà chúng ta giảng kinh dạy học đều giới thiệu cho họ, đây đều thuộc về “vì chư hữu tình tuyên nói pháp thậm thâm vi diệu”. Chúng ta hy vọng họ cũng có thể đạt được lợi ích an lạc thù thắng, nhất định được vãng sanh, thù thắng vô cùng, lợi ích chân thật, an lạc chân thật. “Cho nên gọi là hưởng niềm an vui, trong kinh gọi là ban cho lợi ích chân thật, chính là chỉ ý này”. Là chỉ vấn đề này, đây là lợi ích chân thật.

Hai câu sau cùng: “Thường vận từ tâm cứu bạt hữu tình, độ tận vô biên chúng sanh đau khổ”. Phẩm này là “Pháp Tạng nhân địa”, cũng chính là giới thiệu lịch sử của thế giới tây phương Cực Lạc, do đâu mà có. Lịch sử của Phật A Di Đà, chính là lịch sử của thế giới Cực

Lạc. Lịch sử thế giới Cực Lạc, chính là lịch sử của Phật A Di Đà. Chúng ta rõ ràng minh bạch, thâm tín không nghi. Trong Phật pháp nói bi là ban vui, từ là bạt khổ. Giúp chúng sanh lìa khổ là bi tâm, giúp chúng sanh được vui là từ tâm. Hay nói cách khác, giúp chúng sanh lìa xa luân hồi lục đạo là bi tâm, giúp chúng sanh vãng sanh thế giới Cực Lạc là từ tâm. Xa rời nơi đau khổ này để đi về đâu? Đi đến nơi tốt đẹp, đây mới là lợi ích chân thật, lợi ích tất cả chúng sanh khổ nạn.

“Hai câu này biểu trưng hoàng thệ đại từ đại bi của ngài Pháp Tạng”, chúng ta cần phải học tập. “Nguyện thường bạt khổ ban vui cho tất cả chúng sanh, tận vị lai tế gánh vác trách nhiệm chứng tế, độ tận chúng sanh đều thành chánh giác”, giống với đại nguyện của Bồ Tát Địa Tạng.

Một đạo tràng, đại chúng cùng nhau tu tập, lợi ích vô biên. Một mình tu học không dễ, cần có nghị lực và tâm nguyện lớn mạnh. Nếu phương diện này không đủ, cùng nhau tu tập có lợi ích hơn nhiều, cùng nhau tu tập gọi là nương vào đại chúng. Cùng nhau tu tập có quy củ, gọi là nghi thức quy củ, cần phải tuân thủ, dần dần nuôi dưỡng thành thói quen. Tâm không lìa Phật, Phật không lìa tâm, trong tâm có Phật A Di Đà. Chúng ta tu hành, tu pháp môn Tịnh độ mới có căn bản. Biết bao nhiêu người tu hành suốt mấy mươi năm, trong tâm có Phật A Di Đà chăng? Không có. Trong tâm không phải danh lợi chính là thân tình, hai loại này đều là nhân của luân hồi lục đạo. Hay nói cách khác, họ tu thời gian dài trong luân hồi lục đạo, tu ở thế giới Cực Lạc thời gian ngắn. Sức mạnh của luân hồi lục đạo lớn, sức mạnh của thế giới Cực lạc nhỏ, sau cùng vãng sanh về đâu? Vẫn trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Từ đó cho thấy, chúng ta thật sự muốn tu, đặc biệt là trong thời gian này. Tôi rất hoan hỷ đối với dự ngôn về thiên tai năm 2012, vì sao rất hoan hỷ? Định thời gian ở đây, tôi vãng sanh trong ngày tháng này. Một khi thiên tai thật sự xảy ra, tôi sẽ về thế giới Cực Lạc, con người đâu có chuyện không chết! Có thân đều có chết, sau khi chết mỗi người sanh về một nơi khác nhau. Tôi vứt bỏ thân thể này để về thế giới Cực Lạc, không thể nói vứt bỏ thân thể này vẫn tiếp tục trôi lăn trong luân hồi lục đạo, quả là sai lầm! Nếu không trôi lăn trong luân hồi lục đạo, quý vị phải buông bỏ luân hồi lục đạo, đừng nghĩ đến luân hồi lục đạo. Không nghĩ đến thân tình trong lục đạo, càng không được nghĩ đến danh lợi, vứt bỏ triệt để. Nhất tâm nhất ý hướng về thế giới tây phương Cực Lạc, hướng về Phật A Di Đà. Trong tâm có thật, như thế mới thật sự vãng sanh, mới thật sự thành tựu. Bản thân chúng ta phải có lòng tin, phải nắm chắc. Thế gian này thì sao? Thế gian này tất cả đều tùy duyên. Tùy duyên mọi người đều hoan hỷ, tuyệt đối đừng chấp trước, tuyệt đối đừng xem là thật. Nó là giả, không phải thật. Phải xem thế gian này như quán trọ, tôi đến đây để du lịch, thời gian có hạn. Đến đây để chơi, tham quan, hai ngày là đi, không được lưu luyến nơi này.

Thấy chúng sanh khổ nạn, phải phát nguyện như Bồ Tát vậy. Đến thế giới Cực Lạc, thành tựu đạo nghiệp của mình, thành tựu thân thông của mình. Sau khi thành tựu, tôi trở lại giúp quý vị. Trở lại sẽ rất tự tại, là thừa nguyện trở lại, không phải vì nghiệp lực. Thông thường chúng sanh không được tự do, vì do nghiệp lực mà đến cũng là do nghiệp lực mà đi, đến đi đều không tự tại. Nếu sanh đến thế giới Cực Lạc, sau đó trở về, là do nguyện lực mà trở về, đến đi đều tự do, tự tại biết bao!

Vô lượng vô biên thế giới có nhân duyên với chúng ta, không phải chỉ tinh cầu này. Rất nhiều tinh cầu trong quá khứ ta từng ở, trong đời vị lai đều có phần. Vũ trụ, dùng trời đất bao la cũng không cách nào ví dụ được, quá rộng lớn. Đều là nơi tu học của chúng ta, đều là thiện duyên nâng cao cảnh giới của chúng ta. Cho nên nhất định giống như Bồ Tát vậy, đại từ đại

bi. Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, từ bi này không có bất kỳ điều kiện nào. Vì sao vậy? Vì chúng sanh với mình là nhất thể, họ mới có thể bạt khổ ban vui cho tất cả chúng sanh. Thời gian bao lâu? Tận vị lai tế, không có điểm dừng, cứ mãi như thế. Sứ mạng chính là mấy chữ: “Gánh vác trách nhiệm cứu tế, độ tận chúng sanh” này. Chúng sanh vô biên thế nguyện độ, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành. Không thành Phật đạo tức không thể độ tận chúng sanh.

“Thường, chỉ thời gian. Quá khứ, hiện tại, vị lai là tam tế. Thường tức dọc cùng tam tế, bao gồm quá khứ, hiện tại, vị lai tất cả thời gian”, tất cả đều là sự nghiệp giúp chúng sanh khổ nạn. “Vô biên là chỉ thời gian và không gian, biến khắp mười phương hư không”, chính là trong đại thừa nói: “ngang khắp mười phương”. “Dọc cùng tam tế, ngang khắp mười phương”, chính là ý này. “Bao gồm tất cả thời gian và không gian”, vì thế không có biên tế, “tức là mười phương ba đời vô lượng vô biên”.

“Bồ Tát Pháp Tạng đối với mọi lúc mọi nơi, đại từ đại bi độ thoát chúng sanh, đến khi nào độ tận mới thôi”, nguyện này phát quá rộng lớn. “Nhưng thời gian không cùng tận, không gian không cùng tận, chúng sanh cũng không cùng tận”, vì sao? Vì trong tự tánh, ba loại này đều bất khả đắc. Trong tự tánh thanh tịnh viên minh thể, ba loại này đều là giả. Không gian và thời gian từ đâu mà có? Trong Phật pháp gọi nó là bất tương ưng hành pháp, dùng danh từ hiện nay là từ trong khái niệm trừu tượng biến hiện ra, nó không phải sự thật. Có khái niệm trừu tượng này, giống như nó thật sự tồn tại. Khi nào giác ngộ, buông bỏ phân biệt chấp trước thì nó không còn nữa, thời gian không gian không còn. Thời và không gian bao gồm chúng sanh. Hiện nay các nhà khoa học đã phát hiện, nói rất giống trong kinh Phật, đều cho rằng đây là tương hư huyền, không phải chân thật.

Các nhà khoa học nói, chân thật chỉ có ba loại. Toàn thể vũ trụ_Ba loại này là gì? Họ nói là năng lượng, tin tức, vật chất, là ba loại này. Vật chất từ đâu mà có? Vật chất từ năng lượng biến hiện ra, tin tức cũng từ năng lượng biến hiện ra. Năng lượng biến hiện như thế nào? Hiện nay các nhà khoa học nói từ không sinh ra có. Cũng có nhà khoa học nói: toàn thể vũ trụ là một hiện tượng dao động. Đưa ra lý luận dây đàn, giống như đàn cầm, lý luận dây đàn, hiện tượng dao động, điều này rất gần với những gì trong Phật pháp nói.

“Cho nên đại từ đại bi đại nguyện đại hạnh này cũng không có cùng tận”. Từ bi nguyện hạnh của chúng ta, phải giống như Pháp Tạng, phải giống như Bồ Tát Địa Tạng. Nguyện sanh Tịnh độ, Đức Phật làm chứng cho chúng ta. Chúng ta và Bồ Tát Pháp Tạng, tức Phật A Di Đà, chí đồng đạo hợp, giúp những chúng sanh đau khổ quay đầu là bờ.

Bài kệ sau cùng này là thỉnh Phật chứng minh. Quý vị xem ở trước ngài phát đại nguyện, phát nguyện chính mình thành tựu, nguyện độ chúng sanh, thỉnh Đức Phật chứng minh: “Ngã hành quyết định kiên cố lực, duy Phật thánh trí năng chứng tri, túng chỉ thân chỉ chư khổ trung, như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái”.

Chúng ta xem chú giải, Hoàng Niệm Tổ nói với chúng ta: “Bản tụng”, nghĩa là kệ tụng trong phẩm này phân thành ba đoạn lớn. Đầu tiên là tán Phật, tiếp theo là phát nguyện, đoạn sau cùng bốn câu kệ này, bốn câu kệ sau cùng này tức thỉnh Phật chứng minh. “Tỳ kheo Pháp Tạng phát nguyện xong”, sau khi ngài phát nguyện. “Tức thỉnh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai làm chứng minh”, thỉnh Phật làm chứng ngài đã thực hành. Ngài nguyện không phải giả, không phải hư nguyện, ngài đã thực hiện những gì mình nói ra.

Chư vị thử nghĩ xem, nguyện ngài phát quả thật rất phi thường, kiến lập một thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc đó rộng lớn bao nhiêu? Nói cho chư vị biết, lớn hơn thế giới Hoa

Tạng. Thế giới Hoa Tạng là một thế giới hải, 20 lớp, giống như một nhà lầu lớn vậy, 20 tầng. Đức Phật nói, thế giới Ta Bà chúng ta với thế giới Cực lạc của Phật A Di Đà là cùng một tầng trên nhà lầu này, tầng thứ 13, quý vị sẽ biết thế giới Hoa Tạng lớn chừng nào. Trên thực tế thế giới Cực Lạc lớn hơn thế giới Hoa Tạng, không có biên tế. Từ điều này khiến chúng ta nghĩ đến, sức mạnh niêm lực của chúng ta lớn biết bao!

Gần đây các nhà khoa học phát hiện, nếu niêm lực chúng ta tập trung vào một điểm. Chúng ta không suy nghĩ lung tung, chỉ có một niêm, sức mạnh đó có thể thay đổi quỹ đạo của tinh cầu trong hư không, có sức mạnh lớn như thế. Chúng ta tin, vì sao? Vì niêm lực của tỳ kheo Pháp Tạng có thể kiến lập nên thế giới Cực Lạc, khó khăn hơn nhiều so với việc thay đổi sự vận hành của tinh cầu trong hư không, không thể sánh được.

Pháp Tạng từ đâu đến? Từ trong tự tánh biến hiện ra. Chúng ta từ đâu đến? Cũng là từ trong tự tánh biến hiện ra. Vì sao ngài có trí tuệ lớn lao như thế, đức năng lớn lao như thế, tại sao chúng ta không có? Chúng ta có. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói: Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, chúng tỏ mỗi người chúng ta đều có. Vì sao ngài có thể khởi tác dụng, còn chúng ta thì không? Vì niêm của ngài chuyên nhất, niêm chúng ta phân tán, suy nghĩ lung tung.

Quý vị thử nghĩ xem, từ sáng đến tối quý vị suy nghĩ bao nhiêu việc, niêm trước diệt niêm sau sanh. Nói thật, sự tinh vi của máy vi tính cũng không tính đếm được. 24 giờ vọng niêm nhiều như vậy, hưởng gì một năm, hưởng gì mười năm, hưởng gì ta sống trên thế gian này mấy mươi năm, có biết bao nhiêu vọng niêm! Chư Phật Bồ Tát không có vọng niêm, chỉ có một niêm, một niêm này là độ tận chúng sanh đau khổ. Chúng ta vẫn chưa được độ! Không phải chúng ta không được độ, mà là chúng ta không tiếp thu. Giống như mặt trời, ánh sáng mặt trời chiếu khắp đại địa. Tôi không bị nó chiếu, tôi dùng dù che nó, tôi không để nó chiếu, mặt trời cũng hết cách. Phật A Di Đà phổ độ chúng sanh cũng như thế, ánh sáng Đức Phật đích thực chiếu đến quý vị, nhưng quý vị cầm dù che lại, không để ngài chiếu đến. Chiếc dù này của chúng ta chính là khởi tâm động niêm, phân biệt chấp trước, như vậy thì không còn cách nào khác.

Cùng một đạo lý đó, ngày nay chúng ta học tập những điển tịch của cổ thánh tiên hiền rất khó khăn. Điển tịch của thánh hiền lưu truyền đến nay, chúng ta mở kinh ra chính là Phật quang phổ chiếu, chiếu soi chúng ta. Chúng ta thấy được, cũng có thể đọc tụng, cũng có thể nghĩ đến ý nghĩa của kinh này, nhưng nghĩ không ra. Ngày ngày đối diện nó nhưng không khai ngộ, là do nguyên nhân gì? Do bản thân chúng ta có chướng ngại. Chướng ngại đầu tiên của chúng ta là gì? Là hoài nghi nó. Những điều này là người của mấy ngàn năm trước viết, hiện nay vẫn hữu dụng ư? Khởi lên ý niêm này là xong, nó ngăn chặn tất cả. Bây giờ chúng ta không tin có cổ thánh tiên hiền, tin điều gì? Tin mình là thánh hiền, không có tâm cung kính đối với cổ nhân. Học tập hoàn toàn dựa vào cung kính, đại sư Ấn Quang nói: một phần cung kính được một phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích. Chúng ta đến một phần tâm cung kính cũng không có, như vậy sao có thể đạt được lợi ích? Phật Bồ Tát đến đây giảng kinh thuyết pháp cho chúng ta, chúng ta không có tâm cung kính vẫn không đạt được lợi ích.

Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, trong kinh điển có ghi chép điều này. Ngài ở thành Xá Vệ giảng kinh dạy học thời gian rất dài, ngài ở đó rất lâu. Nhân dân ở thành Xá Vệ có mười vạn người, thời đại đó mười vạn người là đô thị lớn. Ngày xưa vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, mười vạn người là nước lớn, Khổng tử sinh vào thời đó. Có 1/3 số người từng

thầy Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức Phật mỗi ngày đều đi khất thực, có người từng gặp, biết Phật Thích Ca Mâu Ni. Có 1/3 số người, chỉ nghe nói có Đức Phật, nhưng chưa từng gặp. Còn 1/3 số người không hề hay biết, không những chưa từng gặp, đến tên cũng chưa từng nghe đến. Điều này nói lên một sự thật, nhân duyên không giống nhau.

Ngày nay điển tịch của cổ thánh tiên hiền chiếu soi khắp mười phương, hoàn toàn là sự thật. Bản thân chúng ta không thể học tập, như vừa mới nói, thứ nhất là không có tâm cung kính, thứ hai là gì? Có tâm cung kính, nhưng xem không hiểu cổ văn, đây là chướng ngại lớn, chướng ngại đều có thể khắc phục. Lúc phiên dịch kinh văn, các đại đức phiên dịch kinh văn rất từ bi, dùng điều gì? Dùng văn tự, câu chữ rõ ràng dễ hiểu nhất để viết, vì sao vậy? Hy vọng mọi người đều có thể đọc hiểu. Cho nên kinh Phật đơn giản hơn nhiều so với cổ văn, kinh Phật dễ hiểu, giống như văn bạch thoại. Đúng, là văn bạch thoại lúc đó. Nhưng nó có nền tảng của văn cổ, vì không có văn cổ không thể truyền thế, điều này rất quan trọng. Đây là phát minh đáng nể của tổ tông chúng ta, trên toàn thế giới không tìm được nhà thứ hai. Tổ tông chúng ta biết, ngôn ngữ có thể thay đổi, xưa và nay không giống nhau. Không cần nói đâu xa, 30 năm trước và 30 năm sau, nói rất nhiều thứ chúng ta nghe không hiểu. Lúc chúng ta nhỏ làm học sinh tiểu học, ngôn ngữ chúng ta thường dùng bây giờ không ai nói nữa. Bây giờ học sinh tiểu học nói chúng ta nghe không hiểu, ngôn ngữ thay đổi. Ngữ và văn phải hợp với nhau, ngôn ngữ thay đổi, tương lai những văn tự này hậu nhân xem không hiểu.

Quý vị xem chữ La tinh của Âu Châu, ngữ văn của nó là nhất trí. Bây giờ ngữ văn đều thay đổi, văn của nó không ai hiểu, chỉ có số ít các nhà khảo cổ, vẫn chưa chắc biết được chân thật nghĩa của nó. Cổ nhân thông minh, họ phân ngôn ngữ và văn ngôn ra. Ngôn ngữ tùy theo thời đại, tùy theo khu vực, bất luận nó thay đổi như thế nào, nhưng văn ngôn đều không thay đổi, vĩnh viễn không thay đổi. Vì thế chỉ cần quý vị học văn cổ, đọc sách cổ thì giống như đối diện với cổ nhân nói chuyện vậy. Phát minh này quá tuyệt vời, ở thế gian phát minh dù vĩ đại đến đâu cũng không hơn được. Kinh nghiệm, trí tuệ của người xưa, dùng công cụ này vĩnh viễn truyền cho con cháu đời sau. Nếu chúng ta bất kính với tổ tông, đó gọi là đại bất hiếu, tội này nặng biết bao! Cổ thánh tiên hiền đối với đời sau, yêu thương bảo hộ vô cùng chu đáo, nghĩ ra phương pháp hay này. Nếu chúng ta học cổ văn, tôi từng nói với quý vị rất nhiều lần, hai năm là đủ. Chỉ cần chuyên tâm hai năm, hai năm này là gì? Hàng căn tánh bậc trung, hàng thượng căn một năm nửa năm là thông. Tôi đang nghĩ cách để tìm lại, vỡ làm văn mẫu học sinh tiểu học ngày xưa của tôi. Tôi nhớ có mười mấy cuốn, hình như mười một mười hai cuốn gì đó, bây giờ dọn nhà, dọn lui dọn tới không biết để đâu, chỉ còn lại hai cuốn. Tôi tìm xem, xem có ai, người khác có cất giữ nó, đầu năm dân quốc, tập làm văn, bài văn mẫu của học sinh tiểu học đầu năm dân quốc. Bây giờ sinh viên tốt nghiệp đại học khoa văn cũng xem không hiểu. Quý vị nói trình độ quốc văn, trình độ quốc văn của học sinh tiểu học đầu năm dân quốc, hơn sinh viên tốt nghiệp đại học khoa văn hiện nay, thậm chí là tốt nghiệp thạc sĩ, đều không viết được những bài văn như thế. Lúc đó khoảng bao nhiêu tuổi? Mười một mười hai tuổi, sao họ có thể viết hay như vậy? Học, từ nhỏ đã học cổ văn, ngày ngày học, học năm ba năm tự nhiên sẽ biết. Ngày xưa học Đại Học khoảng sáu bảy tuổi, sớm thì sáu tuổi, trễ thì bảy tuổi. Coi như bắt đầu tính từ sáu tuổi đến mười tuổi, bốn năm, có thể viết được bài văn hay như thế. Bây giờ chúng ta siêng năng học cũng không thành vấn đề, nhất định có thể theo kịp.

Thầy giáo dạy tôi là cư sĩ Lý Bình Nam rất quan tâm điều này, đặc biệt là dạy những học trò phát tâm giảng kinh dạy học, nhất định phải học cổ văn. Chúng tôi lúc đó học theo

sách chỉ định là Cổ Văn Quán Chỉ, chọn 100 bài trong đó. Thầy nói, có thể đọc thuộc, có thể giảng giải 50 bài, là có năng lực đọc cổ văn, không còn khó khăn khi đọc điển tịch của người xưa. Có thể đọc thuộc 100 bài, có thể giảng giải đọc thuộc 100 bài, sẽ có năng lực viết cổ văn. Chúng ta tính, một tuần học một bài, một năm 50 tuần, hai năm 100 tuần. Dùng hai năm thời gian học tốt văn cổ, chương ngại này không còn. Sau đó tiếp tục học thành tâm thành ý, sanh khởi tâm cung kính đối với thánh hiền, chương ngại này cũng không có. Đời này nếu quý vị thật sự tin tưởng tôn sùng lời dạy của cô nhân, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Mười năm, hai mươi năm, quý vị là nhà hán học của thế giới, không ai có thể sánh với quý vị. Một bộ kinh thông, tất cả kinh đều thông. Điều do bản thân thật sự nỗ lực, hiếu học, nhất tâm chuyên chú, đâu có đạo lý không thành công!

Bên dưới, Ta là Pháp Tạng tự xưng. “Nguyên hạnh của ta, đầy đủ sức quyết định kiên cố, chỉ có Phật Thế Tôn viên mãn tam giác- tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Ngũ nhãn sáng tỏ, trí tuệ vô ngại, mới có thể vì ta chứng minh chân thật, cho nên nói chỉ có thánh trí của Phật mới có thể chứng tri”. Đây là vì sao phải thỉnh Phật chứng minh, ngoài Phật ra không ai có thể chứng minh ngài phát đại nguyện. “Khi Pháp Tạng phát nguyện xong là địa thượng Bồ Tát, cảnh giới thâm sâu, cho nên không phải dư nhân có thể biết được, chỉ có thánh trí của Phật mới có thể làm chứng, đây cũng là biểu trưng thâm sâu, Pháp Tạng đại sĩ diệu đức khó lường”. Các bậc tổ đức xưa nay cho rằng, lúc tỳ kheo Pháp Tạng phát tâm, ngài đã là địa thượng Bồ Tát, không phải người bình thường, vì thế cần Đức Phật làm chứng cho ngài.

Hai câu sau: Kết thế lập tâm. “Đường Dịch nói: Mặc dù trăm luân trong các địa ngục vô gián, tâm nguyện này trước sau không thoái chuyển. Địa ngục vô gián, khổ độ vô hạn. Đường Dịch lấy cái khổ cực nặng trong địa, nhiếp các khổ khác”. Các điều khổ khác không nghĩa lý gì, khổ đến như thế cũng không thoái tâm. “Kinh này Pháp Tạng phát nguyện, mặc dù thân này ở trong các điều khổ”, các điều khổ này đương nhiên cũng bao gồm địa ngục. “Nguyên hạnh như trên của ta, mặc dù đọa địa ngục cũng không thoái chuyển”, đây là phát thế nguyện. “Chính là hiện rõ kinh văn ở trước, hạnh của ta có sức quyết định kiên cố”, ngài quyết định kiên trì đến cùng, ngài muốn hoàn thành tâm nguyện này của mình.

Trong Hội Sớ nói: “nhưng có nguyện này, nguyện tức hư”, tuy có nguyện nhưng không hành. “Nhưng có hạnh này”, nếu không có nguyện “hạnh tức hư”, đó đều không thể thành tựu. “Cần phải nguyện hạnh hỗ trợ lẫn nhau, gọi là giai khắc”, khắc là thành tựu. Nhất định phải có nguyện, nguyện là phương hướng của mình, là mục đích của mình. Phải siêng năng nỗ lực mới có thể đạt được mục đích, mới có thể hoàn thành mục tiêu mình làm, điều này rất quan trọng! Tỳ kheo Pháp Tạng rất khó được, có Thế Gian Tự Tại Vương Phật giúp ngài.

Ngày nay chúng ta lập nguyện cầu sanh Tịnh độ, nhân duyên chúng ta thù thắng hơn ngài, vì sao vậy? Vì chúng ta có Phật A Di Đà dẫn dắt, Phật A Di Đà ở đâu? Chính là Kinh Vô Lượng Thọ, chỉ cần chúng ta đọc tụng mỗi ngày. Đặc biệt là chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chú giải quá hay, tôi thấy chú giải này hoan hỷ vô lượng. Khi tôi ở Mỹ là ông vừa hoàn thành, tặng cho tôi một bộ, bản in dàu, tôi nhìn thấy vô cùng hoan hỷ. Lúc đó tôi dừng lại tất cả mọi công việc, từ sáng đến tối xem bộ chú giải này. Xem xong tôi liên lạc với ông, trước tác này có bản quyền chẳng? Có bản quyền thì tôi không nói nữa, nếu không có bản quyền, tôi sẽ đưa về Đài Loan in mười ngàn cuốn. Ông ta vô cùng hoan hỷ, không có bản quyền, còn muốn tôi viết giúp ông bài tựa. Chúng tôi kết giao là bắt đầu từ bộ kinh này.

Ngày nay chúng ta được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, Đại Kinh là ánh sáng của Phật, mở kinh ra là ánh sáng của Phật chiếu đến. Chúng ta với ngài là tâm tâm tương ấn, nguyện nguyện tương tùy, sao không vãng sanh được? Thật sự có hạnh nguyện này, ở thế giới này cũng rất an lạc, vì sao vậy? Vì ta không cần gì cả sẽ rất an vui. Nếu ở thế gian này, cái này cũng cần, cái kia cũng cần, như vậy sẽ rất đau khổ. Không cần gì cả, hoàn toàn buông bỏ. Ta đến đây du lịch, tham quan, đến xem mọi người, rất tự tại, rất an vui!

Thấy quý vị đau khổ, ta lập tức về thế giới Cực Lạc. Đợi tôi thành tựu, nhất định trở lại giúp mọi người, cũng là giúp Phật A Di Đà hoàn thành đại nguyện chung.

Phẩm này chúng ta tạm dừng tại đây.

Tập 180

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 30.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 207, Thứ năm Chí Tâm Tinh Tấn, bắt đầu xem từ đây.

Chú giải của Hoàng Niệm Tổ phân bộ sách thành bốn quyển, đây là bắt đầu quyển thứ hai: “Phẩm này tiếp theo ở trước”. Đây là phẩm thứ năm, tiếp theo phẩm thứ tư ở trước. “Bồ Tát Pháp Tạng phát đại nguyện rằng: Ta đã phát tâm vô thượng chánh giác, khi ta thành Phật, cõi nước Phật hiệu, mười phương đều nghe được. Tất cả hữu tình, cho đến loài hạ đẳng như côn trùng, sanh đến cõi nước ta, đều làm Bồ Tát, không sót một ai”. Chúng ta xem đoạn này trước, đoạn này ý nghĩa rất sâu rộng, hiển lộ sự thù thắng vô cùng của pháp môn Tịnh độ.

Bồ Tát Pháp Tạng là tiền thân của Phật A Di Đà, đây là đức hiệu của ngài khi tu hành chưa thành Phật. Ở trước chúng ta đã học câu “Ta đã phát”, ta là Bồ Tát Pháp Tạng tự xưng, ngài đã phát tâm vô thượng chánh giác, nghĩa là phát tâm nhất định thành Phật. Tâm này rất quan trọng, có mục tiêu, có phương hướng, công phu của ngài mới không đến nỗi uổng phí. Trong nguyện đặc biệt chú trọng đến khi ta thành Phật, cõi nước, Phật hiệu mười phương đều nghe được. Cõi nước là thế giới Cực Lạc, Phật hiệu là Phật A Di Đà, cõi nước và Phật hiệu mười phương đều nghe đến. Mười phương vô lượng vô biên cõi nước Chư Phật, không nơi nào không biết. Đích thực chúng ta đối với danh hiệu Chư Phật, danh hiệu cõi nước Chư Phật khắp mười phương thế giới, biết được không nhiều. Nhưng thế giới tây phương Cực Lạc của Phật A Di Đà, không ai không biết, vì sao vậy? Đây là vì tất cả Chư Phật Bồ Tát khắp mười phương đều giúp ngài tuyên truyền, cho nên hầu như rất ít người không biết. Biết có một cõi nước như thế, có một vị Phật như thế.

Nếu sau khi biết, đây là nghe danh, nghe danh là có nhân duyên. Trong A lại da gọi là mỗi khi nghe qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Nghe đến một lần, trong A lại da thức có hạt giống này, tức có duyên với thế giới Cực Lạc, với Phật A Di Đà. Phật không độ người không có duyên, có duyên Phật A Di Đà nhất định độ quý vị. Độ nghĩa là giúp quý vị, nhất định ngài đến giúp quý vị, giúp những ai? Tất cả hữu tình, quả là không thể nghĩ bàn.

“Tất cả hữu tình chúng sanh, cho đến các loại côn trùng nhỏ bé”. Câu này là nói nhằm vào chúng ta, nói với đại chúng ở thế giới Ta Bà hiện tại của chúng ta, tất cả hữu tình chúng sanh.

Chúng ta từng học Kinh Hoa Nghiêm, học Kinh Bát Nhã, những kinh luận đại thừa này. Chúng ta biết phạm vi tất cả hữu tình này rất lớn, không chỉ như thông thường chúng ta thấy hữu tình là nói đến động vật, không bao gồm thực vật và khoáng vật trong đó. Nhưng trong kinh điển đại thừa nói với chúng ta, vật chất và tinh thần vĩnh viễn không thể tách rời, cho dù nhỏ như một hạt bụi, hiện nay các nhà khoa học gọi là lượng tử. Trong Phật pháp gọi hiện tượng vật chất nhỏ nhất gọi là cực vi chi vi. Vật này không thể phân chia, phân nữa là không còn, cho nên gọi nó là lân hư trần. Hư là hư không, làm láng giềng với hư không. Rất có thể chính là tiểu quang tử mà hiện nay các nhà khoa học phát hiện, còn nhỏ hơn cả hạt căn bản. Đại khái nó không thể nhỏ hơn, không thể tiếp tục phân nữa. Một hiện tượng vật chất như vậy, trong nó có thọ tướng hành thức. Khiến chúng ta nghĩ đến trong kinh luận Đức Phật thường nói đến năm uẩn: Sắc thọ tướng hành thức. Thọ tướng hành thức là tình, chính là hữu tình, trong một hạt vi trần cũng có thọ tướng hành thức.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: “Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”. Tất cả hữu tình chúng sanh, tất cả vô tình chúng sanh, đều viên mãn nhất thiết chủng trí. Nhất thiết chủng trí là gì? Nhất thiết chủng trí nghĩa là cực quả Chư Phật Như Lai chứng được, cao nhất, trong kinh thường nói là “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Hữu tình có thể chứng được, vô tình cũng chứng được. Thật ra vô tình là chúng ta không phát giác, nhưng nó có thật. Các nhà khoa học nói: Sơn hà đại địa có tình, cũng là hữu tình, cây cỏ hoa lá càng không cần nói. Đến hư không pháp giới, toàn thể vũ trụ đều có cơ thể. Tức nó là sống, không phải chết, nên chúng ta khởi tâm động niệm mới sinh ra hiện tượng cảm ứng đạo giao. Nếu nó không có thọ tướng hành thức, chúng ta khởi tâm động niệm không liên quan đến nó. Vì sao chúng ta khởi tâm động niệm, nó có cảm ứng, nó có phản ứng? Tiên sĩ Giang Bồn Thắng người Nhật bản làm thí nghiệm nước, nước là khoáng vật, có phản ứng. Tâm chúng ta khởi thiện niệm, nó có phản ứng rất đẹp. Nếu khởi ý niệm bất thiện, phản ứng của nó rất xấu, nó hiện sắc tướng cho chúng ta thấy.

Tôi nói với tiên sĩ Giang Bồn Thắng, ông cần phải nỗ lực để phát hiện, bây giờ chúng ta nhìn thấy phản ứng chỉ là sắc tướng, thật ra nó có bốn loại phản ứng. Trong kinh Đức Phật nói: Bốn loại này là sắc thanh hương vị, có bốn loại phản ứng này. Bây giờ chúng ta chỉ thấy được sắc, chưa ngửi được hương, chưa nếm được vị, chưa nghe được âm thanh, nó có phản ứng của sắc thanh hương vị. Khoáng vật có, hiện tượng tự nhiên có, mọi vật đều có. Trong kinh điển đại thừa, Đức Phật lộ ra một tin tức rằng: “Cảnh tùy tâm chuyển”, cảnh nghĩa là hoàn cảnh, hoàn cảnh vật chất của chúng ta thay đổi theo ý niệm của chúng ta. Có phản ứng không phải không có phản ứng, chỉ là chúng ta quá sơ ý nên không hề hay biết. Đức Phật giảng kinh thuyết pháp đa phần là phương tiện nói. Câu “tất cả hữu tình” này, là phương tiện nói, cũng là nói chân thật. Nếu bao gồm thực vật, khoáng vật, sơn hà đại địa, bao gồm hiện tượng tự nhiên. Bốn chữ này bao gồm tất cả, đó chính là nói chân thật. Nếu nói tất cả hữu tình là những động vật, đó là phương tiện nói. Câu nói này có sâu có cạn, xem tư tưởng của quý vị như thế nào.

Bên dưới nói: “Cho đến hạ đẳng trùng loại”, đưa ra ví dụ này, động vật nhỏ trong loài súc sanh. Động vật nhỏ đến mức độ nào? Nhỏ như vi sinh vật, vi khuẩn. Mắt thường chúng ta không nhìn thấy được, nhưng nó vẫn sống.

Tôi nhớ tôi từng nói với quý vị, năm ngoái tôi ở Đài Loan trồng răng, trị bệnh nha chu. Khi kiểm tra, bác sĩ dùng cây kim lấy ra một vật như bản màu đen trong kẽ răng của tôi, một chút đầu cây kim, đặt vào dưới kính hiển vi. Ông đem kính hiển vi kết nối với ti vi, để tôi có thể nhìn thấy từ trên màn hình, nhìn thấy dày đặc toàn là vi khuẩn, đều đang bò lúc nhúc. Ông ta nói với tôi, ông nói đây là trong răng của thầy, gọi là bệnh nha chu. Thầy xem trong nha chu của thầy có bao nhiêu vi khuẩn? Chúng ta không hề hay biết, không có cảm giác. Ông nói chính những con vi khuẩn này ăn hết chân răng của thầy, răng này không thể dùng, cần phải thay. Ông giúp tôi kiểm tra tất cả, cũng may nó mới ăn hai chân răng, ngoài ra không sao, vẫn dùng được, chỉ thay hai cái răng.

Tôi hỏi ông ta, tôi nói ông phóng lớn gấp bao nhiêu lần? Ông ta nói, 3600 lần. 3600 lần tức có thể nhìn thấy dày đặc, quả thật giống như một tổ vậy, nhìn rất khiếp sợ. Cho nên nói với chúng ta khi đánh răng, ông nói không cần đánh răng, đánh chỗ nào? Chính là đánh ở chỗ kẽ răng, đánh ở đó, đánh thật sạch ở đó, khi không còn vật dư như vậy là đúng. Trước đây chúng ta không biết, chúng ta chỉ biết đánh răng, nhưng không để ý đến kẽ răng. Răng không sao, đánh nó làm gì? Quan trọng nhất chính là những chỗ này. Quý vị xem sống đến bảy tám mươi tuổi mới biết cách đánh răng, thường thức này không thể không biết.

Đến những vi khuẩn này, nó là sống. Quý vị xem dưới đến loại côn trùng, đây là loại côn trùng, loại côn trùng mà mắt thường chúng ta không nhìn thấy được. Chúng có thể văng sanh chăng? Có thể, cho nên chúng ta không được lơ là chúng. Chúng ta niệm Phật thường hồi hướng cho chúng, hy vọng chúng cùng tu hành với chúng ta. Mắt thường chúng ta không nhìn thấy được, nhưng nó thật sự tồn tại, vi khuẩn đích thực tồn tại. Chúng ta phải hồi hướng cho chúng, hy vọng chúng cùng tu hành với chúng ta.

“Người sanh vào nước ta, đều làm Bồ Tát”. Chỉ cần là vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, bất luận quý vị ở cõi nào trong lục đạo, chúng ta tin vi khuẩn cũng vãng sanh. Chắc chắn, nhiều như thế, trong đó chắc chắn có Phật Bồ Tát hóa thân trong đó, độ những vi khuẩn này. Chúng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. “Không có dư thừa”, Đại thừa, Tiểu thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, ở thế giới tây phương Cực Lạc đều không có, chỉ có Bồ Tát thừa. Vì thế chúng ta biết, thế giới tây phương Cực Lạc chỉ có hai hạng người: Một là Phật, hai là Bồ Tát, quý vị không vãng sanh thì không cần nói đến. Chỉ cần sanh đến thế giới Cực Lạc đều là Bồ Tát, nguyện này không thể nghĩ bàn! Tất cả Chư Phật trong mười phương thế giới không phát nguyện này, chỉ có Bồ Tát Pháp Tạng, đây là điểm khiến người khác tôn kính.

“Những nguyện phát ra là nhất thừa nguyện hải, vượt qua vô số cõi Phật”. Đúng vậy, nguyện của ngài thật sự đã thực hiện. Quý vị xem, ngài phát là nhất thừa nguyện hải, toàn là thành Phật. Bởi vậy thế giới Cực Lạc là nhất thừa giáo, không những không có nhị thừa, không có tam thừa, đương nhiên càng không có ngũ thừa. Nhất thừa gọi là nhất Phật thừa, đến đó sẽ thành Phật. Mục tiêu là gì? Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chính là một mục tiêu, một phương hướng này. Khi chưa đến đó, mục tiêu của chúng ta là thế giới Cực Lạc, một phương hướng là thế giới Cực Lạc. Một mục đích là đến thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà, đến thế giới Cực Lạc vẫn là một phương hướng, một mục tiêu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói Diệu giác quả Phật, chúng ta đến thế giới Cực Lạc không vì gì khác, chúng ta vì điều này. Vì sao phải thành Phật? Giống như Bồ Tát Pháp Tạng vậy, vì phổ độ chúng sanh. Chúng sanh khổ nạn trong mười phương thế giới quá nhiều, phải thật sự phát tâm. Duy chỉ có thật sự phát tâm, tâm chân thành mới có thể hiện tiền, tâm

chân thành là thể của tâm đại Bồ Đề, tâm đại Bồ Đề mới phát khởi được. Nếu không, không thể phát khởi được. Thông thường chúng ta tuy nói phát Bồ Đề tâm, nhưng chỉ nói bằng miệng, không phải thật. Làm sao biết là chỉ trên miệng? Không có tác dụng của tâm Bồ Đề, đó không phải là chỉ bằng miệng ư? Thật sự phát tâm, tác dụng của tâm Bồ Đề xuất hiện, tác dụng gì? Đối với bản thân, xuất hiện thanh tịnh bình đẳng giác. Đối với tất cả chúng sanh thì sao? Đại từ đại bi. Chúng ta thấy tác dụng của nó sẽ biết, tâm Bồ Đề của chúng ta là giả không phải thật. Tâm chúng ta không thanh tịnh, vẫn còn tự tư tự lợi, vẫn còn thị phi nhân ngã, vẫn còn tham sân si mạn, vẫn còn danh vẫn lợi dưỡng, đó là giả! Đối với chúng sanh thì sao? Hoan hỷ đối với chúng sanh, có tâm từ bi đối với họ, những gì không thích không để trong lòng.

Sao giống Phật A Di Đà, mỗi niệm không bỏ tất cả chúng sanh, dù một con vi khuẩn cũng không bỏ, niệm niệm không từ bỏ. Ở đó đợi họ quay đầu, khi quay đầu họ có thể tiếp thu, có thể tiếp thu tức có thể độ họ. Cũng nghĩa là nói, quý vị có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, có thể nguyện, Đức Phật sẽ đến độ quý vị. Quý vị không tin, thì không thể lý giải, không thể tu hành, Phật không đến tìm. Bây giờ chúng ta cũng không có tâm Bồ Đề, vì sao chúng ta cũng có thể ở đây, gặp được kinh Phật, gặp được Kinh Vô Lượng Thọ, cũng ở đây nghe Phật pháp? Như vậy là sao? Đây không phải khoa chính thức trong trường của Như Lai. Chúng ta không phải học sinh lớp chính thức của trường, chúng ta là gì? Chúng ta là học sinh dự thính bên ngoài, trong lớp học của trường không có chỗ ngồi của chúng ta, chúng ta ngồi bên ngoài nghe. Dự thính lâu ngày, dần dần chúng ta thật sự phát tâm, thật sự muốn học. Như vậy mới được vào, vào lớp học, thấy lớp học có chỗ ngồi của mình, chính là như vậy, bây giờ chúng ta là học sinh dự thính. Rất khó được, có bao nhiêu người muốn dự thính đều không có cơ hội. Cần phải hiểu rõ ràng minh bạch thân phận của mình, sau đó thì sao? Tâm ngạo mạn không sanh khởi, chúng ta thua xa người khác.

Thế giới Cực Lạc là pháp giới nhất thừa, đích thực hơn hẳn cõi nước Chư Phật, vì sao vậy? Trong cõi nước Chư Phật không có như vậy. Phật từ bi, Bồ Tát vừa phát nguyện, quý vị thấy thầy của ngài là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai ứng lời thỉnh này, hiện ra 210 ức cõi Phật. 210 ức không phải là con số, là biểu pháp. Trong Mật tông, chính là trong mật tông 21 tượng trưng sự viên mãn 21. Như Kinh Hoa Nghiêm dùng 10 tượng trưng sự viên mãn, pháp môn Tịnh độ dùng bảy tượng trưng sự viên mãn. Quý vị xem trong Kinh Di Đà đều nói bảy: “Bảy hàng cây, bảy lớp lan can”, đều nói đến số bảy. Bảy có nghĩa là gì? Đông nam tây bắc trên dưới là sáu, thêm ở giữa là bảy. Bảy có nghĩa là như vậy, tượng trưng sự viên mãn. Kinh Hoa Nghiêm dùng 10 là con số, từ một đến mười là viên mãn. Mật Tông dùng 21, mười sáu cũng thế.

Ở trước chúng ta thấy, trong phẩm thứ hai chúng ta thấy 16 vị chánh sĩ. 16 là sự viên mãn của Mật tông, 21 cũng là sự viên mãn của Mật tông. 210 ức nghĩa là đại viên mãn, lấy ý này, đại viên mãn là không sót thứ gì. Như vậy mới không có lỗi với Bồ Tát Pháp Tạng, biến pháp giới hư không giới ta đều nhìn thấy, không sót nơi nào, để ta chọn lựa.

Những thế giới Phật này, “Pháp Tạng đều nhìn thấy”, ngài đã thấy được. “Cho nên năm kiếp”, ngài mất thời gian dài như thế. “Tinh tấn tu tập, kết đắc thắng nguyện, nhiếp cõi nước Phật, hơn hẳn 210 ức cõi Phật này”. Trong phẩm kinh này nói với chúng ta về vấn đề này, ngài tu hành như thế nào. Ngài thấy trong tất cả cõi nước của Chư Phật, áp dụng tất cả những điều tốt đẹp, những gì không tốt đẹp đều không cần. Nói cách khác, thành tựu thế giới Cực Lạc là tinh hoa trong tất cả cõi nước của Chư Phật, những gì tốt đẹp nhất đều ở thế giới Cực Lạc. Nói như vậy chúng ta đã hiểu, thế giới Cực Lạc không phải tỳ kheo Pháp Tạng tự nghĩ

ra, không phải. Ngài tham khảo, khảo sát khắp nơi, áp dụng sở trường của người, bỏ sở đoản của người, có thể nói như thế. Nếu không Phật Phật đạo đồng, chúng ta liền sanh nghi hoặc. Chẳng lẽ trí tuệ đức tướng của Phật khác đều tương đồng, vậy Phật khác tại sao không thể kiến lập thế giới Cực Lạc? Vì sao chỉ có Pháp Tạng có thể kiến tạo? Nhất định chúng ta có nghi vấn này. Điều này giải đáp cho chúng ta, ngài đều đến trong mỗi cõi nước Phật để khảo sát, học tập. Thế giới này nơi nào tốt đẹp, ta phải áp dụng điều đó, nơi nào không đẹp không thể áp dụng. Như vậy mới hơn hẳn quốc độ của Chư Phật, điều này có thể nói như thế. Thế giới Cực Lạc đã xuất hiện như vậy, tập hợp tất cả tinh hoa trong cõi nước của Chư Phật. Ngài dùng thời gian năm kiếp để thành tựu nó.

“Cho nên phẩm này gọi là chí tâm tinh tấn”, là giới thiệu về vấn đề này, phẩm kinh văn này gọi là Chí Tâm Tinh Tấn. “Chí tâm, như trong kinh văn nói, là vô số tâm hành chí thành vô thượng”. Chí tâm chân thành đến tột cùng, không hề hư ngụy, cho nên Hoàng Niệm Tổ nói là chí thành vô thượng. “Lại có tinh tấn, sau khi Pháp Tạng tận mắt chứng kiến vô biên cõi nước Phật, bèn theo tâm mình, chọn điều mình thích”. Trong kinh văn này có, kinh văn phần sau sẽ thấy, đây là nguồn gốc của thế giới Cực Lạc. Ngài tự thân nhìn thấy vô biên cõi Phật, vô lượng vô biên vô tận vô số, không phải là 210 ức, 210 ức là có số lượng. Nên biết nó là biểu pháp, nó tiêu biểu cho đại viên mãn, đại viên mãn đó chính là vô lượng vô biên vô số vô tận.

Thời gian năm kiếp chọn lựa, chúng ta không thể nói ngài dùng thời gian năm kiếp khảo sát. Thời gian năm kiếp ngài ở đây chọn lựa, nhất tâm chọn lựa. Vô cùng siêng năng, không hề cầu thả, dùng tâm như vậy mới kiến lập nên thế giới Cực Lạc này. Vì ai? Vì chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng trong mười phương thế giới, hy vọng ở nơi thế giới của ngài có thể nhanh chóng thành Phật, từ bi vô lượng. Thông thường chúng ta nói: “rất dụng tâm”, mấy chữ này không đủ để hình dung Phật A Di Đà, sau khi ta hiểu rõ mới biết ân Phật lớn biết bao! Chúng ta dùng mấy chữ “không gì sánh được” để hình dung nó, Phật A Di Đà xứng đáng với điều này, không gì sánh được.

Kiến lập thế giới Cực Lạc, chúng ta có phần chãng? Có phần, chỉ cần nghe đến danh hiệu, nghe đến danh hiệu ngài là có phần chúng ta. Khi nghe đến danh hiệu, hoặc danh hiệu thế giới Cực Lạc, hoặc nghe được danh hiệu Phật A Di Đà, chúng ta tin sâu không hoài nghi. Không chút nghi ngờ nói từ đâu? Quý vị thật sự buông bỏ, nếu còn chút gì đó chưa buông bỏ, đó không phải chân tâm. Chân tâm là hoàn toàn buông bỏ, nhất tâm niệm Phật. Bao lâu vắng sanh? Chúng ta thấy những người tu hành ngày xưa, người tu pháp môn này, rất nhiều người không quá ba năm. Họ không bệnh, biết trước giờ chết, khi lâm chung Đức Phật đến tiếp dẫn. Đó là thật, không phải giả. Đó gọi là gì? Đó gọi là tin thật. Chúng ta tin, nhưng vẫn còn lưu luyến thế gian này. Đây cũng nói là tin, không thể nói quý vị không tin, nhưng niềm tin của quý vị còn thiếu, chưa viên mãn. Thông thường chúng ta nói, niềm tin của quý vị chưa rốt ráo. Tin chưa rốt ráo, đương nhiên nguyện cũng có vấn đề, hành cũng có vấn đề, sao có thể sánh được ở đây nói, chí tâm tinh tấn. Chúng ta so với ngài thua quá xa.

Bên dưới nói: “Tinh tấn là tinh cần tìm cầu, cung kính cẩn thận duy trì công đức tu tập, đầy đủ năm kiếp, thành tựu hạnh thanh tịnh cõi Phật trang nghiêm”. Đoạn này giới thiệu rất hay, đây đều là kinh văn. Quý vị xem, ngài tinh cần tìm cầu hy vọng đạt được. Tinh là chuyên tinh, cần là không giải đãi, cầu điều gì? Tìm cầu nét tinh hoa, điểm tốt nhất trong quốc độ của mỗi Chư Phật. Quý vị xem thế giới Ta Bà của chúng ta, trong này có lục đạo, có mười pháp giới, thế giới tây phương không cần những cõi này.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng có cõi thật báo trang nghiêm, cũng có cõi thường tịch quang, điều đó cũng đáng để tỳ kheo Pháp Tạng tìm cầu đạt được. Sau khi tìm cầu được, cung kính cẩn thận duy trì, cung kính cẩn thận giữ gìn nó, không để mất đi. Vì sao vậy? Vì tương lai thế giới Cực Lạc thành tựu, có, có những gì ưu tú nhất trong cõi nước của Chư Phật. Bất luận là lý, là sự, là tánh hay là tướng đều viên mãn đầy đủ. Công đức tu học là thâm nhập một môn, đầy đủ năm kiếp là trường thời huân tu.

Bên dưới là quả chứng thành tựu: “Thành tựu hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật”. Trang nghiêm cõi Phật là quả đức, hạnh thanh tịnh là nhân hành, có nhân có quả. Do đây có thể biết, hai câu này nhắc nhở chúng ta, muốn vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, cần đầy đủ điều kiện hạnh thanh tịnh. Chính là trong đề kinh này nói “thanh tịnh bình đẳng giác”, đây là điều kiện phải có để vãng sanh tây phương Tịnh độ.

Vãng sanh có ba cõi, ba cõi của thế giới Cực Lạc, ba cõi đều là nhất thừa. Điều này quả là không thể nghĩ bàn, thật sự gọi là pháp khó tin. Người tâm thanh tịnh vãng sanh cõi phàm thánh đồng cư, quý vị xem tâm tịnh tức cõi Phật tịnh. Tâm bình đẳng vãng sanh đến cõi phương tiện hữu dư, chữ giác ở sau là vãng sanh vào cõi thật báo. Giác nghĩa là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Quý vị thấy năm chữ của đề kinh, là điều kiện vãng sanh vào ba cõi của thế giới Cực Lạc, là nhân chính. Ít nhất chúng ta phải tu tâm thanh tịnh, giác rất khó, không dễ. Bình đẳng cũng không dễ, trước tiên ta bắt đầu từ thanh tịnh. Thanh tịnh như thế nào? Buông bỏ những tập khí phiền não này. Chúng ta thường nói, buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ hưởng thụ đối với ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn tâm sẽ thanh tịnh. Chỉ cần có ít phần thanh tịnh là có thể vãng sanh, vì tâm thanh tịnh này vãng sanh cõi Tịnh độ, nó có tam bồi cứu phẩm. Thật sự thanh tịnh viên mãn, đó là tập khí phiền não đều đoạn tận, thanh tịnh viên mãn thượng thượng phẩm vãng sanh. Có thể có vài phần thanh tịnh, hạ hạ phẩm vãng sanh. Họ phân tâm thanh tịnh thành chín bậc, bậc cao nhất chúng ta không đạt được, đạt được bậc thấp nhất là đủ, như vậy không quá khó!

Khi tôi báo cáo với chư vị, tôi thường nói đến 16 chữ, chúng ta có thể làm được. Triệt để buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ như thế nào? Khởi tâm động niệm nghĩ đến Phật A Di Đà, nghĩ đến thế giới Cực Lạc, vô cùng khao khát. Chúng ta muốn đến đó, đương nhiên phải buông bỏ ở đây, sao có thể mang ở đây đi? Bao gồm thân thể này, thân thể cũng không mang theo được, hưởng gì vật ngoài thân? Vì thế thường nghĩ đến điều gì? Chúng ta ở trên trái đất này là đến tham quan du lịch, tôi là khách tham quan, đây không phải nhà tôi. Ở đây không hề liên quan đến tôi, tốt cũng không liên quan, xấu cũng không liên quan, nhà tôi ở Tây phương. Nếu thường quán như thế, tự nhiên sẽ buông bỏ, ở đây tất cả đều tùy duyên. Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, không có gì không tốt, người cũng rất tốt, việc cũng rất tốt. Dù sao tôi chỉ ở đây hai ngày là đi, nên kết thiện duyên với chúng sanh ở đây, đừng kết ác duyên. Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, đợi sau khi thành Phật ta sẽ trở lại độ họ. Giữ tâm thể này rất dễ buông bỏ, mọi lúc mọi nơi đều nghĩ đến chúng sanh, không nghĩ đến bản thân. Bản thân chỉ có một phương hướng, một mục tiêu, một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, một câu Phật hiệu. Như vậy là đủ, quá đủ.

Ở trước là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giới thiệu sơ lược, chúng ta học đến đây, bây giờ xem kinh văn.

“Pháp Tạng tỳ kheo, thuyết thử kệ dĩ”, kệ này là phẩm trước, chúng ta đã đọc qua. “Nhi bạch Phật ngôn: Ngã kim vi Bồ Tát đạo, dĩ phát Vô thượng chánh giác chi tâm, thủ nguyện tác Phật”, thủ nguyện nghĩa là phát nguyện, “tất linh như Phật”, tôi phát nguyện làm Phật, hy

vọng tất cả tôi đều giống như Phật vậy_tất linh như Phật. “Nguyên Phật vi ngã, quảng tuyên kinh pháp, ngã đương phụng trì, như pháp tu hành”. Câu này rất quan trọng, câu Phật nói pháp cho ngài nghe, vì sao Đức Phật nói pháp cho ngài nghe? Hai câu bên dưới nói: “Con sẽ phụng trì, như pháp tu hành”, Đức Phật không nói pháp được sao? Không nói không được, một học sinh tốt, là người học trò mà trong lòng tất cả các người thầy thường mong cầu, cầu được một học sinh như thế, học sinh này là truyền nhân. Thầy gặp được học sinh như thế, đều xem họ như của báu. Cổ nhân nói: “Bất hiếu có ba, vô hậu lớn nhất”, dạy học cũng không ngoại lệ. Việc lớn là gì? Đạo và pháp của quý vị phải có người kế thừa, đây là việc lớn. Nếu như không có người kế thừa, đạo và pháp của quý vị dù cao đến mấy cũng vô dụng, sau khi quý vị chết là hết, không có người kế thừa. Sự nghiệp vĩ đại nhất trong thế xuất thế gian, là khiến đạo pháp truyền thừa mãi không dứt, đời này qua đời khác đều có người kế thừa. Nhưng người kế thừa không tìm được, có thể gặp không thể cầu, đến đâu để tìm? Học trò tìm người thầy tốt cũng không dễ, thầy tìm học trò tốt càng không dễ. Quả thật như bài Kệ Khai Kinh nói: “Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được”. Gặp được một người đó là của báu, sao có thể buông bỏ? Luôn chú ý cẩn thận đào tạo họ, giúp họ, thành tựu họ, đương nhiên người thầy phải vì họ mà giảng kinh thuyết pháp. Đây là thỉnh pháp.

Chúng ta xem tiếp bên dưới: “Bạt chư căn khổ, sanh tử căn bản”, ở trước nói phụng trì, tu hành, tu gì? Phụng trì như thế nào? Biểu hiện ra một cách cụ thể. Tôi nhất định phải bạt trừ, nhổ sạch nó, nhổ sạch điều gì? “Chư” là tất cả. Quý vị xem: “Căn khổ sanh tử căn bản”, đây là người trong lục đạo. Tham sân si mạn nghi của lục đạo, trong Phật pháp gọi là vọng tưởng phân biệt chấp trước, mãi mãi không đoạn được. Đây là căn bản sanh tử trong lục đạo, tất cả chúng sanh rất khẩn thiết tu điều này. Hỏi người bây giờ, quý vị tu gì? Tu tham sân si, tham gì? Tu tham tài, tham sắc, họ tu theo nó. Tu những thứ này, nghĩa là trôi lăn trong lục đạo, chắc chắn không ra khỏi luân hồi lục đạo. Nếu tinh cần khẩn thiết tu nó, tình huống ngày càng tệ. Quý vị xem từ cõi trời tu xuống cõi người, từ cõi người tu vào đường súc sanh, đường súc sanh tu vào ngạ quỷ, đường ngạ quỷ tu vào đường địa ngục, họ đều đang tu hành. Bồ Tát Pháp Tạng đã giác ngộ được điều này, phải nhổ sạch chúng, tuyệt đối không được làm điều này. Câu này nghĩa là phải đoạn tận tất cả phiền não, chính là ý này.

“Tốc thành vô thượng chánh đẳng chánh giác”, thành Phật đạo, muốn nhanh chóng thành Phật, vì sao vậy? Vì chúng sanh rất đáng thương, quá khổ, không thể đợi. Thật sự làm Bồ Tát, thật sự kiến lập đạo tràng, nói cho chư vị biết, đạo tràng lớn phải chăng là chùa chiền? Không phải. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời không thành lập đạo tràng. Đạo tràng lớn nghĩa là “rộng tuyên kinh pháp”, bốn chữ này, ở bất cứ đâu cũng được, mọi lúc mọi nơi. Ở trong nhà đối với người nhà của mình “rộng tuyên kinh pháp”, nhà của quý vị chính là đạo tràng lớn. Nếu quý vị giảng Kinh Vô Lượng Thọ, đó là nhất thừa đạo tràng. Nếu quý vị có công ty hàng hiệu, đối với tất cả nhân viên khách hàng ở công ty của quý vị, cũng là rộng tuyên kinh pháp, đó chính là đạo tràng. Ở trường quý vị làm điều này, thì trường học chính là đạo tràng. Bây giờ quý vị thành lập viện cô nhi, ở trong này quý vị rộng tuyên kinh pháp. Quý vị thành lập viện dưỡng lão, quý vị rộng tuyên kinh pháp ở trong viện dưỡng lão, viện dưỡng lão là đạo tràng lớn, đây là sự thật.

Bởi vậy thế gian này, người xưa nói có 360 nghề. 360 cũng không phải con số, tượng trưng sự viên mãn. Một năm 360 ngày, tượng trưng sự viên mãn. Hiện nay không chỉ 360 nghề, cho nên nó tượng trưng sự viên mãn. Các ngành các nghề đều biết cách rộng tuyên kinh pháp, câu này toàn là đạo tràng, thật ư? Thật. Có chứng cứ chẳng? Có! Quý vị xem sau

Kinh Hoa Nghiêm, 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử, 53 vị Bồ Tát, họ là nam nữ già trẻ các ngành các nghề, bất luận ở ngành nghề nào đều rộng tuyên kinh pháp, toàn là đạo tràng. Có chứng cứ, không phải giả, Đức Phật đã dạy chúng ta. Bất luận ở ngành nghề nào, bất luận lúc nào, bất luận ở đâu, gặp được người có duyên quý vị nên nói với họ.

Trước đây, tôi thường đến Mỹ và Canada, một năm ở đây hết hơn nửa năm, vì thế thường đi máy bay đường dài. Trên máy bay, những người ngồi bên cạnh, thấy chúng tôi cầm chuỗi niệm Phật, họ nói thầy là người học Phật, chúng tôi liền nói Phật pháp cho họ. Nói với một người, người xung quanh đều nghe. Ở đâu không phải là đạo tràng? Khắp nơi đều là đạo tràng! Vì thế phải nuôi dưỡng thói quen này, phải bồi dưỡng tâm này, tâm vì người thuyết pháp này rất quan trọng. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường dạy chúng ta: “vì người diễn thuyết”, biểu diễn làm gương cho người khác noi theo, khiến cho người sau khi nhìn thấy, họ nói đây là Phật giáo. Quý vị xem trong A lại da của họ có chữ Phật, đã trồng được thiện căn. Vì thế hình tượng này rất quan trọng. Mọi lúc mọi nơi không rời Phật A Di Đà, không rời thế giới Cực Lạc, học tập như thế mới tương ứng.

Nhanh chóng thành Phật, thành Phật mới có thể phổ độ chúng sanh. Hay nói cách khác, không thành Phật tức không thể độ tất cả chúng sanh một cách viên mãn. Quý vị là Đẳng giác Bồ Tát, Đẳng giác Bồ Tát độ Đẳng Giác Bồ Tát là điều không dễ, họ giống như quý vị, quý vị phải cao hơn họ một bậc mới có thể độ họ. Đây là vì sao phải thành vô thượng chánh đẳng chánh giác, nguyên nhân là đây.

“Dục linh ngã tác Phật thời, trí tuệ quang minh, sở cư quốc độ, giáo thọ danh tự, giai văn thập phương”. Đây là tỳ kheo Pháp Tạng đưa ra yêu cầu với Thế Gian Tự Tại Vương Phật. Con hy vọng tương lai khi con làm Phật, “trí tuệ sáng suốt, nơi cõi nước con ở, khắp mười phương đều nghe được tên của con”. Trước tiên là nói ra nguyện vọng của mình, hy vọng thầy có thể khiến ngài được mãn nguyện. “Quốc độ ngài ở” là y báo diệu. “Trí tuệ quang minh” là chánh báo diệu. “Tên của giáo thọ” là danh tự diệu, danh hiệu diệu. Đây chính là trong Vãng Sanh Luận nói ba loại vô cùng thù thắng. Thế giới tây phương Cực Lạc, Phật, Bồ Tát, quốc độ mười phương đều nghe đến.

“Chư thiên nhân dân, cập quyền nhuyển loại, lai sanh ngã quốc, tất tác Bồ Tát”, câu này rất quan trọng. Từ trong câu này chúng ta biết, thế giới tây phương Cực Lạc là pháp nhất thừa, trong này không có nhị thừa, tức đại thừa và tiểu thừa, cũng không có tam thừa. Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát gọi là tam thừa, thêm vào nhân thừa và thiên thừa gọi là ngũ thừa, đều không có, chỉ có pháp nhất thừa. Đến thế giới tây phương Cực Lạc, đều là đi làm Phật. Nếu quý vị nghĩ, thế giới tây phương Cực Lạc tốt đẹp như thế, tôi đến đó làm người tốt biết bao, ở đó hưởng phước. Nếu có ý niệm này không thể đến đó được, vì sao vậy? Vì quý vị tham hưởng thụ. Thế giới này quá khổ, ở đó lại quá tốt đẹp, đến thế giới đó để hưởng phước! Niệm Phật A Di Đà là đi hưởng phước, khởi ý niệm này không tương ứng, không thể vãng sanh. Như thế nào mới có thể vãng sanh? Đến thế giới đó đi làm Phật, phải phát tâm như thế. Có người nói tôi không dám, tôi không xứng làm Phật, vì tội nghiệp sâu nặng. Tôi làm được nhân thiên là quá tốt, làm tiểu thừa A la hán cũng rất tốt, cõi phương tiện hữu dư. Như vậy đều không tương ứng, hoàn toàn không tương ứng với thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc nhất định phải phát đại tâm: Tôi đi làm Phật. Phật A Di Đà rất hoan nghênh, người đầu tiên được chọn là quý vị. Phải dám thừa nhận, ta đến đó làm gì? Chính là để làm Phật, đến đây là để làm Phật, phổ độ chúng sanh giống như Phật A Di Đà vậy.

Câu bên dưới là tổng kết: “Ngã lập thị nguyện”, nguyện này là gì mà hơn hẳn Chư Phật. “Đô thắng vô số chư Phật quốc giả, ninh khả đắc phủ”, đây là câu hỏi, có thể đạt được chăng? Chúng ta giải thích đại ý đoạn kinh văn này, bên dưới là Hoàng Niệm Tổ giải thích tường tận cho chúng ta, chúng ta cùng nhau học tập.

“Đoạn bên phải là thừa thượng khởi hạ”. Thừa thượng là phẩm trước, khởi hạ là phẩm thứ sáu 48 nguyện ở dưới. “Trong phẩm trên dùng kệ biểu đạt lời nguyện. Trong văn của kinh này dùng văn trường hàng nói. Đã phát tâm vô thượng chánh giác”. Bên dưới Hoàng Niệm Tổ giải thích cho chúng ta: “Nhập đạo yếu môn, phát tâm làm đầu, tu hành là việc cấp bách, lập nguyện hàng đầu”. Bốn câu này là các bậc tổ đức xưa nay dùng để khuyến khích học trò, chúng ta không thể không biết. Quý vị muốn nhập Phật đạo, điều kiện quan trọng nhất là phát tâm, vì sao vậy? Vì Tịnh tông là nhất thừa, điều này trong Kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy rất rõ ràng, nó là pháp nhất thừa. Pháp nhất thừa không thể không có tâm bồ đề.

Bởi vậy trong kinh này chúng ta thấy, phẩm tam bối vãng sanh, phẩm vãng sanh chánh nhân, Đức Phật nói rất rõ ràng. Điều kiện vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là gì? Bất luận là thượng trung hạ tam phẩm, hoặc là tu học đại thừa, bất luận pháp môn nào. Chúng ta đem công đức tu học, hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, tất cả đều được vãng sanh, cánh cửa này rất lớn. Bất luận tu pháp môn gì, hồi hướng cầu sanh Tịnh độ đều được. Nhưng điều kiện của nó là hai câu: “Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Sau cùng khi lâm mạng chung, quả thật là một niệm mười niệm chắc chắn vãng sanh. Điều kiện là có một câu như vậy- Phát bồ đề tâm.

Bồ đề tâm là gì? Chúng ta học bao nhiêu năm nay, tổng kết lại một câu: “Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”, đây chính là tâm bồ đề trong kinh nói. Chân thành là thể của tâm bồ đề, thanh tịnh bình đẳng giác là tự thọ dụng của tâm bồ đề, từ bi là tha thọ dụng của tâm bồ đề. Nghĩa là nói sau khi phát bồ đề tâm, dùng tâm gì đối với chính mình? Thanh tịnh bình đẳng giác. Dùng tâm như thế nào đối với người khác? Đại từ đại bi. Phải phát tâm này, sau đó nhất hướng chuyên niệm, một phương hướng, một mục tiêu. Một phương hướng là thế giới tây phương Cực Lạc, một mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà. Đây chính là đi vào cửa đạo, phát tâm làm đầu, đây mới gọi là chân tâm.

Buông bỏ thế giới này, buông bỏ những vẫn chưa vãng sanh, chưa đi là tùy duyên, điều này quan trọng. Tùy duyên nghĩa là sao cũng được, kết thiện duyên, kết pháp duyên với người khác, không kết ác duyên. Gặp nghịch cảnh, gặp ác duyên, người này hủy báng tôi, sỉ nhục tôi, hãm hại tôi, tôi nhìn họ với thái độ nào? Ta thấy họ đều là người tốt, họ đều là Phật Bồ Tát, chỉ là nhất thời hồ đồ, không được để trong lòng. Còn niệm Phật A Di Đà hồi hướng cho họ, đợi sau khi ta thành Phật lại trở về độ họ, không hề có tâm oán hận. Nếu còn chút oán hận nào, không thể đến được thế giới Cực Lạc, vì sao vậy? Vì đó không phải là tâm bồ đề. Tâm thanh tịnh sanh trí tuệ không sanh phiền não, quý vị có một chút phiền não tức biết rằng tâm mình không thanh tịnh, tâm mình bị nhiễm ô. Phải giữ tâm thanh tịnh, tuyệt đối không bị ô nhiễm. Ở xã hội này, bất luận những thiệt thòi, hay bị lừa gạt đều bỏ qua hết, tuyệt đối không để trong lòng. Trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, ý niệm chỉ có một phương hướng là đúng.

“Tu hành là điều cấp bách, trước tiên phải lập nguyện”, lập nguyện giống như tỳ kheo Pháp Tạng vậy, nhất định phải phát nguyện. “Cho nên Bồ Tát Pháp Tạng, sau khi phát tâm vô thượng bồ đề, kỳ kết đại nguyện”, kỳ là câu xin. “Kết được đại nguyện, hơn hẳn vô số cõi

Phật, cho nên thỉnh cầu Thế Tôn diễn nói kinh pháp”. Diễn ý nghĩa rất hay, diễn không phải nói, diễn là hiển thị thành quả tu hành của mười phương Chư Phật, để Bồ Tát Pháp Tạng xem.

“Đại ý của đoạn này là, ngày nay lúc con hành Bồ Tát đạo, đã phát tâm vô thượng bồ đề, nguyện thành Phật, nguyện tất cả đều giống như Phật. Cho nên thỉnh cầu Thế Tôn vì con rộng nói kinh pháp, con xin tín phụng, như pháp tu hành. Nguyện vĩnh viễn lìa xa tất cả gốc khổ sanh tử, gọi là sanh tử cực khổ, lại không nghỉ ngơi, nên gọi là căn khổ”. Nếu ta nghĩ thông suốt vấn đề này, quý vị sẽ thấy rất đáng thương, vì sao vậy? Ở đây đã chết, mấy ngày sau lại đầu thai, lại sanh, sanh rồi lại chết, chết rồi lại sanh. Cứ sanh tử như vậy, sanh tử vĩnh viễn không dứt, quý vị nói đáng thương biết bao, không bao giờ dứt, mà mỗi chúng sanh thân gì đều cũng đã từng chịu. Quá khứ quý vị ở cõi trời có thể từng làm thiên vương, nhưng không nhớ. Có thể quý vị cũng từng làm Long vương, cũng có thể từng làm quỷ vương. Cõi trời nhân gian, địa ngục A tỳ, tất cả đều đã đi qua. Chỉ là vừa đầu thai là không còn nhớ gì nữa, quên hết. Nếu ta tu định, đạt được định công, trong định có thể phát thân thông đạt được túc mạng thông, quý vị sẽ biết tất cả, biết hết tất cả những việc trong nhiều đời quá khứ.

Đứng trên phương diện Tôn giáo để nói, quý vị nói Đạo Cơ đốc không tốt, trong đời quá khứ quý vị là tín đồ đạo Cơ đốc. Quý vị nói Hồi Giáo không tốt, có thể trong đời quá khứ quý vị làm giáo sĩ Hồi Giáo. Mọi quốc gia ta đều từng ở, mọi dân tộc ta đều có phần. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch, đến đường súc sanh, đường ngựa quý đều là người một nhà, quan hệ với chúng ta mật thiết biết bao. Chỉ là đời này khi đầu thai, vì mê muội nên quên toàn bộ chuyện trong quá khứ.

Trong kinh Đức Phật nói không sai: Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta. Nam nữ này bao gồm đường súc sanh, bao gồm đường ngựa quý, bao gồm đường địa ngục. Thấy rõ ràng minh bạch rồi, tâm từ bi mới sanh khởi được. Thấu triệt chân tướng sự thật, chúng ta đời đời kiếp kiếp có mối quan hệ thâm sâu như thế. Lại xem từ trong kinh điển đại thừa sẽ hiểu, chúng ta vốn là nhất thể. Một tự tánh thanh tịnh viên minh thể, biến hiện ra vô lượng vô biên pháp giới.

Trên thực tế, vô lượng vô biên pháp giới, nó có liên hệ của tin tức, giống như sóng điện, mạng internet vậy. Tất cả chúng sanh khắp biến pháp giới hư không giới, đều không tách rời khỏi mạng này, nhờ một sợi lông mà động toàn thân. Khi chúng ta khởi lên một ý niệm, biến pháp giới hư không giới đều nhận được. Bất cứ chúng sanh nào, đến sơn hà đại địa đều truyền tin tức, pháp thân Bồ Tát hoàn toàn thấu triệt. Thập pháp giới, đặc biệt là lục đạo, mê thất chân tướng sự thật. Vì thế trong kinh Đức Phật nói: Căn khổ lục đạo. Quý vị làm một cách rất tinh cần, đều tạo những nghiệp này. Nghiệp có quả báo, nghiệp nhân quả báo vĩnh viễn tương tục, không có ngày ra khỏi.

“Muốn trừ quả khổ sanh tử, nên nhổ sạch gốc của nó”. Gốc của luân hồi lục đạo là gì? “Gốc này tức các hoặc kiến tư, trần sa, vô minh”. Đây là điều trong kinh Đức Phật thường nói, trong Kinh Hoa Nghiêm nói vọng tưởng phân biệt chấp trước. Chấp trước là kiến tư, phân biệt là trần sa, vọng tưởng là vô minh. Danh từ không giống nhau, nhưng nói cùng một vấn đề. Chúng ta phải trừ tận gốc sanh tử luân hồi.

“Đoạn tận chư hoặc”, chúng ta phải đoạn tận ba loại phiền não lớn này mới đúng, đoạn tận ba loại lớn này quý vị sẽ thành chánh giác. Đức Phật nói với chúng ta, cùng một lúc đoạn tận ba loại lớn này không dễ, quá khó, có người này chăng? Có. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta thấy, ngài đồng thời đoạn kiến tư, trần sa, vô minh, đây gọi là đốn đoạn.

Chúng ta gọi là xả, là buông bỏ, đốn xả, đốn ngộ, đốn chứng, đốn thành, thành Phật! Về lý có thể nói như thế, quý vị cùng một lúc buông bỏ ba loại này, phàm phu lập tức thành Phật.

Đại sư Huệ Năng lục tổ của Thiên tông biểu diễn cho chúng ta thấy, ngài đốn xả giống như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy. Ngài ở trong phòng phương trượng của Ngũ Tổ Hoàng Nhãn, nửa đêm canh ba, Ngũ tổ nói cho ngài nghe đại ý Kinh Kim Cang, nói đến câu “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài đã buông bỏ. Buông bỏ là khai ngộ, tức thành Phật, nên Ngũ tổ truyền y bát cho ngài. Năm đó ngài 24 tuổi, có năng lực này, lập tức buông bỏ tất cả. Tập khí phiền não đó rất sâu nặng, không lập tức buông bỏ phải làm sao? Đức Phật dạy chúng ta buông bỏ dần dần, trước tiên buông bỏ kiến tư. Buông bỏ kiến tư, lục đạo không còn. Chúng ta biết, lục đạo là kiến tư phiền não biến hiện ra, sau khi đoạn tận kiến tư phiền não, lục đạo liền biến mất.

Trong Chứng Đạo Ca của đại sư Vĩnh Gia nói rất hay: “mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên”. Khi quý vị giác ngộ, thì ra đây là giả, nó không còn. Hiện ra là cảnh giới gì? Khi tỉnh ngộ, tứ thánh pháp giới: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, ở trong pháp giới này, lục đạo không còn. Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, đây là tứ thánh pháp giới. Hợp lại là mười pháp giới, đây là bốn tầng trên, bốn tầng này từ đâu đến? Do phân biệt mà có, nghĩa là trần sa phiền não. Trần sa là ví như nhiều phân biệt, ý niệm của phân biệt quá nhiều, giống như cát bụi vậy. Không phân biệt, tất cả pháp thể xuất thế gian đều không phân biệt, vì sao không phân biệt? Vì không còn! “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, quý vị có gì để phân biệt? Tâm bình đẳng của quý vị mới có thể hiện tiền. Có phân biệt, không bình đẳng; không có phân biệt, tâm bình đẳng hiện tiền.

Tiếp tục đoạn nhất phẩm vô minh, nghĩa là khởi tâm động niệm. Không khởi tâm không động niệm, mười pháp giới không còn. Đức Phật dạy: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật cũng là giả. Bởi vậy trong kinh nói rất hay: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, không nói tứ thánh pháp giới là ngoại lệ, không nói như thế. Quý vị tra hết Đại Tạng Kinh cũng không thấy Đức Phật nói như thế, bao gồm tứ thánh pháp giới trong đó. Lục căn của quý vị ở trong cảnh giới lục trần, không khởi tâm không động niệm là thành Phật, mười pháp giới không còn. Mười pháp giới không còn, đó là thế giới gì? Gọi là nhất chân pháp giới. Nhất chân là nói đối với mười pháp giới, mười pháp giới là giả, pháp giới này là thật.

Thật và giả này dùng gì để phân định nó? Trong kinh Đức Phật thường nói với chúng ta, vĩnh hằng bất biến là thật, phàm những gì có biến hóa đều là giả, dùng điều này làm tiêu chuẩn. Mười pháp giới đích thực có biến hóa, thay đổi trong từng sát na, nhất chân pháp giới hình như là vĩnh hằng bất biến. Quý vị sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, đó cũng là vĩnh hằng. Trong cõi thật báo chỉ có hóa sanh, không có thai sanh. Thai noãn thấp hóa, bốn loại sanh thái này nó chỉ có hóa sanh, ba loại kia không có, đây là biến hóa sanh. Biến hóa như vậy, vĩnh viễn chính là như vậy, không phải nói biến hóa thành trẻ con sau đó lớn dần lên, không phải, như vậy là có biến hóa. Quý vị thấy tượng Phật như thế nào, khi quý vị đến hoàn toàn giống như tượng của Phật vậy. Họ là hình tượng đó, vĩnh viễn bất biến. Vĩnh hằng là nói đến thời gian, có thời gian chăng? Có thời gian. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói: Tam đại a tăng kỳ kiếp, vì sao vậy? Vì thế giới đó là tập khí vô minh biến hiện ra. Khi phá vô minh, trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là sơ trụ Bồ Tát, phá được vô minh sanh vào cõi thật báo trang nghiêm, nghĩa là nhất chân pháp giới. Ở đó bao lâu? Phải khiến cho vô minh đoạn tận. Không có phương pháp đoạn vô minh, thời gian lâu ngày tự nhiên không còn. Không có cách nào đoạn được nó, có phương pháp lập tức xuất hiện vấn đề, như vậy là đọa lạc. Bởi vậy

không có phương pháp, cứ mặc nó, nó cũng không có gì chướng ngại. Vì thế phải ba đại a tăng kỳ kiếp, tập khí vô thi vô minh này hoàn toàn không còn, tất cả không còn gọi là Diệu giác.

Trong thế giới Hoa Tạng nói có 41 địa vị: Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Đẳng giác, 41 địa vị. Bây giờ chúng ta rất rõ ràng, 41 địa vị này không thể nói không có, cũng không thể nói nó có thật. Chân tướng sự thật là 41 địa vị đều bình đẳng, hoàn toàn không có chút sai biệt nào. Không thể nói nó không, tập khí nó có dày có mỏng không giống nhau. Ở thời gian lâu tại thế giới Cực Lạc, tập khí nhẹ dần, khi mới đến tập khí rất nồng hậu, chính là ý này. Lúc tập khí hoàn toàn không còn là đến Diệu Giác vị, Diệu giác vị không ở trong cõi thật báo, cho nên cõi thật báo cũng không phải thật.

Vậy chúng ta nói nhất chân pháp giới thì sao? So với mười pháp giới nó là thật, nó không thay đổi, quý vị thay đổi. Nhưng đến sau cùng đột nhiên nó cũng không còn, biến mất, cho nên vẫn là “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Cõi thật báo cũng không ngoại lệ, cần phải biết điều này. Đoạn tận tập khí vô thi vô minh thì đi về đâu? Đến thường tịch quang. Thường tịch quang chính là tự tánh thanh tịnh viên minh thể, trở về thường tịch quang. Thường tịch quang không phải tinh thần, cũng không phải vật chất. Nhưng nó có thể hiện tinh thần, có thể hiện vật chất, nó không phải là gì cả.

Ngày nay các nhà khoa học đã phát hiện, tinh thần và vật chất từ đâu đến? Từ không sinh ra có, nói như thế cũng rất có lý. Nó từ thường tịch quang sinh ra, từ tự tánh sanh ra. Tự tánh không phải tinh thần, không phải vật chất, bởi vậy không sao tìm kiếm được nó. Không phải vật chất, tiền ngũ thức: Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân không tiếp xúc được. Không phải tinh thần, ý thức không tiếp xúc được nó, quý vị tưởng tượng cũng không ra. Vì thế không thể tiếp xúc được, nó là từ không sanh ra có. Chúng ta đọc nhiều kinh điển đại thừa biết rằng, Đức Phật nói trở về thường tịch quang.

Hiểu rõ đạo lý này, chúng ta biết phải tu như thế nào, đương nhiên dùng thế giới tây phương Cực Lạc là phương pháp thù thắng nhất, nhanh chóng nhất. Bởi vì mặc dù là cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, đó là pháp nhất thừa. Pháp nhất thừa nói rõ điều gì? Bình đẳng với Phật, điều này quả thật không thể nghĩ bàn. Phàm phu chưa đoạn tận nhất phẩm phiền não, sao có thể lập tức bình đẳng với Phật? Không phải bình đẳng với Bồ Tát, bình đẳng với Phật, cho nên thế giới Cực Lạc gọi là pháp khó tin.

Về lý không thể nói như thế, đến chỗ cứu cánh mới nói được như thế. Chỗ cứu cánh là gì? Lý sự đều không có, lý sự đều là giả, đều không phải thật. Như vậy là thông suốt, quý vị mới thật sự thấu rõ. Nếu như chấp trước có lý sự, sự rất kỳ diệu, về lý nói không thông. Trong Thiên tông nói: nhìn lên một cái là thông suốt, nhìn lên một cái là bất nhị pháp môn, không có đối lập. Lý và sự đối lập, chân và vọng đối lập, tất cả đều không có. Nhìn lên một cái là thông đến tự tánh.

Đây là phải đoạn tận các hoặc, “cho nên nói: bạt trừ các căn bản căn khổ sanh tử”. Ở đây ý nghĩa sanh tử rất sâu sắc, nó bao gồm sanh tử của lục đạo, sanh tử của tứ thánh pháp giới, sanh diệt của cõi thật báo trang nghiêm, nó bao gồm nhiều như thế. Trong cõi thật báo không có hiện tượng sanh tử, nhưng nó có sanh, có diệt. Quý vị buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, cõi thật báo hiện tiền. Đoạn tận tập khí vô thi vô minh, cõi thật báo không còn. Chưa đoạn tận tập khí vô thi vô minh, cõi thật báo vĩnh viễn tồn tại, vĩnh viễn không thay đổi.

Thời gian dài ba đại a tăng kỳ kiếp, thân tướng quý vị không thay đổi, không có hiện tượng suy lão, cũng không có hiện tượng tật bệnh. Chẳng những hiện tượng chánh báo không thay đổi, y báo cũng không thay đổi. Cây cỏ hoa lá mãi xanh tươi, không thấy lá cây rơi rụng. Vì nó không có bốn mùa, không có xuân hạ thu đông. Cho nên nó là một thế giới vĩnh hằng bất biến, vì thế mới gọi là nhất chân.

“Lại nguyện chóng thành chánh giác. Trong kinh vẫn nói chóng, tức chữ chóng sanh vào nước ta thọ hưởng an lạc trong phẩm trên”. Hai chữ chóng, phẩm ở trên là chóng sanh vào nước ta thọ hưởng an lạc, và ở đây nguyện chóng thành chánh giác. “Hai chữ chóng này cùng hiển lộ nhất tâm”. Đích thực một tâm sẽ chóng, hai tâm sẽ chậm, ba tâm sẽ loạn, ý nghĩa này rất sâu sắc.

Bên dưới nói: “Tâm Bồ Tát Pháp Tạng độ sanh rất khẩn thiết, cho nên nguyện tất cả chúng sanh luân hồi trong các nẻo, chóng sanh vào nước ta hưởng an lạc”. Quả thật là tâm độ sanh rất khẩn thiết, ngài dùng phương pháp này đúng là quá xảo diệu. Nói thực những kinh văn này, gọi mở rất lớn cho chúng ta. Trong đời này chúng ta muốn thành tựu, cũng muốn giúp tất cả người cùng chí hướng thành tựu, điều này gọi mở cho chúng ta rất nhiều.

Đại sư Ấn Quang nói, trong thời đại hiện này của chúng ta, thời đại này là loạn thế, tu hành chứng quả phải tinh tấn, phải buông bỏ vạn duyên, phải ở trong đạo tràng nhỏ. Tổ Ấn Quang nói, cùng nhau tu tập không quá 20 người, có thể xa lìa danh vọng lợi dưỡng, mới có thể an định. Nếu quý vị nổi tiếng, người hâm mộ danh tiếng đến phỏng vấn quá nhiều, tâm sẽ loạn, không định được. Cổ nhân nói: Biết ít chuyện thì phiền não ít, quen biết nhiều thì thị phi nhiều. Người ít thị phi ít, ít chuyện tâm được an. Đừng xem ti vi, quý vị biết nhiều chuyện phiền não sanh khởi thật nhiều. Đừng dùng điện thoại, vì nó tạo ra nhiều phiền não. Nếu dùng những thứ này, phiền não không thể đoạn tận. Quý vị nói không có không được, trước đó khi chưa phát minh điện thoại, cuộc sống của quý vị không phải cũng rất bình thường ư? Ta cần nó làm gì? Quý vị nói phương tiện, phương tiện phiền não, không phải phương tiện bồ đề, không cần phiền não tức phương tiện bồ đề. Những thứ này vẫn là phương tiện phiền não, không thể đoạn tận phiền não. Cho nên ở đây khiến chúng ta học tập được quả thật rất nhiều. Chúng ta phải có tâm giống như Phật A Di Đà, hy vọng tất cả chúng sanh khổ nạn sớm thành chánh giác. Chúng ta sớm sanh đến thế giới Cực Lạc, chúng ta cũng hy vọng tất cả chúng sanh đều có thể giác ngộ, sớm ngày sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc. Ở đây là an lạc thật sự, không phải giả.

“Chư thiên nhân dân và quỳên phi nhuyển động”. Quỳên là loại trùng bay, nhuyển là loại trùng bò sát. Chúng ta nói đến vi khuẩn, thực tế mà nói vi khuẩn cũng là loài trùng bò sát, mắt thường chúng ta đều không thấy được. “Sanh vào nước ta, đều làm Bồ Tát”, không phải Bồ Tát thông thường, trong nguyên văn nói rất rõ ràng, đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, quý vị xem như vậy không tuyệt vời ư?

“Loại chúng sanh này, sanh vào nước này, không có nhị thừa, chỉ có Bồ Tát, tất bỏ Phật vị”. Câu này rất quan trọng, nói rõ phàm vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, đến loài trùng bay, kiến, vi khuẩn sanh đến thế giới Cực Lạc đều là Bồ Tát, tương lai nhất định bỏ xứ Phật vị, đó là thành Phật. Chữ tất này nghĩa là vô cùng khẳng định, không có ngoại lệ, mỗi người đều thành Phật.

“Đại Nguyện của Pháp Tạng gọi là nhất thừa nguyện hải”, đạo lý là đây, nhất thừa là thành Phật. “Đều thành Phật quả, chỉ có nhất Phật thừa, không hai cũng không ba”. Không hai cũng không ba, trong Kinh Pháp Hoa Nói: “Cho nên tam bôi vãng sanh, đều phát tâm bồ

đề tâm”, câu này quan trọng. Đây là trong phẩm tam bối vãng sanh nói, nhất định phải phát tâm bồ đề. Hay nói cách khác, người tu hành pháp môn Tịnh độ, nguyên tắc chỉ đạo cao nhất chính là Tịnh Nghiệp Tam Phước. 11 câu trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, mỗi câu đều phải thực hành, thường đề trong lòng. 11 câu này phải ghi nhớ thật rõ ràng, không được quên.

Phước thứ nhất, chính là bốn câu điều thứ nhất: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Chúng ta thực hành bốn câu này trên ba nền tảng của Nho Thích Đạo. Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng thực hành trên Đệ Tử Quy, thật sự làm được. Từ tâm bất sát thực hành trong Cấm Ứng Thiên, câu sau cùng là tu thập thiện nghiệp. Ba nền tảng của Nho Thích Đạo, phải bắt đầu từ đây, bắt đầu tu hành từ đây, mới có nền tảng, mới có khởi đầu. Từ nền tảng này tiếp tục sanh khởi phước thứ hai: “Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi”. Ba câu, phước thứ hai chỉ có ba câu, đây là tiểu thừa, quý vị xem tiên dần lên theo thứ tự. Điều thứ nhất là thiện của nhân thiên, điều thứ hai là thiện của nhị thừa, sau đó mới đi vào điều thứ ba, “phát tâm bồ đề, thâm tín nhân quả”. Nhân quả này chính là Tịnh tông: “Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”, ở đây không nói các nhân quả khác, chỉ nói điều này, không được hiểu sai_Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. “Độc tụng đại thừa”, kinh này là Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, đọc bộ kinh này là được. Bộ kinh này nghĩa là tất cả kinh điển, một tức tất cả, tất cả tức một, chúng ta đọc bộ kinh này. Câu ở sau “khuyến tấn hành giả”, chúng ta đem phương pháp này khuyên người khác, nói với người khác, tự hành hóa tha, đây gọi là Bồ Tát hạnh. Chúng ta không phải chuyên lợi, mà hy vọng người trên toàn thế giới đều nghe được Phật A Di Đà, đều có thể nghe đến Kinh Vô Lượng Thọ, đây là pháp đại thừa, nhất định phải biết đạo lý này. Tịnh Nghiệp Tam Phước là nền tảng căn bản của người tu học pháp môn Tịnh độ, cơ sở tu hành của chúng ta là đây, nguyên tắc chỉ đạo là đây. Trái với điều này, đó là vấn đề nghiêm trọng, học suốt đời, niệm Phật suốt đời, có thể sau cùng không được vãng sanh.

Đây chính là nói, “tam bối vãng sanh đều phải phát tâm bồ đề. Nên biết muốn chóng thành Phật, là vì muốn chóng độ chúng sanh”. Chúng ta muốn bản thân nhanh chóng thành Phật, phải biết chúng sanh với mình là nhất thể. Chúng ta chỉ biết tự lợi cho bản thân, mà lơ là việc giúp đỡ người khác, như vậy là sai.

Quý vị xem 11 câu Tịnh Nghiệp Tam Phước, 10 câu trước là tự lợi, thành tựu chính mình. Câu sau cùng là độ chúng sanh: “Khuyến tấn hành giả”. Đặc biệt là đối với người đã tin, đã lý giải, khuyên họ phải phát nguyện, phải cầu sanh Tịnh độ, phải khuyên dạy họ. Bản thân thì sao? Phải làm cho họ thấy. Tôi khuyên quý vị, bản thân tôi đang thực hành triệt để. Đây nghĩa là mục đích ở chỗ nhanh chóng độ chúng sanh, mới tương ưng với bản nguyện của Phật Di Đà.

Bên dưới nói: “Cho nên khi làm Phật, trí tuệ mình sáng suốt, cõi nước ta ở, tên giáo thọ mười phương đều nghe được. Đây tức là nguyện thứ 17 trong 48 nguyện. Nguyện chư Phật xưng tán. Là căn bản của nguyện 18 mười niệm tất vãng sanh, và nguyện thứ 19 nghe danh phát tâm nguyện”. Nói một cách rất rõ ràng, rất minh bạch. Đến nguyện văn bên dưới nói tường tận rõ ràng hơn. Chư Phật tán thán, đương nhiên ngày nay chúng ta cũng tán thán, tán thán Kinh Vô Lượng Thọ, và pháp môn Tịnh độ, vì sao tán thán? Vì pháp môn này thích hợp với người thời hiện đại chúng ta, thích hợp với mỗi người, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề. Phương pháp rất đơn giản, chính là một câu Phật hiệu. Một bộ kinh, một câu danh hiệu. Nếu buông bỏ vạn duyên, tu học như thế, bảo đảm ba năm thành công, ba năm quý vị đi làm Phật. Từ phàm phu biến thành Phật, như vậy không kỳ diệu ư? Còn pháp môn nào nhanh hơn

pháp môn này! Người học các pháp môn khác cũng tốt, Phật giáo có tám vạn bốn ngàn pháp môn, Đức Phật nói: “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”. Chúng ta phải biết căn tánh của mình, căn tánh như đại sư Huệ Năng có thể học thiền, ngài có thể đại triệt đại ngộ, chúng ta học thiền được chăng?

Có một lần cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói đùa với tôi, ông hỏi: Thầy có biết thiền trong thời hiện đại này là thiền gì chẳng? Tôi hỏi, là thiền gì? Triền của trói buộc, triền của quán quanh, nó cột chặt quý vị lại, có đạo lý. Bây giờ học thiền, chính là sợi dây rất dài trói quý vị lại, khiến quý vị không nhúc nhích được, như vậy có thể thành tựu chăng? Ông từng học Thiền, cũng từng học Mật, sau cùng niệm Phật A Di Đà cầu sanh Tịnh độ. Không phải nói Thiền và Mật không tốt, Thiền và Mật rất tốt, nhưng không thích hợp với căn tánh của chúng ta. Những pháp môn đó cần phải là hàng thượng thượng căn, bản thân chúng ta là hàng trung hạ căn. Đây là đã hơi khuếch trương, nói thật thì chúng ta là hàng hạ hạ căn, sao có thể sánh được với ngài?

Cho nên trước đây, năm 1977, lần đầu tiên tôi đến HongKong, ở đây có vị pháp sư, đồng tu mời tôi đến giảng Kinh Lăng Nghiêm. Lần đầu tiên đến tôi ở đây bốn tháng, ở Cửu Long hai tháng, ở HongKong hai tháng, ở đây giảng kinh. Tôi quen pháp sư Thánh Nhất, quả là rất khó được, đạo tràng của pháp sư Thánh Nhất ở Đại Tự Sơn, chùa Bảo Lâm. Sau chùa Bảo Lâm còn phải đi bộ nửa tiếng đồng hồ, mới đến ngôi bảo sát, đạo tràng Thiền tông. Rất khó được, hơn 40 người đang ngồi Thiền ở đó, trong đó có hai người nước ngoài, mỗi ngày đều có thời gian ngồi thiền nhất định.

Pháp sư Thánh Nhất mời tôi đi tham quan đạo tràng của ông, mời tôi ăn cơm, mời tôi đến Thiền đường khai thị cho mọi người. Cũng may trước đây tôi từng giảng Lục Tổ Đàn Kinh, từng giảng Vĩnh Gia Thiền Tông Tập, đây đều là Thiền tông, cho nên tôi biết một ít về Thiền. Tôi khen ngợi họ, cung kính họ, cúng dường họ. Khi trở về, vì đi đến Chùa Bảo Lâm mới có thể đi xe, phải đi bộ nửa tiếng. Đi cùng tôi có mười mấy vị đồng tu, họ hỏi tôi: Thầy ơi, thầy khen ngợi Thiền như vậy, vì sao thầy không học thiền? Tôi nói, tôi khen ngợi họ là đúng, họ cao hơn chúng ta, tôi không bằng họ, tôi là hàng hạ hạ căn. Tôi chỉ có thể nói một ít về Thiền, nhưng tôi không tu được, tu Thiền tôi không đạt được lợi ích. Tôi phải chân thành niệm Phật, tôi không bằng họ, phải biết điều này. Phàm những ai học Thiền, học Mật, tôi thấy đều phải đánh lễ ba lạy. Cao, quá cao!

Bản thân tôi cảm thấy trong đời này, đối với pháp môn Tịnh độ tôi còn có chút niềm tin, có thể thành tựu. Các pháp môn khác không dám nghĩ đến, chỉ là ngưỡng vọng mà thôi, cung kính cúng dường, biết trình độ của mình. Khi tu sai pháp môn không thể trách Phật, ngài chỉ đưa ra tám vạn bốn ngàn pháp môn để quý vị tự chọn. Như ăn cơm buffet, rất nhiều thức ăn quý vị tự gấp, thích gì thì gấp đó. Đức Phật đối với chúng sanh như thế, chúng ta phải hiểu, phải biết lựa chọn. Không biết chọn, thì nghe theo lời Phật, ngài dạy chúng ta: Thời kỳ mạt pháp Tịnh độ thành tựu. Đây là Đức Phật nói ra một nguyên tắc, chúng ta sanh thời mạt pháp, thời kỳ mạt pháp Tịnh độ thành tựu không sai. Thiền là tượng pháp thành tựu, giới luật là chánh pháp thành tựu. Điều này chúng ta rất nghe lời.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

